

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



13
7-2000

UNIV OF MICH.
JUL 25 2000
CURRENT SERIALS
Digitized by Google

CÔNG TY CẦU 1 THĂNG LONG



Giám đốc Công ty
KS. Trịnh Văn Côi

ĐỊA CHỈ: THỊNH LIỆT - THANH TRÌ - HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI : 8612825 - 8615294 - 8615376 FAX : 84.4.8612318

Công ty Cầu 1 Thăng Long được thành lập tháng 6/1983 và thành lập lại doanh nghiệp nhà nước ngày 27/03/1993 theo Quyết định số 506/QĐ-TCLĐ của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty là doanh nghiệp loại I theo Nghị định 338/TTg của Thủ tướng Chính phủ.

CHUYÊN NGÀNH

- Xây dựng các công trình giao thông
- Xây dựng các công trình công nghiệp
- Xây dựng các công trình dân dụng
- Sản xuất vật liệu xây dựng
- Gia công cơ khí và sửa chữa máy thi công
- Xây dựng các công trình thủy lợi vừa và nhỏ
- Gia công chế sửa cấu kiện thép, sản xuất cấu kiện bê tông
- Thi công nền móng các công trình XDCB
- Vận tải phục vụ xây dựng công trình



Ký hợp đồng xây dựng cầu Diễn - quốc lộ 32

Từ ngày thành lập đến nay Công ty đã xây dựng mới, đại tu sửa chữa, nâng cấp mở rộng 134 công trình gồm cầu đường sắt, cầu đường bộ, cầu cảng biển, cảng sông và các công trình công nghiệp, dân dụng khác,

Hiện nay Công ty có năng lực xây dựng nhanh các công trình bằng công nghệ thi công tiên tiến, chất lượng đảm bảo.



Lao dầm cầu Bái Thượng - Thanh Hóa

Công ty Cầu 1 Thăng Long rất hân hạnh được hợp tác với các đối tác.

Giám đốc Công ty : KỸ SƯ TRỊNH VĂN CÔI



Cầu Tràng Tiền - Huế



Cầu vượt đường sắt Đông Hà - Quảng Trị

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 595 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

13
7-2000

MỤC LỤC

PHẤN ĐẤU ĐƯA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG	LÊ KHẢ PHIÊU - Để xứng đáng với lòng tin của dân	3
	NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Đôi điều suy nghĩ về vận mệnh của chủ nghĩa xã hội	7
NHÂN KỶ NIỆM LẦN THỨ 85 NĂM NGÀY SINH CỐ TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN VĂN LINH (1-7-1915 - 1-7-2000)	PHẠM HỒNG CHƯƠNG - Đồng chí Nguyễn Văn Linh - người cộng sản kiên cường, nhà lãnh đạo có uy tín lớn	17
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	VŨ KHOAN - Việt Nam và tương lai châu Á	22
	SONG THÀNH - Chủ tịch Hồ Chí Minh với cách mạng khoa học - công nghệ và trí thức	24
	NHỊ LÊ - Nền tảng sức mạnh Đảng ta	27
	NGUYỄN THỊ THANH HOÀI - Chính sách thương mại của Việt Nam trong xu thế thương mại quốc tế hiện nay	31
	NGHIÊM XUÂN ĐẠT - NGUYỄN MINH PHONG - Phát triển kinh tế môi trường ở Việt Nam	34
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	LÊ TRỌNG - Từ thủy lợi hóa nông nghiệp, nông thôn	38
	TRẦN BANG - Công ty 20 : bốn mươi ba năm xây dựng và trưởng thành	41
	NGUYỄN HIỆP - Về phát triển nhà ở theo mô hình xây dựng chung cư cao tầng	45
	MINH THẮNG - Về mô hình điểm bưu điện - văn hóa xã	49
TIẾN TỚI ĐẠI HỘI THI ĐUA TOÀN QUỐC NĂM 2000	TRẦN KIM DUNG - Nông trường sông Hậu - điểm sáng vùng nông nghiệp	53
	TRỊNH XUÂN VIỆT - Lực lượng xung kích trên mặt trận thầm lặng vì sự bình yên biên giới	57
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	HOÀNG ANH - "Cả nể" ?	60
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	XUÂN KIM - Hội nghị thượng đỉnh giữa hai miền Nam - Bắc Triều Tiên	61

Bìa 1 : *Những người thợ hôm nay* *Ảnh : TL*

79 145 AA 2440 XL2
04/01 02-013-01 GBC
Digitized by Google

СОДЕЖАНИЕ

ЛЕ ХА ФИЭУ - Чтобы быть достойным доверия народа. НГУЕН ДЫК БИНЬ - Некоторое мышление о судьбе социализма. ФАМ ХОНГ ЧЫОНГ - Товарищ Нгуен Ван Линь : устойчивый коммунист, большой престижный руководитель. ВУ ХОАН - Вьетнам и будущее Азии. ШОНГ ТХАНЬ - Президент Хо Ши Мин и научно - технологическая революция и интелигенция. НЬИ ЛЕ - Фундамент силы нашей Партии. НГУЕН ТХИ ТХАНЬ ХОАЙ - Торговая политика Вьетнама в тенденции мировой торговли в настоящее время. НГИЕМ СУАН ДАТ - НГУЕН МИНЬ ФОНГ - Развивать экономику окружающей среды во Вьетнаме. ЧАН КИМ ЗУНГ - Колхоз "Хау река" - блестящая точка сельскохозяйственного региона. СУАН КИМ - Встреча в верхах между Северной и Южной частями Корея.

CONTENTS

LÊ KHẢ PHIÊU: In order to be worthy of the People's confidence. NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Some thoughts about Socialism's fate. PHẠM HỒNG CHƯƠNG: Comrade Nguyễn Văn Linh – a steady communist, a largely prestigious leader. VŨ KHOAN: Vietnam and Asia's future. SONG THÀNH: President Hồ Chí Minh and the scientific-technological revolution and intelligentsia. NHỊ LÊ: The ground of our Party's power. NGUYỄN THỊ THANH HOÀI: Trade policy of Vietnam among the world trade trend at present. NGHIÊM XUÂN ĐẠT - NGUYỄN MINH PHONG: To develop environment economy in Vietnam. TRẦN KIM DUNG: Sông Hậu state-run farm – a bright spot of agricultural region. XUÂN KIM: Summit conference between the Northern and Southern parts of Korea.

SOMMAIRE

LÊ KHẢ PHIÊU: Pour être digne de la confiance du peuple. NGUYỄN ĐỨC BÌNH: Quelques réflexions sur la destinée du socialisme. PHẠM HỒNG CHƯƠNG: Le Camarade Nguyễn Văn Linh – un Communiste ferme, un leader de grand prestige. VŨ KHOAN: Le Vietnam et l'avenir de l'Asie. SONG THÀNH: Le Président Hồ Chí Minh et la révolution des sciences et technologies et les intellectuels. NHỊ LÊ: Les fondements de la force de notre Parti. NGUYỄN THỊ THANH HOÀI: La politique commerciale du Vietnam dans la tendance du commerce international à l'heure actuelle. NGHIÊM XUÂN ĐẠT - NGUYỄN MINH PHONG: Le développement de l'économie environnementale au Vietnam. TRẦN KIM DUNG: La ferme Sông Hậu – un point brillant de la région agricole. XUÂN KIM: Le Sommet entre le Sud et le Nord de la Corée.

CONTENIDO

LÊ KHẢ PHIÊU: Por ser digno de la confianza del pueblo. NGUYỄN ĐỨC BÌNH: Algunas reflexiones sobre el destino del socialismo. PHẠM HỒNG CHƯƠNG: El camarada Nguyễn Văn Linh – un comunista firme, un líder de gran prestigio. VŨ KHOAN: Vietnam y el futuro de Asia. SONG THÀNH: El Presidente Hồ Chí Minh y la revolución científico-tecnológica y los intelectuales. NHỊ LÊ: Los fundamentos de la fuerza del Partido Comunista de Vietnam. NGUYỄN THỊ THANH HOÀI: Política comercial de Vietnam en la tendencia de comercio internacional en la actualidad. NGHIÊM XUÂN ĐẠT - NGUYỄN MINH PHONG: El desarrollo de la economía medioambiental en Vietnam. TRẦN KIM DUNG: La granja Sông Hậu – un punto destacado de la región agrícola. XUÂN KIM: El Cumbre entre las dos partes Sur y Norte de Corea.

目录

黎可漂: 无愧于人民的信任•阮德平: 关于社会主义命运的一些考虑•范红章: 阮文灵同志—坚强的共产人, 一位威望大的领导者•武宽: 越南及亚洲的前途•双成: 胡志明主席与科学-技术、知识的革命•二黎: 我党的强大力量的基础•阮氏清怀: 在当前国际贸易趋势中越南的贸易政策•严春达- 阮明峰: 发展越南的经济环境•陈金蓉: 后江农场—农业区的亮点•春金: 南北—朝鲜的首脑会议.

Digitized by Google

ĐỂ XỨNG ĐÁNG VỚI LÒNG TIN CỦA DÂN

Tổng Bí thư LÊ KHẢ PHIÊU

CHÚNG ta đã tiến hành công cuộc đổi mới được 15 năm, nhưng chiến lược kinh tế của thời kỳ này chỉ mới có 10 năm (1991 - 2000). Sau khi kết thúc chiến tranh ngày 30-4-1975, chúng ta phải đi vào khôi phục kinh tế. Hậu quả của chiến tranh thật nặng nề và thời gian khắc phục phải kéo dài nhiều năm. Nhận thức của chúng ta về chủ nghĩa xã hội cũng có mặt chưa thật đầy đủ. Điều này, trong tự phê bình, Đảng cũng đã thấy. Lúc ấy, chúng ta đang trong tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu đã ảnh hưởng không nhỏ đến chúng ta. Ta không chỉ mất một nguồn viện trợ rất lớn, mà còn phải chịu đựng một khoảng trống về tinh thần. Ấy là nỗi thiếu vắng, hẫng hụt về sự động viên, giúp đỡ nhau trong tình bạn bè, đồng chí của các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Trong hoàn cảnh như thế, ta vẫn đi tới và càng đi càng vững vàng trên chính đôi chân của mình. Phải nhớ rằng vào thời điểm đó, đối với nước ta, khó khăn chồng chất lên những khó khăn. Ấy là sự bao vây cấm vận của Mỹ. Chiến tranh xâm lược đã làm cho kinh tế chúng ta kiệt quệ, nhưng chính sách bao vây cấm vận sau cuộc chiến này càng làm chúng ta khó khăn hơn, tổn thất lớn hơn. Sự phát triển đi lên của ta trong hoàn cảnh như thế là một thành tích vĩ đại ; vĩ đại không kém gì thắng lợi vẻ vang chống xâm lược. Thành tích ấy mang lại niềm vui cho toàn Đảng và toàn dân. Trong chuyến thăm châu Âu vừa qua, khi hội đàm với Tổng thống Pháp, Tổng thống I-ta-li-a hay Chủ tịch Liên minh châu Âu, tôi đều thấy sự đồng tình như vậy trong cách nhìn nhận, đánh giá của họ về Việt Nam. Chính trong những lúc khó khăn nhất, nội lực của ta đã được phát huy và thêm một lần nữa chứng tỏ ta đã cố gắng như thế nào. Nhớ lại thời kỳ người dân thiếu lương thực những năm trước đó, càng cảm nhận con đường đi của chúng ta là đúng. Và càng đi càng sáng dần lên. Nhân dân trước đó đã từng bị thiếu, bị đói, hằng năm Nhà nước phải nhập khẩu hàng triệu tấn lương thực. Nhưng ta đã vượt qua, tự mình chủ động giải quyết đủ lương thực ; không những thế còn dư thừa lương thực để xuất khẩu. Niềm vui ấy còn được nhân lên khi nhìn vào sự phát triển mọi mặt về đời sống kinh tế - xã hội của cả nước, đặc biệt là về văn hóa. Trong thời kỳ gian khó, ta đã phát huy được nội lực của mình cũng chính là nhờ phát huy được sức mạnh văn hóa của dân tộc Việt Nam, đạo đức, trí tuệ Việt Nam. Trình độ dân trí và mức hưởng thụ văn hóa của người dân được nâng lên rõ rệt. Những đức tính quý báu của dân tộc tiềm ẩn trong mỗi người đã được khơi dậy, không chỉ là động lực tinh thần to lớn, mà còn trở thành sức mạnh vật chất để chúng ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách trong thời điểm gian nguy nhất. Chúng ta đã xây dựng được những công trình thuộc kết cấu hạ tầng phát triển hơn rất nhiều so với trước đây. Điện, thủy điện và hệ thống thủy lợi, dầu khí đạt được những thành tựu lớn. Đường dây 500kV là một ví dụ... Và điều đáng nói hơn cả là lòng tin của nhân dân đối với chế độ, với tiền đồ đất nước, với Đảng được khẳng định. Nhờ có sự phát triển trong nước như vậy, nên mối quan hệ của chúng ta với quốc tế ngày càng rộng mở. Đến nay, ta đã có quan hệ với 167 nước, buôn bán song phương với 154 nước ; gia nhập những tổ chức quốc tế như ASEAN, APEC, AFTA... Ngay từ năm 1993, Việt Nam đã là thành viên của Ngân hàng thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế ; là thành viên sáng lập của Diễn đàn Á - Âu. Cũng chính nhờ vậy, uy tín và vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế tăng lên. Mỹ đã bỏ cấm vận, trở lại quan hệ bình thường với Việt Nam. Tất cả những niềm vui ấy tạo thành niềm vui lớn cho nhân dân. Điều đó có nghĩa là gì ? Có nghĩa là Đảng và Nhà nước đã dần dần nâng cao được đời sống của nhân dân, cả vật chất lẫn tinh thần. Đó là điều cần khẳng định. Đường lối chính sách đổi mới đã được đề ra từ

Digitized by Google

năm 1986 nhưng thực sự phát huy hiệu quả mới được 10 năm. Thực tế là, mãi đến năm 1995 chúng ta mới vượt qua khủng hoảng và từ đó đến nay mới ổn định. Nhưng tình hình còn rất phức tạp. Năm 1997, cuộc khủng hoảng tài chính ở một số nước châu Á, rồi thiên tai trong nước liên tiếp xảy ra... Như vậy mà ta vẫn đi tới. Thật đáng mừng. Cái đáng mừng ấy không chỉ của những người cộng sản, mà trước hết là của nhân dân. Đảng có đường lối lãnh đạo đúng nhưng chính sự nỗ lực của nhân dân đã tạo nên thành tích ấy. Niềm vui chung của nhân dân là niềm vui của Đảng, của Nhà nước và của mỗi cán bộ, đảng viên.

Tuy nhiên, vẫn còn những điều chúng ta chưa thật hài lòng. Trước hết là về đời sống của nhân dân. Nếu chúng ta nỗ lực hơn, làm tốt hơn nhiều mặt, chúng ta sẽ phát triển kinh tế cao hơn, không phải như bây giờ. Nghĩa là ta còn có thể đi nhanh hơn, đi mạnh hơn. Cuộc sống của nhân dân có thể ấm no hơn. Nguyên nhân vì sao ư ? Cũng vì nhiều lẽ, trong đó có cái do khách quan, có cái do chủ quan mà ta vẫn chưa tự mình vượt qua. Chính vì thế, tốc độ phát triển vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và trí tuệ của nhân dân. Tài nguyên và sức lao động của nhân dân chưa được bồi dưỡng, khai thác hết để tạo thành của cải vật chất phục vụ cho nhân dân. Ta chưa tổ chức hành động tốt để phát huy hết nội lực của nhân dân, khai thác tốt tài nguyên đất nước. Nhân dân ta rất năng động và sáng tạo, sức vươn lên rất đáng khâm phục. Nhiều người Việt ở nước ngoài biết làm kinh tế rất giỏi. Ở Mông Cổ, nhiều người Việt Nam làm ăn rất khá. U-crai-na có 50 triệu dân mà cộng đồng người Việt ở đây mỗi ngày sản xuất gần 50 triệu gói mì tôm. Như thế là rất giỏi. Vấn đề là ta phải tổ chức tốt để bồi dưỡng, phát huy hết năng lực của nhân dân, để các thành phần kinh tế cùng phát triển. Đó là trách nhiệm của Đảng và Nhà nước. Cần phải chú ý tổ chức tốt để mọi thành phần kinh tế đều phát triển, góp phần thúc đẩy cả xã hội phát triển. Thế nhưng cũng không phải chỉ trong kinh tế. Trong khoa học cũng vậy. Ta có một đội ngũ đông đảo các nhà khoa học, nhưng chưa phát huy tốt trí tuệ của họ. Cần làm sao khai thác, bồi dưỡng, sử dụng tốt trí tuệ, năng lực của đội ngũ các nhà khoa học, trí thức và của nhân dân. Đó cũng là trách nhiệm lớn của Đảng và Nhà nước.

Còn điều gì cần nói nữa ? Đó là bộ máy của chúng ta còn cồng kềnh, chưa hoàn thiện, chưa mạnh. Ta đã cố gắng khắc phục và đạt được những kết quả nhất định , nhưng chưa được như mong muốn. Dĩ nhiên, phải có thời gian thì bộ máy mới gọn, mới tinh được, nhưng, cái lớn hơn lại là ở chỗ này : đó là sự chưa thật trong sạch của bộ máy. Phải có một bộ máy bao gồm những người vừa có đạo đức, vừa có năng lực. Lòng dân chưa yên vì bộ máy của ta chưa được như vậy. Và khi dân chưa yên lòng thì Đảng còn trăn trở. Nói chung, bộ máy của ta bây giờ thật sự là của dân, do dân, vì dân, nhưng có những người cụ thể trong bộ máy ấy thì lại không như thế. Còn nhiều tiêu cực đau lòng. Chính cái đó làm bộ máy kém hiệu lực. Và sự kém hiệu lực ấy lại gây thêm những khó khăn, làm cho một số nhà đầu tư nước ngoài hiểu lầm, do dự ; người dân bất bình, oán thán, không vui. Đó không phải là sự bất bình, oán thán với Đảng, với Nhà nước, mà là với những con người cụ thể kém phẩm chất trong bộ máy này.

Đây cũng là trách nhiệm lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Phải tổ chức, bồi dưỡng cán bộ như thế nào để họ ngày càng tốt hơn, càng giỏi hơn. Xã hội không ngừng phát triển, tin học phát triển như thế mà có những cán bộ hỏi đến cái gì cũng không biết, cả tháng vẫn chưa tìm được những số liệu cần biết là không được.

Chắc sẽ có người đặt vấn đề : *Phải chăng nguyên nhân của những tồn tại đó là do ta chưa giải quyết tốt chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, đặc biệt là vấn đề tiền lương ?* Không phải chỉ là do lương. Nhưng đây cũng là một vấn đề lớn phải sớm được giải quyết. Đáng lẽ phải có một chính sách lương thật phù hợp nhưng ta chưa làm được. Sự bất hợp lý một cách quá đáng và kéo dài trong vấn đề tiền lương có ảnh hưởng đến những tiêu cực trong công chức nhà nước. Lương là gì ? Là một sự phân phối, phân phối theo lao động, theo tài năng, thế nhưng sự phân phối ấy lại bất hợp lý quá. Đấy cũng là nỗi trăn trở. Việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chấn chỉnh bộ máy là yêu cầu bức thiết. Nếu ta chưa giải quyết tốt những tiêu cực và những tệ nạn xã hội thì Đảng, Nhà nước chưa thể nói là đã làm dân yên lòng. Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng chúng ta đã tiến hành được 1 năm. Nhìn lại, rút ra được cái gì ? Đối với Đảng cầm quyền, có 2 vấn đề được Bác Hồ đặc biệt lưu ý và các

Digitized by Google

nghị quyết của Đảng cũng đã đề cập. *Thứ nhất* là đề phòng sai lầm về đường lối. Sai lầm này cực kỳ nguy hiểm. Cách mạng sẽ bị tổn thất nặng nề, thậm chí thất bại hoàn toàn nếu mắc phải sai lầm này. Trên thực tế, đường lối của ta là đúng đắn, cả đối nội và đối ngoại. Và đấy là điều đáng tự hào. Thế nhưng, với vấn đề *thứ hai* là bộ máy suy thoái thì rất lo ngại. Nếu bộ máy đó mà suy thoái thì vô cùng nguy hiểm. Thời gian qua, một bộ phận cán bộ trong bộ máy chúng ta bị suy thoái về phẩm chất đạo đức và lối sống. Điều này Đảng đã nghiêm túc nhìn nhận và có biện pháp khắc phục. Chúng ta không chịu bó tay và đang tiếp tục làm mạnh mẽ hơn. Nhưng cũng phải thấy rằng, nó là một căn bệnh nguy hiểm ta phải chữa liên tục. Có lúc bệnh bớt đi nhưng rồi lại tái phát, có lúc phát mạnh, hoành hành nhân dân, hoành hành đất nước, gây đau đớn cho Đảng, cho mọi người. Nhưng đây là căn bệnh không dễ chữa, gần như đã trở thành căn bệnh mạn tính. Trong chiến tranh ác liệt, đối mặt với cái sống và cái chết, rất hiểm nguy nhưng cũng dễ thấy, dễ nhận mặt, dễ biết anh nào dũng cảm, anh nào hèn nhát. Nhưng trong hòa bình, nhất là trong xây dựng kinh tế thị trường, vấn đề trở nên phức tạp hơn. Không phải là chúng ta không đấu tranh với tiêu cực, với cái sai, với chủ nghĩa cá nhân, nhưng phải thẳng thắn nói rằng, ta đấu tranh chưa triệt để nên bệnh mới tái phát, dai dẳng. Thời điểm này bệnh đang khá trầm trọng. Bốc thuốc phải đúng bệnh, đúng bài. Nhưng cũng có vấn đề là, có những người bị bệnh không chịu dùng thuốc, hoặc dùng thuốc chưa đúng liều, uống một, hai ngày, bỏ thuốc không uống nữa vì đắng quá.

Sau một năm tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình, chúng ta đã đạt được những kết quả bước đầu. Điều này không phải là do Đảng tự nhận, mà nhân dân cũng thấy vậy. Nhân dân thừa nhận và vui mừng thấy Đảng tự phê bình, đấu tranh với cái sai của mình để làm tròn trách nhiệm trước dân, nên dân ủng hộ. Nhưng dân chưa thật vui vì ta chưa làm triệt để với cái sai, với từng con bệnh. Có người bị bệnh, thấy bệnh, chịu uống thuốc, thân thể khỏe mạnh lên. Nhưng có người bị bệnh lại giấu bệnh, hoặc không muốn nhận mình có bệnh, nên không chịu uống thuốc. Số người biết bệnh nhưng giấu bệnh bây giờ không phải ít. Ở loại người này, cái sai cứ nối tiếp cái sai. Vì sợ mọi người biết mình có bệnh, nên kéo bè, kéo cánh để cùng giấu bệnh cho mình. Khi bị vạch trần, họ chống trả nhiều khi rất quyết liệt và vô nhân đạo đối với chính người chữa bệnh cho mình. Vậy thì chúng ta phải tiếp tục đấu tranh. Phải tiếp tục làm với tinh thần tích cực nhất, kiên quyết nhất. Không "đao to búa lớn", cũng không phải cứ kỷ luật thật nhiều mà cái chính là mọi người, mọi đảng viên, cán bộ phải có ý thức tự giác, tự kiểm tra lại mình, vừa chống vừa xây, vừa xây vừa chống, mỗi người phải tự phòng, tự chống bệnh cho mình và cả tập thể xung quanh cùng tham gia chống và xây, giống như cả xã hội tham gia chống bệnh dịch. Vừa tự chữa cho mình, vừa chữa cho người khác làm cho con "ma cá nhân" phải gục ngã. Có như thế thì cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng mới thành công.

Hiện nay toàn Đảng đang tích cực chuẩn bị cho Đại hội các cấp và Đại hội IX của Đảng. Đại hội IX sẽ quyết định nhiều vấn đề. Nhưng vấn đề quan trọng nhất là phải kiên định con đường mà nhân dân và Đảng ta đã lựa chọn. Đó là con đường xã hội chủ nghĩa. Nhưng phải rất sáng tạo. Căn cứ vào thực tiễn của đất nước ta, căn cứ vào hoàn cảnh quốc tế, chúng ta phải có những biện pháp sát nhất, phù hợp nhất, dựa vào thế và lực của chúng ta lúc này, nhất là phải tính đến tài nguyên, sức lao động dồi dào của chúng ta và trí tuệ của nhân dân để phát huy hết nội lực. Cùng với phát huy nội lực là mở cửa hợp tác với bạn bè xây dựng nền sản xuất hàng hóa, không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn để xuất khẩu. Phải đẩy mạnh phát triển công nghiệp, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước một cách sâu rộng. Muốn thế phải phát triển mạnh khoa học - công nghệ. Nước ta là nước nông nghiệp, bị chiến tranh tàn phá nhiều năm, trình độ khoa học - công nghệ còn lạc hậu. Thế giới người ta đã vượt qua mình hai, ba thế hệ rồi. Vì vậy, ta phải có bước đi phù hợp, trong đó có cái ta tự làm, có cái ta phải nhập công nghệ, và thật khôn ngoan tận dụng thời cơ có lợi để đi thẳng vào công nghệ hiện đại. Đó là những công nghệ tiên tiến và công nghệ cao như công nghệ tin học, công nghệ vật liệu mới, cơ khí chế tạo... Chính những nội dung này sẽ làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế tạo ra nhiều ngành công nghệ mới tác động trực tiếp trong việc phát triển các sản phẩm xuất khẩu mũi nhọn có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Digitized by Google

Bên cạnh đó, phải nghiên cứu để từng bước xây dựng một nền kinh tế tri thức tạo sức mạnh để phát triển đất nước. Hết sức coi trọng lĩnh vực dịch vụ. Chúng ta có nhiều ưu thế để phát triển dịch vụ một cách toàn diện, trong đó có cả vấn đề du lịch... Rồi vấn đề văn hóa và việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc... Đại hội IX sẽ tập trung giải quyết nhiều vấn đề nhằm đưa kinh tế Việt Nam phát triển với tốc độ nhanh hơn. Đồng thời với đó là xây dựng Đảng thật tốt. Nói thế cũng có nghĩa là bao gồm cả việc xây dựng bộ máy nhà nước nữa. Muốn vậy, trước mắt lại phải tập trung làm tốt cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình.

Đại hội IX dứt khoát phải lựa chọn cho được những người có đủ cả đức lẫn tài, trong đó đức là "gốc". Những người có tài đức nhưng không phải là đảng viên vẫn có thể làm bộ trưởng, làm cán bộ lãnh đạo quản lý đầu ngành nếu được tín nhiệm. Nhân dân cần những người lãnh đạo có kiến thức chuyên môn, có phẩm chất đạo đức đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới, chứ không phải là những cán bộ, đảng viên không có đạo đức, không có chuyên môn, kéo lùi sự phát triển.

Nói cán bộ có đức, tài là bao gồm cả cán bộ già, cán bộ trẻ, cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng. Song phải đặc biệt chú ý tới lớp trẻ. Họ rất thông minh và năng động. Nếu biết bồi dưỡng, khơi gợi, sử dụng đúng sự thông minh và năng động của tuổi trẻ thì họ sẽ phục vụ đắc lực cho công cuộc xây dựng đất nước.

Bước vào thế kỷ mới, đồng thời cũng là thiên niên kỷ mới, đất nước ta phải đối đầu với hàng loạt khó khăn, thách thức. Vì thế cần phải có bản lĩnh và trí tuệ. Dù trong tình huống khó khăn nào, chúng ta cũng phải vững vàng đi lên, không thụt lùi. Ta đã đánh thắng nhiều tên đế quốc lớn trong chiến tranh xâm lược. Bây giờ, trong mặt trận xây dựng kinh tế, chống nghèo nàn lạc hậu, ta cũng phải có ý chí quyết đánh, quyết thắng. Việt Nam không chịu thua, và nhân dân Việt Nam phải được no ấm hơn, hạnh phúc hơn, giàu mạnh hơn. Muốn thế, chúng ta phải tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới đất nước. Phải phát huy hết tiềm năng các thành phần kinh tế để giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất, thực hiện từng bước tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội. Trong hệ thống chính trị hiện hành, cần đặc biệt quan tâm đến vai trò giám sát của cơ quan lập pháp. Lập pháp rồi, làm luật rồi thì phải giám sát việc thực hiện. Cơ quan hành pháp phải làm đúng chức năng, quyền hạn của mình để nâng cao hiệu lực của chính quyền từ trung ương đến cơ sở. Bộ máy tư pháp phải được chấn chỉnh. Số đông cán bộ ngành tư pháp ta là tốt, nhưng có những người, những bộ phận chưa tốt, thậm chí mắc những khuyết điểm nghiêm trọng. Cán bộ tư pháp trước hết phải có cái "tâm", cùng với trình độ nghiệp vụ giỏi, công minh, không làm oan sai dân. Nếu các cơ quan này không công minh thì còn đâu là công lý của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Và như thế cũng là vi phạm quyền dân chủ của nhân dân. Bộ chính trị đã ra chỉ thị về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Chính phủ cũng đã có các nghị định về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở. Vì thế, dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện đều phải làm cho đúng, cho tốt. Mọi người có quyền bình đẳng, quyền dân chủ, quyền phát biểu, tất nhiên phải phát biểu có tổ chức, có nguyên tắc. Vấn đề là chúng ta phải tổ chức thực hiện sao cho các quy chế dân chủ đã ban hành tạo nên được đời sống chính trị ngày càng lành mạnh và ngày càng tốt hơn. Chúng ta có Quốc hội của chúng ta. Luật pháp là Quốc hội quyết định, ngân sách là Quốc hội phân phối. Quốc hội chất vấn Chính phủ trong điều hành, quản lý thực hiện các vấn đề đặt ra của đất nước. Dưới cơ sở ta lại có Hội đồng nhân dân để nhân dân bàn bạc những vấn đề của chính mình. Thế có nghĩa là ta thực hiện dân chủ dựa trên hệ thống chính trị dân chủ chặt chẽ của ta. Dân phải được biết, được bàn, được giám sát, kiểm tra những vấn đề liên quan thiết thực đến lợi ích của mình. Họ bầu cử những người đại biểu đại diện cho mình và nếu những đại biểu đó sau thời gian được bầu không đủ tư cách thì dân chính là người đưa đại biểu đó ra ngoài bộ máy. Cách làm đó của ta không phải là phe nọ, phái kia, tranh giành quyền lực mà tất cả là đều vì dân, vì xây dựng một nền dân chủ xã hội chủ nghĩa thể hiện tính ưu việt của chế độ ta. Trong Đảng, trong tổ chức Nhà nước cũng vậy. Việc gì làm cũng có bàn bạc tập thể để có quyết định đúng. Khi đã quyết định đúng rồi thì chấp hành nghiêm. Có như thế thì dân mới tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của Nhà nước. ❑

Digitized by Google

ĐÔI ĐIỀU SUY NGHĨ VỀ VẬN MỆNH CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NGUYỄN ĐỨC BÌNH

Lời BBT - *Trong hai ngày 13 và 14-6-2000, Hội thảo khoa học Việt Nam - Trung Quốc dưới chủ đề* ***"Chủ nghĩa xã hội, cái phổ biến và cái đặc thù"*** *đã được tổ chức tại Bắc Kinh, Trung Quốc.*

Đồng chí Nguyễn Đức Bình, Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng lý luận Trung ương, Trưởng đoàn các nhà khoa học Việt Nam và đồng chí Lý Thiết Ánh, Viện trưởng Viện hàn lâm khoa học xã hội Trung Quốc, Trưởng đoàn các nhà khoa học Trung Quốc, đã chủ trì hội thảo và đọc báo cáo nêu bật ý nghĩa quan trọng của việc nghiên cứu lý luận về chủ nghĩa xã hội và những vấn đề trọng yếu xoay quanh chủ đề hội thảo. Sau đây là báo cáo của đồng chí Nguyễn Đức Bình.

Với chủ đề lớn của Hội thảo chúng ta : ***"Chủ nghĩa xã hội - cái phổ biến và cái đặc thù",*** tôi xin bày tỏ đôi điều suy nghĩ về vận mệnh của chủ nghĩa xã hội.

1. Sau các biến cố chính trị dữ dội cuối những năm 80 đầu 90 ở Đông Âu và Liên Xô, dường như toàn bộ vận mệnh của chủ nghĩa xã hội bị đặt thành vấn đề : phải chăng chủ nghĩa xã hội đã cáo chung ? phải chăng "lịch sử đã kết thúc" (Fukuyama) với sự tồn tại vĩnh hằng của chủ nghĩa tư bản ?

Sự tình nếu quả đúng như vậy thì chúng ta còn gì để bàn về cái phổ biến - cái đặc thù của chủ nghĩa xã hội !

Trước biến cố nói trên, ở Việt Nam đã có một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân tỏ ra hoang mang, dao động. Cá biệt có cán bộ mất hẳn niềm tin, thậm chí có người "sám hối", trở cờ ! Mặc dầu vậy, vào giữa năm 1991, ngay khi Liên Xô chưa đổ vỡ, Đại hội VII Đảng Cộng sản Việt Nam, trong "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội" vẫn nhận định và cho đến nay vẫn nhận định rằng : "Chủ nghĩa xã hội hiện đứng trước nhiều khó khăn thử thách. Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co, song loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội, vì đó là quy luật tiến hóa của lịch sử".

Thực tiễn 10 năm qua - thực tiễn nước Nga và các nước trong Liên Xô trước đây, thực tiễn Đông Âu, thực tiễn thế giới tư bản và các nước đang phát triển, thực tiễn cải cách mở cửa ở Trung Quốc, thực tiễn đổi mới ở Việt Nam v.v. - toàn bộ thực tiễn ngày càng cho thấy rõ : chủ nghĩa tư bản, với những mâu thuẫn vốn có không sao giải quyết được của nó, dứt khoát không phải là nấc thang tận cùng của lịch sử ; vận mệnh chủ nghĩa xã hội không kết thúc như một số người lầm tưởng. Chúng ta tin chắc rằng, dù quanh co, phức tạp như thế nào thì

Digitized by Google

lịch sử cũng tìm ra con đường đi cho mình và cuối cùng tương lai nhân loại nhất định thuộc về chủ nghĩa xã hội.

2. Đảng Cộng sản Trung Quốc chủ trương "chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc", Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương "chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với điều kiện và những đặc điểm Việt Nam". Như vậy, hai Đảng chúng ta đều lấy sự kết hợp thống nhất cái phổ biến với cái đặc thù của chủ nghĩa xã hội làm luận cứ xuất phát. Và tôi nghĩ quy luật là như thế, không thể khác được. Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam vạch ra *"6 đặc trưng"* và *"7 phương hướng"* chính là thể hiện sự cố gắng của Đảng chúng tôi theo hướng đó. Nghiên cứu quan hệ giữa cái phổ biến và cái đặc thù của chủ nghĩa xã hội, giới lý luận và khoa học xã hội Việt Nam mấy năm nay đã làm được một số việc, nhưng mới là bước đầu, kết quả còn khiêm tốn. Để đẩy tới việc nghiên cứu chủ đề quan trọng này chúng tôi cần học hỏi nhiều và cuộc hội thảo với các đồng chí, các nhà khoa học Trung Quốc hôm nay, đối với chúng tôi là một cơ hội lớn.

Trong lịch sử phong trào xã hội chủ nghĩa đã diễn ra nhiều cuộc tranh luận xoay quanh vấn đề cái phổ biến và cái đặc thù của chủ nghĩa xã hội. Ý kiến khác nhau không chỉ do chỗ người này tuyệt đối hóa cái phổ biến, người khác cường điệu cái đặc thù, mà còn - có thể đây là nguyên nhân chính - do sự khác nhau trong việc xác định cái gì là chân lý phổ biến của chủ nghĩa xã hội và vấn đề nảy sinh thường khi không phải từ sách vở mà chủ yếu từ thực tiễn chính trị.

Tôi cho rằng để làm sáng tỏ mối quan hệ cái phổ biến - cái đặc thù của chủ nghĩa xã hội, không thể không nhận thức lại cho đúng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, học thuyết soi đường cách mạng ; không thể không gắn với tổng kết những kinh nghiệm lịch sử mà phong trào cộng sản quốc tế tích lũy được hơn 100 năm nay, những kinh nghiệm thành công và cả những kinh nghiệm không thành công. Về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, trên cơ sở thực tiễn mới, chúng ta cần làm rõ đâu là những giá trị cơ bản, bền vững của học thuyết ; các nguyên lý nào hiện nay vẫn đúng và tiếp tục soi sáng con đường đi tới của loài người ; những luận điểm nào đúng với bối cảnh thời Mác, Ăng-ghen, Lê-nin, nhưng đã không còn phù hợp với điều kiện hiện nay ; những luận điểm, phán đoán nào không chính xác mà phần nhiều trong số đó đã được chính các nhà kinh điển xem xét lại, tự phê phán và điều chỉnh. Lý luận cũng cần thẳng thắn chỉ ra các trường hợp di sản kinh điển bị hiểu sai, vận dụng sai, gây hậu quả nghiêm trọng cho thực tiễn, không thể "đổ oan" cho các nhà kinh điển.

Trọng tâm chú ý của chúng ta, tôi nghĩ, phải đặt vào *những vấn đề mới mà thực tiễn cuộc sống, sự phát triển của đất nước và thế giới đang đặt ra* hiện nay, những vấn đề mà các nhà kinh điển chưa thể dự kiến được và do đó các vị "không để lại một lời nào rõ rệt cả". Mối quan hệ giữa cái phổ biến và cái đặc thù được xem xét dưới ánh sáng thực tiễn hiện nay tôi nghĩ là vấn đề cực kỳ quan trọng đối với lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học, có liên quan đến vận mệnh của chủ nghĩa xã hội. Nó phản ánh nhận thức mới của chúng ta về chủ nghĩa xã hội.

3. Liên quan đến cái phổ biến và cái đặc thù trong lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, phải chăng trước hết cần làm rõ vấn đề *tính chất thời đại chúng ta.* Chỉ trên cơ sở hiểu đúng thời đại "chúng ta mới có thể định ra đúng đắn sách lược của chúng ta ; và chỉ có dựa trên cơ sở hiểu biết những đặc điểm cơ bản

Digitized by Google

của một thời đại, chúng ta mới có thể tính đến những đặc điểm chi tiết của nước này hay nước nọ" (1).

Vậy thời đại hiện nay là thời đại gì ? Là thời đại "xã hội hậu công nghiệp", thời đại "xã hội thông tin", thời đại "văn minh trí tuệ", "thời đại kinh tế tri thức" hay đơn giản là "xã hội hiện đại" v.v... ? Những tên gọi ấy đã nêu lên được những mặt, những đặc điểm quan trọng này hay khác của thời đại. Song chúng chưa trả lời được vấn đề căn bản : bản chất kinh tế - xã hội của thời đại ngày nay là gì và giai cấp nào đáng đứng ở trung tâm thời đại ? Những định nghĩa trên chưa vạch rõ được thời đại với tính cách thời đại lịch sử xã hội loài người xét trong nền tảng và trong tính chỉnh thể.

Mặc dù nhiều biến cố lớn đã diễn ra từ hơn 10 năm nay, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn khẳng định : *Thời đại chúng ta về cốt lõi mà nói vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mở đầu từ Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại.* Toàn bộ lịch sử Việt Nam ngót thế kỷ qua với sự lựa chọn con đường giải phóng dân tộc đi vào quỹ đạo cách mạng vô sản, với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, với việc đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ và nói chung với thực tiễn thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, tất cả điều đó để có được Việt Nam ngày nay đều nằm trong dòng chính của thời đại.

Về phân kỳ thời đại lịch sử, chủ nghĩa Mác không coi nhẹ nhân tố kỹ thuật, công nghệ, nói chung là trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Chính Mác đã nói : "Cái cối xay tay cho ta một xã hội có lãnh chúa phong kiến, cái máy chạy bằng hơi nước cho ta một xã hội có nhà tư bản công nghiệp đứng đầu". Mác chỉ rõ vai trò quyết định, xét đến cùng, của lực lượng sản xuất đối với sự phát triển xã hội. Song, theo Mác, xã hội không đồng nhất với lực lượng sản xuất, mà xã hội là quan hệ xã hội, là sản phẩm của sự tác động lẫn nhau giữa người với người. Như mọi người đều biết, chủ nghĩa duy vật lịch sử căn cứ vào phương thức sản xuất, vào hình thái kinh tế - xã hội, phân ra các thời đại lịch sử là xã hội cộng sản nguyên thủy, xã hội chiếm hữu nô lệ, xã hội phong kiến, xã hội tư bản chủ nghĩa, xã hội cộng sản mà giai đoạn đầu của nó là chủ nghĩa xã hội. Giữa các hình thái xã hội cơ bản, xét trên phạm vi toàn thế giới, có các thời đại lịch sử quá độ từ xã hội nọ sang xã hội kia. Trong thời đại quá độ, hình thái kinh tế - xã hội cũ đang thống trị bắt đầu bị phá vỡ, hình thái kinh tế - xã hội mới ra đời và phát triển dần. Chế độ mới giành thắng lợi trước chế độ cũ, ban đầu như hiện tượng đơn lẻ, dần dần lan rộng trở thành phổ biến. Chưa bao giờ trong lịch sử sự thay thế hình thái kinh tế - xã hội này bằng hình thái kinh tế - xã hội khác lại diễn ra đồng loạt, nhanh chóng, một lần là xong ở khắp các quốc gia, các châu lục trên toàn thế giới.

Thời đại chủ nghĩa tư bản ra đời, xác lập, củng cố đã trải bao thăng trầm : từ cách mạng tư sản Hà Lan đến cách mạng tư sản Pháp kéo dài 2 thế kỷ ; sau cách mạng Pháp 1789, cuộc đấu tranh phục hồi và chống phục hồi giữa chế độ cũ và chế độ mới vẫn tiếp tục diễn ra mấy lần và qua nhiều thập niên. Thời đại quá độ từ chế độ phong kiến sang chủ nghĩa tư bản đã như vậy thì thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội đánh dấu bước ngoặt căn bản của loài người chuyển từ các chế độ áp bức bóc lột sang thời đại con người làm chủ xã hội, làm chủ tự nhiên, làm chủ bản thân, lại càng quanh co phức tạp bội phần, điều đó không có gì lạ.

(1) V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, t 26, tr 74

Digitized by Google

Sẽ là đơn giản nếu giải thích nguyên nhân thoái trào cách mạng xã hội chủ nghĩa, sự sụp đổ của Liên Xô và các nước Đông Âu chỉ bằng cách nêu lên tính quanh co phức tạp của sự thay đổi các hình thái kinh tế - xã hội. Cần đi sâu hơn phân tích nguyên nhân cụ thể của sự sụp đổ. Phải nói rằng sự sụp đổ Liên Xô và nhiều nước xã hội chủ nghĩa là một trong những tổn thất lớn lao nhất của loài người trong cuộc đấu tranh cho tự do, là thất bại đau đớn nhất của phong trào xã hội chủ nghĩa. Song sự biến chưa từng có đó không làm bánh xe lịch sử toàn thế giới quay ngược lại, không làm thay đổi tính chất căn bản của thời đại chúng ta. Mở ra thời đại mới là cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga do V.I.Lê-nin lãnh đạo. Mặc dầu chế độ xã hội do cuộc cách mạng ấy tạo dựng chỉ mới tồn tại trên 70 năm, nhưng nó đã làm thay đổi cả thế giới trong phần lớn thế kỷXX. Nó biến nước Nga lạc hậu thành cường quốc công nghiệp hàng đầu. Nó giải phóng nhân dân khỏi ách địa chủ, tư bản và đế quốc. Nó đóng vai trò quyết định trong việc đập tan chủ nghĩa phát xít. Nó thúc đẩy phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng giải phóng dân tộc trên thế giới. Nó làm cho chủ nghĩa tư bản buộc phải tự điều chỉnh, tô vẽ lại bộ mặt. Chỉ riêng những điều nói trên đã chứng tỏ Cách mạng Tháng Mười và sự tồn tại của chế độ xã hội chủ nghĩa hoàn toàn không phải hiện tượng ngẫu nhiên, là bước đi chệch của lịch sử. Song đáng tiếc, do nhiều nguyên nhân phức tạp, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đầu tiên mở ra thời đại mới, bản thân nó vừa qua đã gặp một thất bại nặng nề. Trong tổ hợp các nguyên nhân mà ở đây không đi sâu, chúng tôi cho rằng sự trì trệ, kém hiệu quả của nền kinh tế bắt đầu từ những năm 70, tình trạng tập trung quan liêu của quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước và xã hội không đơn thuần là những khuyết điểm có tính chất cá nhân mà về căn bản là nhược điểm đã trở thành khuyết tật được duy trì quá lâu của một mô hình chủ nghĩa xã hội đã từng có vai trò, tác dụng to lớn về mặt lịch sử, đó là mô hình dựa trên chế độ kế hoạch hóa tập trung cao. Cải cách, cải tổ, thay đổi mô hình, sửa chữa khuyết tật trong cơ chế là tất yếu để khắc phục khủng hoảng, tạo sức sống mới cho chủ nghĩa xã hội. Lịch sử Xô viết cần đến một cuộc cải tổ nhằm bảo vệ và phát triển những thành quả của chủ nghĩa xã hội. Nhưng cuộc cải tổ như thực tế đã diễn ra theo cái gọi là "tư duy chính trị mới", được các nước phương Tây ngàn lần cổ vũ, hậu thuẫn lại là cái cách - bất kể động cơ ban đầu thế nào - người ta đập tan ngôi nhà xã hội chủ nghĩa từ thượng tầng chính trị và tư tưởng đến hạ tầng cơ sở kinh tế. "Cải tổ" kiểu như thế mà chế độ không sụp đổ mới là đáng ngạc nhiên ! Bài học lịch sử ở đây có thể nói *cải tổ là tất yếu nhưng sụp đổ lại không là tất yếu* nếu có đường lối đúng, trung thành (chứ không xa rời, phản bội lại) với chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

4. Trong giới lý luận xã hội chủ nghĩa xem ra đang có khuynh hướng phủ nhận, hoài nghi hoặc hạ thấp ý nghĩa hai phát hiện vĩ đại của Mác là *chủ nghĩa duy vật lịch sử*, cốt lõi là lý luận hình thái kinh tế - xã hội, và *học thuyết giá trị thặng dư*. Khuynh hướng này thể hiện đa dạng, trong đó có cả ở quan điểm về thời đại và về toàn cầu hóa. Những người theo quan điểm này "lãng quên" bản chất xã hội - giai cấp của thời đại ; dường như họ cho rằng toàn cầu hóa mới là đặc trưng căn bản của thời đại chúng ta, rằng toàn cầu hóa về thực chất là sự thay thế các xã hội truyền thống bằng "xã hội hiện đại", dường như tất cả chỉ còn lại vấn đề toàn cầu hóa được quan niệm một cách rất trừu tượng, tước bỏ đi nội dung xã hội - kinh tế, giai cấp.

"Thời đại quá độ" là nói cả một thời đại lịch sử rất dài, còn hiện nay chủ nghĩa tư bản

Digitized by Google

đang thống trị phần lớn thế giới. Sau khi tạm thời thắng thế trong cuộc đấu tranh với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa tư bản đang chuyển mạnh sang giai đoạn mới của chủ nghĩa tư bản độc quyền mà có người gọi là giai đoạn "chủ nghĩa tư bản toàn cầu hóa". Điều trái ngược là trong khi các nhà tư tưởng và chính khách phương Tây cao giọng về cuộc diễu hành thắng lợi của chủ nghĩa tư bản - họ tự gọi là "chủ nghĩa tư bản" không úp mở - thì nhiều người xã hội chủ nghĩa lại phủ nhận tính chất thuần túy tư bản chủ nghĩa của các "xã hội hiện đại".

Toàn bộ các dữ kiện thực tế chứng minh rằng toàn cầu hóa trong điều kiện hiện nay về cơ bản không gì khác hơn là quá trình tư bản độc quyền bành trướng ra phạm vi toàn cầu. Xu hướng tư bản chủ nghĩa chi phối toàn cầu hóa không khó thấy khi mà các nước tư bản chủ nghĩa giàu có nhất, các công ty tư bản xuyên quốc gia đang nắm trong tay những nguồn lực vật chất và phương tiện hùng mạnh nhất để tác động lên toàn thế giới như vốn, kỹ thuật, công nghệ, các tổ chức và thể chế kinh tế, tài chính, tiền tệ, thương mại quốc tế. Họ nắm cả những phương tiện hùng mạnh nhất trong lĩnh vực sản xuất tinh thần và tác động tinh thần, cả những nguồn lực quan trọng nhất về chất xám...

Toàn bộ vấn đề là ở chỗ, chúng ta, những người xây dựng chủ nghĩa xã hội, có thái độ và cần hành động như thế nào trước quá trình toàn cầu hóa hiện nay ? Câu trả lời của chúng ta là : *"hội nhập"*, *"mở cửa"*, dĩ nhiên *trên cơ sở những nguyên tắc của chúng ta, vì lợi ích của chúng ta.* Tính nguyên tắc ở đây đòi hỏi trước hết phải phân rõ mặt sức sản xuất, kỹ thuật với mặt quan hệ sản xuất, mặt chính trị. Sức sản xuất được quốc tế hóa cao và ngày càng cao nhờ kết quả của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại là bước tiến vĩ đại của văn minh loài người, nó tạo ra cơ hội lớn cho các dân tộc và các nước chậm phát triển. Còn mặt quan hệ sản xuất vì đang do chủ nghĩa tư bản chủ đạo nên đó là một thách thức cực lớn buộc ta trong hội nhập phải chủ động, phải căn cứ thực lực và không thể không cảnh giác, không thể quên đấu tranh, phải luôn nhớ hội nhập mà không hòa tan.

Việt Nam từ nhiều năm nay đã từng bước hội nhập, mở cửa đối ngoại và vẫn đang tiếp tục thực hiện nhất quán đường lối đó. Chúng tôi chấp nhận cuộc đấu tranh phức tạp, gay go để tranh thủ tối đa các cơ hội và loại trừ hoặc giảm thiểu hết mức những rủi ro và cạm bẫy. Vấn đề không phải là có hội nhập hay không mà vấn đề ở chỗ chèo lái con thuyền đất nước như thế nào, đi đến bến bờ nào giữa trào lưu toàn cầu hóa. Với một đất nước không lớn, một nền kinh tế còn rất yếu kém, Việt Nam càng phải tính toán kỹ điều đó. Theo tôi, nếu không tranh thủ được những cơ hội do toàn cầu hóa mang lại, dù là toàn cầu hóa đang do chủ nghĩa tư bản chi phối như ngày nay, thì chúng ta không thể xây dựng chủ nghĩa xã hội được. Đó là, như Lê-nin nói "buộc phải để cho chủ nghĩa tư bản tham gia vào sự nghiệp của mình" [2]. Chỉ riêng vấn đề "học hỏi" chủ nghĩa tư bản (chứ chưa nói đến tranh thủ những nguồn lực vật chất cần thiết) đã là một yêu cầu bắt buộc đối với việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước chậm phát triển. Lê-nin viết : "Khi ở đây có người nói rằng có thể tiến tới chủ nghĩa xã hội mà không cần học hỏi giai cấp tư sản thì tôi hiểu rằng đó là tâm lý của người dân miền Trung Phi. Chúng ta không hình dung một thứ chủ nghĩa xã hội nào khác hơn là chủ nghĩa xã hội dựa trên cơ sở những bài học mà nền văn minh lớn của chủ nghĩa tư bản đã thu được" [3]. Lại có người nêu ra đã lâu

(2) V.I.Lê-nin : *Sđd*, t 45, tr 141
(3) V.I.Lê-nin : *Sđd*, t 36, tr 334

Digitized by Google

rằng : chúng ta chưa có đủ "tiền đề vật chất" để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhưng cũng theo lối nói của Lê-nin, chúng ta có cách giải quyết, đó là "mượn tiền đề của các nước tư bản phát triển".

Lịch sử đi lên phía trước, thậm chí đi nhanh, với "toàn cầu hóa". Chủ nghĩa tư bản toàn cầu hóa - nếu có thể gọi như thế - đó là thứ chủ nghĩa tư bản đang chuẩn bị những tiền đề vật chất đầy đủ nhất cho chủ nghĩa xã hội. Điều đó không có nghĩa là nhân loại đang đi đến một cái "làng toàn cầu" không giai cấp, không dân tộc, không biên giới quốc gia. Trái lại, toàn cầu hóa khi ưu thế còn thuộc về chủ nghĩa tư bản thì về bản chất là quá trình đầy mâu thuẫn, một quá trình vừa hợp tác, liên kết, hội nhập, vừa đấu tranh, trong sâu xa là cả một cuộc đấu tranh quyết liệt vì sự toàn cầu hóa bình đẳng giữa các quốc gia dân tộc, vì một xã hội quốc tế công bằng ngày càng thoát khỏi bá quyền áp đặt, sự khống chế và can thiệp phi đạo lý của các thế lực đế quốc tư bản quốc tế đối với các dân tộc và nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Toàn cầu hóa đang diễn ra trước mắt chúng ta với bao nhiêu là mâu thuẫn đủ loại, cực kỳ phức tạp, đan xen. Những gì diễn ra chỉ mới đây thôi ở Xít-tơn cuối tháng 11-1999, Đa-vốt cuối tháng 1-2000, Băng Cốc tháng 2-2000, La-ha-ba-na tháng 4-2000, Oa-sinh-tơn tháng 4-2000, Chiềng Mai tháng 5-2000 chẳng phải đã nói lên điều đó hay sao ? Đó là mâu thuẫn giữa một bên là quyền lực và lợi ích chi phối, thao túng của những thế lực tư bản quốc tế, các nước lớn tư bản chủ nghĩa với một bên là chủ quyền và lợi ích các quốc gia, dân tộc. Đó là mâu thuẫn khá gay gắt ngay giữa các nước tư bản chủ nghĩa, giữa các tập đoàn tư bản với nhau. Đó là mâu thuẫn giữa tăng trưởng của cải với phân phối không công bằng dẫn tới phân cực giàu nghèo ngày càng tăng giữa các quốc gia và trong mỗi nước, giữa trung tâm với ngoại vi, giữa Bắc với Nam ; phân cực giàu nghèo ngày càng tăng ngay cả trong lòng các nước tư bản phát triển. Đó là mâu thuẫn giữa kinh tế tăng trưởng với văn hóa, đạo đức, xã hội thì suy đồi do tác động từ mặt trái của kinh tế thị trường toàn cầu hóa. Đó là mâu thuẫn giữa hợp tác với đấu tranh. Đã hội nhập thì phải có hai mặt, đấu tranh mà vẫn phải hợp tác, bản thân hợp tác cũng lại là đấu tranh và kết quả của đấu tranh. Một mâu thuẫn nữa đặc trưng cho các nước như Việt Nam, Trung Quốc v.v..., ngoài độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia còn có con đường xã hội chủ nghĩa mâu thuẫn với toàn cầu hóa do chủ nghĩa tư bản chi phối, khống chế, với sức ép đi con đường tư bản chủ nghĩa bằng tự do hóa, tư nhân hóa kinh tế từ đó đi đến chuyển hóa về chế độ chính trị. Cùng với những mâu thuẫn xã hội nói trên, ngày càng nổi bật một mâu thuẫn lớn giữa xã hội với thiên nhiên biểu hiện ở hiểm họa ngày càng tăng đối với đời sống con người do tàn phá môi trường sinh thái.

Tất cả những mâu thuẫn kể trên, xét cho cùng, đều bắt nguồn từ *mâu thuẫn cơ bản nhất, sâu xa nhất, bao trùm nhất* là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất, nền sản xuất ngày càng được xã hội hóa đến cao độ, vượt khỏi biên giới quốc gia, với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất cơ bản từ trong mỗi nước, đặc biệt là các nước lớn, bủa ra khắp toàn cầu, từ trung tâm đến ngoại vi. Mâu thuẫn này cần được xét trong quan hệ biện chứng hai mặt, không nên thấy bước diễu hành chiến thắng của chủ nghĩa tư bản hiện đại mà choáng ngợp. Còn phải thấy mặt khác là nếu như "Giai cấp tư sản không thể tồn tại nếu không luôn luôn cách mạng hóa công cụ sản xuất" (C.Mác) thì cũng chính bằng cách đó, về khách quan, nó đang đẩy nhanh việc tạo tiền đề cho một xã hội tương lai từ trong lòng chủ

Digitized by Google

nghĩa tư bản mà ngày nay là *cả trên quy mô toàn cầu.* Cho nên chủ nghĩa tư bản ngày càng không thể chấp nhận được trước toàn thế giới, không phải chỉ đối với giai cấp những người lao động mà cả đối với toàn nhân loại, không phải chỉ đối với các dân tộc mà đối với cả loài người. Điều này chính ngay nhiều học giả và chính khách phương Tây ít nhiều có đầu óc tỉnh táo, sáng suốt cũng thừa nhận. Đến nay ông Giooc Xô-rốt nhà đại tài phiệt Mỹ đầu cơ tiền tệ nổi tiếng cũng phải thừa nhận tính bất ổn của chủ nghĩa tư bản hiện đại trong cuốn sách ông vừa cho ra năm 1998-1999 được đặt tên là "Khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản toàn cầu". Tháng 1-1999 trả lời báo Yomiuri (Nhật) về câu hỏi "Liệu chủ nghĩa tư bản và nền kinh tế thị trường có thỏa mãn đời sống dân chúng không ?", ông Xô-rốt nói : "Trước hết, chủ nghĩa tư bản có hệ tư tưởng của riêng nó. Tôi gọi đó là trào lưu chính thống trị trường. Hiện tại nó là một hệ tư tưởng rất có ảnh hưởng. Nhưng nó không phải là một hệ tư tưởng duy nhất. Có nhiều người cảm thấy rất không thoải mái với chủ nghĩa tư bản vì đó là một hệ thống vô nhân đạo hiểu theo nhiều cách. Có những người lo ngại về sự thiếu công bằng xã hội, và tôi nằm trong số những người đó. Những người khác lo ngại về sự xâm lược chủ quyền quốc gia. Vì vậy thế kỷ XXI sẽ không phải là thời điểm chấm dứt vấn đề hệ tư tưởng. Sẽ có nhiều cuộc xung đột mang hình thức hệ tư tưởng".

Ông Xô-rốt tìm cách cứu chữa cho chủ nghĩa tư bản bằng cái gọi là "xã hội mở". Tôi thì cho rằng lối thoát lịch sử ở đây chỉ có thể là chủ nghĩa xã hội và tôi nghĩ thế kỷ XXI sẽ là thế kỷ chủ nghĩa xã hội nhất định lấy lại sức lực của mình và thế tiến công, giành những thắng lợi nếu không là căn bản thì cũng rất quan trọng trước chủ nghĩa tư bản. "Vật cực tất phản", những mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản có thể trầm trọng đến đỉnh điểm, có thể dẫn đến dễ xuất hiện những khâu yếu dễ bị tổn thương ở chỗ này hay chỗ khác trong sợi dây chuyền tư bản chủ nghĩa toàn cầu. Vấn đề chỉ còn tùy thuộc ở các nhân tố chủ quan của cách mạng và các lực lượng xã hội tiến bộ.

5. Cái đặc thù lớn nhất của Việt Nam, v.v... là xuất phát từ một xã hội vốn là thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế chậm phát triển, quá độ lên chủ nghĩa xã hội theo con đường "rút ngắn" không kinh qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Đây là kiểu "quá độ đặc thù" nhưng đặc thù cho nhiều nước nằm ở ngoại vi thế giới tư bản phát triển nên lại là tương đối phổ biến.

Theo Mác và Ăng-ghen, mặc dầu "tất cả mọi xung đột trong lịch sử đều bắt nguồn từ mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và hình thức giao tiếp" (tức quan hệ sản xuất), song "Hoàn toàn không cần thiết là mâu thuẫn đã phải đẩy đến cực độ ở trong một nước mới gây ra những cuộc xung đột trong nước ấy. Sự cạnh tranh với những nước phát triển hơn về mặt công nghiệp, cạnh tranh do sự giao tiếp quốc tế, cũng đủ để gây ra một mâu thuẫn loại đó, ngay cả ở những nước kém phát triển hơn về mặt công nghiệp" (4). Thật là một cái nhìn rất biện chứng đối với sự vận động lịch sử. Khi bàn về các quan hệ xã hội ở Nga, Ăng-ghen có dự báo nếu cách mạng vô sản thắng lợi ở Tây Âu thì công xã nông thôn Nga có thể là khởi điểm cho một sự tiến triển cộng sản chủ nghĩa :

Thời Lê-nin, vấn đề quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản trở thành hiện thực trực tiếp. Theo Lê-nin "Với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ Xô viết, và qua những giai đoạn phát triển nhất định tiến tới chủ

(4) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1981, t 1, tr 508

Digitized by Google

nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa" (5). Lê-nin nhấn mạnh hai điều kiện bảo đảm thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở một nước chậm phát triển : *một là*, có sự ủng hộ kịp thời của một nước hay một số nước xã hội chủ nghĩa tiên tiến ; *hai là*, có sự liên minh giữa giai cấp vô sản đang thực hiện nền chuyên chính của mình với quần chúng nông dân đông đảo.

Ngày nay, điều kiện quá độ lên chủ nghĩa xã hội của những nước chậm phát triển như Việt Nam khác rất nhiều so với thời Lê-nin, song tư tưởng của Lê-nin về vấn đề quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa vẫn có giá trị phổ biến. Đương nhiên sự vận dụng những tư tưởng về thời kỳ quá độ của Mác, Ăng-ghen, Lê-nin phải đặc biệt linh hoạt, sáng tạo và cần được bổ sung, phát triển thêm nhiều cái mới bởi thế giới ngày nay đã khác nhiều so với 100 - 150 năm về trước.

Di sản của Lê-nin tập trung nói về đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga, một nước tư bản ở trình độ phát triển trung bình và xung quanh nước Nga là hàng loạt các nước vốn là thuộc địa của đế quốc Nga hoàng hết sức lạc hậu, đặc biệt vùng Trung Á thuộc Liên bang Xô viết. Vậy trong những di sản Lê-nin để lại có gì gần gũi với các nước đang phát triển hiện nay ? Tôi cho rằng có rất nhiều, đặc biệt là tư tưởng Lê-nin về chính sách kinh tế mới (NEP). NEP không xa lạ đối với các nước đang phát triển hiện nay quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Bởi hai lẽ : *Một là :* để đi sâu vào những đặc thù của Nga, giải quyết những vấn đề của nước Nga, Lê-nin luôn quan tâm giải quyết những vấn đề căn bản chung đối với tất cả các nước ; *Hai là*, "cái đặc thù Nga" lại là ở chỗ tình trạng lạc hậu về kinh tế, những quan hệ tiền tư bản, tiểu nông chiếm ưu thế chứ không phải những quan hệ tư bản chiếm ưu thế. Cái đặc thù đó được phản ánh trong Chính sách kinh tế mới. Qua nhiều lần phát biểu về con đường phát triển phi tư bản của các nước cộng hòa Xô viết Trung Á, như mọi người đều biết, Lê-nin đã có những chỉ dẫn hết sức sâu sắc.

Ở đây tôi muốn đề cập đến học thuyết Lê-nin về chủ nghĩa tư bản nhà nước, điểm đặc sắc nhất trong chính sách kinh tế mới. Phân tích chủ nghĩa đế quốc, Lê-nin nhận thấy rằng chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là "cái phòng chờ của chủ nghĩa xã hội", nó là một chủ nghĩa tư bản "đang phát triển lên chủ nghĩa xã hội", tất nhiên không thể chuyển lên chủ nghĩa xã hội được nếu không có chuyên chính vô sản. Chủ nghĩa tư bản nhà nước ngay dưới chế độ tư bản là một hình thái tổ chức kinh tế tinh vi khoa học, dựa trên cơ sở lực lượng sản xuất hiện đại xã hội hóa cao. Đó là cái có thể gợi ra hình mẫu của xã hội tương lai, với giả định gạt bỏ sự thống trị của tư bản. Theo Lê-nin, những nước tư bản phát triển, với nhân tố chủ quan đầy đủ, có thể "chuyển trực tiếp" lên chủ nghĩa xã hội, vì đã qua "trạm trung gian..." là chủ nghĩa tư bản nhà nước. Những nước lạc hậu chưa qua trạm trung gian này, thậm chí chưa qua giai đoạn phát triển ít nhiều chủ nghĩa tư bản thì không thể chuyển trực tiếp lên chủ nghĩa xã hội mà phải qua "những giai đoạn quá độ đặc biệt", thậm chí phải trải qua "hàng loạt bước quá độ trong cả thời kỳ quá độ", phải "bắc những nhịp cầu nhỏ xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước để tiến dần lên chủ nghĩa xã hội". Chủ nghĩa tư bản Nhà nước ở đây lại là một thứ "chủ nghĩa tư bản nhà nước đặc biệt" do chỗ nhà nước ở đây đã không phải nhà nước tư bản mà là nhà nước vô sản, xã hội chủ nghĩa. Bằng việc thực hiện

(5) V.I.Lê-nin : *Sđd*, t 41, tr 295

Digitized by Google

chủ nghĩa tư bản nhà nước kiểu đặc biệt, phục tùng chuyên chính vô sản, giai cấp vô sản phải làm cái phần việc mà lẽ ra về mặt lịch sử chủ nghĩa tư bản đã làm, đó là tạo ra tiền đề văn minh cho chủ nghĩa xã hội, trước hết là lực lượng sản xuất hiện đại và khoa học tổ chức, những công nghệ quản lý tiên tiến. Như vậy, ở Lê-nin vấn đề chủ nghĩa tư bản nhà nước có nội dung và ý nghĩa rộng lớn hơn nhiều so với một trong những hình thức của nó là sự kết hợp trong kinh doanh giữa nhà nước với tư bản tư nhân. Giới học thuật Việt Nam đã có nhiều cuộc tranh luận về chủ nghĩa tư bản nhà nước. Có đồng chí không muốn dùng thuật ngữ chủ nghĩa tư bản nhà nước, nhưng tư tưởng Lê-nin về chủ nghĩa tư bản nhà nước lại không tránh được trong thực tiễn vận dụng một số hình thức kinh tế xét ra ngày nay phong phú, đa dạng hơn nhiều so với thời Lê-nin.

Tôi cho rằng vấn đề ở đây không phải tên gọi mà là quan niệm về một con đường, một phương thức mới tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở một nước kém phát triển. Điều kiện nước Nga đầu những năm 20 khác rất nhiều so với điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta ngày nay. Song tôi nghĩ có không ít sự trùng hợp về những vấn đề được đặt ra và cách thức giải quyết chúng giữa chính sách kinh tế mới ở Nga với công cuộc đổi mới ở Việt Nam và có lẽ ở chừng mực nào đó cả với công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc. Đương nhiên không thể không thấy rằng những vấn đề đặt ra cho chúng ta hôm nay có những điều mới mẻ, phức tạp và phong phú hơn nhiều so với những vấn đề của nước Nga năm 1921 - 1923 và thật không đúng nếu nghĩ rằng những gì chúng ta làm hôm nay chỉ lặp lại nguyên xi Chính sách kinh tế mới ở Nga.

Chúng tôi cho rằng NEP của Nga, cuộc đổi mới của Việt Nam, cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc có những cái riêng và những cái chung. Vậy cái gì là chung ? Tôi thử nêu một số điểm có thể là chung cơ bản nhất sau đây để cùng nhau trao đổi :

- Việc thực hiện NEP ở Nga, công cuộc đổi mới ở Việt Nam, công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc, đều do *Đảng Cộng sản khởi xướng và lãnh đạo*, đều nhằm *mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội.*

- Cải cách, đổi mới, và Chính sách kinh tế mới đều nhằm mục tiêu bức xúc là *giải phóng lực lượng sản xuất*, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, để nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

- Chuyển từ nền kinh tế một thành phần (chế độ công hữu đơn nhất) sang *nền kinh tế nhiều thành phần*, từ chế độ công hữu đơn nhất sang cơ cấu kinh tế *nhiều loại hình sở hữu, lấy công hữu làm nền tảng, chủ thể hay chủ đạo.* Phải chăng nước Nga của Chính sách kinh tế mới, Trung Quốc và Việt Nam trong đổi mới, cải cách, mở cửa đều *sử dụng chủ nghĩa tư bản* theo những mức độ, cách thức và hình thức khác nhau.

- Trong khi NEP lần đầu tiên chấp nhận tự do buôn bán trong phạm vi trao đổi ở địa phương, thừa nhận sự cần thiết phải lợi dụng thị trường và thương nghiệp thì Việt Nam lần đầu tiên *không chỉ chấp nhận thị trường mà còn vận dụng cơ chế thị trường kết hợp với kế hoạch hướng dẫn để vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* trong thời kỳ quá độ. Còn Trung Quốc ở giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội thì thực hiện *kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.*

- Về quan hệ kinh tế đối ngoại, nếu như Lênin chủ trương phát triển quan hệ kinh tế, giao lưu buôn bán với các nước tư bản, dùng cả đến biện pháp "tô nhượng" để khuyến khích tư

Digitized by Google

bản nước ngoài đầu tư vào nước Nga Xô viết, sẵn sàng "dang cả hai tay ra mà nắm lấy" tất cả những gì là tiên tiến, hiện đại nhất của chủ nghĩa tư bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội, thì Trung Quốc và Việt Nam cùng với chính sách phát huy tối đa nội lực, thực hiện chính sách "mở cửa", "hội nhập" với tất cả các nước trên thế giới để thu hút ngoại lực nhằm đẩy nhanh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

6. Một trong những cội nguồn sức mạnh của chủ nghĩa xã hội là sự đoàn kết ngày càng được tăng cường giữa các lực lượng cách mạng, là sự kết hợp chặt chẽ, nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế. Cách đây 150 năm Mác đưa ra khẩu hiệu "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại". Cách đây hơn 80 năm, Lê-nin phát triển thành "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại !". Các lực lượng cách mạng, giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức đã hưởng ứng lời kêu gọi ấy, biến thành lực lượng vật chất. Chính vì vậy mà thế giới đã thay đổi như chúng ta từng chứng kiến. Ngày nay sự đoàn kết quốc tế giữa các lực lượng cách mạng, giữa các dân tộc yêu hòa bình, độc lập tự do vẫn là yêu cầu tuyệt đối cần thiết. Nếu các lực lượng cách mạng, các dân tộc đấu tranh cho độc lập, tự do không đoàn kết lại thì sẽ không bao giờ có được một trật tự thế giới tương đối công bằng, không thể có được một thế giới hòa bình, ổn định chứ chưa nói đến mục tiêu chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Trong khi các thế lực cường quyền đế quốc mặc dầu cạnh tranh nhau kịch liệt vẫn cấu kết khá chặt chẽ với nhau để hòng thống trị thế giới, lẽ nào giai cấp công nhân, nhân dân lao động, các dân tộc đang phát triển, chậm phát triển, các nước yếu thế, các phong trào dân chủ, tiến bộ và cách mạng, các nước xã hội chủ nghĩa, tất cả những người cộng sản, các Đảng Cộng sản lại không cần tăng cường đoàn kết để bảo vệ lợi ích chung.

Tôi cho rằng, điều kiện thế giới thay đổi, chủ nghĩa quốc tế cũng phải thay đổi cả nội dung lẫn hình thức. Đối với các nước xã hội chủ nghĩa, phải chăng thực hiện chủ nghĩa quốc tế cần bảo đảm những yêu cầu chính sau đây :

- Ra sức phấn đấu để xây dựng thành công, bảo vệ vững chắc chủ nghĩa xã hội trên đất nước mình, đó là nghĩa vụ dân tộc thiêng liêng nhất, đồng thời là nghĩa vụ quốc tế, là sự đóng góp to lớn, quý báu cho việc thực hiện các mục tiêu hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới.

- Ra sức ủng hộ, với các hình thức thích hợp, các phong trào cách mạng, các phong trào yêu nước tiến bộ, ủng hộ các Đảng Cộng sản và công nhân (hiện nay đang hoạt động rất khó khăn) trong cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Tăng cường đoàn kết giữa các nước xã hội chủ nghĩa trong cuộc đấu tranh chung vì những mục tiêu của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Để kết thúc, tôi bày tỏ sự nhất trí hoàn toàn với ý kiến quan trọng sau đây của đồng chí Lý Thiết Ánh trong một cuộc nói chuyện nhân chuyến thăm Việt Nam tháng 2 năm 2000 : "Thế kỷ XX là 100 năm huy hoàng nhất trong lịch sử loài người. Trong thế kỷ này, dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, phong trào xã hội chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc đã giành được thắng lợi vĩ đại trên phạm vi toàn thế giới. Mặc dù sự tan rã của Liên Xô đã gây nên những khó khăn ghê gớm đối với các nước xã hội chủ nghĩa, nhưng ngọn cờ xã hội chủ nghĩa vẫn bay cao ở những quốc gia như Trung Quốc, Việt Nam v.v... Chúng ta hoàn toàn tin tưởng vào tương lai của mình".❑

Digitized by Google

ĐỒNG CHÍ NGUYỄN VĂN LINH - NGƯỜI CỘNG SẢN KIÊN CƯỜNG, NHÀ LÃNH ĐẠO CÓ UY TÍN LỚN

PHẠM HỒNG CHƯƠNG *

TRONG Lời điếu của đồng chí Lê Khả Phiêu, Tổng Bí thư BCHTU Đảng Cộng sản Việt Nam, đọc tại lễ truy điệu đồng chí Nguyễn Văn Linh, ngày 29-4-1998, đã khẳng định : đồng chí Nguyễn Văn Linh, nguyên Tổng Bí thư BCHTU Đảng Cộng sản Việt Nam, *"người đảng viên cộng sản rất mực kiên cường, trung thành tận tụy, suốt đời chiến đấu vì lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân, một người lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng, nhân dân và quân đội ta, người bạn tin cậy của bạn bè quốc tế, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh"*.

Trong gần 70 năm hoạt động cách mạng, đồng chí Nguyễn Văn Linh được Đảng, Nhà nước, nhân dân giao phó nhiều trọng trách. Dù ở cương vị nào, hoạt động ở bất kỳ vùng, miền nào của đất nước và trước mọi hoàn cảnh dù là khó khăn, phức tạp đến mấy, đồng chí đều hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao.

Một người cộng sản rất mực kiên cường, nhà tổ chức xuất sắc

Trong gần 70 năm hoạt động cách mạng, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã hai lần bị kẻ thù bắt và lưu đày 10 năm nơi "địa ngục trần gian" ở Côn Đảo. Ra tù, đồng chí lại lao vào hoạt động, có mặt ở cả ba miền Trung, Nam, Bắc và thường xuất hiện ở những địa bàn, những thời điểm khó khăn, gian khổ nhất của cách mạng. Năm 1936, sau khi ra tù lần thứ nhất, thoát khỏi án lưu đày chung thân, theo sự phân công của Đảng, đồng chí đã đến hoạt động ở Hải Phòng với nhiệm vụ xây dựng thêm nhiều cơ sở cách mạng và tái lập Thành ủy Hải Phòng.

Cuối năm 1939, do hoạt động phá hoại của bọn AB chui vào Đảng, đảng bộ Trung Kỳ bị vỡ, các đồng chí lãnh đạo Xứ ủy lần lượt sa lưới kẻ thù, đồng chí Nguyễn Văn Linh được phân công về miền Trung ráp nối các cơ sở bị đứt liên lạc, xây dựng lực lượng cách mạng và tham gia thành lập lại Xứ ủy Trung Kỳ. Đầu năm 1941, thực dân Pháp lại bắt được đồng chí ở Vinh và lần thứ hai chúng lại đày đồng chí đi nhà tù Côn Đảo.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, đồng chí trở về hoạt động ở miền Nam và từ đây đồng chí liên tục sống và chiến đấu ở nơi *"thành đồng Tổ quốc"*. Kể từ khi tham gia cách mạng đến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ xâm lược, đồng chí đã hiến dâng hơn nửa cuộc đời hoạt động cách mạng của mình gắn bó máu thịt với miền Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Từ năm 1957, với *trách nhiệm* là Quyền Bí thư Xứ ủy Nam Bộ và từ năm 1961 là Bí thư Trung ương Cục miền Nam, đồng chí đã chủ trì và cùng các đồng chí khác lãnh đạo phong trào cách mạng miền Nam ở vào thời điểm gay go nhất và oanh liệt nhất, ghi lại những dấu ấn không phai mờ về cuộc đồng khởi và cuộc kháng chiến chống xâm lược. Ở thời điểm khó khăn nhất của cách mạng miền Nam, dưới sự lãnh đạo

* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí đã cùng Xứ ủy Nam Bộ và sau đó là Trung ương Cục miền Nam chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Đảng về cách mạng miền Nam, đã lãnh đạo, tổ chức Đảng nhân dân cách mạng miền Nam (1959), xây dựng Mặt trận dân tộc giải phóng (1960) và thành lập Bộ chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam (1961). Việc tổ chức Đảng bộ, Mặt trận và Bộ chỉ huy quân sự ở miền Nam là sự chuẩn bị đầy đủ và rất thành công của Đảng ta về các điều kiện đối nội, đối ngoại cho Đảng phát động cuộc chiến tranh giải phóng ở miền Nam, tạo nên chuyển biến có ý nghĩa bước ngoặt của cách mạng miền Nam trong điều kiện tình hình quốc tế hết sức phức tạp. Tính đến khi Nghị quyết 15 của Đảng ta ra đời, Đảng ta đã mất 1/10 cán bộ, đảng viên ở miền Nam, riêng ở Nam Bộ có 70 000 cán bộ, đảng viên bị sát hại ; hơn 50% cán bộ từ chi ủy đến tỉnh ủy viên của khu V bị tổn thất [1], thì thành công trên của Đảng là cực kỳ to lớn.

Bám trụ ở miền Nam trong cuộc kháng chiến chống xâm lược Mỹ, trên cương vị của mình, đồng chí đã tỏ rõ sự kiên cường, niềm tin tất thắng của người cộng sản trước kẻ thù xâm lược, tỏ rõ tài năng lãnh đạo, tổ chức chỉ đạo thực tiễn một cách đúng đắn và sáng tạo, góp phần biến đường lối và các nghị quyết của Đảng ta về cách mạng miền Nam thành hiện thực thắng lợi.

Sau ngày Tổ quốc thống nhất, với ba lần giữ cương vị Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, đồng chí lại tiếp tục tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng về khôi phục đời sống và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở thành phố đông dân nhất nhưng cũng khó khăn, phức tạp nhất trong cả nước. Cũng chính ở đây, đồng chí lại tiếp tục có những cống hiến mới, đi sát thực tiễn và từ tổng kết thực tiễn trên nhiều lĩnh vực, đã cùng Trung ương Đảng đóng góp tích cực và có hiệu quả vào việc thiết kế đường lối, chính sách đổi mới của Đảng, góp phần mở ra thời kỳ đổi mới trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Từ năm 1986, trên cương vị Tổng Bí thư BCHTU Đảng, đồng chí Nguyễn Văn Linh lại trực tiếp tổ chức, lãnh đạo thực thi nghị quyết đổi mới do Đại hội VI của Đảng đề ra. Với trách nhiệm cao nhất của Đảng, đồng chí đã cùng tập thể lãnh đạo Đảng ta nhạy bén, chủ động, sáng tạo, khôn khéo lái con thuyền cách mạng vượt qua những bước hiểm nghèo của thời kỳ xảy ra những biến động to lớn trên thế giới, đẩy mạnh công cuộc đổi mới và thu được những thành tựu rất quan trọng, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, cải thiện đời sống nhân dân.

Từ chủ trương trong nghị quyết đến thành công trên thực tế là một khoảng cách không nhỏ. Đối với sự nghiệp đổi mới, con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội mà Đảng ta đang khai phá, thì khoảng cách đó lại càng lớn hơn. Ở đây càng nổi bật lên sự sáng tạo, vai trò và tài năng tổ chức, triển khai thực hiện của tập thể lãnh đạo Đảng ta đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư của Đảng. Do vậy, thành công trong 5 năm đầu tiên (1986 - 1991) của thời kỳ đổi mới trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trước hết phải nói tới thành công về mặt tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng. Trước sự khủng hoảng ngày càng sâu sắc của hệ thống xã hội chủ nghĩa, thắng lợi từng bước đưa đất nước ta vượt qua hiểm nghèo của khủng hoảng kinh tế - xã hội đã khẳng định sự tin tưởng của nhân dân vào con đường đổi mới mà Đảng ta khai phá, củng cố niềm tin của dân với Đảng, với chế độ đồng thời xác định quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân phấn đấu xây dựng thành công của chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Thành công đầu tiên đó là sự chuẩn bị đầy đủ cơ sở lý luận và thực tiễn cho Đảng ta vạch ra Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoạch định kế hoạch dài hạn trong xây dựng đất nước các năm tiếp theo được thông qua tại Đại hội VII, tạo những điều kiện cơ bản cho cách mạng nước ta tiến lên.

Bên cạnh việc triển khai, tổ chức, chỉ đạo thực hiện thành công những nhiệm vụ đối nội theo các

(1) Ban tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị : Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - thắng lợi và bài học. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 323

Digitized by Google

nghị quyết của Đảng, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã có những đóng góp quan trọng trong lĩnh vực mở rộng quan hệ đối ngoại và nâng cao vị thế của nước Việt Nam trên trường quốc tế, hiện thực hóa chủ trương của Đảng trong việc tăng cường quan hệ với Lào và Cam-pu-chia, từng bước hội nhập với các nước trong khối ASEAN, khởi động quá trình bình thường hóa quan hệ và tiến tới nối lại quan hệ Việt Nam với Trung Quốc vào năm 1990, từng bước thi hành các biện pháp nhằm hướng đến bình thường hóa và thiết lập quan hệ ngoại giao với nước Mỹ, tiến hành các giải pháp toàn diện và cần thiết để xây dựng, củng cố mối quan hệ hữu nghị với các nước ở châu Á, tạo thêm những điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Trong điều kiện tốc độ khủng hoảng toàn diện của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu ngày càng gia tăng làm suy giảm và mất dần đi sự ủng hộ, giúp đỡ truyền thống đối với nước ta, những thành công về đối ngoại đó đã từng bước xây dựng được một môi trường khu vực và quốc tế thuận lợi, vừa hạn chế và đi đến xóa bỏ được sự bao vây, cấm vận của kẻ địch. Môi trường quốc tế ngày càng thuận lợi đã thúc đẩy và góp phần quan trọng vào sự chuyển biến của kinh tế - xã hội nước ta, thực hiện thành công các nhiệm vụ của Đại hội VI. Thành tựu kinh tế - xã hội của những năm 1986-1991 đã đưa đất nước xã hội chủ nghĩa của chúng ta vượt qua thời điểm khó khăn nhất trước sự tan rã của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Việc thực thi thành công các nhiệm vụ đối ngoại theo Nghị quyết Đại hội VI của Đảng đã *tạo ra những điều kiện cơ bản* cho các thắng lợi trên lĩnh vực ngoại giao của nước ta trong thập niên 90, là thực hiện thành công tư tưởng ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh : *làm bạn với tất cả các nước, không gây thù oán với ai.*

Công cuộc đổi mới đất nước đến nay đã được 15 năm. Chúng ta đã thu được những thành tựu quan trọng. Thời gian chưa nhiều, khó khăn còn không ít với các nguy cơ và thách thức nhưng những thành tựu đạt được đã củng cố chế độ, khẳng định hướng đi đúng đắn lên chủ nghĩa xã hội. Thành tựu ấy gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng, trong đó có cống hiến của đồng chí Nguyễn Văn Linh, người Tổng Bí thư BCHTU Đảng ở những năm khởi đầu của công cuộc đổi mới.

Phẩm chất chính trị kiên định của một trí tuệ sáng tạo

Là người góp phần hoạch định đường lối đổi mới và lại là người chịu trách nhiệm cùng Trung ương tổ chức thực thi đường lối đổi mới của Đảng, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã có thái độ dứt khoát và khẳng định *sự lãnh đạo của Đảng đối với xã hội ta là một tất yếu khách quan,* và không chấp nhận đa nguyên, đa đảng. Đồng chí chỉ rõ rằng : trong điều kiện Việt Nam, hiện nay cũng như trong tương lai, không có sự cần thiết khách quan nào để tạo dựng nên các đảng phái đối lập,... Một chế độ dân chủ chân chính không phải được quyết định ở chỗ có một hay nhiều đảng. Vấn đề là ở chỗ nền dân chủ hình thức hay có thực chất, dân chủ cho một thiểu số hay đa số nhân dân. Nắm vững chân lý sơ đẳng này có ý nghĩa nguyên tắc để không bị tuyên truyền về dân chủ tư sản mê hoặc và lừa mị chúng ta.

Để tiến hành thực hiện Nghị quyết VI của Đảng, đồng chí luôn lưu ý Đảng phải nhìn thẳng vào sự thật, phải thấy thiếu sót chủ quan của chúng ta là nghiêm trọng và kéo dài. Đảng phải có tinh thần dũng cảm tự phê phán mạnh mẽ và triệt để để đổi mới. Không như thế chúng ta sẽ rơi vào tình trạng trì trệ kéo dài với những tai họa thật sự - những tai họa không phải do bản chất chế độ chúng ta gây ra mà là do khuyết điểm của chúng ta gây ra. Phát biểu tại lớp nghiên cứu Nghị quyết Đại hội VI (5-1987), đồng chí cho rằng, để không mắc tiếp các sai lầm, chúng ta phải đổi mới tư duy và phong cách. Theo đồng chí thì có thật sự đổi mới tư duy và phong cách mới hiểu được thực chất của hiện trạng, phân biệt rõ đúng sai, phát huy được nhân tố tiến bộ, gạt bỏ được những sai lầm. Từ đấy mở ra một trình độ mới trong việc nhận thức và vận dụng đúng đắn chủ nghĩa Mác - Lê-nin, khơi dậy được tính chủ động sáng tạo vô tận của nhân dân lao động, phát

Digitized by Google

huy được tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội để đưa đất nước tiến lên.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh cho rằng, nói đến tư duy là nói đến trình độ nắm bắt các quy luật khách quan, nói đến việc suy nghĩ theo đòi hỏi của các quy luật đó và áp dụng phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước, nói đến quá trình sáng tạo đề xuất ra các sáng kiến mới, nói tới việc tìm tòi các biện pháp có hiệu quả cho hành động... Điều này đòi hỏi phải chống chủ nghĩa kinh nghiệm, sự hời hợt trong nhận thức, chống cách suy nghĩ chủ quan, bảo thủ, giáo điều, chống việc tách rời lý luận và thực tiễn. Đồng chí còn khẳng định : muốn làm được việc này phải gắn lời nói với việc làm, có nhiệt tình cách mạng cao thống nhất với tri thức khoa học vững chắc, dám nhìn thẳng vào sự thật, công khai hóa hoạt động, đi sâu, đi sát thực tiễn, lấy hiệu quả thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội làm mục đích, biết giải quyết mọi công việc trên cơ sở phát huy quyền làm chủ và tính chủ động của quần chúng nhân dân lao động.

Hiểu rõ tầm quan trọng và vai trò tiên phong của lý luận, đồng chí Nguyễn Văn Linh xác định, để tiến hành công cuộc đổi mới ở bất cứ lĩnh vực nào của đời sống xã hội, cần phải chuẩn bị trước về cơ sở lý luận làm cơ sở cho sự đổi mới trong hoạt động thực tiễn. Đồng chí đề xuất : trên cơ sở lý luận đúng đắn dẫn đường, tiến hành thiết kế các cơ chế quản lý cụ thể cũng như soạn thảo các chính sách, biện pháp phù hợp đáp ứng được yêu cầu của cuộc sống. Thông qua phương pháp thử nghiệm xã hội ở những mô hình trong các ngành và các địa phương khác nhau, chọn lọc những nhân tố phù hợp với quy luật và được cuộc sống chấp nhận, ứng dụng triển khai trên quy mô đại trà. Đồng chí cho rằng chỉ có lý luận nào vận động theo chu trình nghiêm ngặt đó mới có tương lai đầy hứa hẹn và làm đúng chức năng xã hội của nó. Và cũng chỉ trên cơ sở tuân theo chu trình đó thì hoạt động thực tiễn mới thoát khỏi chủ nghĩa kinh nghiệm, tự phát, bớt mò mẫm đường vòng và đỡ phải trả giá.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh đặc biệt lưu ý phương pháp tư duy đúng đắn, không thừa nhận sự cường điệu hóa, nhấn mạnh mặt này coi nhẹ mặt kia như kế hoạch và thị trường, tập trung và dân chủ trong hoạt động lý luận và thực tiễn ở nước ta ; phê phán xu hướng nhân danh đổi mới để phủ định những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin hoặc đề xuất những giải pháp không phân biệt nguyên tắc, xóa nhòa ranh giới có tính nguyên tắc giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội.

Đồng chí chỉ rõ muốn giành thắng lợi trong cuộc tiến công vào nhận thức, phong cách cũ, cần có đủ dũng khí cách mạng, hết sức kiên trì và nhất thiết phải tiến hành trên cơ sở khoa học, thậm chí, trong cuộc đấu tranh này, còn cần phải có ý thức tự giác, vì những cái cũ vốn nằm ngay trong bản thân mỗi con người, và chúng rất dễ khôi phục dưới những hình thức có vẻ như mới. Cần phân biệt đâu là cái cần đổi mới, đâu là cái cần bồi đắp, nâng cao hơn. Đồng chí viết : Nói đổi mới tư duy hoàn toàn không có nghĩa là phủ nhận những thành tựu lý luận và quan điểm đúng đắn của Đảng, phủ nhận những quy luật phổ biến của cách mạng xã hội chủ nghĩa, trái lại, cần tiếp tục hoàn chỉnh và phát triển thêm những thành tựu đó.

Cùng với việc tạo ra những điều kiện thúc đẩy sự sáng tạo khoa học thông qua đổi mới tư duy lý luận của Đảng trong sự nghiệp đổi mới, đồng chí Nguyễn Văn Linh rất quan tâm và luôn đặt vấn đề Đảng ta phải không ngừng nâng cao và hoàn thiện sự lãnh đạo của mình để xứng đáng là người lãnh đạo chính trị đối với xã hội, xứng đáng với niềm tin yêu và hy vọng của nhân dân. Đồng chí cho rằng, phải hết sức coi trọng và đặt lên trước hết vấn đề soạn thảo chiến lược và sách lược của Đảng, đáp ứng đúng yêu cầu cách mạng trong từng thời kỳ để định hướng cho xã hội tiến lên.

Đồng chí luôn nhấn mạnh tới chủ trương đổi mới của Đảng là trên cả hai lĩnh vực kinh tế và chính trị nhưng phải đặt trọng tâm vào đổi mới kinh tế và việc đổi mới chính trị phải tiến hành tích cực nhưng vững chắc để mang lại kết quả thực tế, không gây ra sự mất ổn định về chính trị và làm phương hại đến toàn bộ công cuộc đổi

Digitized by Google

mới nói chung. Tất cả những công việc trên đây của sự nghiệp đổi mới là mới mẻ, chỉ có thể vừa làm vừa tìm tòi khám phá. Do vậy, một mặt phải nghiên cứu, nắm vững các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, mặt khác phải tăng cường thâm nhập, tổng kết thực tiễn. Theo đồng chí, phải huy động trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, đặc biệt của các ngành khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học - kỹ thuật, đóng góp cho sự nghiệp này.

Để nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng, bên cạnh việc hoạch định đường lối, chính sách đúng đắn, đồng chí Nguyễn Văn Linh nhấn mạnh tới việc Đảng phải tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi việc thực hiện các chủ trương, chính sách đó ; phải tập trung đầu tư công sức đào tạo và bồi dưỡng cán bộ để thực thi đúng đắn công cuộc đổi mới, chuẩn bị tốt cho việc chuyển tiếp thế hệ lãnh đạo và phải suy nghĩ nghiêm túc vấn đề quan hệ giữa Đảng với dân trong điều kiện Đảng cầm quyền nhằm đổi mới công tác vận động quần chúng cho phù hợp.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh còn khẳng định sức mạnh, uy tín và chất lượng lãnh đạo của Đảng phụ thuộc một phần quyết định ở việc phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bao gồm cả dân chủ trong Đảng và trong xã hội vì chỉ có đem lại dân chủ thực sự cho nhân dân và thông qua đó mới phát huy cao độ tính tích cực, sáng tạo của họ trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Để phát triển dân chủ và ngăn chặn những biểu hiện dân chủ cực đoan, vô nguyên tắc, nặng về đòi hỏi mở rộng dân chủ, nhẹ về tôn trọng kỷ luật, kỷ cương và pháp luật, đồng chí đã chỉ ra cho Đảng ta những phương hướng chủ yếu và một loạt các công tác để giải quyết vấn đề này. Đó là phải bổ sung, hoàn thiện và xây dựng mới các thiết chế và cơ chế dân chủ nhằm xác định quyền lợi và nghĩa vụ của công dân trên các lĩnh vực hoạt động khác nhau ; bảo đảm thực thi đúng các quyền và nghĩa vụ của công dân đã được ban hành, nghiêm trị những hành vi xâm phạm dân chủ theo đúng pháp luật của Nhà nước ; củng cố về tổ chức và nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống thanh tra và kiểm tra, của tòa án, viện kiểm sát và công an nhân dân ; giáo dục và tuyên truyền sâu rộng Hiến pháp và pháp luật trong các nhà trường và trong xã hội. Tuy nhiên, vấn đề cốt lõi, theo đồng chí thì để thực hiện dân chủ hóa xã hội, trước hết phải dân chủ hóa trong Đảng. Từ BCHTU, Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho đến các tổ chức đảng ở cơ sở phải là tấm gương mẫu mực trong việc thực hiện dân chủ. Mọi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ, đảng viên có chức vụ cao, đều phải sống và làm việc theo pháp luật. Cùng với các hoạt động nhằm thúc đẩy quá trình dân chủ hóa xã hội chủ nghĩa ở nước ta, học tập Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã trực tiếp chỉ ra **"Những việc cần làm ngay"** trên báo Nhân Dân vào thời kỳ đầu đổi mới và đã tạo ra luồng sinh khí mới trong xã hội : dân chủ, công khai, nói thẳng, nói thật, lời nói đi đôi với việc làm, góp phần đấu tranh chống tiêu cực, làm trong sạch bộ máy các cơ quan đảng, nhà nước.

Thường xuất hiện không ồn ào ở những địa điểm, thời điểm khó khăn và cả trong những bước ngoặt của cách mạng để tổ chức thực hiện thành công các nghị quyết của Đảng, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã thể hiện nổi bật phẩm chất chính trị kiên định, sự tận tụy, lòng trung thành của người cộng sản, tài năng tổ chức và trí sáng tạo của một nhà hoạt động chính trị, một người lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng, nhân dân và quân đội ta.

Gần 70 năm hoạt động cho Đảng vì độc lập, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã giữ trọn danh hiệu cao quý của người đảng viên, một lòng, một dạ phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, hy sinh cao cả vì lý tưởng của Đảng. Đồng chí đã để lại cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta một tấm gương sáng về phẩm chất của người cộng sản, tận trung với Đảng, tận hiếu với dân, sống liêm khiết, trung thực, thẳng thắn, chan hòa, gần gũi với mọi người, giản dị và cần kiệm, ghét thói phô trương hình thức. ❑

Digitized by Google

VIỆT NAM VÀ TƯƠNG LAI CHÂU Á **

VŨ KHOAN *

NHÌN lại thế kỷ XX, trong lịch sử châu Á có hai mốc lớn : *một là,* sau chiến tranh thế giới thứ hai nhiều nước đã thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, trở thành các quốc gia độc lập và *hai là,* trong những thập niên cuối của thế kỷ, không ít nước đã đạt được những thành tựu kỳ diệu trên con đường phát triển và đã từng được mệnh danh là những "con rồng", "con hổ" châu Á.

Tiếc rằng, châu lục chúng ta giã từ thế kỷ XX bằng một cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ nặng nề, và từ đó, một số người đã vội vã tuyên bố về sự cáo chung của "sự thần kỳ châu Á". Nhưng rồi chỉ trong vài ba năm, châu Á đã phục hồi với tốc độ đầy ấn tượng, chẳng khác nào phượng hoàng vươn cánh từ đám tro tàn.

Phải chăng đó là nhờ ở những nền tảng kinh tế mà nhân dân châu Á đã xây dựng nên trong mấy thập niên qua, khi môi trường tài chính - tiền tệ được cải thiện thì lập tức phát huy tác dụng ?

Phải chăng đó là nhờ ở một tài nguyên sáng giá mà châu Á vốn giàu có : tài nguyên con người cần cù sáng tạo, được đào tạo tốt ?

Phải chăng đó là kết quả của sự hợp tác, cho dù còn nhiều khiếm khuyết, giữa các nước châu Á với nhau và với bên ngoài ?

Phải chăng đó là do những biện pháp cải cách mạnh mẽ mà các nước châu Á đã và đang tiến hành trên cơ sở những bài học cay đắng rút ra từ cuộc khủng hoảng ?

Cho dù quá trình phục hồi kinh tế ở châu Á còn đang tiếp diễn, ở một số nước chưa mạnh mẽ và bền vững, nhưng chúng ta có cơ sở để lạc quan, hay chí ít là không bi quan về tương lai châu Á.

Dù sao đi nữa thì châu Á vẫn là thị trường rộng lớn bậc nhất thế giới với hàng tỉ dân, vẫn là vùng có nhiều tài nguyên phong phú, nằm ở ngã ba các con đường thông thương quan trọng của thế giới, và đặc biệt là có nguồn nhân lực dồi dào, người dân chịu thương chịu khó, nhanh nhạy với cái mới. Trong mấy thập niên qua, châu Á đã xây dựng nên nhiều cơ sở kinh tế - xã hội, kể cả kết cấu hạ tầng mà ngay cả cuộc khủng hoảng lớn vừa qua cũng không thể xóa bỏ được. Hơn thế nữa, so với nhiều khu vực khác, tình hình châu Á tương đối ổn định mặc dầu không phải không còn những nhân tố có thể gây mất ổn định ; xu hướng hợp tác giữa các nước ở châu Á với nhau như trong khối ASEAN, Đông Á ; cũng như giữa các nước châu Á với các châu lục khác như trong các tổ chức APEC, ASEM, ALAF.. ngày càng được tăng cường.

Nói như vậy hoàn toàn không có nghĩa là tương lai châu Á sẽ chỉ có chiều thuận. Châu Á cũng đang đứng trước nhiều thách thức cam go. Một số thách thức mang tính toàn cầu, một số thách thức khác là của riêng châu lục.

Cho dù còn nhiều điều khó dự báo về thế kỷ tới, mọi người đều nhất trí rằng, loài người sẽ chứng kiến nhiều thành tựu kỳ diệu về khoa học, công nghệ đưa tới sự hình thành một nền kinh tế tri thức. Tiếc rằng, châu Á chưa phải là trung tâm của những tiến bộ này mà chủ yếu mới chỉ ứng dụng những thành tựu của Mỹ và châu Âu, hơn thế nữa nhiều nước còn đang phải vật lộn với tình trạng lạc hậu hoặc đang tiến hành công nghiệp hóa. Mặt khác, những chuyển biến nhanh chóng về khoa học - công nghệ lại đòi hỏi những nỗ lực vượt bậc về phát triển nguồn nhân lực - một điều không phải nước nào cũng có khả năng thực hiện.

---

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Thương mại

** Trích tham luận tại Hội nghị quốc tế về chủ đề "Tương lai của châu Á" tổ chức trong các ngày 8 và 9-6-2000 tại Tô-ki-ô, Nhật Bản

Digitized by Google

Nếu không khắc phục được những điểm yếu này, e rằng châu Á sẽ bị tụt hậu thêm.

Quá trình toàn cầu hóa theo hướng tự do hóa thương mại, đầu tư, dịch vụ cũng đặt ra không ít thách thức đối với nhiều nước châu Á còn thua kém về khả năng cạnh tranh. Hội nghị Liên hợp quốc thương mại và phát triển (UNCTAD) họp hồi tháng 2-2000 ở Băng Cốc cũng đã chỉ rõ : "toàn cầu hóa cũng làm tăng nguy cơ các nước bị gạt ra ngoài lề, đặc biệt là các nước nghèo nhất... Hố ngăn cách về thu nhập trong nội bộ và giữa các nước với nhau vẫn còn lớn, và số người sống trong nghèo khổ gia tăng. Sự thiếu cân đối và tình trạng phân hóa trong nền kinh tế quốc tế tăng lên. Sự bất ổn định trong hệ thống tài chính quốc tế tiếp tục là một vấn đề nghiêm trọng và đòi hỏi có sự quan tâm cấp thiết". Cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính vừa qua ở châu Á với sức tàn phá ghê gớm của nó cũng minh chứng cho những nhận định trên. Tình hình đó đòi hỏi mối quan tâm sâu sắc và sự hợp tác bình đẳng giữa các quốc gia vì trong một thế giới mà tính tùy thuộc lẫn nhau ngày càng gia tăng, tình trạng phân hóa không đem lại lợi ích cho một ai, kể cả các nước phát triển.

Đó là chưa kể những bất ổn về xã hội ở nước này hay nước khác, những mâu thuẫn, xung đột tiềm ẩn giữa các quốc gia, các vấn đề xã hội, môi trường... có thể cản trở sự phát triển bền vững của châu Á.

Không có sự hợp tác chặt chẽ trong việc đối phó với những thách thức trên thì cũng khó bề bảo đảm một tương lai tươi sáng của châu Á.

Việt Nam là một bộ phận cấu thành của châu Á ; nó tận hưởng những cơ hội thuận lợi của châu Á, đồng thời cũng chia sẻ những khó khăn của châu lục.

Trong hơn một thập niên qua, thực hiện đường lối đổi mới, Việt Nam đã gặt hái được nhiều thành quả to lớn, rất quan trọng. Với tốc độ tăng trưởng GDP tương đối cao (bình quân 7,4%/năm trong 10 năm qua), từ chỗ khan hiếm mọi thứ, nay Việt Nam đã tự bảo đảm được một số mặt hàng chủ yếu, nhất là lương thực, đồng thời không ngừng đẩy mạnh xuất khẩu với mức tăng trưởng bình quân gần 18%/năm đi đôi với việc thu hút trên 36 tỉ USD vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và trên 15 tỉ USD vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA). Một thành quả rất đáng tự hào của Việt Nam là xóa đói giảm nghèo, đưa tỷ lệ các hộ nghèo từ 30% (1992) xuống còn 13,7% (1999).

Tiếc rằng cơn bão táp của cuộc khủng hoảng khu vực đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới nền kinh tế của Việt Nam. Một phần quan trọng do tác động tiêu cực của nó, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam tuy vẫn ở mức dương nhưng có phần chậm lại.

Nhận thức rõ những cơ hội và thách thức đối với mình khi bước vào thiên niên kỷ mới, Việt Nam đang chuẩn bị hành trang nhằm đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên cơ sở tiếp tục chính sách đổi mới, chủ động hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới.

Theo hướng đó, Việt Nam chủ trương tạo mọi thuận lợi cho các thành phần kinh tế cùng phát triển. Theo hướng đó, chúng tôi đẩy mạnh quá trình đổi mới các doanh nghiệp quốc doanh bằng cách giảm thiểu số lượng từ 12 600 (1992) xuống còn trên 5 000 hiện nay và sẽ xuống còn khoảng 2 000 vào năm 2005 ; thúc đẩy quá trình cổ phần hóa ; đối với các doanh nghiệp thua lỗ kéo dài thì bán, khoán hoặc giải thể. Cũng theo hướng đó, thị trường chứng khoán sẽ sớm đi vào hoạt động.

Tháng 5 vừa qua Quốc hội Việt Nam đã sửa đổi, bổ sung Luật đầu tư nước ngoài và Luật dầu khí nhằm tạo nhiều thuận lợi hơn nữa cho các nhà đầu tư. Đi đôi với việc xây dựng và bổ sung luật pháp, công cuộc cải cách hành chính đang là mối quan tâm hàng đầu của Chính phủ Việt Nam.

Việt Nam cũng đang xây dựng một lộ trình cắt giảm thuế nhập khẩu, xóa bỏ dần hàng rào phi quan thuế, thiết lập chế độ đãi ngộ quốc gia phù hợp với các cam kết trong khuôn khổ Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), đồng thời chuẩn bị trong những ngày tới tiến hành vòng 4 cuộc họp Nhóm làm việc về việc Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO).

Nói tóm lại, quá trình thực hiện chính sách đổi mới và hội nhập đang được tích cực xúc tiến và Việt Nam tiếp tục là một vùng "đất hứa" đối với sự hợp tác, đầu tư. ❑

Digitized by Google

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI CÁCH MẠNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ TRÍ THỨC

SONG THÀNH *

Điểm vượt trội của Hồ Chí Minh so với các sĩ phu yêu nước và các nhà cách mạng Việt Nam đương thời là Người đã sớm nhận thức được đặc điểm và xu thế phát triển của thời đại để gắn chặt cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, từ đó làm nên một sự nghiệp oanh liệt, in dấu ấn sâu sắc vào thế kỷ XX.

Thế kỷ XX là thế kỷ của các cuộc cách mạng xã hội : Cách mạng Nga 1905, Cách mạng Tân Hợi Trung Quốc 1911, Cách mạng Tháng Mười Nga 1917 và sau đó là cao trào cách mạng vô sản ở một số nước châu Âu, cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước châu Á... Hồ Chí Minh đã đi sâu nghiên cứu, tổng kết các cuộc cách mạng đó, rút ra những bài học bổ ích, từ đó đưa cuộc đấu tranh cách mạng của Đảng ta và dân tộc ta đi tới thắng lợi vẻ vang.

Thế kỷ XX cũng là thế kỷ phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học - công nghệ, là thế kỷ bùng nổ tri thức của loài người về thời gian, không gian, về cấu trúc và cơ chế vận động của thế giới vật chất (vi mô và vĩ mô),... làm cho sự hiểu biết của nhân loại trong thế kỷ XX vượt xa tổng số kiến thức của tất cả các thời đại trước cộng lại.

Là một nhà chính trị có tầm trí tuệ nhạy bén và sáng suốt, Hồ Chí Minh không những đã phát hiện được vai trò và sức mạnh vô địch của quần chúng nhân dân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và vũ khí tinh thần của nó là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, mà còn nhìn thấy rất rõ vai trò to lớn, động lực mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, của trí thức đối với sự phát triển của loài người.

Tổng kết thành tựu khoa học - công nghệ nhân loại nửa đầu thế kỷ XX, mở đầu Báo cáo chính trị tại Đại hội toàn quốc lần thứ II của Đảng (2-1951), Hồ Chí Minh đã viết :

"Năm mươi năm vừa qua có những biến đổi mau chóng hơn và quan trọng hơn nhiều thế kỷ trước cộng lại.

Trong 50 năm đó, đã có những phát minh như chiếu bóng, vô tuyến điện, vô tuyến truyền hình (télévision) cho đến sức nguyên tử. Nghĩa là loài người đã tiến một bước dài trong việc điều khiển sức thiên nhiên" (t 6, tr 153) [1]. Như vậy, trong việc khái quát đặc điểm của thời đại, Hồ Chí Minh đã bắt đầu từ sự phát triển của khoa học - kỹ thuật, của sức sản xuất vật chất trước khi nói đến đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội.

Nói chuyện tại Đại hội sinh viên Việt Nam lần thứ 2 (5-1958), Hồ Chí Minh yêu cầu thanh niên trí thức phải có 6 cái yêu : yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu lao động... và yêu khoa học, "Bởi vì tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải có khoa học... Thời đại của chúng ta bây giờ là thời đại vệ tinh nhân tạo, nghĩa là thời đại của khoa học phát triển rất mạnh" (t 9, tr 174), "chủ nghĩa xã hội cộng với khoa học, chắc chắn sẽ đưa loài người đến hạnh phúc vô tận" (t 9, tr 131).

Trong lễ nhận bằng Tiến sĩ danh dự cho Trường đại học Pátgiagiaran, Băng Đung (In-đô-nê-xi-a) trao tặng (3-1959) một lần nữa Hồ Chí Minh nhấn mạnh vai trò và sự phát triển của khoa học - kỹ thuật đối với tương lai của loài người : "Thế giới ngày nay đang tiến những bước khổng lồ về mặt kiến thức của con người. Khoa học tự nhiên cũng như khoa học xã hội không ngừng mở rộng ra những chân trời mới, con người ngày càng làm chủ được thiên nhiên, cũng như làm chủ được vận mệnh của xã hội và của bản thân mình" (t 9, tr 355).

---

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 6, tr 153. Từ đây các chú thích được dẫn từ Hồ Chí Minh, Toàn tập được đưa vào ngoặc đơn

Digitized by Google

Từ một nước công nghiệp lạc hậu, chưa trải qua sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, Hồ Chí Minh hiểu rất rõ vai trò động lực của khoa học - công nghệ đối với tương lai của dân tộc ta như thế nào. Vì vậy, Người luôn luôn nhắc nhở các thế hệ thanh niên, trước hết là thanh niên trí thức, phải ra sức "vượt mọi khó khăn để mà chiến thắng, để hưởng thụ tất cả những khoa học, những hiểu biết của thời đại thế kỷ XX" (t 9, tr 471). Tiến lên một bước nữa, Người yêu cầu phải biết vận dụng những thành tựu khoa học đó "nhằm thiết thực giải quyết các vấn đề do cách mạng nước ta đề ra và trong một thời gian không xa, đạt những đỉnh cao của khoa học và kỹ thuật" (t 12, tr 403).

Trước ngưỡng cửa của thế kỷ XXI, khi nhân loại đang quá độ bước vào nền văn minh trí tuệ với hai biểu hiện đặc trưng của nó là xã hội thông tin và nền kinh tế tri thức, nhắc lại những yêu cầu, chỉ giáo của Hồ Chí Minh về bước tiến và tầm quan trọng của cách mạng khoa học - công nghệ trong thế kỷ XX, chúng ta xiết bao ngạc nhiên trước tầm nhìn xa trông rộng của lãnh tụ, càng thấm thía lời dạy của Người, rằng "một dân tộc dốt là một dân tộc yếu", càng cảm thấy bức xúc trước công việc cấp bách phải làm là "nâng cao dân trí", một việc mà Người đã nêu ra ngay từ những ngày đầu chính quyền mới về tay nhân dân.

Ngày nay, nói hiện đại hóa là nói đến các công nghệ cao mà nhân lõi của nó là công nghệ thông tin. Khi Đảng ta chủ trương tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, gắn liền với hiện đại hóa, thực chất là đặt vấn đề thực hiện một cuộc cách mạng kép : cách mạng công nghiệp gắn liền với cách mạng tin học. Đó chính là con đường "đi tắt, đón đầu" nếu chúng ta không muốn rơi vào nguy cơ tụt hậu ngày càng xa. Để tiếp cận xã hội thông tin và nền kinh tế tri thức trong thế kỷ tới thì trình độ dân trí, trình độ giáo dục - đào tạo của chúng ta hiện nay quả là còn thấp, đòi hỏi chúng ta phải có nỗ lực phi thường để có thể tiến kịp đà phát triển chung của nhân loại, mới có thể thực hiện mục tiêu xây dựng đất nước ta "đàng hoàng hơn, to đẹp hơn, giàu mạnh hơn, văn minh hơn" như sinh thời Bác Hồ hằng mong muốn.

Chính trên tinh thần ấy, Đảng ta đặt vấn đề phải đưa giáo dục - đào tạo thành "quốc sách hàng đầu". Giáo dục phải đào tạo ra nguồn nhân lực có hàm lượng chất xám cao, đào tạo ra đội ngũ "công nhân - khoa học" có khả năng vận dụng tri thức và tái sản xuất ra tri thức như Ăng-ghen đã dự báo, nhằm từng bước đáp ứng yêu cầu của một nền kinh tế lấy sản xuất ra tri thức làm hoạt động chủ yếu.

Trong khi chờ đợi thực thi một chiến lược giáo dục - đào tạo, một vấn đề có tầm quan trọng không kém là sử dụng, bồi dưỡng đội ngũ trí thức hiện có như thế nào trong việc phát huy khả năng và nhiệt tình đóng góp của họ. Trong vấn đề này, chúng ta cần thừa kế và phát huy tốt bài học của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh với tầm nhìn của một lãnh tụ lỗi lạc, một nhà văn hóa kiệt xuất, luôn luôn đánh giá cao sức mạnh của trí tuệ, luôn luôn coi trọng trí thức. Người nói : "Cách mạng rất cần trí thức và chính ra chỉ có cách mạng mới biết trọng trí thức" (t 7, tr 33), "trí thức không có bao giờ thừa, chỉ có thiếu trí thức thôi" (t 7, tr 36).

Cách mạng thành công, công việc nội trị, ngoại giao bề bộn, cần đến rất nhiều nhân tài kiến quốc. Người chủ trương phải mở rộng hơn nữa Chính phủ lâm thời, cần mời thêm nhiều nhân sĩ, trí thức dân chủ tham gia. Người nhắc nhở : phải khắc phục khuynh hướng chật hẹp và bao biện, "không biết đem người có danh vọng hoặc có tài cán ở địa phương vào giúp việc" (t 7, tr 20). Chỉ trong vòng một năm, Hồ Chí Minh đã hai lần viết bài đăng báo tìm nhân tài cho sự nghiệp kiến quốc. Có thể xem bài *Tìm người tài đức* của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 20-11-1946 là "chiếu cầu hiền" của cách mạng, với những lời lẽ rất chân thành : "Kiến thiết cần phải có nhân tài. Trong số 20 triệu đồng bào, chắc không thiếu người có tài, có đức. E vì Chính phủ nghe không đến, thấy không khắp, đến nỗi những bực tài đức không thể xuất thân" (t 4, tr 451). Vì vậy, Người yêu cầu các địa phương phải điều tra và báo cáo ngay cho Chính phủ biết những kẻ hiền năng, người tài đức có thể làm được những việc ích nước, lợi dân.

Hiện nay, cuộc cạnh tranh quyết liệt trên thế giới, xét đến cùng, là cuộc cạnh tranh nhân tài. Sự bỏ rơi, lãng quên, làm mất mát nhân tài cũng là làm mất mát tài sản quốc gia quý giá nhất. Nhiều nước lớn trên thế giới đã lập ra các cơ quan, dịch vụ chuyên săn lùng, mua chuộc, lôi kéo,... những "cái đầu lỗi lạc" về làm việc cho mình. Chính sách đó hiện nay vẫn được họ kiên trì thực hiện như là một quốc sách, trong khi ở các nước nghèo, chất xám đã ít, mà lại chưa được quý trọng và tận dụng, để có người phải bỏ nước ra đi. Vì vậy càng thấy việc làm của Hồ Chí Minh cách đây hơn nửa thế kỷ là nhạy bén, sáng suốt biết nhường nào !

Digitized by Google

Bác Hồ coi trọng trí thức vì Người rất tin vào trí thức. Con đường của trí thức, nhất là trí thức cũ, đến với cách mạng vô sản không phải lúc nào cũng dễ dàng, suôn sẻ. Có nhiều nguyên nhân. Có nguyên nhân từ "địa vị trung gian, bấp bênh, mâu thuẫn" của họ như Lê-nin đã phân tích về nhược điểm của tầng lớp trí thức Nga". Có nguyên nhân do tuyên truyền xuyên tạc, vu cáo của bọn thực dân, đế quốc nhằm ngăn cản họ đi với cách mạng.

Hồ Chí Minh với trí tuệ cao rộng và tấm lòng nhân ái, bao dung, đã nhìn thấy trí thức Việt Nam khác với trí thức các nước tư bản, đế quốc ở hai điểm căn bản :

- Trí thức nước ta, dù "một số khá đông thuộc thành phần phú nông, địa chủ, phong kiến, tư sản mà ra nhưng cũng đều bị đế quốc áp bức", "vì vậy, trí thức Việt Nam có đầu óc dân tộc và đầu óc cách mạng".

- Trí thức là người "có học thức nên xem được sách, biết được dân chủ, biết được lịch sử cách mạng, nhất là lịch sử cách mạng Pháp, nên dễ hấp thụ được tinh thần cách mạng".

"Thế là trí thức của ta, trí thức Việt Nam có ưu điểm đấy" (t 7, tr 33-34).

Do đánh giá đúng trí thức, Hồ Chí Minh trọng dụng trí thức, rất tin vào lòng yêu nước và tinh thần các mạng của họ.

Trí thức, hiền tài chân chính thời nào cũng gắn bó với nhân dân, Tổ quốc, cũng hướng về chân lý, chính nghĩa và cách mạng. Nhưng không phải vì thế mà mọi chuyện sẽ trở nên dễ dàng, thuận lợi. Mỗi người một hoàn cảnh, một tâm trạng nên con đường của họ đến với cách mạng cũng có những trăn trở, dằn vặt khác nhau. Trí thức sở dĩ được gọi là trí thức trước hết là vì họ có lòng tự trọng cao, có suy nghĩ độc lập, có khả năng tìm tòi sự thật và có can đảm bảo vệ chân lý, trong khoa học cũng như trong các lĩnh vực khác. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là những chân lý lớn của thời đại, không một trí thức chân chính nào suy nghĩ khác, vấn đề là ở chính sách sử dụng họ như thế nào. Bài học tập hợp, quy tụ trí thức, nhân tài của Hồ Chí Minh là : đánh giá cao, tin cậy, trọng dụng, giao việc lớn, vì lợi ích trọng đại của quốc gia mà xóa bỏ mọi thành kiến, nghi kỵ hẹp hòi. Bằng những việc làm cụ thể, đức độ trong sáng và tấm lòng chân thành, bao dung. Hồ Chí Minh đã cảm hóa, lôi cuốn được cả một lớp trí thức cao cấp hàng đầu của đất nước, làm cho họ xóa bỏ mặc cảm, đi với cách mạng và kháng chiến đến cùng, trong đó có không ít trí thức xuất thân quan lại, hoàng tộc. Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Pháp đàm phán (1946) cũng đã có nhiều trí thức tên tuổi sẵn sàng rời bỏ cuộc sống sung túc ở nước Pháp để theo Người về nước tham gia cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ của dân tộc.

Tất nhiên, trí thức cũ cũng có nhiều khuyết, nhược điểm như cá nhân chủ nghĩa, tính không kiên quyết, thái độ chờ đợi, bàng quan, v.v. Những "bệnh chung của giai cấp tiểu tư sản và anh chị em trí thức bị văn hóa nhồi sọ của thực dân để lại. Bất kỳ anh chị em đảng viên hay không đảng viên là đều có cả" (t 7, tr 35-36). Vì vậy, Hồ Chí Minh đặt vấn đề : Đảng phải chú ý giúp đỡ anh em trí thức cũ tiến bộ, cải tạo tư tưởng, đồng thời đào tạo ra trí thức mới từ giai cấp công nhân, nông dân. Trí thức nước ta ngày càng có đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng chung của dân tộc, góp phần làm rạng danh Tổ quốc là nhờ sự chăm lo, giáo dục, đào tạo của Đảng và Nhà nước, trước hết là nhờ có đường lối, chính sách đúng đắn đối với trí thức của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Bài học quy tụ và sử dụng nhân tài của Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên giá trị đối với chúng ta hôm nay trong việc hoạch định và thực thi chiến lược đào tạo - sử dụng nhân tài để bước vào cuộc chiến khốc liệt về trí tuệ trong thế kỷ XXI. Do hoàn cảnh lịch sử và chiến tranh, chúng ta vẫn đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa chậm hàng trăm năm so với các nước phát triển và cũng chậm vài chục năm so với các nước trong khu vực. Chúng ta đang tìm tòi "con đường phát triển rút ngắn", "đi tắt, đón đầu", lựa chọn và đột phá vào các ngành công nghiệp mũi nhọn để nhanh chóng đuổi kịp các nước trong khu vực, hy vọng biến nước ta cơ bản thành một nước công nghiệp vào cuối những năm 20 của thế kỷ tới.

Nhưng chúng ta có đi đến được mục tiêu đó hay không, phụ thuộc chủ yếu vào nhân tố con người, mà trong chiến lược con người thì yếu tố hàng đầu là chiến lược nhân tài. Hiện nay, chúng ta đang thiếu nhiều thứ, nhưng có lẽ cấp bách nhất là thiếu người tài và chưa phát huy được trí tuệ tài năng của họ. Lê-nin đã từng chỉ ra một cách gay gắt : "Nghiên cứu con người, tìm những cán bộ có bản lĩnh. Hiện nay đó là then chốt ;

(Xem tiếp trang 30)

Digitized by Google

NỀN TẢNG SỨC MẠNH ĐẢNG TA

NHỊ LÊ

Tương ứng với mỗi thời kỳ lịch sử, cách mạng lại đòi hỏi toàn thể dân tộc nói chung, đội ngũ đảng viên nói riêng, một hệ phẩm chất tương xứng và ngang tầm. Hơn bao giờ hết, hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam với tư cách là một Đảng cầm quyền phải là một Đảng *cách mạng - trí tuệ - hành động - đoàn kết thống nhất*. Đó không chỉ là đòi hỏi khách quan của công cuộc đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc ; mà xét ở tầng sâu hơn, còn là quy luật nội tại phát triển tất yếu của Đảng đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

Nói khái quát, sự nghiệp cách mạng, khát vọng của nhân dân và sự tự phát triển của Đảng, tất thảy hợp thành nhu cầu tổng thể tạo ra một hệ quy chiếu, chi phối một cách thống nhất và triệt để đòi hỏi Đảng phải vươn lên tầm cao mới về chất lượng. Bởi vậy, việc tiếp tục đổi mới, nhằm xây dựng một hệ giá trị hợp thành tiêu chuẩn của người đảng viên hiển nhiên trở thành một trong những nhiệm vụ hết sức cơ bản và quan thiết, mang ý nghĩa nền tảng góp phần quyết định hình thành *chất lượng mới* bảo đảm Đảng xứng đáng vừa là người *lãnh đạo* ngang tầm lịch sử cách mạng vừa là người *đầy tớ* thật trung thành của nhân dân.

Xuất phát từ yêu cầu của công cuộc đổi mới đất nước, kế thừa những hạt nhân hợp lý về tiêu chuẩn mà Đảng ta không ngừng hoàn thiện suốt hơn 70 năm hoạt động và trưởng thành của mình, trong bối cảnh hiện nay, có thể nói, tiêu chuẩn người đảng viên tối thiểu bao gồm những tiêu chí cơ bản cấu thành như sau :

1. Đảng viên trước hết phải là một công dân ưu tú - người lao động chân chính và đạt hiệu quả cao.

Dưới góc độ đạo lý, một đảng viên theo đúng nghĩa đích thực của nó, trước hết, phải là một *con người phát triển toàn diện*. Dưới góc độ pháp lý, để xứng đáng thật sự là một người đảng viên đồng thời phải là một người *công dân ưu tú - một người lao động chân chính và đạt hiệu quả cao*. Tổng hòa những phẩm chất ấy, đó chính là *cơ sở tự nhiên* và *cơ sở xã hội* đảm bảo và khẳng định tư cách của người đảng viên vừa là một *cá nhân* của cộng đồng vừa là một *công dân* của chính thể cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Không có đầy đủ *tư cách song trùng* đó, rõ ràng không thể có điều kiện trở thành một đảng viên.

Nhưng chỉ ở mức độ đó thì hiển nhiên là chưa đủ. Vì những công dân chưa vào Đảng, trên lãnh thổ Việt Nam, đã phải hàm chứa một cách tự nhiên những tư cách đó rồi. Là một thành viên của đội ngũ tiền phong của giai cấp công nhân Việt Nam, do đó, những tư cách đó phải đạt tới *mức độ cao hơn*, với *tính chất tiêu biểu sâu sắc* và *phong phú hơn*.

Sở dĩ hiện nay, cần thiết phải khẳng định và khắc sâu tố chất *căn bản* này, bởi không ít người được gọi là đảng viên nhưng sự thật tư cách công dân và tư cách con người của họ chỉ dừng lại ở mức trung bình, thậm chí còn thua kém những người ngoài Đảng. Như thế thì họ sao có thể đủ phẩm chất của một người đảng viên được ? Vì vậy, đã là một người đảng viên trước hết phải là *công dân ưu tú* của nước nhà ; đồng thời, là *người lao động chân chính* và *đạt hiệu quả cao*. "Đảng viên phải trở thành người con hiếu thảo của Tổ quốc, của giai cấp"(1). Nói cụ thể, phải là người *đi đầu* trong việc tuyên truyền, gương mẫu chấp hành bảo vệ pháp luật của Nhà nước ; phải là người sống và phát triển bằng sự lao động không ngừng, đạt hiệu quả cao của chính bản thân ; đồng thời, phải là một nhân cách mẫu mực. Không thể dung thứ tình trạng đảng viên sống bất chấp, ngoài vòng và đứng trên pháp luật ; đảng viên đánh mất thiên chức lao động tự nhiên và văn hóa lao động ; đảng viên tha hóa, thậm chí thoái hóa trong mối liên hệ với cộng đồng. Nhấn mạnh điều này, cũng chính là nhấn mạnh một *tiêu chí để đưa những đảng viên không còn giữ được tố chất tiên quyết và căn bản nói trên ra khỏi Đảng*, trong cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay.

---

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tập 8, tr 34

Digitized by Google

2. Đảng viên phải là người có bản lĩnh chính trị kiên định, năng lực trí tuệ cao, thực tế hành động tiên phong và toàn diện, có phẩm hạnh cá nhân trong sáng và mẫu mực.

Hiện nay, *bản lĩnh chính trị kiên định* cần được hiểu chính là sự giữ vững những *nguyên tắc* đảm bảo thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Những nguyên tắc đó là : Độc lập dân tộc gắn chặt với chủ nghĩa xã hội ; Đảng Cộng sản Việt Nam là người duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam ; chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam hành động của Đảng ; Nhà nước Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân ; đại đoàn kết dân tộc trên cơ sở liên minh công - nông - trí, dưới sự lãnh đạo của Đảng ; tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong sinh hoạt, tổ chức và hoạt động của Đảng ; tự phê bình và phê bình là quy luật, là động lực phát triển của Đảng ; kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng theo lập trường của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay.

Đảng ta là một đảng cách mạng - chiến đấu, do đó, đảng viên phải là người *hành động không ngừng với chất lượng trí tuệ cao và hiệu quả lớn.* Thời đại ngày nay là thời đại của trí tuệ. Đảng muốn xứng đáng là đội tiên phong thì mỗi đảng viên cần trau dồi bản chất và lập trường cách mạng ; đồng thời, phải vươn lên ngang tầm trí tuệ của thời đại. Đây là *tiêu chuẩn,* là *thước đo* sự hiện diện, vị trí và sự đóng góp thực tế của người đảng viên cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc. Suy rộng ra, đây là yếu tố quyết định địa vị lãnh đạo của Đảng. Bởi nói như Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng cũng ở trong xã hội, cho nên Đảng phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất ; chỉ trong đấu tranh và trong công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và sáng tạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo. Hiện nay, khi nền kinh tế tri thức đã trở thành xu thế phát triển của nhân loại, thì người đảng viên phải là người *cộng sản có học thức* ngang tầm nhiệm vụ cách mạng. Năng lực của người đảng viên phải là năng lực vừa *chiến lược* vừa *thiết thực, cụ thể ;* kết hợp giữa *suy nghĩ* và *hành động* ; thống nhất giữa *nói* và *làm* ; hài hòa giữa *nêu gương* và *lôi cuốn* mọi người cùng hành động. Đó cũng là năng lực *phê phán, tự phê phán* và *tự hoàn thiện ; tổng kết lý luận* và tổ chức *phát triển thực tiễn ở trình độ cao.*

Do đó hiện nay, người đảng viên cùng với năng lực hành động với tầm trí tuệ cao, phải có tư cách, đạo đức. Nói cụ thể, phải có *phẩm hạnh cá nhân trong sáng và mẫu mực,* phải là *tấm gương sáng có sức thu hút và lôi cuốn* mọi người tin yêu và đi theo. Nói như Bác Hồ, phải thật thà, ngay thẳng, không được cơ hội, giấu dốt, giấu khuyết điểm, sai lầm ; phải khiêm tốn, không được kiêu ngạo ; phải thực sự cầu thị, không được chủ quan, v.v... *Đó là đạo đức của người cộng sản. Đạo đức đó là hành động thống nhất* chứ không phải là *đạo đức suông.* Vì, mỗi đảng viên, suy rộng ra cả một đảng, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nói và làm không vì lý tưởng chung nữa. Cơ chế thị trường hiện nay là một cuộc thử thách khắc nghiệt về đạo đức xã hội nói chung, trước hết là người cộng sản nói riêng.

Suy thoái về *chính trị,* bạc nhược về *đạo đức,* phân liệt về *hành động* là mầm họa đối với Đảng. Do đó, mỗi đảng viên phải góp phần củng cố niềm tin, sức mạnh của Đảng bằng phẩm giá cách mạng, bằng đạo đức trong sáng, mẫu mực của mình, mà tập trung biểu hiện bằng hành động góp phần nâng cao thành tựu kinh tế - xã hội đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

3. Đảng viên phải chấp hành vô điều kiện Điều lệ, Nghị quyết của Đảng ; bảo vệ và phát triển sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Điều lệ và Nghị quyết của Đảng là pháp luật trong Đảng. Và đã là pháp luật, phải "quốc pháp vô thân". Cần thiết phải khắc sâu điều này, bởi chưa bao giờ tình trạng đảng viên hoặc cố tình hoặc vô ý không chấp hành kỷ luật của Đảng, thậm chí biến kỷ luật thành "trò đùa", thành "con bài" để mưu đoạt lợi ích cá nhân phi pháp đến mức trầm trọng và có nguy cơ lan rộng như hiện nay. Đây là một nguy cơ. Không có kỷ cương thì không còn tổ chức. Đánh mất kỷ cương, tổ chức ắt tan vỡ. Điều lệ Đảng là rường cột kỷ cương của Đảng. Nghị quyết của Đảng là một quyết định tập thể hành động trên tinh thần dân chủ của Đảng, làm cho Đảng hoạt động một cách tập trung, thống nhất và sáng tạo. Chối bỏ hoặc cắt xén Điều lệ, thực hiện đối phó hoặc cắt xén Nghị quyết thực chất là hành động phá vỡ kỷ cương của Đảng, phá vỡ tổ chức Đảng cả

Digitized by Google

về tư tưởng, tổ chức và hành động. Không thể dung thứ và để tồn tại những đảng viên hành động như vậy trong Đảng. Cho nên, kỷ luật của Đảng phải được thực hiện trước hết ở việc giữ nghiêm tính pháp lý của Điều lệ, Nghị quyết của Đảng. Nói như Bác Hồ, "đạo đức cách mạng của người đảng viên là bất kỳ khó khăn đến mức nào cũng kiên quyết làm đúng chính sách và nghị quyết của Đảng" (2). Đây phải là *tiêu chí bất di bất dịch* đối với mỗi đảng viên ; là *thước đo* về lòng trung thành, bản lĩnh chính trị, phẩm giá đạo đức của mỗi đảng viên đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng của dân tộc. "Không có đảng viên nào đứng trên Đảng, tự cho mình là hơn Đảng" (3). Đảng viên càng giữ chức vụ cao trong Đảng cần phải bị kỷ luật nặng gấp nhiều lần so với đảng viên không giữ chức vụ, nếu họ vi phạm cùng một mức độ Điều lệ, Nghị quyết của Đảng.

Chấp hành vô điều kiện Điều lệ, Nghị quyết của Đảng là *tiền đề*, là một *bảo đảm*, là *động lực* để thực hiện và giữ vững sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Đến lượt nó, sự đoàn kết thống nhất là *môi trường*, là sự *kiểm chứng* mức độ, trình độ và tính chất thực hiện Điều lệ, Nghị quyết trong Đảng. Tổng hòa những tố chất này tạo nên khả năng và trình độ thực tế để Đảng ta xứng đáng là một tổ chức cách mạng - chiến đấu - đoàn kết thống nhất. Do đó, bảo vệ và phát triển sự đoàn kết thống nhất phải là một nhân tố hết sức quan trọng của đảng viên. Thực tế cho thấy, sự phân liệt về tư tưởng, sự chia rẽ về tổ chức tất yếu dẫn đến sự tan vỡ về bộ máy và sự thủ tiêu về hành động của Đảng. Tình trạng mất đoàn kết trong Đảng thường bắt đầu và chủ yếu từ việc buông lỏng hoặc lãng quên điều này. Vì vậy, để việc giữ gìn và phát triển sự đoàn kết trong Đảng không dừng lại là một đạo lý, là một khẩu hiệu suông, tất yếu cần phải *đồng thời* nêu cao và thực hiện triệt để, nghiêm khắc và dân chủ kỷ luật Đảng. Đấu tranh và khắc phục mọi biểu hiện "khoanh vùng", "đẳng cấp" trong việc thực thi kỷ luật Đảng. Nói cách khác, thực hiện dân chủ phải gắn chặt với đề cao kỷ luật, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

4. Đảng viên phải là hạt nhân thu hút và đoàn kết nhân dân lao động.

Gắn bó và sống trong lòng nhân dân, chiến đấu vì nhân dân, đó là sức mạnh vô địch của Đảng ta suốt hơn 70 năm qua. Nhân dân chính là *cơ sở nền tảng xã hội - chính trị của Đảng ta*. Bi kịch lớn của một số Đảng Cộng sản ở một số nước xã hội chủ nghĩa đã sụp đổ cho thấy, phải chăng một phần căn bản là xa rời nhân tố cơ bản đó ? Đảng ta tuyệt đối không phải là một tổ chức của tầng lớp đặc quyền đặc lợi, của những người đè đầu, cưỡi cổ nhân dân, đục khoét và sách nhiễu nhân dân.

Như trên đã nói, mỗi đảng viên trước hết phải là một công dân ưu tú, một con người mẫu mực mới có thể sống và làm việc trọn vẹn trong lòng cộng đồng dân cư. Đây là *cơ sở xã hội, cơ sở tự nhiên* của đảng viên. Từ đó mới có thể xây dựng được cho mình một *cơ sở xã hội - chính trị* với tư cách là một đảng viên. Không là một công dân ưu tú, một con người mẫu mực thì sao có thể trở thành một đảng viên cộng sản ?

Do vậy, *tiêu chuẩn* gắn bó với nhân dân của đảng viên hiện nay cần phải được hiểu và thực hiện rõ rệt : *Là hạt nhân thu hút và đoàn kết nhân dân hành động dưới sự lãnh đạo của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, vì hành phúc của nhân dân.* Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy : *Phải* "hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. *Phải* yêu kính nhân dân. *Phải* thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân... *Phải* thật thà, ngay thẳng... *Phải* khiêm tốn, gần gũi quần chúng... *Phải* luôn chăm lo đến đời sống của quần chúng. *Phải "chí công vô tư"* và có tinh thần *"lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ"* (4). Bởi lẽ giản dị, "quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức".

Nhưng gắn bó, hòa mình với quần chúng lao động tuyệt nhiên không phải là trò mị dân, a dua, kiểu "theo đuôi quần chúng" ; mà trái lại "đảng viên đi trước, làng nước theo sau", xứng đáng là một hạt nhân thu hút và đoàn kết nhân dân chung quanh Đảng, ủng hộ và hành động theo Đảng. Do vậy, mặt khác cần *phát huy vai trò kiểm tra, giám sát* của nhân dân đối với đảng viên ở mọi nơi (tại cơ quan, đoàn thể công tác cũng như tại nơi cư trú, ở mọi lúc trong mọi hoàn cảnh. Và đến lượt mình đảng viên phải có *nghĩa vụ tự nguyện bảo vệ, ủng hộ sự kiểm tra, giám sát đó.*

5. Đảng viên phải là người chiến sĩ tiên phong, có tinh thần quốc tế trong sáng trên lập trường của giai cấp công nhân.

Bản chất của Đảng Cộng sản là *bản chất mang tính quốc tế*. Vì mục tiêu lý tưởng và hành động của

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 9, tr 288
(3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 279
(4) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 311

Digitized by Google

Đảng Cộng sản là đấu tranh và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước mình và cũng vì chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

Do đó, đảng viên của Đảng ta phải là *người chiến sĩ tiên phong*, có tinh thần quốc tế trong sáng trên lập trường của giai cấp công nhân Việt Nam, trở thành một tố chất - một tiêu chí hợp thành hệ tố chất - tiêu chí của người đảng viên cộng sản hiện nay.

Lúc này, hơn lúc nào hết, vị trí và vai trò của người chiến sĩ tiên phong có tinh thần quốc tế trên lập trường của giai cấp công nhân *cần và phải* được thể hiện một cách phong phú, hài hòa và cụ thể trong cuộc đấu tranh bảo vệ và phát triển không ngừng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ; ủng hộ và đi đầu trong sự nghiệp đổi mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ; góp phần đấu tranh vì một nền hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. Đó chính là sự biểu hiện *tập trung thống nhất* và *sinh động* nhất về lập trường chính trị, về phương châm hành động, về đạo đức cách mạng, về lương tâm và phẩm giá của người đảng viên hiện nay, trên phương diện này.

Hơn 70 năm qua, đặc biệt hiện nay trước thềm thế kỷ XXI, thế giới biến đổi không ngừng. Nhưng Đảng ta vẫn vững vàng và lớn mạnh hơn, vì "... Đảng ta vẫn đứng vững trên nền móng của một đứa "con nòi", đó là bản chất công nhân, bản chất của của người chiến sĩ cộng sản, nồng nàn yêu nước và thương dân..., bản chất cách mạng, khoa học và niềm tin cộng sản dù trong gông cùm, trong máu lửa, trong xây dựng kinh tế hay trong đời sống hàng ngày, trong từng đảng bộ, trong từng đảng viên..." [5] Do đó, việc then chốt cấp bách là *tổng hòa toàn bộ các giá trị trên*, không ngừng phát triển và hoàn thiện nhằm xác lập *hệ giá trị với các tiêu chí hợp thành tiêu chuẩn* của người đảng viên và khắc phục mọi sự lệch chuẩn là việc hết sức căn bản, mang tính nguyên tắc, có ý nghĩa to lớn của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay. Chỉ có như vậy, mới bảo đảm cho Đảng ta xứng đáng "là đạo đức, là văn minh, là thống nhất, hòa bình, ấm no" ; xứng đáng là người lãnh đạo cách mạng, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân Việt Nam, như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng mong muốn. ❑

(5) Đảng Cộng sản Việt Nam : *Văn kiện Hội nghị lần thứ 6 (lần 2) Ban Chấp hành TƯ khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr 51 - 52

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH...

(Tiếp theo trang 26)

nếu không thế thì tất cả mọi mệnh lệnh và quyết định sẽ chỉ là mớ giấy lộn" [2].

Đảng và Nhà nước ta đang triển khai nhiều biện pháp đào tạo nhân tài như : mở các lớp phổ thông trung học trọng điểm, các trường đại học quốc gia trọng điểm, khuyến khích phát triển du học nước ngoài, nhất là ở cấp sau đại học v.v. Nhưng quan trọng là làm sao để cho những nhân tài đã có, dù còn ít ỏi, được sử dụng và phát triển tốt, để không rơi vào tình trạng bị vô hiệu hóa, bị mai một hoặc "chảy máu chất xám" tại chỗ.

Người trí thức thời nào cũng vậy, được học hành, đào tạo thành tài cũng mong được sử dụng, được cống hiến. Thiên chức của người trí thức là tìm tòi, khám phá, không chịu thỏa mãn với lối cũ, đường mòn. Người trí thức chân chính xa lạ với mọi thói xu thời, cơ hội, nịnh bợ, chủ nghĩa thân cận, bè cánh. Trí thức luôn luôn muốn vượt lên những khuôn sáo, tầm thường, đi tìm những ý tưởng mới mẻ, độc đáo, dẫu có thể sai lầm. Vì vậy, ở đây họ cần được "bảo đảm phạm vi hết sức rộng rãi cho sáng kiến cá nhân, cho khuynh hướng cá nhân, cho tư tưởng và sức tưởng tượng,..." [3]. Nếu chỉ vì những tìm tòi khoa học, xuất phát từ động cơ tâm huyết xây dựng mà các công trình, đề tài nghiên cứu khoa học bị thất bại hoặc chưa thành công, chẳng những không được động viên, khuyến khích, trao đổi kinh nghiệm mà còn bị kỷ luật, trù dập, "chụp mũ" thì tài năng đến mấy cũng sẽ chán nản mệt mỏi, thui chột. Người làm khoa học cần một môi trường, cơ chế dân chủ để trao đổi, tranh luận như cần không khí để thở vậy.

Tài năng nào cũng chỉ có thể phát triển khi được tạo điều kiện thuận lợi để làm việc, được đãi ngộ thỏa đáng. Tài năng trí thức trẻ có nảy nở và phát triển được hay không, nhân tài có thể nở rộ để đưa nước ta đuổi kịp và vượt các nước trong khu vực trong vài thập niên tới hay không, một phần là ở chỗ chúng ta có thực hiện được một chiến lược đào tạo và sử dụng trí thức, nhân tài theo tư tưởng của Hồ Chí Minh hay không. ❑

(2) V.I.Lê-nin : Thư gửi Txi-u-ru-pa : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 44, tr 449

(3) V.I.Lê-nin : Tổ chức đảng và văn học có tính đảng : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t 12, tr 124

Digitized by Google

Chính sách thương mại của Việt Nam trong xu thế thương mại quốc tế hiện nay

NGUYỄN THỊ THANH HOÀI *

CHÍNH sách thương mại là một hệ thống các nguyên tắc, công cụ và biện pháp thích hợp mà Nhà nước áp dụng để quản lý, điều chỉnh các hoạt động thương mại của một quốc gia trong từng thời kỳ, nhằm đạt được các mục đích đã định trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia đó.

Chính sách thương mại là một trong những chính sách quan trọng mà mỗi quốc gia, xuất phát từ đặc điểm và mục tiêu kinh tế - xã hội của mình xây dựng nên một cách phù hợp. Ngoài ra chính sách thương mại của một nước chịu ảnh hưởng và cũng chi phối hoạt động ngoại thương của các nước khác. Trong xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa nền kinh tế, chính sách thương mại của nhiều nước thực hiện theo hướng tự do hóa.

Ở Việt Nam, thời gian qua Chính phủ đã có nhiều nỗ lực lớn trong cải cách chính sách thương mại phù hợp với cơ chế thị trường. Điều này có thể được thấy trên các khía cạnh sau đây :

Một là, mở rộng quyền tham gia hoạt động kinh doanh xuất, nhập khẩu cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Nghị định 57/1998/NĐ-CP ngày 30-7-1998 của Chính phủ được ghi nhận là một bước tiến mới trong quá trình đó. Theo quy định của Nghị định, mọi doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đều được tham gia xuất, nhập khẩu trong phạm vi đăng ký kinh doanh mà không cần bất kỳ loại giấy phép xuất, nhập khẩu nào. Trước khi tiến hành hoạt động kinh doanh xuất, nhập khẩu, doanh nghiệp chỉ phải đăng ký mã số doanh nghiệp kinh doanh tại Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

Hai là, thuế xuất, nhập khẩu có nhiều thay đổi căn bản và hoàn thiện hơn.

- Thuế suất của thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu được thiết kế hợp lý hơn. Hiện nay đối với phần lớn hàng xuất khẩu có thuế suất 0% trừ một số mặt hàng như dầu thô, một số quặng và song, mây. Thuế suất nhập khẩu có 3 loại : thuế suất ưu đãi, thuế suất thông thường và thuế suất ưu đãi đặc biệt để áp dụng trong những trường hợp khác nhau tùy thuộc vào mức độ quan hệ thương mại giữa Việt Nam với các nước, tạo thuận lợi trong đàm phán về thuế, phù hợp với các quy định quốc tế mà nước ta cam kết thực hiện.

Số lượng mức thuế nhập khẩu có xu hướng giảm. Biểu thuế nhập khẩu hiện hành có 18 mức thuế suất khác nhau, dàn trải từ 0% đến 100%. Các mức thuế cao nhất (100% ; 60%) áp dụng chủ yếu cho rượu, bia, quần áo cũ, ô tô, xe máy... ; mức thấp nhất (0%) áp dụng cho những nhóm hàng thuộc hóa chất cơ bản, máy móc thiết bị, cây giống, con giống... (1).

- Về quản lý giá hàng nhập khẩu : số lượng các mặt hàng thuộc diện Nhà nước quản lý giá ngày càng giảm. Hiện nay chỉ còn 15 mặt hàng, ngoài ra Nhà nước quy định bỏ áp dụng giá tối thiểu đối với tất cả các mặt hàng nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Ba là, Nhà nước tiến hành nới lỏng kiểm soát hành chính đối với hoạt động xuất, nhập khẩu và các biện pháp hạn chế số lượng. Nhà nước đã bãi bỏ việc cấp giấy phép chuyển đổi đối với mọi hàng hóa không thuộc diện quản lý của các bộ chuyên ngành, bên cạnh danh mục hàng hóa được quản lý bằng hạn ngạch giảm. Hiện nay, danh mục hàng hóa thuộc quyền quản lý của Nhà nước bao gồm :

* Trường đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội

(1) Số liệu lấy từ phòng thuế xuất nhập khẩu - Tổng cục Thuế

Digitized by Google

- Hàng hóa cấm xuất nhập khẩu (gồm 6 nhóm hàng) ; cấm nhập khẩu (gồm 10 nhóm hàng).

- Hàng hóa xuất khẩu theo hạn ngạch (2 nhóm mặt hàng) ; hàng hóa nhập khẩu bằng hạn ngạch của Bộ Thương mại (9 nhóm mặt hàng) ; hàng nhập khẩu theo giấy phép của các bộ chuyên ngành (8 nhóm hàng).

Có thể nói rằng trong thời gian qua, chính sách thương mại được cải tiến theo hướng ngày càng đơn giản, thông thoáng hơn đã có tác dụng thúc đẩy sản xuất, làm cho xuất khẩu tăng nhanh, nhập khẩu phục vụ tốt cho sản xuất và đời sống, kim ngạch xuất khẩu ngày càng tăng qua các năm. Tổng kim ngạch xuất khẩu trong 9 năm (1991 - 1999) đạt 43 tỉ USD, mức tăng xuất khẩu trung bình hằng năm đạt tỷ lệ 22%, đáp ứng được 3/4 nhu cầu nhập khẩu. Năm 1999, nhập siêu giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 10 năm qua và về cơ bản nước ta thực hiện được cân bằng cán cân xuất nhập khẩu [2].

Về cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu được thay đổi đáng kể. Hiện nay tỷ trọng hàng xuất khẩu qua chế biến chiếm 60% trong tổng số hàng xuất khẩu. Một số hàng xuất khẩu chủ lực được hình thành và được thị trường thế giới chấp nhận như dầu thô, hải sản, dệt may, giày dép, cà phê... Về cơ cấu hàng nhập khẩu : hàng tiêu dùng có xu hướng giảm, các hàng hóa máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu... chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng kim ngạch nhập khẩu hằng năm.

Thị trường xuất, nhập khẩu của nước ta được mở rộng và ngày càng tăng so với trước đây. Hiện nay, Việt Nam đã đặt quan hệ buôn bán với hơn 100 nước trên thế giới, trong đó có 10 quốc gia là bạn hàng lớn nhất chiếm tỷ trọng trên dưới 75% tổng kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu. Hàng xuất khẩu của Việt Nam đã bắt đầu xâm nhập thị trường Mỹ. Hiện nay ta đang khôi phục lại các thị trường truyền thống đối với các nước thuộc Liên Xô (cũ) và Đông Âu...

Cần phải nhận thấy rằng, bên cạnh những kết quả tích cực, khả quan do cải cách chính sách thương mại mang lại, chính sách thương mại hiện hành còn nhiều điểm chưa thật phù hợp trong bối cảnh Việt Nam là thành viên của ASEAN, APEC và đang xin gia nhập WTO. Một số tồn tại của chính sách thương mại có thể kể đến như :

Thứ nhất, về lý thuyết, chiến lược phát triển của Việt Nam có thể được xem xét như là sự kết hợp giữa khuyến khích xuất khẩu và thay thế nhập khẩu. Tuy nhiên, trên thực tế chính sách và hoạt động thương mại nước ta trong thời gian qua cho thấy chiến lược thay thế nhập khẩu vẫn được thể hiện một cách rõ ràng hơn. Chúng ta đã khuyến khích nhập khẩu các hàng hóa tư bản, nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng kim ngạch nhập khẩu, trong khi tỷ trọng hàng tiêu dùng ngày càng nhỏ và giảm sút. Chính sách bảo hộ có khi được áp dụng một cách tràn lan, làm cho người tiêu dùng có khi phải trả giá đắt khi mua hàng hóa, tình trạng buôn lậu gia tăng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm kém,... Trong cơ cấu hàng hóa xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp và các sản phẩm thô vẫn là chủ yếu. Một số nội dung trong chính sách thương mại cũng có phần chưa thật rõ ràng, ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển lâu dài của nền kinh tế. Đặc biệt khi mà thời hạn thực hiện các cam kết của AFTA và APEC đang đến gần, nếu như chúng ta không có các chủ trương, biện pháp thích hợp, kịp thời thì sẽ bị thua thiệt khi thực hiện tự do hóa thương mại.

Thứ hai, về thuế quan, nhìn chung thuế suất còn cao và còn quá nhiều mức. Điều nay tuy cũng có ưu điểm là bảo hộ đến từng doanh nghiệp và từng nhóm doanh nghiệp sản xuất, nhưng lại làm cho biểu thuế phức tạp, gây khó khăn trong quản lý. Biểu thuế nhập khẩu hiện hành được xây dựng trên cơ sở danh mục điều hòa (HS), tạo điều kiện cho thực hiện phân loại hàng hóa. Tuy nhiên do để áp dụng phù hợp với chủ trương bảo hộ sản xuất của một số ngành, nên vẫn còn có mặt hàng chưa phù hợp với cách phân loại của danh mục. Vấn đề dịch thuật chưa thật chuẩn, một số mặt hàng có thể áp dụng nhiều mã số, tạo kẽ hở cho gian lận trốn thuế. Ngoài ra, hiện nay còn có một số mặt hàng nhập khẩu thuộc diện Nhà nước quản lý giá. Việc áp dụng giá tính thuế tối thiểu như hiện nay chưa phù hợp với quy định quốc tế mà Việt Nam

(2) Số liệu lấy từ Tổng cục Hải quan

Digitized by Google

đã và sẽ phải cam kết thực hiện khi gia nhập ASEAN và WTO. Đó là quy định của Hiệp định trị giá hải quan theo GATT, theo đó giá tính thuế nhập khẩu sẽ là giá mua bán theo hợp đồng trong điều kiện mua bán thông thường.

Thứ ba, về hàng rào phi quan thuế. Hiện nay để kiểm soát hoạt động ngoại thương, bên cạnh hàng rào thuế quan, chúng ta còn áp dụng các biện pháp phi thuế quan như : cấm nhập khẩu, hạn chế số lượng, cấp giấy phép... Việc áp dụng các biện pháp này tỏ ra không hoàn toàn phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của các tổ chức kinh tế thương mại khu vực như khu vực ASEAN, APEC mà Việt Nam là thành viên chính thức, là không phân biệt đối xử, tự do cạnh tranh, mở cửa thị trường, lấy thuế quan làm công cụ bảo hộ chủ yếu, không thừa nhận bảo hộ bằng phi quan thuế,... Chính vì vậy trong thời gian tới chúng ta cần xem xét nhằm giảm bớt các hàng rào phi quan thuế.

Trong thời gian tới một số mục tiêu cơ bản mà chính sách thương mại cần hướng tới là :

- Thực hiện quá trình tự do hóa thương mại từ thấp đến cao theo xu hướng chung của các nước trên thế giới. Trước mắt cần bảo đảm thực hiện các cam kết với các nước trong AFTA. Đây là mục tiêu quan trọng và cấp bách hiện nay trong chính sách thương mại. Trước hết, chúng ta cần thực hiện cắt giảm thuế quan ở mức 0 - 5% theo lịch trình cắt giảm thuế sao cho việc này được hoàn tất vào năm 2006 theo cam kết với AFTA. Đồng thời cần chuẩn bị phương án để loại bỏ hàng rào phi quan thuế theo cam kết với các nước.

- Xây dựng chiến lược thương mại thích hợp với điều kiện bên ngoài, từ việc xác định thị trường trọng điểm, quy hoạch mặt hàng xuất - nhập khẩu, thực hiện chính sách đầu tư thích hợp, tổ chức mạng lưới phân phối hàng xuất khẩu hữu hiệu...

- Sử dụng tổng hợp các công cụ tỷ giá hối đoái, trợ cấp và các biện pháp quản lý hành chính để điều chỉnh hoạt động thương mại theo các mục tiêu đã đặt ra.

Để thực hiện được những mục tiêu trên, cần hoàn thiện chính sách thương mại phù hợp với xu thế thương mại quốc tế. Đó là :

- Đơn giản hóa các mức thuế xuất, nhập khẩu, tiến tới bãi bỏ thuế xuất khẩu để khuyến khích xuất khẩu, giảm dần thuế suất thuế nhập khẩu tối đa, giảm số lượng mức thuế suất thuế nhập khẩu, mở rộng khoảng cách giữa các mức thuế. Trong tương lai, biểu thuế nhập khẩu hoàn thiện là 8 mức : 0%, 3%, 5%, 10%, 20%, 30%, 40% và mức thuế suất cao nhất là 50%.

- Tiến hành thực hiện Hiệp định xác định trị giá hải quan theo quy định của GATT/WTO. Giá tính thuế nhập khẩu được xác định trên cơ sở hợp đồng ngoại thương.

- Sớm hoàn chỉnh các văn bản hướng dẫn thực hiện quy định về đánh thuế nhập khẩu bổ sung trong trường hợp hàng nhập khẩu được bán phá giá, được trợ cấp làm ảnh hưởng tới sản xuất trong nước.

- Về các biện pháp phi quan thuế : trong thời gian trước mắt, cần chuẩn bị điều kiện để tiến tới thực hiện đấu thầu hạn ngạch nhập khẩu và bán hạn ngạch xuất - nhập khẩu một cách công khai. Việc quy định các mặt hàng cấm nhập khẩu cần có cân nhắc cẩn thận, tránh gây ra các tác động tiêu cực như buôn lậu, trốn thuế. Việc tài trợ xuất khẩu cần xác định rõ mục đích, phương thức và cơ chế bảo đảm tránh tình trạng các doanh nghiệp ỷ lại, trì trệ và không cố gắng cải thiện tình hình, vươn ra thị trường thế giới. Xét về chuẩn mực quốc tế thì biện pháp phi quan thuế nhằm bảo hộ sản xuất trong nước không được WTO chấp nhận. Vì vậy, về lâu dài chúng ta cần xem xét để có thể bãi bỏ các biện pháp này và tiến hành thuế hóa các biện pháp phi quan thuế phù hợp với quy định của WTO.

- Về thể chế thương mại : cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách, quy định về quản lý thương mại, chủ động phê chuẩn các công ước quốc tế về thương mại quốc tế và ký kết các hiệp định thương mại với các nước để tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho hoạt động thương mại của các doanh nghiệp. Bên cạnh đó cần tăng cường hiệu lực thực hiện các quy định pháp luật về thương mại, bảo đảm thực hiện nghiêm minh, hạn chế đến mức cao nhất những vi phạm pháp luật thương mại. ❑

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN KINH TẾ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

NGHIÊM XUÂN ĐẠT * - NGUYỄN MINH PHONG**

I - Kinh tế môi trường - ngành khoa học mới

Môi trường là một khái niệm tổng hợp, phức tạp, mang tính mở và phát triển cùng với trình độ phát triển của khoa học - công nghệ nói riêng, của nền kinh tế - xã hội và nhận thức của loài người nói chung. Theo nghĩa rộng, môi trường của con người, của vật thể hay sự kiện là tổng thể các điều kiện bên ngoài bao gồm các vật thể hữu sinh và vô sinh, các tương tác giữa chúng, cùng các sản phẩm của những tương tác ấy, có liên quan trực tiếp cũng như gián tiếp đến đời sống, động thái của con người, sự vật hay sự kiện đó.

Môi trường, theo cách hiểu của kinh tế học môi trường, là toàn bộ các vùng địa - vật lý và sinh học, các điều kiện vật chất - tự nhiên, bao gồm sinh quyển (không khí, nước, đất đai, ánh sáng...) và hệ sinh thái với tư cách là sản phẩm lâu dài của tạo hóa, có trước con người, tương tác lẫn nhau, và cùng tác động đến sự hình thành, sinh tồn và phát triển của con người cùng các hoạt động xã hội của họ. Bản thân các hoạt động sinh tồn của con người cũng đang ngày càng làm biến đổi mạnh mẽ môi trường. Với nghĩa đó, về bản chất, môi trường là hệ thống với nhiều phân hệ từ vi mô đến vĩ mô, có cấu trúc phức hợp từ nhiều thành tố có bản chất khác nhau, vận động theo các quy luật khác nhau, có tính động, tính mở và khả năng tự tổ chức, tự điều chỉnh, đồng thời giữa chúng thường xuyên tác động qua lại, quy định và phụ thuộc lẫn nhau thông qua dòng trao đổi vật chất, năng lượng và thông tin liên tục...

Với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, môi trường ngày càng mang đậm tính chất của một dạng hàng hóa công cộng đa dụng, với đặc trưng cơ bản là không cạnh tranh và không loại trừ. Môi trường, với tất cả những tiện ích của mình, ngày càng trở thành tài sản chung của cộng đồng, vì cộng đồng và do cộng đồng cả ở cấp vùng, quốc gia, khu vực và toàn cầu. Nói cách khác, bảo vệ môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững ngày càng trở thành trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của mọi quốc gia, cộng đồng và cá nhân, trong đó nhà nước cần đảm trách vai trò chủ đạo trong toàn bộ quá trình khai thác, bảo quản, cải thiện và tái sản xuất môi trường...

Ra đời và phát triển trong những năm 80 - 90, kinh tế môi trường là một ngành khoa học đa ngành và mới mẻ, lấy các vấn đề môi trường làm đối tượng nghiên cứu chính của mình và tiếp cận chủ yếu chúng dưới góc độ kinh tế. So với các khoa học chuyên ngành kinh tế và các bộ môn khoa học khác, kinh tế môi trường có xu hướng thiên về nghiên cứu mối quan hệ biện chứng, nhiều chiều giữa môi trường với tư cách là hệ thống chỉnh thể với các hoạt động kinh tế - xã hội, nhằm ngăn chặn và giảm thiểu những sai lầm của thị trường, hoặc những mặt trái trong các quyết định và cơ chế khai thác, phân phối và tiêu dùng tài nguyên cho các hoạt động kinh tế - xã hội. Nhiệm vụ hàng đầu đặt ra cho các nhà kinh tế môi trường là làm rõ các tương quan mật thiết giữa đời sống kinh tế - xã hội với môi trường ; nghiên cứu, xây dựng các cơ chế khuyến khích và các cách thức chi phí một cách hiệu quả (cả về kinh tế, xã hội và môi trường) và công bằng nhất trong quá trình khai thác, bảo vệ và cải thiện môi trường, thực hiện quyền tài sản quốc gia, phát triển và chuyển giao công nghệ, hình thành phong cách và lối sống thân thiện, hòa đồng với môi trường... trên cả cấp độ quốc gia, lẫn quốc tế.

Kinh tế môi trường là một ngành khoa học ngày càng mang tính tổng hợp cao sử dụng các loại

* TS, Viện trưởng Viện nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội

** TS, Trưởng phòng, Viện nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội

Digitized by Google

phương pháp và công cụ nghiên cứu của nhiều ngành khoa học tự nhiên và xã hội khác nhau. Tuy nhiên, phương pháp phân tích của kinh tế vĩ mô và vi mô, trước hết là công cụ phân tích chi phí - hiệu quả, và công cụ phân tích lợi ích - chi phí vẫn là phương pháp chủ yếu mà kinh tế môi trường thường áp dụng.

Kinh tế môi trường nghiên cứu các quan hệ giữa môi trường với đời sống kinh tế - xã hội như là phức hợp các mối tương quan nhân quả, trực tiếp, tự nhiên, rộng lớn, đa diện, thường xuyên, nhiều cấp độ, phức tạp và mang tính 2 chiều rất sâu sắc. Trong hệ thống các tương quan đó, có thể nhận thấy nổi lên 3 tương quan chủ đạo sau đây :

1 - Tương quan 2 chiều giữa môi trường với tài nguyên thiên nhiên.

Tài nguyên thiên nhiên là toàn bộ những yếu tố vật chất có sẵn trong tự nhiên và được con người trực tiếp khai thác sử dụng cho đời sống kinh tế - xã hội của họ. Về cơ cấu, tài nguyên thiên nhiên được chia làm 2 loại : tài nguyên không có khả năng tái tạo (như nguyên liệu và các loại quặng trong lòng đất) và tài nguyên có khả năng tái tạo (như nước, ôxy, độ phì của đất, sự đa dạng sinh học trong rừng và trong lòng biển...). Tài nguyên thiên nhiên cũng là một khái niệm mở. Cùng với sự phát triển khoa học - công nghệ, con người càng khám phá, khai thác được nhiều công dụng có ích của những thành tố vật chất tự nhiên trong môi trường xung quanh mình - tức tài nguyên thiên nhiên (chẳng hạn, những loại nguyên vật liệu mới từ vũ trụ hoặc trong lòng đất, những nguồn năng lượng mới như điện được sản xuất từ sóng biển hoặc địa nhiệt...). Theo nghĩa đó có thể nói, bản thân môi trường là nguồn tài nguyên rộng lớn nhất và tiềm tàng vô tận của con người.

2 - Tương quan hai chiều giữa môi trường với các chính sách và trình độ phát triển kinh tế vĩ mô.

Dưới giác độ của kinh tế học môi trường thì mối tương tác giữa kinh tế và môi trường là quan trọng nhất, cốt lõi nhất mà chúng ta còn chưa thể cảm nhận và tiên đoán hết được kết quả cuối cùng của nó. Nhân tố môi trường đóng vai trò ngày càng lớn chi phối các quyết định đầu tư, các nội dung thương lượng, giao dịch... vi mô và vĩ mô, tư nhân và nhà nước, đồng thời cũng trở thành cơ hội kinh doanh trong đời sống kinh tế - xã hội hiện đại. Trên thế giới đã hình thành cả một "thị trường sinh thái" thực sự bao gồm các hàng hóa, công nghệ và dịch vụ "sạch", có tác dụng bảo vệ và cải thiện môi trường, có quy mô toàn cầu và đang phát triển sôi động nhất trên thế giới (với kim ngạch từ 200 tỉ USD năm 1990, tăng lên 300 tỉ USD năm 1993 và 426 tỉ USD năm 1997, dự kiến năm 2000 sẽ lên tới 600 tỉ USD, trong đó 85% kim ngạch của thị trường này thuộc về các nước phát triển).

Môi trường là xuất phát điểm quan trọng cho việc hình thành các chính sách kinh tế vĩ mô của nhà nước, cũng như cho việc triển khai các hoạt động kinh tế trên thực tế (chẳng hạn, chính sách định canh, định cư, trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn... đều có căn nguyên và mục tiêu chống xói lở, rửa trôi đất và duy trì lưu lượng nước ổn định của các dòng sông... bảo vệ môi trường). Đồng thời, bất cứ hệ thống kinh tế nào cũng sẽ gây tác động xấu đến môi trường, nếu nó vận hành trên các nguyên tắc và các thể chế không được thiết kế nhằm khuyến khích và định hướng hành vi, thái độ ứng xử của cá nhân và tập thể người sản xuất cũng như người tiêu dùng cho việc giảm thiểu và đi tới loại trừ các tác động xấu đó, ở cả cấp vi mô lẫn vĩ mô. Hơn nữa, khi đó, những lợi ích kinh tế ban đầu thu được từ việc khai thác và sử dụng bừa bãi thiên nhiên sẽ không bù lại được những chi phí đắt đỏ và tổn thất to lớn mà con người phải hứng chịu về sau trong quá trình khôi phục môi trường, hay để thích ứng với một môi trường mới đã bị biến dạng, bị xuống cấp bởi chính bàn tay con người.

Trên thực tế, một nền kinh tế ở trình độ thấp lại chủ trương tăng trưởng quá nóng, thường thiếu các điều kiện vật chất, tài chính và dễ bỏ qua các nguyên tắc, yêu cầu bảo vệ môi trường. Thậm chí có nước đã chủ trương "hy sinh" môi trường để đạt được sự tăng trưởng nhanh chóng nhờ tiết kiệm các khoản chi phí ngân sách cho bảo vệ môi trường, cũng như để giảm chi phí sản xuất kinh doanh, làm tăng sự cạnh tranh về giá cả của sản phẩm được sản xuất tại địa phương nước đó, từ đó tăng hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài. Song về lâu dài, chính sự suy thoái của môi trường lại là nguyên nhân quan trọng làm giảm tính hấp dẫn của thị trường nước

Digitized by Google

đó, và thúc đẩy sự ra đi của các nhà đầu tư cả trong nước lẫn nước ngoài.

3 - Tương quan hai chiều giữa môi trường với vấn đề dân số, đô thị hóa và ý thức cộng đồng.

Chất lượng môi trường chi phối sự phân bố dân cư và chất lượng sống của con người. Ngược lại, sự phân bố dân cư, mức sống và lối sống của họ cũng có tác động mạnh đến chất lượng môi trường. Chất lượng môi trường có mối quan hệ tỷ lệ nghịch với sự gia tăng nhanh chóng dân số và quá trình đô thị hóa, nhưng tỷ lệ thuận với sự nâng cao ý thức và sự tham gia rộng rãi của cộng đồng xã hội vào bảo vệ môi trường.

Sự bùng nổ quá nhanh dân số và tốc độ đô thị hóa, làm tăng vọt tổng cầu tiêu dùng vật chất, từ đó tăng sự khai thác tài nguyên, cũng như tăng nguồn phát thải gây ô nhiễm, vượt ngưỡng chịu đựng tự nhiên của môi trường (mặc dù sự nâng cao trình độ công nghệ và ý thức cộng đồng có thể cải thiện và nâng ngưỡng chịu đựng của môi trường lên cao). Hiện nay, trung bình mỗi năm dân số trên thế giới tăng thêm khoảng 80 triệu người (tương đương dân số của Việt Nam). Tháng 10-1999 dân số thế giới đã lên tới 6 tỉ người so với con số 10 triệu người cách đây khoảng 9 000 năm ; 1 tỉ người vào năm 1830 ; 2 tỉ người vào năm 1930 ; 3 tỉ người vào năm 1959 ; 4 tỉ người vào năm 1975 và 5 tỉ người vào năm 1987. 4/5 tổng dân số thế giới đang sống ở các nước đang phát triển, mà 50% trong số họ có mức sống dưới 1 USD/ngày. Khoảng 50% dân số thế giới đang sống trong các đô thị, so với 3% vào năm đầu thế kỷ XIX ; 13% vào năm đầu thế kỷ XX ; 30% (1950) ; 37% (1970) ; 40% (1990) và 45% vào năm 1995. Đặc biệt, trên thế giới đang có xu hướng bành trướng các đô thị siêu lớn tập trung tới 28 triệu dân như Tô-ki-ô của Nhật, và 23 triệu dân như Sao Pao-lô của Bra-xin vào năm 2000. Điều này đang và sẽ gây những áp lực thái quá lên cơ sở hạ tầng và dịch vụ ở các khu đô thị. Hiện nay, 70% lượng rác thải trên thế giới thuộc về các đô thị. Khoảng 30% rác đô thị được thải vào nguồn nước. Trong vòng 25 năm tới việc ô nhiễm nguồn nước có thể tăng gấp 10 lần và lượng khí thải có thể tăng gấp 15 lần (hiện nay trên thế giới có khoảng 1,4 tỉ người không đủ nước sách để dùng, và cứ 5 phút lại có 1 người chết vì các lý do liên quan đến nguồn nước)... Nghĩa là, nguy cơ suy thoái môi trường đang và sẽ gia tăng theo cấp số nhân cùng với sự gia tăng dân số, đô thị và nền sản xuất nếu thiếu những cách thức phòng ngừa thích đáng trong tương lai.

II - Phát triển ngành kinh tế môi trường ở Việt Nam

Xu hướng và kinh nghiệm phát triển ngành kinh tế môi trường thế giới, cùng những nguy cơ từ thực tiễn cấp bách về môi trường toàn cầu và Việt Nam đang đặt ra yêu cầu và tạo điều kiện xúc tiến phát triển đồng bộ, sâu rộng hơn ngành kinh tế môi trường, bảo đảm sự phát triển bền vững nền kinh tế - xã hội đất nước. Với tinh thần đó, trước mắt chúng ta cần tập trung xử lý những vấn đề chính sau đây :

Thứ nhất, xây dựng chiến lược và các chương trình kế hoạch bảo vệ môi trường. Chiến lược bảo vệ môi trường xác định những phương hướng, mục tiêu, nguồn lực và giải pháp lớn thực hiện các mục tiêu một cách khoa học, thực tiễn và khả thi. Chiến lược bảo vệ môi trường phải trở thành một bộ phận hợp thành tất yếu của chiến lược quy hoạch tổng thể hợp nhất ở các cấp, ngành và mang tính liên vùng, liên quốc gia ; đồng thời với việc xây dựng các chương trình và dự án bảo vệ môi trường phải có căn cứ và được cụ thể hóa trong chiến lược bảo vệ môi trường. Phải coi đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực và bảo vệ môi trường là đầu tư phát triển.

Thứ hai, xây dựng và củng cố hệ thống pháp lý và thể chế bảo vệ môi trường. Cần nhanh chóng đồng bộ hóa và hoàn thiện không ngừng hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường quốc gia (gồm Luật bảo vệ môi trường và các bộ luật khác về thành phần hay khu vực môi trường quốc gia như : luật rừng, luật biển, luật khoáng sản, luật đất đai...). Hệ thống luật và các thể chế càng đầy đủ, cụ thể, đồng bộ, tiên tiến (nhất là định hình các tiêu chuẩn gây ô nhiễm và tiêu chuẩn kiểm định môi trường) và được thực thi nghiêm túc, thì chắc chắn sẽ trở thành công cụ hữu hiệu bảo vệ môi trường. Đa dạng hóa các thể chế bảo vệ môi trường (bao gồm các tổ chức, cơ quan, hiệp hội, nhà nước hay phi nhà nước, các ngành và chuyên trách trong các lĩnh vực nghiên cứu, quản lý và bảo vệ môi trường chung).

Thứ ba, đánh giá tác động môi trường và quản lý tai biến môi trường. Đánh giá tác động môi

Digitized by Google

trường phải sử dụng các công cụ của khoa học kinh tế môi trường và khoa học khác (đặc biệt, các công cụ kế toán và kiểm toán môi trường thường được sử dụng rất đắc lực, vì chúng cho phép đo lường số và chất lượng tài nguyên dưới dạng tiền tệ) để đánh giá cái "được" và cái "mất" khi khai thác, sử dụng tài nguyên và môi trường trong các hoạt động kinh tế - xã hội. Một dự án phát triển hiệu quả phải có mục tiêu bảo vệ, cải thiện môi trường. Kiên quyết loại bỏ những dự án phát triển như gây tổn hại nghiêm trọng đến môi trường.

Để quản lý tai biến môi trường cần xác định đặc trưng, xác suất và khả năng gây hại môi trường của nó. Vì vậy, cần tiến hành điều tra cơ bản môi trường và thu nhập các dữ liệu liên quan để xây dựng hệ thống dữ liệu môi trường thống nhất của quốc gia. Các thông số về các tai biến môi trường cần được thu thập, hệ thống hóa đầy đủ và phổ biến rộng rãi hơn trong phạm vi quốc gia, cũng như trên toàn thế giới để làm cơ sở cho xây dựng cơ chế quản lý thích ứng và hiệu quả ở mỗi cấp. Cần khẩn trương xây dựng đồng bộ và hiện đại hóa hệ thống quan trắc môi trường quốc gia.

Thứ tư, giáo dục dân số, môi trường và xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường. Bảo vệ môi trường chỉ có thể tiến hành thành công khi huy động được toàn dân tham gia chủ động, tự giác, liên tục và rộng rãi. Vì vậy, cần tổ chức, cập nhật, hoàn thiện và hệ thống hóa các kiến thức chung về dân số, môi trường. Đưa giáo dục dân số và môi trường vào các cấp học và phổ biến cho đông đảo các tầng lớp, dân cư khác nhau. Thông tin rộng rãi và thường xuyên thực trạng môi trường cho toàn dân, nhất là dân địa phương. Nâng cao nhận thức của cộng đồng xã hội về sự cần thiết phải hạn chế tốc độ tăng dân số, về sử dụng tài nguyên nhằm bảo vệ môi trường. Cung cấp thông tin cho những người có quyền ra quyết định và hoạch định chính sách. Kết hợp vấn đề dân số và tiêu thụ tài nguyên vào trong các chính sách và kế hoạch nhà nước. Đào tạo đội ngũ chuyên gia về môi trường hùng hậu và chất lượng cao làm lực lượng nòng cốt để triển khai trên thực tế các hoạt động môi trường.

Thứ năm, đẩy mạnh nghiên cứu và nâng cao trình độ khoa học - công nghệ bảo vệ môi trường. Ủng hộ và thúc đẩy xu hướng của thế giới về tái cơ cấu toàn bộ nền kinh tế quốc gia và các doanh nghiệp, các danh mục, hình dáng, công dụng, chất lượng sản phẩm và dịch vụ trên cơ sở các công nghệ mới về chất, theo hướng ít tiêu thụ tài nguyên, ít chất thải, "sạch", nhân đạo và hòa đồng với thiên nhiên hơn. Đặc biệt cần ưu tiên sản xuất ngày càng nhiều các sản phẩm có khả năng nâng cao chất lượng môi trường, chất lượng sống (thiết bị chống ô nhiễm, các hàng hóa bảo đảm yêu cầu vệ sinh) hoặc các sản phẩm giảm thiểu tác hại đối với môi trường và con người so với các sản phẩm truyền thống.

Việc quản lý chất thải phải lấy mục tiêu cao nhất là giảm thiểu lượng chất thải. Cần sớm xây dựng và thực hiện những hệ thống quy định tiêu chuẩn chất lượng công nghệ bắt buộc cho các loại hình doanh nghiệp và cho lĩnh vực kinh doanh cụ thể, đồng thời sớm hình thành các doanh nghiệp chuyên hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực môi trường. Có chế độ hỗ trợ thích đáng cho các doanh nghiệp này.

Thứ sáu, xúc tiến các biện pháp kinh tế - tài chính bảo vệ môi trường. Theo OECD, trên thế giới hiện có ít nhất 150 loại công cụ kinh tế - tài chính đang được đề xuất và triển khai nhằm theo đuổi mục tiêu bảo vệ môi trường. Về nguyên tắc, việc sử dụng các biện pháp tài chính phải giúp cho tăng cường năng lực và động lực tài chính, cũng như bảo đảm phân phối công bằng các lợi ích thụ hưởng và các chi phí phải gánh chịu cho mục đích bảo vệ môi trường. Trước hết, cần bảo đảm yêu cầu : người sản sinh ra phế thải và các tác nhân gây ô nhiễm môi trường sẽ phải trực tiếp chịu trách nhiệm tài chính về hậu quả do mình gây ra, theo mức luỹ tiến tương ứng với sự gia tăng các hậu quả đó ; còn người được hưởng lợi từ việc sử dụng những sản phẩm và dịch vụ bảo vệ môi trường thì phải trả tiền, cũng với mức luỹ tiến theo mức thụ hưởng. Đồng thời các biện pháp tài chính được đưa ra cũng phải khuyến khích hạn chế tiêu dùng tài nguyên không có khả năng tái tạo, tăng áp dụng công nghệ cao không có chất thải hoặc sử dụng nguyên liệu tái chế, nguyên nhiên liệu không gây ô nhiễm (chẳng hạn dùng xăng không chì thay cho xăng pha chì).

(Xem tiếp trang 52)

Digitized by Google

TỪ THỦY LỢI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

LÊ TRỌNG *

PHÁT triển nông nghiệp, nông thôn là nội dung quan trọng của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước. Nó bao hàm nhiều nội dung, trong đó công tác thủy lợi đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Nhiều văn bản, nghị quyết của Đảng và Nhà nước đã khẳng định thủy lợi là "biện pháp hàng đầu để phát triển nông nghiệp". Đại hội VIII của Đảng nhấn mạnh : "Phát triển nhanh *hệ thống thủy lợi* ở tất cả các vùng, đặc biệt là khôi phục, sửa chữa, nâng cấp và mở rộng hệ thống thủy lợi đã có ở hai đồng bằng lớn của đất nước..." (1). Bao đời nay, ông cha ta đã khái quát : *nhất nước*, nhì phân, tam cần, tứ giống. Đồng thời, khi nói đến tác hại của nước đối với các hiểm họa khác, thường cướp giật sự sống của con người ông cha ta cũng đã xếp thứ tự : "*thủy*, hỏa, đạo, tặc".

Bởi vậy, hàng nghìn năm nay, ông cha ta luôn quan tâm tới việc làm thủy lợi. Và thực tiễn đã cho thấy thời đại nào làm thủy lợi tốt thì "quốc thịnh dân an" và ngược lại thì diễn ra lắm tai họa.

Trong thời kỳ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng CNH, HĐH, chúng ta càng cần coi trọng công tác thủy lợi, bởi những cơ sở chủ yếu sau đây :

Một là, nước ta đến nay vẫn còn là *một nước nông nghiệp thuộc loại những nước nghèo*. Dân số (từ 1-4-1999) ở nông thôn và sống bằng nghề nông là chính có 58,4 triệu người, chiếm 76,52% trong tổng số, và lực lượng lao động chiếm hơn 70% sức lao động cả nước, trong đó số lao động thiếu việc làm (bán thất nghiệp) hơn 50%. Công nghiệp nông thôn, công nghiệp ở thành phố, các vùng, dịch vụ phát triển còn ở mức thấp chưa đủ sức thu hút nguồn lao động đang dư thừa lớn ở nông thôn. Trong khi đó, đất có khả năng đưa vào sản xuất nông - lâm - thủy sản còn 15 triệu ha (riêng đất nông nghiệp còn từ 3 - 4 triệu ha) chưa được sử dụng, *vì cơ bản là chưa có thủy lợi*. Trên thực tế trong số 7 triệu ha đất nông nghiệp đã đưa vào sử dụng như hiện nay chỉ mới có hơn 2 triệu ha (bằng 50%) đất trồng lúa và 25% diện tích của các cây trồng khác (rau, màu, cây công nghiệp...) được tưới bằng hệ thống thủy nông (còn lại phải dùng biện pháp khác, hoặc "nhờ trời"). Có tình hình đó là do hệ thống thủy lợi xây dựng chưa đủ ; một số xây dựng không đồng bộ, chất lượng kém ; công tác quản lý còn có mặt bất cập, việc duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa không kịp thời... không bảo đảm yêu cầu nguồn nước chủ động tưới tiêu.

Hai là, do đặc trưng về vị trí địa lý và khí hậu, cùng với việc trái đất nóng lên những năm gần đây, nước ta luôn phải gánh chịu những thiên tai, hạn hán, lũ lụt, mưa bão với cường độ nhiều hơn và quy mô lớn hơn. Thiên tai xảy ra không những ảnh hưởng tới đời sống của nông dân, nông thôn vùng bị bão lũ mà còn ảnh hưởng tới toàn bộ đời sống kinh tế - xã hội của cả nước như giao thông ngừng trệ, môi trường sinh thái bị phá hoại... Vì vậy, thực hiện thủy lợi hóa không chỉ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn mà còn là yêu cầu của công cuộc CNH, HĐH đất nước.

Ba là, thủy lợi hóa kéo theo hàng loạt yêu cầu phát triển các ngành, các lĩnh vực khác như thủy

* PGS, TS, Viện trưởng Viện phát triển quốc tế học

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t r 178

Digitized by Google

điện (nơi có điều kiện), làm đường, cải tạo đồng ruộng, hồ ao nuôi tôm, cá..., mở mang thêm diện tích đất canh tác gắn với thâm canh, tăng vụ ; cải tiến cơ cấu cây trồng, tăng năng suất cây trồng và con gia súc, tăng việc làm và thu nhập cho người nông dân.

Bốn là, kinh nghiệm thực tiễn đã chỉ ra rằng một cơ sở nông nghiệp nào (hộ, trang trại, doanh nghiệp), một địa phương nào sản xuất nông nghiệp phát triển, nông thôn được đổi mới, đời sống nông dân được cải thiện và nâng cao, hầu hết đều bắt đầu từ thủy lợi hóa. Ngược lại, các địa phương không sử dụng thủy lợi như một điểm bắt đầu cho phát triển thì gặp rất nhiều khó khăn trong xóa đói, giảm nghèo.

Vì những lý do nêu trên, và từ kết quả nghiên cứu thực tế về thủy lợi hóa qua nhiều giai đoạn lịch sử, chúng tôi rút ra kết luận : phát triển nông nghiệp, nông thôn hãy bắt đầu từ thủy lợi hóa. Vậy việc thực hiện thủy lợi hóa ở nước ta đã đạt được những kết quả gì ?, tồn tại chủ yếu ở đâu ?, để giải quyết tồn tại thì trong thời gian tới cần lưu ý những gì ?

Công cuộc thủy lợi hóa trên thực tế phải thực hiện bốn nội dung cơ bản là : 1 - *Trị thủy các dòng sông lớn,* bao gồm xây dựng các đập ngăn nước, hồ chứa nước và nhà máy thủy điện ; nạo vét các dòng sông, các cửa biển ; bảo vệ và trồng rừng - đặc biệt là rừng đầu nguồn ; củng cố các hệ thống đê sông, đê biển, đê bao ; có kế hoạch phân lũ hằng năm. 2 - Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống công trình thủy nông (bao gồm đại, trung, tiểu thủy nông) có chất lượng cao và quản lý sử dụng tốt hệ thống đó. 3 - Thực hiện chế độ tưới tiêu hợp lý, tiến lên tưới tiêu khoa học. 4 - Cung cấp tốt nước sạch cho người và gia súc trong các hoạt động sản xuất và sinh hoạt.

Ở nước ta, có thể khái quát về kết quả làm thủy lợi để phát triển nông nghiệp và nông thôn như sau :

Đã xây dựng được các hệ thống thủy nông, bao gồm 75 công trình thủy nông loại lớn và vừa, trong đó có 13 công trình thủy nông lớn được xây dựng từ trước 1945, có năng lực thiết kế tưới cho 315 600 ha. Có 754 hồ đập loại lớn và vừa, hơn 4 000 loại nhỏ, với dung tích hơn 30 tỉ m^3 nước. Cả nước hiện có 2 000 trạm bơm lớn, nhỏ và hơn 10 000 máy bơm các loại, trong đó có hơn 300 máy có công suất từ 800 đến 32 000 m^3/h.

Hệ thống đê đã đào, đắp tu bổ thường xuyên 10 700 km, trong đó có 5 700 km đê sông chống lũ, 2 000 km đê biển và có hơn 3 000 km đê bao ngăn lũ (chủ yếu ở đồng bằng sông Cửu Long). Trên các tuyến đê có 600 kè và dưới đê có 3 000 cống.

Tổng giá trị tài sản cố định do nhà nước đầu tư (theo giá năm 1992), chưa kể tiền và công lao động của nông dân là 20 000 tỉ đồng.

Năng lực : bảo đảm tưới nước cho 84% diện tích đang gieo trồng lúa (5,94 triệu ha/7 triệu ha) và 25% cho diện tích các loại cây trồng khác (rau, màu, cây công nghiệp...) ; tiêu nước cho khoảng 1,4 triệu ha, ngăn mặn được 70 vạn ha.

Cùng với việc thực hiện các chính sách đổi mới trong nông nghiệp và nông thôn, nhờ làm tốt công tác thủy lợi và áp dụng các biệp pháp kỹ thuật khác, nhất là giống cây trồng, trong những năm qua, mặc dầu gặp thiên tai : hạn hán, bão lụt, lũ lớn, nhưng sản xuất nông nghiệp vẫn tiếp tục phát triển. Tốc độ tăng trưởng GDP của nông nghiệp qua các năm từ 1995 đến 1999 là 4,80% ; 4,40% ; 4,33% ; 4,50% ; 5,50%. Sản lượng lương thực quy thóc năm 1995 là 27,5 triệu tấn ; năm 1996 là 29,2 triệu tấn ; năm 1997 là 30,6 triệu tấn ; năm 1998 là 31,7 triệu tấn và năm 1999 là 33,8 triệu tấn. Gạo xuất khẩu năm 1996 đạt 3,04 triệu tấn đến năm 1999 tăng lên đạt 4,40 triệu tấn.

Tác động của hệ thống thủy lợi đến năng suất, sản lượng cây trồng đã được các nhà khoa học nghiên cứu, tính toán : chẳng hạn trên đất Thái Bình, ở những nơi chủ động nước đã làm tăng sản lượng cây trồng, tăng hiệu quả kinh doanh nông nghiệp lên 30% ; nơi có hệ thống tiêu úng, ngăn mặn thì hiệu quả tăng lên 50%. Theo kết quả điều tra mới đây cho thấy ở tỉnh Sóc Trăng, sản lượng lúa tăng lên gấp 1,85 lần, từ 826 837 tấn (năm 1992) lên 1 530 100 tấn (năm 1999) là nhờ sức mạnh tổng lực của hơn một triệu nông dân

Digitized by Google

dồn sức làm thủy lợi... Trong vòng ba năm, toàn tỉnh đã đầu tư hơn 400 tỉ đồng đắp xong hệ thống đê biển dài 53 km và 462 km đê sông cùng hệ thống cống ngăn mặn giữ ngọt [2]. Nhờ đó mà chuyển đổi được cơ cấu mùa vụ và cây trồng, từ chỗ một năm chỉ làm một vụ lúa mùa, đã chuyển làm 3 vụ/năm gồm : vụ lúa đông xuân + hè thu + màu (hoặc 3 vụ lúa ổn định), hay một vụ lúa mùa (có nơi còn kết hợp thả vịt) + 1 vụ cá hoặc tôm ; đồng thời còn khai hoang, phục hóa đưa tổng diện tích gieo trồng lúa năm 1999 lên 365 555 ha, tăng hơn năm 1992 là 46,84%.

Huyện Tháp Mười (tỉnh Đồng Tháp) và huyện Chợ Mới (tỉnh An Giang) đã nghiên cứu cách bao đê chống lũ lụt, đào xây kênh, cống kết hợp với làm đường giao thông nông thôn đã mang lại hiệu quả về phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn rất to lớn. Huyện Tháp Mười nhờ làm thủy lợi và áp dụng các biện pháp kỹ thuật khác đã tăng được diện tích và năng suất lúa lên gần gấp 3 lần, tăng sản lượng thóc lên gấp 8,74 lần (năm 1999 so với năm 1981), sản lượng thóc năm 1981 là 45 781 tấn thì năm 1999 đã tăng lên 400 213 tấn. Bình quân lương thực năm 1999 là 3 328 kg/người, cao nhất so với cả nước. Nông nghiệp phát triển *kéo theo* các ngành trong nông thôn cũng phát triển nhanh. Về tiểu thủ công nghiệp, nếu năm 1990 huyện mới đạt gần 1,5 tỉ đồng thì năm 1999 tăng lên 14 tỉ đồng. Các công trình điện, trường, trạm y tế, nước sạch... và các mặt về đời sống văn hóa, văn minh nông thôn cũng được nâng cao.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được như đã nói ở trên công cuộc thủy lợi hóa nông nghiệp trong thời gian qua vẫn còn một số tồn tại :

• Hệ thống đê điều, công trình đại - trung - tiểu thủy nông hiện có chưa đủ năng lực tưới - tiêu, ngăn mặn, chặn lũ, chế ngự bão lụt... nhất là những năm thời tiết có những biến động lớn. Đáng lưu ý là hệ thống đê sông, đê biển của nước ta - như hệ thống đê sông Hồng, sông Thái Bình - được xây dựng hàng nghìn năm, nay nhiều nơi xuống cấp ; hệ thống đê và công trình mới xây dựng thì nhiều công trình có chất lượng không bảo đảm, có thể gây ra nhiều ẩn họa.

• Nhu cầu nước phục vụ cho phát triển sản xuất nông nghiệp và các ngành nghề khác cũng như lượng nước sạch cho sinh hoạt ở nông thôn và thành thị ngày càng tăng, nhưng nguồn nước và chất lượng nước đang có xu hướng ngày càng giảm sút.

• Việc nghiên cứu, điều tra quy hoạch tổng thể, khảo sát thiết kế và tổ chức thi công từ trung ương đến cơ sở đang có nhiều vấn đề bất hợp lý, dẫn đến chất lượng về thủy lợi hóa nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu, đã và sẽ gây nên nhiều tổn thất lớn. Chẳng hạn tỉnh Kom Tum vốn đầu tư theo thiết kế cho sử dụng nước tưới của một héc ta cây trồng chung toàn tỉnh là 29,76 triệu đồng, nhưng trên thực tế nhà nước phải đầu tư 111,11 triệu đồng cho một héc ta cây trồng. Vì diện tích được tưới so với công suất thiết kế mới khai thác được từ 26,32 đến 26,78%.

• Việc phân cấp đầu tư xây dựng, quản lý sử dụng, tu bổ và thu, nộp thủy lợi phí nhiều nơi thực hiện rất tùy tiện (không tuân theo luật định) dẫn đến có tình hình lãng phí nước và tham nhũng tiền của, công sức của nhà nước, của nhân dân rất lớn.

Có tình hình trên là do mấy *nguyên nhân* chủ yếu : 1 - nhận thức về vị trí và nguyên nhân yếu kém của thủy lợi hóa có lúc, có nơi chưa đúng mức ; 2 - do chính sách của Nhà nước về đầu tư cho thủy lợi hóa để phát triển nông nghiệp, nông thôn chưa hợp lý giữa cái đầu tư và cái chưa cần đầu tư ở thành thị so với nông thôn ; 3 - cơ chế quản lý về thủy lợi hóa như hiện nay dẫn đến tham nhũng, lãng phí trong xây dựng, trong sửa chữa và cả trong thu, nộp thủy lợi phí là rất lớn.

Để khắc phục những mặt yếu kém, tồn tại trong công tác thủy lợi hóa nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn ổn định bền vững, thực hiện xóa được đói nghèo, nâng cao đời sống nông dân, trong thời gian tới theo chúng tôi cần tập trung giải quyết một số vấn đề sau đây :

Một là, kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các vụ, viện, trường... chuyên

(Xem tiếp trang 48)

(2) Xem báo *Nhân Dân*, 1-11-1999

Digitized by Google

CÔNG TY 20 - BỐN MƯƠI BA NĂM XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH

TRẦN BANG *

Hơn nửa thế kỷ qua, nhân dân và quân đội ta đã giành thắng lợi to lớn trong sự nghiệp chống giặc ngoại xâm, giành độc lập dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Trong tiến trình lịch sử anh dũng, hào hùng ấy, những người thợ may quân trang đã đóng một vai trò khiêm tốn nhưng không thể thiếu được trong bước đường xây dựng và trưởng thành của quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng. Từ tấm áo của người chiến sĩ, đến chiếc mũ tai bèo của anh giải phóng quân đã trở thành một biểu tượng đẹp, tạo nên vóc dáng của Anh bộ đội Cụ Hồ. Trong chiến công chung của những người lính hậu cần quân đội nhân dân, có công lao, thành tích của cán bộ chiến sĩ, công nhân viên Công ty 20.

Công ty 20 bắt đầu sự nghiệp của mình bằng một xưởng sản xuất nhỏ "xưởng đo may hàng kỹ" thành lập ngày 18-2-1957. Ngay từ khi ra đời đến nay, Công ty luôn khẳng định vị trí của mình, giành được sự tin cậy của các cấp lãnh đạo, chỉ huy quân đội và lòng tin yêu, mến mộ của hàng triệu người lính. Phát huy truyền thống của quân đội nhân dân Việt Nam, Công ty 20 đã trải qua một chặng đường dài với phương châm : "vừa sản xuất, vừa xây dựng và trưởng thành", trong đó nhiệm vụ sản xuất phục vụ quốc phòng luôn được đặt lên hàng đầu và không một ngày ngừng nghỉ trong suốt 43 năm qua. Cứ mỗi một chiến dịch, một mùa sản xuất, Công ty 20 lại trưởng thành thêm lên. Từ "xưởng đo may hàng kỹ" đã nhanh chóng trở thành "Xí nghiệp may 20". Là một xí nghiệp may quốc phòng, Xí nghiệp may 20 đã hoàn thành sứ mệnh của mình một cách vẻ vang trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đó là những năm tháng gian khổ nhất, nhưng cũng vẻ vang nhất của những người thợ may quân trang. Dưới đạn bom, vượt qua muôn vàn khó khăn về đời sống và sự thiếu thốn về trang bị kỹ thuật, Xí nghiệp may 20 đã hoàn thành mọi mệnh lệnh sản xuất, dù đó là mệnh lệnh theo kế hoạch thường xuyên hay đột xuất. Nhiều khi kế hoạch đột xuất lại vượt rất xa khả năng hiện thực của Xí nghiệp, cả về năng lực sản xuất lẫn trình độ kỹ thuật, công nghệ. Đó là nghiên cứu, sản xuất các loại quần áo trang dụng đặc biệt cho cán bộ, chiến sĩ đi B. Đây là một yêu cầu cao vì nếu không nghiên cứu tỉ mỉ trên cơ sở am hiểu cách ăn mặc của từng vùng ở miền Nam thì có khi chỉ vì một chiếc khuy áo, một dải mũ không bình thường cũng có thể bị lộ, gây ra những tổn thất nghiêm trọng. Trong số những mặt hàng đột xuất, bí mật mà người thợ X 20 được vinh dự nghiên cứu, sản xuất, có một sản phẩm đặc biệt, sau này đã nổi tiếng không chỉ ở trong nước mà trên khắp thế giới, đó là chiếc mũ tai bèo của chiến sĩ giải phóng quân miền Nam. Thực hiện khẩu hiệu "tất cả vì miền Nam ruột thịt, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", những người thợ may Xí nghiệp 20 đã vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước và quân đội giao phó.

Điều sung sướng nhất của những người thợ Xí nghiệp may 20 là được vinh dự may trang phục cho Bác Hồ kính yêu lúc sinh thời, cũng như khi Người đã đi xa. Những đường kim mũi chỉ đã gửi gắm tấm lòng của người lính thợ đối với vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc.

Nhờ những thành tích lớn lao đó, Xí nghiệp may 20 đã được Hội đồng Nhà nước tuyên dương danh hiệu cao quý - Đơn vị Anh hùng lao động năm 1989.

Trong công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, hơn mười năm qua, phẩm chất anh hùng lại càng được phát huy. Từ một đơn vị bao cấp, sản xuất theo mệnh lệnh, Xí nghiệp đã

* Giám đốc Công ty 20, Tổng cục Hậu cần, Bộ Quốc phòng

Digitized by Google

vượt qua những khó khăn đặc biệt, chuyển đổi sang cơ chế mới, trở thành một doanh nghiệp nhà nước có vị trí, có thực lực. Do biến động chính trị ở Liên Xô và Đông Âu, Xí nghiệp đã mất đi những bạn hàng truyền thống, nguy cơ thiếu việc làm xuất hiện. Để khắc phục khó khăn trên, Đảng ủy và Ban giám đốc Công ty một mặt tích cực mở rộng quan hệ tìm khách hàng mới, mặt khác chủ động củng cố nội bộ, sắp xếp bộ máy tăng cường hiệu quả quản lý và đội ngũ thợ lành nghề. Từ Xí nghiệp may 20 trở thành Công ty 20 là bước chuyển mình quan trọng để có đủ điều kiện vươn lên, đủ sức hoàn thành mọi nhiệm vụ của quân đội giao cho trong thời kỳ mới ; đồng thời, tạo thế và lực mới, cùng những tiền đề quan trọng cho bước đi vững chắc trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từng bước hội nhập với thị trường trong nước và khu vực, quốc tế.

Là một doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng cục Hậu cần, từ năm 1993 đến nay, nhiệm vụ của Công ty luôn có sự thay đổi, bổ sung theo hướng phát triển, vừa phục vụ nhiệm vụ xây dựng quân đội chính quy, hiện đại, vừa từng bước thực hiện chức năng sản xuất - kinh doanh. Quy mô tổ chức, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng được mở rộng. Từ chỗ chỉ sản xuất sản phẩm về may, từ năm 1995 đến nay, Công ty đã mở thêm ngành dệt vải, dệt kim cung cấp nguyên liệu tại chỗ tạo thành một dây chuyền sản xuất khép kín, vừa chủ động, vừa bảo đảm quân trang đúng mùa, đúng hẹn cho cán bộ, chiến sĩ, đồng thời mở rộng thị trường xuất khẩu và kinh tế nội địa. Năm 1994 về trước, Công ty có 5 phân xưởng sản xuất và các bộ phận nghiệp vụ với hơn 1000 cán bộ, công nhân viên. Đến nay (4 - 2000), Công ty đã có hơn 3000 cán bộ, công nhân viên và 7 xí nghiệp (5 xí nghiệp may, 2 xí nghiệp dệt), 6 phòng nghiệp vụ, 1 trường đào tạo nghề may, 1 trường mầm non. Địa bàn hoạt động của Công ty trải rộng ở 11 phường, xã, thuộc 7 quận, huyện ở 3 thành phố : Hà Nội, Nam Định, thành phố Hồ Chí Minh. Nhiệm vụ chính của Công ty là sản xuất quân trang cho quân đội, song do yêu cầu giảm biên chế trong lực lượng vũ trang nên số lượng sản phẩm ngày một giảm nhưng chất lượng, mẫu mã, kiểu dáng lại đòi hỏi ngày càng cao. Song song với phát triển ngành nghề sản xuất kinh doanh, các điều kiện nhà xưởng, máy móc, thiết bị cũng được đầu tư mở rộng, đổi mới. Trong 5 năm (1995 - 2000) Công ty đã xây mới hơn 15 000 m^2 và sữa chữa, nâng cấp hơn 5000 m^2 nhà xưởng, đầu tư hơn 50 tỉ đồng để cải tạo điều kiện làm việc. Đời sống, việc làm của cán bộ công nhân viên ngày càng ổn định và nâng cao, thể hiện qua mức thu nhập bình quân hằng năm. Năm 1995 thu nhập bình quân của công nhân là 595 000 đồng/tháng và đến năm 1999 là 885 000 đồng/tháng.

Tuy gặp không ít khó khăn do tác động của cơ chế thị trường, sự khủng hoảng tài chính của các nước trong khu vực, trong những năm qua lãnh đạo Công ty 20 cùng toàn thể cán bộ, công nhân viên đã phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, sản xuất - kinh doanh từng bước ổn định và tăng trưởng, doanh thu năm sau cao hơn năm trước. Tổng doanh thu năm 1995 là 95,9 tỉ đồng, năm 1999 là 201 tỉ đồng đạt 210% và năm 2000 phấn đấu đạt 232 tỉ đồng. Nộp ngân sách nhà nước năm 1995 là 5,3 tỉ đồng, năm 1999 là 10,1 tỉ đồng đạt 191%. Nhờ những thành tích đã đạt được Công ty được tặng thưởng Huân chương lao động hạng I năm 1996 ; Huân chương lao động hạng III *ngành giáo dục* năm 1998 ; 3 cúp chất lượng quốc tế châu Âu (năm 1996, 1997, 1998) ; bằng khen của Bộ Thương mại về thành tích xuất khẩu năm 1998 - 1999 và nhiều cờ thưởng, giấy khen cho các tổ chức và hoạt động khác.

Kinh nghiệm của 43 năm đã trở thành một tài sản vô giá, là hành trang để Công ty 20 bước tới tương lai.

1 - Công ty đã hội tụ được công sức, trí tuệ của các thế hệ công nhân dưới sự lãnh đạo trực tiếp của tổ chức cơ sở Đảng.

Tổ chức đảng của Công ty trưởng thành từ chỗ chỉ có một chi bộ sinh hoạt ghép, đến nay đã có một đảng bộ 3 cấp với 2 đảng bộ bộ phận, 19 chi bộ và hơn 200 đảng viên. Trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ luôn chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ, quan tâm xây dựng Đảng trên cả ba mặt : chính trị, tư tưởng và tổ

Digitized by Google

chức. Duy trì chế độ, nền nếp sinh hoạt đảng hằng tháng, phát huy dân chủ, tính độc lập sáng tạo của mỗi đảng viên, đề cao tính đấu tranh tự phê bình và phê bình. Xây dựng quy chế làm việc của Đảng ủy và chỉ huy, mối quan hệ làm việc của Bí thư Đảng ủy và Giám đốc. Thường xuyên quản lý giáo dục và rèn luyện đảng viên, gắn xây dựng đội ngũ đảng viên với xây dựng đội ngũ cán bộ. Chăm lo xây dựng các tổ chức quần chúng vững mạnh. Đảng bộ ý thức sâu sắc rằng sự lớn mạnh của tổ chức đảng là chỗ dựa vững chắc để đơn vị vững bước đi lên. Nhờ vậy Đảng bộ Công ty nhiều năm liền được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh, năm 1998 được Đảng bộ Tổng cục Hậu cần tặng bằng khen.

Các thế hệ cán bộ, công nhân đã kế tiếp nhau xây dựng nên những giá trị về vật chất và tinh thần của Công ty hôm nay. Nhiều gia đình có tới ba thế hệ là công nhân của Công ty. Bản chất giai cấp công nhân Việt Nam, những người thợ chiến sĩ ấy đã thể hiện rõ rệt ở lòng say mê nghề nghiệp, không ngừng học tập sáng tạo, tận tụy phục vụ, khắc phục khó khăn gian khổ, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân, ý thức ham học hỏi, cầu tiến, hướng tới sự hoàn thiện của bản thân và của toàn đơn vị. Phát huy tốt vai trò tiên phong của đội ngũ công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng đơn vị là yếu tố chủ quan quyết định đến thắng lợi trong quá trình xây dựng và trưởng thành của Công ty.

2 - Luôn nâng cao ý chí cách mạng tiến công, liên tục tự vươn lên, không ngừng phấn đấu từ các tập thể nhỏ, cơ sở sản xuất đến các phân xưởng, tạo nên sức mạnh tổng hợp để khắc phục những mặt yếu kém, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Sức mạnh tổng hợp bắt nguồn từ mỗi người thợ, mỗi tổ sản xuất, mỗi đảng viên, cán bộ. Mỗi người trong quá trình phấn đấu đều tự mình vượt qua những khó khăn, hạn chế phấn đấu vươn lên cùng với sự giúp đỡ của tập thể. Mỗi tổ, mỗi phân xưởng đều có mục tiêu phấn đấu của mình trong từng giai đoạn. Nhiều đồng chí đã dần dần nâng cao năng lực, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, trở thành thợ giỏi, người cán bộ quản lý có trình độ. Mỗi người thợ đều không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao tay nghề, tiếp thu công nghệ mới, tác phong làm việc mới. Công ty tổ chức các phong trào thi đua, các đợt thi thợ giỏi, nhiều lớp học tập nâng cao tay nghề để luôn có nguồn thợ giỏi trong các dây chuyền sản xuất. Sự tiến bộ của mỗi người thợ đã tạo nên thế và lực cho sự đi lên của Công ty. Đó là nét đặc trưng của mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể được thể hiện ở Công ty 20 suốt mấy chục năm qua.

3 - Xây dựng tốt và kế thừa có hiệu quả các mối quan hệ với nhân dân, với các đơn vị bạn, với khách hàng trong nước và quốc tế.

Môi trường kinh doanh hiện đại đòi hỏi người quản lý phải có tầm nhìn toàn diện, luôn nhìn thấy mối quan hệ giữa đơn vị mình với toàn bộ guồng quay của nền kinh tế, phải có mối quan hệ ngày càng tốt đẹp với các đơn vị bạn, với khách hàng. Là đơn vị sản xuất kinh doanh của quân đội, Công ty coi trọng việc kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp, quý báu của quân đội nhân dân Việt Nam. Đó là coi trọng chữ tín, giữ vững niềm tin, lòng trung thực, dựa vào quần chúng, dựa vào nhân dân, dựa vào bạn bè để phát huy sức mạnh giành chiến thắng. Nhờ vậy, Công ty đã tạo cho mình nhiều thế và lực mới để một mặt giữ vững và phát huy truyền thống của một đơn vị anh hùng lao động, mặt khác để hòa mình vào cuộc sống kinh tế sôi động của đất nước, của thời đại.

*

* *

Gánh trên vai sứ mệnh vừa nặng nề vừa vẻ vang mà quân đội và nhân dân giao phó, để giữ vững và phát huy bản chất anh hùng cách mạng, Công ty đang đứng trước những thời cơ mới, thách thức mới. Tuy nhiên, với bề dày kinh nghiệm 43 năm qua, lại được tôi luyện qua thực tiễn cuộc sống, cán bộ, đảng viên, công nhân Công ty quyết tâm giữ vững bản chất anh hùng của mình trong giai đoạn mới. Điều đó được thể hiện cụ thể như sau :

Thứ nhất, Đảng ủy và lãnh đạo Công ty luôn coi trọng yếu tố con người, coi đầu tư vào con người là đầu tư cho thắng lợi của mọi nhiệm vụ trong hiện tại và tương lai.

Digitized by Google

Dù trong điều kiện nào, Công ty cũng tìm mọi cách để từng bước nâng cao đời sống cho người lao động, để người lao động gắn bó với Công ty, phát huy hết mọi năng lực, sáng tạo của mình. Bảo đảm cho người lao động có điều kiện làm việc tốt nhất, đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, để họ theo kịp với sự phát triển của đời sống xã hội và nhịp độ phát triển của nền sản xuất kỹ thuật hiện đại. Hằng năm, Công ty thực hiện tốt các chính sách xã hội. Chế độ tiền lương, tiền thưởng luôn được xem xét, bảo đảm công bằng và thực sự là đòn bẩy để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Chế độ về nhà ở, nghỉ ngơi, hưu trí, ốm đau... được quan tâm chu đáo. Việc chăm lo, giáo dục con em cán bộ, công nhân trong Công ty được cấp ủy đảng và lãnh đạo quan tâm. Nhà trẻ mẫu giáo của Công ty là một trong những trường "dạy tốt, học tốt", chăm sóc trẻ em tốt của thủ đô Hà Nội. Trung tâm dạy nghề của Công ty hình thành từ những năm trước đây không những chỉ là nơi con em công nhân học nghề mà còn là nơi mỗi người thợ có điều kiện để học tập, nâng cao tay nghề. Hàng trăm công nhân, cán bộ của Công ty đã được khuyến khích, tạo điều kiện tham gia học tập ở các trường đại học. Nhiều đồng chí trở thành cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật giỏi.

Thứ hai, không ngừng xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, đổi mới công nghệ đưa Công ty thành một doanh nghiệp nhà nước có cơ sở vật chất và trang bị kỹ thuật tương đối hiện đại.

Phát huy truyền thống tự lực, tự cường, những người thợ may Công ty hôm nay tự hào khi làm chủ một cơ nghiệp khang trang do các thế hệ cha anh và bản thân mình góp công, góp sức xây dựng nên. Từ chỗ trước đây nhà xưởng còn thô sơ, chật hẹp, ngày nay Công ty 20 đã có cơ sở vật chất tương đối hoàn thiện cho 5 xí nghiệp may và 2 xí nghiệp dệt kim. Từ chỗ chỉ có vài chục máy may đạp chân thô sơ, ngày nay Công ty đã có nhiều dây chuyền may với hàng nghìn thiết bị hiện đại. Công tác quản lý cũng được hỗ trợ bằng hệ thống vi tính. Tất cả những cơ sở vật chất kỹ thuật đó, bên cạnh sự đầu tư của Nhà nước và quân đội, có phần đóng góp mồ hôi công sức của các thế hệ cán bộ, công nhân của Công ty.

Trong nhiệm vụ xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, Công ty đã có những bước đi vững chắc, ưu tiên mua sắm trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Việc xây dựng cơ sở hạ tầng để cải thiện điều kiện môi trường lao động và đời sống người công nhân cũng được quan tâm đồng bộ. Các khu nhà ở tập thể, nhà làm việc, nhà ăn, đường sá, trường học, điện nước cũng từng bước được cải thiện. Có được những thành tựu và cơ nghiệp như hôm nay là do những nỗ lực 43 năm qua của mọi người, là kết quả quan tâm của các cơ quan quản lý cấp trên đối với Công ty. Tuy mọi điều chưa phải đã hoàn hảo, khang trang, hiện đại song đó là tiền đề quan trọng để Công ty có một bàn đạp, một điểm tựa đi tới tương lai.

Thứ ba, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ủy và thủ trưởng Tổng cục Hậu cần, Đảng ủy và thủ trưởng các cục chuyên ngành và các cơ quan nghiệp vụ cấp trên, sự ưu ái đùm bọc của nhân dân là yếu tố quan trọng giúp Công ty vượt qua mọi khó khăn, thử thách trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Biểu hiện cụ thể của sự lãnh đạo và chỉ huy sâu sát của các cơ quan cấp trên là khuyến khích độc lập suy nghĩ, sáng tạo, lắng nghe, ủng hộ mọi sáng kiến tích cực của cấp dưới. Chính điều này đã tạo ra tinh thần chủ động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của cán bộ, công nhân Công ty. Tất cả những nỗ lực của các cấp lãnh đạo, chỉ huy và các cơ quan chức năng cấp trên là chỗ dựa vững chắc, đồng thời là động lực khuyến khích cán bộ, công nhân Công ty làm nên chiến công, trở thành một đơn vị anh hùng, một doanh nghiệp có tầm vóc, có uy tín của quân đội và của ngành may trong cả nước. Trên bước đường xây dựng, trưởng thành của mình, dù thuận buồm xuôi gió hay trắc trở, chông gai, Công ty luôn nhận được sự giúp đỡ, chi viện kịp thời của các đơn vị ngành hậu cần, ngành quân trang và các đơn vị, xí nghiệp trong ngành may Việt Nam. Sự giúp đỡ đó đã giúp cán bộ, công nhân Công ty vượt qua nhiều khó khăn, cùng phát triển.❑

Digitized by Google

VỀ PHÁT TRIỂN NHÀ Ở THEO MÔ HÌNH XÂY DỰNG CHUNG CƯ CAO TẦNG

NGUYỄN HIỆP *

1 - MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM VỀ TÌNH HÌNH XÂY DỰNG NHÀ CHUNG CƯ CAO TẦNG

Xóa bỏ bao cấp về nhà ở, chuyển sang phương thức kinh doanh các dự án phát triển nhà ở là một chủ trương đúng. Song trong điều kiện nước ta thu nhập bình quân đầu người còn thấp, giá nhà và giá đất quá cao, xu hướng thị trường hóa đang lấn át ý nghĩa xã hội trong lĩnh vực nhà ở, việc đáp ứng nhu cầu nhà ở của đại đa số nhân dân, đặc biệt đối với những người hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước và những người có thu nhập thấp còn hết sức khó khăn. Vì vậy, vấn đề đặt ra ở đây là phát triển nhà ở như thế nào để có thể phục vụ được nhu cầu của đại đa số nhân dân.

Hiện nay giải pháp để đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho nhân dân chủ yếu theo hướng xây dựng chung cư cao tầng vì nó có nhiều ưu điểm so với dạng nhà liền kề kiểu dãy phố được xây dựng ở nước ta trong những năm gần đây như :

- Sử dụng đạt hiệu quả nhất, nhất là trong điều kiện đất đô thị ngày càng chật hẹp, khan hiếm và đáp ứng nhu cầu nhà ở cho đông đảo khách hàng.

- Là giải pháp tốt nhất về mặt quy hoạch đô thị, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý phát triển đô thị không những chỉ về phương diện không gian kiến trúc mà còn cả về phương diện hành chính, xã hội.

- Tạo điều kiện phát triển hệ thống hạ tầng đô thị theo tiêu chuẩn hiện đại, bảo đảm việc phát triển các đô thị mang tính cộng đồng và xã hội hóa cao. Giá thành một mét vuông sàn nhà thấp có thể đáp ứng nhu cầu của nhiều tầng lớp dân cư.

Tuy nhiên ở nước ta hiện nay, trong ý thức của đại đa số nhân dân còn có tâm lý ngại sống trong các chung cư cao tầng. Sự e ngại này hoàn toàn có cơ sở, bởi vì từ trước tới nay, tại Hà Nội và một số thành phố lớn mới chỉ xây dựng các chung cư có chiều cao đến 5 tầng. Các chung cư này được xây trong thời gian bao cấp, phần nào chỉ đáp ứng được về chỗ ở, chưa tính hết những nhu cầu khác cũng như những khó khăn của người sử dụng, đặc biệt với những hộ dân cư ở trên các tầng cao. Đó là : chỉ có cầu thang bộ, lên xuống bất tiện, vấn đề trông giữ các phương tiện giao thông cá nhân như xe đạp, xe máy; việc quản lý vận hành khu chung cư, việc cung cấp các loại hình dịch vụ nhỏ, thiết yếu hằng ngày v.v... chưa quan tâm đầy đủ.

Một thực tế nữa là sau khi xóa bỏ bao cấp về nhà ở, việc xây dựng các chung cư cao tầng thông qua kế hoạch đầu tư của Nhà nước chưa được quan tâm. Các chủ đầu tư phát triển đô thị và nhà ở chỉ quan tâm kinh doanh hạ tầng và các khu nhà ở thấp tầng vừa dễ tiêu thụ vừa thu hồi vốn nhanh..., còn xây dựng các chung cư cao tầng chỉ xây dựng theo vốn đặt trước của khách hàng; còn nếu như sử dụng vốn tín dụng ưu đãi thì việc đầu tư phải hết sức thận trọng vì giá thành cao, chưa phù hợp với khả năng mua của khách hàng. Nguyên nhân giá thành một mét vuông sàn nhà cao vì chủ đầu tư phải phân bổ một loạt các chi phí đầu vào như lãi suất ngân hàng, chi phí đền bù giải tỏa mặt bằng, chi phí thuế VAT, thu về tiền sử dụng đất, thuế chuyển quyền sử dụng đất v.v... Đây là chưa tính đến khoản kinh phí phân bổ vào hạ tầng xây nhà ở do các chi phí đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật bên ngoài hàng rào dự án mà chủ đầu tư phải bỏ ra như hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp điện nước từ nguồn đến dự án v.v...

Vì vậy, việc phát triển nhà ở theo kiểu chung cư cao tầng ở nước ta, đặc biệt là tại các đô thị lớn như Hà Nội và TP Hồ Chí Minh... là xu hướng tất yếu. Vấn đề là tìm ra các giải pháp hợp lý để xây dựng các căn hộ chung cư với giá thành hợp lý để người dân có thể mua được.

* Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị Bộ Xây dựng

Digitized by Google

2 - THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM MÔ HÌNH NHÀ CHUNG CƯ 9 TẦNG BẮC LINH ĐÀM

Trong các dự án Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị đang triển khai như khu nhà ở Bắc Linh Đàm, khu đô thị mới Định Công, chúng tôi đã bước đầu tháo gỡ một số vướng mắc nêu trên với mục tiêu phát triển nhà ở theo chương trình của thành phố Hà Nội.

Khởi đầu Tổng Công ty đã mạnh dạn đầu tư xây dựng nhà chung cư 9 tầng tại khu nhà ở Bắc Linh Đàm. Đây có thể xem là bước đi mạnh dạn, là một thử thách lớn để từ đó từng bước mở ra hướng phát triển các chung cư cao tầng khác. Công trình có tổng diện tích sàn khoảng 13 200 m^2 với 144 căn hộ.

Để triển khai xây dựng và vận hành chung cư 9 tầng mang tính hiện thực và khả thi, Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị đã chú trọng giải quyết một số vấn đề cơ bản sau :

- *Về thiết kế công trình và bố trí các căn hộ.* Ngay từ khi thiết kế, Tổng Công ty đã thực hiện thăm dò nhu cầu thị trường (với hình thức thông báo đến các cơ quan, trường học, bệnh viện) một số thông số cơ bản như mẫu mã, mức độ trang bị, điều kiện của căn hộ, điều kiện hạ tầng, các điều kiện dịch vụ cung cấp cho chung cư... để đưa ra giải pháp thiết kế cho các loại căn hộ và điều chỉnh kịp thời. Với cơ cấu mỗi căn hộ bao gồm 1 phòng khách, 1 phòng bếp ăn, khu vệ sinh, phòng tắm và tối thiểu 2 phòng ngủ đáp ứng tốt nhu cầu cho 1 gia đình trong điều kiện hiện tại, đồng thời còn bảo đảm không lạc hậu trong tương lai. Bên ngoài chung cư, hệ thống sân, đường nội bộ, bồn hoa cây cảnh, cây bóng mát, được quy hoạch chi tiết và đầu tư xây dựng.

- *Giải quyết vấn đề giao thông đứng.* Ngoài cầu thang bộ, trong chung cư 9 tầng được trang bị các thang máy lớn (tải trọng 1 tấn), phục vụ vận chuyển người và hàng hóa lên xuống nhanh chóng, thuận tiện. Nguồn điện cung cấp cho hoạt động của thang máy là điện lưới quốc gia.

- *Đáp ứng các dịch vụ.* Toàn bộ mặt bằng tầng 1 của chung cư được sử dụng với mục đích công cộng, trong đó một phần được dùng làm nơi trông giữ các phương tiện giao thông cá nhân, phần còn lại được dùng cho các hoạt động dịch vụ thương mại, đáp ứng các nhu cầu thiết yếu hằng ngày, trong đó có cả dịch vụ vận chuyển rác thải và các loại dịch vụ vui chơi, giải trí.

- *Quản lý, vận hành chung cư.* Từ trước tới nay, trên địa bàn thành phố chưa có cơ chế, chính sách về quản lý, vận hành các chung cư cao tầng nên chưa tạo được sự hấp dẫn và chưa hình thành nếp sống tại các chung cư cao tầng. Để giải quyết vấn đề này, Tổng Công ty thực hiện quản lý theo hình thức tập trung với việc giao cho một xí nghiệp trực thuộc đảm nhận, chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh và tổ chức các dịch vụ cần thiết trong chung cư, trong đó có các dịch vụ thu gom vận chuyển rác thải, bơm nước sinh hoạt, bảo quản vận hành thang máy... Việc quản lý chung cư 9 tầng đang đi vào nền nếp, bước đầu tạo ra mô hình quản lý chung cư thống nhất để áp dụng cho các chung cư cao tầng khác sau này.

- *Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xã hội.* Chung cư 9 tầng được xây dựng trong khu nhà ở Bắc Linh Đàm là một khu đô thị mới có đầy đủ các công trình hạ tầng kỹ thuật và xã hội đồng bộ. Đây cũng là một trong những yếu tố quan trọng tạo sự hấp dẫn cho chung cư và tạo điều kiện thuận lợi cho gia đình đến định cư.

- *Vấn đề giá bán :* Với mục tiêu thực hiện thí điểm để xây dựng rộng rãi các chung cư cao tầng tại các khu nhà đô thị mới mà Tổng Công ty đang triển khai, giá bán chung cư 9 tầng được xác định ở mức thấp nhất có thể để thu hút khách hàng. Trong điều kiện thu nhập của đại đa số nhân dân còn thấp, giá bán căn hộ là yếu tố hết sức quan trọng. Điều này được chứng minh rõ nét qua việc các căn hộ ở các tầng 8 và 9 có giá bán thấp đã tiêu thụ hết. Đây cũng là một tín hiệu đáng mừng, thể hiện việc sống trên các tầng cao đối với người dân là một giải pháp chấp nhận được khi mà các nhu cầu được đáp ứng một cách thích đáng. Từ đây có thể hy vọng rằng với một mức giá bán hợp lý, với việc giải quyết các khó khăn và quản lý tốt các chung cư có thể xóa dần tâm lý e ngại sống trên tầng cao của người dân.

Hiện nay, chung cư đã đưa vào sử dụng, nhiều hộ gia đình đã chuyển đến và ổn định cuộc sống tại đây. Tầng 1 chỉ được sử dụng cho mục đích

Digitized by Google

công cộng và được quản lý chặt chẽ nên không có hiện tượng cơi nới lấn chiếm như thường thấy tại các chung cư khác. Toàn bộ khu vực khuôn viên bên ngoài chung cư được chăm sóc cẩn thận tạo ra một khu vực xanh, sạch và đẹp.

Qua quá trình đầu tư xây dựng và vận hành chung cư 9 tầng, tại khu nhà ở Bắc Linh Đàm, có thể rút ra một số yếu tố cơ bản làm cho chung cư trở nên hấp dẫn và thu hút được khách hàng là giá bán, các dịch vụ phục vụ và công tác quản lý chung cư khi đưa vào sử dụng.

3 - PHƯƠNG HƯỚNG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRONG THỜI GIAN TỚI

Như trên đã đề cập, các yếu tố cơ bản để chung cư cao tầng có thể đi vào cuộc sống, trở thành hàng hóa thông dụng, được khách hàng chấp nhận là giá bán, điều kiện hạ tầng, các dịch vụ hằng ngày và việc quản lý vận hành chung cư. Ba yếu tố sau đây được Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị tổ chức thực hiện tốt, đem lại lòng tin cho khách hàng. Yếu tố quan trọng nhất và có tính quyết định là giá bán các căn hộ được hình thành bởi giá hạ tầng và giá xây dựng công trình trong đó giá xây dựng là thành phần gần như cố định. Vì vậy, để giảm giá bán, cần phải tác động và làm giảm giá hạ tầng. Giảm giá bán thông qua việc giảm giá hạ tầng một mặt là biện pháp tích cực để tiêu thụ nhà ở chung cư, từng bước đưa việc sống trong các chung cư trở thành điều bình thường, mặt khác cũng chính là chính sách hữu hiệu nhất hỗ trợ cho người có thu nhập thấp có điều kiện cải thiện chỗ ở của mình.

Tham khảo giá trị quyết toán chính thức của chung cư 9 tầng tại khu nhà ở Bắc Linh Đàm, giá thành xây dựng chung cư theo các yêu cầu đề ra khoảng 2 triệu đ/m² tính cho sàn căn hộ và toàn bộ diện tích tầng 1 sử dụng công cộng (không tính phần hành lang giao thông chung ở các tầng), giá hạ tầng phân bổ trong khoảng từ 100 ngàn - 200 ngàn đ/m² sàn. Nếu tính thêm các loại thuế và lãi thì giá bán căn hộ sẽ khoảng 2,3 triệu - 2,5 triệu đ/m² sàn. Căn cứ theo nhu cầu và khả năng tiêu thụ hiện nay thì mức giá bán căn hộ vào khoảng 2,2 triệu - 2,3 triệu đ/m² sàn căn hộ là hợp lý.

Hiện nay, trong các dự án phát triển các khu đô thị mới có nhiều khu vực được quy hoạch để xây dựng chung cư cao tầng, tổng diện tích sàn chung cư cao tầng chiếm một tỉ trọng không nhỏ trong tổng thể các dự án khu đô thị mới. Vì vậy,cần phải có hướng đầu tư hợp lý để một mặt bảo đảm xây dựng theo quy hoạch đã được duyệt, mặt khác đáp ứng nhu cầu nhà ở của những người có thu nhập thấp.

Từ thực tế bước đầu có thể khẳng định quy mô các chung cư có chiều cao từ 9 tầng trở lên thích hợp hơn so với các chung cư có quy mô 5 hoặc 6 tầng, bảo đảm việc sử dụng thang máy hiệu quả nhất, mức giá thành công trình tính cho một m² sàn thấp hơn. Từ bài học kinh nghiệm này, hiện nay Tổng Công ty đang từng bước tổ chức triển khai xây dựng các chung cư từ 9 đến 15 tầng tại khu nhà ở Bắc Linh Đàm và các chung cư từ 9 đến 11 tầng tại khu đô thị mới Định Công. Khi xây dựng các chung cư cao tầng ngoài việc thực hiện theo quy hoạch bảo đảm chất lượng công trình ổn định, bền vững còn phải tính đến khả năng hoàn vốn, không bị lỗ. Tổng Công ty cũng đặt ra mục tiêu để phấn đấu phục vụ những người có thu nhập thấp trong những điều kiện có thể. Đây là những người có nhu cầu về nhà ở rất cấp bách nhưng lại không có khả năng thanh toán ngay tiền mua nhà. Mặc dù đối tượng chính là để phục vụ của chung cư cao tầng là những người có thu nhập thấp nhưng cơ cấu, mẫu mã các căn hộ vẫn có sự thiết kế kỹ lưỡng, bảo đảm phù hợp cho lâu dài. Để đạt được mục tiêu đề ra, dự kiến các căn hộ sẽ được bán theo phương thức trả góp với lãi suất thấp.

Để thực hiện được dự kiến này, cần phải có một số điều kiện cần thiết từ phía khách hàng : phải thanh toán ngay một phần giá trị căn hộ, có việc làm ổn định, có mức thu nhập bình quân tính theo đầu người trong gia đình sau khi chi tiêu còn khoản tích lũy đủ thanh toán tiền trả góp, chưa có nhà ở hoặc hiện nay nhà ở quá chật.

Về hình thức trả góp có thể có 2 dạng :

- Thông qua các ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng. Chủ đầu tư liên kết với các ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng, các cơ quan này thanh toán tiền nhà một lần cho chủ đầu tư, khách hàng thanh toán định kỳ tiền trả góp cho các cơ quan

Digitized by Google

đó, tài sản thế chấp tại các cơ quan đó là chính các căn hộ.

- Khách hàng thanh toán định kỳ tiền trả góp trực tiếp cho chủ đầu tư.

4 - KIẾN NGHỊ

Để các chung cư được xây dựng đạt hiệu quả toàn diện theo các mục tiêu đề ra, đặc biệt là về phương diện kinh tế - xã hội cần có sự hỗ trợ nhiều mặt của các cơ quan trung ương và thành phố. Từ kinh nghiệm của mình, Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị có một số kiến nghị như sau :

- Đối với vốn xây dựng hạ tầng : Các chung cư cao tầng được xây dựng trong các khu đô thị mới, trong đó hệ thống hạ tầng do chủ đầu tư sử dụng vốn tự bổ sung của mình và huy động các nguồn vốn để đầu tư xây dựng, suất đầu tư xây dựng hạ tầng được phân bổ cho các loại đất trong đó có đất dành cho chung cư. Trong suất đầu tư xây dựng hạ tầng có giá trị đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng xã hội mà chủ đầu tư sẽ bàn giao không bồi hoàn cho thành phố khi đưa vào sử dụng. Để giảm suất đầu tư hạ tầng, trên cơ sở đó hạ giá thành các chung cư nhằm đáp ứng rộng rãi mọi đối tượng có nhu cầu về nhà ở, nhất là những người có thu nhập thấp, đề nghị Nhà nước đầu tư bằng vốn ngân sách toàn bộ các công trình hạ tầng xã hội (khấu trừ vào tiền sử dụng đất chủ đầu tư được chậm nộp), hỗ trợ một phần vốn ngân sách để xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối trong phạm vi dự án khu đô thị mới và đầu tư vốn ngân sách xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào có liên quan. Việc đầu tư các công trình này bằng nguồn vốn ngân sách sẽ làm giảm đáng kể hoặc loại hẳn suất đầu tư hạ tầng phân bổ trong giá bán công trình.

- Đối với vốn xây dựng chung cư : Để tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư, đề nghị Nhà nước hỗ trợ cho vay dài hạn từ Quỹ đầu tư phát triển quốc gia và các nguồn vốn khác, với mức lãi suất thấp, cụ thể vào khoảng 0,3 - 0,4%/tháng.

- Nhà nước và thành phố sớm ban hành cơ chế, chính sách đối với việc xây dựng, sử dụng và quản lý các chung cư cao tầng, đặc biệt quan tâm đến chính sách đáp ứng nhu cầu nhà ở cho những người có thu nhập thấp. ❑

TỪ THỦY LỢI...

(Tiếp theo trang 40)

ngành nghiên cứu xây dựng dự án *"hãy bắt đầu từ thủy lợi hóa"* theo bốn nội dung như đã nói ở trên sao cho phù hợp với đặc trưng về địa lý, địa chất, thủy văn, môi sinh... ở từng địa phương để phát triển nông nghiệp và nông thôn theo hướng CNH, HĐH đạt được hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

Hai là, Nhà nước nâng cao hơn nữa tỷ lệ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho phát triển nông nghiệp, nông thôn trong đó đặc biệt coi trọng đầu tư cho các công trình thủy lợi trên cơ sở rà soát và cân đối lại các khoản đầu tư sao cho bảo đảm hiệu quả và đúng mục đích.

Ba là, trên cơ sở điều tra, thăm dò, khảo sát nghiên cứu lập quy hoạch, lập các phương án sử dụng nguồn nước tổng hợp từ tổng thể đến cụ thể và thiết kế xây dựng từng loại công trình có căn cứ khoa học về kinh tế - kỹ thuật (hướng tới những tiến bộ về khoa học công nghệ) tối ưu. *Cần có những giải pháp hữu hiệu để thi công đồng bộ và hoàn chỉnh, bảo đảm chất lượng (theo đúng tiêu chuẩn quốc tế) và đưa nhanh công trình vào sử dụng để sớm phát huy hiệu quả kinh tế tổng hợp của vốn đầu tư.*

Bốn là, nghiên cứu sửa chữa, bổ sung hoàn thiện chế độ và luật pháp trong xây dựng quản lý sử dụng, bảo dưỡng, tu sửa công trình thủy lợi và thu nộp thủy lợi phí... bảo đảm thực hiện tốt các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đã được xác định.

Năm là, để có một lượng vốn lớn và đầu tư có hiệu quả cho các hệ thống công trình thủy lợi (bao gồm cả xây dựng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, trồng rừng đầu nguồn, v.v.) thực hiện yêu cầu "hãy bắt đầu từ thủy lợi hóa" để phát triển nông nghiệp, nông thôn, đề nghị *việc đầu tư vốn phải gắn với các giải pháp chống tham nhũng, lãng phí một cách kiên quyết và hữu hiệu.* Nếu ta ngăn chặn được "quốc nạn" này thì đây là một nguồn vốn rất lớn mà nhà nước có thể dùng để tăng đầu tư cho thủy lợi hóa chắc chắn sẽ góp phần mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội rất cao.❑

Digitized by Google

Về mô hình điểm bưu điện - văn hóa xã

MINH THẮNG *

Nước ta là một nước nông nghiệp với khoảng 80% dân số sống ở nông thôn và làm nghề nông. Tính đến thời điểm hết năm 1999, mật độ điện thoại cả nước đạt 3,2 máy/100 dân (năm 1991 là 0,18 máy/100 dân) vẫn chủ yếu tập trung tại các vùng đô thị và mới có 81,89% số xã có dịch vụ điện thoại, 78,43% số xã có báo đến trong ngày. Tại một số địa phương, nhất là các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng căn cứ cách mạng, kinh tế còn kém phát triển, người dân vẫn chưa được sử dụng các dịch vụ điện thoại, thậm chí ít có điều kiện mua và đọc sách, báo ; cái đói văn hóa, nghèo thông tin là vấn đề bức xúc, đang được Đảng và Nhà nước quan tâm giải quyết. Trước hết là việc đưa các dịch vụ văn minh, mang sách báo đến phổ biến cho nhân dân đọc.

Quán triệt Nghị quyết 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và Chỉ thị số 06 của Bộ Chính trị về phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn, Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam đã triển khai mô hình điểm bưu điện - văn hóa xã (BĐ - VH) trên quy mô toàn quốc. Điểm BĐ - VH xã sẽ đáp ứng nhu cầu sử dụng các dịch vụ bưu chính, viễn thông phổ cập, đồng thời thực hiện một số hoạt động văn hóa góp phần phát triển nền văn hóa mới, nâng cao dân trí và thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Điểm BĐ - VH xã là điểm đại lý bưu điện đặc biệt, cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông, thực hiện miễn phí việc đọc sách báo và tiến hành một số hoạt động văn hóa cho phép khác, nhằm phục vụ nhân dân ở các xã, mà ở đó chưa có đủ điều kiện thành lập bưu cục. Điểm BĐ - VH xã nằm trong hệ thống cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam.

Trong hai năm 1998 và 1999, Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông đã triển khai xây dựng điểm BĐ - VH xã trên quy mô toàn quốc (3 567 điểm/7 862 xã chưa có bưu cục) với tổng số vốn đầu tư gần 200 tỉ đồng, mức đầu tư bình quân là 55 triệu đồng/điểm. Các điểm BĐ - VH xã được xây dựng theo mẫu thiết kế đã được Tổng Công ty duyệt và ban hành, có điều chỉnh cho phù hợp với thực tế. Những tỉnh có địa bàn rộng lớn được đầu tư xây dựng nhiều nhất là Thanh Hóa : 287 điểm ; Nghệ An : 244 điểm ; Hà Tây : 162 điểm ; Bắc Giang : 140 điểm...

Tính đến hết năm 1999, đã có 2 426 điểm BĐ - VH xã được đưa vào hoạt động. Diện tích bình quân của một điểm là 200 m^2, được cấp chủ yếu từ nguồn quỹ đất công (đất 5%) và đất chuyên dùng với thời gian sử dụng từ 20 - 50 năm hoặc lâu dài. Các điểm BĐ - VH xã được trang bị tài sản ban đầu trị giá 10 triệu đồng gồm các thiết bị văn phòng cơ bản, có tủ sách khoảng 100 đầu sách các loại như luật, khoa học, kỹ thuật, kinh tế, nông, lâm, ngư nghiệp, y tế, giáo dục..., cung cấp thường xuyên một số tờ báo : "Nhân Dân", "Bưu điện Việt Nam", báo địa phương ; cấp bổ sung 500 000 đồng/điểm hằng năm để mua sách ; sử dụng 40 kW điện/1 tháng để phục vụ nhân dân đọc sách, báo, tài liệu tại chỗ miễn phí. Các điểm BĐ - VH xã cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông tối thiểu, nhận đặt mua báo chí dài hạn và bán lẻ ; điện thoại trong nước và quốc tế ; nhận điện báo trong nước ; hướng dẫn sử dụng dịch vụ 108 để tìm hiểu các thông tin về kinh tế, xã hội, pháp luật, văn hóa, sức khỏe... và các dịch vụ tư vấn khác.

Từ hoạt động của các điểm BĐ - VH xã có thể khẳng định tính thiết thực, đa mục đích của loài hình kinh doanh gắn chặt với địa bàn nông thôn, lấy nông dân làm đối tượng phục vụ và hướng tới thị trường tiềm năng tương lai ; kết hợp với tuyên

* Thạc sĩ, Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam

Digitized by Google

truyền pháp luật ; phổ biến các chính sách của Đảng, Nhà nước với việc nâng cao dân trí, mở rộng hiểu biết, tăng cường các mối giao lưu của đông đảo quần chúng nhân dân, đóng góp tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Đến 31-12-1999, mạng bưu cục của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông có 2 983 bưu cục và 340 đại lý bưu điện ; sau khi đưa thêm 2 426 điểm BĐ - VH xã vào phục vụ, đã nâng tổng số điểm phục vụ của Tổng Công ty lên 5 749 điểm, cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông phổ cập đến 53,3% số xã trong toàn quốc (năm 1998 là 43,4%). Diện tích bao phủ bình quân của một điểm phục vụ giảm từ 107,11 km² xuống còn 57,6 km² ; số dân phục vụ bình quân của một điểm phục vụ giảm từ 24 700 người/điểm phục vụ xuống còn 13 273 người/điểm phục vụ. Đặc biệt, trong số 2 426 điểm BĐ - VH xã đưa vào hoạt động có gần 40% số xã trọng điểm nằm trong "Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng sâu, vùng xa" của Nhà nước (Chương trình 135).

Thực tế hoạt động doanh thu các dịch vụ bưu chính, viễn thông tại các điểm BĐ - VH xã có xu hướng tăng dần (bình quân chiều đi của một điểm đạt gần 1 triệu đồng/tháng, điểm doanh thu cao nhất là điểm BĐ - VH xã Chư K. Pâng tỉnh Đắc-lak là 5,4 triệu đồng/tháng). Tỷ trọng doanh thu bưu chính bình quân của các điểm BĐ - VH xã (chiếm 12,95%) cao hơn tỷ trọng doanh thu bưu chính bình quân cả nước (5,6%). Tại các tỉnh có mật độ điện thoại ở nông thôn thấp thì doanh thu bình quân tháng của một điểm BĐ - VH xã thường cao hơn các tỉnh có mật độ điện thoại ở nông thôn cao. Điều này đã khẳng định việc đưa các dịch vụ bưu chính, viễn thông phổ cập đến nông thôn là một chủ trương đúng. Hoạt động kinh doanh này đã tuyển dụng được trên 3 000 lao động địa phương. Tính đến cuối năm 2000, nếu phát triển được gần 5 000 điểm BĐ - VH xã (chiếm 50% số xã trong cả nước) thì sẽ có 7 - 8 nghìn thanh niên nông thôn sẽ có việc làm.

Các điểm BĐ - VH xã đều được ghi tên trong danh bạ điện thoại bưu điện, là địa chỉ cho cả xã khi cần có thể liên lạc (đặc biệt là các ngư dân đánh cá xa bờ).

Tương lai khi nông nghiệp, nông thôn phát triển thì các điểm BĐ - VH xã sẽ là nơi người dân có thể tiếp xúc, sử dụng các dịch vụ tiên tiến như dịch vụ In-tơ-nét hoặc chữa bệnh từ xa bằng hình ảnh... Nó sẽ hạn chế hiện tượng lao động nông thôn ồ ạt đổ về thành phố ngày một gia tăng như hiện nay.

Các điểm BĐ - VH xã còn là trung tâm hoạt động văn hóa ở nông thôn ; ở đây người dân có thể đọc, tìm hiểu các thông tin về văn hóa, pháp luật, y tế, nông nghiệp... để nâng cao tri thức, phục vụ cho lao động sản xuất, tìm hiểu các nghị quyết, chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước. Hiện nay, nhân dân ở các vùng nông thôn có nhu cầu đến điểm BĐ - VH xã ngày một tăng. (Tính bình quân hằng ngày tại các điểm có trên 20 lượt người đến đọc sách báo. Ở Phùng Xá (huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây), Hòa Tiến, Yên Phụ (huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh), Bảo Kiệm, Bình An (tỉnh Đồng Nai). .. mỗi ngày có tới hàng trăm lượt người đến đọc sách báo).

Công đoàn Bưu điện Việt Nam đã phát động phong trào "Trồng cây văn hóa", đã quyên góp sách báo trong toàn ngành cho các điểm BĐ - VH xã, đồng thời một số bộ, ngành, đoàn thể các bộ : Văn hóa - Thông tin, Tư pháp, Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh... cũng đưa sách báo đến các điểm BĐ - VH xã.

Nhiều điểm BĐ - VH xã thuộc Bưu điện tỉnh Bắc Ninh đã thiết lập "đường dây nóng" giúp người dân liên lạc trực tiếp với lãnh đạo chủ chốt của huyện để phản ánh tình hình an ninh chính trị và đóng góp nhiều ý kiến bổ ích.

Các điểm BĐ - VH xã còn là nơi sinh hoạt của đoàn thể như kết nạp đội viên, đoàn viên mới, nơi hội họp các cụ nghỉ hưu, Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ. (BĐ - VH xã Đoan Ngũ, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng có sân cầu lông, có hội văn nghệ thi thơ của các cụ nghỉ hưu ; điểm BĐ - VH xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh là nơi tập hợp để trao đổi cách trồng hoa, chăm sóc cây ăn quả. Như vậy nông thôn Việt Nam đã xuất hiện thêm một thiết chế về văn hóa cơ sở, đó là điểm BĐ - VH xã của làng quê.

Nét đẹp văn hóa của các điểm BĐ - VH xã là thái độ phục vụ tận tình, văn minh trong giao tiếp của nhân viên các điểm BĐ - VH xã. Về các vùng

Digitized by Google

biên giới ở Hà Giang, Lạng Sơn, Lào Cai ; các vùng sâu, vùng xa của các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Bình ; các vùng căn cứ cách mạng thuộc các tỉnh Cà Mau, Đồng Tháp, An Giang... cũng như bất cứ điểm BĐ - VH xã nào trong cả nước, có thể bắt gặp các nhân viên giao dịch nhiệt tình phục vụ, hướng dẫn bà con nông dân làm quen, tiếp cận với các dịch vụ bưu chính, viễn thông tiên tiến. Nếu như trước đây, người dân chưa hiểu bưu điện là gì thì đến nay họ hiểu bưu điện là nơi rất gần gũi và có những dịch vụ hấp dẫn có thể sử dụng được như gọi điện thoại, gửi thư, đọc sách báo... Thật xúc động khi một người dân vùng cao lúng túng ban đầu cầm ngược cả tổ hợp máy nhưng sau đó là cuộc gặp gỡ người thân với hai dòng nước mắt chảy dài và một câu nói bột phát "Thế là Đảng đã mang xã hội chủ nghĩa đến bản này rồi".Câu nói đơn giản nhưng khẳng định vai trò thiết yếu của mô hình điểm BĐ - VH xã trong việc cung cấp những dịch vụ thông tin, đưa ánh sáng văn hóa đến các làng quê nông thôn.

Từ những kết quả bước đầu đạt được trên đây, có thể rút ra một số bài học sau :

Thứ nhất, điểm BĐ - VH xã là một chủ trương đúng, ý Đảng hợp với lòng dân, khi triển khai đã được các ngành hữu quan, các cấp lãnh đạo đảng, chính quyền hưởng ứng chỉ đạo có hiệu quả, được nhân dân nhiệt tình ủng hộ.

Thứ hai, ngành Bưu điện đã cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước thực hiện bước đi mang tầm chiến lược, tạo cơ hội kinh doanh lâu dài, ổn định.

Thứ ba, quyết tâm và tinh thần đầy trách nhiệm vượt trên mọi khó khăn thử thách để hoàn thành nhiệm vụ của toàn thể cán bộ công nhân viên ngành Bưu điện.

Thứ tư, điểm BĐ - VH xã kết hợp hài hòa giữa hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ bưu chính, viễn thông ; hoạt động văn hóa giữ vai trò nền tảng, và động lực thúc đẩy kinh doanh phát triển, góp phần cho Tổng Công ty làm tốt chức năng là doanh nghiệp nhà nước chủ đạo, nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Thứ năm, điểm BĐ - VH xã gắn kết giữa các giá trị đạo đức kinh doanh của Tổng Công ty với giá trị lợi ích của cộng đồng, xã hội ; thể hiện nghĩa tình của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông với bà con nhân dân vùng nông thôn.

Việc triển khai điểm BĐ - VH xã trong thời gian qua là một bước đột phá thử nghiệm cho một mô hình mới chưa có tiền lệ, do vậy bên cạnh những mặt làm được, cũng bộc lộ những nhược điểm sau :

- Hoạt động ban đầu của các điểm BĐ - VH xã với mục đích tạo sự công bằng thông qua việc sử dụng các dịch vụ bưu chính, viễn thông phổ cập và phục vụ một số hoạt động văn hóa cho nhân dân. Vì thế mà hiệu quả kinh tế - xã hội của các điểm BĐ - VH xã là rất cao. Thế nhưng, nếu xét riêng hiệu quả kinh doanh thì còn thấp do kinh phí đầu tư ban đầu lớn ; có điểm BĐ - VH xã thuộc Bưu điện tỉnh Lạng Sơn, doanh thu còn thấp chỉ đạt 15 000 đ/tháng, chưa đủ bù đắp chi phí để duy trì khai thác, vận hành.

- Một số điểm BĐ - VH xã chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc gắn kết giữa cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông với các hoạt động văn hóa nên tập trung nhiều vào việc cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông mà coi nhẹ hoạt động văn hóa ; hoặc có điểm BĐ - VH xã khi lập kế hoạch xây dựng chưa điều tra khảo sát kỹ mà cho xây dựng ở những nơi chưa có điện thoại, điện lưới hoặc diện tích quá nhỏ, vị trí không thuận tiện, dẫn đến hạn chế trong phát triển kinh doanh.

- Thù lao cho người lao động là 10% trên tổng doanh thu cước bình quân tháng hoặc mức tối thiểu 150 000 đ/tháng chưa phù hợp với sự phát triển kinh tế, điều kiện địa lý và đời sống nhân dân giữa các vùng, miền khác nhau, khi họ phải thường trực cả ngày, đêm.

- Cung cấp số lượng và chủng loại sách báo còn hạn chế, chưa đáp ứng đủ nhu cầu đọc của người dân.

Xây dựng các điểm BĐ - VH xã đã khó nhưng để các điểm BĐ - VH xã tiếp tục phát triển bền vững và kinh doanh có hiệu quả còn là vấn đề khó hơn. Chúng tôi xin đề xuất một số biện pháp nhằm phát triển các điểm BĐ - VH xã theo hướng phát triển bền vững.

- Tổng Công ty tiếp tục tập trung chỉ đạo, tìm mọi biện pháp và các nguồn lực để củng cố, phát triển các hoạt động tại các điểm BĐ - VH xã đạt hiệu quả cao. Các bưu điện tỉnh, thành phố cần

Digitized by Google

phát huy nội lực, chủ động sáng tạo, tìm mọi biện pháp khai thác tốt nhất tiềm năng của thị trường nông thôn, miền núi.

- Tiếp tục phát triển các điểm BĐ - VH xã ; phấn đấu đến cuối năm 2000 có 50% số xã có điểm BĐ - VH xã và đến cuối năm 2005 hầu hết các xã có điểm BĐ - VH xã. Tổ chức trao đổi, rút kinh nghiệm giữa các bưu điện tỉnh, thành phố trong việc đầu tư, triển khai các hoạt động kinh doanh và phục vụ văn hóa, các cơ chế quản lý để các điểm BĐ - VH xã tiếp tục phát huy hiệu quả về kinh tế - văn hóa - xã hội.

- Điểm BĐ - VH xã chỉ nên phát triển đến các xã có đủ điều kiện cần thiết như : có thể cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông tối thiểu ; địa phương hỗ trợ các điều kiện về đất đai và có lao động đủ khả năng đảm trách công việc quản lý điểm BĐ - VH.

- Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông cần phối hợp chặt chẽ hơn nữa với Tổng cục Bưu điện, Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính để tổ chức thêm các hoạt động văn hóa và có các chính sách khuyến khích mô hình hưu ích này phát triển.

- Tổng Công ty cần kết hợp với các cơ quan báo chí thường xuyên đăng tải các bài báo, phát sóng các chương trình tuyên truyền về hiệu quả kinh tế - xã hội thiết thực của điểm BĐ - VH xã ; phát động các phong trào quyên góp sách báo, tạp chí trong các cơ quan , đoàn thể, địa phương, doanh nghiệp và cá nhân để bổ sung và làm phong phú thêm tủ sách báo tại điểm BĐ - VH.

- Khuyến khích những người làm việc tại điểm BĐ - VH, Tổng Công ty cần nghiên cứu điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung phương thức trả thù lao cho phù hợp với điều kiện địa lý, đặc điểm kinh tế - xã hội của vùng, miền và mức sống của người dân tại từng địa phương.

- Tổng Công ty cần hướng dẫn các bưu điện tỉnh, thành phố tổ chức huấn luyện bổ sung các kiến thức về nghiệp vụ kinh doanh, giúp các nhân viên điểm BĐ - VH xã "làm giàu" công việc để khai thác triệt để các dịch vụ bưu chính, viễn thông phổ cập ; phục vụ tốt các nhu cầu văn hóa của nhân dân ; tiến tới mở thêm các dịch vụ gia tăng giá trị tại các điểm có đủ điều kiện để nâng cao sản lượng, doanh thu và chất lượng phục vụ.❑

PHÁT TRIỂN KINH TẾ...

(Tiếp theo trang 37)

Các công cụ kinh tế - tài chính được sử dụng cho mục tiêu bảo vệ môi trường cần được đa dạng hóa, áp dụng linh hoạt và thích hợp với các điều kiện và đối tượng cụ thể của mỗi địa phương. Xét trên mức độ phổ biến toàn cầu, chúng bao gồm : Các định chế tài chính - tín dụng môi trường ; thuế, phí và lệ phí tài nguyên, môi trường ; trợ cấp và thưởng, phạt tài chính ; chế độ giấy phép phát thải / xả thải có thể chuyển nhượng, mua bán được... Ngoài những công cụ và giải pháp này, cần xúc tiến đồng bộ một loạt giải pháp khác để bảo vệ môi trường như : xây dựng các chương trình quốc gia và quốc tế nhằm phục hồi tài nguyên môi trường, như tạo mưa nhân tạo hay phát triển thủy lợi tại các vùng hạn hán ; tăng cường trồng cây phủ xanh diện tích hoang hóa ; thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên, lập các "danh sách đỏ" các loại động - thực vật cần bảo vệ, tránh diệt chủng, các kho giống, kho gien ; hoàn thiện và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, xây dựng và quản lý đô thị, nông thôn và các vùng kinh tế... trên cả nước, đi đôi với tích cực thu gom, xử lý rác thải, tẩy trừ các nguồn ô nhiễm... nâng cao tinh thần và hoàn thiện cơ chế hợp tác khu vực và quốc tế nhằm cùng khai thác hiệu quả hơn các tài nguyên chung (sông, biển chung), giải tỏa các tranh chấp tài nguyên và chống lại sự chuyển dịch ô nhiễm (từ các nước phát triển sang các nước đang phát triển). Tranh thủ sự giúp đỡ của nước ngoài về thông tin, đào tạo, tài chính trong lĩnh vực môi trường. Hoàn thiện công tác dự báo và cách đối phó với các thiên tai. Củng cố tổ chức và năng lực, hiệu lực hoạt động của các cơ quan tư pháp, các cơ chế tài chính nhằm siết chặt kỷ luật và nâng cao hiệu lực của các luật lệ và chế định về môi trường trên thực tế. Lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường với xóa đói giảm nghèo để cải thiện mức thu nhập của dân chúng, tránh tình trạng vì mục đích sinh tồn trước mắt mà người dân phá rừng, hủy hoại môi trường. Đặt các giải thưởng tinh thần và vật chất nhằm khuyến khích kịp thời, thích đáng những tập thể, cá nhân có đóng góp hữu ích cho công tác bảo vệ môi trường. ❑

Digitized by Google

NÔNG TRƯỜNG SÔNG HẬU - ĐIỂM SÁNG VÙNG NÔNG NGHIỆP

TRẦN KIM DUNG

I. Chuyện cây lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL)

Thóc gạo là vấn đề then chốt của nông nghiệp ; cung cấp đủ và ổn định thóc gạo nói riêng và lương thực nói chung là yếu tố quan trọng đảm bảo cho ổn định xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để tiến hành sự nghiệp CNH, HĐH. 15 năm qua, sản xuất thóc gạo trong nước đã tăng nhanh nhờ có chính sách đổi mới về đất đai, thị trường nông sản ; nhờ những nỗ lực to lớn của Nhà nước trong đầu tư phát triển thủy lợi, áp dụng khoa học kỹ thuật, cải tạo giống. Năm 1998 là năm thứ mười chúng ta liên tục thắng lợi, tổng sản lượng quy thóc đạt mức kỷ lục (31,8 triệu tấn, trong khi sản lượng màu quy thóc vụ đông năm 1997 - 1998 vừa qua đã giảm 18 nghìn tấn). *Thời báo Lốt An-giơ-lét* số ra ngày 26-3-1999, trong bài *"Xuất khẩu gạo đem lại lợi nhuận lớn cho người nông dân Việt Nam"* có đoạn viết : "Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu gạo lớn thứ hai trên thế giới, chỉ đứng sau Thái Lan ; trong năm 1998, đã xuất được gần 4 triệu tấn gạo ra nước ngoài. Đây là một trong những thành công nhất về sản xuất nông nghiệp ở khu vực Đông - Nam Á. Mới chỉ năm 1986, Việt Nam còn là nước phải nhập gạo và đứng trước nguy cơ của nạn đói".

Ở ĐBSCL, lúa là cây trồng thích hợp nhất. Khu vực này, ngay từ cuối thế kỷ XIX, đã là một trong những vùng xuất khẩu gạo chính của thế giới do có điều kiện thiên nhiên ưu đãi, giá nhân công rẻ, thóc gạo có giá thành thấp. Đã có những tư liệu cho thấy, giá thóc gạo ở ĐBSCL thuộc loại thấp nhất so với các nước trồng lúa lớn của thế giới. Sản xuất thóc gạo là nguồn thu nhập chính của gần 12 triệu nông dân sinh sống trong vùng.

Hiện nay, hằng năm, vùng này sản xuất ra khoảng 50% sản lượng lương thực của cả nước và hầu hết lượng gạo xuất khẩu. Xác định vị trí quan trọng của khu vực trong chiếm lược đảm bảo an ninh lương thực của đất nước, tháng 2-1996, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định 99/TTg về phát triển thủy lợi, giao thông, và xây dựng nông thôn ĐBSCL. Cũng trong năm 1996, kim ngạch xuất khẩu gạo đã đạt gần 1 tỉ USD, chiếm gần 15% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Tuy nhiên, trong những năm tiếp theo, do giá thóc, gạo có nhiều biến động nên cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến thu nhập và đời sống của nông dân. Nông dân trồng nhiều giống lúa gạo có chất lượng thấp khó xuất khẩu ; năng lực của các công ty xuất khẩu lương thực hạn chế... là những nguyên nhân trực tiếp ảnh hưởng đến quá trình xuất khẩu gạo. Vì thế, chỉ có cải tiến cơ chế *chính sách tiêu thụ thóc gạo* mới tác động nhanh chóng và mạnh mẽ, tạo thị trường thuận lợi cho những giai đoạn sau. Nếu năm1997, Chính phủ mới giao hạn ngạch cho các đơn vị xuất khẩu 2 lần/năm ; sang năm 1998, đã mạnh dạn giao hết hạn ngạch một lần ngay từ đầu năm, tạo điều kiện để các đơn vị xuất khẩu chủ động tìm kiếm thị trường và ký kết hợp đồng bán và thu mua lương thực dự trữ phục vụ hoạt động này. Đối tượng được phép xuất khẩu cũng được mở rộng ra cả các đơn vị tư nhân hoặc liên doanh. Thị trường xuất khẩu gạo trực tiếp của Việt Nam được mở rộng ra Đông - Nam Á, Trung Đông và Tây Phi ; số đầu mối qua các nước trung gian ít hơn.

II. Vươn lên từ vùng đất trũng Tây sông Hậu

Trong 6 vùng sinh thái nông nghiệp ở ĐBSCL, vùng đất trũng Tây sông Hậu ít được nhắc tới nhất bởi diện tích không lớn. Ở đây, từ lâu đã có tập quán cấy lúa nổi, năng suất thấp.

Ngày nay, nói về sự đổi thay, đi lên của vùng đất này, nhiều người, ở cả trong và ngoài nước thường

Digitized by Google

lấy ***Nông trường sông Hậu*** (NTSH) (Ô Môn - Cần Thơ) làm điển hình tiêu biểu. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, 7 000 ha đất (thuộc NTSH ngày nay) còn là vùng mênh mông lau sậy, chằng chịt gò trũng. Tháng 4-1979, Nông trường chính thức được khai sinh trên mảnh đất còn rất hoang sơ ấy với vỏn vẹn 16 cán bộ, công nhân viên (CBCNV), 10 chiếc máy cày và 3 000 ha đất.

Sau 20 năm tự khẳng định mình, Nông trường đã vững vàng đi lên từ lúa nổi 1 vụ, bấp bênh, thành 2 - 3 vụ/năm (lúa - cá - tôm), với sản lượng từ 2 000 tấn lên 60 000 tấn/năm. Lúc vào nhận khoán, thu nhập của nông dân ở mức nghèo hoặc đủ ăn ; nay đã giải quyết ổn định đời sống cho gần 3 000 hộ nông dân. Lợi nhuận hàng năm từ 7 - 8 tỉ đồng ; doanh số 1 138 tỉ đồng vào năm 1998. Thu nhập bình quân nông hộ là 33 triệu/năm. Con em nông dân đến tuổi đều được đến trường ; y tế, giáo dục hoàn toàn miễn phí.

Hai mươi năm phát triển của Nông trường là hình ảnh thu nhỏ về bước đường đầy chông gai, khó khăn của sản xuất nông nghiệp nước ta sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. Nếu chỉ nhìn vào cuộc sống no đủ, sung túc hiện nay của CBCNV nông trường, sẽ không thấy hết được chặng đường dài mà họ đã trải qua ; không hình dung được ngày hôm qua họ đã sống và làm việc thế nào. Gần một phần tư thế kỷ, những người nông dân cần cù, tần tảo của vùng đất phương Nam này đã vượt bao gian truân, vất vả, tìm tòi mới vươn tới những thành công của hôm nay.

1. Mười năm xây dựng và củng cố (1979 - 1989)

Thành công của thời kỳ xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật : biến từ vùng đất hoang hóa thành đồng ruộng phì nhiêu ; bước đầu áp dụng cơ khí hóa nông nghiệp và đầu tư cho phát triển văn hóa xã hội chính là "vạn sự khởi đầu nan" cho sự phát đạt của những giai đoạn sau này mà người có đóng góp lớn là Giám đốc *Năm Hoằng*, một cựu chiến binh, một đảng viên nhiều kinh nghiệm sống và luôn gắn bó với ruộng đồng. Người giám đốc dám nghĩ, dám làm ấy đã biết dựa vào trí tuệ của đội ngũ cán bộ ; tranh thủ sự giúp đỡ của các cơ quan, các tổ chức (cả ở trong và ngoài nước). Ông biết xác định đúng tiềm năng, thế mạnh tự nhiên của vùng đất ; gắn trồng trọt với chăn nuôi ; xác định những nhiệm vụ trọng yếu cụ thể cho từng giai đoạn, từng con người. Theo ông, công cụ, máy móc càng tinh xảo thì kỹ năng, lối sống của con người phải tương đương, vì thế, phải chăm lo giáo dục, xây đắp cho con người. Một trong những việc đầu tiên là đầu tư xây dựng đội ngũ, nâng cao trình độ dân trí cho người lao động. Nông trường viên là những người đã đến với đôi bàn tay trắng, tài sản của họ không có gì ngoài lòng hăng say lao động. Đói nghèo, đổ nát, đau thương, mất mát, thất học... hậu quả của chiến tranh kéo dài còn in sâu trong mỗi mảnh đời. Vậy mà, đến năm 1985, mặc dù ở ĐBSCL, tỷ lệ người mù chữ còn khá cao so với cả nước, Nông trường đã hoàn thành *công tác xóa nạn mù chữ* cho CBCNV.

Theo năm tháng, mảnh đất hoang sơ đã dần thay da, đổi thịt, cuộc sống đã hồi sinh. Những cánh đồng lúa nhiều vụ trải rộng dần để trồng ngày càng nhiều các loại nông sản luân canh. Máy cơ giới, máy xay xát... được trang bị nhiều thêm. Từ 40 con giống ban đầu đã phát triển lên đàn gia súc lớn gấp nhiều lần cả về số lượng và chủng loại. Năm 1985, 300 tấn chuối khô của Nông trường đã vượt hàng ngàn cây số sang tận thị trường Liên Xô (cũ) v.v. Ghi nhận công lao to lớn của những người mở đất, năm 1985, Nhà nước đã phong tặng đơn vị danh hiệu *Anh hùng lao động* và *Huân chương lao động hạng nhất.*

2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH

+ Thời kỳ (1990 - 1995) :

Khi sản xuất lúa đã khá ổn định, công việc tiếp theo cần phải làm là tập trung chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp, nâng cao chất lượng sản phẩm ; xây dựng hệ thống chế biến nông sản, mở rộng vùng nguyên liệu. Thế độc canh cây lúa đã được thay thế bằng luân canh lúa - màu ; các mô hình kết hợp : *trồng trọt - chăn nuôi - thủy sản,* được mở rộng. Song, vấn đề được quan tâm nhất khi quy mô sản xuất đã phát triển là *thị trường đầu ra.*

Ở ĐBSCL, từ nhiều năm, có tới 90% nông dân bán lúa tại nhà, chủ yếu bán cho lực lượng tiểu thương hàng xáo có phương tiện ghe, thuyền nhỏ đến mua. Trên thực tế, tư thương mua và phân phối tới 95% : các doanh nghiệp quốc doanh chỉ thu mua trực tiếp khoảng 5% lượng thóc của dân ; còn chủ yếu thu mua lại qua nhiều tầng lớp tư thương. Vì vậy, cần một hệ thống kinh doanh thóc gạo trong nước và xuất khẩu hoạt động hiệu quả hơn mới duy trì được giá lương thực ở mức có lợi cho nông dân ; đây là khâu quyết định trong kinh doanh của các

Digitized by Google

doanh nghiệp. Lãnh đạo NTSH đã mạnh dạn kiến nghị Nhà nước cách quản lý thị trường xuất khẩu gạo, cho xuất trực tiếp không qua trung gian. Năm 1992, NTSH chính thức được phép xuất nhập khẩu, được thành lập doanh nghiệp nhà nước.

Khi sản xuất lúa đã ổn định và có dư, Phó giám đốc *Ba Sương* - một cán bộ nữ hoạt bát, năng nổ ; nhà kinh doanh có kiến thức về nông nghiệp đã chủ động tìm kiếm thị trường cả trong và ngoài nước để tiêu thụ các loại nông sản. Nhờ vậy, không còn tình trạng ứ đọng nông sản ; doanh thu đạt năm sau cao hơn năm trước (năm 1992, xuất được 607 tấn rau, quả các loại ; doanh thu 158 368 USD. Năm 1993, thu được trên 170 000 USD. Năm 1994, kim ngạch xuất khẩu trên 1 triệu USD. Năm 1995 tăng lên 3 triệu USD). Các Công ty cổ phần liên doanh với các địa phương cũng lần lượt ra đời. Năm 1993, liên kết trồng và chế biến gừng, nấm rơm ở Đắc Lắc ; kế đó, đã thành lập phân xưởng chuối sấy ở Đồng Nai.

Năm 1995, Nông trường xuất khẩu ủy thác khoảng 5 000 tấn gạo cho Hồng Công ; trực tiếp xuất 5 500 tấn cho In-đô-nê-xi-a, 300 tấn cho Nhật. Tuy hàng nông sản chế biến xuất khẩu chưa nhiều (chỉ chiếm 3% - 4% tổng doanh số), nhưng bước đầu đã thâm nhập thị trường quốc tế (cả các thị trường khó tính như Nhật, Mỹ...). Do chưa trực tiếp xuất khẩu gạo nên phần lớn sản phẩm chế biến xay xát cung ứng cho các đơn vị bạn xuất khẩu và phục vụ nội địa. Mức lãi ròng năm 1995 đạt 8,7 tỉ đồng. Sản phẩm của Nông trường đã được tặng *8 Huy chương Vàng, nhiều Bằng khen* tại Hội chợ Nông nghiệp quốc tế Việt Nam các năm 1993, 1994.

Nhờ những tiến bộ trong sản xuất, đời sống văn hóa, xã hội được cải thiện đáng kể. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý ngày được nâng cao : 53 người có trình độ đại học, 4 người trên đại học, 80 người có trình độ trung cấp. Năm 1995, đã *hoàn thành phổ cập văn hóa cấp I* cho những người trong độ tuổi. Theo chủ trương xây dựng nông thôn mới, do tự tạo được nguồn gỗ xây dựng, tới năm 1996, đã có 2 000 hộ cất nhà gỗ bạch đàn. Nông trường có hẳn một lâm trường riêng. Một lần nữa, vinh dự lớn lao lại đến với tập thể CBCNV nông trường - *Huân chương độc lập hạng III* do Nhà nước trao tặng năm 1992.

+ Giai đoạn từ 1996 :

Trong Báo cáo thực hiện nhiệm vụ KT - XH của tỉnh Cần Thơ các năm 1996, 1997 và thời kỳ sau đó luôn nổi cộm vấn đề, ngày một nhiều các công ty, xí nghiệp, cả của tư nhân và Nhà nước (nhất là trong lĩnh vực xuất nhập khẩu), làm ăn thua lỗ. Khả năng sinh lời, tỉ suất lợi nhuận, vòng quay vốn, nộp ngân sách... của doanh nghiệp Nhà nước đều giảm so với năm trước. Nguy cơ giải thể hoặc tuyên bố phá sản các doanh nghiệp đó là hiện thực. Trong bối cảnh chung không mấy sáng sủa đó, NTSH vẫn nổi lên, là điểm sáng lung linh bởi *tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế* phát triển khá nhanh ; vẫn là tấm gương cho các doanh nghiệp của tỉnh, của nhiều địa phương trong cả nước. Tiếng lành về Nông trường đã lan ra cả ngoài nước. Tờ Tin tức buổi chiều của TTXVN (15-11-1995) đã đưa nhận xét của Đao Giôn : "Nông trường sông Hậu vừa là nhà xuất khẩu gạo thử nghiệm, vừa là ví dụ về mô hình HTX kiểu mới mà Chính phủ Việt Nam đang cố gắng áp dụng".

Trong sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, ưu tiên đầu tư nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ, gắn với thực tiễn đóng vai trò rất quan trọng. Theo đánh giá của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN & PTNT), trong tổng giá trị tăng trưởng hàng năm của ngành, hơn 1/3 là do ứng dụng khoa học và công nghệ mang lại. Xã luận của báo Nhân Dân (ngày 26-1-2000) đã coi NTSH là một điển hình của việc *gắn nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ với thực tiễn.* Xin nêu một ví dụ. Khá phổ biến ở ĐBSCL một thực trạng, do không có điều kiện phơi sấy và bảo quản, tới trên 75% nông dân bán lúa ngay sau thu hoạch (nhất là vụ hè thu). Tình trạng này tạo sức ép làm giảm giá thóc gạo sau thu hoạch, ảnh hưởng xấu tới thu nhập của nông dân. Thiệt hại này ở ĐBSCL ước tính khoảng 10 - 15%/năm (khoảng 600 tỉ đồng). Việc từ năm 1996, NTSH áp dụng sáng kiến *phơi sấy lúa* rất đơn giản bằng *lều ni-lôn* của kỹ sư Nguyễn Văn Kết, đã giúp hạn chế được đáng kể tình trạng lúa nảy mầm, ẩm, mốc sau khi thu hoạch. Kinh nghiệm này đã được nhân rộng ra nhiều tỉnh bạn.

Từ đầu năm 1997, chính sách xuất khẩu gạo của Nhà nước đã có những thay đổi đáng kể (70% trong 2,5 triệu tấn gạo dự định xuất khẩu trong năm được ưu tiên cho các công ty lương thực của Trung ương ; 30% còn lại giao cho UBND các tỉnh ĐBSCL chủ động đấu thầu cho các đơn vị xuất khẩu trực tiếp). NTSH được Bộ NN & PTNT đề nghị là một đầu mối xuất khẩu gạo, thực hiện thí điểm mô hình *đơn vị sản xuất lúa gạo tham gia xuất khẩu* và *mua lúa của nông dân theo giá bảo hiểm.* Cảng Cần Thơ

Digitized by Google

được đầu tư xây dựng thành cảng xuất khẩu gạo lớn của ĐBSCL. Trong sơ thảo Dự án vùng lúa xuất khẩu ĐBSCL (1-1998), Bộ NN & PTNT đã ghi nhận, cần : "nhân rộng mô hình *thu mua, chế biến, xuất khẩu gạo* như NTSH đã thực hiện... để nâng cao chế độ trách nhiệm và bảo đảm quyền lợi cho cả hai phía".

Nông trường đã xuất khẩu được nhiều mặt hàng phong phú (gạo thơm ; chuối, hành, khổ qua sấy ; gừng muối ; thạch nước dừa ; gà Nhật...) thu lợi cho nông trường viên, cho tỉnh Cần Thơ và cho Nhà nước. Sản phẩm mang nhãn hiệu SOHAFARM đã trở nên quen thuộc và ngày càng có uy tín trên thị trường quốc tế. Không dừng lại ở những kết quả đã đạt được, Giám đốc Ba Sương (người kế tục Năm Hoằng) tiếp tục tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm ; chị đặc biệt quan tâm đến thị trường Nhật Bản, khối EU và Mỹ. Năm 1998, kim ngạch xuất khẩu đạt 57,22 triệu USD.

Đời sống của 2 800 hộ đã được cải thiện đáng kể nhờ làm theo mô hình sản xuất đa canh (ruộng, rẫy, vườn, ao, chuồng). Thu nhập bình quân 1998 lên tới 3 150 000 đồng/tháng. Các công trình hạ tầng văn hóa - xã hội tiếp tục được đầu tư. 5 km đường nội bộ được trải nhựa ; 200 km trải cát núi. Cung cấp 100% điện sản xuất và 30% điện sinh hoạt. Hệ thống trường cấp II, III được xây dựng. Đội ngũ giáo viên 150 người được chuẩn hóa, giảng dạy cho hơn 3 000 học sinh. Đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật đã lên tới 371 người. NTSH còn giúp cho 31 HTX nông nghiệp trong và ngoài tỉnh ; mở rộng vùng nguyên liệu chế biến cho nông trường.

Giáo sư *Võ Tòng Xuân* trong Hội thảo khoa học *"NTSH -mô hình phát triển theo định hướng XHCN"* đã nhấn mạnh, đây là ***mô hình doanh nghiệp đa năng,*** phát triển nông nghiệp và nông thôn theo trình độ của nông dân nước ta hiện nay. Theo ông, những kinh nghiệm thành công được rút ra là : hiểu rõ các yếu tố tự nhiên và xã hội ; quy hoạch sản xuất khoa học, theo hướng kinh doanh nông nghiệp tổng hợp, đa năng ; tăng cường quản lý (khoa học và công nghệ, chất lượng sản phẩm, cơ giới hóa, tổ chức khuyến nông, cung ứng vật tư nông nghiệp) ; có chính sách tiết kiệm ; xây dựng đào tạo đội ngũ, quan tâm đến người lao động ; kết hợp hài hòa mối quan hệ (nhà nước - tập thể - cá nhân) trong cơ chế khoán ; xây dựng cơ sở hạ tầng.

Tất nhiên, trong hơn 20 năm hoạt động, không phải lúc nào cũng gặt hái thành công. Đã có rất nhiều lần va vấp, cũng có rất nhiều những vướng mắc từ hoạt động thực tiễn (chính sách thuế, chính sách vốn đầu tư, chính sách tiêu thụ nông phẩm v.v) cần được tháo gỡ bằng chính sức mạnh nội lực cũng như có sự trợ giúp của Nhà nước, của Tỉnh và các đơn vị bạn. Song, những gì mà NTSH đã làm và đang mạnh dạn đi tới là những nhân tố mới rất cần được khuyến khích, được nhân rộng theo tinh thần Nghị quyết số 06/NQ/TU : "Coi trọng thực hiện CNH, HĐH trong phát triển nông nghiệp... đưa nông nghiệp và kinh tế nông thôn lên sản xuất lớn... là cơ sở để ổn định tình hình kinh tế, chính trị, xã hội... đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước theo định hướng XHCN".❑

LỜI CẢM ƠN

Nhân dịp kỷ niệm 75 năm Ngày báo chí cách mạng Việt Nam (21-6), Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản đã nhận được sự chúc mừng và những tình cảm thân thiết của các cơ quan, đoàn thể, đơn vị, cá nhân... ở trung ương và các địa phương trong nước ; của các đại sứ quán và cơ quan ngoại giao tại Việt Nam.

Chúng tôi coi đó là nguồn động viên to lớn đối với tập thể cán bộ, phóng viên, công nhân viên của Tạp chí Cộng sản ; đồng thời càng thấy rõ vinh dự và trách nhiệm để tiếp tục rèn luyện phấn đấu đáp ứng với niềm tin yêu, sự mong mỏi của bạn đọc, cũng như xứng đáng là cơ quan lý luận - chính trị của Trung ương Đảng trong thời kỳ mới của đất nước.

BAN BIÊN TẬP TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Digitized by Google

LỰC LƯỢNG XUNG KÍCH TRÊN MẶT TRẬN THẦM LẶNG VÌ SỰ BÌNH YÊN BIÊN GIỚI

TRỊNH XUÂN VIỆT *

NGÀY 23-4-1959, Cục trinh sát biên phòng thuộc Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng được thành lập. Trải qua hơn 40 năm chiến đấu, xây dựng và trưởng thành, Cục đã góp phần quan trọng cùng Bộ đội Biên phòng hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Với bao hy sinh anh dũng Cục trinh sát Bộ đội Biên phòng đã lập nhiều chiến công xuất sắc, đặc biệt 15 năm đổi mới vừa qua.

Bằng các biện pháp nghiệp vụ, Cục đã thu hàng vạn tin, tài liệu nguyên bản, trong đó có nhiều tin mang tính chiến lược như phát hiện chiến dịch "chuyển lửa về quê" năm 1986 và gần đây là kế hoạch "Trung sơn", chiến dịch "Hòa bình" của bọn phản động lưu vong lôi kéo, tuyển lực lượng, đưa ra nước ngoài huấn luyện rồi tung về Việt Nam phá hoại... Trinh sát biên phòng đã kịp thời tham mưu cho chỉ huy các cấp và tổ chức các kế hoạch đánh bắt, thực hiện đối sách tốt không để bị động bất ngờ trước những âm mưu và hoạt động chống phá của địch. Qua các biện pháp nghiệp vụ, đã xác lập 80 chuyên án trinh sát (gồm 56 chuyên án chính trị, 24 chuyên án đấu tranh với bọn vận chuyển và tàng trữ buôn bán ma túy, vũ khí, tiền giả, đưa phụ nữ, trẻ em qua biên giới) hàng trăm vụ án và triển khai nhiều kế hoạch nghiệp vụ đạt kết quả. Kết quả đấu tranh chuyên án đã góp phần phát hiện 10 nhóm, tổ chức phản động lưu vong như : "Chính phủ Việt Nam tự do", "Đảng nhân dân hành động", "Việt Nam xã hội liên hoa đảng", "Việt tân"... được nước ngoài nuôi dưỡng và tìm cách đưa về Việt Nam hoạt động phá hoại. Phát hiện một số tổ chức, lực lượng phỉ hoạt động vào biên giới ta ; một số hoạt động của cơ quan đặc biệt bên ngoài lợi dụng liên doanh, liên kết kinh tế, quan hệ hai bên biên giới để móc nối vào biên giới nước ta. Phát hiện nhiều đối tượng, trong đó có cả cán bộ, đảng viên, cán bộ chính quyền cơ sở, người trong lực lượng vũ trang của ta bị cơ quan đặc biệt nước ngoài móc nối, sử dụng... *Với phương châm giữ vững bên trong là chính, chủ động vô hiệu hóa hoạt động bên ngoài bảo vệ an toàn nội bộ*, Cục đã phối hợp với các ngành chức năng giúp cấp ủy, chính quyền địa phương và một số đơn vị quân đội kiểm tra, xác minh để làm trong sạch nội bộ.

Hoạt động của bọn tội phạm những năm gần đây ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp. Tội phạm là hiện tượng xã hội, vì thế cuộc đấu tranh này rất khó khăn gian khổ, hoạt động vừa mang tính nghiệp vụ, độc lập sáng tạo cao, vừa mang tính hiệp đồng tập thể, vừa mang tính quần chúng sâu sắc, tổ chức nhân dân cùng đấu tranh. Nhờ vậy đã phát hiện 38 tổ chức đường dây đưa người xuất nhập cảnh trái phép từ nước ngoài vào Việt Nam đi nước thứ 3. Phát hiện hàng trăm vụ đối tượng chuyên dụ dỗ, lừa phỉnh phụ nữ, trẻ em bán ra nước ngoài. Phối hợp với các cơ quan chức năng đưa hàng nghìn phụ nữ, trẻ em về đoàn tụ với gia đình. Thực hiện quyền điều tra của Bộ đội Biên phòng, Cục trinh sát đã phối hợp trinh sát các cấp điều tra, xử lý hàng chục nghìn vụ đối tượng vi phạm pháp luật như xuất nhập cảnh trái phép, buôn lậu, buôn bán ma túy, chất nổ, tiền giả... Đặc biệt những năm gần đây đã phát hiện thu 210,13 kg thuốc phiện ; 10,86 kg hêrôin, 126 kg cần sa ; 13 286 ống thuốc gây nghiện ; hàng trăm súng các loại, hàng nghìn

* Đại tá, Cục trưởng Cục trinh sát Bộ đội Biên phòng

Digitized by Google

ki-lô-gam thuốc nổ. Phối hợp với các lực lượng bắt xử lý 158 vụ trấn cướp có vũ trang. Trên mặt trận đấu tranh chống buôn lậu và gian lận thương mại, Cục đã tham mưu cho Bộ tư lệnh ra các văn bản chỉ đạo các đơn vị phối hợp chặt chẽ với các lực lượng phát hiện đấu tranh có hiệu quả. Bắt và xử lý hàng nghìn vụ, hàng nghìn phương tiện vận tải giao cho các cơ quan chức năng xử lý thu về cho Nhà nước hàng trăm tỉ đồng.

Biên giới thường là nơi tập trung nhiều đồng bào tôn giáo, dân tộc. Kẻ địch và các tội phạm triệt để lợi dụng sự hiểu biết có hạn, đời sống kinh tế còn khó khăn của đồng bào để lôi kéo vào tổ chức phản động, gây mất ổn định. Đây cũng là nhiệm vụ nặng nề đối với lực lượng biên phòng nói chung và trinh sát biên phòng nói riêng phải gánh vác để giữ yên biên cương Tổ quốc và họ đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ này.

Có được những kết quả trên đây là cả quá trình hy sinh phấn đấu kiên cường bền bỉ, đoàn kết của các thế hệ cán bộ chiến sĩ trong Cục. Dù ở địa bàn nào, cán bộ, chiến sĩ đều dũng cảm nhận về mình gian khổ khó khăn, xa gia đình, người thân, bám biển, bám rừng sâu, núi cao nắm vững địa bàn. Nhiều khi phải nhịn đói khát, chấp nhận mọi thiếu thốn gian khổ, ốm đau, dựa vào dân, bám địch ròng rã hằng tuần, hằng tháng trời ; đối mặt với bao nguy hiểm.

Trong khó khăn gian khổ, cán bộ, chiến sĩ càng được tôi luyện lòng trung thành dũng cảm, tình yêu đồng đội, niềm tin với Đảng, Nhà nước, quyết tâm bảo vệ an ninh biên giới. Cục đã có nhiều thế hệ cán bộ trinh sát là vợ chồng, cha con, anh em cùng chung chiến hào, cùng theo nghề nghiệp lớn - một nghề đòi hỏi sự hy sinh và lòng dũng cảm trên trận tuyến thầm lặng. Song mọi cán bộ, chiến sĩ đều tự hào về truyền thống vẻ vang của người chiến sĩ biên phòng và hình ảnh "Bộ đội Cụ Hồ" trong thời đại hiện nay.

Hơn 10 năm qua, Cục đã 3 lần được nhận cờ luân lưu của Chính phủ, 6 bằng khen của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, 3 năm Đảng bộ Cục được nhận cờ Đảng bộ trong sạch vững mạnh ; 18 lượt tập thể, 66 cá nhân được tặng Huân chương chiến công hạng I, II, III và Bằng khen của Chính phủ về thành tích đấu tranh chuyên án và chống tội phạm hình sự ở biên giới. Liên tục trong nhiều năm Cục đã phát động phong trào gắn xây dựng chi bộ trong sạch vững mạnh với xây dựng đơn vị cơ quan vững mạnh toàn diện, nên mặc dù các đơn vị ở phân tán nhiều nơi nhưng ít xảy ra những vụ vi phạm kỷ luật nghiêm trọng, nội bộ đoàn kết thống nhất, giữ nghiêm kỷ luật quân đội, pháp luật Nhà nước, giữ vững danh hiệu đơn vị an toàn.

Những năm qua, từ thực tiễn đấu tranh chuyên án, hoạt động nghiệp vụ chuyên môn có thể rút ra những kinh nghiệm chủ yếu sau :

- Dũng cảm, thông minh, kiên trì, bí mật, âm thầm phát hiện đấu tranh đón bắt đối tượng. Dựa vào quần chúng cùng ăn, cùng ở, cùng lao động với bà con, xây dựng cơ sở, phát hiện tin tức hoạt động của đối tượng. Cảnh giác với mọi âm mưu thâm độc của kẻ xấu đe dọa, mua chuộc. Giữ vững ý chí, không nghiêng ngả ; giữ vững phẩm chất cao đẹp của Bộ đội Cụ Hồ, của người chiến sĩ trinh sát biên phòng, lập nhiều chiến công. Khiêm tốn học hỏi, miệt mài nghiên cứu, mạnh dạn đề xuất, đổi mới phương thức hoạt động, chọn phương án tối ưu đem lại hiệu quả cao. Các bộ phận trong Cục thường xuyên nêu cao tinh thần tận tụy phục vụ, cải tiến lề lối làm việc để làm tốt nhiệm vụ phục vụ chuyên môn.

- Là lực lượng đặc thù với nhiệm vụ nặng nề, tính chất công tác trên địa bàn khó khăn, hiểm trở, đối tượng đấu tranh phức tạp, nên việc xây dựng lực lượng là khâu hết sức quan trọng để tạo nên sức mạnh giành chiến thắng. Ngay từ khâu tuyển lựa cán bộ đến đào tạo nghiệp vụ được lãnh đạo, chỉ huy thường xuyên quan tâm và thực hiện chặt chẽ, thống nhất. Chủ động tham gia tuyển chọn, thử thách, đào tạo và bố trí cán bộ. Không thụ động ngồi chờ các trường lớp đào tạo cán bộ, trái lại chú trọng tham gia vào quá trình này để có đội ngũ có phẩm chất đạo đức và năng lực đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ trinh sát có kiến thức toàn diện, giỏi về nghiệp vụ pháp luật, vững vàng, khiêm tốn tự tin.

- Có được sức mạnh để hoàn thành nhiệm vụ thì việc tăng cường bổ sung, nâng cao nghiệp vụ công tác luôn luôn được chú ý đúng mức và phải mất

Digitized by Google

nhiều công phu rèn luyện. Đó là việc phát huy tính kiên cường tự lực của mỗi cá nhân, tập thể ; không ngừng tiến quân vào khoa học - công nghệ hiện đại. Trong chiến đấu, việc tìm kiếm phát huy chiến thuật nghiệp vụ truyền thống kết hợp với hiện đại, tạo sức mạnh tổng hợp để chiến thắng là điều hết sức quan trọng và trở thành "bí quyết" của trinh sát biên phòng. Một "bí quyết" nữa phải kể đến, hay nói cách khác nó là hòn "đá tảng" tạo nên sức mạnh của trinh sát biên phòng là cán bộ chiến sĩ thường xuyên tổng kết kinh nghiệm chiến đấu. Mỗi vụ án, mỗi chuyên án sau khi phá đều được tổ chức rút kinh nghiệm như một hội thảo nhỏ dưới những hình thức thích hợp. Nhiều kinh nghiệm hay được đúc kết, phổ biến, trình độ nghiệp vụ của cán bộ ngày được nâng cao rõ rệt.

- Thực hiện đại đoàn kết, dựa trên tình thương yêu đồng đội cũng là một yếu tố tạo nên sức mạnh của trinh sát biên phòng. Tình thương và trách nhiệm đã tạo niềm tin sâu sắc vào Đảng, Nhà nước, đối với mỗi chiến sĩ trinh sát khi âm thầm chiến đấu với quân thù. Không có tình yêu và niềm tin sâu sắc, không thể hoàn thành nhiệm vụ to lớn và nguy hiểm mà họ được giao. Mỗi thành viên trong đơn vị như một người thân trong gia đình. Mọi khó khăn gian khổ của mỗi cá nhân, cấp ủy, tập thể coi như của chính mình, mọi người phải đứng ra giải quyết, giúp đỡ. Đối với các cấp lãnh đạo và chỉ huy trong Cục khi giải quyết mọi công việc đều bàn bạc tập thể, thống nhất. Duy trì nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, cá nhân phụ trách. Chú trọng, quan tâm đến công tác và sinh hoạt của từng thành viên trong Cục. Chính vì lẽ đó mặc dù đời sống cán bộ, chiến sĩ trinh sát biên phòng nói chung còn rất nhiều thiếu thốn, nhưng họ đã vượt lên tất cả hoàn thành vẻ vang nhiệm vụ giữ yên biên giới "phên dậu" của nước nhà.

- Đảng ủy Cục và các cấp ủy thường xuyên lãnh đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện nghiêm quy định quản lý cán bộ. Với phương thức kiểm tra thông qua quá trình lập kế hoạch hành động của mỗi người, mỗi tổ và quá trình thực hiện kế hoạch đó, lãnh đạo Cục luôn luôn nắm sát các hoạt động triển khai kế hoạch một cách kịp thời. Lãnh đạo bám sát cơ sở, nắm bắt tình hình cán bộ, chiến sĩ và động viên chỉ đạo uốn nắn kịp thời. Sau mỗi đợt công tác của mỗi tập thể, cá nhân đều có ý kiến nhận xét của cơ sở, địa phương, đánh giá kết quả tinh thần công tác, rút kinh nghiệm một cách nghiêm túc. Đây là việc làm đã thành nền nếp, có tác dụng tích cực động viên và quản lý cán bộ, chiến sĩ.

- Nếu nói quân và dân như cá với nước, điều này đối với Cục trinh sát càng có ý nghĩa sâu sắc. Nhiệm vụ của cán bộ, chiến sĩ có hoàn thành hay không phụ thuộc vào lòng dân vào việc quan hệ với nhân dân, dựa vào nhân dân. Nhân dân đùm bọc, bảo vệ, và chính nhân dân với "trăm tay ngàn mắt" là "phên dậu" giúp trinh sát biên phòng hoàn thành nhiệm vụ trong mọi tình huống. Do đó bảo vệ dân, giúp đỡ nhân dân, hy sinh vì nhân dân là để dân giúp đỡ mình và là lương tâm, là mệnh lệnh của mọi cán bộ, chiến sĩ trinh sát biên phòng. Những việc như giúp dân "xóa mù chữ", xóa đói giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe nhân dân đã là biểu tượng của "chiến sĩ quân hàm xanh" từ nhiều năm nay.

- Hợp đồng chặt chẽ giữa các ngành có liên quan để giữ gìn an ninh biên giới là điều không thể coi nhẹ ở bất cứ đâu, bất cứ lúc nào. Sự hiệp đồng tác chiến trong lực lượng biên phòng đặc biệt giữa Biên phòng, Công an, Hải quan... là hết sức quan trọng. Không có sự hợp đồng đó thì khó nói đến việc hoàn thành nhiệm vụ của Bộ đội Biên phòng và của trinh sát biên phòng.

Những kết quả đạt được và kinh nghiệm rút ra chỉ là bước đầu. Nhiệm vụ sắp tới của Bộ đội Biên phòng nói chung, cán bộ chiến sĩ trinh sát nói riêng là hết sức nặng nề và vẻ vang. Để tiếp tục hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đòi hỏi trinh sát biên phòng phải tăng cường đổi mới các biện pháp nghiệp vụ, đổi mới trang bị kỹ thuật cho phù hợp, kiện toàn tổ chức, xây dựng lực lượng, nâng cao chất lượng toàn diện của đơn vị. Đây là quá trình tiến hành đồng bộ hài hòa, thống nhất, xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang về chính trị, tư tưởng, tổ chức, chuyên môn nghiệp vụ. Như vậy Cục trinh sát Bộ đội Biên phòng mới làm nhiệm vụ tham mưu với các cấp lãnh đạo một cách sáng tạo, chính xác, kịp thời, góp phần tích cực vào sự nghiệp bảo vệ bình yên của Tổ quốc. ❑

Digitized by Google

"CẢ NỂ"?

HOÀNG ANH

Chi bộ có vai trò như một tế bào trong toàn bộ cơ thể sống của Đảng. Muốn Đảng mạnh và gắn với dân, hằng tháng, chi bộ phải tiến hành sinh hoạt định kỳ để nắm bắt được tình hình, tư tưởng đảng viên trong chi bộ cũng như việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị cấp trên, đề ra nhiệm vụ của chi bộ và từng đảng viên.

Điều lệ Đảng đã dành nguyên một chương *"Chấp hành Điều lệ Đảng"*, để nói về tầm quan trọng của công tác này. Trong đó, Điều 46 đã quy định : "mọi đảng viên và tổ chức của Đảng có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh, và kịp thời đấu tranh chống mọi biểu hiện vi phạm Điều lệ Đảng".

Nhìn chung, hoạt động của phần lớn các tổ chức đảng tuân thủ đúng quy định của Điều lệ Đảng. Song, có những tổ chức đảng vẫn chưa tuân thủ nghiêm. Thực tế, đã có trường hợp, có cơ sở đảng, tuy khi phân loại đảng viên hằng năm và qua các thời kỳ đại hội đạt chất lượng trong sạch, vững mạnh, đảng viên tiên tiến, xuất sắc, nhưng, lúc bị đổ bể, nhiều vụ việc bị phanh phui, không ít cán bộ, đảng viên đã lãnh án kỷ luật bị khai trừ, thậm chí bị truy tố.

Có nhiều nguyên nhân mà một trong những nguyên nhân đó là sự "cả nể" trong sinh hoạt đảng. Có người bảo như vậy và đã nêu lên một trường hợp có thật.

Cuối năm 1999, đảng bộ cơ sở nọ tiến hành đại hội. Trong báo cáo được trình bày trước đại hội, phần đánh giá thành tích có nêu khá nhiều mặt làm được. Nhờ có rất nhiều ưu điểm, nên qua phân loại tất cả các chi bộ trong đảng bộ đều đạt "trong sạch, vững mạnh". Song, cũng chính báo cáo đó lại làm cho mọi người rất thắc mắc khi chỉ ra mặt hạn chế, nhất là tình trạng có chi bộ tới hai năm liền không tiến hành đại hội. Nếu như vậy, không biết vì thành tích gì, đảng bộ lại công nhận chi bộ đó là trong sạch, vững mạnh ?! Chẳng lẽ vì hai năm liền không tiến hành đại hội ?! Xì xào cứ xì xào ; thắc mắc cứ thắc mắc, đại hội vẫn kết thúc tốt đẹp với kết quả 100% số chi bộ được công nhận đạt "trong sạch, vững mạnh" kể cả chi bộ hai năm liền không họp đại hội !

Nhưng đâu chỉ có thế. Không chỉ hai năm liền không tiến hành đại hội, chi bộ ấy còn viện cớ "neo" người nên ngay cả họp chi bộ cũng đành "xuân - thu nhị kỳ". Bí thư chi bộ 6 tháng mới triệu tập đảng viên họp một lần, nội dung cũng "linh động" trên tình đồng chí. Việc chuẩn bị cho đại hội đảng bộ cũng làm qua loa, bí thư triệu tập ba đảng viên (còn đương chức) hội ý chớp nhoáng, thông qua dự thảo báo cáo của đảng bộ và danh sách đề cử Ban chấp hành đảng bộ khóa mới - do Ban chấp hành đảng bộ đương nhiệm (tất nhiên có cả đồng chí bí thư) giới thiệu. Quá trình chuẩn bị đại hội như vậy về cơ bản coi là xong.

Ban chấp hành đảng bộ quá biết về cách làm việc đó, nhưng "thông cảm" với hoàn cảnh công tác, và với lãnh đạo của đơn vị nên cũng cho qua. Vì thế, cho tới gần 6 tháng sau khi đại hội đảng bộ họp, vẫn chưa thấy chi bộ rậm rịch gì, ngay cả việc họp chi bộ cũng được gác lại. Nếu sinh hoạt của một tổ chức đảng ở cơ quan là như vậy, không biết ở địa phương, trong các doanh nghiệp và ở cấp cơ sở, tình trạng "linh động" và "thông cảm" ấy sẽ còn tới mức nào ?

Thật khó mà cắt nghĩa rằng đó chỉ là sự "cả nể" trong sinh hoạt đảng. "Cả nể" để một chi bộ yếu kém trở thành chi bộ trong sạch vững mạnh ư ? Hay "cả nể" để dẫu có nhiều chi bộ yếu kém trong đảng bộ thì đảng bộ vẫn cứ là trong sạch vững mạnh ? Phải nói đó là tư tưởng thành tích chủ nghĩa, là sự không trung thực trong sinh hoạt đảng nếu không muốn nói đó là sự vô nguyên tắc trong chấp hành Điều lệ Đảng.❑

Digitized by Google

HỘI NGHỊ THƯỢNG ĐỈNH GIỮA HAI MIỀN NAM - BẮC TRIỀU TIÊN

XUÂN KIM

Từ ngày 13 đến 15 tháng 6 vừa qua, tại Bình Nhưỡng đã diễn ra cuộc gặp cấp cao giữa Tổng Bí thư Đảng lao động Triều Tiên, Chủ tịch Ủy ban quốc phòng CHDCND Triều Tiên Kim Châng In với Tổng thống Hàn Quốc Kim Tê Chung. Đây là cuộc gặp thượng đỉnh đầu tiên bàn về hòa bình và hợp tác giữa hai miền trong 55 năm qua kể từ khi bán đảo bị chia cắt.

Tổng Bí thư Đảng lao động Triều Tiên Kim Châng In ra tận máy bay đón Tổng thống Kim Tê Chung. Một tuyên bố chung gồm 5 điểm đã được ký kết. Nhiều vấn đề quan trọng khác đã được bàn bạc tại cuộc gặp thượng đỉnh lần này. Những hoạt động sôi nổi đã diễn ra ở Bình Nhưỡng và Xơ-un. Hàng loạt các phương tiện thông tin đại chúng ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, Hàn Quốc và nhiều nước trên thế giới đã đưa tin, bình luận về sự kiện này.

Để đi tới cuộc gặp thượng đỉnh lần này, các nhà lãnh đạo Bình Nhưỡng và Xơ-un đã từng gặp gỡ, trao đổi tìm kiếm những biện pháp cho việc giải quyết những vấn đề của bán đảo. Nhiều vòng họp chuẩn bị của hai bên cũng đã được tiến hành. Nhiều nước ở châu Á và thế giới bày tỏ sự ủng hộ cho tiến trình hòa bình, hòa giải ở Triều Tiên.

Trước khi diễn ra cuộc họp thượng đỉnh đã có chuyến thăm Bắc Kinh của Tổng Bí thư Đảng lao động Triều Tiên Kim Châng In. Đây là chuyến thăm nước ngoài đầu tiên của ông kể từ khi lên nắm quyền lãnh đạo CHDCND Triều Tiên. Và tiếp đó, lại là cuộc gặp gỡ, kéo dài nửa giờ giữa Tổng thống Hàn Quốc Kim Tê Chung với Tổng thống Mỹ Bin Clin-tơn và Thủ tướng Nhật Bản Mo-ri ngày 8-6-2000, bên lề tang lễ Thủ tướng Ô-bu-chi, tại Tô-ki-ô. Sau cuộc gặp đó, chính cố vấn cao cấp của Nhà trắng phụ trách các vấn đề châu Á đã cho biết là để "phối hợp biện pháp về hội nghị thượng đỉnh sắp tới". Cũng vào thời điểm trước khi diễn ra cuộc họp thượng đỉnh giữa Tổng Bí thư Đảng lao động Triều Tiên Kim Châng In và Tổng thống Hàn Quốc Kim Tê Chung, nước Nga ra thông báo Tổng thống Pu-tin sẽ sang thăm Triều Tiên trong thời gian tới.

Cuộc họp thượng đỉnh liên Triều chỉ diễn ra trong 3 ngày, chắc chắn không thể đề cập và giải quyết hết được những vấn đề tồn đọng của lịch sử nửa thế kỷ qua ở bán đảo Triều Tiên, cũng như những vấn đề của hiện tại và tương lai cho bán đảo này. Nhưng qua nghị trình đã nêu lên gồm 3 chủ đề chính là : hòa bình thống nhất đất nước, giao lưu, hợp tác kinh tế và đoàn tụ các gia đình ly tán đã cho thấy sự xích gần nhau của hai nhà lãnh đạo, cũng như kết quả quan trọng của cuộc họp. Nó đã tạo một bước tiến tích cực như Tổng Bí thư Kim Châng In và Tổng thống Kim Tê Chung đã khẳng định : thành công cuộc gặp mở ra trang mới cho 70 triệu dân trên bán đảo Triều Tiên.

Trong bản tuyên bố chung gồm 5 điểm đã nhấn mạnh "tầm quan trọng to lớn" của cuộc gặp thượng đỉnh liên Triều ; khẳng định : "miền Bắc và miền Nam đã thỏa thuận giải quyết vấn đề tái thống nhất một cách độc lập bằng những nỗ lực phối hợp" do chính người Triều Tiên giải quyết, theo hướng thành lập liên bang ; thảo luận giải quyết các vấn

Digitized by Google

đề nhân đạo, bao gồm việc trao đổi các chuyến thăm của các nhóm gia đình và người thân bị ly tán và thả tù nhân của miền Bắc ; thỏa thuận "thúc đẩy sự phát triển cân đối nền kinh tế quốc dân thông qua hợp tác kinh tế và xây dựng lòng tin lẫn nhau bằng cách thúc đẩy hợp tác và trao đổi trong tất cả các lĩnh vực về xã hội, văn hóa, thể thao, môi trường..." ; hai miền sẽ tổ chức các cuộc đối thoại giữa các nhà chức trách của hai bên để thực hiện những điều đã thỏa thuận trong bản tuyên bố ; thảo luận việc mở văn phòng đại diện tại Bình Nhưỡng và Xơ-un ; thỏa thuận thiết lập đường "điện thoại nóng" giữa lãnh đạo hai miền.

Bên cạnh ký tuyên bố chung 5 điểm và bàn bạc những vấn đề quan trọng khác, người ta thấy trong thành phần của đoàn cấp cao Hàn Quốc sang Bình Nhưỡng lần đầu tiên gồm 130 người và 50 nhà báo, có nhiều quan chức trong Chính phủ, đại diện các đảng đối lập, đoàn thể, các nhà doanh nghiệp, các chuyên gia nghiên cứu. Điều đó cho thấy triển vọng của sự tăng cường hợp tác kinh tế và các mặt giữa hai bên sẽ được thực hiện,tạo điều kiện hỗ trợ lẫn nhau cũng như sự hòa giải giữa hai miền nhằm hướng tới một tương lai hòa bình, phát triển.

Bình luận về sự kiện này, Hãng thông tin Trung ương Triều Tiên (KCNA) nêu rõ : cuộc gặp đã mở ra triển vọng sáng sủa để khắc phục tình trạng nghi kỵ và đối đầu nhau giữa hai miền, mang lại sự đoàn kết dân tộc và thống nhất đất nước trên nguyên tắc độc lập dân tộc. Các phương tiên thông tin đại chúng và dư luận ở Hàn Quốc cho rằng : cuộc gặp đã mở ra cơ hội giảm căng thẳng, thúc đẩy hòa dịu, tăng cường hiểu biết lẫn nhau, hợp tác và trao đổi song phương trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là kinh tế và giải quyết các vấn đề nhân đạo.

Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Trung Quốc bày tỏ hy vọng cuộc gặp sẽ đem lại kết quả tích cực và cải thiện quan hệ hai miền trên bán đảo Triều Tiên. Bộ Ngoại giao Nga tuyên bố hoan nghênh cuộc gặp và coi đó như một bước tiến quan trọng nhằm giảm căng thẳng ở Triều Tiên, phù hợp với lợi ích của hòa bình và ổn định ở khu vực cũng như thế giới. Còn Tổng thống Mỹ Bin Clin-tơn ngày 14-6 phát biểu rằng : tuyên bố chung của cuộc gặp thượng đỉnh liên Triều là "đầy hy vọng". Tổng thư ký Liên hợp quốc C.An-nan bày tỏ : cuộc gặp sẽ mang lại kết quả thật sự, mở ra một chương mới trong việc tăng cường hiểu biết và hợp tác liên Triều.

Nhật Bản, Mông Cổ, Thái Lan, Phi-líp-pin, Ô-xtrây-li-a và đại diện nhiều nước trên thế giới hoan nghênh và bày tỏ hy vọng những cuộc đối thoại giữa hai miền ở Triều Tiên sẽ tăng cường hòa bình, ổn định, hợp tác trên bán đảo này cũng như ở khu vực và thế giới.

Cuộc gặp thượng đỉnh đầu tiên giữa Tổng Bí thư Kim Châng In và Tổng thống Kim Tê Chung là một bước tiến tích cực trên bán đảo Triều Tiên. Nhưng đây mới chỉ là những bước đi quan trọng đầu tiên trên tiến trình hòa hợp và thống nhất đầy khó khăn và trở ngại, bởi tính chất phức tạp của mối quan hệ Nam - Bắc Triều Tiên và vị trí, vai trò của bán đảo này trong quan hệ địa - chính trị quốc tế. Để đạt được mục đích nêu lên cũng như nguyện vọng của nhân dân hai miền về hòa bình, ổn định và thống nhất đất nước, cần tiếp tục có sự nỗ lực vượt bậc của cả hai miền Nam - Bắc Triều Tiên và các bên liên quan.

Tại cuộc họp báo thường kỳ ngày 15-6-2000 vừa qua ở Hà Nội, trả lời câu hỏi của một số nhà báo nước ngoài, Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam khẳng định : Việt Nam luôn mong muốn hòa bình, ổn định ở bán đảo Triều Tiên. Chúng tôi ủng hộ việc giải quyết các vấn đề ở Triều Tiên một cách hòa bình thông qua đối thoại,ủng hộ nguyện vọng của nhân dân trên bán đảo Triều Tiên về hòa bình thống nhất đất nước.

Cuộc họp thượng đỉnh giữa CHDCND Triều Tiên và Hàn Quốc là một bước tiến mới tích cực và rất quan trọng trong quan hệ hai miền của Triều Tiên. Việt Nam hoan nghênh những kết quả đã đạt được giữa hai miền. Những kết quả đó đã góp phần làm dịu căng thẳng và duy trì hòa bình, ổn định trên bán đảo Triều Tiên và khu vực.❑

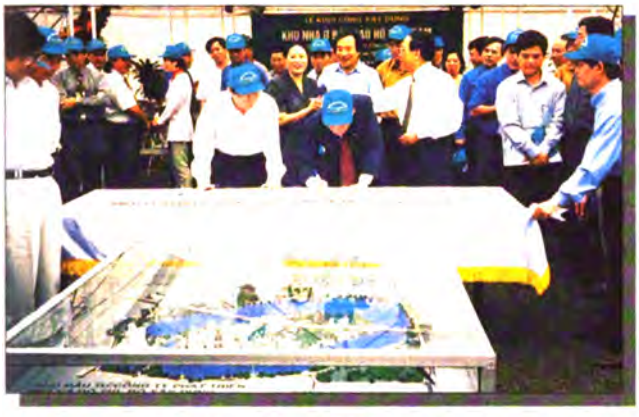
Digitized by Google

BỘ XÂY DỰNG

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ

21 phố Kim Đồng - Giáp Bát - Hà Nội - Việt Nam Tel : 04.8.647129 Fax : 04.8.647144

BQL DA KHU DỊCH VỤ TỔNG HỢP VÀ NHÀ Ở HỒ LINH ĐÀM : Thôn Đại Từ - Xã Đại Kim - Thanh Trì - Hà Nội. Tel : 8.550873



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Mạnh Kiểm và Phó Chủ tịch UBND TP. Hà Nội Đỗ Hoàng Ân ký và phát lệnh khởi công xây dựng KHU NHÀ Ở BÁN ĐẢO HỒ LINH ĐÀM.

KHU DỊCH VỤ TỔNG HỢP VÀ NHÀ Ở HỒ LINH ĐÀM (184 Ha) nằm cách trung tâm Hà Nội 7km về phía nam - là một khu đô thị mới hiện đại, đồng bộ, với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đạt tiêu chuẩn cao, có cảnh quan thiên nhiên đẹp, (Diện tích mặt hồ: 74 ha) và có nhiều di tích lịch sử nằm trong quần thể dự án.

DỰ ÁN KHU NHÀ Ở BÁN ĐẢO HỒ LINH ĐÀM (35ha) là dự án thành phần (Đợt II) của dự án **KHU DỊCH VỤ TỔNG HỢP VÀ NHÀ Ở HỒ LINH ĐÀM,** nằm ở giữa Hồ Linh Đàm, đây là một địa điểm có cảnh quan thiên nhiên rất đẹp, xung quanh là hồ nước tự nhiên. Giao thông vào khu bán đảo rất thuận tiện, có thể đi từ quốc lộ 1A qua tuyến vành đai 3 hoặc từ **KHU NHÀ Ở BẮC LINH ĐÀM.**

QUY MÔ DỰ ÁN : 350.000m2, trong đó :

- *Hồ điều hòa : 41.747 m2*
- *Đường giao thông khu vực : 70.496 m2*
- *Bãi đỗ xe công cộng : 1.512 m2*
- *Đất công cộng thành phố : 17.489 m3*
- *Đất xây dựng văn hóa tổng hợp : 8.955 m2*
- *Đất cây xanh vui chơi giải trí : 58.860 m2*
- *Đất xây dựng nhà ở cao cấp, VP : 77.487 m2*
- *Đất xây dựng biệt thự : 63.308 m2*

Ngày 28/04/2000, Tổng Công ty đã tổ chức **LỄ KHỞI CÔNG XÂY DỰNG KHU NHÀ Ở BÁN ĐẢO HỒ LINH ĐÀM** và triển khai thi công xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và san lấp mặt bằng. Dự kiến từ giữa năm 2000 sẽ chuyển giao hạ tầng cho các đơn vị và cá nhân có nhu cầu đầu tư xây dựng nhà ở và văn phòng.

Việc kinh doanh mặt bằng hạ tầng và nhà ở được thực hiện theo nhiều hình thức : Chuyển giao mặt bằng hạ tầng để khách hàng có nhu cầu tự xây dựng nhà ở ; Kinh doanh phần xây thô nhà ở ; Chuyển giao mặt bằng các lô đất chuyên dùng ; Cho thuê lại mặt bằng.



Phối cảnh mô hình KHU DVTH VÀ NHÀ Ở HỒ LINH ĐÀM (Nhìn từ nút giao thông Pháp Vân - đường 1A)



Đường nối QL 1A vào dự án KHU DỊCH VỤ TỔNG HỢP VÀ NHÀ Ở HỒ LINH ĐÀM

Digitized by Google



CÔNG TY GẠCH MEN COSEVCO xin trân trọng kính chào quý khách !

CÔNG TY GẠCH MEN COSEVCO là doanh nghiệp nhà nước, trực thuộc Tổng công ty Xây dựng miền Trung. Các sản phẩm chính của công ty chúng tôi là : Gạch men, xi măng, tấm lợp Fibrocement mang nhãn hiệu **COSEVCO**.

Gạch men **COSEVCO** được sản xuất trên dây chuyền sản xuất đồng bộ, hiện đại của hãng SAMIC - Italia. Gạch men **COSEVCO** được người tiêu dùng tín nhiệm bình chọn "Hàng Việt Nam chất lượng cao" hai năm liền 1999 và 2000.

Chất lượng ổn định - Giá cả hợp lý - Phương thức phục vụ nhanh chóng, sản phẩm gạch men, xi măng, tấm lợp Fibrocement nhãn hiệu **COSEVCO** sẽ mang lại hài lòng cho quý khách. Nhu cầu của quý khách là niềm hân hạnh được phục vụ của chúng tôi.

CÔNG TY GẠCH MEN COSEVCO

KHU CÔNG NGHIỆP HÒA KHÁNH - QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG
ĐIỆN THOẠI: (84.511) 8.42142/7.30188 FAX: (84.511) 8.42756

CÔNG TY ĐIỆN LỰC 3

ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Giám đốc : Kỹ sư Cao Thụy
Địa chỉ : 11 Lý Thánh Tôn - TP Nha Trang - tỉnh Khánh Hòa
Tel : (058) 822159/822195 **Fax :** (058) 823828

THÀNH TÍCH

Được Đảng và Nhà nước tặng thưởng : 01 Huân chương lao động hạng nhất, 02 Huân chương lao động hạng nhì, 01 Huân chương lao động hạng ba.

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

- Sản xuất kinh doanh điện năng
- Xây dựng, cải tạo lưới điện phân phối
- Sửa chữa, đại tu thiết bị điện
- Thiết kế và xây dựng đường dây từ 35kV trở xuống
- Chế tạo sản xuất tủ bảng điện từ 35kV trở xuống
- Sản xuất sản phẩm bê tông ly tâm : Trụ điện 8,4-10,5-12-14 và 20m; ống bê tông cốt thép chịu áp lực (ϕ 400-600-800-1000-1500 và ϕ 2000)
- Dịch vụ khách sạn

Điện lực Khánh Hòa hân hạnh được đón tiếp Quý khách

KÍNH CHÚC QUÝ KHÁCH SỬ DỤNG ĐIỆN "AN TOÀN, TIẾT KIỆM, HIỆU QUẢ".

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM

VIETNAM NATIONAL PETROLEUM IMPORT - EXPORT CORPORATION

OIL PETROLIMEX
XĂNG DẦU

ASPHALT PETROLIMEX
NHỰA ĐƯỜNG

LUB. PETROLIMEX
DẦU NHỜN

PETROLIMEX
CƠ KHÍ

CONTRUCTION PETROLIMEX
XÂY DỰNG

PEC PETROLIMEX
THIẾT KẾ & TƯ VẤN
ĐẦU TƯ

PETROLIMEX

PETROLIMEX
VẬN TẢI

CHEMICAL PETROLIMEX
HÓA CHẤT

Gas PETROLIMEX
KHÍ HÓA LỎNG

JICO INSURANCE PETROLIMEX
BẢO HIỂM

PITCO PETROLIMEX
XUẤT NHẬP KHẨU
TỔNG HỢP

PIAC PETROLIMEX
TIN HỌC &
TỰ ĐỘNG HÓA

TRỤ SỞ CHÍNH:

SỐ 1 KHÂM THIÊN, HÀ NỘI, VIỆT NAM.
ĐT: (84-4) 8512603 - 8513258
FAX: (84-4) 8519203 - 8512410
TELEX: 844241 - TCTXDVT

HEAD OFFICE:

N°. 1 KHAM THIEN St., HANOI, VIETNAM
TEL: (84-4) 8512603 - 8513258
FAX: (84-4) 8519203 - 8512410
TELEX: 844241 - TCTXDVT

Digitized by Google



NHANH NHƯ BẠN CẦN, ĐẸP NHƯ BẠN MUỐN

INTACO

NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN

ĐC: 38 BÀ TRIỆU - HOÀN KIẾM - HÀ NỘI * ĐT: (04) 8267244 - (04) 8255778 - (04) 8265756 * FAX: (84-4) 934576

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 * CN [illegible] * GIÁ : 5000

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



14
7-2000

UNIV. OF MICH.
AUG 0 8 2000
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

CÔNG TY XĂNG DẦU HÀNG KHÔNG

VIETNAM AIR PETROL COMPANY

VINAPCO



◆ VINAPCO, nhà cung cấp nhiên liệu hàng không đạt tiêu chuẩn quốc tế tại Việt Nam. Chất lượng dịch vụ đã được IATA chấp nhận, được 4 hãng hàng không nội địa và 29 hãng hàng không quốc tế công nhận.

◆ VINAPCO, Công ty kinh doanh tất cả các sản phẩm hóa dầu trên lãnh thổ Việt Nam. Chất lượng và giá cả của Công ty luôn là những yếu tố tạo ra tính cạnh tranh cho Công ty.

◆ VINAPCO, đang góp phần xây dựng ngành Hàng không dân dụng vững mạnh, cùng đất nước tiến vào thiên niên kỷ mới với khẩu hiệu :

"Năng động, Sáng tạo, Tiết kiệm, Hiệu quả và Liên tục Phát triển"



TRỤ SỞ CHÍNH : Sân Bay Gia Lâm - Hà Nội

ĐIỆN THOẠI : 04.8272316/8272318 FAX : 04.8272317

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 596 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

14
7-2000

MỤC LỤC

TIẾN TỚI ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG	Thông báo Hội nghị lần thứ mười BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VIII)	3
	LÊ KHẢ PHIÊU - Với tinh thần cách mạng tiến công, vững tin vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng, tiến tới Đại hội IX của Đảng, đưa đất nước vững bước tiến vào thế kỷ XXI	5
PHẤN ĐẤU ĐƯA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG	CÙ THỊ HẬU - Công đoàn Việt Nam với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng	11
	HÀ MẠNH TRÍ - Nâng cao chất lượng công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật và thực hành quyền công tố	16
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	HOÀNG TÙNG - Cách mạng chính trị và cách mạng kinh tế - xã hội	23
	TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Mấy vấn đề kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cái phổ biến và cái đặc thù	25
	VŨ HIỂN - Đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" trên báo chí	28
	ĐẶNG CẢNH KHANH - Vấn đề toàn cầu hóa và thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay	32
	VŨ HUY TỪ - Đổi mới và sắp xếp lại hệ thống doanh nghiệp nhà nước	37
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	VŨ NGỌC LÂN - Tỉnh ủy Bắc Giang gắn việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) với giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội	42
	NGUYỄN SINH CÚC - Các khu công nghiệp ở nước ta hiện nay : thực trạng và giải pháp	46
HƯỚNG TỚI ĐẠI HỘI THI ĐUA TOÀN QUỐC NĂM 2000	NHẬT TÂN - Phong trào thi đua - khen thưởng ở Công ty Viễn thông liên tỉnh	51
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	KỲ HOA - Oan Thị Kính	56
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	TRẦN BÁ KHOA - "Nền kinh tế mới" của nước Mỹ, cái mạnh và cái yếu	57
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	"Hành động nhân đạo" và "Can thiệp nhân đạo"	62
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	- Hội thảo khoa học "Kinh tế tri thức và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam"	62
	- Về các giải pháp tài chính 6 tháng cuối năm 2000	

Bìa 1 : *Xuân Phương (Xuân Trường, Nam Định), Làng nông thôn đổi mới* — *Ảnh :* **XUÂN HÀ**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

Сообщение Х^ого Пленума Центрального коммитета КПВ (VIII^ого созыва). ЛЕ ХА ФИЭУ - Вести страну прочно вступить в XXI^ый век в духе наступательной революции, веры в победу революционного курса навстречу IX^ому Сьезду Партии. КУ ТХИ ХАУ - Вьетнамские профсоюзы и кампания по укреплению, переупорядо чиванию Партии. ХА МАНЬ ЧИ - Повышать качество контроля над соблюдением законов и испольнением прокурорских прав. ХОАНГ ТУНГ - Политическая и социально - экономическая революция. ЧАН СУАН ЧЫОГ - некоторые экономические проблемы в переходном периоде к социализму-их общие и специфические черты. ВУ ХИЕН - Борьба против "мирной эволюции" на прессе. ДАНГ КАНЬ ХАНЬ - Проблема глобализации и поколение модолых людей Вьетнама в настоящее время. ВУ ТХУ ТЫ - Обновление и реорганизация системы государственных предприятий. НГУЕН ШИНЬ КУК - Промышленные зоны в нашей стране на нынешнем этапе : реальность и решения. ЧАН БА ХОА - "Новая экономика" США - сильные и слабые стороны.

CONTENTS

* Information of the X^th Plennum of CPV Central Committe (VIII^th tenure). LÊ KHẢ PHIÊU: Meeting the IX Party Congress, to lead the country to enter soundly the XXI^th Century in the spirit of offensive revolution and firm belief in the victory of the revolution cause. CÙ THỊ HẬU: Vietnam's trade unions and the campaign for Party consolidation and reallignment. HÀ MẠNH TRÍ: To enhance the quality of the inspection toward law observance and public prosecutors rights' implementation. HOÀNG TÙNG: Political and socio-economic revolution. TRẦN XUÂN TRƯỜNG: Some economic problems in the transitional period to socialism – their common and specific features. VŨ HIỀN: The struggle against "peaceful evolution" on the press. ĐẶNG CẢNH KHANH: The problem of globalisation and the present – day younger generation of Vietnam. VŨ HUY TỪ: Renovation and reorganisation of the system of state enterprises. NGUYỄN SINH CÚC: Industrial zones in our country at present: realities and solutions. TRẦN BÁ KHOA: "New economy" of the USA – its strong and weak points.

SOMMAIRE

* Communiqué du 10e Plénum du CC du PCV (issu de son VIIIe Congrès national). LÊ KHẢ PHIÊU: Mûs de l'esprit d'attaque révolutionnaire, nous croyons fermement à la victoire de l'œuvre révolutionnaire, vers le IXe Congrès national du Parti et faisons entrer à pas sûrs le pays dans le XXIe siècle. CÙ THỊ HẬU: Les Syndicats du Vietnam et le mouvement d'édification et de rectification du Parti. HÀ MẠNH TRÍ: Améliorer la qualité du travail de contrôle du respect de la loi et de l'exercise du droit d'accusation publique. HOÀNG TÙNG: Les révolutions politique et socio-économique. TRẦN XUÂN TRƯỜNG: Quelques problèmes économiques dans la période de transition au socialisme, son universalité et ses spécifités. VŨ HIỀN: Lutter contre "l'évolution pacifique" dans la presse. ĐẶNG CẢNH KHANH: Le problème de globalisation et la jeunesse du Vietnam à l'heure actuelle. VŨ HUY TỪ: La réforme et la réorganisation du système d'entreprises d'Etat. NGUYỄN SINH CÚC: Les zones industrielles dans notre pays à l'heure actuelle: état réel et solutions. TRẦN BÁ KHOA: "La nouvelle économie" des Etats-Unis, ses points forts et ses faiblesses.

CONTENIDO

* Comunicado del Décimo Pleno del C.C del PCVN (Octavo Congreso Nacional del Partico Comunista de Vietnam). LÊ KHẢ PHIÊU: Con el espíritu de avance revolucionario creemos firmemente en la victoria de la obra revolucionaria, hacia el Noveno Congreso Nacional del Partido, conducimos con pasos seguros el país a entrar en el siglo XXI. CÙ THỊ HẬU: Los Sindicatos vietnamitas y el movimiento de edificación y rectificación del Partido. HÀ MẠNH TRÍ: Mejorar la calidad del trabajo de control del respecto de la ley y de la ejecución del derecho de acusación pública. HOÀNG TÙNG: las revoluciones política y socio-económica. TRẦN XUÂN TRƯỜNG: Algunas problemas económicas del período de transición al socialismo, su universalidad y sus calidades específicas. VŨ HIỀN: Luchar contra "la evolución pacífica" en la prensa. ĐẶNG CẢNH KHANH: El problema de globalización y la Juventud vietnamita en la actualidad. VŨ HUY TỪ: La reforma y la reorganización del sistema de empresas estatales. NGUYỄN SINH CÚC: Las zonas industriales en Vietnam en el día de hoy: estado real y soluciones. TRẦN BÁ KHOA: "La nueva economía" de Estados Unidos, sus puntos fuertes y débiles.

目录

越南共产党八届十中全会公报•黎可漂: 以革命的进攻精神、坚信革命事业的胜利、向党的九大迈进，使国家稳步迈向二十一世纪•翟氏厚: 越南工会与建党整党运动•何孟智: 提高对依法办事，实行起诉权的检察工作的质量•黄松: 政治革命与经济社会革命•陈春长: 社会主义过渡时期的若干经济问题及其普遍性和特殊性•武贤: 新闻报刊反《和平演变》的斗争•邓景卿: 全球化问题及当代越南青年•武辉慈: 对国有企业系统进行革新及重组•阮生菊: 我国现有的工业区: 实况及解决措施•陈伯科: 美国的《新经济》—强点和弱点.

Digitized by Google

THÔNG BÁO HỘI NGHỊ LẦN THỨ MƯỜI BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (KHÓA VIII)

Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VIII) đã họp từ ngày 26-6 đến ngày 4-7-2000 tại Thủ đô Hà Nội.

Đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu chủ trì Hội nghị, đã có bài phát biểu quan trọng khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng : Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt đã dự Hội nghị.

Trước giờ khai mạc, toàn thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã mặc niệm tưởng nhớ đồng chí Phạm Văn Đồng, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Hội nghị Trung ương lần này tiếp nối Hội nghị Trung ương lần thứ tám và thứ chín, tiếp tục thảo luận sâu hơn bốn vấn đề lớn trong các dự thảo văn kiện Đại hội IX mà Hội nghị Trung ương lần thứ chín đã giao Bộ Chính trị và Tiểu ban văn kiện chuẩn bị, để sau Hội nghị Trung ương lần thứ mười hoàn chỉnh toàn bộ dự thảo các văn kiện Đại hội IX của Đảng.

Bốn vấn đề đó là :

- Đánh giá bối cảnh quốc tế và trong nước, thời cơ, thách thức và nguy cơ của đất nước trong những năm đầu của thế kỷ XXI ;
- Chế độ sở hữu và các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ;
- Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập kinh tế quốc tế ;
- Phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng Đảng trong tình hình mới.

Cùng với bốn vấn đề trên, Hội nghị tiếp tục thảo luận và cho ý kiến về dự thảo Báo cáo chính trị, dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (2001 - 2010) và dự thảo Kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm (2001 - 2005), dự thảo Báo cáo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng trình Đại hội IX.

Hội nghị đã nghe Bộ Chính trị báo cáo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng từ Hội nghị Trung ương 9 đến nay.

Các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng đã phát huy trí tuệ, đề cao trách nhiệm cá nhân, dân chủ thảo luận, tranh luận thẳng thắn, cởi mở các nội dung báo cáo trình bày của Bộ Chính trị. Hội nghị nhất trí cho rằng Đại hội IX của Đảng họp vào đầu thế kỷ XXI có ý nghĩa chính trị và lịch sử trọng đại đối với nước ta, phải nắm chắc thời cơ lớn, vượt qua các nguy cơ, thách thức lớn, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trên cơ sở những nội dung Hội nghị Trung ương lần thứ chín đã nhất trí, Hội nghị Trung ương lần thứ mười tiếp tục phân tích sâu sắc và làm rõ thêm những vấn đề rất cơ bản, khẳng định mạnh mẽ : trong quá trình đổi mới, phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Khẳng định thành tựu đổi mới 15 năm qua đã tạo ra thế và lực mới, nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế, tạo ra thời cơ lớn cho dân tộc bước vào thời kỳ mới ; nhưng

Digitized by Google

bên cạnh thời cơ lớn là những thách thức lớn, quyết liệt trong thập niên đầu của thế kỷ XXI. Vấn đề sống còn là ra sức nắm bắt thời cơ vượt qua thách thức, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, tiếp tục đưa đất nước tiến lên.

Mục tiêu tổng quát của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) sẽ trình Đại hội là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trọng điểm là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đưa đất nước thoát ra khỏi tình trạng kém phát triển ; chất lượng các mặt đời sống nhân dân được nâng lên một mức đáng kể ; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được định hình về cơ bản ; năng lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng được tăng cường ; vị thế trong quan hệ quốc tế được củng cố và nâng cao, tạo tiền đề để đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp.

Trong 5 năm tới, phải bảo đảm tăng trưởng kinh tế với nhịp độ cao và bền vững, chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng rõ rệt chất lượng và sức cạnh tranh của hàng hóa ; tạo chuyển biến mạnh mẽ về phát huy nhân tố con người, phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục - đào tạo ; giải quyết vấn đề bức xúc về việc làm, cơ bản xóa đói, giảm mạnh hộ nghèo, ổn định và cải thiện vững chắc hơn đời sống nhân dân, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và an toàn xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập tự chủ, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Phải phát huy cao độ nội lực, đồng thời chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của đại đoàn kết dân tộc, phát huy khả năng của các thành phần kinh tế và toàn xã hội vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Hội nghị nhấn mạnh công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, kiến nghị với Đại hội tiếp tục Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng với quyết tâm rất cao, phát huy bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng, tổ chức học tập tư tưởng, đạo đức, lối sống Hồ Chí Minh, nâng cao kiến thức các mặt, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng và đảng viên, bảo đảm mọi cán bộ, đảng viên nâng cao bản lĩnh chính trị, khả năng nắm thực tiễn, kiên định và sáng tạo, quán triệt và tổ chức thực hiện có kết quả cao nhất nhiệm vụ chính trị, kiên quyết đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng ; xử lý nghiêm minh những người vi phạm, bất kể người đó là ai ; giữ vững đoàn kết nội bộ, xử lý kỷ luật, trước hết người đứng đầu ở nơi để xảy ra mất đoàn kết.

Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương giao cho Bộ Chính trị và các Tiểu ban văn kiện tiếp thu ý kiến của Ban Chấp hành Trung ương hoàn chỉnh các dự thảo văn kiện để gửi đến Đại hội các cấp tham gia ý kiến trước khi trình ra Đại hội IX của Đảng.

Toàn Đảng, toàn dân ta đang khẩn trương chuẩn bị Đại hội các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX vào cuối quý I năm 2001. Ban Chấp hành Trung ương Đảng tin tưởng sâu sắc rằng : quá trình tiến hành đại hội đảng các cấp là một đợt sinh hoạt chính trị tư tưởng rộng lớn trong đời sống xã hội trên đất nước ta. Trên cơ sở kiên định độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta với lòng yêu nước nồng nàn, hãy phát huy trí tuệ và trách nhiệm đảng viên, trách nhiệm công dân để đóng góp nhiều ý kiến quý báu vào các dự thảo văn kiện Đại hội IX.

Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tăng cường sức mạnh tổng hợp, tranh thủ thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, ra sức thi đua yêu nước để thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế - xã hội năm 2000, thực hiện có kết quả Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đó là những nhân tố rất quan trọng để góp phần vào sự thành công của Đại hội IX của Đảng, đưa đất nước ta vững vàng bước vào thế kỷ XXI. ❑

Digitized by Google

VỚI TINH THẦN CÁCH MẠNG TIẾN CÔNG, VỮNG TIN VÀO THẮNG LỢI CỦA SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG, TIẾN TỚI ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG, ĐƯA ĐẤT NƯỚC VỮNG BƯỚC TIẾN VÀO THẾ KỶ XXI

Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư LÊ KHẢ PHIÊU bế mạc Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) ngày 4 tháng 7 năm 2000

Thưa các đồng chí,

Sau hơn một tuần làm việc, với tinh thần dân chủ và trách nhiệm cao, Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã hoàn thành chương trình đề ra.

Tiếp theo Hội nghị Trung ương lần thứ tám, lần thứ chín, Hội nghị Trung ương lần này đã thảo luận sâu thêm một số vấn đề cơ bản, hoàn chỉnh dự thảo các văn kiện trình Đại hội lần thứ IX của Đảng để Đại hội đảng bộ các cấp thảo luận, góp ý kiến.

Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng sẽ tiến hành vào cuối quý I năm 2001, là thời điểm có ý nghĩa lịch sử trọng đại khi loài người vừa kết thúc thế kỷ thứ XX, bước sang thế kỷ thứ XXI. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân vừa kỷ niệm trọng thể 70 năm Ngày thành lập Đảng, 110 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và sắp tới sẽ kỷ niệm 55 năm Ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 55 năm Đảng lãnh đạo chính quyền xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Kế thừa truyền thống vẻ vang của dân tộc, truyền thống và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong bảy thập niên của thế kỷ XX, Đại hội lần thứ IX của Đảng tiến hành tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, 15 năm đổi mới, 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội (1991 - 2000), tiếp tục cụ thể hóa, bổ sung, hoàn thiện đường lối, chính sách ; xác định phương hướng, nhiệm vụ của những năm đầu của thế kỷ XXI ; do đó có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Đại hội IX của Đảng sẽ là Đại hội *phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.*

Trước khi kết thúc Hội nghị quan trọng này, tôi xin phát biểu một số vấn đề về quan điểm trong dự thảo các văn kiện sẽ trình Đại hội lần thứ IX của Đảng.

Thưa các đồng chí,

Thế kỷ XX để lại trong lịch sử loài người những dấu ấn cực kỳ sâu sắc. Đó là thế kỷ của kinh tế phát triển mạnh mẽ xen lẫn những cuộc khủng hoảng lớn của chủ nghĩa tư bản thế giới, thế kỷ của những tiến bộ vượt bậc về khoa học và công nghệ. Thế kỷ đã diễn ra hai cuộc chiến tranh thế giới đẫm máu do chủ nghĩa đế quốc gây ra cùng hàng trăm cuộc xung đột vũ trang và chạy đua vũ trang ở mức cao chưa từng thấy. Thế kỷ chứng kiến một cao trào cách mạng sâu rộng trên phạm vi toàn thế giới với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, mở ra

Digitized by Google

thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội ; mặt khác lại xảy ra sự thoái trào của chủ nghĩa xã hội vào cuối thế kỷ.

Đối với nước ta, thế kỷ XX là thế kỷ của những biến động to lớn và sâu sắc, thế kỷ đấu tranh gian nan, oanh liệt của nhân dân ta để giành lại độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thế kỷ của những chiến công và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại. Với những thắng lợi vĩ đại đã giành được trong thế kỷ thứ XX dưới sự lãnh đạo của Đảng, nước ta từ một nước thuộc địa đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do và phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa ; nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Đất nước ta từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu đang bắt đầu tiến vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Việt Nam từ chỗ không có tên trên bản đồ thế giới đã trở thành nước độc lập, có quan hệ rộng rãi, có tiếng nói và vị trí xứng đáng trong khu vực và thế giới.

Trong 15 năm đổi mới, thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (1991 - 2000), dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn Đảng và toàn dân đã vượt qua mọi khó khăn, thách thức, đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng. Kinh tế phát triển nhanh ; tổng sản phẩm quốc dân trong nước tăng gấp đôi trong 10 năm, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và năng lực sản xuất (một số sản phẩm quan trọng) tăng hơn trước ; đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Nền kinh tế từ chỗ thiếu lương thực và hàng tiêu dùng đến chỗ có dư ; từ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp đã chuyển sang cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; từ chỗ chủ yếu có hai thành phần kinh tế đã chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo. Văn hóa - xã hội có những tiến bộ mới ; đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Chính trị - xã hội ổn định ; quốc phòng, an ninh được giữ vững. Quan hệ đối ngoại mở rộng. Trong 5 năm vừa qua, trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và thiên tai xảy ra liên tiếp, rộng khắp ở trong nước, chúng ta đã chèo lái con thuyền Việt Nam không để xô vào vòng xoáy của cơn bão khủng hoảng kinh tế khu vực và thế giới, hạn chế những biến động, khắc phục khó khăn, đạt được những thành tựu quan trọng về kinh tế - xã hội.

Nhìn tổng quát lại, thế và lực của nước ta mạnh hơn nhiều so với thập kỷ trước, làm thay đổi bộ mặt thành thị, nông thôn, miền núi, củng cố vững chắc độc lập dân tộc, nâng cao uy tín quốc tế của nước ta. Cùng với những thắng lợi đã giành được trong thế kỷ XX, những thành tựu rất quan trọng của 15 năm đổi mới, 10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, những kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng được bổ sung... là những nhân tố chủ yếu của nội lực tạo ra *thuận lợi và thời cơ lớn* cho sự phát triển của những năm tới.

Nhưng chúng ta phải thẳng thắn chỉ ra những yếu kém, khuyết điểm. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế mấy năm gần đây chậm dần, năm 2000 có chiều hướng tăng lên nhưng chưa đạt được mức độ tăng trưởng cao như giữa thập niên 90. Nền kinh tế còn ở trình độ thấp kém, lực lượng sản xuất chưa được giải phóng hết và phát triển mạnh. Giáo dục - đào tạo chưa theo kịp yêu cầu, đặc biệt là về chất lượng ; khoa học và công nghệ chưa thật sự trở thành đòn bẩy cho sự phát triển. Nhiều vấn đề xã hội bức xúc và gay gắt chưa được giải quyết tốt, như tình trạng thiếu việc làm, tệ nạn xã hội phát triển, đời sống của một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn, tệ quan liêu, tham nhũng chưa được ngăn chặn, đẩy lùi. Bốn nguy cơ mà Đảng đã cảnh báo là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, chệch hướng xã hội chủ nghĩa, "diễn biến hòa bình" và tệ quan liêu, tham nhũng, suy thoái về phẩm chất, đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức vẫn còn tồn tại và diễn biến phức tạp. Đó là những *khó khăn và thách thức lớn*. Đặc biệt cần phải nhấn mạnh thách thức lớn nhất có tính chất cơ bản, lâu dài mà chúng ta phải đương đầu vẫn là tình trạng thấp kém của nền kinh tế, khoảng cách về trình độ phát triển giữa nước ta với nhiều nước trên của thế giới còn rất lớn, trong khi đó đất nước ta đi lên trong điều kiện cuộc cạnh tranh quốc tế ngày càng quyết liệt ; trong bộ máy của Đảng và Nhà nước đang diễn ra tệ quan liêu,

Digitized by Google

tham nhũng và sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên đang làm nhức nhối xã hội, làm suy giảm niềm tin trong nhân dân.

Đứng trước thuận lợi và thời cơ lớn, khó khăn và thách thức lớn đó, phát huy có hiệu quả thuận lợi, nắm được thời cơ thì sẽ tạo điều kiện để khắc phục được khó khăn, vượt qua được thách thức, cũng như có khắc phục được khó khăn, vượt qua được thách thức chúng ta mới tận dụng được thuận lợi, nắm được thời cơ, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, vững vàng trước mọi sóng gió, tỏ rõ khí phách của dân tộc Việt Nam, của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thưa các đồng chí,

Đại hội lần thứ VI của Đảng mở đầu thời kỳ đổi mới đất nước đã khẳng định : "Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đoàn kết một lòng quyết tâm đem hết tinh thần và lực lượng tiếp tục thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa".

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được Đại hội Đảng lần thứ VII thông qua, khẳng định : "Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là bài học xuyên suốt trong quá trình cách mạng nước ta".

Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ VIII của Đảng nêu lên bài học đầu tiên : "Giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới ; nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh".

Lần này trong dự thảo văn kiện trình Đại hội lần thứ IX của Đảng, qua tổng kết thực tiễn, Ban Chấp hành Trung ương nhấn mạnh những điều sâu sắc đó và khẳng định : "Trong quá trình đổi mới, phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh". Đó là quan điểm cốt lõi mà Ban Chấp hành Trung ương trình với Đại hội, quán xuyến trong các dự thảo văn kiện.

Một nội dung cơ bản và nhất quán trong tư tưởng Hồ Chí Minh là giải phóng dân tộc bằng con đường cách mạng vô sản, cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn. Bác Hồ nói rõ "ham muốn" tột bậc của Người là làm sao cho đất nước được hoàn toàn độc lập, dân tộc được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới đạt được sự "ham muốn" tột cùng của Bác Hồ và cũng là sự mong muốn nghìn đời của toàn dân ta. Sự lựa chọn đó không phải là do ý muốn chủ quan mà chính là do sự phát triển hợp quy luật của lịch sử.

Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Không giành được độc lập dân tộc thì không thể có điều kiện để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Độc lập dân tộc thật sự đòi hỏi xóa bỏ áp bức, nô dịch của dân tộc này với dân tộc khác, gắn liền độc lập dân tộc với tự do, bình đẳng, hạnh phúc của nhân dân, do đó chỉ có thể gắn liền với sự phát triển xã hội xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực, là sự nghiệp khó khăn, phức tạp, tất yếu phải qua một thời kỳ quá độ lâu dài, với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ ; trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, diễn ra sự đan xen và đấu tranh giữa cái mới và cái cũ.

Trong thời kỳ quá độ, ở nước ta còn tồn tại nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế. Lợi ích giai cấp thống nhất với lợi ích dân tộc. Để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh theo con đường xã hội chủ nghĩa, điều quan trọng nhất là phải cải biến căn bản tình trạng kinh tế - xã hội kém phát triển, chiến thắng những lực lượng cản trở việc thực hiện mục tiêu đó.

Động lực chủ yếu để phát triển đất nước lúc này là phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của đại đoàn kết dân tộc, phát huy khả năng của các thành phần kinh tế và toàn xã hội vì

Digitized by Google

dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Thưa các đồng chí,

Trong quá trình đổi mới, Đảng ta đã xác định: phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Do đó, trong các dự thảo văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội lần này, cùng với dự thảo Báo cáo chính trị có dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) và Kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm (2001 -2005).

Tư tưởng trong các dự thảo văn kiện khẳng định và nhất quán thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần với kinh tế nhà nước là chủ đạo, xây dựng kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, đó là những vấn đề rất mới mẻ trong lịch sử. Văn kiện Đại hội VI, Đại hội VII, Đại hội VIII và nhiều nghị quyết của Trung ương, của Bộ Chính trị trong nhiều khóa đã từng bước làm rõ vấn đề cơ bản đó. Lần này, qua thực tiễn 15 năm đổi mới, Ban Chấp hành Trung ương khẳng định rõ thêm những nội dung thể hiện tư duy, quan niệm của Đảng ta về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ lực lượng sản xuất, xác định mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội để trình Đại hội.

Ban Chấp hành Trung ương cũng đã thảo luận về một vấn đề rất hệ trọng là xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn liền với hội nhập kinh tế quốc tế. Chúng ta khẳng định và nhất quán chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa trong hội nhập kinh tế quốc tế, nhằm bảo đảm lợi ích của nước ta và để giữ vững độc lập, tự chủ về kinh tế ; tranh thủ các thời cơ để hội nhập. Xác định độc lập, tự chủ về kinh tế là nền tảng vật chất cơ bản, bảo đảm sự bền vững của độc lập, tự chủ về chính trị ; do đó phải có đường lối, chính sách kinh tế độc lập tự chủ, gắn với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế trên nguyên tắc bao trùm là bảo đảm giữ vững độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường ; hợp tác bình đẳng cùng có lợi, chống lại sự áp đặt không công bằng, không bình đẳng.

Mục tiêu tổng quát của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 là : đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển ; tập chung sức xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng quan trọng và công nghệ cao sản xuất tư liệu sản xuất cần thiết để trang bị và trang bị lại kỹ thuật công nghệ tiên tiến cho các ngành kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu quốc phòng, tạo nền tảng để đầu năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp. Chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên một mức đáng kể. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được định hình về cơ bản. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng được tăng cường, vị thế trong quan hệ hợp tác quốc tế được củng cố và nâng cao. Đến năm 2010, tổng sản phẩm trong nước (GDP) sẽ tăng gấp đôi năm 2000, tỷ lệ tích lũy từ nội bộ nền kinh tế đạt 30% GDP ; nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và nền kinh tế, coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế ; giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp xuống còn 50% ; có kết cấu hạ tầng bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội ; năng lực nội sinh của khoa học và công nghệ được phát huy ; kinh tế nhà nước được tăng cường, các thành phần kinh tế khác đều phát triển mạnh ; chỉ số phát triển con người (HDI) được nâng lên đáng kể, về cơ bản không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn hiện nay.

Trong 5 năm 2001 - 2005 phải điều chỉnh theo hướng Chiến lược 10 năm, bảo đảm : tăng trưởng kinh tế với nhịp độ cao và bền vững, chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng rõ chất lượng và sức cạnh tranh của hàng hóa ; tạo chuyển biến mạnh mẽ về phát huy nhân tố con người, phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục - đào tạo ; giải quyết vấn đề bức xúc về việc làm, cơ bản xóa đói, giảm mạnh hộ nghèo, ổn định và cải thiện hơn nữa đời sống nhân dân, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường

Digitized by Google

quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập tự chủ, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh Tổ quốc. Phấn đấu đạt tốc độ tăng GDP ít nhất 7% một năm.

Đó là phương hướng, mục tiêu kinh tế - xã hội mà chúng ta phải quyết tâm đạt tới vì sự phồn vinh của đất nước, hạnh phúc của nhân dân.

Thưa các đồng chí,

Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng, sự vươn lên mạnh mẽ của dân tộc Việt Nam.

Đảng lãnh đạo đất nước thì phải chịu trách nhiệm với nhân dân về sự phát triển đất nước. Trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt như trên đã trình bày. Trách nhiệm lãnh đạo của Đảng, sự tin cậy của nhân dân đặt vào Đảng trước hết đòi hỏi Đảng phải bảo đảm lãnh đạo, quản lý phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện công bằng xã hội. Muốn làm được như vậy phải xây dựng, chỉnh đốn Đảng, bảo đảm Đảng ngang tầm nhiệm vụ, đáp ứng lòng tin cậy của nhân dân ; chính vì vậy, công tác xây dựng Đảng là then chốt.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, cũng như 15 năm đổi mới vừa qua, sự phát triển đất nước đã làm tăng thêm niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Sự hy sinh vì độc lập dân tộc và thống nhất đất nước, ý thức gắn bó máu thịt với nhân dân, tinh thần tận tụy phục vụ nhân dân, nếp sống cần cù, giản dị của nhiều cán bộ, đảng viên là những tấm gương sáng trong xã hội. Trong sự nghiệp đổi mới, nhiều đồng chí đã phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang của Đảng, trung thành với lý tưởng của Đảng, năng động, sáng tạo, giữ gìn kỷ luật Đảng, kỷ cương phép nước, hết lòng phục vụ nhân dân, giữ gìn nếp sống trong sạch, giản dị, đã góp phần tạo nên những thành tựu rất quan trọng của đất nước hôm nay. Tuy nhiên, có một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức suy giảm về lý tưởng chính trị, về đạo đức và lối sống, không giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng, đã làm ảnh hưởng tới uy tín của Đảng đối với nhân dân và hiệu lực điều hành đất nước của bộ máy nhà nước. Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) được tiến hành đã đem lại một số kết quả tích cực ; nhận thức chính trị được nâng cao hơn, nhiều vấn đề nổi cộm tồn đọng từ nhiều năm được đặt ra để làm rõ đúng, sai, tinh thần đoàn kết nội bộ được củng cố một bước, ý thức trách nhiệm trong công tác và tác phong đi sát cơ sở có chuyển biến, các hiện tượng tham nhũng bị phê phán, một số vụ việc vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước được xử lý kỷ luật, truy tố trước pháp luật, do đó lòng tin của nhân dân được củng cố.

Tuy nhiên, cần thẳng thắn nhận rõ : kết quả Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa đạt yêu cầu do Trung ương đề ra và chưa đáp ứng lòng mong muốn của nhân dân. Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tình trạng quan liêu, tham nhũng ở một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức là nghiêm trọng, chưa được ngăn chặn và đẩy lùi một cách cơ bản, vững chắc, gây bất bình trong nhân dân. Tình trạng kèn cựa địa vị, tranh giành danh lợi, "chạy chức", "chạy quyền", mất đoàn kết nội bộ còn nặng nề ở nhiều nơi. Một số nơi để xảy ra căng thẳng giữa cán bộ với nhân dân chưa được giải quyết kịp thời ; quan hệ giữa các cán bộ với công nhân, nhân viên ở một số nơi chưa tốt. Sự thiếu thống nhất về tư tưởng, nhận thức, quan điểm, việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết Đảng và pháp luật Nhà nước chưa nghiêm, dẫn tới việc chậm đưa các Nghị quyết Đảng và pháp luật Nhà nước vào cuộc sống. Công tác lý luận, tổ chức, cán bộ còn nhiều yếu kém... Nguyên nhân có nhiều, nhưng chủ yếu là do chủ nghĩa cá nhân phát triển, không ít cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa gương mẫu rèn luyện về phẩm chất, đạo đức, lười học tập, việc tự phê bình và phê bình và sửa chữa khuyết điểm ở không ít nơi chưa nghiêm túc, đấu tranh để ngăn ngừa và khắc phục bệnh quan liêu, tham nhũng, phô trương, lãng phí chưa quyết liệt. Trong việc thi hành Nghị quyết Đảng và pháp luật Nhà nước

Digitized by Google

còn mắc bệnh "nói nhiều, làm ít", "nói nhưng không làm", "nói một đằng làm một nẻo"...

Do đó, Ban Chấp hành Trung ương kiến nghị với Đại hội sẽ tiếp tục Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi đó là một nhiệm vụ bao trùm với quyết tâm và nỗ lực cao hơn để tạo ra sự chuyển biến cơ bản trong Đảng về cả ba mặt : chính trị, tư tưởng và tổ chức. Phát huy bản chất giai cấp và tính tiên phong của Đảng, tổ chức phong trào học tập tư tưởng, đạo đức, lối sống Hồ Chí Minh ; nâng cao kiến thức các mặt, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng và đảng viên, bảo đảm mọi tổ chức đảng và đảng viên giữ vững bản lĩnh chính trị, tăng cường khả năng nắm bắt thực tiễn, kiên định và sáng tạo, bắt nhịp một nền kinh tế tri thức và xã hội thông tin trong thời kỳ mới. Củng cố về tổ chức, mở rộng dân chủ, tăng cường kỷ luật, kiên quyết xử lý kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước những cán bộ, đảng viên, bất kể người đó là ai, có sai phạm rõ ràng ; giữ vững đoàn kết trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước, xử lý kỷ luật, trước hết là người đứng đầu ở nơi để xảy ra mất đoàn kết.

Đảng ta là đội tiên phong của giai cấp công nhân, hết lòng phục vụ nhân dân. Mục tiêu chiến đấu của Đảng là vì độc lập dân tộc, vì hạnh phúc của đồng bào, không có mục tiêu nào khác. Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý là để bảo đảm nhân dân làm chủ theo luật pháp, do đó kiên quyết chống lại mọi hành vi cửa quyền, gây phiền nhiễu, áp bức, vi phạm quyền làm chủ của dân. Mối quan hệ khăng khít giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân là sự sống còn của Đảng, sự vững mạnh của Nhà nước. Toàn Đảng phải theo tư tưởng của Bác Hồ, bảo đảm bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hành đều ở nơi dân, giương cao ngọn cờ đại đoàn kết dân tộc, tôn trọng người hiền tài, chăm sóc người có công, khuyến khích mọi người làm giàu chính đáng, hết lòng giúp đỡ người nghèo khó, người có hoàn cảnh rủi ro, cơ nhỡ, tất cả vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Trước khi tiến hành Đại hội, Ban Chấp hành Trung ương sẽ công bố dự thảo văn kiện của Đảng để xin ý kiến nhân dân, dựa vào nhân dân để giám sát cán bộ, đảng viên, công chức... Tin ở dân, dựa chắc vào dân, Đảng sẽ có thêm sức mạnh to lớn để có đủ phẩm chất và năng lực lãnh đạo đất nước mà nhân dân giao phó.

Thưa các đồng chí,

Sau Hội nghị Trung ương lần này là bắt tay ngay vào việc tiến hành Đại hội đảng các cấp. Đại hội đảng các cấp tiến đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX là sinh hoạt chính trị lớn nhất của Đảng ta 5 năm một lần, và là mối quan tâm lớn nhất của toàn dân, toàn quân và bạn bè quốc tế. Phải dựa vào các văn kiện của Trung ương, đồng thời phải căn cứ vào thực tế của địa phương, của ngành, của đơn vị mình mà cụ thể hóa, rất thực tiễn, rất sáng tạo, với tinh thần tiến công, tinh thần quyết thắng. Phải trả lời cho được câu hỏi : 5 năm tới, các bộ, các ngành và địa phương, đơn vị mình (từ xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố, xí nghiệp, công ty, cơ quan...) thực hiện chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa thế nào ? Phải nắm vững tiêu chuẩn và phải thật sự dân chủ trong bầu cử cấp ủy mới và đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

Đặc biệt, phải chân thành xin ý kiến của nhân dân và yêu cầu nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng các chương trình hành động về kinh tế - xã hội và các lĩnh vực khác trong những tháng còn lại của năm 2000.

Các ngày lễ lớn là những sinh hoạt tư tưởng và văn hóa sâu sắc, bồi đắp lý tưởng, lẽ sống của nhân dân ta.

Sau đại hội cấp nào thì tổ chức thực hiện ngay nghị quyết, kiên quyết sửa chữa khuyết điểm ; tất cả đảng viên, cán bộ đều có sự chuyển biến mới, phát động cao trào cách mạng, quyết giành thắng lợi to lớn và toàn diện năm 2000 và những năm đầu của thế kỷ XXI.

Trước mắt chúng ta thuận lợi có nhiều, khó khăn cũng không nhỏ, nhưng với tinh thần cách mạng tiến công, chúng ta vững tin vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng, tiến tới Đại hội lần thứ IX của Đảng, đưa đất nước vững bước vào thế kỷ XXI.❑

Digitized by Google

CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM VỚI CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY ĐỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG

CÙ THỊ HẬU *

Để thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tổ chức công đoàn Việt Nam đã thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) do đồng chí Bí thư Đảng đoàn làm trưởng ban. Đã tổ chức các lớp học tập, nghiên cứu Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và bài phát biểu quan trọng của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên trong cơ quan Tổng Liên đoàn. Đoàn chủ tịch đã có văn bản hướng dẫn các cấp công đoàn trong cả nước vận động công nhân, viên chức, lao động (CNVCLĐ) tham gia xây dựng chỉnh đốn Đảng ; tổ chức và tạo điều kiện cho đoàn viên - CNVCLĐ tham gia đóng góp ý kiến xây dựng Đảng từ địa phương, cơ sở, giúp các cấp ủy đảng nắm được tâm tư, nguyện vọng của người lao động, góp phần tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn.

Quán triệt sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, trên cơ sở tự phê bình và phê bình nghiêm túc, với tinh thần trách nhiệm cao, Đảng đoàn Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam đã chủ động triển khai các nội dung, xây dựng chương trình hành động một cách cụ thể, bám sát và vận dụng chủ trương đường lối, nghị quyết của Đảng vào phong trào công đoàn và xây dựng giai cấp công nhân. Đã chú ý kết hợp cả hai mặt *"xây"* và *"chống"* nhưng *"xây"* là chính. Coi trọng giáo dục và nâng cao nhận thức, tính tự giác của tập thể và cá nhân, phát huy dân chủ, khắc phục tình trạng nể nang, xuê xoa, né tránh ; đồng thời, nghiêm cấm việc lợi dụng phê bình để đả kích cá nhân làm mất đoàn kết, gây rối nội bộ.

Tháng 11-1999, Đảng đoàn Tổng Liên đoàn (TLĐ) đã tổ chức kiểm điểm tập thể và từng đồng chí ủy viên. Bản tự kiểm điểm của tập thể được chuẩn bị nghiêm túc, lấy ý kiến đóng góp của LĐLĐ các địa phương, thành phố, công đoàn ngành trung ương và các ban, đơn vị trực thuộc ; đã bám sát ba nội dung hướng dẫn của Bộ Chính trị ; nêu rõ những ưu khuyết điểm chính, phản ánh trung thực tình hình cán bộ, đoàn viên CNVCLĐ. Công tác tự phê bình của từng thành viên Đảng đoàn được tiến hành nghiêm túc, trung thực và tự giác thể hiện ý thức rèn luyện, tu dưỡng, giữ gìn phẩm chất của người cán bộ, đảng viên, về việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước.

Trong suốt 70 năm, nhất là trong những năm đổi mới vừa qua, hoạt động công đoàn đã gắn liền với sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hăng hái đi đầu thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, Nhà nước ; động viên CNVCLĐ phát huy mạnh mẽ nội lực, mở rộng kinh tế đối ngoại để phát triển kinh tế đất nước. Công đoàn đã xác định cho CNVCLĐ thấy được tầm quan trọng của việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài và coi trọng bảo vệ lợi ích đất nước, bảo vệ lợi ích người lao động, không sử dụng đình công trong giải quyết quan hệ lao động mà tiến hành thương lượng, hòa giải, bảo đảm cho sản xuất ổn định và phát triển.

Thực hiện chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, các tổ chức công đoàn đã tiến hành phát triển đoàn viên và

* Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam

Digitized by Google

xây dựng các công đoàn cơ sở trong các thành phần kinh tế. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 8b (khóa VI) về đa dạng hóa các hình thức tập hợp quần chúng, công đoàn đã kịp thời quy định các loại hình công đoàn cơ sở, các nghiệp đoàn phù hợp từng loại hình sở hữu để tập hợp CNVCLĐ. Công đoàn đã tham gia thực hiện chương trình giai cấp công nhân với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ủng hộ và tích cực tuyên truyền giải thích để người lao động thông suốt chủ trương sắp xếp doanh nghiệp, cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Đồng thời tổ chức công đoàn còn trực tiếp phát hiện những bất hợp lý, kiến nghị với Nhà nước xây dựng, sửa đổi những chính sách bảo đảm quyền lợi cho người lao động khi tiến hành sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp.

Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam đã kiểm tra tổ chức phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, thi đua yêu nước trong CNVCLĐ. Hằng năm, có hàng triệu lượt CNVCLĐ đạt danh hiệu lao động giỏi, hàng trăm người được Tổng Liên đoàn tặng bằng lao động sáng tạo, hàng nghìn người được tặng bằng khen của Ban chấp hành Tổng Liên đoàn. Những phong trào thi đua của công nhân, công đoàn đã góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế của địa phương, ngành và đất nước. Thông qua việc tập hợp, vận động đông đảo CNVCLĐ vào công đoàn và tham gia các phong trào do công đoàn tổ chức, Tổng Liên đoàn tích cực tham gia với Đảng, Nhà nước về chính sách đào tạo, đào tạo lại, nâng cao trình độ văn hóa, khoa học - kỹ thuật, tay nghề, ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp của đội ngũ CNVCLĐ. Được sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Tổng Liên đoàn đã tham gia tích cực vào việc chuẩn bị báo cáo về xây dựng giai cấp công nhân để Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) ra Nghị quyết Trung ương 7 "về phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000, theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới". Dưới sự chỉ đạo của Bộ Chính trị BanChấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII), Tổng Liên đoàn đã tổ chức nghiên cứu, đề xuất với Bộ Chính trị chuẩn bị ra Nghị quyết của Bộ Chính trị về xây dựng giai cấp công nhân - nông dân và tầng lớp trí thức. Trên cơ sở quán triệt quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, Tổng Liên đoàn đã xây dựng chương trình của công đoàn về xây dựng giai cấp công nhân, đồng thời đặt nhiệm vụ xây dựng giai cấp công nhân trong thời kỳ đổi mới là một nhiệm vụ quan trọng trong nhiệm kỳ Đại hội VIII Công đoàn Việt Nam. Tổng Liên đoàn đã góp phần xây dựng giai cấp công nhân ngày một lớn mạnh, đáp ứng với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ; xây dựng liên minh công nhân, nông dân, trí thức, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc ngày càng bền vững, giữ vững ổn định chính trị.

Tổ chức và hoạt động công đoàn đã từng bước đổi mới theo hướng đa dạng hóa các hình thức tập hợp người lao động trong các thành phần kinh tế vào công đoàn. Hoạt động công đoàn ngày càng được mở rộng theo hướng xã hội hóa. Công đoàn đã tích cực nghiên cứu, tập hợp ý kiến của đoàn viên, CNVCLĐ, phát hiện, đề xuất, tham gia với Đảng, Nhà nước xây dựng, bổ sung, sửa đổi các chính sách, luật pháp liên quan đến CNVCLĐ như các chính sách đào tạo nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho người lao động, các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hộ lao động. Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam đã tham gia, phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành kiểm tra, giám sát việc thi hành luật pháp và các chính sách liên quan đến quyền lợi và lợi ích CNVCLĐ ; động viên CNVCLĐ thi đua phát huy tính năng động sáng tạo, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, nhiệm vụ công tác của CNVCLĐ và đơn vị. Công đoàn các cấp đã hưởng ứng mạnh mẽ các phong trào, các cuộc vận động lớn như xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động nhân đạo, từ thiện...

Tổng Liên đoàn đã chỉ đạo công đoàn các cấp coi trọng việc giáo dục nâng cao giác ngộ chính trị trong CNVCLĐ, tuyên truyền, giải thích vận động, thuyết phục đoàn viên, CNVCLĐ thông hiểu và chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách, luật pháp của Đảng, Nhà nước ; phát huy quyền làm chủ, tích cực đấu tranh chống tham

Digitized by Google

những và các tệ nạn xã hội, chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, góp phần làm cho tổ chức đảng, tổ chức công đoàn và bộ máy chính quyền trong sạch, vững mạnh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền của đất nước.

Tổng Liên đoàn đã chỉ đạo chặt chẽ công tác báo chí, xuất bản, hoạt động văn hóa, văn nghệ - thể thao của công đoàn góp phần tích cực vào việc phản ánh tâm tư nguyện vọng của CNVCLĐ đối với Đảng, Nhà nước, Công đoàn ; cổ vũ những gương "người tốt, việc tốt", tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ; giáo dục lòng yêu nước, ý chí quật cường, truyền thống cách mạng của giai cấp công nhân, của dân tộc, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) của Đảng.

Hoạt động đối ngoại của Công đoàn Việt Nam đã thực hiện đúng đắn chủ trương của Đảng ta về mở rộng quan hệ đối ngoại. Công đoàn Việt Nam đã quan hệ với trên 70 tổ chức công đoàn trên thế giới, mở rộng và nâng cao vai trò của Công đoàn Việt Nam, góp phần nâng cao vị trí của nước ta trên trường quốc tế.

- *Về công tác tổ chức, cán bộ.* Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam đã đặc biệt chú ý nghiên cứu, cụ thể hóa và thực hiện đúng đắn quan điểm, đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng về tổ chức, cán bộ trong hệ thống công đoàn. 70 năm qua, tổ chức công đoàn luôn là tổ chức thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng, là tổ chức duy nhất, là người đại diện về mặt luật pháp, chăm lo, bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho CNVCLĐ ; luôn bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức cũng như hoạt động của mình.

Các cấp công đoàn đã tập trung xây dựng, phát triển tổ chức công đoàn trong các thành phần kinh tế. Thời gian qua, số lượng công đoàn cơ sở trong khu vực ngoài quốc doanh đã tăng 14 lần ; số đoàn viên, hội viên tăng gần 5 lần so với trước Đại hội VII Công đoàn Việt Nam. Đến nay, cả nước có 5 694 công đoàn cơ sở ngoài quốc doanh, nghiệp đoàn, hội nghề với gần 46 vạn đoàn viên, hội viên. Công tác xây dựng công đoàn cơ sở và nghiệp đoàn vững mạnh được coi trọng. Số lượng công đoàn cơ sở đạt tiêu chuẩn vững mạnh tăng hơn trước, bình quân cả nước đạt 58,8% tổ chức công đoàn, nghiệp đoàn vững mạnh, có nơi đạt 86%. Riêng công đoàn cơ sở khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt 27,49%.

Tổ chức công đoàn các cấp được kiện toàn và được sắp xếp lại gọn nhẹ, nâng cao năng lực hướng dẫn, chỉ đạo phong trào. Công đoàn cấp huyện và một số công đoàn ngành, địa phương được củng cố. Mối quan hệ phối hợp giữa Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố và công đoàn ngành trung ương trong việc chỉ đạo công đoàn cơ sở được nghiên cứu, bổ sung, điều chỉnh hài hòa hơn. Lề lối làm việc, thủ tục hành chính được nghiên cứu cải tiến từng bước. Do vậy, hiệu quả hoạt động của hệ thống tổ chức công đoàn được nâng lên, đáp ứng tốt hơn yêu cầu hoạt động của cơ sở trong tình hình mới.

Các cấp công đoàn đã tập trung sức cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhanh chóng trang bị những kiến thức cần thiết để hoạt động trong điều kiện nền kinh tế nhiều thành phần, nhất là việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chủ tịch công đoàn cơ sở và việc đào tạo cán bộ chủ chốt kế cận từ CNVCLĐ ưu tú. Công tác quy hoạch, bố trí, sử dụng cán bộ được chú ý hơn. Tổng Liên đoàn có văn bản hướng dẫn tạm thời về công tác quy hoạch cán bộ. Trên cơ sở đó, các cấp công đoàn đã cụ thể hóa tiêu chuẩn đồng thời đánh giá, phân loại cán bộ để lựa chọn, bồi dưỡng, bố trí sử dụng cho phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, ngành mình. Vì vậy, đã giúp cho đại hội công đoàn các cấp lựa chọn được đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu chỉ đạo phong trào trong giai đoạn mới.

Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam luôn coi trọng sự chỉ đạo của Trung ương Đảng đối với công tác công đoàn, tôn trọng ý kiến và tích cực tham gia với các ban của Đảng về việc nghiên cứu, đề xuất các chủ trương, biện pháp thực hiện nghị quyết của Đảng. Tổng Liên đoàn đã phối hợp chặt chẽ với các tỉnh, thành ủy, ban cán sự đảng bộ, ngành để giải quyết các vấn đề về tổ chức, cán bộ và chỉ đạo phong trào công đoàn. Đảng đoàn, Đoàn chủ tịch Tổng Liên đoàn đã xây dựng quy chế phối hợp làm việc với Chính phủ. Trên cơ sở đó, tổ chức công đoàn các cấp cũng đã

Digitized by Google

xây dựng quy chế phối hợp công tác với chính quyền đồng cấp. Hằng năm, Đoàn chủ tịch Tổng Liên đoàn và Chính phủ đều kiểm điểm việc thực hiện chương trình cũ và đề ra chương trình phối hợp mới với nhiều chính sách, chế độ liên quan đến CNVCLĐ, trước khi Chính phủ ban hành đều có ý kiến tham gia của Tổng Liên đoàn. Nhiều kiến nghị của CNVCLĐ phản ánh qua Tổng Liên đoàn đều được Chính phủ xem xét, cân nhắc khi quyết định.

Bên cạnh những ưu điểm, kết quả đạt được nói trên trong thời gian qua, tổ chức công đoàn Việt Nam, công tác công đoàn vẫn còn một số khuyết điểm, tồn tại như :

- Chưa xây dựng được chương trình hành động cụ thể, phân công trách nhiệm chưa rõ ràng ; việc vận dụng thực hiện các chức năng của công đoàn được pháp luật quy định trên thực tế còn thiếu sót. Chưa có nhiều đề xuất ngang tầm với vai trò, vị trí của tổ chức công đoàn trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội. Công đoàn chưa thực hiện tốt chức năng kiểm tra, giám sát việc chấp hành chế độ, chính sách, luật pháp cho nên quyền lợi của người lao động còn bị thiệt thòi.

- Việc đổi mới, sắp xếp tổ chức chưa đáp ứng được yêu cầu của hoạt động công đoàn trong tình hình mới. Phương pháp hoạt động công đoàn trong các cơ sở ngoài quốc doanh, nhất là các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn lúng túng. Vai trò của công đoàn trong các cơ sở này chưa rõ. Một số công đoàn cơ sở hầu như không hoạt động. Tệ quan liêu, xa rời quần chúng còn tồn tại ở một số tổ chức công đoàn cấp trên cơ sở. Công tác chỉ đạo còn thiếu nhạy bén, thiếu dứt khoát, có những tồn tại yếu kém từ nhiều năm nhưng chưa được xem xét giải quyết. Trong công tác cán bộ, công đoàn chưa chủ động, chưa được đầu tư thỏa đáng, chưa xây dựng được chiến lược cán bộ, do vậy tạo nên sự hụt hẫng cán bộ, nhất là cán bộ công đoàn cơ sở.

- Công tác tuyên truyền giáo dục mới được quan tâm chú ý ở khu vực doanh nghiệp nhà nước, còn ở khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chưa đúng mức. Nội dung, hình thức tuyên truyền, giáo dục còn rập khuôn, nhiều khi không thật phù hợp với đặc điểm của cơ sở và yêu cầu của công nhân, lao động. Việc tuyên truyền chính sách, pháp luật trong CNVCLĐ, nhất là ở vùng sâu, vùng xa còn hạn chế ; nắm bắt diễn biến tư tưởng trong CNVCLĐ còn yếu. Chưa tạo ra được phong trào quần chúng đấu tranh chống tham nhũng, chống các tệ nạn xã hội trong các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước do chưa xây dựng được cơ chế để người lao động có thể kiểm tra, phát hiện, ngăn ngừa các biểu hiện tiêu cực trong hoạt động kinh tế, tài chính cũng như chưa có biện pháp tích cực ngăn chặn có hiệu quả hành động trù dập, trả thù người đấu tranh.

Trên cơ sở quán triệt 10 nhiệm vụ được đề ra trong Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), trong thời gian tới tổ chức công đoàn Việt Nam tập trung vào chỉ đạo, thực hiện tốt một số nội dung, yêu cầu chính sau đây :

Một là, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, tổ chức, động viên cán bộ, đoàn viên, CNVCLĐ hưởng ứng cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng. Trong việc giới thiệu, nghiên cứu Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) của Đảng, các cấp công đoàn cần làm cho mỗi cán bộ, đoàn viên công đoàn và CNVCLĐ hiểu rõ hơn sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò quyết định của Đảng đối với vận mệnh và tương lai của dân tộc. Nhận thức đúng đắn những thành quả cách mạng, những thành tích trong công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Thường xuyên chăm lo công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong cán bộ, đoàn viên công đoàn, giữ vững bản chất giai cấp công nhân, củng cố vững chắc niềm tin vào sự nghiệp đổi mới. Trong từng cấp công đoàn kiên định con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn, kiên quyết khắc phục những biểu hiện hoài nghi, dao động. Cảnh giác đấu tranh với các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc sai lệch, phản động của các thế lực thù địch ; phát hiện kịp thời những phần tử cơ hội về chính trị, những cán bộ, đảng viên là đoàn viên công đoàn thoái hóa về tư tưởng, vi phạm phẩm chất đạo đức, lối sống, góp phần làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng.

Digitized by Google

Hai là, quán triệt lời dạy của Bác Hồ và Nghị quyết của Trung ương Đảng về tự phê bình và phê bình, các cấp công đoàn cần tổ chức cho đoàn viên, CNVCLĐ tham gia góp ý, phê bình cán bộ, đảng viên. Để làm tốt công việc này, từng cấp công đoàn cần xác định cho đoàn viên, CNVCLĐ có thái độ đúng đắn, thẳng thắn đấu tranh với những biểu hiện sai trái của một bộ phận cán bộ, đảng viên có sai phạm ; khắc phục thái độ né tránh, thiếu tinh thần trách nhiệm, thờ ơ đối với những biểu hiện sai trái, những vi phạm khuyết điểm của cán bộ, đảng viên.

Ba là, các cấp công đoàn cần phối hợp với lãnh đạo chuyên môn tổ chức phong trào hành động cách mạng, thi đua yêu nước mạnh mẽ, sâu rộng trong đoàn viên, CNVCLĐ, nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo, khắc phục khó khăn, có những đóng góp tích cực cụ thể vào công cuộc xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong những năm qua, các phong trào thi đua "lao động giỏi", "lao động sáng tạo", "phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất", "thực hành tiết kiệm"... đã lôi cuốn đông đảo cán bộ CNVCLĐ tham gia, góp phần tăng năng suất lao động, hiệu quả kinh tế, thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao thêm đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Qua các phong trào thi đua yêu nước xuất hiện hàng chục vạn công nhân lao động đạt danh hiệu "lao động giỏi", danh hiệu "bàn tay vàng", nhiều người được Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động. Hướng tới Đại hội Thi đua toàn quốc năm 2000, các cấp công đoàn cần đánh giá, tổng kết, nhân rộng điển hình tiên tiến nhằm đưa phong trào thi đua yêu nước trong CNVCLĐ phát triển liên tục, có chất lượng cao, đẩy mạnh và góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH - HĐH đất nước.

Bốn là, chú trọng bồi dưỡng những công nhân ưu tú trưởng thành từ phong trào thi đua yêu nước giới thiệu cho Đảng xem xét, bồi dưỡng, kết nạp vào Đảng. Mặc dù công tác phát triển đảng trong CNVCLĐ những năm gần đây có nhiều tiến bộ, song tỷ lệ đảng viên trong công nhân lao động chiếm tỷ lệ rất thấp, khoảng 7% trong tổng số đảng viên mới được kết nạp. Nguyên nhân có nhiều, nhưng trước hết là do việc tuyên truyền, giác ngộ về Đảng chưa làm tốt, chưa có sự quan tâm thường xuyên, đúng mức của tổ chức công đoàn và sự thiếu gương mẫu của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên trong học tập, công tác, lao động sản xuất, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống ảnh hưởng đến sự phấn đấu của không ít người. Hưởng ứng cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, các cấp công đoàn cần coi trọng phát hiện công nhân ưu tú trong phong trào thi đua lao động sản xuất, công tác và học tập, giới thiệu cho tổ chức đảng để bồi dưỡng họ trở thành đảng viên cộng sản. Tăng cường thành phần công nhân trong đội ngũ đảng viên của Đảng là một yêu cầu rất quan trọng của công tác xây dựng Đảng. Tuy nhiên, để trở thành đảng viên, đòi hỏi người công nhân vừa phải có những phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, vừa phải có năng lực cần thiết mới có thể hoàn thành được nhiệm vụ do tổ chức đảng phân công. Vì vậy, một mặt tổ chức đảng cần có kế hoạch cụ thể bồi dưỡng đối với công nhân, tạo môi trường thuận lợi cho họ rèn luyện, phấn đấu và trưởng thành ; mặt khác, các cấp công đoàn cần đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, bồi dưỡng, giúp đỡ để người công nhân lao động có thêm nhận thức đúng về Đảng, có niềm tin vững chắc vào lý tưởng của Đảng, tự giác học tập, rèn luyện đạo đức, lối sống, gương mẫu trong lao động sản suất, phấn đấu để trở thành đảng viên.

Năm là, xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh. Các cấp công đoàn cần tiếp tục triển khai thật tốt Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII Công đoàn Việt Nam, cụ thể hóa những nội dung của Nghị quyết, từng bước đưa Nghị quyết vào cuộc sống. Mỗi cán bộ, đoàn viên công đoàn phải nêu cao tinh thần tự rèn luyện, tự tu dưỡng, phấn đấu trở thành người công nhân, công đoàn vừa có năng lực trí tuệ, vừa có phẩm chất đạo đức trong sáng, lành mạnh, sống cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, nêu cao tinh thần đoàn kết, chống chủ nghĩa cá nhân, luôn luôn khát khao vươn lên làm chủ khoa học và công nghệ hiện đại, có tư

(Xem tiếp trang 22)

Digitized by Google

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT VÀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ

HÀ MẠNH TRÍ *

NGÀY 26-7-1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký lệnh công bố Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân và theo đó là sự ra đời của ngành kiểm sát trong bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trải qua 40 năm xây dựng và phát triển, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quan tâm, phối hợp của cơ quan nhà nước, các tổ chức, được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân, ngành kiểm sát đã không ngừng củng cố, phát triển và hoạt động ngày một nâng cao chất lượng hiệu quả, tích cực góp phần bảo vệ và xây dựng đất nước, giữ gìn kỷ cương, bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Trong 40 năm qua, ngành kiểm sát nhân dân luôn bám sát nhiệm vụ chính trị, tiến hành công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật, thực hành quyền công tố, góp phần tích cực bảo vệ và xây dựng đất nước.

Công tác kiểm sát thực chất là công tác chính trị. Từ khi ra đời đến nay, Viện kiểm sát nhân dân các cấp căn cứ vào đường lối của Đảng trong từng thời kỳ cách mạng để tiến hành hoạt động kiểm sát. Từ năm 1960 đến 1975, hoạt động của Viện kiểm sát chủ yếu trên phạm vi miền Bắc. Thực hiện Nghị quyết Đại hội III của Đảng, (1960) Viện kiểm sát nhân dân đã hướng hoạt động vào phục vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước. Công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật tập trung vào xây dựng quan hệ sản xuất mới và bảo vệ dân chủ ở nông thôn, phối hợp với các ngành bảo vệ pháp luật khác, đấu tranh có hiệu quả với bọn tội phạm phản cách mạng và những phần tử phạm tội nguy hiểm khác, góp phần củng cố pháp chế xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta. Trong những năm có chiến tranh ác liệt, Viện kiểm sát nhân dân đã hướng hoạt động vào kiểm sát, bảo đảm pháp chế thời chiến, phục vụ các mục tiêu : an ninh chính trị và trật tự xã hội, quyền tự do dân chủ của nhân dân, bảo vệ thành quả của công cuộc cải tạo và xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, làm tròn nghĩa vụ hậu phương lớn của cả nước. Cùng với việc phục vụ bảo vệ Tổ quốc, Viện kiểm sát sớm đi vào kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quản lý kinh tế, kiểm sát việc chấp hành pháp luật đối với cơ quan và cán bộ nhân viên nhà nước ; bảo đảm trật tự quản lý kinh tế theo kế hoạch tập trung, thống nhất.

Từ 1976 đến 1986, ngành kiểm sát nhân dân được tổ chức và hoạt động trên phạm vi cả nước. Trên cơ sở thực hiện chức năng nhiệm vụ được quy định trong Hiến pháp 1980 và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1981, ngành kiểm sát nhân dân đã tiến hành hoạt động kiểm sát nhằm bảo vệ chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, chú trọng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc bắt giam, giữ nhằm bảo vệ quyền dân chủ của công dân trong hoạt động tư pháp, góp phần tích cực vào đấu tranh chống bọn tội phạm phản cách

* Ủy viên Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Digitized by Google

mạng, phục vụ việc thực hiện chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh phía Nam.

Trong những năm đầu thực hiện công cuộc đổi mới, khó khăn của công tác kiểm sát là trước sự chuyển đổi căn bản về quản lý kinh tế từ chế độ tập trung bao cấp sang cơ chế quản lý kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, các văn bản pháp luật về quản lý kinh tế theo cơ chế mới chưa kịp xây dựng và ban hành, trong khi đó các văn bản pháp luật về quản lý kinh tế theo cơ chế cũ chưa được xóa bỏ. Một vấn đề lớn nổi lên trong quản lý kinh tế là mâu thuẫn giữa việc khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, phát huy năng động sáng tạo của các đơn vị cơ sở với việc quản lý, điều tiết của Nhà nước bảo đảm nền kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trước tình hình đó, hoạt động của Viện kiểm sát các cấp đã được tiến hành nhằm vừa ngăn chặn những hành vi lợi dụng tự chủ để vi phạm pháp luật, vượt ra ngoài khuôn khổ điều chỉnh của pháp luật, ngăn chặn những hành vi vì lợi ích cục bộ, lợi ích cá nhân mà xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Đồng thời góp phần kiến nghị với Đảng và Nhà nước những biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về cơ chế quản lý để phát huy tính năng động, khuyến khích sản xuất của cơ sở, của các doanh nghiệp, của các thành phần kinh tế.

Những năm gần đây, nhiều vấn đề pháp chế trong quản lý kinh tế đã được thể hiện trong các văn bản pháp luật. Ngành kiểm sát nhân dân đã căn cứ vào đó để tiến hành công tác kiểm sát theo một kế hoạch thống nhất và tập trung chủ yếu vào các ngành kinh tế trọng điểm có vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Đã chú trọng đến việc phát hiện và kiến nghị những biện pháp khắc phục vi phạm pháp luật trong hoạt động quản lý nhà nước.

Qua công tác kiểm sát, Viện kiểm sát các cấp đã kháng nghị, yêu cầu các ngành, các cấp có vi phạm có biện pháp khắc phục vi phạm và chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý nhà nước thuộc trách nhiệm của mình, góp phần vào công tác củng cố pháp chế và trật tự pháp luật trong các lĩnh vực kinh tế có vi phạm, góp phần tích cực vào việc quản lý kinh tế, xử lý hình sự với người có hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm.

Gần đây tình hình tội phạm ngày một diễn biến phức tạp, một số loại tội phạm có chiều hướng gia tăng, tính chất và mức độ nguy hiểm ngày càng nghiêm trọng với thủ đoạn tinh vi, táo tợn. Ngành kiểm sát nhân dân chủ động phối hợp với các cơ quan bảo vệ pháp luật khác phát hiện và xử lý nghiêm minh các tội phạm. Hằng năm đưa ra truy tố và xét xử trên sáu vạn vụ án hình sự, trong đó tập trung vào các loại tội xâm phạm an ninh quốc gia, tham nhũng, buôn lậu, ma túy và các tội phạm liên quan đến các tệ nạn xã hội. Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã phối hợp với Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao điều tra đưa ra truy tố và xét xử nhiều vụ án lớn, tính chất đặc biệt nghiêm trọng. Viện kiểm sát các cấp chú trọng việc kiểm sát tuân theo pháp luật đối với hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành và người tham gia tố tụng, bảo đảm cho các hoạt động tố tụng tuân thủ đúng pháp luật, bảo vệ các quyền dân chủ của công dân. Viện kiểm sát các cấp đã kiểm sát chặt chẽ, thận trọng hơn việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, nhất là kiểm sát việc bắt, tạm giữ, tạm giam. Kiên quyết không phê chuẩn các lệnh bắt khẩn cấp, lệnh gia hạn tạm giữ, lệnh tạm giam và gia hạn tạm giam xét thấy không đủ căn cứ theo quy định của pháp luật. Mặt khác, yêu cầu phải bắt giam những trường hợp xét thấy cần phải tạm giam... Gần đây, Viện kiểm sát nhân dân đã phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng nghiêm chỉnh thực hiện Nghị quyết 32/2000/NQ-QH10 ngày 21-12-1999 của Quốc hội và Nghị quyết số 229/2000/NQ-UBTVQH10 ngày 28-1-2000 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện Bộ luật hình sự năm 1999, nên số người bị bắt, tạm giữ, tạm giam đã giảm nhiều. Kết quả kiểm tra việc bắt tạm giữ, tạm giam ở thành phố Hà Nội cho thấy số người bị bắt giữ trong quý I/2000 giảm trên 35% so với cùng kỳ năm 1999 và so với quý IV/1999, trong đó tỷ lệ người bắt giữ đưa vào xử lý hình sự chiếm khoảng 90%.

Trong cơ chế kinh tế thị trường, các quan hệ xã hội trong lĩnh vực dân sự, hành chính, kinh tế,

Digitized by Google

lao động và phá sản doanh nghiệp phát triển rất phong phú, đa dạng. Theo đó, các tranh chấp phát sinh trong các lĩnh vực này cũng ngày một nhiều, tăng cả về số lượng và tính chất phức tạp. Nhận thức được điều đó, Viện kiểm sát nhân dân các cấp đã chú trọng hơn đối với công tác kiểm sát, tăng cường tổ chức và cán bộ cho việc giải quyết các vụ án thuộc loại này, góp phần bảo vệ lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Công tác kiểm sát thi hành án được củng cố và tăng cường, nhất là sau khi ban hành Pháp lệnh thi hành án dân sự, Pháp lệnh thi hành án phạt tù. Viện kiểm sát đã phối hợp với các cơ quan công an, tòa án, cơ quan thi hành án có các biện pháp quản lý chặt chẽ hơn số bản án, quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật cần phải thi hành, khắc phục nhiều tồn tại của công tác thi hành án từ những năm trước đây.

Trước yêu cầu của hoạt động kiểm sát, bộ máy và cán bộ của Viện kiểm sát nhân dân các cấp đang từng bước đổi mới và kiện toàn. Công tác đào tạo, tuyển chọn và bồi dưỡng cán bộ được chú ý hơn. Tỷ lệ kiểm sát viên, điều tra viên có trình độ đại học luật và cao đẳng kiểm sát chiếm tỷ lệ khoảng trên 80%. Đại đa số cán bộ, kiểm sát viên có quan điểm lập trường chính trị vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào đường lối của Đảng, có phẩm chất đạo đức tốt, cố gắng vượt qua những hoàn cảnh khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

Tuy nhiên, so với chức năng nhiệm vụ được giao, trước yêu cầu của công cuộc đổi mới, hoạt động của ngành kiểm sát nhân dân đã bộc lộ những khuyết điểm trên cả phương diện nhận thức và tổ chức thực hiện. Nhiều Viện kiểm sát chưa thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ do Hiến pháp và pháp luật quy định ; chưa chú trọng vào công tác kiểm sát văn bản quy phạm pháp luật ; chưa phát hiện và kiến nghị xử lý được những người có vi phạm trong việc ban hành văn bản pháp luật sai trái. Chất lượng các cuộc kiểm sát chưa cao, có nơi, có lúc còn trùng lặp với chức năng của cơ quan kiểm tra, thanh tra. Thậm chí có nơi kiểm sát do không làm đúng các quy định về nghiệp vụ dẫn đến hiệu quả kém, không phát hiện và kiến nghị được biện pháp khắc phục vi phạm.

Thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp và thực hành quyền công tố nhà nước cũng có nhiều thiếu sót và khuyết điểm. Nhiều Viện kiểm sát chưa làm tốt công tác kiểm sát việc bắt, tạm giữ, tạm giam. Công tác kiểm sát điều tra chưa được tiến hành chặt chẽ, có nơi còn để nhiều vụ án quá hạn luật định, có vụ bắt giam lâu nhưng chưa được giải quyết. Nhiều vụ điều tra và truy tố không đúng quy định của pháp luật, để lọt tội phạm, thậm chí có vụ còn oan sai, vi phạm nghiêm trọng quyền dân chủ của công dân. Công tác kiểm sát xét xử còn nhiều hạn chế, số kháng nghị của Viện kiểm sát còn ít và tỷ lệ số kháng nghị được tòa án chấp nhận còn thấp. Công tác kiểm sát thi hành án tuy đã có cố gắng trong việc phối hợp với các ngành khác tổ chức rà soát, phân loại để yêu cầu bắt thi hành án nhưng đến nay số án phải thi hành hình phạt tù (án đã có hiệu lực pháp luật) vẫn còn ở ngoài xã hội nhiều. Viện kiểm sát các cấp chưa chú ý quan tâm nhiều đến việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện tội phạm để làm tốt công tác phòng ngừa.

Trong lĩnh vực kiểm sát xét xử dân sự, kinh tế, hành chính, lao động và phá sản doanh nghiệp của các doanh nghiệp, các Viện kiểm sát nhân dân chưa thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm sát để góp phần khắc phục những vi phạm trong việc giải quyết các vụ án thuộc lĩnh vực này, dẫn đến một số việc giải quyết không đúng, kéo dài.

Công tác xây dựng ngành, xây dựng đội ngũ cán bộ còn thiếu sót. Một bộ phận cán bộ, kiểm sát viên không giữ vững phẩm chất, vi phạm đạo đức cách mạng và quy chế nghiệp vụ đã bị xử lý kỷ luật, thậm chí một số bị truy tố trước pháp luật. Thực tế cho thấy muốn nâng cao chất lượng hoạt động của Viện kiểm sát theo chức năng quy định trong Hiến pháp phải tập trung làm tốt chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp.

Để thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới của Đảng và các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội đến năm 2010, 2020 ngành kiểm sát nhân dân tiếp tục đổi mới, tăng cường hơn nữa công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật và thực hành quyền công tố nhà nước nhằm nâng cao chất

Digitized by Google

lượng hoạt động, xây dựng ngành kiểm sát nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh để hoàn thành nhiệm vụ, bảo đảm cho pháp chế xã hội chủ nghĩa được thực hiện nghiêm chỉnh và thống nhất, cần tập trung vào những việc chính sau :

1. Thực hiện có hiệu quả hơn các khâu trong công tác kiểm sát.

Đối với công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong lĩnh vực hành chính, kinh tế, xã hội, Viện kiểm sát các cấp tập trung kiểm sát văn bản pháp luật, góp phần bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật và pháp chế trong công tác xây dựng pháp luật. Trong công tác kiểm sát văn bản, Chủ tịch nước Trần Đức Lương nhấn mạnh Viện kiểm sát các cấp chú trọng : *"Xác định rõ hậu quả thiệt hại vật chất do văn bản vi phạm pháp luật gây ra, tìm cho được nguyên nhân của việc vi phạm và kiến nghị xử lý trách nhiệm cá nhân người vi phạm trên cơ sở thực hiện đúng các quy định của Luật ban hành các văn bản quy phạm pháp luật"* (1). Trong công tác trực tiếp kiểm sát việc chấp hành pháp luật, Viện kiểm sát các cấp tiến hành theo một kế hoạch thống nhất, tập trung vào một lĩnh vực cụ thể nhất định, có những vi phạm mang tính phổ biến trong phạm vi cả nước phục vụ những nhiệm vụ trọng tâm về kinh tế và xã hội theo Nghị quyết của Quốc hội. Hiện nay : *"Quản lý nhà nước chưa ngang tầm với đòi hỏi của thời kỳ mới ; chưa phát huy đầy đủ mặt tích cực và hạn chế được tính tự phát, tiêu cực của kinh tế thị trường"* (2), đặt ra cho ngành kiểm sát phải tập trung vào phát hiện và kiến nghị biện pháp khắc phục vi phạm pháp luật đối với các đơn vị, cơ quan có chức năng quản lý nhà nước. Từ đó kiến nghị với Đảng và Nhà nước về các biện pháp tăng cường về quản lý nhà nước ở tầm vĩ mô. Thực hiện đúng các quy định của luật, Viện kiểm sát các cấp chỉ tiến hành kiểm sát khi phát hiện có vi phạm pháp luật, bảo đảm khi kiểm sát ở đơn vị nào thì kết luận rõ được các vi phạm ở đó. Ngoài phương thức trực tiếp kiểm sát, Viện kiểm sát sử dụng rộng rãi các phương thức yêu cầu cơ quan cùng cấp kiểm tra cấp dưới, yêu cầu cơ quan thanh tra tiến hành thanh tra việc làm vi phạm pháp luật. Để góp phần đấu tranh có hiệu quả đối với các tội tham nhũng, buôn lậu và những loại án kinh tế khác, Viện kiểm sát các cấp chú trọng kiểm sát ở những nơi, những lĩnh vực, những ngành dễ xảy ra những vụ án kinh tế lớn, tìm ra nguyên nhân của tội phạm để kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền các biện pháp khắc phục và chấn chỉnh quản lý nhà nước. Đồng thời kiểm sát thường xuyên và chặt chẽ đối với các cơ quan có thẩm quyền xét xử phạt hành chính để phát hiện các trường hợp lọt tội phạm, nhất là các vụ án kinh tế, tham nhũng, buôn lậu.

Thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp, thực hành quyền công tố nhà nước, Viện kiểm sát các cấp phối hợp chặt chẽ với các cơ quan pháp luật khác, đẩy mạnh đấu tranh chống tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, tham nhũng, buôn lậu, ma túy và các tội phạm liên quan đến các tệ nạn xã hội.

Công tố là một biện pháp chuyên chính trong bất cứ một nhà nước nào. Thực hiện đầy đủ quyền công tố nhà nước có tác dụng bảo vệ trật tự kỷ cương xã hội, bảo vệ chế độ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Quyền công tố là quyền riêng có của Viện kiểm sát nhân dân mà Hiến pháp và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân quy định. *"Không có cơ quan nhà nước nào có thể thay thế Viện kiểm sát để sử dụng quyền công tố. Bắt giam, điều tra, tha, truy tố, xét xử có đúng người, đúng tội, đúng pháp luật hay không, có đúng đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước hay không, điều đó chính là Viện kiểm sát phải trông nom, đảm bảo làm tốt"*. Viện kiểm sát các cấp đặc biệt chú trọng kiểm sát chặt chẽ, thận trọng hơn việc áp dụng các biện pháp bắt giam, tạm giữ, tạm giam, góp phần bảo vệ quyền dân chủ công dân trong hoạt động tư pháp, phấn đấu để hạn chế các trường hợp để lọt tội phạm, hạn chế đến mức thấp nhất các vụ án oan, sai, nhất là các vụ oan. Để xảy ra các vụ án oan, sai, nhất là các vụ oan sẽ làm giảm niềm tin của nhân dân đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong đó có Viện kiểm sát. Toàn ngành kiểm sát đang cố

---

(1) Xem : Bài phát biểu của Chủ tịch nước Trần Đức Lương tại Hội nghị công tác Viện kiểm sát năm 1998, ngày 19-1-1999

(2) *Văn kiện Hội nghị lần thứ 3, Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr 38

Digitized by Google

gắng thực hiện : *"Kiên quyết không dung thứ những điều oan ức và không làm điều oan cho bất cứ một ai. Một người bị tội oan, chẳng những người này đau khổ, mà gia đình, con cái, càng đau khổ hơn. Làm điều oan cho một người nào đó thì chúng ta không còn lẽ sống nữa, bởi vì, chúng ta là những người cộng sản"* (3). Chấp hành Chỉ thị số 53/CT-TƯ ngày 21-3-2000 của Bộ Chính trị về một số công việc cấp bách của cơ quan tư pháp cần thực hiện trong năm 2000 đã nhấn mạnh : *"Tăng cường trách nhiệm pháp lý của Viện kiểm sát nhân dân đối với công tác bắt, giam, giữ. Việc bắt, giam phải được xem xét, phê chuẩn đối với từng trường hợp, từng đối tượng cụ thể ; đối với trường hợp bắt, giam cũng được hoặc không bắt, giam cũng được thì không bắt giam. Sai sót trong việc bắt, giam, giữ ở địa phương nào thì trước hết Viện kiểm sát nhân dân ở địa phương đó chịu trách nhiệm"* (4). Viện kiểm sát nhân dân các cấp đã và đang phối hợp với các cơ quan công an, tòa án, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện kiểm tra về công tác bắt, giam, giữ ở các trại tạm giam, nhà tạm giữ trong phạm vi cả nước. Trả tự do ngay cho những người bị bắt, giữ, giam oan, sai, những người được hưởng chính sách nhân đạo theo quy định của Bộ luật hình sự mới. Kết quả bước đầu cho thấy các cơ quan bảo vệ pháp luật trong toàn quốc đã rà soát và quyết định trả tự do cho hàng ngàn người được hưởng chính sách nhân đạo theo qui định của Bộ luật hình sự mới.

Trong kiểm sát hoạt động tư pháp, Viện kiểm sát các cấp chú ý tổng hợp các vi phạm của các cơ quan điều tra trong hoạt động điều tra, của cơ quan tòa án trong hoạt động xét xử để kiến nghị các cơ quan này khắc phục. Công tác điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tập trung vào điều tra các tội xâm phạm hoạt động tư pháp để kiên quyết đưa ra truy tố, xét xử những cán bộ của các cơ quan tố tụng có hành vi phạm tội trong việc thực hiện các quy định của Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự.

Công tác giải quyết các vụ án dân sự, hành chính, kinh tế, lao động, ngành kiểm sát tăng cường hoạt động ở cả 3 cấp kiểm sát, nhất là Viện kiểm sát cấp huyện là địa phương trực tiếp giải quyết phần lớn các loại án này, góp phần đẩy nhanh tiến độ giải quyết các vụ án, hạn chế mức thấp nhất các vụ án phải xử đi xử lại nhiều lần.

Đối với công tác kiểm sát thi hành án, Viện kiểm sát các cấp chủ động phối hợp với cơ quan công an, tòa án và cơ quan thi hành án, nắm chắc số án và quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật cần phải thi hành ; phân loại cụ thể, rõ ràng về nguyên nhân các trường hợp chưa thi hành để từ đó có kiến nghị cơ quan có trách nhiệm thi hành, tập trung giải quyết các trường hợp tồn đọng từ nhiều năm nay.

Viện kiểm sát các cấp chú trọng giải quyết các loại khiếu nại, tố cáo thuộc trách nhiệm của ngành kiểm sát, tập trung vào các đơn khiếu nại, tố cáo liên quan đến bản án hình sự, dân sự, các đơn tố cáo hành vi tham nhũng, buôn lậu, vi phạm quyền dân chủ của công dân, các đơn khiếu nại, tố cáo lâu ngày, bảo đảm thực hiện đúng quy định của Luật khiếu nại, tố cáo.

2. Xây dựng đội ngũ cán bộ, kiểm sát viên trong sạch, vững mạnh.

Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Hiến pháp và Luật tổ chức quy định, Viện kiểm sát nhân dân các cấp đã và đang chú trọng đến công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, kiểm sát viên trong sạch, vững mạnh. Mỗi cán bộ, kiểm sát viên ngành kiểm sát nhân dân luôn phấn đấu, rèn luyện để trở thành những người vừa có lập trường tư tưởng vững vàng, vừa có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện đúng lời dạy của Bác Hồ : mỗi cán bộ kiểm sát phải *"công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn"*.

Viện kiểm sát nhân dân các cấp thường xuyên làm công tác bồi dưỡng, quản lý cán bộ và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở... Phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời, nghiêm minh những cán bộ có hành vi vi phạm pháp luật. Kiên quyết đưa ra khỏi ngành những cán bộ thoái hóa biến chất. Cán bộ, kiểm sát viên, nhân viên ngành kiểm sát nỗ lực phấn đấu vươn lên để xứng đáng với tên gọi cao quý của ngành là "Viện kiểm sát nhân dân".

---

(3) Bài kết luận của đồng chí Trường Chinh tại phiên họp Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 7-1967

(4) *Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1976, tr 59

Digitized by Google

3. Tăng cường chỉ đạo công tác điều hành, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ.

Viện kiểm sát nhân dân các cấp phấn đấu thực hiện ngày một tốt hơn nguyên tắc tập trung dân chủ trong mọi hoạt động. Phân công và xác định rõ những loại việc nào thuộc trách nhiệm tập thể, những loại việc nào thuộc trách nhiệm cá nhân. Trên cơ sở đó đánh giá, nhận xét đầy đủ về hiệu quả và trách nhiệm trong công tác của từng đơn vị, từng người. Trong quá trình tiếp tục thực hiện đổi mới, Viện kiểm sát nhân dân đặc biệt chú ý nâng cao vai trò điều hành của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các cấp. Ở những cấp có thành lập ủy ban kiểm sát phải phân định rõ phần việc nào thuộc trách nhiệm của tập thể lãnh đạo viện, của ủy ban kiểm sát, của viện trưởng. Trong mọi trường hợp, vai trò của viện trưởng đều rất quan trọng. Viện trưởng là người phải chịu trách nhiệm về kết quả, chất lượng công tác của Viện kiểm sát mà mình được giao là người đứng đầu. Tăng cường công tác kiểm tra của Viện kiểm sát cấp trên đối với Viện kiểm sát cấp dưới. Viện kiểm sát các cấp đã và đang chú trọng thực hiện quy chế dân chủ trong ngành, nhiều nội dung được báo cáo công khai rộng rãi để mỗi cán bộ, kiểm sát viên có điều kiện tham gia góp ý kiến như : các chủ trương công tác, công tác cán bộ, công tác tài chính...

Qua thực tiễn hoạt động 40 năm của ngành kiểm sát, chúng tôi xin kiến nghị một số vấn đề như sau :

- Hiến pháp đã ghi rõ : bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất là trách nhiệm của Viện kiểm sát. Bảo đảm cho pháp chế thống nhất là một đòi hỏi khách quan xuất phát từ tính chất và mục đích của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Pháp chế là sự hiện diện của hệ thống pháp luật và sự tuân thủ pháp luật của các cơ quan nhà nước, các tổ chức và công dân. Do vậy, để tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, trước hết cần có một hệ thống pháp luật đầy đủ và hoàn thiện, tiếp đó là tổ chức có hiệu quả việc thi hành pháp luật. Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân trong đó có trách nhiệm của ngành kiểm sát nhân dân. Từ nhận thức trên, ngành kiểm sát đề nghị Quốc hội và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tăng cường hơn nữa công tác xây dựng pháp luật trong tình hình hiện nay. Kịp thời ban hành những văn bản pháp luật để điều chỉnh những vấn đề mới nảy sinh trong cơ chế quản lý kinh tế mới, những lĩnh vực còn thiếu các văn bản pháp luật. Rà soát để bãi bỏ những văn bản pháp luật không còn phù hợp với thực tế khách quan, sửa đổi và bổ sung đối với những quy phạm pháp luật đã được ban hành để phù hợp với nội dung và yêu cầu của thời kỳ đổi mới đất nước. Hệ thống pháp luật hoàn thiện sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng cho hoạt động của các cơ quan nhà nước, các tổ chức và công dân, là căn cứ pháp lý để ngành kiểm sát thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Hiến pháp và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân quy định.

- Điều 12 Hiến pháp năm 1992 quy định : "Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Để tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trước hết các cơ quan nhà nước, các cán bộ, công chức, viên chức nhà nước phải tiên phong gương mẫu, thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật. *"Muốn cho pháp luật của Nhà nước được giữ gìn và thi hành đúng, điều quan trọng trước nhất là các cơ quan chính quyền, các cán bộ của Đảng và Nhà nước phải tuân thủ pháp luật một cách nghiêm chỉnh, phải tôn trọng các quyền tự do, dân chủ của nhân dân, phải làm đúng trách nhiệm là người thừa hành ý kiến của nhân dân, là người bảo vệ lợi ích của nhân dân".* Để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, tội phạm nhất là các vi phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước, vi phạm pháp luật và tội phạm của cán bộ công chức viên chức nhà nước, đề nghị các cơ quan nhà nước cấp trên tăng cường kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của cơ quan nhà nước cấp dưới. Đồng thời đề nghị Quốc hội, Hội đồng nhân dân tăng cường giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, các tổ chức và công dân, trong đó có Viện kiểm sát nhân dân.

- Hiến pháp nước ta thừa nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với mọi hoạt động của Nhà nước, trong đó có hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân. Thực tiễn hoạt động trong 40 năm qua cho thấy muốn thực hiện có

Digitized by Google

hiệu quả hoạt động kiểm sát mỗi cán bộ, kiểm sát viên phải nắm vững quan điểm, đường lối của Đảng, từ đó cụ thể hóa trong các kế hoạch, biện pháp công tác. Vì vậy, ngành kiểm sát nhân dân đề nghị các cấp ủy đảng tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo đối với ngành kiểm sát nhân dân trong thực hiện đổi mới. Đảng thường xuyên nghe báo cáo, cho ý kiến về chủ trương công tác và kiểm tra hoạt động của ngành kiểm sát. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Viện kiểm sát nhân dân các cấp trong việc thực hiện việc tuân theo pháp luật, thực hành quyền công tố, đấu tranh chống vi phạm và tội phạm. Đồng thời các cơ quan có thẩm quyền tạo điều kiện thuận lợi, tăng cường cả về con người, cơ sở vật chất cho ngành kiểm sát đủ sức đáp ứng yêu cầu của cuộc đấu tranh chống tội phạm trong tình hình hiện nay.

- Đấu tranh chống và ngăn ngừa tội phạm là việc làm của toàn Đảng, toàn dân và toàn xã hội. Một mặt phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm những tội phạm đã xảy ra ; mặt khác nghiên cứu các nguyên nhân và điều kiện của tội phạm để từ đó tìm các biện pháp ngăn ngừa hạn chế không cho tội phạm xảy ra. Đúng như đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã nhấn mạnh : *"Vấn đề quan trọng của chế độ xã hội chủ nghĩa chúng ta là ngăn ngừa tội phạm"* (5). Từ nhận thức trên, đề nghị các ngành, các cấp, các cơ quan nhà nước, các tổ chức, trong đó có các cơ quan bảo vệ pháp luật tăng cường sự phối hợp hơn nữa với ngành kiểm sát để kịp thời phát hiện và đưa ra xử lý nghiêm minh các vụ vi phạm pháp luật, các loại tội phạm nguy hiểm và đang có tính chất gia tăng như : tham nhũng, buôn lậu, ma túy... Phối hợp tổ chức nghiên cứu đầy đủ, toàn diện, có hệ thống tình hình tội phạm, nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh, phát triển tội phạm, đề xuất các biện pháp phòng ngừa tội phạm. Đề nghị nhân dân tích cực ủng hộ những việc làm đúng của các cơ quan nhà nước, các tổ chức, các cơ quan bảo vệ pháp luật trong đó có ngành kiểm sát nhân dân. ❑

(5) Báo *Nhân Dân* số ra ngày 28-7-1999

CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM...

(Tiếp theo trang 15)

duy sáng tạo và kỹ năng thực hành giỏi, có tác phong công nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật cao, có sức khỏe và lối sống văn hóa giàu tình nghĩa, giữ vững bản chất giai cấp công nhân, xứng đáng vai trò nòng cốt trong khối liên minh công - nông - trí thức và khối đại đoàn kết dân tộc. Trong chỉ đạo, công đoàn các cấp tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, đoàn viên phấn đấu, khuyến khích cán bộ, đoàn viên tích cực lao động sản xuất, làm giàu chính đáng bằng sức lao động của mình. Cần phải đề cao động lực tinh thần, chuẩn mực giá trị đạo đức, tham gia tích cực chống tham nhũng, buôn lậu, lên án và phê phán lối sống xa hoa, lãng phí ở một bộ phận cán bộ, đoàn viên công đoàn. Các cấp công đoàn cần coi trọng tổng kết, nhân rộng điển hình tiên tiến kết hợp chặt chẽ giữa "xây" và "chống" trong đó "xây" là chính, lấy gương "người tốt, việc tốt" để tuyên truyền giáo dục đoàn viên, CNVCLĐ, làm cho tổ chức công đoàn thực sự vững mạnh.

Các cấp công đoàn phải từ hoạt động thực tiễn đề xuất với cấp ủy đảng về nội dung đổi mới phương thức hoạt động của mình, góp phần phát huy hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước ; không ngừng hoàn thiện các chính sách, luật pháp bảo đảm mọi mặt hoạt động của công đoàn, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế đất nước, tạo sự đoàn kết xã hội, củng cố gắn bó giữa Đảng với các tổ chức quần chúng, với nhân dân.

Sáu là, các tổ chức công đoàn, đội ngũ CNVCLĐ chủ động, tích cực tham gia để Đại hội Đảng các cấp thành công tiến tới Đại hội IX của Đảng. Các tổ chức công đoàn chủ động phối hợp với các cấp ủy đảng chuẩn bị tốt công tác nhân sự để góp phần nâng cao hơn nữa thành phần giai cấp công nhân trong các cấp ủy đảng hiện nay, tăng cường những đại biểu ưu tú, trẻ, có trí tuệ của giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn vào hàng ngũ những người lãnh đạo của Đảng. Bảo đảm trong cấp ủy đảng các cấp có đại diện của tổ chức công đoàn, đại diện cho đông đảo đội ngũ CNVCLĐ nước ta.❑

Digitized by Google

CÁCH MẠNG CHÍNH TRỊ VÀ CÁCH MẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI

HOÀNG TÙNG

TRONG quá trình nghiên cứu lý luận từ ba đỉnh cao của triết học Đức, kinh tế chính trị học Anh, chủ nghĩa xã hội Pháp, những thành tựu của khoa học tự nhiên và tri thức nói chung về nhiều lĩnh vực khác đã đạt được đến giữa thế kỷ thứ XIX và sau đó, Mác và Ăng-ghen phát hiện những quy luật vận động khách quan của giới tự nhiên, xã hội loài người, tư duy con người. Sự ra đời của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử mở ra một bước ngoặt lớn của lịch sử phát triển tư tưởng nhân loại, trực tiếp là của châu Âu, nói rõ hơn là Tây Âu. Nền văn minh văn hóa, tư tưởng, khoa học thành văn Địa Trung Hải xuất hiện muộn hơn Trung Hoa, Ấn Độ, Lưỡng Hà, Ai Cập nhưng lần lượt mở ra nhiều cuộc đột phá lớn, bắt đầu từ Hy Lạp, La Mã, thời kỳ Phục Hưng, thế kỷ ánh sáng. Châu Âu trước hết là mấy nước Tây Âu là nơi thực hiện sớm nhất cách mạng văn hóa, cách mạng khoa học, cách mạng chính trị, cách mạng kinh tế - xã hội. Trong khi các nền văn minh rực rỡ khác ra đời sớm hơn, song sự chìm đắm trong "giấc ngủ mùa đông" kéo dài của các giáo lý thần quyền, vương quyền, sự kiêu ngạo mang tính chủng tộc, châu Âu vượt lên, từ những thành tựu của những nhận thức và thực tiễn khoa học, phê phán mọi trào lưu tư tưởng không được cuộc sống chứng minh, đi vào khoa học, mở ra những cuộc tranh luận rộng rãi về tất cả các môn học. Nhờ đó các bộ môn khoa học đều thi nhau ra đời : vật lý thiên văn, vật lý, hóa học, sinh học ra đời kéo theo cả toán học. Các thuyết nhật tâm, hấp dẫn phổ quát, bảo toàn và chuyển hóa năng lượng, cạnh tranh sinh tồn, cấu tạo vật chất từ tế bào đều xuất hiện từ khu vực này của thế giới. Máy hơi nước, máy công tác, thoi bay, lò luyện thép cũng xuất hiện ở đây.

Tổng kết thành tựu văn hóa Tây Âu, đỉnh cao nhất của văn hóa nhân loại là tổng kết tư tưởng nhân loại, nhưng vẫn chưa phải là của tất cả. Các nền văn minh khác tuy trì trệ song vẫn có những giá trị mang tính phổ quát dù còn ở dạng thô, chưa được tinh chế.

Châu Âu vượt lên từ thế kỷ thứ XV. Phần còn lại của xã hội loài người vẫn vùi đầu vào những cuốn sách đã mốc meo, vẫn được coi là thiên kinh địa nghĩa, cho rằng thế giới và chân lý là nhất thành bất biến, thậm chí đến tận ngày nay. Sự phân kỳ lịch sử theo trình độ kỹ thuật cũng xuất hiện từ châu Âu : kỷ nguyên đá, kim khí, cơ khí.

Trước Mác, quan niệm phát triển lịch sử do giới tinh hoa, thậm chí do một vài nhân vật lỗi lạc quyết định ; những nhân vật ấy đánh dấu những cái mốc của lịch sử. Lần đầu tiên tiếng nói trái lại là của Mác và Ăng-ghen : nền tảng sự tồn tại của xã hội loài người là nền sản xuất vật chất trong đó kỹ thuật sản xuất là nhân tố quyết định sự hình thành sự phân công lao động xã hội, hình thái kinh tế - xã hội, cấu trúc thượng tầng. Sự khái quát này là hoàn toàn khoa học, song nó chỉ là chân lý phổ quát mà thôi. Cuộc sống của các cộng đồng "muôn màu nghìn vẻ", phát triển không đồng đều, trong khi loài người đang đi vào nền kinh tế tri thức, toàn cầu hóa, con người đã bay vào vũ trụ thì vẫn còn nhiều bộ tộc đói khổ, một số nơi vẫn còn ngai vàng. Từ "cách mạng" xuất hiện từ lâu, con người không ngừng tìm đường giải thoát khỏi xã hội đau khổ. Mác và Ăng-ghen xác lập nền tảng khoa học cho những cuộc cách mạng xã hội, dự báo xu thế phát triển của lịch sử nhân loại. Hai ông không hề đặt cho mình việc kê sẵn đơn thuốc hồi sinh, phát triển

Digitized by Google

cho tất cả các dân tộc trong mọi thời đại và nhắc đi nhắc lại những người các đời sau chớ nên gắn cho hai ông sứ mạng không ai gánh vác nổi ấy.

Nhân danh là người mác-xít, không ít người không thật sự nhận thức đúng cái linh hồn của nó là chủ nghĩa duy vật biện chứng, coi những trước tác của Mác là chân lý cụ thể của mọi không gian, thời gian, toàn thế giới đều như mấy nước Tây Âu, người ta nghĩ và hành động như thế nào mình cũng phải nghĩ và làm như vậy. Trái lại, là tà giáo, đáng phải lên dàn thiêu như Ga-li-lê hoặc truy nã như Cô-péc-níc. Giữa thế kỷ thứ XIX Mác và Ăng-ghen trình bày một Cương lĩnh cách mạng vô sản cho mấy nước châu Âu đã trải qua cách mạng tư sản, bước vào giai đoạn công nghiệp hóa. Qua thực tiễn, hai ông nhiều lần thay đổi, bổ sung. Mác đưa ra một thời kỳ quá độ. Trước khi qua đời năm 1899, Ăng-ghen viết : Lịch sử đã cho chúng tôi và những ai cũng hiểu như chúng tôi sự sai lầm. Nó chỉ rõ rằng tình trạng phát triển kinh tế trên lục địa (châu Âu) thế giới còn xa mới chín muồi cho sự xóa bỏ nền sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Lê-nin đã đưa ra thuyết cách mạng của công, nông đánh đổ chế độ chuyên chế phong kiến đang chuyển sang chế độ tư bản và ông đã thành công ; đồng thời ông đã đưa ra con đường phát triển lên chủ nghĩa xã hội từ một nước tiểu nông. Sau Lê-nin, người ta bãi bỏ con đường ấy và đưa ra ba cương lĩnh mẫu cho cách mạng tất cả các nước và thực chất chẳng khác nhau bao nhiêu vì tất cả đều đi ngay vào chế độ công hữu, kể cả nền kinh tế du mục. Một sự lẫn lộn lớn phổ biến là gộp làm một cách mạng chính trị, cách mạng kinh tế, cách mạng văn hóa, lối sống trong một cái khuôn cứng nhắc dưới sự điều hành từ một trung tâm, thậm chí của một người. Lịch sử đã diễn ra khác. Bắt đầu là cách mạng chính trị như các cuộc cách mạng tư sản ở Hà Lan, Anh, Pháp. Sau đó, mới đi vào cách mạng công nghiệp, xây dựng hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa, có nước người chỉ đạo cuộc xây dựng chế độ tư bản lại là một hoàng đế.

Cuộc Tổng khởi nghĩa năm 1945 và 30 năm kháng chiến của nước ta, trước hết là cách mạng chính trị, tuy có đồng thời tiến hành một phần cách mạng kinh tế - văn hóa, xã hội. Công cuộc cách mạng kinh tế ngày nay mới thật sự là nhiệm vụ trung tâm nhằm phát triển sức sản xuất xã hội và đi liền với nó phải đồng thời hoàn thành, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, cấu trúc thượng tầng của xã hội mới, hội nhập quá trình tiến hóa chung của lịch sử nhân loại trong kỷ nguyên mới. Mác viết : "sự tiến hóa của đời sống xã hội do sự phát triển của năng suất lao động hoàn toàn quyết định" và "tổ chức xã hội cộng sản chủ yếu là kinh tế".

Khác với thế kỷ trước, một số dân tộc, mặc cho trời đất đổi thay vẫn dương dương tự đắc với nền văn minh cổ đại của mình, thực hành chính sách "bế quan tỏa cảng", để rồi phải chịu khuất phục trước những cuộc đổ bộ xâm chiếm của thực dân phương Tây. Ngày nay các nước chậm tiến, buộc phải mở cửa, chạy nước rút cho kịp trào lưu tiến hóa chung. Người ta đi một bước, mình phải gắng sức vượt nhanh ! Vì vậy, phải gấp rút chuẩn bị thế hệ những tay đua nước rút đường dài, cả thể lực lẫn trí lực. Toàn cầu hóa là xu thế tất yếu của lịch sử do nền khoa học, công nghệ hiện đại quyết định. Nó là một quá trình *phát triển lớn* của lịch sử nhân loại, là *thời cơ lớn* đồng thời cũng là *thách thức lớn* đối với mọi dân tộc, cả lớn lẫn nhỏ, cả phát triển lẫn lạc hậu. Cuộc cạnh tranh đang và tiếp tục gay gắt như chiến tranh tuy tiếng nổ chỉ lẻ tẻ, song không ai dám quả quyết loại trừ nguy cơ chiến tranh lớn và sự trở lại của một cuộc "chiến tranh lạnh" mới. Xu thế tất yếu của toàn cầu hóa sẽ là lúc đầu khoảng cách giữa phát triển và lạc hậu mở rộng thêm rồi sau đó dẫn đến sự phát triển tương đối đồng đều giữa các nước, các châu lục, chấm dứt vai trò trung tâm của một vài nước, một vài châu lục. Thuyết chuyển hóa trung tâm phát triển của thế giới không có cơ sở cũng như ước mơ một nước hoặc một vài nước nắm quyền lãnh đạo toàn cầu. Nhịp độ phát triển của lịch sử các tập đoàn siêu khổng lồ lần lượt phá sản, sự ra đời của những hình thức kinh tế mới là dấu hiệu của sự thay đổi sắp tới, nền kinh tế thế giới hầu như lúc nào cũng đứng trước nguy cơ khủng hoảng sẽ ngày càng nhanh hơn.

Tiền đồ nhân loại khá sáng sủa tuy trước mắt bầu trời đang còn nhiều mảng xám.❑

Digitized by Google

Mấy vấn đề KINH TẾ TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH - CÁI PHỔ BIẾN VÀ CÁI ĐẶC THÙ**

TRẦN XUÂN TRƯỜNG *

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ những nước lạc hậu, nơi mà trình độ phát triển kinh tế dường như chưa chín muồi cho một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, thường làm nảy sinh nhiều vấn đề đặc thù đòi hỏi Đảng Cộng sản phải giải quyết một cách hết sức sáng tạo. Tuy nhiên kinh nghiệm Việt Nam cho thấy, sự sáng tạo đó không thể tùy tiện vượt ra khỏi khuôn khổ những nguyên lý phổ biến. Chỉ có kết hợp cái phổ biến với cái đặc thù trong khi hoạch định đường lối chính trị, thì chủ nghĩa xã hội đích thực mới có thể ra đời.

Những người cộng sản đấu tranh để xóa bỏ chế độ tư hữu, nguồn gốc của chế độ người bóc lột người, đúng như "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" đã khẳng định. Khi nước ta bước vào thời kỳ quá độ, chúng ta nhanh chóng xóa bỏ chế độ tư hữu qua cuộc vận động cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp và công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa. Một nền kinh tế "thuần khiết" xã hội chủ nghĩa quả thực đã ra đời ; đã xuất hiện một lý luận cho rằng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa có thể đi trước lực lượng sản xuất, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển theo. Thế nhưng, thực tế cuộc sống chứng tỏ rằng đó là một quyết định chủ quan, duy ý chí. Quy luật phổ biến về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, đã buộc chúng ta phải lập lại trật tự trong phát triển kinh tế. Do sự phát triển còn thấp kém của các lực lượng sản xuất xã hội, mà chế độ sở hữu tư nhân, kể cả tư nhân tư bản chủ nghĩa chưa phải đã lỗi thời, còn cần thiết tồn tại một cách khách quan, còn có vai trò thúc đẩy nhất định đối với sự phát triển của các lực lượng sản xuất xã hội.

Nhận thức rõ điều đó, Đảng ta chủ trương xây dựng một nền kinh tế nhiều thành phần. Bên cạnh các thành phần kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác xã đang có, các thành phần kinh tế tư nhân, tư nhân tư bản chủ nghĩa và tư bản nhà nước được khuyến khích phát triển. Các thành phần kinh tế tuy khác nhau về chế độ sở hữu, nhưng đều là những bộ phận hợp thành của nền kinh tế quốc dân thống nhất, đều có vai trò quan trọng đối với quốc kế dân sinh, đều bình đẳng về kinh tế và chính trị, đều làm cho lực lượng sản xuất phát triển đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Thực tiễn phát triển kinh tế của đất nước, chứng tỏ rằng mô hình kinh tế nhiều thành phần là một chủ trương đúng đắn, là một sáng tạo về lý luận, nói lên cái đặc thù của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở những nước lạc hậu chủ nghĩa tư bản chưa phát triển. Mô hình đó cần được duy trì và phát triển tương đối lâu dài trong suốt thời kỳ quá độ, chứ không phải là một giải pháp tình thế, một chủ trương sách lược nhất thời.

Tuy nhiên, ở nước ta hiện nay, từ thực tiễn thành công của mô hình kinh tế nhiều thành phần lại có người muốn coi mô hình đó chính là kết cấu kinh tế xã hội chủ nghĩa. Họ cường điệu, tuyệt đối hóa mặt tích cực của thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa đến mức coi nó không còn là chủ nghĩa tư bản. Người ta cho rằng, cần phải từ

* GS, Trung tướng, Giám đốc Học viện chính trị quân sự, Bộ Quốc phòng

** Báo cáo tham luận trong cuộc Hội thảo khoa học Việt Nam - Trung Quốc tại Bắc Kinh với chủ đề : "Chủ nghĩa xã hội - cái phổ biến và cái đặc thù" (ngày 13 và 14-6-2000)

Digitized by Google

bỏ lý luận về mâu thuẫn giữa hai con đường tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ.

Ở đây, sự tuyệt đối hóa cái đặc thù, nhân danh sự sáng tạo đã trở thành sai lầm. Đúng là thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa theo đường lối đổi mới có nhiều đặc điểm và đóng vai trò tích cực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Sự phát triển của nó phù hợp, phục vụ cho lợi ích của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nhưng một sự tư nhân hóa tràn lan, không được định hướng đúng đắn và quản lý chặt chẽ sẽ thực sự đe dọa con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Một sự phát triển lệch lạc như vậy lại chính là điều mà các thế lực thù địch đang khuyến khích. Do đó, chúng ta thừa nhận kinh tế tư bản chủ nghĩa là một bộ phận tích cực của nền kinh tế quốc dân và các tầng lớp tư sản, là một thành phần của mặt trận đại đoàn kết toàn dân, tham gia chính quyền nhân dân. Tuy nhiên, trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam, cuộc đấu tranh giữa hai con đường vẫn cứ tồn tại. Dĩ nhiên nó sẽ không diễn ra một cách thô thiển như đã từng diễn ra trong quá khứ. Không thừa nhận cái phổ biến về kinh tế và chính trị này của thời kỳ quá độ sẽ sai lầm trong hoạt động chính trị thực tiễn.

Trong quá trình vận hành nền kinh tế nhiều thành phần, về mặt chính trị thực tiễn không nên có thái độ biệt phái, phân biệt đối xử giữa thành phần kinh tế nhà nước và thành phần kinh tế tư bản tư nhân. Nhưng về mặt khoa học và trong ý thức của người cộng sản giác ngộ thì nhất thiết không được xóa nhòa ranh giới phân biệt đó.

Đã chấp nhận cùng tồn tại với chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa thì phải chấp nhận sự bóc lột tư bản chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ. Những người cộng sản chủ trương xóa bỏ chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa. Nhưng trong điều kiện những nước lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội, do chế độ tư hữu còn đóng vai trò tích cực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa tuy bị hạn chế nhưng còn lý do khách quan để tồn tại. Mâu thuẫn chủ - thợ tuy thực sự tồn tại trong khu vực kinh tế tư bản tư nhân, có nơi, có lúc gay gắt, nhưng chúng ta có Đảng, chính quyền, đoàn thể nên có thể điều hòa được và không để dẫn đến xung đột xã hội. Đảng Cộng sản điều hòa các lợi ích của lao động và tư bản theo tinh thần "lao - tư lưỡng lợi". Đảng và Nhà nước phải bảo vệ lợi ích của người lao động, nhưng cũng phải bảo đảm cho lợi ích của nhà tư sản. Nếu không thì cơ cấu kinh tế nhiều thành phần cũng không thể phát triển được. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội không chỉ có sự phân phối của nguyên tắc phân phối theo lao động, mà còn có nguyên tắc phân phối theo tài sản, tức là theo tư bản. Giải pháp dường như có tính chất cải lương đó lại chính là một chính sách cách mạng thuộc phạm trù đường lối chính trị, là một đặc điểm của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Nền kinh tế nhiều thành phần, tất yếu phải là một nền kinh tế hàng hóa. Trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, đòi hỏi phải tiến lên một nền kinh tế thị trường có cùng trình độ hiện đại như kinh tế thị trường thế giới. Nhưng đó là một nền kinh tế thị trường đặc thù, một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế thị trường là một thành tựu vĩ đại về mặt kinh tế - tổ chức của loài người, đã phục vụ đắc lực chủ nghĩa tư bản và ngày nay cũng có thể phục vụ đắc lực cho chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, kinh tế thị trường vẫn là một phạm trù lịch sử. Không phải Mác, Ăng-ghen đã dự báo sai khi cho rằng lao động trong xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa có tính xã hội trực tiếp và do đó, xã hội có thể điều hành sản xuất và phân phối một cách trực tiếp sản phẩm làm ra không cần qua quan hệ thị trường. Tuy nhiên, các ông có thể đã không nghiên cứu kỹ, hoặc nói cho đúng hơn, chưa đặt ra cho mình vấn đề nghiên cứu đó, nên ở một vài chỗ trong các tác phẩm đã nói rằng, một khi giai cấp công nhân giành được chính quyền thì không cần đến quan hệ hàng hóa - tiền tệ nữa. Lê-nin đã bắt đầu chính xác hóa lại nhận thức mác-xít về vấn đề này khi đưa ra chính sách kinh tế mới (NEP). Ngày nay, những Đảng Cộng sản cầm quyền đang phát triển sáng tạo hơn nữa lý luận về quan hệ giữa chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường.

Digitized by Google

Cho đến nay, chúng ta vẫn chưa thực sự thảo luận kỹ lưỡng về mối quan hệ giữa kinh tế thị trường và chủ nghĩa xã hội khi chủ nghĩa xã hội đã thắng lợi ở Việt Nam như thế nào, vì điều đó còn là tương lai xa. Tuy nhiên, một điều chắc chắn là trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, tất yếu phải tồn tại một nền kinh tế thị trường phát triển cao, một nền kinh tế thị trường vừa có các thuộc tính chung cho mọi nền kinh tế thị trường hiện đại, vừa có những đặc trưng riêng biệt của một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam ; một nền kinh tế thị trường phục vụ cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và bản chất xã hội chủ nghĩa, nhân văn và dân chủ sẽ ngày càng lớn lên và trở thành phổ biến. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đó tất yếu phải kết hợp biện chứng giữa thị trường và kế hoạch. Chúng ta phê phán chế độ bao cấp và sự kế hoạch hóa quan liêu, đẩy mạnh sự phát triển mạnh mẽ, đồng bộ của các nhân tố thị trường, của cơ chế thị trường. Điều đó không có nghĩa là chúng ta hạ thấp và phủ định kế hoạch hóa. Chúng ta từ bỏ phương thức kế hoạch hóa, quan liêu, bao cấp. Nhưng nếu không có kế hoạch hóa, không có sự chỉ huy kinh tế theo một phương thức thích hợp với cơ chế thị trường thì chúng ta cũng sẽ chẳng có chủ nghĩa xã hội. Các trường phái kinh tế theo chủ nghĩa tự do không thích hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa phải có lực lượng sản xuất hiện đại phát triển, năng suất lao động cao. Do đó, ở những nước lạc hậu như Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội, tất nhiên phải đặt lên hàng đầu nhiệm vụ phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Từ một nước nông nghiệp đi lên, phải công nghiệp hóa đất nước và đó là nhiệm vụ chính trong thời kỳ quá độ. Vì ngày nay, các nền kinh tế hiện đại trên thế giới đang trở thành kinh tế tri thức, nên các nước lạc hậu cũng phải bắt đầu tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hai quá trình đó gắn bó đan xen với nhau thành một quá trình thống nhất.

Các nước tư bản phát triển đã từ văn minh nông nghiệp, trải qua văn minh công nghiệp, bước vào giai đoạn văn minh trí tuệ. Đó là con đường phát triển phổ biến của các lực lượng sản xuất xã hội của loài người. Việt Nam là nước đi sau, có thể đi nhanh hơn, rút ngắn quá trình, không nhất thiết phải mất mấy trăm năm, như các nước tư bản đã đi, nên có thể kết hợp công nghiệp hóa và hiện đại hóa ; có thể đi tắt đón đầu nhiều công nghệ tiên tiến. Tuy nhiên, dù có đi nhanh thế nào cũng không thể bỏ qua một số bước phát triển khách quan của các lực lượng sản xuất xã hội. Có thể bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa để đi lên chủ nghĩa xã hội, nhưng không thể bỏ qua những giai đoạn phát triển cơ bản, tất yếu của lực lượng sản xuất mà chủ nghĩa tư bản đã trải qua. Không trải qua văn minh công nghiệp thì cũng không thể đi lên văn minh trí tuệ. Vì vậy, tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam tuy đã bước vào trào lưu kinh tế tri thức của thế giới và nội dung hiện đại hóa nền kinh tế, sẽ ngày càng tăng lên trong thời kỳ quá độ, nhưng chúng ta không coi nhẹ chút nào nội dung công nghiệp hóa. Trước hết, phải làm cho đất nước chúng ta trở thành một nước công nghiệp với mức độ hiện đại hóa bước đầu. Sau đó mới có cơ sở vật chất - kỹ thuật vững chắc để tiếp tục hiện đại hóa mạnh mẽ trong chặng đường tiếp theo.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, chứ không phải để xây dựng chủ nghĩa tư bản. Định hướng đó không chỉ chi phối mục tiêu chính trị - xã hội của công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà còn quy định con đường với các giải pháp cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Một vấn đề gay gắt thường xuyên của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là vấn đề vốn. Là một nước đang xây dựng chủ nghĩa xã hội do Đảng Cộng sản lãnh đạo, Việt Nam không thể giải quyết vốn bằng cách nô dịch các dân tộc khác, không thể bần cùng hóa bất cứ một bộ phận cư dân nào trong nước, mà chỉ có thể trông vào lao động của nhân dân mình, vào tinh thần tự lực, tự cường, tài năng, trí tuệ trong lao động của mọi

(Xem tiếp trang 36)

Digitized by Google

ĐẤU TRANH CHỐNG "DIỄN BIẾN HÒA BÌNH" TRÊN BÁO CHÍ

VŨ HIỀN

1 - "Diễn biến hòa bình" là một bộ phận trong chiến lược toàn cầu phản cách mạng của các thế lực thù địch với phương thức hành động tổng lực, phức hợp, rộng lớn chống các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào độc lập dân tộc. Diễn biến hòa bình được tiến hành trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, tư tưởng, văn hóa, xã hội bằng mọi biện pháp, trong đó nổi bật là theo cách từ bên ngoài gây ảnh hưởng, thúc đẩy, kích thích hoạt động của các nhân tố đối lập, ngược chiều, phản diện ở bên trong ; gián tiếp làm cho chúng dần dần lấn át, vượt trội và đè bẹp các nhân tố xã hội chủ nghĩa tại đây ; cuối cùng gây nên sự chuyển hóa dường như là "tự thân" của bản chất thể chế và toàn bộ hệ thống xã hội. Chiến lược "diễn biến hòa bình" sử dụng biện pháp chiến lược "phi quân sự" là chủ yếu, nhưng sẽ kết hợp bạo loạn lật đổ, can thiệp vũ trang, kể cả xâm lược khi có điều kiện thời cơ.

Trong toàn bộ hệ thống kế hoạch "diễn biến hòa bình", "diễn biến hòa bình" trên phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là trên báo chí là một bộ phận quan trọng trong cuộc chống phá ta về tư tưởng nói chung. Có thể nói đây là vũ khí lợi hại nhất vì nó thẩm thấu từ từ, lặng lẽ, tiến tới triệt tiêu hoàn toàn mà hằng trăm tỉ USD đã không làm được. Trong những năm vừa qua, từ bên ngoài lãnh thổ nước ta đã có gần 40 đài phát thanh truyền hình có chương trình tiếng Việt, gần 500 tờ báo, tạp chí, bản tin bằng tiếng Việt xuất bản ở nước ngoài, trong đó có không ít báo chí đưa thông tin vào chống phá nước ta.

Do tính chất đặc biệt nguy hại của thủ đoạn "diễn biến hòa bình" trên báo chí, chống "diễn biến hòa bình" trên báo chí là một bộ phận hợp thành quan trọng trong toàn bộ hệ thống công tác chống "diễn biến hòa bình" nói chung, hoạt động chống "diễn biến hòa bình" về tư tưởng nói riêng của chúng ta.

2 - Là một công cụ sắc bén của cuộc đấu tranh tư tưởng, báo chí nước ta thường xuyên có những bài viết chống lại các quan điểm thù địch, uốn nắn những tư tưởng lệch lạc nảy sinh trong cán bộ, đảng viên và quần chúng.

Thực hiện nhiệm vụ đấu tranh chống "diễn biến hòa bình", hệ thống thông tin đại chúng của chúng ta thời gian qua đã có những đóng góp tích cực thể hiện trên những mặt sau :

Một là, thường xuyên và kịp thời phản bác lại những luận điệu xuyên tạc bóp méo, vu cáo của kẻ địch, kịp thời vạch trần động cơ, ý đồ đen tối đằng sau các sự kiện. Có nhiều báo, tạp chí mà đặc biệt là báo Nhân Dân, Quân đội nhân dân đã duy trì thường xuyên mục Chuyện thời sự ; Tạp chí Cộng sản có thường xuyên mục : Thế giới - Vấn đề, sự kiện, là các mục thể hiện rõ tính đấu tranh của báo chí nước ta.

Hai là, cách thể hiện có sự năng động, sáng tạo, lý luận khá sắc bén, cách viết sinh động dễ vào lòng người.

Theo chức năng và nhiệm vụ của mình, các cơ quan báo chí đều có những cách làm riêng để chống trả những luận điệu và những việc làm sai trái. Báo Nhân Dân, Quân đội nhân dân, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Tạp chí Cộng sản là những cơ quan báo chí quan trọng nhất tham gia nhiệm vụ này với nhiều bài chuyên luận sâu sắc giải quyết khá tốt về mặt lý luận của vấn đề, nhiều bài bình luận đạt được độ sắc bén về cách nhìn và lập luận.

Ba là, bước đầu thể hiện tính chủ động, tích cực.

Tính chiến đấu của báo chí ta chống lại âm mưu "diễn biến hòa bình" ngày càng rõ hơn, thể hiện ở nhiều mức độ khác nhau, từ thụ động phản bác luận điểm, thụ động vạch trần âm mưu đằng sau các sự kiện vừa xảy ra, đến chủ động tấn công chính ngay các khuyết tật của xã hội tư sản ; từ thụ động đối phó với từng lời chỉ trích từ bên ngoài

Digitized by Google

đến chủ động trình bày chính diện quan điểm của Đảng, Nhà nước ta một cách có hệ thống trên những vấn đề lớn như tự do, dân chủ, nhân quyền, sở hữu, kinh tế nhiều thành phần và định hướng xã hội chủ nghĩa v.v..

Bốn là, thực hiện tốt phương châm kết hợp "chống" và "xây", chống quyết liệt và xây tích cực.

Đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" không chỉ là thụ động phản bác những luận điệu xuyên tạc, bóp méo vu cáo bịa đặt của địch, mà điều quan trọng là khẳng định tính đúng đắn của đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta ; là xây dựng cách nhìn, quan điểm đúng đắn cho đông đảo quần chúng, đặc biệt là cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, bởi đây là đối tượng quan trọng hàng đầu của âm mưu "diễn biến hòa bình". Có thể khẳng định đây là vấn đề mà báo chí của chúng ta quán triệt một cách đầy đủ.

Mặc dù đã có sự chuẩn bị nghiêm túc, có sự nhất quán và quyết tâm cao và đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận trong việc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là báo chí, nhưng hoạt động này của chúng ta còn nhiều mặt hạn chế, bộc lộ những khuyết nhược điểm. Đó là :

- *Thứ nhất,* để chống "diễn biến hòa bình" có hiệu quả trên báo chí nói riêng cũng như trên mặt trận tư tưởng - văn hóa nói chung, còn nhiều vấn đề lý luận, quan điểm cơ bản chúng ta chưa nghiên cứu thật sâu, chưa làm sáng tỏ, nhất là những nhận thức đúng đắn về chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong thời đại ngày nay, lý luận về chủ nghĩa xã hội, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Báo chí cũng chưa tạo ra được một cách chắc chắn sự "miễn dịch" đối với các thông tin trái chiều về những vấn đề trên.

- *Thứ hai,* trong những năm qua, mặc dù đã có sự chỉ đạo tập trung và có sự phối kết hợp giữa các lực lượng thông tin đại chúng trong việc chống "diễn biến hòa bình", nhưng sự tham gia của các cơ quan báo chí chưa thật mạnh mẽ, chưa đồng đều. Có những cơ quan báo chí thuộc các ngành, đoàn thể, phát hành với số lượng lớn song còn ít tham gia cuộc đấu tranh này. Ngay ở những cơ quan báo chí lớn, mặc dù vẫn coi việc đấu tranh tư tưởng, đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" là công việc thường xuyên, nhưng thực tế là vẫn chưa tập trung một cách đúng mức về sức lực và trí tuệ cho nhiệm vụ đó.

- *Thứ ba,* các bài báo, tác phẩm báo chí tham gia đấu tranh vẫn thiếu chủ động, chưa thật sắc bén, tính thuyết phục chưa cao ; nhiều khi bị động, dấy lên từng đợt rồi lại lắng xuống ; đôi khi nặng về khía cạnh chính trị, thời sự trực tiếp, thiếu cơ bản và hệ thống.

- *Thứ tư,* trong khi sự phản bác còn có phần chưa mạnh mẽ, thì hoạt động báo chí lại nhiều khi sơ hở. Đúng là tệ quan liêu, tham nhũng, buôn lậu, tiêu cực xã hội còn rất nghiêm trọng, chúng ta phải kiên quyết đấu tranh, nhưng do thiếu thận trọng, hoặc do chưa hiểu thấu đáo vấn đề mà đã đưa ra những điều không đúng sự thật, có khi vô tình tiết lộ bí mật, cung cấp chứng cớ để các thế lực bên ngoài chống ta.

- *Thứ năm,* chưa có sự đầu tư đúng mức cho việc nghiên cứu cơ bản về cả lý luận và nghiệp vụ đối với các nhà báo và các cán bộ quản lý báo chí ; chưa có sự quan tâm, tăng cường thích đáng về phương tiện, chính sách chế độ đối với những người trực tiếp tham gia vào công việc này.

3 - Đấu tranh chống hoạt động phá hoại tư tưởng thông qua báo chí là một cuộc đấu tranh gay go và không kém phần ác liệt, nhưng nếu báo chí tổ chức tốt công tác phòng ngừa, giữ vững bên trong, đồng thời tích cực và chủ động giáng trả mọi âm mưu, luận điệu thù địch bất cứ từ đâu đến thì nhất định sẽ làm thất bại chiến lược "diễn biến hòa bình" của chúng. Trên cơ sở nắm vững phương hướng và chủ trương của Đảng, Nhà nước, chúng ta cần tiến hành những giải pháp đồng bộ, cụ thể cho hoạt động báo chí.

a) Xác định rõ những nội dung cần tập trung đấu tranh.

Có thể nêu một số nội dung cơ bản trên một số lĩnh vực như sau :

Về chính trị tư tưởng.

Hệ thống thông tin đại chúng của chúng ta phải làm rõ những vấn đề sau : Khẳng định những giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Khẳng định và làm rõ chủ nghĩa Mác - Lê-nin tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam ; sự lựa chọn

Digitized by Google

con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là đúng đắn ; khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là điều kiện tiên quyết làm cho cách mạng Việt Nam thành công ; làm rõ cơ sở khoa học của các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về đoàn kết dân tộc, về dân chủ, về nhân quyền, về hệ thống chính trị, Nhà nước của dân, do dân và vì dân ; làm rõ những quan điểm cơ bản của Đảng trong sự nghiệp đổi mới, các nghị quyết, văn kiện của Trung ương ; những thành tựu và tồn tại cũng như bài học kinh nghiệm của thời kỳ đổi mới...

Trên lĩnh vực kinh tế.

Mục tiêu "diễn biến hòa bình" là lợi dụng sự đổi mới, mở cửa của Đảng ta để tấn công vào định hướng kinh tế xã hội chủ nghĩa, khuyến khích xu hướng thị trường tự do và tư nhân hóa tràn lan ; tách rời sự quản lý của Nhà nước, từng bước làm cho nền kinh tế nước ta lệ thuộc vào nước ngoài. Vì thế, báo chí phải là những kênh thông tin đa dạng, nhiều chiều, với phạm vi thông tin rộng, lượng thông tin lớn và kịp thời, góp phần đắc lực vào việc nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Một mặt, tuyên truyền đưa đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước vào cuộc sống ; mặt khác, là kênh thông tin phản ánh các vấn đề thực tiễn sinh động đang diễn ra, tổng kết thực tiễn để bổ sung lý luận, kiểm tra sự đúng đắn của đường lối, chính sách. Điều đó cũng tức là đưa cuộc sống vào đường lối, chính sách của Đảng.

Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội.

Văn hóa - xã hội là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực thúc đẩy tiến bộ xã hội, đồng thời là mục tiêu cao cả của chủ nghĩa xã hội. Văn hóa có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, xây dựng xã hội mới và con người mới. Đây là một lĩnh vực rộng lớn, phức tạp, nhạy cảm gắn với tư tưởng, tình cảm, tâm tư của con người. Hệ thống báo chí, một mặt kịp thời ngăn chặn các âm mưu, thủ đoạn xuyên tạc, bôi nhọ của kẻ thù ; mặt khác, quan trọng hơn là phải biết khai thác, giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc, làm cho truyền thống ấy được hòa nhập và nâng cao trên cơ sở tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, tạo ra động lực mạnh cho sự phát triển đất nước.

b) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước với hệ thống báo chí.

Chỉ thị 22/CT-TU ngày 17-10-1997 của Bộ Chính trị về *tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo quản lý công tác báo chí, xuất bản* nêu rõ : "Báo chí - xuất bản đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, là tiếng nói của Đảng, của Nhà nước, của các tổ chức chính trị, xã hội và là diễn đàn của nhân dân, luôn đi đầu trong việc bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Chủ đề trung tâm của hoạt động báo chí - xuất bản là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội".

Đây là quan điểm và định hướng rất cơ bản của Đảng đối với hoạt động báo chí trong cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" trên các phương tiện thông tin đại chúng hiện nay. Quán triệt và thực hiện nghiêm túc vấn đề này cũng chính là một giải pháp cơ bản để nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh.

Báo chí nước ta đòi hỏi phải có sự lãnh đạo của Đảng - một đảng được vũ trang bằng lý luận cách mạng và khoa học -sẽ đưa báo chí đổi mới và phát triển đúng hướng ; đưa cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" đi đến thắng lợi. Trong điều kiện đổi mới và mở cửa ngày nay thì sự lãnh đạo của Đảng đối với báo chí càng quan trọng và cần thiết hơn bao giờ hết. Bởi lẽ, nó giúp cho đội ngũ các nhà báo chủ động và sáng tạo ra nhiều tác phẩm báo chí mang tính chiến đấu cao, thuyết phục được người đọc, người nghe, góp phần ổn định chính trị, thúc đẩy xã hội phát triển.

c) Tăng cường sức chiến đấu trên cơ sở phát triển và hoàn thiện hệ thống các phương tiện thông tin đại chúng.

Xây dựng một hệ thống truyền thông đại chúng phong phú, đa dạng.

Hệ thống này phải bảo đảm đủ sức mạnh và khả năng để đáp ứng một cách tích cực nhất các nhu cầu thông tin ngày càng tăng lên của nhân dân. Không những thế, truyền thông đại chúng còn phải có đủ khả năng và sức mạnh tham gia vào hoạt động giao lưu thông tin quốc tế. Nó phải có khả năng tiếp nhận xử lý và tung vào dòng giao lưu

Digitized by Google

thông tin truyền thông quốc tế một lượng thông tin đủ lớn, đủ mạnh để tạo ra một tiếng nói công bằng, tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân các nước, phát huy và bảo vệ những lợi ích kinh tế, định hướng chính trị, những giá trị văn hóa của dân tộc, quốc gia và chế độ.

Tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật bảo đảm phát huy hiệu quả cao của các phương tiện thông tin đại chúng.

Đổi mới nhanh trang thiết bị kỹ thuật thông tin để có thể hòa nhập vào trình độ kỹ thuật thông tin thế giới, có như vậy mới phát huy hiệu quả cao. Sóng phát thanh truyền hình chưa đủ mạnh đủ tốt, băng cát-xét và băng hình chưa bảo đảm kỹ thuật để trao đổi với các nước, các loại ấn phẩm vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về chất lượng... Đó là những hiện thực làm hạn chế rất nhiều hiệu quả của thông tin tuyên truyền, đòi hỏi chúng ta phải mạnh dạn đầu tư, đón trước sự phát triển như vũ bão của kỹ thuật điện tử trong thời đại ngày nay.

d) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin đại chúng, trong đó đặc biệt chú trọng đến các chiến sĩ xung kích trên mặt trận đấu tranh chống "diễn biến hòa bình".

Giải pháp có ý nghĩa quyết định là việc xây dựng, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ thông tin đại chúng từ những người lãnh đạo đến các chuyên gia, người làm báo cũng như các nhân viên kỹ thuật nghiệp vụ. Rút cục lại, cán bộ là yếu tố đầu tiên và cuối cùng chi phối khuynh hướng, chất lượng, khả năng tổ chức thực hiện các nhiệm vụ hoạt động thông tin đại chúng. Xây dựng đội ngũ cán bộ cần được thực hiện trên các mặt sau :

- Nâng cao bản lĩnh chính trị, mài sắc ý chí chiến đấu bảo vệ lý tưởng xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Không ai có thể phủ nhận rằng đại đa số những người làm công tác thông tin đại chúng ở nước ta hiện nay là những người tâm huyết với dân tộc, tin theo Đảng, theo cách mạng và chiến đấu để thực hiện lý tưởng cách mạng. Song bên cạnh đó, phải nói rằng tinh thần đấu tranh của đội ngũ đó chưa đồng đều. Những yếu kém của đội ngũ cán bộ làm công tác báo chí, xuất bản đã được nhận định một cách xác đáng trong Chỉ thị 22 của Bộ Chính trị về công tác này. Những yếu kém đó đã hạn chế hiệu quả của cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" qua các phương tiện thông tin đại chúng. Bởi vậy, một mặt chúng ta cần phát huy mạnh mặt ưu điểm, củng cố vững chắc trận địa đấu tranh. Mặt khác, phải gấp rút và kiên quyết sửa chữa những mặt yếu kém.

- Nâng cao trình độ lý luận, chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ làm công tác truyền thông đại chúng.

Cùng với ý chí, lòng dũng cảm, hiệu quả của cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" còn phụ thuộc phần lớn vào tài trí của đội ngũ cán bộ. Tài trí thể hiện ở chỗ đấu tranh thắng lợi trên mặt trận chính trị, vạch rõ bản chất, thủ đoạn của kẻ thù, nhưng không làm phương hại đến chính sách đối ngoại thêm bạn bớt thù, mở cửa hội nhập. Muốn vậy, đội ngũ cán bộ cần thường xuyên trau dồi kiến thức nâng cao trình độ lý luận, chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ cho cuộc đấu trí này. Trước hết, đội ngũ của chúng ta cần được trang bị một cách đầy đủ, vững chắc lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như thông suốt đường lối chính sách của Đảng. Chúng ta coi đây là cuộc đấu tranh quan điểm nhằm làm sáng tỏ tính đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, của con đường xã hội chủ nghĩa mà Bác Hồ và Đảng ta đã lựa chọn. Trau dồi ngoại ngữ và các kiến thức khác cũng là công việc cần thiết để tiếp cận mạng thông tin, nắm bắt và xử lý thông tin một cách nhanh nhạy, chính xác.

- Tổ chức lực lượng chuyên sâu trong nghiên cứu và tuyên truyền.

Đấu tranh thông qua các sản phẩm của thông tin đại chúng là công việc thường xuyên. Bởi vậy, phải có lực lượng chuyên sâu tập trung công sức để thực hiện công việc này, tránh tình trạng "ăn đong", bị động. Điều này đặc biệt có ý nghĩa với việc phân tích, lý giải có cơ sở khoa học, có sức thuyết phục và trong những chiến dịch tập trung phản kích các âm mưu của kẻ thù. Do vậy, đào tạo những cây bút chuyên sâu và có chính sách khuyến khích học tập, khuyến khích sự tiếp cận với xu hướng đổi mới thông tin của thế giới, là một việc làm vừa cho trước mắt vừa cho lâu dài.❑

Digitized by Google

VẤN ĐỀ TOÀN CẦU HÓA VÀ THẾ HỆ TRẺ VIỆT NAM HIỆN NAY

ĐẶNG CẢNH KHANH *

1. Toàn cầu hóa - sự lựa chọn các giá trị

Không phải đợi đến ngày nay, con người mới thực thi quá trình toàn cầu hóa. Bản chất sự sống của con người là sự mở rộng những liên kết không ngừng giữa họ với nhau thành xã hội. Lịch sử đã chứng minh rằng các nền văn minh bao giờ cũng làm giàu cho nhau qua những quá trình vay mượn, thẩm thấu, tiếp thu và tương tác văn hóa. Xã hội ngày càng văn minh thì quá trình này càng rộng mở để phục vụ cho chính sự phát triển tiến bộ của con người.

Ngày nay, sự mở rộng nói trên đã không còn dừng lại ở những phạm vi nhỏ hẹp của các nhóm xã hội, các dân tộc và quốc gia mà đã ở phạm vi rộng lớn nhất - phạm vi toàn cầu. Toàn cầu hóa đã trở thành một xu thế khách quan gắn liền với sự phát triển của các quá trình đan xen, hội nhập và tùy thuộc lẫn nhau trên phạm vi quốc tế.

Trái đất dường như cũng đang nhỏ hẹp đi nhiều, khi chỉ với một vài giờ bay thôi, người ta có thể có mặt ở bất cứ mọi nơi nào trên khắp địa cầu. Hôm nay, bạn đang đứng dưới chân các kim tự tháp cổ kính Ai Cập nhưng chỉ ngày mai thôi đã có thể dừng bước trên các bậc thềm rêu phong của Vạn lý trường thành Trung Quốc. Một vụ nổ bom ở sứ quán Mỹ tại châu Phi, một vụ giết người ở các khu định cư Do Thái, một vụ cướp máy bay trên vùng trời Áp-ga-ni-xtan... chỉ sau đó ít phút đã có thể gây những chấn động cho toàn thế giới.

Quá trình toàn cầu hóa cũng không chỉ diễn ra trên phạm vi mở rộng các không gian địa lý mà còn ở tất cả các lĩnh vực hoạt động sống của con người từ chính trị , kinh tế đến văn hóa, xã hội. Sự cạnh tranh của các công ty đa quốc gia có thể gây ra những xáo trộn to lớn về kinh tế cho cuộc sống của các nhóm cư dân ở rất nhiều quốc gia nhỏ bé. Chỉ một cuộc khủng hoảng tài chính ở khu vực châu Á mới diễn ra gần đây thôi cũng đã tác động tới nền kinh tế của thế giới, gây nỗi lo lắng cho rất nhiều quốc gia ở tận các cực xa xôi khác của địa cầu. Thực tế đã cho thấy, sự cấm vận quốc tế đối với một quốc gia đã gây ra những khó khăn, thậm chí là những thảm họa to lớn như thế nào cho chính quốc gia đó.

Quá trình toàn cầu hóa, cũng có thể được nhận diện không mấy khó khăn giống như hình ảnh bộ âu phục lịch sự của đàn ông với những chiếc cà vạt duyên dáng mà mọi người đều có thể nhìn thấy ở mọi quốc gia, dù là nhỏ bé và hẻo lánh nào, nhưng cũng có thể tinh vi, chỉ thông qua các thỏa ước tài chính bí mật, những tấm séc nhà băng kín đáo mà chẳng mấy ai biết rõ. Tuy nhiên, dù diễn ra dưới hình thức nào, trong phạm vi và mức độ ảnh hưởng ra sao, thì về bản chất, *toàn cầu hóa bao giờ cũng là một quá trình lựa chọn các giá trị*. Sự lựa chọn này diễn ra khi êm ả, khi quyết liệt, lúc âm thầm, lúc sôi động, nhưng bao giờ đó cũng là một quá trình vừa xây dựng, vừa đào thải, vừa tiếp thu, vừa loại bỏ - điều mà không ít các học giả lớn trên thế giới đã không ngần ngại gọi là một "cuộc tranh đấu".

Sẽ thực là sai lầm nếu xem thường tính "tranh đấu" này trong sự chọn lựa các giá trị của quá trình toàn cầu hóa. Bởi lẽ trên thực tế, quá trình toàn cầu hóa, nếu ở lĩnh vực này có thể là sự mở rộng những giá trị tiến bộ và văn minh thì ở lĩnh vực khác lại chỉ là thoái bộ, là sự thâm nhập của những điều kỳ quái, thậm chí lạc hậu và phi nhân đạo, ở nơi này có thể gắn liền với sự tăng trưởng

* PGS, TS Viện trưởng Viện Thanh niên

Digitized by Google

và phát triển nhưng ở nơi khác lại có thể là thảm họa, thậm chí hủy diệt. Toàn cầu hóa có thể là luồng gió mát nhưng cũng không ít trường hợp lại là khí độc. Trong nhiều trường hợp, toàn cầu hóa còn đồng nghĩa với sự xâm lược của các giá trị này đối với các giá trị khác, sự loại bỏ, thậm chí tiêu diệt bản sắc và sự đa dạng về văn hóa. Đó cũng chính là tính hai mặt của toàn cầu hóa, nó khiến cho sự tính toán các cách thức tiến tới toàn cầu hóa luôn luôn là khác nhau đối với mọi quốc gia.

Giáo sư Giăng Ma-ri-ơ Gu-hen-nơ làm việc tại Viện nghiên cứu quốc phòng Pháp trong một bài viết nhan đề "Mỹ hóa toàn cầu hay là toàn cầu hóa nước Mỹ" đã cảnh báo rằng về thực chất, hiện nay "toàn cầu hóa đang là một quá trình Mỹ hóa toàn cầu", là "sự mở rộng giấc mơ Mỹ ra toàn bộ hành tinh". Ông tự đặt câu hỏi là trong cái thế giới đang bị Mỹ hóa đó, liệu chính sách đối ngoại của Mỹ rồi có phải sẽ tới lúc chỉ còn là sự mở rộng đơn giản chính sách đối nội của nước Mỹ hay không ? Nếu toàn cầu hóa về bản chất là những sự lựa chọn giá trị, thì phải chăng trong thời đại hiện nay, đã đến lúc toàn cầu hóa chỉ còn có nghĩa là sự lựa chọn những giá trị của người Mỹ (1). Mà như vậy, đối với các dân tộc nhỏ bé nhưng có các giá trị văn hóa lâu đời và phong phú, toàn cầu hóa có phải là một thử thách sống còn, một trở lực hay không. Toàn cầu hóa, do vậy có cần thiết phải gắn liền với ý thức cảnh giác, sự lựa chọn minh mẫn và sáng suốt các giá trị.

Có thể nói, sự lựa chọn các giá trị diễn ra trong quá trình toàn cầu hóa đang đặt nhân loại trước những thử thách lớn trên con đường phát triển và tự hoàn thiện mình. Vấn đề là ở chỗ cần phải làm sao để toàn cầu hóa sẽ đưa đến một kết quả tốt đẹp chứ không phải là một sự hủy hoại cho chính nhân loại. Toàn cầu hóa sẽ nâng nhân loại lên một tầm cao mới, hợp tác và đấu tranh vì những quyền lợi chung gắn liền với những giá trị nhân đạo từ truyền thống và bản sắc của tất cả các nền văn minh. Với ý nghĩa như vậy toàn cầu hóa sẽ không phải là sự mở rộng chay đua vũ trang, sự xâm lược và chiếm đoạt tài nguyên, sự hủy hoại môi trường, sự chèn ép những nhóm người và dân tộc yếu thế, sự lan rộng lối sống ích kỷ, những thói hư tật xấu trên phạm vi toàn cầu. Toàn cầu hóa không phải là toàn cầu hóa tội phạm, ma túy, mãi dâm, buôn bán phụ nữ và xâm hại tình dục trẻ em, không phải là sự mở rộng phạm vi và sự ngăn cách giàu nghèo.

2. Thế hệ trẻ và sự hội nhập trong toàn cầu hóa

Nằm ở một vị trí địa lý thuận lợi, trên con đường giao lưu giữa nam - bắc và đông - tây, dân tộc ta từ lâu đã có những truyền thống tốt đẹp trong việc tiếp thu tinh hoa của những nền văn hóa khác phục vụ cho quá trình xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Việc tiếp thu có chọn lọc các kiến thức của nhân loại, kết hợp với việc kế thừa những giá trị cổ truyền của người Việt đã là cơ sở để tạo nên những nét độc đáo của một nền văn minh Việt Nam phong phú và đầy bản sắc.

Lịch sử dân tộc đã để lại cho chúng ta những bài học sâu sắc, những kinh nghiệm phong phú trong việc giao lưu, quan hệ với các nước khác, để một mặt vẫn giữ gìn được độc lập dân tộc, bảo lưu những nét đặc sắc của văn hóa truyền thống, mặt khác vẫn tiếp thu được những kiến thức mới mẻ và tốt đẹp của các dân tộc khác. Chúng ta đã tiếp thu Phật giáo, Nho giáo, tiếp thu những kiến thức chung của nhân loại trong việc tổ chức và quản lý xã hội nhưng vẫn giữ được bản sắc truyền thống, chiến thắng mọi âm mưu đồng hóa của kẻ thù từ bên ngoài.

Sự nghiệp đổi mới toàn diện và sâu sắc do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã tạo ra một thời cơ mới cho sự phát triển của dân tộc, đưa dân tộc ta hội nhập vào sự phát triển chung của những nước tiến bộ, tiếp cận với những kiến thức mới mẻ và tiên tiến nhất của thời đại. Mở cửa với bên ngoài và làm bạn với tất cả các nước trên cơ sở tôn trọng lợi ích của mỗi nước chính là những chủ trương đúng đắn không chỉ vì sự phát triển

(1) Jean - Marie Guehenno. Mỹ hóa toàn cầu hay là toàn cầu hóa nước Mỹ. Tài liệu phục vụ nghiên cứu - Viện thông tin khoa học xã hội - số TN99 - 112 Hà Nội - 1999 - tr 3

Digitized by Google

của đất nước mà còn hướng sự phát triển đó vào sự phát triển tiến bộ chung, tạo điều kiện để nền văn minh Việt Nam đóng góp tích cực vào nền văn minh nhân loại. ***Toàn cầu hóa, do vậy vừa có ý nghĩa tiếp nhận những giá trị tốt đẹp của nhân loại tiến bộ vừa là sự đóng góp tích cực vào sự tiến bộ này.*** Về phương diện này, chúng ta cần phải sẵn sàng về nhận thức, tư duy và hành động, phải chuẩn bị cho toàn thể nhân dân, trong đó có thế hệ trẻ những kiến thức cần thiết để đối diện với quá trình toàn cầu hóa.

Toàn cầu hóa tác động trước hết đến những người trẻ tuổi, bởi những đặc trưng phổ biến của nhóm người này. Sinh lực tràn trề, chứa đầy những mẫn cảm với cuộc sống, trái tim nóng bỏng những khát khao về những điều mới mẻ và tốt đẹp, tuổi trẻ bao giờ cũng là lực lượng nhạy cảm nhất với quá trình toàn cầu hóa. Nhiều nhà xã hội học đã có lý khi coi thế hệ trẻ như là người tiên phong, là sứ giả tích cực trong việc giao lưu, gắn kết những con người xa lạ từ những quốc gia, những xã hội và những nền văn hóa khác nhau vào quá trình toàn cầu hóa. Họ luôn đi đầu trong việc tham gia giải quyết những vấn đề nóng bỏng và thời sự mang tính toàn cầu, đấu tranh để bảo vệ cuộc sống hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc, ngăn chặn sự xâm phạm và hủy hoại môi trường sinh thái, tình nguyện gia nhập các đội công tác xã hội, tới những vùng xa xôi hẻo lánh trên khắp hành tinh, trợ giúp những nhóm người nghèo khổ và yếu thế trong các quốc gia nhỏ bé, nghiên cứu, sáng tạo và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, truyền bá những kiến thức khoa học kỹ thuật, văn hóa xã hội, những cảm xúc nghệ thuật, điện ảnh, âm nhạc, hội họa... ra phạm vi toàn cầu.

Ở nước ta, trong những điều kiện mới của chính sách mở cửa và giao lưu quốc tế, chưa bao giờ thế hệ trẻ lại có điều kiện tiếp xúc mạnh mẽ và sâu sắc đến như vậy với những kiến thức mới mẻ về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của thế giới. Toàn cầu hóa đã không còn là một từ ngữ chỉ có trên lý thuyết mà đã thâm nhập vào từng ngõ ngách của cuộc sống xã hội, đã hiện diện cụ thể trong từng khoảnh khắc của đời thường với các chương trình vi tính phức tạp của Mi-crô-xốp, với In-tơ-net, sữa Hà Lan, Cocacola Mỹ và trò chơi điện tử của Nhật Bản...

Dưới ảnh hưởng của xu hướng toàn cầu hóa, thanh thiếu niên nước ta ngày càng quan tâm tới những vấn đề đang đặt ra trong xã hội hiện đại, những kiến thức khoa học công nghệ tiên tiến, tham gia nghiên cứu và giải quyết những vấn đề phức tạp và khó khăn nhất mà nhân loại đang quan tâm. Nhiều tài năng trẻ của nước ta đã có mặt trong đội ngũ những nhà khoa học những sinh viên xuất sắc, đoạt được những giải thưởng cao nhất của thế giới. Nhiều thanh niên đã vận dụng những tiến bộ về khoa học, công nghệ và kỹ thuật của thế giới vào công việc lao động sáng tạo xây dựng và phát triển đất nước. Họ có mặt ở những khu vực sản suất phức tạp và hiện đại nhất, trên các dàn khoan dầu ngoài khơi xa, trong các xưởng lắp, ráp, chế tạo cơ khí tự động, sáng tạo ra các chương trình phần mềm vi tính. Nhu cầu về toàn cầu hóa đã thúc đẩy thanh thiếu niên đến với các lớp ngoại ngữ, tin học, quản trị kinh doanh, tiếp xúc và trao đổi với những nhà khoa học, những sinh viên, thanh niên các nước về những vấn đề đang đặt ra với nhân loại và hành tinh.

Trên lĩnh vực văn hóa, trong quá trình giao lưu với thanh niên thế giới và khu vực, thế hệ trẻ nước ta đã đi đầu trong việc giao lưu, giới thiệu với bè bạn bốn phương về những giá trị truyền thống và sắc thái của văn hóa Việt Nam. Chúng ta cũng tỏ ra nhanh nhạy và sắc bén trong việc tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa của văn minh nhân loại. Nhiều bạn trẻ của chúng ta đã đoạt được những giải thưởng cao trong các cuộc thi âm nhạc, hội họa, kiến trúc, điện ảnh.

Tuy nhiên, quá trình toàn cầu hóa cũng đang đặt ra nhiều vấn đề, nhiều thách thức đối với thế hệ trẻ nước ta hiện nay. Dưới ảnh hưởng của quá trình toàn cầu hóa mà thực chất hiện nay đang bị chủ nghĩa tư bản thế giới chi phối, bên cạnh xu hướng tích cực và tiến bộ, nhiều mặt tiêu cực và hạn chế từ các nước khác cũng thâm nhập và gây ra những tác động không nhỏ tới nhận thức và

Digitized by Google

hành vi của thanh thiếu niên nước ta. Nhiều vấn đề có liên quan tới nhận thức tư tưởng, sự nhạy bén về quan điểm chính trị, lối sống, đạo đức, nhân cách còn chưa được thanh niên quan tâm đúng mức. Trong nhiều trường hợp, những giá trị truyền thống, gia đình, văn hóa, đạo đức còn bị xem nhẹ. Sự tìm hiểu, phân tích và tiếp thu các xu hướng tư tưởng và trào lưu của xã hội hiện đại còn có phần cảm tính, thiếu sự cân nhắc và chọn lọc sáng suốt.

Thanh niên chúng ta cũng chưa được chuẩn bị đầy đủ về sự cảnh giác chính trị, ý thức sẵn sàng đối phó với việc lợi dụng vấn đề toàn cầu hóa để thâm nhập, can thiệp, làm lung lạc ý chí của thanh niên, phá hoại sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta, Điều đó đã khiến cho một bộ phận không nhỏ thanh thiếu niên gặp phải những vấp váp, sai lầm trong nhận thức và hành động. Chúng ta đều biết, cùng với quá trình toàn cầu hóa, mở cửa và giao lưu quốc tế, hàng loạt những vấn đề tiêu cực gắn liền với xã hội phương Tây và lối sống phương Tây, vốn còn làm đau đầu các nhà quản lý và chưa được các nước này giải quyết cũng đã thâm nhập vào nước ta. Văn hóa phẩm đồi trụy, lối sống thực dụng đề cao hưởng thụ và dục vọng cá nhân, nạn mãi dâm và ma túy, nạn bạo hành và tội phạm, việc coi nhẹ các chuẩn mực của cuộc sống gia đình, sự ngược đãi cha mẹ và người già, sự thiếu quan tâm chăm sóc, thậm chí còn lạm dụng tình dục trẻ em... len lỏi vào cuộc sống thường ngày.

Do thiếu những kiến thức và sự tỉnh táo cần thiết, bên cạnh việc tiếp thu kiến thức tiên tiến và tinh hoa văn hóa từ các nước khác, một bộ phận không nhỏ trong thanh niên còn chịu ảnh hưởng của những mặt trái, mặt tiêu cực từ chính những nước này. Không phân biệt được một cách rõ ràng, trắng đen, tốt xấu, họ đã sa vào cạm bẫy của những tệ nạn xã hội và lối sống vị kỷ, nhầm lẫn giữa những giá trị tốt đẹp chân chính với những đòi hỏi vật chất, những dục vọng cá nhân tầm thường. Chính điều đó đã và đang đặt ra những nhu cầu và đòi hỏi mới đối với việc nâng cao nhận thức của thanh niên và công tác thanh niên.

3. Toàn cầu hóa và chính sách đối với thế hệ trẻ

Trong sự lựa chọn các giá trị tương lai của toàn cầu hóa, thế hệ trẻ cần phải đứng vững trên những giá trị tốt đẹp và nhân đạo từ truyền thống dân tộc, sẵn sàng tiếp thu những tinh hoa của toàn thế giới. Chỉ có thực hiện tốt điều này, chúng ta mới có thể vừa giữ vững được độc lập tự chủ vừa đưa đất nước vào hàng ngũ những nước phát triển trên hành tinh.

Chúng ta cần phải xây dựng một chiến lược rõ ràng và cụ thể để có kế hoạch chủ động thực hiện việc tham gia và hội nhập vào quá trình toàn cầu hóa xuất phát từ tình hình thực tế của đất nước. Trong chiến lược này, cần vạch ra được những mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể, từng giai đoạn, từng bước đi tương ứng với những đòi hỏi của tình hình trong nước và quốc tế, phát huy những mặt tích cực, hạn chế những mặt tiêu cực của toàn cầu hóa. Cần nghiên cứu, ban hành và thực hiện những chính sách đúng đắn về thế hệ trẻ, tạo điều kiện cho họ chủ động và tự giác trong nhận thức và hành động, xử lý đúng đắn những vấn đề của toàn cầu hóa.

Ngay từ bây giờ, chúng ta cần phải sớm đưa những kiến thức chung về toàn cầu hóa vào các chương trình giảng dạy và học tập, giúp thế hệ trẻ thấy rõ được tầm quan trọng của vấn đề, trách nhiệm lịch sử với tổ quốc của tuổi trẻ trong việc xử lý đúng đắn vấn đề này. Phải đẩy mạnh công tác truyền thông, thông qua các hình thức đa dạng, phong phú, của mạng lưới thông tin đại chúng, tạo điều kiện để thanh thiếu niên nhận thức được đầy đủ về những mục tiêu chiến lược và nội dung cơ bản của vấn đề toàn cầu hóa ở nước ta.

Nhà nước cũng cần đầu tư thích đáng cho việc bồi dưỡng nâng cao trình độ tư tưởng, học vấn, chuyên môn và ngoại ngữ, giúp thế hệ trẻ có đủ năng lực cần thiết để tiếp thu những tri thức tiên tiến của nhân loại. Cần thường xuyên nghiên cứu, chọn lựa những thanh thiếu niên có tài năng và triển vọng để đào tạo chuyên sâu vào những lĩnh vực khoa học công nghệ hiện đại, chiếm

Digitized by Google

lĩnh được những đỉnh cao của tri thức, sẵn sàng tham gia vào quá trình cạnh tranh phát triển trong phạm vi khu vực cũng như toàn cầu. Bên cạnh các chính sách về giáo dục đào tạo, chúng ta cũng cần tăng cường mở rộng việc giao lưu văn hóa dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú với các nước trên thế giới không phân biệt chế độ chính trị, giúp thanh niên làm quen và hiểu biết đúng đắn về các nền văn hóa khác, cùng thanh niên các nước trao đổi, bàn bạc về những vấn đề được đặt ra trên phạm vi toàn cầu. Sẵn sàng cử những đội thanh niên tình nguyện, những cán bộ trẻ có năng lực tham gia các đội tình nguyện quốc tế giúp đỡ các nước bè bạn, các nước kém phát triển trong cuộc đấu tranh chống nghèo đói, bệnh tật, giải quyết những vấn đề mang tính toàn cầu, nâng cao vị trí và uy tín của thanh niên Việt Nam.

Chúng ta cũng cần phải làm cho thế hệ trẻ có những hiểu biết sâu sắc và toàn diện về các giá trị truyền thống của dân tộc, nhận thức đầy đủ về lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, tính cộng đồng, những cảm xúc trong sáng về quê hương, gia đình, về văn hóa và bản sắc Việt Nam. Cần phải tạo cho thanh niên ý thức cảnh giác trước những tư tưởng xấu, những âm mưu, thủ đoạn muốn lợi dụng quá trình toàn cầu hóa để thâm nhập vào đời sống xã hội, lôi kéo kích động thanh thiếu niên, phá hoại sự ổn định và phát triển của đất nước. Phải đấu tranh phê phán những nhận thức và hành vi sai lệch do tác động từ những mặt trái, những ảnh hưởng tiêu cực của toàn cầu hóa, chống lại những trào lưu và lối sống không lành mạnh, ngăn chặn văn hóa phẩm đồi trụy, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội, xây dựng một môi trường xã hội trong sáng.

Đứng vững trên những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, thế hệ trẻ nước ta hoàn toàn có đủ khả năng tham gia và hội nhập vào quá trình toàn cầu hóa, đưa đất nước phát triển trên một tầm cao mới, sánh vai với các cường quốc năm châu như điều mong ước của Bác Hồ.❑

MẤY VẤN ĐỀ...

(Tiếp theo trang 27)

người dân lao động cho mình, cho đất nước. Dĩ nhiên, trong một thế giới toàn cầu hóa, chúng ta mở cửa nền kinh tế và có thể sử dụng ngoại lực để đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhưng xét đến cùng, nội lực vẫn là nhân tố quyết định. Ỷ lại, phụ thuộc vào ngoại lực là không đúng bản chất công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, là một sự phát triển không bền vững, thậm chí phiêu lưu.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa dẫn đến biến đổi cơ bản trong cơ cấu kinh tế quốc dân. Mô hình cơ cấu kinh tế Việt Nam rồi đây sẽ phát triển theo xu hướng chung của các nền kinh tế hiện đại trên thế giới như sự biến đổi trong quan hệ tỷ lệ giữa công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ, sự tăng lên hàm lượng trí tuệ trong sản xuất. v.v.. Nhưng Việt Nam sẽ không dập khuôn bắt chước nguyên xi mô hình kinh tế của các nước phương Tây, coi đó là "khuôn vàng thước ngọc" nhất nhất phải theo mà tùy vào tình hình, đặc điểm của đất nước, ở mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể để lựa chọn những giải pháp và bước đi phù hợp với mục tiêu đề ra. Trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam, sản xuất và dịch vụ là điểm xuất phát của tiêu dùng, nhưng tiêu dùng sẽ đóng vai trò đặc biệt tích cực trở lại đối với sản xuất. Tiêu dùng theo định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ không hoàn toàn giống, thậm chí phải khác so với tiêu dùng của các "xã hội tiêu thụ" phương Tây hiện đại. Chúng ta tiến lên mức sống hiện đại nhưng không đi theo lối sống của một xã hội mà các nhu cầu được "hâm nóng" lên theo quảng cáo. Tiêu dùng Việt Nam hiện tại và tương lai sẽ được nghiên cứu một cách khoa học, kết hợp nhu cầu vật chất và tinh thần, hưởng thụ các sản phẩm vật chất và dịch vụ trong một môi trường thiên nhiên và môi trường xã hội phát triển hài hòa. Nếu giải quyết đúng đắn những vấn đề nêu trên của công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì cùng một trình độ phát triển giống nhau chúng ta có thể đem lại hạnh phúc, ấm no cho đại đa số nhân dân. ❑

Digitized by Google

ĐỔI MỚI VÀ SẮP XẾP LẠI HỆ THỐNG DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

VŨ HUY TỪ *

Đại hội VI (năm 1986), tiếp đó là các Đại hội VII và VIII của Đảng đã đề ra đường lối đổi mới sâu sắc và toàn diện đất nước, trong đó đổi mới về kinh tế là nhiệm vụ *trọng tâm* và đổi mới hệ thống doanh nghiệp nhà nước là *khâu đột phá*. Trong 10 năm qua, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, các cơ quan đảng và nhà nước ở trung ương đã ban hành trên 200 văn bản (các nghị quyết của Trung ương Đảng, các nghị quyết, luật pháp, nghị định, quyết định, chỉ thị... của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ) về sắp xếp lại và đổi mới cơ chế quản lý các doanh nghiệp nhà nước. Đến nay hệ thống doanh nghiệp nhà nước (DNNN) đã được sắp xếp lại một bước khá căn bản, đã giảm quá nửa số doanh nghiệp (những doanh nghiệp nhỏ bé và yếu kém) và số doanh nghiệp còn lại được củng cố một bước. Cơ chế quản lý mới được hình thành, ngày càng hoàn thiện giúp các doanh nghiệp chuyển đổi và thích nghi dần với các quy luật của kinh tế thị trường trong bối cảnh nền kinh tế mở, hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đáng khích lệ, vẫn còn nhiều tồn tại và hạn chế. Trước những yêu cầu to lớn của CNH, HĐH đất nước và cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt, cần phải tiếp tục đổi mới DNNN. Công việc này gồm hai nội dung lớn : sắp xếp lại các doanh nghiệp và đổi mới cơ chế quản lý.

1 - Những thành tựu và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý doanh nghiệp.

Cùng với sắp xếp lại các DNNN, trong hơn 10 năm qua, cơ chế quản lý mới đã phát huy tác dụng rõ rệt. Tuy số DNNN giảm xuống hơn 50%, song hệ thống DNNN ngày càng được củng cố và góp phần phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Các DNNN được tổ chức lại theo các hình thức và cơ cấu : 17 Tổng công ty 91 ; 76 Tổng công ty 90 và trên 4 000 DNNN độc lập. Đến đầu năm 2000 cả nước đã sáp nhập 3 100 doanh nghiệp, giải thể 3 350 DNNN, cổ phần hóa 370 DNNN. Nhờ vậy trình độ tích tụ và tập trung vốn trong DNNN được nâng lên. Số DNNN có vốn dưới 1 tỉ đồng đã giảm từ 50% (năm 1994) xuống còn dưới 26% (năm 1998) ; trong cùng thời kỳ tương ứng số DNNN có vốn trên 10 tỉ đồng tăng từ 10% lên 20% ; sản xuất kinh doanh phát triển và hiệu quả được nâng lên rõ rệt. Tỷ trọng sản phẩm do các DNNN tạo ra trong tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng từ 36,5% năm 1991 lên 40,07% năm 1998. Tỷ lệ nộp ngân sách trên vốn nhà nước tăng tương ứng từ 14,7% lên 27,89%. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước tăng từ 6,8% năm 1993 lên 12,31% năm 1998. Năm 1999, các DNNN đã làm ra 40,2% GDP, trên 50% giá trị xuất khẩu và đóng góp 39,25% tổng nộp ngân sách nhà nước.

Nhìn chung, trong 10 năm qua hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn phát triển khá. Trong 5 năm 1991 - 1995 tốc độ tăng trưởng bình quân của kinh tế quốc doanh là 11,7%, gần gấp 1,5 lần tốc độ tăng trưởng bình quân của toàn bộ nền kinh tế và gần gấp 2 lần kinh tế ngoài quốc doanh. Trong giai đoạn 1996 - 1999, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ trong khu vực và thiên tai liên tiếp xảy ra nên tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế nói

* GS, TS, Phó hiệu trưởng Trường đại học quản lý kinh doanh Hà Nội

Digitized by Google

chung giảm dần. Song kết quả hoạt động của các doanh nghiệp vẫn cao hơn mức tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân. Cụ thể là năm 1999 so với năm 1998 GDP tăng gần 5% trong khi tăng trưởng của các doanh nghiệp đạt 8 - 9%.

Bên cạnh những tiến bộ, các doanh nghiệp còn có những tồn tại và hạn chế, biểu hiện chủ yếu trên các mặt sau :

Một là, các DNNN còn nhỏ bé về quy mô và dàn trải về ngành nghề. Đến nay cả nước có 5 280 doanh nghiệp, bình quân mỗi doanh nghiệp chỉ có 22 tỉ đồng (khoảng 1,5 triệu USD). Trong đó số doanh nghiệp có vốn dưới 5 tỉ đồng (khoảng 350 nghìn USD) chiếm tới 65,45%, số doanh nghiệp có vốn trên 10 tỉ đồng (trên 700 nghìn USD) chỉ chiếm dưới 21%. Đặc biệt số doanh nghiệp do địa phương trực tiếp quản lý, quy mô còn nhỏ bé hơn nhiều, trong đó số doanh nghiệp có vốn dưới 1 tỉ đồng (khoảng 70 nghìn USD) còn chiếm tới hơn 30%. Nhiều doanh nghiệp cùng loại hoạt động trong tình trạng chồng chéo về ngành nghề kinh doanh, cấp quản lý và trên cùng một địa bàn tạo ra sự cạnh tranh không đáng có trong chính khu vực kinh tế nhà nước với nhau. DNNN cũng còn dàn trải trên tất cả các ngành nghề từ sản xuất đến thương mại, du lịch, dịch vụ, gây tình trạng phân tán, manh mún về vốn trong khi vốn đầu tư nhà nước rất hạn chế ; gây chi phối, xé lẻ các nguồn lực kể cả hoạt động quản lý của nhà nước, không thể tập trung vào được những ngành, lĩnh vực chủ yếu, then chốt.

Hai là, trình độ kỹ thuật, công nghệ lạc hậu, dẫn đến năng lực cạnh tranh kém và thua thiệt trong hội nhập về kinh tế với khu vực và quốc tế. Hầu hết các DNNN được trang bị máy móc, thiết bị từ nhiều nước và thuộc nhiều thế hệ, chủng loại khác nhau. Theo kết quả khảo sát của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tại nhiều DNNN thuộc 7 ngành, thì dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị của ta lạc hậu so với thế giới từ 10 đến 20 năm ; mức độ hao mòn hữu hình từ 30 đến 50%, có tới 38% ở dạng phải thanh lý. Thời gian khấu hao tài sản cố định kéo dài bình quân 10 - 12 năm, trong khi mức khấu hao bình quân của khu vực và thế giới chỉ từ 7 - 8 năm. Bởi nhiều lý do khác nhau, không ít trường hợp nhập khẩu thiết bị, công nghệ không đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa. Số liệu khảo sát của Viện khoa học bảo hộ lao động thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tiến hành gần đây ở 42 cơ sở thuộc một ngành cho thấy trong 727 thiết bị và 3 dây chuyền nhập khẩu, có tới 76% thuộc thế hệ những năm 50 - 60, trên 70% đã hết khấu hao, gần 50% được tân trang lại. Báo cáo điều tra ở Hà Nội và TP Hồ Chí Minh cho biết số máy móc có tuổi trung bình trên 10 năm chiếm tới 40% và chỉ có 30% dưới 5 năm. Thiết bị máy móc cũ kỹ, lạc hậu đã ảnh hưởng lớn, trực tiếp đến chất lượng, giá cả và cuối cùng đã hạn chế năng lực cạnh tranh (các mặt hàng sản xuất trong nước như sắt, thép, phân bón hóa học, xi măng, kính xây dựng..., có mức giá cao hơn hàng cùng loại nhập khẩu từ 20 - 40%, cá biệt như mặt hàng đường thô cao hơn tới 70 - 80%). Nhiều mặt hàng tồn tại được lâu nay là do chính sách bảo hộ của Nhà nước thông qua thuế nhập khẩu cao. Song các doanh nghiệp vẫn thường xuyên bị đe dọa bởi hàng lậu từ nước ngoài tràn vào nước ta. Nhìn chung, chất lượng sản phẩm làm ra ở trong nước còn quá thấp. Chỉ khoảng 15% sản phẩm đạt chất lượng xuất khẩu. Đến giữa năm 1999 cả nước mới có 105 DNNN, trong đó chỉ có 70 đơn vị cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO/9000 và 16 đơn vị khác đang đề nghị xem xét.

Ba là, các DNNN nợ quá lớn. Theo báo cáo của Ban đổi mới doanh nghiệp Trung ương, năm 1996 tổng số nợ là 174 797 tỉ đồng, năm 1999 lên tới 199 060 tỉ đồng. Trong đó, nợ phải trả là 126 366 tỉ đồng và nợ phải thu là 72 644 tỉ đồng. So với tổng số vốn toàn bộ doanh nghiệp, số nợ phải thu chiếm tới 62% và số nợ phải trả bằng 109%, trong khi khả năng thanh toán rất thấp, nợ quá hạn hoặc khó đòi chiếm tỷ lệ không nhỏ đang là gánh nặng đối với nhiều DNNN. Không ít các DNNN vẫn còn phải dựa vào sự bao cấp rất lớn của Nhà nước. Ngoài phần vốn đầu tư ban đầu khi thành lập, hằng năm các doanh nghiệp còn phải vay tới 85% vốn từ Nhà nước với lãi suất ưu đãi. Trong điều kiện ngân sách luôn thiếu hụt nhưng Nhà nước vẫn phải dành một tỷ lệ đáng kể để hỗ trợ cho một số doanh nghiệp. Trong ba năm 1997 - 1999, ngân

Digitized by Google

sách nhà nước đã đầu tư trực tiếp cho doanh nghiệp gần 8 000 tỉ đồng, trong đó 6 482 tỉ đồng cấp bổ sung vốn cho doanh nghiệp, 1 464,4 tỉ đồng bù lỗ, hỗ trợ cho các DNNN để giảm bớt khó khăn về tài chính. Ngoài ra, từ năm 1996 đến nay Nhà nước còn miễn giảm thuế 2 288 tỉ đồng, xóa nợ 1 088,5 tỉ đồng, khoanh nợ 3 392 tỉ đồng, giãn nợ 540 tỉ đồng, cho vay tín dụng ưu đãi 8 685 tỉ đồng. Mặc dù nguồn vốn hỗ trợ lớn như vậy nhưng hoạt động kinh doanh ở nhiều DNNN đã không đem lại hiệu quả tương ứng. Số nộp vào ngân sách nhà nước của các DNNN này ít hơn phần mà Nhà nước đã hỗ trợ. Trên thực tế nhiều DNNN đang là gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

Bốn là, thiếu việc làm, số lao động dôi dư lớn. Theo số liệu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, hiện nay số lao động không có việc làm trong DNNN vào khoảng 6%. Nhiều doanh nghiệp có số lao động quá lớn so với yêu cầu như Tổng công ty than Việt Nam, Công ty gang thép Thái Nguyên, các nhà máy xi măng địa phương. Số lao động dôi thừa ở Tổng công ty than Việt Nam là 30%, ở Tổng công ty lương thực miền Bắc là 28%, ở Tổng công ty thép Việt Nam là 12%. Tỷ lệ này ở nhiều DNNN địa phương còn cao hơn - khoảng 27 - 33%. Phần lớn người lao động trong các DNNN không được đào tạo hoặc đào tạo lại, ảnh hưởng nghiêm trọng đến năng suất lao động và chất lượng sản phẩm.

Năm là, do những thực trạng nói trên cùng với những ảnh hưởng khách quan của nền kinh tế và bối cảnh hội nhập, cạnh tranh không thuận lợi trên thị trường khu vực và quốc tế, những năm gần đây tốc độ tăng trưởng và hiệu quả sản xuất kinh doanh trong các DNNN vốn đã thấp lại càng khó khăn hơn và đang có xu hướng giảm dần. Nếu như tốc độ tăng trưởng của các DNNN từ năm 1997 về trước liên tục đạt 13% thì đến năm 1998 và đầu năm 1999 giảm xuống còn 8 - 9%. Hiệu quả sử dụng vốn giảm. Năm 1995, một đồng vốn nhà nước tạo ra được 3,46 đồng vốn doanh thu và 0,19 đồng lợi nhuận. Năm 1998, các chỉ tiêu tương ứng chỉ đạt 2,9 đồng và 0,14 đồng. Thậm chí trong ngành công nghiệp một đồng vốn chỉ làm ra được 0,024 đồng lợi nhuận. Năm 1998, theo đánh giá chung số DNNN thực sự có hiệu quả chỉ chiếm khoảng 40%, số bị lỗ liên tục chiếm tới 20% (nếu tính đủ khấu hao tài sản cố định thì tỷ lệ này còn lớn hơn) ; còn lại 40% là những doanh nghiệp nằm trong tình trạng khi lỗ, khi lãi và lãi cũng chỉ là tượng trưng, nói chung là không có hiệu quả.

Thực trạng nói trên đòi hỏi phải tiếp tục sắp xếp lại và đổi mới cơ chế quản lý DNNN.

2 - Mấy giải pháp chủ yếu nhằm tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp.

Những hạn chế và yếu kém nói trên của các DNNN do nhiều nguyên nhân, trong đó có những nguyên nhân chủ yếu về cơ chế quản lý. Đó là hệ thống văn bản pháp luật về quản lý doanh nghiệp nói chung và DNNN nói riêng tuy đã ban hành khá nhiều song vẫn còn thiếu, chưa đồng bộ và hoàn chỉnh, có nhiều nội dung còn quá chung, chỉ dừng lại ở những nguyên tắc, hoặc có những quy định quá cũ nay không phù hợp với sự chuyển biến của môi trường kinh doanh của doanh nghiệp. Các văn bản pháp quy dưới luật quá nhiều, không ít trường hợp chồng chéo, không nhất quán, thậm chí có một số văn bản hướng dẫn, cụ thể hóa trái với nội dung Luật định làm phức tạp thêm thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp. Luật DNNN ban hành từ đầu năm 1995, tuy Chính phủ chưa kịp ban hành số nghị định hướng dẫn để thực hiện, đã có nhiều điểm không còn phù hợp, đồng thời cũng còn nhiều vấn đề chưa quy định rõ như : về quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp, về phạm vi, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh đối với doanh nghiệp, mô hình tổ chức và cơ chế quản lý Tổng công ty nhà nước, các doanh nghiệp cổ phần hóa..., cơ chế quản lý - nhất là về quản lý tài chính đối với doanh nghiệp công ích, doanh nghiệp kinh doanh (vừa quá chặt gây khó khăn, song cũng vừa quá lỏng dễ bị doanh nghiệp dựa dẫm, lợi dụng, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước). Cơ chế đào tạo, đào tạo lại công nhân lành nghề theo yêu cầu CNH, HĐH, cơ chế tuyển chọn, đào tạo, đãi ngộ cán bộ lãnh đạo quản lý DNNN vừa đi theo lối mòn của cơ chế bao cấp cũ, vừa có nhiều vấn đề nổi cộm, bất hợp lý, phải tiếp tục nghiên cứu giải quyết.

Digitized by Google

Xuất phát từ những nguyên nhân đã nêu, nhiệm vụ đổi mới cơ chế quản lý DNNN cần được tiếp tục thực hiện bằng những giải pháp chủ yếu sau đây.

a - Nhà nước sớm ban hành Luật khuyến khích cạnh tranh lành mạnh, chống độc quyền, Luật cổ phần hóa DNNN, Luật kế toán - thống kê thay cho Pháp lệnh kế toán - thống kê năm 1989. Ban hành Luật bổ sung và sửa đổi Luật DNNN theo hướng định nghĩa rõ DNNN trong điều kiện đa dạng hóa hình thức sở hữu. Và trên cơ sở đó có quy định rõ ràng mô hình tổ chức và cơ chế quản lý phù hợp với các loại hình doanh nghiệp : hoạt động công ích, hoạt động kinh doanh, 100% vốn nhà nước, có vốn thuộc các thành phần kinh tế khác mà nhà nước nắm cổ phần chi phối hoặc cổ phần đặc biệt, Tổng công ty nhà nước, quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp và phạm vi quản lý nhà nước của các bộ quản lý ngành, UBND cấp tỉnh, cơ chế quản lý tài chính phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp theo hướng phát huy quyền tự chủ về tài chính của doanh nghiệp, xóa bỏ bao cấp về vốn của nhà nước đối với doanh nghiệp.

Cơ quan quản lý nhà nước, nhất là ở trung ương khẩn trương rà soát, loại bỏ những văn bản pháp quy đã cũ, lỗi thời hoặc chồng chéo gây phiền hà cho doanh nghiệp. Gần đây Bộ Tài chính đã xóa bỏ trên 700 văn bản, Bộ Thương mại đã xóa bỏ trên 300 văn bản thuộc loại này. Đồng thời Chính phủ và các bộ hữu quan ban hành kịp thời, chuẩn xác những văn bản hướng dẫn, cụ thể hóa việc thi hành các luật, pháp lệnh, đặc biệt là Luật doanh nghiệp, Luật DNNN, Luật đất đai, Bộ luật thuế, Luật thương mại, Luật đầu tư, Luật phá sản doanh nghiệp, Luật ngân hàng, Luật tổ chức tín dụng, Bộ luật lao động, những luật, bộ luật và pháp lệnh liên quan trực tiếp đến tổ chức, quản lý và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó sớm hình thành khung pháp lý đồng bộ và hoàn chỉnh về cơ chế quản lý doanh nghiệp phù hợp với yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện một nền kinh tế mở, hội nhập quốc tế, cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường trong nước và thế giới.

b - Tổng kết và đánh giá thí điểm mô hình Tổng công ty nhà nước. Trên cơ sở đó tìm ra mô hình tổ chức có hiệu quả doanh nghiệp có quy mô lớn dưới dạng tập đoàn kinh doanh ở những ngành, những địa bàn phù hợp, đồng thời có cơ chế, chính sách quản lý thích ứng với mô hình doanh nghiệp này. Trong tổng kết thí điểm cần đi sâu nghiên cứu những vấn đề như : quy mô, cơ cấu tổ chức quản lý (Hội đồng quản trị, quan hệ công tác giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc, quan hệ giữa Tổng công ty với các doanh nghiệp thành viên, quan hệ giữa Tổng công ty với cơ quan nhà nước cấp trên,...) ; cơ cấu ngành nghề kinh doanh theo hướng kết hợp chuyên môn hóa với đa dạng hóa..., cơ chế quản lý các mặt hoạt động, nhất là quản lý tài chính, cơ chế quản lý doanh nghiệp nói chung trong điều kiện cổ phần hóa nhưng Nhà nước vẫn giữ cổ phần chi phối hoặc cổ phần đặc biệt...

Trên cơ sở đó, sớm xác định được mô hình Tổng công ty - doanh nghiệp quy mô lớn có tính chất tập đoàn kinh doanh, ở những ngành và địa bàn quan trọng, làm nòng cốt cho hệ thống doanh nghiệp mà Nhà nước có điều kiện tập trung vốn đầu tư và quản lý đúng mức bảo đảm hoạt động kinh doanh có hiệu quả, thực sự là một công cụ quan trọng của Nhà nước trong quản lý và điều tiết nền kinh tế quốc dân theo định hướng XHCN.

c - Nhà nước có cơ chế, chính sách và đầu tư thỏa đáng cho công tác đào tạo, đào tạo lại, tuyển dụng và đãi ngộ hợp lý để sớm hình thành đội ngũ công nhân lành nghề, cán bộ lãnh đạo quản lý doanh nghiệp giỏi, năng động, sáng tạo đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH đất nước và hoạt động kinh doanh trong môi trường quốc gia và quốc tế luôn biến động.

Trước mắt, từ mỗi DNNN đến từng ngành, từng địa phương và cả nước cần xây dựng chiến lược đào tạo nguồn nhân lực. Nội dung chiến lược phải thể hiện được mục tiêu, tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng từng loại công nhân viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý để có phương hướng và giải pháp thiết thực bảo đảm thực hiện. Chiến lược được xác định đến năm 2010 hoặc xa hơn nữa và làm căn cứ lập các kế hoạch 5 năm, hằng năm để triển khai thực hiện. Các kế hoạch phải đề ra nhiệm vụ và biện pháp cụ thể về đào tạo theo cơ cấu, số lượng công nhân lành nghề theo yêu cầu trang bị và áp dụng

Digitized by Google

công nghệ hiện đại ; về tuyển chọn và đào tạo các chức danh chủ tịch, các thành viên hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), các phó giám đốc (phó tổng giám đốc), các nhân viên quản lý đảm nhiệm những mảng, loại công việc cụ thể trong quản lý doanh nghiệp. Thực tiễn đã khẳng định người giám đốc doanh nghiệp thực thụ trong cơ chế thị trường phải có tư duy kinh tế, kinh doanh rộng, phải có kiến thức sâu về kinh tế, tài chính và kỹ thuật thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phải biết được các vấn đề liên quan đến quá trình sản xuất kinh doanh, từ các yếu tố đầu vào, các yếu tố trong quá trình sản xuất, chế biến đến các yếu tố đầu ra. Quản lý kinh doanh, trước hết và quan trọng hàng đầu là quản lý con người. Thông qua con người mà tác động vào các yếu tố khác của sản xuất kinh doanh và bảo đảm có hiệu quả kinh tế cao. Rõ ràng người giám đốc được trang bị những kiến thức cần thiết về tâm lý phục vụ cho quá trình lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp. Một yếu tố hàng đầu không thể xem nhẹ là người giám đốc phải nắm vững luật pháp và nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật trong mọi hoạt động quản lý của bản thân cũng như mọi hoạt động của doanh nghiệp. Cơ chế thị trường đòi hỏi người giám đốc doanh nghiệp phải có bản lĩnh, quyết đoán, dám chịu rủi ro; phải nhanh nhạy, biết phán đoán và kịp thời ứng phó với mọi tình huống xảy ra trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Rõ ràng không dễ gì ai cũng có thể làm được giám đốc doanh nghiệp. Để có được những giám đốc doanh nghiệp giỏi, chúng tôi cho rằng cần tìm tòi, phát hiện qua thực tiễn cuộc sống những người có năng lực sở trường, có kinh qua thực tiễn sản xuất kinh doanh để đưa vào quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng trở thành giám đốc doanh nghiệp. Tiếp đó phải tổ chức các lớp đào tạo một cách cơ bản ở trong nước và nước ngoài. Trước mắt nhằm vào những cán bộ lãnh đạo, quản lý, công nhân đang hoạt động ở các cơ sở sản xuất kinh doanh và các cơ quan quản lý kinh tế của Nhà nước trong độ tuổi 40 đã được đào tạo cơ bản (thường là đã tốt nghiệp đại học hoặc trên đại học) về kinh tế, kỹ thuật và xã hội. Đồng thời cần có cơ chế tuyển chọn chặt chẽ, giao việc thử thách và đánh giá sau mỗi thời gian nhất định (6 tháng, 1 năm - thường là năm tài chính hoặc một số chu kỳ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp), căn cứ vào thực tiễn công tác của cá nhân và kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

Để khuyến khích cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp, trước hết là giám đốc doanh nghiệp, làm việc hết sức mình, Nhà nước cần có cơ chế đãi ngộ thỏa đáng gắn bó hơn lợi ích cá nhân với kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, mà cụ thể là sự đóng góp của doanh nghiệp với Nhà nước. Tổng thu nhập (gồm tiền lương, tiền thưởng) của giám đốc và cán bộ, nhân viên quản lý của doanh nghiệp cần được quy định theo chế độ khoán thu nhập, theo tỷ lệ % so với số tiền thuế thực tế doanh nghiệp nộp vào ngân sách nhà nước. Tỷ lệ này căn cứ vào chế độ tiền lương cơ bản chung của nhà nước trong hệ thống DNNN và đặc điểm từng ngành sản xuất kinh doanh để quy định thích hợp. Chẳng hạn, với những ngành sản xuất hàng tiêu dùng, thường là biểu thuế cao thì tỷ lệ thu nhập của bộ máy quản lý thấp hơn. Ngược lại, với những ngành khai thác mỏ, sản xuất tư liệu sản xuất, biểu thuế thấp thì tỷ lệ thu nhập của cán bộ, nhân viên quản lý cao hơn. Trường hợp doanh nghiệp bị rủi ro, kinh doanh kém hiệu quả, nộp được ít thuế thì giám đốc và nhân viên quản lý chỉ được hưởng thu nhập theo chế độ tiền lương cơ bản. Nguồn để chi mức tiền lương trong thời gian này là quỹ thu nhập dự phòng của doanh nghiệp. Quỹ này được hình thành bằng cách trích một phần từ quỹ thu nhập trong thời kỳ doanh nghiệp hoạt động thuận lợi, có hiệu quả cao, đóng được nhiều thuế vào ngân sách nhà nước. Như vậy là thu nhập của mỗi cán bộ, nhân viên quản lý tùy thuộc vào đặc điểm của ngành và vào kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, không hạn chế mức tối đa. Người có thu nhập cao được điều tiết bằng thuế thu nhập cá nhân. Căn cứ vào quỹ thu nhập, lãnh đạo và tập thể doanh nghiệp (thông qua đại hội công nhân, viên chức) quy định mức (hệ số) thu nhập cụ thể của từng người tùy theo kết quả đóng góp của mỗi người cho doanh nghiệp. Giám đốc có thể được hưởng mức thu nhập theo hệ số gấp 3 - 5 lần mức thu nhập bình quân của cán bộ, nhân viên quản lý trong doanh nghiệp. ❑

Digitized by Google

TỈNH ỦY BẮC GIANG GẮN VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 6 (LẦN 2) VỚI GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ KINH TẾ - XÃ HỘI

VŨ NGỌC LÂN

TRONG bản tự kiểm điểm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang (ngày 24-10-1999) theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 và Trung ương 6 (lần 2), ngoài phần thành tích, ưu điểm, phần khuyết điểm có đoạn đáng chú ý : "Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nhận thức rõ việc lãnh đạo phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm của đảng bộ, song việc chỉ đạo thực hiện còn lúng túng, thiếu tập trung, nên chưa phát huy mạnh mẽ tiềm năng và nội lực của tỉnh cũng như chưa phát huy tốt việc hợp tác đầu tư với các địa phương khác và nước ngoài. Cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch chậm, chưa vững chắc ; chủ yếu vẫn dựa vào sản xuất nông, lâm là chính. Chưa đề ra được các giải pháp, biện pháp tích cực để phát triển công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp địa phương ; trong đó công nghiệp chế biến, bảo quản nông, lâm sản đang là một nhu cầu cấp thiết của địa phương cũng chưa được chú trọng đầu tư phát triển. Việc chỉ đạo áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất còn yếu ; trong nông nghiệp chưa tích cực chỉ đạo đưa các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất. Năng suất cây trồng, vật nuôi còn thấp so với bình quân chung cả nước (hiện nay năng suất lúa mới đạt 36,5 tạ/ha, trong khi đó bình quân cả nước là hơn 40 tạ/ha ; bình quân lương thực của tỉnh mới đạt 320 kg/người/năm, bình quân cả nước là trên 400 kg/người/năm). Chưa có những biện pháp tích cực để mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa cho nông dân như các mặt hàng nông sản, thực phẩm, rau quả. Việc đầu tư, khai thác tiềm năng ở địa phương để phát triển du lịch, dịch vụ còn yếu. Công tác liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư, lưu thông, phân phối, xuất, nhập khẩu phục vụ cho phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh chưa được quan tâm chỉ đạo đúng mức nên kết quả đạt thấp (cụ thể như : tổng giá trị xuất khẩu của tỉnh năm 1999 mới đạt hơn 6 USD/người, trong khi mức bình quân cả nước là trên 130 USD/người). Nguồn thu ngân sách của tỉnh còn thấp, đáp ứng được 25% nhu cầu chi hằng năm".

Đánh giá trên đây phản ánh đúng sự thật và phần nào thể hiện bức tranh kinh tế của tỉnh Bắc Giang. Nhưng điều quan trọng là qua tự phê bình và phê bình thể hiện tinh thần, thái độ nghiêm túc, cầu thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, dám nói rõ sự thật, nhìn thẳng vào sự thật và xác định rõ trách nhiệm của lãnh đạo tỉnh trước Đảng, trước dân. Những yếu kém về kinh tế của Bắc Giang hiện nay có nhiều nguyên nhân khách quan : ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ trong khu vực ; đầu ra của sản phẩm nông nghiệp có nhiều khó khăn ; một số doanh nghiệp của trung ương trên địa bàn như Công ty phân đạm và hóa chất Hà Bắc không tiêu thụ được sản phẩm, thua lỗ liên miên ; doanh nghiệp của địa phương nhỏ bé, manh mún ; tỉnh mới được tái lập rất nhiều khó khăn, bất cập v.v. Tuy nhiên, Tỉnh ủy Bắc Giang vẫn xác định nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Diện tích, năng suất, sản lượng cây trồng chưa cao, việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế còn chậm, chưa phát huy mạnh mẽ tiềm năng về đất đai, về con người, về truyền thống... hoàn toàn không do khó khăn khách quan mà phần nhiều do sự lãnh đạo, chỉ đạo. Tại sao cùng trong điều kiện, hoàn cảnh, cơ chế như nhau mà nhiều nơi ở trong tỉnh lại có sự tiến

Digitized by Google

bộ, đạt được những thành tích rõ rệt về kinh tế - xã hội ? Chính vì vậy, ngoài những vấn đề kiểm điểm theo quy định của Trung ương, một trong những nội dung rất quan trọng mà Tỉnh ủy Bắc Giang đặc biệt chú ý trong cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình là *gắn cuộc vận động này với việc kiểm điểm, giải quyết những vấn đề bức xúc về kinh tế - xã hội.*

Trong quá trình chuẩn bị tự kiểm điểm của tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng như của từng đồng chí ủy viên Ban Thường vụ cho đến khi tiến hành kiểm điểm, ngoài việc thẳng thắn chỉ ra những thành tích, ưu điểm, những khuyết điểm, tồn tại, còn xây dựng được kế hoạch, chương trình hành động nêu lên được những biện pháp khắc phục, sửa chữa cụ thể, có tính khả thi. Chẳng hạn, trong lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội thời gian qua, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chưa đề ra được giải pháp tích cực, có hiệu qua nhằm phát huy mạnh mẽ tiềm năng, nội lực của tỉnh để đẩy nhanh tốc độ phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đảng hiện nay vẫn là khâu yếu của Ban Thường vụ cũng như của nhiều cấp ủy đảng, chính quyền... Ban Thường vụ đã đề ra chủ trương, biện pháp để nhanh chóng đưa giống lúa lai, lúa thuần vào sản xuất ; đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế ; triển khai việc đầu tư để kiên cố hóa kênh mương ; giao cho các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất chủ trương, biện pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất công nghiệp ; xúc tiến xây dựng nhà máy chế biến hoa quả ; đẩy mạnh việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ; thực hiện chuyển đổi hợp tác xã theo luật ; đồng thời làm tốt hơn công tác xây dựng, củng cố các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân, nhất là cấp cơ sở, để đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ kinh tế - xã hội.

Đối với các cấp ủy trực thuộc, Tỉnh ủy đã chọn hai đơn vị làm điểm trong đợt kiểm điểm tự phê bình và phê bình là Ban cán sự đảng Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Ban Thường vụ Thị ủy Bắc Giang. Ngoài ra, trên cơ sở bản kiểm điểm tập thể và cá nhân lãnh đạo cấp ủy các huyện, thị xã, ngành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy dựa vào các ban, ngành tham mưu để gợi ý những vấn đề yếu kém, tồn đọng hoặc nổi cộm ở từng ngành, từng cấp. Đến nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã gợi ý bổ sung kiểm điểm đối với 66/66 đơn vị bao gồm : 10 Ban Thường vụ huyện, thị ủy ; 4 Ban Thường vụ đảng ủy trực thuộc ; 52 ban cán sự đảng, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo ngành của tỉnh. Những nội dung gợi ý thường tập trung vào một số vấn đề nổi cộm, vướng mắc và gắn trách nhiệm cá nhân với những tồn tại, yếu kém như : lãnh đạo phát triển công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp ra sao ; quản lý đô thị như thế nào ; giải quyết việc giải phóng mặt bằng đền bù cho dân ra sao ; tại sao chậm đưa giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất ; tại sao năng suất lúa thấp ; việc đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, đời sống mắc ở khâu nào ; nguyên nhân gì làm tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm ; v.v. Với tinh thần thẳng thắn, chân thành, xây dựng, không đổ trách nhiệm cho ngành khác, cấp khác, người khác, bước đầu qua hai đơn vị làm điểm và một số ngành, cấp khác đã có chuyển biến tích cực, nhất là về nhận thức, tinh thần trách nhiệm, tính chủ động sáng tạo phát huy nội lực, khắc phục khó khăn để lãnh đạo ngành mình, cấp mình chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, phấn đấu đi lên.

Sau khi được Bộ Chính trị gợi ý, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang đã bổ sung bản tự kiểm điểm, làm rõ các vấn đề được gợi ý sau đây :

+ Về vận dụng các quan điểm, đường lối, nghị quyết của Đảng vào phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

- Trách nhiệm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và từng Ủy viên Ban Thường vụ trong việc phát huy nội lực, thế mạnh của địa phương để phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu trong nông, lâm nghiệp, việc hợp tác, đầu tư trong nước và ngoài nước, trong đầu tư xây dựng cơ bản ?

- Tại sao việc phát triển cơ sở hạ tầng còn phân tán, công tác quản lý bị buông lỏng, lãng phí thất thoát ngân sách nhà nước ?

- Nguyên nhân gì làm một số doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài, việc thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước còn chậm, chuyển đổi hợp tác xã theo luật hợp tác xã còn lúng túng, hiệu quả thấp ?

- Xác định rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân trong việc chỉ đạo, điều hành để việc chi tiêu hành chính hằng năm quá cao.

Digitized by Google

+ Về đạo đức, lối sống

- Trách nhiệm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong việc quản lý, giáo dục đảng viên về đạo đức, lối sống ?

- Làm rõ một số cán bộ giàu lên nhanh chóng, làm nhà, mua sắm tiện nghi sinh hoạt đắt tiền không tương xứng với nguồn thu nhập chính đáng của bản thân ; có cán bộ chỉ lo vun vén cho lợi ích bản thân và gia đình, ít chú ý đến công việc của tập thể cơ quan, đơn vị, ý thức tổ chức kỷ luật kém ?

+ Về tổ chức chỉ đạo, điều hành

- Trách nhiệm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong công tác xây dựng Đảng ; việc quản lý đảng viên ở một số cấp ủy chưa chặt chẽ, có nơi nào vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, nội bộ mất đoàn kết, tham nhũng không ?

- Tại sao việc tổ chức, triển khai nghị quyết của Đảng hiệu quả chưa cao, chậm đi vào cuộc sống ?

- Làm rõ việc đề bạt, bổ nhiệm cán bộ có thực hiện đúng theo quy trình không ?

- Trong tự phê bình và phê bình có tư tưởng hữu khuynh, né tránh, ngại va chạm, biểu hiện tư tưởng dòng họ, cục bộ địa phương không ?

- Trong Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh có biểu hiện thiếu cộng tác không ? Chuyên viên giúp việc có biểu hiện sách nhiễu không ?

- Trách nhiệm của Ban Thường vụ trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện việc quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực như quản lý đất đai, xây dựng cơ bản, cấp phát ngân sách, thực hiện các chính sách xã hội, quản lý chương trình, dự án ?

- Xử lý các vi phạm ở Ủy ban nhân dân huyện Sơn Động, huyện Yên Dũng, Ban cán sự đảng Sở Địa chính, dự án bản Vua Bà (Lục Nam), việc đền bù giải phóng mặt bằng quốc lộ 1A như thế nào ?

Để trả lời một cách chính xác, thỏa đáng và thuyết phục các vấn đề, các câu hỏi trên đây là cả quá trình đấu tranh nội bộ, đấu tranh với chính bản thân mình trên tinh thần thẳng thắn, xây dựng, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đạt được kết quả, nhiều vấn đề được làm rõ, có câu trả lời thỏa đáng. Cụ thể là :

Đối với tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy : các ủy viên Ban Thường vụ nhất trí cao với nội dung bản tự kiểm điểm và bản bổ sung tự kiểm điểm theo các nội dung gợi ý của Bộ Chính trị, tập trung đi sâu phân tích, kiểm điểm các nội dung này và thống nhất khẳng định :

+ Về việc vận dụng các quan điểm, đường lối, nghị quyết của Đảng vào phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương :

- Thời gian qua, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có nhiều chủ trương, biện pháp phát huy nội lực để phát triển kinh tế - xã hội và đã đạt được một số kết quả tốt. Song, nhìn chung, tốc độ phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh còn chậm. Yếu kém này có nguyên nhân khách quan và chủ quan, song nguyên nhân chủ quan là do trách nhiệm của Ban Thường vụ tỉnh ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội. Ban Thường vụ Tỉnh ủy chưa mạnh dạn đề ra được giải pháp tích cực, có hiệu quả, nhằm phát huy mạnh mẽ tiềm năng, nội lực của tỉnh để đẩy nhanh tốc độ phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Đã khắc phục được tình trạng đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phân tán. Một số công trình đầu tư xây dựng cơ bản có sai phạm, như công trình nhà Ủy ban nhân dân huyện Sơn Động đã được chỉ đạo thanh tra, kiểm tra phát hiện kịp thời, nên đã ngăn chặn được sự thất thoát.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quán triệt tinh thần tiết kiệm và thực hiện trong chi tiêu hành chính hằng năm.

+ Về đạo đức lối sống :

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy quan tâm lãnh đạo công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên. Đa số cán bộ, đảng viên trong đảng bộ giữ được phẩm chất đạo đức, lối sống trong sạch. Các trường hợp có sai phạm về đạo đức, lối sống được phát hiện đều được xử lý nghiêm minh. Việc thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh trong cưới, tang, lễ hội 2 năm 1998-1999 có nhiều chuyển biến tốt. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu thực hiện.

- Đối với dư luận về một số cán bộ giàu lên nhanh chóng, không tương xứng với thu nhập chính đáng của bản thân, Ban Thường vụ đã chỉ đạo nắm tình hình gợi ý cụ thể để các đồng chí kiểm điểm trong đợt sinh hoạt chính trị tự phê bình và phê bình, đặc biệt là trong các vấn đề nhà, đất.

Digitized by Google

Qua kiểm điểm, đã kết luận được nhiều trường hợp mà những dư luận về vấn đề này không có cơ sở.

+ Về tổ chức chỉ đạo tiến hành còn những thiếu sót khuyết điểm sau :

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo trong thực hiện Nghị quyết của Đảng vẫn là khâu yếu hiện nay của Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng như của nhiều cấp ủy đảng, chính quyền mà trong thời gian tới cần ra sức khắc phục, sửa chữa.

- Việc quản lý, giáo dục và nắm tình hình cán bộ ở một số đơn vị cấp cơ sở làm chưa tốt. Qua cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp vừa qua có một số cán bộ chủ chốt cấp xã tín nhiệm thấp, nhưng cấp ủy cơ sở vẫn giới thiệu ra ứng cử để bầu vào Hội đồng nhân dân, nên đã không trúng cử. Ban Thường vụ Tỉnh ủy thấy rõ đây là vấn đề cần quan tâm rút kinh nghiệm và khắc phục trong thời gian tới, đồng thời đã gợi ý cho một số ban thường vụ huyện ủy ở những nơi xảy ra hiện tượng nêu trên cần nghiêm túc kiểm điểm trong đợt tự phê bình và phê bình này.

- Trong những năm qua, các cấp ủy, chính quyền đã thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ gìn sự đoàn kết nhất trí để lãnh đạo nhân dân hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị. Song một số cơ quan, đơn vị ở cơ sở cũng còn hiện tượng mất đoàn kết, sau khi kiểm tra phát hiện đều được xử lý và khắc phục.

- Việc đề bạt, bổ nhiệm cán bộ trong thời gian qua bảo đảm đúng quy trình, nguyên tắc, quy định của Trung ương.

Trong kiểm điểm tự phê bình và phê bình, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã khẳng định trong Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh không có biểu hiện thiếu cộng tác, coi thường nhau. Chưa có cơ sở kết luận các đồng chí chuyên viên Ủy ban nhân dân tỉnh có biểu hiện gây phiền hà, sách nhiễu trong công tác. Song trong giải quyết công việc còn có một số việc còn chậm trễ, dẫn đến có những dư luận nêu trên. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã lưu ý Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh cần nghiêm túc xem xét, kiểm điểm và có biện pháp giáo dục, ngăn ngừa các hành vi đó.

- Kết quả kiểm điểm đối với các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy : các ý kiến thảo luận, đóng góp đều nhất trí với nội dung tự kiểm điểm và phần kiểm điểm bổ sung của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đã tập trung phân tích, góp ý đối với từng đồng chí về các mặt ưu, khuyết điểm và từng đồng chí đã kiểm điểm giải trình rõ những nội dung mà Thường vụ Bộ Chính trị và Ban Thường vụ Tỉnh ủy gợi ý bổ sung kiểm điểm. Qua kiểm điểm, đã đi đến kết luận không có đồng chí nào có biểu hiện tiêu cực, sai phạm, vi phạm về đạo đức, lối sống như dư luận đã nêu.

- Nhìn chung, việc triển khai thực hiện kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) của Tỉnh ủy Bắc Giang được tổ chức chỉ đạo chặt chẽ, bảo đảm thiết thực và hiệu quả theo đúng sự chỉ đạo của Bộ Chính trị. Tập thể và các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chuẩn bị bản tự kiểm điểm bám sát các nội dung, yêu cầu và lấy ý kiến đóng góp của các đối tượng theo đúng quy định, hướng dẫn của Bộ Chính trị ; nghiêm túc bổ sung tự kiểm điểm theo các nội dung gợi ý của Thường vụ Bộ Chính trị và Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Hội nghị kiểm điểm tự phê bình và phê bình của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thể hiện sự thẳng thắn, cởi mở, chân thành và dân chủ với ý thức trách nhiệm và tinh thần xây dựng ; góp phần tăng cường sự đoàn kết, nhất trí hơn. Qua kiểm điểm, những ưu điểm và khuyết điểm của tập thể và từng đồng chí ủy viên được làm rõ. Các đồng chí được góp ý đều tiếp thu các ý kiến đóng góp của tập thể. Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng đã chỉ đạo các ngành chức năng xem xét, điều tra, xử lý kỷ luật đối với một số cán bộ lãnh đạo vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật Nhà nước trong các vụ việc ở Ủy ban nhân dân huyện Sơn Động, huyện ủy Yên Dũng, Ban cán sự đảng Sở Địa chính, Dự án Bản Vua Bà (Lục Ngạn) và việc giải phóng mặt bằng quốc lộ 1A. Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo các ngành của tỉnh và các cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng tập trung kiểm điểm tự phê bình và phê bình, hoàn thành trong tháng 5-2000.

Cách làm nghiêm túc của Tỉnh ủy Bắc Giang trong việc thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, bước đầu đã có tác động tích cực, được cán bộ, đảng viên, nhân dân trong toàn tỉnh hoan nghênh. Tin rằng kết quả cuộc vận động lần này sẽ thúc đẩy nhanh hơn sự phát triển kinh tế - xã hội ở Bắc Giang - một tỉnh có nhiều tiềm năng và truyền thống quý báu. ❑

Digitized by Google

CÁC KHU CÔNG NGHIỆP Ở NƯỚC TA HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

NGUYỄN SINH CÚC *

I - Thực trạng về các khu công nghiệp

Sau 9 năm thành lập và phát triển (1991 - 1999), đến đầu năm 2000, nước ta đã có 66 khu công nghiệp (KCN) tập trung (63 KCN, 3 khu chế xuất (KCX), chưa kể KCN Dung Quất), trong đó Nam Bộ có 40, miền Bắc có 13 và miền Trung có 13 KCN. 27/61 tỉnh, thành phố có KCN và tập trung nhiều ở vùng tứ giác kinh tế trọng điểm phía Nam : TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu và Bình Dương. Các KCN được quy hoạch sử dụng khoảng 10 nghìn ha đất, trong đó có 6 500 ha quy hoạch cụ thể phát triển công nghiệp. Đến đầu tháng 2-2000, diện tích thực tế của các KCN đã sử dụng là 2 000 ha, chiếm 32% tổng diện tích đất quy hoạch dành cho công nghiệp và 20% tổng diện tích đất quy hoạch chung.

Sau 9 năm hình thành và phát triển, đến nay các KCN đã trở thành một bộ phận không thể thiếu trong cơ cấu kinh tế Việt Nam. Nó đã đem lại những kết quả đáng khích lệ cả về kinh tế - xã hội, đồng thời cũng đã xuất hiện những vấn đề mới cần quan tâm.

Các KCN ở nước ta đến nay đã thu hút 850 dự án đầu tư nước ngoài với số vốn 7,84 tỉ USD của 24 nước và vùng lãnh thổ, phần lớn thuộc vùng Đông - Bắc Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan) và Đông - Nam Á (Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan). Những năm gần đây, các KCN cũng đã thu hút các nhà đầu tư trong nước với số vốn đến nay là 16 998 tỉ đồng. Nhiều dự án đầu tư trong và ngoài nước tại các KCN đã triển khai và đi vào hoạt động với số vốn 3 tỉ USD.

Xu hướng tích cực là, trong những năm gần đây, tuy số lượng KCN tăng chậm, nhưng số dự án và vốn đăng ký và triển khai lại tăng khá nhanh. Nhiều dự án đầu tư đã đi vào hoạt động ổn định, góp phần tạo ra nhiều sản phẩm công nghiệp với số lượng lớn, chất lượng cao, đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và xuất khẩu. Ngành nghề trong các KCN rất đa dạng : công nghiệp nhẹ, hóa chất, chế biến thực phẩm, nông sản, thủy sản, điện dân dụng, điện tử, tin học. Nhiều hãng công nghiệp nổi tiếng của thế giới đã có mặt tại các KCN Việt Nam và sản xuất những sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế. Các công ty của Nhật Bản thực hiện các dự án có công nghệ cao và đạt giá trị xuất khẩu lớn như vi điện tử, động cơ điện, người máy, thuốc chữa bệnh, chế biến thực phẩm... Các công ty của Hàn Quốc, Đài Loan sản xuất các sản phẩm điện tử, sợi, dệt, may mặc, giày da, chế biến nông sản chất lượng cao... Sản phẩm của các KCN đã góp phần làm phong phú thêm các mặt hàng công nghiệp phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu. Chính yếu tố này đã tạo nên tốc độ ổn định về giá trị xuất khẩu của cả nước trong những năm gần đây, nhất là năm 1999 với tốc độ tăng trưởng 23%, gấp 3 lần kế hoạch.

Kết quả hoạt động của các KCN đã và đang tạo ra những tiền đề vật chất rất quan trọng. Trước hết là vốn và khoa học công nghệ để thúc đẩy nhịp độ tăng trưởng của ngành công nghiệp và của nền kinh tế đạt mức nói chung. Trong những năm gần đây, có các KCN, nên nhịp độ tăng trưởng của công nghiệp khu vực có vốn đầu tư nước ngoài thường cao hơn khu vực công nghiệp nội địa từ 2 lần đến 3 lần (1996 = 21,6/11,1 ; 1997 = 23,1/10,4 ; 1998 = 23,0/7,6 và 1999 = 20,0/6,1). Xu hướng tương tự cũng diễn ra đối với toàn bộ nền kinh tế. Năm 1997, các KCN đạt giá trị sản xuất 1 155 triệu USD, chiếm 15% giá trị sản xuất công nghiệp, trong đó xuất khẩu 848 triệu USD chiếm 10% tổng giá trị xuất khẩu cả nước và 47% giá trị xuất khẩu khu vực FDI và tăng 2 lần so năm 1996. Năm 1998, các con số tương ứng là 1 871 triệu USD ; 20% ; 1 300 triệu USD ; 14% ; 65% và 50%. Năm 1999, tuy hoạt động đầu tư nước ngoài chững

* PGS, TS, Vụ trưởng, Tổng cục Thống kê

Digitized by Google

lại, nhưng hoạt động của các KCN vẫn khởi sắc, đem lại hiệu quả thiết thực cho nền kinh tế. Điều đáng chú ý là số KCN tăng không nhiều (7 KCN), nhưng số dự án đầu tư đạt 183 dự án, tăng 55%, số vốn đầu tư đạt 632 triệu USD tăng 54% so với năm 1998. Các dự án tăng vốn trong các KCN đạt 75 dự án với số vốn 425 triệu USD và 108 dự án trong nước với số vốn 2 887 tỉ đồng. Hoạt động của các KCN tiếp tục sôi động và đã tạo ra 1,7 tỉ USD giá trị sản xuất, chiếm 20% giá trị sản xuất công nghiệp, trong đó đã xuất khẩu 1,5 tỉ USD, chiếm 13% tổng giá trị xuất khẩu cả nước, tăng 200 triệu USD, góp phần chủ yếu tạo nên sự đột biến về xuất khẩu của khu vực FDI với giá trị 4 594 triệu USD, tăng 42,4% so năm 1998.

Các KCN còn góp phần thúc đẩy nền kinh tế nước ta phát triển với nhịp độ khá cao và tương đối ổn định trong những năm qua so với các nước trong khu vực. Đồng thời, nó tạo ra tiền đề và điều kiện để chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Điều này thể hiện rõ nhất ở các tỉnh Đông Nam Bộ, nơi tập trung nhiều KCN, trong đó xuất hiện những mô hình KCN, KCX hoạt động có hiệu quả. Chẳng hạn, KCN Biên Hòa 2 (Đồng Nai) đã thu hút 99 dự án với số vốn 1,16 tỉ USD, tạo việc làm mới cho 34 nghìn lao động, chiếm 70% số dự án và 35% số vốn đầu tư của 9 KCN trong tỉnh. Về diện tích đất đã cho thuê của KCN Biên Hòa 2 đạt tỷ lệ cao nhất trong các KCN cả nước : 93% (243 ha). Đây là KCN do Công ty Sonadezi đầu tư xây dựng với số vốn trên 16,7 triệu USD.

Hiện nay ở 2 KCX Tân Thuận và Linh Trung (TP Hồ Chí Minh) đã thu hút 144 dự án (Tân Thuận 117, Linh Trung 27) với số vốn đầu tư 634,7 triệu USD, thu hút 49 581 lao động, chiếm 40% lao động dự tuyển và sử dụng 110,6 ha đất. Hoạt động của 2 KCX này trong năm 1999 khá sôi động : giá trị hàng hóa mua từ nội địa đạt 20,6 triệu USD (tăng 33,6%), hàng gia công 8,6 triệu USD. Trong đó, nội địa nhận gia công cho KCX 6,6 triệu USD, chủ yếu ở các mặt hàng may, thêu, dán vải và in nhãn. KCX gia công cho nội địa 2 triệu USD, tập trung ở mặt hàng kéo sợi (77,5%). Số lao động tăng thêm trong năm qua là 9,3 nghìn người, chiếm 8,5% số lao động dự tuyển, phần lớn đạt yêu cầu về trình độ nghề nghiệp. 2 KCX Tân Thuận và Linh Trung đã được kết nạp vào Hiệp hội các KCX thế giới. KCX Việt Nam - Xin-ga-po ở Bình Dương cũng là một mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả với nhiều ngành nghề và chủng loại sản phẩm có chất lượng cao, đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

Các KCN ở miền Bắc và miền Trung tuy ít sôi động hơn KCN Nam Bộ, nhưng trong những năm gần đây (nhất là năm 1999) cũng có khởi sắc, như KCN Sài Đồng (Hà Nội).

Cơ cấu vốn đầu tư của các KCN hiện nay cũng đã thay đổi so với các năm trước. Trong giai đoạn đầu, đầu tư nước ngoài chiếm trên 50% vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng KCN, gần 90% số dự án và 93% tổng số vốn đầu tư của các doanh nghiệp trong các KCN. Đến nay, 3 tỷ lệ tương ứng là 40%, 64% và 83%. Sự tham gia ngày càng nhiều của các nhà đầu tư trong nước vào các KCN đã và đang tạo ra những nhân tố mới để phát triển mô hình này theo hướng đa dạng, nhiều chế độ sở hữu. Từ đó nó tăng sức cạnh tranh cả trong và ngoài nước. Tính đến thời điểm cuối năm 1999, tổng số vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng các KCN ở nước ta lên tới trên 2 tỉ USD và hàng nghìn tỉ đồng. Xu hướng này có khả năng tăng nhanh trong năm 2000 do tác động tích cực của các chủ trương, chính sách mới thông thoáng hơn của Chính phủ Việt Nam phát huy tác dụng. Mặt khác, số dự án đầu tư nước ngoài và trong nước vào các KCN tăng lên cũng đang tạo ra cầu mới về cơ sở hạ tầng.

Các KCN đã và đang tạo thêm việc làm mới thu hút lao động xã hội vào làm việc lâu dài. Đến đầu năm 2000, trong các KCN đã có khoảng 30 vạn lao động Việt Nam làm việc với nhiều ngành nghề khác nhau và tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng cao. Năm 1999, cả nước đã có thêm 13,7 vạn lao động vào làm việc tại các KCN, trong đó Đồng Nai là 17 600 người, còn TP Hồ Chí Minh chỉ riêng 2 KCN Tân Thuận và Linh Trung thu hút thêm 9,3 nghìn lao động. Nếu tính cả lao động làm dịch vụ gián tiếp ngoài KCN (như sản xuất nguyên liệu, vận chuyển, tiếp thị, tiêu thụ sản phẩm v.v...) thì con số việc làm mới do các KCN tạo ra lên đến hàng triệu người. Không chỉ tăng về số lượng, các KCN còn là trường học để người lao động rèn luyện kỹ năng và tác phong lao động công nghiệp.

Các KCN phần lớn được xây dựng tại các vùng nông thôn ven đô thị, nên sức lan tỏa của nó rất lớn. Cùng với sự ra đời của KCN là sự xuất hiện các

Digitized by Google

ngành nghề và dịch vụ phi nông nghiệp mới ở nông thôn, thúc đẩy quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa. Việc xây dựng mới và nâng cấp cơ sở hạ tầng cũng như hình thành các đô thị vệ tinh phục vụ các KCN đang góp phần thu hẹp khoảng cách về thu nhập và đời sống giữa thành thị với nông thôn, đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và phân công lại lao động xã hội theo hướng tiến bộ, xây dựng nông thôn mới.

Thực tế những năm qua cho thấy, chủ trương của Đảng và Nhà nước ta phát triển các KCN là hoàn toàn đúng đắn. Vai trò của các KCN trong quá trình CNH, HĐH đất nước là quan trọng và cần thiết, xét cả 2 mặt kinh tế và xã hội. Hiệu quả kinh tế đang có xu hướng tăng dần trong những năm gần đây làm vơi đi nỗi lo về cung lớn hơn cầu của hệ thống cơ sở hạ tầng trong các KCN.

Tuy nhiên, 9 năm thử nghiệm một mô hình mới như KCN, KCX ở một nước nông nghiệp như nước ta thì bên cạnh những thành công và kết quả không thể tránh khỏi những yếu kém và những vấn đề mới phát sinh cần được quan tâm. Theo chúng tôi, cho đến nay các KCN, KCX ở nước ta còn nổi lên các vấn đề lớn sau đây :

Một là, tỷ lệ diện tích đất và cơ sở hạ tầng đã cho thuê còn thấp : khoảng 20% so với diện tích đất quy hoạch (2 000/10 000 ha) và 32% so với quỹ đất dành cho các KCN (6 500 ha). Tình trạng này kéo dài nhiều năm đã và đang tạo ra sự lãng phí quỹ đất và ứ đọng vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thậm chí lỗ vốn như KCN Nomura (Hải Phòng) (Hiện nay KCN này phải chịu lỗ hằng năm là 6 triệu USD). Do không thu hút được các dự án đầu tư nên nhiều KCN đã xây dựng xong lại không có người thuê. Trong số 22 Ban quản lý KCX ở các tỉnh được ủy quyền cấp phép đầu tư chỉ có 10 Ban hoạt động, số còn lại không có việc làm vì không có ai đến thuê. Chính tình hình này đang đặt vấn đề cần xử lý : phải chăng ở Việt Nam đã thừa KCN ?

Hai là, tình trạng thiếu lao động lành nghề có đủ điều kiện làm việc trong các KCX là phổ biến. Điều này đã và đang làm nảy sinh mâu thuẫn về cung - cầu lao động trong các KCN nước ta vốn tồn tại từ nhiều năm nay. Lao động thủ công thừa nhưng lao động lành nghề thiếu, nên khả năng thu hút lao động vào các KCN không tương xứng với nhu cầu nhân lực của các dự án đã triển khai. Thí dụ, ở TP Hồ Chí Minh, tại 2 KCN Tân Thuận và Linh Trung năm 1999 có 108 049 lao động giới thiệu nhưng chỉ có 9 260 người được tuyển dụng, chiếm tỷ lệ 8,5%. Vì vậy, đến đầu năm 2000, TP Hồ Chí Minh còn thiếu 12 nghìn lao động cho các KCN, nhưng chưa tuyển được, trong đó nhu cầu cần tuyển là 75% - 85% (nữ), trình độ đại học 5- 7%, lao động phổ thông 32 - 35%, làm việc trong các ngành may mặc, sợi, dệt, cơ khí, điện, điện tử và chế biến thực phẩm.

Ba là, nhiều KCN xây dựng gần thành phố hoặc khu dân cư nhưng không bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh, môi trường nên khi có dự án đầu tư đi vào hoạt động đã ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái của địa phương. Thí dụ, KCN Việt Hương (xã Hưng Định, huyện Thuận An (Bình Dương) khi hoạt động đã thải hóa chất độc hại làm chết 1 425 ha vườn cây ăn trái nổi tiếng ở Lái Thiêu và ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường nước, không khí và đất đai xung quanh KCN. Tình hình tương tự cũng đã xảy ra ở các KCN ở Biên Hòa, TP Hồ Chí Minh với mức độ khác nhau.

Bốn là, nhiều KCN không quan tâm đến chỗ ở cho công nhân, để người lao động tự lo liệu. Tình hình này đang gây tác động tiêu cực về nhiều mặt : người lao động không yên tâm làm việc, sức khỏe không bảo đảm, các địa phương trên địa bàn có KCN gặp nhiều khó khăn về cơ sở hạ tầng, quản lý nhân khẩu, hộ khẩu và làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội khác như y tế, giáo dục, dân số, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

Năm là, tình trạng cạnh tranh không lành mạnh giữa các tỉnh, các vùng trong nước và ngay cả các KCN trong cùng một tỉnh diễn ra phổ biến. Thực tế năm 1999 cho thấy, nhiều nhà đầu tư ở Đồng Nai và TP Hồ Chí Minh đã chuyển dự án của họ về KCN ở Bình Dương, là nơi có điều kiện làm ăn dễ dàng hơn, dù có khó khăn về thủ tục chuyển đổi địa điểm. Trong cùng một tỉnh, cũng có sự cạnh tranh giữa những cơ quan cấp phép cho các dự án trong và ngoài các KCN. Bệnh quan liêu và thủ tục rườm rà của các cấp chính quyền địa phương tuy có giảm so với trước, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu chính đáng của các nhà đầu tư vào KCN.

Nguyên nhân của tình trạng này, một mặt là do xu hướng giảm sút của đầu tư nước ngoài tại Việt Nam chưa được khắc phục, mặt khác môi trường đầu tư, giá thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng tại các KCN chưa thật hấp dẫn. Công tác quy hoạch và định

Digitized by Google

hướng phát triển KCN chưa ổn định. Tư tưởng cục bộ, địa phương và xu hướng thích nhiều KCN nhưng chưa tính đến tính khả thi và các điều kiện cần và đủ cho các KCN hoạt động cũng là những nguyên nhân chủ quan cần khắc phục. Về định hướng đầu tư, coi trọng thu hút các dự án và vốn nước ngoài là cần thiết, nhưng xem nhẹ các nhà đầu tư trong nước tại các KCN lại không đúng về quan điểm, không phù hợp với mục tiêu đề ra.

II - Các giải pháp chủ yếu

Thứ nhất : Hoàn thiện quy hoạch các KCN trên phạm vi cả nước phù hợp với quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội từng vùng, từng địa phương, từng ngành và cân đối với các điều kiện cụ thể. Trên cơ sở quy hoạch chung, các Ban quản lý KCN ở trung ương và địa phương cần xây dựng phương án về xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật ; về thu hút các dự án đầu tư trong và ngoài nước ; về đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công nhân để tạo nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu của từng KCN, từng loại ngành nghề cùng với hoàn chỉnh quy hoạch. Các bộ, ngành và các địa phương cần rà soát lại các KCN, rút ra những mặt được và chưa được, làm căn cứ cho việc phê duyệt các dự án thành lập mới hoặc mở rộng các KCN bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội.

Thứ hai : Việc xây dựng mới là cần thiết nhưng phải rất thận trọng từ khâu quy hoạch, lập dự án, phê duyệt, triển khai và bảo đảm tính khả thi của nó. Các KCN mới nên hướng vào quy mô vừa và nhỏ, tránh xu hướng tham quy mô lớn, bao chiếm nhiều diện tích đất như trước đây. Song dù quy mô nào, các KCN mới xây dựng từ nay về sau cũng cần bảo đảm có hệ thống cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh theo tiêu chuẩn quốc tế. Trong các KCN xây dựng mới cần quan tâm thu hút các doanh nghiệp công nghệ cao, sản xuất các sản phẩm xuất khẩu quy mô lớn, các doanh nghiệp chuyển từ nội thành, nội thị đến do yêu cầu quy hoạch đô thị mới, có liên quan đến bảo vệ môi trường sinh thái. Việc xây dựng các KCN mới chỉ được thực hiện ở những vùng, địa phương có đủ các điều kiện, có tính khả thi cao. Nhà nước kiên quyết xử lý những KCN đã xây dựng, nhưng đến nay không có khả năng hoạt động hoặc hoạt động kém hiệu quả. Những KCN đã duyệt quy hoạch, đã cấp phép nhưng ít có triển vọng thì nên kiên quyết rút giấy phép để tránh gây ra lãng phí nhiều hơn, hậu quả nặng nề hơn.

Thứ ba : Đào tạo nguồn nhân lực cho các KCN. Sự mất cân đối giữa cung và cầu nguồn nhân lực đã và đang đặt ra hàng loạt vấn đề về đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao tay nghề cho người lao động trước khi được tuyển chọn vào các KCN. Để giải quyết vấn đề này cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các Ban quản lý KCN với các bộ, ngành trung ương có liên quan (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Công nghiệp), Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong việc tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao tay nghề cho người lao động. Để sự phối hợp đạt kết quả, trước hết Ban quản lý các KCN cần xác định rõ nhu cầu số lượng, cơ cấu và trình độ đội ngũ lao động cần tuyển dụng từng năm và dự báo nhu cầu lao động dài hạn cho các KCN phù hợp với các ngành nghề đã được quy hoạch. Căn cứ vào nhu cầu đó, các ngành chức năng và các địa phương sẽ tuyển chọn lao động để đào tạo theo số lượng, kết cấu và trình độ tay nghề tương ứng. Kinh phí đào tạo được huy động từ các nguồn : nhà nước, các KCN và người lao động, phân bổ theo tỷ lệ hợp lý bảo đảm hài hòa lợi ích của mỗi bên. Tổng cục dạy nghề (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) có vai trò chủ yếu trong việc đào tạo, bồi dưỡng nghề nghiệp cho đội ngũ lao động được bổ sung vào các KCN. Tuy nhiên, đây là vấn đề mới, cần được các ngành, các địa phương và các KCN làm thử trước khi mở rộng. Dù có khó khăn bước đầu, nhưng nếu được tổ chức, chỉ đạo tốt và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành trung ương, các địa phương và các KCN thì vẫn có khả năng thực hiện. Như vậy, vấn đề thiếu lao động có tay nghề cao trong các KCN hiện nay sẽ được giải quyết một cách chủ động. Tình trạng tự phát trong cung - cầu nguồn lao động tại các KCN sẽ được khắc phục một cách cơ bản.

Thứ tư : Tiếp tục hoàn thiện các mô hình tổ chức và quản lý KCN. Để hoàn thiện mô hình KCN, có nhiều việc phải làm nhưng trong đó vấn đề nổi lên hàng đầu hiện nay là phải đổi mới hệ thống tổ chức và bộ máy quản lý KCN, bảo đảm thống nhất trên phạm vi cả nước, phù hợp với mục tiêu và yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới, lấy hiệu quả kinh tế xã hội - môi trường làm hướng chính. Thực tiễn tổ chức quản lý KCN ở nước ta từ năm 1991 đến nay đã có 3 mô hình quản lý khác nhau. Năm 1991, khi có quy chế về KCX, Ban quản lý KCX cấp tỉnh, thành phố được thành lập với chức năng, nhiệm vụ

Digitized by Google

và quyền hạn rộng rãi, chủ yếu gắn với các hoạt động đầu tư nước ngoài. Năm 1994, khi ban hành quy chế KCN, Ban quản lý KCN cấp tỉnh, thành phố được thành lập với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn hẹp hơn nhiều so với Ban quản lý KCX. Tháng 4-1997, Chính phủ ban hành quy chế mới về KCX, KCN, khu công nghệ cao thay thế hai quy chế riêng biệt nêu trên. Trong đó quy định Ban quản lý KCX cấp tỉnh, thành phố chịu sự lãnh đạo song trùng của ủy ban nhân dân các cấp và của các bộ, ngành trung ương. Theo mô hình mới này chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý KCX, KCN được mở rộng thêm, một số nhiệm vụ thông qua quy chế ủy quyền của các bộ, ngành trung ương và ủy ban nhân dân cấp tỉnh như : cấp giấy phép đầu tư nước ngoài, xét duyệt kế hoạch và quản lý xuất nhập khẩu, cấp giấy chứng chỉ xuất xứ hàng hóa ; thực hiện một số chức năng về quản lý lao động, quản lý môi trường..., các hoạt động hải quan, công an, thuế vụ... ; thực hiện theo phương thức đặt cơ quan đại diện đủ thẩm quyền giải quyết những vướng mắc của từng KCN, hoặc từng cụm KCN, KCX. Ưu điểm của mô hình này là xóa bỏ dần quy chế "xin - cho", linh hoạt và mềm dẻo hơn trong việc làm thủ tục xây dựng, đầu tư, xuất nhập khẩu. Đối với các KCX, quy định còn chỉ rõ trong KCN có thể có KCX và doanh nghiệp chế xuất hoạt động trong thị trường nội địa mở ra lối thoát cho sản phẩm của KCX vào thị trường trong nước bảo đảm sự bình đẳng với các KCN và các trung tâm kỹ thuật cao, công nghệ cao.

Những đổi mới trong mô hình tổ chức, quản lý này đã bước đầu đem lại kết quả rõ nét nhất là cơ chế quản lý "một cửa, tại chỗ" tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thực hiện quyền tự chủ sản xuất kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật, đơn giản hóa thủ tục hành chính vốn là vật cản đối với các KCX và các nhà đầu tư lâu nay.

Tuy nhiên, ngay cả mô hình mới này cũng còn nhiều nhược điểm. Trong đó, rõ nét nhất là mô hình này vẫn chưa tạo được một "sân chơi thật sự bình đẳng" giữa KCN với các doanh nghiệp ngoài KCX, giữa các nhà đầu tư trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài trên cùng một địa bàn. Ngay trong Luật Đầu tư nước ngoài, Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Công ty cũng như các chính sách hiện hành cũng trong tình trạng tương tự. Vì vậy, nó chưa khuyến khích việc đầu tư vào các KCN. Đây chính là một trong những nguyên nhân cơ bản gây ra những hạn chế nhất định đối với khả năng lấp đầy KCN. Để khắc phục những tồn tại trên, cần hoàn thiện luật pháp, cơ chế và chính sách đối với KCX ; phải đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý KCN theo hướng tinh giản gọn nhẹ nhưng có hiệu lực. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý KCN cần được mở rộng hơn phù hợp với yêu cầu mở rộng đối tượng cho thuê các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp đầu tư trong nước.

Thứ năm : Tăng cường vai trò của nhà nước đối với các KCN. Để các giải pháp trên đây có tính khả thi, nhất thiết phải tăng cường vai trò của nhà nước đối với các KCN. Vai trò đó thể hiện trên các mặt : định hướng và xét duyệt quy hoạch, kế hoạch các chính sách vĩ mô, kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện luật pháp và chính sách của Nhà nước ở trong các KCN, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư và của người lao động trong KCN, giải quyết các vấn đề xã hội trong các KCN. Ban quản lý các KCN cấp tỉnh là cơ quan trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với KCN theo cơ chế "một cửa, tại chỗ". Các ngành trung ương và ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ủy quyền cho các Ban quản lý KCN cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong phạm vi quyền hạn được phân cấp, bỏ dần cơ chế "xin - cho" chuyển dần sang cơ chế "đăng ký, hậu kiểm". Cùng với việc phân cấp mạnh cho Ban quản lý KCN các tỉnh, thành phố cần tăng cường vai trò kiểm tra, kiểm soát của các bộ ngành chức năng và Ban quản lý KCN trung ương để phát hiện và xử lý kịp thời những vấn đề mới phát sinh trong các KCN.

Để tăng cường vai trò nhà nước trong các KCN, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý KCN và của các bộ, ngành ở trung ương cũng cần được mở rộng toàn diện hơn. Đây là điều hoàn toàn hợp lôgíc, vì việc hình thành và phát triển các KCN là xuất phát từ lợi ích quốc gia gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Do đó xu hướng "tập trung hóa" trong tổ chức và quản lý sẽ khắc phục được tình trạng tùy tiện, lạm phát KCN đã từng diễn ra ở các địa phương những năm qua. Nhìn ra các nước, cho đến nay chưa có nước nào thực hiện mô hình địa phương hóa các KCN. Vì vậy, ở nước ta "tập trung hóa cao độ" đi cùng với tăng cường "kỷ cương phép nước" trong tổ chức và quản lý KCN hiện nay là yêu cầu cấp thiết nhằm đưa nền kinh tế nước ta phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.❑

Digitized by Google

PHONG TRÀO THI ĐUA - KHEN THƯỞNG Ở CÔNG TY VIỄN THÔNG LIÊN TỈNH

NHẬT TÂN

Công ty Viễn thông liên tỉnh nhờ đẩy mạnh phong trào thi đua - khen thưởng đã động viên và phát huy được tinh thần lao động sáng tạo, dám nghĩ, dám làm của cán bộ, công nhân viên, đổi mới công nghệ và tác phong công nghiệp, vươn lên vị trí là đơn vị hàng đầu của ngành Bưu chính - Viễn thông, đang được ngành đề nghị Đảng và Nhà nước xét phong tặng danh hiệu *"Đơn vị anh hùng thời kỳ đổi mới"*.

Công ty Viễn thông liên tỉnh được thành lập từ năm 1990, có nhiệm vụ : tổ chức, xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, kinh doanh mạng lưới viễn thông liên tỉnh ; làm đầu mối kết nối mạng lưới viễn thông các tỉnh trong cả nước và với nước ngoài, bảo đảm thông tin nhanh nhạy, thông suốt ; phục vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế, xây lắp chuyên ngành thông tin - liên lạc ; bảo trì các thiết bị thông tin liên lạc ; kinh doanh các ngành nghề khác trong phạm vi pháp luật cho phép và thực hiện các nhiệm vụ Tổng công ty giao.

Công ty do nhiều đơn vị tiền thân hợp lại như : vi ba, tải ba, vô tuyến sóng ngắn... Mỗi đơn vị đều có mặt mạnh nhất định, nhưng cũng có không ít tồn tại, khó khăn đặc thù không dễ gì có thể khắc phục ngay được. Lãnh đạo Công ty đã tìm phương án tối ưu cho con đường đi chung ; uốn nắn khắc phục dần những hạn chế trong thói quen sinh hoạt, thao tác kỹ thuật cũ, trong quy trình sử dụng thiết bị khác nhau ở mỗi nơi, mỗi miền cho thống nhất và phù hợp với thiết bị mới, công nghệ mới.

Mạng lưới viễn thông liên tỉnh trải rộng ở 61 tỉnh, thành trong cả nước với gần 300 trạm, có 70% số trạm ở các vùng núi cao, xa xôi, hẻo lánh và hải đảo. Nhiều trạm ở chon von trên đỉnh núi, quanh năm mây mù bao phủ, xa dân, sinh hoạt rất khó khăn, phải tiết kiệm từng giọt nước để sinh hoạt. Nhiều hệ thống thông tin cáp quang liên tỉnh chôn ngầm dưới đất chạy dài hàng nghìn km, băng qua những địa hình phức tạp, đồi núi, đèo cao, rừng già, cầu cống, sông sâu, thác ghềnh... Đã thế, thời tiết lại rất khắc nghiệt, thất thường như mưa lũ, bão lụt có thể gây ra các sự cố làm ách tắc thông tin. Để bảo đảm mạng lưới thông tin vận hành nhanh nhạy, thông suốt, liên tục như hệ thống thần kinh trong cơ thể con người, cán bộ, công nhân viên của Công ty phải làm ca kíp, bám máy, bám tuyến suốt ngày đêm, kể cả ngày lễ, ngày tết. Do ý thức được nhiệm vụ chính trị và niềm vinh dự, tự hào nên hàng nghìn cán bộ, công nhân viên của Công ty luôn khắc phục khó khăn, cố gắng để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Công ty chủ trương dựa vào sức mình là chính, phát huy nội lực, khơi dậy tính tích cực của đội ngũ cán bộ, công nhân phát huy truyền thống giữ vững thông tin thông suốt trong mọi hoàn cảnh của thời kỳ chiến tranh ác liệt trước đây, đổi mới công nghệ và tác phong công nghiệp để đi lên. Được Đảng và Nhà nước quan tâm giúp đỡ, động viên, Công ty quyết tâm đổi mới, phát huy dân chủ, đẩy mạnh phong trào thi đua - khen thưởng, huy động sức mạnh vượt mọi khó khăn, từng bước trưởng thành vững

Digitized by Google

chắc. Trong 10 năm qua Công ty đã được tặng 6 Huân chương lao động các loại ; 26 cờ luân lưu, thi đua ; 71 bằng khen ; 400 huy chương Vì sự nghiệp bưu điện cho tập thể và cá nhân ; 10 năm Đảng bộ trong sạch vững mạnh, tổ chức công đoàn, Đoàn thanh niên đều đạt danh hiệu xuất sắc của ngành Bưu chính - Viễn thông.

Thực tế hoạt động của Công ty đã khẳng định, *trong thời kỳ đổi mới, phát triển nền kinh tế thị trường, thi đua - khen thưởng vẫn là động lực mạnh mẽ.* Phong trào thi đua - khen thưởng của Công ty có mục tiêu cụ thể, nội dung rõ ràng, với hình thức phong phú lôi cuốn cán bộ, công nhân viên tham gia.

Về mục tiêu thi đua - khen thưởng, nhằm tạo nên phong trào quần chúng mạnh mẽ, lao động sáng tạo, phát huy thuận lợi, vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ, đẩy nhanh tốc độ phát triển của hệ thống Bưu chính - Viễn thông, tiếp cận dần với trình độ khoa học - kỹ thuật - công nghệ tiên tiến của thế giới, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Về nội dung thi đua - khen thưởng, bám sát nhiệm vụ chính trị - kinh tế của ngành, tập trung vào một số điểm chính sau :

1 - Hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Bằng nhiều hình thức, Công ty động viên cán bộ, công nhân phát huy sáng kiến, sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí, tập trung đầu tư cho các công trình trọng điểm. Xây dựng và phát triển đồng bộ mạng lưới viễn thông, phấn đấu làm nhanh, dứt điểm các công trình, xong đến đâu đưa ngay vào sử dụng đến đó. Công ty tận dụng tối đa, khai thác triệt để các thiết bị. Giám sát và cập nhật lưu lượng trên các tuyến thông tin, xem xét và điều chỉnh lưu thoát điện thoại đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời. Tổ chức đấu nối kênh luồng phục vụ thông tin nhanh, đặc biệt cho quốc phòng, an ninh, đường sắt, hàng không, ngân hàng, điện lực, phòng chống lụt bão và các sự kiện chính trị trọng đại khác của Đảng và Nhà nước. Xây dựng phương án bảo đảm thông tin cho mạng viễn thông liên tỉnh, các nút tổng đài kép, tuyến đường trục quốc gia Bắc - Nam có các mạng vòng, tạo độ an toàn về đường thông cao v.v.. Công ty phối hợp và hỗ trợ các bưu điện tỉnh, thành xây lắp một số tuyến thông tin nội tỉnh, bảo dưỡng, sửa chữa mạng viễn thông cấp 2 ; nhanh chóng đưa các tổng đài địa phương hòa vào mạng viễn thông liên tỉnh. Qua các phương tiện thông tin đại chúng, Công ty quảng cáo và hướng dẫn khách hàng sử dụng các dịch vụ viễn thông liên tỉnh. Tổ chức các hội nghị khách hàng, tạo mối quan hệ tốt trong kinh doanh. Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân dọc các tuyến thông tin bảo vệ an toàn mạng lưới cáp quang, thực hiện xã hội hóa công tác này, đặc biệt trên các quốc lộ giao thông lớn.

Mười năm qua, Công ty luôn bảo đảm thông tin thông suốt trên các tuyến trục quốc gia, hoàn thành vượt mức chỉ tiêu sản xuất kinh doanh. Sản lượng điện thoại liên tỉnh bình quân tăng trưởng hằng năm là 35%.

2 - Từng bước đổi mới, hoàn thiện công tác quản lý sản xuất kinh doanh.

Công tác quản lý của Công ty được từng bước đổi mới cho phù hợp với sự phát triển của kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, đặc biệt qua hai giai đoạn tăng tốc.

Từng khâu công tác của Công ty được thể chế hóa bằng các văn bản sau khi đã được cán bộ, công nhân đóng góp ý kiến. Gần 40 loại quy chế, quy trình, nội quy, tạo hành lang pháp lý cho công tác quản lý Công ty đã được xây dựng. Hầu hết các khâu công tác như xây dựng cơ bản, tuyển dụng lao động, điều hành xử lý thông tin, tuần tra bảo vệ cáp quang, quản lý tài chính, phân phối thu nhập, sử dụng quỹ phúc lợi, khen thưởng thi đua v.v.. đều được ban hành thành quy chế. Mọi hoạt động của Công ty dựa trên các quy chế này đã phát huy tinh thần dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của cán bộ, công nhân viên chức.

Digitized by Google

Việc tổ chức cho cán bộ, công nhân tham gia thảo luận xây dựng quy chế, có tác dụng phát huy quyền làm chủ của mỗi người, đồng thời động viên nhắc nhở lẫn nhau trong công tác. Đó là một trong nội dung thi đua quan trọng ở các đơn vị.

3 - Đổi mới khoa học, công nghệ, xây dựng và phát triển mạng lưới thông tin quốc gia.

Chưa có thời kỳ nào ngành Bưu chính - Viễn thông nước ta lại phát triển vượt bậc như 10 năm qua. Cùng với kế hoạch tăng tốc của ngành, mạng lưới viễn thông liên tỉnh đã được đầu tư chiều sâu, tiếp cận công nghệ kỹ thuật hiện đại. Công tác đầu tư công nghệ được hoạch định đúng hướng và nhanh chóng phát huy hiệu quả.

Từ hệ thống vi ba số AWA 1 504 với dung lượng 60 kênh thoại sử dụng công nghệ cận đồng bộ (PDH), hiện nay đã có hệ thống thông tin cáp quang 2,5 Gb/s sử dụng công nghệ đồng bộ (SDH) với dung lượng trên 30 000 kênh thoại. Từ lúc chưa có tổng đài liên tỉnh, đến nay đã có 5 tổng đài liên tỉnh tại ba khu vực Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh với dung lượng gần 70 000 trung kế. Sắp tới sẽ thử nghiệm công nghệ không đồng bộ (ATM) trên mạng lưới của Công ty, một công nghệ hiện đại, tiên tiến và hợp nhất mọi loại hình dịch vụ hiện có. Tổng công ty đầu tư xây dựng mạng đồng bộ kỹ thuật với 3 đồng hồ chuẩn chất lượng cao của quốc tế, đóng vai trò "trái tim" cầm nhịp cho mạng lưới viễn thông liên tỉnh quốc gia hoạt động. Kỹ thuật này cùng với các tuyến truyền dẫn quang SDH, các tổng đài kỹ thuật số với báo hiệu C7 đã nâng chất lượng mạng viễn thông ngang tầm quốc tế, tạo tiền đề cho phát triển dịch vụ mới.

Tin học đã sử dụng rộng rãi ở mọi cơ sở sản xuất và các phòng, ban chức năng. Giá trị phần mềm trong thiết bị viễn thông ngày càng lớn (chiếm khoảng 40%). Hiện nay, toàn bộ hệ thống, thiết bị viễn thông liên tỉnh đều do phần mềm điều khiển. Hàng loạt tuyến cáp quang và vi ba dung lượng lớn đã và đang được thi công mới và nâng cấp mở rộng nhằm tăng dung lượng khai thác, giảm giá thành trên một đường sản phẩm.

Các dịch vụ viễn thông trên mạng ngày càng đa dạng như : Truyền tín hiệu phát thanh, phát hình, điện báo, telex ; các dịch vụ ISDN, cầu truyền hình phục vụ cho các hội nghị và các ngày lễ lớn của dân tộc ; cho phòng chống lụt bão đã được nhân dân khen ngợi. Đặc biệt đợt lũ lụt thế kỷ tại miền Trung tháng 11, tháng 12-1999 vừa qua, mặc dù tuyến cáp quang trục Bắc - Nam bị đứt nhiều điểm trên các đèo Hải Vân và Phước Tượng, hơn 60 điểm bị ngập lụt, nhưng Công ty vẫn bảo đảm thông tin thông suốt. Tiêu biểu là Trung tâm Viễn thông khu vực 3, trong lúc nước dâng cao, tài sản gia đình và người thân gặp nguy nan, anh chị em vẫn bám trụ kiên cường không rời vị trí, phục vụ tốt các chương trình truyền hình để kịp thời liên tục đưa những hình ảnh về lũ lụt ở các tỉnh miền Trung đến với đồng bào cả nước và kéo dài tổng đài liên tỉnh Đà Nẵng phục vụ cho các tỉnh ủy, ủy ban nhân dân tỉnh và Bưu điện Thừa Thiên - Huế liên lạc với Ban phòng chống lụt bão Trung ương.

Một nét đẹp ở hầu hết các đơn vị trong Công ty là càng khó khăn, ý chí phấn đấu, tinh thần thi đua sáng tạo của cán bộ, công nhân càng được khơi dậy mạnh mẽ. Năm 1991, Công ty có 32 sáng kiến, với số tiền thưởng là 2 500 000 đ. Đến năm 1999, mặc dù nhiều khó khăn hơn, nhưng vẫn có 67 đề tài, sáng kiến, với số tiền thưởng là 34 500 000 đ. Các đề tài, sáng kiến đã được áp dụng vào thực tế sản xuất đạt hiệu quả cao.

4 - Thường xuyên chăm lo công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, công nhân phát triển toàn diện về trí tuệ, năng lực, phẩm chất và thể chất.

Phong trào thi đua của Công ty trong những năm qua không chỉ hướng vào nhiệm vụ tăng tốc độ đầu tư, đổi mới trang thiết bị hiện đại, rèn

Digitized by Google

luyện tác phong công nghiệp, mà còn coi trọng chiến lược xây dựng con người, bồi dưỡng và đào tạo cán bộ, công nhân viên. Trong kế hoạch công tác hằng năm của lãnh đạo chính quyền, các tổ chức đảng, đoàn thể từ Công ty tới các đơn vị, đều có chương trình bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, công nhân, xây dựng con người. Chương trình bồi dưỡng, đào tạo cán bộ được tổ chức dưới nhiều hình thức như đào tạo tại chỗ qua chuyển giao thiết bị công nghệ ; mở lớp học tại chỗ, mời giáo viên và chuyên gia đến giảng ; cử người đi học dài hạn ; khuyến khích những người tự học tập nâng cao trình độ về mọi mặt...

Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị và phẩm chất đạo đức cho cán bộ, công nhân cũng được chăm lo dưới nhiều hình thức đa dạng và linh hoạt. Hàng trăm cán bộ, công nhân được cử đi học các lớp lý luận chính trị cao cấp, trung cấp. Theo định kỳ, hoặc khi có các sự kiện chính trị lớn, Công ty thường mời giảng viên, báo cáo viên đến giảng, thông báo tình hình thời sự trong nước và quốc tế. Đảng ủy, Đoàn thanh niên, Công đoàn và các đơn vị tổ chức nhiều cuộc thi tìm hiểu lịch sử, truyền thống cách mạng, nền văn hóa dân tộc... nhằm nâng cao kiến thức, bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức, lối sống cho cán bộ, công nhân. Qua các phong trào thi đua và hội thi như "Trưởng trạm viễn thông giỏi", "Nữ tài năng ngành Bưu điện", "An toàn vệ sinh viên giỏi"... đã phát hiện và bồi dưỡng được nhiều nhân tố tích cực, bổ nhiệm vào các chức vụ phụ trách và quản lý.

Cùng với việc chăm lo đời sống tinh thần, Công ty luôn luôn chăm lo, cải thiện đời sống vật chất cho đội ngũ cán bộ, công nhân viên. Khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi người làm việc với năng suất cao để tăng thu nhập một cách chính đáng. Có chế độ khen thưởng thích đáng những người lao động giỏi, các sáng kiến hay. Thực hiện nghiêm chỉnh chính sách bảo hiểm ca ba, độc hại, xây dựng quỹ phúc lợi. Phân phối thu nhập theo năng suất và chất lượng lao động có tính đến quá trình đào tạo, thâm niên công tác trong ngành theo quy chế công khai, dân chủ. Những người công tác trên các vùng núi cao, xa xôi, hẻo lánh... được đãi ngộ xứng đáng, được trang bị ti vi, sách báo.

5 - Thường xuyên chăm lo công tác bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo đảm an toàn mạng lưới, an toàn vệ sinh lao động, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật.

Mặc dù phải bảo đảm các tuyến thông tin dài hàng nghìn cây số, bảo dưỡng hệ thống cột cao ăng-ten, thông tin vi ba, cáp quang và nguồn điện ; bảo đảm hàng vạn lượt xe đi lại xử lý ứng cứu thông tin suốt đêm ngày, nhưng tới nay Công ty chưa xảy ra vụ tai nạn lao động nghiêm trọng nào. Các năm 1994, 1996, 1997 và 1999 Công ty đã được Bộ Công an tặng cờ về phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Các Trung tâm thông tin liên tỉnh đều được khen thưởng về công tác bảo đảm an ninh, phòng gian bảo mật, 8 năm liền Công ty được tặng cờ, bằng khen về công tác an toàn vệ sinh lao động, xanh, sạch, đẹp.

Tháng 3-1996 và tháng 3-1997 xảy ra hai vụ cháy rừng lớn tại trạm Sơn La I và Mộc Châu đều được anh em phát hiện kịp thời và tìm mọi biện pháp dập tắt ngọn lửa không cho lan vào khu vực trạm máy. Đặc biệt trong việc triển khai bảo vệ khu kỹ thuật đầu mối thông tin C2 Hà Nội, với diện ích gần 20 000 m² là khu làm việc của 7 công ty và đơn vị lớn trong ngành, có tài sản lớn. Anh chị em bảo vệ đã giữ nghiêm bí mật thông tin, an toàn tài sản nhà nước, tài sản công dân, bảo đảm an ninh chính trị ; đồng thời góp phần bảo vệ an toàn các đoàn khách cao cấp quốc tế và lãnh đạo Đảng, Nhà nước ta. Ban bảo vệ Trung tâm Viễn thông khu vực I đã được ngành và Tổng cục An ninh kinh tế Bộ Công an đề nghị Nhà nước tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ đổi mới.

6 - Coi trọng xây dựng tổ chức đảng, chính quyền, các tổ chức quần chúng, tăng cường

Digitized by Google

đoàn kết nội bộ, xây dựng mối quan hệ tốt với các cấp, các ngành và nhân dân trên địa bàn công tác.

Đảng bộ Công ty tập trung chỉ đạo thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và kế hoạch 10 năm tăng tốc của ngành Bưu điện. Tổ chức học tập các nghị quyết của Đảng ủy cấp trên, các chương trình nội dung kế hoạch tăng tốc của ngành để người lao động tin tưởng, phấn khởi vượt lên mọi khó khăn thách thức, tự khẳng định mình trong cơ chế mới. Củng cố và xây dựng tổ chúc đảng trong sạch, vững mạnh từ chi bộ đến đảng bộ *"Vững về tư tưởng, mạnh về năng lực, nghiêm về ý thức tổ chức kỷ luật, đẹp về đạo đức lối sống"*. Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, đảng bộ luôn luôn phối hợp với chuyên môn, Công đoàn và Đoàn thanh niên, thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tổ chức tốt các đợt thi đua có nội dung thiết thực. Thực hiện 5 cuộc vận động của Công đoàn Bưu điện Việt Nam, động viên toàn thể cán bộ, công nhân viên hăng hái công tác, phấn đấu hoàn thành xuất sắc, toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch của Tổng công ty giao.

*

* *

Phong trào thi đua - khen thưởng ở Công ty Viễn thông liên tỉnh sở dĩ phát huy được tác dụng, thúc đẩy mọi mặt hoạt động của Công ty là do cán bộ, công nhân viên đã có nhận thức và hành động đúng đắn, thể hiện ở những điểm chính sau :

1 - Thừa nhận công tác thi đua - khen thưởng là động lực quan trọng để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng. Biến công tác thi đua - khen thưởng thành phong trào quần chúng, mang tính tự nguyện, tự giác cao, không gò ép, miễn cưỡng.

2 - Thi đua - khen thưởng có mục tiêu rõ ràng, nội dung thiết thực, bám sát nhiệm vụ chính trị - kinh tế - xã hội, hướng vào những phần việc khó khăn, những khâu yếu cần khắc phục. Các bản đăng ký thi đua có nội dung, chỉ tiêu cụ thể, không đồng nhất với bản kế hoạch công tác của các đơn vị. Bên cạnh những đợt thi đua dài ngày, có những đợt thi đua ngắn ngày, đột xuất hướng vào giải quyết một vài việc cụ thể, có tính chất mũi nhọn trong từng thời gian.

3 - Hình thức, biện pháp tổ chức, động viên thi đua thực chất cũng là hình thức, biện pháp tổ chức, vận động quần chúng phong phú, đa dạng, linh hoạt phù hợp với từng lúc, từng nơi, từng đối tượng, có nhiều tên gọi khác nhau hoặc lồng ghép thi đua - khen thưởng với các hoạt động của Công ty. Biện pháp tổ chức, vận động quần chúng có hiệu quả, biến các hoạt động thi đua thành thói quen, nếp làm việc, nếp sinh hoạt hằng ngày của mọi người. Căn cứ vào các chương trình công tác, nội quy, quy chế Công ty định ra tiêu chuẩn thi đua cho phù hợp.

4 - Công tác thi đua - khen thưởng của Công ty đã đi vào thực chất, tránh hình thức "đầu voi đuôi chuột", "đánh trống bỏ dùi", "chỉ phát mà không động", Công ty đã tăng cường và *thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, khen thưởng thỏa đáng và kỷ luật nghiêm minh.* Từng thời gian, Công ty tổ chức các cuộc kiểm tra chéo, tham quan, học tập lẫn nhau giữa các đơn vị. Mỗi đợt thi đua, xây dựng một vài điển hình, đúc kết kinh nghiệm nhân ra diện rộng. Những gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến, được giới thiệu rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

5 - Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể coi trọng công tác thi đua - khen thưởng, thường xuyên quan tâm, chỉ đạo chặt chẽ, phối hợp trong việc tổ chức động viên phong trào. Công tác thi đua - khen thưởng là của mọi người, tuy nhiên đối với một Công ty lớn, cần có cán bộ chuyên trách và người cán bộ chuyên trách có đủ uy tín, năng lực và nhiệt tình. Để công tác thi đua - khen thưởng hoạt động tốt, có hiệu quả, Công ty cũng đã đầu tư kinh phí thỏa đáng để bảo đảm cho các hoạt động và làm phần thưởng xứng đáng khích lệ phong trào. ❑

Digitized by Google

OAN THỊ KÍNH

KỲ HOA

Ông Q là quan chức đầu tỉnh. Mối quan hệ bằng hữu của ông rất rộng; không chỉ ở địa phương, mà còn ở khá nhiều bộ, ban, ngành của trung ương. Trong công việc, ông giải quyết mọi thứ đều êm, nhẹ, có lý, có tình, được nhiều người ủng hộ. Trong cuộc sống cá nhân, ông gương mẫu, liêm khiết, giản dị, vì thế được nhiều người nể trọng.

Sẽ không có chuyện rắc rối nếu không có việc cô con gái lớn của ông đi lấy chồng. Thủ tục hôn nhân phức tạp đến mức phải trải qua đấu tranh trong nội bộ gia đình. Vợ ông bảo : Con đầu, cháu sớm đi lấy chồng phải tổ chức cho đàng hoàng. Nhất thiết phải có đầy đủ các thủ tục : chạm ngõ, ăn hỏi, tổ chức lễ cưới. Lễ cưới dứt khoát phải làm tiệc mặn, mời tất cả họ hàng hai bên nội, ngoại, bạn bè thân quen của bố, mẹ và của bản thân cô dâu... Bà còn đe : Nếu ông sợ mang tiếng là *kinh doanh* thì tôi sẽ cho in thêm vào thiếp mời dòng ghi chú : *"Xin vui lòng không mang theo phong bì hay quà tặng"*. Bố mẹ và cả con gái ông đều cùng ý với vợ ông. Nếu cứ dân chủ bàn bạc và biểu quyết, rõ ràng ông bị thiểu số. Mà làm tiệc cưới như thế là không ổn. Bởi vì, chỉ tính riêng bữa tiệc mặn, nếu theo đúng yêu cầu của bố mẹ và vợ con ông, ít nhất cũng phải tới hàng trăm mâm cỗ. Họ hàng đông, bạn bè lắm, mời người này chẳng lẽ không mời người kia. Vả lại, đã đến dự tiệc cưới, ai chẳng có chút quà gọi là "mừng hạnh phúc của các cháu". Ông là người có chức, có quyền, tổ chức đám cưới cho con linh đình như thế, làm sao tránh khỏi sự dị nghị ?

Ông Q có thói quen không bao giờ lùi bước trước những khó khăn. Ông tìm cách thuyết phục bố mẹ và vợ con từng bước một. Dân gian có câu : "Nói phải củ cải cũng nghe". Cuối cùng phương án của ông được chấp nhận với mấy nội dung chính như sau :

- Có lễ ăn hỏi, nhưng bàn với nhà trai mang đồ lễ in ít thôi. Trầu, cau, chè, thuốc, bánh, kẹo... mỗi thứ một tý gọi là cho đúng tập tục.

- Ngày cưới sẽ tổ chức tiệc mặn trong phạm vi hẹp, chỉ mời họ hàng rất gần của cả hai bên nội ngoại, tổng cộng khoảng vài ba chục người, gọi là để báo cáo và để họ hàng nhận rể.

- Sau ngày cưới độ khoảng một tuần lễ thì gửi giấy bảo hỷ tới tất cả các bạn bè gần, xa.

Lịch trình đám cưới diễn ra đúng như kịch bản của ông.

Nhưng... sau khi gửi giấy báo hỷ được ít ngày thì tại nhà riêng của ông, khách ra vào nườm nượp. Bạn bè thân hữu của vợ chồng ông rất đông, bởi có sự quý mến vợ chồng ông. Không ít người thật lòng muốn mừng cháu chút quà. Nhưng vợ chồng ông đều từ chối rất khéo, chẳng để mất lòng ai.

Một số người độc miệng bàn tán : "Ông Q khôn thật. Cưới con không mời ai, đỡ tốn tiền, nhưng sau đó lại nhận được không biết bao nhiêu là phong bì".

Ông Q biết tất cả những chuyện đó, đã tự an ủi mình : "Ma chê, cưới trách, đó là quy luật của muôn đời".

Tôi tin rằng sau này mọi người sẽ nhận ra sự thật. Dân ta khách quan, công bằng và nhân hậu lắm. Nỗi oan của ông Q chắc chắn sẽ được giải. Bởi vì nỗi oan đó đích thực là "oan Thị Kính".

Điều tôi băn khoăn là tại sao người tốt lại bị oan ? Bởi lẽ, trước ông, cùng lúc với ông và sau ông, đã có những đám cưới tổ chức không phải để vui mừng một việc hệ trọng, mà là để phô trương thanh thế và sự giàu có, thậm chí để qua đó, thực hiện việc "kinh doanh". Dẫu sao ông Q cũng đã làm được một việc tốt, mà đã là tốt thì "cây ngay không sợ chết đứng".❑

Digitized by Google

"NỀN KINH TẾ MỚI" CỦA NƯỚC MỸ, CÁI MẠNH VÀ CÁI YẾU

TRẦN BÁ KHOA

Thuyết "Kinh tế mới" của Mỹ lần đầu tiên được nhà tương lai học A. Tốp-phlơ (A. Toffler) nêu lên trong cuốn sách "Làn sóng thứ ba", xuất bản năm 1980. Tờ Business week ngày 30-12-1996 cho rằng kể từ thập niên 80, nước Mỹ đã tiến vào nền kinh tế mới - dựa trên cơ sở cách mạng công nghệ thông tin và sự toàn cầu hóa kinh tế thị trường. Khái niệm "Kinh tế mới" cũng được Phó tổng thống A.Go trình bày trong cuộc hội thảo về công nghệ mới và kinh tế mới tổ chức tại thành phố Xít-tơn tháng 5-1997. Trong một bài phát biểu tại Đại học Ca-li-pho-ni-a (9-1998) ông A. Grin-xpan (A. Greenspan), Chủ tịch Hội đồng dự trữ liên bang đã đặt vấn đề "Liệu có một nền kinh tế mới hay không" và "câu trả lời đã quá rõ ràng, nền kinh tế của Mỹ đang biến đổi hằng ngày và hiểu theo nghĩa đó, nó luôn luôn mới".

Hiện nay nền kinh tế mới, dựa chủ yếu vào tri thức và thông tin, không những đã xuất hiện ở Mỹ mà bước đầu đang tiến vào các nền kinh tế phát triển nhất ở Tây Âu, Nhật và trên phạm vi toàn cầu nó mới ở trong trạng thái manh nha.

Những đặc trưng chủ yếu của nền kinh tế mới (hay kinh tế tri thức) của Mỹ là :

1 - Nền kinh tế lấy tri thức và công nghệ mới làm cơ sở và là động lực chủ yếu của sự tăng trưởng.

Mỹ đang chuyển từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức và thông tin. Ngành thông tin bao gồm thiết kế lưu trữ, truyền tải và xử lý thông tin, các ngành hữu quan và ngành dịch vụ chiếm vị trí chủ đạo trong nền kinh tế Mỹ (72% GDP).

Sản phẩm thông tin và chi phí dịch vụ tăng lên nhanh chóng dẫn đầu các lĩnh vực khác. Theo thống kê năm 1997, ở Mỹ chi phí của các sản phẩm "kinh tế cũ" như ô tô, thực phẩm, đồ điện gia dụng v.v... bình quân tăng 0,9%, nhưng chi phí cho các sản phẩm "Kinh tế mới" như điện thoại di động, máy tính, vui chơi, dịch vụ tài chính tiền tệ v.v... lại tăng bình quân 12,5%. Mấy năm gần đây, ngành thương mại điện tử hằng năm tăng với tốc độ 200%. Năm 1999 có 39% hàng hóa bán lẻ ở Mỹ tiêu thụ trên mạng điện tử. Theo Thông điệp liên bang của Tổng thống Mỹ (27-1-2000), ngành thông tin chỉ chiếm 8% lực lượng lao động nhưng chiếm 1/3 mức tăng trưởng kinh tế của Mỹ và lương nhân viên của ngành này cao hơn mức trung bình của khu vực tư nhân khoảng 80%. Vào cuối năm 1999, trên thế giới có 180 triệu người sử dụng In-tơ-nét trong đó ở Mỹ : 90 triệu, Đức : 10 triệu, Anh : 9 triệu, Pháp : 4,5 triệu, Nhật : 15 triệu, Trung Quốc : 7 triệu, Hàn Quốc : 4 triệu, Đài Loan : 3 triệu (theo báo Phi-ga-rô 18-1-2000).

Do các ngành nghề kinh tế mới đều phải dựa vào công nghệ mới để thường xuyên đổi mới sản xuất, tăng sức cạnh tranh và phát triển nên các doanh nghiệp đều có các cơ quan chuyên trách nghiên cứu và triển khai công nghệ mới, đồng thời có nhiều doanh nghiệp chuyên sản xuất công nghệ trong đó khoa học ứng dụng và sản xuất được nhất thể hóa. Những người làm việc trong đó là công nhân - trí thức, họ vừa nghiên cứu, thực nghiệm, triển khai và sản xuất.

Sự hình thành và phát triển các khu công nghệ cao góp phần quan trọng vào việc phát triển nhanh các công nghệ mới. Khu công nghệ cao tiêu biểu nhất là Thung lũng Si-li-côn ở bang Ca-li-pho-ni-a. Nó là cái nôi tập trung các nhân tài uyên bác sản xuất ra công nghệ cao, trước hết là công nghệ thông tin.

Vì nền sản xuất dựa vào công nghệ cao, tiêu hao ít nguyên liệu, năng lượng, thải ra ít phế thải, cho

Digitized by Google

nên trong nền kinh tế tri thức có thể thực hiện được việc sản xuất sạch không gây ô nhiễm môi trường. Những công nghệ mới không những có thể làm giảm việc thải khí độc mà thậm chí còn thúc đẩy tốc độ tăng trưởng. Ví dụ, đầu tháng 1 năm 2000, các nhà sản xuất ô tô ở Mỹ đã cho ra mắt xe hơi chạy từ 110 - 130 km chỉ mất 1 ga-lông xăng (3,8 lít). Sắp tới việc sản xuất thành công nhiên liệu sinh học sẽ tạo được kết quả mới : sử dụng ô tô chạy 160 km chỉ mất 1 ga-lông xăng.

Động lực chủ yếu tăng trưởng kinh tế kéo dài của Mỹ thời gian qua là những *công nghệ mới*. Nhờ áp dụng rộng rãi công nghệ mới, năng suất lao động tăng bảo đảm cho kinh tế phát triển, lợi nhuận tư bản tăng, lạm phát và thất nghiệp đều giảm. Từ năm 1990, trong các công ty phi tài chính, năng suất lao động tăng 2,1% một năm so với 1,5% từ năm 1973 đến 1990, còn trong ngành công nghiệp tăng 3,6% hằng năm. Năng suất lao động trong các công ty công nghiệp Mỹ có sử dụng máy vi tính trong những năm 90 đã tăng trung bình 5,7% hằng năm so với 3,2% trong những năm 80. Việc tăng mạnh đầu tư của các công ty Mỹ vào phát triển công nghệ mới không chỉ góp phần đẩy nhanh sự phát triển kinh tế mà còn làm giảm rủi ro lạm phát.

Qua phân tích trên cho thấy, nền kinh tế mới hay nền kinh tế tri thức nước Mỹ, bước đầu hình thành lấy tri thức, thông tin và công nghệ mới làm lực lượng sản xuất trực tiếp, lấy khoa học và công nghệ cao mà tiêu biểu là ngành thông tin và hệ thống máy tính làm nòng cốt. Hiện 60% tổng sản phẩm quốc dân Mỹ do lao động phi vật chất (hay bàn giấy) tạo thành và trong vòng 25 năm tới, 1/3 trong số 60% đó sẽ do In-tơ-nét tạo ra.

Các chuyên gia Mỹ cho rằng, sở dĩ nền kinh tế Mỹ đã có chuyển hướng mạnh mẽ bước đầu sang kinh tế mới, một phần quan trọng là từ những năm 80, 90 Mỹ đã tiến hành cải cách cơ cấu và hệ thống tài chính tiền tệ thành công hơn các đối thủ cạnh tranh quốc tế như Tây Âu, Nhật Bản. Trong quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, tiền tệ, từ năm 1980 nền kinh tế Mỹ đã mất khoảng 48 triệu việc làm trong các ngành sản xuất không có khả năng cạnh tranh (bị xóa bỏ). Nhưng cũng vào những năm đó đã xây dựng được các xí nghiệp mới tạo ra 73 triệu việc làm. Ngày nay 55% tổng số việc làm ở Mỹ đã được tạo ra từ năm 1980. Trong những năm 90, nền kinh tế mới của Mỹ đã tạo ra trên 20 triệu việc làm trong khi Liên minh châu Âu (EU) bị mất trên 5 triệu việc làm và tỷ lệ thất nghiệp cao (tới mức hai chữ số - trung bình khoảng 11-12%) ở nhiều nước trong khối này và đến nay vẫn chưa khắc phục được.

2 - Đã diễn ra sự thay đổi quan trọng về cơ cấu trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ. Điều tiết vĩ mô tài chính, tiền tệ trở thành vấn đề then chốt trong việc duy trì tăng trưởng ổn định nền kinh tế.

Cùng với sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt hơn ở thị trường trong và ngoài nước, vai trò của công nghệ mới trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, tiền tệ ngày càng quan trọng. Đã xuất hiện những dấu hiệu của một cuộc cách mạng trong lĩnh vực tài chính, chủ yếu do công nghệ thông tin mang lại. Việc đa dạng hóa các thị trường đầu tư làm cho vai trò của các ngân hàng lớn giảm bớt trong các nghiệp vụ cho vay và quản lý các nguồn tài chính, đồng thời các quỹ hỗ tương và các quỹ điều hành đầu tư khác tăng lên một cách tương ứng. Tiếp theo việc nới lỏng luật lệ của thị trường tài chính và sự đổi mới ngành tài chính, thị trường chứng khoán và thị trường trái phiếu, các quỹ hỗ tương, các nhà quản lý đầu tư, quỹ tự bảo hiểm rủi ro, quỹ hoa lợi cao, quỹ góp vốn mạo hiểm và cấp vốn cổ phần ban đầu (IPO) mọc lên khắp nơi, vượt xa tổng số các loại hình kinh doanh tài chính ở tất cả các nước Tây Âu, Nhật cộng lại. Kết quả là, có khá nhiều địa danh và tổ chức đầu tư để các công ty và người dân bình thường lựa chọn đầu tư vốn.

Mấy năm qua, hằng năm ở Mỹ đã đổ 35 tới 50 tỉ USD vào vốn cổ phần ban đầu và 10 tỉ đến 15 tỉ USD vào vốn mạo hiểm. Đây là vốn đầu tư dài hạn, nhiều rủi ro. Trong những năm 1990 Mỹ đầu tư khoảng 250 tỉ USD dưới hình thức IPO cho khoảng 4000 công ty. Các khoản đầu tư mạo hiểm ở Tây Âu cùng thời gian này ít hơn 10 lần. Khác với phần lớn các nước phát triển khác, ở Mỹ hiện nay có bao nhiêu công ty tài chính lớn thì cũng có bấy nhiêu hãng tài chính thế hệ mới đóng vai trò ngày càng lớn hơn các tổ chức tài chính truyền thống (ngân hàng lớn và hãng bảo hiểm).

Chi phí của nhà nước Mỹ từ năm 1991 - 1997 chiếm 1,7% GDP, giảm hơn rất nhiều so với 14,8% thời kỳ từ năm 1982 - 1992. Việc giảm bớt đơn đặt hàng quân sự - thời gian trên khoảng 65% và việc

Digitized by Google

ngân sách Mỹ chuyển sang thặng dư (từ tài khóa 1998 và 1999), làm cho chính phủ liên bang không phải vay 60% nguồn tài chính trên thị trường tín dụng để bù cho thâm hụt ngân sách, nên nguồn tài chính này có thể đầu tư linh hoạt vào nền kinh tế.

Cho tới gần đây kinh tế Mỹ luôn tuân thủ một số quy tắc chỉ đạo : sự tăng trưởng một cách an toàn khoảng 2 - 2,5% năm, thất nghiệp 5,5 - 6%, trong tình hình mới do xu hướng tăng năng suất kể từ năm 1995, theo tính toán của các chuyên gia Mỹ, tốc độ tăng trưởng hiện nay của nền kinh tế Mỹ ở mức an toàn mới là 3,5 - 4% và thất nghiệp khoảng 4%. Nếu tỷ lệ lạm phát tăng hơn nữa có thể dẫn đến gia tăng áp lực lên tiền lương. Tình hình trên giải thích lý do vì sao lãi suất tăng.

Tóm lại, cùng với việc cải cách ngành tài chính tiền tệ từ đầu thập niên 90, thị trường vốn đa dạng hoạt động hiệu quả, đặc biệt việc cấp các khoản vốn phong phú cho các xí nghiệp có nhiều triển vọng thu được lợi nhuận đầu tư cao ở các ngành công nghệ cao kết hợp với việc cải cách sự điều tiết kinh tế vĩ mô linh hoạt đã trở thành những yếu tố không thể thiếu cho sự tăng trưởng của nền kinh tế mới của Mỹ.

3 - Nền kinh tế lấy toàn cầu làm thị trường.

Tri thức và thông tin lưu động không có biên giới, làm cho nền kinh tế tri thức và thông tin hoạt động mang tính toàn cầu. Các nhân tố cơ bản của sản xuất kinh doanh như sản xuất, quản lý sản phẩm, sức lao động, thông tin, công nghệ, nhất là vốn lưu động xuyên quốc gia ; các mối quan hệ và hợp tác kinh tế, công nghệ giữa các xí nghiệp ngày càng được tăng cường, đồng thời cạnh tranh cũng ngày càng gay gắt. Trong nền kinh tế mới, các công ty phải luôn luôn đổi mới và phải kịp thời chuyển hướng sản xuất kinh doanh theo sự phát triển của công nghệ. Để có đủ tài lực phát triển công nghệ mới, tăng sức cạnh tranh trên phạm vi toàn cầu, đã diễn ra sự sáp nhập hoặc mua bán lẫn nhau từng phần hay toàn thể giữa các công ty lớn. Ở Mỹ cũng như Tây Âu, Nhật đang diễn ra việc mua, sáp nhập của rất nhiều công ty xuyên quốc gia, tạo ra những tập đoàn tư bản chi phối thị trường khu vực và thế giới. Mặt khác các công ty kếch xù trong kỷ nguyên thông tin - hoạt động theo hình thức mạng lưới, thường chia ra nhiều công ty con được quyền tự chủ kinh doanh và sự linh hoạt thích nghi với sự đổi mới công nghệ và môi trường cạnh tranh ở trong và ngoài nước.

Việc mở rộng sản xuất hàng hóa và dịch vụ để xuất khẩu ra thị trường toàn cầu là một trong những yếu tố cơ bản cho sự tăng trưởng kinh tế Mỹ. Gần 1/3 tăng trưởng GDP hằng năm của Mỹ là nhờ xuất khẩu các mặt hàng sản xuất ở các khu công nghệ cao và nhờ năng suất cao của nền kinh tế. Mười năm về trước, các xí nghiệp Mỹ kinh doanh trên toàn cầu chỉ chiếm 20% tổng số các xí nghiệp toàn nước Mỹ, hiện nay con số này đã vượt quá 60%. Mức độ dựa dẫm của nền kinh tế Mỹ vào mậu dịch đối ngoại ngày càng tăng. Kim ngạch xuất nhập khẩu Mỹ nâng từ 14% GDP của năm 1986 lên 25% vào năm 1998. Đặc biệt sự đóng góp của ngành xuất khẩu đối với sự tăng trưởng kinh tế đã vượt ngành xây dựng và ngành gang thép.

Trong những năm 70, đầu tư ra nước ngoài của các công ty Mỹ trị giá hằng năm là 45 tỉ USD, mấy năm gần đây đạt 117,5 tỉ USD/năm. Thương mại điện tử ảnh hưởng sâu rộng đến nền kinh tế Mỹ và thế giới. Báo chí Mỹ cho biết giá trị sản xuất của In-tơ-nét trong 17 năm qua tương đương với sự phát triển của ngành ô tô trong một trăm năm qua.

Tóm lại, nền kinh tế mới của Mỹ hình thành bước đầu trong điều kiện nền kinh tế thế giới đang toàn cầu hóa mạnh mẽ với đặc điểm : tốc độ quốc tế hóa sản xuất nhanh hơn tốc độ tăng trưởng thu nhập, tốc độ tăng trưởng thương mại quốc tế nhanh hơn tốc độ quốc tế hóa sản xuất, khối lượng lưu thông tiền tệ, vốn trên toàn cầu tăng nhanh hơn sự tăng trưởng thương mại thế giới. Sự bành trướng của tư bản Mỹ ra toàn cầu diễn ra mạnh mẽ song song với sự bành trướng về chính trị, quân sự. Các công ty xuyên quốc gia khổng lồ Mỹ và phương Tây phát triển nhanh chóng đã nắm phần lớn của cải của thế giới, đang chuyển mạnh sang lũng đoạn các ngành công nghệ cao và tài chính tiền tệ thế giới.

4 - Thay đổi cơ cấu ngành nghề, cơ cấu việc làm, chế độ quản lý xí nghiệp, chính sách về đào tạo nhân tài.

Trong nền kinh tế cũ, sản xuất, phân phối, tiêu thụ lấy của cải vật chất làm nội dung chủ yếu, yếu tố sản xuất chủ yếu là vốn, tài nguyên thiên nhiên và sức lao động v.v... trong nền kinh tế mới, tri thức lại là nội dung chủ yếu của sản xuất, phân phối và

Digitized by Google

tiêu thụ, tri thức và sức lao động có tri thức là yếu tố sản xuất quan trọng nhất. Ở Mỹ mỗi năm các khoản chi tiêu cho việc sáng tạo tri thức mới, công nghệ mới và công tác giáo dục, truyền thông chiếm khoảng 20% GDP, trong đó giáo dục chiếm 10% GDP, chi cho đào tạo, bồi dưỡng tại chức chiếm 5%, chi cho nghiên cứu và triển khai chiếm 5%. Hiện nay hầu như 60% công nhân Mỹ là công nhân - trí thức, 80 - 90% nghề nghiệp mới là do ngành nghề tập trung tri thức tạo ra. Theo một bản điều tra của Mỹ, trong 30 năm qua, số công nhân làm việc trong ngành công nghiệp Mỹ giảm từ mức chiếm 30% lực lượng lao động xuống còn 17%. Trong chục năm tới số này chỉ còn 12%. Công nhân "cổ xanh" hoặc công nhân thuộc ngành nghề lao động chân tay sẽ giảm mạnh, còn công nhân "cổ trắng" làm việc trong các lĩnh vực giáo dục, văn hóa, vui chơi, nghiên cứu khoa học, sản xuất, thương mại, đầu tư và nhiều ngành dịch vụ không ngừng tăng lên.

Nền kinh tế tri thức là sự thống nhất giữa tri thức và nhân tài. Không có nhân tài thì không thể có tri thức và công nghệ mới. Trong nền kinh tế mới ở Mỹ và các nước phương Tây đều xảy ra hiện tượng khan hiếm nhân tài, nhất là nhân tài trên lĩnh vực công nghệ thông tin và họ tìm mọi cách mời chào thu hút các nhân tài thuộc các nước khác nhất là các nước đang phát triển. Sang thế kỷ XXI, theo dự báo của tạp chí Business week (9-1998), phần lớn chỗ làm việc mới ở Mỹ sẽ thuộc về dân nhập cư. Tới năm 2006 họ sẽ chiếm gần 1/2 số người được nhận vào làm việc ở Mỹ và sau 30 năm nữa, tỷ lệ người nhập cư được nhận vào làm việc sẽ lên tới 60%. Nếu thiếu những dân nhập cư có văn hóa, theo số liệu của Viện đô thị hóa Mỹ, thì nhân lực được đào tạo sẽ giảm dần cho tới năm 2015.

Chế độ xí nghiệp bao gồm quyền sở hữu, hình thức tổ chức và cơ chế quản lý xí nghiệp đang trong quá trình cải cách. Về mặt tổng thể, việc điều tiết vĩ mô nền kinh tế, một mặt có sự nới lỏng luật lệ và xóa bỏ nhiều hạn chế, phát huy đầy đủ hơn vai trò của cơ chế thị trường tự do, mặt khác về nhiều lĩnh vực quan trọng, tăng cường vai trò của nhà nước. Cơ chế quản lý đang có nhiều thay đổi. Mô hình xí nghiệp phi đẳng cấp, phi tập trung, mô hình mạng lưới thẳng từ trung tâm trực tiếp đến từng thành viên không qua cấp trung gian đang thay thế mô hình tập trung thống nhất chỉ huy dọc, theo đẳng cấp của xí nghiệp cũ.

Quan niệm về phát triển cũng thay đổi từ chú trọng gia tăng tốc độ và số lượng sang chú trọng hiệu quả và chất lượng (hàng hóa, dịch vụ, đời sống).

Tóm lại, trong quá trình chuyển biến từ kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức và thông tin, nhiều sự thay đổi sâu sắc về cơ cấu kinh tế, cơ cấu xã hội, nhiều sự điều chỉnh và cải cách về điều tiết kinh tế vĩ mô được thực hiện. Những biến đổi và cải cách này hết sức sâu sắc nhưng vẫn nằm trong phạm trù của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

5- Tuy có nhiều thế mạnh, nhưng nền kinh tế mới của Mỹ đang đứng trước nhiều khó khăn, thử thách nan giải.

Trước hết, con số thâm hụt tài chính và mậu dịch ở Mỹ vẫn rất lớn, số nợ của các công ty, của cá thể người dân Mỹ và của cả chính phủ liên bang tuy mấy năm nay có giảm bớt song vẫn còn cao.

Thâm hụt thương mại là vấn đề làm đau đầu các nhà kinh tế Mỹ suốt mấy năm qua : Năm 1998, thâm hụt 164 tỉ USD và năm 1999 là 271 tỉ USD. Thâm hụt về cán cân thanh toán vãng lai cũng tăng từ 200 tỉ năm 1993 lên 340 tỉ USD trong năm 1999. Tình trạng này đang đe dọa sức mạnh của đồng đô la Mỹ và có thể làm cho Mỹ phụ thuộc vào hàng nhập khẩu cũng như nguồn vốn của nước ngoài để thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế.

Mặt khác, nền kinh tế mới tăng trưởng mạnh mẽ, liên tục đã kích thích thói quen truyền thống của người Mỹ vốn hay vay nợ để tiêu xài và đầu tư vào thị trường chứng khoán nhằm kiếm thêm thu nhập. Tổng số nợ của các gia đình Mỹ năm 1992 bằng 85% GDP đã tăng lên 103% trong năm 1999. Đối với các công ty Mỹ, không tính ngành tài chính - ngân hàng, mỗi năm số nợ tăng thêm 900 tỉ (hơn 12% số nợ cũ). Trong thập niên 60 số nợ của các công ty tư bản Mỹ bằng 80% GDP, năm 1999 lên tới 132% GDP. Ngay cả nợ của chính quyền liên bang tuy có giảm bớt nhưng hiện vẫn lên tới gần 50% GDP. Cho đến nay phần lớn con nợ chưa gặp nhiều khó khăn trong việc trả lãi hay gốc do có thể dựa dẫm vào lãi suất thấp, thị trường cổ phiếu phồn vinh, lương bổng và lợi nhuận cao. Nhưng

Digitized by Google

điều gì sẽ xảy ra nếu lãi suất tăng cao hơn nữa, sự tăng trưởng bị chậm lại, lạm phát tăng và thất nghiệp cao, thị trường chứng khoán rớt mạnh ?

Thứ hai, nước Mỹ còn phải đối mặt rất nhiều vấn đề xã hội nóng bỏng. Đó là vẫn còn 1,4 triệu thanh niên thất học; 5000 trường học cần tu bổ ; 43 triệu người chưa được bảo hiểm y tế; gần 1/3 trẻ em nước Mỹ sống thiếu bố ; tỷ lệ tai nạn súng do trẻ em gây ra cho Mỹ cao gấp 10 lần tỷ lệ trung bình của 25 quốc gia công nghiệp hàng đầu. Theo số liệu của Viện chính sách Bộ Tư pháp Mỹ, dân số Mỹ chiếm 5% dân số thế giới nhưng số tù nhân Mỹ lên tới 2 triệu người, chiếm 25% tổng số tù nhân khắp toàn cầu !

Giữa tháng 2-2000, Báo cáo của Hội đồng cố vấn kinh tế của Tổng thống cho biết kể từ năm 1993 đến 1998 thu nhập của 20% dân số Mỹ ở tầng lớp nghèo khổ nhất lần đầu tiên có tăng chút ít. Tuy nhiên, hố ngăn cách về thu nhập giữa tầng lớp giàu và tầng lớp nghèo đang rộng thêm. Trong hai thập niên qua, tầng lớp giàu có gia tăng thu nhập nhanh nhất. Ngoài những người làm việc trong nền "kinh tế mới", những người Mỹ làm việc trong các ngành truyền thống như công nhân nhà máy, công nhân cứu hỏa, các nhân viên quản lý công ty điện thoại, các viên chức - hầu như không được tăng gì. Nhờ có sự gia tăng năng suất lao động mạnh mẽ, những người có thu nhập cao nhất là những người làm việc trong nền kinh tế công nghệ cao thông tin. Thu nhập của họ cao gấp 10 lần mức lương của những công nhân viên thuộc các ngành công nghiệp truyền thống.

Thứ ba, vấn đề đặt ra là nền kinh tế mới của Mỹ đang ở thời kỳ "phát triển dài nhất và mạnh mẽ nhất trong lịch sử nước Mỹ" (Clin-tơn, 5-5-2000) với tỷ lệ thất nghiệp thấp (3,9% tháng 4-2000, tháng 5 : 4,1%) và lạm phát thấp (1997 là 1,6%, 1998 là 1,9%, 1999 là 2,7% chủ yếu do giá dầu lửa tăng), có tuân theo quy luật phát triển theo chu kỳ kinh doanh (phát triển, suy thoái, hồi phục) như trước đây không. Một số người lạc quan cho rằng điều đó sẽ không xảy ra, nhưng đa số các nhà kinh tế Mỹ và thế giới đều cho rằng chu kỳ phát triển rồi suy thoái là khó tránh nhưng hình thái biểu hiện sẽ khác trước. Đây mới là nền kinh tế tri thức và thông tin ở giai đoạn đầu, mà tri thức có đặc điểm như liên tục tăng trưởng, giá trị gia tăng ngày càng lớn, sử dụng trùng lắp, có lợi cho việc làm dịu những mâu thuẫn, kéo dài chu kỳ tăng trưởng kinh tế.

Từ những năm 90 đến nay, chu kỳ kinh doanh của nền kinh tế Mỹ có đặc điểm là có thời kỳ phát triển tương đối nhanh, xen kẽ với thời kỳ phát triển chậm, đặc biệt thị trường chứng khoán Mỹ phát triển nhanh nhất từ trước đến nay, nhưng không ổn định, các "cơn sốt" xen kẽ với thời kỳ suy giảm sâu đậm sau đó lại tiếp tục phát triển lên những đỉnh cao mới.

Tổng quát lại, sự chuyển biến sang nền kinh tế mới - kinh tế tri thức, sang xã hội thông tin của Mỹ và nhiều nước phát triển phương Tây là một sự chuyển biến mang tính giai đoạn của nền kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa. Nó không thể hoàn thành trong một thời gian ngắn. Hiện nay sự chuyển biến này vừa mới bắt đầu. Các thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI là một thời kỳ quan trọng của sự chuyển biến này. Đây là một sự chuyển biến mới của nền kinh tế - xã hội do sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ cao và lực lượng sản xuất mới mang lại.

Nhưng dù là "kinh tế mới", "thời đại kinh tế mới" hay "xã hội thông tin", đứng về chế độ kinh tế - xã hội, Mỹ và phương Tây là xã hội tư bản chủ nghĩa. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa và chế độ kinh tế có thể có sự điều chỉnh và thay đổi nhất định nhưng vẫn nằm trong phạm vi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Các loại quy luật cơ bản của nó vẫn phát huy tác dụng. Hơn nữa vai trò của một số quy luật chẳng hạn quy luật tích lũy tư bản, quy luật giá trị, quy luật phát triển không đều v.v... càng trở nên nổi bật.

Đối với nhân dân lao động, sự chuyển biến sang nền kinh tế mới, ngoài việc đưa lại một số mặt tích cực, có thể nảy sinh nhiều mâu thuẫn và vấn đề xã hội phức tạp. Xã hội phân hóa hai cực gay gắt hơn, sự tương phản giữa yêu cầu hiệu quả cao (đòi hỏi kỹ năng kiến thức cao, được đào tạo tốt...) và công bằng xã hội càng nổi bật. Các tập đoàn tư bản kếch xù có thể lợi dụng thành quả kỳ diệu của công nghệ cao - trước hết công nghệ thông tin để tăng cường mạnh mẽ thực lực của mình, tăng cường sự lũng đoạn và chi phối đối với nền kinh tế xã hội. Tất cả những nhân tố không ổn định tiềm tàng trên, như tờ báo Lốt Ăng-giơ-lét gần đây cho rằng đó là "quả bom nổ chậm" trong nền kinh tế - xã hội Mỹ.❑

Digitized by Google

"HÀNH ĐỘNG NHÂN ĐẠO" VÀ "CAN THIỆP NHÂN ĐẠO"

Hành động nhân đạo có cơ sở từ Luật nhân đạo, là luật lúc đầu chỉ hạn chế ở chiến trường : đòi hỏi các bên tham chiến phải có trách nhiệm tôn trọng cá nhân con người. "Hành động nhân đạo" đã trải qua 3 giai đoạn nối tiếp nhau. Giai đoạn một, - vấn đề được đặt ra là phải cứu trợ cho tất cả những người bị thương trên chiến trường. Hội chữ thập đỏ được thành lập năm 1862, sau chiến tranh Cơ Rưm, chính là đáp ứng mục tiêu này (cho đến nay, Hội chữ thập đỏ quốc tế vẫn chỉ can thiệp khi có sự đồng tình của các bên tham chiến). Giai đoạn thứ hai gắn liền với quan niệm của các bác sĩ Pháp trong chiến tranh Bi-a-phơ-ra (1967 - 1970) cho rằng : không thể không cứu chữa cho những người bị thương với lý do là họ ở phía bên kia chiến tuyến. Giai đoạn thứ ba là giai đoạn "hoạt động nhân đạo của nhà nước", chủ yếu được nước Pháp thể nghiệm. Chính giai đoạn này đã dẫn đến chỗ bổ nhiệm các "tùy viên nhân đạo" trong các sứ quán, thành lập cơ quan cứu trợ y tế khẩn cấp toàn thế giới, và cũng chính từ giai đoạn này đã làm xuất hiện hoạt động "Can thiệp nhân đạo", một hoạt động gây ra những cuộc tranh luận rộng lớn trên thế giới.

Can thiệp nhân đạo là hành động đáp ứng quyền của nạn nhân được cứu giúp khi họ cầu cứu một cách chính đáng trong các trường hợp thiên tai và những tình hình khẩn cấp cùng loại. Nghị quyết 43/131 ngày 8-12-1988 của Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thừa nhận vai trò của các Tổ chức phi chính phủ (NGO) trong hoạt động "Can thiệp nhân đạo" (việc thừa nhận này xuất phát từ một thực tế là nên để những người tham gia công việc cứu trợ nhân đạo là những người tình nguyện, có nghiệp vụ và trung lập về mặt chính trị). Nghị quyết này cũng khẳng định "quyền của những nạn nhân được cứu giúp" và đưa ra những *nguyên tắc hỗ trợ nhằm mục đích nhân đạo :* - Trường hợp thứ nhất, nhà nước có nạn nhân cần cứu trợ phải có sáng kiến trong việc tiếp nhận và bảo đảm quá trình tiến hành cứu trợ nhân đạo ; - Trong trường hợp thứ hai, khi nhà nước này bất lực thì Liên hợp quốc có thể hành động thay thế nhà nước đó (đây chính là trường hợp gây nhiều tranh luận).

Trường hợp thứ nhất không đặt ra nhiều khó khăn, khi nước tiếp nhận "Can thiệp nhân đạo" bảo đảm cho hoạt động cứu trợ. Có thể minh họa trường hợp này bằng việc chính quyền Liên Xô tiếp nhận những bác sĩ, lính cứu hỏa người nước ngoài và toàn bộ đồng đội của họ mà không hề có một cản trở nhỏ nào sau trận động đất ở Ac-mê-ni vào tháng 12-1988, lúc đó việc cứu trợ nạn nhân được coi là nhiệm vụ trên hết. Trong trường hợp nhà nước có người cần cứu trợ không đồng tình với hoạt động này, thì tiến trình "Can thiệp nhân đạo" sẽ trở nên phức tạp. Do vậy, Nghị quyết 45/100 của Đại hội đồng LHQ ngày 14-12-1990, đã dự kiến mở một hành lang y tế hạn chế cả về thời gian, không gian, cả về đối tượng và hoạt động, đồng thời phải tôn trọng những quy tắc hành nghề. Tuy nhiên, khi nghị quyết này lần đầu tiên được áp dụng tại I-rắc, sau cuộc chiến tranh của Mỹ và đồng minh chống Sat-đam Hut-xen, thì nó đã bộc lộ những điểm bất cập, đã có sự nhập nhằng giữa "Can thiệp nhân đạo" và các kiểu can thiệp khác, thực chất là can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ của nước khác.

"Can thiệp nhân đạo" xuất phát từ những ý tưởng tốt đẹp, tuy nhiên trong không ít trường hợp nó đã bị lợi dụng vào các mục đích chính trị đen tối. Một số nước đã dùng cái vỏ "nhân đạo" để khoác lên các hoạt động vô nhân đạo của mình, che giấu những mưu đồ chính trị, những âm mưu bá quyền, phá hoại độc lập, chủ quyền của nước khác. Thế giới đã chứng kiến và vạch rõ bản chất những hiện tượng ấy, đặc biệt là ở Cô-xô-vô gần đây.❑

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

• HỘI THẢO KHOA HỌC "KINH TẾ TRI THỨC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆT NAM"

Nước ta đang trên con đường đổi mới, là nước đi sau trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đây là thời cơ không thể bỏ qua. Thời cơ của một quy trình kép, vừa chuyển biến từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp, và từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức. Thấy rõ vị trí vai trò của một giai đoạn lịch sử đặc biệt như vậy, các cơ quan Bộ Ngoại giao, Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường, Ban Khoa giáo Trung ương đã có sáng kiến đồng tổ chức cuộc Hội thảo khoa học với chủ đề : "Kinh tế tri thức và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam".

Cuộc hội thảo được tổ chức trong 2 ngày 21 và 22-6-2000 với sự có mặt của nhiều đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước, các nhà ngoại giao, các nhà khoa học, cán bộ quản lý các ngành, các cấp...

Bên cạnh những vấn đề bức xúc cần làm rõ như bản chất, tiêu chí, khái niệm của nền kinh tế tri thức, những đặc trưng, xu thế, nội dung của nền kinh tế tri thức, theo gợi ý chỉ đạo của đồng chí Lê Xuân Tùng, Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, có hàng loạt câu hỏi đặt ra được mọi người thảo luận sôi nổi. Chẳng hạn : chiến lược phát triển của đất nước, phải gắn với nền kinh tế tri thức như thế nào ? Những khó khăn thuận lợi, thời cơ và thách thức của nền kinh tế tri thức đang đặt ra trước dân tộc ta ? Cái gì sẽ thực sự tạo ra bước đột phá, đi tắt, đón đầu, đi thẳng vào nền kinh tế tri thức của đất nước ? Vân vân và vân vân...

Hàng chục báo cáo khoa học và rất nhiều ý kiến trao đi đổi lại, hội thảo đã nhìn nhận thống nhất trên một số mặt :

1 - Thế giới đang đi rất nhanh, rất táo bạo vào nền kinh tế tri thức. Nước ta mới khởi đầu, đã chậm, lại đang mày mò trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đây là vấn đề hệ trọng liên quan mật thiết đến quá trình phát triển đất nước, liên quan đến vận mệnh của dân tộc, phải sớm đặt ra, sớm thảo luận và kiến nghị với Đảng và Nhà nước. Điều có ý nghĩa cấp bách là cần làm sao có thể kết hợp được một cách nhuần nhuyễn hai nhiệm vụ : đi lên công nghiệp hóa và đi vào nền kinh tế tri thức. Muốn vậy phải có một hệ thống giải pháp đồng bộ :

Digitized by Google

- Trước hết phải thực sự đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức toàn xã hội ; phải làm rõ khái niệm, tiêu chí, bản chất, đặc trưng của nền kinh tế tri thức. Từ chỗ nhận dạng nền kinh tế tri thức phải xác định chỗ đứng, tiền đề, nội dung, mục tiêu và triển vọng thực hiện mục tiêu đó ; vạch ra con đường đi tới, đặc biệt phải nhìn nhận những ảnh hưởng to lớn của nền kinh tế tri thức đối với sự tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội trong điều kiện chúng ta đang đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Phải tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức tự giác trong toàn xã hội đi vào nền kinh tế tri thức ; tập trung nâng cao tri thức của người dân, làm tốt công tác cải cách giáo dục để có đủ nhân lực, nhân tài phục vụ nền kinh tế tri thức.

- Phải tăng cường năng lực nội sinh, phát triển mạnh khoa học - công nghệ, chú trọng các ngành thông tin, sinh học, vật liệu mới và năng lượng. Vận dụng sáng tạo những cái đã có, tìm cách đi tắt, đón đầu, tận dụng những thành tựu tiên tiến của nhân loại.

- Đổi mới cơ chế chính sách, cải cách hành chính, cải tiến bộ máy sao cho phù hợp với đòi hỏi rất cao của nền kinh tế tri thức ; nhà nước cần tạo cơ sở pháp lý giải phóng mọi tiềm năng sáng tạo của tất cả các thành phần kinh tế, tạo ra bầu không khí dân chủ đủ sức tập hợp những nhà quản lý nổi tiếng, những doanh gia giỏi nghiên cứu sâu về mặt lý luận, kinh nghiệm các nước, dự báo xu hướng phát triển và tìm cách đi riêng cho nước ta.

2 - Tập trung xây dựng chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo hướng kinh tế tri thức ; trước mắt xác định phương hướng từ nay đến 2010, trong đó chú ý các yếu tố sau đây :

- Xác định từng bước cơ cấu kinh tế, ngành nào ưu tiên làm trước trong điều kiện nước ta.

- Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật.

- Xác định cơ cấu lao động, theo đó là những mục tiêu giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, giải quyết tốt việc làm trong xã hội.

- Xử lý mối quan hệ giữa nông thôn và thành thị ; chú ý yếu tố văn hóa, xã hội, con người ngay trong quá trình xây dựng kế hoạch phát triển, đầu tư trong kinh tế tri thức.

3 - Trước mắt, cần kiến nghị với Đảng và Nhà nước nên có chương trình liên ngành cấp quốc gia nghiên cứu toàn bộ nền kinh tế tri thức, từng bước tổ chức thực hiện thí điểm, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm mở rộng dần. Phổ biến, tuyên tuyền rộng rãi, nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy ở tất cả các cấp các ngành và toàn xã hội về kinh tế tri thức. Tăng cường hợp tác quốc tế, trao đổi kinh nghiệm với các nước đã đi trước ta, đồng thời tổng kết những điển hình tốt ở trong nước, chuẩn bị cơ sở lý luận và thực tiễn cho vấn đề quan trọng này. ❑

• VỀ CÁC GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2000

Ngày 16-6-2000, tại Hà Nội, Bộ Tài chính mở hội nghị quan trọng để cập đến các giải pháp tài chính 6 tháng cuối năm 2000. Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài chính chủ trì hội nghị. Tại hội nghị này, Bộ Tài chính đã đưa ra những nhận định quan trọng về tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - tài chính trong những tháng đầu năm và nêu bật những giải pháp tài chính 6 tháng cuối năm 2000. Sau đây là những giải pháp chủ yếu :

1 - Chính sách tài chính phục vụ đầu tư phát triển. Đẩy nhanh quá trình thực hiện các dự án đầu tư phát triển nông nghiệp về kinh tế nông thôn, xây dựng cơ sở hạ tầng nông nghiệp nông thôn, các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng nhằm sớm đưa vào sử dụng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Thực hiện khẩn trương các nhiệm vụ mà ngân sách năm 2000 đã ưu tiên bố trí về nghiên cứu khoa học nông nghiệp, nhất là khâu giống cây, con, chương trình hệ thống hóa kênh mương thủy lợi, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2 - Chính sách tài chính thúc đẩy việc nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực kinh doanh của doanh nghiệp. Hoàn thành tổng hợp và xử lý kết quả kiểm kê, phân loại, phân tích, đánh giá tài sản và tình hình tài chính của các doanh nghiệp nhà nước làm cơ sở cho việc sắp xếp và cổ phần hóa các doanh nghiệp. Thiết lập môi trường thuận lợi cho ra đời và hoạt động của các loại hình doanh nghiệp, tiếp tục xử lý thanh toán công nợ giai đoạn II. Xây dựng và hoàn thiện quy chế tài chính đối với công ty chứng khoán. Nhanh chóng hoàn thiện cơ chế tài chính hỗ trợ và hướng dẫn các doanh nghiệp vừa và nhỏ, có biện pháp ưu đãi thông qua tín dụng doanh nghiệp như : Quỹ bảo lãnh tín dụng, Quỹ bảo hiểm xuất khẩu...

3 - Giải pháp tài chính để mở rộng thị trường ngoài nước và chủ động trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Chủ động xử lý thuế nhập khẩu đối với các nhóm hàng đã cam kết phải xóa bỏ hàng rào phi thuế quan theo các hiệp định thương mại song phương và đa phương. Bố trí ngân sách hỗ trợ cho quá trình hội nhập : hỗ trợ tài chính cho các hoạt động đào tạo, giải quyết lao động dôi dư tại các doanh nghiệp không đủ khả năng cạnh tranh khi tiến hành hội nhập. Cấp kinh phí cho các hoạt động tuyên truyền, phổ biến về nguyên tắc hội nhập và cam kết của Việt Nam để các doanh nghiệp chủ động điều chỉnh sản xuất, kinh doanh.

4 - Các giải pháp về ngân sách nhà nước. Tiếp tục tháo gỡ các khó khăn vướng mắc về chính sách và tổ chức thực hiện các luật thuế ; cải tiến quy trình thủ tục về thuế theo hướng đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra ; thực hiện hoàn thuế kịp thời, đúng quy định. Tăng cường công tác kiểm tra chống thất thu thuế, chống buôn lậu, trốn thuế, gian lận thương mại nhằm tạo môi trường kinh doanh lành mạnh. Thực hiện các biện pháp hỗ trợ lãi suất nhằm khuyến khích phát triển sản xuất, tìm thị trường và xuất khẩu. Bám sát diễn biến giá cả quốc tế và trong nước để điều hành khung thuế xuất nhập khẩu linh hoạt, cùng với việc điều hành các khoản chênh lệch giá để góp phần ổn định cán cân thanh toán quốc tế, khuyến khích xuất khẩu, giảm nhập siêu ở mức hợp lý. Cấp phát kịp thời các khoản dư trong dự toán ngân sách, không để tồn đọng vốn dồn vào các tháng cuối năm.

5 - Tăng cường công tác kiểm soát, kiểm tra, thanh tra tài chính. Xác lập lại vị trí, vai trò, chức năng của thanh tra tài chính, xử lý dứt điểm các vụ việc đã được kiểm tra kết luận, nâng cao hiệu lực công tác thanh tra tài chính. Nghiên cứu hình thành hệ thống giám sát các nguồn vốn ngắn hạn, các khoản nợ vay, các khoản đầu tư từ ngoài vào. Việc phát hành trái phiếu, tín phiếu huy động vốn trong nước và ngoài nước cần tính toán kỹ và phải qua đấu thầu tín dụng, có mục đích, cho vay khi đã có nhu cầu.

Thực hiện tốt các giải pháp trên sẽ góp phần tích cực vào việc hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2000.❑

Digitized by Google

BRC
BARUCO

CÔNG TY CAO SU BÀ RỊA

BARIA RUBBER COMPANY (BARUCO)

- Địa chỉ : Quốc lộ 56 xã Bình Ba - huyện Châu Đức - Bà Rịa Vũng Tàu
- Điện thoại : 064.881025 (GĐ) - 064.881302 (VP) Fax : 064.881169
- VP Đại diện tại TP.HCM : 39 Bến Vân Đồn, Q.4 - ĐT : 8.263970 Fax : 8.263971



Là đơn vị được công nhận ISO 9002 từ 14/4/2000

QUACERT ISO9002

Công ty có một xí nghiệp chế biến với hai nhà máy : Nhà máy Hòa Bình công suất 6.000 tấn mỗi năm và nhà máy Xà Bang công suất 15.000 tấn mỗi năm, sản xuất mủ cao su khối theo tiêu chuẩn Việt Nam, TCVN 3769 : 1995 với các chủng loại sản phẩm : SVR 3 L, SVR CV60, SVR CV50, SVR 5, SVR 10, SVR 20.

NHÀ SẢN XUẤT VỎ RUỘT XE ĐẦU TIÊN NHẬN ISO 9002

CASUMINA

ISO 9002

CASUMINA

HÀNG VIỆT NAM

- ĐẦY ĐỦ QUY CÁCH
- MẪU MÃ PHONG PHÚ, MỚI LẠ
- LUÔN CÓ BẢO HÀNH

RUỘT BUTYL
2.25/2.50 - 17

2.25 - 17
2.50 - 17
2.25 - 17
5.00 - 12
5.00 - 12
5.50 - 13

CASUMINA

TỰ HÀO LÀ NHÀ SẢN XUẤT VỎ RUỘT XE ĐẦU TIÊN NHẬN ISO 9002, MANG ĐẾN CHO BẠN NHỮNG SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG CAO, TĂNG TUỔI THỌ, PHÙ HỢP VỚI ĐƯỜNG SÁ VIỆT NAM

VỚI CHẤT LƯỢNG ISO 9002 BẠN ĐƯỜNG TIN CẬY

BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI VIỆT NAM

VIETNAM MARITIME SAFETY ANGENCY

TRỤ SỞ: 31 Bà Nằng - Quận Ngô Quyền - TP Hải Phòng
TEL" 84.31.844583 / 846429 / 846517 FAX: 84.31.846797

CHI NHÁNH TẠI TP HCM: 27-28Tôn Đức Thắng - Quận I
TEL: 84.8.8231010 FAX: 84.8.8297070

TỔNG GIÁM ĐỐC: KS. NGUYỄN VĂN ĐỢI

Bảo đảm An toàn Hàng hải Việt Nam là một doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích được thành lập theo quyết định của Bộ Giao thông vận tải.

Là một doanh nghiệp duy nhất trong cả nước, có quá trình hình thành và phát triển 45 năm, Bảo đảm An toàn Hàng hải Việt Nam có 12 đơn vị thành viên đóng trên các địa phương của cả nước theo các khu vực trách nhiệm. Bảo đảm An toàn Hàng hải Việt Nam là thành viên của Hiệp hội báo hiệu hàng hải quốc tế (IALA)



Hải đăng Phú Quý - Tỉnh Bình Thuận

HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU CỦA DOANH NGHIỆP

1. Lập quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển hệ thống báo hiệu hàng hải.
2. Xây dựng quy trình, quy phạm kỹ thuật; các định mức kinh tế kỹ thuật về xây dựng và quản lý báo hiệu hàng hải.
3. Được Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam ủy quyền thông báo hàng hải về độ sâu luồng lạch, hệ thống báo hiệu, chướng ngại vật, các thông tin có ảnh hưởng đến khai thác hàng hải.
4. Tổ chức quản lý và thực hiện các công trình bảo đảm an toàn và quản lý giao thông hàng hải sau đây :

- Quản lý vận hành hệ thống đèn biển.
- Quản lý vận hành hệ thống báo hiệu luồng tàu biển.
- Khảo sát độ sâu chuyên ngành luồng tàu biển, trên biển.
- Nạo vét duy tu luồng dẫn tàu.
- Thanh thải chướng ngại vật trên các luồng.
- Tìm kiếm cứu nạn trên biển.
- Phối hợp với các ngành thực hiện công tác bảo vệ môi trường trên biển.

5. Sản xuất công nghiệp : Sửa chữa các phương tiện thủy, bộ... Gia công chế tạo, đóng mới phao báo hiệu, phao neo tàu và công nghiệp khác.
6. Xây dựng cơ bản : Xây dựng, cải tạo nâng cấp, sửa chữa các công trình phục vụ bảo đảm an toàn hàng hải. Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.
7. Kinh doanh một số dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
8. Đề xuất và tư vấn cho các cơ quan chức năng và chuyên ngành về quản lý nhà nước; các thông tin khoa học và công nghệ của các nước trong khu vực và thế giới trong lĩnh vực báo hiệu hàng hải.



Cán bộ kỹ thuật cài đặt phần mềm cho tàu nạo vét Trần Hưng Đạo hoạt động ở luồng vào Cảng Hải Phòng



Máy đo sâu trầm tích hoạt động ở cửa Nam Triệu - HP

TIỀM NĂNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG HỢP TÁC ĐẦU TƯ

- **Tại Hải Phòng :** Có cầu tầu cho tầu có trọng tải 5.000 DWT, diện tích mặt bằng liền kề với cầu tầu là 25.000m.
- **Tại Vũng Tàu :** Có cầu tầu cho tầu có trọng tải 500 DWT, diện tích mặt bằng liền kề với cầu tầu là 17.000m.

NGUYỆN VỌNG CỦA DOANH NGHIỆP

Liên doanh hợp tác trong các lĩnh vực :

- Vận tải hàng hóa công nghệ cao.
- Gia công chế tạo phao neo tầu, phao báo hiệu hàng hải và các nghi khí hàng hải, phao báo hiệu bằng nhựa tổng hợp.
- Gia công chế tạo thiết bị hàng hải.



Chế tạo phao báo hiệu hàng hải

Digitized by Google

S130

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

VIETNAM BANK FOR AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT

PHẤN ĐẤU ĐỂ 100% HỘ SẢN XUẤT KINH DOANH CÓ NHU CẦU VÀ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC VAY VỐN

Hộ gia đình nông, lâm, ngư, diêm nghiệp không phân biệt thành thị, nông thôn có tư liệu sản xuất (bao gồm đất, đồi rừng, mặt nước...) và mở thêm các ngành nghề sản xuất, chế biến, dịch vụ, nếu có nhu cầu vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam từ 10 triệu đồng trở xuống thì không phải thế chấp tài sản, chỉ cần thực hiện thủ tục sau :

1 - Có ***"Giấy đề nghị vay vốn"*** theo mẫu in sẵn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

2 - Có ***Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*** (sẽ được lưu giữ tại Ngân hàng Nông nghiệp). Nếu nơi nào chưa có ***Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*** thì người vay phải được UBND xã, phường, thị trấn xác nhận ***"Đất đang sử dụng và không có tranh chấp"*** vào ***"Giấy đề nghị vay vốn".***

Sau khi có đầy đủ các thủ tục trên, khách hàng cùng Ngân hàng Nông nghiệp nơi vay vốn lập ***"Sổ vay vốn"*** theo mẫu in sẵn. ***Sổ vay vốn*** được dùng cho nhiều lần vay, trả. Khi ***Sổ vay vốn*** viết hết trang thì được thay sổ mới.

Q. TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

LÊ VĂN SỞ

Trụ sở chính: Số 2, Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 8.313710 ; 8.313776 Fax: 8.313717 ; 8.313719
SWIFT: VBAAVNVX E-mail: qhqt@fpt.vn

XIN MỜI QUÝ KHÁCH LIÊN HỆ VỚI 1.367 ĐƠN VỊ
NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TRONG CẢ NƯỚC.

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



Digitized by Google

BƯU ĐIỆN THỦ ĐỨC

THỦ ĐỨC POST AND TELECOMMUNICATIONS

128 Kha Vạn Cân - Thủ Đức - ĐT: 8966595 Fax: 8960810 - 8961676

Giám đốc : ĐÀM THỊ NGỌC LIÊN

Bưu chính

- Nhận phát bưu phẩm, bưu kiện, bưu phẩm EMS, bưu phẩm không địa chỉ...
- Thư chuyển tiền, điện chuyển tiền, phát hành báo chí, phát tận nhà, điện hoa.
- Nghiệp vụ trả tiền quốc tế MPI.
- Bưu phẩm A trong nước.
- Dịch vụ tiết kiệm bưu điện với các hình thức tiết kiệm :
  - Tiết kiệm có kỳ hạn.
  - Tiết kiệm gửi góp...

Viễn thông

- Dịch vụ Facsimile, điện thoại, điện báo trong nước và quốc tế...
- Điện thoại Collect Call trong và ngoài nước. (thu cước ở người được gọi)
- Cung cấp các dịch vụ điện thoại cộng thêm
- Hộp thư thoại Voicelink
- Lắp đặt: Máy điện thoại, Fax, tổng đài (PABX), trên địa bàn Quận 2, Quận 9, Quận Thủ Đức TP. Hồ Chí Minh.



Bưu điện Thủ Đức hân hạnh được phục vụ Quý khách hàng với mọi nhu cầu về thông tin bưu chính, viễn thông trong nước và Quốc tế

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 597 — THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

15
8-2000

MỤC LỤC

TIẾN TỚI ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG	NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Một số nội dung cơ bản trong Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội IX của Đảng	3
NHÂN KỶ NIỆM 70 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG NGÀNH TƯ TƯỞNG - VĂN HÓA (1-8-1930 - 1-8-2000)	*** Bảy mươi năm công tác tư tưởng của Đảng - truyền thống vẻ vang, trách nhiệm to lớn	17
NHÂN KỶ NIỆM 70 NĂM TẠP CHÍ LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (5-8-1930 - 5-8-2000)	NGUYỄN TRỌNG THỤ - Nguyễn Ái Quốc - người sáng lập và chủ biên đầu tiên của Tạp chí lý luận và chính trị của Đảng	22
	*** Tạp chí Cộng sản - 70 năm xây dựng và trưởng thành	24
ĐƯA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG	NGUYỄN THỊ HẰNG - Tiếp tục đổi mới và thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa trong thời kỳ mới	29
	LÊ NGỌC HOÀN - Ngành giao thông vận tải trong cuộc hành trình 55 năm	32
	VŨ KHOAN - Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ	35
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	ĐẬU NGỌC XUÂN - Về hội nhập kinh tế quốc tế	38
	NGUYỄN THÀNH BANG - Về xã hội thông tin của nền văn minh trí tuệ	44
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	TRẦN VĂN VỤ - Con đường đi lên của Sóc Trăng	49
	NGUYỄN HÙNG PHONG - Xây dựng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ, nhân viên hậu cần quân đội trong thời kỳ mới	53
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	MAI NINH - "Khó lãnh đạo"	57
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	PHẠM QUỐC TRỤ - Kinh tế tri thức và những tác động đối với quan hệ kinh tế quốc tế	58

Bìa 1 : *Truyền thống 70 năm* — *Tranh :* **MAI HẰNG**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

НГУЕН ФУ ЧОНГ: Некоторые главные пункты содержания Проекта Политического Доклада к IX Съезду Партии. *** 70 лет идеологической работы Партии – славные традиции, большая ответственность. НГУЕН ЧОНГ ТХУ: Нгуен Ай Куок – создатель и первый главный редактор теоретического и политического журнала Партии. ** Журнал "Коммунист" – 70 лет укрепления и возмужания. НГУЕН ТХИ ХАНГ: дальнейшее обновление и лучшее исполнение работы: "ответить благодарностью за услуги" в новом периоде. ЛЕ НГОК ХОАН: Транспортная отрасль в ее 55-летнем маршруте. ВУ ХОАН: Торговое Соглашение между Вьетнамом и США. ДАУ НГОК СУАН: О международной экономической интеграции. НГУЕН ТХАНЬ БАНГ: Об информационном обществе интеллектуальной цивилизации. ФАМ КУОК ЧУ: Интеллектуальная экономика и действия на международные экономические отношения.

CONTENTS

NGUYỄN PHÚ TRỌNG: Some main contents of the Draft of the Political Report to the IX Party Congress. *** 70 years of the ideological work of the Party - glorious traditions, great responsibility. NGUYỄN TRỌNG THỤ: Nguyen Ai Quoc - the founder and first Editor - in - chief of the theoretical and political review of the Party.** Review ' Communist' - 70 years being strengthened and grown-up. NGUYỄN THỊ HẰNG: Further renovation and best implementation of the matter; "to render gratitude to sacrifices and merits" in the new period. LÊ NGỌC HOÀN: The transport branch in its 55-years itinerary. VŨ KHOAN: The Trade Agreement between Vietnam and the USA. ĐẬU NGỌC XUÂN: Regarding World economic merging. Nguyen Thanh Bang: About information society of intellectual civilisation. PHẠM QUỐC TRỤ: Intellectual economy and its affects on World economic relations.

SOMMAIRE

NGUYỄN PHÚ TRỌNG: Quelques contenus fondamentaux dans le projet du Rapport politique présenté au IXe Congrès national du PCV. *** 70 ans du travail idéologique du Parti – ses traditions glorieuses et sa grande responsabilité. NGUYỄN TRỌNG THỤ: Nguyễn Ái Quốc - le fondateur et le premier rédacteur général de la Revue théorique et politique du Parti. *** La Revue Communiste – 70 ans d'édification et de maturité. NGUYỄN THỊ HẰNG: Continuer à rénover et réaliser avec succès le travail "Reconnaissance pour les bienfaits" dans la nouvelle étape. LÊ NGỌC HOÀN: La branche des Transports et de Communication dans son parcours de 55 ans. VŨ KHOAN: l'Accord de commerce entre le Vietnam et les Etats-Unis. ĐẬU NGỌC XUÂN: Sur l'intégration économique internationale. NGUYỄN THÀNH BANG: Sur la société d'informations de la civilisation d'intelligence. PHẠM QUỐC TRỤ: L'économie des connaissances et ses impacts sur les relations économiques internationales.

SUMARIO

NGUYỄN PHÚ TRỌNG: Algunos principales contenidos del Proyecto del Informe Político presentado al IX Congreso nacional del Partido. *** 70 años del trabajo ideológico del Partido – una gloriosa tradición y una colosal responsabilidad. NGUYỄN TRỌNG THỤ: Nguyễn Ái Quốc – el fundador y el primer redactor général de la Revista teórica y política del Partido. *** La Revista del Comunismo – 70 años de construcción y madurez. NGUYỄN THỊ HẰNG: Continuar renovando y cumplir bien el trabajo de ayuda a los acreedores de méritos para con la Patria en la nueva etapa. LÊ NGỌC HOÀN: La rama de Transporte y Comunicación en su recorrido de 55 años. VŨ KHOAN: El Acuerdo comercial Vietnam-Estados Unidos. ĐẬU NGỌC XUÂN: Acerca de la internacional integración económica. NGUYỄN THÀNH BANG: Sobre la sociedad informativa de la civilización de inteligencia. PHẠM QUỐC TRỤ: La economía de sabiduría y sus impactos para las internacionales relaciones económicas.

目录

•阮富仲：第九届党代会政治报告讨论稿中的一些基本内容 • *** 70年党的思想工作——光荣传统，巨大责任 • 阮仲授：阮爱国——党的理论政治杂志创刊者、首位主编 • **《共产杂志》70年建设及其成长 • 阮氏恒：继续革新并做好落实新时期中的报恩答义工作 • 黎玉环：交通运输业55年行程 • 武宽：越—美贸易协定 • 窦玉春：有关融入国际经济 • 阮成邦：智慧文明的社会通讯 • 范国柱：知识经济及其对国际经济关系的影响

Digitized by Google

MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG DỰ THẢO BÁO CÁO CHÍNH TRỊ TRÌNH ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG (*)

NGUYỄN PHÚ TRỌNG

THEO quyết định của Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII), ngày 12-7-2000, Bộ Chính trị đã hoàn chỉnh Dự thảo Báo cáo Chính trị để gửi đến Đại hội đảng bộ các cấp. Dưới đây tôi xin trình bày một số nét chủ yếu về Đại hội IX và một số nội dung cơ bản trong Dự thảo Báo cáo Chính trị.

Theo dự kiến, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng sẽ được tiến hành vào cuối quý I năm 2001. Đây là Đại hội có ý nghĩa lịch sử trọng đại, vì nó diễn ra vào thời điểm đặc biệt khi loài người vừa kết thúc thế kỷ XX, bước sang thế kỷ XXI, là Đại hội quyết định đường lối đưa nước ta vững bước sang một thế kỷ mới. Đại hội tiến hành sau khi chúng ta kỷ niệm 71 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, 55 năm Ngày thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 55 năm Đảng lãnh đạo chính quyền, xây dựng đất nước, 110 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 25 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước v.v.. Đó cũng là thời điểm toàn Đảng, toàn dân ta đã trải qua 15 năm thực hiện đường lối đổi mới, 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (1991 - 2000), trực tiếp là 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng.

Trên cơ sở khẳng định Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội do Đại hội VII của Đảng đề ra và nghị quyết các Đại hội trước đây, đồng thời xuất phát từ việc tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, Đại hội IX tiếp tục bổ sung, phát triển, hoàn thiện đường lối, quan điểm của Đảng, làm sáng tỏ thêm con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đại hội IX của Đảng sẽ là *Đại hội phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.*

Do ý nghĩa, tầm quan trọng to lớn của Đại hội IX cho nên từ rất sớm, Trung ương Đảng, Bộ Chính trị đã chỉ đạo chuẩn bị các nội dung Đại hội. Từ tháng 4-1998, Bộ Chính trị đã quyết định thành lập Tiểu ban chuẩn bị văn kiện do đồng chí Tổng Bí thư trực tiếp chỉ đạo và đồng chí Ủy viên Thường vụ, Thường trực Bộ Chính trị làm Trưởng tiểu ban, đưa ra những vấn đề lý luận và thực tiễn cần được làm rõ. Để có căn cứ khoa học, lý luận và thực tiễn chuẩn bị Dự thảo, Ban chỉ đạo thuộc Bộ Chính trị dựa vào 3 "kênh" chủ yếu : *một là*, nghiên cứu lý luận (chủ yếu là dựa vào kết quả nghiên cứu của Hội đồng lý luận Trung ương) ; *hai là* khảo sát thực tế ; *ba là*, tổng kết một số vấn đề ở tầm vĩ mô.

Tháng 8 năm 1999, Hội nghị Trung ương bảy đã quyết định chính thức thành lập các Tiểu ban văn kiện của Đảng, trong đó Tiểu ban Báo cáo Chính trị do đồng chí Tổng Bí thư làm Trưởng tiểu ban. Tháng 11-1999, Hội nghị Trung ương tám đã cho ý kiến về định hướng chuẩn bị các văn kiện trình Đại hội IX.

Với sự chuẩn bị hết sức tích cực, được Bộ Chính trị cho ý kiến nhiều lần, các dự thảo

(*) Lược ghi bài giới thiệu của đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Tiểu ban văn kiện Đại hội IX, trình bày tại Hội nghị báo cáo viên do Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương tổ chức, ngày 17-7-2000 tại Hà Nội

Digitized by Google

văn kiện đã được hoàn thành và lần đầu được trình ra Hội nghị Trung ương chín (tháng 4-2000). Hội nghị đã đóng góp rất nhiều ý kiến để bổ sung, chỉnh lý. Các bản dự thảo sau cùng đã được trình Hội nghị Trung ương mười (tháng 6-2000). Hội nghị này tập trung thảo luận sâu bốn vấn đề lớn trong các dự thảo văn kiện :

- Đánh giá bối cảnh quốc tế và trong nước, thời cơ, thách thức và nguy cơ của đất nước trong những năm đầu thế kỷ XXI.

- Chế độ sở hữu và các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng Đảng trong tình hình mới.

Hội nghị cũng trực tiếp cho ý kiến về các bản dự thảo : Báo cáo Chính trị, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (2001 - 2010) và Kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm (2001 - 2005), Báo cáo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng. Như trên đã nói, Hội nghị Trung ương mười đã giao cho Bộ Chính trị và các Tiểu ban văn kiện tiếp thu ý kiến của Ban Chấp hành Trung ương, chỉ đạo việc hoàn chỉnh các văn kiện để gửi đến Đại hội các cấp tham gia ý kiến.

Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội IX của Đảng gồm 10 nội dung cơ bản sau đây :

1 - Việt Nam trong thế kỷ XX và triển vọng phát triển trong thế kỷ XXI.

2 - Tình hình đất nước 5 năm qua và sau 15 năm đổi mới.

3 - Mấy vấn đề về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

4 - Đường lối kinh tế và chiến lược phát triển.

5 - Phát triển văn hóa - xã hội và xây dựng con người.

6 - Tăng cường sức mạnh bảo vệ Tổ quốc.

7 - Mở rộng quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

8 - Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân.

9 - Tiếp tục cải cách và hoàn thiện Nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế.

10 - Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Mười nội dung trên đây là những vấn đề rất lớn, phong phú, quan trọng thuộc về đường lối xây dựng đất nước vào những năm đầu của thế kỷ mới. Trong khuôn khổ có hạn, ở đây xin chỉ nêu vắn tắt một số nội dung cơ bản nhất.

I - VIỆT NAM TRONG THẾ KỶ XX VÀ TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN TRONG THẾ KỶ XXI

Khi đánh giá Việt Nam trong thế kỷ XX và dự báo triển vọng phát triển trong thế kỷ XXI, chúng ta không thể không đánh giá, nhận định về tình hình thế giới. Việc phân tích, đánh giá, nhận định về tình hình thế giới là công việc rất khó khăn, phức tạp, nhất là trong tình hình hiện nay. Trong phạm vi một bản Báo cáo Chính trị khó có thể đánh giá đầy đủ và toàn diện những vấn đề của cả một thế kỷ qua và càng khó có thể dự báo cụ thể thế giới sẽ phát triển như thế nào trong một trăm năm tới. Tuy nhiên, chúng ta lại không thể không đề cập đến vấn đề này tại Đại hội toàn quốc của Đảng sắp tới, hơn nữa Đại hội lại họp đúng vào lúc kết thúc thế kỷ XX, mở đầu thế kỷ XXI. Đồng thời, đây là một *căn cứ rất quan trọng* để chúng ta hoạch định đường lối, chủ trương xây dựng và phát triển đất nước trong thời gian tới. Dự thảo Báo cáo Chính trị không đặt vấn đề đánh giá cụ thể mọi mặt tình hình thế giới cả một thế kỷ, không đi quá sâu vào việc nghiên cứu các vấn đề có tính học thuật về thời đại và mâu thuẫn thời đại, nhưng cần nêu khái quát một số nét chủ yếu của thế kỷ XX, sau đó tập trung vào việc dự báo bối cảnh quốc tế trong khoảng 10 năm đầu thế kỷ XXI, làm nổi bật một số đặc điểm và xu thế quốc tế có ảnh hưởng đến việc xây dựng đường lối, chiến lược cách mạng nước ta và chủ trương, chính sách của ta trong 5 - 10 năm tới.

Vậy trong thế kỷ XX có những điểm gì nổi bật ? Dự thảo Báo cáo Chính trị nhận định :

Thế kỷ XX để lại trong lịch sử loài người những dấu ấn cực kỳ sâu sắc. Đó là thế kỷ kinh tế phát triển mạnh mẽ xen lẫn những cuộc khủng hoảng lớn của chủ nghĩa tư bản thế giới, thế kỷ của những tiến bộ vượt bậc về khoa học và công nghệ, tạo ra giá trị sản xuất vật chất tăng gấp 15 lần so với thế kỷ trước và lớn hơn cả toàn bộ giá trị của hai thiên niên kỷ trước cộng lại. Đó là thế kỷ diễn

Digitized by Google

ra hai cuộc chiến tranh thế giới đẫm máu do chủ nghĩa đế quốc gây ra cùng hàng trăm cuộc xung đột vũ trang, cướp đi hàng chục triệu sinh mạng, sau đó là cuộc "chiến tranh lạnh" cũng do chủ nghĩa đế quốc gây ra kéo dài gần 5 thập niên và cuộc chạy đua vũ trang ở mức cao chưa từng thấy. Đó cũng là thế kỷ chứng kiến một phong trào cách mạng sâu rộng trên phạm vi toàn thế giới với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga - cuộc cách mạng vĩ đại mở ra thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở một loạt nước từ châu Âu sang châu Á và Mỹ-la tinh, sự giải phóng hầu hết các nước thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, sự phát triển của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và phong trào hòa bình, dân chủ trên thế giới ; mặt khác lại xảy ra sự thoái trào của chủ nghĩa xã hội trên thế giới vào cuối thế kỷ.

Đối với nước ta, thế kỷ XX là thế kỷ của những biến đổi to lớn và sâu sắc, thế kỷ đấu tranh gian nan, oanh liệt của nhân dân ta giành lại độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thế kỷ của những chiến công và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại.

Dự thảo Báo cáo Chính trị đánh giá rất cao các phong trào yêu nước của nhân dân ta ba mươi năm đầu thế kỷ XX. Các phong trào đó diễn ra liên tục, sôi động, vô cùng anh dũng nhưng đều không thành công vì thiếu một đường lối đúng. Năm 1930, kế thừa Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên và các tổ chức cộng sản tiền thân, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu bước ngoặt mới và một thời đại mới của cách mạng Việt Nam. Trong 71 năm xây dựng và trưởng thành, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa xã hội, giành được những thắng lợi vĩ đại :

Một là, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và việc thành lập Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Đây là kết quả tổng hợp của các phong trào cách mạng liên tục diễn ra trong 15 năm sau ngày thành lập Đảng, từ Xô viết Nghệ Tĩnh, cuộc vận động dân chủ năm 1936 - 1939 đến phong trào giải phóng dân tộc năm 1939 - 1945, mặc dù có những lúc cách mạng bị dìm trong biển máu. Chế độ thuộc địa gần một trăm năm bị đánh sập, chế độ phong kiến hàng nghìn năm ở nước ta bị xóa bỏ, một kỷ nguyên mới mở ra cho dân tộc ta - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Hai là, thắng lợi của những cuộc chiến đấu oanh liệt để bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế. Hai cuộc kháng chiến cứu nước đã đánh thắng cả chủ nghĩa thực dân cũ và chủ nghĩa thực dân mới, đưa đến việc hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần xứng đáng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Ba là, thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Kế thừa những thành tựu và kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc khi còn chiến tranh, Đảng ta, ngay sau khi nước nhà thống nhất, trải qua nhiều năm tìm tòi, khảo nghiệm mô hình, đã đề ra và lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Thành công bước đầu của công cuộc đổi mới đã làm thay đổi bộ mặt đất nước và xã hội ta.

Dự thảo Báo cáo Chính trị khẳng định : *Với những thắng lợi vĩ đại đã giành được trong thế kỷ XX, nước ta từ một nước không có tên trên bản đồ thế giới, một nước thuộc địa đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có tiếng nói và vị trí ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Đất nước ta từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu đang bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.*

Chúng ta tự hào một cách chính đáng về dân tộc ta - một dân tộc anh hùng, thông minh và sáng tạo ; tự hào về Đảng ta - Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện - một lòng, một dạ chiến đấu, hy sinh vì đất nước độc lập, tự do, nhân dân hạnh phúc.

Càng tự hào nhìn lại thế kỷ XX, chúng ta càng vững tin vào tiền đồ của đất nước trong thế kỷ XXI.

Digitized by Google

Về thế kỷ XXI, Dự thảo Báo cáo Chính trị đã đưa ra những nhận định cực kỳ quan trọng : Thế kỷ XXI có thể sẽ có nhiều biến đổi to lớn và sâu sắc. Đó là thế kỷ mà khoa học và công nghệ sẽ có những bước nhảy vọt chưa từng thấy. Kinh tế tri thức sẽ chiếm vị trí ngày càng lớn trong quá trình phát triển. Toàn cầu hóa là một xu thế khách quan ngày càng có nhiều nước tham gia, đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn kinh tế xuyên quốc gia chi phối, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác vừa có đấu tranh. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới, biểu hiện dưới những hình thái và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, lúc hòa hoãn, lúc gay gắt. Chủ nghĩa tư bản hiện đại còn tiếp tục tự điều chỉnh, nắm và sử dụng các thành tựu khoa học và công nghệ, song không thể khắc phục nổi những mâu thuẫn vốn có. Các quốc gia độc lập sẽ ngày càng tăng cường cuộc đấu tranh để tự lựa chọn và quyết định con đường phát triển của mình, chống sự áp đặt, can thiệp và xâm lược của nước ngoài, bảo vệ độc lập, chủ quyền và nền văn hóa dân tộc. Chủ nghĩa xã hội thế giới tạm thời lâm vào thoái trào nhưng có điều kiện và khả năng để phục hồi và phát triển. Tính chất của thời đại vẫn không thay đổi. Lịch sử thế giới đã, đang và sẽ còn trải qua những bước quanh co, song loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hóa của lịch sử.

Những năm đầu thế kỷ XXI, thế giới tiếp tục có những biến động phức tạp, đầy bất trắc khó lường. Trong khoảng 10 - 15 năm tới ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới thứ ba, chiến tranh tổng lực dùng vũ khí hạt nhân và vũ khí giết người hàng loạt. Hòa bình và hợp tác vẫn là một xu thế lớn phản ánh đòi hỏi bức xúc của các quốc gia, dân tộc. Nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp lật đổ, khủng bố, khủng hoảng kinh tế - xã hội sẽ còn xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới và tính chất phức tạp ngày càng tăng. Cuộc đấu tranh của các dân tộc cho hòa bình và phát triển, chống chiến tranh và chạy đua vũ trang, chống chính sách cường quyền, áp đặt, vì độc lập dân tộc, dân chủ, dân sinh, tiến bộ và công bằng xã hội sẽ có những bước tiến mới. Khu vực Đông - Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương sau khi khắc phục được khủng hoảng tài chính - tiền tệ, có khả năng tiếp tục phát triển năng động nhưng vẫn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định.

Từ những dự báo nói trên, Dự thảo Báo cáo Chính trị nêu rõ :

Những nét mới ấy trong tình hình quốc tế và khu vực, với những xu thế phát triển của nó, tác động mạnh mẽ đến tình hình nước ta. Trước mắt chúng ta có cả *cơ hội lớn* và *thách thức lớn*.

Cùng với những thắng lợi đã giành được trong thế kỷ XX, những thành tựu to lớn và rất quan trọng của 15 năm đổi mới làm cho thế và lực của nước ta lớn mạnh lên nhiều. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế được tăng cường. Đất nước còn nhiều tiềm năng lớn về tài nguyên, lao động. Nhân dân ta có nhiều phẩm chất cao quý. Tình hình chính trị - xã hội ổn định. Môi trường hòa bình, sự hợp tác, liên kết, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng phát triển tạo điều kiện để chúng ta tiếp tục phát huy nội lực và lợi thế so sánh, tranh thủ ngoại lực, nguồn vốn, công nghệ mới, kinh nghiệm quản lý, mở rộng thị trường phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đó là cơ hội lớn để chúng ta tạo ra bước phát triển mới.

Đồng thời, chúng ta phải đối mặt với nhiều thách thức. Thách thức lớn nhất vẫn là tình trạng thấp kém của nền kinh tế, khoảng cách về trình độ phát triển giữa nước ta với nhiều nước trên thế giới còn rất lớn, trong khi đó đất nước đi lên trong điều kiện cuộc cạnh tranh quốc tế ngày càng quyết liệt, trong bộ máy của Đảng và Nhà nước, tệ quan liêu, tham nhũng và sự thoái hóa về phẩm chất, đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa được đẩy lùi. Bốn nguy cơ mà Đảng ta từng cảnh báo vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp. Các nguy cơ này đan xen và tác động lẫn nhau, không thể xem nhẹ nguy cơ nào.

Vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với chúng ta là nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, tiếp tục vươn lên mạnh mẽ, vững vàng trước mọi sóng gió quốc tế hay khu vực. Thế kỷ XX là thế kỷ đấu tranh rất oanh liệt và chiến thắng rất vẻ vang của dân tộc ta. Thế kỷ XXI

Digitized by Google

sẽ là thế kỷ xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc ta.

II - TÌNH HÌNH ĐẤT NƯỚC 5 NĂM QUA VÀ SAU 15 NĂM ĐỔI MỚI

Trong phần này, Dự thảo Báo cáo Chính trị đi sâu làm rõ những thành tựu nổi bật cùng những yếu kém, tồn tại và các bài học kinh nghiệm của 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII (1996 - 2000), 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (1991 - 2000), 15 năm đổi mới đất nước (1986 - 2000).

Dự thảo nêu rõ : **5 năm qua**, bên cạnh một số thuận lợi, nước ta gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng trong hoàn cảnh đó, toàn Đảng và toàn dân ta ra sức thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, *đạt được những thành tựu quan trọng*. Cụ thể là : kinh tế tiếp tục phát triển nhanh ; văn hóa, xã hội có những tiến bộ mới, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện ; ổn định chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia được giữ vững ; công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được đẩy mạnh, hệ thống chính trị tiếp tục được đổi mới ; quan hệ đối ngoại mở rộng thêm, việc chủ động hội nhập kinh tế quốc tế đạt kết quả tốt.

Những thành tựu trong 5 năm qua đã góp phần tiếp tục tăng cường sức mạnh của đất nước, thay đổi bộ mặt thành thị, nông thôn, miền núi và cuộc sống của nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc, nâng cao uy tín quốc tế của nước ta.

Những nguyên nhân nào làm nên những thành tựu ấy ? Dự thảo Báo cáo Chính trị chỉ rõ một số nguyên nhân chủ yếu : đạt được những thành tựu nói trên là *do Đảng ta có bản lĩnh chính trị vững vàng và đường lối lãnh đạo đúng đắn, công cuộc đổi mới được tiếp tục thực hiện, toàn dân và toàn quân ta có lòng yêu nước và tinh thần dũng cảm, đoàn kết nhất trí, ra sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.*

Đồng thời với việc khẳng định những biến đổi sâu sắc, những thành tựu quan trọng, với tinh thần không né tránh, nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, Dự thảo Báo cáo Chính trị đã chỉ ra những yếu kém, khuyết điểm trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII. Đó là : Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, sức cạnh tranh thấp. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế mấy năm gần đây chậm dần, năm 2000 có chiều hướng tăng lên nhưng chưa đạt được mức tăng trưởng cao như giữa thập niên 90. Một số vấn đề xã hội bức xúc và gay gắt chưa được giải quyết tốt. Tình trạng không có việc làm ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn đang là một trong những vấn đề nóng bỏng của xã hội. Cơ chế, chính sách còn thiếu và chưa tạo động lực mạnh để phát triển. Một bộ phận cán bộ trong hệ thống chính trị suy thoái về phẩm chất, đạo đức, yếu kém về năng lực và trình độ nghiệp vụ, chuyên môn đang là lực cản gây nhiều quan ngại trong nhân dân. Kỷ luật, kỷ cương phép nước chưa nghiêm.

Dự thảo Báo cáo Chính trị cũng chỉ rõ rằng những yếu kém, khuyết điểm làm hạn chế những thành tựu lẽ ra có thể đạt được nhiều hơn. Sở dĩ có tình trạng đó là do *những nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng chủ quan là chính*. Đó là : Việc tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước chưa tốt. Một số quan điểm, chủ trương chưa được thông suốt ở các cấp, các ngành dẫn đến việc thực hiện thiếu thống nhất và chậm trễ. Việc cải cách nền hành chính nhà nước tiến hành chậm, thiếu kiên quyết. Công tác lý luận, công tác tổ chức, cán bộ có nhiều yếu kém, bất cập.

Việc thực hiện kế hoạch 5 năm (1996 - 2000) đã góp phần kết thúc tốt đẹp **10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội (1991 - 2000).** Tuy một số chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm (1996 - 2000) không đạt, một số nhiệm vụ do Nghị quyết Đại hội VIII đề ra chưa được thực hiện tốt nhưng nhìn tổng thể 10 năm và nhất là căn cứ vào những chỉ tiêu do Chiến lược 10 năm đề ra thì chúng ta *đã đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng*. Đánh giá dưới đây trong Dự thảo Báo cáo Chính trị có ý nghĩa rất quan trọng khi nhìn nhận về thành tựu của chúng ta trong thời gian qua :

Tổng sản phẩm trong nước năm 2000 tăng gấp đôi so với năm 1990. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và năng lực sản xuất một số sản phẩm quan trọng tăng hơn trước. Nền kinh tế từ chỗ sản xuất thiếu lương thực và hàng tiêu dùng đến chỗ đã có dư ; từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp đã đổi sang cơ chế thị trường định hướng xã hội

Digitized by Google

chủ nghĩa ; từ chỗ chủ yếu có hai thành phần kinh tế đã chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần. Đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện. Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, vượt qua được cơn chấn động chính trị và sự hẫng hụt về thị trường do những biến động ở Liên Xô và các nước Đông Âu gây ra ; không để bị cuốn sâu vào cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở khu vực châu Á mặc dù hậu quả của nó đối với nước ta cũng khá nặng nề ; phá được thế bị bao vây cấm vận, mở rộng được quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế ; giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng - an ninh. Sức mạnh về mọi mặt của nước ta đã lớn hơn nhiều so với mười năm trước.

Khi nói về **15 năm đổi mới (1986 - 2000)**, Dự thảo Báo cáo Chính trị chủ yếu đi sâu vào các bài học kinh nghiệm. Dự thảo khẳng định những bài học đổi mới do các Đại hội VI, VII, VIII nêu lên đến nay vẫn còn có giá trị lớn. Qua thực tiễn đổi mới, càng thấy nổi bật nhiều điều sâu sắc.

Một là, trong quá trình đổi mới, phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là quan điểm cốt lõi mà Trung ương trình Đại hội. Quan điểm này quán xuyến tất cả các dự thảo văn kiện. Đứng trước những khó khăn, thử thách, những biến động phức tạp của tình hình thế giới và khu vực, Đảng ta luôn kiên định mục tiêu cách mạng, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, trên cơ sở đó, xây dựng các chủ trương, chính sách đổi mới. Chúng ta kiên trì bảo vệ những truyền thống quý báu của dân tộc và những thành tựu cách mạng đã đạt được, giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc, vững bước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Dù gặp khó khăn, vấp váp, vẫn nhất quán thực hiện đổi mới, không động dao, không xa rời mục tiêu đã chọn, cũng không quay lại tư duy cũ, cách làm cũ, cơ chế quản lý cũ.

Hai là, đổi mới phải dựa vào nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn sáng tạo và có những khâu đột phá mới. Chúng ta tiến hành đổi mới xuất phát từ thực tiễn và cuộc sống của xã hội Việt Nam, không sao chụp máy móc bất cứ một mô hình có sẵn nào ; đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để với những bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. Thường xuyên tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, có những điều chỉnh, bổ sung và phát triển cần thiết về chủ trương, phương pháp, biện pháp, tìm và lựa chọn những khâu đột phá mới nhằm khắc phục sự trì trệ, làm chuyển biến tình hình, tạo ra sự phát triển mới với sự linh hoạt, sáng tạo, nhạy bén nắm bắt cái mới, tận dụng thời cơ.

Ba là, đổi mới phải kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.

Bốn là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới.

III - MẤY VẤN ĐỀ VỀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

Đây là một nội dung rất cơ bản và cực kỳ quan trọng, làm nền tảng và chi phối các nội dung sau. Thực tiễn phong phú và những thành tựu thu được qua 15 năm đổi mới đã chứng minh tính đúng đắn của Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội VII của Đảng, đồng thời giúp chúng ta nhận thức rõ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Lần này, Dự thảo Báo cáo Chính trị một lần nữa khẳng định : *Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Dự thảo khẳng định, làm rõ thêm một số nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh : Tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người ; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ; về lòng yêu nước thương dân, về sức mạnh của nhân dân, lấy dân làm gốc ; về đoàn kết trong Đảng, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại ; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh ; xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân ; về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ; về văn hóa, về đạo đức cách mạng... Tư tưởng Hồ Chí Minh đã và đang soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta

Digitized by Google

giành thắng lợi ; đó là tài sản tinh thần to lớn vô giá của Đảng ta, dân tộc ta.

Khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng là sự tổng kết sâu sắc thực tiễn cách mạng và là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta.

Trong phần này có một vấn đề rất quan trọng là *thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.* Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã khẳng định và quán xuyến vấn đề này. Lần này trong Dự thảo nhấn mạnh thêm : Xây dựng chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, tất yếu phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ. Từ sau Đại hội VIII của Đảng, đất nước ta đã chuyển sang chặng đường mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Trong chặng đường hiện nay còn phải tiếp tục hoàn thành một số nhiệm vụ của chặng đường trước.

Trong thời kỳ quá độ, có *nhiều hình thức sở hữu* về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau, nhưng cơ cấu, nội dung, tính chất, vị trí của các giai cấp trong xã hội ta đã thay đổi nhiều cùng với những biến đổi to lớn về kinh tế, xã hội. Mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng không như trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ. Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh. *Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của đại đoàn kết dân tộc, phát huy khả năng của các thành phần kinh tế và toàn xã hội vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.*

Dự thảo một lần nữa khẳng định : Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nói gọn là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Vậy kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa khác kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa như thế nào ? Dự thảo Báo cáo Chính trị đã làm rõ một số sự khác nhau đó, thể hiện cụ thể ở 4 điểm sau :

Một là, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của ta khác với kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa ở chỗ, *mục đích* phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế là để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Sử dụng cơ chế thị trường, áp dụng các hình thức kinh tế và phương pháp quản lý của kinh tế thị trường để kích thích sản xuất, phát huy tinh thần năng động, sáng tạo của người lao động, giải phóng sức sản xuất, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lãnh đạo quản lý nền kinh tế để phát triển đúng hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hai là, khác về *chế độ sở hữu.* Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta cũng như kinh tế thị trường ở các nước tư bản chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, nhưng trong nền kinh tế thị trường của ta sở hữu công cộng (toàn dân và tập thể) dần dần trở thành nền tảng ; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

Ba là, khác về *chế độ quản lý.* Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta cũng như kinh tế thị trường ở các nước tư bản chủ nghĩa đều có sự quản lý của nhà nước, nhưng hai nhà nước khác nhau về bản chất. Nhà nước ta là nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân, quản lý nền kinh tế theo nguyên tắc kết hợp thị trường với kế hoạch, phát huy mặt tích cực, hạn chế, khắc phục mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo vệ lợi ích của nhân dân lao động, của toàn thể nhân dân.

Bốn là, khác về *chế độ phân phối* : Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng

Digitized by Google

góp vốn và trí tuệ vào sản xuất kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội ; tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước phát triển.

Chủ trương xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện tư duy, quan niệm của Đảng ta về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Cũng có thể nói, đây là mô hình kinh tế tổng quát ở nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

IV- ĐƯỜNG LỐI KINH TẾ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Trong phần này, Dự thảo Báo cáo Chính trị nêu lên đường lối phát triển kinh tế của Đảng, mục tiêu tổng quát Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) và Kế hoạch 5 năm (2001 - 2005).

Đường lối kinh tế của Đảng ta là : *Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp ; ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; phát huy cao độ nội lực của cả dân tộc gắn với tận dụng mọi nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững ; tăng trưởng kinh tế đi liền với từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh.*

Mục tiêu tổng quát của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 là : Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển, tập trung sức xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng quan trọng và công nghệ cao sản xuất tư liệu sản xuất cần thiết trang bị và trang bị lại kỹ thuật, công nghệ tiên tiến cho các ngành kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và đáp ứng yêu cầu quốc phòng, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên một mức đáng kể. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được định hình về cơ bản. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng - an ninh được tăng cường. Vị thế của nước ta trong quan hệ quốc tế được củng cố và nâng cao. Năm 2010 GDP tăng gấp đôi so với năm 2000 ; chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp xuống còn khoảng 50%.

Kế hoạch 5 năm (2001 - 2005) là bước quan trọng đặt nền móng cho việc thực hiện chiến lược 10 năm 2001 - 2010 nhằm : tăng trưởng kinh tế với nhịp độ cao và bền vững. Chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao rõ rệt chất lượng, sức cạnh tranh và hiệu quả phát triển kinh tế. Xây dựng một bước quan trọng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tạo chuyển biến mạnh về phát huy nhân tố con người, giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ. Giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc về việc làm, cơ bản xóa đói, giảm mạnh số hộ nghèo, ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội ; ổn định và cải thiện hơn đời sống nhân dân. Tiếp tục tăng cường kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tạo tiền đề cho giai đoạn phát triển tiếp theo. Giữ vững ổn định chính trị và an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia.

Một số quan điểm cơ bản là :

1 - Phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm.

Dự thảo cho rằng *con đường công nghiệp hóa của nước ta* cần và có thể rút ngắn thời gian so với các nước đi trước, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải nhằm xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ. Phải phát triển kinh tế - xã hội nhanh, có hiệu quả và bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tại Hội nghị Trung ương chín và Hội nghị Trung ương mười (khóa VIII) vừa rồi, vấn đề xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế được thảo luận khá kỹ và sâu. Trung ương đã chỉ ra những yêu cầu, tư tưởng chỉ đạo và các giải pháp bảo đảm thực hiện việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Digitized by Google

Trong nhiều năm tới, vẫn *coi công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn* là một trọng điểm cần tập trung sự chỉ đạo các nguồn lực cần thiết. *Công nghiệp* vừa phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động, vừa áp dụng công nghệ tiến bộ, đi nhanh vào một số ngành, lĩnh vực có công nghệ hiện đại, công nghệ cao. Bộ khung *kết cấu hạ tầng* giao thông, thông tin liên lạc, điện lực được xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại hóa ; hệ thống cấp, thoát nước ở cả thành thị và nông thôn được phát triển.

Về *cơ cấu kinh tế vùng*, tiếp tục phát triển các vùng động lực có mức tăng trưởng cao, tích lũy lớn, bền vững về kết cấu hạ tầng, môi trường. Đồng thời phát triển các vùng khác trên cơ sở phát huy thế mạnh của từng vùng, liên kết với vùng động lực tạo mức tăng trưởng khá. Đặc biệt quan tâm phát triển kinh tế ở các vùng biên giới. Có chính sách hỗ trợ nhiều hơn cho các vùng khó khăn phát triển kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, xóa đói giảm nghèo... giúp các vùng này vượt qua tình trạng chậm phát triển và thu hẹp khoảng cách giữa các vùng.

Dự thảo Báo cáo Chính trị đặc biệt nhấn mạnh đến việc *phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ*, coi đó là những vấn đề có tính nền tảng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Về *giáo dục - đào tạo*, tiếp tục phát triển mạnh nền giáo dục quốc dân, tạo chuyển biến căn bản và toàn diện về nội dung, phương pháp dạy và học, hệ thống trường lớp, hệ thống quản lý giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực cho các lĩnh vực hoạt động kinh tế - xã hội. Về *khoa học và công nghệ*, bằng nguồn lực của Nhà nước và các doanh nghiệp, tăng cường đầu tư cho đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường, xây dựng năng lực công nghệ quốc gia.

2 - Phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần với nhiều hình thức tổ chức kinh doanh.

Dự thảo Báo cáo Chính trị khẳng định : Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần ; các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh ; trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế hợp tác xã dần dần trở thành nền tảng.

Từ các hình thức sở hữu cơ bản : *sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân*, hình thành nhiều thành phần kinh tế với những hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng, đan xen, hỗn hợp.

Dự thảo đã nêu lên những chính sách cụ thể nhằm khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển. Các thành phần đó là : *kinh tế nhà nước ; kinh tế hợp tác ; kinh tế cá thể, tiểu chủ ; kinh tế tư bản tư nhân ; kinh tế tư bản nhà nước ; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.*

Dự thảo cũng nêu lên những chính sách nhằm khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để *người Việt Nam định cư ở nước ngoài* đầu tư kinh doanh ở trong nước ; phát triển các *hình thức tổ chức kinh doanh đan xen, hỗn hợp* nhiều hình thức sở hữu, giữa các thành phần kinh tế với nhau, giữa trong nước và ngoài nước ; phát triển mạnh hình thức *tổ chức kinh tế cổ phần* nhằm huy động và sử dụng rộng rãi vốn đầu tư xã hội.

3 - Tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố của kinh tế thị trường ; tăng cường vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước.

Dự thảo nêu lên sự cần thiết thúc đẩy sự hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện các loại thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt quan tâm các thị trường quan trọng nhưng hiện chưa có hoặc còn sơ khai như : thị trường lao động, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường khoa học - công nghệ. Phát triển thị trường hàng hóa và dịch vụ. Mở rộng thị trường lao động trong nước. Khẩn trương tổ chức thị trường khoa học - công nghệ và bảo hộ sở hữu trí tuệ. Phát triển nhanh thị trường vốn. Chủ động tổ chức, phát triển thị trường bất động sản.

Chủ trương trong 5 năm tới hình thành tương đối đồng bộ cơ chế quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và tiếp tục đổi mới các công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế.

Digitized by Google

V- PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI

Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) đã đề cập khá toàn diện, đầy đủ và sâu sắc về vấn đề phát triển văn hóa xã hội, xây dựng con người. Lần này Dự thảo Báo cáo Chính trị chỉ nhấn mạnh một số nội dung chủ yếu sau đây :

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, thể hiện tầm cao và chiều sâu về trình độ phát triển của dân tộc, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Văn hóa Việt Nam là sự kết tinh những giá trị tốt đẹp trong quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với xã hội và thiên nhiên, được đúc kết từ cuộc sống và từ thực tiễn đấu tranh dựng nước và giữ nước của nhân dân ta qua hàng ngàn năm lịch sử, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là *nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc,* theo định hướng xã hội chủ nghĩa với những đặc trưng cơ bản là đại chúng, dân tộc, hiện đại và nhân văn.

Nhiệm vụ trung tâm của sự nghiệp văn hóa là bồi dưỡng con người Việt Nam về trí tuệ, bản lĩnh, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, nhân cách, xây dựng thế giới quan khoa học, nhân sinh quan xã hội chủ nghĩa, hướng con người tới những giá trị chân, thiện, mỹ. Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, coi trọng chính sách đầu tư cho văn hóa, đầu tư cho con người. Khuyến khích và tạo điều kiện để nhân dân tham gia phát triển và sáng tạo văn hóa, đồng thời được hưởng thụ văn hóa ngày càng nhiều hơn.

Về các vấn đề xã hội, Dự thảo nêu rõ : ***Hệ thống chính sách xã hội*** phản ánh những giá trị nhân văn của nền văn hóa Việt Nam, thể hiện lợi ích và trách nhiệm của cộng đồng xã hội nói chung và của từng công dân, điều chỉnh các mối quan hệ lợi ích giữa con người với con người, giữa con người với xã hội, nhằm mục đích cao nhất là thỏa mãn những nhu cầu ngày càng cao về đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. *Giải quyết việc làm* là một trong những chính sách xã hội cơ bản của quốc gia. *Chính sách xóa đói, giảm nghèo* được thực hiện thông qua những biện pháp cụ thể, sát với tình hình từng địa phương để xóa nhanh các hộ đói, giảm mạnh các hộ nghèo. *Chính sách dân số* nhằm kiểm soát sự phát triển dân số và nâng cao chất lượng dân số phù hợp với những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. *Chính sách chăm sóc, bảo vệ trẻ em* được thực hiện gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện cho trẻ em được sống trong môi trường an toàn và lành mạnh, được phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức. *Chính sách an ninh xã hội* thể hiện tinh thần kiên quyết đấu tranh chống tội phạm, ngăn chặn và bài trừ tệ nạn xã hội, giữ gìn trật tự xã hội và bảo vệ môi trường. *Chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ lao động* thể hiện sự công bằng trong phân phối và tôn vinh lao động sáng tạo, trọng dụng nhân tài.

VI- TĂNG CƯỜNG SỨC MẠNH BẢO VỆ TỔ QUỐC

Nghị quyết Đại hội VIII và Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị đã đề cập sâu sắc, toàn diện về quốc phòng - an ninh. Lần này, Dự thảo Báo cáo Chính trị nhấn mạnh : Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt. Cần thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu :

Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội, xây dựng "thế trận lòng dân". Đề cao cảnh giác, chủ động phòng ngừa và làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động phá hoại khối đoàn kết toàn dân, gây mất ổn định chính trị - xã hội, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc ; đẩy lùi mọi loại tội phạm nguy hiểm và các tệ nạn xã hội ; bảo đảm tốt trật tự, an toàn xã hội.

Xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ sẵn sàng chiến đấu và sức chiến đấu ngày càng cao, kế thừa và phát huy được truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân trong điều kiện mới, kịp thời đập tan mọi hoạt động xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Xây dựng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, xứng đáng là lực lượng vũ trang xung kích trên mặt trận bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

Tận dụng tối đa năng lực công nghiệp dân sinh phục vụ quốc phòng, đầu tư thích đáng cho các xí nghiệp công nghiệp quốc phòng. Chăm lo xây dựng tổ chức Đảng trong lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng và an ninh.

VII - MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Đại hội VII (1991), Hội nghị Trung ương 3 (khóa VII) và Đại hội VIII của Đảng đã đề ra và phát triển đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Việc thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại đó đã đưa lại những kết quả quan trọng, phục vụ có hiệu quả công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao vị thế và uy tín Việt Nam trên trường quốc tế. Dự thảo Báo cáo Chính trị lần này đề cập một số nội dung cơ bản sau :

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế ; Việt Nam muốn là bạn và là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Nhiệm vụ đối ngoại trong thời gian tới là tiếp tục tạo môi trường hòa bình và điều kiện quốc tế thuận lợi để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững an ninh quốc gia, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái.

Coi trọng và ra sức phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước láng giềng. Tiếp tục củng cố và mở rộng quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, các nước độc lập dân tộc, các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Trung Đông và Mỹ-la tinh, với Phong trào không liên kết, ủng hộ lẫn nhau cùng phát triển, phối hợp bảo vệ lợi ích chính đáng của nhau. Thúc đẩy quan hệ đa dạng với các nước phát triển và các tổ chức quốc tế. Củng cố và tăng cường quan hệ đoàn kết và hợp tác với các đảng cộng sản và công nhân, với các phong trào cách mạng, độc lập dân tộc và tiến bộ trên thế giới. Tiếp tục mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền. Mở rộng hơn nữa công tác đối ngoại nhân dân.

VIII - PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN

Kế thừa truyền thống quý báu của dân tộc, Đảng ta luôn giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân, coi đó là đường lối chiến lược cơ bản, lâu dài, là nguồn sức mạnh và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Dự thảo Báo cáo Chính trị chỉ rõ những tiền đề, điều kiện chủ yếu, quan trọng để phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân : Thực hiện đại đoàn kết các giai cấp, các tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, thành phần, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong đảng và người ngoài đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam, dù sống ở trong nước hay định cư ở nước ngoài. Phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc, truyền thống yêu nước và lòng tự hào dân tộc, lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng ; chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, kỳ thị về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, hướng tới tương lai. Khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam luôn được củng cố và phát triển sâu rộng trên cơ sở liên minh vững chắc giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

Chính sách và pháp luật của Nhà nước là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân và sinh hoạt dân chủ trong xã hội. Xây dựng đồng bộ các chính sách kinh tế - xã hội đúng đắn vì hạnh phúc con người, làm cơ sở phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân và mọi công dân có cơ hội bình đẳng làm ăn theo pháp

Digitized by Google

luật. Đổi mới và hoàn thiện các chính sách cụ thể đối với các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, tôn giáo, đặc biệt là các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, phân phối, tiêu dùng, bảo đảm quyền lợi và trách nhiệm của công dân,... tạo ra những động lực thúc đẩy phong trào hành động cách mạng của nhân dân, xây dựng cuộc sống mới.

Dự thảo Báo cáo Chính trị đã đưa ra những chính sách cụ thể đối với giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức ; đối với thanh niên, phụ nữ, cựu chiến binh ; các lão thành cách mạng, những người có công với nước, các cán bộ nghỉ hưu, đối với các nhà doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế ; đối với vấn đề dân tộc, vấn đề tôn giáo, và đối với đồng bào định cư ở nước ngoài v.v..

Dự thảo Báo cáo Chính trị nhấn mạnh vai trò quan trọng của *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân* trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát huy dân chủ, giữ gìn kỷ cương phép nước, nâng cao trách nhiệm công dân, thúc đẩy công cuộc đổi mới, thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Muốn vậy, cần tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân ; khắc phục tình trạng hành chính hóa, quan liêu, xa dân. Xây dựng các phong trào quần chúng gắn liền với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và từng địa phương. Hướng mạnh về cơ sở để phát triển tổ chức, tăng cường sinh hoạt chính trị, tư tưởng đáp ứng nhu cầu và lợi ích thiết thực của các đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân, nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân.

IX - TIẾP TỤC CẢI CÁCH VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC, PHÁT HUY DÂN CHỦ, TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ

Để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, bảo đảm cho Nhà nước ta thật sự trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực và hiệu quả, Dự thảo Báo cáo Chính trị chỉ ra những công việc lớn sau đây :

- Giữ vững và phát huy bản chất giai cấp công nhân, xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân do Đảng lãnh đạo.

- Phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế, giữ vững trật tự kỷ cương, chống quan liêu, tham nhũng, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả kiểm tra, giám sát của Nhà nước và nhân dân đối với hoạt động của Nhà nước.

- Cải cách thể chế nhà nước và tổ chức bộ máy theo nguyên tắc thống nhất quyền lực của Nhà nước, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức.

Dự thảo Báo cáo Chính trị nhấn mạnh : cải cách và hoàn thiện Nhà nước phải gắn liền với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Nhà nước là trụ cột của hệ thống chính trị và là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Phát huy trách nhiệm, tính chủ động, sắc bén và hiệu lực trong quản lý, điều hành của Nhà nước, bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế, xã hội.

Dự thảo cũng nhấn mạnh việc cải cách và kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước, xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu tăng cường quản lý nhà nước trong cơ chế kinh tế mới.

X - XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

Đây là một nội dung có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Dự thảo Báo cáo Chính trị nêu rõ : Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Những thành tựu to lớn và rất quan trọng của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc 15 năm qua chứng minh sự phát triển và trưởng thành của Đảng.

Từ Đại hội VIII đến nay, Đảng ta đã dành nhiều công sức tiến hành công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, gắn liền với việc củng cố kiện toàn hệ thống chính trị và việc thực hiện nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế.

Digitized by Google

Các cấp ủy và tổ chức đảng đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, coi trọng công tác tư tưởng để thống nhất ý chí và hành động trong Đảng và trong xã hội, phấn đấu thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội VIII đề ra. Đảng đã xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược cán bộ ; kiện toàn cơ quan lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước, bảo đảm tính kế thừa và phát triển. Tiếp tục hoàn chỉnh quan điểm và bổ sung chủ trương, giải pháp xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân ; lãnh đạo xây dựng quy chế phát huy quyền làm chủ của nhân dân, trước hết ở cơ sở ; kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị và cải tiến tiền lương, trợ cấp xã hội thuộc ngân sách nhà nước. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, mở rộng dân chủ trong Đảng và trong xã hội, tập hợp trí tuệ của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong quá trình ra nghị quyết, thể chế hóa về mặt nhà nước các nghị quyết của Đảng.

Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) đã ra Nghị quyết về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng ; mở cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tiến hành việc kiểm điểm tập thể, tự phê bình và phê bình cá nhân cán bộ, đảng viên trong các cấp ủy và tổ chức đảng từ trên xuống dưới, tập trung vào ba vấn đề : tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và trách nhiệm chính trị trước nhiệm vụ được giao. Qua gần hai năm triển khai thực hiện, với sự chỉ đạo kiên trì và tập trung, cuộc vận động tuy chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra, nhưng cũng đã đạt được một số kết quả và kinh nghiệm bước đầu quan trọng. Qua tự phê bình và phê bình, đã nâng cao thêm nhận thức đối với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng ; giáo dục, ngăn ngừa những sai phạm ; củng cố đoàn kết nội bộ, chấn chỉnh các khâu lãnh đạo và quản lý theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tăng cường chế độ trách nhiệm của tập thể và cá nhân. Đã xử lý kỷ luật đảng, kỷ luật hành chính và pháp luật đối với không ít cán bộ sai phạm, kể cả một số cán bộ cấp cao, được nhân dân đồng tình.

Tuy nhiên, trong công tác xây dựng Đảng, đang nổi lên một số vấn đề rất đáng quan tâm :

- Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, tệ quan liêu, tham nhũng ở một bộ phận cán bộ, đảng viên là nghiêm trọng, chưa được khắc phục có hiệu quả.

- Chưa làm rõ và chưa tạo được sự thống nhất cao đối với một số quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Tổ chức đảng ở các cấp chưa được chỉnh đốn thực sự vững mạnh, ở nhiều nơi dân chủ, kỷ luật, kỷ cương chưa được tăng cường, đoàn kết nội bộ kém ; chất lượng sinh hoạt đảng giảm sút.

- Việc thực hiện chiến lược cán bộ chưa được quan tâm đúng mức. Trình độ kiến thức và năng lực lãnh đạo của đội ngũ cán bộ chưa theo kịp yêu cầu của thời kỳ mới.

- Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng còn chậm, một số tổ chức đảng và các cơ quan nhà nước để xảy ra những mâu thuẫn với nhân dân, chậm được giải quyết, gây bất bình trong nhân dân.

- Tổ chức chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Đảng và pháp luật Nhà nước chưa nghiêm.

Dự thảo Báo cáo Chính trị đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ và những giải pháp để đẩy mạnh, tăng cường xây dựng Đảng trong tình hình mới. Đặc biệt chú ý một số vấn đề :

1- Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị và tư tưởng, bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng ; nâng cao kiến thức, năng lực lãnh đạo, rèn luyện đạo đức và lối sống cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Bồi dưỡng nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và tạo ra sự thống nhất cao trong Đảng về lý tưởng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, về nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức, sinh hoạt Đảng. Mở rộng trong Đảng và trong nhân dân phong trào học tập và làm theo tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh.

Các cấp ủy và tổ chức đảng nắm vững và chủ động làm tốt công tác tư tưởng trong nội bộ Đảng và trong nhân dân ; đấu tranh với những khuynh hướng tư tưởng sai trái và âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch. Từng bước nâng cao trình độ trí tuệ, kiến thức, năng lực lãnh đạo và vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

Digitized by Google

Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tệ quan liêu, tham nhũng, tư tưởng thực dụng, tham vọng cá nhân, lối sống vị kỷ, sa đọa.

2 - Củng cố Đảng về tổ chức, mở rộng dân chủ, tăng cường kỷ luật và giữ vững đoàn kết trong Đảng.

Kiện toàn hệ thống tổ chức của Đảng gắn liền với việc kiện toàn tổ chức, bộ máy của Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội. Xác định chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan đảng, làm việc theo đúng quy chế, xây dựng chức danh, tiêu chuẩn cán bộ và áp dụng vào việc đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn cán bộ.

Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt đảng, chống mọi biểu hiện vi phạm quyền dân chủ, dân chủ hình thức, hoặc lợi dụng dân chủ để mưu cầu lợi ích cục bộ, bản vị, làm suy yếu sức mạnh của tổ chức đảng.

3 - Tích cực thực hiện chiến lược cán bộ.

Thông qua hoạt động thực tiễn và phong trào cách mạng của nhân dân, nâng cao trình độ dân trí để tuyển chọn, giáo dục, rèn luyện, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ. Chăm lo xây dựng đội ngũ chuyên gia hoạt động trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Có chính sách đoàn kết, tập hợp rộng rãi các loại cán bộ ; phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng những người có đức, có tài ở trong và ngoài Đảng. Thực hiện nghiêm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ theo nguyên tắc tập trung dân chủ ; đồng thời, phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tôn trọng pháp luật nhà nước và điều lệ của các đoàn thể nhân dân. Xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu mới, trước hết là đội ngũ cốt cán của Đảng và Nhà nước các cấp, đặc biệt là ở cấp chiến lược, thật sự vững vàng về chính trị, có bản lĩnh, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo.

4 - Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân.

Đây là một nội dung trọng yếu trong nhiệm vụ của các cấp ủy đảng nhằm hoàn thiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị được thể hiện bằng đường lối, chính sách, chủ trương, bằng công tác tổ chức, cán bộ, công tác kiểm tra của Đảng và sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng, phát huy đầy đủ hiệu lực quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước. Đảng lãnh đạo và kiểm tra cán bộ, đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn được giao.

5 - Nâng cao trình độ tổ chức và chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Cấp ủy và tổ chức đảng ở các cấp lãnh đạo việc cụ thể hóa một cách nghiêm túc, khẩn trương và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước phù hợp với đặc điểm tình hình ở từng cấp, từng ngành ; phân công rõ trách nhiệm của mỗi thành viên, định rõ thời gian hoàn thành từng việc ; khắc phục tình trạng chậm trễ, nửa vời, nói không đi đôi với làm, làm không đến nơi đến chốn ; chế độ trách nhiệm không rõ ràng ; thưởng, phạt thiếu nghiêm minh.

Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng. Lãnh đạo việc đổi mới và tăng cường công tác thanh tra của Chính phủ và các cơ quan hành pháp, công tác giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân và các đoàn thể theo đúng chức năng và thẩm quyền.

*
* *

Sau khi trình bày nội dung mười vấn đề nêu trên, Dự thảo Báo cáo Chính trị kết luận :

Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam là Đại hội của *Trí tuệ, Dân chủ, Đoàn kết, Đổi mới*, thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc ta, trong thời điểm lịch sử trọng đại bước vào thiên niên kỷ mới.

Toàn Đảng, toàn dân ta quyết tâm phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nắm chắc thời cơ, vượt qua thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững vàng xốc tới tương lai ngày càng tốt đẹp và rạng rỡ. ❑

Digitized by Google

BẢY MƯƠI NĂM CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG - TRUYỀN THỐNG VẺ VANG, TRÁCH NHIỆM TO LỚN

70 năm trước, ngày 1-8-1930, Ban Cổ động và Tuyên truyền của Đảng Cộng sản Việt Nam ra mắt quốc dân đồng bào bằng bản *Tuyên truyền đại cương ngày Quốc tế đỏ mồng 1 tháng 8*, tuyên bố cùng gánh vác trọng trách lịch sử cách mạng do Đảng và dân tộc ta giao phó. Và kể từ đó, ngành công tác tư tưởng của Đảng chính thức hoạt động, khẳng định vị trí, vai trò của mình. Việc lập ra Ban Cổ động và Tuyên truyền là kết quả tất yếu xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của Đảng, của cách mạng. Ngay từ lúc Đảng mới khai sinh, điều đó khẳng định trong bản *Sách lược vắn tắt của Đảng* : "... Trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu nước *An Nam độc lập*, phải đồng tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới...", được nhấn mạnh trong cuốn *Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam* : "Tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản và cổ động quần chúng theo Đảng". Mặt khác qua thực tiễn, công tác tư tưởng càng khẳng định và trở thành một bộ phận cơ bản của chỉnh thể hữu cơ toàn bộ công việc lãnh đạo của Đảng, như Bác Hồ đã từng căn dặn : "công việc thành hay bại một phần lớn là do nơi tư tưởng đạo đức, thái độ và lề lối làm việc...", do đó, "toàn Đảng phải tư tưởng nhất trí, hành động nhất trí, đoàn kết nhất trí mới làm trọn nhiệm vụ của Đảng".

*
* *

Đứng ở vị trí đặc biệt đó, với vai trò to lớn và trách nhiệm nặng nề, 70 năm qua, trong mỗi chặng đường của cách mạng, của dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, ngành công tác tư tưởng không ngừng trưởng thành và vững mạnh, góp phần quan trọng vào sự nghiệp vĩ đại giành độc lập dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

• Mười lăm năm đầu tiên non trẻ (1930 - 1945) là thời gian mà công tác tư tưởng sinh thành cùng với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, nỗ lực vượt bậc cho công tác chuẩn bị giành chính quyền. Với kỳ công của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã được gieo mầm và thấm sâu vào phong trào yêu nước và phong trào công nhân Việt Nam, tới độ chín muồi về tư tưởng chính trị và cùng với công tác tổ chức khoa học, Đảng Cộng sản Việt Nam được khai sinh. Mới ra đời, Đảng ta đã nhận thức rõ ràng và sâu sắc rằng, công tác tư tưởng là mặt trận có tầm quan trọng hàng đầu. Các văn kiện như Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt và Điều lệ vắn tắt của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc soạn thảo được thông qua tại Hội nghị hợp nhất Đảng đã trở thành Cương lĩnh đầu tiên của Đảng. Ngọn gió tư tưởng chính trị đó, qua những đảng viên cộng sản - những chiến sĩ tiền phong tư tưởng đã thổi bùng ngọn lửa yêu nước Việt Nam thành cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh 1930 - 1931, nuôi dưỡng phong trào cách mạng Việt Nam 1930 - 1935, dù bị thực dân phong kiến đàn áp đẫm máu.

Như mạch ngầm sôi sục, trận địa tư tưởng của Đảng với đội ngũ chiến sĩ trung kiên, đã tỏa rộng trong nhân dân suốt cao trào 1936 - 1939 và tiếp đó đến cao trào 1939 - 1945 vừa kịp thời tuyên truyền các nhận định và chủ trương của Đảng, đưa ra những khẩu hiệu hướng dẫn tư tưởng và hành động của quần chúng, vừa đấu tranh sắc bén với các khuynh hướng tư tưởng sai lầm như rụt rè, do dự sợ địch hay phiêu lưu, nôn nóng, manh động... Tất cả nhằm tập trung sức mạnh toàn dân tộc vào nhiệm vụ phản đế, giành độc lập cho dân tộc. Và năm 1945, thời cơ cách mạng đã chín muồi. Từ mặt trận tư tưởng, với hàng loạt binh chủng ra quân, với những hình thức hoạt động phong phú linh hoạt vừa mềm dẻo vừa táo bạo, những chiến

Digitized by Google

sĩ tư tưởng đã góp phần to lớn trong việc cổ vũ và tổ chức quần chúng cách mạng nổi dậy đồng loạt và rộng khắp, huy động sức mạnh toàn dân tộc vùng lên lật đổ chế độ thực dân, phong kiến, giành lại độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Thắng lợi vĩ đại đó là *thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và đường lối cách mạng độc lập tự chủ, sáng tạo của Đảng ta* ; thắng lợi của *ý chí độc lập, tự do của nhân dân ta,* đồng thời *cũng là thắng lợi to lớn của công tác tư tưởng* trong việc tuyên truyền, giáo dục và cổ động biến những tư tưởng lý luận thành hiện thực cách mạng, biến chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đường lối chính trị của Đảng thành phong trào hành động cách mạng sâu rộng của nhân dân.

● *Chặng đường tiếp theo là chặng đường công tác tư tưởng ra sức vận động nhân dân bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc, giữ vững thành quả cách mạng vừa mới giành được sau Cách mạng Tháng Tám và tiến hành cuộc kháng chiến thần thánh đánh thắng thực dân Pháp.*

Bối cảnh lịch sử thời gian sau khi vừa giành được chính quyền đã đặt ra trước Đảng ta vô vàn khó khăn, thách thức to lớn. Và do đó, cũng đặt ra trước công tác tư tưởng không ít thử thách cam go, không ít trách nhiệm nặng nề. Nếu những ngày đầu tiên năm 1946 công tác tư tưởng hướng trọng tâm vào nhiệm vụ củng cố, bảo vệ chính quyền non trẻ, chống giặc đói, giặc dốt, chuẩn bị chống giặc ngoại xâm..., thì ngay sau đó ít tháng và suốt chín năm trường của cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược, công tác tư tưởng góp phần quan trọng vào việc xây dựng đường lối và biến đường lối ấy thành phong trào vừa kháng chiến vừa kiến quốc, với phương châm "toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính", quyết chiến thắng vì độc lập tự do. Các phương diện tiến công của mặt trận tư tưởng được mở rộng không ngừng, sâu rộng trong cả nước và không ngừng gây ảnh hưởng trên trường quốc tế. Các binh chủng tư tưởng ra quân đồng loạt, từ báo chí công khai đến tuyên truyền binh vận trong lòng địch ; từ giáo dục nội bộ : rèn cán, chỉnh quân, chỉnh huấn Đảng đến cổ động phong trào toàn dân thi đua yêu nước... tạo nên một trận địa tư tưởng lòng dân vững chắc, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới, quyết tâm đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi hoàn toàn. Và Việt Nam đã chiến thắng. Trong thắng lợi này, *công tác tư tưởng đã góp phần xứng đáng và hết sức quan trọng. Chúng ta không chỉ chiến thắng đế quốc Pháp bằng sức mạnh quân sự với vũ khí quân sự mà còn chiến thắng bằng sức mạnh tư tưởng với vũ khí tư tưởng... Tất cả tổng hòa thành sức mạnh của bạo lực cách mạng Việt Nam, dưới ngọn cờ của Đảng.*

● Tiếp tục truyền thống quý giá ấy, 21 năm (1954 - 1975) cả dân tộc vừa kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng, công tác tư tưởng lại đi đầu tổ chức, động viên, phát huy sức mạnh của dân tộc trong thời đại mới. Các binh chủng tư tưởng lại vào trận : từ giáo dục lý luận chính trị đến báo chí, xuất bản, từ tuyên truyền cổ động đến văn hóa - văn nghệ... ; trải rộng khắp hai miền Bắc-Nam từ hậu phương tới tiền tuyến, ở vùng địch tạm chiếm hay vùng tự do, từ miền xuôi tới miền rừng núi..., xứng đáng là lực lượng xung kích cách mạng trong cuộc chiến đấu của dân tộc. Công tác tư tưởng góp phần mở rộng quan hệ quốc tế, nêu cao chính nghĩa Việt Nam, chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, hình thành hậu phương quốc tế của sự nghiệp giải phóng miền Nam, bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, thống nhất đất nước. Hàng nghìn cán bộ tư tưởng đã ngã xuống vì nền độc lập tự do của dân tộc nhưng đội ngũ vẫn tiếp tục không ngừng lớn mạnh ; trong tổ chức của toàn ngành tư tưởng, binh chủng nào cũng được củng cố và phát triển. Và năm 1975, Việt Nam đã đi, đã đến chiến thắng. Từ đây, chúng ta giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi vĩ đại đó *là kết quả tất yếu của đường lối cách mạng do Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh vạch ra ; là kết tinh của sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Công tác tư tưởng và hoạt động của đội ngũ những người làm công tác tư tưởng đã góp phần xứng đáng vào chiến thắng thần kỳ ấy.* Có thể nói, đó là *thành tựu vô cùng to lớn và rất đáng tự hào* của công tác tư tưởng của Đảng ta.

Digitized by Google

● Tròn 25 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc trên cả nước, kể từ chiến thắng lịch sử mùa Xuân 1975, công tác tư tưởng đã trải qua một tiến trình phức tạp và có bước phát triển khá phong phú. Trong chặng đường 10 năm đầu (1975 - 1985), công tác tư tưởng tập trung tuyên truyền giáo dục phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, truyền thống yêu nước trong chiến tranh vào thực tiễn công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, động viên các tầng lớp nhân dân khắc phục khó khăn, quyết tâm vượt qua thử thách của cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng, chống lại những luận điệu phủ định quá khứ cách mạng tốt đẹp và những mưu đồ chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc... Chặng đường 15 năm tiếp theo (1985 - 2000), công tác tư tưởng không ngừng góp phần xây dựng ý chí kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, xây dựng tinh thần độc lập tự chủ trong việc xác định phương hướng, bước đi của công cuộc đổi mới toàn diện, kịp thời cổ vũ những thành tựu của công cuộc đổi mới, những sáng kiến của quần chúng, đấu tranh chống lại những luận điệu xuyên tạc, phản động và khắc phục tâm trạng hoài nghi, bi quan, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Đặc biệt, ở chặng đường sau này, công tác tư tưởng đã góp phần cơ bản và quan trọng trong việc từng bước hình thành những quan điểm chỉ đạo công cuộc đổi mới, những quan niệm về chủ nghĩa xã hội và về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, động viên và tập hợp đông đảo nhân dân cùng nhau xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mặt trận công tác tư tưởng ngày càng trưởng thành và khẳng định vị trí tiên phong khi sự nghiệp đổi mới đi vào chiều sâu, trở thành động lực mạnh mẽ tạo nên bước chuyển lớn cả về tính chất, quy mô, tốc độ và mức độ của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Tuy còn những hạn chế, khuyết điểm, thậm chí có mặt còn non yếu nhưng trong 25 năm qua, nhất là 15 năm đổi mới, công tác tư tưởng đã góp phần quan trọng tuyên truyền giáo dục những quan điểm đổi mới, khẳng định sự lãnh đạo của Đảng và con đường xã hội chủ nghĩa, giữ vững sự thống nhất tư tưởng và hành động trong Đảng và trong toàn xã hội, đấu tranh chống lại mọi âm mưu và thủ đoạn chống phá, xuyên tạc của kẻ thù đối với Đảng, Nhà nước và chế độ ta. Thành tựu đáng kể nhất là đã góp phần to lớn đổi mới tư duy, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, cụ thể hóa và phát triển đường lối, xây dựng các luận cứ khoa học cho những quyết sách lớn của Đảng và Nhà nước, thúc đẩy phong trào thi đua hành động cách mạng của nhân dân, nâng cao hiệu quả xã hội và ý nghĩa quốc tế của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc của Đảng, của nhân dân ta.

*

* *

Thực tiễn công tác tư tưởng 70 năm qua với những thành tựu to lớn giành được, cùng những khuyết điểm cần khắc phục đã đưa lại cho chúng ta nhiều bài học quý báu.

Một là, *trước hết, phải kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo gắn với thực tiễn cuộc sống, phục vụ cho việc xây dựng đường lối chính trị, đưa đường lối ấy vào cuộc sống, thực hiện nhiệm vụ chính trị trong từng thời kỳ cách mạng.*

Thực tiễn 70 năm qua của sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta đã chỉ rõ vì sao trước những thách thức hiểm nghèo, trước các bước ngoặt của cách mạng, Đảng ta vẫn kiên định vững vàng lãnh đạo nhân dân Việt Nam tiến lên giành những thắng lợi vĩ đại. Bài học kinh nghiệm lớn của công tác tư tưởng là phải tập trung xây dựng Đảng về chính trị, làm cho toàn Đảng kiên định mục tiêu lý tưởng, kiên định nền tảng tư tưởng, kiên định nguyên tắc cơ bản trong hoạt động, kiên định sự lãnh đạo của Đảng. Chỉ trên cơ sở Đảng và các tổ chức đảng vững mạnh về chính trị mới bảo đảm cho Đảng - Bộ tham mưu chính trị của giai cấp, lãnh tụ chính trị của dân tộc kiên định vững vàng trước mọi diễn biến phức tạp của tình hình, đề ra đường lối, chiến lược đúng đắn. Đó chính là cơ sở làm cho toàn xã hội thống nhất về chính trị tư tưởng để vượt qua mọi thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị từng thời kỳ, đưa cách mạng tiếp tục tiến lên.

Digitized by Google

Giáo dục kiên định mục tiêu, lý tưởng của cách mạng, nền tảng tư tưởng, nguyên tắc cơ bản của hoạt động không có nghĩa là để rập khuôn, máy móc, mà chính là nắm bản chất cách mạng, khoa học của nó để vận dụng một cách sáng tạo vào thực tiễn cách mạng, phục vụ cho việc xây dựng đường lối chính trị, đưa đường lối đó vào cuộc sống nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị. Đó là nhiệm vụ nặng nề của công tác tư tưởng của Đảng.

Hai là, *công tác tư tưởng phải gắn liền với công tác tổ chức, với phong trào cách mạng của quần chúng, nói đi đôi với làm.*

Sau khi có đường lối chính trị đúng đắn, có phương hướng công tác tư tưởng thì phải có phương hướng, kế hoạch công tác tổ chức và dày công tổ chức thực hiện phong trào cách mạng quần chúng thì tư tưởng mới biến thành hành động. Nói phải đi đôi với làm. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu trong hành động cách mạng, dẫn đầu phong trào quần chúng theo phương châm "đảng viên đi trước, làng nước theo sau".

Ba là, *định hướng tư tưởng đúng và kịp thời, nhất là khi có tình hình biến động phức tạp và trong các bước ngoặt của cách mạng.*

Công tác tư tưởng cần bám sát thực tiễn, kịp thời nắm bắt diễn biến tư tưởng, dự báo chiều hướng phát triển để định hướng tư tưởng đúng và kịp thời. Định hướng đúng và kịp thời thì thống nhất được tư tưởng và hành động, phát huy được các nhân tố tích cực, hạn chế tiêu cực, làm cho cách mạng phát triển thuận lợi. Việc định hướng tư tưởng đúng và kịp thời không những quan trọng đối với các vấn đề chiến lược hoặc những biến động chính trị lớn, mà còn cần thiết cả đối với các vấn đề thời sự quan trọng, những vấn đề mới nảy sinh trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, đối với những thủ đoạn lừa bịp, phá hoại của kẻ thù, việc chỉ đạo tư tưởng cần đi sát cuộc sống, có định hướng đúng, nhất là đối với báo chí, văn nghệ là những công cụ quan trọng, nhạy cảm, hằng ngày tác động đến đông đảo quần chúng.

Bốn là, *phát huy thế chủ động, tiến công trên mặt trận tư tưởng, kết hợp chặt chẽ "xây" và "chống", biểu dương và phê bình.*

Không thụ động, né tránh, bỏ trống trận địa tư tưởng. Đó là biểu hiện tính khoa học và tính chiến đấu của công tác tư tưởng.

Tính chủ động còn thể hiện ở chỗ coi trọng cổ vũ, biểu dương những điển hình tốt, những nhân tố tích cực trong cuộc sống, đi đôi với phê phán những cái xấu, những hiện tượng tiêu cực. "Xây" là chính, đó là cách "chống" một cách chủ động để ngăn ngừa cái xấu. Nhưng "xây" phải đi liền với "chống" thì mới "xây" được vững chắc. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước là một nhiệm vụ rất quan trọng. Báo công, lập công đi đôi với tự phê bình và phê bình là hình thức giáo dục có hiệu quả.

Năm là, *kết hợp ba mặt giáo dục lý luận Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chính sách của Đảng, kiến thức văn hóa, quản lý, kỹ thuật, phẩm chất và đạo đức cách mạng.*

Trong việc giáo dục cán bộ, đảng viên, cần coi trọng việc thống nhất lý luận và thực tiễn, học đi đôi với hành, giáo dục lý luận gắn chặt với giáo dục phẩm chất đạo đức cách mạng. Muốn nắm vững thực chất chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh vừa phải có tri thức cách mạng, vừa phải có tinh thần cách mạng, nhiệt tình cách mạng.

Việc giáo dục toàn diện đối với cán bộ, đảng viên là nội dung rất quan trọng của công tác xây dựng Đảng, làm cho Đảng ta thực sự tiên phong về đạo đức cách mạng, về trí tuệ và năng lực tổ chức thực tiễn trong tình hình hiện nay.

Sáu là, *nâng cao tính khoa học, thực hiện dân chủ trong công tác tư tưởng.*

Phải tăng cường nghiên cứu lý luận Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với việc tổng kết kinh nghiệm thực tiễn. Phải phản ánh đúng hiện thực khách quan, quy luật vận động, đúng sự thật, tức là thể hiện tính chân thực của công tác tư tưởng. Thái độ của Đảng là nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng, nói rõ sự thật cho nhân dân biết. Phải nghiên cứu đặc điểm của các tầng lớp nhân dân, từng đối tượng để có nội dung, phương pháp thích hợp. Cần tổng kết khoa học nghiệp vụ của các binh chủng (tuyên truyền miệng, báo chí, xuất bản, văn học - nghệ thuật, trường học...).

Digitized by Google

Thực hiện dân chủ là một phương châm cơ bản của công tác tư tưởng. Trong nghiên cứu lý luận, cần có cơ chế khuyến khích phát huy tự do tư tưởng, tạo môi trường cho sự thảo luận dân chủ, tranh luận để tìm ra chân lý khách quan, tránh được những kết luận chủ quan một chiều, đồng thời bảo đảm được sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ và phát triển được chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chống lại các lý thuyết phản động, các quan điểm sai lầm. Thực hiện mở rộng thông tin, bảo đảm quyền được thông tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân, mở rộng những hình thức đối thoại, thảo luận dân chủ cởi mở với các tầng lớp nhân dân đi đôi với chống quan liêu, ngăn ngừa và hạn chế sai lầm.

Bảy là, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, cải tiến phương thức lãnh đạo, phát huy sức mạnh tổng hợp trong công tác tư tưởng.

Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trên các mặt : nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, phát huy vai trò và tiềm lực của đội ngũ cán bộ ; định hướng chính trị tư tưởng đúng và kịp thời, nắm bắt diễn biến tư tưởng nhanh nhạy, nâng cao chất lượng dự báo các chiều hướng phát triển, đấu tranh sắc bén với các thủ đoạn chiến tranh tâm lý của các thế lực thù địch ; chỉ đạo chặt chẽ việc tuyên truyền đường lối, chính sách, nghị quyết, quan điểm của Đảng, tăng cường giáo dục lý tưởng, phẩm chất đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên ; xây dựng đội ngũ cán bộ công tác tư tưởng.

Cải tiến phương thức lãnh đạo, phát huy sức mạnh của công tác tư tưởng : chỉ đạo chặt chẽ về định hướng chính trị tư tưởng thông qua cấp ủy, các tổ chức Đảng, huy động và phối hợp lực lượng toàn Đảng, toàn hệ thống chính trị, kết hợp các lực lượng chuyên trách và không chuyên trách, phát huy sức mạnh tổng hợp của công tác tư tưởng, vai trò và hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước, sử dụng có hiệu quả các phương tiện thông tin đại chúng ; bám sát cơ sở, gắn với thực tiễn ở cơ sở.

*

* *

Dân tộc ta đang cùng nhân loại bước tới thiên niên kỷ mới. Sự nghiệp đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc của Đảng và nhân dân ta đang đứng trước những cơ hội lớn và những thách thức lớn. Đảng ta đang tích cực chuẩn bị toàn diện tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Tình hình và điều kiện đó đã và đang đặt ra trước công tác tư tưởng của Đảng hàng loạt vấn đề vừa cơ bản vừa bức xúc đòi hỏi phải giải quyết kịp thời và hiệu quả, trong đó nổi bật là : Tăng cường tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, góp phần kiến giải những vấn đề bức xúc nảy sinh từ thực tiễn ; tiếp tục làm rõ hơn những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ; bổ sung, phát triển đường lối của Đảng một cách đúng đắn và sáng tạo ; nâng cao chất lượng, bồi dưỡng nhận thức của cán bộ, đảng viên nhằm tạo ra sự thống nhất cao về lý tưởng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ; góp phần mở rộng trong Đảng và trong nhân dân phong trào học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh ; từng bước nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo và vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên ; góp phần kiên quyết đấu tranh và đẩy lùi chủ nghĩa cá nhân, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, tệ quan liêu, tham nhũng, tư tưởng thực dụng, tham vọng cá nhân, lối sống vị kỷ, sa đọa, tệ mất đoàn kết trầm trọng ở một số nơi...

Trong khi đó, phải thừa nhận rằng, công tác tư tưởng chưa dự báo đầy đủ thực trạng tư tưởng nói trên, chưa tiến hành giáo dục một cách có hệ thống, phù hợp với thực tế và có hiệu quả, thậm chí có nơi, có lúc còn buông lỏng. Hình thức và phương pháp công tác tư tưởng chậm đổi mới, hiệu quả chưa cao. Các phương tiện công tác tư tưởng còn lạc hậu...

Mặc dù vậy, với tất cả những thành tựu đã đạt được, những khiếm khuyết, hạn chế đã được nghiêm túc xem xét, bằng những kinh nghiệm máu thịt được rút ra từ thực tiễn sôi động trong 70 năm qua, chúng ta tin tưởng vững chắc rằng, công tác tư tưởng của Đảng tiếp tục phát huy tinh thần cách mạng tiến công, nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, không ngừng vươn lên mạnh mẽ, vững chắc, hoàn thành trọng trách mà sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc giao phó, xứng đáng với sự tin cậy của Đảng và của nhân dân.❑

Digitized by Google

NGUYỄN ÁI QUỐC - NGƯỜI SÁNG LẬP VÀ CHỦ BIÊN ĐẦU TIÊN CỦA TẠP CHÍ LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA ĐẢNG

NGUYỄN TRỌNG THỤ

Là một nhà hoạt động cách mạng lỗi lạc, đồng chí Nguyễn Ái Quốc hiểu rất rõ tác dụng quan trọng của báo chí trong công tác tuyên truyền và tổ chức cách mạng. Thời còn hoạt động trên đất Pháp, Người đã tham gia sáng lập tờ báo *Le Paria* (Người cùng khổ). Tháng 6 năm 1925, sau khi sáng lập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội, Người lại cho ra đời tuần báo *Thanh niên*. Số đầu tiên của tuần báo *Thanh niên* đề ngày 21-6-1925. Ngày đó đã trở thành Ngày Nhà báo Việt Nam.

Việc xuất bản Tạp chí *Đỏ* là một chủ trương đã được thông qua trong Hội nghị thành lập Đảng, do Nguyễn Ái Quốc chủ trì. Theo biên bản vắn tắt của Hội nghị đó đề ngày 7-2-1930, hiện được lưu giữ tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, thì cùng với việc thông qua các văn kiện quan trọng của Đảng như *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt* v.v... do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo, Hội nghị đã quyết định : "Ban Trung ương có thể xuất bản một tạp chí lý luận và ba tờ báo tuyên truyền ở ba xứ...".

Tháng 6-1930, sau một thời gian đi công tác ở Đông Bắc nước Xiêm (Thái Lan), ở Ma-lai-xi-a và ở Xin-ga-po làm nhiệm vụ do Quốc tế Cộng sản giao, Nguyễn Ái Quốc trở lại Thượng Hải. Người nhận định rằng, lúc này phong trào trong nước đã lên khá cao, cần tranh thủ sự giúp đỡ của các Đảng anh em để đẩy mạnh công tác, đặc biệt là công tác tuyên truyền báo chí. Theo đồng chí Nguyễn Lương Bằng kể lại thì lúc đó Nguyễn Ái Quốc đã giới thiệu Nguyễn Lương Bằng tới gặp một số cán bộ của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Sau những cuộc gặp gỡ này, các đồng chí Trung Quốc đã giúp các phương tiện vật liệu làm báo và đảm nhiệm việc ấn loát, phát hành báo vào các trại lính Việt Nam đóng ở tô giới Pháp tại Thượng Hải.(+)

Đầu tháng 8-1930, Tạp chí *Đỏ* - cơ quan lý luận và chính trị của Đảng - ra mắt bạn đọc. Theo lời ghi trong hồ sơ lưu trữ của Quốc tế Cộng sản thì Tạp chí *Đỏ* được những người cộng sản Đông Dương xuất bản ở Trung Quốc. Nhiều tư liệu lịch sử đã chứng minh rằng Nguyễn Ái Quốc là người sáng lập và chủ biên Tạp chí *Đỏ*.

Tạp chí *Đỏ* số 1 đề ngày 5-8-1930, với khổ trung bình 13 x 19 cm, chữ đánh máy, in rô-nê-ô.

Hiện nay, Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng còn lưu trữ Tạp chí *Đỏ* số 1 (ra ngày 5-8-1930), số 2 (không đề ngày tháng), số 3 (ra ngày 25-8-1930), số 9 (không đề ngày tháng).

Lời nói đầu trong số 1 của Tạp chí *Đỏ* ghi rõ :

"1 - Tạp chí này sau sẽ tiếp tục in mãi. Hoặc nhiều hoặc ít, hoặc 1 tuần hoặc 10 ngày, nửa tháng, không nhất định.

2 - Tài liệu trong Tạp chí : hoặc là cách làm việc, hoặc là kinh nghiệm cách mạng các nước, hoặc là tin tức thế giới, hoặc là phê bình công việc của mình, v.v. Sẵn gì in nấy.

3 - Trách nhiệm các cơ quan đối với Tạp chí : a - đem làm tài liệu huấn luyện và nghiên cứu cho đảng viên, b - lấy tài liệu trong này mà làm báo, c - bài nào nên truyền bá cho đa số quần chúng thì

+ Xem : *Bác Hồ, hồi ký*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1960, tr 65 - 66

Digitized by Google

kiếm cách in thêm ra, đ - xem chỗ nào có tâm đắc, chỗ nào khó hiểu, chỗ nào nên sửa đổi, chỗ nào không hợp với hoàn cảnh riêng của địa phương mình v.v. thì *phải phê bình, phải hỏi*. Nói tóm lại là các đồng chí phải hết sức truyền bá và giúp cho Tạp chí được hoàn toàn và phát triển". Như vậy, trong *Lời nói đầu*, Tạp chí *Đỏ* đã tự đặt cho mình trách nhiệm hướng dẫn các tờ báo khác của Đảng và hướng dẫn các cán bộ, đảng viên về mặt lý luận, đường lối chính trị.

Sau *Lời nói đầu*, Tạp chí *Đỏ* số 1 dành toàn bộ nội dung nói về bí mật trong công tác. Đây là một nội dung cần thiết hàng đầu cho hoạt động của Đảng, khi Đảng ta vừa mới ra đời được khoảng nửa năm. Với lối viết ngắn gọn, theo lối đặt câu hỏi và trả lời, bài "Bí mật công tác" đăng suốt 12 trang báo đã đề cập các vấn đề : vì sao phải bí mật ; vì sao các cơ quan thường bị bắt ; các khuynh hướng sai lầm đối với vấn đề giữ bí mật. Tiếp đó bài viết nêu rõ 12 điều khuôn phép của công việc bí mật, và nêu vắn tắt 10 cách bí mật cần lưu ý, cần tùy hoàn cảnh, tùy cơ ứng biến cho khéo.

Số 2 cũng 12 trang. Ngoài bìa đề *"Xuân hoa thu nguyệt"* nhằm đánh giá lạc hướng bọn mật thám. Tuy vậy, mở đầu trang 1 vẫn ghi rõ Tạp chí *Đỏ* số 2. Số này dành toàn bộ 12 trang đăng bài viết về kinh nghiệm bãi công xe điện ở Thượng Hải. Sau khi nêu nguyên nhân của bãi công, bài báo đã vạch lại quá trình diễn biến của cuộc bãi công, những khó khăn xảy ra và cách đối phó, những kết quả đã đạt được. Bài báo cũng đã phê phán những nhận thức sai đối với cuộc bãi công, nêu bật ý nghĩa thắng lợi chính trị của cuộc bãi công và rút ra những bài học kinh nghiệm. Có thể coi đây là một tài liệu quý báu để cán bộ, đảng viên hướng dẫn tổ chức các cuộc bãi công cho công nhân, đặc biệt là trong cao trào 1930 - 1931.

Tạp chí *Đỏ* số 3 gồm hai bài chính. Bài thứ nhất đề cập các vấn đề của cách mạng tư sản dân quyền. Sau những lời phê phán cách mượn tiếng nước ngoài mà không cắt nghĩa cho quần chúng thợ thuyền và dân cày rõ, bài viết đã bằng những lời lẽ ngắn gọn, giản dị, trình bày các vấn đề : vì sao đã làm cách mạng lại còn tư sản ; tính chất, cách làm và mục đích của tư sản dân quyền cách mạng ; xã hội cách mạng và dân quyền cách mạng khác nhau như thế nào. Vì sao các nước thuộc địa và nửa thuộc địa phải làm dân quyền cách mạng mà không làm ngay xã hội cách mạng. Đây có thể coi là một bài viết nhằm nói rõ thêm về mặt lý luận những cơ sở chủ yếu của *Chính cương vắn tắt* và *Sách lược vắn tắt* của Đảng.

Bài thứ hai viết về cách rải truyền đơn và phát hành báo. Sau khi nói rõ tính chất quan trọng của việc rải truyền đơn và phát hành báo, bài viết đã nêu những khuyết điểm của các đảng viên và của các tổ chức đảng trong công việc đó. Tiếp đó, bài viết trình bày các cách làm và cách tổ chức việc phát hành.

Tạp chí *Đỏ số 9* có sáu trang, chỉ gồm một bài viết về công xưởng ủy viên hội. Sau khi giải thích rõ "công xưởng ủy viên hội là nhóm tất cả công nhân trong một xưởng (bất kỳ đã hiểu hay là chưa hiểu giai cấp) lại thành một đoàn thể, cùng nhau đứng vào một mặt trận để mưu lợi ích chung cho nhau..., là lợi dụng cách đấu tranh để huấn luyện cho tất cả công nhân, làm cho người rụt rè cũng tấn tới, làm cho họ đều hiểu ý nghĩa chính trị và giai cấp đấu tranh", bài báo đã đề cập tiếp các vấn đề : công xưởng ủy viên hội và hành động ủy viên hội ; ai lãnh đạo công xưởng ủy viên hội ; cách tổ chức và công việc công xưởng ủy viên hội ; cách làm cho công xưởng ủy viên hội phát triển ; trách nhiệm công xưởng ủy viên hội bây giờ và về sau...

Căn cứ vào nội dung những số Tạp chí *Đỏ* còn lưu giữ được, có thể nói rằng Tạp chí đã giới thiệu một cách sơ giản những vấn đề lý luận (ví dụ vấn đề cách mạng tư sản dân quyền), trình bày những kinh nghiệm hoạt động cách mạng (như kinh nghiệm cuộc bãi công Thượng Hải), hoặc hướng dẫn một cách có hệ thống các mặt công tác (việc giữ bí mật, công tác rải truyền đơn và phát hành báo v.v). Trong năm đầu khi Đảng mới thành lập, phần đông cán bộ, đảng viên còn bỡ ngỡ trong hoạt động, lại chưa hiểu biết gì mấy về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Tạp chí *Đỏ* đã có tác dụng tích cực trong việc hướng dẫn nhận thức, hướng dẫn công tác cho cán bộ, đảng viên. Tuy về nội dung và hình thức còn đơn giản, do phải thích ứng với điều

(Xem tiếp trang 28)

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 70 NĂM XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH

ĐẢNG ta do Bác Hồ sáng lập và rèn luyện đặc biệt coi trọng công tác lý luận, coi trọng việc xuất bản tạp chí lý luận. Hội nghị thành lập Đảng họp từ ngày 3 đến 7 tháng 2 năm 1930, dưới sự chủ trì của Bác Hồ, đã quyết định : Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng xuất bản một tờ tạp chí lý luận (chung cho toàn Đảng) và ba tờ báo để tuyên truyền (Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ mỗi xứ một tờ báo).

Thi hành Nghị quyết đó, Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng đã xuất bản tạp chí lý luận lấy tên là Tạp chí *Đỏ*. Số 1, Tạp chí *Đỏ* ra ngày 5-8-1930 do Bác Hồ sáng lập và trực tiếp phụ trách.

Tiếp theo Tạp chí *Đỏ* là Tạp chí *Cộng sản* (1931), Tạp chí *Bôn-sơ-vic* (1934 - 1936), Tạp chí *Cộng sản* (1941), *Tạp chí Cộng sản* (1943), Tạp chí *Sinh hoạt nội bộ* (1947 - 1950), *Tạp chí Cộng sản* (1950), Tạp chí *Học tập* (1955 - 1976) và *Tạp chí Cộng sản* (1977 đến nay).

Như vậy là *Tạp chí Cộng sản* đã có bề dày lịch sử 70 năm, trong đó có 45 năm ra liên tục đều kỳ hằng tháng. Quá trình phát triển của tạp chí luôn gắn liền với quá trình cách mạng và sự phát triển lý luận cũng như trình độ tổng kết thực tiễn của Đảng ta.

Trong suốt 70 năm qua, Tạp chí lý luận của Đảng, dù với tên gọi này hay tên gọi khác tùy theo từng thời kỳ, đã không ngừng phấn đấu trưởng thành. Trong từng chặng đường phát triển của cách mạng, đặc biệt là lúc chuyển giai đoạn, Tạp chí đã đóng góp tích cực vào công tác lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng, làm sáng tỏ đường lối, quan điểm tư tưởng của Đảng, bồi dưỡng trình độ lý luận và trình độ chính trị cho cán bộ, đảng viên ; phê phán các quan điểm tư tưởng sai trái, tăng cường sự nhất trí trong Đảng và động viên phong trào hành động cách mạng của nhân dân. Có thể nói, trong mọi thời kỳ, Tạp chí đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần vào thắng lợi chung của cách mạng, của kháng chiến, của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nhìn lại quá trình phát triển và trưởng thành của Tạp chí có thể chia thành mấy giai đoạn sau :

1 - Giai đoạn 1930 - 1954.

Đây là giai đoạn nước ta còn dưới ách thống trị của thực dân Pháp, cách mạng gặp muôn vàn khó khăn. Đảng ta phải hoạt động bí mật ; do sự cấm đoán, khủng bố của địch, Tạp chí của Đảng không ra được đều kỳ và liên tục. Từ khi Đảng ta thành lập cho đến khi kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng, Trung ương Đảng ta lần lượt xuất bản các tạp chí sau :

Tạp chí *Đỏ* được xuất bản ở Trung Quốc. Tạp chí giới thiệu những vấn đề lý luận và kinh nghiệm hoạt động cách mạng. Tuy nội dung và hình thức còn đơn giản, nhưng nó đã mang tính chất của một tạp chí lý luận của Đảng ; đã góp phần hướng dẫn nhận thức, công tác cho cán bộ, đảng viên trong giai đoạn đầu khi Đảng ta mới thành lập.

Tạp chí *Cộng sản* ra số 1 ngày 1-1-1931, ngay sau Hội nghị lần thứ nhất của Trung ương Đảng ít lâu. Tạp chí do đồng chí Tổng Bí thư Trần Phú phụ trách. So với Tạp chí *Đỏ*, Tạp chí *Cộng sản* có nội dung phong phú hơn, và thể hiện rõ nét là cơ quan lý luận và chính trị của Đảng. Tháng 4-1931, cơ quan Trung ương Đảng bị vỡ, đồng chí Trần Phú bị bắt, Tạp chí *Cộng sản* phải đình bản (1).

Tạp chí *Bôn-sơ-vic* được xuất bản theo quyết định của Ban chỉ huy ở nước ngoài của Đảng trong cuộc họp với các đại biểu các đảng bộ trong nước tháng 6-1934. Lúc đầu, Tạp chí *Bôn-sơ-vic* là "cơ quan lý thuyết của Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương (phân bộ của Quốc tế Cộng sản)" ; đến sau Đại hội lần thứ nhất của Đảng tháng 3-1935 thì được đổi thành "cơ quan lý thuyết của

(1) Có tài liệu ghi đến tháng 8 - 1934, Tạp chí *Cộng sản* còn tồn tại. Xem : *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (sơ thảo). Nxb Sự thật, Hà Nội, 1983, tr 209

Digitized by Google

Đảng Cộng sản Đông Dương". Tạp chí đã giới thiệu với bạn đọc các luận điểm của Lê - nin về đảng, nông dân, tôn giáo ; các bài đấu tranh tư tưởng và kinh nghiệm hoạt động cách mạng cũng được chú ý. Nó đóng góp vai trò quan trọng trong việc khôi phục cơ sở và hệ thống tổ chức đảng, thống nhất đảng về lý luận, tư tưởng, chính trị và tổ chức để chuẩn bị đón cao trào cách mạng mới.

Tạp chí Cộng sản, cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, được xuất bản lại vào cuối tháng 9 - 1941, do đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh trực tiếp phụ trách. Tạp chí đã đặc biệt chú ý các vấn đề : xây dựng Đảng, thay đổi khẩu hiệu cách mạng, tổ chức mặt trận chống Pháp, Nhật, phát động cao trào cứu nước, xây dựng các lực lượng vũ trang... Tạp chí chỉ tồn tại một thời gian ngắn rồi đình bản.

Đầu năm 1943, *Tạp chí Cộng sản* được xuất bản lại theo quyết định của Ban Thường vụ Trung ương Đảng. Đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư của Đảng, làm chủ nhiệm kiêm chủ bút. Tạp chí được in tại Nhà in mang tên đồng chí Trần Phú. Tạp chí đã đăng các văn kiện và bài quan trọng về tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong nước và thế giới như : *Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương ; Vài ý kiến về chi bộ Đảng* (bài dịch của đồng chí Hoàng Văn Thụ) ; *Việc giải tán Quốc tế Cộng sản ; Vấn đề khởi nghĩa - Kỷ niệm Xô viết Nghệ An* (của đồng chí Trường Chinh)... Tạp chí có tác dụng hướng dẫn quần chúng vào những nhiệm vụ chủ yếu lúc đó là sửa soạn khởi nghĩa, lật đổ ách thống trị của thực dân phong kiến, giải phóng dân tộc.

Tháng 8-1947, trong bối cảnh cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp giành được những thắng lợi bước đầu, Trung ương Đảng quyết định xuất bản Tạp chí *Sinh hoạt nội bộ* nhằm đáp ứng yêu cầu của việc xây dựng Đảng và tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng. Tạp chí là "cơ quan trung ương huấn luyện công tác và lý luận", do đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư của Đảng trực tiếp phụ trách. Nhiều đồng chí lãnh đạo của Đảng như Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Võ Nguyên Giáp, Lê Đức Thọ, Trần Đăng Ninh, Lê Văn Lương, Nguyễn Chí Thanh... đã viết bài trên tạp chí. Nội dung chính của tạp chí là các vấn đề lý luận cơ bản, việc tổ chức, lãnh đạo các hoạt động thực tiễn. Nó có tác dụng to lớn trong việc tuyên truyền đường lối và các chính sách lớn của Đảng trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Tháng 7-1950, theo quyết định của Hội nghị toàn quốc lần thứ ba của Đảng họp tại Việt Bắc từ ngày 21-1-1950 đến ngày 3-2-1950, *Tạp chí Cộng sản* lại được xuất bản thay cho Tạp chí *Sinh hoạt nội bộ*, và do đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh làm chủ nhiệm, đồng chí Trần Quang Huy làm thư ký tòa soạn. Với tiêu đề "cơ quan trung ương huấn luyện lý luận và công tác của Đảng", so với *Sinh hoạt nội bộ*, *Tạp chí Cộng sản* đi vào lý luận nhiều hơn, các vấn đề đề cập trên tạp chí mang tính khái quát cao hơn, và do đó góp phần nâng cao trình độ lý luận và công tác của cán bộ và đảng viên trong toàn Đảng.

Sau đó một năm, tháng 7-1951, tạp chí *Nghiên cứu*, cơ quan lý luận của Trung ương cục miền Nam, cũng được xuất bản. Tạp chí do đồng chí Hà Huy Giáp làm chủ nhiệm, đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn làm chủ bút. Tạp chí đăng các bài viết, bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh, của các đồng chí ủy viên Trung ương cục miền Nam... ; đăng các bài giới thiệu kinh nghiệm công tác của các đảng anh em.

2 - Giai đoạn 1955 - 1976.

Kể từ giai đoạn này, tạp chí lý luận của Đảng được xuất bản liên tục đều kỳ hàng tháng.

Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới. Để "giúp vào việc nghiên cứu chính sách và giáo dục tư tưởng, bước đầu xây dựng công tác lý luận của Đảng", Hội nghị lần thứ 7 của Trung ương Đảng (khóa II) họp vào tháng 3-1955 đã ra nghị quyết xuất bản tạp chí *Học tập*. Sau khi có nghị quyết, một ban biên tập đã được thành lập gồm 4 đồng chí : Trường Chinh, Tổng biên tập ; Võ Nguyên Giáp, ủy viên ; Hà Huy Giáp, ủy viên ; Trần Quang Huy, thư ký tòa soạn. Tạp chí ra số đầu tiên vào tháng 12-1955. Đó là "cơ quan lý luận và chính trị của Đảng", do Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo. Nhiệm vụ của Tạp chí *Học tập* là "lấy học thuyết Mác - Lê-nin làm cơ sở, kết hợp chặt chẽ lý luận với thực tiễn cách mạng nước ta để tuyên truyền, giáo dục đường lối, phương châm, chính sách của Đảng một cách sâu sắc". Nó còn có nhiệm vụ "hướng dẫn cán bộ học tập theo chương trình do Đảng quy định". Đối tượng phục vụ của Tạp chí là "cán bộ Đảng từ trung cấp trở lên, những cán bộ ngoài Đảng và những người trí thức thích nghiên cứu chính trị và có trình độ đọc hiểu được". Phương châm biên tập của Tạp chí là "làm cho

Digitized by Google

nội dung Tạp chí gắn chặt với chính sách và sinh hoạt chính trị, sinh hoạt tư tưởng của Đảng", "dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin để giải thích đường lối, phương châm, chính sách của Đảng, kết hợp với thực tế nước ta mà giáo dục lý luận".

Giữa năm 1957, Ban Bí thư chỉ định đồng chí Trần Quang Huy làm Tổng biên tập Tạp chí. Tại Đại hội III của Đảng (tháng 9-1960), đồng chí Trần Quang Huy được bầu làm Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng. Tháng 2-1961, đồng chí được phân công chuyên trách tuyên giáo. Đồng chí Trần Hồng Chương được Bộ Chính trị chỉ định làm quyền Tổng biên tập Tạp chí. Tháng 9-1962, Ban Bí thư cử đồng chí Vũ Tuân làm Tổng biên tập Tạp chí. Tháng 3-1965, đồng chí Vũ Tuân chuyển sang công tác khác ; đồng chí Trần Quang Huy lại được Bộ Chính trị cử làm Tổng biên tập Tạp chí. Tháng 8-1965, đồng chí Đào Duy Tùng được Bộ Chính trị cử làm Tổng biên tập Tạp chí thay đồng chí Trần Quang Huy trở lại chuyên trách công tác tuyên giáo.

Được sự quan tâm của Trung ương Đảng, của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, với chức năng nhiệm vụ được giao, Tạp chí *Học tập* đã ngày một trưởng thành, góp phần tích cực trên mặt trận chính trị, tư tưởng, trong công tác đối ngoại của Đảng. Ngày 25-8-1962, Tạp chí đã được Nhà nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng hai*, và năm 1965 được Nhà nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng nhất.*

Từ đầu năm 1966, Tạp chí *Học tập* bước vào thời kỳ mới của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 116/CT-TU (ngày 14-12-1965) về *Nâng cao chất lượng của Tạp chí Học tập để phục vụ sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.*

Là cơ quan lý luận và chính trị của Đảng, Tạp chí *Học tập* trong thời kỳ này đã tập trung tuyên truyền cho đường lối chống Mỹ cứu nước, đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, coi trọng nhiệm vụ xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng. Tạp chí đã tích cực đấu tranh chống những tư tưởng sai lầm trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, góp phần nâng cao phẩm chất cách mạng của mọi người, củng cố sự đoàn kết nhất trí trong Đảng. Tạp chí cũng đã tích cực tuyên truyền đường lối đối ngoại và quan điểm quốc tế đúng đắn của Đảng, Nhà nước ta, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và sự đoàn kết quốc tế, ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Bên cạnh Tạp chí *Học tập*, tạp chí chung của toàn Đảng, ở miền Nam trong những năm 1962 - 1975 còn có Tạp chí *Tiền phong*, do Trung ương cục miền Nam xuất bản làm tài liệu nghiên cứu, học tập cho cán bộ có trình độ tương đương từ quận ủy trở lên.

Tham gia Ban biên tập Tạp chí *Tiền phong* qua các thời kỳ có các đồng chí Trần Trọng Tân, Trần Văn Quang, Trần Bạch Đằng, Tô Văn Lâm, Hà Phú Thuận... Cuối năm 1969, Ban biên tập Tạp chí *Tiền phong* do đồng chí Phạm Hùng, Bí thư Trung ương cục đứng đầu.

Ra đời trong hoàn cảnh hết sức khó khăn tại chiến trường miền Nam, dưới tiêu đề "Nội san của Đảng nhân dân cách mạng Việt Nam", Tạp chí *Tiền phong* đã làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, tích cực góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam. Ngày 10-1-1971, Tạp chí đã vinh dự được Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tặng thưởng *Huân chương Giải phóng hạng nhất.*

Năm 1975, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc toàn thắng. Tạp chí *Tiền phong* giải thể vì đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của mình.

3 - Giai đoạn 1977 - 1986.

Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng họp vào tháng 12-1976 đã vạch ra đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước và quyết định đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngày 5-1-1977, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) đã ra Nghị quyết số 01/NQ - TU đổi tên Tạp chí *Học tập* thành *Tạp chí Cộng sản.* Đồng chí Đào Duy Tùng là Tổng biên tập Tạp chí *Học tập* lúc đó, tiếp tục làm Tổng biên tập *Tạp chí Cộng sản.*

Nhiệm vụ của *Tạp chí Cộng sản* như Chỉ thị số 32/CT-TU ngày 7-1-1978 của Bộ Chính trị nêu rõ là "đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm cơ sở kết hợp chặt chẽ lý luận Mác - Lê-nin với thực tiễn cách mạng Việt Nam để tuyên truyền đường lối, chính sách và quan điểm của Đảng một cách sâu sắc". Tạp chí phải "vận dụng lý luận Mác - Lê-nin, phân tích những chủ trương, chính sách của Đảng, nâng cao nhận thức của cán bộ và đảng viên về tư tưởng, chính sách và quan điểm của Đảng, phê phán những khuyết điểm, sai lầm

Digitized by Google

trong khi thi hành các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước ta". Tạp chí phải "giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa, chống tư tưởng tư sản và tàn dư tư tưởng phong kiến, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, quét sạch ảnh hưởng của tư tưởng thực dân mới". Tạp chí phải "đi hàng đầu trong việc bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, bảo vệ đường lối cách mạng và các quan điểm của Đảng, đồng thời làm nổi bật việc Đảng ta vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam để lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác...".

Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng họp vào tháng 4-1982 đã khẳng định những thắng lợi to lớn mà nhân dân ta giành được trong những năm qua, đồng thời cũng phân tích những khuyết điểm thiếu sót trong công tác lãnh đạo của Đảng. Ngày 30-4-1982, Bộ Chính trị ra quyết định đề bạt đồng chí Hồng Chương lúc đó là Phó tổng biên tập giữ chức Tổng biên tập *Tạp chí Cộng sản*, thay đồng chí Đào Duy Tùng được cử làm Trưởng Ban tuyên huấn của Trung ương Đảng.

Tháng 12-1985, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 30 ngày xuất bản số đầu Tạp chí *Học tập - Tạp chí Cộng sản* (1955 - 1985), *Tạp chí Cộng sản* đã được Nhà nước tặng thưởng *Huân chương Hồ Chí Minh* vì "Trong 30 năm qua đã có nhiều cống hiến vào việc giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng cho cán bộ và nhân dân". Trong thư của đồng chí Trường Chinh, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, gửi Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* nhân buổi lễ kỷ niệm và trao tặng huân chương cao quý đó, có đoạn viết : "Đông đảo cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng coi tạp chí là tài liệu tin cậy để học tập, nghiên cứu đường lối, chính sách và quan điểm của Đảng và Nhà nước ta. *Tạp chí Cộng sản* xứng đáng là ngọn cờ lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam".

4 - Giai đoạn từ 1986 đến nay.

Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng họp tháng 12-1986, sau khi đánh giá những thắng lợi mà Đảng và nhân dân ta đã giành được, và thẳng thắn phân tích những sai lầm, khuyết điểm, trong đó có những sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện, đã quyết định phải tiến hành đổi mới toàn diện các lĩnh vực từ kinh tế, chính trị đến tư tưởng, văn hóa, xã hội, khắc phục tư duy cũ và cách làm ăn cũ, xa rời cuộc sống, kìm hãm sự phát triển năng động. Sau Đại hội VI, đồng chí Hà Xuân Trường, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, được cử làm Tổng biên tập thay đồng chí Hồng Chương nhận công tác khác. Ngày 29-3-1988, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra chỉ thị về công tác của *Tạp chí Cộng sản* trong công cuộc đổi mới.

Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng họp vào tháng 6-1991 đã khẳng định toàn Đảng, toàn dân tiếp tục thực hiện đổi mới, đưa công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu, nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước Việt Nam. Tháng 8-1991, đồng chí Hà Xuân Trường thôi giữ chức Tổng biên tập ; đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Phó tổng biên tập, được cử làm Tổng biên tập Tạp chí.

Đầu năm 1992, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Nghị quyết 01/NQ-TU "Về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay" nhằm nâng cao trình độ lý luận của toàn Đảng, thúc đẩy công tác lý luận của Đảng lên một bước mới. Cùng với các văn kiện của Đại hội VII, Nghị quyết trên của Bộ Chính trị có ý nghĩa quyết định chỉ đạo nội dung biên tập và soi sáng hoạt động của Tạp chí.

Từ tháng 5-1995, trước yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới, Thường trực Bộ Chính trị - Ban Bí thư quyết định từ tháng 7-1995 *"Tạp chí Cộng sản* cần ra nửa tháng một số". Từ đó đến nay, mặc dù đội ngũ cán bộ không tăng, Tạp chí vẫn hoàn thành tốt nhiệm vụ ra đều kỳ 2 số một tháng, bảo đảm chất lượng và mỗi năm lại tăng thêm số phát hành.

Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng họp vào tháng 6 năm 1996 đã đề ra nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, cải thiện đời sống của nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ sau. Tháng 8-1996, đồng chí Hà Đăng, nguyên Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương được cử làm Tổng biên tập Tạp chí thay đồng chí Nguyễn Phú Trọng được Trung ương điều động sang công tác khác.

Trong những năm vừa qua, Tạp chí đã liên tục tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng và các nghị quyết của Trung ương, cố gắng bằng lý luận và thực tiễn, góp phần làm rõ thêm đường lối, quan điểm của Đảng và chủ nghĩa

Digitized by Google

xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về hai nhiệm vụ chiến lược, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, về chính sách đối ngoại rộng mở, về sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, về xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân, về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, về cuộc đấu tranh chống các quan điểm thù địch, sai trái, chống quan liêu, tham nhũng và các hiện tượng tiêu cực trong xã hội v.v.

Trong cuộc thăm và làm việc với Bộ Biên tập *Tạp chí Cộng sản* ngày 18-2-1998, đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã biểu dương thành tích mà *Tạp chí Cộng sản* đã làm được. Đồng chí đánh giá : "*Tạp chí Cộng sản* là một trong những công cụ tuyên truyền, giáo dục trực tiếp, chủ yếu của Đảng ta. Chúng ta cần phải nắm lấy công cụ này để truyền bá đường lối, chủ trương, chính sách và những quan điểm của Đảng, đấu tranh chống những quan điểm lệch lạc ; phổ biến những kinh nghiệm hay, những điển hình tốt trong cuộc sống xã hội trước nhân dân. Xét cả quá trình, Tạp chí đã có tác dụng như thế và thực tế những năm qua vai trò của Tạp chí được thể hiện là tốt, có uy tín cả ở trong nước và cả ở ngoài nước. Có thể thấy *Tạp chí Cộng sản* chững chạc, thể hiện được phong thái dân chủ, phản ánh những quan điểm chung trong cuộc sống chứ không phải tuyên truyền gượng ép". Đồng chí Tổng Bí thư khen *Tạp chí Cộng sản* có nhiều bài hay và nói : "Điều đó chứng tỏ nội dung các bài trên Tạp chí của chúng ta không xa với thực tế cuộc sống mà nó bám sát thực tiễn, thể hiện yêu cầu của bạn đọc nhưng dưới sự chỉ đạo chung theo tôn chỉ, mục đích của Tạp chí, theo nhiệm vụ chính trị mà Đảng đã giao cho". Đồng chí Tổng Bí thư cũng đã chỉ thị *Tạp chí Cộng sản* phải tiếp tục tuyên truyền tốt cho các Nghị quyết của Trung ương, các chủ trương và chính sách của Nhà nước, đẩy mạnh nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, góp phần vào việc chuẩn bị Đại hội IX của Đảng.

Thực hiện sự chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Tạp chí đã có nhiều cố gắng và không ngừng phấn đấu vươn lên làm tròn nhiệm vụ cơ quan lý luận - chính trị của Trung ương Đảng, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. ❑

NGUYỄN ÁI QUỐC...

(Tiếp theo trang 23)

kiện Đảng mới thành lập và còn hoạt động bí mật, Tạp chí *Đỏ* đã mang tính chất một tạp chí lý luận và chính trị của Đảng, ở chỗ nó không làm nhiệm vụ thông tin như các tờ báo mà chủ yếu hướng dẫn nhận thức, nâng cao trình độ hiểu biết trong hoạt động cách mạng.

Sau Tạp chí *Đỏ*, Đảng ta tiếp tục xuất bản Tạp chí *Cộng sản* (1931), Tạp chí *Bôn-sơ-vic* (1934 - 1937) rồi đến *Tạp chí Cộng sản* (1941) và *Tạp chí Cộng sản* (1943). Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, có Tạp chí *Sinh hoạt nội bộ* và *Tạp chí Cộng sản* (1950). Sau khi hòa bình được lập lại ở miền Bắc, Tạp chí Học tập ra đời tháng 12-1955 và xuất bản đều kỳ hằng tháng. Từ ngày 5 tháng 1 năm 1977, Tạp chí *Học tập* được đổi tên là *Tạp chí Cộng sản*. Ở miền Nam, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Trung ương cục miền Nam đã xuất bản Tạp chí Nghiên cứu và trong những năm chống Mỹ, cứu nước đã xuất bản Tạp chí Tiền phong.

Từ khi xuất bản số đầu tiên, đến nay Tạp chí lý luận và chính trị của Đảng đã có 70 năm cống hiến, trưởng thành. Tuy tên gọi của Tạp chí có lúc khác nhau (trong đó tên *Tạp chí Cộng sản* được dùng đến năm lần) nhưng xét về mặt nội dung, Tạp chí luôn luôn là Tạp chí lý luận và chính trị của Đảng. Qua những chặng đường phát triển, Tạp chí của Đảng đã không ngừng trưởng thành và đã có những đóng góp tích cực vào việc vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vào công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục lý luận của Đảng.

Năm nay, Tạp chí Cộng sản tổ chức kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập. Đây là việc làm có ý nghĩa thiết thực nhằm khẳng định công lao to lớn, tầm nhìn xa, trông rộng của Bác Hồ và của Đảng ta. Đồng thời cũng là dịp để khẳng định truyền thống lâu dài và vẻ vang của Tạp chí lý luận và chính trị của Đảng để từ đó vươn lên làm tốt hơn, đáp ứng ngày càng cao những yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước.❑

Digitized by Google

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI VÀ THỰC HIỆN TỐT CÔNG TÁC ĐỀN ƠN ĐÁP NGHĨA TRONG THỜI KỲ MỚI

NGUYỄN THỊ HẰNG *

Năm 2000 - năm chuyển giao thế kỷ và thiên niên kỷ, cũng là năm kỷ niệm lần thứ 53 Ngày thương binh - liệt sĩ. Đây là sự kiện quan trọng có ý nghĩa chính trị - xã hội rất sâu sắc, "là dịp để nhân dân ta bày tỏ lòng hiếu nghĩa bác ái, tỏ lòng yêu mến đối với thương binh, gia đình liệt sĩ và những người có công với cách mạng". Cứ mỗi năm trôi qua, cùng với những thành tựu của công cuộc đổi mới, công tác thương binh - liệt sĩ và người có công lại có bước phát triển mới, tạo cơ chế, giải quyết phù hợp, hiệu quả hơn trong thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi cũng như cuộc vận động toàn dân chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công với cách mạng.

Theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy, Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII), mới đây Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã sửa đổi Điều 21 Pháp lệnh ưu đãi người có công, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định bổ sung các chính sách ưu đãi đối với thanh niên xung phong và người tham gia kháng chiến cùng con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học trong chiến tranh chống Mỹ. Đó là quá trình hoàn thiện chính sách và đổi mới cơ chế đối với người có công. Đó cũng chính là quá trình cụ thể hóa những quan điểm, chủ trương của Đảng thành cơ chế, chính sách, là tiếp tục ghi nhận, tôn vinh sự hy sinh, cống hiến của những cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ta đã không tiếc máu xương vì sự nghiệp cách mạng, độc lập, thống nhất của Tổ quốc ; là biểu hiện sinh động của "lòng dân - ý Đảng", của truyền thống đạo lý "uống nước nhớ nguồn" trong thời kỳ mới - thời kỳ tiếp tục công cuộc đổi mới xây dựng đất nước.

Năm năm qua, Pháp lệnh ưu đãi người có công, Pháp lệnh phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng cùng hệ thống các văn bản hướng dẫn được triển khai thực hiện khá đồng bộ, hiệu quả, đã và đang từng bước đi vào cuộc sống, được đông đảo nhân dân đồng tình ủng hộ, góp sức, góp của để cùng hàng triệu gia đình chính sách ổn định đời sống. Nhiều vấn đề chưa hợp lý do quá trình phát triển, cùng những vấn đề mới nảy sinh sau khi chuyển đổi cơ chế kinh tế - xã hội và những vấn đề tồn đọng về chính sách sau chiến tranh, đã được định hướng và từng bước giải quyết như : vấn đề xác nhận đối tượng có công ; quy tập hài cốt liệt sĩ, xây dựng, tu bổ, nâng cấp nghĩa trang, tượng đài liệt sĩ ; các vấn đề ưu đãi về nhà ở, giảm thuế, giáo dục - đào tạo, y tế, xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm...

Chỉ tính từ khi thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công đến nay, cả nước đã xác nhận mới và thực hiện chế độ ưu đãi với gần 2,4 triệu người có công ; trong đó có hơn 100 nghìn liệt sĩ, gần 650 nghìn thương binh, người hưởng chính sách như thương binh và bệnh binh ; gần 20 nghìn cán bộ hoạt động trước Cách mạng ThángTám 1945 ; trên 43 nghìn Bà mẹ Việt Nam anh hùng ; hơn 1,3 triệu người hoạt động kháng chiến... Công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ,

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Digitized by Google

xây dựng tu bổ mộ, nghĩa trang, đài tưởng niệm, bia ghi tên và các công trình ghi ơn liệt sĩ được Đảng, Nhà nước và nhân dân quan tâm đầu tư. Cả nước đã xây dựng được trên 3 000 nghĩa trang, nơi yên nghỉ vĩnh hằng của liệt sĩ. Nhiều công trình tưởng niệm, ghi ơn liệt sĩ đã được xây dựng, chỉ tính riêng nhà bia ghi tên liệt sĩ ở xã, phường là trên 1500. Hệ thống cơ sở sự nghiệp nuôi dưỡng, điều dưỡng, phục hồi chức năng cho thương bệnh binh và người có công tiếp tục được đầu tư, nâng cấp xây dựng mới, đã và đang đáp ứng nhiệm vụ điều dưỡng và phục hồi sức khỏe cho thương bệnh binh và người có công.

Phong trào toàn dân chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ tiếp tục phát triển cả bề rộng và chiều sâu, đã thực sự huy động được sức mạnh của toàn xã hội. Xây dựng xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ và người có công, đã trở thành phong trào được các cấp ủy, chính quyền, Ủy ban mặt trận Tổ quốc các cấp đưa vào kế hoạch phấn đấu hằng năm, tạo nên không khí lành mạnh ở cơ sở. Đến nay đã có 100% số xã, phường đạt tiêu chuẩn làm tốt công tác thương binh - liệt sĩ và người có công. Trách nhiệm, nghĩa vụ đối với người có công đã trở thành một nội dung quan trọng trên các diễn đàn và phương tiện truyền thông đại chúng, trở thành nét đẹp trong đời sống văn hóa của nhân dân ta. 5 chương trình lớn là : xây dựng nhà tình nghĩa ; lập Quỹ đền ơn đáp nghĩa ; tặng sổ tiết kiệm tình nghĩa ; ổn định đời sống thương bệnh binh nặng ở gia đình ; phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, chăm sóc bố mẹ liệt sĩ cô đơn, con liệt sĩ mồ côi, đã và đang phát triển về chất và ngày càng thiết thực. Đến nay, cả nước đã đóng góp được trên 300 tỉ đồng Quỹ đền ơn đáp nghĩa, xây dựng mới và sửa chữa trên 14 vạn nhà tình nghĩa, với số tiền lên tới trên 600 tỉ đồng, tặng trên 300 000 sổ tiết kiệm. Trong số 43 ngàn Bà mẹ Việt Nam anh hùng được phong tặng và truy tặng, có trên 10 ngàn Mẹ còn sống đều được các tổ chức và cá nhân nhận phụng dưỡng, chăm sóc đến cuối đời. Riêng năm 1999, năm đầu tiên thực hiện Nghị định 91/1998/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9-11-1998, Quỹ đền ơn đáp nghĩa đã được triển khai ở 4 cấp và đã huy động được gần 78 tỉ đồng, hỗ trợ cho việc xây dựng, sửa chữa nhà ở cho thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ ở các tỉnh miền Trung bị lũ lụt và một số tỉnh khó khăn khác.

Sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, sự đùm bọc, giúp đỡ của nhân dân đã khích lệ và khơi dậy truyền thống cao đẹp của thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ và người có công với cách mạng, với chế độ. Hầu hết các gia đình chính sách đã nỗ lực phấn đấu vươn lên tự ổn định cuộc sống và có những đóng góp trong các hoạt động kinh tế - xã hội, trở thành những "công dân kiểu mẫu", "gia đình cách mạng gương mẫu", "thương binh, gia đình liệt sĩ làm kinh tế giỏi", những anh hùng, chiến sĩ thi đua,...

Có thể nói, hơn nửa thế kỷ qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, công tác thương binh - liệt sĩ và người có công đã thu được những thành quả to lớn và rất đáng tự hào, góp phần làm ổn định đời sống đại bộ phận người có công, tạo động lực mới cho sự ổn định và phát triển đất nước theo định hướng XHCN. Từ thực tiễn đó, chúng ta có thể rút ra một số kinh nghiệm sau :

Một là, xuyên suốt mọi thời kỳ, Đảng, Nhà nước ta luôn xác định công tác thương binh - liệt sĩ và người có công là vấn đề rất quan trọng, có ý nghĩa chính trị, xã hội, nên sớm có chủ trương, chính sách phù hợp, đặc biệt là khơi dậy và phát huy truyền thống yêu nước, cách mạng ; khẳng định và tạo thành thang giá trị xã hội trong công cuộc đổi mới xây dựng đất nước.

Hai là, xã hội hóa công tác chăm sóc người có công, phát huy sức mạnh của thế "chân kiềng" : Nhà nước - cộng đồng và bản thân đối tượng - một cơ chế đúng đắn. Chỉ có như vậy mới phát huy được nội lực và giải pháp cơ bản, hiệu quả công tác chăm sóc người có công.

Ba là, các cấp ủy đảng thường xuyên quan tâm lãnh đạo, tổng kết, đổi mới nội dung, cơ chế và nâng cao chất lượng phong trào thi đua, xây dựng điển hình, mô hình tiêu biểu trong hoạt

Digitized by Google

động chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công đã và đang tạo ra động lực mới cho công tác này. Đây là vấn đề không chỉ có ý nghĩa trước mắt mà còn có tác dụng giáo dục truyền thống cho các thế hệ mai sau.

Bốn là, công tác kiểm tra, thanh tra, chấn chỉnh, xử lý kịp thời, xác đáng những sai sót, vi phạm. Đây cũng là kinh nghiệm, không chỉ giải quyết vấn đề tài chính, kinh tế mà còn là sự bảo đảm niềm tin, thiết lập kỷ cương và ý thức tôn trọng pháp luật.

Những vấn đề tồn tại của lĩnh vực này không nhỏ và rất khó khăn, phức tạp. Đời sống của một bộ phận người có công còn khó khăn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng và những địa phương có số lượng lớn người hưởng chính sách ưu đãi. Những vấn đề tồn đọng sau chiến tranh phần lớn là vấn đề không dễ dàng xác minh, kết luận... Đất nước ta đang bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh. Có được cuộc sống hôm nay, chúng ta đã thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh : "Ăn quả phải nhớ người trồng cây. Trong cuộc tưng bừng vui vẻ hôm nay, chúng ta phải nhớ đến những anh hùng, liệt sĩ của Đảng ta, của dân ta". Cho nên, chúng ta cần tiếp tục phấn đấu với tinh thần tôn vinh những hy sinh, cống hiến của những người có công, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện chính sách, chế độ ưu đãi của Nhà nước, đẩy mạnh phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm lo bồi dưỡng, tạo điều kiện cho con em người có công với cách mạng kế tục sự nghiệp vẻ vang của ông bà, cha anh, phấn đấu thực hiện cho được điều mong muốn của Bác Hồ là làm cho những người và gia đình có công với cách mạng được "yên ổn về vật chất, vui vẻ về tinh thần".

Với tinh thần đó, thời gian tới công tác thương binh - liệt sĩ và người có công cần thực hiện tốt những nhiệm vụ chủ yếu sau :

- Nghiên cứu đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính sách, cơ chế ưu đãi của Nhà nước. Cùng với công tác khen thưởng và đãi ngộ xứng đáng, phải giúp cho các gia đình chính sách phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm, bảo đảm cho họ có mức sống trong những năm tới bằng và cao hơn mức sống trung bình của cộng đồng dân cư xã, phường. Giải quyết căn bản những tồn đọng về xác nhận và đưa vào quản lý nền nếp diện chính sách ưu đãi.

- Tổ chức triển khai chỉ đạo thực hiện tốt các chế độ, chính sách, bảo đảm để người có công được hưởng đầy đủ chế độ ưu đãi của Nhà nước. Tổ chức công khai, dân chủ, kiểm tra, thanh tra phát hiện và xử lý kịp thời những sai sót, vi phạm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ ở từng cấp đến cơ sở.

- Đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công với cách mạng. Phát triển nhiều hình thức đền ơn đáp nghĩa với nội dung phong phú, thiết thực, phù hợp với điều kiện mới. Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng, quản lý Quỹ đền ơn đáp nghĩa ở các cấp. Mục tiêu những năm tới là làm cho phong trào toàn dân chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công với cách mạng thực sự trở thành tư tưởng, tình cảm, lương tâm ; thành việc làm cụ thể của mỗi người, phấn đấu để toàn bộ xã, phường trên cả nước đạt tiêu chuẩn làm tốt công tác thương binh - liệt sĩ và người có công.

- Phát huy truyền thống tốt đẹp, ý chí tự lực tự cường của những người có công với cách mạng, phấn đấu ổn định cuộc sống bản thân, góp phần làm giàu quê hương, đất nước, trở thành những "công dân kiểu mẫu", "gia đình cách mạng gương mẫu".

Thực hiện tốt các nhiệm vụ chủ yếu trên đây, thực chất chúng ta đã coi công tác đền ơn đáp nghĩa đối với người có công với cách mạng vừa là đạo lý vừa là trách nhiệm của toàn xã hội và chỉ có như vậy mới có thể làm vơi đi những hy sinh mất mát của thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công với cách mạng. Đó chính là những việc làm thiết thực trong dịp kỷ niệm lần thứ 53 Ngày thương binh - liệt sĩ. ❑

Digitized by Google

NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI TRONG CUỘC HÀNH TRÌNH 55 NĂM

LÊ NGỌC HOÀN *

NGAY sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, cùng với sự ra đời của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa, ngày 28-8-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh thành lập Bộ Giao thông công chính, nay là Bộ Giao thông - Vận tải (GTVT).

Trải qua hơn nửa thế kỷ, được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và bằng sức lực, trí tuệ, xương máu của các thế hệ cán bộ, công nhân, thanh niên xung phong nối tiếp nhau, toàn ngành giao thông đã xây đắp nên truyền thống vẻ vang, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, lực lượng giao thông cùng nhân dân đã phá cầu, đường nhằm làm thất bại ý đồ "đánh nhanh thắng nhanh" của địch. Tiếp đó là nhiệm vụ bảo đảm giao thông ở các căn cứ kháng chiến và vùng tự do, khôi phục và làm mới nhiều tuyến đường, cầu tạm, bến phà, xây dựng lực lượng vận tải thô sơ - dân công hỏa tuyến và cơ giới, phục vụ đắc lực các mặt trận, đặc biệt là chiến dịch Điện Biên Phủ. Hồi đó, do tầm quan trọng của chiến dịch này, Trung ương Đảng quyết định thành lập ***Hội đồng cung cấp mặt trận Trung ương*** do Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng làm Chủ tịch Hội đồng.

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp. Miền Bắc bước vào thời kỳ khôi phục và phát triển kinh tế. Sau 10 năm, chúng ta đã khôi phục và làm mới được hơn 900km đường sắt trên 5 tuyến, hơn 10 000km đường ô tô, khai thác hàng vạn km đường sông, xây dựng nhiều cây cầu, bến cảng, mở mang giao thông nông thôn, miền núi... Nhưng đế quốc Mỹ leo thang chiến tranh phá hoại miền Bắc, chúng đã tập trung máy bay phản lực các loại đánh phá trên 70 ngàn trận với trên 2,5 triệu tấn bom và 90 vạn quả đại bác từ các chiến hạm trút xuống các mục tiêu GTVT và thả nhiều thủy lôi, mìn phong tỏa các cảng biển, cảng sông, bến phà hòng cô lập Việt Nam, cắt đứt sự chi viện vào miền Nam, đưa miền Bắc nước ta trở về thời kỳ đồ đá !

Trong thời gian này, Đảng ta đã xác định : ***"Bảo đảm giao thông vận tải là nhiệm vụ trung tâm, đột xuất của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta"*** vì sự nghiệp bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trên mặt trận GTVT, cuối năm 1966, Bộ Chính trị ra quyết định thành lập Đảng bộ GTVT Trung ương do đồng chí Phan Trọng Tuệ - Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ GTVT, làm Bí thư. Những năm đầu của thập niên 70, Đảng và Chính phủ thành lập ***Ban điều hòa vận tải Trung ương*** do Phó Thủ tướng Đỗ Mười làm Trưởng ban. Chủ tịch Hồ Chí Minh dù bận trăm công ngàn việc vẫn hết sức quan tâm theo dõi, chỉ đạo, động viên ngành GTVT. Đặc biệt, một sự kiện đã đi vào lịch sử - truyền thống của ngành là Bác Hồ đến thăm và nói chuyện tại ***"Đại hội thi đua bảo đảm giao thông vận tải quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược"*** từ ngày 21 đến 25-3-1966. Người đã chỉ rõ : ***"GTVT là một mặt trận. Mỗi cán bộ, thanh niên xung phong, xã viên vận tải là một chiến sĩ... GTVT thắng lợi là chiến tranh đã thắng lợi phần lớn rồi".***

Cán bộ, công nhân ngành GTVT, lực lượng thanh niên xung phong (TNXP), quân đội và nhân

* Bộ trưởng Bộ Giao thông - Vận tải

Digitized by Google

dân ta trên các tuyến đường đã kiên cường, sáng tạo giữ vững mạch máu giao thông nhằm chi viện cho tiền tuyến và bảo đảm sản xuất, đời sống ở hậu phương. Cuộc chiến đấu trên mặt trận này với ý chí ***"sống bám cầu đường, chết kiên cường dũng cảm", "địch phá ta sửa ta đi"***, rồi phá thế độc tuyến bằng nhiều hướng đường, nhiều phương án vượt sông, để ***"địch phá ta cứ đi"***. Những hình ảnh : khói bom đạn chưa tan công nhân đã có mặt cứu chữa đường, chị em TNXP làm cọc tiêu sống trong đêm để mở đường cho xe ra tiền tuyến... là những dấu ấn của một thời oanh liệt, nhưng rất lạc quan yêu đời với phong trào ***"tiếng hát át tiếng bom"***...

Cuộc chiến đấu gian khổ, kiên cường trên đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh là một kỳ tích anh hùng của dân tộc Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, là biểu tượng nổi bật của ý chí và tình cảm thống nhất đất nước, của sức mạnh tinh thần và trí tuệ Việt Nam.

Những địa danh : cảng Hải Phòng, nhà máy đóng tàu Bạch Đằng, kênh đào Nhà Lê, cầu Hàm Rồng, phà Bến Thủy, phà Gianh, ngã ba Đồng Lộc, ngầm Long Đại, phà Xuân Sơn... mãi mãi khắc sâu chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong lịch sử dân tộc.

Nhân dân ta dọc các tuyến đường chiến lược đã chịu hy sinh to lớn, góp bao công sức đảm bảo giao thông với tấm lòng ***"xe chưa qua, nhà không tiếc"***, tạo nên thế trận và sức mạnh GTVT nhân dân. Nhiều địa phương trên các tuyến đường này đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, mà thực chất là anh hùng chiến đấu trên trận tuyến bảo đảm giao thông, chấp nhận mọi tổn thất vì sự sống của con đường ra tiền tuyến. Trong báo cáo của Thủ tướng Chính phủ Phạm Văn Đồng trước Quốc hội khóa III - kỳ họp thứ 4 (5-1968) đã đánh giá khái quát : ***"... Cuộc chiến đấu trên mặt trận giao thông vận tải ở khắp miền Bắc là một thiên anh hùng ca của các chiến sĩ giao thông vận tải và của đồng bào ta dọc các tuyến đường".***

Cũng trong thời kỳ này, ngành GTVT cũng đã bổ sung lực lượng chuyên ngành cho vùng căn cứ cách mạng và vùng mới giải phóng ở miền Nam ; làm nghĩa vụ quốc tế đối với hai nước bạn Lào và Cam-pu-chia.

Với tinh thần cách mạng tiến công ***"mở đường mà đi, đánh địch mà tiến"***, lực lượng tự vệ giao thông vận tải đã trực tiếp chiến đấu, bắn rơi 95 máy bay các loại ; cùng với quân dân các địa phương bắn bị thương 203 chiếc, bắt sống 18 giặc lái Mỹ ; rà phá hơn 16 000 bom từ trường...

Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, sự hy sinh của ngành GTVT là rất lớn. Riêng lực lượng GTVT và TNXP do Trung ương quản lý, đã có gần 2 600 liệt sĩ và gần 5 500 người được xác nhận hưởng chế độ thương binh. Ban xây dựng 67 (nay là Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 5) với nhiệm vụ ***"Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước"***, đã quy tập được phần mộ của 1 088 liệt sĩ về 3 nghĩa trang ở Quảng Bình. Cán bộ, công nhân và TNXP giao thông vận tải các địa phương khác như Nghệ An gần 500 liệt sĩ, Hà Tĩnh gần 600 liệt sĩ... Cũng từ năm 1964 đến 1973, ngành GTVT đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động và Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho 53 tập thể và cá nhân.

*
* *

Kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, toàn ngành đã khẩn trương thực hiện nhiệm vụ khôi phục, cải tạo hệ thống giao thông, nổi bật là thông xe tuyến đường sắt thống nhất dài trên 1700 km chỉ sau 14 tháng thi công.

Những năm tiếp đó, chủ yếu là duy trì mạng lưới đường bộ, xây dựng được một số cầu lớn như Thăng Long, Chương Dương, mở rộng nâng cấp một số cảng, đóng mới tàu pha sông biển... Song hoạt động trong cơ chế bao cấp và thiếu vốn đầu tư, nên sự phát triển của ngành GTVT gặp nhiều khó khăn và còn hạn chế. Thực trạng cơ sở vật chất kỹ thuật GTVT lạc hậu, sau bao nhiêu năm chiến tranh tàn phá bị xuống cấp nặng nề, trở thành khâu yếu cản trở sự phát triển đất nước.

Đại hội VI của Đảng (12-1986) đã đề ra đường lối đổi mới, xác định ***GTVT là trung tâm của kết cấu hạ tầng phải được phát triển mạnh mẽ để tạo điều kiện cho các ngành, cho nền kinh tế - xã hội phát triển.*** Từ đó, cả nước bước vào thời kỳ đổi mới, phấn đấu kiên cường suốt 10 năm mới vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội, để từ Đại hội VIII (6-1996), thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh

Digitized by Google

công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ngành GTVT đã xây dựng những mục tiêu, chương trình đồng bộ, gắn liền với đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý theo tinh thần xóa bỏ quan liêu bao cấp, thực hiện hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Vị trí quan trọng và nhiệm vụ nặng nề của ngành GTVT, cùng với sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước - đó cũng chính là cơ hội để phát triển ngành. Chính sách hội nhập, mở cửa, tăng cường quan hệ quốc tế, thu hút vốn đầu tư nước ngoài của Đảng và Chính phủ đã tạo điều kiện cho ngành có vốn và công nghệ mới xây dựng công trình giao thông.

Nhiều cầu lớn được xây dựng như Bến Thủy, Thái Bình, Yên Bái, Lào Cai, Việt Trì, Phú Lương, Sông Gianh, Sông Hàn, Đăkrông, Sông Mã (Hoàng Long)...; đường Thăng Long - Nội Bài và một số dự án khôi phục cải tạo quốc lộ 1, đặc biệt là toàn bộ dự án nâng cấp quốc lộ 5 nối liền Thủ đô Hà Nội với thành phố cảng Hải Phòng và cầu Mỹ Thuận - cây cầu dây văng hiện đại đầu tiên ở Việt Nam và lớn nhất Đông - Nam Á, được hoàn thành đưa vào sử dụng. Một số công trình ở biển Đông, hải đảo cũng đã được xây dựng. Trong thập niên 90 này, cả nước xét chọn được 43 công trình chất lượng tiêu biểu, trong đó có 16 công trình thuộc ngành GTVT. Hằng năm, có thêm gần 100 xã, cụm xã có đường ô tô về trung tâm. Giao thông phát triển đến đâu, kinh tế , văn hóa, văn minh vươn tới đó, rút ngắn khoảng cách thành thị với nông thôn, miền núi, góp phần tích cực xóa đói giảm nghèo.

Về vận tải, hành trình tàu khách thống nhất từ 72 giờ rút xuống còn 32 giờ, với chất lượng phục vụ tốt hơn. Vận tải đường bộ, đường sông với các thành phần kinh tế phát triển khá mạnh. Đội tàu biển Việt Nam với hơn 1 triệu tấn trọng tải, đã cập nhiều cảng biển khắp năm châu. Sản lượng hàng hóa thông qua cảng năm 1999 đạt 63 triệu tấn, trong đó cảng Hải Phòng đạt gần 6,4 triệu tấn, cảng Sài Gòn đạt 8,3 triệu tấn - mức cao kỷ lục từ trước tới nay. Công nghiệp chuyên ngành đã lắp đặt được ụ nổi có sức nâng 8 500 tấn, đóng tàu trọng tải 6 500 tấn, hoàn thành đưa vào sử dụng nhà máy tàu biển liên doanh HYUNDAI - VINASHIN tại Khánh Hòa - nhà máy tàu biển lớn nhất Đông - Nam Á. Cơ khí giao thông đã chế tạo được trạm trộn bê tông nhựa nóng công suất 104T/h, dầm cầu thép khẩu độ lớn...

Trước mắt, đến cuối năm 2000, ngành GTVT phải phấn đấu quyết liệt để hoàn thành các dự án trọng điểm quốc gia có nhu cầu bức bách : đường Hà Nội - Lạng Sơn (trong đó có đoạn cao tốc Hà Nội - Bắc Ninh), đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ, cầu Quán Hàu, 8 cầu trên đường sắt thống nhất, dự án nâng cấp cảng Hải Phòng, cảng Sài Gòn (giai đoạn 1)... Đẩy mạnh thi công các công trình trọng điểm : đường Vinh - Đông Hà (QL1), kiên cố hóa một số đoạn đường miền Trung, đường Xuyên Á, đoạn An Sương - An Lạc (TP Hồ Chí Minh), hai tuyến đường thủy phía Nam. Đặc biệt là dự án đường Hồ Chí Minh - công trình của ***"ý Đảng lòng dân"***, đã có 20 đơn vị ra quân, phấn đấu hoàn thành giai đoạn 1 trong 3 năm. Chuẩn bị khởi công các dự án : hầm đường bộ Hải Vân, tuyến tránh TP Huế trong năm 2000 ; các cầu lớn Cần Thơ, Thanh Trì, Bãi Cháy, đường Cần Thơ - Năm Căn vào năm 2001. Với những dự án lớn này, cả nước nhộn nhịp những công trường xây dựng công trình giao thông nối hai thế kỷ, và cũng là những công trình quan trọng, then chốt có ý nghĩa chào mừng Đại hội Thi đua toàn ngành, Đại hội Thi đua toàn quốc và Đại hội lần thứ IX của Đảng.

Đến nay, hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đã được cải thiện rõ rệt, nhưng vẫn là khâu yếu so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, nhất là ở khu vực miền Trung luôn bị thiên tai đe dọa, và nhìn chung còn cách xa so với các nước tiên tiến ở khu vực. Trong xây dựng cơ bản, còn có công trình lập dự án, thiết kế, tổ chức xét thầu, tư vấn giám sát làm chưa tốt, ảnh hưởng đến chất lượng hoặc dư luận chưa đồng tình. Quản lý giao thông thiếu chặt chẽ, phát hiện và xử lý khâu yếu chưa được kịp thời, còn để xảy ra sự cố. Về vận tải, đã đáp ứng nhu cầu lưu thông hàng hóa và sự đi lại của nhân dân, song chất lượng phục vụ, hiệu quả quản lý, sự kết hợp các phương thức vận tải và giao thông đô thị còn nhiều vấn đề bất cập. Công nghiệp chuyên ngành sản lượng tăng trưởng khá, có thêm sản phẩm mới, nhưng nhìn chung công nghệ còn lạc hậu, sản xuất còn đơn chiếc và chủ yếu chỉ là lắp ráp. Đội ngũ cán bộ, công nhân có bước trưởng thành trong cách làm ăn và tiếp thu công nghệ mới, tuy nhiên nhiều lĩnh vực còn

(Xem tiếp trang 37)

Digitized by Google

HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - HOA KỲ

VŨ KHOAN *

NGÀY 13 tháng 7 vừa qua, tại Oa-sinh-tơn đã diễn ra lễ ký kết Hiệp định thương mại giữa CHXHCNVN và Hoa Kỳ. Sự kiện này đánh dấu bước phát triển mới trong quan hệ vốn rất phức tạp giữa hai nước Việt Nam và Hoa Kỳ.

Thật vậy, trong hơn nửa thế kỷ qua, quan hệ giữa Hoa Kỳ với nước ta đã trải qua nhiều chông gai. Ngay sau khi Nhà nước Việt Nam độc lập mới ra đời, người sáng lập là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có nhiều cử chỉ thiện chí kêu gọi Hoa Kỳ công nhận nền độc lập và thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị với Nhà nước Việt Nam mới. Tiếc rằng, những cử chỉ ấy đã không được chính quyền Hoa Kỳ đáp ứng. Ngược lại, Hoa Kỳ đã chọn con đường khác : con đường giúp thực dân Pháp trở lại Đông Dương để khôi phục ách thống trị. Sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết vào năm 1954, Mỹ ngày càng dấn sâu vào chính sách can thiệp, xâm lược Việt Nam và cuối cùng đã tiến hành một cuộc chiến tranh tàn khốc chống lại nước ta. Và từ cuối những năm 70, lấy cớ "vấn đề Cam-pu-chia", Mỹ đã cùng nhiều nước khác tiến hành chính sách bao vây cô lập về chính trị, cấm vận về kinh tế đối với Việt Nam.

Từ đầu những năm 90, trước những biến đổi trong tình hình ở Đông - Nam Á và trên thế giới, cũng như trước những thành tựu của nước ta trong công cuộc đổi mới và mở cửa, Hoa Kỳ từng bước bình thường hóa quan hệ với nước ta : năm 1993 tuyên bố bỏ cấm vận và năm 1995 thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Kể từ đó quan hệ giữa Hoa Kỳ với Việt Nam đã từng bước được mở rộng trên nhiều lĩnh vực. Riêng trong lĩnh vực kinh tế - thương mại, quan hệ buôn bán giữa hai nước không ngừng tiến triển, kim ngạch trao đổi hàng hóa hai chiều đã tăng từ 222 triệu USD năm 1994 lên trên 879 triệu năm 1999 ; về đầu tư phát triển nay Hoa Kỳ đứng hàng thứ 9 với 188 dự án với tổng số vốn đăng ký trên 1,4 tỉ USD. Hai nước cũng đã giải quyết xong vấn đề nợ cũ của chế độ Sài Gòn, đã ký Hiệp định về bảo vệ bản quyền, thỏa thuận về hoạt động của Công ty đầu tư tư nhân ở nước ngoài (OPIC) - một tổ chức của chính quyền Hoa Kỳ hỗ trợ cho các nhà đầu tư Mỹ ở nước ngoài. Ngân hàng xuất nhập khẩu (Eximbank) - một ngân hàng chuyên hỗ trợ cho việc buôn bán với nước ngoài. Các hiệp định về hợp tác khoa học - công nghệ và hàng không cũng đang được dàn xếp.

Tuy nhiên, trong quan hệ giữa hai nước vẫn còn một "điểm khuyết" ; đó là chưa có Hiệp định thương mại (HĐTM), hạn chế sự phát triển mạnh mẽ của mối quan hệ về kinh tế - thương mại, một cơ sở vật chất cho sự hợp tác lâu dài, ổn định giữa bất kỳ quốc gia nào. Chính vì vậy mà hai bên coi việc tiến hành đàm phán và ký HĐTM là một ưu tiên. Theo tinh thần đó cuộc đàm phán đã được khởi động từ năm 1996 và kéo dài suốt trên bốn năm trời.

Có thể nói đây là một kỷ lục về thời gian đàm phán cũng như về quy mô, tính phức tạp trong các cuộc đàm phán của nước ta với nước ngoài về một Hiệp định thương mại. Sở dĩ vậy vì một loạt lý do. *Một là*, chế độ chính trị - xã hội ở hai nước hoàn toàn khác nhau, cộng vào đó gánh nặng quá khứ tiếp tục đè lên quan hệ. *Hai là*, quy

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Thương mại

Digitized by Google

mô kinh tế hai nước quá khác nhau, kinh tế Hoa Kỳ là một nền kinh tế hùng mạnh nhất thế giới với GDP trên 8 000 tỉ USD trong khi Việt Nam đang còn là nước đang phát triển với GDP chỉ khoảng trên dưới 30 tỉ USD. Riêng về mặt xuất khẩu, kim ngạch hằng năm của Hoa Kỳ lên tới gần 1 000 tỉ trong khi ta chỉ mới xuất khẩu được khoảng 13 tỉ. *Ba là,* cơ chế kinh tế của hai nước khác nhau : Hoa Kỳ theo cơ chế thị trường tự do hoàn toàn, còn nước ta mới trong quá trình chuyển đổi từ cơ chế bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng XHCN. *Bốn là,* Hoa Kỳ là thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) còn nước ta mới còn đang trong quá trình khởi động đàm phán để gia nhập tổ chức này.

Do có nhiều sự khác biệt như vậy nên ngay từ đầu, khi mới bắt tay vào đàm phán ta đã nhấn mạnh một số nguyên tắc cơ bản. Đó là tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, không can thiệp công việc nội bộ của nhau, hợp tác bình đẳng cùng có lợi ; cần tính đến thực tế là Việt Nam còn là nước đang phát triển ở trình độ thấp ; tuy đàm phán trên cơ sở luật lệ thương mại quốc tế song Việt Nam chưa phải là thành viên WTO. Những nguyên tắc ấy đã được ghi trong Lời nói đầu của Hiệp định và được phản ánh trong nhiều nội dung của Hiệp định. Đặc biệt Hiệp định không kèm theo bất cứ một điều kiện chính trị nào, kể cả những điều kiện gần đây các nước công nghiệp phát triển hay áp đặt như "nhân quyền", "dân chủ", "tiêu chuẩn lao động"...

Xuất phát từ nguyên tắc hình thành một Hiệp định phù hợp với thông lệ quốc tế hiện đại, sau khi WTO ra đời nên tuy tên gọi là HĐTM song bao gồm cả 5 lĩnh vực : thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, bản quyền, tài sản trí tuệ. Nói một cách khác, khái niệm "thương mại" được hiểu theo nghĩa hiện đại. Do Hiệp định được xây dựng trên các tiêu chuẩn của WTO nên cốt lõi của các cam kết là dành cho nhau quy chế tối huệ quốc, từng bước giảm thuế nhập khẩu, mở cửa thị trường cho nhau, từng bước tạo sự bình đẳng giữa các công ty trong và ngoài nước mà theo ngôn từ chuyên môn gọi là dành cho nhau chế độ "đãi ngộ quốc gia", bảo vệ bản quyền và nhãn mác hàng hóa. Tuy nhiên, như trên đã nói, do nước ta là nước đang phát triển ở trình độ thấp lại đang trong quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế nên Hoa Kỳ đã chấp nhận Việt Nam có một lộ trình chuẩn bị dài ngắn tùy theo từng lĩnh vực.

Tuy Hiệp định đã được ký song chỉ có hiệu lực sau khi nó được phê chuẩn mà quá trình này không đơn giản, nếu tính rằng ở Hoa Kỳ có một số thế lực vẫn chưa giã từ với quá khứ "chiến tranh lạnh" và "hội chứng thất bại ở Việt Nam". Nếu Hiệp định được phê chuẩn và đi vào cuộc sống thì nó sẽ mở ra một thị trường mới rộng lớn cho hàng hóa của ta. Mọi người đều biết, Hoa Kỳ là nước lớn với trên 279 triệu dân, lại có thu nhập cao và thói quen tiêu dùng nhiều, nay đã chuyển dịch cơ cấu sang sản xuất các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao nên hằng năm nhập khẩu tới trên 1 000 tỉ đôla hàng hóa của nước ngoài, trong đó có nhiều hàng tiêu dùng đòi hỏi nhiều lao động như hàng may mặc, giày dép, nông - thủy sản, các loại hàng tiêu dùng khác. Một đặc điểm nữa của thị trường Hoa Kỳ là rất đa dạng do Hoa Kỳ là Hợp chủng quốc có đủ các nhóm người thuộc đủ màu da và mọi giai tầng xã hội, từ những người giàu nhất thế giới tới những người vô gia cư. Việc được hưởng quy chế tối huệ quốc sẽ làm cho thuế suất đánh vào hàng Việt Nam xuất sang Hoa Kỳ giảm bình quân từ khoảng 40 - 50% xuống còn 3%, từ đó nước ta có thể gia tăng việc thâm nhập thị trường này, thúc đẩy sản xuất trong nước, tạo công ăn việc làm.

Bên cạnh đó, Hoa Kỳ nắm nhiều đỉnh cao của khoa học và công nghệ đầu nguồn, là nước đầu tư lớn ở nước ngoài (tới năm 1998 khoảng 861 tỉ USD), chiếm khoảng trên 20% tổng số vốn đầu tư ra nước ngoài của thế giới. Việc ký HĐTM trong đó có chương đầu tư cũng có thể khuyến khích các doanh nghiệp Hoa Kỳ gia tăng đầu tư vào Việt Nam. Đó là chưa kể doanh nghiệp của các nước khác cũng tính đến khả năng đầu tư ở Việt Nam có lao động rẻ, "khéo tay hay làm" để xuất sang thị trường Hoa Kỳ.

Do Hiệp định được xây dựng trên cơ sở các tiêu chuẩn của WTO nên cũng có thể coi đây là

Digitized by Google

một bước chuẩn bị tham gia tổ chức này. Đó là chưa kể việc ký HĐTM với Hoa Kỳ đi đôi với việc thúc đẩy hơn nữa sự hợp tác kinh tế với các đối tác khác như ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên minh châu Âu, Ấn Độ, Nga, các nước ở châu Á, châu Phi, Trung Cận Đông, Mỹ - la tinh sẽ góp phần thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa của Đảng và Nhà nước ta.

Đương nhiên, việc ký HĐTM là cần thiết và quan trọng, song mới chỉ là bước đầu. Điều quan trọng hơn, có ý nghĩa quyết định là nỗ lực của chúng ta khai thác tiềm năng phong phú của đất nước để thúc đẩy sản xuất, trong đó có sản xuất hàng xuất khẩu. Thị trường Hoa Kỳ cho dù sẽ được mở nhưng không phải tự nhiên hàng của ta có thể xâm nhập nếu các ngành, các địa phương và nhất là các doanh nghiệp không chủ động, tích cực tiếp cận : tìm hiểu luật lệ, phong tục tập quán kinh doanh, thị hiếu người tiêu dùng, từ đó sản xuất hàng hóa phù hợp, hình thành mạng lưới tiêu thụ... Yêu cầu hàng đầu vẫn là nâng cao khả năng cạnh tranh cả ở tầm quốc gia lẫn doanh nghiệp và từng sản phẩm. Điều này càng cần thiết vì năng suất lao động ở Hoa Kỳ cao nhất thế giới, do đó giá thành hạ ; trên thị trường Hoa Kỳ có hàng hóa của cả thế giới, trong đó có nhiều nước có khả năng cạnh tranh rất cao, hàng của ta không dễ chen chân ; hơn nữa theo nguyên tắc "có đi có lại", hàng hóa và dịch vụ của Hoa Kỳ sẽ được phép thâm nhập vào thị trường Việt Nam cũng đòi hỏi các doanh nghiệp nước ta phải chủ động, tích cực nâng cao sức cạnh tranh của mình.

Tóm lại, nếu HĐTM với Hoa Kỳ được phê chuẩn thì sẽ mở ra một số khả năng mới để phát triển quan hệ hai nước phục vụ lợi ích của nước ta, đồng thời cũng sẽ đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ cần phải xử lý. Có thể tin tưởng rằng, với thế và lực mới được tạo dựng trong những năm đổi mới, với kinh nghiệm đã thu lượm được trong những năm qua, các doanh nghiệp của ta có đủ khả năng, tài trí tận dụng thuận lợi, khắc phục khó khăn, mở rộng thị trường, góp phần phát triển đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.❑

NGÀNH GIAO THÔNG...

(Tiếp theo trang 34)

hẳng hụt chuyên gia đầu ngành và cán bộ quản lý giỏi. Triển khai cải cách hành chính, tổ chức sắp xếp lại doanh nghiệp, tiến hành cổ phần hóa một số doanh nghiệp nhà nước còn chậm. Ngành GTVT là một ngành sử dụng nhiều vốn đầu tư của Nhà nước, do vậy phải thực hành tiết kiệm, làm gì cũng phải cân nhắc hiệu quả, chất lượng, phải kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, xây dựng và thực hiện nghiêm các quy chế quản lý, kiểm tra. Đó cũng là một nhiệm vụ hết sức nặng nề của ngành.

Trật tự an toàn giao thông - một vấn đề lớn, bức xúc đang là mối quan tâm của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Từ đề án ***"Tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông năm 2000 - 2005"*** đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Ủy ban an toàn giao thông quốc gia đã phân thành 17 dự án cụ thể giao các bộ, ngành triển khai. Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam cũng đã "vào cuộc", có chương trình phối hợp vận động ***"toàn dân tham gia bảo đảm an toàn giao thông"***. Nguyên nhân số một gây tai nạn là ý thức chấp hành luật lệ giao thông chưa tốt của người tham gia giao thông, do đó nhiệm vụ quan trọng hàng đầu cần tiếp tục vẫn là đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục.

Qua 55 năm gắn bó và trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, hăng hái lao động, chiến đấu và không ngừng trưởng thành với những hy sinh và công lao to lớn, ngành GTVT đã được Nhà nước phong tặng và truy tặng danh hiệu Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho 58 tập thể, 47 cá nhân; Huân chương Hồ Chí Minh (1990), Huân chương Sao vàng (1995) cho cán bộ, công nhân viên toàn ngành và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Đứng trước thời cơ và thách thức mới, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, ngành GTVT nhất định sẽ phát huy truyền thống vẻ vang ***"đũng cảm, thông minh, sáng tạo"***, khơi dậy mọi nguồn lực, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phấn đấu đưa giao thông vận tải đi trước một bước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phục vụ sự đi lại của nhân dân ngày càng thuận lợi, an toàn, văn minh. ❑

Digitized by Google

VỀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ[1]

ĐẬU NGỌC XUÂN

"Đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới" là một chủ trương sáng suốt của Đại hội VIII Đảng ta, thể hiện tầm nhìn chiến lược, tư duy khoa học phù hợp với nhu cầu của đất nước và thực tiễn của thời đại.

Mọi người đều biết : Nhiều thế kỷ trước, những tiến bộ trong kỹ thuật hàng hải và công nghệ đóng tàu, khai phá đường giao thông, những bước phát triển của thị trường hàng hóa đã tạo điều kiện mở mang giao lưu buôn bán giữa các quốc gia. Trải qua quá trình phát triển lâu dài, quan hệ kinh tế quốc tế ngày càng trở nên phổ biến, bao quát nhiều lĩnh vực với nhiều hình thức. Đặc biệt vài chục năm gần đây, xuất hiện những nhân tố kinh tế - kỹ thuật rất mới dẫn đến bước phát triển nhảy vọt là toàn cầu hóa các quan hệ kinh tế. Đó là :

a) Lực lượng sản xuất vươn mạnh ra ngoài biên giới quốc gia cùng nhiều công nghệ hiện đại, nhất là cuộc cách mạng *thông tin* đã tạo nên mạng thông tin liên hoàn toàn cầu ; những tiến bộ mới trong *giao thông vận tải* đã rút ngắn thời gian giao tiếp giữa các vùng lãnh thổ thế giới... Những điều kiện vật chất có tính quyết định đó làm cho các hoạt động kinh tế lan tỏa khắp toàn cầu.

b) Sự phân công lao động quốc tế vừa phổ cập trên diện rộng, vừa phát triển theo chiều sâu. Các quan hệ thương mại, các dòng vốn đầu tư, các hoạt động dịch vụ phát triển rộng khắp chưa từng có giữa các nước.

c) Mức độ liên kết thống nhất của thị trường thế giới được tăng cường : không còn hiện tượng tách rời thị trường XHCN (khu vực I) với thị trường TBCN (khu vực II) ; các cường quốc công nghiệp không còn phân chia thị trường thế giới thành những vùng ảnh hưởng rõ rệt của riêng từng nước ; các công ty đa quốc gia phát triển nhanh chóng, trong cùng một lúc, thâm nhập thị trường nhiều nước ; quy mô và tốc độ chu chuyển vốn, hàng hóa, dịch vụ, lao động, công nghệ tăng lên rất nhanh, diễn ra đồng thời trên cả ba cấp : quốc gia, khu vực, toàn cầu.

Đúng như nhận định của Mác - Ăng-ghen trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản : "Đại công nghiệp tạo ra thị trường thế giới... Thay cho tình trạng cô lập trước kia của các địa phương và dân tộc tự cung tự cấp, ta thấy phát triển những quan hệ phổ biến, sự phụ thuộc phổ biến giữa các dân tộc". Hoặc như một suy tưởng khác của các nhà kinh điển cho rằng : *Giá rẻ*[2] của sản phẩm là những trọng pháo bắn thủng vạn lý trường thành của các quốc gia.

Hiện thực đời sống cho thấy : quan hệ kinh tế có tính toàn cầu là sản phẩm tất yếu, *xu thế khách quan* khi lực lượng sản xuất đạt trình độ quốc tế hóa rất cao, khoa học - công nghệ tiến bộ vượt bậc, kinh tế thị trường trở nên phổ cập. Nói cách khác, không phải giai cấp này hay thế lực kia có thể *tự mình* sáng tạo ra toàn cầu hóa theo ý muốn chủ quan mà chính những điều kiện kinh tế - kỹ thuật nhất định[3] đã quốc tế hóa các quan hệ kinh tế phát triển đến đỉnh cao là toàn cầu hóa. Trong buổi đầu lịch sử cũng như suốt quá trình về sau, chủ nghĩa tư bản, vì mục tiêu lợi nhuận, đã nhanh chóng nắm bắt, lợi dụng những thành tựu mới về kinh tế - kỹ thuật, thúc đẩy xu hướng quốc tế hóa các hoạt động kinh tế, đồng thời choàng lên nó những nhân tố tiêu cực, làm vẩn đục không gian kinh tế toàn cầu.

---

(1) Khái niệm "hội nhập" tiếng Pháp là Intégration. Trước đây, thường dịch là "nhất thể hóa" hay "liên kết", nay dịch là "hội nhập". Trong bài, cụm từ "hội nhập kinh tế quốc tế" ở nhiều chỗ được viết gọn là "hội nhập quốc tế"

(2) Giá rẻ là kết quả của một năng suất lao động cao, một công nghệ tiên tiến, một cơ chế quản lý khoa học

(3) Đương nhiên, khoa học và công nghệ cũng như công nghiệp và kinh tế thị trường không phải là những lực lượng siêu nhiên, mà đều là tác phẩm của con người. Tuy nhiên, con người ở đây chủ yếu là lao động trí óc và lao động chân tay tồn tại trong các chế độ xã hội khác nhau

Digitized by Google

Dưới tác động của xu thế toàn cầu hóa, xuất hiện nhu cầu *hội nhập kinh tế quốc tế* là hoạt động của các quốc gia về mở rộng hợp tác kinh tế nhưng không chỉ đơn giản bằng các quan hệ giao dịch song phương mà bằng hình thức cao hơn là xây dựng các tổ chức kinh tế khu vực và toàn cầu. Ngày nay, nhiều vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường, chỉ riêng một quốc gia, dù là quốc gia lớn mạnh nhất, cũng không thể giải quyết được, mà phải có sự liên kết của nhiều nước. Trung Quốc với hơn 1,2 tỷ dân, với nhiều nguồn tài nguyên hàng đầu thế giới, với nguồn lao động và các mặt tiềm năng vô cùng lớn, tự riêng nó đã hình thành một thị trường thật sự khổng lồ, thế mà Thủ tướng Trung Quốc Chu Dung Cơ đã nói : "Nền kinh tế của Trung Quốc sẽ không phát triển được nếu không có châu Á, và sự thịnh vượng kinh tế của châu Á sẽ không được tạo ra nếu không có Trung Quốc". Các nền kinh tế phát triển cao nhất trên thế giới cũng không thể tồn tại riêng lẻ. Thực hiện hội nhập quốc tế đã trở thành nhu cầu cấp thiết của mọi quốc gia, nhằm *tận dụng* các mặt lợi thế của toàn cầu hóa ; đồng thời qua hoạt động thực tế, mặc nhiên góp phần *thúc đẩy*, làm phong phú nội dung cơ bản của xu thế này. Hiện nay, cuộc đấu tranh phản kích của các nước chậm phát triển không phải nhằm xóa bỏ, đảo ngược xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, mà chỉ nhằm cải biến những định chế kinh tế quốc tế không hợp lý, chống lại những mưu đồ và thủ đoạn trong việc lợi dụng xu thế toàn cầu hóa và mở rộng hội nhập quốc tế.

I. Đặc điểm chủ yếu của giai đoạn trước mắt.

Trải qua quá trình phát triển lâu dài của các quan hệ kinh tế quốc tế, ngày nay xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế có những đặc điểm lớn như sau :

1 - Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã tạo nên nhiều sự liên kết giữa các nền kinh tế quốc tế, đẩy tới mức độ chuyên sâu của phân công lao động quốc tế : Từ phân công theo sản phẩm chuyển dần sang phân công theo chi tiết của sản phẩm. Các nền kinh tế quốc gia quan hệ chằng chịt, đan xen lẫn nhau đến mức tạo ấn tượng rằng kinh tế thế giới là một "mạng lưới" khổng lồ, rất đa dạng, không thuần nhất, trong đó các nền kinh tế quốc gia là những điểm nút vừa bảo vệ tính tự chủ, vừa tác động lẫn nhau và chịu ảnh hưởng của cả "mạng lưới". Về cơ chế quản lý, ở tầm vĩ mô cũng như vi mô xuất hiện những sáng kiến mới phù hợp với đặc điểm mới của kinh tế thế giới. Những tiến bộ về khoa học - công nghệ, về tổ chức sản xuất và quản lý đã tạo ra năng suất lao động cao hơn, hiệu quả kinh tế lớn hơn, làm cho lợi nhuận của CNTB đạt mức tối đa chưa từng có.

2. Đi liền với toàn cầu hóa, xu thế *khu vực hóa* cũng sớm hình thành phù hợp với trình độ lực lượng sản xuất và các quan hệ kinh tế giữa các quốc gia trong khu vực ; đáp ứng nhu cầu "co cụm, tập hợp lực lượng" của từng khu vực để thích ứng với cạnh tranh toàn cầu. Vì vậy, hội nhập quốc tế đã diễn ra với nhiều *cấp độ* khác nhau : Song phương, tam giác, tứ giác, tiểu khu vực, khu vực, liên khu vực, liên châu lục và toàn cầu ; dưới nhiều *phương thức* đa dạng : Khu vực mậu dịch tự do, liên minh thuế quan, thị trường chung, liên minh kinh tế, diễn đàn hợp tác kinh tế ; bằng *cơ chế* ngày càng thông thoáng theo hướng tự do hóa (4). Cho đến nay đã hình thành ba tổ chức kinh tế *toàn cầu* : Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF gồm 182 nước thành viên) ; Ngân hàng thế giới (WB gồm 180 nước thành viên) ; Tổ chức thương mại thế giới (WTO gồm 136 nước thành viên) và hàng trăm tổ chức kinh tế *khu vực* : Liên lục địa (ASEM, Đại Tây Dương...) ; Khu vực (EU (5), APEC, Ấn Độ Dương...) ; Tiểu khu vực (Đông - Nam Á, Nam Á, Tây Á, Nam Mỹ, Bắc Mỹ. ..) ; Liên quốc gia (chỉ riêng ASEAN đã có Tam giác phía Nam, Tam giác phía Bắc, Tam giác phía Đông, Tứ giác, Tiểu vùng lưu vực sông Mê-kông...). Có thể nói thế giới đã thật sự bước vào "cao trào hội nhập" với tốc độ ngày càng nhanh, với lĩnh vực ngày càng nhiều, với hình thức ngày càng đa dạng.

Bên cạnh vô số công ty quốc gia, đã hình thành khoảng 60 000 công ty đa quốc gia chiếm 25% tổng giá trị sản xuất thế giới, 64% kim ngạch mậu dịch quốc tế ; 70% tổng đầu tư trực tiếp nước ngoài, 90%

(4) Tự do hóa là một xu hướng mới, trái với chủ nghĩa bảo hộ, chủ nghĩa biệt lập đã từng tồn tại trên thế giới. Thế nhưng, trong xu thế chung tự do hóa, có những *thái cực rất khác nhau*. Do vậy, trước mắt, tự do hóa những lĩnh vực cụ thể nào, với mức độ và lộ trình ra sao thì đương là đầu đề *tranh chấp gay gắt* không chỉ giữa các nước phát triển và đang phát triển, mà có phần cả giữa các nước phát triển với nhau

(5) Cộng đồng châu Âu (EU) lúc mới ra đời, có nội dung hoạt động đơn giản hơn khu vực ASEAN hiện nay, nhưng nay nó là khu vực phát triển cao thể hiện ở ba điểm nổi bật :

a. Bên cạnh Quốc hội, Chính phủ của các nước thành viên, có Quốc hội của cả Cộng đồng và Ủy ban châu Âu ;

b. Quyền lực *thương mại* của từng nước thành viên được thay thế bằng quyền lực của cấp Cộng đồng

c. Đồng euro - đồng tiền chung của Cộng đồng - đến năm 2003 sẽ thay thế, xóa bỏ các đồng tiền quốc gia của các nước thành viên

Digitized by Google

công nghệ cao và hơn 70% hoạt động chuyển giao công nghệ. Gần đây xuất hiện khuynh hướng sáp nhập, hình thành những công ty đa quốc gia cực lớn. Sự ra đời của công ty đa quốc gia không phải đơn giản chỉ do giới tài phiệt quốc tế tự ý đặt ra. Nhìn về bề sâu, đó là sản phẩm của quá trình tích tụ, tập trung và liên hợp sản xuất trên phạm vi thế giới dựa trên những thành tựu kinh tế - kỹ thuật *hiện đại* và tổ chức quản lý *tiên tiến* do loài người sáng tạo nên ; các thế lực tư bản kếch sù đã kịp thời nắm lấy và cố nhào nặn sản phẩm ấy, nhằm thiết lập địa vị độc quyền, vai trò khống chế thương trường quốc tế, thâu tóm các lợi thế của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, giành lợi nhuận tối đa. Như vậy, công ty đa quốc gia không chỉ là công cụ bóc lột, tạo lợi nhuận bằng những hình thức mới rất hữu hiệu, mà còn phản ánh trình độ quốc tế hóa cao của lực lượng sản xuất, tính toàn cầu của các hoạt động đầu tư, thương mại.

Những nhân tố nói trên phát sinh từ toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã tạo nên quan hệ "tùy thuộc lẫn nhau" giữa các nền kinh tế mà không một ai có thể cưỡng lại. Quan hệ "tùy thuộc lẫn nhau" cho phép phát huy các "thế mạnh" và bổ khuyết các "thế yếu" của nền kinh tế quốc gia, đồng thời góp phần củng cố tính độc lập tự chủ của nền kinh tế quốc gia trong cạnh tranh toàn cầu. Tuy nhiên, đối với các nước chậm phát triển, cần đề phòng một nguy cơ ngược lại nếu để diễn ra trên thực tế không phải sự "tùy thuộc lẫn nhau" mà là sự "tùy thuộc một chiều" của nền kinh tế quốc gia vào nền kinh tế nước khác.

3 - Thời đại chúng ta đang sống không còn là thời đại tư bản chủ nghĩa trước đây mà đã là "thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH trên phạm vi thế giới".Trên thực tế, ngày nay lực lượng tham gia, thúc đẩy toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế không chỉ có các nước tư bản phát triển mà bao gồm *ba loại nước* với hàng trăm dân tộc và nhà nước khác nhau :

a. Các nước tư bản phát triển .

b. Các nước dân tộc chủ nghĩa vừa thoát khỏi ách đô hộ thực dân.

c. Các nước phát triển theo định hướng XHCN (6).

Với phương thức sản xuất của riêng từng nước mang tính đặc thù quốc gia, các nước, các dân tộc lợi dụng toàn cầu hóa và tham gia hội nhập quốc tế đều theo đuổi những *mục tiêu*, ý đồ khác nhau, thậm chí đối lập nhau.

Có thể tóm tắt như sau : Một số ít nước tư bản phát triển cao không chỉ theo đuổi mục tiêu lợi nhuận mà quan trọng hơn là tìm cách chi phối, khống chế thị trường thế giới, cải biến kinh tế các nước khác theo quỹ đạo của mình. Các nước dân tộc chủ nghĩa tận dụng xu thế toàn cầu hóa và tham gia hội nhập quốc tế, để có điều kiện xây dựng nền kinh tế quốc gia tự chủ. Các nước XHCN vận dụng xu thế toàn cầu hóa và chủ động hội nhập quốc tế, để tranh thủ những khả năng có lợi trên thị trường thế giới, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế theo định hướng XHCN, không chỉ chống nguy cơ tụt hậu xa hơn, mà còn nhằm thu hẹp khoảng cách về tiềm lực kinh tế so với các nước khác.

Điều đó nói lên tính chất "đồng sàng dị mộng", đa mục tiêu và ý đồ của hội nhập quốc tế, hình thành những cuộc cạnh tranh gay gắt giữa các loại thế lực, báo hiệu những khả năng biến đổi sẽ tiếp tục diễn ra trong toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh rất đa dạng, không thuần nhất bao trùm hầu khắp toàn cầu, sẽ không hợp lý, thậm chí có khả năng dẫn đến sai lệch, nếu chỉ nhìn thấy tính chất TBCN của toàn cầu hóa mà không thấy những nội dung *mới* trong nền kinh tế thế giới không chỉ về mặt lực lượng sản xuất và khoa học công nghệ, mà cả về quan hệ tương tác giữa các nền kinh tế quốc gia, nhất là về sức mạnh vươn lên của các nước chậm phát triển. Mặt khác cũng sẽ không đúng nếu không thấy rằng quá trình toàn cầu hóa hiện đang bị CNTB thế giới chi phối, do đó, đó là một quá trình chứa đầy mâu thuẫn vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác vừa có đấu tranh.

4 - Ỷ thế sức mạnh kinh tế và khoa học - kỹ thuật, với bản chất vốn có của giai cấp tư sản, các nước lớn, nhất là nước tư bản phát triển cao nhất đang khống chế các tổ chức kinh tế toàn cầu (IMF, WB, WTO), áp đặt những quy chế và phương thức hoạt động không bình đẳng, gây thiệt hại cho các nước chậm phát triển, tạo trạng thái thất nghiệp, phân hóa giàu nghèo ngày càng nghiêm trọng, uy hiếp chủ quyền quốc gia các dân tộc kém phát triển.

---

(6) Nếu trước đây Liên Xô và tất cả các nước XHCN đều thực hiện thành công cuộc cải tổ, cải cách theo định hướng XHCN thì ngày nay sự đoàn kết giữa các nước XHCN với các nước đang phát triển đã làm cho lực lượng so sánh và bộ mặt thương trường quốc tế khác hẳn diện mạo hiện nay

Digitized by Google

Để đối phó lại, các nước chậm phát triển chiếm hơn 4/5 thành viên của các tổ chức kinh tế toàn cầu(7), thông qua tổ chức UNCTAD, nhất là nhóm G77, Trung tâm Phương Nam và nhiều diễn đàn khác, đang đoàn kết lại, không ngừng đấu tranh chống sức ép và khả năng thao túng của các nước phát triển, bảo vệ lợi ích quốc gia chính đáng của mình.

Cuộc đấu tranh giữa khống chế, o ép và chống khống chế, o ép diễn ra ngày càng quyết liệt, chủ yếu do khả năng tập hợp lực lượng của các nước đang phát triển, đồng thời do các nước phát triển, trong chừng mực nhất định, rất cần thị trường, nguồn lao động, nguồn tài nguyên... của các nước đang phát triển. Vì vậy, các nguyên tắc chung của WTO không những thể hiện mưu đồ, lợi ích của các nước phát triển, mà còn bao hàm những quy định có lợi cho các nước đang phát triển và kém phát triển. Trước làn sóng phản ứng của nhiều quốc gia, các nước phát triển đã buộc phải xóa nợ, dãn nợ cho các nước kém phát triển. Thất bại của vòng đàm phán tháng 11-1999 của WTO ở Mỹ, diễn biến của Diễn đàn kinh tế thế giới ở Đa-vốt (Thụy Sĩ) cuối tháng 1 năm 2000, của Hội nghị UNCTAD - 10 tại Băng Cốc nửa đầu tháng 2 năm 2000, của Hội nghị thượng đỉnh lần thứ nhất của Phương Nam tại Cu Ba cuối tháng 3 năm 2000... không chỉ bộc lộ mâu thuẫn giữa các nước tư bản phát triển mà còn là và *chủ yếu* là minh chứng *sức mạnh vươn lên* của các nước đang phát triển đã hạn chế được từng phần sự khống chế, điều tiết của các nước lớn. Thực tế cho thấy, đã đến lúc không phải các nước phát triển có thể hoàn toàn tự do hành động trong mọi quan hệ kinh tế quốc tế.

5 - Hợp tác kinh tế giữa các quốc gia theo chương trình dài hạn hay theo vụ việc cụ thể đã từng diễn ra phổ biến trên thế giới. Nhưng ngày nay, hợp tác kinh tế thường phải diễn ra trên cơ sở hội nhập quốc tế, tức là gia nhập, trở thành thành viên của các tổ chức kinh tế quốc tế. Điều đó được minh chứng ở chỗ tuyệt đại đa số các quốc gia trên hành tinh đều tham gia các tổ chức kinh tế khu vực, toàn cầu.

Là thành viên, các quốc gia phải thực hiện những định chế, những hiệp định, những cam kết do các bên thỏa thuận. Người ta coi đó là "luật chơi" chung hay còn gọi là "thông lệ quốc tế" mà các quốc gia phải tuân thủ. Nhưng tuyệt đối không nên nghĩ rằng các "luật chơi", các thông lệ *hiện hành* đã hoàn hảo, bất di bất dịch. Đấu tranh để cải tiến, hoàn thiện nó theo hướng tích cực đã trở thành nhu cầu, trách nhiệm của các quốc gia, trước hết và chủ yếu là các quốc gia chậm phát triển.

Hội nhập quốc tế bao gồm quan hệ đa phương lẫn song phương. Hội nhập quốc tế không chỉ có việc gia nhập AFTA, APEC, IMF, WB... mà việc thiết lập quan hệ thương mại, đầu tư, khoa học kỹ thuật với từng nước riêng rẽ có ý nghĩa rất quan trọng. Tuy nhiên, cần thấy rằng trong thực tiễn hiện nay của thế giới, các định chế kinh tế do cấp đa phương, nhất là đa phương *toàn cầu* quy định, có giá trị *hướng dẫn*, tạo khuôn khổ *khống chế* các quan hệ song phương. Nói cách khác, định chế của quan hệ song phương về cơ bản phải phục tùng định chế chung của quan hệ đa phương. Vì vậy, hội nhập quốc tế không thể không tham gia quan hệ đa phương, tức không thể không gia nhập, trở thành thành viên của các tổ chức kinh tế khu vực và toàn cầu. Nếu chỉ dừng lại ở quan hệ hợp tác song phương thì sẽ không được hưởng những lợi thế do quan hệ đa phương tạo nên, không có điều kiện và cơ hội nói lên tiếng nói đấu tranh bảo vệ lợi ích quốc gia trên các diễn đàn quốc tế, đặc biệt không tận dụng được sức mạnh tập thể của các nước đang phát triển để chống thái độ cửa quyền, sức ép của các nước phát triển.

6 - Do những đặc điểm nói trên, trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, luôn luôn tiềm ẩn hai khả năng : thời cơ và thách thức, mặt phải và mặt trái, hợp tác và đấu tranh, phát đạt và phá sản, vươn lên và tụt hậu, tự chủ và phụ thuộc...

Những khả năng đó tác động theo chiều hướng nào và với mức độ ra sao đối với từng quốc gia, tùy thuộc trước hết và chủ yếu ở bản lĩnh, khả năng *chủ quan* của từng quốc gia. Run sợ trước thách thức, do đó không mạnh dạn, kịp thời hội nhập quốc tế, để tận dụng các loại lợi thế thì sẽ bỏ lỡ thời cơ, làm hẫng hụt các nguồn lực, làm chậm đà tăng trưởng kinh tế. Ngược lại, coi thường thách thức, không thấy hết chiều sâu của thách thức, do đó hội nhập một cách tùy tiện, không tính toán thì vấp váp, thua thiệt, thậm chí đổ vỡ là không tránh khỏi. Đồng thời phải thẳng thắn thấy rằng : Hậu họa lớn nhất là không hội nhập. Bởi vì không nên nghĩ rằng không hội nhập thì có thể tránh được mọi thách thức ; trái lại có khi thách thức còn lớn hơn ! Thời cơ và thách thức là hai mặt của hội

(7) 85% Tổ chức thương mại thế giới (WTO), 82% Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF)

Digitized by Google

nhập quốc tế, thậm chí của cùng một hành động hội nhập. Để vượt qua thách thức, cần chủ động nắm thời cơ, giữ vững mục tiêu, vươn lên khai thác những gì là lợi thế của hội nhập, để tạo ra thế mới và lực mới. Nếu đặt mình ra ngoài xu thế chung, thi hành chính sách "tự lực một chiều", không biết tận dụng ưu thế của phân công lao động quốc tế thì không tránh khỏi tụt hậu ngày càng xa hơn, cuối cùng sẽ vỡ mộng về nền kinh tế tự chủ, rơi vào trạng thái kinh tế phụ thuộc, kéo theo những tác động khó lường về chính trị - xã hội.

II. Kinh tế Việt Nam với hội nhập quốc tế.

1 - Bức tranh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cực kỳ đa dạng và phức tạp. Do đó, hiện có tình hình là trên thế giới cũng như trong một nước, thậm chí trong cùng một trường đại học, một cơ quan nghiên cứu lý luận, đang có những quan niệm và nhìn nhận khác nhau, thậm chí đối lập nhau về toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, thể hiện ở rất nhiều tài liệu nghiên cứu và sách báo xuất bản, mặc dầu hầu như không một ai phủ nhận trên thực tế có sự tồn tại của xu thế toàn cầu hóa và hoạt động hội nhập quốc tế.

Trong bối cảnh đó, đối với nước ta, điều đặc biệt quan trọng là phải xuất phát từ lợi ích và điều kiện cụ thể của nước ta, chủ động xem xét, nhận biết xu thế diễn biến của kinh tế thế giới, *tự mình* nhìn nhận những gì là thời cơ, lợi thế có thể và cần tranh thủ, những gì là thách thức cần đối phó, là tiêu cực cần phòng chống, để *độc lập* xác định thái độ, chủ trương, phương án hội nhập một cách thích hợp, nhằm mục tiêu : đi đôi với khai thác tối đa mọi tiềm năng nội lực, cần ra sức tranh thủ các nguồn ngoại lực như là những nguồn lực bổ sung rất quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội, tạo cho nền kinh tế nước ta vị thế có lợi trong phân công lao động quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập tự chủ và định hướng XHCN, bảo đảm an ninh quốc gia và bản sắc văn hóa dân tộc.

Nếu chỉ hạn chế trong nguồn lực hạn hẹp hiện có thì không thể đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, không thể giải quyết sớm những vấn đề xã hội bức xúc như việc làm, xóa đói giảm nghèo... Thậm chí nguy cơ tụt hậu xa hơn sẽ trở thành hiện thực nghiệt ngã, phát sinh nhiều vấn đề kinh tế xã hội rất phức tạp. Ai cũng biết trên thị trường thế giới, rất dồi dào thiết bị, vật tư và nhiều nguồn vốn đầu tư. Nhưng không hội nhập quốc tế, đứng ngoài quan hệ đa phương, song phương thì việc tận dụng các nguồn vật chất đó nhất định gặp nhiều khó khăn, hạn chế, phải trả giá cao hơn ; nợ nần khó vay, khó trả, thậm chí không trả được, hậu họa sẽ rất lớn.

2. Đối với nước ta, xuất phát từ nhiệm vụ trung tâm là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế sẽ tạo điều kiện thu hút những nguồn vật chất như vốn, thiết bị, vật liệu mà nước ta rất thiếu và rất cần ; những tiến bộ khoa học và công nghệ, những kiến thức hiện đại về quản lý kinh tế cần nắm bắt và vận dụng ; những thị trường mới cần thâm nhập để tăng nhanh xuất khẩu, phục vụ mục tiêu thay thế nhập khẩu một cách có hiệu quả ; những đối tác mới cần thu hút nhằm thực hiện tốt hơn chủ trương đa phương hóa, chống vị thế độc quyền của bất kỳ ai trên bất cứ lĩnh vực nào của nền kinh tế nước ta.

Thực trạng kinh tế nước ta cho thấy : tiềm lực kinh tế rất lớn, phong phú và đa dạng, bao gồm nhiều lĩnh vực, trải rộng khắp các vùng lãnh thổ. Nhưng thực trạng trước mắt cũng cho thấy : để khai thác nhanh những tiềm lực đó, trong không ít trường hợp, rất cần sự tác động tích cực, có hiệu quả của các nguồn kinh tế bên ngoài như là những nhân tố không thể thiếu để khai thác, phát huy nội lực. Nói cách khác, phát huy nội lực là chính, nhưng phải kịp thời tận dụng các nguồn ngoại lực ; kết hợp nội lực với ngoại lực thành sức mạnh tổng hợp tiến quân mạnh mẽ vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Mặt khác, *thách thức* cần đối phó không phải nhỏ : Làm thế nào giữ vững được chủ quyền quốc gia và định hướng XHCN trong suốt quá trình hội nhập quốc tế ? Làm thế nào không để xảy ra thua thiệt, thậm chí thất bại trên thương trường nội địa và quốc tế do khả năng cạnh tranh quá yếu ; không để xảy ra sơ hở, thua thiệt do trình độ non kém của cán bộ và bộ máy quản lý ; không bị động trước những biến động lớn xảy ra trong khu vực và trên thế giới do năng lực dự báo quá yếu ; bằng cách gì ngăn chặn hoặc hạn chế những tác động bất lợi từ bên ngoài như khủng hoảng kinh tế, rối loạn thị trường ; làm thế nào không để xảy ra lơ là, mất cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch...

3. Để tận dụng có hiệu quả mọi thời cơ thuận lợi, đồng thời đối phó thành công với các loại thách thức, bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, các bên cùng có lợi, điều quyết định là :

a) Chủ động hội nhập quốc tế bằng một chương trình tổng thể với những nội dung và lộ trình hợp lý ;

Digitized by Google

không bị động, lôi cuốn chạy theo, nhưng không do dự, bỏ lỡ thời cơ, thậm chí phải biết sử dụng hội nhập quốc tế làm động lực thúc đẩy sự phát triển tiến bộ của nền kinh tế. Thực tế vừa qua cho thấy : doanh nghiệp nào chấp nhận cạnh tranh, kể cả cạnh tranh quốc tế, ra sức cải tiến quản lý và công nghệ thì không những làm chủ thị trường nội địa mà còn đứng vững trên thương trường quốc tế. Không ít tiến bộ trong nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ đều là kết quả của sự kết hợp nhân tố bên trong với nhân tố bên ngoài.

Chương trình hội nhập phải phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phải đáp ứng yêu cầu của những định chế kinh tế quốc tế mà nước ta cam kết.

b) Tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa với chất lượng và hiệu quả ngày càng cao, nhằm khai thác tối đa mọi tiềm năng của đất nước, tạo ra những chuyển biến to lớn về cơ cấu lao động, ngành nghề, vùng lãnh thổ, về hiện đại hóa từng bước nền kinh tế quốc dân theo hướng kinh tế tri thức, gắn chặt thị trường trong nước với thị trường quốc tế, tham gia ngày càng nhiều vào phân công lao động quốc tế một cách có lợi nhất...

c) Kiên trì đường lối đổi mới, đưa đổi mới lên bước phát triển cao hơn là xây dựng nhanh thể chế *kinh tế thị trường định hướng XHCN* : củng cố vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước đi đôi với tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế khác cùng phát triển ; cải tiến chế độ phân phối, kết hợp tăng trưởng kinh tế với giải quyết các nhu cầu xã hội ; xây dựng đồng bộ các yếu tố của kinh tế thị trường ; xác lập tư duy mới về vai trò của thị trường trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch kinh tế ; kết hợp "cung" với "cầu", coi "cầu" là điểm xuất phát, là đối tượng của "cung" ; lấy chất lượng và hiệu quả làm tiêu chuẩn hàng đầu ; kịp thời điều chỉnh, bổ sung các chính sách thương mại, tài chính, ngân hàng ; tăng cường và đổi mới chức năng quản lý của Nhà nước...

d) Nâng cao không ngừng khả năng cạnh tranh trên cả ba mặt : sản phẩm hàng hóa (chất lượng, giá cả) ; doanh nghiệp (năng lực công nghệ, trình độ quản lý, hiệu quả sản xuất kinh doanh) ; tổng thể nền kinh tế (kinh tế vĩ mô ổn định, phát triển nhanh và bền vững ; hệ thống pháp luật, chính sách hoàn chỉnh, thông thoáng ; môi trường hấp dẫn, sự tín nhiệm quốc tế...).

e) Ra sức xây dựng doanh nghiệp, công ty, nhất là doanh nghiệp nhà nước thành những đơn vị mạnh về công nghệ, giỏi về quản lý, năng động, sáng tạo trong làm ăn. Muốn vậy, với thái độ nhìn thẳng vào sự thật, cần kiên quyết, khẩn trương tiến hành cải cách, đổi mới hệ thống doanh nghiệp nhà nước dựa trên tư duy mới về vai trò, vị trí và trách nhiệm của doanh nghiệp nhà nước, về cơ chế quản lý, chứ không chỉ dừng lại ở sắp xếp đơn giản, thuần túy về số lượng nhiều ít.

g) Gấp rút đào tạo một đội ngũ cán bộ ngang tầm nhiệm vụ về cả hai mặt nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức.

Dựa trên mục tiêu, chủ trương chung, kết hợp chặt chẽ hoạt động của các ngành kinh tế với các ngành văn hóa, an ninh, quốc phòng, hình thành sức mạnh tổng hợp của cả nước...

h) Kết hợp chặt chẽ chính trị đối ngoại với kinh tế đối ngoại, nhằm nâng cao vị thế của nước ta trên *chính trường* quốc tế, đồng thời tạo thế đứng vững chắc, có lợi của nền kinh tế nước ta trên *thương trường* toàn cầu và khu vực.

4. Đời sống thực tế chứng tỏ : hội nhập quốc tế đã trở thành nhu cầu cấp thiết của nền kinh tế, nhất là khi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã trở thành sự nghiệp tối thượng của quốc gia. Rụt rè, chậm chạp hội nhập, dấn sâu trong quan niệm cũ về tự lực, tự cấp ; không chịu gồng mình lên để khắc phục thách thức, tiêu cực... là đi ngược tinh thần tiến công của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Trên thực tế, nền kinh tế nước ta đã hội nhập quốc tế từ lâu, nếu kể từ khi nước ta tham gia Hội đồng tương trợ kinh tế của các nước XHCN (SEV) và những hoạt động tích cực, đa dạng của nước ta mấy năm gần đây trên lĩnh vực quan trọng này.

Thực tế cũng cho thấy những gì nước ta thu nhận được từ hội nhập quốc tế, đã góp phần xứng đáng với những thành tựu kinh tế to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng của thời gian qua.

Những gì đã thực hiện, đã giành được chứng minh rằng : Đảng ta, Nhà nước ta và nhân dân ta có đủ *bản lĩnh* và *khả năng* khai thác những gì là lợi thế của hội nhập quốc tế, đồng thời đối phó thành công với nhiều loại thách thức phức tạp. Thực tế vừa qua về cả hai mặt "được" và "chưa được" đều là những kinh nghiệm, bài học bổ ích giúp chúng ta mạnh dạn chuyển qua bước phát triển mới của hội nhập quốc tế. ❑

Digitized by Google

VỀ XÃ HỘI THÔNG TIN CỦA NỀN VĂN MINH TRÍ TUỆ

NGUYỄN THÀNH BANG

Việt Nam đang ở giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa. Trong khi đó, nhân loại đang khẩn trương chuẩn bị hành trang để tiến vào xã hội thông tin của nền văn minh trí tuệ. Trên bình diện phát triển lực lượng sản xuất xã hội, đây là một thách thức to lớn song cũng có thể là vận hội để vươn lên mạnh mẽ nếu chúng ta biết chớp lấy thời cơ. Tìm hiểu thấu đáo xu thế lớn này của thế giới là một yêu cầu cấp thiết trong chiến lược phát triển quốc gia.

1 - Sự chuyển biến có tính chất cách mạng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ đã diễn ra trong nửa đầu thế kỷ XX mà *biểu hiện có tính chất bước ngoặt là sự xuất hiện chiếc máy tính điện tử hiện đại đầu tiên trên thế giới vào năm 1946 cùng với sự ra đời của điều khiển học, lý thuyết hệ thống và lý thuyết thông tin.* Tiếp theo đó là sự bùng nổ cuộc cách mạng khoa học và công nghệ vào nửa cuối thế kỷ XX với sự phát triển như vũ bão hàng loạt công nghệ mới và các ngành khoa học về sự sống - chìa khóa quan trọng cho việc đáp ứng các nhu cầu thiết yếu về lương thực, bảo vệ sức khỏe và môi trường, tạo ra các tiền đề vượt qua các mặt hạn chế của nền văn minh công nghiệp.

Khác với các cuộc cách mạng công nghiệp trong thế kỷ XVIII và XIX, *cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trong thế kỷ XX không chỉ góp phần nâng cao năng lực có hạn của cơ bắp, nối dài cánh tay và các giác quan của con người, mà còn tạo ra được các phương tiện nâng cao năng lực tư duy vượt qua các giới hạn sinh lực của con người.*

2 - Từ thập niên 60 khi máy tính điện tử đã được dùng rộng rãi để thu thập và xử lý thông tin không chỉ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ mà cả trong quản lý kinh doanh và lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, người ta đã bàn đến "xã hội thông tin" như một dự đoán viễn tưởng về tương lai của nhân loại. Bước sang thập niên 70 các thế hệ máy tính lần lượt ra đời và công nghệ của ngành công nghiệp điện tử đã có khả năng cung cấp hàng triệu rồi hàng chục triệu máy tính điện tử cá nhân. Vào giữa thập niên 80, với năng suất chung tăng gấp 400 lần và dung lượng chung của bộ nhớ tăng lên 4000 lần (sau 10 năm) mà giá bán lại giảm xuống một nửa chỉ sau hơn một năm (trong vòng 20 năm qua), thì đây quả thực là một hiện tượng thần kỳ chưa từng thấy trong lịch sử phát triển, vượt xa sự phỏng đoán của hầu hết các chuyên gia tầm cỡ thế giới cũng như sức tưởng tượng và sự hình dung của con người từ những kinh nghiệm trong quá khứ.

Nhờ những thành tựu kỳ diệu nói trên, việc xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật cho xã hội thông tin đã có được cơ sở vững chắc để trở thành hiện thực.

3 - Trong thập niên 90 - thập niên bản lề "vượt thế kỷ" nhờ những đột phá quan trọng trong công nghệ thông tin đã dẫn đến sự phát triển có tính chất bùng nổ các mạng thông tin truyền dữ liệu quốc gia và quốc tế, nhất là sau khi hợp nhất các mạng telex, điện thoại, phát thanh, truyền hình trên cơ sở kỹ thuật vi ba, số hóa và nén số, cáp quang, công nghệ la-de, công nghệ chuyển tải không đồng bộ (ATM), công nghệ thông tin tầm thấp, v.v.. đã tạo được khả năng nối mạng rộng rãi với các trung tâm thông tin cũng như với hàng trăm triệu máy tính cá nhân, có khả năng truy cập đến hàng triệu nguồn thông tin thế giới, thì *việc hình thành "không gian điều khiển" toàn cầu trên cơ sở các "siêu lộ thông tin cao tốc" cũng như sự chuyển đổi cấu trúc xã hội dựa vào sản xuất, phổ biến, truy nhập và sử dụng thông tin, kiến thức một cách rộng rãi để sáng tạo ra sản phẩm mới, tri thức mới đã phác họa những đường nét cơ bản đặc trưng cho "xã hội thông tin".*

Digitized by Google

Người ta thường lấy Nhật Bản để làm dẫn chứng cho vấn đề này. Là một đảo quốc nghèo tài nguyên, Nhật Bản đã vượt xa các nước giàu tài nguyên hơn rất nhiều lần là Anh, Pháp, CHLB Đức để vươn lên hàng thứ hai sau Hoa Kỳ trong nền kinh tế thế giới. Một trong những nhân tố có ý nghĩa quyết định cho những thành công của Nhật Bản là việc cải tổ triệt để các thể chế lỗi thời nhằm tổ chức khai thác với quy mô công nghiệp các nguồn thông tin quốc gia và quốc tế, biến chúng thành các lợi ích cụ thể trên thị trường. Đến nay Nhật Bản đã thật sự trở thành xã hội thông tin vì mỗi thành viên của nó đều có thể tiếp nhận dễ dàng mọi thông tin cần thiết cho hoạt động hàng ngày như chúng ta tiếp nhận điện và nước.

Đến năm 2005, hầu hết các cư dân của các nước công nghiệp phát triển đều nối mạng In-tơ-nét, hình thức làm việc tại nhà thông qua máy tính điện tử cá nhân kết nối với cơ quan trở nên phổ biến, mọi người có thể theo học các trường đại học tiên tiến nhất trên thế giới thông qua mạng In-tơ-nét...

4 - Trên thị trường thế giới, kết quả của việc tổ chức khai thác với quy mô công nghiệp các nguồn thông tin quốc gia và quốc tế được biểu hiện dưới ba hình thức xuất khẩu : *xuất khẩu hữu hình* (xuất khẩu các loại sản phẩm mang tính chất khoa học như máy bay, các loại vũ khí hiện đại, máy tính điện tử, dược phẩm, ...), *xuất khẩu vô hình* (xuất khẩu các bằng phát minh, sáng chế và các giấy phép sản xuất, sử dụng chúng) và *xuất khẩu quản lý* (xuất khẩu các bí quyết công nghệ quản lý, các phương pháp và kỹ thuật quản lý).

• *Xuất khẩu vô hình* quyết định cái được gọi là *"tình trạng gián đoạn công nghệ"*, tức khoảng cách giữa công nghệ gốc và công nghệ được chuyển giao, hay còn gọi là *"hàng rào công nghệ"*. Cái này được các nhà ngoại giao phương Tây đánh giá tương đương với mấy đạo quân viễn chinh trong thế kỷ XIX, vì nó buộc các nước chậm phát triển phải lệ thuộc vào các nước công nghiệp phát triển về mặt công nghệ. Ngoài ra, việc duy trì *"hàng rào công nghệ"* còn mang lại cho các nước công nghiệp phát triển hàng chục tỉ USD/năm, nhưng đó không phải là tất cả ! Các sản phẩm của ngành công nghiệp dựa vào tri thức có thể xuất dưới dạng hữu hình cũng như vô hình hoặc dưới hình thức dịch vụ. Chẳng hạn, việc xuất khẩu máy tính điện tử có thể dưới dạng bán sản phẩm máy tính điện tử hoặc dưới dạng cấp giấy phép, bán bản quyền hoặc thông qua dịch vụ xử lý thông tin, số liệu truyền về từ các chi nhánh, các khách hàng của các công ty xuyên quốc gia trên khắp thế giới và không được thể hiện rõ ràng, chính xác trên cán cân thương mại quốc tế vì các thông tin được truyền dẫn trong các kênh nội bộ của các công ty xuyên quốc gia, thậm chí còn được xem như là nhập khẩu.

Như vậy, *xuất khẩu vô hình các sản phẩm công nghiệp dựa trên tri thức có thể mang lại lợi nhuận và việc làm nhiều hơn so với xuất khẩu hữu hình và điều đặc biệt quan trọng là chúng có thể xuất nhiều lần.*

• *Việc xuất khẩu các bí quyết của công nghệ quản lý, các phương pháp và kỹ thuật quản lý* cũng phát triển nhanh trong mấy thập niên gần đây ở các nước công nghiệp tiên tiến, chẳng hạn như Hoa Kỳ hiện nay có tới hàng nghìn công ty tư vấn về quản lý với tổng số nhân viên làm việc lên đến hàng triệu người, doanh số bán ra các dịch vụ tư vấn lên đến hàng tỉ USD và cuộc cách mạng thông tin đang đẩy nhanh các dịch vụ này với tốc độ trên 15% hằng năm.

Rõ ràng, *ngoài các ngành công nghiệp truyền thống, trong nền kinh tế thế giới đang hình thành và phát triển mạnh mẽ các ngành công nghiệp mới mà nguyên liệu đầu vào chủ yếu là thông tin và kiến thức với tốc độ tăng trưởng cao hơn gấp nhiều lần so với tốc độ phát triển kinh tế nói chung.* Khu vực công nghiệp mới này đã sản sinh ra nhiều doanh nhân giàu có nhất thế giới. Ở Hoa Kỳ, trong số 20 người giàu nhất đã có 14 người thuộc khu vực công nghiệp mới này, đứng đầu là Bin Ghết.

Bộ phận cốt lõi của nền kinh tế tri thức bao gồm các ngành viễn thông, ngân hàng điện tử, thương mại điện tử, truyền thông đa phương tiện và phần giá trị gia tăng do các ngành công nghiệp mới đã đạt khoảng một nửa GDP của các nước công nghiệp phát triển.

Digitized by Google

5 - Việc sử dụng các sản phẩm và dịch vụ tin học cũng như truyền thông ngày càng phổ biến. Theo số liệu năm 1998, ở Hoa Kỳ cứ 100 lao động cổ trắng thì có 103 máy vi tính và cứ 100 dân thì có 46 máy vi tính, con số tương ứng của EU là 78 và 33. Số người sử dụng mạng In-tơ-nét hiện nay đã vượt quá 200 triệu và vẫn tăng với tốc độ hàm mũ. Thương mại điện tử mới bùng nổ trong mấy năm gần đây đã đạt tới doanh số 30 tỉ USD vào năm 1998, dự đoán đến năm 2002 sẽ đạt tới 300 tỉ USD và năm 2005 sẽ đạt 1 000 tỉ USD !

Vì vậy, không có gì đáng ngạc nhiên khi chính phủ của mọi quốc gia, giàu cũng như nghèo, lớn cũng như bé, đều cố gắng đưa ra các chính sách và giải pháp nhằm bắt kịp trào lưu hướng tới xã hội thông tin. Mấy năm trước đây mới chỉ có Xin-ga-po đưa ra một tập hợp các chính sách quốc gia được thiết lập một cách rõ ràng có liên quan đến thông tin và việc sử dụng chúng trong xã hội. Đến nay hầu như quốc gia nào cũng có các chính sách thông tin, thậm chí có nước còn đang thực hiện các nỗ lực để tự khẳng định mình là một xã hội thông tin.

Trên khắp thế giới, mục tiêu của các chính sách thông tin và các giải pháp chủ yếu đều giống nhau một cách kỳ lạ. Đó là xây dựng một kết cấu hạ tầng thông tin vững chắc và phong phú trên cơ sở phát triển mạng các xa lộ thông tin và tham gia vào In-tơ-nét, phát triển văn hóa kinh doanh dựa trên công nghệ thông tin và tri thức để tăng năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đào tạo lại kỹ năng của người lao động và tạo ra nhiều việc làm hơn nữa, cải tổ về căn bản hệ thống giáo dục và phổ cập chế độ học liên tục, học suốt đời cho mọi người, phát triển các ngành công nghiệp mới dựa vào tri thức và đẩy nhanh việc cải cách các thiết chế xã hội để thích ứng với thời đại thông tin.

6 - Tùy thuộc vào trình độ phát triển cũng như hoàn cảnh cụ thể của từng nước, sự khác nhau trong các giải pháp hướng tới xã hội thông tin chính là ở lựa chọn cơ chế để đạt tới các mục tiêu nói trên.

Trước hết, các quốc gia đều muốn đạt tới một cơ sở hạ tầng viễn thông rẻ và hiệu quả, cho phép các cá nhân cũng như các tổ chức có thể liên lạc được với nhau và tiến tới mở rộng phạm vi của các mạng lưới đó để có được dịch vụ thông tin thật phổ biến. *Một mạng lưới viễn thông có tính năng cao là thành phần quan trọng nhất trong xã hội thông tin thành đạt.*

Thứ hai, nâng cao năng suất lao động và khả năng cạnh tranh công nghiệp, thương mại bằng cách *khuyến khích các cá nhân và tổ chức sử dụng thông tin như một đầu vào quan trọng trong phát triển sản xuất.*

Có thể đạt tới năng suất lao động cao thông qua việc khai thác, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại để đẩy nhanh quá trình đổi mới công nghiệp, nâng cao năng lực tiếp thu, làm chủ, thích ứng với các công nghệ mới được chuyển giao và tiến lên chọc thủng "hàng rào công nghệ" để sáng tạo ra các công nghệ mới, các tri thức mới hoặc bằng cách áp dụng các phương pháp và kỹ thuật quản lý thích hợp trong tiếp cận thị trường, xử lý các nguồn thông tin quốc gia và quốc tế, tổ chức lại sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế mang hàm lượng thông tin cao, làm tăng năng lực cạnh tranh của từng doanh nghiệp, tạo ra sự tăng trưởng "thật" trong nền kinh tế.

Thứ ba, có một lực lượng lao động có trình độ kiến thức và kỹ năng cơ bản về công nghệ và thông tin bằng cách nâng cao hệ thống giáo dục và đào tạo sao cho có khả năng đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời và không ngừng mở rộng kiến thức, làm giàu trí tưởng tượng và óc sáng tạo của các thế hệ trẻ.

Tổ chức tư vấn chính trị và rủi ro kinh tế (PERC) có trụ sở tại Hồng Công trong bản báo cáo công bố ngày 29-8-1999 đã đưa ra nhận định sau đây : *"Ngoại trừ Xin-ga-po và Phi-líp-pin, các nước ASEAN đều rất thiếu lao động có tay nghề, được đào tạo tốt để đối đầu với thế kỷ mới"*. Theo PERC thì nét đặc trưng quan trọng trong ưu thế cạnh tranh của mỗi nước trong tương lai sẽ là chất lượng của công nhân có tay nghề và PERC đã đưa ra bảng xếp hạng các nền kinh tế châu Á dựa trên trình độ tay nghề của công nhân : ba vị trí đầu là Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc ; sau đó là Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Việt Nam và In-đô-nê-xi-a. Báo cáo của PERC nhấn mạnh : *"Một trong những bài học rút ra từ cuộc khủng hoảng châu Á là các nước trong khu vực phải tập trung mạnh*

Digitized by Google

hơn vào năng suất lao động. Điều này sẽ được thực hiện dễ dàng hơn nếu như có đủ lực lượng lao động được đào tạo tốt và có tay nghề cao".

Những kết luận và dẫn chứng trên đây cho thấy tầm quan trọng của nguồn nhân lực có kiến thức và tay nghề cao trong thế kỷ XXI, được mệnh danh là thế kỷ thông tin của nền văn minh trí tuệ.

7 - Quá trình hướng tới sự định hình một xã hội thông tin đã đặt ra một số yêu cầu đối với việc *khai thác và sử dụng thông tin như một nguồn lực quan trọng để phát triển quốc gia.*

Đặc tính cơ bản của nguồn lực này (thông tin và tri thức) là sau khi sử dụng không những không mất đi mà càng dùng càng được hoàn thiện để tăng thêm giá trị, tức khả năng tái sinh, tự sinh sản và không bao giờ cạn.

Trong vòng ba thập niên cuối thế kỷ XX, thế giới đã sản sinh ra một lượng tri thức và thông tin khổng lồ bằng toàn bộ tri thức trong mấy ngàn năm trước đó. Vào những năm cuối thế kỷ XX, hơn 60% hoạt động của các nước công nghiệp phát triển đều gắn liền với việc thu thập, xử lý, chuyển giao và phổ biến các nguồn thông tin đã khai thác được. Đối với mọi quốc gia, điều quan trọng sống còn trong tương lai không phải chỉ đơn thuần là nắm đầy đủ các nguồn thông tin quốc gia và quốc tế mà chủ yếu là phải biết cách khai thác chúng ở quy mô công nghiệp để phục vụ cho việc nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế quốc gia trên thị trường thế giới.

Trong thời đại thông tin, lợi thế so sánh sẽ thuộc về quốc gia nào có năng lực tổ chức khai thác với hiệu quả cao nhất các nguồn thông tin và tri thức hiện có của nhân loại. Nhật Bản không phải là nước đứng đầu về sản xuất thông tin và số hóa các nguồn tri thức, song lại là nước số một trong khai thác và sử dụng thông tin, tri thức để phát triển kinh tế và tạo lập vị thế của mình trên thị trường thế giới.

Rõ ràng là *các nguồn tin cũng như phương thức khai thác, xử lý và bảo quản chúng đã trở thành tài nguyên quý giá nhất đối với các nước công nghiệp phát triển và trọng tâm của cuộc cạnh tranh để giành ưu thế trên thị trường thế giới đã được chuyển sang phương thức thu thập, xử lý và khai thác các nguồn thông tin quốc gia và quốc tế.*

8 - Trong xã hội thông tin, việc xác định quyền hạn về truy cập thông tin và trách nhiệm bảo vệ an ninh thông tin là vấn đề cốt lõi. Một mặt, mỗi cá nhân trong xã hội đều có quyền thụ hưởng một số quyền lợi mới như quyền được truy cập các nguồn thông tin quốc gia và quốc tế một cách bình đẳng, quyền được bảo vệ thông tin cá nhân và quyền riêng tư. Mặt khác, cần có những biện pháp bảo vệ an ninh và an toàn dữ liệu tại cơ sở dữ liệu, trên các mạng điện tử để ngăn chặn các loại tội phạm ăn cắp, kiếm lời, báo thù, khủng bố, kích động bạo lực, truyền bá văn hóa đồi trụy, v.v.. hoặc các loại vi rút máy tính ; làm tê liệt các hệ thống máy tính của một tổ chức, của một quốc gia ; gây tắc nghẽn việc truy cập trên các mạng, các xa lộ thông tin, v.v..

Như trên đã phân tích, nhờ có không gian điều khiển nối mạng toàn cầu (bao gồm hệ thống cáp quang xuyên đại dương và xuyên lục địa cũng như hệ thống các vệ tinh trái đất tầm thấp) các cá nhân và các tổ chức ở bất kỳ quốc gia nào đều có thể vượt qua giới hạn của quốc gia để liên lạc với nhau hầu như tức khắc, khiến cho hành tinh của chúng ta trở nên nhỏ bé giống một làng mà người ta gọi là *"làng toàn cầu"*. Hoạt động của "làng toàn cầu" trong không gian điều khiển nối mạng toàn cầu, trong đó In-tơ-nét đã trở nên sôi động và cũng đã nảy sinh nhiều vấn đề, đòi hỏi phải thiết lập các thể chế của mạng thông tin toàn cầu như mở cửa thị trường viễn thông, loại bỏ hàng rào thuế quan cho hàng hóa, dịch vụ viễn thông, v.v.. và các công ước quốc tế (giống như các hương ước trong các làng truyền thống của Việt Nam), trước hết là công ước về quyền sở hữu trí tuệ, vì trong xã hội thông tin mà nhân loại đang dấn sâu vào, quyền sở hữu trí tuệ đã được mở rộng, cần bổ sung và sửa đổi về căn bản các công ước đã có sao cho có thể bảo đảm hợp lý quyền lợi của các chủ thể sở hữu, đồng thời có sự phân biệt ưu đãi thích đáng đối với các nước chậm và đang phát triển, và phải tương thích với các thể chế của mạng thông tin toàn cầu.

9 - Cuộc cách mạng thông tin đang đẩy nhanh sự thay đổi trong nền kinh tế toàn cầu, làm mờ

Digitized by Google

nhạt ranh giới giữa các ngành công nghiệp. Trong nền kinh tế dựa vào tri thức, các công ty cạnh tranh với nhau chủ yếu bằng các bí quyết công nghệ, kể cả các bí quyết công nghệ trong quản lý. Chẳng hạn tạo lập các hệ thống phản ứng linh hoạt để đáp ứng nhanh nhạy các đơn đặt hàng và trở thành tổ hợp các mạng thật sự tiếp xúc với người tiêu dùng. Có thể nói hầu hết các bí quyết công nghệ trên thế giới đều nằm trong tay các công ty đa quốc gia (MNC). Hiện có hàng vạn MNC trên thế giới và mặc dù chúng cạnh tranh với nhau ngày càng gay gắt, các MNC khổng lồ đang sáp nhập với nhau để tạo nên các nhóm độc quyền, hình thành các *"trung tâm quyền lực"* ở các nước phát triển cao và đẩy không chỉ các nước đang phát triển mà cả các nước phát triển chậm hơn ra vùng *"ngoại vi"* của nền kinh tế dựa trên tri thức trong quá trình toàn cầu hóa.

Người ta đã từng nói đến chủ nghĩa thực dân thông tin. Nó ra đời từ khi hoạt động của các ngành sản xuất tốn nhiều vật liệu, năng lượng hoặc gây ô nhiễm môi trường được chuyển ra ngoài "mẫu quốc" và nguồn lợi thu về là các chuyên gia tài ba của nước ngoài. Hơn nữa, cần phải kể đến cuộc đấu tranh thầm lặng nhưng quyết liệt của các MNC để giành quyền kiểm soát thông tin tại các nước đặt chi nhánh. Các thông tin, số liệu thu được tại các nước này thường chuyển về công ty mẹ để xử lý và sau đó các thông tin đã được xử lý lại quay trở lại các nước có nguồn tin để sử dụng, tìm ra các giải pháp thực hiện chiến lược kinh doanh. Các giới chính trị và các nhà khoa học ở nhiều nước trên thế giới đã nhiều lần bày tỏ lo ngại về các phương diện kinh tế của chủ quyền thông tin và một số nước đã thành lập các ủy ban đặc biệt có nhiệm vụ nghiên cứu ảnh hưởng của truyền thông đối với chủ quyền thông tin.

Trong điều kiện không công bằng của trật tự kinh tế thế giới hiện hành, nhiều câu hỏi bức xúc được đặt ra. Liệu tình hình nói trên có dẫn đến chủ nghĩa bá quyền, chủ nghĩa đế quốc thông tin cũng như sự phân cực giàu nghèo sâu sắc hơn nữa trên phạm vi toàn cầu hay không ? Liệu nhân loại có tìm được phương thức ngăn chặn các âm mưu sử dụng ưu thế về thông tin như một công cụ để nô dịch các nước chậm phát triển hay không ? Con đường dẫn đến nền kinh tế tri thức trong nền văn minh trí tuệ rõ ràng là không thể đồng đều cho mọi quốc gia và tất nhiên không thể tạo ra năng lực ngang bằng cho mọi người, song nó có thể mang lại lợi ích và cơ hội cho mọi người.

Vấn đề đặt ra đối với "làng toàn cầu" là tạo ra môi trường thể chế thích hợp để mọi người trên hành tinh có điều kiện thụ hưởng các cơ hội và lợi ích của xu thế đó. Đây là vấn đề cần kíp nhưng thực hiện được là cực kỳ khó khăn. Thời gian quá độ từ xã hội công nghiệp sang xã hội thông tin sẽ diễn ra nhanh chóng trong vài ba thập niên đầu thế kỷ XXI và nó sẽ kéo theo hàng loạt những thay đổi sâu sắc trong mọi lĩnh vực hoạt động của toàn xã hội và của mỗi con người. Và nữa, khi xã hội thông tin và nền văn minh trí tuệ càng phát triển thì ngay tại nhiều nước phát triển nhất, tính chất xã hội hóa của nền sản xuất sẽ càng cao, mâu thuẫn gay gắt với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, do đó không loại trừ khả năng xảy ra những biến động lớn về xã hội do chính nền văn minh này đưa tới.

10 - Những biến đổi sâu sắc trong thời đại thông tin của nền văn minh trí tuệ khiến cho một số phương pháp tư duy truyền thống trở nên lạc hậu. Nhiều lý thuyết phát triển tỏ ra bất lực đối với chức năng giải thích và cải tạo thế giới. Dân tộc Việt Nam chúng ta đã bao lần đứng trước sự lựa chọn khó khăn về con đường hiện đại hóa đất nước, về mô hình phát triển xã hội, về tổ chức hệ thống giáo dục, bảo vệ sức khỏe và giải quyết việc làm, ... Và trên thực tế chúng ta đã có lúc phải trả giá cho sự lựa chọn thiếu luận cứ khoa học, không gắn với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của đất nước. Không thể có chân lý vĩnh hằng, không thể có mô hình đúc sẵn duy nhất đúng cho mọi quốc gia. Hơn nữa sự phát triển trong tương lai sẽ biến hóa khôn lường, không thể hy vọng dựa vào một mô hình phát triển nào đó có sẵn để quyết định vận mệnh của đất nước, mà phải vận dụng sáng tạo cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp thu trí tuệ của nhân loại và của toàn dân, không ngừng tổng kết thực tiễn để tìm ra mô hình thích hợp với Việt Nam.❑

Digitized by Google

CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CỦA SÓC TRĂNG

TRẦN VĂN VỤ *

SÓC Trăng là một tỉnh hội tụ khá nhiều nét tiêu biểu của đồng bằng Nam Bộ, cả về điều kiện tự nhiên và xã hội. Nằm ở cuối sông Hậu, Sóc Trăng có 72 km bờ biển, 261 549 ha đất nông nghiệp, 30 000 ha đất bồi ven biển trên tổng diện tích tự nhiên là 320 026 ha. Trong tổng dân số 1 triệu 17 vạn người, thì người Khơ-me chiếm 28% ; người Hoa 8% ; còn lại là người Kinh và các dân tộc khác. Tuy vừa có rừng, vừa có đồng bằng, vừa có biển, với tiềm năng nông nghiệp rất dồi dào, nhưng là tỉnh thuần nông, để tiến hành CNH, HĐH thành công, Sóc Trăng phải tìm lời giải đúng cho hàng loạt bài toán khó.

Tính từ thời điểm tách Hậu Giang thành 2 tỉnh mới (4-1992), Sóc Trăng là một trong những tỉnh đứng đầu khu vực về tỉ lệ hộ nghèo (chiếm 64% số hộ toàn tỉnh) ; cơ sở hạ tầng yếu kém ; hệ thống thủy lợi nội đồng thiếu, nhất là những vùng đất phèn mặn. Sản xuất nông nghiệp còn manh mún với độc canh cây lúa, năng suất thấp (700 nghìn tấn lúa/năm). Thủy sản chủ yếu là nuôi trồng tự nhiên, không có quy hoạch, năng suất thấp ; công nghiệp hầu như chưa có gì đáng kể. Vì thiếu đói, dân phải chặt phá rừng lấy củi, lấy đất nuôi tôm. Thiên nhiên bị tàn phá khá nghiêm trọng, dẫn tới tình trạng thiếu rừng che chắn, triều cường đưa nước mặn vào sâu nội địa. Trước đây, hằng năm, phải đưa hàng trăm tấn gạo xuống cứu đói ở nhiều huyện. Đời sống văn hóa thấp, dẫn đến bệnh dịch và các tệ nạn xã hội khác hoành hành, nhất là ở các vùng đồng bào dân tộc.

Trong 8 năm (1992 - 2000), Sóc Trăng đã tiến một bước dài hơn chặng đường 17 năm trước đó (1975 - 1991). Tỉnh ủy đã xác định, một trong những yếu tố bảo đảm cho thắng lợi của quá trình phát triển sản xuất là phải tìm được khâu thiết yếu tập trung sức giải quyết. Đối với địa bàn nằm trong vùng nhiễm mặn trên bán đảo Cà Mau như Sóc Trăng, muốn phát triển sản xuất và ổn định đời sống, không còn cách nào khác là phải làm thủy lợi, đắp đê ngăn mặn. Theo kế hoạch ban đầu, *Dự án ngăn mặn* sẽ làm trong 4 năm. Nhưng, do hiểu rõ tầm quan trọng của dự án này đối với đời sống, "ý Đảng" được sự ủng hộ của "lòng dân", bằng quyết tâm và nỗ lực, với sự đoàn kết nhất trí, chỉ hơn 3 năm, 53 km đê biển và 462 km đê sông biển cùng hệ thống cống ngăn mặn giữ ngọt đã hoàn thành, mở đầu cho thời kỳ đi lên của vùng đất này.

Sản xuất nông nghiệp : Từ thời Pháp thuộc, Sóc Trăng đã là một trong những vựa lúa nổi tiếng của khu vực đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) và có tiếng trên thị trường thế giới. Vậy mà, người dân nơi đây vẫn không thoát khỏi nạn đói triền miên. Với 2/3 diện tích là vùng nông thôn, 85% dân số sinh sống chủ yếu là nghề nông, 5/6 huyện là vùng bị nhiễm mặn, đời sống bà con gặp nhiều khó khăn cả về vật chất và tinh thần. Cho tới 1992 (năm thứ hai của kế hoạch 5 năm lần thứ năm 1991 - 1995), và năm tiếp theo, tuy lúa là cây lương thực chính và là thế mạnh nông nghiệp hàng đầu của tỉnh, nhưng sản xuất lúa vẫn chỉ được một vụ (một năm, gần 80% diện tích canh tác bỏ hóa 5 - 6 tháng), với năng suất bình quân 30 tạ/ha ; tổng sản lượng quy thóc chỉ đạt 826,837 tấn. Sản xuất nông nghiệp ngoài nghĩa vụ lương thực với nhà nước, còn phải bảo đảm nuôi sống 1 122 500 dân địa phương. Đây là thời kỳ rất khó khăn, bởi vừa mới chia tỉnh, thời tiết các năm đó cũng không mấy thuận lợi ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

Để chuyển dịch cơ cấu cây trồng và vật nuôi, thay đổi tập quán canh tác lạc hậu cố hữu bao đời,

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Sóc Trăng

Digitized by Google

không còn đường nào khác là từng bước phát triển sản xuất nông nghiệp theo các hướng :

- Thay đổi cơ cấu giống, đưa vào sử dụng giống lúa năng suất cao, rút ngắn thời gian sinh trưởng, khả năng kháng bệnh tốt.

- Cơ cấu lại mùa vụ, tăng vòng quay sử dụng đất, thực hiện luân canh, gối vụ.

- Đa dạng hóa cây trồng và sản phẩm, phá thế độc canh cây lúa, cải tạo vườn tạp.

- Chuyển dịch cơ cấu vật nuôi với chương trình *nạc hóa heo Ba Xuyên* ; nâng cao tầm vóc đàn bò ; từng bước đưa các giống gia cầm ngoại thay dần giống địa phương.

Đến hết kế hoạch 5 năm (1991 - 1995), 62% diện tích đất nông nghiệp đã trồng được 2 vụ lúa ; bước đầu khẳng định tính hiệu quả bền vững của mô hình *tôm - lúa* vùng ven sông, biển của tỉnh.

Diện tích trồng *lúa thơm Dawk Mali* (2 Huy chương vàng Hội chợ triển lãm quốc tế năm 1994 - 1995) được mở rộng (năm 1995 tăng 30% so với năm 1994) nhằm phát huy thế mạnh độc đáo của chất đất thích nghi những giống lúa có phẩm chất cao, nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu. Bước đầu, đã ứng dụng công nghệ sinh học cho rau, màu. Công tác khuyến nông được phát triển sâu, rộng đến tận vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc Khơ-me. Phong trào toàn dân trồng cây được đặc biệt quan tâm.

Quyết định 99 - QĐ/TTg năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc phát triển thủy lợi, giao thông, dân cư nông thôn và nông nghiệp của toàn khu vực ĐBSCL và Sóc Trăng nói riêng. Dự án Quản Lộ - Phụng Hiệp hoàn thành, nguồn nước ngọt đã về tới nhiều huyện, tạo bước nhảy vọt trong tăng vụ, khai hoang, phục hóa và di dân xây dựng vùng kinh tế mới. Qua 4 năm thực hiện Quyết định 99 của Thủ tướng Chính phủ, toàn tỉnh đã đầu tư 1 068 tỉ 654 triệu đồng xây dựng hạ tầng nông thôn (thủy lợi, giao thông, điện, giáo dục, y tế...), trong đó, nhân dân đóng góp 363 tỉ 196 triệu đồng (chiếm 34% tổng vốn đầu tư). Kết quả đó thể hiện tinh thần phát huy nội lực của địa phương, góp phần ổn định và nâng cao đời sống của nhân dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Kinh tế tăng trưởng ở mức cao và có những yếu tố bền vững hơn ; cây lúa ổn định ; đánh bắt, nuôi trồng thủy sản không còn yếu tố tự phát.

Năm 1999, năng suất bình quân lương thực đạt 42,28 tạ/ha với sản lượng 1 triệu 507 nghìn 562 tấn, tăng cả 2 chỉ tiêu diện tích và năng suất. Diện tích gieo trồng các loại rau màu, cây công nghiệp như : bắp lai, củ hành tím, đậu xanh, mía... được mở rộng ; 1 924,96 ha vườn tạp được cải tạo để trồng các loại cây có hiệu quả kinh tế cao hơn ; 314 ha rừng phòng hộ ven biển được trồng. Riêng ngành chăn nuôi vẫn gặp nhiều khó khăn về giá trị, năng suất và chất lượng sản phẩm.

Đời sống nông dân được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, kinh tế hộ nông dân còn gặp khó khăn về vốn, công nghệ, thông tin và thị trường, giá cả bấp bênh.

Về thủy sản : Đây là *mũi nhọn kinh tế thứ hai* của tỉnh sau cây lúa. Chính vì vậy, tỉnh đã ưu tiên tập trung nguồn lực đầu tư phát triển toàn diện cả 3 lĩnh vực : *khai thác, nuôi trồng và chế biến.* Nếu năm 1992, diện tích nuôi thủy sản tự nhiên mới chỉ là 19 799 ha, đến nay đã tăng lên 36 000 ha. Phong trào nuôi tôm sú trong nhân dân từng bước phát triển có hiệu quả, góp phần thúc đẩy kinh tế nông thôn, nhất là vùng dân tộc. Ngoài nuôi tôm quảng canh, lấy giống tự nhiên, nhiều hộ đã bỏ vốn đầu tư nuôi theo phương thức nửa công nghiệp cho năng suất, lợi nhuận cao. Một số địa phương trong tỉnh đã chuyển được 20 000 ha lúa trước đây chỉ canh tác một vụ sang cơ cấu *"một vụ lúa + một vụ tôm"*, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất, giải quyết việc làm, tăng thêm thu nhập. Ở những vùng được ngọt hóa, nông dân kết hợp nuôi các loại thủy sản nước ngọt với diện tích hơn 3 000 ha ruộng lúa, ao, mương, vườn. Các mô hình nuôi hiệu quả cao được nhân rộng ; nhiều hình thức khuyến ngư ra đời. Năm 1992, tỉnh mới chỉ có 1 nhà máy chế biến thủy sản (công suất 12 tấn/ngày) tiếp quản từ tỉnh Hậu Giang cũ ; sản phẩm chủ yếu là tôm đông lạnh với tổng kim ngạch xuất khẩu 4,4 triệu USD. Đến nay, đã có 5 nhà máy, hằng năm chế biến 12 000 tấn với nhiều mặt hàng tinh chế, xuất đi nhiều thị trường thế giới như : Hồng Công, Xin-ga-po... và cả những thị trường khó tính như Nhật, Mỹ, EU... với kim ngạch xuất khẩu 122 triệu USD. Các cơ sở sản xuất này đã giải quyết việc làm cho 4 000 lao động. Hoạt động khai thác biển cũng có những bước phát triển, từ chỗ trước đây chủ yếu là khai

Digitized by Google

thác ven bờ nay đã vươn ra khai thác xa bờ với đội tàu 480 chiếc, công suất 40 000 CV.

Tuy nhiên, cũng còn rất nhiều vấn đề của ngành cần tiếp tục giải quyết cả trước mắt và lâu dài, như : tìm những giải pháp hữu hiệu để phát huy hết tiềm năng nuôi trồng ; phát triển đa dạng các loài có giá trị kinh tế cao ; phát triển công tác khuyến ngư, chú trọng nâng cao trình độ, số lượng cán bộ chuyên môn, kỹ thuật. Đẩy mạnh đầu tư phát triển đội tàu đánh bắt xa bờ, công suất lớn ; tăng cường đầu tư, cải tạo, nâng cấp trang thiết bị chế biến thủy sản xuất khẩu ; chủ động tìm kiếm, mở rộng thị trường v.v...

Công nghiệp (CN) - tiểu thủ công nghiệp (TTCN) : Từ khi tái lập tỉnh, công nghiệp phát triển với tốc độ tăng bình quân hằng năm 28,02%, chiếm tỉ trọng hơn 14% trong cơ cấu kinh tế. Toàn tỉnh có khoảng 3 000 cơ sở sản xuất CN- TTCN ngoài quốc doanh, 9 doanh nghiệp nhà nước và 1 doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài. Ngành chế biến lương thực chủ yếu là xay xát lúa gạo. Hiện toàn tỉnh có 545 cơ sở xay xát. Tổng công suất chế biến lương thực đạt 1,4 triệu tấn lúa/năm. Nếu trước đây công nghiệp chế biến thủy sản chủ yếu cho ra đời các sản phẩm thô, nay đã xuất hiện những sản phẩm tinh chế cao cấp. Nhiều sản phẩm công nghiệp mới có uy tín trên thị trường : bia Sài Gòn sản xuất tại Sóc Trăng là sản phẩm được tiêu thụ mạnh, 10 triệu lít/năm. Nhà máy đường với thiết bị của Trung Quốc, công suất 1 000 tấn mía cây/ngày. Vật liệu xây dựng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng... Mục tiêu phấn đấu của CN-TTCN Sóc Trăng trong những giai đoạn tới là hình thành các khu công nghiệp tập trung (thị xã Sóc Trăng, Đại Ngãi - Long Đức). Trước mắt, hoàn thành khu cảng cá Trần Đề. Tập trung phát triển cơ khí phục vụ nông nghiệp và khôi phục các ngành nghề truyền thống, chú ý đến các ngành nghề thu hút nhiều lao động, nhất là ngành chế biến nông, thủy sản với quy mô vừa và nhỏ.

Thương mại và du lịch : Trong những năm qua, điểm nổi bật của hoạt động thương mại Sóc Trăng là xuất khẩu hàng hóa (chủ yếu là gạo, thủy sản chế biến và nông sản) với kim ngạch xuất khẩu ngày càng tăng : 1992 là 25,317 triệu USD ; 1997 là 141,377 triệu USD và 1998 đạt 163 triệu USD. Thị trường nội địa cũng phát triển khá tốt, nhất là thị trường nông thôn : năm 1992 là 561 tỉ đồng ; 1997 - 1 280 tỉ đồng, và 1998 là 1 800 tỉ đồng.

Hòa vào xu thế phát triển của khu vực ĐBSCL và cả nước, hoạt động du lịch của Sóc Trăng ngày càng thêm khởi sắc. Nền văn hóa đặc thù, đa dạng với những lễ hội đặc sắc, những công trình kiến trúc độc đáo của các dân tộc Kinh, Khơ-me, Hoa ; những miệt vườn cây trái sum suê với mênh mang sông nước, những dải cù lao trù phú chạy dài ra tận cửa biển... là những điều kiện thuận lợi lớn để phát triển các loại hình du lịch xanh, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa v.v. thu hút khách trong và ngoài nước. Khâu đầu tiên cần chú trọng là xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội. Tranh thủ vốn đầu tư của trung ương để thực hiện các công trình giao thông trọng điểm : quốc lộ 60, liên tỉnh lộ 38, tỉnh lộ 8 và các khu thương cảng v.v. Nhân tố con người cũng là khâu quyết định để tổ chức các tua du lịch hấp dẫn, hiệu quả và bổ ích. Bài học về tổ chức hoạt động du lịch, bảo vệ môi trường sinh thái, hạn chế sự phát sinh của những tệ nạn xã hội... từ thực tế của địa phương cũng như của các tỉnh khác trong nước cũng rất cần được nghiên cứu, rút kinh nghiệm để dịch vụ du lịch ngày một tốt hơn.

Văn hóa - giáo dục - y tế : Vào thời điểm tách tỉnh, tuy chiến tranh đã qua đi gần 10 năm ; nhưng, việc khắc phục hậu quả chiến tranh, giải quyết chế độ, chính sách cho thương binh, gia đình liệt sĩ ; bố trí công ăn việc làm, khắc phục những hậu quả về mặt xã hội ; xây dựng mạng lưới các thiết chế văn hóa và đội ngũ cán bộ quản lý văn hóa ; nâng cao trình độ dân trí v. v. là những vấn đề nhức nhối mà đảng bộ, chính quyền địa phương tập trung sức giải quyết.

Trong điều kiện hiện nay, làm tốt công tác xã hội sẽ góp phần đáng kể thu hẹp khoảng cách giàu nghèo. Với một địa phương có tỉ lệ đồng bào dân tộc khá cao như Sóc Trăng, thu hẹp sự chênh lệch về trình độ giữa các dân tộc còn có nghĩa là bảo đảm cho họ quyền bình đẳng, thể hiện tính ưu việt của CNXH.

Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng lần thứ IX (1996 - 2000) đã ghi nhận, qua 4 năm xây dựng và phát triển, đã đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội cao ; các nguồn lực được huy động và sử dụng có hiệu quả ; các mặt văn hóa, xã hội có những chuyển biến tích cực ; đời sống nhân dân từng bước được cải thiện và nâng lên. Tuy nhiên,

Digitized by Google

hiện số hộ nghèo vẫn còn chiếm 20,85%, tập trung nhiều ở khu vực nông nghiệp, nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc Khơ-me. Mục tiêu của tỉnh là phấn đấu đến cuối năm 2000, giảm số hộ nghèo xuống còn 16,5%.

Thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư" đã công nhận 128 790 hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa mới, 141 ấp văn hóa và 1 420 khu dân cư quy ước xây dựng Khu dân cư văn hóa. Những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc ở đây được trân trọng, gìn giữ và phát huy, làm phong phú thêm nét đẹp văn hóa của địa phương và cả nước.

Năm 1999, tỉnh đã được công nhận đạt *Chuẩn quốc gia về xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học.* So với nhiều địa phương trong cả nước, về tiến độ có thể còn chậm, song với tỉnh có nhiều đặc thù (giao thông khó khăn, đa dân tộc, trình độ dân trí thấp...) như Sóc Trăng đạt được kết quả như vậy là sự nỗ lực vượt bậc.

Ngành y tế đã tổ chức tốt việc khám, điều trị cho 2 500 000 lượt người trong năm 1999. Công tác tiêm chủng mở rộng, phòng dịch được triển khai toàn tỉnh. Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em được tiến hành ở 69 xã.

Cuối năm 1999, các xã cuối cùng của Sóc Trăng ở cù lao Long Phú, Kế Sách đã có điện. Đây là sự kiện có ý nghĩa to lớn, bởi đã hiện thực hóa được ước mơ ngàn đời của cư dân ở đây.

Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội các vấn đề : nâng cao chất lượng sống của người dân (nhất là ở vùng sâu, vùng dân tộc) ; khắc phục tệ nạn xã hội (tham nhũng, mại dâm, ma túy...) ; cải thiện điều kiện lao động ; nâng cao hiệu quả của giáo dục cộng đồng ; đáp ứng nhu cầu về dịch vụ y tế, văn hóa của mọi thành phần cư dân ; thực hiện chương trình nhà ở khu vực thành thị và nông thôn... còn nhiều tồn đọng, nhiều việc phải làm.

Thực hiện CNH, HĐH, để kinh tế - xã hội phát triển bền vững, tỉnh còn phải giải quyết hàng loạt vấn đề. Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, hai thế mạnh *nông nghiệp và thủy sản* sẽ tiếp tục được phát huy có hiệu quả hơn. Đòn bẩy cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp của tỉnh phát triển là hoạt động xuất, nhập khẩu ; đầu tư, liên doanh, liên kết, trong đó, sản xuất và chế biến hàng xuất khẩu, khâu trọng tâm sẽ được ưu tiên đầu tư, nhất là việc tìm kiếm thị trường ổn định để xuất khẩu những mặt hàng truyền thống và mở rộng những mặt hàng mới.

- Các hình thức đầu tư cả trong và ngoài nước sẽ được tạo mọi điều kiện thuận lợi nhằm huy động nguồn vốn cho sự nghiệp CNH, HĐH.

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất, mở rộng ngành nghề và chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn ; phấn đấu giải quyết cho khoảng 25 000 - 30 000 lao động hằng năm ; tăng thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân, nhất là vùng đồng bào Khơ-me.

Xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, bảo vệ an ninh bờ biển của địa phương. Gắn nhiệm vụ xây dựng kinh tế với quốc phòng và an ninh v.v. là mối quan tâm hàng đầu không chỉ của Đảng, Nhà nước, mà cả lực lượng của toàn xã hội.

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đang diễn ra, Sóc Trăng không những phải theo kịp các địa phương, mà còn phải tự vươn lên đáp ứng yêu cầu chung một cách mạnh mẽ hơn. Điều đó đòi hỏi đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cũng phải có tầm nhìn xa, bao quát và tỉnh táo hơn. Đảng bộ địa phương nhận thức đúng đắn những thuận lợi và khó khăn, kịp thời uốn nắn những quan điểm lệch lạc, đấu tranh với những biểu hiện sai trái ; đoàn kết, nhất trí phấn đấu thực hiện bằng được kế hoạch. Tỉnh đã tiến hành rà soát, quy hoạch cán bộ đồng bộ và có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ kế cận. Đẩy mạnh phát triển Đảng nhất là trong các đối tượng nữ, dân tộc và trong các ngành y tế, giáo dục...

Những đổi thay trong cuộc sống người dân từ sau ngày giải phóng thật sự là những bước tiến dài nhờ sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, sự giúp đỡ chí tình của các ngành, các cấp cùng với những nỗ lực vượt bậc của đảng bộ và nhân dân địa phương. Chúng tôi cũng xác định rằng, những thành tựu đạt được mới là những gặt hái ban đầu ; để có một vụ mùa bội thu, phải đầu tư nhiều công sức, trí tuệ ; phải nâng niu, gìn giữ ngay cả khi đã thu hoạch về từng bông lúa, con tôm... thành quả của những ngày tháng nhọc nhằn, vất vả ; rút kinh nghiệm để vụ mùa sau thắng lợi lớn hơn. Khó khăn còn nhiều, gian nan còn lắm, nhưng Sóc Trăng nhất định sẽ tiến bước vững chắc cùng với sự phát triển của đất nước.❑

Digitized by Google

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CHIẾN SĨ, NHÂN VIÊN HẬU CẦN QUÂN ĐỘI TRONG THỜI KỲ MỚI

NGUYỄN HÙNG PHONG *

Hậu cần quân đội bao gồm nhiều chuyên ngành như : Quân y, vận tải, quân nhu, xăng dầu, xây dựng và quản lý nhà đất... Tổ chức hậu cần được phân thành nhiều cấp theo hệ thống : Hậu cần chiến lược, Hậu cần chiến thuật, Hậu cần chiến dịch... Tương ứng, Bộ Quốc phòng có Tổng cục Hậu cần ; các quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng có Cục Hậu cần. Các sư đoàn, lữ đoàn có phòng Hậu cần. Có thể nói, ở đâu có đơn vị bộ đội, ở đó có tổ chức hoạt động hậu cần.

Công tác hậu cần có vị trí, vai trò trọng yếu đối với sự tồn tại, hoạt động và phát triển của quân đội. Hậu cần quân đội tham mưu cho Đảng ủy Quân sự Trung ương, Bộ Quốc phòng xây dựng đường lối hậu cần nhân dân, kế hoạch bảo đảm hậu cần cho quân đội trong các tình huống và trực tiếp bảo đảm hậu cần phục vụ các nhu cầu huấn luyện, công tác, sẵn sàng chiến đấu, và chiến đấu của quân đội ; đồng thời xây dựng hậu cần địa phương đáp ứng các yêu cầu quốc phòng tại chỗ, trước mắt và lâu dài.

Công tác hậu cần quân đội mang tính cách mạng, quân sự, kinh tế và khoa học - kỹ thuật. Mọi hoạt động của công tác hậu cần đều hướng vào mục đích phục vụ, xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và ngày càng hiện đại, có chất lượng tổng hợp ngày càng cao, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ quân sự, nhiệm vụ kinh tế và khoa học - kỹ thuật. Trong khi thực hiện công tác hậu cần, phải nắm vững và vận dụng sáng tạo các quy luật đấu tranh cách mạng, quy luật tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, quy luật kinh tế và quy luật tự nhiên ; xác định và thực hiện đúng đắn các mối quan hệ trong công tác hậu cần như : quan hệ giữa chính trị - tư tưởng và khoa học - kỹ thuật - chuyên môn, giữa yêu cầu nhiệm vụ quân sự và công tác bảo đảm cơ sở vật chất kỹ thuật, giữa số lượng và chất lượng, giữa tiền tuyến và hậu phương, giữa xây dựng và chiến đấu, giữa kinh tế và quốc phòng. Có thể nói 50 năm qua kể từ khi thành lập đến nay (11-7-1950 - 11-7-2000), ngành hậu cần quân đội đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình, góp phần làm nên những chiến công lừng lẫy và những truyền thống vẻ vang.

Hiện nay, cách mạng nước ta đã chuyển sang giai đoạn mới. Đất nước đổi mới toàn diện và hội nhập với thế giới đang đặt ra cho công tác quốc phòng - an ninh nhiều nhiệm vụ nặng nề, mới mẻ ; cùng lúc, chúng ta bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Tình hình đó đòi hỏi phải có một quân đội mạnh, đủ sức làm nòng cốt của quốc phòng toàn dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và cuộc sống lao động hòa bình của nhân dân. Sự nghiệp xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại, đặt ra yêu cầu đồng bộ trên tất cả các mặt. Công tác hậu cần với những tính chất, nhiệm vụ của nó, càng thể hiện rõ nét vai trò trọng yếu của nhân tố con người. Từ trước đến nay đã thế, trong điều kiện của giai đoạn cách mạng mới, xây dựng "con người hậu cần" vốn là vấn đề cơ bản, then chốt, đóng vai trò quyết định, càng có ý nghĩa chiến lược sâu sắc. Phương thức công tác hậu cần hiện nay đòi hỏi người cán bộ, chiến sĩ phải nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, quy định của quân đội ; có kiến thức kinh tế, chính trị, khoa học - kỹ thuật chuyên ngành... ; đồng thời biết chủ động, sáng tạo tìm nguồn, tạo nguồn, bảo đảm đáp ứng hậu cần hiệu quả nhất, sao cho với tiêu chuẩn ấy, điều kiện sinh hoạt và đời

* Đại tá, Chủ nhiệm Chính trị Tổng cục Hậu cần - Bộ Quốc phòng

Digitized by Google

sống của bộ đội ngày càng tốt hơn. Công tác hậu cần không ngừng được đổi mới đáp ứng tốt nhất mọi yêu cầu hoạt động của quân đội. Bên cạnh những mặt tích cực, mặt trái của nền kinh tế thị trường đã và đang làm nảy sinh những hành vi tiêu cực như tệ nạn xã hội, tham nhũng, lối sống thực dụng thiếu lành mạnh. Những hành vi ấy hằng ngày, hằng giờ tác động vào quân đội. Nếu không có bản lĩnh vững vàng và tri thức khoa học sẽ dễ bị sa ngã, thoái hóa, biến chất. Thực tế đó đòi hỏi đội ngũ cán bộ, nhân viên, chiến sĩ hậu cần phải có bản lĩnh chính trị, tư tưởng kiên định, trong sạch về đạo đức, lối sống và giỏi về chuyên môn nghiệp vụ để góp phần xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện. Điều đó thể hiện ở những điểm chính sau :

1 - Bản lĩnh chính trị vững vàng, nắm vững và vận dụng sáng tạo quan điểm của Đảng, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác hậu cần quân đội.

Đây là phẩm chất cơ bản, hàng đầu của người cán bộ, chiến sĩ ngành hậu cần. Mỗi người phải kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng, dân tộc ta đã lựa chọn. Phải nắm vững đường lối chính sách của Đảng, quy định của quân đội và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác hậu cần. Đó là phát huy sức mạnh của quần chúng, tiến hành công tác hậu cần quân đội bằng sức mạnh toàn dân. Hoạt động hậu cần quân đội phải bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và tổ chức chặt chẽ của quân đội, hết lòng phục vụ bộ đội vì mục đích đánh thắng là phẩm chất chính trị, đạo đức và động cơ hành động của người làm công tác hậu cần ; biết vận dụng sáng tạo những quan điểm, tư tưởng đó vào từng điều kiện hoàn cảnh cụ thể để hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ.

2 - Tận tâm, tận lực phục vụ bộ đội. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. Đoàn kết hiệp đồng lập công tập thể.

Phẩm chất này phản ánh quan điểm phục vụ đúng đắn, nêu cao tinh thần trách nhiệm và mang hết tài năng, tạo sức mạnh tổng hợp phục vụ bộ đội. Bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn bộ đội được hưởng một cách kịp thời với chất lượng tốt nhất. Bộ đội hậu cần phát huy tinh thần tự lực, tự cường, dám nghĩ, dám làm, chủ động sáng tạo, vượt mọi gian khổ,... để hoàn thành nhiệm vụ. Phát huy ưu thế của cá nhân, tập thể, đơn vị, địa phương và của toàn xã hội để đáp ứng yêu cầu phục vụ bộ đội. Thực hiện dân chủ công khai, công bằng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư như lời Bác Hồ dạy : "Cán bộ cung cấp càng phải làm kiểu mẫu cần, kiệm, liêm, chính". Kiên quyết đấu tranh chống tiêu cực. Mặt khác, do công tác hậu cần thường hoạt động phân tán, gồm nhiều chuyên ngành khác nhau trong một kế hoạch bảo đảm thống nhất nên phải có sự đoàn kết hiệp đồng, thương yêu, giúp đỡ nhau giữa các ngành, các mặt công tác, giữa người phục vụ và người được phục vụ, tạo thành sức mạnh tổng hợp.

3 - Giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, tích cực học hỏi, không ngừng vươn lên làm chủ khoa học - kỹ thuật.

Công tác hậu cần gồm nhiều chuyên ngành khác nhau có vị trí độc lập tương đối như quân y, vận tải, xăng dầu, quân nhu, xây dựng - quản lý nhà đất, nhưng giữa chúng lại có quan hệ chặt chẽ, bổ sung cho nhau. Hoạt động hậu cần mang tính phục vụ đáp ứng mọi yêu cầu luyện tập, chiến đấu của quân đội trong mọi hoàn cảnh. Đây cũng là lĩnh vực hoạt động khoa học với trình độ cao. Cơ chế, phương thức bảo đảm hậu cần, nhất là trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, đòi hỏi con người làm công tác hậu cần phải vừa nắm được kiến thức hậu cần một cách toàn diện, vừa chuyên sâu, giỏi chuyên môn thuộc lĩnh vực được phân công, đồng thời có năng lực nghiên cứu, vận dụng khoa học - công nghệ vào công tác hậu cần, đặc biệt là đối với phương thức bảo đảm trong các tình huống khi đất nước có chiến tranh. Thực tiễn ấy yêu cầu người làm công tác hậu cần say mê học hỏi, nghiên cứu, vươn lên làm chủ khoa học - kỹ thuật nghiệp vụ hậu cần, có năng lực sáng tạo, nhạy bén trong bảo đảm hậu cần thời bình cũng như trong chiến tranh hiện đại.

4 - Đoàn kết chặt chẽ với nhân dân, biết dựa vào dân để làm công tác hậu cần và có tinh thần quốc tế chân chính.

Đây là một trong những nội dung cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác hậu cần, hậu cần nhân dân. Đó cũng là truyền thống quý báu của quân đội ta. Năm mươi năm qua, ngành hậu cần quân đội luôn luôn quán triệt và thực hiện tốt đường lối của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh, gắn bó với

Digitized by Google

nhân dân, dựa vào dân để tạo ra sức mạnh phục vụ bộ đội, bảo đảm cho chiến đấu thắng lợi. Đội ngũ cán bộ, nhân viên, chiến sĩ hậu cần luôn tôn trọng, đoàn kết với nhân dân, phát huy sức mạnh của nhân dân trong khai thác, tạo nguồn hậu cần, phối hợp phục vụ quân đội. Đối với nhân dân nước bạn, cán bộ, chiến sĩ hậu cần chấp hành nghiêm đường lối đối ngoại của Đảng, các quy định của quân đội về quan hệ quốc tế, tôn trọng pháp luật và phong tục tập quán của nhân dân nước bạn ; sẵn sàng hợp tác trao đổi, nâng cao hiệu quả công tác, phát triển khoa học hậu cần với quân đội các nước anh em.

Phẩm chất của bộ đội hậu cần được hình thành qua quá trình giáo dục và rèn luyện, tạo nên nhân cách của người làm công tác hậu cần, và không ngừng được bổ sung, phát triển cùng với sự phát triển của ngành, của quân đội và của đất nước. Vì thế nhân cách con người làm công tác hậu cần ngày càng được hoàn thiện và phát triển.

Để thực hiện những mục tiêu phương hướng trên đây nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ chiến sĩ hậu cần trong giai đoạn mới, có nhiều việc phải làm, trước mắt tập trung những biện pháp cơ bản sau :

Một là, tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, phong cách, lối sống và đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tri thức, năng lực nhiệm vụ, phẩm chất nghề nghiệp cho cán bộ, chiến sĩ, nhân viên làm công tác hậu cần.

Đây là biện pháp quyết định hàng đầu, trực tiếp góp phần xây dựng con người làm công tác hậu cần một cách toàn diện, vừa hồng vừa chuyên.

Bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, chiến sĩ, nhân viên hậu cần không hình thành một cách tự phát mà phải thông qua quá trình giáo dục, rèn luyện trong thực tiễn đấu tranh cách mạng. Coi trọng giáo dục toàn diện, đặc biệt là giáo dục chính trị tư tưởng ; rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống làm cho đội ngũ cán bộ, chiến sĩ, nhân viên hậu cần có bản lĩnh chính trị vững vàng, không giao động, ngả nghiêng trước mọi khó khăn ; không bị sa ngã trước những cám dỗ vật chất hay tác động bởi mặt trái của kinh tế thị trường. Hiện nay, cuộc đấu tranh trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng đang diễn ra gay gắt và hết sức phức tạp. Các thế lực thù địch dùng mọi thủ đoạn thâm độc, tinh vi nhằm phi chính trị hóa quân đội, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Hơn nữa mặt trái của kinh tế thị trường đã và đang tác động hằng ngày, hằng giờ đến tâm tư, tình cảm, đạo đức, lối sống của mọi người. Những điều nói trên dễ làm cho một bộ phận cán bộ, đảng viên mơ hồ, mất cảnh giác, dao động, giảm sút lòng tin vào chủ nghĩa xã hội, suy thoái về đạo đức, lối sống với những mức độ khác nhau.

Trước tình hình đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Quân sự Trung ương và sự chỉ đạo của các cơ quan nghiệp vụ cấp trên, Đảng ủy, chỉ huy Tổng cục hậu cần đã có nhiều biện pháp đổi mới công tác giáo dục chính trị. Kế hoạch giáo dục chính trị hằng năm đều được xây dựng cụ thể. Hoạt động giáo dục được thực hiện bằng nhiều biện pháp linh hoạt.

Tuy nhiên đến nay, nội dung, phương pháp giáo dục chính trị cho bộ đội vẫn còn hạn chế, phương pháp giáo dục đơn điệu, chưa hấp dẫn, có nơi giáo dục chưa hết nội dung, làm qua loa cốt cho xong chương trình, dẫn đến hiệu quả giáo dục thấp.

Khắc phục tình trạng trên, cùng với tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, đẩy mạnh đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, quán triệt sâu sắc phương châm "cơ bản, thiết thực, vững chắc", "học đi đôi với hành", phải làm tốt công tác quy hoạch đào tạo cán bộ, từ tạo nguồn, chọn nguồn, đánh giá và nuôi dưỡng nguồn để bảo đảm chất lượng cán bộ, nhân viên tốt. Kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo tại trường với đào tạo tại đơn vị và tự đào tạo, tự rèn luyện của mỗi cán bộ, nhân viên hậu cần. Kết hợp giữa đào tạo cơ bản từ đầu với đào tạo lại bằng nhiều hình thức khác nhau. Phát huy tốt vai trò công tác huấn luyện tại chức, kết hợp giữa huấn luyện các nội dung theo kế hoạch của trên với những nội dung thiết thực phù hợp với đặc điểm, nhu cầu của đơn vị. Chú trọng huấn luyện những vấn đề mới đặt ra trong thực tiễn và những vấn đề còn yếu, chưa thống nhất.

Hai là, xây dựng môi trường thuận lợi thông qua hoạt động thực tiễn để xây dựng và rèn luyện con người làm công tác hậu cần.

Hoạt động phong phú, đa dạng và phức tạp đầy sáng tạo và thử thách của ngành hậu cần là môi trường trực tiếp góp phần hình thành, nuôi dưỡng và hoàn thiện các phẩm chất về chính trị, bản lĩnh, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người làm công tác hậu cần. Môi trường tốt sẽ làm tăng lên hiệu quả, chiều sâu của trình độ nhận thức, hành động và thái độ, tình cảm của con người. Môi trường hậu

Digitized by Google

cần cũng không tự phát hình thành mà phải được quan tâm đầu tư xây dựng trên cơ sở các hoạt động tích cực, tự giác của các chủ thể quan hệ trong ngành hậu cần, được củng cố và phát triển trên cơ sở các hoạt động hậu cần.

Việc xây dựng môi trường ngành hậu cần đặt trong mối quan hệ với việc xây dựng môi trường quân sự và môi trường xã hội. Để xây dựng và phát huy vai trò của môi trường hậu cần quân đội, cần làm tốt các nội dung chính sau :

Xây dựng tổ chức đảng ở các đơn vị hậu cần thật sự trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là hạt nhân lãnh đạo, là trung tâm đoàn kết và là chỗ dựa vững chắc cho quần chúng, có sức chiến đấu tốt, đủ khả năng lãnh đạo đơn vị hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao.

Xây dựng các cấp chỉ huy, quản lý có đủ năng lực tổ chức thực hiện thắng lợi các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, mệnh lệnh của người chỉ huy. Xây dựng đội ngũ cán bộ có uy tín thực sự, đủ sức tổ chức đơn vị hoàn thành mọi nhiệm vụ theo chức trách, quyền hạn, đồng thời làm gương cho chiến sĩ học tập, noi theo. Tạo ra môi trường đơn vị đoàn kết, dân chủ, tin cậy lẫn nhau và phối hợp hoạt động một cách khoa học, hiệu quả.

Xây dựng các tổ chức quần chúng (công đoàn, thanh niên, phụ nữ) vững mạnh, phối hợp công tác chặt chẽ, thu hút quần chúng tham gia vào các hoạt động, nhất là hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị và các hoạt động khác của đơn vị, đồng thời thực hiện tốt chức năng giáo dục và bảo vệ lợi ích của quần chúng.

Xây dựng cảnh quan và môi trường lao động, công tác văn minh sạch đẹp. Mỗi cơ sở sản xuất, từng cơ quan, xí nghiệp, công sở, trận tuyến hậu cần là một không gian xã hội ấm cúng góp phần bồi dưỡng về chân, thiện, mỹ, giúp người chiến sĩ hậu cần luôn luôn có nhu cầu phát huy tính tích cực xã hội.

Đầu tư phương tiện làm việc, thông tin nghe nhìn, sách báo giúp cán bộ, chiến sĩ khắc phục tình trạng lạc hậu về tình hình thời sự trong nước và thế giới. Đưa người làm công tác hậu cần vào hoạt động thực tiễn phong phú để tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất và năng lực công tác, đáp ứng yêu cầu trước tình hình mới.

Cũng thông qua hoạt động thực tiễn, lãnh đạo chỉ huy và các tổ chức có cơ sở đánh giá con người một cách khoa học, chính xác, kịp thời uốn nắn những khuyết điểm để con người ngày càng hoàn thiện hơn. Những năm qua, Tổng cục Hậu cần đã xây dựng quy hoạch, kế hoạch đưa cán bộ vào hoạt động thực tiễn, trực tiếp giải quyết những vấn đề vướng mắc trong thực tế công tác hậu cần. Bố trí cán bộ, chiến sĩ đi tham quan diễn tập hoặc thâm nhập hoạt động hậu cần cơ sở. Luân chuyển cán bộ giữa cơ quan với đơn vị và mạnh dạn giao nhiệm vụ cho những người trẻ tuổi nhưng có phẩm chất và năng lực tốt đảm đương những công việc thích hợp.

Ba là, thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ, nhân viên trong đơn vị, tạo điều kiện ổn định hậu phương, gia đình để mọi người yên tâm gắn bó với đơn vị.

Những năm qua mặc dù trong hoàn cảnh đất nước còn khó khăn, nhưng Đảng và Nhà nước đã quan tâm, có chính sách chăm sóc, nâng cao đời sống cho bộ đội. Bản thân các đơn vị trong ngành hậu cần cũng có nhiều cố gắng chăm lo đời sống cho cán bộ, chiến sĩ. Tuy nhiên nhiều gia đình bộ đội, đời sống còn chưa ổn định và khó khăn. Vì vậy vấn đề chăm lo đời sống cho bộ đội vẫn thường xuyên đặt ra một cách tích cực bằng những biện pháp cụ thể sau :

- Bảo đảm tốt nhất các chế độ, tiêu chuẩn cho bộ đội về ăn, mặc, ở, cải thiện điều kiện học tập, làm việc, nghiên cứu khoa học, các điều kiện sinh hoạt văn hóa - thể thao.

- Từng đơn vị, căn cứ vào điều kiện cụ thể để đẩy mạnh các hoạt động tăng gia sản xuất, làm kinh tế theo đúng pháp luật của Nhà nước, quy định của quân đội, góp phần tăng thu nhập cải thiện đời sống sinh hoạt cho bộ đội.

- Lãnh đạo, chỉ huy các đơn vị nghiên cứu đề ra những chủ trương, biện pháp cụ thể để phát huy thế mạnh của đơn vị, cân đối hợp lý giữa các chương trình hoạt động, tạo điều kiện về vốn, thời gian, phương tiện... cho mọi người tham gia lao động sản xuất, dịch vụ kinh tế, tăng thu nhập, nâng cao mức sống và ổn định nơi ăn ở. Bên cạnh đó, khơi dậy truyền thống đoàn kết gắn bó, tình nghĩa, giúp nhau cùng phát triển, nhất là với những gia đình chính sách, gia đình gặp khó khăn. ❑

Digitized by Google

"Khó lãnh đạo"

MAI NINH

Anh ấy là bí thư đảng ủy xã. Xã anh là một trong những xã có nhiều khiếu kiện nhất trong huyện. Anh cũng là một trong những đối tượng bị khiếu kiện. Có điều dân không kêu ca anh vì tội tham nhũng mà chỉ phàn nàn về tội quan liêu, hách dịch. Dưới con mắt anh, dân xã anh thuộc loại cứng đầu, cứng cổ. Lớp thanh niên hay lắm chuyện, hết đòi việc này lại đòi việc khác. Các cụ lão thành thì nói năng ngang như cua. Cho nên khi cấp trên ban hành "Quy chế dân chủ ở cơ sở", anh phản ứng ra mặt. Anh bảo : "Làm thế này khó lãnh đạo lắm ! Cái gì cũng phải hỏi dân, mà dân thì chín người mười ý, lãnh đạo làm sao quyết được ?" Anh cho rằng cấp trên không hiểu được cái cực nhọc của cấp xã. Anh tỏ ra rất tâm đắc với cái câu vè không biết từ đâu ra:

"Cực nhọc là cấp xã
Vất vả là cấp huyện
Lắm chuyện là cấp tỉnh
Đủng đỉnh là cấp trung ương
Nát bét như tương là cấp quốc tế"

Bàn về việc thực hiện "Quy chế dân chủ ở cơ sở" trong cấp ủy, ý kiến của anh không hoàn toàn thiểu số. Tuy vậy, anh cũng thật bụng nghĩ rằng, cung cách làm việc của mình không phù hợp với cơ chế dân chủ này. Anh đã xin từ chức, một phần vì tự nguyện, phần khác cũng do sức ép từ phía các cán bộ trẻ và dân trong xã. Tôi biết việc anh từ chức khi cùng một đoàn cán bộ của tỉnh về khảo sát tình hình xã anh. Anh tâm sự : "Đồng chí ở trung ương, chưa chắc đã tường việc dưới xã. Xin hãy chờ xem hậu quả của việc thực hiện quy chế này".

Bẵng đi hơn một năm, giữa lúc tôi đang làm việc ở cơ quan thì được báo có người từ dưới quê lên thăm. Đúng là anh bí thư xã nói trên. Anh tham gia một đoàn cán bộ về hưu thăm thủ đô. Gặp nhau tay bắt mặt mừng, tôi hỏi chuyện ở xã anh, chuyện về các đồng chí lãnh đạo mới. Anh cười vui vẻ :

- Lãnh đạo kiểu này thì dễ ợt !

- Dễ thế nào ?

- Cán bộ cứ nhũn như con chi chi. Cái gì cũng hỏi dân, dân bàn, dân quyết thì lấy đâu ra mà khiếu với kiện nữa ?

- Nhưng việc có chạy không ?

- Chạy thì chạy đấy. Sau khi tôi và mấy đồng chí nữa nghỉ, số cán bộ thay thế đều là cánh trẻ, thuộc loại đàn em, có người tuổi thua tôi đến gần hai giáp. Theo chỉ đạo của cấp trên, các cậu ấy họp dân lại, xem xét và trả lời từng khiếu kiện, nói chung là nhận lỗi và hứa sửa chữa, không dám hó hé gì. Và có sửa thật, cái sửa nhiều, cái sửa ít nhưng đều có sửa. Dân tình hể hả. Đến cái việc bê tông hóa kênh mương, xây mới trạm cấp nước, nâng cấp trạm y tế xã mà cần huy động sự đóng góp của dân, nhất nhất đều đưa ra dân bàn. Tài chính cũng công khai. Mất công nhiều nhưng thực hiện trót lọt hơn.

- Hình như anh còn có chút gì băn khoăn ?

- Có đấy. Việc chạy, nhưng cái uy của cán bộ chẳng có mấy. Ai đời mấy ông nông dân nói chuyện với bí thư và cán bộ chủ chốt của xã cứ như nói chuyện với người dưới quyền mình. Nào là chú bí thư làm việc này được đấy, anh chủ tịch làm việc kia không được đâu, lại còn bảo nên như thế này, nên như thế khác... Chẳng hóa ra mình làm đầy tớ à ?

Đến đây, anh cảm thấy bị hớ. Bác Hồ đã chẳng dạy rằng, Đảng ta phải vừa là người lãnh đạo vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân đó sao ? Anh liền chữa :

- Nói vậy chứ làm dân sướng thật. Hơn một năm làm dân, tôi mới cảm thấy được cái khổ và cái sướng của người dân. Khổ là phải chịu đựng với tệ nạn quan liêu, tham nhũng và hách dịch của cán bộ. Nhưng sướng là khi thật sự có dân chủ. Cái cơ chế "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" hóa ra lại là phương thuốc hay. Cứ tưởng thực hiện "Quy chế dân chủ ở cơ sở" sẽ dẫn tới "khó lãnh đạo", hóa ra lại là "dễ lãnh đạo".❑

Digitized by Google

KINH TẾ TRI THỨC VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI QUAN HỆ KINH TẾ QUỐC TẾ

PHẠM QUỐC TRỤ *

1. Xu thế phát triển của kinh tế tri thức

Sự phát triển có tính bùng nổ của lực lượng sản xuất những năm gần đây, đặc biệt là ở các nước phát triển, dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại, đang làm xuất hiện một hình thái kinh tế mới dựa chủ yếu trên việc sản xuất, phân bổ và sử dụng tri thức. Nhiều người gọi đó là "kinh tế tri thức" *(knowledge economy* hoặc *knowledge based economy)* hoặc "kinh tế mới", hay "kinh tế hậu công nghiệp"... Dù cho tên gọi thế nào đi nữa, trong nền kinh tế này, tri thức vừa là nội dung vừa là động lực của sản xuất. Có thể khái quát mấy đặc trưng cơ bản của kinh tế tri thức như sau :

Thứ nhất, tri thức, trong đó đặc biệt là khoa học và công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới và công nghệ quản lý, là cơ sở chủ yếu và phát triển rất mạnh. Các yếu tố vật chất của quá trình sản xuất cũng như giá trị của hàm lượng vật chất trong các sản phẩm ngày càng giảm vai trò quan trọng để nhường chỗ cho các yếu tố tri thức. Với sự phát triển cao của công nghệ thông tin, các tri thức mới, đặc biệt là thành tựu khoa học - công nghệ, được phổ biến và ứng dụng hết sức nhanh chóng trên phạm vi toàn cầu. Quy trình từ khoa học - công nghệ đến sản xuất ngày càng được rút ngắn, do vậy thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đổi mới công nghệ, thay đổi chủng loại hàng hóa, sản phẩm cũng như nhiều ngành sản xuất.

Thứ hai, dịch vụ, nhất là các dịch vụ trí tuệ (nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, tư vấn, thiết kế, y tế, tài chính, giáo dục, thông tin liên lạc...) trở thành loại hình hoạt động kinh tế chiếm phần chủ yếu với số người tham gia nhiều nhất. Điều này cũng có nghĩa là đầu tư xã hội vào các lĩnh vực để phát triển tri thức, nhất là khoa học, kỹ thuật và công nghệ là quan trọng nhất.

Thứ ba, kinh tế tri thức là một nền kinh tế mở cao, lấy thị trường toàn cầu là môi trường hoạt động chính. Tri thức và thông tin mang bản chất linh hoạt và lan tỏa sẽ đưa hoạt động kinh tế và phân công lao động vượt ra khỏi phạm vi các biên giới quốc gia, trở thành hoạt động mang tính toàn cầu. Nền kinh tế thế giới sẽ trở thành một mạng lưới gồm nhiều tầng nấc quan hệ đan xen giữa các nền kinh tế quốc gia.

Thứ tư, nền kinh tế tri thức do được nuôi dưỡng bằng nguồn năng lượng vô tận và năng động là tri thức nên phát triển nhanh và khả năng bền vững cao. Bởi vậy, diện mạo của các quá trình kinh tế - xã hội trong mỗi nước và trên toàn thế giới sẽ thay đổi mạnh mẽ, kéo theo những biến đổi cơ bản trong cấu trúc giai cấp - xã hội ở mỗi quốc gia cũng như tương quan so sánh lực lượng và địa vị của các quốc gia trên trường quốc tế.

Không ít nhà phân tích cho rằng dưới tác động của cách mạng khoa học - công nghệ và toàn cầu hóa, kinh tế tri thức đang hình thành ở nhiều nước phát triển và sẽ trở thành một xu thế quốc tế lớn trong một hoặc hai thập niên tới. Tuy nhiên, bao giờ thì nền kinh tế tri thức sẽ hiện hình một cách hoàn chỉnh và lan tỏa ra toàn thế giới thì còn có nhiều ý kiến khác nhau : những người lạc quan nhất cho rằng điều đó sẽ xảy ra vào khoảng nửa cuối thập niên thứ 2 của thế kỷ XXI ; Liên hợp quốc thì dự báo vào thập niên thứ 3 ; một số người khác lại cho rằng giai đoạn quá độ sang kinh tế tri thức sẽ kéo dài suốt thế kỷ XXI. Bất luận thế nào thì cũng đang

* TSKH, Bộ Ngoại giao

Digitized by Google

diễn ra trên thực tế sự quá độ sang một nền kinh tế khác với nền kinh tế tồn tại cho tới nay. Quá trình chuyển giao này đã và đang diễn ra mạnh mẽ trong các nền kinh tế đã phát triển, đặc biệt là ở Mỹ, Ca-na-đa, Tây Âu, Nhật Bản, Xin-ga-po, Hồng Công, Ô-xtrây-li-a. Các nước công nghiệp mới (NICs) từ một số năm gần đây cũng đã hướng mạnh vào kinh tế tri thức. Quá trình quá độ sang kinh tế tri thức không hoàn toàn loại bỏ các nước đang phát triển. Không ít nước trong số này (như Trung Quốc, Ấn Độ, Ma-lai-xi-a, Thái Lan...) đã tập trung nỗ lực phát triển một số ngành kinh tế tri thức. Do tính quá độ đó nên sẽ có sự đan xen giữa các nhân tố của nền kinh tế cũ và những nhân tố của nền kinh tế mới; ngay trong từng lĩnh vực sản xuất cụ thể dù là nông nghiệp hay công nghiệp, những yếu tố truyền thống để tạo nên các sản phẩm vẫn tiếp tục tham gia vào quá trình sản xuất, nhưng giá trị của chúng ngày càng giảm đi, và ngược lại giá trị của phần chất xám (vốn con người, công nghệ cao và thông tin) ngày càng chiếm vị trí áp đảo.

Nhiều nghiên cứu trên thế giới, đặc biệt là nghiên cứu của nhóm đặc trách thuộc APEC về kinh tế tri thức, vừa mới công bố cho thấy : ở hầu hết các nước thuộc Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) và một số nền kinh tế phát triển trong APEC như Mỹ, Ca-na-đa, Nhật Bản, Xin-ga-po, Ô-xtrây-li-a, các yếu tố của kinh tế tri thức đã phát triển ở mức khá cao. Trong các nước thuộc OECD, các ngành công nghiệp dựa trên tri thức (knowledge based industries : công nghệ cao và tương đối cao, thông tin, tài chính, bảo hiểm, dịch vụ cộng đồng, xã hội và chăm sóc sức khỏe) đã đóng góp trên 40% GDP. Tỷ lệ này là 57,3% ở Xin-ga-po, 55,3% ở Mỹ, 53% ở Nhật Bản, 51% ở Ca-na-đa và 48% ở Ô-xtrây-li-a. Các cơ sở hạ tầng thông tin (ITC) được đặc biệt quan tâm đầu tư và phát triển mạnh ở những nước này bảo đảm tốt các nhu cầu thông tin với giá cả ngày càng giảm. Đây là một trong số các lĩnh vực có mức tăng trưởng cao nhất : Ô-xtrây-li-a và Ca-na-đa có tới 50% số người sử dụng điện thoại di động, 40% có máy com-piu-tơ, 30% sử dụng mạng In-tơ-nét. Thương mại điện tử, một lĩnh vực quan trọng của kinh tế tri thức, phát triển hết sức nhanh chóng, đặc biệt là ở Mỹ, Ca-na-đa, Ô-xtrây-li-a. Mức tăng trong lĩnh vực này trong vài năm qua đạt tới mấy trăm %/năm. Nhiều nước phát triển đã và đang tiếp tục tăng đầu tư vào phát triển khoa học, công nghệ và giáo dục. Năm 1995, tổng đầu tư của nhà nước cho nghiên cứu khoa học, công nghệ và phát triển giáo dục chiếm 8,8% GDP ở Ca-na-đa, 8,4% ở Mỹ, 6,8% ở Ô-xtrây-li-a và 6,6% ở Nhật Bản. Tính từ giữa thập niên 80 trở lại đây, mức tăng bình quân đầu tư vào lĩnh vực này của các nước trên đạt 2,8%/năm. Việc phát triển các ngành kinh tế tri thức kéo theo đòi hỏi có một đội ngũ công nhân tri thức (những người lao động được đào tạo có kiến thức và trình độ nghề nghiệp cao). Đội ngũ này trong các nước phát triển tăng lên nhanh chóng : hiện nay tỷ lệ công nhân tri thức chiếm gần 40% lực lượng lao động ; dự kiến đến năm 2010 sẽ tăng lên đến 80%.

Đối với các nước và khu vực phát triển ở trình độ thấp hơn trong APEC, nghiên cứu của Nhóm đặc trách nói trên cũng chỉ ra rằng hầu hết các nền kinh tế thuộc loại công nghiệp mới cũng đã chuyển mạnh theo hướng phát triển kinh tế tri thức và đã đạt được nhiều tiến bộ. Một số nước khác như Trung Quốc, Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Chi-lê đang tích cực chuẩn bị các cơ sở cơ bản cho phát triển kinh tế tri thức, đặc biệt là đã tập trung xây dựng và phát triển những ngành kinh tế dựa trên tri thức như thông tin, công nghệ phần mềm, nghiên cứu và ứng dụng một số công nghệ hiện đại, dịch vụ, đào tạo - giáo dục... Trước tình hình đó, APEC đang tích cực nghiên cứu và xây dựng chương trình hợp tác giữa các thành viên nhằm cùng nhau phát triển kinh tế tri thức. Vấn đề này đang dần dần trở thành một chủ đề và nội dung quan trọng trong hợp tác APEC.

Như vậy, có thể thấy phát triển kinh tế tri thức đang trở thành xu hướng của thế giới, trước hết là trong các nước phát triển và các nước công nghiệp mới. Động lực chủ yếu của xu hướng này là sự bùng nổ của tri thức, trong đó đặc biệt quyết định là cuộc cách mạng khoa học - công nghệ với nội dung then chốt là cách mạng trong lĩnh vực thông tin - tin học, quản lý và sinh học, và xu thế toàn cầu hóa.

2- Tác động của xu thế phát triển kinh tế tri thức tới quan hệ kinh tế quốc tế

Quá trình chuyển từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức có tác động mạnh mẽ tới toàn bộ quan hệ kinh tế quốc tế, từ phương thức hoạt động

Digitized by Google

kinh tế quốc tế đến nội dung, cấu trúc của các mối quan hệ này. Có thể hình dung những các động chủ yếu của quá trình này như sau :

Thứ nhất, kinh tế tri thức đẩy nhanh quá trình toàn cầu hóa, làm cho nó trở thành xu thế bao trùm của quan hệ quốc tế hiện đại.

Điều này được lý giải cả trên phương diện lý luận lẫn thực tiễn. Về mặt lý luận, do kinh tế tri thức dựa chủ yếu trên việc tạo ra và sử dụng tri thức vốn mang bản chất năng động, lan tỏa không biên giới - trong đó trước hết là khoa học - công nghệ, đặc biệt là lĩnh vực thông tin, một lĩnh vực có tính thông quan rất cao, cho nên lực lượng sản xuất thế giới và các hoạt động kinh tế của con người ngày càng được quốc tế hóa và đa phương hóa trên phạm vi toàn cầu. Về mặt thực tiễn, không ít công trình nghiên cứu đã chỉ ra rằng toàn cầu hóa ngày nay là một xu thế khách quan và phổ biến, được thúc đẩy chủ yếu bởi những tiến bộ của khoa học - công nghệ. Quả vậy, trong gần một thập kỷ qua, tổng giá trị thương mại thế giới đã tăng lên gần gấp 2 lần (đạt mức tăng hàng năm trên 7%, cao hơn 2 lần so với mức tăng GDP); tổng FDI tăng gần 3 lần, đạt trên 4 400 tỉ USD vào 1999 với mức tăng bình quân hằng năm là trên 12% (tính trong vòng 2 thập niên qua); hiện nay, mỗi ngày tổng giá trị các giao dịch tài chính quốc tế lên tới 3 500 tỉ USD. Trên 50 nghìn công ty xuyên quốc gia với khoảng 300 nghìn công ty con nằm khắp các nước trên thế giới kiểm soát gần 50% GDP, 60% tổng mậu dịch, 80% - 90% danh mục các sản phẩm công nghệ cao và 90% tổng FDI của toàn thế giới.

Đối mặt với xu hướng này, ở nhiều nước, nhất là các nước phát triển, nhà nước đặc biệt khuyến khích việc phát triển và sử dụng các khoa học - công nghệ cao trong sản xuất. Các công ty cũng ra sức nắm bắt và ứng dụng những tiến bộ mới về khoa học - công nghệ để tăng sức cạnh tranh và mở rộng thị trường của mình không phải chỉ ở trong nước mà cả ở nước ngoài. Trong thập niên qua, khoa học và công nghệ đã đóng góp tới trên 60% vào mức tăng GDP trong các nước phát triển, đặc biệt ở Mỹ tới trên 70%. Bên cạnh đó, trên phương diện vĩ mô, các nước đều tìm cách tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế để tận dụng tối đa các cơ hội và hạn chế các bất lợi của quá trình toàn cầu hóa. Trong 50 năm qua, hơn 100 định chế kinh tế quốc tế (toàn cầu và khu vực) đã ra đời, chỉ riêng trong thập niên 90, số lượng các định chế mới thành lập tăng gấp 3 lần thập niên 80.

Thứ hai, quá trình phát triển kinh tế tri thức làm cho phân công lao động trở nên sâu sắc và rộng khắp toàn cầu.

Cùng với quá trình chuyển từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức, tri thức mà trước hết là khoa học - công nghệ sẽ phát triển hết sức nhanh chóng, làm cho phân công lao động quốc tế phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, bởi vì trong thời đại kinh tế tri thức, thay vì đất đai, tài nguyên và vốn trước đây, tri thức ngày càng làm nên giá trị áp đảo trong mỗi sản phẩm. Các nước có thế mạnh về khoa học - công nghệ ra sức đầu tư, phát triển những ngành kinh tế dựa trên tri thức. Quả thật, trong những năm qua Mỹ ráo riết chuyển nhanh sang nền kinh tế tri thức, đặc biệt đầu tư phát triển những ngành như thông tin, vũ trụ, sinh học, dịch vụ cao cấp... Nhật Bản nỗ lực nâng cấp các cơ sở nghiên cứu khoa học - công nghệ, đầu tư sâu vào chương trình nghiên cứu nano. Trung Quốc đưa ra "Kế hoạch 863" với 15 lĩnh vực khoa học - công nghệ cần tập trung phát triển nhằm sớm đuổi kịp trình độ thế giới. Xin-ga-po tập trung ưu tiên phát triển công nghệ điện tử, tin học và tự động. Đối lập với xu thế các nước phát triển nắm giữ ưu thế tri thức khoa học - công nghệ hướng mạnh vào phát triển các ngành dựa trên tri thức, các nước đang và kém phát triển do trình độ khoa học - công nghệ thấp, thiếu đội ngũ công nhân tri thức nên nhìn chung bị đẩy vào vị trí sản xuất, cung cấp cho thị trường quốc tế các sản phẩm, dịch vụ thuộc loại vừa và thấp hơn về công nghệ và chất lượng, hoặc ít hàm lượng tri thức hơn và các sản phẩm ở dạng nguyên nhiên liệu hoặc sơ chế.

Bên cạnh xu thế trên của phân công lao động quốc tế, với sự phát triển của tri thức khoa học - công nghệ, sự phân công chuyên sâu trong hợp tác quốc tế cũng được tăng cường theo hướng ngày càng có nhiều công ty trong các nước đi chuyên vào sản xuất một mặt hàng, một chi tiết cụ thể nào đó của một sản phẩm hoặc chỉ cung cấp một dịch vụ chuyên môn nhất định. Tuy nhiên, trong hình thức phân công này, khuynh hướng phân công theo trình độ của trình tự công nghệ trong sản xuất của nội bộ

Digitized by Google

ngành sẽ tiếp tục phát triển mạnh. Loại phân công này dựa trên ưu thế tương đối khác nhau về nguồn lực giữa các nước để chuyên môn hóa đối với các khâu của trình tự công nghệ gia công. Theo đó, các nước phát triển chuyển một số công đoạn sản xuất sang các nước đang phát triển (có thể là một số chi tiết hoặc lắp ráp) nhằm tận dụng nhân công rẻ và nguồn tài nguyên của các nước này.

Thứ ba, phát triển kinh tế tri thức sẽ làm thay đổi sâu sắc cơ cấu kinh tế thế giới và cấu trúc của quan hệ kinh tế quốc tế.

Với sự xuất hiện của kinh tế tri thức, cơ cấu kinh tế thế giới đứng trước một sự thay đổi sâu sắc và bất ngờ nhất kể từ khi thế giới chuyển từ xã hội nông nghiệp sang công nghiệp vào thế kỷ XVIII và XIX. Trong những năm 60, ngành nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 10,4% cơ cấu sản phẩm thế giới, ngành công nghiệp chiếm 28,4%, dịch vụ 50,4%; đến những năm 90, với sự phát triển của khoa học - công nghệ, cơ cấu trước đây đã thay đổi mạnh mẽ với các tỷ lệ tương ứng là 4,4%, 21%, 62,4%. Trong các nước phát triển, các ngành dịch vụ đặc biệt phát triển và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong tổng sản phẩm xã hội : năm 1997, tỷ lệ tham gia của khu vực dịch vụ vào GDP và tạo công ăn việc làm ở Mỹ theo thứ tự là 76% và 73%, ở Ca-na-đa là 79,7% và 80%, ở Liên minh châu Âu (EU) là 64% và 60%. Như vậy, các ngành dựa trên tri thức đã chiếm vị trí ngày càng quan trọng hơn và trong tương lai với sự phát triển kinh tế tri thức, các ngành dựa trên tri thức sẽ chiếm vị trí áp đảo trong cơ cấu kinh tế thế giới. Sự thay đổi trong cơ cấu của kinh tế các nước và kinh tế thế giới kéo theo sự thay đổi trong cấu trúc của quan hệ kinh tế quốc tế, thể hiện chủ yếu trên các khía cạnh sau :

Một là, những hàng hóa, dịch vụ có hàm lượng trí tuệ cao (bao gồm cả chính thông tin và tri thức, đặc biệt là kỹ thuật và công nghệ) ngày càng chiếm vị trí chủ chốt trong thương mại quốc tế. Chiều hướng này đã được thể hiện tương đối rõ trong thực tiễn thương mại hàng hóa thế giới. Năm 1950, tỷ lệ hàng nông sản chiếm 47%, hàng công nghiệp chiếm 38%; đến năm 1996, các tỷ lệ tương ứng là 12% và 77%; tỷ lệ các hàng hóa có kỹ thuật cao được trao đổi quốc tế tăng nhanh và hiện nay chiếm 70% trong tổng các sản phẩm buôn bán giữa các nước phát triển. Trao đổi kỹ thuật và công nghệ giữa các nước đạt 110 tỉ USD năm 1990, 250 tỉ USD năm 1995 và ước đạt trên 500 tỉ USD năm 2000. Thương mại dịch vụ cũng tăng nhanh và chiếm phần ngày càng quan trọng trong thương mại quốc tế ; trong thập niên 90 thương mại dịch vụ tăng cao hơn mức tăng của thương mại hàng hóa 1,5 lần và hiện chiếm trên 20% tổng kim ngạch thương mại thế giới.

Hai là, thương mại điện tử là lĩnh vực phát triển nhanh nhất và sẽ đóng vai trò hàng đầu trong thương mại quốc tế. Thực tế trong những năm qua cho thấy, mặc dù là một lĩnh vực còn rất mới, nhưng thương mại điện tử đã phát triển với một tốc độ ghê gớm từ tổng trị giá 17 tỉ USD năm 1997 lên trên 70 tỉ năm 1999 và dự kiến sẽ đạt 1 000 tỉ vào năm 2002.

Ba là, quá trình phát triển kinh tế tri thức và xu thế toàn cầu hóa làm tăng tình trạng vừa cạnh tranh vừa hợp tác giữa các doanh nghiệp và tính năng động, linh hoạt của chúng trên phạm vi quốc tế. Để tồn tại và phát triển trong nền kinh tế tri thức toàn cầu hóa, các công ty luôn luôn tìm cách đổi mới công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh. Sẽ có những công ty thành công và lớn mạnh nhanh hơn. Những công ty khác có thể bị phá sản hoặc phải chuyển hướng hoạt động. Tuy nhiên, một số công ty cũng có thể phải sáp nhập lại với nhau để tăng sức mạnh cạnh tranh và khả năng kiểm soát thị trường. Trong mấy năm trở lại đây chúng ta đã chứng kiến một làn sóng mua bán và sáp nhập khổng lồ giữa các công ty trong nhiều nước trên thế giới với tổng trị giá giao dịch lên tới hàng chục nghìn tỉ USD. Ngược lại với xu hướng mua bán, sáp nhập giữa các công ty, cũng đồng thời diễn ra một xu hướng thành lập, duy trì nhiều công ty có quy mô nhỏ, hoạt động rất linh hoạt nhờ vào hệ thống thông tin thuận lợi (đặc biệt là mạng In-tơ-nét), hoặc chia các công ty lớn thành nhiều công ty nhỏ trong một số lĩnh vực để tăng khả năng thích nghi và hoạt động hiệu quả hơn trong điều kiện toàn cầu hóa và chuyển từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức. Ở Mỹ hiện có trên 2 triệu công ty, trong đó trên 90% là công ty nhỏ ; hằng năm số lượng các công ty nhỏ tăng lên rất nhanh : ví dụ năm 1993 toàn nước Mỹ có 666 800 công ty nhỏ, năm 1994 tăng lên 706 000. Việc tăng số lượng các công ty nhỏ vừa do lập mới nhưng cũng là kết quả

Digitized by Google

của quá trình chia nhỏ các công ty lớn. Công ty điện báo - điện thoại Mỹ chia thành 8 công ty nhánh và 22 công ty phân nhánh, công ty IBM chia thành 13 công ty nhỏ.

Bốn là, quá trình chuyển từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức và xu thế toàn cầu hóa đã và đang làm thay đổi các lợi thế so sánh của các quốc gia trong thương mại quốc tế theo hướng giảm dần các lợi thế truyền thống như đất đai, tài nguyên, nhân công rẻ, vị trí địa lý... và tăng vai trò, giá trị của các yếu tố tri thức. Nước nào khai thác, phát triển tốt nguồn tri thức sẽ có cơ hội phát triển và ngày càng có vị trí cao trên thương trường quốc tế cũng như vai trò quan trọng trong quan hệ quốc tế. Nhìn chung, các nước phát triển có điều kiện và lợi thế hơn các nước đang phát triển vì nền kinh tế của họ phát triển cao, đặc biệt là đã có nhiều ngành kinh tế dựa trên tri thức nắm giữ được khoa học - công nghệ hiện đại, cũng như hầu hết các nguồn vốn và có đội ngũ nhân công tri thức đông đảo. Do vậy, quá trình toàn cầu hóa và chuyển sang kinh tế tri thức đang và có thể sẽ làm gia tăng sự phân cực về trình độ phát triển và khoảng cách giàu - nghèo giữa các nước trên thế giới. Tuy nhiên, quá trình này không hoàn toàn chỉ tác động một cách tiêu cực hoặc bất lợi đối với các nước đang phát triển. Trái lại, nó mở ra nhiều cơ hội mà các nước đang phát triển có thể tận dụng để "đi tắt, đón đầu", trên con đường phát triển kinh tế và thu hẹp dần khoảng cách với các nước đã đi trước. Thực tế đã chứng minh không ít nước trước đây thuộc loại đang phát triển sau 2-3 thập niên đã bứt lên đứng vào hàng các nước công nghiệp mới.

Thứ tư, theo một số nhà kinh tế, nền kinh tế tri thức mang đặc tính tăng trưởng bền vững và thoát được sự phát triển theo chu kỳ (tăng trưởng - suy thoái). Nếu điều này đúng thì có thể là quan hệ kinh tế quốc tế cũng sẽ phát triển một cách ổn định, nguy cơ về khủng hoảng kinh tế khu vực và thế giới không còn là bóng đen kinh hoàng trùm lên quan hệ kinh tế quốc tế nữa. Đây sẽ là một sự biến đổi lớn về chất của quan hệ kinh tế quốc tế.

3. Kết luận

Mặc dù có thể còn nhiều ý kiến khác nhau về tên gọi, thời điểm xuất hiện và lan tỏa của một nền kinh tế "hậu công nghiệp", cũng như còn phải tiếp tục nghiên cứu kỹ hơn về bản chất và tác động của nền kinh tế này, nhưng điều có thể khó phủ nhận được là sẽ có một nền kinh tế lấy tri thức, trước hết là khoa học - công nghệ cao và thông tin làm động lực và nội dung chủ yếu của sự phát triển và thịnh vượng trong tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế và xã hội. Dùng thuật ngữ "kinh tế tri thức" cho một nền kinh tế như vậy có lẽ cũng là hợp lý. Dưới tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại và xu thế toàn cầu hóa, xu hướng chuyển sang kinh tế tri thức đã và đang là một thực tế và ngày càng được khẳng định trước hết là trong các nước phát triển và các nước mới công nghiệp hóa.

Cùng với xu thế toàn cầu hóa, quá trình phát triển kinh tế tri thức có tác động hết sức to lớn tới cấu trúc kinh tế, phương thức hoạt động và tổ chức quản lý về kinh tế và xã hội trong mỗi quốc gia cũng như diện mạo, cấu trúc và bản chất của các mối quan hệ quốc tế, đặc biệt là quan hệ kinh tế quốc tế. Khi kinh tế tri thức được khẳng định một cách mạnh mẽ và vững chắc, nhất định nó sẽ kéo theo sự biến chuyển về mặt xã hội, dẫn tới thay đổi phương thức sản xuất xã hội. Vì lẽ đó có nhiều nhà khoa học khẳng định rằng kinh tế tri thức đang được hình thành một cách tất yếu và khách quan trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và tất yếu đó dẫn tới một tất yếu khác là một mặt, kinh tế tri thức khi phát triển và lan tỏa sẽ làm sâu sắc thêm những mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản, mặt khác sẽ tạo ra những tiền đề vật chất to lớn cho một xã hội cao hơn xã hội tư bản chủ nghĩa.

Trở lại những vấn đề hiện nay, những thay đổi rất đa dạng do kinh tế tri thức tác động đang đặt ra nhiều cơ hội và thách thức cho mỗi quốc gia, mỗi doanh nghiệp. Nếu quốc gia nào, đặc biệt là các nước đang phát triển, không nhận thức được vai trò ngày càng quan trọng của tri thức, không có sự tập trung đầu tư xứng đáng và khai thác hợp lý các nguồn tri thức, không hội nhập vào xu thế chung để tận dụng các cơ hội cho phát triển mà quá trình toàn cầu hóa và "tri thức hóa" kinh tế mang lại, thì quốc gia đó tất sẽ ngày càng tụt hậu và ngày càng thiếu sức cạnh tranh trên thương trường quốc tế. ❑

Digitized by Google

NHÀ MÁY ĐÓNG TÀU BẠCH ĐẰNG

BACH DANG SHIPYARD

ĐỊA CHỈ : 3 PHAN ĐÌNH PHÙNG - Q. HỒNG BÀNG - HẢI PHÒNG

TEL: (031) 842782/842677/842771 **TELEX:** 31.1264 BDSY **FAX:** 84.31.842282



GIÁM ĐỐC : KỸ SƯ **PHẠM ĐÌNH ĐÁ**

NĂNG LỰC CỦA NHÀ MÁY

1. ĐÓNG MỚI CÁC PHƯƠNG TIỆN THỦY

♦ Các loại tàu chở hàng khô, tàu chở dầu, tầu chuyên dùng, tàu tuần tiễu, tàu chiến, tàu viễn dương, sà lan vận tải biển viễn dương có trọng tải đến 10.000 DWT.

♦ Các loại tàu kéo và tàu dịch vụ kỹ thuật, tàu hút bùn và các loại tàu công trình, tàu đánh cá 150HP - 3000HP.

♦ Tàu khách và tàu du lịch cao cấp - Cần cẩu nổi có sức cẩu từ 600-1000 tấn - Tàu tuần tra, tàu chiến, du thuyền, tầu bằng chất liệu composite.

2. SỬA CHỮA CÁC LOẠI TÀU VÀ PHƯƠNG TIỆN NỔI TRÊN Ụ NỔI ĐẾN 10.000 DWT, Ở BẾN ĐẾN 30.000 DWT

3. CHẾ TẠO CÁC THIẾT BỊ LẮP TRÊN TÀU VÀ SÀ LAN

♦ Máy kéo neo và neo - Các loại xích neo tàu cỡ Φ 60mm - Hệ thống trục máy chính và chân vịt có công suất đến 4.000HP - Các loại bơm, van, cửa kín nước, máy lái điện, cần cẩu tàu thủy... - Cung cấp các loại phôi đúc, rèn, gia công chế tạo các loại chi tiết cơ khí, các kết cấu kim loại.

4. DỊCH VỤ GIA CÔNG CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ

♦ Khảo sát, thiết kế, chế tạo, lắp đặt, các trang thiết bị phụ tùng phụ kiện cơ khí, kết cấu bằng kim loại, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh tàu thủy.

♦ Đại lý, dịch vụ kinh doanh hàng xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện các loại, hàng chậm luân chuyển.

♦ Thực hiện các dịch vụ tư vấn thiết kế kỹ thuật, công nghệ, giám sát đóng và sửa chữa tàu, vệ sinh tàu thủy, két dầu, bồn chứa dầu ; thực hiện các dịch vụ cho tàu và thuyền viên trong và ngoài nước vào sửa chữa và làm việc tại nhà máy.

♦ Kiểm tra chất lượng thiết bị xích neo và vật liệu đóng tàu bằng máy siêu âm, phân tích hóa học, kiểm tra kim tương và các tính năng cơ giới của kim loại và chi tiết máy.

Sửa chữa dịch vụ tàu tại cảng - Có xưởng sản xuất oxygene, xưởng ngâm tẩm chống mối mọt gỗ, sấy gỗ đảm bảo chống cháy theo quy phạm tàu biển, sẵn sàng cung cấp cho các đơn vị có nhu cầu. Sản xuất kết cấu thép có khối lượng, trọng lượng lớn.

CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

♦ Theo yêu cầu của khách hàng, theo quy phạm và các công ước hàng hải quốc tế. Có chế độ bảo hành thích đáng.

♦ Nhà máy đã giành được sự tín nhiệm nhiều năm của khách hàng.

♦ Nhà máy sẵn sàng liên doanh, liên kết với các cá nhân và tổ chức kinh tế trong và ngoài nước để thực hiện các đơn đặt hàng và cùng đầu tư phát triển sản xuất.



Hạ thủy giai đoạn 2 tàu hàng 6.500 tấn

Digitized by Google



CÔNG TY CÀ PHÊ D'RAO

Vinh dự tự hào được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu

ANH HÙNG LAO ĐỘNG

Nằm trên cao nguyên đất đỏ có độ cao > 700m diện tích tự nhiên 2.900 ha, 53% đồng bào dân tộc. CB-CNV 650 người, Đảng bộ 52 đảng viên (6 đảng viên người dân tộc). Là Đảng bộ vững mạnh và trong sạch. Công ty đã phát triển 2130 ha cà phê, sản lượng 5.000 tấn/năm với giá trị hàng hóa thực hiện trên dưới 80 tỷ đồng. Sau gần 10 năm đổi mới. Năng suất vườn cây được tăng lên luôn là đơn vị có năng suất bình quân cao nhất ngành cà phê Việt Nam. Sau 10 năm đổi mới từ một vùng đất hoang sơ đầy khó khăn gian khổ nhờ sự giúp đỡ tận tình của các cấp lãnh đạo và sự nỗ lực phấn đấu không mệt mỏi của CBCN, Công ty cà phê D'rao hôm nay đã thực sự là một điểm sáng trong vùng đất Tây Nguyên. Với tinh thần đoàn kết nhất trí cao, luôn luôn đổi mới và tự hoàn thiện mình, Công ty cà phê D'rao đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng nhiều huân chương, bằng khen, cờ thi đua của Chính phủ, ban, ngành TW và địa phương. Vinh dự tự hào cho tập thể CB-CNV công ty cà phê D'rao được *Nhà nước phong tặng danh hiệu* **ANH HÙNG LAO ĐỘNG.**

Đối với công ty đầu tư XNK ĐAKLĂK gần 24 năm trực tiếp đầu tư cho sản xuất kinh doanh XNK, công ty có những thuận lợi cơ bản, nhưng cũng không ít khó khăn, như giá cả trên thị trường quốc tế về mặt hàng cà phê, mặt hàng chủ lực của công ty có biến động phức tạp. Trách nhiệm của công ty làm sao đảm bảo kế hoạch tỉnh giao, đảm bảo đời sống cho 500 lao động. Với chức vụ đảng ủy viên Phó giám đốc thường trực, bí thư chi bộ kinh doanh đ/c Văn Thành Huy đã trăn trở, phát huy năng lực và trách nhiệm, có nhiều sáng kiến cải tiến kinh doanh, đưa công ty ngày một phát triển, đời sống công nhân được cải thiện. Những mục tiêu làm công ty đứng vững và phát triển là : tiếp tục mở rộng mạng lưới cơ sở tại các vùng dân cư mới có sản xuất nguồn hàng xuất khẩu kể cả tỉnh khác, chuyển dịch cơ cấu nguồn vốn từ dài hạn sang phương thức cung ứng trước đầu vụ, cuối vụ thu sản phẩm, theo dõi sát tình hình diễn biến thị trường thế giới, đối với việc chế biến trực tiếp điều hành chế biến ra nhiều cấp loại để chào bán với khách nước ngoài. Đây được coi như nét đột phá tạo nên đặc thù của công ty. Nâng cao chất lượng hàng xuất khẩu, nâng cao kim ngạch xuất khẩu và tạo việc làm cho người lao động ở địa phương. Với những biện pháp được áp dụng đã đem lại kết quả :



Đ/c VĂN THÀNH HUY - Đảng ủy viên, Phó Giám đốc thường trực công ty

Tổng kim ngạch xuất khẩu (1995 - 1999) đạt 375,5 triệu USD, nộp ngân sách nhà nước 105,5 tỷ đồng. Tiền lương CB-CNV đạt 1.000.000 đồng/người/tháng. Riêng năm 1999 thu mua chế biến xuất khẩu cà phê 51.000 tấn là năm thu mua lớn nhất từ trước tới nay. Uy tín của công ty ngày càng được củng cố vững chắc trên thị trường quốc tế, thiết lập được mối quan hệ lâu dài với 30 tập đoàn kinh doanh lớn của các nước trên thế giới và mặt hàng của công ty có chỗ đứng trên thị trường Nhật Bản, Mỹ.

Digitized by Google

CÔNG TY BÊ TÔNG - THÉP NINH BÌNH

ĐỊA CHỈ : KM SỐ 3 QUỐC LỘ 1A ĐƯỜNG NINH BÌNH - THANH HÓA
Tel : 030 - 860009
Fax : 030 - 860681
Giám đốc : KS. ĐỖ THỊ LIÊN



HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT



GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM 96 - 99

SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY ĐƯỢC SẢN XUẤT THEO TIÊU CHUẨN

- Thép tròn vằn cán nóng các loại : ϕ10 - 12 - 14 - 16 - 18 - 20 - 22 - 24 được hợp chuẩn theo TCVN 1651-1985.

- Cột điện bê tông cốt thép ly tâm được hợp chuẩn theo TCVN 5846 - 94 và TCVN 5847 - 95.

- Sản phẩm của công ty bê tông - thép Ninh Bình sản xuất đảm bảo kỹ thuật, mỹ thuật, chất lượng và có uy tín trên thị trường.

RẤT HÂN HẠNH ĐƯỢC PHỤC VỤ QUÍ KHÁCH

Digitized by Google

5/30

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

ĐỊA CHỈ: THỊ TRẤN LAM SƠN - THỌ XUÂN THANH HÓA
TEL: 037-834091 FAX: 03834092

Vừa được nhà nước phong tặng Danh hiệu
ANH HÙNG LAO ĐỘNG
trong thời kỳ đổi mới





No. : HT.019.99.15

Certificate No. Q16561





NHỮNG SẢN PHẨM CHỦ YẾU

- Đường vàng tinh khiết
- Đường trắng RS - TC VN 1695 - 87
- Đường tinh luyện tiêu chuẩn EU-1
- Bánh kẹo các loại
- Phân bón tổng hợp sinh học
- Thức ăn gia súc
- Nước hoa quả cô đặc
- Cồn thực phẩm chất lượng cao

Sản phẩm có bán tại: Các đại lý khắp các tỉnh thành trong cả nước

Lam Sơn - Ngọt Ngào - Tinh Khiết

Luôn thỏa mãn nhu cầu của mọi người tiêu dùng

CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ THANH HÓA

Số 01 Đình Hương Đường Bà Triệu - TP. Thanh Hóa
Tel: (84.37). 854009 Fax: (84.37). 855788

CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

Số 123 Đường Giải Phóng Tel/Fax: (84.4). 8693748
Số 5B Minh Khai Q. Hai Bà Trưng Tel/Fax: (84.4).8621106

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
SEP 14 2000
CURRENT SERIALS

16
8-2000

Tiến lên Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Digitized by Google

CÔNG TY CÀ PHÊ PHƯỚC AN





Đ/C Tạ Quang Hợi
Bí thư Đảng ủy
Phó giám đốc Công ty

Đ/C A Ma Gái
Phó Bí thư Đảng ủy
Chủ tịch CĐ Công ty



ĐẢNG BỘ 20 NĂM LIÊN TỤC TRONG SẠCH VỮNG MẠNH

Là nơi chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh ĐAKLAK hoạt động bí mật để lãnh đạo phong trào cách mạng. Nơi đây có phong trào công nhân đấu tranh mạnh mẽ trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước. Với bản chất và bản lĩnh của giai cấp công nhân, từ lãnh đạo đến CN-VC đã kiên định đi theo Đảng, tin tưởng tuyệt đối vào đường lối của Đảng, đoàn kết nhất trí, khắc phục mọi khó khăn gian khổ xây dựng công ty ngày càng lớn mạnh toàn diện.

Công ty cà phê Phước An là doanh nghiệp nhà nước, với nhiệm vụ trồng, thâm canh chế biến và thu mua xuất khẩu. Tổng diện tích ban đầu là 200 ha đến nay tổng diện tích cà phê của công ty là 2.000 ha, có 18 đội sản xuất, 2 nhà máy chế biến, 2 chi nhánh kinh doanh (Gia Lai và Lâm Đồng), 2 xí nghiệp thành viên, 1 văn phòng đại diện tại TP.HCM. Sản xuất hằng năm 300-400 tấn cà phê nhân xuất khẩu. Thu mua từ 10-12.000 tấn cà phê nhân xuất khẩu. Doanh số kinh doanh từ 180-300 tỷ đồng, kim ngạch xuất khẩu từ 15-20 triệu USD/năm, cơ sở vật chất tổng giá trị trên 200 tỷ đồng, là một trong những doanh nghiệp có doanh thu lớn nhất của tỉnh Đaklak. Ngày đầu thành lập có 500 CB-CNV đến nay đã có 1.120 CB-CNV. Công ty có 11 chi bộ Đảng là 11 tấm gương trong sáng điển hình đã làm cho Đảng bộ của công ty vững mạnh trong sạch suốt 20 năm liền. Lực lượng Đảng viên giữ các vị trí then chốt trong sản xuất kinh doanh, Đảng viên luôn lấy phương châm tập thể trên hết. Hàng quý các chi bộ sinh hoạt phê bình và tự phê bình công khai trước tập thể CB-CNV, Đảng viên luôn nhận sự góp ý của CB-CNV. Đảng viên luôn đầu tàu gương mẫu, sau đảng viên là lực lượng công đoàn có 1.128 đoàn viên, nhiều công đoàn bộ phận được công nhận là đơn vị vững mạnh toàn diện. Được tặng nhiều cờ thi đua, bằng khen của Tổng liên đoàn và liên đoàn Tỉnh. Với 460 Đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh luôn thể hiện vai trò tiên phong trong lao động sản xuất, hàng năm được công nhận là tổ chức Đoàn vững mạnh. Khó khăn của những ngày đầu thành lập tưởng chừng không vượt qua nổi. Được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp lãnh đạo Đảng, CB-CNV công ty đã quyết tâm đoàn kết, khắc phục, vượt qua mọi gian khổ đẩy lùi từng bước khó khăn. Công ty xây dựng lực lượng sản xuất mới, cải tạo 200 ha cà phê già cỗi, trồng mới trên 1.500 ha cà phê, tạo việc làm cho hàng ngàn người lao động, hàng ngàn nhân khẩu người Ê Đê đã định canh định cư và là công nhân của công ty. Công ty đã xây dựng được thế trận an ninh nhân dân, quốc phòng toàn dân vững chắc làm trong sạch địa bàn không để các tệ nạn xã hội xảy ra. Đời sống người lao động ngày càng được cải thiện tăng trưởng. Hiện có 11% hộ thu nhập 100 triệu đồng/năm, 15% hộ thu nhập 70-100 triệu đồng/năm. Có trên 850 hộ thu nhập 30-40 triệu đồng/năm. Bình quân hàng năm có từ 40-60% các tập thể tổ đội đăng ký phấn đấu trở thành tổ đội LĐ-XHCN. Hằng trăm LĐ là chiến sĩ thi đua, là LĐ tiêu biểu. Nhiều sáng kiến cải tiến hợp lý hóa làm lợi hàng trăm triệu đồng. Sự nghiệp văn hóa giáo dục chăm lo sức khỏe được đầu tư đúng mức. Chính sách đền ơn đáp nghĩa công ty đã giúp đỡ hàng trăm triệu đồng cho các đối tượng chính sách và nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng. Xây dựng 3 ngôi nhà tình nghĩa. Trong 10 năm Công ty đã bình chọn được 600 lượt người đạt danh hiệu CSTĐ. 70 tổ đội đạt danh hiệu Tổ đội LĐXHCN. 90% CNV đạt danh hiệu tiên tiến.

Trong 23 năm với sự cố gắng nỗ lực không mệt mỏi, vượt qua bao khó khăn gian khổ, Đảng bộ CB-CNV của công ty đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng : ✱ 2 huân chương kháng chiến (hạng 2 - 3) ; ✱ 2 huân chương lao động hạng 3 ; ✱ 2 huân chương lao động hạng nhì ; ✱ 2 huân chương lao động hạng nhất. Nhiều cờ thi đua và bằng khen của chính phủ và các ban ngành TW. Nhiều cờ thi đua và bằng khen của tỉnh và các ban ngành tỉnh Đaklak. Đảng bộ 20 năm liên tục đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh. 2 đồng chí lãnh đạo được tặng Huân chương Lao động hạng 3. 3 đồng chí được tặng bằng khen Chính phủ. 2 đồng chí được Liên đoàn LĐVN tặng bằng Lao động sáng tạo.

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 598 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

16
8-2000

MỤC LỤC

KỶ NIỆM 55 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ QUỐC KHÁNH 2 - 9 (1945 - 2000)	HOÀNG TÙNG - Một cuộc khởi nghĩa chớp nhoáng, thắng lợi nhanh chóng không ngờ	3
	LÊ MINH HƯƠNG - Công an nhân dân - lực lượng nòng cốt bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội	5
	ĐỖ XUÂN CÔNG - Xây dựng Hải quân nhân dân vững mạnh toàn diện	9
TIẾN TỚI ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG	QUANG CẬN - Nhận thức thêm về sự kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	13
	NGUYỄN VĂN HUYÊN - Từ nguyên lý phát triển mác xít đến triết lý phát triển xã hội Hồ Chí Minh	16
ĐƯA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG	NGUYỄN DY NIÊN - Năm năm Việt Nam trong ASEAN	21
	ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG - Phát triển y tế nông thôn trong giai đoạn mới	24
	PHẠM KHÔI NGUYÊN - Đưa Luật khoa học và công nghệ vào cuộc sống	28
TIẾN TỚI ĐẠI HỘI THI ĐUA TOÀN QUỐC NĂM 2000	VŨ TRỌNG KIM - Phong trào thi đua thanh niên tình nguyện	33
	THÁI SƠN - Về một số xã anh hùng trong thời kỳ đổi mới	36
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	PHAN THẾ HẢI - Thị trường chứng khoán Việt Nam - một công cụ huy động vốn	40
	PHẠM THỊ CẨN - Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế hợp tác ở nước ta hiện nay	43
	NGUYỄN NGỌC THU - Giáo dục thẩm mỹ định hướng sự phát triển nhân cách của tuổi trẻ học đường	48
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	HỒNG QUẢN - Bước tiến mới của các hoạt động khoa học xã hội và nhân văn ở các tỉnh, thành Nam Bộ	51
	NGUYỄN THẾ TRÀM - Phát triển kinh tế - xã hội ở huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị	55
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	NHÂN ĐĂNG - Tự phê bình chạy	58
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	NGUYỄN VĂN THANH - Thương mại công bằng	59

Bìa 1 : *Mùa thu cách mạng* *Tranh :* **HƯƠNG HẠNH**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ХОАНГ ТУНГ: Молниеносное восстание, неожиданная скорая победа. ЛЕ МИНЬ ХЫОНГ: Народная милиция – опорная сила в защите политической безопасности и сохранении социального благополучия и порядка. ДО СУАН КОНГ: Создание крепкого, универсального народного военно-морского флота. КУАНГ КАН: Дополнительное осознание о решительном отстаивании цели национальной независимости и социализма. НГУЕН ВАН ХУЕН: От марксистского принципа развития до философии о социальном развитии Хо Ши Мина. НГУЕН ЗИ НЬЕН: 5 лет нахождения Вьетнама в АСЕАН. ДО НГУЕН ФЫОНГ: Развитие здравоохранения деревни в новом периоде. ФАМ ХОЙ НГУЕН: Введение в жизнь Закона о Науке и Технологии. ВУ ЧОНГ КИМ: Соревновательная кампания "Молодежь – добровольцы". ТХАЙ ШОН: О некоторых героических коммунах в периоде обновления. ФАН ТХЕ ХАЙ: Фондовая биржа Вьетнама – средство для мобилизации капитала. ФАМ ТХИ КАН: Некоторые теоретические и практические проблемы, касающиеся кооперативной экономики в нашей стране на данном этапе. НГУЕН НГОК ТХУ: Эстетическое воспитание, ориентирующее развитие личности молодежи школ и институтов. НГУЕН ВАН ТХАНЬ: Справедливая торговля.

CONTENTS

HOÀNG TÙNG: A lightning insurrection, unexpected fast victory. LÊ MINH HƯƠNG: The People's militia - the core force in defending political security and preserving society's safety and order. ĐỖ XUÂN CÔNG: To create steady, all-around People's Navy. QUANG CẢN: Supplementary recognizance on the determined insistence on National in dependence and Socialism. NGUYỄN VĂN HUYÊN: From the Marxism principle of development to Ho Chi Minh's philosophy of social development. NGUYỄN DY NIÊN: 5 years being in ASEAN of Vietnam. ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG: Development of Public Health in the countryside in the new period. PHẠM KHÔI NGUYÊN: To bring the law on Science and Technology into life. VŨ TRỌNG KIM: The competitive movement "The youth – the volunteers". THÁI SƠN: About some heroic communes in the renovation period. PHAN THẾ HẢI: Stock exchange market of Vietnam – a means for capital mobilisation. PHẠM THỊ CẢN: Some theoretical and practical issues regarding cooperative economy in our country at the present stage. NGUYỄN NGỌC THU: Aesthetic education orienting personality development of the school and college youth. NGUYỄN VĂN THANH: Fair trade.

SOMMAIRE

HOÀNG TÙNG: Une insurrection éclair, une victoire fulgurante impévue. LÊ MINH HƯƠNG: La police populaire – la force motrice pour la défense de la sécurité politique et le maintien des ordres de sécurité sociaux. ĐỖ XUÂN CÔNG: Edifier une armée navale populaire puissante sous tous les aspects. QUANG CẢN: La connaissance supplémentaire sur la fermeté du but de l'indépendance nationale et du socialisme. NGUYỄN VĂN HUYÊN: Du principe marxiste de développement à la philosophie de développement social de Hồ Chí Minh. NGUYỄN DY NIÊN: Après 5 ans de l'adhésion à l'ASEAN du Vietnam. ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG: Le développement du système médico-sanitaire à la campagne dans la nouvelle étape. PHẠM KHÔI NGUYÊN: La mise en pratique de la science et de la technologie. VŨ TRỌNG KIM: Le mouvement d'émulation des jeunes volontaires. THÁI SƠN: Sur quelques communes héroïques dans la période de rénovation. PHAN THẾ HẢI: La Bourse vietnamienne – un instrument de mobilisation des capitaux. PHẠM THỊ CẢN: Quelques problémes théoriques et pratiques sur l'économie de coopération de notre pays à l'heure actuelle. NGUYỄN NGỌC THU: L'orientation du développement de personnalité pour les étudiants à travers l'éducation esthétique. NGUYỄN VĂN THANH: Le commerce juste.

SUMARIO

HOÀNG TÙNG: Una insurección fulgurante, una victoria increiblemente rápida. LÊ MINH HƯƠNG: La policia popular – fuerza clave para proteger la seguridad politica y mantener el orden y la seguridad social. ĐỖ XUÂN CÔNG: Edificar un ejército naval popular fuerte en todos los aspectos. QUANG CẢN: comprender más sobre la firmeza en la meta de la independencia nacional y del socialismo. NGUYỄN VĂN HUYÊN: Del principio del desarrollo marxista a la filosifía del desarrollo social Hồ Chí Minh. NGUYỄN DY NIÊN: Vietnam: 5 años en la ASEAN. ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG: El desarrollo sanitario en el campo en la nueva etapa. PHẠM KHÔI NGUYÊN: Aplicar la ley cientifico-tecnológica en la vida. VŨ TRỌNG KIM: El movimiento emulativo de jóvenes voluntarios. THÁI SƠN: Sobre algunas comunas heroicas en el tiempo de renovacion. PHAN THẾ HẢI: Bolsa de valores vietnamita – un instrumento de la movilizacion de capital. PHẠM THỊ CẢN: Algunas teorías y prácticas sobre la economía cooperativa en Vietnam de hoy. NGUYỄN NGỌC THU: La educación estética orienta el desarrollo de la personalidad de la juventud escolar. NGUYỄN VĂN THANH: El comercio con igualdad.

目录

黄松: 闪电般的起义, 意想不到的迅速的胜利• 黎明春: 人民公安-保卫政治安宁、维护社会治安的骨干力量• 杜春公: 建设全面强大及稳固的人民海军• 光瑾: 进一步认识有关坚定社会主义与民族独立的目标• 阮文萱: 自发展马克思主义的原理到发展胡志明社会的忻理• 阮怡年: 五年越南加入东盟• 杜原方: 在新的阶段发展农村医疗• 范魁原: 把科技法律带进生活• 武仲金: 自愿青年运动的竞赛• 泰山: 关于革新时期的一些英雄村• 潘世海: 越南股票市场-融资的工具• 范氏芹: 目前我国经济合作的一些理论及实践问题• 阮玉秋: 审美观的教育为学生学堂的人格发展定向• 阮文清: 贸易平等.

Digitized by Google

MỘT CUỘC KHỞI NGHĨA CHỚP NHOÁNG, THẮNG LỢI NHANH CHÓNG KHÔNG NGỜ

HOÀNG TÙNG

Cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 của nhân dân ta là một sự kiện xưa nay hiếm trong lịch sử dân tộc ta và nhiều dân tộc khác. Nó cũng là cuộc tổng khởi nghĩa duy nhất thành công của một dân tộc không có sự giúp đỡ trực tiếp từ bên ngoài ở giữa các nước do các thế lực phản động thống trị sau khi chủ nghĩa phát xít và chủ nghĩa quân phiệt bị đánh bại. Cuộc nổi dậy chính thức nổ ra ngày 19 ở Hà Nội, ngày 23 ở Huế và ngày 25 ở Sài Gòn. Từ ba trung tâm này lan nhanh và mạnh như một đợt sóng thần ra các vùng phụ cận. Bộ máy thống trị và lực lượng vũ trang của chế độ cũ bị sụp đổ, tan biến nhanh như ma quỷ độn thổ. Nhân dân tự thiết lập quyền lực của mình, tổ chức đội ngũ chiến đấu từ làng xóm đến cả nước, xử lý công việc của toàn xã hội. Sự bùng nổ và thắng lợi nhanh đến như vậy là điều bất ngờ đối với cả những người trong cuộc. Đối với nhân dân các nước, không ít người đến lúc này mới biết rằng, trên thế giới có một dân tộc tên là Việt Nam. Kẻ thù và bạn bè quốc tế không ai ngờ lại xảy ra một hiện tượng ngạc nhiên này. Tháng 7-1945 tại Hội nghị Pốt-xđam, bốn nước chiến thắng chủ yếu là Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp quyết định phân chia lại ảnh hưởng của các cường quốc. Mỹ, Anh kiểm soát Tây Âu (họ muốn cả Đông Âu, song không chạy kịp với quân đội Xô-viết), châu Á - Thái Bình Dương, châu Phi, châu Mỹ. Hai nước này giúp Pháp chiếm lại các thuộc địa đã mất về tay Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản trong thời gian chiến tranh.

Hội nghị Pốt-xđam quyết định chia Đông Dương làm hai khu vực : từ vĩ tuyến 16, quân Anh vào miền Nam, quân Tưởng vào miền Bắc tiếp nhận sự đầu hàng của quân Nhật, lập lại ách thống trị của Pháp được vĩ tuyến phân ranh giới ; thiết lập sự thống trị của Tưởng thông qua một chính phủ bù nhìn do Mỹ đỡ đầu. Trên vĩ tuyến được phân chia đó, Anh, Pháp, Tưởng nhanh chóng tổ chức cuộc hành quân vội vã vào Đông Dương. Họ lập tức bị hai cú choáng : quân đội Xô viết hành quân thần tốc đến Mãn Châu quét sạch quân Nhật ; Việt Nam đánh đổ chính quyền do Nhật dựng lên. Thế là, mấy cường quốc loại một này bị "lỡ tàu" ! Rồi lần lượt phải chấp nhận thất bại cay đắng. Toàn bộ hệ thống thuộc địa của chúng bị phá vỡ hoàn toàn trước cuộc nổi dậy liên tiếp của các dân tộc bị thực dân hóa trên toàn thế giới. Chủ nghĩa đế quốc quốc tế bị tấn công từ ba phía : các nước xã hội chủ nghĩa, các dân tộc bị áp bức và nhân dân các nước đó. Bộ mặt thế giới thay đổi sâu sắc.

Cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 của chúng ta không phải là một cuộc bột phát nhất thời mà nó đã được chuẩn bị chu đáo, trải qua nhiều cuộc thao diễn. Sự chỉ đạo khá chu đáo, dự liệu trước cả những tình huống phức tạp cùng các biện pháp đối phó. Khi vào cuộc, tình hình diễn ra vượt cả dự kiến ban đầu, vì dân tộc ta đã từng trải qua khởi nghĩa và chiến tranh chống xâm lược đã mấy nghìn năm, được tôi luyện, thử thách nên khá thông thạo, năng động, nắm bắt, sáng tạo thời cơ và biết chớp lấy thời cơ, có tinh thần chủ động, sáng tạo rất cao. Một người có uy tín hiệu triệu, cả nước đứng lên.

Đúng lúc các thế lực thù địch ở thời điểm yếu nhất, ta liền nổi dậy giành quyền làm chủ. Quân Nhật thất bại, quân Anh, quân Tưởng, quân Pháp mở hết tốc lực, nhưng cuộc hành quân của chúng vẫn chậm hơn cuộc nổi dậy của ta. Sức mạnh chủ yếu của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám là lực lượng chính trị của quần chúng cả nước. Từ khắp các vùng, miền, cả dân tộc ta đã nhất tề đứng lên với khí thế cuồn cuộn triều dâng, cuốn trôi bọn vua quan, hào lý và những đảng phái phản động, lập nên Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa do nhân dân làm chủ.

Digitized by Google

Cuộc nổi dậy đồng loạt của toàn dân Tháng Tám năm 1945 là sự biểu dương sức mạnh vô địch của dân tộc ta, một dân tộc dày dạn trong chiến đấu giữ gìn và bảo vệ Tổ quốc, từng trải mọi loại thử thách, có nền văn hóa lâu đời mà hạt nhân là tinh thần cộng đồng, tinh thần dân tộc đã nuôi dưỡng và hun đúc nên ý chí độc lập tự cường, không chịu khuất phục bất kỳ một thế lực xâm lược nào, dù chúng đã từng xưng hùng, xưng bá một thời.

Chủ nghĩa đế quốc lại một lần nữa bị bất ngờ lớn khi quân Pháp đầu hàng ở Điện Biên Phủ ; quân Mỹ cuốn cờ rút về nước, không kèn không trống ; sự sụp đổ như một lâu đài bằng giấy của trên một triệu quân ngụy Sài Gòn do Mỹ chỉ huy, nuôi dưỡng, kết thúc bằng việc tháo chạy của Thiệu và Ma-tin.

Hồi kết thúc của cuộc chiến tranh 30 năm cũng diễn ra đúng thời cơ thuận lợi nhất và bằng hai lực lượng lớn. Các lực lượng vũ trang của toàn dân đi đến đâu quần chúng nổi dậy đến đó. Đòn thứ nhất chặt đứt phòng tuyến kiểu con rắn của địch ở khúc giữa ; đòn thứ hai chặt đứt khúc đuôi ; đòn thứ ba đập nát khúc đầu còn lại đã hết sức sống. Phần còn lại ở đồng bằng Nam Bộ, một lần nữa nhân dân tổng nổi dậy. Quân địch tan rã chạy theo ba ngả : đường biển, đường không hoặc vứt vũ khí lẩn trốn. Cuộc Tổng tiến công, nổi dậy của quân và dân miền Nam (1975) là cuộc biểu dương lực lượng lần thứ hai lớn nhất trong lịch sử dân tộc ta : đồng loạt, thần tốc, khí thế áp đảo. Với 1 triệu rưỡi quân chính quy làm nòng cốt tổ chức thành 5 quân đoàn và các binh chủng hợp thành, chỉ trong thời gian rất ngắn, trước sức tấn công và nổi dậy như vũ bão của quân và dân ta, toàn bộ hệ thống quân sự khổng lồ và chính quyền ngụy Sài Gòn được Mỹ nuôi dưỡng đã bị đánh đổ hoàn toàn. Các tướng lĩnh ở Lầu Năm Góc chỉ còn biết lơ láo bất lực ngồi nhìn sự thất bại quân sự của một siêu cường, lớn tiếng đổ lỗi cho nhau về tai họa lớn này.

Cuộc cách mạng của nhân dân ta nổ ra được kiên trì ròng rã 30 năm và kết thúc thắng lợi hoàn toàn một cách chớp nhoáng, là một trong những hiện tượng nổi bật, hồi hộp, hấp dẫn, bất ngờ đối với nhân loại và nó cũng mang tính toàn cầu, nhất là nó đi đầu cuộc nổi dậy lần lượt trong cùng thời gian đó của thế giới bị áp bức, có tác dụng thúc đẩy tiến trình lịch sử nhằm cất bỏ hoàn toàn cái "ung nhọt" lớn là chủ nghĩa thực dân. Đặc biệt, đó là sự thể hiện sức mạnh của một cộng đồng mà mọi thành viên sẵn sàng hy sinh tất cả vì sự sống còn của dân tộc, lại biết đánh, "biết đi tới và làm nên thắng trận".

Thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945 và Tổng tiến công nổi dậy mùa Xuân 1975 của dân tộc ta là thắng lợi của một dân tộc anh hùng, giàu trí tuệ, giàu tính sáng tạo. Nguyên nhân thất bại của các thế lực xâm lược là vì sự tính toán của họ theo số cộng vật thể vô tri, họ mất tỉnh táo khi nắm trong tay những phương tiện bạo lực không ai so sánh nổi, nhưng lại hết sức kém cỏi về sự hiểu biết đối với những con người có bộ óc thông minh, trái tim cao thượng, dám chiến đấu, dám hy sinh bảo vệ cuộc sống của mình. Bằng một đội quân, một khối thép và chất nổ khổng lồ, với sự dã man kiểu thú rừng, họ tưởng rằng sẽ dễ dàng đè bẹp được một dân tộc nhỏ bé, nghèo nàn, đứng lên chiến đấu với vũ khí thô sơ, lạc hậu, thiếu thốn về lương thực, phải ăn lương khô, rau rừng, uống nước suối... ; chẳng khác gì một cuộc hành quân dạo mát trên con đường vắng, gió mát trăng trong vậy. Khi vào cuộc té ra là một "con đường không vui", đầy máu, nước mắt đối với họ, cuối cùng phải gạt lệ, nuốt quả đắng rút về mình đầy thương tích. Nguyên nhân thắng lợi của ta là biết rõ, khai thác, phát huy cao độ sức mạnh vốn có của dân tộc, nhân dân mình, đưa cả nước vào cuộc chiến tranh nhân dân thần thánh, tổ chức chiến đấu ở từng làng, xã, ở đó mọi người đều gắn bó với nhau về huyết thống, kinh tế, văn hóa, truyền thống quân sự.

Với sức mạnh to lớn đó và những thắng lợi, những kinh nghiệm được tích lũy trong thế kỷ XX, dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, dân tộc ta đã được chắp cánh để bay lên những tầm cao mới, nâng mình lên tầm cao mới của trí tuệ, tâm hồn. Dù còn chậm bước, nhưng chúng ta tin tưởng rằng, một dân tộc trí tuệ, thông minh như dân tộc Việt Nam, hoàn toàn có khả năng hội nhập với trào lưu tiến hóa chung của nhân loại.

Nhân tố quyết định sự phát triển vẫn là con người trí tuệ, lối sống cao thượng. Người xưa nói rằng : *Hiền tài là nguyên khí quốc gia.* Câu này đúng biết bao đối với cả ngày nay. Điều cần làm rõ thêm là hiền và tài phải đi liền với nhau, là sự thống nhất trong con người cả tài lẫn đức, khối óc và trái tim.❑

Digitized by Google

CÔNG AN NHÂN DÂN - LỰC LƯỢNG NÒNG CỐT BẢO VỆ AN NINH CHÍNH TRỊ, GIỮ GÌN TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

LÊ MINH HƯƠNG *

NGÀY 19-8-1945, cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám vĩ đại giành được thắng lợi và cũng là ngày ra đời của lực lượng Công an nhân dân Việt Nam. 55 năm qua, được Đảng Cộng sản Việt Nam và Bác Hồ kính yêu giáo dục, rèn luyện, lực lượng Công an nhân dân đã luôn đi đầu thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Năm mươi lăm năm qua là một quá trình lịch sử chiến đấu rất vẻ vang, gắn liền với cuộc đấu tranh cách mạng của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Từ những đội "Tự vệ đỏ" của cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh năm 1930 - 1931, các đội "Tự vệ công - nông", "Đội trinh sát", "Đội danh dự trừ gian" (trong giai đoạn 1940 - 1945), đã ra đời làm nhiệm vụ trừ gian, diệt ác, bảo vệ các hoạt động của Đảng và quần chúng cách mạng, bảo vệ các cơ quan lãnh đạo của Đảng, bảo vệ cán bộ,... Trong những ngày Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, các lực lượng tiền thân của Công an nhân dân đã cùng các lực lượng chính trị và vũ trang của quần chúng cách mạng đập tan những công cụ đàn áp của chế độ cũ, góp phần giành chính quyền về tay nhân dân, xây dựng Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á.

Những năm sau Cách mạng Tháng Tám, chính quyền dân chủ nhân dân non trẻ - Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã phải đương đầu với những thử thách cực kỳ nghiêm trọng. Ở cả hai miền Nam - Bắc, hàng chục vạn quân Tưởng Giới Thạch và quân Anh tràn vào nước ta, mượn danh tước vũ khí của quân đội phát xít Nhật bại trận, thực chất chúng thực hiện âm mưu tiêu diệt Đảng Cộng sản Việt Nam và xóa bỏ chính quyền dân chủ nhân dân vừa mới thành lập. Được sự đùm bọc, hỗ trợ của nhân dân, lực lượng Công an nhân dân đã phối hợp chặt chẽ với Quân đội nhân dân chiến đấu mưu trí, dũng cảm, đập tan âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, bảo vệ chính quyền cách mạng. Đáng nhớ nhất thời kỳ này là việc khám phá vụ án phố Ôn Như Hầu, vụ âm mưu lật đổ Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa, do Đại Việt Quốc dân đảng và Việt Nam Quốc dân đảng câu kết với thực dân Pháp dự định gây ra vào ngày 14-7-1946. Theo kế hoạch của chúng, nhân ngày kỷ niệm Quốc khánh Pháp (14-7), quân đội Pháp xin Chính phủ Việt Nam được diễu binh trên một số đường phố Hà Nội, người của Quốc dân đảng sẽ ném lựu đạn vào lính Âu - Phi, tạo cớ cho quân Pháp bao vây các cơ quan đầu não của ta, bắt cán bộ lãnh đạo và nhân viên chính phủ, nhân dịp đó Quốc dân đảng sẽ tuyên bố đảo chính, lập chính phủ mới. Do sớm phát hiện âm mưu này, ngày 12-7-1946, công an đã đột nhập trụ sở bí mật của Quốc dân đảng ở số nhà 132 phố Đuy-vi-nhô (nay là phố Bùi Thị Xuân) bắt nhiều tên phản động, thu nhiều truyền đơn, tài liệu. Cùng ngày, công an tấn công vào một sào huyệt khác của bọn phản động ở nhà số 7 phố Ôn Như Hầu (nay là phố Nguyễn Gia Thiều) là đệ nhất chiến khu của Việt Nam Quốc dân đảng do Phan Kích Nam, ủy viên trung ương Việt Nam Quốc dân đảng cầm đầu. Đồng thời, công an

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Đảng ủy Công an Trung ương, Bộ trưởng Bộ Công an

Digitized by Google

còn khám phá nhiều trụ sở khác của bọn phản động ở Hà Nội, Hải Phòng và một số tỉnh. Vụ án phố Ôn Như Hầu đã góp phần vạch trần bản chất bán nước, hại dân của Quốc dân đảng trước dư luận quần chúng ; đánh một đòn quyết định vào bọn phản động nấp dưới chiêu bài cách mạng quốc gia, cách mạng hải ngoại ; là cơ sở để chúng ta truy kích bọn phản cách mạng chạy trốn ở nhiều tỉnh, giành thắng lợi trong công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ nhân dân, góp phần quan trọng trong việc chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, lực lượng Công an nhân dân non trẻ (trang bị hầu như không có gì) đã chiến đấu mưu trí, dũng cảm trên nhiều lĩnh vực phức tạp, đối phó với nhiều loại kẻ thù nguy hiểm, luôn sát cánh cùng với toàn dân, toàn quân đập tan mọi âm mưu phá hoại và hoạt động gián điệp, biệt kích của địch, giữ vững trật tự, an ninh ở vùng tự do, ở các khu căn cứ, bảo vệ an toàn các cơ quan lãnh đạo kháng chiến ; luồn sâu vào vùng địch tạm chiếm, xây dựng cơ sở cách mạng, tiến hành các hoạt động điệp báo, phá tề, trừ gian, diệt ác. Vụ đánh thông báo hạm A-mi-ô Đanh-vin của quân Pháp ở vùng biển Sầm Sơn (Thanh Hóa) do tổ điệp báo A13 thực hiện đã thể hiện nổi bật tinh thần chiến đấu dũng cảm, mưu trí của lực lượng Công an nhân dân. Ngày 27-9-1950, ngụy trang dưới danh nghĩa cán bộ Việt Minh theo xu hướng quốc gia về hợp tác với Chính phủ Bảo Đại, tổ điệp báo A13 đã mưu trí đưa đồng chí Nguyễn Thị Lợi và 30 kg chất nổ lên thông báo hạm A-mi-ô Đanh-vin và làm nổ tung thông báo hạm tiêu diệt 200 sĩ quan, binh lính Pháp, trong đó có viên thuyền trưởng, phá hủy hàng trăm tấn vũ khí, quân trang, quân dụng. Đồng chí Lợi đã anh dũng hy sinh và được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang. Chiến công của tổ điệp báo A13 đã góp phần đập tan âm mưu của địch mua chuộc, lôi kéo những người kháng chiến ly khai Chính phủ Việt Minh ; đồng thời ngăn chặn ý đồ của thực dân Pháp đánh chiếm vùng tự do Thanh - Nghệ - Tĩnh.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, lực lượng Công an nhân dân miền Bắc vừa bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa chiến đấu mưu trí, dũng cảm tiêu diệt các toán gián điệp, biệt kích Mỹ - ngụy tung ra phá hoại miền Bắc, vừa chi viện cho các lực lượng an ninh ở miền Nam. Với nhiệm vụ to lớn đó, Công an nhân dân đã bảo vệ an toàn các cơ quan đầu não của Đảng, Nhà nước, bảo vệ nhân dân, bảo vệ các cơ sở kinh tế, văn hóa ; đồng thời bóc gỡ các tổ chức gián điệp của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cài lại, ngăn chặn và đập tan âm mưu gây bạo loạn của các tổ chức phản động. Được quần chúng nhân dân hỗ trợ, lực lượng Công an nhân dân đã truy quét và làm tan rã nhiều ổ, nhóm phỉ hoạt động ở các vùng rừng núi dọc biên giới Việt - Trung, tiêu diệt và bắt gọn hầu hết các toán gián điệp, biệt kích của Mỹ - ngụy tung ra phá hoại miền Bắc, bảo vệ an toàn các mục tiêu kinh tế, chính trị trọng điểm. Trong cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc, lực lượng Công an nhân dân đã tận tụy cứu giúp nhân dân, chiến đấu ngoan cường, dũng cảm, góp phần hạn chế tới mức thấp nhất sự thiệt hại về người và của, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Ở miền Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng (trực tiếp là Trung ương cục) lực lượng An ninh miền Nam đã kiên cường bám đất, bám dân, chủ động diệt ác, phá kìm, làm thất bại các kế hoạch tình báo, gián điệp và hoạt động "bình định", "chiêu hồi" của địch, góp phần vào việc bảo vệ phong trào đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng, bảo vệ các căn cứ địa kháng chiến của cách mạng và tạo thế thuận lợi, chuẩn bị cho bước quyết định giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, dân tộc ta lại phải đương đầu với những âm mưu phá hoại mới vô cùng thâm độc của bọn đế quốc và các thế lực phản động. Một lần nữa, Công an nhân dân đã phát huy vai trò xung kích trên mặt trận chiến đấu thầm lặng, cùng với quân, dân cả nước đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch, giữ vững an ninh, trật tự đất nước, kịp thời triệt phá nhiều tổ chức phản động, tiêu diệt bọn phun-rô, bắt sống nhiều toán gián điệp, biệt kích xâm nhập vào nước ta, đập tan những âm mưu gây bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch chống chủ nghĩa xã hội. Vụ án gián điệp lớn do Lê Quốc Túy và Mai Văn Hạnh chỉ huy nhằm lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta là một thắng lợi to lớn của lực lượng Công an nhân dân trong lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia. Túy, Hạnh cùng đồng bọn đã móc nối với một số phần tử phản động cũ tuyên bố thành lập "Mặt trận thống nhất các lực lượng yêu

Digitized by Google

nước giải phóng Việt Nam", lập căn cứ ở nước ngoài, tuyển người, lập khung cho ba quân khu, nhiều đơn vị hoạt động độc lập ; huấn luyện gián điệp, làm tiền giả ; vận chuyển nhiều vũ khí, phương tiện ; tổ chức hàng chục toán gián điệp xâm nhập vào nước ta ; móc nối với các phần tử phản động, bọn phun-rô, các đảng viên cũ của Đại Việt Quốc dân đảng và một số sĩ quan ngụy cũ không chịu cải tạo để tập hợp lực lượng, phát triển tổ chức ở một số địa phương. Chúng dự định tiến hành các hoạt động phá hoại, ám sát, đánh chiếm một số vùng quan trọng, lập các mật cứ để làm bàn đạp từng bước tiến tới lật đổ chính quyền cách mạng trong cả nước. Do sớm phát hiện hoạt động của tổ chức gián điệp này, từ năm 1979 - 1984, lực lượng An ninh đã phối hợp với các lực lượng khác bắt gọn các toán gián điệp do Túy, Hạnh chỉ huy, thu toàn bộ vũ khí, tiền giả và các phương tiện hoạt động khác (có hai tàu biển).

Trong công cuộc đổi mới đất nước, lực lượng Công an nhân dân đã đổi mới chủ trương và biện pháp công tác bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Lực lượng Công an nhân dân đã mưu trí, dũng cảm, phát hiện và ngăn chặn kịp thời nhiều hoạt động phá hoại của kẻ địch, bảo vệ an toàn các mục tiêu kinh tế, chính trị quan trọng, khám phá nhiều vụ án kinh tế lớn (như các vụ Đệt Nam Định, Tamexco, Tân Trường Sanh, Epco - Minh Phụng, v.v.), nhiều đường dây buôn lậu lớn, kiềm chế hoạt động của bọn tội phạm hình sự, ngăn chặn tốc độ gia tăng của tình hình tệ nạn xã hội, giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Trong cuộc chiến đấu thầm lặng này, thời gian vừa qua đã có 110 cán bộ, chiến sĩ công an anh dũng hy sinh, 415 đồng chí khác phải chịu thương tật vì sự nghiệp bảo vệ an ninh trật tự, vì cuộc sống bình yên của nhân dân.

Năm mươi lăm năm chiến đấu, trưởng thành, lực lượng Công an nhân dân Việt Nam đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó, góp phần xứng đáng cùng toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đánh thắng thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ vững chắc chế độ xã hội chủ nghĩa.

Nhiều thế hệ công an đã vun đắp nên bản chất cách mạng, phẩm chất cao đẹp và truyền thống quý báu của lực lượng Công an nhân dân Việt Nam.

Đó là truyền thống *trung thành vô hạn với lý tưởng cộng sản, với Đảng Cộng sản Việt Nam, với Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, với nhân dân Việt Nam ; thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ : "Vì nước quên thân, vì dân phục vụ".* Cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng Công an nhân dân là những đảng viên trung kiên, những đoàn viên thanh niên ưu tú, sẵn sàng xả thân vì hạnh phúc của nhân dân, vì sự bình yên của cuộc sống và sự phát triển của xã hội. 55 năm qua, lực lượng công an luôn quán triệt và thực hiện nghiêm chỉnh quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Đó là truyền thống *mưu trí, dũng cảm, vượt mọi khó khăn, gian khổ, nỗ lực vươn lên, nắm bắt thời cơ để chiến thắng kẻ thù, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.* Gần ba trăm đơn vị và hàng trăm cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng Công an nhân dân được Đảng và Nhà nước tặng thưởng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang ; hàng trăm ngàn đơn vị, cá nhân được tặng thưởng huân, huy chương và các danh hiệu cao quý khác. Đó là phần thưởng cao quý mà Đảng và Nhà nước dành cho lực lượng Công an nhân dân, thể hiện lòng tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân đối với lực lượng Công an nhân dân Việt Nam.

Đó là truyền thống *gắn bó máu thịt với nhân dân, đoàn kết nội bộ, luôn luôn đổi mới, cải tiến các biện pháp công tác.* Nhờ có sức mạnh của sự đoàn kết nội bộ, sự gắn bó với nhân dân mà lực lượng Công an nhân dân không ngừng phát huy được sức sáng tạo, tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ to lớn của đông đảo quần chúng nhân dân ở mọi lúc, mọi nơi, mọi miền đất nước. Vì vậy, thế trận an ninh nhân dân đã được hình thành, nền an ninh nhân dân đang được củng cố, sức mạnh của Công an nhân dân được nhân lên gấp bội, được phát huy để bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trong mọi tình huống.

Đó là truyền thống *luôn kề vai, sát cánh cùng Quân đội nhân dân, cùng các cấp, các ngành, các đoàn thể nhân dân chiến đấu cho mục tiêu cao cả : xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.* Nhờ có truyền thống tốt đẹp này mà lực lượng công an đã luôn tranh thủ được sự giúp đỡ và hỗ trợ nhiệt tình của các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị bộ đội và các tầng lớp nhân dân, phát

Digitized by Google

huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Có thể nói, quá trình xây dựng và trưởng thành của lực lượng Công an nhân dân Việt Nam trong 55 năm qua là quá trình phấn đấu liên tục, không biết mệt mỏi của nhiều thế hệ cán bộ, chiến sĩ luôn trung thành tuyệt đối với sự nghiệp bảo vệ Đảng, bảo vệ cách mạng, bảo vệ nhân dân, biết đồng lòng, hiệp sức, biết vượt khó vươn lên, mưu trí, dũng cảm, gắn bó với nhân dân, với quân đội, với các ngành, các cấp ; đồng thời biết đổi mới cả về phương thức và nghiệp vụ để hoàn thành nhiệm vụ của lực lượng xung kích trên mặt trận bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Trong 10 năm đầu của thế kỷ XXI, tình hình thế giới còn diễn biến hết sức phức tạp, mau lẹ, có mặt khó lường và nguy cơ, thuận lợi, đan xen nhau. Các thế lực thù địch ráo riết thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ hòng xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta. Do đó, nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội càng trở nên nặng nề, đòi hỏi Công an nhân dân cần khắc phục ngay những yếu kém, tiếp tục phát huy những truyền thống tốt đẹp của mình, khẩn trương đổi mới về nhận thức và phương pháp công tác, không ngừng nâng cao trình độ mọi mặt, xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Để thực hiện tốt các yêu cầu trên, trong thời gian tới Công an nhân dân tập trung giải quyết một số vấn đề trọng tâm sau đây :

- *Một là*, xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh về chính trị tư tưởng và tổ chức, bảo đảm xứng đáng là lực lượng nòng cốt, xung kích trong cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Công an nhân dân phải luôn luôn có lý tưởng cao đẹp, có tinh thần cách mạng tiến công, gắn bó máu thịt với nhân dân, làm tốt công tác vận động quần chúng tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, tinh thông về nghiệp vụ, có trình độ khoa học - kỹ thuật khá, được trang bị tốt về cơ sở vật chất và các phương tiện kỹ thuật, xây dựng thành lực lượng chính quy tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

- *Hai là*, cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân thường xuyên rèn luyện phẩm chất cách mạng trong sáng, xứng đáng với sự tin yêu của Đảng, của Nhà nước và của nhân dân. Những tiêu cực trong lực lượng Công an nhân dân phải được phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm khắc ; những gương "người tốt, việc tốt" phải được tuyên dương kịp thời để mọi người học tập, noi theo và nhân rộng.

- *Ba là*, cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân thường xuyên tự nâng cao trình độ về mọi mặt, chủ động, mưu trí và sáng tạo trong công tác, chiến đấu, trong nghiên cứu khoa học và xây dựng lực lượng. Trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế sẽ xuất hiện nhiều vấn đề phức tạp tác động đến an ninh quốc gia. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội ngày càng nặng nề, khó khăn, nhiều vấn đề mới sẽ nảy sinh chưa lường hết được. Các thế lực thù địch không từ bỏ bất kỳ thủ đoạn xảo trá, thâm độc nào ; chúng lợi dụng những thành tựu mới nhất của khoa học - công nghệ để chống phá cách mạng nước ta, nếu các lực lượng Công an nhân dân không ra sức học tập để nâng cao trình độ thì không thể chủ động trong công tác và chiến đấu, sẽ không hoàn thành được nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- *Bốn là*, tăng cường đoàn kết hơn nữa với Quân đội nhân dân, phối hợp chặt chẽ với các ngành, các cấp, các cơ quan, đoàn thể nhân dân trong hoạt động bảo vệ an ninh trật tự. Chỉ có đoàn kết chặt chẽ với Quân đội nhân dân, với các cấp, các ngành, các đoàn thể và quần chúng nhân dân mới tạo nên sức mạnh tổng hợp, bảo đảm thắng lợi trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Công an nhân dân Việt Nam, chúng ta có quyền tự hào về những thành tích đã đạt được trong những năm qua, tự hào về những truyền thống vẻ vang của lực lượng Công an nhân dân và tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự quan tâm chỉ đạo của các cấp chính quyền, được nhân dân tin tưởng, giúp đỡ, được quân đội và các ngành hỗ trợ, phối hợp chặt chẽ, lực lượng Công an nhân dân nhất định sẽ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần thực hiện mục tiêu : dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. ❑

Digitized by Google

XÂY DỰNG HẢI QUÂN NHÂN DÂN VỮNG MẠNH TOÀN DIỆN

ĐỖ XUÂN CÔNG *

CÁCH đây 36 năm, Hải quân nhân dân Việt Nam đã cùng quân dân miền Bắc lập nên chiến thắng trận đầu ngày 2 và 5-8-1964, một thắng lợi có ý nghĩa chính trị lớn, thể hiện ý chí dám đánh, quyết đánh và biết đánh Mỹ, khẳng định sức mạnh to lớn của yếu tố chính trị tư tưởng, xứng đáng với thư khen của Bác Hồ "Hải quân Việt Nam đã anh dũng chiến đấu, tích cực tiêu diệt địch, bắn rơi máy bay, đánh đuổi tàu chiến Mỹ, đoàn kết lập công, bảo vệ vùng trời, vùng biển của Tổ quốc".

Trận đầu đánh thắng đã để lại những bài học kinh nghiệm quý báu là : Không ngừng nâng cao cảnh giác, nắm chắc âm mưu, thủ đoạn của địch, mài sắc ý chí chiến đấu, nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, dám đánh, biết đánh và quyết chiến, quyết thắng ; biết tổ chức xây dựng lực lượng, huấn luyện rèn luyện bộ đội toàn diện.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại của dân tộc, nhất là từ sau ngày chiến thắng trận đầu, Hải quân nhân dân Việt Nam với vai trò nòng cốt trong chiến tranh nhân dân trên biển đã chủ động và hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng vũ trang nhân dân, góp phần cùng quân dân cả nước giành thắng lợi trọn vẹn sự nghiệp bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Trong sự nghiệp đổi mới, Hải quân nhân dân đã quán triệt sâu sắc tư tưởng chỉ đạo và quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị, Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng, nỗ lực phấn đấu vượt bậc, chấp hành nghiêm chỉnh và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, từng bước cải thiện thế bố trí chiến lược của ta trên các vùng biển, cùng toàn quân, toàn dân bảo vệ vững chắc chủ quyền vùng biển, hải đảo, thềm lục địa của Tổ quốc, góp phần giữ vững ổn định tình hình của khu vực.

Ngày 5-5-2000, Quân chủng Hải quân nhân dân đã được đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đến thăm và khen ngợi : *"Quân chủng Hải quân được Đảng, Bác Hồ luôn chăm lo về mọi mặt. Chưa đầy 10 tuổi ra quân trận đầu đã đánh thắng tàu Ma đốc của Mỹ. Mới 45 tuổi đã lập nên những chiến công oanh liệt, lấy ít thắng nhiều, lấy yếu thắng mạnh, lấy nhân nghĩa thắng hung tàn, đã góp phần cùng toàn quân, toàn dân đánh thắng giặc Mỹ xâm lược giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, bảo vệ vững chắc vùng biển, hải đảo của Tổ quốc ta".*

Chủ tịch nước Trần Đức Lương trong lần về thăm Quân chủng ngày 10-8-1998 đã khen ngợi : *"Bằng sự dũng cảm tuyệt vời và mưu trí sáng tạo, thực hiện đúng đắn đường lối quân sự của Đảng trong từng giai đoạn, lực lượng Hải quân đã lập nhiều chiến công góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc... Ngày nay, trong điều kiện mới, các đồng chí đã thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng lực lượng Hải quân, bảo vệ chủ quyền vùng biển của Tổ quốc, tổ chức tốt việc tuần tra, canh gác, tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào ta làm ăn sinh sống trên biển".*

Ngày 7-5-2000, nhân dịp kỷ niệm 45 năm thành lập Quân chủng, Hải quân nhân dân Việt Nam, một lần nữa vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương độc lập hạng nhất vì đã lập nhiều thành tích xuất sắc trong 10 năm của sự nghiệp đổi mới.

---

* Chuẩn đô đốc, Tư lệnh Quân chủng Hải quân

Digitized by Google

Những lời huấn thị của đồng chí Tổng Bí thư và đồng chí Chủ tịch nước, cùng với thành tích và những bài học kinh nghiệm qua 45 năm xây dựng, chiến đấu của Hải quân nhân dân Việt Nam và 36 năm đánh thắng trận đầu là tiền đề quan trọng, điều kiện thuận lợi để xây dựng Quân chủng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, thực sự là lực lượng nòng cốt của nền quốc phòng toàn dân trên biển, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Ngày nay, trong nhận thức của thế giới văn minh, biển ngày càng chứng tỏ đặc ân của tạo hóa đối với loài người và đối với mỗi quốc gia, khi mà không gian đất liền đã có biểu hiện chật chội và vơi cạn về tài nguyên. Biển ngày càng có ý nghĩa trọng đại và sống còn đối với toàn nhân loại và từng quốc gia, dân tộc.

Việt Nam là một quốc gia có biển, với diện tích vùng biển rộng gấp 3 lần diện tích đất liền. Vùng biển nước ta có vị trí hết sức quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng và an ninh đối với sự tồn tại và phát triển của đất nước.

Tuy vậy, tình hình tranh chấp chủ quyền trên các vùng biển, đảo ở biển Đông đang tiếp tục diễn biến phức tạp. Cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, an ninh trên biển, hải đảo, thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế của đất nước càng trở nên quan trọng. Cuộc đấu tranh này gắn liền với cuộc đấu tranh bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Đảng Cộng sản Việt Nam, bảo vệ thành quả của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Xuất phát từ đòi hỏi khách quan cấp bách đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã xác định : "Khai thác tối đa tiềm năng và các lợi thế của vùng biển, ven biển, kết hợp với an ninh, quốc phòng, tạo thế và lực để phát triển mạnh kinh tế - xã hội, bảo vệ và làm chủ vùng biển của Tổ quốc" (1).

Thực tiễn đã khẳng định : Sức mạnh để làm chủ vùng biển và hải đảo Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân trên biển, trong đó Hải quân nhân dân Việt Nam là lực lượng nòng cốt. Để tạo nên sức mạnh trên biển, phải kết hợp chặt chẽ các mặt đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, pháp lý, tạo nên phong trào chính trị của nhân dân cả nước hướng về biển, tiến ra biển.

Cùng với Hải quân nhân dân Việt Nam, còn có nhiều lực lượng khác hoạt động trên biển, trong đó có cả lực lượng quân sự, an ninh, các ngành kinh tế biển, các địa phương và các ngành có liên quan. Do đó, cần có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất giữa lực lượng khai thác kinh tế biển và bảo vệ biển, đặc biệt là quân chủng Hải quân với công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, hải quan, thủy sản, giao thông vận tải và các quân khu ven biển để đạt được kế hoạch cụ thể từ khu vực biển gần đến biển xa, tạo thành thế trận liên hoàn : biển - đảo - bờ, để không những khẳng định chủ quyền, thực hiện chủ quyền, làm kinh tế mà còn tạo cơ sở xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân trên biển theo kế hoạch phòng thủ khu vực tỉnh, huyện ven biển.

Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng với kinh tế, kinh tế với quốc phòng ; giữa xây dựng lực lượng bảo vệ và hoạt động khai thác kinh tế biển ; giữa xây dựng lực lượng Hải quân với xây dựng lực lượng khai thác kinh tế biển. Xây dựng công trình phòng thủ trên biển cũng đồng thời phục vụ cho khai thác biển và ngược lại. Đây chính là cơ sở để Nhà nước đầu tư cho quốc phòng trên biển. Điều này, không những ảnh hưởng đến xây dựng kinh tế trước mắt mà còn tăng thêm điều kiện, khả năng xây dựng phát triển kinh tế lâu dài.

Để hoàn thành nhiệm vụ chính trị nặng nề nhưng rất vẻ vang, vấn đề *quan trọng hàng đầu là Hải quân nhân dân Việt Nam được xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Xây dựng Hải quân luôn quán triệt sâu sắc và vận dụng đúng đắn, sáng tạo các quan điểm, nguyên tắc về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng Quân đội nhân dân của Đảng trong tình hình mới ; đồng thời, thấy rõ và giải quyết tốt những đặc thù của Hải quân.

Từ những bài học kinh nghiệm đánh thắng trận đầu, kế thừa những thành quả, kinh nghiệm của 45 năm xây dựng, chiến đấu, trưởng thành và chiến thắng vẻ vang, hơn lúc nào hết, Hải quân nhân dân Việt Nam *"nhận thức sâu sắc hơn nữa vị trí vùng*

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 211

Digitized by Google

biển của Tổ quốc ta và cũng phải hiểu sâu sắc hơn nữa mọi biện pháp bảo vệ toàn vẹn vùng biển của Tổ quốc trong mọi tình huống" (2), nhận thức sâu sắc, vị trí, vai trò, nhiệm vụ chính trị rất nặng nề nhưng rất vinh quang của mình trong tình hình mới ; phát huy cao độ truyền thống anh hùng, tinh thần độc lập tự chủ, tự cường, khai thác mọi nguồn lực, mọi thời cơ, quyết tâm vượt khó khăn, thử thách, xây dựng Quân chủng vững mạnh toàn diện.

Trước hết, *đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng Quân chủng vững mạnh về mọi mặt, lấy xây dựng về chính trị làm cơ sở để nâng cao chất lượng tổng hợp.* Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng, trung thành tuyệt đối với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân, với chế độ xã hội chủ nghĩa, có bản lĩnh chính trị kiên định vững vàng, ý chí quyết tâm sẵn sàng chiến đấu cao, tinh thần cảnh giác cách mạng, có trách nhiệm chính trị, có trình độ và khả năng sẵn sàng chiến đấu ; có kiến thức, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ chính trị làm nòng cốt trong bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc, góp phần cùng toàn quân, toàn dân đánh bại mọi âm mưu "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế hệ lực thù địch trong mọi tình huống. Đây là yếu tố cơ bản nhất, cốt lõi nhất tạo nên sức mạnh để Hải quân làm nên chiến thắng trước đây ; những chiến công hôm nay và mai sau.

Thực hiện có chất lượng cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn đảng, tự phê bình và phê bình, không ngừng nâng cao chất lượng, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của từng tổ chức đảng và đảng bộ Quân chủng. Kết hợp giữa xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, xây dựng các tổ chức chỉ huy, tổ chức quần chúng vững mạnh hoạt động đúng chức năng ; xây dựng đội ngũ cán bộ với rèn luyện đội ngũ đảng viên. Coi trọng giáo dục tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội gắn với yêu tàu, yêu biển, yêu đảo. Phát huy bản chất cách mạng, truyền thống anh hùng của Đảng, của dân tộc, của quân đội và Quân chủng, tạo sự chuyển biến về ý chí, niềm tin vào sự nghiệp cách mạng của Đảng, vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đẩy mạnh phong trào thi đua quyết thắng học tập và làm theo huấn thị của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu trong thư gửi cán bộ, chiến sĩ toàn quân nhân dịp xuân Canh Thìn 2000 vừa qua. *Tranh thủ thời cơ, tập trung nâng cao chất lượng xây dựng, chất lượng huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, nền nếp chính quy, rèn luyện quản lý kỷ luật, tạo nên chuyển biến mạnh mẽ, cơ bản, vững chắc trên 3 nội dung lớn :* Bản lĩnh chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống của quân nhân cách mạng ; chất lượng huấn luyện, trình độ và khả năng sẵn sàng chiến đấu ; trình độ chính quy hóa, bảo đảm trong mọi tình huống các lực lượng trong quân chủng luôn luôn là lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu trung thành, tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Tiếp tục củng cố, hoàn thiện tổ chức, xây dựng lực lượng ngày càng đồng bộ, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của quân chủng, với đặc điểm của từng vùng biển, đảo nước ta. Lấy xây dựng vùng Hải quân mạnh làm chỗ dựa vững chắc, cầu nối giữa đất liền với biển, đảo, thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý trong thời bình và bảo đảm hậu cần, kỹ thuật trong thời chiến. Xây dựng lực lượng cơ động mạnh. Đó là các đơn vị tàu chiến đấu, đơn vị Hải quân đánh bộ ; đặc công Hải quân có sức cơ động cao, uy lực mạnh, đủ khả năng hoạt động tác chiến trên mọi vùng biển, đảo của Tổ quốc. Đồng thời, chăm lo xây dựng, củng cố, tăng cường sức mạnh chiến đấu cho các lực lượng tại chỗ trên các đảo phía trước, lực lượng thường trực chiến đấu trên biển và chuẩn bị lực lượng cơ động, sẵn sàng chiến đấu chi viện trong bờ.

Để đáp ứng đòi hỏi bức bách, ngày càng cao của công cuộc bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia, một mặt đề nghị Đảng và Nhà nước có kế hoạch dài hạn và ngắn hạn với chương trình ưu tiên đầu tư xây dựng lực lượng Hải quân toàn diện, cân đối và đồng bộ hơn. Mặt khác, Hải quân nhân dân ra sức phát huy nội lực, tận dụng những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước để từng bước nâng cấp, xây dựng, đổi mới cơ sở, vật chất kỹ thuật và hạ tầng cơ sở, khắc phục dần sự bất cập.

(2) Trích lời Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu khi thăm và phát biểu với cán bộ chiến sĩ Quân chủng Hải quân,ngày 5-5-2000

Digitized by Google

Nêu cao tinh thần tự lực tự cường, tích cực chủ động khai thác mọi tiềm năng về lao động, cơ sở vật chất, tay nghề, làm kinh tế, tham gia khai thác tài nguyên biển, vận tải biển, đánh cá, dịch vụ dầu khí, sản xuất công nghiệp, sửa chữa đóng mới tàu có hiệu quả, đúng pháp luật nhà nước, góp phần xây dựng Quân chủng và cải thiện đời sống bộ đội.

Tích cực áp dụng nhiều biện pháp duy trì kéo dài tuổi thọ của các phương tiện, trang bị tàu thuyền hiện có, đồng thời nghiên cứu, sản xuất, mua sắm, đóng mới phương tiện phù hợp.

Phát huy cao độ hiệu quả của các trang bị trong chiến đấu, huấn luyện, xây dựng lao động sản xuất và làm kinh tế biển. Sử dụng có hiệu quả ngân sách, vật tư của Nhà nước, từng bước xây dựng cơ sở, bảo đảm hậu cần kỹ thuật, khắc phục dần sự mất cân đối.

Hải quân nhân dân Việt Nam dù có được tăng cường thêm nhiều trang bị vũ khí hơn hiện nay thì thực lực trang bị vũ khí chiến đấu của Hải quân ta vẫn còn nhiều hạn chế so với yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ vùng biển, đảo của Tổ quốc. Vì vậy, việc quán triệt và thực hiện tốt tư tưởng chỉ đạo "đánh thắng địch bằng trang bị hiện có", "lấy nhỏ thắng lớn", "lấy ít địch nhiều", "lấy chưa hiện đại và hiện đại thắng hiện đại" ; phát huy sức mạnh của yếu tố chính trị tinh thần", vận dụng đường lối chiến tranh nhân dân trên chiến trường sông, biển là vô cùng quan trọng và có tính quyết định. Kết hợp phòng tránh và đánh địch bảo vệ lực lượng và đánh đúng thời cơ, đạt hiệu suất chiến đấu cao. Thường xuyên bằng nhiều kênh, nhiều nguồn nắm chắc tình hình trên biển, không để bị bất ngờ, chuẩn bị và sẵn sàng chiến đấu cao, nhất là các vùng biển đảo trọng yếu.

Phát huy truyền thống đoàn kết quân dân, các lực lượng Hải quân nhân dân đi đầu, tận dụng, dũng cảm quên mình làm tốt công tác tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ trên biển, giúp đỡ nhân dân khắc phục hậu quả của thiên tai bão lũ, nhanh chóng ổn định cuộc sống, cùng nhân dân xây dựng an toàn địa bàn đóng quân, tham gia phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng an ninh ở các địa bàn chiến lược trên các vùng biển, đảo, xứng đáng với phẩm chất cao quý "Bộ đội cụ Hồ" và truyền thống vẻ vang của quân chủng anh hùng.❑

GIÁO DỤC THẨM MỸ...

(Tiếp theo trang 50)

Cho đến nay, chúng ta còn thiếu một chiến lược giáo dục thẩm mỹ toàn dân, mang tính đồng bộ và thống nhất. Các hoạt động về giáo dục thẩm mỹ mới được thực hiện một cách riêng rẽ theo từng chức năng, nhiệm vụ của một số ngành cụ thể như : văn hóa thông tin, giáo dục đào tạo, thông tin đại chúng, các đoàn thể xã hội v.v... Các hoạt động này cần được tiến hành theo một kế hoạch chung thống nhất, có sự bảo trợ về ngân sách, nhân sự, phương tiện và đặc biệt là về cơ chế hoạt động của Nhà nước.

Hình thành văn hóa thẩm mỹ cá nhân gắn liền với quá trình phát triển theo quy luật phát triển tự nhiên của con người qua từng bước hoàn thiện dần các thuộc tính tâm lý cá nhân thông qua hoạt động thẩm mỹ của con người, từ tuổi ấu thơ cho tới lúc trưởng thành. Vì vậy, chương trình giáo dục thẩm mỹ phải thật cụ thể, sát với yêu cầu của từng giai đoạn phát triển văn hóa thẩm mỹ cá nhân đó.

Giai đoạn tốt nhất của sự hình thành và phát triển nhân cách là khoảng 20 năm đầu tiên của cuộc đời, tức là suốt quá trình học tập, từ mầm non đến đại học. Cần có sự kết hợp hài hoà giữa giáo dục thẩm mỹ trong nhà trường, trong gia đình và toàn xã hội. Chiến lược giáo dục thẩm mỹ cần tập trung vào những công việc cụ thể :

- Chương trình giáo dục thẩm mỹ phải thật sát, thật phù hợp với thể chất, tâm lý, trí tuệ... của từng lứa tuổi, lưu ý đến đặc thù của mỗi vùng dân cư, mỗi địa phương để cụ thể hóa nội dung giáo dục thẩm mỹ cho phù hợp.

- Về nội dung, cần ưu tiên thích đáng cho giáo dục nghệ thuật, nhất là các loại hình nghệ thuật dân tộc.

- Trong gia đình, bằng mọi cách, phải nâng cao nhận thức cho các bậc cha mẹ, cho người lớn để đóng vai trò trực tiếp trong việc giáo dục nhân cách cho trẻ em.

- Nhà trường được xem là hạt nhân của chương trình giáo dục thẩm mỹ. Thông qua các hoạt động của nhà trường và các môn học, nhất là văn học, âm nhạc, hội họa, thể dục đạo đức công dân..., trau dồi văn hóa cảm quan cho học sinh, sinh viên ; giáo dục lòng yêu thiên nhiên, sự tinh tế trong cảm nhận vẻ đẹp của tự nhiên, lịch sự, tế nhị trong giao tiếp giữa con người với nhau v.v... ❑

Digitized by Google

NHẬN THỨC THÊM VỀ SỰ KIÊN ĐỊNH MỤC TIÊU ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

QUANG CẬN

Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội không phải là một cái gì trừu tượng, cứng đờ. Sự kiên định ấy có *cuộc sống sinh động* trong đấu tranh cách mạng, qua các giai đoạn cách mạng khác nhau, trong những điều kiện, hoàn cảnh khác nhau. Trong các giai đoạn và điều kiện, hoàn cảnh ấy, luôn luôn *giữ vững mục tiêu cuối cùng phải đi tới,* nhưng biết phân tích tình hình cụ thể, *nhận rõ mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu trong mỗi giai đoạn cách mạng và có đối sách phù hợp,* để chiến thắng những thế lực thù địch, những lực cản, không ngừng tiến lên đạt đến mục tiêu. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh luôn luôn soi sáng con đường chúng ta đi.

1 - Con đường cứu nước mà Hồ Chí Minh tìm ra và nhân dân ta đã lựa chọn, là con đường độc lập dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Sự thống nhất giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã có ngay từ đầu, từ năm 30 của thế kỷ này, khi ngọn cờ dân tộc chuyển sang tay giai cấp công nhân thông qua Đảng Cộng sản Việt Nam, nhưng có quá trình phát triển lâu dài qua các giai đoạn (thời kỳ) cách mạng. Sự thống nhất ấy, tuy mới được ghi lên lá cờ của Đảng, đã đưa đến một sức mạnh mới cả về tinh thần và vật chất cho cách mạng giải phóng dân tộc, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và đã đưa đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và sau đó, thắng lợi của kháng chiến chống Pháp. Đương nhiên, chủ nghĩa xã hội lúc ấy mới là mục tiêu của tương lai, chưa phải là một hình thái kinh tế - xã hội hiện thực. Do đó, sự thống nhất ngay từ đầu ấy không giống như sự thống nhất phát triển dần dần về sau.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc từ sau thắng lợi của kháng chiến chống Pháp, đã đưa đến trong sự thống nhất nói trên, những nhân tố đầu tiên của chủ nghĩa xã hội, như một hình thái kinh tế - xã hội mới : "chủ nghĩa xã hội thời chiến". Mặc dù có khiếm khuyết, "chủ nghĩa xã hội thời chiến" ở miền Bắc, đã tạo thêm một sức mạnh mới nữa, kết hợp với cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, đưa đến thắng lợi hoàn toàn của kháng chiến chống Mỹ, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Tuy nhiên, vì cách mạng xã hội chủ nghĩa mới bắt đầu trên nửa nước là miền Bắc giải phóng, nên Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội khi đó chưa phải "là một", dân tộc và chủ nghĩa xã hội chưa phải "là một".

Sau thắng lợi của kháng chiến chống Mỹ, khi đất nước được hoàn toàn giải phóng, cách mạng xã hội chủ nghĩa được triển khai trên cả nước, thì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội lại có sự thống nhất mới nữa - chủ nghĩa xã hội trong tư cách một chế độ xã hội hiện thực trên cả nước, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng chỉ bắt đầu trên cả nước, còn đang trong thời kỳ quá độ đi lên, hơn nữa trong điều kiện của nước ta, phải là một thời kỳ quá độ dài. Cả một cuộc trường chinh mới ngàn lần khó hơn để giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội trong nền độc lập

Digitized by Google

của dân tộc ngày càng được củng cố bằng chính những thành quả của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Từ sự phân tích trên, ta thấy, *độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, một tất yếu lịch sử của thời đại mới, đã trở thành hiện thực ở Việt Nam, trong những điều kiện lịch sử cụ thể của cách mạng Việt Nam được tạo nên từ 70 năm nay.* Không phải là áp đặt. Nếu là áp đặt thì đó là sự "áp đặt" của tất yếu lịch sử cách mạng Việt Nam, tất yếu lịch sử dân tộc Việt Nam.

Cũng từ sự phân tích trên, ta lại thấy *độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là hai, thống nhất làm một chứ không phải là một và có quá trình phát triển từ thấp lên cao. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội có vị trí và vai trò khác nhau : độc lập dân tộc là tiền đề, là điều kiện tiên quyết để đi vào cách mạng xã hội chủ nghĩa và là cơ sở để xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công, còn chủ nghĩa xã hội là định hướng cho độc lập dân tộc, là cơ sở để bảo vệ độc lập dân tộc vững chắc và bảo đảm giải phóng dân tộc triệt để.*

Làm rõ vấn đề nêu trên, không chỉ có ý nghĩa lý luận mà quan trọng hơn là có giá trị thực tiễn.

Chúng ta thường nói độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội thống nhất trong "một ngọn cờ", phải giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Hơn nữa, dân tộc Việt Nam ta sau khi giành được độc lập dưới ngọn cờ của Đảng Cộng sản, đang từng bước bỏ qua dân tộc tư sản để bước vào kỷ nguyên dân tộc xã hội chủ nghĩa thời đại Hồ Chí Minh. Những điều đó là đúng trong bản chất của nó. Song, như ta đã thấy, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội không đồng nhất, sự thống nhất giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội có quá trình phát triển trong đấu tranh cách mạng. Trong tính hiện thực của nó, *độc lập dân tộc luôn luôn đi trước, tập hợp dần chung quanh ngọn cờ độc lập dân tộc ngày càng rộng rãi những lực lượng của dân tộc đi theo con đường xã hội chủ nghĩa.* Hiện thực đó đã được phản ánh đúng đắn trong tư tưởng Hồ Chí Minh và đây chính là sáng tạo của Hồ Chí Minh trong việc vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam : *độc lập dân tộc luôn luôn được đặt lên hàng đầu.*

Do vậy có thể cho rằng, *Đảng ta phải luôn luôn nắm vững ngọn cờ dân tộc. Ngày nay trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, phải tiếp tục giương cao ngọn cờ dân tộc, giương cao ngọn cờ dân tộc để đi vào chủ nghĩa xã hội, gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội với độc lập dân tộc.* Động viên sức mạnh của cả dân tộc Việt Nam - con người Việt Nam, đất nước Việt Nam, lịch sử Việt Nam để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mấy nghìn năm lịch sử của dân tộc Việt Nam, của văn hóa Việt Nam kết hợp với sức mạnh của thời đại mới để xây dựng thành công *chủ nghĩa xã hội mang đặc điểm Việt Nam.* Động viên *lòng yêu nước* của mọi người dân Việt Nam, từ những người yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội đến những người yêu nước chưa gắn bó với chủ nghĩa xã hội. Những người Việt Nam yêu nước ở nước ngoài trước đây vì lý do này khác, chưa tham gia sự nghiệp giải phóng dân tộc, nay thực lòng muốn góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội văn minh, công bằng, dân chủ, cả những người Việt Nam trong quá khứ ở "phía bên kia", nay quay về với Tổ quốc thân yêu, với "đồng bào" (cùng trong cái bọc trăm trứng). Đương nhiên, không thể chấp nhận những người tự xưng là yêu nước nhưng chống lại chủ nghĩa xã hội, bởi trong những điều kiện lịch sử của Việt Nam, chủ nghĩa xã hội thống nhất với độc lập dân tộc. Quyết không để cho ai mượn danh dân tộc để chống lại chủ nghĩa xã hội, chống lại độc lập dân tộc.

2 - Kiên định độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, bảo vệ độc lập dân tộc và con đường xã hội chủ nghĩa là phải xử lý đúng đắn hai mối quan hệ cơ bản đối lập nhau (mâu thuẫn cơ bản) là *độc lập dân tộc với chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản.*

Về sự đối lập giữa độc lập dân tộc với chủ nghĩa đế quốc, cái khác là trước kia ta dùng chiến tranh yêu nước, chiến tranh cách mạng chống chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập dân tộc. Ngày nay là xây dựng đất nước giàu mạnh, chiến thắng mọi âm mưu xâm lược của chủ nghĩa đế quốc bằng kinh tế, chính trị, văn hóa, "diễn biến hòa bình", cả vũ trang xâm lược, để bảo vệ độc lập dân tộc. Chủ nghĩa

Digitized by Google

đế quốc là lực cản của cả độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Do vậy *chủ nghĩa đế quốc là mối đe dọa rất lớn.* Theo đường lối đổi mới đúng đắn về đối ngoại (và cả về đối nội), chúng ta cần phát huy sức mạnh của thời đại mới, tập hợp mọi lực lượng có thể được, không nói chủ nghĩa đế quốc nói chung mà tập trung mũi nhọn vào những thế lực của chủ nghĩa đế quốc thù địch với độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Về sự đối lập giữa chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản, tất yếu diễn ra một cách khách quan cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Cuộc đấu tranh đó gắn chặt với cuộc đấu tranh giữa độc lập dân tộc với chủ nghĩa đế quốc. Do đặc điểm của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản, vẫn cần phát triển tư bản trong quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội, cho nên ta không nên hiểu đây là chủ nghĩa tư bản nói chung mà là những mặt tiêu cực của chủ nghĩa tư bản trái với định hướng xã hội chủ nghĩa.

Do vậy, phải tích cực xây dựng chủ nghĩa xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa và khắc phục chệch hướng sang con đường tư bản chủ nghĩa, nhất là hiện nay quá trình toàn cầu hóa diễn ra dưới sự chi phối của chủ nghĩa tư bản. Phải vừa đoàn kết vừa đấu tranh, tỉnh táo đấu tranh chống những mặt tiêu cực của chủ nghĩa tư bản, làm hại đến con đường đi lên chủ nghĩa xã hội về kinh tế, chính trị, văn hóa, lối sống, đồng thời sử dụng những mặt tích cực khách quan của kinh tế tư bản phục vụ cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và giữ vững độc lập dân tộc.

Những mối quan hệ cơ bản giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa đế quốc, giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, tổng hợp thành *mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và con đường xã hội chủ nghĩa với chủ nghĩa đế quốc và con đường tư bản chủ nghĩa.* Những mối quan hệ cơ bản đó không chỉ tồn tại trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, mà còn tồn tại cả khi kết thúc thời kỳ quá độ, bước vào hoàn thiện và phát triển chủ nghĩa xã hội, khi chủ nghĩa xã hội mới thành công trên một số nước, chưa thành công trên toàn thế giới (như kinh nghiệm hơn 70 năm của chính quyền Xô viết).

Tuy nhiên, sẽ không phải là người mác xít nếu quên lời dạy của Mác : lực lượng sản xuất là quyết định nhất trong mối quan hệ với quan hệ sản xuất. Không thể giải quyết thành công mấy mối quan hệ cơ bản nêu trên, nếu không giải quyết gắn liền với *mối quan hệ cơ bản nhất* giữa tiên tiến, hiện đại với lạc hậu, nghèo nàn. *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước* chính là để xử lý mối quan hệ cơ bản này. *Ưu tiên phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất là như vậy.* Đó phải là *nội dung chủ yếu* của xây dựng chủ nghĩa xã hội, của đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ ở nước ta. Đó cũng là sự phát triển tư tưởng trước đây của Đảng, coi "cách mạng kỹ thuật là then chốt". Phải dựa vào khối đại đoàn kết của toàn dân tộc, lấy liên minh công nhân, nông dân và trí thức làm nền tảng, tận dụng điều kiện quốc tế thuận lợi để hoàn thành sự nghiệp lịch sử vĩ đại này. Đó không phải là cái gì khác mục tiêu của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, mang lại ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

Cũng sẽ không phải là người mác xít nếu lại quên lời dặn của Mác : quan hệ sản xuất phụ thuộc vào lực lượng sản xuất nhưng có tính độc lập tương đối, tác động trở lại lực lượng sản xuất (cả theo hướng tích cực hoặc tiêu cực). Không có một trình độ phát triển nào của lực lượng sản xuất lại không gắn liền với một hình thức nhất định của quan hệ sản xuất. Do vậy, khó mà nói rằng cứ phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đã, còn quan hệ sản xuất như thế nào sau hãy hay. Đứa trẻ Việt Nam phải đúng là Việt Nam từ cái thai trong bụng mẹ, không đợi đến khi nó oe oe cất lên tiếng khóc chào đời mới nói nó là Việt Nam ! Định hướng xã hội chủ nghĩa cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cần thiết ngay từ đầu và cho cả quá trình. Xử lý vấn đề quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp mỗi bước đi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa để phát triển lực lượng sản xuất, đương nhiên là khó nhưng không thể lẩn tránh. Bởi như thế mới là làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, không nhường cho sự phát triển tự phát. Đương nhiên làm cách

(Xem tiếp trang 23)

Digitized by Google

TỪ NGUYÊN LÝ PHÁT TRIỂN MÁCXÍT ĐẾN TRIẾT LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN VĂN HUYÊN *

Phép biện chứng mácxít chỉ ra rằng, bản chất của phát triển là sự vận động theo hướng đi lên của bản thân sự vật, hiện tượng của giới tự nhiên, con người và xã hội. Nguyên lý của sự phát triển đó là : sự biến đổi về lượng dẫn đến sự chuyển đổi dần về chất, tạo nên mâu thuẫn trong bản thân sự vật, hiện tượng, và sự phủ định của phủ định - kết quả của quá trình giải quyết mâu thuẫn, - tạo nên bước nhảy vọt biến sự vật này thành một sự vật khác mới và cao hơn về chất. Đó là tiến trình có tính qui luật tất yếu khách quan của thế giới. Quá trình đó diễn ra theo các vòng đi lên vô tận, làm cho thế giới ngày càng được nâng cao và hoàn thiện.

Xã hội loài người, một bộ phận của giới tự nhiên, là trình độ phát triển rất cao của thế giới. Quá trình nâng cao và hoàn thiện xã hội theo nguyên lý phát triển biện chứng đã được các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin phân tích một cách khoa học và thuyết phục ở chính bản thân lịch sử phát triển của xã hội : Từ xã hội nguyên thủy đến xã hội chiếm hữu nô lệ, từ xã hội phong kiến sang xã hội tư bản và tiến lên xã hội xã hội chủ nghĩa - cộng sản chủ nghĩa. Quá trình đi lên tất yếu đó của xã hội loài người cũng đã được Mác, Ăng-ghen, Lê-nin kiểm chứng qua thực tế ở một số nước châu Âu, nước Nga và châu Á. Sự kiểm chứng đó chứng minh rằng, dù các nước đang ở các trình độ khác nhau, dù lịch sử mỗi nước diễn ra theo nhiều hướng phức tạp,... nhưng tất cả cuối cùng đều đi lên chủ nghĩa xã hội ; rằng, với những hoàn cảnh và điều kiện khác nhau, dưới sự lãnh đạo của đội tiên phong của giai cấp công nhân - Đảng Cộng sản - các dân tộc có thể tuần tự hoặc nhảy vọt tiến tới xã hội xã hội chủ nghĩa - cộng sản chủ nghĩa.

Theo quan điểm duy vật biện chứng - duy vật lịch sử, xã hội được cấu thành bởi các quan hệ xã hội chặt chẽ và phức hợp : quan hệ con người - con người, con người - xã hội, con người - tự nhiên. Sự phát triển của một xã hội diễn ra bởi những mâu thuẫn cơ bản, trước hết là mâu thuẫn giữa sản xuất và tiêu dùng ; giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất ; giữa nhu cầu (lợi ích) và khả năng đáp ứng các nhu cầu (lợi ích) ; v.v. Do vậy, sự thúc đẩy xã hội đi lên là do nhiều yếu tố : lợi ích con người, hoạt động xã hội, đấu tranh giữa các giai cấp, khả năng và khát vọng cải tạo tự nhiên, cải tạo xã hội thể hiện ở tiến bộ khoa học - kỹ thuật - công nghệ ; v.v. Tuy nhiên, tựu trung lại, nền tảng của sự phát triển xã hội trước hết chính là sản xuất vật chất. Sự tổng hợp tiến bộ khoa học - kỹ thuật, nền đại công nghiệp, trình độ quản lý khoa học, quản lý kinh tế - xã hội cao v. v. là nguồn lực và là động lực phát triển xã hội.

Các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã đưa ra một hệ thống tiêu chuẩn như là các chỉ số đánh giá một xã hội phát triển : mức độ giải phóng và phát triển con người, sự phát triển lực lượng sản xuất phù hợp với quan hệ sản xuất, năng suất lao động, trong đó sự phát triển lực lượng sản xuất là quyết định. Xem yếu tố kinh tế là chỉ số có tính quyết định sự phát triển xã hội, các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lê-nin không xem nhẹ các yếu tố tinh thần, văn hóa, chính trị, pháp quyền như là các chỉ số chất lượng sống cao và đặc biệt là sự phát triển con người với tư cách vừa là mục tiêu vừa là động lực của phát triển.

* PGS. TS. Phó viện trưởng Viện Triết học thuộc Trung tâm KHXH và Nhân văn quốc gia

Digitized by Google

Do tính lịch sử của nó, quan điểm về sự phát triển của Mác, Ăng-ghen, Lê-nin chưa tính đến tất cả các khía cạnh mà những vấn đề lý thuyết phát triển hiện đại phải giải quyết, tuy nhiên trong đó đã hội đủ và thể hiện tính tổng hợp, toàn diện các yếu tố cơ bản : nội sinh - ngoại lực, vật chất - tinh thần, kinh tế - văn hóa, cá nhân - cộng đồng, con người - tự nhiên ; v.v. Tất cả các yếu tố đó vừa là điều kiện cho sự phát triển, đồng thời là mục tiêu của sự phát triển xã hội.

Đứng vững trên nguyên lý phát triển mácxít, Hồ Chí Minh không chỉ tiếp thu, kế thừa lý thuyết phát triển phổ quát về thế giới, mà điều quan trọng hơn, là đã vận dụng và phát triển một cách sáng tạo nguyên lý đó vào vấn đề phát triển xã hội.

Sống trong cảnh mất nước, nhân dân bị đọa đày trong nô lệ, lầm than dưới ách thống trị của thực dân đế quốc, "ham muốn tột bậc" của Hồ Chí Minh là đem lại tự do hạnh phúc cho dân tộc. Chắt lọc những tinh hoa tư tưởng phương Đông và phương Tây, chọn lọc tất cả các yếu tố hợp lý, các mô hình phát triển của nhiều dân tộc và nhiều quốc gia trên thế giới, Hồ Chí Minh luôn suy nghĩ nhằm thực hiện mục đích cao cả của mình là làm sao tìm ra được con đường đi và cách thức xây dựng thành công đất nước theo hướng nhân văn. Vận dụng một cách sáng tạo nguyên lý phát triển mácxít, kế thừa những truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc, đặc biệt là từ thực tế đất nước, con người, kinh tế, xã hội, tâm lý, phong tục, tập quán... Việt Nam, Hồ Chí Minh đã xây dựng được một mô hình phát triển đất nước Việt Nam phù hợp và hiệu quả.

Đặc điểm tư tưởng Hồ Chí Minh là tư tưởng - hành động. Nhân lõi triết lý của Hồ Chí Minh về một đất nước phát triển và giải pháp có tính nguyên tắc đối với việc thực hiện quá trình phát triển đất nước cũng không chỉ dừng lại ở trong lý thuyết, mà nó được hòa quyện vào trong hành động của Người, nó thể hiện ngay trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Người.

Để một đất nước có thể phát triển thì điều tiên quyết, theo Hồ Chí Minh, đất nước phải được độc lập, dân tộc phải được tự do. Độc lập tự do là điều kiện để một dân tộc tự quyết định vận mệnh và tương lai của mình, đồng thời có thể phát huy toàn bộ nội lực cho sự phát triển. Chính vì vậy, trong hệ thống những vấn đề tạo nên sự phát triển Hồ Chí Minh, nhiệm vụ đầu tiên của cách mạng Việt Nam là giải phóng dân tộc, độc lập tự do cho Tổ quốc. "Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ", "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" !

Có độc lập, tự do rồi thì vấn đề quyết định bảo đảm cho một đất nước phát triển là xác định con đường đi đúng đắn của cách mạng. Tin tưởng sắt đá vào nguyên lý phát triển mácxít, Hồ Chí Minh khẳng định : chủ nghĩa xã hội là đường đi tất yếu của lịch sử nhân loại. Người cho rằng : loài người đã trải qua sự phát triển từ xã hội nguyên thủy sang xã hội chiếm hữu nô lệ, xã hội phong kiến rồi đến xã hội tư bản ; xã hội tư bản với bản chất vô nhân đạo và đầy mâu thuẫn tự trong lòng nó, cũng giống như những qui luật của lịch sử xã hội, xã hội tư bản sẽ chuyển sang xã hội chủ nghĩa - cộng sản chủ nghĩa. Tư tưởng sâu xa của Hồ Chí Minh không chỉ là ở sự lựa chọn hướng đi của dân tộc phù hợp với qui luật phát triển của lịch sử. Giá trị nhân văn trong cách nhìn mới của Hồ Chí Minh là ở chỗ Người xem xã hội xã hội chủ nghĩa là hướng đi tối ưu của loài người. Theo Người, "Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người... tự do, bình đẳng, bác ái,... hòa bình, hạnh phúc" (1).

Chính vì vậy, ngay từ khi đất nước còn chìm trong nô lệ, Hồ Chí Minh đã quyết chọn con đường cách mạng dân quyền để thực hiện dân sinh, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội, với bản chất nhân đạo và đầy sức sống của nó, - nơi thể hiện lý tưởng cao đẹp của con người, - có khả năng tự tạo ra sức mạnh nội sinh để thúc đẩy xã hội đi lên phù hợp với lý tưởng chân chính của nhân dân Việt Nam. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã trở thành nhân lõi xuyên suốt lý tưởng xây dựng xã hội mới, của triết lý phát triển xã hội Hồ Chí Minh.

Chủ nghĩa xã hội - cái xã hội mà theo Hồ Chí Minh, nó có khả năng tạo ra sự phát triển, - khác rất

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 1, tr 461

Digitized by Google

xa chủ nghĩa xã hội theo nhiều người quan niệm đương thời. Đó là một xã hội được xây dựng trên cơ sở các điều kiện hiện thực của nền kinh tế - chính trị -xã hội... Việt Nam mà nội dung cơ bản của nó là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh ; đó là một xã hội ngày càng đáp ứng cao và toàn diện mọi nhu cầu chính đáng của nhân dân mà sau này Người khái quát là : Độc lập - Tự do - Hạnh phúc. Chỉ có độc lập dân tộc mới có tự do cho nhân dân ; độc lập tự do là môi trường, là điều kiện cho mỗi cá nhân, cho toàn xã hội phát huy mọi tiềm năng sáng tạo mưu cầu hạnh phúc của chính mình. Do vậy, chủ nghĩa xã hội không chỉ là ước mơ, mà bản thân nó có khả năng tối ưu (so với tất cả các xã hội đã có trong lịch sử) trong việc tạo ra động lực, sức sống nội sinh thúc đẩy xã hội tiến lên. Có thể nói, đối với Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội là mục tiêu của phát triển, đồng thời là phương thức, phương tiện thực hiện sự phát triển.

Xã hội xã hội chủ nghĩa với bản chất và sức sống như thế, theo Hồ Chí Minh chỉ thực hiện được trên cơ sở một nhà nước vững mạnh của dân, do dân, vì dân. Đó là một nhà nước do nhân dân làm chủ. Chính phủ là cơ quan nhà nước tập trung quyền lực của nhân dân, do nhân dân giao phó vận hành theo cơ chế pháp quyền, thực hiện mọi trách nhiệm vì cuộc sống của nhân dân. Cán bộ là người đại diện cho ý chí của dân, là "công bộc" của dân. Bao nhiêu quyền lợi đều thuộc về dân. Một nhà nước như vậy sẽ là nơi tập trung và thể hiện toàn bộ sức mạnh của nhân dân, tạo ra sức mạnh xã hội. Điều đó cho thấy, ở Hồ Chí Minh, sức phát triển của một xã hội được tạo ra từ chế độ dân chủ thực sự : "Mọi sức mạnh đều ở dân" ; "Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong" ! Dân chủ như vậy không chỉ đơn thuần là yếu tố tinh thần, cơ chế, mà trở thành lực lượng vật chất, nó tạo ra sức mạnh ngay trong các lĩnh vực hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội,... của một quốc gia.

Từ nhận thức sâu sắc rằng kinh tế quyết định chính trị, chính trị tập trung ở kinh tế, Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng xây dựng một nền kinh tế vững mạnh theo hướng xã hội chủ nghĩa. Lôgíc phát triển thường trực ở Hồ Chí Minh là trước hết phải làm cho dân "ăn no mặc ấm" rồi mới đến "học hành, tiến bộ". Ngay từ ngày đầu đất nước độc lập, Người đã tiến hành xây dựng và phát triển kinh tế, thực hiện hợp tác hóa để quy tụ sức mạnh toàn dân xây dựng nền kinh tế mới ; phát triển lực lượng sản xuất, cải tạo quan hệ sản xuất, từng bước công nghiệp hóa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng của Hồ Chí Minh là phải có một nền kinh tế vững mạnh, do nhân dân lao động làm chủ mới có thể bảo đảm cho phát triển đất nước.

Nếu như kinh tế là nền tảng và là yếu tố hàng đầu của phát triển xã hội, thì văn hóa - khoa học - giáo dục được Hồ Chí Minh xem là nguồn lực nội sinh từ thượng tầng kiến trúc tác động đến hạ tầng cơ sở tạo nên sự vận động của tất cả các lĩnh vực hoạt động xã hội. Bởi theo Người, lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất, làm biến đổi phương thức sản xuất, đưa xã hội chuyển từ xã hội thấp lên xã hội mới cao hơn. Khoa học - kỹ thuật là trình độ chiếm lĩnh tự nhiên, cải tạo xã hội, đó là hạt nhân của lực lượng sản xuất. Hồ Chí Minh hiểu sự phát triển của trình độ khoa học - kỹ thuật tương ứng với sự phát triển của xã hội. Người viết : "... từ đời xưa đến đời nay, cách sản xuất từ chỗ dùng cành cây, búa đá phát triển dần đến máy móc, sức điện, sức nguyên tử. Chế độ xã hội cũng phát triển từ cộng sản nguyên thủy đến chế độ nô lệ, chế độ phong kiến, đến chế độ tư bản chủ nghĩa..." (2). Cho nên Hồ Chí Minh nhấn mạnh phát triển khoa học - kỹ thuật ngay từ khi nước ta còn hết sức nghèo nàn lạc hậu. Người từng nói rằng, chúng ta chỉ có thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên một nền khoa học - kỹ thuật tiên tiến. Chúng ta phải thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động. Ngay từ kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề tiến hành cách mạng khoa học - kỹ thuật, từng bước tiến hành công nghiệp hóa đất nước, khoa học - kỹ thuật là then chốt của công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Chúng là lực lượng làm tăng sức sản xuất, tạo ra động lực chuyển biến nền kinh tế - xã hội, thay đổi quan hệ sản xuất, quan hệ xã hội, làm chuyển chất xã hội lên xã hội xã hội chủ nghĩa.

---

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd.*, t.9, tr. 282

Digitized by Google

Phát triển khoa học - kỹ thuật tất yếu gắn liền với giáo dục - đào tạo con người. Con người là nội lực quyết định nhất của lực lượng sản xuất ; nó cũng là chủ thể tạo ra, đồng thời sử dụng khoa học - kỹ thuật, điều hành toàn bộ quá trình xã hội. Vì vậy, bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề : "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa", những con người "vừa hồng vừa chuyên". Theo Hồ Chí Minh, sức mạnh của một dân tộc là tri thức, là trí tuệ. "Một dân tộc dốt là dân tộc yếu". Phải diệt giặc dốt, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài. Non sông Việt Nam có sánh vai được với các cường quốc năm châu hay không là nhờ ở công học tập của các em học sinh. Dân trí là điều kiện để thực hiện văn hóa xã hội, tạo tiềm năng trí tuệ và sức vươn lên một xã hội nhân văn.

Văn hóa theo Hồ Chí Minh vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển xã hội. Người cho rằng, lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra... những giá trị văn hóa (3). Như vậy, văn hóa, *một mặt* là nền tảng tinh thần xã hội, mục tiêu phấn đấu của xã hội, *mặt khác*, là yếu tố bên trong thúc đẩy xã hội tiến lên. Muốn phát triển xã hội, nền văn hóa dân tộc phải : xây dựng tâm lý, lý cách, tinh thần độc lập tự cường ; xây dựng luân lý, biết hy sinh cho lợi ích quần chúng, xây dựng xã hội. Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi (4). Ngay từ ngày đầu của nhà nước cộng hòa, Hồ Chí Minh đã đề ra tư tưởng xây dựng nền văn hóa Việt Nam theo nguyên tắc dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa với nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc. Vì theo Người, đó là những nguyên tắc giải phóng năng lượng lớn lao của tuyệt đại bộ phận nhân dân lao động, tham gia xây dựng Tổ quốc. Tính chất đó của nền văn hóa sẽ phát huy cao độ nội lực trong việc tiếp thu, tiếp biến các giá trị phổ biến của nhân loại, làm sâu sắc và đậm đà thêm bản sắc văn hóa Việt Nam tạo sức mạnh to lớn cho phát triển xã hội.

Sự phát triển xã hội và một xã hội phát triển, theo Hồ Chí Minh, tất cả đều qui tụ ở vấn đề con người. Mục tiêu phát triển của một xã hội theo hướng nhân văn là đáp ứng mọi khát vọng chính đáng của con người, tạo điều kiện cho con người ngày càng phát triển toàn diện - hài hòa như một chủ thể văn hóa. Mặt khác, xã hội đó lại do chính bản thân con người làm ra với tư cách là chủ thể lịch sử, xã hội. Con người tự đặt ra mục đích và đồng thời là người thực hiện mục đích cao quý đó. Cho nên, một xã hội có thể phát triển phải đi trúng mục tiêu con người với hai khía cạnh cơ bản đó. Trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng (giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội) Hồ Chí Minh luôn đặt con người ở vị trí trung tâm theo hai hướng thống nhất. Con người mà Hồ Chí Minh quan niệm là từng cá nhân, tập thể, mọi tầng lớp người, nhưng tựu trung lại là nhân dân : Những lực lượng xây dựng và phát triển xã hội là "quân đội nhân dân", "công an nhân dân" ; những danh hiệu cao quý cho con người cũng là "nhà giáo nhân dân", "nghệ sĩ nhân dân" ; v.v. Phương thức đấu tranh bảo vệ Tổ quốc cũng là chính quyền nhân dân, chiến tranh nhân dân ; v.v. Cơ cấu xã hội tạo nên sức mạnh phát triển xã hội là khối đại đoàn kết : công nhân - nông dân - trí thức và tất cả các thành phần dân tộc Việt Nam.

Ở Hồ Chí Minh, phát triển không chỉ là các yếu tố tạo nên động lực phát triển, mà còn là tổng hòa tất cả các mối quan hệ với sự tác động nhiều chiều, đa dạng, biện chứng.

Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam chỉ có được khi chủ nghĩa yêu nước Việt Nam được phát huy cao độ và được nâng lên thành chủ nghĩa yêu nước mới, - một chủ nghĩa yêu nước cộng sản đầy trí tuệ, tài năng, toàn bộ tinh hoa và khí phách dân tộc được biến thành hành động, chuyển ý tưởng thành hiện thực. Chủ nghĩa yêu nước mới như vậy thực chất đã thể hiện một nền đạo đức mới, - nền đạo đức lấy tiêu chí tiến bộ, nhân văn làm đích phấn đấu. Các yếu tố tinh thần này cộng hưởng với tiềm năng vật chất xã hội nhằm thực hiện một mục tiêu chung : tiến bộ và phát triển toàn nhân loại, trong đó có tiến bộ và phát triển con người - xã hội Việt Nam.

Sức sống của phát triển lâu bền chỉ có được khi một xã hội phát huy cao độ các yếu tố sức mạnh truyền thống và cái mới hiện đại. Sự gắn bó hài hòa truyền thống - hiện đại, theo Hồ Chí Minh là

---

(3), (4) Xem Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 3, tr. 431

Digitized by Google

nguyên tắc của phát triển. Bởi vì ở đó tương lai được tiếp sức từ nguồn sống của quá khứ và của hiện tại. Truyền thống là tinh hoa và sức mạnh kết tụ ngàn đời của một dân tộc. Nó làm cơ sở cho xã hội truyền thống đi vào hiện đại. Hiện đại nâng cao truyền thống - đó là sức mạnh và sức bền của phát triển.

Cũng tương tự, yếu tố dân tộc và yếu tố quốc tế được thể hiện qua quan hệ riêng - chung trong triết lý phát triển xã hội Hồ Chí Minh. Dân tộc là bộ phận của quốc tế. Một dân tộc phải nằm trong và dựa vào cộng đồng nhiều dân tộc khác như là quan hệ tất yếu tự nhiên mới có thể cùng tồn tại và trưởng thành. Cách mạng dân tộc không thể tách rời cách mạng thế giới, nó như "hai cánh của con chim", tạo lực cho nó bay lên cao. Xu thế và hoàn cảnh quốc tế là điều kiện quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của một quốc gia.

Ngay từ thời đại mình, từ những năm giữa thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã có cái nhìn khoa học và hiện đại về phát triển, trong đó những vấn đề mà nhiều lý thuyết phát triển ngày nay đang đặt ra như : phát triển bền vững, phát triển nhân văn. Những vấn đề về tăng trưởng và phát triển, nội sinh và ngoại lực, kinh tế và xã hội, vật chất và tinh thần, hiện tại và tương lai, ... đã được Hồ Chí Minh đề cập sâu sắc trong quan niệm của Người về bản chất của chủ nghĩa xã hội, quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Về nội sinh - ngoại lực, theo Hồ Chí Minh, chỉ có cách mạng vô sản mới giải phóng được dân tộc, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ; Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội là do nhân dân tự làm lấy ; phải tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân thế giới. Về tăng trưởng và phát triển, Hồ Chí Minh cho rằng, vấn đề không chỉ là sản xuất ra nhiều của cải, mà quan trọng hơn là làm sao nâng cao được chất lượng đời sống của nhân dân. Chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội mà dân không được hưởng hạnh phúc thì chủ nghĩa xã hội đó cũng không có nghĩa lý gì !

Đặc biệt, đối với Hồ Chí Minh, mối quan hệ thiên nhiên - con người là hết sức gắn bó, nó như chỉnh thể tất yếu tự nhiên, không thể chia cắt. "Trời có bốn mùa, người có bốn đức". Thiên thời - địa lợi - nhân hòa là điều kiện cho sự ổn định, phát triển và trường tồn. Người nói : "Việt Nam ta có hai tiếng Tổ quốc, ta cũng gọi Tổ quốc là *đất nước*; có đất và có nước, thì mới thành Tổ quốc. Có đất lại có nước thì dân giàu, nước mạnh... Nhiệm vụ của chúng ta là làm cho đất với nước điều hòa với nhau để nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng chủ nghĩa xã hội" (5). Quan điểm và hành vi "trồng cây", "trồng người" của Hồ Chí Minh thể hiện ẩn ý sâu xa của Người về mối quan hệ con người - thiên nhiên trong sự hài hòa và trường tồn vũ trụ.

Trong hệ thống các yếu tố phát triển, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm yếu tố chủ thể của quá trình phát triển - Đảng Cộng sản. Sự lãnh đạo của một đảng chân chính trí tuệ và sáng tạo là yếu tố đầu tiên, cũng là yếu tố cuối cùng có tính quyết định đối với sự định hướng, hành động và xây dựng một xã hội. Bởi theo Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản là đảng của nhân dân, của cách mạng, mục đích của Đảng không có gì khác là đem lại cuộc sống ấm no tự do hạnh phúc cho nhân dân, cho muôn đời con cháu mai sau. Đó cũng thực sự là mục tiêu của bất kỳ một triết lý phát triển nào nhằm mục tiêu phát triển xã hội bền vững.

Toàn bộ sự nghiệp cách mạng Hồ Chí Minh thực hiện ở Việt Nam chính là triết lý phát triển xã hội của Người. Do hoàn cảnh và điều kiện thời kỳ đầu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh chưa thể thực hiện toàn vẹn các vấn đề cụ thể, song nội dung cơ bản của triết lý phát triển Hồ Chí Minh, đặc biệt là nguyên lý, linh hồn triết lý phát triển đúng nghĩa của nó, - phát triển bền vững, phát triển theo hướng nhân văn, - đó là quan điểm phát triển đúng đắn, phù hợp với xu thế thời đại ngày nay.

Nếu như Mác, Ăng-ghen, Lê-nin đưa ra nguyên lý phát triển phổ biến về giới tự nhiên và xã hội, thì Hồ Chí Minh đã xây dựng một hệ thống vấn đề, hệ thống yếu tố của phát triển xã hội bền vững trong hiện thực. Nguyên lý phát triển mácxít là nền tảng lý luận của triết lý phát triển xã hội Hồ Chí Minh. Triết lý phát triển xã hội Hồ Chí Minh là lôgíc tất yếu của quá trình kế thừa, tiếp nối và là kết quả biện chứng của sự vận dụng sáng tạo và thiên tài nguyên lý phát triển mácxít. ❑

(5) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 9, tr 506

Digitized by Google

NĂM NĂM VIỆT NAM TRONG ASEAN

NGUYỄN DY NIÊN *

Việt Nam chính thức tham gia vào ASEAN từ tháng 7-1995, nhưng trước đó đã có những mối quan hệ với từng thành viên ASEAN và là quan sát viên của ASEAN từ 7-1992. Cũng trong tháng 7-1995 còn có hai sự kiện ngoại giao quan trọng khác nữa là bình thường hóa quan hệ với Mỹ và ký kết Hiệp định khung về hợp tác giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU). Cả ba sự kiện này có liên quan đến nhau, đánh dấu một bước tiến rất có ý nghĩa trong quá trình triển khai thực hiện đường lối đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ và hội nhập quốc tế từ Đại hội lần thứ VI (1986), được khẳng định và tiếp tục ở các Đại hội VII (1991) và VIII (1996) của Đảng.

Sự tham gia của Việt Nam vào ASEAN đã làm thay đổi ASEAN cả về bản chất lẫn định hướng phát triển của tổ chức này. Đông - Nam Á từ một khu vực có đối đầu và xung khắc giữa các quốc gia trở thành khu vực hữu nghị và hợp tác ; ASEAN từ một tổ chức trong khu vực trở thành tổ chức của khu vực khi sau này kết nạp thêm Lào, Mi-an-ma và Cam-pu-chia, nhờ đó có được vị thế và ảnh hưởng quốc tế to lớn, có tiếng nói trọng lượng hơn trong các vấn đề khu vực và quốc tế.

Sau 5 năm, Việt Nam đã tham gia đầy đủ, đóng góp tích cực vào các hoạt động của ASEAN. Năm năm không phải là nhiều đối với một đất nước có hoàn cảnh đặc thù và mối quan hệ cũng rất đặc thù với ASEAN như Việt Nam. Vì thế, những gì đã đạt được trong mối quan hệ với ASEAN là rất đáng kể, rất có ý nghĩa đối với cả ASEAN lẫn Việt Nam. Trong 5 năm qua, sự kiện nổi bật nhất là việc Việt Nam đăng cai và tổ chức thành công Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 6 ở Hà Nội (12-1998) và việc Việt Nam từ tháng 8-2000 đảm nhận trong thời gian một năm trọng trách Chủ tịch Ủy ban Thường trực ASEAN (ASC), Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) và Ban điều phối Hiệp ước Đông - Nam Á không có vũ khí hạt nhân (SEANWFZ). Hay nói cách khác, sau 5 năm trong ASEAN, Việt Nam đã từ tham gia vào hoạt động của ASEAN tiến tới cùng điều hành ASEAN, hoạch định chính sách cho ASEAN. Uy tín và vị thế quốc tế của Việt Nam đã được nâng cao. Sự tham gia của Việt Nam vào ASEAN khẳng định chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ và hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng từ Đại hội VI theo tinh thần "Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước", là kết quả của việc triển khai hoạt động đối ngoại nhằm tạo dựng môi trường quốc tế và khu vực hòa bình, ổn định và hữu nghị cho đất nước ta để thực hiện thành công công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự kiện này đánh dấu bước tiến quan trọng của quá trình Việt Nam hội nhập khu vực và quốc tế, hỗ trợ quan hệ song phương với từng nước thành viên ASEAN, mở rộng quan hệ kinh tế, đầu tư, thương mại, giao lưu văn hóa, nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam, hỗ trợ cho hoạt động đối ngoại của Việt Nam trên các diễn đàn quốc tế khác và đối với các nước khác trên thế giới, mở ra những "kênh" quan hệ khác cho Việt Nam như ASEAN trong khuôn khổ Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Diễn đàn Á - Âu (ASEM) và góp phần nâng cao năng lực, tích lũy kinh nghiệm cho những bước hội nhập xa hơn trong tương lai. Tham gia vào ASEAN cũng còn là gắn kết Việt Nam vào khu vực, tranh thủ, tận dụng những xu thế hợp tác khu vực chung có lợi nhất cho mình, kết hợp sức mạnh của mình với thế mạnh của khu vực, tranh thủ ngoại lực hỗ trợ cho phát huy tối đa nội lực.

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Digitized by Google

Đối với khu vực Đông - Nam Á, sự tham gia của Việt Nam vào ASEAN đã thúc đẩy xu thế hòa bình, ổn định và hợp tác ở khu vực, mở ra con đường để ASEAN kết nạp các nước còn lại trong khu vực, trở thành ASEAN của tất cả 10 nước khu vực, góp phần nâng cao vai trò, ảnh hưởng quốc tế của cả tổ chức ASEAN, tạo cho ASEAN điều kiện và tiền đề bắt tay vào giải quyết những vấn đề liên quan đến lợi ích và sự quan tâm chung của tất cả các nước thành viên hay của nhiều nước thành viên như an ninh khu vực, môi trường sinh thái, du lịch, giao lưu văn hóa...

Trong 5 năm qua, Việt Nam đã tham gia trên bình diện rộng các hoạt động của ASEAN về chính trị, an ninh như trong khuôn khổ Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), Diễn đàn Á - Âu (ASEM), tham gia Hiệp ước Đông-Nam Á không có vũ khí hạt nhân (SEANWFZ), thúc đẩy xây dựng Bộ quy tắc ứng xử biển Đông (COC), góp phần thúc đẩy quan hệ với các đối tác quan trọng khác là Ấn Độ, Trung Quốc, Nga, Mỹ... củng cố và nâng cao uy tín của ASEAN, kiên trì nguyên tắc để giúp ASEAN khắc phục sự bất đồng nội bộ, hạn chế sự can thiệp của bên ngoài dưới chiêu bài các vấn đề như nhân quyền, dân chủ,... Về hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư, Việt Nam đã từng bước tham gia vào hầu hết các chương trình hợp tác kinh tế, đầu tư và thương mại của ASEAN, mở rộng sang cho nhiều lĩnh vực khác như Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), Chương trình thuế quan ưu đãi hiệu lực chung (CEFT), ký Nghị định thư về sửa đổi Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư ASEAN (9-1996) và Hiệp định khung về việc thiết lập Khu vực đầu tư ASEAN (AIA, 10-1998), tham gia các hiệp định và nghị định thư của ASEAN về hợp tác dịch vụ, nông, lâm và ngư nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, năng lượng và du lịch. Đặc biệt, về hợp tác phát triển tiểu vùng trong ASEAN, Việt Nam đã chủ động có những sáng kiến quan trọng như : Chương trình hợp tác phát triển kinh tế các vùng nghèo liên quốc gia dọc hành lang Đông - Tây (WEC), được ghi nhận trong Chương trình hành động Hà Nội, thúc đẩy ASEAN triển khai chương trình hợp tác ASEAN về phát triển lưu vực sông Mê Công.

Với tư cách là thành viên ASEAN, Việt Nam tích cực tham gia các chương trình hợp tác giữa ASEAN và các nước đối thoại : AFTA-CER (với Ô-xtrây-li-a và Niu Di-lân), Diễn đàn Thứ trưởng Tài chính và Phó thống đốc Ngân hàng ASEAN + 3, hợp tác kinh tế ASEAN với Nhật, đối thoại kinh tế ASEAN với EU, Hàn Quốc, Trung Quốc, Nga, Mỹ, Ấn Độ và Ca-na-đa cũng như nhiều lĩnh vực hợp tác chuyên ngành khác.

Đóng góp tích cực và chủ động của Việt Nam được ghi nhận tại các cuộc hội nghị nhân dịp Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 33 ở Băng Cốc từ 24 đến 29-7-2000. Ở Hội nghị này cũng như ở Hội nghị ASEAN + 3 giữa Bộ trưởng Ngoại giao các nước ASEAN với Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc, Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) lần thứ 7 và Hội nghị sau Hội nghị Bộ trưởng (PMC) giữa ASEAN và 10 nước đối thoại, Chương trình hành động Hà Nội đều được đề cao và khẳng định là phương hướng chính cho ASEAN cũng như quan hệ hợp tác giữa ASEAN và các đối tác trong thời gian tới. Kết quả nổi bật nhất của các Hội nghị này là nhận thức chung về sự cần thiết phải bảo đảm hòa bình và ổn định để phát triển, ASEAN phải đoàn kết và duy trì những nguyên tắc cơ bản là đồng thuận trong đa dạng và không can thiệp vào công việc nội bộ, ASEAN phải tăng cường hợp tác giữa các nước thành viên và với các nước đối thoại để tập trung vào phát triển kinh tế nhằm vừa phát triển đi lên, vừa khắc phục được khoảng cách về trình độ phát triển giữa các nước. ASEAN vừa trải qua một giai đoạn đầy thử thách, vượt qua được cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ, nhưng để duy trì được tăng trưởng lâu bền và giải quyết được các vấn đề của tổ chức cũng như góp phần vào ổn định và phát triển ở các nước thành viên thì ASEAN phải đoàn kết, sáng tạo, thực hiện hiệu quả những dự án đã thỏa thuận và tăng cường sự hợp tác và hỗ trợ từ bên ngoài.

Các hội nghị vừa qua ở Băng Cốc cũng đã đưa lại được một vài kết quả cụ thể như thông qua một văn bản quy định về hình thức Bộ ba (Troika), chấp thuận Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên tham gia vào ARF. Hội nghị ASEAN + 3 vừa qua ở Băng Cốc là Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao đầu tiên giữa ASEAN và ba nước Đông -

Digitized by Google

Bắc Á này, được tiến hành theo tinh thần của Tuyên bố chung về hợp tác Đông Á được các vị đứng đầu nhà nước và chính phủ 10 nước ASEAN và ba nước Đông Bắc Á thông qua tại Hội nghị cấp cao ở Ma-ni-a năm 1999. Hội nghị đã thông qua quy trình sửa đổi để thực hiện nhanh hơn và hiệu quả hơn Tuyên bố chung này.

Với Hội nghị Bộ trưởng AMM lần thứ 33 tại Băng Cốc, Việt Nam chính thức tiếp nhận từ Thái Lan chức vụ Chủ tịch ASC và ARF. Đây là một thách thức lớn đối với ngoại giao Việt Nam, nhưng trong bối cảnh quốc tế và khu vực hiện tại, với nhận thức chung của các nước tham gia các hội nghị ở Băng Cốc vừa qua thì việc này cũng tạo những điều kiện thuận lợi hơn cho Việt Nam nâng cao uy tín và vị thế quốc tế, tập trung các nguồn lực và vốn cần thiết để thúc đẩy quá trình thực hiện Chương trình hành động Hà Nội, củng cố nội bộ ASEAN, tăng cường sức sống của ASEAN để ASEAN làm tốt hơn nữa vai trò hạt nhân trong tất cả các diễn đàn nói trên. Sự tham gia của CHDCND Triều Tiên vào ARF và quyết tâm chung của các nước liên quan sớm hoàn tất và thông qua Bộ quy tắc ứng xử biển Đông là những dấu hiệu rất tích cực từ Hội nghị ARF lần này.

Năm năm qua, Việt Nam đã có những bước đi vững chắc tham gia vào ASEAN, hội nhập vào khu vực và quốc tế. Những kết quả và kinh nghiệm thu được từ đó đến nay tuy còn khiêm nhường, nhưng cũng đủ để có thể tin tưởng rằng Việt Nam sẽ đảm nhận tốt những trọng trách mới này. Việt Nam đã có kinh nghiệm tốt qua việc tổ chức thành công Hội nghị cấp cao lần thứ 7 các nước có sử dụng tiếng Pháp và Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 6. Vấn đề quan trọng và cấp thiết hơn là phải có những sáng kiến mới, những ý tưởng mới để đưa ASEAN bước vào thiên niên kỷ mới và thế kỷ mới. Tất cả những sáng kiến và ý tưởng ấy phải nhằm vào củng cố nội bộ ASEAN, sao cho ASEAN vừa duy trì được những nguyên tắc tổ chức và hoạt động của mình, lại vừa tạo dựng được sự phát triển bền vững và năng động. Chỉ có đoàn kết, nhất trí và tăng cường sự hợp tác với bên ngoài, nhất là với các nước khác ở cùng khu vực Đông Á, ASEAN mới có thể nhanh chóng vượt qua được thách thức lớn nhất hiện tại là vừa phát triển đi lên, vừa thu hẹp được khoảng cách phát triển giữa các nước thành viên. ❑

NHẬN THỨC THÊM VỀ...

(Tiếp theo trang 15)

mạng phải tuân theo quy luật khách quan, không chủ quan duy ý chí. Giải quyết mối quan hệ cơ bản nhất giữa tiên tiến, hiện đại với lạc hậu, nghèo nàn, không tách rời việc giải quyết hai mối quan hệ cơ bản giữa độc lập dân tộc với chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản. "Toàn cầu hóa" cũng là tất yếu khách quan do sự phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học - công nghệ. Nhưng "toàn cầu hóa" khi mà chủ nghĩa đế quốc đang trong thế "thượng phong" thì không thể không nghĩ tới việc toàn cầu hóa bị chủ nghĩa tư bản chi phối và lợi dụng. Cần thiết khách quan phải hội nhập thế giới, nhưng nếu không chuẩn bị đầy đủ và có bước đi thích hợp vào thời gian thích hợp thì sẽ mất đi độc lập tự chủ và bị phụ thuộc bên ngoài. Tư duy mới về nhiệm vụ xây dựng đất nước, bảo vệ độc lập dân tộc và con đường xã hội chủ nghĩa hiện nay có những vấn đề đó.

Tổng hợp lại, có thể cho rằng, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, *có ba mối quan hệ (mâu thuẫn) cơ bản* liên quan chặt chẽ với nhau là : *độc lập dân tộc với chủ nghĩa đế quốc ; chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản ; tiên tiến - hiện đại với lạc hậu, nghèo nàn ; trong đó mối quan hệ (mâu thuẫn) cơ bản nhất là giữa tiên tiến, hiện đại với lạc hậu, nghèo nàn. Từ ba mối quan hệ (mâu thuẫn) cơ bản nêu trên, nổi lên mâu thuẫn chủ yếu là :* một bên, *yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bảo vệ độc lập dân tộc và con đường xã hội chủ nghĩa ;* bên kia, *tình trạng lạc hậu, nghèo nàn của đất nước và những thế lực cản trở con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.*

Xây dựng kinh tế, xây dựng đất nước là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt. Toàn Đảng ta, từ trung ương đến cơ sở, mọi tổ chức cũng như từng đảng viên có đủ bản lĩnh và trí tuệ xử lý được mọi vấn đề cụ thể trong sự nghiệp đổi mới, đó là thể hiện sự kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, để cuối cùng đi tới mục tiêu đó. ❑

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN Y TẾ NÔNG THÔN TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG *

1. Trong hơn nửa thế kỷ qua, thực hiện đường lối đúng đắn của Đảng về phát triển sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân, ngành y tế đã thu được nhiều thành tựu to lớn trên các lĩnh vực phòng bệnh, chữa bệnh, sản xuất thuốc, phát triển khoa học - kỹ thuật y dược cũng như công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu. Trong những thành tựu quan trọng đó, xây dựng và phát triển y tế nông thôn được đánh giá là một trong những thành tựu nổi bật, mang lại lợi ích thiết thực trong chăm sóc sức khỏe (CSSK) cho nhân dân khắp mọi miền, từ đồng bằng đến miền núi, vùng cao, vùng sâu.

Trong quá trình xây dựng và phát triển ngành y tế, chúng ta đã thiết lập được mạng y tế nông thôn rộng khắp trên phạm vi cả nước. Sau khi hòa bình lập lại, hệ thống y tế nông thôn đã được Đảng và Chính phủ quan tâm xây dựng. Vào năm 1955, nước ta mới có 57 bệnh viện tỉnh, huyện và gần 200 trạm y tế xã. Hiện nay, tất cả các huyện đã có trung tâm y tế và bệnh viện huyện, hầu hết các xã đã có trạm y tế, nhiều thôn, bản đã có cán bộ y tế hoạt động, kể cả vùng bản cao, vùng sâu. Với mạng lưới y tế trải rộng trên mọi miền nông thôn, nước ta được đánh giá là có hệ thống y tế cơ sở nông thôn tốt hơn nhiều nước trong khu vực.

Nhờ phát triển mạng lưới y tế cơ sở, công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu ở nông thôn đã được đẩy mạnh. Trên 95% trẻ em dưới 1 tuổi ở nông thôn đã được tiêm chủng đầy đủ phòng 6 bệnh gây dịch nguy hiểm, 99% các cháu dưới 3 tuổi được phòng bệnh mù lòa bằng uống vitamin A, 95% các cháu dưới 5 tuổi được chương trình phòng chống bệnh tiêu chảy bảo vệ. Với hệ thống điều trị và dự phòng tích cực, tỷ lệ bệnh tật ở trẻ em đã giảm rõ rệt. Đặc biệt, tỷ lệ chết trẻ em dưới 1 tuổi, một chỉ số rất quan trọng để đánh giá tình trạng y tế của một nước, trong những năm qua đã giảm đáng kể, đến nay chỉ còn 36,7/1000. Tỷ lệ này thấp hơn rất nhiều so với các nước có cùng mức thu nhập. Nhiều huyện nông thôn có tỷ lệ chết trẻ em dưới 1 tuổi thấp dưới 20/1000. Với nguồn kinh phí nhà nước chi cho y tế rất hạn hẹp (khoảng trên 3 USD/người/năm), nhưng các chỉ số sức khỏe cơ bản của Việt Nam (tuổi thọ trung bình, tỷ lệ tử vong trẻ em...) đều tốt hơn rất nhiều nước có cùng mức độ kinh tế.

2. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, xây dựng và phát triển y tế nông thôn trong giai đoạn mới cũng có một số vấn đề cơ bản sau đây cần được quan tâm giải quyết.

Một là, trong những năm qua, sản xuất nông nghiệp phát triển nhanh tương đối toàn diện, tăng trưởng bình quân 4,35%/năm, đời sống nhân dân đã được cải thiện rõ rệt, do đó nhu cầu về số lượng và chất lượng dịch vụ CSSK của nhân dân ngày càng cao. Vấn đề đặt ra cho y tế nông thôn là đồng thời với việc tăng cường cung cấp số lượng dịch vụ y tế, cũng cần phải quan tâm nâng cao chất lượng chăm sóc y tế.

Hai là, khi nền kinh tế thị trường phát triển, sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội là điều khó tránh khỏi. Vùng nghèo và người nghèo lại chủ yếu ở nông thôn sẽ có ít cơ hội tiếp cận với các dịch vụ y tế có chất lượng cao. Vì vậy, Nhà nước cần phải có chính sách hỗ trợ tạo điều kiện cho nhân dân vùng nghèo, người nghèo ở nông thôn trong chăm sóc y tế.

Ba là, làm thế nào để phát triển hơn mạng lưới y tế nông thôn trong điều kiện tác động mạnh mẽ của nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường. Ngành y tế cùng cần tìm ra giải pháp để quản lý và chỉ đạo thích hợp để mạng lưới y tế nông thôn trở nên năng động hơn và hiệu quả hơn, phát huy được sức mạnh nội lực của ngành y tế nhiều hơn.

Bốn là, hiện nay y tế địa phương, y tế nông thôn đang được tổ chức lại theo hệ thống ngành dọc. Nhưng công tác CSSK lại đòi hỏi lãnh đạo đảng, chính quyền các cấp, với sự tham gia của các ngành, các đoàn thể

* GS,TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Y tế

Digitized by Google

thì mới có hiệu quả cao. Vì vậy, cần phải chú trọng tăng cường sự quản lý và chỉ đạo của từng cấp đối với hoạt động CSSK, nghĩa là phải có sự kết hợp hài hòa giữa quản lý cộng tác y tế theo ngành với chỉ đạo công tác CSSK nhân dân trên địa bàn.

Năm là, địa bàn nông thôn rộng lớn, dân cư miền núi rất phân tán, chi phí cho y tế rất tốn kém, trong khi đó khả năng đầu tư có hạn. Do vậy, việc xác định các nội dung và địa điểm ưu tiên để đầu tư đạt hiệu quả cao là vấn đề quan tâm.

Giải quyết tốt những vấn đề cơ bản nêu trên chính là quá trình phát triển y tế nông thôn theo định hướng công bằng, hiệu quả và chất lượng, nâng cao sức khỏe nhân dân, nhằm đẩy mạnh công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn.

3. Nông thôn và nông dân từ xưa đến nay là nền tảng của xã hội Việt Nam. Xuất phát từ nền văn minh lúa nước, nông dân chiếm đến 90% trong những năm 60 và hiện nay vẫn còn ở mức gần 80% dân số. Từ thời xa xưa, nông thôn vốn là những căn cứ của nhiều cuộc chiến tranh kháng chiến chống xâm lược. Nông dân là nguồn cung cấp sức người, sức của cho các cuộc kháng chiến vừa qua, cũng như trong công cuộc xây dựng đất nước ngày nay. Do đó, từ khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Đảng ta đã có nhiều chính sách để phát triển nông thôn về kinh tế, xã hội, văn hóa, trong đó có y tế.

Nông thôn Việt Nam là "cái nôi" của những truyền thống quý báu của dân tộc. Những truyền thống ấy rất có giá trị trong việc phát triển sự nghiệp y tế của nước ta. Chẳng hạn, sự gắn bó của các thành viên trong gia đình với nhau. Hiếu lễ với ông bà, cha mẹ và thương yêu con cái là những yếu tố quan trọng trong chăm sóc sức khỏe người già và trẻ em. Văn hóa làng - xã là yếu tố quan trọng xây dựng sức khỏe cộng đồng như vệ sinh môi trường, hỗ trợ nhau khi đau ốm... Tính cộng đồng là yếu tố quan trọng để việc chăm sóc sức khỏe ban đầu có hiệu quả và bền vững.

Chính nông thôn Việt Nam là đặc trưng cho tính cách, bản sắc của con người Việt Nam : cần cù, chịu khó, chất phác, lối sống thanh đạm và lành mạnh. Các yếu tố này là một trong những nguyên nhân quan trọng góp phần tạo ra tình trạng sức khỏe của nhân dân nói chung tương đối tốt so với đời sống vật chất còn nhiều thiếu thốn và khó khăn.

Chúng ta có những kinh nghiệm trong nửa thế kỷ qua về phát triển y tế nông thôn. Tuy nhiên, nông thôn ở nước ta hiện nay đang thay đổi nhanh chóng từ kinh tế đến lối sống và môi trường. Môi trường không những bị ô nhiễm sinh vật dẫn đến các bệnh nhiễm trùng, truyền nhiễm, mà còn bị ô nhiễm hóa chất do dùng hóa chất trong nông nghiệp và một phần do chất thải công nghiệp, dẫn đến ngộ độc và các bệnh không nhiễm trùng khác. Đời sống nông thôn đã dần dần được cải thiện, nhưng những nguy cơ mới cũng nảy sinh và phát triển như tai nạn thương tích, bạo lực, nghiện hút, thuốc lá, rượu. .. nhất là ở những vùng đang có xu hướng đô thị hóa nhanh. Bệnh tâm thần và tim mạch tuy không phát triển nhanh như ở thành thị, nhưng xu hướng cũng ngày một tăng.

Do đó, phát triển y tế nông thôn hiện nay và trong giai đoạn sắp tới cần chú trọng phát huy những truyền thống, lối sống nhân văn tốt đẹp và những kinh nghiệm có sẵn, đồng thời phải nghiên cứu thực trạng và xu hướng phát triển sức khỏe nông thôn, sự biến đổi của kinh tế, xã hội nông thôn để đưa ra những chính sách và giải pháp thích hợp.

4. Quan điểm của Đảng ta là tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với công bằng xã hội. Chúng ta không đợi đến khi đất nước có tăng trưởng kinh tế đầy đủ mới đề cập đến công bằng xã hội vì tăng trưởng kinh tế là điều kiện để thực hiện công bằng xã hội, ngược lại công bằng xã hội sẽ huy động được các nguồn lực xã hội và động lực để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh hơn. Vì vậy, thực hiện công bằng CSSK ở nông thôn vừa là nhiệm vụ, vừa là mục tiêu trong quá trình phát triển nông thôn Việt Nam.

Thực hiện công bằng CSSK ở nông thôn, trước hết là tạo điều kiện cho nông dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ y tế cơ bản ngay tại cơ sở và coi đó là quyền của người dân về CSSK. Do vậy, cần nghiên cứu và xây dựng các chỉ tiêu trong CSSK ở nông thôn trên các mặt khám, chữa bệnh thông thường, vệ sinh phòng bệnh nâng cao sức khỏe, CSSK bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi... và coi đó như một trong những mục tiêu cơ bản cần đạt được của chiến lược phát triển nông thôn trong 10 năm tới. Khi đã xác định đó là quyền của người dân thì nhà nước và nhân dân cùng phấn đấu để thực hiện, vừa nâng cao trách nhiệm của mỗi cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành và nhân dân, vừa tạo điều kiện phát huy dân chủ trong nhân dân. Dựa vào các chỉ tiêu này, y tế các cấp cũng xác định được tình trạng hiện tại của mình, thấy được mục tiêu cần phấn đấu ra sức thi đua để thực hiện.

Để nhân dân tiếp cận và sử dụng được các dịch vụ CSSK cơ bản, cần phát triển mạng lưới cơ sở, nơi gần dân nhất, trực tiếp cung cấp dịch vụ CSSK cho người dân. Y tế cơ sở hiện nay đang được quan tâm đúng mức hơn. Cán bộ y tế cơ sở tuy chưa được coi là viên chức nhà nước nhưng cũng đã được hưởng phụ cấp

Digitized by Google

hoặc lương như trong biên chế nhà nước. Bộ Y tế đang tiếp tục đề nghị Nhà nước giải quyết cho cán bộ y tế xã được hưởng mọi quyền lợi như các cán bộ, công nhân viên nhà nước. Có như vậy các đối tượng này mới yên tâm phục vụ lâu dài.

Về cơ sở nhà trạm, hiện có 9 630 xã có trạm y tế (chiếm 93,3%). Nhân lực, hiện có 41 141 cán bộ y tế đang công tác tại các xã, trong đó có 17 029 người thuộc biên chế nhà nước, còn 24 113 người (58,6%) chưa được vào biên chế nhà nước. Hiện nay đã có 2 408 bác sĩ đang công tác tại 2 343 trạm y tế cơ sở, như vậy 22,6% số xã có bác sĩ. Nếu tính cả 500 phòng khám đa khoa khu vực (có bác sĩ) gắn với trạm y tế thì số xã có bác sĩ đạt 27,4%. Có một số tỉnh, thành phố đạt tỷ lệ khá cao như TP Hồ Chí Minh (gần 90%), Đồng Tháp (75%), An Giang (70%). Từ năm 1998, Hà Nội và Cần Thơ là hai địa phương đầu tiên trong cả nước đạt 100% số trạm y tế xã có bác sĩ công tác. Ngoài cán bộ, các trạm y tế cần được cung cấp các trang thiết bị thích hợp và bảo đảm có đủ thuốc thiết yếu để điều trị cho nhân dân.

Về y tế thôn, bản, hiện nay cả nước có gần 80 000 thôn, bản, ấp. Trong đó có 17 853 bản thuộc 1 870 xã vùng cao, 19 061 bản thuộc 2 032 xã miền núi, 4 446 ấp thuộc xã vùng sâu. Cả nước mới có 31 732 thôn, bản có cán bộ y tế hoạt động, chiếm khoảng 44%, trong đó chỉ có 25% số xã trả phụ cấp cho y tế thôn, bản. Việc phấn đấu đạt 100% thôn, bản có cán bộ y tế là một nhiệm vụ nặng nề cần được Đảng và Nhà nước quan tâm hỗ trợ. Kết hợp chặt chẽ giữa quân y và dân y trong đào tạo y tế thôn, bản, đặc biệt là vùng cao, vùng biên giới.

Bên cạnh đó, cần có các giải pháp thích hợp để sử dụng lực lượng cán bộ y tế đã nghỉ hưu nhưng không còn khả năng đóng góp hoạt động CSSK ở nông thôn, thông qua việc ký hợp đồng với trạm y tế xã hoặc trung tâm y tế huyện để thực hiện một số dịch vụ y tế cụ thể, ví dụ tiêm chủng mở rộng, khám bệnh, chữa bệnh thông thường.

5. Chăm sóc sức khỏe cho vùng nghèo, người nghèo và người có thu nhập thấp là trọng tâm ưu tiên của Nhà nước nhằm thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo và công bằng trong chăm sóc sức khỏe.

Nước ta hiện nay có 1 715 xã nghèo, trong đó có 1 000 xã đặc biệt khó khăn. Nhà nước đã hỗ trợ phần kinh phí xây dựng và trang bị cho trạm y tế xã. Trong hai năm 1999 - 2000, với nguồn vốn của Nhà nước cấp (năm 1999 có 11,7 tỉ đồng) và từ vốn vay của Ngân hàng thế giới sẽ bảo đảm xây dựng và trang bị cho 1 000 xã đặc biệt khó khăn. Với chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các xã nghèo cũng sẽ được ưu tiên đầu tư để xây dựng và cung cấp đủ các trang thiết bị y tế trong năm tiếp theo.

Thực hiện công bằng trong CSSK, một mặt phải quan tâm đến *vùng nghèo, người nghèo*. Nước ta có khoảng 20% dân số nghèo, trong đó có khoảng 4 - 6% thuộc diện quá nghèo. Những đối tượng này do tình trạng sức khỏe thường kém hơn, nên nhu cầu chăm sóc y tế cũng lớn hơn. Hầu hết các quốc gia trên thế giới, nhất là các nước quan tâm đến phát triển xã hội đều thực hiện chính sách hỗ trợ cho người nghèo trong khám chữa bệnh. Ở nước ta Chính phủ quy định người quá nghèo sẽ được miễn viện phí khi khám chữa bệnh ; được cấp thẻ bảo hiểm y tế với giá 30 000 đồng/người/năm. Nguồn kinh phí để mua BHYT này lấy từ dự toán chi bảo hiểm xã hội đã được bố trí hằng năm từ nguồn ngân sách địa phương. Đồng thời cần huy động thêm sự đóng góp của các tổ chức kinh tế, xã hội, Hội Chữ thập đỏ, các tổ chức từ thiện. Ngành y tế khuyến khích các cơ sở y tế khám chữa bệnh miễn phí cho người thuộc diện người nghèo chưa có thẻ BHYT. Với những giải pháp đó, người quá nghèo sẽ được khám chữa bệnh không mất tiền với sự hỗ trợ của Nhà nước và xã hội.

Bên cạnh những người quá nghèo ở nông thôn, số người nghèo và cận nghèo ít có khả năng thanh toán khi khám chữa bệnh cũng rất đáng quan tâm. Nhà nước cần có chính sách cụ thể để hỗ trợ với các giải pháp khác nhau như vận động tham gia BHYT với mức độ đóng góp phù hợp khả năng của nông dân, cấp thẻ BHYT nhân đạo, khi triển khai chế độ viện phí mới cần để dành một phần (10%) tiền thu được để hỗ trợ miễn giảm cho đối tượng này. Trong quá trình thực hiện BHYT cho nông dân, một số địa phương đã có những kinh nghiệm tốt, trong đó Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí nhằm tạo điều kiện và khuyến khích nông dân tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện. Những kinh nghiệm này cần được tổng kết và nhân rộng trong thời gian tới.

Để thực hiện công bằng trong CSSK của nhân dân vùng nông thôn, chúng ta cần triển khai đồng bộ các giải pháp từ củng cố y tế cơ sở đến các giải pháp hỗ trợ cho vùng nghèo, người nghèo và nông dân có thu nhập thấp, nhằm tạo điều kiện cho mọi người đều được hưởng các quyền lợi chăm sóc y tế cơ bản theo các chỉ tiêu đã đặt ra.

6. Cần tiếp tục quan điểm dự phòng tích cực và chủ động trong chiến lược phát triển y tế nông thôn. Dự phòng tích cực và chủ động trước hết là chủ động phòng chống dịch, không để bệnh dịch xảy ra, dự báo

Digitized by Google

được khả năng xuất hiện dịch trong nước cũng như ảnh hưởng dịch trong khu vực để chủ động đề phòng. Đẩy mạnh việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia để đạt được và duy trì các thành quả trong tiêm chủng phòng bệnh cho trẻ em, phòng chống sốt rét, sốt xuất huyết, viêm não, viêm gan B... Đồng thời chú trọng phát triển các chương trình vệ sinh phòng dịch, các chương trình nâng cao sức khỏe sinh sản, sức khỏe trẻ em, người già, vị thành niên, phòng chống thảm họa, xây dựng cộng đồng an toàn và lối sống lành mạnh có lợi cho sức khỏe. Phòng chống các tác nhân có hại cho sức khỏe như hút thuốc lá, nghiện rượu, sử dụng ma túy, và ngăn chặn đại dịch HIV/AIDS lan rộng trong nông thôn. Quản lý có hiệu quả các hóa chất sử dụng trong nông nghiệp để không gây tác hại cho sức khỏe nông dân. Quan tâm giải quyết vấn đề giun sán, tổ chức thực hiện hiệu quả chương trình phòng chống duy dinh dưỡng cho trẻ em.

Những vấn đề vệ sinh phòng bệnh như phân, nước, rác là những vấn đề đặc biệt quan tâm giải quyết tại nông thôn. Tỷ lệ nông thôn được dùng nước sạch, có hố xí hợp vệ sinh, có nhà tắm đang còn thấp. Cần đưa nội dung y tế vào phong trào xây dựng làng văn hóa, nền nếp vệ sinh nông thôn, "sạch từ nhà ra ngõ", "sức khỏe cho mọi người mọi nhà", chất lượng các công trình vệ sinh gia đình...

7. Quan tâm đến vấn đề khám chữa bệnh ở nông thôn, tạo ra khả năng cho nông dân tiếp cận với các dịch vụ khám chữa bệnh với chất lượng ngày càng cao cũng là một nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển y tế nông thôn. Người dân thành phố, do khoảng cách gần và phương tiện đi lại thuận lợi, chỉ sau 30 phút đến 1 giờ là có thể tiếp cận được với dịch vụ khám chữa bệnh với chất lượng tốt nhất ở các bệnh viện tuyến thành phố hoặc trung ương. Trái lại, ở nông thôn, nhất là miền núi, vùng sâu thì việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ khám chữa bệnh ở tuyến cao là rất khó khăn do nhiều nguyên nhân. Ví dụ : khoảng cách xa, điều kiện kinh tế khó khăn, phong tục tập quán lạc hậu... Do vậy, cần ưu tiên để đầu tư từng bước nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân vùng nông thôn ở cả tuyến huyện và tuyến tỉnh. Đối với các trung tâm y tế huyện, trong giai đoạn tới cần tiếp tục nâng cấp cơ sở, trang thiết bị ; cụ thể là ưu tiên trang bị máy siêu âm, máy chụp X quang và các trang thiết bị hồi sức cấp cứu và các phương tiện tiệt trùng. Đối với các huyện xa trung tâm tỉnh, cần quan tâm phát triển cấp cứu ngoại khoa và sản khoa.

Mặt khác, cần phát triển vườn thuốc nam trong làng xóm, áp dụng các kinh nghiệm chữa bệnh của các lương y, Hội y học dân tộc tại các địa phương, kết hợp y học cổ truyền dân tộc và y học hiện đại tại các trạm y tế xã, bệnh viện huyện trong chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nông dân.

Trong thời gian tới cần xây dựng các trung tâm y tế vùng như Cần Thơ (Đồng bằng sông Cửu Long), Buôn Ma Thuật (Tây Nguyên), Sơn La (Tây Bắc) và Thái Nguyên (Việt Bắc). Những trung tâm vùng này sẽ đảm nhận nhiệm vụ khám chữa bệnh ở tuyến cao nhất trong vùng ; đồng thời cùng với các chuyên khoa đầu ngành ở Trung ương, phát triển khoa học - kỹ thuật trong hệ thống y tế chuyên sâu và nghiên cứu ứng dụng các kỹ thuật y dược thích hợp, hỗ trợ cho tuyến tỉnh và y tế cơ sở ở nông thôn trong vùng.

Chất lượng khám chữa bệnh không chỉ đơn thuần phụ thuộc vào chất lượng kỹ thuật chuyên môn. Y đức là một bộ phận tạo ra chất lượng trong khám chữa bệnh. Bước sang thế kỷ mới, lời dạy của Bác Hồ "thầy thuốc như mẹ hiền" càng phải được thấm nhuần trong đội ngũ cán bộ y tế, nhất là ở nông thôn, nơi "tình làng, nghĩa xóm" đã thấm đượm như một nét đẹp truyền thống.

8. Để thực hiện các nhiệm vụ trong chiến lược phát triển y tế nông thôn, yếu tố con người đóng vai trò hết sức quan trọng. Vì vậy, cần phải xây dựng chính sách phát triển nguồn nhân lực cho y tế nông thôn. Một mặt cần đào tạo đủ cán bộ để bố trí cho nhu cầu của nông thôn ; mặt khác có kế hoạch đào tạo bổ túc, nâng cao trình độ. Tiếp tục thực hiện chế độ cử tuyển trong đào tạo bác sĩ để bố trí về xã công tác, nhằm thực hiện mục tiêu năm 2000 có 40% số trạm y tế xã có bác sĩ. Đào tạo nhân viên y tế cộng đồng cho các thôn, bản. Tăng cường đào tạo y sĩ sản nhi, nữ hộ sinh và dược tá cho tuyến xã. Việc đào tạo bác sĩ chuyên khoa cấp 1, cấp 2 cho nông thôn cũng cần được đặt ra thường xuyên. Việc bố trí ngân sách hỗ trợ cho các tỉnh miền núi để đào tạo chuyên khoa 1, chuyên khoa 2 phải được xem như một vấn đề ưu tiên.

Phát triển y tế nông thôn là một nhiệm vụ trọng tâm của ngành y tế trong giai đoạn tới. Tiếp tục củng cố và phát triển mạnh mạng lưới y tế nông thôn, kể cả cơ sở vật chất và cán bộ, chú trọng tuyến huyện, xã và thôn, bản ; tăng cường chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh và các chương trình y tế dự phòng, đồng thời bảo đảm công bằng trong CSSK cho người nghèo, vùng nghèo và người có thu nhập thấp. Ngành y tế cần có sự quan tâm hỗ trợ của Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành, đoàn thể và sự tham gia tích cực của cộng đồng để đạt được các mục tiêu về chăm sóc sức khỏe cho nhân dân nông thôn trong giai đoạn mới. ❑

Digitized by Google

ĐƯA LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀO CUỘC SỐNG

PHẠM KHÔI NGUYÊN *

NGHỊ quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa VIII đã khẳng định : khoa học và công nghệ (KH & CN) là yếu tố quan trọng hàng đầu, là động lực thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững kinh tế - xã hội (KT-XH), quốc phòng, an ninh, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thúc đẩy tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế.

Từ khi chuyển sang phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước ta chủ trương phải nhanh chóng hoàn thiện cơ chế chính sách, pháp luật trong lĩnh vực KH & CN. Đây là một định hướng hết sức quan trọng và cần thiết để một mặt bảo đảm tăng cường quản lý nhà nước, mặt khác tạo điều kiện để mọi tổ chức, cá nhân tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, nhằm từng bước tăng cường tiềm lực KH & CN nước nhà, phát huy tối đa vai trò của KH & CN trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong hơn 40 năm qua, các cơ quan nhà nước đã ban hành trên 200 văn bản quy phạm pháp luật về KH & CN. Hệ thống văn bản này đã góp phần tích cực vào việc phát triển nền KH & CN Việt Nam, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác KH & CN. Tuy nhiên, các văn bản này đều là văn bản dưới luật, trong đó gần 40% được ban hành trong thời kỳ quản lý theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp. Vì vậy, khi chuyển sang phát triển nền kinh tế thị trường, các văn bản này đã bộc lộ nhiều nhược điểm, không đáp ứng được yêu cầu phát triển KH & CN và việc quản lý nhà nước trong tình hình mới. Nhìn chung, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về KH & CN hiện nay còn rất tản mạn, hiệu lực thấp và không đồng bộ. Trong bối cảnh đó, Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 7 đã thông qua toàn văn Luật KH & CN. Việc ban hành Luật KH & CN đã thể chế hóa đường lối, chính sách mới của Đảng về KH & CN, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển mạnh mẽ KH & CN, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây cũng là mục tiêu mà Nghị quyết Trung ương hai (khóa VIII) của Đảng đã khẳng định. Luật KH & CN đã thể hiện sâu sắc những nội dung, quan điểm cơ bản sau :

- Cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 1992 về phát triển KH & CN trong giai đoạn mới : xác định vai trò, vị trí của KH & CN trong chiến lược phát triển KT-XH nước nhà ; quy định các chính sách ưu tiên của Nhà nước trong phát triển KH & CN, trước hết là các chính sách đối với tổ chức, cá nhân trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ứng dụng kết quả KH & CN vào sản xuất và đời sống ; bảo đảm vừa tăng cường việc quản lý nhà nước về KH & CN, vừa có các biện pháp thiết thực, hiệu quả thúc đẩy phát triển KH & CN.

- Xác định phát triển KH & CN là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của nhà nước và toàn dân ; bảo đảm KH & CN trở thành nội dung then chốt trong hoạt động của tất cả các ngành, các cấp, phục vụ thiết thực, có hiệu quả việc thực hiện các nhiệm vụ KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh, thực hiện thành công công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Bảo đảm nâng cao năng lực nội sinh về KH & CN của đất nước, xác định rõ vai trò của

* TS, Thứ trưởng, Phó Ban thường trực Ban soạn thảo luật Khoa học và Công nghệ

Digitized by Google

Nhà nước, trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân trong việc đầu tư xây dựng và phát triển tiềm lực KH & CN nước nhà ; bảo đảm tiếp thu và ứng dụng có hiệu quả các thành tựu KH & CN trong nước và trên thế giới vào tất cả các lĩnh vực của đời sống KT-XH.

- Thể hiện tính đặc thù của KH & CN là một hoạt động sáng tạo. Vì vậy, Luật có các quy định điều chỉnh phù hợp, nhằm tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi, bình đẳng, tự do sáng tạo các thiết chế dân chủ khác để phát huy tối đa sức sáng tạo của các nhà KH & CN, các tập thể KH & CN và của toàn dân phục vụ cho sự nghiệp phát triển nhanh, bền vững đất nước.

Luật được xây dựng trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm tổ chức, quản lý hoạt động KH & CN và xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về KH & CN ở nước ta trong hơn 40 năm qua và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các nước trên thế giới trong lĩnh vực này.

Với 8 chương và 59 điều, Luật KH & CN đã thể hiện được những tư tưởng chỉ đạo lớn và điều chỉnh tương đối đầy đủ các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động KH & CN. Sự ra đời của Luật KH & CN đã tạo ra một hành lang pháp lý hết sức quan trọng, định hướng và thúc đẩy hoạt động KH & CN. Đây sẽ là luồng sinh khí mới làm cho các hoạt động về KH & CN phát triển nhanh, rộng, phục vụ kịp thời các mục tiêu KT-XH và an ninh quốc phòng.

Mục tiêu của hoạt động KH & CN được xác định trong Luật KH & CN là : xây dựng nền KH & CN tiên tiến, hiện đại để phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao trình độ quản lý ; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, đẩy mạnh công nghiệp hóa ; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người mới Việt Nam ; góp phần phát triển nhanh, bền vững KT-XH, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Đối tượng điều chỉnh của Luật KH & CN bao gồm các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động KH & CN ở cả 3 lĩnh vực : khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ. Hoạt động KH & CN được Luật quy định theo nguyên tắc : xây dựng và phát huy năng lực nội sinh, kết hợp với việc tiếp thu có chọn lọc các thành tựu KH & CN của thế giới, phù hợp với thực tiễn Việt Nam ; kết hợp chặt chẽ khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ với khoa học xã hội và nhân văn ; gắn nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với giáo dục và đào tạo, với hoạt động sản xuất và kinh doanh, phục vụ nhiệm vụ phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh đồng thời với việc phát huy khả năng lao động sáng tạo, tự chủ, dân chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân.

Để hỗ trợ cho các hoạt động KH & CN, Luật quy định Nhà nước có trách nhiệm trong việc bảo đảm để KH & CN là căn cứ và nội dung quan trọng trong mọi chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển của đất nước ; có trách nhiệm trong việc đầu tư xây dựng năng lực nội sinh, khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư cho KH & CN, đẩy mạnh hợp tác quốc tế ; khuyến khích ứng dụng kết quả hoạt động KH & CN, phát triển dịch vụ KH & CN, xây dựng và phát triển thị trường công nghệ, khuyến khích hoạt động phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, phổ biến tri thức KH & CN và kinh nghiệm thực tiễn...

Tuy hoạt động KH & CN được tạo nhiều điều kiện rộng rãi để phát triển như vậy, nhưng Luật KH & CN cũng xác định rõ ràng là nghiêm cấm các hành vi lợi dụng hoạt động KH & CN để xuyên tạc, chống lại đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân, hoặc xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, gây thiệt hại đến tài nguyên, môi trường, sức khỏe con người, trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc, hoặc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, chiếm đoạt, chuyển nhượng, chuyển giao bất hợp pháp kết quả KH & CN, tiết lộ tư liệu, kết quả KH & CN thuộc danh mục bí mật Nhà nước, lừa dối, giả mạo trong hoạt động KH & CN.

Luật cũng quy định các cơ quan KH & CN bao gồm 3 loại : tổ chức nghiên cứu và phát triển, trường đại học và tổ chức dịch vụ KH & CN.

Digitized by Google

Trong đó, các tổ chức nghiên cứu và phát triển được phân thành 3 cấp (cấp quốc gia ; cấp bộ, cấp ngành và cơ sở) theo thẩm quyền thành lập. Theo Luật KH & CN, mọi tổ chức KH & CN, không phân biệt cơ quan nào thành lập, cấp nào ra quyết định, đều có quyền ngang nhau trong việc tham gia tuyển chọn và nghĩa vụ như nhau trong việc thực hiện các nhiệm vụ KH & CN. Theo Luật này, trường đại học được khẳng định là tổ chức KH & CN. Nhiệm vụ của các trường đại học được xác định rõ ràng là : tiến hành nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, kết hợp đào tạo với nghiên cứu KH & CN, với sản xuất và dịch vụ KH & CN. Trường đại học có trách nhiệm đặc biệt trong việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản, nhiệm vụ KH & CN ưu tiên, trọng điểm của Nhà nước song song với các hoạt động KH & CN khác.

Quyền và nghĩa vụ của cá nhân hoạt động KH & CN, chủ thể cơ bản và trực tiếp của các hoạt động KH & CN cũng được xác định rất rõ ràng. Điều 17 (Chương II) của luật nêu rõ, mỗi cá nhân làm công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, dịch vụ KH & CN và các hoạt động KH & CN khác, có quyền tự mình hoặc hợp tác với tổ chức, cá nhân khác tiến hành hoạt động, ký kết hợp đồng, thành lập các tổ chức KH & CN, đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KH & CN ; được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, bình đẳng, tự do sáng tạo, chuyển nhượng và công bố kết quả hoạt động KH & CN theo quy định ; được tham gia tổ chức KH & CN, hội KH & CN, tham gia hoạt động đào tạo, tư vấn, hội nghị KH & CN, góp vốn và nhận tài trợ để hoạt động KH & CN. Như vậy, Luật KH & CN đã tạo ra sự bình đẳng cho mọi đối tượng tham gia hoạt động KH & CN. Đây là một trong những vấn đề mấu chốt nhằm giải phóng mọi năng lực và tạo ra tiền đề cho việc xã hội hóa hoạt động KH & CN.

Trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH & CN, điểm mới trong Luật đã quy định rõ ràng việc thông báo nhiệm vụ KH & CN, chế độ tuyển chọn cơ quan thực hiện và công bố kết quả tuyển chọn công khai để bảo đảm sự công bằng, dân chủ, khách quan. Cần nhấn mạnh rằng, các nhiệm vụ KH & CN có sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo 3 phương thức : tuyển chọn, giao trực tiếp và thông qua Quỹ phát triển KH & CN. Tuyển chọn sẽ là phương thức giao nhiệm vụ chủ yếu, mang tính phổ biến. Phương thức giao nhiệm vụ trực tiếp chỉ thực hiện đối với những nhiệm vụ KH & CN mang tính đặc thù hoặc phục vụ quốc phòng, an ninh. Phương thức giao nhiệm vụ thông qua Quỹ phát triển KH & CN được thực hiện chủ yếu đối với các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản, các nhiệm vụ quan trọng, có triển vọng nhưng độ rủi ro cao. Trong quy trình xem xét, xây dựng nhiệm vụ KH & CN cũng như tuyển chọn và đánh giá kết quả, Luật quy định 3 loại hội đồng KH & CN : Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH & CN ; Hội đồng tuyển chọn các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH & CN và Hội đồng đánh giá nghiệm thu kết quả KH & CN. Luật cũng quy định các cá nhân tham gia hội đồng phải là những người công tâm, có đạo đức, có trình độ chuyên môn và quản lý giỏi để bảo đảm ý kiến của Hội đồng được công minh, chính xác và khẳng định trách nhiệm của các hội đồng đối với việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn cơ quan thực hiện cũng như nghiệm thu kết quả.

Một trong những nội dung quan trọng của Luật là việc tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Xuất phát từ nhận thức muốn đẩy mạnh ứng dụng KH & CN phải giải quyết được hai vấn đề cơ bản. *Một là*, đổi mới cơ bản cơ chế, chính sách KH & CN đi đôi với việc hình thành thị trường công nghệ. *Hai là*, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn nữa chính sách, cơ chế kinh tế để tạo động lực cạnh tranh, khuyến khích và "buộc" các doanh nghiệp tích cực ứng dụng các thành tựu KH & CN. Luật KH & CN đã dành hẳn một mục gồm 6 điều về xây dựng, phát triển thị trường công nghệ và khuyến khích ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào thực tiễn sản xuất, đời sống. Luật nhấn mạnh việc khuyến khích các doanh nghiệp ứng dụng các công nghệ được tạo ra ở trong nước và giao cho Chính phủ quy định cụ thể mức ưu

Digitized by Google

đãi này. Thực hiện đầy đủ các nội dung trên chắc chắn sẽ thúc đẩy việc ứng dụng KH & CN vào sản xuất, kinh doanh, nâng cao đời sống nhân dân. Trong Chương III của Luật, lần đầu tiên Nhà nước ta quy định việc các dự án đầu tư, các chương trình KT-XH phải có hạng mục nghiên cứu KH & CN cần thiết. Ngoài ra, để nhanh chóng thực hiện việc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn, nơi tập trung gần 80% dân số nước ta, Luật giao Chính phủ xây dựng các chính sách ưu tiên và biện pháp thúc đẩy việc ứng dụng rộng rãi các thành tựu KH & CN với các công nghệ thích hợp, công nghệ truyền thống được nâng cấp để một mặt tăng nhanh giá trị tuyệt đối của sản phẩm nông nghiệp ; mặt khác giảm tỷ trọng của sản phẩm nông nghiệp trong cơ cấu GDP chung của cả nước.

Một định hướng quan trọng của hoạt động KH & CN trong thời gian tới là *phát triển công nghệ cao*. Luật nêu rõ : Nhà nước có chính sách phát triển công nghệ cao, đầu tư có trọng điểm, đẩy mạnh hợp tác quốc tế để nghiên cứu phát triển công nghệ cao ; xây dựng một số khu công nghệ cao nhằm nâng cao năng lực công nghệ và phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao của đất nước. Tổ chức KH & CN, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao và sản xuất sản phẩm công nghệ cao được hưởng ưu đãi đặc biệt về thuế, tín dụng và các ưu đãi khác.

Song song với các biện pháp mang tính chất khung về đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, sử dụng nguồn nhân lực, về đa dạng hóa các nguồn đầu tư cho KH & CN..., Luật khẳng định đầu tư cho KH & CN là đầu tư phát triển. Điểm đáng chú ý là ở Điều 39, Chương IV đã quy định về các loại hình quỹ phát triển KH & CN các cấp (cấp quốc gia, cấp bộ, tỉnh, thành phố và quỹ của các tổ chức, cá nhân) cũng như cơ chế quản lý và sử dụng các quỹ này. Theo Luật KH & CN, mọi tổ chức, cá nhân, về các nguyên tắc, đều được lập quỹ phát triển KH & CN. Việc quy định cụ thể các loại quỹ một mặt sẽ tạo điều kiện cho tổ chức công tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được linh hoạt, kịp thời và ổn định hơn ; mặt khác, cũng tạo điều kiện kêu gọi nhiều nguồn vốn hình thành quỹ. Chính sách về thuế đối với hoạt động KH & CN cũng được quy định ở mức ưu đãi cao nhất, có thể được. Luật quy định rõ các sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm, các sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng ở Việt Nam, các công nghệ khi xuất khẩu... được ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật.

Trong sự nghiệp đổi mới, phát triển KT-XH và hội nhập hiện nay, hợp tác quốc tế có vai trò hết sức quan trọng, đặc biệt là đối với sự phát triển KH & CN. Chính vì vậy, Luật KH & CN đã dành riêng Chương V để quy định nội dung hợp tác quốc tế với tinh thần chung là Nhà nước Việt Nam mở rộng hợp tác quốc tế về KH & CN, tranh thủ tối đa sự giúp đỡ của các nước và các tổ chức quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền quốc gia, bình đẳng và cùng có lợi để tận dụng mọi khả năng hợp tác phát triển KH & CN nước nhà. Do đó, Luật quy định Nhà nước có chính sách khuyến khích thu hút trí thức là người Việt Nam ở nước ngoài và các chuyên gia giỏi của thế giới tham gia phát triển KH & CN ở Việt Nam ; được tạo điều kiện khuyến khích thành lập hoặc hợp tác thành lập tổ chức KH & CN tại Việt Nam ; được hưởng các ưu đãi theo quy định của pháp luật Việt Nam. Mặt khác, đối với các tổ chức, cá nhân, hoạt động KH & CN trong nước, Luật cũng chính thức cho phép khuyến khích họ được tham gia vào hoạt động nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, hợp tác thực hiện nhiệm vụ KH & CN, tham dự các hội nghị khoa học và nhận tài trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài. Ngoài ra, Luật cũng chú ý đến các vấn đề vay vốn và nhận viện trợ của nước ngoài để đầu tư cho KH & CN.

Đối với việc quản lý nhà nước trong lĩnh vực hoạt động KH & CN ở trung ương và địa phương, Luật KH & CN nhấn mạnh vai trò quản lý nhà nước của các bộ, ngành và ủy ban nhân dân các cấp. Chương VI của Luật còn quy định hệ thống tiêu chí thống kê KH & CN thống nhất trong cả nước cũng như trách nhiệm các ngành, các cấp, các tổ chức và cá nhân phải báo cáo đầy đủ, trung thực số liệu thống kê về KH & CN cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Chính phủ.

Digitized by Google

Luật đề cập đến vấn đề khen thưởng và xử phạt, song song với các giải thưởng KH & CN hiện hành (giải thưởng Hồ Chí Minh và giải thưởng Nhà nước). Luật quy định rõ cho các tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức quốc tế ; tổ chức, cá nhân nước ngoài được đặt, tặng và nhận giải thưởng về KH & CN. Vấn đề nhận danh hiệu của tổ chức, cá nhân nước ngoài và nhận phong tặng của tổ chức quốc tế cũng được Luật quy định.

Tuy Luật KH & CN là luật khung, chứa đựng những quan điểm, những điều khoản mang tính nguyên tắc, nhưng đối với các vấn đề đã rõ, đã được thực tế kiểm nghiệm cũng được quy định cụ thể để có thể thi hành ngay. Đối với những vấn đề mới trong thực tiễn, cần thiết phải được điều chỉnh bằng pháp luật thì Luật quy định các nguyên tắc cơ bản và giao Chính phủ cụ thể hóa trong các văn bản dưới luật. Riêng đối với một số vấn đề phát sinh chưa được thực tiễn kiểm nghiệm thì chưa đưa ngay vào Luật, mà để nghiên cứu thêm.

Luật KH & CN đã thể chế hóa được các quan điểm và đường lối cơ bản của Đảng về KH & CN, tạo ra hành lang pháp lý thông thoáng, dân chủ trong hoạt động KH & CN từ lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên đến khoa học kỹ thuật và công nghệ nhằm phát huy tài trí của người Việt Nam, khuyến khích tìm tòi sáng tạo, bảo đảm sự quản lý thống nhất của Nhà nước, đồng thời gắn kết được các lĩnh vực KH & CN với nhau, gắn kết KH & CN với giáo dục và đào tạo, với sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội, phục vụ tốt các mục tiêu phát triển KT-XH và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Luật KH & CN ra đời đã tạo ra khí thế hào hứng, phấn khởi không chỉ trong giới KH & CN mà còn được các nhà sản xuất, kinh doanh, những nhà quản lý, hoạch định chính sách, những người hưởng thụ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hân hoan đón chào. Đây là tiền đề rất cơ bản để Luật KH & CN nhanh chóng đi vào cuộc sống, tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ trong việc nghiên cứu, sáng tạo cũng như ứng dụng KH & CN. Tuy nhiên, Luật KH & CN đưa ra những quy định mới, nên chắc chắn khi áp dụng vào thực tế sẽ gặp phải những khó khăn nhất định. Do vậy, trong thời gian tới Chính phủ nhanh chóng ban hành Nghị định hướng dẫn thi hành Luật KH & CN và các văn bản khác có liên quan tới nhiệm vụ thực hiện Luật KH & CN. Vấn đề cơ bản là Luật đã tạo điều kiện cho KH & CN phát triển, các cá nhân hoạt động KH & CN được quyền tự do sáng tạo rất lớn, đồng thời Luật cũng quy định rõ trách nhiệm của cá nhân hoạt động KH & CN. Nếu làm tốt trách nhiệm đó thì hoạt động khoa học sẽ có hiệu quả cao. Cũng từ Luật này mọi tổ chức, cá nhân có đầy đủ các cơ hội bình đẳng trong hoạt động KH & CN ; việc ứng dụng kết quả KH & CN trong đời sống kinh tế - xã hội, nhất là các kết quả KH & CN tạo ra trong nước được đặc biệt khuyến khích.

Vấn đề quan trọng là phải đẩy mạnh công tác truyền thông, phổ biến Luật KH & CN sâu rộng trong quần chúng, làm cho không chỉ giới KH & CN mà toàn dân đều hưởng ứng, tham gia thực hiện Luật KH & CN, đưa các kết quả KH & CN vào đời sống. Để luật KH & CN nhanh chóng được triển khai trong thực tế, nhất thiết phải có sự nỗ lực của các cấp ủy đảng, chính quyền, các đoàn thể xã hội, các tổ chức, cá nhân hoạt động KH & CN và sự tham gia tự giác, sáng tạo của toàn dân. Thực tế cho thấy, ở đâu quần chúng tích cực tham gia hưởng ứng đưa các thành tựu KH & CN vào cuộc sống ; ở đâu các cấp ủy đảng, chính quyền tích cực tuyên truyền, vận động để nhân dân hiểu biết, tham gia ứng dụng các kết quả KH & CN thì ở đó KH & CN mới thực sự trở thành động lực thúc đẩy sản xuất phát triển mạnh mẽ, bền vững.

Thế kỷ XXI là thế kỷ phát triển của nền kinh tế tri thức. Với Luật KH & CN, chúng ta đã có trong tay một công cụ pháp lý hữu hiệu và cần thiết, tạo điều kiện cho mỗi tổ chức và cá nhân tham gia vào hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, làm cho KH & CN thực sự trở thành nền tảng của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhiệm vụ cấp thiết của chúng ta hiện nay là phải khẩn trương đưa tinh thần và nội dung đổi mới của luật KH & CN nhanh chóng đi vào cuộc sống.❑

Digitized by Google

PHONG TRÀO THI ĐUA THANH NIÊN TÌNH NGUYỆN

VŨ TRỌNG KIM *

Một trong những nét nổi bật trong Năm thanh niên - năm 2000 là tuổi trẻ cả nước sôi nổi đẩy mạnh các hoạt động thi đua yêu nước, hướng tới Đại hội Thi đua toàn quốc lần thứ VI. Theo lời chỉ dẫn ân cần của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, Năm thanh niên : *"là năm tình nguyện, xông pha, đem sức trẻ và hoài bão cách mạng hoàn thành bất cứ nhiệm vụ khó khăn nào của Đảng, Nhà nước giao cho" ; là năm "trong phong trào thi đua yêu nước, thanh niên ta phải là những người đi đầu".*

Với ý nghĩa ấy, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh lần thứ 6 (khóa VII) đã tuyên bố phát động phong trào thanh niên tình nguyện với nội dung : *"Tình nguyện lao động sản xuất vượt mức kế hoạch ; tình nguyện học tập, nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật ; tình nguyện đi bất cứ đâu, làm bất cứ việc gì nhân dân yêu cầu".* Tuyên bố kêu gọi toàn thể đoàn viên, thanh niên hãy *"Tích cực tham gia các đội thanh niên xung phong xây dựng kinh tế, các đội thanh niên tình nguyện xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường, chống thất nghiệp, chống thất học, chống các tệ nạn xã hội, nhất là xóa bỏ tệ nạn ma túy... Mỗi cơ sở Đoàn, Hội đăng ký đảm nhận công trình thanh niên, phần việc thanh niên ; tổ chức cho tất cả thanh niên tham gia hoạt động giáo dục truyền thống, học tập chính trị, rèn luyện thể lực, sinh hoạt văn hóa...".* Bản tuyên bố đã nhanh chóng được sự hưởng ứng rộng rãi của các tầng lớp thanh niên, thu hút ngày càng đông đảo đoàn viên, hội viên, thanh niên tham gia, làm bừng lên "ngọn lửa thanh niên tình nguyện".

Lịch sử đấu tranh cách mạng của dân tộc ta đã chứng kiến nhiều phong trào thi đua yêu nước của tuổi trẻ, trong đó có thời kỳ đã được đẩy lên thành cao trào chưa từng thấy như *"Ba sẵn sàng", "Năm xung phong".*

Ngày nay, thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ : *"Yêu nước thì phải thi đua, thi đua tức là yêu nước"*, tuổi trẻ nước ta vẫn tiếp nối truyền thống thi đua yêu nước vẻ vang của các thế hệ cha anh, đã và đang tạo ra những chuyển biến tích cực phù hợp với điều kiện mới.

Phong trào thanh niên tình nguyện được dấy lên rộng khắp, trùng hợp với thời điểm Đảng và Nhà nước ta chuẩn bị tổ chức Đại hội Thi đua toàn quốc. Đặc trưng nổi bật của phong trào thể hiện tính quần chúng sâu sắc, có sức thu hút mạnh mẽ hàng triệu người tham gia. Điều này khẳng định sự phát triển ở tầm cao mới của phong trào lớn là *"Thanh niên lập nghiệp"* và *"Tuổi trẻ giữ nước".*

Tình nguyện là nét đẹp truyền thống trong bản chất của tuổi trẻ nước ta. Đây là sức mạnh tiềm tàng nếu được khơi dậy đúng lúc, đúng hướng, bằng những biện pháp hiệu quả vừa kết hợp giữa cổ vũ, động viên tinh thần với tổ chức lực lượng một cách thích hợp.

Thực tiễn cho thấy, từ đầu năm đến nay, được sự chỉ đạo trực tiếp của các cấp bộ Đoàn, phong trào thi đua trong thanh thiếu nhi cả nước, đã phát triển cả bề rộng lẫn chiều sâu, mở ra nhiều hướng mới, với những chương trình hành động cụ thể, đáp ứng nguyện vọng thiết tha của tuổi trẻ.

Trên địa bàn nông thôn, miền núi, phong trào thanh niên tình nguyện tham gia xóa đói giảm nghèo ; xây dựng kết cấu hạ tầng ; hoạt động trợ vốn để phát triển sản xuất ; chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật ; đảm nhận công trình thanh niên v.v.... 5 tháng đầu năm 2000, số thanh niên được tập huấn kỹ thuật đã tăng gần 15% so với 6 tháng đầu năm 1999. Phấn đấu cuối năm sẽ vượt mức chỉ tiêu đề ra về tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho 800 000 thanh niên nông thôn. Việc xây dựng các điểm trình diễn kỹ thuật, các câu lạc bộ khuyến nông, khuyến ngư, thu hút ngày càng đông đảo thanh niên tham gia. Đây là nguồn lực quan trọng, góp phần

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

Digitized by Google

đắc lực phát triển sản xuất. Nét nổi bật trong phong trào xung phong tình nguyện của thanh niên nông thôn 6 tháng đầu năm 2000 là hình thành các đội thanh niên tình nguyện tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là xây dựng đường giao thông nông thôn, kể cả ở vùng sâu, vùng xa. Tiêu biểu cho hoạt động này là Chương trình Đoàn Thanh niên tham gia xóa cầu khỉ, làm cầu vững chắc cho người đi bộ và xe hai bánh ở vùng sâu đồng bằng sông Cửu Long. Chỉ trong thời gian ngắn, hàng trăm chiếc cầu vững chắc đã được hoàn thành trước sự vui mừng của bà con nông dân và họ đã đặt cho các cây cầu này cái tên thân thương "cầu thanh niên tình nguyện". Riêng tỉnh Cà Mau, các đội thanh niên tình nguyện đã góp phần xây dựng 943 chiếc cầu, trong đó có hàng chục chiếc cầu bê tông. Trong 3 năm (2000 - 2002) Đoàn thanh niên cùng với nhân dân địa phương sẽ triển khai chương trình xóa cầu khỉ, xây dựng 2100 chiếc cầu vững chắc do bàn tay của hàng vạn đội viên thanh niên tình nguyện tạo dựng nên, góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn đồng bằng sông Cửu Long. Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Võ Văn Kiệt, cố vấn chương trình xóa cầu khỉ của Đoàn Thanh niên đã nhận xét : *"Đây là một chương trình được Đảng, Nhà nước và xã hội rất hoan nghênh, trước hết là hoan nghênh sáng kiến và tinh thần tình nguyện của thanh niên".*

Cùng với phong trào thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, hàng nghìn cán bộ, đoàn viên, thanh niên đã tình nguyện trở lại con đường Trường Sơn huyền thoại mà cha anh họ đã từng đem xương máu bảo đảm nối liền hậu phương lớn với tiền tuyến lớn trong những năm tháng mưa bom bão đạn mà mỗi mét đường là một chiến công. Các Tổng đội Thanh niên xung phong Trường Sơn, Quảng Nam, Đà Nẵng, Sông Đà... các đội thanh niên tình nguyện địa phương có đường Hồ Chí Minh đi qua đã ký hợp đồng khoán gọn những phần việc thủ công với các đơn vị thi công. Kể từ ngày làm lễ xuất quân 23-4-2000 đến nay, trên cung đường thanh niên xung phong có chiều dài 51 km cùng với cả tuyến đường Hồ Chí Minh bừng lên khí thế thi đua sôi nổi. Nhiều đơn vị và tập thể đã phấn đấu vượt cả 4 mục tiêu : tiến độ nhanh nhất, chất lượng tốt nhất, tiết kiệm và an toàn. Một lớp chiến sĩ Trường Sơn thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang tiếp bước cha anh viết nên bản anh hùng ca với tinh thần xung phong tình nguyện mới. Rồi đây, cũng chính họ, bằng những giọt mồ hôi cùng nhiệt huyết của tuổi xuân, sẽ trồng hàng chục vạn ha rừng cũng như lập nên hàng chục điểm dân cư theo mô hình "Làng thanh niên lập nghiệp" dọc hai bên tuyến quốc lộ Hồ Chí Minh dài hơn nghìn cây số ấy, mở ra thời kỳ "xẻ dọc Trường Sơn" tiến tới tương lai giàu mạnh.

Trong chương trình mục tiêu năm 2000 của Đoàn thanh niên, một dự án dành cho những trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi đã được triển khai trong khí thế thi đua sôi nổi với số thanh niên tình nguyện vượt xa yêu cầu. 500 trí thức trẻ đã lên đường, và sẽ còn nhiều hơn nữa những thanh niên mang trái tim chí nguyện, rời các thành thị về công tác ở hàng trăm xã nông thôn, miền núi đang gặp khó khăn. Họ sẽ cùng với cán bộ, đoàn viên, thanh niên và bà con nông dân địa phương tổ chức các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chống mù chữ, phát triển y tế cơ sở, phổ cập giáo dục tiểu học, phòng chống tệ nạn xã hội, xây dựng Đoàn, Hội, Đội trên địa bàn dân cư... Đối với những người vừa rời ghế nhà trường, đây là niềm tự hào cho họ khi có một quãng đời đẹp đẽ, được cống hiến tuổi xuân cho đất nước và góp phần đem lại hạnh phúc cho mọi người.

Đến nay, phong trào thanh niên tình nguyện đã phát triển vượt ra ngoài dự kiến. Một số hoạt động nêu trên chỉ là những dẫn chứng bước đầu so với thực tiễn phong phú đang diễn ra ở các địa phương, cơ sở. Từ sáng kiến và nguyện vọng của tuổi trẻ, vào dịp kỷ niệm 69 năm Ngày thành lập Đoàn vừa qua, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp thanh niên, Hội Sinh viên Việt Nam phát động *"Ngày thứ bảy tình nguyện"* trên phạm vi toàn quốc. Đó là một ngày rất có ý nghĩa với hàng triệu bạn trẻ xuống đường để làm xanh, sạch, đẹp phố phường ; tuyên truyền, cổ động phòng chống tệ nạn xã hội, giúp đỡ các gia đình thương binh, liệt sĩ và tham gia công tác xã hội trên địa bàn dân cư.

Từ phong trào thanh niên tình nguyện, đã nảy sinh các hoạt động thi đua muôn màu, muôn vẻ ở khắp mọi lĩnh vực, khắp các địa bàn. Biết bao gương sáng thanh niên được giới thiệu hằng ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng, vừa cổ vũ, lôi cuốn vừa góp phần tích cực thúc đẩy các phong trào thi đua phát triển theo nhiều hướng, nhiều chiều, đặc biệt là đi vào tâm thức của từng người để ai ai cũng có dịp thể hiện tinh thần tình nguyện ngay trên bàn làm việc, bên cỗ máy, trong phòng nghiên cứu, trên mảnh vườn... của mình.

Chẳng còn bao lâu nữa, sẽ đến ngày hội lớn của nhân dân lao động - ngày Đại hội thi đua toàn quốc lần thứ VI. Các cấp bộ Đoàn, Hội từ trung ương đến cơ sở đang ra

Digitized by Google

sức chỉ đạo thực hiện có kết quả chương trình mục tiêu trong Năm thanh niên bằng phong trào thi đua hành động lập thành tích xuất sắc tiến tới Đại hội thanh niên tiên tiến toàn quốc và Đại hội Thi đua toàn quốc lần thứ VI.

Thi đua với tinh thần giác ngộ cách mạng là một trong những phương thức để giáo dục, bồi dưỡng lòng yêu nước cho thế hệ trẻ. Thi đua ái quốc theo tư tưởng của Bác Hồ là hoạt động tự nguyện, tự giác của từng cá nhân và tập thể, tác động tới tiến trình phát triển xã hội. Đặc biệt đối với tuổi trẻ, khi được lý tưởng cách mạng soi sáng, có cơ hội phát huy sức sáng tạo, tinh thần dám nghĩ, dám làm thì hoạt động thi đua là động lực mạnh mẽ giúp tuổi trẻ vượt qua mọi khó khăn, thử thách hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Quán triệt lời căn dặn của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu về thi đua trong Năm thanh niên và triển khai tuyên bố của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn, phong trào thanh niên tình nguyện thực sự đang là môi trường thuận lợi cho mọi tầng lớp thanh niên tham gia bằng nhiều hoạt động phong phú trên các lĩnh vực : học tập, lao động, công tác, rèn luyện của mình. Đây là nét đặc trưng đáng khích lệ của phong trào thi đua trong thanh niên ngày nay, mang đậm tính quần chúng rộng rãi, không còn đóng khung trong bộ phận thanh niên tiên tiến. Chính vì vậy, công tác chỉ đạo của các cấp bộ Đoàn cần đặc biệt chú trọng những vấn đề sau đây, để thi đua thực sự trở thành ngày hội của tuổi trẻ, với tinh thần phấn khích cao, với chương trình hành động cụ thể đến từng cơ sở, từng người :

- Đặt niềm tin yêu vững chắc và thấy rõ vai trò, lực lượng to lớn của thanh niên trong các phong trào thi đua từ trước đến nay. Thanh niên ta giàu lòng yêu nước, được Đảng và chế độ bồi dưỡng, xây dựng. Vì vậy, dù ở hoàn cảnh nào, trong cơ chế nào tuổi trẻ nước ta đều có nguyện vọng được cống hiến. Đây là cơ sở, là lợi thế hàng đầu cho các cuộc vận động thi đua trong thanh niên. Nhận thức rõ điều này là tiền đề quan trọng để phấn đấu đặt công tác thi đua ngang tầm đòi hỏi và ý nghĩa lớn lao của nó như Bác Hồ đã dạy. Vận động thi đua trong thế hệ trẻ là công tác tư tưởng, chính trị ; công tác tổ chức, giáo dục v.v.. với sự tác động tích cực trên nhiều mặt giúp cho thanh niên tự giác, sáng tạo hoàn thành sứ mệnh lịch sử được giao. Mọi thái độ thiếu chú trọng, thậm chí coi nhẹ cần được khắc phục kịp thời.

- Phong trào thanh niên tình nguyện làm nảy nở hàng loạt hình thức thi đua phong phú trên nhiều bình diện khác nhau. Phong trào ấy từ quần chúng mà ra, được lãnh đạo các địa phương nắm bắt kịp thời và sử dụng nhiều giải pháp thích hợp. Hoạt động thi đua bao giờ cũng gắn liền với tính sáng tạo, tính năng động vốn có của tuổi trẻ trong điều kiện của thời cơ mới, thuận lợi mới. Vì vậy, quá trình chỉ đạo công tác thi đua trong thanh niên là quá trình nghiên cứu, tìm tòi để khơi dậy tinh thần dám nghĩ, dám làm trên cơ sở mở rộng sinh hoạt dân chủ cho mọi người, mọi cơ sở được tham gia tháo gỡ khó khăn và hiến kế, tránh những biểu hiện chủ quan, áp đặt. Khi tổ chức các hoạt động thi đua và tình nguyện ở cơ sở, cần chú trọng đến hiệu quả thiết thực, tránh lãng phí sức người, tiền của và thời gian.

- Phong trào thi đua của giới nào, ngành nào..., trước tiên phải tạo được cơ chế phối hợp. Thanh niên có mặt trong mọi giai cấp, mọi mặt sinh hoạt xã hội, mọi lĩnh vực hoạt động, nên việc tạo ra cơ chế phối hợp như là một tất yếu. Nói đến phối hợp mà không đề cập đến trách nhiệm của các chủ thể tham gia phối hợp, có thể sẽ rơi vào tình trạng kêu gọi chung chung. Vì vậy, sự phối hợp cần đi liền với quá trình phân công trách nhiệm. Thí dụ, các ngành nhà nước, với chức năng là cơ quan quản lý sẽ chú trọng việc tạo điều kiện về chính sách. Các đoàn thể quần chúng sẽ chú trọng việc giáo dục, tổ chức v.v.. Càng phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ bao nhiêu thì hiệu quả thi đua càng đạt được cao bấy nhiêu. Động lực tinh thần đối với thanh niên là cơ bản. Song, nếu kết hợp đồng bộ với khuyến khích vật chất ở mức độ cần thiết, sẽ là điều kiện không thể thiếu để duy trì và phát triển phong trào thi đua.

*
* *

Trong không khí tràn đầy phấn khởi trước những thắng lợi của công cuộc đổi mới xây dựng đất nước, cùng với phong trào quần chúng tình nguyện rộng lớn đang trên đà chuyển động đi lên, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tiếp tục tăng cường chỉ đạo để tuổi trẻ cả nước hướng tới Đại hội Thi đua toàn quốc lần thứ VI và đặc biệt là hướng tới Đại hội IX của Đảng với những thành tích cao nhất, những hoạt động mang lại hiệu quả thiết thực nhất. Chúng ta có cơ sở để tin tưởng rằng, tuổi trẻ nước ta mãi mãi xứng đáng với sự tin cậy của Đảng và nhân dân và luôn phấn đấu thực hiện lời dạy của Bác Hồ kính yêu trong mọi hoạt động thi đua yêu nước : *"Thi đua là một cách tốt, rất thiết thực để làm cho mọi người tiến bộ. Thi đua phải lâu dài, rộng khắp không chỉ một thời gian"*.❑

Digitized by Google

Về một số xã anh hùng trong thời kỳ đổi mới

THÁI SƠN

Quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng ta về phát triển nông nghiệp, nông thôn đã khơi dậy nguồn lực, tiềm năng to lớn trong nhân dân. Mặt trận nông nghiệp sau gần 15 năm đổi mới đã thu được những thành tựu rất quan trọng. Nhiều nhân tố mới trong nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới xuất hiện, góp phần rất quan trọng vào việc ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

Ghi nhận và khẳng định những thành tựu đã đạt được, đánh giá cao những nhân tố mới, đồng thời để góp phần kịp thời động viên, khơi dậy phong trào thi đua yêu nước trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vừa qua Nhà nước đã quyết định phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động cho 5 xã có *thành tích đặc biệt xuất sắc thời kỳ đổi mới 1989 - 1999, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc*, đó là :

- Xã Hòa Quang, thị xã Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
- Xã Đông Văn, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
- Xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
- Xã Bình Phục Nhất, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
- Xã Tân Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

* *Xã Hòa Quang* là một xã vùng bán sơn địa, có tổng diện tích tự nhiên 88,38km², có 11 thôn, 2 hợp tác xã nông nghiệp với 4 108 hộ, hơn 21 000 nhân khẩu. Trong kháng chiến chống Mỹ, Hòa Quang là căn cứ cách mạng bị địch tàn phá nặng nề, có 65% dân số bám trụ giữ làng, số còn lại phải đi nơi khác sinh sống, sau giải phóng mới trở về xây dựng quê hương. Toàn xã có 357 liệt sĩ, 135 người có công với cách mạng, 35 Bà mẹ Việt Nam anh hùng, là đơn vị "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân".

Trong 10 năm đổi mới xây dựng nông thôn, Hòa Quang đã đoàn kết, khắc phục khó khăn, từng bước đi lên và phát triển toàn diện, đặc biệt là kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao, ổn định từ 15 đến 20%. Từ một xã nghèo khó, lạc hậu, bằng chính sự nỗ lực của bản thân, Hòa Quang đã vươn lên, không những xóa được đói, giảm được nghèo, nâng trình độ dân trí, giữ vững được an ninh trật tự mà còn trở thành một xã điển hình toàn diện, 10 năm qua (1989 - 1999), luôn là lá cờ đầu của tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới. Đảng bộ Hòa Quang giữ vững danh hiệu đơn vị "trong sạch, vững mạnh". Các cơ sở trong xã được Nhà nước tặng thưởng 4 Huân chương lao động hạng III, toàn xã được tặng 2 Huân chương lao động hạng II, 1 Huân chương lao động hạng III.

* *Xã Bình Phục Nhất* có diện tích tự nhiên 17 000 ha, có 7 ấp, dân số 12 092 người. Tuyến giao thông chính của xã là kênh Chợ Gạo chạy qua xã dài 4,5km. Là căn cứ cách mạng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, lại nằm trên trục tuyến giao thông huyết mạch nối Sài Gòn với các tỉnh miền Tây Nam Bộ, xã bị địch tập trung đánh phá rất ác liệt. Sau ngày giải phóng, toàn xã có hơn 75% số hộ nghèo đói phải trợ cấp thường xuyên, kinh tế, xã hội kém phát triển. Trong 10 năm đổi mới, đảng bộ và nhân dân xã không ngừng khắc phục khó khăn, tự lực, tự cường, làm tốt công tác vận động quần chúng nhân dân... đạt kết quả tốt trong phát triển nông nghiệp, xóa đói, giảm nghèo, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, dẫn đầu toàn diện trong huyện, và về một số mặt trong tỉnh. Năm 1996 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng I.

* *Xã Tân Sơn* ở vùng lúa của huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, diện tích tự nhiên là 595,4 ha, dân số 5 707 người trong đó 95% sống chủ yếu bằng nông nghiệp. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, vừa sẵn sàng chiến đấu, vừa xây dựng quê hương với tinh thần "thóc không thiếu

Digitized by Google

một cân, quân không thiếu một người", nhân dân Tân Sơn luôn đi đầu trong lao động sản xuất, ứng dụng nhiều phương pháp kỹ thuật canh tác tiên tiến, đã biến mảnh đất cằn cỗi thành xã đạt năng suất 5 tấn thóc/ha đầu tiên của tỉnh Nghệ An, là điển hình tiên tiến của tỉnh trong việc giữ vững và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Trong 10 năm đổi mới, đảng bộ và nhân dân Tân Sơn đã phát huy nội lực, đạt được nhiều thành tích xuất sắc trong xây dựng và phát triển kinh tế, giữ gìn trật tự, an toàn trên địa bàn, luôn dẫn đầu các phong trào thi đua toàn diện của huyện, có một số mặt dẫn đầu của tỉnh. Từ năm 1986 đến nay, đảng bộ xã liên tục được công nhận là "đảng bộ trong sạch, vững mạnh" ; chính quyền và các đoàn thể đạt xuất sắc toàn diện.

* *Xã Đông Văn* nằm ở vùng chiêm trũng của huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, có diện tích tự nhiên là 630 ha, diện tích canh tác là 474 ha ; có 1 050 hộ với 4 784 nhân khẩu. Trong cơ chế bao cấp, Đông Văn là xã khó khăn nhất của huyện : kinh tế chậm phát triển, nhân dân nghèo đói, cơ sở hạ tầng yếu kém, hạn hán, úng lụt xảy ra thường xuyên, trình độ dân trí thấp, tư tưởng trông chờ, ỷ lại cấp trên khá phổ biến... Nhưng sau 10 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của đảng bộ, cán bộ và nhân dân Đông Văn đã đạt nhiều thành tích, hoàn thành xuất sắc các mục tiêu kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, giữ vững an ninh quốc phòng. Từ một xã khó khăn yếu kém, Đông Văn trở thành xã có phong trào thi đua phát triển toàn diện, là đơn vị dẫn đầu tỉnh Thanh Hóa trên nhiều lĩnh vực.

* *Xã Thiệu Đô,* huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, có tổng diện tích tự nhiên 527 ha, diện tích canh tác là 312 ha, dân số 7 200 người. Từ năm 1980 trở về trước, Thiệu Đô là một trong những xã có nhiều khó khăn, kinh tế chậm phát triển, nhân dân nghèo đói thường xuyên, an ninh trật tự mất ổn định... Thực hiện công cuộc đổi mới với tinh thần phấn đấu vượt bậc, Thiệu Đô đã đoàn kết, phát huy tính sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, tăng cường công tác quản lý, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, vươn lên đi đầu trong huyện và tỉnh trên nhiều lĩnh vực như : bê tông hóa kênh mương nội đồng ; gạch và bê tông hóa hệ thống giao thông nông thôn, giao thông nội đồng ; ngói hóa nhà ở, điện khí hóa sản xuất và sinh hoạt ; làm tốt công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình. Bằng việc phát huy nội lực và tranh thủ sự giúp đỡ của các ngành, 10 năm qua, Thiệu Đô là đơn vị dẫn đầu toàn diện cả về kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của huyện và tỉnh, từ năm 1998 đến nay là xã điểm của tỉnh về việc thực hiện quy chế dân chủ ở xã, phường.

*

* *

Năm xã vừa được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động nêu trên, dù ở các vùng, miền khác nhau, với những đặc điểm, tình hình khác nhau, nhưng đều có những thành tích xuất sắc, tiêu biểu cho sự phát triển nhanh, vững chắc của nông nghiệp, nông thôn và nông dân nước ta trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những đặc trưng chung nhất của 5 xã là :

1 - Dẫn đầu về việc đưa nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

Để đưa nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật nông nghiệp vào sản xuất, ngoài việc mời các chuyên gia, cộng tác chặt chẽ với các cơ quan khoa học, các xã đều rất coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng, và sử dụng đội ngũ cán bộ kỹ thuật tại chỗ, thường xuyên tổ chức, mở các lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho bà con nông dân. Các xã nói trên đều là những xã dẫn đầu của địa phương trong cải tạo đồng ruộng và thâm canh tăng vụ, đưa giống lúa lai có năng suất cao, cây trồng và vật nuôi có chất lượng cao, kỹ thuật canh tác tiên tiến vào sản xuất, nuôi trồng. Do vậy, tất cả các xã đều đạt năng suất cao : trên 120 tạ/ha/năm ; bình quân lương thực đầu người cao, có xã đạt tới 1 121 kg/người/năm, bảo đảm ổn định an ninh lương thực, không còn hộ đói nghèo. Đông Văn dẫn đầu tỉnh Thanh Hóa trong cải tạo đồng ruộng, gieo trồng 100% giống lúa cấp I cho sản xuất đại trà. Thiệu Đô thực hiện có hiệu quả các chương trình lúa lai, tằm lai, ngô lai, lợn lai. Hòa Quang đi đầu tỉnh Phú Yên đưa các chương trình khuyến nông đến hộ nông dân, đặc biệt là việc lai tạo, chọn lọc đàn bò giống nền và chương trình nạc hóa đàn lợn thịt.

2 - Ổn định và từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Các xã nói trên đều có cảnh làng quê trù phú với những nhà ngói khang trang, đường làng được gạch hóa, bê tông hóa sạch đẹp. Thu nhập của

Digitized by Google

người dân ngày một tăng, số hộ giàu ngày càng nhiều. Ở xã Hòa Quang, trước năm 1989, số hộ đói nghèo chiếm tới 28%, nay chỉ còn 3% hộ nghèo (giảm 25%), không còn hộ đói ; toàn xã có 17% hộ giàu, 44% hộ khá, 36% hộ trung bình ; 98% nhà ở ngói hóa ; trên 65% số hộ có xe máy, 80% số hộ có phương tiện nghe nhìn ; 10% số hộ có điện thoại. Bình quân lương thực đầu người năm 1999 đạt 1 121 kg, mức thu nhập đạt 3 746 000 đồng/người, (tương đương 260 USD). Xã Bình Phục Nhất, năm 1986 số hộ đói nghèo là 41,36%, đến năm 1998 chỉ còn 4,56% số hộ nghèo, không còn hộ đói ; gần 80% số hộ có máy thu hình, hơn 35% số hộ có xe gắn máy. Xã Tân Sơn, những năm 1989 - 1990, số hộ giàu là 6%, tạm đủ ăn 74%, nghèo đói 20% ; bình quân thu nhập đầu người 870 000 đồng/năm. Năm 1998, số hộ giàu chiếm 15%, hộ khá 80%, hộ nghèo còn 5%, không có hộ đói. Xã Đông Văn, năm 1989 có 13,7% hộ nghèo đói, đến năm 1998, hộ đói không còn, hộ nghèo chỉ còn 5%, số hộ giàu và khá là 60% ; 79% số hộ có máy thu hình, 10% hộ có xe gắn máy ; bình quân thu nhập là 4,35 triệu đồng/người (tăng 62,9% so với năm 1989). Xã Thiệu Đô năm 1989 có 15% hộ nghèo đói, đến năm 1998 không còn hộ đói, số hộ nghèo chỉ còn 4%, số hộ giàu và khá chiếm 63%, thu nhập bình quân năm 1989 là 2,4 triệu đồng/người, đến năm 1998 là 3,2 triệu đồng/người (tăng 25%). Trong xã 14 hộ có ô tô, 264 hộ có xe máy, gần 1 000 hộ có ti vi, hơn 100 hộ có điện thoại.

Bên cạnh việc phát triển kinh tế cải thiện đời sống vật chất các xã đều rất quan tâm nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, thực hiện tốt các chính sách xã hội, đặc biệt là phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ và các gia đình khó khăn. Các xã đều thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn, đạt tiêu chuẩn xã văn hóa, làng văn hóa ; làm tốt công tác y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình, công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, công tác giáo dục truyền thông và thực hiện đồng bộ các biện pháp tránh thai, sinh đẻ có kế hoạch, công tác vệ sinh môi trường, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới... Đến nay, các xã nói trên đều cơ bản thanh toán xong các bệnh xã hội, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên thấp : Năm 1998 xã Thiệu Đô còn 0,78% ; Đông Văn 0,86% ; Tân Sơn 1%...

3 - Làm tốt công tác xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng.

Với phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, trong 10 năm qua, các xã đã tổ chức và huy động mọi nguồn lực, cả ngân sách xã và sự đóng góp của nhân dân, đầu tư xây dựng các công trình phục vụ sản xuất, văn hóa, xã hội và đời sống nhân dân, chủ yếu là : hệ thống thủy lợi, các công trình phúc lợi (điện, đường, trường, trạm, đài tưởng niệm, trụ sở của xã).

Thiệu Đô là xã có mô hình bê tông hóa kênh mương, hệ thống thủy lợi nội đồng đầu tiên của tỉnh Thanh Hóa và cả nước từ những năm 1979 - 1980. Mỗi năm bằng vốn tự có, bằng nguyên liệu, kỹ thuật và sức lao động tại chỗ, xã đã đầu tư hàng trăm triệu đồng cho việc nâng cấp hệ thống thủy lợi, kiên cố hóa kênh mương. Đến nay, đã hoàn thành cơ bản 10km kênh mương xây lát bằng gạch, 1 km kênh mương bê tông cốt thép, đổ bê tông 250 cầu cống lớn nhỏ. Cách làm này đã tiết kiệm được diện tích canh tác, giảm chi phí đầu tư, tiết kiệm nước ; 100% diện tích canh tác được tưới tiêu chủ động theo yêu cầu phát triển của cây trồng ; thực hiện thâm canh ăn chắc 2 vụ lúa ; chủ động chuyển đổi cơ cấu mùa vụ ; nâng hệ số lần trồng từ 2,1 lần năm 1988 lên 2,55 lần năm 1998 ; năng suất cây trồng, vật nuôi, giá trị sản lượng trên đơn vị diện tích không ngừng tăng. Xã Hòa Quang đã đầu tư hơn 1 tỉ đồng cho sửa chữa, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống thủy lợi với 8 km trọng yếu, 20 km kênh mương thủy lợi, bờ vùng, bờ thửa được bê tông hóa, chủ động tưới tiêu 95% diện tích lúa 2 vụ. Lấy xây dựng hệ thống thủy lợi là điểm đột phá, trong 10 năm qua, xã Bình Phục Nhất luôn là đơn vị dẫn đầu của tỉnh về việc làm thủy lợi nội đồng. Nhân dân trong xã đã đóng góp hàng trăm triệu đồng, hàng chục nghìn ngày công lao động nạo vét, nâng cấp được gần 40km kênh mương nội đồng, bảo đảm chủ động tưới tiêu cho 100% diện tích canh tác 2 vụ, ngoài ra còn tiếp ứng cho trên 500 ha của 2 xã Đồng Sơn và Bình Nhì huyện Gò Công Tây. Xây dựng được hệ thống giao thông nông thôn và các công trình phúc lợi như : trường học, điện cho sản xuất và sinh hoạt, trạm y tế, đài tưởng niệm... Đây là chương trình mà cả 5 xã đều làm và đều mang lại hiệu quả phục vụ tốt cho sản xuất và đời sống nhân dân, làm thay đổi bộ mặt, quê hương, làng xóm.

Digitized by Google

4 - Làm tốt công tác quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Các tổ chức đảng, chính quyền đã chủ động tuyên truyền giáo dục, phổ biến các chủ trương, chính sách về an ninh, quốc phòng của Đảng, Nhà nước trong cán bộ, đảng viên và nhân dân ; thường xuyên chủ động nắm tình hình và xử lý kịp thời những diễn biến có liên quan đến an ninh, những vấn đề nảy sinh ở địa phương, trong nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Trong suốt 10 năm qua, cả 5 xã đều là những đơn vị dẫn đầu huyện, tỉnh về xây dựng lực lượng an ninh, quốc phòng.

Qua những thành tích của các xã anh hùng nêu trên, bước đầu rút ra một số bài học kinh nghiệm sau đây :

Một là, đoàn kết và sáng tạo. Đây là vấn đề tưởng như muôn thuở nhưng trong thực tế đúng là nhân tố quan trọng nhất bảo đảm thắng lợi. Có đoàn kết trong đảng ủy, trong hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, trong đảng bộ và trong nhân dân, các xã mới có thể đồng tâm hiệp lực đề ra chủ trương đúng và thực hiện tốt mọi nhiệm vụ. Sáng tạo cũng là phẩm cách đặc biệt của các xã anh hùng. Muốn vươn tầm, phát triển mạnh mẽ và vững chắc, các cấp lãnh đạo của xã cùng với nhân dân không ngừng sáng tạo, biết phân tích nhìn nhận đúng tình hình và từ đó tìm đúng đường đi nước bước, tháo gỡ khó khăn vướng mắc, phát huy thế mạnh của địa phương, tạo ra động lực to lớn, thúc đẩy các mặt hoạt động của xã đi lên.

Hai là, xây dựng và thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở. Tổ chức đảng, chính quyền các xã nói trên luôn xác định rõ đây là một công tác trọng tâm, thường xuyên trên tinh thần phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện tốt phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".

Đối với mọi chủ trương của Đảng và Nhà nước, các cấp ủy đảng, chính quyền ở đây đều lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các chương trình để dân thực hiện : xây dựng quy ước nông thôn, quy ước xây dựng nếp sống văn hóa, làng văn hóa ; quy chế bảo vệ môi trường... Các khoản đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng đều thông qua dân ; thông báo cụ thể các quyền và nghĩa vụ của dân, lấy ý kiến đóng góp của dân. Trước khi lên kế hoạch và tổ chức thực hiện các công trình về xây dựng giao thông nông thôn, đường điện, thủy lợi nội đồng... mạnh dạn đưa ra dân bàn bạc, đóng góp ý kiến. Những công trình hoàn thành khi thanh toán, quyết toán đều được công khai cho dân biết. Mặc dù trong những năm qua, sự huy động đóng góp xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng ở cả 5 xã nói trên là khá nhiều, nhưng nhân dân đều nhất trí cao, không có đơn thư khiếu kiện, tạo được lòng tin trong nhân dân.

Ba là, luôn quan tâm đến công tác cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt ở cơ sở, coi đây là nhân tố quyết định nhất để bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc tổ chức thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị. Cấp ủy đảng, chính quyền thường xuyên chăm lo đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, nhất là cán bộ trẻ, cán bộ nữ ; gắn liền việc tiêu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ theo hướng trẻ hóa và nâng cao trình độ học vấn. Đội ngũ cán bộ phải thực sự đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm, tận tâm, sâu sát với dân. Kiên quyết, kịp thời thay thế những cán bộ yếu kém bằng những người có phẩm chất, năng lực, được dân tín nhiệm.

Bốn là, tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng đảng bộ, chi bộ vững mạnh là khâu then chốt. Các xã đều tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ trên cơ sở khai thác có hiệu quả tiềm năng : lao động, đất đai, tài nguyên. Gắn kinh tế với quốc phòng an ninh, coi nhiệm vụ phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân là cơ sở để củng cố, giữ vững ổn định chính trị, nâng cao uy tín của Đảng và lòng tin của nhân dân. Quan tâm xây dựng Đảng và các tổ chức chính trị vững mạnh nhằm thống nhất ý chí hành động, tăng cường đoàn kết, giữ vững ổn định chính trị, tạo cơ sở cho kinh tế phát triển, nâng cao đời sống nhân dân.

Năm là, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên (huyện, tỉnh, trung ương) và sự tận tình giúp đỡ của các ngành hữu quan. Những sự quan tâm, chỉ đạo, giúp đỡ về chiến lược đầu tư, về thị trường và chế biến nông sản, bảo hiểm giá trị nông sản, về đầu tư vốn, các thiết chế kỹ thuật, về đào tạo cán bộ, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của cơ sở... là yếu tố rất quan trọng giúp đẩy nhanh và thực hiện tốt các mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong nông nghiệp, nông thôn.❑

Digitized by Google

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - MỘT CÔNG CỤ HUY ĐỘNG VỐN

PHAN THẾ HẢI

TRONG nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, thị trường chứng khoán đã có từ lâu và chứng tỏ là một công cụ đắc lực trong việc tích tụ và tập trung tư bản. Đối với Việt Nam, Nhà nước ta đã xác định thị trường chứng khoán là một công cụ rất quan trọng trong việc huy động vốn cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thị trường chứng khoán (TTCK) ở nước ta vừa mới ra đời, để thực sự trở thành một công cụ có hiệu quả cho việc huy động vốn, còn nhiều việc cần phải làm.

Cần có một nền tảng kinh tế - xã hội ổn định, vững chắc.

Ủy ban chứng khoán Nhà nước được thành lập từ tháng 11-1996, với nhiệm vụ chuẩn bị một hành lang pháp lý để cho ra đời một TTCK. Vào thời điểm đó, không ít chuyên gia đã nhận định là TTCK Việt Nam sẽ được ra đời ngay sau đó và hoạt động nhộn nhịp trong một thời gian gần. Tuy nhiên, do những biến động bất lợi của nền kinh tế sau cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực, TTCK nước ta đã không ra đời sớm như dự kiến ban đầu. Nếu vì một lý do nào đó, TTCK xuất hiện sớm hơn thì cũng khó thực hiện được những mục tiêu về phát hành chứng khoán và huy động vốn. Sau gần bốn năm nỗ lực chuẩn bị của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, chiều ngày 20-7 vừa qua, một Trung tâm giao dịch chứng khoán đầu tiên đã được đưa vào hoạt động tại 45 - 47 Bến Chương Dương quận I, TP Hồ Chí Minh, nơi được coi là trung tâm tài chính lớn nhất của cả nước.

Thị trường chứng khoán chỉ có thể ra đời và hoạt động có hiệu quả trong điều kiện một nền kinh tế hàng hóa phát triển khá ổn định và có tích lũy, nhu cầu cho đầu tư phát triển ở mức cao. Trong hoàn cảnh đó, TTCK mới phát huy được vai trò của mình là tạo ra một kênh dẫn vốn dài hạn cho nền kinh tế. Chính vì vậy, để Trung tâm giao dịch chứng khoán ở nước ta hoạt động có hiệu quả, chúng ta cần phải tạo ra một môi trường tốt, đó là một nền tảng kinh tế - xã hội ổn định, vững chắc. Một số TTCK mới ra đời trong những năm gần đây ở Trung Quốc như : Thượng Hải, Bắc Kinh, Thâm Quyến (năm 1988) là năm mà nền kinh tế Trung Quốc đạt tới tốc độ phát triển cao, ổn định và bắt đầu có tích lũy khá. Tuy nhiên, trong những năm sau đó, khi nền kinh tế Trung Quốc có những dấu hiệu mất ổn định, các TTCK này hầu như không hoạt động. Đến năm 1992, khi nền kinh tế Trung Quốc tăng trưởng trở lại, Mỹ xóa bỏ cấm vận đối với Trung Quốc, kênh huy động vốn qua các TTCK mới được khai thông trở lại.

Thị trường chứng khoán là nơi diễn ra các giao dịch chứng khoán, bao gồm : cổ phiếu, trái phiếu và các loại giấy tờ có giá. Trong những nỗ lực nhằm thành lập một Trung tâm giao dịch chứng khoán, điều không thể thiếu được là chuẩn bị hàng hóa cho thị trường một cách phong phú về chủng loại, đủ lớn về mặt số lượng. Ở Trung tâm giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, trong những ngày đầu tiên, hàng hóa trong phiên giao dịch chủ yếu là cổ phiếu và trái phiếu, đây là hai loại chứng khoán cơ bản. Đối với cổ phiếu là loại chứng khoán mà giá cả phụ thuộc vào mức độ sinh lợi của doanh nghiệp, thì doanh nghiệp có khả năng sinh lợi cao, ổn định càng hấp dẫn người mua. Nếu một doanh nghiệp nào đó chưa chứng minh được khả năng sinh lợi ổn

Digitized by Google

định thì sẽ rất khó khăn trong việc phát hành cổ phiếu của mình ra thị trường. Một nền kinh tế - xã hội phát triển ổn định, vững chắc là điều kiện cần thiết để các doanh nghiệp phát triển ổn định và ngược lại. Còn trái phiếu là loại chứng khoán chịu ảnh hưởng ít hơn của nền kinh tế, nên thường ít rủi ro hơn, nhưng khả năng sinh lợi lớn cũng ít xảy ra. Tuy nhiên, trong điều kiện một nền kinh tế không ổn định, đặc biệt là sự không ổn định của thị trường tiền tệ thì ngay cả việc phát hành trái phiếu cũng khó thu hút được sự đầu tư của khách hàng.

Theo tin từ Trung tâm giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, hàng hóa trong phiên giao dịch đầu tiên có từ 300 - 500 tỉ đồng (tương đương 30 triệu USD), đây là một con số khá khiêm tốn so với các nước trong khu vực. Điều này cũng phản ánh phần nào điểm xuất phát của nền kinh tế nước ta. Hiện nay theo Quyết định số 139/1999/QĐ-TTg, các tổ chức, cá nhân nước ngoài được nắm giữ tối đa 20% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức phát hành. Điều này thể hiện sự thận trọng của chúng ta, nhưng đồng thời cũng phản ánh sự nhỏ bé của TTCK Việt Nam. Khi nền kinh tế nước ta chứng minh được sự phát triển liên tục, ổn định thì không những chúng ta thu hút được nguồn vốn từ các nhà đầu tư chứng khoán trong nước mà còn thu hút được nguồn vốn đầu tư từ các nhà đầu tư chứng khoán nước ngoài.

Nhìn xa hơn, khi TTCK của ta phát hành một lượng chứng khoán đủ lớn ra nước ngoài, không loại trừ khả năng chúng ta sẽ bị các nhà đầu cơ chứng khoán nước ngoài thao túng. Sự kiện ngày 2-7-1997 ở Thái Lan là một bài học, khi các nhà đầu cơ chứng khoán bán ồ ạt cổ phiếu ra thị trường đã tạo ra sức ép khủng khiếp lên tỷ giá đồng Bạt. Nền kinh tế của Thái Lan do thiếu một nền tảng vững chắc nên đã không chống lại được làn sóng bán phá giá này. Đây là một trong những nguyên nhân quan trọng gây phát ngòi nổ cho cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực. Một nền tảng kinh tế - xã hội vững chắc thì có thể ngăn ngừa được những cuộc "tháo chạy" ồ ạt của các nhà đầu tư nước ngoài.

Cổ phần hóa, một yếu tố cần thiết để cung cấp hàng hóa cho TTCK.

Hàng hóa cho TTCK là các loại giấy tờ có giá. Tuy nhiên, loại hàng hóa thông dụng và cơ bản nhất của TTCK là cổ phiếu của các doanh nghiệp. Loại hàng này hiện nay chúng ta còn quá ít. Thông qua việc phát hành cổ phiếu, các doanh nghiệp sẽ huy động được vốn cho nhu cầu đầu tư phát triển của mình. Theo chủ trương của Nhà nước, sẽ từng bước cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, chỉ giữ lại những doanh nghiệp có vai trò đặc biệt đối với nền kinh tế. Tuy nhiên, tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp ở nước ta diễn ra hết sức chậm chạp, không đạt được mục tiêu mà Nhà nước đã đề ra. Vật cản của quá trình cổ phần hóa có nhiều, nhưng quan trọng nhất là tâm lý của các doanh nghiệp không muốn phải chia tay với "áo khoác cũ" với cơ chế quản lý còn nhiều "kẽ hở" để vận dụng và có thể ỷ lại vào sự che chở của Nhà nước. Tính đến hết quý II năm 2000, cả nước ta đã cổ phần hóa được 400 doanh nghiệp, trong đó có hơn 50 doanh nghiệp có vốn điều lệ hơn 10 tỉ đồng, và trong số này chỉ có khoảng 50% doanh nghiệp có đủ điều kiện bán cổ phiếu ra thị trường.

Khi đã có một số lượng khá lớn các doanh nghiệp đã được cổ phần hóa thì còn phải chờ xem, số lượng cổ phiếu được bán ra thị trường tự do là bao nhiêu và bao nhiêu khách hàng đón nhận những cổ phiếu đó. Khi đã có sự giao dịch chứng khoán khá nhộn nhịp thì Trung tâm giao dịch chứng khoán nhà nước mới có sức sống.

Trong phiên giao dịch đầu tiên ở Trung tâm giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh chỉ có cổ phiếu của 5 công ty được chào bán, đó là : Công ty cổ phần cơ điện lạnh REE ; Công ty cổ phần cáp và vật liệu viễn thông SACOM ; Công ty cổ phần kho vận và giao nhận ngoại thương (TRAN SIMEX) ; Công ty giấy Hải Phòng ; Công ty cổ phần bao bì TP Hồ Chí Minh. So với gần một ngàn công ty phát hành cổ phiếu ở TTCK Thâm Quyến thì đây là một số lượng nhỏ. Điều này chứng tỏ công cuộc cổ phần hóa của chúng ta cần phải được đẩy nhanh hơn nữa. Với tốc độ cổ phần như hiện nay thì việc khai trương Trung tâm giao dịch chứng khoán ở 45 - 47 Bến

Digitized by Google

Chương Dương chỉ mới là bước đầu và có nhiều việc chúng ta còn phải làm để cho Trung tâm này hoạt động nhộn nhịp, có hiệu quả.

Cải cách và đổi mới hoạt động của doanh nghiệp.

Muốn TTCK không bị khan hiếm hàng hóa, trước hết phải có một số lượng lớn các doanh nghiệp hội đủ những điều kiện để có thể phát hành chứng khoán ra thị trường, bao gồm : uy tín trên thương trường, lợi nhuận sau thuế cao và ổn định, hệ thống sổ sách kế toán minh bạch...

Hệ thống các doanh nghiệp nước ta được đánh giá là một khâu yếu nhất trong nền kinh tế. Còn có quá ít những doanh nghiệp xây dựng cho mình được một nền nếp, kỷ cương hoạt động kinh doanh ổn định. Thiếu một hệ thống chính sách luật pháp cụ thể quy định, giám sát quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm cá nhân trong bộ máy lãnh đạo doanh nghiệp. Chính vì vậy, khi có sự thay đổi về nhân sự trong các doanh nghiệp nhà nước là có hiện tượng "chân không" quyền lực. Người đi trước "hạ cánh an toàn" người đi sau phải thu dọn hậu quả, hoặc di sản của người đi trước, người đi sau không gánh chịu. Điều này sẽ làm mất lòng tin của người đầu tư trái phiếu. Chính vì vậy, việc cải cách hệ thống doanh nghiệp theo hướng : vừa có thể khuyến khích được tài năng, vừa giám sát được trách nhiệm cá nhân để tạo cho doanh nghiệp có được một sự phát triển ổn định, bền vững ít lệ thuộc vào việc biến đổi nhân sự quản lý thì mới tạo được niềm tin cho người đầu tư cổ phiếu.

Việc thiết lập một thói quen minh bạch trong hệ thống sổ sách kế toán là hết sức cần thiết, kể cả một số doanh nghiệp lớn của nhà nước được coi là kinh doanh có hiệu quả. Tình trạng thiếu minh bạch và rõ ràng trong hệ thống tài chính doanh nghiệp hiện nay cũng là một vật cản đáng kể làm cho các cổ phiếu niêm yết ở TTCK trở nên kém hấp dẫn các nhà đầu tư. Về nguyên tắc, các doanh nghiệp đã cổ phần hóa muốn bán chứng khoán ra thị trường phải niêm yết công khai báo cáo tài chính của mình theo định kỳ. Việc này tưởng như đơn giản nhưng hiện nay chưa phải là thói quen đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Nhiều chuyên gia kinh tế người nước ngoài rất ngạc nhiên về hiện tượng này, nhất là doanh nghiệp đó lại thuộc sở hữu nhà nước. Ông Ru-gơ Vôn Rô-sen, một chuyên gia kinh tế người Đức cho rằng : Không thể có một TTCK chừng nào còn chưa có một hệ thống tài chính doanh nghiệp minh bạch.

Hệ thống ngân hàng thương mại nước ta cũng là một vấn đề. Cũng như hệ thống doanh nghiệp, các ngân hàng thương mại nước ta chưa có thói quen công khai kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tình hình tài chính của mình theo định kỳ hằng quý chứ chưa nói đến hằng tháng. Một số chuyên gia kinh tế nước ta cho rằng, hoạt động của hệ thống ngân hàng hiện nay còn tồn đọng nhiều vấn đề như : nợ quá hạn lớn, tiền huy động bị ứ đọng, lãi suất và tỷ giá không ổn định. Điều này đã làm cho hệ số tín nhiệm của hệ thống ngân hàng nhà nước đạt mức thấp (trước là loại B nay là loại C), nếu ta phát hành trái phiếu ra nước ngoài thì phải chịu một lãi suất cao. Chính vì vậy, chúng ta chưa có khả năng khơi thông kênh huy động vốn bằng cách mở TTCK và bán trái phiếu cho người nước ngoài. Những tín hiệu tốt từ nền kinh tế cộng với việc vừa mới ký Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ đã làm cho các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm hơn đối với việc đầu tư chứng khoán ở Việt Nam. Sự có mặt của đông đảo ngoài dự kiến của các nhà đầu tư nước ngoài ngay từ phiên giao dịch đầu tiên đã nói lên điều đó.

Cùng với sự hồi phục của kinh tế khu vực, trong tiến trình hội nhập và những khả năng về thương mại và đầu tư được khai thông sau Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, chuẩn bị cho các bước để tham gia WTO... nền kinh tế nước ta sẽ hồi phục và cất cánh. Đó là thời điểm để TTCK phát triển và phát huy tác dụng là một kênh huy động vốn dài hạn cho nền kinh tế. Cổ phiếu của các doanh nghiệp nước ta sẽ vượt ra ngoài biên giới và sẽ được các nhà đầu tư chứng khoán nước ngoài tìm đến như là một cơ hội để phát tài. Những chỉ số của TTCK cũng sẽ được các hãng thông tấn nước ta và một số lớn các nước trên thế giới đưa tin hằng ngày như tình hình sức khỏe của một nền kinh tế có tầm cỡ ở khu vực. ❑

Digitized by Google

Mấy vấn đề LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ KINH TẾ HỢP TÁC Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

PHẠM THỊ CẦN *

I - VỀ SỰ CẦN THIẾT KHÁCH QUAN, Ý NGHĨA, MỤC ĐÍCH CỦA KINH TẾ HỢP TÁC

Hợp tác lao động là nhu cầu khách quan của quá trình sản xuất bắt nguồn từ tính chất xã hội của lao động, nhằm tạo nên sức mạnh của tập thể. Ngoài ra hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp còn giúp các hộ nông dân thực hiện được những công việc mà từng hộ gia đình không có khả năng thực hiện, hoặc thực hiện kém hiệu quả, như phòng chống thiên tai, xây dựng công trình thủy nông, phòng trừ sâu bệnh v.v... Bên cạnh mục tiêu kinh tế, hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn còn nhằm thực hiện các mục tiêu xã hội quan trọng, như góp phần xây dựng tình đoàn kết xóm làng, tinh thần tương thân tương ái, nhằm xây dựng tính cộng đồng xã hội tốt đẹp ở nông thôn.

Gần nửa thế kỷ qua, phong trào hợp tác hóa ở nước ta đã trải qua nhiều thăng trầm. Thời kỳ cao điểm cả nước có khoảng 100 ngàn tổ chức kinh tế hợp tác (KTHT) bao gồm cả HTX và các hình thức giản đơn như : tập đoàn sản xuất, tổ hợp tác, tổ đổi công v.v..., thu hút tới hơn 90% số hộ nông dân và hoạt động trên 80% diện tích canh tác, gần 90% số hộ tiểu thương, tiểu chủ và những người lao động cá thể. Nhờ vậy, lịch sử phát triển KTHT đã đi liền với quá trình phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất đời sống, góp phần làm nên chiến thắng vĩ đại trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc.

Tuy vậy, sau một thời gian hoạt động, đặc biệt là giai đoạn xây dựng đất nước thời bình, mô hình HTX "kiểu cũ" ngày càng tỏ ra không phù hợp với đặc điểm yêu cầu của sự phát triển kinh tế trong điều kiện mới, nhiều HTX bị tan rã hoặc chỉ tồn tại về hình thức. Số HTX hoạt động có hiệu quả chiếm tỷ lệ rất thấp. Tính đến tháng 12-1996 trong lĩnh vực nông nghiệp, cả nước còn lại 13 782 HTX, trong đó số HTX đã tự giải thể và gần như giải thể lên tới gần 35%. Như vậy, chỉ còn 65% số HTX trong diện thực hiện chuyển đổi sang mô hình HTX "kiểu mới". Tương tự, số tập đoàn sản xuất giải thể là 93%. Số hộ nông dân tham gia HTX ở Nam Bộ giảm từ 85% xuống còn 10%, ở miền núi phía Bắc từ 91% xuống 45%.

Bên cạnh xu hướng nhiều hộ nông dân không thiết tha với HTX "kiểu cũ", thì trong thực tế cũng có một xu hướng trái ngược là không ít hộ nông dân gặp rất nhiều khó khăn và lúng túng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, do không thể tự lo được tất cả các khâu sản xuất. Từ thực tế đó nông dân ở nhiều địa phương đã tự nguyện góp vốn và công sức hình thành các tổ, nhóm hợp tác để giúp nhau trong sản xuất và đời sống. Tính đến cuối 12-1999 cả nước đã có khoảng hơn 60 000 tổ hợp tác (THT) trong lĩnh vực nông nghiệp, trong đó 70% là ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

Tình hình trên cũng diễn ra ở một số ngành khác, đặc biệt trong lĩnh vực tín dụng nông thôn. Nếu như đầu năm 1990, tổng số HTX tín dụng và quỹ tín dụng nhân dân trong cả nước là 7 660 đơn vị (trong đó có 7 160 đơn vị ở nông thôn), thì từ giữa năm 1990 đến cuối năm 1993 các tổ chức này đã đổ vỡ hàng loạt. Cuối năm 1993 còn lại 350 HTX tín dụng nông thôn và chỉ hoạt động cầm chừng, phần lớn trong số đó là nằm chờ thanh lý, giải thể. Trong khi đó, do nhu cầu hợp tác làm ăn của người dân nên các tổ nhóm vay vốn do nông

* TS. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

dân tự nguyện thành lập lại tăng lên mạnh. Đến tháng 12-1993 đã có khoảng 35 000 tổ, nhóm tín dụng tự nguyện. Tại một số địa phương các tổ chức này đã tranh thủ được sự giúp đỡ đáng kể của các tổ chức quần chúng, như : Hội nông dân, Hội cựu chiến binh, nhất là Hội phụ nữ... tại địa phương. Có tổ chức đã kết hợp chặt chẽ được với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng phục vụ người nghèo, sử dụng các chương trình, dự án... để giúp đỡ nông dân vay vốn.

Đến cuối năm 1995 đã có gần 50 000 nhóm phụ nữ vay vốn và tiết kiệm trong cả nước. Đồng thời, sau khi rút kinh nghiệm từ sự sụp đổ của các HTX tín dụng năm 1993, Chính phủ cũng đã có sự tác động tích cực thông qua Ngân hàng nhà nước để thiết lập lại hệ thống tài chính nông thôn. Do vậy, từ tháng 7 năm 1993 các hội vay vốn, quỹ tín dụng nông thôn, thực chất là HTX tín dụng cấp xã, được xây dựng lại và phát triển mạnh. Đến cuối năm 1995 cả nước có 534 nhóm hoạt động. Đầu năm 1997 con số đó tăng lên 881 nhóm. Tháng 6 năm 1998, 53/61 tỉnh, thành phố đã có 971 quỹ tín dụng với 575 000 thành viên tham gia và 1 619 tỉ đồng vốn hoạt động, trong đó số vốn huy động là 1 046 tỉ. Hơn 255 000 lượt thành viên đã được vay vốn. Hoạt động của các tổ chức tín dụng nông thôn đáp ứng một phần quan trọng nhu cầu vốn của nông dân, góp phần đáng kể vào việc giúp đỡ nông dân tăng gia sản xuất, xóa đói giảm nghèo.

Rõ ràng là nếu mô hình KTHT, HTX hoàn toàn dựa vào tính tự nguyện của nông dân và xuất phát từ nhu cầu thực sự của quá trình sản xuất và cải thiện đời sống của họ, thì hoạt động có hiệu quả, được nông dân thừa nhận và tích cực tham gia.

Thực tế đó một lần nữa chứng minh rằng, không thể vì những thiếu sót, sai lầm của mô hình HTX "kiểu cũ" mà phủ nhận vai trò, tác dụng và sự cần thiết tất yếu của nó trong quá trình phát triển nền nông nghiệp hàng hóa. Điều quan trọng là phải lựa chọn các mô hình KTHT, HTX phù hợp, thực sự đem lại hiệu quả cho kinh tế hộ nông dân.

II - VỀ CÁC LOẠI HÌNH KINH TẾ HỢP TÁC

Nghiên cứu những tài liệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh chúng ta thấy Bác đã nêu 4 loại HTX theo đặc điểm, nội dung hoạt động của chúng. Đó là sự hợp tác xã tiền bạc (HTX tín dụng), hợp tác xã mua ; hợp tác xã bán ; hợp tác xã sinh sản (HTX sản xuất) (1). Để giải thích cặn kẽ nội dung hoạt động, tác dụng của từng loại HTX, Bác nói : HTX khác hội buôn, vì hội buôn lợi riêng, HTX lợi chung. HTX tuy là để giúp đỡ nhau, nhưng không giống các hội từ thiện. Vì các hội ấy có *tiêu đi* mà không *làm ra*... HTX có tiêu đi, có làm ra, chỉ giúp cho người trong hội, nhưng giúp một cách bình đẳng (2). Bác cũng quan niệm rằng HTX có nhiều "cấp độ" hợp tác khác nhau tùy theo tính chất, trình độ xã hội hóa : tổ đổi công và tổ đổi công thường xuyên (3). Đây là các hình thức KTHT giản đơn phù hợp trong điều kiện trình độ sản xuất nông nghiệp hàng hóa chưa phát triển cao. Sau tổ đổi công và tổ đổi công thường xuyên sẽ phát triển thành HTX. HTX quy mô nhỏ phát triển thành HTX quy mô lớn, hợp tác trong một số khâu phát triển thành HTX nhiều khâu, hợp tác xã toàn diện... Các HTX phát triển tất yếu sẽ nảy sinh quá trình liên kết các HTX cùng loại hoặc khác loại (4), cũng như quá trình hợp tác giữa các chủ thể kinh tế thuộc các ngành, các thành phần kinh tế có liên quan với nhau. Qua nghiên cứu lý luận và tư tưởng của Bác và từ thực tế hiện nay, chúng ta có thể tạm thời phân thành 3 loại hình KTHT trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, đó là :

1 - *Các hình thức KTHT giản đơn*, bao gồm : *Thứ nhất*, tổ nhóm hợp tác, tổ đổi công giữa các hộ nông dân để giúp nhau giải quyết một số khâu công việc nhằm đáp ứng yêu cầu thời vụ, chất lượng, hiệu quả. *Thứ hai*, tổ, hội nghề nghiệp như hội nuôi ong, tổ nuôi trồng thủy sản, hội làm vườn v.v... Các mô hình này có thể làm tốt một số chức năng, như khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư. Các hội viên giúp nhau trong việc tiếp thu kỹ thuật công nghệ mới, kinh nghiệm sản xuất. *Thứ ba*, tổ kinh tế hợp tác được hình thành từ nhu cầu thực tế của việc phát triển kinh tế hộ. Nhìn chung, quy mô, nội dung hoạt động và hình thức

(1) (2) Xem Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội, 1995, t 2, tr 314, 315

(3) *Sđd*, t 8, tr 199

(4) *Sđd*, t 2, tr 318

Digitized by Google

quản lý của THT rất đa dạng ; quy mô trung bình trên dưới 10 hộ, tổ chức gọn nhẹ, nội dung hoạt động đơn giản, nhưng thiết thực, phù hợp với trình độ của nông dân. THT hình thành và hoạt động thường là tự phát, do đó cũng có những hạn chế, như : chủ yếu dựa vào quan hệ tình cảm, không có điều lệ, quan hệ hợp tác lỏng lẻo, quy mô nhỏ nên khả năng đáp ứng các yêu cầu về dịch vụ cho kinh tế hộ còn hạn chế. Thực tế đã có nhiều loại hình THT ra đời, như THT đường nước, THT liên kết vay vốn, THT cung ứng vật tư, THT trồng và bảo vệ rừng v.v...

2 - *Hợp tác xã* là một hình thức KTHT cao hơn phù hợp với điều kiện nền nông nghiệp hàng hóa. HTX là một tổ chức kinh tế tự chủ do những người lao động có nhu cầu lợi ích chung, tự nguyện cùng góp vốn, góp sức lập ra theo quy định của pháp luật để phát huy sức mạnh của tập thể và của từng xã viên nhằm giúp nhau thực hiện có hiệu quả hơn các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và cải thiện đời sống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Có nhiều loại hình HTX : HTX dịch vụ từng khâu (chuyên khâu), HTX dịch vụ tổng hợp (đa chức năng), HTX sản xuất, HTX mua, bán, HTX tín dụng, HTX sản xuất kết hợp dịch vụ, HTX sản xuất kinh doanh ở mức độ hợp tác toàn diện v.v... Nội dung hoạt động của HTX cũng đa dạng tùy thuộc đặc điểm của từng lĩnh vực, từng vùng.

Sau 3 năm thực hiện Luật HTX (từ 1-1-1997 - 12-1999) cả nước đã chuyển đổi được 5 740 HTX, chiếm 66,8% so với tổng số HTX cũ và thành lập mới được 1 093 HTX. Các HTX sau chuyển đổi thường phân biệt thành 2 loại : loại có đông xã viên và loại có ít xã viên. *Loại thứ nhất* gọi là "HTX cả làng", số vốn của mỗi thành viên rất nhỏ (có nơi chỉ vài chục ngàn đồng/xã viên), thường được chia ra từ giá trị tài sản của HTX cũ. Xét từ mục tiêu kinh tế thì HTX kiểu này ít phát huy tác dụng. Nhìn chung nhiều HTX loại này sau khi chuyển đổi thường gặp không ít khó khăn và lúng túng trong việc chuyển hướng nhiệm vụ. Vì thế số HTX loại này phần lớn vẫn tồn tại trên hình thức. *Loại thứ hai* do các xã viên hoàn toàn tự nguyện góp vốn với giá trị thường từ 1 đến 3 triệu đồng/xã viên, lại có ít xã viên hơn (thậm chí chỉ chiếm từ 1 đến 5% tổng số lao động nông thôn). Hoạt động của HTX thường chỉ trong 1 hoặc 2 khâu dịch vụ, chịu trách nhiệm bảo toàn vốn tài sản nếu được chính quyền xã giao khoán, hoặc cho thuê. Chế độ phân phối trong HTX được thực hiện theo vốn góp và kết quả hoạt động, nên lợi ích giữa xã viên với ban quản trị gắn bó rất mật thiết, và do đó HTX loại này nhiều nơi đã phát huy hiệu quả khá tốt.

Thực tế các HTX mới thành lập, chủ yếu ở các tỉnh Nam Bộ và một số ở phía bắc, cho thấy những nơi sản xuất hàng hóa phát triển mạnh, yêu cầu tiêu thụ nông sản và cung cấp tín dụng trở nên cấp thiết, thì tổ chức HTX thường được hình thành bắt đầu từ khâu "đầu ra" của sản xuất sau đó mới đến tổ chức hợp tác "đầu vào" và các khâu khác. Ngược lại, ở những nơi khối lượng nông sản hàng hóa ít hơn lại bắt đầu từ hợp tác "đầu vào". Bên cạnh các HTX tự nguyện của các hộ nông dân, ở một số địa phương bước đầu đã xuất hiện các HTX của các chủ trang trại, như ở tỉnh Bình Dương, vùng Tây Nguyên v.v.

3 - *Hợp tác xã đa ngành, đa thành phần kinh tế.* Các mô hình như Hiệp hội mía đường Lam Sơn (nay là Công ty cổ phần) ; các "liên hiệp" xí nghiệp chè (nay là các công ty chè) ; Nông trường sông Hậu hợp tác giúp đỡ các HTX, hộ, trang trại gia đình ; các liên doanh chế biến tiêu thụ nông sản, xây dựng và dịch vụ tưới tiêu, hiệp hội thủy nông... là hình thức KTHT phát triển ở trình độ cao. Quan hệ hợp tác diễn ra giữa các chủ thể kinh tế độc lập thuộc nhiều thành phần kinh tế, bao gồm DNNN, HTX, hộ, trang trại gia đình. Đồng thời, mô hình này còn phản ánh quan hệ hợp tác giữa các khâu, các ngành liên quan đến quá trình sản xuất nông sản hàng hóa. Đó là sản xuất nguyên liệu, công nghiệp chế biến, hoạt động thương mại, tín dụng, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, hoạt động đào tạo nâng cao trình độ người lao động v.v. Về mặt xã hội, mô hình KTHT loại này phản ánh mối quan hệ của người lao động thuộc các ngành, lĩnh vực khác nhau : nông dân, công nhân, trí thức v.v...

Nếu hoạt động tốt, mô hình KTHT loại này sẽ góp phần phát triển sản xuất, nâng cao đời sống người lao động, củng cố liên minh công - nông - trí thức v.v. thực hiện tốt chủ trương, chính sách của

Digitized by Google

Đảng và Nhà nước đối với nông dân, nông thôn miền núi. Do vậy, đây là mô hình cần được nghiên cứu tổng kết.

III - MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn, muốn xây dựng tổ đổi công, HTX thành công, phải đoàn kết nông dân theo tinh thần tự giác tự nguyện tham gia, không được gò ép, phải bàn bạc dân chủ, công bằng hợp lý, phải giải quyết hài hòa lợi ích của nông dân, HTX và nhà nước, phải coi trọng ý kiến của nhân dân. Quá trình tiến hành hợp tác hóa phải thực hiện dần dần từng bước từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn, từ giản đơn đến phức tạp, coi trọng sự đa dạng về các hình thức KTHT, trước hết phải tổ chức tổ đổi công cho tốt rồi tiến dần lên HTX nông nghiệp, đồng thời phải coi trọng tiêu chuẩn, thiết thực.

Trong điều kiện hiện nay, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về KTHT có ý nghĩa thực tiễn hết sức quan trọng. Để phát triển các hình thức KTHT trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, chúng tôi thấy cần lưu ý một số vấn đề sau :

Một là, phát triển KTHT gắn với mục tiêu CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn và hội nhập kinh tế quốc tế, trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Do đó phải gắn quá trình phát triển KTHT với việc thực hiện đồng bộ các chương trình quốc gia, như Chương trình 5 triệu ha rừng, Chương trình xóa đói giảm nghèo đối với 1 715 xã đặc biệt khó khăn của cả nước, Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn, xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, miền núi, phát huy vai trò của khoa học, công nghệ, phát triển công nghiệp chế biến, tiêu thụ nông sản v.v... nhằm mục tiêu phát triển nền nông nghiệp sinh thái bền vững với tỷ suất hàng hóa ngày càng cao, từng bước nâng cao đời sống, giảm dần khoảng cách giữa nông thôn và thành thị.

Hai là, quá trình phát triển KTHT trong nông nghiệp phải đạt các mục tiêu cơ bản như : tôn trọng tính tự chủ của nền kinh tế hộ, kinh tế trang trại gia đình và tạo điều kiện cho các hình thức kinh tế này phát triển. Cùng với mục tiêu phát triển kinh tế, quá trình xây dựng HTX phải đạt mục tiêu xã hội là xây dựng tính cộng đồng tốt đẹp ; xây dựng thị trường tài chính lành mạnh ở nông thôn, tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc tự nguyện, quản lý dân chủ, cùng có lợi, tránh phô trương hình thức và chạy theo số lượng đơn thuần. Nơi nào các hình thức KTHT giản đơn còn phù hợp, nông dân chưa có nhu cầu chuyển thành HTX, thì không được gò ép.

Ba là, đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Trước nhiệm vụ to lớn của sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, trong thời gian tới phải gấp rút phát triển nguồn nhân lực cho nông nghiệp, nông thôn. Bởi vì, hiện nay trình độ cán bộ HTX còn thấp nhiều so với yêu cầu, số chưa qua đào tạo chiếm tỷ lệ lớn, không ít chủ nhiệm HTX có trình độ văn hóa cấp I. Theo số liệu ở 1 347 HTX đã chuyển đổi theo Luật thuộc 10 tỉnh phía Bắc, trong số các chủ nhiệm, số có trình độ đại học chiếm tỷ lệ 6,3%, trung cấp 13,7%, sơ cấp 22,4%, chưa qua đào tạo 57,6%. Tương tự, với kế toán trưởng của HTX là 2,2% ; 12,5% ; 48% và 37,3%. Đây là một khó khăn lớn cho việc thực hiện chủ trương phát triển KTHT trong điều kiện hiện nay. Do vậy, nhà nước nên có chủ trương gấp rút đào tạo cán bộ chủ chốt của HTX với phương châm "nhà nước và nhân dân cùng làm", trung ương và địa phương cùng chịu trách nhiệm, coi trọng mở các lớp bồi dưỡng tại cấp tỉnh, huyện.

Bên cạnh số cán bộ chủ chốt của HTX, thì hiện nay trình độ đào tạo của trên 70% tổng số lao động trong độ tuổi của cả nước là lao động nông thôn (LĐNT) còn quá thấp. Cụ thể tỷ lệ LĐNT đã qua đào tạo chỉ đạt 8,3% (thấp hơn từ 3,8 - 4 lần so với lao động khu vực thành thị). Có nơi lao động làm việc tại các cơ sở sản xuất thủ công mỹ nghệ ở nông thôn chưa qua đào tạo nghề chiếm tới 84%. Lực lượng lao động trẻ ở nông thôn chưa qua đào tạo chiếm tới 65,4%. Thực trạng này ảnh hưởng rất lớn đến mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn, gây dư thừa quá nhiều lao động giản đơn. Bởi vậy, việc đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho LĐNT cần được coi là chương trình quốc gia. Trước mắt có thể bằng ngân sách nhà nước kết hợp với các chương trình quốc gia, chương trình hỗ trợ

Digitized by Google

các doanh nghiệp vừa và nhỏ và người lao động tự động đóng góp để nhanh chóng nâng cao trình độ LĐNT.

Bốn là, nâng cao nhận thức về KTHT, HTX cho cán bộ các cấp các ngành và nhân dân thông qua công tác tuyên truyền Luật HTX và các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với từng loại đối tượng nhằm giúp mọi người phân biệt được sự khác nhau cơ bản giữa 2 mô hình HTX cũ và mới, để từ đó nông dân hăng hái tự nguyện gia nhập HTX "kiểu mới". Đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ trong việc thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước đối với KTHT, HTX.

Năm là, xây dựng và lựa chọn các mô hình KTHT, HTX phù hợp với từng lĩnh vực hoạt động, từng vùng và thường xuyên tổng kết nhân rộng những kinh nghiệm điển hình. Trên phạm vi cả nước hiện đang tồn tại nhiều loại hình KTHT, HTX với đặc điểm, nội dung hoạt động, quy mô và hiệu quả khác nhau. Bởi vậy, từng địa phương cần đi sâu tổng kết, xây dựng các mô hình KTHT từ giản đơn đến các loại hình HTX, công việc này phải do cơ sở tự làm là chính trên cơ sở phối hợp với các cơ quan chức năng và các viện nghiên cứu.

Sáu là, tạo điều kiện pháp lý cho thị trường tài chính ở nông thôn phát triển đúng hướng và lành mạnh nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho phát triển sản xuất của kinh tế hộ, kinh tế trang trại gia đình và hoạt động của HTX với nhiều hình thức huy động và cấp vốn đa dạng. Cần coi trọng phát triển HTX, quỹ tín dụng nông thôn, tăng cường hình thức tín chấp thông qua các đoàn thể quần chúng và chính quyền cấp xã để cho các hộ đói nghèo, các hộ gặp rủi ro vay vốn sản xuất.

Bảy là, đối với các HTX nông nghiệp trong diện chuyển đổi cần thực hiện tốt các bước chuẩn bị cho quá trình chuyển đổi có kết quả. Đặc biệt coi trọng quyền dân chủ, tự nguyện của xã viên, giải quyết dứt điểm, công khai vấn đề tài sản, công nợ, lựa chọn phương án, quy mô, nội dung hoạt động của HTX sau chuyển đổi. Kiên quyết tránh lặp lại sai lầm, như chạy theo hình thức, phong trào xem nhẹ các nguyên tắc cơ bản của HTX và nội dung của Luật HTX. Ở nơi nào hộ nông dân chưa thực sự có nhu cầu tham gia HTX mới, thì tuyệt đối không gò ép theo kiểu "HTX cả làng" như đã diễn ra ở một số địa phương. Đối với các HTX đã chuyển đổi cần tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức và quản lý tinh gọn, hiệu quả. Bàn bạc dân chủ trong việc xây dựng quy chế làm việc của ban quản trị, phương án hoạt động phát triển của HTX và chế độ phân chia lợi ích công bằng, hợp lý.

Tám là, đối với HTX yếu kém, các cấp lãnh đạo địa phương cần có biện pháp giải quyết dứt điểm theo nguyên tắc tôn trọng nguyện vọng của nhân dân ; chấm dứt các hoạt động tài chính, như vay nợ, chi công quản lý v.v... phần tài sản chung, như hệ thống kho tàng, thủy nông, đường điện v.v. Trước mắt, phải chuyển giao cho chính quyền địa phương quản lý, coi đây như là tài sản cộng đồng để đáp ứng nhu cầu của kinh tế hộ. Tránh tình trạng vô chủ làm hư hại tài sản chung. Đồng thời tích cực tuyên truyền, hướng dẫn để nông dân hiểu rõ đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về KTHT và HTX, từ đó tự nguyện thành lập mới các mô hình KTHT phù hợp.

Chín là, làm rõ mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và hợp tác. HTX là một tổ chức kinh tế tự nguyện của nông dân, quyền quyết định cao nhất trong HTX là đại hội xã viên. Tuy nhiên, HTX nằm trong địa bàn nên sự phát triển của HTX có ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Bởi vậy, KTHT phải chịu sự lãnh đạo của Đảng và quản lý giúp đỡ của chính quyền địa phương. Để giải quyết tốt mối quan hệ này cần có một cơ chế phối hợp hoạt động có hiệu quả. Tổ chức đảng thực hiện vai trò lãnh đạo chung thông qua chủ trương, nghị quyết và vai trò gương mẫu của người đảng viên. Chính quyền địa phương có quyền và có trách nhiệm kiểm tra, giám sát HTX trong việc tuân thủ luật pháp và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, giúp đỡ cho HTX hoạt động theo pháp luật, nhưng không can thiệp trực tiếp vào công việc nội bộ của HTX, không làm thay chức năng của HTX. HTX ngoài mục tiêu kinh tế (là số 1) còn phải đặt mục tiêu xã hội, góp phần xây dựng tính cộng đồng, đoàn kết, tương trợ trong xã viên, song không thể biến HTX thành tổ chức xã hội, làm thay nhiệm vụ của hệ thống chính trị ở địa phương. ❑

Digitized by Google

Giáo dục thẩm mỹ định hướng sự phát triển nhân cách của tuổi trẻ học đường

NGUYỄN NGỌC THU *

Từ lâu, vai trò của giáo dục thẩm mỹ đối với sự phát triển nhân cách đã được đề cao. Tuy nhiên, trước kia, vấn đề giáo dục thẩm mỹ thường được đề cập nghiêng về giáo dục nghệ thuật và chủ yếu là nhằm vào một bộ phận dân cư nhất định.

Mỹ học mác xít nhìn nhận giáo dục thẩm mỹ như một hệ thống, bao hàm sự phát triển năng lực thẩm mỹ cho con người và việc hình thành thẩm mỹ, nghĩa là phát triển nhân cách toàn diện. Nhân cách toàn diện, theo quan niệm của Mác chính là con người của tương lai : con người ngày càng nhận thức được quy luật của cái đẹp, hoạt động và sáng tạo theo quy luật cái đẹp. Giáo dục thẩm mỹ được thể hiện trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của toàn xã hội, hướng đến toàn dân - chủ thể chân chính của mọi sáng tạo vật chất và tinh thần. Giáo dục thẩm mỹ bắt đầu từ việc nâng cao năng lực thụ cảm các giá trị thẩm mỹ trong cuộc sống, trong nghệ thuật, trong thiên nhiên ; từ đó nâng cao tính tích cực sáng tạo trong hoạt động sống và xây dựng xã hội trên cơ sở nhận thức được quy luật của cái đẹp.

Nhiệm vụ đặc trưng của giáo dục thẩm mỹ là *hình thành nhu cầu và năng lực của cá nhân về thụ cảm và sáng tạo các giá trị thẩm mỹ trong mọi lĩnh vực hoạt động*. Từ sự phát triển, hoàn thiện các năng lực thẩm mỹ mà năng lực sáng tạo của con người không ngừng được phát huy.

Trong nhiều năm qua, Đảng, Nhà nước đã chú trọng phát triển hệ thống giáo dục trong đó có sự chăm lo đến phát triển giáo dục thẩm mỹ cho các lứa tuổi từ mẫu giáo - mầm non đến đại học. Ngành giáo dục và các ngành hữu quan đã đưa vào chương trình giáo dục và chương trình hoạt động những nội dung giáo dục thẩm mỹ ngày càng có bài bản và phong phú.

Tuy nhiên, do những khó khăn về điều kiện vật chất, và nhận thức lý luận, về năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục thẩm mỹ, v.v... nên hiệu quả của giáo dục thẩm mỹ chưa cao (chưa kể tới những ảnh hưởng xấu, những yếu tố tiêu cực của lối sống và văn hóa phản diện du nhập trong quá trình chúng ta mở cửa, hội nhập)

Đánh giá những mặt hạn chế trong việc phát huy năng lực hiện có để xây dựng nền giáo dục toàn diện bao gồm cả giáo dục thẩm mỹ cho con người mới, Văn kiện Hội nghị lần thứ năm BCH Trung ương (khóa VIII) đã chỉ rõ : Việc giáo dục thẩm mỹ, giáo dục thị hiếu nghệ thuật cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng, học sinh chưa được coi trọng... Tình trạng đó đã dẫn đến khá nhiều biểu hiện tiêu cực trong lĩnh vực đạo đức, lối sống, nhân cách, trong môi trường xã hội. Một bộ phận học sinh, sinh viên coi nhẹ giáo dục đạo đức, thẩm mỹ, làm cho sự phát triển nhân cách trong quan hệ thầy trò, bè bạn bị xuống cấp. Vì thế, việc nghiên cứu mối quan hệ giữa giáo dục thẩm mỹ đối với sự phát triển nhân cách của thế hệ trẻ có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn [1].

Sự nghiệp đổi mới và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đặt ra những yêu cầu mới đối với việc giáo dục thẩm mỹ trong nhân dân nói chung và trong thế hệ trẻ nói riêng. Tính bức thiết của việc đổi mới và đẩy mạnh giáo dục thẩm mỹ hiện nay biểu hiện trên ba khía cạnh.

Thứ nhất, sự đòi hỏi ở con người những phẩm chất mới và yêu cầu cao về thẩm mỹ : sự phong phú và

* TS. Trường đại học kinh tế TP. Hồ Chí Minh

(1) Xem : *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm BCH TU* (khóa VIII), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội., 1998, tr. 47

Digitized by Google

tinh tế về thị hiếu ; khả năng nhanh, nhạy trong đánh giá về hệ giá trị và phản giá trị để đáp ứng yêu cầu về thị hiếu, năng lực sáng tạo theo quy luật cái đẹp ngày càng cao trong xã hội.

Thứ hai, cơ chế thị trường và quá trình mở cửa giao lưu kinh tế, văn hóa, dẫn đến những thay đổi trong quan niệm về các giá trị nói chung và giá trị thẩm mỹ nói riêng. Những sản phẩm văn hóa độc hại cũng ảnh hưởng xấu tới sự phát triển thẩm mỹ của một bộ phận không nhỏ công chúng. Để khắc phục, sẽ không đủ nếu chỉ dựa vào các biện pháp hành chính ; giải pháp triệt để hơn, nhân văn hơn chính là làm phong phú và lành mạnh hóa thị hiếu thẩm mỹ cho con người thông qua giáo dục thẩm mỹ. Quan điểm chỉ đạo mà Hội nghị Trung ương năm (khóa VIII) đã đề ra là : "Không ngừng nâng cao thị hiếu thẩm mỹ và trình độ thưởng thức nghệ thuật của công chúng, đặc biệt quan tâm tầng lớp thanh niên, thiếu niên, nhi đồng" [2]. Sự phong phú, tinh tế và lành mạnh hóa thị hiếu thẩm mỹ là cách tốt nhất để hạn chế tối đa ảnh hưởng phản thẩm mỹ.

Thứ ba, khâu quan trọng là chuẩn bị hành trang cho thế hệ trẻ Việt Nam bước vào thế kỷ XXI. Hành trang đó sẽ là nhân cách phát triển toàn diện : phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức... Con người ấy, nhân cách ấy sẽ là động lực của sự nghiệp xây dựng xã hội mới và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Để đáp ứng các yêu cầu của xã hội và con người hiện nay, cần xây dựng một hệ thống giáo dục thẩm mỹ toàn diện, khả thi. Hệ thống đó phải là một tổng thể với phương thức giáo dục thường xuyên tác động đến con người, nhằm mục đích hình thành và phát triển những năng lực thẩm mỹ theo hướng phát triển con người như một nhân cách toàn diện. Hệ thống đó cần được xây dựng trên những nguyên tắc cơ bản sau đây :

1. Nguyên tắc xã hội : Hệ thống giáo dục thẩm mỹ của chúng ta phải hướng vào toàn dân, lấy dân làm đối tượng giáo dục, trong đó tuổi trẻ học đường là đối tượng trực tiếp nhất. Xã hội hóa giáo dục nói chung, và giáo dục thẩm mỹ nói riêng được coi là nguyên tắc bảo đảm tính khả thi liên tục của nó. Chính cơ chế thị trường quy định và tạo điều kiện cho xã hội hóa giáo dục. Nhờ thế, giáo dục thẩm mỹ có thể mở rộng được đối tượng giáo dục, cũng như được nâng lên một trình độ mới bằng các điều kiện vật chất, kỹ thuật phong phú mà nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa tạo ra.

2. Trong điều kiện kinh tế thị trường, giao lưu và hòa nhập quốc tế, giáo dục thẩm mỹ phải *hình thành và củng cố* trong học sinh - sinh viên *thế giới quan Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh,* những phẩm chất đạo đức cách mạng, *tình yêu đất nước* và *chủ nghĩa quốc tế cao cả,* tinh thần nỗ lực phấn đấu cho lý tưởng xã hội chủ nghĩa.

3. Sự đa dạng về hình thức làm cho công tác giáo dục thẩm mỹ thêm sinh động, gây được hứng thú và đạt được mục đích giáo dục.

- Giáo dục bằng lao động, thông qua lao động. Mỹ học mác xít nhìn nhận lao động không chỉ là một phương thức duy trì sự tồn tại của con người, mà hơn thế, còn là một phương thức phát triển con người. Không phải mọi dạng lao động đều đáp ứng được yêu cầu đó. Lao động bị tha hóa, lao động thiếu tích cực, không hứng thú (lao động trong đói rét hoặc dưới làn roi vọt) không có khả năng sáng tạo và đương nhiên không thể là phương thức phát triển con người. Vấn đề là làm sao để lao động thực sự là một hình thức có hiệu quả đối với mục tiêu giáo dục thẩm mỹ. Bằng các giải pháp kinh tế - xã hội, đặc biệt là các chính sách lao động, tạo nhiều điều kiện nhất để người lao động thể hiện được những năng lực bản chất của mình trong quá trình lao động. Hạn chế và khắc phục khuynh hướng khai thác cạn kiệt lao động của con người chỉ vì lợi ích kinh tế.

- Giáo dục bằng các tấm gương người tốt, việc tốt. Đây là một hình thức giáo dục rất hiệu quả. Khi trong xã hội còn tồn tại những biểu hiện tiêu cực, thì những gương người tốt, việc tốt càng có ý nghĩa đạo đức - thẩm mỹ cao quý, hướng con người noi theo những cái tích cực. Đó là nhiệm vụ của giáo dục thẩm mỹ cả trong điều kiện hiện nay và trong tương lai.

- Giáo dục bằng các giá trị nghệ thuật vốn đã được sử dụng từ lâu trong lịch sử. Đây là sự kết tinh của văn hóa thẩm mỹ, nghệ thuật, tác động tới thế giới tinh thần của con người bằng các giá trị chân - thiện - mỹ. Tuy nhiên, cũng phải tính đến sự phản tác dụng của những tác phẩm nghệ thuật kém giá trị hoặc có nội dung tiêu cực.

- Giáo dục mỹ học Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là trang bị cho mọi người những quan điểm cơ bản và khoa học về văn hóa thẩm mỹ, giúp

(2) *Sđd.* tr 62

Digitized by Google

họ định hướng trong thụ cảm, trong đánh giá và sáng tạo thẩm mỹ. Đó cũng là phương thức giáo dục lại, như Mác nói trong luận đề VI về Phơ-bách : "Những người đi giáo dục cũng cần được giáo dục lại". Trong điều kiện hiện nay, khi vẫn có những tư tưởng không lành mạnh, cùng với quá trình giao lưu và du nhập văn hóa từ bên ngoài, thì việc nâng cao trình độ lý luận Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về mỹ học và nghệ thuật sẽ vừa giúp ngăn chặn ảnh hưởng xấu của các giá trị thấp hèn, vừa tạo cơ sở vững chắc cho việc nâng cao năng lực sáng tạo của con người.

Những điều nêu trên mới chỉ là lý thuyết, còn việc vận dụng vào thực tế đòi hỏi phải vừa đồng bộ, vừa có sáng tạo và hết sức công phu.

4. Sự đa dạng về hình thức cũng cần được kết hợp chặt chẽ với *tính đặc thù* của đối tượng giáo dục thẩm mỹ. Mục đích giáo dục thẩm mỹ của chúng ta là hướng đến toàn dân. Song, không thể xem nhẹ các yếu tố về lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, nhóm xã hội... Giáo dục thẩm mỹ sẽ có hiệu quả cao khi sử dụng những phương pháp, hình thức phù hợp với từng đối tượng cụ thể. Thị hiếu thẩm mỹ tuy đều mang tính xã hội, nhưng lại thể hiện rất đa dạng ở từng con người cụ thể. Chú trọng sự đa dạng của thị hiếu và năng lực thẩm mỹ, không chỉ nhằm đạt được hiệu quả giáo dục cao, mà còn thể hiện tính nhân văn của hệ thống giáo dục trong chế độ mới.

5. Cuối cùng, giáo dục thẩm mỹ chỉ phát huy được đầy đủ tác dụng khi nó kết hợp chặt chẽ với các hình thức giáo dục khác : chính trị - tư tưởng, tri thức, đạo đức, thể lực..., bởi đây là những hình thức giáo dục đặc thù, làm điều kiện cần thiết cho giáo dục thẩm mỹ.

Ngoài những phẩm chất yêu nước, lối sống lành mạnh, lao động sáng tạo..., một phẩm chất không thể thiếu là trình độ thẩm mỹ. Giáo dục thẩm mỹ nhằm nâng cao trình độ thẩm mỹ của cá nhân, góp phần phát triển hài hoà con người trí tuệ Việt Nam.

Để phát huy hơn nữa vai trò của giáo dục thẩm mỹ trong việc hình thành nhân cách cho lứa tuổi học đường, Đảng và Nhà nước ta, nhất là các cơ quan, các tổ chức văn hóa nên tập trung giải quyết các vấn đề.

+ Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam phải chú trọng tới việc xây dựng một nền văn nghệ với ba thành tố chính : *nghệ sĩ - tác phẩm - công chúng*, nâng cao trình độ và trách nhiệm của văn nghệ sĩ trước công chúng, trước dân tộc và thời đại, tức là theo quan điểm của Bác Hồ : "Văn hóa, văn nghệ cũng là một mặt trận. Anh chị em văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy" [3]. Mỗi nghệ sĩ phải vươn lên để đạt tới : trách nhiệm công dân - tài năng nghệ sĩ - dũng khí của người chiến sĩ ; đó là những yêu cầu cần thiết của phẩm chất nghệ sĩ. Đề tài được khai thác phải toát lên tâm tư, tình cảm, tư tưởng và nguyện vọng... của con người và dân tộc Việt Nam. Một tác phẩm nghệ thuật vừa phải phản ánh tinh tế bản sắc dân tộc, vừa phải mang hơi thở của cuộc sống hiện tại, của sự nghiệp đổi mới đất nước. Phải phấn đấu để tạo ra một môi trường văn hóa lành mạnh cho công chúng - trước hết là cho tuổi trẻ, đồng thời nâng cao trình độ nhận thức và thị hiếu nghệ thuật của công chúng để chính họ sẽ tạo ra những đơn đặt hàng lành mạnh cho nghệ thuật. Định hướng tích cực cho công chúng thông qua hoạt động phê bình, giới thiệu và phổ biến các giá trị nghệ thuật v.v...

+ Phát triển ngành mỹ thuật ứng dụng theo định hướng nhân văn, chủ động đưa cái đẹp vào các lĩnh vực của đời sống. Sự ra đời của ngành mỹ thuật công nghiệp là kết quả của sự tác động qua lại giữa nghệ thuật và kỹ thuật, giữa văn hóa thẩm mỹ và cách mạng khoa học - kỹ thuật. Bởi vậy, phát triển ngành này cho phép sử dụng nhiều phương tiện thể hiện nghệ thuật trong nhiều hình thức hoạt động xã hội như : tuyên truyền, giáo dục, y tế, thể thao, giao thông vận tải, thương nghiệp, dịch vụ... tạo điều kiện để văn hóa thẩm mỹ xâm nhập vào đời sống, tăng cường tác động của nghệ thuật tới con người, ảnh hưởng tích cực đến quá trình sản xuất và đến người lao động.

Bằng việc tạo ra một thế giới đồ vật vừa hợp lý về kỹ thuật, hài hòa về thẩm mỹ, mỹ thuật công nghiệp tham gia vào quá trình điều chỉnh hành vi, tạo ra những thói quen, nếp sống, lối sống mới mang tính khoa học, nâng cao thẩm mỹ cho con người. Môi trường đời sống, môi trường sản xuất của con người được tổ chức một cách hợp lý, hài hòa, sẽ góp phần phát triển nhân cách con người, nhất là đối với học sinh, sinh viên.

+ Hướng tới xây dựng một chương trình *giáo dục thẩm mỹ toàn dân*. Công việc này không thể thực hiện một cách tự phát, hay một sớm một chiều, mà đòi hỏi có sự chung sức của toàn xã hội dưới sự chỉ đạo của Nhà nước thông qua một chương trình dài hạn.

(Xem tiếp trang 12)

(3) *Về văn hóa - văn nghệ*. Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1976, tr 67

Digitized by Google

BƯỚC TIẾN MỚI CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN Ở CÁC TỈNH, THÀNH NAM BỘ

HỒNG QUÂN *

Là một vùng đất mới, tương đối phát triển hơn so với các vùng khác trên đất nước ta, Nam Bộ ngày nay là vùng kinh tế, văn hóa lớn của cả nước, có cơ cấu kinh tế "nông - công - thương nghiệp - dịch vụ" khá phát triển với thị trường luôn năng động... Hằng năm, Nam Bộ sản xuất hơn 50% sản lượng lúa, cung cấp hơn 80% gạo xuất khẩu và chiếm hơn 65% sản lượng thủy hải sản so với cả nước. Ngoài ra, Nam Bộ còn có tiềm năng kinh tế lớn với những sản phẩm xuất khẩu chiến lược như dầu khí, chè, cà phê, cao su, hồ tiêu, trái cây nhiệt đới và lợi thế du lịch sinh thái miệt vườn, kênh rạch. Đặc biệt, Nam Bộ còn có vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (với các khu công nghiệp, khu chế xuất) hằng năm đóng góp gần 40% GDP cả nước.

Nam Bộ là vùng dân cư đông đúc (chiếm gần 1/3 dân số cả nước), có cộng đồng dân cư nhiều dân tộc (Việt, Khơ-me, Hoa, Chăm và các dân tộc ít người) với những tôn giáo khác nhau (Phật giáo Đại thừa, Phật giáo Tiểu thừa, Thiên chúa giáo, Hồi giáo, Cao đài, Hòa hảo) ; có lực lượng lao động dồi dào với cơ cấu khá trẻ và tính năng động cao. Có thể nói, đây là vùng có nguồn tài nguyên con người rất lớn và phong phú ; nếu được đào tạo, bồi dưỡng, khai thác, sử dụng đúng mức sẽ tạo ra động lực lớn và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

Nam Bộ có mạng lưới "chùm" đô thị lớn (mà trung tâm là TP Hồ Chí Minh) được liên kết với nhau bằng quan hệ của các yếu tố kinh tế, xã hội, văn hóa. Nơi đây đang diễn ra quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa và xã hội hóa với quy mô ngày càng lớn và tốc độ ngày càng nhanh. Chính quá trình này kích thích sự tích tụ, tập trung lớn các nhân tố, nguồn lực tạo ra động lực thúc đẩy cả vùng phát triển. Đồng thời, cũng chính quá trình này làm nảy sinh những vấn đề phức tạp : sự cạnh tranh quyết liệt, di dân tự do ; tình trạng quá tải ở đô thị về dân số, giao thông, môi trường, điện nước, bệnh viện, trường học ; tình trạng thất nghiệp, thất học, phân hóa giàu nghèo, các tệ nạn xã hội...

Trên vùng đất trẻ này, cộng đồng các dân tộc đã tạo nên một dấu ấn văn hóa riêng, thể hiện bản sắc dân tộc một cách đặc sắc và phong phú thông qua tập quán, thói quen, lối sống, phong cách kinh doanh và sinh hoạt... của người dân miền văn minh kênh rạch. Bên cạnh mặt tích cực, những năm gần đây đã xuất hiện những hiện tượng văn hóa đáng lo ngại ở một bộ phận dân cư như lối sống ích kỷ, thực dụng, thờ ơ với các giá trị văn hóa dân tộc.

TP Hồ Chí Minh là một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa lớn của cả nước, là "hạt nhân" động lực của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Ở đây, nhân dân có truyền thống cách mạng kiên cường gắn với những địa danh nổi tiếng như "mười tám thôn vườn trầu", "địa đạo Củ Chi"... Bước vào thời kỳ đổi mới, thành phố là một trong những địa phương đi đầu về phát triển kinh tế - xã hội, hằng năm cung cấp hơn 30% sản lượng công nghiệp cả nước. Thế nhưng trong vài năm gần đây, tốc độ phát triển kinh tế

* Báo Sài Gòn giải phóng

Digitized by Google

của thành phố có giảm đi trong khi lại có phần gia tăng về các tệ nạn xã hội...

Tóm lại, Nam Bộ là một thực thể kinh tế - xã hội - văn hóa khách quan, có vị trí, vai trò quan trọng và tiềm năng lớn trong chiến lược phát triển của cả nước. Mỗi biến đổi, phát triển ở vùng này vừa mang tính địa phương và khu vực, lại vừa mang tính toàn quốc. Nét đặc thù đó là tiền đề rất quan trọng tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động khoa học xã hội và nhân văn các tỉnh, thành phố Nam Bộ phát triển mạnh mẽ.

Cùng với sự phát triển của khoa học xã hội và nhân văn cả nước, hoạt động khoa học xã hội và nhân văn ở Nam Bộ trong những năm qua đã có luồng sinh khí mới và đạt được những kết quả khả quan :

Triết học - lĩnh vực khoa học thường được coi là trừu tượng, khái quát hóa cao đã từng bước "hạ cánh" xuống mảnh đất hiện thực, bước đầu đi vào phân tích tính cách, tâm hồn con người và văn hóa ở Nam Bộ cũng như tàn dư của "phương thức sản xuất châu Á" và việc hình thành phương thức sản xuất mới. Ở đây, bộc lộ rõ nét hướng nghiên cứu triết học ứng dụng như : triết học văn hóa, triết học chính trị, triết học đạo đức, triết học tôn giáo, v.v... Trước yêu cầu của việc nghiên cứu khoa học và giảng dạy triết học cho sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh, một số công trình chuyên khảo về lịch sử triết học Trung Quốc, Ấn Độ, phương Tây và lịch sử tư tưởng Việt Nam đã được bạn đọc đón nhận.

Kinh tế học đã từng bước đề cập đến những nét đặc thù trong chế độ sở hữu ruộng đất, cách thức sản xuất và kinh doanh cũng như sự phát triển đan xen giữa các thành phần kinh tế ở vùng đất này.

Ngôn ngữ và văn học không dừng lại ở việc nghiên cứu đời sống văn hóa tinh thần, mà còn từng bước khám phá đời sống văn hóa vật chất góp phần làm sáng tỏ hơn đặc điểm, nội dung của vùng văn hóa mới Việt Nam ở Nam Bộ.

Khảo cổ học đã dũng cảm đi vào lòng đất khám phá văn hóa Oc Eo, văn hóa Sa Huỳnh, đàn đá Lộc Ninh.

Sử học bước đầu đã phác thảo bức tranh toàn cảnh về quá trình hình thành, phát triển con người và vùng đất Nam Bộ trong dòng chảy phát triển liên tục của nước Việt Nam thống nhất.

Dân tộc học đã tô đậm thêm "bức tranh toàn cảnh" này bằng các công trình nghiên cứu về cộng đồng các dân tộc (Việt, Hoa, Khơ-me, Chăm...) cùng hội nhập, chung sống một cách ổn định.

Hán Nôm - một lĩnh vực nghiên cứu mang tính đặc thù, bước đầu đã sưu tập các thư tịch, văn bia cổ ; phân tích, giới thiệu các giá trị truyền thống dân tộc góp phần tích cực vào việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc...

Có được những thành tựu nêu trên trước hết là do các nhà khoa học trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn ở Nam Bộ đã *quán triệt sâu sắc tư tưởng chỉ đạo của Đảng* về chức năng, nhiệm vụ của khoa học xã hội và nhân văn trong giai đoạn cách mạng hiện nay là : Hướng vào việc giải đáp các vấn đề lý luận và thực tiễn, tạo cơ sở khoa học cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng con người, sáng tạo những giá trị văn hóa mới của dân tộc.

Điều hết sức quan trọng nữa là các nhà khoa học đã *đổi mới tư duy và phương pháp tiếp cận nghiên cứu*. Điều đó thể hiện ở chỗ :

- *Thứ nhất*, chuyển từ cách tiếp cận nhỏ lẻ, phân tán, cục bộ sang cách tiếp cận hệ thống đối với hiện thực xã hội. Những năm qua, các nhà nghiên cứu đã chú trọng việc kết hợp phương pháp nghiên cứu chuyên ngành với phương pháp nghiên cứu liên ngành và đa ngành. Nằm trong tổng thể phát triển của cả nước, thực tiễn xã hội ở Nam Bộ hiện ra như một cấu trúc chỉnh thể và luôn liên hệ tương tác với các vùng khác của đất nước ; đồng thời trong nó bao gồm những yếu tố, bộ phận (kinh tế, xã hội, văn hóa, tư tưởng, chính trị, đạo đức, dân tộc, tôn giáo...) gắn bó hữu cơ và luôn tác động lẫn nhau. Mỗi yếu tố lại có cấu trúc bên trong và có lịch sử phát sinh, phát triển của chúng. Để tránh tình trạng "chỉ thấy cây mà không thấy rừng", việc vạch ra cái bản chất, tính quy luật của quá trình phát triển của mỗi yếu tố và của cả cái chỉnh thể đó đòi hỏi phải vận dụng cách tiếp cận hệ thống trong sự kết hợp tổng hợp các phương pháp chuyên ngành và liên ngành.

Digitized by Google

Những chương trình nghiên cứu, điều tra cơ bản các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội ở miền Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, những đề tài nghiên cứu tổng hợp về Tây Nguyên và TP Hồ Chí Minh của các nhà khoa học xã hội và nhân văn đã thể hiện cách tiếp cận nghiên cứu này.

- *Thứ hai*, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu triển khai. Trước thời kỳ đổi mới, vấn đề này chưa được chú trọng. Trong hệ thống các đề tài nghiên cứu còn có sự tách rời giữa nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu triển khai. Một số đề tài chuyên bàn về những vấn đề học thuật mang tính "kinh viện". Một số đề tài khác lại đi vào mô tả thực trạng kinh tế (hoặc xã hội, văn hóa) chỉ trong phạm vi một quận, huyện thậm chí một xã, phường. Cách làm như vậy đã đã hạn chế ưu thế vốn có của khoa học xã hội và nhân văn do đó giảm đi hiệu quả thực tiễn của nó. Trong những năm đổi mới, các nhà khoa học xã hội và nhân văn ở Nam Bộ có điều kiện nghiên cứu bài bản hơn, sâu hơn từ cội nguồn của những luận điểm và phương pháp khoa học đến quá trình phát triển và vận dụng chúng trong thực tiễn. Những đề tài nghiên cứu về chính sách kinh tế mới (NEP) của V.I. Lê-nin và những kinh nghiệm thực hiện chính sách đó ở nước Nga Xô viết (1921 - 1924) ; việc vận dụng chính sách kinh tế mới của Lê-nin vào thực tiễn đổi mới ở Việt Nam ; những công trình nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh... đã góp phần giúp đội ngũ nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn rút ra những nguyên tắc, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu có hiệu quả. Có thể nói rằng, nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu triển khai trong các công trình khoa học xã hội và nhân văn luôn gắn chặt với nhau và ngày càng bộc lộ rõ nét hơn ; trong đó nghiên cứu cơ bản giữ vai trò nền tảng. Bởi thực tế cho thấy nghiên cứu cơ bản càng sâu và mang tính hệ thống bao nhiêu, thì nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu triển khai càng rộng và có hiệu quả bấy nhiêu.

- *Thứ ba*, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu lý luận và nghiên cứu thực tiễn. Thời kỳ trước đổi mới, việc nghiên cứu lý luận và nghiên cứu thực tiễn thường tách rời nhau. Các công trình nghiên cứu lý luận thường chỉ dừng lại ở việc thuyết minh các luận điểm kinh điển mà ít gắn với đời sống thực tiễn đang biến đổi ; còn việc nghiên cứu thực tiễn chỉ là các khảo sát, mô tả, thống kê và báo cáo tổng kết, rút kinh nghiệm. Cách làm này đã hạn chế chức năng "tư vấn, phản biện và cải tạo" của khoa học xã hội và nhân văn. Trong mấy năm gần đây, nhiều chương trình nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn của các tỉnh, thành phố ở Nam Bộ đã thể hiện rõ xu hướng tích cực gắn bó chặt chẽ lý luận và thực tiễn, đặc biệt trong việc sử dụng tổng hợp các phương pháp của lý luận và thực tiễn và bước đầu đã đem lại kết quả đáng ghi nhận.

- *Thứ tư*, có sự kết hợp đan xen giữa khoa học xã hội và nhân văn với khoa học tự nhiên và công nghệ (nhất là các ngành địa lý, nông học, khí tượng thủy văn, địa chất...), giữa các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn với các phương pháp nghiên cứu khoa học tự nhiên và công nghệ. Các chương trình nghiên cứu "Tổng kết vùng kinh tế trọng điểm phía Nam", "Lịch sử phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa ở các tỉnh Nam Bộ"... đã bộc lộ rõ xu hướng này.

Những năm tới, hoạt động khoa học xã hội và nhân văn ở các tỉnh, thành phố Nam Bộ sẽ tiếp tục phát triển theo hướng :

- Đẩy mạnh việc nghiên cứu và phổ biến sâu rộng lý luận Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong nhân dân để góp phần nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, đào tạo nguồn nhân lực.

- Xây dựng những chương trình nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn ở các tỉnh, thành phố của Nam Bộ về những vấn đề : Công nghiệp hóa để xây dựng lực lượng sản xuất hiện đại, đồng thời xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để tạo ra quan hệ sản xuất phù hợp. Xây dựng các mô hình kinh tế, trong đó chú ý sự kết hợp và tương tác giữa các thành phần kinh tế. Con đường và phương pháp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Xây dựng đô thị phát triển bền vững TP Hồ Chí Minh và các đô thị phía Nam.

Digitized by Google

Nghiên cứu tổng kết thực tiễn vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm của cuộc đấu tranh cứu nước trên mảnh đất Nam Bộ. Những đề tài nghiên cứu này chắc chắn là có ích, góp phần làm sáng tỏ hơn mô hình, con đường và phương pháp đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- Việc nghiên cứu con người Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ cần chú ý trên nhiều phương diện : a - Cá nhân gắn với tập thể, cộng đồng, dân tộc, nhân loại ; b - Phương diện cá nhân - nhân cách, tức là "cái tôi riêng biệt" ; c - Phương diện nhu cầu, lợi ích, mục đích và cơ chế tác động giữa chúng trong hoạt động người. Từ kết quả nghiên cứu về con người Việt Nam (điểm mạnh, điểm yếu), chúng ta xây dựng và phát triển nguồn nhân lực dựa trên ba tiêu chuẩn cơ bản là phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị và trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Điều rất quan trọng trong việc xây dựng, phát triển nguồn nhân lực là phải chú ý cả khâu tuyển chọn đào tạo, sử dụng và bồi dưỡng, đãi ngộ. Trong đó, quan tâm đến việc xây dựng nguồn nhân lực cho khoa học xã hội và nhân văn (chú trọng đào tạo đội ngũ chuyên gia giỏi, đầu ngành).

- Nghiên cứu một cách hệ thống di sản văn hóa, văn minh Việt Nam ở vùng Nam Bộ để bảo tồn, phát huy những giá trị truyền thống, góp phần thiết thực cho sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đồng thời, nghiên cứu cả con đường, phương pháp loại trừ văn hóa độc hại ra khỏi đời sống xã hội.

- Nghiên cứu những vấn đề dân tộc và tôn giáo ở vùng Nam Bộ - nơi có cộng đồng các dân tộc với nhiều sắc thái tôn giáo khác nhau cùng chung sống để góp phần lý giải truyền thống đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, đồng thời góp phần xây dựng những luận cứ khoa học cho các chính sách dân tộc và tôn giáo trong phát triển kinh tế - xã hội ở vùng này.

Để khoa học xã hội và nhân văn thực hiện được chức năng "tư vấn, phản biện và cải tạo", đồng thời thực hiện được những nhiệm vụ nêu trên cần có một hệ thống các giải pháp đồng bộ. Chúng tôi xin mạnh dạn đề xuất một số giải pháp vừa mang tính cơ bản lâu dài, vừa mang tính cấp bách trước mắt. Đó là :

+ Cần có hành lang pháp lý vừa đủ để bảo đảm độ "an toàn" cho hoạt động khoa học xã hội và nhân văn, trong đó, chú trọng tự do tư tưởng, khuyến khích tính độc lập, sáng tạo trong hoạt động khoa học. Đồng thời, cần đổi mới cơ chế quản lý và chính sách khoa học gắn với việc hoàn thiện hệ thống tổ chức các cơ quan nghiên cứu khoa học, trong đó cần nhanh chóng xây dựng những ngành khoa học mới như chính trị học, địa lý nhân văn, dân số - môi trường, tương lai học, văn hóa học để đáp ứng yêu cầu phát triển trong điều kiện hiện nay.

+ Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nghiên cứu với các cơ quan đào tạo giảng dạy và các cơ quan ứng dụng những thành tựu khoa học trên địa bàn vùng. Trong nghiên cứu, chú trọng kết hợp giữa nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu triển khai, giữa phương pháp nghiên cứu chuyên ngành với phương pháp liên ngành và đa ngành. Đẩy mạnh hợp tác khoa học quốc tế để trao đổi kinh nghiệm, phương pháp khoa học, đồng thời tranh thủ nguồn kinh phí và quảng bá các giá trị Việt Nam ra thế giới.

+ Cần thực hiện xã hội hóa, tạo thị trường và môi trường cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động khoa học. Đồng thời, có chính sách sử dụng, đãi ngộ và tôn vinh xứng đáng các nhà khoa học lão thành và kích thích lực lượng khoa học trẻ.

Trước thềm thế kỷ XXI - thế kỷ của nền kinh tế tri thức, hoạt động khoa học xã hội và nhân văn nước ta cần tạo ra "nội lực" đủ mạnh, đồng thời tiếp thu và chuyển hóa "ngoại lực" thành cái của mình, kết hợp nội lực và ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp để góp phần thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm đi tới mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Trong bối cảnh đó, hoạt động khoa học xã hội và nhân văn ở các tỉnh, thành Nam Bộ cần có bước nỗ lực vượt bậc : xác định chiến lược nghiên cứu, định hướng sự phát triển và các giải pháp đồng bộ ; đồng thời nhanh chóng xây dựng lực lượng cán bộ khoa học đủ sức giải quyết những nhiệm vụ do thực tiễn xã hội đặt ra.❑

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở HUYỆN ĐAKRÔNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

NGUYỄN THẾ TRÀM *

ĐAKRÔNG là huyện miền núi của tỉnh Quảng Trị được thành lập từ đầu năm 1997 trên cơ sở 10 xã của huyện Hướng Hóa và 3 xã của huyện Triệu Phong với dân số 28 847 người, trong đó 82,4% là đồng bào dân tộc Vân Kiều và Pa Cô. Diện tích đất tự nhiên 118 336 ha, trong đó diện tích đất chưa sử dụng 85 103 ha. Huyện Đakrông có điểm xuất phát rất thấp so với các huyện của tỉnh Quảng Trị về các mặt, đặc biệt là trình độ dân trí, mức sống, cơ sở hạ tầng, đường sá giao thông nông thôn, tập quán sản xuất còn lạc hậu, phương thức canh tác chủ yếu là nương rẫy, kinh tế tự cung, tự cấp khép kín. Trong thời kỳ chiến tranh nơi đây đã bị tàn phá nặng nề, hậu quả để lại về môi trường và xã hội cho đến nay vẫn còn rất nghiêm trọng.

Sản lượng lương thực quy thóc trong 2 năm 1998 - 1999 chỉ đạt được 68 400 tấn (bằng 70% so với kế hoạch đề ra). Cây công nghiệp có giá trị như: cao su, cà phê, đậu, lạc, vừng, thuốc lá... phát triển chậm. Tình trạng khai thác bừa bãi, phá rừng làm nương rẫy đã làm cho diện tích rừng giảm đi đáng kể ; tỷ lệ rừng giàu chỉ còn lại 19%, rừng trung bình 36%, còn lại là rừng nghèo và rừng phục hồi. Vốn là một huyện miền núi giàu có về tài nguyên rừng, thế mà nay độ che phủ của rừng ở Đakrông chỉ còn 25%. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, chủ yếu chỉ phục vụ đơn thuần cho sản xuất đời sống trên địa bàn với quy mô gia đình, chưa có sản phẩm mang tính hàng hóa lưu thông trên thị trường trong và ngoài tỉnh. Thương mại vẫn còn mang tính tiểu thương, tự sản xuất, tự tiêu thụ. Việc xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng trong 2 năm qua tuy đã được quan tâm hơn, nhưng so với yêu cầu thì mức độ đáp ứng vẫn còn rất thấp. Đặc biệt, hệ thống đường giao thông nông thôn, nước sạch, trường học, trạm y tế, trụ sở làm việc còn nhiều thiếu thốn...

Huyện Đakrông có nguồn thu ngân sách hằng năm rất thấp. Năm 1997 thu được 1,7 tỉ đồng, năm 1998 là 2,2 tỉ đồng. Thu ngân sách tại địa phương chỉ đáp ứng được khoảng 40% nhu cầu chi thiết yếu trên địa bàn. Mức sống dân cư còn thấp, bình quân GDP là 47 USD/người/năm (bình quân chung toàn tỉnh Quảng Trị là 160 USD). Số hộ đói nghèo chiếm 58,4%, có nơi tỷ lệ này lên tới 70%. Đến nay, trên địa bàn huyện Đakrông có 15 trường học phổ thông với 147 phòng học, mới chỉ đáp ứng phần cơ bản yêu cầu học hành của dân cư trong huyện. Trường học của các xã vùng sâu, vùng xa, phần lớn còn là trường tạm, hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng. Mạng lưới thông tin phát thanh, truyền hình ở các vùng sâu, vùng xa chưa phát triển.

Nhìn chung việc tổ chức, xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện còn gặp nhiều khó khăn và lúng túng. Thực tế cho thấy, đây là huyện nghèo nhất của tỉnh Quảng Trị, và cũng là huyện có tính đặc thù riêng so với những nơi khác, đặc biệt là tỷ lệ đồng bào dân tộc ít người vào loại đông nhất tỉnh. Nhưng đến nay vẫn còn 7 xã trong huyện chưa được công nhận là xã đặc biệt khó khăn. Trình độ dân trí rất thấp, các tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan vẫn còn nhiều. Đất đai bạc màu, phần lớn diện tích đồi, núi, nguồn nước chưa bảo đảm, thời tiết khắc nghiệt, khó canh tác đối với những cây có giá trị kinh tế như cao su, cà phê, tiêu... Năng suất cây trồng trên địa bàn của huyện còn thấp, chỉ bằng 63% so với năng suất bình quân chung của tỉnh Quảng Trị. Diện tích trồng cây lâu năm hiện nay mới có 125,7 ha chiếm 3,2%, trong đó diện tích cây công nghiệp cà phê, tiêu chỉ có 63,4 ha.

* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện Đà Nẵng

Digitized by Google

Đây là một bất hợp lý đối với một huyện miền núi có điều kiện sinh thái phù hợp với việc phát triển nhiều loại cây công nghiệp dài ngày.

Trong cơ cấu nông nghiệp của huyện, chăn nuôi chỉ chiếm 19,4%, trong khi đó toàn tỉnh chiếm 25,1%. Mặt khác, trình độ quản lý nhà nước về kinh tế của cán bộ cấp huyện và xã còn rất hạn chế, phần lớn chưa được đào tạo một cách cơ bản về kiến thức quản lý kinh tế, khoa học - kỹ thuật trong sản xuất nông, lâm, công nghiệp. Tỉnh cũng chưa có chính sách khuyến khích thu hút nguồn nhân lực trên địa bàn nên nhìn chung chưa có được đội ngũ lao động và quản lý có trình độ tương xứng với yêu cầu đặt ra. Vấn đề thông tin và phương tiện thông tin, tiếp cận thị trường trong và ngoài tỉnh còn nhiều hạn chế, ảnh hưởng đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và khả năng phát triển sản xuất hàng hóa...

Để thực hiện có hiệu quả chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện, theo chúng tôi cần tiến hành mấy việc sau đây :

Thứ nhất, đổi mới cơ chế, phương pháp xây dựng và triển khai thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn từ 2000 - 2005 và 2010 một cách cụ thể, nhất quán và đề cập chi tiết nội dung, lịch trình của từng giai đoạn phát triển. Trước hết, có sự chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức tư duy đến hành động trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế phát triển nông - lâm - công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Sớm hình thành các vùng sản xuất chuyên môn hóa nông - lâm sản, đặc biệt là cao su, cà phê, tiêu, cây ăn quả. Xác định và quy hoạch trồng cây dài ngày, cây ngắn ngày và cây lương thực phù hợp với môi trường sinh thái của từng vùng và tiểu vùng. Đồng thời, đẩy mạnh thâm canh cây lương thực, mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng đối với những vùng đất lâu nay trồng cây lương thực, nhưng hiệu quả thấp do không đủ các điều kiện về khí hậu, chất đất và môi trường để dần chuyển sang trồng cây khác có thể mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn cây lương thực.

Đakrông là địa bàn đầu nguồn xung yếu của tỉnh Quảng Trị. Do vậy, vấn đề hàng đầu là quản lý bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng hiện có và nhanh chóng phát triển vốn rừng bao gồm cả khoanh nuôi, tái sinh và trồng mới. Muốn đưa diện tích che phủ rừng lên 53% như kế hoạch đã đề ra trong những năm tới, trước mắt cần đẩy mạnh công tác định canh, định cư, kết hợp với giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình quản lý bảo vệ. Gắn bó nhân dân với lợi ích nghề rừng, chấm dứt tình trạng chặt phá rừng làm nương rẫy. Trong cơ cấu rừng trồng có thể đưa vào một số cây nông nghiệp lâu năm như nhãn. Xây dựng mô hình phát triển rừng bền vững theo hướng lâm nghiệp xã hội gắn với đời sống dân cư hoạt động trong lĩnh vực nông - lâm. Đẩy mạnh diện tích trồng mới đi đôi với khai thác và sử dụng trên cơ sở kết hợp giữa khai thác và trồng lại rừng, bảo đảm môi trường sinh thái. Phát triển rừng trồng trên đất trống, đồi núi trọc, từ nguồn vốn các chương trình, dự án và tài trợ, cùng với vốn tự có của nhân dân. Đổi mới cách quản lý, chế độ canh tác gắn với lợi ích lâu dài của người trồng rừng. Kiến nghị Chính phủ cho miễn thuế sử dụng đất lâu dài và giao quyền sử dụng cho họ. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu sản xuất đa dạng, kết hợp nông - lâm nghiệp, phát triển cây công nghiệp lâu dài, xây dựng vườn rừng, kết hợp rừng phòng hộ và rừng kinh tế. Mặt khác, tỉnh cần có kế hoạch phát triển dự án chăn nuôi bò, dê và một số động vật quý hiếm khác.

Khuyến khích và ưu tiên tạo điều kiện cho ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn phát triển trên cơ sở đa dạng hóa các hình thức và quy mô của lĩnh vực hoạt động. Kiến nghị để được miễn thuế và được vay vốn ưu đãi đối với các hộ nông dân phát triển tiểu thủ công nghiệp, sản phẩm truyền thống nhằm khai thác thế mạnh ở địa phương. Quan tâm phát triển hệ thống điện, trạm biến thế tại thị trấn, phát triển đường dây 22 kV theo dọc đường 9 để phục vụ cho việc sản xuất và đời sống dân cư. Ưu tiên vốn một cách thỏa đáng cho việc xây dựng cơ sở công nghiệp chế biến nông - lâm sản với quy mô thích hợp và công nghệ tiên tiến. Xây dựng xưởng chế biến cao su, cà phê, hoa quả, mộc gia dụng và nước khoáng ở trên địa bàn; đồng thời xây dựng cơ sở khai thác đá, vàng, sản xuất vật liệu xây dựng, trạm sửa chữa cơ khí nông nghiệp nông thôn, ở các thị tứ và trung tâm cụm xã.

Thứ hai, có biện pháp phát triển và sử dụng nguồn nhân lực một cách có hiệu quả, gắn liền với thu hút lực lượng lao động có chất lượng cao về

Digitized by Google

chuyên môn kỹ thuật, kinh tế nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài. Phải coi trọng việc phát triển, sử dụng nguồn nhân lực, coi đó vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Xét về thực chất, kinh tế huyện Đakrông sẽ không có sự phát triển gia tốc và lâu dài nếu không nhanh chóng chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Để thực hiện vấn đề này, ngoài việc bảo đảm nguồn vốn thì vấn đề nâng cao trình độ dân trí, trình độ quản lý kinh tế và trình độ khoa học - kỹ thuật nông - lâm nghiệp là đặc biệt quan trọng. Nên có chính sách trợ giúp học phí thỏa đáng cho số cán bộ được cử đi học. Có chính sách ưu tiên trong việc bồi dưỡng, lựa chọn, đào tạo và sử dụng cán bộ là đồng bào dân tộc ít người. Muốn thu hút sinh viên và công nhân kỹ thuật mới ra trường, cán bộ, công nhân ở các tỉnh khác đến công tác trên địa bàn một huyện nghèo như ở Đakrông thì phải có chế độ ưu đãi thông qua một khoản tiền phụ cấp thêm, (theo chúng tôi khoản đó ít nhất phải bằng 30% so với làm việc ở thị xã Đông Hà) thì mới khuyến khích, thu hút lực lượng lao động và trí tuệ ở trong và ngoài huyện, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong giai đoạn hiện nay cũng như lâu dài.

Thứ ba, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị cần có chiến lược cho vay vốn đối với việc phát triển nông, lâm, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn. Tỉnh cần có chính sách kinh tế vi mô có tính đặc thù phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, trên cơ sở vận dụng một cách năng động và phù hợp với các chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước để khuyến khích, phát huy cao nhất nội lực và ngoại lực, tạo khả năng tích lũy vốn ngày càng cao. Đây là vấn đề có tính quyết định trong việc phát triển kinh tế - xã hội trước mắt cũng như lâu dài. Đồng thời, cần xây dựng các danh mục dự án ưu tiên, bảo hộ ở các vùng, các lĩnh vực ưu tiên, các mặt hàng sản phẩm cần hỗ trợ. Xã hội hóa quá trình tài trợ, ưu tiên cho các xã, các làng bản và thành lập quỹ tài trợ ưu đãi cho đồng bào dân tộc ít người ở huyện Đakrông là vấn đề hết sức cần thiết hiện nay. Thực hiện đầu tư dứt điểm, đồng bộ, không phân tán dàn trải ở tất cả các khu vực kinh tế, cũng như hệ thống cơ sở hạ tầng, hệ thống giao thông, cầu cống, điện lực, cấp nước, cải tạo vùng đồi, lòng hồ, trường, trạm, trại và nước sạch ở các khu vực, các làng bản nhằm sớm đưa vào sử dụng để nâng cao hiệu quả, tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh và cải thiện đời sống của đồng bào dân tộc. Đa dạng hóa hình thức huy động vốn, tạo vốn, đặc biệt chú trọng xây dựng chiến lược, chính sách, biện pháp nuôi dưỡng, bồi dưỡng nguồn thu một cách có hiệu quả, phù hợp với tính đặc thù ở vùng này. Cần có chính sách miễn, giảm thuế lâu dài đối với sản xuất kinh doanh của đồng bào dân tộc ở vùng sâu, vùng xa. Trước hết là chính sách thuế phải nhằm mục đích kích thích phát triển kinh tế - xã hội, không kể thu nhiều hay thu ít, mà thu như thế nào để sản xuất vẫn phát triển, tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc mở rộng kinh doanh, sản xuất hàng hóa hòa nhập với thị trường cả nước.

Việc chú trọng nâng cao sức mua thị trường tại chỗ, trên cơ sở nâng cao đời sống của đồng bào dân tộc ở vùng sâu, vùng xa, vùng mới định canh, định cư gắn liền với các chính sách đổi mới về nông nghiệp nông thôn và chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp nông thôn của huyện là vấn đề có tính chiến lược quan trọng mang ý nghĩa chính trị, kinh tế, xã hội sâu sắc. Do vậy, các cơ quan quản lý nhà nước ở tỉnh và trung ương cần ưu tiên vốn đầu tư xây dựng, các dự án phát triển kinh tế nông - lâm nghiệp, dự án xóa đói giảm nghèo, tạo môi trường cung cấp thông tin tiếp thị, tìm kiếm và phát triển thị trường về các sản phẩm được làm ra. Tận dụng khai thác ưu thế về vị trí địa lý kinh tế trong giao lưu kinh tế cả nội địa và quốc tế, như với thị trường Lào, Thái Lan.

Thứ tư, các ngành hữu quan đặc biệt là sở khoa học công nghệ Quảng Trị cần có kế hoạch đẩy mạnh đầu tư ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ nhằm nhanh chóng nâng cao hiệu quả sản xuất và điều kiện làm việc, chú trọng ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ sinh học : giống, cây, con, phân bón, bảo vệ thực vật... công nghệ sau thu hoạch, bảo vệ và chế biến nông - lâm sản cũng như vật liệu xây dựng, thủy điện nhỏ, sử dụng năng lượng gió, năng lượng mặt trời..., thực hiện tốt chính sách khuyến nông, khuyến lâm có hiệu quả, tranh thủ mọi nguồn và mọi hình thức đầu tư cho việc ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ. ❑

Digitized by Google

TỰ PHÊ BÌNH CHẠY

NHAN ĐẢNG

Tự phê bình chạy được hiểu theo nghĩa là tự phê bình không trung thực mà là để trốn chạy sự phê bình của người khác. Tự *phê bình chạy* có nhiều kiểu, nhiều cách. Dưới đây chỉ xin nêu một vài biểu hiện thường thấy.

Một, tự phê bình *che*. Chỉ tự phê bình về những sai lầm, khuyết điểm mọi người đã biết, còn cái chưa ai biết thì cố che, dẫu cạy răng cũng không nói. Bởi nghĩ rằng : Nói để làm gì ? Nói để người ta mổ xẻ mình à ?

Hai, tự phê bình *bịt*. Cũng hơi na ná tự phê bình che. Song ở đây, chỉ tự phê bình về khuyết điểm nhỏ, không động đến khuyết điểm lớn. Cái túi khuyết điểm quá to, chỉ hé mở cái nắp nhỏ, còn cái nắp lớn thì bịt lại. Bởi nghĩ rằng, nếu để bật tung mọi nắp ra thì còn gì là thể thống của mình nữa (!)

Ba, tự phê bình *cạn*. Chỉ nói hiện tượng, không nói bản chất. Chỉ nói tác phong, không nói tư tưởng. Nói để người ta vuốt đuôi mình. Chẳng hạn, tự lên án mình về cái sự nóng nảy, hay cái tính nói thẳng khiến người ta ghét. Nóng nảy là không tốt nhưng nóng nảy trong việc chỉ trích cái xấu thì có gì là xấu ? Nói thẳng (hay trực tính) là một tính tốt, có gì phải chê trách ? Vậy đằng sau những cái ấy là gì ? Là sự chủ quan, hách dịch, coi người bằng nửa con mắt ? Hay là nhân danh nói thẳng để bộc lộ cái cá nhân chủ nghĩa cực đoan của mình, và bằng cách ấy, thả sức chỉ trích, thậm chí thóa mạ người khác ?

Bốn, tự phê bình *dứt*. Nói thử một vài khuyết điểm để xem phản ứng của người nghe ra sao. Nếu có ai chỉ ra thêm vài khuyết điểm nào nữa thì nhân ngay để tỏ ra thành thật. Nếu không thì mô Phật, nạn khỏi tai qua. Có người gọi kiểu tự phê bình này là tự phê bình nhỏ giọt.

Năm, tự phê bình *vờ*. Giả vờ thành thật, nêu đủ mọi thứ khuyết điểm nhưng rốt cuộc là để nói mình có ưu điểm. Giả dụ như kiểm điểm về tư tưởng chính trị. Đã rõ mười mươi là rất hoang mang dao động trước biến động của tình hình, nhưng lại bảo : tôi có khuyết điểm là rất lo lắng kẻ định mưu toan "diễn biến hòa bình" mà trong bộ máy của ta thì tệ quan liêu, tham nhũng ngày càng nghiêm trọng không ngăn chặn được. Ô hay ! Ai là người có tâm huyết mà không lo lắng trước tình hình đó và nếu chỉ có thế thì việc gì phải tự phê bình ?

Sáu, tự phê bình *vống*. Nói vống khuyết điểm để tỏ ra là nghiêm túc, thậm chí khuyết điểm một, nói thành một rưỡi, thành hai. Thế nhưng khi người nghe xác nhận những khuyết điểm đó, nhấn mạnh thêm và bổ sung đôi chỗ cho sắc nét hơn thì người tự phê bình lại bảo : sự thật tôi không đến nỗi như thế, chẳng qua nói mạnh là vì có tâm trạng. Phải chăng ta tự "phê" mình còn hơn để người khác "phê" ? Mà nếu người ta vẫn "phê" thì đã có cái khiêng tâm trạng !

Bảy, tự phê bình *quật*. Ta tự phê bình đó, nhưng nếu ai phê ta thì bằng cách tự phê bình ta quật lại một đòn cho biết tay. Rằng đúng là tôi có kiêu ngạo, nhưng anh còn kiêu ngạo hơn tôi. Rằng tôi có sai trong chính sách cán bộ, nhưng các anh còn sai nhiều hơn tôi, rằng anh em trong đơn vị tôi kêu các anh lắm, thắc mắc các anh nhiều, ... vân vân và vân vân. Lối tự phê bình này còn được gọi là tự phê bình phản kích. Nó nhằm bịt miệng người phê bình, nếu không quật ngã được thì ít ra cũng là răn đe.

Có người gọi bảy biểu hiện *tự phê bình chạy* trên đây là *thất sách tự phê bình*. Chữ *thất* vừa có nghĩa là *bảy* lại vừa có nghĩa là *mất*. Tôi đồng tình với chữ mất, cho nên tạm gọi là *tự phê bình thất sách*. Thất sách vì nó trái với nguyên tắc tự phê bình và phê bình trong Đảng. Nếu hỏi trong bảy biểu hiện đó, biểu hiện nào tệ hại hơn, xin được thưa : Tất cả đều tệ hại ! Song có lẽ tệ hại nhất là kiểu tự phê bình quật. Bởi ở đây, tự phê bình không chỉ để trốn chạy phê bình mà còn để đả kích người phê bình mình. Rất tiếc rằng, những biểu hiện *tự phê bình chạy* nêu trên, không chỉ có trong sinh hoạt kiểm điểm thông thường mà còn có cả trong sinh hoạt tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương sáu (lần 2).

Cái tên của từng biểu hiện chưa chắc đã chuẩn. Xin tạm đặt như vậy để góp phần nhận dạng. ❑

Digitized by Google

THƯƠNG MẠI CÔNG BẰNG

NGUYỄN VĂN THANH

Khái niệm "Thương mại công bằng" (Fair Trade) được nêu ra vào những năm 60. Trong một phiên họp của Hội nghị quốc tế về thương mại và phát triển (UNCTAD) ở Giơ-ne-vơ năm 1964, lần đầu tiên lời kêu gọi "Thương mại chứ không phải viện trợ" được đưa ra trong bối cảnh các nước công nghiệp muốn tránh bàn đến các chủ đề then chốt như giá cả nguyên liệu, vấn đề mở cửa thị trường cho các nước đang phát triển, mà chỉ muốn nói đến viện trợ phát triển và cho vay. Trong hội nghị lần thứ hai của UNCTAD tại Niu Đê-li năm 1968, các nước đang phát triển lại nêu vấn đề thương mại công bằng, để rồi một lần nữa không được các nước giàu có quan tâm bàn đến chủ đề quan trọng này.

Vào những năm 60, vừa thoát ra khỏi chiến tranh không lâu, châu Âu chưa chú ý mấy đến thế giới thứ ba. Nhưng một vài nhóm vận động cho các nước nghèo và những người nghèo thuộc các nước đang phát triển đã tiến hành một bước đột phá bằng việc lập ra các "Cửa hàng UNCTAD", sau đó gọi là "Cửa hàng thế giới". Mục đích là kinh doanh các sản phẩm của thế giới thứ ba, mà do những hàng rào thuế quan được các nước phát triển dựng lên, nên khó có thể thâm nhập được thị trường châu Âu. Việc mua bán các sản phẩm này chính là để biểu thị ý thức chống lại sự lũng đoạn thương mại thế giới của các tập đoàn tư bản đối với các nước nghèo. Hành động đó bắt nguồn từ việc làm của một số nhóm tiến bộ ở châu Âu. Năm 1959, sau chuyến thăm đảo Xi-xin, I-ta-li-a, một nhóm thanh niên Hà Lan, đã mở một cuộc vận động để quyên góp sữa bột giúp những người cơ cực ở hòn đảo này khỏi bị mua sữa với giá cắt cổ. Trước đó không lâu, một tổ chức từ thiện ở miền Nam Hà Lan có tên là "SOS Wereld Handel" được các thanh niên công giáo thành lập năm 1957 với mục đích là nhập khẩu theo giá công bằng sản phẩm của các nước đang phát triển. Trong năm 1967, lần đầu tiên tổ chức "SOS Wereld Handel" nhập các sản phẩm thủ công mỹ nghệ từ các nước thế giới thứ ba. Tháng 4 năm 1969, "Cửa hàng thế giới" đầu tiên chào đời tại Hà Lan, mở đầu cho sự phát triển nhanh chóng của một phương thức mua bán mới. Chỉ trong vòng hai năm, đất nước của hoa tuylíp đã có 120 "Cửa hàng thế giới". Và mô hình này đã lan rộng mau lẹ sang Đức, Thụy Sĩ, Áo, Pháp, Thụy Điển, Anh và Bỉ. Các "Cửa hàng thế giới" trở thành những mạng lưới bổ sung cho việc phân phối các sản phẩm của "SOS Werel Handel". Thành công của việc mua bán sản phẩm thủ công ở các nước Đức, Áo, Thụy Sĩ, làm nảy ra ý kiến kinh doanh thêm các mặt hàng khác là thế mạnh của các nước đang phát triển. Mở đầu là cà phê. Mùa thu năm 1973, cà phê thương mại công bằng đầu tiên xuất hiện. Đó là "cà phê đoàn kết In-đi-ô" của các hợp tác xã sản xuất cà phê Goa-tê-ma-la. Cà phê nhanh chóng vượt sản phẩm thủ công để trở thành mặt hàng chủ lực của Thương mại công bằng. Vào những năm 70, các "Cửa hàng Thế giới" trở thành những điểm vận động cho thương mại công bằng, còn hơn cả chức năng mua bán. Tại đấy người ta thảo luận các mục tiêu của thương mại công bằng ; việc bán hàng được coi là cách trình diễn thực tế và vận động cho phương thức mua bán mới, công bằng và phù hợp với đạo lý, một công cụ quan trọng của cuộc chiến đấu chống đói nghèo.

Thập niên 80 chứng kiến một sự phát triển quan trọng của phong trào thương mại công bằng. Cuộc vận động cho việc mua bán với sự chú ý thích đáng đến quyền lợi của các nước đang phát triển ngày càng được quan tâm, việc đa dạng hóa và nâng cao chất lượng của các sản phẩm trong quan hệ đối tác với các nước phương Nam được nhấn mạnh. Danh mục các sản phẩm thương mại công bằng kéo dài : cà phê, chè, mật ong, đường, ca cao v.v. Và cả danh mục của các mặt hàng thủ công mỹ nghệ cũng vậy. Thương mại công bằng từng bước trưởng thành.

Digitized by Google

Nhưng nó không thể dựa mãi vào thiện chí của một bộ phận người mua còn bị hạn chế về số lượng, mà phải đấu tranh để tìm chỗ đứng trên thị trường, đến với đông đảo khách hàng, thuyết phục họ bằng chính chất lượng, sự phong phú về chủng loại, mẫu mã và những yêu cầu mới của tiêu dùng trong một thế giới ngày càng khắt khe về môi trường, sinh thái và nhạy cảm hơn với cuộc sống của những người làm ra sản phẩm nhưng lại không được hưởng một mức sinh hoạt đáng phải có. Nói cách khác, muốn tồn tại lâu dài trong một thế giới bị chi phối bởi thương mại gọi là thương mại truyền thống hay thương mại quy ước, thương mại công bằng phải chấp nhận cuộc chơi, chấp nhận là một bộ phận của thị trường đó, sẵn sàng thích ứng với các quy luật khắc nghiệt của cạnh tranh tự do, vì thật ra cũng không thể nào làm khác được. Đúng là cuộc đấu tranh giữa chàng Đa-vít và gã khổng lồ Gô-li-at. Nhưng có bao giờ cái mới ra đời lại không nhỏ yếu hơn cái cũ ? Và há chẳng phải trong cái mới bao giờ cũng có mầm mống của cái phù hợp với quy luật phát triển, của cái tất thắng.

Dù sao thương mại công bằng cũng phải dùng chính các kỹ thuật của thương mại nói chung để đưa sản phẩm đến với người tiêu dùng, và các sản phẩm đó mang trong mình chúng bức thông điệp của thời đại : con người đi từ trao đổi sang mua bán sản phẩm khi tiền tệ xuất hiện, từ mua bán sản phẩm theo kiểu áp giá người sản xuất, bắt chẹt người tiêu dùng sang mua bán sòng phẳng hai bên cùng có lợi. Ở đây, nổi lên vấn đề mối quan hệ giữa người sản xuất và người tiêu dùng. Quan hệ đó càng mang tính chất trực tiếp càng có lợi cho cả đôi bên ; càng mang tính chất gián tiếp, tức là phải qua nhiều trung gian, càng bất lợi cho cả người sản xuất lẫn người tiêu dùng. Trong thương mại quy ước, những trung gian đó, ở quy mô nhỏ là các thương lái, ở quy mô lớn hơn là các công ty thương mại quốc gia. Trên bình diện quốc tế, đó là các công ty siêu quốc gia, các hiệp định thương mại được các nước ký kết với nhau, các hiệp định thương mại của khu vực và các Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch (GATT), và gần đây nhất là Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Thương mại công bằng tự nguyện đóng vai trò của một trung gian kiểu mới, một trung gian tích cực, không vụ lợi, hoặc có thể nói, một cầu nối giữa người sản xuất và người tiêu dùng. Thương mại công bằng hướng tới một phương thức rút ngắn cự ly từ sản xuất đến thị trường, giảm đến mức tối đa các khâu trung gian không cần thiết, tốn kém, bảo đảm cho người sản xuất có thu nhập ổn định và thỏa đáng, người tiêu dùng giảm chi phí mua sắm. Vai trò người đứng giữa của thương mại công bằng chắc chắn phải khác với các trung gian truyền thống lấy lợi nhuận làm mục đích tối thượng, chẳng chút bận tâm đến phát triển hay xóa đói giảm nghèo ở các nước đang phát triển, mà chính Bà Sa-lin Ba-sép-xki (Charlene Barchefsky), đại diện thương mại Mỹ cũng phải mệnh danh cho nó là "thương mại không công bằng" (unfair trade). (1)

Theo FINE,(2) có thể định nghĩa thương mại công bằng như sau : *Thương mại công bằng là một phương pháp tiếp cận thay thế cho thương mại quốc tế quy ước. Thương mại công bằng là một quan hệ đối tác thương mại nhằm giúp cho những người sản xuất ở tình trạng bị loại trừ và thiệt thòi có thể phát triển bền vững. Thương mại công bằng làm điều đó bằng cách cung cấp những điều kiện mua bán tốt hơn, bằng cách nâng cao nhận thức và bằng phương pháp vận động.*

Một định nghĩa khác được Oxfam GB, một tổ chức phi chính phủ ở Anh tích cực đấu tranh cho sự phát triển của thương mại công bằng, đưa ra cũng tương tự nhưng phản ánh sâu sắc và chính xác hơn ý tưởng của tổ chức này là làm thế nào để thương mại công bằng hoạt động như một công cụ của phát triển : *Thương mại công bằng là thương mại thúc đẩy phát triển bền vững bằng cách cải thiện cơ hội tiếp cận thị trường cho những người sản xuất ở vào thế bất lợi. Thương mại công bằng vượt qua nghèo khổ thông qua quan hệ đối tác giữa tất cả các bên dính líu đến quá trình thương mại : người sản xuất, công nhân, thương nhân và người tiêu dùng.*

Trở lại với vấn đề toàn cầu hóa kinh tế và tự do hóa thương mại. Cái gọi là thương mại tự do và tự do hóa thương mại không đơn thuần chỉ phục vụ cho

(1) Charlene Barshefsky. Điều trần tại Tiểu ban thương mại, Hạ viện Hoa Kỳ. *Những bước tiếp theo của WTO*. 8-2-2000

(2) FINE là chữ viết tắt của Liên minh bốn nhóm thương mại công bằng : a) Các tổ chức dán nhãn hàng hóa thương mại công bằng (FLO), b) Liên đoàn quốc tế những thương nhân kiểu mới (IFAT), c) Mạng lưới các Cửa hàng thế giới của châu Âu (NEWS) và d) Hiệp hội thương mại công bằng châu Âu (EFTA)

Digitized by Google

những mục đích kinh tế, mà còn chủ yếu là phục vụ cho những mục đích chính trị. Như chính vị đại diện thương mại của Mỹ đã nói về triết lý thương mại của Mỹ : "... chính sách thương mại của chúng ta có những hệ quả vượt lên trên kinh tế, vươn tới những hoài bão lớn lao, và muốn hiểu tại sao như vậy thì phải trở về với những ngày đầu ra đời của Tổ chức thương mại thế giới (WTO)... Chúng ta đã kéo Nhật và Đức trở lại với kinh tế thế giới, đã hưởng ứng chấm dứt chủ nghĩa thực dân, và nay đang chuyển sang sứ mệnh vĩ đại hỗ trợ cải cách và hội nhập ở Nga, Trung Quốc, Trung và Đông Âu, Đông Dương và các nước khác đoạn tuyệt với kế hoạch cộng sản cứng nhắc để trở về với thị trường". Và không chỉ có vậy, nước Mỹ đang tìm cách quay ngược bánh xe lịch sử về mấy trăm năm trước để trở lại chính sách thương thuyền đi kèm với pháo hạm. Cũng chính lời của Sa-lin Ba-sép-xki : "Cân nhắc vị trí quan trọng sâu sắc nhất trên tất cả các mặt thì hệ thống thương mại và *các cam kết quân sự của chúng ta ở châu Âu và châu Á* (người viết nhấn mạnh) cùng với sự tôn trọng đang tăng lên đối với quyền con người và sự cai trị bằng pháp luật, đã giúp cho thế giới phồn thịnh hơn, ổn định và hòa bình hơn"(3) (!?).

Vậy liệu có thể phát triển thương mại công bằng trong một số thế giới đang toàn cầu hóa và tự do hóa theo khuynh hướng tư bản chủ nghĩa không ? Hơn một trăm năm mươi năm trước, thế giới đã chứng kiến một cuộc đấu tranh không khoan nhượng giữa những kẻ chủ trương mậu dịch tự do và những người tán thành thuế quan bảo hộ. Nhưng như lời Ăng-ghen, "dưới chế độ này (mậu dịch tự do) hay chế độ kia (thuế quan bảo hộ), người công nhân cũng chỉ được lĩnh vừa vặn bằng số tiền cần thiết để duy trì anh ta với tư cách một chiếc máy công tác đang hoạt động mà thôi".(4) Nhận xét của Mác gần 150 năm trước đến nay vẫn làm cho chúng ta kinh ngạc về tính thời sự của nó : "Hai xu hướng của chính sách mậu dịch tư sản, mậu dịch tự do và thuế quan bảo hộ, đương nhiên đều bất lực như nhau trong việc xóa bỏ những hiện tượng hoàn toàn chỉ là kết quả tất yếu và tự nhiên của cơ sở kinh tế thuộc xã hội tư sản".(5)

Không thiếu những hoài nghi đối với thương mại công bằng, nhất là khi phương thức mua bán này xuất hiện trong lòng chế độ tư bản chủ nghĩa đặc trưng bằng quy luật lợi nhuận, người bóc lột người. Quả thật, tuy thương mại công bằng vẫn đang phát triển từng bước nhưng phạm vi mua bán còn rất hẹp, số lượng các mặt hàng còn rất hạn chế, chỉ quanh quẩn trong các thức uống và hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống, và ngay trong những mặt hàng này, thương mại công bằng cũng chỉ chiếm được một tỷ lệ hết sức khiêm tốn. Tuy nhiên, sự ra đời và phát triển của thương mại công bằng cho phép người ta có quyền hy vọng về tương lai của nó.

Từ những phong trào riêng rẽ trong từng nước, năm 1990 **EFTA** (European Fair Trade Associations), Hiệp hội thương mại công bằng của châu Âu, đã ra đời, tập hợp 12 nhà nhập khẩu và giao dịch của chín nước Áo, Bỉ, Pháp, Đức, I-ta-li-a, Hà Lan, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ và Anh.

Màng lưới của hiệp hội quốc gia các cửa hàng thế giới gọi tắt trong tiếng Anh là **NEWS** (Network of National Associations of World Shops) đại diện cho 3 000 cửa hàng ở 15 quốc gia thành viên là Áo, Bỉ, Đan Mạch, Phần Lan, Pháp, Đức, Ai-rơ-len, I-ta-li-a, Lúc-xăm-bua, Hà Lan, Na-uy, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Anh.

FLO quốc tế (Fairtrade Labelling Organisations) là một màng lưới bao gồm 15 sáng kiến dán nhãn thương mại công bằng của các tổ chức TransFair, Max Havelaar và Fairtrade Mark ứng dụng ở Áo, Bỉ, Ca-na-đa, Đan Mạch, Pháp, Đức, Ai-rơ-len, I-ta-li-a, Nhật Bản, Lúc-xăm-bua, Hà Lan, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Anh và Hoa Kỳ. Sáng kiến này nhằm mục đích mở rộng thị trường cho các sản phẩm thương mại công bằng bằng cách đưa sản phẩm vào thị trường chủ lưu, như các siêu thị, đồng thời cung cấp cho người tiêu dùng một bảo đảm độc lập các tiêu chuẩn của thương mại công bằng. Cho đến nay, các sản phẩm sau này đã được dán nhãn : cà phê, ca cao, chè, mật ong, đường và chuối. FLO hiện có khoảng 300 nhà sản xuất xin đăng ký dán nhãn thương mại công bằng thuộc khoảng 30 quốc gia, với cà phê là mặt hàng chủ lực.

---

(3) Sa-lin Ba-sép-xki : *Chính sách thương mại của Hoa Kỳ và hệ thống thương mại*. Báo cáo tại Viện nghiên cứu quốc tế. Oa-sinh-tơn DC, 2-3-2000

(4) C. Mác và Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 95

(5) C. Mác và Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 8, tr 496

Digitized by Google

IFAT (International Federation for Alternative Trade), Liên đoàn quốc tế tìm kiếm các phương thức thương mại thay thế, được các tổ chức thương mại thay thế (Alternative Trade Organisations - ATO) châu Phi, châu Á, Ô-xtrây-li-a, châu Âu, Nhật Bản, Bắc và Nam Mỹ thành lập vào tháng Năm 1989. IFAT là một liên minh xúc tiến thương mại công bằng đồng thời là một diễn đàn trao đổi thông tin. IFAT giúp đỡ tăng cường các tổ chức sản xuất thủ công và nông nghiệp ở phương Nam và nối liền họ với các ATO ở cả phương Bắc và phương Nam. Mục tiêu chủ yếu của IFAT là bênh vực quyền lợi và góp phần cải thiện đời sống của người sản xuất.

Thương mại công bằng nay được biết đến rộng rãi ở Tây Âu, và cũng bắt đầu lan đến Đông Âu. Hung-ga-ri vừa mới mở Cửa hàng Thế giới đầu tiên. Nhiều nước khác như Hoa Kỳ, Ca-na-đa, Nhật Bản, Ô-xtrây-li-a, Niu Di-lân v.v... cũng có phong trào và tổ chức thương mại công bằng khá mạnh. Tuy nhiên, nhìn chung Thương mại công bằng vẫn còn quá mới mẻ, nhỏ bé bên cạnh thương mại lợi nhuận đang thịnh hành và được thể chế hóa cả trên phạm vi quốc gia lẫn quốc tế. Theo những ước tính mới nhất có được thì tổng doanh số Thương mại công bằng chỉ vào khoảng từ 300 đến 500 triệu USD mỗi năm, một con số quá nhỏ bé so với 7 000 tỉ USD giá trị xuất khẩu của thế giới năm 1997. Riêng doanh số bán lẻ của các tổ chức này ở 16 nước châu Âu là hơn 200 triệu Ecu (Ơ-rô). Cũng trong năm 1997, các tổ chức Thương mại công bằng châu Âu sử dụng lực lượng được trả lương tương đương 1 500 biên chế, ngoài ra còn được sự hỗ trợ của hàng trăm nghìn người tình nguyện. Các tổ chức Thương mại công bằng có quan hệ đối tác với khoảng 800 tổ chức thuộc 45 nước ở phương Nam, phần lớn là các hiệp hội, hợp tác xã, xưởng thủ công và công nghiệp nhỏ và nhiều xí nghiệp tư nhân. Ước tính có đến 800 000 cơ sở sản xuất quy tụ khoảng năm triệu lao động (6).

Thương mại công bằng, xóa nợ và viện trợ phát triển trở thành chương trình nghị sự ưu tiên của quan hệ Bắc - Nam. Thương mại công bằng là một bộ phận quan trọng của cuộc đấu tranh của những người tiến bộ ở các nước phương Tây, của các nước đang phát triển chống lại tình trạng bất bình đẳng trong mậu dịch quốc tế. Đây là cuộc đấu tranh bên trong mỗi nước, chủ yếu là ở các nước phương Tây, về đạo đức tiêu thụ, về những tiêu chí của sản phẩm, về tình đoàn kết giữa người sản xuất ở các nước đang phát triển và người tiêu dùng ở các nước công nghiệp.

Tuy còn nhỏ bé và yếu đuối về phương diện kinh tế nhưng thương mại công bằng mang trong mình những giá trị tích cực. Chính vì thế, vào cuối những năm 80, nó đã có thể thâm nhập vào thị trường thương mại cổ điển, hơn nữa sản phẩm thương mại công bằng không chỉ được "ký gửi" mà còn được những nhà nhập khẩu mua buôn, thậm chí họ còn tìm cách để trực tiếp mua hàng của các nhà sản xuất trong màng lưới mua bán công bằng, bắt chước dán nhãn hiệu "sản phẩm tiêu chuẩn thương mại công bằng". Người dân châu Âu ngày càng tỏ ra sẵn sàng trả giá cao hơn cho các sản phẩm mà họ tin là đáp ứng tốt hơn các tiêu chí quan trọng và tăng thêm được thu nhập cho những người sản xuất nghèo. Tại Anh, 68% người tiêu dùng tuyên bố sẵn sàng mua các sản phẩm thương mại công bằng với giá cao hơn ; ở Thụy Điển tỷ lệ đó là 64%. Số người tiêu dùng biết đến thương mại công bằng ở Anh là 86%, ở Thụy Điển là 84%, ở Hà Lan là 66% và ở Bỉ 62%. Chỉ lấy một thí dụ về cà phê. Năm 1987, cà phê thương mại công bằng dự một cuộc thi và được chọn là cà phê ngon nhất. Quốc hội Hà Lan quyết định từ đó trong văn phòng quốc hội và các cuộc họp quốc hội, chỉ uống loại cà phê này. Hơn một chục tòa thị chính trong nước theo gương đó. Vài năm sau đến lượt Nghị viện châu Âu quyết định cũng chỉ uống độc một loại cà phê này. Đầu năm 1995, khoảng 250 trên tổng số 800 tòa thị chính, bốn chính quyền tỉnh và hơn 1 500 xí nghiệp và thiết chế chuyển sang uống cà phê thương mại công bằng. Chỉ trong năm 1994, các cơ sở trên phục vụ hơn 100 triệu tách cà phê cho khoảng 200 000 người"(7).

Thành công kinh tế bước đầu của thương mại công bằng cho phép người ta hy vọng - dù còn phải vượt qua muôn vàn khó khăn - tiến tới việc đưa các nguyên tắc mua bán mới này vào thị trường quốc tế. Và cũng chính thông qua thương mại công bằng mà lợi ích của các nước phương Nam mới được khẳng định. ❑

(6) EFTA. *Thương mại công bằng*. tr. 22

(7) EFTA. *Thương mại công bằng trên thị trường cổ điển*. tr. 31

Digitized by Google

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

VIỆN CHĂN NUÔI

Địa chỉ : Chèm , Từ Liêm - Hà Nội
Tel : (04) 8389267 ; (04) 8362385 ; (04) 8385023
Fax : (04) 8389775



CÁC BỘ MÔN NGHIÊN CỨU :

- Giống lợn hướng nạc, giống bò thịt, bò sữa, trâu lai, ngựa lai Cabadin, dê thịt, dê sữa, gà thịt công nghiệp, gà trứng, gà thả vườn, gà tây, gà ác, vịt siêu trứng, siêu thịt, ngan lai, ngỗng, hươu, nai, gấu, đà điểu.
- Nghiên cứu về thức ăn phụ phẩm, đậm đặc, thức ăn bổ sung, khí biogas.
- Nghiên cứu và dịch vụ về thụ tinh nhân tạo cho đại gia súc, lợn, gia cầm.
- Nghiên cứu và dịch vụ phân tích thành phần dinh dưỡng thức ăn gia súc và thực phẩm cho người bằng thiết bị hiện đại.
- Nghiên cứu về cấy truyền phôi bò, di truyền phân tử.



VIỆN CÓ CÁC TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ CHUYỂN GIAO TBKT, DỊCH VỤ GIỐNG VẬT NUÔI TẠI HÀ NỘI, HÀ TÂY, THÁI NGUYÊN, BÌNH ĐỊNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CHI NHÁNH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Đ/C : Quốc lộ 55 - Phường Phước Trung - Thị xã Bà Rịa
ĐT : 825036 - 825336 - Fax : 064 - 825514

CÁC CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

1. TP. Vũng Tàu	: 30 Nam Kỳ Khởi Nghĩa	ĐT : 853714 - 858118
2. Huyện Long Đất	: Ngã tư Long Điền	ĐT : 862025 - 862134
3. Huyện Xuyên Mộc	: Thị trấn Phước Bửu	ĐT : 874119 - 874115
4. Huyện Châu Đức	: Thị trấn Ngãi Giao	ĐT : 881073 - 881112
5. Huyện Tân Thành	: Xã Mỹ Xuân	ĐT : 876526 - 876467

THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ

- Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.
- Thu đổi ngoại tệ và dịch vụ cầm đồ
- Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ.
- Thực hiện nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng bằng vi tính hiện đại.

Bảo Đảm - Nhanh Chóng - Chính Xác - An Toàn

Digitized by Google

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF VIETNAM - HANOI BRANCH

BIDV



Giám đốc :
Nguyễn Đường Tuấn

TRỤ SỞ CHÍNH

4B Lê Thánh Tông - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Tel : 8268124 / 8268123 / 8253288 / 8.261831

Fax : 84.4.8248940 Telex : 84.4.8411358



Trụ sở chính

ĐỊA CHỈ GIAO DỊCH TẠI HÀ NỘI

1. Phòng giao dịch số 1 :
Số 4 Yết Kiêu - Hà Nội Tel : 8221301

2. Phòng giao dịch số 2 :
Số 2 Sông Lừ, phường Phương Mai Tel : 8685147

3. Chi nhánh Gia Lâm :
Thị trấn Đức Giang, Gia Lâm Tel : 8272731

4. Phòng giao dịch :
Số 52 Nguyễn Văn Cừ, Gia Lâm Tel : 8271732

5. Chi nhánh Đông Anh :
Thị trấn Đông Anh Tel :8832203

6. Phòng giao dịch :
Số 45 - Khu thương mại Đông Anh Tel : 8834262

7. Chi nhánh Thanh Trì :
Km 8 đường Giải Phóng Tel : 8613003

8. Chi nhánh Từ Liêm : Số 194 Cầu Giấy Tel : 8344999

NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CHÍNH

1. *Huy động vốn từ mọi nguồn trong và ngoài nước để phục vụ đầu tư phát triển.*
2. *Cho vay các tổ chức, thành phần kinh tế.*
3. *Kinh doanh ngoại tệ - hùn vốn liên doanh*
4. *Dịch vụ thanh toán, bảo lãnh, tư vấn đầu tư phát triển và các dịch vụ ngân hàng khác.*





RẤT HÂN HẠNH ĐƯỢC ĐÓN TIẾP QUÝ KHÁCH !

Digitized by Google

CÔNG TY VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN

VISSAN

HÀNG VIỆT NAM 2000 CHẤT LƯỢNG CAO

420, Nơ Trang Long, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
ĐT: 8433907 - 8433903 - 8433655 - 8433653
Fax: 8432372

THỰC PHẨM CHẤT LƯỢNG CAO

VISSAN cung cấp đầy đủ các chủng loại mặt hàng thịt tươi sống, thực phẩm chế biến:

- Thực phẩm đông lạnh: chả giò, hoành thánh, há cảo...
- Đồ hộp các loại: heo, bò, gà, cá
- Xúc xích tiệt trùng: Heo, bò, gà, tôm
- Thịt nguội cao cấp: xúc xích, jambon, thịt xông khói...
- Lạp xưởng Mai Quế Lộ



Hân hạnh phục vụ Quý khách



THỰC PHẨM VISSAN
THỰC PHẨM THỜI ĐẠI MỚI

Digitized by Google



KHÔNG GÌ THAY ĐỔI ĐƯỢC TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP NGÀN ĐỜI

Ông cha ta có câu: "Nụ cười đáng giá ngàn vàng". Vì vậy mặc dù chúng tôi tự hào có một trong những đội máy bay trẻ nhất thế giới và đã đổi mới trên nhiều mặt nhưng chúng tôi không bao giờ coi nhẹ việc duy trì và phát triển truyền thống hiếu khách, sự thân thiện sẵn có của dân tộc được thể hiện qua những gương mặt, nụ cười của Vietnam Airlines. Chính vì thế, chúng tôi luôn đặt lên hàng đầu công tác tuyển chọn, đào tạo về kỹ năng và văn hóa cho các nhân viên của mình, để họ đưa tới cho Quý vị sự phục vụ tận tình như mong đợi.

Việt Nam - Điểm đến của Thiên Niên Kỷ mới

VIETNAM AIRLINES
www.vietnamair.com.vn

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT: 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ: 5000Đ

Digitized by Google

HX
9
.H68b

Tạp chí Cộng sản



17
9-2000

UNIV. OF MICH.
SEP 27 2000
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Trụ sở chính: 105, Lê Lợi, TP. Vũng Tàu.

Điện thoại: 64-839871/72. Fax: 64-839857.



VIETSOVPETRO là đơn vị liên doanh giữa Việt Nam và Liên Bang Nga khai thác dầu khí lớn nhất ở Việt Nam, đang hoạt động trên 3 mỏ Bạch Hổ, Rồng và Đại Hùng. Sản lượng dầu khai thác từ năm 1986 đến tháng 8 năm 2000 đạt 83 trriệu tấn. Khí cung cấp vào bờ từ năm 1995 đến tháng 8 năm 2000 đạt 4,4 tỉ mét khối.

Kế hoạch dự kiến giai đoạn 1996-2000:

Khai thác dầu: 54 triệu tấn, đưa khí vào bờ: 4 - 4,5 tỉ mét khối.

XNLD VIETSOVPETRO sẵn sàng hợp tác với công ty dầu khí khác trong nhiều lĩnh vực : địa chất dầu khí, thiết kế, lắp ráp, xây dựng, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình dầu khí biển, khoan thăm dò, khai thác dầu khí, dịch vụ vật tư, vận tải biển, phòng chống phun trào, bảo vệ môi trường.

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 599 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

17
9-2000

MỤC LỤC

KỶ NIỆM 55 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ QUỐC KHÁNH 2-9 (1945 - 2000)	TRẦN ĐỨC LƯƠNG - Phát huy cao độ truyền thống cách mạng kiên cường của dân tộc, vì độc lập, tự do và phồn vinh của Tổ quốc, vững bước tiến vào thế kỷ XXI	3
	NÔNG ĐỨC MẠNH - Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Quốc hội trong thời kỳ mới	8
	NGUYỄN MẠNH CẦM - Ngoại giao Việt Nam thời kỳ đổi mới	14
	PHẠM THANH NGÂN - Phong trào Thi đua Quyết thắng trong quân đội	19
	LÊ VĂN DŨNG - Xây dựng cơ quan tham mưu chiến lược đáp ứng sự tin cậy của Đảng, quân đội và nhân dân	23
	NGUYỄN SINH CÚC - Kinh tế - xã hội Việt Nam 55 năm xây dựng và phát triển	27
ĐƯA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG	ĐẶNG HỮU - Khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn	32
	NGUYỄN DUY QUÝ - Phát huy truyền thống Xô-viết, xây dựng quê hương Thanh Chương giàu đẹp	38
	DOÃN KHÁNH - Xuất khẩu hàng hóa Việt Nam 10 năm qua	41
NHÂN KỶ NIỆM 700 NĂM NGÀY MẤT CỦA HƯNG ĐẠO ĐẠI VƯƠNG TRẦN QUỐC TUẤN (1300 - 2000)	LÊ ĐÌNH SỸ - Trần Quốc Tuấn - nhân cách lớn của người anh hùng dân tộc, nhà quân sự kiệt xuất	44
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	TÀO HỮU PHÙNG - Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay nước ngoài để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội	47
	NGUYỄN QUỐC ANH - Công bằng xã hội trong giáo dục ở nước ta hiện nay	53
THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP	PHẠM NGỌC QUANG - Nghĩ về một biện pháp khắc phục bệnh quan liêu	58
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	VŨ LÂN - Vẫn còn "nín thở"	60
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Phát triển con người. Chỉ số phát triển con người	61

Bìa 1 : *Chào mừng Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9* — *Tranh :* **HƯƠNG HẠNH**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ЧАН ДЫК ЛЫОНГ: Прочно вступить в XXI век, всемерно развивая революционные традиции нации, за независимость, свободу и процветание Родины. НОНГ ДЫК МАНЬ: Продолжать повышать качество, эффективность и результаты деятельности Национального Собрания в новом периоде. НГУЕН МАНЬ КАМ: Дипломатия Вьетнама периода обновления. ФАМ ТХАНЬ НГАН: Соревновательная кампания: "Быть исполненным решимости одержать победу" в Армии. ЛЕ ВАН ЗУНГ: Создать стратегическую штаб-квартиру, отвечающую доверию Партии, армии и народа. НГУЕН ШИНЬ КУК: Экономика и общество Вьетнама за 55 лет укрепления и развития. ДАНГ ХЫУ: Наука и технология на службе индустриализации, модернизации сельского хозяйства, и развитию деревни. НГУЕН ЗУЙ КУЙ: Построить красивый, богатый родимый край Тхань Тьюнг, развивая традиций советов. ЗОАН ХАНЬ: Экспорт товаров Вьетнама за 10 прошедших лет. ЛЕ ДИНЬ ШИ: Чан Куок Туан – грандиозные личные достоинства Национального Героя, Выдающегося Военачальника. ТАО ХЫУ ФУНГ: Повышать эффективность использования иностранного взаимного капитала, приложенного для социально-экономического развития. НГУЕН КУОК АНЬ: Социальная справедливость в образовании в нашей стране на нынешнем этапе.

CONTENTS

TRẦN ĐỨC LƯƠNG: To enter firmly into the XXI century, promoting to the utmost the steady revolutionary traditions of the nation, for independence, freedom and prosperity of the Motherland. NÔNG ĐỨC MẠNH: To continue to enhance quality, efficiency and results of National Assembly's activities in the new period. NGUYỄN MẠNH CẦM: Vietnam's diplomacy of the renovation period. PHẠM THANH NGÂN: The competitive campaign "Be determined to win victory" in the Army. LÊ VĂN DŨNG: To strengthen the strategic headquarters body able to meet the Party's, the Army's and the People's confidence. NGUYỄN SINH CÚC: Economy and society of Vietnam in 55 years strengthening and developing. ĐẶNG HỮU: Science and technology devoted to agriculture's industrialisation, modernisation, and to rural development. NGUYỄN DUY QUÝ: To raise the native land Thanh Chương rich and beautiful, promoting the traditions of the Soviets. DOÃN KHÁNH: Goods export of Vietnam in the 10 past years. LÊ ĐÌNH SĨ: The grandiose personality of the National Hero, Outstanding Military Commander Trần Quốc Tuấn. TÀO HỮU PHÙNG: To enhance efficiency in the use of foreign - borrowed capitals invested in socio-economic development. NGUYỄN QUỐC ANH: Social equality in education of our country at the present stage.

SOMMAIRE

TRẦN ĐỨC LƯƠNG: Faire valoir davantage la tradition révolutionnaire indomptable de la nation, pour l'indépendance, la liberté, la prospérité du pays et pour entrer à pas sûrs dans le XXIe siècle. NÔNG ĐỨC MẠNH: Continuer à rehausser la qualité et l'efficacité des activités de l'Assemblée nationale dans la nouvelle étape. NGUYỄN MẠNH CẦM: La diplomatie vietnamienne dans la période de renouveau. PHẠM THANH NGÂN: Le mouvement d'émulation "Se déterminer à vaincre" dans l'Armée. LÊ VĂN DŨNG: Edifier un état-major de stratégie digne de la confiance du Parti, de l'Armée et du peuple. NGUYỄN SINH CÚC: L'économie et la société vietnamiennes à travers 55 ans d'édification et de développement. ĐẶNG HỮU: Science et technologie au service de l'industrialisation et de la modernisation de l'agriculture et du développement rural. NGUYỄN DUY QUÝ: Faire valoir la tradition des "Soviets du Nghệ Tĩnh" en vue de faire du Thanh Chương un district prospére et luxuriant. DOÃN KHÁNH: L'exportation du Vietnam au cours des 10 derniéres années. LÊ ĐÌNH SỸ: Trần Quốc Tuấn, une grande personnalité, un héros national, un éminent stratége. TÀO HỮU PHÙNG: Elever l'efficacité de l'utilisation des crédits étrangers dans l'investissement pour le développement socio-économique. NGUYỄN QUỐC ANH: La justice sociale dans l'éducation au Vietnam à l'heure actuelle.

SUMARIO

TRẦN ĐỨC LƯƠNG: Poner en alto la indomable tradición revolucionaria de la nación, por la independencia, libertad y prosperidad de la Patria vanzamos con pasos seguros hacia el siglo XXI. NÔNG ĐỨC MẠNH: Continuar a mejorar la calidad y la eficacia de las actividades de la Asamblea Nacional en el nuevo periodo. NGUYỄN MẠNH CẦM: La diplomacia vietnamita en el periodo de renovación. PHẠM THANH NGÂN: El movimiento de emulación "Decididos a vencer" en el Ejército. LÊ VĂN DŨNG: Edificar un estado-mayor de estrategia digno de la confianza del Partido, Ejército y del pueblo. NGUYỄN SINH CÚC: 55 años de la edificación y desarrollo de la economía y la sociedad vietnamitas. ĐẶNG HỮU: Las ciencias y la tecnología al servicio de la industrialización, modernización de la agricultura y del desarrollo rural. NGUYỄN DUY QUÝ: Desplegando la tradición de "Soviets de Nghệ Tĩnh" para hacer el distrito Thanh Ch-ng (provincia de Nghệ An) en una tierra rica y próspera. DOÃN KHÁNH: La exportación de mercancías de Vietnam en los últimos 10 años. LÊ ĐÌNH SỸ: Trần Quốc Tuấn — Una gran personalidad, un héroe nacional, un militar sin par. TÀO HỮU PHÙNG: Elevar la eficacia de la utilización de los créditos extranjeros en la inversión para el desarrollo socio-económico. NGUYỄN QUỐC ANH: La justicia social en la educación de Vietnam en la actualidad.

目录

陈德良：高度发扬民族的坚强革命传统，为了祖国的独立、自由与繁荣，稳步迈向21世纪•农德孟：不断提高国会在新时期活动的质量、效力及效果•阮孟琴：革新时期的越南外交•范青银：军队中展开的决胜竞赛运动•黎文勇：建设战略参谋机关以满足党、军队、人民的信任•阮生菊：55年来越南经济-社会的建设与发展•邓友：科技为农村工业化、现代化与发展服务•阮维贵：发扬苏维埃传统，把青章县建设得美丽富裕•允庆：十年来越南商品出口•黎亭士：陈国俊-民族英雄的宗高人格、杰出的军事家•曹友逢：提高使用外国贷款资本的效果以投资于经济-社会的发展•阮国英：目前在我国教育中的社会公平问题。

Digitized by Google

PHÁT HUY CAO ĐỘ TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG KIÊN CƯỜNG CỦA DÂN TỘC, VÌ ĐỘC LẬP, TỰ DO VÀ PHỒN VINH CỦA TỔ QUỐC, VỮNG BƯỚC TIẾN VÀO THẾ KỶ XXI

TRẦN ĐỨC LƯƠNG *

CÁCH đây 55 năm, trong không khí sục sôi cách mạng của những ngày Tổng khởi nghĩa Tháng Tám, ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh long trọng đọc "Tuyên ngôn độc lập" khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Với sự mở đầu của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, dân tộc ta bước vào kỷ nguyên phát triển rực rỡ nhất trong lịch sử của mình, kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Truyền thống dựng nước và giữ nước mấy nghìn năm của dân tộc đã được các thế hệ Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong thời đại Hồ Chí Minh phát huy cao độ, đưa dân tộc ta vươn tới những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử to lớn và tính thời đại sâu sắc. Đó là thành công vang dội của Cách mạng Tháng Tám ; là thắng lợi to lớn của dân tộc ta trong hai cuộc kháng chiến cứu nước và những thắng lợi quan trọng của sự nghiệp đổi mới trong 15 năm cuối thế kỷ XX.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là sự nhất tề vùng lên của cả một dân tộc bị đọa đầy đau khổ, quyết xóa bỏ gông xiềng nô lệ, áp bức bất công vươn lên làm chủ vận mệnh của mình ; là thắng lợi đầu tiên của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến ; là sự khẳng định sứ mệnh lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam trong vai trò tổ chức và lãnh đạo nhân dân Việt Nam thực hiện các ước vọng cao cả của dân tộc trong thời đại mới ; là đỉnh cao của nghệ thuật lãnh đạo chớp thời cơ đem sức ta mà tự giải phóng cho ta. Cách mạng Tháng Tám đã đập tan ách thống trị thực dân tàn bạo, xóa bỏ chế độ phong kiến lỗi thời, lập nên chế độ Cộng hòa dân chủ nhân dân tiến theo con đường xã hội chủ nghĩa. Đó là Nhà nước kiểu mới, Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông - Nam châu Á.

Trong thời kỳ lịch sử 55 năm qua, nhân dân ta đã anh dũng đứng lên, chịu đựng những hy sinh và tổn thất lớn lao, thực hiện hai cuộc kháng chiến thần thánh chống lại các thế lực đế quốc hung bạo của thế kỷ, giành thắng lợi vang dội, bảo vệ được độc lập tự do cho dân tộc, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc. Các dân tộc bị áp bức và loài người tiến bộ trên thế giới ghi nhận sự đóng góp to lớn của dân tộc ta, một dân tộc dũng cảm đi tiên phong trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, góp phần làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ, chống lại sự áp bức, thống trị của chủ nghĩa thực dân mới, góp phần gìn giữ độc lập chủ quyền và quyền bình đẳng giữa các dân tộc, bảo vệ lương tri và phẩm giá con người.

Từ sau khi giành được độc lập và thống nhất đất nước vào tháng 5-1975, trong lúc vết thương chiến tranh còn chưa được hàn gắn, nhân dân ta

* Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam

Digitized by Google

lại phải tiếp tục chịu đựng những thử thách gay gắt mới để chống lại chính sách bao vây, cấm vận kéo dài của các thế lực thù địch, đối phó với chiến tranh biên giới, giúp nhân dân Cam-pu-chia thoát khỏi họa diệt chủng, khắc phục tình trạng trì trệ kéo dài của nền kinh tế chúng ta và những hậu quả sau khi Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu sụp đổ. Trước bối cảnh cực kỳ khó khăn đó, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta tiếp tục tỏ rõ bản lĩnh vững vàng, sáng tạo, ra sức hàn gắn vết thương chiến tranh ; cải tiến, đổi mới từng phần các chủ trương, chính sách, tạo được những tiền đề cần thiết cho sự nghiệp đổi mới toàn diện giai đoạn tiếp theo.

Đường lối đổi mới do Đảng ta phát động từ Đại hội VI (1986) và Cương lĩnh 1991 đã đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta không những vượt qua được mọi thử thách mà còn mở ra thời kỳ phát triển mới rất đáng tự hào. Nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Sau 15 năm đổi mới thế và lực của đất nước đã có sự thay đổi căn bản, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt, tạo dựng được những điều kiện và cơ sở vật chất - kỹ thuật nền tảng của chặng đường đầu tiên đưa đất nước tiến vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trải qua 55 năm đầy biến động và thử thách, đất nước ta từ một nước thuộc địa bị xóa tên trên bản đồ thế giới, đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có tiếng nói và vị trí ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội.

Sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta trong 55 năm qua tuy trải qua nhiều giai đoạn có bối cảnh quốc tế và trong nước khác nhau, nhiệm vụ cụ thể và sách lược cách mạng có sự vận dụng linh hoạt phù hợp với từng giai đoạn, song sợi chỉ đỏ xuyên suốt là mục tiêu của sự nghiệp cách mạng, của nhân dân ta luôn kiên định. Đó là : độc lập cho dân tộc ; thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ cho đất nước ; tự do, dân chủ, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân ; công bằng, văn minh, đoàn kết, nhân ái cho xã hội ; hòa bình, hữu nghị và muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới. Đó chính là con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Độc lập dân tộc và thống nhất đất nước là nguyện vọng sâu xa của toàn dân tộc. Đó là một nền độc lập thật sự, trọn vẹn và đầy đủ, không chấp nhận bất cứ sự lệ thuộc, áp đặt nào. Đó là tinh thần "không có gì quý hơn độc lập, tự do", "thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ". Ngay từ những ngày đầu của cách mạng, khi chính quyền còn trong trứng nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định nguyện vọng và ý chí đanh thép của nhân dân ta : "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi". Hiến pháp đầu tiên của nước ta năm 1946 đã ghi rõ "Đất nước Việt Nam là một khối thống nhất Trung Nam Bắc không thể phân chia". Để có được nền độc lập thật sự và sự thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ như ngày nay, nhân dân ta đã phải chịu biết bao tổn thất và hy sinh, biết bao người con ưu tú của dân tộc ngã xuống. Cho đến nay những hậu quả chính sách xâm lược của các thế lực thù địch vẫn còn nặng nề trong đời sống xã hội. Cảm nhận một cách sâu sắc và thấm thía giá trị của độc lập, tự do, nhân dân ta coi việc bảo vệ độc lập, tự do, toàn vẹn lãnh thổ, thống nhất Tổ quốc là nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân tộc.

Giải phóng dân tộc, giành chính quyền về tay nhân dân, đem lại quyền tự do, dân chủ thực sự cho nhân dân là thành tựu vĩ đại của sự nghiệp cách mạng nước ta. Chế độ xã hội của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày nay đã xác lập và khẳng định nhất quán quyền tự do, dân chủ của nhân dân ngay từ Hiến pháp đầu tiên năm 1946 đến Hiến pháp năm 1992. Nền dân chủ của xã hội ta là nền dân chủ của khối đại đoàn kết toàn dân, cho tất cả các tầng lớp nhân dân đang xây dựng cuộc sống mới, ở đó, mọi người dân, không phân biệt địa vị xã hội, nghề nghiệp, tôn giáo, dân tộc, giới tính, thành phần xã hội... đều là chủ nhân chân chính của đất nước. Công nhân làm chủ nhà máy, công xưởng ; nông dân làm chủ ruộng đồng và thực hiện ước nguyện làm giàu ; trí thức có điều kiện

Digitized by Google

vươn tới đỉnh cao của khoa học - công nghệ, đem trí tuệ phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân ; người có tài sản đem tài lực và vật lực của mình ra sản xuất kinh doanh làm giàu cho mình và cho xã hội, phụ nữ được giải phóng và bình đẳng với nam giới ; người già, người có công với cách mạng được chăm sóc chu đáo ; người có khó khăn có nơi nương tựa ; tuổi trẻ được học hành và phát triển tài năng, "rèn đức, luyện tài" để trở thành những chủ nhân tương lai tài giỏi của đất nước ; đồng bào các dân tộc ít người bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, có vị trí, vai trò xứng đáng trong xã hội,... tất cả điều đó nói lên tính ưu việt của chế độ ta, một chế độ công bằng, dân chủ, nhân ái và văn minh. Nền dân chủ mà nhân dân ta xây đắp khác về chất với kiểu dân chủ do sức mạnh của đồng tiền và bạo lực chi phối.

Nhân dân mong ước cuộc sống của mình ngày càng tốt hơn về cả vật chất và tinh thần. Dân chỉ biết giá trị của độc lập, tự do khi mà dân được ăn no, mặc đủ, được học hành, được chữa bệnh. Vì vậy, "việc nhân nghĩa cốt ở yên dân", "khoan thư sức dân, lấy kế sâu rễ, bền gốc", những tư tưởng lớn của người xưa vẫn còn nguyên giá trị, được kế thừa và nâng cao trong đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ta ngày nay. Khi sinh thời Bác Hồ luôn căn dặn : độc lập, tự do phải gắn liền với ấm no, hạnh phúc, quyền được sống trong độc lập, tự do gắn liền với quyền mưu cầu hạnh phúc. Thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ, Đảng và Nhà nước ta nhận thức sâu sắc rằng, làm cách mạng cũng là vì nhân dân, xây dựng đất nước phồn vinh là để cuộc sống của nhân dân được ấm no, hạnh phúc, đất nước mạnh giàu thì nhân dân phải được giàu có, xã hội phải công bằng, dân chủ, văn minh. Khi đất nước mới giành được độc lập, việc đầu tiên Đảng và Nhà nước ta quan tâm là vấn đề dân sinh ; ngay từ khi cách mạng mới thành công, nhiệm vụ diệt giặc đói, giặc dốt được đặt ngang với diệt giặc ngoại xâm. Nhờ vậy, nạn đói làm chết 2 triệu đồng bào ta năm 1945 đã nhanh chóng được khắc phục ; nền kinh tế nước nhà dần thoát khỏi tình trạng tiêu điều, xơ xác, nạn mù chữ ở hơn 90% dân từng bước được xóa bỏ. Trong hai cuộc kháng chiến kéo dài mấy chục năm, với những tổn thất không kể xiết, nhân dân ta đã thực hiện đường lối : vừa kháng chiến, vừa kiến quốc ; vừa chiến đấu, vừa xây dựng ; hậu phương thi đua với tiền phương. Chính vì vậy, trong điều kiện chiến tranh khốc liệt, đời sống của mọi tầng lớp nhân dân vẫn được bảo đảm và chính nhân dân ta đã tạo ra sức mạnh phi thường để chiến thắng các kẻ thù hung bạo và giàu có.

Ngày nay nhân dân ta có được độc lập, thống nhất hoàn toàn, nhiệm vụ phát triển kinh tế vì dân giàu, nước mạnh là nhiệm vụ trung tâm của cách mạng. Sự nghiệp đổi mới hiện nay chính là sự nghiệp vì ấm no, hạnh phúc của nhân dân, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tính từ năm 1990 đến nay, tổng sản phẩm trong nước (GDP) đã tăng gấp 2 lần ; từ một nước thiếu ăn triền miên, đến nay đã tự sản xuất đủ lương thực cho nhân dân, có dự trữ khá, xuất khẩu ngày càng tăng, các cân đối lớn của nền kinh tế quốc dân được cải thiện căn bản, cơ cấu kinh tế được dịch chuyển một cách tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội có những bước phát triển quan trọng ; đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt, bộ mặt thành thị và nông thôn thay đổi từng ngày.

Dân tộc ta là một dân tộc yêu chuộng hòa bình, mong muốn có một nền hòa bình thực sự, hòa bình trong độc lập, tự do. Nhận thức rõ cái giá phải trả để có được hòa bình cho công cuộc xây dựng, phát triển hôm nay là rất đắt, nhân dân ta càng ra sức gìn giữ hòa bình, coi đó là trách nhiệm và nghĩa vụ của thế hệ người Việt Nam hiện tại đối với cha ông, và đối với con cháu mai sau. Chúng ta cũng tôn trọng và mong muốn hòa bình trong độc lập, tự do cho mọi quốc gia, dân tộc trên toàn thế giới, không phân biệt lớn, nhỏ, giàu, nghèo.

Dân tộc ta là dân tộc chuộng nhân nghĩa, thủy chung với bạn bè. Phát huy truyền thống đó, suốt quá trình cách mạng, chúng ta luôn thực hiện tốt quan hệ hữu nghị và đoàn kết với các dân tộc và nhân dân tiến bộ trên thế giới. Đồng thời, nhân dân ta cũng nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ chí tình, chí nghĩa và có hiệu quả của đồng chí và bạn bè khắp năm châu. Ngày nay, Đảng và Nhà nước

Digitized by Google

ta luôn coi trọng và thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, có ý thức trách nhiệm cao, với tinh thần xây dựng trong các vấn đề khu vực và quốc tế. Cùng với nhân dân tiến bộ trên thế giới, chúng ta phấn đấu hết sức mình vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên hành tinh này.

Kết thúc thế kỷ XX, nhìn lại chặng đường 55 năm qua,nhân dân ta rất đỗi tự hào về những thắng lợi và thành tựu vẻ vang của dân tộc. Đất nước ta từ một nước thuộc địa, nửa phong kiến trở thành một quốc gia độc lập, tự do, từng bước đi lên CNXH. Ngày nay, cộng đồng quốc tế biết đến Việt Nam không chỉ là một dân tộc dũng cảm, có tinh thần độc lập, tự chủ, ý chí kiên cường, bất khuất chống ngoại xâm mà còn là một dân tộc có bản lĩnh vững vàng, có ý chí vươn lên mạnh mẽ trong xây dựng cuộc sống mới ấm no, hạnh phúc, xây dựng đất nước phát triển và phồn vinh.

Thế kỷ XXI sắp tới, thế giới sẽ có những biến động phức tạp, khó lường, nhưng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội vẫn là xu thế cơ bản của thời đại, vẫn là mục tiêu lý tưởng và động lực phát triển của chúng ta. Chúng ta khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh mãi mãi là nền tảng tư tưởng, là kim chỉ nam cho hoạt động của Đảng, của Nhà nước, của toàn dân và toàn quân ta. Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là quan điểm cốt lõi của chúng ta trong quá trình đổi mới đất nước. Sự phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học - công nghệ, đặc biệt là cách mạng tin học, ... đã và sẽ tạo ra sự lớn mạnh chưa từng có của lực lượng sản xuất, làm biến đổi cuộc sống nhân loại, thúc đẩy sự phát triển vượt bậc và cũng sẽ tác động sâu sắc đến đời sống kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa của mọi quốc gia trên thế giới... Đó là thuận lợi, thời cơ đối với sự phát triển của đất nước ta. Mặt khác toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế đang diễn ra hiện nay cũng kéo theo những mặt trái khó lường đối với an ninh của các quốc gia, đối với môi trường sống của hành tinh, phân cách giàu nghèo giữa các nước trên thế giới ngày càng sâu rộng thêm, đó cũng là thách thức, khó khăn mà chúng ta phải cảnh giác và quyết tâm vượt qua.

Bước vào thế kỷ mới, thế và lực của chúng ta đã mạnh hơn trước nhiều. Song nước ta vẫn là một trong những nước nghèo. Bốn nguy cơ mà Đảng ta từng cảnh báo có mặt được hạn chế một phần, có mặt đã và đang diễn ra gay gắt hơn. Đó là những khó khăn và thách thức to lớn mà nhân dân ta phải đương đầu, trước hết là tình trạng thấp kém của nền kinh tế, khoảng cách về trình độ phát triển giữa nước ta với nhiều nước trên thế giới còn rất lơn, trong khi đó đất nước đi lên trong điều kiện cạnh tranh quốc tế ngày càng quyết liệt, trong bộ máy của Đảng và Nhà nước tệ quan liêu, tham nhũng và sự thoái hóa về phẩm chất , đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa được đẩy lùi đang làm nhức nhối xã hội. Nhiều vấn đề xã hội khác cũng chưa được giải quyết tốt, như tình trạng thiếu việc làm, tệ nạn xã hội phát triển, đời sống của các tầng lớp nhân dân tuy có được cải thiện nhưng còn nhiều khó khăn, đặc biệt là đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng trước đây.

Những vận hội và thời cơ, những khó khăn và thách thức đối với chúng ta đều lớn và không tồn tại biệt lập mà đan xen, tác động lẫn nhau. Vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với chúng ta là nêu cao ý chí cách mạng tiến công, phát huy cao độ nội lực, tranh thủ sự hợp tác quốc tế, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức để vươn lên hoàn thành nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày càng phát triển vững chắc, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, đưa đất nước thoát khỏi cảnh nghèo nàn, lạc hậu, tiến lên văn minh, hiện đại, thực hiện thắng lợi mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" là nguyện vọng tha thiết của mọi người dân Việt Nam, là nỗi trăn trở hằng ngày của Đảng và Nhà nước ta. Phát triển kinh tế luôn là nhiệm vụ trung tâm đòi hỏi sự nỗ lực rất cao của toàn thể dân tộc, phát huy mạnh mẽ nguồn lực con người và nội lực của đất nước. Trong 10 năm tới đây, phải phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng GDP hơn 7%/năm để đến năm 2010 tổng thu nhập quốc dân sẽ tăng ít nhất là gấp đôi so với năm 2000,

Digitized by Google

phát huy tinh thần tự lực, tự cường, cần kiệm xây dựng đất nước, đưa tỉ lệ tích lũy từ nội bộ nền kinh tế vượt trên 30% tổng thu nhập quốc dân ; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, định hình về cơ bản thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp xuống dưới 50%. Kinh tế nhà nước được tăng cường, các thành phần kinh tế đều được khuyến khích phát triển mạnh. Chú trọng thực hiện thắng lợi các chương trình quốc gia về khoa học - công nghệ, giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, cải thiện một bước quan trọng đời sống nhân dân, cải thiện môi trường sinh thái, nâng lên đáng kể chỉ số phát triển con người, và tiềm lực đất nước... Tạo nền tảng vững chắc cho việc xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp vào năm 2020.

Đất nước muốn phát triển, đòi hỏi chính trị phải ổn định, xã hội phải lành mạnh, quốc phòng, an ninh phải vững chắc, mọi người sống và làm việc theo pháp luật. Kinh nghiệm 55 năm qua cho thấy chúng ta không lúc nào được lơ là, mất cảnh giác, sao nhãng việc củng cố quốc phòng, an ninh. Phải biết tự bảo vệ, tự xây dựng nền tảng chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, những yếu tố bảo đảm sự vững chắc của chế độ. Giữ vững ổn định chính trị - xã hội, nhân tố quan trọng hàng đầu bảo đảm sự phát triển đất nước trong tình hình mới là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng và Nhà nước ta. Giữ vững chủ quyền quốc gia, độc lập tự chủ về chính trị và kinh tế trong mọi tình huống, không ngừng phát huy nội lực là yêu cầu cơ bản để chúng ta chủ động hội nhập với thế giới. Bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại là nhu cầu phát triển của dân tộc, là phương châm chỉ đạo hành động của chúng ta trong điều kiện toàn cầu hóa.

Thế kỷ XXI là thế kỷ chúng ta có điều kiện hơn tập trung vào nâng cao đời sống vật chất - tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân. Chủ nghĩa xã hội sinh động trong đời sống hiện thực, sức hấp dẫn và bản chất tốt đẹp của nó biểu hiện cụ thể trong đời sống của hàng triệu con người. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định : "Chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát khỏi nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc". Thực hiện lời di huấn của Bác Hồ kính yêu, mọi cán bộ, đảng viên, dù ở bất cứ cương vị công tác nào, cũng đều phải là tấm gương đẹp đẽ về tinh thần "tận trung với nước, tận hiếu với dân", là "công bộc", "đầy tớ trung thành và tận tụy của nhân dân", chứ không phải là "quan cách mạng". Thước đo đức, tài của cán bộ, đảng viên là ở thái độ, tình cảm và hành động cụ thể đối với nhân dân, ở việc họ làm việc như thế nào, đem lại cái gì cho nhân dân. Tình trạng quan liêu, tham nhũng, thoái hóa biến chất trong đội ngũ cán bộ, đảng viên cần phải được khắc phục một cách có hiệu quả. Bản chất của chế độ ta và yêu cầu của sự phát triển đất nước đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục cải cách và hoàn thiện Nhà nước xã hội chủ nghĩa, công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Phải kiên quyết đấu tranh đẩy lùi tệ quan liêu và nạn tham nhũng, tiến hành ráo riết cuộc cải cách hành chính ở tất cả các cấp, nâng cao trách nhiệm và hiệu lực quản lý của Nhà nước, cải cách tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước phải gắn chặt với xây dựng và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Vì vậy, Đảng ta coi xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn liền với kiện toàn hệ thống chính trị là nhiệm vụ then chốt để đủ sức lãnh đạo toàn dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược của cách mạng trong thời kỳ mới.

Kỷ niệm 55 năm Cách mạng Tháng Tám và ngày thành lập nước, càng tự hào về quá khứ, chúng ta càng vững tin ở tương lai và tiền đồ của dân tộc.

Hướng tới Đại hội IX của Đảng, các tầng lớp nhân dân ta nỗ lực hơn nữa, phát huy cao độ ý chí tự lực - tự cường, truyền thống yêu nước, đoàn kết dân tộc, tận dụng thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy lùi nguy cơ, khắc phục tiêu cực, tập trung trí tuệ và lực lượng, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, hoàn thành xuất sắc kế hoạch năm 2000, tạo tiền đề vững chắc cho đất nước bước vào thế kỷ XXI. ❑

Digitized by Google

TIẾP TỤC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỐC HỘI TRONG THỜI KỲ MỚI

NÔNG ĐỨC MẠNH *

1. Cách đây hơn nửa thế kỷ, trong thế nước "ngàn cân treo sợi tóc", với nhãn quan chính trị sâu rộng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị "tổ chức càng sớm càng hay cuộc *Tổng tuyển cử* với chế độ phổ thông đầu phiếu" (1) nhằm xác lập nền tảng chính trị - pháp lý cho chính quyền cách mạng non trẻ và thực hiện nhất quán tư tưởng xây dựng bộ máy nhà nước hoàn chỉnh lấy dân làm gốc. Ngày 6-1-1946 đã diễn ra cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khoá I - cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất đầu tiên của chính quyền nhân dân. Từ đó đến nay, ở nước ta, kế tiếp nhau đã có 10 khóa Quốc hội. Với thực tiễn phong phú về tổ chức và hoạt động sau gần 55 năm xây dựng và trưởng thành, có thể khái quát một số thành tựu và kinh nghiệm quý báu sau đây về Quốc hội của chúng ta.

- Một là, *Quốc hội nước ta là hình ảnh chân thực của nhân dân được thu nhỏ, là hiện thân sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết toàn dân được thống nhất lại dưới hình thức nhà nước.*

Sở dĩ Quốc hội kết tinh được những tinh hoa đó, bởi vì trong suốt 55 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Quốc hội được hình thành, củng cố và phát triển dựa trên cơ sở xã hội rất rộng lớn, bao gồm các giai cấp, các tầng lớp nhân dân và các dân tộc Việt Nam. Khác với Liên Xô và một số nước xã hội chủ nghĩa trước đây, sau cách mạng, giai cấp tư sản địa chủ, phú nông bị tước quyền bầu cử. Ở nước ta, ngay từ khi ra đời, Quốc hội khóa I - khóa đầu tiên đã được xây dựng trên nền tảng : "Đoàn kết toàn dân không phân biệt giống nòi, gái trai, giai cấp, tôn giáo" (2). Các khóa Quốc hội tiếp theo đều được xây dựng và củng cố, dựa trên nguyên tắc nền tảng đó. Quốc hội khóa IX và khóa X, cũng dựa trên nguyên tắc này, nhưng được Hiến pháp 1992 kế thừa và phát triển một cách toàn diện và sâu sắc hơn.

Dựa trên nền tảng tư tưởng đó, chế độ bầu cử của tất cả các khóa Quốc hội ở nước ta đều theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín, bảo đảm cho tất cả "hễ là những người muốn lo việc nước thì đều có quyền ra ứng cử ; hễ là công dân thì đều có quyền đi bầu cử. Không chia gái trai, giàu nghèo, tôn giáo, nòi giống, giai cấp, đảng phái, hễ là công dân Việt Nam thì đều có hai quyền đó " (3). Trong khi đó, ở nhiều nước trên thế giới, cho đến nay vẫn đang sử dụng chế độ bầu cử với hàng loạt các quy định hạn chế quyền tự do bầu cử và ứng cử của công dân.

Với quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân và chế độ bầu cử tự do, tiến bộ như trên, thành phần đại biểu được bầu vào Quốc hội qua các khóa đều thể hiện chân thực hình ảnh "nhân dân được thu nhỏ". Ngoài đại biểu của giai cấp công nhân và giai cấp nông dân, nhiều nhân sĩ, trí thức, các nhà hoạt động tôn giáo, những người thuộc tầng lớp

---

* Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 8

(2) *Hiến pháp Việt Nam* (năm 1946, 1959, 1980 và 1992). Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr 7

(3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 4, tr 133

Digitized by Google

trên đã được bầu vào Quốc hội. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nhận định : "Đó là một truyền thống quý báu của Quốc hội ta, một ưu điểm căn bản của chế độ ta"(4). Nhờ vậy, hơn nửa thế kỷ qua, các khóa Quốc hội kế tiếp nhau đã tập hợp, đoàn kết được mọi lực lượng của toàn thể dân tộc dưới hình thức cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân. Từ đó có thể khẳng định : *để phát huy vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc, sức mạnh của nhân dân, không thể không đề cao và phát huy vai trò của Quốc hội. Ngược lại, coi nhẹ hoặc hạ thấp vị trí và vai trò của Quốc hội chính là xem thường và hạ thấp vai trò của nhân dân trong tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước, trong việc thực hiện những nhiệm vụ chính trị của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời làm cho bộ máy nhà nước xa rời bản chất của dân, do dân và vì dân.*

- Hai là, *Quốc hội của chúng ta trong hơn nửa thế kỷ qua là nền tảng chính trị - pháp lý cho sự tồn tại và phát triển của Nhà nước và xã hội ta.* Nhờ đó mà toàn bộ tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước được xây dựng, củng cố và hoàn thiện dựa trên nền tảng chính trị - pháp lý vững chắc.

Ở nước ta, chính quyền nhà nước được xác lập kể từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 2-9-1945. Trước đó, tiền thân của nó đã tồn tại dưới hình thức Ủy ban khởi nghĩa do Đại hội quốc dân Tân Trào cử ra, với nền tảng xã hội là Mặt trận Việt Minh. Tuy vậy, nhà nước đó xét về mặt pháp lý lẫn phương diện tổ chức bộ máy vẫn chưa phải là một nhà nước chính thức và hoàn chỉnh. Trên thực tế chỉ mới tồn tại một bộ máy hành pháp mang tính chất lâm thời. Để bảo đảm tính pháp lý và uy tín của nhà nước trước toàn thể nhân dân và cộng đồng thế giới, mặc dầu trong tình hình cực kỳ khó khăn, phức tạp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng : "phải bầu ngay Quốc hội, càng sớm càng tốt. Bên trong thì nhân dân tin tưởng thêm vào chế độ mình. Trước thế giới, Quốc hội do dân bầu ra sẽ có một giá trị pháp lý không ai có thể phủ nhận" (5). Thực hiện quyết tâm đó, sau một thời gian chuẩn bị hết sức khẩn trương, cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên của dân tộc ta đã bầu ra Quốc hội khóa I. Quốc hội đã cử ra Chính phủ. Chính phủ đó, như Bác nói, mới "thật là Chính phủ của toàn dân"(6). Quốc hội khóa I ra đời đã tạo ra nền tảng chính trị - pháp lý cho chính quyền cách mạng non trẻ, khẳng định tính pháp lý - và uy tín của nó, đồng thời là một dấu mốc cực kỳ quan trọng thể hiện sự hoàn chỉnh về cơ bản bộ máy nhà nước ta.

Trên cơ sở Hiến pháp 1959 và Luật bầu cử đại biểu Quốc hội được ban hành ngày 31-12-1959, Quốc hội các khóa II, III, IV, V đã được bầu ra đúng kỳ hạn, tiếp tục đóng vai trò là nền tảng chính trị - pháp lý cho sự ra đời các cơ quan trong bộ máy nhà nước.

Sau ngày miền Nam giải phóng, quá trình thống nhất đất nước về mặt chính trị - nhà nước được khẩn trương tiến hành. Trên cơ sở nghị quyết của Hội nghị Hiệp thương thống nhất Tổ quốc, đã tiến hành cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội thống nhất - Quốc hội khóa VI - làm cơ sở chính trị - pháp lý cho sự ra đời Chính phủ và các cơ quan tư pháp thống nhất trong cả nước. Dựa trên các Hiến pháp 1980 và Hiến pháp 1992, Quốc hội các khóa VII, VIII, IX và X lần lượt được nhân dân bầu ra làm nền tảng chính trị - pháp lý cho việc củng cố và hoàn thiện bộ máy nhà nước ta, trong đó có việc cải cách và hoàn thiện bộ máy nhà nước trong thời kỳ đổi mới.

Gần 55 năm với 10 khóa Quốc hội, ở nước ta đã có 4 bản Hiến pháp và nhiều đạo luật và pháp lệnh, trong đó có những bộ luật lớn như Bộ luật dân sự (Quốc hội khóa IX thông qua ngày 28-10-1995), Bộ luật hình sự (Quốc hội khóa X thông qua ngày 21-12-1999) làm nền tảng chính trị - pháp lý không những cho tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, mà còn làm cơ sở pháp lý cho sự tồn tại và phát triển các quan hệ kinh tế - xã hội ở nước ta. Hiện nay, tuy hệ thống pháp luật chưa thật hoàn chỉnh và đồng bộ, nhưng nhìn chung trên hầu hết

---

(4) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 9, tr 158

(5) *Sơ thảo lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1983, tr 40

(6) Hồ Chí Minh : Sđd, t 4, tr 133

Digitized by Google

các lĩnh vực của đời sống nhà nước và xã hội từ chính trị, kinh tế, an ninh - quốc phòng đến các lĩnh vực văn hóa, khoa học - công nghệ, giao lưu dân sự... đều đã có luật hoặc pháp lệnh điều chỉnh, bước đầu đã hình thành khung pháp lý cho sự phát triển ổn định đất nước theo đường lối đổi mới của Đảng. Điều đó chứng tỏ Quốc hội ngày càng khẳng định được vai trò của mình trong việc thực hiện chức năng lập hiến và lập pháp.

Là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, 55 năm qua, thay mặt nhân dân, thể hiện đúng đắn ý chí của nhân dân, Quốc hội đã quyết định nhiều vấn đề trọng đại của đất nước. Các quyết định đúng đắn của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, về chính sách tài chính tiền tệ quốc gia, về dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách nhà nước, quyết định sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế... cùng với các quyết định về chính sách dân tộc, tổ chức bộ máy nhà nước, chính sách cơ bản về đối ngoại đã góp phần đưa đất nước ta ngày càng phát triển. Đi đôi với việc thực hiện chức năng lập hiến và lập pháp, quyết định những vấn đề trọng đại của đất nước, Quốc hội ngày càng coi trọng và tăng cường các hoạt động giám sát tối cao việc tuân thủ Hiến pháp, luật và nghị quyết. Các hoạt động giám sát tối cao của Quốc hội đã góp phần làm cho Hiến pháp, luật và pháp lệnh ngày càng được tôn trọng và thi hành thống nhất trong cả nước, thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội đã đề ra, tăng cường được hiệu lực và hiệu quả của quản lý nhà nước trên các lĩnh vực ; phòng và chống các biểu hiện quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong bộ máy nhà nước.

Như vậy, thực tiễn hơn nửa thế kỷ qua chỉ ra rằng, *muốn xây dựng và củng cố nền tảng chính trị - pháp lý của đất nước, nhất định phải không ngừng chăm lo xây dựng và củng cố Quốc hội, phát huy vai trò của Quốc hội trong việc thực hiện các chức năng lập hiến, lập pháp ; quyết định những vấn đề trọng đại của đất nước ; giám sát tối cao toàn bộ hoạt động của Nhà nước.*

- Ba là, *Quốc hội của chúng ta là nơi thể hiện và thực hiện ngày càng sâu sắc sự kết hợp giữa dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp. Nhờ đó, dân chủ xã hội chủ nghĩa ngày càng phát huy vai trò và trở thành động lực của sự phát triển xã hội ta.*

Quốc hội cũng như Hội đồng nhân dân các cấp ở nước ta vừa có tư cách nhân dân, lại vừa có tư cách nhà nước. Với tư cách là nhân dân, trong quá trình hoạt động của mình, Quốc hội luôn luôn thể hiện ý chí, nguyện vọng của nhân dân, nói tiếng nói của nhân dân trong mối quan hệ với các cơ quan khác của nhà nước. Đồng thời, thông qua Quốc hội, nhân dân lại có điều kiện tham gia trực tiếp một cách rộng rãi, có hiệu lực và hiệu quả vào các hoạt động của nhà nước.

Với tư cách là Nhà nước, Quốc hội chính là nhân dân được thống nhất lại dưới hình thức nhà nước, được nhân dân ủy quyền thực hiện quyền lực nhà nước. Có thể nói, từ ngày tiến hành công cuộc đổi mới, dân chủ ở nước ta, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa của khối đại đoàn kết dân tộc trên cơ sở liên minh của giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức do Đảng Cộng sản lãnh đạo được thể hiện và phát huy mạnh mẽ qua các kỳ họp của Quốc hội. Các kỳ họp của Quốc hội khóa IX và khóa X đã thực sự trở thành nơi sinh hoạt chính trị - dân chủ rộng rãi của đất nước, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần và ý thức làm chủ của nhân dân, được cử tri trong nước, kiều bào ở nước ngoài và bạn bè quốc tế quan tâm theo dõi. Vì thế, *xây dựng và phát huy vai trò của Quốc hội cần được coi là một quy luật phát triển của Nhà nước dân chủ.* Đúng như V.I. Lê-nin đã nói, không thể quan niệm một nền dân chủ mà lại không có cơ quan đại diện.

2. Kỷ niệm 55 năm ngày Quốc khánh nước ta trong một thời điểm lịch sử trọng đại, cùng với toàn thể nhân loại, đất nước ta, nhân dân ta đang chuẩn bị bước vào thiên niên kỷ mới. Đây là thời điểm vô cùng quan trọng với những biến động lớn và sâu sắc, thế kỷ đấu tranh gian nan, oanh liệt của nhân dân ta để giành độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ; thế kỷ của những chiến công và thắng lợi to lớn có ý nghĩa lịch sử và thời đại. Mười lăm năm đổi mới, thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* và *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (1991-2000)*, chúng ta đã

Digitized by Google

đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng : cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế được tăng cường. Đất nước còn nhiều tiềm năng lớn về tài nguyên, lao động. Nhân dân ta có nhiều phẩm chất cao quý. Tình hình chính trị - xã hội ổn định. Sự hợp tác, liên kết chủ động hội nhập quốc tế ngày càng phát triển, tạo điều kiện để chúng ta tiếp tục phát huy nội lực, và các lợi thế so sánh, tranh thủ nguồn vốn, công nghệ mới, kinh nghiệm quản lý mở rộng thị trường phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những thắng lợi mà chúng ta giành được đã tạo ra thế và lực mới cho sự phát triển của sự nghiệp cách mạng nước ta trong những năm sắp tới. Tuy nhiên, chúng ta cũng đang còn những yếu kém và khuyết điểm : Nền kinh tế còn ở trình độ thấp kém, lực lượng sản xuất chưa phát triển mạnh. Nhiều vấn đề xã hội bức xúc gay gắt chưa được giải quyết tốt. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, chệch hướng xã hội chủ nghĩa, "diễn biến hòa bình", tệ quan liêu, tham nhũng, suy thoái về phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp. Đó là những khó khăn và thách thức lớn đối với đất nước trong giai đoạn mới.

Bước vào thiên niên kỷ mới, mặc dầu hòa bình và hợp tác là một xu thế phản ánh đòi hỏi bức xúc của các quốc gia, dân tộc, nhưng những xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, sắc tộc, tôn giáo, khủng bố... sẽ còn xảy ra ở nhiều nơi, kể cả trong khu vực và xung quanh ta. Có thể nói, giai đoạn đầu của thế kỷ mới, thế giới vẫn tiếp tục có những biến động phức tạp, khó lường và đầy bất trắc. Trước tình hình trong nước và quốc tế như vậy, toàn Đảng, toàn dân ta cần kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Tiếp tục cải cách và hoàn thiện nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa theo phương hướng : giữ vững và phát huy bản chất giai cấp công nhân, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Giữ vững trật tự kỷ cương, chống quan liêu, tham nhũng, xây dựng nhà nước thực sự trong sạch, vững mạnh. Nâng cao chất lượng và hiệu quả kiểm tra, giám sát của nhà nước và nhân dân đối với các hoạt động của các cơ quan nhà nước. Cải cách thể chế nhà nước và tổ chức bộ máy theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, nhưng có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức có năng lực và tinh thần trách nhiệm.

Quốc hội có vị trí, vai trò cực kỳ quan trọng trong bộ máy nhà nước. Trước tình hình mới, tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động và kiện toàn tổ chức Quốc hội là một trong những nhiệm vụ quan trọng của cải cách bộ máy nhà nước.

Mặc dầu các khóa Quốc hội gần đây đã có nhiều tiến bộ trong việc thực hiện chức năng lập pháp, nhưng hệ thống pháp luật nước ta cho đến nay vẫn chưa hoàn chỉnh, đồng bộ. Một số văn bản luật và pháp lệnh mới ban hành chất lượng chưa cao, chưa sát hợp với cuộc sống, chưa thể hiện được đầy đủ ý chí của nhân dân. Nhiều quy định của luật còn chung chung, chưa điều chỉnh được ngay các quan hệ xã hội mà phải chờ đợi ban hành nhiều văn bản cụ thể hóa. Để đạt được mục tiêu xây dựng một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đồng bộ, cần có chiến lược lập pháp dài hạn cho cả thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhưng cho đến nay chưa có chiến lược này, nên việc xây dựng chương trình làm luật và pháp lệnh hằng năm và nhiệm kỳ của Quốc hội chưa thật chủ động, khoa học.

Cùng với chức năng lập hiến và lập pháp, những năm gần đây, việc thực hiện chức năng quyết định những vấn đề trọng đại của đất nước và chức năng giám sát tối cao của Quốc hội đã có nhiều đổi mới. Tuy nhiên, việc thực hiện các chức năng này vẫn còn có những biểu hiện mang tính hình thức, hiệu lực và hiệu quả chưa cao. Trước tình hình nói trên, vấn đề quan trọng hàng đầu là tiếp tục nâng cao chất lượng của chế độ dân chủ đại diện, nâng cao năng lực, trình độ hiểu biết và hiệu quả hoạt động của các đại biểu Quốc hội, hoàn thiện những quy định về bầu cử, ứng cử, đồng thời mở rộng và thực hiện chế độ dân chủ trực tiếp một cách thiết thực,

Digitized by Google

trước hết là ở cơ sở. Tiếp tục nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động lập pháp, phấn đấu tiến tới Quốc hội thực hiện đầy đủ quyền quyết định ngân sách như Hiến pháp quy định, bảo đảm các điều kiện để Quốc hội xem xét một cách thực chất các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình lớn của quốc gia, các dự án đầu tư lớn cũng như các vấn đề quan trọng về tổ chức bộ máy và nhân sự. Nâng cao chất lượng giám sát của Quốc hội, khẩn trương xây dựng cơ chế giám sát có hiệu lực và tiếp tục kiện toàn tổ chức của Quốc hội.

Thực hiện những nhiệm vụ nói trên. một mặt tiến hành tổ chức nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số vấn đề tổ chức bộ máy nhà nước liên quan đến Hiến pháp 1992 và các luật về tổ chức các cơ quan nhà nước. Mặt khác, có thể tiến hành ngay những nhiệm vụ cần thiết, không chờ đến sửa đổi Hiến pháp 1992 và các luật về tổ chức các cơ quan nhà nước. Hiến pháp và luật tổ chức quy định càng cụ thể, chính xác thì việc tổ chức thực hiện các chức năng và nhiệm vụ càng có chất lượng, hiệu quả và hiệu lực càng cao hơn. Trong khi chờ đợi nghiên cứu, sửa đổi một số điều của Hiến pháp và Luật Tổ chức Quốc hội, có thể làm ngay một số công việc sau đây để nâng cao chất lượng, hiệu quả và hiệu lực của thực hiện các chức năng của Quốc hội.

- Quốc hội với bản chất vừa là cơ quan nhà nước, lại vừa là tổ chức đặc biệt của quảng đại nhân dân lao động. Vì thế, trong mối quan hệ với các cơ quan khác của Nhà nước, Quốc hội cũng như đại biểu Quốc hội là những chủ thể mang quyền lực nhà nước, do đó có thể xem là những chủ thể quản lý nhà nước. Mặt khác, trong mối quan hệ với nhân dân, Quốc hội cũng như các đại biểu Quốc hội lại là người được nhân dân ủy nhiệm, người thừa hành. Do đó, để nâng cao chất lượng, hiệu quả và hiệu lực hoạt động của mình, trước hết Quốc hội và đại biểu Quốc hội phải thường xuyên gắn bó với nhân dân, nói được đầy đủ, chính xác tiếng nói của nhân dân trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình. Để thực hiện phương châm này, cần tiếp tục đổi mới phương thức và phương pháp hoạt động. Tăng cường tiếp xúc đối thoại với nhân dân. Đối thoại cho phép người đại biểu nhận được các thông tin khách quan, chân thật từ cử tri, do đó hiểu biết một cách thấu đáo tâm tư, ý nguyện của nhân dân, chủ động bàn và quyết định các chủ trương xuất phát từ các vấn đề bức xúc của đời sống xã hội, đồng thời tiếp nhận được những ý kiến và kinh nghiệm của nhân dân tham gia vào việc quản lý nhà nước và xã hội. Tạo lập các buổi tiếp xúc cử tri một cách tự nhiên, thu hút được mọi tầng lớp dân cư tham gia. Cùng với việc đó, tăng cường hơn nữa tính công khai trong các hoạt động của Quốc hội và đại biểu Quốc hội. Công khai, một mặt là điều kiện để nhân dân thực hiện sự giám sát hoạt động của các đại biểu Quốc hội, nhân dân nhận biết được chính kiến của đại biểu, quan điểm, quyết định của Quốc hội ; mặt khác có tác dụng như một cơ chế đòi hỏi nâng cao trách nhiệm của đại biểu. Để tăng cường hơn nữa tính công khai của các kỳ họp, phiên họp của Quốc hội, hoạt động của đại biểu Quốc hội, các phương tiện thông tin đại chúng cần quan tâm theo dõi đưa tin một cách kịp thời, rộng rãi. Báo chí, đài phát thanh và truyền hình trung ương cũng như địa phương có chuyên mục phản ánh các hoạt động của đại biểu Quốc hội và Quốc hội. Đồng thời có thể có các hình thức thích hợp và phong phú hơn thu hút nhân dân đến dự thính các kỳ họp của Quốc hội, và các cuộc tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội. Bằng cách đó, nhân dân tham gia ngày càng nhiều hơn vào đời sống chính trị - xã hội của đất nước, bồi dưỡng kiến thức dân chủ và giáo dục pháp luật cho nhân dân.

- Kỳ họp và phiên họp là phương thức hoạt động chủ yếu của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội. Hầu hết các chức năng của Quốc hội đều được thực hiện ở đây. Vì vậy, thảo luận, tranh luận và biểu quyết một cách dân chủ, công khai là hình thức hoạt động đặc thù của Quốc hội và cũng là cách thức thể hiện, và thực hiện ý chí, quyền lực nhà nước của nhân dân. Kết quả của thảo luận, tranh luận, biểu quyết là để thông qua các đạo luật và nghị quyết. Chất lượng của các đạo luật và nghị quyết có thể nói phụ thuộc phần lớn vào việc phát huy trí tuệ của các đại biểu Quốc hội qua thảo luận và tranh luận. Vì thế, tại các kỳ họp, phiên họp của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội, cần có hình thức, phương pháp thích hợp khuyến khích thảo luận, tranh luận, làm cho các ý kiến, các phương án

Digitized by Google

đưa ra đều có phản biện, so sánh lợi, hại, tốt, xấu giữa các phương án, với không khí thật sự dân chủ, trên cơ sở đó tìm ra phương án, các công thức pháp lý tối ưu.

- Chất vấn là quyền của đại biểu Quốc hội do Hiến pháp và Luật Tổ chức Quốc hội quy định. Đây là hình thức thực hiện quyền lực nhà nước được nhân dân ủy thác cho đại biểu của mình. Chính vì thế, chất vấn là một trong những phương thức thực hiện quyền giám sát tối cao của Quốc hội ; là nguyên tắc phổ biến trong hoạt động của các cơ quan dân cử, nhằm khắc phục những khuyết tật vốn có trong bộ máy nhà nước. Quá trình dân chủ hóa ở nước ta mấy năm qua đã đưa chất vấn thành một nội dung quan trọng trong hoạt động của Quốc hội.

Để chất vấn thực sự có hiệu quả, đòi hỏi trách nhiệm rất cao trước nhân dân của cả hai phía : người chất vấn và người được trả lời chất vấn. Chất lượng của các câu hỏi và chất lượng trả lời các câu hỏi quyết định chất vấn có hiệu lực, hiệu quả hay chỉ là hình thức. Thực tiễn mấy năm qua chỉ ra rằng, chất vấn và trả lời chất vấn được tiến hành công khai trước phiên họp toàn thể của Quốc hội và được truyền hình trực tiếp để nhân dân theo dõi là một hình thức sinh hoạt dân chủ, được nhân dân hoan nghênh. Vấn đề còn lại hiện nay là dư luận xã hội mong muốn sao cho những lời hứa hẹn sẽ giải quyết và khắc phục thiếu sót, khuyết điểm của các cá nhân và cơ quan qua các buổi trả lời chất vấn sớm trở thành hiện thực. Cần có một cơ chế kiểm tra hữu hiệu hơn để đề cao trách nhiệm của cá nhân về việc khắc phục những khuyết tật trong lao động quyền lực do các đại biểu Quốc hội thực hiện quyền chất vấn đặt ra.

- Dân chủ đại diện phải kết hợp chặt chẽ với dân chủ trực tiếp. Dân chủ đại diện có những ưu điểm rất cơ bản, thể hiện được trí tuệ và sự sáng suốt trong việc quyết định những vấn đề trọng đại của đất nước. Tuy vậy, dân chủ đại diện dù được hoàn thiện đến đâu, cũng khó khắc phục được một cách triệt để căn bệnh quan liêu và cũng không phải lúc nào cũng thể hiện được ý chí của nhân dân. Để khắc phục được căn bệnh nói trên ở ngay trong cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, cần sử dụng dân chủ trực tiếp. Điều đó đòi hỏi tăng cường sự giám sát của nhân dân đối với các hoạt động của các đại biểu Quốc hội. Coi trọng hình thức lấy ý kiến đóng góp của nhân dân đối với những vấn đề quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội của đất nước. Phát huy những hình thức dân chủ trực tiếp này sẽ giúp Quốc hội có các quyết định hợp ý nguyện của nhân dân và chính xác hơn. Như vậy, sự kết hợp giữa dân chủ đại diện với dân chủ trực tiếp sẽ góp phần hoàn thiện hơn dân chủ đại diện.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng Nhà nước ta trong sạch, vững mạnh. Vì vậy, nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả hoạt động của Quốc hội không thể tách rời việc phát huy trách nhiệm và khả năng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên trong việc tham gia ý kiến vào các dự thảo pháp luật, pháp lệnh, trước khi thông qua và thực hiện sự giám sát của nhân dân đối với hoạt động và lối sống của các đại biểu Quốc hội.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với bộ máy nhà nước nói chung, đối với Quốc hội nói riêng là để bảo đảm cho Nhà nước ta, Quốc hội ta mãi mãi là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, bảo đảm cho tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Thực tiễn cải tổ ở một số nước xã hội chủ nghĩa trước đây cho thấy : "khi đảng của giai cấp công nhân bị mất quyền lãnh đạo nhà nước thì chính quyền cũng không còn ở trong tay nhân dân và chế độ xã hội thay đổi"(7). Vì thế, để tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả hoạt động của Quốc hội, phải tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Trên cơ sở tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng, sự nỗ lực phấn đấu của Quốc hội và đại biểu Quốc hội, chắc chắn chất lượng, hiệu lực và hiệu quả hoạt động của Quốc hội sẽ ngày một nâng cao, đáp ứng đòi hỏi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới.❑

---

(7) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr 123

Digitized by Google

NGOẠI GIAO VIỆT NAM THỜI KỲ ĐỔI MỚI **

NGUYỄN MẠNH CẦM *

NGÀY 2 tháng 9 năm 1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập - bản Tuyên ngôn mang tính chất một thông điệp ngoại giao quan trọng đầu tiên, khẳng định trước toàn thế giới *"Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do, độc lập và thực sự đã trở thành một nước tự do, độc lập"*. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc ta; đồng thời cũng đặt nền móng cho một nền ngoại giao Việt Nam hiện đại, tiếp nối và vận dụng sáng tạo những tinh hoa ngoại giao của tổ tiên - ngoại giao Hồ Chí Minh.

Năm mươi lăm năm qua là một chặng đường hoạt động đầy gian truân vất vả, nhưng cũng rực rỡ chiến công, ngoại giao luôn gắn liền với những giai đoạn lịch sử đấu tranh khó khăn, gian khổ, song cực kỳ oanh liệt, vẻ vang của dân tộc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ngoại giao Việt Nam từng bước lớn mạnh, trở thành một mặt trận đấu tranh góp phần bảo vệ chủ quyền dân tộc, thống nhất quốc gia, khôi phục và phát triển kinh tế, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu *"dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"*, góp phần không ngừng nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Ngay từ những ngày đầu tiên sau khi giành được độc lập, Đảng ta đã khẳng định chính sách ngoại giao hòa bình, hữu nghị, hòa hiếu với các dân tộc, sẵn sàng có quan hệ *"thân thiện với các nước tôn trọng nền độc lập của Việt Nam"*. Ngày 25 tháng 11 năm 1945 Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị *"Kiên trì chủ trương ngoại giao với các nước trên nguyên tắc "bình đẳng tương trợ". Phải đặc biệt chú ý làm cho nước mình ít kẻ thù hơn hết và nhiều bạn đồng minh hơn hết"* và "Thông báo về ngoại giao" của Chính phủ lâm thời đã khẳng định *"Người Việt Nam gác sang một bên tất cả những khác biệt trong quan điểm chính trị, đoàn kết với nhân dân các nước tôn trọng chủ quyền lãnh thổ của nhau, duy trì hòa bình ổn định giữa các nước trong khu vực và thế giới, thực hiện độc lập dân tộc, tôn trọng công lý và luật pháp quốc tế"*.

Có thể nói, đó là những nguyên tắc cơ bản của chính sách ngoại giao của Đảng và Nhà nước ta, được xác định ngay từ những ngày tháng hào hùng 55 năm về trước mà xuyên suốt hơn nửa thế kỷ đấu tranh dựng nước và giữ nước vẫn luôn giữ nguyên giá trị là những nguyên tắc đối ngoại nhất quán định hướng cho các hoạt động thực tiễn của chúng ta.

Cách mạng mới thành công, đất nước kiệt quệ, muôn vàn khó khăn chồng chất, lực lượng vũ trang còn non yếu, lại phải đối phó một lúc với cả giặc ngoài lẫn thù trong, nền độc lập vừa mới giành được như "ngàn cân treo sợi tóc", Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng tài tình sách lược ngoại giao, phân hóa hàng ngũ địch, đưa cách mạng ra khỏi tình thế hiểm nghèo, tranh thủ từng ngày hòa bình bảo toàn chế độ dân chủ cộng hòa, đồng thời chuẩn bị mọi mặt để đi vào cuộc kháng chiến trường kỳ.

---

* Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ

(**) Bài phát biểu tại Hội thảo Ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh, Hà Nội, 15-8-2000

Digitized by Google

Vì độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc, chúng ta đã phải tiến hành liên tiếp hai cuộc kháng chiến lâu dài gian khổ. Trong suốt hai cuộc kháng chiến anh dũng đó, ngoại giao đã góp phần làm sáng tỏ chính nghĩa của dân tộc, vừa biểu thị quyết tâm bảo vệ độc lập và thực hiện thống nhất đất nước, vừa thể hiện nguyện vọng hòa bình của nhân dân ta và với tư cách là một mặt trận đã phối hợp chặt chẽ và nhịp nhàng với mặt trận quân sự và mặt trận chính trị, góp phần giành thắng lợi từng bước, tiến tới thắng lợi hoàn toàn, bảo vệ trọn vẹn nền độc lập của dân tộc, thống nhất của Tổ quốc, đưa đất nước tiến theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng và thống nhất, chưa kịp phục hồi kinh tế bị chiến tranh tàn phá nặng nề, chúng ta đã phải đối phó với ý đồ thâm độc của các thế lực thù địch, ra sức cô lập ta về chính trị và bao vây cấm vận ta về kinh tế, và có lúc phải đối phó với việc biên giới và lãnh thổ ta bị xâm phạm. Trong lúc đó chúng ta lại phải đương đầu với một cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài. Để vượt ra khỏi khó khăn chồng chất, Đại hội VI của Đảng tháng 12 năm 1986 quyết định chuyển hướng chiến lược, thực hiện công cuộc đổi mới mọi mặt đời sống xã hội. Trên lĩnh vực đối ngoại, phù hợp với yêu cầu đổi mới, tháng 8 năm 1988 Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI đã thông qua Nghị quyết 13 đánh giá tình hình quốc tế và khu vực, kiểm điểm với tinh thần thực sự cầu thị chính sách đối ngoại của ta thời gian hơn 10 năm từ sau ngày thực hiện thống nhất và đề ra chủ trương *"thêm bạn bớt thù"*, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đổi mới.

Công cuộc đổi mới bắt đầu chưa được bao lâu thì cuối những năm 80, đầu những năm 90, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, Liên Xô tan rã, chỗ dựa chủ yếu của ta về kinh tế, chính trị, quân sự, v.v... không còn nữa, gây cho ta thêm nhiều khó khăn, phức tạp mới.

Trước tình hình đó, Đại hội VII của Đảng cùng với việc đề ra đường lối đối ngoại *"độc lập tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế"*, đã xác định nhiệm vụ đối ngoại là *"giữ vững hòa bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội"*.

Ngoại giao Việt Nam bước sang một giai đoạn mới trong bối cảnh quốc tế có những biến đổi sâu sắc và phức tạp. Đặc biệt, các mối quan hệ đối tác - đối thủ, hợp tác - cạnh tranh diễn ra nhiều chiều, đan xen nhau, đòi hỏi ngoại giao phải nâng cao tính linh hoạt, chủ động và sáng tạo. Đây là một giai đoạn vừa có thời cơ vừa có thách thức.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, thực hiện Nghị quyết của các Đại hội Đảng lần thứ VI và thứ VII và những Nghị quyết của Trung ương và Bộ Chính trị, nhất là Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 3 (khóa VII) về đối ngoại, ngoại giao đã góp phần xoay chuyển cục diện trong nước và quốc tế có lợi cho ta.

Nhiệm vụ chủ yếu của ngoại giao giai đoạn này là *ra sức phá thế bao vây, cấm vận và cô lập nước ta, tranh thủ càng nhiều bạn càng tốt, giảm bớt kẻ thù càng nhiều càng hay*, góp phần đưa đất nước ta nhanh chóng ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Thực hiện nhiệm vụ Đảng và Nhà nước giao phó, dựa vào đường lối của Đại hội VII và những nguyên tắc cơ bản đã được vạch ra từ những ngày đầu cách mạng mới thành công, chúng ta chủ trương *"hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau, trên cơ sở các nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, cùng tồn tại hòa bình"* với phương châm *"Việt Nam sẵn sàng là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển"*.

Lúc này trên thế giới cuộc cách mạng khoa học - công nghệ chuyển sang một giai đoạn mới, phát triển với tốc độ cực kỳ nhanh chóng, dẫn đến quốc tế hóa cao độ lực lượng sản xuất, thúc đẩy kinh tế phát triển, đưa phân công lao động vào thời kỳ chuyên môn hóa ngày càng sâu và

Digitized by Google

càng chi tiết hơn. Tình hình đó đặt các quốc gia trước yêu cầu tập trung nỗ lực trước hết và chủ yếu vào việc phát triển kinh tế, xây dựng đất nước và ra sức giành cho mình vị thế thuận lợi nhất trong phân công lao động quốc tế.

Nắm bắt đặc điểm đó của tình hình quốc tế, ngoại giao đã chuyển hướng mạnh sang *phục vụ kinh tế* và để làm được việc đó đã ra sức tạo môi trường hòa bình ổn định và điều kiện quốc tế thuận lợi, tranh thủ hợp tác của các nước, bù đắp sự thiếu hụt do việc Liên Xô và phe xã hội chủ nghĩa tan rã gây nên, góp phần tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia. Kết hợp ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế, ngoại giao đã tham gia tích cực vào việc mở rộng quan hệ thương mại với trên 150 nước, thu hút đầu tư trực tiếp của các tập đoàn, công ty của hơn 60 nước và lãnh thổ, tranh thủ viện trợ phát triển chính thức (ODA) của gần 50 nước và định chế tài chính - tiền tệ quốc tế.

Triển khai đường lối độc lập tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa nhằm phá thế bao vây, cấm vận đồng thời củng cố môi trường hòa bình ổn định để phát triển, ta tính toán từng bước đi vững chắc, ưu tiên cải thiện quan hệ với các nước láng giềng cùng chung biên giới, các nước trong khu vực, chủ động và tích cực giải quyết những vấn đề tồn tại trong quan hệ với các nước này.

Để tạo tiền đề cho việc thực hiện chủ trương đó, trước hết chúng ta đã tích cực góp phần vào việc giải quyết vấn đề Cam-pu-chia thông qua đàm phán ; là một bên đề xướng và tham gia ký kết Hiệp định hòa bình ở Cam-pu-chia, tạo điều kiện không những bảo đảm một nền hòa bình công bằng và vững bền cho nhân dân Cam-pu-chia mà còn góp phần giữ gìn ổn định cho cả khu vực. Sau khi hòa bình được lập lại ở Cam-pu-chia, quan hệ láng giềng hợp tác và hữu nghị giữa hai nước phát triển tốt đẹp. Quan hệ đặc biệt và hợp tác toàn diện với Lào cũng tiếp tục được củng cố và tăng cường.

Chúng ta đã bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc và từ đó đến nay quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác nhiều mặt giữa hai nước đã được phục hồi và phát triển nhanh chóng và được nâng lên tầm cao mới với khuôn khổ được xác lập trong Tuyên bố chung cấp cao hai nước tháng 2 năm 1999 là : *"láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai"*.

Chúng ta đã chủ động đến với các nước láng giềng khác trong cùng khu vực, cải thiện quan hệ với các nước này và trên cơ sở sự hiểu biết lẫn nhau được tăng cường ta đã gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông - Nam Á (ASEAN), tiếp đó ủng hộ Lào, Mi-an-ma, Cam-pu-chia tham gia ASEAN, biến ASEAN thành ASEAN-10 bao gồm tất cả các nước ở khu vực, đoàn kết và hợp tác với nhau để phát triển, đẩy lùi xa về quá khứ thời kỳ các nước trong khu vực chia làm hai nhóm đối lập nhau.

Cũng trong khuôn khổ cải thiện quan hệ với các nước láng giềng, chúng ta đã ký Hiệp định phân định biên giới trên biển với Thái Lan, tiến hành khai thác chung với Ma-lai-xi-a trong khi chờ đợi giải quyết vùng chồng lấn, ký Hiệp định về biên giới trên bộ và đang đàm phán để phân định vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc, đang cùng In-đô-nê-xi-a tiếp tục tìm cách giải quyết hợp lý vùng chồng lấn và thềm lục địa, và theo yêu cầu của Cam-pu-chia đang đàm phán xem xét lại biên giới giữa hai nước trên cơ sở các Hiệp định đã được ký kết trong các năm 1983 và 1985.

Đồng thời chúng ta củng cố quan hệ với những nước vốn có quan hệ truyền thống, mở rộng quan hệ với các nước ở khắp các châu lục, thiết lập quan hệ với tất cả các nước lớn, nâng số nước có quan hệ ngoại giao với ta lên 167. Triển khai đường lối đối ngoại đa phương hóa, chúng ta đến với các nước dù ở châu Á hay châu Âu, châu Phi hay châu Mỹ, ở Bắc Âu hay Nam Thái Bình Dương, đâu đâu chúng ta cũng đã khơi dậy tình cảm vốn có đối với Việt Nam của những người trước đây là sinh viên, học sinh, thanh niên, nhà báo... đã từng xuống đường biểu tình ủng hộ Việt Nam chống Mỹ xâm lược, nay trở thành những nhà lãnh đạo quốc gia, bộ trưởng, thủ tướng, tổng thống,... Với tình cảm đó, họ

Digitized by Google

khẳng định sẵn sàng hợp tác với Việt Nam, sẵn sàng giúp Việt Nam phát triển. Đến nay, đây vẫn còn là một cơ hội để ta mở rộng quan hệ hợp tác.

Cùng với việc mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước, chúng ta đã sớm bình thường hóa quan hệ với các định chế tài chính tiền tệ quốc tế IMF, WB, ADB... kiên trì cải thiện quan hệ với các nước lớn cũng như với đông đảo các nước trên thế giới, thông qua đó từng bước phá thế bao vây, cấm vận, và cuối cùng Mỹ đã phải tuyên bố bỏ cấm vận và tiếp đó bình thường hóa quan hệ, thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Mới đây tiến thêm một bước, sau bốn năm đàm phán, chúng ta đã ký Hiệp định thương mại với Mỹ, hoàn chỉnh việc bình thường hóa quan hệ kinh tế giữa hai nước, thực hiện thỏa thuận giữa hai chính phủ khi thiết lập quan hệ ngoại giao là bước đầu tiên phải bình thường hóa quan hệ kinh tế thương mại.

Nhận thức rõ xu thế toàn cầu hóa và khu vực hóa phát triển nhanh chóng, Việt Nam đã chủ động tiến từng bước vững chắc trên con đường *hội nhập với khu vực và thế giới*. Tiếp theo việc gia nhập ASEAN tháng 7-1975, chúng ta tham gia khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) đầu năm 1996, là một thành viên sáng lập Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM) tháng 3 năm 1996, chính thức trở thành thành viên Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) tháng 11 năm 1998, và đang đàm phán để gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), thực hiện hội nhập ở phạm vi rộng hơn và với mức độ sâu hơn. Với vai trò cầu nối giữa nước ta với thế giới, giữa dân tộc với quốc tế, ngoại giao đã và đang là một đội quân tiên phong của quá trình hội nhập, với nhận thức hội nhập nhưng giữ vững độc lập tự chủ, giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập để tranh thủ ngoại lực trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, kết hợp ngoại lực với nội lực tạo thành lực lượng tổng hợp thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, củng cố nền kinh tế độc lập, tự chủ, bảo đảm cho đất nước phát triển vững bền và ổn định. Mới gia nhập ASEAN được 3 năm, Việt Nam đã tổ chức thành công Hội nghị cấp cao của Hiệp hội, mà Chương trình hành động Hà Nội do Hội nghị thông qua đang là phương hướng hoạt động của các nước thành viên và các nước đối thoại trong hai năm cuối thế kỷ XX và bốn năm đầu của thế kỷ XXI. Theo nguyên tắc luân phiên, từ giữa năm nay Việt Nam lần đầu tiên đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch ủy ban Thường trực ASEAN (ASC) trong thời gian một năm. Với vị trí địa chính trị và địa kinh tế của nước ta, với quá khứ hào hùng của dân tộc, với đường lối đối ngoại hòa hiếu, nhân nghĩa, coi trọng đạo lý và thủy chung với bạn bè, Việt Nam đã và đang giành được cảm tình và sự tín nhiệm của các nước trong khu vực.

Một lĩnh vực rất quan trọng trong bối cảnh mới của tình hình quốc tế mà ngoại giao Việt Nam giành được không ít thành công, đó là *hoạt động ngoại giao đa phương*. Sự tham gia nghiêm túc và năng động của chúng ta trên các diễn đàn đa phương và trong các tổ chức quốc tế. Liên hợp quốc, Phong trào Không liên kết, Cộng đồng các quốc gia có sử dụng tiếng Pháp, Nhóm 77,... và việc ta góp phần tích cực giải quyết những vấn đề bức xúc mang tính toàn cầu đặt ra trước nhân loại đã nâng cao vai trò và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Trên cơ sở đó, nước ta đã được cử giữ những chức vụ quan trọng ở các kỳ họp Đại hội đồng Liên hợp quốc, được bầu vào Hội đồng kinh tế - xã hội (ECOSOC) của Liên hợp quốc, cơ quan quan trọng thứ hai sau Hội đồng Bảo an, vào Ban điều hành Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP), Quỹ dân số Liên hợp quốc (UNFPA), và Ủy ban nhân quyền Liên hợp quốc, v.v... Việt Nam luôn được tôn trọng với tư cách là một thành viên tích cực của Phong trào Không liên kết và Cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp.

Ngoài những nhiệm vụ nêu trên, những năm qua ngoại giao đã phối hợp chặt chẽ với các ngành có liên quan đấu tranh chống ý đồ dùng vấn đề "dân chủ, nhân quyền", và gần đây cả vấn đề tôn giáo, hòng can thiệp vào chủ quyền và công việc nội bộ nước ta. Đây là một nội dung trong chính sách đối ngoại của các nước phương Tây trong tình hình mới. Tùy từng đối tượng, khi

Digitized by Google

đấu tranh, lúc giải thích, thuyết phục, chúng ta đã làm rõ đường lối đúng đắn, chính nghĩa của Đảng và Nhà nước ta trên lĩnh vực này, tranh thủ được sự hiểu biết và sự đồng tình của dư luận quốc tế, nhờ đó đã không chỉ một lần gạt bỏ được ý đồ, thậm chí một số dự thảo nghị quyết của các lực lượng xấu người Việt Nam và một số tổ chức nước ngoài đưa ra tại một số diễn đàn quốc tế nhằm vu khống và bôi nhọ ta.

Cuối cùng, cần nhấn mạnh là hoạt động ngoại giao của chúng ta thời kỳ đổi mới không những đã góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia - một nhiệm vụ chủ yếu và thường xuyên của ngoại giao, mà còn góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, vì tình hữu nghị giữa các dân tộc, vì một trật tự thế giới công bằng và hợp lý.

*

* *

Cũng như thắng lợi ngoại giao 55 năm qua, thắng lợi ngoại giao thời kỳ đổi mới bắt nguồn từ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ tư tưởng Hồ Chí Minh vĩ đại. Đó là kết quả của tư duy biện chứng khoa học của Đảng ta trước những bước chuyển quan trọng của tình hình quốc tế, trước những yêu cầu của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đáp ứng lợi ích của dân tộc ở từng giai đoạn cách mạng.

Nhân tố có ý nghĩa quyết định đầu tiên bảo đảm thành công trên mặt trận ngoại giao là việc phát huy tinh thần độc lập tự chủ. Độc lập tự chủ không đồng nghĩa với dân tộc hẹp hòi, tuyệt đối không phải là chủ trương biệt lập. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ : *"Trong tình hình quốc tế hiện nay, những đặc điểm dân tộc và những điều kiện riêng biệt của từng nước ngày càng trở thành nhân tố quan trọng trong việc vạch ra chính sách của mỗi đảng cộng sản và đảng công nhân"* (1). Cũng như sự nghiệp cách mạng nói chung, hoạt động ngoại giao phải quán triệt tinh thần dựa vào sức mình là chính, phải có tư duy độc lập, biết tiếp thu kinh nghiệm và trí tuệ của các dân tộc nhưng ứng dụng phù hợp với điều kiện đặc thù của nước mình, tự mình quyết định đường lối chủ trương và hành động của mình.

Thực tế chứng minh, do nắm bắt *xu thế của thời đại, quy luật vận động của tình hình thế giới,* kết hợp với tư duy thực tiễn và biện chứng, Đảng và Nhà nước ta đã hướng ngoại giao xác định đúng mục tiêu và chính sách trong từng giai đoạn lịch sử trong kháng chiến cũng như trong thời kỳ đổi mới. Trên cơ sở đó, hoạt động đối ngoại nói chung và ngoại giao nói riêng *vừa xuất phát từ tình hình và yêu cầu của đất nước vừa căn cứ vào sự biến chuyển của tình hình thế giới,* đặc biệt là những đảo lộn sâu sắc và phức tạp thời gian qua. Đây là một vấn đề chính trị mang tính khoa học và nghệ thuật cao trong sự nghiệp cách mạng nói chung và trong hoạt động ngoại giao nói riêng.

Cũng như trong kháng chiến, trong xây dựng hòa bình, ngoại giao đã thực hiện tốt vai trò cầu nối *gắn sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại* tạo thành sức mạnh tổng hợp hùng mạnh, bảo đảm giành thắng lợi trong mọi tình huống. Với nguyên tắc này, trong thời chiến ta đã làm thất bại những kẻ thù lớn mạnh hơn mình gấp bội, ở thời bình xây dựng tuy sức mạnh vật chất còn yếu, trình độ phát triển còn thấp, đất nước còn nghèo, ta đã tạo được thế và lực chưa từng có, trở thành một đối tác tin cậy của cộng đồng quốc tế.

Kiên trì thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, *phát huy truyền thống hòa hiếu* của cha ông là di sản quý báu, là đạo lý của dân tộc và cũng là nhiệm vụ của nền ngoại giao hiện đại. Ngày nay, tư tưởng lớn này bắt gặp xu thế "hòa bình và hợp tác" đang là xu thế chính, phản ánh nguyện vọng bức xúc của các dân tộc, được thể hiện nhất quán trong tư duy và trong hoạt động thực tiễn với phương châm *"Việt Nam sẵn sàng là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế.* ❑

---

(1) Hồ Chí Minh, *Củng cố và phát triển sự thống nhất tư tưởng của các Đảng mác xít - Lê-nin nít* / Kết hợp chặt chẽ lòng yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1976, tr 126

Digitized by Google

PHONG TRÀO THI ĐUA QUYẾT THẮNG TRONG QUÂN ĐỘI

PHẠM THANH NGÂN *

TRONG quá trình lãnh đạo, tổ chức toàn dân, toàn quân tiến hành kháng chiến giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn xác định thi đua - khen thưởng là biện pháp quan trọng, tích cực để động viên tính sáng tạo, ý chí quyết tâm, năng lực hành động, tạo lập và thúc đẩy phong trào quần chúng, nhằm thực hiện thành công những mục tiêu nhiệm vụ đề ra trong từng giai đoạn cách mạng.

Trải qua hơn nửa thế kỷ xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh, Quân đội nhân dân Việt Nam đã cùng toàn dân lập nên những kỳ tích anh hùng trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Quá trình chiến đấu và chiến thắng vẻ vang đó ; luôn luôn gắn liền với những phong trào hành động cách mạng thi đua yêu nước của toàn quân sôi nổi, liên tục, rộng khắp, thấm nhuần sâu sắc lời dạy của Bác Hồ : "Thi đua là yêu nước ; yêu nước thì phải thi đua". Từ phong trào thi đua "Giết giặc lập công" trong kháng chiến chống Pháp ; phong trào "Ba nhất" trong những năm xây dựng quân đội thời bình (1959 - 1964) ; thi đua "Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược" trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước và từ năm 1975 đến nay là phong trào "Thi đua Quyết thắng", đã kế tiếp nhau phát huy hiệu quả, tạo ra động lực cho từng đơn vị, từng cán bộ, chiến sĩ vươn lên lập những thành tích mới, chiến công mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong mọi tình huống, qua từng giai đoạn cách mạng. Chính trong các phong trào thi đua ấy, đã xuất hiện hàng nghìn, hàng vạn đơn vị anh hùng, đơn vị quyết thắng, những anh hùng, dũng sĩ, nhiều chiến sĩ quyết thắng, chiến sĩ thi đua đã góp phần đưa chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam lên đỉnh cao và trở thành sức mạnh tinh thần to lớn của quân và dân ta. Tính đến tháng 2 năm 2000, Nhà nước đã tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và Anh hùng lao động cho 4 327 tập thể, cá nhân trong quân đội, trong đó tập thể là 2 951 và cá nhân là 1 376. Huân, huy chương các loại trong cuộc kháng chiến chống Pháp là 455 859, kháng chiến chống Mỹ là 142 714.

Từ năm 1986 đến nay, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở rộng giao lưu hợp tác với các nước, trong xã hội tuy có những ý kiến, nhận thức khác nhau về công tác thi đua - khen thưởng, nhưng trong quân đội, Đảng ủy quân sự Trung ương, Bộ Quốc phòng vẫn khẳng định Phong trào "Thi đua Quyết thắng" là động lực tinh thần to lớn để lực lượng vũ trang nhân dân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Công tác thi đua - khen thưởng trong quân đội vẫn giữ vững nền nếp và từng bước được đổi mới. Trên thực tế Phong trào "Thi đua Quyết thắng" đã mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần tạo sự chuyển biến cơ bản về chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân, xứng đáng là lực lượng nòng cốt xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng - an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ cùng toàn Đảng ; toàn dân đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình", bạo

* Ủy viên Bộ Chính trị, Thượng tướng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Quân đội nhân dân Việt Nam

Digitized by Google

loạn lật đổ của các thế lực thù địch, sẵn sàng đối phó thắng lợi trong mọi tình huống, bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ công cuộc lao động hòa bình và thành quả cách mạng của nhân dân.

Thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua yêu nước, những năm qua, trong quân đội đã tổ chức nhiều phong trào thi đua, nhiều cuộc vận động, bao trùm là Phong trào Thi đua Quyết thắng với mục tiêu : *Nâng cao trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân, làm chuyển biến tốt hơn về nhận thức tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức chấp hành pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội, nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của quân đội, trước hết là chất lượng chính trị, làm chuyển biến toàn diện, mạnh mẽ, vững chắc tình hình đơn vị, và chất lượng toàn quân.* Ngoài ra các cấp, các ngành, các cơ quan đơn vị, học viện, nhà trường, nhà máy, xí nghiệp, các tổ chức Đảng, tổ chức quần chúng cũng tổ chức các phong trào thi đua với chủ đề, nội dung phù hợp với đặc điểm, nhiệm vụ của đơn vị như : Cuộc vận động "Xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh" ; cuộc vận động "Xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện" ; cuộc vận động "Xây dựng môi trường văn hóa tốt đẹp, lành mạnh, phong phú" ở các đơn vị quân đội ; cuộc vận động "Quản lý, khai thác vũ khí, trang bị kỹ thuật tốt, bền, an toàn, tiết kiệm và an toàn giao thông" của ngành kỹ thuật quân đội ; phong trào thi đua "Ngành hậu cần quân đội làm theo lời Bác Hồ dạy" của ngành Hậu cần quân đội ; phong trào thi đua "Đơn vị quản lý tài chính tốt" của ngành Tài chính quân đội ; phong trào thi đua "Giành 3 đỉnh cao quyết thắng" của Thanh niên quân đội ; phong trào "Phụ nữ 2 giỏi" của Phụ nữ quân đội ; phong trào "Năng suất, chất lượng, hiệu quả" của Công đoàn quốc phòng, phong trào "Dạy tốt, học tốt" của các nhà trường quân đội... Ở các đơn vị cơ sở cũng tổ chức nhiều phong trào thi đua nhân dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn của Đảng, Nhà nước, của quân đội và kỷ niệm ngày truyền thống của đơn vị.

Nhìn chung, Phong trào Thi đua Quyết thắng trong quân đội tiếp tục được giữ vững, phát huy và đạt hiệu quả thiết thực, thực sự là động lực tinh thần to lớn, là đòn bẩy thúc đẩy mọi tập thể, cá nhân phát huy nội lực, khai thác mọi tiềm năng, khắc phục mọi khó khăn vươn lên hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, góp phần chống mọi biểu hiện tiêu cực như : tham ô, tham nhũng, buôn lậu, quan liêu, xa hoa lãng phí, vi phạm pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội. Phong trào thực sự là nguồn động lực giáo dục, tổ chức, động viên cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên chức quốc phòng, luôn có bản lĩnh chính trị vững vàng, tiếp tục phát huy bản chất, truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ", vượt lên khó khăn, thử thách trong cơ chế thị trường, phấn đấu hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ và có nhiều tiến bộ. Phong trào đã góp phần xây dựng từng tổ chức và từng con người vững mạnh. Qua đó, bồi dưỡng được nhiều đơn vị anh hùng, anh hùng lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động, nhiều đơn vị, cá nhân điển hình tiên tiến ở các cấp.

Chỉ thị số 35/CT-TU ngày 3-6-1998 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong giai đoạn mới ra đời là thời cơ lớn để quân đội tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa phong trào thi đua lên tầm cao mới, với chất lượng và hiệu quả cao hơn. Ngày 22-10-1998, Thường vụ Đảng ủy quân sự Trung ương đã ra Chỉ thị số 198/CT-ĐUQSTU về tiếp tục đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong quân đội. Toàn quân đã nghiêm túc học tập, quán triệt, triển khai thực hiện lời dạy của Bác Hồ, Chỉ thị số 35/CT-TU của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 198/CT-ĐUQSTU của Thường vụ Đảng ủy quân sự Trung ương. Thông qua học tập, quán triệt cán bộ, chiến sĩ, nhất là lãnh đạo, chỉ huy các cấp đã nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí công tác thi đua - khen thưởng trong tình hình mới ; khắc phục những nhận thức lệch lạc cho rằng "trong cơ chế thị trường không cần phải thi đua", "không thi đua thì cũng phải làm", khuynh hướng đề cao quá mức nhu cầu vật chất, coi nhẹ động lực tinh thần, tư tưởng cạnh tranh, ganh đua chạy theo thành tích, cục bộ, bản vị, che dấu khuyết điểm, phô trương hình thức, lãng phí v.v... Chính nhờ đó mà trách nhiệm của lãnh đạo, chỉ huy các cấp đối với công tác thi đua - khen thưởng có sự chuyển biến rõ nét. Bộ Quốc phòng đã có quyết định 1 416/QĐ-BQP ngày 22-10-1998 về thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp. Tính đến nay, 100% số đơn

Digitized by Google

vị từ cơ sở lên đến Bộ Quốc phòng đã thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, bảo đảm đúng số lượng, cơ cấu thành phần, có quy chế hoạt động, chương trình công tác, đi vào nền nếp, ngày càng phát huy được vai trò tác dụng. Hệ thống tổ chức cơ quan nghiệp vụ chuyên trách thi đua - khen thưởng được củng cố, tạo điều kiện thúc đẩy Phong trào Thi đua Quyết thắng phát triển cả bề rộng và chiều sâu.

Tiến tới Đại hội Thi đua Quyết thắng toàn quân lần thứ VI và Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc cuối năm 2000, toàn quân đã triển khai toàn diện, đồng bộ, thống nhất các hoạt động thi đua - khen thưởng và đẩy mạnh Phong trào Thi đua Quyết thắng.

1 - Toàn quân phát động Phong trào Thi đua Quyết thắng với chủ đề : Phát huy truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ" ra sức xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ. ***Mục tiêu chủ yếu*** nhằm nâng cao khả năng chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân. Làm chuyển biến tốt hơn về tư tưởng, đạo đức, lối sống, ý thức chấp hành kỷ luật quân đội, pháp luật Nhà nước, nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của quân đội, trước hết là chất lượng chính trị, làm chuyển biến mạnh mẽ toàn diện, vững chắc tình hình đơn vị và chất lượng của toàn quân. ***Phương châm hành động*** của phong trào thi đua là "chất lượng, hiệu quả, đoàn kết, kỷ luật" .

Nội dung chính của phong trào thi đua là tập trung xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, gắn với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh, hoàn thành nhiệm vụ chính trị trung tâm, nhiệm vụ kết hợp quốc phòng với an ninh, tham gia xây dựng kinh tế, xây dựng các khu vực kinh tế - quốc phòng trên các địa bàn chiến lược của cả nước. Củng cố cơ sở chính trị, quốc phòng - an ninh ở các xã vùng sâu, vùng xa và giúp dân xóa đói, giảm nghèo. Mặt khác, hướng vào phát huy dân chủ, nhất là dân chủ ở cơ sở, đề cao ý thức chấp hành kỷ luật, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần bộ đội và thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tiêu cực. Ngay trong 6 tháng đầu năm 2000, các đơn vị đã hưởng ứng và tổ chức nhiều đợt thi đua chào mừng kỷ niệm những ngày lễ lớn : 3-2 ; 30-4 ; 19-5. Đặc biệt đã tích cực học tập quán triệt và tổ chức thực hiện thư của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, gắn với đợt tự phê bình và phê bình trong cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) bằng phong trào thi đua cụ thể, nội dung sát thực như phong trào "Ba nhất" (ý chí quyết tâm cao nhất, kỷ cương nghiêm nhất, tình thương lối sống đẹp nhất) của Binh đoàn Tây Nguyên ; "Thần tốc quyết thắng" của Binh đoàn Quyết thắng ; "Tháng hành động cao điểm chấm dứt các vụ vi phạm kỷ luật" của Quân khu thủ đô ; "Xuất kích lập công ngàn hoa dâng Bác" của Quân chủng Phòng không - Không quân... Kết quả thực hiện các mục tiêu thi đua, nhất là thực hiện nhiệm vụ trung tâm được nâng lên rõ rệt. Qua kiểm tra huấn luyện 6 tháng đầu năm, đều đạt 100% yêu cầu, trong đó sĩ quan 78,7% khá giỏi, hạ sĩ quan, chiến sĩ 71,3% khá giỏi...

2 - Toàn quân tiến hành xong Đại hội Thi đua Quyết thắng từ cơ sở đến cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng và đang tích cực chuẩn bị tiến tới Đại hội Thi đua Quyết thắng toàn quân lần thứ VI. Nhìn chung, đại hội các cấp đã được lãnh đạo chỉ đạo chặt chẽ, thực hiện đúng hướng dẫn của trên, chất lượng đại hội ngày càng tốt hơn, nhiều đơn vị đã phát huy tốt kết quả, tạo được khí thế mới thúc đẩy phong trào thi đua của đơn vị. Đại hội Thi đua các cấp là dịp tổng kết phong trào thi đua - khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu. Qua đại hội các cấp đã có 360 đơn vị trung đoàn, sư đoàn được tặng cờ thành tích xuất sắc 5 năm. Hơn 600 đồng chí được công nhận chiến sĩ thi đua cấp trực thuộc bộ ; lựa chọn, đề nghị Bộ Quốc phòng xét công nhận Chiến sĩ thi đua toàn quân 223 đồng chí và đề nghị Nhà nước xét tặng Chiến sĩ thi đua toàn quốc cho 29 đồng chí.

3 - Công tác xây dựng, bồi dưỡng các điển hình tiên tiến, tập thể, cá nhân được các ngành, các cấp, các đơn vị thường xuyên chú ý đúng mức. Trong đó đã quan tâm chỉ đạo, phát hiện, xây dựng những điển hình cá nhân khắc phục mọi khó khăn gian khổ, phát huy nội lực, vươn lên đạt những thành tích xuất sắc trong huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, lao động sản xuất, giúp dân xóa đói, giảm nghèo, xóa mù chữ, phòng chống và

Digitized by Google

khắc phục thiên tai, lũ lụt ; những tập thể và cá nhân làm nhiệm vụ ở biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa... Toàn quân đã xây dựng được hàng ngàn điển hình, riêng các đơn vị trực thuộc Bộ đã có hơn 500 điển hình, trong đó nổi lên các tập thể và cá nhân tiêu biểu như : Đảo Song Tử Tây - Quân chủng Hải quân - Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ đổi mới ; Đoàn 113 - Binh chủng đặc công - đơn vị 2 lần Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân ; Bộ chỉ huy quân sự TP Hồ Chí Minh, Quân khu 7, xã Mo-ray huyện Sa Thầy tỉnh Công Tum - Quân khu 5 ; Trung đoàn 43 - Quân khu 3 ; Nông Thị Nôm (dân tộc Tày) chính trị viên xã đội xã Giáo Hiệu, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Cạn - Quân khu 1, lực lượng vũ trang huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang - Quân khu 2 ; Đại tá Trần Thanh Quang - bác sĩ - Giám đốc Viện quân y 121 - Quân khu 9 - Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ đổi mới ; trung tá Nguyễn Vũ Thực, Đồn trưởng Đồn biên phòng 501 Thanh Hóa, Bộ đội Biên phòng... Chính những tấm gương tiêu biểu đó đang hằng ngày phát huy tốt tác dụng giáo dục, cổ vũ động viên cán bộ, chiến sĩ vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ và sẽ mang đến cho Đại hội Thi đua Quyết thắng toàn quân những gương mặt mới trong quân đội thời kỳ đổi mới.

4 - Về công tác khen thưởng, các đơn vị đã triển khai kịp thời, đúng quy định, đúng tiêu chuẩn theo Nghị định 56/1998/NĐ-CP ngày 30-7-1998 của Chính phủ và Thông tư 2377/1999/TT-BQP của Bộ Quốc phòng về khen thưởng. Từ đầu năm đến hết tháng 6-2000 đã có hàng ngàn cá nhân và tập thể được khen thưởng trong các cuộc vận động, các phong trào thi đua của các ngành, các cuộc hội thi, hội thao, hội diễn, trong thành tích đột xuất phòng chống bão lụt, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội... Bộ Quốc phòng đã đề nghị Nhà nước xét tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới cho các tập thể và cá nhân ; khen thưởng 97 bằng khen Chính phủ, 85 huân chương các loại (trong đó đã có quyết định 47 huân chương các loại, 62 bằng khen Chính phủ).

5 - Công tác tuyên truyền gương "người tốt, việc tốt" các điển hình tiên tiến được các đơn vị quan tâm, các cơ quan thông tin đại chúng trong và ngoài quân đội, hệ thống báo cáo viên trong quân đội ; tích cực đưa tin tuyên truyền về Phong trào Thi đua Quyết thắng, về kết quả Đại hội Thi đua Quyết thắng các cấp. Báo Quân đội nhân dân, Chương trình Phát thanh Quân đội nhân dân, Truyền hình Quân đội nhân dân đều mở chuyên mục gương tập thể điển hình, cá nhân tiên tiến. Riêng Chương trình Phát thanh Quân đội nhân dân từ đầu năm đến nay đã tuyên truyền được 65 tập thể và hàng trăm gương "người tốt việc tốt". Tổng cục Chính trị đang cho biên tập để xuất bản tập sách về những điển hình, cá nhân tiên tiến và chuẩn bị triển lãm những thành tựu của Phong trào Thi đua Quyết thắng quân đội trong thời kỳ đổi mới.

Tuy nhiên, công tác thi đua - khen thưởng và Phong trào Thi đua Quyết thắng trong những năm gần đây còn bộc lộ những bất cập và hạn chế cả trong nhận thức, tư tưởng, trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành tổ chức nền nếp thi đua, cả trong nội dung, chỉ tiêu, biện pháp tiến hành, trong bồi dưỡng, xây dựng ; nhân rộng điển hình tiên tiến... Ý thức được những ảnh hưởng, tác động của những hạn chế, khuyết điểm trên đối với công tác thi đua - khen thưởng và Phong trào Thi đua Quyết thắng, các cấp ủy, người chỉ huy, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, cơ quan chính trị, các tổ chức quần chúng, mọi ngành, mọi cấp, mọi người đã bàn bạc, đề ra những biện pháp để khắc phục có hiệu quả những yếu kém, làm cho Phong trào Thi đua Quyết thắng thực sự trở thành động lực tinh thần to lớn, là trường học thực tiễn sinh động để giáo dục, bồi dưỡng nên những tập thể và con người xã hội chủ nghĩa vươn lên hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Hướng tới những ngày kỷ niệm lịch sử trọng đại của Đảng, Nhà nước, của dân tộc, của quân đội ; hướng tới Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ VI và Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng, toàn quân đang ra sức phát huy truyền thống anh hùng, phát huy mạnh mẽ nội lực đẩy mạnh Phong trào Thi đua Quyết thắng, ra sức học tập, lao động, công tác, phấn đấu lập được nhiều chiến công, thành tích mới góp phần cùng toàn dân đưa sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh ; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa tiến tới những đỉnh cao mới. ❑

Digitized by Google

XÂY DỰNG CƠ QUAN THAM MƯU CHIẾN LƯỢC ĐÁP ỨNG SỰ TIN CẬY CỦA ĐẢNG, QUÂN ĐỘI VÀ NHÂN DÂN

LÊ VĂN DŨNG *

NGÀY 7-9-1945, sau 5 ngày thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, tại Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập đồng chí Hoàng Văn Thái, giao nhiệm vụ tổ chức cơ quan Bộ tổng tham mưu (BTTM). Người chỉ thị : "...Bộ Tổng tham mưu là cơ quan quân sự cơ mật của Đoàn thể, là cơ quan trọng yếu của Quân đội, có nhiệm vụ : tổ chức, huấn luyện Quân đội cho giỏi, tổ chức nắm địch, nắm ta rõ ràng, bày mưu kế khôn khéo ; tổ chức chỉ huy thông suốt, bí mật, nhanh chóng, kịp thời, chính xác để đánh thắng mọi kẻ thù, bảo vệ cách mạng"... Đến ngày 7-9-2000, BTTM Quân đội nhân dân Việt Nam vừa tròn 55 tuổi.

Hơn năm mươi năm xây dựng và chiến đấu dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng, BTTM đã trưởng thành nhanh chóng, góp phần xứng đáng cùng toàn quân, toàn dân đánh thắng những kẻ thù xâm lược hùng mạnh vào bậc nhất của thế kỷ XX, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Các thế hệ cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên BTTM đã lập nhiều chiến công, nhiều thành tích xuất sắc, viết nên và không ngừng tô thắm những truyền thống rất vẻ vang.

Những năm đầu của chính quyền cách mạng non trẻ, tình hình đất nước vô cùng khó khăn, phức tạp. Tuy mới thành lập, nhưng BTTM đã được Trung ương Đảng giao nhiệm vụ trọng đại, cấp bách : chỉ đạo xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang nhân dân, tổ chức bộ đội Nam tiến để chi viện cấp tốc cho chiến trường Nam Bộ và Nam Trung Bộ, chỉ đạo đấu tranh với thù trong, giặc ngoài để bảo vệ chính quyền cách mạng, chỉ đạo chuẩn bị mọi mặt cho cả nước bước vào cuộc kháng chiến lâu dài của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhờ nắm chắc âm mưu địch và tình hình chung, BTTM đã Chỉ đạo lực lượng vũ trang (LLVT) phối hợp cùng toàn dân tiến công đồng loạt các đơn vị quân địch ở một số thành phố, thị xã bắc vĩ tuyến 16. Tham mưu kịp thời để Trung ương chỉ đạo cả nước chuyển từ thời bình sang thời chiến. Tập trung chỉ đạo việc di chuyển lực lượng, xây dựng căn cứ địa cách mạng, điều chỉnh lại thế trận, xây dựng kế hoạch bảo vệ an toàn cơ quan đầu não kháng chiến. Đồng thời, chỉ đạo, chỉ huy các chiến trường phối hợp chiến đấu, đánh bại cuộc phản công lớn của địch lên Việt Bắc, đánh bại chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" của địch. Chủ động nắm bắt thời cơ chiến lược, tích cực xây dựng và phát triển lực lượng ba thứ quân, chỉ đạo phát triển chiến tranh du kích, đưa phong trào toàn dân đánh giặc từ thấp lên cao, tạo thế và lực góp phần đẩy mạnh chiến tranh du kích ở khắp các vùng sau lưng địch. BTTM đã trực tiếp chỉ huy điều hành nhiều chiến dịch như : chiến dịch Biên giới, Tây Bắc, Hòa Bình, Thượng Lào, v.v.. Trong chiến cuộc Đông Xuân 1953 - 1954, BTTM đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cả về tham mưu chiến lược lẫn nghệ thuật quân sự, điều hành chiến dịch, chỉ đạo tác chiến trên khắp các chiến trường, buộc địch phải phân tán lực lượng để ta tập trung đánh đòn quyết định ở chiến dịch Điện Biên Phủ.

Kế thừa kinh nghiệm và truyền thống trong kháng chiến chống Pháp, BTTM luôn nhạy bén,

* Ủy viên Trung ương Đảng.Trung tướng. Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng tham mưu trưởng QĐND Việt Nam

Digitized by Google

nắm chắc tình hình, đánh giá chính xác, dự báo sát đúng, đề xuất kịp thời, giúp Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng chỉ đạo thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. BTTM đã có những đề xuất kịp thời, sát hợp giúp Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng chỉ đạo chuyển phương thức đấu tranh ở miền Nam trong thời kỳ chống chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của địch. Đẩy mạnh xây dựng LLVT nhân dân, góp phần nghiên cứu cách đánh ; xây dựng kế hoạch chiến lược bảo vệ miền Bắc. Xây dựng nhiều phương án tác chiến, đánh bại các hành động khiêu khích, phá hoại của địch. Để đạt chủ trương, kế hoạch huy động tiềm lực hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến lớn. Khi đế quốc Mỹ thực hiện chiến lược "chiến tranh cục bộ", BTTM nhanh chóng soạn thảo và tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng, chuyển miền Bắc từ thời bình sang thời chiến, chỉ đạo xây dựng và phát triển LLVT gồm ba thứ quân trên cả hai miền Nam, Bắc ; nghiên cứu và phối hợp chỉ đạo xây dựng đường vận tải chiến lược huyền thoại - Đường Hồ Chí Minh ; nghiên cứu, chỉ đạo vận dụng cách đánh trong chiến tranh cách mạng miền Nam và trong chống chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân của địch đối với miền Bắc. Điều nổi bật là chúng ta đã phát huy sáng tạo nhiều biện pháp đúng đắn, kịp thời, hạn chế chỗ mạnh của quân Mỹ, khoét sâu chỗ yếu của chúng, đánh bại các thủ đoạn tác chiến chiến lược của địch. BTTM không chỉ thực hiện tốt chức năng nghiên cứu, tham mưu, mà còn chuẩn bị chiến trường, chuẩn bị lực lượng, tổ chức bảo đảm các mặt, chỉ huy, chỉ đạo thống nhất, thực hiện tốt công tác tổ chức hiệp đồng.

Thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ có vai trò to lớn của cơ quan tham mưu chiến lược, sự cố gắng và trưởng thành vượt bậc của BTTM về nghệ thuật quản lý, điều hành LLVT trong chiến tranh.

Khi đất nước hòa bình, thống nhất, BTTM chủ động tham mưu với Trung ương Đảng và Bộ Quốc phòng giải quyết nhiều công tác có ý nghĩa chiến lược sau chiến tranh, tiếp tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Quán triệt đường lối đổi mới của Đảng, trong bối cảnh tình hình quốc tế, khu vực tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, BTTM - cơ quan BQP nhanh chóng đổi mới tư duy về quốc phòng, quân sự, thường xuyên nghiên cứu đánh giá đúng tình hình, kịp thời phát hiện âm mưu, thủ đoạn mới của kẻ thù. Cơ quan đã giúp Quân ủy Trung ương, Bộ quốc phòng lập kế hoạch, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ sẵn sàng chiến đấu ; điều chỉnh bố trí chiến lược LLVT trên qui mô cả nước phù hợp với tình hình mới. Ngoài việc thực hiện tốt các nhiệm vụ : tác chiến, nắm địch, huấn luyện, tổ chức lực lượng, nghiên cứu khoa học, BTTM - cơ quan BQP còn phối hợp với các Tổng cục thuộc Bộ Quốc phòng giúp cho Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng chỉ đạo, chỉ huy LLVT tham gia xây dựng kinh tế, giữ gìn trật tự trị an, phòng chống diễn biến hòa bình, phòng chống thiên tai. Trong chỉ đạo nghiên cứu khoa học, đã triển khai một khối lượng tương đối lớn đề tài nghiên cứu, trong đó có nhiều đề tài có ý nghĩa chiến lược, phục vụ đắc lực cho sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và Quân đội, đáp ứng được yêu cầu xây dựng Quân đội với củng cố nền Quốc phòng toàn dân.

Để hoàn thành tốt các nhiệm vụ trên, Bộ Tổng tham mưu - cơ quan Bộ Quốc phòng luôn chăm lo xây dựng đảng bộ, xây dựng cơ quan vững mạnh toàn diện. Trong xây dựng Đảng, luôn chú trọng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng, quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng. Tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị. Chăm lo xây dựng các tổ chức đảng cả về số lượng và chất lượng. Thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Duy trì nền nếp hoạt động công tác kiểm tra, phát triển đảng, công tác quần chúng. Thường xuyên coi trọng và làm tốt công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên, chiến sĩ có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân. Luôn tu dưỡng phẩm chất đạo đức, lối sống trong sạch, chấp hành nghiêm pháp luật Nhà nước, kỷ luật Quân đội. Thực hiện chủ trương đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ theo hướng cơ bản, chuyên sâu, đại học hóa, bảo đảm cơ cấu hợp lý, cân đối, đồng bộ, tăng tỷ lệ cán bộ trẻ, nâng cao sức chiến đấu. Kiện toàn cơ quan theo

Digitized by Google

yêu cầu gọn, mạnh, hợp lý. Cải tiến lề lối làm việc và phương pháp, tác phong công tác, sâu sát thực tiễn, sát cơ sở.

Hơn nửa thế kỷ xây dựng và chiến đấu, các thế hệ cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên BTTM - cơ quan BQP đã xây đắp nên những truyền thống vẻ vang. Nổi bật là : ***lòng trung thành vô hạn với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân ; mưu lược, sáng tạo, quyết chiến, quyết thắng ; tận tụy trong công tác, sẵn sàng hy sinh, vượt qua gian khó, ác liệt để hoàn thành mọi nhiệm vụ ; đoàn kết hiệp đồng vì mục tiêu của cách mạng.*** Truyền thống ấy góp phần tô thắm truyền thống anh hùng của Quân đội nhân dân Việt Nam, như Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định : "Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng".

Trong những năm tới, tình hình thế giới và khu vực sẽ còn diễn biến phức tạp, biến đổi nhanh chóng. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang phát triển mạnh mẽ, tác động đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội trên phạm vi toàn cầu và từng quốc gia. Cuộc chiến tranh trong tương lai sẽ là cuộc chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao, "chiến tranh không tiếp xúc", "chiến tranh thông tin"... Điều đó đặt ra cho công tác tư tưởng, công tác tổ chức, huấn luyện tác chiến, công tác phòng thủ và bảo vệ Tổ quốc những vấn đề mới. Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế thế giới sẽ tạo ra cơ hội để phát triển, đồng thời, cũng là những thách thức lớn đối với nước ta. Trong bối cảnh quốc tế và khu vực còn những biến động phức tạp ; kinh tế - xã hội trong nước còn yếu kém, tiềm ẩn những nhân tố có thể gây mất ổn định ; cơ hội và nguy cơ thách thức tồn tại đan xen nhau, có ảnh hưởng trực tiếp đến nhiệm vụ quốc phòng - an ninh.

Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ lịch sử mới đang đặt ra trước BTTM - cơ quan BQP những nhiệm vụ to lớn, nặng nề và vẻ vang. Để có thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đảng, Quân đội và nhân dân giao phó, đòi hỏi cán bộ, công nhân viên, chiến sĩ cơ quan tham mưu chiến lược có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ giỏi, trình độ sẵn sàng chiến đấu cao, kịp thời đập tan mọi âm mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch.

Là cơ quan tham mưu chiến lược, nhiệm vụ chủ yếu của BTTM - cơ quan BQP là ***nắm chắc tình hình địch và ta, tình hình trong nước và thế giới, phân tích và đánh giá một cách đúng đắn, dự đoán sát đúng chiều hướng phát triển của tình hình, theo dõi phát hiện kịp thời âm mưu và hành động của địch, vạch kế hoạch tác chiến và chỉ đạo ở tầm chiến lược, xử lý linh hoạt các tình huống.*** Điều đó đòi hỏi cơ quan tham mưu chiến lược luôn nhạy bén, theo dõi, phân tích, nắm chắc tình hình bên trong và bên ngoài. Đánh giá chính xác, dự báo sát đúng, phát hiện kịp thời, giúp Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng có đường lối chiến lược, sách lược và chủ trương đúng, ***tạo thế chủ động chiến lược, đẩy lùi, ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ và đe dọa chiến tranh của các thế lực thù địch. Đẩy lùi và khắc phục các nguy cơ đe dọa an ninh đất nước và toàn vẹn lãnh thổ ; giữ môi trường hòa bình ổn định lâu dài.*** Ngăn ngừa và làm thất bại âm mưu chống phá ta từ bên trong gây mất ổn định chính trị, đồng thời, loại trừ các nguy cơ mà kẻ địch có thể tạo ra để can thiệp vũ trang. Điều đó đòi hỏi đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu chiến lược có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tri thức, trình độ lý luận đủ sức tiếp thu và có đủ năng lực nghiên cứu, vận dụng, thực hiện sáng tạo trong thực tiễn. Nắm vững quan điểm cơ bản và tư tưởng chỉ đạo của Đảng về nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc là yêu cầu không thể thiếu trong xây dựng bản lĩnh chính trị của Quân đội ta.

Trong xây dựng cơ quan tham mưu chiến lược, đặc biệt ***coi trọng và đặt lên hàng đầu việc xây dựng cơ quan vững mạnh về chính trị.*** Xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị là nguyên lý cơ bản trong học thuyết Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp công nhân. Đây cũng là bài học kinh nghiệm quí báu của Đảng ta trong lãnh đạo xây dựng quân đội cách mạng. Trong cuộc đấu tranh ý thức hệ hiện nay, chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh đang bị tấn công hàng ngày, hàng giờ. Chính vì vậy, nhiệm vụ cấp bách, quan trọng nhất là phải ***tăng cường giáo dục chính trị -***

Digitized by Google

tư tưởng, nâng cao nhận thức và bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng, tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ trong cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, công nhân viên sau khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Củng cố vững chắc chính trị, tư tưởng và tổ chức của giai cấp công nhân trong Quân đội. Sự vững vàng về chính trị của cơ quan tham mưu chiến lược cũng như sự vững vàng về bản lĩnh chính trị của từng cán bộ, đảng viên, chiến sĩ được thể hiện ***ở sự kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.*** Kiên trì bảo vệ những truyền thống quí báu của dân tộc và những thành quả của cách mạng, kiên quyết bảo vệ độc lập dân tộc, vững bước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa.Trình độ, bản lĩnh chính trị của cơ quan tham mưu chiến lược chính là sự nhạy cảm của cơ quan về tình hình nhiệm vụ, về diễn biến tình hình trong nước và quốc tế, trước những biến động phức tạp của tình hình.

Điều đó đòi hỏi ***tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, về mọi mặt của Đảng đối với BTTM - cơ quan BQP. Xây dựng cơ quan vững mạnh toàn diện, xây dựng Đảng bộ ngang tầm với yêu cầu lãnh đạo cơ quan tham mưu chiến lược trong thời kỳ mới.*** Mỗi tổ chức Đảng, mỗi cấp ủy Đảng không ngừng nâng cao trí tuệ, năng lực lãnh đạo và năng lực hoạt động thực tiễn ngang tầm với yêu cầu của cách mạng. Công tác giáo dục chính trị - tư tưởng gắn chặt với nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng về mặt chính trị - tư tưởng nâng cao đạo đức lối sống làm cho mỗi cấp ủy, mỗi đảng viên thực sự xứng đáng bản chất bộ đội Cụ Hồ. Công tác Đảng - công tác chính trị đi vào từng người, từng đối tượng cụ thể, đặc biệt là những cán bộ, chiến sĩ ở vị trí quan trọng. Vạch trần luận điệu phản động cho rằng "Quân đội đứng ngoài chính trị", thực chất là đòi phi chính trị hóa quân đội, đòi tách rời quân đội khỏi sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đối lập quân đội với nhân dân, với Đảng, vô hiệu hóa quân đội.

Nâng cao năng lực và sức chiến đấu của BTTM, sao cho, ***mỗi cán bộ ở cơ quan cấp chiến lược không những nhạy bén, cảnh giác và làm thất bại mọi âm mưu thâm độc của kẻ thù, mà còn thật sự trở thành một chuyên gia sâu về từng mặt, vượt hẳn trên tầm nghiệp vụ đơn thuần,*** có khả năng đề xuất cho lãnh đạo những phát hiện mới về mặt lý luận và thực tiễn trên lĩnh vực của mình, góp phần bổ sung, hoàn thiện chủ trương, đường lối quân sự của Đảng. Thắng lợi trên chiến trường, xét cho cùng là do yếu tố tinh thần và trình độ năng lực quân sự của người lính quyết định. Vì vậy, phải thường xuyên chăm lo xây dựng lực lượng, xây dựng con người một cách toàn diện. Xây dựng đội ngũ cán bộ có chất lượng đủ về số lượng, cơ cấu hợp lý, đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của cơ quan tham mưu chiến lược. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, phát triển nghệ thuật quân sự. Đồng thời, thường xuyên quan tâm xây dựng cơ quan, xây dựng đơn vị, xây dựng các tổ chức quần chúng vững mạnh. Làm tốt công tác dân vận, giúp dân, thực hiện tốt các chế độ chính sách, quân đội và hậu phương quân đội, giúp đỡ nhân dân sản xuất phát triển kinh tế. v.v..

Phấn khởi, tự hào kỷ niệm 55 năm ngày thành lập BTTM - cơ quan Bộ Quốc phòng, cán bộ, nhân viên, chiến sĩ phát huy bản chất cách mạng và truyền thống vẻ vang ; kiên định mục tiêu, lý tưởng chiến đấu, vượt qua mọi gian khổ, hy sinh hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao để xứng đáng với lòng tin yêu, sự tin cậy của Đảng, Quân đội và nhân dân. Không ngừng xây dựng cơ quan luôn luôn vững vàng về chính trị, tư tưởng trung thành với nhân dân với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc nhất trí cao với đường lối đổi mới của Đảng. Ra sức học tập, huấn luyện và chỉ đạo huấn luyện, nắm vững quan điểm, đường lối chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, nắm vững khoa học, đường lối, nghệ thuật quân sự của Đảng. Nâng cao trình độ, năng lực chỉ huy, chỉ đạo tác chiến, trình độ kỹ thuật, chiến thuật, nghiệp vụ chuyên môn, làm chủ vũ khí, giữ gìn và bảo quản tốt các trang bị kỹ thuật. Rèn luyện kỷ luật, xây dựng nền nếp chính qui, góp phần không ngừng nâng cao sức mạnh chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu của quân đội. Thường xuyên củng cố, tăng cường mối quan hệ máu thịt với nhân dân, dựa vào nhân dân xây dựng Quân đội vững mạnh, xứng đáng là lực lượng trung thành, chỗ dựa tin cậy của toàn Đảng, toàn dân trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa giầu mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. ❑

Digitized by Google

KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM 55 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

NGUYỄN SINH CÚC *

NGÀY 2 -9-2000, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tròn 55 tuổi. Quá trình xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta trong 55 năm qua diễn ra trong hoàn cảnh đặc biệt : trong 30 năm đầu, từ 1945 - 1975, cả nước phải tập trung toàn lực cho nhiệm vụ chống giặc ngoại xâm để giải phóng dân tộc và bảo vệ thành quả của cách mạng ; trong 25 năm cuối 1975 - 2000, đất nước thống nhất, cả nước cùng tập trung cho nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong đó chỉ có 20 năm thực sự xây dựng trong hòa bình và 15 năm đổi mới.

Với bối cảnh đặc biệt đó, quá trình xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội gặp nhiều khó khăn và thách thức lớn cả khách quan và chủ quan, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta với truyền thống yêu nước nồng nàn, tinh thần đoàn kết và ý thức tự lập, tự cường đã vượt qua khó khăn và giành được những thành tựu ngày càng to lớn.

Những ngày đầu chồng chất khó khăn.

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, chính quyền cách mạng chỉ tiếp thu được một di sản kinh tế nghèo nàn và lạc hậu do chế độ thực dân và nửa phong kiến để lại. Nền kinh tế cơ bản là nông nghiệp, công nghiệp nhỏ bé chủ yếu là thủ công nghiệp, kinh tế nông thôn nghèo nàn dựa trên nền tảng của nông nghiệp lạc hậu, sản xuất phân tán, tự cấp, tự túc. Hậu quả của chế độ thực dân và nửa phong kiến để lại rất nặng nề, nhất là:quan hệ ruộng đất và bóc lột bằng tô tức. Trước cách mạng, giai cấp địa chủ chỉ chiếm 2% số dân nhưng sở hữu 52,1% ruộng đất, trong khi đó nông dân lao động chiếm 97% số dân chỉ sở hữu 36% ruộng đất. Trong nông thôn có 59,2% số hộ nông dân không có đất phải đi làm thuê, chịu sự bóc lột nặng nề về tô tức. Chế độ thực dân phong kiến hà khắc đã gây ra nạn đói lịch sử năm 1945 với hơn 2 triệu người chết đói.

Sản xuất công nghiệp hết sức nhỏ bé, chủ yếu là công nghiệp khai thác mỏ và một số cơ sở công nghiệp nhẹ, nhằm bóc lột nguồn nhân công rẻ mạt và vơ vét tài nguyên khoáng sản. Năm 1945, cả nước chỉ có 200 xí nghiệp công nghiệp và 90 nghìn công nhân, trong đó 60% là công nhân khai thác mỏ.

Hậu quả về xã hội cũng rất nặng nề : 90% số dân mù chữ. Cơ sở y tế thiếu thốn và chủ yếu phục vụ cho đội quân viễn chinh Pháp và bọn tay sai phản động.

Năm 1946, thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta và cả nước lại phải tập trung sức người, sức của cho kháng chiến chống ngoại xâm. Nền kinh tế vốn đã yếu kém lại phải chuyển hướng phục vụ chiến tranh.

Trụ vững trong chiến tranh.

Với phương châm chiến lược đúng đắn, vừa kháng chiến vừa kiến quốc và tư tưởng chủ đạo trong chính sách kinh tế của Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc đó là đẩy mạnh tăng gia sản xuất để tự cấp tự túc đi đôi với tiêu thổ kháng chiến nên nhiều vùng và địa phương đã khắc phục được tình trạng kiệt quệ về kinh tế ; bảo đảm hậu cần cho kháng chiến. Trong thời kỳ này, kinh tế nông thôn và sản xuất nông nghiệp có vị trí đặc biệt quan trọng nên cùng với việc động viên nông dân tích cực tăng gia sản xuất, Chính phủ đã từng bước thực hiện các chính sách về ruộng đất, giảm tô, giảm tức. Năm 1949, sắc lệnh giảm tô, giảm tức được ban hành đồng thời tạm cấp ruộng đất thu được của thực dân Pháp và địa chủ bỏ chạy vào vùng địch tạm chiếm chia cho nông dân nghèo. Nhờ đó, trong các vùng giải phóng sản xuất nông nghiệp phát triển,

* PGS. TS

Digitized by Google

sản lượng lương thực năm 1954 đạt gần 3 triệu tấn, tăng 13,7% so năm 1946, tốc độ tăng giá trị sản lượng nông nghiệp ở miền Bắc trong 9 năm kháng chiến đạt 10%/năm. Nhiều cơ sở công nghiệp quan trọng phục vụ quốc phòng và sản xuất hàng hóa tiêu dùng thiết yếu cho nhân dân được khôi phục và mở rộng.

Ở các vùng giải phóng, từ năm 1946 đến năm 1954 đã thanh toán nạn mù chữ cho 10,5 triệu người. Các trường trung học và đại học được xây dựng và phát triển. Đến năm 1954 đã có 5 trường trung học chuyên nghiệp với 95 giáo viên và 2 054 học sinh, 4 trường đại học với 89 giáo viên và 1 020 sinh viên. Nhiều cơ sở y tế được khôi phục và mở rộng với 135 bệnh viện, bệnh xá, 790 phòng khám, 740 trạm cứu thương và 300 nhà hộ sinh. Phong trào xây dựng nếp sống mới phát triển mạnh, quan hệ quân dân và tình làng nghĩa xóm được giữ vững phát triển theo hướng tích cực.

Sau khi hòa bình được lập lại ở miền Bắc (1954), sản xuất công nghiệp từng bước được khôi phục và phát triển. Trong 3 năm khôi phục kinh tế (1955 - 1957) và tiếp theo là kế hoạch 5 năm 1961 - 1965, với đường lối công nghiệp hóa, nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp mới được phục hồi và xây dựng. Từ năm 1965 đến 1975, tuy miền Bắc phải đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, nhưng sản xuất công nghiệp vẫn được duy trì và phát triển. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp năm 1975 tăng gấp 16,6 lần năm 1955, bình quân mỗi năm tăng 14,7%. Hầu hết các sản phẩm công nghiệp tính bình quân đầu người năm 1975 đã đạt mức cao hơn nhiều so với năm 1955, trong đó : điện gấp 13,8 lần, than 4,8 lần, xi măng 25,2 lần, giấy 14,5 lần, vải 4,8 lần, đường 4,0 lần. Năm 1975, miền Bắc đã có 1 335 xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, tăng 323 xí nghiệp so năm 1960, một số ngành công nghiệp nặng có năng lực sản xuất khá lớn : ngành điện có 38 xí nghiệp, trong đó 19 xí nghiệp do trung ương quản lý với tổng công suất thiết kế 429 216 kW. Công nghiệp cơ khí có 292 cơ sở với 60 nghìn công nhân, công nghiệp vật liệu xây dựng 506 cơ sở với 86 657 công nhân, công nghiệp hóa chất 74 cơ sở, với 23 nghìn công nhân. Tỷ trọng công nghiệp trong tổng sản phẩm xã hội tăng từ 32,7% năm 1960 lên 42,6% năm 1975, thu nhập quốc dân từ 18,2% lên 28,7% trong 15 năm tương ứng.

Trong nông nghiệp, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương và chính sách kinh tế, tài chính tích cực, trong đó nổi bật nhất là cải cách ruộng đất, thực hiện người cày có ruộng, 810 nghìn ha đất nông nghiệp của địa chủ được tịch thu và chia cho nông dân nghèo. Hàng chục vạn hộ nông dân có ruộng cày, từ vị trí làm thuê sang làm chủ đã tạo ra động lực mới thúc đẩy sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn phát triển. Sau 3 năm khôi phục kinh tế (1955 - 1957) diện tích gieo trồng tăng 23,5%, năng suất lúa tăng 30,8%, sản lượng lương thực tăng 57%, đàn trâu tăng 44,2%, đàn bò tăng 39%, đàn lợn tăng 20% so với năm 1939, lương thực bình quân đầu người năm 1957 đã đạt 303 kg. Đó cũng là thời kỳ hoàng kim của nông nghiệp Việt Nam kể từ năm 1939.

Từ năm 1958 đến năm 1975 nông nghiệp và nông thôn miền Bắc chịu sự tác động của nhiều yếu tố không thuận lợi trong quản lý và chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Sản lượng lúa miền Bắc năm 1974 đạt 5,48 triệu tấn. Lương thực bình quân đầu người chỉ đạt 276 kg, bằng 91% so năm 1957, lương thực nhập khẩu lên tới 1,5 triệu tấn, thu nhập và đời sống của nông dân gặp nhiều khó khăn.

Những thành tựu nổi bật trong 15 năm đổi mới

Năm 1975, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất và cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Những năm đầu, một mặt chúng ta phải dành thời gian và công sức để khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh và cải tạo nền kinh tế miền Nam cho phù hợp với mô hình kinh tế mới xã hội chủ nghĩa. Thêm vào đó chiến tranh biên giới cũng đã gây thêm nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội. Mặt khác, việc duy trì quá lâu cơ chế quản lý kế hoạch hóa tập trung, bao cấp và cả những sai lầm, khuyết điểm trong tổ chức và chỉ đạo nên kết quả phát triển kinh tế - xã hội cả nước trong 10 năm 1976 - 1985 đạt thấp, khủng hoảng kinh tế kéo dài, lạm phát lên đến 774,7 % năm 1986.

Trước tình hình đó, tháng 12 - 1986. Đại hội VI của Đảng đã quyết định thực hiện đường lối đổi mới toàn diện mang tính chiến lược, mở ra thời kỳ mới phát triển nền kinh tế đất nước. Trong công nghiệp, Quyết định 217 HĐBT trao quyền tự chủ sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp nhà nước, thực hiện hạch toán kinh tế, lấy thu bù chi, xóa dần bao cấp, giảm bớt các chỉ tiêu pháp lệnh, khuyến khích

Digitized by Google

các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh mở rộng sản xuất để thu hút vốn đầu tư phát triển công nghiệp. Tháng 12-1987, Luật đầu tư nước ngoài với nhiều khoản ưu đãi được công bố, đồng thời khuyến khích xuất khẩu đã làm cho môi trường đầu tư thông thoáng hơn, góp phần tăng năng lực sản xuất ngành công nghiệp. Sản xuất của các ngành công nghiệp then chốt đã phục hồi và tăng trưởng khá ổn định, hơn hẳn các thời kỳ trước đó. Bình quân mỗi năm của kế hoạch 5 năm 1986 - 1990, sản lượng điện tăng 11, 1%, xi măng tăng 11,0%, thép cán tăng 8,0%, thiếc tăng 10%. Đáng chú ý là đã xuất hiện ngành sản xuất mới : khai thác dầu thô của công nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Sản lượng dầu thô tăng từ 40 nghìn tấn năm 1986 lên 280 nghìn tấn năm 1987 ; 680 nghìn tấn năm 1988 ; 1,5 triệu tấn năm 1989 và 2,7 triệu tấn năm 1990. Chất lượng sản phẩm công nghiệp đã có những tiến bộ so với trước. Cơ chế hạch toán tự chủ đã buộc các doanh nghiệp đầu tư chiều sâu, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nhằm tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Tuy nhiên, những tiến bộ đó mới chỉ là bước đầu và chưa vững chắc. Tốc độ tăng trưởng của công nghiệp vẫn chưa ổn định. Những thành tựu và khởi sắc của công nghiệp thực sự bắt đầu những năm 90. Bình quân 5 năm 1991 - 1995, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành đạt 13,7%, vượt xa kế hoạch đề ra (7,5 - 8,5%), trong đó khu vực kinh tế nhà nước tăng 15%, khu vực ngoài quốc doanh tăng 10,6%. Các ngành công nghiệp then chốt chiếm tỷ trọng lớn và nhiều sản phẩm công nghiệp quan trọng tăng trưởng khá : điện tăng 10,8%, dầu thô tăng 23,3%, thép cán tăng 30,3%, lắp ráp ti vi các loại tăng 4 1,8%, phân bón hóa học tăng 20,4%, xi măng tăng 20,9%, đường kính tăng 30,3%, xà phòng tăng 12,9%. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng vừa tăng nhanh số lượng, vừa nâng cao chất lượng nên bước đầu đã tăng sức cạnh tranh với hàng ngoại. Cơ cấu ngành, cơ cấu thành phần kinh tế cũng đã có nhiều chuyển biến tích cực, trong đó đáng chú ý là công nghiệp khu vực FDI ngày càng chiếm vị trí xứng đáng trong cơ cấu công nghiệp nước ta.

Trong 5 năm 1996 - 2000, sản xuất công nghiệp nước ta tiếp tục phát triển ổn định và tăng trưởng với nhịp độ cao. Tuy 2 năm 1998 và 1999, tốc độ tăng trưởng có chậm lại, nhưng vẫn đạt mức 2 con số. Không chỉ tăng trưởng cao mà sản xuất công nghiệp những năm cuối cùng của thập niên 90 đã xuất hiện xu hướng đa ngành, đa sản phẩm với sự tham gia của các thành phần kinh tế quốc doanh, ngoài quốc doanh và công nghiệp có vốn FDI, trong đó công nghiệp quốc doanh vẫn giữ vai trò chủ đạo.

Công nghiệp các thành phần kinh tế tăng trưởng nhanh và khá ổn định trong những năm đổi mới, nhất là 10 năm cuối của thập niên 90, là một thành tựu quan trọng và nổi bật của kinh tế Việt Nam trong 55 năm qua. So với trước Cách mạng Tháng Tám, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu hiện nay đã tăng với nhịp độ rất cao. Năm 1999 so với năm 1944 điện phát ra 23,8 tỉ kWh, tăng 290 lần, than tăng 20 lần, xi măng tăng gấp 52 lần, so với năm 1976, điện tăng 79,3 lần, than tăng 1,93 lần, thép cán tăng 12 lần. Những thành tựu đó đã góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của cả nước theo hướng công nghiệp hóa và tác động tích cực đối với sự phát triển nông nghiệp.

Trong nông nghiệp, vượt qua tình trạng suy thoái và khủng hoảng kéo dài những năm 1976 - 1980, tháng 1-1980 Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng ra đời lúc đó với nội dung khoán sản phẩm cây lúa đến nhóm và người lao động được coi là chìa khóa vàng mở ra thời kỳ mới của nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Những kết quả đạt được trong sản xuất nông nghiệp thời kỳ 1981 - 1985 là những thành tựu bước đầu, hơn hẳn các thời kỳ trước. Bình quân 5 năm từ 1981 - 1985 so với bình quân 5 năm từ 1976 - 1980, sản lượng lương thực tăng 27%, riêng thóc tăng 32%, năng suất lúa tăng 23%, lương thực bình quân đầu người tăng 14%, đàn trâu tăng 8%, đàn bò tăng 39%, đàn lợn tăng 22%. Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (5-4-1988) về đổi mới quản lý nông nghiệp với nội dung cơ bản thừa nhận hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ ở nông thôn, đánh dấu sự mở đầu của thời kỳ đổi mới trong nông nghiệp và nông thôn nước ta. Cùng với Nghị quyết 10, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách đổi mới, tăng cường đầu tư, khuyến khích nông nghiệp và kinh tế nông thôn phát triển theo hướng kinh tế hàng hóa và đã đạt được những thành tựu quan trọng, nhất là trong thập niên 90.

Thành tựu nổi bật và to lớn nhất của nông nghiệp (và cũng là của kinh tế Việt Nam) trong

Digitized by Google

55 năm qua, đặc biệt 15 năm đổi mới là đã giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, đưa nước ta từ chỗ thiếu lương thực triền miên thành nước xuất khẩu gạo đứng hàng thứ 2 thế giới, liên tục từ nhiều năm nay. Sản xuất lương thực tăng liên tục từ năm 1988 theo hướng năm sau cao hơn năm trước với tốc độ nhanh và khá vững : 1987 = 17,5 triệu tấn ; 1988 = 19,6 ; 1989 = 21,5 ; 1991 = 21,9 ; 1992 = 24,2 ; 1993 = 25,5 ; 1994 = 26,2 ; 1995 = 27,6 ; 1996 = 29,2 ; 1997 = 30,6 ; 1998 = 31,8 ; 1999 = 34,3 và ước năm 2000 trên 35,5 triệu tấn. Mỗi năm sản lượng lương thực tăng 5% (1,3 triệu tấn) cao hơn tốc độ tăng dân số (1,8%) nên lương thực bình quân nhân khẩu/năm cũng tăng dần : từ 280 kg năm 1987, lên 324 kg năm 1990 ; 372 kg năm 1995 ; 447 kg năm 1999 và ước đạt 455 kg năm 2000

Trong lương thực, sản xuất lúa tăng nhanh cả diện tích, năng suất và sản lượng. Nếu năm 1990 cả nước mới gieo cấy 6,0 triệu ha thì năm 1999 đã tăng lên trên 7,65 triệu ha do khai hoang và tăng vụ. Trình độ thâm canh lúa của nông dân tăng lên cùng với tác động tích cực của khoa học - kỹ thuật, nhất là giống lúa mới đã tạo ra sự phát triển ổn định về năng suất lúa từ 32,0 tạ/ha năm 1990 lên 39 tạ/ha năm 1998 ; 41 tạ/ha năm 1999. Bình quân 10 năm năng suất lúa tăng gần 1 tạ/ha/năm. Tăng năng suất lúa là yếu tố quan trọng làm tăng sản lượng lúa của Việt Nam từ 19,2 triệu tấn năm 1990 lên 26,4 triệu tấn năm 1996 ; 27,5 triệu tấn năm 1997 ; 29,1 triệu tấn năm 1998 ; 31,39 triệu tấn năm 1999 và năm 2000 ước tính là 32,4 triệu tấn.

Trong 3 năm từ 1996 - 1998,nước ta xuất khẩu 10,2 triệu tấn gạo, nhiều hơn lượng gạo xuất khẩu 5 năm trước đó gần 1 triệu tấn ; năm 1999 xuất 4,6 triệu tấn và năm 2000 sẽ xuất khẩu 4 triệu tấn, tính chung 12 năm từ 1989 - 2000, nước ta xuất khẩu 30,5 triệu tấn.

Sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả, rau đậu có nhiều khởi sắc. Trong trồng trọt bước đầu đã thực hiện phương châm "đất nào cây ấy" để tăng hiệu quả, chuyển dần những diện tích trước đây trồng lúa, màu năng suất và hiệu quả thấp sang trồng cây công nghiệp hoặc cây ăn quả có lợi hơn. Bình quân 10 năm từ 1990 - 1999 so với bình quân 5 năm trước đó, sản lượng lạc tăng 34%, mía tăng 74%, cà phê nhân tăng 2,8 lần, cao su tăng 87%, hồ tiêu tăng 68 %, chè tăng 27,3%, bông tăng 2,38 lần. Đặc biệt sản lượng cà phê tăng nhanh : 1990 = 119 ngàn tấn ; 1995 = 268 ngàn tấn ; 1996 = 320 ngàn tấn ; 1999 = 509 ngàn tấn. Cà phê trở thành mặt hàng nông sản xuất khẩu có giá trị lớn thứ 2 sau gạo. Riêng năm 1997 xuất khẩu 390 ngàn tấn cà phê nhân, thu về trên nửa tỉ USD. Năm 1995, thu nhập ngoại tệ do xuất khẩu cà phê đã vượt giá trị xuất khẩu gạo do giá cà phê lên cao. Năm 1999, xuất khẩu 487 nghìn tấn, đạt giá trị trên 600 triệu USD.

Cùng với cà phê là cây cao su. Năm 1998 sản lượng cao su (mủ khô) đạt 199 ngàn tấn, tăng 3,5 lần so năm 1990 (199/57), năm 1999 đạt 248 nghìn tấn. Cao su vẫn là mặt hàng nông sản xuất khẩu còn thị trường và có giá trị lớn thứ 3 sau gạo và cà phê.

Năm 1999, diện tích cây ăn quả các loại đạt 512,8 nghìn ha, tăng 82% so năm 1990, sản lượng đạt gần 3 triệu tấn, gấp 2 lần năm 1990.

Chăn nuôi tăng trưởng cao và ổn định. Bình quân 10 năm từ 1990 - 1998 so với bình quân 5 năm trước đó đàn trâu tăng 5%, đàn bò tăng 10%, đàn lợn tăng 20%, đàn gia cầm tăng 25%, sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng 25%, sản lượng trứng tăng 33%. Đặc biệt, đàn bò sữa tăng khá, năm 1999 đạt gần 34 ngàn con, trong đó TP Hồ Chí Minh có gần 25 ngàn con, tăng gấp 3 lần so với năm 1990.

Hoạt động kinh tế đối ngoại có nhiều chuyển biến tích cực, nhất là những năm gần đây. Năm 1955, giá trị xuất khẩu đạt 75,4 triệu USD, giá trị nhập khẩu 399,9 triệu rúp - đôla, nhập siêu 432%. Năm 1995, 3 con số tương ứng đã lên tới 5,3 tỉ USD ; 7,5 tỉ USD ; 41% và năm 1999 là 11,5 tỉ USD ; 11,6 tỉ USD và 0,8%. Từ nền kinh tế tự cấp tự túc là chính, nhập siêu rất cao, tỷ lệ giữa xuất khẩu và nhập khẩu những năm 1976 - 1980 là 1/4 ; 1981 - 1985 là 1/2,8 ; 1986 - 1990 là 1/ 1,8 ; 1991 - 1995 là 1/1,3 ; 1996 là 1/1,5 ; 1997 là 1/1,26 ; 1998 là 1/1,22 ; 1999 là 1/1,06.

Kim ngạch xuất khẩu bình quân một năm từ 304 triệu USD thời kỳ 1976 - 1980 ; 570 triệu USD thời kỳ 1981 - 1985 tăng lên 1 370 triệu thời kỳ 1986 - 1990 ; 3 401 triệu USD thời kỳ 1991 - 1995 và 5 646 triệu USD thời kỳ 1996 - 2000. Riêng năm 1999, đạt 11 523 triệu USD, gấp 51,9 lần năm 1976 ; 17,7 lần năm 1985 ; 2,12 lần năm 1995. 6 tháng đầu năm 2000 giá trị xuất khẩu cả nước đạt 6 427 triệu

Digitized by Google

USD, xấp xỉ giá trị xuất khẩu 5 năm đầu của thời kỳ đổi mới 1986 - 1990 là 7 tỉ USD. Mức xuất khẩu tháng 6 năm 2000 đạt 1 220 triệu USD gần bằng mức xuất khẩu bình quân một năm của thời kỳ 1986 - 1990. Khả năng năm 2000 đạt 12,8 tỉ USD là chắc chắn. Cơ cấu nhập khẩu đã có nhiều chuyển biến tích cực, tỷ trọng hàng xuất khẩu qua chế biến công nghiệp tăng, hàng nguyên liệu chưa qua chế biến giảm. Tổng giá trị hàng nhập khẩu cũng tăng dần từ 329 triệu rúp - đôla năm 1955, 1 tỉ USD năm 1976 và 11,6 tỉ USD năm 1999. Cơ cấu hàng nhập chuyển nhanh từ hàng tiêu dùng sang tư liệu sản xuất. Cán cân xuất - nhập khẩu về cơ bản đã cân bằng. Đến nay, nước ta đã có quan hệ thương mại với trên 150 quốc gia và vùng lãnh thổ. Nhiều hàng hóa mang nhãn hiệu Việt Nam đã có mặt trên thị trường thế giới với số lượng ngày càng nhiều, chủng loại phong phú và chất lượng ngày càng tiến bộ.

Hoạt động đầu tư nước ngoài bắt đầu sôi động từ năm 1988 với 37 dự án và 37 l,8 triệu USD vốn đầu tư 288,4 triệu USD vốn pháp định. Năm 1996 là năm thu hút vốn nước ngoài nhiều nhất với 8 497,3 triệu USD, 325 dự án. Đến tháng 7-2000 cả nước có khoảng 3 000 dự án của 700 doanh nghiệp thuộc 62 nước và vùng lãnh thổ với tổng số vốn đăng ký 36 tỉ USD, vốn thực hiện 16,89 tỉ USD (chưa tính Liên doanh dầu khí Việt Xô). Hoạt động đầu tư nước ngoài đã nộp ngân sách 1,52 tỉ USD, tạo ra hơn 21,6 tỉ USD hàng hóa xuất nhập khẩu, giải quyết việc làm cho 32 vạn lao động trực tiếp và hơn l triệu lao động gián tiếp, nhất là trong ngành xây dựng. Nguồn vốn FDI cùng với vốn tài trợ ODA đã giải ngân 7 tỉ USD và đã trở thành nguồn vốn lớn của nền kinh tế, bảo đảm cho sự phát triển và tăng trưởng ổn định của các ngành sản xuất và dịch vụ. Năm 1999, khu vực FDI đã tạo ra 10,7% GDP, 25% giá trị xuất khẩu, góp phần quan trọng để phát huy nội lực của toàn bộ nền kinh tế, bảo vệ chủ quyền quốc gia trong điều kiện hội nhập và mở cửa.

Sự hình thành và phát triển của 3 vùng kinh tế trọng điểm ở 3 miền Bắc, Trung, Nam và 68 KCN, KCX đã là những mô hình mới và là điểm sáng trong bức tranh kinh tế nước ta, góp phần quan trọng đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ.

Do các ngành và lĩnh vực kinh tế phát triển, tăng trưởng khá, nên đến nay hầu hết các mục tiêu đề ra cho năm 2000 đều đã đạt và vượt, trong đó nổi bật nhất là sản xuất lương thực, giảm tốc độ tăng dân số, xóa đói giảm nghèo, xóa mù chữ. Nhịp độ tăng GDP bình quân thời kỳ 1991 - 1995 là 8,2% ; thời kỳ 1996 - 2000 ước tính hơn 7%. Cơ cấu GDP chuyển dịch theo hướng tích cực.

Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (GDP) 10 năm từ 1991 - 2000 đã có sự chuyển dịch đáng kể : Giá trị khu vực I (nông, lâm, thủy sản) từ 40,49% năm 1991 đã giảm xuống 25% năm 2000, giá trị khu vực II (công nghiệp và xây dựng) trong các năm tương ứng tăng từ 23,79% lên 35% và giá trị khu vực III (dịch vụ) tăng từ 35,72% lên 40%.

Bộ mặt đất nước đổi thay theo hướng văn minh, hiện đại, đời sống vật và tinh thần của các tầng lớp nhân dân được cải thiện, công bằng xã hội từng bước được bảo đảm. Đến năm 2000, điện lưới quốc gia đã phủ khắp gần 98% số huyện hơn 70% số xã, thị trấn và 98% số hộ ở thành thị và 70% số hộ nông thôn. Hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy được xây dựng mới, nâng cấp và vươn tới mọi miền đất nước, kể cả vùng sâu, vùng xa với chất lượng ngày càng tiến bộ so với trước, phục vụ tốt hơn nhu cầu lưu thông hàng hóa và đi lại của nhân dân. Thu nhập của dân cư năm 1999 đạt bình quân 295 nghìn đồng l người l tháng, tăng 30, 1% so với năm 1996. Tốc độ tăng thu nhập của dân cư từ năm 1975 đến nay đạt khoảng 10% năm, trong đó thời kỳ 1996 - 2000 đạt 8,8%. Số hộ giàu tăng lên cả về số lượng và tỷ trọng, số hộ nghèo giảm dần với tốc độ bình quân 1%/năm. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ trên 50% vào những năm 80 xuống còn 18% năm 1994 ; 16,5% năm 1995 ; 15,7% năm 1996 và 13,3% năm 1999, về cơ bản không còn hộ đói. Tình trạng thiếu đói giáp hạt ở các vùng nông thôn kéo dài hàng chục năm nay đã chấm dứt, kể cả ở vùng nghèo, miền núi cao. Đời sống tinh thần của dân cư được cải thiện : tỷ lệ số hộ có đồ dùng lâu bền ngày càng tăng và đến nay trên 50% số hộ có ti vi, 49% có máy nghe nhạc, 25% có xe máy, 52% số hộ có nước sạch, 100% số xã phường có trường học và trạm y tế, tỷ lệ người biết chữ đạt trên 90% so với 9% trước cách mạng. Năm học 1999 - 2000 cả nước có 18,4 triệu học sinh phổ thông và 2,2 triệu học sinh mẫu giáo, bình quân l vạn dân có gần 3 000 người đi học, cao gấp 10 lần năm 1945. Trình độ

(Xem tiếp trang 37)

Digitized by Google

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

ĐẶNG HỮU*

Gần 15 năm qua, sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, góp phần quan trọng ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, đưa nước ta bước sang một giai đoạn mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước. Tuy nhiên, cho đến nay với gần 80% dân số của cả nước sống ở nông thôn, trong đó tỷ lệ đói nghèo vẫn còn trên 17%, có nơi như ở một số huyện miền núi còn trên 35%. Mặt khác, cũng do nền kinh tế nước ta mới bước đầu chuyển từ nền sản xuất theo cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nên năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nông sản, hàng hóa còn rất thấp so với nhiều nước trong khu vực và thế giới. Điều đó làm cho thu nhập và tích lũy của đại bộ phận dân cư nông thôn còn bấp bênh, sức mua có khả năng thanh toán về tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng đều rất hạn chế, gây ảnh hưởng lớn đến sự chuyển dịch cơ cấu của toàn bộ nền kinh tế, đồng thời gây cản trở việc phát triển công nghiệp và dịch vụ trên địa bàn nông thôn.

Các nước châu Á như Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan.... khi bước vào giai đoạn CNH, HĐH cũng gặp những khó khăn tương tự như nước ta hiện thời, song đến nay đã giải quyết được về cơ bản. Một trong những kinh nghiệm thành công của các nước này là ưu tiên đầu tư cho việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, trước hết là công nghệ sinh học, công nghệ chế biến và công nghệ sau thu hoạch. Nhờ có các tiến bộ vượt bậc về giống cây trồng, vật nuôi, về công nghệ dự trữ, bảo quản, chế biến nông sản phẩm hiện đại mà tiềm năng tự nhiên, sinh thái của nông nghiệp không những được khai thác tốt hơn mà còn được nhân lên gấp bội ; hàm lượng chất xám trong hàng hóa nông sản ngày càng tăng, đáp ứng đòi hỏi đa dạng, khắt khe của thị trường trong nước và thế giới, sản phẩm có sức cạnh tranh và lợi thế so sánh cao hơn trước... Đó cũng là những yếu tố quyết định đến tính ổn định, bền vững của cơ cấu sản xuất, cũng như khả năng tiêu thụ nông sản trên thị trường, đặc biệt là về năng lực xuất khẩu.

So với các giải pháp khác, thì giải pháp về khoa học và công nghệ yêu cầu vốn đầu tư không quá lớn mà đem lại hiệu quả cao. Theo đánh giá chung, trong nông nghiệp ước tính 1/3 giá trị tăng của sản xuất lương thực thời gian vừa qua là do nông dân tiếp thu, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ mới vào sản xuất. Một số hàng nông sản xuất khẩu của ta như gạo, cà phê, chè, rau quả, thủy sản... trong những năm gần đây đã tăng nhanh về số lượng và chất lượng, được thị trường quốc tế chấp nhận, chủ yếu là nhờ đã ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ về giống, về chế biến...

Tuy nhiên, *tiềm lực về khoa học và công nghệ của nước ta chưa được phát huy đầy đủ* cho

* GS, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương

Digitized by Google

sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn ; nhiều vấn đề bức xúc của sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn đặt ra đối với các lực lượng khoa học và công nghệ đến nay chưa giải quyết được ; trong đó đáng lưu ý hơn cả là :

- Việc *chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn* là nội dung quan trọng trong quá trình thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, mà sự chuyển đổi đó phụ thuộc vào việc tổ chức áp dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất và các chính sách thúc đẩy phát triển sản xuất. Chỉ trên cơ sở có đủ giống tốt và các tiến bộ kỹ thuật khác, kết hợp với việc phát triển các quan hệ thị trường đúng hướng mới có thể chuyển cơ cấu sản xuất nông nghiệp từ thuần nông, độc canh sang đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi, tạo ra được các vùng tập trung, chuyên canh, sản xuất hàng hóa, làm tiền đề phát triển công nghiệp ở nông thôn. Hiện nay việc chuyển đổi kinh tế nông thôn từ nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ mới chỉ xuất hiện ở một số vùng ven đô, vùng có làng nghề truyền thống, có cơ sở hạ tầng kỹ thuật, có trình độ dân trí khá, có khả năng tiếp thu các tiến bộ kỹ thuật ; còn ở các vùng khác, đặc biệt là vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa sự chuyển đổi diễn ra chậm chạp, thậm chí vẫn ở trong tình trạng thuần nông, độc canh, tự túc, tự cấp và lao động thủ công là chính.

- Giá trị kim ngạch *xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản* hằng năm tuy chiếm gần 40% tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu của cả nước ; nhưng nhìn chung, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa còn thấp so với các nước trong khu vực và trên thế giới, khiến cho các sản phẩm làm ra tiêu thụ khó khăn, ảnh hưởng bất lợi đến thu nhập của người sản xuất. Lượng hàng hóa nông, lâm, thủy sản đã xuất khẩu được trong năm 1999 đều cao hơn năm 1998, nhưng hầu như đều bị giảm giá : cà phê tăng 27,6% về lượng, nhưng do giá giảm 21,9%, nên kim ngạch giảm 0,4% ; chè tăng 13% về lượng, nhưng giá giảm 20%, nên kim ngạch giảm 9,6% ; cao su tăng 37,7% về lượng, nhưng giá giảm 17,3%, nên kim ngạch chỉ tăng 14% ; gạo tăng 21,4% về lượng, nhưng giá giảm 16,9%, nên kim ngạch chỉ tăng 1%. Do giá giảm, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng này đã bị thua thiệt ước tính 532 triệu USD, chiếm trên 15% kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản. Nguyên nhân sâu xa của tình trạng trên là do bố trí cây trồng, vật nuôi chủ yếu dựa vào tiềm năng tự nhiên mà chưa dựa vào các luận cứ khoa học, cũng như chưa tổ chức tốt việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, do đó việc chặt phá cây này, trồng cây kia vẫn xảy ra hằng năm. Khoa học và công nghệ chưa có sự tác động cần thiết và hiệu quả bảo đảm tính ổn định, bền vững của nông sản hàng hóa khi gặp phải rủi ro của thiên tai và thị trường. Kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến ở trong nước, cũng như ở một số nước có nền nông nghiệp phát triển là thực hiện đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi trên cơ sở lựa chọn các sản phẩm có ưu thế ở từng địa phương, để từ đó nghiên cứu, áp dụng công nghệ mới, nhằm làm cho sản phẩm đó có tính cạnh tranh cao. Đó là một trong những điều kiện tiên quyết để phát triển được nền nông nghiệp hướng về xuất khẩu có tính ổn định và bền vững.

- Phát triển *công nghiệp chế biến* là nhiệm vụ hàng đầu trong quá trình thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, nhưng phát triển công nghiệp chế biến như thế nào, quy mô, trình độ công nghệ, cơ cấu sản phẩm và bước đi ra sao... là những vấn đề bức xúc đang đòi hỏi nghiên cứu và làm rõ. Thực tế hiện nay, chương trình mía đường quốc gia đang gặp nhiều khó khăn lớn : Năm 1999, lượng đường tồn kho lớn, và vào đầu năm 2000 ước tính còn tồn đọng 350 000 tấn đường đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến giá mua mía của nông dân trong các vùng nguyên liệu. Nguyên nhân chủ yếu là năng suất, chất lượng mía còn thấp, chỉ đạt bình quân 45 tấn mía cây/ha làm cho giá nguyên liệu chế biến đường cao, cộng với hiệu suất thu hồi đường thấp, nhà máy chỉ sử dụng được 25 - 30% công suất thiết kế, sự phát triển ồ ạt các nhà máy (43 nhà máy trong 2 năm) chưa gắn với vùng nguyên liệu, chưa kiểm soát tốt việc nhập lậu đường... đã dẫn đến giá thành một tấn đường lên đến

Digitized by Google

hơn 300 USD, rất khó tiêu thụ cả ở trong nước và ngoài nước. Chương trình cao su, mấy năm nay cũng chưa có biện pháp kỹ thuật để tháo gỡ, do sản phẩm chế biến ra không còn phù hợp với nhu cầu của thị trường thế giới...

Mặt khác, do các loại nông sản đều có tính thời vụ, đòi hỏi phải nghiên cứu, ứng dụng các *công nghệ sau thu hoạch như:* sơ chế, bảo quản, dự trữ... nhằm hạn chế tổn thất, duy trì được chất lượng nông sản. Lúa hè thu ở đồng bằng sông Cửu Long do không sấy kịp thời, đã có năm sản lượng giảm tới 10% ; rau quả tươi do không có công nghệ bảo quản, hằng năm sản lượng giảm tới 20%...

- Gần đây, Nhà nước đã tiếp tục tăng cường *đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật* cho nông nghiệp, nông thôn. Tổng vốn đầu tư của Nhà nước cho nông nghiệp, nông thôn năm 1999 tăng gấp rưỡi so với năm 1998, chủ yếu tập trung vào các công trình thủy lợi, giao thông, điện và các công trình phúc lợi khác. Hiện có rất nhiều vấn đề về kỹ thuật để bảo đảm hiệu quả vốn đầu tư của Nhà nước chưa được giải quyết tốt như : xây dựng luận cứ khoa học cho các quy hoạch tổng thể và quy hoạch ngành ; các giải pháp kỹ thuật đối với các công trình thủy lợi ở đồng bằng sông Cửu Long để bảo đảm "sống chung với lũ", các công trình thủy lợi vừa và nhỏ ở miền Trung, miền núi phía Bắc, đồng bằng Bắc Bộ bảo đảm hạn chế được thiệt hại do thiên tai, áp dụng tưới tiêu theo phương pháp khoa học... ; các phương án kinh tế - kỹ thuật khả thi đối với các công trình giao thông nông thôn, điện sinh hoạt, nước sạch cho khu vực nông thôn... Do đó, nông nghiệp, nông thôn đang rất cần có sự tác động của lực lượng khoa học và công nghệ.

Một bộ phận vốn ngân sách nhà nước đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn được thực hiện thông qua các Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG), đặc biệt là Chương trình trồng 5 triệu ha rừng với số vốn dự tính trên 30 ngàn tỉ đồng (thực tế năm 1999 chỉ chi 328 tỉ đồng), nhưng xung quanh việc xác định trồng cây gì, cơ cấu cây trồng nào để vừa bảo đảm tăng nhanh tốc độ phủ xanh đất trống, đồi trọc, vừa đem lại hiệu quả kinh tế cao đang còn nhiều ý kiến khác nhau. Điều đáng quan tâm là thiếu sự phối hợp giữa các chương trình MTQG với các chương trình khoa học công nghệ, các dự án khoa học công nghệ đã thành công chưa được nhân rộng, đội ngũ cán bộ khoa học chưa được huy động phục vụ các chương trình MTQG. Chính phủ đã có nhiều quyết định, chủ trương hợp nhất, lồng ghép các chương trình MTQG trên cùng một địa bàn, nhưng chỉ có một số ít địa phương đã tổ chức thực hiện khá tốt như Bình Định, Khánh Hòa, Hà Giang ; nhiều tỉnh còn lúng túng.

Tình hình trên khẳng định vai trò của khoa học và công nghệ trong quá trình thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn ở nước ta hiện nay và đó cũng chính là những yêu cầu bức xúc đang đặt ra đối với các nhà khoa học vì sự phát triển của nông nghiệp, nông thôn. Tuy nhiên, để huy động được các lực lượng khoa học và công nghệ phục vụ CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, *Nhà nước cần phải có cơ chế, chính sách* tạo điều kiện môi trường cho việc huy động các lực lượng khoa học và công nghệ phục vụ nông nghiệp, nông thôn ; chú ý các vấn đề về tổ chức bộ máy, cơ chế vận hành và các chính sách tác động, trong đó cốt lõi là giải quyết hợp lý *lợi ích* cho người làm nghiên cứu, triển khai các thành tựu của khoa học và công nghệ.

Thực tế thời gian qua, chúng ta đã đạt được một số kết quả bước đầu trong việc *đưa cán bộ kỹ thuật, quản lý về trực tiếp giúp các xã.* Nhiều tỉnh miền núi phía Bắc đã triển khai có kết quả tốt. Hà Giang đã đưa 151 cán bộ từ trưởng, phó phòng trở lên của tỉnh, huyện xuống 117 xã đặc biệt khó khăn (toàn tỉnh có 184 xã) ; Cao Bằng đã tổ chức đưa 212 cán bộ từ các sở, ban ngành của tỉnh xuống các xã vùng cao, vùng sâu, vùng biên giới đặc biệt khó khăn với thời hạn 3 năm ; Lào Cai đã đưa 115 cán bộ của huyện về công tác ở các xã với thời hạn 3 năm ; Tuyên Quang đã bố trí ở 100% số xã (135 xã) đều có 1 cán bộ khuyến nông ; Sơn La, Lai Châu đã bố trí cán bộ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về giúp các xã trong vùng trồng cà phê với thời hạn 3 năm...

Digitized by Google

Việc tăng cường cán bộ xuống cơ sở mà một số tỉnh miền núi phía Bắc thử nghiệm đã chứng tỏ đó là một chủ trương đúng, vừa hỗ trợ các xã trong vấn đề chỉ đạo, triển khai phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn, vừa kết hợp bồi dưỡng cho lực lượng cán bộ tại xã, giới thiệu, trình diện những mô hình tổ chức, quản lý, sản xuất, kinh doanh thông qua người thật việc thật ; mặt khác việc làm này cũng là nội dung luân chuyển cán bộ, tạo điều kiện rèn luyện, thử thách, đào tạo cán bộ trẻ, có năng lực nhằm phát hiện những nhân tài trong lãnh đạo, tổ chức, quản lý chuẩn bị lực lượng cho Đảng trong thời gian tới. Do vậy, cần phổ biến, chỉ đạo để các tỉnh khác trong cả nước thực hiện.

Về áp dụng các biện pháp kỹ thuật và công nghệ đã có kết quả bước đầu : *tăng sản lượng lương thực bằng áp dụng các tiến bộ kỹ thuật để sản xuất lương thực hàng hóa.* Vấn đề này không chỉ nổi lên ở vùng đồng bằng sông Cửu Long - nơi chiếm 90% số lượng gạo xuất khẩu của cả nước, mà ngay cả ở một số địa phương vùng miền núi phía Bắc, nơi trước đây vốn thường xuyên khó khăn về lương thực, nay đã tự cân đối được và không phải nhận trợ cấp của trung ương.

Để làm được, các tỉnh miền núi phía Bắc đã chuyển theo hướng thâm canh cây lương thực như : giảm diện tích lúa nương quảng canh, chuyển sang đầu tư thâm canh với diện tích ít hơn, nhưng hiệu quả cao hơn bằng việc áp dụng các loại giống lúa nương mới, đặc biệt là giống ngô mới có năng suất và giá trị hàng hóa cao hơn gấp nhiều lần. Đẩy mạnh thâm canh trên diện tích lúa nước bằng đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, kiên cố hóa kênh mương nội đồng và tăng diện tích cấy lúa lai. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên cơ sở lựa chọn các loại giống cây trồng, vật nuôi phù hợp, hình thành các vùng tập trung, chuyên canh sản xuất hàng hóa lớn.

Nhiều tỉnh đã có các biện pháp tổ chức thực hiện có hiệu quả như : tổ chức khảo sát, bình chọn các loại giống cây, con tốt đang có tại địa phương để nhân giống, hoặc nghiên cứu, thử nghiệm các giống cây, con mới từ nơi khác đến, khi có kết quả tốt, giao cho lực lượng khuyến nông, khuyến lâm tổ chức tuyên truyền, phổ cập nhân rộng. Điều tra cơ bản, xây dựng quy hoạch một số vùng cây, con chủ lực của tỉnh. Trên cơ sở đó tổ chức thành các dự án như : dự án vùng chè, cà phê, mía đường, trẩu, hồi quế, cây ăn quả... gắn với dự án xây dựng nhà máy chế biến, cơ sở hạ tầng để tổ chức thực hiện.

Đã có nhiều mô hình địa phương, cơ sở triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ cũng như huy động các lực lượng khoa học công nghệ khá hiệu quả như ở Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Tuyên Quang, Khánh Hòa (Công ty đường Khánh Hòa), Thanh Hóa (Công ty mía đường Lam Sơn), Cần Thơ (Nông trường Sông Hậu), nhưng các mô hình này hầu như rất khó nhân rộng. Có nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng *nguyên nhân chính vẫn là vai trò của người đứng đầu các tổ chức.* Nếu không có những cán bộ năng động, dám nghĩ, dám làm, mạnh dạn tiếp thu và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất thì không có những điển hình. *Vì vậy, việc lựa chọn đúng cán bộ, giao đúng người, đúng việc là yếu tố quyết định sự thành bại. Những địa phương nào làm tốt sự phối hợp hoạt động giữa các ban đảng và các cấp chính quyền, thì tại đó công tác huy động các lực lượng khoa học công nghệ thực hiện các chương trình MTQG phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn được thực hiện tốt. Địa phương nào có chính sách đối với các lực lượng khoa học công nghệ phù hợp* thì tại đó có thể huy động lực lượng khoa học - công nghệ, trước mắt là lực lượng trẻ về cơ sở, đến vùng sâu, vùng xa tham gia phát triển kinh tế - xã hội, và do vậy các *thành tựu khoa học công nghệ cũng dễ đưa vào sản xuất.*

Hiện nay ở các tỉnh đang triển khai chương trình, dự án quốc gia như : Chương trình giải quyết việc làm (120) ; Chương trình xóa đói giảm nghèo (133) ; Chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng ; Chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình ; Chương trình tăng cường y tế, giáo dục cơ sở... và các chương trình, dự án khác hỗ trợ chủ yếu cho miền núi như : Chương trình xây dựng trung tâm cụm các xã ; Chương

Digitized by Google

trình hỗ trợ đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn ; Chương trình xóa bỏ cây thuốc phiện (V06) ; Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa trung tâm (135)... Do chủ đầu tư là các cơ quan khác nhau, thủ tục, tiến độ giải ngân của từng chương trình, dự án cũng khác nhau, trong khi nguồn vốn còn hạn chế, nên đã có nhiều công trình xây dựng dở dang, một số dự án kéo dài, chậm đưa vào phục vụ sản xuất và đời sống dân cư trên địa bàn. Để khắc phục tình trạng đó các tỉnh đã tổ chức lồng ghép các chương trình, dự án ngay trên từng địa bàn, xây dựng hoàn chỉnh các công trình phúc lợi theo quy hoạch, kế hoạch của tỉnh.

Lồng ghép các chương trình, dự án trên cùng địa bàn là đòi hỏi khách quan của thực tiễn. Nhưng cách tổ chức thực hiện thế nào đang là vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu. Qua khảo sát thực tế ở huyện Mèo Vạc (Hà Giang) và huyện Bát Xát (Lào Cai) cho thấy những dự án triển khai ở đầu mối (chủ dự án) tiếp nhận các nguồn vốn từ tỉnh về tổ chức thực hiện. (Chương trình 135 giao cho xã làm chủ dự án, trên thực tế trình độ, năng lực của các xã ở miền núi chưa thể đảm đương được, nên các dự án của Chương trình 135 đều giao cho huyện điều hành). Những dự án triển khai ở phạm vi liên huyện (thủy lợi, giao thông, điện,...) nên giao cho tỉnh làm đầu mối (chủ dự án) tiếp nhận các nguồn vốn để tổ chức thực hiện. Với quyết định mới, Quốc hội, Chính phủ đã giao cho chủ tịch tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm điều hành, thực hiện có hiệu quả các chương trình quốc gia, bao gồm cả việc lồng ghép mục tiêu các chương trình quốc gia trên địa bàn. Điều đó, đã bắt đầu khắc phục được tình trạng phân tán, sử dụng kém hiệu quả các nguồn vốn lâu nay tập trung ở một số cơ quan trung ương.

Việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật, công nghệ, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật phục vụ kinh tế nông nghiệp và nông thôn là một việc làm hiệu quả, đã khẳng định vai trò động lực chủ đạo phát triển kinh tế nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn ; cần tổ chức, vận động thành phong trào rộng lớn đưa khoa học công nghệ về phục vụ CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn nhằm tạo ra bước chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa, chủ động hội nhập với khu vực và quốc tế ; góp phần chuyển đổi nhanh cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn ; thực hiện đa dạng hóa cây trồng vật nuôi để có cơ sở lựa chọn, nhân giống các sản phẩm có ưu thế ở từng vùng, từng địa phương, sớm hình thành các vùng tập trung, chuyên canh sản xuất hàng hóa lớn ; phát triển công nghiệp, công nghiệp chế biến, ứng dụng các công nghệ sau thu hoạch nhằm hạn chế tổn thất, duy trì chất lượng nông sản ; tạo việc làm ; khai thác các tiềm năng chưa phát huy hết ; tăng cường luận cứ khoa học để bảo đảm hiệu quả đầu tư cho khu vực nông nghiệp và nông thôn, như : luận cứ khoa học cho các quy hoạch (tổng thể, vùng, ngành), các giải pháp kỹ thuật đối với các công trình thủy lợi ; các phương án kinh tế - kỹ thuật khả thi đối với các công trình giao thông nông thôn, điện sinh hoạt, nước sạch,...

Để có thể vận động được một chiến dịch như vậy cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau :

1. Khảo sát, điều tra, quy hoạch và xây dựng các chương trình tổng hợp phát triển nông thôn ở từng vùng, chú trọng các vùng miền núi, dân tộc, biên giới, vùng đặc biệt khó khăn, vùng tập trung chuyên canh gắn với cơ sở chế biến sản xuất nông sản hàng hóa. Các chương trình này phải có mục tiêu, nhiệm vụ rõ ràng, có tính khả thi cao.

2. Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình phát triển nông thôn tiến hành lồng ghép, phối hợp các chương trình kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ hiện có trên cùng một địa bàn để tập trung các nguồn lực, giải quyết đồng thời nhiều mục tiêu. Việc phối hợp phải được tiến hành theo một quy trình chặt chẽ, thể hiện được nội dung của các dự án một cách khoa học, có tính tối ưu, gồm cả ứng dụng các thành tựu khoa học mới nhất, đã được các cấp có thẩm quyền giám định, phê duyệt, tạo tối đa quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cả về nội dung và tài chính cho người chủ trì dự án. Các chương trình

Digitized by Google

khoa học và công nghệ phục vụ nông nghiệp, nông thôn không triển khai riêng biệt mà phải là hạt nhân để thực hiện của các chương trình, dự án.

3. Xây dựng đề án huy động các lực lượng khoa học và công nghệ, cán bộ quản lý về cơ sở tham gia vào các chương trình, dự án ở nông thôn. Tổ chức các đoàn của các trung tâm khoa học quốc gia, các viện nghiên cứu, các trường đại học, trường chuyên nghiệp, các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp về cơ sở tham gia trực tiếp vào tổ chức hướng dẫn thực hiện các chương trình dự án một cách thiết thực. Nhà nước dành ngân sách cần thiết bảo đảm nguồn tài chính cho đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, phụ cấp lương, ưu tiên tuyển dụng... để huy động và khuyến khích lực lượng này.

4. Các đơn vị ứng dụng kỹ thuật tiến bộ trong sản xuất nông nghiệp theo hướng gắn kết trách nhiệm và lợi ích với các đơn vị nghiên cứu ; bằng các hợp đồng với các cơ sở sản xuất, kinh doanh và hộ nông dân. Lấy hộ nông dân, trang trại, đơn vị quốc doanh, công ty sản xuất, chế biến và các thành phần kinh tế khác làm chủ thể. Các cơ quan ứng dụng tiến bộ kỹ thuật hợp đồng với các chủ thể trên. Nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động và động viên các chủ thể nói trên cùng bỏ vốn để thực hiện hợp đồng. Nếu ứng dụng có kết quả thì hai bên được chia lợi ích theo thỏa thuận và không điều tiết thuế thu nhập trong thời hạn nhất định.

5. Phát triển mạng lưới các trung tâm ứng dụng, tư vấn, các công ty chuyển giao công nghệ - tổ chức sản xuất - tiêu thụ sản phẩm cho nông nghiệp, nông thôn.

6. Các ngành, các cấp hằng năm dành một tỷ lệ thích đáng cho triển khai khoa học và công nghệ, tổ chức và phát triển các chương trình, dự án phát triển nông nghiệp và nông thôn nhằm xây dựng một số trung tâm nghiên cứu khoa học cơ bản hiện đại, nhất là về công nghệ sinh học, tạo bước đột phá mới về giống, quy trình sản xuất, bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản. Xây dựng thí điểm các khu sản xuất nông nghiệp dựa vào công nghệ cao, tạo ra sản phẩm nông nghiệp có sức cạnh tranh cao.❑

KINH TẾ - XÃ HỘI...

(Tiếp theo trang 31)

dân trí của dân cư được nâng lên, công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình có nhiều tiến bộ và đạt được những thành tựu đáng ghi nhận ; tỷ lệ tăng tự nhiên của dân số giảm từ 2,5% năm 1989 xuống còn 2,0% năm 1995 ; 1,5% năm 1999, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm bình quân 2%/năm, từ 55% năm 1990 xuống 43% năm 1994 và 35% hiện nay. Tuổi thọ trung bình của người Việt Nam đã tăng dần và đến nay đã đạt trên 70 tuổi. Đến năm 2000 cả nước có 147 nghìn cán bộ y tế, trong đó có 37,1 nghìn bác sĩ, 151 nghìn y sĩ, bình quân 1 vạn dân có 16 cán bộ y tế, trong đó có 11 y, bác sĩ. Các đối tượng già yếu, neo đơn và những người có công với cách mạng được Nhà nước quan tâm giúp đỡ. Vấn đề việc làm được Nhà nước quan tâm và đầu tư thỏa đáng nên hằng năm có từ 1,2 đến 1,3 triệu lao động có việc làm mới ; riêng 6 tháng đầu năm 2000 đã tạo được 55 vạn chỗ làm mới, trong đó 15 vạn từ chương trình quốc gia giải quyết việc làm. Các chương trình quốc gia về xóa mù chữ, xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - văn hóa miền núi, vùng đồng bào dân tộc, y tế cộng đồng, nước sạch nông thôn, phổ cập tiểu học, đào tạo nghề nghiệp cho người lao động, chương trình 135 tôn cao nền nhà vùng bị lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu Long, điện nông thôn... được triển khai đồng bộ và đạt kết quả tốt góp phần thực hiện mục tiêu : dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

*

Năm mươi lăm năm sau Cách mạng Tháng Tám, bộ mặt đất nước đã có nhiều đổi thay theo hướng văn minh, hiện đại, kinh tế phát triển toàn diện và tăng trưởng với nhịp độ khá cao, đời sống các tầng lớp nhân dân ngày càng được cải thiện cả về vật chất và tinh thần, công bằng xã hội được bảo đảm. Hầu hết các mục tiêu kinh tế - xã hội đề ra cho năm 2000 đã trở thành hiện thực. Đó là những thành tựu kinh tế, xã hội to lớn chưa từng có trong lịch sử phát triển của đất nước ta, dân tộc ta, là hành trang để đất nước ta tiến vào thế kỷ XXI với triển vọng tốt đẹp. ❑

Digitized by Google

PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG XÔ-VIẾT, XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG THANH CHƯƠNG GIÀU ĐẸP

NGUYỄN DUY QUÝ *

TRONG lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, nhiều tên đất, tên người đã đi vào lịch sử như những mốc son chói lọi. Thanh Chương (Nghệ An) là một trong những địa danh đó. Thanh Chương, Xô-viết bình minh đỏ, niềm tự hào của nhân dân, nguồn cổ vũ chúng ta đi tới những chân trời xán lạn, chiến công nối tiếp chiến công, một miền đất đã sinh ra những người con ưu tú, thế hệ nối tiếp thế hệ, vượt qua muôn trùng thử thách, giữ vững lòng son dạ sắt, hào khí Xô-viết đang thúc giục chúng ta trong công cuộc đổi mới hôm nay.

Ngay từ khi Pháp bắt đầu xâm lược nước ta, hàng chục người con ưu tú của Thanh Chương đã tham gia các phong trào chống Pháp. Năm 1897, khi tiếng súng Cần Vương trong toàn quốc và ở Nghệ Tĩnh đã bị dập tắt thì ở Đồn Nụ (nay là xã Thanh Xuân) vẫn diễn ra những trận chiến đấu cuối cùng vốn là nghĩa quân Phan Đình Phùng chống thực dân Pháp. Khi Hội Duy Tân tiến hành cuộc vận động Đông Du, nhiều sĩ phu yêu nước ở Thanh Chương được lựa chọn đưa sang Nhật học tập. Cụ phó bảng Đặng Nguyên Cẩn và tú tài Đặng Thúc Hứa (Thanh Chương) đã trở thành những người bạn chiến đấu gần gũi của cụ Phan Bội Châu. Đặng Thúc Hứa là một chiến sĩ cách mạng đã trọn đời phấn đấu vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Ông đã được gặp Nguyễn Ái Quốc ở Thái Lan năm 1928, tham gia Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Ông mất tại Thái Lan ngày 12-3-1931.

Từ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918), Pháp tăng cường khai thác thuộc địa, nhân dân cùng cực, lầm than, Thanh Chương trở thành mảnh đất tốt cho tư tưởng Mác - Lê-nin bắt rễ phát triển.

Từ năm 1920 trở đi, nhất là từ sau năm 1925, nhiều người con ưu tú của Thanh Chương đã đi theo con đường cách mạng, tham gia phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp để giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do cho Tổ quốc.

Khi phong trào mới lên, bọn thực dân và phong kiến chủ trương dùng chính sách "quan nhà trị dân nhà", chúng điều một số quan lại quê Nghệ An làm quan nơi khác, trở về làm quan ở Nghệ An để dẹp cộng sản, như đưa Phan Sĩ Bàng quê Thanh Chương về làm tri huyện Thanh Chương, đưa Nguyễn Đức Đôn quê Nghi Lộc về làm bang tá huyện Nghi Lộc.

Nhưng tất cả những chính sách ấy không ngăn cản được phong trào cách mạng năm 1930 - 1931 đang dâng lên như ngọn triều ở biển Đông :

"Kìa Bến Thủy đứng đầu dậy trước.
Nọ Thanh Chương tiếp bước, đứng lên.
Nam Đàn, Nghi Lộc, Hưng Nguyên.
Anh Sơn, Hà Tĩnh, một phen dậy rồi".

Ngày 1-9-1930, cả Thanh Chương nổi dậy, dóng lên tiếng trống Võ Liệt làm kinh hồn bọn đế quốc và tay sai. Khi cuộc biểu tình của trên hai vạn nông dân kéo đến đốt phá huyện đường và nhà lao, thả tù chính trị, tri huyện Phan Sĩ Bàng đã phải chạy trốn. Chính quyền địch ở huyện và tổng, xã nhiều nơi bị tê liệt và tan rã. Ở một số nơi, những làng chưa có phong trào, cán bộ cách mạng về đánh trống họp dân công khai ở đình làng để tổ chức nông hội. Dưới sự lãnh đạo của chi bộ đảng, chính quyền cách mạng được thành lập ở làng, xã đã làm ngay một số việc bảo đảm lợi ích thiết thực của quần chúng nhân dân.

Xô-viết Nghệ An là đỉnh cao của phong trào cách mạng toàn quốc năm 1930- 1931, mặc dù bị

* GS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Trung tâm khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia

Digitized by Google

dìm trong biển máu, nhưng rất đáng khâm phục và tự hào về tinh thần đấu tranh, hy sinh dũng cảm của các chiến sĩ Xô-viết, là tấm gương sáng cho các thế hệ noi theo. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết : "Xô-viết Nghệ An bị thất bại, nhưng đã có ảnh hưởng lớn. Tinh thần anh dũng của nó luôn luôn nồng nàn trong tâm hồn quần chúng, và nó đã mở đường cho thắng lợi về sau"(1).

Xô-viết Nghệ An đã được Nguyễn Ái Quốc theo dõi sát sao vào thời điểm diễn ra sự kiện lịch sử này và tố cáo trước dư luận quốc tế về sự khủng bố, đàn áp dã man của thực dân Pháp đối với phong trào.

Trong thư gửi Ban Chấp hành Quốc tế cộng sản của Nguyễn Ái Quốc ký tên là Victo đã viết : "Ngày 11 tháng 9, nông dân Thanh Chương lại biểu tình. Họ xung đột với lính và hơn 20 nông dân bị giết"(2).

Thư của Nguyễn Ái Quốc gửi Quốc tế nông dân ngày 5-11-1930 có đoạn : "Đế quốc Pháp khủng bố phong trào nông dân dữ dội chưa từng thấy. Như ở Nghệ An chỉ trong một cuộc biểu tình ở phủ Hưng Nguyên, máy bay thả bom giết chết 171 nông dân. Ở Thanh Chương (một huyện khác ở Nghệ An) 103 người bị bắn chết trong một lúc. Riêng tỉnh Nghệ An đã có 393 người bị giết trong 7 cuộc biểu tình, nhiều làng đỏ bị triệt hạ và đốt trụi. Mặc dầu bị đàn áp dã man, phong trào vẫn tiếp tục phát triển"(3).

Bên cạnh nông dân là học sinh và thầy giáo hăng hái tham gia phong trào. Trong bài "Phong trào cách mạng ở Đông Dương" Nguyễn Ái Quốc lại viết : "Giữa tháng 8 và tháng 12 Trường trung học Vinh, trường Avenir (Tương lai) Nam Định, Trường trung học Mỹ Tho và toàn bộ các trường ở huyện Thanh Chương và Nam Đàn đều bị đóng cửa vì hoạt động cách mạng. Trong cùng thời gian đó và trong phạm vi 11 tỉnh, chúng tôi tìm hiểu thì 130 học sinh trai và học sinh gái cùng 9 thầy giáo bị bắt giữ, nhiều người trong số học sinh này không quá 12 và 14 tuổi" (4).

Trong Báo cáo gửi Ban phương Đông của Quốc tế cộng sản có đoạn : "Ngày 11-12-1930 ở các huyện Anh Sơn, Thanh Chương và Nam Đàn, hơn 10 000 nông dân, nam nữ và trẻ em đã tổ chức những cuộc biểu tình kỷ niệm Quảng Châu bạo động : họ kéo cờ đỏ đi biểu tình và rải truyền đơn"(5). Chúng ta nhớ tới người chiến sĩ cách mạng xuất sắc, người con của Thanh Chương là đồng chí Nguyễn Sĩ Sách, biệt hiệu Kiếm Phong. Đồng chí Kiếm Phong là con nhà nho học nghèo, sinh năm 1905 tại xã Thanh Lương. Lúc nhỏ học chữ nho, rồi ra học chữ tây ở Trường trung học Vinh. Năm 1924, ông tốt nghiệp, ra làm giáo học ở Hà Tĩnh, vận động học sinh, cùng bạn đồng nghiệp lập ra hội Phục Việt. Được anh em trong hội cử đi Trung Quốc nên ông bỏ chức giáo học đi ra Hải Phòng tìm đường sang Trung Quốc. Nhưng không tìm được, việc không thành, nên ông phải trở về Hà Nội. Ở Hà Nội ông nghiên cứu, mới hiểu rằng chỉ có giai cấp vô sản mới gánh vác nổi công việc cách mạng. Ông trở về Thanh Hóa làm thư ký nhà ga để vận động thợ thuyền. Chủ nhà ga là người Pháp ghét ông, nên đuổi ông đi. Ông về làng hoạt động.

Tháng 8-1927, ông đi Trung Quốc nghiên cứu. Ở đây ông gia nhập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Trở về phụ trách công tác ở Trung Kỳ, viết nhiều bài và dịch sách, in phát cho các đồng chí nghiên cứu. Ông đi từ tỉnh này sang tỉnh kia để đôn đốc và chỉ đạo, trong một năm đã thành lập được 6 tỉnh bộ và nhiều hội quần chúng. Bị lộ, ông bị bắt ở Vinh vào tháng 11-1928. Một tháng sau ông bị giải về Huế nhưng sau đó lại được thả. Tháng 5-1929, ông đi dự đại hội ở Trung Quốc. Về nước ông định đi làm thợ để tổ chức thợ thuyền và tổ chức đảng. Nhưng tháng 8-1929 ông lại bị bắt và bị kết án tù chung thân khổ sai, bị đày đi Lao Bảo. Vì vận động cách mạng trong ngục nên ngày 9-12-1929 ông bị kẻ địch bắn chết ở ngục Lao Bảo.

Học sinh Thanh Chương hôm nay rất tự hào được trưởng thành dưới mái trường xã hội chủ nghĩa mang tên Nguyễn Sĩ Sách, Đặng Thúc Hứa, Đặng Thai Mai, tự hào về các chiến sĩ cách mạng tiền bối như Nguyễn Côn, Tôn Quang Phiệt, Tôn Thị Quế, Võ Thúc Đồng... Chúng ta ôn lại lịch sử để một lần nữa thấy rõ hơn ý nghĩa trọng đại của phong trào Xô-viết cách đây 70 năm, khẳng định con đường cách mạng đúng đắn do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Ngày nay, trong sự nghiệp đổi mới, nhân dân ta đã vượt qua nhiều thách thức, đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng, đã khắc phục được khủng hoảng kinh tế - xã hội, đưa đất nước bước vào thời kỳ phát triển mới, đẩy mạnh công

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 6, tr 155

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t3, tr 51

(3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 3, tr 54

(4), (5) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 3, tr 57, 61

Digitized by Google

nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thanh Chương với thế mạnh về tự nhiên và con người, mà điểm nổi bật là bề dày truyền thống cách mạng, hoàn toàn có khả năng vượt qua những khó khăn, thiếu thốn hôm nay, xây dựng quê hương ta giàu đẹp.

Trong những năm qua, nhờ sự nỗ lực của các đồng chí lãnh đạo huyện và sự phấn đấu bền bỉ của nhân dân Thanh Chương chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực, đời sống nhân dân đã có bước cải thiện đáng kể. Tuy nhiên khó khăn còn nhiều. Trong nhiệm vụ phát triển kinh tế của huyện nhà trong những năm đầu của thế kỷ XXI, chúng ta phải nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vì là huyện nông - lâm nghiệp là chính, nên trong hướng phát triển nông - lâm nghiệp gắn liền từng bước với chế biến sản phẩm. Khuyến khích công nghiệp chế biến, chuyển dịch cơ cấu kinh tế lao động nông thôn theo hướng mở mang công nghiệp và dịch vụ, phát triển tiểu thủ công nghiệp ở các xã, nhất là các xã có nghề thủ công truyền thống.

Vấn đề hết sức cơ bản là tìm được thị trường trong nước và xuất khẩu. Vì vậy trong kế hoạch tổng thể cần có sự giúp đỡ của tỉnh và các bộ, ngành trung ương. Tranh thủ mọi khả năng có thể tranh thủ được, từng bước mở rộng hình thức liên kết, liên doanh với các tổ chức kinh tế trong nước và với các tổ chức kinh tế nước ngoài. Để làm tốt việc này, một nhiệm vụ quan trọng là tiến hành điều tra, khảo sát để đánh giá đúng tiềm năng về tài nguyên của huyện, vừa để phục vụ cho công tác quy hoạch, vừa phục vụ cho công tác liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế, khoa học của nước ngoài với phương châm đa phương hóa, đa dạng hóa, phát huy nội lực của huyện trong phát triển kinh kế - xã hội.

Có kế hoạch để với sự giúp đỡ của tỉnh, của trung ương và sự đóng góp của nhân dân, từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng mà trước hết là đường giao thông, điện, trạm bơm, trường học, các xí nghiệp chế biến nhỏ và vừa phù hợp với điều kiện của huyện.

Song song với việc từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng, hết sức coi trọng việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại, đặc biệt là các giống cây trồng, vật nuôi. Ngoài những giống cây lương thực (lúa, ngô, lạc, đậu...) chú ý đến các cây lấy gỗ, đặc biệt là tập đoàn các cây ăn quả, cây công nghiệp, cây thuốc, phù hợp với điều kiện địa lý có nhiều đất rừng, đất đồi. Mở rộng việc giao đất, giao rừng bảo hộ rừng đầu nguồn, kết hợp việc trồng rừng mới và rừng tái sinh, coi trọng những cây gỗ quý bản địa. Nghiên cứu và phục hồi nghề trồng dâu nuôi tằm ở các địa phương có truyền thống. Đây là những hướng có hiệu quả kinh tế cao, nhưng phải biết phấn đấu từng bước phù hợp với tập quán canh tác của Thanh Chương.

Thanh Chương là một trong những miền đất có truyền thống hiếu học. Trước mắt tuy còn nhiều khó khăn, nhưng không phải vì thế mà không tập trung đầu tư cho giáo dục. Đây chính là cội nguồn của sức bật đi lên. Phải mạnh dạn xã hội hóa giáo dục, chăm lo đầy đủ với khả năng hiện có của huyện nhà vào sự nghiệp giáo dục ; phải có nhiều sáng kiến để duy trì và phát triển tốt sự nghiệp giáo dục vì tương lai con em chúng ta, vì sự giàu đẹp của quê hương, vì sự hưng thịnh của đất nước. Phải có chính sách bồi dưỡng cả về vật chất và tinh thần để động viên giáo viên, học sinh và các bậc phụ huynh tham gia tích cực phong trào "dạy tốt, học tốt".

Với truyền thống cách mạng của huyện, đối tượng cán bộ và gia đình thuộc diện thực hiện chính sách ưu đãi là rất lớn, cán bộ cách mạng lão thành, cán bộ hưu trí, lực lượng cựu chiến binh, các gia đình liệt sĩ, thương binh, cán bộ và gia đình có công với cách mạng phải có sự quan tâm chăm sóc. Thực hiện chính sách đền ơn đáp nghĩa, ăn quả nhớ người trồng cây, chẳng những tạo ra sự ổn định chính trị - xã hội, mà còn là một nguồn lực to lớn về vật chất và tinh thần động viên thế hệ trẻ thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, cũng là một nguồn động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa hết sức quan trọng.

Với lòng yêu quê hương, với tấm lòng biết ơn các chiến sĩ Xô-viết, các chiến sĩ cách mạng và tất cả những người con của quê hương đã hy sinh vì sự nghiệp giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, thế hệ hôm nay phát huy truyền thống Xô-viết, sẽ làm hết sức mình để xây dựng Thanh Chương thành một huyện giàu đẹp trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. ❑

Digitized by Google

XUẤT KHẨU HÀNG HÓA VIỆT NAM 10 NĂM QUA

DOÃN KHÁNH *

Sự phát triển nhanh chóng của hoạt động xuất khẩu trong hơn 10 năm qua có thể xem là một thành tựu nổi bật của công cuộc đổi mới. Năm 1989, kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 4 511,8 triệu rúp - đôla, xuất khẩu 1 946,0 và nhập khẩu 2 565,8 . Năm 1999, đạt 23,160 tỉ USD trong đó xuất khẩu khoảng 11 540 triệu USD, nhập khẩu 11 620 triệu USD. Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu bình quân hằng năm của thời kỳ 1991 - 1995 là 28%.

Đánh giá chung là xuất khẩu hàng hóa ở nước ta tuy chậm, nhưng cơ cấu nhóm, mặt hàng xuất khẩu vẫn tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng hàng đã qua chế biến, nhất là chế biến sâu. Nếu như hàng nguyên liệu thô năm 1991 chiếm trên 92%, thì nay chỉ còn chiếm khoảng 60% kim ngạch xuất khẩu. Hàng chế biến (trong đó có hàng chế tạo) năm 1991 chỉ chiếm khoảng 8%, năm 1999 đã tăng lên khoảng 40%. Nhóm hàng nông, lâm, thủy sản - hải sản năm 1991 chiếm 53%, đến nay xuống còn 36,5% ; nhóm hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp năm 1991 chiếm 47%, năm 1999 đã tăng lên 63,5% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Mặt hàng xuất khẩu ngày càng được mở rộng, đã có 16 nhóm, mặt hàng hoàn toàn mới và khoảng 20 nhóm, mặt hàng lần đầu tiên thâm nhập vào một số thị trường. Năm 1991 mới có 4 nhóm, mặt hàng xuất khẩu chủ lực là dầu thô, thủy - hải sản, gạo, dệt may, đến năm 1999 đã có thêm 8 mặt hàng chủ lực mới là cà phê, cao su, điều, giày dép, than đá, hàng điện tử, hàng thủ công mỹ nghệ và rau quả. Bốn nhóm, mặt hàng đạt kim ngạch từ 1 tỉ USD đến 1,3 tỉ USD/năm là gạo, giày dép, dệt may, dầu thô và 3 mặt hàng đạt xấp xỉ 500 triệu đến 1 tỉ USD/năm là cà phê, hàng điện tử, thủy - hải sản.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu cũng đã có những chuyển biến theo hướng tích cực. Ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, do các thị trường trong khu vực đang trên đà hồi phục, sức mua tăng lên, nên một số mặt hàng của Việt Nam xuất khẩu được cũng tăng nhanh (hàng điện tử, lương thực - thực phẩm...). Năm 1999, thị trường Bru-nây đã bắt đầu mở cửa đối với Việt Nam và trong 6 tháng đầu năm bước đầu ta đã xuất khẩu được trên 0,3 triệu USD.

So với các khu vực khác, khu vực Âu - Mỹ, hằng năm nước ta thường xuất siêu trên 2 000 triệu USD. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là : hàng may mặc, giày dép, thủy sản, cao su, cà phê, gạo, nông sản chế biến, đồ thủ công mỹ nghệ, linh kiện phụ tùng điện tử. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là phân bón, sắt thép, thiết bị máy móc, ô tô, hóa chất, nguyên vật liệu, dược phẩm...

Với thị trường Tây - Nam Á - châu Phi, quan hệ kinh tế - thương mại giữa Việt Nam và khu vực này chưa được phát triển đáng kể, mặc dù ta có khả năng xuất khẩu gạo, chè, đồ điện tử, hàng may mặc, giày dép, hàng gia dụng, máy nông nghiệp nhỏ, máy xay xát các loại... Có thể nói đây là khu vực thị trường còn nhiều tiềm năng để khai thác, nếu xử lý tốt vấn đề thông tin, xây dựng đtrợc lòng tin và sự tín nhiệm...

Tuy đạt được những thành tựu nổi bật, nhưng cho đến nay, trước thềm thế kỷ XXI, nhìn chung xuất khẩu của Việt Nam vẫn còn khá nhỏ bé, xét cả về giá trị tuyệt đối lẫn tương đối. Kim ngạch xuất khẩu trung bình mới đạt chừng 10 tỉ USD, trong khi Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin - những nước có tiềm năng tương tự như ta, đã đạt và vượt mức này từ lâu. Ma-lai-xi-a đã đạt kim ngạch xuất khẩu xấp xỉ 14 tỉ USD ngay từ năm 1986 và hiện đã lên tới 80 - 90 tỉ USD. Thái Lan đạt kim ngạch xuất khẩu 10 tỉ USD từ năm 1987, hiện đã lên tới 55 - 60 tỉ USD. Phi-líp-pin là nước

* Chuyên viên kinh tế, Bộ Thương mại

Digitized by Google

kém hơn nhưng cũng đã đạt kim ngạch xuất khẩu 10 tỉ USD vào năm 1992, và hiện nay đã xấp xỉ 25 tỉ USD. Nếu tính theo kim ngạch xuất khẩu/đầu người vào năm 1996, Ma-lai-xi-a đã đạt 3 700 USD, Thái Lan 930 USD và Phi-líp-pin 285 USD, trong khi Việt Nam mới đạt 96 USD. Năm 1999, In-đô-nê-xi-a đạt 267 USD, Phi-líp-pin 344 USD, Thái Lan 943 USD, Ma-lai-xi-a 3 750 USD, Hàn Quốc 3 961 USD, Xin-ga-po 4 167 USD, Việt Nam 150 USD/người. Thực tế này cho thấy nguy cơ tụt hậu xa hơn là hiện thực nếu như chúng ta không có giải pháp để tạo ra những chuyển biến cơ bản, mang tính động lực cho hoạt động xuất nhập khẩu nói chung và xuất nhập khẩu nói riêng.

Nhìn vào số liệu thống kê từ năm 1989 tới nay, có thể nhận thấy tốc độ xuất khẩu đang tăng chậm dần (năm 1994 tăng 35,8%, năm 1995 tăng 34,4%, năm 1996 tăng 33,2%, năm 1997 chỉ còn tăng 26%, năm 1998 chỉ là 2,4%, năm 1999 là 23,1%). Một trong những nguyên nhân quan trọng của hiện tượng này là do cơ cấu hàng xuất khẩu chưa có những thay đổi căn bản so với thời kỳ 1991 - 1995 để tạo ra những xung lực mới cho tăng trưởng xuất khẩu. Việc chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu diễn ra chủ yếu nhờ tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu của 4 nhóm hàng : dệt may, giày dép, sản phẩm gỗ tinh chế và điện tử (bao gồm cả linh kiện máy tính). Trong số này chỉ có sản phẩm gỗ tinh chế là đạt hàm lượng nội địa cao, các nhóm còn lại, chủ yếu dựa vào phương thức gia công, hàm lượng nội địa tương đối thấp. Vì lý do đó việc tạo công ăn việc làm còn nhiều hạn chế, chưa cải tạo được cơ bản hiện trạng công nghiệp xuất khẩu của Việt Nam, chưa tạo được những ngành công nghiệp gắn kết với nhau để cùng hướng về xuất khẩu và tạo ra giá trị gia tăng ngày càng lớn. Trong những năm qua, việc chuyển hướng các mặt hàng xuất khẩu, đặc biệt là thịt chế biến vào thị trường Liên Xô (cũ) gặp rất nhiều khó khăn. Cuộc khủng hoảng kinh tế khu vực cũng như sự gia tăng xuất khẩu của Trung Quốc đã làm cho việc xuất khẩu thịt lợn sữa sang thị trường Hồng Công trở nên bế tắc. Tiếp theo đó là sự thụt lùi và "dẫm chân tại chỗ" của hai nhóm hàng rau quả và thủ công mỹ nghệ - vốn đã đem lại gần 10% kim ngạch xuất khẩu. Đây chính là lời giải cho câu hỏi vì sao cơ cấu hàng xuất khẩu có sự thay đổi tích cực, nhưng tổng kim ngạch xuất khẩu vẫn tiềm ẩn nguy cơ tăng trưởng chậm dần. Hiện nay, nước ta đã có quan hệ thương mại với hơn 60 nước và đã có thỏa thuận đối xử tối huệ quốc (MFN) với 68 quốc gia và vùng lãnh thổ. Sự tan rã của khối SEV đã dẫn đến những thay đổi lớn trong cơ cấu thị trường xuất khẩu của Việt Nam (đến nay Liên (cũ) và Đông Âu chỉ còn chiếm gần 2% kim ngạch xuất khẩu, đạt 230 triệu USD). Châu Á nhanh chóng trở thành thị trường xuất khẩu chính của ta. Tỷ trọng kim ngạch xuất cho thị trường này đã tăng từ 26,73% vào năm 1989, lên 43,29% vào năm 1990. Năm 1991, con số đó là 76,73% và luôn duy trì được trong khoảng 72 - 74% từ đó đến nay. Trong số các nước châu Á thì Nhật Bản và ASEAN đóng vai trò lớn (Nhật Bản chiếm 15,8%, các nước ASEAN chiếm 21,3%).

Kim ngạch xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc tăng từ 340,2 triệu USD năm 1996 lên 858,9 triệu USD năm 1999, song còn hạn chế so với tiềm năng của hai nước.

Tỷ trọng xuất khẩu sang EU nói riêng và châu Âu nói chung tăng dần trong những năm qua. Thực tế cho thấy năm 1991, EU mới chiếm 5 ,6% kim ngạch xuất khẩu của ta, nay đã lên tới 21,7 %.

Quan hệ thương mại giữa Việt Nam với Bắc Mỹ, mà chủ yếu là Hoa Kỳ đã có bước phát triển khá. Năm 1995 đạt 170 triệu USD (3,1%), tới năm 1998, dù chưa được hưởng quy chế MFN, vẫn đạt 469 triệu USD (5%) ; năm 1999 đạt 504 triệu USD (4,4%), với các mặt hàng chủ yếu là cà phê, tôm đông lạnh, giày dép, hàng dệt may... Giá trị xuất khẩu sang thị trường này chắc chắn sẽ còn tăng mạnh sau Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ được ký kết.

Với thị trường châu Đại Dương (chủ yếu là Ô-xtrây-li-a), đã tăng từ 0,2% vào năm 1991 lên 5,3 % và năm 1999. Thị trường châu Phi và Nam Mỹ không có chuyển biến, và cho tới nay vẫn chiếm chưa đầy 1% kim ngạch xuất khẩu của ta.

Nhìn chung quá trình chuyển dịch cơ cấu thị trường xuất khẩu đã diễn ra tương đối tốt trong 10 năm qua, góp phần đáng kể vào việc duy trì tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu sau khi mất các thị trường truyền thống. Tuy nhiên, sự chuyển dịch này chưa được định hướng trên một tầm nhìn dài hạn, chủ yếu mới chỉ là sự thích ứng với thay

Digitized by Google

đổi đột biến của tình hình và vì vậy đã nhanh chóng bộc lộ những điểm yếu. Từ chỗ trước đây phụ thuộc chủ yếu vào buôn bán với Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV), xuất khẩu của ta hiện nay lại phụ thuộc quá lớn vào thị trường châu Á. Kết quả là cơ cấu thị trường xuất khẩu nhìn chung vẫn thiên lệch, thậm chí trên phương diện nào đó còn thiên lệch hơn thời gian trước đây. Việc chậm trở lại với khu vực thị trường truyền thống và mở lối để "lách chân" vào các thị trường khác trong những năm gần đây thể hiện sự bất cập trong chính sách bạn hàng (hay chính sách thị trường) xuất khẩu của ta. Như vậy, mặc dù chúng ta chủ trương đa phương hóa thị trường, đa phương hóa quan hệ nhưng trên thực tế lại thiếu những chính sách và giải pháp cụ thể để thúc đẩy các quan hệ đó.

Bên cạnh những chuyển động về cơ cấu thị trường, cơ cấu chủ thể tham gia hoạt động xuất khẩu cũng đã có sự thay đổi lớn trong những năm vừa qua. Ngày 30-07-1998 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 57/1998/NĐ-CP quy định chi tiết về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hóa với nước ngoài. Nghị định này đã xóa bỏ hoàn toàn chế độ giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu. Tới nay đã có 8 137 doanh nghiệp đăng ký mã số doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, tăng hơn 3 lần so với thời gian trước ngày 01-9-1998, trong đó các doanh nghiệp quốc doanh là 4 497, ngoài quốc doanh là 3 640. Cùng với sự thay đổi cơ cấu mặt hàng, cơ cấu thị trường thì sự thay đổi cơ cấu chủ thể tham gia hoạt động xuất khẩu được xem là sự thay đổi sâu rộng nhất. Tuy nhiên, đang có một số bất cập :

- Quyền kinh doanh xuất khẩu được mở rộng cho tất cả các doanh nghiệp nhưng phạm vi được phép kinh doanh xuất khẩu vẫn phụ thuộc vào nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Quyền kinh doanh xuất nhập khẩu được mở nhưng phương thức quản lý hoạt động của các doanh nghiệp và phương pháp phổ cập thông tin (hàng hóa, thị trường, giá cả, quy định về quản lý xuất nhập khẩu...) vẫn chưa có sự thay đổi tương ứng.

Trước thềm thế kỷ XXI, những khó khăn từ bên ngoài cộng với những khó khăn từ bên trong và cả những khó khăn do thiên tai gây ra đang thật sự trở thành những thách thức to lớn đối với hoạt động xuất nhập khẩu nói chung và xuất khẩu nói riêng của nước ta. Dự kiến kim ngạch xuất khẩu năm 2000 đạt khoảng 13 tỉ USD đòi hỏi một nỗ lực phấn đấu to lớn trong bối cảnh khả năng cạnh tranh của hàng Việt Nam vốn đã yếu lại bị yếu thêm. Nhu cầu của châu Á giảm sẽ làm cho giá nhiều mặt hàng trên thị trường giảm khá mạnh, trong đó có những mặt hàng là hàng chủ lực của ta. Luồng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam đang giảm sẽ gây ảnh hưởng đến tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu cũng như tốc độ chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu trong những năm sau 2000. Các biện pháp bảo hộ sản xuất trong nước là cần thiết nhưng cũng sẽ có ảnh hưởng ít nhiều đến khả năng đàm phán trong các mối quan hệ đa phương và song phương về mở cửa thị trường cho hàng hóa của ta.

Những chính sách và giải pháp đẩy mạnh xuất nhập khẩu

1 - Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, kiện toàn hệ thống thương vụ ở nước ngoài, hệ thống thông tin thương mại trong nước... nhằm tạo ra một hệ thông tin thương mại hoạt động thông suốt trong cả nước, có khả năng cập nhật tin thương mại, đáp ứng được nhu cầu thông tin trong và ngoài nước, có khả năng thực hiện vai trò tư vấn cho các chủ thể sản xuất, kinh doanh trong hoạch định chiến lược thâm nhập thị trường và đầu tư mở rộng sản xuất.

2 - Xây dựng các quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển sản xuất hàng hóa hướng về xuất khẩu trên cơ sở đánh giá đúng tiềm năng và lợi thế so sánh của từng vùng. Kết hợp với các biện pháp khuyến khích đầu tư, đổi mới công nghệ, trình độ quản lý để nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng Việt Nam sản xuất trên thị trường thế giới và ngay tại thị trường trong nước.

3 - Khuyến khích các thương nhân kinh doanh cùng ngành hàng thành lập Hiệp hội ngành hàng xuất khẩu, nhập khẩu, được phép nhận gia công cho thương nhân nước ngoài, không hạn chế số lượng, chủng loại, được quyền đặt gia công ở nước ngoài các loại hàng hóa được phép lưu thông trên thị trường Việt Nam, được phép làm đại lý mua, bán hàng hóa cho thương nhân nước ngoài

(Xem tiếp trang 52)

Digitized by Google

TRẦN QUỐC TUẤN - NHÂN CÁCH LỚN CỦA NGƯỜI ANH HÙNG DÂN TỘC, NHÀ QUÂN SỰ KIỆT XUẤT

LÊ ĐÌNH SỸ *

THẾ kỷ XIII, dân tộc Việt Nam đã sinh ra một người con vĩ đại, một nhà quân sự kiệt xuất - anh hùng dân tộc Trần Quốc Tuấn.

Trần Quốc Tuấn quê ở phủ Thiên Trường (Nam Định), con của Khâm minh Đại Vương Trần Liễu, cháu ruột của vua Trần Thái Tông (Trần Cảnh) và thượng hoàng Trần Thừa. Ông sinh năm 1231, khi họ Trần mới thay thế họ Lý làm vua trong một đất nước đầy biến động. Lúc đó, vua Trần Thái Tông mới 13 tuổi là chồng của Lý Chiêu Hoàng. Sự kiện kinh thành ngày 11 tháng Chạp năm Ất Dậu (10-1-1226), Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho Trần Cảnh là do sự xếp đặt của Trần Thủ Độ nên không tránh khỏi sự dị nghị của hàng ngũ tông thất nhà Lý. Vì thế, ở buổi ban đầu ấy, cả triều đình mới đều mong mỏi Trần Thái Tông sớm có hoàng tử để thế ngôi. Công chúa Thuận Thiên, vợ Trần Liễu, anh vua, đang có mang. Trần Thủ Độ bắt ép Trần Liễu nhường vợ cho Trần Cảnh để sớm có người kế vị. Trần Liễu tức giận dấy binh nổi loạn. Thủ Độ dẹp tan, nhưng vua Thái Tông đã tha chết cho Liễu. Tuy vậy, Trần Liễu vẫn mang nặng hận thù, kén thầy dạy cho con trai thành bậc văn võ toàn tài và ký thác vào con mình mối thù riêng sâu nặng ấy. Trước khi mất, Trần Liễu cầm tay con nói : *"Con mà không vì cha lấy được thiên hạ, thì cha chết dưới suối vàng cũng không nhắm mắt được"*. Người con ấy của Trần Liễu chính là Trần Quốc Tuấn.

Từ nhỏ, Quốc Tuấn đã có tướng mạo oai hùng, tỏ ra thông minh hơn người, ai cũng khen Quốc Tuấn kỳ tài, ngày sau có thể "kinh bang tế thế". Lớn lên, Quốc Tuấn đọc rộng, biết nhiều, tài kiêm văn võ.

Cuộc đời Trần Quốc Tuấn trải qua một lần gia biến, ba lần quốc nạn, nhưng ông đều vượt qua và luôn luôn tỏ ra là một bậc hiền lương, anh hùng. Thù nhà không đặt lên trên quyền lợi của dân nước, xã tắc. Ông dẹp thù riêng để vun trồng cho mối đoàn kết trong tông tộc, trong triều đình.

Quốc Tuấn để lời cha dặn trong lòng, nhưng không cho là phải. Khi đã có quyền cao chức trọng, ông đem lời cha dặn thử hỏi gia nô là Yết Kiêu và Dã Tượng. Cả hai người đều can ông : *"Làm kế ấy tuy được phú quý một thời, nhưng để lại tiếng xấu muôn năm. Nay Đại Vương há chẳng đã phú quý rồi sau ? Chúng tôi xin thề chết làm gia nô, chứ không muốn làm quan mà không có trung hiếu..."* Quốc Tuấn nghe vậy cảm phục, khen ngợi hai người. Ông lại đem chuyện riêng vờ hỏi con mình. Hưng Vũ Vương trả lời ngay : *"Dẫu khác họ cũng không nên, huống chi là một họ"*. Quốc Tuấn nhìn con mà vui trong lòng. Còn Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng lại nói : *"Tống Thái Tổ vốn là một người làm ruộng, đã thừa cơ dấy vận nên có được thiên hạ"* ; tức là có ý khích việc cướp ngôi. Quốc Tuấn tức giận lắm, tuốt gươm kể tội Quốc Tảng rằng : *"Tên loạn thần là từ đứa con bất hiếu mà ra"* và toan chém Quốc Tảng, may nhờ có Hưng Vũ Vương xin cho. Quốc Tuấn dặn Vũ Vương : *"Sau này, khi ta chết, hãy đậy nắp quan tài rồi mới cho Quốc Tảng vào viếng"*.

Trần Quốc Tuấn và Trần Quang Khải là hai đại thần trong triều, nhưng hai người lại là đại diện hai chi họ Trần vốn có hiềm khích. Một người là con

* Đại tá, TS, Phó viện trưởng Viện Lịch sử quân sự Việt Nam

Digitized by Google

Trần Cảnh, một người là con Trần Liễu, hai anh em đối đầu của thế hệ trước. Khi quân Nguyên sắp sang xâm lược, trước cảnh xã tắc lâm nguy, Trần Quốc Tuấn vì lợi ích chung mà xóa thù nhà, chủ động hòa giải với Trần Quang Khải. Sử chép, tại bến Đông, Quốc công tiết chế mời Thượng tướng thái sư sang thuyền mình chơi cờ, trò chuyện và sai nấu nước thơm, rồi tự mình tắm cho Quang Khải. Điều đó càng làm cho Quang Khải cảm kích và yêu quý Quốc Tuấn. Sự hòa hợp đó chính là sự thống nhất ý chí của toàn bộ vương triều, củng cố thêm sức mạnh đánh giặc. Trong quá trình chiến tranh, Trần Quốc Tuấn thường hộ giá bên vua. Tuy ông chỉ cầm chiếc gậy bịt sắt thế mà vẫn có người dị nghị, gườm mắt vì sợ ông nhân đó giết vua. Biết ý, ông liền vứt bỏ đầu sắt nhọn, chỉ chống gậy trơn khi ở gần vua. Sự dị nghị cũng chấm dứt.

Giỏi tâm lý, yên lòng quân, giữ lòng dân, đoàn kết nội bộ vì nghĩa lớn quốc gia, quả Trần Quốc Tuấn có tấm lòng trung trinh, son sắt vì vua, vì nước. Sử thần Ngô Sĩ Liên viết : *"Bậc đại thần ở vào hoàn cảnh bị hiềm nghi nguy hiểm, tất phải thành thực tin nhau, sáng suốt khéo xử thì mới có thể giữ tròn danh dự, làm nên sự nghiệp"*. Ông tuy ở ngôi cao chức trọng mà vẫn giữ được tiết nhã nhặn, lòng trung trong sáng, được mọi người tôn quý và tin yêu. Vì có công lao to lớn đối với dân, với nước, nên vua Trần Thánh Tông cho phép Quốc công tiết chế quyền phong tước cho ai cũng được. Nhưng Trần Quốc Tuấn chưa phong cho một người nào. Khi chiến tranh ác liệt, những người có công đóng góp nhiều lương thực nuôi quân, được ông phong "Giả lang tướng" để phân biệt với những tướng "thực" khác. Ông không lợi dụng chức quyền để làm những việc trái với luân thường đạo lý, trái với kỷ cương phép nước.

Trần Quốc Tuấn coi trọng hiền tài, dùng người hiền lương và thường tiến cử những người tài đức giúp nước. Môn khách của ông có nhiều người sau trở thành anh hùng, văn chương chính sự đều có tiếng trên đời như Trương Hán Siêu, Phạm Ngũ Lão, Yết Kiêu, Dã Tượng, v.v... Ông đánh giá cao những người bên mình, cho rằng: *"Chim hồng hộc bay cao được nhờ có sáu trụ cánh"*. Trần Quốc Tuấn rất thương yêu binh lính, họ cũng rất trung thành với ông, đội quân cha con ấy đã trở thành một đội quân bách thắng.

Từ khi bị ốm đến lúc lâm chung, Trần Quốc Tuấn vẫn luôn lo việc nước. Câu trả lời ông với vua Trần Anh Tông đã được sử sách xưa nay ghi lại và phẩm bình với một lòng kính phục. Là một vị đại tướng trong vòng 30 năm ba lần chỉ huy toàn quân đánh thắng giặc, ông có đủ uy tín và thẩm quyền để tổng kết bài học lịch sử, đồng thời là kinh nghiệm về giữ nước. Còn vua Trần Anh Tông, với trách nhiệm của người đứng đầu đất nước, không thể không canh cánh bên lòng về họa xâm lăng như đã từng xảy ra và ai dám bảo đảm là không xảy ra nữa. Sau khi tổng kết bài học lịch sử chống giặc từ thời Đinh, Lê và Lý, Trần Quốc Tuấn rút ra từ các cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông vừa qua bài học về đoàn kết nhất trí, về nghệ thuật quân sự, về chọn tướng dùng binh và xây dựng một quân đội phụ tử. Và, hơn hết ông dặn nhà vua về bài học dựa vào dân, *"khoan thư sức dân làm kế sâu rễ bền gốc, là thượng sách giữ nước"*. Cả cuộc đời cầm quân, ra sống vào chết, chiến đấu cho độc lập của đất nước, tự do cho giống nòi, khi ốm nặng Trần Quốc Tuấn vẫn lo nghĩ đến dân đến nước. Tấm lòng của ông thật đáng trân trọng, kính phục.

Là một đại quý tộc công danh sự nghiệp lẫy lừng, nếu muốn, hẳn Trần Quốc Tuấn không thua kém ai về giàu sang phú quý. Nhưng với ông, dường như tất cả điều đó không làm ông bận tâm cho tận đến lúc ra đi. Ông chỉ có một nguyện vọng hết sức khiêm tốn là khi ông mất thì hỏa táng, đựng xương trong vật tròn, bí mật chôn trong vườn An Lạc tại phủ đệ Vạn Kiếp, rồi xóa sạch mọi vết tích. Sự nghiệp của ông mãi mãi còn với non sông và nghĩa trang trong lòng dân là nơi cao đẹp nhất, bền chặt và thiêng liêng nhất, không thể mua được bằng tiền bạc hoặc quyền uy mà ông đã xây dựng bằng cả cuộc đời vì dân, vì nước. Đó cũng là một nét đặc sắc trong nhân cách Trần Quốc Tuấn.

Nếu như yêu nước, thương dân, xả thân vì nước là đặc điểm nổi bật, biểu hiện trong quá trình chiến tranh, thì tình nghĩa thủy chung, coi thường giàu sang phú quý trong hòa bình cũng là những đường nét kết hợp hài hòa tạo nên một chỉnh thể thống nhất, tô điểm cho nhân cách của ông thêm ngời sáng.

Digitized by Google

Trần Quốc Tuấn là bậc tướng cột đá chống trời, rường cột của quốc gia. ông là nhà quân sự đại tài, được giao quyền Tiết chế, thống đốc tất cả các vương hầu, tông thất, tướng lĩnh, điều động binh nhung, khí giới. Ông có công lao đệ nhất trong ba lần đại phá Nguyên - Mông. Là vị thống soái luôn chủ động và linh hoạt, biết mình biết người, biết rút lui, phòng ngự và phản công - tiến công đúng lúc. Khi đại quân rút, kể cả những lúc gian nan nhất ông vẫn tin tưởng vào thắng lợi, giữ vững được lòng dân và lòng quân. Cái tài giỏi của ông là biết chuyển từ thế hiểm nghèo thành điều kiện thuận lợi, xoay chuyển thế trận, tạo nên thời cơ lớn. Khi chuyển sang phản công, ông biết chọn đúng hướng, đúng mục tiêu, đánh những trận quyết định khiến kẻ thù không kịp trở tay, trong chốc lát đã bị thất bại. Ông luôn luôn "xem xét quyền biến, tùy thời mà làm". Tài năng quân sự của ông dựa trên cơ sở sức mạnh đoàn kết quyết chiến của quân và dân, sự tin yêu và năng lực chỉ huy của các tướng.

Ở Trần Quốc Tuấn, tinh thần dám đánh, quyết đánh và quyết thắng rất cao. Năm 1285, đất nước đứng trước nguy cơ lớn, sự mất còn chỉ trong gang tấc, thế nước như trứng chồng. Triều đình và quân đội liên tiếp phải rút lui ; quân xâm lược đã chiếm được nhiều địa bàn trọng yếu trong đó có cả thành Thăng Long và Phủ Thiên Trường. Trong nội bộ quý tộc và quan lại nhà Trần đã có nhiều người nao núng, hàng giặc. Tuy thế, Trần Quốc Tuấn vẫn hiên ngang, một lòng tin son sắt vào cuộc kháng chiến của quân đội và nhân dân. Câu trả lời vua Trần Nhân Tông rằng : "Bệ hạ muốn hàng trước hết hãy chém đầu thần đi đã", chứng tỏ tinh thần quyết tâm kháng chiến mãnh liệt của ông. Ông nêu một tấm gương lớn về tinh thần và ý chí trước triều đình, trong toàn quân và toàn dân ta.

Nghệ thuật quân sự trong cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông là đỉnh cao của nghệ thuật chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc của dân tộc ta trong thời đại phong kiến. Người đề ra và vận dụng thiên tài chiến lược, chiến thuật chiến tranh nhân dân đó không ai khác là Trần Quốc Tuấn. Với tri thức quân sự uyên bác, kết hợp với tinh thần yêu nước nồng nàn và lòng trung thành vô hạn với vua, với nước, Trần Quốc Tuấn đã góp phần lớn lao vào quá trình tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến của dân tộc.

Câu nói bất hủ "Năm nay đánh giặc nhàn" khi hàng chục vạn quân Nguyên sắp sang xâm lược (1288), càng chứng tỏ Quốc công Tiết chế đã biết rõ địch, biết rõ ta và làm chủ được quy luật của chiến trận. Tư tưởng quân sự tiên tiến của ông nảy sinh và phát triển trong thực tiễn chiến tranh giữ nước của dân tộc. Từ lời Hịch kêu gọi tướng sĩ đầy khí phách hiên ngang đến bản Di chúc lịch sử đều khẳng định cái cốt cách của tư tưởng quân sự của Trần Quốc Tuấn là "dĩ đoản chế trường", "chúng chí thành thành", cả nước chung sức quyết tâm chiến đấu, vua tôi đồng lòng, anh em hòa thuận, quân tướng một dạ cha con... Ông là nhà lý luận quân sự nổi tiếng, đã soạn hai bộ binh thư ; *Binh thư yếu lược* và *Vạn Kiếp tông bí truyền thư* là sách gia truyền, để dạy các vương hầu, tướng lĩnh cách cầm quân đánh giặc.

Trần Quốc Tuấn là người tướng giỏi gồm đủ đức tài trọn vẹn. Là tướng *Nhân*, ông hết lòng thương yêu quân dân, chỉ cho quân dân con đường sống. Là tướng *Nghĩa*, ông luôn coi việc phải hơn điều lợi. Là tướng *Trí*, ông biết lẽ đời sẽ dẫn đến đâu. Là tướng *Dũng*, ông sẵn sàng xông pha vào chiến trận dẫu lúc gian nan nhất để đánh giặc, lập công ; cho nên trận Bạch Đằng oanh liệt nghìn đời là đại công của ông vậy. Là tướng *Tín*, ông bày tỏ trước cho quân lính biết theo ông sẽ được gì, trái lời ông sẽ bị gì. Bởi vậy, ba lần kháng chiến chống Nguyên - Mông, ông đã lập công lớn, được vua tin dùng, gia phong Thượng quốc công.

Trái tim Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn ngừng đập vào mùa Thu, tháng Tám, năm Canh Tý (1300). Sau khi ông mất, vua phong tước Hưng Đạo Đại Vương. Triều đình và nhân dân lập đền thờ ông tại Vạn Kiếp (Hải Dương), Bảo Lộc (Nam Định) và nhiều nơi khác. Công lao và sự nghiệp của ông ít ai sánh kịp. Vua Trần coi ông là bậc Thượng phụ, trăm họ kính trọng gọi ông là Hưng Đạo Đại Vương, hoặc là Đức Thánh Trần.

Mùa Thu năm nay (Canh Thìn, 2000), cả nước tổ chức kỷ niệm 700 năm ngày mất của vị anh hùng dân tộc, nhà quân sự kiệt xuất. Với tấm lòng biết ơn và kính trọng, chúng ta noi gương và học tập ông về nhân cách sống, về tấm lòng vì nước, vì dân, về nghị lực, ý chí vươn lên quyết tâm khắc phục khó khăn gian khó để hoàn thành nhiệm vụ. Nhân cách cao đẹp và sự nghiệp vĩ đại của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn trở thành bất tử.❑

Digitized by Google

NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN VAY NƯỚC NGOÀI ĐỂ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI

TÀO HỮU PHÙNG *

Vốn vay nước ngoài (VVNN) là nguồn lực quan trọng, nhất là đối với những nước đang phát triển nhằm đẩy nhanh nhịp độ công nghiệp hóa - hiện đại hóa (CNN-HĐH), chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đổi mới công nghệ thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, sức cạnh tranh của hàng hóa. Mặc dù vậy, việc sử dụng VVNN một cách hợp lý và có hiệu quả luôn đặt ra những thách thức lớn với các nước đang phát triển, đòi hỏi phải có các giải pháp hữu hiệu. Bài viết này, xin trình bày khái quát một số vấn đề nhằm góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn VVNN, đặc biệt là vốn hỗ trợ phát triển chính thức (Official Development Assistane - ODA).

I- Một số vấn đề cơ bản về vốn vay nước ngoài.

Trên phương diện quốc gia, khi sản xuất trong nước chưa đủ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng thường xuyên và đầu tư phát triển thì việc vay nợ là một sự cần thiết khách quan. Điều tương đồng giữa các nước là để có nguồn trả nợ và tạo ra công ăn việc làm thì vốn vay phải được sử dụng cho đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, chứ không phải cho tiêu dùng.

Nếu căn cứ vào chủ thể đi vay thì VVNN chia làm 2 loại : vay của chính phủ và vay của các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội. Gộp 2 loại vốn này gọi là vốn vay nhà nước. Thông thường vốn vay của chính phủ được hoàn trả bằng nguồn ngân sách nhà nước (NSNN), còn vốn vay của nhà nước do phạm vi rộng hơn nên nguồn trả cũng đa dạng hơn, bao gồm trả nợ của chính phủ và những nguồn khác của các con nợ. Trong điều kiện luật pháp về vay mượn chưa nghiêm, vì uy tín của quốc gia, nếu con nợ không có khả năng trả nợ thì chính phủ thường phải trả nợ thay cho các con nợ, lấy từ nguồn NSNN hằng năm. Vay của chính phủ thường là vay ODA theo các hiệp định song phương và đa phương. Vốn ODA có 2 hình thức. *Một là,* viện trợ không hoàn lại : thường có quy mô nhỏ và chỉ giới hạn trong các lĩnh vực nhân đạo, y tế, văn hóa, giáo dục. *Hai là,* vốn vay thường có quy mô lớn, dĩ nhiên, vay thì gắn liền với trả nợ, nhưng với ưu đãi lãi suất thấp và thời gian hoàn trả dài.

Như vậy, thực chất của vốn ODA là vốn vay, phải trả cả gốc lẫn lãi, gắn liền với kế hoạch trả nợ của NSNN hằng năm, nhưng đó là hình thức vay phát triển dài hạn, thời gian hoàn trả dài (từ 20 - 30 năm) và thường có thêm thời gian ân hạn (từ 10 - 12 năm) nên thích hợp cho các nước đang phát triển sử dụng để xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, làm nền tảng cho tiến tình CNH-HĐH. Tuy vậy, kinh nghiệm quốc tế gần đây cũng bộc lộ rất rõ tính hai mặt của VVNN. Đa số các nước đang phát triển (chủ yếu ở châu Phi, Mỹ-la tinh và Nam Á) chỉ thu được những thành quả tăng trưởng khiêm tốn từ VVNN trong khi phải chịu gánh nặng nợ nần chồng chất. Một số nước (chủ yếu là các quốc gia Đông Á) tuy đã khéo léo tận dụng được sức mạnh từ VVNN để tăng tốc và vọt lên

* GS, TS khoa học, Thứ trưởng Bộ Tài chính.

Digitized by Google

nhưng lại lâm vào khủng hoảng tài chính - tiền tệ tháng 7-1997. Điều đó cho thấy, VVNN là một trong những vấn đề phức tạp và nhạy cảm, đòi hỏi mỗi nước phải tự định ra chiến lược vay nợ hợp lý trên cơ sở cân nhắc nhiều yếu tố trong và ngoài nước như nhu cầu vốn, khả năng tái tạo nguồn ngoại tệ để trả nợ, thời hạn vay, điều kiện lãi suất, tỷ lệ giữ nợ phải trả hằng năm và kim ngạch xuất khẩu, giữa nợ và GDP... Việc phân bổ các nguồn vốn vay vào các mục đích đầu tư, cũng như sắp xếp thứ tự ưu tiên sử dụng các nguồn vốn vay cho các dự án hạ tầng cơ sở và dự án thương mại có tỷ suất lợi nhuận cao cũng cần cân nhắc kỹ nhằm bảo đảm khả năng trả nợ các khoản vay khi đến hạn.

Ngày nay, không thấy có nước phát triển nào nhắc đến chỉ tiêu 1% GDP dành cho viện trợ như đã nêu ra trong những thập niên 60 và 70 của thế kỷ XX. Một mặt, khả năng của các nước cấp viện trợ cũng đã giới hạn nhiều so với trước, mặt khác, nhiều nước cũng đã mỏi mệt trước hiệu quả sử dụng vốn ở những nước nhận viện trợ. Hơn nữa, ngày nay, viện trợ cũng không còn là một công cụ chính trị quốc tế để can thiệp chủ quyền quốc gia. Do đó, phần viện trợ không hoàn lại ngày càng giảm, trong khi phần cho vay theo quỹ hàng hóa, theo dự án phát triển ngày càng tăng. Cạnh tranh giữa các nước nhận viện trợ ngày càng trở nên gay gắt.

Đối với nước ta, vốn ODA có tầm quan trọng đặc biệt, giúp giải quyết tình trạng cơ sở hạ tầng lạc hậu, nhỏ bé và phân bổ không đều, tác động tích cực đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và các vùng lãnh thổ, thu hút đầu tư nước ngoài, đầu tư trong nước, giảm phân hóa trong phát triển giữa các vùng, miền, đô thị với nông thôn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa, giúp xóa đói giảm nghèo, cải thiện điều kiện sinh hoạt và nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân. Vì vậy, Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng đã khẳng định : "Tranh thủ thu hút nguồn *tài trợ phát triển chính thức* (ODA) đa phương và song phương, tập trung chủ yếu cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ và quản lý, đồng thời dành một phần vốn tín dụng đầu tư cho các ngành nông, lâm, ngư nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng. Ưu tiên dành viện trợ không hoàn lại cho những vùng chậm phát triển. Các dự án sử dụng vốn vay phải có phương án trả nợ vững chắc, xác định rõ trách nhiệm trả nợ, không được gây thêm gánh nặng nợ nần không trả được. Phải sử dụng nguồn vốn ODA có hiệu quả và kiểm tra, quản lý chặt chẽ, chống lãng phí, tiêu cực"(1).

II- Tình hình huy động và sử dụng vốn ODA ở Việt Nam thời gian qua.

Từ năm 1993 đến nay, thông qua 7 Hội nghị nhóm tư vấn các nhà tài trợ dành cho Việt Nam, lượng vốn ODA được cam kết (bao gồm cả viện trợ không hoàn lại và vốn vay ưu đãi dài hạn) đạt trên 16,4 tỉ USD. Tính đến 31-12-1999, chúng ta đã giải ngân được 6,731 tỉ USD, đạt khoảng 41,03% tổng số vốn cam kết. Trong đó, phần viện trợ không hoàn lại giải ngân khoảng 2,5 tỉ USD (phản ánh qua NSNN là 1,025 tỉ USD) ; phần vốn vay ưu đãi đã ký theo các Hiệp định vay cụ thể đạt trên 10,374 tỉ USD, phần lớn có thời hạn từ 10 - 40 năm, mức lãi suất từ 0-5%/năm. Tổng số vốn vay đã giải ngân quy ra USD đạt khoảng 3,627 tỉ USD, trong đó vốn vay cho ngân sách đạt hơn 2 tỉ USD và vay về cho vay lại đạt hơn 1,6 tỉ USD.

Trong số vốn vay ODA được tập trung vào NSNN, chủ yếu để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng quan trọng như điện, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, chương trình xóa đói giảm nghèo, giáo dục, y tế... theo kế hoạch xây dựng cơ bản hằng năm của Nhà nước và một phần cho các doanh nghiệp nhà nước vay lại để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra năng lực sản xuất lớn cho xã hội.

Nhìn chung, việc sử dụng vốn ODA để đầu tư xây dựng và cải tạo các công trình hạ tầng cơ sở là thiết thực và mang lại hiệu quả lâu dài về kinh tế và xã hội. Trong công nghiệp, vốn ODA đã góp phần đáng kể trong việc tăng năng lực sản xuất của một số ngành, đặc biệt là ngành điện. Hầu hết các nguồn điện, hệ thống đường dây, trạm biến thế quan trọng đều được đầu tư bằng vốn ODA (nhà

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 197

Digitized by Google

máy thủy điện Hòa Bình 1920 MW, thủy điện Trị An 440 MW, nhiệt điện Phả Lại 440 MW...). Trong nông nghiệp và phát triển nông thôn, thủy lợi, viện trợ không hoàn lại chiếm tới 50,3%, các lĩnh vực như tín dụng nông thôn, thủy lợi, lâm nghiệp, tăng cường thể chế... đã thu hút sự quan tâm đáng kể từ các nguồn viện trợ song phương, đa phương, vốn vay của ADB, WB. Việc phân bổ vốn ODA theo vị trí địa lý đồng đều hơn, các vùng khó khăn như miền Trung, đồng bằng sông Cửu Long... đã được chú trọng. Trong giao thông vận tải, nhiều công trình trọng điểm đã được các nhà tài trợ cam kết hỗ trợ xây dựng trong thời kỳ 1996 - 2000. Các dự án giao thông nông thôn cũng được đầu tư bằng vốn ODA của các nhà tài trợ lớn như Nhật Bản, WB, ADB, Trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, các cơ quan Việt Nam đã phối hợp tốt, tích cực và chủ động xây dựng và thực hiện các dự án sử dụng vốn ODA nên đạt tỷ lệ dự án cao so với các ngành khác, đào tạo được một số lượng đáng kể cán bộ khoa học - kỹ thuật thuộc nhiều lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế quốc dân, tăng cường năng lực vật chất và những thiết bị nghiên cứu hiện đại, nhiều công nghệ hiện đại đã được đưa vào sản xuất và vận hành có kết quả...

Tuy nhiên, việc quản lý và sử dụng vốn ODA ở nước ta thời gian qua còn bộc lộ một số tồn tại nhất định đang làm hạn chế hiệu quả sử dụng nguồn vốn này. Về mặt nhận thức, vẫn còn những quan niệm và cách hiểu khác nhau về vốn ODA, có người cho đây là khoản cho không, quà biếu, vật tặng... Một số địa phương có quan niệm sử dụng vốn ODA "vay là được" mà không tính đến khả năng trả nợ và hiệu quả sử dụng dẫn đến tình trạng lãng phí và tham nhũng, gây hậu quả xấu cho việc tiếp nhận ODA.

Quá trình lập, duyệt dự án kéo dài, thường mất từ 1 - 3 năm, phân bổ vốn cho dự án chưa thật sự gắn với nhu cầu sử dụng vốn trong thực tế, có trường hợp ký Hiệp định khung với nước ngoài rồi mới làm thủ tục phê duyệt dự án khả thi trong nước dẫn đến dự án chậm được khởi động, thậm chí phải thay dự án khác. Quy trình đấu thầu phức tạp, tổ chức lỏng lẻo, xuất hiện tình trạng chạy đua hạ giá bỏ thầu đến mức vượt quá hệ số an toàn về chất lượng công trình ; các nguyên tắc và điều kiện đấu thầu theo thông lệ quốc tế chưa được làm quen hoặc chưa công khai nên phần lớn phải mua thiết bị từ các nước tài trợ với giá cao, chuyển giao kỹ thuật lạc hậu, các khoản thanh toán, lương bổng, sinh hoạt phí phải trả rất cao cho chuyên gia nước ngoài, chịu sự lệ thuộc nhất định vào thị trường kỹ thuật, công nghệ của nước tài trợ.

Chính sách và công tác đền bù giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư chưa hợp lý dẫn tới một số dự án giao thông chậm triển khai. Vốn đối ứng tuy chiếm tỷ trọng thấp trong tổng số vốn đầu tư cho dự án ODA nhưng lại ảnh hưởng đáng kể đến tiến độ triển khai dự án do việc kế hoạch hóa làm chưa tốt (kể cả vốn cấp phát từ ngân sách và vốn tín dụng). Các chủ dự án khi lập dự toán chưa phản ánh đủ hoặc không kịp thời vốn đối ứng để đưa vào kế hoạch NSNN hằng năm nên thường phải điều chỉnh bổ sung, gây khó khăn và bị động cho NSNN.

Từ những tồn tại trên dẫn đến tốc độ giải ngân vốn ODA tuy có tăng qua hằng năm, song vẫn chậm và không đạt kế hoạch đề ra. Mặc dù Chính phủ đã có nhiều cố gắng nhằm đẩy nhanh tốc độ giải ngân, nhưng mức giải ngân bình quân trong 4 năm 1996 - 1999 mới chỉ đạt hơn 1,1 tỉ USD, bằng hơn 70% kế hoạch đề ra. Tại Hội nghị các nhà tài trợ cho Việt Nam (14 và 15-12-1999), ông Chủ tịch Ngân hàng thế giới (WB) đã nói : "Việt Nam cần giải ngân nhanh hơn 1,5 tỉ USD trong vòng 3 năm tới mới có thể làm tăng mức tăng trưởng". Đó quả là một thách thức lớn. Việc giải ngân trong một số ngành và lĩnh vực chủ yếu cũng rất chậm, thường chỉ đạt từ 22 - 71% trị giá ký vay.

Nguyên nhân dẫn đến những tồn tại trong công tác quản lý và sử dụng ODA có nhiều, cả từ phía các nhà tài trợ và phía Việt Nam. Về phía các nhà tài trợ, quy trình thủ tục giải ngân của họ khá phức tạp, đòi hỏi phải có nhiều thời gian chuẩn bị, bình quân không dưới 24 - 27 tháng cho một dự án. Hơn nữa, nhiều trường hợp các quy định của họ không rõ ràng, nhất quán. Hồ sơ rút vốn của các chủ dự án phải phù hợp với thỏa thuận cam kết được các nhà tài trợ chấp thuận nhiều khi chưa hài

Digitized by Google

hòa với các quy định của Việt Nam nên ảnh hưởng đến các bước triển khai dự án. Về phía Việt Nam, chưa xây dựng được quy chế phân định rõ nhiệm vụ cho các cơ quan hoặc cá nhân chịu trách nhiệm hoạch định, thiết kế xây dựng dự án, thẩm định và ra quyết định đầu tư, sử dụng vốn, thu hồi vốn vay và trả nợ. Đối với một số dự án của ngành và địa phương, công tác thẩm định còn sơ sài, chưa thực sự tính toán chặt chẽ đến các khía cạnh hiệu quả kinh tế của dự án. Các chủ dự án chưa tận dụng được sự tham gia của chuyên gia trong nước, nhiều khi bị động theo chuyên gia nước ngoài và phải chấp nhận một số chi phí không hợp lý. Nhiều dự án khi làm nghiên cứu khả thi đã không xác định rõ mục tiêu đầu tư, hạng mục đầu tư và tính đồng bộ giữa các khâu dẫn đến việc nhập khẩu thiết bị không đồng bộ, nguyên liệu không đủ, công suất thiết kế đạt thấp, thị trường tiêu thụ hạn hẹp... Điều đó đã làm cho hiệu quả kinh tế của dự án thấp, gây khó khăn trong việc trả nợ. Ngoài ra, năng lực của các Ban quản lý dự án về trình độ ngoại ngữ cũng như kinh nghiệm quản lý còn hạn chế, nhất là các Ban quản lý tiểu dự án ở các địa phương trong việc phân tích, đàm phán, ký kết hợp đồng mua sắm, xây lắp, nhiều trường hợp phải điều chỉnh hồ sơ thanh toán. Công tác quản lý tài chính vốn ODA của Chính phủ chưa tập trung vào một đầu mối, do đó dẫn đến trách nhiệm chưa rõ ràng trong việc theo dõi, quản lý và tổng hợp đánh giá hiệu quả sử dụng vốn vay ODA.

Hiện tại, Việt Nam còn hơn 9 tỉ USD đã cam kết nhưng chưa giải ngân. Tuy đây là một nguồn vốn quan trọng nhưng cần quan tâm đến hiệu quả sử dụng. Bởi vì, thực tế đã xuất hiện một số dự án gặp khó khăn trong việc thu hồi vốn để trả nợ nước ngoài, đặc biệt là trong các ngành chè, mía đường, dâu tằm tơ, cơ khí, chế biến thủy sản... Những dự án này tập trung chủ yếu dưới hình thức vay song phương của một số chính phủ như Pháp, I-ta-li-a, Ấn Độ...

III- Một số giải pháp và chính sách nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay nước ngoài trong thời gian tới.

Trong thời gian tới, việc phát triển kinh tế - xã hội nước ta được tiến hành trong xu thế hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới. Theo tính toán của các nhà kinh tế, nhu cầu vốn đầu tư để thúc đẩy tăng trưởng, thu hẹp dần khoảng cách phát triển giữa nước ta với các nước trong khu vực và trên thế giới là rất lớn, trong đó cần phải huy động vốn nước ngoài từ 50 - 60 tỉ USD (giai đoạn 2001 - 2010). Để thực hiện được mục tiêu đó cần quán triệt quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Nghị quyết Trung ương 4 : tiếp tục nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, coi vốn trong nước là quyết định, vốn ngoài nước là quan trọng. Chiến lược huy động các nguồn vốn nước ngoài phải gắn liền với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược kinh tế đối ngoại trong từng giai đoạn và phải thực hiện được các nhiệm vụ của chính sách tài chính quốc gia : chi tiêu tiết kiệm, có hiệu quả và lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm thước đo chủ yếu.

Vốn vay nước ngoài của nước ta trong thời gian tới chủ yếu là vốn ODA, là một trong những nguồn vốn vay để đầu tư phát triển. Vì vậy, *giải pháp trước mắt* là phải tăng cường quản lý việc sử dụng có hiệu quả nguồn vốn này đi đôi với việc đàm phán phải đạt yêu cầu tối thiểu về lãi suất, thời hạn vay, thẩm định, giá, định mức chi tiêu, phí tư vấn, chính sách đối với chuyên gia trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi. Cần nâng cao nhận thức và thống nhất quan điểm về vốn ODA, không nên coi đó là nguồn viện trợ thuần túy, dẫn đến sử dụng kém hiệu quả, lãng phí, không trả được nợ và cuối cùng bị lệ thuộc vào bên ngoài. Viện trợ không hoàn lại cần được quản lý như đối với nguồn thu của NSNN dành cho đầu tư phát triển, phần vay ưu đãi được hạch toán bù đắp bội chi ngân sách để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ nước ngoài và ổn định chi NSNN, kiên quyết không vay cho chi thường xuyên. Chính phủ không nên vay thương mại hoặc sử dụng những khoản vay không đạt yếu tố ưu đãi cao về lãi suất và thời gian trả nợ cũng như vay bằng các loại tiền có rủi ro lớn về tỷ giá hối đoái để đầu tư cho các dự án cơ sở hạ tầng không có khả năng thu hồi vốn hoặc thu hồi vốn chậm.

Trong tổ chức thực hiện cần đổi mới cơ chế quản lý và năng lực điều hành của các cơ quan quản lý và sử dụng vốn ODA. Các ngành, địa

Digitized by Google

phương và đơn vị xin sử dụng vốn ODA cần tính toán hiệu quả và xác định đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, chịu trách nhiệm chính trong quá trình sử dụng vốn có chọn lọc và đặt lợi ích quốc gia lên hàng đầu. Đối với một số lĩnh vực sử dụng vốn ODA lớn cần nghiên cứu chính sách huy động và hoàn trả nợ trong từng giai đoạn, bảo đảm đầu tư sinh lời và có phương án thu một phần phí để hoàn trả nợ nước ngoài. Tất cả các dự án sử dụng vốn ODA phải thực hiện tốt các khâu của quy trình dự án đầu tư, thực hiện đúng các quy định về đầu tư xây dựng trong nước và phù hợp với thông lệ quốc tế, đặc biệt là khâu lựa chọn dự án, đấu thầu xây lắp và mua sắm vật tư thiết bị, tư vấn...

Tốc độ giải ngân chậm sẽ làm giảm hiệu quả sử dụng vốn để phát triển kinh tế đất nước và làm nản lòng các nhà tài trợ, thậm chí nếu vốn không sử dụng hết theo Hiệp định sẽ bị cắt bỏ, có thể được bổ sung vào Hiệp định sau nhưng sẽ phải vay với mức lãi suất cao hơn. Do đó, cần đẩy nhanh nhịp độ giải ngân bằng các giải pháp đồng bộ : bảo đảm chất lượng chuẩn bị dự án của chủ đầu tư, thẩm định xét duyệt dự án, hướng dẫn đấu thầu và xét chọn nhà thầu; có chính sách và biện pháp hữu hiệu đối với công tác di dân và tái định cư, giải phóng mặt bằng, bảo đảm vốn đối ứng đầy đủ và kịp thời cho các dự án cần thiết...

Đồng thời với các giải pháp trên cần chú trọng đến công tác đào tạo nâng cao năng lực cán bộ về chuyên môn nghiệp vụ, pháp luật, ngoại ngữ và khả năng quản lý. Nâng cao năng lực và hiệu lực quản lý nhà nước, thẩm quyền, trách nhiệm và sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan tổng hợp trong bộ máy nhà nước (như Bộ Kế hoạch đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng nhà nước), các bộ quản lý ngành trong việc quản lý và sử dụng ODA, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, bổ sung và điều chỉnh chính sách, cơ chế, tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các dự án đầu tư, đồng thời thực hiện tốt chức năng giám sát kiểm tra và đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, chức năng kế toán thống kê, kiểm toán các báo cáo tài chính. Đơn giản hóa và nâng cao chất lượng khâu thẩm định dự án, tổ chức đấu thầu, xét chọn thầu, đàm phán các hợp đồng vay bảo đảm tuân thủ đúng pháp luật trong nước và thông lệ quốc tế ; chỉ đạo quyết liệt và dứt điểm việc đơn giản hóa các thủ tục hành chính ở mọi khâu, mọi cấp ; công khai hóa các quy trình, thủ tục, thời hạn, trách nhiệm xử lý trong quá trình triển khai dự án.

Về lâu dài, cần thực hiện tốt chức năng hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước có liên quan mật thiết đến lĩnh vực thu hút và sử dụng vốn vay nước ngoài. Đây là điều kiện tiên quyết để nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng vốn ODA. Nâng cao chất lượng quy hoạch tổng thể, đồng bộ các nguồn vốn đầu tư, phù hợp và gắn liền với quy hoạch ngành, lãnh thổ, lĩnh vực ưu tiên, mặt hàng sản xuất chủ lực... từ đó lựa chọn dự án khả thi, dự án ưu tiên đầu tư từ nguồn vốn vay ODA. Bên cạnh đó, công tác vận động vốn ODA cần được đổi mới cơ bản về nội dung và phương thức thực hiện, chú trọng khâu lập dự án nghiên cứu khả thi bảo đảm chất lượng trước khi đàm phán vay vốn ODA, cũng như phải lựa chọn thận trọng trong giao việc cho tư vấn. Trong quá trình tổ chức vận động vốn cần xuất phát từ lợi ích tổng thể quốc gia, hiệu quả công việc trên cơ sở nâng cao tính chủ động của phía Việt Nam với bên nước ngoài, cần mạnh dạn chối bỏ các nguồn vốn không đáp ứng yêu cầu, định hướng và hiệu quả đầu tư của Nhà nước.

Kiểm soát có hiệu quả các nguồn VVNN nói chung và vốn ODA nói riêng trên cơ sở phân tích cụ thể các điều kiện vay, các điều kiện ràng buộc để bố trí sử dụng vốn hiệu quả, chấm dứt tình trạng sắp xếp nhà tài trợ rồi mới xây dựng dự án. Kiên quyết loại bỏ dự án không có luận chứng kinh tế - kỹ thuật khả thi, chủ động lựa chọn danh mục các dự án sử dụng theo mục tiêu đã định trước khi huy động vốn, khắc phục tình trạng bố trí, sử dụng vốn dàn trải. Thực hiện thanh toán trả nợ nước ngoài một cách đầy đủ và đúng hạn, tránh để nợ quá hạn phát sinh làm ảnh hưởng sự phát triển của các quan hệ quốc tế. Đồng thời nghiên cứu đồng bộ và có khoa học các biện pháp chuyển đổi nợ thành đầu tư trong nước, xin xóa nợ, mua bán nợ, tăng khả năng thanh toán trả nợ bằng hàng..., nhằm tạo ra khả năng trả nợ hoặc làm giảm nghĩa vụ trả nợ trong tương lai.

Digitized by Google

Luật hóa các hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài, trong đó có việc quản lý và sử dụng hiệu quả vốn ODA. Khắc phục tình trạng quản lý chồng chéo giữa các cơ quan trong bộ máy nhà nước, tạo hành lang pháp lý thống nhất để điều tiết có hiệu quả các hoạt động vay nợ nước ngoài. Phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn giữa các cơ quan hữu trách trong việc ra quyết định, trong quản lý nguồn vốn cũng như đơn giản hóa thủ tục hành chính, cần thiết phải lựa chọn một cơ quan chịu trách nhiệm toàn diện từ khâu chuẩn bị dự án đến thực hiện và vận hành khai thác dự án. Có thể nghiên cứu thành lập cơ quan liên ngành làm nhiệm vụ tổng hợp, phân tích thông tin, đánh giá tình hình, xem xét trong mối quan hệ không tách rời với các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP), kim ngạch xuất nhập khẩu, cán cân thanh toán, bội chi ngân sách... để đề xuất chiến lược vay và trả nợ nước ngoài, trong đó có việc vay và trả nợ vốn ODA.

Vốn ODA và vốn nước ngoài nói chung là quan trọng, nhưng nó chỉ là chất xúc tác giúp các nước đang phát triển khai thác tiềm năng bên trong của mỗi nước. Tuy chỉ gián tiếp tác động đến sức mạnh kinh tế của quốc gia, nhưng nếu không sử dụng hiệu quả thì việc thu hút quá nhiều vốn ODA sẽ gây cho nền kinh tế nguy cơ chịu đựng gánh nặng nợ nần rất lớn. Tại Hội nghị đầu tiên với các nhà tài trợ (tháng 11-1993) đại diện của Chính phủ Việt Nam đã nêu rõ : "... Điều quan trọng là các nguồn vốn bên ngoài được sử dụng hiệu quả, Chính phủ chịu trách nhiệm điều phối và sử dụng viện trợ nước ngoài với nhận thức sâu sắc rằng nhân dân Việt Nam sẽ là người chịu cái giá phải trả cho sự thất bại nếu nguồn vốn này không được sử dụng có hiệu quả". Và lời khuyến cáo của ông kinh tế viên trưởng của UNDP tại Hà Nội Robert Glofcheski về vấn đề sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ODA : Chúng ta nên quan tâm ít hơn tới số lượng ODA và chú trọng nhiều hơn đến chất lượng và tính chất bền vững của các dự án ODA. ODA có một tiềm năng rất lớn trong việc đóng góp cho việc tạo ra phúc lợi bền vững cho nhân dân Việt Nam nếu được sử dụng một cách có hiệu quả và có trách nhiệm. ❑

XUẤT KHẨU...

(Tiếp theo trang 43)

khi có đăng ký phù hợp với ngành hàng kinh doanh. Nghiên cứu thành lập một số công ty, chi nhánh công ty của Việt Nam ở nước ngoài để giúp các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất nhập khẩu hàng hóa, xúc tiến đầu tư và xúc tiến thương mại.

4 - Hoàn thiện cơ chế quản lý xuất nhập khẩu theo hướng đơn giản đến mức tối đa các khâu, nấc, nhằm tạo hành lang thật sự thông thoáng cho hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, đồng thời vẫn bảo đảm thi hành nghiêm luật pháp, phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, phù hợp với chính sách bảo hộ sản xuất trong nước theo nguyên tắc bảo hộ có chọn lọc, có điều kiện và có thời hạn.

5 - Nhanh chóng thành lập Quỹ hỗ trợ tín dụng xuất khẩu nhằm mục đích trợ giúp các doanh nghiệp có tiềm năng phát triển xuất khẩu nhưng không có điều kiện tiếp cận nguồn vốn của ngân hàng do không có tài sản thế chấp. Quỹ sẽ đứng ra bảo lãnh các khoản vay, cung cấp các khoản tín dụng để doanh nghiệp có thể bán hàng trả chậm cho nước ngoài. Quỹ sẽ cùng chia sẻ thành công với doanh nghiệp và rủi ro với ngân hàng.

Các hiệp hội ngành hàng được khuyến khích tự nguyện thành lập các Quỹ phòng ngừa rủi ro riêng cho ngành mình, đặc biệt là những ngành có khối lượng xuất khẩu lớn như gạo, cà phê, cao su. Quỹ có nhiệm vụ hỗ trợ các thành viên của hiệp hội khi giá cả thị trường biến động. Cơ chế hoạt động của Quỹ sẽ do từng hiệp hội tự xác định.

6 - Áp dụng chế độ thưởng khuyến khích như ưu tiên hạn ngạch xuất nhập khẩu một số mặt hàng có tỷ suất lợi nhuận cao để các doanh nghiệp có điều kiện mở được thị trường mới, mặt hàng xuất khẩu mới vào các khu vực này.

7 - Với thị trường SNG nói chung và Liên bang Nga nói riêng, có thể hình thành một tổ chức chuyên trách kinh doanh, tập trung tháo gỡ vấn đề bảo lãnh tín dụng xuất khẩu, thiết lập lại guồng tàu và thực hiện trợ cước hàng hải, tổ chức kho hàng ở Viễn Đông, triển khai nhanh phương thức hàng đổi hàng với một số nước SNG.❑

Digitized by Google

CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRONG GIÁO DỤC Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

NGUYỄN QUỐC ANH*

Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) đã xác định : Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục đào tạo, tạo điều kiện để ai cũng được học hành. Người nghèo được nhà nước và cộng đồng giúp đỡ để học tập. Giữ vai trò nòng cốt của các trường công lập đi đôi với đa dạng hóa các loại hình giáo dục - đào tạo, tạo cơ hội cho mọi người có thể lựa chọn cách học phù hợp với nhu cầu và hoàn cảnh của mình. Đây là một vấn đề lớn và phức tạp, cần được nghiên cứu kỹ cả về lý luận và thực tiễn. Bài viết này xem xét thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm bảo đảm công bằng xã hội trong giáo dục ở nước ta hiện nay.

1 - Công bằng xã hội là một khái niệm phức tạp, được hiểu là *sự ngang bằng nhau trên phương diện quan hệ giữa nghĩa vụ và quyền lợi, giữa cống hiến và hưởng thụ (trong xã hội kinh tế thị trường hiện đại còn hàm ý cả giữa việc chi trả và dịch vụ được hưởng)* của các thành viên trong xã hội. Nguyên tắc chỉ đạo việc xác định công bằng xã hội là những người thực hiện nghĩa vụ (hoặc có cống hiến) ngang nhau thì sẽ được hưởng quyền lợi (hưởng thụ) ngang nhau. Bảo đảm công bằng xã hội có nghĩa là tất cả các nhóm người phải được xã hội bảo đảm quyền hưởng một mức phúc lợi và dịch vụ cơ bản tối thiểu phù hợp với trình độ phát triển và khả năng đáp ứng chung của xã hội ; một số nhóm khác có thể được hưởng nhiều hơn do đã thực hiện nghĩa vụ, có cống hiến hoặc chi trả nhiều hơn. Điều đó cho thấy công bằng xã hội *không phải là sự cào bằng bình quân* mà công bằng xã hội *có thể chấp nhận một sự chênh lệch hợp lý* về phúc lợi xã hội được hưởng giữa người này với người khác, giữa nhóm, tầng xã hội này với nhóm, tầng xã hội khác.

Công bằng xã hội là một trong những vấn đề chính của việc thực hiện các chính sách xã hội, do đó nhà nước đóng vai trò quyết định trong việc bảo đảm công bằng xã hội. Căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng quốc gia, nhà nước xác định chuẩn tối thiểu đối với mọi người dân của nước mình có quyền được hưởng đối với từng loại dịch vụ xã hội trong từng giai đoạn. Nhà nước có chính sách điều tiết, sử dụng hợp lý mọi nguồn lực của quốc gia, bảo đảm cơ hội cho mọi người được hưởng các dịch vụ theo chuẩn tối thiểu đó ; đồng thời có chính sách thích hợp quy định những điều kiện và tạo cơ hội cho từng nhóm người có thể hưởng những dịch vụ đó ở mức cao hơn. Điều này có nghĩa là, có thể có các chuẩn công bằng quy định cho từng nhóm xã hội, từng khu vực khác nhau của một quốc gia. Bên cạnh việc tạo cơ hội của nhà nước, từng cá nhân, từng nhóm, giai tầng xã hội lại có khả năng nắm bắt và tận hưởng cơ hội đó khác nhau, có khả năng được hưởng các phúc lợi xã hội không đều nhau. Sự nỗ lực của cá nhân, của các nhóm, các giai tầng xã hội vì vậy cũng đóng vai trò quan trọng để các vấn đề xã hội được thực hiện công bằng. Ở nước ta, vấn đề công bằng xã hội còn phải tính đến những đóng góp, hy sinh của nhiều thế hệ người Việt Nam trong cuộc đấu tranh gần nửa thế kỷ chống ngoại xâm, xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng. Các chính sách xã hội muốn thực sự công bằng phải tính đến các ưu tiên đối với những người có công với nước, với chế độ xã hội chủ nghĩa và có sự trợ giúp đối với những vùng khó khăn, những dân tộc ít người và các đối tượng khuyết tật. Những nhóm người này

* TS, Phó vụ trưởng Vụ giáo dục, Ban Khoa giáo Trung ương

Digitized by Google

rất cần sự quan tâm không chỉ của nhà nước, mà của cả các nhóm người, các vùng thuận lợi hơn.

Cần phải dứt khoát đoạn tuyệt với tư tưởng bình quân chủ nghĩa, chấp nhận chưa thể có công bằng tuyệt đối và chấp nhận một mức chênh lệch cho phép trong việc thực hiện các chính sách xã hội. Mục tiêu cuối cùng của các quan niệm mới về công bằng xã hội là một mặt phải bảo đảm quyền được hưởng thụ theo một chuẩn tối thiểu phù hợp với điều kiện hiện tại của đất nước cho mọi người dân ; mặt khác khuyến khích từng nhóm xã hội tổ chức thực hiện được các dịch vụ xã hội đó ở mức cao hơn chuẩn trong khuôn khổ quy định của pháp luật. Đó chính là cơ hội và con đường đạt tới sự công bằng xã hội, thúc đẩy công bằng xã hội phát triển.

Từ những quan niệm chung đó, công bằng xã hội trong giáo dục ở nước ta hiện nay bao gồm các nội dung chính sau đây :

- Bảo đảm công bằng xã hội trong việc thực hiện chuẩn tối thiểu về giáo dục là phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000 và phổ cập trung học cơ sở vào năm 2010. Nhà nước thực hiện chính sách nhằm tạo cơ hội cho mọi người dân đều đạt trình độ phổ cập.

- Tạo cơ chế, chính sách thích hợp để những nơi có điều kiện tổ chức giáo dục trên mức chuẩn bình quân của quốc gia đối với bậc học phổ cập cũng là thực hiện công bằng ; hơn nữa, lại là cơ sở để từng bước làm cho các chuẩn giáo dục phổ cập được nâng cao.

- Công bằng đối với các bậc học sau bậc phổ cập trước hết thể hiện trong tạo cơ hội bình đẳng cho mọi người có nhu cầu học tập trong chế độ tuyển sinh. Về nguyên tắc, việc có một chế độ tuyển sinh công khai, bình đẳng và dân chủ là điều kiện tiên quyết để bảo đảm công bằng.

- Công bằng đối với các bậc học sau bậc phổ cập còn ở việc phải đa dạng hóa các loại hình, phương thức đào tạo để cho những người không đủ điều kiện hoặc tiêu chuẩn vào học chính quy vẫn có khả năng tiếp nhận học vấn, được đào tạo nghề nghiệp khi họ có nhu cầu học tập và có khả năng đóng góp kinh phí cho việc đào tạo.

2 - Trong những năm đổi mới, những nội dung về công bằng xã hội trong giáo dục đã được Đảng và Nhà nước ta thực hiện bằng những chủ trương, chính sách thiết thực mang lại quyền và cơ hội học tập cho đại đa số nhân dân lao động. Những mặt được và chưa được của việc thực hiện các chính sách đó là :

- *Chính sách chống mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học :* Đến tháng 4-2000 đã có 58/61 tỉnh, thành phố đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập tiểu học. Đây có thể coi là một thành tựu rất lớn của giáo dục nước nhà trong nỗ lực bảo đảm công bằng xã hội trong giáo dục thời gian qua. Tuy nhiên, kết quả đó cần được củng cố vững chắc để chống tái mù chữ và mở rộng để tiến tới bảo đảm 100% số người được xóa mù chữ, thực hiện 100% trẻ trong độ tuổi được phổ cập tiểu học. Ngoài ra, vẫn còn hiện tượng học sinh bỏ học ở tiểu học tại một số vùng khó khăn thuộc các địa phương đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về chống mù chữ và phổ cập tiểu học ; còn có sự chưa công bằng giữa học sinh ở nông thôn và thành thị trong việc được đi học mầm non để chuẩn bị vào học lớp 1.

- *Chính sách về tuyển sinh vào các cấp học, bậc học.* Việc ngành giáo dục công khai hóa công tác tuyển sinh là một cố gắng nhằm tạo sự dân chủ, tạo điều kiện giám sát của xã hội đối với công tác tuyển sinh. Tuy nhiên, đi vào những chủ trương và biện pháp cụ thể, còn rất nhiều việc chưa được giải quyết. Thí dụ, ở phổ thông, trong điều kiện ở các địa phương chưa thể đáp ứng hết nhu cầu vào học trung học cơ sở (THCS) và nhất là trung học phổ thông (THPT) và trong quản lý còn nhiều yếu kém, việc quy định hai hình thức tuyển sinh (thi tuyển và xét tuyển) đã gây ra không ít các hiện tượng tiêu cực làm mất công bằng xã hội đối với nhiều học sinh. Tương tự như vậy, việc mở rộng diện tuyển thẳng ở đại học cũng gây không ít thắc mắc của xã hội về tính thiếu nghiêm minh trong thực thi các chủ trương này dẫn đến những sự không công bằng về cơ hội được tuyển chọn vào đại học của học sinh thuộc các vùng, miền và đối tượng khác nhau. Ngoài ra, trong công tác tuyển sinh, vấn đề tổ chức kỳ thi nghiêm túc, chấm thi và chấm phúc tra trung thực là yếu tố quyết định bảo đảm công bằng. Trong những năm gần đây ngành giáo dục đã để xảy ra nhiều sai sót nghiêm trọng (như lộ đề thi, coi thi

Digitized by Google

không nghiêm ở nhiều nơi, chấm thi và đặc biệt là chấm phúc tra có nhiều vấn đề...) làm cho những nghi ngại của xã hội về sự thiếu công bằng trong tuyển sinh là có cơ sở.

- *Chính sách về tổ chức dạy học, đánh giá học sinh.* Để tạo điều kiện thực hiện công bằng trong học tập cho học sinh, việc có một chương trình, nội dung học tập phù hợp mặt bằng chung và có sách giáo khoa ổn định có vai trò rất quan trọng. Trong lĩnh vực này, thời gian qua nhà nước và ngành giáo dục đã đầu tư không ít kinh phí và sức lực, nhưng kết quả hầu như không đạt được như mong muốn. Tình trạng thử nghiệm nhiều loại chương trình, điều chỉnh thường xuyên nội dung dạy học dẫn đến việc thay đổi sách giáo khoa hằng năm khiến không thể xây dựng hệ thống thư viện, tủ sách dùng chung, không thể tận dụng được sách của những học sinh đã học xong làm cho học sinh thường xuyên phải mua sách giáo khoa mới với giá thành không nhỏ, nhất là so với thu nhập của các hộ nghèo v.v. Trong khi đó, chúng ta lại thiếu chính sách trợ giá về sách giáo khoa, dụng cụ học tập, giấy bút, v.v. cho học sinh con em các hộ nghèo, nhất là các hộ nghèo nông thôn, vùng khó khăn nói chung (không chỉ cho vùng cao, vùng dân tộc và chỉ ở bậc tiểu học như đã làm). Các trang thiết bị, đồ dùng dạy học "cao cấp" như máy vi tính, thiết bị nghe nhìn, dụng cụ thí nghiệm trực quan, hướng nghiệp dạy nghề v.v. rất thiếu. Đó là một trong các nguyên nhân chính làm cho ở nhiều nơi học sinh đi học nhưng thiếu điều kiện bảo đảm chất lượng học tập và đã làm giảm đáng kể cơ hội được thực hiện công bằng xã hội trong học tập.

- *Chính sách, chế độ về học phí, học bổng, tín dụng học tập.* Theo Quyết định 241/TTg ngày 24-5-1993, bắt đầu từ năm học 1993 - 1994 thực hiện việc thu học phí và trợ cấp xã hội đối với mọi sinh viên theo học các trường đại học, cao đẳng. Tuy vậy, việc thực hiện miễn giảm học phí và trợ cấp xã hội mới chỉ thực hiện được ở các trường công lập. Các chính sách về học bổng, học phí có mặt tích cực là huy động được nguồn lực của xã hội, của người học để bổ sung kinh phí cho đào tạo, kích thích sự phấn đấu học tập, rèn luyện của sinh viên. Mặt hạn chế của chính sách học phí trước hết là ở mức thu tuy còn thấp so với chi phí đào tạo thực tế, nhưng lại quá cao so với thu nhập của nhân dân nói chung, của nông dân và các gia đình nghèo nói riêng, làm cho các gia đình này rất khó có khả năng cho con em mình theo học đại học. Theo kết quả điều tra của Ban Khoa giáo Trung ương năm 1999, ở 9 426 hộ nghèo của các tỉnh, tỷ lệ số hộ có con em được đi học lên trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học rất thấp : ở Nghĩa Hưng (Nam Định) là 2,4% ; ở Thái Bình - 2,89% ; ở Bắc Bình (Bình Thuận) - 2,80% ; ở Mỹ Xuyên (Sóc Trăng) - 1,45% ; ở thị xã Sơn La - 4% ; ở Sóc Trăng - 0,18% ; ở Phú Yên - 0,50%. Hơn nữa, việc cho phép có số sinh viên ngoài chỉ tiêu và mức thu học phí của số sinh viên này chỉ bằng khoảng 1/3 kinh phí ngân sách cấp cho đào tạo sinh viên trong chỉ tiêu làm cho trên thực tế những sinh viên chính thức đỗ vào các trường đại học, cao đẳng theo chỉ tiêu đã phải chia sẻ phần kinh phí đào tạo của mình (do ngân sách cấp) cho số sinh viên ngoài chỉ tiêu, tức là chính họ phải chịu thiệt thòi vì không được quyền nhận mức chi phí đào tạo lẽ ra phải được áp dụng theo tiêu chuẩn quy định. Ngoài học phí, các khoản đóng góp khác quá nhiều, cách thu dồn vào đầu năm học hoặc vào đầu các học kỳ cũng là những khó khăn, gánh nặng quá sức đối với các hộ nghèo.

- *Chính sách tạo điều kiện về sinh hoạt, nơi ở cho sinh viên, học sinh các trường đại học và chuyên nghiệp.* Hiện nay mới chỉ có từ 30 đến 40% sinh viên các trường đại học công lập được ở trong ký túc xá (tùy điều kiện từng trường) ; các trường đại học dân lập hoàn toàn không có ký túc xá. Nếu phải thuê nhà ở, sinh viên phải chi phí khá cao, từ 50 000 đồng đến trên 200 000 đồng/tháng ; vượt quá khả năng chịu đựng của sinh viên, nhất là các sinh viên nghèo. Đẩy nhanh việc xây dựng ký túc xá sẽ góp phần quan trọng trong việc thiết lập công bằng về cơ hội học tập cho sinh viên các vùng nông thôn, sinh viên nghèo và đối tượng chính sách.

- *Đầu tư về cơ sở vật chất, trường lớp và các điều kiện bảo đảm việc dạy và học, nhất là về sách giáo khoa và các trang thiết bị dạy học.* Nguyên tắc phân bổ đầu tư tính theo mức chi trên đầu dân hiện nay ở giáo dục phổ thông làm cho các vùng nông thôn, đặc biệt là vùng cao, vùng sâu, vùng xa chịu nhiều thiệt thòi. Đó là vì ở những nơi này

Digitized by Google

dân cư thưa thớt nên chỉ nhận được đầu tư ít, nhưng chi phí lại phải chịu giá thành cao hơn do điều kiện rất khó khăn. Ngoài ra, nhiều địa phương thực hiện chủ trương tỉnh, huyện đầu tư xây dựng trường trung học phổ thông, xã tự đầu tư xây dựng trường tiểu học và trung học cơ sở. Điều này làm cho mức đóng góp của nhân dân cho xây dựng trường lớp ở nông thôn rất lớn (vốn từ ngân sách trung ương chỉ chiếm 19,2% tổng số vốn và chỉ bằng 70% vốn huy động từ nhân dân), nhất là ở những nơi tích cực thực hiện chủ trương cao tầng hóa, ngói hóa trường học. Vì vậy, có một nghịch lý thể hiện sự mất công bằng là trong khi thu nhập của người dân ở nông thôn rất thấp thì họ lại phải lo đóng góp chính vào việc xây dựng trường lớp cho con em họ ; còn ở thành thị người dân có thu nhập cao hơn thì việc xây dựng trường lớp lại do ngân sách gánh vác.

- Trong *việc quy hoạch mạng lưới trường lớp*, nhất là các trường tiểu học và trung học cơ sở ở vùng khó khăn, nông thôn cần chú ý để khắc phục tình trạng hiện vẫn còn nhiều nơi học sinh gặp khó khăn do phải đi học xa, không có đường giao thông thuận lợi ; một số phải bỏ học, hoặc mất cơ hội học tập lên cao vì lý do này. Một số quy định về điều kiện mở lớp (như về số lượng học sinh, điều kiện về giáo viên, cơ sở vật chất...) đã có tính toán đến đặc thù các vùng khó khăn mà có các giải pháp linh hoạt (như cho phép mở nhiều điểm trường, lớp ghép v.v.) nhưng cần có hướng dẫn và áp dụng thống nhất nguyên tắc chung, phù hợp với đặc thù của từng vùng khó khăn.

- *Đầu tư về đội ngũ giáo viên.* Hiện nay, so với mức độ chung thì miền núi, vùng sâu đang thiếu giáo viên gay gắt hơn. Nguồn tuyển giáo sinh (đầu vào) của các trường sư phạm miền núi, vùng sâu đang rất khó khăn ; chất lượng đội ngũ giáo viên miền núi, vùng sâu, vùng dân tộc xấp xỉ 50% dưới chuẩn trong khi chung trong toàn quốc 67% giáo viên tiểu học đã được chuẩn hóa. Ở nông thôn, tình trạng chung là thiếu giáo viên các "môn phụ" ở các cấp học, nhất là tiểu học và trung học cơ sở, dẫn đến học sinh nông thôn phải chịu thiệt thòi hơn trong việc được giáo dục toàn diện, học có chất lượng các môn học theo quy định.

- Trong 8 năm qua (1991 - 1998) *chương trình phát triển giáo dục miền núi, vùng dân tộc* đã được Nhà nước đầu tư hơn 500 tỉ đồng và đã xây dựng được một hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú khá hoàn chỉnh bao gồm 10 trường do trung ương quản lý, 43 trường cấp tỉnh, 183 trường cấp huyện và khoảng 200 trường cụm xã. Hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú bảo đảm giảng dạy cho hơn 60 000 học sinh là con em các dân tộc ít người sống ở vùng cao, vùng sâu ; hằng năm có khoảng 7 000 em tốt nghiệp trung học cơ sở, 4 000 em tốt nghiệp trung học phổ thông, tạo nguồn được ưu tiên tuyển vào học tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Đã thực hiện dự án cung cấp sách giáo khoa tiểu học theo chương trình học rút gọn 120 tuần, 100 tuần cho học sinh các vùng giáo dục khó khăn. Chương trình này đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục cho các đối tượng cần đặc biệt ưu tiên và cần được tiếp tục đầu tư mạnh mẽ hơn để đẩy nhanh quá trình khắc phục sự chưa công bằng, rút ngắn khoảng cách về giáo dục giữa các vùng, các nhóm xã hội của đất nước.

- *Xây dựng hệ thống các trường dự bị đại học và chế độ "cử tuyển".* Do chất lượng học sinh vùng cao, người dân tộc còn hạn chế, nên cần thiết phải có biện pháp bồi dưỡng kiến thức, tạo điều kiện cho các em có thể đủ trình độ tiếp thu kiến thức khi được tiếp nhận vào học các trường cao đẳng, đại học. Hệ thống các trường dự bị đại học dân tộc : Việt Trì, Nha Trang và TP Hồ Chí Minh được thành lập nhằm giải quyết yêu cầu đó. Đồng thời, chúng ta chủ trương ưu tiên tuyển sinh vào học hệ "cử tuyển" đối với một số học sinh là con em người dân tộc ở vùng cao, vùng sâu đặc biệt khó khăn để đào tạo họ trở về phục vụ quê hương, tạo nguồn cán bộ cho những vùng này. Việc thực hiện các chính sách này thời gian qua nhìn chung có kết quả, nhưng cũng còn một số vấn đề cần quan tâm giải quyết như cần tuyển chọn đúng đối tượng, đúng địa chỉ ; khắc phục các hiện tượng lạm dụng chủ trương này để đưa con em người kinh, hoặc người dân tộc đông người vùng thấp vào các trường đại học không qua thi tuyển và lại được hưởng chế độ ưu đãi ; có chính sách để đào tạo đúng theo địa chỉ, bảo đảm người được đào tạo theo chính sách cử tuyển trở về và được bố trí công tác tại quê hương theo đúng mục đích cử đi học.

Digitized by Google

- Các hộ nghèo nói chung, các hộ nghèo ở nông thôn nói riêng, có thu nhập thấp và không ổn định, do đó rất cần được *hỗ trợ vốn cho sản xuất để bảo đảm cuộc sống và tạo nhu cầu, điều kiện chăm lo cho việc học tập của con cái.* Vừa qua, Nhà nước ta đã có chính sách xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ được một số hộ nghèo vốn sản xuất và đã góp phần làm giảm tỷ lệ hộ đói nghèo. Tuy nhiên, số hộ ở nông thôn được vay các loại quỹ xóa đói giảm nghèo, trợ giúp sản xuất từ ngân hàng người nghèo và từ các tổ chức xã hội vừa qua chưa nhiều. Số vốn được vay thường lại quá ít về số lượng và thời gian được vay chưa phù hợp với chu trình sản xuất nông nghiệp.

3 - Giải quyết vấn đề công bằng xã hội trong giáo dục chỉ có thể thực hiện được triệt để khi không còn các chênh lệch về trình độ kinh tế - xã hội giữa các vùng, miền, giữa các cộng đồng người. Trong điều kiện hiện nay, hướng giải quyết nhằm vào hạn chế tối đa những chênh lệch về quyền và điều kiện hưởng thụ giáo dục giữa các nhóm, tầng xã hội, tạo cơ hội cho mọi người "ai ai cũng được học hành" theo khả năng và nguyện vọng của mình. Các giải pháp chính cần tập trung giải quyết là :

- Thay thế chính sách phân bổ ngân sách giáo dục bình quân (theo số dân hoặc theo đầu sinh viên, học sinh trong các trường chuyên nghiệp) bằng một chính sách mới theo hướng ưu tiên đầu tư cho những khu vực, đối tượng khó khăn, những lĩnh vực đào tạo mà Nhà nước có nhu cầu. Như vậy, phải tăng tỷ lệ chi ngân sách giáo dục cho giáo dục phổ cập và giáo dục phổ thông ; cho việc trợ giúp các vùng miền núi, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc ; cho các đối tượng nghèo và chính sách ; cho dạy nghề và giáo dục đại học trong những lĩnh vực ngành nghề mà đất nước có nhu cầu cao như sư phạm, nông, lâm, ngư nghiệp, thủy lợi,... ; cho việc bồi dưỡng nhân tài. Các khu vực và lĩnh vực khác cần tăng huy động từ người học, giảm tỷ lệ chi từ ngân sách.

- Cần có ngân sách để tiếp tục thực hiện các biện pháp nhằm củng cố vững chắc kết quả đã đạt được về chống mù chữ và phổ cập tiểu học ; có chương trình quốc gia về phổ cập THCS ; có chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non nông thôn.

- Cần tiếp tục thực hiện chính sách "cử tuyển" và ưu tiên cho con em người dân tộc, người kinh nhưng sống ở vùng sâu, vùng cao trên cơ sở khắc phục những tồn tại trong việc thực hiện chính sách này ở một số nơi thời gian qua.

- Các chính sách về học phí phải phù hợp với hoàn cảnh từng địa phương, từng trường mà có quy định riêng ; gắn với trách nhiệm của sinh viên đối với Nhà nước, với xã hội ; chấm dứt tình trạng "thả nổi đầu ra" đối với các cơ sở đào tạo bằng ngân sách nhà nước ; quy định trách nhiệm đóng góp cho giáo dục của các cơ sở sử dụng lao động đã qua đào tạo và người lao động được đào tạo ; có chính sách khuyến khích, thu hút lao động đã qua đào tạo, đặc biệt thu hút trí thức tới những vùng, khu vực, lĩnh vực khó khăn.

- Đẩy nhanh việc đầu tư sửa chữa, nâng cấp hoặc xây mới ký túc xá sinh viên, tạo điều kiện cho đông đảo sinh viên nói chung, nhất là sinh viên nông thôn và sinh viên nghèo được sống trong ký túc xá.

- Ổn định nội dung, chương trình và sách giáo khoa ở phổ thông để làm cơ sở xây dựng hệ thống thư viện, tủ sách dùng chung, tạo điều kiện cho học sinh, nhất là học sinh nghèo, có thể tận dụng sách giáo khoa, không phải thay và mua sách giáo khoa mới hằng năm. Khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm tràn lan theo kiểu bị "thương mại hóa".

- Nhanh chóng khắc phục những thiếu sót trong công tác tuyển sinh, không áp dụng những chủ trương tuyển sinh chưa được thực tiễn chấp nhận như mở rộng diện tuyển thẳng đại học, xét tuyển ở các cấp học phổ thông chưa đủ điều kiện tiến tới phổ cập v.v. Có những biện pháp kiên quyết xử lý các hiện tượng tiêu cực trong thi cử, đánh giá phân loại học sinh, sinh viên ; có giải pháp thực sự có hiệu quả chống hiện tượng "mua bằng, bán điểm", tệ nạn bằng giả đang lan tràn hiện nay.

- Đẩy mạnh tiến độ và tăng cường hiệu quả các chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ giải quyết việc làm, phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn, v.v. tạo lập cơ sở kinh tế cho các nhu cầu học tập và bảo đảm điều kiện học tập cho nhân dân các vùng này. ❑

Digitized by Google

Nghĩ về một biện pháp khắc phục bệnh quan liêu

PHẠM NGỌC QUANG *

CHO đến nay, bốn nguy cơ mà Đảng ta từng cảnh báo vẫn tồn tại, tuy có mặt được đẩy lùi một bước, nhưng có mặt lại phát triển và trở thành hiểm họa như tệ quan liêu, tham nhũng và sự thoái hóa về phẩm chất, đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Vì sao tệ quan liêu, tham nhũng có chiều hướng gia tăng ? Vì sao những sai lầm, khuyết điểm trên lĩnh vực này trong những năm qua lại thường do quần chúng nhân dân và các cơ quan thông tin đại chúng phát hiện là chính ? Vì sao số vụ, việc và con người lãnh đạo có sai phạm nghiêm trọng trên vấn đề này do chính tổ chức cơ sở đảng và quần chúng ở cơ sở đó phát hiện ra lại chiếm tỷ trọng rất không đáng kể ? Vì sao tư tưởng "đấu tranh thì tránh đâu" vẫn chưa bị loại bỏ khỏi tâm tư, tình cảm của nhiều người ? Chúng tôi không có tham vọng mang lại lời giải đáp đúng đắn, toàn diện cho tất cả những câu hỏi đó, song từ việc nghiên cứu kinh nghiệm ở một số nước, xin đề xuất một số gợi ý cho vài khía cạnh có liên quan.

Trong thể chế chính trị của Nhật Bản, bộ trưởng được xem là chính khách, do Quốc hội bổ nhiệm nên có nhiệm kỳ trùng với nhiệm kỳ của Quốc hội. Bộ trưởng chỉ mất chức, khi có sai phạm lớn bị Quốc hội bãi miễn hay tự từ chức. Thứ trưởng thường làm việc không quá 2 năm, trung bình là 1 năm. Thay thế nhanh như vậy nhưng không hẳn hụt cán bộ, bởi vì việc đào tạo cán bộ qua thực tế ngành, thực tế của bộ được đặc biệt quan tâm. Ở Nhật Bản, mỗi bộ một năm chọn một số lượng xác định (khoảng 20) sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc ở một số trường có uy tín đào tạo chuyên sâu về luật và kinh tế. Thời gian đầu (khoảng 1 năm), tất cả đều đảm đương công việc bình thường ở các vụ trong bộ. Sau đó, luân chuyển qua một số vụ trong bộ. Nếu phát hiện ra một vài người trong số đó có triển vọng, họ đề bạt từng bước và luân chuyển làm việc qua tất cả các vụ trong bộ. Sau khoảng 10 - 15 năm, một trong số đó được đề bạt làm thứ trưởng, số còn lại ra khỏi bộ. Do sự luân chuyển như vậy, ngay trước khi được đề bạt làm thứ trưởng, người này đã nắm được toàn bộ công việc của bộ. Họ có khả năng thực hiện ngay nhiệm vụ từ khi mới được đề bạt, mà không cần có "bước quá độ", không có cái gọi là "giai đoạn làm quen công việc". Ở Hàn Quốc, sau thời kỳ Pắc Chung Hy, người ta quy định Tổng thống giữ chức vụ không quá 2 nhiệm kỳ, Thủ tướng có nhiệm kỳ 2,5 năm (bằng một nửa nhiệm kỳ Tổng thống). Các chức vụ tương đương vụ trưởng ở Việt Nam thì ở Nhật Bản và Hàn Quốc cũng thường xuyên luân chuyển.

Đương thời Lê-nin đã từng đòi hỏi : Muốn tiếp tục công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội có kết quả, thì cần thiết và cấp bách phải tiếp tục đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu.

Về mặt này, công tác mật thiết gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ lịch sử chủ yếu của chính quyền Xô-viết trước hết phải làm cho mỗi ủy viên trong Xô-viết nhất thiết phải gánh vác một công tác nào đó trong lĩnh vực quản lý nhà nước ; hai là, làm cho những công tác đó được thay đổi liên tiếp để mỗi ủy viên đều nắm được toàn bộ các công việc quản lý nhà nước và tất cả các ngành của công tác quản lý đó. (1) Lê-nin viết : "mỗi ủy viên trong Xô-viết" nói chung, chứ không chỉ ở Xô-viết tối cao. Phải chăng phải hiểu điều đó cần được áp dụng cho mọi cấp lãnh đạo và quản lý ?

Kinh nghiệm cho thấy việc bổ nhiệm có thời hạn không quá lâu, việc luân chuyển cán bộ như vậy, theo chúng tôi, có tác động tích cực ít ra trên ba phương diện. *Một là*, góp phần tăng cường tính năng động, tính đổi mới của bản thân cán bộ quản lý. Một người biết rằng mình chỉ ở cương vị đó một thời gian không dài, triển vọng tiếp theo của họ như thế nào... tùy thuộc vào sự bộc lộ năng lực của mình trong thời gian ngắn đó, họ sẽ phát huy mọi khả năng có thể có để hoàn thành tốt nhiệm vụ đang đảm trách. Người không có năng lực tương xứng sẽ nhanh bị đào thải. *Hai là*, khắc phục bệnh

* GS, TS Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t.38, tr.115 - 116

Digitized by Google

kinh nghiệm chủ nghĩa, chủ quan, trì trệ của người đã được vào guồng máy. *Ba là*, tạo cơ hội cho người khác vươn lên khẳng định mình. Nhờ vậy, bệnh quan liêu sẽ được hạn chế tới mức tối đa.

Xét từ góc độ đẩy mạnh phê bình, việc bổ nhiệm có thời hạn ngắn và luân chuyển cán bộ có cái lợi là : nhân viên cấp dưới hoặc cán bộ không có cương vị, nhân dân nói chung biết được chắc chắn rằng người lãnh đạo của mình chỉ đảm đương chức vụ ấy trong vòng 1 - 2 năm, nếu cán bộ lãnh đạo đó có khuyết điểm, họ dám thẳng thắn đấu tranh. Không may gặp phải một người lãnh đạo thù vặt, họ cũng chỉ chịu thiệt thòi trong một thời gian ngắn. Bởi vậy, họ chấp nhận hy sinh vì chân lý trong khoảng thời gian ngắn đó.

Thực tế ở nước ta trong những năm qua cho thấy, hầu như không có cán bộ nào bị cách chức do năng lực kém, do phẩm chất "có vấn đề" nhưng chưa tới mức bị kỷ luật nặng, do công việc của đơn vị không tiến triển nhanh như yêu cầu. Một số người trong thời gian phấn đấu để vươn tới chức quản lý đó tỏ ra có rất nhiều cố gắng, khi được "đặt" vào "ghế" đó rồi thì "xả hơi", làm việc cầm chừng. Có những nơi tình trạng đó kéo dài hàng chục năm. Họ trở thành vật cản cho sự phát triển của đơn vị, của ngành nhưng chưa "hội đủ" những yếu tố cấu thành khuyết điểm tới mức phải cách chức hay bãi nhiệm.

Từ nhận thức nêu trên, phải chăng chúng ta cần hoàn thiện thêm một bước *"Quy chế công tác cán bộ"* của Đảng. Nghị quyết Trung ương ba (khóa VIII) của Đảng *Về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước* mới chỉ nêu ra thời hạn đảm đương một chức vụ không quá hai nhiệm kỳ ở cùng một đơn vị, một địa phương *đối với cán bộ do bầu cử*. Nên chăng cần mở rộng vấn đề này sang cả *cán bộ do bổ nhiệm*, trừ một vài lĩnh vực đặc biệt (như thẩm phán tòa án nhân dân các cấp). Thêm vào đó, độ dài một nhiệm kỳ không nên nhất loạt như nhau. Trong "Quyết định về việc ban hành quy chế bổ nhiệm cán bộ" (số 51-QĐ/TƯ ngày 03-5-1999) viết : "Thời hạn mỗi lần bổ nhiệm chức vụ là 5 năm đối với cán bộ cấp trưởng, cấp phó ở cơ quan, đơn vị trong bộ máy tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp từ cấp huyện trở lên.... " Trong Quyết định này không xác định *số lần được tái bổ nhiệm trên cùng một cương vị, ở cùng một cơ quan*. Phải chăng việc tái bổ nhiệm trên cùng cương vị và ở cùng cơ quan không quá một lần (tức là trên cùng cương vị và ở cùng cơ quan không quá 2 nhiệm kỳ). Hơn nữa, không nên quy định đồng loạt mỗi nhiệm kỳ 5 năm cho mọi cấp lãnh đạo và quản lý ; tùy theo cương vị mà một nhiệm kỳ có độ dài khác nhau. Chẳng hạn, bộ trưởng một nhiệm kỳ là 5 năm, nhưng đối với thứ trưởng nhiệm kỳ nên ngắn hơn ; nhiệm kỳ đối với vụ trưởng, đối với trưởng phòng lại ngắn hơn nữa. Việc luân chuyển cán bộ không nên giới hạn chỉ ở cán bộ cao cấp, mà cần mở rộng ra mọi cán bộ lãnh đạo và quản lý. Ngoài những cái lợi như đã nêu trên, việc luân chuyển đó còn tạo cơ hội để cán bộ khác khẳng định vị thế của mình.

Không phải mọi nước thực hiện chế độ bổ nhiệm có thời hạn, quy định số nhiệm kỳ tối đa được đảm nhiệm và đẩy mạnh luân chuyển cán bộ đều là nơi không có quan liêu, tham nhũng, thoái hóa biến chất của cán bộ. Đồng thời mỗi thể chế chính trị và truyền thống văn hóa, chính trị của mỗi quốc gia cũng như trình độ phát triển cụ thể ở mỗi nước mà quy định công tác cán bộ phải khác nhau... Song, vô luận thế nào, việc kéo dài quá lâu trên cùng một cương vị và ở cùng một nơi thì khó tránh khỏi phát sinh hiện tượng tiêu cực.

Liên quan tới biện pháp chống quan liêu, tham nhũng, thoái hóa, biến chất của cán bộ và nâng cao khả năng phê bình... điều đó càng rõ. Một hiện tượng không hiếm gặp trong cuộc sống hiện nay là khi cán bộ lãnh đạo còn đương chức, đương quyền thì ít người dám nói thẳng nói thật những khuyết điểm của họ. Khi họ "xế chiều" hoặc đã bị giải phóng khỏi cương vị lãnh đạo do tuổi cao, sức yếu,... thì những lời bàn tán, xì xèo phê phán cái quá khứ của người lãnh đạo ấy nổi lên. Đó là do ai cũng biết rằng những thiếu sót không lớn, tình trạng công việc ít nhiều trì trệ,... không đủ để người lãnh đạo bị cách chức. Người cán bộ lãnh đạo còn làm việc dài dài trong cương vị hiện có và nếu họ là người thù vặt với những sự trả thù tinh vi, tế nhị, vô cùng đau đớn, kéo dài sẽ giáng xuống đầu người góp ý.

Những nghị quyết gần đây của Đảng ta đã nhấn mạnh vấn đề luân chuyển cán bộ và bổ nhiệm có thời hạn 5 năm. Vấn đề thứ nhất đã có bước tiến đáng kể đối với cán bộ cao cấp. Vấn đề thứ hai lại hầu như chưa được triển khai ở nhiều cơ quan, đơn vị. Việc vi phạm quy định giới hạn về tuổi trong việc bổ nhiệm lần đầu vào cương vị cấp trưởng còn diễn ra ở nhiều nơi. Không khắc phục kịp thời tình hình đó thì khó tránh khỏi làm suy giảm niềm tin không chỉ của quần chúng, mà việc chống chủ nghĩa quan liêu, thực hiện tự phê bình và phê bình trong Đảng sẽ bị hạn chế, hiệu quả không cao. ❑

Digitized by Google

VẪN CÒN "NÍN THỞ"

VŨ LÂN

Tôi đang ngồi trong phòng làm việc của anh bạn đồng môn, hiện đang làm thư ký tổng hợp của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thì có tiếng gõ nhè nhẹ vào cửa và một người đàn ông chừng trên, dưới năm mươi tuổi, quần áo rất đúng mốt, lách cửa bước vào. Vừa nhìn thấy người kia, bạn tôi đứng dậy vồn vã :

- Chào ông anh ! Gớm, dạo này đi đâu mà có vẻ im hơi lặng tiếng thế ? Mà sao ông anh vốn được mệnh danh là người "ăn to nói lớn" chưa thấy người đã thấy tiếng vậy mà hôm nay xuất hiện nhẹ nhàng, đột ngột thế làm vậy?

Người đàn ông kia vừa giơ tay cho chúng tôi bắt vừa nói như nửa đùa nửa thật.

- Chú em thông cảm cho, đang thời điểm "đi nhẹ nói khẽ " mà.

Khi đã xong việc, người khách kia đi khỏi, anh bạn tôi mới "bật mí" :

- Ông vừa rồi là người đứng đầu một ngành quan trọng của tỉnh. Oách ra phết đấy và cũng là tay biết ăn chơi ra trò. Có điều dạo này ông ta vẫn đang trong thời kỳ "nín thở" cho nên từ tốn hơn trước nhiều. Từ sau đợt tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) nhiều người trong cơ quan đặt cho ông ta cái tên : ông "vẫn còn nín thở".

Và vừa uống nước bạn tôi kể cho nghe câu chuyện dưới đây :

Là một người đứng đầu một lĩnh vực trọng yếu của tỉnh cho nên ông được nhiều người biết đến và vị nể, nhờ cậy. Mối quan hệ của ông một phần cũng vì thế mà rất rộng rãi. Hơn nữa, ông vốn lại là tay "biết chơi" cho nên trong cơ chế hiện nay tỏ ra rất phù hợp. Thẳng thắn và công bằng mà xem xét thì ông thuộc vào loại cán bộ lãnh đạo có tài, nhất là tài quan hệ giao dịch với các ngành ở trung ương. Nhiều ngành của tỉnh nhiều khi cũng vì thế mà được nhờ. Thế nhưng cái anh có tài thì lại thường hay có "tật". "Tật" *rõ nhất* của ông là thích xài sang và tính tình phóng đãng, đôi khi phớt lờ cả quy định. Chẳng hạn, theo quy định của Chính phủ, đối tượng cán bộ như ông không thuộc diện có xe đưa, xe đón hằng ngày. Khi có văn bản quy định, ông chấp hành bằng việc dùng xe máy cá nhân đi làm. Nhưng cũng chỉ được "dăm bữa nửa tháng", sau đó, bằng lý do này hay lý do khác, xe cơ quan lại đưa đón ông dài dài như trước. Mà xe lại là loại xe "xịn", đắt tiền nhiều khi thành cái để "trêu ngươi" người khác. Phòng làm việc của ông, theo nhiều anh em kể, còn hơn phòng làm việc của nhiều thứ, bộ trưởng. Sáng nào cũng vậy, cô nhân viên lễ tân xinh đẹp, duyên dáng đều đặn thay một bình hoa mới, mặc dù hoa cũ vẫn còn tươi. Trong tủ lạnh ở phòng ông không lúc nào thiếu rượu ngon, bia, nước ngọt, hoa quả. Nhưng vào giữa buổi làm việc buổi sáng, nếu ông không đi công tác, họp hành ở đâu, cô nhân viên lễ tân cũng phải bưng lên một tách cà phê sữa nóng, pha đúng "gu" của ông. Thỉnh thoảng khi có khách, nhất là khách ở tỉnh khác hoặc ở trung ương về, sau khoản "chiêu đãi", nếu còn thời gian và khách thích thì bao giờ ông cũng mời khách vào phòng karaokê... "sạch" kể ngay cơ quan.

Cách sống của ông tuy làm nhiều người khó chịu, dị nghị, nhưng ông lại là người làm ăn có hiệu quả cho tỉnh, cho nên nhiều khi người ta cũng nể mà cho qua.

Trước khi đi vào kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) ông thấy tình hình có vẻ căng nên đã lệnh cho văn phòng :

- Hãy tạm dừng xe đưa đón, tạm không cắm hoa tươi, dẹp bớt rượu bia, nước ngọt trong tủ lạnh, không chiêu đãi khách...

Trong buổi tự kiểm điểm của ông, tuy có một số ý kiến phê bình thẳng thắn phong cách, lối sống của ông nhưng nhìn chung người ta vẫn coi ông là "công tám, chín, khuyết điểm chỉ một, hai". Ông thở phào nhẹ nhõm như trút được gánh nặng. Sau buổi kiểm điểm mấy hôm, chánh văn phòng xin ý kiến ông để quay trở lại nếp sinh hoạt trước đây. Ông đặt ngón tay trỏ trước miệng, "suỵt" một tiếng mà rằng :

- Ấy chết, chưa được, vẫn đang trong thời kỳ "nín thở". Cậu không biết đợt sinh hoạt này đang tiếp tục và trước mắt còn dịp Đại hội Đảng các cấp đó sao ? Có đồng chí lãnh đạo tỉnh ủy gợi ý rằng có thể khóa này đưa tớ vào tham gia cấp ủy tỉnh. Phải "nín thở" một thời gian nữa !

Kể đến đây anh bạn tôi hạ một câu vừa như hỏi, vừa như kết luận :

- Không biết ông đi nhiều nơi thấy thế nào chứ theo tôi biết, hiện nay không ít cán bộ, đảng viên đang "nín thở" kiểu như thế để chờ "con đò" cập bến.

Tôi thì cho rằng, những cán bộ, đảng viên như vậy mà cứ "nín thở" dài dài thì sẽ đỡ tốn hại cho Đảng, cho Nhà nước và cho nhân dân nhiều lắm. ❑

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI. CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI

Phát triển con người - là quan điểm về phát triển, trong đó lấy con người làm trung tâm. Đó là phát triển của con người, vì con người và do con người.

Phát triển của con người có nghĩa là đầu tư vào phát triển tiềm năng của con người như giáo dục, y tế, kỹ năng... để con người có thể làm việc một cách sáng tạo và có năng suất cao nhất. Phát triển vì con người là bảo đảm sự tăng trưởng kinh tế mà con người tạo ra phải được phân phối rộng rãi và công bằng. Phát triển do con người là hướng vào việc tạo cho con người có cơ hội tham gia mọi hoạt động của đời sống xã hội (kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội).

Lịch sử loài người từ trước đến nay là lịch sử của sự phát triển con người. Nói cách khác, sự phát triển của các xã hội, sự thay thế của các hình thái kinh tế - xã hội là lịch sử đấu tranh, phát triển và giải phóng con người. Con người đóng vai trò chủ thể sáng tạo lịch sử thông qua các hoạt động cải tạo thế giới, cải tạo thực tiễn. Qua các cuộc đấu tranh đó, con người sáng tạo ra lịch sử, xã hội và sáng tạo ra chính mình. Do vậy, con người luôn là giá trị tổng hòa cao nhất, có ý nghĩa thúc đẩy sự vận động, phát triển của xã hội.

Với tư cách là chủ thể xã hội, con người tham gia sự phát triển sản xuất vật chất. Chính sản xuất vật chất và tái sản xuất con người là nhân tố quyết định sự tồn tại, phát triển của xã hội. Xã hội càng phát triển, con người ngày càng hoàn thiện mọi mặt, càng có nhu cầu tham gia tổ chức, quản lý xã hội và sự phát triển của bản thân mình. Con người, một khi được thỏa mãn những nhu cầu đó, sẽ có đóng góp to lớn, trở thành động lực mạnh mẽ để thúc đẩy sự phát triển xã hội. Muốn vậy, con người phải được hoàn thiện mọi mặt, được đặt vào vị trí trung tâm. Mọi chiến lược phát triển đều hướng vào con người.

Đây là mối quan hệ biện chứng. Muốn phát triển, phải dựa vào con người. Mặt khác, đích cuối cùng của chiến lược phát triển là vì con người, phục vụ con người, tạo ra sự phát triển và mức sống vật chất, tinh thần phong phú và văn minh hơn. Mục tiêu đó chỉ có thể đạt được nếu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội phù hợp và gắn liền với sự phát triển con người, kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng và công bằng xã hội. Thực hiện đồng bộ điều đó, con người mới phát huy được mọi mặt, khơi dậy sức sáng tạo và tiềm năng, thể hiện đầy đủ vai trò quyết định của mình đối với xã hội và lịch sử nhân loại. Như vậy, con người vừa là chủ thể vừa là đối tượng của quá trình phát triển xã hội và là sản phẩm của xã hội, đại diện cho trình độ xã hội.

Trong các thập niên qua, nhiều quốc gia trên thế giới thực hiện chiến lược quốc gia nhằm phát triển con người và cũng đã đạt nhiều thành tựu quan trọng. Nhân loại sắp bước vào thế kỷ mới nhưng ở một số quốc gia, khu vực, vẫn còn số lớn người dân đói nghèo, lạc hậu. Nam Á chiếm 2/5 số người nghèo đói (515 triệu/1,3 tỉ người). Châu Phi đang đối mặt với đại dịch AIDS, nghèo đói, môi trường xuống cấp. Thu nhập bất bình đẳng giữa các quốc gia, khu vực và trên thế giới vẫn là một vấn đề lớn của nhân loại.

Từ sự nhận thức về vị trí, vai trò quan trọng của con người là mục tiêu và động lực của sự phát triển, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành một hệ thống chính sách nhân bản nhằm góp phần nâng cao chất lượng của con người thông qua đào tạo, bồi dưỡng nhân lực đồng thời tạo điều kiện để sử dụng có hiệu quả vốn con người - nguồn tài sản giá trị cao của quốc gia. Năm 1991, Nhà nước Việt Nam đã thông qua "Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến 2000". Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã điều chỉnh "Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến 2000". Những chính sách đó đã góp phần quan trọng vào sự phát triển con người ở Việt Nam trong thời gian qua, thúc đẩy sự đi lên của đất nước.

Chỉ số phát triển con người (Human Development Index - HDI) là tiêu chí xác định sự phát triển con người qua trình độ phát triển của mỗi quốc gia. Chỉ số HDI nhằm xác định những thành tựu của một quốc gia trong việc đáp ứng những nhu cầu cơ bản của con người như : có mức sống vật chất, có sức khỏe và tuổi thọ, có trình độ giáo dục. Chỉ số này chỉ mức độ phát triển của một quốc gia qua mức thu nhập của con người. Nước nào có chỉ số càng gần đến 1 thì càng được coi như là quốc gia có tiềm năng khá. Chỉ số HDI cũng cho thấy khoảng cách một đất nước tiến tới để đạt giá trị số tối đa, và cũng đặt ra sự so sánh giữa các quốc gia. Như vậy, để có được chỉ số HDI cao, một quốc gia không thể chỉ tập trung các nỗ lực của mình vào tăng trưởng kinh tế, mà còn tạo điều kiện để những thành quả của sự tăng trưởng đó đến được với tất cả người dân của mình trên cơ sở bảo đảm sự tham gia và bình đẳng cho mọi người.

Thực tế cho thấy không một nước nào có thể duy trì mức tăng trưởng cao nếu không có nền tảng vững chắc về phát triển con người. Đầu tư vào giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng con người về mọi mặt là đầu tư vào tăng trưởng, phát triển kinh tế. Những quốc gia nào thiếu chăm sóc sức khỏe cơ bản, xuống cấp về giáo dục, không có chiến lược dài hạn cho đào tạo, phát triển con người sẽ không thể bảo đảm cho sự phát triển bền vững của đất nước. Cốt lõi của sự phát triển chính là nguồn nhân lực có tri thức, kinh nghiệm.

Hằng năm, Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) tính toán chỉ số HDI cho hầu hết các nước trên thế giới. Theo *Báo cáo phát triển con người 2000* của UNDP, trong năm nay, Việt Nam nâng vị trí xếp hạng là 108 trong số 174 nước (năm 1999 Việt Nam xếp ở vị trí 110 trong số 174 nước), với chỉ số HDI là 0,671.

Xét riêng yếu tố thu nhập, Việt Nam có vị trí xếp hạng thấp hơn nhiều so với vị trí 108 về HDI. Nhưng thành tựu phát triển con người của Việt Nam lại cao hơn rất nhiều so với mức thu nhập. Điều này cho thấy Việt Nam đã thực hiện có hiệu quả chiến lược phát triển con người và tốt hơn một số nước khác. ❑

Digitized by Google

CÔNG TY HÀNG KHÔNG CỔ PHẦN VIỆT NAM

Pacific Airlines

Nhằm không ngừng nâng cao chất lượng,phục vụ hành khách, từ tháng 6 / 2000, lần đầu tiên, Công ty Pacific Airlines đưa **máy bay lớn, thân rộng A310-300, với ghế ngồi rộng rãi, thoải mái,** vào sử dụng thường kỳ trên tuyến bay trong nước và Quốc tế.



TP. HỒ CHÍ MINH
HÀ NỘI
KAOHSIUNG
TAIPEI
Và ngược lại



Tại Tp Hồ Chí Minh:
8200979 - 8231285 - 8442705

Tại Hà Nội:
7332157 - 7332162 - 8515350

Digitized by Google

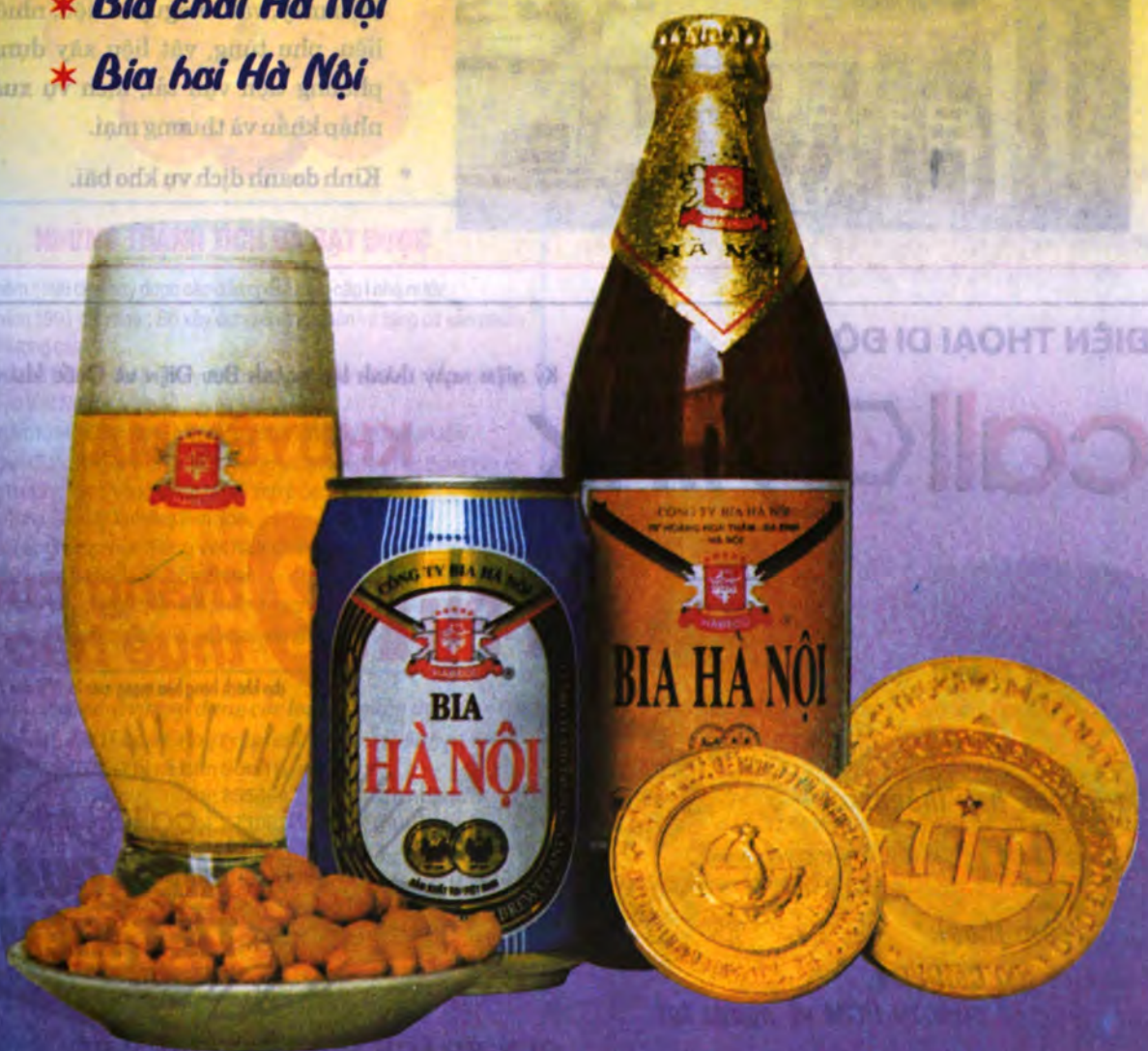
CÔNG TY BIA HÀ NỘI

- Nguồn nước duy nhất
- Truyền thống 100 năm

HABECO

Chuyên sản xuất:

- Bia lon Hà Nội
- Bia chai Hà Nội
- Bia hai Hà Nội



ĐC: 70 HOÀNG HOA THÁM - HÀ NỘI; TEL: 8453843 - 8463378; FAX: (844) 8464549

Digitized by Google

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
(TIMEXCO)

- Tên giao dịch tiếng Anh: Thu Duc Trading and Import Export Joint Stock Company
- Địa chỉ : 191 Quang Trung - Phường Hiệp Phú - Quận 9 - TP. HCM
- Điện thoại : 8.966.819 - 8.973.136 -8.967.772 - Fax: 8.963.210
- E-mail : timexcothuduc@hcm.vnn.cn
- Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc: Ông Ma Đức Tú



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

* Sản xuất kinh doanh hàng xuất nhập khẩu lâm sản chế biến, nông thủy hải sản, thực phẩm, bao bì, hàng thủ công mỹ nghệ, kim khí điện máy, vật tư nguyên liệu, nhiên liệu, phụ tùng, vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải, dịch vụ xuất nhập khẩu và thương mại.

* Kinh doanh dịch vụ kho bãi.

ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG

Kỷ niệm ngày thành lập ngành Bưu Điện và Quốc khánh 2/9

call link

KHUYẾN MÃI

MIỄN PHÍ 2 tháng cước thuê bao

cho khách hàng hòa mạng mới từ 7/8 đến 7/9/2000

Giá cước mới:

-Cước hòa mạng:
636.000 đ/máy/lần

-Cước thuê bao tháng:
91.000 đ/tháng

-Cước đàm thoại:
Call-Link gọi Call-Link, gọi mạng cố định Tp.HCM và ngược lại:
909 đ/phút

(Các mức cước trên chưa bao gồm thuế VAT)





QUÝ KHÁCH VUI LÒNG LIÊN HỆ

Số 5 Nguyễn Văn Bình - Q.1 - ĐT: 8 220 288 - Fax: 8 290 666

Số 2 Hùng Vương - Q.10 - ĐT: 8 355 999 - Fax: 8 358 932

Digitized by Google

CÔNG TY XI MĂNG BỈM SƠN

BIM SON CEMENT COMPANY (BCC)

TRỤ SỞ: PHƯỜNG BA ĐÌNH - THỊ XÃ BỈM SƠN - TỈNH THANH HÓA

ĐIỆN THOẠI: 037.824242, 824056 **FAX:** 84.37.824046

GIÁM ĐỐC CÔNG TY : KS LÊ VĂN CHUNG



- **Công suất thiết kế:** 1,2 triệu tấn /năm
- **Sản phẩm xi măng có các loại:** PC40, PC50. TCVN 2682-1999, sản xuất theo đơn đặt hàng PCB30. TCVN 6260-1997
- Từ ngày 1/6/1999, Công ty sản xuất và lưu thông trên thị trường sản phẩm xi măng PCB30 với đặc tính kỹ thuật:

❖ ***Thời gian đông kết:***

+ Bắt đầu không sớm hơn 45 phút

+ Kết thúc không muộn hơn 10 giờ

❖ ***Giới hạn bền nén***

+ Sau 3 ngày: Không nhỏ hơn 14N/mm²

+ Sau 28 ngày: Không nhỏ hơn 30N/mm²

❖ Sản phẩm được đóng 50 ± 1kg trong bao PP, in 2 màu xanh, đỏ, có đóng dấu giáp lai ở hai đầu bao.

Xi măng PCB30 có chất lượng tương đương chất lượng xi măng PC30 được sản xuất và lưu thông trước đây.

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

- Từ năm 1998 đến nay được cấp dấu chất lượng cấp I nhà nước
- Từ năm 1991 đến nay : Bộ xây dựng chứng nhận và tặng cờ sản phẩm chất lượng cao
- Từ 1990-1998 : được tặng huy chương vàng Hội chợ Quốc tế hàng Công nghiệp Việt Nam.
- Từ năm1994-1999 : được cấp chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn
- Ủy ban Quốc tế của tổ chức DID (có trụ sở tại Madrit - Tây Ban Nha) đã tặng thưởng "Sao Vàng Quốc tế" về tinh thần tập thể và chất lượng sản phẩm cho Công ty Xi măng Bỉm Sơn.
- Được cấp chứng nhận "Hàng Việt Nam chất lượng cao" năm 1998, 1999 và 2000 do người tiêu dùng bình chọn.
- Được cấp giấy chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn tháng 10-1999
- Được giải thưởng bạc về chất lượng sản phẩm năm 1999.



Quý khách có nhu cầu sử dụng các loại xi măng do Công ty xi măng Bỉm Sơn sản xuất có thể liên hệ trực tiếp với Công ty hoặc các chi nhánh, đại lý của Công ty tại các tỉnh và thành phố:

- **Trung tâm GDTT - Thị xã Bỉm Sơn Thanh Hóa:** Tel: 824214
- **Chi nhánh Hà Tĩnh:** Tel: 855492 - **Chi nhánh Nghệ An:** Tel: 853107 - **Chi nhánh Thanh Hóa :** Tel: 852180
- **Chi nhánh Ninh Bình:** Tel: 871002 - **Chi nhánh Thái Bình:** Tel: 836570 - **Chi nhánh Nam Định:** Tel: 847317

Các đơn vị tiêu thụ số lượng lớn Xi măng Bỉm Sơn:

- **Tổng đại lý tại Huế (Công ty Xi măng Thạch cao Huế)** Tel: 825492
- **Công ty Vật tư Kỹ thuật Xi măng:** Tel: 8643315
- **Tổng đại lý tại Đà Nẵng:** Tel: 821491



Digitized by Google

XI MĂNG BỈM SƠN NHÃN HIỆU "CON VOI" LÀ NIỀM TIN CHO NGƯỜI SỬ DỤNG VÀ NIỀM TỰ HÀO CỦA NHỮNG CÔNG TRÌNH

930

CÔNG TY 20
GATEXCO

TỔNG CỤC HẬU CẦN BỘ QUỐC PHÒNG

Trụ sở chính : Phường Phương Liệt
Quận Thanh Xuân - Hà Nội
ĐT: 8641617 - 8645077 - 8643381
Fax: 84-4-8641208
E-mail: gatexco2@0 fpt.vn
Giám đốc: *Cử nhân kinh tế - luật* TRẦN BANG









Tên giao dịch: Công ty 20.

Thành lập năm 1957, năm 1989 Công ty được nhà nước phong tặng "Đơn vị anh hùng lao động". Là doanh nghiệp chuyên sản xuất - kinh doanh - xuất nhập khẩu hàng may mặc, hàng dệt kim, dệt vải và hàng may mặc phục vụ quân đội. Kinh doanh xuất nhập khẩu trang thiết bị ngành may -dệt - dệt kim, sản xuất kinh doanh hàng dệt nhuộm. Kinh doanh vật tư thiết bị, nguyên liệu hóa chất phục vụ ngành dệt, nhuộm.

Sản phẩm chủ yếu:

+ Các loại áo Jacket nam, nữ ; quần áo sơ mi nam, nữ, váy thời trang, quần áo đua mô tô ;
+ Các sản phẩm dệt kim ;
+ Vải các loại ;
+ Trang phục quân đội.

Năng lực sản xuất:

+ May : 5 triệu bộ sản phẩm/năm
+ Dệt kim : 6,4 triệu áo dệt kim/năm, 6 triệu đôi tất/năm, 3 triệu khăn/năm
+ Dệt vải: 19 triệu mét/năm

Công ty có 8 đơn vị thành viên : xí nghiệp may cao cấp 1, xí nghiệp dệt 2,3,4,6,xí nghiệp dệt kim, xí nghiệp dệt, trường đào tạo thợ may.

Công ty có đội ngũ công nhân lành nghề, trang thiết bị hiện đại đồng bộ của Mỹ, Đức, Nhật. Sản phẩm của Công ty có mặt trên khắp thị trường trong nước và nhiều nước trên thế giới, được tặng thưởng huy chương vàng tại các Hội chợ quốc gia và 3 cúp chất lượng quốc tế châu Âu 1997, 1998,1999... Công ty luôn sẵn sàng hợp tác đầu tư, phát triển, liên doanh, liên kết, sản xuất - kinh doanh với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
OCT 12 2000
CURRENT SERIALS

18
9-2000

Digitized by Google

PMU 18

BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN 18

NO. 18 PROJECTS MANAGEMENT UNIT (PMU - 18)

Địa chỉ : số 1, đường 19 - 8, Phường Mai Dịch,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại : 7680067 - 7680063
Fax : (84-4) 7680072 - 7680073



KS. Bùi Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Các dự án xây dựng công trình giao thông thuộc Ban Quản lý các Dự án 18 Bộ Giao thông Vận tải.

• Dự án cải tạo và nâng cấp Quốc lộ 183 từ ngã ba Tiền Trung đến ngã ba thị trấn Sao Đỏ (tỉnh Hải Dương) dài 24km.

• Dự án cải tạo và nâng cấp Quốc lộ 18 từ Sân bay Quốc tế Nội Bài đến cửa khẩu Bắc Luân (tỉnh Quảng Ninh) dài 320km.

•Dự án cải tạo và nâng cấp Quốc lộ 10 từ Bí Chợ (Quảng Ninh) đến thị xã Ninh Bình dài 162km.

• Các dự án xây dựng cầu trên Quốc lộ 1 :

Dự án xây dựng cầu giai đoạn I gồm 42 cầu ;
Dự án xây dựng cầu giai đoạn II gồm 19 cầu ;
Dự án xây dựng cầu giai đoạn II-3 gồm 5 cầu ;
Dự án xây dựng cầu giai đoạn III gồm 70 cầu.

• Dự án xây dựng Cầu Bãi Cháy (tỉnh Quảng Ninh)

•Dự án đường giao thông nông thôn (WB1) : Cải tạo và nâng cấp khoảng 5.000 km đường liên huyện, liên xã của 18 tỉnh.

•Dự án đường giao thông nông thôn (WB2) : Cải tạo và nâng cấp đường liên huyện, liên xã của 40 tỉnh, với khoảng 13.000km đường, 5.000m cầu.

• Dự án xây dựng 29 cầu nông thôn và miền núi của 18 tỉnh phía Bắc.



Trụ sở cơ quan PMU-18



Ký hợp đồng tư vấn thiết kế Cầu Bãi Cháy (tỉnh Quảng Ninh)

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 600

THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

18
9-2000

MỤC LỤC

TIẾN TỚI ĐẠI HỘI THI ĐUA TOÀN QUỐC NĂM 2000	NGUYỄN THỊ BÌNH - Tiếp tục tạo phong trào thi đua sâu rộng, tiến tới Đại hội Thi đua toàn quốc lần VI (11-2000)	3
TIẾN TỚI ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG	HÀ ĐĂNG - Cái mới trong Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội IX	5
	NGUYỄN DY NIÊN - Ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh	10
	NGUYỄN SINH HÙNG - Quản lý tài chính - ngân sách trong tình hình mới	14
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	VŨ HIỂN - Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ	17
	NGUYỄN VĂN THẢO - 55 năm tổ chức nhà nước ta - những đòi hỏi trước tình hình mới	21
	PHẠM VĂN KHÁNH - Tìm hiểu thêm tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết	25
	NGUYỄN KẾ HÀO - Phổ cập giáo dục tiểu học - sự nghiệp lớn của toàn dân	28
NHÂN KỶ NIỆM 990 NĂM THĂNG LONG - HÀ NỘI	DƯƠNG TRUNG QUỐC - Thăng Long - Hà Nội ngàn năm "mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời"	32
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	LÊ ANH HÀO - Thành ủy Hà Nội rút kinh nghiệm qua các đại hội điểm ở một số tổ chức cơ sở đảng	36
	LÊ NGỌC TRỌNG - Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người nghèo	41
	TRẦN XUÂN MÙI - Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam - hành trình một chặng đường	45
	NGUYỄN ĐĂNG KIỂU - NGUYỄN HỮU TIẾN - Công nghiệp chế biến cao su trên đường hội nhập	50
THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP	LÊ XUÂN BẢO - Nâng cao chất lượng trong việc làm thấu suốt nghị quyết của Đảng ở cơ sở	53
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	CAO PHI YẾN - Ham hố, địa vị ?	54
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	PHẠM VĂN CHÚC - Những mâu thuẫn cơ bản của thời đại trong giai đoạn hiện nay	55
	NGUYỄN PHAN THỌ - Nghệ thuật truyền thống Đông - Nam Á	58

Bìa 1 : *Cảng Phú Mỹ* — *Ảnh :* **HÀ THÁI**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

НГУЕН ТХИ БИНЬ: Продолжать обширную и интенсивную соревновательную кампанию навстречу VI Национальному Съезду Соревнований (Ноябрь 2000 года). ХА ДАНГ: Новшества в Проекте Политического Доклада к IX Съезду Партии. НГУЕН ЗИ НИЕН: Дипломатия Вьетнама в эпохе Хо Ши Мина. НГУЕН ШИНЬ ХУНГ: Управление финансами и бюджетом в новой обстановке. ВУ ХИЕН: Создание независимой и самостоятельной экономики. НГУЕН ВАН ТХАО: 55 лет организации нашего государства: требования, вызванные новой реальностью. ФАМ ВАН ХАНЬ: Дополнительное изучение идей Хо Ши Мина о солидарности. НГУЕН КЕ ХАО: Распространение начальной школы – всенародный масштабный курс. ЗЫОНГ ЧУНГ КУОК: Тханг Лонг – Ханой: тысяча лет "задумки о великом деле и расчета о вечном плане". ФАМ ВАН ТЮК: Главные эпохальные противоречия на нынешней стадии. НГУЕН ФАН ТХО: Традиционные искусства Юго-восточной Азии.

CONTENTS

NGUYỄN THỊ BÌNH: To continue the in-width and in-depth competitive campaign, meeting the VI Nation-wide Competitions Congress (November 2000). HÀ ĐĂNG: Novelties in the Draft of Political Report to the IX National Party Congress. NGUYỄN DY NIÊN: Vietnam's diplomacy in the Hồ Chí Minh era. NGUYỄN SINH HÙNG: Finance and budget management in the new situation. VŨ HIỀN: Creation of independent and self-mastery economy. NGUYỄN VĂN THẢO: 55 years organising our State: the demands caused by the new situation. PHẠM VĂN KHÁNH: Supplementary study of Hồ Chí Minh's ideas about solidarity. NGUYỄN KẾ HÀO: Primary school dissemination – a great nation-wide cause. DƯƠNG TRUNG QUỐC: Thăng Long-Hà Nội: a thousand years of "planning great causes and considering eternal strategies". PHẠM VĂN CHÚC: The principal epochal contradictions at the present stage. NGUYỄN PHAN THỌ: Southeast Asia's traditional arts.

SOMMAIRE

NGUYỄN THỊ BÌNH: Continuer à créer les mouvements d'émulation, préparant au Congrès national d'émulation. HÀ ĐĂNG: Les nouveautés dans le Projet du Rapport politique présenté au IXe Congrès du Parti. NGUYỄN DY NIÊN: La diplomatie vietnamienne dans l'époque de Hồ Chí Minh. NGUYỄN SINH HÙNG: La gestion des finances et du budget dans le nouveau contexte. VŨ HIỀN: L'édification d'une économie indépendante et autonome. NGUYỄN VĂN THẢO: 55 ans d'organisation de l'Etat vietnamien: exigences du nouveau contexte. PHẠM VĂN KHÁNH: Etudier davantage la pensée de Hồ Chí Minh sur la solidarité. NGUYỄN KẾ HÀO: Généraliser l'enseignement primaire – une grande œuvre de tout le peuple. DƯƠNG TRUNG QUỐC: Thăng Long-Hà Nội, mille ans de souci de la grande cause et des stratégies éternelles. PHẠM VĂN CHÚC: Les contradictions fondamentales de l'époque dans la période actuelle. NGUYỄN PHAN THỌ: L'art traditionnel de l'Asie du Sud-Est.

SUMARIO

NGUYỄN THỊ BÌNH: Continuar creando un amplio movimiento emulativo en avance al VI Congreso emulativo nacional (Noviembre de 2000). HÀ ĐĂNG: Lo nuevo en el Proyecto del Informe Político presentado al IX Congreso Nacional del Partido. NGUYỄN DY NIÊN: La diplomacia vietnamita en el tiempo de Hồ Chí Minh. NGUYỄN SINH HÙNG: La gestión de la finanza y del presupuesto en la nueva situación. VŨ HIỀN: Construir una economía independiente y autónoma. NGUYỄN VĂN THẢO: 55 años de la organización de nuestro país – las exigencias ante la nueva situación. PHẠM VĂN KHÁNH: Estudiar más el pensamiento de Hồ Chí Minh sobre la solidaridad. NGUYỄN KẾ HÀO: Generalizar la enseñanza primaria – la gran causa de todo el pueblo. DƯƠNG TRUNG QUỐC: Thăng Long-Hà Nội, mil años de perseguir la gran causa por su existencia eterna. PHẠM VĂN CHÚC: Las principales contradicciones de la época en la actual etapa. NGUYỄN PHAN THỌ: El arte tradicional del Sureste Asiático.

目录

●阮氏平：继续深入展开竞赛活动，迎接第六届全国竞赛运动大会(2000年11月)●何登：呈党的第九届全国代表大会政治报告中的新问题●阮怡年：胡志明时代的越南外交●阮生雄：在新形势下的国家财政预算管理●武贤：建设独立、自主的经济●阮文草：我国五十五年来的国家组织与新形势下的要求●范文庆：再次探求胡志明关于团结的思想●阮继豪：普及小学教育－全国的事业●扬中国：千年升龙－河内<<谋求大业，千年大计>>●范文竹：现时代当前阶段的一些基本矛盾●阮潘寿：东南亚传统艺术.

Digitized by Google

TIẾP TỤC TẠO PHONG TRÀO THI ĐUA SÂU RỘNG, TIẾN TỚI ĐẠI HỘI THI ĐUA TOÀN QUỐC LẦN VI (11-2000)

NGUYỄN THỊ BÌNH *

TRẢI qua 50 năm thực hiện Lời kêu gọi thi đua ái quốc của Bác Hồ, phong trào thi đua yêu nước đã trở thành động lực thúc đẩy mọi tầng lớp nhân dân phát huy cao độ lòng yêu nước, ý chí quật cường, tinh thần chiến đấu và lao động quên mình, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, vượt qua mọi khó khăn thử thách lập nên những chiến công hiển hách, thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách, nhiệm vụ chính trị của Đảng qua từng giai đoạn của cách mạng.

Từ phong trào thi đua yêu nước và cách mạng ấy, đã xuất hiện nhiều tập thể anh hùng, cá nhân anh hùng, chiến sĩ thi đua và nhiều tấm gương điển hình xuất sắc của các phong trào, được hội tụ qua các Đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua năm 1952, 1958, 1962, 1966, 1986. Đó là những mốc son được ghi vào lịch sử của dân tộc, đánh dấu công lao to lớn của các tập thể và cá nhân anh hùng, chiến sĩ thi đua của các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Từ Đại hội lần thứ VI của Đảng (1986), phong trào thi đua đặt trong công cuộc đổi mới toàn diện của đất nước. Công cuộc đổi mới được mở đầu và phát triển từ những tìm tòi sáng tạo của đông đảo người lao động, người quản lý và lãnh đạo ở các cấp. Từ những kinh nghiệm mới, nhân tố mới trong phong trào quần chúng, Đảng và Nhà nước đã tổng kết nâng lên thành chính sách, thể chế mới.

Ngày 03 tháng 6 năm 1998, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 35-CTTU về đẩy mạnh công tác thi đua khen thưởng trong giai đoạn cách mạng mới. Từ đó đến nay, các cấp, các ngành, các đoàn thể quần chúng trong cả nước đã tích cực triển khai thực hiện. Chính phủ cũng đã có nhiều chủ trương, biện pháp chỉ đạo phong trào thi đua yêu nước, gắn phong trào thi đua yêu nước với các hoạt động mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội thiết thực. Vì thế, phong trào thi đua yêu nước trong thời gian qua đã có chuyển biến bước đầu và đạt được kết quả tích cực.

Đại hội Thi đua toàn quốc lần thứ VI sẽ họp vào tháng 11 năm 2000 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là đại hội tổng kết thi đua của bước đầu thời kỳ đổi mới, định hướng thúc đẩy phong trào trong giai đoạn tiếp theo.

Bước vào thế kỷ mới, chúng ta đứng trước những thời cơ lớn và cả thách thức lớn trên con đường xây dựng và phát triển đất nước. Một trong những khó khăn và thách thức đó là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Để vượt qua các khó khăn và thách thức, Đảng ta đã xác định phương hướng và nhiệm vụ của những năm tới là phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, mở rộng quan hệ quốc tế, cần kiệm, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi chiến lược phát triển và các nhiệm vụ kinh tế - xã hội được đề ra.

Trong phương hướng và nhiệm vụ chung đó, công tác thi đua phải hướng vào việc giáo dục truyền thống yêu nước, khơi dậy và phát huy cao

* Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương

Digitized by Google

độ ý chí quật cường và lòng tự hào dân tộc của mọi người dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trước đây từ truyền thống thi đua yêu nước, ý chí quật cường dân tộc... Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta vượt mọi khó khăn thử thách, làm Cách mạng Tháng Tám thành công, kháng chiến thắng lợi thu non sông về một mối, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Ngày nay, cũng từ truyền thống thi đua yêu nước, tinh thần tự lực tự cường, lòng tự hào dân tộc, chúng ta phải coi cái đói, cái nghèo, sự lạc hậu, chậm phát triển... là kẻ thù phải kiên quyết xóa bỏ. Muốn vậy, chúng ta phải thực hiện lời dạy của Bác Hồ, biến thi đua yêu nước thành sức mạnh nội sinh, bằng lao động sáng tạo và tài trí của người Việt Nam chiến thắng đói nghèo và sự lạc hậu. Đó là bản lĩnh của dân tộc ta, được hun đúc từ trong quá trình dựng nước và giữ nước như Bác Hồ đã dạy : ***Nước ta kinh tế lạc hậu nhưng lòng yêu nước và ý chí quật cường chẳng kém ai.***

Năm 2000 - năm bản lề trước thềm thiên niên kỷ mới - nước ta có nhiều ngày kỷ niệm lớn, cũng là năm diễn ra Đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội lần thứ IX của Đảng và là năm tổ chức Đại hội Thi đua toàn quốc lần thứ VI.

Từ đầu năm đến nay, toàn dân ta đã nỗ lực phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn thử thách, đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ trên các mặt kinh tế, văn hóa - xã hội. Nhiều mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội năm 2000 đã được thực hiện tốt trong 6 tháng đầu năm, trong đó tổng sản phẩm trong nước (GDP) đã tăng 6,2%, vượt dự kiến đề ra. So với 6 tháng đầu năm 1999, trong 6 tháng đầu năm 2000, hầu hết các khu vực, các ngành và các lĩnh vực then chốt đều có nhịp độ tăng trưởng cao hơn. Tuy còn nhiều yếu tố chưa thật vững chắc nhưng xu hướng giảm sút nhịp độ tăng trưởng đã bước đầu chặn được.

Từ nay đến cuối năm, toàn Đảng, toàn dân tiếp tục triển khai nhiều việc lớn để thiết thực lập thành tích xuất sắc chào mừng Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội lần thứ IX của Đảng và chào mừng Đại hội Thi đua toàn quốc lần thứ VI. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các bộ, ngành, đoàn thể trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cần tập trung tổ chức chỉ đạo thực hiện tốt một số việc sau :

1 - Tiếp tục tạo cho được phong trào thi đua sâu rộng đến tận cơ sở và người lao động, đặc biệt là phong trào thi đua trong nông thôn, vùng sâu, vùng xa hiện còn yếu. Lãnh đạo chính quyền các cấp và các cán bộ làm công tác quần chúng, công tác phong trào cần xuống tận các thôn xóm, bản làng, các tổ dân phố, các xã, phường giúp đỡ nhân dân giải quyết các khó khăn và giúp tổ chức các phong trào thi đua thiết thực với từng địa bàn. Mỗi đơn vị, mỗi cơ quan chọn ra một vài việc trọng tâm, nhằm vào những công việc mới, việc khó, việc yếu kém tồn đọng từ lâu để tổ chức thi đua thực hiện bằng được mục tiêu đề ra.

2 - Phong trào thi đua trong thời kỳ đổi mới phải bao quát cho được tất cả các lĩnh vực, các ngành, các giới từ cán bộ quản lý đến người trực tiếp lao động giỏi, các thành phần kinh tế, quốc doanh, tư doanh, hợp tác xã, trang trại v.v, các tầng lớp trẻ, già, các dân tộc v.v. Tóm lại là phải lựa chọn được những cá nhân, tập thể có thành tích nổi bật nhất.

3 - Phát động mạnh hơn nữa phong trào thi đua đăng ký các công trình, sản phẩm chào mừng các ngày lễ lớn trong năm. Mỗi đợt thi đua cần làm tốt việc sơ kết, tổng kết và khen thưởng kịp thời các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc.

4 - Để Đại hội Thi đua toàn quốc vào cuối tháng 11 năm 2000 có được những Anh hùng, Chiến sĩ thi đua tiêu biểu cho từng phong trào, từng lĩnh vực công tác về dự Đại hội, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp từ trung ương đến cơ sở trước khi trình Nhà nước xét tuyên dương danh hiệu Anh hùng và Chiến sĩ thi đua toàn quốc, cần rà soát thật chặt chẽ từng trường hợp ; phải căn cứ vào kết quả của các phong trào thi đua để lựa chọn tấm gương tiêu biểu ; bám sát vào tiêu chuẩn Chiến sĩ thi đua toàn quốc được quy định tại Nghị định 56/CP của Chính phủ và tiêu chuẩn về Anh hùng được quy định tại Quyết định 38-QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn vận dụng trong tình hình hiện nay của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương, không chạy theo số lượng, tránh tình trạng xem xét lựa chọn thành tích theo niên hạn làm giảm đi tính tiêu biểu, đại diện

(Xem tiếp trang 13)

Digitized by Google

CÁI MỚI TRONG DỰ THẢO BÁO CÁO CHÍNH TRỊ ĐẠI HỘI IX

HÀ ĐĂNG

Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội IX và những nội dung cơ bản của Dự thảo đó đã được giới thiệu rộng rãi. Cái mới là gì? Đó là câu hỏi được đặt ra, cũng là đối tượng tìm tòi của mọi cuộc sinh hoạt nghiên cứu, ở các cơ quan khoa học, ở Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị Trung ương, ở các cấp ủy đảng và các đại hội Đảng cấp cơ sở đang diễn ra. Cảm nhận chung là có rất nhiều cái mới. Nhưng cụ thể đó là gì thì không phải mọi nơi đều nói giống nhau. Điều đó tùy thuộc trước hết ở nhận thức về cái mới. Cái mới ở đây được hiểu là cái lần đầu được nêu lên, cũng có thể là cái đã từng được nói tới, nhưng nay đề cập với tinh thần mới và nội dung mới, cũng có cái tưởng như cũ nhưng do đặt trong bối cảnh tình hình đã khác trước mà trở thành mới. Cái mới ở đây còn được hiểu là mới so với Nghị quyết Đại hội VIII, bao gồm cả những điều đã được phát triển qua các Hội nghị Trung ương tiếp theo, nay được đúc kết lại. Trong tinh thần đó, xin thử nêu lên sau đây một số điểm mới về nội dung của Dự thảo :

Một : Chủ đề Đại hội.

Dự thảo có tiêu đề là *"Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa"*. Đây là lần đầu tiên một Báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng có mang tiêu đề và tiêu đề ấy cũng chính là chủ đề của Đại hội. Tách từng vế của tiêu đề ra, sẽ không thấy có gì mới, vì đó đều là những việc đã từng được đề cập nhiều lần. Nhưng nếu đặt các vế ấy vào một tổng thể, và đặt cái tổng thể ấy trong bối cảnh tình hình đất nước đang bước vào thế kỷ mới với những nhiệm vụ to lớn nêu lên trong 10 vấn đề nội dung của Dự thảo, chúng ta sẽ thấy chủ đề của Đại hội IX có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Chủ đề ấy nêu bật nhiệm vụ bao trùm nhất, trọng yếu nhất của toàn Đảng, toàn dân ta lúc này là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, phấn đấu để trong vài thập niên đầu của thế kỷ đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp. Thực hiện nhiệm vụ bao trùm ấy bằng phương cách nào? Bằng việc *tiếp tục đổi mới,* bởi lẽ đổi mới là chiếc chìa khóa mở ra những thắng lợi to lớn vừa qua và cả sau này. Bằng sức mạnh gì? Bằng *sức mạnh toàn dân tộc* chứ không phải sức mạnh của riêng một giai cấp hay một tầng lớp xã hội nào. Nếu coi công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một trận chiến lớn để đưa đất nước đi lên giàu mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh thì tư tưởng cơ bản của chủ đề Đại hội có thể được hiểu là : *"Vì công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, toàn dân tộc ra trận !"*

Hai : Cái nhìn thế kỷ.

Họp vào thời điểm mở đầu thế kỷ mới, Đại hội IX đã làm điều mà các Đại hội trước của Đảng chưa từng làm : phóng tầm mắt nhìn lại thế kỷ XX và đưa ra những dự báo cho thế kỷ XXI - cả trên thế giới và trong nước - để từ đó rút ra những kết luận cho việc hoạch định đường lối, chính sách của mình. Dù chỉ là những nét chính yếu nhất, có thể còn chưa đầy đủ hoặc có chỗ còn phải phân tích kỹ hơn bức tranh thế giới thế kỷ XX và chiều hướng phát triển của thế giới trong thế kỷ tới mà Dự thảo đưa ra có thể được coi là trung thực. Đối với dân tộc ra, thế kỷ qua quả là thế kỷ của những chiến công và thắng lợi

Digitized by Google

có ý nghĩa lịch sử và thời đại ; thế kỷ tới, nhất là mấy thập niên đầu, là thời kỳ của cả *cơ hội lớn* và *thách thức lớn.* Cái nhìn thế kỷ ấy mách bảo rằng : Vấn đề sống còn đối với chúng ta là nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, tiếp tục vươn lên mạnh mẽ, vững vàng trước mọi sóng gió quốc tế hay khu vực, đưa đất nước ta đi lên, sánh vai cùng các nước phát triển trên thế giới.

Ba : Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Cùng với việc kiên định con đường phát triển của đất nước ta là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, Đảng ta cũng kiên định lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Sự phát triển, cũng là cái mới, trong Dự thảo lần này là đã nhấn mạnh thêm và đưa ra một định nghĩa sáng tỏ về tư tưởng Hồ Chí Minh. "Tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam". Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh cũng được xác định rõ hơn : "Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người ; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ; về lòng yêu nước thương dân, về sức mạnh của nhân dân, lấy dân làm gốc ; về đoàn kết trong Đảng, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại ; về xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh ; xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân ; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ; về văn hóa, đạo đức cách mạng...". Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh được chỉ rõ : "Tư tưởng Hồ Chí Minh đã và đang soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi ; đó là tài sản tinh thần to lớn vô giá của Đảng ta, dân tộc ta".

Bốn : Mục tiêu dân chủ.

Cho đến Đại hội VIII, mục tiêu lý tưởng của chúng ta là chủ nghĩa xã hội đã được trình bày khái quát bằng công thức đi vào lòng dân : *"Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh".* Nay Dự thảo thêm hai từ *"dân chủ"*, thành ra *"Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"*. Trước đây, cứ nghĩ rằng bản chất của chủ nghĩa xã hội là dân chủ, cho nên dù có nêu hay không nêu hai từ đó, chế độ ta vẫn là chế độ dân chủ. Song thực tiễn cho thấy, cái bản chất dân chủ ấy không chỉ phải được nói lên mà còn cần nhấn mạnh thêm và nhất là, đưa vào cuộc sống hằng ngày. Dân chủ, hay quyền làm chủ của nhân dân, vừa là bản chất của chế độ vừa là mục tiêu phấn đấu, lại vừa là một động lực phát triển xã hội. Việc bổ sung hai từ *dân chủ* làm cho công thức 12 chữ này trở nên trọn vẹn hơn, sống động hơn.

Năm : Con đường công nghiệp hóa rút ngắn thời gian.

Công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ, đó là điều đã được Đảng ta khẳng định từ lâu. Song khái niệm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nêu lên từ Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, qua Đại hội VIII, đã bao hàm nội dung mới. Đó không phải là công nghiệp hóa theo lối cổ điển mà là công nghiệp hóa gắn liền với hiện đại hóa, tức là gắn liền với khoa học và công nghệ phát triển cao. Đó cũng không phải là công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa mà là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, có nghĩa là trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phải kết hợp một cách tốt nhất việc phát triển lực lượng sản xuất với việc xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp và nâng cao đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân. Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội IX lại phát triển thêm một bước mới : *"Con đường công nghiệp hóa của nước ta có thể rút ngắn thời gian* so với các nước đi trước, vừa có những bước tuần tự vừa có bước nhảy vọt". Bốn nội dung chỉ rõ con đường công nghiệp hóa rút ngắn thời gian đó là : 1) Phát huy những lợi thế của đất nước, gắn công nghiệp hóa với hiện đại hóa trong từng bước, tiếp cận với kinh tế tri thức. 2) Tận dụng mọi khả năng để đạt trình độ tiên tiến, hiện đại về khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông

Digitized by Google

tin. 3) Phát huy nguồn lực trí tuệ và sức mạnh tinh thần của người Việt Nam thông qua phát triển giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ. 4) Phát triển một số ngành công nghiệp then chốt, đồng thời coi trọng công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn.

Chỉ bằng con đường công nghiệp hóa rút ngắn thời gian, chúng ta mới có thể nhanh chóng thu hẹp khoảng cách về sự phát triển giữa nước ta với các nước đi trước.

Sáu : Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chính sách nhất quán và lâu dài của Đảng và Nhà nước ta là phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Dự thảo lần này nói gọn là : *Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.* Cách nói gọn này không làm thay đổi thực chất của nền kinh tế mà chúng ta đang xây dựng. Tuy nhiên về nhận thức đã có sự phát triển thêm : 1) Không coi kinh tế thị trường là cái riêng có của chủ nghĩa tư bản cũng không coi nó đồng nhất với chủ nghĩa tư bản mặc dù trong chủ nghĩa tư bản, kinh tế thị trường phát triển ở mức cao. 2) Kinh tế thị trường không đồng dạng : có kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và có kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Mỗi loại kinh tế thị trường này đều có nhiều mô thức khác nhau, tùy từng xã hội và đất nước khác nhau. 3) Tuy cùng vận động theo quy luật của thị trường song kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa khác về bản chất với kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa.

Dự thảo đã nêu lên những điểm khác nhau giữa kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta với kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa trên nhiều mặt : về mục đích và phương hướng phát triển, về chế độ sở hữu, chế độ quản lý và chế độ phân phối. Từ đó, kết luận rằng : Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Bảy : Các thành phần kinh tế.

Việc phân định các thành phần kinh tế, về cơ bản, không khác so với sự phân định tại Đại hội VIII. Chỉ khác ở sự sắp xếp thứ tự : kinh tế nhà nước ; kinh tế hợp tác ; kinh tế cá thể, tiểu chủ ; kinh tế tư bản tư nhân ; kinh tế tư bản nhà nước. Cái mới trong Dự thảo là thêm *thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.* Và cái mới nữa là sự khẳng định : "Các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh ; trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế hợp tác xã dần dần trở thành nền tảng".

Về hình thức tổ chức kinh doanh, Dự thảo nêu rõ : "Phát triển *các hình thức tổ chức kinh doanh đan xen, hỗn hợp* nhiều hình thức sở hữu, giữa các thành phần kinh tế với nhau, giữa trong nước và ngoài nước. Phát triển mạnh hình thức *tổ chức kinh tế cổ phần* nhằm huy động và sử dụng rộng rãi vốn đầu tư xã hội".

Tám : Tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả xây dựng quan hệ sản xuất.

Dự thảo lần này nêu rõ ba tiêu chuẩn căn bản để đánh giá hiệu quả xây dựng quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa là : 1) Thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất, 2) Cải thiện đời sống nhân dân, 3) Thực hiện công bằng xã hội. Chủ trương và chính sách phát triển các thành phần kinh tế, các hình thức tổ chức kinh doanh, xây dựng và phát triển các loại thị trường đều phải căn cứ vào ba tiêu chuẩn này mà đánh giá. Không thể coi một chủ trương, một chính sách, một hành động là tốt, là đúng nếu chủ trương, chính sách và hành động ấy kìm hãm lại hoặc là có hại cho việc phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân và thực hiện công bằng xã hội.

Chín : Động lực chủ yếu để phát triển đất nước.

Giải quyết mối quan hệ giữa đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc trong thời kỳ quá độ là một vấn đề có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Từ nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn mấy chục năm xây dựng đất nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội vừa qua, Dự thảo đã đưa ra một

Digitized by Google

nhận định xác đáng : "Ngày nay, lợi ích giai cấp thống nhất với lợi ích dân tộc, cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa diễn ra trong những điều kiện mới, với những nội dung mới và những hình thức mới, gắn với cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, khắc phục tình trạng nước nghèo, chậm phát triển". Từ nhận định ấy, Dự thảo đưa ra kết luận tưởng như cũ mà lại rất mới : "Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh. *Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của đại đoàn kết dân tộc, phát huy khả năng của các thành phần kinh tế và toàn xã hội vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*". Khối đại đoàn kết dân tộc ấy đương nhiên dựa trên nền tảng liên minh công - nông - trí.

Mười : Nguồn lực con người.

Nguồn lực con người được hiểu là sức mạnh của con người, do con người và vì con người. Con người đó chính là con người Việt Nam. Sức mạnh của con người Việt Nam được bồi dưỡng và nhân lên bằng việc phát triển đồng bộ sự nghiệp giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, coi đó không chỉ là quốc sách hàng đầu mà còn là bộ phận nền tảng của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ; bằng việc phát triển nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc ; bằng việc thực hiện một hệ thống chính sách xã hội phản ánh những giá trị nhân văn của nền văn hóa Việt Nam, thể hiện lợi ích và trách nhiệm của cộng đồng xã hội nói chung và của từng công dân.

Trên cả bốn lĩnh vực đó, hệ thống các giải pháp và chính sách đưa ra trong Dự thảo có thể còn chưa đủ sâu, chưa đủ mạnh, song phát huy tối đa nguồn lực con người luôn luôn là tư tưởng chỉ đạo cơ bản đối với việc xây dựng và thực hiện các giải pháp và chính sách ấy.

Mười một : Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc.

Cũng xuất phát từ nguồn lực con người, chúng ta coi sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đó là sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại ; sức mạnh của lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp với sức mạnh của lực lượng và thế trận an ninh nhân dân ; sức mạnh của sự kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, quốc phòng và an ninh với kinh tế trong các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch kinh tế - xã hội ; của sự phối hợp hoạt động quốc phòng, an ninh với hoạt động đối ngoại.

Bảy nhiệm vụ chủ yếu nêu lên cho lĩnh vực quốc phòng và an ninh đều nhằm mục đích tăng cường sức mạnh bảo vệ Tổ quốc ấy.

Mười hai : Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong khi khẳng định việc thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở và chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, Dự thảo tuyên bố "Việt Nam muốn *là bạn* và là *đối tác tin cậy* của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển". Muốn *là bạn* là điều đã nói, muốn là *đối tác tin cậy* là điều mới nói. Điều mới nói đó phản ánh thực tế của thế giới ngày nay : toàn cầu hóa về kinh tế là một xu thế khách quan ; hòa bình và hợp tác cũng là xu thế phản ánh đòi hỏi bức xúc của các quốc gia dân tộc ; hội nhập kinh tế quốc tế là cần thiết trên con đường phát triển. Việt Nam muốn là đối tác tin cậy của các nước bởi lẽ nước ta thật sự mong muốn thực hiện hội nhập. Điều cần nhấn mạnh là chúng ta chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực một cách chủ động, không chịu bất cứ sức ép nào, không phải với bất cứ giá nào mà theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững an ninh quốc phòng, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái.

Mười ba : Cải cách và hoàn thiện Nhà nước.

Vấn đề này cũng đã được nêu lên từ nhiều năm nay, nhưng cái mới của Dự thảo là đặt "cải

Digitized by Google

cách và hoàn thiện Nhà nước gắn liền với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước". Khẳng định rằng "Nhà nước là trụ cột của hệ thống chính trị và công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân", Dự thảo nhấn mạnh phải "phát huy trách nhiệm, tính chủ động, sắc bén và hiệu lực trong quản lý, điều hành của Nhà nước, bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội".

Năm công việc lớn mà Dự thảo đề ra để xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực và hiệu quả, thật ra đều là những công việc từng được nêu lên trong các nghị quyết trước đây của Trung ương, song đặt trong tình hình mới, sẽ thấy rõ tính thời sự cấp bách của những công việc ấy.

Mười bốn : Xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Xây dựng Đảng luôn luôn được coi là khâu then chốt trong sự nghiệp cách mạng của chúng ta. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng không phải là vấn đề mới. Cái mới là ở chỗ Dự thảo khẳng định : "Trong mấy năm tới, toàn Đảng tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng với quyết tâm và nỗ lực cao hơn, tạo chuyển biến cơ bản trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức". Điều khẳng định đó có nghĩa là cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng phát động gần hai năm qua, tuy đã đạt được một số kết quả và kinh nghiệm bước đầu quan trọng nhưng rõ ràng là trước mắt Đảng ta còn có rất nhiều việc phải làm cho cuộc vận động ấy thành công.

Năm vấn đề cụ thể nêu lên để xây dựng, chỉnh đốn Đảng không nhằm mục đích nào khác là phát huy mạnh mẽ bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng ; nâng cao trình độ kiến thức, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên ; ngăn chặn và đẩy lùi các biểu hiện suy thoái ; củng cố mối quan hệ mật thiết với nhân dân ; bảo đảm hoàn thành thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội IX của Đảng đề ra.

Mười lăm : Những khâu đột phá mới.

Đề ra phương hướng cơ bản, xác định nhiệm vụ trung tâm, lựa chọn khâu đột phá,... là những vấn đề cốt tử trong nghệ thuật lãnh đạo. Trong khi khẳng định "những bài học đổi mới do các Đại hội VI, VII, VIII nêu lên đến nay vẫn còn giá trị lớn", Dự thảo nhấn mạnh những điều sâu sắc nhất, trong đó có đoạn chỉ rõ : *"Đổi mới phải dựa vào nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn sáng tạo và có những khâu đột phá mới"*. Cụ thể là : Tiến hành đổi mới xuất phát từ cuộc sống của xã hội Việt Nam, không sao chụp bất cứ mô hình có sẵn nào ; đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để với những bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. Thường xuyên tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, có những điều chỉnh, bổ sung và phát triển cần thiết về chủ trương, phương pháp, biện pháp, tìm và lựa chọn những khâu đột phá mới nhằm khắc phục sự trì trệ, làm chuyển biến tình hình, tạo ra sự phát triển mới với sự linh hoạt sáng tạo, nhạy bén nắm bắt cái mới, tận dụng thời cơ.

Thực tiễn đổi mới cho thấy Đảng ta đã từng có những đột phá như vậy, trong tư duy, trong tổ chức cán bộ, trong cơ chế chính sách, v.v.. Tiếp tục đổi mới, vì thế là một yếu tố quan trọng của chủ đề Đại hội.

*

* *

Nêu lên mười lăm điểm mới như trên chưa hẳn đã đủ. Nếu quan niệm cái mới một cách tổng hợp hơn thì có thể thu gọn lại chừng mươi điểm, tương ứng với 10 vấn đề nội dung của Dự thảo. Còn nếu muốn nói cụ thể hơn, có thể mở ra đến vài chục điểm. Bởi lẽ trong mỗi điểm mới trên đây, có thể chiết ra nhiều chi tiết được coi là mới, rất mới. Người viết bài này không có ý định đề cập cái mới của Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội IX dưới góc độ học thuật mà chỉ xin trình bày một số cảm nhận với mong muốn góp một phần nhỏ vào cuộc thảo luận làm sáng tỏ những nội dung cơ bản của Dự thảo. ❑

Digitized by Google

NGOẠI GIAO VIỆT NAM TRONG THỜI ĐẠI HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN DY NIÊN *

TRONG lịch sử dân tộc, trong cuộc đấu tranh chinh phục thiên nhiên và chống giặc ngoại xâm, ông cha ta đã sử dụng ngoại giao như một phương sách đắc dụng. Từ những đặc thù về địa lý và chính trị, ngành ngoại giao đã trở thành một binh chủng không thể thiếu được, cả khi vận nước thịnh lẫn lúc suy. Ông cha ta luôn chủ trương bang giao hữu hảo với ngoại bang để có hòa bình, hòa hoãn mà chấn hưng đất nước. Theo thời gian, ngoại giao Việt Nam đã có được bề dày truyền thống và truyền thống ngoại giao đã trở thành một phần của truyền thống lịch sử dân tộc.

Nền ngoại giao hiện đại Việt Nam ra đời cùng với Nhà nước dân chủ công nông đầu tiên ở Việt Nam, ở Đông - Nam Á. Sinh ra và trưởng thành trong cách mạng, nền ngoại giao ấy đã trở thành nền ngoại giao cách mạng và 55 năm qua đã có đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng quang vinh của dân tộc ta.

Thời đại Hồ Chí Minh đã đem lại cho nền ngoại giao ấy sức sống và sức chiến đấu để nó phát huy được vai trò của mình ngay sau khi ra đời là góp phần bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ trong bối cảnh thù trong giặc ngoài, duy trì hòa hoãn nhằm tranh thủ thời gian củng cố lực lượng, chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ khi hòa bình không thể cứu vãn được nữa. Ngoại giao Việt Nam đã trở thành một mặt trận cách mạng trong hai cuộc kháng chiến, góp phần cùng dân tộc làm nên những chiến thắng vẻ vang, đưa đến ngày toàn thắng 30-4-1975, thống nhất Tổ quốc. Ngoại giao Việt Nam đã là một lực lượng chủ lực trong công cuộc mở rộng quan hệ quốc tế, nâng cao vị thế quốc tế cho đất nước và huy động nhiều nguồn lực cần thiết cho thành công của sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Ngoại giao đã góp phần to lớn để đất nước ta ngày nay có được vị thế và ảnh hưởng quốc tế thuận lợi chưa từng có trong lịch sử.

Những đóng góp và thành tích đó của ngành ngoại giao được Đảng, Nhà nước và nhân dân ghi nhận và đánh giá cao. Năm 1995, nhân dịp kỷ niệm 50 năm thành lập ngành, ngành ngoại giao đã vinh dự được trao tặng Huân chương Sao Vàng. Sự đánh giá cao của Đảng và Nhà nước dành cho ngành ngoại giao về đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc một lần nữa được thể hiện trong phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu nhân dịp 55 năm ngành ngoại giao Việt Nam : *"Dựa vào chiến lược đối ngoại của Đảng, Ngoại giao Việt Nam luôn là một trong những mái chèo góp phần đưa con thuyền của đất nước vượt qua mọi thác ghềnh và các vòng xoáy của lịch sử giành thắng lợi vẻ vang của dân tộc... Ngoại giao Việt Nam đã phát huy được vai trò và thế mạnh của một trong những mặt trận đấu tranh có ý nghĩa chiến lược, một binh chủng hợp thành của cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử* và *"Ngoại giao Việt Nam mấy thập kỷ qua đã thực hiện đúng đường lối đối ngoại của Đảng ; luôn ở thế chủ động tiến công ; biết mình, biết người, mưu trí, sáng tạo, thu hút được số đông các dân tộc trên thế giới ủng hộ Việt Nam, biết tạo ra thời cơ và nắm thời cơ để làm lợi cho Tổ quốc"* (1).

Năm mươi lăm năm qua, thời đại Hồ Chí Minh đã đưa ngoại giao Việt Nam đến được những tầm cao mới. Kế thừa truyền thống văn hiến và ngoại giao ngàn năm của cha ông, được nuôi dưỡng bằng tư tưởng và phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh,

---

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Ngoại giao

(1) Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu tại Hội thảo khoa học *"Ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh"* tổ chức ngày 15-8-2000 tại Hà Nội

Digitized by Google

được soi đường chỉ lối bằng chính sách đối ngoại đúng đắn, phù hợp với thế và lực của đất nước, với xu thế của thời đại và dưới sự lãnh đạo của Đảng, ngoại giao Việt Nam đã vừa trưởng thành trong thực tiễn đấu tranh cách mạng, vừa tạo dựng, hoàn thiện và tô đậm thêm bản chất của một nền ngoại giao của dân tộc ta trong thời đại mới, thời đại mà dân tộc Việt Nam trở thành ngọn hải đăng trong cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức trên thế giới giành lấy độc lập dân tộc, tự do, bình đẳng, chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chống chủ nghĩa đế quốc và chiến tranh xâm lược.

Truyền thống văn hiến lâu đời của đất nước Việt Nam tạo nên bản sắc của con người Việt Nam, cũng là nền tảng tinh thần của ngoại giao Việt Nam. Vì thế, văn hóa Việt Nam hiện hữu trong ngoại giao Việt Nam, trước hết trong bản chất và nội dung của ngoại giao Việt Nam. Đó là tính hòa hiếu và nhân nghĩa, là bản chất hòa bình và khoan dung, là sự ứng xử tinh tế, linh hoạt và mềm dẻo mà kiên định theo nguyên tắc "dĩ bất biến, ứng vạn biến" phục vụ cho lợi ích của dân tộc, coi trọng đạo lý, dùng trí tuệ và bản lĩnh để bảo vệ và thực hiện lợi ích quốc gia, mở rộng quan hệ quốc tế mà vẫn giữ được bản sắc dân tộc, tư thế đất nước và phẩm giá con người Việt Nam. Trên nền tảng văn hiến ấy, ngoại giao hiện đại Việt Nam mang bản chất của một nền ngoại giao cách mạng, kế thừa những tinh hoa của truyền thống ngoại giao hòa bình, chính nghĩa, hòa hiếu, thủy chung, khoan dung, trở thành một nền ngoại giao mang đậm bản sắc dân tộc. Nội hàm văn hóa kết tụ lại thành bản sắc của nền ngoại giao hiện đại Việt Nam, được thể hiện cụ thể trong những chiến lược đối ngoại nhìn xa trông rộng, cũng như trong từng quyết sách cụ thể của Đảng và Bác Hồ. Tất cả những điều ấy đã hợp lại thành cội nguồn sức mạnh của ngoại giao Việt Nam.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là ngọn đuốc soi sáng con đường cách mạng Việt Nam và tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh là sợi chỉ đỏ, là kim chỉ nam cho ngoại giao Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế trong sáng, kết hợp hài hòa giữa truyền thống với giá trị văn hóa phương Đông và phương Tây ; đồng thời kết hợp tài tình truyền thống vẻ vang của cha ông ta với thực tiễn rất sinh động của đất nước ta, của khu vực và thế giới trong thời kỳ hiện đại. Nhờ đó, ngoại giao Việt Nam đã không chỉ làm cầu nối giữa Việt Nam và thế giới, mà còn trở thành một bộ phận của ngoại giao thế giới. Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh được thể hiện trong những mục tiêu mà ngoại giao Việt Nam phấn đấu 55 năm qua. Thêm bạn, bớt thù, muốn làm bạn với tất cả và hiện nay đồng thời muốn làm đối tác tin cậy với tất cả theo tinh thần Việt Nam muốn "làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai"(2) và "nếu không được lòng họ 100% thì cũng không được làm mất lòng ai 100%"(3) - đó luôn là tư tưởng chỉ đạo cho ngoại giao Việt Nam. Thủy chung với bạn bè, đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế là những vấn đề then chốt của ngoại giao Việt Nam.

Gắn liền với tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh là phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh. Phong cách ngoại giao ấy là phép ứng xử "biết mình, biết người" và thấu hiểu sâu sắc về đất nước Việt Nam và thế giới. Phong cách ngoại giao ấy kết hợp những tinh túy của văn hóa Việt Nam với những tinh hoa văn hóa của các dân tộc khác dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, xử lý hài hòa giữa cái chung và cái riêng, giữa yếu tố dân tộc và yếu tố quốc tế, lợi ích dân tộc và lợi ích chung của các dân tộc khác, kết hợp và phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, giành thắng lợi từng phần để đi đến giành thắng lợi hoàn toàn, bảo đảm lợi ích cao nhất của đất nước. Phong cách ngoại giao ấy kiên trì chân lý mà vẫn có sức cảm hóa và thuyết phục to lớn đối với mọi đối tượng và các tầng lớp nhân dân thế giới.

Ngoại giao Việt Nam đi ra từ văn hóa, tựa vào chính nghĩa của sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc và được phát huy cao độ trong kỷ nguyên độc lập tự do, được chắp cánh và tiếp sức trong thời đại Hồ Chí Minh. Mọi thành tựu ngoại giao 55 năm qua đều có cội nguồn từ đó.

Hơn nửa thế kỷ qua, ngoại giao Việt Nam đã đi được chặng đường dài, đã hiện diện và có vai trò xứng đáng trong mỗi giai đoạn lịch sử của đất nước. Thành tựu thật đáng kể và những bài học kinh nghiệm cũng vô cùng quý giá. Nếu như thành tựu ấy là tiền đề cần thiết và là cả niềm tin để ngoại

(2) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 220

(3) Bài nói chuyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hội nghị cán bộ ngoại giao lần thứ năm, ngày 16-3-1966

Digitized by Google

giao Việt Nam vững bước đi lên trong thế kỷ mới thì những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn hoạt động ngoại giao 55 năm qua có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc hoạch định và thực hiện đường lối quốc tế và chính sách đối ngoại của đất nước ta cho thời gian tới, bởi yêu cầu nhiệm vụ đặt ra cho cả dân tộc nói chung và cho ngành ngoại giao nói riêng ngày càng cao hơn trong khi tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường trước, thuận lợi và khó khăn, thời cơ và thách thức đan xen nhau. Lưu ý thỏa đáng đến những bài học kinh nghiệm ấy chính là để nhận thức đầy đủ hơn về giá trị của thành tựu đã đạt được, để "biết mình, biết người" đầy đủ hơn, đúng hơn và kịp thời hơn, từ đó có nhận thức, cách ứng xử và tiếp cận thích hợp trong hoạt động ngoại giao.

Sau hơn nửa thế kỷ, ngoại giao Việt Nam giờ đây cùng đất nước bước vào một thời kỳ mới mà nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân là bảo vệ vững chắc Tổ quốc ta và xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội thắng lợi. Nhiệm vụ cụ thể của ngành ngoại giao đã được Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu chỉ ra là phải *"góp phần tạo thế đứng ổn định lâu bền và có lợi nhất cho đất nước trong bối cảnh của xu hướng toàn cầu hóa - hội nhập quốc tế... Nâng cao năng lực phục vụ cho hoạt động kinh tế... Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, ngoại giao phải đóng vai trò chủ lực..."*(4).

Để hoàn thành được những nhiệm vụ to lớn này trong bối cảnh tình hình quốc tế phức tạp, ngoại giao Việt Nam phải luôn luôn dựa vào những thế mạnh của nền ngoại giao cách mạng phục vụ cho sự nghiệp chính nghĩa của cả dân tộc, kế thừa và tiếp tục phát triển truyền thống, phải luôn biết phát huy sức mạnh bắt nguồn từ bản chất và bản sắc của ngoại giao Việt Nam, học hỏi những kinh nghiệm ngoại giao quốc tế thích hợp với điều kiện và lợi ích của Việt Nam, trên cơ sở đó nâng mình lên ngang tầm với thời đại. Hội nhập quốc tế là sự bổ sung cần thiết cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là sự hỗ trợ đắc lực cho việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhưng chính ở thời kỳ này, bài học về tính độc lập tự chủ, tự lập tự cường trong hoạch định và thực hiện chính sách đối ngoại và đoàn kết quốc tế lại trở nên thời sự hơn bao giờ hết. Phải có độc lập tự chủ thì mới có thể chủ động hội nhập quốc tế, mới giữ gìn và phát huy được bản sắc dân tộc trong quá trình hội nhập và từ đó thúc đẩy sự đoàn kết quốc tế trong Phong trào Không liên kết, trong hoạt động của các nước đang phát triển, trong phong trào công sản, công nhân và lao động quốc tế.

Kế thừa và phát huy tính độc lập tự chủ như trong 55 năm qua, ngoại giao Việt Nam dựa vào thế và lực của đất nước để góp phần tăng cường thế và lực cho đất nước. Thế và lực của đất nước luôn là nhân tố quyết định thành bại của ngoại giao, nhưng ngoại giao cũng luôn góp phần tăng thế và lực cho đất nước. Bác Hồ đã từng nói : *"Đánh thắng lợi thì ngoại giao thắng nhiều. Không cứ gì ở ta mà ở nước nào cũng vậy. Cố nhiên ngoại giao là rất quan trọng, nhưng cái vốn chính là mình phải đánh thắng và mình phải có sức mạnh thì ngoại giao sẽ thắng"*(5). Ngoại giao có nhiệm vụ phục vụ kinh tế, tranh thủ mọi nguồn ngoại lực để bổ sung cho nội lực tạo nên những điều kiện thuận lợi cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bài học về biết mình, biết người, về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, về nắm bắt và tạo dựng thời cơ của ngoại giao Việt Nam 55 năm qua vẫn là chìa khóa mở ra những thắng lợi cho ngoại giao Việt Nam trong giai đoạn tới. Chỉ như vậy mới có thể khai thác được những cái lợi nhất cho đất nước và đóng góp được phần mình cho nhân loại khi hòa vào dòng chảy của thời đại.

Môi trường quốc tế hòa bình, ổn định thuận lợi cho phát triển và quan hệ quốc tế là một biểu hiện của thế đứng ổn định lâu bền và có lợi cho đất nước mà ngoại giao Việt Nam có nhiệm vụ đóng góp phần tạo dựng. Chính sách đối ngoại mở rộng, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ và hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước ta là những định hướng chiến lược lớn. Vấn đề cụ thể đối với ngoại giao Việt Nam là xác định những ưu tiên đối ngoại và xử lý tổng thể những mối quan hệ quốc tế của Việt Nam sao cho hài hòa với những ưu tiên ấy. Quan hệ với các nước láng giềng, với các nước lớn, với các nước có quan hệ truyền thống, với các tổ chức khu vực và quốc tế đều phải đặt trong bối cảnh hội nhập quốc tế, với tất cả những tác động tích cực cũng như

(4) Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu tại Hội thảo khoa học *"Ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh"* tổ chức ngày 15-8-2000 tại Hà Nội

(5) Bài nói chuyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hội nghị cán bộ ngoại giao lần thứ năm, ngày 16-3-1966

Digitized by Google

tiêu cực của quá trình toàn cầu hóa, hợp tác và đấu tranh vẫn sẽ chi phối tình hình thế giới trong một vài thập niên tới. Chính trong bối cảnh ấy và trước yêu cầu nhiệm vụ to lớn, ngoại giao Việt Nam lại càng cần phải thấm nhuần tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh và phát huy cao độ phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh. Kiên trì độc lập tự chủ, kiên định nguyên tắc và trung thành với lợi ích tối cao của dân tộc, nhưng ứng xử linh hoạt, mềm dẻo, tinh tế và thuyết phục, dựa vào chính nghĩa và lợi ích chung để tập hợp lực lượng là những bài học thành công của ngoại giao Việt Nam 55 năm qua và nay càng có giá trị thực tiễn trong giai đoạn tới.

Thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới và vị thế quốc tế ngày càng tăng của đất nước đã tạo cho ngoại giao Việt Nam những điều kiện thuận lợi chưa từng có để phục vụ sự nghiệp cách mạng của dân tộc mà trong đó ngành ngoại giao có thể và cần phải đóng một vai trò rất quan trọng. Những thành tựu và kinh nghiệm của 55 năm qua là hành trang ngành ngoại giao mang theo vào thế kỷ mới. Ở đây, có một nhân tố cũng mang ý nghĩa quyết định là sự hỗ trợ và phối hợp hài hòa của các ngành khác với ngành ngoại giao. Trong hai cuộc kháng chiến, thế và lực trên chiến trường đã phân chia thắng bại trên bàn đàm phán. Đồng thời, thắng lợi ngoại giao đã hỗ trợ cho thế và lực trên chiến trường. Trong thời kỳ đổi mới, những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, sự ổn định chính trị là những chỗ dựa không thể thiếu được, là sự hỗ trợ vô cùng quan trọng cho ngoại giao. Ngoại giao là một bộ phận của cách mạng, có nhiệm vụ hỗ trợ các binh chủng cách mạng khác, nhưng cũng cần đến sự hỗ trợ và phối hợp của các binh chủng ấy. Ngành ngoại giao cần có sự hỗ trợ và phối hợp hài hòa của các ngành an ninh, quốc phòng và kinh tế, của các địa phương, các đoàn thể, các tổ chức quần chúng dưới sự chỉ đạo và quản lý thống nhất của Đảng. Ngoại giao nhân dân là sự bổ sung không thể thiếu được cho ngoại giao chính thức của nhà nước.

55 năm qua, dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, ngoại giao Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh đã làm giàu thêm truyền thống lịch sử ngoại giao của cha ông và góp phần tạo ra được điểm xuất phát thuận lợi hơn, ở tầm vóc cao hơn để dân tộc bước vào chặng đường mới, hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. ❑

TIẾP TỤC TẠO PHONG TRÀO...

(Tiếp theo trang 4)

thật xứng đáng của chiến sĩ thi đua, nhất là ở các cấp, ngành, tỉnh,... Cần quan tâm hơn nữa đối tượng khen thưởng là những người trực tiếp sản xuất, công nhân, nông dân, nhân viên kỹ thuật.

5 - Các bộ, ngành, đoàn thể trung ương và các tỉnh, thành phố chưa tổ chức Đại hội Thi đua, cần quan tâm chuẩn bị và tiến hành tổ chức Đại hội Thi đua của cấp mình, ngành mình, tạo nên một không khí sôi nổi, hồ hởi. Đại hội các ngành, các địa phương phải tập hợp cho được tất cả những điển hình xuất sắc nhất, những nhân tố mới tiêu biểu cho các phong trào thi đua, lựa chọn những lá cờ đầu của các lĩnh vực để phát động phong trào học tập và làm theo các gương điển hình tiên tiến.

6 - Thi đua và tuyên truyền luôn luôn gắn bó chặt chẽ với nhau. Các cơ quan thông tin đại chúng, cần làm tốt hơn nữa việc nêu gương "người tốt, việc tốt", động viên, cổ vũ phong trào thi đua yêu nước của quần chúng, tổng kết điển hình, giới thiệu và tuyên truyền các điển hình tiên tiến sâu rộng và nhiều hơn nữa.

7 - Đại hội Thi đua toàn quốc, các bộ, ngành, đoàn thể trung ương, các địa phương, cần tổ chức phát động đợt thi đua nước rút nhằm thực hiện xuất sắc các chỉ tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch năm 2000, phát động đợt thi đua mới lập thành tích xuất sắc chào mừng ngày thành lập Đảng 3-2-2001 và chào mừng Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Cần tổ chức tốt để các tập thể, cá nhân của ngành, địa phương được phong Anh hùng và Chiến sĩ thi đua toàn quốc báo cáo thành tích và kinh nghiệm trong ngành và địa phương, động viên mọi người học tập và làm theo các gương điển hình, tiên tiến.

Với tinh thần cách mạng và ý chí tiến công, tôi tin rằng 7 việc chủ yếu nêu ra trên đây, sẽ được các bộ, ngành và các địa phương tổ chức thực hiện tốt ; phong trào thi đua yêu nước của năm 2000 nhất định sẽ có kết quả rực rỡ, góp phần tích cực vào việc thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước. ❑

Digitized by Google

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH TRONG TÌNH HÌNH MỚI

NGUYỄN SINH HÙNG *

THỰC hiện đường lối đổi mới theo tinh thần Đại hội VI của Đảng, nền kinh tế nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân trong giai đoạn 1991 - 1999 đạt 7,3%/năm ; sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ đều có bước phát triển. Đã cải thiện một bước quan hệ tích lũy và tiêu dùng theo hướng tiết kiệm tiêu dùng để tăng tích lũy cho phát triển ; tổng quỹ tích lũy tăng bình quân hằng năm trên 10% ; toàn bộ tích lũy tài sản so với GDP được nâng từ 15% năm 1991 lên gần 29% năm 2000 (bình quân 5 năm 1996 - 2000 là 28,4%). Tỷ lệ tiết kiệm trong nước so với GDP từ 10% năm 1991 tăng lên gần 25% năm 2000. Tuy trong 2 năm 1997 và 1998 nền kinh tế nước ta chịu tác động bất lợi của khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực, nhưng vẫn tiếp tục tăng trưởng, trong khi nhiều nước trong khu vực tăng trưởng âm hoặc lâm vào tình trạng suy thoái. Đời sống các tầng lớp dân cư nói chung được cải thiện. Quỹ tiêu dùng của dân cư tính theo giá so sánh tăng bình quân hơn 5%/năm. Ngân sách nhà nước (NSNN) đã có nhiều chuyển biến về chất khá rõ rệt, đã được cơ cấu lại theo hướng tích cực và hiệu quả hơn. Thu ngân sách không những đáp ứng đủ nhu cầu chi thường xuyên, mà còn dành được phần đáng kể cho dự phòng, dự trữ tài chính, đầu tư phát triển và trả nợ (tỷ lệ thu thuế và phí dành cho đầu tư phát triển và trả nợ so GDP đã tăng từ 4,1% giai đoạn 1991 - 1995 lên 4,8% giai đoạn 1996 - 2000). Số thu vào NSNN thông qua thuế và phí chiếm tới hơn 90% tổng thu NSNN. Cơ cấu thu theo ngành cơ bản phù hợp với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, bao quát được nguồn thu và bảo đảm được nhiệm vụ động viên mà Đại hội VIII của Đảng đã đề ra.

Chi NSNN đã góp phần quan trọng tạo ra những tiến bộ trong phân phối tổng sản phẩm trong nước (GDP), nâng dần tỷ lệ tích lũy nội bộ của nền kinh tế, tăng dự trữ tài chính và xử lý có kết quả các vấn đề nợ quá hạn từng bước xóa bao cấp, bao biện trong sản xuất và tiêu dùng, quán triệt nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả. Các khoản chi ngân sách đã từng bước được cơ cấu lại. Chi đầu tư phát triển được tập trung cho công tác cải tạo và xây dựng kết cấu hạ tầng, tạo môi trường và điều kiện cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế phát triển. Nhiều công trình giao thông quan trọng đã được khởi công và đưa vào sử dụng, hệ thống bến cảng, sân bay từng bước được mở rộng và hiện đại hóa, hệ thống thủy lợi, thủy điện và nhiều công trình quan trọng khác cũng đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Chi thường xuyên của ngân sách ngoài việc bảo đảm đáp ứng được các nhu cầu duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước, củng cố quốc phòng an ninh, đã tập trung mạnh cho các nhiệm vụ giáo dục và đào tạo, nghiên cứu khoa học và xóa đói giảm nghèo, trợ cấp các mặt hàng chính sách cho vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc khó khăn.

Hệ thống chính sách tài chính đã từng bước được hoàn chỉnh, cơ bản phù hợp với cơ chế quản lý và thực trạng nền kinh tế đất nước trong giai đoạn chuyển đổi, đã quán triệt và thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế - xã hội theo đường lối đổi mới của Đảng. Từng bước xây dựng và phát triển nền tài chính quốc gia ổn định, đủ mạnh thực hiện chính sách động viên phân phối và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính trong và ngoài nước, bảo đảm cho nền kinh tế tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu hợp lý, từng bước hội nhập quốc tế.

Tuy có những thành công khá toàn diện trong đổi mới tài chính - ngân sách giai đoạn 1991 - 2000,

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Tài chính

Digitized by Google

nhưng hoạt động tài chính - ngân sách thời gian qua cũng còn nhiều hạn chế, thể hiện ở chỗ :

- Thu NSNN chưa thực sự dựa trên nền tảng phát triển kinh tế và hiệu quả kinh tế, số thu còn bị ảnh hưởng bởi giá cả dầu thô và thị trường ngoài nước (thu thuế xuất nhập khẩu), do đó tính vững chắc của NSNN không cao. Tiềm lực tài chính quốc gia còn yếu và phân bổ không đều. Trong số 61 tỉnh, thành phố thì hơn 50 tỉnh có tổng thu nhập trên địa bàn không đủ để đáp ứng nhu cầu chi ngân sách địa phương (theo phân cấp chỉ có 5 tỉnh, thành phố tự cân đối và có điều tiết về trung ương, số còn lại trung ương trợ cấp).

- Công tác quản lý thu ngân sách đã có tiến bộ như : cải tiến phương thức hành thu, thu trực tiếp vào Kho bạc nhà nước,... nhưng tình trạng thất thu, trốn thuế, kiểm soát nguồn thu thiếu chặt chẽ vẫn chưa được khắc phục.

- Chi NSNN còn dàn trải, chưa tập trung, nên vai trò là công cụ điều tiết nền kinh tế - xã hội của NSNN còn yếu. Trong khi đó, sức ép tăng chi để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo và bảo đảm an ninh quốc phòng ngày càng lớn.

Ngoài ra, các lĩnh vực hoạt động tài chính khác như tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính và công tác hội nhập quốc tế trong lĩnh vực tài chính thời gian qua tuy có những bước phát triển mới (đặc biệt là sự ra đời của thị trường chứng khoán, thị trường mở và việc ký kết Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ) nhưng vẫn còn nhiều khó khăn vướng mắc cần phải nghiên cứu, tháo gỡ.

Trong bối cảnh đó, nhiệm vụ đặt ra cho công tác quản lý tài chính - ngân sách hết sức nặng nề, đòi hỏi phải có những giải pháp đúng đắn, toàn diện và kịp thời để tạo ra những bước đột phá, nhằm phục vụ đắc lực và có kết quả cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tới của đất nước. Mục tiêu và nhiệm vụ trọng yếu trong giai đoạn tới là : trên cơ sở tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới tài chính, tiền tệ, hình thành nền tài chính quốc gia vững chắc, phục vụ đắc lực cho tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Duy trì môi trường tài chính vĩ mô ổn định, an toàn, đồng thời xác lập cơ chế quản lý và điều hành tài chính, tiền tệ phù hợp với nền kinh tế thị trường theo định hướng của Đảng và Nhà nước, vừa có khả năng giải phóng sức sản xuất xã hội, khuyến khích sản xuất - kinh doanh, vừa thúc đẩy nâng cao hiệu quả, chất lượng tăng trưởng. Trên cơ sở đó rút ngắn khoảng cách phát triển so với các nước trong khu vực, giải quyết vấn đề đói nghèo, tạo nhiều việc làm cho xã hội. Nhiệm vụ của chính sách ngân sách là vừa phải chi cho nhu cầu công tác quản lý nhà nước, bảo đảm an ninh quốc phòng, vừa trở thành công cụ điều tiết kinh tế - xã hội của Nhà nước. Muốn vậy, một mặt, phải bảo đảm nguyên tắc thiết thực, hiệu quả trong chi tiêu ngân sách ; mặt khác, phải từng bước cơ cấu lại ngân sách, hướng ngân sách vào việc thực hiện hai mục tiêu chiến lược của nền kinh tế - xã hội là tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo.

Với định hướng và nhiệm vụ đó, dự kiến những giải pháp chủ yếu của công tác quản lý tài chính - ngân sách trong thời gian tới là :

1 - Tiếp tục đổi mới và kiện toàn hệ thống chính sách, bảo đảm nguyên tắc công bằng về thuế giữa các thành phần kinh tế ; động viên thuế và phí vào NSNN phải vừa giải quyết hài hòa về lợi ích kinh tế giữa Nhà nước và xã hội, vừa bảo đảm đủ nguồn tài chính để Nhà nước thực hiện chức năng điều chỉnh vĩ mô nền kinh tế, thực hiện chính sách xã hội. Trước mắt trong một vài năm tập trung vào thực hiện một số nhiệm vụ như :

- Thu hẹp dần các mức thuế gián thu, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, ban hành thuế thu nhập cá nhân thay thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao và mở rộng diện chịu thuế nhằm phát huy vai trò điều tiết của thuế ; cải tiến thu hẹp hình thức thu phí, lệ phí qua NSNN ; đồng thời áp dụng hình thức thu đối với việc sở hữu một số tài sản có giá trị lớn.

- Đổi mới hình thức quản lý hành chính thuế theo hướng đối tượng nộp thuế tự kê khai, tự tính thuế, tự nộp thuế và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật. Nhà nước chỉ kiểm tra, đôn đốc việc nộp thuế, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thuế phục vụ cho công tác quản lý thu có hiệu quả.

- Thực hiện giảm dần thuế nhập khẩu và xóa bỏ dần các biện pháp phi thuế quan theo cam kết đã ký và lịch trình hội nhập với các tổ chức quốc tế và khu vực. Đồng thời phải bảo đảm không gây ảnh hưởng lớn đến nguồn thu của NSNN ; tạo điều kiện khuyến khích việc chuyển giao kỹ thuật, đổi mới công nghệ cho nền sản xuất trong nước ; tranh thủ các ưu đãi mở rộng thị trường xuất khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài ; bảo hộ hợp lý, có thời hạn đối với các ngành sản xuất trong nước để tạo thời gian

Digitized by Google

cho các ngành chuyển đổi cơ cấu sản xuất cho phù hợp với lịch trình cam kết cắt giảm thuế trong quá trình hội nhập.

2 - Cơ cấu lại chi NSNN theo hướng triệt để chống bao cấp, tập trung vào việc xử lý các mục tiêu kinh tế vĩ mô, xây dựng cơ sở hạ tầng (tập trung cho các công trình trọng điểm không thu hồi được vốn, không có khả năng sinh lời trực tiếp, nhưng có tầm quan trọng đối với nền kinh tế - xã hội), hỗ trợ thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển (đặc biệt hỗ trợ về khoa học, công nghệ, thị trường, hỗ trợ sản xuất các sản phẩm quan trọng, ngành trọng điểm, địa phương trọng điểm) và chi phát triển con người (bảo đảm chế độ đối với người có công với cách mạng, thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo, tập trung chi cho giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ nhằm xây dựng đội ngũ trí thức và cán bộ khoa học có trình độ cao cho đất nước).

- Cải cách cơ bản chế độ tiền lương, giải quyết dứt điểm những bất hợp lý trong chính sách tiền lương và thu nhập, lấy nguyên tắc phân phối theo lao động làm chủ yếu kết hợp với các hình thức phân phối khác nhằm bảo đảm phân phối công bằng trong xã hội.

- Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa một số khoản chi NSNN, thực hiện cơ chế tự trang trải chi tiêu, tự bảo đảm tiền lương đối với một số đơn vị sự nghiệp có thu.

- Thực hành tiết kiệm trên cơ sở triển khai sâu rộng Pháp lệnh thực hành tiết kiệm và chống lãng phí. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các định mức kinh tế - kỹ thuật làm thước đo mức độ tiết kiệm. Sớm tổng kết rút kinh nghiệm việc thực hiện thí điểm khoán chi hành chính để mở rộng diện nhằm tạo cho các đơn vị thụ hưởng ngân sách chủ động trong điều hành và sử dụng kinh phí ngân sách một cách tiết kiệm và có hiệu quả nhất. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra các đơn vị dự toán, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm chế độ kế toán, lập quỹ đen. Trong xây dựng cơ bản, thận trọng khâu lựa chọn dự án, mở rộng diện và nâng cao chất lượng đấu thầu, kiểm soát đơn giá chặt chẽ, thực hiện cấp phát vốn theo giá đấu thầu, khoán gọn.

- Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý tài chính, ngân sách nhằm giải quyết tốt mối quan hệ giữa trung ương và địa phương và giữa các cơ quan chức năng trong quản lý tài chính, bảo đảm tính thống nhất của nền tài chính quốc gia, vai trò chủ đạo của trung ương và tính chủ động của địa phương trong điều hành tài chính, ngân sách phục vụ các nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế, chính trị - xã hội, an ninh quốc phòng trên phạm vi cả nước và từng địa phương.

3 - Tiếp tục hoàn thiện cơ chế tài chính doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp nhà nước nói riêng :

- Đẩy nhanh thực hiện cổ phần, bán, khoán, cho thuê doanh nghiệp nhà nước, không thực hiện biện pháp mang tính tình thế (khoanh nợ, xóa nợ, giảm thuế, hỗ trợ tài chính ...) đối với những doanh nghiệp lỗ. Ưu đãi đối với các doanh nghiệp mới đi vào hoạt động để khuyến khích các thành phần kinh tế bỏ vốn đầu tư ... Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư (cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, cải cách thủ tục hành chính ...) nhằm khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư trực tiếp vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nhất là lĩnh vực chế biến nông sản phẩm xuất khẩu, lĩnh vực công nghệ cao.

- Sửa lại cơ chế phân phối tài chính, quản lý kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh đối với doanh nghiệp, nhằm khuyến khích các doanh nghiệp tích tụ vốn đầu tư chiều sâu, mở rộng sản xuất - kinh doanh.

- Nghiên cứu cơ chế tài chính khuyến khích sản xuất hướng mạnh vào xuất khẩu, làm chủ thị trường trong nước, đồng thời có các biện pháp kích cầu phù hợp từng thời kỳ để khuyến khích tiêu thụ sản phẩm hàng hóa sản xuất ra, trên cơ sở đó thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển.

4 - Xây dựng và phát triển hệ thống thị trường tài chính đồng bộ, vận hành theo cơ chế thị trường có sự giám sát chặt chẽ của Nhà nước.

- Tiếp tục hoàn thiện và phát triển hệ thống các công cụ của thị trường tiền tệ, đặc biệt là thị trường mở, thị trường nội ngoại tệ liên ngân hàng, thị trường tín dụng thuê mua tài chính.

- Bảo đảm sự vận hành an toàn, lành mạnh và hiệu quả của thị trường chứng khoán. Theo dõi chặt chẽ mọi diễn biến của thị trường để có giải pháp điều chỉnh thích hợp nhằm khuyến khích sự phát triển ổn định của thị trường, ngăn ngừa mọi hiện tượng tiêu cực có thể phát sinh.

(Xem tiếp trang 40)

Digitized by Google

XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ

VŨ HIỀN

XÂY dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ là vấn đề không phải bây giờ chúng ta mới đặt ra. Trong lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, ông cha ta đã rất chú trọng đến "thực túc, binh cường" để yên dân và bảo đảm cho non sông bền vững. Đảng ta trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng luôn đặc biệt quan tâm đến vấn đề này và quan điểm về xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ đã được đề cập đến trong nhiều nghị quyết quan trọng của Đảng, nhất là từ Đại hội VI đến nay.

Tuy nhiên, trong bối cảnh của thế giới hiện nay, khi toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đang diễn ra như một xu thế khách quan ngày càng có nhiều nước tham gia (trong đó nước ta không phải là ngoại lệ), mà quá trình đó lại đang bị những nước tư bản phát triển và các tập đoàn siêu quốc gia chi phối, thì vấn đề xây dựng kinh tế độc lập tự chủ với những nội dung mới càng được đặt ra một cách nghiêm túc và bức xúc.

Khi nói đến tầm quan trọng cũng như sự cần kíp của việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ của nước ta hiện nay, các nhà nghiên cứu rất thống nhất với nhau. Thế nhưng nhìn nhận cụ thể hơn về hình dáng cũng như cách thức xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, thì lại có nhiều quan điểm khác nhau.

Loại ý kiến thứ nhất đồng nhất nền kinh tế độc lập, tự chủ với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cho rằng bản thân nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã bao hàm đầy đủ tố chất của kinh tế độc lập, tự chủ. Vậy nên cần phải nói đến kinh tế độc lập, tự chủ nhưng coi đó là nhận thức, là định hướng, là nguyên tắc chỉ đạo khi xây dựng kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa ; còn trong thực tế không nên đặt ra những chính sách, quy định riêng về nó.

Loại ý kiến thứ hai thấy cần thiết phải có định hướng chính sách cũng như những tiêu chí cụ thể về nền kinh tế độc lập, tự chủ, nhưng nhấn mạnh tính mềm dẻo của nền kinh tế này. Trong tình hình hiện nay, khi cả thế giới là một thị trường, phân công hợp tác và hội nhập kinh tế quốc tế là một quá trình tất yếu mà ta đã và nhất định tiếp tục tham gia, càng tham gia được nhiều càng có lợi, thì việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ nên đặt trong một khung cảnh chung với việc thực hiện các cam kết song phương, đa phương và toàn cầu. Như thế thì khái niệm độc lập, tự chủ về kinh tế là một khái niệm rất tương đối. Đã thực hiện kinh tế thị trường, tham gia quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, điều quan trọng nhất là làm gì, làm thế nào để có được hiệu quả kinh tế cao, thu được nhiều lợi nhuận, có tích lũy cho nền kinh tế. Không nhất thiết phải phát triển tất cả một cách đồng bộ, nhất là không nên đầu tư quá nhiều cho công nghiệp nặng vì mất rất nhiều vốn mà vẫn khó có thể ngang tầm quốc tế. Chỉ nên phát triển mạnh nhất ngành nào thị trường cần mà mình có khả năng làm được. Có nhiều tiền thì sẽ thành "thượng đế", mua gì cũng được, kể cả vũ khí đặc biệt. Trong hội nhập, hợp tác phân

Digitized by Google

công quốc tế cần chủ động, không việc gì phải rụt rè mà phải tích cực đẩy tới, thực hiện tự do hóa thương mại, có cơ chế thông thoáng nhất để thu hút đầu tư và tiếp nhận được càng nhiều vốn, kỹ thuật bên ngoài càng tốt. Nếu quản lý kinh tế thật tốt, vay được và trả được, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tăng sức cạnh tranh, tiêu thụ được sản phẩm, hiện đại hóa được công nghệ, thì sức mạnh nền kinh tế sẽ tăng lên, kinh tế vì vậy sẽ độc lập, tự chủ được. Ngay cả về an ninh quốc gia, khi đầu tư nước ngoài vào nước ta nhiều thì lợi ích các bên được gắn kết và như vậy an ninh quốc gia sẽ có cả khía cạnh an ninh cộng đồng.

Loại ý kiến thứ ba có chiều cứng rắn, nhấn mạnh thực lực và tính đồng bộ của nền kinh tế, cho rằng độc lập tự chủ về kinh tế là phải có các ngành và cơ sở công nghiệp nặng hiện đại có đủ sức để bảo đảm nhu cầu về máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu quan trọng, có khả năng sản xuất vũ khí, khí tài quan trọng cho lực lượng vũ trang. Kinh tế độc lập, tự chủ còn là nền kinh tế đủ sức chăm lo những mặt cơ bản cho đời sống đất nước, có đủ lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng cho nhân dân. Về vốn và kỹ thuật, phải dựa vào tích lũy và nguồn vốn trong nước là chủ yếu, những công trình cần thiết phải xây dựng thì ta huy động vốn bên trong là chính kết hợp với nhiều hình thức vay vốn bên ngoài để ta tự làm lấy ; hạn chế dùng vốn ODA cũng như hạn chế việc nước ngoài trực tiếp đầu tư 100% vốn ; các cơ sở hợp tác liên doanh thì vốn của ta ít nhất phải ngang họ và tốt nhất là nhiều hơn họ. Phải hết sức cảnh giác trong mở cửa, hội nhập, đề phòng các lực lượng thù địch dùng kinh tế để chống phá ta, thực hiện "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực kinh tế.

Những ý kiến nêu trên đều có những khía cạnh đúng nhưng lại nhấn mạnh một chiều gây ra cách hiểu hoặc thiếu đầy đủ, hoặc sai lệch về kinh tế độc lập, tự chủ. Dựa trên những quan điểm chỉ đạo của Đảng ta, có thể quan niệm rằng, độc lập, tự chủ về kinh tế là nền tảng vật chất cơ bản để phát triển đất nước trong điều kiện hiện nay, để bảo đảm sự bền vững của độc lập, tự chủ về chính trị. Trong lý luận cũng như trong thực tiễn, không thể có độc lập về chính trị nếu như không có nền kinh tế độc lập, nếu như bị phụ thuộc về kinh tế. Độc lập, tự chủ kinh tế theo quan điểm toàn diện, luôn được đặt trong mối quan hệ biện chứng với độc lập, tự chủ về chính trị, văn hóa, xã hội và các mặt cụ thể khác, tạo thành sự độc lập, tự chủ và sức mạnh tổng hợp của quốc gia.

Nói tới độc lập tự chủ về kinh tế, trước hết phải nói tới sự độc lập, tự chủ về đường lối, chính sách phát triển, nói tới một nền kinh tế phát triển bền vững, không bị lệ thuộc, phụ thuộc vào nước khác, hoặc phụ thuộc vào tổ chức quốc tế nào đó về đường lối, chính sách, định hướng phát triển, vào những điều kiện kinh tế, chính trị mà họ áp đặt cho ta, gây tổn hại đến chủ quyền quốc gia và lợi ích cơ bản của dân tộc.

Độc lập, tự chủ về kinh tế, do vậy cũng là sự bình ổn, có khả năng chủ động và thích ứng cao, có thể duy trì sự ổn định kinh tế - xã hội và giữ vững định hướng phát triển ngay cả trong tình hình chấn động của thị trường, của khủng hoảng kinh tế, tài chính ở khu vực và trên thế giới, trong tình thế bị bao vây, cô lập và chống phá của các thế lực thù địch. Bảo đảm độc lập, tự chủ về kinh tế chính là bảo đảm vững chắc định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc văn hóa dân tộc trong hội nhập, mở cửa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đương nhiên, trong thời đại ngày nay, độc lập, tự chủ về kinh tế tuyệt nhiên không phải là nền kinh tế "khép kín", "tự cung tự cấp", mà đặt trong mối quan hệ biện chứng với việc chủ động tham gia vào quá trình giao lưu, hợp tác và cạnh tranh quốc tế trên cơ sở phát huy tốt nhất nội lực và lợi thế so sánh của quốc gia. Trong mối quan hệ đó, nên nhìn cả hai mặt : một mặt, cần thấy nền kinh tế vững mạnh độc lập, tự chủ là điều kiện quan trọng nhất để hội

Digitized by Google

nhập kinh tế quốc tế, nhưng không phải vì thế mà chỉ đợi cho kinh tế mạnh ngang bằng, cân sức với các nước khác thì mới tham gia hội nhập. Ta chủ động hội nhập dựa trên sức lực của ta, tham gia đến đâu, mức độ nào là do ta độc lập suy nghĩ để quyết định. Mặt khác, chính việc hội nhập kinh tế quốc tế là phương thức nhanh nhất, là giải pháp tốt nhất để chúng ta thực hiện mục tiêu xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Như vậy, nền kinh tế độc lập, tự chủ là tiền đề và là mục tiêu mà chúng ta xây dựng, vấn đề mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế có thể được coi là phương tiện hữu hiệu để đạt tới mục tiêu đó.

Để bảo đảm độc lập, tự chủ về kinh tế và từng bước xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ ngày càng lớn mạnh, vững chắc, cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ chính yếu sau :

Một là, thực hiện tốt đường lối chung và đường lối kinh tế để xây dựng và phát triển đất nước. Đường lối đó do Đảng ta đề ra và lãnh đạo thực hiện, thể hiện sự độc lập, tự chủ trong tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, trong đó xây dựng kinh tế là nhiệm vụ trung tâm. Chúng ta khẳng định sự quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Xây dựng chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội là sự nghiệp vô cùng khó khăn và phức tạp nhưng nhất định chúng ta sẽ đi tới đích. Đích chủ nghĩa xã hội và mục tiêu của cách mạng Việt Nam mà chúng ta hướng tới và thực hiện bằng được là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Quá trình thực hiện mục tiêu cao cả đó bao hàm nội dung trọng yếu là từng bước xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - nền kinh tế độc lập tự chủ. Cho đến giai đoạn phát triển mới hiện nay, Đảng ta hình thành đường lối kinh tế là : Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đưa đất nước ta thành một nước công nghiệp ; ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; phát huy cao độ nội lực của cả dân tộc gắn với tận dụng mọi nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững ; tăng trưởng kinh tế đi liền từng bước với cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường quốc phòng - an ninh.

Như vậy, việc thực hiện thắng lợi đường lối kinh tế của Đảng chính là xây dựng được nền kinh tế độc lập, tự chủ phù hợp với điều kiện của đất nước và thích ứng với tình hình quốc tế. Làm được như vậy sẽ phát huy mọi nguồn lực bên trong và tận dụng các nguồn lực bên ngoài để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Đến lượt nó, từng bước phát triển của nền kinh tế có tính độc lập, tự chủ cao sẽ tăng cường tiềm lực đất nước, tạo sức mạnh cho đất nước vượt lên.

Hai là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây là nhiệm vụ trọng tâm nhằm xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, giúp chúng ta đi tắt, đón đầu, tránh được nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước khác. Con đường công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước được thực hiện với những bước đi vững chắc, vừa tuần tự, vừa nhảy vọt, phát huy mạnh mẽ các lợi thế của đất nước, gắn với công nghiệp hóa với hiện đại hóa từng bước, tiếp cận và ứng dụng kinh tế tri thức trong những ngành nghề thích hợp ; tận dụng mọi khả năng để đạt trình độ tiên tiến, hiện đại về kinh doanh, công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin ; phát huy nguồn lực trí tuệ và sức mạnh tinh thần của người Việt Nam thông qua phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ ; phát triển một số ngành công nghiệp then chốt, xây dựng và phát triển một số lĩnh vực kinh tế mũi nhọn ; đồng thời coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Digitized by Google

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa được thể hiện ở việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, nâng cao chất lượng và hiệu quả phát triển kinh tế, tăng sức cạnh tranh ; tập trung nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả đầu tư, hiệu quả hợp tác quốc tế, sử dụng vốn nước ngoài. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu đầu tư phải dựa trên phát huy thế mạnh, lợi thế so sánh của đất nước, gắn với nhu cầu thị trường trong và ngoài nước ; đáp ứng nhu cầu thiết yếu về đời sống của nhân dân và yêu cầu quốc phòng - an ninh, tăng lượng hàng hóa xuất khẩu ra bên ngoài.

Ba là, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại và chủ động hội nhập quốc tế. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế ; Việt Nam muốn là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển. Đây là nhiệm vụ công tác hết sức trọng đại, tạo môi trường hòa bình và điều kiện quốc tế thuận lợi cho chúng ta thực hiện những mục tiêu chiến lược của đất nước ; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Mở rộng quan hệ đối ngoại là mở rộng quan hệ nhiều mặt, chú trọng cả quan hệ song phương và đa phương đối với các nước, các tổ chức khu vực và quốc tế theo nguyên tắc tôn trọng lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi, chống mọi hành vi đe dọa, gây sức ép, áp đặt và cường quyền.

Nội dung trọng yếu của quan hệ đối ngoại là quan hệ kinh tế đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế đáp ứng yêu cầu và lợi ích của nước ta trong quá trình phát triển, đồng thời qua đó phát huy vai trò của nước ta trong quá trình hợp tác với các nước, các tổ chức khu vực và thế giới. Chủ động hội nhập là để kết hợp nội lực là chính với ngoại lực là quan trọng, tạo thành sức mạnh to lớn đưa đất nước tiến lên. Những nguồn ngoại lực đó là vốn, thiết bị, vật tư, tiến bộ khoa học và công nghệ, kiến thức và kinh nghiệm quản lý, mở rộng thị trường và các quan hệ hợp tác cùng có lợi.

Thực hiện chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, chủ động hội nhập quốc tế được thúc đẩy không chỉ với việc gia nhập AFTA, APEC, WTO..., mà còn thiết lập các quan hệ thương mại, đầu tư, khoa học - kỹ thuật với từng nước. Chúng ta tham gia các tổ chức đa phương để đẩy mạnh quan hệ song phương trước hết với tất cả các nước là thành viên của các tổ chức kinh tế quốc tế. Sự hợp tác cùng có lợi với các nước và các tổ chức càng được đẩy mạnh càng tăng cường sự liên kết trong tổ chức, với các nước đang phát triển để cùng nhau đấu tranh bảo vệ lợi ích chung trên các diễn đàn quốc tế, chống lại sự áp đặt không bình đẳng của các nước phát triển.

Nguyên tắc cơ bản và bao trùm trong hội nhập kinh tế quốc tế là bảo đảm giữ vững độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm vững chắc an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường. Trong hội nhập kinh tế quốc tế, phải vừa hợp tác, vừa đấu tranh, vừa kiên quyết vừa mềm dẻo để tranh thủ được thời cơ và hạn chế nguy cơ, bảo vệ lợi ích chính đáng của đất nước, nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế.

Đương nhiên, trong tình hình thế giới phức tạp như hiện nay, chúng ta chủ động hội nhập, bảo đảm thực hiện các cam kết trong các quan hệ song phương và đa phương nhưng phải luôn đề cao cảnh giác, không mơ hồ trước các âm mưu đen tối của các thế lực thù địch. Thực tiễn cho thấy, điều cơ bản có tính chất quyết định để thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ, là phải phát huy được nội lực, tranh thủ ngoại lực, tạo thành quốc lực mạnh, đặc biệt chăm lo xây dựng, củng cố niềm tin, sự ủng hộ và gắn bó của nhân dân với chế độ, với Đảng và Nhà nước. ❑

Digitized by Google

55 NĂM TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC TA - NHỮNG ĐÒI HỎI TRƯỚC TÌNH HÌNH MỚI

NGUYỄN VĂN THẢO *

1- Tình hình mới, áp lực mới.

Thế giới hiện đang ở vào một thời kỳ chuyển đổi cực kỳ nhanh với những diễn biến hết sức phức tạp, các cuộc khủng hoảng khu vực, tranh chấp sắc tộc, sự thao túng của các thế lực trong mối quan hệ quốc tế, xu thế toàn cầu và hội nhập, sự xuất hiện những mầm mống của một nền kinh tế tri thức chứa đựng nhiều khả năng khó lường. Tình hình đó, ở nhiều quốc gia đã đặt vấn đề cải tổ nhà nước như là tâm điểm của mọi sự cải tổ, để tạo nên nguồn lực của sự phát triển trong mọi lĩnh vực.

Ở nước ta, từ góc độ nhà nước, tình thế có điểm gì mới ?

Trước hết, *kinh tế thị trường phát triển* với nhiều yếu tố mới. Thị trường chứng khoán bắt đầu hoạt động, kinh tế trang trại nông thôn trở thành một nhu cầu khách quan. Luật Doanh nghiệp mới đi vào cuộc sống, chỉ trong 6 tháng đầu năm 2000 đã có hàng ngàn doanh nghiệp tư nhân được thành lập ở Hà Nội, TP Hồ Chí Minh. Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ tiếp tục để chúng ta tiếp cận, hội nhập với thị trường thế giới... đòi hỏi rất nhiều lĩnh vực trong nước phải điều chỉnh lại về chính sách, cơ cấu, thể chế, nền hành chính, nền tư pháp.

Thứ hai, *tập thể chế hiện hành* có ưu điểm là khá đầy đủ bao gồm các luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư kể cả văn bản quy phạm pháp luật của cấp chính quyền địa phương. Nhưng nhược điểm của nó là thiếu thống nhất, nhiều chỗ mâu thuẫn hoặc triệt tiêu nhau, nên rất khó thi hành nghiêm chỉnh. Tập thể chế này chỉ tính 5 năm gần đây (1995 - 1999) đã có tới 60 luật, pháp lệnh của Quốc hội, 1 507 văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ. Số lượng thông tư của 24 bộ, 26 tổng cục trong 5 năm qua chưa thống kê được, mới tính 20 bộ, tổng cục đã ban hành tới 703 thông tư.

Công việc xây dựng thể chế, từ soạn thảo các dự luật, pháp lệnh, nghị định của Chính phủ đến soạn thảo thông tư của bộ, tổng cục đều do các bộ, tổng cục phụ trách về các lĩnh vực thuộc phạm vi ngành mình.

Tập thể chế đó có nhược điểm là các quy định thuộc ngành nào thường nghiêng về lợi ích của ngành đó, nên khi thi hành pháp luật, người ta mới phát hiện ra những mâu thuẫn của thể chế ngành này với thể chế ngành khác, gây ách tắc cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, phiền hà cho đời sống công dân.

Để sự điều hành của Chính phủ có hiệu lực, cần tiến hành *pháp điển hóa tập thể chế này*, không nên tiến hành theo cách làm hiện nay là rà soát trong phạm vi từng ngành, từng bộ.

Pháp điển hóa tạo cơ sở pháp lý thống nhất, khung pháp lý cơ bản làm nền tảng của mọi hoạt động trong xã hội. Pháp điển hóa đòi hỏi Nhà nước quan tâm dành nhiều thời giờ hơn cho công việc này.

Thứ ba, *xã hội hóa* công tác y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao và một số lĩnh vực khác. Chính phủ xem xét các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, phạm vi hoạt động của cơ quan hành chính các cấp, chuyển dần một số chức năng "thực hiện trực tiếp", "quản lý trực tiếp" đặc biệt là các chức năng dịch vụ xã hội cho các tổ chức xã hội, đoàn thể, công dân ; từ quốc lập sang bán công hoặc dân lập ; từ khu vực công sang khu vực tư ; từ cấp trên xuống cấp dưới ; từ tổ chức hành chính phụ thuộc sang tổ chức hành chính tự quản.

Đây cũng là xu thế phát triển chung của nhiều nước trên thế giới, được gọi là vấn đề dịch vụ công, một quan niệm chuyển từ nền hành chính truyền thống sang nền hành chính phát triển.

Thứ tư, *toàn cầu hóa, sự hội nhập của chúng ta.*

Cuộc cách mạng công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin là yếu tố làm xuất hiện quá trình toàn cầu hóa và hội nhập.

Quá trình này bao gồm nhiều lĩnh vực, nhất là quá trình toàn cầu hóa về thông tin, thương mại, tài

---

* Luật sư

Digitized by Google

chính, và sự vận động của các luồng vốn, về bảo vệ môi trường và công nghệ sinh học. Quá trình hội nhập theo chủ trương đa phương hóa các mối quan hệ quốc tế của Đảng ta với những sự kiện nổi bật gần đây trong quan hệ thương mại Việt - Mỹ, các quan hệ khu vực với ASEAN, EU... đã tạo ra nhiều thuận lợi và cũng không ít khó khăn. Việc điều hành một bộ máy nhà nước cồng kềnh, nặng nề với một hệ thống doanh nghiệp nhà nước yếu kém, thua lỗ triền miên quan hệ với một bộ máy có kỹ năng hiện đại, hệ thống công ty rất nhạy bén trong thương mại quốc tế, quả là một cơ hội cho chúng ta vươn lên và cũng là một thách thức lớn về năng lực quản lý kinh tế, xã hội của Nhà nước.

Thứ năm, *nền kinh tế tri thức* còn rất mới mẻ, nhưng Nhà nước cũng cần đón trước những gì sẽ xảy ra để vững vàng bước vào thời kỳ mới. Nét nổi bật của nền kinh tế tri thức là tri thức trở thành nhân tố sản xuất quan trọng nhất, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội ở mỗi quốc gia. Các nguồn lực truyền thống của sản xuất là lao động, đất đai, tiền vốn so với khả năng sáng tạo thì tri thức đang trở thành nguồn lực quyết định sức mạnh mỗi quốc gia, mỗi doanh nghiệp trên thị trường. Có thể nói đang có một chuyển biến toàn cầu từ nền kinh tế dựa vào vốn, sức lao động cơ bắp, đất đai sang nền kinh tế dựa vào trí não con người.

Nghiên cứu, đón trước những phát triển mới là trách nhiệm của mỗi quốc gia, trước hết là của nhà nước.

2 - Dịch vụ công - vai trò nhà nước.

Nhà nước ta cũng như tất cả các nhà nước trên thế giới mặc dù bản chất khác nhau, chức năng, khối lượng công việc, cách tổ chức có thể rất khác nhau, nhưng đều có nhiệm vụ phục vụ cho đời sống dân cư, làm cho đất nước phát triển, nhân dân ngày càng hưởng nhiều phúc lợi do nhà nước đem lại.

Quan niệm nhà nước là bộ máy công quyền do dân bầu, thành lập, do dân đóng thuế lập nên ngân sách nhà nước, một phần ngân sách nuôi bộ máy công quyền, một phần thực hiện phúc lợi chung cho toàn thể dân cư là quan niệm truyền thống đã tồn tại nhiều thế kỷ.

Ý nghĩa của việc thực hiện các dịch vụ công là xuất phát từ trách nhiệm đạo lý và pháp lý của nhà nước đối với dân cư. Sự hưởng dụng của dân đối với các dịch vụ do nhà nước cung cấp, bất luận ở lĩnh vực nào đều là bình đẳng, mọi người hưởng như nhau, không mất tiền. Như vậy, *dịch vụ công được xem như là các hoạt động của bộ máy nhà nước nhằm cung cấp cho xã hội, tất cả mọi người đều được hưởng dụng những lợi ích mà dịch vụ công đem lại.*

Dịch vụ công có thể được thực hiện ở một hoặc nhiều lĩnh vực, tùy theo sự lựa chọn ưu tiên của nhà nước, tùy vào ngân sách mỗi nước, mức phát triển dân trí, truyền thống dân tộc và năng lực bộ máy.

Nhiều quốc gia đã xác định các cơ quan nhà nước phải coi *nhiệm vụ chính* của mình là cung cấp ngày càng nhiều dịch vụ cho xã hội, coi người dân, người quản lý doanh nghiệp, các thương nhân, doanh nhân là khách hàng của mình, cơ quan nhà nước là tổ chức phục vụ, từ chức năng trước đây cai quản xã hội, chuyển thành chức năng cung cấp dịch vụ cho xã hội.

Quan niệm về dịch vụ công ngày càng bổ sung, phát triển, mở rộng, bao trùm lên toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước, ngay cả những chức năng cai quản (quản lý nhà nước) cũng được xem đó là một dịch vụ công, phục vụ cho trật tự quản lý, mọi người dân đều được hưởng lợi ích của trật tự chung.

Một chính phủ có năng lực hiện nay ở nhiều quốc gia, được hiểu là biết cung cấp nhiều dịch vụ cho nhân dân, thông qua các chiến lược, chương trình phúc lợi công cộng cho nhân dân.

Nhà nước phân bổ ngân sách vào các lĩnh vực cần ưu tiên, tổ chức một bộ máy cung cấp dịch vụ có hiệu quả, huy động toàn xã hội thực hiện các dịch vụ công cùng nhà nước, tìm kiếm nhiều hình thức thích hợp để cung cấp dịch vụ.

Sự phát triển quan niệm về dịch vụ công trong nhiều lĩnh vực hoạt động của nhà nước cho thấy, cần thiết phân loại các dịch vụ công để hoạt động của nhà nước có hiệu quả hơn.

Có loại dịch vụ công phục vụ cho toàn thể dân chúng cả nước hoặc từng vùng, mọi người đều hưởng dụng như nhau, không loại trừ người nào, việc hưởng dụng không cần có sự phân phối, không có thị trường, không phải trả tiền. Đặc điểm của loại dịch vụ này là mọi người đều tiêu dùng chung, hưởng lợi chung, chỉ có nhà nước, khu vực công cung cấp, các khu vực khác như khu vực tư nhân, khu vực tập thể không thể cung ứng, cũng không muốn quan tâm đến các loại dịch vụ này, vì nó phi kinh tế, không có lợi cho họ. Ví dụ các dịch vụ phòng chống dịch bệnh trong cả nước, như tiêm phòng cho trẻ em sơ sinh, các hoạt động bảo vệ trật tự chống khủng bố,

Digitized by Google

các chiến dịch khẩn cấp chống thiên tai, bão lụt, động đất, cháy rừng, các hoạt động bảo vệ biên giới, an ninh quốc gia v.v..

Có loại dịch vụ công phục vụ cho một hoặc một vài đối tượng trong dân chúng được hưởng dụng không mất tiền, nhà nước cung cấp hoàn toàn kinh phí hoặc có thể cung cấp phần lớn, phần còn lại do các đối tượng được hưởng dụng đóng góp vào. Loại dịch vụ này có thể chiếm một khối lượng lớn trong các loại dịch vụ công.

Có loại dịch vụ hành chính công phục vụ cho nhu cầu của một công dân, một tổ chức cũng là những hoạt động cần thiết của cơ quan nhà nước. Những dịch vụ này không thể thiếu trong hoạt động thường ngày của cơ quan hành chính và cơ quan tư pháp (chủ yếu là tòa án, viện kiểm sát và một số tổ chức bổ trợ tư pháp như công chứng, giám định, thi hành án, lý lịch tư pháp).

Là dịch vụ công, lại phục vụ cho nhu cầu cụ thể của công dân, nên không thể phục vụ không mất tiền, vì như vậy dễ lạm dụng. Tuy nhiên, việc trả tiền cho những dịch vụ công lại cũng không thể ngang giá, cũng không tìm kiếm lợi nhuận. Đó là lý do các nhà nước trên thế giới đều quy định về lệ phí trong một số dịch vụ công bên cạnh việc đóng thuế. Đóng thuế là sự đóng góp của dân, việc đóng góp đó không được hoàn trả lại để nhà nước có kinh phí thực hiện dịch vụ công không mất tiền.

Nộp lệ phí là sự đóng góp của dân được hoàn trả lại bằng sự phục vụ cụ thể của cơ quan hành chính đối với người đóng góp để nhà nước có kinh phí thực hiện *các dịch vụ hành chính công.*

3 - Bộ máy nhà nước tổ chức các dịch vụ công.

Nhiều nước đang cố gắng tìm kiếm các hình thức dịch vụ công, sao cho có nhiều hiệu quả, thuận tiện, nhanh chóng, huy động được lực lượng của toàn xã hội cùng nhà nước thực hiện các loại dịch vụ.

Cơ quan nhà nước không nhất thiết đứng ra trực tiếp thực hiện tất cả các loại dịch vụ, vì sản phẩm của dịch vụ công rất đa dạng, mỗi lĩnh vực có sản phẩm khác nhau, cách cung cấp khác nhau. Có việc giao cho các tổ chức tự quản của nhà nước (các Agency, bệnh viện công, trường công, viện nghiên cứu v.v..) ; có việc giao cho các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức xã hội ; có việc giao cho các khu vực tư nhân, các công dân ; có việc tự mình đứng ra thực hiện.

Giao cho các tổ chức tự quản của nhà nước :

Hình thức này khá phổ biến, các Agency là những cơ quan trực thuộc các bộ của chính phủ, có tư cách pháp nhân, hoạt động độc lập không giống như các vụ (department) của bộ, gần giống như các cơ quan sự nghiệp thuộc bộ ở nước ta.

Các bệnh viện công, trường công, thuộc hệ thống Bộ Y tế, Bộ Giáo dục cũng được xếp vào loại này.

Đặc điểm của các tổ chức tự quản của nhà nước là được giao thực hiện một chức năng dịch vụ công, được ngân sách cấp cho các hoạt động chủ yếu, có nguồn thu do các dịch vụ công đem lại, tự trang trải kinh phí. Những người làm việc trong các tổ chức này một phần là công chức nhà nước, một phần là những viên chức tự do tổ chức tự quản ký hợp đồng dài hạn hoặc ngắn hạn, mức lương có thể cao hơn công chức nhà nước, tùy theo trình độ và sự cống hiến.

Lãnh đạo các tổ chức tự quản có thể là một ban lãnh đạo hoặc một hội đồng gồm cả những công chức và viên chức tư.

Bộ là cơ quan đứng ra ký một khế ước hành chính với tổ chức tự quản, đặt rõ yêu cầu phải thực hiện những dịch vụ gì trong năm, được ngân sách cấp theo khối lượng dịch vụ. Tổ chức tự quản cam kết trong bản khế ước ký với bộ thực hiện những dịch vụ đó theo đơn đặt hàng của bộ.

Đây là một hình thức cung cấp dịch vụ phổ biến vì hầu như ở bộ nào trong chính phủ cũng có nhiều loại dịch vụ công, nên một bộ có thể có nhiều tổ chức tự quản thuộc bộ.

Hoạt động của các tổ chức tự quản (Agency), các bệnh viện, trường học công ngày càng đi vào chế độ tự quản lý, tự trang trải kinh phí, nên nó dần dần trở thành tổ chức nửa công nửa tập thể, hoạt động uyển chuyển, vừa theo yêu cầu mệnh lệnh của bộ, vừa theo nhu cầu của dân trong vùng, chi phí ít tốn kém cho ngân sách, biên chế không phụ thuộc vào biên chế nhà nước ; đồng thời việc cung cấp dịch vụ vẫn theo nguyên tắc không tìm kiếm lợi nhuận nhưng cũng rất phát triển.

Ở một số nước, khi chuyển các Agency này sang chế độ tự trang trải thì biên chế ở khu vực công giảm rất nhanh nhưng họ vẫn làm tại các Agency như cũ, tiền lương nói chung cao hơn khi còn làm việc tại khu vực công thuần túy.

Giao cho các tổ chức phi chính phủ, hoặc giao cho khu vực tư nhân thực hiện cung cấp dịch vụ công.

Vấn đề thường xuyên đặt cho các chính phủ, muốn thực hiện tốt các dịch vụ công, cần tính toán

Digitized by Google

chi phí ngân sách, nên bỏ vào lĩnh vực nào cần ưu tiên, cân nhắc tổ chức nào, ai làm là tốt nhất. Người ta đã tính toán rằng, trong nhiều lĩnh vực, khu vực tư nhân hoặc các tổ chức xã hội đảm nhận việc cung cấp các dịch vụ công theo yêu cầu của nhà nước, có hiệu quả hơn so với việc nhà nước tự đứng ra thực hiện, vì không tốn biên chế mà thái độ phục vụ lại không cửa quyền.

Năng lực thực hiện các dịch vụ công của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, khu vực tư nhân còn rất lớn, mở rộng ra nhiều lĩnh vực khác nhau như bảo vệ môi trường, cung cấp nước sạch, xây dựng đường sá, cầu cống, bệnh viện, trường học, cung cấp thông tin, tư vấn, dịch thuật, phòng chống cháy, vận chuyển hành khách và hàng hóa v.v..

Đương nhiên, khi giao việc cung cấp các dịch vụ công cho khu vực tư nhân, cơ quan nhà nước, cũng có nhiều mối lo ngại về sự làm ăn bất chính của họ. Nhưng nguyên tắc có tính nền tảng của nhà nước đối với khu vực này là lòng tin của chính phủ vào đại đa số dân chúng và các doanh nghiệp tư làm ăn lương thiện, không vì sợ một số ít người làm xấu mà thành kiến, gây khó khăn.

4 - Đội ngũ cán bộ - công chức.

Phân tích nguyên nhân thành công của sự phát triển ở mỗi quốc gia, nhiều nước nhấn mạnh đến vai trò của quan chức. Ở nước ta, nhiều nghị quyết của Đảng đều nhấn mạnh vấn đề cán bộ là nguyên nhân của mọi nguyên nhân.

Đội ngũ cán bộ, công chức hình thành trong một quá trình dài 55 năm, qua nhiều thế hệ, trưởng thành trong chiến đấu và thực tiễn sản xuất, tạo nên sức mạnh hùng hậu cho Nhà nước, một niềm tự hào của chúng ta.

Thời kỳ đầu của Nhà nước, đội ngũ này với tấm lòng đầy tâm huyết, gắn bó với dân, nay đã dần dần được thay thế bằng đội ngũ trẻ, được đào tạo có hệ thống hơn, có kiến thức, trình độ, làm tăng lên nhiều sức mạnh của Nhà nước. Ở cấp trung ương, chức vụ Vụ trưởng, Phó vụ trưởng, Cục trưởng, Phó cục trưởng, Thứ trưởng tính trong số 165 người có 44% trên đại học, 51% đại học, 5% trung cấp. Tuổi đời từ 30 đến 40 chiếm 1%, 40 đến 50 chiếm 15%, 50 đến 60 chiếm 65%, trên 60 chiếm 19%. Năng lực, đạo đức là hai tiêu chí luôn luôn được Đảng đề cao và xem trọng, mặc dù mỗi thời kỳ có thể nghiêng về tiêu chí này hoặc tiêu chí kia.

So với các tiêu chí đó, nhược điểm hiện nay của đội ngũ công chức là thụ động, ít sáng tạo, sợ rủi ro... khi giải quyết công việc. Ý thức, "hướng về dân, phục vụ dân" ít được chú ý. Bệnh "suy dinh dưỡng tâm hồn", thờ ơ trước những yêu cầu của dân, sách nhiễu nhiều hơn tận tình, chỉ hăng hái khi có những lợi ích trước mắt, còn tồn tại khá phổ biến.

Thực trạng đó có thể do nhiều nguyên nhân, trong đó có sự phấn đấu tu dưỡng của bản thân người công chức.

Nhưng có lẽ trừ những ngoại lệ trong một thời kỳ lịch sử nào đó, năng lực và đạo đức của cán bộ, công chức không phải là bẩm sinh mà hầu hết được nuôi dưỡng, phát huy bằng một hệ thống chính sách, cơ chế, phương pháp quản lý của nhà nước đối với cán bộ, công chức.

Khi bàn đến hiệu lực, hiệu quả, uy quyền của bộ máy nhà nước, nếu có đề cập đến vấn đề cán bộ, công chức, chúng ta cũng chỉ nói đến đức tài, các tiêu chí về năng lực là học vị, thâm niên, tích lũy kinh nghiệm, các tiêu chí đạo đức là lòng trung thành, lối sống, sự tín nhiệm trước quần chúng. Tuy nhiên, những tiêu chí đó lại được quyết định bởi cơ chế và chính sách đối với cán bộ, công chức.

Cần có chính sách mới, cơ chế mới tạo nên một tâm lý của cán bộ, công chức trong mối quan hệ với nhân dân, tổ chức xã hội, tổ chức kinh doanh. Mối quan hệ đó không phải là mối quan hệ sách nhiễu mà là mối quan hệ được xây dựng trên cơ sở tâm lý của người công chức là "không cần, không thích, không muốn, không dám, không vui" khi có sự mua chuộc, tặng cho, cám dỗ.

*
* *

Vấn đề nhà nước là một vấn đề có tính lý luận cao, tính thực tiễn sâu sắc. Sự tín nhiệm của nhân dân đối với nhà nước cũng như sự hấp dẫn của nhà nước đối với nhân dân là những giá trị đích thực mà nhà nước đem lại cho nhân dân.

Nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân, vì dân, có nhiệm vụ quản lý đất nước phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa. Năng lực của nhà nước bao gồm sự quyết tâm chính trị, nghệ thuật điều hành của lãnh đạo, năng lực, tư chất của cán bộ, công chức, tinh thần dám kinh doanh của các giám đốc doanh nghiệp nhà nước chỉ có thể được phát huy nếu chúng ta có một hệ thống chính sách, cơ chế và bộ máy nhà nước hoạt động phù hợp với tất yếu kinh tế, tất yếu xã hội. ❑

Digitized by Google

TÌM HIỂU THÊM TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT

PHẠM VĂN KHÁNH *

VÀO giữa thế kỷ XIX, Mác và Ăng-ghen, thay mặt Liên đoàn những người cộng sản, đã cho công bố Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản và đưa ra khẩu hiệu hành động "Vô sản toàn thế giới đoàn kết lại". Cơ sở thực tiễn của lời kêu gọi ấy, như Mác và Ăng-ghen đã phân tích : cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản nhằm lật đổ ách thống trị và bóc lột của chủ nghĩa tư bản đòi hỏi toàn bộ giai cấp vô sản phải liên kết lại do Đảng Cộng sản - đội tiền phong cách mạng - lãnh đạo mới có thể giành được chiến thắng. Thực tiễn phong trào công nhân và hoạt động của các Đảng Cộng sản và công nhân nửa sau thế kỷ XIX, kể từ khi có Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, cho thấy, Mác và Ăng-ghen đã kiên trì đấu tranh cho sự đoàn kết, thống nhất của phong trào công nhân, các Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế. Cả về lý luận và hoạt động thực tiễn, hai ông đã làm hết sức mình để thực hiện khẩu hiệu "Vô sản toàn thế giới đoàn kết lại". Là linh hồn của Quốc tế I, Quốc tế II, Mác, sau đó là Ăng-ghen, là hiện thân của sự đoàn kết. Những tác phẩm, thư từ trao đổi giữa Mác, Ăng-ghen với các lãnh tụ của Quốc tế I, Quốc tế II đều thể hiện quan điểm coi đoàn kết là chiến lược của cuộc đấu tranh cách mạng giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cũng là cái bảo đảm cho xây dựng chế độ mới : xã hội xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa cộng sản.

Đến đầu thế kỷ XX, Lê-nin, người sáng lập Đảng Bôn sê vích Nga, bằng sức mạnh của sự đoàn kết giai cấp, đoàn kết dân tộc đã tổ chức, lãnh đạo cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại năm 1917. Trong chiến lược cách mạng, Lê-nin đã phát triển quan điểm của Mác, Ăng-ghen về đoàn kết trong điều kiện lịch sử mới. Lê-nin đưa ra khẩu hiệu "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại". Lê-nin thực hành khẩu hiệu ấy cả trước và sau Cách mạng Tháng Mười Nga. Chính Lê-nin là hiện thân của khối đoàn kết vô sản quốc tế và các dân tộc bị áp bức, nô dịch của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân và chế độ phong kiến. Lê-nin đã sáng lập và lãnh đạo Quốc tế cộng sản và đề ra con đường giải phóng cho các dân tộc thuộc địa khỏi chủ nghĩa đế quốc để đi lên chủ nghĩa xã hội. Lê-nin cũng là người đề ra các nguyên tắc xây dựng đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, trong đó nguyên tắc về sự thống nhất, đoàn kết về chính trị, tư tưởng, tổ chức là nhân tố bảo đảm sự sống còn của đảng, hạt nhân của đoàn kết quốc tế, đoàn kết dân tộc.

Lê-nin để lại một di sản tinh thần rất to lớn để hướng dẫn lý luận và hành động, phát triển các Đảng Cộng sản và công nhân, giải phóng cho toàn thể những người bị áp bức, bóc lột, cho cả loài người. Đặc biệt, những Di huấn cuối đời của Lê-nin chứa đựng rất nhiều những tư tưởng có giá trị lý luận và thực tiễn về con đường phát triển của nhân loại đi lên chủ nghĩa xã hội và xây dựng một Đảng Cộng sản cầm quyền vững mạnh. Trong những điều mà Lê-nin Di chúc lại, nổi bật nhất, cốt lõi nhất là vấn đề đoàn kết, thống nhất của Đảng, về vấn đề chống chia rẽ, bè phái trong Đảng. Lê-nin cho rằng, nguy cơ dẫn đến tan rã Đảng là sự chia rẽ, bè phái trong Đảng, mà vận mệnh của chủ nghĩa xã hội lại phụ thuộc vào đảng cộng sản cầm quyền có thật sự trong sạch, vững mạnh hay không. Lê-nin cho rằng kẻ thù của chủ nghĩa xã hội, của Đảng Cộng sản trong mưu đồ của chúng chống lại nước Nga Xô viết, chúng đã "trông chờ vào sự chia rẽ trong đảng ta, và... trông chờ vào những sự bất đồng ý kiến cực kỳ nghiêm trọng trong đảng" (1).

Để tăng cường và gìn giữ sự đoàn kết, thống nhất, chống chia rẽ bè phái trong Đảng, Lê-nin đã nêu lên một số biện pháp chủ yếu :

---

* TS. Báo Nhân Dân

(1) V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t 45, tr 394

Digitized by Google

1 - Chống chia rẽ, bè phái từ cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương Đảng ; Bộ Chính trị và những cán bộ lãnh đạo chủ chốt nhất của Đảng.

2 - Tăng số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Lúc ấy, Lê-nin cho rằng có thể tăng vài chục, thậm chí 100 Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Chú ý đưa những người đã qua rèn luyện, công tác ở môi trường công nhân công nghiệp.

3 - Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đảng, làm trong sạch bộ máy đảng và nhà nước. Lê-nin chỉ rõ rằng, toàn bộ chính sách và mấu chốt của vấn đề là kiểm tra và thanh tra. Người yêu cầu Ban Chấp hành Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương của Đảng cùng với sự phát hiện ra những rạn nứt, chia rẽ trong Đảng thì *"cần kiểm tra năng lực của nhân viên công tác, kiểm tra việc chấp hành thực tế.* Cuộc thanh đảng tới đây sẽ nhằm vào những người cộng sản *lên mặt* làm quan cai trị... *Kiểm tra nhân viên công tác và kiểm tra việc chấp hành thực tế công tác* - mấu chốt của toàn bộ công tác, của toàn bộ chính sách hiện nay là ở đấy, vẫn ở đấy và chỉ có ở đấy" (2).

4 - Chỉnh đốn và củng cố công tác kết nạp đảng viên mới. Lê-nin đã đề nghị trình ra Ban Chấp hành Trung ương những quy định về việc kết nạp đảng viên. Lê-nin đặc biệt coi trọng việc kết nạp vào Đảng những công nhân và binh sĩ Hồng quân xuất thân từ công nông và quy định hết sức chi tiết nội dung phấn đấu của đảng viên dự bị cũng như những điều kiện cụ thể, chi tiết để kiểm tra chứng thực rằng thời gian dự bị thực sự là thời gian thử thách.

5 - Thường xuyên tiến hành thanh đảng để đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên cộng sản. Lê-nin yêu cầu "cần phải đề ra một số biện pháp nhằm làm cho đảng có thể gạt bỏ ra khỏi đảng một cách dễ dàng hơn những đảng viên nào hoàn toàn không phải là những đảng viên cộng sản" (3).

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người cộng sản Việt Nam đầu tiên, khi tiếp thu chân lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đã tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc và đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có thể nói, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về đoàn kết đã được Hồ Chí Minh kế thừa và phát triển trên cơ sở truyền thống đoàn kết hàng nghìn năm lịch sử của dân tộc Việt Nam. Đối với cách mạng Việt Nam, đại đoàn kết trở thành chiến lược lớn nhất được Chủ tịch Hồ Chí Minh khái quát thành khẩu hiệu hành động của toàn Đảng, toàn dân ta : "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công".

Vấn đề cốt lõi trong tư tưởng đoàn kết của Hồ Chí Minh là đoàn kết trong Đảng để đoàn kết toàn dân và đoàn kết quốc tế. Điều ấy cũng còn có ý nghĩa là trong Đảng có đoàn kết mới đoàn kết được toàn dân và đoàn kết quốc tế. Ngay từ năm 1927, trong tác phẩm *Đường Kách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ : Đảng có vững mạnh cách mạng mới thành công. Năm 1930, với tư cách là đại diện của Quốc tế cộng sản, Ủy viên Bộ phương Đông, phụ trách Cục phương Nam, trong 5 điểm lớn đề nghị các tổ chức cộng sản ở Việt Nam trong Hội nghị thành lập Đảng, Nguyễn Ái Quốc đã nêu bật vấn đề thống nhất, thành thật hợp tác của các nhóm cộng sản Đông Dương và định ra kế hoạch thực hiện thống nhất trong nước. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, trước đòi hỏi của lịch sử, của nhân dân, Tổ quốc và thời đại, "các nhóm cộng sản đã giúp nhau sửa chữa những hạn chế về nhận thức, đồng lòng đoàn kết và hợp nhất" (4).

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết còn có cội nguồn sâu xa từ truyền thống "Con Lạc cháu Hồng", của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Đoàn kết, thương yêu lẫn nhau "nhiễu điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng" là đặc trưng nổi bật nhất của chủ nghĩa yêu nước mà dân tộc ta từ hàng nghìn đời nay đã hun đúc, vun đắp, xây dựng qua quá trình dựng nước và giữ nước. Năm 1942, sau hơn 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, khi về nước lãnh đạo cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã diễn nôm lịch sử Việt Nam và kêu gọi :

"Dân ta xin nhớ chữ đồng :

Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh".

Hồ Chí Minh còn viết trên báo Việt Nam Độc lập, số 117 ra ngày 1-2-1942 "Sử ta dạy cho ta bài học này :

Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do.

Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn.

---

(2) V.I.Lê-nin : *Sđd*, t 45, tr 19

(3) V.I.Lê-nin : *Sđd*, t 45, tr 25

(4) Lê Khả Phiêu : *Đảng Cộng sản Việt Nam 70 năm xây dựng và trưởng thành*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr 12

Digitized by Google

Vậy ta phải biết đoàn kết, đoàn kết mau, đoàn kết chắc chắn thêm lên mãi dưới ngọn cờ Việt Minh để đánh đuổi Tây - Nhật, khôi phục lại độc lập, tự do".

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự đoàn kết thống nhất của Đảng phải trên cơ sở thấm nhuần sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp và của dân tộc thì mới chắc chắn, cách mạng mới thành công, mới đoàn kết được toàn dân và đoàn kết quốc tế tốt được. Hồ Chí Minh viết : Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và nhân dân ta. Đó là cái bảo đảm chắc chắn nhất cho cách mạng thắng lợi. Từ trước đến nay, Đảng ta đã làm đúng như thế. Từ nay về sau Đảng ta nhất định sẽ làm đúng như thế.

Trước khi đi xa, trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định : "Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác". Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn : "Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Trong Đảng phải thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình" ; "Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân".

Tư tưởng đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi trở thành chiến lược của cách mạng Việt Nam đã tạo nên sức mạnh vô địch để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta "nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng". Đó là sức mạnh của đoàn kết toàn dân kết hợp với sức mạnh thời đại đã đưa tới thắng lợi huy hoàng mùa xuân năm 1975, đánh bại thế lực đế quốc sừng sỏ, giàu mạnh nhất thế kỷ XX, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Tư tưởng đoàn kết của Hồ Chí Minh có ý nghĩa vĩnh hằng, bởi vì "Đại đoàn kết dân tộc là lâu dài, mãi mãi, ngày càng mở rộng, ngày càng gắn bó" (5)... Tình đoàn kết rộng lớn ấy đã là sức mạnh, sẽ mãi mãi là sức mạnh của chúng ta" (6). Tiến tới thế kỷ XXI, trong xu thế toàn cầu hóa về kinh tế, khi nhân loại tiến đến nền kinh tế tri thức, cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật bùng nổ, Việt Nam hội nhập trong điều kiện có những thuận lợi nhưng cũng có nhiều thách thức, khó khăn mới. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước để đem lại ấm no, hạnh phúc cho mọi nhà, mọi người là sự nghiệp của toàn dân Việt Nam. Đảng ta là đảng cầm quyền. Yêu cầu khách quan đòi hỏi Đảng ta phải thật sự trong sạch, vững mạnh, tự chỉnh đốn và tự đổi mới. Đảng không chỉ phải vươn lên tiêu biểu, hội tụ trí tuệ mà mỗi cán bộ, đảng viên còn là tấm gương tiêu biểu cho "đạo đức, văn minh", cho một lối sống mới, phong cách mới theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đã đạt được những kết quả bước đầu và đang được tiếp tục để trở thành nền nếp, góp phần làm cho Đảng ta thật trong sạch, vững mạnh. Một vấn đề quan trọng hàng đầu của các cấp ủy đảng là phải giữ gìn sự đoàn kết thống nhất, chống chia rẽ, bè phái, cục bộ địa phương, phường hội, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức sinh hoạt đảng, chống quan liêu tham nhũng, tiêu cực, làm cho Đảng gắn bó máu thịt với nhân dân. Cần có những chính sách, biện pháp hữu hiệu ngăn chặn sự chia rẽ, bè phái, "giả đoàn kết", thực chất là phản đoàn kết trong một số cấp ủy đảng hiện nay. Cũng cần nghiên cứu, tìm nguyên nhân và giải pháp khắc phục hữu hiệu tình trạng "bè cánh, mất đoàn kết" có tính phổ biến ở nhiều cấp ủy đảng địa phương, cơ quan, đơn vị. Cần trả lời và giải quyết được vấn đề vì sao cán bộ, đảng viên lại vi phạm kỷ luật ngày càng tăng, trong đó có không ít bị kỷ luật vì mất đoàn kết nội bộ ?

Trước thềm thế kỷ XXI, đọc lại những điều Chủ tịch Hồ Chí Minh nói về đoàn kết, chúng ta càng thấm thía và khâm phục tầm nhìn xa, trông rộng của Người. Có thể nói trong tình hình hiện nay, đoàn kết trong Đảng là yếu tố quan trọng hàng đầu để thực hiện "điều mong muốn cuối cùng" của Chủ tịch Hồ Chí Minh là : "Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh..." . ❑

---

(5), (6) Lê Khả Phiêu : *Đảng Cộng sản Việt Nam 70 năm xây dựng và trưởng thành*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr 29, 33

Digitized by Google

PHỔ CẬP GIÁO DỤC TIỂU HỌC – SỰ NGHIỆP LỚN CỦA TOÀN DÂN

NGUYỄN KẾ HÀO *

GIÁO dục tiểu học là bậc học nền tảng của hệ thống giáo dục quốc dân. Trong tương lai, nước ta còn có người mù chữ hay không là tùy thuộc vào việc thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học (PCGDTH) cho trẻ em từ 6 đến 14 tuổi ngay từ ngày hôm nay. Luật Giáo dục của nước ta ghi rõ : *Giáo dục tiểu học là bậc học bắt buộc đối với mọi trẻ em từ 6 đến 14 tuổi.*

I - Mười năm thực hiện Luật phổ cập giáo dục tiểu học

Từ năm 1990 đến nay, Đảng và Nhà nước ta đã ra nhiều chỉ thị, nghị quyết, đặc biệt là đã ban hành Luật về xóa mù chữ và PCGDTH. Nhà nước ta đã ký vào Tuyên bố chung của thế giới, về giáo dục cho mọi người, khẳng định xóa mù chữ và PCGDTH là mục tiêu quốc gia phải thực hiện vào năm 2000.

Chúng ta thực hiện Luật phổ cập giáo dục tiểu học từ khởi điểm thấp kém. Năm học 1990 - 1991, tổng số trẻ em từ 6 đến 14 tuổi đi học tiểu học là 8 858 000 em nhưng trong độ tuổi này chưa được đi học còn trên 2 000 000 em. Trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 có 1 663 770 em, so với tổng số trẻ em 6 tuổi trong cả nước thì số trẻ 6 tuổi được huy động vào học lớp 1 chỉ đạt 83,9%. Cũng trong năm học này, số học sinh lưu ban của cả bậc tiểu học là 8,77%, tỷ lệ học sinh bỏ học của cả bậc học chiếm tới 12,35% và hiệu quả đào tạo sau 5 năm chỉ đạt 39,97% (số học sinh tốt nghiệp lớp 5 so với số học sinh vào lớp 1 cách đó 5 năm). Cũng trong năm học này cả nước có 252 413 giáo viên tiểu học, trong đó chỉ có 146 915 (58,2%) giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo trung học sư phạm (THSP) hoàn chỉnh (12 + 2) và 10 + 3 ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa. Số giáo viên chưa đạt trình độ đào tạo lại thuộc nhiều thế hệ đào tạo cấp tốc khác nhau : lớp 10 và 12 cộng thêm một số tháng đào tạo sư phạm, thậm chí có cả giáo viên chỉ có trình độ lớp 5 được đào tạo một số tháng hoặc 1 - 2 năm. Hằng năm thiếu hàng nghìn giáo viên tiểu học. Đời sống của giáo viên tiểu học còn thiếu thốn do lương thấp. Những giáo viên công tác ở vùng núi, vùng sâu thiếu thốn cả về vật chất và tinh thần. Nhiều người trong số họ hy sinh cả tuổi xuân của mình, đến tuổi về hưu hoặc sắp về hưu mà vẫn không có hạnh phúc riêng. Một số năm học tiếp theo còn có khá nhiều giáo viên phải bỏ nghề đi kiếm sống bằng những việc khác.

Mạng lưới trường lớp tiểu học đầu những năm 90 còn nhiều mảng trống, nhiều bản trắng và có cả những xã còn chưa có trường tiểu học. Cơ sở vật chất của trường lớp tiểu học, đại bộ phận, còn rất đơn sơ, nhiều phòng học tạm bợ như trong thời chiến, có hàng nghìn phòng phải sử dụng để học 3 ca trong ngày. Ngoài ra, hậu quả của việc sáp nhập cấp I vào cấp II thành trường phổ thông cơ sở từ đầu những năm 80 đã để lại hậu quả nặng nề về tổ chức và quản lý giáo dục bậc tiểu học. Mặc dù cuối những năm 80 đã có chủ trương tách cấp II ra khỏi cấp I để lập lại trường tiểu học, tạo điều kiện tổ chức và quản lý giáo dục bậc học nền tảng này tốt hơn, nhưng vẫn còn nhiều trường chưa có điều kiện tách riêng.

Vào những năm đầu của thập niên này, ở nhiều người dân, đặc biệt là người thuộc các dân tộc ít người và kể cả một bộ phận người Kinh vùng miền núi, còn có quan niệm lạc hậu về giáo dục, về việc học của con trẻ. Họ cho rằng, con gái không cần đi học, không cần phải biết chữ. Một bộ phận trong số họ lại quan niệm trước đây đồng bào không biết chữ vẫn làm ăn, sinh sống được do đó, không cần phải học, không cần phải biết cái chữ. Do quan niệm như vậy nên ở nhiều nơi việc huy động trẻ em

* PGS, TS khoa học, Vụ trưởng Vụ tiểu học, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Digitized by Google

đi học gặp nhiều khó khăn. Thêm vào đó, vùng núi, vùng sâu, nhiều nơi dân cư ở rất phân tán, tổ chức trường lớp rất khó khăn. Có xã ở miền núi diện tích rộng bằng cả một tỉnh nhỏ ở miền xuôi mà dân cư lại thưa thớt ; có bản chỉ có vài ba trẻ em ở cùng độ tuổi, không đủ điều kiện để mở trường, lớp.

Trước những khó khăn và thử thách đó, chúng ta đã tìm ra được những giải pháp thực hiện PCGDTH có hiệu quả, trong đó nhóm giải pháp thứ nhất là : *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.*

Để đạt được mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ (PCGDTH-CMC) vào năm 2000 Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiều chủ trương, biện pháp, chính sách thích hợp, tăng cường kiểm tra, giám sát và đôn đốc việc thực hiện PCGDTH-CMC. Dấy lên phong trào thi đua dạy và học trong cả nước. Từ trung ương đến cơ sở xã (phường) đều thành lập các Ban chỉ đạo, Ủy ban quốc gia chống nạn mù chữ, cùng với Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo cụ thể PCGDTH-CMC. Ở các địa phương có Ban chỉ đạo PCGDTH-CMC cấp tỉnh, huyện, xã. Ủy ban và các ban chỉ đạo đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ và chính quyền các cấp, nhằm tập hợp và huy động sự tham gia của các ban, ngành, đoàn thể. Nhiệm vụ PCGDTH-CMC của các bộ phận chức năng được kiểm tra, đánh giá thường xuyên, nghiêm túc. Chính phủ đã có Chương trình mục tiêu về PCGDTH-CMC (gọi là Chương trình 6 về giáo dục). Các địa phương đều có đầu tư về người và kinh phí, có sự lồng ghép, kết hợp với các chương trình quốc gia khác như Chương trình định canh định cư, xóa đói giảm nghèo, v.v... nhằm thực hiện PCGDTH-CMC.

Thứ hai là nhóm *giải pháp về xã hội hóa sự nghiệp PCGDTH-CMC.* Đây là nhóm giải pháp phong phú, đa dạng và phù hợp với từng địa phương, từng thời gian. Nhờ có các giải pháp xã hội hóa sự nghiệp giáo dục nên đã tuyên truyền giác ngộ người dân ở những vùng dân trí thấp, quan niệm còn lạc hậu. Xã hội hóa sự nghiệp giáo dục đã huy động được các nguồn lực cho công cuộc PGDTH-CMC, trong đó có sự hỗ trợ của nước ngoài, của các tổ chức quốc tế như UNICEF, WB, v.v...

Thứ ba là nhóm *các giải pháp về chuyên môn.* Nhóm các giải pháp này được Bộ Giáo dục và Đào tạo sử dụng hợp lý, có hiệu quả, như thực hiện đa dạng hóa về chương trình tài liệu và phương thức huy động, tổ chức cho trẻ em trong độ tuổi được học tập. Để đạt được mục tiêu PCGDTH ở mọi miền của đất nước trong điều kiện kinh tế - xã hội còn cách biệt và nhiều nơi còn khó khăn, Bộ Giáo dục và Đào tạo căn cứ vào mục tiêu, những yêu cầu cơ bản thống nhất, ngoài chương trình và sách đại trà, đã xây dựng chương trình và sách tinh giản, thiết thực dành cho học sinh dân tộc ít người ở miền núi, vùng sâu (chương trình và sách 120 tuần) và sách dành cho trẻ em lang thang cơ nhỡ (sách 100 tuần). Đã tổ chức đưa lớp học đến gần với trẻ em dưới dạng lớp ghép, lớp linh hoạt, tạo điều kiện cho trẻ em trong hoàn cảnh khó khăn vẫn được học tập thuận lợi nhất.

Ngành giáo dục rất coi trọng công tác đào tạo bồi dưỡng giáo viên cho sự nghiệp PCGDTH-CMC. Đây là giải pháp có tính chất tình thế đặt trong chiến lược xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý của ngành. Nhờ vậy, đã có được đội ngũ giáo viên và những người tham gia làm công tác PCGDTH-CMC thực thi được nhiệm vụ đặt ra. Các địa phương rất quan tâm đến việc xây dựng cơ sở vật chất - thiết bị cho các trường lớp tiểu học. Công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá, động viên khen thưởng cũng được sử dụng như một giải pháp để phát huy nội lực.

Từ thời điểm còn rất thấp về giáo dục tiểu học nhưng với quyết tâm cao của toàn Đảng, toàn dân và bằng nhiều giải pháp đồng bộ, thích hợp mà sự nghiệp PCGDTH-CMC đã từng bước phát triển và đạt được kết quả rất đáng khích lệ. Cụ thể là : năm 1992 có 3 tỉnh, năm 1993 có 1 tỉnh, năm 1995 có 5 tỉnh (thành), năm 1996 có 6 tỉnh, năm 1997 có 13 tỉnh (thành), năm 1998 có 14 tỉnh, năm 1999 có 8 tỉnh và năm 2000 có 4 tỉnh đạt chuẩn quốc gia về PCGDTH-CMC.

Chuẩn quốc gia về PCGDTH-CMC được quy định theo một số chỉ tiêu cụ thể như : trẻ em phải tốt nghiệp tiểu học trước 15 tuổi. Đơn vị cơ sở (xã, phường) được công nhận PCGDTH phải có 80% trở lên số trẻ em trong độ tuổi 14 tốt nghiệp tiểu học (riêng miền núi, vùng khó khăn : 70% trở lên) ;

Digitized by Google

đơn vị tỉnh, huyện được công nhận đạt chuẩn phải có 90% trở lên số đơn vị xã (phường) thuộc tỉnh, huyện được công nhận đạt chuẩn. Người được công nhận biết chữ phải đạt mức 3 chương trình chống mù chữ (hoặc lớp 3 tiểu học). Xã (phường) được công nhận xóa mù chữ phải có 90% trở lên số người từ 15 - 35 tuổi được công nhận biết chữ ; tỉnh, huyện và đơn vị tương đương được công nhận xóa mù chữ phải có 90% trở lên số đơn vị cơ sở (xã, phường) được công nhận đạt chuẩn (riêng miền núi, vùng khó khăn : 80%).

Đến nay, 61 tỉnh, thành trong cả nước đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về PCGDTH-CMC, 4 tỉnh về đích cuối là Kon Tum, Ninh Thuận, Lào Cai và Lai Châu. Sau khi được công nhận đạt chuẩn, các tỉnh đều tiếp tục làm tốt hơn công tác này, nhờ vậy mà kết quả PCGDTH-CMC được duy trì và phát triển, năm sau đạt cao hơn năm trước, tiến tới ổn định và bảo đảm chất lượng.

Về giáo dục tiểu học, tính đến cuối năm học 1999 - 2000 nước ta đã đạt được các chỉ tiêu như : số học sinh tiểu học là 10 063 250, so với năm học 1998 - 1999 giảm 1,73%, nhưng là sự giảm sút lành mạnh vì số trẻ em đi học đúng độ tuổi đã đạt tỷ lệ cao và do kết quả của việc thực hiện Chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình. Một bộ phận học sinh đã được học 2 buổi/ngày (có địa phương đã đạt tới 25 - 30% như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và một số tỉnh khác). Số học sinh lưu ban và bỏ học đã giảm nhiều, chỉ còn dưới 10% ; hiệu quả đào tạo của bậc học đạt 70%. Số giáo viên ở đa số các tỉnh đã đạt chỉ tiêu về số lượng và trình độ đạt chuẩn đào tạo đã được 78%, trong đó có một bộ phận đạt trình độ cao đẳng và đại học. Mạng lưới trường lớp tiểu học, nhìn chung được bố trí hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ em đi học. Cơ sở vật chất - thiết bị của trường tiểu học được tăng đáng kể so với đầu những năm 90. Đặc biệt, trình độ dân trí đã được nâng cao, nên các bậc cha mẹ quan tâm nhiều hơn đến việc học tập của học sinh tiểu học.

II - Tạo lập nền tiểu học Việt Nam

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về giáo dục và đào tạo, *chuẩn bị tiền đề cho những bước phát triển mạnh* vào đầu thế kỷ XXI ngành giáo dục đã triển khai thực hiện tạo bước chuyển ở bậc tiểu học với 3 định hướng cơ bản :

1 - Hiện nay ngành giáo dục các địa phương đang thực hiện những biện pháp tích cực để huy động số trẻ em trong độ tuổi từ 6 đến 14 còn thất học được tới trường. Đến giữa năm 2000 cả nước còn khoảng trên nửa triệu trẻ em ở độ tuổi này đang thất học. Chúng ta phấn đấu để đến năm 2005 về cơ bản, mọi trẻ em đều được tới trường học tập đầy đủ và đạt kết quả.

2 - Những năm gần đây, ngành giáo dục đã có chủ trương và những biện pháp cụ thể, tích cực để học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày, đủ các môn ; được thực hiện các hoạt động nhằm tạo sự phát triển hài hòa, toàn diện ; tổ chức hoạt động học tập, rèn luyện và vui chơi hợp lý cho trẻ, bảo đảm mục tiêu giáo dục tiểu học, giúp học sinh hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản để học sinh tiếp tục học trung học cơ sở.

Nội dung giáo dục cho học sinh tiểu học phải bảo đảm có hiểu biết đơn giản, cần thiết về tự nhiên, xã hội và con người ; có kỹ năng cơ bản về nghe, đọc, nói, viết và tính toán ; có thói quen rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh, có hiểu biết ban đầu về hát, múa, âm nhạc, mỹ thuật. Đây là những nội dung không thể thiếu ở bậc tiểu học. Thực hiện đầy đủ, có chất lượng những nội dung này chính là thực hiện giáo dục toàn diện ở bậc tiểu học. Cũng cần giảm tải nội dung học tập dành cho học sinh tiểu học. Điều chỉnh và tiếp tục hoàn thiện bộ sách ở tiểu học nhằm bảo đảm mục tiêu giáo dục, bảo đảm nội dung học tập của học sinh, làm cho quá trình học tập của học sinh tiểu học được nhẹ nhàng, tự nhiên, chất lượng và hiệu quả. Ngoài chương trình và sách đã được giảm tải, điều chỉnh và hoàn thiện, cần đáp ứng yêu cầu cơ bản về kiến thức và kỹ năng các môn học cho từng lớp ở bậc tiểu học. Đây là tiêu chuẩn để đánh giá trình độ học sinh, quy định cho giáo viên phải dạy theo chuẩn, không được yêu cầu cao quá hoặc thấp quá làm ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của học sinh. Đó chính là sự thống nhất của bậc tiểu học : về mục tiêu, quan điểm và về các tiêu chuẩn đánh giá giáo viên và học sinh, v.v...

Digitized by Google

Hiện nay ngành giáo dục đang tích cực chuẩn bị để thực hiện việc đổi mới chương trình và sách giáo khoa tiểu học. Theo chúng tôi, điểm yếu của chương trình và sách tiểu học hiện nay là ở môn khoa học và lĩnh vực nghệ thuật. Các môn học đã có truyền thống và khá ổn định như tiếng Việt, Toán đã được điều chỉnh vào đầu những năm 90 (đối với lớp 4 và lớp 5) và vừa qua đã có sự rà soát, giảm tải và hoàn thiện ở tất cả các lớp. Thiết nghĩ, chúng ta nên giữ ổn định từ nay đến năm 2005, đồng thời tích cực chuẩn bị, thực hiện chuẩn hóa bậc học để tạo tiền đề cho bước phát triển mạnh vào giai đoạn 2005 - 2010 và tiếp theo.

3 - Từ năm học 1997 - 1998 đến nay, ngành giáo dục triển khai thực hiện tích cực chủ trương chuẩn hóa bậc học bằng những biện pháp cụ thể và đã đạt được kết quả bước đầu rất đáng khích lệ.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) của Đảng về những giải pháp chủ yếu, trong đó có giải pháp ban hành chuẩn quốc gia. Về trường học, quy chế công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 1996 - 2000, quy định 5 tiêu chuẩn trường tiểu học. Năm tiêu chuẩn này được thiết kế trên cơ sở những quy định cụ thể về : tổ chức và quản lý trường học ; đội ngũ giáo viên ; cơ sở vật chất - thiết bị ; xã hội hóa giáo dục ; triển khai thực hiện quá trình giáo dục, chất lượng và hiệu quả giáo dục. Mỗi tiêu chuẩn nêu trên được cụ thể hóa thành một số chỉ tiêu có thể lượng hóa. Từ 1997 đến nay và tiếp tục trong những năm tới, tất cả các trường tiểu học trong cả nước (trên 14 000 trường) đều xây dựng và vận động theo hướng đạt chuẩn quốc gia và hướng dẫn tới đạt chuẩn quốc gia. Đến tháng 8-2000, cả nước đã có 800 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia và con số đó sẽ tăng nhanh trong những năm tới.

Cùng với việc củng cố, nâng chất lượng PCGDTH và xây dựng nhà trường theo tiêu chuẩn quốc gia, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang tiến hành kiểm tra, đánh giá và công nhận phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi. Đến cuối năm học 1999 - 2000, cả nước đã có 8 tỉnh được công nhận đạt chuẩn quốc gia về PCGDTH đúng độ tuổi với các tiêu chí cơ bản như : huy động ít nhất 95% trẻ em 6 tuổi vào lớp 1, có ít nhất 80% trẻ em 11 tuổi tốt nghiệp tiểu học, số trẻ em còn lại trong độ tuổi đang học các lớp tiểu học ; v.v... (tiêu chuẩn PCGDTH đúng độ tuổi cao hơn tiêu chuẩn đã dùng để kiểm tra công nhận 61 tỉnh thành PCGDTH bước 1) ; tiêu chuẩn PCGDTH bước 1 cũng không thấp hơn tiêu chuẩn của nhiều nước đã thực hiện PCGDTH. Theo lô gíc phát triển thì một tỉnh đạt chuẩn quốc gia về PCGDTH bước 1 sẽ có thể đạt chuẩn PCGDTH đúng độ tuổi sau đó khoảng 7 - 10 năm. Đây là cơ sở không thể thiếu để đạt được phổ cập trung học cơ sở. Đến năm 2010, cả nước có thể đạt PCGDTH đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở, sẽ không còn người tái mù chữ và người bổ sung vào con số những người mù chữ hiếm hoi còn lại trên đất nước ta.

III - Giáo dục tiểu học trong thập niên đầu thế kỷ XXI

Vào thế kỷ mới, bậc tiểu học cần ổn định và phát triển (giữ ổn định để phát triển, phát triển trên cơ sở ổn định - vì đây là bậc học có tính nền tảng). Việc tạo lập nền tiểu học quốc gia là mục tiêu của giai đoạn 2001 - 2005 và nâng nền tiểu học quốc gia đạt trình độ phát triển mới vào giai đoạn 2005 - 2010.

Nền tiểu học quốc gia trong 5 năm đầu của thế kỷ XXI sẽ là nền tiểu học đạt các chỉ tiêu : 100% trẻ em trong độ tuổi được đến trường (trừ một số trường hợp rất đặc biệt), được học tập đầy đủ, đạt kết quả theo chuẩn quy định. Đội ngũ giáo viên tiểu học đủ về số lượng và đạt trình độ đào tạo tối thiểu theo quy định tại Điều 67 Luật Giáo dục, trong đó có trên 30% có trình độ cao đẳng và đại học. Cơ sở vật chất - thiết bị đáp ứng yêu cầu tối thiểu của hoạt động dạy và học, có ít nhất 30% số trường đạt chuẩn quốc gia. Chất lượng giáo dục đạt trình độ tương đối đồng đều (ít cách biệt) giữa các trường trong một địa phương (tỉnh, huyện) và giữa địa phương này với địa phương khác. Hiệu quả đào tạo đạt 80%.

Trên nền tiểu học tạo lập được của giai đoạn đầu, giai đoạn tiếp theo (2000 - 2010) nền tiểu học của nước ta sẽ phát triển lành mạnh, ổn định, đậm đà bản sắc dân tộc và có thể hòa nhập, đạt trình độ khu vực và thế giới. ❑

Digitized by Google

THĂNG LONG - HÀ NỘI NGÀN NĂM "MƯU TOAN NGHIỆP LỚN, TÍNH KẾ MUÔN ĐỜI"

DƯƠNG TRUNG QUỐC *

1. THĂNG LONG "NƠI TRUNG TÂM CÕI BỜ ĐẤT NƯỚC".

Đó là điều được viết trong "Chiếu dời đô" của vua Lý Thái Tổ cách đây 990 năm trước.

Đã có một thời, vào đầu thế kỷ XIX, khi đất nước ta đã dài rộng như ngày nay, nhờ công lao của nhiều thế hệ người dân Việt theo các chúa Nguyễn mở mang bờ cõi, nhờ công lớn của người anh hùng áo vải Quang Trung thống nhất giang sơn chấm dứt phân tranh Nam - Bắc, nhà Nguyễn đã bỏ đất Thăng Long dời đô vào Phú Xuân - Huế. Xét trên bản đồ thì Huế đúng là nằm trên trung độ của hình thể nước Việt Nam giữa hai đầu Nam - Bắc. Triều Nguyễn có làm khởi sắc đất nước một thời nhưng rất ngắn ngủi và chỉ nửa thế kỷ sau (từ 1858) đã phải đứng trước thử thách mà lịch sử tiếp theo là cả một chuỗi diễn ra sự tàn lụi của một triều đại và sự tủi nhục cho một quốc gia khi chủ quyền đã mất và nước Việt Nam bị chia làm ba kỳ trở thành thuộc địa của thực dân Pháp. Huế vẫn được gọi là "Kinh đô nước An Nam" và triều đình nhà Nguyễn vẫn tồn tại cho đến ngày nhân dân quyết định số phận bằng một cuộc cách mạng (8-1945). Vua Bảo Đại thoái vị, nền quân chủ cáo chung, cũng chính là vào lúc cách mạng đã thành công, nước Việt Nam đã độc lập và thủ đô của nước Việt Nam độc lập ấy - nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lại trở về Hà Nội - Thăng Long xưa.

Số phận của cái vương triều đã dời đô khỏi đất Thăng Long không biết có ứng nghiệm với lời tiên đoán của nhà sử học Ngô Thì Sĩ trong sách "Đại Việt Sử ký tiền biên" khi viết về cõi địa linh Thăng Long : *"Hình thế nước Việt không nơi đâu hơn được nơi này. Cho nên trước kia vua nhà Đinh, nhà Lê (tức nhà Tiền Lê của Lê Đại Hành - DTQ) bỏ đất ấy mà ở Hoa Lư, sau đó nhà Hồ cũng bỏ đất ấy mà ở An Tôn thì đời làm vua ngắn ngủi, thân bị bắt, nước bị mất là vì không được địa lợi"* hay không ? Nhưng điều chắc chắn là ngay ở cái thế kỷ XIX ấy, dù Hà Nội chỉ còn là Bắc thành, hay tỉnh thành, dù thành quách bị hạ thấp hay thu hẹp, dù các thiết chế của triều đình trung ương có di dời vào Huế, thì *"Dù không còn là nơi của vua chúa nữa, nhưng Hà Nội vẫn là thành phố đứng đầu vương quốc này về nghệ thuật, công nghiệp, thương nghiệp và sự giàu có, số dân đông đúc, về sự lịch duyệt và học vấn. Tóm lại, nó vẫn chính là trái tim đất nước này"* như là sự đánh giá của một sử gia người Pháp, Silvestre viết trong cuốn sách "Vương quốc An Nam" (L' Empire de l'Annam) xuất bản ở Pháp vào cuối thế kỷ XIX (1889).

Bởi thế, dù rằng ở thế kỷ thứ X, khi vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long, khoảng cách địa lý chẳng xa nhau bao nhiêu thì cái ý nghĩa "trung tâm cõi bờ" được viết trong "Chiếu dời đô" hẳn đã nói lên một cái gì sâu xa, linh thiêng hơn nhiều.

Sách sử ghi rõ : *"Lý Thái Tổ lên ngôi, chưa vội làm việc khác mà trước tiên mưu tính việc định đô... Xét vì sự quyết đoán sáng suốt, mưu kế anh hùng, thực những vua tầm thường không thể theo kịp"*. Sau này, Bác Hồ khi viết sách diễn ca "Lịch sử nước ta" (xuất bản năm 1942) cũng gọi người đã có quyết sách dời đô là *"vị vua phi thường"*.

Sự "phi thường" ở đây hẳn không chỉ nhờ con mắt tinh tường của một con người có trí tuệ xuất chúng về một vùng đất như đã được mô tả : *"được cái thế rồng cuộn, hổ ngồi, vị trí ở giữa bốn phương đông, tây, nam, bắc tiện hình thể núi sông sau trước. Ở đó địa thế rộng mà bằng phẳng, vùng đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ vì ngập lụt, muôn vật rất phong phú, tốt tươi. Xem khắp đất Việt chỗ ấy là nơi hơn cả, thật là chỗ hội họp của bốn phương, là nơi đô thành bậc nhất của đế vương"* (Chiếu dời đô).

Người có cái nhìn "phong thủy" thì ca ngợi xứ sở núi Tản và sông Nhị : *"Núi là vạt áo che, sông là dải đai*

---

* Tổng thư ký Hội Sử học Việt Nam

Digitized by Google

thất, sau lưng là nước sông, trước mặt là biển, địa thế hùng mạnh mà hiểm, rộng mà dài, có thể là nơi vua ở hùng tráng, ngôi báu vững bền. Hình thế nước Việt không nơi nào hơn được nơi này" (Ngô Thì Sĩ).

Sự phi thường ở vị vua khai lập triều Lý còn là khơi lại dòng chảy từ nguồn cội, kể từ sau khi người anh hùng Ngô Quyền bằng trận thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng (938), đã lập lại nền tự chủ cho đất nước. Tình thế khiến cho những người kế tiếp Ngô Vương Quyền phải chuyển dời kinh đô từ vùng đất Cổ Loa lui dần về phương Nam tìm thế đất hiểm ở Hoa Lư để giữ vững cơ đồ. Nay nhà Lý trở lại mảnh đất từng được chọn làm trụ sở của ngàn năm thời nhà Hán đô hộ, còn mang dấu tích thành Đại La nhưng lại kề bên Cổ Loa thời còn là thành Ốc của An Dương Vương trước cả thời Bắc thuộc, cận kề với đất Phong Châu cổ xưa thời các Vua Hùng. Và ngay giữa thiên niên kỷ Bắc thuộc, năm 544 một hào trưởng đất Thái Bình là Lý Bí đã nổi dậy lật đổ ách đô hộ của Phương Bắc, xưng đế - Lý Nam Đế ; đặt quốc hiệu là "Vạn Xuân" chính là người đầu tiên cắm đất dựng thành tại cửa sông Tô Lịch dựng chùa Khai Quốc (mở nước), nay là Trấn Quốc bên Hồ Tây. Triều Tiền Lý và nước Vạn Xuân tuy rất ngắn ngủi nhưng đó là những nét phác thảo sớm chuẩn bị cho một kinh đô của một quốc gia tự chủ sẽ ra đời. Trở lại vùng đất cổ bên dòng sông Hồng, cái nôi của cả một nền văn minh nuôi sống dân Việt ; trở lại với cội nguồn sức mạnh thuở dựng nước, Thăng Long kinh đô nhà Lý như một dấu son, một cái mốc khẳng định sự trưởng thành của dân tộc Việt Nam, vươn mình đứng dậy sau cả thiên niên kỷ bị đô hộ để trở thành một dân tộc mang chí lớn "Đại Việt". Từ tên gọi của kinh đô "Thăng Long" bắt nguồn từ hình tượng đầy tính huyền thoại "rồng bay", chẳng bao lâu sau đã vang lên thành lời thơ thần thánh biểu trưng cho chí lớn của dân tộc : *"Nam quốc sơn hà nam đế cư"*.

Sau khi Lý Thường Kiệt phá Tống, nước Đại Việt giữ vững kinh đô đặt tại Thăng Long với hào khí "Đông A" ba lần đánh bại giặc Nguyên - Mông ; nước Đại Việt ấy tuy có bị mất Thăng Long vào tay giặc Minh hai thập niên, đã lập lại nền Trung hưng của mình với chiến công của Lê Thái Tổ từ Lam Sơn dấy nghĩa đã lấy lại bờ cõi, sảng khoái tuyên ngôn *"Như nước Đại Việt ta từ trước - Vốn xưng nền Văn hiến đã lâu - Núi sông bờ cõi đã chia - Phong tục Bắc Nam cũng khác..."*

Thăng Long có thêm tên gọi là Đông Đô thời Lê Thái Tổ để ghi dấu sự nghiệp giải phóng đất nước khởi nghiệp từ vùng đất xưng danh là Tây Đô (Thanh Hóa). Thăng Long - Đông Đô thời Lê đã chứng kiến một sự hưng thịnh lâu dài dù đã từng trải những thăng trầm của cuộc phân tranh Trịnh - Nguyễn. Đất nước nay đã dài rộng hơn, đã xuất hiện ngay kề Kẻ Chợ là một Phố Hiến ở Đàng Ngoài, lại có Hội An ở Đàng Trong rồi trên cả nước đã có Vị Hoàng (Nam Định), Gia Định, Thanh Hà (Huế), Cù Lao Phố (Biên Hòa), Hà Tiên (Kiên Giang)... là những đô thị thể hiện sức sống của dân tộc Việt Nam. Nhưng Thăng Long vẫn mãi mãi là "nơi đô thành bậc nhất" như lời ghi từ *Chiếu dời đô*.

Thế kỷ XVII - XVIII từng là thời Thăng Long "mở cửa" do người phương Tây qua lại. Giáo sĩ A. De Rhodes từng phỏng đoán Kẻ Chợ có đến cả triệu dân (?!), lái buôn Dampier đếm được khoảng 2 vạn nóc nhà, nhiều người phương Tây nhắc đến những địa danh nổi tiếng như Pa-ri (Pháp), Vơ-ni-dơ (I-ta-li-a) khi liên tưởng đến Thăng Long như một thành phố lớn ở phương Đông...

Rồi Thăng Long trải qua những biến động lớn và một lần nữa trong lịch sử của mình lại rơi vào tay giặc Thanh vào cuối thế kỷ XVIII. Nhưng Thăng Long cũng lại lóe sáng một lần nữa như sự ló rạng của bình minh với sự xuất hiện của vị anh hùng kiệt xuất Nguyễn Huệ - Quang Trung áo bào xạm màu thuốc súng kéo đại quân giải phóng kinh đô đất nước của triều Lê khỏi ách đô hộ của gần 30 vạn quân Thanh vừa bị tan tác bởi cuộc hành binh thần tốc của những chiến binh Tây Sơn. Dẫu cho Quang Trung đã nghĩ đến việc chọn đất Phú Xuân hay Phượng Hoàng Trung đô (gần Vinh) nhưng một phần vì cái chết đột ngột của người anh hùng và uy linh của Thăng Long nên việc dời đô vào Huế chỉ diễn ra khi nhà Nguyễn lên ngôi (1802).

Những gì đã diễn ra ở thế kỷ XIX khi kinh đô đất nước chuyển khỏi Thăng Long nay mang tên mới là Hà Nội (kể từ thời Minh Mạng, 1831) thì càng khẳng định thêm cái vị thế không thay đổi của một "trung tâm cõi bờ".

Vua chúa, triều đình dời vào Huế, nhưng Hà Nội vẫn là trái tim giữ gìn và truyền đi sức sống của dân tộc.

Thực dân Pháp ra đòn phủ đầu ở Đà Nẵng (1-9-1858) ngay ở cửa ngõ kinh đô Huế, rồi kéo quân vào đánh chiếm miền Nam làm thuộc địa. Nhưng chỉ sau ngày Hà Nội thất thủ, với tấm gương nghĩa liệt của hai vị tướng quê hương ở miền Trung : Nguyễn Tri Phương (Huế) và Hoàng Diệu (Quảng Nam), thực dân Pháp mới thực sự chiếm được đất nước ta. Nhưng cũng từ đây, một Hà Nội thời hiện đại mới hình thành với

Digitized by Google

dáng vẻ bề ngoài bị Âu hóa bởi một nền kiến trúc mới, bị áp đặt bởi một bộ máy cai trị thực dân. Nhưng chế độ thuộc địa không triệt hạ được cái sinh khí của dân tộc, cái bản sắc và cốt cách của một trung tâm văn hiến Việt Nam.

Tính thực dụng của chủ nghĩa thực dân khiến ngay những kẻ cai trị nhận ra cái vị thế không thay đổi của Hà Nội. Buổi đầu, chế độ thực dân đặt Soái phủ và bộ máy cai trị chủ yếu ở Sài Gòn, nhưng cho đến đầu thế kỷ này, Hà Nội đã được coi là trung tâm chính trị, kinh tế của toàn bộ xứ Đông Dương thuộc Pháp.

Ngày đầu thực dân Pháp đánh chiếm Nam Bộ, ở đó đã vang lên lời tuyên chiến của người anh hùng Nguyễn Trung Trực : *"Bao giờ nhổ hết cỏ nước Nam mới hết người Nam đánh Pháp"*. Đó chính là ý chí của toàn thể dân tộc Việt Nam và tổ tiên của nước Nam ấy mãi mãi vẫn gắn bó với cội nguồn *"Con Rồng cháu Tiên"* mà Thăng Long là biểu tượng. Nhắc lại câu thơ của nhà thơ Nam Bộ Huỳnh Văn Nghệ : *"Từ thuở mang gươm đi mở nước. Nghìn năm thương nhớ đất Thăng Long"*, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đủ để hiểu cái vị thế của Thăng Long trong tâm hồn, cái sức sống cội nguồn trong huyết quản tinh thần của người Việt Nam.

2 - "HÀ NỘI LÀ TRUNG TÂM ĐẦU NÃO CỦA CẢ NƯỚC".

"Hà Nội niềm tin và hy vọng" tên gọi một bài hát bắt nguồn từ những ngày "kháng chiến chống Mỹ cứu nước" dường như là một chân lý đối với lịch sử những thử thách mà dân tộc Việt Nam đã trải qua trong trường kỳ sự nghiệp dựng nước và giữ nước của mình.

Kỷ niệm 300 năm Sài Gòn - Gia Định và cả Nam Bộ được minh định vào lãnh thổ Việt Nam, có người muốn sửa lại lời thơ của Huỳnh Văn Nghệ thành *"Từ thuở mang cày đi mở nước"* để diễn đạt đủ ý lớn cái sức mạnh cội nguồn mà Thăng Long là biểu tượng. Không chỉ bằng vũ khí và sức mạnh đã từng làm nên những chiến công hiển hách ở Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa... mà sâu hơn, cái sức mạnh làm nên nghiệp lớn và trường tồn của dân tộc Việt Nam lại chính là một nền văn hiến đã sâu rễ bền gốc trong hàng ngàn năm lịch sử, lấy trí sáng tạo và sự cần cù làm cốt cách.

Người ta hay nhắc đến câu nói : *"Thăng Long phi chiến địa"*. Không ai biết xuất xứ câu khẩu ngữ ấy từ đâu. Lịch sử đã từng ghi dấu những trận tàn phá kinh thành Thăng Long trong những thế kỷ xa xưa của các đạo quân nước ngoài xâm lược hay những cuộc tranh hùng của các thế lực phong kiến. Gần với chúng ta còn vết tích phát đạn đại bác của giặc Pháp tiến công thành Cửa Bắc, hay cả một cuộc triệt hạ thành quách và các di tích cổ xưa của Hà Nội bởi tay bọn thực dân ở cuối thế kỷ trước đầu thế kỷ này. Trong ký ức của thế hệ chúng ta còn biết đến một Hà Nội 60 ngày đêm khói lửa cuối năm 1946 đầu năm 1947. Và gần hơn nữa những trận đánh phá ác liệt của đế quốc Mỹ trong suốt cuộc chiến tranh phá hoại (1966 - 1972), mà cao điểm là những trận rải thảm bom của "Pháo đài bay B52" vào cuối năm 1972.

Lịch sử cũng đã ghi nhiều dấu son về Thăng Long - Hà Nội như những chiến công hiển hách của lịch sử chống xâm lăng của dân tộc với những địa danh từng được vang lên trong câu thơ Trần Quang Khải đọc trên mình ngựa khi tiến vào giải phóng Thăng Long thế kỷ XIII.

"Đoạt sáo *Chương Dương* độ
Cầm hồ *Hàm Tử* quan
Thái bình tu nỗ lực
Vạn cổ thử giang san".

Cuộc vây hãm thành Đông Quan (tên gọi thời Minh thuộc) và đại bản doanh của Nguyễn Trãi đặt tại dinh Bồ Đề đã kết thúc cuộc chiến tranh cứu nước vĩ đại thành một bản hùng ca *"lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo"* và cuộc Hội thề giữa lòng Thăng Long (địa điểm nay là chùa Chân Tiên, phố Bà Triệu) tại đó tinh thần hòa hiếu của người Việt Nam thuyết phục những kẻ xâm lược ràng buộc vào lời thề chấm dứt chiến tranh.

Và giữa lòng Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội ở thế kỷ XV một truyền thuyết đã hình thành và trao truyền cho các thế hệ về ước vọng thái bình muôn thuở của dân tộc Việt Nam gửi gắm vào câu chuyện Vua Lê trả kiếm thần sau khi đã làm xong sứ mạng giải phóng đất nước.

Cuối thế kỷ XVIII, âm vang cho tới tận ngày nay tiếng quân reo, pháo nổ vào giữa ngày Tết năm Kỷ Dậu (1789) khi đại quân Nguyễn Huệ hạ thành Ngọc Hồi, đánh tan giặc ở Đống Đa, truy đuổi loạn quân của giặc Thanh trốn chạy qua cầu phao sông Nhị... tiến vào giải phóng kinh thành Thăng Long...

Hình ảnh và âm hưởng chiến thắng ấy, 165 năm sau lại được tái hiện trong ngày Giải phóng Thủ đô (10-10-1954), chỉ có điều chiến trận diễn ra trên cả nước trong suốt 9 năm kể từ ngày đồng bào Nam Bộ kháng chiến (23-9-1945) và kết thúc quyết định bằng chiến thắng ở Điện Biên (7-5-1954).

Digitized by Google

Và gần 2 thập niên sau, thắng lợi giòn giã "Điện Biên Phủ trên không" ngay trên bầu trời Hà Nội cuối năm 1972 đã hoàn thành sứ mạng "đánh cho Mỹ cút" để đẩy tiếp sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc thắng lợi trọn vẹn vào Đại thắng mùa Xuân 1975.

Những trang sử hào hùng ấy cho thấy lòng yêu chuộng hòa bình mà Hà Nội là một biểu tượng của dân tộc ta cũng gắn liền với ý chí "không có gì quý hơn độc lập, tự do" mà từ Thủ đô Hà Nội, Bác Hồ đã phát đi lời hịch hào hùng "chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng, nhưng chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới... Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ" (*Lời kêu gọi* ngày 20-12-1946) và "Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ ! Không có gì quý hơn độc lập tự do... Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước đàng hoàng hơn, to đẹp hơn" (Lời kêu gọi ngày 17-7-1966).

Cái sức mạnh mang "niềm tin và hy vọng" cổ vũ toàn dân tộc ấy bắt nguồn từ một khúc ngoặt lịch sử biểu tượng như một sự thăng hoa của dân tộc Việt Nam : Cách mạng Tháng Tám 1945.

Sức sáng tạo ẩn chứa trong tinh hoa của Thăng Long - Hà Nội đã khiến cho cả một thành phố thuộc địa, đầu não của bộ máy thống trị thực dân, phát xít và bù nhìn dưới sự lãnh đạo của Đảng, đi đầu là những chiến sĩ Việt Minh của một thành phố lúc này mang tên của bậc tiền bối đã sống chết với thành Hà Nội năm xưa : Hoàng Diệu ; trở mình trong bước đi thần tốc của cách mạng giành chính quyền trọn vẹn trong khoảnh khắc trước cả khi nhận được lệnh Tổng khởi nghĩa từ chiến khu Tân Trào chuyển về... Nhưng cái khoảnh khắc lịch sử ấy là kết tụ của biết bao hy sinh xương máu, của biết bao trí tuệ lãnh đạo của Đảng và sức mạnh truyền thống tự ngàn xưa của mảnh đất "lắng hồn núi sông ngàn năm" mà nhà thơ - nhạc sĩ Nguyễn Đình Thi đã viết trong bài ca "Người Hà Nội".

Muốn thấu hiểu cái ý nghĩa của "mảnh đất lắng hồn núi sông ngàn năm" đối với vận mệnh của dân tộc, xin đọc lại lời đánh giá của một người đã tham gia lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ở Sài Gòn và sau này cũng là một nhà sử học hàng đầu.

"Các nhà viết sử khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám phải ghi công đầu rất lớn cho Đảng bộ và nhân dân Hà Nội trong cuộc chiến đấu mang tính chất quyết định này. Hà Nội khởi nghĩa thành công ngày 19 tháng Tám, thì Huế mới khởi nghĩa thành công ngày 23 và Sài Gòn khi ấy nóng lòng chờ tin Hà Nội. Hà Nội có khởi nghĩa thì Sài Gòn mới làm. Hà Nội có làm sớm Sài Gòn mới khỏi trễ nãi nguy hiểm.

Tuy Sài Gòn đã tập hợp đủ lực lượng, nhưng nếu Hà Nội chưa làm thì vị tất Sài Gòn đã làm vì nhớ mãi kinh nghiệm của tháng 11-1940. Nói khởi nghĩa ở Hà Nội có tầm quyết định là như vậy" (Trần Văn Giàu).

Và ngày 25-8-1945 lần đầu Bác Hồ đặt chân lên Hà Nội, ngày 28-8-1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi thảo bản Tuyên ngôn Độc lập bất hủ. Và ngày 2-9-1945 bản Tuyên ngôn đó đã vang vọng từ Quảng trường Ba Đình lịch sử báo tin sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

* * *

Sau ngày Cách mạng thành công, Bác Hồ đã đến thăm Đền Đô (Bắc Ninh) nơi thờ Lý Thái Tổ và các vị vua triều Lý như để cáo với các bậc tiên đế rằng nay nước nhà đã độc lập, non sông đã về một mối và Hà Nội nay đã nối lại mạch xưa. Từ Thăng Long thời vua Lý Thái Tổ dựng đô đến Hà Nội của thời đại Hồ Chí Minh, Hà Nội luôn là trái tim của Tổ quốc Việt Nam.

Công cuộc xây dựng Thủ đô của nước Việt Nam độc lập từ năm 1945 phải trải mất 30 năm chiến tranh liên tục, chỉ thực sự bắt đầu từ sau ngày giải phóng (1954), được đẩy mạnh khi Hà Nội trở thành Thủ đô nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1976) và tăng tốc phát triển, gắn với công cuộc đổi mới (1986) cho đến nay đã mang lại cho Hà Nội một diện mạo và tầm vóc mới : "Hà Nội là trung tâm đầu não về chính trị, về văn hóa và khoa học - kỹ thuật, đồng thời là trung tâm lớn kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước" (Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị, 1983), xây dựng "Thủ đô xã hội chủ nghĩa giàu về kinh tế... vững về chính trị, có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ; có nền quốc phòng từng bước vững mạnh" (kết luận của Bộ Chính trị 5,1966).

Thực tiễn sự nghiệp xây dựng Thủ đô Hà Nội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ qua cũng như triển vọng hướng tới thời điểm Thăng Long - Hà Nội tròn ngàn năm tuổi đã góp phần khẳng định lời tiên liệu thần tình của cha ông ta 990 năm trước khi định đô ở Thăng Long : "Chỉ vì muốn đóng đô ở trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời".❑

Digitized by Google

THÀNH ỦY HÀ NỘI RÚT KINH NGHIỆM QUA ĐẠI HỘI ĐIỂM Ở MỘT SỐ TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

LÊ ANH HÀO *

THỰC hiện Chỉ thị số 54 của Bộ Chính trị về Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, thời gian qua, Thành ủy Hà Nội đã tập trung chỉ đạo, hướng dẫn các cấp ủy đảng trực thuộc thực hiện nhiệm vụ quan trọng này. Sau khi có Chỉ thị 54 của Bộ Chính trị, Thành ủy Hà Nội đã kịp thời xây dựng kế hoạch về tổ chức Đại hội Đảng các cấp và tập trung chỉ đạo, triển khai đồng bộ các khâu công việc trọng tâm là : *tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hoàn thành thật tốt đợt tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) ; đẩy mạnh các phong trào thi đua sôi nổi, rộng khắp trên toàn thành phố lập thành tích xuất sắc chào mừng kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội ; gắn nhiệm vụ thực hiện tốt các chỉ tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2000 với nhiệm vụ trọng tâm là tổ chức thành công Đại hội Đảng các cấp và Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XIII.*

Tính đến ngày 15-8-2000, công tác tiến hành tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) của các đảng bộ trực thuộc đã được tập trung chỉ đạo và xúc tiến mạnh mẽ hơn. Ở *khối quận, huyện,* tổng số có 1 140 tổ chức cơ sở đã có 1 134 cơ sở bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo, sau khi có gợi ý của Ban thường vụ các quận, huyện đạt 99% ; số cơ sở kiểm điểm xong tập thể là 1 075 (đạt 94%) ; số cơ sở đã kiểm điểm xong cá nhân lãnh đạo là 999 đơn vị (đạt 87%). Đã có 7 quận, huyện cơ bản tổ chức xong kiểm điểm ở các tổ chức cơ sở đảng là Hoàn Kiếm, Ba Đình, Tây Hồ, Cầu Giấy, Thanh Xuân, Sóc Sơn, Gia Lâm. Ở *khối các doanh nghiệp* có 13 đảng bộ trực thuộc, trong đó đã có 8 đơn vị kiểm điểm xong tập thể và cá nhân lãnh đạo ; 147 trong số 373 tổ chức cơ sở đảng của khối đã kiểm điểm xong tập thể (đạt 39%), 145 cơ sở đã kiểm điểm xong cá nhân lãnh đạo (đạt 38,5%). Ở *khối sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố* có 55 cơ sở, trong đó 29 đơn vị đã kiểm điểm xong tập thể và cá nhân lãnh đạo. Ở *khối trường đại học và cao đẳng* có 40 cơ sở thì 10 cơ sở đã tổ chức xong kiểm điểm cá nhân lãnh đạo ; 20 đảng bộ trường mới tổ chức xong kiểm điểm tập thể.

Nhìn chung tiến độ tiến hành tự phê bình và phê bình còn chậm, đặc biệt là ở các khối sở, ban, ngành, đoàn thể ; khối doanh nghiệp trực thuộc và khối đảng bộ các trường đại học - cao đẳng tỷ lệ đạt thấp. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ được phân công chỉ đạo địa bàn và các tổ công tác của Ban Thường vụ Thành ủy đang tập trung chỉ đạo, tích cực kiểm tra, đôn đốc để các cơ sở trực thuộc thực hiện đúng tiến độ và bảo đảm chất lượng cao. *Nhiệm vụ quan trọng và cấp bách hàng đầu hiện nay là phải thực hiện, hoàn thành tốt đợt tự phê bình và phê bình để bước vào tổ chức Đại hội Đảng các cấp.*

Để thống nhất chỉ đạo thực hiện kế hoạch tổ chức Đại hội Đảng các cấp trong toàn Đảng bộ, Ban Thường vụ Thành ủy đã mở hội nghị cán bộ chủ chốt thành phố để phổ biến, quán triệt nội dung và phương pháp tiến hành triển khai đến các đảng bộ trực thuộc. Ban Thường vụ Thành ủy đã quyết định thành lập các tiểu ban chuẩn bị Đại hội và thành lập 3 tổ công tác giúp Ban Thường vụ Thành ủy chỉ đạo

* Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tổ chức Thành ủy Hà Nội

Digitized by Google

Đại hội Đảng các cấp ; chọn 6 đảng bộ làm điểm để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung. Các đồng chí Thường trực Thành ủy và Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy thường xuyên theo dõi, bám sát địa bàn, đơn vị để trực tiếp chỉ đạo cơ sở chuẩn bị và tiến hành tổ chức tốt Đại hội, nhất là đối với các cơ sở làm điểm. Các ban đảng của Thành ủy đã tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng nội dung, phương châm, phương pháp tổ chức thực hiện Chỉ thị số 54 của Bộ Chính trị, kế hoạch số 57 của Thành ủy và các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của Thành ủy cho cán bộ, chuyên viên các ban xây dựng Đảng của Thành ủy, các quận, huyện ủy và Đảng ủy trực thuộc để làm nhiệm vụ theo dõi, hướng dẫn cơ sở tổ chức thực hiện.

Đối với các *quận, huyện ủy và đảng ủy trực thuộc*, thực hiện nghiêm túc Chỉ thị của Bộ Chính trị và kế hoạch của Ban Thường vụ Thành ủy. Tính đến ngày 15-8-2000, hầu hết các đảng bộ trực thuộc và các tổ chức cơ sở đảng đã triển khai kế hoạch Đại hội Đảng. *Khối quận, huyện ủy* đã có 12/12 đơn vị xây dựng được kế hoạch và ban hành các văn bản hướng dẫn tổ chức Đại hội ; tổ chức Hội nghị cán bộ chủ chốt, hội nghị Ban chấp hành để quán triệt Chỉ thị của Bộ Chính trị và kế hoạch của Ban Thường vụ Thành ủy để triển khai ở cấp mình ; thành lập các tổ công tác để giúp cấp ủy chỉ đạo Đại hội. Các quận, huyện ủy đã tập trung chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng khẩn trương hoàn thành kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) trước khi bước vào Đại hội ; cung cấp đủ tài liệu và các văn bản hướng dẫn đến các tổ chức cơ sở đảng để nghiên cứu, triển khai thực hiện.

Để triển khai thực hiện tốt Chỉ thị của Bộ Chính trị và kế hoạch của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy đã chọn 6 tổ chức làm điểm của thành phố, gồm 3 đơn vị là tổ chức cơ sở đảng và 3 đơn vị cấp trên cơ sở. Cả 3 cơ sở đã tổ chức xong Đại hội là Đảng bộ phường Thành Công (quận Ba Đình), Đảng bộ xã Phù Đổng (huyện Gia Lâm) và Đảng bộ Trường đại học kiến trúc Hà Nội. *3 đơn vị cấp trên cơ sở đang khẩn trương chỉ đạo đại hội cơ sở và chuẩn bị tổ chức Đại hội cấp mình là* Đảng bộ quận Hoàn Kiếm, Đảng bộ huyện Sóc Sơn và Đảng bộ Tổng Công ty xây dựng Thăng Long. Nhìn chung, các cơ sở làm điểm của thành phố đều được chuẩn bị kỹ, tổ chức Đại hội bảo đảm các yêu cầu về nội dung, quy trình và đạt chất lượng tốt.

Song song với việc làm điểm ở các Đảng bộ phường Thành Công và xã Phù Đổng, các quận, huyện ủy đã tập trung chỉ đạo tiến hành tổ chức Đại hội điểm ở một số cơ sở đảng trực thuộc. Trong 12 quận, huyện ủy có tổng số 1140 tổ chức cơ sở đảng. Các quận, huyện ủy đã chọn 38 cơ sở làm điểm. Hầu hết các đơn vị được chọn làm điểm là các tổ chức cơ sở đảng "trong sạch, vững mạnh" và đã tổ chức thực hiện tốt đợt tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) nên bước vào Đại hội thuận lợi.

Đến ngày 19-8-2000, đã có 36/38 tổ chức cơ sở đảng ở các quận, huyện tổ chức xong Đại hội điểm. Sau khi hoàn thành cơ bản công tác chỉ đạo điểm, các quận, huyện ủy đang khẩn trương chuẩn bị nội dung và tổ chức hội nghị sơ kết, rút kinh nghiệm để kịp thời triển khai rộng trong toàn Đảng bộ thành phố.

Qua các đại hội điểm ở các cơ sở đảng ở thành phố Hà Nội, có thể rút ra một số kết quả bước đầu.

Những mặt làm được :

- Do có sự chỉ đạo sâu sát, chặt chẽ và đồng bộ của các cấp ủy đảng từ thành phố tới các đảng bộ trực thuộc và tổ chức cơ sở đảng, cho nên công tác chuẩn bị cho Đại hội bảo đảm khẩn trương, tích cực. Các tổ chức cơ sở đảng làm điểm đã thực hiện tốt đợt tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), công tác chuẩn bị được tiến hành khẩn trương, chu đáo, có một số công việc được giải quyết tốt ở hội nghị trù bị, nên bước vào Đại hội chính thức khá thuận lợi, cơ bản thực hiện tốt yêu cầu, nội dung và chương trình Đại hội đề ra.

- Việc thảo luận, góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện của cấp trên được tiến hành từ các hội nghị chi bộ và hội nghị quần chúng do Mặt trận Tổ quốc chủ trì. Tại Đại hội có nhiều ý kiến thảo luận sôi nổi, một số tham luận của đại biểu được chuẩn bị kỹ, phản ánh được tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân địa phương đối với Đảng và công cuộc đổi mới đất nước.

- Việc chuẩn bị báo cáo và thảo luận báo cáo tổng kết nhiệm kỳ, xác định nhiệm vụ chính trị

Digitized by Google

nhiệm kỳ tới của các tổ chức sơ sở đảng làm điểm được tiến hành nghiêm túc, bám sát đặc điểm, tình hình của địa phương, đơn vị. Những vấn đề trọng tâm và các giải pháp thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của nhiệm kỳ mới thể hiện trong báo cáo được Đại hội dành thời gian thỏa đáng để thảo luận và ra nghị quyết.

- Về công tác nhân sự, nhiều cấp ủy cơ sở đã thực hiện đầy đủ quy trình công tác nhân sự theo Hướng dẫn số 14 của Ban Tổ chức Trung ương như : lấy ý kiến cán bộ chủ chốt giới thiệu nguồn nhân sự ; từng đồng chí cấp ủy viên đương nhiệm có ý kiến về mình, về đồng chí cấp ủy khác và đề xuất các đồng chí mới tham gia cấp ủy. Trong Đại hội sau kết quả bầu cấp ủy mới, một số cơ sở đã lấy ý kiến đại biểu Đại hội giới thiệu bí thư. Tại Đại hội đã thực hiện đúng các quy định của quy chế bầu cử trong Đảng, ít có phát sinh vướng mắc trong điều hành của Đoàn chủ tịch. Danh sách đề cử bầu Ban chấp hành đều được giới thiệu dư từ 10% trở lên. Kết quả bầu Ban chấp hành khóa mới đều diễn ra khá thuận lợi, dân chủ, kỷ cương, bảo đảm được tiêu chuẩn, cơ cấu, độ tuổi và có chất lượng tốt.

Nhìn chung, các đơn vị được chỉ đạo điểm của Thành ủy và các quận, huyện ủy đều đã tổ chức thành công Đại hội, bảo đảm được các yêu cầu : dân chủ, trí tuệ, trách nhiệm, kỷ cương, đoàn kết.

Những hạn chế :

- Do thời gian chuẩn bị gấp, tài liệu của Trung ương và Thành ủy gửi tới muộn, số lượng tài liệu nhiều, thời gian nghiên cứu ít cho nên có một số cơ sở còn bị động, lúng túng trong công tác chuẩn bị, số lượng, ý kiến đóng góp vào các dự thảo Văn kiện của Trung ương, của Thành ủy chưa nhiều, chất lượng còn hạn chế. Khâu yếu khá phổ biến ở các Đại hội là việc ghi biên bản, tổng hợp ý kiến thảo luận các dự thảo Văn kiện và chuẩn bị nội dung nghị quyết Đại hội chưa khoa học, chất lượng thấp ; có nơi báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận của cơ sở còn chưa kịp tổng hợp vào báo cáo chung.

- Nội dung dự thảo báo cáo chính trị của một số cơ sở chuẩn bị chưa kỹ, phần kiểm điểm thực hiện nhiệm kỳ qua còn dài dòng, trùng lặp ; phần phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của nhiệm kỳ tới thường còn chung chung, thiếu giải pháp thiết thực ; phần đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và kiểm điểm của cấp ủy nhiệm kỳ qua chưa sâu sắc.

- Việc thực hiện quy trình nhân sự có nơi còn lúng túng, sự vận dụng hướng dẫn của Trung ương chưa thống nhất. Những nơi có khó khăn về nhân sự thường ngại làm theo đúng, đủ quy trình trong hướng dẫn. Việc lấy ý kiến giới thiệu công tác và ý kiến tham gia tại nơi ở chưa được thực hiện đầy đủ.

- Công tác điều hành của Đoàn chủ tịch Đại hội ở một số cơ sở còn lúng túng, thiếu khoa học, chuẩn bị chưa kỹ lưỡng. Khi xử lý những vấn đề phát sinh ngoài dự kiến thường bị động như : công tác giới thiệu nhân sự ; xem xét cho người xin rút tên trong danh sách đề cử ; thông qua danh sách bầu cử lần cuối ; thông qua nghị quyết về các chỉ tiêu, giải pháp của nhiệm kỳ mới v.v.

Từ kết quả và thực hiện trong quá trình chỉ đạo Đại hội điểm ở một số tổ chức cơ sở đảng thuộc các quận, huyện ủy, có thể rút ra một số kinh nghiệm bước đầu để tiếp tục chỉ đạo chuẩn bị và tiến hành Đại hội các cấp khi triển khai ra diện rộng.

Một là, phải đặc biệt coi trọng công tác chỉ đạo chuẩn bị Đại hội. Một yếu tố quan trọng, quyết định thành công của Đại hội là phải làm thật tốt và chu đáo khâu chuẩn bị. Trên cơ sở chỉ thị, kế hoạch và các văn bản hướng dẫn của Trung ương và của Thành ủy, các cấp ủy, các ngành chức năng phải phối hợp đồng bộ, có phân công nhiệm vụ cụ thể, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn cơ sở tổ chức thực hiện trong suốt quá trình từ khi chuẩn bị đến khi kết thúc Đại hội. Để làm tốt việc này, cấp ủy cấp trên cơ sở (nhất là những nơi có nhiều tổ chức cơ sở đảng), nên thành lập các tổ công tác, quy định rõ nhiệm vụ kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn cơ sở tổ chức đại hội.

Hai là, các cấp ủy cần tổ chức tốt việc nghiên cứu, quán triệt sâu sắc Chỉ thị số 54 của Bộ Chính trị, kế hoạch số 57 của Thành ủy, các văn bản hướng dẫn của Trung ương và của Thành ủy về Đại hội Đảng các cấp trong cán bộ, đảng viên, đặc biệt là trong cấp ủy và đội ngũ cán bộ chủ chốt, thấy rõ những yêu cầu, nội dung và cách làm mới để vận dụng một cách sáng tạo và phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương, đơn vị. Đó là cơ sở và tiền đề rất quan trọng để nâng cao nhận thức, thống nhất ý chí và hành động, phát huy sức mạnh tổng

Digitized by Google

hợp của đội ngũ cán bộ, đảng viên và các đoàn thể quần chúng nhân dân giúp cho cấp ủy chuẩn bị nội dung và tổ chức Đại hội đạt kết quả tốt.

Ba là, việc nghiên cứu, thảo luận, góp ý kiến vào các dự thảo Văn kiện của Trung ương, Thành ủy và báo cáo của cấp ủy cấp trên phải được tổ chức nghiêm túc, chặt chẽ, kỷ cương, theo một quy trình thống nhất và bố trí thời gian hợp lý. Qua thực tiễn chỉ đạo các cơ sở làm điểm, có thể vận dụng các bước tiến hành như sau :

- Cấp ủy cấp trên cần phải tổ chức truyền đạt kỹ nội dung các văn kiện, trong đó cần tập trung phân tích, làm rõ những nội dung mới, những vấn đề còn có những ý kiến khác nhau, những định hướng và mục tiêu quan trọng v.v. .. Muốn thực hiện được công việc này cần phải bồi dưỡng tốt đội ngũ báo cáo viên.

- Phải nghiên cứu, cụ thể hóa nội dung, gợi ý thảo luận từng loại văn kiện, từng lĩnh vực cụ thể cho sát hợp với trình độ, nhận thức của đảng viên, với tình hình thực tiễn của đơn vị và với từng loại hình tổ chức cơ sở. Có như vậy việc góp ý vào các dự thảo văn kiện mới đạt được yêu cầu, đúng trọng tâm và có chất lượng tốt.

- Phải lựa chọn, bồi dưỡng được một số đồng chí đảng viên có trình độ và khả năng tổng hợp, biên tập tốt để giúp cấp ủy làm công tác tổng hợp báo cáo những ý kiến góp ý vào các dự thảo văn kiện Đại hội các cấp. Bản tổng hợp ý kiến phải ghi theo từng phần, từng vấn đề trong từng văn kiện, ghi rõ những vấn đề nhất trí, hoặc không nhất trí ; vấn đề cần bổ sung, sửa đổi và lý lẽ về những vấn đề đó. Cần dành thời gian để đại biểu tiếp tục thảo luận.

- Phải bố trí hợp lý thời gian cho phần thảo luận, góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện và báo cáo của cấp ủy, tránh tình trạng làm lướt, hoặc gò ép thời gian, hoặc chỉ chú trọng dành thời gian cho vấn đề nhân sự. Nên có thêm thời gian cho việc đóng góp ý kiến vào các văn kiện của cấp trên, cho việc thảo luận và quyết định những vấn đề cấp thiết của mình và cho công tác bầu cử.

Bốn là, báo cáo của cấp ủy trình ra Đại hội cần được chuẩn bị kỹ lưỡng, công phu, phản ánh và đánh giá được toàn diện các lĩnh vực hoạt động của đơn vị ; đồng thời phải đi sâu, tập trung kiểm điểm và làm rõ sự lãnh đạo của cấp ủy đối với những nhiệm vụ trọng tâm, then chốt như : kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng, tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), đề ra các giải pháp tích cực, cụ thể để đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Tùy theo đặc điểm, tình hình của mỗi loại hình tổ chức cơ sở đảng, cấp ủy cấp trên phải gợi ý những định hướng chính về nhiệm vụ chính trị cho cấp dưới ngay từ khi chuẩn bị báo cáo. Đối với cơ sở cần nghiên cứu, vận dụng các quan điểm, chủ trương đổi mới của Trung ương và của Thành ủy để xác định rõ ràng, đúng đắn phương hướng, nhiệm vụ của địa phương, đơn vị. Chú ý xây dựng các giải pháp tổ chức thực hiện có tính khả thi cao. Quá trình tổ chức lấy ý kiến của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân cũng như thảo luận góp ý kiến của các đại biểu tại Đại hội phải tiếp thu và được cụ thể thành các chương trình công tác của cấp ủy sau Đại hội.

Năm là, về công tác chuẩn bị nhân sự cấp ủy, cần phải làm đúng nội dung và quy trình hướng dẫn trong Chỉ thị số 54 của Bộ Chính trị, hướng dẫn số 14 của Ban Tổ chức Trung ương, Kế hoạch số 57 của Thành ủy và hướng dẫn của Ban Tổ chức Thành ủy, đồng thời tùy theo tình hình đặc điểm của từng địa phương, đơn vị để vận dụng cho phù hợp.

- Việc lấy ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân giới thiệu nguồn nhân sự cấp ủy có thể vận dụng một số hình thức khác nhau cho phù hợp, nhưng phải bảo đảm thực hiện được những khâu công việc cơ bản trong quy trình nhân sự theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương. Công tác nhân sự phải bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, càng mở rộng dân chủ càng phải tăng cường trách nhiệm của tập thể cấp ủy cơ sở và sự chỉ đạo của cấp ủy cấp trên.

- Khi mở rộng và phát huy được dân chủ trong việc giới thiệu nguồn nhân sự cấp ủy thì cấp ủy đương nhiên sẽ có nhiều kênh thông tin, giúp cho việc chuẩn bị nhân sự cấp ủy khóa mới được khách quan và chính xác hơn.

- Ở những nơi tình hình diễn biến phức tạp, có khó khăn về công tác giới thiệu nhân sự cấp ủy, thì kết quả thăm dò tín nhiệm cần được phân tích, cân nhắc kỹ lưỡng, cấp ủy phải có quan điểm rõ ràng

Digitized by Google

trong việc đánh giá cán bộ, để chủ động trong việc giới thiệu với Đại hội.

- Những nơi chưa tổ chức tốt việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), hoặc tình hình phức tạp, nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng, ban thường vụ cấp ủy cấp trên phải kiên quyết chỉ đạo giải quyết dứt điểm những vấn đề nổi cộm liên quan đến cán bộ, đảng viên, nếu chưa làm được thì chỉ đạo chưa bầu cấp ủy mới.

- Tổ chức tham khảo ý kiến của đại biểu nhân dân đối với người được dự kiến giới thiệu tham gia cấp ủy. Đây là một vấn đề mới (nêu trong Hướng dẫn số 14 của Ban Tổ chức Trung ương) cần được chỉ đạo thực hiện tốt cả về cách làm và nội dung, sao cho có tác dụng thiết thực.

Sáu là, về thủ tục, quy trình và việc chỉ đạo, điều hành Đại hội :

- Về thời gian Đại hội, để thực hiện tốt chương trình và nội dung của Dại hội, phải dành thời gian hợp lý cho từng phần việc cụ thể. Đối với Đại hội cấp cơ sở (xã, phường, doanh nghiệp) cần dành thời gian từ 1,5 đến 2 ngày. Đối với cơ sở có số lượng đảng viên ít, thời gian tổ chức Đại hội tối thiểu là 1 ngày. Chương trình Đại hội phải khoa học, chính xác, chủ động về thời gian.

- Hình thức tổ chức Đại hội phải bảo đảm trang nghiêm, thể hiện được không khí trang trọng của đợt sinh hoạt chính trị lớn của Đảng bộ và nhân dân địa phương, không phô trương hình thức, nhưng cũng không quá đơn giản.

- Công tác chỉ đạo, điều hành của Đoàn chủ tịch Đại hội có vai trò rất quan trọng, góp phần cho thành công của Đại hội. Đoàn chủ tịch phải có chương trình làm việc khoa học, phân công rõ nhiệm vụ và trách nhiệm của từng thành viên. Các vấn đề trình bày ở Đại hội phải được chuẩn bị bằng văn bản để khắc phục tình trạng bị động, lúng túng. Phải chuẩn bị kỹ những vấn đề cần thảo luận, tranh luận tại Đại hội, những vấn đề cần xin ý kiến Đại hội biểu quyết.

- Việc hướng dẫn thảo luận ở Đại hội cần tập trung vào những vấn đề trọng tâm, mấu chốt, vấn đề còn có những ý kiến khác nhau và gợi ý cần tập trung đi sâu bàn biện pháp thực hiện phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tới. ❑

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH...

(Tiếp theo trang 16)

- Củng cố và phát triển hệ thống các trung gian tài chính trong việc khai thác nguồn cung cấp các dịch vụ tài chính ; kiện toàn hệ thống pháp luật về các dịch vụ tài chính.

- Củng cố và phát triển thị trường bất động sản, khuyến khích mở rộng thị trường có tổ chức nhằm tạo điều kiện cho thị trường phát triển lành mạnh, khai thác có hiệu quả các nguồn tài chính tiềm năng, phục vụ cho yêu cầu phát triển đất nước.

- Tăng cường năng lực và hiệu quả giám sát của Nhà nước đối với các hoạt động của thị trường tài chính ; bảo đảm an toàn, minh bạch, công khai và bảo vệ lợi ích của người đầu tư. Hiện đại hóa công nghệ hoạt động, nâng cao năng lực bộ máy quản lý, kiện toàn hệ thống pháp luật trong việc điều chỉnh các hoạt động của thị trường tài chính.

5 - Chủ động tham gia tiến trình hội nhập tài chính quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, vừa phát huy tối đa nội lực vừa huy động triệt để ngoại lực và nội lực hóa các nguồn lực bên ngoài phục vụ cho các mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Thực hiện các cam kết thuế quan theo chương trình CEPT/AFTA, kịp thời điều chỉnh chính sách thuế cho phù hợp với quá trình hội nhập, chuẩn bị các phương án và giải pháp về thuế và phi quan thuế trong tiến trình triển khai Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ và đàm phán WTO. Củng cố và tăng cường hợp tác trong lĩnh vực tài chính tiền tệ với các nước SNG và Đông Âu nhằm thực hiện chủ trương đa phương hóa và đa dạng hóa trong quan hệ hợp tác và hội nhập quốc tế về tài chính, tiền tệ.

- Thực hiện mở cửa có chọn lọc với mức độ hợp lý thị trường tài chính, vừa tạo điều kiện cho các tổ chức tài chính trong nước phát triển, vừa bảo đảm sự vận hành an toàn của thị trường tài chính. Đồng thời, chủ động và tích cực chuẩn bị các điều kiện tham gia thị trường tài chính quốc tế, xây dựng cơ chế tham gia hợp tác, giám sát và trao đổi thông tin với các khối liên minh khu vực và quốc tế (như cơ chế giám sát tài chính ASEAN, APEC...). ❑

Digitized by Google

CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ SỨC KHỎE NGƯỜI NGHÈO

LÊ NGỌC TRỌNG *

VIỆT Nam là một trong những nước nghèo trên thế giới. Phần lớn nhân dân sống ở nông thôn, nhất là ở miền núi và những vùng sâu, vùng xa, thu nhập thực tế ở mức thấp. Giao thông ở những vùng này chưa phát triển. Dân cư phân tán tản mác trong các bản làng xa xôi. Một số đồng bào dân tộc còn sống du canh, du cư. Có vùng biến động dân cư tương đối lớn, tốc độ tăng dân số lại cao, điều kiện cải thiện đời sống và chăm sóc sức khỏe còn đang gặp nhiều khó khăn. Qua khảo sát cho thấy có khoảng 70% người dân tự chữa bệnh khi đau ốm.

Sự phát triển về kinh tế trong gần 15 năm đổi mới đã mang lại nhiều kết quả tốt cho sức khỏe của nhân dân (do được cải thiện về điều kiện ăn, ở, mặc, học hành...). Tuy nhiên đến năm 1999, nước ta vẫn còn khoảng dưới 20% dân số ở mức nghèo. Có 1715 xã nghèo, trong đó 1000 xã đặc biệt khó khăn, phần lớn thuộc về vùng núi, vùng sâu, vùng xa. Sự phân hóa giàu nghèo là một yếu tố quan trọng tạo ra sự bất bình đẳng về chăm sóc sức khỏe (CSSK) và hưởng thụ dịch vụ y tế.

Người nghèo vẫn chịu nhiều thiệt thòi trong khám chữa bệnh và chăm sóc y tế. Có nhiều nguyên nhân, nhưng cơ bản vẫn là do khả năng kinh tế của họ không đáp ứng được cho nhu cầu khám chữa bệnh. Mặt khác, một số chính sách của Nhà nước trợ giúp cho họ về khám chữa bệnh miễn phí, bảo hiểm y tế chưa được thực thi đồng bộ. Đảng ta đã chỉ rõ : Trong xã hội ta, mọi người nghèo đều phải được khám chữa bệnh và chăm sóc chu đáo. Từ nhiều năm qua, Nhà nước đã tập trung đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội ở những vùng nghèo, tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo phát triển kinh tế hộ gia đình, từng bước cải thiện đời sống, bảo đảm CSSK.

Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, đặc biệt cho người nghèo đang từng bước được xã hội hóa. Đây cũng là trách nhiệm của các cấp ủy đảng và chính quyền, các ngành, các đoàn thể xã hội, trong đó ngành y tế giữ vai trò nòng cốt. Ngành y tế chăm lo về chuyên môn kỹ thuật và tổ chức hướng dẫn, huấn luyện cho nhân dân thực hiện. Ngành lao động - thương binh - xã hội giúp y tế thực hiện các chính sách xã hội trong khám chữa bệnh cho người có công, người nghèo và các đối tượng chính sách xã hội khác. Ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tổ chức lại các cụm dân cư cho phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ; sử dụng hợp lý, an toàn các hóa chất trừ sâu, bảo đảm cung cấp rau quả và thực phẩm sạch. Các đơn vị sản xuất kinh doanh quan tâm bảo trợ cho hoạt động CSSK người nghèo. Các đoàn thể quần chúng như Phụ nữ, Thanh niên, Hội nông dân, Hội chữ thập đỏ... kết hợp với ngành y tế vận động nhân dân, nhất là người nghèo tham gia thực hiện tốt mọi nội dung về CSSK, hoàn thành các chương trình y tế như : tiêm chủng mở rộng, phòng chống sốt rét, phòng chống rối loạn do thiếu hụt i-ốt, phòng chống lao, phong... Phát huy truyền thống "tương thân tương ái", "lá lành đùm lá rách", huy động sự đóng góp của cộng đồng hỗ trợ cho người nghèo, vùng nghèo ; giúp cho người nghèo có thêm nhiều điều kiện thuận lợi về CSSK. Một số tổ chức từ thiện kết hợp với bệnh viện chăm lo nuôi dưỡng cho người bệnh nghèo khó khăn.

Nhiều năm qua, chúng ta đã chăm lo củng cố hệ thống y tế, trước tiên là mạng lưới y tế cơ sở, gần dân để phát huy vai trò CSSK cho nhân dân nói chung và người nghèo nói riêng. Theo các cuộc điều tra xã hội học có khoảng 70 - 80% nông dân khám chữa bệnh tại nhà và trạm y tế xã vì có đến 60% là các bệnh nhẹ thông thường. Hằng năm Nhà nước đầu tư kinh phí để nâng cấp y tế cơ sở về xây dựng nhà, trạm, mua sắm dụng cụ y tế, đào tạo cán bộ. Với cơ chế chính sách đầu tư đúng đắn đã tạo cho y tế cơ sở từng bước phát huy được vai trò CSSK ban đầu cho nhân dân ở những vùng sâu, vùng xa của đất nước.

---

* PGS.TS Thứ trưởng Bộ Y tế

Digitized by Google

Ngành y tế đã nỗ lực phấn đấu thực hiện chủ trương "chăm sóc sức khỏe cho người nghèo", tham gia giải quyết công bằng xã hội trong chăm sóc y tế. Hàng loạt sáng kiến giải quyết việc khám chữa bệnh cho người nghèo được phát huy. Đó là việc thanh toán thực chi cho người nghèo ở các bệnh viện Hà Nội, cấp sổ khám bệnh cho người nghèo ở TP Hồ Chí Minh, mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo ở Hải Phòng... Kinh tế thị trường hiện nay đang đặt đồng tiền xen giữa người thầy thuốc và người bệnh. Ngành y tế đã nêu ra một số vấn đề cấp bách về y đức và đang được thực hiện tại các cơ sở khám chữa bệnh. Tiêu chuẩn cơ bản *công bằng - chất lượng - tiến bộ* đang được quán triệt trong toàn bộ hệ thống y tế.

Công bằng trong khám chữa bệnh cho nhân dân, thực chất là quan tâm đến người có công với cách mạng, đến người nghèo, vùng nghèo. Điều đáng phấn khởi là những năm qua phong trào thi đua "người tốt, việc tốt" trong CSSK cho nhân dân phát triển mạnh. Theo thống kê chưa đầy đủ, chỉ trong hai năm gần đây đã có trên 1500 đơn vị và trên 9 200 cá nhân là gương sáng, điển hình tiên tiến ; nhiều đơn vị và cá nhân đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu anh hùng. Trong hệ thống y tế cơ sở đã xuất hiện những đơn vị tiêu biểu như là : Trạm y tế xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên có mạng lưới y tế đến thôn bản, làm tốt các nội dung CSSK ban đầu cho nhân dân, được đồng bào các dân tộc tín nhiệm.

Trong hệ thống chữa bệnh đã có nhiều tiến bộ mới về đào tạo cán bộ, áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật mới và nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết thực nâng cao hiệu quả và chất lượng khám chữa bệnh. Người thầy thuốc có thái độ phục vụ chu đáo, tận tình hơn với người bệnh, đặc biệt là người bệnh gặp khó khăn, rủi ro. Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp là một điển hình của các bệnh viện tuyến tỉnh về tinh thần và thái độ phục vụ tận tụy người bệnh. Trong hệ y học cổ truyền dân tộc, có Trung tâm y tế Điện Bàn (Quảng Nam) đã khôi phục được vườn thuốc nam, thực hiện "Thầy thuốc tại nhà, thuốc tại vườn", tăng cường y học cổ truyền chăm sóc sức khỏe nhân dân. Một số điển hình tiên tiến nổi lên trong hệ y tế dự phòng, như là Trung tâm y tế Phụng Hiệp (Cần Thơ) đã đạt được kết quả khá cao và toàn diện trong việc thực hiện mục tiêu chương trình "nâng cao chất lượng công trình vệ sinh và phòng chống dịch chủ động", xây dựng một mạng lưới nhân viên sức khỏe cộng đồng hoạt động có hiệu quả. Trong các nhà trường y dược, có thể kể đến : Đại học Y Hà Nội, Đại học Y Thái Bình, Đại học Y Thái Nguyên có nhiều công trình nghiên cứu khoa học về y tế công cộng hướng về cơ sở CSSK cho nhân dân. Phong trào "hiến máu nhân đạo" của nhà trường lan rộng trong học sinh, sinh viên y dược, đã cứu sống hàng ngàn người bệnh thoát khỏi hiểm nghèo. Mỗi khi có thiên tai, thảm họa, thầy và trò của Trường đại học Y Hà Nội, ngành y tế Hà Nội và TP Hồ Chí Minh lại lên đường cấp cứu người bệnh, đóng góp hàng trăm triệu đồng và nhiều vật dụng khác cùng nhân dân cả nước cứu giúp đồng bào vượt qua cơn hoạn nạn. Bệnh viện Vân Đình (Hà Tây), Khoa A9 (Bạch Mai), Khoa điều dưỡng Bệnh viện Đa khoa Uông Bí (Quảng Ninh), Bệnh viện Thống Nhất (Đồng Nai),... là những đơn vị anh hùng. Viện răng - hàm - mặt Hà Nội và Viện răng - hàm - mặt TP Hồ Chí Minh kết hợp chặt chẽ với các địa phương triển khai có hiệu quả chương trình nha học đường và phẫu thuật nụ cười. Trong sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân, còn có nhiều tập thể, cá nhân anh hùng, những tấm gương tiêu biểu tận tụy phục vụ của người cán bộ y tế.

Với những quyết tâm, nỗ lực đó đến nay chúng ta đã thu được những kết quả rất cụ thể về CSSK nhân dân. Theo Niên giám thống kê y tế năm 1999 của Bộ Y tế thì ở nước ta tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi đã giảm xuống còn 36,7‰, tỷ lệ tử vong ở trẻ em dưới 5 tuổi giảm xuống còn 42‰, tỷ suất chết mẹ trong 100 000 trẻ đẻ sống là 90 ; và 95,4% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm 6 loại vắc xin phòng các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, số trẻ sơ sinh cân nặng dưới 2500 gam đã giảm xuống còn 8%. Tuổi thọ trung bình là 67, dân số được sử dụng nước sạch là 50%...

Những thành tựu trong CSSK nhân dân, đặc biệt cho người nghèo gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng, vai trò chủ động, tích cực của ngành y tế. Nước ta có hệ thống y tế rộng khắp "của dân, do dân, vì dân", với đội ngũ cán bộ y tế đông đảo, được sự hỗ trợ mạnh mẽ của Nhà nước. Chính quyền các cấp triển khai có hiệu quả hàng loạt các chương trình y tế để giải quyết các bệnh tật ảnh

Digitized by Google

hưởng tới cộng đồng dân cư. Đó là đổi mới hợp lý và khoa học các hoạt động y tế trong kinh tế thị trường, hướng về chăm sóc và chữa bệnh cho người nghèo. Đó là sự cống hiến và đóng góp lớn lao vì sự nghiệp bảo vệ và CSSK người nghèo của hàng ngàn cán bộ, nhân viên y tế trên khắp mọi miền của Tổ quốc.

Mặc dù chúng ta đã giành được một số kết quả bước đầu trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho người nghèo, nhưng trong thực tế vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức lớn. Đó là, tỷ lệ người nghèo đông, bệnh tật nhiều, khả năng nguồn lực để đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh còn thấp, chưa tương xứng. Trong các nguồn lực cho y tế cơ sở, thì nguồn nhân lực còn thiếu nhiều, cả về số lượng và chất lượng, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Người bệnh nghèo đang rất khó khăn trong tiếp cận với các dịch vụ y tế kỹ thuật cao. Một số nội dung công tác CSSK cho người nghèo thực hiện chưa đồng bộ giữa các bộ, ngành và các địa phương. Kiến thức về CSSK của người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế khó khăn chưa đáp ứng yêu cầu, đặc biệt là về CSSK ban đầu. Theo UNDP thì Việt Nam còn 5 khó khăn trong việc xóa đói giảm nghèo để phát triển và CSSK nhân dân. Đó là bị cách biệt về xã hội ; ngôn ngữ và địa dư ; có nhiều nguy cơ lụt, bão và bệnh tật ; thiếu nguồn lực cho sản xuất, đặc biệt là đất đai và ngân sách ; các điều kiện tài chính và môi trường không ổn định ; thiếu sự quan tâm của nhân dân vào việc lập kế hoạch và thực hiện các chương trình phát triển. Trong cải cách kinh tế, sự phân hóa giàu nghèo, người nghèo và người có thu nhập thấp là trọng tâm ưu tiên của Nhà nước ta nhằm thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo và công bằng trong CSSK. Để thực hiện được mục tiêu đó, chúng ta cần tập trung giải quyết một số vấn đề cấp thiết sau đây :

- *Chú trọng đào tạo lại đội ngũ cán bộ y tế cơ sở,* giúp cho họ đủ sức cập nhật với sự phát triển khoa học - kỹ thuật và yêu cầu nhiệm vụ mới. Tính đến 31-12-1999 cán bộ y tế xã, phường trong cả nước có hơn 42 997 người, nhưng số được đào tạo lại còn rất ít. Hiện nay đội ngũ này cần tới gần 50 000 người, do vậy yêu cầu đào tạo mới cũng rất cấp thiết, đặc biệt là đội ngũ nữ hộ sinh và y sĩ sản nhi. Tính đến nay cả nước còn khoảng 17% số xã chưa có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi, trong đó ở miền núi có tới 30% số xã thiếu đội ngũ cán bộ này. Các trường trung học y tế phải tập trung đào tạo để đáp ứng yêu cầu trên. Các trường đại học cần tập trung ưu tiên đào tạo đội ngũ bác sĩ xã với chương trình thích hợp, tuyển sinh theo địa chỉ, sau khi tốt nghiệp phải trở về xã phục vụ. Đến năm 1999, cả nước đã có 3 545 xã có bác sĩ (trong tổng số 10 469 xã) đạt khoảng 33,9% , nhưng các tỉnh miền núi mới chỉ đạt được 22,2%. Những xã có bác sĩ làm việc cần bổ sung trang thiết bị và dụng cụ y tế, tăng cường thuốc thiết yếu để đáp ứng kỹ thuật cao hơn về phòng bệnh và chữa bệnh.

- *Xây dựng vốn kinh phí sự nghiệp cho y tế xã.* Đây là yêu cầu rất cấp thiết, để phát huy cao hơn năng lực của trạm y tế xã, đủ sức hỗ trợ cho người nghèo khám chữa bệnh. Kinh phí sự nghiệp của trạm y tế xã phải vận động nhiều nguồn đóng góp, từ hỗ trợ của cộng đồng đến kinh phí Nhà nước cấp và với tinh thần "Nhà nước và nhân dân cùng làm". Phải đổi mới và tăng cường đầu tư hơn nữa cho phát triển kinh tế - xã hội và đặc biệt đầu tư cho CSSK ở những vùng nghèo. Mỗi cán bộ y tế thôn, bản đều có túi thuốc và dụng cụ y tế thích hợp, nhằm phát huy vai trò của mình. Để hỗ trợ cho y tế cơ sở hoạt động, khi chưa đủ mạnh, cần đưa các đội y tế lưu động về cơ sở, nhất là các vùng nghèo, giao thông đi lại khó khăn. Các đội y tế lưu động này sẽ giúp nhân dân trong phòng chống sốt rét và dập tắt các dịch bệnh, CSSK đến hộ gia đình trong thôn, bản.

- *Coi trọng rèn luyện y đức,* nâng cao tinh thần tận tụy phục vụ người bệnh theo lời dạy của Bác Hồ : "thầy thuốc như mẹ hiền". Đó là tiêu chuẩn số một của người cán bộ y tế. Nhân dân ta mong mỏi nâng cấp ngành y tế : từ cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế đến chất lượng và thái độ phục vụ ; chấn chỉnh việc thu và sử dụng viện phí, chống tiêu cực trong các dịch vụ y tế. Bảo đảm cho y tế phục vụ người nghèo ngày một tốt hơn.

- *Phát triển bảo hiểm y tế cho người nghèo.* Đây là việc làm cấp thiết và rất cơ bản. Sau hơn 8 năm triển khai, bảo hiểm y tế đã giải quyết tốt khám chữa bệnh cho người có thẻ bảo hiểm y tế bắt buộc. Bảo hiểm y tế tự nguyện, trong các trường học (bảo hiểm y tế học sinh) và bảo hiểm y tế cho người nghèo đã tạo điều kiện tốt hơn về bình đẳng trong khám chữa bệnh. Vận động sức mạnh tổng hợp của

Digitized by Google

cộng đồng, của các cấp, các ngành, các hội từ thiện, các nhà hảo tâm, các cơ sở y tế ... đóng góp mua bảo hiểm y tế cho người nghèo. Nhưng hiện nay mệnh giá bảo hiểm y tế cho người nghèo ở mức thấp, chỉ có 30 000đ/cho một người trong một năm, cần phải được sửa đổi trong thời gian tới mới đủ sức chi trả cho người nghèo khám chữa bệnh. Thực hiện tốt chủ trương mỗi cơ sở khám chữa bệnh đều triển khai chế độ bảo hiểm y tế, miễn phí cho người nghèo, thu phí với người có khả năng đóng góp theo yêu cầu. Điều này cũng phù hợp với cơ chế kinh tế mới.

- *Thực hiện tốt mục tiêu của các chương trình y tế*, hướng tới những vùng khó khăn và vùng nghèo để phòng chống dịch bệnh cho nhân dân, như phòng chống sốt rét, lao, suy dinh dưỡng,... Làm sao để nhân dân các vùng nghèo đều nhận được màn chống muỗi, thuốc chữa bệnh, muối trộn i-ốt phòng chống bướu cổ, tiêm chủng mở rộng...

- *Y học cổ truyền hướng về cộng đồng*, hướng dẫn nhân dân phát huy truyền thống dùng cây, con làm thuốc chữa bệnh thông thường cho gia đình, cũng như các phương pháp châm cứu chữa bệnh không phải dùng thuốc, luyện tập và phục hồi chức năng. Có chính sách bảo đảm thuốc thiết yếu cho cơ sở, nhất là các vùng kinh tế khó khăn, đáp ứng yêu cầu của nhân dân về thuốc chữa bệnh.

- *Phát huy hơn nữa truyền thống quân - dân - y kết hợp*. Từ trong chiến tranh đến thời bình, đặc biệt ở những vùng sâu, vùng xa như hải đảo, biên giới... bộ đội luôn gắn bó mật thiết với dân, hướng dẫn nhân dân làm kinh tế, học văn hóa, CSSK và đã thu được nhiều thành tựu đáng khích lệ.

- *Tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng bệnh, tuyên truyền, giáo dục sức khỏe một cách tích cực và chủ động* với những nội dung về CSSK ban đầu cho mọi người, mọi nhà, chủ động tham gia vệ sinh phòng bệnh, sử dụng nước sạch, vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường sống và lao động ; đặc biệt quan tâm CSSK bà mẹ và trẻ em ; nỗ lực phấn đấu làm giảm nhanh tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi. Người nghèo thường phải gánh chịu những hậu quả xấu của môi trường. Ngay tại các đô thị, họ thường sống trong các ngôi nhà lụp xụp, ẩm ướt, không đủ tiêu chuẩn vệ sinh. Ở các vùng cao, vùng sâu, thiếu nước sạch, lụt lội, ô nhiễm môi trường cũng nặng nề. Các ổ dịch bệnh thường xảy ra từ đó, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người nghèo. Hướng dẫn người nghèo ăn ở sạch sẽ, hợp vệ sinh là rất cần thiết.Thường xuyên làm tốt công tác vệ sinh môi trường và phòng dịch bệnh là bảo vệ sức khỏe cho người nghèo.

- *Quan tâm tới đời sống cán bộ y tế* là tạo điều kiện cụ thể và thiết thực để đội ngũ cán bộ y tế toàn tâm toàn ý thực hiện nhiệm vụ to lớn chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, trong đó có người nghèo. Đảng và Nhà nước ta đã và đang tiếp tục ban hành các chế độ, chính sách ưu tiên cho ngành y tế, trong đó có chính sách đãi ngộ để sử dụng tốt cán bộ y tế, nhất là ở những nơi khó khăn ; có chế độ phụ cấp trực ; phẫu thuật, ...phù hợp để động viên cán bộ trong ngành hăng hái hoàn thành nhiệm vụ.

Vấn đề quan trọng là củng cố hệ thống y tế nhà nước vững mạnh, đặc biệt là y tế thôn bản, xã, huyện. Mở rộng, đa dạng hóa, nâng cao chất lượng và hiệu quả các dịch vụ CSSK. Đổi mới và tăng cường công tác quản lý bệnh viện, kiện toàn hệ thống khám chữa bệnh đủ sức đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của nhân dân. Tăng đầu tư nhà nước kết hợp với tạo thêm nguồn kinh phí khác cho y tế như : phát triển bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân là điều kiện tốt nhất để thực hiện mục tiêu của bảo hiểm y tế, lấy số đông bù số ít, mở rộng hợp tác quốc tế, khuyến khích và quản lý tốt hoạt động CSSK của các tổ chức và cá nhân. Xây dựng và phát triển công nghiệp dược, thiết bị y tế đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu ; cung ứng đầy đủ cho người nghèo, vùng nghèo.

Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân nói chung, trong đó có người nghèo là nhiệm vụ rất cấp bách, nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây cũng là trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, của các ngành, đoàn thể và tổ chức xã hội. Ngành y tế có vai trò nòng cốt triển khai thực hiện và phối hợp hành động để tạo thành sức mạnh tổng hợp. Sự nghiệp này phải là của dân, do dân và vì dân. Quan tâm chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho người nghèo là thiết thực phấn đấu cho một xã hội công bằng và văn minh. ❑

Digitized by Google

TRUNG TÂM QUẢN LÝ BAY DÂN DỤNG VIỆT NAM - HÀNH TRÌNH MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

TRẦN XUÂN MÙI *

VÀO những năm cuối của thập niên 80, khi nước ta bắt đầu chuyển sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ngành quản lý bay chỉ là những bộ phận riêng lẻ, phân tán trong các lĩnh vực hàng không. Phương tiện nghiệp vụ của ngành hết sức thô sơ, lạc hậu ; môi trường hoạt động chỉ bó hẹp trong những tuyến bay nội địa. Nhưng chỉ sau hơn 10 năm đổi mới đến nay, Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam đã chuyển từ phân tán, manh mún thành tập trung, thống nhất ; từ phương thức cổ điển về công nghệ quản lý điều hành bay, sang hiện đại, tự động hóa ; từ không phận quốc gia mở rộng ra không gian quốc tế, cung cấp dịch vụ điều hành bay theo tiêu chuẩn quốc tế, đưa ngành quản lý bay Việt Nam hội nhập vào nền không vận của các nước trong khu vực và thế giới.

Năm 1975, sau khi nước nhà thống nhất, cuộc đấu tranh giành quyền kiểm soát vùng thông báo bay Hồ Chí Minh (FIR HCM) đã bắt đầu. Trước năm 1975, Trung tâm kiểm soát đường dài Sài Gòn là một trung tâm mạnh trong khu vực, nên được Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế giao cho vùng thông báo bay rất rộng, kéo dài từ vĩ tuyến 17 xuống tới 07 vĩ độ Bắc, chiều rộng từ biên giới Việt - Lào, Việt - Cam-pu-chia ra tới 114 độ kinh tuyến Đông. Xét về địa lý, vùng thông báo bay Sài Gòn có ý nghĩa quan trọng về kinh tế, chính trị và quốc phòng. Khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, Việt Nam chưa tuyên bố tiếp quản và mở cửa hoạt động vùng thông báo bay Sài Gòn, nên giao lưu hàng không quốc giữa Đông - Tây, Nam - Bắc trên biển Đông bị bế tắc. Tổ chức hàng không quốc tế đã khai thông sự bế tắc này bằng một kế hoạch giao tạm thời vùng trời trên biển Đông trong vùng thông báo bay Sài Gòn cũ cho 3 Trung tâm kiểm soát đường dài : Hồng Công, Băng Cốc, Xin-ga-po đảm nhiệm. Việt Nam chỉ còn quản lý và điều hành vùng trời duy nhất trên lãnh thổ đất liền của vùng thông báo bay Sài Gòn cũ. Ngành quản lý bay được giao là đơn vị chủ thể trực tiếp trong cuộc đấu tranh giành quyền kiểm soát vùng thông báo bay Sài Gòn. Đầu năm 1988, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra Nghị định số 05/HĐBT về việc phục hồi vùng thông báo bay Hồ Chí Minh và nâng cấp vùng thông báo bay Hà Nội (FIR HAN) để cấp tốc giành quyền điều hành vào năm 1993 tại Hội nghị khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Lúc này đặt lên vai ngành quản lý bay hai nhiệm vụ nặng nề là : quản lý và bảo đảm điều hành bay trong nước an toàn và tập trung mọi sức lực, trí tuệ tham mưu đúng, chính xác trong thời gian ngắn nhất, nâng cấp trang thiết bị đồng bộ, hiện đại hóa bỏ qua giai đoạn công nghệ thấp, tiến thẳng lên công nghệ cao, đáp ứng 6 lĩnh vực chuyên ngành để Tổ chức hàng không quốc tế (ICAO) xem xét giao quyền kiểm soát vùng thông báo bay. Một vấn đề vô cùng quan trọng là làm sao để có được lực lượng cán bộ kỹ thuật làm chủ, khai thác trang thiết bị hiện đại. Lực lượng kiểm soát viên điều hành không còn nằm trong phạm vi hạn hẹp của một quốc gia, mà phải trở thành lực lượng điều hành khu vực và quốc tế, thành thạo, xử lý kịp thời, an toàn, hoạt động thành hệ thống, cung cấp dịch vụ chất lượng cao 24/24 giờ. Với sự tích cực chủ động mọi mặt của chúng ta, vào lúc 0 giờ

* Tổng giám đốc, Bí thư đảng ủy Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam

Digitized by Google

ngày 8-12-1994, Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế quyết định trao quyền kiểm soát phần phía Nam vùng thông báo bay Hồ Chí Minh cho Việt Nam, trực tiếp do Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam thực hiện. Việc Trung tâm chính thức tiếp nhận điều hành vùng thông báo bay Hồ Chí Minh khẳng định sự phát triển về tổ chức, lao động và trình độ công nghệ, trang thiết bị của mình. Từ thắng lợi to lớn này, Trung tâm đã góp phần đắc lực quản lý các hoạt động hàng không trật tự, an toàn tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đạt hiệu quả về kinh tế, hằng năm thu thêm được nhiều ngoại tệ mạnh cho Nhà nước và nâng tầm quản lý điều hành bay của Việt Nam trên trường quốc tế. Việc đầu tư trang thiết bị ngày càng hiện đại hóa và tự động hóa đòi hỏi sự lớn mạnh của lực lượng sản xuất trong các công đoạn điều hành bay. Do vậy, vào giữa năm 1996, Cục hàng không đã quyết định giao phần kiểm soát tại sân ở 3 sân bay quốc tế và các sân bay địa phương cho Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam quản lý và điều hành thống nhất từ khi cất cánh đến khi hạ cánh. Hiện nay, việc điều hành bay ở Việt Nam được thực hiện tại hai vùng thông báo bay FIR Hà Nội và FIR Hồ Chí Minh với 2 trung tâm kiểm soát đường dài, 3 trung tâm tiếp cận, 16 đài kiểm soát tại sân, 14 đường bay trong nước và 23 đường bay quốc tế (trong đó có 5/23 đường bay quá cảnh có hoạt động bay với tần suất cao nhất trên thế giới), hơn 20 hãng hàng không của các nước có đường bay thường lệ đến Việt Nam, gần 100 hãng hàng không bay quá cảnh trên vùng thông báo bay Hà Nội, Hồ Chí Minh. Sản lượng điều hành bay trong 5 năm từ 1995 - 1999 tăng trung bình hằng năm 13,4%. Năm 1989, sản lượng điều hành bay của Trung tâm là 43 320 chuyến, thì năm 1999 sản lượng đạt 144 702 chuyến, gấp 3,3 lần và tổng sản lượng điều hành bay trong 10 năm là 1 094 274 chuyến, trong đó có 1 179 chuyến chuyên cơ, tốc độ tăng trưởng bình quân 8%/năm. Kế hoạch được giao năm 2000 doanh thu 760 tỉ đồng, nộp ngân sách nhà nước 426 tỉ đồng.

Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam là đơn vị kinh tế nhà nước với công nghệ kỹ thuật cao, địa bàn hoạt động rộng, lại trực tiếp cung ứng dịch vụ công cộng do Nhà nước giao kế hoạch và đặt hàng theo giá và phí của Nhà nước quy định. Kinh doanh chủ yếu không vì mục tiêu lợi nhuận, mà đặt mục đích an toàn, hiệu quả lên hàng đầu. Từ đầu năm 1998, Trung tâm đã chuyển từ đơn vị sự nghiệp có thu, thành doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích. Tuy nhiên, trong phạm vi quốc gia, dịch vụ điều hành bay là dịch vụ công ích độc quyền, nhưng với quốc tế lại là dịch vụ cạnh tranh. Đây cũng là hoạt động có tính thống nhất cao giữa dân dụng và quân sự, từ các công đoạn trong chỉ huy điều hành bay. Những đặc trưng đó đòi hỏi cán bộ làm công tác đảng không chỉ là cấp ủy đảng, mà còn là "cấp ủy" của chuyên môn kỹ thuật, các cơ quan quản lý chuyên môn phải nắm vững luật pháp, am hiểu kiến thức nghiệp vụ, tăng cường kiểm tra, giám sát, phát huy trí tuệ lãnh đạo tập thể, khai thác tối đa những lợi thế của doanh nghiệp để phát triển.

Trải qua chặng đường tuy chưa dài, nhưng Trung tâm quản lý bay dân dụng đã có những bước đi vững chắc : giành lại được quyền điều hành bay FIR Hồ Chí Minh; tăng sản lượng điều hành bay và nguồn thu; thống nhất lĩnh vực điều hành bay về một mối để phát huy sức mạnh chuyên ngành kỹ thuật đặc thù ; trang bị và làm chủ phương tiện kỹ thuật hiện đại, đáp ứng yêu cầu của ngành hàng không quốc tế... Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam cung cấp các dịch vụ như : kiểm soát không lưu, không báo, viễn thông hàng không ; khí tượng hàng không và tìm kiếm cứu nạn hàng không,... Trung tâm còn kết hợp với các cơ quan quốc phòng trong việc quản lý vùng trời, bảo đảm an ninh, an toàn và chủ quyền vùng trời quốc gia. Sở dĩ Trung tâm quản lý bay dân dụng đạt được những thành tựu trên là nhờ có những bước đi thích hợp, vững chắc, có thể gọi là những kinh nghiệm bước đầu như sau :

1. Coi đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, bảo vệ môi trường sinh thái là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của Trung tâm.

Nhận thức sâu sắc rằng, để ngang tầm với hàng không quốc tế, vì sự phát triển của đất

Digitized by Google

nước, Trung tâm coi đầu tư phát triển khoa học - công nghệ hiện đại là khâu then chốt, có ý nghĩa quyết định. Quá trình đổi mới công nghệ ngành quản lý bay trong một thời gian ngắn đã đạt được những thành tích to lớn. Đổi mới kỹ thuật công nghệ trang thiết bị, làm thay đổi có tính cách mạng đối với công nghệ quản lý, điều hành bay từ đơn giản, cổ điển sang tiên tiến hiện đại, bằng các phương tiện nói - nghe - nhìn đạt chất lượng dịch vụ ở cấp quốc tế, được ICAO đánh giá cao. Công nghệ kiểm soát tiên tiến, hiện đại của quản lý bay Việt Nam, được áp dụng cho toàn bộ các máy bay quốc tế bay qua hai vùng thông báo bay của Việt Nam. Trong khi đó, một số quốc gia có các vùng thông báo bay liền kề chưa thực hiện được điều này. Với khả năng của kỹ thuật công nghệ mới, các dịch vụ quản lý bay hoàn toàn thỏa mãn mọi nhu cầu của hoạt động bay trong nước và quốc tế. Đổi mới, hiện đại hóa ngành, với phương châm đi thẳng vào công nghệ mới nhất, được thực hiện thông qua một loạt các dự án. Về cơ bản ngành đã đổi mới toàn bộ dây chuyền công nghệ cần thiết, đặc biệt ở 2 trung tâm kiểm soát đường dài, 3 trung tâm kiểm soát tiếp cận, 17 đài kiểm soát tại sân, 6 trạm ra đa sơ thứ cấp, gần 40 đài dẫn đường bay, 14 trạm vệ tinh mặt đất, hàng chục trạm viba số và trên 20 trạm VHF. Những dây chuyền quan trọng được tự động hóa, ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới chất lượng cao như : điện tử, kỹ thuật số, vệ tinh, cáp quang... Kết quả này không chỉ đáp ứng và thỏa mãn sự tăng trưởng hoạt động hàng không trong nước, cũng như giao lưu hàng không quốc tế, duy trì sự tăng trưởng cao, mà còn là tiền đề quan trọng cho sự phát triển trong những năm tiếp theo. Đồng thời với hệ thống trang thiết bị kỹ thuật hiện đại cũng góp phần nâng cao chất lượng huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu quản lý vùng trời quốc gia của lực lượng phòng không không quân tại các sân bay hỗn hợp dân sự - quân sự và các sở chỉ huy điều hành bay trên toàn quốc.

Bên cạnh việc mạnh dạn đầu tư, đổi mới trang thiết bị, phát huy nội lực, hoạt động nghiên cứu triển khai tiếp thu ứng dụng công nghệ mới cũng đồng thời được thực hiện. Đến nay Trung tâm đã hoàn toàn làm chủ các hệ thống trang thiết bị kỹ thuật từ khai thác bảo trì đến sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ. Các cán bộ khoa học - kỹ thuật đã khai thác tối đa khả năng cơ sở vật chất - kỹ thuật, tự thiết kế, chế tạo nhiều thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế nhập ngoại; tự triển khai lắp đặt các hệ thống thiết bị quan trọng, nhiều công trình nghiên cứu ứng dụng triển khai cấp ngành, cấp cơ sở, cấp nhà nước được đánh giá đạt chất lượng cao và đưa vào ứng dụng.

Phát triển kỹ thuật, đổi mới công nghệ gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái, xã hội. Ở bất kỳ đâu là địa bàn đứng chân của Trung tâm, các vấn đề môi trường, xã hội được quan tâm thích đáng, từ các đài, trạm trên núi cao, vùng sâu, vùng xa đến đồng bằng, đô thị. Hàng trăm triệu đồng được Trung tâm đầu tư cho bảo vệ môi trường đô thị. Sử dụng các phương án kỹ thuật tối ưu, hạn chế tới mức tối thiểu ảnh hưởng của công trình tới môi trường sinh thái. Trong từng công trình, hệ thống trang thiết bị công tác bảo hộ, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động được chú trọng thường xuyên. Nhờ vậy trong vòng 10 năm nay, Trung tâm không có vụ tai nạn lao động, cháy nổ nào gây thiệt hại về người và tài sản ; hơn 1 000 lao động làm công việc khác nhau không bị mắc bệnh nghề nghiệp.

2 - Chủ động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ, công nhân viên chức để tiếp thu kiến thức công nghệ - kỹ thuật mới.

Hoạt động, cung cấp dịch vụ điều hành bay của Trung tâm có tính chất chuyên ngành. Trong điều kiện trang thiết bị hiện đại, phương thức điều hành bay tiên tiến, khoa học đòi hỏi hiệp đồng, phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận. Mỗi vị trí làm việc của Trung tâm là một mắt xích trong dây chuyền công nghệ, bảo đảm dịch vụ điều hành bay tương thích với các trung tâm điều hành bay kế cận. Do đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho cán bộ, công nhân viên mang tính toàn diện. Mục tiêu của Trung tâm là huấn luyện, đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân viên có đủ trình độ quản lý, chuyên môn thực hiện phương thức điều hành bay tiên tiến, hiện đại; quản lý khai thác và bảo dưỡng trang

Digitized by Google

thiết bị kỹ thuật chuyên ngành, cung cấp dịch vụ điều hành bay đạt chất lượng cao theo tiêu chuẩn quốc tế. Để thực hiện mục tiêu trên, Trung tâm đã thực hiện nhiều giải pháp linh hoạt, sáng tạo trong công tác huấn luyện, đào tạo. Ngoài sử dụng nguồn kinh phí cho bảo đảm hoạt động thường xuyên do Nhà nước duyệt cấp hằng năm, Trung tâm còn khai thác có hiệu quả nguồn kinh phí thuộc các dự án đầu tư, cung cấp, lắp đặt nâng cấp trang thiết bị chuyên ngành, đồng thời khai thác triệt để các nguồn tài trợ của nước ngoài. Có chính sách hợp lý, khuyến khích, tạo mọi điều kiện để cán bộ, công nhân viên tham gia các khóa huấn luyện, đào tạo trong nước nhằm nâng cao trình độ. Thực hiện nhất quán nguyên tắc : làm việc gì huấn luyện, đào tạo việc đó, không huấn luyện đào tạo tràn lan. Coi trọng đào tạo trong nước, đào tạo tại chỗ, tự học, tổng kết công tác thực tiễn là chủ yếu ; huấn luyện, đào tạo ở nước ngoài là quan trọng. Tập trung xây dựng lực lượng kỹ thuật đầu ngành, đủ sức giải quyết các vấn đề phát triển khoa học - công nghệ hàng không. Các mạng kỹ thuật quan trọng của quản lý bay, nhất thiết phải do đội ngũ kỹ sư khai thác, vận hành. Tổ chức kế hoạch hóa công tác huấn luyện, đào tạo và phân cấp quản lý cho các đơn vị thành viên, nhằm tạo điều kiện cho các đơn vị thành viên chủ động trong khai thác nguồn đào tạo, đối tác, phương thức tổ chức, kinh phí... Thực hiện nhiều loại hình huấn luyện đào tạo phù hợp với tính đặc thù của từng chuyên ngành hẹp như : tổ chức huấn luyện theo chế độ cho kiểm soát viên không lưu trên thiết bị giả định và bay cảm giác ; huấn luyện cơ bản và nâng cao trình độ cho lực lượng lao động làm công tác chuyên môn ; huấn luyện chuyển giao công nghệ cho lao động khai thác và bảo trì thiết bị... Việc rèn luyện, phấn đấu nâng cao trình độ của cán bộ, nhân viên trở thành phong trào có tính tự giác, được duy trì thường xuyên trong toàn cơ quan. Kết quả là, từ chỗ chỉ có mấy chục kỹ sư thuộc các chuyên ngành khác nhau, cộng với số lượng bổ sung từ các nguồn khác, đến nay trong tổng số trên một ngàn lao động, đã có gần 400 người có trình độ đại học, hàng chục người có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ; hàng trăm người có 2 bằng đại học, hoặc các bằng nghiệp vụ khác ; hầu hết số lao động trong 2 ngành kỹ thuật và không lưu sử dụng thành thạo ít nhất 1 ngoại ngữ. Về cơ bản, Trung tâm đã đạt được mục tiêu huấn luyện đào tạo theo từng giai đoạn. Trình độ quản lý và cung cấp dịch vụ điều hành bay đã đuổi kịp và hội nhập với ngành quản lý bay của các nước trong khu vực.

3 - Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, xây dựng Đảng, chính quyền và các tổ chức quần chúng vững mạnh.

Nét đặc thù của ngành quản lý bay, hoạt động cung cấp các dịch vụ điều hành bay của Trung tâm là liên kết nhiều chuyên ngành hẹp trong một dây chuyền công nghệ khép kín. Chỉ một khâu, một mắt xích trong dây chuyền ấy không hoạt động sẽ không tạo ra sản phẩm dịch vụ điều hành bay. Tính liên kết trong quá trình sản xuất buộc các bộ phận phải hiệp đồng, gắn bó chặt chẽ, đoàn kết mới tạo ra sản phẩm dịch vụ điều hành bay. Cho nên xây dựng khối đoàn kết thống nhất có ý nghĩa sống còn đối với hoạt động của Trung tâm. Nhận rõ điều đó, Đảng bộ thường xuyên chủ động làm tốt công tác giáo dục chính trị - tư tưởng, để toàn bộ cán bộ, công nhân viên tự hào về truyền thống đoàn kết, coi giữ gìn sự đoàn kết thống nhất của Trung tâm là nhiệm vụ và trách nhiệm thường xuyên. Đảng ủy, Ban giám đốc và Công đoàn tìm nhiều biện pháp cụ thể, thiết thực phát huy sức mạnh của các tổ chức quần chúng tham gia xây dựng quản lý cơ quan. Thực hiện nghiêm Quy chế dân chủ ở cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước, công khai hóa chế độ tài chính, lương, đề bạt cán bộ... Bảo đảm thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.

Trong thời gian qua, để phù hợp với tiến trình đổi mới, Nhà nước đã ban hành và sửa đổi nhiều văn bản pháp luật có liên quan trực tiếp tới hoạt động của Trung tâm như : Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, Luật Doanh nghiệp, Luật Lao động..., các văn bản pháp quy về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, tài chính doanh nghiệp, xuất nhập khẩu, lao động tiền lương, an toàn lao

Digitized by Google

động. Tập thể cán bộ, công nhân viên được học tập, nghiên cứu kỹ các chủ trương, chính sách của Đảng và các văn bản pháp luật của Nhà nước. Đồng thời Trung tâm luôn quán triệt các chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Duy trì thường xuyên quan hệ hợp tác với chuyên ngành quản lý bay các nước trong khu vực, các hãng hàng không, các tổ chức hàng không quốc tế trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ điều hành bay, trong hợp tác đầu tư, thanh toán quốc tế trên cơ sở tôn trọng pháp luật Việt Nam, công pháp quốc tế, hợp tác cùng có lợi với các trung tâm quản lý bay kế cận.

Trung tâm coi xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt. Tổ chức đảng của Trung tâm trong những năm qua về cơ chế tổ chức có thay đổi, song trưởng thành từ truyền thống anh hùng quân đội nhân dân Việt Nam, Đảng bộ luôn luôn là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh toàn diện. Đảng bộ luôn coi trọng công tác bồi dưỡng phát triển đảng viên mới nên trong vòng 10 năm qua đã kết nạp được 161 đảng viên. Tổ chức công đoàn cũng ngày càng phát triển phù hợp với cơ chế, quy mô hoạt động, nhiều năm liền được nhận bằng khen của công đoàn ngành Hàng không, của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.

4. Những thành tích mà Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam đạt được trong những năm qua, trước hết là nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cơ quan cấp trên, trực tiếp là Đảng ủy, các đồng chí lãnh đạo Cục, các cơ quan chức năng Cục Hàng không dân dụng Việt Nam. Đó là sự phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ của lãnh đạo, cơ quan, đơn vị thuộc các cụm cảng hàng không khu vực, Tổng công ty Hàng không Việt Nam, đặc biệt là sự hiệp đồng thông báo bay giữa Trung tâm quản lý bay và các đơn vị quân đội trong công tác quản lý vùng trời, quản lý bay ; sự giúp đỡ, đùm bọc của chính quyền, đoàn thể, nhân dân địa phương và sự nỗ lực của các thế hệ cán bộ, công nhân viên Trung tâm.

Thế kỷ XXI là thế kỷ mà việc ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới làm nền tảng cho phát triển mọi hoạt động của xã hội, trong đó có hoạt động điều hành chỉ huy bay. Vì vậy, trong kế hoạch xây dựng và phát triển thời gian sắp tới, Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam tiếp tục quá trình đầu tư trang thiết bị mới, hiện đại ứng dụng công nghệ cao nhằm hoàn thiện cả ba hệ thống : thông tin, dẫn đường và giám sát phục vụ quản lý không lưu an toàn, điều hòa, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu điều hành, chỉ huy bay theo tiêu chuẩn mà hàng không dân dụng quốc tế quy định. Cụ thể đến năm 2001 Trung tâm lắp đặt xong và đưa vào hoạt động 03 trạm rađa mới(giám sát), 04 trạm dẫn đường điểm DVOR/DME (dẫn đường) và 03 trạm VSAT (thông tin). Việc lựa chọn trang thiết bị mới phù hợp với phương pháp điều hành chỉ huy mới (CNS/ATM) sử dụng hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu là vấn đề rất lớn, đòi hỏi phải triển khai nhiều năm, theo nhiều bước, đầu tư trên cơ sở phù hợp với quá trình chuyển giao công nghệ mới và thực hành phương pháp điều hành chỉ huy bay thống nhất trong khu vực và quốc tế. Trước mắt, năm 2000 phấn đấu thực hiện các dự án đầu tư mới kịp đưa vào khai thác vận hành như các dự án : mạng giám sát FIR/HAN ; trạm rađa thông tin Cà Mau ; hệ thống dẫn đường VOR/DME cho FIR/HAN và FIR/HCM, tiếp tục hiện đại hóa các hệ thống trang bị tại các Trung tâm kiểm soát không lưu (ACC/HAN, APP/TWRDAN v.v..).

Trung tâm tiếp tục nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng tác nghiệp các cán bộ, công nhân viên chức, để có đủ khả năng làm chủ công tác quản lý và kỹ thuật. Phát động các phong trào "thi đua yêu nước", "uống nước nhớ nguồn", "đền ơn đáp nghĩa", phát hiện và nêu gương, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong từng lĩnh vực hoạt động cụ thể để đạt được mục tiêu cao nhất của Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam là : chỉ huy, điều hành bay an toàn, điều hòa, hiệu quả, cung cấp các dịch vụ không lưu chính xác, văn minh, lịch sự, góp phần giữ gìn bình yên bầu trời Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. ❑

Digitized by Google

CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN CAO SU TRÊN ĐƯỜNG HỘI NHẬP

NGUYỄN ĐĂNG KIỀU* - NGUYỄN HỮU TIẾN **

I - Quá trình phát triển công nghiệp chế biến cao su Việt Nam.

Sau ngày giải phóng, ngành cao su tiếp quản toàn bộ các nhà máy sơ chế mủ cao su của chính quyền Sài Gòn cũ. Tuy tổng công suất thiết kế vào khoảng 20 000 tấn/năm, nhưng trong thực tế chỉ còn một số ít nhà máy có khả năng hoạt động, như các nhà máy chế biến mủ cao su An Lộc, Tam Hiệp, Dầu Dây, Long Thành, Phước Bình, Phước Hòa v.v... Số còn lại hầu như đã bị hư hỏng không còn khả năng hoạt động. Thiết bị, máy móc của những nhà máy trên nhìn chung quá cũ kỹ, không có phụ tùng thay thế, thiếu hóa chất, hệ thống kiểm phẩm hoạt động không hiệu quả, thêm vào đó hệ thống các định mức kinh tế - kỹ thuật quy trình sơ chế, tiêu chuẩn và chất lượng sản phẩm không đồng bộ và xuống cấp nghiêm trọng.

Đứng trước những khó khăn đó, Tổng công ty cao su Việt Nam đã tiến hành chương trình phục hồi và phát triển công nghiệp chế biến cao su, đến nay có thể tạm chia làm 3 giai đoạn, như sau :

- Giai đoạn 1976 - 1980 : nhiệm vụ chủ yếu của giai đoạn này là tập trung phục hồi các nhà máy chế biến cũ để bảo đảm chế biến hết sản lượng mủ có thể khai thác được.

- Giai đoạn 1981 -1985 : Tiếp tục phục hồi, cải tạo nâng cao chất lượng dây chuyền công nghệ, tăng năng suất chế biến toàn ngành. Một số nhà máy : Dầu Dây, Cẩm Mỹ, Lộc Ninh, Bình Long, Phước Bình, Đồng Phú, Tây Ninh bắt đầu đổi mới quy trình sản xuất, chuyển một số dây chuyền sang sản xuất mủ cốm.

- Giai đoạn 1986 - 1990 : Do nhu cầu chế biến ngày càng tăng, nên toàn ngành đã đẩy mạnh việc cải tạo, mở rộng và bắt đầu xây dựng mới một số cơ sở chế biến. Đầu tiên là xây dựng mới xưởng chế biến Lai Khê với thiết bị hiện đại nhập từ Ma-lai-xi-a, xây dựng mới nhà máy chế biến Hàng Gòn (Công ty cao su Đồng Nai) với thiết bị ngoại nhập, cải tạo và mở rộng các nhà máy Phước Bình, Đồng Phú, Cẩm Mỹ, Dầu Tiếng và xây dựng mới nhiều phòng kiểm phẩm ở các công ty cao su thành viên.

- Trong 10 năm (1990 - 1999), một mặt ngành cao su tiếp tục nâng cấp các nhà máy chế biến đã có ở các công ty ; mặt khác, mở rộng quy mô sản xuất, áp dụng công nghệ hiện đại, cơ khí hóa cao, tiết kiệm nhiên liệu và năng lượng, giảm cường độ lao động, bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh môi trường... Nếu trước năm 1989, cả nước mới chỉ có 15 nhà máy tại 10 công ty, thì đến cuối năm 1999, Tổng công ty cao su Việt Nam đã có 30 nhà máy tại 19 công ty với tổng công suất thiết kế đạt tới 225 000 tấn/năm.

So với 15 năm trước đây, trong thời kỳ đất nước tiến hành công cuộc đổi mới, ngành cao su đã có bước phát triển nhanh cả về số lượng các nhà máy và quy mô sản xuất. Tổng số công ty và số nhà máy chế biến cao su đã tăng hầu như gấp đôi, bình quân công suất cho mỗi nhà máy cũng tăng lên đáng kể, từ 6 800 tấn/năm lên 7 500 tấn/năm (tăng hơn 110%). Tổng công suất chế biến cao su cả nước tăng hơn 2,2 lần. Đặc biệt số công ty có công suất trên 25 ngàn tấn/năm tăng lên 4 lần (năm 1975 chỉ có 1 công ty). Đã có 20 nhà máy sản xuất cao su có công suất từ 2 ngàn đến 12 ngàn tấn/năm ; 6 nhà máy chế biến mủ tạp ; 1 nhà máy sản xuất mủ tờ ; 3 nhà máy sản xuất mủ ly tâm (mủ kem) có công suất từ 1 500 - 5 000 tấn/năm. Nhiều nhà máy chế biến hiện đại đã ra đời, hoạt động có hiệu quả. Các công ty công suất từ 10 đến 20 ngàn tấn/năm không những không tăng, mà còn giảm xuống chỉ còn

* Bộ Kế hoạch và Đầu tư
** TS. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Digitized by Google

2 công ty. Trong khi đó, số lượng các công ty có quy mô lớn trên 25 ngàn tấn/năm (Công ty cao su Đồng Nai có công suất 53 ngàn tấn/năm) hoặc có quy mô dưới 10 ngàn tấn/năm tăng mạnh, vừa tăng sức cạnh tranh trên thị trường thế giới, vừa tìm cách để có mạng lưới các nhà máy thuận lợi cho các vùng nguyên liệu. Có thể nói đây là một hướng đi tương đối hợp lý.

Nhờ tích cực đổi mới kỹ thuật, công nghệ chế biến, nâng cao tay nghề công nhân, mà Tổng công ty cao su Việt Nam đã thành công trong việc chuyển hướng sang sản xuất cao su định chuẩn (SVR). Nếu năm 1987, các công ty cao su đã sản xuất được 75,9% mủ khối cao su định chuẩn, 3,5% mủ ly tâm (mủ kem), 13,5% mủ tờ (ICR, RSS) ; 2,9% mủ crê-ve và 4,4% cao su tinh sét, thì đến năm 1996 cơ cấu này đã có nhiều thay đổi, tỷ lệ tương ứng là 94,4% ; 3,0% ; 1,4% ; và 0,2% ; và cơ cấu ấy của năm 1999 là 94,4% ; 2,4% ; 0,9% ; 0,5%.

Các số liệu thống kê còn cho thấy, bên cạnh nhiều chủng loại mủ cao su tăng mạnh qua các năm, như SVR CV 50, SVR CV 60, SVR 10 và SVR 20..., thì một số chủng loại mủ cao su khác như SVR 5, Crê-ve, ICR, RSS lại giảm đi đáng kể. Điều đó chứng tỏ Tổng công ty cao su cũng đã có sự chuyển đổi cơ cấu sản phẩm cho phù hợp hơn với nhu cầu thị trường.

Tính chung giai đoạn 1976 - 1980 sản lượng cao su chế biến đạt 190 ngàn tấn ; giai đoạn 1981 - 1990 đạt 488 ngàn tấn ; giai đoạn từ 1990 - 1999 sản lượng cao su đã tăng lên nhanh chóng, đạt 1050 ngàn tấn, như vậy là đã tăng gấp 2,3 lần so với 10 năm trước và gấp 5,5 lần so với 5 năm sau giải phóng. Đây là những thành tựu đáng tự hào trong thời gian qua đối với ngành công nghiệp chế biến cao su Việt Nam.

II - Những khó khăn và thách thức đang đặt ra.

Phát triển nhà máy, đổi mới công nghệ để đạt được từ 84 - 85% cao su sơ chế loại 1 là một cố gắng lớn của Tổng công ty cao su trong những năm vừa qua. Tuy vậy, cơ cấu này chỉ phù hợp với nhu cầu thị trường ở giai đoạn từ năm 1990 về trước, khi mà thị trường Liên Xô hằng năm tiêu thụ tới 80% sản lượng cao su của Việt Nam. Song những năm gần đây, thị trường này không những không được mở rộng mà còn bị thu hẹp.

Trong khi thị trường truyền thống này không còn, thì thị trường mới là Trung Quốc cũng gặp không ít khó khăn, trắc trở do xuất qua tiểu ngạch thường xuyên bị ép giá, nhu cầu mặt hàng không ổn định, tình trạng ứ đọng sản phẩm thường xuyên xảy ra. Nhu cầu thị trường thay đổi đã gây ra rất nhiều khó khăn cho ngành công nghiệp chế biến cao su của Việt Nam, đặc biệt là cơ cấu sản xuất sản phẩm chế biến không phù hợp với xu thế chung của nhu cầu thị trường tiêu thụ trên thế giới.

Cụ thể là, từ những năm 70, các hãng làm lốp trên thế giới đã nhận ra rằng với các loại cao su cấp thấp (loại mủ SVR 10 và SVR 20) họ vẫn có khả năng sản xuất được loại lốp tốt đạt được yêu cầu của người tiêu dùng, mà giá cao su loại này lại thấp hơn nhiều so với chủng loại cao su loại 1 và loại thượng hạng. Hằng năm các tập đoàn sản xuất lốp lớn trên thế giới, vì thế, chuyên săn đón mủ cao su loại 2 này, và thực tế đã tiêu thụ trên 70% toàn bộ lượng cao su tự nhiên xuất khẩu hằng năm của các nước Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a và Thái Lan. Trong khi đó, Tổng công ty cao su Việt Nam lại sản xuất phần lớn cao su loại 1 và thượng hạng.

Trong khi sản lượng cao su thượng hạng chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng sản lượng cao su định chuẩn xuất khẩu của các nước, như thời điểm năm 1995 ở Ma-lai-xi-a tỷ lệ đó là 5,03% và ở In-đô-nê-xi-a là 5,27%, thì ở Việt Nam tỷ lệ đó lại hoàn toàn ngược lại, trên 91% tổng số cao su định chuẩn là loại cao su tốt và thượng hạng, và mới chỉ có chưa đầy 10% là cao su loại 2 (SVR 10 và SVR 20).

Theo các nhà nghiên cứu và dự báo thị trường, thì hiện nay chưa có dấu hiệu cho thấy các tập đoàn sản xuất lốp nổi tiếng trên thế giới sẽ thay đổi chiến lược về cơ cấu sử dụng cao su tự nhiên trong việc sản xuất lốp của họ. Đây quả là điều bất lợi và là thách thức lớn đối với ngành công nghiệp chế biến cao su của Việt Nam trong những năm trước mắt, đặc biệt là trong tiến trình hội nhập với các nền kinh tế thế giới.

Digitized by Google

III. Chuyển đổi cơ cấu sản xuất, bước đầu hòa nhập thị trường thế giới.

Nhận thức được những khó khăn đang đặt ra như đã nêu trên đây, từ năm 1997, Tổng công ty cao su Việt Nam đã thực hiện một bước điều chỉnh cơ cấu sản phẩm cao su chế biến : chuyển một phần cao su mủ nước sang chế biến mủ ly tâm hoặc loại SVR CV 50 và SVR CV 60 và giảm bớt loại SVR 3L và SVR 5 ; đồng thời tăng cường thu gom mủ tạp (chống mất cắp mủ tạp trong quá trình thu hoạch) để chế biến nhiều hơn loại cao su SVR 20. Kế hoạch đã đề ra của Tổng công ty cao su cho năm 2000 là phải bảo đảm được cơ cấu sản phẩm chế biến, như sau :

- Loại SVR 3L, SVR 5 ; SVR CV 50, SVR CV 60 chiếm khoảng 60% (trong đó loại mũ SVR CV 50 và SVR CV 60 chiếm khoảng 30%);
- Loại SVR 10, SVR 20 chiếm khoảng 20%;
- Mũ ly tâm (mủ kem) chiếm khoảng 15 - 17%;
- Cao su tờ (ICR, RSS), Crê-ve và các loại khác chiếm khoảng 3-5%.

Chúng tôi cho rằng, chủ trương này của Tổng công ty cao su là hoàn toàn đúng đắn và có tính khả thi, bởi vì trong điều kiện hiện nay nhu cầu tiêu thụ cao su mủ ly tâm (mủ lem) trên thị trường thế giới vẫn còn lớn. Cụ thể là, nếu năm 1991 thế giới tiêu thụ 596 ngàn tấn mủ ly tâm (mủ kem), thì đến năm 1996 đã lên đến 781 ngàn tấn, nghĩa là tăng 31,0% trong vòng 5 năm. Cũng trong thời gian đó toàn bộ cao su tự nhiên tiêu thụ trên thị trường thế giới chỉ tăng 21,1%. Điều này có thể mở ra triển vọng cho cao su Việt Nam khả năng chen chân vào thị trường cao su mủ ly tâm (mủ kem) đang rộng mở. Trước hết là thị trường Ma-lai-xi-a, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc, Pháp v.v... hiện đang nhập mặt hàng này của Việt Nam và nhu cầu mỗi năm một tăng, theo dự kiến mỗi năm có thể tăng thêm vài vạn tấn.

Tuy nhiên, muốn biến khả năng thành hiện thực, ngoài sự nhiệt tình và lòng quyết tâm, cần phải hành động nhanh nhạy và có những giải pháp cụ thể. Theo chúng tôi, trước mắt ngành công nghiệp chế biến cao su phải thực hiện một số giải pháp trước mắt, như sau :

Một là, có biện pháp thiết thực để tăng nhanh tỷ lệ mủ ly tâm. Sớm đưa nhà máy chế biến cao su mủ kem Thuận Phú vào hoạt động để có thể sản xuất được khoảng 11 - 12 ngàn tấn mủ kem (quy khô). Các năm sau nếu có nhu cầu mủ kem cao hơn, sẽ mở rộng các nhà máy hiện tại để có thể nâng công suất gấp đôi hiện nay.

Hai là, nên duy trì tỷ lệ cao su SVR CV 50 và SVR CV 60 trong khoảng 30% tổng sản lượng cao su sơ chế trong năm 2000 (trên cơ sở ký được các hợp đồng tiêu thụ). Điều quan trọng là làm thế nào để trong những năm tới tăng nhanh tỷ lệ cao su loại SVR 10, SVR 20, vì đây là loại cao su đang có thị trường tiêu thụ lớn trên thế giới. Theo tính toán của chúng tôi, nếu tăng ca kíp sản xuất và giải quyết tốt nguyên liệu đầu vào, thì khả năng có thể đạt được 30 - 35 ngàn tấn loại SVR 10, SVR 20 vào những năm tiếp theo (2001 - 2003) là có tính khả thi.

Ba là, cần tạo điều kiện cho nhà máy Phú Bình (Công ty cao su Dầu Tiếng) chuyên sơ chế mủ tạp đi vào hoạt động tốt hơn, nâng cấp các dây chuyền sơ chế loại cao su SVR 10, SVR 20 hiện có của các công ty và cần thiết có thể chuyển một số nhà máy sơ chế loại cao su SVR 3L, SVR 5 sang sản xuất loại SVR 10, SVR 20 bằng cách thay đổi, bổ sung thiết bị, thay đổi công nghệ theo nhu cầu của thị trường.

Bốn là, Tổng công ty cao su Việt Nam cần khẩn trương tiến hành một số công việc sau : a/ tăng cường củng cố các dây chuyền công nghệ sản xuất cao su loại SVR 20 hiện có, tập trung bồi dưỡng, đào tạo cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề, nhất là đối với cán bộ, công nhân trực tiếp ở các nhà máy sơ chế ; b/ cải tiến và nâng cao chất lượng bao bì đóng gói, ghi nhãn hiệu sản phẩm đáp ứng yêu cầu của khách hàng ; c/ tổ chức quản lý, có cơ chế rõ ràng trong việc thu gom mủ, hạn chế mất mát, nhằm tăng khối lượng mủ tạp ; d/ bên cạnh việc chuyển đổi cơ cấu sản phẩm, cũng cần tiếp tục tìm kiếm thị trường mới, đặc biệt là thị trường vốn trước đây đã quen với sản phẩm cao su của Việt Nam như Nga và Đông Âu ; e/ tăng cường hệ thống thông tin, tiếp thị, nắm bắt diễn biến của thị trường về số lượng, chủng loại, chất lượng các mặt hàng cao su để kịp thời có giải pháp phù hợp, hội nhập thị trường thế giới một cách chủ động và hiệu quả.❑

Digitized by Google

Nâng cao chất lượng trong việc làm thấu suốt nghị quyết của Đảng ở cơ sở

LÊ XUÂN BÁO *

Trong tình hình hiện nay, việc nâng cao chất lượng quán triệt nghị quyết của Đảng là hết sức quan trọng, nhằm nâng cao chất lượng công tác đảng, công tác chính trị - tư tưởng trong toàn Đảng. Nếu làm tốt, sẽ tạo nên sự thống nhất trong Đảng về nhận thức và hành động, góp phần thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đảng. Nghị quyết của Đảng bao gồm : Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc, nghị quyết các Hội nghị Trung ương và nghị quyết các Bộ Chính trị ; gắn với các nghị quyết trên là nghị quyết của các cấp ủy đảng. Do vậy, đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải luôn học tập để nâng cao trình độ lý luận, trình độ nhận thức, trước hết là nhận thức đầy đủ, đúng đắn nghị quyết của Đảng và thực hiện tốt nghị quyết của Đảng.

Trong thời gian qua, việc học tập nghị quyết của Đảng thường từ ba đến bốn ngày đối với cấp tỉnh và hai đến ba ngày đối với cấp huyện, thị ủy. Tài liệu được cung cấp đầy đủ. Các đồng chí được phân công truyền đạt nghị quyết và các đồng chí dự tiếp thu nghị quyết nhìn chung có trình độ học vấn, trình độ văn hóa, và trình độ lý luận chính trị cao, chính vì vậy chất lượng quán triệt nghị quyết bảo đảm so với yêu cầu đặt ra. Nhưng ở cấp cơ sở, đặc biệt là một số cơ sở đảng ở nông thôn thời gian qua có những cơ sở đảng trình độ (văn hóa, lý luận chính trị) của cán bộ, đảng viên còn hạn chế. Trong khi đó vì những lý do khác nhau nên thời gian học tập nghị quyết thường bị rút ngắn. Tài liệu không đủ nên cán bộ, đảng viên thường phải sử dụng chung tài liệu học tập. Việc quản lý lớp học thiếu chặt chẽ, thường phụ thuộc vào tính tự giác của cán bộ, đảng viên. Sau mỗi đợt học nghị quyết hầu như không tổ chức thảo luận, giải đáp và thu hoạch. Có những nơi khi tổ chức học nghị quyết, báo cáo viên cứ trình bày còn một bộ phận người nghe vẫn bàn những công việc riêng hoặc công việc của đơn vị. Việc thực hiện các quy trình quán triệt nghị quyết chưa nghiêm túc. Tình hình trên làm cho hiệu quả học tập nghị quyết ở những nơi này có nhiều hạn chế.

Làm như thế nào để công tác quán triệt nghị quyết của Đảng có hiệu quả ? Bài viết này chỉ nêu lên mấy vấn đề :

Trước hết, về quy trình chuẩn bị quán triệt nghị quyết của Đảng. Báo cáo viên phải nắm chắc những nội dung của nghị quyết, đặc điểm tình hình, xuất phát từ đâu mà đề ra nghị quyết, những nội dung cơ bản, cốt lõi của nghị quyết, những biện pháp thực hiện cần chú ý. Cả những căn cứ lý luận, căn cứ khoa học, căn cứ thực tiễn, cả những quan điểm khác nhau. Phải xác định rõ đối tượng để có nội dung, phương pháp truyền đạt cho phù hợp. Cần tránh nhận thức không đúng cho rằng tài liệu nào, nội dung nào cũng áp dụng cho mọi đối tượng. Báo cáo viên phải được chọn lọc một cách kỹ càng cả học vấn, trình độ lý luận chính trị, phẩm chất tư cách, nghiệp vụ sư phạm, tâm lý, phương pháp truyền thụ, diễn đạt phải mạch lạc, dễ nghe, dễ hiểu, dễ nhớ. Khi trình bày nghị quyết báo cáo viên phải làm rõ các quan điểm, phương hướng và các giải pháp mà nghị quyết nêu, không lồng ý kiến cá nhân, khác với tinh thần nghị quyết ; tránh cả hai khuynh hướng : quá lạc quan về thành tích cũng như thái quá về những khó khăn. Cần giúp người nghe từ quan điểm chung mà nhận thức rõ đặc điểm riêng của cơ sở, địa phương mình. Những năm qua, báo cáo viên ở cơ sở thường là đồng chí bí thư cấp ủy hoặc là báo cáo viên của trên. Cả hai dạng này đều có những thế mạnh và những hạn chế nhất định, cần phải được bổ sung cho nhau. Theo tôi nên để đồng chí bí thư cơ sở đảng báo cáo, vừa sát thực tế, lại vừa không bị động về thời gian. Ban Tuyên giáo nên tập huấn cho đội ngũ này về nghiệp vụ.

Đối với cán bộ, đảng viên cần ý thức được rằng học tập quán triệt nghị quyết của Đảng là một đòi hỏi bắt buộc, cần xác định rõ tinh thần trách nhiệm khi dự các lớp tiếp thu nghị quyết, học tập với tinh thần tự nguyện tự giác, nghiêm túc, tích cực, chủ động sáng tạo để nắm vững và thực hiện có hiệu quả nghị quyết của Đảng. Đây là cơ sở để nâng cao chất lượng học tập.

Về việc tổ chức các lớp học nghị quyết. Việc quy định các đợt học và phân cấp tổ chức học tập nghị quyết theo từng đối tượng là hết sức cần thiết nhằm bảo đảm có sự tác động cho phù hợp với từng loại đối tượng. Nhưng người học phải được cung cấp tài liệu ít nhất cũng mỗi đảng viên một cuốn nghị quyết, hoặc tài liệu nghiên cứu. Thời gian học tập nghị quyết nhất thiết phải bảo đảm đủ phù hợp với nội dung, không nên vì những lý do khác nhau mà rút ngắn thời gian tiếp thu nghị quyết.

(Xem tiếp trang 54)

* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Kiên Giang

Digitized by Google

HAM HỐ, ĐỊA VỊ ?

CAO PHI YẾN *

ANH H bạn tôi vốn là giám đốc một cơ quan lớn nhưng đã về hưu 3 năm nay. Lúc còn đương chức, anh được cán bộ công nhân quý mến. Cấp trên đánh giá là cán bộ có năng lực, nên đã có lần định điều anh ra Hà Nội đảm nhận trách nhiệm cao hơn.

Khi anh về nghỉ ở địa phương bà con nhân dân trong khu phố biết tiếng, mến mộ nên mới về vài tháng anh được mời tham gia công tác và được bầu làm tổ trưởng dân phố, bí thư chi bộ và ủy viên ban chấp hành Hội người cao tuổi.

Anh H làm việc hết mình. Quần chúng, đảng viên khen :

- "Không ai như ông H tận tụy, chịu khó, việc gì có ổng là khó mấy cũng xong. Bà con yên tâm !".

Ở trong cùng khu phố, có nhà ông Thanh. Ông Thanh là giáo viên trường cấp 3 ở quận khác, về hưu sau ông H vài tháng.

Vốn là bạn quen biết từ ngoài Bắc, thấy ông Thanh về hưu mà không chuyển sinh hoạt đảng về địa phương, ông H hỏi. Ông Thanh bảo :

- Chuyển làm gì, tôi vẫn sinh hoạt ghép với chi bộ trường cũ.

Hưu rồi, không còn làm việc ở cơ quan, về đời thường thì nên chuyển sinh hoạt về khu phố. Về đây sống với dân, nghe dân nói, cậu sẽ thấy thú vị, sáng ra nhiều vấn đề.

- Còn làm việc gì nữa đâu mà sáng với tối. Ở đó quen biết, anh em thông cảm. Về đây, lắm chuyện nhiêu khê, động chạm.

- "Thì có động chạm, có biện pháp giải quyết, cũng như lúc làm việc thôi. Về đây tham gia sinh hoạt công tác với bà con, với bọn mình. Họ rất cần chúng ta !".

Nghe ông H nói, thuyết phục nhiều lần, ông Thanh tỏ ra khó chịu. Một hôm ông bảo :

- Đã hưu là nghỉ. Ông còn ham hố địa vị, cứ việc ! Riêng tôi, thì không.

Nghe ông Thanh nói, ông H có phần ngỡ ngàng, mặt nóng lên, nhưng ông vẫn bình tĩnh nói lại với ông Thanh :

- Ông hiểu lầm rồi. Tôi chỉ vì trách nhiệm của một người đảng viên.

Nhiều người nghe chuyện, bảo thẳng ông Thanh :

- "Ham hố, địa vị gì cái chức tổ trưởng dân phố, bí thư chi bộ.

Nếu địa vị thì địa vị của ông H là thứ trưởng, tổng giám đốc kia chứ đâu phải như anh nghĩ !".

Đúng vậy, đảng viên về hưu sống đời thường tham gia công tác địa phương là tiếp tục làm tròn trách nhiệm đảng viên, cùng giáo dục, lãnh đạo, gương mẫu vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Bổng lộc không, lương không, quyền hành không, sao gọi là địa vị. Ông Thanh sinh hoạt đảng một nơi ở một nẻo. Nơi này để nghị tham gia công tác, thì đổ nơi kia. Nơi kia yêu cầu đóng góp thì bảo đã làm ở nơi nọ. Ở nơi cơ quan thì hết nhiệm vụ. Ở nơi cư trú thì xa dân. Bà con bên cạnh nghĩ gì, mong muốn gì, không biết, không hay. Đổ cho người cùng gánh vác công việc với phường, với khu phố là "địa vị", còn tự mình thì lại trốn tránh trách nhiệm. Thiết nghĩ đừng gán ghép từ "ham hố, địa vị" cho người tốt để bào chữa cho việc trốn tránh trách nhiệm đảng viên của mình. Có nhiệt huyết, ham hố việc dân, việc nước, đem tâm trí đóng góp cho sự nghiệp chung kể cả khi đã nghỉ hưu là điều đáng quý. Những người như đồng chí H nên được khích lệ động viên. Các tổ chức đảng cũng nên tạo điều kiện để đồng chí mình tiếp tục phát huy vai trò, nhiệm vụ đảng viên ở cương vị mới. Ham phục vụ dân, luôn ở vị trí đảng viên để làm việc cho Đảng khi đã về hưu, tưởng cũng là điều vinh dự và hạnh phúc. Biết bao nhiêu đảng viên, cán bộ đã và đang làm như thế. ❑

* TP Hồ Chí Minh

Nâng cao...

(Tiếp theo trang 53)

Đối với cán bộ, đảng viên ở cơ sở, phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, cụ thể của các cấp ủy đảng từ nội dung, tổ chức lớp học đến các điều kiện bảo đảm khác ; đồng thời phải có sự kiểm tra theo dõi chặt chẽ của cấp ủy cấp trên trực tiếp. Trong quá trình tổ chức quán triệt nghị quyết nhất thiết phải giành thời gian thảo luận và giải đáp. Đây là khâu quan trọng trong quá trình học tập nghị quyết. Lâu nay ở cơ sở thường coi nhẹ phần thảo luận và giải đáp nên hiệu quả đối với người học không cao. Theo tôi để nâng cao chất lượng quán triệt nghị quyết nhất thiết phải có phần thảo luận, giải đáp.

Nắm vững nghị quyết mới chỉ là kết quả bước đầu rất quan trọng, vấn đề quyết định là biến nghị quyết, chương trình hành động thành hiện thực. Những ý kiến trên mong góp phần vào việc quán triệt nghị quyết của Đảng, trước mắt là các văn kiện Nghị quyết Đại hội IX và Đại hội đảng bộ các cấp trong thời gian tới. ❑

Digitized by Google

VỀ NHỮNG MÂU THUẪN CƠ BẢN CỦA THỜI ĐẠI TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

PHẠM VĂN CHÚC

Từ sau thắng lợi vĩ đại của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, tiến trình quá độ từ chủ nghĩa tư bản (CNTB) lên chủ nghĩa xã hội (CNXH) trên phạm vi toàn thế giới đã bắt đầu. Tiến trình chung đi lên ấy vẫn tiếp diễn liên tục từ đó đến nay, và xét trên toàn cục không thể bị gián đoạn hay đảo ngược. Giai đoạn hiện nay được đánh dấu bởi những sự kiện mới mẻ và quan trọng trong vòng vài thập niên gần đây, như cuộc cách mạng khoa học - công nghệ bùng nổ từ khoảng đầu những năm 80 và vẫn đang tiếp tục tiến triển mạnh mẽ, sôi động ; hay sự tan rã, sụp đổ của chế độ XHCN ở Đông Âu và Liên Xô vào cuối những năm 80 - đầu những năm 90... Tuy nhiên, giai đoạn này vẫn thuộc về tiến trình quá độ chung lâu dài, rộng lớn và đi lên tất yếu đó.

Liên quan trực tiếp và chặt chẽ với nội dung, xu hướng và tính chất cơ bản không thay đổi của cả thời đại quá độ, trong giai đoạn hiện nay những mâu thuẫn cơ bản của thời đại đang tiếp tục tồn tại ; đồng thời chúng cũng mang một số biểu hiện mới đáng chú ý. Các mâu thuẫn đó là : *mâu thuẫn giữa CNXH và CNTB ; mẫu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản ; mâu thuẫn giữa các nước tư bản công nghiệp, phát triển và các nước dân tộc độc lập đang phát triển ; mâu thuẫn giữa các nước, các trung tâm tư bản lớn với nhau* (1).

Nếu như mâu thuẫn đầu là mâu thuẫn giữa các chế độ, hay các hình thái kinh tế - xã hội có bản chất đối lập nhau, thì ba mâu thuẫn sau là những mâu thuẫn bên trong vốn có của riêng hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa (TBCN). Trong đó mâu thuẫn thứ hai là biểu hiện về mặt giai cấp - xã hội của mâu thuẫn cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ yếu ở phạm vi từng nước. Mâu thuẫn thứ ba và mâu thuẫn thứ tư là mâu thuẫn giữa các bộ phận khác nhau của giai cấp tư sản trên quy mô quốc tế. Hai mâu thuẫn này, do đó, còn có nội dung đấu tranh dân tộc bên cạnh nội dung xung đột về kinh tế và chính trị.

Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản diễn biến rất phức tạp và khác nhau xét theo cả phương diện phân bố vùng, khu vực địa lý lẫn phương diện hệ thống - cấu trúc của nền sản xuất xã hội. Ở "vùng trung tâm" của thế giới TBCN hay "tầng thượng đỉnh" của "kim tự tháp" sản xuất - trao đổi của CNTB (tức là các nước công nghiệp phát triển phương Tây), mâu thuẫn này vẫn tồn tại tuy biểu hiện có lúc rất gay gắt, có lúc tưởng như hòa dịu. Trong đội ngũ công nhân, số người chỉ sống bằng trợ cấp thất nghiệp và số người làm dịch vụ không sản xuất trực tiếp ngày càng nhiều. Khoảng cách (tương đối và tuyệt đối) về thu nhập giữa chủ và thợ tiếp tục gia tăng, mặc dù mức sống của người lao động có được nâng lên. Chẳng hạn, dưới thời Tổng thống Mỹ Ken-nơ-đi, lương của giám đốc mới chỉ gấp 44 lần lương công nhân, nhưng đến nay đã là hơn 326 lần. Còn ở "vùng ngoại vi", mâu thuẫn này ngày càng trở nên căng thẳng ; người lao động bị bần cùng hóa cả theo nghĩa tương đối lẫn tuyệt đối một cách rõ rệt. Theo một số thống kê, năm 1960 bình quân thu nhập đầu người ở các nước giàu so với các nước nghèo (đều cùng chiếm 20% dân số thế giới) cao hơn 30 lần, đến nay đã là 78 lần ; tổng số tài sản của 358 tỉ phú trên thế giới bằng thu nhập của 2,5 tỉ người ở các nước nghèo (tức là gần 50% dân số toàn thế giới) (2).

Mâu thuẫn giữa các nước tư bản phát triển và các nước dân tộc đang phát triển, cũng như mâu thuẫn giữa các nước, các trung tâm tư bản lớn với nhau đang và sẽ ngày càng tăng lên cùng với nhịp độ chiếm lĩnh, "tiêu hóa" toàn bộ thị trường toàn cầu. Ở giới hạn địa - chính trị và địa - chiến lược tối đa cuối cùng ấy, ngoài tiến bộ về khoa học, kỹ thuật, công nghệ và quản lý, khó có một "trật tự", hay "cơ chế" kinh tế và chính trị quốc tế nào của CNTB thế giới có thể giúp cho nó tránh thoát được sự va chạm, xung đột nội bộ, hoặc

(1) Xem : *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII ; Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr 6 - 7

(2) Theo : Tuần báo Đức *Tấm gương ("Der Spiegel")*, ra ngày 21-6-1999

Digitized by Google

thậm chí "sự sụp đổ trên quy mô toàn cục" như chính nhà tỉ phú Mỹ G. Xô-rốt đã cảnh báo gần đây (3). Tính hiện thực của khả năng này càng tăng lên khi đặt nó trong triển vọng diễn biến tích cực của một quá trình "kép". Đó là, một mặt, sự tồn tại ổn định, phát triển bền vững, tiến bộ vượt cấp và liên kết quốc tế có hiệu quả, thành công bằng những con đường, biện pháp, phương thức và hình thức đổi mới, sáng tạo của các nước XHCN ; mặt khác, việc các quốc gia dân tộc đang phát triển đẩy mạnh liên kết với nhau, từng bước giải quyết, tháo gỡ có kết quả những khó khăn, hạn chế bên trong và đồng thời củng cố, tăng cường được nền độc lập, quyền tự chủ thực sự của mình trên chính trường và thị trường thế giới.

Nhìn chung hiện nay cả ba mâu thuẫn trên không những vẫn còn tồn tại, mà trong nội dung cấu trúc của các mâu thuẫn ấy mặt "đấu tranh" ngày càng bộc lộ rõ rệt và nổi trội hơn mặt "thống nhất" so với tương quan cũ về cơ bản là cân bằng giữa chúng suốt thời kỳ "chiến tranh lạnh". Trong khoảng một thập niên qua, có lúc không ít người tưởng rằng, đã bắt đầu thời "hậu chiến tranh lạnh" theo nghĩa không còn cục diện đối đầu giữa hệ thống TBCN và XHCN cũng như không còn chính bản thân các chế độ XHCN và TBCN. Và do đó, điều này lại có nghĩa là, trên toàn thế giới sẽ chỉ còn một "xã hội hậu tư bản" ngự trị trong một "thời đại hậu tư bản" mới mẻ hoàn toàn. Nhưng cho đến nay chính diễn biến tình hình thực tế khẳng định rằng : một mặt CNTB vẫn còn là chính nó, tuy có "tự điều chỉnh", "cách tân" song không hề vì thế mà "tiến hóa", "tự lột xác" để trở nên tốt đẹp hơn. Nhiều đánh giá "mới" về bản chất hiện thực xã hội và quan hệ quốc tế đã nhanh chóng được xác định nếu không phải là xuyên tạc, lừa bịp, thì ít nhất cũng là sự ngộ nhận, lầm lẫn. Ngay chính một số học giả phương Tây đã vạch rõ rằng, cả trong điều kiện toàn cầu hóa, Nhà nước chứ không phải các công ty đa quốc gia vẫn là trung tâm của hệ thống quan hệ quốc tế, rằng các Tổ chức phi chính phủ (NGO) thật ra vẫn lệ thuộc chặt vào chính phủ các nước lớn và giàu (4)... Còn bản thân quá trình "toàn cầu hóa", ngoài căn nguyên kinh tế - kỹ thuật không phải luôn luôn là trực tiếp, phổ biến và có tác động ngang bằng đối với tất cả các nước, ngày càng bộc lộ bản chất kinh tế - xã hội TBCN rõ rệt của nó xét theo các quan hệ sản xuất, kinh tế cũng như "trật tự" quốc tế về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng mà nó triển khai và hình thành. Mặt khác, những mâu thuẫn cơ bản nội tại của nó vẫn hết sức trầm trọng và triển vọng giải quyết chúng cũng không hề sáng sủa. Thất bại của "vòng đàm phán thiên niên kỷ" của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) họp tại Xi-a-tơn (Mỹ) cuối năm 1999 ít nhất đã xác nhận sự bất đồng trong quan điểm về việc kiến tạo tương lai kinh tế giữa "vùng trung tâm" và "vùng ngoại vi" của hệ thống TBCN toàn cầu. Trên thực tế, kết cục ấy còn vạch rõ cả sự bất ổn hiển nhiên trong mối quan hệ kinh tế, chính trị thực tiễn cũng như trong hệ giá trị văn hóa, lối sống và tinh thần giữa các "vùng" này. Còn "sáng kiến" về một "con đường thứ ba" với cao vọng dung hòa và vượt trên cả chủ nghĩa tự do mới lẫn chủ nghĩa dân chủ xã hội do chính giới một số nước phát triển hàng đầu ở phương Tây đề xuất (5) lại chính là lời phản biện gián tiếp nhưng không kém phần mạnh mẽ đối với chính "tính hợp lý" và "sức sống" của tất cả mọi loại đề án phát triển xã hội TBCN đã và đang có từ trước tới nay nói chung. Cuộc họp mặt trong khuôn khổ định hướng tư tưởng đã nêu của lãnh đạo 15 nước tư bản lớn và phát triển đầu tháng 6-2000 ở Béc-lin (Đức) để thảo luận về chủ đề "Cách thức cầm quyền hiện đại trong thế kỷ XXI" rõ ràng đã bộc lộ "những vấn đề" không đơn giản về các lĩnh vực hệ thống chính trị, cơ cấu kinh tế - xã hội và tương quan giai cấp - xã hội trong xã hội tư bản ở phạm vi từng quốc gia, dân tộc cũng như trên quy mô toàn hệ thống thế giới.

Mâu thuẫn giữa CNXH và CNTB với tính cách là hai chế độ xã hội hiện thực ngày nay đang diễn ra giữa một số nước XHCN riêng lẻ với các nước và các nhóm nước TBCN gắn kết thành hệ thống theo những mức độ và phương thức ít nhiều khác nhau. Khoảng cách về tiềm lực vật chất - kỹ thuật giữa CNXH và CNTB tăng lên nhiều so với ở giai đoạn trước (thời kỳ "chiến tranh lạnh") theo hướng có lợi cho CNTB. Hai điểm mới này làm cho tương quan giữa CNXH và CNTB về nhiều mặt gần như trở về trạng thái đã có ở giai đoạn đầu tiên (1917 - 1945) của cả thời đại quá độ nói chung. Tức là, CNXH ngày nay phải tiếp tục tồn tại và đi lên chủ yếu trong điều kiện *từng nước riêng biệt và đơn lẻ*, chứ không phải nhiều nước đồng loạt và hỗ trợ lẫn nhau, với *cơ sở vật chất - kỹ thuật thua kém xa CNTB*, cả về tương đối lẫn tuyệt đối. Kinh nghiệm thành công và thất bại hơn 80 năm qua của CNXH hiện thực thế giới khẳng định rằng : CNXH ngày nay cần phát triển mạnh mẽ cơ sở kinh tế - kỹ thuật của mình, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và chủ quyền đất nước, củng cố an ninh chính trị và ổn định đời sống xã hội, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân lao

(3) G.Xô-rốt : *Khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản toàn cầu (xã hội mở bị hiểm nguy)*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1999, tr 265 - 267

(4) Theo : *Quốc tế*, ngày 25-5-2000 ; *An ninh thế giới*, ngày 15-6-2000

(5) Theo : Nguyệt san Nhật Bản *Diễn đàn ngoại giao* tháng 6-2000

Digitized by Google

động, giữ vững chế độ XHCN, tăng cường sự lãnh đạo và vai trò quản lý của các thiết chế Đảng và Nhà nước của giai cấp công nhân, nhờ đó tận dụng và phát huy mọi nguồn nội lực của quốc gia, dân tộc. Điều này đòi hỏi các nước XHCN phải khắc phục được những trở ngại cả từ bên trong như xu hướng tự cấp, tự túc, biệt lập, đóng cửa, bảo thủ lẫn bên ngoài như âm mưu phong tỏa, cô lập hay ngược lại là cái bẫy "tự do hóa thị trường" và thủ đoạn "diễn biến hòa bình". Từ đây các nước này mới có thể thích ứng một cách chủ động, kịp thời, hợp lý và có hiệu quả với môi trường thế giới hiện đại để tiếp cận tới những trung tâm tiên tiến nhất về các lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật, khoa học - công nghệ, tài chính - tiền tệ, quản lý sản xuất, trao đổi và dịch vụ của khu vực và thế giới. Chính trong quá trình thực tiễn quan hệ đối tác, đối sánh và cọ xát trực tiếp ấy, và cũng chỉ có dựa trên cơ sở ấy, CNXH mới từng bước tự hình thành, củng cố và khẳng định vững chắc bản chất xã hội tiến bộ cùng tính ưu việt lịch sử của mình không phải chỉ về mặt tư tưởng, tinh thần, mà còn về mặt vật chất hiện thực.

Liên quan trực tiếp đến yêu cầu nhiệm vụ cách mạng thực tiễn xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa được nêu ở đây là một số tư tưởng quan trọng của các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học về quan hệ tác động qua lại (bao gồm cả "đấu tranh", "đối lập", "đối kháng") giữa các xã hội có trình độ phát triển (cao hay thấp) khác nhau nói chung, giữa CNTB phát triển với CNTB chưa phát triển và những xã hội tiền TBCN nói riêng :

- Từ sự kiện thực tế cuối thời cổ đại là tộc người Giéc-manh sau khi phá vỡ đế quốc La Mã đã không đi vào chế độ chiếm hữu nô lệ mà chuyển lên ngay chế độ phong kiến, Mác đã rút ra nhận xét chung : để thực hiện được bước phát triển bỏ qua hình thái kinh tế - xã hội kể sát, thì một trong những điều kiện quan trọng đối với xã hội kém phát triển hơn là nó không cô lập, mà phải *tiếp xúc, quan hệ* với xã hội phát triển cao hơn. Nhưng ở đây xã hội kém phát triển hơn cần giữ vững được độc lập, chủ quyền và một số yếu tố cần thiết nhất định trong hệ thống cấu trúc kinh tế - xã hội vốn có của mình (6).

- Trong thời hiện đại, cũng theo Mác, việc những nước tư bản phương Tây xâm chiếm các thuộc địa có tác động *về căn bản và toàn cục* là tiêu cực đối với khu vực này. Bởi vì, tuy CNTB thực hiện được một hành động có tính "cách mạng" là phá bỏ phương thức sản xuất lạc hậu khép kín cổ truyền nghìn đời tại đây, nhưng nó lại hủy diệt luôn cơ sở cần thiết tối thiểu cho sự tồn tại bình thường của đời sống xã hội ở đó. Do vậy mà con đường tiến hóa, phát triển tự thân của các nước phương Đông đã bị cắt đứt, đẩy lùi và bị cưỡng bức đi theo một phương hướng, mô hình ngoại lai, xa lạ, lệ thuộc và kém sức sống (7).

- Từ khoảng những thập niên cuối thế kỷ XIX, tình hình nước Nga thu hút mạnh mẽ sự quan tâm của Mác và Ăng-ghen. Hai ông cho rằng, khác biệt hẳn với trường hợp các nước Ấn Độ và Trung Quốc bị xâm lược và biến thành thuộc địa hay nửa thuộc địa, nước Nga vẫn giữ vững chủ quyền quốc gia và nền độc lập dân tộc của mình. Nhờ thế xã hội Nga vẫn tồn tại, phát triển trong sự ổn định tương đối theo những quy luật nội tại của nó. Mác và Ăng-ghen đã đề cập tới khả năng nước Nga lúc đó với nền kinh tế tiểu nông chưa hoàn toàn tư bản hóa có thể sẽ đi thẳng lên CNXH bỏ qua "khe núi Cáp-đi-a" - tức là những nỗi thống khổ của xã hội TBCN. Điều kiện tiên quyết cho sự tiến triển tốt đẹp ấy là : *thứ nhất*, có được sự tác động qua lại hỗ trợ lẫn nhau giữa cuộc cách mạng của giai cấp công nhân Nga và những cuộc cách mạng của giai cấp công nhân ở phương Tây ; *thứ hai*, giai cấp công nhân Nga phải đánh đổ chế độ chuyên chế phản động Sa hoàng và giữ vững được chính quyền của mình trong mọi trường hợp. Điều này có ý nghĩa quan trọng đặc biệt cả với cách mạng ở phương Tây nói riêng và cách mạng thế giới như một quá trình thống nhất nói chung (8).

- Trong thời đại của mình, Lê-nin đã tiếp thu, phát triển những tư tưởng quan trọng trên của Mác - Ăng-ghen. Qua *"Chính sách kinh tế mới" (NEP)* do Lê-nin đề xuất và chỉ đạo thực hiện, có thể thấy rõ những nội dung cơ bản của "giải pháp" chiến lược tổng thể lâu dài về xây dựng CNXH tại một nước riêng biệt trong vòng vây của CNTB, chủ nghĩa đế quốc và từ xuất phát điểm chủ yếu là nền kinh tế tiểu nông. Riêng về vấn đề chính sách quốc tế của Đảng Bôn-sê-vích và Nhà nước Xô-viết, nổi lên rõ rệt tư tưởng của Lê-nin cho rằng, để chiến thắng CNTB, không chỉ về lý luận mà chủ yếu còn về mặt thực tiễn, để phủ định nó trong thực tế chứ không phải chỉ trên lời nói, thì CNXH không thể tự cô lập mình trong các điều kiện thấp kém, lạc hậu và tình trạng thiếu thốn, nghèo nàn. Trái lại, chính quyền Xô-viết phải "học" CNTB về nhiều mặt, phải duy trì quan hệ với các nước TBCN phát triển nhất để từ đây có thể tranh thủ tiếp nhận được tri thức khoa học - kỹ thuật (điện khí hóa, đường sắt...) và

(6) Xem : C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, t 1, tr 356 - 357

(7) Xem : C. Mác- Ph.Ăng-ghen : *Sđd*, t 2, tr 551 - 570

(8) Xem : C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, 1983 t 4, tr 415 - 462 ; *Toàn tập*, 1995, t 19, tr 601

Digitized by Google

kinh nghiệm quản lý tiên tiến (phương pháp Tay-lo, nền giáo dục Mỹ, kỷ luật lao động Phổ,...). Thậm chí cũng cần lợi dụng các thế lực khác nhau của CNTB làm đối trọng kiềm chế lẫn nhau, qua đó mà bảo đảm và thực hiện được lợi ích của CNXH (khuyến khích tư bản Mỹ đầu tư khai thác miền Đông Xi-bia để hạn chế, ngăn chặn ảnh hưởng của quân phiệt Nhật)... Chính trong sự cọ xát, thử thách và tranh đấu trực tiếp ấy, các nhân tố XHCN nội sinh mới hình thành và được khẳng định một cách vững chắc, bền lâu và hiện thực. Mặt khác, Lê-nin cũng luôn luôn nhấn mạnh một vấn đề có tính nguyên tắc là, trong mọi trường hợp thì sự lãnh đạo của Đảng Bôn-sê-vích, sự quản lý của Nhà nước Xô-viết công - nông, độc lập chủ quyền của quốc gia cũng luôn luôn phải được duy trì, củng cố và không thể đem ra nhân nhượng được (9).

Trong điều kiện hiện nay kinh nghiệm lê-nin-nít về quá độ phi TBCN lên CNXH từ những nước XHCN riêng lẻ còn lại và mới chỉ ở trình độ đang hoặc chậm phát triển một lần nữa trở nên có giá trị và ý nghĩa thời sự nổi bật to lớn cấp thiết. Tất nhiên, một cương lĩnh hoàn toàn hoàn thiện, đầy đủ, cụ thể, chính xác và cập nhật về tiến trình "quá độ" ấy không thể có sẵn từ đầu, mà chỉ có thể hình thành trong chính thực tiễn xây dựng CNXH. Song vẫn có thể khẳng định ngay rằng : theo tinh thần của lý luận Mác - Lê-nin nêu trên, một khi bản chất thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH trên phạm vi toàn thế giới mở đầu bằng Cách mạng Tháng Mười Nga vẫn không thay đổi, thì không thể trông chờ các nước TBCN tiếp lực cho các nước XHCN xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Nhưng mặt khác "mối quan hệ" giữa các nước XHCN và các nước TBCN là một thực tế khách quan. Trong phương hướng chung của mối quan hệ ở suốt thời đại lịch sử lâu dài, phức tạp và khó khăn này với CNTB thế giới - một hình thái xã hội quá thời về mặt trình độ phát triển kinh tế - xã hội , nhưng lại đồng đại song tồn về lịch sử - các nước XHCN ngày nay cần mở rộng sự hợp tác và tranh thủ lực lượng của các nước đang phát triển để tạo thêm thế và lực cho mình, đồng thời triệt để khai thác mâu thuẫn giữa các nước tư bản phát triển, thống nhất lực lượng đấu tranh nhằm tích cực hóa môi trường quốc tế, từng bước đẩy lui CNTB áp bức và bóc lột ra khỏi "vùng ngoại vi", tiến tới thực hiện nhiệm vụ cơ bản xóa bỏ CNTB và quá độ lên CNXH trên phạm vi toàn thế giới.❑

(9) Xem : V.I. Lê-nin : *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 45 (các văn phẩm về *NEP*)

NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG ĐÔNG - NAM Á

NGUYỄN PHAN THỌ *

Sự phát triển bền vững đối với mỗi quốc gia, mỗi dân tộc đều phải dựa trên nền tảng của những giá trị văn hóa nhất định. Giá trị văn hóa vừa là mục đích, vừa là nội lực cho sự phát triển đối với mỗi nước.

Trong quá trình hình thành, phát triển của văn hóa - nghệ thuật, mỗi nước đều có sự tiếp biến, vươn lên chiếm lĩnh những giá trị mới của nhân loại, tôn vinh, bảo tồn những giá trị truyền thống, những bản sắc độc đáo của mình.

Đông - Nam Á là một trong những khu vực có nền văn hóa cổ xưa nhất thế giới, nó vừa hội tụ đủ những nét văn hóa Đông - Tây, vừa mang sắc thái độc đáo, lại muôn hình muôn vẻ. Nghệ thuật biểu diễn Đông - Nam Á đặc sắc và đa dạng, có phong cách nghệ thuật riêng và với triết học phương Đông có nội hàm vừa hiện thực, vừa huyền ảo, có sức truyền cảm mạnh mẽ. Nghệ thuật truyền thống Đông - Nam Á là tiếng nói phản ánh tư tưởng và ý nghĩa tâm linh của con người luôn vươn tới thánh thiện và đấu tranh chống cái ác. Sân khấu, ca múa nhạc truyền thống của các nước Đông - Nam Á phù hợp và ăn sâu vào cuộc sống của cư dân vùng văn minh lúa nước, rất gần gũi với Việt Nam.

Nền văn hóa Đông - Nam Á có cội nguồn và bản sắc riêng, đã phát triển liên tục trong lịch sử. Đó là phức thể văn hóa của các cư dân thuộc nền văn minh lúa nước, với ba yếu tố : văn hóa núi, văn hóa đồng bằng, văn hóa biển ; trong đó văn hóa đồng bằng, tuy có sau, nhưng đóng vai trò chủ đạo. Tại đây đã diễn ra những quá trình phát tán - hội tụ, dẫn đến những phức thể văn hóa mới, chung cho toàn vùng, bước hội tụ sau cao hơn bước hội tụ trước, đồng thời cũng để lại những sắc thái khác nhau, có tính dân tộc hoặc mang dấu ấn địa phương. Vì vậy, đặc trưng nổi bật của nghệ thuật truyền thống Đông - Nam Á là "thống nhất trong đa dạng". Nếu coi văn hóa lúa nước Đông - Nam Á là sàn diễn

* Nhà xã hội học nghệ thuật

Digitized by Google

của sân khấu thì lễ hội chính là sân khấu tổng hợp của các loại hình ca, vũ, kịch truyền thống. Tất cả đều được nảy sinh từ các cơ tầng văn hóa bản địa.

Thiên nhiên quả đã an bài cơ sở cho con người Đông - Nam Á có những thế ứng xử tương đồng trên đồng ruộng, núi rừng, giao lưu, trao đổi dọc theo các triền sông, qua đường biển, tạo nên tính thống nhất trong văn hóa - nghệ thuật ở những khu vực này. Khi kỹ thuật sản xuất còn thô sơ thì thiên nhiên đóng vai trò rất quan trọng trong nếp sống của con người, in đậm trong tư duy và hành động của họ từ thế hệ này qua thế hệ khác. Và cứ như thế truyền thống định hình từ đó. Sân khấu thể hiện truyền thống đó qua các trò, các hội diễn kết hợp nhiều bộ môn như nhảy múa, nhạc, ca hát, tích trò, làm cho mối cộng cảm trong khu vực thêm sâu đậm. Trong các hoạt động trình diễn, nhảy múa là một trong những hình thức cổ xưa nhất, nó được kết hợp chặt chẽ với âm nhạc và thơ ca. Nếu nhảy múa có tác động trực tiếp đến giác quan, thì âm nhạc tác động sâu lắng vào tâm hồn. Hai thứ này kết hợp chặt chẽ với nhau, khơi dậy cái thiêng (lé sacré) trong con người, dẫn dắt cái thiêng theo những định hướng nhất định. Có thể nói nghệ thuật buổi đầu của Đông - Nam Á là có tính tâm linh, tính thiêng, phản ánh niềm lạc quan yêu đời của các cư dân sở tại.

Sự hình thành các nền nghệ thuật dân tộc ở các nước Đông - Nam Á là cả quá trình phát triển nội tại của nó, đồng thời cũng là quá trình tiếp xúc với văn hóa thế giới. Sâu khấu Đông - Nam Á chịu ảnh hưởng rất lớn của sân khấu Ấn Độ và sân khấu Trung Quốc.

Sân khấu Ấn Độ và cuộc tiếp xúc đầu tiên của sân khấu Đông - Nam Á. Các sư tăng phật giáo đi cùng với thương gia Ấn sang Đông - Nam Á mang theo các phong tục, tập quán Ấn và những hình thức nghệ thuật cổ xưa nhất cùng cả một hệ nguyên lý thẩm mỹ. Cho đến nay các biểu tượng trong nghi lễ, trong nghệ thuật ở các nước Đông - Nam Á hầu hết có nguồn gốc từ Ấn Độ giáo.

Ngày nay những đề tài trong Ramayana và Mahakharata vẫn còn được trình diễn trong các nước thịnh hành phật giáo như Thái Lan, Cam-pu-chia hay Hồi giáo như Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a... Một trong những yêu cầu lớn nhất của các nhà nước đang ở buổi sơ khai là có một hệ tư tưởng chính thống làm nền tảng tinh thần cho toàn thể quốc gia, dân tộc. Đông - Nam Á đã tìm thấy lời giải này trong nghi lễ vua - thần của Ấn Độ. Cùng với hệ tư tưởng tôn giáo, những người cầm quyền ở các nước này cũng cần xây dựng những mẫu người lý tưởng cho thời đại của mình. Và họ đã tìm thấy những mẫu người này ở những nhân vật trong các bộ sử thi và phật thoại Ấn Độ.

Nghệ thuật Hồi giáo, dù rất hiếm hoi, đã thâm nhập vào Đông - Nam Á từ thế kỷ XVIII - XIX, chủ yếu thông qua người Ấn - cho nên nghệ thuật Hồi giáo và Đông - Nam Á là nghệ thuật Ấn - Hồi, có cả yếu tố Ấn Độ giáo và Hồi giáo hỗn hợp.

Ở Đông - Nam Á, sân khấu Việt Nam chịu tác động của sân khấu Trung Quốc nhiều hơn. Điều kiện địa lý, hoàn cảnh lịch sử là những nguyên nhân trực tiếp. Về nội dung, phần lớn các vở tuồng cổ là mượn các tích truyện Trung Quốc. Kịch hát truyền thống Việt Nam thường dùng các thủ pháp cách điệu, ước lệ, sân khấu mở, gần với kịch hát Trung Quốc.

Ngoài ảnh hưởng từ Ấn - Hồi và Trung Hoa, nghệ thuật biểu diễn ở Đông - Nam Á sau này còn chịu ảnh hưởng của sân khấu phương Tây, Sân khấu và kịch nói phương Tây vào những năm đầu thế kỷ XX thúc đẩy quá trình hiện đại hóa nền sân khấu các nước Đông - Nam Á.

Khi bọn thực dân Pháp, Hà Lan, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Anh, Mỹ v.v... đã củng cố được vị trí của họ, thì những sản vật của văn minh vật chất, những khuôn thước về văn hóa đã theo chân họ và có ảnh hưởng đến đời sống chính trị, xã hội và văn hóa tại các nước Đông - Nam Á. Những điều kiện sinh hoạt vật chất mới làm nảy sinh tâm lý mới, nếp ứng xử mới. Đó là điều kiện thuận lợi để văn hóa phương Tây xác lập chỗ đứng trong lòng xã hội phương Đông. Sân khấu cổ điển Pháp mà các tác giả tiêu biểu là Ro-xinơ Coóc-nây và Mo-li-e đã xâm nhập vào Việt Nam đầu thế kỷ XX. Sự hiện diện của người Anh trên đảo Penang (Ma-lai-xi-a) từ năm 1776 đã kết thúc quá trình chiếm đóng của người Bồ Đào Nha và Hà Lan. Trước năm 1870 ở đất nước này chỉ có các hình thức trình diễn dân gian, với đặc trưng là ngẫu hứng và phi văn bản. Kịch nói In-đô-nê-xi-a xuất hiện vào những năm 20 của thế kỷ này là sản phẩm trực tiếp của sinh viên và trí thức (từ nước ngoài về) đấu tranh cho sự thống nhất dân tộc. Đến giữa thế kỷ XX người Tây Ban Nha đưa vào Phi-lip-pin loại hình sân khấu Zarzuela - một loại ca kịch có xen kẽ đối thoại. Đối với Thái Lan, Xin-ga-po, kịch nói phương Tây cũng có ảnh hưởng lớn.

Sân khấu Đông - Nam Á rất đa dạng, tựu trung có 3 loại hình : sân khấu bóng (théatre d' ombre), sân khấu kịch múa và sân khấu kịch hát.

Trong sân khấu bóng, hình ảnh đến với người xem là những hình bóng được chiếu lên tấm màn vải. Diễn viên có 2 loại : rối hoặc người, tạo thành 2 loại khác

Digitized by Google

nhau : sân khấu bóng - rối và sân khấu bóng - người. Ở Ấn Độ có sân khấu bóng - người, còn ở Đông - Nam Á có sân khấu bóng - rối. Sân khấu bóng rối là loại hình nghệ thuật có nguồn gốc ở Đông - Nam Á, mà quê hương đầu tiên là Java.

Múa rối Pu-nhơ-nha-nhơ của Lào luôn thể hiện lòng biết ơn công đức khai khẩn đất đai của tổ tiên, xua đuổi tà ma, quỷ quái. Cam-pu-chia gọi rối mặt nạ là Lo-khon, chủ yếu diễn truyện Riêm-kê. Ở Thái Lan có rối khon, thường được diễn trong các ngày hội, ngày cưới hay tang lễ. Nát là rối mặt nạ ở Mi-an-ma. Còn ở In-đô-nê-xi-a người ta gọi loại rối này là Wayang Topeng. Từ xa xưa rối bóng Wayang Kulit của Ma-lai-xi-a đã phát triển mạnh. Múa mặt nạ ở Phi-lip-pin được coi là nghi lễ đầy tính tôn nghiêm. Ngoài rối nước cổ truyền và rối que, múa mặt nạ ở Việt Nam cũng đã có từ lâu đời.

Kịch múa là hình thức độc đáo của các nước Đông - Nam Á. Có những nơi múa dân gian phát triển rất mạnh như ở Ba-li. Tại cung đình một số vương triều nghệ thuật múa được xây dựng thành một nền múa cổ điển, tinh tế. Sân khấu múa là nét đặc trưng của sân khấu Đông - Nam Á. Tại đây sân khấu múa rối trội hơn và hình thành sớm hơn sân khấu hát.

Trong sân khấu múa ta có thể phân biệt sân khấu dân gian với sân khấu cung đình, sân khấu mặt trần với sân khấu mặt nạ. Loại sân khấu này ở Ba-li gọi là Wayong wong, có tính tôn giáo ; còn ở Thái Lan gọi là Khon, thuộc loại cổ điển. So với sân khấu múa có mặt nạ thì sân khấu múa không mặt nạ xuất hiện muộn hơn. Sân khấu Wayang Orang ở Java mang tính cung đình rất rõ và được xem là hình thức hoàn hảo nhất. Ở đây múa là nghệ thuật quý tộc. Cam-pu-chia cũng là xứ sở có nền nghệ thuật múa lâu đời và giàu bản sắc dân tộc. Nghệ thuật múa cổ điển của Lào là từ Cam-pu-chia truyền sang từ thế kỷ XIV. Đến thế kỷ XVIII-XIX sân khấu múa Thái bắt đầu ít nhiều có ảnh hưởng tới sân khấu Lào. Kịch múa cổ điển Thái Lan khá phát triển. Một mặt nó có thể có nguồn gốc xa xôi trong nghệ thuật Rơ-băm, mặt khác nó có thể hình thành từ múa Khơ-me mà Thái Lan thu nhận được do những cuộc xâm chiếm Ăng-co vào thế kỷ XV. Trên cơ sở đó người Thái phát triển thành hình thức La-khon của mình. Sân khấu kịch múa Thái truyền sang Mi-an-ma vào năm 1767 khi quân Miến đánh vào kinh đô Auýt Thaya và bắt về những vũ nữ của cung đình Thái. Sân khấu múa Mi-an-ma phát triển muộn hơn so với các nước trong khu vực.

Trong khi ở nhiều nước Đông - Nam Á kịch múa giữ vai trò chủ yếu, thì ở Việt Nam, Phi-lip-pin và Lào kịch hát lại là nét tiêu biểu. Ở Việt Nam kịch hát ra đời sớm và khá phát triển. Ba loại hình kịch hát chính ở đây là chèo, tuồng và cải lương. Sau này có thêm các loại hình kịch hát dân ca, gắn liền với đặc điểm từng địa phương.

Hầu hết kịch hát ở Lào đều gọi là Lăm-luông, xuất hiện đầu thế kỷ XX, nảy sinh trên truyền thống dân gian, mà nhạc cụ tiêu biểu là khèn. Ở Thái sân khấu Likay ra đời vào cuối thế kỷ XI, là kịch hát kết hợp giữa thoại và múa Likay cung đình sau này trở thành hình thức sân khấu phổ biến nhất nhờ đi vào quần chúng. Ở Cam-pu-chia có Ayay-rương là kịch hát nảy sinh từ vùng Ayay, là lối hát trai gái ở nông thôn. Đến thế kỷ XIX - XX lại xuất hiện thêm kịch hát Lakhon Bassac. Loại hình này chịu ảnh hưởng của sân khấu Việt Nam và Trung Quốc. Cam-pu-chia là nước có nhiều loại hình sân khấu. Sự phong phú về loại hình của sân khấu Cam-pu-chia cũng là nét đặc trưng về sự đa dạng của sân khấu các nước Đông - Nam Á.

Bên cạnh những khác biệt vốn có ở mỗi nước, nghệ thuật biểu diễn ở Đông -Nam Á có những nét tương đồng về nguồn gốc, ý niệm và nội dung. Ý niệm thiêng liêng trong việc tái thể hiện nhân vật tạo nên các yếu tố tâm linh. Cách nhìn con người, sự vật đều có linh hồn và cách thể hiện nhân vật mang tính siêu phàm. Tính tôn giáo cũng thể hiện rõ nét trong các vở diễn thuộc loại truyền thống. Đây là dạng sân khấu tổng hợp có cả đạo và đời. Tính nhân văn, tính dân gian là hiện tượng phổ biến trong sân khấu Đông - Nam Á. Sự tương đồng còn thấy rõ ở phương pháp nghệ thuật - đó là phương pháp diễn xướng tổng thể, tính cách điệu, ước lệ. Đó là sân khấu sử thi, sân khấu kể chuyện.

Sân khấu Đông - Nam Á hiện đang trong tình trạng suy thoái, nhất là đối với các loại hình truyền thống : kịch bản thiếu trầm trọng, diễn viên tài năng ngày càng hiếm hoi ; trên sàn diễn ít có những vở hay, có giá trị ; khán giả ngày một thưa dần ; tính chưa hợp lý về mặt quản lý và tổ chức biểu diễn...

Bao trùm lên các hoạt động sân khấu hiện nay ở Đông - Nam Á là bốn khuynh hướng chính : truyền thống, hình thức, thương mại và cách tân. Bốn khuynh hướng này không tách biệt, mà cùng tồn tại trong một quốc gia, nhiều lúc ngay cả trong một con người tác giả hay đạo diễn.

Quan hệ Việt Nam với các nước Đông - Nam Á đang phát triển tốt đẹp với mục tiêu vì hòa bình, ổn định, hợp tác, phát triển thông qua việc giao lưu văn hóa. Quá trình xây dựng nền văn hóa của mỗi nước trong khu vực cũng chính là quá trình thực hiện chiến lược con người. Hơn nữa sự tồn tại của một nền văn hóa không chỉ có ý nghĩa bản địa, mà còn có giá trị đóng góp vào kho tàng văn hóa chung của các dân tộc. ❑

Digitized by Google

LÂM THAO

TỔNG CÔNG TY HÓA CHẤT LÂM THAO

CÔNG TY SUPE PHỐT PHÁT VÀ HÓA CHẤT LÂM THAO

LAM THAO FERTILIZERS AND CHEMICALS COMPANY







NHỮNG THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC :

- Danh hiệu Đơn vị Anh hùng Lao động
- Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân
- Huân chương Độc lập hạng Nhì, hạng Ba
- Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba
- Cờ thưởng luân lưu của Chính phủ nhiều năm
- Đạt giải Vàng - Giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 1997
- Được tặng giải Bông lúa Vàng cho sản phẩm supe lân Lâm Thao từ năm 1996 đến nay.
- Được tặng Huy chương vàng "Bạn nhà nông" - sản xuất nhiều loại phân bón tốt phục vụ cho nông nghiệp.

NHỮNG SẢN PHẨM CHỦ YẾU :

- Supe Lân Lâm Thao
- Phân hỗn hợp NPK Lâm Thao
- Axit Sunphuric Kỹ thuật
- Axit Sunphuric Tinh khiết (P) và tinh khiết phân tích (Pa)
- Natri Silicoflorua Kỹ thuật (Na_2SiF_6)
- Axit Sunphuric Ắc quy (H_2SO_4)
- Natri Sunphit Kỹ thuật (Na_2SO_3)
- Natri Bisunphit Kỹ thuật ($NaHSO_3$)
- Phèn nhôm Sunphat - Phèn kép Amoni Nhôm Sunphat

Rất hân hạnh được phục vụ Quý khách hàng

ĐỊA CHỈ : HUYỆN LÂM THAO - TỈNH PHÚ THỌ

ĐIỆN THOẠI : 0210.825131 - 0210.825139 - FAX : 0210.825126

CHI NHÁNH : HUYỆN CẨM GIÀNG - TỈNH HẢI DƯƠNG - ĐT : 0320.786754 - FAX : 0320.786757

Digitized by Google

VITECO

CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN THOẠI

VIETNAM TELECOMMUNICATION EQUIPMENT CO.

TRỤ SỞ: NGÕ 61 PHỐ LẠC TRUNG - Q. HAI BÀ TRƯNG - HÀ NỘI

Tel: (84.4) 8622726 - 8622727 - 8622723 **Fax:** (84.4) 6360023 **E-Mail:** VTCHN.RDP@HN.VNN. VN

***Công ty Thiết bị Điện thoại là đơn vị công nghiệp, trực thuộc Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam. Tên giao dịch:* VITECO.**

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH



Kỹ sư của VITECO đang theo dõi và trợ giúp vận hành từ xa cho các loại hệ thống tổng đài trên toàn quốc

1. SẢN XUẤT TỔNG ĐÀI:

Tổng đài số mang tên DTS là sản phẩm Việt Nam, 100% nội địa, do VITECO thiết kế toàn bộ phần cứng, phần mềm và chế tạo. DTS có nhiều cỡ dung lượng từ 16 số đến 4000 số. Với tính năng hiện đại, hoạt động tin cậy và thuận tiện trong khai thác nên hiện có trên 200 tổng đài DTS đang hoạt động trên mạng viễn thông nông thôn Việt Nam. DTS còn được sử dụng tốt cho mạng điện thoại nội bộ của các cơ quan, xí nghiệp, khách sạn, nhà máy.

2. BẢO TRÌ TỔNG ĐÀI:

♦ VITECO đang thực hiện bảo trì trong phạm vi toàn quốc các loại tổng đài lớn với hàng trăm nghìn số do các hãng nổi tiếng nước ngoài chế tạo như : TDX - 1B(LG - Hàn Quốc), 1000E10 (ALCATEL - Pháp), EWSD (SIEMENS - Đức), Neax - 61 (NEC - Nhật), Fetex 150 (FUJITSU - Nhật), DMS (NORTEL - Canada), AXE (ERICSSON - Thụy Điển),...

♦ VITECO còn nhận bảo dưỡng các tổng đài dùng cho mạng điện thoại nội bộ cơ quan, xí nghiệp, khách sạn như: HICOM, ALCATEL 4300, 4400, 4200, 4100,...

3. CUNG CẤP, LẮP ĐẶT THIẾT BỊ VÀ CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT:

VITECO nhận cung cấp thiết bị và các dịch vụ liên quan về tổng đài, về nguồn điện dùng cho thiết bị viễn thông do VITECO sản xuất hoặc nhập từ nước ngoài.

Chất lượng và uy tín các sản phẩm của VITECO được đảm bảo qua kênh giám sát hệ thống và hỗ trợ kỹ thuật O & M mà VITECO thiết lập, luôn sẵn sàng phục vụ kịp thời mọi nhu cầu của toàn bộ mạng lưới khách hàng trên toàn quốc.



Bộ nguồn thông tin - Sản phẩm hợp tác sản xuất giữa VITECO và hãng ARGUS - Canada



Tổng đài DTS 2000 - sản phẩm 100% nội địa do VITECO sản xuất

Quý khách hàng có nhu cầu về thiết bị tổng đài, viễn thông xin đừng ngần ngại, Hãy liên hệ với chúng tôi.

Digitized by Google

NGÂN HÀNG PHỤC VỤ NGƯỜI NGHÈO

VIETNAM BANK FOR THE POOR

Địa chỉ : 24 Láng Hạ - Quận Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại : 8311783 **Fax :** 8311794



Trụ sở chính

NHIỆM VỤ

1. ***Huy động vốn của mọi tổ chức kinh tế - xã hội, dân cư trong và ngoài nước.***
2. ***Cho hộ nghèo vay vốn ngắn hạn, trung hạn phục vụ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.***
3. ***Nhận làm dịch vụ ủy thác cho vay từ các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế đối với hộ nghèo.***

Qua hơn 4 năm hoạt động (từ 1996 đến 30-06-2000), Ngân hàng Phục vụ Người nghèo đã cho vay vốn đến trên 5 triệu lượt hộ nghèo thiếu vốn sản xuất với doanh số cho vay đạt 7.755 tỷ đồng. Hiện nay 2,41 triệu hộ nghèo còn đang dư nợ với số tiền đạt 4.134 tỷ đồng.

NGÂN HÀNG PHỤC VỤ NGƯỜI NGHÈO

Địa chỉ tin cậy của những người nghèo thiếu vốn sản xuất

PHÂN VIỆN QUY HOẠCH VÀ THIẾT KẾ NÔNG NGHIỆP MIỀN NAM

Địa chỉ : 20 Võ Thị Sáu - Quận I - TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 8.204.038 - 8.204.037 - 8.204.043 - 8.204.042 - Fax : 84.8.8204.039

Phân viện Trưởng : Tiến sĩ Nguyễn An Tiêm **E-mail :antiem@hcm.vnn.vn**

Phân viện Phó : Tiến sĩ Nguyễn Thế Bình **E-mail : tbinh@htco.com.vn**

NHIỆM VỤ CHÍNH

- Điều tra đánh giá các nguồn tài nguyên nông nghiệp
- Phân vùng quy hoạch và thiết kế nông nghiệp
- Quy hoạch sử dụng đất theo lãnh thổ và theo ngành
- Lập dự án đầu tư phát triển nông nghiệp và nông thôn
- Nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn
- Chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật mới
- Tổ chức huấn luyện đào tạo các kỹ thuật có liên quan



* *Ngoài ra ; Phân viện còn hợp tác với các chuyên gia và các tổ chức trong và ngoài nước trong các hoạt động nghiên cứu và chuẩn bị các dự án đầu tư phát triển nông nghiệp và nông thôn. Tổ chức các hội thảo trong và ngoài nước có liên quan đến phát triển nông nghiệp và nông thôn...*

(CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ TƯ VẤN XÂY DỰNG DO BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG CẤP SỐ 22ĐK : 0103-07-0-1-332).

Digitized by Google

CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN 3

14 Trần Hưng Đạo - Nha Trang.
Điện thoại : 058.821188 ; E-mail : ptc3@dng.vnn.vn
Fax : 84-58-823836



BẢO VỆ LƯỚI ĐIỆN QUỐC GIA LÀ TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA MỌI NGƯỜI, MỌI NHÀ

Digitized by Google



10 NĂM ĐỔI MỚI & TRƯỞNG THÀNH

CÔNG TY CAO SU BÌNH LONG

BINH LONG RUBBER COMPANY

Thị trấn An Lộc - Bình Long - Bình Phước

Trong lịch sử chống ngoại xâm và bè lũ tay sai của dân tộc Việt Nam, nhiều lớp người thợ đã xứng đáng trở thành biểu tượng cao đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong đó có thợ cạo mủ cao su (Công nhân cao su).



Đ/c Lê Minh Xước
Giám đốc



Đ/c Nguyễn Phúc Ký
Bí thư Đảng ủy Công ty

Là một doanh nghiệp nhà nước nằm trên địa bàn huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước - một huyện vùng sâu vùng xa, công ty cao su Bình Long đã được tổng công ty cao su Việt Nam đánh giá và xếp loại là một trong những đơn vị làm ăn giỏi, dẫn đầu các đơn vị miền Đông Nam Bộ và ngành cao su. Công ty cao su Bình Long được thành lập tháng 12-1978 tổng số CBCNV : 5600 người, 8 nông trường, 2 xí nghiệp, 3 đơn vị trực thuộc, 8 phòng ban, quản lý tổng giá trị tài sản cố định 303,3 tỉ đồng. Tổng diện tích cao su 16.000 ha. Qua 25 năm xây dựng và trưởng thành, từ đơn vị trung bình vươn lên dẫn đầu trong ngành cao su. Đặc biệt trong 10 năm đổi mới đã khai thác được 99.282,17 tấn mủ với trị giá tổng sản lượng 1.074.932.856.000 đồng, lợi nhuận 249.900.241.000 đồng. Nộp ngân sách 209.317.649.000 đồng. Đời sống CBCNV ngày được cải thiện nâng cao, lương thưởng bình quân công nhân 1.100.000đ/tháng. Công ty có 606 hộ giàu (thu nhập 40.000.000đ/năm), 2546 hộ khá (thu nhập 30.000.000đ/năm). Đời sống văn hóa xã hội của công ty phát triển mạnh, 100% địa bàn dân cư nông trường là mô hình văn hóa mới, 500 con em công nhân đang học các trường đại học. Làm tốt công tác đồng bào dân tộc, định canh định cư cho 240 hộ, ổn định công ăn việc làm cùng sống cộng đồng với công ty.

Hơn mười năm đổi mới CBCNV Công ty thực sự trăn trở, một nắng hai sương chắt chiu từng giọt mủ, chăm chút từng mầm xanh, bám lô, bám nhà máy, chạy đua với thời gian, năng động chiếm lĩnh thị trường và cạnh tranh thắng lợi. Đặc biệt Công ty cao su Bình Long đã tiên phong trong toàn ngành áp dụng cơ chế khoán sản xuất cao su. Nghiên cứu áp dụng máng che mưa cho cây cao su đảm bảo khai thác trong mùa mưa, làm lợi cho nhà nước hàng tỉ đồng. Có được kết quả sản xuất kinh doanh tốt là do công tác chính trị được thường xuyên coi trọng. Đảng bộ là hạt nhân lãnh đạo của hệ thống chính trị, **15 năm liên tục là Đảng Bộ trong sạch vững mạnh.** Trong 10 năm đổi mới kết nạp 150 đảng viên mới có chất lượng đang là nòng cốt lãnh đạo của công ty. Công đoàn 15 năm liên tục được tổng LĐ LĐVN công nhận công đoàn cơ sở vững mạnh. Đoàn thanh niên xứng đáng là hậu bị tin cậy của Đảng. Nữ công, hội cựu chiến binh hoạt động có hiệu quả góp phần vào việc thực hiện nhiệm vụ của công ty. Trong mười năm đổi mới công ty cao su Bình Long đã được Đảng, Chính phủ và bộ, ngành, tỉnh tặng nhiều phần thưởng.

- Danh hiệu anh hùng lực lượng vũ trang. (1996)
- 4 huân chương độc lập hạng 3. (tập thể và 3 cá nhân)
- 2 huân chương lao động hạng nhất. (cho 2 tập thể)
- 10 huân chương lao động hạng nhì (cho 5 tập thể và 5 cá nhân)
- 26 huân chương lao động hạng ba (cho 12 tập thể và 14 cá nhân)
- 4 huân chương chiến công hạng nhì (cho 2 tập thể và hai cá nhân)
- 1 huân chương chiến công hạng 3 (cho cá nhân)
- 160 bằng khen của bộ, tỉnh, ngành (cho tập thể và cá nhân), và nhiều danh hiệu và cờ thi đua.

Với truyền thống của đơn vị anh hùng, công ty cao su Bình Long đã góp phần cùng ngành cao su vững bước đi lên.

Digitized by Google

Bạn có thường xuyên phải gửi một khối lượng lớn thư đến khách hàng của mình ?
Nhờ kết hợp công nghệ Tin học - Viễn thông - Bưu chính DATPOST sẽ thay Bạn làm tất cả từ xử lý thông tin, in, gấp lồng phong bì và chuyển phát tới từng người nhận.
DATAPOST giải phóng bạn khỏi những công việc hao tốn nhiều thời gian, công sức, tiền bạc và giải phóng cả không gian làm việc để Bạn tập trung mọi nguồn lực thực hiện ý tưởng kinh doanh của mình.
Hãy liên hệ với chúng tôi:

Văn phòng giao dịch : 38 Bà Triệu - Hà Nội Tel: 9346733 Fax: 9346731

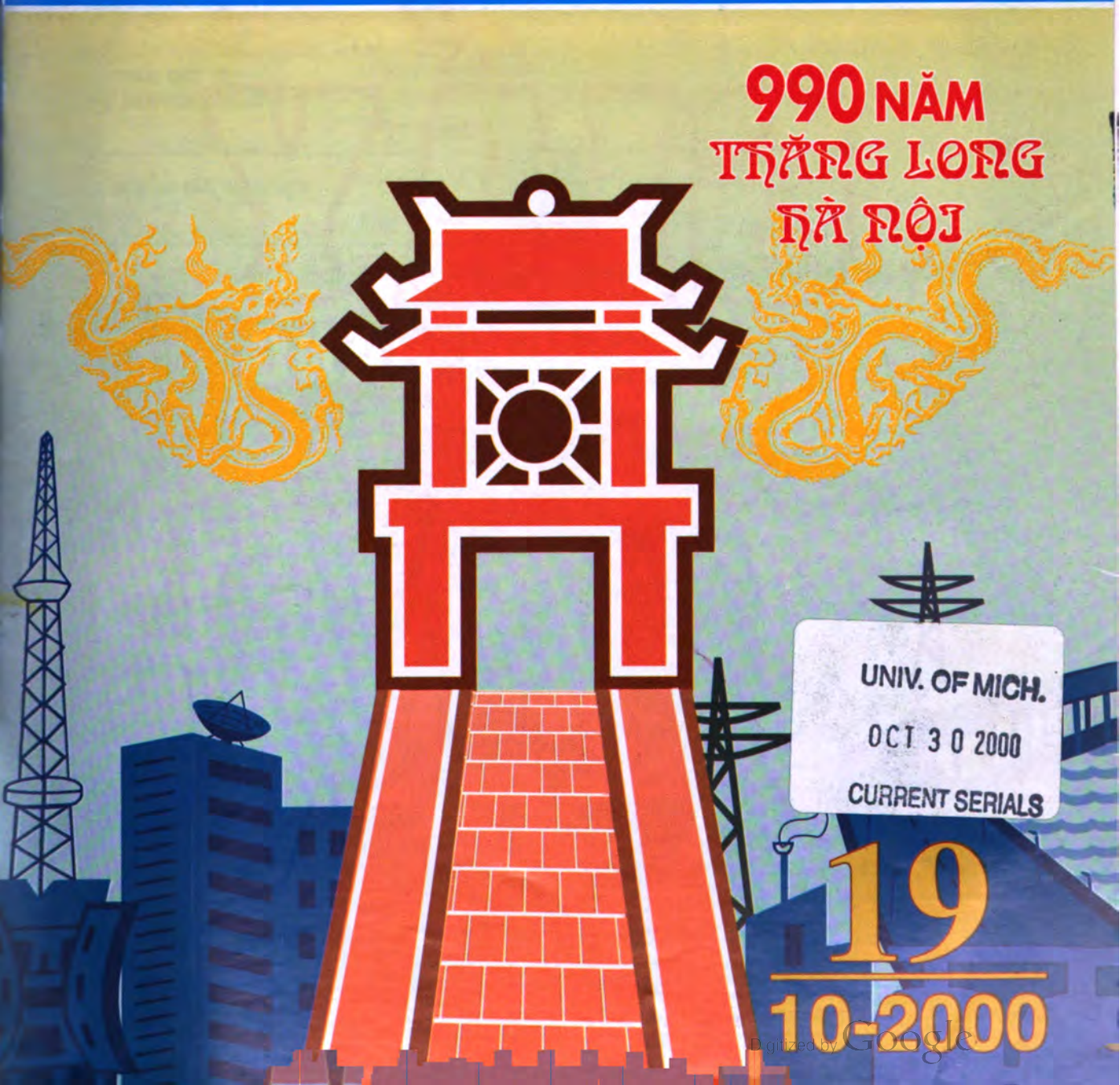
Trung tâm Điều hành khai thác Bưu chính Hà Nội: Xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội Tel: 7680930



Digitized by Google

HX
9
.HL8SB

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
OCT 30 2000
CURRENT SERIALS

19
10-2000

Digitized by Google

BAI BANG

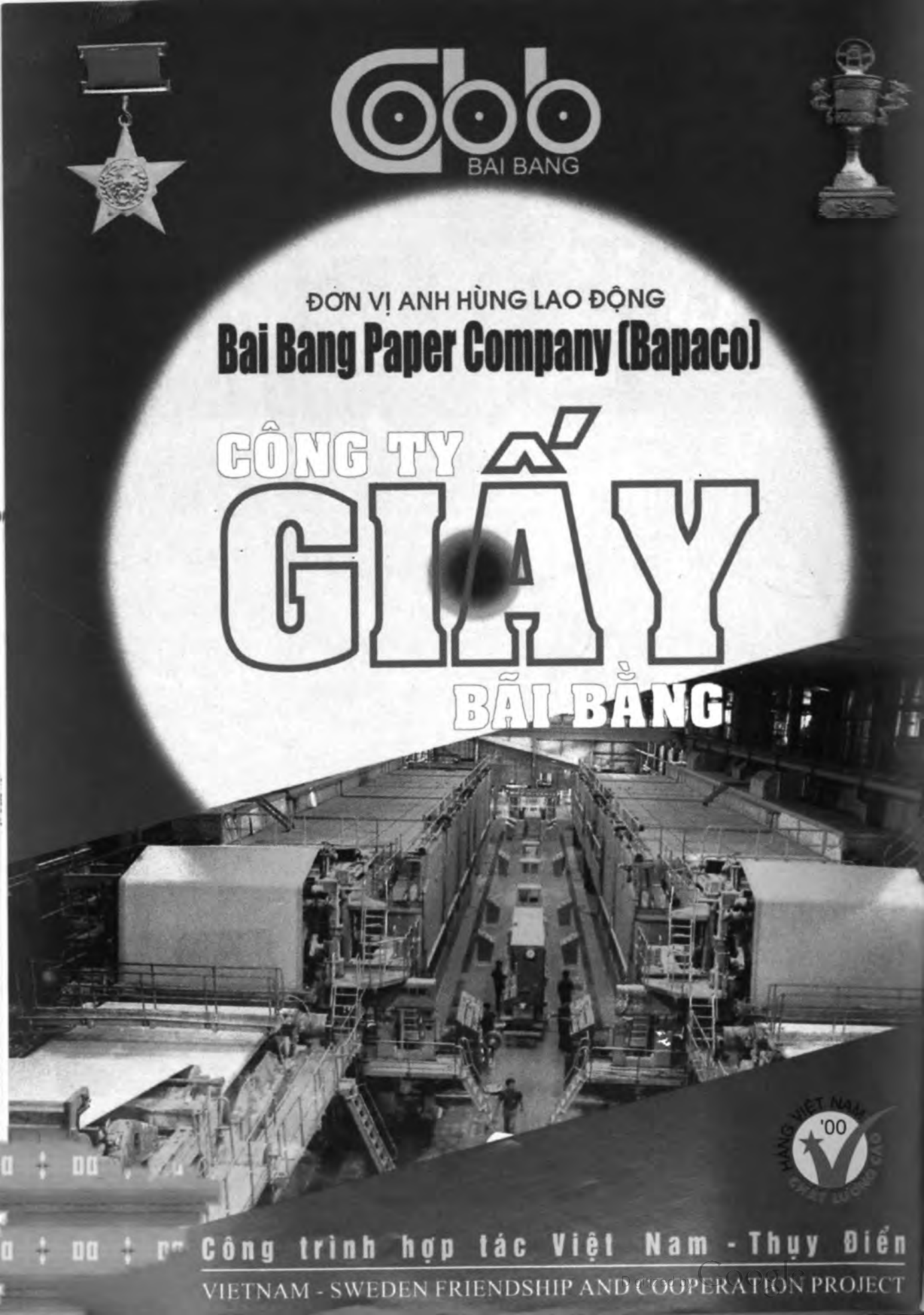
ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

Bai Bang Paper Company (Bapaco)

CÔNG TY

GIẤY

BÃI BẰNG



HÀNG VIỆT NAM '00

Công trình hợp tác Việt Nam - Thụy Điển

VIETNAM - SWEDEN FRIENDSHIP AND COOPERATION PROJECT



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 601 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

19
10-2000

MỤC LỤC

HỘI THẢO QUỐC TẾ : VIỆT NAM TRONG THẾ KỶ XX	LÊ KHẢ PHIÊU - Tiếp tục đi theo con đường đã chọn, dù 50 năm, 100 năm hay lâu hơn nữa, chúng tôi cũng không bao giờ nao núng, chủ nghĩa xã hội nhất định thành công	3
KỶ NIỆM 990 NĂM THĂNG LONG - HÀ NỘI	NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Sức sống 990 năm Thăng Long - Hà Nội	8
	PHÙNG HỮU PHÚ - Thăng Long - Hà Nội từ khi có Đảng	13
ĐƯA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG	TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC - Phát huy truyền thống 70 năm công tác dân vận của Đảng	17
	NGUYỄN ĐỨC TRIỀU - Chặng đường 70 năm của Hội Nông dân Việt Nam	21
	NGUYỄN PHÚC THANH - Tăng cường quản lý nhà nước về an ninh biên giới, biển, đảo	26
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	MAI VĂN DÂU - Định hướng chính sách thương mại trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế	31
	PHẠM PHAN DŨNG - Các giải pháp về kinh tế - tài chính để doanh nghiệp ngoài quốc doanh phát triển	35
	MAI HẢI OANH - Có hay không sự khủng hoảng lý luận phê bình văn học	40
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	LƯ VĂN ĐIỀN - Cần Thơ : 25 năm xây dựng và phát triển	45
	TRỊNH TRỌNG QUYỀN - Thanh Hóa trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa	47
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	NGUYỄN TUẤN DŨNG - Của để dành	52
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	VÕ THỦ PHƯƠNG - Hội nghị thượng đỉnh thiên niên kỷ và một thế giới hướng về tương lai	53
	NGUYỄN HUY QUÝ - Trung Quốc trước xu thế toàn cầu hóa kinh tế	56
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	- Hội nghị bạn đọc, cộng tác viên của Tạp chí Cộng sản	60

Bìa 1 : *Hà Nội ngàn năm văn hiến* — *Tranh :* **MAI HẰNG**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ЛЕ ХА ФИЕУ: Продолжаем выбранный путь, хотя это может продлиться 50, 100 лет или более, но мы никогда не будем заколебаться, социализм обязательно будет успешно построен. **НГУЕН ФУ ЧОНГ:** 990-летняя жизненность Тханг Лонга - Ханоя. **ФУНГ ХЫУ ФУ:** Тханг Лонг - Ханой со времени создания Партии. **ЧЫОНГ КУАНГ ДЫОК:** Развивать традицию 70-летней работы по народным массам Партии. **НГУЕН ДЫК ЧИЕУ:** 70-летний перегон Вьетнамской Крестьянской Ассоциации. **НГУЕН ФУК ТХАНЬ:** Усилить государственное управление безопасностью границы, морей и островов. **МАЙ ВАН ЗАУ:** Ориентация торговой политики в процессе международной экономической интеграции. **ФАМ ФАН ЗУНГ:** Экономические и финансовые мероприятия для развития негосударственных предприятий. **МАЙ ХАЙ ОАНЬ:** Существует ли кризис в литературной теории и критике? **ВО ТХУ ФЫОНГ:** Конференция в верхах Тысячелетия и мир, обращающийся к будущему. **НГУЕН ТХУ КУЙ:** Китай перед тенденцией международной экономической глобализации.

CONTENTS

LÊ KHẢ PHIÊU: We continue to follow the chosen path; although this may prolong 50, 100 years or more, we will never hesitate, socialism will be successfully built. NGUYỄN PHÚ TRỌNG: 990 years' vitality of Thăng long - Hanoi. PHÙNG HỮU PHÚ: Thăng long - Hanoi since the time of Party founding. TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC: To develop the Party's tradition of 70 years working among the people masses. NGUYỄN ĐỨC TRIỀU: The 70 years' stage of Vietnam Peasant Association. NGUYỄN PHÚC THANH: To increase state management regarding the frontiers, sea and islands. MAI VĂN DÂU: The orientation of the trade policy in the process of World economic merging. PHẠM PHAN DŨNG: Economic and financial solutions for the development of non-state enterprises. MAI HẢI OANH: Is there a crisis in literature theory and criticism? VÕ THỦ PHƯƠNG: Summit of the Millennium and a world looking to the future. NGUYỄN HUY QUÝ: China in the face of the trend of economic globalisation.

SOMMAIRE

LÊ KHẢ PHIÊU: Poursuivre la voie choisie. Qu'il faille mettre 50 ans, 100 ans ou plus, jamais nous ne fléchirons. Nous construisons le socialisme. NGUYỄN PHÚ TRỌNG: Thăng Long - Hà Nội : 990 ans de vitalité. PHÙNG HỮU PHÚ: Thăng Long - Hà Nội depuis la fondation du Parti. TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC: Valoriser 70 années de travail politique du Parti Communiste auprès des masses. NGUYỄN ĐỨC TRIỀU: Association des agriculteurs vietnamiens: un parcours de 70 ans. NGUYỄN PHÚC THANH: Intensification de la gestion publique de la sécurité frontalière, maritime et des îles. MAI VĂN DÂU: Orientation de la politique commerciale dans le processus d'intégration à l'économie mondiale. PHẠM VĂN DŨNG: Développement des entreprises privées: solutions économiques et financières. MAI HẢI OANH: Existe-t-il une crise de la critique littéraire ? VÕ THỦ PHƯƠNG: Sommet du millénaire et un monde tourné vers l'avenir. NGUYỄN HUY QUÝ: La Chine face à la mondialisation de l'économie.

SUMARIO

LÊ KHẢ PHIÊU: A pesar de 50, 100 años o más continuamos persiguiendo el camino. seleccionado, jamás estamos desanimados y el socialismo, de seguro, vencerá. NGUYỄN PHÚ TRỌNG: La vitalidad de 990 años de Thăng Long - Hà Nội. PHÙNG HỮU PHÚ: Thăng Long - Hà Nội después de la fundación del Partido Comunista de Viet Nam. TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC: Poner en juego la tradición de 70 años del trabajo de agitación y propaganda al pueblo ejercido por el Partido. NGUYỄN ĐỨC TRIỀU: El transcurso de 70 años de la Unión de Campesinos de Viet Nam. NGUYỄN PHÚC THANH: Intensificar la gestión estatal sobre la seguridad fronteriza, marítima e isleña. MAI VĂN DÂU: La orientación de la política comercial en el proceso de la mundial intergración económica. PHẠM PHAN DŨNG: Las soluciones económico-financieras para el desarrollo de las empresas no estatales. MAI HẢI OANH: Hay o no hay la crisis teórica de crítica literaria. VÕ THỦ PHƯƠNG: La milenaria conferencia cumbre y un mundo en dirección al futuro. NGUYỄN HUY QUÝ: La China ante la tendencia de globalización económica.

目录

黎可漂：继续沿着选定的道路前进，尽管50年、100年或者更长的时间，我们也决不动摇，社会主义事业一定成功•阮富仲：生气勃勃的升龙－河内—990周年•冯友富：升龙－河内自从有了党•张光得：发挥党的民运工作70年的传统•阮德朝：越南农协70年的历程•阮福青：增强国家在边界、海域及岛屿的安宁管理•梅文柔：外贸政策在国际经济融入过程中的定向•范潘勇：使非国有企业发展的有关经济财政解决措施•梅海鸾：是否存在文学批评理论的危机？•武首芳：千禧年的首脑会议与面向未来的一个世界•阮辉贵：面对经济全球化趋势的中国.

Digitized by Google

TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU :

"TIẾP TỤC ĐI THEO CON ĐƯỜNG ĐÃ CHỌN, DÙ 50 NĂM, 100 NĂM HAY LÂU HƠN NỮA, CHÚNG TÔI CŨNG KHÔNG BAO GIỜ NAO NÚNG, CHỦ NGHĨA XÃ HỘI NHẤT ĐỊNH THÀNH CÔNG"

Lời BBT - *Từ 19 đến 21-9-2000, tại Hà Nội, Hội thảo quốc tế* ***"Việt Nam trong thế kỷ XX"*** *do Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia cùng Đại học quốc gia Hà Nội tổ chức, đã họp và thành công tốt đẹp.*

Dự Hội thảo có nhiều đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước, đại diện lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành ở Trung ương và Hà Nội, gần 400 đại biểu là những nhà khoa học, nhà hoạt động chính trị - xã hội và quản lý, trong đó có hơn 100 đại biểu quốc tế, nhiều người là học giả nổi tiếng nghiên cứu về Việt Nam thuộc 38 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới.

Hơn 300 báo cáo khoa học được trình bày tại các Tiểu ban thuộc tám chuyên đề, đã khái quát, phân tích có hệ thống, toàn diện với những luận cứ khọc học xác đáng những vấn đề trọng đại của lịch sử dân tộc ta trong thế kỷ XX.

Sáng 21-9, tại Phủ Chủ tịch, Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã gặp gỡ, trao đổi ý kiến một cách thân tình với các đại biểu quốc tế dự Hội thảo.

Sau đây, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc Lời phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư tại cuộc gặp mặt này.

*
* *

TRONG những ngày mùa thu đẹp trời này, các vị đã từ các châu lục dành thời gian đến đất nước chúng tôi để tham dự cuộc Hội thảo quốc tế *"Việt Nam trong thế kỷ XX"*. Đó là sự cổ vũ rất lớn đối với chúng tôi.

Tôi được đọc các bài phát biểu của các vị tại Hội trường, ở các Tiểu ban và vô cùng xúc động trước những lời nói tốt đẹp của các vị đối với nhân dân, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng tôi. Ngài Rô-mét Chan-đra, Chủ tịch danh dự Hội đồng Hòa bình thế giới, vị cao tuổi nhất trong cuộc Hội thảo này, đã nói : *"Từ nửa sau thế kỷ XX, có một từ mang rất nhiều ý nghĩa : đấu tranh, dũng cảm, anh hùng và nó còn có ý nghĩa là chiến thắng, độc lập, tự do. Từ đó là* **Việt Nam.**

Việt Nam là một mẫu mực trong sáng của thế kỷ XX (Ngài Phăn-đuông Chít-vông-xa,

Digitized by Google

Giám đốc Học viện Hành chính Chính trị quốc gia Lào). *Cái gì còn đọng lại trong trái tim người dân Cam-pu-chia về Việt Nam trong thế kỷ XX. Đó là lòng biết ơn, đó là tình hữu nghị, hình ảnh của một đội quân nhà Phật từ cõi thiện xa xôi đến cứu nhân dân Cam-pu-chia* (Ngài Chay Y Hiêng, Cố vấn Chính phủ Hoàng gia Cam-pu-chia). *Tôi đã từng chứng kiến chủ nghĩa anh hùng mang tính huyền thoại của các bạn, điều đã từng làm rung động thế giới và đem lại niềm tự hào cho bè bạn. Không phải ngẫu nhiên mà khi một kẻ nào đó tiến công hoặc chuẩn bị tiến công một kẻ khác thì người ta thường nhắc : hãy cẩn thận, đừng quên hội chứng Việt Nam. Trên bình diện chiến lược, thắng lợi của các cuộc cải cách của các bạn sẽ phục hồi lại ở mức độ lớn ý nghĩa chiến lược của chủ nghĩa xã hội trong sự phát triển thế giới* (GS, TS A.Li-lốp, Bun-ga-ri). *Chỉ có gắn cuộc đấu tranh dân tộc và những yêu sách của những người nông dân, đó là chỗ dựa cơ bản để Nguyễn Ái Quốc có thể tổ chức được, trên cơ sở chủ nghĩa Mác và Đảng Cộng sản, mối liên kết giữa phong trào dân tộc và cách mạng xã hội, và đó chính là Cách mạng Tháng Tám* (GS Sác-lơ Phuốc-ni-ô, Pháp). *Sự nổi bật của công cuộc đổi mới của Việt Nam có ảnh hưởng vượt tầm quốc gia, gây ấn tượng cho cả thế giới* (Đại sứ Trung Quốc tại Việt Nam Tề Kiến Quốc). *Việt Nam sẽ sáng tạo ra được một cái gì cho văn minh nhân loại. Tôi hy vọng rằng Việt Nam tiếp tục đóng vai trò tích cực trong việc vươn tới thực hiện mang tính toàn cầu của nhân loại trong thế kỷ XXI* (GS Phu-ru-ta Mô-tô, Đại học quốc gia Nhật Bản) v.v.

Tôi bồi hồi nhớ lại tất cả những việc làm cao thượng của bạn bè thế giới đã và đang ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước trước đây và sự nghiệp đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng tôi ngày nay. Vợ chồng Cụ Luật sư vô vàn kính yêu Lô-dơ-bai, những người anh hùng đã quên mình vì Việt Nam : Hăng-ri Mác-tanh, Ray-mông Điêng (Pháp), Mô-ri-xơn, người con ưu tú của nhân dân Mỹ, vào buổi chiều ngày 21-11-1965, đã tự thiêu để phản đối cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, cụ Béc-tơ-răng Rút-xen, nhà triết học Pôn Xác-tơ-rơ. Nhân dân, Chính phủ các nước, những người anh hùng có tên và không tên, các đảng cộng sản và công nhân, phong trào hòa bình và phong trào không liên kết, từ các thủy thủ ở bến tàu Mác-xây, ở Pa-ri, ở Lào và Cam-pu-chia, ở châu Phi, châu Mỹ, Đức, I-ta-li-a, ở Liên Xô vĩ đại, ở Phần Lan, ở Trung Quốc từ Thẩm Tây cho đến Quảng Châu, ở Nhật Bản, ở Thái-Lan, Ấn Độ, ở An-giê-ri và Ma-đa-ga-xca, ở Hồng Công và những nơi mà tôi không thể kể hết, đã âm thầm và bền bỉ giúp đỡ Chủ tịch Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam từ thuở mới chỉ là "... đứa trẻ sinh nằm trên cỏ..." (1).

Chúng tôi không bao giờ quên lời nói chan chứa tinh thần quốc tế trong sáng của Chủ tịch Phi-đen Cát-xtơ-rô trong những ngày chúng tôi phải chiến đấu quyết liệt nhất : *Vì Việt Nam, Cu-ba sẵn sàng hiến dâng cả máu mình* và người anh hùng Mỹ - la tinh Hô-xê Mác-ti, từ năm 1895 đã viết về Việt Nam, về nhân dân chúng tôi.

Việt Nam chân thành cảm ơn các vị, cảm ơn tất cả và đời đời ghi nhớ công ơn đó. Chúng tôi chưa có thể biết hết và chưa có dịp gặp hết những ân nhân ấy. Xin nhờ các vị, khi trở về đất nước hoặc khi đi đến một nơi nào đó trên trái đất đã từng ủng hộ chúng tôi, chuyển lời biết ơn từ đáy lòng của nhân dân Việt Nam chúng tôi.

Sức mạnh đoàn kết quốc tế là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Hiểu sâu sắc điều đó, hiện nay và trong tương lai, dù bất kỳ tình huống nào, chúng tôi cũng kiên quyết củng cố và phát huy sức mạnh ấy.

(1) Thơ Tố Hữu, Nxb Văn học, 1983

Digitized by Google

Những hành động vì Việt Nam và những lời khen ngợi quý báu của các vị đã khích lệ nhân dân và Đảng chúng tôi phải cố gắng hơn, không nao núng và lùi bước trước bất kỳ khó khăn nào. Nhận ra những vấn đề tồn tại và khuyết điểm là biểu hiện sức mạnh và ý chí tiến công của một dân tộc và của một đảng cách mạng. Chúng tôi sẽ quyết tâm khắc phục những tồn tại và khuyết điểm, phát huy những thành tựu đã đạt được để xứng đáng với sự tin cậy của bạn bè quốc tế.

Từ cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản đã chuyển thành chủ nghĩa đế quốc. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định : đến năm 1906, các nước đế quốc đã hoàn thành việc chia nhau thuộc địa, chia nhau thị trường trên thế giới.

Chủ nghĩa tư bản trở thành chủ nghĩa đế quốc và sau khi xuất hiện chủ nghĩa đế quốc, mâu thuẫn cơ bản của thế giới không chỉ là giữa tư bản và vô sản mà đã mở rộng thêm : mâu thuẫn giữa đế quốc và các dân tộc thuộc địa, mâu thuẫn giữa đế quốc và đế quốc. Lê-nin đề ra khẩu hiệu : *giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới liên hiệp lại* là dựa trên cơ sở thực tiễn đó.

Mới chia nhau thuộc địa được 8 năm, chủ nghĩa đế quốc lại đã phát động chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) để giành giật và chia lại thị trường.

Lợi dụng mâu thuẫn giữa các đế quốc, giai cấp vô sản Nga đã làm cuộc Cách mạng Tháng Mười vĩ đại xây dựng nên chế độ Xô-viết, *mở ra thời đại mới : thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, đánh dấu bước ngoặt căn bản của xã hội loài người.*

Dù có những khuyết điểm, vấp váp khó tránh khỏi trong quá trình trưởng thành, chế độ xã hội chủ nghĩa, trên vùng đất bằng 1/6 địa cầu đã cơ bản xóa bỏ nạn người bóc lột người, dân tộc lớn áp bức dân tộc nhỏ, tư liệu sản xuất, cơ sở vật chất để làm ra của cải xã hội nuôi sống con người không còn nằm trong tay giai cấp bóc lột mà đã thuộc về nhân dân lao động.

Suốt mấy thiên niên kỷ từ khi xã hội loài người phân chia thành giai cấp, chưa từng có điều ấy. *Đó là cái mới nhất, cái lớn lao nhất của thế kỷ XX mà ở các thế kỷ trước chỉ là mơ ước. Chính sự kiện ấy quyết định chiều hướng phát triển của lịch sử.*

Chủ nghĩa đế quốc không cam chịu bị đẩy lùi và bị đánh bại và cũng không thể điều hòa được mâu thuẫn vốn có giữa họ. Phát-xít Đức, trung tâm phản động của thế giới lúc bấy giờ đã phát động chiến tranh thế giới lần thứ hai hòng tiêu diệt chế độ Xô-viết, lại vừa để độc chiếm quyền thống trị thế giới. Tấn thảm kịch và số phận chung cuộc của chủ nghĩa phát-xít bắt nguồn từ mục tiêu độc ác và tham lam ấy.

Phát huy sức mạnh ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, khôn khéo lợi dụng mâu thuẫn giữa các đế quốc, đoàn kết chặt chẽ với các dân tộc bị áp bức và nhân loại tiến bộ, Liên Xô cùng các nước đồng minh, trong đó Liên Xô giữ vai trò quyết định đã đánh bại chủ nghĩa phát-xít, chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược tàn khốc nhất của chủ nghĩa đế quốc trong lịch sử loài người, giải phóng một bộ phận nhân loại khỏi chủ nghĩa phát-xít man rợ. Hệ thống xã hội chủ nghĩa ra đời.

Bên cạnh sự nghiệp xây dựng Liên bang Xô-viết thành một đất nước hùng cường, chiến công chói lọi đập tan chủ nghĩa phát-xít, giải phóng nhân loại thoát khỏi thảm họa phát-xít là một cống hiến cực kỳ vĩ đại của Liên Xô. *Đó không những chứng minh sức mạnh to lớn mà còn là biểu hiện sáng ngời bản chất tốt đẹp và ưu việt của chủ nghĩa xã hội.* Dù ngày nay, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu bị tan rã, nhưng giai cấp công nhân, nhân dân các dân tộc và toàn thể nhân loại đời đời ghi nhớ công ơn của Đảng, nhân dân, Nhà nước và Hồng quân Liên Xô vì cống hiến lịch sử đó. Chúng ta thử hỏi : nếu chủ nghĩa phát-xít không bị đánh bại thì nhân loại sẽ phải chịu những thảm cảnh đau thương như thế nào ?

Digitized by Google

Dựa vào thành công của Cách mạng Tháng Mười, chiến thắng chủ nghĩa phát-xít và sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa, các dân tộc bị áp bức đã vùng dậy đánh đổ chủ nghĩa thực dân cũ và chủ nghĩa thực dân mới, làm tan rã cơ bản hệ thống thuộc địa, giải phóng hàng tỷ người và hàng trăm dân tộc chìm đắm trong nô lệ, thoát khỏi ách thống trị của đế quốc. Phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân, phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ, tiến bộ xã hội đã kết hợp thành một cao trào cách mạng chưa từng có trong lịch sử nhân dân thế giới tiến công chủ nghĩa đế quốc, đẩy lùi từng bước âm mưu của họ, buộc chủ nghĩa đế quốc phải điều chỉnh chiến lược và sách lược.

Vào cuối thế kỷ, nhân loại phải chứng kiến một biến cố đau lòng, đó là sự tan rã của Liên Xô và chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu. Như GS, TS A.Li-lốp đã nói : *Các xã hội sinh ra không phải trong một thể hình hoàn chỉnh. Chủ nghĩa xã hội cũng không phải là trường hợp ngoại lệ của lô-gíc lịch sử này.* Đảng chúng tôi nhận thức rằng : dù phải trải qua quanh co, phức tạp, lâu dài, chủ nghĩa xã hội nhất định sẽ được hoàn thiện và chiến thắng.

Tính từ ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước đến nay đã 90 năm. Người đã dành hơn nửa cuộc đời vượt qua 3 đại dương, đến 4 châu lục, 28 nước, bôn ba ròng rã trên một đoạn đường ước tính 20 vạn km, từ những trung tâm văn minh nhất của thế giới tới những nơi bần cùng và đau khổ nhất của nhân loại thời ấy. Trên mỗi đoạn đường, tình yêu nước thương nòi từ thuở ấu thơ và nỗi đau trước sự cùng khổ của các dân tộc bị áp bức, lòng khát khao sớm giải phóng Tổ quốc và ước mơ xây dựng một xã hội tốt đẹp, văn minh, hạnh phúc vì giai cấp cần lao thấm quyện vào nhau. Kết tinh văn hiến dân tộc và đỉnh cao của trí tuệ nhân loại, nhờ đó mà Người lý giải được sâu sắc nỗi đau của dân tộc, của giai cấp, của nhân loại, nhận ra con đường đúng đắn xóa bỏ nỗi đau ấy, xác lập được ý chí và bản lĩnh anh hùng : "Hai tay xây dựng một sơn hà".

Không phải chỉ có Người được đọc Luận cương dân tộc và thuộc địa của Lê-nin. Nhưng chính 10 năm ròng rã thấm dày thực tiễn đã làm cho Người hấp thụ nồng nàn và mãnh liệt cái tinh túy nhất của bản Luận cương ấy.

Cái tinh túy nhất đó là : *trong thời đại ngày nay cách mạng giải phóng dân tộc phải gắn liền với cách mạng vô sản ; độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội.*

Người đã tập trung truyền bá và vận dụng chân lý ấy vào thực tiễn Việt Nam, kiên trì làm cho chân lý ấy trở thành sức mạnh tự thân, vô địch của nhân dân và Đảng chúng tôi.

Chân lý ấy đã thể hiện trong Cương lĩnh 1930 và Cương lĩnh 1991, cụ thể hóa trong các đường lối, chính sách của Đảng, Nhờ vậy mà nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã :

- Tổng khởi nghĩa Tháng Tám thành công, lập nên Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông - Nam Á, mở ra thời đại Hồ Chí Minh trong tiến trình lịch sử của dân tộc.

- Tiến hành thắng lợi các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, đánh bại những kẻ địch to và có sức mạnh vật chất - kỹ thuật vào bậc nhất thế giới, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, đưa nước Việt Nam tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

- Thực hành sự nghiệp đổi mới, kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược, giành được những thắng lợi to lớn và có ý nghĩa rất quan trọng, củng cố độc lập dân tộc, tiến bước vững chắc trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội trong những tình huống phức tạp và hiểm nghèo.

- Làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả, cứu nhân dân Cam-pu-chia thoát khỏi họa diệt

Digitized by Google

chủng. Nhà vua Nô-rô-đôm Xi-ha-núc đã nói : "Không có bộ đội Việt Nam giúp đỡ giải phóng nhân dân Cam-pu-chia thoát nạn diệt chủng thì con cháu nhà Vua cũng chết hết".

Thủ tướng Hun-Xen nói : "Một sự đòi hỏi xét xử Khmer đỏ là sự trả giá về chính trị và công lý cho tất cả những người tham gia giải phóng nhân dân Cam-pu-chia thoát khỏi chế độ diện chủng Pôn Pốt. Do đó, họ phải thừa nhận sự thật là : nếu đòi xét xử bọn đầu sỏ Khmer đỏ chừng nào thì phải ca ngợi sự anh hùng của các chiến sĩ quân tình nguyện Việt Nam, những người đã hy sinh thân mình vì nhân dân Cam-pu-chia chừng đó". Tinh thần quốc tế trong sáng được hình thành và không ngừng bồi đắp từ khi giai cấp công nhân Việt Nam mới ra đời, cho đến ngày nay, với tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh : *"Giúp nhân dân nước bạn là mình tự giúp mình"*. Tư tưởng ấy trùng hợp với tư tưởng cao cả của Thánh Gan-đi và Nê-ru anh hùng : *độc lập của Ấn Độ không bao giờ có thể có được hoàn toàn chừng nào tất cả các dân tộc khác còn chưa tháo bỏ được xiềng xích thực dân.*

Cách đây 5 ngày, tại Kiếp Bạc, ngày 15-9, dân tộc Việt Nam làm lễ 700 năm Ngày qua đời của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn.

Thú thật với các vị, cho đến hôm nay, tôi vẫn bồi hồi nhớ mãi buổi sáng hôm ấy. Hầu như đại biểu của cả dân tộc đã về đây để kính viếng Người, xem thao diễn trở lại cuộc thủy chiến trên sông Thương. Trong khung cảnh hùng tráng và trước lòng thành kính của nhân dân, tôi nhớ lại lời dạy của Đại Vương : *Khoan sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc ; trên dưới đồng lòng, anh em hòa thuận, cả nước góp sức.*

Tôi cũng đã nhiều lần đến viếng vị Anh hùng dân tộc và Nhà văn hóa Nguyễn Trãi ở Côn Sơn, cách Kiếp Bạc mấy cây số. Khi tuổi trên 50, Nguyễn Trãi về Côn Sơn. Ông viết : *đêm ngày lòng dạ nỗi lo dân.* Kết tinh đạo lý Việt Nam, Ông đã để lại cho con cháu tư tưởng bất hủ : *chỉ cần vẹn đất, cốt sao an ninh, chỉ muốn hòa hiếu, tắt muôn đời chiến tranh.*

Dân tộc chúng tôi hiểu đầy đủ rằng : dân tộc mình là một dân tộc nghèo, một đất nước tuy đang phát triển nhưng ở mức thấp.

Theo lời dạy của cha ông, Việt Nam chỉ muốn hòa bình, ổn định để xây dựng, mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân, *ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.* Chúng tôi hiểu rõ khoảng cách giữa nền kinh tế của chúng tôi và nền kinh tế của những nước phát triển trên thế giới. Chúng tôi hiểu rõ khoa học công nghệ trong thế kỷ XXI sẽ có những bước tiến khổng lồ. Thực hiện tư tưởng vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh : *lấy sức ta mà giải phóng cho ta,* chúng tôi phải tri thức hóa Đảng, tri thức hóa dân tộc, tiếp tục tri thức hóa công nông, cả nước là một xã hội học tập, phát huy truyền thống những ngày mới giành được độc lập năm 1945, cả nước học chữ, cả nước diệt giặc dốt, cả nước diệt giặc đói... Phải nắm lấy ngọn cờ khoa học như đã nắm ngọn cờ dân tộc. *Một dân tộc dốt, một dân tộc đói nghèo là một dân tộc yếu.* Nhân dân Việt Nam ngày nay có câu : đã biết cầm đũa thì biết vót chông, đã biết vót chông thì 10 ngón tay ấy sẽ biết học tập, sử dụng máy vi tính, đi vào công nghệ thông tin, cánh cửa của kinh tế tri thức.

Lời cổ vũ của GS Len En-đi đối với chúng tôi thật là sâu sắc và chân tình : *Giành được độc lập trong nhiều năm đấu tranh, chịu đựng những hy sinh mất mát lớn lao, Việt Nam không chấp nhận thua trong mặt trận kinh tế.*

Chúng tôi sẽ thực hiện quyết tâm đó. Thế kỷ XX, dân tộc Việt Nam đã đấu tranh giành độc lập, thống nhất hoàn toàn đất nước, quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Thế kỷ XXI, chúng tôi quyết bảo vệ vững chắc nền độc lập, thống nhất của Tổ quốc, mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân, tiếp tục đi theo con đường đã chọn, dù 50 năm, 100 năm hay lâu hơn nữa, chúng tôi cũng không bao giờ nao núng, chủ nghĩa xã hội nhất định thành công. ❑

Digitized by Google

SỨC SỐNG 990 NĂM THĂNG LONG - HÀ NỘI

NGUYỄN PHÚ TRỌNG *

Thăng Long - Hà Nội :
Nơi lắng hồn dân tộc,
Nơi hội tụ khí thiêng sông núi,
Nơi kết tinh và tỏa sáng văn hóa Việt Nam...

Kỷ niệm 990 Thăng Long - Hà Nội là một sự kiện trọng đại và là dịp tốt để chúng ta "biểu thị tình cảm và đạo lý uống nước nhớ nguồn của người Việt Nam đối với các thế hệ cha ông đã có công dựng nước, giữ nước ; là dịp giáo dục truyền thống lịch sử và cách mạng của dân tộc ; động viên toàn Đảng, toàn dân phấn đấu xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa... Đây cũng là dịp để giới thiệu và nâng cao tầm vóc của Thủ đô Hà Nội nói riêng và Việt Nam nói chung ở khu vực và trên thế giới" (1).

*
* *

1. Trước thế kỷ XI, Hà Nội (khi ấy gọi là Đại La) đã là một thành thị có tầm cỡ. Nếu nhìn xa hơn, từ thuở các vua Hùng, vùng đất Hà Nội đã là một trong những nơi trù phú nhất nước Văn Lang. Còn nếu tính từ khi Cổ Loa (nay thuộc huyện Đông Anh ngoại thành Hà Nội) trở thành thủ đô của nhà nước Âu Lạc (208 đến 179 trước công nguyên), thì vùng đất này cũng đã có hơn 2000 năm tuổi.

Trong suốt hơn 1000 năm bị phong kiến phương Bắc đô hộ, Đại La đã trở thành trung tâm của nhiều cuộc kháng chiến chống xâm lược.

Năm 544, Lý Bí giành độc lập, đặt tên nước là Vạn Xuân, xưng là Lý Nam Đế (để sánh ngang Bắc đế). Thành lũy do Lý Nam Đế xây là cơ sở đầu tiên của thành Đại La và Thăng Long sau này.

Trong các năm 766 - 791, Bố Cái Đại Vương Phùng Hưng và những người kế vị ông giành được độc lập, đều đóng đô ở thành Đại La.

Vào các năm 819 - 820, Dương Thanh dùng Đại La làm căn cứ chống giặc. Năm 905 Khúc Thừa Dụ nổi dậy chiếm thành Đại La, tự xưng là tiết độ sứ và nắm quyền quản lĩnh đất nước. Hai năm sau, khi ông mất, con ông là Khúc Hạo, rồi sau đó cháu ông là Khúc Thừa Mỹ tiếp tục cải cách xã hội - chính trị, củng cố nền tự chủ nước nhà. Năm 930, nhà Nam Hán lại sang cướp nước ta. Dương Đình Nghệ tiến quân đánh giặc, đuổi quân xâm lược ra khỏi thành Đại La.

Năm 938, Ngô Quyền chiến đấu oanh liệt giành chủ quyền cho dân tộc, kết thúc thời kỳ Bắc thuộc cũng từ việc chiếm lại thành Đại La và sau đó đánh tan quân Nam Hán trong trận chiến Bạch Đằng.

Đến năm 1010, khi lên ngôi vua, mở đầu nhà Lý, với con mắt nhìn xa trông rộng, Lý Công Uẩn - tức Lý Thái Tổ - đã quyết định dời đô về Đại La và đổi tên là Thăng Long (Rồng bay lên). Trong Chiếu dời đô, vua Lý Thái Tổ phân tích : *"Đại La ở vào nơi trung tâm trời đất ; được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng ngôi Nam Bắc Đông Tây ; lại tiện hướng nhìn ra sông dựa núi.*

---

* PGS, TS , Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội

(1) Chỉ thị số32-CT/TU ngày 4-5-1998 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng

Digitized by Google

Địa thế rộng mà bằng ; đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt ; muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi. Xem khắp đất nước ta, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước ; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời".

Thế là, từ đầu thế kỷ XI, Thăng Long chính thức trở thành Thủ đô của quốc gia phong kiến Việt Nam độc lập có chủ quyền, mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử nghìn năm văn hiến và anh hùng của dân tộc. Đó là thời kỳ Thăng Long với biểu tượng rồng bay vừa mang khí thế vươn lên mạnh mẽ của đất nước, vừa bao chứa ý niệm thiêng liêng về cội nguồn "con Rồng cháu Tiên" và ước mơ về nguồn nước, mưa thuận gió hòa của cư dân văn minh nông nghiệp trồng lúa nước. Tám thế kỷ độc lập, Thăng Long (có lúc được đổi tên là Đông Đô, Đông Quan, Đông Kinh) là niềm kiêu hãnh của dân tộc, nơi sản sinh ra và hội tụ không biết bao nhiêu anh hùng dân tộc và danh nhân văn hóa lớn, nơi minh chứng cho không biết bao nhiêu cuộc chiến đấu và chiến thắng giặc ngoại xâm : Ngô Quyền thắng Nam Hán, Lê Hoàn thắng Tống, Lý Thường Kiệt thắng Tống, 3 lần Trần Hưng Đạo thắng Nguyên Mông, Lê Lợi thắng Minh, Quang Trung thắng Thanh... Thăng Long đã đi vào tâm huyết, vào sử sách của dân tộc, là niềm tự hào của cả nước.

Đầu thế kỷ XIX, nhà Nguyễn đóng đô ở Huế và sau đó đổi tên Thăng Long thành Hà Nội (1831).

Từ giữa thế kỷ XIX, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, Hà Nội đã cùng cả nước đứng lên chống xâm lược ; và trong suốt gần một thế kỷ Hà Nội đã là chứng nhân của biết bao phong trào yêu nước và cách mạng sục sôi, cực kỳ anh dũng. Ngày 19-8-1945, Cách mạng Tháng Tám đã giành thắng lợi trọn vẹn ở Hà Nội, nhanh chóng lan tỏa đi khắp nơi, cổ vũ và thúc đẩy mạnh mẽ nhân dân cả nước nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền. Ngày 2-9-1945, tại quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn độc lập lịch sử, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, mở ra một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta. Hà Nội lại được khẳng định là Thủ đô của nước Việt Nam mới.

Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, nhân dân Hà Nội và cả nước không có nguyện ước gì hơn là được sống trong hòa bình để xây dựng đất nước. Nhưng thực dân Pháp lại dã tâm cướp nước ta một lần nữa. Ngày 19-12-1946, đáp lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ...", Hà Nội đã nhất tề đứng lên chống giặc, giành thế chủ động cho cuộc kháng chiến. Phát súng đầu tiên từ pháo đài Láng bắn vào trại giặc đã trở thành hiệu lệnh cho cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc.

Với cuộc chiến đấu 60 ngày đêm vô cùng oanh liệt, Hà Nội đã mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc 9 năm và kết thúc bằng trận Điện Biên Phủ "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu", buộc Pháp phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ, công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.

Sáng 10-10-1954, cả Hà Nội là một rừng cờ hoa, rạo rực niềm vui giải phóng, đón chào đoàn quân chiến thắng trở về. Hà Nội đã sạch bóng quân thù, mở đầu thời kỳ phát triển mới của Thủ đô và đất nước.

Tiếp đến là những năm tháng hào hùng vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở hậu phương miền Bắc, vừa chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

Trong những ngày đầu miền Nam đồng khởi (1959 - 1960), Hà Nội đã cử những người con thân yêu của mình vượt Trường Sơn vào tiếp sức cho đồng bào, đồng chí ở tiền tuyến lớn. Sau đó, hàng vạn con em và cán bộ, chiến sĩ Thủ đô đã lên đường vào Nam chống Mỹ cứu nước. Chính

Digitized by Google

trên mảnh đất ngàn năm văn hiến đã sản sinh các phong trào "Ba sẵn sàng", "Ba đảm đang", "Ba quyết tâm"... "Mỗi người làm việc bằng hai" vì miền Nam ruột thịt, vì Huế, Sài Gòn kết nghĩa.

Khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh bằng không quân ra miền Bắc và đánh phá Thủ đô, Hà Nội đã chấp nhận cuộc đối đầu lịch sử. Đặc biệt, trong 12 ngày đêm từ 18-12-1972 đến 30-12-1972, Hà Nội đã tạo ra một "Điện Biên Phủ trên không". Đế quốc Mỹ với toàn bộ pháo đài bay B52 và phương tiện chiến tranh hiện đại nhất lúc đó (trừ bom nguyên tử) được huy động đánh phá Hà Nội, nhưng chúng đã không chịu nổi sự đánh trả của quân dân Thủ đô sang ngày thứ 13. Với cách đánh trí tuệ, sáng tạo - cách đánh Hà Nội, cách đánh Việt Nam - đánh địch ở nhiều tuyến, nhiều tầng, nhiều hướng ; làm chủ thế trận, làm chủ tình huống, làm chủ các phương tiện vũ khí có trong tay..., Hà Nội đã làm cho bọn giặc hoảng loạn. Hàng chục "pháo đài bay" B52 và máy bay cường kích, kể cả "cánh cụp, cánh xòe" F111 bị bắn cháy trên bầu trời Hà Nội, nhiều giặc lái bị bắt sống. Đây là chiến công xuất sắc nhất trong lịch sử chiến tranh nhân dân của chúng ta chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ. 12 ngày đêm "Điện Biên Phủ trên không" đã làm phá sản quan điểm "không quân quyết định thắng lợi trong chiến tranh" của giới quân sự Mỹ, buộc chúng phải ký Hiệp định Pa-ri, rút hết nửa triệu quân viễn chinh Mỹ ra khỏi Việt Nam, chấm dứt 115 năm chiếm đóng của quân đội thực dân trên đất nước ta. Từ đây tạo ra bước chuyển vô cùng quan trọng tiến tới chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đại thắng mùa Xuân 1975, thu non sông về một mối, cả nước thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội. Với chiến công này, càng làm cho Hà Nội xứng đáng với truyền thống ngàn năm văn hiến, xứng đáng với niềm tin và lòng tự hào của nhân dân cả nước, được bạn bè trên thế giới mến yêu, khâm phục, ca ngợi là "Thủ đô của lương tri và phẩm giá con người".

2. Từ năm 1986, dưới ánh sáng các Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII của Đảng, Thủ đô Hà Nội đã thực hiện công cuộc đổi mới, thu nhiều thành tựu quan trọng.

Từ một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung bước đầu đã chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; từ công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ đã chuyển sang công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp.

Tổng sản phẩm của Hà Nội năm 2000 so với 1985 đã tăng hơn 4 lần, trong đó tốc độ tăng trưởng GDP bình quân thời kỳ 1986 - 1990 là 7,1%, thời kỳ 1991 - 1995 là 12,52%, thời kỳ 1996 - 2000 đạt 10,38%. Hà Nội là một trong số các địa phương có tốc độ tăng trưởng cao (tốc độ tăng GDP trung bình của Thủ đô giai đoạn 1990 -1999 cao hơn cả nước từ 2 đến 3%). GDP bình quân đầu người từ 470 USD (năm 1991) tăng lên 915 USD (năm 1999) và khoảng 990 USD vào năm 2000, bằng khoảng 2,2 lần vùng đồng bằng sông Hồng và 2,07 lần cả nước.

Về đầu tư nước ngoài, năm 1989 chỉ có 4 dự án với số vốn đầu tư là 48 triệu USD, đến nay Hà Nội có 382 dự án với số vốn đầu tư là 8,3 tỉ USD, đứng thứ hai cả nước về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Xây dựng và quản lý đô thị có nhiều tiến bộ. Quy hoạch tổng thể phát triển thành phố đến năm 2020 đã được Chính phủ phê duyệt. Bộ mặt đường phố Hà Nội ngày càng khang trang, sạch đẹp, phát triển theo hướng đô thị hiện đại. Giao thông vận tải có bước tiến bộ, từ chỗ chỉ có một cầu qua sông Hồng, đến nay đã có 3 cầu. Sân bay Nội Bài được nâng cấp. Nhiều tuyến đường, trục đường lớn, nút giao thông quan trọng được mở rộng như : Liễu Giai - Nguyễn Chí Thanh, Thái Hà - Chùa Bộc - Kim Liên, Láng - Hòa Lạc, Trần Khát Chân - Đại Cồ Việt, Huỳnh Thúc Kháng, Hoàng Quốc Việt v.v.. phù hợp với quy hoạch chung.

Digitized by Google

Mạng lưới thông tin liên lạc phát triển nhanh với trang bị khá hiện đại. 100% số xã ngoại thành đều có điện thoại. Bình quân 100 dân từ 0,57 máy nay đã lên 18 máy. Bình quân nhà ở đã lên gần 6m²/người.

Cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất mới từng bước được xây dựng và củng cố. Các doanh nghiệp Hà Nội được sắp xếp lại theo hướng năng suất, chất lượng, hiệu quả, tăng sức cạnh tranh. Đã cơ bản chuyển đổi các hợp tác xã theo luật. Nhiều ngành nghề truyền thống được khôi phục. So với năm 1990, giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp bình quân trên 1 ha canh tác tăng gần 4 lần. Bộ mặt nông thôn ngoại thành thay đổi rõ rệt, mức thu nhập tăng 2,6 lần. Đến nay, tỷ lệ hộ giàu ở nông thôn đạt 24%, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 3% (cả thành phố còn 1,7%).

Chính trị ổn định, an ninh quốc phòng được giữ vững. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ có bước phát triển. Hà Nội đã hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 1999 (đi trước bình quân cả nước 10 năm). 100% các trạm y tế xã, phường có bác sĩ. Nhiều xã, phường nhân dân được theo dõi và chăm sóc sức khỏe tại gia đình. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng từ 37% năm 1994 đến nay giảm xuống còn 18,7%. Chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe trẻ em, người cao tuổi, các đối tượng chính sách được thực hiện tích cực. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1989 là 1,51% nay giảm xuống còn 1,08%. Mỗi năm đã giải quyết khoảng 5 vạn người có việc làm ; xóa hàng trăm nhà "dột nát". Xây dựng và tặng 1001 nhà tình nghĩa, phụng dưỡng 100% Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Phong trào thi đua "Người tốt, việc tốt", "xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa" đạt hiệu quả tích cực. Nhiều di tích lịch sử - văn hóa được trùng tu, tôn tạo. Hoạt động sáng tạo văn học - nghệ thuật sôi động và có bước phát triển.

Ghi nhận những thành tựu trên, UNESCO đã đánh giá : "Thành phố Hà Nội có một quá trình phát triển đầy ấn tượng" và đã quyết định chọn Hà Nội là thành phố duy nhất ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương được nhận danh hiệu *"Thành phố vì hòa bình"*. Đây là niềm vui, vinh dự không chỉ của riêng Hà Nội, mà còn là niềm vui chung của nhân dân cả nước. Sự kiện này càng làm cho Hà Nội kỷ niệm 990 năm thêm ý nghĩa.

Cùng với sự phát triển của cách mạng, Đảng bộ Hà Nội không ngừng trưởng thành, lớn mạnh. Nếu năm 1945, Đảng bộ Hà Nội mới có hơn 50 đảng viên ; năm 1954 có khoảng vài trăm đảng viên, thì đến nay đã có trên 153 000 đảng viên. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII), Chương trình 14 của Thành ủy và Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII, vai trò lãnh đạo của Đảng bộ các cấp được khẳng định và phát huy. Cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng bước đầu thu được kết quả.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu to lớn và cơ bản, Hà Nội cũng còn nhiều yếu kém và khuyết điểm... Hiện nay, so với Thủ đô nhiều nước trên thế giới, Hà Nội vẫn là một Thủ đô nghèo ; kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất còn kém ; nhiều vấn đề trong quản lý đô thị còn bất cập ; nhiều vấn đề bức xúc về xã hội chưa được giải quyết tốt ; công tác xây dựng Đảng bộc lộ một số yếu kém ; tiêu cực trong hệ thống chính trị chưa được đẩy lùi... Tình hình đó đòi hỏi Hà Nội phải có quyết tâm cao và có giải pháp tích cực để nhanh chóng khắc phục.

3. Để chuẩn bị kỷ niệm 990 năm và hướng tới 1000 năm Thăng Long - Hà Nội theo tinh thần Chỉ thị số 32-CT/TU của Bộ Chính trị, ngày 19-5-1998, Thành ủy Hà Nội đã có Kế hoạch 30-KH/TU, UBND và Ban chỉ đạo kỷ niệm 1000 Thăng Long - Hà Nội đã xây dựng các đề án cụ thể. Ngày 19-7-1999, Hội đồng nhân dân thành phố khóa XI, đã thông qua Nghị quyết về chuẩn bị kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội. Hà Nội động viên và tổ chức

Digitized by Google

toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thi đua thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng các công trình hạ tầng đô thị và phúc lợi xã hội, tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa. Kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với những chuyển biến về mặt xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, bảo đảm ổn định về chính trị.

Đến nay, 24 công trình hạ tầng đô thị, phúc lợi xã hội và tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa cơ bản đã được thực hiện đúng tiến độ, như : cải tạo, chỉnh trang tuyến đê nội thành đoạn từ An Dương đến Vĩnh Tuy ; hoàn thành giai đoạn I công trình thoát nước đầu mối Yên Sở ; cải tạo 4 sông : Tô Lịch, Lừ, Sét, Kim Ngưu ; kè và làm đường ven hồ Trúc Bạch ; cải tạo khu di tích tượng vua Lê ; xây dựng khu Thái học thuộc Văn Miếu - Quốc Tử Giám ; xây dựng khu vui chơi giải trí Hồ Tây ; hỗ trợ các hộ nghèo xây dựng lại nhà cũ nát ; chỉnh trang mặt nhà, quét vôi, sơn cửa tại các khu nhà ở, tuyến phố, trục đường chính ; bảo đảm vệ sinh sạch đẹp các đường phố, nơi công cộng, khu dân cư...

Song song với những việc trên, Hà Nội đã tổ chức các phong trào thi đua, các hoạt động tuyên truyền giáo dục truyền thống, văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, nghiên cứu khoa học... Tuần văn hóa kỷ niệm 990 năm Thăng Long cùng với Lễ kỷ niệm sẽ được tổ chức trọng thể như một ngày hội lớn của nhân dân Thủ đô và cả nước, cố gắng thể hiện cho được tính tiên tiến, hiện đại và đậm đà bản sắc dân tộc, cũng như bản sắc văn hóa của người Tràng An.

Hà Nội kỷ niệm 990 năm Thăng Long, đồng thời cũng là hướng tới 1000 năm Thăng Long vào năm 2010. Đây là dịp để nâng cao hơn nữa ý thức trách nhiệm, lòng tự hào của mỗi người dân Hà Nội nói riêng và nhân dân cả nước nói chung về Thủ đô, về dân tộc và đất nước.

Thủ đô Hà Nội là trung tâm đầu não về chính trị, văn hóa, khoa học - công nghệ ; đồng thời là trung tâm lớn của đất nước về kinh tế và giao dịch quốc tế. Vì vậy, Thủ đô Hà Nội phải là thành phố hiện đại, văn minh, kế thừa và phát huy được truyền thống lịch sử ngàn năm văn hiến, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hà Nội phải phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội toàn diện, bền vững ; bảo đảm ổn định vững chắc chính trị, an ninh, quốc phòng. Dự kiến đến năm 2010, Hà Nội sẽ cơ bản xây dựng được nền tảng vật chất, xã hội của Thủ đô văn minh, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và văn hóa Thăng Long - Hà Nội ; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Từ thành Đại La chỉ với chu vi 3000 bộ (khoảng 5 580m) đến Thủ đô khi giải phóng khỏi ách thực dân Pháp (1954) đã có diện tích 152km^2 (nội thành 12km^2, ngoại thành 140 km^2), Thủ đô Hà Nội hôm nay đã được mở rộng 927 km^2 với khoảng 2,8 triệu dân. Chẳng bao lâu nữa, Hà Nội sẽ phát triển sang phía bắc sông Hồng, Hà Nội sẽ "to đẹp hơn, đàng hoàng hơn", trở thành một Thủ đô hiện đại ở khu vực.

Với nguồn lực của ngàn năm Thăng Long và 15 năm đổi mới, Hà Nội đang mỗi ngày có thêm thế và lực mới. Bản lĩnh , trí tuệ, chiều sâu của văn hóa Thăng Long tiếp thêm sức mạnh cho nhân cách người Hà Nội tỏa sáng trong những lúc gay go, ở những thời điểm bước ngoặt.

Kể từ "Chiếu dời đô" của Lý Thái Tổ năm 1010 đến nay, Thăng Long - Hà Nội đã trải qua và chứng kiến biết bao sự thăng trầm của lịch sử. Nhưng Thăng Long - Hà Nội vẫn là "chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước", vẫn tràn đầy sức sống để từng bước đi lên một cách chững chạc, đàng hoàng. Hướng tới 1000 năm Thăng Long, thời cơ rất lớn nhưng khó khăn và thử thách cũng không nhỏ. Với truyền thống Thăng Long - Hà Nội, với bản lĩnh và bản sắc văn hóa Việt Nam, chúng ta có cơ sở để tin rằng Hà Nội sẽ tạo được bệ phóng vững chắc để cùng cả nước tiến vào thế kỷ XXI - thế kỷ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa thân yêu của chúng ta.❑

Digitized by Google

THĂNG LONG - HÀ NỘI TỪ KHI CÓ ĐẢNG

PHÙNG HỮU PHÚ *

Kể từ khi Lý Thái Tổ ban chiếu dời đô (năm 1010) đến nay, nhân dân Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội cùng nhân dân cả nước đã trải qua gần 10 thế kỷ dựng nước, giữ nước ; đã bền bỉ đấu tranh, lao động sáng tạo, góp công sức, trí tuệ làm nên nền văn minh Đại Việt và nền văn minh thời đại Hồ Chí Minh. Mặc dù, so với chiều dài 990 năm Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội, Đảng Cộng sản Việt Nam mới chỉ lãnh đạo hơn 70 năm, song đây là thời kỳ rực rỡ, vẻ vang nhất vì Đảng đã kế thừa, phát huy đến đỉnh cao sức mạnh truyền thống dân tộc, truyền thống Thủ đô, tạo ra những chiến công vĩ đại, những biến đổi sâu sắc nhất trong lịch sử dân tộc, lịch sử Thủ đô.

Lịch sử Hà Nội trong thế kỷ XX gắn liền với sự ra đời, hoạt động và trưởng thành của Đảng bộ thành phố Hà Nội. Hơn 70 năm qua, mọi thắng lợi và thành quả của nhân dân Hà Nội đều không tách rời với hoạt động không mệt mỏi và vai trò lãnh đạo của Đảng bộ, đồng thời chính nhờ gắn bó mật thiết với nhân dân, phấn đấu vì sự nghiệp giải phóng, xây dựng, bảo vệ Hà Nội mà Đảng bộ không ngừng lớn mạnh.

Nhìn lại chặng đường hơn 70 năm kể từ khi có Đảng, từ hàng trăm, nghìn sự kiện sinh động, phong phú diễn ra trong đời sống xã hội có thể tổng kết những thành tựu quan trọng nhất mà Đảng bộ và nhân dân Hà Nội đã giành được trong quá trình phấn đấu bền bỉ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thứ nhất, Đảng bộ Hà Nội đã anh dũng, sáng tạo, lãnh đạo nhân dân đi đầu trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do của dân tộc.

Vào đầu những năm 20 của thế kỷ XX, Hà Nội là một trong những mảnh đất đầu tiên của Tổ quốc được đón nhận trào lưu tư tưởng cách mạng mới thông qua một số tài liệu cách mạng được bí mật chuyển về từ Pháp, Trung Quốc... Cuối năm 1924, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về Trung Quốc hoạt động, chuẩn bị những điều kiện cần thiết để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Hà Nội trở thành một đầu mối quan trọng đưa đón các thanh niên ưu tú của cả nước sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự các lớp đào tạo cán bộ cách mạng kiểu mới do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp huấn luyện. Những năm cuối thập niên 20, chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng cứu nước theo con đường cách mạng vô sản của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã được các cán bộ cách mạng (từ các lớp huấn luyện ở Quảng Châu trở về) truyền bá sâu rộng trong công nhân, nông dân, thanh niên, học sinh..., tạo nên một bước chuyển biến mới của phong trào công nhân, phong trào yêu nước. Đó là những tiền đề về chính trị, tư tưởng và tổ chức dẫn đến sự ra đời của Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở số nhà 5D Hàm Long (tháng 3 năm 1929) và sau đó là sự ra đời Ban chấp hành lâm thời của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hà Nội (ngày 17-3-1930).

Ngay từ khi ra đời, Đảng bộ Hà Nội đã chủ động vận dụng sáng tạo đường lối cách mạng của Trung ương Đảng vào điều kiện cụ thể của thành phố ; kiên trì vận động, tổ chức lực lượng quần chúng ; tiến hành cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống đế quốc, phong kiến, chuẩn bị tiến tới giành chính quyền. Suốt 15 năm đấu tranh gian khổ (1930 - 1945), Đảng bộ Hà Nội đã lãnh đạo công nhân, nông dân, nhân dân lao động thành phố tiến hành những hoạt động tích cực trong cao trào 1930 - 1931 ; tiến hành cuộc đấu tranh kiên cường, quả cảm chống

* PGS, TS , Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Nội

Digitized by Google

cuộc khủng bố trắng tàn bạo của thực dân Pháp để bảo vệ, khôi phục cơ sở đảng, cơ sở cách mạng những năm 1932 - 1935 ; triển khai cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ rộng khắp, với những nội dung, hình thức vô cùng phong phú những năm 1936 - 1939. Bước vào cao trào cứu nước, giải phóng dân tộc (1939 - 1945), Đảng bộ Hà Nội đã tập trung lãnh đạo nhiệm vụ xây dựng, phát triển lực lượng chính trị của quần chúng, nòng cốt là các đoàn thể Cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh, thành lập các đội vũ trang sơ khai (các đội tự vệ chiến đấu, các đội xung phong tuyên truyền...), đẩy mạnh các phong trào đấu tranh mà đỉnh cao là phong trào phá kho thóc của Nhật chia cho dân nghèo, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền mùa thu năm 1945.

Cuộc khởi nghĩa thắng lợi ngày 19 Tháng Tám năm 1945 là kết tinh sức mạnh của Đảng bộ, nhân dân Hà Nội tích lũy suốt 15 năm, dưới sự lãnh đạo của Đảng, của Bác Hồ. Sự kiện này đánh dấu bước ngoặt vĩ đại của Hà Nội - sau hàng ngàn năm sống dưới ách thống trị của phong kiến, gần một thế kỷ nghẹt thở dưới ách đô hộ của thực dân, đế quốc, Hà Nội trở thành thành phố của nhân dân ; trở thành Thủ đô của nước VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA. Với thắng lợi của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ngày 19 Tháng Tám năm 1945, Đảng bộ, nhân dân Hà Nội, càng được sự tin yêu, ngưỡng mộ của đồng bào, chiến sĩ cả nước về vai trò tiên phong trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do. Với sự kiện trọng đại đó, Đảng bộ Hà Nội càng được nhân dân gắn bó, tin tưởng - niềm tin tưởng về phẩm chất kiên trung bất khuất, tinh thần xả thân vì nghĩa lớn, về năng lực sáng tạo cách mạng của những người cộng sản Hà Nội. Quan hệ khăng khít giữa Đảng bộ với nhân dân là một đặc trưng mới trong lịch sử Hà Nội cách mạng, là nhân tố có ý nghĩa quyết định thắng lợi của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Thủ đô suốt mấy chục năm qua.

Thứ hai, trong khói lửa chiến tranh, Đảng bộ Hà Nội vững vàng lãnh đạo quân và dân thành phố phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, giải phóng, bảo vệ vững chắc Thủ đô, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất đất nước.

Vừa giành được chính quyền, Đảng bộ và nhân dân Hà Nội đã phải cùng toàn Đảng, toàn dân tiến hành hai cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ chống lại chiến tranh xâm lược của các thế lực đế quốc. Chiến tranh là thử thách khắc nghiệt nhất đối với một dân tộc, một chế độ. Chính trong thử thách ác liệt đó, Đảng bộ Hà Nội đã thể hiện rõ phẩm chất và bản lĩnh của một Đảng bộ vững vàng, dạn dày kinh nghiệm.

Ngay sau Cách mạng Tháng Tám, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ Hà Nội đã tổ chức, hướng dẫn nhân dân Thủ đô tiến hành cuộc đấu tranh xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng ; chống giặc đói, giặc dốt, chống các hành động phá hoại của quân đội Tưởng Giới Thạch và hành động khiêu khích của thực dân Pháp ; hết lòng ủng hộ đồng bào Nam Bộ kháng chiến. Đến khi thực dân Pháp đã phơi bày dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa, theo lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đêm 19 tháng 12 năm 1946, quân dân Hà Nội đã nổ súng đánh Pháp mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc. Trong 60 ngày đêm bao vây, kìm chân địch trong thành phố, những đảng viên cộng sản cùng với quân và dân Hà Nội đã nêu cao tinh thần "Cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh", đào đường, lập chiến lũy, giành giật với địch từng căn nhà, từng góc phố. Tinh thần quyết chiến của Đảng bộ và quân dân Thủ đô tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, cổ vũ, động viên đồng bào, chiến sĩ cả nước tích cực triển khai thế trận đánh giặc.

Từ năm 1947, sau khi thực dân Pháp mở rộng phạm vi chiếm đóng, Trung đoàn Thủ đô rút lên căn cứ địa, tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài, Đảng bộ Hà Nội đã bám trụ, tiến hành cuộc kháng chiến trong lòng địch. Những năm tháng đầy khó khăn, gian khổ, những đảng viên cộng sản đã kiên cường bám đất, bám dân, xây dựng, phát triển lực lượng kháng chiến trong vùng sau lưng địch ; lãnh đạo quân dân Hà Nội tiến hành chiến tranh du kích, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch ; đẩy mạnh các cuộc đấu tranh chính trị, phá hoại kinh tế địch, làm thất bại âm mưu "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" của thực dân Pháp. Cuộc chiến đấu của Đảng bộ và quân dân Hà Nội đã phối

Digitized by Google

hợp chặt chẽ với hoạt động của quân, dân ta trên chiến trường cả nước, góp phần làm chuyển hóa tương quan lực lượng giữa ta và địch, đưa tới chiến thắng Điện Biên Phủ, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến 9 năm oanh liệt chống thực dân Pháp xâm lược. Ngày 10 tháng 10 năm 1954, Thủ đô hoàn toàn giải phóng. Hà Nội sạch bóng quân thù, vững vàng cùng cả nước bước vào một thời kỳ cách mạng mới.

Trong cuộc kháng chiến lần thứ hai chống đội quân xâm lược Mỹ, Hà Nội là mảnh đất diễn ra cuộc đọ sức quyết liệt giữa chính nghĩa và phi nghĩa, văn minh và bạo tàn. Với ý đồ đánh sụp ý chí và quyết tâm kháng chiến của chúng ta, đế quốc Mỹ đã chọn Hà Nội làm một trọng điểm đánh phá. Trong hai cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, đế quốc Mỹ đã huy động gần 6.000 lượt chiếc máy bay các loại hiện đại nhất, ném hơn 20 000 tấn bom, bắn hơn 1 000 tên lửa xuống 1 200 mục tiêu lớn, nhỏ trên địa bàn Hà Nội, trong đó có những cụm dân cư đông đúc (phố Khâm Thiên, khu An Dương...). Quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng ; thực hiện lời kêu gọi của Bác Hồ "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", Đảng bộ Hà Nội đã lãnh đạo quân dân Thủ đô phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, vừa sản xuất, vừa chiến đấu, đánh trả hai cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, bảo vệ vững chắc Thủ đô xã hội chủ nghĩa, hết lòng chi viện sức người, sức của cho cuộc chiến đấu của đồng bào miền Nam. Hàng chục vạn thanh niên Hà Nội tình nguyện nhập ngũ, trực tiếp tham gia chiến đấu trên các mặt trận nóng bỏng phía Nam. Hà Nội bừng bừng khí thế cách mạng, trở thành quê hương của các phong trào "Ba sẵn sàng", "Ba đảm đang", "Mỗi người làm việc bằng hai vì đồng bào miền Nam ruột thịt, vì Huế- Sài Gòn kết nghĩa"... Cả Hà Nội là một thế trận phòng không nhân dân với lưới lửa nhiều tầng, nhiều hướng, với sự tham gia của tất cả các lực lượng trẻ già, trai gái, công nhân, nông dân, trí thức... - trong đó những đảng viên cộng sản luôn có mặt ở những nơi ác liệt nhất. Hà Nội kiên cường bắn rơi 358 máy bay Mỹ các loại, bắt sống nhiều giặc lái. Đặc biệt, trong 12 ngày đêm đối đầu với cuộc tập kích chiến lược của đế quốc Mỹ cuối năm 1972, quân, dân Hà Nội đã bắn rơi 30 máy bay Mỹ, trong đó có 23 chiếc B52, 2 chiếc F. 111, lập nên chiến thắng "Điện Biên Phủ trên không", mở đường cùng quân dân cả nước đi đến Đại thắng mùa Xuân 1975, kết thúc thắng lợi sự nghiệp chống Mỹ cứu nước.

Trong sự nhìn nhận của bạn bè quốc tế, Hà Nội trở thành "Thủ đô của lương tri và phẩm giá con người", "Thủ đô anh hùng của một dân tộc anh hùng". Truyền thống anh hùng, tài hoa, thanh lịch của người Thăng Long - Hà Nội hun đúc từ cuộc đấu tranh lâu dài chống các đội quân xâm lược Tống - Nguyên - Minh - Thanh đã được nâng lên một tầm cao mới trong thời đại Hồ Chí Minh, mà cội nguồn sức mạnh chính là chủ nghĩa anh hùng của quân dân Hà Nội đã được phát huy cao độ dưới sự lãnh đạo của Đảng, của Bác Hồ, mà trực tiếp là sự lãnh đạo của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hà Nội.

Thứ ba, Đảng bộ Hà Nội vững vàng, kiên trì, sáng tạo lãnh đạo nhân dân thành phố tiến hành công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, tạo nên những biến đổi sâu sắc trong đời sống của Thủ đô.

Bắt đầu từ năm 1954, sau khi hoàn toàn giải phóng, Hà Nội bắt tay vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội theo đường lối của Đảng. Đây là một sự nghiệp vô cùng khó khăn, lâu dài, phức tạp ; một sự nghiệp hoàn toàn mới mẻ. Được sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Đảng, Chính phủ, sự giúp đỡ, phối hợp của các bộ, ban, ngành ở Trung ương, sự ủng hộ của các địa phương trong cả nước, mấy chục năm qua, Đảng bộ Hà Nội đã kiên trì lãnh đạo nhân dân thành phố tiến hành khôi phục, cải tạo, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống chính trị, tạo nên những chuyển biến sâu sắc chưa từng có trong đời sống của Thủ đô.

Gần nửa thế kỷ (1954 - 2000) lao động sáng tạo, Đảng bộ và nhân dân Hà Nội đã trải qua bốn thời kỳ phấn đấu đầy khó khăn, thử thách :

- Thời kỳ tiếp quản thành phố, tiến hành khôi phục, cải tạo, bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội (1954 - 1964).

Digitized by Google

- Thời kỳ vừa sản xuất, vừa chiến đấu, tiếp tục duy trì, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt (1965 - 1972).

- Thời kỳ hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi, phát triển kinh tế, tháo gỡ những khó khăn nhiều mặt trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế - xã hội, từng bước tìm tòi con đường đổi mới (1973 - 1985).

- Thời kỳ cùng cả nước thực hiện sự nghiệp đổi mới toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, từng bước xây dựng Thủ đô xã hội chủ nghĩa văn minh, hiện đại (1986 - 2000).

Thông qua 12 kỳ Đại hội, Đảng bộ Hà Nội đã vận dụng, cụ thể hóa đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của thành phố, lãnh đạo các tầng lớp nhân dân Thủ đô triển khai các chương trình, kế hoạch hành động thiết thực. Mặc dù trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ Hà Nội còn có những hạn chế, thiếu sót, một bộ phận cán bộ, đảng viên có biểu hiện sa sút về phẩm chất, bất cập về năng lực, song, nhìn tổng thể, sau gần 50 năm phấn đấu bền bỉ, Đảng bộ Hà Nội đã tổ chức, hướng dẫn nhân dân Thủ đô sáng tạo nên những thành quả to lớn, quan trọng.

Tình hình chính trị - xã hội trên địa bàn Thủ đô luôn luôn ổn định, kể cả những thời điểm đời sống chính trị quốc tế còn diễn biến phức tạp, tác động trực tiếp đến nước ta.

Về kinh tế, từ một thành phố tiêu thụ trong thời kỳ địch tạm chiếm, Hà Nội đã trở thành một thành phố sản xuất. Từ một nền kinh tế lạc hậu, mất cân đối nghiêm trọng thời thực dân - phong kiến, sau đó là nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung thời kỳ bao cấp, Hà Nội đã và đang chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đạt tốc độ tăng trưởng cao, liên tục. Tính riêng trong 10 năm (1991 - 2000) tốc độ tăng trưởng bình quân GDP đạt 10,18%.

Về xây dựng và quản lý đô thị, từ một thành phố chỉ đủ sức đáp ứng nhu cầu của hai, ba chục vạn dân, đến nay, Hà Nội đã trở thành một đô thị lớn, hạ tầng kỹ thuật phát triển vượt bậc, đáp ứng về cơ bản nhu cầu của gần 3 triệu dân. Bộ mặt của thành phố đổi thay từng ngày theo hướng đô thị hiện đại, được đồng bào, chiến sĩ cả nước và bạn bè quốc tế ghi nhận.

Văn hóa, xã hội của Thủ đô ngày càng phát triển, nhiều lĩnh vực như : giáo dục - đào tạo, y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình, thể dục - thể thao... đạt những thành tựu nổi bật. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân Hà Nội không ngừng được cải thiện.

Có thể nói, sau gần 50 năm, diện mạo đô thị, đời sống xã hội và con người Thủ đô đều đổi mới căn bản. Thành quả đó gắn liền với sự trưởng thành của Đảng bộ Hà Nội - từ chỗ chỉ có vài chục đảng viên thời kỳ cách mạng Tháng Tám năm 1945, đến nay đã có gần 16 vạn đảng viên, sinh hoạt trong 5 000 chi bộ. Hơn 70 năm gắn bó với nhân dân, phấn đấu vì sự nghiệp giải phóng, bảo vệ, phát triển Thủ đô, Đảng bộ Hà Nội đã bồi đắp và không ngừng củng cố truyền thống VỮNG VÀNG, SÁNG TẠO, ĐOÀN KẾT, GƯƠNG MẪU, đã đúc kết được những bài học kinh nghiệm quý báu :

- Vận dụng sáng tạo và tổ chức thực hiện hiệu quả các đường lối, chủ trương của Đảng.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp trên địa bàn để hoàn thành các nhiệm vụ, phù hợp với từng thời kỳ cách mạng.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ và hệ thống chính trị đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ cách mạng.

- Xây dựng, bồi đắp quan hệ Đảng với nhân dân, phát huy sức mạnh đoàn kết và quyền làm chủ của nhân dân.

- Phát huy nguồn lực, lợi thế của Thủ đô, vừa tranh thủ sức mạnh của cả nước để xây dựng, phát triển Hà Nội, vừa phát huy vai trò của Thủ đô đối với cách mạng cả nước.

Ở thời điểm chuẩn bị khẩn trương kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội, tiến hành Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội XIII Đảng bộ thành phố và Đại hội IX của Đảng, Đảng bộ Hà Nội đang tập trung trí tuệ để tổng kết sâu sắc hơn các bài học kinh nghiệm, nhất là bài học trong 15 năm đổi mới, xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa Thủ đô tiến bước vững chắc vào thế kỷ XXI. ❑

Digitized by Google

PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG 70 NĂM CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA ĐẢNG

TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC *

Kế thừa truyền thống quý báu của dân tộc, Đảng ta luôn luôn giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân, coi đó là đường lối chiến lược cơ bản, lâu dài, là nguồn sức mạnh và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngay từ khi thành lập (3-2-1930), Đảng ta đã đặc biệt coi trọng công tác dân vận và khẳng định : sức mạnh của cách mạng là ở nơi dân. Đảng phải dựa vào dân để làm cách mạng. Đây là điều cốt yếu trong công tác hằng ngày của Đảng. Tư tưởng đó đã thể hiện rõ nét trong Luận cương chính trị và Án Nghị quyết của Đảng (10-1930) với sự ra đời của các tổ chức quần chúng của Đảng gồm : Công vận, Nông vận, Thanh vận, Phụ vận, Quân đội vận, Mặt trận phản đế...

Sự ra đời của các Ban chuyên môn về công tác dân vận của Đảng thể hiện rõ quan điểm *"lấy dân làm gốc của cách mạng"* được hình thành ngay từ khi thành lập Đảng và công tác dân vận của Đảng được xác định là một nhiệm vụ trung tâm hàng đầu của toàn Đảng. Có thể khẳng định đây là một chủ trương đúng đắn và sáng suốt góp phần đưa cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản lãnh đạo đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Thực tiễn lịch sử Việt Nam trước khi Đảng ta ra đời đã cho thấy rất rõ điều đó. Dưới ách đô hộ của thực dân Pháp, nhân dân ta đã liên tục đứng lên chống lại bọn đế quốc, phong kiến nhưng nhiều cuộc nổi dậy đã bị thất bại. Sở dĩ như vậy vì chưa có một đảng cách mạng đề ra được đường lối đúng đắn. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam đã giải quyết được sự khủng hoảng đó. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt Nam để sáng lập ra Đảng Cộng sản hội đủ các yếu tố, nhận lãnh trách nhiệm vẻ vang trước dân tộc. Người đã chỉ rõ : muốn cách mạng thắng lợi phải có đảng cách mạng lãnh đạo. Đảng ấy phải lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm nền tảng tư tưởng ; phải biết vận động, tập hợp, huấn luyện quần chúng, tạo ra sức mạnh để thực hiện đường lối cách mạng của đảng. Cần phải có một đảng có đường lối đúng lãnh đạo ; nhưng cách mạng có thành công hay không là do quần chúng được hiểu biết, được tổ chức lại, quyết liệt đấu tranh thực hiện đường lối đó.

Nhìn lại 70 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác dân vận luôn có vị trí quan trọng trong việc chuyển tải chủ trương, đường lối của Đảng vào cuộc sống, trực tiếp vận động nhân dân thực hiện. Nhờ vậy, đã góp phần xây dựng được mối quan hệ Đảng - dân ngày càng bền chặt.

Trong giai đoạn 1930 - 1945, những tổ chức cách mạng đã được hình thành và những cao trào cách mạng đã liên tiếp nổ ra như Xô viết Nghệ Tĩnh, Mặt trận dân chủ, Mặt trận phản đế, Mặt trận Việt Minh, mà đỉnh cao là Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, đã chứng minh Cương lĩnh chính trị của Đảng là đúng đắn. Đây là thắng lợi của đường lối chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Đảng, là thắng lợi của khoa học và nghệ thuật vận động nhân dân : tin vào dân, gắn bó với nhân dân, dựa vào sức mạnh của nhân dân ; tuyên truyền giác ngộ nhân dân ; tổ chức tập hợp lực lượng nhân dân trong các đoàn thể chính trị ; phát động nhân dân đấu tranh từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn đi đến thắng lợi hoàn toàn. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công đã chứng minh hùng hồn sức mạnh vô địch của quần chúng nổi dậy để đi theo Đảng làm cách mạng, giành chính quyền về tay nhân dân.

* Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương

Digitized by Google

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), chống đế quốc Mỹ (1955 - 1975) công tác dân vận của Đảng đã đạt đến đỉnh cao cả về lý luận và thực tiễn.

Khi bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đứng trước tình thế "ngàn cân treo sợi tóc", Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã sáng suốt đề ra được đường lối "toàn dân kháng chiến". Đường lối đó thể hiện đậm nét, nhất quán tư tưởng "cách mạng là sự nghiệp của quần chúng". Nhờ đó đã mở rộng được khối đại đoàn kết toàn dân vì sự nghiệp kháng chiến kiến quốc, với yêu cầu "vận động tất cả lực lượng của mỗi người dân, không bỏ sót một người nào, góp thành lực lượng toàn dân". Trong 9 năm kháng chiến, với chính quyền trong tay, tuy còn non trẻ, Đảng ta đã lãnh đạo triển khai một cách sáng tạo công tác dân vận phù hợp ở hai vùng, vùng tự do và vùng tạm bị địch chiếm đóng. Do vậy đã xây dựng được một lực lượng chính trị hùng hậu tập trung rộng rãi trong Mặt trận (Việt Minh và Liên Việt), trong các đoàn thể quần chúng và các đảng phái (Đảng Dân chủ, Đảng Xã hội), tạo thành sức mạnh tổng hợp to lớn. Sự phát triển sáng tạo của công tác dân vận trong thời kỳ này đã đặt nền móng cho việc hình thành và phát triển mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể, lực lượng vũ trang gắn bó chặt chẽ với nhân dân trong việc thực hiện đường lối "kháng chiến kiến quốc" do Đảng khởi xướng và lãnh đạo. Đó là sự thể hiện một cách nhất quán, đậm nét tư tưởng "mọi quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân".

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, công tác dân vận đã góp phần quan trọng vào việc tuyên truyền, vận động, tổ chức, tập hợp lực lượng, tích cực tăng gia sản xuất và chiến đấu với các phong trào : "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người", "Thanh niên 3 sẵn sàng", "Phụ nữ 3 đảm đang", "Tay cày, tay súng", "Tay búa, tay súng", "Bám thắt lưng địch mà đánh"... Do vậy đã đưa công tác dân vận phát triển lên một trình độ mới, động viên đến mức cao nhất lực lượng của toàn dân đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước đến toàn thắng.

Sau chiến thắng lịch sử mùa Xuân 1975, Đảng tiếp tục lãnh đạo nhân dân cả nước thống nhất, đoàn kết cùng tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Trong giai đoạn mới của cách mạng, công tác dân vận có vị trí, vai trò ngày càng to lớn. Đại hội lần thứ V của Đảng xác định : "Ở thời kỳ nào công tác vận động và tổ chức quần chúng làm cách mạng cũng có ý nghĩa chiến lược. Trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa và hiện nay khi cách mạng nước ta làm hai nhiệm vụ chiến lược : xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, tầm quan trọng của công tác vận động quần chúng chẳng những không giảm bớt mà còn tăng thêm".

Trong 10 năm đầu cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội (1975 - 1985), công tác dân vận đã có nhiều đóng góp to lớn, quan trọng vào việc vận động nhân dân cả nước thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, những khuyết điểm chủ quan trong công tác quản lý và cải tạo xã hội chủ nghĩa đã có ảnh hưởng tiêu cực đến việc tổ chức và động viên phong trào cách mạng của nhân dân. Ở nhiều nơi quyền làm chủ của nhân dân bị vi phạm đã làm giảm động lực phát triển của xã hội, hạn chế phát huy tinh thần và năng lực làm chủ của nhân dân.

Từ năm 1985 đến nay, công tác dân vận của Đảng tập trung vào việc tuyên truyền, vận động, tổ chức nhân dân thực hiện sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ngày 20-3-1990, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI) đã ra nghị quyết về *"Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân"* (gọi tắt là Nghị quyết Trung ương 8B). Nghị quyết Trung ương 8B ra đời đã đáp ứng đúng những vấn đề cấp bách về công tác vận động quần chúng trong bối cảnh đất nước và thế giới đang có nhiều diễn biến phức tạp. Nghị quyết nhấn mạnh trước hết là đổi mới quan điểm về công tác dân vận của Đảng đồng thời nâng cao trách nhiệm của cả hệ thống đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể trong việc đổi mới nội dung, phương thức tập hợp, vận động, phát huy sức mạnh của toàn dân. Kết quả của quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 8B đã làm cho mối quan hệ Đảng - dân gắn bó chặt chẽ hơn, Đảng tăng thêm sức mạnh chiến đấu, chính quyền được củng cố, Mặt trận và

Digitized by Google

các đoàn thể khắc phục sự trì trệ, xơ cứng, tập hợp thêm đoàn viên, hội viên. Ban Dân vận từ trung ương đến huyện được hình thành, góp phần quan trọng vào việc tham mưu cho các cấp ủy đảng đẩy mạnh các phong trào cách mạng của quần chúng. Nét nổi bật là chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa và các cuộc vận động nhân dân xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh. Kết quả các phong trào cách mạng của nhân dân là thể hiện sự thống nhất giữa ý Đảng với lòng dân trong quá trình thực hiện sự nghiệp đổi mới đất nước.

Cùng với việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 8B, từ năm 1997, Ban Dân vận các cấp từ trung ương đến tỉnh, thành phố đã tổ chức nghiên cứu, tìm kiếm giải pháp để hiện thực hóa phương châm *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"*. Ngày 18-2-1998, Bộ Chính trị đã ra Chỉ thị 30/CT-TU về *"Xây dựng, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở"*. Căn cứ vào chỉ thị trên, ngày 11-5-1998, Chính phủ đã ban hành Nghị định 29/NĐ-CP kèm theo là quy chế dân chủ ở cơ sở xã, phường, thị trấn, cơ quan hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước. Hơn 2 năm qua, việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã được dân đồng tình hưởng ứng, trở thành một cuộc sinh hoạt chính trị rộng lớn, tác động tích cực đến nhiều mặt của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội. Trước hết là đã nâng cao ý thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể, của cán bộ, đảng viên, nhân dân về thực hiện và phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở, làm chuyển biến một bước phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng, phương thức điều hành và lề lối làm việc của các cấp chính quyền, nhất là ở cơ sở. Đã tác động tích cực tới việc xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận các đoàn thể nhân dân ở các cấp, các ngành.

Để quán triệt sâu sắc hơn quan điểm dân vận của Đảng trong quá trình thực hiện sự nghiệp đổi mới, năm 1995, Ban Dân vận các cấp đã tổ chức tuyên truyền sâu rộng bài báo *Dân vận* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Năm 1999, nhân kỷ niệm 55 năm bài báo *Dân vận* của Bác, đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã viết bài "Nhớ ngày 15 tháng 10". Bài báo nhắc nhở các cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước, các cấp, các ngành học tập và thực hiện tốt lời dạy của Bác về công tác dân vận. Đây chính là việc làm thiết thực trong cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), xây dựng mối quan hệ Đảng với dân ngày càng bền chặt.

Việc làm tốt công tác dân vận thông qua thực hiện Nghị quyết Trung ương 8B, Quy chế dân chủ ở cơ sở, và quán triệt tư tưởng dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào thực tiễn hằng ngày đã góp phần tích cực vào việc xây dựng chính quyền các cấp. Biểu hiện rõ nét nhất là cuộc bầu cử hội đồng nhân dân 3 cấp (năm 1999) đã được tiến hành dân chủ hơn, được cử tri quan tâm hơn, số người tham gia bầu cử đông đảo hơn. Và cũng do làm tốt công tác dân vận, tình đoàn kết *"tương thân, tương ái"* giữa các cộng đồng dân cư trong cả nước được tăng cường và củng cố. Khối đại đoàn kết dân tộc ngày càng mở rộng thêm. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân phát huy vai trò hạt nhân đoàn kết, động viên nhân dân xây dựng quê hương đất nước, tham gia sinh hoạt chính trị, hoạt động xã hội, đoàn kết quốc tế. Các phong trào của quần chúng từng bước đi vào nội dung thiết thực, gắn liền với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu và lợi ích thiết thực của đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân.

Qua 70 năm công tác dân vận của Đảng, có thể rút ra một số kinh nghiệm :

Một là, trong bất cứ hoàn cảnh và điều kiện nào cũng phải tin ở lực lượng và sức mạnh của nhân dân, gắn bó máu thịt với nhân dân, một lòng một dạ phục vụ nhân dân.

Hai là, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất nhất quán và phù hợp với từng giai đoạn cách mạng.

Ba là, linh hoạt, sáng tạo trong việc tổ chức, tập hợp nhân dân bằng các hình thức hoạt động thích hợp trong từng giai đoạn cách mạng.

Bốn là, công tác dân vận phải bám sát đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, gắn việc chăm lo và bảo vệ lợi ích của nhân dân với động viên nhân dân xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ chính trị.

Digitized by Google

Năm là, công tác dân vận luôn gắn chặt với công tác xây dựng Đảng và xây dựng chính quyền Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Sáu là, thường xuyên chăm lo xây dựng bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận.

Năm nay chúng ta kỷ niệm 70 năm công tác dân vận của Đảng gắn liền với kỷ niệm ngày Bác Hồ viết bài báo "Dân vận" và một năm thực hiện bài "Nhớ ngày 15 tháng 10" của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, đúng vào lúc Đảng ta tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng. Tình hình trên đặt ra cho công tác dân vận hàng loạt nhiệm vụ mới cần phải giải quyết có hiệu quả.

Thứ nhất. Đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, nhất là những người thường xuyên có quan hệ mật thiết với dân, thấm nhuần sâu sắc tư tưởng dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bài báo "Dân vận". Nghiên cứu, thực hiện tốt lời chỉ dẫn của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu về công tác dân vận trong bài "Nhớ ngày 15 tháng 10". Đây là việc làm có ý nghĩa quan trọng đối với việc xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, xây dựng chế độ ta. Nếu không có nhận thức đúng đắn về dân, về công tác dân vận thì không thể có được việc làm tốt đẹp vì dân.

Thứ hai. Huy động đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tự giác tham gia công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đóng góp những ý kiến thiết thực vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội IX của Đảng. Mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân là mối quan hệ máu thịt, sức mạnh của Đảng không chỉ ở tổ chức đảng, ở từng người đảng viên, mà còn ở sự củng cố mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với dân. Đảng phải lắng nghe ý kiến của dân, đóng góp vào việc xây dựng Đảng. Nghe kết hợp với phân tích, nghiên cứu chọn lọc, xem xét đâu là vấn đề cấp bách cần giải quyết ngay, đâu là vấn đề cần được bàn bạc, trao đổi thêm để đi đến thống nhất ý kiến. Thực tiễn cho thấy không ít nghị quyết tưởng đúng nhưng khi đi vào thực tế chỉ đúng một phần, có điểm không phù hợp, không vào lòng dân. Vì vậy, để dân tham gia xây dựng Đảng, các cấp cần lắng nghe ý kiến của dân đóng góp vào các dự thảo văn kiện Đại hội Đảng các cấp.

Thứ ba. Quán triệt và vận dụng tốt tư tưởng Hồ Chí Minh về dân vận trong chính quyền. Cái gốc của vấn đề dân vận là ở chỗ, như Bác Hồ chỉ rõ "*Nước ta là nước dân chủ.* Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân" (1). Đảng ta ra đời, vận động dân đấu tranh cách mạng là để lập nên chế độ dân chủ, xây dựng chính quyền của dân, do dân, vì dân. Vậy có chính quyền dân chủ rồi thì cán bộ các cấp chính quyền phải làm dân vận để vận động tất cả lực lượng của mỗi người dân..., để thực hành những công việc nên làm. "Dân vận không chỉ là của cán bộ dân vận, cán bộ đoàn thể mà, "tất cả cán bộ chính quyền... đều phải phụ trách dân vận" (2).

Công tác dân vận đặt ra đối với các cấp chính quyền hiện nay trước hết là tổ chức triển khai tốt việc thực hiện quy chế dân chủ ở xã, phường, cơ quan, doanh nghiệp. Chính phủ cần chỉ đạo chặt chẽ, đổi mới cách làm cho "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", đẩy mạnh cải cách hành chính và đổi mới sự quản lý điều hành ở các cấp, nhất là ở cơ sở. Chỉ có như vậy mới chống được quan liêu, xa dân.

Thứ tư. Tăng cường, nâng cao khả năng tổ chức nhân dân tạo ra khối đại đoàn kết dân tộc vững mạnh nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ trước mắt từ nay đến hết năm 2000 và tạo tiền đề vững chắc để tiến bước vào thế kỷ XXI. Đây là việc làm có ý nghĩa chiến lược quan trọng, là nguồn sức mạnh và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong mọi thời kỳ của cách mạng. Muốn đoàn kết được mọi lực lượng của dân đòi hỏi các cấp, các ngành phải phát huy dân chủ trong đời sống xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng v.v.

Phát huy truyền thống công tác dân vận 70 năm qua của Đảng, thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về dân vận, tin tưởng chắc chắn rằng công tác dân vận của Đảng, của các cấp chính quyền và đoàn thể sẽ không ngừng được nâng cao về mọi mặt góp phần quan trọng đưa sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước đến thắng lợi.❑

(1), (2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr. 698, 699

Digitized by Google

CHẶNG ĐƯỜNG 70 NĂM CỦA HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM

NGUYỄN ĐỨC TRIỀU *

NGÀY 14-10-1930, tại Hội nghị Trung ương lần thứ nhất, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ra Nghị quyết về củng cố và tăng cường tổ chức Nông hội, xác định nhiệm vụ chính trị và Điều lệ của Nông hội. Từ đây, lần đầu tiên giai cấp nông dân chính thức có tổ chức của mình, và cũng từ đây giai cấp nông dân có mục tiêu đấu tranh cho quyền lợi chính đáng của mình và của dân tộc. Sự ra đời của Hội Nông dân Việt Nam (14-10-1930) dưới sự lãnh đạo của Đảng đánh dấu một bước ngoặt quan trọng, một sự chuyển biến về chất trong lịch sử giai cấp nông dân Việt Nam.

Trong suốt 70 năm qua, Hội Nông dân Việt Nam dù mang những tên gọi khác nhau (Nông hội đỏ, Hội Nông dân phản đế, Hội tương tế ái hữu, Hội Nông dân cứu quốc, Hội Nông dân giải phóng miền Nam, Hội Liên hiệp nông dân tập thể Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam) nhưng luôn luôn thống nhất về nội dung, mục đích hoạt động, vượt lên mọi khó khăn, không ngừng được củng cố và lớn mạnh, trở thành lực lượng nòng cốt trong việc tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, vận động giai cấp nông dân dấy lên các phong trào thi đua yêu nước gắn liền với từng thời kỳ cách mạng, đóng góp đáng kể vào thắng lợi của dân tộc, xứng đáng với lòng tin cậy của Dảng và Bác Hồ muôn vàn kính yêu.

Trong các cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ chống thực dân, đế quốc giành độc lập dân tộc, thống nhất nước nhà, hưởng ứng lời kêu gọi thiêng liêng của Bác Hồ : "Đem sức ta mà tự giải phóng cho ta", "thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ", giai cấp nông dân Việt Nam đã tỏ rõ quyết tâm và niềm tin sắt đá của mình, vùng lên đấu tranh kiên cường, bất khuất, cùng toàn dân, toàn quân đưa cuộc kháng chiến đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, đâu đâu trên đất nước ta cũng dấy lên phong trào của nông dân thi đua xây dựng các khu căn cứ, xây dựng làng chiến đấu, ấp chiến đấu, nuôi giấu cán bộ, chăm sóc thương, bệnh binh, đẩy mạnh sản xuất, động viên lớp lớp con em lên đường nhập ngũ, đi thanh niên xung phong phục vụ tiền tuyến. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nông dân miền Bắc dấy lên phong trào thi đua "Hai giỏi" với khẩu hiệu "Mỗi người làm việc bằng hai", "Tay cày, tay súng", "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người"... góp phần đánh thắng chiến tranh phá hoại và chi viện to lớn sức người, sức của cho sự nghiệp giải phóng miền Nam. Nông dân miền Nam kiên cường đấu tranh chống khủng bố, thi đua giết giặc lập công, đồng khởi diệt ác, phá ách kìm kẹp, góp phần làm phá sản các chiến lược chiến tranh của Mỹ - ngụy, cùng nhân dân cả nước giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong mọi thời kỳ cách mạng, giai cấp nông dân Việt Nam luôn xứng đáng là đội quân chủ lực trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Mặc dù sự hy sinh mất mát là vô cùng to lớn, nhưng giai cấp nông dân được giải phóng khỏi ách thống trị của thực dân, phong kiến và đế quốc, ước mơ ngàn đời là độc lập dân tộc và người cày có ruộng được thực hiện. Từ thân phận nô lệ, nông dân đã trở thành địa vị người làm chủ đất nước, đánh dấu một mốc son chói lọi trong lịch sử giai cấp nông dân Việt Nam.

Thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là xây dựng và bảo vệ

* Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam

Digitized by Google

Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giai cấp nông dân cả nước đã phấn khởi đón nhận đường lối đổi mới của Đảng, với một niềm tin và sức mạnh mới. Nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm phát huy quyền làm chủ của giai cấp nông dân, nhất là việc xác định hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ, đi đôi với việc giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ nông dân, đã tạo ra sức bật và chất lượng mới của phong trào nông dân nước nhà. Hội Nông dân Việt Nam được xác định là tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp nông dân. Từ 1988 đến nay, qua ba kỳ Đại hội, tổ chức của Hội được xác lập từ trung ương đến cơ sở. Hoạt động của Hội ngày càng phong phú, thiết thực, đáp ứng tốt hơn các nguyện vọng, lợi ích chính đáng của hội viên, trở thành lực lượng nòng cốt của phong trào nông dân.

Với việc đổi mới cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước và sức mạnh của tổ chức Hội, các phong trào nông dân thi đua phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới không ngừng phát triển cả bề rộng lẫn chiều sâu.

Có thể nói phong trào thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo và làm giàu chính đáng là "khâu đột phá" trên lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn. Phong trào thi đua sản xuất giỏi vừa là nơi hội tụ, vừa là nơi phát huy các nguồn lực để phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tiềm năng đất đai, lao động, vốn liếng của kinh tế hộ được khai thác. Thế mạnh của từng địa phương, cơ sở được phát huy. Các nguồn đầu tư của Nhà nước được sử dụng có hiệu quả, tạo thành sức mạnh tổng hợp chuyển dần nền nông nghiệp từ tự cấp, tự túc sang sản xuất hàng hóa ; từ độc canh, thuần nông sang đa canh, đa nghề, v.v...

Mười năm qua đã có trên 7 triệu lượt hộ sản xuất - kinh doanh giỏi trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp và dịch vụ, với mức thu nhập bình quân hàng chục, hàng trăm triệu đồng, nhiều hộ có thu nhập hàng tỉ đồng mỗi năm. Phong trào thi đua lao động, sản xuất, kinh doanh giỏi không chỉ phát triển trong trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng, nghề biển mà còn mở ra giai đoạn phát triển mạnh mẽ các ngành nghề ở nông thôn. Đến nay, đã có trên 1 000 làng nghề chế biến nông, lâm, thủy sản, tiểu, thủ công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, thu hút và tạo việc làm ổn định cho khoảng 10 triệu lao động (chiếm 29,45% lực lượng lao động nông thôn), góp phần không nhỏ vào giải quyết việc làm và thúc đẩy quá trình phân công lại lao động trên lĩnh vực nông nghiệp và địa bàn nông thôn.

Từ phong trào sản xuất của nông dân, nhiều hợp tác xã kiểu mới đã xuất hiện, vươn lên đáp ứng các nhu cầu về làm đất, tưới tiêu nước, phòng, trừ dịch bệnh, đưa tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm. Nhiều điển hình tốt xuất hiện như ở tỉnh An Giang, Hội Nông dân đã thành lập 2 018 tổ nông dân liên kết sản xuất, 42 câu lạc bộ nông dân và 84 hợp tác xã, giúp đỡ hàng vạn hộ nông dân trong tỉnh có điều kiện phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, mang lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần giải quyết những bức xúc của nông dân trong sản xuất và đời sống.

Phong trào thi đua sản xuất giỏi phát triển đồng thời đã thúc đẩy và đòi hỏi sự đổi mới và tăng cường sự hoạt động của các cấp Hội Nông dân. Ở nhiều địa phương, các cấp Hội Nông dân đã tích cực, tận tụy phục vụ hội viên, nông dân trong nhiều việc như : tổ chức tập huấn chuyển giao các tiến bộ khoa học - công nghệ ; hướng dẫn tham quan, học hỏi kinh nghiệm ; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu khoa học, kỹ thuật ; phát hành báo chí của Hội ; tín chấp cho nông dân nghèo vay vốn ngân hàng ; xây dựng Quỹ hỗ trợ nông dân ; thực hiện các dự án phát triển sản xuất, giải quyết việc làm ; xây dựng các câu lạc bộ để bàn cung cách làm ăn ; tổ chức các hình thức hợp tác hỗ trợ nông dân ; giúp đỡ việc sơ kết, tổng kết hằng năm, nhân rộng các điển hình tiên tiến... Thông qua các hoạt động đã tạo ra các hình thức tập hợp nông dân phong phú đa dạng, mở ra những khả năng mới cho việc củng cố, phát triển hội viên, xây dựng Hội ngày càng vững mạnh.

Phong trào thi đua của nông dân và các cấp hội đã thúc đẩy và mở rộng quan hệ quốc tế. Đến nay, Hội Nông dân Việt Nam đã có quan hệ với 11 tổ chức nông dân các nước, 4 tổ chức của Liên hợp quốc và nhiều tổ chức phi chính phủ. Nhiều đoàn đại biểu nông dân đã tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm và tăng cường hợp tác với tổ chức nông dân các nước, nhất là các nước trong khu vực. Đã thu hút 15 dự án với số vốn đầu tư 1,7 triệu USD vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn.

Digitized by Google

Phong trào của nông dân còn thu hút sự hoạt động của các cơ quan khoa học, các ngành kinh tế, kỹ thuật và các doanh nghiệp. Trường đại học cần Thơ, Trường đại học Nông nghiệp I đã gắn lý thuyết với thực tiễn trên đồng ruộng, đưa khoa học - kỹ thuật vào sản xuất. Các viện nghiên cứu nông nghiệp đã đưa vào sản xuất nhiều giống mới có năng suất cao, phẩm chất tốt. Nhiều trung tâm khuyến nông đã phối hợp với Hội Nông dân tổ chức các lớp tập huấn ngắn ngày cho nông dân về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và phòng, trừ dịch hại. Nhiều doanh nghiệp đã dựa vào Hội Nông dân và thông qua Hội Nông dân để mở rộng sản xuất, kinh doanh, coi sự phát triển sản xuất, kinh doanh của nông dân là sự sống còn của doanh nghiệp. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thông qua việc phối hợp với Hội Nông dân, chỉ trong thời gian ngắn đã giải ngân được 108 tỉ đồng cho 2,9 vạn lượt hộ vay. Công ty Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao, Nhà máy phân bón Bình Điền II, Công ty phân bón sông Gianh... mỗi năm cung cấp cho nông dân hàng vạn tấn phân bón theo phương thức trả chậm. Công ty mía đường Lam Sơn, Nông trường Sông Hậu, Công ty chế biến, xuất khẩu nông sản Chu Văn Dũng đã ứng trước vốn cho nông dân đầu tư vào sản xuất, tạo ra vùng nguyên liệu ổn định, gắn nông dân với nhà máy, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ, đạt hiệu quả kinh tế cao. Đó là những điển hình về liên minh công nhân - nông dân - trí thức trong thời kỳ đổi mới.

Kết quả của phong trào thi đua lao động sản xuất giỏi trong giai cấp nông dân những năm qua đã góp phần tích cực vào việc đẩy nhanh tốc độ xóa đói, giảm nghèo và thu hẹp khoảng cách giàu nghèo ở nông thôn, tạo ra bước chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, đồng thời với việc đổi mới quan hệ sản xuất, lập nên những thành tựu to lớn. Nhiều chỉ tiêu trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp đã hoàn thành trước kế hoạch 5 năm (1996 - 2000). Đặc biệt là sản xuất lương thực, liên tục trong 11 năm (kể từ năm 1989) bình quân mỗi năm tăng thêm 1 triệu tấn. Nhờ vậy, nước ta chẳng những khắc phục được tình trạng thiếu lương thực triền miên mà còn đứng thứ hai trong các nước xuất khẩu gạo. Hiện nay, nền nông nghiệp của nước ta đạt giá trị hơn 8 tỉ USD, trong đó xuất khẩu hơn 4 tỉ USD mỗi năm. Một số mặt hàng khác như cà phê, cao su, điều... đang có vị trí và uy tín đối với thị trường thế giới.

Trong lĩnh vực văn hóa, xã hội và an ninh, quốc phòng ở nông thôn, phong trào nông dân cũng có những đóng góp không nhỏ. Với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", phong trào xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ. Trên 86% số xã và 65% số hộ nông dân có điện sử dụng. Trên 90% số xã có đường giao thông đến trung tâm. Nhiều nơi đã hoàn chỉnh đường liên xã, liên thôn và đang triển khai việc thực hiện cứng hóa kênh, mương. 100% số xã có trường phổ thông cơ sở và trạm y tế. Trên 55% số hộ nông dân có nước sạch sử dụng. Từ 1995 đến 1998, riêng việc củng cố và phát triển đường giao thông nông thôn, nông dân đã đóng góp khoảng 1 300 tỉ đồng, chiếm 60% tổng số vốn đầu tư.

Trong những năm qua, các cấp Hội Nông dân đã tập trung chỉ đạo công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình trở thành phong trào thi đua sôi động trong các tầng lớp nông dân, kể cả nông dân vùng dân tộc thiểu số, vùng tôn giáo. Bằng nhiều hình thức tuyên truyền, vận động nông dân đã thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi, chấp nhận quy mô gia đình 2 con, từ bỏ dần tư tưởng trọng nam khinh nữ, nâng cao trách nhiệm chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Bằng nhiều mô hình hoạt động như : "Câu lạc bộ nông dân với dân số và phát triển", "Gia đình nông dân 6 tiêu chuẩn", "Chi, tổ, Hội không có người sinh con thứ ba", "Nhóm nông dân theo nghề nghiệp"... đã thu hút 11 triệu hộ nông dân tham gia, trong đó có 5 triệu hộ có người trong độ tuổi sinh đẻ. Đến nay có trên 2 triệu cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ áp dụng các biện pháp tránh thai, trong đó có gần 3 vạn người tự nguyện đình sản, 12 vạn chi, tổ, Hội trong tổng số 24 vạn chi, tổ, Hội, không có người sinh con thứ ba trên 2 triệu hộ đạt gia đình nông dân 6 tiêu chuẩn. Những thành tích đó đã góp phần tích cực vào việc hạ tỷ lệ tăng dân số ở nông thôn từ 3,01% (năm 1989) xuống còn 2,07% (năm 1999).

Phong trào nông dân thi đua phát triển văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, phòng, chống các tệ nạn xã hội cũng phát triển. Các cấp Hội đã phối hợp với ngành giáo dục và đào tạo thực hiện chương trình

Digitized by Google

xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Hội Nông dân ở nhiều nơi đã điều tra, nắm chắc số người mù chữ và thất học, lập kế hoạch vận động và tạo điều kiện thuận lợi để người mù chữ được đi học, trẻ em thất học được đến trường, thực hiện vừa học ở lớp, vừa học ở nhà với phương châm "Người biết chữ dạy người chưa biết chữ". Các cấp Hội đã vận động hội viên, nông dân góp công, góp của, cho mượn nhà để mở lớp học, giúp đỡ giáo viên, giúp đỡ những học sinh khó khăn, khai thác và phát huy nguồn lực của cộng đồng vào công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo tục tiểu học, góp phần hoàn thành chương trình quốc gia về công tác này.Ở nhiều địa phương, Hội Nông dân đã tham gia tích cực vào phong trào xây dựng đời sống và gia đình văn hóa, làng, xã văn hóa. Nhiều tỉnh Hội đã xây dựng tiêu chuẩn cụ thể, hằng năm tổ chức đăng ký, bình xét, công nhận gia đình văn hóa. Đến nay, cả nước đã có hơn 6 triệu hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa, 8 000 làng được công nhận làng văn hóa. Huyện Hải Hậu (tỉnh Nam Định) dẫn đầu cả nước về xây dựng thiết chế văn hóa và đời sống văn hóa ở khu dân cư. Các cuộc thi Nhà nông đua tài, Tiếng hát nông dân, đấu vật, đua thuyền, bóng chuyền do Hội Nông dân tổ chức, được đông đảo nông dân hưởng ứng và tham gia. Những kết quả nêu trên đã góp phần vào việc thực hiện Nghị quyết 5 của Trung ương về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Trong công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em, Hội Nông dân có chương trình hành động "Vì trẻ em nông thôn 1991 - 2000". Các cấp Hội đã tham gia tích cực vào việc vận động hội viên, nông dân hưởng ứng ngày toàn dân đưa trẻ tới trường, phòng chống suy dinh dưỡng, thực hiện chương trình tiêm chủng mở rộng, phòng chống trẻ em nghiện ma túy và tội phạm xâm hại trẻ em. Ở nhiều nơi, Hội Nông dân đã vận động hội viên, nông dân mở các lớp tình thương, xây dựng quỹ vì trẻ em, hỗ trợ trẻ em nghèo học giỏi, chăm sóc trẻ em tàn tật, trẻ em bị nhiễm chất độc màu da cam.

Để thực hiện các chương trình quốc gia về phòng, chống ma túy, mại dâm, HIV/AIDS, cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường, các cấp Hội Nông dân đã tích cực tuyên truyền nâng cao nhận thức, mở các lớp tập huấn để trang bị kiến thức cho cán bộ, hội viên và nông dân. Hội Nông dân ở nhiều nơi, nhất là ở các tỉnh miền núi, đã vận động nông dân không nghiện hút, không tàng trữ, không trồng cây có chất ma túy.

Quán triệt quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, các cấp Hội Nông dân đã phối hợp với các ngành chức năng đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng và trách nhiệm của cán bộ, hội viên, nông dân trong việc tham gia củng cố quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn. Cán bộ, hội viên và nông dân ở nhiều nơi đã tham gia diễn tập khu vực phòng thủ, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, xây dựng các tổ hòa giải, tổ an ninh nhân dân, tổ liên gia, tổ tuần tra, tổ khai báo tạm trú, tạm vắng ; xây dựng hòm thư phát hiện và tố giác tội phạm trên địa bàn thôn, xóm. Trong những năm qua, 20 ngàn tổ hòa giải và 14 ngàn tổ an ninh đã giải quyết được trên 15 ngàn vụ tranh chấp đất đai, 21 ngàn vụ mâu thuẫn nội bộ, cung cấp cho cơ quan công an 23 ngàn nguồn tin để bắt giữ 1 076 đối tượng có lệnh truy nã, 9 798 đối tượng tàng trữ chất ma túy, 450 đối tượng truyền đạo trái phép, phát hiện 19 ngàn người nghiện hút, vận động 11 ngàn người đi cai nghiện, cảm hóa giáo dục 18 ngàn người lầm lỗi, 1 268 đối tượng phạm tội ra tự thú, tự báo, ngăn ngừa 4 350 vụ phạm pháp, v.v... Hội Nông dân ở các vùng biên giới, ven biển, hải đảo đã vận động hội viên, nông dân tham gia đấu tranh chống buôn lậu, chống lấn chiếm biên giới, góp phần giữ gìn trật tự, an ninh biên giới, hải đảo.

Phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc về đạo lý "uống nước nhớ nguồn", các cấp Hội Nông dân đã tham gia tích cực vào việc thực hiện chính sách hậu phương quân đội. Ở nhiều nơi, hội viên nông dân đã hăng hái góp công, góp của xây dựng 1 450 nhà tình nghĩa, nhiều vườn cây tình nghĩa, mua 20 520 sổ tiết kiệm tặng các gia đình liệt sĩ, thương binh, gia đình có công với cách mạng, nhận phụng dưỡng 1 485 Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Hằng năm, vào các dịp lễ, tết, các cấp hội đã tổ chức thăm hỏi, tặng quà các đơn vị bộ đội đóng tại địa phương, nơi biên giới, hải đảo, các gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng.

Để phát huy quyền làm chủ của giai cấp nông dân trong sự nghiệp đổi mới, các cấp hội đã tổ chức các đợt sinh hoạt ở cơ sở lấy ý kiến hội viên, nông

Digitized by Google

dân tham gia xây dựng đường lối, chính sách của chính quyền, xây dựng qui chế dân chủ ở cơ sở, thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Ở nhiều nơi, Hội Nông dân đã phối hợp với các cơ quan chức năng giải quyết kịp thời những đơn, thư khiếu tố và những vấn đề của nông dân đặt ra đối với cán bộ, đảng viên, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện vượt cấp, đông người, nâng cao ý thức xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, vừa bảo vệ quyền lợi chính đáng của hội viên, nông dân

*

* *

Tuy đã đạt được nhiều thành tựu về nhiều mặt nhưng trên mặt trận nông nghiệp, địa bàn nông thôn thời gian qua và hiện nay vẫn đang đặt ra nhiều khó khăn, bức xúc. Hoạt động của nhiều cấp Hội chưa ngang tầm nhu cầu đòi hỏi của người nông dân cũng như của cơ chế mới. Bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong đó công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là một trọng điểm, Hội Nông dân phải tiếp tục đổi mới để vươn lên xứng đáng với vai trò nòng cốt của phong trào nông dân trong thời kỳ mới. Phong trào nông dân và hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam phải được tiếp tục đẩy mạnh theo một số hướng chủ yếu sau :

1. Vừa tăng cường đầu tư chiều sâu, vừa mở rộng sản xuất để có nhiều sản phẩm hàng hóa với chất lượng cao, giá thành hạ, đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và tiêu dùng trong nước, đồng thời nâng cao sức cạnh tranh để mở rộng xuất khẩu, hội nhập quốc tế. Có như vậy mới có thể nâng cao hơn nữa mức thu nhập và tích lũy của nông dân. Đi đôi với sản xuất lương thực bảo đảm an toàn quốc gia và xuất khẩu, cần phát huy thế mạnh của từng vùng, từng địa phương, từng cơ sở và từng hộ gia đình, đẩy mạnh việc chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, ngành nghề theo hướng sản xuất hàng hóa và cơ cấu nông - công nghiệp - dịch vụ. Thu hút lao động nhàn rỗi, giải quyết việc làm tại chỗ theo phương châm "ly nông bất ly hương", thúc đẩy nhanh quá trình phân công lại lao động nông nghiệp. Phát huy truyền thống đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, tạo ra nguồn lực to lớn từ nội bộ nông dân, góp phần đẩy nhanh tốc độ xóa đói, giảm nghèo và làm giàu, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo ở nông thôn, theo phương châm "ai chưa giỏi thì giỏi lên, ai giỏi rồi thì giỏi nữa", "làm cho người nghèo thì đủ ăn ; người đủ ăn thì khá, giàu ; người khá, giàu thì giàu thêm" như Bác Hồ đã dạy.

2. Khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư của Nhà nước, bao gồm vốn vay của ngân hàng và vốn của các chương trình, dự án. Tạo nguồn vốn gắn liền với khuyến nông. Ai trồng cây gì, nuôi con gì, làm ngành nghề gì phải được tập huấn kỹ thuật và hướng dẫn quy trình sản xuất của cây, con, ngành nghề ấy. Ở đâu nông dân có nhu cầu hợp tác thì tổ chức các hình thức kinh tế hợp tác : hợp tác trong sản xuất, hợp tác trong cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm... để đáp ứng nhu cầu của nông dân về sản xuất hàng hóa. Cần học tập cách làm của tỉnh An Giang, phát triển mạnh các hình thức kinh tế hợp tác, góp phần giải quyết những bức xúc của nông dân trong sản xuất và đời sống, thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Chú ý sản xuất đi đôi với giữ gìn vệ sinh môi trường. Thực hiện tốt các quy định về sử dụng phân bón và các loại thuốc phòng trừ dịch bệnh, tiến tới thực hiện một nền nông nghiệp sạch ; vừa khuyến khích mở rộng quy mô sản xuất, vừa bảo đảm vệ sinh môi trường.

3. Tổ chức dạy nghề tại chỗ cho nông dân bằng kinh nghiệm của những nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi và bằng kiến thức của những chuyên gia đã từng lăn lộn trong thực tế. Bằng cách này sẽ góp phần phổ cập nghề và kỹ năng lao động cho hàng chục triệu lao động trong một thời gian ngắn, đáp ứng yêu cầu của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Nhân rộng các điển hình tiên tiến và xây dựng mối quan hệ kinh tế giữa nông dân với các cơ quan khoa học, các ngành kinh tế - kỹ thuật và các doanh nghiệp. Gắn khoa học, kỹ thuật với sản xuất, thu hút các nguồn vốn đầu tư, cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm trực tiếp giữa nông dân với các doanh nghiệp, góp phần thiết lập thị trường có tổ chức ở nông thôn. Mở rộng mối quan hệ hợp tác kinh tế với nước ngoài, nhất là các nước trong khu vực, theo đường lối đối ngoại của Đảng và trên cơ sở các bên cùng có lợi, nhằm học tập

(Xem tiếp trang 30)

Digitized by Google

TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN NINH BIÊN GIỚI, BIỂN, ĐẢO

NGUYỄN PHÚC THANH *

Biên giới quốc gia theo cách hiểu phổ biến nhất là dấu hiệu phân định chủ quyền quốc gia, là tiêu chí xác định một quốc gia hoàn chỉnh, bao gồm phần lãnh thổ có giới hạn và một nhà nước thực thi quyền lực do nhân dân làm chủ phần lãnh thổ đó. Biên giới quốc gia của ta là thiêng liêng, bất khả xâm phạm, là biểu tượng tinh thần tự tôn dân tộc, là toàn vẹn chủ quyền quốc gia, thành quả vô giá của quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước bền bỉ, kiên cường của dân tộc Việt Nam, được kế thừa từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nước ta có 4 510 km đường biên giới trên bộ, tiếp giáp với Trung Quốc, Lào và Cam-pu-chia và 3 260 km bờ biển ; có hàng nghìn đảo, quần đảo lớn nhỏ gắn liền với vùng đặc quyền kinh tế, rộng hơn nhiều lần diện tích đất liền. Là tuyến đầu, là cửa ngõ của Tổ quốc, rất nhạy cảm và đặc biệt quan trọng, nên biên giới luôn luôn chịu ảnh hưởng của mọi động thái tích cực cũng như tiêu cực từ bên ngoài.

Để làm tốt nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới, cùng một lúc chúng ta phải giải quyết hai mặt của một vấn đề đó là tiếp tục chính sách mở cửa để giao lưu trao đổi hàng hóa tranh thủ điều kiện đầu tư vốn và công nghệ hiện đại, nhưng đồng thời phải quản lý chặt chẽ, giữ vững an ninh chủ quyền biên giới quốc gia. Công tác quản lý nhà nước về an ninh biên giới, biển đảo, lãnh thổ cần được nâng lên đặt đúng tầm của nhiệm vụ hết sức quan trọng này.

Trong tiến trình chung của công cuộc đổi mới, hoạt động quản lý nhà nước về an ninh biên giới, biển đảo đã từng bước được tăng cường và đổi mới, thể hiện rõ trên mấy điểm sau :

1 - Thực hiện ngày càng tốt hơn định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kết hợp với xây dựng, củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh trên biên giới, biển,đảo.

Để phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng thời kỳ cách mạng, nhiều năm qua hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với địa bàn vùng núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo đã từng bước được bổ sung, hoàn thiện. Đó là Nghị quyết số 22 ngày 27-11-1989 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi và nhiều văn bản, nghị quyết, chỉ thị, quyết định khác của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về miền núi, biên giới. Việc tổ chức thực hiện những chủ trương, chính sách đó đã bước đầu đi vào cuộc sống. Nhiều chương trình, mục tiêu quốc gia, nhằm nhanh chóng thu hẹp sự chênh lệch về đời sống giữa các vùng và các dân tộc đã được triển khai. Chương trình xóa đói, giảm nghèo và chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn vùng núi, vùng sâu, vùng xa, khu vực biên giới, tuy mới triển khai, nhưng đã đem lại hiệu quả, hợp lòng dân. Trên 2 000 công trình hạ tầng cơ sở được đưa vào sử dụng. Bộ mặt xã hội và đời sống đồng bào nhiều nơi được cải thiện. Số hộ nghèo giảm từ 15,7% năm 1998 xuống 13% năm 1999. Những nhiệm vụ cụ thể như chăm lo xây dựng nền biên phòng toàn dân, trên cơ sở nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân ; xây dựng khu vực phòng thủ, xây dựng "thế trận lòng dân"... được tăng cường và có hiệu quả. Nhờ đó, tiềm lực và thế trận phòng thủ chung của cả nước cũng như trên từng hướng chiến lược tiếp tục được củng cố, bổ sung. Đó là những nhân tố tích cực góp

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội

Digitized by Google

phần củng cố cơ sở chính trị vững chắc, làm nền tảng cho việc quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

Bộ đội biên phòng, Hải quân nhân dân, Công an nhân dân và các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang các quân khu đóng trên địa bàn biên giới, biển đảo tiếp tục được quan tâm xây dựng về mọi mặt. Các lực lượng này được điều chỉnh tổ chức, biên chế và trang bị hợp lý ; nâng cao sức chiến đấu và khả năng, trình độ sẵn sàng chiến đấu, phối hợp các đơn vị, các lực lượng, thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, theo dõi nắm chắc tình hình biên giới, kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới, các vùng biển đảo, duy trì và phát triển quan hệ hữu nghị với các nước láng giềng.

Chủ trương phát triển kinh tế biển của Đảng và Nhà nước đã và đang tạo ra thế trận làm chủ và động lực mới cho các hoạt động phát triển kinh tế kết hợp với bảo vệ biển đảo. Hằng năm, Nhà nước ta đã đầu tư khoản ngân sách khá lớn để xây dựng các công trình biển đảo ; triển khai Chương trình đánh bắt hải sản xa bờ, bước đầu đã làm thay đổi diện mạo và thực lực của ta cả về kinh tế và quốc phòng, an ninh, theo đúng tinh thần vươn ra làm chủ vùng biển. Hệ thống công trình hạ tầng : điện, đường, cầu cảng, âu tầu và các dịch vụ nghề cá ; hàng nghìn tàu thuyền đánh cá công suất từ 90 CV trở lên được đóng mới trong vòng 3 năm 1997 - 1999 và việc đẩy mạnh dân sự hóa đời sống các đảo đã thể hiện tinh thần đó. Đảng và Nhà nước ta đã quyết định thành lập lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam, là bước tiến quan trọng trong cải cách hành chính nhà nước, từng bước hoàn thiện tổ chức bộ máy cũng như các lực lượng chuyên trách quản lý, bảo vệ biên giới, biển,đảo.

Đề án tổng thể quân đội tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội gắn với xây dựng các khu vực quốc phòng - an ninh trên địa bàn chiến lược, biên giới, ven biển đang được các đơn vị quân đội tích cực triển khai. Đó là điều kiện hết sức quan trọng để quy hoạch dân cư, đưa dân ra làm chủ biên giới, xây dựng các trung tâm kinh tế, văn hóa, nhằm góp phần cải thiện và từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, kết hợp bảo đảm quốc phòng - an ninh ở địa bàn chiến lược, biên giới, ven biển.

2 - Tăng cường hiệu lực quản lý và bảo vệ của Nhà nước đối với địa bàn chiến lược biên giới, biển đảo. Bước đầu đã chuyển được nhận thức về vai trò, vị trí của khu vực chiến lược tuyến biên giới biển đảo và hoạch định chiến lược tổng thể đầu tư phát triển biên giới biển,đảo.

Nhà nước ta cố gắng thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ biên giới, biển - đảo bằng cách ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật. Đó là : Luật hàng hải, Luật hàng không dân dụng, Luật bảo vệ môi trường ; Pháp lệnh về Hải quan, Pháp lệnh về xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú, đi lại của người nước ngoài tại Việt Nam, Pháp lệnh Bộ đội biên phòng, Pháp lệnh về lực lượng Cảnh sát biển ; các luật, pháp lệnh trực tiếp thuộc lĩnh vực quốc phòng an ninh. Cùng với đó có Nghị quyết Quốc hội phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982, phê chuẩn Hiệp ước biên giới trên đất liền giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa cùng nhiều văn bản pháp quy của Chính phủ... Tất cả đã hình thành một hệ thống văn bản ngày càng hoàn thiện, góp phần quan trọng vào việc quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh trật tự biên giới đất liền, trên biển, đảo và tại các cửa khẩu.

3 - Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác, ổn định và phát triển.

Chính phủ và các cơ quan hữu quan có nhiều cố gắng giải quyết vấn đề biên giới, lãnh thổ ; đã ký 28 điều ước quốc tế và 9 văn kiện khác với Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, 20 điều ước quốc tế với Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và 19 điều ước quốc tế với Vương quốc Cam-pu-chia. Hiệp ước về biên giới trên đất liền với Cộng hòa nhân dân Trung Hoa mới được Quốc hội khóa X ra Nghị quyết phê chuẩn tại kỳ họp thứ 7 vừa qua.

Chính phủ đã chỉ đạo các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương chủ động phối hợp với các nước láng giềng để triển khai thực hiện những văn bản đã ký. Đồng thời thường xuyên trao đổi để cùng nhau xử lý các vấn đề nẩy sinh trên biên giới (kể cả đất liền và biển,đảo), góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Digitized by Google

Bên cạnh những kết quả đã đạt được nêu trên, trong xây dựng, bảo vệ và quản lý nhà nước về biên giới, biển,đảo cũng còn một số mặt tồn tại, yếu kém như :

- Nhận thức về vai trò, vị trí chiến lược của tuyến biên giới, biển,đảo của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân còn chậm, chưa theo kịp với những chuyển biến của tình hình mới. Việc quán triệt và tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về biên giới, biển đảo có lúc, có nơi chưa tốt.

Đây vừa là tồn tại, vừa là một trong những nguyên nhân làm cho tình hình kinh tế - xã hội ở khu vực biên giới, biển đảo phát triển chậm, chênh lệch khá xa so với đồng bằng và thành thị. Ở miền núi, vùng sâu, vùng xa nói chung và biên giới nói riêng kinh tế tự nhiên, nửa tự nhiên chiếm tỷ lệ cao, tình trạng du canh, du cư chưa được khắc phục. Đời sống vật chất và tinh thần của đại bộ phận dân cư (trừ một số thị xã, thị trấn khu dân cư tập trung) còn nhiều khó khăn, có nhiều vùng đặc biệt khó khăn. Nạn buôn lậu, gian lận thương mại, buôn bán ma túy, tội phạm ở khu vực biên giới vẫn diễn ra khá phổ biến. Lợi dụng hoàn cảnh đói nghèo, lạc hậu, dân trí thấp, thiếu thông tin, bọn phản động đã xâm nhập vào một số địa bàn vùng sâu, biên giới để tuyên truyền, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Chúng truyền đạo trái phép, kích động, chia rẽ tình đoàn kết các dân tộc, âm mưu chống phá cách mạng.

- Công tác đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ở biên giới, biển đảo thời gian qua chưa tương xứng với vị trí chiến lược của nó. Thêm vào đó, địa hình đồi núi, sông suối, kênh rạch chia cắt, nên việc phát triển sản xuất, giao lưu kinh tế của vùng sâu, vùng xa dọc tuyến biên giới càng khó khăn hơn. Hiện nay, nhiều đồn biên phòng chưa được xây dựng cơ bản, ô tô không đến được ; nhiều điểm dân cư và đồn biên phòng chưa có điện lưới quốc gia ; nhiều đồn biên phòng và điểm đảo không có nguồn nước sinh hoạt, phải khắc phục bằng khâu hứng nước mưa hoặc chở từ nơi khác đến.

- Các lực lượng hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới, biển,đảo còn bất cập về nhiều mặt so với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, nhất là trình độ hiểu biết về luật pháp và ngoại ngữ. Còn thiếu quy chế phối hợp giữa các lực lượng trên địa bàn nên hạn chế sức mạnh tổng hợp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ biên giới, biển,đảo. Còn thiếu chiến lược toàn diện về biên giới, biển, đảo nên các chính sách đã và đang được triển khai phần nhiều mang tính chất giải pháp tình thế, chưa cơ bản, thiếu đồng bộ và lâu dài.

Những tồn tại trên có cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Đó là, một số địa phương, đơn vị lực lượng chuyên trách trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý và bảo vệ biên giới, biển,đảo chưa kết hợp hài hòa hai chức năng cơ bản của biên giới là : *hàng rào pháp lý* và *không gian hợp tác,* nên hiệu quả công tác còn hạn chế. Có lúc, có nơi còn lúng túng trong xử lý, giải quyết những vụ việc phát sinh do phân định phạm vi chức năng, nhiệm vụ giữa lực lượng của trung ương và địa phương ; giữa các lực lượng cùng đóng trên địa bàn chưa rõ ràng, rành mạch. Trong tổ chức thực hiện còn dàn đều, thiếu tập trung dứt điểm. Những luật, pháp lệnh đã được ban hành có liên quan trực tiếp đến quản lý biên giới, biển đảo chậm được hướng dẫn thi hành.v.v

Qua nghiên cứu và giám sát tình hình quản lý nhà nước về an ninh biên giới, biển đảo, bước đầu chúng ta có thể rút ra một số kinh nghiệm chính sau :

1. Hoạt động quản lý và bảo vệ biên giới quốc gia chỉ thực sự có hiệu quả khi cấp ủy, chính quyền và các lực lượng chuyên trách trên từng địa bàn coi trọng công tác xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh, xây dựng "thế trận lòng dân", phát động được toàn dân tham gia giữ gìn và làm chủ biên giới. Thực tiễn đấu tranh chống xâm canh, xâm cư, lấn chiếm đất trên biên giới, xâm phạm vùng biển, đảo cho thấy, lực lượng đấu tranh có hiệu quả nhất không ai khác chính là nhân dân tại chỗ, có sự hậu thuẫn của các lực lượng chuyên trách của Nhà nước.

2. Nơi nào tình hình kinh tế - xã hội phát triển, giải quyết tốt những khó khăn về đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thì ở đó tình hình ổn định, tiềm lực quốc phòng, an ninh được tăng cường, nhân dân gắn bó với bản làng, hạn chế hiện tượng tiêu cực, làm liều, dẫn đến vi phạm pháp luật, buông lơi ý thức chủ quyền quốc gia.

Digitized by Google

3. Biên giới, biển,đảo là những vấn đề có tính nhạy cảm. Điều đó khiến chúng ta phải bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, tập trung, thống nhất với phương châm kiên trì, mềm dẻo nhưng kiên quyết, không nhân nhượng về chủ quyền lãnh thổ. Luôn đặt lợi ích quốc gia lên trên hết, tuân thủ chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước ta là xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, đoàn kết, hợp tác cùng phát triển ; tôn trọng độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của nhau. Như vậy chúng ta sẽ tạo được môi trường hòa bình, hữu nghị, ổn định và phát triển.

4. Với vai trò là nòng cốt trong nhiệm vụ quản lý và bảo vệ biên giới, biển,đảo, các đơn vị lực lượng chuyên trách tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với nhân dân, vững về chính trị, tinh thông nghiệp vụ, tận tụy trong công tác.

5. Phát huy hiệu lực của hành lang pháp lý về biên giới, biển đảo để bảo đảm tính thống nhất và liên tục trong hoạt động quản lý của Nhà nước đối với lĩnh vực quan trọng này.

*

* *

Hiện nay chúng ta đang bước vào thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Điều đó đòi hỏi tăng cường nguồn lực con người, phát triển năng lực khoa học và công nghệ, xây dựng kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng - an ninh, đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp có đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên một bước đáng kể. Để thực hiện được mục tiêu này, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta ra sức phấn đấu trên nhiều mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, trong đó có nhiệm vụ bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ vững chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ. Vấn đề quản lý nhà nước về biên giới, biển,đảo cũng được đặt ra trước những đòi hỏi và yêu cầu mới.

Một là, Nhà nước tiếp tục bổ sung hoàn chỉnh chiến lược xây dựng và phát triển toàn diện về biên giới quốc gia, chiến lược phát triển kinh tế biển đảo, trong đó xác định rõ yêu cầu kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh. Cụ thể là xây dựng củng cố nền biên phòng toàn dân, trên cơ sở nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp với thế trận an ninh nhân dân, tạo sức mạnh tổng hợp để quản lý, bảo vệ biên giới, biển,đảo. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện đối với biên giới, biển đảo, tương xứng với vị trí chiến lược quan trọng của nó. Ban hành mới và sửa đổi, bổ sung những văn bản pháp luật cần thiết. Kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh có liên quan. Phát huy tính năng động, sáng tạo và nội lực của từng địa phương với tinh thần trung ương và địa phương cùng làm.

Hai là, tập trung nỗ lực chăm lo cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc ở khu vực biên giới, biển,đảo, là điều kiện cần thiết để giải quyết các vấn đề khác góp phần giữ vững an ninh biên giới, biển,đảo. Trong quá trình triển khai các chương trình, mục tiêu kinh tế, cần coi trọng nhiệm vụ củng cố quốc phòng - an ninh tại các địa bàn ; làm chuyển biến nhận thức của các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương, cơ sở, coi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ biên giới, biển đảo là một bộ phận hữu cơ trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Xác định trách nhiệm xây dựng, giữ gìn biên cương Tổ quốc là nhiệm vụ của toàn dân, của cả hệ thống chính trị. Phấn đấu tăng trưởng kinh tế ở miền núi, khu vực biên giới với mức cao hơn mức bình quân chung của cả nước. Giảm khoảng cách chênh lệch giữa khu vực biên giới với các vùng khác. Thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo đói, theo tinh thần Nghị quyết của Quốc hội về nhiệm vụ năm 2000. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân ; bảo đảm đa số nhân dân vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo được xem truyền hình. Chăm lo xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh, địa bàn dân cư trong sạch ; hoàn thành có chất lượng chương trình xây dựng trung tâm cụm xã miền núi, vùng cao ; phát huy vai trò hạt nhân của các đồn biên phòng. Tăng cường cán bộ cho cơ sở, đào tạo cán bộ người dân tộc theo địa chỉ. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, kết hợp với bố trí lại dân cư, đưa dân ra sát biên giới ; áp dụng chính sách khuyến khích đặc biệt, tạo điều kiện để họ làm ăn sinh sống, trụ vững ở biên giới. Đồng thời, tập trung xây dựng các trung tâm kinh tế, văn hóa như : thị trấn, thị tứ, trung tâm thương mại, khu kinh tế mở, khu kinh tế quốc phòng... tạo sự tác động tương hỗ, thúc đẩy nhau phát triển.

Digitized by Google

Nhà nước dành một tỉ lệ ngân sách tương xứng để xây dựng khai thác thế mạnh của biển đảo. Thực tế nguồn ngân sách hiện nay của Chương trình biển Đông - hải đảo rất hạn hẹp, so với một số nước trong khu vực. Tiếp tục xây dựng, củng cố các tuyến phòng thủ biển đảo. Có kế hoạch khảo sát bố trí dân ở các đảo có vị trí quan trọng. Có chính sách thỏa đáng khuyến khích ngư dân sắm ngư cụ tàu thuyền đánh bắt hải sản xa bờ. Tổ chức bao tiêu sản phẩm, các hoạt động dịch vụ bảo đảm ngư dân yên tâm làm ăn trên biển, đảo, phát triển các đoàn tàu quốc doanh đánh bắt xa bờ. Tổ chức tốt lực lượng dân quân tự vệ biển, phối hợp chặt chẽ các lực lượng hoạt động trên biển, tạo sức mạnh tổng hợp để giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, bảo đảm an ninh trật tự trên biên giới, biển, đảo.

Ba là, tiếp tục nâng chất lượng tổng hợp các lực lượng chuyên trách quản lý, bảo vệ, đủ sức làm chủ biên giới, đất liền và trên biển. Trước mắt, ưu tiên bồi dưỡng về chính trị, pháp lý và ngoại ngữ, đi đôi với mua sắm trang bị, phương tiện, nhất là trang bị, phương tiện đặc chủng cho từng lực lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Sớm ban hành quy chế phối hợp các lực lượng tham gia hoạt động quản lý biên giới, trên biển, khắc phục tình trạng nhiều lực lượng tham gia, nhưng không mạnh, vì thiếu sự phối hợp, chỉ đạo thống nhất, mạnh ai nấy làm.

Bốn là, xúc tiến đàm phán, giải quyết cơ bản những vấn đề pháp lý về biên giới trên bộ với các nước láng giềng. Phấn đấu sớm đi đến ký kết phân định vịnh Bắc Bộ với nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa trong năm 2000 và phân định ranh giới biển với các nước có liên quan, nhằm đạt được giải pháp cơ bản, lâu dài về biển Đông. Tích cực phối hợp với các nước trong việc đấu tranh chống tội phạm quốc tế, nhất là tội phạm ma túy và cướp biển nhằm xây dựng môi trường hòa bình, hữu nghị và hợp tác cùng có lợi.

Năm là, tổng kết thực tiễn hoạt động quản lý nhà nước về biên giới, biển đảo làm cơ sở để nghiên cứu mô hình tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về biên giới, biển đảo đúng tầm là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ, chủ trì quản lý và bảo vệ biên giới, biển đảo, vừa phù hợp với tình hình mới, vừa tương xứng với vai trò, vị trí hết sức quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.❑

CHẶNG ĐƯỜNG...

(Tiếp theo trang 25)

kinh nghiệm, xuất khẩu lao động, đào tạo nghề, tìm đối tác đầu tư và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

4. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", chú ý đến vùng sâu, vùng cao và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Hướng phong trào vào xây dựng các công trình điện, đường, trường, trạm, chợ nông thôn. Những nơi có điều kiện cần đẩy mạnh việc cứng hóa mặt đường, bê tông hóa kênh mương. Gắn việc xây dựng kết cấu hạ tầng với quy hoạch theo hướng đô thị hóa nông thôn.

5. Nhân rộng các điển hình tiên tiến về văn hóa, xã hội, xây dựng người nông dân mới xã hội chủ nghĩa. Phát huy quyền làm chủ của giai cấp nông dân trong việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, phát triển mạnh các tổ hòa giải, kịp thời giải quyết những thắc mắc và khiếu kiện của nông dân ngay từ cơ sở. Nâng cao ý thức công dân trong việc giữ gìn kỷ cương, phép nước, trách nhiệm xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, tăng cường mối tương thân, tương ái, đoàn kết ở nông thôn. Đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng gia đình văn hóa, làng, xã văn hóa, thực hiện việc cưới, việc tang và lễ hội văn minh, tiến bộ, góp phần thực hiện tốt cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Tiếp tục phát triển phong trào văn nghệ, thể dục, thể thao, nâng cao đời sống tinh thần và thể lực của nông dân. Nhân rộng mô hình gia đình 2 con và chi, tổ, Hội không có người sinh con thứ ba, gắn liền với việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của nông dân và góp phần hạ tỷ lệ tăng dân số ở nông thôn. Tuyên truyền sâu rộng trong nông dân về phòng, chống các tệ nạn xã hội, tham gia chống buôn lậu, đề cao cảnh giác chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, góp phần tích cực vào việc giữ gìn an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.❑

Digitized by Google

ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

MAI VĂN DẬU *

Thực hiện chủ trương của Đảng về việc đa dạng hóa thị trường, đa phương hóa quan hệ kinh tế.. gia nhập các tổ chức và hiệp hội kinh tế quốc tế khi cần thiết và có điều kiện, nước ta đã trở thành thành viên đầy đủ của ASEAN và AFTA vào năm 1995, của ASEM vào năm 1996 và của APEC vào năm 1998. Với WTO, nước ta trở thành quan sát viên từ năm 1995 và hiện đang trong quá trình đàm phán để gia nhập tổ chức này. Gần đây, sau hơn 4 năm đàm phán, Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ đã được ký kết theo những tiêu chuẩn của WTO, đánh dấu một bước mới trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Những sự kiện đó, kết hợp với nhu cầu nội tại của nền kinh tế, đã và đang gợi ra những yêu cầu mới cho chính sách thương mại.

Có thể nói hội nhập kinh tế quốc tế là nhu cầu cần thiết của quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Sự lớn mạnh của lực lượng sản xuất khiến thị trường nội địa trở nên nhỏ hẹp, buộc các quốc gia phải ngồi lại với nhau để tìm cách khơi thông dòng chảy của hàng hóa, dịch vụ, đồng vốn và sức lao động. Họ đấu tranh và thỏa hiệp với nhau nhằm mở rộng hơn nữa thị trường cho phát triển kinh tế. Xét cả về phương diện nhu cầu phát triển của bản thân, cả về phương diện "buôn có bạn, bán có phường", Việt Nam không thể đứng ngoài xu thế này.

Hội nhập kinh tế tạo điều kiện cho các quốc gia tận dụng được lợi thế so sánh của mình. Tăng trưởng kinh tế, nhờ vậy, trở nên ổn định và bền vững hơn, nguồn lực được phân bổ một cách có hiệu quả hơn. Tuy nhiên, hội nhập cũng làm gia tăng tình trạng phụ thuộc lẫn nhau và đặt ra những thách thức gay gắt, nhất là cho các nước đang phát triển. Đối với Việt Nam, cơ hội và thách thức trong quá trình hội nhập đều lớn bởi một mặt nước ta mở rộng được thêm thị trường, mặt khác sẽ phải chịu cạnh tranh gay gắt do năng lực cạnh tranh và tính năng động của nền kinh tế còn yếu ; cơ cấu kinh tế và cơ cấu đầu tư còn nhiều bất hợp lý ; nguồn lực phát triển tuy còn nhiều nhưng cơ chế huy động lại chưa thật sự hoàn thiện, nên hiệu quả huy động chưa cao ; tư duy kinh doanh và tư duy quản lý còn nặng về thụ động... Tất cả những yếu tố đó đã và đang đặt ra bài toán không mấy dễ dàng cho việc hoạch định chính sách, trong đó có chính sách thương mại.

Để có thể vượt qua những thách thức gay gắt, chủ động hội nhập một cách thành công trên cơ sở phát huy nội lực và ý chí tự lực, tự cường, xin thử đề xuất một số định hướng cho chính sách thương mại trong thời gian tới, cụ thể là các chính sách có liên quan đến hoạt động xuất, nhập khẩu.

1. Chú trọng hơn tới mục tiêu nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, hay nói cách khác là bên cạnh tốc độ tăng trưởng cần chú ý hơn tới chất lượng tăng trưởng.

Cho tới nay xuất, nhập khẩu thường được bàn nhiều hơn về mặt số lượng. Các chỉ tiêu như kim ngạch, tốc độ tăng trưởng, tỷ trọng nhập siêu... rất được quan tâm trong khi các vấn đề mang tính quyết định như chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh chỉ được đề cập đến một cách rất chung, không được chi tiết hóa thành các biện pháp cụ thể trong tất cả các khâu từ đầu tư đến quản lý sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm. Tư duy chỉ chú trọng chạy theo giá trị kim ngạch cần được thay đổi. Toàn bộ các biện pháp, đặc biệt là các

* Thứ trưởng thường trực Bộ Thương mại

Digitized by Google

biện pháp khuyến khích xuất khẩu, cần được tập trung vào việc nâng cao chất lượng, hiệu quả cũng như sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam. Chất lượng và hiệu quả nói đến ở đây là chất lượng và hiệu quả của hoạt động chung, không phải của một sản phẩm cụ thể hay một giao dịch cụ thể. Hoạt động xuất, nhập khẩu sẽ được coi là có chất lượng khi nó được tiến hành một cách bài bản, dựa trên những tính toán với tầm nhìn dài hạn. Còn hiệu quả của hoạt động xuất, nhập khẩu sẽ được thể hiện qua các chỉ số như hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào, mức độ đóng góp cho GDP và mức độ "đầu tàu" trong việc lôi kéo, thúc đẩy các ngành công nghiệp khác cùng phát triển v..v.

Về sức cạnh tranh, có thể có hai hướng đi. Hướng đi thứ nhất là dựa vào các lợi thế có sẵn như lao động, tài nguyên, vị trí địa lý... Hướng đi thứ hai là dựa vào các lợi thế có được nhờ nâng cao năng lực trong việc cắt giảm chi phí bình quân và hợp lý hóa quy trình sản xuất, kinh doanh. Hướng thứ nhất có phần thụ động và chỉ có tác dụng ngắn hạn. Hướng thứ hai chủ động hơn và có tác dụng lâu dài hơn. Đó chính là điểm mấu chốt của vấn đề. Các biện pháp khuyến khích trong thời gian tới đây cần chú trọng hơn tới hướng thứ hai, tức là bằng mọi cách tạo môi trường thích hợp để thúc đẩy doanh nghiệp đi theo hướng chủ động, xóa bỏ chiến lược kinh doanh thụ động, ỷ lại như hiện nay. Chỉ có như vậy hoạt động xuất, nhập khẩu mới có được những thay đổi về chất so với thời kỳ trước đây. Việc tạo ra những ngành hàng mới, hay dịch chuyển cơ cấu hàng xuất theo hướng tăng nhanh tỷ trọng của hàng đã qua chế biến và hàng có hàm lượng nội địa cao sẽ mang lại những thay đổi về chất nhưng, suy cho cùng, chỉ là hệ quả của mệnh đề nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh mà thôi.

2. Coi xuất khẩu là hướng ưu tiên và trọng điểm của hoạt động kinh tế đối ngoại.

Cho đến nay, xét trên các chỉ tiêu kinh tế, Việt Nam vẫn là một trong những nước nghèo của thế giới. Để có thể vươn lên đạt trình độ phát triển ngang tầm với các quốc gia khác, ít nhất là với các quốc gia trong khu vực, chúng ta cần phải đạt nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững trong một thời gian tương đối dài. Định hướng quá thiên về thay thế nhập khẩu, như kinh nghiệm của nhiều nước đã chỉ ra, có thể mang lại tốc độ tăng trưởng cao nhưng không thật sự bền vững. Đến một giai đoạn nhất định, thị trường nội địa, do sức mua hạn chế, sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực tới tốc độ tăng trưởng. Bên cạnh đó, do chịu sức ép cạnh tranh, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất sẽ không cao. Đồng thời, không một nước nào có đủ khả năng tự làm được mọi thứ, vẫn phải nhập khẩu máy móc, thiết bị và cả vật tư, không đẩy mạnh xuất khẩu thì khó bề bảo đảm. Phát triển theo hướng xuất khẩu thì sản xuất có thể đạt đến quy mô kinh tế và việc sử dụng các nguồn lực được tối ưu hóa, qua đó bảo đảm nhịp độ tăng trưởng cao và bền vững trong một thời gian tương đối dài.

Hiện nay đang có ý kiến cho rằng ranh giới giữa "hướng về xuất khẩu" và "thay thế nhập khẩu" đã mờ đi do có sự liên thông giữa thị trường trong nước và thị trường ngoài nước. Vì vậy, không nên đặt ra vấn đề "hướng về xuất khẩu" hay "thay thế nhập khẩu". Chiến lược duy nhất đúng là lựa chọn sản phẩm có thị trường tiêu thụ (cả trong nước, cả ngoài nước), tập trung đầu tư phát triển và nâng cao sức cạnh tranh trên cơ sở các lợi thế có sẵn như sức lao động, tài nguyên thiên nhiên và vị trí địa lý. Nếu có sức cạnh tranh, vấn đề đầu ra sẽ mặc nhiên được giải quyết.

Cách nhìn nhận vấn đề như vậy cũng có lý. Tiến trình toàn cầu hóa và khu vực hóa đúng là đã làm ranh giới giữa thị trường trong nước và thị trường ngoài nước mờ đi. Nội hàm của các khái niệm như "hướng về xuất khẩu" và "thay thế nhập khẩu", vì vậy, cũng đã có sự thay đổi. Hai chiến lược này, trong những điều kiện nhất định, không nhất thiết phải loại trừ nhau mà có thể bổ sung cho nhau để tạo thành động lực tăng trưởng chung. Vấn đề cốt lõi là sức cạnh tranh. Nếu đã có sức cạnh tranh thì một sản phẩm có thể duy trì được chỗ đứng của mình trên cả thị trường trong và ngoài nước. Sự phát triển sản phẩm đó sẽ vừa mang ý nghĩa hướng về xuất khẩu, vừa có tác dụng thay thế nhập khẩu. Tuy nhiên, quan điểm "chiến lược song hành" này cần tính đến một vài khía cạnh sau :

Thứ nhất, nếu cơ sở của sức cạnh tranh chỉ là các lợi thế có sẵn như lao động và tài nguyên, thì kết quả của sự lựa chọn sẽ vẫn là hướng về xuất khẩu, theo đúng lý thuyết về lợi thế so sánh. Chỉ khi trình độ phát triển của quốc gia đã lên tới một

Digitized by Google

mức nào đó, kéo theo sự phát triển của công nghệ, mới có thể bắt đầu quá trình "thay thế nhập khẩu" song song với "hướng về xuất khẩu". Nói cách khác, ranh giới giữa "thay thế nhập khẩu" và "hướng về xuất khẩu" sẽ chỉ mờ đi khi một quốc gia đã tiến hành thành công giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa.

Thứ hai, sức cạnh tranh của sản phẩm, có được nhờ công nghiệp hóa, sẽ chỉ duy trì được dài hạn nếu môi trường công nghiệp hóa là môi trường cạnh tranh tương đối hoàn hảo, tức là không có các rào cản gây lệch lạc cho tính toán về chi phí và giá thành. Đối với nước ta, việc xây dựng một môi trường như vậy còn là một quá trình.

Thứ ba, trong những điều kiện chưa chín muồi, khó xác định được ranh giới giữa hai chiến lược "hướng về xuất khẩu" và "thay thế nhập khẩu", dễ nảy sinh tình trạng định hướng không rõ ràng, gây bị động, lúng túng trong điều hành, gây lãng phí và lệch lạc trong đầu tư. Nguy hiểm hơn, nếu chiến lược "thay thế nhập khẩu" được thực thi chủ yếu dựa vào các rào cản thương mại, không dựa trên các tính toán về chi phí và giá thành trong môi trường cạnh tranh thì cả hai chiến lược sẽ khó thu được kết quả như mong muốn. Hiệu quả của "thay thế nhập khẩu" sẽ rất hạn chế. Xuất khẩu cũng rất khó phát triển, bởi trong bối cảnh toàn cầu hóa và khu vực hóa như hiện nay, sẽ không thể có thị trường xuất khẩu một khi vẫn đóng cửa thị trường của mình.

Như vậy, vẫn tồn tại nhu cầu làm rõ và cụ thể hóa nội dung của "hướng về xuất khẩu" và "thay thế nhập khẩu".

3. Bảo đảm mục tiêu chủ động thâm nhập thị trường quốc tế theo nguyên tắc đa phương hóa.

Chủ động thâm nhập thị trường quốc tế, trong chừng mực nào đó, là một khía cạnh của nâng cao sức cạnh tranh. Nếu sức cạnh tranh được xác định theo nghĩa "chủ động" thì khâu cuối cùng của hoạt động sản xuất - kinh doanh, tức là khâu thâm nhập thị trường, cũng mặc nhiên có được tính chủ động cần thiết, khắc phục được đồng thời cả hai biểu hiện "phó mặc cho doanh nghiệp" và "ỷ lại vào Nhà nước". Tuy nhiên, do môi trường kinh doanh quốc tế chưa thật sự hoàn hảo và rào cản thương mại còn tồn tại khá nhiều, nên nếu chỉ có sự chủ động từ phía các doanh nghiệp thì chưa đủ. Nhà nước cần có sự trợ giúp nhất định thông qua việc hoạch định chiến lược và tổ chức thâm nhập thị trường một cách có bài bản.

Đa phương hóa không có nghĩa là dàn đều tỷ trọng của các thị trường, bởi chỉ riêng các yếu tố góp phần xác định luồng chu chuyển của hàng hóa như vị trí địa lý, truyền thống thương mại, văn hóa... đã không cho phép chúng ta làm như vậy. Đa phương hóa cần được hiểu theo nghĩa rộng, phần nào mang tính tương đối, là cân bằng quan hệ với các đối tác chủ yếu, tránh lệ thuộc quá nhiều vào một bạn hàng nào đó. Nguyên tắc này là hết sức quan trọng, không những đối với hoạt động xuất, nhập khẩu mà còn đối với cả tiến trình hội nhập của nước ta. Bởi, Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế trong điều kiện có sự khác biệt về chế độ chính trị, cục diện kinh tế thế giới chứa đựng nhiều nhân tố khó xác định. Vì vậy, cần tránh mở rộng thị trường một cách quá mức về những hướng tiềm ẩn nguy cơ bất lợi về lâu dài.

Một nguyên tắc nữa của đa phương hóa là duy trì nhịp độ tăng trưởng trên tất cả các thị trường. Nói chung, cần đạt được tỷ trọng thị trường hợp lý thông qua kích thích nhịp độ tăng trưởng trên tất cả các thị trường trọng điểm, không phải đơn thuần dịch chuyển kim ngạch từ nơi này sang nơi khác.

4. Khai thác triệt để thế mạnh của chính sách kinh tế nhiều thành phần để tăng cường tính năng động và khả năng thích ứng nhanh.

Một trong những hệ quả tất yếu của hội nhập kinh tế quốc tế là chuyển dịch cơ cấu và bố trí lại các nguồn lực trong nước. Dưới sức ép của cạnh tranh, một ngành sản xuất không hiệu quả có thể sẽ phải mất đi để nhường chỗ cho một ngành khác có hiệu quả hơn. Quá trình này sẽ diễn ra một cách suôn sẻ hơn và với chi phí thấp hơn, nếu nền kinh tế có được tính năng động và khả năng thích ứng cần thiết.

Kinh nghiệm của một số nền kinh tế chuyển đổi cho thấy các doanh nghiệp lớn, cồng kềnh thường gặp nhiều khó khăn hơn trong việc chuyển đổi định hướng sản xuất - kinh doanh. Trong khi đó, các nền kinh tế bao gồm phần lớn là các doanh nghiệp nhỏ và vừa lại thường tỏ ra năng động hơn và thích ứng tốt hơn với sự thay đổi của tình hình.

Digitized by Google

Hiện chưa có lý thuyết nào khẳng định điều này là quy luật, nhưng rõ ràng là tính năng động và khả năng thích ứng nhanh của một nền kinh tế (hoặc của một khu vực kinh tế) có ảnh hưởng rất lớn đến sự thành bại của tiến trình hội nhập.

Đối với nước ta, hai đặc tính này sẽ được tăng cường nếu khai thác được hết thế mạnh của chính sách kinh tế nhiều thành phần. Trước hết, số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa ngoài quốc doanh chiếm đa số áp đảo trong tổng số các doanh nghiệp đã và đang hình thành trong nền kinh tế. Thứ hai, trong khi các doanh nghiệp quốc doanh, đặc biệt là các doanh nghiệp thương mại, tỏ ra hết sức lúng túng trong việc chuyển đổi định hướng sản xuất - kinh doanh thì các doanh nghiệp ngoài quốc doanh lại tỏ ra khá năng động trong lĩnh vực này. Họ âm thầm tiến hành quá trình dịch chuyển cho đến khi tìm được hiệu quả, không đòi hỏi phải bù lỗ, không yêu cầu trợ giúp trong các vấn đề có liên quan đến lao động, đất đai, tài sản cố định... Với ưu điểm đó, có lẽ đã đến lúc phải nhìn nhận một cách đúng đắn hơn về vai trò của kinh tế ngoài quốc doanh. Chính sách thương mại một mặt cần thúc đẩy việc nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp quốc doanh, mặt khác cần khuyến khích sự phát triển của các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, trong đó đặc biệt chú trọng tới các doanh nghiệp nhỏ và vừa để tận dụng triệt để tiềm năng và khả năng thích ứng nhanh của các doanh nghiệp này.

Vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh cần được hiểu theo nghĩa "chất lượng" hơn là "số lượng". Vị trí của các doanh nghiệp quốc doanh cần được thể hiện ở chỗ : xuất hiện tại những vị trí then chốt trong những thời điểm then chốt nhằm cung ứng hàng hóa và các dịch vụ cơ bản cho nền kinh tế, tạo những bước đột phá mang tính tiền đề cho kinh tế phát triển.

5. Hướng tới một sự thay đổi căn bản về đối tượng và phương thức quản lý nhập khẩu.

Hiện nay, để điều tiết hàng hóa xuất, nhập khẩu, chúng ta còn đang sử dụng nhiều công cụ hành chính như cấm, tạm ngừng, ra hạn ngạch, định chỉ tiêu, cấp giấy phép không tự động, tính phụ thu và giá thuế tối thiểu. Các công cụ này đều là đối tượng phải bãi bỏ dần từng bước trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

So với thực tiễn quản lý phổ biến trên thế giới thì nước ta chưa áp dụng các công cụ như : hạn ngạch thuế quan, thuế tuyệt đối, thuế theo mùa vụ, thuế chống phá giá và thuế chống trợ cấp. Cơ chế quản lý xuất, nhập khẩu cũng chưa đề cập đến nguyên tắc và thẩm quyền ban hành các biện pháp phòng vệ trong trường hợp khẩn cấp. Đây là những công cụ được các tổ chức thương mại quốc tế và khu vực thừa nhận, chí ít là cũng không đặt ra yêu cầu xóa bỏ. Vì vậy, định hướng cơ bản của cơ chế quản lý trong thời kỳ 2001 - 2005 sẽ là giảm dần các công cụ phi thuế quan thuộc nhóm thứ nhất (nhóm ta đang áp dụng) và tăng dần các công cụ thuộc nhóm thứ hai này. Tỷ trọng của thuế nhập khẩu trong cơ cấu nguồn thu ngân sách cũng cần phải được giảm dần để tránh thiếu hụt nguồn thu, khi nước ta thực hiện giảm thuế theo lộ trình đã cam kết, thí dụ như với AFTA.

Quan trọng hơn cả, cần nhanh chóng khắc phục sự mất cân đối về đối tượng bảo hộ. Nhìn vào danh mục hàng hóa nhập khẩu có điều kiện, có thể nhận thấy rất rõ tỷ trọng áp đảo của các sản phẩm công nghiệp. Việc nhập khẩu nông sản vào nước ta là khá dễ dàng (không hạn ngạch, không giấy phép) trong khi các nước trên thế giới, nhất là các nước phát triển, đều tìm mọi cách để bảo hộ sản xuất nông nghiệp trong nước.

Trên thực tế, một nước càng phát triển sẽ càng mất đi lợi thế về sản xuất nông nghiệp, chủ yếu do chi phí đầu vào tăng. Nhu cầu bảo hộ sản xuất nông nghiệp, vì vậy, tăng theo thời gian và tỷ lệ thuận với trình độ phát triển. Chính sách thương mại trong thời gian tới cần hết sức lưu ý đến yếu tố này để có sự điều chỉnh phù hợp. Nếu không, sau khi gia nhập WTO, việc bảo hộ sản phẩm nông nghiệp của ta có thể sẽ gặp khó khăn.

Trên đây là một số suy ngẫm về định hướng chính sách thương mại trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Những vấn đề cơ bản này (hiệu quả và sức cạnh tranh, tính năng động và khả năng thích ứng nhanh, ranh giới giữa "hướng về xuất khẩu" và "thay thế nhập khẩu", đa phương hóa, đối tượng và phương thức quản lý), sau khi được bàn bạc thống nhất, có thể trở thành cơ sở cho việc hoạch định một hệ thống chính sách thương mại đồng bộ, phù hợp với đòi hỏi của tình hình, tận dụng được những tác dụng tích cực của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.❑

Digitized by Google

CÁC GIẢI PHÁP VỀ KINH TẾ - TÀI CHÍNH ĐỂ DOANH NGHIỆP NGOÀI QUỐC DOANH PHÁT TRIỂN

PHẠM PHAN DŨNG *

Gần 10 năm qua, khu vực kinh tế tư nhân đã phát triển và đóng góp 60% GDP. Đó là dấu hiệu rất đáng mừng, biểu hiện sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo chủ trương phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần của Đảng đã và đang đi vào cuộc sống. Tuy nhiên, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (DNNQD) bao gồm công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty tư nhân... cũng mới chỉ đóng góp ở mức khiêm tốn (khoảng 10% GDP). Mặc dù chiếm tỷ trọng nhỏ so với doanh nghiệp nhà nước (DNNN) trong nền kinh tế, nhưng trong tương lai chính các doanh nghiệp này sẽ góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nghị quyết số 16 ngày 15-7-1987 của Bộ Chính trị, lần đầu tiên đã thừa nhận khu vực kinh tế ngoài quốc doanh. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) cũng đã xác định : "Tiếp tục cụ thể hóa chủ trương nhất quán xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa" (1). Các chủ trương, quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân cũng đã được thực hiện bằng Luật công ty và Luật doanh nghiệp tư nhân, và nay được thay bằng Luật doanh nghiệp. Như vậy, trên thực tế Nhà nước đã tạo khuôn khổ pháp lý cho việc thừa nhận sự tồn tại lâu dài và phát triển của khu vực kinh tế tư nhân.

Tuy nhiên, trong thời gian qua, bên cạnh những chủ trương biện pháp mà Đảng và Nhà nước đã đề ra để thúc đẩy nền kinh tế phát triển, thì một số chính sách kinh tế - tài chính đối với các DNNQD còn bộc lộ nhiều hạn chế. Các thành phần kinh tế chưa thật sự bình đẳng trước pháp luật, một số chế độ, biện pháp ưu đãi chưa thật sự hấp dẫn để thúc đẩy các DNNQD hăng hái, yên tâm, mạnh dạn đầu tư vốn vào sản xuất kinh doanh ; việc tiếp cận với các nguồn lực phát triển (vốn, đất đai, lao động...) và nguồn thông tin về thị trường còn hạn chế. Tỷ lệ tín dụng dành cho DNNQD còn bị hạn chế (cả về thế chấp để vay vốn, lãi suất lẫn mức tiền được vay...). Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, việc sử dụng đất và tài sản gắn với đất làm tài sản thế chấp ; quyền sử dụng đất của khu vực tư nhân có giá trị tương đối thấp, sử dụng giá trị quyền sử dụng đất của DNNQD trong đầu tư liên doanh với doanh nghiệp nước ngoài... vẫn còn nhiều hạn chế.

Từ nay đến năm 2005, ở nước ta với xu hướng hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, các doanh nghiệp sẽ phải đương đầu với những thách thức :

Một là, hệ thống cô-ta xuất khẩu trong quan hệ thương mại quốc tế dự kiến sẽ được bãi bỏ vào ngày 1-1-2005 theo thỏa thuận ngành dệt của Tổ chức thương mại thế giới (WTO).

Hai là, Việt Nam sẽ xóa bỏ hàng rào thương mại phi thuế quan và giảm thuế nhập khẩu xuống 5% hoặc thấp hơn cho phù hợp với quy định của AFTA vào ngày 1-1-2006, hạn chế định lượng và kiểm soát ngoại hối, mở rộng hơn con đường tiếp cận của bên ngoài vào thị trường nội địa. Do đó công nghiệp thay thế nhập khẩu, chủ yếu các doanh nghiệp được Nhà nước bảo hộ sẽ chịu những tác động lớn.

Ba là, khi Việt Nam trở thành thành viên của WTO, chúng ta bắt buộc phải tuân theo những hướng dẫn của WTO vào năm 2010 hoặc sau đó.

---

* Phó vụ trưởng, Vụ chính sách tài chính., Bộ Tài chính

(1) *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr 72

Digitized by Google

Do vậy, Nhà nước cần tạo ra những cơ hội kinh doanh bình đẳng cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Điều đáng chú ý là các lợi ích mà hiện nay một số các doanh nghiệp được độc quyền lúc đó sẽ bị xóa bỏ.

Như đã nêu trên, nếu các DNNQD bị bỏ lại đằng sau thì doanh nghiệp nước ta khó có thể gánh vác được trọng trách của nó trong nền kinh tế Việt Nam vào năm 2005 và sau đó, khi mà các thử thách khốc liệt bắt đầu. Do đó, việc thúc đẩy các DNNQD phát triển là vấn đề cấp thiết.

Một số quan điểm chung

Trong giai đoạn từ năm 2000 - 2005, với mục tiêu khuyến khích các doanh nghiệp phát triển kinh doanh trong môi trường có tính cạnh tranh cao, theo tôi cần tập trung vào một số vấn đề sau :

- Chính sách kinh tế - tài chính đối với các doanh nghiệp phải gắn với định hướng phát triển chung của đất nước, của từng vùng lãnh thổ và quy hoạch phát triển tổng thể của từng ngành, từng nhóm. Ở nước ta, đất đai nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn. Nền kinh tế thị trường phát triển sẽ dẫn tới sự di dân ồ ạt từ khu vực nông thôn vào các thành phố lớn. Do vậy, cần ổn định xã hội bằng cách phát triển kinh tế để tạo việc làm ở khu vực nông thôn nhằm tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo.

- Mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh theo hướng xây dựng một môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp, bảo đảm quyền tự do cạnh tranh của doanh nghiệp, bảo đảm sự bình đẳng thông qua sự phát triển cân đối giữa các vùng, giữa thành thị với nông thôn, chú trọng phát triển vào vùng cao, vùng sâu, vùng xa.

- Chính sách kinh tế - tài chính cần tạo điều kiện huy động tối đa các nguồn lực phát triển như vốn, đất đai, nhân lực, thông tin và công nghệ kể cả trong và ngoài nước. Trước mắt, cần có các giải pháp để huy động các nguồn vốn sẵn có (nội lực) trong các tổ chức tín dụng, trong dân cư để đưa vào đầu tư phát triển, đồng thời tranh thủ tốt hơn nguồn lợi từ bên ngoài.

- Cơ chế chính sách của Nhà nước cần tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế khai thác được các lợi thế so sánh của nền kinh tế, tạo điều kiện để doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư đổi mới trang thiết bị, điều chỉnh cơ cấu sản xuất, nâng cao hiệu quả, đáp ứng được sự thay đổi trong tương lai về điều kiện cạnh tranh quốc tế theo lộ trình hội nhập. Nâng cao chất lượng của các ngành dịch vụ và tiêu chuẩn của sản phẩm hàng hóa nhằm tăng khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước với các nguồn hàng hóa khác.

- Khuyến khích sự phát triển của các thành phần kinh tế, trên cơ sở nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN, xóa bỏ sự bao cấp, để các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế được cạnh tranh lành mạnh, phát triển kinh doanh.

Cần thực hiện một số giải pháp về kinh tế - tài chính như sau :

1 - Tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp lý về kinh tế - tài chính nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, bảo đảm được khả năng hội nhập quốc tế của doanh nghiệp. Việc hoàn thiện hệ thống pháp luật cần phù hợp với quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường. Xây dựng môi trường kinh doanh bình đẳng, thông thoáng cho tất cả các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong việc tiếp cận với nguồn vốn, đất đai, lao động, công nghệ và thông tin thị trường theo hướng : cơ chế chính sách phải đồng bộ. Xóa bỏ những phân biệt đối xử về tín dụng, thuế, giá thuê đất và các ưu đãi khác... giữa các doanh nghiệp ; ban hành một Luật doanh nghiệp, Luật khuyến khích đầu tư áp dụng chung cho cả doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Chủ động giảm dần bảo hộ đối với các ngành kinh tế trong nước, tạo môi trường cạnh tranh để thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển. Giảm dần, đi tới xóa bỏ các hàng rào phi thuế quan, thực hiện công khai, rõ ràng chính sách trong lĩnh vực thuế (chỉ bảo hộ thông qua thuế quan). Công bố lịch trình cắt giảm thuế quan để các doanh nghiệp chủ động trong kinh doanh.

2 - Phát triển đầy đủ và đồng bộ các thị trường nhân tố sản xuất. Khả năng tiếp cận của các doanh nghiệp đối với các nhân tố sản xuất (vốn, đất đai, lao động, thông tin...) với phí tổn thấp là một trong

Digitized by Google

những nhân tố hàng đầu tác động đến khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Trong giai đoạn hiện nay, chúng tôi thấy cần chú trọng đến vai trò của thị trường trong việc phân bổ các nguồn lực sản xuất, biểu hiện ở một số lĩnh vực :

+ Thị trường tài chính (bao gồm cả các loại hình dịch vụ tài chính, tín dụng) : Thị trường tài chính đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế. Tìm ra hướng giải quyết vấn đề nguồn vốn đầu tư cho các doanh nghiệp cần được đặt lên vị trí ưu tiên hàng đầu trong việc hoạch định chính sách. Nền kinh tế của một quốc gia sẽ không phát triển được nếu thiếu vắng các định chế trung gian tài chính hoạt động có hiệu quả, các loại hình dịch vụ tài chính, tín dụng cần thiết. Trước mắt phải làm lành mạnh hóa tình hình tài chính của các tổ chức tín dụng như : tăng vốn tự có cho các tổ chức tín dụng (đối với các ngân hàng thương mại quốc doanh có thể sử dụng từ nguồn phát hành từ những năm trước đây, đối với các ngân hàng thương mại cổ phần thì tiến hành sáp nhập, mua lại...) tạo ra tiềm lực mạnh để tăng khả năng hoạt động và đáp ứng việc bù đắp những rủi ro. Đồng thời xử lý dứt điểm các khoản nợ quá hạn, nợ đọng thông qua việc thành lập công ty khai thác tài sản thế chấp với nhiệm vụ mua lại tài sản khê đọng, nợ chờ xử lý, tài sản thế chấp của các ngân hàng thương mại để bán lại, thu hồi nợ, làm lành mạnh tình hình tài chính của các doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng. Xây dựng thêm loại hình tổ chức tín dụng mới để hỗ trợ lẫn nhau, bảo đảm tính an toàn của hệ thống, an toàn cho người gửi, thực hiện các hoạt động mang tính xã hội, nhưng vẫn bảo đảm tính hiệu quả của hoạt động kinh doanh ngân hàng như : thành lập Ngân hàng chính sách để phục vụ các chương trình mang tính xã hội. Có các giải pháp thúc đẩy sự phát triển của thị trường vốn (hệ thống các ngân hàng thương mại, các công ty tài chính, quỹ đầu tư, thị trường chứng khoán...). Phát triển các loại công cụ tài chính cần thiết, tạo hàng hóa (cổ phiếu của các công ty cổ phần, trái phiếu chính phủ) để đưa trung tâm giao dịch chứng khoán vào hoạt động, thúc đẩy quá trình luân chuyển vốn. Ban hành cơ chế tài chính đối với việc chiết khấu và tái chiết khấu các công cụ tài chính... Khuyến khích việc phát triển các định chế trung gian tài chính như các công ty đầu tư tài chính, công ty thuê mua tài chính, quỹ tín thác đầu tư... để tăng cường việc huy động và luân chuyển vốn trên thị trường... Tiếp tục các biện pháp lành mạnh hóa thị trường tài chính để hạ thấp chi phí vốn vay cho doanh nghiệp. Nghiên cứu xây dựng và áp dụng một hệ thống giám sát đối với thị trường tài chính theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế, thực hiện cơ chế giám sát từ xa (giám sát thông qua chế độ báo cáo trên cơ sở hình thành một số chỉ số giám sát). Thành lập Quỹ đầu tư vốn hoặc Công ty đầu tư tài chính với mục tiêu : Nhà nước góp vốn vào các doanh nghiệp có triển vọng (gồm các doanh nghiệp ưu tiên do Chính phủ quy định như : khuyến khích xuất khẩu, phát triển thị trường, giới thiệu công nghệ mới, hỗ trợ doanh nhân khởi động kinh doanh, bảo vệ môi trường...) thông qua việc mua cổ phần hoặc trái phiếu chuyển nhượng. Quỹ đầu tư vốn sẽ tham gia vào việc quản lý các doanh nghiệp được đầu tư qua hình thức góp vốn cổ phần và đóng một vai trò quan trọng trong việc nuôi dưỡng, định hướng phát triển cho doanh nghiệp. Thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNQD mà chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Hiện nay, các DNNQD vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm các khoản vay trung và dài hạn do không đủ tài sản để bảo đảm tiền vay. Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNQD sẽ đứng ra bảo lãnh một phần nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp tiếp cận được các khoản vay ngắn, trung và dài hạn (bao gồm cả gốc và lãi) tại các tổ chức tín dụng thông qua việc cấp bảo lãnh, tái bảo lãnh tín dụng ; đồng thời chia sẻ rủi ro giữa quỹ bảo lãnh tín dụng, và doanh nghiệp với tổ chức tín dụng khi gặp rủi ro bất khả kháng không trả được nợ vay. Nghiên cứu để bổ sung sửa đổi Điều 26 của Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 8-7-1999 của Chính phủ về Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng theo hướng cho phép các dự án của DNNQD vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước không cần phải có sự "phê duyệt của cơ quan chủ quản" vì các doanh nghiệp loại này không có cơ quan chủ quản. Mặt khác, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh không phải là người phê duyệt hay ra quyết định đầu tư đối với các dự án của họ.

Digitized by Google

+ Thị trường bất động sản (chính sách đất đai) : Xây dựng hệ thống đăng ký và hình thành một loại hình dịch vụ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, làm cho việc kinh doanh quyền sử dụng đất được trôi chảy và khắc phục sự bất bình đẳng trong việc phân phối đất. Mở rộng quyền của doanh nghiệp trong việc chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp... ; về quyền sử dụng đất chỉ cần đăng ký với một cơ quan duy nhất (ngoại trừ một số trường hợp). Đẩy nhanh quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cố gắng hoàn thành trong năm 2000) để tạo điều kiện khai thông các hoạt động giao dịch trên thị trường. Giảm mức thu tiền sử dụng đất, thuế chuyển quyền sử dụng đất... ; hoặc chậm nộp áp dụng các khoản thu này trong một thời gian nhất định. Hình thành các trung tâm đăng ký bất động sản (với sự hỗ trợ về tài chính ban đầu của Nhà nước) để tạo điều kiện xác lập quyền sở hữu cho các tổ chức và cá nhân. Ngoài chức năng đăng ký về sở hữu, trung tâm này còn thực hiện chức năng đăng ký về trạng thái của tài sản liên quan đến các hoạt động cầm cố, thế chấp. Cho phép các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được quyền thế chấp giá trị quyền sử dụng đất để vay vốn tại các ngân hàng hoạt động ở Việt Nam (bao gồm cả chi nhánh các ngân hàng nước ngoài).

+ Thị trường lao động : Mở rộng quyền của doanh nghiệp trong việc thuê và tuyển dụng lao động, cho phép các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được tuyển dụng lao động, không phải qua các trung tâm tư vấn việc làm. Có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tiến hành các hoạt động đào tạo, dạy nghề nâng cao trình độ chuyên môn của người lao động. Nhà nước có thể cấp lại một phần hay toàn bộ số tiền thuế thu nhập mà các cơ sở đào tạo, dạy nghề đã nộp vào ngân sách để dùng vào đầu tư phát triển. Xem xét sửa lại thuế thu nhập đối với người Việt Nam. Nghiên cứu xây dựng hệ thống bảo hiểm thất nghiệp để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình cơ cấu lại DNNQD, giải thể, phá sản các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ... Chuyển việc yêu cầu doanh nghiệp phải trích lập quỹ phúc lợi, trợ cấp thôi việc sang tham gia Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

3 - Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện quyền kinh doanh. Cần cải cách thủ tục hành chính trong một số lĩnh vực như : đăng ký kinh doanh, cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh, thủ tục vay vốn, phương thức thanh toán, kê khai nộp thuế..., nhằm tạo chủ động, linh hoạt cho doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh, với phương châm Nhà nước không can thiệp trực tiếp (thông qua chế độ xin và cấp phép...) vào quá trình tổ chức hoạt động và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp được tự do đăng ký kinh doanh các ngành nghề mà pháp luật không cấm, tự do thay đổi sản phẩm và kinh doanh trong phạm vi toàn quốc. Tất cả các loại hàng hóa được phép xuất khẩu và nhập khẩu, không chỉ các loại hàng hóa liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh đã được cấp phép kinh doanh (trừ những hàng hóa thuộc diện cấm xuất khẩu hoặc nhập khẩu hoặc hàng hóa Nhà nước yêu cầu xuất khẩu hoặc nhập khẩu theo những điều kiện nhất định).

4 - Chính sách ưu đãi và hỗ trợ của Nhà nước cho các doanh nghiệp. Chính sách hỗ trợ về tài chính của Nhà nước : Hỗ trợ về tài chính của Nhà nước đối với các doanh nghiệp là rất cần thiết, nhất là các doanh nghiệp vừa mới cổ phần hóa, hoặc các DNNQD có quy mô vừa và nhỏ mới được thành lập. Tuy nhiên, để phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước, vừa bảo đảm được các định hướng phát triển và định hướng đầu tư chung (quy hoạch vùng, ngành nghề...) các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước chỉ nên tập trung vào một số doanh nghiệp có ngành nghề và quy mô nhất định, không nên áp dụng chính sách hỗ trợ một cách tràn lan, phân tán. Chính sách hỗ trợ của Nhà nước về nguyên tắc cần bảo đảm được sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế.

Chính sách ưu đãi cần có tác dụng định hướng đầu tư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế. Hạn chế việc ban hành các chính sách ưu đãi khuyến khích chỉ để phục vụ mục tiêu trước mắt hoặc có lợi cho cục bộ một ngành kinh tế hoặc một khu vực. Vì vậy, cần tiến hành rà soát, bổ sung và sửa đổi các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư thông qua việc sử dụng công cụ

Digitized by Google

tài chính, tín dụng, thuế... theo hướng : nghiên cứu xóa bỏ các hình thức ưu đãi thông qua thuế gián thu, chỉ ưu đãi thông qua thuế trực thu ; tập trung các hình thức ưu đãi thuế về một đầu mối là các luật thuế, xóa dần tình trạng ban hành quá nhiều các ưu đãi thuế tại nhiều văn bản khác nhau, dẫn đến khó điều hành và tùy tiện trong thực hiện. Chính sách khuyến khích, ưu đãi phải nhằm vào các mục tiêu phát triển rõ ràng, mang lại lợi ích lâu dài cho nền kinh tế.

Chính sách hỗ trợ về thông tin, đào tạo : Hình thành hệ thống thông tin về kinh tế - tài chính doanh nghiệp trong phạm vi cả nước để tạo điều kiện cho các nhà đầu tư, các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước có khả năng tiếp cận với những thông tin cần thiết về các doanh nghiệp. Nhà nước thiết lập và công bố công khai những thông tin về các định hướng đầu tư phát triển của từng ngành, vùng và lãnh thổ. Mặt khác, Nhà nước thực hiện việc hướng dẫn và hỗ trợ về nghiệp vụ, về phương pháp quản lý...

Hỗ trợ về cơ sở hạ tầng : Để giảm thiểu chi phí kinh doanh, bảo đảm sự ổn định về địa bàn kinh doanh cho các doanh nghiệp và công tác quy hoạch đô thị, cần hình thành các cụm công nghiệp quy mô nhỏ ở một số thành phố. Nhà nước bảo đảm chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng đến chân hàng rào các khu công nghiệp.

5 - Chính sách thị trường, khuyến khích xuất khẩu. Để việc khuyến khích xuất khẩu được tiến hành có hiệu quả, cần hỗ trợ cho các doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu và cho các bên gián tiếp tham gia vào hoạt động xuất khẩu ở các giai đoạn kinh doanh xuất khẩu khác nhau. Các hình thức khuyến khích xuất khẩu bao gồm :

Một là, thành lập Quỹ hỗ trợ tín dụng xuất khẩu (sẽ chuyển thành Ngân hàng xuất nhập khẩu - Eximbank). Đối tượng được xem xét hỗ trợ là những doanh nghiệp trực tiếp tham gia vào các hợp đồng xuất khẩu, không phân biệt mặt hàng xuất khẩu. Lãi suất ưu đãi có thể được áp dụng đối với một số ngành được xác định theo quyết định của Chính phủ.

Hai là, mở rộng các nghiệp vụ bảo hiểm xuất khẩu. Hầu hết các nước của bên xuất khẩu đều có hệ thống bảo hiểm xuất khẩu do Chính phủ bảo trợ mà trong đó bên xuất khẩu có thể mua bảo hiểm rủi ro tín dụng và rủi ro khác của bên nhập khẩu và ngược lại. Các loại nghiệp vụ bảo hiểm cần được nghiên cứu áp dụng bao gồm : bảo hiểm xuất khẩu toàn diện, trong đó bên xuất khẩu được bảo hiểm từ khi ký hợp đồng xuất khẩu đến khi thanh toán xong ; bảo hiểm hóa đơn xuất khẩu. Khi chiết khấu hóa đơn xuất khẩu, các tổ chức bảo hiểm sẽ bảo vệ quyền lợi bên xuất khẩu khi bên nhập khẩu không chịu thanh toán.

Ba là, phát triển loại hình bảo hiểm nông nghiệp thông qua việc thành lập Công ty bảo hiểm tương hỗ. Đây là một loại doanh nghiệp, có thể do Hội Nông dân Việt Nam đứng ra thành lập với số vốn điều lệ do các cổ đông sáng lập như : Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nghiệp kinh doanh các mặt hàng nông, lâm, hải sản, người nông dân (vừa là cổ đông, vừa là người mua bảo hiểm...). Hằng năm, hoặc tùy từng năm, Nhà nước sử dụng nguồn ngân sách phòng chống lụt bão không sử dụng hết để góp vốn. Lợi nhuận phát sinh hằng năm không được rút ra mà được chia cho các cổ đông dưới hình thức giảm tương ứng với phí bảo hiểm sẽ mua cho năm tới.

Xây dựng các cơ chế, chính sách về khuyến khích cạnh tranh, chống độc quyền. Xây dựng các cơ chế khuyến khích cạnh tranh trong nước, xem cạnh trong trong nước là "bước đệm" cho các doanh nghiệp trước khi phải đối mặt với cạnh tranh quốc tế trong quá trình hội nhập. Ban hành các chính sách chống độc quyền trong kinh doanh hiện đang tồn tại trong một số ngành như kinh doanh bưu điện, giao thông vận tải, kinh doanh điện.

6 - Phát triển dịch vụ tư vấn kế toán, kiểm toán. Khuyến khích việc phát triển dịch vụ tư vấn tài chính, kế toán, kiểm toán và những dịch vụ liên quan đến tài chính doanh nghiệp. Xây dựng một khuôn khổ pháp lý rõ ràng, tương tích với những thông lệ và tiêu chuẩn kế toán, kiểm toán quốc tế đang được áp dụng, thông qua việc ban hành Luật kế toán và Pháp lệnh về kiểm toán nhà nước nhằm cải tiến hệ thống kế toán, kiểm toán và để tăng cường khả năng quản lý của khu vực kinh tế tư nhân thông qua việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế. ❑

Digitized by Google

CÓ HAY KHÔNG SỰ KHỦNG HOẢNG LÝ LUẬN PHÊ BÌNH VĂN HỌC

MAI HẢI OANH

ĐẾN nay, ai cũng hiểu một điều không còn mới rằng sự phát triển của lý luận phê bình văn học là yếu tố và là điều kiện để thúc đẩy sự phát triển của một nền văn học. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, lý luận phê bình văn học mấy chục năm qua đã thu được những thành tựu đáng ghi nhận. Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) đã đánh giá "Hoạt động lý luận phê bình (văn học nghệ thuật - M.H.O-) đã đạt được những kết quả tích cực, khẳng định mạnh mẽ văn nghệ cách mạng và kháng chiến, đẩy lùi một bước những quan điểm sai trái"(1). Đúng là đến nay, chúng ta đã có một đội ngũ phê bình khá đông đảo (đó là chưa nói đến hiện tượng các nhà văn viết phê bình) và không ít công trình lý luận phê bình văn học có đóng góp vào thành quả chung phát triển nền văn học. Phần lớn các nhà phê bình hiện nay được đào tạo cơ bản, trình độ học vấn cao, có khả năng hấp thụ cái mới. Nhưng, bên cạnh những thành tựu đã nói, không ít người băn khoăn : liệu lãnh địa lý luận phê bình có còn khởi sắc ? Các nhà lý luận phê bình đã từ bỏ vị trí của mình ? Hay đang có hiện tượng "khủng hoảng" và "ngái ngủ" ở lãnh địa lý luận phê bình ? Thực ra, các nhà lý luận phê bình vẫn còn đấy, chỉ có điều, đời sống lý luận phê bình văn học lại đang đứng trước thực trạng "có vấn đề". Nói lý luận phê bình văn học "khủng hoảng" thì e hơi quá, nhưng nói đến tình trạng đã đến mức báo động thì hẳn là đúng. Trong bài phát biểu tại đại Hội liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật toàn quốc lần thứ VI Tổng bí thư Lê Khả Phiêu đã khẳng định "Một vấn đề mà lâu nay các Hội còn coi nhẹ (hoặc) chưa có biện pháp giải quyết là vấn đề lý luận phê bình. Yếu kém về mặt này sẽ là một thiệt thòi làm ảnh hưởng không nhỏ đến nền văn học nghệ thuật nước nhà". Theo chúng tôi, có mấy nguyên nhân sau làm cho lý luận phê bình văn học hiện nay khó khởi sắc.

1 - Sự thiếu chuẩn mực trong đánh giá hay là áp lực của cơ chế thị trường

Nhìn lại lý luận phê bình văn học từ thời kỳ đổi mới đến nay, độc giả dẫu khó tính vẫn có thể nhận ra một số không ít cây bút thực sự có tài năng và tâm huyết. Nhưng dường như những trang viết của họ không đủ "uy" để ngăn chặn những trang viết phê bình vô thưởng vô phạt. Bằng chứng là số báo nào cũng có một góc phê bình, các bài phê bình này, dù ngắn, cũng đủ để người đọc cảm thấy lý luận phê bình vẫn còn tồn tại, dẫu là... "thoi thóp". Vấn đề là ở chỗ, nhiều bài phê bình (đặc biệt là mục điểm sách) dường như không có chừng mực trong các lời khen chê. Nào là một tập thơ "đáng để suy ngẫm", nào là một truyện ngắn nhiều khám phá "mới mẻ", mang cái nhìn "hiện đại"... Khép lại các bài viết này thường là một mong ước chung chung : hy vọng tác giả X sẽ cho ra mắt bạn đọc những tác phẩm "chín hơn" "mới mẻ và ấn tượng hơn". Xem ra, đã có thể viết một tiểu phẩm vui về "ba rem" phê bình. Và nếu cứ tin vào những lời tán tụng kia thì người ta dễ lầm tưởng rằng, sao mà lắm tài năng văn học đến thế. Những độc giả kỹ tính thì sẽ cau mày : Chẳng nhẽ phê bình lại gần với quảng cáo, tiếp thị đến vậy.

Hiểu một cách nghiêm túc, lý luận phê bình văn học là một phần quan trọng, nó góp phần định hướng cho độc giả, phân biệt và đánh giá đúng các giá trị văn học đích thực. Nó cũng có nhiệm vụ tổng kết đúc rút các bài học lịch sử và theo một khía cạnh nào đó nó là "bà đỡ" cho các nhà văn. Công việc của nhà phê bình trước hết phải là người nhạy cảm với cái mới cái đẹp, biết khen chê một cách chính xác. Nó đòi hỏi sự tinh tế và công tâm. Một khi tâm nhà phê bình không sáng, mắt nhà phê bình không tinh thì rất dễ nhầm. Đúng là ngay cả các thiên tài cũng nhầm, nhưng "nhầm" đến nỗi

(1) *Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998 , tr 43 - 44

Digitized by Google

một tác phẩm xoàng xĩnh cũng được đề cao hết mức hoặc là phê bình kiểu "khen một tí, chê một tí" thì thật đáng buồn. Lép Tôn-xtôi đã nói rất hay về lý luận phê bình : "Nếu chỉ xem phê bình là một sự đánh giá thì vô nghĩa, còn nếu như nhìn nhận nó như là một sự thuyết giải thì nó có ý nghĩa vĩ đại". Đây là một yêu cầu rất cao đối với lý luận phê bình. Còn Bê-lin-xki thì khẳng định "phê bình là mỹ học vận động".

Những năm gần đây, do cơ chế thị trường, ai cũng có quyền in sách. Để trở thành một "nhà thơ", một "nhà văn", họ sẵn sàng bỏ tiền ra in (đến mức, có một tập thơ - theo quan sát của một nhà phê bình - có tới 23 bài/35 bài được viết trong vòng 1 tháng ? !). Làm nhà thơ dễ như vậy thì làm một nhà phê bình cũng dễ thôi. Soạn vài quyển dưới dạng sưu tập, viết và cóp vài trăm trang về một số tác giả nào đó rồi đem in, rồi bán, rồi để bụi bám.. Kệ, khi xét vào "hội này, ban nọ" thì mình cũng có đầu sách như ai !

Thực trạng này đã được nhiều người lên tiếng báo động. Nhưng tình hình không hề giảm. Thậm chí, để nhanh, người ta sẵn sàng "đạo văn" hàng chục trang liền không hề sửa chữa cho đỡ thẹn, khi bị phê bình, họ lờ đi. Lâu ngày, thấy họ "lì", người ta cũng đành tặc lưỡi.

Những nhà lý luận phê bình nghiêm túc, sau một vài lần lên tiếng thấy không cưỡng được sự "bung ra" này, đành lui về ở ẩn. Họ giữ "khí tiết" theo lối co mình lại. Lẽ ra, các cây bút phê bình (cùng với nhiều ngành chức năng khác) cần có biện pháp hữu hiệu để chấn chỉnh lại sự lỏng lẻo này. Nhưng tình hình vẫn trong im lặng đáng sợ. Đã và đang xuất hiện sự "loạn chuẩn" trong đánh giá văn học. Nếu có thơ nghiệp dư, văn nghiệp dư thì cũng có phê bình nghiệp dư. Thực ra hai chữ nghiệp dư không có tội tình gì. Thậm chí, từng có nhiều cây bút nghiệp dư, viết chơi lại trở thành tài năng. Ở đây chúng tôi hiểu nghiệp dư ở cái sự làng nhàng của nó như là những hiện tượng bất thường trong văn học.

Thực ra, văn chương không tự gò vào một "chuẩn" nào cụ thể. Nhưng những tác phẩm xuất sắc bao giờ cũng là những tác phẩm vươn tới các giá trị Chân - Thiện - Mỹ có tác dụng bồi dưỡng tình cảm tâm hồn, nhân cách và bản lĩnh các thế hệ, xây dựng nên các mẫu hình con người mới cao đẹp hơn. Lý luận phê bình văn học, dù tiếp cận tác phẩm dưới góc độ nào, chữ nghĩa nào, phương pháp nào cũng phải khẳng định được : a) Tác phẩm ấy phải là một tác phẩm mang tư tưởng tiến bộ, là tiếng nói của lương tri đầy trách nhiệm, trung thực, tự do ; phản ánh được nguyện vọng của nhân dân, mang hơi thở của thời đại, không phản lại lợi ích của Tổ quốc, nhân dân ; b) Đó là tác phẩm cổ vũ và ngợi ca cái đẹp, sự nhân ái, bao dung ; c) Văn chương là cái đẹp, vậy nên, làm sao để người đọc có thể rung động, sống với vẻ đẹp văn chương. Đây không phải là chủ nghĩa hình thức mà là hoạt động sáng tạo thực sự của nhà văn. Làm sao *Truyện Kiều* của Nguyễn Du có thể sống mãi với thời gian nếu không có những câu thơ tuyệt bút và sự thấu hiểu của nhà văn trước cuộc đời và số phận con người.

2 - Tranh luận để tìm chân lý thay vì đấu khẩu để làm nhiễm hại môi trường văn chương.

Bản chất của sự học thuật là sự tranh biện, tìm tòi để phát hiện chân lý. Ngoại trừ những công trình lý luận phê bình văn học nghiêm túc của nhiều cây bút tâm huyết vì sự nghiệp đổi mới, nền văn học ta vẫn còn thấy không ít các công trình khoa học chưa đạt độ tin cậy về học thuật. Đây là những công trình dù được ngụy trang bằng những lời lẽ sang trọng cầu kỳ, rốt cuộc cũng bị người đọc nhận ra thật - giả. Thời gian qua, nhiều cuộc tranh luận lý thú về văn học đã được tổ chức : cuộc tranh luận về vấn đề văn học phản ánh hiện thực, đánh giá lại 50 năm văn học cách mạng, về chủ nghĩa hiện thực phê phán, cuộc tranh luận về tính dân tộc trong thơ, cuộc tranh luận về mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị, những trao đổi xung quanh môn Văn trong nhà trường phổ thông... Nhìn chung, những hoạt động lý luận này cho thấy động hướng mới của lý luận phê bình ; đó là nỗ lực hiện đại hóa, ý thức thay đổi hệ hình tư duy để bắt kịp thời đại. Nó đòi hỏi phải đối xử với văn chương như là một loại hình nghệ thuật đặc thù. Trong những cuộc tranh luận này, đã xuất hiện không ít trường hợp thái quá, như việc coi văn học không phản ánh hiện thực mà chỉ nghiền ngẫm hiện thực, việc đề cao những xu hướng vọng ngoại (tiêu biểu là loại thơ "mông lung"). Thực ra những tìm tòi trong sáng tạo

Digitized by Google

văn học bao giờ cũng đáng hoan nghênh nhưng sai lầm của một cá nhân (hay một nhóm người nào đó) cũng thật tai hại.

Độc giả đã nhiều lần than thở về hiện tượng ô nhiễm môi trường học thuật, từ tranh luận chuyển sang cãi vã. Đây là biểu hiện có tính bất bình thường trong tranh luận khoa học vì tranh luận bình đẳng đòi hỏi các cây bút lý luận phê bình phải giữ được văn hóa tranh luận. Văn chương bao giờ cũng ngợi ca cái đẹp, cái cao cả, lẽ nào các cuộc tranh luận về văn chương, tự nó lại thiếu mất sự trang nhã và tính đối thoại nghiêm túc cần thiết ? Bài học cải tổ của Liên Xô đã là một minh chứng lịch sử cho những ai có thái độ thái quá trong tranh luận. Bởi lẽ nếu như phát triển phiến diện thái quá một hay nhiều nhận xét, đặc điểm nào đó thành tuyệt đối thì cũng chỉ là một biểu hiện của nhận thức chưa đầy đủ. Hơn nữa, không giữ được văn hóa tranh luận thì chẳng những làm mất uy tín người khác mà còn ảnh hưởng ngay đến sự tin cậy học thuật và uy tín của chính mình.

Bên cạnh sự "xuống cấp" trong văn hóa tranh luận, nhiều ý kiến tranh luận cho thấy không ít cây bút hổng về kiến thức, mặt bằng lý luận phê bình chưa vươn tới tầm hiện đại. Đó là chưa kể đến một hiện tượng đáng buồn : viết phê bình mà không có văn. Thiếu chất văn, bài phê bình cũng không có gì khác một bài luận văn thông thường. Lẽ đương nhiên, văn phong phê bình khác văn phong sáng tác. Nhưng một khi chất liệu của phê bình là những sáng tác văn chương thì những trang viết phê bình, bên cạnh sự chặt chẽ và sắc sảo về tư tưởng, lập luận còn phải in đậm niềm say mê và phong cách riêng của nhà phê bình. Đây là một yêu cầu cao, nó đòi hỏi những tài năng thực sự trong lý luận phê bình.

3 - Tính định hướng của công tác lý luận phê bình.

Văn chương không phải là "một trò chơi vô tăm tích". Không ai phủ nhận chức năng giải trí của văn chương. Nhưng các bậc anh tài văn học xưa nay đều thừa nhận ý nghĩa tích cực của văn chương đối với đời sống. Lịch sử văn học nước nhà đã từng chứng kiến nhiều tác phẩm văn học có giá trị to lớn về hiệu quả thực tiễn, như Bài thơ thần *Nam quốc sơn hà* (Lý Thường Kiệt), *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn), *Cáo Bình Ngô* (Nguyễn Trãi), *Tuyên ngôn Độc lập* (Hồ Chí Minh). Khi đất nước có xâm lăng văn học phải là vũ khí chống quân thù "vóc nhà thơ phải ngang tầm chiến lũy". Khi đất nước thanh bình, văn học phải góp phần dựng xây Tổ quốc, vun bồi những giá trị tốt đẹp, trở thành món ăn tinh thần có ích cho cộng đồng. Cũng như sáng tác, lý luận phê bình văn học cũng không phải là một trò chơi tùy hứng. Lý luận phê bình bình văn học phải phân biệt được thứ văn chương chân - giả, phải vạch rõ thau - vàng, đen - trắng. Một nhà phê bình chân chính không thể cổ súy cho thứ văn học phản nhân tính, chạy theo những dục vọng thấp hèn, đề cao bạo lực... Ở đây, vai trò của nhà phê bình cực kỳ quan trọng trong việc khẳng định những xu hướng văn học tích cực, phê phán những khuynh hướng văn học không lành mạnh, đồng thời, giúp bạn đọc tìm đến những tác phẩm nghệ thuật vừa mang nội dung tư tưởng tiến bộ vừa mang tính nghệ thuật cao.

Tính định hướng về mặt tư tưởng không hạn chế sự tự do sáng tạo của lý luận phê bình. Đảng ta nhiều lần chỉ rõ, hoạt động văn học phải hướng tới mục đích cao cả là phục vụ Tổ quốc và nhân dân. Vì thế hoạt động lý luận phê bình văn học phải thấm nhuần tư tưởng cách mạng, đặt lợi ích của dân tộc lên trên hết. Đáng tiếc là trong thời gian qua đã có những cây bút lý luận phê bình động dao về tư tưởng. Điều này đã được nghị quyết Trung ương Đảng nhấn mạnh và uốn nắn kịp thời.

4 - Mối quan hệ giữa lý luận phê bình và sáng tác văn học gặp không ít sóng gió.

Đây đó chúng ta đã nói đến mối quan hệ lỏng lẻo giữa lý luận phê bình và sáng tác trong thời gian qua. Cho đến nay, vẫn còn tồn tại dai dẳng quan niệm phê bình là một nghề "ăn theo" sáng tác, rằng không có sáng tác thì làm gì có phê bình. Quả thật, đây là một quan niệm phiến diện, bởi lẽ một khi sáng tác mà không có phê bình thì rất dễ rơi vào tình trạng tự phát. Nhưng cũng không thể hiểu ngược lại, nhà phê bình có quyền dạy bảo các nhà sáng tác. Quan hệ giữa sáng tác và phê bình văn học là quan hệ hữu cơ cần thiết, bổ sung cho nhau. Công bằng mà nói cả sáng tác lẫn phê bình văn học nhiều năm qua vẫn chưa có "đỉnh" mặc dù là "nền"

Digitized by Google

đã cao hơn trước, và đời sống văn hóa cũng đã trở nên đa dạng hơn, phong phú hơn. Các nhà sáng tác thì thường cố tỏ vẻ coi thường phê bình. Điều này hoàn toàn có lý bởi tiếp xúc với những bài phê bình vô thưởng vô phạt thì thà không đọc còn hơn. Đọc rồi lại bực mình. Nhưng cũng thường khi xảy ra một cái "tật" : không ít tác giả được khen thì vui mừng, nhưng bị chê thì nổi giận. Thiết nghĩ, ở đây cần đến tài năng của nhà phê bình : phải khen, chê đúng, có lý lẽ hẳn hoi, và cần đến cả lòng dũng cảm bảo vệ chân lý, chính kiến của mình. Các nhà phê bình văn học rất cần lên tiếng trước tình hình văn học có nhiều "lộn xộn". Người đọc, trước sự bùng nổ sách vở, không biết chọn sách nào mà đọc. Cái hay không đọc, lại đọc phải cái dở. Lâu thành quen, rồi xa lánh văn chương và phê bình. Người sáng tác chỉ có thể yên tâm khi họ được đọc những công trình nghiêm túc, có tư tưởng. Đúng là những nhà phê bình văn học cũng như những cây bút sáng tác có tầm cỡ, bao giờ cũng là những người tạo ra được *tư tưởng* riêng. Không có điều này, lý luận phê bình sẽ rơi vào tẻ vụn, khen chê một cách cảm tính. Các công trình lý luận phê bình vừa phải mang tính chuyên sâu, vừa thể hiện một tầm văn hóa rộng lớn và gợi mở được nhiều điều có lợi cho sáng tác. Thiết tưởng sáng tác và phê bình chỉ thực sự gắn bó khi tôn trọng nhau, và quan trọng hơn cả, phải trở thành những người bạn đồng hành, giúp đỡ nhau cùng phát triển. Đây là một vấn đề bức xúc đòi hỏi phải có sự "điều chỉnh" để thúc đẩy sự nghiệp văn họ của nước ta lên một tầm cao mới.

5 - Rồi đồng nhuận bút quả cũng cần phải nói...

Một nguyên nhân không kém phần quan trọng khiến phê bình văn học rơi vào tình trạng èo uột là vấn đề tài chính dành cho các nhà phê bình. Ở đây cần chú ý hai khía cạnh. Thứ nhất vị trí các bài lý luận phê bình chưa thực sự được coi trọng. Dường như tờ báo nào cũng có trang phê bình nhưng vị trí bài phê bình rất khiêm tốn, nhuận bút khá bọt bèo. Rõ ràng đây là điều bất hợp lý trong cơ thế thị trường hiện nay. Không phải ngẫu nhiên mà trong Hội nghị các nhà văn trẻ lần thứ 5, số đại biểu lý luận phê bình chỉ vẻn vẹn có 5 người, trong đó người ít tuổi nhất cũng suýt soát bốn mươi. Cũng không phải ngẫu nhiên mà các văn nghệ sĩ thời mở cửa lại nổi tiếng hơn, xôn xao hơn bởi cái nghề tay trái là kinh doanh "quán". Cái nghề phê bình cũng như các lĩnh vực sáng tạo nghệ thuật có phần "bạc" hay nó chưa có được vị trí thích đáng trong thực tiễn đời sống hôm nay, nó khiến người ta giữ thái độ "kính nhi viễn chi". Để nuôi sống được mình, người ta dễ nản và đi tìm nghề khác, thi thoảng viết dăm ba bài cho đỡ... buồn. Thử hỏi với tình trạng như vậy lấy đâu ra cho đất nước những tài năng và những tên tuổi tin cậy trong lĩnh vực lý luận phê bình và sáng tạo nghệ thuật. Điều này dẫn đến khía cạnh thứ hai : Các nhà văn viết theo lối công chức. Vì để sống họ đã có lương "bảo hiểm". Câu hỏi "nhà văn liệu có sống được bằng nghề của mình ?" dường như vẫn còn bỏ ngỏ. Trong lịch sử văn học thế giới nhà văn O. Ban-dắc dường như đã may mắn trở thành nhà văn lớn chỉ vì ông luôn phải viết tiểu thuyết để lấy tiền trả nợ, lúc nào ông cũng phải làm việc vì nợ nần đang đuổi phía sau lưng. Nói vậy để thấy được, chế độ nhuận bút dành cho văn học (bao gồm cả sáng tác lẫn phê bình) phải được cải tiến. Dĩ nhiên, để sống được bằng nghề, bản thân các nhà lý luận phê bình phải nỗ lực rất nhiều, biến bài viết của mình thành một sản phẩm tinh thần đích thực, và được trả giá cao trong cơ chế thị trường !

Những nguyên nhân trên đây, tuy chưa đủ, bước đầu cho phép ta nhận diện được sự yếu kém trong lĩnh vực lý luận phê bình. Tình hình đất nước hiện nay đòi hỏi đội ngũ các nhà văn, các nhà lý luận phê bình phải cố gắng lên rất nhiều để đáp ứng lòng mong đợi của nhân dân. Để làm được điều đó, phải khơi dậy nguồn lực sáng tạo của đội ngũ lý luận phê bình. Theo chúng tôi, có những vấn đề đáng chú ý sau :

Kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong lý luận phê bình văn học. Ở nước ta với tư tưởng xây dựng "một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc" lý luận phê bình phải khẳng định được xu hướng văn học vươn tới cái cao đẹp, tiến bộ, ngăn chặn những tư tưởng độc hại. Đảng ta luôn nhấn mạnh nền văn học ta phải biết phát huy tinh hoa văn hóa dân tộc nhưng cũng phải biết hấp thụ tinh hoa văn hóa nhân loại. Thời

Digitized by Google

gian qua, nhiều xu hướng lý luận phê bình mới được nghiên cứu và giới thiệu đã góp phần phong phú thêm cho đời sống văn học nghệ thuật, tệ dung tục hóa văn chương đã được lên tiếng báo động, nhưng những nỗ lực của lý luận phê bình văn học vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của cuộc sống và của chính bản thân văn học. Không kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh thiếu cái nhìn biện chứng, tầm mắt của nhà lý luận phê bình lập tức sẽ rơi vào phiến diện. Đây là một sự thực đã được chứng minh. Gần đây nhiều nhà lý luận phê bình văn học đã nhấn mạnh vấn đề hiện đại hóa lý luận phê bình và đổi mới tư duy lý luận phê bình. Đây không phải là vấn đề của một nền văn học mà còn là sự thay đổi rộng lớn mang tính chất toàn cầu. Việc nghiên cứu văn chương từ các góc nhìn khác như tâm lý học nghệ thuật, xã hội học nghệ thuật, thi pháp học, phân tâm học, ký hiệu học, sẽ mở ra nhiều "ô cửa" để làm phong phú hơn đời sống lý luận phê bình.

Muốn hiện đại hóa lý luận phê bình văn học trước hết nhà phê bình phải đổi mới mình, phải tăng cường vốn học vấn và năng khiếu thẩm định văn chương. Các nhà lý luận phê bình không được né tránh các vấn đề nóng bỏng của đời sống mà bằng hoạt động của mình, phải tham gia vào để giải quyết những vấn đề ấy một cách thiết thực.

Sự đổi mới lý luận phê bình cũng đòi hỏi sự đa dạng hóa. Bên cạnh những công trình khoa học nghiêm túc, mang tính hàn lâm cũng cần đến những trang viết mang đậm hơi thở của cuộc sống, tránh sự đơn điệu khô cứng. Chất văn của tác phẩm lý luận phê bình thể hiện qua sự gắn kết của nhiều yếu tố : tư duy sắc sảo, lập luận chặt chẽ, sự tinh nhạy, nhiệt huyết, cá tính... Nhưng tài năng đích thực trong lĩnh vực lý luận phê bình bao giờ cũng là những phong cách độc đáo.

Hoạt động văn học suy cho cùng là hoạt động mang tính cá nhân. Phê bình văn học cũng thế. Nhưng nếu vậy thì chưa đủ, nó còn đòi hỏi sự tập hợp của các cây bút trong đội ngũ này. Tập hợp không có nghĩa là nhất trí một chiều mà là tạo ra một môi trường rộng lớn cho các nhà phê bình, giúp họ trao đổi tranh luận một cách thoải mái, dân chủ để tìm ra chân lý nghệ thuật. Trong thực tế, công tác lý luận phê bình thời gian qua chưa tạo được một môi trường hoạt động sôi động. Vẫn có hiện tượng phe này phái nọ... Nếu là trường phái khoa học thì đáng hoan nghênh, nhưng chia phe phái để quy kết, thậm chí thóa mạ nhau thì kẻ thua thiệt chính là bản thân nền lý luận phê bình.

Nhiều năm qua Hội nhà văn đã có những cải tiến để giúp đỡ các nhà văn, nhà thơ có điều kiện sáng tác. Nhưng hoạt động lý luận phê bình, có lẽ do đặc thù của nó, đến nay vẫn chưa có những biến chuyển lớn. Theo chúng tôi, các báo (trước hết là các tờ báo chuyên về văn chương) nên thường xuyên tổ chức các cuộc trao đổi học thuật để các cây bút có dịp cọ xát tranh luận, kiên quyết loại trừ lối phê bình quảng cáo, chung chung ; gia tăng tính học thuật của các trang viết lý luận. Ngoài ra phải có chế độ nhuận bút thích đáng cho các công trình lý luận phê bình, đồng thời, tạo ra sự giao lưu bình đẳng, thẳng thắn giữa sáng tác và phê bình. Có một khu vực rất nhạy cảm với văn chương là khu vực học đường. Các em học sinh, ngoài việc đọc tác phẩm rất cần đến sự hướng dẫn của các cây bút phê bình văn học tinh tế, cần đến những phương pháp phân tích tác phẩm mới mẻ, cần đến sự tôn trọng và tin tưởng vào uy tín của người thầy... Bởi lẽ thế, công việc của phê bình văn học là giúp đỡ định hướng cho độc giả tiếp cận say mê vẻ đẹp của văn chương, gắn bó với văn chương trong thời đại bùng nổ các phương tiện thông tin.

Những khó khăn mà lý luận phê bình văn học đang gặp phải hiện nay rõ ràng là rất lớn. Nhiệm vụ của lý luận phê bình trước tình hình mới của đất nước cũng hết sức nặng nề. Nhưng một khi chúng ta biết khơi dậy nguồn lực sáng tạo của đội ngũ lý luận phê bình, một khi các cây bút lý luận phê bình vẫn còn tâm huyết với sự nghiệp văn học dân tộc, bằng nghề nghiệp của mình đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội ; phấn đấu vì độc lập dân tộc và hạnh phúc của nhân dân, thì tôi tin chắc, lý luận phê bình văn học sẽ vượt lên và thu được những thành tựu mới. Đó không chỉ là mong muốn của chính bản thân nền lý luận phê bình mà còn là mong muốn của Đảng, của nhân dân trong công cuộc xây dựng một nền văn nghệ mới vì Tổ quốc vì nhân dân. ❑

Digitized by Google

CẦN THƠ : 25 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

LƯ VĂN ĐIỂN *

Tỉnh Cần Thơ nằm ở trung tâm vùng đồng bằng sông Cửu Long (Nam Bộ). Mảnh đất này nhờ một điều kiện tự nhiên đặc biệt ưu đãi là có hai cửa sông lớn của chín con sông (Cửu Long Giang) mang nặng phù sa bồi đắp làm cho cỏ hoa cây trái bốn mùa xanh tốt. Đây là vùng "gạo trắng, nước trong", là trung tâm kinh tế, văn hóa và đầu mối giao thông quan trọng, thuận tiện của các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Cần Thơ có diện tích tự nhiên 2 962 km², 6 huyện, 1 thành phố, 1 thị xã, với số dân khá đông : 1 800 000 người.

Đúng vào ngày 30-4-1975, tỉnh Cần Thơ đã hoàn toàn giải phóng.

Mười năm sau giải phóng, 1975 -1985, Cần Thơ tập trung *khắc phục hậu quả do chiến tranh để lại, cải tạo và xây dựng kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội,* tạo tiền đề cho thời kỳ cùng cả nước tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa sau này.

Từ sau Đại hội VI của Đảng (1986), cùng cả nước thực hiện đường lối đổi mới, Cần Thơ đã có những bước chuyển mình đáng kể trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Nếu tốc độ tăng GDP của giai đoạn 1976 - 1985 là 4,99%, thì đến giai đoạn 1986 - 2000 đã là 9,32%. Từ một tỉnh thuần nông, cơ cấu kinh tế đã có những chuyển dịch tích cực theo hướng giảm dần tỉ trọng nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng công nghiệp, thương mại và dịch vụ. Năm 1986, khu vực I chiếm 50,77% ; khu vực II, III là 19,87% và 29,36%. Năm 2000, tỉ lệ này đã là 41,45% ; 24,73% và 33,82%. Giai đoạn trước, chỉ tồn tại hai thành phần kinh tế chủ yếu là quốc doanh và tập thể ; ở giai đoạn này, đã song song tồn tại các thành phần kinh tế khác với nhịp độ phát triển GDP bình quân qua các thời kỳ : (1986 - 1990) - 108,86% ; (1990 - 1995) - 111,77% ; và (1996 - 2000) - 107,63%.

Đi đôi với đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế, ngành nông nghiệp đã có những bước đổi thay đáng kể, tạo sự phát triển vượt bậc nhờ chính sách đất đai, thâm canh tăng vụ, lai tạo nhiều giống cây trồng, vật nuôi cho năng suất cao, có khả năng kháng dịch, bệnh. Thành tựu nổi bật nhất là sản lượng lúa từ 524 000 tấn (1976), tăng lên 1,1 triệu tấn 1990 và năm 1999 đã là trên 2 triệu tấn. Ngoài lúa, các loại cây hoa màu, cây công nghiệp và cây ăn quả (hơn 40 000 ha) cũng được trồng chuyên canh với quy mô lớn. Chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp... đều có tiến bộ đáng kể, sản phẩm ngày càng đa dạng, hiệu quả kinh tế cao, phục vụ tốt yêu cầu tiêu dùng và xuất khẩu. Nông trường Sông Hậu, đơn vị lá cờ đầu trong nông nghiệp tỉnh Cần Thơ, là hình ảnh thu nhỏ của nền nông nghiệp tỉnh trong quá trình đi lên, gắn phát triển nông nghiệp toàn diện với công nghiệp chế biến và đẩy mạnh xuất khẩu.

Công nghiệp chế biến phát triển, ngày càng gắn với nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ, tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế nông nghiệp và nông thôn. Công nghiệp phát triển với tốc độ bình quân 114,89% (tăng 6,3% so với giai đoạn 1976 - 1986). Công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn đang được thúc đẩy. Nhiều dự án phát triển khu chế xuất Trà Nóc, khu công nghiệp Hưng Phú (nam TP Cần Thơ), thị xã Vị Thanh... đã và đang được triển khai. Nếu giai đoạn trước, thị trường xuất khẩu là các nước XHCN ; thời kỳ này, hoạt động ngoại thương đã được mở rộng đi nhiều nước trên thế giới. Các sản phẩm công nghiệp ngoài đáp ứng nhu cầu tiêu thụ nội địa đã vươn ra các thị trường : Nga, Mỹ, Nhật, EU. Kim ngạch xuất khẩu là 662,000 rúp (1976), tăng lên 10 triệu USD

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Cần Thơ

Digitized by Google

(1986) và 257 triệu USD (2000). Sản phẩm của Xí nghiệp liên hiệp dược Hậu Giang được công nhận ISO 9002. Xí nghiệp chế biến thủy súc sản xuất khẩu (CAFATEX), đơn vị được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động đã đạt tiêu chuẩn quản lý chế biến thực phẩm quốc tế (HACCP)...

Năm 1990, tỉnh phát động *"Năm văn hóa - xã hội"*, tiếp theo là *"Năm cần kiệm xây dựng quê hương, tập trung cho cơ sở"*, nhờ đó, đã tạo được những bước chuyển biến tích cực trong mọi mặt của đời sống xã hội, nhất là nông thôn. Huyện Long Mỹ, vùng đất phèn chua, nước mặn, từng chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh (đến 10 năm sau chiến tranh vẫn là huyện nghèo nhất tỉnh) đã làm nên kỳ tích, trở thành một điểm sáng giữa vùng sâu ĐBSCL với điện, đường, công trình thủy lợi ngọt hóa... Đầu năm 1998, tỉnh đã cơ bản hoàn thành mục tiêu *xóa mù chữ - phổ cập giáo dục tiểu học.*

Nông nghiệp, công nghiệp phát triển tạo điều kiện tăng thu nhập, nâng cao trình độ dân trí. Đời sống vật chất, tinh thần của đại bộ phận nhân dân trong tỉnh đã được nâng lên. GDP bình quân đầu người đã đạt hơn 4,5 triệu đồng năm 1999. Số hộ có cuộc sống trung bình, khá giả và giàu tăng lên. Số hộ nghèo giảm từ 15,2% năm 1993 xuống còn 6,67% năm 1999 ; 100% xã đã có điện thoại, điện phục vụ sinh hoạt. Đường giao thông nông thôn đã được bê tông, nhựa hóa, xã liền xã. Năm 2000, ước tính, thu nhập bình quân đầu người đạt trên 5 triệu đồng. Tỉ lệ tăng dân số hạ xuống còn 1,5% ; 53,14% dân số được dùng nước sạch.

Trong 6 tháng đầu năm nay, tình hình kinh tế - xã hội đã khởi động với nhịp độ khả quan, mặc dù thị trường thế giới có nhiều biến động, ảnh hưởng trực tiếp đến xuất khẩu, đầu ra sản phẩm không ổn định. Tỉnh đã chủ trương giãn nợ và chậm thu thuế, giảm bớt gánh nặng cho nông dân ; điều chỉnh giá lúa, và mức thuế nông nghiệp... Đến hết tháng 6-2000, toàn tỉnh đã thu hoạch lúa đông xuân sản lượng đạt 1 triệu 29 116 tấn (tăng 67 480 tấn) ; giá trị sản xuất công nghiệp tăng 25% so cùng kỳ năm trước ; thu ngân sách trên địa bàn đạt 66,6% so với kế hoạch.

Trong thời kỳ CNH, HĐH, để xứng đáng vai trò trung tâm kinh tế - văn hóa của vùng ĐBSCL, Cần Thơ phải tiếp tục tập trung cho việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, trong đó nông nghiệp vẫn là mặt trận hàng đầu : tiến hành *thủy lợi hóa, áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ ; nâng cao chất lượng cây trồng, vật nuôi ; gắn sản xuất với thị trường* là những khâu quan trọng tỉnh đang tập trung giải quyết.

Từ những bài học của quá khứ, nhìn lại chính mình, có thể đánh giá bước đường đã qua : Yếu tố đầu tiên bảo đảm cho sự thành công của địa phương, cơ sở là sự *đoàn kết, nhất trí, gương mẫu, không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, khả năng lãnh đạo* của bộ máy lãnh đạo đảng và chính quyền. *Mối liên hệ chặt chẽ giữa Đảng, chính quyền với quần chúng* cũng là điều kiện quyết định thành công bởi : "Khó vạn lần dân liệu cũng xong". Cho nên, cần huy động mọi lực lượng xã hội, đoàn thể tham gia tháo gỡ khó khăn, từng bước đi lên.

Trong lĩnh vực công nghiệp, tập trung phát triển công nghiệp chế biến nông sản phục vụ cho nhu cầu không chỉ địa phương mà toàn khu vực. Phát triển chế biến những sản phẩm gì, với quy mô như thế nào cho hợp lý, là cả một vấn đề cần xem xét, lựa chọn rất kỹ càng. Trước mắt, tỉnh ưu tiên phát triển các cơ sở sản xuất với quy mô vừa và nhỏ, sẽ mang lại hiệu quả cao hơn.

Quá trình hội nhập quốc tế về khách quan đòi hỏi phải từng bước chuẩn hóa sản phẩm theo những tiêu chuẩn quốc tế để đủ sức cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu, giải quyết được đầu ra cho sản phẩm. Muốn vậy, phải đặc biệt chú trọng tới công nghệ sau thu hoạch.

Muốn nông nghiệp, công nghiệp, các ngành kinh tế khác phát triển phải tiếp tục đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông nông thôn, thủy lợi, mạng lưới điện... phục vụ cho sản xuất ; kết hợp với cơ giới hóa, hợp tác hóa kiểu mới. Tỉnh sẽ cùng Trung ương nâng cấp các tuyến đường quốc lộ 1 và 91B lên đường cấp 2 ; mở rộng cảng Cần Thơ ; cải tạo nâng cấp và khai thác sân bay Cần Thơ, đặc biệt là đầu tư xây dựng cảng Cái Cui - một cảng có quy mô lớn phục vụ cho cả vùng ĐBSCL. Đồng thời sớm thực hiện dự án cầu Cần Thơ (qua sông Hậu) và nhà máy điện Ô Môn (600 kW).

Trước mắt, chú trọng giải quyết công ăn, việc làm ; nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ ; mở rộng đào tạo nghề cho những ngành sản xuất, lĩnh vực đời sống đang có nhu cầu cao (nông nghiệp, ngư nghiệp, điện, cơ khí, sư phạm...). Đặc biệt chú trọng đào tạo cán bộ đội ngũ lãnh đạo,

(Xem tiếp trang 51)

Digitized by Google

THANH HÓA TRONG SỰ NGHIỆP ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

TRỊNH TRỌNG QUYỀN *

Bước vào những tháng cuối năm 2000, trong không khí tưng bừng, phấn khởi trước những thành tựu đạt được trong sự nghiệp đổi mới, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thanh Hóa đang chuẩn bị tiến hành Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX. Đây là dịp để Đảng bộ nhìn lại quá khứ và hướng tới tương lai, kiểm điểm và đánh giá những gì làm được và chưa làm được, những thành tựu và khuyết điểm trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ chính trị, rút ra những kinh nghiệm, đề ra phương hướng, nhiệm vụ và những giải pháp cho thời kỳ tới, đưa Thanh Hóa vững vàng tiến bước trong thiên niên kỷ mới.

Mười năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (1991 - 2000), là một thời kỳ nhiều thử thách đối với Đảng bộ và nhân dân Thanh Hóa về nhiều mặt, đặc biệt là sự chuyển đổi căn bản từ cơ chế cũ sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhưng với quyết tâm vượt qua khó khăn, thử thách và được sự lãnh đạo, giúp đỡ của Trung ương, Đảng bộ, nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ (1991 - 1995) và (1996 - 2000), góp phần kết thúc tốt đẹp 10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội. So với nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước, Thanh Hóa còn thua kém về nhiều mặt. Song, nếu đem so 10 năm vừa qua với những năm trước đó, chúng tôi vui mừng nhận thấy rằng Thanh Hóa đã đạt được nhiều thành tựu, có mặt có khởi sắc. Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao, tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) thời kỳ 1991 - 2000 đạt trên 7%/năm, năm 2000 tăng gần gấp đôi năm 1990. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng ; tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp trong GDP từ 52% (năm 1990) đã giảm xuống 40,6% năm 2000. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng tăng từ 18,6% lên 25,8%, dịch vụ tăng từ 29,4% lên 33,6%. GDP bình quân đầu người đạt 286,4 USD (tăng 114,4 USD so với năm 1991). Giờ đây, thế và lực của Thanh Hóa đã lớn hơn nhiều so với những năm trước ; những nhân tố mới, các mô hình làm ăn mới đã xuất hiện ở nhiều nơi, tạo ra được tiền đề quan trọng cho sự phát triển nhanh hơn trong những năm sắp tới.

Đạt được những thành tựu nói trên là do trong quá trình đổi mới, giữa bộn bề công việc đặt ra trong cuộc sống thường ngày, Thanh Hóa đã tập trung giải quyết những công việc trọng tâm, trọng điểm, tạo ra môi trường lành mạnh cho sự phát triển.

Trong nông nghiệp, tỉnh đã tập trung chỉ đạo phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng : tập trung đầu tư cho thủy lợi, chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, ứng dụng các tiến bộ về kỹ thuật và công nghệ mới, nhân rộng các giống cây trồng, vật nuôi... có năng suất, chất lượng cao, ứng dụng kỹ thuật thâm canh, đưa vụ đông trở thành vụ sản xuất chính ở nhiều huyện. Tổng sản lượng lương thực từ năm 1997 đến nay liên tục đạt trên 1 triệu tấn, năm 2000 ước đạt 1,3 triệu tấn ; bình quân lương thực đầu người đạt 365,7 kg, tăng gần gấp đôi so với những năm 80. Có thể nói đây là thành tựu có ý nghĩa quan trọng ; từ chỗ thiếu đói lương thực, hằng năm phải xin Trung ương hỗ trợ, nay không những đủ lương thực cho cả tỉnh mà còn có dự trữ một phần lương thực hàng hóa.

Cùng với sự tăng trưởng nhanh về lương thực, tỉnh đã tiến hành quy hoạch và xác định được cơ cấu cây công nghiệp một cách hợp lý trên phạm vi toàn tỉnh và từng vùng ; đã lựa chọn được cây trồng, vật nuôi gắn với công nghiệp chế biến, vừa đáp ứng được nhu cầu của thị trường, vừa phù hợp với điều kiện tự nhiên, phát huy được lợi thế so

* Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa

Digitized by Google

sánh của từng vùng, miền trong tỉnh. Các vùng cây công nghiệp tập trung, chuyên canh được quan tâm đầu tư, tạo bước chuyển dịch rõ nét cơ cấu kinh tế vùng trung du - miền núi, ven biển của tỉnh. Đã hình thành các vùng : 30 000 ha mía, 7 000 ha cao su, 1 500 ha cà phê. Cây ăn quả và các cây lạc, đay, cói, thuốc lá, đỗ tương... tăng cả về diện tích, năng suất, sản lượng. Tỷ xuất nông sản hàng hóa ngày càng tăng, góp phần vào giữ vững an toàn lương thực, tăng thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân, ổn định kinh tế - xã hội.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong các thành phần kinh tế, các ngành nghề đều phát triển. Đã chú trọng đầu tư phát triển công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, gắn với quy hoạch và phát triển vùng sản xuất nông sản hàng hóa tập trung như mía đường, vùng nuôi trồng hải sản v.v... Trong lãnh đạo đã chú trọng các sản phẩm có lợi thế, có nhu cầu của thị trường để đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ tạo nên sản phẩm đạt chất lượng cao hơn, góp phần kích thích sản xuất và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, song giá trị sản xuất công nghiệp vẫn giữ được nhịp độ tăng trưởng bình quân hằng năm đạt mức 14,0%, riêng năm 2000 đã có mức tăng trưởng nhảy vọt 47,8%.

Hoạt động thương mại - dịch vụ phát triển đa dạng ở nhiều thành phần kinh tế và ở khắp các vùng miền trong tỉnh, kể cả ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sản xuất, đời sống. Hệ thống dịch vụ về giống, vật tư, phân bón, dịch vụ vận tải v.v phát triển khá. Thương mại xã hội phát triển, hàng hóa phong phú, lưu thông thuận tiện, giá cả thị trường ổn định. Thương nghiệp quốc doanh đang được sắp xếp lại, phục vụ kịp thời các mặt hàng chính sách cho đồng bào miền núi và cung cấp một số mặt hàng, vật tư thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân trong toàn tỉnh. Các điểm du lịch như Sầm Sơn, Lam Kinh,... được đầu tư, tôn tạo, nâng cấp, chất lượng phục vụ tốt hơn, ngày càng hấp dẫn khách du lịch.

Những năm qua, cũng là thời kỳ Thanh Hóa có nhiều cố gắng trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển, nhất là nguồn vốn trong tỉnh. Về xây dựng cơ bản, tỉnh vừa tập trung đầu tư cho cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế, vừa chú ý đúng mức đến cơ sở hạ tầng phục vụ các hoạt động xã hội ; vừa tập trung cho các vùng, các ngành có khả năng phát huy hiệu quả nhanh, vừa chú ý tới sự đồng đều giữa các vùng. Số công trình được đưa vào sử dụng nhiều hơn, năng lực của hầu hết các ngành sản xuất, dịch vụ và kết cấu hạ tầng được nâng lên rõ rệt. Hệ thống giao thông phát triển với tốc độ nhanh. Các trục giao thông chính được nâng cấp, hầu hết các cầu qua sông lớn được xây dựng, giao thông nông thôn đa phần được cấp phối và rải nhựa, bảo đảm giao thông thông suốt. Hệ thống thủy lợi sông Chu, Cẩm Thủy, Bắc sông Mã, Nam sông Mã... được đầu tư nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới, tạo thế chủ động tưới phần lớn diện tích lúa và hoa màu, giải quyết một phần tiêu úng và cung cấp nước cho sinh hoạt. Với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", đến nay đã có hơn 2 000 km kênh mương các tuyến được kiên cố hóa. Hệ thống điện lưới được xây dựng ở 26/27 huyện, thị ; 80% số xã có điện, 84,1% số hộ được dùng điện. Bưu chính viễn thông được đầu tư xây dựng và hiện đại hóa với tốc độ nhanh ; 574/630 xã, phường có điện thoại, bình quân đạt hơn 1 máy/100 dân. Cơ sở vật chất của các ngành giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, phát thanh - truyền hình, thể dục - thể thao... được tăng cường đáng kể.

Từ cơ chế quản lý theo kế hoạch hóa tập trung Thanh Hóa đã chuyển sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế chuyển dần từ thuần nông, tự cấp tự túc, đơn thành phần sang phát triển đa dạng, đa thành phần theo hướng sản xuất hàng hóa và hướng ra xuất khẩu. Hơn 20 doanh nghiệp nhà nước sau khi được cổ phần hóa đã kinh doanh có lãi và thu hút thêm lao động. Một số dự án sản xuất công nghiệp trong các khu kinh tế động lực : Thanh Hóa - Sầm Sơn, Thạch Thành - Bỉm Sơn, Mục Sơn - Lam Sơn, Nghi Sơn - Tĩnh Gia được đầu tư xây dựng, bắt đầu đi vào sản xuất, tạo ra một số sản phẩm xi măng, đường, giấy, bao bì, giầy xuất khẩu... Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh, bằng 40% tổng vốn đầu tư trên địa bàn, giá trị sản phẩm chiếm tỷ trọng gần 23,9% giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh. Kinh tế hợp tác phát triển đa dạng trên nhiều lĩnh vực. Có 413 hợp tác xã được tổ chức lại và thành lập mới, nội dung và phương thức hoạt động thiết thực. Kinh tế ngoài quốc doanh có bước phát triển đáng kể, chiếm tỷ trọng ngày càng tăng, góp phần quan trọng cùng với kinh tế nhà nước từng bước đáp ứng nhu cầu tiêu dùng nội địa và tham gia xuất khẩu. Vị trí kinh tế hộ được xác lập và ngày càng giữ vai trò quan trọng trong phát triển sản xuất, cải thiện đời sống,

Digitized by Google

xây dựng nông thôn mới. Đến nay, toàn tỉnh có gần 2 000 trang trại (theo tiêu chí của Trung ương). Kinh tế trang trại ngày càng chứng tỏ lợi thế sản xuất - kinh doanh có hiệu quả, thực sự góp phần thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn, xóa đói, giảm nghèo.

Cùng với kinh tế, nhiều lĩnh vực xã hội được triển khai và mang lại hiệu quả thiết thực. Trình độ dân trí, chất lượng nguồn nhân lực và tính năng động trong xã hội được nâng lên. Đã hoàn thành mục tiêu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học ; 40% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Người có trình độ đại học, cao đẳng, được đào tạo nghề công tác ở các lĩnh vực tăng lên. Năng lực nghiên cứu khoa học được tăng cường, ứng dụng được nhiều công nghệ tiến bộ vào sản xuất. Các hoạt động văn hóa, thông tin phát triển rộng rãi, chất lượng tốt hơn.

Đời sống các tầng lớp nhân dân được nâng lên, tình trạng đói nghèo từng bước được thu hẹp. Mỗi năm tạo thêm 3,5 vạn chỗ làm việc. Tỷ lệ hộ nghèo từ 23,77% (năm 1995) nay giảm xuống 14,2%. Tỷ lệ tăng dân số năm 1990 là 2,2% nay giảm xuống còn 1,52%. Việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em, chăm lo sức khỏe cộng đồng, phòng, chống dịch bệnh có nhiều tiến bộ. Phong trào rèn luyện sức khỏe có bước phát triển. Việc thực hiện các chính sách đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với nước được tốt hơn. Các hoạt động nhân đạo, từ thiện được tiến hành rộng rãi đang trở thành nếp sống đẹp, lành mạnh, mang tính nhân văn sâu sắc.

Các cấp, các ngành trong tỉnh cũng đã bước đầu thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở. Thực hiện một số việc như : công khai trong quản lý ngân sách, quản lý đất đai, quản lý xây dựng cơ bản... góp phần ổn định tình hình, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân được giải quyết kịp thời, không để xảy ra điểm nóng.

Mười năm qua tuy Thanh Hóa đã có bước phát triển quan trọng, song vẫn còn là một tỉnh nghèo, kinh tế vẫn còn yếu kém, đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn. Do đó, bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước Thanh Hóa vừa có cơ hội để phát triển vừa phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Phương hướng phát triển của Thanh Hóa được xác định không chỉ giới hạn trong 5 năm trước mắt, mà phải hướng tới 15 - 20 năm sau. Đảng bộ và nhân dân Thanh Hóa sẽ không ngừng phấn đấu để trong những năm tới đưa địa phương mình tiến kịp với mức bình quân chung của cả nước và thu ngắn khoảng cách so với các tỉnh, thành phố khác, tạo ra tiền đề và bước tiến vững chắc cho những giai đoạn tiếp theo để đến năm 2020 Thanh Hóa trở thành một tỉnh công nghiệp.

Với định hướng trên, Tỉnh ủy Thanh Hóa xác định 5 năm tới phải đạt được các chỉ tiêu chủ yếu là : tốc độ tăng GDP bình quân hằng năm : 7,5% trở lên, trong đó, tốc độ tăng GDP nông - lâm - ngư nghiệp : 4,3%/năm ; công nghiệp - xây dựng : 13,8%/năm ; các ngành dịch vụ : 7,5%/năm. Cơ cấu nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ trong GDP năm 2005 là : 33,6% - 29,5% - 36,9%. Sản lượng lương thực (quy thóc) năm 2005 đạt 1,5 triệu tấn. Giảm tỷ lệ sinh hằng năm 0,5‰. Giảm tỉ lệ tăng dân số xuống còn 1,3%. Giải quyết việc làm cả 5 năm là 185.000 người. Cơ bản xóa hết hộ đói, giảm hộ nghèo xuống 5%. 80% dân số nông thôn được dùng nước sạch. Tỉ lệ suy dinh dưỡng trẻ em giảm xuống còn dưới 23%. Tỉ lệ lao động được đào tạo là 25 - 28%.

Để thực hiện được mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu nói trên, trong Đại hội Đảng bộ tỉnh sắp tới, chúng tôi sẽ tập trung thảo luận để quyết tâm thực hiện có hiệu quả các chương trình kinh tế - xã hội trọng tâm : chương trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế, chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn ; chương trình sản xuất lương thực, cây công nghiệp, cây ăn quả ; chương trình xuất khẩu ; chương trình xây dựng kết cấu hạ tầng ; chương trình giải quyết việc làm và xóa đói, giảm nghèo.

Trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình trên đây, chúng tôi nhận thức sâu sắc rằng, việc tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trước hết là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp - nông thôn, đưa nông nghiệp và kinh tế nông thôn lên sản xuất lớn vẫn là nhiệm vụ quan trọng cả trước mắt và lâu dài. Đây là cơ sở để ổn định tình hình kinh tế - chính trị - xã hội, củng cố khối liên minh công - nông - trí thức, góp phần thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa quê hương. Vì vậy, trong lĩnh vực nông nghiệp chúng tôi sẽ đưa nhanh những thành tựu của công nghệ sinh học vào

Digitized by Google

sản xuất, gắn với việc đổi mới cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng, vật nuôi nhằm tăng nhanh giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông - lâm - hải sản, chú trọng công nghiệp chế biến quy mô vừa và nhỏ ở nông thôn, gắn với quy hoạch vùng nguyên liệu ; tập trung đầu tư tạo ra những sản phẩm chủ lực có sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

Để ổn định kinh tế - xã hội phải đầu tư phát triển nông nghiệp, nhưng để làm giàu Thanh Hóa phải dồn sức làm công nghiệp. Công nghiệp Thanh Hóa phải vươn lên để phát triển với tốc độ nhanh, hiệu quả cao, tăng hàm lượng chất xám trong các sản phẩm. Phải sử dụng vừa công nghệ cao, vừa công nghệ thích hợp, ưu tiên quy mô vừa và nhỏ, với phương châm tạo nhiều việc làm, thu hồi vốn nhanh. Đặc biệt chúng tôi chủ trương phát triển một số ngành công nghiệp mà tỉnh có thế mạnh về nguồn nguyên liệu và đội ngũ cán bộ khoa học như : công nghiệp xây dựng và vật liệu xây dựng ; công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy hải sản ; công nghiệp dệt - may - da giày ; công nghiệp cơ khí... ; mạnh dạn đầu tư phát triển công nghiệp sản xuất phần mềm. ..

Nhằm đạt được mục tiêu đề ra, Thanh Hóa phải chủ động đầu tư thích đáng cho việc cải tạo, xây dựng và hiện đại hóa kết cấu hạ tầng, từng bước cải tạo, nâng cấp các tuyến đường hiện có, đầu tư xây dựng các tuyến đường miền núi : Hồi Xuân - Mường Lát, Bái Thượng - Bát Mọt, Lang Chánh - Yên Khương,... Xây dựng thêm các trạm 110 kV theo quy hoạch ; cải tạo lưới điện các thành phố, thị xã ; đưa điện lưới lên huyện vùng cao Mường Lát ; mở rộng mạng lưới hạ thế, tăng tỷ lệ số xã và số hộ dùng điện. Tiếp tục hiện đại hóa và đẩy nhanh tốc độ phát triển mạng lưới bưu chính viễn thông. Triển khai xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện Cửa Đạt, đập ngăn mặn Lèn (Hà Trung), hồ Hao Hao (Tĩnh Gia), thủy lợi, thủy điện Tén Tằn (Mường Lát), quai đê lấn biển Nga Sơn, dự án tiêu thoát lũ Hà Trung, hệ thống cấp nước Nghi Sơn (Tĩnh Gia). Sửa chữa, cải tạo, làm mới các phai đập vùng miền núi. Xây dựng các công trình thủy lợi tiêu úng theo vùng và khu vực.

Đối với khu công nghiệp Nam Thanh - Bắc Nghệ đã được Chính phủ phê duyệt, đã có nhà máy xi măng Nghi Sơn công suất 2,3 triệu tấn/năm đi vào hoạt động ; đã có đủ điều kiện để xây dựng cảng nước sâu Nghi Sơn, phát triển công nghiệp lọc hóa dầu, công nghiệp cán kéo thép hợp kim và phát triển cơ khí chế tạo... Thanh Hóa đề nghị Chính phủ và các bộ, ngành trung ương xúc tiến triển khai các dự án trên.

Cùng với sản xuất công nghiệp, Thanh Hóa cố gắng tạo ra tiến bộ mới trong hoạt động thương mại, du lịch, dịch vụ. Phát triển thương mại nhiều thành phần, trong đó kinh tế quốc doanh chủ đạo nắm và chi phối các mặt hàng thiết yếu ; cung ứng vật tư, nguyên liệu cho sản xuất, mua nông sản của nông dân, phát triển các siêu thị, cửa hàng hợp lý ; đẩy mạnh xuất khẩu. Phát triển du lịch, tạo tuyến du lịch nối liền Thanh Hóa với các tỉnh trong cả nước.

Chúng tôi xác định công nghiệp hóa, hiện đại hóa không chỉ là phát triển công nghiệp, mà là quá trình chuyển dịch cơ cấu trong từng ngành, từng lĩnh vực và toàn bộ cơ cấu nền kinh tế trong tỉnh. Trên cơ sở khai thác các tiềm năng, lợi thế, phát huy tiềm lực liên kết kinh tế giữa các vùng theo hướng điều chỉnh và tái điều chỉnh cơ cấu kinh tế ngày càng hợp lý, từng bước đưa kỹ thuật và công nghệ tiên tiến vào từng ngành, ưu tiên và tập trung đầu tư phát triển các trung tâm, các vùng kinh tế động lực để tạo ra bước tăng trưởng nhanh, thu hút và hỗ trợ sự phát triển của tất cả các vùng, miền trong tỉnh.

Về quan hệ sản xuất tiếp tục phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Theo đó, sẽ tiếp tục sắp xếp lại các cơ sở kinh tế nhà nước trong những lĩnh vực như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, những cơ sở sản xuất, thương mại, dịch vụ then chốt. Đẩy mạnh việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, xây dựng một số công ty mạnh hoặc hiệp hội sản xuất kinh doanh theo ngành nghề. Đa dạng hóa các hình thức hợp tác, phát triển và đổi mới hoạt động hợp tác xã. Khuyến khích kinh tế tư nhân, kinh tế trang trại và liên doanh, liên kết, hợp tác giữa các thành phần kinh tế trong sản xuất kinh doanh với nhau. Chấn chỉnh công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải nhanh chóng đào tạo, bồi dưỡng đủ đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ công nghệ, quản lý doanh nghiệp giỏi và đông đảo công nhân kỹ thuật lành nghề. Các ngành, các cấp, các địa phương, nhất là ở cơ sở cần phải rà soát lại đội ngũ

Digitized by Google

cán bộ để lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng bằng nhiều hình thức khác nhau. Tùy theo yêu cầu công việc mà chuẩn bị cán bộ có phẩm chất và kiến thức để giao nhiệm vụ. Bằng mọi nguồn vốn từ ngân sách, lợi nhuận, tiết kiệm, đóng góp của mọi thành phần kinh tế, nhanh chóng hình thành quỹ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở các cấp, các ngành để chủ động giải quyết kịp thời yêu cầu bức xúc của phát triển kinh tế - xã hội cả cho trước mắt và lâu dài.

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh nằm trong tiến trình chung của cả nước. Bởi vậy, chúng tôi cho rằng, Nhà nước có vai trò hết sức quan trọng, thể hiện trước hết ở các chính sách mà Nhà nước đang và sẽ đề ra. Các chính sách để chuyển đổi cơ cấu kinh tế, bảo đảm định hướng kinh tế mở và hướng về xuất khẩu. Các chính sách thị trường bảo đảm cho các quan hệ thị trường phát huy tác dụng và khi cần thiết Nhà nước nên can thiệp để hỗ trợ giá nông sản, giữ ổn định thị trường nông sản, tạo thế cho bà con hăng hái sản xuất. Chính sách tài chính - tiền tệ bảo đảm sự ổn định đồng tiền và huy động vốn, phân bổ vốn hợp lý và có hiệu quả, nhất là vốn trung và dài hạn để đầu tư vào phát triển công nghiệp.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ trên đây, công tác xây dựng Đảng bộ trong sạch - vững mạnh luôn luôn được coi là nhiệm vụ then chốt. Trong những năm tới, Đảng bộ Thanh Hóa chủ trương đưa cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đi vào chiều sâu, nhằm phát huy bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng ; nâng cao trình độ kiến thức, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên ; khắc phục những mặt yếu kém, ngăn chặn và đẩy lùi các biểu hiện suy thoái, củng cố mối quan hệ mật thiết với nhân dân. Bên cạnh đó, sẽ tiếp tục tổ chức thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân để giải quyết thật tốt những vấn đề mới đặt ra trong cuộc sống. Tạo ra sự nhất trí trong cán bộ, đảng viên và nhân dân xây dựng khối đoàn kết nhất trí, phát huy tốt hơn tinh thần sáng tạo, ý thức tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng quê hương theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, tạo ra sức mạnh tổng hợp đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. ❑

CẦN THƠ...

(Tiếp theo trang 46)

quản lý, khoa học - kỹ thuật có đủ năng lực đáp ứng nhiệm vụ ở thời kỳ mới.

Tranh thủ lợi thế của tỉnh, của cầu Mỹ Thuận trong khu vực, tạo mọi điều kiện thuận lợi thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch... ; tăng kim ngạch xuất khẩu trung bình 13% năm. Những thế mạnh của vùng miệt vườn, sông nước, của đa sắc thái và đặc trưng văn hóa Nam Bộ, du lịch văn hóa - sinh thái là nguồn tiềm năng kinh tế to lớn, cần được khơi dậy và phát triển (tỉnh đang lập dự án khôi phục vùng sinh thái Lung Ngọc Hoàng).

Mặc dù dựa chủ yếu vào nội lực, địa phương vẫn rất cần tới sự trợ giúp của nhà nước, các ngành liên quan trong việc cấp vốn ; tìm kiếm thị trường đầu ra cho nông sản ; quy hoạch các vùng sản xuất ; tháo gỡ ách tắc về khan kiếm cán bộ chuyên môn, kỹ thuật ; xây dựng một hệ thống các trường đào tạo những nghề đặc trưng cho vùng sông nước ĐBSCL ; có chính sách trợ giá nông sản ; chính sách phúc lợi xã hội (y tế, giáo dục, thương binh, gia đình liệt sĩ...) phù hợp, nhất là đối với đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa... ; giảm bớt gánh nặng đóng góp huy động trong dân...v.v.

Những ai, sau 25 năm quay trở lại vùng đất này, sẽ thấy một bức tranh Cần Thơ hoàn toàn khác, bởi những đổi mới đáng kể cả về cảnh vật và con người. Vẫn như trước đây, để xứng đáng với vai trò trung tâm của ĐBSCL, Cần Thơ phải nỗ lực hơn nữa mới có thể thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ đã đặt ra trước khi bước vào thiên niên kỷ mới và giai đoạn từ nay đến 2010 :

Đạt tăng trưởng bình quân từ 8% - 9%/năm, tăng tích lũy trong GDP từ 21,5% lên 25%, tăng thu nhập đầu người từ 385 USD/năm lên 875 USD/năm ; giảm tỉ lệ tăng dân số tự nhiên từ 1,5% xuống 1,15%, phấn đấu xóa hộ nghèo xuống mức thấp nhất ; 90% số hộ được dùng điện ; 8,5% máy điện thoại trên 100 đầu người ; giảm tỉ lệ thất nghiệp từ 6,75% xuống khoảng 3%. Đó là những con số nêu rõ mục tiêu, đầy thách thức nhưng cũng đầy tin tưởng đối với toàn Đảng bộ và nhân dân Cần Thơ trong thập niên đầu của thiên niên kỷ mới. ❑

Digitized by Google

CỦA ĐỂ DÀNH

NGUYỄN TUẤN DŨNG *

Lời BBT : *Khi tuổi đã cao, người ta thường nghĩ đến việc để lại một tài sản nào đó cho con cháu. Có người nghĩ rằng đó là của cải vật chất, như nhà cửa, ruộng vườn, tiền bạc. Có người cho rằng đó là của cải tinh thần, lấy việc tu nhân tích đức làm trọng. Cũng có người chọn sách báo làm của để dành. Dưới nhan đề* ***"Người say mê đọc Tạp chí Cộng sản"****, gửi Bộ biên tập T.C.C.S tác giả Nguyễn Tuấn Dũng giới thiệu dưới đây mẫu người thứ ba này.*

*

* *

Mùa đông rét cóng, gió bấc gào, trời thâm xì, mưa bụi. Ngoài đường thi thoảng mới có một chiếc xe vút nhanh. Nhà nào cũng kín cửa, người lớn trẻ em co cụm trong lò sưởi hoặc bếp than để chuyện văn. Còn cụ thì ngồi quấn chăn bên ngọn điện miệt mài đọc Tạp chí Cộng sản. Ngày hè nóng bức 36°, 37° bên cái quạt quay vù vù tôi cũng cứ thấy cụ mải đọc như thế.

Tôi vào chơi với cụ nhiều lần, lần nào cũng gặp cụ đọc Tạp chí Cộng sản, chỉ trừ khi cụ tiếp khách. Đã đọc là cụ ngồi, tôi không thấy cụ nằm đọc bao giờ. Khi tôi cất tiếng chào, cụ mới ngẩng lên rồi gỡ cặp kính đứng dậy đón. Câu đầu tiên tôi hỏi cụ vẫn là Tạp chí số này có những bài nào cần đọc. Cụ nói ngay, khi thì bài của các giáo sư nói về dự đoán thế kỷ XXI, khi thì bài của các đồng chí lãnh đạo ở tỉnh Ninh Bình, khi thì bài của Tổng Bí thư đương nhiệm, khi thì chuyên mục *Sinh hoạt tư tưởng...*

Đọc Tạp chí Cộng sản đâu có như đọc tiểu thuyết hay đọc báo. Dẫu có đọc báo, kể cả báo Văn nghệ, Văn nghệ quân đội đi nữa rồi cũng có lúc díu mắt lại. Tôi hỏi cụ Tạp chí Cộng sản toàn lý luận khó đọc thế cụ có buồn ngủ bao giờ không ? Không - hoàn toàn không. Cụ trả lời. Nghĩ cũng thật kỳ lạ. Học vấn của cụ không cao, đọc không nhanh. Khi đọc bằng mắt, khi phát âm nho nhỏ ấy là những chỗ cụ cần ghi nhớ. Cụ đọc kỹ, đọc say chắc là có sự thoải mái, thích thú hợp khẩu vị như khi ăn thấy ngon miệng mới ăn nhiều, còn không thì chỉ liếc mắt. Cái sự chán lười vốn không cùng cửa với say mê.

Vậy cụ là nhà nghiên cứu, nhà văn, nhà báo hay cán bộ trung cao cấp về hưu ?... Không ! Hoàn toàn không. Cụ chỉ là cán bộ xã về hưu. Tôi biết rất rõ một thời chưa xa cụ còn rất nghèo, nhà tranh vách đất, giường tre ọp ẹp, rau cháo tần tảo nuôi 8 con ăn học. Mà cán bộ xã thì tôi biết rất nhiều, nhiều xã cả đương nhiệm và về hưu. Kể cả cán bộ cấp trên xã, có học vị cao hơn cụ họ cũng có đọc Tạp chí Cộng sản nhưng ít người đọc say và có hệ thống như cụ. Có người đọc để mà đọc, đọc cho thời gian trôi đi. Thế còn hơn là không đọc. Tôi đã hỏi cụ một câu, nghĩ lại tôi thấy ngớ ngẩn, tò mò, có phần tinh nghịch nữa : "Ngày nay cụ còn say đọc Tạp chí Cộng sản liệu còn giúp ích gì, có quá căng thẳng đầu óc không ?". Cụ cười vui vẻ. Cụ trả lời không đi vào tầm trích kinh điển, cũng không đi thẳng vào câu hỏi của tôi : "Xin ông đừng cho tôi là khoe. Nhà tôi trai, gái, dâu, rể có 8 đảng viên đang làm việc ở Cà Mau, thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Ninh Bình, Hà Nội. Giá cụm lại thì thành một chi bộ. Cái thủa tôi làm công tác thì không có tệ nạn tham nhũng, cửa quyền, và lúc ấy đâu có được sướng như chúng nó bây giờ. Tôi chỉ sợ chúng nó là đảng viên mà đánh mất phẩm chất cộng sản thì tôi không chỉ buồn mà còn... xấu nữa. Thật vậy". Cụ nhấn mạnh.

Tôi cũng đã có lần ngồi im lặng để nghe cụ và các con cụ tranh luận về tham ô, tham nhũng có lụi tàn hay bành trướng. Bao giờ cụ cũng bảo vệ ý kiến của cụ thành công mà không lấn át hay cố chấp. Lập luận của cụ chắc chắn, niềm tin vững vàng. Tôi chắc là Tạp chí Cộng sản đã đem lại vốn liếng to lớn cho cụ. Cụ bằng lòng cho tôi chọn trên giá sách những quyển cần mượn. Thì ra từ năm 1990, cụ và cả cụ bà phải đi theo con ở nơi này nơi khác để các con tiện phục vụ. Do vậy không còn

(Xem tiếp trang 55)

* Thôn Xuân Trì, xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình

Digitized by Google

HỘI NGHỊ THƯỢNG ĐỈNH THIÊN NIÊN KỶ VÀ MỘT THẾ GIỚI HƯỚNG VỀ TƯƠNG LAI

VÕ THỦ PHƯƠNG

Chẳng còn bao ngày nữa, thế kỷ XX cùng với thiên niên kỷ thứ II sẽ lùi vào dĩ vãng. Tại thời gian chuyển giao lịch sử này, theo sáng kiến của Tổng thư ký Liên hợp quốc - ông Cô-phi An-nan, một Hội nghị mang ý nghĩa lịch sử trọng đại - Hội nghị Thượng đỉnh thiên niên kỷ (HNTĐTNK), đã được tổ chức tại Niu-oóc từ ngày 6 đến 8-9-2000. Hội nghị quy tụ 152 "nhà lãnh đạo thế giới", và hơn 40 vị lãnh đạo nhà nước cao cấp khác cùng hàng ngàn quan chức cấp cao đi theo các vị Trưởng đoàn. Đây là hội nghị quốc tế lớn nhất từ trước đến nay, là hội nghị chuẩn bị cho nhân loại bước vào thế kỷ XXI.

Giã biệt thiên niên kỷ thứ II, nhân loại mang theo một hành trang khá phong phú, với nền kỹ thuật và công nghệ hết sức tiên tiến, với sự tiến bộ vượt bậc của cách mạng thông tin, của công nghệ sinh học, y học và khoa học vũ trụ,... để bước vào thiên niên kỷ thứ III. Tuy nhiên những vấn đề đối nghịch và bất cập về kinh tế - xã hội mà phần lớn các quốc gia đang phải đương đầu, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển, tình trạng bất công, hố ngăn cách giầu nghèo giữa các quốc gia và trong từng quốc gia, mâu thuẫn giữa nguyện vọng được sống hòa bình và ổn định với sự đe dọa chiến tranh và can thiệp vũ trang, mâu thuẫn giữa độc lập dân chủ với cường quyền và sự áp đặt còn là những thách thức lớn mà nhân loại hàng ngày hàng giờ phải đối mặt. Trên nền của bối cảnh thế giới phức tạp như vậy, trong bài diễn văn, có tính chất đề dẫn, ông Cô-phi An-nan đã khẳng định nhiệm vụ của HNTĐTNK là "xác định được những thách thức lớn đang đặt ra và đề ra hành động thiết thực, xây dựng thế kỷ XXI an toàn và công bằng hơn thế kỷ XX, trong đó Liên hợp quốc có thể đóng một vai trò xứng đáng hơn".

Hội nghị với những mối quan tâm

Dựa vào chủ đề chung "Vai trò của Liên hợp quốc trong thế kỷ XXI", Hội nghị đã tập trung vào các vấn đề trọng yếu nhất của thế giới đương đại : - Tăng cường củng cố hòa bình, ổn định, tôn trọng các nguyên tắc của Hiến chương LHQ, giải trừ quân bị ; - Hỗ trợ phát triển và xóa đói nghèo ; - Chia sẻ các lợi ích của toàn cầu hóa và hạn chế các mặt tiêu cực của nó ; - Thúc đẩy thực hiện chương trình hành động của các Hội nghị quốc tế của LHQ về quyền trẻ em, phụ nữ, dân số, bảo vệ môi trường, phát triển xã hội,... ; - Xây dựng các quan hệ kinh tế quốc tế công bằng, hợp tác trên cơ sở hai bên cùng có lợi, không áp đặt các điều kiện phi lý...

Tăng cường củng cố hòa bình, ổn định là một chủ đề thu hút sự quan tâm của nhiều quốc gia trên thế giới. Điều đó cũng là lẽ đương nhiên, vì thế kỷ XX đã được nhiều nhà sử học gọi là thế kỷ của "chiến tranh và hòa bình", trong 100 năm qua đã có khoảng 150 cuộc chiến tranh với 2 cuộc chiến tranh thế giới, làm hơn 150 triệu người chết, 85 triệu người bị tàn phế và những cuộc chiến tranh này đã để lại một hậu quả nguy hại, lâu dài. Chiến tranh thường gắn liền với chạy đua vũ trang, theo một báo cáo của Bộ Quốc phòng Mỹ thì năm 1997 chi phí quân sự trên toàn thế giới là 842 tỉ USD, riêng các nước đang phát triển chiếm 232 tỉ (28%). Trong bài phát biểu của mình, Tổng thống Nga Pu-tin đã cảnh báo vấn đề an ninh trong đó có nguy cơ "quân sự hóa khoảng không vũ trụ". Chủ tịch Trần Đức Lương, trưởng đoàn Việt Nam, cũng nhấn mạnh vấn đề : củng cố hòa bình, ổn định, xây dựng các mối quan hệ quốc tế bình đẳng, văn minh trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của các quốc gia... Thúc đẩy việc giải trừ quân bị, chống chạy đua vũ trang, giải quyết xung đột bằng các biện pháp hòa bình, bác bỏ các hành động can thiệp, bao vây cấm vận, vì nó vi phạm chủ quyền các quốc gia, đe dọa hòa bình thế giới và gây ra vô vàn đau khổ cho người dân. Nhiều nước, đặc biệt là các nước không

Digitized by Google

liên kết, kiên quyết bác bỏ việc một số nước lợi dụng chiêu bài can thiệp "nhân đạo" để xâm phạm độc lập, chủ quyền của các quốc gia khác, tiến hành bao vây cấm vận gây ra những cảnh khốn khó cho hàng triệu dân lành.

Chiến tranh, xung đột luôn đi đôi với nghèo đói, hơn 1 tỉ dân trên thế giới ở vào tình trạng đói nghèo, cùng quẫn - hẳn là một con số đáng kinh ngạc và đáng sợ, trong khi đó cuộc bao vây cấm vận của Mỹ tại I-rắc đang hàng ngày hàng giờ đe dọa tính mạng của hàng triệu trẻ em và phụ nữ, chết đói, bệnh tật luôn rình rập xung quanh họ. Đây cũng là một vấn đề lớn mà HNTĐTNK đặc biệt quan tâm : Hỗ trợ phát triển và xóa đói nghèo. Quả là một nghịch lý và là thách thức lớn đối với nhân loại khi sắp bước sang thiên niên kỷ mới mà còn tới một phần năm số dân lâm vào tình trạng bị nạn đói đe dọa. Về vấn đề bức xúc này, Tổng thư ký LHQ, Cô-phi An-nan đã khẳng định khi trả lời phỏng vấn sau lễ khai mạc : "LHQ không thể không gánh vác cuộc đấu tranh chống đói nghèo, bởi vì người nghèo luôn luôn ở bên cạnh chúng ta". Với tinh thần ấy ông Tổng thư ký và hai đồng chủ tịch Đại hội đồng (Tổng thống Phần Lan - bà T. Ha-lô-nen và Tổng thống Na-mi-bi-a ông X. Nu-giô-ma) đã đề xuất việc ưu tiên xóa đói nghèo, phòng chống dịch bệnh, tăng cường giúp các nước nghèo và các nước đang phát triển hội nhập với nền kinh tế quốc tế. Tại diễn đàn trọng thể của HNTĐTNK, một sáng kiến của Việt Nam được nhiều nước hoan nghênh đó là đề nghị lấy thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI làm *Thập niên của những nỗ lực toàn cầu cao nhất nhằm xóa đói nghèo.*

Một nét nổi bật của nửa sau thế kỷ XX là hầu hết các nước trên thế giới đều bị cuốn vào cơn lốc "toàn cầu hóa". Dưới ảnh hưởng của cuộc cách mạng tin học và khoa học - kỹ thuật đang bùng lên mạnh mẽ, toàn cầu hóa là ngọn triều cường đang tác động tới mọi quốc gia ở mọi khía cạnh của đời sống kinh tế - chính trị - xã hội. Trong quá trình phát triển của mình, toàn cầu hóa đã bộc lộ cả mặt tích cực lẫn mặt tiêu cực, đây là điều không thể tránh khỏi của quá trình phát triển : bên cạnh những tiến bộ không ngừng về khoa học, kỹ thuật, công nghệ mà nhân loại được hưởng lợi là hố ngăn cách ngày càng tăng giữa giàu và nghèo, là mâu thuẫn giữa dân chủ và sự áp đặt, là tình trạng các nước nghèo "ở vùng ngoại vi" có xu hướng bị văng ra bên lề của sự phát triển... trong khi đó cam kết của các nước phát triển tăng nguồn viện trợ phát triển (ODA) đạt 0,7% chưa có gì là bảo đảm sẽ được thực hiện. Tổng thống Ca-dắc-xtan A. Na-dắc-bai-ép cảnh cáo rằng nếu chỉ một nhóm nhỏ các nước phát triển được hưởng lợi từ thành quả của toàn cầu hóa thì chắc chắn sẽ dẫn đến đối đầu, xung đột và bất ổn xã hội. HNTĐTNK đã dành thời gian bàn bạc về chủ đề rất nóng bỏng này : các vấn đề tăng trưởng bền vững, bảo đảm cho các nước nghèo cũng được hưởng lợi từ quá trình toàn cầu hóa, và không bị gạt ra ngoài lề của sự phát triển.

Tại diễn đàn và các hội nghị bàn tròn của HNTĐTNK, nhiều chủ đề quan trọng khác cũng được bàn bạc và xem xét : - Bảo vệ môi trường, tôn trọng thiên nhiên ; - Bảo đảm nhân quyền, dân chủ ; - Bảo vệ những đối tượng dễ bị tổn thương, trẻ em, phụ nữ, người già... Tất cả những vấn đề được Hội nghị thảo luận đều có mối liên quan chặt chẽ tới vai trò của LHQ trong tương lai, và đây chính là chủ đề chính yếu của Hội nghị : *"Vai trò của LHQ trong thế kỷ XXI".* Liên hợp quốc, một tổ chức quốc tế lớn nhất thế giới, hiện có 189 thành viên, từ khi ra đời năm 1945, đã trải qua 55 năm hoạt động, và đã đạt được những thành quả đáng khích lệ, tuy nhiên bên cạnh những mặt tích cực và thành công, trong quá trình phát triển của mình, LHQ cũng đã bộc lộ những mặt yếu kém và bất cập trong cơ cấu tổ chức cũng như trong hoạt động. Một số vấn đề được nhiều nước quan tâm về vai trò và tổ chức của LHQ là : LHQ phải được cải tổ theo hướng dân chủ hóa, công khai hóa, nâng cao hiệu quả hoạt động trên cơ sở duy trì các mục tiêu và nguyên tắc của Hiến chương LHQ ; cần có cơ chế bảo đảm cho LHQ không bị một nước hay một nhóm nước lợi dụng, và nâng LHQ trở thành một tổ chức thật sự phục vụ lợi ích của tất cả các thành viên. Đặc biệt LHQ cần phải trở thành tổ chức bảo vệ các nước nghèo, các nước chậm phát triển.

Để đáp ứng các mục tiêu cải tổ LHQ, ý kiến chung của nhiều nước là cần tăng cường vai trò trung tâm của Đại hội đồng LHQ - cơ quan đại diện của tất cả các nước thành viên, trên nguyên tắc bình đẳng ; cải tổ Hội đồng Bảo an theo hướng tăng số lượng thành viên và phân bổ hợp lý số thành viên thường trực cũng như không thường trực để tăng tính đại diện của các nhóm nước, khu vực..., phải

Digitized by Google

dân chủ hóa cơ quan quyền lực có ảnh hưởng rất lớn đến an ninh thế giới này. Cần tăng cường mối quan hệ và sự phối hợp hành động giữa LHQ với các tổ chức khu vực để giải quyết vấn đề nóng bỏng của khu vực và liên khu vực. Thúc đẩy các hoạt động và nỗ lực của LHQ nhiều hơn nữa vào những vấn đề cấp bách của đời sống nhân loại : bảo vệ môi trường, kiểm soát dân số, phát triển xã hội...

Tuyên bố thiên niên kỷ và một thế giới hướng về tương lai

Sau 3 ngày làm việc khẩn trương và tích cực, chiều ngày 8-9, HNTĐTNK đã bế mạc với tuyên bố lịch sử mang tên "Tuyên bố thiên niên kỷ" gồm 32 điểm, trong đó xác định bảy mục tiêu then chốt, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với toàn nhân loại : 1. Bảo đảm hòa bình, an ninh và giải trừ quân bị ; 2. Phát triển và xóa đói nghèo ; 3. Bảo vệ môi trường sinh thái ; 4. Nhân quyền, dân chủ và quản lý tốt ; 5. Bảo vệ những đối tượng dễ bị tổn thương ; 6. Đáp ứng các nhu cầu đặc biệt của châu Phi ; 7. Tăng cường vai trò của Liên hợp quốc.

Tuyên bố có đoạn viết : "Chúng ta, những người đứng đầu nhà nước và chính phủ, đã họp nhau tại Niu-oóc, vào buổi bình minh của Thiên niên kỷ mới, để khẳng định lại niềm tin của mình đối với tổ chức và Hiến chương Liên hợp quốc như những nền tảng không thể thiếu được trong một thế giới hòa bình, thịnh vượng và công bằng hơn. Chúng ta nhận thấy rằng ngoài trách nhiệm riêng rẽ của chúng ta đối với từng xã hội, chúng ta còn có trách nhiệm tập thể đề cao các nguyên tắc về nhân phẩm, công bằng và bình đẳng ở cấp độ toàn cầu. Vì vậy, với tư cách là những nhà lãnh đạo, chúng ta có nghĩa vụ với toàn thể nhân dân thế giới, đặc biệt đối với những đối tượng dễ bị tổn thương, nhất là trẻ em thế giới - những người chủ của tương lai".

Tuyên bố TNK khẳng định quyết tâm của các nhà lãnh đạo thế giới - muốn xây dựng một thế giới hòa bình, công bằng, ổn định lâu dài phù hợp với các mục tiêu và nguyên tắc của Hiến chương LHQ, khẳng định ý nguyện tiếp tục cống hiến hết sức mình cho các nỗ lực đề cao bình đẳng, chủ quyền, tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và nền độc lập chính trị của các quốc gia. Tuyên bố thiên niên kỷ cũng phản ánh rõ nét nguyện vọng và ý chí của các nước đang phát triển trong hầu hết các lĩnh vực. Và cuối cùng Tuyên bố TNK cũng khẳng định quyết tâm cải tổ LHQ, biến LHQ thành một tổ chức hoạt động có hiệu quả hơn nữa nhằm đấu tranh vì sự phát triển của tất cả các dân tộc trên thế giới, hướng thế giới đến một tương lai tươi sáng hơn nữa trong thế kỷ XXI. ❑

CỦA ĐỂ DÀNH...

(Tiếp theo trang 52)

chỗ để mượn hoặc đọc nhờ nên cụ đã đặt mua Tạp chí Cộng sản từ bấy đến nay. Vậy là cụ có tới ngót 300 số Tạp chí. Có số thất lạc cụ nhờ con cháu tìm mượn phôtô lại toàn bộ cho cụ. Nhờ được tự chọn để mượn tôi gặp cả những số từ năm 1943, 1949, 1980... dưới những tên khác nhau : Học tập, Sinh hoạt nội bộ, Nghiên cứu, Bôn-sơ-vích. Thư giãn thì cụ nghe đài, xem ti vi, chăm cây cảnh, hoặc nghe băng ghi âm các vị lãnh đạo cao cấp nói chuyện ở hội nghị nào đó.

Cụ là ai vậy ? *Cụ là Nguyễn Hữu Cung, sinh năm 1921 tại xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.* Từ ngày cụ bà mất ở Vũng Tàu, cụ về ở với anh con trai cả là Nguyễn Đức Tiến, thương binh một thời chống Mỹ, tại số nhà 137 đường Lê Đại Hành thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Cụ là đảng viên chính thức từ ngày 25-12-1959. Chỗ này thì cụ phàn nàn, lẽ ra cụ được chính thức đảng viên từ 25-11-1947 nhưng vì công tác phản gián nên đứt đoạn sau kết nạp lại. Thủa nhỏ nhà nghèo cụ phải đi ở chăn trâu mãi tỉnh Bắc Giang rồi lớn lên lấy vợ ở đó, sau mới về lại Yên Mạc sinh sống. Những năm 1955 - 1961 cụ là chiến sĩ thi đua nông nghiệp của tỉnh Ninh Bình. Quãng thời gian công tác dài nhất của cụ ở xã là công tác văn hóa - thông tin, tuyên truyền phát thanh, tuyên huấn... Thời chống Pháp làm cả công tác địch vận. Cụ có 5 con trai, 3 con gái thì có tới 7 người có bằng cao đẳng, đại học trở lên. Nghỉ hưu cụ được 150 ngàn đồng/tháng mà vẫn dành tiền để mua Tạp chí đều đều. Tôi trả lại cụ vài quyển Tạp chí. Cầm sách trả cụ xem lại cẩn thận rồi cất vào giá sách. Cụ nói : "Của để dành cho các cháu đây. Tôi tin những cháu nào có vốn học rộng, biết nhiều, ham tìm hiểu chúng nó sẽ tìm đọc lại..." . ❑

Digitized by Google

TRUNG QUỐC TRƯỚC XU THẾ TOÀN CẦU HÓA KINH TẾ

NGUYỄN HUY QUÝ *

Toàn cầu hóa kinh tế đang diễn ra với nhịp độ nhanh chóng, tác động mạnh mẽ vào mọi mặt đời sống của các quốc gia, dân tộc. Tuy vậy, toàn cầu hóa là một quá trình đang diễn biến, chưa định hình, chưa thể có một định nghĩa hoàn chỉnh. Mỗi khu vực, mỗi quốc gia, mỗi tầng lớp xã hội, xuất phát từ lợi ích của mình, có sự nhìn nhận riêng và những ý kiến riêng về toàn cầu hóa kinh tế. Nhìn chung, chủ động thúc đẩy toàn cầu hóa kinh tế, và được lợi nhiều nhất trong toàn cầu hóa kinh tế là các nước tư bản phát triển, trước hết là Mỹ. Các nước đang phát triển nhận thức được xu thế của toàn cầu hóa kinh tế, hy vọng tận dụng được những cơ hội, lo lắng đối phó với những thách thức do toàn cầu hóa kinh tế dẫn tới. Riêng đối với các nước XHCN như Trung Quốc, Việt Nam v.v... còn phải giải quyết mối quan hệ giữa toàn cầu hóa kinh tế với việc kiên trì, củng cố, và phát triển chế độ XHCN, đối phó với những ý đồ chính trị của những thế lực âm mưu thông qua toàn cầu hóa kinh tế để "toàn cầu hóa" cả văn hóa, chính trị theo hướng TBCN. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu để tìm hiểu quan điểm và giải pháp của Trung Quốc trước xu thế toàn cầu hóa kinh tế rất có ý nghĩa.

I. NHỮNG QUAN ĐIỂM CHỦ YẾU VỀ TOÀN CẦU HÓA KINH TẾ

Các nhà lãnh đạo và các học giả Trung Quốc đã có nhiều công trình nghiên cứu và tổ chức nhiều cuộc thảo luận về xu thế toàn cầu hóa kinh tế. Trên thực tế, công cuộc cải cách mở cửa tiến hành ở CHND Trung Hoa từ năm 1978 tới nay, là một quá trình hội nhập nền kinh tế thế giới, là một sự chuẩn bị về lý luận và kinh nghiệm thực tiễn trước xu thế toàn cầu hóa kinh tế. Quyết tâm của Chính phủ Trung Quốc trong việc gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO), nhất là việc ký Hiệp định thương mại Trung - Mỹ cuối năm 1999 cũng là một biểu hiện quan điểm của Trung Quốc đối với xu thế toàn cầu hóa kinh tế. Quan điểm của Trung Quốc có điểm chung với quan điểm của các nước đang phát triển là chủ trương toàn cầu hóa kinh tế không được chỉ phục vụ lợi ích của các nước tư bản phát triển, đẩy các nước đang phát triển vào tình trạng khó khăn, lạc hậu và phụ thuộc, mà phải phù hợp với lợi ích của tất cả các quốc gia, dân tộc, và các tầng lớp xã hội. Tuy nhiên, đấu tranh cho một trật tự kinh tế thế giới công bằng là một vấn đề không đơn giản, đòi hỏi sự nỗ lực chủ quan của mỗi quốc gia, và sự đồng cảm, hợp tác giữa các dân tộc.

Từ ngày 15 đến 16-6 vừa qua, tại Bắc Kinh, đã tiến hành một "Diễn đàn thế kỷ XXI" với chủ đề "Toàn cầu hóa kinh tế - châu Á và Trung Quốc" (do Hội Hiệp thương chính trị Trung Quốc tổ chức). Hơn 400 nhà lãnh đạo và các học giả nổi tiếng của Trung Quốc và 20 nước châu Á đã tới dự. Nhiều nhà lãnh đạo và các học giả hàng đầu của Trung Quốc đã phát biểu tại cuộc hội thảo ; thể hiện những quan điểm chủ yếu của họ đối với xu thế toàn cầu hóa kinh tế.

1. Toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế tất yếu

Trong diễn văn khai mạc "Diễn đàn thế kỷ XXI", Thủ tướng Trung Quốc Chu Dung Cơ

* PGS. Trung tâm Nghiên cứu Trung Quốc

Digitized by Google

khẳng định : "Nhân loại đang bước sang thế kỷ XXI trong một thời điểm lịch sử trọng đại, thế giới đang có sự thay đổi cực kỳ rộng lớn và sâu sắc. Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật thể hiện chủ yếu ở kỹ thuật tin học đã phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng ; sự điều chỉnh cơ cấu kinh tế quốc tế đã tăng tốc ; quá trình toàn cầu hóa kinh tế đã diễn ra ngày càng nhanh. Nền kinh tế các nước đã đón nhận nhiều cơ hội mới, nhưng cũng đã đứng trước những thách thức mới" (1). Các nhà lãnh đạo và các học giả Trung Quốc cho rằng toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế của thời đại, là kết quả của tiến bộ khoa học - kỹ thuật, là một quá trình diễn ra không tùy thuộc vào ý muốn của con người và không thể đảo ngược. Hiện nay có một số quốc gia, một số địa phương, một số ngành chưa thực sự hòa nhập vào trào lưu toàn cầu hóa kinh tế, nhưng đó chỉ là hiện tượng tạm thời trong thời kỳ quá độ, sớm muộn sẽ phải hòa nhập. Các nhà lãnh đạo và học giả Trung Quốc đã phê phán một số cán bộ đã không nhận thức được xu thế tất yếu và tầm quan trọng của xu thế toàn cầu hóa kinh tế, do đó có thái độ thờ ơ trước tình thế khách quan, không có sự chuẩn bị về tư tưởng và hành động để thích nghi với trào lưu mới.

2. Toàn cầu hóa kinh tế quyết không thể là "phương Tây hóa" hoặc "Mỹ hóa", mà phải phù hợp với lợi ích của tất cả các quốc gia, dân tộc trên thế giới.

Thực tế, trật tự kinh tế thế giới trong những năm qua chứng tỏ có sự không bình đẳng. Cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á vừa qua là một dẫn chứng về vị trí bất lợi của các nước đang phát triển trong quá trình toàn cầu hóa, chứng tỏ thể chế tài chính - tiền tệ quốc tế hiện nay là công cụ chủ yếu phục vụ cho lợi ích của các nước phát triển, chứ không phải phục vụ lợi ích của các nước đang phát triển. Do có một lực lượng kinh tế mạnh, có một trình độ khoa học - kỹ thuật cao, và do cơ chế kinh tế tương đối thích ứng với quá trình toàn cầu hóa, nên nước Mỹ có ưu thế và được lợi nhiều nhất trong quá trình đó. Toàn cầu hóa kinh tế có nguy cơ làm tăng thêm khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa các quốc gia, một số nước nghèo nhất có nguy cơ bị đẩy vào vị thế "ngoài rìa" của đời sống kinh tế thế giới. Trung Quốc chủ trương trong quá trình toàn cầu hóa kinh tế, cộng đồng quốc tế cần xác lập những nguyên tắc "công bằng, cùng có lợi" trong trật tự kinh tế thế giới, hạn chế bất công giữa các quốc gia dân tộc, bảo đảm cho nền kinh tế thế giới phát triển một cách lành mạnh, liên tục.

3. Toàn cầu hóa kinh tế là một "con dao hai lưỡi", vừa mang lại "phúc" vừa dẫn tới "họa".

Năm 1999, trong giới học giả Trung Quốc đã có cuộc tranh luận hết sức sôi nổi về cái được và cái mất, cái lợi và cái hại khi Trung Quốc gia nhập WTO - một bước quan trọng trong quá trình hội nhập nền kinh tế thế giới. Cuộc tranh luận đã đi đến kết luận, cái lợi là chủ yếu, cái hại là thứ yếu, cái lợi là lâu dài, cái hại là tạm thời. Bước sang năm 2000, các công trình nghiên cứu về xu thế toàn cầu hóa kinh tế vẫn tiếp tục. Quan điểm được chấp nhận phổ biến là xu thế toàn cầu hóa kinh tế như "con dao hai lưỡi", có thể đem lại cái "phúc", nhưng cũng có thể gây ra cái "họa". Song cái "họa" chỉ là tạm thời và có thể hạn chế, còn cái "phúc" mới là cơ bản và lâu dài. Có thể dẫn chứng quan điểm của một nhà kinh tế thể hiện quan điểm tương đối phổ biến ở Trung Quốc : "Việc gia nhập WTO đã tạo ra một cơ hội, nhưng đồng thời cũng dẫn tới những thách thức. Đó là sự cạnh tranh ở một loạt các ngành như chế tạo ôtô, ngành viễn thông, ngành tài chính - tiền tệ v.v.. Nhưng xét về tổng thể thì những thách thức lớn mà Trung Quốc phải đối phó gồm có : *Một là,* tình trạng chảy chất xám, vì khi các ngân hàng, công ty bảo hiểm nước ngoài vào thị trường Trung Quốc sẽ bằng hình thức trả lương cao thu hút một lượng lớn nhân tài vào làm việc. *Hai là,* sức ép về công ăn việc làm, vì khi vốn và sản phẩm nước ngoài tràn vào sẽ làm cho một số sản phẩm của Trung Quốc bị hạ giá, đặc biệt là các sản phẩm nông nghiệp. Một số công ty trong nước sẽ bị phá sản. Mặt khác, thu nhập của nông dân bị giảm, một số bộ phận sẽ vào thành phố, làm tăng sức ép về việc làm. *Ba là,* sau khi sức cạnh tranh xí nghiệp bị giảm sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của toàn bộ các xí nghiệp.

(1) *Nhân dân nhật báo,* ngày 15-6-2000

Digitized by Google

Tuy vậy, việc Trung Quốc gia nhập WTO là cần thiết. Mặc dù bị nhiều thách thức, nhưng về lâu dài thì cơ hội sẽ nhiều hơn thách thức. Nếu xét về nghĩa hẹp, gia nhập WTO sẽ giúp Trung Quốc thu hút vốn và kỹ thuật quốc tế, mở rộng xuất khẩu. Ngoài ra, tham gia tiến trình toàn cầu hóa và gia nhập WTO còn có những ý nghĩa như sau : *Trước hết* là chỉ có mở cửa mới thúc đẩy được cải cách thực sự. Khi đã mở cửa, công cuộc cải cách của Trung Quốc sẽ có sự đánh giá của nước ngoài, từ đó tránh được tình trạng cải cách giả tạo. *Thứ hai,* nếu đã mở cửa mà không cải cách thì sẽ nảy sinh nhiều vấn đề, nền kinh tế sẽ rơi vào khủng hoảng tài chính - tiền tệ, và chỉ có cải cách mới tăng được sức đề kháng"... [2]. Về vấn đề này, cựu Thủ tướng Xin-ga-po Lý Quang Diệu cũng đã phát biểu tại "Diễn đàn thế kỷ XXI" ở Bắc Kinh vừa qua như sau : "Cuộc cạnh tranh quy mô toàn cầu sẽ làm cho các doanh nghiệp Trung Quốc nâng cao hiệu quả và sức sản xuất, đồng thời cũng làm cho các xí nghiệp lỗi thời bị sụp đổ, dẫn tới thất nghiệp và nhiều vấn đề xã hội. Thế nhưng, kết quả sẽ làm cho Trung Quốc có điều kiện phát huy hết tiềm năng của mình trở thành một trong những nước cạnh tranh chủ yếu nhất về hàng hóa, dịch vụ, và tiền vốn trên phạm vi toàn cầu trong thế kỷ XXI" [3].

II. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẰM THÍCH ỨNG VỚI XU THẾ TOÀN CẦU HÓA KINH TẾ

Thủ tướng Trung Quốc Chu Dung Cơ đã khái quát 4 giải pháp chủ yếu Trung Quốc sẽ áp dụng nhằm thích ứng với xu thế toàn cầu hóa kinh tế là :

"1, Điều chỉnh chiến lược kết cấu kinh tế. 2, Cải cách tầng sâu thể chế kinh tế. 3, Tăng cường khoa học - kỹ thuật và giáo dục. 4, Đẩy mạnh mở cửa đối ngoại một cách toàn diện..." [4].

1 - Đẩy mạnh cải cách kết cấu kinh tế và thể chế kinh tế, tăng tốc phát triển giáo dục và khoa học - kỹ thuật nhằm tăng sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Nói cho cùng, vị trí của Trung Quốc trong nền kinh tế toàn cầu hoá phụ thuộc vào thực lực, vào sức cạnh tranh của chính mình. Muốn vậy, Trung Quốc phải đẩy mạnh cải cách kết cấu và thể chế kinh tế, trước hết là cải cách kinh tế nhà nước. Về mặt này, Trung Quốc đã thu được những thành tựu đáng kể, nhưng chưa đủ để thích ứng với xu thế toàn cầu hóa. Theo tài liệu công bố vào tháng 3-2000, trong tổng số 6 599 doanh nghiệp lớn và vừa, của nhà nước hoặc do nhà nước khống chế cổ phần, trước đây sản xuất kinh doanh thua lỗ nay đã có 3 387 doanh nghiệp khắc phục được tình trạng khó khăn, trong đó có một số xí nghiệp đã đạt hiệu quả kinh tế cao, góp phần quan trọng thúc đẩy toàn bộ nền kinh tế quốc dân phát triển. Các nhà lãnh đạo và giới kinh tế Trung Quốc dự đoán : Nếu không xảy ra tình hình bất trắc kế hoạch 3 năm (1998 - 2000) giải thoát các doanh nghiệp lớn và vừa khỏi tình trạng khó khăn sẽ được hoàn thành vào cuối năm nay. Tuy nhiên, nhìn chung kinh tế Trung Quốc so với kinh tế các nước tư bản phát triển thì kết cấu chưa hợp lý, hiệu quả chưa cao, sức cạnh tranh chưa mạnh, chưa có những công ty siêu quốc gia mạnh chiếm lĩnh vị trí quan trọng trên thị trường quốc tế. Do vậy, trong thời gian tới Trung Quốc sẽ đẩy mạnh cải cách ở tầng sâu của nền kinh tế nhằm thiết lập một kết cấu kinh tế và thể chế kinh tế hợp lý hơn. Đồng thời, Trung Quốc sẽ áp dụng một số biện pháp phát triển kinh tế nhằm giảm bớt sức ép thiếu việc làm như tăng cường xây dựng nhà ở, đẩy mạnh khai phá miền Tây, khởi động thị trường nông thôn ; kết hợp điều tiết thị trường với điều tiết nhà nước và "điều tiết đạo đức" nhằm hạn chế những vấn đề xã hội nảy sinh do mặt trái của kinh tế thị trường và toàn cầu hóa kinh tế. Trước xu thế toàn cầu hóa và trí tuệ hóa của nền kinh tế thế giới, Trung Quốc đặc biệt coi trọng việc phát triển giáo dục và khoa học - kỹ thuật. Tại Đại hội viện sĩ Viện khoa học Trung Quốc lần thứ X, Tổng Bí thư Giang Trạch Dân đã kêu gọi "hãy dấy lên một cao trào tiến bộ khoa học - kỹ thuật và sáng chế phát minh... Đó là sứ mệnh lịch sử của những người làm công tác khoa học -

(2) Lịch Dĩ Ninh : "Toàn cầu hóa và kinh tế Trung Quốc". Tạp chí *Kinh tế chính trị thế giới* (Trung Quốc), số tháng 6-2000

(3) *Nhân dân nhật báo*, ngày 15-6-2000

(4) Bài phát biểu của Thủ tướng Chu Dung Cơ tại "Diễn đàn thế kỷ XXI". *Nhân dân nhật báo*, ngày 15-6-2000

Digitized by Google

kỹ thuật ở nước ta trong giai đoạn hiện nay". Đồng thời với việc đào tạo nhân tài cần có biện pháp ngăn chặn tình trạng "chảy chất xám" do các công ty nước ngoài trả lương cao sẽ thu hút những cán bộ khoa học - kỹ thuật ưu tú của Trung Quốc làm việc cho họ.

2. Đẩy mạnh mở cửa đối ngoại toàn diện. Để tránh bị động trong quá trình toàn cầu hóa kinh tế, cách tốt nhất là tích cực chủ động tham gia các hoạt động giao lưu quốc tế một cách toàn diện. Quá trình mở cửa kinh tế đối ngoại của Trung Quốc đã diễn ra hơn 20 năm nay và đã thu được những kết quả đáng khích lệ, nhưng một vài năm gần đây các hoạt động giao lưu quốc tế đã diễn ra dồn dập hơn bao giờ hết, thể hiện rõ nhất là những nỗ lực của Trung Quốc nhằm tiến tới Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Con đường Trung Quốc tiến tới Tổ chức thương mại thế giới tương đối dài, bắt đầu từ đề nghị gia nhập GATT (tiền thân của WTO) năm 1986 cho tới tháng 11-1999 khi ký Hiệp định song phương Trung - Mỹ. Quá trình đàm phán giữa Trung Quốc với 37 quốc gia thành viên của WTO gần đi tới hoàn tất, ngày Trung Quốc gia nhập WTO không còn xa. Thủ tướng Chu Dung Cơ rất lạc quan trước sự kiện đó. Ông cho rằng : "Cùng với quá trình Trung Quốc tiến tới WTO càng tăng nhanh, chúng ta càng tham gia quá trình toàn cầu hóa kinh tế với tư thế tích cực hơn, trong nhiều lĩnh vực rộng mở hơn... Sau khi Trung Quốc gia nhập WTO, sự tham gia của Trung Quốc vào nền kinh tế thế giới sẽ được nâng lên một tầm cao mới... mậu dịch đối ngoại và thu hút vốn ngoại phát triển nhanh sẽ thúc đẩy kinh tế Trung Quốc phát triển tốc độ cao và liên tục... mở cửa đối ngoại của Trung Quốc cũng sẽ có bước đột phá..." [5]. Nhằm tăng cường mở cửa đối ngoại, Trung Quốc đã đồng ý năm 2000 giảm thuế quan bình quân xuống khoảng 15%, năm 2005 xuống khoảng 10%. Đồng thời, Trung Quốc cam kết trong 10 năm tới sẽ tăng cường mở cửa các ngành thương nghiệp, mậu dịch đối ngoại, ngân hàng tiền tệ, bảo hiểm, chứng khoán, viễn thông, du lịch, dịch vụ môi giới cho nước ngoài đầu tư. Để hạn chế vai trò chi phối của Mỹ trong quan hệ kinh tế thế giới, Trung Quốc đã tăng cường quan hệ kinh tế với các đối tác khác : EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, ASEAN..., nhằm tiến tới một cục diện đa trung tâm trong trật tự thế giới mới.

3. Trước xu thế toàn cầu hóa kinh tế, ngoài những biện pháp kinh tế nói trên, Trung Quốc còn tăng cường công tác tư tưởng - văn hóa, nhằm ngăn chặn những ảnh hưởng tiêu cực của toàn cầu hóa kinh tế đối với "văn minh tinh thần XHCN".

Các nhà lãnh đạo, các học giả Trung Quốc cho rằng chỉ có toàn cầu hóa kinh tế, tuyệt đối không được "toàn cầu hóa" chính trị và "toàn cầu hóa" văn hóa - tư tưởng.

Các thế lực thù địch của CNXH hy vọng toàn cầu hóa kinh tế sẽ làm thay đổi tư tưởng chính trị trong nhân dân các nước XHCN, dẫn tới "diễn biến hòa bình" theo hướng TBCN. Để ngăn chặn nguy cơ này, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đặc biệt nhấn mạnh công tác tư tưởng trong giai đoạn mới. Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 79 Ngày thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc, ngày 28-6-2000 đã tiến hành Hội nghị công tác chính trị - tư tưởng nhằm tổng kết, trao đổi kinh nghiệm, nghiên cứu tình hình và nhiệm vụ trong giai đoạn mới, nhằm tăng cường và cải tiến công tác tư tưởng chính trị trên tất cả các phương diện nội dung, hình thức, phương pháp, biện pháp, cơ chế v.v... Đó là Hội nghị công tác chính trị tư tưởng lần đầu tiên do Ban Chấp hành Trung ương Đảng đứng ra tổ chức. Trong bài phát biểu tại Hội nghị, Tổng Bí thư Giang Trạch Dân nhấn mạnh rằng : "Thế giới đang diễn ra sự biến đổi sâu sắc... Công tác chính trị - tư tưởng của Đảng đang đứng trước những tình thế phức tạp hơn, những nhiệm vụ nặng nề hơn, những công việc gian khổ hơn... Đứng trước tình hình mới, công tác chính trị - tư tưởng trên cơ sở kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp trước đây, cần phải ra sức cải tiến, đổi mới trên tất cả các phương diện... đặc biệt là phải hết sức nhạy bén với thời cuộc nâng cao tính chiến đấu, tính thực tế, và tính chủ động" [6].❑

---

(5) Bài nói chuyện của Thủ tướng Chu Dung Cơ tại "Diễn đàn thế kỷ XXI". *Nhân dân nhật báo*, ngày 15-6-2000

(6) Bài phát biểu của Tổng Bí thư Giang Trạch Dân tại Hội nghị công tác chính trị tư tưởng, *Nhân dân nhật báo*, ngày 29-6-2000

Digitized by Google

• HỘI NGHỊ CỘNG TÁC VIÊN VÀ BẠN ĐỌC CỦA TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Ngày 8-9-2000 tại thị xã Hà Tĩnh, Tạp chí Cộng sản phối hợp với Tỉnh ủy Hà Tĩnh tổ chức Hội nghị cộng tác viên, thông tin viên và bạn đọc của Tạp chí Cộng sản khu vực phía Bắc miền Trung gồm : Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình.

Tham dự Hội nghị có gần 100 đại biểu gồm các đồng chí lãnh đạo Tạp chí Cộng sản và Tỉnh ủy Hà Tĩnh, lãnh đạo các Ban Tuyên giáo, giám đốc các Sở Bưu điện, các trường chính trị của 4 tỉnh ; lãnh đạo một số các ban, ngành, cơ quan các tỉnh nói trên ; đại diện lãnh đạo Quân khu IV, Trường đại học Sư phạm Vinh, các đồng chí bí thư huyện ủy của tỉnh Hà Tĩnh ; đại diện cơ quan thông tin đại chúng, cộng tác viên và bạn đọc của Tạp chí.

Đồng chí Hà Đăng - Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản và đồng chí Đặng Duy Báu, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh chủ trì hội nghị. Các đại biểu đã sôi nổi thảo luận về các vấn đề mà bạn đọc quan tâm.

1 - **Về nội dung của Tạp chí.** Nhìn vào tổng thể, kết cấu của Tạp chí được bạn đọc đánh giá là hợp lý, cân đối ; các chuyên mục phục vụ được tôn chỉ mục đích của Tạp chí cũng như yêu cầu của bạn đọc. Bạn đọc luôn coi Tạp chí là người hướng dẫn cho tư tưởng và hành động, các cấp lãnh đạo tìm thấy trong Tạp chí những gợi ý quý báu cho công tác lãnh đạo và chỉ đạo thực tiễn. Qua các bài viết trên Tạp chí, các nghị quyết của Đảng và nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội được làm sáng tỏ.

Bạn đọc dành sự quan tâm sâu sắc đến các bài trong chuyên mục *Đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống*, coi đây là những hướng dẫn quý báu về quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng giúp cán bộ, đảng viên nhận thức rõ hơn nhiệm vụ và tự tin trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

Đối với mục *Nghiên cứu - Trao đổi*, ý kiến chung cho rằng các bài trong mục này đều mang giá trị lý luận và thực tiễn, có tác động rõ rệt đối với nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên. Cũng có ý kiến đề nghị trong khi nâng cao chất lượng lý luận cần có cách viết dễ hiểu hơn cho các đối tượng ở các huyện, xã.

Các bài trong mục *Thực tiễn - Kinh nghiệm* cung cấp cho bạn đọc nhiều hiểu biết bổ ích qua thực tiễn hoạt động, chỉ đạo của các địa phương, đơn vị. Vấn đề bạn đọc quan tâm làm sao giới thiệu ngày càng nhiều điển hình, có tính tổng kết cao, có khả năng gợi mở vấn đề, giúp cho công tác chỉ đạo thực tiễn tốt hơn nữa.

Có những ý kiến yêu cầu trên Tạp chí nên có nhiều hơn nữa các bài mang tính chiến đấu, trực tiếp đối với các quan điểm và khuynh hướng sai trái đang cản trở sự nghiệp xây dựng nước ta. Tạp chí nên có những bài đấu tranh chống tham nhũng thường xuyên, mạnh mẽ hơn, bởi đây là "một quốc nạn". Đối với lĩnh vực văn học - nghệ thuật, Tạp chí cần tiếp tục có những bài phê bình sâu sắc, nhất là đối với những tác phẩm đang có nhiều sự đánh giá khác nhau, giúp bạn đọc có định hướng đúng đắn trong nhận thức của mình.

Mục *Tìm hiểu khái niệm* cung cấp một cách ngắn gọn, chính xác, đa dạng các khái niệm, thông tin, giúp bạn đọc cập nhật hiểu biết của mình. Các bài trong mục *Sinh hoạt tư tưởng* làm hài lòng bạn đọc một cách nhẹ nhàng, nhưng cũng có giá trị cảnh tỉnh cao đối với những thói hư tật xấu trong đội ngũ cán bộ, đảng viên.

2 - **Hình thức của Tạp chí** được bạn đọc đánh giá là trang nhã, cân đối, mầu sắc hài hòa. Đi vào giai đoạn phát triển mới, Tạp chí cần nghiên cứu thêm về thị hiếu thẩm mỹ của bạn đọc để hình thức Tạp chí càng đẹp hơn nữa.

3 - **Việc phát hành và sử dụng Tạp chí** cũng có nhiều ý kiến. Tỷ lệ số chi bộ có Tạp chí Cộng sản là ít (ở một số đảng bộ, thấp nhất là 20% số chi bộ cơ sở có Tạp chí Cộng sản, cao nhất là 59% số chi bộ có Tạp chí Cộng sản). Đây cũng là vấn đề bức xúc không chỉ của các cấp lãnh đạo mà còn là của những người làm công tác phát hành. Về vấn đề này cần có sự quan tâm thích đáng của nhiều phía như các chỉ thị về phát hành Tạp chí, công tác tuyên truyền hướng dẫn của lãnh đạo địa phương, đơn vị bên cạnh việc nâng cao chất lượng Tạp chí.

Hiệu quả sử dụng Tạp chí cũng là vấn đề gắn với việc phát triển đội ngũ cộng tác viên của Tạp chí. Các cán bộ, đảng viên cần thấy rõ trách nhiệm và lợi ích của mình trong việc nghiên cứu Tạp chí Cộng sản. Tạp chí Cộng sản thông qua việc đến với bạn đọc rộng khắp hơn, gắn chặt với bạn đọc hơn sẽ phát triển được đội ngũ cộng tác viên của mình. ❑

Digitized by Google

CÔNG TY CAO SU DẦU TIẾNG
VỮNG BƯỚC ĐI LÊN



Công ty Cao Su Dầu Tiếng tiền thân là đồn điền Cao Su Dầu Tiếng của Pháp, khai hoang và trồng cao su vào những năm 1917. Sau Giải phóng Chính phủ cho thành lập Nông trường quốc doanh Cao Su Dầu Tiếng. Cơ ngơi được tiếp quản 4000 ha cao su già cỗi thưa thớt và một xưởng chế biến mủ, máy móc cũ kỹ lạc hậu, từ cơ ngơi đó Nông trường đã từng bước khắc phục khó khăn vươn lên từ quy mô nhỏ, vừa, tiến lên từng bước vững chắc. Đến ngày 21/5/1981 Nông trường được chuyển thành Công ty Cao Su Dầu Tiếng, là thành viên của tổng Công ty Cao Su Việt Nam, đóng trên địa bàn huyện Dầu Tiếng và Bến Cát tỉnh Bình Dương. Quản lý 29.755 ha cao su, diện tích cao su khai thác 27.655 ha. Tổng số lao động 12.200 người có 11 nông trường và 5 xí nghiệp cùng các phòng ban, tổng số vốn sản xuất là 690,24 tỷ đồng. Là Doanh nghiệp Nhà nước với nhiệm vụ trồng, khai thác, chế biến tiêu thụ cao su, chăm lo đời sống CB - CNV, làm nhiệm vụ với nhà nước. Trong 10 năm qua Công ty không ngừng phát triển và đi lên. Từ 1990 - 1999 Công ty đã khai thác chế biến và tiêu thụ được 211.399 tấn mủ cao su các loại, tổng doanh thu 2.258.7 tỷ đồng, nộp ngân sách 479,684 tỷ đồng, trồng mới 3.799 ha cao su. Đặc biệt khâu trồng mới chăm sóc, bảo đảm mật độ cây sống cao, quản lý tốt đưa năng suất từ 6,5 tạ/5 lên 1.52 tấn/năm. Trong chế biến đã nghiên cứu SX ra nhiều loại, riêng loại HA không sử dụng TMP/ZnO mà vẫn bảo đảm các chỉ tiêu VFA, KOH. Phát huy cải tiến kỹ thuật Công ty đã chế tạo thành công các loại máy chế biến cao su như : Máy cắt lát, máy băm, máy cắt khô ba trục, bơm cốm, giàn rung... tiết kiệm ngoại tệ giảm chi phí tạo công ăn việc làm cho người lao động, 26 đề tài nghiên cứu khoa học, 72 sáng kiến cải tiến kỹ thuật làm lợi trên 20 tỷ đồng. Tổng LĐLĐ tặng hai bằng LĐ sáng tạo. Công ty đã được cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9002. Với một Đảng bộ có 26 chi bộ gồm 572 Đảng viên nhiều năm liền được tỉnh ủy công nhận đảng bộ trong sạch vững mạnh. Đảng bộ có đội ngũ CB lãnh đạo quản lý năng động, nhạy bén, giám nghĩ giám làm, kịp thời xử lý nắm bắt thông tin, mạnh dạn đầu tư KHKT công nghệ, đội ngũ công nhân kỹ thuật có tay nghề vững vàng, Đảng viên gương mẫu. Công ty được Đảng và Nhà nước tặng thưởng * Danh Hiệu Anh hùng Lực Lượng Vũ Trang * Danh Hiệu Anh Hùng Lao Động * Huân Chương Độc Lập Hạng Ba * 46 Huân Chương Lao Động (3 hạng nhất, 5 hạng nhì, 38 hạng ba) * 4 Huân Chương Chiến Công và nhiều luân lưu của Chính phủ, của Bộ, ngành, tỉnh. 91.188 lượt CB - CNV đạt danh hiệu lao động giỏi.

BƯU ĐIỆN GIA LAI
NGÀNH GIAO BƯU - THÔNG TIN



Lực lượng Giao Bưu Thông Tin, một binh chủng thầm lặng song đảm trách những nhiệm vụ quan trọng đã vượt qua mọi gian khổ, hy sinh, trưởng thành nhanh chóng. Đóng góp những thành tích vẻ vang trong sự nghiệp thống nhất Tổ Quốc của dân tộc nói chung và của quân dân tỉnh Gia Lai nói riêng. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975) ngành Giao Bưu Thông Tin Gia Lai đã giữ vững liên lạc vô tuyến, điện báo với khu ủy khu 5, xây dựng các đường giao liên nội tỉnh. Đảm bảo giữ vững giao liên tỉnh và với tiểu khu 5, soi đường lập khu căn cứ của tỉnh, mở các trạm giao liên trên các tuyến. Mọi nỗ lực đều được huy động đến mức cao nhất, chuẩn bị mọi mặt bước vào phục vụ chiến dịch giải phóng xuân 1975. Ngày 20/3/1975, vào tiếp quản thị xã, Ban giao bưu đã triển khai ngay mạng điện thoại phục vụ ủy ban quân quản, Tỉnh ủy, Tỉnh đội, Công an v.v... Trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ, lực lượng Giao Bưu Thông Tin Gia Lai đã thể hiện tinh thần độc lập sẵn sàng trong hoạt động, dũng cảm mưu trí trước kẻ thù, đã có những nỗ lực vượt bậc và trưởng thành. Mạng lưới viễn thông từ cơ sở ban đầu hầu như chưa có gì với phương châm vừa XD vừa khai thác và thay thế dần. Đến nay mạng lưới viễn thông đã trải đều khắp các cơ sở toàn tỉnh, doanh thu hàng năm luôn vượt mức chỉ tiêu, đội ngũ CB-CNV luôn được chú trọng phát triển, công tác xây dựng đoàn thể ngày càng lớn mạnh, Đảng bộ nhiều năm liền được công nhận trong sạch vững mạnh, đoàn thanh niên xứng đáng là lực lượng kế cận của Đảng, công đoàn luôn được công nhận là đơn vị có phong trào công đoàn mạnh. Ghi nhận công lao của Bưu Điện Gia Lai, Đảng và Nhà nước đã tặng thưởng : * 2 Huân Chương Chiến Công Hạng Hai * 2 Huân Chương Giải Phóng Hạng Nhất * 4 Huân Chương Giải Phóng Hạng Hai * 3 Huân Chương Giải Phóng Hạng Ba * 1 Huy Chương Giải Phóng Hạng Nhất * 2 Huy Chương Giải Phóng Hạng Hai * 2 Huân Chương Lao Động Hạng Hai, ba * cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ, cờ thi đua xuất sắc của tổng cục Bưu Điện, cờ thi đua xuất sắc của Tổng Công Ty Bưu Chính Việt Nam và nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bộ, ngành, Tỉnh ủy, nhiều huân huy chương cho CB - CNV trong ngành.



Digitized by Google

CÔNG TY SẢN XUẤT KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG CẦN THƠ (SADICO CAN THO)

10 NĂM ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN

KIÊN TRÌ MỤC TIÊU ĐÓN ĐẦU CÔNG NGHỆ - CHỌN ĐÚNG THỊ TRƯỜNG

Đến Cần Thơ - quê hương lúa gạo, có một đơn vị cần nhớ là SADICO Can Tho, một công ty sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng hiện đại nhất Việt Nam.

Cách đây hơn 10 năm, CTy SX KINH DOANH VLXD Cần Thơ đã có tầm nhìn và đánh giá đúng tiềm năng thị trường mục tiêu mình tiến tới. Đó là vật liệu xây dựng, không chỉ ở Cần Thơ mà là cả ở đồng bằng Sông Cửu Long trong bước phát triển mới. Năm 1986, SADICO chỉ có 1 xí nghiệp là nhà máy phân vôi, hoạt động không hiệu quả, sau được cải tạo thành nhà máy xi măng 5.000 tấn/năm với số lượng vài chục công nhân, tổng số vốn vẻn vẹn 2,5 tỷ đồng.

Qua 10 năm xây dựng và đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức hoạt động, SADICO Can Tho đã có tổng số vốn 335 tỷ đồng, tăng gấp 134 lần, nay có 4 XN trang thiết bị hiện đại. Năm 1987, công ty đầu tư xây dựng nhà máy xi măng 3.000 tấn/năm, chất lượng tốt, giá cả phải chăng, sản xuất được tiêu thụ nhanh, làm ăn có lãi, Cty tiếp tục mở rộng SX đưa công suất nhà máy lên 90.000 tấn/năm. Nắm bắt đúng thị trường, SADICO Can Tho cùng xi măng Hà Tiên II xây dựng **Nhà Máy Xi Măng Hà Tiên II Cần Thơ** có công suất 20.000 tấn/năm, sản phẩm bán nhanh trên thị trường, SADICO Can Tho sản xuất VLXD đã thành công tốt đẹp.

Nhu cầu bao bì đựng lúa gạo và bao bì cho các loại phân bón, nông sản và xi măng cho Đồng bằng sông Cửu Long hàng năm là rất lớn. SADICO Can Tho đã nắm bắt được thị trường, mạnh dạn đón đầu đi vào sản xuất bao PP cao cấp phục vụ thị trường. Tháng 7/1991, nhà máy bao PP công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại quy mô lớn nhất ngành nhựa Việt Nam được khánh thành với công suất 14 triệu bao/năm. Sản phẩm được thị trường chấp nhận, nhiều chuyên gia hàng đầu VN đánh giá cao tầm nhìn và nghệ thuật đón đầu của SADICO Can Tho. Không dừng ở đó, giám đốc Từ Quang Trạch vốn là kỹ sư ngành hóa từng am hiểu và ước vọng xây dựng một nhà máy bao bì hiện đại lớn hơn, ngay trên trung tâm ĐB SCL. Thời cơ đã đến SADICO Can Tho tiếp tục con đường phát triển của mình, xây dựng thêm nhà máy bao bì PP II công suất 40 triệu bao/năm. Bao bì PP cao cấp của Cty có mặt khắp nơi trên cả nước và xuất khẩu ra nước ngoài. Sản phẩm cao cấp bao bì PP của SADICO Can Tho lại ghi thêm thành công khai thác thế mạnh địa phương chọn đúng thị trường. Với 2 mặt hàng trên của SADICO Can Tho đã thu được lợi nhuận 4,5 tỷ đồng. Đời sống CB CNV ngày càng cao, bình quân 13,2 triệu đồng-người/năm.



*Đồng chí **Từ Quang Trạch***
Giám đốc Công ty

Đảng bộ công ty có 56 Đảng viên, 4 chi bộ là **Đảng bộ Nhiều năm trong sạch vững mạnh**. Cty SADICO Can Tho là doanh nghiệp nhà nước biết phát huy nội lực, sáng tạo trong quản lý SX Kinh doanh, nhanh chóng thích ứng với đường lối đổi mới và cơ cấu thị trường, phát huy được đặc tính ưu việt quan hệ sở hữu nhà nước, là doanh nghiệp có bước đi thận trọng từng bước vững chắc. Đã được nhà nước ghi nhận công lao tập thể và cá nhân, được tặng thưởng 6 Huân chương lao động hạng III và nhiều danh hiệu cao quý cùng với cờ thi đua bằng khen của chính phủ, các cấp bộ ngành và Tỉnh ủy UBND Tỉnh Cần Thơ.

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN

CÔNG TY ĐỊA ỐC 9

- ĐC: Km 11 + 300, đường Hà Nội, phường Hiệp Phú - Q.9 - TP.Hồ Chí Minh
- ĐT : 8.963.233 - 8.870.616 Fax : 84.8.8.870.616

1. CHỨC NĂNG :

- Kinh doanh địa ốc
- Nhận thầu thi công xây lắp các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng
- Sản xuất cung cấp các cấu kiện thép, khung nhà kho, nhà xưởng, nhà ở lắp ghép...
- Sản xuất các sản phẩm mộc, trang trí nội thất, thiết bị phục vụ giảng dạy học tập.
- Lắp đặt, trang bị các hệ thống điện sinh hoạt và điện công nghiệp.
- Sản xuất, cung cấp cọc bê tông cốt thép để xây dựng nhà cao tầng, cầu giao thông
- Sang lấp mặt bằng, đường nội bộ khu dân cư



Cầu nông thôn công cộng (dài 20m - 40m)

2. NĂNG LỰC :

- Công ty có kinh nghiệm trong ngành xây dựng cơ bản hơn 20 năm nay và được thành lập lại theo Nghị định 388/CP của Chính phủ (QĐ243/QĐ-UB ngày 25/12/1992)
- Công ty có đầy đủ đội ngũ cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm được đào tạo chính quy trong nước, có đội ngũ công nhân lành nghề, có đủ thiết bị thi công xe máy.



Cầu nông thôn gia đình (dài 6m - 10m)



Kèo không gian khẩu độ 15m - 60m

Mong Được Phục Vụ Quý Khách Hàng

Digitized by Google

CÔNG TY CAO SU CHUPRÔNG
VỮNG BƯỚC ĐI LÊN
10 năm đổi mới và phát triển





Đồng chí Phan Quốc Trực,
Bí thư Đảng ủy - Giám đốc Công ty

Với tinh thần đoàn kết trên dưới một lòng bám trụ và nỗ lực phấn đấu trong suốt 23 năm Công ty Cao su Chuprông đã đứng vững và trưởng thành, phát triển mọi mặt. Ở miền Cực Nám của Tổ quốc rừng thiêng nước độc, đồi núi hoang sơ, đầy rẫy những vết tích của chiến tranh. Từ tiền thân là vùng kinh tế mới Hà Nam Ninh nằm trên địa bàn 11/14 xã thuộc huyện Chuprông (Huyện Biên giới vùng sâu, vùng xa) của Tỉnh Gia Lai ; Công ty hình thành từ bộ khung của kinh tế mới gần 55 cán bộ và 3.455 người. Công ty Cao su Chuprông đã biến nơi đây thành trung tâm văn hóa, kinh tế, của địa phương.

23 năm qua công ty không ngừng phát triển, vững mạnh đi lên nhất là trong thời kỳ đổi mới. Trồng thêm được 5.152 ha/7.264 ha chiếm 80% sản lượng khai thác. Chế biến mủ cao su 9.245,7 tấn tổng doanh thu 156.4 tỷ chiếm 80%. Tổng lợi nhuận đạt 27,9 tỷ đồng chiếm 90%. Tổng nộp ngân sách đạt 16,9 tỷ đồng chiếm 95%. Năng suất vườn cây tăng từ 0,3 tấn ha lên 0,983 tấn ha. Nộp ngân sách năm sau cao hơn năm trước từ 2 triệu đồng lên 2,6 tỷ đồng tăng 1000 lần, nộp ngân sách trong 10 năm 17.766.001.481 đồng, đời sống CB - CNV ngày càng được cải thiện, đồng bào dân tộc ổn định đời sống, định canh định cư 712 người/1963 người CB - CNV công ty. Công tác tổ chức đoàn thể ngày càng vững mạnh. Một chi bộ có 80 đảng viên trong thời kỳ đổi mới kết nạp thêm 37 đảng viên. Nhiều năm liền được Tỉnh ủy tặng danh hiệu Trong sạch vững mạnh. Đảng viên luôn được bố trí các vị trí then chốt. Đoàn viên là lực lượng hùng hậu tin cậy của Công ty nhiều năm liền được TƯ Đoàn khen ngợi và tặng Cờ luân lưu. Công đoàn là cơ sở vững mạnh luôn được Tổng liên đoàn và Tổng công ty khen ngợi tặng bằng khen và cờ thi đua. Nhờ sự đoàn kết nhất trí cao, phát huy vai trò lãnh đạo, tôn trọng nhân quyền và trí tuệ của đội ngũ cán bộ, kỹ thuật, công ty đã có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật làm lợi cho nhà nước hàng tỷ đồng. Như sáng kiến làm 25ha vườn ươm tự chảy, sáng kiến làm mái che mưa cho vườn cây (trời mưa không bị mất mủ), sáng kiến ép xanh vườn cây xây dựng cơ bản. Ý thức được văn hóa là món ăn tinh thần không thể thiếu và để nâng cao trình độ dân trí cho CB - CNV. Công ty đã mạnh dạn lắp 1 dàn ăng - ten Parabol để thu tín hiệu đài truyền hình TƯ phục vụ cho CB - CNV và nhân dân trong vùng. Công ty cao su Chuprông Đảng và Nhà nước đã tặng thưởng cho công ty :

* 2 Huân chương lao động (II, III)

* 1 Huân chương chiến công hạng I

* 3 Cờ thi đua của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, 6 cờ thi đua của Tổng công ty cao su, 10 bằng khen của Chính phủ, 40 bằng khen của Bộ NN và PTNT, 3 bằng khen của Công an và hàng trăm bằng giấy khen của các Bộ ngành, Tỉnh ủy và UBND tỉnh.

Google

KIMANH

HÀNG VIỆT NAM '99 CHẤT LƯỢNG CAO

CÔNG TY CỔ PHẦN

CHÈ KIM ANH

KIM ANH TEA STOCK - HOLDING COMPANY



Dây chuyền đóng gói Chè túi lọc của hãng IMA - ITALIA duy nhất có tại Việt Nam

Chè Kim Anh loại nước uống bổ dưỡng
kinh tế - an toàn và tiện lợi,
phù hợp với mọi gia đình Việt Nam !

Kim Anh Tea - A Refreshing, Safe, and Economical
Instant Drink for all Vietnamese Families !

Công ty cổ phần chè Kim Anh - Km số 2
Quốc lộ 2 - Phủ Lỗ - Sân bay quốc tế Nội Bài
Hà Nội

- Tel: 04.8843222 - 8843265 - 8843263
- Fax: 04.8840724



Công ty Chè Kim Anh là một đơn vị sản xuất chè thương phẩm lớn nhất trong Tổng Công ty chè Việt Nam. Sản lượng chè của Công ty từ 1.700 tấn đến 2.000 tấn một năm.

Sản phẩm Chè Kim Anh được sản xuất từ nguồn nguyên liệu chọn lọc của vùng chè Thái Nguyên trên dây chuyền công nghệ hiện đại của Italia - Ấn Độ - Đài Loan... Sản phẩm Chè Kim Anh đã loại trừ được dư lượng hóa học gây độc hại cho sức khỏe của con người.

Với hơn 40 mặt hàng chè thương phẩm của Công ty có mặt trên thị trường trong nước và quốc tế được người tiêu dùng ưa chuộng. Sản phẩm chè Kim Anh được tặng thưởng nhiều Huy chương vàng, Bông lúa Vàng tại Hội chợ Triển lãm quốc tế Giảng Võ - Hà Nội, Cần Thơ và được bình chọn là hàng Việt Nam chất lượng cao.

Một đặc trưng chỉ có ở Chè Kim Anh là hương vị Chè Thái Nguyên

Chè Thái Nguyên, Chè hộp Việt - Nhật, Tuyết San

Sản phẩm được sản xuất theo quy trình công nghệ của Nhật Bản từ nguyên liệu được chọn lọc của vùng chè đặc sản Tân Cương, Thái Nguyên. Công nghệ tiên tiến đã loại trừ các dư lượng hóa học gây độc hại cho sức khỏe của con người

Nguyên chất - Tinh khiết giữ nguyên hương vị thiên nhiên ưu đãi chỉ có ở chè Thái Nguyên, chè Tuyết San và chè Việt - Nhật

Digitized by Google

GIẦY THƯỢNG ĐÌNH

Thuong dinh Footwear company

Office : 277 Nguyen Trai, Thanh Xuan Dist, Hanoi-Vietnam
Tel : (84-4) 8544312 / 8541263 / 8544680 Fax : (84-4) 8582063
http://www. thuongdinh.com.vn * Email: tdfootwear@fpt.vn

HÀNG VIỆT NAM '99 CHẤT LƯỢNG CAO
DO NGƯỜI TIÊU DÙNG BÌNH CHỌN









Công ty giầy Thượng Đình là một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1957. Hơn 40 năm phát triển, hiện nay Công ty giầy Thượng Đình đã và đang được các khách hàng trong và ngoài nước tín nhiệm với các hoạt động chính : sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu giầy vải, giầy thể thao, giầy bảo hộ lao động, dép chất lượng cao.

Với 03 dây chuyền sản xuất giầy vải, 02 dây chuyền sản xuất giầy thể thao hoàn chỉnh và đội ngũ gần 2000 chuyên gia, cán bộ quản lý, kỹ sư và công nhân lành nghề. Năng lực sản xuất hơn 5.000.000 đôi/năm.

Hiện nay sản phẩm đã và đang được tiêu thụ mạnh mẽ tại các thị trường nước ngoài chủ yếu như EU (Pháp, Đức, Anh, Bỉ...), Ôt-xtrây-li-a, Nhật, Ac-hen-ti-na, Ca-na-đa,v.v...

Tại thị trường trong nước liên tục 5 năm liền (1996-2000) sản phẩm của Công ty giầy Thượng Đình được người tiêu dùng bình chọn là một trong mười sản phẩm được yêu thích nhất.

Năm 1999, Công ty giầy Thượng Đình là một DNNN đầu tiên thuộc ngành da giầy Việt Nam đã xây dựng và áp dụng thành công hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9002.

MẠNG LƯỚI TIÊU THỤ :

* Chi nhánh TP.HCM :
  78A Trần Huy Liệu, quận Phú Nhuận - ĐT : (08) 8447998.
* Tổng đại lý miền Bắc :
  107 Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa, Hà Nội - ĐT : (04) 8512909
* Tổng đại lý miền Trung :
  426 Hùng Vương, TP Đà nẵng - ĐT : (0511) 891526

Các đại lý khắp các tỉnh thành phố toàn quốc.

QUACERT ISO 9000 — ISO 9000 PSB — CERTIFIED IQNet MANAGEMENT SYSTEM

Chương trình khuyến mại đặc biệt chào mừng
Quốc khánh 2/9 và 990 năm Thăng Long Hà Nội

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



20
10-2000

UNIV. OF MICH.
NOV 0 8 2000
CURRENT SERIALS

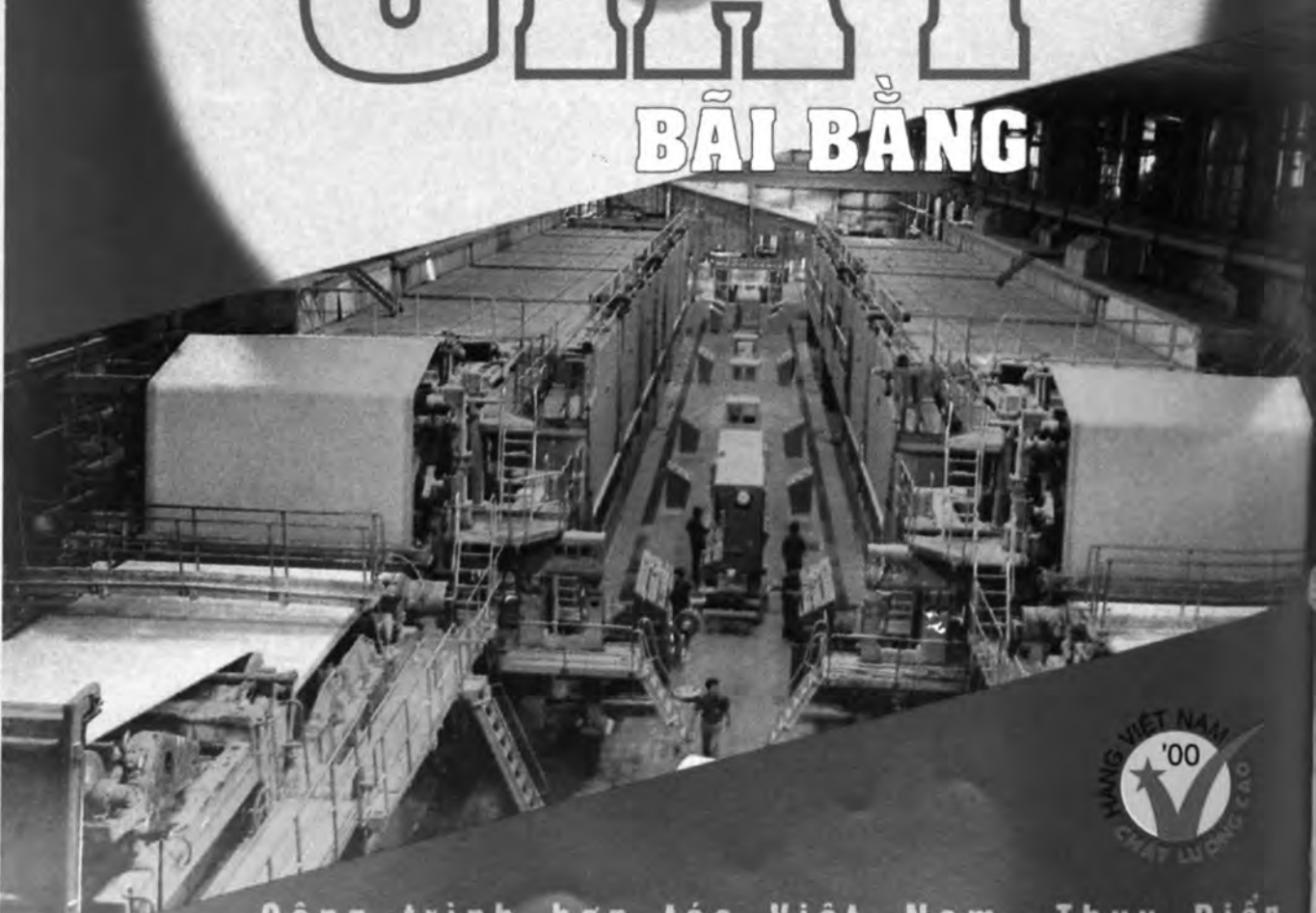
Digitized by Google

BAI BANG

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

Bai Bang Paper Company (Bapaco)

CÔNG TY GIẤY BÃI BẰNG



HÀNG VIỆT NAM '00 CHẤT LƯỢNG CAO

Công trình hợp tác Việt Nam - Thụy Điển

VIETNAM - SWEDEN FRIENDSHIP AND COOPERATION PROJECT

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 602 — THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

20
10-2000

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG	HÀ THỊ KHIẾT - Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam sau 70 năm hình thành và phát triển	3
	ĐỖ QUANG TRUNG - Về cải cách hành chính hiện nay	7
	VŨ KHOAN - Xuất nhập khẩu của Việt Nam trong 10 năm đầu của thế kỷ mới	12
	BÙI NGỌC THANH - Việc làm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2010	16
	ĐỖ VĂN ÂN - Xây dựng ngành cơ yếu Việt Nam chính quy, hiện đại	20
TIẾN TỚI ĐẠI HỘI THI ĐUA TOÀN QUỐC NĂM 2000	ĐẶNG NGỌC CHIẾN - Công nhân, viên chức, lao động và công đoàn Việt Nam với phong trào thi đua yêu nước trong thời kỳ đổi mới	23
HỘI THẢO QUỐC TẾ : VIỆT NAM TRONG THẾ KỶ XX	RÔ-MÉT CHAN-ĐRA - Việt Nam - Hồ Chí Minh - Chiến thắng	27
	A-LÉCH-XĂNG LI-LỐP - Tầm quan trọng lịch sử của công cuộc đổi mới	28
	HÊ-XÚT AI-XÊ XÔ-TÔ-LÔNG-GÔ - Đổi mới của Việt Nam - một tiến trình sáng tạo	31
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	TRẦN QUANG NHIẾP - Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân	34
	LÊ THI - Phụ nữ Việt Nam bước vào thế kỷ XXI	38
	DƯƠNG VŨ - Phát triển du lịch trong tầm nhìn mới	42
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	PHẠM KHÔI NGUYÊN - Giải pháp khắc phục hậu quả lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu Long	47
	TRẦN KIM DUNG - Đồng bằng sông Cửu Long - mùa lũ cuối thiên niên kỷ	50
	VŨ NGỌC AM - Góp phần nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên mới	54
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	MAI NINH - Mong được xóa tên	57
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	NGUYỄN LƯƠNG TRÀO - Những vấn đề đặt ra từ khóa họp đặc biệt của Đại hội đồng Liên hợp quốc về phát triển xã hội	58

Bìa 1 : *Nhà máy dệt kim Hải Phòng đổi mới thiết bị, đẩy mạnh sản xuất* — *Ảnh :* **VŨ DŨNG**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ХА ТХИ ХИЕТ: Вьетнамская Женская Ассоциация после 70 лет создания и развития. ДО КУАНГ ЧУНГ: О нынешней административной реформе. ВУ ХОАН: Экспорт и импорт Вьетнама в первые десять лет нового века. БУЙ НГОК ТХАНЬ: Работы в стратегии социально-экономического развития периода 2000-2010. ДО ВАН АН: Укреплять и сделать Отделение Шифра быть регулярным и современным. ДАНГ НГОК ТЬЕН: Рабочие, государственные служащие, профсоюзы Вьетнама и патриотическая кампания в периоде обновления. РОМЕШ ЧАНДРА: Вьетнам - Хо Ши Мин - победа. АЛЕКСАНДР ЛИЛОВ: Историческая важность курса обновления. ЖЕСУС АЙШЕ ШОТОЛОНГО: Обновление Вьетнама - творческий процесс. ЧАН КУАНГ НИЕП: Развитие силы великой всенародной солидарности. ЛЕ ТХИ: Вьетнамские женщины вступают в XXI век. ЗЫОНГ ВУ: Развитие туризма под новым кругозором. НГУЕН ЛЫОНГ ЧАО: Проблемы, поставленные на специальной сессии Генерального Ансамбля ООН.

CONTENTS

HÀ THỊ KHIẾT: Vietnam Women Association after 70 years of founding and development. ĐỖ QUANG TRUNG: Regarding the present - day administrative reform. VŨ KHOAN: Export and import of Vietnam in the 10 first years of the new century. BÙI NGỌC THANH: Employment in the strategy of socio-economic development of the period 2001-2010. ĐỖ VĂN ÂN: To build the Cipher branch to be regular and modern. ĐẶNG NGỌC CHIẾN: Workers, state employees, trade unions of Vietnam and the patriotic campaign in the renovation period. romesh CHANDRA: Vietnam - Hồ Chí Minh - Victory. ALEXANDR LILOV: Historical significance of the renovation cause JESUS AISE SOTOLONGO: Renovation of Vietnam - a creative process. TRẦN QUANG NHIẾP: To develop the power of the Great National Solidarity. LÊ THI: Vietnam Women entering the XXI century. DƯƠNG VŨ: To develop tourism under a new outlook. NGUYỄN LƯƠNG TRÀO: The problems put forward at the special session of UN General Assembly.

SOMMAIRE

HÀ THỊ KHIẾT: La Fédération des femmes vietnamiennes après 70 ans de fondation et de développement. ĐỖ QUANG TRUNG: Sur la réforme administrative à l'heure actuelle. VŨ KHOAN: La perspective de l'import-export du Vietnam dans les dix premières années du nouveau siècle. BÙI NGỌC THANH: L'emploi dans la stratégie de développement socio-économique de la période 2001-2010. ĐỖ VĂN ÂN: L'édification de la branche de décodage vietnamienne régulier et moderne. ĐẶNG NGỌC CHIẾN: Ouvriers, employés, travailleurs et syndicats vietnamiens et le mouvement d'émulation patriotique dans la période de renouveau. ROMESH CHANDRA - Vietnam - Ho Chi Minh - victoire. ALEXANDR LILOV - L'importance historique de l'œuvre de renouveau. JESUS AISE SOTOLONGO - Le renouveau du Vietnam - un processus de créativité. TRẦN QUANG NHIẾP: Faire valoir la force de la grande solidarité de tout le peuple. LÊ THI: Les femmes vietnamiennes au seuil du XXIe siècle. DƯƠNG VŨ: Le développement du Tourisme sous le nouvel angle de vue. NGUYỄN LƯƠNG TRÀO: Les problèmes posés de la session extraordinaire de l'Assemblée générale de l'ONU sur le développement social.

SUMARIO

HÀ THỊ KHIẾT: La Federación de Mujeres de Vietnam después de 70 años de fundación y desarrollo. ĐỖ QUANG TRUNG: Sobre la actual reforma administrativa. VŨ KHOAN: Perspectivas de la impor-exportación de Vietnam en la primera década del nuevo siglo. BÙI NGỌC THANH: El trabajo en la estrategia del desarrollo socio-económico del período 2001-2010. ĐỖ VĂN ÂN: Edificación de una rama de descodificación regular y moderna. ĐẶNG NGỌC CHIẾN: Obreros, empleados, trabajadores y los Sindicatos de Vietnam para con el movimiento de emulación patriótica en la renovación. ROMESH CHANDRA - Vietnam - Ho Chi Minh - victoria. ALEXANDR LILOV - La importancia histórica de la renovación. JESUS AISE SOTOLONGO - La renovación de Vietnam, un proceso de carácter creativo. TRẦN QUANG NHIẾP: Desplegar la fuerza de gran unidad de todo el pueblo. LÊ THI: La Mujer vietnamita ante el umbral del siglo XXI. DƯƠNG VŨ: Desarrollo del turismo con nuevo punto de vista. NGUYỄN LƯƠNG TRÀO: Las cuestiones propuestas en la Sesión extraordinaria de la ONU sobre el desarrollo social.

目录

何氏洁：70年越南妇联形成与发展•杜光忠：目前的行政改革•武览：在新世纪十年初中的越南进出口业•裴玉青：2001年至2010年阶段发展经济社会战略中的就业问题•杜文恩：建设正规、现代越南机要业•邓玉战：在革新时期中的越南公务员、劳动者及工会与爱国竞赛运动•ROMESH CHANDRA：越南－胡志明－胜利•ALEXANDR LILOV：革新事业的历史重要性•JESUS AISE SOTOLONGO：越南革新事业——一个创造性的进程•陈光摄：发挥全民大团结力量•黎诗：越南妇女迈向二十一世纪•杨武：在新的看法下发展旅游业•阮良湖：联合国特别大会有关社会发展所面临的一些问题.

Digitized by Google

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM SAU 70 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

HÀ THỊ KHIẾT *

Luận cương Chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định mục tiêu của cách mạng Việt Nam là : giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng phụ nữ. Luận cương cũng khẳng định việc "thực hiện nam nữ bình quyền" là một trong 10 nhiệm vụ "cốt yếu" của cách mạng Việt Nam. Tháng 10-1930, trong Án nghị quyết của Trung ương toàn thể hội nghị, Đảng ta đã khẳng định mạnh mẽ và đánh giá rất cao vai trò, khả năng cách mạng của phụ nữ : "lực lượng cách mạng của phụ nữ là một lực lượng rất trọng yếu. Nếu quảng đại quần chúng phụ nữ không tham gia vào những cuộc đấu tranh cách mạng thì cách mạng không thể thắng lợi được". Bởi vậy, công tác vận động phụ nữ là "phải làm cho quần chúng phụ nữ lao khổ tham gia vào những cuộc đấu tranh cách mạng của công nông ; đó là điều cốt yếu nhất, nếu phụ nữ đứng ngoài cuộc đấu tranh cách mạng của công nông thì không bao giờ đạt được mục đích phụ nữ được giải phóng".

Xuất phát từ những quan điểm đúng đắn, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh lịch sử nước ta, từ năm 1930, Đảng ta đã tập hợp, lãnh đạo lực lượng phụ nữ tham gia vào các tổ chức đoàn thể với mục đích là mưu cầu quyền lợi cho phụ nữ, làm cho phụ nữ được triệt để giải phóng. Thực hiện chủ trương đó, các tổ chức phụ nữ với các tên gọi khác nhau đã ra đời : Hội Phụ nữ giải phóng, Hội Phụ nữ dân chủ, Hội Phụ nữ phản đế, Đoàn Phụ nữ cứu quốc... Đó là những tổ chức về giới đầu tiên trong lịch sử cách mạng. Từ những tổ chức đoàn thể phụ nữ tiền thân đó, ngày 20-10-1946, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã chính thức được thành lập.

Ra đời với nhiệm vụ rất cơ bản là vận động, tổ chức quảng đại quần chúng phụ nữ thành một lực lượng trọng yếu tham gia vào cuộc đấu tranh cách mạng nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng phụ nữ, thực hiện nam nữ bình quyền. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, suốt 70 năm qua đã không ngừng phấn đấu, trưởng thành, phát triển, làm tốt chức năng vận động, giáo dục, tổ chức đông đảo phụ nữ các tầng lớp tham gia tích cực, đóng góp to lớn vào thắng lợi của cách mạng, và cũng từ các phong trào hành động cách mạng mà từng bước thực hiện mục tiêu bình đẳng nam nữ.

Thời kỳ 1930 - 1945 : cùng với các tổ chức Công hội, Nông hội, các tổ chức đoàn thể phụ nữ được thành lập, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã vận động các tầng lớp phụ nữ tham gia bãi công, chống bắt lính, đòi quyền dân sinh, dân chủ... ; động viên phụ nữ gia nhập Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc, nuôi giấu, bảo vệ cán bộ, tham gia khởi nghĩa giành chính quyền, góp phần làm nên thắng lợi lịch sử của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, xây dựng chính quyền cách mạng với sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong những ngày đầu cách mạng còn trong trứng nước cũng như trong suốt những năm, tháng kháng chiến chống thực dân Pháp trường kỳ, gian khổ, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã vận động các tầng lớp phụ nữ hăng hái tham gia phong trào Thi đua ái quốc, "diệt giặc đói", "diệt giặc dốt", "diệt giặc ngoại xâm" do Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động. Trên mặt trận

* Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Digitized by Google

"diệt giặc đói", phụ nữ đã tích cực hưởng ứng phong trào "Phụ nữ tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm", các phong trào "tuần lễ vàng", "hũ gạo kháng chiến"... Trên mặt trận "diệt giặc dốt", phụ nữ đã tham gia đông đảo và tích cực thi đua học tập xóa nạn mù chữ. Đến năm 1948 đã có 4 triệu phụ nữ thoát nạn mù chữ ; năm 1949 đã có 70% phụ nữ biết đọc, biết viết. Trên mặt trận "diệt giặc ngoại xâm", ở vùng bị địch tạm chiếm cũng như trong vùng giải phóng, phụ nữ tích cực tham gia các phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân, lực lượng dân công kháng chiến, đã có gần 1 triệu phụ nữ tham gia lực lượng dân quân du kích. Chính từ các phong trào trên, phụ nữ Việt Nam đã nhanh chóng trưởng thành, đóng góp to lớn vào thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhiều phụ nữ tiêu biểu đã làm việc trong bộ máy của Đảng, Nhà nước. Chẳng hạn năm 1949, trong cả nước đã có trên 2000 chị tham gia Hội đồng nhân dân và Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp.

Trong thời kỳ 1954 - 1975, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cùng với Hội Liên hiệp Phụ nữ Giải phóng miền Nam Việt Nam đã tổ chức và động viên các tầng lớp phụ nữ cả nước hăng hái tham gia các phong trào thi đua yêu nước, phát huy khả năng đóng góp cao nhất về sức người, sức của để xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Trên miền Bắc, hưởng ứng phong trào **"Phụ nữ ba đảm đang"** do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động, hàng triệu phụ nữ đã đảm đang sản xuất, công tác, gánh vác công việc gia đình, thay thế nam giới, động viên chồng, con đi chiến đấu. Hàng chục ngàn phụ nữ trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu trên các mặt trận theo Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh *"Không có gì quý hơn độc lập, tự do"*, *"Tất cả vì tiền tuyến"*, *"Tất cả vì miền Nam ruột thịt"*. Ở miền Nam, phong trào **"Phụ nữ 5 tốt"** là ngọn cờ tập hợp, đoàn kết các tầng lớp phụ nữ hình thành nên thế trận của **"Đội quân tóc dài"** kiên cường, dũng cảm, mưu trí, linh hoạt trong đấu tranh cách mạng với ba mũi giáp công : chính trị, binh vận, vũ trang ; tạo ra sức mạnh *"níu cánh máy bay, bịt nòng đại bác, chặn đứng chiến xa và bẻ gẫy những cuộc hành quân càn quét của địch"*. Lực lượng đông đảo phụ nữ ở cả hậu phương cũng như tiền tuyến đã đóng góp to lớn vào thắng lợi vẻ vang của dân tộc, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Thành tích vẻ vang của phong trào phụ nữ và phẩm chất cao đẹp của người phụ nữ Việt Nam thời kỳ này xứng đáng với tám "chữ vàng" mà Đảng, Bác Hồ khen tặng : "Anh hùng, Bất khuất, Trung hậu, Đảm đang". Trưởng thành từ trong phong trào cách mạng sôi nổi, hào hùng của dân tộc, trong mọi giai đoạn của cách mạng, phụ nữ Việt Nam đã phát huy truyền thống của Bà Trưng, Bà Triệu, khẳng định mạnh mẽ khả năng, vai trò của mình, vươn tới sự bình đẳng với nam giới. Trong hoàn cảnh khó khăn, gian khổ, khắc nghiệt của chiến tranh, đông đảo phụ nữ vẫn tích cực học tập, nâng cao trình độ về nhiều mặt, ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của nhiệm vụ cách mạng. Đến năm 1975, chỉ tính riêng ở miền Bắc, trong số các cán bộ có trình độ đại học và trên đại học, phụ nữ chiếm tỷ lệ 23,5% ; trung học chuyên nghiệp chiếm 46,6% ; công nhân kỹ thuật chiếm 35,3%. Nữ đại biểu Quốc hội (khóa IV) đạt tỷ lệ 29,76% ; năm 1972 nữ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đạt tỷ lệ gần 40%.

Tổ quốc thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Hội Liên hiệp Phụ nữ Giải phóng miền Nam Việt Nam hợp nhất trong tổ chức Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Phong trào "Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc" với nội dung thi đua : đẩy mạnh lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm ; chấp hành tốt mọi chính sách của Đảng, Nhà nước ; tích cực học tập nâng cao trình độ, đoàn kết thương yêu giúp nhau cùng tiến bộ ; tổ chức tốt gia đình, nuôi dạy con theo 5 điều Bác Hồ dạy v.v..., đã có tác dụng động viên phụ nữ cả nước làm tốt nghĩa vụ công dân và trách nhiệm làm mẹ, đồng thời bồi dưỡng cho phụ nữ ý thức phấn đấu thực hiện nam nữ bình đẳng, đưa sự nghiệp giải phóng phụ nữ tiến lên một bước quan trọng.

Bước vào thời kỳ đổi mới, vượt qua những lúng túng, bỡ ngỡ ban đầu, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã mạnh dạn thực hiện đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, đáp ứng yêu cầu cách mạng

Digitized by Google

trong giai đoạn mới cũng như nguyện vọng bức thiết của các tầng lớp phụ nữ. Với các phong trào thi đua **"Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc", "Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, cần kiệm xây dựng đất nước", "Giỏi việc nước, đảm việc nhà"** và 5 chương trình công tác trọng tâm, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực và hiệu quả. Các cấp Hội đã tổ chức các lớp, các chương trình bồi dưỡng nâng cao kiến thức, năng lực, trình độ mọi mặt cho phụ nữ ; xóa đói, giảm nghèo, tạo việc làm, tăng thu nhập ; chăm sóc sức khỏe phụ nữ, trẻ em ; thực hiện kế hoạch hóa gia đình, nuôi dạy con tốt ; tham gia xây dựng, kiểm tra giám sát, đồng thời vận động phụ nữ thực hiện chủ trương của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước ; tham gia phòng chống tệ nạn xã hội ; bảo vệ môi trường và rất nhiều hoạt động xã hội khác. Những hoạt động đó đã thu hút được sự hưởng ứng tích cực của hàng chục triệu phụ nữ các tầng lớp, đạt hiệu quả thiết thực, góp phần quan trọng vào những thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới đất nước 15 năm qua. Vượt qua những khó khăn, dũng cảm đối mặt với những thách thức của thời kỳ mới, phụ nữ Việt Nam đã có những đóng góp xứng đáng trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, một lần nữa chứng tỏ bản lĩnh, phẩm chất và khả năng to lớn của mình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trình độ mọi mặt của phụ nữ và phong trào của Hội có những bước phát triển mới về chất. Đến nay, trong số cán bộ có trình độ đại học và trên đại học, phụ nữ chiếm tỷ lệ 26%. Trong các ngành nghề chuyên môn, các cơ quan nghiên cứu khoa học, số lao động nữ chiếm tỷ lệ khá cao : 65% chuyên gia trong lĩnh vực văn học - nghệ thuật, ngoại ngữ, lịch sử, quan hệ quốc tế ; 57% chuyên gia trong ngành y tế, dược phẩm ; 57% các nhà khoa học xã hội ; 44% chuyên gia kinh tế ; 48% giáo viên bậc đại học và cao đẳng. Đã có 22 nhà khoa học nữ, 6 tập thể khoa học nữ được nhận giải thưởng Cô-va-lép-xcai-a. Hàng chục phụ nữ được nhận "Bằng lao động sáng tạo" của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. .. Nhiều phụ nữ tiêu biểu tham gia các cơ quan lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể các ngành, các cấp : Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư tỉnh ủy, Bộ trưởng, Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch, Phó chủ tịch các đoàn thể chính trị - xã hội v.v.. Nữ đại biểu Quốc hội đạt tỷ lệ 26,22%, nữ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và huyện đạt tỷ lệ trên 20%.

Cùng với sự phát triển đất nước, của phong trào phụ nữ, tổ chức Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã không ngừng được củng cố, phát triển, có nhiều đóng góp đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc và sự nghiệp giải phóng phụ nữ. Từ nhiều năm nay, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam luôn coi trọng mở rộng quan hệ quốc tế trên tinh thần hữu nghị, hợp tác vì hòa bình, bình đẳng và phát triển. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã thiết lập được mối quan hệ với nhiều tổ chức quốc tế và nhận được nhiều sự hỗ trợ, hợp tác có hiệu quả, góp phần làm cho bạn bè quốc tế hiểu biết hơn về Việt Nam và phong trào phụ nữ nước nhà.

Nhìn lại chặng đường đã qua, nhất là những thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới đất nước 15 năm qua, về những thành tựu, những tiến bộ mà phụ nữ Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã đạt được, có thể khẳng định rằng : Phụ nữ Việt Nam đã đóng góp rất tích cực, hiệu quả vào công cuộc đổi mới, cũng như sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Song, trên bước đường thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập khu vực và quốc tế, phấn đấu thực hiện mục tiêu *vì sự tiến bộ, bình đẳng và phát triển của phụ nữ*, cũng còn không ít khó khăn, thách thức, tồn tại, những cản trở lớn đối với phong trào phụ nữ, hoạt động của tổ chức hội, nhất là khi bước vào thế kỷ XXI :

- Trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp, kiến thức về văn hóa, xã hội của một bộ phận phụ nữ còn thấp kém, ít có cơ hội được học tập nâng cao trình độ học vấn cũng như đào tạo nghề nghiệp. Đó là những cản trở lớn trong việc tiếp cận khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới để thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng năng suất lao động và hiệu quả sản xuất - kinh doanh ; trong tìm kiếm việc làm cũng như trong tổ chức cuộc sống gia đình, nuôi dạy con cái...

Digitized by Google

- Mặt trái của cơ chế thị trường cùng với các vấn đề xã hội khác như thiếu việc làm, sự nghèo đói, phân hóa giàu nghèo, các tệ nạn ma túy, mại dâm, bạo lực đối với phụ nữ... luôn tác động vào các tầng lớp trong xã hội mà phụ nữ là người phải gánh chịu nặng nề và chịu thiệt thòi nhất. Trong khi đó các biện pháp khắc phục, tháo gỡ còn nhiều khó khăn, bất cập.

- Nhận thức của xã hội về bình đẳng giới còn hạn chế. Việc quán triệt quan điểm giới trong việc xây dựng chính sách, xây dựng các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chưa được quan tâm đầy đủ và cụ thể sẽ làm hạn chế cơ hội, sự tham gia cũng như sự đóng góp tích cực của phụ nữ vào các lĩnh vực hoạt động kinh tế, xã hội, trong hoạt động quản lý cũng như tham gia vào vị trí lãnh đạo, ra quyết định.

- Hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam còn dàn trải, hiệu quả chưa đồng đều giữa các vùng, miền, đối tượng. Trước đòi hỏi ngày càng cao của đất nước, thời đại, việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, khả năng hội nhập quốc tế... của nhiều cấp Hội và cán bộ phụ nữ còn bất cập. Hiện nay rất thiếu chuyên gia giỏi, thiếu kỹ năng và phương pháp làm việc khoa học, nhiều cán bộ rất hạn chế về ngoại ngữ, một bộ phận cán bộ chủ chốt cấp cơ sở trình độ học vấn quá thấp, cá biệt còn mù chữ, khả năng tổ chức triển khai thực hiện chủ trương công tác Hội còn hạn chế. Trong công tác phối hợp với các đoàn thể bạn chưa thật sự đồng bộ, còn có những vướng mắc, chậm được giải quyết.

Thế kỷ XXI, là thế kỷ của kinh tế tri thức, của hội nhập quốc tế - thế kỷ mà bình đẳng giới là một trong những vấn đề được quan tâm mang tính toàn cầu. Để góp phần thực hiện thắng lợi những mục tiêu và nhiệm vụ cách mạng do Đảng ta đề ra, phấn đấu cho sự bình đẳng và phát triển của phụ nữ Việt Nam, trong những năm tới, các cấp Hội cần phát huy truyền thống vẻ vang của phụ nữ Việt Nam, phát huy những thành tựu đã đạt được trong những năm đổi mới, kiên quyết khắc phục yếu kém để thực hiện một số nhiệm vụ cơ bản sau :

- Vận động phụ nữ các tầng lớp, các vùng, miền dấy lên phong trào thi đua học tập, nâng cao trình độ học vấn, trình độ nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học ngoại ngữ, công nghệ thông tin. Phối hợp với các ngành chức năng có giải pháp hỗ trợ để thúc đẩy phong trào thi đua học tập của phụ nữ.

- Vận động các tầng lớp phụ nữ đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tiếp thu kỹ thuật, công nghệ mới ứng dụng vào sản xuất và đời sống nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả lao động, công tác ; thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Phối hợp với các ngành chức năng để khai thác nguồn lực và có giải pháp hỗ trợ nhằm thực hiện xóa đói, giảm nghèo, tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc cho phụ nữ.

- Vận động, tổ chức, hướng dẫn cho phụ nữ đẩy mạnh phong trào xây dựng gia đình văn hóa, bảo vệ sức khỏe phụ nữ - trẻ em, nuôi dạy con tốt, phòng chống tệ nạn xã hội, bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan từ mỗi gia đình và cộng đồng.

- Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ phụ nữ thực hiện những giải pháp tích cực nâng cao nhận thức xã hội về vấn đề giới trong phát triển ; nâng cao chất lượng tham gia xây dựng luật pháp, chính sách để quan điểm giới được thể hiện rõ nét trong các chính sách của Nhà nước ; có biện pháp tác động và hỗ trợ cần thiết để tăng tỷ lệ nữ trong các cơ quan dân cử, trong các vị trí lãnh đạo và ra quyết định của các ngành, các cấp tương xứng với lực lượng lao động xã hội và khả năng đóng góp của phụ nữ.

- Tiếp tục củng cố và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trên cơ sở đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước, vì sự bình đẳng và phát triển của phụ nữ Việt Nam. Tăng cường sự tham gia có hiệu quả và vị thế của phụ nữ Việt Nam, của tổ chức Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong các hoạt động quốc tế ở khu vực và thế giới.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng và phát triển tổ chức Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, trong đó vấn đề quan trọng hàng đầu là nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Hội và chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy tổ chức Hội các cấp. Xây dựng cơ sở Hội vững mạnh. Đổi mới mạnh mẽ hơn nữa phương thức hoạt động của Hội, làm cho tổ chức này luôn luôn là một chỗ dựa đáng tin cậy của phụ nữ Việt Nam.❑

Digitized by Google

VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH HIỆN NAY

ĐỖ QUANG TRUNG *

Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII xác định cải cách nền hành chính là nhiệm vụ trọng tâm của việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước, đã đề ra mục tiêu "xây dựng một nền hành chính trong sạch, có đủ năng lực, sử dụng đúng quyền lực và từng bước hiện đại hóa để quản lý có hiệu lực và hiệu quả công việc của nhà nước, thúc đẩy xã hội phát triển lành mạnh, đúng hướng, phục vụ đắc lực đời sống nhân dân, xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật trong xã hội". Cải cách hành chính đặt ra 3 nội dung chủ yếu là : cải cách thể chế của nền hành chính, chấn chỉnh tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức. Hội nghị Trung ương 3 và Trung ương 7 khóa VIII đặt cải cách hành chính trong tổng thể đổi mới hệ thống chính trị, cải cách bộ máy nhà nước nói chung và được coi là yếu tố, là động lực quan trọng thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Nghị quyết kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa X cũng xác định cải cách hành chính là khâu đột phá trong thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2000.

Thực hiện các Nghị quyết của Đảng và Quốc hội về cải cách hành chính, đến nay chúng ta đã đạt được một số kết quả trên các lĩnh vực sau :

1 - Về cải cách thể chế của nền hành chính

Đã tập trung xây dựng và ban hành các thể chế mới về kinh tế như : Luật doanh nghiệp nhà nước, Luật doanh nghiệp tư nhân, Luật công ty, Luật phá sản doanh nghiệp, Luật đất đai, Luật ngân sách nhà nước, Luật đầu tư nước ngoài, Luật khuyến khích đầu tư trong nước, Luật thương mại v.v... tạo hành lang pháp lý, nhằm giải phóng và phát triển sức sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi và mở rộng quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh của doanh dân, giúp phân định rõ các quan hệ cơ bản giữa hành chính và doanh nghiệp, giữa quản lý nhà nước với sản xuất kinh doanh. Đã xây dựng, bổ sung thể chế bảo đảm quyền làm chủ và lợi ích hợp pháp của nhân dân, phù hợp với quá trình mở rộng dân chủ, xây dựng một xã hội dân sự, bảo đảm cho mọi người dân được hưởng các dịch vụ cơ bản về giáo dục, dân trí, chăm sóc sức khỏe, đời sống tinh thần v.v... Cùng với Hiến pháp 1992, Luật tổ chức Chính phủ, Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, việc ban hành Pháp lệnh cán bộ, công chức và các Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các bộ, ngành và chính quyền địa phương, quy chế dân chủ ở cơ sở, quy chế dân chủ trong hoạt động của cơ quan nhà nước v.v... đã tạo thành hệ thống thể chế mới về tổ chức nhân sự và cơ chế hoạt động của bộ máy hành chính phù hợp với thời kỳ đổi mới.

Có thể nói, trong mấy năm gần đây, Nhà nước đã ban hành một khối lượng văn bản quy phạm pháp luật khá lớn, đáp ứng tốt hơn những yêu cầu của cuộc sống, nhằm tạo ra hành lang và môi trường pháp lý thuận lợi cho sản xuất kinh doanh theo cơ chế mới, bảo đảm quản lý nhà nước bằng pháp luật, tạo tiền đề để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân. Đó là kết quả và bước tiến bộ quan trọng trong tiến trình cải cách hành chính.

Chính phủ đã tập trung chỉ đạo cải cách thủ tục hành chính, trọng tâm là tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp, nhằm giải phóng sức sản xuất, cải thiện môi trường đầu tư, giảm bớt phiền hà với dân, qua đó cải thiện mối quan hệ giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhân dân. Chính phủ chỉ đạo tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực có nhiều thủ tục phiền hà trong giải quyết công việc với doanh dân. Đến nay Thủ tướng Chính phủ đã quyết định

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Trưởng ban Tổ chức - cán bộ Chính phủ

Digitized by Google

bãi bỏ 84 loại giấy phép không còn phù hợp với pháp luật hiện hành và đang tích cực chuẩn bị hủy bỏ gần 100 loại giấy phép nữa. Đã triển khai thực hiện thí điểm "mô hình một cửa, một dấu" ở TP Hồ Chí Minh ; "một cửa tại chỗ" ở một số tỉnh, thành khác. Chính phủ đã chỉ đạo tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 38/CP, tổng kết thí điểm "mô hình một cửa một dấu", phổ biến "mô hình một cửa tại chỗ" v.v...

Ngoài ra, Chính phủ còn tập trung chỉ đạo công tác hệ thống hóa và rà soát văn bản quy phạm pháp luật. Đã rà soát 7059 văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ và các bộ, ngành, phát hiện 2 014 văn bản cần hủy bỏ, 1 107 văn bản cần bổ sung, sửa đổi. Rà soát 54 806 văn bản của chính quyền cấp tỉnh, phát hiện 9 985 văn bản cần hủy bỏ và 1 276 văn bản cần bổ sung sửa đổi.

2 - Về cải cách, kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước

Trong những năm qua, chúng ta đã tiến hành cải cách, kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước theo hướng xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Chính phủ, của các bộ, ngành và cơ quan hành chính địa phương các cấp phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường. Kết quả nổi bật là bộ máy hành chính nhà nước đã chuyển dần sang chức năng quản lý nhà nước, làm rõ hơn chức năng quản lý vĩ mô của Chính phủ và các bộ, ngành đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Chính phủ, các bộ, ngành tập trung nhiều hơn vào công tác xây dựng chính sách, pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển tổng thể kinh tế - xã hội của cả nước. Phân biệt, tách rõ chức năng quản lý nhà nước với chức năng quản lý sản xuất kinh doanh, tập trung thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan công quyền.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã bước đầu phân cấp thẩm quyền đối với các bộ, ngành và cấp tỉnh trong việc quyết định các dự án đầu tư thuộc nhóm B, C, các dự án đầu tư từ nguồn vốn của nước ngoài ; trong việc thẩm định và quyết định thành lập các doanh nghiệp nhà nước ; trong việc thành lập các tổ chức phi chính phủ v.v...

Cơ quan hành chính địa phương cũng chuyển dần sang thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước, tập trung vào xây dựng quy hoạch kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Đồng thời, tăng cường sự chỉ đạo điều hành và thanh tra, kiểm tra việc tổ chức thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước.

Chính phủ đã thực hiện một bước quan trọng sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính từ trung ương đến địa phương. Các bộ đã chuyển sang quản lý đa ngành, nhiều lĩnh vực, quản lý nhà nước toàn xã hội. Năm 1986, có 37 bộ và cơ quan ngang bộ, 40 cơ quan thuộc Hội đồng Bộ trưởng, đến nay có 23 bộ, cơ quan ngang bộ và 25 cơ quan thuộc Chính phủ. Các sở, ban, ngành ở tỉnh và phòng, ban ở huyện đã được sắp xếp lại một bước, giảm đầu mối theo hướng tinh gọn. Năm 1986, trung bình có từ 30 đến 40 sở, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, hiện nay trung bình từ 21 đến 25 đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

Chính phủ cũng đã sắp xếp lại một số tổ chức theo ngành dọc như Tổng cục Thuế ; Tổng cục quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp và Tổng cục đầu tư phát triển ; thành lập mới một số tổ chức như Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Ủy ban chứng khoán nhà nước ; Kiểm toán nhà nước. Đã và đang sắp xếp các tổ chức liên ngành, tư vấn của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ cho hợp lý hơn.

Điều đáng chú ý là trong cải cách hành chính, Chính phủ và các bộ, ngành theo hướng kiên quyết giảm công việc sự vụ, bớt thì giờ hội họp, tập trung làm tốt hơn chức năng nghiên cứu chiến lược, chính sách vĩ mô, xây dựng thể chế và tăng cường kiểm tra theo dõi việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, pháp luật và ý thức chấp hành mệnh lệnh hành chính ở các cấp, các ngành. Đến nay Chính phủ và các bộ, ngành đã xây dựng và hoàn thiện quy chế làm việc, góp phần nâng cao chất lượng lãnh đạo và điều hành hoạt động của bộ máy hành chính.

3 - Về xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức

Kết quả đáng chú ý là Chính phủ đã xây dựng và ban hành Pháp lệnh cán bộ, công chức và các văn bản quy phạm pháp luật (Nghị định, Thông tư) hướng dẫn thực hiện, tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng, quản lý và sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước, đưa công tác quản lý nhân sự từ khâu xây dựng chức danh, tiêu chuẩn ; thi tuyển

Digitized by Google

dụng ; đào tạo, bồi dưỡng ; đánh giá sử dụng ; thi nâng ngạch ; đề bạt ; bổ nhiệm ; thuyên chuyển, điều động, xây dựng và thực hiện chế độ chính sách khen thưởng, kỷ luật đi vào nền nếp. Trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, đã thực hiện chế độ tuyển dụng qua thi tuyển. Đến nay ở hầu hết các bộ, ngành và địa phương thực hiện chế độ thi, tuyển dụng công chức. Thi, tuyển công chức là một biện pháp quan trọng nhằm chọn lọc ngay từ đầu vào, bảo đảm sự công bằng, công khai, hạn chế tiêu cực trong tuyển dụng. Cùng với việc làm tốt công tác quản lý sử dụng cán bộ, công chức, khen thưởng, kỷ luật kịp thời, thì việc thi, tuyển sẽ góp phần tích cực trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức của ta.

Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức cũng được quan tâm, chú ý đúng hơn, nhằm nâng cao chất lượng, nhất là chất lượng chính trị, các kỹ năng và tác nghiệp hành chính của đội ngũ cán bộ, công chức. Năm 1998, gần 15% cán bộ, công chức ở các cơ quan trung ương và 10% cán bộ, công chức ở địa phương được đào tạo, bồi dưỡng. Năm 1999, số lượng này tăng lên là 20% ở trung ương và 12% ở địa phương. Nội dung chương trình đào tạo bồi dưỡng đã có những cải tiến, đổi mới, hướng trọng tâm vào những kiến thức cơ bản cần thiết đối với cán bộ, công chức như lý luận chính trị, quản lý hành chính nhà nước, quản lý kinh tế trong cơ chế thị trường, pháp luật, tin học, ngoại ngữ và các kỹ năng hành chính khác.

Để sàng lọc, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, Chính phủ đã thông qua đề án và đang tích cực chỉ đạo thực hiện trong 2 năm (2000 và 2001) giảm 15% biên chế hành chính các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể, biên chế gián tiếp trong các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII). Trên cơ sở xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc, cơ cấu tổ chức bộ máy để xác định cơ cấu, số lượng đội ngũ cán bộ, công chức gắn với việc từng bước hiện đại hóa phương tiện và điều kiện làm việc để xác định số lượng, tỷ lệ giảm.

Ngoài ra, trong xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức, chúng ta chú ý đến cải cách chế độ tiền lương, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, nhằm khuyến khích, động viên nâng cao chất lượng thực thi, công vụ. Cụ thể, đã thực hiện bù trượt giá vào lương đợt I đầu năm 2000, ban hành chế độ phụ cấp cho giáo viên đứng lớp, phụ cấp đối với y tế dự phòng, chế độ bồi dưỡng đối với chấp hành viên, cán bộ thi hành án, chế độ độc hại, nguy hiểm đối với giáo viên một số khoa của y tế, giáo viên thể dục - thể thao, điều chỉnh phụ cấp khu vực đối với một số ngành, nghề v.v...

4 - Những việc chưa làm được trong cải cách hành chính

Thể chế của nền hành chính vẫn chưa đáp ứng được đòi hỏi của phát triển kinh tế, xây dựng nhà nước, mở cửa hội nhập và phục vụ nhân dân. Chưa cụ thể hóa tốt những chủ trương, nghị quyết của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; thể chế, pháp luật không đồng bộ, chậm đi vào cuộc sống vì thiếu tính khách quan và hiện thực. Còn chủ quan, duy ý chí, trong xây dựng thể chế, không tôn trọng nguyên tắc "luật pháp không thể cao hơn hay thấp hơn trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước". Trật tự, kỷ cương của nền hành chính bị vi phạm nghiêm trọng. Cải cách thủ tục hành chính chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục, chậm tổng kết rút kinh nghiệm thực hiện "một cửa, một dấu" ; chậm công bố những văn bản pháp luật qua rà soát hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp. Số vụ việc khiếu nại, tố cáo hành chính hằng năm vẫn còn tồn đọng nhiều, chưa được giải quyết. Những phiền hà, sách nhiễu trong thực thi công vụ chưa được khắc phục triệt để.

Nhìn chung tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, nhất là bộ máy hành chính nhà nước còn cồng kềnh, nhiều đầu mối, tầng lớp trung gian, chất lượng hoạt động và hiệu quả thấp. Phân định chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm, mối quan hệ giữa các tổ chức cấu thành, giữa các cấp trong hệ thống hành chính nhà nước chưa rõ ràng, rành mạch. Đặc biệt là việc phân cấp thẩm quyền trách nhiệm giữa Chính phủ với các bộ, ngành ; giữa trung ương và địa phương chưa cụ thể, thiếu kiên quyết và nhất quán, dẫn đến tình trạng tranh chấp thẩm quyền, đùn đẩy trách nhiệm và thiếu sự phối hợp giữa các ngành, các cấp.

Đội ngũ cán bộ, công chức chưa đáp ứng được yêu cầu của cải cách hành chính, yêu cầu của thời

Digitized by Google

kỳ đổi mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đội ngũ đông nhưng không mạnh, không đồng bộ, vẫn còn tình trạng vừa thiếu, vừa thừa, còn bất cập về nhiều mặt, trình độ kiến thức, năng lực lãnh đạo và quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ mới, nhất là về quản lý kinh tế thị trường, quản lý xã hội, luật pháp... Một bộ phận cán bộ, công chức thoái hóa, biến chất về đạo đức lối sống, lợi dụng chức quyền để tham nhũng, buôn lậu, làm giàu bất chính, quan liêu, gia trưởng, độc đoán, tham vọng cá nhân, cục bộ, kèn cựa địa vị, cơ hội, kém ý thức tổ chức kỷ luật trong thực thi công vụ.

Chính sách đối với cán bộ, công chức, nhất là chính sách tiền lương, còn nhiều bất hợp lý, chưa tạo được động lực và phát huy tài năng của đội ngũ cán bộ, công chức.

Nội dung chương trình và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức chưa bảo đảm, chậm đổi mới. Nguyên tắc đảng thống nhất lãnh đạo, quản lý công tác cán bộ và nguyên tắc tập trung dân chủ chưa được cụ thể hóa, hệ thống tổ chức làm công tác cán bộ còn phân tán, chồng chéo, chức năng và nhiệm vụ chưa rõ ràng, việc phân cấp quản lý cán bộ tiến hành chậm, có tình trạng bao biện, lấn sân trong công tác nhân sự.

5 - Nguyên nhân và các bài học kinh nghiệm

Nguyên nhân của những tồn tại trong cải cách hành chính có nhiều, song chủ yếu là chưa quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về hệ thống chính trị trong điều kiện một đảng cầm quyền. Chậm tổng kết thực tiễn và nghiên cứu khoa học về tổ chức, lý luận về cải cách hành chính. Nhận thức nhiệm vụ cải cách hành chính còn đơn giản, chưa thấy hết vị trí, tầm quan trọng của nhiệm vụ này trong xây dựng và hoàn thiện nhà nước. Giải quyết những nội dung của nhiệm vụ cải cách hành chính thiếu đồng bộ, đặc biệt là không đặt vấn đề cải cách tài chính công là nội dung hết sức quan trọng trong cải cách nền hành chính. Chỉ đạo thực hiện thiếu quyết tâm, còn chung chung, chưa có lộ trình và bước đi cụ thể ; chưa có một chiến lược về cải cách hành chính ; chưa lường trước được khó khăn ; chưa tính toán hết điều kiện cơ sở vật chất để thực hiện. Cuối cùng, nguyên nhân của mọi nguyên nhân trong cải cách hành chính là ở con người và chính sách đối với con người. Cải cách hành chính là công việc khó, nhạy cảm và phức tạp, đụng chạm đến quyền lợi của tổ chức và con người, đòi hỏi phải có thời gian, phải khắc phục bệnh chủ quan duy ý chí, chủ nghĩa cá nhân, cục bộ bản vị, tư tưởng bao cấp, cào bằng, bình quân chủ nghĩa trong hoạch định các chế độ chính sách.

Từ những kết quả đã đạt được và chưa đạt được trong cải cách hành chính vừa qua, bước đầu chúng ta có thể rút ra một số bài học cơ bản sau :

- Cải cách hành chính là công cuộc đổi mới sâu sắc toàn diện để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân và vì dân. Muốn cải cách hành chính thành công phải "lấy dân làm gốc", phải hướng vào phục vụ nhân dân, khắc phục mọi phiền hà đối với dân.

- Cải cách hành chính phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của Đảng, quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về hệ thống chính trị trong điều kiện một đảng cầm quyền. Cải cách hành chính phải đồng bộ, không thể tách rời với đổi mới kiện toàn hệ thống chính trị, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với xây dựng và quản lý nhà nước.

- Cải cách hành chính là vấn đề phức tạp, nhạy cảm. Đối với tổ chức bộ máy và thể chế vận hành, đòi hỏi có quyết tâm nhất trí cao và tầm nhìn chiến lược. Biến các nghị quyết của Đảng về cải cách hành chính thành quyết tâm chính trị, ý chí nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân.

- Cải cách hành chính là một quá trình lâu dài, liên tục không thể "một sớm một chiều" làm xong, cho nên cần có bước đi vững chắc và cụ thể, có thử nghiệm, tổng kết thực tiễn. Cải cách bảo đảm giữ vững được ổn định chính trị - xã hội, song đây là quá trình chủ động, sáng tạo, giải quyết các nhiệm vụ trên cơ sở kinh nghiệm, thực tiễn và lý luận khoa học.

- Cải cách hành chính nhằm mục tiêu vì con người, phục vụ con người, nên các cấp các ngành tìm những giải pháp và động lực thúc đẩy cải cách hành chính, làm cho bộ máy hành chính hướng về con người, phục vụ con người tốt hơn.

6 - Phương hướng và biện pháp đẩy mạnh cải cách hành chính trong thời gian tới

Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng và Nhà nước về

Digitized by Google

cải cách hành chính theo hướng : Đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ với đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị. Tiếp tục thực hiện mục tiêu xây dựng một nền hành chính trong sạch vững mạnh hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội và nhân dân tốt hơn. Trong 5 năm tới, thực hiện một cách căn bản việc chuyển đổi chức năng của hệ thống hành chính sang tập trung vào thực hiện chức năng hành chính công quyền (chức năng quản lý hành chính nhà nước) tách chức năng này với hoạt động sản xuất kinh doanh và sự nghiệp, phân cấp thẩm quyền mạnh hơn giữa trung ương và địa phương, tạo quyền chủ động trong quản lý của chính quyền địa phương, đồng thời làm rõ trách nhiệm của các cấp trong hệ thống hành chính. Thực hiện đồng bộ 4 nội dung cơ bản của cải cách hành chính : cải cách thể chế ; cải cách cơ cấu tổ chức bộ máy ; xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức và cải cách tài chính công, trong đó trọng tâm là tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức.

- Cải cách thể chế nền hành chính :

Tập trung xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế về kinh tế, tạo cơ sở pháp lý để xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, giải phóng và phát triển sản xuất, tháo gỡ khó khăn cho việc làm ăn của doanh dân, tạo khung pháp lý phù hợp với quốc tế và khu vực bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh và bình đẳng, hạn chế và kiểm soát độc quyền kinh doanh v.v...

Đổi mới và hoàn thiện thể chế xác định rõ nghĩa vụ, quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, tạo khung pháp lý và cơ chế chính sách ổn định để họ chủ động, thuận tiện, an tâm trong làm ăn sinh sống và hưởng thụ các phúc lợi xã hội.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế về tổ chức nhân sự và hoạt động của nền hành chính, bảo đảm cho bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn hoạt động thông suốt hiệu lực hiệu quả cao, khắc phục những bất cập của thể chế trong tổ chức bộ máy, chế độ nhân sự phù hợp với điều kiện một đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý nền kinh tế.

Điều quan trọng trong cải cách hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế là bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, hiện thực, khách quan và đưa thể chế luật pháp vào cuộc sống. Cần đổi mới quy trình xây dựng thể chế pháp luật, tạo cơ chế phản biện thẩm định hợp lý, nâng cao năng lực, thu hút đội ngũ cán bộ, chuyên gia vào xây dựng thể chế.

- *Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước*

Xác định đúng và rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của cả hệ thống hành chính nhà nước và của mỗi cơ quan từ Chính phủ, các bộ, ngành đến cơ quan hành chính địa phương các cấp để khắc phục sự chồng chéo, trùng lắp giữa các tổ chức về nội dung, đối tượng, phạm vi quản lý, trên cơ sở phân công, phân cấp rõ ràng, cụ thể về thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cấp trong hệ thống hành chính nhà nước.

Tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước theo hướng tinh giản, hoạt động hiệu lực, hiệu quả cao ; sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy theo mô hình quản lý nhà nước đa ngành, đa lĩnh vực bao quát các thành phần kinh tế - xã hội.

Cải tiến phương thức hoạt động, sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, của các bộ, ngành và cơ quan hành chính các cấp để nâng cao chất lượng hoạt động, đáp ứng những biến động của cơ chế thị trường và những thách thức của quá trình hội nhập quốc tế.

- *Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức*

Tập trung xây dựng hoàn chỉnh thể chế và hệ thống văn bản tiêu chuẩn nghiệp vụ, làm cơ sở pháp lý và khoa học cho việc xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức theo tinh thần của chiến lược cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Mục tiêu đặt ra là xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức mạnh về chất lượng và số lượng, có kết cấu hợp lý, có đầy đủ năng lực và phẩm chất, thay mặt nhân dân và nhân danh các cơ quan nhà nước thực thi công vụ. Trước mắt, tập trung kiện toàn đội ngũ công chức hành chính nhà nước và cán bộ chính quyền cơ sở.

Đổi mới công tác cán bộ, công chức nhà nước hay công tác nhân sự nhà nước ngay từ khâu quy hoạch, thi tuyển, đào tạo bồi dưỡng, đánh giá sử dụng, quản lý, đến đổi mới xây dựng hệ thống các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức nhà nước. Hoàn thiện chức danh tiêu chuẩn nghiệp vụ

(Xem tiếp trang 19)

Digitized by Google

XUẤT - NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM TRONG 10 NĂM ĐẦU CỦA THẾ KỶ MỚI

VŨ KHOAN *

Toàn Đảng, toàn dân ta đang tiến gần tới một sự kiện trọng đại - Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng. Diễn ra vào lúc giao thời giữa hai thế kỷ và kết thúc việc thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000, Đại hội sẽ có dịp nhìn lại sự phát triển của nước ta trong thập niên cuối thế kỷ XX, đề ra chiến lược phát triển trong thập niên đầu của thế kỷ mới. Hòa mình với tiến trình chuẩn bị Đại hội, chúng ta hãy cùng nhau nhìn lại tình hình xuất - nhập khẩu trong 10 năm qua, dự kiến chiều hướng phát triển trong 10 năm tới để phục vụ thiết thực cho những nhiệm vụ mà Đại hội IX sẽ nêu ra.

Là một bộ phận cấu thành của nền kinh tế đất nước, hoạt động xuất - nhập khẩu đã góp phần xứng đáng của mình vào những thành tựu to lớn, rất quan trọng mà toàn Đảng, toàn dân đã giành được trong thời kỳ đổi mới nói chung và trong 10 năm qua nói riêng.

Những nhiệm vụ đề ra trong Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000 cho lĩnh vực xuất - nhập khẩu đã được hoàn thành về cơ bản. Điều đó được thể hiện trước hết trong việc giành được *tốc độ tăng trưởng cao* ; trong 10 năm kim ngạch xuất khẩu tăng 5,6 lần, từ 2,4 tỉ USD năm 1990 lên khoảng 13,5 tỉ năm 2000, bình quân hằng năm tăng 18,4%, cao gấp 2,6 lần so với tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm của GDP là 7,6%. *Cơ cấu xuất - nhập khẩu chuyển dịch theo hướng tích cực.* Về xuất khẩu, tỷ trọng sản phẩm qua chế biến tăng từ 8% lên 40%, từ chỗ chỉ có 4 mặt hàng có kim ngạch trên 100 triệu USD, nay đã có 8 mặt hàng, trong đó nước ta chiếm vị thế vào loại hàng đầu thế giới về xuất khẩu gạo, cà-phê, hạt điều, hồ tiêu - điều không thể hình dung nổi vào mươi năm trước.

Về nhập khẩu, máy móc, thiết bị, nguyên - nhiên - vật liệu phục vụ sản xuất chiếm vị trí chủ yếu, tỷ trọng hàng tiêu dùng giảm hẳn, *tình trạng nhập siêu lớn thuyên giảm đáng kể.*

Trong 10 năm nước ta đã vượt qua hai lần khủng hoảng nghiêm trọng về thị trường ; đó là sự tan rã của Liên Xô và chế độ xã hội chủ nghĩa bị xóa bỏ ở Đông Âu vào đầu những năm 90 và cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở Đông Á vào cuối những năm 90. Hơn thế nữa, nước ta đã *mở rộng đáng kể thị trường*, ngày nay Việt Nam đã có quan hệ thương mại với trên 160 nước và vùng lãnh thổ, có hiệp định thương mại với trên 70 nước mà gần đây nhất là việc ký Hiệp định thương mại với Hoa Kỳ. Đồng thời, nước ta đã bước đầu hội nhập với các thể chế kinh tế thương mại khu vực và thế giới với việc tham gia AFTA, APEC và ASEM, xúc tiến đàm phán để tham gia WTO.

Cơ chế xuất nhập khẩu đã được đổi mới một cách cơ bản, chuyển từ cơ chế Nhà nước độc quyền ngoại thương sang cơ chế mở rộng quyền xuất - nhập khẩu cho các địa phương, các ngành và các thành phần kinh tế ; từ cơ chế hành chính - mệnh lệnh sang sự vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Với những chuyển biến đó, hoạt động xuất - nhập khẩu đã góp phần đáng kể vào việc phát triển kinh tế - xã hội, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo thêm nhiều công ăn việc làm, thu ngoại tệ để trang trải nhu cầu nhập khẩu và bước đầu có tích trữ ngoại tệ, nâng cao vị thế nước ta trên thương trường quốc tế.

Có được những thành tựu đó là nhờ ở đường lối đổi mới về mọi mặt của Đảng đã khơi dậy những tiềm năng to lớn ẩn chứa trong nhân dân, sự nỗ lực của các

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Thương mại

Digitized by Google

ngành, các cấp cũng như đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa.

Tuy nhiên, *quy mô xuất khẩu* của nước ta *còn rất nhỏ bé*, nếu tính theo đầu người thì chỉ khoảng 175 USD so với 933 USD ở Thái Lan vào năm 1966. *Cơ cấu* hàng xuất khẩu *còn lạc hậu*, tỷ trọng hàng chế biến và chế tạo, nhất là các hoạt động dịch vụ, sản phẩm công nghệ cao, hàm chứa nhiều chất xám còn rất nhỏ, *khả năng cạnh tranh còn thấp* do giá thành cao, chất lượng thấp, mẫu mã chưa đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng, một số sản phẩm không bám sát tín hiệu của thị trường, làm ra không tiêu thụ được. *Thị trường của nước ta mới có chiều rộng, chưa có chiều sâu*, hàng hóa, dịch vụ của ta chưa chiếm được thị phần đáng kể tại các thị trường đã xâm nhập được, thậm chí có nơi còn bị mất chỗ đứng ; tại nhiều thị trường có dung lượng lớn, hàng hóa và dịch vụ của ta chưa có mặt ; việc tìm kiếm, mở rộng thị trường còn có phần thụ động, hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư để xâm nhập thị trường chưa được quan tâm đúng mức ; nhiều doanh nghiệp chưa trọng "chữ tín" trong kinh doanh làm mất bạn hàng. Quá trình *hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới còn lúng túng*, chưa hình thành được một lộ trình rõ ràng trong việc thực hiện những quy định của các tổ chức quốc tế mà nước ta đã hoặc sẽ tham gia, nhiều doanh nghiệp chưa tích cực, chủ động chuẩn bị hội nhập, còn trông chờ nhiều vào sự bảo hộ và bao cấp của Nhà nước.

Bước vào thập niên đầu của thế kỷ XXI, hoạt động xuất - nhập khẩu của nước ta thuận lợi hơn nhiều so với 10 năm trước. Nhìn về "thế" thì ngày nay nước ta chẳng những không còn bị bao vây cô lập mà đã có quan hệ kinh tế - thương mại đa dạng với nhiều nước và tổ chức quốc tế cũng như khu vực. Đứng về "lực" thì nền kinh tế của nước ta đã khác xưa, nhiều ngành đã lớn mạnh cả về lượng lẫn về chất, có khả năng gia tăng đáng kể hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu với chất lượng có khả năng cạnh tranh trên thương trường thế giới. Trên phạm vi khu vực và toàn cầu, những thỏa thuận về việc thuyên giảm hàng rào quan thuế, dỡ bỏ các biện pháp phi quan thuế tạo ra khả năng mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ.

Mặt khác, hoạt động xuất - nhập khẩu cũng sẽ phải đối mặt với không ít khó khăn thách thức. Thách thức lớn nhất có thể sẽ là khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp cũng như hàng hóa và dịch vụ của nước ta còn thấp trong một thế giới mà sự cạnh tranh sẽ ngày càng trở nên gay gắt hơn do xu thế chung của mọi quốc gia đều hướng mạnh vào xuất khẩu, trên thương trường quốc tế ngày càng nhiều người bán ; thể theo "luật chơi chung", muốn hưởng lợi từ sự mở cửa thị trường của các nước khác thì bản thân cũng phải mở cửa thị trường, từ đó phải nhập cuộc cạnh tranh. Theo với đà phát triển của khoa học - công nghệ, cơ cấu trao đổi sẽ chuyển dịch mạnh sang các lĩnh vực mới như dịch vụ, các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao là những lĩnh vực nước ta còn yếu kém ; bên cạnh đó thương mại điện tử sẽ phát triển rất mạnh trong khi nước ta mới ở trong giai đoạn tiếp cận với phương thức mới mẻ này. Hơn thế nữa trên thị trường thế giới còn ẩn chứa nhiều nhân tố khó lường có thể ảnh hưởng tiêu cực tới nền kinh tế và hoạt động xuất nhập khẩu của nước ta.

Ngày nay nước ta đang chuẩn bị hành trang bước vào thiên niên kỷ mới, trong 10 năm tới GDP phải tăng chí ít là gấp đôi và trong 20 năm Việt Nam về cơ bản phải trở thành một nước công nghiệp nếu không sẽ bị tụt hậu xa hơn về trình độ phát triển kinh tế so ngay với nhiều nước trong khu vực. Để thực hiện những nhiệm vụ to lớn và phức tạp này, *xuất khẩu chiếm vị trí cực kỳ quan trọng, tốc độ tăng trưởng của nó chí ít phải cao gấp đôi tốc độ tăng trưởng của GDP, đồng thời phải hạn chế đi tới chấm dứt tình trạng nhập siêu, cân bằng cán cân thương mại quốc tế.*

Điều này gắn với những sự thay đổi sâu sắc trong trạng thái của nền kinh tế nước ta sau những năm thực hiện công cuộc đổi mới. Từ một nền kinh tế khan hiếm, nay một số ngành đã có khả năng sản xuất dư thừa so với nhu cầu trong nước ; yêu cầu xử lý "đầu ra" trở nên rất bức xúc, hễ tiêu thụ được là có khả năng mở rộng sản xuất. Dù đã được cải thiện đáng kể, thu nhập của các tầng lớp dân cư còn thấp, trong 10 năm tới chắc cũng chỉ có thể tăng khoảng 1,7 lần nếu GDP chỉ tăng gấp đôi. Toàn bộ tình hình trên đặt ra yêu cầu thúc đẩy mạnh mẽ xuất khẩu. Đó là về mặt nhu cầu. Về mặt khả năng thì ngày nay đã xuất hiện nhiều điều kiện thuận lợi hơn do nước ta đã chuyển từ

Digitized by Google

chỗ bị bao vây cấm vận sang mối quan hệ rộng rãi với nhiều nước và vùng lãnh thổ.

Để đẩy mạnh xuất khẩu trong những năm tới có *ba khâu then chốt gắn quyện với nhau* là *đổi mới cơ cấu mặt hàng, mở rộng thị trường, nâng cao sức cạnh tranh.*

Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu đương nhiên sẽ tùy thuộc vào sự chuyển dịch cơ cấu sản xuất trong nước ; ngược lại, sự chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu cũng sẽ tác động tích cực tới sự chuyển dịch cơ cấu sản xuất. Trong sự tác động qua lại đó, có thể cần tính đến một số phương châm sau :

Một là, cơ cấu đó cần thuận chiều với sự chuyển dịch của cơ cấu kinh tế thế giới, bám sát với tín hiệu của thị trường, phù hợp với nhu cầu không ngừng biến đổi của người tiêu dùng. Nói một cách khác, ta phải sản xuất những mặt hàng xuất khẩu mà thiên hạ cần chứ không chỉ làm ra những gì ta có. Chỉ có như vậy mới hạn chế được tình trạng làm ra không bán được, nếu bán được thì với giá không cao, hiệu quả không nhiều, thậm chí lỗ.

Thể theo phương châm này, tỷ trọng hàng thô hoặc sơ chế phải không ngừng giảm tương đối, sản phẩm công nghiệp chế biến và chế tạo phải tăng mạnh, dịch vụ và sản phẩm của các ngành công nghệ cao, hàm lượng chất xám nhiều phải chiếm vị trí thỏa đáng. Cũng theo phương châm này, cần chuyển dịch cơ cấu từng ngành, thậm chí từng sản phẩm. Ví dụ, trong ngành nông - lâm - thủy sản thì thủy sản đang dễ tiêu thụ và có hiệu quả cao, trong trồng trọt thì giá gạo và cà - phê mít (rabusta) có xu hướng giảm, trong khi đó có những giống lúa vẫn có giá trị cao, cà-phê chè (arabica) vẫn được giá. Chính sách đầu tư cũng cần bám sát yêu cầu chuyển dịch cơ cấu này.

Nhân đây cũng cần nhấn mạnh rằng, lâu nay xuất khẩu dịch vụ không được đặt đúng chỗ, thậm chí ít xuất hiện trên các bảng thống kê, không tính vào xuất khẩu. Trong khi đó, dịch vụ ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong GDP là xu hướng chung của thế giới. Theo quy định của WTO, thương mại dịch vụ là một nội dung cơ bản của nền thương mại hiện đại. Trong GDP của nước ta, dịch vụ cũng chiếm tỷ trọng ngày càng lớn. Nước ta có không ít tiềm năng phát triển và nó có thể đem lại thu nhập cao, tạo ra nhiều công ăn việc làm.

Hai là, tuy nhiên, trong thời gian trước mắt, đi đôi với phương châm trên, ta vẫn cần khai thác mọi nguồn lực để đẩy mạnh xuất khẩu theo phương châm "năng nhặt chặt bị", vì quá trình chuyển dịch cơ cấu không thể hoàn thành được trong một sớm một chiều, và đặc biệt lao động dôi dư của nước ta còn lớn, việc tạo thêm công ăn việc làm là một yêu cầu bức xúc, có ý nghĩa quan trọng không những về kinh tế mà cả về chính trị - xã hội.

Ba là, cơ cấu hàng nhập khẩu tiếp tục cần được duy trì theo hướng chủ yếu nhập công nghệ, vật tư phục vụ sản xuất, trong đó chú trọng nhập khẩu công nghệ nguồn, hạn chế việc nhập hàng tiêu dùng, khuyến khích tới mức tối đa việc sử dụng những thiết bị, nguyên vật liệu trong nước có thể sản xuất được để thúc đẩy sản xuất, tiết kiệm ngoại tệ. Tuy nhiên, có một nhân tố mới là trong 10 năm tới nước ta sẽ hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế khu vực và thế giới ; thể theo các cam kết quốc tế nước ta sẽ phải từng bước mở cửa thị trường nên nhân tố quyết định trong việc thực hiện phương châm này là không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất cũng như chất lượng thiết bị và vật tư nội địa chứ không thể trông chờ vào sự bảo hộ quá mức.

Như trên đã nói, trong tình hình hiện nay nhu cầu tiêu thụ sản phẩm, hay nói một cách khác, vấn đề *thị trường* có tầm quan trọng tới mức nào. Nó quyết định cả "đầu vào" lẫn "đầu ra" của sản xuất. Do trình độ phát triển kinh tế chưa cao, nước ta còn phải nhập khẩu một lượng đáng kể máy móc, thiết bị, vật tư nên việc nhập khẩu từ thị trường nào có lợi nhất về chất lượng và giá cả sẽ ảnh hưởng rất nhiều tới hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm. Ở phía "đầu ra" thì chỉ cần theo dõi đòi hỏi bức xúc của các ngành và các địa phương về nhu cầu tiêu thụ sản phẩm cũng đủ thấy tầm quan trọng của nhu cầu thị trường. Về mặt này cần tính đến các phương châm như :

Một là, tìm mọi cách không ngừng mở rộng thị trường cả về số lượng các nước và bạn hàng ta có quan hệ lẫn khối lượng và giá trị hàng hóa ta có thể tiêu thụ được ;

Hai là, trong khi mở rộng tới mức tối đa thị trường, cần kiên trì chính sách đa dạng hóa và có trọng tâm, trọng điểm, trước hết nhằm vào các

Digitized by Google

thị trường có dung lượng lớn, có khả năng thanh toán cao ;

Ba là, chủ động, tích cực tìm đến bạn hàng chứ không thụ động ngồi chờ bạn hàng tới tìm. Trong tình hình các doanh nghiệp nước ta, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, còn bỡ ngỡ trong việc tìm kiếm thị trường và bạn hàng thì sự hỗ trợ của các hiệp hội ngành hàng và của Nhà nước là rất cần thiết. Vai trò Nhà nước thể hiện trong việc xây dựng hành lang pháp lý ở trong nước và ký kết các hiệp định song phương và đa phương ; cung cấp thông tin, nhất là thông tin dự báo cho các doanh nghiệp ; tạo cơ chế thông thoáng cho các doanh nghiệp tìm kiếm thị trường, đối tác ; thông qua các bộ, ngành và hệ thống cơ quan đại diện ở nước ngoài giúp các doanh nghiệp trong việc này ; hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong việc tham gia hội chợ, triển lãm ; xây dựng các quỹ hỗ trợ xuất khẩu, các trung tâm thương mại, kho ngoại quan ở những nơi cần thiết để giúp các doanh nghiệp xâm nhập thị trường.

Dựa vào những hoạt động đó của Nhà nước, các doanh nghiệp cần chủ động tích cực tìm lấy thị trường và bạn hàng chứ không nên chỉ trông chờ vào Nhà nước : Ngay trong việc tìm kiếm thông tin cũng cần chủ động tìm kiếm, chí ít là nêu yêu cầu cụ thể với các cơ quan hữu quan, chứ không thụ động ngồi chờ được cung cấp.

Bốn là, chủ động hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới, bằng cách đó tranh thủ lấy những điều kiện thuận lợi như hàng rào quan thuế thấp, hàng rào phi quan thuế bị bãi bỏ dần, các doanh nghiệp bình đẳng trong kinh doanh... Ở đây, các doanh nghiệp cần nhanh nhạy nắm bắt những cơ hội sẽ mở ra, từ đó tích cực chủ động tranh thủ lấy chứ không chỉ nhấn mạnh những thách thức để thụ động đối phó, trông chờ vào sự bảo hộ. Hơn thế nữa, thông qua cạnh tranh để trưởng thành, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, chất lượng sản phẩm. Ngay từ bây giờ và trong những năm tiếp sau, các doanh nghiệp Việt Nam cần nghĩ tới việc đầu tư, kinh doanh ngay trên "đất người" để giảm chi phí nhập thiết bị, nguyên liệu, vận chuyển...

Dù sao đi nữa thì điều có ý nghĩa quyết định vẫn là nhu cầu *không ngừng nâng cao khả năng cạnh tranh ở cả ba cấp độ : nhà nước, doanh nghiệp cũng như mặt hàng và dịch vụ.*

Ở cấp độ nhà nước, đó là sự ổn định về chính trị - xã hội, quan hệ quốc tế tốt đẹp ; hành lang pháp lý hoàn chỉnh, rõ ràng, minh bạch và theo phương hướng ổn định ; bộ máy điều hành nhanh nhạy, trong sạch ; môi trường kinh doanh thông thoáng ; cơ chế chính sách, các công cụ điều hành vĩ mô hợp lý, trong đó có lãi suất ngân hàng, tỷ giá hối đoái có tác dụng thúc đẩy xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu... Ở cấp độ doanh nghiệp là khả năng không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh ; nhanh nhạy nắm bắt tình hình cung cầu (cả lượng lẫn chất) trên thị trường thế giới để tổ chức sản xuất kinh doanh... Ở cấp độ mặt hàng và loại hình dịch vụ thì khả năng cạnh tranh được thể hiện trước hết là ở giá thành hạ, chất lượng cao, mẫu mã, bao bì phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng, được tiếp thị rộng rãi. Nhân đây cũng phải nói rằng mặt hàng và loại hình dịch vụ có khả năng cạnh tranh hay không còn tùy thuộc rất nhiều vào giá cước vận tải, viễn thông, đó là chưa kể các phụ phí khác. Nói một cách khác, muốn nâng cao sức cạnh tranh cần có giải pháp đồng bộ của mọi ngành, mọi cấp.

Đương nhiên những nhân tố trên là rất quan trọng, thậm chí có ý nghĩa quyết định đối với sự thành bại trên mặt trận xuất - nhập khẩu và hội nhập quốc tế nhưng chưa phải là tất cả. Bên cạnh chúng còn là *chính sách đầu tư* thích hợp không chỉ vào khâu sản xuất, xây dựng kết cấu hạ tầng mà còn trực tiếp cả vào các hoạt động xúc tiến thương mại, khuyến khích xuất khẩu. Về mặt *tổ chức kinh doanh* cũng còn không ít việc phải làm để bắt nhịp với thông lệ và những chuyển biến nhanh chóng trên thị trường thế giới ; một yêu cầu lớn đặt ra trong lúc này là củng cố và phát triển các hiệp hội ngành hàng, như các tổ chức thực thụ của người sản xuất kinh doanh chứ không phải là một cơ quan hành chính nhằm cùng nhau hợp lực tổ chức sản xuất, tìm kiếm thị trường. Trong thời đại tin học đang phát triển như vũ bão, việc tiếp cận, phổ cập rộng rãi thương mại điện tử đã trở thành một yêu cầu bức bách. Hơn lúc nào hết, việc chọn lựa, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ *cán bộ kinh doanh xuất nhập khẩu* kiên định về chính trị tư tưởng, thành thạo về nghiệp vụ, tinh thông về ngoại ngữ và cả các phương tiện kinh doanh hiện đại, trong sạch về phẩm chất đạo đức là một nhiệm vụ sống còn cần được mọi cấp, mọi ngành quan tâm thỏa đáng.❑

Digitized by Google

VIỆC LÀM TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2000 - 2010

BÙI NGỌC THANH *

Đó là vấn đề then chốt nhất trong các vấn đề xã hội mà Đảng và Nhà nước ta liên tục xử lý có hiệu quả từ khi Bác Hồ công bố với thế giới tuyên ngôn dựng nước và được nâng lên một tầm trong tiến trình thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.

Mười lăm năm qua, kể từ sau Đại hội lần thứ VI của Đảng với tư duy mới của Đảng ta, nhận thức của người lao động về giải quyết việc làm đã có bước chuyển biến có tính cách mạng. Nâng cao hay cải thiện đời sống của nhân dân, kể cả các gia đình chính sách trước hết là phải có việc làm. Thanh niên đến tuổi lao động, học sinh ra trường cũng như mọi người lao động nói chung, người ta chỉ cảm thấy mình là hữu ích khi có việc làm, có thu nhập nuôi được bản thân, gia đình và làm được nghĩa vụ đóng góp cho nhà nước. Việc làm không chỉ là những chỉ tiêu tuyển dụng vào cơ quan, doanh nghiệp nhà nước, mà là trong mọi thành phần và trong từng đơn vị kinh tế. Nhà nước tạo dựng môi trường pháp lý và những tiền đề cần thiết để mỗi hộ gia đình, mỗi người tự tạo việc làm là chính. Giải quyết việc làm là vấn đề không có điểm dừng, vì hằng ngày, hằng giờ lại có thêm người đến tuổi lao động, học sinh tốt nghiệp ra trường. Trong cơ chế thị trường, do tiến bộ kỹ thuật, do thay đổi cơ cấu, quy mô sản xuất và thay đổi công nghệ mà người lao động rất có thể thay đổi nơi làm việc, thậm chí có lúc hết việc làm, thất nghiệp tạm thời. Do đó khi nói là căn bản giải quyết được việc làm, thì nội dung của nó được hiểu là đã có chính sách hợp lý, đã tạo được tiền đề vật chất, môi trường thuận lợi, đã điều hành được nền sản xuất phát triển, người lao động có nhu cầu việc làm là có thể tìm được hay tạo được việc làm, hoàn toàn không có nghĩa là đã bố trí được việc làm đến người cuối cùng trong xã hội.

Với ý nghĩa đó có thể nói, Nhà nước và chính quyền các cấp đã bước đầu thành công trong vấn đề tạo việc làm. Nếu trong cơ chế cũ, năm cao nhất chúng ta cũng chỉ giải quyết được chừng 65 vạn chỗ làm việc, trong đó 1/3 là vào khu vực nhà nước nhưng 15 năm thực thi cơ chế mới con số đó tăng lên khá nhanh ; việc làm được mở ra cả trong nước và ngoài nước. Những năm 1987 - 1989, mỗi năm đã có 80 đến 90 vạn người tạo được việc làm hoặc có chỗ làm việc ; các năm 1990 - 1991 mỗi năm gần 1 triệu chỗ ; đặc biệt từ năm 1992 do có chương trình việc làm quốc gia, đến nay đã có khoảng 2000 tỉ đồng vốn, trong đó Nhà nước hỗ trợ từ nguồn ngân sách là 1 350 tỉ đồng, cùng với nhiều nguồn vốn khác, hằng năm đã tạo ra trên 1 triệu chỗ làm việc. Riêng các năm từ 1996 - 2000 ước tính mỗi năm là 1,2 đến 1,3 triệu chỗ. Mở rộng và nâng cao hiệu quả việc làm đang có xu hướng phát triển tốt.

Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2010, giải quyết việc làm có yêu cầu rất cao là ngày càng nhiều hơn về số lượng, từng bước được nâng cao về chất lượng (giá trị tạo ra của mỗi việc làm phải lớn hơn trước), cơ cấu lao động, cơ cấu việc làm phải được chuyển dịch cho phù hợp với cơ cấu kinh tế... Từ số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở 1-4-1999 với tổng số lao động hoạt động kinh tế là 38 triệu người (trong 76,3 triệu dân) thì đến năm 2010 dân số nước ta vào khoảng 88 triệu, sẽ có 50 triệu lao động hoạt động kinh tế. Mục tiêu được đặt ra là, trong 10 năm phải tạo việc làm cho 13,5 triệu lao động, bình quân mỗi năm 1,35 triệu với cơ cấu lao động nông nghiệp vào năm 2010 khoảng 50%, công nghiệp - xây dựng khoảng 23% và dịch vụ 27%. Tổng quát lại là "Giải quyết cơ bản vấn đề việc làm ở cả thành thị và nông thôn, nâng tỷ lệ người lao động được đào tạo nghề lên khoảng 40%" (trang 59 dự thảo văn kiện). Từ mục tiêu đó, dự thảo chiến lược

* TS. Phó chủ nhiệm Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội

Digitized by Google

nhấn mạnh quan điểm "Phát huy nhân tố con người, mở rộng cơ hội cho mọi người đều có điều kiện phát huy tài năng, tham gia vào quá trình phát triển và thụ hưởng những thành quả phát triển, đồng thời có trách nhiệm góp sức thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh...". Các quan điểm đó hoàn toàn đúng đắn và chính xác. Con người được sinh ra, được nuôi dưỡng, được giáo dục, được đào tạo để trở thành người lao động thì nhất thiết họ phải được đem hết tâm lực, trí lực và thể lực ra làm việc để nuôi sống chính bản thân mình và gia đình, đồng thời phải có trách nhiệm, nghĩa vụ với xã hội bằng sự cống hiến của chính mình. Nói gọn lại là họ phải tạo được việc làm để biến nhân lực ở dạng khả năng thành hiện thực trong việc làm. Việc làm của họ càng phù hợp, càng có giá trị cao càng tốt.

Để thực hiện được phương hướng, mục tiêu, quan điểm trên đây rất cần thiết phải có những giải pháp nhằm đáp ứng yêu cầu bức xúc của nhiều người, trong đó một bộ phận không nhỏ là lao động phổ thông, lao động có tay nghề thấp. Chúng ta đều biết giải quyết việc làm vừa là vấn đề kinh tế, vừa là vấn đề xã hội. *Về kinh tế,* giải quyết việc làm có nội dung chủ yếu là phát triển và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực. Nó gắn liền và được thực hiện thông qua chính sách, chương trình phát triển kinh tế. Việc sử dụng lao động được hướng vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế và là động lực của tăng trưởng kinh tế. *Về mặt xã hội,* giải quyết việc làm có mục tiêu hướng vào toàn dụng lao động, chống thất nghiệp và khắc phục tình trạng thiếu việc làm, bảo đảm tăng thu nhập. Vì thế giải quyết việc làm được coi là một trong những chính sách xã hội cơ bản của Nhà nước, góp phần ổn định và an toàn xã hội. Đây thực chất là giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện công bằng xã hội trong lĩnh vực việc làm. Do đó phải tạo ra nhiều việc làm, càng nhiều càng tốt.

Vì giải quyết việc làm là công việc có tính liên ngành, có tính tổng hợp, cho nên mọi ngành, mọi cấp, mọi địa phương và mọi thành phần kinh tế phải trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế và phạm vi hoạt động của mình mà trực tiếp tham gia tạo việc làm. Về lâu dài, số lượng việc làm phải đạt đến trình độ, ai có nhu cầu việc làm đều có thể tìm được hoặc tạo ra được. Một mặt phải tạo việc làm ở trong nước, mặt khác hội nhập kinh tế quốc tế phải tranh thủ tạo việc làm ở ngoài nước. Nếu trong 10 năm tới phải tạo ra 13,5 triệu chỗ làm việc thì việc làm ở ngoài nước phải chiếm khoảng gần một triệu chỗ (tức là gần một triệu lượt người đi làm việc ở nước ngoài). Việc làm ở ngoài nước không chỉ là số lượng mà quan trọng hơn là chất lượng, là giá trị tạo ra của việc làm (một lao động làm việc ở ngoài nước có thu nhập cao gấp 10 lần một lao động ở trong nước).

Giải pháp về chất lượng (giá trị của việc làm) ở trong nước phụ thuộc vào hai yếu tố cơ bản : trình độ nghề nghiệp và tính chất công việc mà người lao động thực hiện. Hai yếu tố đó dẫn đến cái có tính quyết định là tiền công, tiền lương, thu nhập. Để từng bước nâng cao giá trị của lao động, trước hết phải phổ cập nghề cho lao động phổ thông, nhất là ở nông thôn, thanh niên mới bước vào độ tuổi lao động để họ có thể đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động, tăng cơ hội và khả năng tìm kiếm, lựa chọn việc làm. Phải tăng nhanh bộ phận lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo (nếu năm 1999 tỉ lệ này xấp xỉ 20% thì đến năm 2005 là 32% và năm 2010 là 40% trở lên).

Với các giải pháp về số lượng và chất lượng như đã trình bày chúng tôi đồng tình với chiến lược việc làm mà ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đã vạch ra, trong đó phải thực hiện cho được các chương trình kinh tế - kỹ thuật theo những lộ trình nhất định.

Trước hết phải thực hiện các chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Đó là việc thâm canh hơn 8 triệu ha đất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đặc biệt là ở các vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp hàng hóa, trong đó chú ý thích đáng đến phát triển kinh tế trang trại, nơi có khả năng thu hút thêm nhiều lao động. Tất cả những công việc đó nhằm bảo đảm việc làm cho khoảng 20 triệu lao động nông nghiệp. Tiếp tục phân bổ lại lao động và dân cư, xây dựng các vùng kinh tế - xã hội mới, gắn với việc thực hiện nhanh và có hiệu quả chương trình trồng 5 triệu ha rừng theo Nghị quyết của Quốc hội, bảo vệ 10 triệu ha rừng tự nhiên để tạo ra và ổn định việc làm cho 5 triệu lao động ở trung du, miền núi. Tăng cường đầu tư phát triển nuôi trồng, đánh bắt, chế biến và xuất khẩu thủy, hải sản để tạo việc làm cho khoảng 2 triệu lao động ở ven biển. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn như thủy lợi, kiên cố hóa kênh mương, giao thông, các công trình phúc lợi... để tăng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn.

Digitized by Google

Đẩy mạnh việc thực hiện các chương trình phát triển công nghiệp và dịch vụ. Trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, các chương trình này có vai trò quyết định sự chuyển đổi cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng lao động và góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế nước ta. Cùng với việc thu hút lao động vào các ngành sản xuất then chốt như dầu khí, phân bón, xi măng, vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến nông - lâm - hải sản, dệt, da, may, nhuộm, đặc biệt chú trọng 3 chương trình để góp phần làm giảm thất nghiệp ở đô thị :

- Chương trình xây dựng và phát triển các khu công nghệ cao, chủ yếu tập trung ở các vùng kinh tế động lực, các đô thị lớn, thu hút lao động có trình độ cao để tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế và các sản phẩm xuất khẩu.

- Chương trình phát triển các trung tâm văn hóa, thể thao và các khu du lịch, tạo việc làm, tăng thu nhập.

Đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm kinh tế, xã hội như đường Hồ Chí Minh, thủy điện Sơn La, hóa dầu Dung Quất, sân bay, bến cảng để tạo việc làm mới cho hàng triệu lao động.

Thực hiện tốt chương trình mở rộng, phát triển làng nghề, xã nghề, các doanh nghiệp vừa và nhỏ tạo mở việc làm mới và việc làm đầy đủ cho hàng chục triệu lao động cả ở nông thôn và thành thị. Trong đó rất coi trọng khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống.

Về chương trình hỗ trợ trực tiếp để giải quyết việc làm cho người thất nghiệp, người thiếu việc làm, các đối tượng yếu thế. Nếu trong chương trình mục tiêu quốc gia về giải quyết việc làm, các chương trình kinh tế - kỹ thuật tạo ra khoảng 75 đến 80% tổng số việc làm tăng thêm hằng năm trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân, thì chương trình hỗ trợ này sẽ tạo ra khoảng 20 đến 25% số lượng việc làm. Chương trình sẽ tổ chức dạy nghề và bổ túc nghề gắn với đào tạo việc làm cho 1,5 đến 2 triệu người ; cho vay vốn hỗ trợ giải quyết việc làm cho từ 2,5 đến 3 triệu người ; đổi mới cơ chế hoạt động, nâng cao năng lực và hiện đại hóa các trung tâm dịch vụ việc làm ở, các tỉnh, thành phố và hệ thống cơ sở vệ tinh để cung cấp các dịch vụ tư vấn, giới thiệu và chắp nối việc làm cho người thất nghiệp, người thiếu việc làm, hoặc người muốn chuyển việc làm.

Về chương trình xuất khẩu lao động và chuyên gia. Vấn đề đặc biệt quan trọng là phải xúc tiến mạnh mẽ để mở rộng thị trường lao động quốc tế. Có chính sách đối ngoại, thông tin, khai thông thị trường có khả năng tiếp nhận nhiều lao động, chuyên gia Việt Nam ; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu các công trình và ký kết các hợp đồng cung ứng lao động cho nước ngoài. Phấn đấu đến năm 2010 trở đi có từ 0,8 đến 1 triệu lao động và chuyên gia làm việc ở nước ngoài, góp phần nâng cao tay nghề cho người lao động, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ; thu nhập hằng năm khoảng 1 tỉ USD trở lên.

Trong giải quyết việc làm, đào tạo nghề là công việc có ý nghĩa quyết định nhằm nâng cao giá trị việc làm. Để đến năm 2010 đạt 40% lao động được đào tạo, trong đó 30% là đào tạo nghề cần tập trung vào 4 chương trình dạy nghề sau đây :

- Chương trình đào tạo nghề chính quy, dài hạn, trước mắt phải củng cố và phát triển hệ thống các trường dạy nghề bảo đảm cân đối nhu cầu lao động được đào tạo cho các ngành kinh tế mũi nhọn, khu công nghiệp tập trung và xuất khẩu lao động, chuyên gia.

- Chương trình đào tạo nghề ngắn hạn cho nông thôn nhằm trang bị các kiến thức và kỹ năng lao động cho người lao động, đặc biệt là chuyển giao công nghệ sinh học trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Chương trình đào tạo nghề cho lao động trong các làng nghề, phố nghề nhằm khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống, các sản phẩm tiêu dùng được ưa chuộng.

- Chương trình đào tạo nghề ngắn hạn nhằm thỏa mãn nhu cầu đào tạo, đào tạo lại cho lao động xã hội, đáp ứng nhanh nhu cầu đa dạng của thị trường lao động.

Để thực hiện được mục tiêu tạo nhiều việc làm và việc làm có chất lượng, Nhà nước cần phải xây dựng và hoàn thiện một hệ thống chính sách ở tầm vĩ mô.

Trước hết là chính sách phát triển nguồn nhân lực, về "chiều rộng". Chính sách này phải khuyến khích mọi người có khả năng lao động đều phải tham gia làm việc. Để hiệu quả việc làm ngày một cao mỗi người phải thường xuyên cập nhật kiến thức, nâng cao kỹ năng lao động, rèn luyện để thích nghi với nhiều công việc, lao động sáng tạo và sáng tạo

Digitized by Google

không ngừng. Chính sách vĩ mô phải thể hiện sự toàn dụng lao động, không lãng phí sức lao động, nhất là lao động đã được đào tạo, lao động có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật cao. Về "chiều sâu", chính sách phải đầu tư thích đáng cho việc đào tạo lao động phục vụ các ngành kinh tế mũi nhọn, các khu vực công nghệ cao như công nghệ tự động hóa, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học...

Để toàn dụng lao động cần thiết phải có chính sách phát triển thị trường lao động, tăng khả năng "cầu" để giải tỏa "cung" về lao động. Muốn vậy phải khuyến khích mạnh mẽ "đủ liều lượng" đối với người sử dụng lao động nhằm tạo ra nhiều việc làm, việc làm phong phú để thu hút lao động. Đối với người lao động, cho phép họ được di chuyển theo quy định của luật pháp để tìm kiếm, chọn lựa việc làm cho phù hợp với khả năng, với hoàn cảnh của mình. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động, tạo mọi điều kiện để người lao động và người sử dụng lao động đều có thể tiếp cận thường xuyên với các thông tin về lao động và việc làm. Đối với thị trường lao động ngoài nước, phải được mở rộng ra tất cả các khu vực, tất cả các ngành nghề mà ta có khả năng đáp ứng phù hợp với chính sách đối ngoại rộng mở của Việt Nam. Từng bước mở rộng các thành phần tham gia xuất khẩu lao động. Nhà nước lập quỹ tín dụng cho người nghèo vay để đi làm việc ở nước ngoài.

Kinh nghiệm cho thấy các chính sách xã hội nói chung, chính sách nguồn nhân lực, việc làm và thị trường lao động nói riêng phải được luật pháp hóa thì tính hiệu lực mới cao và việc thực thi trong thực tế mới thuận lợi. Vì thế rất cần thiết phải sửa đổi, bổ sung một số chương, mục, điều khoản cần thiết và cấp bách trong Bộ luật Lao động (ban hành năm 1994) và Điều lệ bảo hiểm xã hội (ban hành năm 1995), tiến tới xây dựng và ban hành Luật Bảo hiểm xã hội. Xuất khẩu lao động sẽ là công việc lâu dài và quy mô ngày càng lớn, vì thế phải nghiên cứu xây dựng Pháp lệnh xuất khẩu lao động.

Đúng như dự thảo văn kiện trình Đại hội IX của Đảng đã xác định "Giải quyết việc làm là yếu tố quyết định để phát huy nhân tố con người, ổn định và phát triển kinh tế, lành mạnh xã hội, đáp ứng nguyện vọng chính đáng và yêu cầu bức xúc của nhân dân". Với ý nghĩa đó, các cấp, các ngành, các địa phương, các đơn vị phải phấn đấu thực hiện cho được chiến lược việc làm trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2010.❑

VỀ CẢI CÁCH...

(Tiếp theo trang 11)

ngạch công chức, nghiên cứu xác định cơ cấu cán bộ, công chức. Cải cách chính sách tiền lương, thực hiện trả lương tương xứng với nhiệm vụ, công vụ được giao trên quan điểm : tiền lương gắn liền với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, trả lương đúng cho người lao động là thực hiện đầu tư phát triển. Ngoài ra ban hành các chính sách thích hợp để tuyển chọn được những người có đức, có tài vào nền công vụ.

- Cải cách tài chính công

Tiếp tục đổi mới chính sách và cơ chế quản lý ngân sách nhà nước. Tổng kết đánh giá 4 năm thực hiện Luật ngân sách nhà nước và tiến hành sửa đổi bổ sung luật này cho phù hợp với yêu cầu đổi mới của sự phát triển kinh tế xã hội theo hướng ngân sách nhà nước bảo đảm đủ nguồn lực tài chính cần thiết để duy trì hoạt động bình thường của bộ máy hành chính. Đổi mới, hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý ngân sách nhà nước theo nguyên tắc bảo đảm tính thống nhất, tập trung tạo cho ngân sách trung ương sức mạnh tài chính phù hợp, đồng thời bảo đảm tính độc lập tự chủ và quyền quyết định của chính quyền địa phương các cấp theo luật định. Sửa đổi quyền quyết định dự toán ngân sách nhà nước của Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Xây dựng cơ chế chính sách về tự bảo đảm chi phí thường xuyên tiền lương và phụ cấp lương đối với một số tổ chức dịch vụ công trong các lĩnh vực giáo dục y tế, bảo hiểm xã hội, phát thanh truyền hình, vệ sinh công cộng. Mở rộng kiểm toán ngân sách theo hướng bắt buộc, bảo đảm tính độc lập tương đối của cơ quan kiểm toán nhà nước trong quá trình hoạt động.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ trên, cần tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện, bảo đảm kết hợp đồng bộ hai phương pháp tiến hành cải cách từ trên xuống, từ dưới lên. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức xã hội về cải cách hành chính. Tiến hành thí điểm đối với một số loại vấn đề chưa kết luận được ngay, coi trọng công tác đánh giá cải cách hành chính ; bố trí bước đi hợp lý thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhằm các mục tiêu cơ bản lâu dài.❑

Digitized by Google

XÂY DỰNG NGÀNH CƠ YẾU VIỆT NAM CHÍNH QUY, HIỆN ĐẠI

ĐỖ VĂN ÂN *

Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, chính quyền non trẻ của Nhà nước ta những ngày đầu đứng trước biết bao nhiệm vụ lịch sử lớn lao và những thử thách nghiêm trọng. Trong đó, công tác bảo vệ bí mật nội dung lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước qua kỹ thuật mật mã đã trở thành yêu cầu hết sức khẩn trương và cấp bách. Thường vụ Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ thị phải tổ chức hệ thống thông tin mật mã để bảo đảm an toàn, bí mật nội dung thông tin liên lạc trong cả nước. Ngày 12-9-1945, cơ quan mật mã của nước Việt Nam, nay là ngành Cơ yếu Việt Nam ra đời. Tổ chức mật mã đầu tiên được thành lập ở Bộ Tổng tham mưu - cơ quan chỉ huy quân sự cao nhất của Đảng, Nhà nước ta lúc bấy giờ, sau được lần lượt thành lập ở Văn phòng Trung ương Đảng, Phủ Thủ tướng, Nha công an, Bộ Nội vụ hình thành hệ thống tổ chức mật mã từ trung ương đến các đơn vị, địa phương trong cả nước.

Ra đời trong điều kiện lịch sử cực kỳ khó khăn, gian khổ, nhưng với khí thế cách mạng và lòng yêu nước nồng nàn, ngành Cơ yếu từ tay không đã từng bước xây dựng hệ thống tổ chức, tuyển chọn, đào tạo cán bộ, nhân viên cơ yếu, nghiên cứu sáng tác các thể loại mật mã, kịp thời đáp ứng đòi hỏi cấp bách bảo đảm bí mật thông tin lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh giành thắng lợi trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền cách mạng còn non trẻ.

Suốt 2 cuộc kháng chiến cứu nước cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhiệm vụ của ngành Cơ yếu hết sức nặng nề, phức tạp. Vượt lên mọi thử thách quyết liệt, cán bộ, chiến sĩ ngành Cơ yếu đã nêu cao ý chí quyết tâm, chủ động sáng tạo, tận tụy với công việc, chịu đựng hy sinh, liên tục phấn đấu cho sự nghiệp xây dựng, phát triển của ngành, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn thu tin, mã thám và gián điệp tình báo của địch, bảo đảm an toàn, bí mật, chính xác, kịp thời mọi thông tin lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy của Đảng, Nhà nước và các ngành, các cấp. Ngành đã đáp ứng yêu cầu chỉ đạo của Đảng liên tiếp giành thắng lợi to lớn, ngay từ những ngày đầu toàn quốc kháng chiến đến chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử, đánh bại thực dân Pháp, giải phóng miền Bắc năm 1954. Tiếp theo là những năm tháng hào hùng của cuộc đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang đầy khó khăn gian khổ và ác liệt chống chế độ Mỹ, ngụy ở miền Nam, chống chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, đấu tranh ngoại giao ở Hội nghị Pa-ri đến chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Ngành Cơ yếu đã phục vụ đắc lực cho lãnh đạo, chỉ huy chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, giành thắng lợi bảo vệ biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc cũng như sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong công cuộc đổi mới. Bên cạnh đó, ngành Cơ yếu Việt Nam đã làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả, góp phần vào thắng lợi của cách mạng ở Đông Dương.

Quá trình phấn đấu hoàn thành những nhiệm vụ trọng đại nêu trên, bản thân ngành Cơ yếu cũng không ngừng được củng cố, xây dựng và phát triển. Ngành đã xây dựng được hệ thống tổ chức phù hợp với hệ thống lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy của các ngành, các cấp từ trung ương đến địa phương, từ

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Đảng ủy, Trưởng ban Cơ yếu Chính phủ

Digitized by Google

trong nước đến các đại sứ quán của ta ở nước ngoài, đáp ứng các yêu cầu thông tin lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước bí mật, chính xác, kịp thời trong mọi tình huống.

Ngành đã xây dựng và củng cố vững chắc hệ thống kỹ thuật mật mã truyền thống, đồng thời sớm tiếp cận và ứng dụng những thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại để nghiên cứu sản xuất một số máy mã hiện đại, máy sản xuất khóa mã tự động. Việc nghiên cứu thành công và đưa vào sử dụng các loại máy mã đã đáp ứng yêu cầu hiện đại, tự động hóa thông tin mật mã, phù hợp với quá trình phát triển của ngành bưu chính - viễn thông trong tình hình mới. Trước nhu cầu sử dụng đa dạng các phương tiện truyền tin, chúng ta đã nghiên cứu thành công và đưa vào ứng dụng bảo mật mạng tin học diện rộng của Văn phòng Chính phủ và Văn phòng Trung ương Đảng. Kết quả nghiên cứu và triển khai sử dụng kỹ thuật mật mã hiện đại trong những năm qua đã khẳng định chủ trương và phương hướng nghiên cứu đúng, đáp ứng được yêu cầu cấp bách về thông tin mật mã hiện đại ; giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa kỹ thuật truyền thống và hiện đại, giữa yêu cầu trước mắt và lâu dài, mở ra khả năng hiện thực, hiện đại hóa ngành Cơ yếu Việt Nam.

Bước đầu ngành xây dựng được cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho hệ thống thông tin mật mã hiện đại. Hầu hết các trung tâm mật mã, phòng máy mã, các phòng thí nghiệm, trung tâm thực nghiệm phục vụ cho nghiên cứu, đào tạo, sản xuất tại Học viện Kỹ thuật mật mã, các nhà trường, nhà máy được trang bị và sản xuất theo hướng hiện đại, đáp ứng có hiệu quả nhiệm vụ thường xuyên và xây dựng hiện đại hóa ngành. Từng bước kiện toàn hệ thống tổ chức ngành theo Quyết định 61 của Trung ương Đảng và Nghị định 98 của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước, chỉ đạo tập trung, thống nhất và xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của tổ chức cơ yếu các ngành trong việc phân cấp quản lý công tác cơ yếu. Kết quả về công tác tổ chức, quản lý đã thúc đẩy toàn diện các mặt công tác của ngành, từng bước đi vào nền nếp, chính quy. Cơ cấu đội ngũ cán bộ, nhân viên được hình thành theo yêu cầu nhiệm vụ cơ bản của ngành. Tiêu chuẩn, chức danh đã và đang được xác định rõ hơn, làm cơ sở cho việc đào tạo, xây dựng lực lượng. Số cán bộ, nhân viên được đào tạo và số cán bộ khoa học - kỹ thuật được bổ sung đã kịp thời đáp ứng các nhiệm vụ xây dựng, phát triển chính quy, hiện đại hóa ngành. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, nhân viên ngành Cơ yếu đã được đào tạo cơ bản, có phẩm chất đạo đức tốt, có nhiệt tình cách mạng, trung thành với Đảng, với nhân dân, tận tụy với công việc.

Những truyền thống cách mạng vẻ vang đã tạo nên sức mạnh giúp cán bộ, chiến sĩ vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ. Ngành Cơ yếu đã vinh dự được Đảng, Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý : Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập ; Huân chương Quân công ; Huân chương Thành đồng và nhiều huân chương khác. Chủ tịch nước đã tuyên dương nhiều tập thể và cá nhân danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Hơn 60% cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên ngành Cơ yếu được tặng thưởng huân chương, huy chương các loại.

Có được thành tích xuất sắc trên đây, trước hết ngành Cơ yếu luôn luôn được Đảng, Nhà nước xác định rõ vị trí, tầm quan trọng là cơ quan khoa học kỹ thuật cơ mật đặc biệt thuộc lĩnh vực an ninh quốc gia, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương và các cấp ủy đảng, chính quyền. Ngành được Trung ương, các bộ, ban, ngành quan tâm hỗ trợ trực tiếp và sự giúp đỡ đùm bọc, che chở tận tình của nhân dân. Cùng với đó là sự tu dưỡng, học tập, rèn luyện, khắc phục khó khăn, bền bỉ chịu đựng gian khổ, giữ nghiêm kỷ luật, lao động cần cù, sáng tạo, trung thành với Tổ quốc, với Đảng, chiến đấu quên mình, để bảo vệ thông tin cơ mật của Đảng, Nhà nước và an toàn kỹ thuật mật mã quốc gia của lớp lớp các thế hệ cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên của ngành. Những yếu tố trên đã xây dựng nên truyền thống vẻ vang : *"Trung thành, tận tụy, đoàn kết, kỷ luật, sáng tạo"* của ngành Cơ yếu Việt Nam.

Kinh nghiệm thực tiễn quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của ngành cho thấy, để đủ sức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong mọi tình huống, điều trước tiên là phải đặt công tác cơ yếu dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương Đảng và sự quản lý thống nhất của Nhà nước. Thường xuyên quán triệt sâu sắc và vận dụng đúng đắn, sáng tạo đường

Digitized by Google

lối, quan điểm của Đảng, tình hình nhiệm vụ cách mạng, nắm vững vị trí, tính chất, chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm của công tác cơ yếu là tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt để xây dựng, phát triển ngành.

- Xây dựng tổ chức ngành thống nhất, chế độ công tác chặt chẽ, nghiêm minh ; đội ngũ cán bộ, nhân viên tuyệt đối tin cậy về chính trị, trung thành vô hạn với Đảng, với Tổ quốc, có phẩm chất đạo đức tốt, ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm, đoàn kết, không ngừng học tập tu dưỡng, rèn luyện nâng cao kiến thức về khoa học, kỹ thuật và chuyên môn nghiệp vụ.

- Phát huy mạnh mẽ tinh thần chủ động, sáng tạo, tự lực, tự cường, thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng ; nắm vững tính chất của cuộc đấu tranh trên mặt trận bảo vệ bí mật quốc gia, làm thất bại mọi âm mưu thủ đoạn của kẻ thù, bảo đảm an toàn, tin cậy và vững chắc.

- Xây dựng ngành đồng bộ, nghiên cứu phát triển khoa học - kỹ thuật và nghiệp vụ với sản xuất, triển khai ứng dụng trong thực tiễn bảo đảm phát triển cân đối, hài hòa vững chắc có hiệu quả thiết thực, nhằm phát huy tốt yếu tố con người và kỹ thuật.

- Tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng và thủ trưởng các cấp, các ngành, tăng cường trách nhiệm quản lý, kiểm tra, chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ của tổ chức cơ yếu các cấp, hiệp đồng chặt chẽ với các cơ quan có liên quan. Phát huy tinh thần, trí tuệ và tài năng của đội ngũ cán bộ, nhân viên, tạo nên sức mạnh tổng hợp bảo đảm cho việc xây dựng và phát triển ngành đạt kết quả cao nhất.

Chúng ta sắp kết thúc thế kỷ XX với bao kỳ tích của dân tộc Việt Nam anh hùng để bước sang thế kỷ mới. Dân tộc ta sẽ bước sang thế kỷ mới với những biến đổi lớn lao, đặt đất nước ta, dân tộc ta và ngành Cơ yếu nước ta trước những cơ hội và thách thức rất lớn. Hòa bình và hợp tác đang là xu thế chung của khu vực và thế giới đặt ra những yêu cầu mới trên đường phát triển đất nước. Cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh bảo vệ nền độc lập dân tộc, khẳng định quyền tự quyết của các quốc gia độc lập, chống sự áp đặt, can thiệp sẽ diễn ra ngày càng quyết liệt. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ thông tin nhất là công nghệ tin học đã mở ra những khả năng mới cho sự phát triển của lĩnh vực truyền tin. Hầu như tất cả các quốc gia trên thế giới đều có chiến lược phát triển riêng của mình trong lĩnh vực này. Ở nước ta, sự phát triển của công nghệ tin học trong những năm gần đây đã và đang đặt ra những yêu cầu mới không chỉ trong việc bảo vệ bí mật thông tin lãnh đạo, chỉ đạo ở phạm vi quốc phòng - an ninh và ngoại giao mà còn trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Nhưng đồng thời với sự phát triển của công nghệ tin học, các thế lực thù địch càng có điều kiện sử dụng kỹ thuật tinh vi, hiện đại với các thủ đoạn mua chuộc, cài cắm, móc nối để tổ chức phá hoại, lấy cắp thông tin bí mật của ta, nhằm tạo ra các nhân tố gây khủng hoảng chính trị, xã hội, tạo cơ hội can thiệp lật đổ hòng xóa bỏ chế độ và vai trò lãnh đạo của Đảng ta.

Hiện đại hóa trong hệ thống thông tin mật mã bảo đảm vững chắc mọi yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy trong mọi tình huống trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là nghĩa vụ, trách nhiệm và vinh dự của ngành Cơ yếu nước ta. Cho dù nhiệm vụ sắp tới nặng nề, khó khăn và thử thách rất nhiều, nhưng trong hoàn cảnh nào ngành Cơ yếu cũng sẽ nỗ lực phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao. Ngành tập trung mọi khả năng tiếp tục thực hiện thắng lợi Chỉ thị 85 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, xây dựng ngành Cơ yếu Việt Nam trong giai đoạn mới và chiến lược phát triển ngành Cơ yếu Việt Nam đến năm 2010 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt : *"Phấn đấu xây dựng được hệ thống thông tin mật mã quốc gia hiện đại, đồng bộ, phù hợp với sự phát triển đa dạng của phương tiện thông tin viễn thông, phục vụ tốt cho yêu cầu lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước trên các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế... góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ ổn định chính trị, phát triển kinh tế xã hội của đất nước ; đưa trình độ khoa học - công nghệ mật mã Việt Nam lên trình độ tiên tiến, bảo đảm tự động hóa, an toàn tuyệt đối trong sử dụng kỹ thuật và xử lý thông tin ; góp phần thực hiện tốt 2 nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước".* ❑

Digitized by Google

CÔNG NHÂN, VIÊN CHỨC, LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM VỚI PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

ĐẶNG NGỌC CHIẾN *

Từ năm 1986, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nền kinh tế nước ta chuyển sang vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong tình hình đó, chúng ta phải tập trung thời gian và sức lực vào giải quyết nhiều vấn đề bức xúc, do đó công tác thi đua khen thưởng có phần bị sao nhãng, ít được quan tâm đúng mức. Thực tế cũng đã có ý kiến cho rằng trong cơ chế thị trường chỉ có cạnh tranh chứ không có thi đua.

Nhận thức sâu sắc sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và công đoàn Việt Nam, Đại hội VI Công đoàn Việt Nam (tháng 10-1988) đã khẳng định : phải thực hiện tốt chức năng tham gia quản lý, xác định "năng suất, chất lượng, hiệu quả, cải thiện đời sống người lao động" là mục tiêu của mọi cuộc vận động thi đua và để ra nhiệm vụ, tiếp tục đẩy mạnh các phong trào thi đua trong công nhân, viên chức, lao động (CNVCLĐ).

Cuối năm 1989, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam và nhiều địa phương, ngành đã tổ chức các cuộc hội thảo với đề tài "Thi đua trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Hội thảo đã góp phần tích cực vào việc củng cố, nâng cao nhận thức về tư tưởng của Đảng và Bác Hồ về thi đua, khẳng định trong cơ chế thị trường thi đua vẫn là đòi hỏi khách quan và cần thiết.

Phong trào thi đua "lao động giỏi" là một trong các phong trào thi đua tiêu biểu, nổi bật của công nhân, viên chức, lao động do tổ chức công đoàn khởi xướng và làm nòng cốt với sự tham gia đông đảo của công nhân, viên chức, lao động các doanh nghiệp, các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp. Được bắt đầu từ Hà Nội, sau đó được tổng kết và nhân rộng ra nhiều địa phương, ngành nghề trong cả nước và chính thức được Chính phủ công nhận là một trong các danh hiệu thi đua trong thời kỳ đổi mới.

Tiếp tục tổng kết từ thực tiễn phong trào thi đua lao động giỏi, Đại hội VII Công đoàn Việt Nam (tháng 11-1993) nêu nhiệm vụ "Đổi mới công tác thi đua, phát động trong toàn quốc ***phong trào thi đua lao động giỏi*** để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước", "vận động CNVCLĐ tích cực góp phần phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới" ; "phát động phong trào chống tham nhũng, chống buôn lậu và gian lận thương mại".

Các cấp công đoàn đã xây dựng được quy chế về mối quan hệ phối hợp và lề lối làm việc với chính quyền, cơ quan quản lý, lãnh đạo doanh nghiệp, tạo nhiều thuận lợi trong phối hợp chỉ đạo phong trào thi đua có hiệu quả thiết thực. Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam và công đoàn các cấp đã cố gắng sửa đổi, bổ sung chế độ khen thưởng trong tổ chức công đoàn, tham mưu cho Đảng, tham gia với Nhà nước, đổi mới công tác tổ chức, chỉ đạo, xây dựng, bổ sung chính sách thi đua - khen thưởng để duy trì và đẩy mạnh phong trào.

Phong trào thi đua trong CNVCLĐ do công đoàn phát động và tổ chức trong thời kỳ đổi mới đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận.

Phong trào thi đua lao động giỏi nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội được các cấp chính quyền, cơ quan quản lý phối hợp chỉ đạo, các cấp ủy đảng quan tâm lãnh đạo, nên từng bước được nhân rộng. Từ lúc chỉ có ở một vài địa phương, ngành, đến nay, phong trào đã phát triển ra các ngành và địa phương trong cả nước. Từ chỗ phong trào chỉ có trong các doanh nghiệp nhà nước, cơ quan hành chính sự nghiệp, từng bước lan ra các doanh nghiệp dân doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Theo báo cáo của các Liên đoàn lao động các tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương, năm 1999 số CNVCLĐ hưởng ứng thi đua lao động giỏi đã tăng 2,5 lần so với năm 1990 ; tất cả Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành nghề trong toàn quốc đều phát động, tổ chức phong trào thi đua. Đã có khoảng 60% các doanh nghiệp nhà nước, cơ quan hành chính,

* Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam

Digitized by Google

sự nghiệp, cơ quan đảng, đoàn thể có phong trào thi đua. Nơi có tỷ lệ cơ sở có phong trào thi đua cao là Hà Nội với 90% cơ sở sản xuất kinh doanh, hành chính sự nghiệp, 100% trường học. Phong trào đã lôi cuốn được nhiều doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hưởng ứng.

Qua tổng kết, số cá nhân và tập thể đạt danh hiệu lao động giỏi đã tăng lên. Hằng năm có hàng triệu cá nhân, hàng nghìn tập thể đạt danh hiệu lao động giỏi. Nhiều địa phương, ngành đã tổ chức tốt phong trào thi đua lao động giỏi như : Hà Nội, Thái Nguyên, Hải Phòng, Quảng Ninh, Nghệ An, Nam Định, Phú Thọ, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Đồng Nai, Thái Bình, các ngành công nghiệp, bưu điện, xây dựng, giao thông - vận tải, giáo dục - đào tạo, y tế...

Việc cụ thể hóa phong trào lao động giỏi gắn với những nội dung cụ thể đã mang lại những hình thức và nội dung mới, như các phong trào : "Giỏi việc nước, đảm việc nhà" trong nữ CNVCLĐ ; "lao động sáng tạo", "phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất", "thực hành tiết kiệm", "thi đua hai tốt", "xanh, sạch, đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động", "liên kết thi đua phục vụ nông nghiệp" ; "phong trào nhận công trình, sản phẩm, việc khó" ; "phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc". Phong trào 4 nhất : "chất lượng tốt nhất, tiết kiệm nhất, tiến bộ nhanh nhất, an toàn nhất" do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam phát động trên công trường xuyên thế kỷ, xây dựng đường Hồ Chí Minh giai đoạn 1 đã được đông đảo CNVCLĐ trên công trường hưởng ứng, tham gia.

Phong trào "lao động sáng tạo", một mũi nhọn trong phong trào thi đua lao động giỏi đã được CNVCLĐ cả nước hưởng ứng một cách tích cực. Hằng năm, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam đã khen thưởng bằng khen và huy hiệu lao động sáng tạo cho các cá nhân có thành tích để thúc đẩy phong trào ; phối hợp với các tổ chức và các bộ, ngành duy trì và phát triển Quỹ hỗ trợ sáng tạo kỹ thuật (VIFOTEX) ; thành lập Quỹ hỗ trợ tài năng sáng tạo nữ (FAWIC) ; tổ chức Hội thi sáng tạo kỹ thuật toàn quốc.

Liên đoàn lao động các tỉnh, thành phố, công đoàn ngành toàn quốc phối hợp với chính quyền, cơ quan quản lý tổ chức các hội thi sáng tạo kỹ thuật ngành, địa phương và hưởng ứng Hội thi sáng tạo kỹ thuật toàn quốc ; thường xuyên chỉ đạo, tổng kết, xét duyệt thành tích thi đua lao động sáng tạo trong ngành, địa phương.

Mười năm qua đã có hơn 14 000 lượt CNVCLĐ được Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam tặng bằng khen và huy hiệu lao động sáng tạo với tổng số gần 600 000 sáng kiến, cải tiến có giá trị kinh tế - xã hội, làm lợi và tiết kiệm gần 1 570,3 tỉ đồng. Nhiều công đoàn ngành trung ương, Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố tổ chức chỉ đạo phong trào lao động sáng tạo đạt kết quả như : Công đoàn công nghiệp, bưu điện, giao thông - vận tải, xây dựng, nông nghiệp và phát triển nông thôn, Liên đoàn lao động Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Quảng Ninh. Riêng ở tỉnh Nghệ An, 10 năm qua đã có 20 000 sáng kiến, 61 đề tài khoa học, làm lợi trên 20 tỉ đồng ; ở tỉnh Thái Nguyên có 10 200 sáng kiến, làm lợi 39,5 tỉ đồng v.v.

Những năm gần đây, phong trào liên kết phục vụ nông nghiệp đã động viên được cán bộ, CNVC tích cực nghiên cứu, đề xuất với Đảng, Nhà nước ban hành những chủ trương, chính sách khuyến khích phát triển khoa học, công nghệ, áp dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất nông nghiệp. Đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, CNVC trong các cơ quan nghiên cứu đã tập trung nghiên cứu các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao ; đưa tiến bộ kỹ thuật, công nghệ sản xuất, biện pháp thâm canh tiên tiến vào sản xuất mang lại hiệu quả thiết thực. Qua phong trào đã góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thay đổi tập quán canh tác, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển dịch phân công lao động theo hướng tích cực, tăng năng suất, sản lượng lương thực, nâng cao đời sống nông dân, làm cho nông thôn ngày càng đổi mới.

Trước yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phong trào "bảo đảm an toàn vệ sinh lao động" đã phát triển về nội dung, trở thành phong trào "xanh, sạch, đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động". Phong trào đã lôi cuốn đông đảo CNVCLĐ tích cực học tập, nâng cao hiểu biết về pháp luật bảo hộ lao động, nắm vững và thực hiện nghiêm quy trình sản xuất, quy phạm an toàn, phòng chống cháy, nổ, vệ sinh công nghiệp. Phong trào phát huy sáng kiến, nghiên cứu khoa học bảo hộ lao động đã được các cán bộ khoa học, kỹ thuật, CNVCLĐ tham gia tích cực. Việc tổ chức tuần lễ an toàn vệ sinh lao động đã được các cấp công đoàn phối hợp chặt chẽ với chính quyền, duy trì thường xuyên, đã thu hút hàng triệu người tham gia. Qua tổng kết năm 1999, hầu hết Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố và công đoàn ngành toàn quốc tổ chức tốt phong trào. Gần 120 nghìn công nhân, lao động đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh (ATVS), trên 70% cơ sở tổ chức thi ATVS giỏi ; 158 cá nhân đạt tiêu chuẩn ATVS giỏi toàn quốc. Phong trào đã góp phần cải thiện điều kiện làm việc, vệ sinh môi trường, giảm nguy cơ tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

Phong trào "giỏi việc nước, đảm việc nhà" trong nữ CNVCLĐ với các nội dung như : "Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình" ; "nuôi con khỏe, dạy con ngoan" ; "Dân số - kế hoạch hóa gia đình" mang lại nhiều hiệu quả thiết thực. Trong 5 năm qua, 100 tập thể và cá nhân được Chính phủ tặng bằng khen, 20 tập thể được Tổng Liên đoàn tặng cờ ; hơn 900 nữ CNVCLĐ được tặng bằng khen và huy hiệu lao động sáng tạo ; 10 cá nhân và tập thể nữ CNVCLĐ được tặng giải thưởng Cô-va-lép xkai-a ; 682 000 lượt nữ CNVCLĐ đạt danh hiệu "giỏi việc nước,

Digitized by Google

đảm việc nhà", trong đó có hơn 50 000 nữ đạt danh hiệu "giỏi việc nước, đảm việc nhà" cấp Tổng Liên đoàn. Tỷ lệ sinh con thứ 3 trong nữ CNVCLĐ giảm từ 10,5% (năm 1993) xuống 1,59% (năm 1999). Phong trào nữ CNVCLĐ đóng góp quan trọng vào kết quả các cuộc vận động "xây dựng gia đình văn hóa", "khu tập thể văn minh", "phòng chống các tệ nạn xã hội".

Những năm gần đây, các cuộc thi được tổ chức ngày càng phong phú và thường xuyên nhằm đánh giá chất lượng phong trào từng thời điểm, đồng thời là động lực thúc đẩy mọi người hăng thái thi đua. Từ "luyện tay nghề, thi thợ giỏi", hiện nay đã có rất nhiều cuộc thi với những tên gọi khác nhau như : "bàn tay vàng", "viên phấn vàng", "giáo viên dạy giỏi", "y tá điều dưỡng viên giỏi", "tiếp thị giỏi", "khuyến nông giỏi", "cán bộ công đoàn giỏi", v.v...

Các cuộc vận động gắn liền với các phong trào thi đua không chỉ làm phong phú nội dung, hình thức phong trào mà đã làm thay đổi về chất của phong trào thi đua, trở thành phong trào hành động cách mạng của cả cộng đồng. Điển hình là các cuộc vận động : "kỷ cương, tình thương, trách nhiệm" ; "xây dựng phong cách phục vụ văn minh", "người tốt, việc tốt" ; "tiết kiệm vì phụ nữ nghèo", "xóa đói giảm nghèo" ; "đền ơn đáp nghĩa" ; "xây dựng gia đình văn hóa mới" ; "chống tham nhũng" ; "phòng chống các tệ nạn xã hội" v.v.

Bên cạnh những thành tích, kết quả đạt được đáng khích lệ, trong thời gian qua, công tác thi đua - khen thưởng trong CNVCLĐ cũng còn không ít tồn tại và yếu kém :

- Nhìn chung phong trào chưa chuyển kịp với cơ chế mới, chưa tương xứng với tầm vóc của công cuộc đổi mới, chưa sâu rộng, đều khắp, liên tục.

Phong trào mới tập trung ở các khu vực doanh nghiệp nhà nước và khu công nghiệp tập trung. Các doanh nghiệp có khó khăn trong sản xuất, kinh doanh còn lúng túng về nội dung thi đua và kinh phí khen thưởng. Trong các cơ quan hành chính sự nghiệp phong trào chưa rõ nét. Các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chưa nhận thức hết lợi ích của thi đua, số cơ sở này có phong trào còn ít. Một số ngành, địa phương phong trào còn yếu hoặc chưa có phong trào.

- Nhiều nơi phong trào còn mang tính hình thức, không cụ thể hóa nội dung, đối tượng, tiêu chuẩn, chỉ làm khen thưởng mà chưa làm thi đua. Việc tổ chức, phát động và bình xét thi đua ở một số nơi còn biểu hiện chiếu lệ, chủ quan, thiếu dân chủ, chưa công khai.

- Phong trào CNVCLĐ tham gia chống lãng phí, chống tham nhũng kết quả còn hạn chế. Số công đoàn cơ sở có hoạt động tự kiểm tra và số Ban thanh tra nhân dân có hoạt động chiếm tỷ lệ thấp, ít cơ sở hoạt động có hiệu quả. Những vụ việc tham ô, tham nhũng mà CNVC phát hiện, tố giác, thường có giá trị không lớn. Tệ lãng phí, tham nhũng vẫn có chiều hướng phát triển. Công tác giáo dục, vận động, giám sát của Công đoàn chưa hiệu quả. Nhiều cán bộ, công chức liên kết với những người làm ăn phi pháp, lợi dụng những sơ hở trong quản lý để bòn rút tài sản, tiền bạc của nhà nước và của nhân dân. Trong các khâu đầu tư vốn, mua sắm thiết bị, vật tư, làm dự án, lập dự toán, xây dựng cơ bản... gây nhiều lãng phí và tiêu cực song Công đoàn chưa có biện pháp tham gia có hiệu quả để ngăn chặn và đẩy lùi.

- Chính sách về thi đua, công tác chỉ đạo, hướng dẫn thi đua chậm đổi mới, các danh hiệu thi đua chưa thống nhất. Việc sơ kết, tổng kết, xét duyệt khen thưởng còn chậm, chưa có động lực thúc đẩy thi đua mạnh mẽ, mức thưởng còn thấp. Việc khen thưởng thi đua chưa gắn với nâng lương, đào tạo và các khuyến khích về tinh thần nên chưa tạo được động lực thúc đẩy phong trào. Quy định mức thưởng của tổ chức Công đoàn chưa thống nhất và chưa tương xứng với mức thưởng của chính quyền. Quy định mức làm lợi để xét thưởng lao động sáng tạo chưa phù hợp cho từng đối tượng, hướng dẫn phương pháp xác định giá trị làm lợi chưa cụ thể, nhất là lĩnh vực quản lý, văn hóa, xã hội, cho nên chưa khuyến khích các đối tượng khác tham gia hưởng ứng phong trào thi đua.

- Chưa quan tâm bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng, thiếu đôn đốc, kiểm tra, tổng kết, đánh giá phong trào. Việc phát hiện nhân tố mới, khuyến khích và nhân điển hình tiên tiến chưa thực hiện tốt.

*

Chúng ta đang tiến vào thế kỷ XXI với những biến đổi to lớn và sâu sắc. Đó là thế kỷ mà khoa học và công nghệ sẽ có những bước nhảy vọt chưa từng có. Nền kinh tế tri thức và xã hội thông tin sẽ chiếm vị trí ngày càng lớn trong quá trình phát triển. Quá trình hội nhập quốc tế đang đặt ra cho chúng ta nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn, thách thức. Do vậy, thi đua, khen thưởng trong giai đoạn mới có nhiệm vụ hết sức quan trọng. Các phong trào thi đua phải hướng vào tranh thủ, tận dụng mọi thời cơ, phát huy mạnh mẽ nội lực, khắc phục và vượt qua mọi thách thức để sẵn sàng và chủ động hội nhập quốc tế và khu vực. Để các phong trào thi đua trong thời gian tới phát triển một bước mới, tương xứng và ngang tầm với công cuộc đổi mới, đáp ứng nhu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, các cấp công đoàn cần tập trung triển khai tốt các phong trào sau :

1 - Phong trào thi đua lao động giỏi với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

Tùy theo đặc điểm của mỗi ngành, địa phương, doanh nghiệp, phong trào tập trung hướng vào việc phấn

Digitized by Google

đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, văn hóa, xã hội của ngành, địa phương, doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị mình. Trong các doanh nghiệp, vận động CNVCLĐ thi đua tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, cải tiến mẫu mã, nhãn mác, hoàn thành đúng thời gian, đáp ứng yêu cầu thị trường và mở rộng thị trường, từng bước giảm dần sự bảo hộ của nhà nước, vững vàng hội nhập quốc tế và khu vực. Động viên, khuyến khích CNVCLĐ hưởng ứng phong trào đảm nhận công trình, sản phẩm, việc khó phấn đấu nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Những doanh nghiệp đang gặp khó khăn nên hướng phong trào vào phát huy trí tuệ quần chúng tham gia tháo gỡ những khó khăn, ách tắc trong sản xuất, kinh doanh để duy trì, phát triển sản xuất, ổn định việc làm và đời sống, thu nhập của người lao động. Giáo dục, vận động CNVCLĐ rèn luyện tác phong công nghiệp, nắm vững và thực hiện nghiêm kỷ luật lao động, quy trình sản xuất, quy trình vận hành, quy phạm an toàn, tăng cường tổ chức và hoạt động mạng lưới an toàn, vệ sinh lao động.

Động viên cán bộ khoa học, kỹ thuật, công nhân lao động thi đua lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất. Hướng phong trào vào giải quyết những khó khăn của cơ sở, tìm giải pháp tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng vật tư, năng lượng, thay thế vật tư nhập ngoại bằng vật tư trong nước. Tận dụng phế liệu để sản xuất ra sản phẩm hữu ích ; cải tiến công cụ, sử dụng triệt để tính năng, công suất máy móc thiết bị, tìm các giải pháp giảm tính chất nặng nhọc, độc hại, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động. Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật, công nghệ tiên tiến phù hợp vào sản xuất. Trong các trường học, bệnh viện, cơ quan nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng các phong trào thi đua "dạy tốt, học tốt", "giỏi việc trường, đảm việc nhà", "lao động giỏi". Trong các đơn vị sự nghiệp, cơ quan hành chính, tổ chức xã hội, động viên cán bộ, công chức, viên chức thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Phong trào lao động sáng tạo hướng vào phát huy trí tuệ để nghiên cứu, tham mưu, đề xuất xây dựng chính sách, các giải pháp cải tiến lề lối làm việc, cải cách thủ tục hành chính. Tích cực thực hiện cuộc vận động xây dựng người cán bộ, công chức, viên chức "trung thành - sáng tạo - tận tụy - gương mẫu".

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, điều kiện cụ thể của ngành, địa phương, cơ sở, công đoàn vận động CNVCLĐ tích cực thi đua liên kết phục vụ phát triển nông nghiệp - nông thôn, đưa nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật về đồng ruộng, xây dựng nông thôn mới theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2 - Phong trào học tập nâng cao trình độ mọi mặt, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, từng bước chủ động tham gia hội nhập khu vực và quốc tế, việc nâng cao chất lượng lao động là yêu cầu tất yếu, đòi hỏi CNVCLĐ phải không ngừng học tập, nâng cao trình độ về mọi mặt nhằm, đáp ứng yêu cầu ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất. Tăng cường học tập lý luận chính trị, truyền thống giai cấp công nhân Việt Nam. Đối với cán bộ, công chức, viên chức phải có kế hoạch học tập thường xuyên. Nội dung học tập trung vào nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, năng lực hoạt động thực tiễn, bồi dưỡng đạo đức cách mạng, từng bước phổ cập đại học và nâng cao tỷ lệ cao học ; nâng cao kiến thức tin học, vi tính, ngoại ngữ ; nắm vững pháp luật, đáp ứng yêu cầu đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Công đoàn cơ sở chủ động đề xuất, phối hợp với lãnh đạo cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp điều tra cơ bản về trình độ tay nghề, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, tuổi đời, phân loại đối tượng để có kế hoạch đào tạo và đào tạo lại. Xác định mục tiêu, nội dung, hình thức học phù hợp. Căn cứ vào quy định của chính sách, pháp luật, điều kiện đơn vị, công đoàn đề xuất và phối hợp vận động, tổ chức cho CNVCLĐ học tập theo các hướng : kèm cặp đào tạo trong quá trình làm việc, khuyến khích tự học.

3 - Thi đua thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, chống lãng phí, chống các tệ nạn xã hội.

Trong sản xuất, kinh doanh tập trung phát động phong trào thi đua trong CNVCLĐ phấn đấu giảm định mức tiêu hao, tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu, năng lượng, giảm tỷ lệ sản phẩm sai hỏng, thu hồi, tái sinh, tận dụng phế liệu làm ra sản phẩm mới, sử dụng hiệu quả năng lực máy móc, thiết bị, thời gian làm việc. Trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp phát động các phong trào thi đua tiết kiệm chi phí hành chính, tiết kiệm vật tư, văn phòng phẩm, điện năng, điện thoại, sử dụng có hiệu quả thiết bị, tài sản cơ quan. Sử dụng, quản lý ngân sách đúng quy định của chế độ tài chính, mang lại hiệu quả thiết thực. Các cấp công đoàn vận động CNVCLĐ tiết kiệm trong tiêu dùng, dành tiền đầu tư vào sản xuất, tạo việc làm, mua cổ phần nơi doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, tham gia mua công trái xây dựng đất nước. Đẩy mạnh phong trào CNVCLĐ bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn với chống tiêu cực, tham nhũng và các tệ nạn xã hội. Động viên CNVCLĐ tích cực đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực, phát hiện, tố giác những hành vi tham ô, tham nhũng. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, quy định về công khai tài chính. Tuyên truyền giáo dục, vận động CNVCLĐ không ngừng rèn luyện lối sống giản dị, lành mạnh, tác phong gương mẫu ; xây dựng gia đình văn hóa mới, vận động mọi người chống các tệ nạn xã hội v.v. ❑

Digitized by Google

Lời BBT : *Tạp chí Cộng sản, số 19 (10-2000) đã giới thiệu Hội thảo quốc tế* **"Việt Nam trong thế kỷ XX"** *tổ chức tại Hà Nội từ ngày 19 đến 21-9-2000. Dưới đây chúng tôi trích đăng các báo cáo của ngài Rô-mét Chan-đra, Chủ tịch danh dự Hội đồng hòa bình thế giới ; của giáo sư, tiến sĩ A-lếch-xăng Li-lốp (đại biểu Bun-ga-ri) và của đồng chí Hê-xút Ai-xê Xô-tô-lông-gô (đại biểu Cu Ba) tại cuộc hội thảo trên. Đầu đề là của Tạp chí Cộng sản.*

VIỆT NAM – HỒ CHÍ MINH – CHIẾN THẮNG

RÔ-MÉT CHAN-ĐRA

Trong nửa sau thế kỷ XX, có một từ đã bắt đầu xuất hiện trong tiếng nói của những người bảo vệ và kiến tạo hòa bình trên thế giới - một từ mà cùng một lúc mang rất nhiều ý nghĩa : *đấu tranh, dũng cảm, anh hùng* ; và nó còn có ý nghĩa là chiến thắng, độc lập, tự do. Từ đó là **Việt Nam**. Và có một cái tên đã luôn gắn liền với từ này - từ chỉ tên của một đất nước. Đó là **Hồ Chí Minh**.

Bác Hồ là một người rất yêu thiếu nhi Việt Nam và thiếu nhi trên khắp thế giới. Người là niềm cảm hứng cho cuộc đấu tranh bất khuất của dân tộc mình, và cũng là nguồn cảm hứng cho tất cả các dân tộc đang đấu tranh cho những điều tốt đẹp nhất của nhân loại.

Đoàn kết với Việt Nam.

Ngay từ lúc mới thành lập, Hội đồng hòa bình thế giới và tất cả những người bảo vệ và kiến tạo hòa bình đã tham gia hoạt động trong các phong trào thành viên tại các nước luôn sát cánh cùng với nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trước quân phiệt Nhật Bản và thực dân Pháp đã dẫn đến sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 2-9-1945. Bản Tuyên ngôn Độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc trong ngày này trước 500 ngàn đồng bào tại quảng trường Ba Đình đã nói lên một cách rõ ràng cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam trong những ngày tháng đó. Bản Tuyên ngôn khẳng định : *"Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và thật sự đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy".*

Những năm kháng chiến chống Pháp từ 1945 đến 1954 đã chứng kiến sự lớn mạnh của cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam giải quyết những vấn đề mới nảy sinh. Ngày 3-9-1945 trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau Cách mạng Tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra 6 nhiệm vụ cấp bách : phát động sản xuất, thanh toán nạn đói, bắt đầu một chiến dịch giúp đỡ thóc gạo cho người nghèo ; phát động phong trào xóa nạn mù chữ ; tổ chức càng sớm càng tốt Tổng tuyển cử với hệ thống phổ thông đầu phiếu, chuẩn bị một hiến pháp dân chủ ; phát động phong trào học tập tác phong công nghiệp, cần kiệm, trung thực, thẳng thắn, xóa bỏ những thói quen xấu còn lại từ thời thực dân, bỏ thuế thân, thuế chợ, lệ phí cầu phà ; cấm hút thuốc phiện ; ban hành luật tự do tín ngưỡng và đoàn kết giữa đạo Thiên chúa và đạo Phật.

Điện Biên Phủ - Chiến thắng lẫy lừng.

Thực dân Pháp đã cố gắng áp đặt một lần nữa sự thống trị của họ nhưng đã thất bại. Điện Biên Phủ đã báo trước sự tiêu diệt hoàn toàn quân đội Pháp. Hồ Chí Minh đã nói về Điện Biên Phủ : *"Chiến thắng to lớn này*

Digitized by Google

thuộc về nhân dân chúng ta, nhưng cũng thuộc về những người đang bị áp bức trên toàn thế giới... tất cả quân xâm lược đế quốc nhất định thất bại, tất cả các cuộc chiến tranh cách mạng nhất định thành công".

Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương kết thúc vào ngày 20-7-1954. Chính phủ Pháp buộc phải đồng ý đình chiến trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia.

Trong khi chính phủ Mỹ hứa tôn trọng Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương, họ đã có những kế hoạch xâm lược và thống trị trên ba nước Đông Dương. Hồ Chí Minh nói trong Thông điệp đặc biệt của mình vào ngày 22-7-1954 *"là những bộ phận của một đất nước, miền Bắc, miền Trung, miền Nam phải được thống nhất, nhân dân cả nước phải được tự do.* Ông bổ sung thêm rằng : *cuộc đấu tranh vì hòa bình, thống nhất, độc lập và dân chủ là một cuộc đấu tranh lâu dài và khó khăn".*

Cuộc đấu tranh của toàn thể nhân dân Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia bây giờ đã chuyển sang chống lại Hoa Kỳ. Trong báo cáo tại Hội nghị toàn thể lần thứ 6 của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh rằng Hoa Kỳ đã vào miền Nam thay thế thực dân Pháp và đã *"thổi lên ngọn lửa của cuộc chiến tranh mới... họ đã trở thành kẻ thù chủ yếu và trực tiếp".*

Nhân dân trên khắp thế giới vui mừng với những thành công của cuộc đấu tranh sáng suốt và gan góc của nhân dân Việt Nam để bảo vệ đất nước mình chống lại cuộc xâm lược của Mỹ giải phóng miền Nam và buộc quân lực Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam.

Cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ bị thất bại.

Sự dã man của quân xâm lược Mỹ - thả bom trải thảm các thành phố, sử dụng bom na-pan giết chóc trẻ em, tàn sát hủy diệt những người nông dân bình thường ở Mỹ Lai và các làng mạc khác, tra tấn và giết hại những người yêu nước miền Nam, sử dụng chất độc màu da cam và các vũ khí hóa học khác chống lại những người dân thường - tất cả những điều này làm cho cả loài người phẫn nộ trong đó có cả những người dân sống trong lòng nước Mỹ.

Hội đồng hòa bình thế giới và những phong trào hòa bình khác đã nắm tay nhau trong những hoạt động đoàn kết, hội nghị, diễu hành ngoài sứ quán Mỹ yêu cầu Mỹ phải chấm dứt xâm lược, ném bom, chiếm đóng.

Ngày càng có nhiều thanh niên, sinh viên Mỹ từ chối phục vụ trong quân đội Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Những cuộc phản đối của quần chúng ở các thành phố nước Mỹ, tại các trường đại học, tại nơi làm việc. Tất cả những điều đó đã góp phần làm thất bại cuộc chiến tranh bạo tàn của Oa-sinh-tơn tại Việt Nam.

Những hình ảnh lính Mỹ và một số đồng minh của Mỹ tháo chạy điên cuồng khỏi Sài Gòn được phát trên truyền hình khắp thế giới vẫn còn in đậm trong tâm trí của các dân tộc đánh dấu thất bại hoàn toàn của một cường quốc hạt nhân mạnh nhất thế giới trước những người dân bất khuất của một đất nước châu Á nhỏ bé.

Nhân dân Việt Nam thống nhất với nhau như vậy nên đã bảo vệ được chủ quyền đất nước mình. Việt Nam, Hồ Chí Minh, chiến thắng ... "Không có gì quý hơn độc lập, tự do".

TẦM QUAN TRỌNG LỊCH SỬ CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

GS, TS A-LÉCH-XĂNG LI-LỐP

Ý nghĩa siêu quốc gia của các cuộc cải cách của các bạn cần được nhận thức không chỉ như một sự đánh giá (thành tựu của các bạn quả là rực rỡ), mà trước hết phải như một nhận thức tầm quan trọng lịch sử của những cải cách này, trách nhiệm đối với thắng lợi cuối cùng của những cuộc cải cách ấy. Nói một cách ngắn gọn, tương lai của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới phụ thuộc ở mức độ quyết định vào

Digitized by Google

những cuộc cải cách của chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc và Việt Nam.

Ý nghĩa siêu quốc gia của các cuộc cải cách này được thể hiện như thế nào ? Tôi muốn hệ thống hóa như sau :

Trên bình diện lý luận - Sẽ phải trả lời cho câu hỏi : chủ nghĩa xã hội có thể cải cách được không ? Hiện nay rất nhiều nhà lý luận phương Tây (cả những người cánh hữu và những người cánh tả) đều đưa ra câu trả lời phủ định. Một số khác, trong đó tôi cho là có. Một trong những trọng tài phù hợp nhất của chân lý là thắng lợi hoặc thất bại của những cải cách ở Trung Quốc và Việt Nam, kết quả của nó và của sau nó.

Trên bình diện lịch sử - Phải tổng kết được kinh nghiệm lịch sử cần thiết và thúc đẩy lực quán tính lịch sử cho sự nghiệp đổi mới và hiện đại hóa chủ nghĩa xã hội với tư cách là một lý thuyết, một hệ tư tưởng và một xã hội hiện thực trong những điều kiện hiện thực mới của thế kỷ XXI. Đây là một công việc to lớn mà tất cả các đảng xã hội chủ nghĩa trên thế giới phải tham gia giải quyết. Nhưng đóng góp của các cuộc cải cách của các bạn sẽ là một điều cực kỳ quan trọng.

Trên bình diện kinh tế - Cuộc cải cách cấp tiến hệ thống kinh tế của chủ nghĩa xã hội, việc tạo ra một nền kinh tế thị trường toàn diện, sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất trên cơ sở của những công nghệ và những thành tựu khoa học cao của thế giới, việc bảo đảm phúc lợi cho tất cả mọi người, sự tham gia với khả năng cạnh tranh cao vào nền kinh tế toàn cầu, là những vấn đề cần giải quyết. Về mặt này, các cuộc cải cách của Trung Quốc và Việt Nam có ý nghĩa quyết định.

Trên bình diện chính trị - Sự kết hợp chủ nghĩa xã hội với dân chủ, việc cải cách dần dần hệ thống chính trị một cách phù hợp với những lý tưởng xã hội chủ nghĩa chung nhưng với nét đặc trưng, lịch sử và hệ giá trị của các nước và các nền văn minh khác nhau.

Trên bình diện địa chiến lược - Thắng lợi của các cuộc cải cách sẽ phục hồi lại ở mức độ lớn ý nghĩa chiến lược của chủ nghĩa xã hội trong sự phát triển thế giới, sẽ mở ra những triển vọng khắc phục cuộc khủng hoảng đang vướng phải, và thúc đẩy việc hình thành một thế giới đa cực và một trật tự thế giới chính nghĩa hơn.

Một vấn đề đặc biệt to lớn là : Cần một khoảng thời gian bao nhiêu để cải cách và xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa đầy đủ giá trị. Sự thất bại của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu đã đặt vấn đề này một cách gay gắt và cấp thiết. Quan niệm trước đây của chúng ta vẫn còn hời hợt, mơ hồ và không được khẳng định. Một xã hội hậu tư bản chủ nghĩa không thể được xây dựng trong vòng vài chục năm, và lại trong những nước vốn lạc hậu về kinh tế trong quá khứ.

Vì vậy tôi cho rằng cả thắng lợi của cải cách, cả việc hiện thực hóa ý nghĩa xuyên quốc gia của cuộc cải cách ấy sẽ đạt được trong một khoảng thời gian cần thiết, chứ không phải trong một thời gian ta mong muốn. Kinh nghiệm thắng lợi của các bạn và kinh nghiệm đau xót của chúng tôi - chỉ ra rằng toàn bộ điều đó sẽ không thể đạt được trước giữa thế kỷ tới, hình thành một xã hội xã hội chủ nghĩa thực sự (autentique) sẽ cần một khoảng thời gian lịch sử dài hơn. Những sự huyễn hoặc và chủ nghĩa duy ý chí sẽ phải trả giá đắt. Nhưng một điều không kém phần quan trọng là sự vận động tới mục tiêu.

Cải cách là cấp thiết. Luận cứ của tôi :

- Xuất phát từ lôgic nội tại của sự phát triển lịch sử. Các xã hội sinh ra không phải trong một thể hình hoàn chỉnh. Chủ nghĩa tư bản thế kỷ XVI, XVII, XVIII hoặc XIX, thậm chí vào nửa đầu thế kỷ XX, hoàn toàn không phải là chủ nghĩa tư bản "văn minh", "được thuần hóa", "nhân dân" hiện đại. Nó đã trải qua những cuộc cải cách nghiêm túc và các giai đoạn (phases) phát triển. Chủ nghĩa xã hội cũng không phải là trường hợp ngoại lệ của lôgic lịch sử này.

- Chủ nghĩa xã hội Xô viết và Đông Âu vẫn chỉ ở vào thời thơ ấu : với 70 năm và 45 năm. Bên cạnh đó, nó thắng lợi ở những nước tư bản chủ nghĩa kém phát triển. Chủ nghĩa xã hội chưa được phát triển một cách "tự nó" và phát triển "vì chúng ta".

- Chủ nghĩa xã hội đã bứt ra khỏi giai đoạn ấu trĩ sơ kỳ của mình, đã khắc phục được sự lạc hậu của các nước mà nó thắng lợi ở đó. Nó đã cần được phát triển trong những điều kiện của những nước phát triển trung bình. Điều đó tự nó đòi hỏi phải cải cách.

- Trên thế giới đã diễn ra những thành tựu to lớn của khoa học và công nghệ. Cuộc cách mạng hậu công nghiệp tạo ra khả năng cho những cải cách cấp tiến trong sự phát triển của lực lượng sản xuất. Nền

Digitized by Google

kinh tế thế giới bắt đầu được toàn cầu hóa. Những vấn đề môi trường có ý nghĩa sống còn. Không cải cách sẽ không thể tồn tại, và vượt lên trên chủ nghĩa tư bản.

- Cần phải mở cửa với thế giới đang toàn cầu hóa. Cần xuất hiện trên diễn đàn kinh tế, công nghệ, thông tin thế giới to lớn. Hệ thống kinh tế và chính trị của mô hình xã hội chủ nghĩa Xô viết, trong những điều kiện mới đã chỉ ra những sai sót nặng nề. Bản thân chủ nghĩa xã hội Xô viết cũng có nhu cầu cải cách. Đã tích tụ lại những vấn đề kinh tế, xã hội, chính trị to lớn. Việc giải quyết chúng là không thể trì hoãn. Bản thân sự sao chụp lại mô hình Xô viết với tư cách là một chiến lược phát triển đã chỉ rõ ra sai lầm có tính nguyên tắc. Cần phải có một cộng đồng xã hội chủ nghĩa kiểu mới - chủ nghĩa xã hội thế giới đa dạng.

- Việc cải cách chủ nghĩa xã hội đã bị muộn. Thời gian thích hợp nhất là vào những năm 60. Lúc đó, cả các nước tư bản chủ nghĩa cũng đã tự mình làm phù hợp (adapter) với những công nghệ mới. Việc bỏ qua cải cách chủ nghĩa xã hội hiện thực vào những năm 60 là một sai lầm lịch sử. Mặc dù vậy, sự muộn màng này không có tính quyết định về mặt lịch sử. Điều có ý nghĩa quyết định đối với chủ nghĩa xã hội Xô viết và Đông Âu là sự thất bại, nói đúng hơn là sự phá sản của "Cải tổ".

Những suy nghĩ của tôi về vấn đề "Tại sao cải tổ thất bại ?" có thể được hệ thống hóa theo những hướng sau :

- Cải tổ thiếu một chiến lược tích cực được tính toán sâu sắc. Đã có sự phê phán đối với "sự trì trệ" nhưng lại không có sự rõ ràng những mục tiêu nào được đặt ra, chúng được thực hiện theo sự nhất quán nào, trong thời gian nào, bằng nguồn tài nguyên nào, trong những điều kiện nào. Không có một chiến lược tích cực về mặt nhà nước, đảng, tư tưởng, kinh tế, chính trị. Không phải khẩu hiệu, mà là chiến lược. Bởi vậy, sau đó đã nảy sinh ra những hiện tượng nguy hiểm như luống cuống, hỗn độn, mất ổn định của nhà nước và xã hội, sự ngắt quãng kinh tế, sự xuống dốc của mức sống, khoảng trống cho những lực lượng phục hồi.

- Nhận thức hời hợt về thời gian cần thiết cho việc cải cách chủ nghĩa xã hội. Năm 1987, Goóc-ba-trốp yêu cầu nhân dân mình 2 năm chịu đựng. Dự án kinh tế phổ biến nhất được gọi là dự án "500 ngày". Chỉ để so sánh, tôi sẽ dẫn ra rằng Đặng Tiểu Bình cần một thế kỷ cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội Trung Quốc. Rõ ràng là cải tổ tự nhận thức mình như một sự chữa trị ngắn hạn chứ không phải như một quá trình lịch sử phức tạp. Điều này dẫn đến sự bất lực trong việc giải quyết một cách thắng lợi những nhiệm vụ to lớn về kinh tế, công nghệ, xã hội, chính trị và văn hóa của công cuộc hiện đại hóa chủ nghĩa xã hội hiện thực.

- Đánh giá quá cao trình độ phát triển của chủ nghĩa xã hội và hạ thấp khả năng phục hồi. Việc hạ thấp yếu tố ổn định chính trị với tư cách là điều kiện để cải cách thắng lợi có những hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

- Không có một hệ tư tưởng nghiêm túc cho "cải tổ". Cải tổ không sinh ra những tư tưởng mới. Nó không tạo ra những nhà lý luận lớn. Khoảng trống về tư tưởng, đạo đức và tinh thần là một trong những chỗ yếu nhất của cải tổ.

- Cải tổ không đưa ra được những chính trị gia và những nhà hoạt động nhà nước ở tầm lịch sử, không tạo ra những nhân vật lịch sử lớn. Ở đây, tôi không muốn đưa ra những đánh giá cá nhân, nhưng sự thiếu hụt (déficit) thủ lĩnh là một trong những nguyên nhân quan trọng nhất của sự thất bại của cải tổ. Rõ ràng việc cải cách chủ nghĩa xã hội là không thể, nếu thiếu hai yếu tố chủ thể quan trọng : các đảng phái chính trị cánh tả đã được cải cách thắng lợi hoặc đang trong quá trình cải cách và những người thủ lĩnh chính trị, những nhà lý luận cỡ lớn.

- Cuối cùng, nhưng không phải về mặt ý nghĩa - "cải tổ" bị thất bại với sự tham gia trực tiếp và cả về mặt chiến lược của phương Tây, trước hết là của Mỹ. Chiến lược của phương Tây là : bóp nghẹt về kinh tế và cô lập về công nghệ ; chiến thuật của phương Tây là : gò ép (gorbimania) + bao vây về công nghệ và đầu tư + những chương trình đặc biệt của CIA + gây rối loạn và phân rã. Hiện nay, ở phương Tây đã xuất bản một khối lượng lớn sách báo tài liệu và hồi ký, ở đó không hề thiếu thông tin về những vấn đề này.

Và như vậy, theo luận thuyết của tôi, cải tổ bị thất bại không phải bởi không cần cải cách chủ nghĩa xã hội, hoặc không thể cải cách được, và cũng không phải cải cách quá muộn màng, mà vì "cải tổ" quá yếu ớt với tư cách là một chiến lược, một chính sách và một cẩm nang chỉ dẫn quá trình cải cách. Sự thất bại của cải tổ không phải được định trước về mặt nguyên tắc hoặc về mặt lịch sử, nó diễn ra một cách cụ thể trên thực tế.

Digitized by Google

ĐỔI MỚI CỦA VIỆT NAM – MỘT TIẾN TRÌNH CÓ TÍNH SÁNG TẠO

HÊ-XÚT AI-XÊ XÔ-TÔ-LÔNG-GÔ

1- *Chuyển đổi từ kém phát triển lên chủ nghĩa xã hội.*

Điểm lại công cuộc đổi mới của Việt Nam từ một cái nhìn bên ngoài, tránh thành kiến và với phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chúng tôi nhận thấy rằng đây là một tiến trình có tính sáng tạo dựa vào cơ sở lý thuyết nói trên và được điều chỉnh theo các đặc trưng dân tộc. Mặc dù kẻ thù cố nhấn mạnh rằng nền tảng lý thuyết của chủ nghĩa xã hội là những phương cách cổ lỗ, không đứng vững, phải được thay bằng chủ nghĩa tư bản, song tôi nghĩ điều quan trọng và cần phải ghi nhớ những điểm trọng yếu để đạt được một sự phân tích khách quan tiến trình đổi mới. Đó là :

Lịch sử các dân tộc đã từng có những cuộc cách mạng chính trị thắng lợi cho thấy sự phát triển lực lượng sản xuất và xã hội hóa sản xuất không phải là điểm xuất phát của việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, vốn loại bỏ các quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Nói một cách khác là, các dân tộc phát triển cao không hề trải qua bước chuyển đổi sang xã hội chủ nghĩa - nhưng lại có những nguyên nhân khác làm khởi phát các cuộc cách mạng chính trị - do sự phát triển không đầy đủ của giai đoạn khởi đầu việc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong trường hợp của Nga, chính sách kinh tế mới được ra đời khi V.I. Lê-nin nói rõ sự phát triển không đầy đủ của lực lượng sản xuất trong đất nước, và ra sức làm tương hợp lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất. Rõ ràng là thông qua một chính sách kinh tế mà các quy luật thị trường, kiểm soát của nhà nước và thanh toán tài chính được lấy làm nền tảng.

Tôi tán thành ý kiến cho rằng : *Theo quy luật tương ứng giữa quan hệ sản xuất, các đặc trưng và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, thì tiến trình biến đổi xã hội chủ nghĩa phải có những bước đi và những con đường thích hợp. Kinh nghiệm đã dạy rằng lực lượng sản xuất không chỉ bị ngưng trệ do gián đoạn của quan hệ sản xuất, mà còn do thiếu đồng bộ giữa quan hệ và những yếu tố khác vượt ra ngoài sự phát triển của lực lượng sản xuất. Thực tiễn đất nước Việt Nam đòi hỏi phải lưu tâm đến các con đường kinh tế tức thời và quá độ để tiến lên từ trình độ thấp đến các trình độ cao, từ những con đường nhỏ đến những con đường quan trọng.*

2 - Những nguyên nhân quyết định.

Tiến trình đổi mới tập trung vào : từ bỏ sự thay đổi hấp tấp các kiểu cách sản xuất khác nhau, để đưa chúng vào thành những cơ cấu hợp tác và nhà nước quản lý. Từ bỏ nỗi ám ảnh sợ hãi thị trường và sự hiểu biết chủ quan đã làm biến đổi việc kế hoạch hóa kinh tế thành một thứ tập trung quan liêu của việc bao cấp phổ quát.

Hơn nữa, buộc các yếu tố kinh tế của sự phát triển hạn chế (cách quản lý cá nhân hoặc quản lý nhỏ) phải chuyển thành yếu tố do nhà nước quản lý là không gạt bỏ chúng được, mà làm cho chúng trở thành bất hợp pháp, và như vậy là khuyến khích chợ đen. Thật vậy, làm như thế để gạt bỏ con đường của tư bản tư nhân mà không lưu tâm đến khả năng đóng góp của chúng vào sự phát triển của đất nước. Cũng như vậy, tiến trình này đã cản đường nhiều dạng hình của chủ nghĩa tư bản nhà nước (vốn chung, hợp đồng cho thuê từng phần hoặc toàn bộ, v.v..) vốn có thể được sử dụng trong thời kỳ chuyển đổi lên hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Từ khi thống nhất đất nước năm 1975, một chính sách kinh tế tập trung thực sự, bao cấp rộng rãi, xã hội hóa bằng bất cứ giá nào và ưu tiên đầu tư cho công nghiệp nặng, đã tác động lên Việt Nam. Về mặt này, điều quan trọng cần phải nói là : Việt Nam một nước kém phát triển với hơn 80% dân số sống ở nông thôn, cơ sở hạ tầng hầu hết đã bị hủy hoại do những thời kỳ chiến tranh lâu dài.

Việt Nam thừa nhận những hoạt động đó đã tác động tiêu cực lên đất nước, bởi vì những yếu tố vừa

Digitized by Google

nêu trên đã làm phát triển chủ nghĩa gia trưởng và làm thui chột sáng kiến. Cũng như vậy, những khác biệt về đóng góp cho sự thịnh vượng dân tộc không được lưu tâm đến, làm tăng tính ỳ và tính thụ động của xã hội lên. Điều quan trọng là cơ cấu quốc tế đã tác động như một chất xúc tác cho tiến trình cải cách vốn đã được thực hiện về mặt khái niệm vào năm 1986 ; vậy là quyết định đổi mới được khởi sự.

Nội dung đổi mới mà Đảng và Chính phủ Việt Nam đề ra bao gồm :

- Thừa nhận mọi phương thức sở hữu bình đẳng về luật pháp và kinh tế.

- Gạt bỏ chế độ tập trung quan liêu và quan điểm chủ quan của nó.

- Xây dựng một nền kinh tế đa thành phần vận hành phù hợp với cơ chế thị trường dưới sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Đa dạng hóa các quan hệ kinh tế đối ngoại.

- Củng cố dân chủ xã hội chủ nghĩa trên mỗi lĩnh vực.

Để đạt được những điều đó cần thiết phải làm cho các khái niệm cơ bản thích ứng lại với đặc trưng dân tộc và với quy luật khách quan phát triển xã hội. Những khái niệm quan trọng nhất là :

a) Đổi mới là thể hiện sự chuyển đổi sang chủ nghĩa xã hội từ những điều kiện kém phát triển. Hệ quả là, xã hội Việt Nam hiện thời đang trải qua "giai đoạn khởi đầu của thời kỳ quá độ sang chủ nghĩa xã hội".

b) Phải nhìn thẳng vào sự thật là các cơ cấu kinh tế - xã hội khác nhau cùng tồn tại đã làm cho việc thể hiện một thái độ mới đối với việc sử dụng và biến đổi các cơ cấu nói trên sao cho việc xây dựng từng bước và tiếp tục củng cố vững chắc các quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được hoàn thành là có tính khả thi. Do đó, nền kinh tế phải được kết cấu với sự lưu tâm đến tính đa dạng đặc biệt của nó.

c) Trong bối cảnh này, cơ chế kinh tế thừa nhận sự tồn tại khách quan của các quan hệ tiền - thị trường. Quan hệ này làm cho việc trao đổi tương đương giữa các yếu tố khác nhau của cơ cấu kinh tế đa thành phần, quan hệ sản xuất - nhu cầu, quan hệ phí tổn - lợi nhuận và tự trang trải trở thành khả thi. Các quan hệ này là một trong những công cụ quan trọng nhất để lập kế hoạch quốc gia, vùng lãnh thổ và khu vực cũng như để kiểm soát kinh tế vĩ mô và vi mô.

d) Mở rộng sự tham gia của đất nước vào sự phân công lao động quốc tế, và đẩy mạnh các quan hệ kinh tế đối ngoại, quan hệ tài chính và khoa học - kỹ thuật.

Trong gần 15 năm thực hiện đổi mới, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã trở thành một trong những nền kinh tế năng động của thế giới, đã đưa mức sống tăng lên vững vàng. Cũng như vậy, đất nước đang có những bước đi vững chắc trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

3 - Thành phần kinh tế, thị trường, nhà nước và định hướng xã hội chủ nghĩa.

Về mặt lịch sử, công cuộc đổi mới của Việt Nam đã cải tiến về khái niệm và cách quản lý của Đảng và Nhà nước, cả một tiến trình phức hợp và khác biệt về kinh tế - xã hội và chính trị mà đất nước đang trải qua. Từ đó, ta có thể thấy bước tiến triển của khái niệm : kinh tế đa thành phần vận hành phù hợp với cơ chế thị trường dưới sự quản lý của Nhà nước và theo định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm để xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ.

Đại hội lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh đến 5 thành phần kinh tế : nhà nước, hợp tác xã (nông nghiệp cỡ nhỏ hoặc thủ công, tín dụng, thương mại), cá thể, tư bản tư nhân và tư bản nhà nước. Những thành phần đó được xác lập theo nhiều cách và trong những lĩnh vực khác nhau.

Đứng trước quan điểm tân tự do đang ưu trội về "thị trường hoàn hảo", chúng tôi đồng ý với quan niệm của Việt Nam. Đây không phải là một thuộc tính riêng của chủ nghĩa tư bản, mà xuất hiện như là kết quả của sự phát triển của nhân loại và phải được nhà nước kiểm soát để mở rộng các tác động tích cực và hạn chế tác động tiêu cực. Nhà nước sở hữu các phương tiện sản xuất chính và kiểm soát có quyết định các hoạt động của đất nước. Việc chuyển từ cái gọi là "quá độ quan liêu" sang kế hoạch hóa có định hướng và điều tiết ở bậc vĩ mô và vi mô đã làm cho những việc sau đây có tính khả thi :

a) Tạo cho các xí nghiệp, doanh nghiệp và các thiết chế kinh doanh khác được quyền tự trị về tài chính. Thông qua cách này, sẽ mở đường cho việc loại bỏ dần bao cấp tài chính phổ quát. Điều này là đặc trưng cho thời kỳ trước đổi mới ;

b) Giữ được quyền lực của các thiết chế trung ương thông qua các phương pháp kinh tế và các chính sách kinh tế vĩ mô áp dụng có hiệu quả, gắn với các nhu cầu cần thiết chung và ưu tiên của đất nước ;

c) Tạo được một không khí thuận lợi để tăng cường tính hiệu quả kinh tế quốc gia. Nó sẽ tạo cho quỹ dự trữ trung ương của chính phủ được nuôi dưỡng bằng

Digitized by Google

những nguồn lợi tài chính to lớn thông qua thuế để phục vụ cho các công trình quốc gia ;

d) Kiểm soát được lạm phát thông qua các chính sách tài chính và tiền tệ khác nhau. Điều quan trọng cần phải nói là Dự trữ quốc gia, Ngân hàng nhà nước Việt Nam (Ngân hàng trung ương) cùng với những Ngân hàng thương mại khác đóng một vai trò quyết định trong việc bình ổn tương đối giá cả và tiền tệ quốc gia ;

e) Huy động được nguồn tài chính của dân chúng qua nhiều cách khác nhau (lãi suất, công trái kho bạc, quỹ tập thể của thôn làng, bảo hiểm, công ty, v.v..) ;

f) Kiểm soát và thúc đẩy được các quan hệ thương mại đối ngoại thông qua các giấy phép xuất nhập khẩu ngay cả khi nhà nước không nắm được trong tay độc quyền thương nghiệp đối ngoại ;

g) Nhà nước vẫn còn là nhà nước toàn dân thông qua các chính sách kinh tế hướng về lợi ích và khả năng của mọi tầng lớp xã hội, khuyến khích được các thành phần kinh tế và nâng cao được mức sống của những khu vực nghèo nhất ;

h) Đẩy mạnh được đầu tư của nước ngoài bằng sự lưu tâm đến không khí kinh tế - luật pháp thuận lợi cho vốn và công nghệ nhập vào, kiểm soát được loại đầu tư đó và bảo vệ được quyền lợi người lao động và nguồn tài nguyên.

Định hướng xã hội chủ nghĩa của tiến trình đổi mới là một sự kiện hiện thực ngay cả khi các quan điểm cũ dựng lên cái tiến trình đổi mới chống lại thị trường, đặt vấn đề nghi vấn sự song song tồn tại của đổi mới và thị trường trong một thể thống nhất biện chứng. Tôi nghĩ đây là một tiến trình có thể tính bằng định lượng, cơ bản là do hiệu quả xã hội chung đã tạo ra sự tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Việt Nam đang ở trong giai đoạn khởi đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Điều đó có nghĩa là hướng đến giai đoạn này của sự phát triển xã hội loài người. Đây không phải là một lời tuyên bố suông về mục đích của Đảng, mà là một sự thừa nhận sự phát triển không đầy đủ của đất nước và sự cần thiết phải có nhiều cuộc chinh phục về kỹ thuật có tổ chức nhằm vượt qua chủ nghĩa tư bản trong mọi lĩnh vực.

Tuy nhiên chủ nghĩa xã hội là một khái niệm đòi hỏi phải có một quan điểm về ý thức hệ. Do đó, tiến trình đổi mới là dựa trên cơ sở học thuyết Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Thành phần kinh tế, thị trường, nhà nước và chủ nghĩa xã hội là nền tảng của tiến trình đổi mới kinh tế.❑

GIẢI PHÁP...

(Tiếp theo trang 49)

thoại... Cùng với việc thực hiện và đưa vào sử dụng nhanh các công trình thoát lũ, hệ thống thủy nông, cần triển khai những dự án khả thi để nhân dân có thể sống chung với lũ. Chú trọng ứng dụng khoa học, công nghệ vào công tác phòng ngừa lũ lụt ; xác định cơ cấu sản xuất nông nghiệp như : giống cây trồng, vật nuôi mới ; phát triển công nghệ sau thu hoạch như sấy lúa, xay xát, bảo quản và chế biến nông sản phẩm. Tăng cường cán bộ khoa học công nghệ cho ĐBSCL. Có chính sách thỏa đáng để họ tận tụy và say mê cống hiến cùng với người dân vùng lũ.

Năm là : Các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương cần phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể để nắm chắc tình hình cuộc sống của nhân dân trong vùng ngập lũ, cứu trợ kịp thời những người gặp khó khăn, nhất là các gia đình chính sách và các gia đình phải di dời, bảo đảm không ai phải chịu cảnh đói rét, thiếu ăn, ở và thuốc chữa bệnh. Ngành khí tượng thủy văn theo dõi chặt chẽ diễn biến của lũ lụt và các dạng thiên tai khác để cảnh báo, thông báo kịp thời cho các địa phương chủ động đối phó. Các ngành y tế, giáo dục, xây dựng, khoa học, công nghệ, môi trường... chuẩn bị đầy đủ thuốc men, sách vở, giống cây trồng, vật nuôi và các loại vật tư, phương tiện kỹ thuật, để khi lũ rút, nhanh chóng khôi phục đời sống, sản xuất và các hoạt động kinh tế - xã hội ở vùng ngập lụt, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do lũ gây ra.

Đồng bằng sông Cửu Long vốn được thiên nhiên ưu đãi, được coi là vựa lúa với khối lượng lương thực hàng hóa cao nhất cả nước. Tuy nhiên, ĐBSCL cũng thường bị lũ lụt hoành hành dữ dội làm thiệt hại to lớn về người và của. Đồng bào cả nước, các ngành, các cấp đã và đang sát cánh cùng các địa phương và từng gia đình trong vùng lũ lụt tìm ra giải pháp, chủ động đối phó và chiến thắng thiên tai, nhanh chóng khắc phục hậu quả, ổn định đời sống. ❑

Digitized by Google

PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN

TRẦN QUANG NHIẾP

Đoàn kết là một truyền thống quý báu tạo nên sức mạnh to lớn để dân tộc ta vượt qua mọi khó khăn thử thách, chiến thắng mọi kẻ thù.

Kế thừa truyền thống đó, Đảng ta luôn giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân, coi đó là đường lối chiến lược cơ bản, lâu dài. Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng coi đây là nguồn sức mạnh và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân là sức mạnh vật chất, tinh thần của các tầng lớp, các thế hệ nhân dân được nhận thức và tổ chức lại, trên cơ sở giác ngộ sâu sắc về sự thống nhất giữa quyền lợi và nghĩa vụ của cá nhân với cộng đồng ; bộ phận với toàn thể ; quá khứ với hiện tại và tương lai.

Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân bắt nguồn và gắn liền với thực tiễn lịch sử cuộc sống xã hội của con người. Nguồn lực ấy được tiếp nối, phát huy bởi những giá trị truyền thống tốt đẹp, cùng với sự tự ý thức của mỗi người, chủ động góp chung công sức, trí tuệ vì sự nghiệp lớn lao của cộng đồng quốc gia dân tộc. Việt Nam ngoài những cái chung, có lịch sử phát triển khác với nhiều nước trên thế giới. Đây là quốc gia có bề dày lịch sử mấy ngàn năm, nhân dân sống bằng nghề trồng lúa nước, luôn luôn bị thiên tai hạn úng, bão lụt đe dọa, lại liên tục phải đương đầu chống trả sự xâm lăng của nhiều thế lực từ bên ngoài, nên từ ngàn đời nay các thế hệ tổ tiên, cha ông chúng ta luôn đoàn kết để chống chọi với thiên tai, địch họa, bảo vệ cuộc sống yên lành.

Từ thời Hùng Vương, thời đại mở đầu lịch sử dân tộc Việt Nam cách đây mấy ngàn năm, tổ tiên ta đã đoàn kết một lòng, kiên cường anh dũng cùng nhau gây dựng nên quốc gia độc lập có chủ quyền đầu tiên. Tiếp đó, các triều đại phong kiến phương Bắc, các lực lượng xâm lăng từ bên ngoài liên tiếp xâm lược, đô hộ nước ta, nhưng chúng đều không khuất phục được ý chí độc lập tự chủ của dân tộc Việt Nam và cuối cùng bị nhân dân ta quét sạch. Thực tiễn lịch sử chứng minh hùng hồn sức mạnh đại đoàn kết toàn dân đã đánh tan những thế lực xâm lược dù tàn bạo đến đâu. Đó là sức mạnh toàn dân nổi dậy trong cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, sức mạnh bảo vệ chủ quyền dân tộc trong bài thơ thần "Nam quốc sơn hà", sức mạnh của tinh thần Hội nghị Diên Hồng và hào khí Đông A ; sức mạnh của "tướng sĩ một lòng phụ tử", sức mạnh của ý chí "không có gì quý hơn độc lập, tự do" cùng đồng tâm, đồng chí, đồng lòng đánh giặc đến cùng để giữ trọn non sông gấm vóc.

Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân bắt nguồn từ lòng yêu nước, tự cường, tự chủ, đã tạo nên những giá trị tinh túy mang đậm bản sắc Việt Nam, hình thành truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc. Như Bác Hồ đã chỉ rõ, nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn, mỗi khi đất nước bị xâm lăng thì truyền thống quý báu ấy lại kết thành sức mạnh nhấn chìm bọn cướp nước và bè lũ bán nước. Sức mạnh đó được nhân lên từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Suốt 70 năm qua, được dẫn dắt bởi chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa truyền thống quý báu của dân tộc, Đảng ta đã phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, lãnh đạo nhân dân ta giành những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại. Mới chỉ 15 tuổi với 5 000 đảng viên, Đảng đã lãnh đạo nhân dân làm Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa - nhà nước công nông đầu tiên ở Đông - Nam Á. Để phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, Chính phủ lâm thời do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu đã tập hợp những nhân sĩ trí thức, cán bộ cách mạng tiêu biểu của các tầng lớp, các giai cấp, các dân tộc, các tôn giáo, các lực lượng khi đó. Người còn lãnh đạo Đảng ta thành lập *Mặt trận dân tộc thống nhất*. Bác kêu gọi : "Từ Nam đến Bắc, ai là người tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì chúng ta sẵn sàng đoàn kết với họ, thật thà hợp tác với họ, dù từ trước tới nay họ theo phe phái nào. Đoàn kết là lực lượng vô địch" (1).

(1) *Hồ Chí Minh toàn tập*, t 7, tr 310, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980

Digitized by Google

Nhờ phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa non trẻ dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vượt qua muôn vàn khó khăn thử thách "ngàn cân treo sợi tóc" để đứng vững và phát triển. Trong hai cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cùng các thế lực thù địch suốt mấy chục năm, Đảng đã thực hiện cuộc chiến tranh nhân dân, dựa vào dân, phát huy mọi nguồn sức mạnh của nhân dân về nhân lực, vật lực, trí lực, tìm nhiều cách đánh địch, thắng địch rất thông minh, sáng tạo. Những thắng lợi to lớn đó không chỉ có sức mạnh trong nước mà có cả sức mạnh của khối đại đoàn kết quốc tế giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các dân tộc tiến bộ, yêu chuộng hòa bình trên thế giới.

Tổ quốc thống nhất, non sông thu về một mối, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân được nâng lên một tầm cao mới. Cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội khiến cho nhiều nước XHCN bị tan vỡ đã tác động không nhỏ đến nước ta. Trong khi đó Mỹ thực hiện bao vây cấm vận về kinh tế, tiến hành "diễn biến hòa bình", cùng các thế lực thù địch ra sức chống phá nước ta. Tình hình đất nước lại đứng trước thử thách quyết liệt mới. Nhân dân ta lại đoàn kết chung quanh Đảng chủ động, sáng tạo thực hiện công cuộc đổi mới. Những thắng lợi to lớn và quan trọng của 15 năm đổi mới, từng bước đưa nước ta ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, tiếp tục vững bước quá độ lên CNXH là một minh chứng khẳng định sức sống mãnh liệt, khả năng sáng tạo của khối đại đoàn kết toàn dân.

Những năm đầu của thế kỷ XXI có vị trí quan trọng đối với sự phát triển của cách mạng nước ta trong tương lai. Để phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp, Đảng ta đã hoạch định chiến lược phát triển 10 năm và kế hoạch 5 năm với những nhiệm vụ to lớn, nặng nề, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết một lòng, đồng tâm nhất trí vượt lên mọi thách thức, tranh thủ mọi thời cơ mới đạt được. Vì vậy, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa những năm tới đòi hỏi chúng ta phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, dựa vào sức mình là chính, phát huy nội lực, kết hợp tranh thủ các nguồn ngoại lực để đưa đất nước ta phát triển nhanh, bền vững.

Khẳng định đại đoàn kết toàn dân là nguồn sức mạnh và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh những thập niên đầy biến động đầu thế kỷ XXI là bước phát triển mới trong tư duy của Đảng về động lực phát triển xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đường lối chiến lược đó xuất phát từ chỗ các giai cấp, các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, các tôn giáo đều có lợi ích chung thống nhất vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Sự tương đồng ấy sẽ gạt bỏ những mâu thuẫn, xung đột, chấp nhận những khác biệt, khép lại quá khứ, hướng tới tương lai, vì tiền đồ tươi sáng của dân tộc. Nguồn lực lớn nhất để phát triển nhanh, bền vững đất nước là sức mạnh cộng đồng các giai cấp, các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, các tôn giáo, người Việt Nam ở nước ngoài cùng hướng tới mục tiêu chung phấn đấu xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh, sánh vai cùng các nước phát triển trên thế giới.

Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân của chúng ta hôm nay còn là sự nắm bắt và vận dụng quá trình hội nhập quốc tế, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè thế giới gần xa, của nhân dân tiến bộ khắp năm châu bốn biển vì mục tiêu hòa bình, ổn định, tiến bộ và phát triển. Từ đoàn kết chặt chẽ trong Đảng đến đoàn kết toàn dân, thực hiện đại đoàn kết quốc tế sẽ tạo ra nguồn sức mạnh vô địch như Bác Hồ đã chỉ rõ. Tư tưởng "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công" của Người đã được toàn Đảng, toàn dân ta vận dụng, thể nghiệm, bằng những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam suốt mấy chục năm qua, đã khẳng định tính chính xác, khoa học trên cơ sở lý luận và thực tiễn sinh động. Bác nói phải đoàn kết trong Đảng, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Thực tế cho thấy, nơi nào, khi nào nội bộ mất đoàn kết là Đảng suy yếu, mất lòng tin với dân, không tập hợp được quần chúng nhân dân. Ngược lại nội bộ Đảng đoàn kết, thống nhất sẽ tạo ra sức mạnh, không chỉ của Đảng mà còn là sức mạnh của toàn xã hội. Bác dặn phải đoàn kết chặt chẽ trong Đảng, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, đoàn kết quốc tế sẽ tạo ra sức mạnh dời non lấp biển.

Bảy mươi năm lãnh đạo cách mạng của Đảng đã đem lại nhiều kinh nghiệm quý báu về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Trong điều kiện hiện nay, chúng ta có thể tập trung thực hiện những biện pháp chủ yếu sau đây :

Một là, phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc.

Sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc là sức mạnh đại đoàn kết của tất cả các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, thành phần, giới tính, lứa tuổi, người trong và ngoài Đảng, các đoàn thể và tổ chức xã hội tiến bộ, người đang công tác, người đã nghỉ hưu sống ở mọi miền của đất nước cũng như đang cư trú ở nước ngoài. Động viên sự đóng góp của toàn xã hội, mọi khả năng của các tầng lớp nhân dân trong xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, công sức, trí tuệ, tiền vốn, kinh nghiệm quản lý, tài năng, sức sáng tạo vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Sức mạnh của khối đại đoàn kết ấy được tạo ra bởi mọi người đều có chung một cội nguồn dân tộc, chung

Digitized by Google

một vận mệnh quốc gia ; chung một tiền đồ phát triển. Bài học xương máu và hết sức giản đơn được nhân dân ta rút ra : nước mất thì nhà tan, có độc lập thì có tự do, có độc lập tự do là có tất cả. Chân lý ấy được mọi người Việt Nam yêu nước đồng tình công nhận. Đây cũng là điểm phân biệt giữa người yêu nước chân chính với những kẻ phản bội Tổ quốc. Thực tiễn cho thấy không ít kẻ nhân danh "yêu nước" ; nhân danh "dân tộc" để mưu cầu lợi ích cá nhân, cam tâm làm tay sai cho bọn đế quốc, phản động chống phá cách mạng, phản dân, hại nước và kết cục là những kẻ đó đều bị sức mạnh cả cộng đồng dân tộc gạt bỏ.

Sức mạnh đại đoàn kết của cả cộng đồng dựa trên nguyên tắc xây dựng khối liên minh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức làm nòng cốt ; trong đó, liên minh về kinh tế là cơ sở vững chắc củng cố các quan hệ khác bền chặt, tạo sức mạnh vật chất và tinh thần của khối đại đoàn kết toàn dân.

Phát huy sức mạnh đại đoàn kết của cả dân tộc là phát huy các truyền thống tốt đẹp và quý báu của dân tộc. Đó là truyền thống yêu nước, không chịu làm nô lệ, không chịu nghèo hèn, phụ thuộc vào bên ngoài. Phát huy truyền thống cần cù lao động, thông minh, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm. Truyền thống hợp tác giúp đỡ lẫn nhau, thương người, sống vị tha, đại nghĩa, thủy chung, nhân ái, lấy lợi ích chung làm điểm tương đồng, xóa đi những mặc cảm, định kiến hẹp hòi, thực sự tin cậy lẫn nhau hướng tới sự phát triển chung của đất nước.

Hai là, xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân vững mạnh.

Đảng, Nhà nước thông qua Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố khối thống nhất về chính trị, tinh thần, giữ gìn kỷ cương pháp luật, nâng cao trách nhiệm công dân, thắt chặt mối quan hệ giữa Đảng với dân.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là liên minh chính trị của các đoàn thể nhân dân và những cá nhân tiêu biểu của các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo ; là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân là xây dựng cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, góp phần xây dựng Nhà nước trong sạch vững mạnh. Phát huy trách nhiệm và khả năng của công dân tham gia đóng góp ý kiến vào các dự thảo chính sách, luật, những quyết định quan trọng của Đảng và Nhà nước. Phát huy khả năng của nhân dân tham gia kiểm tra giám sát các hoạt động của cán bộ, đảng viên, công chức trong các cơ quan đảng và nhà nước. Để phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, một mặt, củng cố các tổ chức này một cách chặt chẽ ; mặt khác, không ngừng đổi mới nội dung phương thức hoạt động, hướng vào phục vụ nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân.

Ba là, thực hiện dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Suốt 70 năm lãnh đạo cách mạng, Bác Hồ và Đảng ta luôn dựa vào dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Nhờ vậy mà cách mạng nước ta đã giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Sức mạnh làm chủ của nhân dân không trừu tượng, xa vời mà nằm ngay ở mỗi người dân. Quyền làm chủ của nhân dân được thể hiện trên mọi lĩnh vực và được thể chế hóa bằng pháp luật, được hoàn thiện và nâng cao trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện quyền làm chủ của nhân dân dưới cả hai hình thức trực tiếp và gián tiếp, bảo đảm cho nhân dân tham gia quản lý xã hội, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng liên quan đến lợi ích của đông đảo nhân dân, sao cho những quyết sách lớn tập trung được trí tuệ, phản ánh đầy đủ ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Có biện pháp ngăn ngừa các hành vi mất dân chủ, dân chủ hình thức ; xử lý nghiêm những hành vi độc đoán, chuyên quyền, quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu gây phiền hà cho dân hoặc lợi dụng dân chủ vi phạm kỷ cương, pháp luật. Pháp huy dân chủ kết hợp với tăng cường pháp chế, thực hiện quản lý xã hội bằng pháp luật. Thể chế hóa quyền làm chủ của nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ ở các loại hình cơ sở, bảo đảm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Thực hiện dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nhằm giữ vững bản chất dân chủ của chế độ ta, bảo đảm *mọi lợi ích, quyền hạn đều ở nơi dân.* Có quy chế phù hợp để bảo đảm quyền làm chủ của mọi công dân sẽ là phương hướng, biện pháp tích cực phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Một mặt nâng cao trình độ hiểu biết và khả năng làm chủ của nhân dân trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh. Mặt khác, có cơ chế thích hợp để nhân dân thực sự được làm chủ trên các lĩnh vực đó. Tiến hành cải cách từng bước nền hành chính ở các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở. Rà soát các thủ tục hành chính, loại bỏ những quy định không cần thiết, gây cản trở đến phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Sắp xếp lại tổ chức bộ máy sao cho thật sự gọn nhẹ, hướng về phục vụ nhân dân ở cơ sở. Đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thông nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm cao, năng động, sáng tạo, tận tụy phục vụ nhân dân. Kiên quyết đấu tranh đưa ra khỏi bộ máy hành chính các cấp những công chức thoái hóa, biến chất, tham nhũng, cửa quyền, ức hiếp dân, làm triệt tiêu các động lực phát huy sức mạnh của nhân dân ; làm suy yếu cơ quan chính quyền,

Digitized by Google

làm mất lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Bốn là, xây dựng hệ thống chính sách đồng bộ, tạo cơ sở sở phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân.

Chính sách và pháp luật của Nhà nước ta vì hạnh phúc của con người, là cơ sở để phát huy mọi tiềm năng của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân, bảo đảm cho mọi công dân thực hiện bình đẳng và phát triển. Hệ thống các chính sách phản ánh những giá trị nhân văn, thể hiện lợi ích và trách nhiệm của cộng đồng xã hội nói chung và của từng công dân, điều chỉnh các mối quan hệ lợi ích giữa con người với con người, giữa con người với xã hội, nhằm thỏa mãn những nhu cầu ngày càng cao, về đời sống vật chất và tinh thần của công dân. Vì vậy, chính sách và pháp luật là yếu tố tác động trực tiếp, mạnh mẽ để thực hiện dân chủ toàn xã hội, là động lực phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân.

Để nhân dân phấn khởi, chủ động, tự giác tham gia ngày càng đông đảo vào các hoạt động cách mạng, Đảng và Nhà nước không ngừng đổi mới, hoàn thiện các chính sách cụ thể đối với các giai cấp, các tầng lớp nhân dân, nhất là các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, chính sách phân phối, tiêu dùng nhằm bảo đảm quyền lợi và trách nhiệm của công dân. Những chính sách đó hướng vào chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và tạo cơ hội phát triển mọi mặt cho các giai cấp, các tầng lớp, các chủ thể của các thành phần kinh tế, các dân tộc, các tôn giáo, đồng bào ta định cư ở nước ngoài.

Hoàn thiện hệ thống chính sách xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh về mọi mặt, phát triển về số lượng, nâng cao giác ngộ giai cấp, trình độ học vấn, tay nghề, năng lực tiếp thu, ứng dụng những tiến bộ khoa học công nghệ mới, lao động có năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao, đi đầu trong thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thực hiện tốt chính sách với nông dân, nông nghiệp, nông thôn nhằm không ngừng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân, xây dựng nông thôn mới, phát huy quyền làm chủ của nông dân. Có biện pháp cụ thể thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, đưa nông dân nước ta nhanh chóng vượt qua tình trạng nghèo nàn lạc hậu kém phát triển đi lên sản xuất lớn XHCN. Tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích trí thức tự do sáng tạo, phát minh, cống hiến cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Có chính sách tôn vinh và đãi ngộ xứng đáng những tài năng của đất nước. Chăm lo giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo thế hệ trẻ về chính trị, tư tưởng, văn hóa, đạo đức, lối sống, nghề nghiệp, tạo việc làm và phát triển toàn diện để thanh niên thực sự là lực lượng xung kích trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hoàn thiện chính sách chăm sóc phát huy sức lực, trí tuệ của phụ nữ, cựu chiến binh, các nhà lão thành cách mạng, những người có công với nước, cán bộ nghỉ hưu ; đồng bào các dân tộc ; đồng bào có đạo ; người Việt Nam sống ở nước ngoài đoàn kết một lòng phát huy mọi nguồn lực trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đối với các tầng lớp nhân dân, trước mắt hết sức chăm lo đời sống, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, bảo đảm mọi người trong độ tuổi được đi học, mọi người ốm đau đều được chữa bệnh. Thực hiện tốt chính sách với người có công, cải cách chế độ tiền lương bảo đảm công bằng trong phân phối. Đẩy lùi có hiệu quả các tiêu cực và tệ nạn xã hội, thu hẹp khoảng cách chênh lệch, bất bình đẳng giữa bộ phận dân cư này với bộ phận dân cư khác trong xã hội. Xây dựng trật tự kỷ cương, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường trong sạch, lành mạnh.

Năm là, xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn mới, phát huy nguồn lực con người.

Nguồn lực con người là nhân tố quyết định sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Đất nước ta bước vào thế kỷ XXI, hội nhập với thế giới hiện đại, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi còn vô vàn những khó khăn, thách thức phải vượt qua. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là sự nghiệp trọng đại của toàn Đảng, toàn dân, là nhiệm vụ trung tâm suốt thời kỳ quá độ đi lên CNXH ở nước ta. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân thực hiện thắng lợi sự nghiệp trên, điều cốt lõi và quyết định nhất là phát huy nguồn nhân lực, phát huy nhân tố con người. Đó là những con người có lòng yêu nước nồng nàn, giác ngộ sâu sắc về lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có hoài bão đóng góp sức lực, trí tuệ, vì sự phồn vinh của đất nước. Con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới là con người phát triển toàn diện, có nhận thức chính trị, tư tưởng vững vàng, có trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ cao, đáp ứng các yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang đặt ra ; có phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh ; dám nghĩ dám làm, say mê sáng tạo ; thẳng thắn trung thực, kiên quyết đấu tranh đẩy lùi những tiêu cực và tệ nạn xã hội ; đoàn kết, sẵn sàng hợp tác vì sự nghiệp chung của đất nước ; có tác phong công nghiệp trong lao động, sinh hoạt. Để phát huy nguồn lực con người phải xây dựng con người bằng việc thực hiện đồng bộ sự nghiệp giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ ; phát triển kinh tế - xã hội ; xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc ; thực hiện tốt hệ thống chính sách xã hội... làm cho con người phát triển toàn diện về thể chất và tâm hồn, trí tuệ và năng lực. ❑

Digitized by Google

PHỤ NỮ VIỆT NAM BƯỚC VÀO THẾ KỶ XXI

LÊ THI *

NHÂN loại sắp bước sang thế kỷ XXI với những dự đoán về xu hướng phát triển trong tương lai rất đáng chú ý. Những thành tựu của khoa học, công nghệ từ giữa thế kỷ XX và những cuộc cách mạng trong y tế, giáo dục, trồng trọt, thương mại, ngân hàng, giao thông vận tải, về quản lý kinh tế và quản lý xã hội đã tạo tiền đề cho cuộc sống có chất lượng mới ở thế kỷ XXI. Thế giới sẽ chuyển từ xã hội công nghiệp sang xã hội tri thức. Mô hình phát triển có tính chủ lực là nền kinh tế tri thức được xây dựng trên cơ sở sản xuất, phân phối, sử dụng trí tuệ và thông tin. Do đó, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế sẽ tập trung vào việc sở hữu thông tin và tri thức, chiếm hữu và phân phối tri thức sáng tạo, sử dụng thông tin.

Nhiều dự đoán cho rằng sự toàn cầu hóa về kinh tế sẽ kéo theo nhiều biến đổi quan trọng trong đời sống xã hội, sinh hoạt văn hóa và tinh thần. Con người sẽ được giải phóng và vai trò cá thể được đề cao. Phụ nữ sẽ được "lên ngôi" vì khoa học phục vụ người phụ nữ, tạo cho họ những việc làm năng suất cao và nâng cao giá trị, vị thế của họ. Thế nhưng ở những nước đang phát triển, các nhà "nữ quyền" lại lo lắng rằng trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phụ nữ sẽ bị gạt ra khỏi dây chuyền sản xuất hiện đại ; có hiện tượng "phụ nữ hóa sự nghèo khổ". Nhiều nhà tương lai học lại dự đoán thế kỷ XXI là "thế kỷ của phái đẹp", thế giới ở trong tay người phụ nữ sẽ ôn hòa hơn, ít tham lam hơn. Vậy tình hình sẽ diễn ra như thế nào ?

Phụ nữ là lực lượng lao động thường phải làm nhiều khâu lao động chân tay, nặng nhọc, hiệu quả thấp. Khi đưa khoa học, công nghệ vào các ngành trên thì họ sẽ được giải phóng, công việc nhẹ nhàng hơn, thu nhập cao hơn. Đồng thời, nhờ các dịch vụ phát triển, họ được giảm nhẹ gánh nặng nội trợ gia đình, có thêm thời gian nghỉ ngơi, giải trí, học hành, sức khỏe, trí tuệ sẽ tăng lên. Cuộc cách mạng công nghiệp trước đây do nhu cầu về nhân công đã lôi cuốn nhiều phụ nữ khỏi gia đình vào nhà máy làm việc, thì cuộc cách mạng khoa học công nghệ ngày nay cũng sẽ đẩy mạnh việc trí thức hóa lực lượng lao động nữ, do nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực có tri thức.

Nói về tương lai phát triển, trình độ, khả năng của phụ nữ, các nhà tâm lý học, giáo dục học công nhận có sự phát triển khác nhau về trí tuệ giữa nam và nữ, tuy không lớn lắm. Về biểu đạt ngôn ngữ, nữ trội hơn nam, nhưng về toán học thì nam hơn nữ. Năng lực quan sát hình khối và năng lực tưởng tượng thì nam hơn nữ, nhưng về tư duy hình tượng thì nữ lại hơn nam. Trong học tập ở cấp tiểu học (sơ trung) và trung học thành tích của nữ hơn nam, nhưng nữ còn yếu về sự độc lập suy nghĩ. Trong tương lai ở các trường đại học, nữ sẽ trội hơn nam (hiện nay các trường đại học ở Mỹ nữ chiếm 54%, ở Nhật Bản nữ cũng bắt đầu cao hơn nam). Các nhà tâm lý học, xã hội học đều cho rằng trình độ nam nữ cùng được nâng cao thì các quan hệ giữa họ được gắn bó hơn, sự khác biệt về giới giảm đi, tính cách của nam và nữ ngày càng xích lại gần nhau.

Bước sang thế kỷ XXI, phụ nữ sẽ phát huy được ưu thế của mình trong nhiều ngành nghề mới phát triển. Trước hết nhờ khả năng ngôn ngữ, phụ nữ sẽ có nhiều công việc phù hợp như

* GS, Trung tâm nghiên cứu khoa học về gia đình và phụ nữ

Digitized by Google

biên tập, hiệu đính tài liệu, phiên dịch, giáo dục học. Với ưu thế về khả năng tư duy hình tượng cùng với sự tỉ mỉ, chu đáo, thận trọng, khéo léo trong xem xét các vấn đề và thao tác công việc, phụ nữ sẽ có nhiều công việc phù hợp với họ như thiết kế công trình, thiết kế trang phục, sáng tạo văn học, biểu diễn nghệ thuật v.v... Nhìn chung, nhân cách phụ nữ là ôn hòa, dịu hiền, tình cảm đôn hậu, hòa nhã, dễ gần mọi người, dễ thông cảm với hoàn cảnh khó khăn của người khác. Do vậy, họ có nhiều khả năng giao tiếp tốt, làm được nhiều công việc phù hợp như buôn bán, ký kết các hạng mục công trình, nghiên cứu khoa học (đi khảo sát, gặp gỡ đối tác v.v.). Nữ lại có ưu thế về tính nhẫn nại, chịu khó, trong hoàn cảnh thiếu thốn, đơn điệu, vẫn siêng năng làm việc. Vì vậy, các công việc như làm thư ký văn phòng, quản lý hồ sơ tài liệu là phù hợp với họ. Cuối cùng phải nói đến ưu thế về thần kinh của nữ. Họ vững vàng hơn nam khi xảy ra sự cố thất bại hoặc khó khăn đột xuất đến v.v... Ngoài ra, người ta còn nhắc đến hiệu ứng giới tính, nữ xinh đẹp, duyên dáng, có nhiều ưu thế trong làm việc, tiếp xúc hơn nam giới.

Sự phân công lao động giữa nam và nữ vào các ngành nghề trong tương lai theo giới tính chỉ là một phần, mà chủ yếu theo trình độ văn hóa và trình độ nghề nghiệp. Nhu cầu lao động chân tay, phổ thông ngày càng giảm đi. Ở các nước châu Âu, châu Mỹ có hiện tượng tỷ lệ nam thất nghiệp ngày càng tăng, tỷ lệ nữ thất nghiệp ngày càng giảm (năm 1997 châu Âu có 11 triệu người thất nghiệp thì nam nhiều hơn nữ, có lẽ vì nam hay chọn nghề, còn nữ sẵn sàng chấp nhận và đáp ứng công việc hơn). Báo Lao động ở Mỹ dự đoán năm 2000 sẽ có 5 ngành phát triển nhanh nhất trong đó nhiều ngành phù hợp với nữ. Đó là các nghề : quản gia ; lập trình số liệu máy vi tính ; tư vấn phục vụ sức khỏe ; trông coi trẻ em và săn sóc người già ; thương nghiệp và phục vụ. Vì vậy, họ đưa ra nhận xét : nam giới đại diện cho thời đại công nghiệp, nữ giới đại diện cho thời đại thông tin. Người ta dự báo vào thế kỷ XXI sẽ có sự cạnh tranh nam - nữ trong vấn đề tìm kiếm việc làm và phụ nữ có nhiều ưu thế hơn nam. (Ở nước ta hiện nay chính nam giới có nhiều ưu thế hơn nữ trong việc tìm kiếm việc làm trên thị trường lao động). Vị trí phụ nữ trong thế kỷ XXI sẽ được nâng cao, sự bình đẳng về giới được xác định trên các mặt trong đời sống xã hội và trong gia đình. Phụ nữ được hưởng quyền tự do cá nhân, có sự thoải mái, hài hòa giữa gia đình với sự nghiệp, hài hòa giữa phát triển cá nhân và phát triển xã hội.

*

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã nhấn mạnh : cần khai thác, sử dụng các nguồn lực khác nhau trong đó nguồn lực con người là vốn quý báu nhất, có vai trò quyết định. Nguồn lực đó là nguồn lao động có trí tuệ cao, có tay nghề thành thạo, có phẩm chất tốt đẹp, được đào tạo, bồi dưỡng và phát huy bởi một nền giáo dục tiên tiến, gắn với một nền khoa học công nghệ hiện đại.

Để đạt yêu cầu đó theo tôi, cần giải quyết được ba vấn đề sau :

Trước hết cần nhanh chóng tăng số lượng những người lao động có trình độ kiến thức công nghệ cao (trên cơ sở trình độ học vấn cao). Họ sẽ điều hành các ngành sản xuất của đất nước bằng tư duy trí tuệ, thông qua hệ thống máy móc tự động hóa, điều khiển bằng vi điện tử. *Thứ hai,* là nâng cao chất lượng đội ngũ trí thức, chuyên gia có trình độ khoa học và công nghệ đạt tầm cỡ quốc tế, đặc biệt là các chuyên gia nữ. *Thứ ba,* cần chú ý đến việc trí thức hóa đội ngũ lao động nữ. Phụ nữ nước ta hiện chiếm tới 52% lực lượng lao động toàn xã hội. Song, chủ yếu là lao động chân tay trong nhiều ngành nghề, năng suất thấp. Họ là đối tượng chủ yếu của sự nghiệp trí thức hóa người lao động.

Ở đây có trách nhiệm và nhiệt tình của đội ngũ các nhà khoa học, các chuyên gia, các giảng viên trong việc đào tạo, bồi dưỡng người lao

Digitized by Google

động. Riêng với đội ngũ trí thức nữ, sự phấn đấu của từng chị em không chỉ vì tương lai bản thân mà vì lương tâm, ý thức trách nhiệm, tấm lòng thiết tha đối với sự tiến bộ của giới nữ, lòng mong muốn đem tri thức góp phần cải thiện điều kiện lao động và nâng cao điều kiện sinh sống của đông đảo phụ nữ. Thực trạng đội ngũ lao động nữ nước ta hiện nay cho thấy, phụ nữ có mặt ở rất nhiều ngành, nghề. Ở một số ngành lao động nữ chiếm tỷ lệ lớn như thương mại, giáo dục : 71% ; y tế : 68% ; tài chính tín dụng : 56% ; nông, lâm nghiệp : 55% ; ngân hàng : 54% ; bưu chính viễn thông : 52% (1). Song nhìn chung, phụ nữ có trình độ học vấn thấp ở các cấp. Năm 1989, có 21,4% tốt nghiệp trung học cơ sở ; 5,1% tốt nghiệp trung học phổ thông ; 2,7% tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp và 1% tốt nghiệp cao đẳng, đại học. 10 năm qua, tỷ lệ này cũng chưa tăng được nhiều vì những năm 1990 - 1993 tỷ lệ trẻ em bỏ học nhiều khi nhà nước xóa bỏ chế độ miễn học phí từ cấp 2 trở lên, và tỷ lệ trẻ em gái bỏ học cao hơn trẻ em trai rất nhiều. Cơ cấu nam, nữ sinh viên ở các trường chuyên nghiệp và cao đẳng, đại học năm 1993 - 1994 là : 26,1% nữ sinh so với 73,9% nam sinh ở các trường trung học chuyên nghiệp ; 28,8% nữ sinh so với 71,2% nam sinh, ở các trường cao đẳng, đại học (trong số đó 51,4% nữ học cao đẳng).

Trình độ chuyên môn của đội ngũ lao động nam, nữ nước ta thấp, phụ nữ càng thấp hơn. Hiện nay, có tới 93,3% nữ trong dân số từ 15 tuổi trở lên không có chuyên môn kỹ thuật ; chỉ có 0,9% nữ công nhân có bằng kỹ thuật ; 3,3% có trình độ trung cấp ; 1,9% có trình độ cao đẳng, đại học. Đông đảo lao động nữ ở nông thôn và thành phố làm việc theo kinh nghiệm cổ truyền, không qua lớp chuyên môn kỹ thuật nào.

Đội ngũ trí thức nước ta hiện nay nói chung là mỏng, nữ trí thức lại càng ít. Nữ trí thức được đào tạo ở các ngành khoa học tự nhiên chiếm 30,90% tổng số nam nữ ; ở khoa học kỹ thuật là 38,5% ; ở khoa học xã hội và nhân văn là 38,92% ; ở ngành y - dược là 41,80%. Nhưng sau khi tốt nghiệp, được phân công làm việc ở các ngành lại có tỷ lệ khác. Đông nhất ở ngành khoa học xã hội và nhân văn chiếm 51% ; khoa học tự nhiên 30%, còn y - dược khoa học kỹ thuật, nông - lâm - ngư nghiệp dưới 10% (là những ngành có đông lao động nữ thì chuyên gia nữ lại quá ít). Xét về cơ cấu nam nữ theo từng nhóm trình độ chuyên môn trong dân số từ 16 tuổi trở lên thì ở bậc cao đẳng, đại học trở lên nữ là 36,4% (nam 63,6%) ; có chuyên môn kỹ thuật nói chung nữ 38,6% (nam 61,4%). Cơ cấu nam nữ nói trên cho thấy số nữ có trình độ cao chỉ bằng hơn 1/3 số nam. Số nữ có học hàm và trình độ trên đại học càng thấp hơn so với nam giới.

Bước tiến của thế kỷ XXI đòi hỏi cần có một đội ngũ lao động nữ được trí thức hóa cao, nhưng hiện trạng của phụ nữ Việt Nam cho thấy đang thiếu hụt cả về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên, bên cạnh vốn kiến thức còn thấp thì hành trang mang theo của phụ nữ Việt Nam lại có những điểm mạnh bù đắp như : ý thức tổ chức kỷ luật, kiên trì chịu đựng, quyết tâm khắc phục khó khăn để hoàn thành công việc được giao phó, tính cần cù chịu khó... Nước ta đang bước vào thời kỳ, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa cho nên đòi hỏi người phụ nữ phải vươn lên mọi mặt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa của đất nước và vì tương lai của bản thân, và để theo kịp các nước trên thế giới ; đồng thời lại phải làm tròn trách nhiệm người vợ, người mẹ trong gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc, hòa thuận, con cái được học hành, tiến bộ. Vai trò "kép" vừa lao động sản xuất, vừa nuôi dạy con, chăm sóc gia đình, đó là gánh nặng trên đôi vai người phụ nữ. Họ luôn luôn gặp mâu thuẫn, trăn trở giữa việc phải giải quyết thế nào cho vẹn toàn giữa công việc của cơ quan và công việc gia đình, điều mà nam giới ít gặp phải. Có thể nói thông thường mỗi thành công

(1) Nguồn : Tổng cục Thống kê, Hà Nội, 1996

Digitized by Google

của phụ nữ phải "trả giá" gấp đôi nam giới. Do vai trò "kép", thời gian làm việc của phụ nữ bị cắt xén, làm việc khó tập trung tư tưởng khi còn nhỏ, con ốm đau hay bố mẹ già, bệnh tật, v.v. Họ cũng ít có thời gian rảnh rỗi để học tập, dự các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về nghề nghiệp, tiếp nhận các thông tin cần thiết và bổ ích, chưa kể đến việc nghỉ ngơi, giải trí để nâng cao sức khỏe và thư giãn tinh thần. Nguyện vọng của chị em là làm sao công tác xã hội thành đạt, đóng góp nhiều cho xã hội và đất nước ; gia đình ấm no, hạnh phúc, bình đẳng ; bản thân tiến bộ, hòa nhập kịp bước tiến của xã hội Việt Nam, của phụ nữ thế giới. Vì vậy, họ có nhu cầu tha thiết được đào tạo, học tập nâng cao trình độ, trước mắt được học tập không thua kém nam giới ; được sử dụng đúng khả năng, đúng nghề nghiệp và trả lương thích đáng ; được đề bạt vào các cương vị công tác đúng khả năng, nhu cầu ; được xã hội đánh giá đúng sự đóng góp ; trong gia đình được giảm nhẹ gánh nặng công việc nội trợ, với sự san sẻ, giúp đỡ của người chồng, sự hỗ trợ của các dịch vụ xã hội ; bản thân sức khỏe được nâng cao, có thời gian thư giãn, nghỉ ngơi, giải trí, giao tiếp xã hội.

Để tạo điều kiện cho phụ nữ vươn lên đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế tri thức ở thế kỷ XXI, cần có sự hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng. Cụ thể là :

- Nhà nước cần tăng cường đầu tư vào công tác giáo dục và y tế, văn hóa, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe phụ nữ, trẻ em, tạo điều kiện thuận lợi cho con gái được học tập như con trai, người lao động nữ được đi bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ như đồng nghiệp nam. Cần tạo những điều kiện, cơ hội thuận lợi và những ưu tiên cần thiết cho phụ nữ để bảo đảm sự công bằng trong hưởng thụ giáo dục, y tế, văn hóa v.v.

- Nhà nước cần có kế hoạch nhanh chóng đưa các thành tựu khoa học, công nghệ mới vào các ngành nghề đông lao động nữ (đặc biệt các ngành nông, lâm nghiệp, công nghiệp nhẹ, dịch vụ), cải thiện điều kiện lao động của chị em, bớt các khâu lao động chân tay nặng nhọc, nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc và tăng thu nhập cho họ. Cần xem xét lại các chính sách lao động đối với nữ như : sử dụng, đề bạt, đào tạo nghề, để sớm có đội ngũ lao động nữ trẻ có nhiều triển vọng, cũng như đội ngũ nữ trí thức, nữ chuyên gia giỏi.

- Gia đình, đặc biệt người chồng, có vai trò và trách nhiệm hơn trong việc san sẻ với người vợ công việc, gia đình, động viên giúp đỡ họ vượt khó khăn để vừa làm việc, vừa nuôi con, vừa cố gắng học tập nâng cao trình độ học vấn, nghề nghiệp.

- Tuy nhiên, sự phấn đấu của bản thân người phụ nữ là điều quyết định. Có biết bao tấm gương của những chị em gặp muôn vàn khó khăn về tinh thần và vật chất, đã vươn lên làm nên sự nghiệp. Mỗi người cần nhận thức được chỗ mạnh cũng như những hạn chế của mình để phát huy khắc phục, không trông chờ sự giúp đỡ chính từ bên ngoài hay tin vào "số phận may mắn", mà phải dựa vào năng năng lực trí tuệ và sự phấn đấu của bản thân.

Tương lai phát triển của mỗi cá nhân ngày nay thuộc vào năng lực trí tuệ, tinh thần học tập, bản lĩnh sống độc lập, tự chủ, sáng tạo, có ý chí vươn lên ; nhân cách, đạo đức, nhân hậu, tâm hồn trong sáng hòa nhập với đồng loại ; tác phong làm việc khẩn trương, khoa học, sức khỏe và thể hình tốt. Chúng ta cần biết phát huy những giá trị tinh thần truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam, cùng với việc tiếp thu kịp thời những giá trị văn minh của nhân loại để vững tin bước vào thiên niên kỷ mới.

Không phải chỉ có danh hiệu người đẹp, người duyên dáng, người có cơ thể cân đối đem lại cho phụ nữ một vị thế cao trong xã hội mà trí thức, năng lực trí tuệ, tay nghề tinh thông sẽ giúp phụ nữ khẳng định chỗ đứng của mình trong thế kỷ XXI. ❑

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN DU LỊCH TRONG TẦM NHÌN MỚI

DƯƠNG VŨ

NGÀY nay, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng : những đổi mới về khoa học và công nghệ đã đem cả thế giới vào trong từng gia đình và từng gia đình, từng cá nhân con người cũng có nhiều cơ hội đến với thế giới. Con người hằng ngày không chỉ có dịp "tham quan" khắp nơi ngay tại căn phòng của mình mà còn có khả năng vượt ra ngoài, chu du trên những mảnh đất xa xôi bằng những chuyến du lịch dài ngày.

Du lịch đã một thời bị coi là đặc quyền của kẻ lắm tiền, ngày nay được nâng lên như một quyền lợi tối thiểu của con người : Du lịch trước kia là công việc hơn là sở thích thì giờ đây nó là niềm đam mê, hứng thú bất tận của mọi lứa tuổi được thụ hưởng, nghỉ ngơi, vui chơi và khám phá.

Những năm cuối của thế kỷ XX, bên cạnh sự bùng nổ của thông tin, con người thấy có hiện tượng bùng nổ ở cả ngành du lịch. Điều đó hẳn có căn nguyên chính trị, kinh tế và văn hóa. Du lịch đã, đang và sẽ giữ vai trò quan trọng trong cuộc sống với chức năng đa diện, đa phương của nó.

Du lịch góp phần trực tiếp phục hồi và tăng cường sức khỏe, hạn chế bệnh tật, kéo dài tuổi thọ, từ đó tăng khả năng lao động, tăng niềm tin yêu vào lẽ sống của con người. Thông qua du lịch mọi giai tầng xã hội được tiếp xúc với những thành tựu văn hóa lâu đời của dân tộc, của nhân loại, tiếp xúc với những cảnh quan thiên nhiên kỳ vĩ, hình thành dần những phẩm chất đạo đức tốt đẹp, bồi đắp niềm tự hào dân tộc, lòng yêu quê hương đất nước, lòng yêu lao động, quý trọng tình bạn, gần gũi thân thiện với thiên nhiên, tạo thói quen bảo vệ thiên nhiên, cân bằng môi trường sinh thái. Lối sống máy móc, cột chặt vào máy móc, cô đơn ngụp lặn trong cuộc chiến săn tiền của xã hội công nghiệp đẩy con người vào tình trạng cực kỳ căng thẳng, dẫn đến những cơn trầm uất, trầm cảm, khủng hoảng tinh thần. Du lịch và thông qua du lịch kéo con người về với cuộc sống thật của mình, được giải tỏa cả tâm hồn và thể xác trong một không gian và thời gian nhất định, đem lại niềm hứng khởi mới, khiến con người cảm thấy đáng sống, ham sống hơn. Đó là chức năng văn hóa - xã hội của du lịch. Nó tựa như mạch ngầm, thấm đượm, nâng cao chất Người trong mỗi con người.

Chức năng chính trị của du lịch thể hiện như một phương tiện đẩy mạnh giao lưu quốc tế, tạo điều kiện để con người đủ màu da sắc tộc gặp gỡ, giao đãi, mở mang kiến thức, hiểu biết lịch sử, văn hóa - nghệ thuật, tập tục, tập quán đa dạng, phong phú của nhau, nhằm mục đích mở rộng khối đại đoàn kết, củng cố và bảo vệ hòa bình chân chính.

Chức năng kinh tế của du lịch là chức năng quan trọng nhất. Ngoài việc trực tiếp hoặc gián tiếp bù đắp sức vóc cho nguồn nhân lực, tăng hiệu quả lao động, du lịch được ví như ngành công nghiệp không khói, một ngành kinh tế mũi nhọn, một ngành thực hiện xuất khẩu tại chỗ, với số thu ngoại tệ không nhỏ.

Nhiều tài liệu nghiên cứu đã chỉ rõ : du lịch là ngành lớn nhất thế giới tính theo sản phẩm thu được, là ngành đứng đầu về thu thuế, là ngành có khả năng nhất tăng công ăn việc làm cho người lao động. Thời kỳ 1990 - 1993, số người làm việc trong ngành du lịch tăng nhanh hơn 50% so với tốc độ tăng công ăn việc làm trên thế giới. Hội đồng du lịch và kinh doanh du lịch thế giới dự đoán rằng : du lịch và kinh doanh du lịch sẽ tạo ra 144 triệu việc làm trên toàn thế giới từ nay đến năm 2005, trong đó 112 triệu là ở các nước đang phát triển thuộc khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Digitized by Google

Người ta tính số tiền khách du lịch chi trả cho các chuyến du lịch sẽ tăng từ 450 tỉ USD năm 1998 lên 550 tỉ USD năm 2000 và 1500 tỉ USD vào năm 2010. Trong kim ngạch mậu dịch toàn cầu, năm 1997, ngành du lịch chiếm 8% thì đầu năm 2000 sẽ chiếm 10%. Vậy là 20 năm nữa du lịch rất có khả năng sẽ trở thành ngành kinh tế hàng đầu thế giới.

Có thể khẳng định, đối với mỗi quốc gia, du lịch là một trong những ngành tạo ra nhiều lợi nhuận và là ngành tích lũy vốn mạnh nhất cho nền kinh tế.

Bước vào thiên niên kỷ mới, không một quốc gia nào không vạch chiến lược phát triển ngành du lịch nước mình. Du lịch đang trở thành cuộc vận động xã hội mang tính rộng lớn, sôi động ; cuộc vận động đó đại thể có hai bước chuyển quan trọng :

Thứ nhất, tăng cường sự hợp tác, phối hợp liên ngành, liên vùng trong hoạt động du lịch.

Du lịch là ngành tổng hợp, nhiều bộ phận cấu thành. Nó chịu sự chi phối của nhiều lực lượng xã hội khác nhau như giao thông vận tải, thương mại dịch vụ, bưu chính viễn thông, nội chính, ngoại giao, xây dựng và văn hóa. Sự tổng hợp, đan xen đến mức khó mà có một định nghĩa nào có thể bao quát nổi mọi hoạt động đa chiều, đa kích của nó.

Người ta thấy du lịch quốc tế đã bị rối lên bởi nhiều số liệu của những nước khác nhau dựa trên các tiêu chí đánh giá rất khác nhau. Bởi vậy, để mang lại sự thống nhất cho việc thu thập dữ liệu, phân tích có cơ sở, thế giới đã lập ra hai cơ quan quan trọng : 1) Hội đồng du lịch thế giới (WITC) gồm liên minh 65 quan chức đứng đầu trên các lĩnh vực khác nhau của ngành này. 2) Tổ chức du lịch thế giới (WTO), cơ quan của chương trình phát triển Liên hợp quốc, tập hợp thành viên của hàng trăm chính phủ, đại diện cho toàn ngành du lịch. Nó là tổ chức liên chính phủ điều hành hoạt động, khuyến khích và phát triển du lịch theo nghĩa kích thích kinh doanh dịch vụ, thúc đẩy hòa bình và hiểu biết giữa các dân tộc.

Ngày nay hiển nhiên là, các yếu tố trong một sản phẩm du lịch không thể tách rời sự đóng góp của không ít ngành kinh tế - xã hội. Sự phối hợp, liên kết, giữa các ngành uyển chuyển, ăn ý và đồng bộ bao nhiêu sẽ càng tạo nên hiệu quả lớn lao bấy nhiêu. Chẳng hạn, với ngành giao thông vận tải, nhiều dự đoán cho rằng thế kỷ XXI rất có thể sẽ chứng kiến một cuộc cách mạng thật sự trên hành tinh về phương thức đi lại của con người và vì vậy từ A đến Z chỉ được coi là một nửa của quá trình giành giật khách du lịch mà thôi. Ở nơi khách đến (sân ga, sân bay, bến bãi) có chật chội quá tải hay không ? Khách sẽ về đích ra sao ? Họ sẽ được ngồi trên một phương tiện hiện đại và tiện dụng đến mức nào ? Khách sạn sẽ là nơi đáp ứng những gì theo yêu cầu của họ... ? Người đi du lịch thường nghĩ đến khái niệm "tổng hành trình" ; cũng có nghĩa chuyến du lịch sẽ được nhìn nhận bằng chất lượng phục vụ trên mỗi công đoạn và cuối cùng phải được kết thúc một cách mỹ mãn.

Các hãng hàng không đều thi nhau giúp khách mang hành lý đến điểm cuối cùng là khách sạn của họ, đưa các thiết bị hiện đại vào phòng chờ để khách du lịch nếu là nhà kinh doanh có thể chỉ đạo ngay công việc, không hề bị gián đoạn. Phòng ngủ của khách sạn dĩ nhiên có hệ thống thông tin nối mạng, fax, điện thoại để khách có thể vẫn làm việc một cách nhanh chóng, thuận tiện.

Thế giới dường như đang chứng kiến một cuộc "đại tu" tất cả các cơ sở hạ tầng giao thông để bảo đảm đáp ứng một lượng khách du lịch chỉ bằng máy bay thôi đã có thể tăng lên 3 lần trong vài thập niên tới. Ở Mỹ cần khoảng 50 tỉ USD cho việc tu bổ cơ sở hạ tầng nhằm đáp ứng nhu cầu của hơn 800 triệu lượt khách sẽ đến Mỹ vào năm 2001. Nhật Bản có kế hoạch đầu tư 25 tỉ USD để xây dựng 8 sân bay mới dự kiến sẽ hoàn thành vào cuối năm 2000. Một quần thể sân bay hoàn chỉnh trị giá 16 tỉ USD xây dựng ở Hồng Công và hạng mục này sẽ phục vụ 87 triệu lượt khách mỗi năm.

Tổ chức Hàng không quốc tế công bố từ nay đến năm 2020, thế giới cần khoảng 40 000 đến 50 000 máy bay hạng mới và phương hướng phát triển sẽ là tăng chỗ ngồi và chỗ ngồi thật thoải mái. Hãng Bô-ing sẽ chế tạo một thế hệ mới 747 với vận tốc như cũ nhưng chuyên chở sẽ nâng lên từ 800 đến 1000 khách. Sẽ xuất hiện không chỉ sân bay to rộng mà là cả một thành phố sân bay với một mạng lưới giao thông hiện đại nối liền với các thành phố trung tâm bằng các phương tiện siêu tốc, đáp ứng cao nhất đòi hỏi của khách du lịch.

Digitized by Google

Những nước nổi lên trong phát triển du lịch đều có bước đi táo bạo : Trung Quốc gần đây cho xây dựng hàng loạt khu nghỉ dưỡng tổng thể bao gồm các khu nghỉ núi, khu trượt tuyết, khu chơi gôn, khu săn bắn. Ở Ấn Độ, đường vào một công trình kiến trúc cổ chỉ ngắn 7 km nhưng không thuận tiện, chính phủ đã quyết định cho xây ngay 1 sân bay và 7 khách sạn lớn phục vụ khách. Để thỏa mãn nhu cầu của khách, nhà nước Ai Cập đã dành hẳn 10 năm trời với kinh phí hàng chục triệu đô la để ngành kiến trúc tôn tạo, phục hồi con nhân sư...

Nói như phương châm của người Ai Cập "trăm con suối đều đổ về một dòng sông", tất cả các quốc gia trên thế giới chăm lo phát triển ngành du lịch bằng cái nhìn tầm xa, một hành động thống nhất, tập trung sức làm sao để tất cả các ngành liên quan cùng khởi động, tạo ra sức mạnh tổng hợp đạt hiệu quả cao nhất trong mục tiêu phát triển du lịch.

Thứ hai, mở rộng các loại hình du lịch và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, đặc biệt chất văn hóa trong sản phẩm du lịch.

Khai thác và ngày càng mở rộng các loại hình du lịch là mục tiêu vươn tới và điều chỉnh trong định hướng chiến lược phát triển du lịch của nhiều quốc gia. Bên cạnh các loại hình du lịch truyền thống, ngày nay loài người đã bổ sung hàng loạt loại hình du lịch mới : du lịch lịch sử văn hóa, du lịch thương mại, du lịch thể thao, du lịch tôn giáo, du lịch chữa bệnh, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch khoa học, du lịch triển lãm, du lịch hội nghị, hội thảo, du lịch mạo hiểm, du lịch săn bắn du ngoạn, du lịch sinh thái... Chỉ riêng du lịch biển đã có biết bao nhánh nhỏ : tắm biển, đua thuyền buồm, cầu trượt, lướt ván, nhảy dù, thưởng ngoạn trên mặt biển, lặn sâu khám phá đáy đại dương, tham quan bảo tàng sinh vật biển...

Có cảm giác cả thế giới đang quay về với tự nhiên theo tiếng gọi của các xứ sở hoang sơ, hoang dã. Con người dường như khát vọng được nhìn ngắm sự hiện diện cuối cùng của thiên nhiên trước khi nó đi vào dĩ vãng. Các nhà kinh tế tính rằng ở Ru-an-đa, khách du lịch đã phải trả đến 170 USD/một giờ để được ngắm nhìn chú khỉ lạ Gơ-rin-la ; một "ông voi" ở Kê-ni-a theo tính toán của Ngân hàng thế giới một năm có thể đem lại khoảng 610 000 USD từ khách du lịch. Ở Ca-na-đa người ta thông báo thu nhập từ khách du lịch tới xem hải cẩu đã nhiều gấp ba lần so với việc giết và bán da hải cẩu để may quần áo.

"Thiên nhiên tồn tại và thiên nhiên đã trả tiền cho chúng ta", có lẽ sẽ là câu nói cửa miệng của người dân nhiều vùng trên thế giới. Quảng cáo rầm rộ, tuyên truyền quảng bá sâu rộng, trên khắp hành tinh đâu đâu cũng mô tả mảnh đất diệu kỳ, huyền ảo, đẹp như địa đàng, như thiên đường của du lịch ; đâu đâu cũng muốn đưa ra thật nhiều loại hình du lịch độc đáo, hấp dẫn. Song như vậy vẫn chưa đủ. Du lịch ăn nhau ở chất lượng dịch vụ, ở phương thức, phương cách chiều lòng người.

Lòng hiếu khách, chiều khách ở mỗi dân tộc có nét đặc sắc riêng. Nhưng hiếu khách và chiều khách trong ngành du lịch ở bất cứ đâu dường như đã thành quy chuẩn nghiêm khắc. Ví như khách phải được bảo vệ an toàn, an ninh về tính mạng, thân thể, tài sản suốt cuộc hành trình ; khách cần được sống trong bầu không khí cởi mở, thân thiện, hiểu biết, không bị xúc phạm nhân phẩm, cảm thấy sảng khoái dễ chịu, quên hẳn nỗi nhớ nhà, xa quê ; khách được tiếp nhận nhiều kiến thức qua chuyến đi, thưởng thức khám phá được nhiều cái hay, cái đẹp, nhiều cái bất ngờ ; khách giữ lâu ấn tượng về sự quyến rũ của nghệ thuật, sự cám dỗ của cảnh quan danh thắng, sự ngọt ngào đậm đà của các món ăn ; khách hài lòng bởi tình cảm nồng hậu đằm thắm của chủ nhà ; khách được đáp ứng thông tin nhanh nhạy, rẻ và tiện lợi ; kết thúc chuyến đi khách có cái đem về với niềm vui thú, ắp đầy kỷ niệm.

Sản phẩm du lịch từ điểm du lịch, tuyến du lịch đến khách sạn, nhà hàng, phương tiện dịch vụ đều phải hoàn hảo. Quy toàn bộ mối quan hệ với khách, chủ, sản phẩm du lịch và các thiết chế tạo nên bộ mặt văn hóa, phản ánh chất văn hóa tiên tiến của một nền du lịch.

Làm thế nào để nâng cao hiệu quả kinh tế của hoạt động du lịch mà vẫn kế thừa và tôn vinh bản sắc dân tộc, giữ gìn môi trường tự nhiên và môi trường văn hóa, ổn định an ninh quốc phòng, đó là câu hỏi luôn mang tính thời sự của bất cứ quốc gia nào, bất cứ thể chế chính trị nào.

Digitized by Google

Cái giống nhau trên thế giới là ở đâu cũng phát triển loại hình du lịch văn hóa. Du lịch văn hóa, đó chính là một nền du lịch dựa trên nguồn tài nguyên văn hóa của mỗi quốc gia. Còn văn hóa du lịch, tính văn hóa, chất văn hóa trong du lịch thì lại là bức tranh muôn màu nghìn vẻ hiếm có quốc gia nào giống quốc gia nào. Đó là quá trình giải quyết những mối quan hệ mang tính văn hóa trong mọi hoạt động du lịch. Nó tựa như bức chân dung của một nền du lịch.

Nếu hiểu khái niệm văn hóa rộng lớn, là toàn bộ những giá trị vật chất cũng như tinh thần được tạo ra trong quá trình hoạt động của con người thì dễ thấy tính văn hóa ở đây mang nội hàm phong phú lắm. Nó là sự thể hiện những giá trị định tính định lượng, cả vô hình và hữu hình ; nó tồn tại ở dạng vật thể, phi vật thể và được biểu hiện tập trung nhất ở sản phẩm du lịch và quá trình làm ra sản phẩm đó. Ở đây người ta thường chú ý tới công nghệ du lịch. Bản chất của công nghệ du lịch là quy trình hoạt động để biến tài nguyên du lịch thành sản phẩm du lịch và biến nhu cầu du lịch của con người thành khách du lịch. Có tài nguyên quý giá nhưng không biết khai thác làm thức dậy những tài nguyên đó hoặc khai thác vụng về, tùy tiện không đúng quy trình công nghệ cũng sẽ không tạo ra được sản phẩm du lịch tốt nếu không muốn nói, có thể phá nát cả một nền du lịch. Nắm vững thành phần công nghệ du lịch chính là nắm vững một dây chuyền sản xuất nghiêm ngặt nhằm tạo nên hiệu quả cao không những về mặt kinh tế mà còn ở cả mặt xã hội và văn hóa.

Hệ thống sản phẩm du lịch được thể hiện ở những giá trị hữu hình. Nó phản ánh tính riêng có, tính biểu trưng văn hóa của một dân tộc. Khai thác sâu ở vẻ độc đáo, nét đặc thù, dạng khác biệt của văn hóa dân tộc chính là hình thành nên sản phẩm du lịch mang tính văn hóa cao. Chân dung một nền du lịch chỉ rõ nét khi nó được hiện ra dưới dạng biểu trưng văn hóa. Du khách có thể nhìn nhận nó ở sắc màu lễ hội, ở cảnh quan làng xã, ở gương mặt tôn giáo, ở đường nét các công trình kiến trúc cổ, ở tập tục dân gian... Nhưng cuối cùng vẫn phải giữ lại được cái gì rất riêng ở trong lòng du khách về mối quan hệ con người với con người. Nó được hiển hiện ở môi trường xã hội nhân văn. Nó bao gồm trình độ phát triển xã hội, ở dân trí, ở mức sống, lối sống, ở ý thức tôn trọng pháp luật, ở cách ứng xử trong mọi mối quan hệ. Vì lẽ đó loài người rất muốn trở lại khái niệm truyền thống : du lịch là giáo dục, du lịch nâng cao vị thế của con người.

Hòa cùng bước chuyển quan trọng trên đây của du lịch thế giới, du lịch Việt Nam sẽ hoạt động thế nào và sẽ đi về đâu ?

Việt Nam có tiềm năng du lịch to lớn, phong phú đa dạng và hấp dẫn : cảnh quan thiên nhiên đẹp, nhiều loại hình ; nhiều di tích lịch sử và văn hóa có giá trị ; lễ hội cổ truyền diễn ra quanh năm, có lễ hội khách hành hương đến hàng chục vạn người ; có nghệ thuật ẩm thực độc đáo ; có phố nghề làng nghề tương đối tập trung và nhiều sản vật lạ ; con người Việt Nam nồng hậu, hiếu khách, mến khách. Đó là vốn tài nguyên vô giá của du lịch. Tài nguyên đó lại được phân bổ khá đồng đều giữa các vùng, miền hình thành nên những khu liên đới nghỉ dưỡng, tham quan, các khu di tích lịch sử văn hóa, di tích cách mạng, khu núi đồi, sông biển, rừng rậm, miệt vườn còn giữ nguyên vẻ hoang sơ, hoang dã, huyền bí.

Với 54 dân tộc đủ sắc màu, mỗi dân tộc đều có vị trí và nét đặc sắc riêng, tạo nên các tuyến du lịch có sức hút, rất đặc trưng, xuyên quốc gia, không lặp lại. Đây là tiền đề cho phép hình thành và phát triển nhiều loại hình du lịch và là căn cứ quan trọng để có thể tiến hành quy hoạch tổng thể về mặt lãnh thổ cho hoạt động du lịch.

Buổi đầu do chưa nhận thức được hết nên tổ chức du lịch Việt Nam đã qua những bước thăng trầm, không ít lần tách ra nhập vào trước khi trở thành một cơ quan nhà nước riêng biệt, ổn định, một ngành kinh tế tổng hợp được chỉ đạo thông suốt từ trên xuống dưới. Đã có một hệ thống tổ chức hoàn chỉnh đủ khả năng quản lý, nâng cao trình độ kinh doanh, một đội ngũ cán bộ đông đảo, đa dạng, ngày càng trưởng thành về chuyên môn nghiệp vụ trải rộng trên khắp mọi miền đất nước.

Du lịch Việt Nam ngày nay đã là thành viên chính thức của Tổ chức du lịch thế giới (WTO), của Hiệp hội du lịch châu Á - Thái Bình Dương (PATA), của Hiệp hội du lịch Đông - Nam Á (ASEANTA). Chi hội PATA Việt Nam hiện đã

Digitized by Google

có hàng trăm hội viên là các doanh nghiệp du lịch khách sạn trong cả nước.

Đảng và Nhà nước ta đã dành cho du lịch vị trí xứng đáng, coi phát triển du lịch là hướng chiến lược quan trọng trong đường lối phát triển kinh tế - xã hội đất nước ; "từng bước đưa nước ta trở thành một trung tâm du lịch - thương mại dịch vụ tầm cỡ trong khu vực". Đó là phương hướng mang tính khả thi, được nhiều cấp, nhiều ngành ủng hộ, tham gia.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh du lịch, một văn bản pháp quy rất cần thiết để tạo thế và lực mới, định hướng cho du lịch Việt Nam trở thành ngành phát triển bền vững : bền vững về môi trường, bền vững về văn hóa và bền vững về kinh tế. Pháp lệnh quy định : "Du lịch là ngành kinh tế mang tính tổng hợp quan trọng mang nội dung văn hóa sâu sắc, có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hóa cao".

Để tập hợp các ngành, các cấp đồng tâm hiệp lực phát triển du lịch, Chính phủ đã quyết định lập Ban chỉ đạo nhà nước về du lịch do một Phó Thủ tướng trực tiếp chỉ đạo. Một chương trình hành động quốc gia về du lịch đã được Chính phủ phát động và nụ cười cô gái Việt Nam đằm thắm tươi duyên với khẩu hiệu vẫy gọi : Việt Nam - điểm đến của thiên niên kỷ mới đã gây ấn tượng trong và ngoài nước. Đã có sự chuyển biến sâu rộng về nhận thức trong xã hội, ở các ngành, các cấp đối với vai trò, vị trí của du lịch. Có 30 tỉnh, thành phố đã lập Ban chỉ đạo nhà nước về du lịch ; 14 bộ, ngành có quan hệ với du lịch hưởng ứng và có kế hoạch phối hợp chặt chẽ, thực hiện chương trình hành động quốc gia. Các tổ chức quốc tế, các diễn đàn, hội nghị, hội chợ, hội thảo trong khu vực và trên thế giới đang và sẽ giới thiệu gương mặt du lịch Việt Nam. Những thủ tục phiền hà, những rào cản quá trình kinh doanh du lịch đang được tích cực gỡ bỏ.

Các tổ chức du lịch đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường, tuyên truyền quảng bá về đất nước, con người Việt Nam, tạo ra cục diện đồng thuận trong mùa văn hóa lễ hội, trong những ngày kỷ niệm lớn của dân tộc. Các tổ chức du lịch trong khí thế thi đua nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng điểm, tuyến, tour, mang đặc thù Việt Nam. Ngành du lịch Việt Nam đang tập trung triển khai chương trình nâng cao năng lực và hiệu lực quản lý nhà nước về du lịch theo hướng gọn, tinh, phát huy quyền chủ động của từng cơ sở, xây dựng chiến lược đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực của ngành, phấn đấu trong thời gian không xa du lịch Việt Nam có một đội ngũ cán bộ ngang tầm trình độ khu vực và thế giới.

Bốn mươi năm qua du lịch Việt Nam đã có bước trưởng thành vượt bậc. Chỉ tính từ 1990, năm đầu tiên tuyên bố "Năm du lịch Việt Nam", tốc độ tăng trưởng đã gấp 10 lần về lượng khách nội địa và tăng 7 lần lượng khách quốc tế. Cơ sở vật chất - kỹ thuật giờ đây có đủ khả năng đáp ứng dịch vụ cao cho ba triệu lượt khách quốc tế đến Việt Nam. 3 000 khách sạn với 62 000 phòng, đủ sức đón một lúc 50 nguyên thủ quốc gia và tổ chức những hội nghị, hội thảo lớn mang tính quốc tế.

Gần hai năm thực hiện Pháp lệnh du lịch và Chương trình hành động quốc gia về du lịch ; du lịch Việt Nam đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm, nhất là kinh nghiệm về mở rộng và nâng cao chất lượng loại hình du lịch ; kinh nghiệm tuyên truyền quảng bá, kinh nghiệm quản lý nghiệp vụ, đặc biệt là tăng cường sự liên kết, phối hợp liên ngành liên vùng tạo đà cho ngành du lịch bước vào thiên niên kỷ mới với hành trang khá đầy đủ, trong niềm tự tin giành thắng lợi.

Nhớ lại cách đây vừa tròn 40 năm, ngày 17-7-1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm Sầm Sơn, Thanh Hóa ; tại đây Người đã hỏi đồng chí Bí thư Tỉnh ủy : "Chú có biết làm giàu không ?" và Người nhắc nhở : "Ở đây nên tổ chức các nhà nghỉ mát phục vụ chu đáo mà thu đô la. Một giường cho thuê một ngày ở đây bằng một tấn than ở Quảng Ninh. Nên tổ chức cho khách đi chơi bằng trực thăng ra mỏ, sáng chở họ đi, chiều chở họ về...".

Ý tưởng kinh tế du lịch với tầm nhìn xa của Bác đã được lớp lớp cháu con trên đất nước ta ra sức thực hiện và giờ đây không chỉ có Sầm Sơn, Đồ Sơn, không chỉ một đồng chí bí thư mà có hàng chục đồng chí bí thư sẽ trả lời : Thưa Bác, du lịch Việt Nam đang làm giàu cho đất nước bằng chính nội lực và sức vóc của quê hương mình. ❑

Digitized by Google

GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ LŨ LỤT Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

PHẠM KHÔI NGUYÊN *

MẤY năm lại đây mưa lũ, hạn hán, nước dâng, động đất, lở đất, núi lửa, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh... xảy ra ngày càng nhiều trên thế giới, làm chết hàng triệu người, tổn thất to lớn tài sản và của cải. Theo tài liệu của cơ quan cứu trợ Liên hợp quốc, trong vòng 20 năm lại đây, thiên tai làm chết gần 3 triệu người, ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của gần 1 tỉ người, tổn thất về tài sản vật chất khoảng gần 100 tỉ đô la. Khu vực Đông - Nam Á và Nam Á lũ lụt có xu hướng ngày càng tăng và hậu quả rất nghiêm trọng. Ở nước ta, thảm họa lũ lụt cũng xảy ra ngày càng nhiều ở các tỉnh ven biển miền Bắc và miền Trung. Đặc biệt, trong những năm cuối thế kỷ này, lũ lụt lớn thường xảy ra ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Nước lũ đến sớm và dâng cao hơn, cuốn đi hàng ngàn nhà cửa, làng mạc, dìm hàng nghìn ha đồng lúa, hoa màu trong biển nước.

Có nhiều nguyên nhân gây ra lũ lụt ở ĐBSCL. Chúng ta có thể nghĩ đến việc quả đất đang ấm dần lên, môi trường ngày một xấu đi, lũ lụt nặng nề hơn. Cũng có thể nghĩ đến tỷ lệ rừng đầu nguồn ở Lào, Thái Lan, Mi-an-ma, Trung Quốc... bị tàn phá nặng nề. Chúng ta cũng chưa đủ sức để đào thêm kênh lớn thoát lũ ra vịnh Thái Lan, hay đắp đê như ở đồng bằng sông Hồng. ĐBSCL là phần của tam giác châu của hạ lưu sông Mê Công nằm trong lãnh thổ Việt Nam. Đỉnh tam giác châu lại là một miền đất tương đối trũng so với hạ lưu. Nghiên cứu bản đồ quốc gia Việt Nam, chúng ta thấy khoanh ranh giới của bốn vùng ngập lũ : vùng ngập lũ dưới 1m, vùng ngập từ 1m đến 2m, vùng ngập từ 2m đến 3m và vùng ngập hơn 3m. Vùng ngập lũ sâu nhất tô màu đậm chiếm phần Bắc và có thể còn kéo dài tới gần đỉnh tam giác châu, đánh dấu bằng vô số hồ nhỏ ở phía nam Phnôm Pênh. Mùa lũ sông Mê Công kéo dài 6 tháng,.bắt đầu từ tháng 7, đạt đỉnh cao nhất vào tháng 10 và kết thúc vào thắng 12 hằng năm. Cái bất thường của mùa lũ năm nay là đỉnh của lũ không đợi đến tháng 10 mà dâng lên quá cao ngay từ tháng 9. Đời sống của nhân dân ta ở ĐBSCL còn nhiều khó khăn, nhà cửa thường đơn sơ, lại tập trung ở các vùng trũng nên dễ bị lũ lụt tàn phá. Đây là một vấn đề khó khăn, phức tạp, đòi hỏi phải có kế hoạch tổng thể và cố gắng của toàn xã hội trong một thời gian dài mới giải quyết được.

Lũ ở ĐBSCL hiện nay đã vượt qua đỉnh lũ năm 1978 và 1996 là hai trong 4 năm xảy ra lũ lụt lớn nhất khu vực trong vòng 70 năm qua, gây tổn thất nặng nề, uy hiếp đời sống của hơn 5 triệu người dân châu thổ. Vẫn biết thiên nhiên ưu đãi vùng đất phì nhiêu này, nhưng giờ đây người dân lại đang đối mặt với những thử thách khắc nghiệt chưa từng có. Trong vòng 7 năm kể từ năm 1994 đến nay, ĐBSCL xảy ra 4 trận lũ lớn tầm lịch sử. Năm 1994, lũ lụt làm chết 407 người, thiệt hại vật chất khoảng 2 284 tỉ đồng, 79 778 ha vườn cây ăn trái bị ngập nước, phần lớn bị chết dần sau lũ, 583 107 hộ có nhà bị ngập, trong đó hư hỏng nặng 95 nghìn nhà... Năm 1995, lũ lại tiếp tục tràn về dâng cao xấp xỉ đỉnh lũ năm trước. Năm 1996, lũ lụt làm chết 206 người, 90 nghìn căn nhà bị ngập, hàng chục nghìn người không còn nhà ở, dù là nhà tạm, hơn 150 nghìn ha hoa màu, hơn 100 công trình thủy lợi và khoảng 1 000 km đường giao thông bị phá hủy, hàng vạn người lâm vào cảnh thiếu đói phải cứu trợ.

* TS. Thứ trưởng Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường

Digitized by Google

Theo thống kê chưa đầy đủ, đến cuối tháng 9-2000, lũ ở ĐBSCL đã gây thiệt hại nặng nề : 321 710 ha lúa hè thu bị ngập úng, 40 150 ha lúa vụ ba bị mất trắng hoặc chết ; 18 332 ha hoa màu, cây ăn trái bị hư hại. Lũ lụt đã làm ngập sâu toàn bộ 5 huyện vùng Đồng Tháp Mười của Long An. Hơn 90% diện tích đất tự nhiên của tỉnh Đồng Tháp đã chìm trong nước ; nước lũ tràn ngập hầu hết các con đường trong thị xã Cao Lãnh, nhiều bến tàu, bến xe, trụ sở cơ quan... trong thị xã bị ngập sâu. Nước tràn vào TP Long Xuyên, thị xã Cao Lãnh làm ảnh hưởng nghiêm trọng các mặt đời sống và sinh hoạt của nhân dân ; sản xuất, kinh doanh ngừng trệ ; môi trường ô nhiễm, dịch bệnh phát sinh. Lũ lụt đã tràn xuống các huyện đầu nguồn của các tỉnh Kiên Giang, Cần Thơ và Tiền Giang, gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản. Tính đến ngày 3-10-2000 có 242 người chết, hơn 500 nghìn nhà dân bị ngập, 808 căn nhà bị sập đổ hoàn toàn, 5 897 căn nhà bị xiêu vẹo, 40 634 hộ phải di dời, 1 612 điểm trường bị ngập sâu, 536 720 học sinh phải nghỉ học, 157 trạm y tế, 669 km tỉnh lộ, quốc lộ và 3 506 km đường nông thôn bị ngập, hàng trăm cây cầu sạt mố, hoặc bị trôi, hàng nghìn km bờ bao ngăn lũ bị vỡ... Tất cả mới là bước đầu. Con số thiệt hại về người và tài sản lên từng ngày, từng giờ và sức tàn phá của lũ ngày càng lớn.

Lũ lớn, nhưng đồng bào các tỉnh ĐBSCL đã vững vàng, bình tĩnh vượt lũ. Các khu dân cư vượt lũ cùng hàng trăm nghìn căn nhà trên cọc được Nhà nước giúp đỡ xây dựng ba năm qua đã giúp đồng bào tạm sống yên ổn với lũ đang dâng cao. Đặc biệt, hệ thống kênh thoát lũ ra biển Tây đã phát huy hiệu quả lớn, dù lũ cao hơn đỉnh lũ năm 1996. Lũ năm 1996, chỉ riêng tỉnh Kiên Giang thiệt hại 10 nghìn ha lúa, 100 nghìn nhà dân bị ngập. Năm nay, dù lũ về sớm toàn tỉnh chỉ mất hơn 2 nghìn ha lúa bằng 20% và 4 500 nhà dân bị ngập, bằng 45% năm 1996. Ở Đồng Tháp đã xây dựng được khu dân cư bằng hệ thống bờ bao ở thị trấn Sa Rài đang bảo vệ an toàn cho gần 2 nghìn hộ sống trong thị trấn rộng hơn 400 ha. Tại thời điểm này, mặt đê còn cao hơn mức nước ngoài kênh trên dưới hai mét, mọi hoạt động trong thị trấn diễn ra bình thường. Giờ đây chúng ta mới thấy hết giá trị của mô hình sống chung với lũ kiểu này ở ĐBSCL. Tuy nhiên, những mô hình mẫu có hiệu quả như Sa Rài, Giồng Găng ở Đồng Tháp chưa được nhân rộng.

Thử thách lớn nhất, khốc liệt nhất lúc này là làm sao bảo vệ được tính mạng, tài sản của nhân dân. Lũ lên cao, số người thiệt mạng vì lũ ngày mỗi tăng, trong đó phần lớn là trẻ em. Tổn thất về vật chất cũng ngày càng lớn. Mưa lũ còn gây ra ô nhiễm môi trường, nhất là môi trường nước. Sau lũ lụt thường phát sinh các dịch bệnh đường tiêu hóa như : ỉa chảy, tả, lỵ, thương hàn... các dịch bệnh khác như sốt xuất huyết, sốt rét do muỗi phát triển nhiều, sức đề kháng của nhân dân bị giảm sút do thiếu ăn, thiếu nhà ở sau lũ lụt.

Trong những ngày "cơn đại hồng thủy" ở ĐBSCL xảy ra, các cấp chính quyền, đoàn thể, cơ quan, đơn vị và đông đảo nhân dân trong cả nước đã dốc sức, chung lòng giúp đỡ thiết thực, kịp thời, có hiệu quả. Kiều bào ta ở nước ngoài, các nước và các tổ chức quốc tế đã và đang chia sẻ những khó khăn, trợ giúp nhân dân vùng bị thiên tai. Đảng, Nhà nước ta đặc biệt quan tâm đến người dân đang sống trong lũ lụt. Đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu và các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước đã trực tiếp xuống với nhân dân, chỉ đạo sát sao, kịp thời công tác chống lũ lụt. Hàng loạt tấm gương của quân đội, công an, cán bộ, công nhân viên... đang xả thân vì nhân dân vùng lũ. Họ đã chuyển đến hàng trăm tấn lương thực, thực phẩm, thuốc men, quần áo, sách vở, trang thiết bị y tế, vệ sinh môi trường... cho nhân dân, thể hiện sâu sắc truyền thống "lá lành đùm lá rách", "nhường cơm sẻ áo cho nhau" khi khó khăn, hoạn nạn của dân tộc ta. Những việc làm đó đang được phát triển thành phong trào sâu rộng, thể hiện tình cảm, trách nhiệm và huy động sự đóng góp của mỗi cấp, mỗi ngành, mọi nhà và mọi người đến với từng địa chỉ, từng người dân đang sống trong vùng lũ lụt.

Do tính chất của lũ năm nay ở ĐBSCL xảy ra trên diện rộng, kéo dài, đỉnh lũ cao, nhiều vùng bị ngập sâu, người dân phải dồn đến ở những vùng đất cao chật hẹp, lượng người tập trung đông nên vấn đề bảo đảm vệ sinh môi trường, cung cấp nước sạch, lương thực, thực phẩm, đề phòng dịch bệnh đặt ra rất cấp bách. Sau lũ lụt hàng loạt vấn đề kinh tế, xã hội bức thiết cũng cần phải giải

Digitized by Google

quyết. Trước hết chúng ta tập trung thực hiện những vấn đề cơ bản, cấp thiết sau đây :

Một là : Nước lũ dâng cao mang theo nhiều chất bẩn ở mọi vùng, gây ô nhiễm trầm trọng, người dân không thể ăn uống trực tiếp nước lũ chưa qua xử lý. Vì thế cần cung cấp đầy đủ các loại thiết bị bình lọc nước, xô, chậu, thùng chứa nước, phèn lắng trong nước, thuốc khử trùng nước. Phèn, hoặc chất keo tụ lắng nước PACN-95 cần được đóng gói nhỏ có hướng dẫn cách sử dụng của các đơn vị, xí nghiệp sản xuất. Sau khi nước được lắng trong, đổ vào bình lọc pha thuốc khử trùng như Cloramin, mới có thể uống trực tiếp hoặc qua đun sôi. PACN-95, Cloramin cần có kế hoạch chuẩn bị đầy đủ và khẩn trương cung cấp đến tận vùng ngập sâu đang bức xúc về nhu cầu nước uống và vệ sinh môi trường. Sử dụng xuồng, thuyền chở nước sạch từ các nhà máy cung cấp cho các điểm dân cư tránh lũ. Ở những vùng xa có thể sử dụng máy bay trực thăng chở nước với các nhu yếu phẩm cần thiết khác để cung cấp kịp thời cho nhân dân. Sử dụng các loại hố xí, cầu tiêu nổi. Sau khi nước rút, khôi phục ngay các công trình cấp nước và vệ sinh môi trường ; nạo vét các nguồn nước như : ao, kênh mương, giếng, bể chứa nước, khử trùng nước, thực hiện ăn chín, uống sôi...

Tuy nhiên, về lâu dài phải có biện pháp tổng thể hạn chế lũ lụt liên quốc gia. Tạo các hồ đập ở thượng nguồn sông Mê Công, tăng cường tỷ lệ rừng bao phủ ở đầu nguồn để giảm lũ lụt. Có thể lập các hệ thống quan trắc thủy văn ở lưu vực sông Mê Công để kịp thời dự báo các vấn đề về môi trường, lũ lụt. Quy hoạch hệ thống kênh mương thoát lũ. Xây dựng các vùng đất cao hơn cốt ngập lụt để cho nhân dân tránh nạn. Coi trọng các công trình cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường trong các cụm dân cư tập trung có khả năng chống lũ lụt ở mức cao nhất theo quy hoạch tổng thể của vùng ĐBSCL. Tổ chức tập huấn, huấn luyện các đội cứu hộ, cung cấp thiết bị nước sạch và vệ sinh môi trường cho vùng bị lũ lụt.

Hai là : Chủ động phòng chống dịch bệnh do ô nhiễm môi trường, nguồn nước, đặc biệt là các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm có thể gây dịch bệnh trước và sau lũ lụt. Chuẩn bị sẵn sàng các cơ số thuốc, hóa chất, máy phun hóa chất và các vật tư chuyên dụng khác để xử lý kịp thời khi có tình huống. Khi nước bắt đầu rút, cần hướng dẫn nhân dân xử lý môi trường, không để dịch bệnh xảy ra. Nước rút đến đâu làm vệ sinh môi trường đến đó. Tổ chức thu gom, dọn vệ sinh, chôn xác động vật. Tăng cường quản lý chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm. Nghiêm cấm việc bán thịt gia súc, gia cầm chết hoặc giết mổ không hợp vệ sinh. Phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp mắc tiêu chảy, tả, sốt rét, thương hàn, đặc biệt là nguy cơ xảy ra dịch sốt xuất huyết rất cao ở các tỉnh ngập lụt ĐBSCL, phun hóa chất diệt ruồi, muỗi ở những khu vực trọng điểm.

Ba là : Đẩy mạnh công tác giáo dục, truyền thông về cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường ở vùng lũ lụt. Phổ biến trong nhân dân kiến thức, kinh nghiệm và pháp luật về phòng ngừa bão lụt. Đào tạo cán bộ, nâng cao trình độ chuyên môn trong cấp nước, tìm kiếm, vận chuyển, thổi ngạt, cứu trợ người bị nạn... Tổ chức và đầu tư xây dựng hệ thống thu thập thông tin về sự biến động thời tiết toàn cầu, thời tiết khu vực và từng vùng trong cả nước, đặc biệt là khu vực miền Trung và ĐBSCL. Xử lý thông tin để nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo phòng ngừa lũ lụt...

Bốn là : Để nhân dân ĐBSCL sống chung với lũ cần quy hoạch mùa vụ tránh hẳn với mùa lũ và lợi dụng đúng mùa cạn để trồng trọt an toàn. Dù có bờ bao cũng cần phải tính toán để không kéo dài mùa thu hoạch đến quá tháng 7 là tháng bắt đầu mùa lũ. Chọn những giống lúa ngắn ngày để trồng trọt và thu hoạch gọn trong mùa cạn. Nghiên cứu để có thể không kéo dài mùa thu hoạch đến tháng 8 như năm nay. Về quy hoạch khu dân cư, không nên phân tán dân cư để họ ở gần với đồng ruộng, chọn những vùng tương đối cao, chỉ ngập lũ dưới 1m hoặc 2m, đắp bờ bao lấy một khu dân cư cố định, tạo nên những ốc đảo nhân tạo : có nhà ở, kho thóc, trường học, sân chơi, nhà văn hóa... mùa lũ dân cư sinh sống ở đó một cách an toàn. Trẻ em vẫn đi học bình thường.

Sau khi lũ rút, cần hướng vào việc xây dựng và củng cố cơ sở hạ tầng như điện, đường, trường học, trạm y tế, chợ nông thôn, nước sạch, điện

(Xem tiếp trang 33)

Digitized by Google

ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG - MÙA LŨ CUỐI THIÊN NIÊN KỶ

TRẦN KIM DUNG

1. Lũ lụt nghiêm trọng và thường xuyên - đặc thù tự nhiên của đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) :

Đồng bằng sông Cửu Long lớn thứ 3 trong hơn 30 đồng bằng lớn của thế giới, sau đồng bằng sông A-ma-dôn (Bra-xin) và đồng bằng sông Hằng - Bra-ma-put (Ấn Độ - Băng-le-đét). Đây cũng là đồng bằng lớn nhất nước ta, chiếm khoảng 12% diện tích cả nước. Vùng đất này rất phì nhiêu, thiên nhiên ưu đãi và là vùng kinh tế nông nghiệp trọng điểm của cả nước.

Đặc thù tự nhiên, cố hữu, gây không ít khó khăn cho quá trình phát triển của vùng nông nghiệp trù phú phía Nam này là tình trạng lũ lụt nghiêm trọng và thường xuyên. Hằng năm, cả một vùng rộng lớn từ 1,2 đến 1,4 triệu ha, (đối với năm lũ nhỏ) và 1,9 triệu ha (đối với năm lũ lớn) ở ĐBSCL chìm trong dòng nước lũ từ sông Mê Công tràn về. Khoảng 50% diện tích của khu vực bị ngập sâu 0,5 - 4 m trong vòng từ 2 - 4 tháng ; tới hơn một nửa dân số ở đây sống trong vùng ngập lũ. Những người cao tuổi vẫn nhớ về trận bão lớn năm Giáp Thìn (1904) đã gây ra cho người dân ĐBSCL những tổn thất nặng nề. Riêng 3 xã ven biển Gò Công đã có tới 5 000 người thiệt mạng. Các trận lũ lụt của các năm 1937, 1940, 1946, 1949, 1961 và mấy năm gần đây liên tiếp, từ 1994 - 1997 đã gây thiệt hại nặng nề về người và của, phá hủy nhiều đường sá, cầu cống, nhà cửa, mùa màng... Lũ lụt, thiên tai là những lực cản rất lớn đối với sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn ĐBSCL theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Bên cạnh những hậu họa gây ra, lũ lụt ít nhiều cũng có tác động tích cực, nhất là đối với phát triển sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân. Nước lũ về mang theo một lượng phù sa lớn bồi đắp, mở rộng thêm diện tích đất về hướng biển Đông, tăng thêm độ phì nhiêu của đất, làm cho mùa màng, cây cối tốt tươi. Sau mỗi đợt lũ về, các loại sinh vật sống dưới nước cũng có điều kiện sinh sôi, nảy nở. Lũ cũng góp phần thau chua, rửa mặn, cải tạo đất.

Trong lịch sử hình thành và phát triển vùng đất phía Nam Tổ quốc, ông cha ta đã biết làm thủy lợi, đào kênh, mương dẫn nước tưới, tiêu cho đồng ruộng, phục vụ nhu cầu giao thông, đi lại. *Kênh Vĩnh Tế* của vùng Tây - Nam Tổ quốc (nối liền Châu Đốc - Hà Tiên) đã được xây dựng từ thời nhà Nguyễn (đầu thế kỷ XIX).

Hai mươi lăm năm sau ngày giải phóng, để ĐBSCL trở thành vùng có sản lượng lương thực cao nhất nước, Nhà nước đã tập trung đầu tư rất lớn để khai phá nhiều vùng đất hoang hóa, chua phèn, nhiễm mặn trở thành những cánh đồng màu mỡ ; xây dựng hệ thống thủy lợi, cải tạo ngọt hóa đồng đất cũng như các dự án hỗ trợ người dân sống cùng với lũ, chế ngự lũ. Công cuộc khai thác *Đồng Tháp Mười* và vùng *tứ giác Long Xuyên* (vùng đất trũng, lòng chảo, cứ mùa lũ đến lại biến thành một biển nước mênh mông), đã mang lại cho cuộc sống người dân nơi đây những thay đổi đáng kể. Mặc dù được Nhà nước quan tâm đầu tư xây dựng thêm hạ tầng cơ sở cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, nhưng so với yêu cầu, vẫn còn những khoảng cách khá lớn : hệ thống thủy lợi còn nhiều hạn chế trong khả năng tiêu thoát lũ ; việc dẫn nước ngọt, ngăn mặn, thoát phèn hiệu quả chưa thật cao ; giao thông đường bộ chưa bảo đảm an toàn trong mùa lũ ; mạng lưới đường sá nông thôn chỉ tạm đáp ứng nhu cầu cho người đi bộ và xe thô sơ di chuyển, chưa thích ứng cho việc vận tải hàng hóa, nông sản trong điều kiện kinh tế thị trường. Vấn đề *thoát lũ* cũng như tìm cách *chung sống với lũ lụt,* thay thế những ngôi nhà tre, lá tạm bợ bằng những ngôi nhà chắc chắn, khang trang cho người dân vùng lũ v.v. vẫn

Digitized by Google

đang là những công việc cần quan tâm hàng đầu không chỉ với người dân ĐBSCL, mà cũng là mối lo chung của Đảng, Chính phủ và nhân dân cả nước.

2. Đồng bằng sông Cửu Long trong mùa lũ năm 2000

Theo số liệu chính thức của Hội Chữ thập đỏ quốc tế công bố ngày 20-9-2000, lũ lụt nghiêm trọng nhất khu vực trong vòng 40 năm qua tại khu vực sông Mê Công ở 3 nước Cam-pu-chia, Thái Lan và Việt Nam từ cuối tháng 7 đến nay đã làm hàng trăm người chết, hơn 2 triệu người rời bỏ nhà cửa, hàng trăm ngàn héc ta đất màu cùng nhiều loại hoa màu bị phá hủy, ảnh hưởng đến cuộc sống của khoảng 4 triệu người. Tổ chức Chữ thập đỏ quốc tế tại Cam-pu-chia đang rất lo ngại về khả năng xảy ra các trận dịch bệnh khi nước bắt đầu rút. Còn trận lụt ở Thái Lan đã gây ra nạn dịch Leptospirosis (do một loại vi khuẩn trong nước tiểu chuột gây ra) làm thiệt mạng ít nhất 220 người. Một trong những nguyên nhân gây dịch bệnh là do nguồn nước bị nhiễm bẩn.

Ở ĐBSCL năm nay, lũ về sớm hơn bình thường một tháng. Trận lũ này ở mức cao nhất trong vòng 70 năm qua. Theo các chuyên gia khí tượng thủy văn, hiện tượng lũ về sớm có *3 nguyên nhân* chính :

- Mùa khô 1999 - 2000, lượng mưa trên lưu vực trong các tháng đều vượt mức trung bình nhiều năm, tạo tiền đề cho lũ về sớm.

- Mới trong những ngày đầu của tháng 8, mực nước ở Tân Châu (Đồng Tháp) và Châu Đốc (An Giang) đã vượt báo động số 3 ; đồng thời, đã vượt quá đỉnh lũ trung bình nhiều năm (từ 1958 - 1997).

- Lũ về sớm ở mức cao, lượng mưa tại chỗ lớn (từ ngày 20-6 đến ngày 17-7, lượng mưa ở Long Xuyên là 300 mm), cùng với triều cường (mực nước triều ngày 30-8 tại Vũng Tàu là 3,8 m).

Mùa lũ năm trước rút chậm hơn gần 1 tháng, vì thế vụ lúa hè thu năm nay phải gieo sạ trễ, chưa kịp thu hoạch vào tháng 7, lũ đến sớm càng gây tổn thất nhiều hơn cho mùa màng. Tỉnh Cần Thơ tuy chưa phải là tỉnh bị ảnh hưởng lũ nặng nề, nhưng vụ thu - đông năm nay, trong số 65 243 ha lúa đã gieo sạ, diện tích bị mất trắng do lũ sớm về nhanh và ở mức cao là 6 677 ha.

Chưa kịp khắc phục hậu quả đợt lũ sớm đầu tháng 7, ĐBSCL lại phải đương đầu với đợt lũ lớn và bão lốc tháng 8.

Từ khuya đêm 23 đến chiều 24-8, một cơn lốc dữ dội kèm mưa dông đã tràn qua 6 tỉnh, thành Nam Bộ : *Bà Rịa - Vũng Tàu, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang, Cà Mau,* phá sập, làm hư hỏng nhiều nhà cửa, hoa màu, công trình hạ tầng..., làm bị thương hàng trăm người. Tại Tiền Giang, mưa to và dông mạnh thổi qua các huyện Chợ Gạo, Châu Thành, Cái Bè, Gò Công Đông, thành phố Mỹ Tho, làm thiệt hại nhiều người và của của nhân dân. An Giang có 494 căn nhà bị lốc đánh sập, hư hỏng. Các huyện Châu Thành, Tri Tôn bị thiệt hại nặng nhất. Bến Tre, Trà Vinh và huyện Trần Văn Thời, U Minh - Cà Mau cũng chịu hậu quả không nhỏ của mưa lốc.

Ngày 24 và 25-9, một cơn lốc xoáy đã tràn qua nhiều xã của tỉnh *Cần Thơ* làm sập nhiều căn nhà và 5 phòng học. Lốc mạnh, gió giật 60m/s (cấp 17) đã đi qua thị xã Rạch Giá - *Kiên Giang*, làm sập và tốc mái khoảng 100 căn nhà, trụ sở làm việc và đổ gãy nhiều cây cối.

Trong trận lũ lịch sử cuối thiên niên kỷ này, mặc dù được ngành khí tượng thủy văn cảnh báo sớm, được sự chỉ đạo kịp thời của Chính phủ và nỗ lực cao của các ngành, các cấp, các địa phương trong việc chủ động đối phó, tích cực phòng chống, né tránh, nhưng, nhiều tỉnh thuộc khu vực ĐBSCL, tuy ở mức độ khác nhau, đều bị ảnh hưởng nặng nề của bão lũ. Nhiều vùng biến thành những biển nước mênh mông ; nhiều tuyến xe khách liên tỉnh phải tạm ngưng, giao thông ở các tỉnh trong vùng chủ yếu là xuồng và thuyền nhỏ. Đời sống của hàng triệu người dân bị đe dọa do mất mùa, nhà cửa, tài sản ; dịch bệnh...

Cả nước và bạn bè thế giới đều hướng về vùng bị lũ lụt :

Khi lũ về sớm hơn một tháng, bất ngờ trong khi lúa của bà con chưa kịp chín, *Quân khu 9* đã triển khai ngay sở chỉ huy tiền phương (đóng tại An Giang) và huy động lực lượng xuống giúp dân, vừa phòng nước lên, vừa hỗ trợ cho dân. Trong vòng hơn nửa tháng, đã triển khai gần 6 000 bộ đội chủ lực và khoảng 3 000 dân quân tự vệ trên các tỉnh đầu nguồn giúp dân chống lũ.

Digitized by Google

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trong phiên họp (18 đến 25-7), sau khi nghe báo cáo về tình hình lũ lụt sớm xảy ra ở ĐBSCL, đã chỉ đạo ngay việc phối hợp đồng bộ giữa chính quyền, lực lượng vũ trang ở các địa phương chủ động, tích cực đối phó với thiên tai, hạn chế tới mức thấp nhất những thiệt hại do lũ lụt gây ra. Ngày 8-9, thừa lệnh Thủ tướng Chính phủ, *Văn phòng Chính phủ* đã có Công điện N3769/VPCP-NN hỏa tốc cho Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão (PCLB) trung ương, UBND các tỉnh ĐBSCL, Tổng cục khí tượng thủy văn và các cơ quan thông tấn báo chí của trung ương về tình hình diễn biến lũ. Từ ngày 10 đến 13-9, *Phó Thủ tướng Chính Phủ* Nguyễn Tấn Dũng đã đến khảo sát tại vùng lũ tứ giác Long Xuyên và vùng lũ tuyến đầu nguồn biên giới thị xã Hà Tiên (Kiên Giang) ; làm việc với tỉnh Đồng Tháp, và tỉnh Long An, đánh giá thiệt hại, bàn biện pháp chống lũ. Chính phủ đã hỗ trợ ngay cho mỗi tỉnh 10 tỉ đồng, Long An 20 tỉ đồng làm công tác dân sinh. Ngày 20-9, *Chủ tịch nước* Trần Đức Lương đã có thư thăm hỏi đồng bào, cán bộ, chiến sĩ vùng lũ. *Thủ tướng Chính phủ* có chỉ thị về việc đối phó với lũ lụt ở ĐBSCL, yêu cầu UBND các tỉnh ĐBSCL thực hiện 11 biện pháp cấp bách, các bộ, ngành trung ương cùng các địa phương xử lý ngay 9 việc sau khi lũ rút nhằm đối phó với tình trạng lũ kéo dài trên diện rộng và nhanh chóng ổn định đời sống cho nhân dân. Ngày 27-9, Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã trực tiếp thăm đồng bào vùng lũ tỉnh An Giang. Theo lời kêu gọi của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cả nước rầm rộ hưởng ứng phong trào ủng hộ đồng bào các vùng bị lụt ở đồng bằng Sông Cửu Long. Tính đến 16 giờ ngày 10-10, chỉ riêng Ban tiếp nhận tại Ủy ban Trung ương MTTQ VN đã nhận được gần 24,5 tỉ đồng, 42 367 USD, 4 000 DM, 50 000 yên và một số ngoại tệ khác ủng hộ của các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân. Các ngành, các địa phương, đã liên tiếp chuyển đến đồng bào bị lụt lương thực, thuốc men, quần áo, phương tiện chống lụt. Hằng ngày, hằng giờ, các phương tiện thông tin đại chúng trong nước (và không ít các hãng nước ngoài) luôn đưa tin, hình ảnh về diễn biến và thiệt hại do bão lũ gây ra không chỉ cho vùng ĐBSCL mà còn ở rất nhiều địa phương khác trong cả nước. Đảng và Nhà nước coi việc đối phó với thiên tai, hạn chế thấp nhất thiệt hại, bảo đảm tính mạng và tài sản cho dân, di dời tới nơi an toàn và hỗ trợ về mọi mặt để nhanh chóng ổn định đời sống là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu.

Các cấp lãnh đạo tỉnh và các ngành hữu quan đã tiến hành khảo sát các vùng trọng điểm lũ để có giải pháp kịp thời cho từng khu vực, có kế hoạch cụ thể phòng chống lũ, nhất là khu vực vùng đầu nguồn, các thị xã, thị trấn và trên các trục đường giao thông ; kịp thời di dân tới nơi an toàn, cứu trợ bà con gạo và nhu yếu phẩm ; huy động cơ giới và nhân công bao đê, giúp dân thu hoạch nhanh lúa hè - thu ; lực lượng công an, bộ đội tích cực giúp dân chống lũ lụt, bảo vệ an ninh, trật tự vùng lũ và vùng biên giới...

Ngay sau khi bão lốc xảy ra và nhất là trong những ngày tháng 9, các tổ chức, đoàn thể, cá nhân đã có rất nhiều hoạt động tích cực, kịp thời giúp đỡ đồng bào bị thiên tai trên tinh thần "lá lành đùm lá rách" ; danh sách những tấm lòng vàng ở mọi vùng đất nước cũng như ở các nước, các tổ chức quốc tế ủng hộ đồng bào vùng lũ lụt mỗi ngày được bổ sung nhiều thêm.

3. Qua những trận lũ lớn của thế kỷ ở ĐBSCL :

Nguyên nhân chủ yếu của các trận lụt lớn ở ĐBSCL, theo các nhà khoa học, là do hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới tạo thành áp thấp nhiệt đới và bão. Trận lũ lịch sử năm 1961 do mưa của 5 cơn bão ; trận lũ năm 1966 do ảnh hưởng của 2 cơn bão ; trận lũ năm 1978 do ảnh hưởng của 5 cơn bão ; năm 1984 là hậu quả của 4 cơn bão và áp thấp nhiệt đới ; trận lũ năm 1996 của 5 cơn bão và 4 áp thấp nhiệt đới.

Tháng 9 vẫn đang là cao điểm của bão. Mặt khác, theo thống kê số trận bão và áp thấp nhiệt đới đổ bộ vào nước ta trong 40 năm gần đây (1956-1995) cho thấy, số bão và số áp thấp nhiệt đới có xu thế chuyển dịch dần về cuối mùa bão, đặc biệt số trận bão trong tháng 10 có hiện tượng tăng dần lên. Trong tháng 10 - 12, hướng di chuyển của bão thường là hướng Tây - Tây Nam, khu vực đổ bộ của bão vào nước ta là bờ biển Nam Trung Bộ. Theo số liệu mưa bão thời kỳ 1957 - 1986, khoảng 45% bão và áp thấp nhiệt đới đổ bộ vào nước ta có tổng lượng mưa 200 -

Digitized by Google

300 mm ; 20% có tổng lượng mưa lớn hơn 300 mm ; cá biệt có lượng mưa tới 1 384 mm. Đồng bằng Sông Cửu Long có các mặt giáp với biển nên thủy triều vào theo các cửa sông có tính chất và độ lớn khác nhau. Nếu lũ lớn trùng với triều cường sẽ cản trở khả năng tháo nước của dòng chính, mực nước nội đồng dâng cao, ngập lụt kéo dài, tác hại do lũ gây ra sẽ nghiêm trọng hơn. Vì thế, tình hình bão lũ năm nay diễn biến hết sức phức tạp.

Trong phương án sống chung với lũ được các tỉnh đầu nguồn triển khai trước đây đều lấy đỉnh lũ 1996 làm mốc. Trước đây, 4 - 5 năm mới có lũ một lần, lũ cũng không lớn và không kéo dài. Trước thực tại hiện nay, cần xem xét những giải pháp chống chọi với thiên tai trong phương án chiến lược phát triển tổng thể vùng, "sống chung với lũ" có nghĩa là phải chủ động cao chứ không phải theo kiểu lũ tới đâu chạy "cuốn chiếu" tới đó, hoặc "lũ rượt ta chạy, lũ rút ta về".

Muốn kiểm soát lũ theo thời gian cần có công trình ngăn lũ và thoát lũ. Đắp bờ bao hoặc củng cố tôn tạo trục lộ thành bờ bao là biện pháp tốt nhất để thực hiện mục đích này. Vì thế, nên chăng cần một hệ thống đê kiên cố, vững chắc với tổng chiều dài hàng chục nghìn kilômét. Sống chung với lũ là phải đắp đê ngăn mặn và trồng rừng phòng hộ dọc theo đê ở các tỉnh ven biển ; hình thành hệ thống đê ở các sông lớn, xây dựng các cống đập, nhất là các cửa sông để vừa ngăn mặn, vừa giữ nước ngọt; mở thêm đường cho lũ thoát nhanh; xẻ kênh, đào sông ở những nơi có điều kiện ; nạo vét các lòng sông ; đắp đê bảo vệ các vùng đông dân, vùng lúa, vùng cây ăn quả lớn; quy hoạch một số vùng đất an toàn để di dời dân và tài sản những lúc gặp hoàn cảnh cấp bách. Lũ của ĐBSCL không hoàn toàn giống với các trận lũ của đồng bằng Bắc Bộ, hệ thống đê điều cần tính đến tình trạng dòng chảy lũ dồn vào vùng thấp, trũng hơn. Quá nhiều bờ bao dòng chảy phải đổi hướng liên tục, độ dốc mặt nước tăng lên làm tăng tốc độ dòng chảy, hướng chảy, có thể làm vỡ bờ bao. Bờ bao kết hợp với lộ, dòng nước bị cản nhiều, thời gian thoát lũ chậm lại, lũ trở nên nghiêm trọng hơn ; nếu kéo dài việc thoát lũ, sẽ ảnh hưởng đến thời vụ, đến hệ sinh thái và đến vấn đề "chung sống" giữa các tiểu vùng của ĐBSCL, giữa ĐBSCL với thượng lưu sông và biển Đông...v.v. Trong chiến lược phát triển tổng thể cho khu vực này phải bao hàm cả việc nghiên cứu cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với mùa vụ, thích nghi với đặc điểm vùng lũ ; một chương trình, thời gian thích hợp để học sinh không bị gián đoạn học tập trong mùa mưa lũ ; cũng như cả kiến trúc đô thị từ kiểu dáng và chất liệu xây dựng...

Trước mắt, để đối phó với thiên tai, thiết thực giúp đỡ đồng bào bị lũ lụt khắc phục hậu quả nặng nề, các tỉnh, các ngành, đoàn thể và cá nhân trong cùng cả nước cần thực hành tiết kiệm, hạn chế thấp nhất những chi tiêu không cần thiết. Công tác dự báo khí tượng thủy văn đòi hỏi những nỗ lực vượt bậc bởi dự báo chính xác thời tiết sẽ góp phần hạn chế tối đa tác hại của thiên nhiên, bảo vệ được tốt nhất tính mạng, tài sản của nhân dân. Nhân rộng những mô hình phục vụ y tế cộng đồng đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, thích hợp cho vùng địa bàn sông nước v.v cũng là những việc cần làm ngay. Nhiều năm qua, Đồng Tháp đã xây dựng mô hình "thuyền y tế" hoạt động lưu động ở các vùng sông nước khó khăn nhất. Vào mùa nước nổi, nhất là khi có lũ, thuyền y tế càng phát huy tác dụng bởi có thể di chuyển cơ động trên nhiều địa bàn, đến tận nơi người dân không có đủ phương tiện đi lại để chữa bệnh.

Thiên nhiên ngày càng diễn biến phức tạp, tai họa dáng xuống đầu con người ngày càng nặng nề hơn, nhưng thực tế của những ngày bão lũ vừa qua đã chứng tỏ rằng, đồng bào ta ngày càng tỉnh táo, chủ động, bền bỉ và bình tĩnh hơn trong chống chọi với thiên tai. Trong khó khăn, quân dân càng đoàn kết ; nhân dân cả nước, không phân chia dân tộc, tôn giáo, giàu nghèo, đều sẵn sàng nhường cơm sẻ áo cho nhau, giúp nhau vượt qua thử thách, hoạn nạn. Đó cũng là những truyền thống tốt đẹp đã được chung đúc ngàn đời của dân tộc ta. Chúng ta tin tưởng rằng với sự trợ sức của cả nước, nhất định đảng bộ chính quyền và nhân dân vùng lũ lụt ở ĐBSCL sẽ vượt qua gian khó, sớm ổn định đời sống sinh hoạt và hoạt động kinh tế sau khi lũ rút. Đồng bằng sông Cửu Long mãi mãi là miền đất trù phú, tươi đẹp, giàu có của đất nước Việt Nam ta. ❑

Digitized by Google

GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN MỚI

VŨ NGỌC AM *

KẾT nạp đảng viên là một nhiệm vụ thường xuyên, có ý nghĩa quan trọng trong công tác xây dựng Đảng nhằm tăng thêm sức chiến đấu, bảo đảm sự kế thừa và phát triển của Đảng. Những năm qua, công tác phát triển đảng viên mới đã được cấp ủy đảng các cấp, các tổ chức đảng cơ sở quan tâm chỉ đạo và triển khai tổ chức thực hiện thường xuyên, đã tạo ra những chuyển biến tích cực. Hằng năm, nhiều cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở đã chủ động xây dựng kế hoạch, chỉ đạo thực hiện ngay từ đầu năm. Nhờ đó, số tổ chức đảng cơ sở có đảng viên mới kết nạp tăng lên đáng kể, từ 30,4% năm 1991, tăng lên 63,03% năm 1999 ; số đảng viên mới kết nạp năm sau cao hơn năm trước. Nếu năm 1991 cả nước chỉ kết nạp được hơn 36 000 đảng viên, thì năm 1995 đã kết nạp được hơn 85 000 và năm 1999 vừa qua đã kết nạp được hơn 114 000 đảng viên mới. Đây là năm có số lượng đảng viên mới được kết nạp cao nhất trong vòng 15 năm qua. Cùng với sự tăng lên về số lượng, cơ cấu chất lượng thể hiện trên những tiêu chí : tuổi trẻ, trình độ học vấn, là đoàn viên Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh ... cũng có tiến bộ rõ rệt. Nếu so sánh từ năm 1997 - 1999 với những năm từ 1993 - 1996 thì số đảng viên mới là công nhân tăng 0,28%, phụ nữ tăng 7,28%. Năm 1999, số đoàn viên Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tăng 0,2% so với những năm trước đây và chiếm gần 50% trong tổng số đảng viên mới được kết nạp ; số đảng viên mới kết nạp trong năm 1999 có trình độ từ trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học và trên đại học chiếm 45,5%. Trong 6 tháng đầu năm 2000, cả nước đã kết nạp được 58 012 đảng viên mới (tăng 5 698 đảng viên, tăng 10,8% so với 6 tháng đầu năm 1999) ; trong đó, đoàn viên Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh là 52,5%, có trình độ học vấn từ trung học trở lên đến trên đại học là 46%. Như vậy, chỉ riêng 6 tháng đầu năm 2000 số đảng viên mới kết nạp bằng gần của cả năm 1994. Một lớp đảng viên trẻ, khỏe, có trình độ kiến thức được rèn luyện thử thách, trưởng thành trong thời kỳ đổi mới đã được bổ sung vào Đảng sẽ góp phần nâng cao chất lượng và sức chiến đấu của Đảng, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ phát triển mới của cách mạng, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Kết quả của công tác phát triển đảng trong những năm qua cho thấy : lòng tin của quần chúng nhân dân (nhất là lớp trẻ) đối với Đảng và sự nghiệp đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo ngày một tăng. Theo kết quả khảo sát của Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trong những năm qua có 90% thanh niên được hỏi đã trả lời tin tưởng, ủng hộ và hăng hái tham gia công cuộc đổi mới ; có hơn 70% thanh niên có nguyện vọng phấn đấu gia nhập Đảng. Kết quả khảo sát của Đảng ủy khối Kinh tế Trung ương cho thấy : có hơn 80% người được hỏi trả lời có nguyện vọng gia nhập Đảng để có điều kiện cống hiến nhiều hơn ; có gần 70% ý kiến trả lời muốn gia nhập Đảng vì thấy tổ chức đảng vững mạnh, đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng vẫn giữ được tính tiên phong, gương mẫu. Đó là những thuận lợi, là điều đáng mừng, đòi hỏi các tổ chức đảng cần có kế hoạch, tăng

* Vụ Giáo dục lý luận chính trị Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương

Digitized by Google

cường công tác giáo dục bồi dưỡng tạo nguồn phát triển đảng, vừa đáp ứng mong mỏi và nguyện vọng của quần chúng, vừa đáp ứng yêu cầu của công tác xây dựng Đảng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác phát triển đảng trong những năm qua cũng có những hạn chế cần khắc phục.

Một số cấp ủy và tổ chức đảng cơ sở chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác phát triển đảng, nên nhiều năm nay chưa phát triển được đảng viên nào. Đến nay, còn có 37% số tổ chức đảng cơ sở chưa làm tốt công tác phát triển đảng, tập trung vào khu vực nông thôn, vùng miền núi dân tộc... Một số ngành như giáo dục, y tế, công tác phát triển đảng còn ít. Không ít cấp ủy chưa coi trọng công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục quần chúng, nhất là thanh niên, chưa gắn công tác giáo dục bồi dưỡng lý tưởng cách mạng với việc giao nhiệm vụ rèn luyện, thử thách trong hoạt động thực tiễn, tạo điều kiện để quần chúng phấn đấu. Có nơi chưa coi trọng đúng mức quan hệ giữa chất lượng và số lượng, có biểu hiện chạy theo số lượng, chưa coi trọng đúng mức chất lượng. Có những trường hợp kết nạp không bảo đảm tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, lịch sử chính trị. Vì vậy, dẫn đến tình trạng một số đảng viên mới được kết nạp nhưng phát huy tác dụng có nhiều hạn chế. Họ coi việc kết nạp đảng là đã hoàn thành việc phấn đấu, bằng lòng với kết quả đó, ý thức tiếp tục phấn đấu giảm. Vì vậy, có một số không được chuyển chính thức phải xóa tên. Năm 1999, số đảng viên dự bị phải xóa tên chiếm hơn 1,3% trong tổng số đảng viên mới được kết nạp.

Để tăng cường và bảo đảm chất lượng của công tác phát triển đảng, ngày 21-1-2000, Bộ Chính trị đã ra Chỉ thị số 51-CT/TƯ về kết nạp đảng viên nhân dịp kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Đảng. Chỉ thị đã nêu rõ vị trí, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác kết nạp đảng viên mới, đồng thời đề ra những yêu cầu cần thực hiện để nâng cao chất lượng của công tác phát triển đảng. Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị, cấp ủy đảng các cấp và các tổ chức đảng cần nắm vững quan điểm chỉ đạo : "Đẩy mạnh công tác phát triển đảng, bảo đảm tiêu chuẩn và chất lượng", "việc kết nạp đảng viên phải coi trọng chất lượng, không chạy theo số lượng". Vì vậy, các cấp ủy đảng cần tiến hành rút kinh nghiệm việc chỉ đạo thực hiện công tác phát triển đảng trong những năm qua, nhất là từ Đại hội VIII đến nay. Đồng thời, cần có sự chuẩn bị tích cực, thường xuyên và chu đáo ngay từ việc tuyên truyền vận động, lựa chọn, giáo dục, bồi dưỡng, đến việc rèn luyện thử thách và xét kết nạp đảng. Các khâu trên hợp thành một chỉnh thể trong quy trình làm công tác phát triển đảng, mỗi khâu giữ vị trí quan trọng nhất định, không coi nhẹ khâu nào. Có như vậy mới bảo đảm yêu cầu nâng cao chất lượng của công tác phát triển đảng.

Để làm tốt công tác phát triển đảng, thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị và từ thực tiễn ở các cơ sở đã làm tốt công tác phát triển đảng, có thể rút ra những kinh nghiệm sau đây :

- Trước hết, cấp ủy các cấp và các tổ chức đảng cần nhận thức sâu sắc về công tác phát triển đảng, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, đồng thời với kế hoạch phải có sự lựa chọn chu đáo, thận trọng quần chúng tích cực để có kế hoạch bồi dưỡng cụ thể. Đây mới chỉ là khâu lựa chọn ban đầu nhưng cũng rất quan trọng, bởi nhiều quần chúng có nguyện vọng gia nhập đảng nhưng mức độ phấn đấu còn khác nhau. Lựa chọn, đánh giá đúng sẽ tạo ra động lực thi đua phấn đấu. Ngược lại, nếu lựa chọn thiếu chính xác sẽ làm triệt tiêu tính tích cực phấn đấu của quần chúng. Mặt khác, tránh tình trạng công nhận tràn lan, dễ dãi trong đánh giá, nhận xét. Theo kinh nghiệm ở một số đảng bộ cho thấy, khi lựa chọn phải bảo đảm đúng quy trình : thông qua phong trào quần chúng để các tổ chức, đoàn thể quần chúng bình chọn, giới thiệu, trên cơ sở đó tập thể cấp ủy bàn bạc, quyết định công nhận và có kế hoạch bồi dưỡng. Nếu thực hiện tốt quá trình này, vừa bảo đảm tôn trọng và phát huy dân chủ của các tổ chức đoàn thể, vừa bảo đảm nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng ở cơ sở.

- Thứ hai, cần nhận thức sâu sắc và tổ chức nghiêm túc, có chất lượng việc giáo dục bồi dưỡng những kiến thức cơ bản, cần thiết về Đảng. Đây là quy định nhằm bảo đảm chất lượng

Digitized by Google

của công tác phát triển đảng, với những nội dung cơ bản, cần thiết, bước đầu trang bị cho người học có những kiến thức cơ bản về Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và một số chủ trương, đường lối của Đảng... , tạo điều kiện để quần chúng ưu tú tiếp tục tìm hiểu về Đảng, xây dựng động cơ phấn đấu đúng đắn. Hiện nay, các Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện, quận đang đảm nhiệm thực hiện nhiệm vụ này. Mặc dù mới được thành lập và còn nhiều khó khăn, nhưng các Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện, quận đã có những cố gắng và đạt được những kết quả rõ rệt. Theo báo cáo bước đầu, trong gần 4 năm hoạt động của Trung tâm bồi dưỡng chính trị của 61 tỉnh, thành phố trong cả nước đã mở được 7 684 lớp với 513 603 học viên (chưa kể lực lượng vũ trang và các đảng bộ khối thuộc cơ quan trung ương). Đây là nguồn để các tổ chức đảng tiếp tục bồi dưỡng phát triển đảng. Qua thực tế và ý kiến của người học cho thấy việc tổ chức học tập này là rất cần thiết và bổ ích, nâng cao nhận thức về Đảng cho người học (kể cả những người có học vấn cao). Tuy nhiên, cần khắc phục tình trạng tổ chức lớp học và thực hiện chương trình chưa đúng với quy định hướng dẫn, làm cho kết quả bồi dưỡng bị hạn chế, ảnh hưởng tới chất lượng của công tác phát triển đảng viên mới. Hiện nay, bên cạnh việc nhiều nơi tổ chức học tập chu đáo, đúng quy trình... cũng còn có những nơi tổ chức lớp học như kiểu mít tinh, có những lớp tổ chức 300 - 400 người, ngồi nghe là chính. Tình trạng quản lý lớp học lỏng lẻo đã ảnh hưởng tới chất lượng học tập. Mặt khác, có những nơi người học không có tài liệu, điều kiện học không bảo đảm. Ngoài ra, một số nơi chương trình thường hay rút ngắn lấy lý do không có thời gian, quá bận công việc chuyên môn... nên làm lướt không tổ chức thảo luận, giải đáp thắc mắc và chấm đánh giá thu hoạch. Chính sự thiếu nghiêm túc trong tổ chức như vậy dẫn đến có những học viên trong bài thu hoạch đã thể hiện không đúng nội dung, thậm chí có sự lẫn lộn giữa đảng với giai cấp, giữa tổ chức đảng với tổ chức nhà nước... Mặt khác, khi tổ chức lớp cần có sự nghiên cứu để đổi mới hình thức và phương pháp truyền đạt cho phù hợp với đối tượng người học, tăng cường đối thoại, giải đáp thắc mắc, tạo điều kiện để người học nắm chắc vấn đề, tránh tình trạng độc thoại gây sự ức chế của việc học tập. Để nâng cao chất lượng việc bồi dưỡng kết nạp đảng, từ kinh nghiệm thực tế, Đảng bộ khối cơ quan Kinh tế Trung ương, khối Dân vận Trung ương đã chỉ đạo mỗi lớp học không quá 100 người và phải bảo đảm đầy đủ tài liệu, các khâu của quá trình học tập. Đảng ủy khối Đối ngoại Trung ương đã phân công các đồng chí cấp ủy viên cơ sở cùng tham gia quản lý lớp học, dự và hướng dẫn thảo luận ở từng tổ, tăng cường đối thoại... Đây là những kinh nghiệm hay cần được nghiên cứu, vận dụng để nâng cao chất lượng học tập bồi dưỡng.

- Thứ ba, sau khi được bồi dưỡng qua các lớp, các tổ chức đảng cần có kế hoạch phân công đảng viên tiếp tục giúp đỡ quần chúng nâng cao nhận thức về Đảng. Đồng thời, tạo môi trường, điều kiện bằng cách giao nhiệm vụ cụ thể để quần chúng phấn đấu rèn luyện, thông qua thực tế để thử thách, đánh giá, lựa chọn. Công việc này đòi hỏi phải tỉ mỉ thường xuyên. Có như vậy, khi xét kết nạp mới đánh giá chính xác. Cần coi trọng công tác thẩm tra lý lịch của người xin vào Đảng. Việc thẩm tra phải thận trọng, khách quan, phải nắm vững quan điểm toàn diện, lịch sử cụ thể và phát triển để xem xét, kết luận một cách khoa học, chính xác. Trước đây, công tác này đã được coi trọng, nay trong tình hình mới càng cần phải được quan tâm nhiều hơn để làm tốt việc bảo vệ chính trị nội bộ, thực hiện tốt Quy định số 75 của Bộ Chính trị về "Một số vấn đề bảo vệ chính trị nội bộ Đảng", góp phần làm thất bại âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Những kinh nghiệm trên rút ra từ thực tiễn ở một số cơ sở, chắc chắn sẽ chưa thể nói hết. Vì vậy, trong điều kiện cụ thể của từng đơn vị, địa phương cần có sự nghiên cứu, bổ sung, vận dụng linh hoạt, đưa ra những nội dung, cách làm sáng tạo để công tác phát triển đảng bảo đảm đúng yêu cầu của công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới nhằm góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, đáp ứng yêu cầu phát triển của cách mạng thời kỳ mới. ❑

Digitized by Google

MONG ĐƯỢC XÓA TÊN

MAI NINH

TRONG buổi lễ trọng thể kỷ niệm lần thứ 55 ngày thành lập ngành ngoại giao Việt Nam vừa qua, một nhà ngoại giao kỳ cựu của ta tha thiết nêu lên nỗi bức xúc của ông : "Mong muốn Việt Nam sớm được xóa tên ... trong danh sách các nước nghèo và kém phát triển". Cả hội trường nín lặng khi nghe ông nói tới bốn chữ *sớm được xóa tên*, nhưng rồi bỗng cười ồ tán thưởng khi ông nói tiếp về sau.

Sự thật là hiện nay, tuy còn nghèo và ở mức phát triển thấp, Việt Nam đang được xếp vào nhóm *các nước đang phát triển*, chứ không thuộc nhóm các nước nghèo và kém phát triển như trước đây. Thế là Cách mạng Tháng Tám đã rửa được cho chúng ta cái nhục mất nước, cái nhục Việt Nam bị xóa tên trên bản đồ thế giới. Và sự nghiệp đổi mới ngày nay đã và đang tiếp tục rửa cái nhục nghèo nàn và lạc hậu, cái nhục bị ghi tên vào danh sách các nước nghèo và kém phát triển. Mong ước được ghi lại tên Việt Nam trên bản đồ thế giới trước đây và mong ước được sớm xóa tên Việt Nam trong danh sách các nước nghèo và kém phát triển ngày nay là sự thể hiện ý chí lớn của dân tộc ta. Chính cái ý chí lớn đó đã dẫn tới những hành động cách mạng có ý nghĩa lịch sử.

Mong ước được ghi tên và mong ước được xóa tên như nêu trên đều là những mong ước cùng chiều, tích cực. Cũng giống như mới gần đây thôi, khi đoàn vận động viên Việt Nam lên đường tham dự O-lim-pic Xít-nây, người ta mong ước Việt Nam được ghi tên vào danh sách các nước có huy chương trong Thế vận hội. Thế rồi, khi Trần Hiếu Ngân thắng trận tê-cun-đô và lá cờ đỏ sao vàng kéo lên mừng Huy chương bạc, không ít người xem đã nhảy lên reo hò rằng Việt Nam đã được xóa tên trong danh sách các nước đến Thế vận hội mà không có huy chương !

Còn nhiều chuyện như thế nữa. Một tỉnh được ghi tên vào danh sách các địa phương tự trang trải được ngân sách và có đóng góp cho Trung ương cũng có nghĩa là tỉnh đó được xóa tên trong danh sách các địa phương vẫn phải nhờ vào sự hỗ trợ của Trung ương. Một đảng bộ lần đầu được ghi tên vào danh sách đảng bộ trong sạch, vững mạnh có nghĩa là đảng bộ đó được xóa tên trong danh sách đảng bộ trung bình hay yếu kém.

Một quốc gia, một địa phương, một tổ chức đã như vậy, một cá nhân cũng như vậy. Ai cũng có tên tuổi. Ai cũng có quyền mong muốn được ghi tên mình vào danh sách này và được xóa tên mình trong danh sách khác. Được ghi tên và được xóa tên ở đây là với ý nghĩa tích cực : từ xấu thành tốt, từ kém thành khá, từ yếu thành mạnh, từ cái ác đến cái thiện, từ chỗ chưa hoàn mỹ đến chỗ hoàn mỹ. Còn nếu ngược lại thì chữ *được* phải đổi thành chữ *bị* : bị ghi tên vào danh sách này và bị xóa tên ở danh sách khác. Một viên chức nhà nước bị ghi tên vào danh sách những kẻ tham nhũng đồng nghĩa với việc bị xóa tên trong danh sách những người trong sạch và liêm khiết. Một đảng viên bị ghi tên vào danh sách đảng viên yếu kém đồng nghĩa với bị xóa tên trong danh sách đảng viên tiên tiến, gương mẫu.

Để được ghi tên và được xóa tên, cần phải phấn đấu, rèn luyện, phải lao tâm khổ tứ. Còn để bị ghi tên và bị xóa tên, chỉ cần buông thả và trượt dài theo con đường lầm lỗi.

Bàn phiếm một chút về *cái được* và *cái bị* trong việc ghi tên và xóa tên, người viết bài này chỉ có một nguyện ước : mong sao mỗi người, mỗi tổ chức, mỗi tập thể chúng ta đều phấn đấu để *được ghi tên* và *được xóa tên*. Và đừng ai để cho mình *bị ghi tên* và *bị xóa tên* như đã nói.❑

Digitized by Google

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ KHÓA HỌP ĐẶC BIỆT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG LIÊN HỢP QUỐC VỀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI

NGUYỄN LƯƠNG TRÀO *

PHÁT triển xã hội công bằng và tiến bộ là nguyện vọng thiết tha của nhân dân các dân tộc trên toàn thế giới. Đó cũng là trách nhiệm và nỗ lực hành động chung của mỗi quốc gia và cộng đồng quốc tế.

Tại Hội nghị thượng đỉnh thế giới về phát triển xã hội được tổ chức lần đầu tiên tại Cô-pen-ha-ghen (Đan Mạch) tháng 3-1995, nguyên thủ các quốc gia đã đưa ra cam kết 10 điểm về phát triển xã hội đến năm 2000, bao gồm : tạo môi trường có thể cho phát triển xã hội ; xóa đói giảm nghèo ; tạo việc làm đầy đủ cho mọi người ; xúc tiến hòa nhập xã hội ; bình đẳng công bằng giữa nam và nữ ; tiếp cận đầy đủ và công bằng với giáo dục và dịch vụ y tế có chất lượng cao ; đẩy nhanh sự phát triển của châu Phi và các nước chậm phát triển nhất ; đưa mục tiêu phát triển xã hội vào trong các chương trình điều chỉnh cơ cấu ; tạo nguồn lực cho phát triển xã hội ; hợp tác quốc tế cho phát triển xã hội. Trong đó, đặc biệt là ưu tiên cho tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo và hòa nhập xã hội.

Sau 5 năm, kể từ cam kết Cô-pen-ha-ghen, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã quyết định tổ chức khóa họp đặc biệt về phát triển xã hội từ ngày 26 đến 30-6-2000 tại Giơ-ne-vơ - Thụy Sĩ với chủ đề *"Hội nghị thượng đỉnh thế giới về phát triển xã hội : Phấn đấu vì một sự phát triển xã hội cho tất cả mọi người trong một thế giới đang toàn cầu hóa"*. Mục đích của khóa họp lần này nhằm kiểm điểm và đánh giá 5 năm thực hiện cam kết và chương trình hành động về phát triển xã hội và đưa ra các sáng kiến tiếp theo để thúc đẩy phát triển xã hội theo cam kết Cô-pen-ha-ghen. Tham gia khóa họp có 166 đoàn đại biểu cấp cao các nước thành viên, các nước quan sát viên của Liên hợp quốc và nhiều tổ chức quốc tế.

Nhìn lại bức tranh toàn cầu về phát triển xã hội trong 5 năm qua, cộng đồng quốc tế một lần nữa khẳng định tính đúng đắn và giá trị tiến bộ của nhận thức mới về phát triển xã hội đã đạt được tại Hội nghị Cô-pen-ha-ghen. Khóa họp ghi nhận kết quả lớn nhất của quá trình thực hiện cam kết Cô-pen-ha-ghen 5 năm qua là đạt được sự nhất trí của cộng đồng quốc tế về tầm quan trọng của phát triển xã hội và việc các quốc gia đang ngày càng dành cho phát triển xã hội những ưu tiên lớn hơn trong các mục tiêu và chính sách phát triển chung của mình. Nhiều nước đã xây dựng và thực hiện tương đối thành công các chương trình xóa đói giảm nghèo, tạo công ăn việc làm, phát triển giáo dục và y tế, tăng cường hội nhập xã hội, cải thiện đáng kể đời sống nhân dân, tạo ra những chuyển biến tích cực về mặt xã hội.

Tuy nhiên, trong thế giới đầy biến động, Khóa họp cũng nhận định rằng vẫn còn nhiều tồn tại và thách thức đang đặt ra cho mỗi quốc gia và cả cộng đồng quốc tế. Kết quả thực hiện các cam kết Cô-pen-ha-ghen còn hạn chế và không đồng đều, kể cả với nhóm các nước đang phát triển, cũng như nhóm các nước phát triển. Nhận thức về phát triển xã hội chưa trở thành hành động thật mạnh mẽ trong thực tế, thậm chí còn nhiều vấn đề xã hội lại trở nên xấu đi. Toàn cầu hóa về kinh tế vừa đem lại cơ hội, vừa làm phát sinh các thách thức mới đối với các nước đang phát triển, nhất là tình trạng ngày càng gia tăng sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các nước giàu và nước nghèo, giữa Bắc và Nam ; mở rộng khoảng cách giàu nghèo bên trong mỗi nước và giữa các quốc gia, hàng tỉ người trên thế giới vẫn sống dưới mức nghèo khổ, đặc biệt là châu Phi, vùng Nam Xa-ha-ra, các nước nghèo ở châu Á, Nam Mỹ... ; nhiều nước đang phát triển bị tụt hậu xa hơn.

Chiến tranh, xung đột sắc tộc, tôn giáo cực đoan, chủ nghĩa khủng bố và tổ chức tội phạm quốc tế đang làm cho nhiều quốc gia cạn kiệt các nguồn lực mà lẽ ra có thể dành cho phát triển xã hội. Vấn đề nợ nước ngoài của các nước đang

* TS, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Digitized by Google

phát triển và kém phát triển là một gánh nặng lớn ; các nước này khó có thể giải quyết cùng một lúc vừa phát triển kinh tế - xã hội, vừa thanh toán nợ nần. Trong khi đó, phần lớn các nước công nghiệp phát triển (trừ một số nước Bắc Âu và Hà Lan) chưa thực hiện một cách đầy đủ các cam kết của mình về việc dành 0,7% GNP cho viện trợ phát triển (ODA).

Trong khi nền kinh tế tri thức dựa trên tiến bộ khoa học và công nghệ thông tin đang ngày càng trở thành nhân tố quyết định, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, thì ở nhiều nước đang phát triển tỷ lệ trẻ em đến trường vẫn dưới 50% ; tình trạng thất nghiệp của thanh niên còn lớn ; bà mẹ và trẻ em chết vì bệnh tật gia tăng ; tình trạng lan truyền HIV/AIDS ; các tệ nạn xã hội như ma túy, tham nhũng, buôn lậu, tội phạm có tổ chức ngày càng trầm trọng. Nhiều nơi trên thế giới, phụ nữ vẫn còn là nạn nhân của sự phân biệt đối xử, của những mối quan hệ bất bình đẳng trong gia đình và ngoài xã hội.

Khóa họp đặc biệt lần này của Đại hội đồng Liên hợp quốc đã nhấn mạnh tầm quan trọng và tính bức xúc hơn lúc nào hết của việc tăng cường hợp tác quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc của các quốc gia, phấn đấu cho phát triển xã hội, đặc biệt là xóa đói giảm nghèo, trước hết là ở các quốc gia nghèo và vùng Nam Xa-ha-ra ; giải quyết việc làm cho thanh niên ; phát triển giáo dục ; chăm sóc sức khỏe và phòng chống bệnh tật (HIV/AIDS, sốt rét...) ; bảo đảm xã hội... Toàn cầu hóa là một xu thế đang diễn ra mạnh mẽ, nhưng phải đặt mục tiêu chung là làm cho quá trình toàn cầu hóa trở thành công cụ thúc đẩy tiến bộ kinh tế - xã hội cho tất cả các quốc gia và bảo đảm cho mọi người cùng được hưởng lợi ; trong đó, vai trò của mỗi quốc gia và của Liên hợp quốc là rất quan trọng để thiết lập lại một trật tự kinh tế thế giới một cách công bằng và hợp lý, thúc đẩy phát triển xã hội. Tuy còn khác nhau về quan điểm của mỗi khối nước, khóa họp đã thành công với những đồng thuận, trong đó đáng chú ý là các sáng kiến và giải pháp của Hội nghị thượng đỉnh để thực hiện 10 cam kết cụ thể :

Một là, đặt lợi ích của nhân dân ở vị trí trung tâm của mục tiêu phát triển ; tạo môi trường về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa và pháp lý để người dân có thể đạt được mục tiêu phát triển xã hội. Tăng cường năng lực cho các nước đang phát triển, các nền kinh tế đang chuyển đổi và các nỗ lực bảo đảm thực hiện các công ước quốc tế.

Hai là, đặt xóa đói giảm nghèo vào trọng tâm của quá trình phát triển xã hội và kinh tế ; phấn đấu giảm một nửa số người sống quá nghèo khổ vào năm 2015. Thực hiện phối hợp các mục tiêu xóa đói giảm nghèo với các chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện các ưu tiên cho người nghèo về : nâng cao kiến thức, kỹ năng và khả năng lao động, xóa nạn đói và chống suy dinh dưỡng.

Ba là, tăng cường mục tiêu việc làm đầy đủ, tự do lựa chọn là ưu tiên cơ bản của chính sách kinh tế - xã hội. Thực hiện việc đánh giá lại các chính sách vĩ mô với mục tiêu phát triển việc làm, giảm đói nghèo trong khi phải duy trì lạm phát ở tốc độ thấp. Tạo thuận lợi cho đối thoại xã hội để mở rộng các cơ hội tạo việc làm. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực, dạy nghề, an toàn lao động, ... ; nâng cao khả năng tiếp cận với các công nghệ mới. Khuyến khích các quốc gia phê chuẩn và thực hiện đầy đủ các công ước quốc tế về lao động di cư.

Bốn là, đẩy mạnh việc hòa nhập xã hội thông qua khuyến khích xây dựng xã hội ổn định, an toàn và công bằng, dựa trên việc nâng cao, bảo vệ nhân quyền, bác ái, tôn trọng những nét riêng, không có nạn phân biệt chủng tộc, thực hiện công bằng trong xã hội, đoàn kết, an ninh và sự tham gia của mọi người dân.

Năm là, đẩy mạnh việc tôn trọng nhân phẩm con người, đạt được công bằng và bình đẳng giữa nam và nữ, công nhận và tăng cường sự tham gia và vai trò lãnh đạo của phụ nữ trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa,... Giảm tỷ lệ bệnh tật và tử vong của bà mẹ và trẻ em - được coi là ưu tiên trong y tế. Xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ trong gia đình, xã hội.

Sáu là, khuyến khích hợp tác quốc tế để hỗ trợ các quốc gia đạt được mục tiêu : Mọi người dân đều được tiếp cận công bằng và phổ biến các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản và tất cả trẻ em (đặc biệt trẻ em gái, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn) được tiếp cận và hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học với chất lượng tốt, miễn phí vào năm 2015. Bảo đảm cung cấp cho chương trình giáo dục 8 tỉ USD/năm. Khuyến khích các nước xây dựng các năng lực cho giáo dục đại học và giáo dục phổ thông, đào tạo sinh viên có kiến thức và công nghệ mới ở nhiều lĩnh vực, ngành nghề.

Bảy là, tăng cường phát triển kinh tế - xã hội và nguồn lực của châu Phi và các nước kém phát triển nhất. Thúc đẩy họ tham gia trong hệ thống thương mại đa phương ; hỗ trợ phát triển nguồn

Digitized by Google

nhân lực. Khuyến khích các nước phát triển sớm thực hiện dành 0,15 - 0,2% GNP cho viện trợ phát triển (ODA) cho các nước kém phát triển nhất ; các nước cho vay xóa nợ cho các nước châu Phi và các nước kém phát triển nhất để dành cho đầu tư phát triển và xóa đói giảm nghèo. Khuyến khích 25 nước châu Phi giảm tỷ lệ lây nhiễm HIV/AIDS ở thanh niên xuống 25% vào năm 2005.

Tám là, thực hiện các chương trình điều chỉnh cơ cấu phải thống nhất với các mục tiêu phát triển xã hội, đặc biệt là giảm đói nghèo, tạo việc làm đầy đủ, tự do lựa chọn và tăng cường hòa nhập xã hội.

Chín là, nâng cao sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển, thông qua các hoạt động của quốc gia và hợp tác quốc tế. Xúc tiến hợp tác quốc tế để tổ chức Hội nghị cấp cao về tài chính cho phát triển vào năm 2001, tái khẳng định sự quan tâm thực hiện cam kết quốc tế về mục tiêu dành 0,7% GNP cho viện trợ phát triển (ODA). Khuyến khích các nước thực hiện đầy đủ sáng kiến 20/20 theo tinh thần Tuyên bố Ô-xlô và Tuyên bố Hà Nội.

Mười là, thúc đẩy tăng cường hợp tác quốc tế, hợp tác khu vực và tiểu khu vực về phát triển xã hội trên tinh thần hợp tác và đối tác, thông qua các thể chế của Liên hợp quốc và các cơ quan hợp tác đa phương.

Các sáng kiến đưa ra tại khóa họp đặc biệt của Đại hội đồng Liên hợp quốc lần này là bước tiến mới trong việc phấn đấu xây dựng một thế giới tiến bộ, công bằng và vì con người. Tuy rằng, mỗi quốc gia có những điều kiện và hoàn cảnh riêng, mỗi chính phủ có những lĩnh vực ưu tiên riêng của mình phù hợp với từng giai đoạn phát triển cụ thể. Và cuộc đấu tranh biến những mục tiêu sáng kiến trên đây thành hiện thực trong cuộc sống còn hết sức gay go quyết liệt ở tầm quốc gia cũng như khu vực và quốc tế.

Trong bối cảnh chung đó, nước ta cũng đã đạt được những kết quả bước đầu rất đáng khích lệ về thực hiện các cam kết Cô-pen-ha-ghen. 5 năm qua tỷ lệ hộ nghèo đói giảm từ 20% năm 1995 xuống còn khoảng 11% vào năm 2000. Đến năm 2000, cả nước đạt tiêu chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập tiểu học ; trên 90% dân cư đã được tiếp cận với các dịch vụ y tế ; tỷ lệ tăng dân số giảm từ 1,8% đến nay còn 1,53%, với tiến bộ trên năm 1999 Việt Nam đã được Liên hợp quốc tặng giải thưởng về công tác dân số ; 60% số hộ gia đình được dùng nước sạch ; sóng truyền hình đã phủ 85%, sóng phát thanh đã phủ 95% diện tích cả nước ; đời sống các đối tượng yếu thế, thiệt thòi được cải thiện rõ rệt và hòa nhập tốt hơn vào cộng đồng.

Kết quả trên là nhờ chính sách xã hội đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta, luôn lấy con người làm trung tâm, vì lợi ích và hạnh phúc của nhân dân, từ đó tạo ra động lực mới to lớn phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong công cuộc xây dựng đất nước. Quan điểm cơ bản xuyên suốt trong quá trình xây dựng và thực hiện hệ thống chính sách kinh tế - xã hội của nước ta là gắn liền tăng trưởng và phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội. Đầu tư của Nhà nước cho các lĩnh vực xã hội ngày một tăng, chiếm trên 25% ngân sách nhà nước, trong đó, nhất là ưu tiên đầu tư cho xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, giáo dục, cũng như các dịch vụ xã hội cơ bản khác. Hình thành các chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển xã hội như chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, trợ giúp các xã đặc biệt khó khăn, nước sạch và vệ sinh môi trường. Thực hiện xã hội hóa để huy động mọi nguồn lực, nhất là nguồn lực trong dân và ở địa phương, cơ sở cho mục tiêu phát triển xã hội. Đó cũng là những kinh nghiệm rất quý báu của Việt Nam trong quá trình thực hiện cam kết Cô-pen-ha-ghen về phát triển xã hội.

Tuy nhiên, chúng ta đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Sự phát triển của nền kinh tế nước ta chưa thật vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp, còn nhiều yếu tố chưa bảo đảm tăng trưởng cao và bền vững ; tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn còn cao. Thu nhập, đời sống của dân cư còn thấp. Số hộ nghèo đói còn nhiều, đặc biệt ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số. Dân số vẫn gia tăng với quy mô lớn, đặc biệt ở vùng nông thôn, miền núi, tạo sức ép về việc làm, giáo dục, y tế và việc bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản khác. Nhiều tệ nạn xã hội vẫn diễn ra rất phức tạp. Nguồn lực đầu tư cho phát triển xã hội còn hạn chế.

Qua thực tiễn 5 năm thực hiện cam kết Cô-pen-ha-ghen, quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng ta về phát triển kinh tế - xã hội, tiếp tục dành những ưu tiên cao cho phát triển xã hội trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, chắc chắn Việt Nam sẽ có những bước tiến đáng kể và là một trong những nước thực hiện tốt cam kết của Hội nghị thượng đỉnh thế giới về phát triển xã hội. ❑

Digitized by Google

Vinacontrol

CÔNG TY GIÁM ĐỊNH HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM

ISO 9002

Accredited by the Dutch Council for Accreditation

HÃY LIÊN LẠC VỚI CHÚNG TÔI :

TRỤ SỞ CHÍNH : 54 Trần Nhân Tông, Hà Nội
Tel :(84.4) 8253840, 8266011, 8265639 ; Fax : (84.4) 8253844
E-mail : vinacontrolvn@hn vnn.vn

CÁC CHI NHÁNH :

Hà nội : - Tel : (84.4) 8265004 ; Fax : (84.4) 8261002
Hải Phòng : - Tel : (84.31) 760453 ; Fax : (84.31) 760103
E-mail : vinacontrolhp@hn .vnn.vn
Quảng Ninh : - Tel : (84.33) 825535 ; Fax : (84.33) 826169
E-mail : vinacontrol-qn@hn vnn.vn
Đà Nẵng : - Tel : (84.511) 821031 ; Fax : (84.511) 830084
E-mail : vinacontroldn@dng.vnn.vn
TP. Hồ Chí Minh : Tel : (84.8) 8444704, 8443189
Fax : (84.8) 8442961, 8437861
E-mail : vinacontrol@hcm vnn.vn



Công ty giám định hàng hóa XNK Việt Nam (Vinacontrol) là công ty đầu tiên trong lĩnh vực giám định được thành lập vào năm 1957. Hiện nay, Vinacontrol là công ty giám định lớn nhất tại Việt Nam.

Trung thành với nguyên tắc hoạt động độc lập - trung lập, tuân thủ phương châm phục vụ chính xác - trung thực - kịp thời, Vinacontrol đã dành được sự tín nhiệm cao của khách hàng ở trong nước cũng như nước ngoài trong việc cung cấp các dịch vụ giám định hàng hóa. Các dịch vụ đó là :

- Giám định các loại hàng hóa (trong đó bao gồm cả máy móc - thiết bị, dây chuyền công nghệ, đá quý, kim loại quý hiếm...) về quy cách, phẩm chất, tình trạng, số khối lượng, bao bì, ký mã hiệu...
- Giám sát hàng hóa trong quá trình sản xuất, giao nhận, bảo quản, vận chuyển, bốc dỡ...
- Giám định các phương tiện vận tải, container, các dịch vụ giám định về hàng hải, giám định an toàn con tàu trước khi phá dỡ hoặc sửa chữa.
- Lấy mẫu, phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm ; các dịch vụ về khử trùng, thẩm định giá, kiểm đếm, niêm phong - cặp chì.
- Đại lý giám định hàng tổn thất, phân bổ tổn thất cho các Công ty bảo hiểm trong và ngoài nước.
- Giám định theo yêu cầu của khách hàng để cung cấp chứng từ phục vụ cho công tác quản lý thuộc các lĩnh vực như : xuất xứ hàng hóa ; quản lý chất lượng, an toàn, vệ sinh hàng hóa ; nghiệm thu, quyết toán công trình đầu tư ; bảo vệ môi trường ; làm thủ tục hải quan...
- Tư vấn về chất lượng hàng hóa, về pháp lý thương mại ; xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9000.
- Giám định hàng hóa theo sự ủy thác của mọi tổ chức giám định đồng nghiệp trong nước và quốc tế.
- Những dịch vụ khác có liên quan.

Hiện nay, với mục tiêu luôn cung cấp cho khách hàng những dịch vụ giám định có chất lượng, công ty chúng tôi đang duy trì việc thực hiện các dịch vụ đó trên cơ sở hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn quốc tế ISO 9002.

Chứng thư giám định do Vinacontrol cấp đã và đang là chứng cứ khách quan giúp khách hàng giải quyết có hiệu quả nhiều vấn đề quan trọng trong thương mại như khiếu nại, thanh toán, giao nhận, vận chuyển và những vấn đề liên quan khác.

Vinacontrol rất hân hạnh được cung cấp các dịch vụ của mình cho khách hàng trong nước cũng như ở nước ngoài.

CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ LÀ SỰ NGHIỆP KINH DOANH CỦA CHÚNG TÔI !

Google

CÔNG TY BÁNH KẸO
HẢI CHÂU
HAI CHAU CONFECTIONERY COMPANY

Địa chỉ : Phố Minh Khai - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.
Điện thoại : (84-4) 8.624826 - 8.621664 - Fax : (84-4) 8.621520.
Address : Minh Khai Street - Hai Ba Trung District - Hanoi
Tel : (84-4) 8.624826 - 8.621664 - Fax : (84-4) 8.261520.







Công ty bánh kẹo Hải Châu là một doanh nghiệp nhà nước, Thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty mía đường I - Bộ nông nghiệp và PTNT , thành lập từ năm 1965. Công ty chuyên sản xuất kinh doanh các mặt hàng bánh kẹo, thực phẩm với 35 năm không ngừng phát triển, liên tục đổi mới công nghệ, đầu tư thiết bị hiện đại nhất của Cộng hòa Liên bang Đức, Hà Lan, I-ta-li-a, Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc...

Quy mô sản xuất, kinh doanh của công ty tăng lên hàng năm với tốc độ tăng trưởng hơn 15% năm. Hiện nay tổng vốn pháp định của công ty là 24 tỷ đồng, vốn kinh doanh trên 45 tỷ đồng. Tổng sản phẩm các loại đạt trên 14.000 tấn/năm, doanh thu sản phẩm hàng hóa 140 tỷ đồng/năm.

Là một trong những công ty hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất bánh kẹo, thực phẩm với đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, đảm bảo cho công ty phát huy hiệu quả công suất của dây chuyền thiết bị hiện đại sản xuất các chủng loại sản phẩm rất đa dạng với 70 mặt hàng bao gồm các loại bánh quy, kem xốp, bột canh, lương khô, kẹo...

Sản phẩm của công ty bánh kẹo Hải Châu được sản xuất từ nguyên liệu có chất lượng cao, chọn lọc kỹ lưỡng và bằng công nghệ tiên tiến, chủng loại phong phú, bao bì mẫu mã đẹp, giá cả hợp lý đã được người tiêu dùng tín nhiệm và ưa chuộng.

Công ty xác lập Quan hệ thương mại phạm vi rộng với các tổ chức sản xuất, Thương mại trong nước và nhiều công ty nước ngoài như Pháp, Đức, Hà Lan, Xin-sa-po, In-đô-nê-xi-a, Đài Loan, Trung Quốc, Nhật, Bỉ, Anh... và kênh phân phối toàn quốc với 300 đại lý chính.

Sản phẩm của công ty được bình chọn hàng Việt Nam chất lượng cao 1997, 1998, 1999, 2000 đạt 20 Huy chương vàng trong các kỳ Hội chợ triển lãm và đạt TOPTEN trong những năm 1997, 1998, 1999.

Digitized by Google

CÔNG TY BECAMEX BÌNH DƯƠNG

Định hướng lớn Phát triển lâu dài



Đ/c : Nguyễn Văn Hùng - Bí thư Đảng ủy - GĐ Cty BECAMEX - CTHĐ Cty cổ phần chứng khoán đệ nhất Bình Dương - danh hiệu ANH HÙNG LAO ĐỘNG.



Bình Dương là một tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong những năm gần đây. Cùng với sự phát triển của tỉnh, công ty BECAMEX là một doanh nghiệp có đóng góp lớn cho tỉnh đáng được ghi nhận về sự đổi mới và phát triển trong những năm cuối thập kỷ 20.

Công ty BECAMEX Bình Dương là một doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trên nhiều lãnh vực. Tiền thân là công ty Thương nghiệp tổng hợp huyện Bến Cát, BECAMEX được thành lập từ năm 1976, là một trong những doanh nghiệp được đánh giá là con chim đầu đàn của ngành thương nghiệp có thế mạnh vững chắc khi chuyển sang cơ chế thị trường. Sau 10 năm đổi mới BECAMEX đã tiếp cận và mở rộng quan hệ giao lưu về kinh tế với các công ty trong và ngoài nước, từng bước phát triển mạnh mạng lưới SXKD trên nhiều lãnh vực, mang lại hiệu quả cao về kinh tế xã hội cho tỉnh Bình Dương và được đánh giá là một trong những đơn vị kinh tế mạnh của tỉnh. Nguồn vốn ban đầu chỉ có bốn tỷ đồng đến nay công ty đã có trên bốn trăm tỷ đồng, đội ngũ CBCNV từ chỗ thiếu chuyên môn nghiệp vụ, đại đa số chưa qua đào tạo, tỷ lệ đại học chiếm 4 - 5% đến nay đội ngũ CBCNV là nguồn lực mạnh trên 60% tốt nghiệp đại học. Xác định rõ nhiệm vụ của mình phát triển lâu dài, BECAMEX đã thực hiện xong giai đoạn 1 và tiếp tục thực hiện giai đoạn 2 khu công nghiệp Việt Nam - Singapore. Đây sẽ là khu công nghiệp điển hình kỹ thuật cao, đã thu hút hơn 41 công ty trong đó 21 công ty đã xây dựng xong và đi vào hoạt động tổng số vốn hơn 300 triệu USD. Trong tương lai khu công nghiệp Việt Nam - Singapore với 200 nhà máy tổng doanh thu mỗi năm đạt 750 triệu USD, tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước hàng ngàn tỷ đồng mỗi năm, giải quyết cho 5000 người lao động có việc làm tạo ra một trung tâm công nghiệp và dịch vụ, hình thành đô thị với tổng số dân 120.000 người. Đây sẽ là khu công nghiệp bước vào thiên niên kỷ mới bằng nguồn vốn huy động từ nhiều nguồn, hạn chế mức thấp nhất và đi đến không dùng nguồn vốn ngân sách mà vẫn xây dựng được các công trình cơ sở hạ tầng, huy động tối đa nguồn nội lực trong nhân dân để cùng công ty thực hiện các công trình theo phương châm (Nhà nước và nhân dân cùng làm).

Ngoài việc đô thị hóa công ty còn thực hiện chủ trương công nghiệp hóa nông nghiệp đã đầu tư 40 phân xưởng chế biến mủ Cao su bao tiêu giúp nông dân tiêu thụ sản phẩm, góp phần định hướng đúng về cơ cấu cây trồng. Xí nghiệp chế biến hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu thu nhập trên 3 tỷ đồng, tạo việc làm cho 800 công nhân có tay nghề cao. Hiện nay 100% CBCNV công ty có thu nhập ổn định từ 800.000- 1.000.000 triệu đồng người/ 1 tháng. 99% đảng viên giữ các vị trí then chốt, đảng bộ nhiều năm liền trong sạch vững mạnh, nhiều lần được tỉnh Đảng bộ tặng cờ luân lưu. Là một doanh nghiệp đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa, tiêu biểu của tỉnh trong việc đổi mới công nghệ và quản lý, thực hiện các chính sách xã hội, chấp hành chủ trương chính sách của Đảng pháp luật Nhà nước, trong việc bồi dưỡng đào tạo mọi lĩnh vực cho CBCNV đặc biệt là sáng lập và duy trì trung tâm đào tạo kỹ thuật Việt Nam - Singapore. BECAMEX có được như ngày nay không thể không kể đến công lao của tập thể CBCNV và những người lãnh đạo mà tiêu biểu là Tổng giám đốc - Bí thư Đảng ủy Nguyễn Văn Hùng đã vững tay chèo lái đưa công ty phát triển vững mạnh. Ghi nhận thành tích của CBCNV công ty BECAMEX Đảng và nhà nước đã tặng thưởng cho công ty.

* Huân Chương Lao động hạng Nhất.
* Huân Chương Lao động hạng Nhì
* Huân Chương Lao động hạng Ba.

Và nhiều bằng khen, giấy khen của Chính phủ, Bộ Thương mại. Tỉnh ủy, ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng chí Nguyễn Văn Hùng được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu ANH HÙNG LAO ĐỘNG, tặng thưởng : Huân Chương Lao động hạng Nhì, Huân Chương Lao động hạng Ba, Huy Chương vì sự nghiệp Hội chữ thập đỏ Việt Nam và nhiều bằng khen giấy, giấy khen khác.

Bản lãnh và tư duy mới giúp BECAMEX đã và đang chuyển mình để xứng đáng với sự tin cậy của tỉnh và Nhà nước.

Digitized by Google



CÔNG TY QUẢN LÝ VÀ SỬA CHỮA ĐƯỜNG BỘ 222

Địa chỉ : Phường Chăm Mát - thị xã Hòa Bình - tỉnh Hòa Bình

Điện thoại : 018 852030 - 852175

* Ngành nghề kinh doanh chủ yếu :

- Quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đường bộ.
- Đảm bảo giao thông khi có thiên tai, địch họa xảy ra trên địa bàn quản hạt được giao
- Sửa chữa lớn và xây dựng cơ bản nhỏ.
- Sản xuất vật liệu xây dựng, bán thành phẩm, sửa chữa phụ trợ và kinh doanh dịch vụ khác.

* Hình thức tổ chức doanh nghiệp : Doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích.

* Đơn vị quản lý bao gồm 173 km trên các quốc lộ 6 và 15.

* Được nhà nước trao tặng huân chương Lao động hạng nhất.

Digitized by Google

BỘ XÂY DỰNG

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ

HOUSING AND URBAN DEVELOPMENT CORPORATION

Địa chỉ liên hệ :

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ

21 phố Kim Đồng - phường Giáp Bát

quận Hai Bà Trưng - TP. Hà Nội

ĐT : 8647129 - Fax : 8647144

Contacted address :

HOUSING AND URBAN DEVELOPMENT CORPORATION

21 Kim Dong - Giap Bat

Hai Ba Trung district - Hanoi city

Tel : 8647129 - Fax : 8647144



Trụ sở công ty

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ là Tổng công ty Nhà nước, có tên giao dịch quốc tế HOUSING AND URBAN DEVELOPMENT CORPORATION (HUD), hoạt động trong lĩnh vực đầu tư và phát triển nhà và đô thị trên phạm vi cả nước.

Hoạt động :

- Đầu tư phát triển các khu dân cư, các khu kinh tế và khu công nghiệp tập trung.
- Tư vấn đầu tư xây dựng nhà và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp.
- Quản lý các dự án đầu tư phát triển nhà, khu đô thị mới và khu công nghiệp.
- Kinh doanh nhà, kinh doanh hạ tầng khu đô thị mới và khu công nghiệp.

. Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, bưu chính viễn thông, công trình kỹ thuật hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, công trình đường dây và trạm biến thế điện, điện nước cho các công trình dân dụng, công nghiệp.

- Sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị và vật liệu xây dựng.
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị công nghệ, vật liệu xây dựng.
- Quản lý khai thác dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung.
- Liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước trong lĩnh vực đầu tư phát triển đô thị, khu dân cư và khu công nghiệp.



Nhà chung cư 9 tầng tại khu nhà ở Bắc Linh Đàm - *The 9th storey apartment building in Northern Linhdam residential area.*



Tuyến đường nối quốc lộ 1A vào dự án Khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở Hồ Linh Đàm - *New road linking hight way 1A and LinhDam lake development project.*



Khu nhà ở B5 Giáp Bát - *B5 GiapBat residential area.*

Digitized by Google

9180

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

ĐỊA CHỈ : 352 ĐỘI CẤN - BA ĐÌNH - HÀ NỘI

ĐT : (04) 7625934 - 7626408 * Fax : (04) 7625923



Là doanh nghiệp duy nhất chuyên xuất bản sách y học, biểu mẫu của ngành y tế. Sách do các giáo sư, bác sĩ, dược sĩ đầu ngành biên soạn, biên dịch bao gồm :

- Sách giáo khoa, Giáo trình y tế dùng trong các trường y cho giáo viên, sinh viên.
- Sách y học, Dược học phổ thông nhằm phổ biến kiến thức phòng và chữa bệnh.
- Sách y học, Dược học cổ truyền.
- Sách dịch về y học, dược học các nước trên thế giới.
- Các bảng biểu mẫu theo quyết định mới ban hành (1999) của Bộ Y tế.

Với máy móc trang thiết bị hiện đại và đội ngũ cán bộ năng động NXBYH có khả năng đáp ứng yêu cầu của quý khách hàng.

Các cơ quan và cá nhân có nhu cầu xin liên hệ với chúng tôi theo địa chỉ trên.





Rất hân hạnh được phục vụ quý khách

... IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT: 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ: 5000Đ

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
DEC 01 2000
CURRENT SERIALS

21
11-2000

Digitized by Google

CÔNG TY BAY DỊCH VỤ MIỀN NAM

Năm 2000 Công ty bay dịch vụ Miền Nam được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.

Địa chỉ : Sân bay Vũng Tàu - TP. Vũng Tàu
Tel : 838301 - 833495 - 838573 * Facsimlite : 84.64.838466
Giám đốc : Thượng tá PHẠM VIẾT THÍCH



Hiện nay, Công ty Bay dịch vụ Miền Nam có khả năng cung cấp đầy đủ các dịch vụ hàng không với chất lượng cao trên mọi lĩnh vực :

- Bay dịch vụ thăm dò và khai thác dầu khí ngoài khơi.
- Vận chuyển, treo cẩu hàng hóa.
- Bay phục vụ du lịch : Tuyến thường kỳ Vũng Tàu - Tân Sơn Nhất - Côn Đảo, tuần 3 chuyến 2 - 5 - 7.
- **Bay quay phim, chụp ảnh, nhảy dù. Kéo rải dây điện, bảo dưỡng đường dây.**



** Máy bay hạ cánh trên giàn khoan*



** Văn phòng Công ty Bay dịch vụ Miền Nam.*

MỤC TIÊU HÀNG ĐẦU CỦA CÔNG TY LÀ

An toàn hiệu quả, không ngừng vươn tới tương lai

Công ty Bay dịch vụ Miền Nam hân hạnh đón tiếp và phục vụ quý khách

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 603 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 9422061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

21
11-2000

MỤC LỤC

TIẾN TỚI ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG	LÊ XUÂN TÙNG - Cục diện cách mạng nước ta hiện nay và nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng	3
	NGUYỄN THỊ HẰNG - Chính sách xã hội trong đổi mới đất nước	8
	VŨ HIỂN - Những chuyển biến lớn về kinh tế - xã hội 10 năm qua	13
ĐƯA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG	BÙI MẠNH HẢI - Đổi mới cơ chế quản lý theo hướng tạo lập thị trường cho hoạt động khoa học và công nghệ	18
	NGUYỄN VĂN Ý - Yên Bái - Đôi điều rút ra từ lãnh đạo phát triển kinh tế, xã hội	23
	NGUYỄN HOÀI BÃO - Những đổi thay và hứa hẹn phát triển trên cao nguyên Lâm Đồng	26
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	TƯƠNG LAI - Đối diện với nền kinh tế tri thức, thách thức và cơ hội	30
	TRỊNH GIA BAN - Về những điều kiện cần thiết chủ yếu của Đảng vô sản cầm quyền	36
	NGUYỄN CÚC - Nhà nước - thị trường - doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi ở Việt Nam	39
	BÙI ĐƯỜNG NGHIÊU - Về các biện pháp xử lý bội chi ngân sách	42
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	NHẬT TÂN - Muốn sản xuất kinh doanh tốt phải đẩy mạnh phong trào thi đua - khen thưởng	46
	NGUYỄN ĐẮC HƯNG - Giải pháp vốn tín dụng với công tác xóa đói giảm nghèo	49
THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP	NGUYỄN VĂN HẢI - Đặt đúng vị trí của hai từ "dân chủ"	52
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	NGUYỄN TRUNG THỰC - Dốt ?!	54
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	ĐINH TÍCH - Mười năm quan hệ Việt Nam và Liên minh châu Âu	55
	NGUYỄN THỊ HOA - Vấn đề đi lên hiện đại hóa của các nước đang phát triển	58

Bìa 1 : *Trên công trình Đường Hồ Chí Minh*

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ЛЕ СУАН ТУНГ: Революционная обстановка нашей страны на нынешнем этапе и главная задача идеологической работы. НГУЕН ТХИ ХАНГ: Социальные политики в курсе обновления страны. ВУ ХИЕН: Крупные социально-экономические сдвиги в 10 прошедших лет. БУЙ МАНЬ ХАЙ: Обновлять управленческий механизм по направлению создания рынка для научных и технологических операций. НГУЕН ВАН Й: Провинция Йен Бай: Некоторые выводы, извлеченные из руководства развитием экономики и общества. НГУЕН ХОАЙ БАО: изменения и перспективы развития на плато Лам Донг. ТЫОНГ ЛАЙ: Перед лицом интеллектуальной экономики: вызовы и возможности. ЧИНЬ ЗА БАН: О главных необходимых условиях правящей пролетарской партии. НГУЕН КУК: Государство - рынок - предприятие в процессе сдвига во Вьетнаме. БУЙ ДЫОНГ НГИЕУ: О мероприятиях для ликвидации платежного дефицита. ДИНЬ ТИТЬ: Десять лет отношений между Вьетнамом и Европейским Союзом. НГУЕН ТХИ ХОА: Проблема продвижения вперёд к модернизации развивающихся стран.

CONTENTS

LÊ XUÂN TÙNG: Revolutionary situation of our country at the present stage and the principal task of the ideological work. NGUYỄN THỊ HẰNG: Social policies in the country's renovation cause. VŨ HIỀN: Large socio-economic shifts in the 10 past years. BÙI MẠNH HẢI: To renovate the management mechanism in the direction of creating a market for scientific and technological operations. NGUYỄN VĂN Ý: Yên Bái province: some points drawn from socio-economic management. NGUYỄN HOÀI BÃO: Changes and development prospects on Lâm Đồng plato. TƯƠNG LAI: Challenges and opportunities in the face of intellectual economy. TRỊNH GIA BAN: Regarding the principal necessary conditions of the proletariat ruling party. NGUYỄN CÚC: State - market - enterprise in the shift process in Vietnam. BÙI ĐƯỜNG NGHIÊU: About the solutions to budget overspending. ĐINH TÍCH: 10 years of the relations between Vietnam and European Union. NGUYỄN THỊ HOA: The problem of advancement to modernisation of the developing countries.

SOMMAIRE

LÊ XUÂN TÙNG: La situation actuelle de la révolution dans notre pays et les tâches principales du travail idéologique. NGUYỄN THỊ HẰNG: La politique sociale dans l'œuvre de renouveau du pays. VŨ HIỀN: Les grandes mutations socio-économiques des dix dernières années. BÙI MẠNH HẢI: Les réformes du mécanisme de gestion visant à créer un marché destiné aux activités scientifiques et technologiques. NGUYỄN VĂN Ý: Yên Bái - quelques problèmes tirés de la direction du développement socio-économique. NGUYỄN HOÀI BÃO: Les changements et les perspectives de développement sur les hauts-plateaux du Lâm Đồng. TƯƠNG LAI: Face à une économie du savoir, défis et opportunités. TRỊNH GIA BAN: À propos des conditions indispensables du Parti prolétarien au pouvoir. NGUYỄN CÚC: "État - marché - entreprise" dans le processus de transmutation au Vietnam. BÙI ĐƯỜNG NGHIÊU: À propos des mesures de solution du déficit budgétaire. ĐINH TÍCH: Dix ans de relations Vietnam - Union européenne. NGUYỄN THỊ HOA: Le chemin vers la modernisation des pays en voie de développement.

CONTENIDO

LÊ XUÂN TÙNG: La actual situación de la revolución vietnamita y las principales tareas del trabajo ideológico. NGUYỄN THỊ HẰNG: Políticas sociales en la obra de renovación del país. VŨ HIỀN: Las grandes transmutaciones socio-económicas en los últimos díez años. BÙI MẠNH HẢI: Las reformas del mecanismo de gestión por crear un mercado destinado a las actividades científicas y tecnológicas. NGUYỄN VĂN Ý: Algunas experiencias sacadas de la dirección del desarrollo socio-económico en la provincia de Yên Bái. NGUYỄN HOÀI BÃO: Los cambios y perspectivas del desarrollo en el Altiplanicie de Lâm Đồng. TƯƠNG LAI: en frente de una economía de conocimientos, desafíos y oportunidades. TRỊNH GIA BAN: Sobre las condiciones indispensables del Partido proletario en poder. NGUYỄN CÚC: "Estado - mercado - empresa" en el proceso de transmutación en Vietnam. BÙI ĐƯỜNG NGHIÊU: Sobre las medidas de solución del déficit presupuestario. ĐINH TÍCH: Las relaciones entre Vietnam y la Unión Europea en los últimos díez años. NGUYỄN THỊ HOA: El camino hacia la modernización de los países en desarrollo.

目录

黎春松：我国目前的革命局面及思想工作的主要任务•阮氏恒：国家革新中的社会政策•武贤：十年来有关经济、社会的巨大变化•裴孟海：按开拓科技市场的方向实施革新管理机制•阮文安：安沛—从领导发展经济社会工作中所汲取的经验•阮怀抱：林同高原的变化及发展展望•将来：面对知识经济—挑战与机遇•郑嘉班：有关无产阶级党掌权的主要必要条件•阮菊：在越南国家、市场、企业转换过程中•裴唐尧：关于处理国家预算透支的种种措施•丁积：十年来越南与欧盟的关系•阮氏花：发展中国家向现代化迈进的问题。

Digitized by Google

CỤC DIỆN CÁCH MẠNG NƯỚC TA HIỆN NAY VÀ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG

LÊ XUÂN TÙNG *

Đất nước ta đã trải qua hơn một thế kỷ đấu tranh oanh liệt, đầy gian khổ, hy sinh nhưng thắng lợi thật vẻ vang và vĩ đại. Bước vào thế kỷ XXI, chúng ta phải đối mặt với một bối cảnh quốc tế hết sức phức tạp, diễn biến nhanh chóng và khó lường. Tương lai đất nước ta trong đầu thế kỷ XXI phụ thuộc quyết định vào quyết sách của Đảng ta tại Đại hội IX, họp vào đầu năm tới. Một vấn đề rất quan trọng cần làm sáng tỏ là cục diện cơ bản của cách mạng nước ta hiện nay ra sao để làm cơ sở cho việc hoạch định đường lối, chiến lược, kế hoạch xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việc xác định đúng đắn cục diện cách mạng sẽ là cơ sở quan trọng để toàn Đảng, toàn dân thấu suốt tình hình, nhiệm vụ cách mạng và nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi người, đồng tâm, hiệp lực, đoàn kết nhất trí đưa sự nghiệp đổi mới tiếp tục đi lên, đạt được nhiều thành tựu to lớn hơn nữa.

Có thể khẳng định rằng, trong thời đại ngày nay, không thể phát triển nếu cô lập với thế giới bên ngoài. Kinh nghiệm lịch sử cho chúng ta thấy, phải chủ động hội nhập kinh tế với đời sống quốc tế, với những nguyên tắc chỉ đạo và phương châm đúng đắn, phù hợp. Muốn vậy, phải hiểu đúng đắn, sâu sắc về thế giới. Hiện nay, không ít người bối rối, băn khoăn, có người bi quan, có người lạc quan khi đánh giá tình hình thế giới. Mọi sự vội vã, hời hợt hay phiến diện trong nhìn nhận, đánh giá tình hình đều rất có hại trong việc lựa chọn, đề ra đường lối, chính sách cả ở cấp vĩ mô và cấp vi mô. Nhìn lại thế giới hơn 10 năm trở lại đây nổi lên những sự kiện chi phối mạnh mẽ mọi mặt đời sống quốc tế. Về chính trị, các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô tan vỡ, chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào làm đảo lộn so sánh lực lượng chính trị quốc tế. Trong khi đó, chủ nghĩa tư bản còn sức phát triển, đang giương oai diễu võ khắp nơi. Chiến tranh cục bộ, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, khủng bố... vẫn xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới và ngày càng diễn biến phức tạp. Về khoa học - công nghệ, đó là một thời kỳ phát triển mạnh như vũ bão của các ngành khoa học mũi nhọn, công nghệ cao, đặc biệt là công nghệ thông tin đang tác động mạnh mẽ vào đời sống kinh tế, văn hóa, quân sự, giáo dục... của tất cả các quốc gia, dân tộc ; nảy sinh nhiều vấn đề mới liên quan trực tiếp, nhiều mặt, nhiều chiều, đến sự phát triển của các nước. Về kinh tế, đồng thời với sự khủng hoảng kinh tế xảy ra ở nhiều nơi, xu hướng toàn cầu hóa kinh tế đang phát triển nhanh, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia ; sự phân công quốc tế phát triển, quyền chi phối, chủ động thuộc về các nước tư bản phát triển, các công ty xuyên quốc gia v.v. Vậy hiểu thế nào về bản chất và quy luật vận động của thế giới ngày nay ?

Ngay trong các nhà nghiên cứu ở các nước tư bản cũng có những đánh giá khác nhau. Fu-ku-ya-ma (Nhật Bản) cho rằng, Liên Xô tan vỡ chứng minh chủ nghĩa tư bản là nấc thang cuối cùng và vĩnh cửu của tiến hóa nhân loại. Còn Xam-oen-sơn cho rằng thế kỷ XXI là thế kỷ của khoa học - công nghệ, chỉ có khoa học - công nghệ chi phối thế giới, phớt lờ yếu tố quan hệ sản xuất, bản chất chế độ chính trị. Trong khi đó, tại các cuộc gặp gỡ ở Pa-ri (Không gian Mác) nhiều nhà khoa học cho rằng : chủ nghĩa tư bản không phải là chế độ xã hội mong đợi, phải vượt qua chủ nghĩa tư bản đến một xã hội tốt đẹp hơn. Cuộc hội thảo trên In-tơ-nét

* Ủy viên Bộ Chính trị, phụ trách công tác tư tưởng văn hóa và khoa giáo

Digitized by Google

(tháng 5 năm 2000) của các học giả khắp thế giới về toàn cầu hóa đã báo động mặt tiêu cực của toàn cầu hóa. Còn trong chiến lược an ninh quốc gia của Mỹ đến năm 2025 dự báo sự chênh lệch giàu nghèo, nạn nghèo đói vẫn tiếp tục phát triển v.v. Đảng ta đánh giá thế nào về thế giới thế kỷ sắp tới ? Trên cơ sở nhìn nhận thế giới thế kỷ XXI, Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội IX của Đảng đã đưa ra những nhận định cực kỳ quan trọng. *Đặc điểm* và *xu thế* của thế giới nêu trong Dự thảo Báo cáo chính trị đặc biệt chú ý mấy điểm sau đây :

- Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thái và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển ; lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa tiếp tục phát triển ; khoa học - kỹ thuật tiến bộ như vũ bão ; nền kinh tế tri thức xuất hiện ; toàn cầu hóa trở thành xu thế kinh tế khách quan.

- Lịch sử thế giới đã, đang và sẽ còn trải qua những bước quanh co, song loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội, đó là quy luật tiến hóa của lịch sử.

Theo quy luật, lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa càng vượt ra khỏi quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ; quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ngày càng không chứa đựng nổi. Nhưng chủ nghĩa tư bản còn có khả năng tự điều chỉnh, chúng ta không xem thường khả năng tự điều chỉnh này của chủ nghĩa tư bản trong những thời kỳ lịch sử nhất định. Trong cuốn "Chủ nghĩa đế quốc giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản", Lê-nin cũng đã từng đưa ra dự đoán có những thời kỳ khoa học kỹ thuật dưới chủ nghĩa tư bản phát triển rất nhanh. Mặt khác, nhân tố chủ quan chưa được chuẩn bị sẵn sàng để làm "nổ tung cái vỏ" tư bản chủ nghĩa. Hoàn cảnh quốc tế khách quan chưa thuận lợi. Do đó, xã hội tư bản ngày càng chồng chất mâu thuẫn không giải quyết được.

Sự thoái trào chủ nghĩa xã hội thế giới không có nghĩa chứng minh chủ nghĩa tư bản là nấc thang cuối cùng, vĩnh cửu. Nó chỉ có nghĩa là một mô hình của chủ nghĩa xã hội đã không được thực hiện thành công. Tính chất của thời đại hiện nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội tuy tiến trình lịch sử phải đi vòng hơn so với khi còn Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Chính vì vậy mà trong cuộc hội thảo quốc tế mới đây tại Hà Nội (9/2000) "Việt Nam trong thế kỷ XX", nhiều đại biểu vẫn tỏ ra tin tưởng ở chủ nghĩa xã hội thế giới. Giáo sư, tiến sĩ A-lếc-xăng Li-lốp nhấn mạnh thêm : "Tương lai của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới phụ thuộc ở mức độ quyết định vào những cuộc cải cách của chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc và Việt Nam".

Do vậy, một nhiệm vụ rất quan trọng của công tác tư tưởng là phải làm cho mọi người rõ, tin tưởng sâu sắc vào tiến trình cách mạng thế giới. Cuộc cách mạng đó không đến nhanh như suy nghĩ lạc quan trước đây, nhưng tất yếu sẽ đến. Công tác tư tưởng phải khắc phục quan điểm từ cực đoan này chuyển sang cực đoan khác, và cả hai đều nguy hiểm. Bản thân tính quy luật này cũng chính là một nguồn lực to lớn của nhân loại trong sự nghiệp đấu tranh chống áp bức, bóc lột, vì hòa bình và tiến bộ xã hội. Các Đảng Cộng sản chân chính (vẫn theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin) đều nghiêm túc xem xét lại mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu xô viết, đổi mới tư duy lý luận, đang tổ chức lại Đảng. Một số Đảng Cộng sản và chủ nghĩa xã hội có cơ hội hồi phục và phát triển.

Trong những năm đầu thế kỷ XXI, chiến tranh thế giới thứ ba ít có khả năng xảy ra, nhưng mối quan hệ giữa các nước lớn, các trung tâm lớn, từ lợi ích kinh tế, chiến tranh thương mại giữa Mỹ - EU - Nhật v.v... đều dẫn đến một sự thỏa hiệp, kìm chế nhất định. Mỹ chưa có đối thủ thay được vị trí Liên Xô trước đây - nước có ưu thế về kinh tế, khoa học, công nghệ, quân sự. Chiến lược an ninh quốc gia của Mỹ đến năm 2025 cũng dự kiến chưa có chiến tranh thế giới thứ ba vì cán cân so sánh lực lượng toàn cầu chưa có khả năng đảo lộn so với hiện nay. Phong trào đấu tranh cho hòa bình của nhân dân thế giới, sự kìm chế lẫn nhau giữa các nước lớn, nhiều nước có bom nguyên tử, không thể nói là ai cũng làm chủ được trong việc sử dụng nó, cho nên nổ ra chiến tranh là chiến tranh hủy diệt, ngay đối với nước gây ra chiến tranh (chủ yếu là răn đe, không để xâm hại đến sự sống còn của mình...). Thực tế cho thấy không phải Mỹ và đồng minh muốn làm gì cũng được. Dựa vào sự phân tích toàn diện, tổng hợp các yếu tố chính trị, quân sự, kinh tế, v.v. Dự thảo Báo cáo chính trị đã có một dự báo rất quan trọng : trong khoảng 10 - 15 năm tới ít có khả năng xảy ra chiến

Digitized by Google

tranh thế giới thứ ba. Hòa bình và hợp tác vẫn là một xu thế lớn phản ánh đòi hỏi bức xúc của các quốc gia, dân tộc.

Mặt khác, như thực tế cho thấy, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp lật đổ, khủng bố, khủng hoảng kinh tế - xã hội sẽ còn xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới và tính chất phức tạp ngày càng tăng. Do vậy, công tác tuyên truyền, giáo dục cần làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ loại nguy cơ này đối với nước ta để nâng cao cảnh giác cách mạng, làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn của các thế lực thù địch nhằm chống phá cách mạng nước ta. Các thế lực thù địch công khai tuyên bố mục tiêu "diễn biến hòa bình" chuyển hóa chế độ ta từ chủ nghĩa xã hội sang chủ nghĩa tư bản. Tuy không phải mọi bất ổn của thế giới và khu vực đều ảnh hưởng trực tiếp đến nước ta, nhưng cần đặc biệt quan tâm đến tình hình của các nước láng giềng, khu vực. Mọi xáo động ở các nước gần ta, các nước láng giềng đều tác động trực tiếp đến nước ta. Công tác tư tưởng phải làm cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân nâng cao cảnh giác, đề phòng các thế lực thù địch mưu toan lật đổ sự lãnh đạo của Đảng ta và chế độ xã hội chủ nghĩa bằng mọi thủ đoạn "diễn biến hòa bình", "bạo loạn lật đổ" ; vạch rõ mưu toan dùng chiêu bài dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, dân tộc ; huấn luyện và đưa bọn phản động người Việt từ nước ngoài về phá hoại, gây rối, gây mất ổn định chính trị đối với nước ta.

Trong nước, khi bước vào thế kỷ XXI, nước ta vừa có *cơ hội lớn* vừa đứng trước những *thách thức lớn*. Cơ hội và thách thức đan xen nhau rất phức tạp. Cơ hội lớn và thách thức lớn do cả yếu tố bên trong và bên ngoài tạo nên, song yếu tố bên trong là quyết định. Dự thảo Báo cáo chính trị đã nêu rõ cơ hội lớn : trước hết, đó là thế và lực của nước ta lớn mạnh lên nhiều (cơ sở vật chất - kỹ thuật, tiềm năng lao động, tài nguyên ; dân tộc ta có truyền thống tốt đẹp ; chính trị, xã hội ổn định,...). Đồng thời, chúng ta có môi trường hòa bình, xu thế hợp tác, liên kết, phân công quốc tế ngày càng mở rộng, tạo điều kiện và khả năng để chúng ta tận dụng nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, rút ngắn thời gian, tiến nhanh so với các nước đi trước.

Đồng thời chúng ta phải đối mặt với nhiều thách thức lớn. Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp, đan xen lẫn nhau. Chúng ta không xem nhẹ nguy cơ nào nhưng nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế và nguy cơ suy thoái từ bên trong về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tạo thành thách thức lớn nhất đối với sự phát triển của nước ta trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tính chất quyết liệt trong cuộc cạnh tranh về kinh tế đòi hỏi ta phải cố gắng vượt bậc, nếu không chúng ta sẽ bị "đánh bại" ngay ở thị trường trong nước, nhất là khi các hiệp định kinh tế song phương và đa phương mà ta tham gia có hiệu lực. Ngày nay "thị trường là chiến trường" !

Tính chất gay gắt, quyết liệt, khó khăn, phức tạp của cuộc đấu tranh hiện nay càng yêu cầu bức xúc đối với việc tu dưỡng, rèn luyện và bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt của cán bộ, đảng viên, trước hết là những người hoạt động trong lĩnh vực kinh tế và trong các cơ quan đảng, nhà nước.

Như vậy, để nhận rõ cơ hội, thuận lợi và các nguy cơ, thách thức, đề ra và thực hiện thắng lợi các giải pháp, phát huy thuận lợi, tận dụng thời cơ, phát huy nội lực, từng bước khắc phục nguy cơ, vượt qua thách thức... từ mọi góc độ đều thấy nổi bật vị trí, vai trò cực kỳ quan trọng và trách nhiệm rất nặng nề của công tác tư tưởng trong thời kỳ tới. Công tác tư tưởng phải làm cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân hiểu rõ chỗ mạnh, chỗ yếu và nguyên nhân của thành tích, thắng lợi cũng như tồn tại, yếu kém, khuyết điểm của đất nước ta hiện nay ; khơi dậy ý chí tự cường của cả dân tộc, quyết tâm vươn lên không chịu thân phận một nước đói nghèo, chậm phát triển. Điều quan trọng là phải quán triệt trong các ngành, các cấp và toàn dân để mọi người hiểu rõ vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp cách mạng nước ta trong những năm tới là phải chủ động nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, vững vàng trong mọi tình huống, đưa đất nước tiếp tục tiến lên theo con đường đã lựa chọn. Mỗi ngành, mỗi cấp cần xác định đúng thuận lợi và khó khăn, thách thức cụ thể của ngành mình, cấp mình, đề ra giải pháp cụ thể, lựa chọn đúng những việc cần tập trung thực hiện để chủ động tranh thủ, tận dụng nắm bắt cơ hội và thời cơ, coi đó là phương

Digitized by Google

thức cơ bản để khắc phục khó khăn, yếu kém và nguy cơ.

Từ chỗ làm sáng tỏ cục diện cách mạng nước ta hiện nay, biết được điểm mạnh, điểm yếu, Đại hội IX của Đảng sẽ thảo luận và quyết định chiến lược 10 năm (2001 - 2010) và kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội (2001 - 2005) tạo đà cho 10 năm tiếp theo, đến năm 2020 đạt mục tiêu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Trong quá trình 5 - 10 năm tới đây, trước mắt chúng ta là một khối lượng công việc cực kỳ to lớn, khó khăn và phức tạp, đòi hỏi toàn Đảng, toàn quân, toàn dân phải có ý chí lớn, quyết tâm và một tinh thần tiến công cách mạng, chủ động, sáng tạo vượt qua mọi khó khăn, gian khổ mới đạt được. Song, đâu là mắt khâu then chốt của cả sợi dây xích mà chúng ta cần tìm ra để tháo gỡ ? Đảng ta xác định : phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt. Động lực chủ yếu là phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, huy động tối đa tiềm lực vật chất và tinh thần của dân tộc, thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm, chiến lược 10 năm do Đại hội IX đề ra. Trong nhiệm vụ phát triển kinh tế, cần ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất. Đặc biệt chú ý việc định hướng phát triển một số ngành, lĩnh vực quan trọng : công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn ; phát triển công nghiệp ; xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các ngành công nghiệp nền tảng, mũi nhọn ; các ngành dịch vụ v.v. Trong việc xây dựng và phát triển nền kinh tế tri thức không theo các bước tuần tự, mà kết hợp giữa tuần tự và đi tắt, đón đầu ở những ngành, lĩnh vực, những công việc có điều kiện và cần thiết, nhất là vai trò của khoa học - công nghệ trong thời kỳ mới. Bao trùm và nổi lên là nhiệm vụ chiến lược bồi dưỡng nguồn nhân lực, vai trò và yêu cầu rất cao đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo khoa học - công nghệ.

Trong Dự thảo Báo cáo chính trị đã đưa ra quan điểm về xây dựng quan hệ sản xuất với nhiều chế độ sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, *coi trọng mọi thành phần kinh tế làm ăn đúng pháp luật, đem lại hiệu quả kinh tế cao, thu hút được nhiều lao động.* Chủ trương xây dựng kinh tế nhà nước ngày càng mạnh, có chính sách thỏa đáng, có phân biệt với các dạng kinh tế nhà nước (đối với các ngành, lĩnh vực then chốt, quan trọng và những ngành, cơ sở không nhất thiết phải có kinh tế nhà nước). Chủ trương phát triển các hình thức kinh tế đan xen sở hữu như một hướng quan trọng nhằm tìm ra các hình thức sở hữu đa dạng để phát triển lực lượng sản xuất. Vai trò của tổng kết thực tiễn trong việc tìm ra các hình thức thực hiện sở hữu có hiệu quả. Từ đó nổi lên vai trò của công tác tư tưởng, lý luận. Công tác tư tưởng có vai trò rất quan trọng trong việc tác động sự phát triển kinh tế. Theo Lê-nin, trong thời bình phải chuyển trọng tâm công tác từ lĩnh vực tuyên truyền chính trị, quân sự sang lĩnh vực xây dựng, phát triển kinh tế. Còn Chủ tịch Hồ Chí Minh từ lâu đã căn dặn phải đi sâu vào thực tiễn, phát hiện nhân tố mới (dù nhỏ), phát hiện các mô hình, hình thức kinh tế có hiệu quả để nhân rộng, phát hiện cái sai để sửa ; qua đó, không ngừng bổ sung, hoàn thiện đường lối, chính sách, dần dần phát hiện ra quy luật của cách mạng nước ta, góp phần giải đáp những vấn đề mới do thực tiễn đặt ra.

Đồng thời, công tác tư tưởng cần góp phần đắc lực vào việc tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, bồi dưỡng con người, phát triển các tố chất cần thiết về chính trị, đạo đức, luật pháp, tri thức toàn diện, nhất là tri thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ; bồi dưỡng năng lực hoạt động thực tiễn, phát huy truyền thống yêu nước, cách mạng, bồi dưỡng ý chí, bản lĩnh theo yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới.

Việc thực hiện nhiệm vụ "then chốt" cần tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh, đủ sức lãnh đạo sự nghiệp cách mạng trong thời kỳ mới. Thực sự coi nhiệm vụ xây dựng Đảng là khâu then chốt không chỉ trước mắt mà lâu dài, là nhiệm vụ thiết thân của mỗi cán bộ, đảng viên và của nhân dân. Kinh nghiệm xương máu của các Đảng Cộng sản ở các nước Đông Âu và Liên Xô trước đây là nếu Đảng suy yếu, mất vai trò lãnh đạo thì chính quyền sẽ rơi vào tay các thế lực chính trị khác, đất nước sẽ chuyển sang quỹ đạo tư bản chủ nghĩa.

Để tiếp tục thực hiện có kết quả nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, khắc phục những yếu kém, khuyết điểm cần tập trung một số điểm sau đây : Khắc phục sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, tệ quan liêu, tham nhũng ở một bộ

Digitized by Google

phận cán bộ, đảng viên. Đổi mới, hoàn chỉnh cơ chế, chính sách. Cán bộ, đảng viên, viên chức phải thường xuyên tu dưỡng, phấn đấu, tự phê bình và phê bình. Từng bước nâng cao thu nhập, đời sống cán bộ, công chức. Tăng cường vai trò quản lý cán bộ, đảng viên của tổ chức và sự giám sát của nhân dân. Kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước phải được thực hiện nghiêm minh.

Trong bối cảnh và cục diện cách mạng nước ta hiện nay, cần thực hiện tốt một số việc sau đây, nhằm đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của công tác tư tưởng :

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc quán triệt Nghị quyết Đại hội IX và các Hội nghị Trung ương, trước mắt là thảo luận, xây dựng góp ý vào các Dự thảo Văn kiện Đại hội IX ; tạo sự chuyển biến nhận thức, tư tưởng, nâng cao lòng tin, động viên nhiệt tình cách mạng và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân, nâng cao ý chí tự cường dân tộc ; tạo ra phong trào quần chúng rộng rãi thi đua thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội do Đại hội IX đề ra. Việc học tập, quán triệt sâu sắc Nghị quyết là một quá trình. Vì vậy, cần có những hình thức thích hợp trong truyền đạt, kiểm tra, phát huy tính tự giác học tập của mỗi cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Cần sớm khắc phục một tình trạng trong quá trình tổ chức quán triệt Nghị quyết là càng xuống dưới cơ sở thì thời gian và những nội dung của nghị quyết càng bị thu hẹp lại, khiến cho việc học tập trở thành hình thức, lãng phí và nghị quyết của Đảng không đi vào được cuộc sống.

- Tăng cường nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, kể cả thực tiễn công tác tư tưởng - văn hóa. Trong nghiên cứu lý luận cần bám sát những vấn đề đặt ra từ thực tiễn công cuộc đổi mới của đất nước. Nghiên cứu lý luận phải gắn chặt với công tác tổng kết thực tiễn. Việc tổng kết thực tiễn cần được chỉ đạo chặt chẽ, cụ thể từ trung ương tới cơ sở, bao gồm tất cả các ngành, các lĩnh vực. Tổng kết phải rút ra được những bài học mang tính phổ biến, sâu sắc, có giá trị chỉ đạo thực tiễn.

- Tăng cường công tác giáo dục lý luận chính trị, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục chủ nghĩa yêu nước, giáo dục đạo đức và văn hóa, khoa học - kỹ thuật, nâng cao tố chất con người, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

- Đổi mới phương thức công tác tuyên truyền, giáo dục, mở rộng dân chủ trong công tác tư tưởng, hướng về cơ sở, sát thực tế, sát đối tượng. Công tác tư tưởng phải đặt lên hàng đầu việc phục vụ thắng lợi những nhiệm vụ kinh tế - xã hội đã được đề ra, nhằm tạo ra thế và lực mới cho đất nước đi vào thế kỷ XXI. Muốn vậy, phải thật sự coi trọng việc nghiên cứu và quán triệt sâu sắc các quan điểm kinh tế cơ bản của Đảng, tuyên truyền việc thể chế hóa các quan điểm này thành các luật, pháp lệnh cũng như các giải pháp cụ thể của Chính phủ. Bên cạnh việc phục vụ các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, công tác tư tưởng phải tiếp tục phục vụ có hiệu quả cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trên cơ sở tham gia tổng kết, phát hiện, tuyên truyền những bài học kinh nghiệm tốt của các địa phương, đơn vị trong quá trình thực hiện tự phê bình và phê bình ; đưa công tác tự phê bình và phê bình thành nền nếp và việc làm thường xuyên trong toàn Đảng.

- Đấu tranh sắc sảo, kịp thời chống các âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" và sự chống phá của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa. Trên cơ sở mở rộng dân chủ trong sinh hoạt tư tưởng kiên quyết đấu tranh chống các luận điệu cơ hội về tư tưởng chính trị, động viên các binh chủng tư tưởng, đội ngũ cán bộ khoa học xã hội và nhân văn cùng toàn Đảng tham gia thực hiện nhiệm vụ này bằng những hình thức thích hợp, không những trên các phương tiện thông tin đại chúng mà còn ở hội nghị, hội thảo... Khuyến khích tính tích cực trong thảo luận, tranh luận, đấu tranh với các quan điểm sai trái, phê phán thái độ thụ động "mũ ni che tai"... của nhiều người hiện nay. Việc đấu tranh khắc phục tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tệ quan liêu, tham nhũng, mất dân chủ, ức hiếp quần chúng,... cũng cần đẩy mạnh và nâng cao chất lượng nhằm làm cho Đảng ta ngày càng vững mạnh, gắn bó với nhân dân hơn, năng lực, uy tín và sức chiến đấu của từng tổ chức đảng ngày càng một nâng cao.

- Nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng trong công tác tư tưởng - văn hóa, phối hợp các lực lượng trong công tác tư tưởng - văn hóa tạo nên sức mạnh tổng hợp, góp sức cùng toàn Đảng, toàn dân thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ cách mạng do Đảng ta đề ra. ❑

Digitized by Google

CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TRONG ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN THỊ HẰNG *

1 - Đổi mới tư duy trong hoạch định và thực hiện chính sách xã hội.

Trong công cuộc đổi mới, thực hiện chính sách xã hội đúng đắn là động lực to lớn phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong công cuộc xây dựng đất nước. 15 năm qua là thời kỳ chúng ta trăn trở, day dứt, đấu tranh gay gắt giữa tư duy cũ của cơ chế kế hoạch hóa, tập trung, quan liêu, bao cấp và tư duy mới trước yêu cầu của quá trình chuyển đổi sang phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ; đồng thời cũng là thời kỳ chúng ta dày công tổng kết thực tiễn và nghiên cứu khoa học, tìm tòi, sáng tạo để hình thành một hệ thống chính sách xã hội phù hợp với tiến trình đổi mới. Thực chất đó là cả một quá trình thay đổi về nhận thức và đổi mới tư duy trên nền tảng lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển xã hội, mà nội dung cốt lõi của nó là *hướng vào phát triển con người, lấy con người làm trung tâm, do con người và vì con người.*

Tư tưởng lớn nhất, cái gốc của đổi mới trong chính sách xã hội là hướng vào giải phóng sức sản xuất, giải phóng sức lao động, khơi dậy tiềm năng của mỗi cá nhân và của cả cộng đồng dân tộc, coi trọng giá trị của lao động, của người có công, mở rộng cơ hội cho mọi người cùng phát triển. Đổi mới tư duy về chính sách xã hội trong 15 năm qua được ghi đậm dấu ấn trong các nghị quyết, văn kiện của Đảng ; đặc biệt, Nghị quyết Đại hội VII đã đề ra 3 quan điểm lớn để hoạch định chính sách xã hội là :

- Mục tiêu của chính sách xã hội thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế, đều nhằm phát huy sức mạnh của nhân tố con người và vì con người.

- Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa - xã hội, giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội.

- Phát triển kinh tế là cơ sở, phương tiện, là tiền đề để thực hiện các chính sách xã hội ; ngược lại, thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực, là cơ sở thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

Đại hội VIII của Đảng tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh thêm một bước các quan điểm trong hoạch định chính sách xã hội :

- Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay từ đầu và trong suốt quá trình thực hiện các kế hoạch phát triển. Công bằng xã hội phải thể hiện cả ở khâu phân phối tư liệu sản xuất, khâu phân phối kết quả sản xuất ; tạo điều kiện để mọi người có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình.

- Sử dụng nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu ; kết hợp phân phối dựa trên mức đóng góp các nguồn lực, phân phối thông qua phúc lợi xã hội ; thực hiện điều tiết hợp lý, bảo hộ quyền lợi của người lao động.

- Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển và mức sống giữa các vùng, các dân tộc và các tầng lớp dân cư.

- Phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc : uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa, nhân hậu thủy chung.

- Các vấn đề chính sách xã hội đều giải quyết theo tinh thần xã hội hóa ; trong đó Nhà nước đóng vai trò nòng cốt ; động viên toàn dân, các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân và cộng đồng quốc tế tham gia giải quyết các vấn đề xã hội.

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội

Digitized by Google

Thực tiễn của công cuộc đổi mới đã cho ta có nhận thức mới về chính sách xã hội. Đó là một hệ thống chính sách như dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội IX chỉ rõ "phản ánh những giá trị nhân văn của nền văn hóa Việt Nam, thể hiện lợi ích và trách nhiệm của cộng đồng xã hội nói chung và của từng công dân, điều chỉnh các mối quan hệ lợi ích giữa con người với con người, giữa con người với xã hội, nhằm mục đích cao nhất là thỏa mãn những nhu cầu ngày càng cao về đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Mọi chính sách xã hội được thực hiện theo tinh thần xã hội hóa". Hệ thống chính sách đó bao gồm những chính sách rất cơ bản như giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, chính sách ưu đãi người có công, chính sách dân số, chăm sóc, bảo vệ trẻ em, chính sách an sinh xã hội, chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ lao động...

Hệ thống các quan điểm về chính sách xã hội trong công cuộc đổi mới nêu trên phản ánh bản chất và tính ưu việt của chế độ ta, đồng thời cũng phù hợp với xu thế chung.

2 - Những nhận thức, quan điểm đổi mới về chính sách xã hội.

Thời gian qua, những nhận thức, quan điểm đổi mới về chính sách xã hội đã được thể chế hóa về mặt nhà nước, tạo hành lang pháp lý cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển xã hội công bằng và tiến bộ ; đồng thời ngày càng được khẳng định trong cuộc sống, có thể khái quát trên các mặt sau :

- Nhà nước đã ban hành hàng loạt các chính sách vĩ mô phát triển kinh tế nhiều thành phần ; đổi mới chính sách đất đai, thuế, tín dụng hướng vào phát triển nông nghiệp, nông thôn, phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, khu vực phi kết cấu... để bảo đảm tăng trưởng kinh tế cao và ổn định, tăng nguồn thu ngân sách và điều chỉnh cơ cấu chi tiêu công, tạo điều kiện và tiền đề cho thực hiện các mục tiêu phát triển xã hội ; đặc biệt là giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, phát triển các dịch vụ xã hội cơ bản và hòa nhập xã hội nhóm yếu thế.

- Hệ thống luật pháp đã hình thành phù hợp với yêu cầu đổi mới, nhất là Bộ Luật Lao động, Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Luật Giáo dục, Pháp lệnh ưu đãi người có công, Pháp lệnh phong tặng và truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng", Pháp lệnh về Người tàn tật, Người cao tuổi, Điều lệ về Bảo hiểm xã hội... Có thể nói, hầu hết các đối tượng xã hội, dù ở mức độ còn thấp, nhưng đã được điều chỉnh bằng các văn bản pháp luật. Nhờ đó, đã hoàn thiện và tăng cường khung khổ pháp luật cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển xã hội công bằng và tiến bộ.

- Hình thành các chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển xã hội như chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, trợ giúp các xã đặc biệt khó khăn, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, chương trình phát triển nông nghiệp và nông thôn, chương trình tiêm chủng mở rộng cho trẻ em, xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, phòng chống tệ nạn xã hội... Đồng thời, hình thành các quỹ quốc gia về giải quyết việc làm, quỹ xóa đói giảm nghèo, các quỹ xã hội khác (quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ tình thương...). Đó chính là các chương trình hành động đồng bộ (từ chính sách, giải pháp, cho đến nguồn lực) thực hiện các mục tiêu phát triển xã hội có định hướng, tập trung vào giải quyết các vấn đề xã hội vừa cơ bản lâu dài, vừa bức xúc cho các đối tượng, các địa bàn trọng điểm.

- Thực hiện chủ trương xã hội hóa trong việc thực hiện các chính sách xã hội nhằm huy động mọi nguồn lực, nhất là nguồn lực trong dân và ở địa phương cơ sở ; lồng ghép các chương trình mục tiêu nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển xã hội. Đặc biệt, nhiều chính sách xã hội hợp với lòng dân, được nhân dân ủng hộ và trở thành phong trào sôi động trong cả nước như phong trào xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa người có công, phong trào trợ giúp đồng bào bị thiên tai... Các phong trào này đã tạo thành nét đẹp, là thang giá trị xã hội trong điều kiện mới của đời sống xã hội nước ta.

Nhờ thực hiện có kết quả đường lối đổi mới toàn diện về kinh tế, xã hội do Đảng ta khởi xướng, cũng như hệ thống chính sách xã hội nhân bản trên đây, 15 năm qua, chúng ta đã đạt được những thành tựu rất quan trọng về phát triển xã hội. Đặc biệt, công cuộc xóa đói giảm nghèo có những thành tựu được dư luận đánh giá cao. Tỷ lệ hộ đói nghèo trong cả nước giảm từ 30% năm 1992 xuống còn khoảng gần 11% năm 2000, bình quân mỗi năm giảm được gần 300 ngàn hộ trong tổng số hộ đói nghèo. Từ năm 1991 đến

Digitized by Google

năm 2000, số người có việc làm tăng từ 30,9 triệu lên 40,6 triệu, tức tăng 32,2%, hằng năm tăng khoảng 2,9%. Những năm gần đây, bình quân mỗi năm tạo thêm việc làm mới cho khoảng 1,2 triệu người. Đến năm 2000, cả nước đạt tiêu chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học ; trên 90% dân cư được tiếp cận với dịch vụ y tế ; tỷ lệ tăng dân số giảm từ 1,8% đến nay còn 1,53% ; 60% số gia đình được dùng nước sạch ; sóng truyền hình đã phủ 85%, sóng phát thanh đã phủ 95% diện tích cả nước ; đời sống người có công được nâng cao một bước ; đời sống các đối tượng thiệt thòi, nhóm yếu thế được cải thiện rõ rệt và hòa nhập tốt hơn vào cộng đồng. Đầu tư của Nhà nước cho các lĩnh vực xã hội ngày một tăng, chiếm trên 25% ngân sách nhà nước hằng năm ; trong đó, đặc biệt ưu tiên đầu tư cho xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, giáo dục - đào tạo, dạy nghề, cũng như các dịch vụ xã hội cơ bản khác.

Những thành tựu đã đạt được trong việc thực hiện chính sách xã hội của thời kỳ đổi mới đã góp phần giữ vững và ổn định chính trị, tăng trưởng kinh tế, bảo đảm trật tự - an toàn xã hội, củng cố an ninh quốc phòng và kiên định con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

3 - Những kinh nghiệm 15 năm đổi mới chính sách xã hội.

Mười lăm năm đối với lịch sử là đoạn đường ngắn. Song đối với bước trưởng thành của ngành Lao động, Thương binh và xã hội lại là giai đoạn đáng ghi nhận, có thể rút ra những bài học quan trọng ; Những bài học đó là :

- Phải quán triệt và cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương, giải pháp của Đảng về chính sách xã hội, thể chế hóa thành hệ thống luật pháp, các cơ chế và chính sách cụ thể.

- Trong việc tổ chức thực hiện, phải đồng thời tăng cường quản lý nhà nước, phát triển các hoạt động sự nghiệp, xây dựng và nhân rộng phong trào quần chúng, phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng để thực hiện các chính sách xã hội.

- Thường xuyên nắm bắt và tổng kết thực tiễn một cách sâu sắc, khái quát thành lý luận, bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện và đưa chính sách xã hội vào cuộc sống, phản ánh thực tiễn sinh động, sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp đổi mới vào chính sách xã hội.

- Sự lãnh đạo và quan tâm của các cấp ủy đảng, sự quản lý nhà nước đối với công tác xã hội từ cơ sở là rất quan trọng đối với việc thực thi, sửa đổi và hoàn thiện chính sách xã hội.

- Tranh thủ hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học, xây dựng pháp luật, phương pháp, kinh nghiệm, công nghệ, kỹ thuật và tài chính là rất cần thiết để tránh vấp váp, rút ngắn thời gian thực hiện các mục tiêu phát triển xã hội.

Từ thực tiễn công tác chính sách xã hội, với những bài học kinh nghiệm trong thời kỳ đổi mới vừa qua, chính sách xã hội trong mười năm tới, cần chú trọng những vấn đề cơ bản sau đây :

Một là : Bước vào thế kỷ XXI, trong những thập niên đầu, trên thế giới tiếp tục có sự phát triển nhảy vọt của khoa học, công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và hình thành nền kinh tế tri thức, cùng với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập trong xu thế toàn cầu hóa sẽ tác động mạnh và làm biến đổi sâu sắc các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội nước ta. Một mặt, tạo cơ hội để nước ta thu hẹp khoảng cách phát triển, cải thiện vị thế của mình ; mặt khác, cũng là một thách thức to lớn đối với nước ta trong thực hiện các mục tiêu phát triển xã hội. Những thách thức đó là sự phát triển của nền kinh tế nước ta chưa thật vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp ; tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị còn cao ; thiếu việc làm ở nông thôn vẫn rất nghiêm trọng ; chất lượng nguồn nhân lực còn thấp ; tỷ lệ hộ đói nghèo còn lớn, đặc biệt là ở vùng núi cao, vùng sâu, đồng bào dân tộc thiểu số ; sự phân hóa giàu nghèo có xu hướng gia tăng ; tệ nạn xã hội vẫn diễn ra rất phức tạp, nhất là nạn nghiện hút, ma túy, mại dâm, nhiễm HIV/AIDS... ảnh hưởng lớn đến môi trường xã hội ; nguồn lực đầu tư cho phát triển xã hội còn hạn chế...

Từ những thách thức trên đây, trong những năm trước mắt, hệ thống chính sách xã hội phải nhằm vào thúc đẩy công cuộc đổi mới, ổn định và lành mạnh hóa xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, bình đẳng trong các quan hệ xã hội ; khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp đi đôi với đẩy nhanh xóa đói giảm nghèo, giảm dần khoảng cách về mức sống và trình độ phát triển giữa nông thôn và thành thị, miền núi và miền xuôi.

Digitized by Google

Hai là : Tập trung nguồn lực thực hiện có kết quả chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển xã hội.

Giải quyết việc làm là một trong những chính sách xã hội cơ bản của quốc gia. Bài học sâu sắc của 15 năm đổi mới cho thấy có những cơ chế, giải pháp có tính đột phá để triệt để phát huy tiềm năng lao động của đất nước. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trước hết công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nhằm chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác kiểu mới, ngành nghề nông thôn (công nghiệp chế biến, thủ công mỹ nghệ, dịch vụ sản xuất, thương mại, văn hóa thông tin ; đặc biệt là đột phá vào xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ và lao động) cần được phát triển mạnh để tạo việc làm cho đông đảo lao động nông thôn. Ở khu vực thành thị nói riêng và nền kinh tế nói chung, chất lượng lao động là vấn đề quyết định. Phải đổi mới và bằng cơ chế chính sách tuyển dụng, tiền lương, tiền công v.v.. để đẩy mạnh phân luồng giáo dục, đào tạo gắn với nhu cầu của sản xuất xã hội, của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong bối cảnh hội nhập, con đường duy nhất để nâng cao hiệu quả việc làm, năng suất lao động xã hội là nâng cao chất lượng lao động về mọi mặt : tay nghề, tác phong công nghiệp, tính kỷ luật, chấp hành luật pháp, ngoại ngữ, vi tính, khả năng hành nghề v.v.

Đi đôi với tạo việc làm trong nước là chính, phải đẩy mạnh xuất khẩu lao động và chuyên gia theo tinh thần Chỉ thị 41/CT-TƯ của Bộ Chính trị. Đây là hoạt động đối ngoại đặc thù, là khâu đột phá, góp phần làm giàu cho đất nước, cho người lao động, xây dựng lực lượng cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chống tụt hậu xa hơn về kinh tế, kỹ thuật cho đất nước.

Từ nhiều năm qua, chúng ta quan niệm chưa đúng về xuất khẩu lao động nên làm ảnh hưởng đến phát triển nguồn nhân lực, tiếp cận công nghệ, kỹ thuật mới trong sản xuất và thu ngoại tệ của đất nước, làm giảm thị trường, mất cân đối nghiêm trọng về cung - cầu lao động. Do đó về nhận thức, cần phải thấy rằng xuất khẩu lao động và chuyên gia là nhu cầu chính đáng của người lao động. Kinh nghiệm nhiều nước phát triển được như ngày nay, trước đó họ cũng xuất khẩu lao động và chuyên gia. Hiện tại trên thế giới có 67 nước đang xuất khẩu lao động, chuyên gia.

Để phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập, vấn đề cực kỳ quan trọng là phải tạo ra động lực mới thông qua chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ lao động. Chính sách đó phải thực hiện sự công bằng trong phân phối và tôn vinh lao động sáng tạo, trọng dụng nhân tài, phát triển nhân lực. Đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã chỉ rõ : "Lương là gì ? Là một sự phân phối, phân phối theo lao động, theo tài năng..." (1). Phải tiếp tục cải cách căn bản chính sách tiền lương, tiền công và thu nhập theo quan điểm chỉ đạo này, bảo đảm cho người lao động đủ nuôi sống bản thân và gia đình, toàn tâm, toàn ý vì công việc, làm việc có năng suất và hiệu quả cao. Hợp thức hóa các thu nhập mang tính chất lượng, điều tiết thu nhập cao ; kiên quyết khắc phục tình trạng tiền lương chính thấp hơn thu nhập thêm ngoài lương, người làm việc trong bộ máy nhà nước lại sống chủ yếu bằng thu nhập khác. Tiếp tục cải cách chính sách bảo hiểm xã hội, xây dựng chính sách bảo hiểm thất nghiệp.

Xóa đói giảm nghèo là một sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa cao quý, là chính sách xã hội cơ bản của quốc gia, có ý nghĩa to lớn cả về kinh tế, chính trị, xã hội và an ninh quốc phòng, mang tính nhân văn sâu sắc và phát huy bản chất tốt đẹp của dân tộc ta. Bởi vậy, xóa đói giảm nghèo phải là nhiệm vụ chính trị, xã hội trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân. Yêu cầu xóa đói giảm nghèo trong 10 năm tới là phải mở rộng nội dung để bảo đảm các nhu cầu cơ bản về lương thực, nhà ở, mặc, y tế, giáo dục - dạy nghề, văn hóa, thông tin, đi lại, giao tiếp ; phải tiếp cận và vận dụng hợp lý chuẩn quốc tế về xóa đói giảm nghèo ; phải bảo đảm xóa đói giảm nghèo vững chắc, chống tái nghèo ; phải tập trung mọi nguồn lực làm chuyển biến rõ rệt tình trạng nghèo đói ở các vùng trọng điểm, xã hội đặc biệt khó khăn.

Xóa đói giảm nghèo phải đặt trong chiến lược phát triển kinh tế, xã hội chung của cả nước, của từng địa phương, nhất là vùng nghèo, xã nghèo. Tập trung giúp cho các địa phương nghèo chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, phát triển sản xuất hàng hóa. Đầu tư để giải quyết dứt điểm về cơ sở hạ tầng thiết yếu cho các xã

(1) Tạp chí Cộng sản, số 13 (7-2000), tr 4

Digitized by Google

nghèo, trước hết là thủy lợi, trường học, trạm y tế, nước sinh hoạt, trung tâm cụm xã, đường giao thông, điện... Có chính sách, cơ chế khuyến khích việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ thích hợp đến xã nghèo, người nghèo để phát triển kinh tế, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người nghèo. Cung cấp các dịch vụ xã hội, nhất là dịch vụ xã hội cơ bản (giáo dục, y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình, nước sạch...) trực tiếp, thuận lợi, có chất lượng cho người nghèo, nhất là đồng bào dân tộc, phụ nữ. Thực hiện tốt chính sách trợ giúp xã hội, phòng chống thiên tai, giảm rủi ro cho nhóm yếu thế. Tăng cường và đa dạng hóa nguồn lực cho xóa đói giảm nghèo ; từ cộng đồng dân cư, ngân sách nhà nước, các nguồn tại chỗ, các tổ chức kinh tế - xã hội, cá nhân, hợp tác quốc tế.

Chính sách ưu đãi người có công là chính sách đặc biệt quan trọng, được Đảng, Nhà nước và toàn dân quan tâm. Trong thời kỳ mới, phải hoàn thiện chính sách và đổi mới cơ chế nhằm tiếp tục phát huy truyền thống, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần đối với người có công, nhất là ở nông thôn, vùng sâu, vùng căn cứ địa kháng chiến và cách mạng. Duy trì và tiếp tục phát triển các phong trào đền ơn đáp nghĩa. Gắn phong trào này với thực hiện các chương trình xóa đói giảm nghèo, chương trình việc làm, chương trình phát triển kinh tế, văn hóa vùng cao ; bồi dưỡng thế hệ con người có công tiếp nối và phát huy truyền thống cách mạng của cha anh.

Ngoài các chính sách xã hội trên đây, cần thực hiện chính sách dân số gắn với phát triển, nâng cao chất lượng dân số và phát triển nguồn nhân lực ; thực hiện chính sách chăm sóc, bảo vệ trẻ em, đặc biệt bảo trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn ; kiên quyết phòng chống các tệ nạn xã hội, trước hết là nghiện ma túy ; mở rộng hệ thống an ninh xã hội, trợ giúp các đối tượng gặp rủi ro, thiệt thòi trong cuộc sống ; tạo điều kiện cho họ tái hội nhập cộng đồng.

Ba là : Để đưa hệ thống chính sách xã hội vào cuộc sống, cần triển khai đồng bộ các giải pháp sau đây :

- Tiếp tục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của hệ thống chính trị đối với việc tổ chức thực hiện các chính sách xã hội. Tuyên truyền rộng rãi trong toàn dân về chính sách xã hội, để mỗi người, mỗi nhà tự nhận thức và tích cực tham gia trong các phong trào quần chúng thực hiện chính sách xã hội.

- Sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh luật pháp về các lĩnh vực xã hội ; có những cơ chế mới tạo động lực cho mỗi người lao động, mọi người dân phát huy nội lực của chính mình để tự tạo việc làm, nâng cao tay nghề, tăng thu nhập, thoát khỏi đói nghèo, vươn lên khá giả. Trước hết, sớm sửa đổi, bổ sung Bộ Luật Lao động, ban hành Luật Bảo hiểm xã hội, thực hiện cải cách cơ bản chính sách tiền lương, tiền công, thu nhập ; hoàn chỉnh pháp luật về người có công và một số mặt công tác xã hội khác.

- Tổ chức thực hiện chính sách xã hội không chỉ là tăng cường quản lý nhà nước, mà còn phải đặc biệt chú trọng mở rộng các hoạt động sự nghiệp (đào tạo nghề, giới thiệu việc làm, dự án nhỏ, cơ sở điều dưỡng - chăm sóc người có công, các trung tâm chỉnh hình - phục hồi chức năng, các dịch vụ sản xuất và đời sống phục vụ người nghèo, các dịch vụ xã hội cơ bản). Đó là những "cầu nối" giữa chính sách của Đảng, Nhà nước với đối tượng thụ hưởng chính sách xã hội. Đồng thời, phải phát triển các phong trào quần chúng sâu rộng, tạo điều kiện để toàn dân tham gia giải quyết các vấn đề xã hội của đất nước, theo phương châm xã hội hóa, với vai trò nòng cốt của Nhà nước.

- Trong chiến lược kinh tế, xã hội, quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế, xã hội của từng ngành, từng địa phương, trong kế hoạch nhà nước 5 năm và hằng năm, phải đề ra mục tiêu và chỉ tiêu phấn đấu cụ thể về các lĩnh vực xã hội. Đồng thời, chủ động cân đối, bố trí các nguồn lực tương xứng để thực hiện các nhiệm vụ đó. Phải đa dạng hóa các nguồn lực (trong và ngoài nước, trong ngân sách nhà nước và toàn xã hội) cho việc giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với việc thực hiện các chính sách xã hội. Đổi mới và kiện toàn hệ thống tổ chức - cán bộ trực tiếp phụ trách các lĩnh vực xã hội.

Trước thềm Đại hội IX của Đảng, chúng ta có cơ sở để tin tưởng vững chắc rằng hệ thống chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước ta trong thời kỳ mới nhất định sẽ đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân, được toàn dân đồng tình thực hiện và trở thành phong trào cách mạng sôi động trong cả nước, góp phần thực hiện thắng lợi công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. ❑

Digitized by Google

NHỮNG CHUYỂN BIẾN LỚN VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI 10 NĂM QUA

VŨ HIỂN

CỐNG hiến đặc biệt của Đại hội VII là cùng với việc thông qua những văn kiện chính yếu mỗi đại hội thường có, đã đưa ra Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và văn kiện quan trọng nữa là Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000. Trong Chiến lược, Đảng ta đã xác định rõ, 10 năm của thập kỷ 90 phải khắc phục những khó khăn, thử thách gay gắt, đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao năng lực khoa học và công nghệ đáp ứng nhu cầu của những năm 90 và chuẩn bị cho tương lai ; củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ; bảo đảm môi trường hòa bình ổn định, hợp tác cho sự phát triển kinh tế. Mục tiêu lớn đặt ra là tăng sản phẩm trong nước đến năm 2000 đạt khoảng gấp đôi so với năm 1990.

10 năm thực hiện Chiến lược do Đại hội VII đề ra là thời gian vừa có những thuận lợi vừa gặp nhiều cam go và thử thách. Với truyền thống yêu nước và bản chất cách mạng vốn có, với trí thông minh và tài năng sáng tạo, cả dân tộc ta không cam chịu cảnh nghèo nàn và lạc hậu, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đã vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tận dụng mọi thuận lợi và cơ hội hoàn thành tốt đẹp những mục tiêu cơ bản đã đề ra. Chính vì vậy, Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội IX của Đảng đã nhận định : căn cứ vào những chỉ tiêu do Chiến lược 10 năm đề ra, chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, tạo ra những chuyển biến tích cực và quan trọng trong đời sống kinh tế xã hội của đất nước. Những chuyển biến đó thể hiện trên một số mặt chính sau :

***Một là,** tổng sản phẩm xã hội sau 10 năm đã tăng gấp 2 lần ; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và năng lực sản xuất một số sản phẩm quan trọng tăng hơn trước.*

Nét đặc biệt là thành tựu trong nông nghiệp. Các chỉ tiêu đề ra trong hai kế hoạch 5 năm đều đạt và vượt. Sản lượng lương thực bình quân đầu người từ 330 kg năm 1990 lên 370 kg năm 1995 và 435 kg năm 2000. Cơ cấu mùa vụ chuyển dịch theo hướng tăng diện tích lúa đông xuân và hè thu có năng suất cao, giảm diện tích lúa mùa có năng suất thấp. Sản lượng một số cây công nghiệp tăng khá như : cà phê năm 2000 tăng gấp 5,4 lần so với năm 1990 ; cao su mủ khô gấp 4,5 lần ; chè gấp 2 lần ; mía gấp 3 lần ; bông gấp 8,1 lần ; thuốc lá gấp 1,6 lần ; tiêu gấp 4,4 lần. Giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp tăng từ 13,5 triệu đồng/ha năm 1995 lên 17,5 triệu đồng/ha năm 2000. Ngành Thủy sản đã phát triển rất khá, sản lượng tăng bình quân hằng năm trên 8,8%, trong đó sản lượng nuôi trồng tăng 13%/năm. Sản lượng thủy sản năm 2000 đạt trên 1,9 triệu tấn ; gấp hơn 2 lần năm 1990 và trở thành ngành xuất khẩu chủ lực, năm 2000 đã vượt 1 tỉ USD, chiếm 8 - 9% kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Chăn nuôi tiếp tục phát triển, chiếm 13 - 14% giá trị toàn ngành nông lâm ngư nghiệp. Sản lượng

Digitized by Google

thịt hơi các loại năm 2000 ước trên 1,7 triệu tấn, gấp 1,9 lần so với năm 1990. Điểm nổi bật trong nông nghiệp là đã đưa nước ta thành cường quốc về xuất khẩu gạo (đứng thứ 2 thế giới), cà phê (đứng thứ 3 thế giới) ; hạt tiêu (đứng thứ 3 thế giới)... xuất khẩu nông, lâm, thủy sản năm 2000 đạt 4 tỉ USD, gấp 3,5 lần năm 1990.

Ngành công nghiệp đã có nhiều cố gắng lớn, đạt mức tăng trưởng khá. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản lượng bình quân 10 năm đạt 12,9%/năm. Sản lượng một số sản phẩm quan trọng tăng nhanh. Trong 10 năm, sản lượng dầu thô tăng gấp 6,1 lần (năm 2000 đạt khoảng 16,5 triệu tấn) ; điện gấp 3 lần (năm 2000 khoảng 26 tỉ Kwh) ; than sạch vượt qua 10 triệu tấn ; thép cán gấp 13,9 lần (năm 2000 khoảng 1,4 triệu tấn) ; xi măng gấp 4,6 lần (năm 2000 khoảng 11,5 triệu tấn) ; vải các loại gấp 1,3 lần (năm 2000 khoảng 400 triệu m) ; giấy các loại tăng gấp 3,8 lần (năm 2000 khoảng 30 vạn tấn)... Xuất khẩu sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp năm 2000 ước đạt 9,6 tỉ USD, gấp hơn 7,7 lần năm 1990, chiếm khoảng 70% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước.

Các ngành dịch vụ phát triển đa dạng, phong phú, giá trị tăng 8,2%/năm. Tổng doanh thu du lịch tăng bình quân 5,7%/năm. Dịch vụ vận tải cơ bản đáp ứng nhu cầu giao lưu hàng hóa và đi lại của nhân dân. Dịch vụ bưu chính viễn thông có bước phát triển và hiện đại hóa nhanh, mật độ điện thoại đạt 3,6 máy/100 dân, gấp 36 lần so với năm 1990...

Trong 10 năm qua, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng bình quân hằng năm 7,5% (mục tiêu chiến lược đề ra là 6,9 - 7,5%). Từ tình trạng mọi thứ hàng hóa đều khan hiếm, sản xuất không đáp ứng nhu cầu thiết yếu, hiện nay chúng ta đã bảo đảm đủ lương thực, thực phẩm, nhiều loại hàng hóa tiêu dùng, có dự trữ và xuất khẩu ngày càng tăng ; cung cấp đầy đủ năng lượng và phần lớn vật liệu xây dựng.

Hai là, *nền kinh tế từ chỗ vì nó đã tiến tới tự nó, có khả năng đứng vững và phát triển.* Điều này thể hiện ở mấy điểm :

- Tích lũy nội bộ của nền kinh tế tăng lên đáng kể : sản xuất trong nước đã đáp ứng được mức tiêu dùng và có phần tích lũy. Tiết kiệm trong nước so với GDP từ mức không đáng kể (khoảng gần 3% năm 1990), đã được nâng lên 18,2% năm 1995 và 25% năm 2000. Đây là bước tiến quan trọng về năng lực của nền kinh tế, cải thiện đáng kể mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, đồng thời tạo sự ổn định trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung.

- Các công cụ quan trọng để quản lý, điều tiết của Nhà nước đều có những bước tiến bộ và đổi mới. Chỉ tiêu kế hoạch ngày càng sát thực có tính khoa học hơn, khả thi hơn và hiệu quả hơn. Các chỉ tiêu quan trọng của từng năm đặt ra về cơ bản đều được thực hiện đạt và vượt mức. Ngân sách Nhà nước được cơ cấu lại theo hướng tích cực và hiệu quả hơn. Nguồn thu trong nước chiếm chủ yếu trong tổng thu ngân sách Nhà nước (nếu như năm 1990, thu trong nước chiếm 75,9% tổng thu ngân sách Nhà nước, thì đến năm 2000 đã tăng lên 97,5%). Chi ngân sách đã được ưu tiên cho chi đầu tư phát triển, bảo đảm tăng nhanh hơn chi thường xuyên (tỷ lệ chi đầu tư phát triển so với tổng chi đã tăng từ 22,5% năm 1991 lên 26% năm 1995 và 30% năm 2000). Hệ thống ngân hàng bước đầu được chấn chỉnh và đổi mới, các tổ chức tín dụng phát triển, chất lượng và hiệu quả tín dụng được nâng lên. Đã hình thành thị trường tiền tệ liên ngân hàng, thị trường mở và mở thí điểm thị trường chứng khoán. Dự trữ ngoại tệ đã tăng lên.

- Vốn đầu tư phát triển kinh tế, xã hội đã thực hiện trong 10 năm 1991 - 2000 khoảng 632 ngàn tỉ đồng (tương đương khoảng 57 tỉ USD), tăng bình quân hằng năm lên 17,9%. Trong 5 năm 1991 - 1995, vốn đầu tư thực hiện được 232,5 nghìn tỉ đồng (mặt bằng giữa 1995), tương đương khoảng 21 tỉ USD, bằng 3,5 lần vốn đầu tư phát triển thực hiện được trong thời kỳ 1986 - 1990 ; trong 5 năm 1996 - 2000, thực hiện được 400 nghìn tỉ đồng, tương đương 36 tỉ USD, gấp hơn 1,7 lần thời kỳ 1991 - 1995. Vốn đầu tư phát triển so với tổng GDP tăng từ 11,2%

Digitized by Google

năm 1990 lên khoảng 30% năm 2000. Nguồn vốn trong nước đã được khai thác khá hơn, chiếm tới 60% tổng vốn đầu tư, tạo điều kiện tốt hơn để tập trung vào mục tiêu phát triển nông nghiệp và nông thôn, xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển khoa học và công nghệ, đặc biệt là phát triển kết cấu hạ tầng.

Ba là, kinh tế đối ngoại đã có những tiến bộ đáng kể, vị thế nước ta trên trường quốc tế đã được nâng cao.

Trong thập niên vừa qua, trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại, chúng ta đã thu được một số thành tựu quan trọng :

- Phá được thế bao vây cô lập về chính trị, cấm vận về kinh tế, khai thông được quan hệ với các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế như IMF, WB, ADB..., thiết lập quan hệ ngoại giao với 167 nước trên thế giới, có hiệp định thương mại song phương với 60 nước, quy chế tối huệ quốc với 70 nước và vùng lãnh thổ, đã ký hiệp định Thương mại với Hoa Kỳ, đang đàm phán để gia nhập WTO.

- Hoạt động xuất nhập khẩu có những chuyển biến rõ rệt. Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu sau 10 năm tăng gấp 6 lần, nhanh gấp 3 lần tốc độ tăng GDP. Tổng kim ngạch xuất khẩu 10 năm đạt 67,3 tỉ USD, vượt mục tiêu trong Chiến lược 10 năm (37 - 45 tỉ USD), bình quân hằng năm tăng 18,2%. Tình trạng nhập siêu đã được cải thiện dần. Kim ngạch nhập khẩu 10 năm đạt gần 82 tỉ USD, tăng 16,9%/năm. Chênh lệch kim ngạch nhập khẩu so với xuất khẩu đã giảm từ 49,6% năm 1995 xuống còn vài phần trăm năm 2000. Điều đáng chú ý là cơ cấu hàng xuất khẩu đã có những biến đổi quan trọng theo hướng tăng dần tỷ trọng các sản phẩm công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp. Từ chỗ có ít mặt hàng xuất khẩu trên 100 triệu USD, đến nay đã có 5 mặt hàng đạt trên 1 tỉ USD là dầu thô, gạo, hàng dệt may, giày dép và thủy sản. Trong cơ cấu hàng nhập khẩu cũng có chuyển biến tích cực, đẩy trang thiết bị máy móc tăng lên trong cơ cấu nhập khẩu.

- Thu hút được một lượng vốn đầu tư nước ngoài đáng kể. Trong 10 năm qua lượng FDI đã thực hiện trên 15 tỉ USD, chiếm gần 30% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Năm 2000, các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tạo ra khoảng 34% giá trị sản phẩm toàn ngành công nghiệp, 22% kim ngạch xuất khẩu và đóng góp trên 10% GDP cả nước. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã thu hút trên 30 vạn lao động trực tiếp và hàng chục vạn lao động gián tiếp.

- Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) tiếp tục tăng. Từ năm 1993, nước ta đã nối lại được khoản viện trợ phát triển (ODA), bình quân mỗi năm có khoảng 1 tỉ USD được đầu tư vào xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, tạo điều kiện cho các ngành kinh tế phát triển, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế và là nguồn bù đắp quan trọng cho thâm hụt cán cân thanh toán vãng lai, góp phần cải thiện cán cân thanh toán quốc tế.

Bốn là, cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch tích cực. Cơ chế quản lý kinh tế được đổi mới đúng hướng và hiệu quả.

Có thể nói rằng 10 năm qua là thời điểm quan trọng, điều chỉnh cơ cấu kinh tế có tính bài bản, sâu sắc và đưa tới kết quả rõ nét.

- Cơ cấu các ngành kinh tế đã từng bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát huy lợi thế so sánh trong từng vùng, từng ngành, làm tăng hiệu quả và chất lượng phát triển kinh tế. Năm 1990 tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp - công nghiệp và xây dựng - dịch vụ trong GDP là : 38,7% - 22,7% - 38,6% ; thì đến năm 2000 tỷ trọng đó là : 25% - 34,5% và 40,5%. Trong nông nghiệp, tốc độ chăn nuôi tăng nhanh hơn trồng trọt, cây công nghiệp và cây ăn quả tăng nhanh hơn cây lương thực. Đã hình thành một số vùng chuyên canh phục vụ công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Trong công nghiệp đã hình thành một số ngành mũi nhọn, một số khu công nghiệp, khu chế xuất, công nghiệp chế biến, khai thác tăng nhanh. Năm 2000, ngành thương mại chiếm

Digitized by Google

khoảng 37,3% giá trị toàn ngành dịch vụ, giao thông bưu điện chiếm 9,4%, tài chính ngân hàng chiếm 4,1%, giáo dục y tế, quản lý nhà nước chiếm 20,5%, dịch vụ khác : 28,7%.

- Cơ cấu vùng kinh tế gắn với quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của các vùng, các đô thị, các địa bàn lãnh thổ, đặc biệt là các vùng kinh tế trọng điểm ở cả 3 miền đang được xây dựng và hình thành từng bước. Các vùng kinh tế trọng điểm đóng góp khoảng 50% giá trị GDP cả nước, 75 - 80% giá trị gia tăng công nghiệp và 60 - 65% giá trị gia tăng khu vực dịch vụ. Các vùng kinh tế khó khăn đang được quan tâm hỗ trợ đầu tư nên đang từng bước phát triển. Cơ cấu kinh tế trong nội bộ mỗi vùng đều có chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hiệu quả ngày càng cao.

- Các thành phần kinh tế đều có bước phát triển. Từ chỗ trước đây chỉ gồm có hai thành phần kinh tế đã chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Năm 2000, kinh tế nhà nước chiếm khoảng 40,2% GDP, khoảng 50% giá trị xuất khẩu ; doanh nghiệp nhà nước đã có bước sắp xếp, đổi mới và phát triển. Kinh tế hợp tác bước đầu được tổ chức lại theo Luật Hợp tác xã mới, năm 2000 chiếm khoảng 9% GDP. Các thành phần kinh tế khác phát triển khá nhanh, chiếm khoảng 50,8% GDP năm 2000, trong đó khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm khoảng 10,3% GDP.

- Cơ chế quản lý kinh tế có sự đổi mới mang tính chiến lược. Từ nền kinh tế vận hành theo cơ chế tập trung bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa và mở rộng ra bên ngoài là quá trình đổi mới toàn diện và sâu sắc với nhiều bước đột phá mang tính sáng tạo. Sự đổi mới tư duy về kinh tế, đổi mới trong nhận thức và định hướng hành động, đổi mới trong cách thức tiến hành đều là những bước đi cần thiết và hợp quy luật gạt bỏ những trở ngại, giải phóng và phát triển mạnh mẽ sức sản xuất. Cùng với việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, những chính sách như : khuyến khích tính đa diện của sức sản xuất xã hội và tính đa dạng của cơ cấu sở hữu, mở cửa thị trường thông thoáng, thống nhất bên trong và hướng rộng ra bên ngoài, cạnh tranh bình đẳng và trật tự, hoàn thiện cơ chế chính sách để thực hiện chức năng điều tiết vĩ mô của Nhà nước... đã thực sự tạo ra động lực mới cho nền kinh tế phát triển.

Năm là, đời sống văn hóa - xã hội có bước phát triển khá, trình độ dân cư cũng như chất lượng nguồn nhân lực và tính năng động trong xã hội được nâng lên.

Do sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, sức sản xuất của toàn xã hội đã nâng lên một bước, đã kết thúc tình trạng khan hiếm hàng hóa, đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội ; đời sống của nhân dân ở cả thành thị và nông thôn đều được cải thiện đáng kể cả về vật chất lẫn văn hóa, tinh thần ; trình độ dân trí ngày một nâng lên ; tính năng động của cả cộng đồng cũng như của từng người trong lao động sản xuất, trong sinh hoạt, trong giao lưu, trong tiếp cận với cái mới đều có những tiến bộ rõ nét.

Có được kết quả như vậy vì trong những năm qua, toàn Đảng, toàn dân đã có nỗ lực rất lớn trong việc chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục, văn hóa, y tế cũng như các vấn đề xã hội.

- Về giáo dục đào tạo : đã có bước phát triển mới cả về quy mô, chất lượng, hình thức đào tạo và tăng cường cơ sở vật chất ; mạng lưới các trường phổ thông cũng như các trường cao đẳng, đại học đều được chú ý đầu tư xây dựng và từng bước tổ chức, sắp xếp, hoàn thiện. Cả nước hiện có khoảng 21 nghìn trường tiểu học và trung học cơ sở, 240 trường dân tộc nội trú, 109 cơ sở đào tạo đại học và cao đẳng, 102 cơ sở đào tạo nghiên cứu sinh, 82 cơ sở đào tạo cao học.

- Công tác văn hóa, thông tin có nhiều đóng góp tích cực trong việc động viên toàn dân tham gia vào công cuộc phát triển kinh tế, xã hội. Chương trình đưa văn hóa về cơ sở, mở rộng diện phủ sóng phát thanh và truyền hình đưa đến những vùng cao, biên giới và hải đảo đã thực hiện có kết quả tốt. Đến nay sóng truyền hình

Digitized by Google

đã phủ trên 80%, sóng phát thanh trên 90% diện tích cả nước và đã đưa đến nhiều nơi trên thế giới.

- Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ, đặc biệt là trong lĩnh vực y tế dự phòng. Chỉ số sức khỏe cộng đồng được nâng lên. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm từ 38% năm 1995 xuống 33 - 34% năm 2000. Các bệnh bại liệt, uốn ván sơ sinh căn bản được thanh toán vào năm 2000. Các cơ sở khám, chữa bệnh đều được tăng cường cán bộ cũng như phương tiện kỹ thuật. Các cơ sở khám chữa bệnh tư được phát triển. Chính sách khám, chữa bệnh cho người nghèo, gia đình có công được thực hiện ở nhiều nơi.

- Thực hiện các chính sách xã hội : chương trình quốc gia giải quyết việc làm đã được triển khai, thực hiện có kết quả ; số lao động được huy động vào làm việc trong nền kinh tế quốc dân đã tăng từ trên 30,2 triệu người năm 1990 lên 40,6 triệu người năm 2000 (thu hút thêm gần 10,4 triệu người có việc làm trong 10 năm qua). Công tác xóa đói giảm nghèo được triển khai mạnh mẽ. Tỷ lệ hộ đói nghèo trên tổng số hộ trong cả nước theo tiêu chuẩn hiện nay đã từ 30% năm 1992 xuống còn 11% năm 2000, đạt được mục tiêu đề ra và được cộng đồng quốc tế đánh giá là một trong những nước giảm tỷ lệ đói nghèo tốt nhất. Công tác chăm sóc người có công với các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn đã được mở rộng, thu hút sự tham gia rộng rãi của các tầng lớp nhân dân. Việc cứu trợ đồng bào bị thiên tai đã được quan tâm đặc biệt và thực hiện kịp thời, có hiệu quả thể hiện truyền thống tốt đẹp của dân tộc và thể hiện sức mạnh, tính ưu việt của chế độ chúng ta.

Sáu là, *cùng với sự nỗ lực của các lực lượng vũ trang nhân dân, những thành tựu phát triển kinh tế, xã hội đã tạo thêm điều kiện tăng cường tiềm lực và củng cố thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, bảo đảm ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.*

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được như đã nêu trên, thực trạng tổng thể kinh tế - xã hội vẫn bộc lộ những mặt yếu kém, bất cập, chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển, chưa tương xứng với tiềm năng của nhân dân và đất nước. Đó là : chất lượng và hiệu quả phát triển kinh tế còn thấp, nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh chưa đủ sức cạnh tranh ; cơ cấu đầu tư còn nhiều bất hợp lý, một số cân đối tổng thể của nền kinh tế còn thiếu vững chắc ; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, các yếu tố kinh tế thị trường chưa tạo lập đồng bộ, lực lượng sản xuất chưa được giải phóng triệt để và phát triển chưa mạnh ; công tác giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ còn nhiều bất cập ; nhiều vấn đề xã hội còn nhức nhối và bức xúc.

Chúng ta nhận thức rằng, những thành tựu mà chúng ta đạt được qua 10 năm thực hiện chiến lược kinh tế xã hội đã ghi nhận sự nỗ lực vượt bậc của toàn Đảng, toàn dân ta. Đồng thời, những tồn tại và những khó khăn thách thức mà chúng ta đang và sẽ gặp phải cũng hết sức to lớn đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục cố gắng hơn nữa, nỗ lực nhiều hơn nữa để nhất định vượt qua. Định hướng và giải pháp chính để thực hiện nhiệm vụ của chặng đường tiếp theo là : củng cố và tăng cường sức mạnh đại đoàn kết dân tộc ; xây dựng nhà nước pháp quyền vững mạnh của dân do dân và vì dân ; tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo cả chiều sâu, bề rộng và tầm cao ; xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật và pháp chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ; thực hiện hài hòa mối quan hệ giữa đổi mới, phát triển và ổn định, bảo đảm ổn định lâu dài, tạo môi trường lành mạnh thuận lợi cho việc phát triển kinh tế xã hội. Với tầm vóc và khả năng mới của đất nước mà chúng ta đã tạo dựng, với kinh nghiệm quý báu mà chúng ta đã tích lũy được từ sự thành công và cả chưa thành công trong giai đoạn vừa qua, với bản lĩnh, trí tuệ của Đảng và niềm tin sắt đá đối với Đảng của nhân dân, nhất định chúng ta sẽ thực hiện thắng lợi mục tiêu cao đẹp : dân giàu, nước mạnh xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.❑

Digitized by Google

ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ THEO HƯỚNG TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG CHO HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BÙI MẠNH HẢI *

Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng đã đề ra đường lối đổi mới nhằm đưa đất nước ta chuyển dần từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp sang kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Theo hướng đó, quản lý khoa học và công nghệ (KH&CN) cũng cần được tổ chức cho phù hợp. Nghị quyết 26/BCT (1992) và Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) của Đảng với những chủ trương cụ thể đã khẳng định và làm rõ đường lối đổi mới trong công tác quản lý KH&CN của nước ta. Những điểm nổi bật về đổi mới cơ chế quản lý KH&CN thời gian qua theo hướng tạo lập thị trường cho hoạt động KH&CN có thể đánh giá, nhìn nhận một cách khái quát như sau :

1 - **Tổ chức hoạt động KH&CN.** Qua hai kỳ kế hoạch 5 năm (1981 - 1990), số lượng các chương trình, đề tài cấp nhà nước đã giảm đi rõ rệt nhằm tập trung hơn vào các nhiệm vụ trọng điểm, khắc phục một bước tình trạng phân tán, dàn trải kinh phí. Mặc dù vậy, các chương trình KH&CN chưa thực sự là một bộ phận hợp thành và gắn chặt với phát triển kinh tế - xã hội, thiếu gắn kết ngay trong khi hình thành chương trình, đề tài.

Công tác kế hoạch hóa KH&CN đã được đổi mới về nội dung, đối tượng và phương pháp cho phù hợp với cơ chế thị trường. Việc hình thành các nhiệm vụ KH&CN đã chuyển từ cơ chế "trên xuống" là chủ yếu sang cơ chế kết hợp "trên xuống" và "dưới lên". Song cơ chế dưới lên còn bị hạn chế, cụ thể là việc xác định các nhu cầu về KH&CN từ sản xuất, xã hội còn yếu. Nhiệm vụ KH&CN cho đến nay vẫn do các nhà khoa học các trường, viện đề xuất là chính, sau đó do các cơ quan quản lý cấp trên quyết định.

Trong nhiệm vụ *phân công, phân cấp*, từ 1995 cơ chế quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ bắt đầu theo tinh thần phân cấp nhiều hơn cho các bộ, ngành và các địa phương. Nhưng trong quá trình thực thi, sự kiểm tra, đánh giá, sự điều phối của cơ quan quản lý KH&CN còn chưa được tăng cường tương ứng, cho nên còn có tình trạng tản mạn, dàn trải, trùng lặp các nhiệm vụ KH&CN.

Phương thức tuyển chọn, đấu thầu các chương trình, đề tài, dự án đã được thử nghiệm áp dụng có hiệu quả tốt cho giai đoạn 1991 - 1995, nhưng đã không được duy trì chặt chẽ trong giai đoạn 1996 - 2000 vì lý do còn có một số nhược điểm trong công tác tổ chức thực hiện. Quá trình tổ chức tuyển chọn chưa có quy trình, tiêu chuẩn đánh giá cụ thể cho từng loại hoạt động KH&CN. Việc kiểm tra, điều chỉnh nội dung, tiến độ nghiên cứu còn cứng nhắc, chưa linh hoạt bám sát và điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

Công tác tổ chức đánh giá nghiệm thu chương trình, đề tài, dự án còn nhiều bất cập ; chưa có cơ chế đánh giá khách quan, độc lập ; quy trình đánh giá nghiệm thu chưa thích hợp, thiếu tiêu chí cụ thể áp dụng cho từng thể loại hoạt động nghiên cứu và phát triển,... Phần lớn các đề tài, dự án khi đánh giá nghiệm thu đều đạt xuất sắc và giỏi nhưng khả năng ứng dụng vào thực tiễn còn thấp.

* TS, Thứ trưởng Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường

Digitized by Google

2 - **Quản lý công nghệ, ứng dụng kết quả KH&CN.** Nhiều quy định điều chỉnh các quan hệ chuyển giao công nghệ trong các dự án đầu tư nước ngoài đã có tác dụng thực tế nâng cao trình độ công nghệ một cách rõ rệt ở một số ngành kinh tế - kỹ thuật nước ta như ngành bưu chính viễn thông, dầu khí, dệt may, thủy sản, xây dựng cầu, đường v.v.. Công tác thẩm định đã bảo đảm một phần những công nghệ nhập phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và môi trường của nước ta. Mặc dù vậy, vẫn còn nhiều công nghệ chưa được thẩm định về trình độ và hiệu quả kinh tế ; cơ chế quản lý nhà nước về công nghệ chưa được phân định một cách rành mạch giữa các bộ, ngành có liên quan, thí dụ quản lý chất lượng hàng hóa, thiết bị, máy móc, công nghệ nhập khẩu còn chồng chéo.

Các doanh nghiệp đến nay vẫn còn nhiều vướng mắc trong vấn đề thuế và thủ tục nhập khẩu. Trong khi Nhà nước khuyến khích, ưu đãi doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động KH&CN thì thuế nhập khẩu lại làm cho doanh nghiệp nào nhập sản phẩm nguyên chiếc về bán có lãi hơn là doanh nghiệp nhập linh kiện và nội địa hóa sản phẩm trước khi lắp ráp.

Việc mở rộng chức năng hoạt động của các viện ra ngoài phạm vi nghiên cứu khoa học như : ứng dụng kỹ thuật tiến bộ, sản xuất, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, dịch vụ KH&CN đã thúc đẩy mạnh mẽ việc đưa các kết quả KH&CN vào sản xuất và đời sống. Việc cho phép thử nghiệm thành lập các doanh nghiệp trong viện, trường hoặc đưa viện vào trong các doanh nghiệp đã thúc đẩy gắn kết các hoạt động của các viện vào phục vụ sản xuất và đời sống. Bên cạnh những tác dụng tích cực, thực tế cũng chỉ ra rằng, chất lượng hoạt động của các tổ chức KH&CN thành lập theo Nghị định 35/HĐBT còn chưa cao, chưa có mô hình quản lý thích hợp đối với loại hình tổ chức này.

Chương trình xây dựng các mô hình ứng dụng KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi, dân tộc được đặt ra vào 1991 và 1997 đã có mục tiêu cụ thể, thích hợp với địa bàn được lựa chọn, mang lại nhiều tác dụng trong việc chuyển giao các kỹ thuật tiến bộ thích hợp. Song, tỷ lệ các dự án có hiệu quả nhân rộng ra sản xuất đại trà vẫn còn thấp (chỉ khoảng 30%). Các chương trình kỹ thuật - kinh tế với mục đích gắn chặt hơn kết quả nghiên cứu (thông qua áp dụng một số kỹ thuật, công nghệ tiến bộ), nhưng mặt tổ chức còn nhiều điều chưa phù hợp với cơ chế quản lý hiện nay nên chưa phát huy tác dụng thiết thực, khó triển khai. Một số đề tài, dự án KH&CN chưa thực sự gắn chặt với nhu cầu của sản xuất kinh doanh, thường có cái nhìn thiên về giải quyết công việc của các nhà khoa học hơn là gắn với các nhu cầu KH&CN của các nhà sản xuất. Cơ chế hiện hành vẫn chưa tạo ra động lực cho các nhà KH&CN đến với sản xuất. Mức thù lao 30% giá chuyển giao công nghệ chưa hấp dẫn đối với người tạo ra công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước. Vẫn thiếu cơ chế bảo đảm thực hiện chuyển giao nhiều lần kết quả nghiên cứu và phát triển được tạo ra bằng tiền ngân sách. Xã hội vẫn chưa nhận thức đầy đủ vai trò của sở hữu trí tuệ đối với sự tồn tại và hoạt động của thị trường KH&CN. Thực tế những năm qua, việc đăng ký cấp bằng sáng chế, giải pháp hữu ích ở Việt Nam kém sôi động, số đăng ký thấp và được cấp bằng chưa cao. Người có sáng chế không muốn đăng ký xin cấp bằng công nhận sáng chế.

Các doanh nghiệp còn tâm lý chưa coi trọng kết quả nghiên cứu trong nước, đánh giá rất thấp vai trò hỗ trợ của các viện nghiên cứu, trường đại học trong nước đối với các giải pháp đổi mới công nghệ, chưa có tinh thần cộng tác với các nhà khoa học. Chủ yếu các doanh nghiệp chú trọng nhập khẩu công nghệ từ nước ngoài, ngay cả khi phí thu nhập cao, thủ tục khó khăn. Năng lực nghiên cứu của bản thân doanh nghiệp cũng rất hạn chế, ảnh hưởng đến tăng cường mối liên kết với tổ chức KH&CN. Trình độ hạn chế khiến các doanh nghiệp ngại đầu tư cho nghiên cứu KH&CN. Nguyên nhân trong nhiều trường hợp là bản thân các doanh nghiệp không có nhu cầu đổi mới thực sự về công nghệ.

3 - **Cơ chế quản lý tài chính KH&CN.** Ngoài ngân sách nhà nước, các nguồn tài chính cho hoạt động KH&CN là các nguồn vốn từ sản xuất, vay ngân hàng, tài trợ quốc tế và các nguồn vốn khác. Tuy vậy, đến nay nguồn vốn cho hoạt động KH&CN chủ yếu vẫn là từ ngân sách nhà nước (chiếm khoảng 80% tổng nguồn vốn). Cơ cấu

Digitized by Google

nguồn vốn này còn chưa phù hợp với xu hướng của các nước phát triển.

Quỹ hỗ trợ phát triển KH&CN được quy định trong Luật khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) vẫn đang trong quá trình chuẩn bị đề án thành lập. Các quỹ hỗ trợ tài chính cho hoạt động KH&CN của bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được phép thành lập từ năm 1992, nhưng tác dụng huy động vốn còn yếu do nguồn trích lập vẫn dựa vào kinh phí thu hồi từ các hoạt động KH&CN. Khi Luật ngân sách ra đời, quy định về quỹ này đã bị mất hiệu lực. Quy định cho vay vốn ứng dụng KH&CN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đã mở ra một hướng đổi mới quan trọng trong cơ chế tài chính - ngân hàng cho hoạt động KH&CN ở nước ta. Vấn đề vướng mắc còn lại là thế chấp, bảo lãnh, mức lãi suất, thời gian trả nợ cần được xem xét lại cho phù hợp với đặc thù lao động KH&CN và đối tượng được vay.

Thực tế đã có một số tổ chức KH&CN (chủ yếu là các viện công nghệ công nghiệp) có cơ cấu nguồn tài chính tới 70 - 80% là không phải của ngân sách nhà nước, mà từ hợp đồng với sản xuất và tài trợ của nước ngoài ; dẫu sao các đơn vị như vậy số lượng vẫn còn ít và thường tùy thuộc vào ngành nghề. Điều đáng nói là còn thiếu một cơ chế hỗ trợ vĩ mô cho các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN trong việc tìm kiếm và khai thác các nguồn tài chính từ sản xuất, thiếu cơ chế cạnh tranh bình đẳng giữa các viện có cùng tính chất hoạt động. Trong các trường hợp có tính tự chủ tài chính cao, chủ yếu đều do sự năng động của giám đốc cơ quan nghiên cứu hơn là do cơ chế, chính sách quản lý tạo ra.

Các doanh nghiệp đã được tính chi phí hợp lý về hoạt động KH&CN vào giá thành sản phẩm, nhưng việc lập quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp để chủ động đầu tư vào KH&CN còn yếu. Chế độ thuế cho hoạt động KH&CN đã có nhiều cải tiến phù hợp với phát triển kinh tế và đặc thù của hoạt động KH&CN. Mặc dù vậy, thuế đối với dịch vụ KH&CN cần được xem xét lại, đặc biệt là hợp đồng cũng như dịch vụ trực tiếp phục vụ quá trình nghiên cứu và phát triển. Nhìn chung, các quy định tài chính về thuế, vay vốn, về mức lãi suất tín dụng, thời gian hạn định hiện hành còn chưa đủ kích thích các doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu KH&CN và đổi mới công nghệ.

Ngân sách nhà nước dành cho KH&CN vẫn được phân bổ cho các hạng mục theo phương thức truyền thống. Mặc dù từ 1992 có quyết định chuyển hình thức cấp kinh phí cho các viện theo tổ chức sang hình thức cấp theo đề tài, đề án nhưng vẫn chưa được thực hiện. Tình trạng thiếu hụt đội ngũ cán bộ kế cận có trình độ trong cơ quan nghiên cứu và phát triển vẫn chưa được cải thiện rõ rệt do chưa có hạng mục kinh phí để giải quyết vấn đề này. Tài chính để hỗ trợ cũng như phương thức hỗ trợ cho các hoạt động KH&CN của doanh nghiệp chưa được triển khai thực hiện.

4 - **Hệ thống các tổ chức KH&CN.** Hiện nay, hệ thống cơ quan KH&CN gồm trên 800 tổ chức thuộc mọi thành phần kinh tế. Các tổ chức KH&CN ngoài công lập (tập thể, tư nhân) đã phát triển mạnh mẽ đáp ứng yêu cầu của kinh tế - xã hội. Chức năng của cơ quan KH&CN đã được mở rộng từ nghiên cứu đến sản xuất và dịch vụ KH&CN, đã có các loại hình tổ chức tương ứng như : viện có cơ sở sản xuất, đơn vị tự hạch toán (đơn vị 35) ; viện hoạt động theo chế độ sự nghiệp có thu được quyền liên kết, liên doanh... Vấn đề cần giải quyết là các hình thức tổ chức này chưa định hình rõ về chế độ tài chính, vốn, tài sản, lao động, do vậy gặp nhiều khó khăn trong hoạt động.

Mấy năm qua, Nhà nước đã sắp xếp lại các cơ quan KH&CN một cách hệ thống. Hai Trung tâm KH&CN quốc gia được điều chỉnh chức năng gắn với phát triển công nghệ của các hướng trọng điểm, ưu tiên của Nhà nước. Các trường đại học đã thành lập các cơ sở nghiên cứu và phát triển, dịch vụ KH&CN. Các hoạt động nghiên cứu cơ bản đã được tăng cường tại các trường đại học. Các viện ở các vùng đã bắt đầu hình thành phục vụ cho phát triển các vùng kinh tế đặc thù. Số lượng các viện đưa về tổng công ty ngày càng nhiều (đã có trên 50 viện). Mục đích đưa viện về doanh nghiệp là nhằm gắn kết viện với cơ sở sản xuất của doanh nghiệp đó. Nhưng cho đến nay các viện này đã không gắn được với các doanh nghiệp tương ứng như yêu cầu, mà chủ yếu vẫn là hoạt động độc lập. Nguyên nhân là doanh nghiệp không có nhu cầu đối với viện ; thiếu cơ chế để các doanh nghiệp phải quan tâm, gắn kết với viện

Digitized by Google

hoặc sử dụng kết quả nghiên cứu của viện tạo ra. Năm 1996, một số các viện thuộc bộ, ngành được chuyển về doanh nghiệp. Nguyên tắc sắp xếp dựa chủ yếu vào sắp xếp hành chính. Các viện chưa thấy thuyết phục vì cho rằng lĩnh vực hoạt động và trình độ chuyên môn của viện không tương thích với yêu cầu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp cũng chưa sẵn sàng nhận các viện vì hoạt động đổi mới công nghệ của doanh nghiệp chưa đến mức cần đến một viện như vậy.

Đến nay, nhiều viện đã về với doanh nghiệp, công ty, tổng công ty nhưng vẫn chưa phát huy được tác dụng, còn hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Có thể nói việc chuyển viện về doanh nghiệp vừa qua đôi khi vẫn chỉ là hình thức, chưa thực sự gắn kết được các viện này với hoạt động sản xuất của chính các doanh nghiệp đó.

5 - **Chính sách cán bộ KH&CN.** Việc đào tạo cán bộ KH&CN cho các hướng KH&CN trọng điểm, ưu tiên quốc gia vừa mới được đặt ra. Vừa qua chúng ta đã gửi đi đào tạo cán bộ có trình độ đại học, sau và trên đại học ở nước ngoài bằng tiền ngân sách nhà nước. Việc trẻ hóa đội ngũ cán bộ nghiên cứu và triển khai chưa có tiến bộ đáng kể, tuổi đời cán bộ trên đại học còn khá cao. Sự phân hóa đội ngũ cán bộ KH&CN ngày càng rõ rệt (có đến 1/3 số cán bộ làm việc với hiệu suất kém hoặc kém về khả năng và trình độ, cần được thay thế), nhưng chưa có biện pháp khắc phục. Việc công chức hóa các cán bộ KH&CN là không phù hợp với tính chất hoạt động của tổ chức KH&CN. Sự đồng nhất hình thức thi tuyển công chức quản lý nhà nước với viên chức trong cơ quan KH&CN là không hợp lý.

Quyền chủ động cho các cơ sở KH&CN của Nhà nước về các vấn đề tổ chức, lao động và tiền lương chưa được tăng cường đúng mức để tạo điều kiện cho họ năng động tìm việc làm và phân phối thu nhập cho đội ngũ cán bộ lao động KH&CN. Cần cải tiến định mức chi phí cho lao động KH&CN và thông qua đó tạo điều kiện tăng thu nhập cho cán bộ. Tiền lương và thu nhập thấp trong các cơ quan KH&CN là yếu tố hạn chế chủ yếu làm cho cơ quan KH&CN không thu hút được những cán bộ trẻ, tài năng vào làm việc. Các chế độ phụ cấp cho cán bộ công tác vùng sâu, vùng xa, khen thưởng đãi ngộ thích đáng đối với các tập thể và cá nhân có các công trình, sản phẩm khoa học có hiệu quả vẫn chưa được hoạch định đầy đủ.

Từ những nguyên nhân thành công và chưa thành công, những kinh nghiệm rút ra trong thực tiễn quản lý KH&CN thời gian qua, để khai thông, mở rộng và phát triển thị trường cho hoạt động KH&CN trong những năm tới, chúng ta cần tập trung triển khai thực hiện một số giải pháp cơ bản sau đây :

Một là : Công tác tổ chức hoạt động KH&CN, cần tập trung cải tiến cơ chế, phương pháp xác định các nhiệm vụ KH&CN ngay từ khi hình thành, sao cho sát yêu cầu của thực tiễn, sản xuất - kinh doanh và kinh tế - xã hội. Phân công, phân cấp tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN hợp lý giữa Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường với các bộ, ngành và doanh nghiệp. Tập trung cải tiến công tác tuyển chọn người thực hiện đề tài, dự án. Chương trình có Ban quản lý riêng (tách quản lý cụ thể khỏi quản lý vĩ mô). Cải tiến cơ bản nhiệm vụ tổ chức, đánh giá nghiệm thu theo hướng hình thành tổ chức đánh giá độc lập các công trình KH&CN ; đồng thời chú ý đánh giá kết quả nghiên cứu theo hướng bên cạnh tính khoa học, yếu tố đổi mới cần quan tâm hơn nữa đến khả năng ứng dụng vào thực tiễn.

Tất cả các khâu từ xác định nhiệm vụ KH&CN, tuyển chọn thực hiện các đề tài, dự án và đánh giá nghiệm thu kết quả KH&CN đều được thực hiện với sự tư vấn của Hội đồng KH&CN. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ và trách nhiệm của Hội đồng được quy định chặt chẽ để nhiệm vụ KH&CN xác định sát yêu cầu của thực tiễn. Tuyển chọn nhiệm vụ KH&CN trung thực, khách quan và đánh giá nghiệm thu kết quả sau khi kết thúc đề tài, dự án phải làm rõ được đầy đủ khả năng ứng dụng và thương mại hóa của kết quả nghiên cứu.

Hai là : Công tác quản lý công nghệ và đưa kết quả KH&CN vào sản xuất và đời sống được thực hiện thông qua việc hoàn chỉnh các loại hình tổ chức gắn KH&CN với sản xuất - kinh doanh và cơ chế quản lý các loại hình tổ chức này. Các tổ chức KH&CN được thành lập dịch vụ KH&CN, doanh nghiệp trực thuộc ; được hợp tác liên doanh với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tiến hành hoạt động KH&CN, chuyển giao công nghệ.

Digitized by Google

Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, nhất là khuyến khích sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, làm chủ, cải tiến công nghệ nhập và chuyển giao kết quả KH&CN được tạo ra bằng ngân sách nhà nước, trong đó lợi ích người làm ra công nghệ và lợi ích ứng dụng công nghệ phải được xử lý thỏa đáng. Áp dụng chế độ thưởng cho tập thể lao động và cá nhân có sáng chế, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và ứng dụng công nghệ mới được chuyển giao. Áp dụng chính sách ưu đãi đối với sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm bằng công nghệ mới ; sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng ở Việt Nam ; hoạt động tư vấn KH&CN ; thiết bị công nghệ cao nhập khẩu, xuất khẩu công nghệ.

Ba là : Công tác tài chính, tập trung vào cơ chế, chính sách huy động nguồn từ doanh nghiệp. Tạo sự phối hợp hài hòa giữa Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường với các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về phân bổ ngân sách nhà nước và làm rõ mục tiêu, hiệu quả sử dụng ngân sách được cấp. Trong hạng mục phân bổ cần có : đào tạo cán bộ nghiên cứu và phát triển, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp. Cân đối mức tối thiểu phần kinh phí dành phân bổ cho chức năng, nhiệm vụ thường xuyên của tổ chức nghiên cứu và phát triển ; tăng mức phân bổ theo hình thức chương trình, đề tài, đề án và các loại quỹ và áp dụng cơ chế tuyển chọn cá nhân, tập thể tham gia thực hiện đề án, dự án - một cơ chế thường được áp dụng ở hầu hết các nước phát triển - làm cho thị trường KH&CN ngày càng sống động. Áp dụng cơ chế miễn, giảm thuế, chế độ tín dụng ưu đãi, hỗ trợ trực tiếp và các biện pháp tài chính khác để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư hoặc cùng phối hợp đầu tư kinh phí giữa Nhà nước và doanh nghiệp cho hoạt động KH&CN, đổi mới công nghệ, gắn kết các hoạt động này với các hoạt động của các tổ chức nghiên cứu và phát triển. Thành lập quỹ phát triển KH&CN của Nhà nước ; cho phép thành lập các quỹ phát triển KH&CN bộ, ngành, địa phương và khuyến khích cá nhân, tổ chức thành lập các quỹ hỗ trợ phát triển KH&CN. Các quỹ này sẽ tạo cho việc gắn kết hoạt động KH&CN với mục tiêu và yêu cầu của kinh tế - xã hội ngày càng thiết thực hơn.

Bốn là : Tiến hành phân loại viện theo khả năng tự chủ tài chính trên cơ sở sản phẩm KH&CN, gắn với lĩnh vực nghiên cứu chung hay sản xuất - kinh doanh để có cơ chế, chế độ quản lý phù hợp (chuyển về doanh nghiệp hoặc đặt trực thuộc bộ). Có chế độ thỏa đáng, các điều kiện thuận lợi khi chuyển viện về doanh nghiệp, bảo đảm cho viện hoạt động bình thường trước khi giảm dần kinh phí cấp từ nhà nước. Tùy theo tính chất sản phẩm KH&CN của tổ chức KH&CN phục vụ nghiên cứu công ích hay phục vụ thị trường để Nhà nước quyết định mức độ bảo đảm tài chính từ 20 - 100% kinh phí cho các tổ chức nghiên cứu và phát triển của Nhà nước hoạt động ; qua đó thúc đẩy tổ chức nghiên cứu và phát triển phải gắn với thị trường, doanh nghiệp để có được phần kinh phí còn lại cho hoạt động của mình.

Tiếp tục đa dạng hóa chức năng hoạt động của các tổ chức KH&CN và xác lập các mô hình quản lý tài chính của các tổ chức nghiên cứu và phát triển có đơn vị 35 (là tổ chức KH&CN được đăng ký và hoạt động theo Nghị định 35/CP) của tổ chức nghiên cứu và phát triển có doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu và phát triển sự nghiệp có thu,... Đồng thời xây dựng chế độ khoán cho các tổ chức nghiên cứu và phát triển, nhằm nâng cao tính năng động của các nhà khoa học. Lập các tổ chức kinh doanh liên kết, liên doanh với nước ngoài, tranh thủ tri thức của thế giới, phục vụ cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhanh chóng nâng cao trình độ cán bộ KH&CN trong nước.

Năm là : Cần có cơ chế thi tuyển, đánh giá và nâng ngạch, bậc riêng cho cán bộ (không áp dụng theo chế độ công chức) phù hợp với đặc thù của lao động khoa học. Nâng cao quyền chủ động, trách nhiệm của lãnh đạo tổ chức KH&CN. Có chế độ hợp đồng trung hạn để đào tạo cán bộ trẻ cho tổ chức KH&CN. Cán bộ làm công tác nghiên cứu và phát triển cần được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn kết hợp với đào tạo có bằng cấp về các lĩnh vực KH&CN trọng điểm, ưu tiên, chiến lược đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Như vậy mới có được đội ngũ cán bộ KH&CN đủ năng lực, tạo ra sản phẩm

(Xem tiếp trang 35)

Digitized by Google

YÊN BÁI - ĐÔI ĐIỀU RÚT RA TỪ LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI

NGUYỄN VĂN Ý *

CŨNG như các tỉnh, thành phố khác trong cả nước, Yên Bái đang đúc kết, đánh giá quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng 15 năm, 10 năm và 5 năm qua. Đối với Yên Bái, tổng kết 10 năm đổi mới đồng thời cũng là tổng kết 10 năm tái lập tỉnh sau khi tách ra từ Hoàng - Liên - Sơn.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Yên Bái lần thứ XV nhiệm kỳ 2001 - 2005 tới đây là dịp để nhìn nhận, đánh giá những gì đã làm được cũng như những tồn tại, yếu kém, bất cập, rút ra bài học kinh nghiệm, soát lại hành trang trước khi bước vào thế kỷ XXI. Việc đánh giá thành tựu 10 năm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng cũng như Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV (1996 - 2000) sẽ được cụ thể trên từng mặt, từng lĩnh vực. Nhưng nhìn tổng thể, có thể khẳng định 10 năm qua, tỉnh có bước phát triển rõ rệt và khá toàn diện. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 8,14%/năm. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh tăng 2,12 lần so với 10 năm về trước. Một điểm khá nổi bật và rõ nét là cơ sở hạ tầng, thiết chế sản xuất được củng cố và tăng cường đáng kể. Nhiều tiềm năng, thế mạnh của tỉnh được đánh thức, phát huy, khai thác đúng hướng. Đời sống của nhân dân được cải thiện và nâng cao. Những thành tựu mà đảng bộ, nhân dân các dân tộc Yên Bái đạt được 10 năm qua là tiền đề rất thuận lợi để tự tin bước vào thế kỷ XXI. Kết quả đó cũng là tổng hợp của nhiều giải pháp đúng đắn và nỗ lực rất cao của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh. Điều có ý nghĩa quan trọng là rút ra được những kinh nghiệm trong quá trình đi lên, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở một tỉnh miền núi phía Bắc.

1 - Luôn luôn quán triệt sâu sắc đường lối, nghị quyết của Đảng, vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của địa phương.

Có thể nói đường lối đổi mới do Đảng ta đề xướng 15 năm trước đây sau đó được bổ sung, hoàn chỉnh bằng các nghị quyết Đại hội VII, Đại hội VIII và các nghị quyết của Trung ương là rất tài tình, đúng đắn. Thế nhưng để các đường lối, nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống, trở thành hiện thực sinh động, cụ thể còn phải có sự vận dụng sát hợp vào từng địa phương, địa bàn, lãnh thổ. Điều này thể hiện khá rõ ở Yên Bái. Không phải ngay từ đầu, tỉnh đã xác định đúng đắn và phù hợp cơ cấu kinh tế. Cũng phải trải qua một quá trình mày mò, thể nghiệm, có cả thành công và thất bại, dựa vào nhiều yếu tố, dần dần tỉnh mới xác định được cơ cấu kinh tế phù hợp, nhờ đó đã đưa đến những thành tựu và chuyển biến tích cực trong 10 năm qua. Cho đến nay, cơ cấu kinh tế ở Yên Bái được xác định là : nông, lâm, ngư nghiệp - công nghiệp, xây dựng - dịch vụ và xuất khẩu. Cơ cấu này ngày càng chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Hiện nay, tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 48% ; công nghiệp, xây dựng và dịch vụ 52%. Một phần nhờ có cơ cấu kinh tế phù hợp mà lĩnh vực nông, lâm nghiệp, nhìn chung phát triển với tốc độ khá cao, tăng bình quân 5,35% năm. Do thực hiện khá tốt việc thâm canh tăng năng suất, sản xuất nông nghiệp liên tục được mùa. Vùng lúa 15 000 ha được thâm canh cao, năng suất bình quân đạt 84 tạ/ha. Năm 2000 tổng sản lượng lương thực quy thóc dự kiến đạt gần 20 vạn tấn, bình quân lương thực đầu người đạt 282 kg/năm (tăng 2,5 lần so với năm 1995).

* TS, Bí thư Tỉnh ủy Yên Bái

Digitized by Google

Đảng bộ và nhân dân Yên Bái xác định phương hướng cơ bản là tập trung sản xuất hàng hóa chính là cây công nghiệp, cây ăn quả, vùng nguyên liệu công nghiệp, chế biến các sản phẩm từ nông, lâm sản để tiêu dùng và xuất khẩu. Từ định hướng đó, Yên Bái đã xây dựng và phát triển được một số vùng sản xuất cây công nghiệp tập trung như : chè, quế, nguyên liệu giấy. Vùng chè với hơn 10 nghìn héc ta, mỗi năm thu hoạch 4 vạn tấn chè búp tươi, chế biến được trên 9 nghìn tấn chè thương phẩm. Vùng cà phê Ca-ti-mo 2 300 ha, hiện đạt sản lượng 1 500 tấn quả tươi/năm. Vùng quế với hơn 2 vạn héc ta, mỗi năm xuất khẩu 1 000 tấn vỏ quế và hàng chục vạn tấn nguyên liệu để chưng cất tinh dầu. Vùng nguyên liệu giấy với 80 nghìn héc ta, mỗi năm cung cấp 4 vạn tấn tre, nứa, vầu, 14 vạn m^3 gỗ rừng trồng, phục vụ công nghiệp chế biến giấy của trung ương và địa phương.

Bên cạnh việc tạo ra được những vùng nguyên liệu, Yên Bái đặc biệt quan tâm quy hoạch hệ thống các cơ sở chế biến để tiêu thụ hết sản phẩm nông nghiệp ; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên nhằm hướng sản xuất hàng hóa có giá trị cao hơn để nâng mức tăng trưởng kinh tế và tổng thu nhập trên địa bàn. Hiện nay, Yên Bái đã có 25 cơ sở chế biến chè, 12 dây chuyền chế biến giấy, trên 10 cơ sở chế biến gỗ tập trung, 4 nhà máy chế biến khoáng sản, 2 nhà máy sản xuất sứ cách điện và gạch cao cấp... đã đem lại cho tỉnh mỗi năm gần 500 tỉ đồng hàng hóa, với trên 1 000 công-te-nơ hàng xuất khẩu ra các tỉnh bạn và ngoài nước, làm thay đổi cơ cấu trong sản xuất, tiêu dùng, xuất khẩu của tỉnh.

Chính nhờ có định hướng đúng, lại nhanh nhạy, linh hoạt, kịp thời điều chỉnh những chỉ tiêu không phù hợp ; điều chỉnh cơ cấu đầu tư, tập trung cho những lĩnh vực, ngành sản xuất mang lại hiệu quả cao, giải quyết nhiều việc làm ; gắn được phát triển kinh tế - xã hội với củng cố an ninh quốc phòng, đã tạo cho Yên Bái một tiền đề thế và lực khá vững chắc cho bước phát triển trong tương lai.

2 - Định hướng đúng, nhưng phải có giải pháp, bước đi, cách làm phù hợp trên cơ sở xác định rõ những thế mạnh, điểm yếu.

Căn cứ vào phân tích tình hình cụ thể của mỗi địa phương, mỗi dự án, mỗi chương trình kinh tế - xã hội, tỉnh đã xác định lộ trình đi tới đích và phương pháp đạt được mục tiêu đề ra.

Yên Bái có lợi thế về đất đai trồng cây công nghiệp, trồng rừng, có một số khoáng sản trữ lượng khá, quý hiếm, có các tuyến đường giao thông thuận lợi để phấn đấu trở thành một tỉnh có kinh tế - xã hội phát triển. Song, để đi lên Yên Bái phải khắc phục, vượt qua rất nhiều khó khăn, thách thức, ràng buộc như : trình độ dân trí thấp, tập quán sản xuất tự túc, tự cấp còn đang nặng nề, chưa quen với đầu tư tập trung, đầu tư chiều sâu, khoa học kỹ thuật, muốn làm theo lối mòn cũ, chưa mạnh dạn bứt phá để đi lên sản xuất hàng hóa ; cơ sở hạ tầng thấp kém... Do vậy, ở một số chương trình trong nông, lâm nghiệp (trồng mới 5 000 ha cà phê, đưa các giống chè mới có năng suất, chất lượng cao thay thế cho giống chè cũ, phục tráng và nâng cao các cây ăn quả như cam, nhãn, bưởi, tuyển chọn các tập đoàn cây công nghiệp...) tỉnh đã phải hướng dẫn, quán triệt, xác định cho từng đối tượng cụ thể về thời gian phấn đấu đạt mục tiêu đề ra.

Nhờ cách làm đó mà các cơ quan tổ chức thực hiện chủ động xác định kế hoạch, chỉ tiêu của từng bước để nhân dân tin tưởng chấp nhận cả khó khăn và vui mừng với các kết quả đạt được. Một nét nổi bật của Yên Bái những năm qua là đã hình thành được mô hình kinh tế trang trại, nhân rộng và phát triển khắp trong tỉnh, góp phần tăng diện tích rừng, giải quyết việc làm cho người lao động, tăng thu nhập cho hộ nông dân. Yên Bái rất chú ý việc phát triển kinh tế vùng cao theo hướng : xóa bỏ cây thuốc phiện ; phát triển nông nghiệp, chú trọng lương thực ; trồng và bảo vệ rừng phòng hộ, khoanh nuôi tái sinh ; thực hiện định canh, định cư.

Trong những năm qua, Yên Bái đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đúng hướng và có trọng điểm. Từ 1995 đến nay, đã đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội trên 2 244 tỉ đồng, tăng 2 lần so với 5 năm trước đó. Đã mở rộng và nâng cấp 1 830 km đường các loại. Xây dựng trên 1 700 km đường điện. Cung cấp điện lưới quốc gia cho tất cả các huyện, thị xã và trên 50% số xã. Đã đầu tư 130 tỉ đồng cho hệ thống thủy lợi, bảo đảm chủ động tưới tiêu trên 70% diện tích canh tác trong tỉnh.

Digitized by Google

3 - Kịp thời điều chỉnh các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể trong quá trình tổ chức thực hiện nghị quyết.

Trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường, sự phát triển nhanh chóng của các quan hệ cung cầu, đòi hỏi các cấp lãnh đạo phải nhanh nhạy quyết định những chủ trương cụ thể về xây dựng các chương trình, các kế hoạch sản xuất lớn về kinh tế, xã hội phù hợp với thực tế địa phương và nguyện vọng của nhân dân, đem lại hiệu quả kinh tế cao và khắc phục được những thất thoát có thể xảy ra. Thí dụ, trong nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Yên Bái lần thứ XIV đã xác định : xây dựng nhà máy mía đường 1000 tấn/ngày, nhà máy bột giấy 60 000 tấn năm, nhà máy xi măng 1 triệu tấn/ năm. Sau quá trình chuẩn bị các dự án, nắm bắt được những thông tin và dự đoán được xu thế thị trường, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã bàn bạc, thảo luận, báo cáo Ban chấp hành Đảng bộ, thống nhất không xây dựng các cơ sở sản xuất như nghị quyết đã đề ra và chuyển sang hướng mới. Tỉnh đã quyết định tập trung phát triển 25 cơ sở chế biến chè cỡ nhỏ để gắn cơ sở chế biến với vùng nguyên liệu, tiêu thụ hết 4 vạn tấn chè búp tươi cho nông dân, xây dựng 12 dây chuyền sản xuất giấy thay cho nhà máy chế biến bột giấy. Thực hiện các chương trình này, mức đầu tư giảm đi 6 lần so với dự án trước. Hằng năm sản xuất 14 ngàn tấn giấy xuất khẩu trực tiếp ra nước ngoài đem lại nguồn thu nhập trên 4 triệu USD. Thay cho xây dựng nhà máy xi măng 1 triệu tấn/năm, tỉnh xây dựng 3 cơ sở chế biến khoáng sản nghiền các-bon-nát can-xi trắng, Fen-pát... ra tinh bột, cung cấp nhu cầu sản xuất trong nước và xuất khẩu gần nửa triệu tấn sản phẩm/năm với doanh số gần 70 tỉ đồng/năm. Hàng sản xuất ra không bị ế đọng, thu hồi nhanh vốn, thu hút được lao động có việc làm và thu nhập khá cao góp phần phát triển kinh tế - xã hội, tăng nguồn thu cho ngân sách. Những điều chỉnh kịp thời như trên đã đem lại kết quả đáng kể, được đông đảo cán bộ đảng viên và nhân dân đồng tình ủng hộ và ngày càng tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng.

4 - Nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy mà hạt nhân là "bộ tham mưu" của Đảng.

Trong tình hình hiện nay, đồng thời với việc xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng, chính trị và tổ chức, vấn đề nâng cao năng lực lãnh đạo, nhất là năng lực về trí tuệ, đang đặt ra nhu cầu bức thiết. Cấp ủy đảng mà hạt nhân là Ban Thường vụ - Bộ tham mưu của Đảng - phải là những đồng chí tiêu biểu về phẩm chất, năng lực, trí tuệ, đủ uy tín, năng lực, đoàn kết và lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương. Muốn vậy, những người lãnh đạo phải thật sự cầu thị, không thỏa mãn, không ngừng học tập, nắm vững và vận dụng sáng tạo quy luật trong điều kiện kinh tế thị trường ở địa phương và cơ sở. Mặt khác, cấp ủy đảng, ban thường vụ phải biết khai thác, nắm bắt thông tin từ các cơ quan tham mưu, các ban của Đảng, các cơ quan nhà nước, từ đó có những kinh nghiệm từ lý luận, thực tiễn, lựa chọn và vận dụng vào điều kiện, hoàn cảnh của địa phương.

Một trong những nội dung rất quan trọng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy đảng là, trên cơ sở quán triệt, không ngừng nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về các nghị quyết của Trung ương, kiên định đường lối đổi mới, phải nâng cao năng lực tổ chức thực hiện nghị quyết. Đây là một điểm yếu không dễ khắc phục. Phải phân rõ trách nhiệm của từng cấp ủy viên trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghị quyết. Thường xuyên, định kỳ kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết, đưa nghị quyết vào cuộc sống. Đi sâu, đi sát cơ sở để kiểm tra, phát hiện những vấn đề mới nảy sinh, có biện pháp khắc phục, đồng thời tiếp thu khuyết điểm, uốn nắn kịp thời những lệch lạc trong chỉ đạo, điều hành.

Nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy đảng còn được thể hiện ở việc đổi mới phương thức lãnh đạo. Muốn vậy cần đổi mới và kiện toàn các ban, các cơ quan chuyên môn của Đảng, bảo đảm các cơ quan này có đủ năng lực tham mưu, giúp cấp ủy theo dõi, kiểm tra, chỉ đạo phong trào. Đồng thời phải cải tiến việc ra các quyết định của các tổ chức đảng. Coi trọng ý kiến tham gia của các cơ quan tham mưu, giúp việc và sự đóng góp của nhân dân. ❑

Digitized by Google

NHỮNG ĐỔI THAY VÀ HỨA HẸN PHÁT TRIỂN TRÊN CAO NGUYÊN LÂM ĐỒNG

NGUYỄN HOÀI BẢO *

Về các tiềm năng tự nhiên - xã hội, so với nhiều địa phương khác trong cả nước, Lâm Đồng (tỉnh miền núi ở Nam Tây Nguyên) có nhiều thế mạnh :

Diện tích rừng lớn nhất nước, nằm vị trí quan trọng trong gìn giữ rừng đầu nguồn, bảo vệ môi trường.

Địa hình đa dạng, nhiều sông, suối thượng nguồn, tạo nên những cảnh quan thiên nhiên độc đáo, những danh thắng nổi tiếng không chỉ trong nước mà với cả nhiều người nước ngoài : Hồ than thở, Hồ Tuyền Lâm, Thác Đatanla, Thác Cam Ly, Thác Pongour, Thác Đamb'ri...

Độ cao trung bình từ 800 - 1 000 m so với mặt nước biển, khí hậu trung bình 18°C - 20°C (từ độ cao trên 1 000 m khí hậu quanh năm mát) đã hình thành những *thảm thực vật, thổ nhưỡng* (với 20 tổ đất khác nhau : bazan, phù sa...) *rất phong phú,* có thể phát triển các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao (cà phê, chè, dâu tằm, điều, rau, hoa, quả...) ; nhiều giống vật nuôi có nguồn gốc ôn đới và những vùng nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái... lý tưởng (Đỉnh Lang Biang, Thung lũng Tình yêu, Rừng Cát Tiên, Hồ Suối vàng Đankia...)

Nhiều loại khoáng sản (bô xít, thiếc, cao lanh, đá granít, đá quý...) với trữ lượng khác nhau.

Là địa bàn đa dân tộc, đa sắc thái văn hóa (Kinh chiếm 81% dân số ; K'Ho - 2,9% ; Mạ - 3,1% ; Churu, Chil ; Mnông...) cùng những phong tục, tập quán khác biệt của các dân tộc miền núi bản địa và dân nhập cư là những nét văn hóa đặc sắc, hấp dẫn của vùng đất hùng vĩ và nên thơ này. Hiện nay, dân số của tỉnh là 1,4 triệu người với tốc độ tăng bình quân là 4,54%.

Nhưng, nếu chỉ nói về những thế mạnh mà quên đi vô số những khó khăn mà một địa phương miền núi như Lâm Đồng đã, đang và sẽ phải vượt qua trong các thời kỳ lịch sử cũng như trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay, sẽ không thấy hết được những nỗ lực vượt bậc của cộng đồng cư dân địa phương trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng quê hương, xứ sở của mình. Chẳng hạn như, chỉ để chuyển đổi phương thức canh tác từ trồng lúa nương sang trồng lúa nước, đã phải mất 20 năm vận động, đầu tư. Còn biết bao những tập tục đã ăn sâu, bám rễ bao nhiêu đời nay ở vùng đất này cần phải thay đổi mới theo kịp yêu cầu của thời kỳ mới.

Mặt khác, từ xa xưa, nơi đây vẫn luôn là vùng địa hình hiểm trở, giao thông khó khăn, mạng lưới đường, điện, bưu điện - viễn thông không đồng bộ, điều kiện vật chất, kỹ thuật thiếu thốn, cơ sở hạ tầng yếu kém, thị trường tiêu thụ sản phẩm không ổn định.

Yếu tố quyết định trong đẩy nhanh tiến độ phát triển kinh tế - xã hội là nhân tố con người, song tình hình thực tế lại không mấy sáng sủa : 80% dân số toàn tỉnh sống bằng nông nghiệp ; *đời sống kinh tế, trình độ dân trí thấp, chất lượng giáo dục - đào tạo và chăm sóc sức khỏe nhân dân hạn chế ; đội ngũ cán bộ yếu cả về số lượng và chất lượng.* Quá trình giao lưu kinh tế, văn hóa của cư dân địa phương, ngoài những khó khăn về vật chất, còn bị những rào cản lớn của ngôn ngữ, phong tục, tập quán, tôn giáo của các dân tộc.

Tình trạng di dân tự do cũng là một vấn đề hết sức bức xúc đối với địa phương. Số dân kinh tế mới vào Lâm Đồng giai đoạn 1991 - 1995, là 160 770 người, trong đó, theo kế hoạch là 16 348, số dân tự do là 144 442 ; giai đoạn 1996 - 2000 là 104 500 người, số này hoàn toàn là dân di cư tự do. Với tỉ lệ tăng dân số cơ học khá cao (thời kỳ trước đây là 4,1%, hiện nay hơn 2,5%), hằng năm, các cơ quan hữu quan luôn phải đương đầu với hàng loạt những vấn đề liên quan đến công ăn, việc làm, nhà ở, dịch vụ y tế, giáo dục... cho dân nhập cư ; hạn chế tình trạng tàn phá rừng tràn lan, hủy hoại môi trường sinh thái ; khắc phục sự gia tăng các tệ nạn xã hội...

Những khó khăn trên là những nguyên nhân cơ bản dẫn tới *sự chênh lệch* khá lớn về trình độ cả vật chất lẫn tinh thần giữa các dân tộc ; giữa các vùng,

* Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng

Digitized by Google

nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc của Lâm Đồng (hiện nay toàn tỉnh còn 27 xã đặc biệt khó khăn).

Làm thế nào để phát huy được thế mạnh của tỉnh, của từng địa phương ; chọn những phương thức, bước đi nào thích hợp cho từng thời điểm, từng nơi, là mấu chốt quan trọng bảo đảm cho thắng lợi. Nhưng đó lại là khâu khó nhất, đòi hỏi phải đầu tư sức lực và tâm huyết của lãnh đạo và nhân dân, không chỉ một thế hệ, mới hy vọng tìm được lời giải đúng. Biết đánh giá đúng tiềm năng, thế mạnh ; nhìn nhận đầy đủ những khó khăn, yếu kém của mình mới hy vọng tìm ra các "phương thuốc đặc trị", phát huy mọi thế mạnh, làm thay đổi căn bản đời sống người dân theo hướng đi lên.

Bước chuyển mình đáng ghi nhận

Mười năm gần đây, Lâm Đồng thật sự chuyển mình. GDP bình quân đầu người qua các năm 1991 là 225 UDS, 1996 là 365 USD ; ước năm 2000 sẽ đạt 501 USD. Nếu năm 1995, cơ cấu kinh tế của tỉnh (tính theo %) là : nông, lâm, thủy sản - công nghiệp, xây dựng - dịch vụ : 57,6 - 14,0 - 28,4 ; thì thời kỳ 1996 - 2000 đã có những chuyển dịch đáng kể theo hướng tích cực : 52,1 - 19,4 - 28,4. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 9,05%, năm 1995 đạt 36,6 triệu USD, năm 2000 ước đạt 56 triệu USD. Đổi mới đã diễn ra trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, thể hiện không chỉ bằng mầu xanh trải dài trên những cánh rừng, những đồi cà phê, chè, điều, rau, cây trái ; bằng tầm cao của những tòa nhà với nhiều kiểu dáng kiến trúc, những đô thị mới đang mọc lên ngày một nhiều ; những tuyến đường nhựa, bê tông hóa ngày càng được bổ sung, nối dài đi khắp nẻo... mà thể hiện cả trong cách làm, cách nghĩ của mỗi người dân, không phân chia dân tộc, tôn giáo. Điều đó có thể đọc thấy qua những khuôn mặt rạng rỡ, sáng sủa của những em bé ngày ngày cắp sách tới trường ; qua cuộc sống của đồng bào các địa phương trong tỉnh, nhất là ở những buôn làng hẻo lánh, trên núi cao.

Đã xuất hiện nhiều *điểm sáng,* những điển hình làm ăn giỏi, những gương sáng không chỉ cho đồng bào trong tỉnh mà cho nhiều địa phương khác trong nước học tập.

- *Tân Châu,* một xã vùng dân tộc thiểu số và kinh tế mới của huyện Di Linh, hình thành sau ngày giải phóng miền Nam, với 1 395 hộ, 7 500 khẩu. Nhờ tập trung thâm canh cà phê (4 000 ha tại chỗ và 1 000 ha xâm canh), mười năm gần đây, đã trở thành một vùng quê trù phú, với 300 hộ giàu, 450 hộ khá, 600 hộ trung bình, chỉ còn 48 hộ nghèo, trở thành thành viên của câu lạc bộ 20 tấn cà phê nhân. Năm 2000, Tân Châu đã được Chính phủ công nhận là *xã anh hùng.*

- Còn *Lâm Hà* là một huyện miền núi, được thành lập trên cơ sở sáp nhập vùng kinh tế mới của Hà Nội với một số xã đồng bào dân tộc thiểu số của huyện Đức Trọng. Từ một vùng kinh tế mới, đời sống vật chất và tinh thần thiếu thốn, Lâm Hà đã vươn lên, đạt tổng sản lượng lương thực quy thóc bình quân từ 25 đến 30 nghìn tấn (tăng gần 5 000 tấn/năm). Trong thời kỳ đổi mới, trong huyện đã xuất hiện nhiều triệu phú mới người dân tộc. Tỷ lệ đói nghèo hiện chỉ còn 7,4% (giảm 28% so với năm 1994). 35 thôn, buôn cơ bản chấm dứt tình trạng phá rừng, làm rẫy, tái du canh. Huyện đã hình thành vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa, xây dựng hơn 778 km đường giao thông liên huyện. Đã có 8 dự án phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc thiểu số được đầu tư cho huyện với tổng kinh phí gần 15 tỉ đồng. Ngoài một số trường phổ thông các cấp, huyện còn có hai trường THPT với chất lượng dạy và học cao. Năm học 1999 - 2000, trường THPT Thăng Long đạt tỉ lệ hơn 90% số học sinh thi đỗ đại học. 431 cán bộ được cử đi học tập trung, tại chức tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp.v.v.

Để có được những gì của ngày hôm nay là cả một chặng đường dài đầy gian nan, vất vả ; biết bao nhiêu mồ hôi, nước mắt và cả máu xương của bao nhiêu người đã đổ xuống cho mảnh đất thân yêu này.

Chặng đường vượt gian nan, vất vả để đi tới thắng lợi lớn hơn

Giải quyết công ăn, việc làm và tạo môi trường thuận lợi cho người nông dân có thể sử dụng tối đa các nguồn lực của địa phương là những công việc được gấp rút tiến hành ngay bằng các chương trình định canh, định cư với mục tiêu xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng sống của người dân, khắc phục những bất bình đẳng giữa các vùng, các dân tộc, ổn định di dân tự do ; tập trung vào các vấn đề cơ sở hạ tầng, vốn tín dụng, y tế, giáo dục ; chú trọng tới các hoạt động sinh lợi trong khu vực dịch vụ văn hóa và du lịch sinh thái. Muốn phát huy mọi thế mạnh sẵn có, để phát triển nông nghiệp, nông thôn, không thể dựa vào phương thức làm ăn theo lối quảng canh, du canh, trồng một số loại cây lương thực truyền thống trên những thửa ruộng manh mún mà phải thay đổi cơ cấu, đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi nhằm mang lại hiệu quả cao trong sản xuất. Cà phê, giống cây trồng có thế mạnh được tập trung canh tác ở những vùng thổ nhưỡng thích hợp ; mở rộng diện tích trồng

Digitized by Google

chè với nhiều giống mới (Ngô Long, Xuân Mới, Tứ Quý...) có năng suất cao ; nhiều giống dâu tằm của Ấn Độ, Trung Quốc... được trồng ở nhiều nơi, tập trung nhất là ở Bảo Lộc. Tỉnh đã tập trung đầu tư có trọng điểm các dự án cho 27 xã đặc biệt khó khăn (trong đó có 6 xã anh hùng) ; dự án hỗ trợ sản xuất, phát triển ngành nghề, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, trồng 5 triệu ha rừng (cùng cả nước), và dự án xây dựng hệ thống nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường... Nhờ các dự án này, người dân được huấn luyện kỹ thuật chăm sóc, thu hoạch cà phê, chè, điều, cây ăn quả lâu năm ; kỹ thuật nuôi bò, lợn lai ; phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các nghề thủ công tận dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ. Bình quân mỗi năm giảm được 1 900 hộ nghèo đói (tương đương 1,67%). Hệ thống nước sạch, công trình thủy lợi nhỏ được làm mới và sửa chữa ; trạm y tế được xây dựng ở tất cả các xã. Thôn 5 (Cát Tiên) nằm ở vị trí sâu nhất tỉnh, cũng có nhiều đổi mới rất đáng kể. Tỉ lệ hộ đói nghèo từ 15,9% năm 1995 giảm xuống chỉ còn 8,8% năm 2000, trong đó, vùng đồng bào dân tộc từ 40% giảm xuống còn 18,7% ; các xã nghèo từ 54,4% số xã toàn tỉnh giảm xuống còn 28%.

Để phát huy ưu thế của vùng núi non hiểm trở này nhằm nâng cao đời sống của cư dân địa phương, tăng cường giao lưu kinh tế, thương mại với các địa phương khác, tỉnh đã tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, chú trọng thủy lợi, làm các công trình giao thông. Những công trình như : thủy lợi Đà Roòng (Đơn Dương), Cát Tiên..., những tuyến đường mới của thành phố Đà Lạt..., cùng trung ương nâng cấp các tuyến quốc lộ 20, 27... Trong tương lai, việc nâng cấp sân bay Liên Khương thành sân bay theo tiêu chuẩn quốc tế sẽ hứa hẹn nhiều triển vọng tốt đẹp hơn nữa trong giao lưu với khu vực và quốc tế.

Người nghèo, đồng bào dân tộc ít người được hỗ trợ để có điều kiện trồng rừng gắn với việc tổ chức lại sản xuất bằng cách cho vay ưu đãi không lãi, đầu tư vật tư, cây giống để trồng rừng, cấp đất ở, làm vườn rừng. Diện tích rừng bị chặt phá thời kỳ 1996 - 2000 bằng 52,6% so với thời kỳ 1991 - 1995 (3 630/20 300 ha). Hiện nay, diện tích rừng hiện còn trên địa bàn Lâm Đồng là 618 535 ha, đạt độ che phủ 63% so với diện tích tự nhiên, cao nhất nước (độ che phủ bình quân của cả nước hiện là 28%). Tuy nhiên, bình quân mỗi năm, tỉnh vẫn còn mất đi từ 1 000 - 1 500 ha rừng do phá rừng, mở rẫy. Tỉnh đang phấn đấu từ năm 1998 - 2010 trồng hết diện tích đất trống có khả năng trồng rừng 71 470 ha (so với tổng diện tích đất trồng là 92 608 ha), với tổng số vốn đầu tư là 550 tỉ đồng.

Công tác giáo dục được đặc biệt coi trọng, nhất là đối với các dân tộc. 6 trường THPT tỉnh, 5 trường liên huyện và huyện thường xuyên bảo đảm cho 42 000 học sinh dân tộc được học tập. 20 tỉ đồng được huy động từ phong trào xã hội hóa giáo dục cho xây dựng cơ sở vật chất. Nhờ vậy, đã cơ bản xóa được tình trạng học ca ba, xây dựng và nâng cấp vững chắc được hầu hết trường lớp cả ở vùng sâu, vùng xa. Giáo viên ở những địa bàn khó khăn, vùng dân tộc ngoài trợ cấp của nhà nước còn được hưởng phụ cấp cũng như những khoản ưu đãi riêng từ ngân sách địa phương. Vì vậy, những năm gần đây, tình trạng thiếu giáo viên đã được cải thiện đáng kể. Năm 1997, tỉnh được công nhận hoàn thành xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, đứng thứ 28 trong cả nước và đứng đầu Tây Nguyên. Tuy nhiên, tỉnh vẫn đang phải đối mặt với tình trạng quy mô giáo dục tăng nhanh (10%), trong khi đó, những cơ sở giáo dục sẵn có chưa kịp đáp ứng với yêu cầu, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, đối tượng đồng bào di dân tự do ; tình trạng thiếu giáo viên không đồng bộ cũng như công tác đào tạo nghề chưa được chú trọng đúng mức, chưa sát với yêu cầu của người sử dụng... Trước những yêu cầu hiện nay, cần tăng cường đội ngũ các cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề cho nhiều chuyên ngành, nhất là các ngành nông, lâm nghiệp.

Trên một địa bàn rộng lớn, giao thông khó khăn, dân cư không tập trung, công tác y tế, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân gặp không ít khó khăn. Tuy vậy, 25 năm từ ngày thành lập (14-2-1976), ngành y tế đã không ngừng vươn lên, có những đóng góp to lớn vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đến nay, tỉnh đã có một mạng lưới y tế hoàn thiện từ tỉnh đến từng ấp, thôn, bản. Bệnh dịch đã giảm, thể lực và tuổi thọ của nhân dân được nâng lên rõ rệt. Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được đặc biệt chú trọng bằng việc củng cố, phát triển y tế cơ sở, đầu tư cho tuyến xã. Toàn tỉnh có 1010 nhân viên y tế cộng đồng. Hiện nay, mỗi xã đều có từ 3 - 6 cán bộ nhân viên y tế, 100% số xã, phường có trạm y tế được xây dựng khang trang và có đủ y cụ tối thiểu. Từ năm 1990 đến nay, không có một vụ dịch lớn nào xảy ra trên địa bàn toàn tỉnh. Số cán bộ y tế ở vùng ba được hưởng phụ cấp 70% lương như đối với ngành giáo dục. Khó khăn hiện nay đặt ra cho công tác y tế Lâm Đồng là mô hình bệnh tật thay đổi phức tạp

Digitized by Google

hơn. Trong khi đó, trang thiết bị kỹ thuật còn lạc hậu, đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng được với yêu cầu về trình độ, chưa bắt kịp với nhu cầu hội nhập cộng đồng trong nước, khu vực và thế giới.

Sau chuyến thăm và làm việc với tỉnh Lâm Đồng (7-1999), Đoàn đại biểu của Chính phủ đã có nhận xét : "Đảng bộ và nhân dân Lâm Đồng đã có nhiều cố gắng, tạo bước chuyển biến khá rõ rệt về kinh tế - xã hội ; đã xuất hiện nhiều mô hình kinh tế trang trại, trồng rừng nguyên liệu, du lịch sinh thái có kết quả ; nhiều hộ đồng bào dân tộc đã tham gia xuất khẩu. Thành phố Đà Lạt và một số huyện, thị đã có thay đổi đáng kể...". Đó là những nguồn cổ vũ, động viên lớn nhất đối với Đảng bộ và nhân dân Lâm Đồng. Song, vẫn còn rất nhiều những khó khăn và thử thách đang đặt ra cho vùng đất nhiều tiềm năng, nhưng đời sống người dân vẫn còn nghèo, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc.

Giai đoạn từ 2001 đến 2005, tỉnh phấn đấu đạt mức tăng trưởng kinh tế bình quân là 9 - 10% ; tỉ lệ huy động GDP vào ngân sách từ 11 - 12%, trong đó, huy động thuế và phí vào ngân sách từ 9 - 10% so với GDP ; tổng kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân là 13% ; tỉ lệ tăng dân số là 3,2%. Muốn phát triển kinh tế, ổn định chính trị, xây dựng niềm tin với chế độ, trước hết cần xác định đúng cơ cấu kinh tế. Trong giai đoạn tới, cơ cấu kinh tế được xác định là *nông - lâm, công nghiệp - dịch vụ du lịch* ; song sẽ phấn đấu đưa *du lịch và dịch vụ* lên hàng cao hơn để có thể thu lợi rất nhanh tương xứng với tiềm năng của tỉnh hơn. Không những thế, du lịch - dịch vụ còn góp phần đáng kể trong tăng cường giao lưu giữa các dân tộc, xóa dần sự cách biệt giữa các vùng và đem lại màu xanh, cải tạo môi trường sinh thái. Hiện tại, với tỉ trọng 6% và 27,8% trong cơ cấu kinh tế, sự phát triển của ngành này chưa tương xứng với tiềm năng, chưa là động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, chưa theo kịp yêu cầu. Trong những mục tiêu tâm huyết của Đảng bộ và nhân dân Lâm Đồng sắp tới, có ý tưởng phát triển dịch vụ - du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Muốn vậy cần phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, chú trọng đầu tư các sản phẩm du lịch đặc trưng, phát huy thế mạnh du lịch sinh thái của địa phương, và tất nhiên, không thể xem nhẹ công tác đào tạo cán bộ chuyên ngành, càng không thể xem nhẹ việc tranh thủ tối đa sự chỉ đạo và hỗ trợ về vật chất và tài chính của Trung ương.

Phát triển sản xuất, đẩy mạnh kinh tế gia đình ; nhưng bước tiếp theo là tập trung giải quyết *vận chuyển hàng hóa ; tìm lại thị trường tiêu thụ ổn định,* rất cần tới sự phối hợp đồng bộ của nhiều ngành, nhiều cấp. Với thực trạng như hiện nay, vấn đề này không giản đơn bởi đa số đồng bào dân tộc sống tập trung ở những địa bàn khó khăn về giao thông, phương tiện vật chất thiếu thốn. Tạo điều kiện để hàng hóa sản xuất ra có thị trường tiêu thụ ổn định, địa phương cần tập trung nghiên cứu phát triển một số ngành công nghiệp gắn với nguồn nguyên liệu sẵn có như : chế biến bột giấy (từ tre, nứa, lồ ô...) ; bảo quản rau quả ; chế biến khoáng sản, vật liệu xây dựng v.v. Xây dựng các cơ sở chế biến vừa và nhỏ, tập trung vào các sản phẩm nông nghiệp ; nghiên cứu cải tiến mẫu mã, hình thức đáp ứng yêu cầu xuất khẩu. Nông sản, sản phẩm công nghiệp địa phương, nghề thủ công truyền thống rất cần một cơ chế trợ giá, chính sách đầu tư và hàng rào thuế quan hợp lí, mềm dẻo dưới sự điều tiết của Nhà nước.

Công tác *cán bộ* được tỉnh quan tâm hàng đầu. Nhân dịp Đại hội Đảng bộ các cấp, tỉnh đang rà soát lại cơ cấu cán bộ cho hợp lý cả về số lượng và chất lượng, tuổi tác, giới tính, dân tộc và trình độ nghề nghiệp ; xem xét, chấn chỉnh, quy hoạch cán bộ ở tất cả các cấp phù hợp với đặc điểm của vùng núi, đa dân tộc ; tiêu chuẩn cán bộ phải nâng lên theo kịp với yêu cầu của tình hình mới.

Cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng đã được tiến hành sâu rộng ở tất cả các cấp ủy, từ tỉnh xuống tới các cơ sở ; góp phần tạo ra những chuyển biến tốt trong sinh hoạt đảng ở các cấp. Lề lối, tác phong làm việc được chỉnh đốn theo hướng nền nếp và quy củ hơn. Thái độ thẳng thắn đấu tranh phê và tự phê bình đã tạo nên những sức mạnh mới, củng cố thêm uy tín và hiệu quả công tác của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cũng như trong lực lượng đảng viên. Tuy nhiên, cũng cần chấn chỉnh tư tưởng hình thức chủ nghĩa, dân chủ hình thức, hiện tượng thờ ơ, vô trách nhiệm, lời nói không đi đôi với việc làm... vẫn còn không ít trong một số cán bộ, đảng viên thoái hóa, mất chất, những "con sâu làm rầu nồi canh" ảnh hưởng đến uy tín, sự trong sạch, vững mạnh của Đảng. *Dựa vào dân, dựa vào lực lượng đảng viên nòng cốt, những chiến sĩ cách mạng kiên trung* đã được thử thách rèn luyện trong suốt hai cuộc kháng chiến và trong công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước, kiên trì sự nghiệp đổi mới, tạo nên những chuyển biến lớn về chất trong đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân địa phương, cùng cả nước tiến hành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là ý nguyện to lớn của Đảng bộ và nhân dân Lâm Đồng.❑

Digitized by Google

ĐỐI DIỆN VỚI NỀN KINH TẾ TRI THỨC, THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI

TƯƠNG LAI

Có thể nói toàn cầu hóa về kinh tế là một hiện tượng "mở" đang vận động trên những chặng đường dài với biết bao diễn biến phức tạp và bất ngờ. Việt Nam không nằm ngoài dòng thác của những biến động đó. Chính vì thế mà phải vận dụng xu thế toàn cầu hóa để thực hiện quá trình hội nhập kinh tế một cách khôn ngoan, khai thác được những lợi thế, tránh được hiểm họa. Thái độ chủ động ấy không chỉ cần đối với sự vận dụng xu thế toàn cầu hóa mà cũng là cần đối với nền kinh tế tri thức.

Sự phát triển của tri thức gắn liền với lịch sử phát triển của loài người. Con người tạo ra tri thức và sử dụng tri thức để sống, để phát triển và hoàn thiện cuộc sống của mình. Tri thức được dùng để **sống**, rồi tiếp đó để **làm**, và đến giai đoạn hiện nay, tri thức có thêm một chức năng mới có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với kinh tế - xã hội : dùng tri thức **để tạo tri thức**, chức năng mới này là nhân tố cơ bản làm nên bước chuyển biến mới, hình thành **nền kinh tế tri thức**. Nền kinh tế tri thức ấy là một hiện thực đang hình thành ở nhiều nước công nghiệp phát triển và đang có sức lan tỏa mạnh mẽ.

Kinh tế tri thức sẽ chiếm vị trí ngày càng lớn trong quá trình phát triển của thế giới, đó chính là thách thức lớn đối với chúng ta, song cơ hội lớn cũng nằm trong chính thách thức đó. Vì thế, mặc dầu vẫn còn là một nước đang phát triển, chúng ta không thể không tính đến tìm lối **đi thẳng vào nền kinh tế tri thức** theo cách của mình, trong hoàn cảnh và đặc điểm của mình, theo chiến lược và những bước đi phù hợp với trình độ hiện có. Cách đi như thế nào, đó là chuyện cần suy nghĩ, tính toán, song không thể không đi !

Nền kinh tế tri thức không xuất phát từ nhu cầu của các nước nông nghiệp đang bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa, những nước đang phát triển như nước ta. Nhưng trong điều kiện của toàn cầu hóa về kinh tế, quá trình chuyển biến có ý nghĩa toàn cầu từ nền kinh tế và xã hội công nghiệp sang nền kinh tế tri thức đang lôi cuốn tất cả mọi quốc gia, trong đó có nước ta, bằng cách này hay cách khác, tham gia vào dòng chảy của sự chuyển biến đó. Vì chưa có điều kiện để tham gia một cách thật chủ động nên những thiệt thòi và rủi ro là không tránh khỏi. Nhưng mặt khác, dòng chảy của sự chuyển biến lần này chứa đựng trong nó những thành tựu to lớn của khoa học và công nghệ, của trí tuệ loài người về kinh tế - xã hội mà chúng ta có thể khai thác, tiếp thu, sử dụng để đẩy nhanh sự phát triển, bứt lên khỏi xuất phát điểm quá thấp hiện nay, đạt tới những mục tiêu mong muốn.

Ở nước ta có một thực trạng là đến nay, 92,7% lao động nông nghiệp chưa được đào tạo nghề, trong đó phụ nữ chiếm đa số và cũng mỗi năm, người lao động nông nghiệp có tới từ 5 đến 6 tháng "nông nhàn". Mà "nông nhàn" theo nghĩa trần trụi của nó là thất nghiệp và bán thất nghiệp. Mật độ dân số của ta hiện nay là 231 người/km^2, gấp khoảng từ 5 đến 6 lần "mật độ chuẩn" (35 - 40 người/km^2). Nếu so với nước đông dân nhất thế giới là Trung Quốc, mật độ dân số của ta cũng gần gấp đôi !. GDP bình quân đầu người của nước ta hiện nay chỉ bằng 1/10 của Thái Lan. Theo báo cáo của Ngân hàng thế giới năm 1999, thì năm 1997,

Digitized by Google

Việt Nam xếp thứ 186 trong tổng số 200 nước về GDP bình quân đầu người theo cách tính thông dụng và xếp thứ 167 theo cách tính so sánh sức mua của thu nhập (PPP). Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, tỷ trọng nông nghiệp của nước ta năm 1986 chiếm 41% GDP và thu hút khoảng 74% lao động, năm 1998 còn chiếm xấp xỉ 25% GDP và thu hút khoảng 70% lao động. Đó là một tỷ trọng quá cao và tốc độ chuyển giảm quá thấp. Điều này cho thấy tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta diễn ra quá chậm so với tiến trình của những nước đã phải trải qua thời kỳ công nghiệp hóa như nước ta. Ví như Hàn Quốc, vào đầu thập niên 60, tức là vào thời điểm bắt đầu công nghiệp hóa, tỷ trọng nông nghiệp chiếm khoảng 40% GDP và trên 50% lao động thì giữa thập niên 80, giảm xuống còn khoảng từ 10 đến 15% GDP và từ 10 đến 20% trong lao động xã hội, đến năm 1998 thì chỉ còn 4,8% trong GDP và 9% trong lao động xã hội. Như vậy là trong vòng 30 năm, Hàn Quốc đã giảm tỷ trọng nông nghiệp trong nền kinh tế của họ đạt tới cái chuẩn để trở thành một nước công nghiệp. Hoặc như Ma-lai-xi-a, trong vòng 20 năm, từ 1976 đến 1997, tỷ trọng giá trị sản phẩm nông nghiệp từ 26,8% giảm xuống còn 12,1%: Cũng trong thời gian ấy, In-đô-nê-xi-a từ 29,7% giảm xuống còn 16%, Phi-lip-pin từ 29,3% giảm xuống còn 18,7%. Còn ta, từ 48,6% giảm xuống còn 26,2%, tức là tỷ trọng giá trị sản phẩm nông nghiệp trong GDP của nước ta vẫn ở mức cao nhất và tốc độ giảm chậm nhất.

Những con số đó nói lên cái tất yếu khắc nghiệt trước mắt dân tộc ta là phải bằng mọi cách tìm ra con đường để bứt lên. Nếu không bứt lên thì nguy cơ bị gạt ra khỏi "dòng chảy" của sự phát triển hoặc bị nhấn chìm trong "dòng thác" của toàn cầu hóa không phải là không thể xảy ra. Bứt lên bằng cách nào nếu không muốn nói đó chính là sự nhanh nhạy nắm bắt những thành tựu tiên tiến nhất của khoa học và công nghệ để cố gắng vận dụng vào thực tiễn của ta, tạo ra những bước đột phá trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế, tạo sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Quá trình ấy cũng chính là quá trình tiếp cận với nền kinh tế tri thức, chuẩn bị những điều kiện để đón nhận và tham gia vào một thực tế vô cùng sinh động và hấp dẫn của thế kỷ XXI, đồng thời cũng là sự thách đố nghiệt ngã đối với con người Việt Nam trước thềm thiên niên kỷ mới.

Con người Việt Nam vốn đã được rèn luyện, không hề chịu khuất phục trước bất cứ một thử thách gian nan nào để tồn tại và phát triển. Chỉ có điều, từ cái *bản lĩnh quật cường chống ngoại xâm* chuyển thành *cái bản lĩnh tiến công vào nghèo nàn và lạc hậu*, từ *cái trí tuệ vận dụng trong chiến tranh "lấy yếu chống mạnh, lấy ít địch nhiều"* chuyển thành *trí tuệ chiếm lĩnh khoa học và công nghệ, trí tuệ của quản lý sản xuất kinh doanh, chiếm lĩnh thương trường và thị trường trong hội nhập kinh tế và cạnh tranh thương mại* trong bối cảnh toàn cầu hóa và với sự phát triển ảnh hưởng mạnh mẽ của nền kinh tế tri thức đòi hỏi con người Việt Nam phải ***dám nhìn lại mình***, thấy được những điểm yếu của mình để khắc phục và rèn luyện. Truyền thống Việt Nam, sự hy sinh của biết bao thế hệ Việt Nam không cho phép chúng ta chần chừ để cam chịu số phận lạc hậu và lạc điệu để bị nhấn chìm trong "dòng thác" của sự vận động đi tới của nền kinh tế toàn cầu hóa, hướng tới nền kinh tế tri thức. Chủ động chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho từng bước có chọn lọc để đi vào nền kinh tế tri thức cũng chính là một trong những khía cạnh của quyết tâm bứt phá, tìm đường phát triển.

Đó là quyết tâm được xây dựng trên những dữ liệu mà thời đại đang tạo ra chứ không phải là những ước vọng duy ý chí. Những thành tựu của khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ tin học và viễn thông là những ví dụ sinh động về tác động mạnh mẽ của chúng đối với tất cả những ngóc ngách của cuộc sống đương đại minh chứng cho điều đó.

Sự phát triển nhanh chóng và ứng dụng rộng rãi **công nghệ thông tin** đã góp phần quan trọng cho việc tạo ra những nhân tố năng động mới của nền kinh tế và xã hội mà chúng ta đang sống, đẩy tới sự hình thành nền kinh tế tri thức, tuy chưa phải

Digitized by Google

của nước ta, song không thể nói là nó không có sự liên quan và ảnh hưởng nào. Công nghệ thông tin đã đóng vai trò quan trọng trong việc làm cho môi trường kinh tế - xã hội biến đổi tận gốc rễ, và ta đã nhận thức được rằng đã đến lúc ta phải tự biến đổi chính mình để có thể tồn tại được trong môi trường mới đó.

Môi trường mới ấy chứa đầy những yếu tố biến động và bất định, là không ổn định và không tiên đoán được, có độ phức tạp ngoài năng lực điều khiển của các phương pháp truyền thống. Tuy nhiên, nói thế không có nghĩa là con người đành phó mặc cho môi trường đưa đẩy. Con người không đứng ngoài để vạch ra cho hệ thống những mục tiêu định sẵn, những kế hoạch chung cứng nhắc, mà phải tự nhúng mình vào hệ thống, thích nghi với hệ thống, thu thập thông tin và tri thức để đánh giá tình hình và đưa ra giải pháp hành động (kể cả xác định mục tiêu và kế hoạch một cách cục bộ cho những yếu tố tạm thời ổn định). Vì mọi hiểu biết và hành động đều có thể sai, nên phải thường xuyên đánh giá lại tri thức cũ, giải pháp cũ để có hiểu biết mới, giải pháp mới cho tình hình đã thay đổi.

Chính vì thế, **sáng tạo và linh hoạt** trong tư duy cũng như trong hành động là phẩm chất hàng đầu của con người sống trong thời đại của nền văn minh mới, nền văn minh trí tuệ. Trong nền văn minh đó, **"sự thay đổi vĩ đại nhất sẽ là thay đổi về tri thức - về hình thức và nội dung, về ý nghĩa của tri thức, về trách nhiệm của tri thức và về những đặc điểm của con người có giáo dục"** (1).

Đó cũng là thách đố gay gắt và nghiệt ngã đối với dân tộc ta. Bởi lẽ, là một nước nghèo, đông dân, không có ưu đãi nào của thiên nhiên về tài nguyên phong phú đặc biệt như một vài nước trên thế giới, thì vượt qua sự thách đố đó để bứt lên ***chỉ có thể dựa vào con người, phát huy đến cao độ nguồn lực con người.*** Nhưng là những con người như thế nào, với những phẩm chất gì để có thể đáp ứng được những thách thức nghiệt ngã đó ? Phải chăng đó là *"con người có giáo dục" mà thời đại đòi hỏi ?*

Khi nói đến việc chủ động hội nhập vào nền kinh tế tri thức toàn cầu hóa, tôi cho rằng, điều trước hết là phải cập nhật được với những "quan niệm" mới, ý tưởng mới về quản lý sản xuất kinh doanh, quản lý xã hội, tổ chức các hoạt động của con người đang vận hành guồng máy kinh tế xã hội đó. Để cập nhật được với những cái mới đó, thì việc hết sức cần thiết lại là nhận cho rõ và khắc phục bằng được những nhược điểm cố hữu của "con người tiểu nông", sản phẩm của nền kinh tế cổ truyền lạc hậu vẫn tiềm tàng dai dẳng đang là trở ngại cho sự phát triển.

Chẳng hạn như kiểu con người cần cù chịu khó nhưng **ít chịu cải tiến cách tân**, cần cù theo kiểu *"khéo tay hay làm"* nhưng lại **thiếu sự tính toán chính xác** *"được đâu hay đấy"*, *"lành làm gáo, vỡ làm môi"*. Dễ dàng thích nghi nhưng lại chậm biến đổi, kém sáng tạo *"trăm hay không bằng tay quen"*. **Trọng tình hơn lý, nhường nhịn hơn đấu tranh** *"một sự nhịn là chín sự lành"*, **nặng về tình nghĩa mà nhẹ về luật pháp** *"bên ngoài là lý nhưng trong là tình"*, cho nên dễ dàng hành xử **theo lệ hơn là theo luật** *"phép vua thua lệ làng"*. Thích nói đạo đức mà **chưa thực sự đề cao tài trí và coi thường chữ lợi cùng với nghề buôn và thương nhân** mặc dù vẫn biết rằng *"phi thương bất phú"*. Có tinh thần hiếu học, đó là truyền thống tốt đẹp song không thể không chỉ ra điểm bất cập trong tinh thần hiếu học đó, là **học để làm quan**, để trút bỏ được thân phận *"chân lấm tay bùn"* hơn là **học để làm**. Ưu điểm hiếu học vì vậy cũng dễ chuyển thành thói **hiếu danh, học để lấy bằng** chứ chưa phải là học để biết và biết để làm cho tốt, có hiệu quả, năng suất cao ; chỉ biết một hướng tiến thân duy nhất qua thi cử, **chỉ thích làm thầy mặc dù là thầy dốt mà không chịu làm thợ, cho dù là thợ giỏi.** Đấy là chưa nói đến cái học từ chương dễ luyện cho con người đầu óc sao chép mà kém trí tưởng tượng, một phẩm chất cực kỳ cần thiết cho khám phá, sáng tạo để tìm ra con đường riêng của mình, tự bay cao, bay xa.

---

(1) Peter F. Drucker, *Post - Capitalist society.* Harper Biscness 199

(Bản dịch của Viện Nghiên cứu Quản lý Trung ương 1995) và *Managing for the Future.* The 1990s and Beyond. Truman Talley books/plume. New York

Digitized by Google

Dẫn ra những nhược điểm cố hữu đó để thử rà soát lại xem, dưới nhiều biểu hiện khác nhau, chúng đang tái sinh bằng những tên gọi khác nhau trong cuộc sống hôm nay, trở thành những vật cản ghê gớm. Một ví dụ, tâm lý trọng *"danh"* hơn *"thực"* đang được phơi bày trong thói hư danh làm ô nhiễm bầu không khí xã hội mà lâu nay báo chí không ngớt phê phán về tệ mua bằng bán điểm, xin học hàm, chạy học vị. Trong nhiều trường hợp lại thực hiện chuyện ngược đời **cử** trước **thi** sau, khiến cho vấn đề trên càng trở nên trầm trọng vì người ta phải chạy cho được văn bằng để hợp thức hóa việc đề bạt và bổ nhiệm chức vụ mới. Cho nên có hiện tượng "lạm phát" người có bằng cấp, học vị, nhưng lại thiếu trầm trọng những nhà quản lý, nhà doanh nghiệp có năng lực, biết điều hành và tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý các hoạt động xã hội. Hiện tượng "thừa thầy, thiếu thợ" có lẽ là một minh chứng khá tiêu biểu cho tâm lý nói trên : *"số thạc sĩ, tiến sĩ, thực tập sinh được đào tạo những năm gần đây nhiều gấp đôi công nhân bậc 7..., nếu chỉ tính những sinh viên học nghề theo đúng nghĩa, số lượng hiện nay còn lại chưa bằng một phần năm so với ngày đất nước thống nhất...* (Báo Lao Động ngày 26-6-2000).

Giáo sư Hoàng Tụy, gần đây đã đưa ra nhận xét về những điểm yếu của con người Việt Nam đối diện với những thách thức của nền kinh tế toàn cầu hóa, đó là thiếu *"đầu óc kinh doanh hiện đại, cung cách làm ăn lớn, tính toán nhìn xa trông rộng, táo bạo, nhạy cảm và năng động với cái mới, thích ứng mau lẹ để xoay chuyển tình thế khi gặp khó khăn, bền bỉ và quyết tâm theo đuổi đến cùng một sự nghiệp được yêu thích, miệt mài học tập, ngẫm nghĩ và phân tích sâu sắc, nghiên cứu nghiêm túc để tìm hiểu cặn kẽ đạo lý của mọi vấn đề. Có lẽ do quá lâu quen sống trong cảnh nghèo thiếu nên người dân ta nhiều khi dễ nhẫn nhục an phận, dễ bằng lòng với những thay đổi nhỏ, những suy tính cá nhân hời hợt, thiển cận theo lối cò con. Vì không cực đoan nên ít có đổ vỡ lớn, nhưng dễ bảo thủ, ít dám chấp nhận rủi ro tìm con đường mới, do đó cũng dễ lâm vào trì trệ triền miên. Không có thói quen tính toán hiệu quả, thiếu đầu óc thực tế, lại ham chuộng hình thức, chạy theo hư danh viển vông, kém khả năng và kinh nghiệm hợp tác, góp sức cùng nhau thực hiện một mục tiêu, một kế hoạch lớn, cho nên ít xây dựng được êkíp mạnh về một lĩnh vực nào, thường chỉ có nhiều cá nhân giỏi làm việc riêng lẻ mà không hợp lại thành những tập thể hùng mạnh xuất sắc. Cộng đồng người Việt ở hải ngoại ít có người giàu thật lớn, ít có nhà khoa học thật tầm cỡ, thường chỉ đến một địa vị nào đó là thỏa mãn, mệt mỏi, ít khi đeo đuổi tham vọng thật cao xa. Tất cả những nhược điểm trên đều sẽ trở thành những lực cản không cho phép chúng ta tiến nhanh".* (2)

Chỉ ra những nhược điểm của con người tiểu nông đối diện với những thách thức mới không hề làm ảnh hưởng đến tính tự tôn dân tộc, ngược lại, chính vì để cho niềm tự hào Việt Nam không bị mai một trước một thế giới đang biến động dữ dội, phải dám có tinh thần tự phản tỉnh, tự chỉ trích để có thể thích nghi được với những thách thức mới đó. Không vượt qua được chính mình, không thể đến được với nền kinh tế tri thức. Có lẽ còn nhiều nguyên nhân và chính là vì chưa vượt qua được chính mình cho nên, trên nhiều lĩnh vực, nền kinh tế nước ta vẫn giẫm chân mãi ở tình trạng nghèo thông tin và tri thức, chưa có sức bứt phá để vươn lên so với khu vực và thế giới.

Báo cáo của Ủy ban Liên hiệp về khoa học - công nghệ vì sự phát triển (1998) đã khuyến cáo : Các nước đang phát triển từ những xuất phát điểm khác nhau đều cần xây dựng một kết cấu hạ tầng thông tin quốc gia để phục vụ các mục tiêu phát triển, hướng tới một "xã hội tri thức" đổi mới ; và dù cái giá phải trả cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin đó là khá cao, nhưng cái giá phải trả cho việc không làm những cái đó chắc sẽ còn cao hơn rất nhiều. Chính vì vậy, chiến lược phát triển của đất nước ta, không thể nào khác, phải là chiến lược dựa vào tri thức và thông tin, chiến lược đi tắt, đón đầu với những ngành kinh tế mũi nhọn. Trước hết là công nghệ thông tin, chiến lược đi tắt, đón đầu với những ngành kinh tế mũi nhọn. Trước hết là công nghệ tin học và viễn thông, công nghệ sinh học, công nghệ siêu vật liệu, công nghệ nanô

(2) Hoàng Tụy, *Khi con người Việt Nam đi vào thời đại văn minh trí tuệ*, Báo Tuổi trẻ, ngày 24-6-2000

Digitized by Google

(nanotechnology). Điều quan trọng là những ngành kinh tế mũi nhọn ấy không đứng tách biệt và vượt trội, chỉ là mấy ngành tự chúng mang lại hiệu quả cao và lợi ích nhiều, mà còn phải hơn thế, những ngành mũi nhọn đó phải là **động lực thúc đẩy** và **thâm nhập vào mọi lĩnh vực hoạt động** trên quy mô lan rộng cả nước, mang lại sự chuyển biến toàn diện, sâu sắc và mạnh mẽ của cả nền kinh tế, tác động trực tiếp và lâu bền đến sự phát triển xã hội.

Ở đây có một vấn đề lớn đặt ra : nông thôn Việt Nam với gần 80% cư dân và nông nghiệp vẫn đang chiếm một tỷ trọng rất lớn về giá trị sản phẩm và về lao động trong nền kinh tế, đang hết sức cam go trong vấn đề chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động để thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa và hiện đại hóa, thì vấn đề kinh tế tri thức được nêu lên có phải là suy nghĩ viển vông không ? Tôi nghĩ rằng, nếu nhìn nhận thật tỉnh táo và với một tư duy đổi mới và mạnh dạn thì không phải vậy.

Chúng ta không quan niệm việc hướng tới nền kinh tế tri thức đi liền với loại bỏ kinh tế cũ truyền thống. Ngược lại, nếu trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, việc sử dụng công nghệ cao được đặc biệt chú trọng, và dần dần tiến đến đạt yêu cầu 70% sản phẩm có hàm lượng tri thức cao thì phải chăng, đó cũng là phương hướng tiến tới nền kinh tế tri thức trong hoàn cảnh của nước ta. Ngày nay công nghệ tin học viễn thông đã được ứng dụng rộng rãi để thiết lập các cơ sở dữ liệu và các kho thông tin phong phú trong mọi lĩnh vực, mọi cơ quan chỉ đạo và quản lý sản xuất, mọi doanh nghiệp. Chúng cũng đang được sử dụng tích cực để trợ giúp con người trong nhiều hoạt động trí tuệ, đặc biệt trong việc tìm kiếm và phát hiện tri thức để góp vào những quyết định trong kinh doanh, sản xuất. Từ chỗ cung cấp được những thông tin và tri thức kịp thời mà làm tăng khả năng của con người cũng như các tổ chức trong việc phản ứng nhanh, linh hoạt, thích nghi một cách nhanh chóng và có thể tự thay đổi trước những biến động khôn lường của môi trường. Điều này có ý nghĩa lớn đối với nền kinh tế nông nghiệp nước ta.

Nếu hiểu rằng giải pháp đột phá cho một chiến lược kinh tế dựa vào tri thức là ***đổi mới cơ chế quản lý, phát huy mọi khả năng sáng tạo của người dân và chăm lo phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài*** thì việc mạnh dạn khai thác những thuận lợi nói trên để làm cho gần bốn phần năm dân số đang sống ở nông thôn tiếp cận được với những thành tựu mới nhất của khoa học và công nghệ, đương nhiên là với những hình thức đơn giản nhất để rồi nâng cao dần dần, sẽ là một đường lối thể hiện tính nhân bản sâu sắc.

So với nông thôn những nước ở cùng một trình độ kinh tế, có lẽ nông thôn Việt Nam có một số thuận lợi :

- Nói chung cư dân nông thôn, trừ một số ở vùng sâu, vùng xa, miền núi giao thông khó khăn, đã được học hết bậc tiểu học ; Nhiều chủ trang trại và chủ hộ gia đình nông dân, nhiều chủ nhiệm hợp tác xã... đang làm ăn phát đạt thì đã từng là những sĩ quan, những công chức Nhà nước, những người trẻ tuổi năng động, vốn đã từng đi nhiều nơi, học được nhiều điều, đầu óc tương đối cởi mở, lại có học vấn và trình độ văn hóa khá ; Hệ thống điện thoại và viễn thông khá hiện đại và rộng lớn trong cả nước, hệ thống truyền hình đang phát triển khá mạnh ở nông thôn. (Song về máy tính và nối mạng internet thì còn quá ít) ; Từ thực tế cuộc sống, nhận thức và đòi hỏi của người nông dân Việt Nam không đến nỗi kém và đang tăng lên về sự cần thiết phải quan hệ với khu vực và thế giới trên nhiều mặt như công nghệ và quản lý sản xuất nông nghiệp, chế biến nông sản, hiểu biết thị trường, tiếp thị thương mại v..v... ; Cùng với cả nước, nông thôn Việt Nam, mặc dù vẫn còn rất nhiều khó khăn, mức sống thấp, song vẫn đang trong tiến trình đổi mới, một tiến trình không thể nào đảo ngược được, không thể dừng lại, và vẫn theo xu thế mở rộng hơn, toàn diện hơn.

Chính đó là những thuận lợi, nói một cách khác, đó cũng là lợi thế cần khai thác, phát huy nhằm tạo thêm những tiền đề mới, từng bước đưa công nghệ tin học, viễn thông thâm nhập vào mọi hoạt động phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao trình độ của người nông dân Việt Nam, những người vốn đã từng gánh trên vai mình những sứ mệnh lịch sử lớn lao.

Digitized by Google

Hơn nữa, nếu bản chất của nền kinh tế tri thức thể hiện ở chỗ của cải vật chất có được chủ yếu từ sự nắm bắt những gì chưa biết, không phải từ những gì đã biết, môi trường lý tưởng để nuôi dưỡng những gì chưa biết chính là sự phát triển nhanh của việc ứng dụng công nghệ tin học, thì việc có ý thức chủ động đưa dần công nghệ tin học, viễn thông vào sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn là biểu hiện sự nhìn xa, trông rộng cần thiết chứ không phải là suy nghĩ viển vông.

Chính ở đây thể hiện tập trung sự sáng tạo trong việc hội nhập kinh tế quốc tế, chủ động vận dụng xu thế toàn cầu hóa và sự hình thành nền kinh tế tri thức để có thể tìm ra những giải pháp đột phá, bứt lên, rút ngắn khoảng cách đang có chiều hướng doãng ra giữa nước ta với khu vực và thế giới. Cũng chính ở đây thể hiện khá rõ nét quan điểm về phát triển kinh tế gắn liền với công bằng xã hội.

Để làm được những công việc lớn lao đó thì phải nhắc đến một nhân tố quyết định nhất đã nói ở trên : con người. Mà là "con người có giáo dục" để có thể thích nghi và đáp ứng được với xã hội thông tin và nền kinh tế tri thức không còn quá xa vời với chúng ta. **Một nền giáo dục tiên tiến** và **một xã hội học tập cởi mở** để tạo mọi điều kiện cho mọi người tự phấn đấu trau dồi tri thức luôn luôn mới mẻ và ngày càng phong phú không sao lường trước được. Đó là những đòi hỏi nghiêm cẩn của việc **tạo vốn nhân lực** cho nền kinh tế tri thức, xã hội thông tin mà chúng ta phải có quyết tâm chủ động tiến vào.

Đương nhiên là khó. Đúng là ***"chúng ta đang đi trên một con đường chưa có bản đồ"*** (3) như cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng nhắc nhở, nhưng chính vì thế mà cần phát huy đến cao độ trí tuệ và bản lĩnh của con người Việt Nam trong chặng đường lịch sử mới này.

Trên mặt đất vốn không có đường, người ta đi lâu thì thành đường, hình như câu nói ấy của đại văn hào Lỗ Tấn mà lúc này đây có thể nhắc lại và suy ngẫm. ❑

(3) Phạm Văn Đồng *Văn hóa và đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, 1994 tr 30

ĐỔI MỚI CƠ CHẾ...

(Tiếp theo trang 22)

KH&CN có tính đột phá và thương mại hóa cao, thích hợp với yêu cầu của thị trường KH&CN.

Sáu là : Bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN cần được cải tiến thích hợp, chủ yếu tập trung vào giải quyết các vấn đề vĩ mô, chiến lược phát triển KH&CN, đặc biệt phát triển công nghệ. Làm rõ sự phân công, phân cấp, chức năng của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường với các bộ, ngành, tỉnh trong việc xác định và quản lý các nhiệm vụ KH&CN, sử dụng ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động KH&CN ở địa phương cho phù hợp. Nâng cao năng lực quản lý vĩ mô để có thể đề xuất được các nhiệm vụ KH&CN tầm chiến lược.

Tiếp tục cải tiến cơ chế, chính sách tầm vĩ mô ở các khía cạnh có liên quan đến đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp theo hướng tạo lập cơ chế thị trường trong hoạt động KH&CN. Tiếp cận hệ thống đổi mới quốc gia và lý luận về "khoa học đẩy", "thị trường kéo", các chính sách có liên quan cũng cần được hoạch định, xác lập để "hát cùng một giọng" với chính sách KH&CN trong công tác quản lý theo cơ chế thị trường. Chính sách thương mại cần hoạch định sao cho vừa mở cửa nhưng phải bảo hộ sản xuất trong nước, phát huy năng lực nội sinh về công nghệ để tăng cường khả năng thay thế hàng nhập khẩu và hướng về xuất khẩu. Chính sách công nghiệp cần hoạch định sao cho phải thúc đẩy các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, áp dụng kỹ thuật tiến bộ để phát triển sản xuất, nâng cao khả năng cạnh tranh ; khuyến khích doanh nghiệp cộng tác với viện, trường để tiến hành các hoạt động KH&CN.

Đồng bộ hóa chính sách KH&CN, chính sách công nghiệp và thương mại là tạo cơ chế thích hợp cho hoạt động KH&CN ở nước ta hình thành, phát triển và mở rộng phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tạo lập thị trường cho hoạt động KH&CN, thể chế hóa cơ chế, chính sách bảo đảm cho KH&CN trở thành căn cứ và động lực thực sự cho phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của đất nước. ❑

Digitized by Google

VỀ NHỮNG ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT CHỦ YẾU CỦA ĐẢNG VÔ SẢN CẦM QUYỀN

TRỊNH GIA BAN

VẤN đề Đảng của giai cấp vô sản cầm quyền là một vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt trong toàn bộ sứ mệnh lịch sử của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng và với tiến trình phát triển của xã hội.

Các nhà kinh điển mác xít đã khẳng định điều kiện cần thiết tất yếu của mọi cuộc cách mạng theo con đường cách mạng vô sản, là phải có chính đảng tiền phong của giai cấp công nhân lãnh đạo. Chính đảng đó mang bản chất giai cấp công nhân, gồm những phần tử ưu tú nhất, giác ngộ nhất, trong công nhân và nhân dân lao động ; được trang bị lý luận tiên phong ; có đầy đủ năng lực về trí tuệ và tổ chức thực tiễn để lãnh đạo quần chúng tiến hành thắng lợi công cuộc giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, đưa nhân dân đến ấm no hạnh phúc.

Khẳng định điều kiện tất yếu nói trên, các nhà sáng lập ra chính đảng mác xít cũng đồng thời xác định rõ sứ mệnh lịch sử của Đảng đối với cách mạng. Tuy nhiên, Mác và Ăng-ghen chưa có thực tiễn sinh động để bàn luận nhiều về những vấn đề đặt ra trong điều kiện một chính đảng mác xít khi đã nắm chính quyền, ngoài những thực tiễn còn ít ỏi của Công xã Pa-ri.

Kế thừa những tư tưởng lớn về đảng của giai cấp vô sản của Mác và Ăng-ghen, bằng thực tiễn phong phú của Đảng cộng sản (b) Nga trong quá trình lãnh đạo cách mạng - nhất là khi Đảng đã nắm chính quyền - Lê-nin đã phát triển lý luận về Đảng vô sản kiểu mới, và lưu ý những vấn đề rất hệ trọng về xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền. Người đặc biệt quan tâm đến vấn đề giữ vững và phát huy bản chất cách mạng và khoa học của Đảng, nêu cao lý tưởng vì sự nghiệp giải phóng giai cấp và dân tộc, một lòng một dạ phục vụ lợi ích của nhân dân, để một khi Đảng nắm quyền lực trong tay, vẫn giữ nguyên bản chất giai cấp công nhân của Đảng, không bị thoái hóa bởi sự câu thúc của những lợi ích cục bộ và riêng tư, đi ngược lại quyền lợi của giai cấp và của nhân dân. Có thể nói rằng, những vấn đề Lê-nin đặt ra và những điều chỉ giáo của Người trong điều kiện Đảng cầm quyền đã thể hiện mối quan tâm sâu sắc của Người trong suốt những năm lãnh đạo chính quyền, cho đến tận những tháng ngày cuối cùng của cuộc đời.

Đương nhiên, mối quan tâm của Lê-nin ở đây cần phải được hiểu trên cả hai phương diện : đó là việc nâng cao năng lực lãnh đạo cách mạng, chống sự tụt hậu, bất cập của Đảng cả về trí tuệ, về năng lực tổ chức thực tiễn ; đồng thời chống sự thoái hóa, về phẩm chất đạo đức trong đội ngũ của Đảng cũng như bộ máy Nhà nước. Song, không phải không có lúc chính Lê-nin đã tỏ ra đặc biệt quan tâm đến phương diện thứ hai, và đề ra những phương thuốc đặc hiệu để chữa trị các chứng bệnh tiêu cực, làm cho cơ thể Đảng và Nhà nước lành mạnh.

Là người kế tục và góp phần phát triển lý luận của các nhà kinh điển mác xít, Hồ Chí Minh thấm nhuần và sớm vận dụng những tư tưởng của các ông vào việc xây dựng một chính đảng mác xít - lêninnít trong điều kiện một nước nông nghiệp lạc hậu - tức là một nước chưa có giai cấp công nhân đại công nghiệp. Chuẩn bị về mặt lý luận cho sự ra đời một chính đảng cộng sản trong hoàn cảnh đặc thù như vậy, Người không chỉ truyền bá - giảng giải cặn kẽ những nguyên lý về Đảng theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, mà đã sáng suốt cụ thể hóa một cách sinh động những tiêu chuẩn của người đảng viên cộng sản. Trong tác phẩm *Đường cách mệnh* (xuất bản năm 1927), những tiêu chuẩn đó được Người khái quát thành *Tư cách một người cách mạng*, để chuẩn bị về tư tưởng và đạo đức cho một đội ngũ những người cộng sản đầu tiên của Đảng cộng sản sắp ra đời ở Việt Nam. Với ý nghĩa thực tiễn sâu xa của nó, *Tư cách một người cách mạng* đã trở thành cẩm nang để rèn luyện các thế hệ đảng viên của Đảng ta qua các thời kỳ và trong mọi hoàn cảnh của cách mạng, nhất là trong điều kiện Đảng cầm quyền.

Digitized by Google

Cũng như các bậc thầy của giai cấp vô sản, Hồ Chí Minh đặc biệt nhạy cảm đối với nguy cơ thoái hóa của bản thân Đảng và của bộ máy nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng. Người chăm lo ngày đêm cho sự lớn mạnh của Đảng, cho việc nâng cao năng lực lãnh đạo và uy tín của Đảng đối với xã hội, đồng thời Người cũng hết sức tỉnh táo đề phòng những diễn biến tiêu cực trong Đảng, nhất là mỗi khi hoàn cảnh cách mạng thay đổi.

Tuy nhiên, dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào, Hồ Chí Minh cũng không ngừng chăm lo xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và về tổ chức - gắn chặt với con người đảng viên của Đảng. Người luôn luôn đòi hỏi Đảng ta phải tuyệt đối trung thành với lý tưởng của Đảng : "Không được phút nào quên lý tưởng cao cả của mình là : suốt đời làm cách mạng phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, làm cho CNXH và CNCS thắng lợi hoàn toàn trên Tổ quốc ta và trên thế giới" (1). Lý tưởng độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội luôn luôn là một ; giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp công nhân luôn luôn gắn chặt với nhau ; lợi ích dân tộc và lợi ích của giai cấp luôn luôn nhất trí. Chính vì vậy mà Đảng của giai cấp công nhân cũng luôn luôn là đại biểu trung thành của dân tộc và nhân dân lao động. Đó là điều mà Hồ Chí Minh đã trau dồi cho toàn Đảng ngay từ buổi sơ khai của Đảng cho đến tận những giây phút cuối cùng của cuộc đời, và đòi hỏi mọi đảng viên của Đảng, bất kỳ ở hoàn cảnh nào, ở cương vị nào cũng *"không được phút nào quên"*. Đó là yếu tố quyết định trước hết sự phát triển lớn mạnh của Đảng, để cho Đảng làm tròn sứ mệnh lịch sử trước giai cấp và dân tộc.

Nhìn lại suốt quá trình hai phần ba thế kỷ hoạt động của Đảng ta, nhất là từ ngày Đảng lãnh đạo chính quyền, hễ một lúc nào đó, một bộ phận nào đó của Đảng phạm sai lầm trong thực tiễn, thì nguyên nhân sâu xa của sai lầm chính là do ta đã xa rời điều cốt tử đầu tiên mà Hồ Chí Minh đã từng trăn trở và răn dạy chúng ta đó.

Song, Đảng muốn thực hiện được lý tưởng giải phóng giai cấp và dân tộc, muốn làm tròn vai trò cầm quyền đối với xã hội, thì Đảng phải có chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm cốt (như cách nói của Người), phải biết vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của đất nước, đề ra được đường lối chiến lược, sách lược đúng đắn, tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu của cách mạng. Là người sáng lập Đảng, Người hiểu rõ hoàn cảnh của Đảng ta còn non yếu về lý luận, cho nên Người chăm lo bồi bổ lý luận cho toàn Đảng, và căn dặn : chủ nghĩa Mác - Lê-nin "là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động" là "Cẩm nang thần kỳ", là "mặt trời soi sáng" con đường ta đi... Đồng thời Người nhấn mạnh điều kiện của một Đảng cầm quyền là phải am hiểu thực tiễn sâu sắc, biết *vận dụng sáng tạo* lý luận vào thực tiễn, tổ chức thực tiễn một cách hiệu quả. Ngay từ sau khi hòa bình được lập lại trên đất nước ta được vài năm, trong lời huấn thị tại lớp học đầu tiên của cán bộ cao cấp ở Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc Trung ương, Người nhấn mạnh nhiều lần việc vận dụng lý luận Mác - Lê-nin để tìm ra những hình thức, phương pháp nào và đi theo tốc độ nào để tiến dần lên CNXH cho phù hợp với hoàn cảnh nước ta. Đồng thời phải biết học tập, vận dụng kinh nghiệm của các nước một cách sáng tạo, để "bớt mò mẫm, đỡ phạm sai lầm" trong thực tiễn. Và cao hơn nữa, phải biết "tổng kết kinh nghiệm... phân tích đặc điểm của đất nước... để dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam". Từ cách đây gần nửa thế kỷ, những vấn đề Người đặt ra đó, vẫn còn nóng hổi với hôm nay !

Như vậy, tài cầm quyền của Đảng, ở đây, được hiểu theo nghĩa chính là tài vận dụng lý luận vào thực tiễn, tổ chức thực tiễn theo một đường lối đúng đắn và bằng các giải pháp khả thi, hiệu quả nhất để đưa cách mạng từng bước tiến lên.

Đảng cầm quyền, theo quan điểm Hồ Chí Minh là Đảng lãnh đạo chính quyền ; Đảng không bao biện - trực tiếp quản lý đất nước, quản lý xã hội, mà bằng nhà nước và thông qua Nhà nước để tổ chức quần chúng nhân dân biến đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước thành hiện thực. Đó là một Nhà nước của dân, do dân và vì dân, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng. Cho nên, khi đã có chính quyền thì vai trò lãnh đạo của Đảng thể hiện ở chỗ xây dựng được một chính quyền mạnh, có năng lực quản lý cao, có bộ máy luôn luôn trong sạch gồm những con người một lòng một dạ vì nước, vì dân.

Hồ Chí Minh nói rằng : "Sau khi đã giành được chính quyền thì nhiệm vụ hàng đầu của giai cấp công nhân là phải tăng cường nền chuyên chính vô sản để hoàn thành những nhiệm vụ lịch sử của cách

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 12, tr 93

Digitized by Google

mạng"(2). Đó là nhiệm vụ cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Cái đảm bảo cho nhà nước này hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của mình là nó được xây dựng trên cơ sở một nền dân chủ vô sản - nền dân chủ gấp triệu lần dân chủ tư sản, theo cách nói của Lê-nin. Đảng quyết định các chủ trương, chính sách lớn định hướng cho sự phát triển kinh tế - xã hội, quyết định nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước và bố trí cán bộ, kiểm tra sự hoạt động của nhà nước, giáo dục quần chúng tham gia xây dựng chính quyền Nhà nước và tuân thủ pháp luật.

Cái mới và khó đối với Đảng cầm quyền là làm sao vừa nâng cao hiệu lực quản lý của nhà nước, vừa phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân lao động. Để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng, Đảng cầm quyền không chỉ chăm lo thiết lập và củng cố chế độ công hữu tư liệu sản xuất - dù nó là nhân tố cơ bản đầu tiên của chế độ mới - và trấn áp kẻ thù, mà còn phải luôn luôn nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý đất nước, quản lý xã hội mới, đồng thời phải biết phát huy tất cả sức mạnh của chế độ dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân để thúc đẩy sự nghiệp cải tạo và phát triển kinh tế. Mặt khác, Đảng lại phải dựa trên những thành tựu kinh tế, xã hội đã đạt được để củng cố và phát triển nền dân chủ cũng như quyền làm chủ của nhân dân.

Song, để thực sự là Đảng cầm quyền có uy tín và hiệu lực, cũng như nhà nước muốn thực sự trở thành công cụ hiệu lực của Đảng, thì Đảng không những chỉ là trí tuệ - thể hiện ở năng lực hoạch định đường lối, chính sách và tài năng tổ chức, mà Đảng còn *"là đạo đức, là văn minh"* (3). Nghĩa là, Đảng và nhà nước phải thu phục quần chúng bằng việc thực hành đạo đức cách mạng cao cả, phải trong sáng ; phải *"quét sạch chủ nghĩa cá nhân"* (4) một *"kẻ thù hung ác của CNXH"* và là nguồn gốc sinh ra trăm thứ bệnh nguy hiểm : quan liêu, tham danh trục lợi, bè phái, kèn cựa, độc đoán chuyên quyền,... Có thể nói, càng nhạy cảm đối với nguy cơ thoái hóa biến chất của đội ngũ của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền bao nhiêu, thì Hồ Chí Minh càng sáng suốt, càng nghiêm khắc trong việc đề phòng và chống các bệnh tiêu cực trong Đảng bấy nhiêu. Một trong những việc lớn của toàn bộ sự nghiệp vĩ đại của Người mà Người còn canh cánh âu lo cho đến tận những ngày tháng cuối cùng của cuộc đời, là sao cho Đảng mãi mãi là tấm gương sáng ngời về đạo đức cách mạng : "Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân" (5).

Hồ Chí Minh coi đoàn kết là sức mạnh, là một nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng. Và Người coi sức mạnh của Đảng cầm quyền là ở khối đoàn kết thống nhất cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức của Đảng. Từ đoàn kết thống nhất trong Đảng đến cả hệ thống chính trị và đến đại đoàn kết toàn dân trong một mặt trận dân tộc thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng. Người nói : "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, thành công, thành công, đại thành công". Người cho rằng để đoàn kết được toàn dân, toàn dân tộc, thì trước hết phải đoàn kết trong Đảng. Đoàn kết thống nhất là quy luật trưởng thành của một Đảng. Tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để thực hiện đoàn kết thống nhất trong Đảng. Người cho rằng, không ít nơi, tổ chức cơ sở đảng yếu kém chính là do nội bộ Đảng, nhất là giữa các cán bộ lãnh đạo, có mâu thuẫn mà không dám giải quyết mâu thuẫn, dẫn đến mất đoàn kết nghiêm trọng.

Người dạy : "Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau" (6).

Tuy nhiên, đoàn kết, thống nhất trong Đảng hay trong hệ thống chính trị của Đảng đã là tốt nhưng vẫn chưa đủ bởi Đảng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, mà cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Nước lấy dân làm gốc : *"Gốc có vững cây mới bền, xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân"*, cho nên Đảng phải luôn luôn củng cố mối quan hệ cá nước, quan hệ

(Xem tiếp trang 53)

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 12, tr 304
(3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 5
(4) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 12, tr 439
(5) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 12, tr 510
(6) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 12, tr 510

Digitized by Google

NHÀ NƯỚC - THỊ TRƯỜNG - DOANH NGHIỆP trong quá trình chuyển đổi ở Việt Nam

NGUYỄN CÚC *

NHÀ nước - Thị trường - Doanh nghiệp là vấn đề cốt lõi của cơ chế quản lý và là nội dung của sự chuyển đổi từ cơ chế cũ sang cơ chế mới. Vì thế, nó có tầm quan trọng sống còn trong công cuộc đổi mới, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Sự chuyển đổi này mang tính vừa cơ bản, vừa triệt để, từ mô hình không có thị trường kinh doanh sang mô hình có thị trường kinh doanh do Nhà nước quản lý.

Ở Việt Nam, chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 15 năm đổi mới, cũng đồng thời là quá trình chuyển đổi một cách toàn diện hoạt động của Nhà nước - Thị trường - Doanh nghiệp từ mô hình kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường. Đây cũng chính là ba yếu tố cơ bản của quá trình cấu trúc lại nền kinh tế, và sự thay đổi căn bản cơ chế quản lý.

Đại hội lần thứ VI của Đảng (năm 1986) với những quan điểm mới phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, đã nhận được sự cổ vũ mạnh mẽ của toàn xã hội. Cùng với sự triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế mới, cơ chế thị trường đã dần được hình thành, phát huy tác dụng theo xu hướng dân chủ hóa, quyền tự do kinh doanh của công dân và doanh nghiệp được khẳng định. Theo hướng đó, việc nhận thức lại về nhà nước, thị trường, doanh nghiệp cũng như yêu cầu chuyển đổi nội dung, chức năng hoạt động, vai trò và mối quan hệ giữa chúng thể hiện trong thực tiễn ngày càng trở nên cấp bách hơn, những nỗ lực và thành công trong quá trình này gắn liền với các thành tựu về kinh tế - xã hội giải phóng sức sản xuất, nhiều tiềm năng được bật dậy.

Công cuộc đổi mới, trước hết bắt đầu từ việc đổi mới những quan điểm, nhận thức, tư duy và tiếp đó là đổi mới phương thức tác động, tổ chức bộ máy, con người. Một số quan điểm cơ bản tác động đến toàn bộ bước chuyển sang cơ chế thị trường ở Việt Nam, đến hoạt động của nhà nước, thị trường, doanh nghiệp mở đầu là Nghị quyết Trung ương 6 (khóa IV) : Cho sản xuất bung ra, cho tự do lưu thông hàng hóa, "không ngăn sông cấm chợ", thừa nhận quan hệ hàng hóa - tiền tệ. Đến Đại hội VI của Đảng, sau khi phê phán chế độ tập trung, quan liêu bao cấp, chủ trương nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần ; chuyển sang cơ chế kế hoạch hóa theo nguyên tắc hạch toán kinh doanh. Đại hội lần thứ VII của Đảng đã nhất quán chuyển sang cơ thế thị trường với ba quan điểm cơ bản : chấp nhận thị trường một cách cơ bản, tổng thể, lâu dài ; một thị trường thống nhất, thông suốt, hòa nhập thị trường thế giới ; thị trường là đối tượng quản lý của Nhà nước. Theo hướng đó chúng ta đã mở rộng quyền tự chủ cho hộ gia đình nông dân, doanh nghiệp nhà nước đã xóa dần cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, khu vực kinh tế ngoài quốc doanh có bước phát triển vượt bậc, bước đầu đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế.

Nền kinh tế trong quá trình chuyển đổi, đã bắt đầu xây dựng những yếu tố cơ bản của mô hình kinh tế mới, từ cơ cấu kinh tế đến cơ chế quản lý. Cơ chế thị trường và nhà nước hoạt động trong điều kiện mới không phải là hai thể chế cố định, mang tính bất biến, xây dựng một lần là xong, mà nó luôn vận động, biến đổi, tạo lập, gắn bó chặt với nhau, trong bối cảnh các nền kinh tế liên kết, phụ thuộc lẫn nhau, xu hướng hội nhập, mở cửa trong quá trình toàn cầu hóa. Trong những văn kiện của Đảng từ các Đại hội VI, VII, VIII đã đề cập một cách hệ thống cơ sở khoa học, pháp lý về mối quan hệ của các yếu tố này, "Nhà nước từng bước chuyển sang chức năng quản lý nhà nước,

* PGS, TS, Giám đốc Phân viện Hà Nội, thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

khắc phục dần sự can thiệp vào điều hành kinh doanh của cơ sở". "Nhà nước quản lý kinh tế nhằm định hướng, dẫn dắt, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát chặt chẽ và xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật, bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế và xã hội...". Nhờ thị trường mở rộng tuy còn ở mức sơ khai (chủ yếu là thị trường hàng hóa dịch vụ) đã giải phóng nhà nước khỏi chức năng phân phối, tạo động lực kích thích sản xuất kinh doanh, thỏa mãn tối đa nhu cầu của người tiêu dùng.

Đối với thị trường và doanh nghiệp, những nội dung cơ bản trong các Nghị quyết của Đảng hướng vào việc tạo ra cơ chế điều chỉnh giữa thị trường và doanh nghiệp, khẳng định quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và dân cư. Trong mối quan hệ này, thị trường có vai trò trực tiếp hướng dẫn các đơn vị kinh tế lựa chọn các lĩnh vực hoạt động và phương án tổ chức sản xuất kinh doanh ; hình thành thị trường hoàn chỉnh cả về sức lao động, vốn tiền tệ,... thông suốt trong cả nước và thị trường thế giới, bảo đảm quyền tự do kinh doanh theo pháp luật.

Trong những năm gần đây, để đẩy mạnh hơn nữa việc hoàn thiện các yếu tố cơ bản của mô hình kinh tế mới, đất nước bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì yêu cầu của công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế đòi hỏi phải : Tiếp tục đổi mới, đồng bộ hóa hệ thống pháp luật về lĩnh vực kinh tế. Cải tiến công tác điều hành của Nhà nước về kinh tế, ở cấp cao tập trung vào quản lý vĩ mô, phân định rõ quản lý nhà nước về kinh tế và quản lý kinh doanh của doanh nghiệp. Quản lý nhà nước theo hướng tạo môi trường và điều kiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo đảm sự ổn định về chính trị, kinh tế, xã hội để mọi người yên tâm sản xuất kinh doanh. Thực hiện nhất quán các chính sách và thể chế theo hướng thị trường, xã hội công dân. Nhà nước không còn làm thay chức năng thị trường như trước đây.

Quá trình vận dụng những quan điểm cơ bản của Đảng vào thực tiễn xây dựng và phát triển kinh tế ở nước ta, đặc biệt là sự thể hiện những chuyển đổi căn bản hoạt động của Nhà nước - Thị trường - Doanh nghiệp đã cho thấy những biến đổi lớn lao trên nhiều mặt của đời sống kinh tế - xã hội là sự giải phẫu về cấu trúc từ cơ cấu đến cơ chế, giải phóng sức sản xuất xã hội. Nhờ chuyển đổi cơ chế mà đất nước đã thoát ra khỏi trì trệ, khủng hoảng, kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện. Tuy thị trường còn sơ khai nhưng đã có tác dụng kích thích điều tiết, Nhà nước đã trở về lãnh địa của mình. Doanh nghiệp và công dân được tự do làm ăn công khai hợp pháp.

Từ thực tiễn nêu trên, có thể rút ra một số kết luận về những tiến bộ đã đạt được và những mặt còn hạn chế để có biện pháp phát huy những nhân tố tích cực, khắc phục những mặt còn yếu kém.

Về Nhà nước, những chuyển đổi trong vai trò, chức năng kinh tế cùng với việc hoàn thiện các công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước đã đạt được những tiến bộ quan trọng, cơ cấu bộ máy nhà nước, hoạt động bước đầu có hiệu quả hơn, đã thích ứng dần với cơ chế mới, bảo đảm Nhà nước điều tiết vĩ mô, thị trường điều tiết doanh nghiệp. Việc thay đổi tác động điều chỉnh kinh tế của Nhà nước với sự điều tiết của cơ chế thị trường đã đạt được những kết quả rõ rệt. Quản lý nhà nước về kinh tế tập trung vào các lĩnh vực : xây dựng khung khổ pháp luật và thể chế cho nền kinh tế thị trường ; ổn định kinh tế vĩ mô ; khuyến khích phát triển các dịch vụ xã hội cơ bản và cơ sở quan trọng của hạ tầng kinh tế - xã hội ; thực hiện chính sách xã hội. Đồng thời, quan tâm thực hiện có hiệu quả vấn đề bảo vệ môi trường, xóa bỏ các tệ nạn xã hội.

Trong quá trình đổi mới chính bản thân mình, Nhà nước đã cơ cấu lại một cách toàn diện về tổ chức, chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của từng cơ quan trong bộ máy nhà nước, góp phần thể chế hóa tư tưởng "Nhà nước của dân, do dân và vì dân". Tuy nhiên, những chuyển đổi căn bản trong hoạt động của bộ máy nhà nước thời gian vừa qua vẫn chưa xóa hết được các yếu kém đã bộc lộ trong nhiều năm. Hậu quả của cơ chế cũ còn nặng nề, bộ máy quản lý cồng kềnh, kém hiệu quả ; tệ quan liêu, thủ tục hành chính rườm rà vẫn chưa giảm ; trong khi chưa làm tốt chức năng quản lý kinh tế của mình, các cơ quan của Nhà nước vẫn can thiệp trực tiếp và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và công dân. Không tránh khỏi những phiền hà sách nhiễu làm nản lòng các nhà đầu tư. Tệ tham nhũng, hối lộ còn phổ biến vì cơ chế xin cho vẫn còn tồn tại. Hệ thống luật pháp còn chưa đủ mạnh để bảo đảm hiệu quả của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều này cho thấy, trong thời gian tới còn cần nhiều nỗ lực hơn nữa,

Digitized by Google

đổi mới hoạt động của bộ máy nhà nước mới khắc phục được những hạn chế này.

Về thị trường, việc thể chế hóa các quan điểm đổi mới của Đảng vào thực tiễn công cuộc đổi mới ở Việt Nam được diễn ra nhanh chóng. Từ nền kinh tế kế hoạch tập trung chuyển sang kinh tế thị trường, hoạt động của thị trường đã thay đổi căn bản. Bên cạnh việc thừa nhận sự điều tiết khách quan của cơ chế thị trường, bộ mặt của thị trường xã hội được thay đổi cả về nội dung, hình thức và chức năng hoạt động. Các loại thị trường bước đầu được hình thành, cùng với môi trường cạnh tranh và khả năng tự điều tiết của thị trường tăng lên, đang trở thành cơ chế quan trọng trong việc huy động luân chuyển và sử dụng có hiệu quả nguồn lực của xã hội. Quan hệ cung - cầu và sự vận động của giá cả thị trường đã dần trở thành tín hiệu cho các quyết định, sản xuất kinh doanh của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, qua đó cũng là cơ sở cho Nhà nước xem xét việc hoạch định và thực hiện chính sách điều tiết vĩ mô.

Thị trường đã dần mở rộng cả trong và ngoài nước, việc đầu tư kinh doanh và tự do hóa giá cả từng bước được bảo đảm, làm cho thị trường phát huy tốt hơn tác dụng trong việc hướng dẫn, cung cấp thông tin để doanh nghiệp điều chỉnh hoạt động của mình. Những thành công trong đổi mới hoạt động thị trường đã đạt được là to lớn, góp phần ổn định tình hình kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu tiêu dùng của xã hội, đồng thời kích thích sản xuất trong nước phát triển. Mặc dù vậy, bên cạnh các thành tựu đã đạt được vẫn còn nhiều điều hạn chế. Đó là về cơ bản, thị trường nước ta vẫn còn ở tình trạng sơ khai, chưa phát triển các thị trường quan trọng : tiền tệ, vốn, sức lao động ; các quan hệ thị trường tuy đã được hình thành bước đầu nhưng chưa đồng bộ ; mặt tích cực của cơ chế thị trường phát huy chưa mạnh trong khi mặt tiêu cực như đang lớn dần lên. Cần tạo lập môi trường cạnh tranh ổn định và lành mạnh hơn nữa, khuyến khích tự do làm ăn công khai, hợp pháp, giảm thiểu sự can thiệp của Nhà nước, xóa bỏ cơ chế xin cho, đồng thời tiếp tục hoàn thiện đầy đủ các loại thị trường nhất là thị trường vốn, lao động, bất động sản. Chấm dứt hoàn toàn việc chia cắt thị trường theo địa giới hành chính cũng như theo các thành phần kinh tế và kiểm soát có hiệu quả tình trạng độc quyền, lũng đoạn thị trường. Trên cơ sở đó, hạn chế môi trường xuất hiện và tác động xấu của cơ chế thị trường...

Về doanh nghiệp, từ chủ trương đa dạng hóa các hình thức sở hữu, thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần. Đây là tiền đề quan trọng để các doanh nghiệp có điều kiện phát triển. Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tư bản nhà nước ; kinh tế cá thể, tiểu chủ ; kinh tế tư bản tư nhân đã phát triển nhanh chóng bước đầu tổ chức sắp xếp lại, nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế nhà nước. Các doanh nghiệp đã từng bước thích nghi với cơ chế mới, quyền tự chủ kinh doanh được tôn trọng, các doanh nghiệp bình đẳng trước pháp luật về nghĩa vụ và quyền lợi. Đối với các doanh nghiệp nhà nước, bước chuyển đổi thích ứng với cơ chế mới thể hiện ở quá trình sắp xếp lại, giảm mạnh về số lượng và những lĩnh vực không cần thiết kinh tế nhà nước phải nắm giữ, những doanh nghiệp thua lỗ hoặc hiệu quả thấp. Trong đó cổ phần hóa, công ty hóa, bán khoán, cho thuê được coi là giải pháp có tính đột phá. Vai trò chủ đạo tiếp tục được khẳng định ở các lĩnh vực có tính chất huyết mạch và hiệu quả kinh doanh. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác được phát triển nhanh chóng trên các lĩnh vực pháp luật cho phép và kinh tế nhà nước không nhất thiết phải nắm giữ. Bước chuyển đổi của doanh nghiệp trong cơ chế mới đã đóng góp phần quan trọng trong việc khai thác tiềm năng, phát huy nội lực trong nước, tăng áp lực cạnh tranh, thúc đẩy kinh tế phát triển. Nhưng hoạt động của doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp nhà nước nói riêng còn nhiều bất cập, hiệu quả trong sản xuất kinh doanh còn thấp, khả năng cạnh tranh kém. Tâm lý ỷ lại, bao cấp còn nặng nề, đặc biệt ở các doanh nghiệp nhà nước. Việc đổi mới công nghệ diễn ra chậm, đa số các doanh nghiệp thiếu vốn kinh doanh, thị trường tiêu thụ bấp bênh, đây là những khó khăn cơ bản cần nhanh chóng khắc phục trong thời gian tới.

Nhà nước - Thị trường - Doanh nghiệp là vấn đề cần tiếp tục đổi mới, hoàn thiện. Vấn đề trước hết là tạo lập thị trường đồng bộ để luân chuyển nguồn lực xã hội, cũng từ đó đổi mới một cách căn bản vai trò Nhà nước và hoạt động của doanh nghiệp theo hướng dân chủ hóa, giảm những chức năng vốn là chức năng thị trường để Nhà nước trở về với chức năng cơ bản của nó là quản lý vĩ mô nền kinh tế, là định hướng, tạo điều kiện và môi trường, điều tiết và kiểm tra.❑

Digitized by Google

VỀ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỘI CHI NGÂN SÁCH

BÙI ĐƯỜNG NGHIÊU *

Bội chi và thâm hụt là hai cách gọi khác nhau cùng một hiện tượng khi tổng nguồn thu không đủ trang trải tổng các nhiệm vụ chi của một chính phủ, một địa phương, một đơn vị, ở trong một thời kỳ nhất định (thường là một năm). Khi nói đến bội chi hoặc thâm hụt ngân sách, người ta muốn đề cập đến bội chi (hoặc thâm hụt) ngân sách nhà nước (NSNN), tức là khoản chênh lệch thiếu giữa tổng các nguồn thu so với tổng các khoản chi của NSNN trong một năm.

Điều quan trọng trong quản lý bội chi không phải là sự tính toán đơn thuần lấy tổng thu trừ đi tổng chi mà là xác định hợp lý và quy định hợp pháp những khoản tiền nào được tính vào tổng thu, những khoản tiền nào phải tính vào tổng chi của NSNN trong từng năm. Đồng thời, xác định đúng đắn mức bội chi tích cực và dự kiến những biện pháp cần thiết để huy động đủ tiền bù đắp bội chi. Mức bội chi tích cực được xác định bởi hai điều kiện chủ yếu : *Một là,* không lạm dụng bội chi ; *hai là,* bội chi phải thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Mỗi một tỉ đồng bội chi dự kiến đều phải tạo ra được một lực tác động tích cực làm tăng nhu cầu tiêu dùng hoặc đầu tư trực tiếp để kích thích và làm tăng năng lực sản xuất kinh doanh, qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, lấy tăng trưởng để trang trải các tác động phát sinh tiêu cực của bội chi. Ví dụ, trong 3 năm từ 2001 đến 2003, bình quân mỗi năm thu NSNN đạt 100 ngàn tỉ đồng, chi ngân sách đạt 125 ngàn tỉ đồng, bội chi 25 ngàn tỉ, tương đương 5% GDP. Nếu năm 2001, Nhà nước quyết định đầu tư bổ sung chương trình hiện đại hóa đường sắt Bắc - Nam, đầu tư trong 3 năm thì hoàn thành, tổng vốn lên tới 30 ngàn tỉ đồng bằng vốn đầu tư tập trung từ NSNN. Với quyết định này, mỗi năm, tỷ lệ bội chi NSNN so với GDP sẽ tăng từ 5% lên 7% nếu GDP không thay đổi. Tuy nhiên, ngay khi công trình được khởi công, tổng nhu cầu tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ trong cả nước sẽ tăng lên trông thấy. Một khối lượng khổng lồ các nhu cầu như vật liệu xây dựng, đường ray, tà vẹt, cột và dây điện, giải phóng mặt bằng, xây dựng nhà ở tạm, điện, điện thoại, nước, xăng, xe, cộng thêm các nhu cầu ăn, ở, đi lại, của đội ngũ công nhân mới huy động vào công trình này... sẽ nhanh chóng tăng lên kéo theo hàng loạt nhà máy, công xưởng, thậm chí cả đội ngũ lao động không chính thức thuộc các tầng lớp dân cư cung cấp hàng hóa và dịch vụ cho công trình thế kỷ. Những hoạt động đó sẽ trực tiếp làm tăng tốc độ tăng trưởng, tăng quy mô GDP của cả năm có đầu tư và những năm tiếp theo. Quy mô GDP tuyệt đối tăng sẽ làm giảm tỷ lệ bội chi tương đối. Năm nọ kéo theo năm kia cho đến khi công trình hoàn thành, đưa vào sử dụng. Lúc đó lại bắt đầu một chu kỳ mới. Hàng loạt công việc mới sẽ phát sinh phục vụ cho hệ thống đường sắt hiện đại vận hành, sự đi lại của hành khách và vận chuyển hàng hóa. Tới lúc đó, hàng hóa, nguyên, nhiên, vật liệu giữa các vùng trong cả nước sẽ dễ lưu thông hơn, được vận chuyển nhanh chóng, kịp thời và an toàn, tiết kiệm đáng kể chi phí vận chuyển so với các phương thức cũ và tạo ra tiềm lực cho nền kinh tế.

Nếu tăng chi NSNN nhưng tập trung vào những công việc khởi đầu của một loạt chu kỳ sản xuất kinh doanh liên tiếp thì không những tỷ lệ bội chi so với GDP tăng không đáng kể mà còn có tác dụng đưa nền kinh tế vào một vòng xoáy tích cực của các hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo ra hàng loạt công ăn việc làm mới, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, gia tăng quy mô GDP. Đương nhiên, các hoạt động kinh tế đó sẽ đóng góp nhiều hơn vào nguồn thu của NSNN. Nhà nước sẽ có đủ tiền để bù đắp bội chi. Bội chi như vậy đích thực là *bội chi tích cực*. Khác với phương pháp cân đối hiện nay ở nước ta, trong các nền kinh tế hiện đại, khi xác định cân đối NSNN người ta không tính các khoản nợ gốc tiền vay và đương nhiên không tính các khoản tiền vay mới phát hành vào tổng thu ngân sách. Đồng thời nó cũng không tính tiền gốc phải trả mà chỉ tính tiền trả nợ lãi vào trong tổng chi ngân sách hằng năm. Tổng thu NSNN được xác định gồm toàn bộ các nguồn thu từ thuế, phí, lệ phí do

* Thạc sĩ, Viện Nghiên cứu Tài chính, Bộ Tài chính

Digitized by Google

Nhà nước quy định và các nguồn thu khác có được do việc Nhà nước sở hữu các tài sản sinh lợi, kể cả cổ phiếu, trái phiếu hoặc các chứng khoán và tài sản khác như các khoản thu nhập do phân chia lợi nhuận tại các doanh nghiệp nhà nước (DNNN), tại các doanh nghiệp mà Nhà nước có cổ phần ; tiền cho thuê hoặc tiền bán DNNN ; tiền lãi hoặc tiền bán cổ phần, chứng khoán hoặc các tài sản khác của nhà nước. Tổng chi NSNN gồm các khoản chi thường xuyên, chi bảo đảm an ninh quốc phòng, chi đầu tư phát triển, chi viện trợ, chi tích lũy, chi trả nợ lãi và các khoản chi khác của Nhà nước nằm trong kế hoạch ngân sách được Quốc hội phê duyệt.

Về phương pháp nghiệp vụ quản lý và kế toán NSNN, nhất thiết xác định rõ những khoản thu, chi nào thực tế đã phát sinh, được tính vào tổng thu, tổng chi NSNN. Những khoản nào mới chỉ được nhà nước "cam kết", thực sự chưa phát sinh thì chưa được ghi vào tổng thu, chi NSNN. Việc Nhà nước cam kết thu, chi hoàn toàn không phải là bằng chứng chứng thực khoản thu, chi ngân sách đã phát sinh ; đó mới là giấy phép, là VISA cho phép khoản thu, chi đó có thể phát sinh. Những cam kết đó không làm tăng hoặc giảm quỹ NSNN ngay lập tức. Chính vì vậy, khi các cấp có thẩm quyền duyệt dự toán chi, hoặc cấp hạn mức kinh phí, điều đó mới giản đơn là hành động cụ thể hóa các cam kết chi, chưa được hạch toán tăng hoặc giảm quỹ NSNN. Trên thực tế, các hoạt động kinh tế như chi trả lương hoặc thanh toán tiền mua sắm trang thiết bị... hoàn toàn chưa diễn ra, tiền chưa xuất khỏi quỹ ; quỹ NSNN do Kho bạc nhà nước quản lý chưa hụt đồng nào. Chỉ khi nào đơn vị thụ hưởng NSNN rút tiền từ kho bạc để chi lương hoặc chuyển tiền thanh toán cho bên cung ứng hàng hóa, dịch vụ thì lúc đó tiền của NSNN mới thực sự giảm, bắt đầu từ khi đó mới được hạch toán chi ngân sách. Trên cơ sở nhìn nhận như trên, nếu được quản lý tốt và có một hệ thống kế toán nhà nước thích hợp thì không những sẽ phản ánh đúng thực trạng thu chi phù hợp với thực tế diễn biến của các hoạt động kinh tế mà còn tránh được tình trạng xé lẻ quỹ NSNN về hàng chục ngàn két, quỹ nhỏ tại các đơn vị thụ hưởng kinh phí NSNN như cách thức quản lý hiện hành gây ra. Tiềm lực tài chính của trung ương, vốn cũng không mấy to lớn, sẽ không bị phân tán. Một cơ chế quản lý ngân sách, quản lý quỹ ngân sách và quản lý bội chi ngân sách tốt phải thể hiện và khắc phục được điều đó.

Về phương pháp xử lý bội chi NSNN, tùy theo bối cảnh của nền kinh tế có thể sử dụng các loại biện pháp như sau :

1 - Phát hành tiền để bù đắp bội chi NSNN

Phát hành tiền để bù đắp bội chi NSNN có nhược điểm lớn là chứa đựng nguy cơ lạm phát, tác động tiêu cực đến mọi mặt đời sống chính trị, kinh tế và xã hội. Thực tế nước ta đã cho chúng ta những bài học quý giá về việc phát hành tiền quá dễ dãi để bù đắp bội chi ngân sách gây ra lạm phát cao trong thập niên 80. Từ 1-4-1990, thành lập hệ thống kho bạc nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính (người chịu trách nhiệm về bội chi NSNN) độc lập với Ngân hàng nhà nước (NHNN - người chịu trách nhiệm phát hành tiền vào lưu thông) được xem là một cuộc cách mạng cơ cấu nhằm tách chức năng quản lý quỹ NSNN ra khỏi chức năng phát hành tiền, tránh được tình trạng "mang tiền túi nọ bỏ vào túi kia". Cơ chế đó đã đóng góp có kết quả vào việc kiềm chế bội chi và lạm phát trong thập niên vừa qua. Thực tế, từ năm 1991 đến năm 1998, Nhà nước đã không phát hành tiền để trang trải thâm hụt ngân sách, mà thay bằng phát hành tín phiếu, trái phiếu kho bạc nhà nước và vay nợ nước ngoài để bù đắp bội chi. Kết quả của những quyết định này là đã góp phần tích cực vào đẩy lùi và kiềm chế lạm phát.

Thâm hụt và các biện pháp bù đắp thâm hụt NSNN 1991 - 1998

Năm	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998
Thâm hụt NSNN so với GDP	2,4%	3,0%	6,5%	4,9%	4,2%	3,1%	4,2%	3,8%
Phát hành tiền để bù đắp	4,2%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Vay trong nước để bù đắp	25,0%	60,0%	52,3%	71,4%	71,4%	45,2%	52,4%	52,4%
Vay nước ngoài để bù đắp	70,8%	40,0%	47,7%	28,6%	28,6%	54,8%	47,6%	47,6%
Nguồn số liệu : Kho bạc nhà nước								

2 - Vay để bù đắp thâm hụt NSNN.

Vay để bù đắp thâm hụt NSNN bao gồm vay trong nước và vay nước ngoài. Để vay được tiền, Chính phủ phải đa dạng hóa các hình thức vay (tín phiếu, trái phiếu, công trái...), đồng thời phải thực hiện nhiều biện pháp tăng mức độ hấp dẫn người cho vay như tăng lãi suất, mở rộng ưu đãi về thuế thu nhập... Ngoài ra, còn phải triển khai các biện pháp khác kể cả tuyên truyền, vận động, bắt buộc hoặc tìm nhiều cách để huy động được tối đa các nguồn tiền trong dân cư nhằm hoàn thành kế hoạch vay đã định. Tuy nhiên, tổng lượng tiền mà nhân dân và các đơn vị có thể có để cho Chính phủ vay bị giới hạn trong tổng

Digitized by Google

lượng tiết kiệm của xã hội. Nếu Chính phủ huy động được nhiều thì đương nhiên phần tiền còn lại dành cho đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh ở khu vực ngoài quốc doanh sẽ bị giảm đi. Nếu các biện pháp thu hút tiền vay của Chính phủ và ngân hàng càng có lãi suất hấp dẫn thì càng tạo ra luồng tiền vốn dịch chuyển từ các khu vực doanh nghiệp và dân cư sang hệ thống tài chính ngân hàng mà không chảy vào sản xuất kinh doanh. Do đó, vay trong nước để bù đắp thâm hụt ngân sách luôn luôn chứa đựng nguy cơ kìm hãm các hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế. Mục tiêu chấn hưng kinh tế của Chính phủ thông qua con đường phát hành trái phiếu, tín phiếu bị chính giải pháp này cản trở. Chính vì thế, trong thời kỳ kinh tế đình đốn, hầu như các nước đều tránh các biện pháp có nguy cơ làm suy giảm khả năng tự đầu tư của các thành phần kinh tế, kể cả doanh nghiệp quốc doanh, ngoài quốc doanh và các tầng lớp dân cư. Nhưng vay trong nước lại dễ triển khai và giúp Chính phủ tránh bị ảnh hưởng hoặc o ép từ bên ngoài. Chính vì khá dễ vay lại không chịu sức ép buộc từ bên ngoài nên tính tùy tiện khi đi vay và sử dụng vốn vay là một điều khó tránh khỏi, cần chú ý khắc phục.

Vay nước ngoài phụ thuộc vào đối tác cho vay, thường được thực hiện dưới hình thức vay qua các hiệp định song phương, kể cả ODA và vay trên thị trường tài chính quốc tế. Dù thế nào, vay nước ngoài cũng chịu sự ràng buộc, áp đặt bằng nhiều điều kiện từ nước cho vay. Ví dụ, Quỹ Miyazawa Nhật Bản quy định trong tổng số vốn được cho vay tài trợ phải có ít nhất 50% được sử dụng để mua hàng của Nhật hoặc của các công ty Nhật Bản đóng tại nước sở tại. Ngoài ra, còn kèm theo các điều kiện, thủ tục không thành văn khác như phải qua trung gian là Ngân hàng xuất nhập khẩu Nhật Bản (JEXIM) hoặc các trung gian tài chính khác của Nhật thì mới có thể cho vay được tiền Miyazawa. Như vậy, nếu vay được quỹ này 1 tỉ đồng, ta đã góp phần trực tiếp chấn hưng kinh tế Nhật tới trên 500 triệu đồng, chưa kể đến các áp lực về thủ tục đấu thầu, giá cả, công nghệ... Vay nước ngoài tuy còn phụ thuộc rất nhiều vào uy tín và khả năng trả nợ của nền kinh tế, nhưng không xâm hại đến nguồn vốn trong nước dành cho đầu tư, lại thường có khối lượng đáng kể, có thời hạn đủ dài để vốn vay phát huy hiệu quả. Do đó, cần quan tâm đúng mức đến biện pháp vay nước ngoài để bù đắp bội chi. Nhưng dẫu thiếu vốn, thiết nghĩ cũng cần cảnh giác với các khoản vay tưởng như quá dễ, đồng thời phải chú trọng đến những điều kiện bắt buộc ta sử dụng có hiệu quả vốn vay và khả năng trả nợ trong tương lai. Tuy nhiên, dù vay trong hay ngoài nước cũng đều phải tính đến "hiệu ứng lãi mẹ đẻ lãi con" hay còn gọi là "hiệu ứng tuyết lăn" của mỗi khoản vay. Khi đi vay, lúc mới phát hành tín phiếu, trái phiếu, số vốn vay ban đầu còn nhỏ nhưng các khoản lãi phải trả và các khoản nợ gốc đến hạn sẽ tăng lên theo năm tháng. Cùng với thời gian, lãi mẹ đẻ lãi con, nợ chồng lên nợ làm cho tổng số tiền phải trả nhanh chóng trở nên khó có thể chịu đựng được (người ta gọi đó là hiệu ứng tuyết lăn). Thời hạn vay càng ngắn, khoản phải trả khi đến hạn, kể cả gốc và lãi càng nhiều. Ví dụ, tháng 3-1991, khi bắt đầu phát hành tín phiếu kho bạc kỳ hạn 3 tháng để bù đắp thiếu hụt ngân sách, do thời hạn ngắn, lãi suất cao, cho nên chỉ mới tính đến cuối năm đó, trong tổng số 100 đồng tiền vay mới phát hành đã phải chi ngay 49 đồng để trả nợ cũ, chỉ còn thực sử dụng 51 đồng. Sau đó, đến năm 1998, mặc dù đã sử dụng nhiều hình thức vay dài hạn hơn, lãi suất giảm nhiều so với trước nhưng trong tổng số vay mới, đã phải dành ngay ra 81% để trả nợ cũ, cả gốc và lãi, ngân sách thực chỉ còn 19% để sử dụng.

Tình hình phát hành tín phiếu, trái phiếu kho bạc thời kỳ 1991 - 1998.

Năm	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998
Tổng số nợ mới phát hành	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%
Tổng số trả nợ	49%	51%	70%	88%	94%	230%	32%	81%
Trong đó :								
gốc trả nợ	43,4%	42,4%	59,3%	78,1%	85,7%	193,3%	29,1%	71,5%
Trả nợ lãi	6,0%	8,2%	10,2%	10,2%	7,8%	37,0%	3,4%	9,7%
Số thực huy động	51%	49%	30%	12%	6%	- 130%	68%	19%

Nguồn : Kho bạc nhà nước

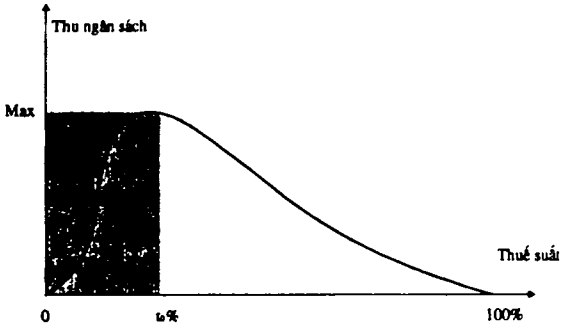
Càng tăng cường đi vay, Chính phủ càng chất thêm gánh nặng nợ và càng làm giảm quyền lực tài chính của chính mình. Thật vậy, nghĩa vụ nợ đến hạn bắt buộc phải trả hằng năm đương nhiên được trích từ tổng thu từ thuế và lệ phí thu được trong nền kinh tế của NSNN. Giả định coi tổng thu từ thuế và lệ phí từ nền kinh tế là tổng quyền lực tài chính hằng năm của Chính phủ mà trong phạm vi đó, Chính phủ được toàn quyền điều hành. Khi tổng số tiền phải chi trả nợ (lãi và phần gốc đến hạn) tăng lên, cho dù tổng thu có tăng hay không tăng cũng đều làm cho tổng quyền lực tài chính của Chính phủ bị giảm đi tương ứng cả về số tuyệt đối và số tương đối.

Digitized by Google

3 - Bù đắp thâm hụt NSNN bằng biện pháp tăng thuế.

La-phe, nhà kinh tế học Mỹ, hồi thập niên 70 đã đồ thị hóa hai tác động trái ngược nhau của việc tăng thuế thu nhập tùy theo mức thuế suất áp dụng. Khi còn ở trong vùng có thể chịu đựng được, tăng thuế suất thu nhập sẽ làm tăng nguồn thu NSNN, đồng thời còn kích thích các đối tượng nộp thuế phát triển kinh doanh, mở mang các hoạt động kinh tế, tăng khả năng sinh lời có một phần nộp NSNN còn lại phần thặng dư cho mình. Trong trường hợp này, tăng thuế thu nhập có tác dụng kích thích tăng trưởng kinh tế. Nhưng khi vượt quá giới hạn chịu đựng của nền kinh tế, tăng thuế suất thuế trực thu sẽ chỉ có tác dụng làm giảm nguồn thu từ thuế của ngân sách. Đồng thời, thuế suất trực thu cao sẽ thúc đẩy trốn, lậu thuế, kìm hãm hoặc không kích thích hoạt động kinh tế.

Trên thực tế, tăng thuế là giải pháp không mấy dễ áp dụng và tốn kém. Tăng thuế có khả thi hay không còn phụ thuộc vào sức chịu đựng của nền kinh tế, phụ thuộc vào hiệu quả làm việc của hệ thống thu, phụ thuộc vào hiệu suất của từng sắc thuế. Trong thời kỳ kinh tế suy thoái, hoạt động kinh tế mờ nhạt thì tăng thuế không những không khả thi mà còn làm cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng số lượng nợ đọng thuế của các doanh nghiệp, đẩy các doanh nghiệp lâm vào tình trạng tài chính không lành mạnh và làm giảm nguồn thu ngân sách.



Đường cong La-phe hay quan hệ giữa thuế suất thuế trực thu với thu NSNN, vấn đề buôn lậu và sự hưng thịnh của nền kinh tế.

4 - Cắt giảm chi tiêu nhằm giảm thâm hụt NSNN

Cắt giảm chi tiêu với hy vọng giảm tổng chi nhằm giảm bội chi ngân sách là biện pháp "tiêu cực" xét dưới góc độ kinh tế học, bởi vì Chính phủ sẽ thu hẹp khả năng tiêu thụ sản phẩm và dịch vụ của khu vực sản xuất kinh doanh. Doanh nghiệp không tìm được thị trường tiêu thụ thì sản phẩm sẽ tồn đọng, kinh doanh sẽ gặp khó khăn sản xuất sẽ đình đốn. Trong điều hành vĩ mô, Nhà nước tìm nhiều cách để tăng chi tiêu nhằm đối phó với tình huống này là đúng đắn. Điều quan trọng là tạo ra được việc làm và kích thích xã hội tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, dịch vụ sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Trên bình diện quốc gia cần xây dựng cơ sở hạ tầng để cho nền kinh tế phát triển, nhằm đáp ứng cho kích cầu. Nhà nước cần tích cực triển khai các chương trình cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông, vận tải, xây dựng mạng lưới đường cao tốc Bắc - Nam, hoàn thiện hệ thống giao thông nông thôn, triển khai hiện đại hóa, *một chiều hóa* và điện khí hóa đường sắt Bắc - Nam nhằm giảm chi phí vận chuyển, tăng khả năng lưu thông từ đó tăng khả năng cạnh tranh các sản phẩm hàng hóa của ta trên thị trường. Tuy nhiên, ở đây, cần tách bạch phạm trù tiết kiệm chống lãng phí với phạm trù kích cầu. Trong điều kiện tiềm lực NSNN có hạn, kích cầu không để cho những hoạt động vung tiền bừa bãi, bỏ qua các quy phạm tài chính về tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí. Đầu tư có trọng điểm và dứt điểm, kiên quyết cắt giảm chi quản lý hành chính, hội họp... ở các đơn vị hành chính sự nghiệp, đổi mới cơ chế sử dụng tài sản công, cải thiện thực chất chế độ tiền lương theo hướng tăng thu nhập cho người hưởng lương nhưng không tăng biên chế để làm tăng tổng quỹ lương là những việc làm hợp lô gíc kinh tế.

Tóm lại, mỗi một giải pháp bù đắp thâm hụt ngân sách đều có ưu điểm và nhược điểm của nó. Không một giải pháp nào chỉ có toàn ưu điểm, cũng không tồn tại một giải pháp nào chỉ có toàn nhược điểm. Do vậy, sử dụng đồng thời các giải pháp với những liều lượng hợp lý, phù hợp từng giai đoạn phát triển và bối cảnh của nền kinh tế nhằm phát huy tối đa tác dụng của mỗi giải pháp.

Trong thời gian tới, đồng thời với việc triển khai các biện pháp hoàn thiện hệ thống thuế, tăng cường huy động vốn vay, cắt giảm chi tiêu lãng phí, thiết nghĩ cũng không nên bỏ quên giải pháp phát hành tiền để bù đắp thâm hụt ngân sách trong những thời điểm hợp lý, với một liều lượng hợp lý. Điều cần chú ý là khi nền kinh tế đang ở trong tình trạng giảm nhẹ, không được áp dụng các biện pháp kìm hãm sự phục hồi các hoạt động kinh tế. Nghĩa là khi xuất hiện các dấu hiệu xấu đi của nền kinh tế thì nhất thiết không nên cắt giảm chi tiêu, cũng không nên tăng thuế. Lúc đó phải làm ngược lại, phải tăng lương, tăng chi tiêu của Chính phủ, chấp nhận bội chi ngân sách và khống chế bội chi ở trong giới hạn an toàn, không kéo theo lạm phát.❑

Digitized by Google

MUỐN SẢN XUẤT KINH DOANH TỐT PHẢI ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO THI ĐUA - KHEN THƯỞNG

NHẬT TÂN

Từ nhiều năm nay, mỏ than Cọc Sáu vẫn liên tục duy trì phong trào thi đua - khen thưởng, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, phát triển mọi mặt, giữ vững vị trí hàng đầu trong toàn ngành than, xứng đáng đơn vị anh hùng.

Suốt 40 năm qua, kể từ ngày Bác Hồ về thăm, mỏ than Cọc Sáu luôn duy trì tốt phong trào thi đua - khen thưởng, liên tiếp phát động từ phong trào này đến phong trào khác. Từ phong trào của toàn mỏ, đến phong trào của công trường, phân xưởng, đội xe, các phòng ban v.v..., phong trào nào cũng sôi nổi, mang lại hiệu quả cao, thúc đẩy sản xuất phát triển. Suốt 40 năm mỏ đã bốc xúc được 175 290 000 m^3 đất đá, khai thác và tiêu thụ 46 500 000 tấn than. Từ 1987 - 1995 sản xuất của mỏ đạt 40 - 50% sản lượng của Công ty than Cẩm Phả, chiếm 12 - 15% sản lượng than toàn ngành. Hiện nay, ngành than đang có những khó khăn lớn, than sản xuất ra khó tiêu thụ. Số tiêu thụ được phải bán dưới mức giá thành. Công nhân không có việc làm, đời sống khó khăn. Trong hoàn cảnh ấy, mỏ đã tìm mọi cách tổ chức lại sản xuất, kinh doanh, mở thêm các dịch vụ giải quyết việc làm để bảo đảm cuộc sống cho 4 523 cán bộ, công nhân. Hằng năm mỏ sản xuất 1 200 000 tấn than, đạt doanh thu từ 172 - 250 tỉ đồng, luôn luôn hoàn thành và vượt mức chỉ tiêu giao nộp ngân sách nhà nước. Các hoạt động khác như văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao, trợ giúp xã hội, đền ơn đáp nghĩa cũng rất nổi trội. Chỉ trong 5 năm gần đây, mỏ đã nhận được 4 bằng khen, 6 huy chương vàng, 4 huy chương bạc của tỉnh Quảng Ninh và Tổng Công ty than qua các thời kỳ hội diễn văn nghệ ; nhận cờ đơn vị xuất sắc trong phong trào thể dục - thể thao tỉnh Quảng Ninh. Mỏ còn tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội. Trong 5 năm (1995 - 1999) mỏ tặng quà thăm hỏi các gia đình thương binh, liệt sĩ nhân ngày 27-7 là 261 triệu đồng ; tặng quà cho cán bộ công nhân đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự vào dịp 22-12 hơn 359 triệu đồng. Làm 2 nhà tình nghĩa cho 2 mẹ liệt sĩ và giúp đỡ các gia đình cán bộ, công nhân nghèo, có hoàn cảnh khó khăn ; giúp đỡ các xã nghèo, đồng bào bị thiên tai bão lụt, tổng cộng hàng tỉ đồng. Trong 15 năm đổi mới, mỏ được Đảng, Nhà nước dành cho nhiều phần thưởng cao quý. Năm 1990, mỏ là đơn vị đầu tiên của Bộ Năng lượng được thưởng Huân chương Độc lập hạng ba. Năm 1996, được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu *đơn vị Anh hùng lao động*. Ngoài ra, mỏ còn được nhận 14 huân chương, 19 bằng khen, 16 cờ thi đua cho các tập thể, cá nhân. Đảng bộ, công đoàn, đoàn thanh niên luôn luôn đạt danh hiệu xuất sắc của tỉnh, ngành...

Kết quả quý báu của phong trào thi đua - khen thưởng ở mỏ than Cọc Sáu, đặc biệt là trong thời gian đổi mới đã chứng minh : *Trong nền kinh tế sản xuất hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng chủ nghĩa xã hội, thi đua - khen thưởng vẫn là động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội nhằm thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh".*

Sở dĩ phong trào thi đua - khen thưởng mỏ than Cọc Sáu duy trì tốt và có tác dụng thúc đẩy

Digitized by Google

sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả cao là do những nguyên nhân chính sau :

1. Cán bộ, công nhân mỏ than Cọc Sáu nói riêng và ngành than nói chung, có truyền thống yêu nước, có tinh thần cách mạng triệt để, đã từng là một trong những "cái nôi" của cách mạng nước ta, một lòng một dạ gắn bó trung thành với Đảng, với Bác Hồ, với Tổ quốc. Đó là mảnh đất màu mỡ cho "phong trào thi đua ái quốc" ăn sâu, bám rễ để phát triển. Cán bộ công nhân luôn luôn ghi nhớ và hưởng ứng "Lời kêu gọi thi đua ái quốc" của Bác Hồ ngày 11-6-1948 mà tự giác hăng hái lập công.

Ngay từ ngày đầu thành lập, cán bộ, công nhân mỏ đã dấy lên "phong trào thi đua phá kỷ lục" với khẩu hiệu "không vượt mức không về" ; "công trường là nhà", "quyết tâm bám mỏ". Các phong trào thi đua đều nhằm tổ chức lao động hợp lý, cải tiến kỹ thuật, phát huy sáng kiến, lập và phá kỷ lục "hôm sau cao hơn hôm trước", "tháng sau cao hơn tháng trước".

2. Phong trào thi đua - khen thưởng của mỏ đều có nội dung thiết thực, gắn với sản xuất kinh doanh, nhằm vào những công việc khó khăn để tháo gỡ. Ở mỗi thời kỳ khác nhau, tùy theo tính chất nhiệm vụ của sản xuất kinh doanh mà mỏ đề ra những phong trào thi đua - khen thưởng có nội dung sát hợp. Ví dụ : thời kỳ 1990 - 1993 tình hình khai thác than ở Quảng Ninh rất lộn xộn, các lò than "thổ phỉ" bung ra ngày càng nhiều, người lao động từ các tỉnh tràn về, nạn trộm cắp than xảy ra thường xuyên và phức tạp. Lúc đó, nội dung của phong trào thi đua - khen thưởng là "lập lại trật tự" trong khai thác than. Hàng loạt quy ước tự quản ra đời. Mỏ thành lập hội đồng tự quản, tổ chức ký kết giao ước thi đua ; cam kết quản lý, bảo vệ tốt các khu vực sản xuất, kho cảng ; cam kết không tiếp tay cho những kẻ khai thác than trái phép. Kết quả mỏ đã triệt phá được 5 lò than trái phép, giải tán 25 tụ điểm mua bán, kinh doanh than trái phép...

Thời kỳ 1997 - 1999, tai nạn lao động diễn ra trong ngành than rất nghiêm trọng, làm thiệt hại không nhỏ đến của cải và tính mạng con người. Mỏ đã hướng nội dung thi đua - khen thưởng vào mục tiêu "an toàn, chất lượng, hiệu quả". Tổ chức đăng ký thi đua giữa các cá nhân, đơn vị với mỏ, tổ chức các cuộc hội thảo chuyên đề tìm ra những sai sót làm mất an toàn trong các ngành nghề để khắc phục. Thành lập các đoàn kiểm tra an toàn lao động. Hoàn chỉnh, bổ sung hệ thống biển báo, hệ thống quy chế, thưởng phạt về an toàn lao động v.v... Công tác bảo hộ lao động cũng được đặc biệt chú ý. Hằng năm mỏ có kế hoạch chi tiết về bảo hộ, bảo đảm an toàn cho người lao động và thiết bị máy móc. Mỏ phát động phong trào thi đua tập trung sức hoàn thành một số công việc lớn như đào, đắp các hồ chứa nước để phục vụ cho dập bụi và sinh hoạt của công nhân. Lắp đặt điều hòa nhiệt độ cho máy xúc, máy xoay cầu. Phục hồi điều hòa nhiệt độ, quạt máy cho ô tô vận tải... Kết quả công tác an toàn và bảo hộ cho người lao động ngày một tốt lên. Số vụ tai nạn giảm xuống mức thấp nhất. Mỏ được đoàn kiểm tra liên ngành của Nhà nước công nhận là đơn vị có nền nếp xuất sắc về an toàn và bảo hộ lao động...

3. Phong trào thi đua - khen thưởng ở mỏ than Cọc Sáu phát triển toàn diện. Thi đua - khen thưởng gắn liền với sản xuất kinh doanh, phát triển văn hóa văn nghệ, thể dục - thể thao, trợ giúp xã hội v.v... Mọi phong trào dù lớn, nhỏ đều có những hình thức sinh động, có sức lôi cuốn. Có phong trào tương đối độc lập, nhưng cũng có phong trào được lồng ghép trong thực hiện các nghị quyết của Đảng bộ, của Đại hội cán bộ công nhân viên chức và của Ban giám đốc mỏ. Các phong trào thi đua - khen thưởng có mục tiêu cụ thể, nhẹ nhàng, hấp dẫn, cán bộ công nhân coi đó là hoạt động đương nhiên, là những công việc hằng ngày, khiến họ thích thú, tự nguyện tham gia.

4. Đảng ủy và Ban giám đốc rất quan tâm đến phong trào thi đua - khen thưởng. Những năm trước đây, mỏ bố trí một cán bộ chuyên trách giúp Ban giám đốc theo dõi thi đua - khen thưởng. Ngày 1-5-1999, thực hiện Chỉ thị 35/CT-TU của Bộ Chính trị, mỏ thành lập Phòng

Digitized by Google

thi đua - văn thể gồm 15 cán bộ, công nhân có trình độ và nhiệt tình với công việc. Tuy vậy, Đảng ủy và Ban giám đốc không khoán trắng công tác thi đua - khen thưởng cho công đoàn hoặc bộ phận chuyên trách. Công tác thi đua - khen thưởng là của mọi người, ai ai cũng có phần trách nhiệm, nhưng Giám đốc, Bí thư Đảng ủy vẫn là người chịu trách nhiệm cao nhất. Phong trào thi đua - khen thưởng của mỏ có lên được hay không, phần lớn là ở sự quan tâm chỉ đạo của Giám đốc và Bí thư Đảng ủy. Các phong trào thi đua - khen thưởng luôn luôn được Giám đốc, Bí thư Đảng ủy theo dõi, đôn đốc, kịp thời chỉ đạo, sơ kết tổng kết rút kinh nghiệm. Vì vậy, không có hiện tượng phong trào "đầu voi đuôi chuột", "đánh trống bỏ dùi", "phát mà không động".

5. Thi đua gắn liền với khen thưởng. Thi đua là nền tảng cho khen thưởng, qua thi đua làm xuất hiện những cá nhân, những thành tích nổi trội để khen thưởng. Ngược lại, khen thưởng tác động đến thi đua, kích thích tính tích cực của các chủ thể thi đua. Bác Hồ nói : Thi đua là gieo trồng, khen thưởng là thu hoạch.

Để khen thưởng đúng người, đúng việc, mỏ đã kết hợp chặt chẽ báo công của cá nhân với bình công chấm điểm của tập thể để tuyển chọn điển hình tiên tiến. Mỏ luôn luôn mở rộng dân chủ trong khen thưởng. Đặc biệt gần đây việc triển khai và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở theo Nghị định 07/NĐ-CP của Chính phủ, những nhân tố tích cực của mỏ được biểu dương, khen thưởng càng kích thích phong trào thi đua phát triển.

Cùng với việc biểu dương khen thưởng về tinh thần, mỏ than Cọc Sáu chú ý khen thưởng bằng vật chất, đã thực sự khuyến khích người lao động hăng say, tự giác, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tạo năng suất, chất lượng, hiệu quả lao động ngày càng cao.

Để thực hiện tốt Chỉ thị 35/CT-TƯ của Bộ Chính trị, mỏ than Cọc Sáu đã phát động phong trào thi đua - khen thưởng 2 năm 1999 - 2000, lập thành tích xuất sắc chào mừng những sự kiện lớn của dân tộc năm 2000 với những nội dung cụ thể sau :

- Hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2000, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và đời sống của cán bộ, công nhân toàn mỏ.

- Thực hiện nghiêm chỉnh kỷ luật an toàn lao động, giảm tới mức tối thiểu các sự cố, bảo đảm an toàn lao động.

- Thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo với năng suất, chất lượng hiệu quả cao.

- Cải tiến lề lối, tác phong làm việc, tổ chức bố trí lao động hợp lý ; thực hiện nghiêm các quy chế, quy trình, quy phạm trong sản xuất kinh doanh.

- Triệt để thực hành tiết kiệm, giảm tối đa các chi phí trong sản xuất, chống tham ô, lãng phí, chống tiêu cực và tham nhũng.

- Xây dựng cuộc sống mới nơi làm việc và nơi cư trú, bảo vệ cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp. Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, thể thao, tham quan du lịch, nâng cao tinh thần và thể chất cho cán bộ, công nhân. Phòng chống có hiệu quả các tệ nạn xã hội, đặc biệt là tệ nạn ma túy, mại dâm.

- Hưởng ứng phong trào "uống nước nhớ nguồn" đền ơn đáp nghĩa, làm việc thiện.

- Quan tâm, tạo điều kiện cho lớp trẻ hưởng ứng phong trào "hướng nghiệp", "lập nghiệp" trong thanh niên ; phong trào "phụ nữ giúp nhau làm kinh tế", "xóa đói giảm nghèo"...

- Làm tốt công tác bảo vệ trật tự, an ninh, tự quản.

Chỉ còn mấy tháng nữa là bước vào Đại hội Thi đua toàn quốc năm 2000. Hòa với khí thế sôi nổi của cả nước, trên 4 500 cán bộ, công nhân mỏ than Cọc Sáu đang quyết tâm giữ vững *danh hiệu đơn vị Anh hùng lao động*, thi đua lập nhiều thành tích hơn nữa, thực hiện bằng được chương trình thi đua của mỏ, xây dựng mỏ vững mạnh toàn diện để dâng lên Đại hội. ❑

Digitized by Google

GIẢI PHÁP VỐN TÍN DỤNG VỚI CÔNG TÁC XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

NGUYỄN ĐẮC HƯNG *

TRONG hơn một thập niên vừa qua, thực hiện công cuộc đổi mới, nước ta đạt được những thành tựu quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội. Để giải quyết tình trạng nghèo đói, chúng ta đã có Chương trình quốc gia về xóa đói giảm nghèo. Đến nay, công tác xóa đói giảm nghèo đã đạt được những kết quả như : tỷ lệ số hộ diện nghèo giảm, tình trạng đói cũng bớt gay gắt. Trong bản báo cáo : *"Việt Nam tấn công đói nghèo"* của Ngân hàng Thế giới (WB), được công bố tại Hội nghị nhóm các nhà tài trợ cho Việt Nam, tổ chức trong 2 ngày 14 và 15-12-1999 tại Hà Nội, đã khẳng định : Việt Nam đã đạt được những tiến bộ to lớn trong giảm đói nghèo. Tỷ lệ đói nghèo của Việt Nam đã giảm từ mức 58% của năm 1993, xuống còn 37% năm 1998... Tuy các tiêu chí phân loại đói nghèo và phương pháp đánh giá các hộ đói nghèo giữa Việt Nam và các tổ chức quốc tế có chỗ không trùng khớp nhau, song tỷ lệ đói nghèo giảm đáng kể là một thực tế không ai không thừa nhận. Ngoài biện pháp trợ cấp đột xuất, trợ cấp thường xuyên, vận động các tổ chức kinh tế - xã hội phụng dưỡng lâu dài các đối tượng chính sách, thì giải pháp vốn tín dụng cho thực hiện Chương trình xóa đói giảm nghèo được coi là giải pháp lớn. Nhìn nhận lại kết quả thực hiện giải pháp này trong thời gian qua, có thể thấy các đặc điểm sau đây :

- Nhà nước đã xây dựng một định chế tài chính riêng thực hiện giải pháp vốn tín dụng cho xóa đói giảm nghèo, đó là Ngân hàng phục vụ người nghèo Việt Nam, có hệ thống mạng lưới từ trung ương đến tỉnh, thành phố, huyện, thị xã, bắt đầu hoạt động từ năm 1996. Tham gia Hội đồng quản trị và Ban đại diện xóa đói giảm nghèo có thành phần nhiều ban, ngành, đoàn thể khác nhau. Sau gần 5 năm hoạt động, đến nay có hàng triệu hộ nghèo được vay vốn, với doanh số hàng nghìn tỉ đồng. Đến hết tháng 6-2000, trong cả nước còn khoảng 2,1 triệu hộ nghèo dư nợ vốn vay trên 4 000 tỉ đồng.

- Đã thực sự xã hội hóa công tác xóa đói giảm nghèo, thu hút được toàn xã hội quan tâm đến chương trình này. Về nguồn vốn cho vay của Ngân hàng phục vụ người nghèo, ngoài số vốn chủ lực là do ngân sách nhà nước cấp, phần còn lại do một số Ngân hàng thương mại, một số doanh nghiệp ở trung ương và địa phương đóng góp. Một số tỉnh tiết kiệm chi tiêu ngân sách chuyển sang cho Ngân hàng phục vụ người nghèo cho vay.

Ở các địa phương, trực tiếp là cấp cơ sở như xã, phường ; một số tổ chức như : Hội liên hiệp phụ nữ, Hội nông dân tập thể... đã phối hợp chặt chẽ điều tra, xác nhận đối tượng và lập danh sách hộ nghèo vay vốn, thành lập tổ tương trợ, tổ tiết kiệm, thúc đẩy việc giải ngân vốn vay kịp thời, đúng đối tượng, giám sát giúp đỡ hộ nghèo sử dụng vốn vay đúng mục đích, hướng dẫn kỹ thuật làm ăn cho người nghèo và thực hiện một số công tác khuyến nông khác.

- Thu hút được nhiều dự án và chương trình tài trợ quốc tế của các tổ chức chính phủ, phi chính phủ... trợ giúp tài chính và trợ giúp kỹ thuật, cải tiến điều kiện sống trong cộng đồng người nghèo ở nhiều vùng khác nhau. Theo thống kê, đến nay có khoảng 60 chương trình và dự án ADB, WB, EU, FAO, tổ chức cứu trợ nhi đồng Anh, OXFAM (Anh), chương trình phát triển lâm nghiệp Việt Nam - Thụy Điển, SIDE (Pháp), IFAD (Hà Lan), INUS (Đức),... trợ giúp vốn cho khoảng 67 000 hộ nghèo trong cả nước. Ngoài việc cung ứng vốn tín dụng, các chương trình và dự án còn cung cấp dịch vụ tài chính vi mô cho người nghèo, giúp các hộ nghèo tiếp cận với dịch vụ tài chính vi mô chính thức theo thông lệ quốc tế, nâng cao năng lực cuộc sống của họ. Tạo thói quen tiết kiệm, không bao cấp trong cộng đồng người nghèo, không trông chờ ỷ lại vào tín dụng nặng lãi, hay an phận cam chịu hoàn cảnh sống của người nghèo.

Giải pháp vốn trong thực hiện Chương trình quốc gia xóa đói giảm nghèo toàn quốc, không những cung cấp vốn tín dụng không bao cấp, mà còn làm thay đổi

* TS, Ngân hàng nhà nước Trung ương

Digitized by Google

về nền nếp, lối sống, phương thức canh tác, ... cho cộng đồng dân cư được coi là còn tụt lại phía sau sự phát triển chung của xã hội.

Mặc dù chương trình quốc gia nói trên đã có hiệu quả rõ rệt, đã có bước tiết lớn trong quá trình thực hiện, nhưng đang xuất hiện những thách thức mới trong công tác xóa đói giảm nghèo hiện nay cũng như trong thời gian tới :

Một là, hiệu quả xóa đói giảm nghèo không bền vững, nguy cơ tái nghèo đang xuất hiện trở lại. Hoặc là chỉ cần một thành viên trong gia đình bị ốm đau, bệnh tật, gia đình gặp hoạn nạn, sản xuất bị thiên tai... thì đói nghèo lại xuất hiện trong chính gia đình họ.

Hai là, năng lực sử dụng vốn, khả năng hấp thu vốn vay trong một bộ phận hộ nghèo rất thấp. Ở một số vùng miền núi, một số hộ đồng bào dân tộc nhận tiền về, cho vào ống tre - nứa cất lên mái nhà, đến kỳ hạn cán bộ tín dụng đến thu lãi và thu nợ, họ mang nguyên xi số tiền đó đưa trả ! Hoặc là tiền vay về không đầu tư cho phát triển sản xuất... mà chi cho tiêu dùng : mua gạo ăn, mua quần áo, sắm đồ dùng gia đình,... Ở nhiều nơi khác, hộ nghèo cũng không biết sử dụng vốn để làm gì, do điều kiện sản xuất, kinh doanh và môi trường quá khó khăn, nhất là ở vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa.

Ba là, nợ quá hạn gia tăng, nguồn vốn cho vay hộ nghèo bị cạn kiệt. Như trên đã đề cập nguồn vốn cho vay của Ngân hàng phục vụ người nghèo gồm hai phần : vốn ngân sách cấp và vốn huy động. Đương nhiên, để huy động được vốn trong xã hội phải có lãi suất hợp lý. Song lãi suất cho vay hộ nghèo luôn thấp hơn lãi suất thông thường. Cụ thể như hiện nay lãi suất cho vay thông thường của các Ngân hàng thương mại là 0,7 - 0,85%/tháng, còn lãi suất cho vay vốn đối với hộ nghèo là 0,6%/tháng. Nhưng để huy động được vốn thì Ngân hàng phục vụ người nghèo phải đưa ra lãi suất huy động tối thiểu là 0,5%/tháng, với lãi suất quá thấp so với mặt bằng lãi suất chung là 0,5 - 0,6%, thì không thể huy động được vốn. Các doanh nghiệp và các Ngân hàng thương mại không thể tiếp tục đóng góp thêm vốn cho Ngân hàng phục vụ người nghèo. Do đó, chỉ còn trông chờ vào vốn thu nợ để tiếp tục cho vay. Hiện nay, nhiều khoản cho vay chưa đến hạn, nên chưa thu được nợ. Tỷ lệ nợ quá hạn còn thấp, nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau nên nhiều hộ nghèo sẽ không thể trả nợ đúng hạn. Tỷ lệ nợ quá hạn gia tăng, thu nợ không đúng đã làm hạn chế quay vòng đồng vốn chu kỳ vay tiếp theo. Ở nhiều tỉnh, nhiều huyện, nguồn vốn cho vay của Ngân hàng phục vụ người nghèo chủ yếu dựa vào chỉ tiêu nguồn vốn cấp trên phân bổ và chuyển về. Hiện nay giải ngân vốn cho vay hộ nghèo và thu nợ ở cơ sở do mạng lưới của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn làm đại lý, với mức phí chung là 0,35%, trong đó 0,1% phải trả cho tổ tương trợ vay vốn ở cơ sở, ngân hàng chỉ còn mức phí 0,2%. Với mức phí thấp như vậy, ở vùng đồng bằng có thể bảo đảm bù đắp đủ chi phí, còn ở các tỉnh trung du, miền núi, vùng sâu, vùng xa thì không thể bù đắp đủ các chi phí cho vay, thu nợ. Trong điều kiện món vay nhỏ, hộ vay ở phân tán, khoảng cách xa, đường sá đi lại khó khăn quá trình cho vay vốn tới các hộ nghèo càng bị cản trở. Điều đáng chú ý là hiện nay đang có quá nhiều tổ chức, đơn vị (Kho bạc nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể) cho vay vốn tới hộ nghèo, nguồn vốn phân tán, hoạt động chồng chéo, do đó hạn chế phần nào hiệu quả cũng như quản lý nhà nước về hoạt động tiền tệ - tín dụng. Đương nhiên, hoạt động tín dụng của các đoàn thể có mặt tốt là hỗ trợ vốn đúng hộ nghèo thành viên của tổ chức đó, góp phần đổi mới nội dung hoạt động của các đoàn thể... nhưng về lâu dài không thể cứ duy trì tình trạng đó được.

Trong thập niên tới, xóa đói giảm nghèo chắc chắn vẫn được coi là chương trình lớn của quốc gia. Qua kinh nghiệm thực tế các nước trên thế giới cho thấy nếu Việt Nam đạt được các mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội, thì giảm bớt dần tình trạng nghèo đói và bản thân việc giải quyết tốt vấn đề nghèo đói cũng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội một cách vững chắc. Để thực hiện có hiệu quả chiến lược trên, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp sau đây :

1 - Thành lập Ngân hàng chính sách hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện việc xóa đói giảm nghèo.

Ở hầu hết các nước đều có một định chế tài chính hoạt động với tư cách là Ngân hàng chính sách của quốc gia, có tính chất phi lợi nhuận. Ở Việt Nam thành lập Ngân hàng chính sách đã được ghi trong Luật Ngân hàng nhà nước và Luật các tổ chức tín dụng, có hiệu lực thi hành từ 1-10-1998, song cho đến nay ngân hàng này vẫn chưa ra đời.

Hiện nay ở nước ta cùng với Ngân hàng phục vụ người nghèo hoạt động như một ngân hàng chính sách, hệ thống Kho bạc nhà nước cũng thực hiện một số loại tín dụng chính sách trong đó có mục tiêu phục vụ đối tượng đói nghèo, hoạt động tín dụng cho các thành viên nghèo của các tổ chức chính trị - xã hội... Ngoài

Digitized by Google

ra còn có các chương trình cho vay do các ngân hàng khác thực hiện. Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long thực hiện chính sách cho vay vốn phát triển nhà ở trong vùng. Ngân hàng công thương Việt Nam thực hiện chính sách cho sinh viên vay vốn học tập. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn thực hiện chính sách cho vay vốn làm nhà ở trên cọc, cho vay vốn khắc phục bão lụt, cho vay vốn đánh bắt cá xa bờ... Do đó, cần sớm tổng kết hoạt động của các ngân hàng và chương trình nói trên, sớm có kế hoạch thành lập Ngân hàng chính sách, mà nòng cốt là Ngân hàng phục vụ người nghèo. Như vậy, nguồn vốn cho vay chính sách được tập trung, cơ chế tài chính dễ xử lý, hiệu quả hoạt động của ngân hàng và hiệu quả sử dụng vốn của đối tượng chính sách được nâng cao, việc quản lý vốn ngân sách và quản lý hoạt động ngân hàng được rõ ràng và minh bạch hơn. Song trong giai đoạn trước mắt, mạng lưới Ngân hàng chính sách nên mở chi nhánh tới đâu ở các tỉnh miền núi, là vấn đề cần được tính toán chặt chẽ, sao cho phù hợp và hiệu quả.

2 - Có cơ chế tài chính rõ ràng trong việc giải quyết nguồn vốn cho vay xóa đói giảm nghèo.

Trong đầu thập niên tới, nền kinh tế Việt Nam phải phấn đấu để đạt được các mục tiêu đề ra về tăng trưởng, về GDP bình quân đầu người như Dự thảo Văn kiện Đại hội IX của Đảng nêu. Song vấn đề việc làm và xóa đói giảm nghèo có những yêu cầu mới, cấp bách cần giải quyết. Do đó, cần có cơ chế tài chính rõ ràng, tích cực, ổn định ngay từ đầu giải quyết nhu cầu vốn ngày càng tăng cho vay người nghèo, theo các hướng : *Một là,* có nghị quyết dành một tỷ lệ nhất định GDP hằng năm, hoặc kim ngạch xuất khẩu dầu thô và thuế thu nhập cá nhân ; một tỷ lệ nhất định tiết kiệm trong chi tiêu ngân sách các tỉnh, thành phố,... bổ sung nguồn vốn cho vay xóa đói giảm nghèo. *Hai là,* Ngân hàng Nhà nước cho vay tái cấp vốn cho Ngân hàng chính sách, trong một số tình huống khác được vay từ nguồn dự trữ.

3 - Quản lý dịch vụ tài chính vi mô cho người nghèo theo thông lệ quốc tế, phù hợp thực tế Việt Nam.

Thực tế cho thấy, thời gian qua hoạt động tín dụng của các đoàn thể : phụ nữ, thanh niên, công đoàn, nông dân... đã từng gây khá nhiều tranh cãi. Có ý kiến cho rằng nên gom tất cả vào Ngân hàng hay Kho bạc Nhà nước để dễ hoạt động. Theo chúng tôi, trong đầu thập niên tới, môi trường pháp lý, cơ chế quản lý kinh tế - xã hội của nước ta sẽ ngày càng ổn định, chặt chẽ hơn. Do đó, các nguồn vốn, các chương trình, dự án,... của các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội vẫn nên hạch toán riêng và quản lý riêng. Nhưng để hoạt động này có hiệu quả cần được giao cho Ngân hàng chính sách làm đại lý giải ngân, thu nợ, thu lãi, quản lý ngân quỹ. Các đoàn thể, các tổ chức chỉ nên tập trung làm công tác xác định thành viên nghèo có nhu cầu vay vốn đích thực, giúp đỡ người nhận vốn vay, sử dụng vốn đúng mục đích và có hiệu quả, thực hiện công tác khuyến nông, ... Nội dung quản lý nói trên cần đưa vào văn bản pháp quy của Nhà nước, có thể là một chương, một điều trong Nghị định quản lý hoạt động ngân hàng và của các tổ chức khác.

4 - Tranh thủ thu hút vốn tài trợ quốc tế cho xóa đói giảm nghèo.

Những năm gần đây, các tổ chức tài chính - tiền tệ của quốc tế như : WB, ADB,... đã chuyển hướng sang không chỉ tài trợ, cho vay đầu tư cho phát triển, mà còn nhằm vào mục tiêu xóa đói giảm nghèo. Đầu tháng 11-1999, ADB đã chính thức chấp nhận xóa đói giảm nghèo là mục tiêu chính của mình. Các khoản cho vay của ADB được tập trung vào hỗ trợ các dự án góp phần trực tiếp hay gián tiếp xóa đói giảm nghèo. Chẳng hạn như : ADB trong khi xem xét quyết định tài trợ vốn làm đường giao thông ở một quốc gia, đều tính toán xem con đường đó có đi qua khu vực dân cư nghèo hay không, có tác động cải thiện điều kiện sống cho cộng đồng người nghèo hay không. Tương tự, trước khi WB phê duyệt dự án cho vay xây dựng một mạng lưới điện mới ở một quốc gia họ đều xem xét liệu khu vực nông thôn có được hưởng lợi từ dự án, được cung cấp điện hay không. Biện pháp cụ thể là phải làm tốt các khâu : lập dự án, đàm phán, tổ chức khảo sát, bố trí cán bộ điều hành dự án, bố trí vốn đối ứng, giải phóng mặt bằng và thực hiện đúng các cam kết.

Hoạt động tài trợ của các tổ chức chính phủ và phi chính phủ phần lớn là phi lợi nhuận, vì mục tiêu nhân đạo, giúp nâng cao năng lực và cải thiện điều kiện sống của người nghèo,... Giải pháp cần được thực hiện là đa phương hóa, đa cực hóa, đa dạng hóa việc thu hút nguồn tài trợ ; đồng thời tích cực giới thiệu, tuyên truyền, tiếp cận,... các chương trình, dự án có nhu cầu xóa đói giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe ban đầu, cải thiện môi trường, giáo dục tiểu học, phòng chống bệnh tật, ... cho các tổ chức quốc tế. Tiếp theo là tổ chức thực hiện có hiệu quả, thực hiện đúng các cam kết của dự án. ❑

Digitized by Google

Đặt đúng vị trí của hai từ "dân chủ"

NGUYỄN VĂN HẢI *

SAU khi nghiên cứu kỹ dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội IX của Đảng, tôi thấy văn bản đã được chuẩn bị rất công phu. Nhiều vấn đề thực tiễn mới nảy sinh được bổ sung phù hợp có sự lý giải sâu sắc, có sức thuyết phục. Tôi hoàn toàn tán thành và rất tâm đắc việc bổ sung từ "dân chủ" vào mục tiêu chung : "Đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường duy nhất đúng để xây dựng Tổ quốc ta dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Việc bổ sung từ này vào là rất kịp thời, chính xác, đúng đắn và đáp ứng nguyện vọng tha thiết của nhân dân, làm cho mục tiêu sự nghiệp cách mạng nước ta ngày càng đầy đủ, sâu sắc và rõ ràng hơn, mang bản chất của CNXH ngày càng đặc sắc hơn, đồng thời có sự thống nhất giữa văn kiện Đại hội với Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng. Tuy nhiên, tôi xin đề nghị hoán đổi vị trí của hai từ "công bằng" và "dân chủ" thành : "dân giàu, nước mạnh, xã hội **dân chủ**, công bằng, văn minh", bởi mấy lý do sau :

Một là : Trong Cương lĩnh chính trị năm 1991, Đảng ta xác định : "Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội : **Do nhân dân lao động làm chủ"** (trang 8). Đây là đặc trưng của CNXH được đặt ở vị trí đầu tiên, vì dân chủ là bản chất của CNXH, là mong muốn và nguyện vọng thiết tha của nhân dân, là yếu tố hàng đầu bảo đảm sự tồn tại của CNXH và cũng là điểm khác căn bản về chất so với các chế độ xã hội trước đó. Đồng thời, khi xác định những phương hướng cơ bản trong quá trình xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc, Cương lĩnh năm 1991 đã chỉ rõ : "Một là, xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước **của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân**, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. **Thực hiện quyền làm chủ đầy đủ của nhân dân,** giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân" (trang 9) và : "Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện **nền dân chủ xã hội chủ nghĩa,** bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. **Dân chủ** gắn liền với **công bằng** xã hội phải được thực hiện trong thực tế cuộc sống trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội thông qua hoạt động của Nhà nước do nhân dân cử ra và bằng các hình thức dân chủ trực tiếp" (trang 19). Mặt khác, trong phần mở đầu của Điều lệ Đảng (khóa VIII) cũng xác định : "Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam độc lập, **dân chủ,** giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản" (trang 4).

Như vậy, trong Cương lĩnh chính trị năm 1991 và Điều lệ Đảng (khóa VIII), ở những vấn đề cốt yếu nhất, Đảng ta luôn xác định **"dân chủ"** trong xây dựng CNXH ở vị trí hàng đầu. Vì vậy, để có sự thống nhất chặt chẽ giữa Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng và Dự thảo Báo cáo chính trị lần này, cần để chữ **"dân chủ"** trước "công bằng" trong mục tiêu chung.

Hai là : Trong Di chúc lịch sử của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1969, Người viết "Điều mong muốn cuối cùng của tôi là : Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới" (1). Không phải ngẫu nhiên mà Bác lại đặt từ **"dân chủ"** trước chữ "giàu mạnh". Vì trong rất nhiều bài nói, bài viết và huấn thị, cũng như trong thực tế hoạt động cách mạng của Người, Bác luôn đề cao, coi trọng và thực hiện dân chủ một cách mẫu mực. Bác thường xuyên yêu cầu mọi cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước phải phát huy quyền làm chủ đầy đủ của nhân dân. Dân chủ đối với Bác được xác định rất rõ ràng ở hai khía cạnh : Địa vị pháp lý của nhân dân ta được Bác chỉ rõ : Nước ta là nước **dân chủ,** địa vị cao nhất là dân, **vì dân là chủ,** và quyền sở hữu địa vị pháp lý của nhân dân thì Bác khẳng định : "Dân chủ là thế nào ? là dân làm chủ" (2) Bác còn nói : *"Dân chủ* là của quý báu nhất của nhân dân" (3). Do đó, để hiểu đúng đắn và làm theo ý Bác thì dân

* Bộ tham mưu Quân khu II

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 12, tr 500

(2), (3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 375, 279

Digitized by Google

chủ phải là : "Dân là chủ và dân làm chủ". Vì thế, mục tiêu của xã hội XHCN trước hết phải là dân chủ, bởi chỉ khi nào nhân dân thực sự **là chủ** thì lúc đó mới có cơ sở thực tiễn để thực hiện quyền **làm chủ** của mình một cách đầy đủ.

Cho nên, để từ **"dân chủ"** lên trước có ý nghĩa sâu sắc và phù hợp hơn với thực tế cuộc sống và cũng là mong muốn của Bác và hợp ý Đảng, lòng dân.

Ba là : Xét về cấu trúc ngôn ngữ thì từ **"dân chủ"** có nội hàm rộng hơn từ "công bằng". Vì trong **"dân chủ"** đã bao hàm cả "công bằng". Mặt khác, một xã hội có dân chủ thực sự tất yếu phải có sự công bằng theo nghĩa đầy đủ của nó. Hay nói cách khác, muốn có một xã hội công bằng phải bắt nguồn từ một xã hội dân chủ thực sự. Khi "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" thì rõ ràng dân đang thực hiện quyền bình đẳng và được thể hiện sự công bằng xã hội của mình rất thiết thực, cụ thể và xác đáng. Do đó, để từ **"dân chủ"** trước "công bằng" cũng hợp lý hơn.

Bốn là : Chưa bao giờ nhân dân ta lại tha thiết mong muốn được phát huy quyền làm chủ một cách rộng rãi, cởi mở và thông thoáng như hiện nay. Đó là nguyện vọng chính đáng và cũng là đòi hỏi bức xúc của thực tế cuộc sống. Được sống, học tập và làm việc trong một xã hội dân chủ, nhân dân sẽ nhất định vượt qua mọi khó khăn gian khổ, đồng tâm hiệp lực đưa sự nghiệp cách mạng nước ta tiến lên. Như Đảng ta từng chỉ ra, **dân chủ,** hay là quyền làm chủ của nhân dân, vừa là **động lực** vừa là **mục tiêu** cao cả của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, vì thế, thực hiện tốt dân chủ sẽ củng cố và tăng cường lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, vào chế độ dân chủ XHCN và tiền đồ rạng rỡ của dân tộc ta.

Tôi nghĩ rằng xã hội dân chủ ở đây hiểu đúng nghĩa là xã hội do nhân dân lao động là chủ và làm chủ. Nó hoàn toàn xa lạ và không thể lầm lẫn được với kiểu xã hội dân chủ phương Tây. Xác định dân chủ là đặc trưng cơ bản hàng đầu trong xã hội XHCN thực chất là xác định địa vị *là chủ* và *làm chủ* của nhân dân vào đúng vị trí và vai trò của họ trong lịch sử. ❑

VỀ NHỮNG ĐIỀU KIỆN...

(Tiếp theo trang 38)

máu thịt giữa Đảng và quần chúng. Mỗi công việc của Đảng phải giữ nguyên tắc liên hệ chặt chẽ với nhân dân, không được quan liêu, xa rời nhân dân.

Không có quần chúng nhân dân thì không có Đảng. Đảng là "sản phẩm", là "con nòi" của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Sức mạnh của Đảng là ở chỗ gắn bó mật thiết với dân, có đường lối chiến lược, sách lược đáp ứng đúng nguyện vọng, lợi ích của dân. Quần chúng nhân dân cần có Đảng lãnh đạo, tổ chức thì mới có thể làm nên sự nghiệp lớn. Song vì Đảng là người lãnh đạo, nên Đảng phải chịu trách nhiệm trước sự nghiệp của quần chúng, đồng thời chịu trách nhiệm đối với cả bát cơm manh áo trong đời sống hàng ngày của quần chúng.

Hồ Chí Minh dạy rằng : Chính sách của Đảng và Nhà nước là phải hết sức chăm nom đến đời sống nhân dân. Nếu dân đói, dân rét, dân dốt, dân ốm đau, bệnh tật là Đảng và chính phủ có lỗi.

Trước khi đi xa, Người dặn lại rằng : "nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng.

Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân"* (7).

*
* *

Từ Mác, Ăng-ghen đến Lê-nin và cho đến Hồ Chí Minh, thực tiễn về Đảng vô sản cầm quyền càng phát triển phong phú bao nhiêu, thì các vấn đề đặt ra đòi hỏi phải được nghiên cứu, giải quyết - để cho Đảng có thể làm tròn vai trò cầm quyền - càng trở nên cấp thiết và quan trọng bấy nhiêu.

Hồ Chí Minh, với tất cả tấm lòng vì Đảng, vì nước, vì dân, đã dày công rèn luyện, vun đắp cho Đảng ta trưởng thành, những mong Đảng mãi mãi xứng đáng với truyền thống anh hùng của dân tộc và thực hiện trọn vẹn sứ mệnh vẻ vang là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam. Những lời dạy và kinh nghiệm quý báu của Người trong suốt quá trình lãnh đạo Đảng ta, nhất là trong điều kiện Đảng đã cầm quyền, luôn luôn thấm nhuần trong đường lối xây dựng Đảng, luôn luôn nhắc nhủ chúng ta : Hãy làm tròn nhiệm vụ *"người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân".* ❑

(7) Hồ Chí Minh : *Sđd.* t 12, tr 511

Digitized by Google

DỐT ?!

NGUYỄN TRUNG THỰC

TRONG chuyến đi công tác ở tỉnh H vừa rồi, thấy đồng chí Bí thư tỉnh ủy chân đi tập tễnh, tôi bèn hỏi thì được anh trả lời : "Hôm nọ chơi cầu lông, bị đối phương bỏ nhỏ một quả hiểm hóc quá, mình không đỡ kịp nên bị ngã, cái chân phải bị bong gân. Rất may là cũng nhẹ thôi, bóp thuốc mấy hôm, bây giờ đã có thể đi lại được rồi".

Nhân chuyện đó, trong bữa cơm trưa, sau mấy ly rượu khai vị, đồng chí chánh văn phòng tỉnh ủy thành thật tâm sự với tôi : "Mấy cậu nhân viên của em nó *dốt* quá anh ạ. Em đã dặn đi dặn lại chúng nó, khi chơi cầu lông với "Sếp" phải chú ý giữ mấy nguyên tắc :

Một là, không được *thắng* "Sếp" mà phải thua ; nhưng phải làm sao để "Sếp" cảm thấy là các cậu thua thật sự chứ không phải nịnh "Sếp" mà cố ý thua. Muốn thế phải chơi thật quyết liệt, nhưng phải tạo cơ hội để "Sếp" làm bàn và tuyệt đối không được chơi những quả quá hiểm hóc làm cho "Sếp" không đỡ được.

Hai là, khi "Sếp" vụt cầu, các cậu phải đỡ cho khéo và cố ý nâng lên để khi quả cầu qua lưới, "Sếp" có thể vụt tiếp được thêm một, hai quả nữa. Đến quả thứ ba trở đi thì phải *giả vờ* không đỡ được. Nhưng giả vờ cũng phải cho khéo, làm sao để "Sếp" thấy khoái chí vì chiến tích của mình.

Ba là, khi tấn công không được quá nhẹ nhàng, nhưng cũng không được chơi quá hiểm, quá ác. Phải làm sao cho "Sếp" có thể đỡ được những quả vụt của các cậu ; tuyệt đối không được để "Sếp" phải "phơi bụng" trước bàn dân thiên hạ.

Bốn là, phải thua "Sếp", nhưng thua sát nút, không được để thua với khoảng cách quá xa, dễ bị lộ.

Mặc dù em đã dặn đi, dặn lại như thế rồi nhưng không hiểu sao chính cậu lái xe của "Sếp" lại chơi khăm "Sếp" đến như thế. Em mắng, nó bèn gãi đầu, gãi tai nhận tội và phân bua : "Chẳng hiểu sao khi vào cuộc, cái máu *ăn thua* của em nó cứ bốc lên theo bản năng. Thấy "Sếp" hớ hênh, em bèn bỏ nhỏ, không ngờ lại gây nên nông nỗi này. Lần sau em xin rút kinh nghiệm..."

Nhân chuyện kể của đồng chí Chánh Văn phòng tỉnh ủy, tôi bèn nhớ lại câu chuyện của đồng chí bảo vệ Bác Hồ hồi ở chiến khu Việt Bắc về việc Bác chơi bóng chuyền. (Chuyện này tôi được nghe khi cùng nghỉ với đồng chí đó tại nhà điều dưỡng của Trung ương ở Đầm Vạc, thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc ngày nay - NTT). Đồng chí bảo : "Hồi ở Việt Bắc, hầu như chiều nào khi hết giờ làm việc Bác cũng chơi bóng chuyền với anh em chúng tôi. Khi chơi *bố già* cũng hăng máu lắm và cũng có những quả hiểm hóc ra trò. Bọn tôi đều có tâm lý tạo điều kiện cho Bác làm bàn. Nhưng hành động đó không *qua mặt* Bác được. Bác biết ngay và bèn mắng : "Chơi thể thao mà các chú cũng nịnh cấp trên như thế thì đừng chơi nữa". Từ đó hễ vào cuộc là chúng tôi chơi quyết liệt ngay từ đầu. *Bố già* cũng nhiều phen phải ngã sóng soài để cứu bóng. Mà quả thật, chơi như thế thoải mái hơn nhiều".

Hiện nay hầu như địa phương nào cũng có phong trào các "Sếp" đua nhau chơi cầu lông, bóng bàn... Ở những địa phương có điều kiện như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh... thì các "Sếp" còn chơi cả quần vợt. Một số địa phương có sáng kiến tổ chức các giải bóng bàn, cầu lông hay quần vợt dành riêng cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo. Điều đó cũng chẳng sao và theo tôi còn nên khuyến khích. Nhưng đã chơi thì phải với *tinh thần thể thao thật sự* chứ đừng nịnh các "Sếp" làm cho bản chất của thể thao bị *méo mó, biến dạng* như cái chuyện ở tỉnh H mà tôi vừa kể.

Chơi thể thao là chuyện nhỏ. Làm công tác đảng và chính quyền là chuyện lớn. Chuyện nhỏ mà nịnh thì cái hại có thể là không lớn. Còn chuyện lớn mà nịnh thì chắc chắn là cái hại không nhỏ. Và cái họa lại càng không nhỏ. ❑

Digitized by Google

MƯỜI NĂM QUAN HỆ VIỆT NAM VÀ LIÊN MINH CHÂU ÂU

ĐINH TÍCH *

NĂM 2000, Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU) kỷ niệm 10 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao (28-11-1990 - 28-11-2000) và 5 năm ngày ký Hiệp định khung về hợp tác Việt Nam - EU (17-7-1995 - 17-7-2000). Năm, mười năm qua tuy thời gian rất ngắn, nhưng quan hệ hữu nghị và hợp tác nhiều mặt giữa Việt Nam và EU đã đạt được những kết quả lớn, tạo tiền đề cho những bước phát triển tiếp theo.

EU bao gồm 15 nước thành viên (1) với dân số trên 360 triệu dân, GDP khoảng 10 000 tỉ USD, thu nhập bình quân trên 20 000 USD/người, có nền khoa học và công nghệ phát triển cao, là đối thủ cạnh tranh về kinh tế, thương mại, văn hóa - khoa học - kỹ thuật... với các đối tác lớn. Trong nhóm 7 nước công nghiệp hàng đầu trên thế giới (G7) thì EU có 4 nước (Đức, Anh, Pháp, I-ta-li-a). Ngoài ra, cộng đồng người Việt ở khu vực này khá lớn với con số trên dưới 500 000 người, trong đó đội ngũ trí thức và cán bộ kỹ thuật - công nhân lành nghề chiếm một tỷ lệ không nhỏ. Họ luôn luôn hướng về Việt Nam và muốn có đóng góp để xây dựng quê hương. Từ lâu, chúng ta đã rất coi trọng và dành ưu tiên cho việc phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với EU. Ngay trong cuộc đấu tranh giành độc lập và thống nhất đất nước của nhân dân ta, khu vực Tây - Bắc Âu này cũng là nơi có phong trào quần chúng đoàn kết ủng hộ Việt Nam rất mạnh mẽ và là những nước đầu tiên ở phương Tây lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam dân chủ cộng hòa (nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) mở đầu là Thụy Điển (11-1-1969). Tình cảm đoàn kết với Việt Nam in đậm trong trái tim của thế hệ thanh niên những năm 60 và 70, thế hệ đang có vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế, chính trị và xã hội... của các nước Tây - Bắc Âu mà đa phần hiện nay là thành viên EU (trừ một số nước như Thụy Sĩ, Na-Uy, Ai-xơ-len và Man-ta).

Trong quan hệ giữa Việt Nam và EU, các mối quan hệ hợp tác song phương giữa ta với các nước thành viên EU mang tính quyết định. Bởi lẽ, quan hệ này mang tính đặc thù giữa Việt Nam và các nước EU riêng biệt, như quan hệ của Việt Nam với Thụy Điển và các nước Bắc Âu có những điểm khác với quan hệ hợp tác giữa ta với Pháp, Đức, Anh... Tuy vậy, mối quan hệ chính trị và ngoại giao giữa ta với các nước EU nhìn chung là tốt đẹp, không bị cản trở bởi các vấn đề do lịch sử để lại, như đối với Pháp và Đức, hai nước có tiềm năng lớn về mọi mặt (ta và bạn đã và đang phối hợp với nhau để giải quyết tốt những vấn đề tồn đọng). EU coi trọng vai trò và vị trí của Việt Nam trong khu vực Đông - Nam Á, trong quan hệ hợp tác Á - Âu, tại các diễn đàn quốc tế và Việt Nam là một đối tác có tiềm năng về kinh tế, thương mại, đầu tư... trong tương lai.

Sự nghiệp đổi mới của ta có sức hấp dẫn lớn đối với dư luận EU, đặc biệt là chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa, từng bước hội nhập khu vực và quốc tế, là bạn của tất cả các nước, phấn đấu cho một Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh, góp phần tích cực vào hòa bình, hữu nghị và phát triển trên thế giới. Sự hấp dẫn đó tạo thêm sức mạnh cho chính sách phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác của Việt Nam với EU trong hơn 10 năm qua, trong hiện tại và tương lai. Tuy quan hệ song phương của Việt Nam và các nước thành viên EU mang tính quyết định, nhưng EU là một liên minh kinh tế đang hướng tới những thể chế hợp tác chặt chẽ hơn không những trong kinh tế, mà

* Phó vụ trưởng, Bộ ngoại giao

(1) Anh, Áo, Ai-len, Bỉ, Bồ Đào Nha, Đan Mạch, Đức, Hà Lan, Hy Lạp, I-ta-li-a, Lúc-xăm-bua, Pháp, Phần Lan, Tây Ban Nha và Thụy Điển

Digitized by Google

cả về chính trị và an ninh quốc phòng. Các thể chế của EU ngày càng chặt chẽ và ràng buộc các nước thành viên. Họ thực hiện một ý tưởng "thống nhất trong đa dạng" nhằm phát triển nền kinh tế - xã hội của từng nước và khu vực. Về lâu dài, EU sẽ mở rộng ra ngoài phạm vi 15 nước thành viên như hiện nay và bao gồm nhiều nước Trung, Đông Âu và các nước láng giềng khu vực. Do vậy, việc hợp tác tốt với Ủy ban châu Âu là rất quan trọng trong các mối quan hệ song phương và đa phương với EU.

Trên cơ sở các mối quan hệ chính trị ổn định và hiểu biết lẫn nhau, quan hệ về kinh tế, nhất là về hợp tác phát triển, thương mại, đầu tư, văn hóa, giáo dục, khoa học - kỹ thuật... giữa Việt Nam và EU không ngừng phát triển.

Về hợp tác phát triển, 10 năm qua, các nước EU dành cho Việt Nam khoản viện trợ ODA hơn 2 000 triệu USD, trong đó phần lớn là viện trợ không hoàn lại để thực hiện nhiều dự án quan trọng về y tế, công nghiệp, nông nghiệp, bảo vệ môi trường, cung cấp nước sạch, hỗ trợ cải cách hành chính, xóa đói giảm nghèo, văn hóa, giáo dục - đào tạo... Ủy ban châu Âu (EC) - cơ quan hành pháp cao nhất của EU, cũng dành cho Việt Nam sự giúp đỡ rất có ý nghĩa. Trong những năm 1991 - 1995, viện trợ của EC chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực phát triển nông thôn, nhân đạo, trong đó có chương trình tái hòa nhập cho người Việt Nam di tản hồi hương với tổng kinh phí hơn 70 triệu USD. Đây là một chương trình rất có hiệu quả và tiếp tục phát huy tác dụng thông qua quỹ tín dụng cho người hồi hương và chương trình phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ngoài ra EC còn hỗ trợ về bảo vệ môi trường, các tổ chức phi chính phủ, hỗ trợ các doanh nghiệp EU đầu tư vào Việt Nam... Từ năm 1995 đến 2000, viện trợ của EC tiếp tục tăng lên từ 32 triệu Ecu/năm (tương đương trên 40 triệu USD) giai đoạn 1994 - 1995 lên 52 triệu Ecu/năm (tương đương 67 triệu USD) trong những năm 1996 - 2000. Viện trợ này tiếp tục được đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên trong chính sách chung của ta, như phát triển nông nghiệp, nông thôn, xóa đói giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực, y tế, hỗ trợ cải cách hành chính, hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế (như giúp ta trong quá trình đàm phán gia nhập Tổ chức thương mại thế giới WTO)... Đây cũng là các mục tiêu chủ yếu trong chiến lược hợp tác với Việt Nam của EC nhằm góp phần giúp nền kinh tế - xã hội Việt Nam phát triển ổn định và bền vững. Giữa ta và EU đều cho rằng việc triển khai thực hiện các chương trình hợp tác phát triển là có hiệu quả, tuy vậy do còn những vướng mắc về thủ tục và bệnh quan liêu, nên kết quả cũng có những hạn chế và chưa đáp ứng sự mong đợi của cả hai bên.

Quan hệ buôn bán thương mại Việt Nam - EU phát triển rất khả quan, trong 10 năm từ 1990 - 1999 với quy mô tăng trên 12 lần và tốc độ tăng bình quân mỗi năm là 32%. Năm 1999, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều đạt gần 4 500 triệu USD, trong đó Việt Nam xuất khẩu hơn 3 300 triệu USD, nhập khẩu 1 120 triệu USD. 6 tháng đầu năm 2000, Việt Nam xuất khẩu sang EU đạt khoảng 1 400 triệu USD. Những mặt hàng chủ yếu ta xuất khẩu sang EU bao gồm hàng dệt may, giày dép, thủy sản, cà phê, thủ công mỹ nghệ... Việt Nam nhập khẩu từ EU chủ yếu là máy móc, thiết bị công nghiệp, hóa chất, tân dược, thực phẩm chế biến... Việt Nam và EU đã dành cho nhau chế độ đãi ngộ tối huệ quốc (MFN) và EC cam kết dành cho hàng hóa xuất xứ từ Việt Nam chế độ ưu đãi phổ cập (GSP), gia hạn và tăng hạn ngạch nhập khẩu hàng dệt may của Việt Nam. Đặc biệt từ tháng 10-1999 đến nay, EC đã công nhận hơn 40 doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam vào danh sách 1, tức là đạt tiêu chuẩn chất lượng và vệ sinh của EU, được xuất vào thị trường EU mà không bị kiểm tra thường xuyên. Đây là một lợi thế quan trọng đối với các hàng xuất khẩu thủy sản của ta và các doanh nghiệp chưa được công nhận vào danh sách 1 cần tiếp tục phấn đấu để đạt được tiêu chuẩn về chất lượng và vệ sinh mà EC quy định. Tuy vậy, chúng ta cũng mong rằng EC không vì vấn đề đó mà tạo ra những hàng rào phi thuế quan để cản trở thương mại giữa EU và các nước khác, nhất là đối với các nước đang phát triển. Hiện nay, xuất khẩu sang EU chiếm khoảng 25% tổng kim ngạch xuất khẩu của ta, trong khi đó, giá trị thương mại của EU với Việt Nam chỉ chiếm 0,12% tổng kim ngạch ngoại thương của họ. Do đó, việc nhập siêu đối với thị trường Việt Nam không có ảnh hưởng gì đối với quan hệ buôn bán - thương mại của EU nói chung. Tuy vậy, về lâu dài lúc nền kinh tế Việt Nam đã phát triển ổn định và có tích lũy khá, chúng ta cũng cần tranh thủ nhập khẩu những mặt hàng có hàm lượng công nghệ và kỹ thuật cao từ khu vực Tây - Bắc Âu. Để thúc đẩy hơn nữa quan hệ thương mại với EU (trước hết là với các nước thành viên quan trọng như Đức, Pháp, Anh, I-ta-li-a), doanh nghiệp của ta cần phải năng động

Digitized by Google

hơn, đa dạng mặt hàng, tăng chất lượng, tìm hiểu luật lệ của EC, nắm bắt cơ hội và phối hợp tốt giữa các doanh nghiệp trong quan hệ buôn bán với EU... Thực tế vừa qua cho thấy vai trò "ngoại giao làm kinh tế" của ngành ngoại giao đã đóng góp đáng kể trong việc thúc đẩy buôn bán của Việt Nam với EU nói riêng và trong sự phát triển hợp tác nhiều mặt giữa Việt Nam và EU nói chung.

Lĩnh vực hợp tác lớn thứ ba giữa Việt Nam và EU là đầu tư. Như trên đã đề cập, các nước EU có tiềm năng lớn về kỹ thuật, công nghệ cao và nguồn vốn dồi dào mà Việt Nam đang rất cần cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chính sách đầu tư nước ngoài và những điều kiện vật chất, nhất là hạ tầng cơ sở của Việt Nam, ngày càng tốt hơn đã và đang tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư nước ngoài, trong đó có các nước EU. Tổng số vốn đăng ký đầu tư của EU vào Việt Nam tính đến nay đạt tới 5 380 triệu USD với 322 dự án được cấp giấy phép. Tuy vậy, 71 dự án đã hết hạn, giải thể hoặc chuyển nhượng vốn. EU còn 241 dự án với tổng số vốn đăng ký là 4 380 triệu USD, chiếm 10% vốn dự án và 12,2% vốn đăng ký của các dự án đang hoạt động tại Việt Nam. Các nước EU đầu tư lớn vào Việt Nam gồm Pháp (104 dự án, vốn đăng ký 1 789 triệu USD), Anh (29 dự án, vốn đăng ký là 1 047 triệu USD) và Hà Lan (36 dự án vốn đăng ký là 578 triệu USD)... Đầu tư của EU tập trung chủ yếu vào các ngành công nghiệp như dầu khí, điện, nước, xây dựng cơ sở hạ tầng, chế biến nông sản thực phẩm, viễn thông, dịch vụ tài chính, ngân hàng... Các dự án đầu tư của EU nhìn chung hoạt động có hiệu quả và đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, đạt mức doanh thu 2,3 tỉ USD, thu hút trên 23 000 lao động Việt Nam. Tuy vậy, so với tiềm năng và vốn đầu tư ra nước ngoài của EU, thì số vốn họ đầu tư vào Việt Nam còn quá nhỏ bé. Đây cũng là điều mà các nhà hoạch định chính sách và giới doanh nghiệp của ta phải suy nghĩ làm sao thu hút được thêm đầu tư của các nước EU vào Việt Nam trong thời gian tới.

Trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục - đào tạo, sự hợp tác giữa Việt Nam và EU ngày càng được mở rộng và đi vào chiều sâu. Trong những năm từ 1996 đến 1999, EU tài trợ cho chương trình "liên kết các trường đại học khoa học và kỹ thuật" do cơ quan đại học của khối các nước có sử dụng tiếng Pháp (AUF) tổ chức. Tiếp đó là dự án "hỗ trợ Bộ Giáo dục và Đào tạo" với 3 hợp phần chính là hỗ trợ về thể chế, về quản lý và về sư phạm nhằm tăng cường hiệu quả của mô hình giảng dạy, trước hết là trong các trường tiểu học. Ngoài ra, hàng trăm sinh viên, nghiên cứu sinh và công nhân kỹ thuật... của Việt Nam sang học tập, nghiên cứu hoặc thực tập tại các trường đại học, học viện, các cơ sở công nghiệp tại các nước EU theo chương trình hợp tác ngắn hạn hoặc dài hạn giữa hai bên. Trong năm 1998 - 1999, cuộc triển lãm nghệ thuật "Việt Nam ở thế kỷ XX" đã được tổ chức thành công ở Brúc-xen (Bỉ) và Pa-léc-mô (I-ta-li-a) góp phần nâng cao hình ảnh về đất nước và con người Việt Nam với một nền văn hóa phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc, nhưng cũng rất gần gũi với những giá trị nhân văn chung của nhân loại. Nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ khác cũng được phối hợp tổ chức giữa các đối tác Việt Nam và EU. Sự hợp tác trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục - đào tạo có ý nghĩa lớn trong quan hệ giữa Việt Nam và EU, và đang có đà phát triển. Hiện nay, ngoài những lĩnh vực hợp tác lớn nói trên, quan hệ du lịch giữa Việt Nam và EU cũng có nhiều nét nổi bật thông qua những dự án hỗ trợ ngành du lịch Việt Nam, góp phần hấp dẫn một lượng khách châu Âu đáng kể vào du lịch và tìm hiểu thị trường đầu tư, kinh doanh và buôn bán ở Việt Nam. Đây cũng là một tiềm năng lớn nếu chúng ta biết khai thác sẽ đóng góp không nhỏ cho sự phát triển các mối quan hệ hợp tác khác, trước hết là về chính trị, kinh tế, thương mại và đầu tư.

Mười năm qua, đặc biệt là từ khi giữa ta và EU có Hiệp định khung về hợp tác (năm 1995) đến nay, quan hệ hợp tác giữa ta và EU đã chuyển về chất và đạt tới một tầm cao mới với chuyến thăm lịch sử của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đến Ủy ban châu Âu (EC) ở Brúc-xen cùng với những cuộc trao đổi thẳng thắn và bổ ích với Chủ tịch Ủy ban châu Âu Rô-ma-nô Prô-di (Romano Prodi) cùng nhiều quan chức cấp cao của EC tháng 5-2000. Đây cũng là chuyến thăm tiếp nối ngay sau khi Tổng Bí thư ta thăm hữu nghị chính thức Cộng hòa Pháp và Cộng hòa I-ta-li-a - hai thành viên quan trọng của EU và cũng là 2 đối tác lớn của Việt Nam ở Tây - Bắc Âu. EC đã chính thức công nhận Việt Nam là nước có nền kinh tế thị trường. Sự công nhận này tạo thêm điều kiện thuận lợi trong quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và EU. Quan hệ Việt Nam với EU

(Xem tiếp trang 63)

Digitized by Google

VẤN ĐỀ ĐI LÊN HIỆN ĐẠI HÓA CỦA CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN

NGUYỄN THỊ HOA

Cuộc chuyển biến vĩ đại của loài người từ nền văn minh nông nghiệp sang nền văn minh công nghiệp trên quy mô toàn thế giới được mở đầu bằng cuộc cách mạng công nghiệp cuối thế kỷ XVIII. Trải qua quá trình hình thành và phát triển, cuộc cách mạng kỹ thuật đã tiến một bước dài kỳ diệu, tạo ra trình độ phát triển mới của nhân loại và ngày nay đang cuốn các dân tộc trên thế giới vào cuộc cách mạng mới - cách mạng tin học. Tuy nhiên, nhiều nước đang phát triển và chậm phát triển vẫn đang trong tiến trình phát triển công nghiệp hóa, thậm chí có những nước mới ở giai đoạn đầu. Đi lên hiện đại hóa của các nước đang phát triển là một vấn đề lớn, có tác động đến tiến trình phát triển của loài người.

Nhìn lại lịch sử, có thể thấy các dân tộc thuộc địa bị cuốn vào làn sóng văn minh với những địa vị và hoàn cảnh khác nhau nhưng cùng chung số phận lịch sử là "mất sự lựa chọn". Thời tiền hiện đại, khi các dân tộc trên thế giới nói chung còn chưa đủ sức và khả năng vượt qua ngưỡng cửa biên giới châu lục và đại dương, thì sự "phát hiện" các vùng đất xa xôi của tư bản phương Tây đã mở đường cho thời kỳ mở mang, xâm chiếm, đô hộ thuộc địa kéo dài suốt 5 thế kỷ.

Trước khi chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dân phương Tây, ở các xã hội thuộc địa đã xuất hiện những mầm mống tư bản chủ nghĩa. Nhưng những yếu tố ít ỏi đó chưa đủ mạnh và chưa có điều kiện để có thể tạo sự chuyển biến lớn trong kết cấu kinh tế - xã hội đất nước. Quá trình hiện đại hóa của các nước đang phát triển được mở đầu và thúc đẩy bởi quá trình quốc tế hóa, toàn cầu hóa kinh tế với việc mở rộng và bành trướng phạm vi thế lực ảnh hưởng của chủ nghĩa tư bản thế giới. Như vậy, đi đôi với sự xâm lược trực tiếp, chủ nghĩa tư bản phương Tây đã phá vỡ cơ cấu và hệ thống kinh tế - xã hội khép kín truyền thống, tạo ra trong lòng xã hội cổ xưa những yếu tố tư bản mới và phương thức sản xuất tiến bộ hơn.

Quá trình quốc tế hóa, toàn cầu hóa do phương Tây chi phối đúng là có tạo điều kiện cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, thúc đẩy tốc độ hiện đại hóa kinh tế của các nước. Nhưng vì nó gắn liền với mưu đồ khai thác, bóc lột, thống trị và lợi ích thực dân nên không làm cho xã hội thuộc địa phát triển được bao nhiêu, nếu có cũng chỉ là sự "giả phát triển". Sự chuyển biến từ xã hội truyền thống sang hiện đại mang tính cưỡng bức, bột phát, không xuất phát từ sự vận động bên trong của đất nước. Sự biện minh mang đầy màu sắc kỳ thị chủng tộc về cái gọi là truyền bá văn minh cho các dân tộc chậm tiến chỉ với mục đích làm giàu thêm cho chủ nghĩa tư bản trên sự nghèo đói và bần cùng của thuộc địa. Tác động của tiến trình mở rộng phạm vi thế giới tư bản chủ nghĩa, suy cho cùng, mang nhiều mâu thuẫn. Một mặt, ở góc độ nào đó, nó đưa tới sự tiến bộ. Nhưng đồng thời nó cũng là căn nguyên của những cuộc chiến tranh tàn khốc, của sự hủy diệt nhiều dân tộc và nhiều nền văn hóa, văn minh, của sự áp đặt bộ máy cai trị thuộc địa với nền độc lập chính trị giả hiệu, kinh tế què quặt, nền văn hóa lệ thuộc và mất dần bản sắc. Xã hội thuộc địa trì trệ và cổ xưa bước vào đợt sóng hiện đại hóa một cách giả tạo, thực chất bị biến thành những vành đai ngoại vi rộng lớn cung ứng hàng hóa, nguyên vật liệu, bảo đảm siêu lợi nhuận trực tiếp cho các chủ tư bản

Digitized by Google

châu Âu, góp phần tạo ra một giai đoạn mới của sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.

II. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, từ những năm 50, 60 một loạt các nước thuộc địa và phụ thuộc ở khắp các châu lục đã lần lượt giành được độc lập. Đại đa số các nước đang phát triển mới bước vào giai đoạn khởi đầu phát triển. Nhìn chung, lần đi lên hiện đại hóa thời kỳ hiện đại khác xa với giai đoạn cận đại. Lực thúc đẩy là từ bên trong, từ nhu cầu và khả năng phát triển của đất nước.

Do môi trường tự nhiên, vị trí địa lý, hoàn cảnh lịch sử, và nhất là trình độ sức sản xuất khác nhau, trong các giai đoạn khác nhau, các nước đang phát triển lựa chọn con đường hiện đại hóa theo những mô hình và cách thức khác nhau.

Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu đã khá thành công trong những thập kỷ đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Công cuộc hiện đại hóa ở các nước này đã đạt được những kết quả kỳ diệu. Nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có sự sai lệch về định hướng, cách thức, bước đi, những ưu thế của sự phát triển ở các nước này dần bị cạn kiệt và các cuộc cải tổ tiếp đó lại gặp nhiều sai lầm trầm trọng nên đã dẫn tới sự tan rã cả thể chế xã hội.

Trung Quốc đi theo con đường hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa. Năm 1978, Trung Quốc tiến hành chính sách "cải cách, mở cửa", chủ trương thực hiện 4 hiện đại hóa. Qua hơn 20 năm thực hiện cải cách, mở cửa, Trung Quốc đã đạt được những thành tựu to lớn : trở thành quốc gia có trình độ công nghệ tiên tiến, có mức tăng trưởng cao, liên tục, giữ vững ổn định chính trị, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, giảm đói nghèo trên diện rộng. Năm 1999, tốc độ tăng trưởng GDP của Trung Quốc đạt 7,1%. Trong khi đó, các nước Đông Á đều thi hành chiến lược công nghiệp hóa hướng xuất khẩu, đã lập nên "kỳ tích Đông Á" về tăng trưởng kinh tế cao và bền vững. Trong hơn ba thập niên qua, đã trỗi dậy làn sóng tăng trưởng kinh tế Đông Á. Tỷ lệ tăng trưởng trung bình của các nước này đạt 7,3%/ năm (1965 - 1980), 8% (1980 - 1990) và 8,1% (1990 - 1998). Các nước Trung Quốc, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan đứng đầu trong hàng ngũ các nước đang phát triển về tăng trưởng GDP, xuất khẩu, đầu tư nước ngoài trong những năm 90.

Khu vực Mỹ La tinh bước vào đợt sóng hiện đại hóa sớm hơn so với châu Á và châu Phi, nên đã có kinh nghiệm về loại hình phát triển công nghiệp. Sau một thời gian thực hiện chiến lược công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu (thập niên 50, 60), những giới hạn, khiếm khuyết của mô hình phát triển bắt đầu bộc lộ và tác động các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Bắt đầu từ giữa thập niên 80 đến đầu thập niên 90, hầu hết các nước Mỹ La tinh chuyển sang mô hình phát triển mới, thiết lập nền kinh tế hướng ngoại, thực hiện tự do hóa mậu dịch. Những cuộc chuyển đổi theo hướng dân chủ, tự do và cải cách kinh tế lúc đầu có giải quyết được những khó khăn kinh tế, tăng thu nhập, giảm đói nghèo nhưng cũng không vượt khỏi những hạn chế của mô hình mang nặng tính phụ thuộc. Sau khi bắt đầu các cuộc cải cách, GDP của toàn khu vực tăng 3,1% trong năm 1991 nhưng sau cuộc khủng hoảng tiền tệ Mê-hi-cô năm 1994, GDP của Mỹ La tinh giảm xuống còn 0,8% (1995), và khoảng 3% (1996). Tăng trưởng của khu vực này giảm từ 5,3% trước cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á xuống còn 2,6% năm 1999.

Ở khu vực châu Phi, ngay sau khi giành độc lập, nhiều nước trong khu vực thi hành đường lối phát triển sai lầm, sao chép nguyên xi hình mẫu các nước phương Tây. Đường lối phát triển này không những không giải quyết tận gốc những khó khăn kinh tế mà còn khơi sâu thêm các mâu thuẫn, xung đột dân tộc, nội chiến và những thảm cảnh xã hội khác. Châu Phi đang ở ranh giới giữa nghèo đói - phát triển, giữa tàn tích của chế độ thực dân với những cải cách mang tính chất đối phó. Hiện đại hóa chỉ đến phần nào đối với một bộ phận dân cư, còn tuyệt đại đa số người dân, nhất là các nước vùng Sừng châu Phi đang phải vật lộn với tình trạng đứt bữa, bệnh tật, và những khó khăn khác.

Ngày nay quá trình toàn cầu hóa kinh tế đã gắn kết các thị trường nội địa thành làng toàn cầu, trong đó mỗi quốc gia là một thành viên quan trọng, thì đối với các nước đang phát triển, đi lên

Digitized by Google

hiện đại hóa, hòa nhập mạng lưới phát triển toàn cầu là xu thế tất yếu. Khi loài người chuẩn bị bước sang nền văn minh hậu công nghiệp, trên hành tinh vẫn còn 1,3 tỉ người ở bờ vực của nghèo đói, (theo dự đoán của Ngân hàng thế giới, đầu thiên niên kỷ mới sẽ có khoảng 1,5 tỉ người nghèo khổ) ; nhiều nơi, nhiều khu vực vẫn trong tình trạng lạc hậu, nền văn minh nông nghiệp sơ khai, sự tồn tại của các bộ lạc, bộ tộc cùng với sự bảo lưu phương thức sản xuất nguyên thủy. Trước làn sóng của toàn cầu hóa, đây là thách thức vô cùng to lớn đối với các nước đang và chậm phát triển trong vấn đề tồn tại, phát triển, hội nhập nói chung và đi lên hiện đại hóa của mỗi nước nói riêng. Các quốc gia, dân tộc nhất là các nước thuộc thế giới thứ ba đang phải đối diện với những thách thức và sự lựa chọn lịch sử : làm thế nào để hội đủ điều kiện, lựa chọn mô hình phát triển thích hợp để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mở cánh cửa với thế giới bên ngoài, bắt được làn sóng văn minh trí tuệ mới. Hội nhập như thế nào trong khi vẫn giữ vững được độc lập chủ quyền và bản sắc dân tộc ?

Nền công nghiệp quy mô lớn là nấc thang phát triển mà các dân tộc phải trải qua. Đây là con đường tất yếu để đạt tới trình độ phát triển cao hơn nếu không muốn bị tụt hậu, bỏ rơi. Thời đại ngày nay tạo nhiều cơ hội phát triển, cho sự "đi nhanh", "đuổi kịp" và "bỏ qua". Trong điều kiện nhất định và với tiềm năng về con người, tài nguyên thiên nhiên cộng với môi trường chính trị - xã hội ổn định, các nước đang phát triển có thể nắm bắt và ứng dụng những thành quả khoa học và những công nghệ phù hợp, tiên tiến nhất trên thế giới, bổ sung cho sự phát triển kinh tế, lấy đó làm tiền đề cho sự "cất cánh". Có nhiều cơ hội cho các nước đang phát triển có thể tiến thẳng, trực tiếp vào cuộc cách mạng, từ những mạng lưới kém phát triển tới những mạng lưới hoàn toàn được số hóa, đuổi kịp và nhảy vọt lên trước các nước công nghiệp, bỏ qua những công nghệ truyền thống không còn thích hợp nữa. Đi lên hiện đại hóa không hoàn toàn là dẫm lên những vết xe cũ của các nước đi trước, lặp lại tuần tự lối phát triển cổ điển của các nước phát triển Tây Âu. Với lợi thế của nước "đi sau", các nước đang phát triển có thể rút nhiều bài học kinh nghiệm của các nước đã qua, tránh được những ảnh hưởng phụ và những mặt trái của tiến trình công nghiệp hóa, rút ngắn thời gian, quá trình khởi động, đẩy nhanh tiến độ phát triển. Lịch sử cho thấy, các nước châu Á đã tiến hành cuộc cách mạng công nghiệp trong 50 năm - cuộc cách mạng mà các nước phương Tây phải mất đến 200 năm để hoàn thành. Cuộc cách mạng công nghiệp Anh diễn ra từ khoảng năm 1780, phải đến 58 năm sau, nước này mới tăng thu nhập bình quân đầu người lên gấp đôi ; Mỹ phải mất đến 47 năm (từ 1839) để làm điều đó ; Nhật Bản mất 34 năm (từ 1885) ; Hàn Quốc đã duy trì tình hình đó trong 11 năm (từ 1966) ; còn Trung Quốc chưa đến 10 năm [1].

Đi lên hiện đại hóa của các nước đang phát triển không chỉ là sự đáp lại những thách thức bên ngoài. Đây phải được coi là thế chủ động trong lựa chọn chiến lược phát triển. Phát triển trên cơ sở độc lập tự chủ, tự cường, nâng cao và phát huy quốc lực.

Phát triển không chỉ đơn thuần là công nghiệp hóa như cách định nghĩa từng tồn tại trong 50 năm qua ; không chỉ bao hàm nội dung kinh tế. Bởi lẽ, tăng trưởng nhưng có thể không bảo đảm sự phát triển bền vững. Có một thời kỳ, người ta dùng lý luận kinh tế phát triển và hiện đại hóa của phương Tây để xem xét và áp dụng vào các xã hội đang phát triển mà không tính đến bối cảnh lịch sử, điều kiện đặc thù và trình độ sức sản xuất của các nước. Đó là một quan điểm và chiến lược sai lầm, không tưởng, và là sự tụt lùi về mặt xã hội và lịch sử. Chỉ một vài quốc gia và lãnh thổ như Hàn Quốc, Xin-ga-po, Hồng Công, Đài Loan đã kịp thời nắm bắt thời cơ, nhanh chóng chuyển đổi mô hình kinh tế phù hợp, thành công trong công cuộc hiện đại hóa. Còn đại đa số các nước lấy con đường hiện đại hóa phương Tây làm khuôn thước cho sự phát triển đều không tìm thấy lối thoát. Hiện đại hóa kiểu đó chỉ mang lại sự phát triển mang tính phụ thuộc, phiến diện, không tự giác, có tính chất đối phó, chủ yếu đuổi theo mô hình phương Tây khi các nước phương Tây đã qua giai

(1) Xem : *Thời báo Eo biển* (Xin-ga-po), 21-1-1997

Digitized by Google

đoạn khởi động - phát triển công nghiệp hóa từ lâu, đã đi trước, vượt xa về trình độ phát triển và khi thế giới ngày nay đã khác xa so với thế kỷ trước đây.

III. Thế giới ngày nay hội nhiều điều kiện, nhân tố cho quá trình hiện đại hóa của các nước đang phát triển, nhưng cũng đặt ra vô vàn thách thức, trong đó có một số thách thức sau :

Hầu hết các nước đang phát triển là những xứ sở nghèo nàn, lạc hậu, đi lên từ xã hội nông nghiệp truyền thống và đều bị ách áp bức bóc lột của chủ nghĩa thực dân, đế quốc hàng mấy thế kỷ. Do vậy, các nước này không có tích lũy tư bản nguyên thủy kéo dài hằng trăm năm như Tây Âu. Các nước công nghiệp phát triển Tây Âu đã qua giai đoạn công nghiệp hóa và hiện đại hóa dựa trên những cơ sở và điều kiện thuận lợi sẵn có. Đối với các nước tiến hành công nghiệp hóa muộn (từ khoảng nửa sau thế kỷ XX đến nay), con đường này không hoàn toàn là dễ dàng. Ngoại trừ các "con rồng nhỏ châu Á" hoàn thành công cuộc hiện đại hóa, bứt lên và đứng vào hàng ngũ các nước và lãnh thổ công nghiệp mới (NICs) ; một số nước ASEAN như Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a đã bước sang giai đoạn hai của quá trình công nghiệp hóa, còn đại đa số các nước đang phát triển khác trên thế giới phải trải qua quá trình lâu dài, quanh co và chông gai hơn mới có thể hoàn thành nhiệm vụ trọng đại này.

Sự chuyển biến từ xã hội nông nghiệp truyền thống sang xã hội công nghiệp hiện đại ở các nước đang phát triển không phải là thay đổi ngay lập tức cơ cấu kinh tế - xã hội từ gốc đến rễ, từ dưới lên trên, từ thấp đến cao. Nó cũng không phải là sự vượt bỏ hoàn toàn các yếu tố cũ để hình thành những giá trị mới. Hiện đại hóa phải được đặt trên cơ sở, điều kiện, tiền đề nhất định. Hội đủ những yếu tố cần thiết đó mới có thể bước vào giai đoạn phát triển. Với những nước đi lên từ cơ sở xã hội quá nghèo, bị bủa vây bởi những cản ngại từ nhiều phía thì con đường này thường u ám và đau đớn. Hiện đại hóa ở các xã hội đó tất sẽ dẫn đến những biến đổi và căng thẳng xã hội. Vấn đề là làm sao xử lý có hiệu quả mối quan hệ giữa giá trị truyền thống - hiện đại ; phát triển - văn hóa ; mở cửa - độc lập tự chủ ; văn hóa phương Tây và văn hóa bản địa. Chẳng hạn, chạy theo tăng trưởng mà không tính đến phân phối công bằng thành quả phát triển có thể dẫn đến mất ổn định xã hội. Hiện đại hóa mà dẫn tới cùng kiệt tài nguyên, phá vỡ cân bằng sinh thái, tha hóa lối sống thì sẽ là thảm họa. Hiện đại hóa như vậy là mất gốc lịch sử, đứt đoạn về tính kế thừa của văn hóa. Phát triển hay hiện đại hóa nói chung phải được đặt trên nền tảng văn hóa và tiến trình lịch sử.

Sự chuyển biến chậm từ xã hội nông nghiệp lạc hậu sang xã hội hiện đại cũng là trở ngại cho tiến trình hiện đại hóa. Các nước nghèo bị cuốn vào trào lưu văn minh, trên cơ sở điểm xuất phát rất thấp, cơ cấu kinh tế - xã hội lạc hậu, chưa được cải tạo căn bản, nên không có điều kiện phát triển và không thể tận dụng được cơ hội và nguồn lực bên ngoài do xu thế quốc tế hóa kinh tế mang lại. Châu Phi có nguy cơ bị gạt ra ngoài lề của sự phát triển. Ở các nước châu Phi Nam Xa-ha-ra và các nước chậm phát triển, thu nhập bình quân đầu người ngày nay còn thấp hơn năm 1970. Nhiều cuộc cải cách diễn ra nhưng cho đến nay các nước vẫn chưa thoát khỏi tình trạng trì trệ do đang phải trả giá đắt cho việc áp dụng chủ nghĩa tự do kiểu phương Tây. Từ thập niên 90, các nước Mỹ La tinh đã đi đầu trong việc bán "đại hạ giá" các xí nghiệp quốc doanh để áp dụng chủ nghĩa tự do kinh tế. Từ năm 1980 đến năm 1990, 38 nước châu Phi Nam Xa-ha-ra tiến hành hơn 257 chương trình cải cách, điều chỉnh. Hai thập niên điều chỉnh cơ cấu dưới sự ủy trị của Quỹ tiền tệ quốc tế và Ngân hàng thế giới chỉ gây ra thất bại kinh tế và thảm họa xã hội cho các nước đang phát triển [2].

Trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hầu hết các nước đang phát triển đều cần đến vốn, công nghệ, kỹ năng quản lý, thị trường bên ngoài. Nhưng sự quá lệ thuộc vào các nhân tố bên ngoài có thể dẫn đến tình trạng khó lường hết những hậu quả nếu biến động xảy ra. Bài học về cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ Đông Á năm 1997 là một ví dụ.

(2) Xem: *Sự trỗi dậy của Thế giới thứ ba* (Ma-lai-xi-a), số 108 - 109, tr 62, 64

Digitized by Google

Chủ nghĩa tư bản đã "có công" tạo ra sự thay đổi hệ thống kinh tế - xã hội của các nước chậm phát triển. Sự bóc lột của chủ nghĩa thực dân mới không phải bằng đại bác và chiến hạm ; cuộc xâm lấn thị trường và công nghệ đã thay thế cuộc chiếm lĩnh thuộc địa. Trong bối cảnh của thị trường thế giới ngày càng có xu hướng chuyển giao công nghệ cũ, lạc hậu sang các nước nghèo hơn, công nghệ của các nước đang phát triển khó mà chen chân được và cạnh tranh nổi trong thế trận mới mà các nước tư bản chiếm ưu thế. Ngoài ra, bằng hình thức cho vay nặng lãi qua các chương trình viện trợ, các nước tư bản đã tính đến việc "trói chặt" các nước nghèo vào sự tù túng và lệ thuộc mới bằng sự duy trì mức đóng góp hằng năm. Còn các chủ nợ phương Bắc thì đút túi cả vốn lẫn lãi. Trong năm 1995 ước tính số tiền chuyển từ Nam lên Bắc là 189 tỉ đôla, năm 1996 tăng lên 213 tỉ.

Toàn cầu hóa kinh tế tiếp tục tạo ra những khoảng cách về thương mại, đầu tư, sở hữu trí tuệ... Cuộc cách mạng tin học tạo ra những khoảng cách khó lấp đầy giữa các khu vực. Theo *Báo cáo phát triển con người năm 2000* của chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP), trong năm 1998, có hơn 26% số người Mỹ truy nhập In-tơ-nét, so với 0,8% ở Mỹ La tinh và vùng Ca-ri-bê, 0,1% ở vùng châu Phi Nam Xa-ha-ra và 0,04% ở Nam Á. Trong khi đó, số người truy nhập In-tơ-nét trên thế giới ngày càng tăng, từ 16 triệu người trong năm 1995 tăng lên 304 triệu người năm 1996.

Về mặt lý thuyết, toàn cầu hóa sẽ đẩy nhanh tốc độ hiện đại hóa, rút ngắn khoảng cách phát triển của các nước theo đúng quỹ đạo. Toàn cầu hóa sẽ thúc đẩy lực lượng sản xuất trên khắp thế giới, tạo bước nhảy vọt về lực lượng sản xuất trong các nước lạc hậu. Nhưng xu thế toàn cầu hóa cũng đang dẫn tới việc các quốc gia, nhất là các nước nghèo, ngày càng phụ thuộc nhiều hơn vào bên ngoài. Đối với các nước nghèo, cần có một lượng vốn nhất định để vực dậy nền kinh tế vốn mỏng manh và yếu kém và để thoát khỏi tình trạng nợ nước ngoài triền miên và sự phụ thuộc trên nhiều tầng nấc. Cần thiết phải dựa vào bên ngoài để tăng cường nguồn lực tự thân, phát triển đất nước. Nhưng để có thể tận dụng ngoại lực, thu hút vốn, đầu tư, kỹ thuật - công nghệ từ bên ngoài, cần có sức mạnh và nguồn lực bên trong (môi trường chính trị - xã hội ổn định, cơ sở hạ tầng thích hợp, nguồn lực dồi dào...). Sẽ không còn thích hợp cho sự phát triển biệt lập, đóng cửa hay từ chối mọi liên hệ trong một hệ thống kinh tế thế giới ngày càng mở rộng và sự liên kết toàn cầu gia tăng đang đẩy các dân tộc lại gần nhau hơn. Nhưng cũng không chấp nhận sự áp đặt hay lệ thuộc nào vì nó chỉ đưa lại sự phát triển gượng ép và tạm thời. Nếu không xử lý đúng đắn mối quan hệ nhân tố bên trong và nhân tố bên ngoài, thì vô hình trung, các nước đang phát triển có thể tiếp tục rơi vào thế bất lợi của sự phân công quốc tế bất bình đẳng, trở thành khu vực "ngoại vi", vệ tinh kiểu mới, chuyên sản xuất nguyên liệu, cung cấp những sản phẩm thô, sơ chế và là thị trường tiêu thụ của các trung tâm tư bản và các nước phát triển.

Quá trình toàn cầu hóa phát triển vượt bậc do tác động của cách mạng khoa học - công nghệ đang gây ra sự chênh lệch ngày càng lớn về thu nhập giữa các khu vực, các quốc gia và trong nội bộ mỗi nước. Khoảng cách thu nhập giữa nước giàu nhất và nước nghèo nhất không ngừng tăng lên, từ 3/1 (năm 1820), 35/1 (1950), 44/1 (1973) đến 72/1 (1992). Ở Bra-xin, Goa-tê-ma-la và Gia-mai-ca, thu nhập của 1/5 số người giàu nhất gấp 25 lần thu nhập của 1/5 số người nghèo *(Báo cáo phát triển con người năm 2000,* UNDP, tr 34). Doanh thu của 5 công ty đa quốc gia gấp đôi GDP của 100 nước nghèo cộng lại. Ưu thế và sức mạnh của các trung tâm tư bản và các nước phát triển càng được nhân lên khi tham gia trào lưu khu vực hóa, toàn cầu hóa. Điều này cho thấy, sẽ rất khó khăn cho các nước đang phát triển trong việc thu hẹp khoảng cách chênh lệch phát triển. Trong khi đó, các nước này đang đứng trước một thực tế khắc nghiệt là : hàng rào bảo hộ mậu dịch của các nước phát triển khiến cho xuất khẩu của các nước đang phát triển càng thêm khó khăn ; viện trợ luôn kèm theo các điều kiện chính trị khiến cho các nước thiếu vốn để thúc đẩy tăng trưởng, và sự phát triển có nguy cơ chệch hướng ; nợ nước ngoài ngày càng lớn khiến sự phụ thuộc vào các nước

Digitized by Google

phát triển càng tăng... Đó là những trở lực lớn đối với công cuộc hiện đại hóa đất nước cũng như quá trình hội nhập kinh tế thế giới của các nước đang phát triển.

Một vấn đề nữa là xu hướng toàn cầu hóa có làm tăng khả năng đồng hóa văn hóa không khi ngày nay, các nước Tây Âu, Mỹ lợi dụng ưu thế về nhiều mặt, chinh phục và áp đặt cách tổ chức nhân loại theo hình thái thời thực dân cũ ? Qua ảnh hưởng của văn hóa Mỹ, cái mà người ta gọi là "sức mạnh mềm", để truyền bá rộng lối sống, chuẩn mực, giá trị hệ tư tưởng kiểu Mỹ trên toàn thế giới.

Có thể thấy, toàn cầu hóa đang thúc đẩy mạnh sự giao lưu giữa các dân tộc. Đây chỉ là một quá trình hội nhập nhiều chiều giữa nền văn hóa các dân tộc chứ không chỉ là dội vào một chiều, từ trên xuống dưới, từ nước giàu đến nước nghèo. Vấn đề là tiếp nhận và sử dụng những thành tựu văn minh đó như thế nào. Thái độ văn hóa trong ứng xử và tiếp nhận phản ánh trình độ văn hóa và phát triển của nước đó. Càng đi vào hiện đại hóa, càng cần thể hiện bản lĩnh văn hóa dân tộc. Không vì chạy theo văn hóa ngoại lai mà làm mờ bản sắc, "đổi màu" truyền thống và chuyển đổi giá trị tinh thần ; cũng không vì quá coi trọng truyền thống một cách cứng nhắc và bảo thủ mà lỡ cơ hội tiếp nhận sản phẩm và thành tựu văn hóa.

Trên đây bài viết đã đề cập đến một số cách thức đi lên hiện đại hóa nhưng có phần thiên về sự phát triển của bản thân sức sản xuất và tác động của bên ngoài. Thực ra, nói cho thật đầy đủ, hiện đại hóa là một tiến trình hướng tới một nền văn minh cao hơn, một xã hội công bằng, nhân văn hơn, trong đó con người được đặt ở vị trí trung tâm. Theo lẽ đó, hiện đại hóa không chỉ là những quá trình phát triển kinh tế, phát triển về khoa học kỹ thuật, mà nó còn gắn bó hữu cơ và được thúc đẩy bởi cuộc cải cách, đổi mới, đặc biệt là các cuộc cách mạng xã hội. Mục đích và kết quả cuối cùng của hiện đại hóa là một nền kinh tế vững mạnh, độc lập tự chủ và một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Điều đó hoàn toàn trùng hợp với lý tưởng, mục tiêu cao đẹp của chủ nghĩa xã hội. ❑

MƯỜI NĂM...

(Tiếp theo trang 57)

đã chuyển từ hình thái mang tính chất chính trị - ngoại giao là chủ yếu sang một hình thái hợp tác năng động, vừa song phương, vừa đa phương ; từ tiếp nhận viện trợ là chủ yếu chuyển dần sang hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư, khoa học - kỹ thuật... trên cơ sở hai bên đều có lợi. Quan hệ hợp tác Việt Nam - EU lại có thêm điều kiện để phát triển khi sự hợp tác ASEAN - EU và hợp tác Á - Âu (ASEM) được quan tâm thúc đẩy với nhiều sáng kiến và các dự án hợp tác phong phú, đa dạng và đan xen lẫn nhau.

Bước sang thế kỷ XXI, Việt Nam và EC đang nghiên cứu để đi tới một chiến lược hợp tác chung giữa Việt Nam - EU trong 5 năm tới (2001 - 2005). Đối với hợp tác phát triển, EU sẽ tiếp tục tập trung vào các lĩnh vực xã hội, môi trường, hỗ trợ các vùng kém phát triển, hỗ trợ Việt Nam hội nhập vào kinh tế thế giới, cải cách kinh tế, hành chính... thông qua các chương trình khu vực. Với thiện chí và quyết tâm của cả hai phía, chúng ta tin rằng, quan hệ hợp tác nhiều mặt, đa dạng và phong phú giữa Việt Nam và EU, nhất là về kinh tế, thương mại, đầu tư, khoa học - kỹ thuật và văn hóa, sẽ có những bước phát triển vượt bậc cả về lượng và chất. Để có kết quả như mong muốn ở trên, bản thân chúng ta, nhất là các đối tác làm việc trực tiếp với các đối tác EU cần rút được những kinh nghiệm bổ ích trong thời gian hợp tác vừa qua, cần năng động hơn, nâng cao chất lượng và tính cạnh tranh của sản phẩm Việt Nam, tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư nước ngoài...

Chính phủ và nhân dân ta luôn luôn đánh giá cao và biết ơn sự giúp đỡ và ủng hộ quý báu và có hiệu quả về tinh thần và vật chất mà chính phủ, nhân dân các nước thành viên EU và Ủy ban châu Âu dành cho Việt Nam từ trước đến nay và mong rằng EU sẽ tiếp tục dành cho Việt Nam sự ủng hộ và giúp đỡ cần thiết trong công cuộc xây dựng đất nước. Bởi lẽ Việt Nam, một đất nước tuy có khởi sắc trong hơn 10 năm nay, nhưng vẫn là nước nghèo, còn nhiều khó khăn, chưa có mấy kinh nghiệm về làm ăn kinh tế, thương mại trong cơ chế thị trường và hy vọng EU sẽ tích cực hỗ trợ cho các cố gắng của Việt Nam trong quá trình đổi mới nền kinh tế, nhằm nhanh chóng đưa nước ta tham gia hội nhập khu vực và thế giới một cách tốt nhất. ❑

Digitized by Google

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM HÀ NỘI

VIETNAM NATIONAL AGRICULTURAL PRODUCE AND FOODSTUFF IMPORT - EXPORT COMPANY

Address : No.6, Trang Tien St. Hanoi, Vietnam. Cable :AGREXPORT HANOI
Tel : 84-4-8253543/ 84-4-8242550/Fax : 84-4-8259170. Tlx : 411510 AGRE-VT
Email : agrexport han@hn-vnn.vn



Công ty XNK NSTP Hà Nội - AGREXPORT HANOI thuộc Bộ NN PTNT, trước đây là Tổng Công ty XNK NS Việt Nam - AGREXPORT Việt Nam được thành lập từ những năm 50, là doanh nghiệp Nhà nước.

Trụ sở giao dịch chính tại : số 6, Tràng Tiền, Hà Nội
Tel : 84-4-8253543, 8242550 Fax : 84-4-8259170

* PHẠM VI KINH DOANH

- *Xuất khẩu :* Nông sản, lâm sản và các sản phẩm chế biến từ nông sản, lâm sản, nguyên liệu cho ngành dệt, hàng thủ công mỹ nghệ và tiêu dùng.
- *Nhập khẩu :* Thực phẩm và nguyên liệu chế biến thực phẩm, vật tư nông nghiệp, vật tư xây dựng và hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất.
- Kinh doanh văn phòng và kho bãi.

* CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC :

1. Chi nhánh Công ty XNK nông sản thực phẩm Hà Nội TP. HCM

Địa chỉ : 77A Hoàng Văn Thụ,
Q. Phú Nhuận, TP. HCM
Tel : 84-8-8476031 Fax : 84-8-8456520
Email : AGREXTHANOI@ hcm.fpt.vn

2. Chi nhánh Công ty XNK nông sản thực phẩm Hà Nội tại Hải Phòng.

Địa chỉ : 25 Lương Khánh Thiện, Thành phố Hải Phòng
Tex : 031-737120 Fax : 84-31-846602

3. Kho 2 Cầu Tiên :

Địa chỉ : Đối diện cửa phía Nam ga Giáp Bát, Hà Nội, rất tiện cho việc vận chuyển hàng liên vận sắt, bộ Nam - Bắc.
Tel : 8.612880 - 8.255129

* LIÊN DOANH :

Công ty liên doanh TNHH "Trung tâm thương mại OPERA".
Địa chỉ : Số 6 Tràng Tiền - Hà Nội.
Tel : 84-4-9342919 Fax : 9343824

+ Xí nghiệp thu mua và chế biến nông lâm sản xuất khẩu Vĩnh Hòa :
Điện tín : VIPRO
Địa chỉ : Xã Vĩnh Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Tel : 065-872974 Fax : 065-872840

+ Nhà máy chế biến nông sản thực phẩm xuất khẩu Bắc Giang :
Điện tín : AGREXPORT Bac Giang
Địa chỉ : Xã Xương Giang, thị xã Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Tel : 0240-854629 Fax : 0240 - 859593

Digitized by Google

TRUNG TÂM KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VIỆT NAM

MARINE HYDROMETEOROLOGICAL CENTRE - MHC

ĐỊA CHỈ : ĐƯỜNG NGUYỄN CHÍ THANH - PHƯỜNG LÁNG THƯỢNG - ĐỐNG ĐA - HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI : 84 - 48 - 343794 - 343558 - 350606
FAX : 84 - 48 - 350606
EMAIL : mhcdanv @ hn - vnn.vn



CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

1. Chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật công tác điều tra cơ bản.
2. Nghiên cứu khoa học phục vụ dự báo biển.
3. Xây dựng quy trình quy phạm kỹ thuật đo đạc khí tượng Thủy văn biển.
4. Điều tra khảo sát chuyên đề thu thập số liệu điều tra cơ bản về khí tượng Thủy văn Biển.
5. Nghiên cứu xây dựng công nghệ dự báo biển.
6. Xây dựng các quy trình công nghệ tính toán và dự báo thủy triều và các yếu tố khí tượng Thủy văn khác phục vụ phát triển kinh tế biển.
7. Đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ về khí tượng Thủy văn biển.
8. Đề xuất và tham gia kế hoạch hợp tác quốc tế về khí tượng Thủy văn biển.
9. Quản lý và khai thác tàu NCB.

FUNCTIONS

1. Guideline and conduct basically technical survey in the Marine hydrometeorological Field.
2. Undertake studies and Forecast Survey.
3. Prepare technical regulation and manuals for measuring marine hydromemet. Elements.
4. Carry out survey and thermatic expedition to collect and process basic data on hydrometeorology .
5. Research and perfect forecasting technology.
6. Apply technologies, calculate and forecast tide as well as other marine hydrometeorological elements serving marine economical development.
7. Train and improve professional skills.
8. Initiate and participate in international cooperation plans.
9. Management and exploration Marine research vessel.





Hội thảo khí tượng biển tại Cu ba
OMM workshop in Lahabana 1997

Google

BỆNH VIỆN BẠCH MAI

Địa chỉ : 78 Đường Giải Phóng - Quận Đống Đa - TP Hà Nội
Tel : (84-4) 8693731 (84-4) 8693732 ; Fax :(84-4) 8691607

Bệnh viện Bạch Mai là một bệnh viện đa khoa hoàn chỉnh, trọng tâm là hệ nội với 1370 giường bệnh. Bệnh viện có 8 phòng ban, 6 viện, 18 khoa lâm sàng, 5 khoa cận lâm sàng và một trường trung học y tế. Năm 1999, bệnh viện đã tiếp nhận 21591 bệnh nhân nội trú và 292130 bệnh nhân ngoại trú. Bên cạnh chức năng là một bệnh viện tuyến trên quan trọng nhất, bệnh viện Bạch Mai được giao các nhiệm vụ của một cơ quan đào tạo và giáo dục. Có 2500 học viên thuộc các đối tượng tới học tại bệnh viện trong năm 1999.





Nhiệm vụ và vai trò hàng đầu của bệnh viện Bạch Mai bao gồm :

1. Cấp cứu, khám và chữa bệnh.
2. Đào tạo cán bộ y tế.
3. Nghiên cứu khoa học về y học.
4. Chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn kỹ thuật.
5. Phòng bệnh.
6. Hợp tác quốc tế.
7. Quản lý kinh tế trong bệnh viện.



Máy chụp mạch hai bình diện



Máy xét nghiệm sinh hóa tự động



Máy chụp cắt lớp



Máy siêu âm Dopplr màu

HX
9
H168B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
JAN 02 2001
CURRENT SERIALS

22
11-2000

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN HÀ NỘI

Ngày thành lập : 31/7/1963
Hiệu trưởng : PGS.TS. NGUT VŨ VĂN HÓA
Địa chỉ : ĐÔNG NGẠC - TỪ LIÊM - HÀ NỘI
Điện thoại : (04) 8.362163 - Fax : (04) 8.388909

ĐẢNG BỘ TRƯỜNG
*** Số lượng đảng viên : 242**
*** Số chi, đảng bộ : 24 * BCH Đảng bộ : 13**
*** Đảng bộ liên tục đạt danh hiệu Đảng bộ vững mạnh**



PGS.TS. NGUT Ngô Thế Chi, Bí thư Đảng ủy

A - Nhiệm vụ của trường :

1. Đào tạo cán bộ tài chính có trình độ đại học và trên đại học.
2. Bồi dưỡng giáo viên cho hệ thống các trường tài chính trong cả nước
3. Nghiên cứu khoa học và xây dựng biên soạn tài liệu giáo khoa thống nhất về tài chính kế toán của các nước.

Nhà trường là trung tâm đào tạo, là trung tâm nghiên cứu khoa học về tài chính kế toán của đất nước.

B - Ngành và chuyên ngành đào tạo :

1 - Ngành đào tạo :

- Ngành Tài chính tín dụng. Mã số : 5.02.09
- Ngành Kế toán. Mã số : 5.02.11

2 - Chuyên ngành đào tạo :

- 7 chuyên ngành : Tài chính Nhà nước ; Thuế ; Kinh doanh bảo hiểm ; Tài chính doanh nghiệp ; Quản lý kinh doanh tiền tệ tín dụng ; Tài chính quốc tế ; Kế toán doanh nghiệp.

C - Hệ đào tạo đại học tập trung

* Đại học dài hạn chính quy tập trung 4 năm ; Đại học ngắn hạn tập trung 3 năm ;

* Hệ đại học tại chức :

- Đào tạo tại chức dài hạn 5 năm : Đào tạo tại chức ngắn hạn 3,5 năm cho đối tượng đã tốt nghiệp trung cấp tài chính kế toán.

* Hệ đào tạo trên đại học

- Đào tạo cao học về tài chính kế toán (cấp bằng thạc sĩ kinh tế)
- Đào tạo NCS ngành : Tài chính tín dụng và kế toán (cấp bằng tiến sĩ khoa học kinh tế)

* Các lớp bồi dưỡng :

- Bồi dưỡng sau đại học
- Bồi dưỡng kế toán trưởng
- Bồi dưỡng giám đốc các doanh nghiệp
- Bồi dưỡng các cán bộ quản lý và đầu tư nước ngoài
- Bồi dưỡng nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm
- Bồi dưỡng nghiệp vụ theo chuyên đề



Thứ trưởng Bộ Tài chính Vũ Mộng Giao và các CSTĐ ngành Tài chính năm 2000

D - Đội ngũ cán bộ :

1 - Đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên : 468

2 - Đội ngũ giáo viên : 318

Trong đó : - GS và PGS : 8 ; -TS : 40 ; Thạc sĩ : 69 ; Nhà giáo ưu tú : 14

E - Qui mô đào tạo :

1 - Hệ tập trung : 5.500 SV

2 - Hệ tại chức : 12.000 SV

3 - Cao học : 150 HV

4 - NCS : 40 HV

F - Quan hệ hợp tác quốc tế trong đào tạo và NCKH của trường đại học TCKT Hà Nội hiện nay.

I - Đã và đang thực hiện với các trường đại học, các tổ chức và cơ sở đào tạo quốc tế.



Đồng chí Đoàn Đại hội Đảng bộ trường

1 - Trường ĐH kinh tế Belarus (CH Be la rus)

2 - Trường ĐH kinh tế Xanh Petecbua (CHLB Nga)

3 - Dự án đào tạo bồi dưỡng bảo hiểm ASSUR kết hợp với Đại học Bảo hiểm quốc gia Pari và Liên đoàn bảo hiểm Cộng hòa Pháp.

4 - Quỹ Hòa bình SaSaKaoa (Nhật Bản) thông qua dự án hỗ trợ đào tạo các trường kinh tế Việt Nam.

5 - Công ty Frudential (Bảo hiểm nhân thọ của Vương quốc Anh)

6 - Dự án kế toán, kiểm toán EURO - TAPVIET (Bộ tài chính chủ dự án)

7 - Dự án Bảo hiểm EURO TAPVIET (Bộ Tài chính chủ dự án)

8 - Đào tạo Đại học và Sau đại học với CHDCND Lào.

9 - Trường Cao đẳng Tài chính Quảng Tây Trung Quốc.

II - Sẽ thực hiện :

1 - Trường ĐH Chulalongcon (Thái Lan)

2 - Học viện Khoa học xã hội Thượng Hải (Trung Quốc)

3 - Dự án với Canada qua Đại học Quybec

4 - Dự án hỗ trợ đào tạo với CHLB Đức

**** Khen thưởng :*** Trường đã nhận được :

- Huân chương Lao động hạng ba năm 1983
- Huân chương Lao động hạng nhì, năm 1988
- Huân chương Lao động hạng nhất, năm 1993
- Huân chương Hữu nghị nước CHDCND Lào, năm 1998
- Huân chương Độc lập hạng ba, năm 1998
- Công đoàn được tặng Huân chương Lao động hạng ba, năm 1998
- Hai giáo viên được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba.

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 604 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 9422061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

22
11-2000

MỤC LỤC

XÃ LUẬN	Phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong thời kỳ mới	3
NHÂN KỶ NIỆM 70 NĂM MẶT TRẬN DÂN TỘC THỐNG NHẤT VIỆT NAM (18-11-1930 – 18-11-2000)	PHẠM THẾ DUYỆT - Tuyên truyền tốt hơn nữa chiến lược đại đoàn kết dân tộc	5
	TRẦN VĂN ĐĂNG - Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam - 70 năm một chặng đường lịch sử vẻ vang	8
TIẾN TỚI ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG	NGUYỄN VĂN AN - Một số vấn đề cần tập trung chỉ đạo trong việc chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp trong thời gian tới	13
	HÀ ĐĂNG - Ý chí và duy ý chí	19
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	ĐẶNG HỮU - Công nghệ thông tin với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước ta	23
	TRẦN ĐÌNH THIÊN - Kinh tế tri thức và vấn đề lựa chọn mô hình phát triển ở Việt Nam	29
	NGUYỄN CHÍ MỸ - Về vấn đề ý thức hệ của đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam	35
	NGÔ ĐỨC MẠNH - Suy nghĩ về đổi mới quy trình lập pháp của Quốc hội	38
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG - Y tế miền núi - những thách thức cần vượt qua	41
	PHAN THẾ HẢI - Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước - 8 năm nhìn lại	45
	TỪ THANH - Đoàn 113 Bộ đội Đặc công ba lần anh hùng	49
	LÊ HẠNH THÔNG - Di dân tự do, nhìn từ thực tế...	52
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	XUÂN KIM - Đâu phải vì quá độ !	56
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	NGUYỄN HOÀNG GIÁP - Các nước đang phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa	57
	ANH ĐÀO - Cuộc bầu cử Nam Tư và đôi điều suy ngẫm	60
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	- Hội thảo khoa học - thực tiễn : Chủ tịch Hồ Chí Minh với thi đua yêu nước	63
	- Đoàn Tạp chí Cộng sản thăm Trung Quốc	63

Bìa 1 : *Chào mừng Đại hội Thi đua toàn quốc* — *Tranh :* **TRẦN MAI**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ПЕРЕДОВАЯ: Развивать революционный героизм, усиливать патриотические соревнования в новом периоде. ФАМ ТХЕ ЗУЕТ: Лучше пропагандировать стратегию Великой национальной солидарности. ЧАН ВАН ДАНГ: Фронт Национального Единства Вьетнама – славный 70-летний перегон. НГУЕН ВАН АН: Некоторые проблемы, привлекающие концентрированное руководство в подготовке и проведения конгрессов партийных комитетов разных уровней в ближайшее время. ХА ДАНГ: Воля и волюнтаризм. ДАНГ ХЫУ: Информационная технология и курс индустриализации, модернизации нашей страны. ЧАН ДИНЬ ТХИЕН: Интеллектуальная экономика и проблема выбора модели развития во Вьетнаме. НГУЕН ТИ МЙ: О проблеме идеологии Великой национальной солидарности во Вьетнаме. НГО ДЫК МАНЬ: Размышление об обновлении законодательного процесса Национального Собрания. ДО НГУЕН ФЬЮНГ: Здравоохранение в горных районах: вызовы, которые должны быть преодолены. НГУЕН ХОАНГ ЗАП: Развивающиеся страны в обстановке глобализации. АНЬ ДАО: Всеобщие выборы в Югославии и некоторые размышления о них.

CONTENTS

EDITORIAL: To develop revolutionary heroism, to push up the patriotic competitive movement in the new period. PHẠM THẾ DUYỆT: To propagandize better the strategy of great national solidarity. TRẦN VĂN ĐĂNG: The United National Front of Vietnam: a 70 years' glorious historical stage. NGUYỄN VĂN AN: Some problems requiring concentrated leadership in the matter of preparing and carrying out congresses of party committees of different levels in the forthcoming time. HÀ ĐĂNG: Will and voluntarism. ĐẶNG HỮU: Information technology and the cause of industrialisation and modernisation of our country. TRẦN ĐÌNH THIÊN: Intellectual economy and the problem of choosing a model of development in Vietnam. NGUYỄN CHÍ MÌ: Regarding the problem of ideology of Great national solidarity in Vietnam. NGÔ ĐỨC MẠNH: Thoughts about the renovation of the legislative process of the National Assembly. ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG: Public health in the mountain areas: the challenges to be surmounted. NGUYỄN HOÀNG GIÁP: The developing countries in the context of globalisation. ANH ĐÀO: The General Elections in Yugoslavia and some thoughts about it.

SOMMAIRE

Editorial - Valoriser l'héroisme révolutionnaire, intensifier le mouvement d'émulation patriotique dans la nouvelle période. PHẠM THẾ DUYỆT - Pour une meilleur propagande de la stratégie de la grande solidarité nationale. TRẦN VĂN ĐĂNG - Le front national d'unification du Vietnam - 70 années d'un parcours historique honorifique. NGUYỄN VĂN AN - Quelques problémes à résoudre dans les préparatifs et l'organisation des prochains Congrés des différentes instances du Parti. HÀ ĐĂNG - Volonté et Volontarisme. ĐẶNG HỮU - La technologie informatique et l'œuvre d'industrialisation et de modernisation de notre pays. TRẦN ĐÌNH THIÊN - L'économie du savoir et le choix du modèle de développement au Vietnam. NGUYỄN CHI MỸ - Le probléme de l'idéologie de la grande solidarité des peuples du Vietnam. NGÔ ĐỨC MẠNH - Réflexion sur la réforme de la procédure législative de l'Assemblée Nationale. ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG - La médecine dans les régions montagneuses: les défis à relever. NGUYỄN HOÀNG GIÁP - Les pays en voie de développement dans la conjoncture de la mondialisation. ANH ĐÀO - Les élections en Yougoslavie et quelques réflexions.

SUMARIO

Editorial - Poner en juego el heroísmo revolucionario, impulsar el movimiento de emulación patriótica en la nueva etapa. PHẠM THẾ DUYỆT - Por una mefor propaganda de la estrategia de gran unidad nacional. TRẦN VĂN ĐĂNG - El Frente Nacional Unido de Vietnam - 70 años de una gloriosa trayectoria histórica. NGUYỄN VĂN AN - Ciertos asuntos a resolver en la preparación y realización de las asambleas del Partido de todas las instancias en el próximo tiempo. HÀ ĐĂNG - La voluntad y el voluntarismo. ĐẶNG HỮU - La technologia informática en la industrialización, la modernización de nuestro país. TRẦN ĐÌNH THIÊN - La economía de sabiduría y la selección del modelo de desarrollo en Vietnam. NGUYỄN CHI MỸ - Sobre el asunto ideológico de la gran unidad nacional en Vietnam. NGÔ ĐỨC MẠNH - Reflexiones sobre la renovación del proceso legislativo de la Asamblea Nacional. ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG - La salud pública en la zona montañosa - los desafíos a superar. NGUYỄN HOÀNG GIÁP - Los países en vías de desarrollo en la coyuntura de globalización. ANH ĐÀO - La elección en Yugoslavia y algunas meditaciones.

目录

社论：在新时期中发挥革命英雄主义，大力推动爱国竞赛运动•范世阅：更好地做好民族大团结的战略宣传工作•陈文登：越南统一民族战线—70年光辉的历程•阮文安：必须集中指导即将召开的各级党支部大会的准备工作的若干问题•何登：意志与唯意志•邓友：通讯技术与我国的工业化、现代化事业•陈亭夫：在越南的知识经济及选择发展模式的问题•阮志麦：关于越南的民族大团结的思想意识形态问题•吴德孟：有关革新国会立法规程的一些想法•杜元方：山区医疗卫生—必须越过的考验•阮黄甲：在全球化背景下的发展中国家•英桃：南斯拉夫的选举及一些看法.

Digitized by Google

Xem thêm

PHÁT HUY CHỦ NGHĨA ANH HÙNG CÁCH MẠNG, ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC TRONG THỜI KỲ MỚI

Tiếp theo một loạt kỷ niệm những ngày lễ lớn của dân tộc trong năm 2000, tháng 11 này, đồng bào, chiến sĩ cả nước, kiều bào ta ở nước ngoài náo nức chào mừng Đại hội Thi đua toàn quốc lần thứ VI. Đại hội này đánh dấu những thành tựu đặc biệt quan trọng của 15 năm đổi mới, đánh dấu giai đoạn thực hiện thắng lợi các Nghị quyết Đại hội VI, VII, VIII của Đảng. Đó là Đại hội của hùng khí đất nước trong thời khắc đặc biệt của sự chuyển giao thiên niên kỷ thứ hai sang thiên niên kỷ thứ ba, thế kỷ XX sang thế kỷ XXI. Đại hội biểu dương những tấm gương sáng ngời chủ nghĩa anh hùng cách mạng, khơi dậy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, phát huy mạnh mẽ nội lực, tiếp tục bồi dưỡng lòng yêu nước, ý chí quật cường, lòng tự tôn và tự hào dân tộc để đưa sự nghiệp cách mạng nước ta giành thêm những thắng lợi mới. Đại hội động viên mọi người Việt Nam đem hết tài năng và trí tuệ của mình để học tập, lao động và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đại hội Thi đua toàn quốc lần này là Đại hội hoành tráng nhất, kế tục những tố chất của các Đại hội trước đây - Đại hội lần thứ nhất tháng 5 năm 1952, Đại hội lần thứ hai tháng 7 năm 1958, Đại hội lần thứ ba tháng 5 năm 1962, Đại hội lần thứ tư tháng 12 năm 1966, Đại hội lần thứ năm tháng 1 năm 1986. Đại hội tụ hội khoảng 1 200 đại biểu tiêu biểu cho phong trào thi đua yêu nước trong thời kỳ mới. Đó là các anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc, đại diện các Bà mẹ Việt Nam anh hùng và đại diện cho các tập thể anh hùng được phong trong thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến nay ; đại diện cho các Anh hùng chiến sĩ thi đua đã được phong trong các thời kỳ trước năm 1986. Đó là đại diện cho những người có công lớn được nhận giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước, các nhà giáo, thầy thuốc, nghệ sĩ nhân dân và các nhà giáo, thầy thuốc, nghệ sĩ ưu tú, đại diện cho các tầng lớp nhân dân, các thành phần kinh tế, tôn giáo, dân tộc, từ người già đến người trẻ tuổi và đồng bào ta ở nước ngoài ; từ những tấm gương điển hình tiên tiến của các ngành, các địa phương, các đơn vị, tổ chức trong những năm gần đây, các Chủ tịch Hội đồng thi đua - khen thưởng của các bộ, các ngành, đoàn thể trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Tham dự Đại hội còn có đại diện cho người nước ngoài đã có công với nước ta, được Nhà nước khen thưởng trong thời gian qua.

Đại hội Thi đua toàn quốc lần thứ VI là hình ảnh sống động của phong trào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là biểu tượng cao đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Mười lăm năm qua, kể từ Đại hội thi đua toàn quốc lần thứ năm (1986), cũng là thời gian thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, phong trào thi đua đã không ngừng phát triển trong từng cơ sở, từng đơn vị chiến đấu và sản xuất, lao động nghiên cứu và sáng tạo. Đặc biệt hai năm qua, kể từ khi có Chỉ thị của Bộ Chính trị về đổi mới công tác thi đua - khen thưởng, phong trào thi đua được khơi dậy, phát triển mạnh mẽ trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Tính từ năm 1986 đến năm 1999, cả nước có 187 tập thể và cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng ; riêng năm 2000, đã có thêm hơn 250 tập thể và cá nhân nhận được danh hiệu vẻ vang ấy. Sự phát triển đó đã thực sự bác bỏ những nhận định cho rằng, không thể có

Digitized by Google

phong trào thi đua trong nền kinh tế vận động theo cơ chế thị trường. Trong những tháng ngày qua, các đại hội thi đua đã diễn ra ở tất cả mọi ngành, mọi địa phương, đơn vị trên khắp cả nước. Từ đó đã chọn lựa những đại biểu ưu tú nhất về dự Đại hội Thi đua toàn quốc.

Đại hội sẽ biểu dương và ghi nhận thành quả của phong trào thi đua chung của cả nước, đồng thời ghi công, tôn vinh các cá nhân, tập thể tiêu biểu nhất của phong trào trong mọi thành phần và tầng lớp nhân dân ở mọi lứa tuổi, tôn giáo, dân tộc, của đồng bào ta ở nước ngoài ; tiếp tục cổ vũ và khơi dậy sức mạnh to lớn của dân tộc, tạo động lực mới vững vàng bước vào thế kỷ mới, thiết thực chào mừng và thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trên cơ sở gặp gỡ, trao đổi và trực tiếp nghe những báo cáo điển hình của cá nhân và tập thể nổi bật trong phong trào thi đua vừa qua, Đại hội tổng kết và tuyên truyền các kinh nghiệm, mô hình kiểu mẫu của các điển hình, dấy lên phong trào thi đua xây dựng, học tập và nhân rộng các điển hình tiên tiến trong phạm vi cả nước trên mọi lĩnh vực.

Đại hội Thi đua toàn quốc lần thứ VI là Đại hội tổng kết để thống nhất ý chí và là Đại hội định hướng thống nhất hành động. Thực tế phong trào thi đua và những tư tưởng của Đại hội chứng tỏ rằng : Muốn thực hiện nhiệm vụ cách mạng phải có động lực cách mạng, bắt nguồn từ ý chí và tinh thần cách mạng được hình thành từ nhận thức tự giác của mỗi người. Thi đua là điều kiện và là động lực to lớn để thúc đẩy phong trào cách mạng của quần chúng. Muốn được như thế, phong trào thi đua phải có nội dung cụ thể, thiết thực, gắn bó với nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi người và của cộng đồng, khơi dậy tinh thần tự giác của mỗi cá nhân và tập thể. Từ ý thức của mỗi người, tinh thần tự lực tự cường sẽ được phát huy, truyền thống của từng gia đình, từng địa phương, từng ngành được khơi dậy, tạo nên khí thế "Người người thi đua, ngành ngành thi đua" như Bác Hồ thường nói.

Phong trào thi đua yêu nước phải phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng và những thành quả đã đạt được trong 15 năm đổi mới vừa qua, phải là một phong trào có khả năng huy động được sức mạnh to lớn của quần chúng nhân dân, có khả năng tạo nên một sức mạnh mới, để thực hiện thắng lợi mọi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Để đẩy mạnh hơn nữa phong trào thi đua, cần thực hiện một số nhiệm vụ chính yếu sau :

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự chỉ đạo sâu sát của chính quyền, sự phối hợp nhịp nhàng với các tổ chức đoàn thể quần chúng. *Kinh nghiệm cho thấy, công tác thi đua thực sự là một biện pháp quản lý hữu hiệu và là một phương pháp giáo dục con người mới.*

Hai là, công tác thi đua - khen thưởng là cuộc vận động quần chúng sâu rộng đòi hỏi phải được tổ chức một cách khoa học. *Bất cứ một phong trào thi đua nào cũng đều phải có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, có thời hạn. Mục tiêu đó phải bám sát nhiệm vụ chương trình chung, đồng thời đáp ứng được yêu cầu, nguyện vọng của quần chúng ở từng địa phương, đơn vị.*

Ba là, tổng kết và đánh giá, khen thưởng một cách kịp thời. *Việc nhận biết kịp thời và đánh giá đúng mức thành tích của đơn vị hay cá nhân điển hình, tiên tiến xuất sắc chẳng những là phần thưởng cao quý đối với họ, mà còn có tác dụng động viên, cổ vũ mọi người học tập, noi theo.*

Bốn là, thi đua là một cuộc vận động quần chúng rộng rãi nên cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, cổ động. *Những "người tốt, việc tốt", những điển hình tiên tiến xuất sắc phải được kịp thời nêu gương, những sáng kiến, cải tiến, những cách thức làm mới phải được phổ biến và nhân rộng.*

Chào mừng Đại hội Thi đua toàn quốc lần thứ VI, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta thực hiện khẩu hiệu hành động : Người người thi đua, ngành ngành thi đua, nắm vững thời cơ, vượt qua thách thức, học tập và làm theo các điển hình tiên tiến, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước vì mục tiêu : dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Digitized by Google

TUYÊN TRUYỀN TỐT HƠN NỮA CHIẾN LƯỢC ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

PHẠM THẾ DUYỆT *

TRONG những năm qua, nhất là sau khi có Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) về Đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, công tác tuyên truyền về đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận dân tộc thống nhất trên các phương tiện thông tin đại chúng đã được quan tâm hơn trước, đã góp phần quan trọng nâng cao hiểu biết của cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân về những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, về chương trình Mặt trận Tổ quốc Việt Nam : *"Đại đoàn kết dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"*. Những kết quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc tham gia xây dựng Đảng, xây dựng, giám sát và bảo vệ Nhà nước của dân, do dân và vì dân ; tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật, vận động nhân dân tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước thực hiện các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại (phong trào đền ơn đáp nghĩa, phong trào ủng hộ nhân dân Cu-ba anh em, ủng hộ đồng bào các vùng bị bão lụt, phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, các phong trào xóa đói giảm nghèo, nhân đạo từ thiện) tập trung nhất ở cơ sở là Cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư"* đã đem lại một khí thế mới trong các tầng lớp dân cư, tạo nên sức hấp dẫn của nhiều phương tiện thông tin đại chúng. Các phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian qua đã góp phần quan trọng tạo dư luận xã hội rộng rãi, đồng tình, cổ vũ, động viên các phong trào, các cuộc vận động, các điển hình tiên tiến, các nhân tố mới, gương "người tốt, việc tốt" trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ; đồng thời lên án và đấu tranh chống các thói hư tật xấu, tệ nạn xã hội, tham nhũng, buôn lậu, phản ánh kịp thời ý chí, nguyện vọng của nhân dân, thiết thực góp phần tích cực vào việc phát huy dân chủ, tạo nên sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân, thắt chặt mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước.

Tuy đã có nhiều cố gắng và đã đạt được những kết quả nhất định nhưng công tác tuyên truyền về đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận dân tộc thống nhất trong thời gian qua chưa tương xứng với vấn đề có tầm quan trọng chiến lược của cách mạng. Chúng ta chưa xây dựng được chiến lược truyền thông về đại đoàn kết dân tộc - một vấn đề sống còn của cách mạng nước ta ; chưa phối hợp có hiệu quả các phương tiện thông tin đại chúng của Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể trong việc tuyên truyền về chiến lược đại đoàn kết dân tộc và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đối với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các công cụ tuyên truyền còn quá ít. Tờ báo Đại đoàn kết tuy ra đời sớm, có quá trình phát triển nhưng đến nay vẫn là báo tuần. Mặt trận chưa có một tờ tạp chí. Chương trình truyền hình đại đoàn kết mới được hình thành vài ba năm lại đây. Chưa có buổi phát thanh, chưa có nhà xuất bản riêng. Mặt khác, không ít phương tiện thông tin đại chúng chưa quan tâm đầy đủ và còn xem nhẹ công tác tuyên truyền về chiến lược đại đoàn kết dân tộc

* Ủy viên Thường vụ, Thường trực Bộ Chính trị, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Digitized by Google

và Mặt trận dân tộc thống nhất, thậm chí có những ấn phẩm còn ghi sai ngày thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất, hoặc dùng những từ ngữ ảnh hưởng không tốt đến vấn đề đại đoàn kết dân tộc. Chủ đề về đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận dân tộc thống nhất chưa được phản ánh, đề cập đậm nét trên các phương tiện thông tin đại chúng, nên sự hiểu biết của các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền và các tầng lớp nhân dân về vấn đề này chưa thật sâu sắc, còn nhiều hạn chế.

Vấn đề đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận dân tộc thống nhất là một bộ phận quan trọng của tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh, là đường lối cơ bản của Đảng và Nhà nước ta, là một thành công hết sức lớn lao... có ý nghĩa cực kỳ quan trọng của cách mạng nước ta trong 70 năm qua. Đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận dân tộc thống nhất không phải chỉ là vấn đề của 70 năm qua mà là vấn đề của hiện tại, của tương lai và của sự nghiệp cách mạng nước ta mãi mãi sau này. Nói đến cách mạng là nói đến vấn đề xây dựng lực lượng cách mạng. Sau khi có đường lối đúng, muốn biến đường lối thành hiện thực phải có lực lượng cách mạng đủ mạnh. Đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận dân tộc thống nhất là vấn đề tập hợp, tổ chức, xây dựng lực lượng cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định : *"Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Mặt trận dân tộc thống nhất vẫn luôn luôn là một lực lượng cách mạng to lớn"*.

Chiến lược đại đoàn kết dân tộc là một phạm vi rộng lớn. Lực lượng đại đoàn kết bao gồm tất cả các giai tầng xã hội, các ngành, các giới, các dân tộc, tôn giáo, các lứa tuổi hợp thành Mặt trận dân tộc thống nhất. Mặt trận dân tộc thống nhất càng rộng rãi bao nhiêu, càng chặt chẽ, thống nhất bao nhiêu thì khối đại đoàn kết càng mạnh mẽ, càng bền vững bấy nhiêu.

Đại đoàn kết là công việc của toàn dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận hữu cơ của khối đại đoàn kết dân tộc và lực lượng lãnh đạo, linh hồn của khối đại đoàn kết dân tộc. Một trong những nhiệm vụ hàng đầu của Đảng ta là truyên truyền, giáo dục để quần chúng giác ngộ thực sự cần thiết phải đoàn kết lại, là tìm những hình thức, phương pháp, tổ chức thích hợp để thu hút, tập hợp rộng rãi nhất các lực lượng yêu nước, tiến bộ trong các tầng lớp nhân dân và hướng dẫn khối đại đoàn kết toàn dân đấu tranh, lao động sáng tạo theo những mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng trong từng thời kỳ, vì lợi ích thiêng liêng của dân tộc và nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội IX của Đảng có tiêu đề *"Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa"*. Điều đó đã phần nào nói lên tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Tình hình quốc tế đang diễn biến hết sức phức tạp. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước tuy có những thời cơ, thuận lợi nhưng cũng đang đứng trước những khó khăn, thách thức to lớn, đòi hỏi phải tiếp tục mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất hơn bao giờ hết để phát huy truyền thống đại đoàn kết dân tộc lên một tầm cao mới, chiều sâu mới. Để thực hiện nhiệm vụ trọng đại đó, các phương tiện thông tin đại chúng có vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền, giáo dục, bồi đắp ý thức dân tộc, tinh thần tự lực, tự cường và quyết tâm chiến thắng đói nghèo, lạc hậu, vươn lên đứng vào hàng ngũ các nước tiên tiến. Trước đây, Đảng và Bác Hồ đã rất thành công trong việc khơi dậy ở mọi người Việt Nam nỗi nhục mất nước, nỗi đau nô lệ, thức tỉnh và làm bừng lên ý chí độc lập, tự do, thống nhất đất nước, biến những tư tưởng, tình cảm đó thành sức mạnh vật chất to lớn chiến thắng các kẻ thù xâm lược, giành lại độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc. Ngày nay, chúng ta cần làm cho mỗi người Việt Nam thấm thía nỗi nhục đói nghèo, nỗi đau lạc hậu, nuôi dưỡng ý chí tự lực, tự cường và quyết tâm vươn tới hạnh phúc, văn minh, hiện đại. Trong công tác tuyên truyền giáo dục hiện nay cần quán triệt lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi Người phát biểu tại cuộc họp đầu tiên của Ủy ban nghiên cứu kế hoạch kiến quốc, ngày 10-1-1946 : *"Chúng ta đã tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập, khi mà dân được ăn no, mặc đủ"*.

Digitized by Google

Trong tình hình hiện nay, một mặt chúng ta vẫn tiếp tục tuyên truyền, giáo dục về niềm tự hào chính đáng của những chiến công oanh liệt của dân tộc, trong chống giặc ngoại xâm ; mặt khác, chúng ta cũng cần đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nỗi cay đắng của một dân tộc đói nghèo, lạc hậu, nuôi dưỡng nghị lực "học nữa, học mãi" để vươn lên làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Cùng với việc giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tương tưởng Hồ Chí Minh theo tinh thần phát triển sáng tạo, cần hết sức coi trọng việc giáo dục chủ nghĩa yêu nước, giáo dục đạo lý làm người theo truyền thống Việt Nam. Nội dung tuyên truyền cần hướng vào mục tiêu vun đắp, củng cố, phát huy đạo đức cách mạng, có thái độ đúng đắn trong việc xử lý mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội, các quan hệ trong gia đình, đường phố, thôn xóm, cơ quan, xí nghiệp, trường học và tâm lý cộng đồng lành mạnh. Quan hệ tốt đẹp nhà - làng - nước phải được giữ gìn, phục hồi, nuôi dưỡng trên nền tảng nhân văn, nhân ái Việt Nam. Bởi vì sự bền chặt trong quan hệ của từng gia đình, từng cộng đồng dân cư chính là hạt nhân cốt lõi của đại đoàn kết dân tộc.

Việc triển khai quy chế dân chủ ở xã, phường, ở các cơ quan, đơn vị... cần được tiếp tục thực hiện có hiệu quả hơn để xây dựng một không khí cởi mở, tin cậy trong toàn xã hội, khuyến khích và phát huy mọi tiềm năng sáng tạo trong toàn Đảng, toàn dân để hiến kế, xây dựng đất nước. Mặt khác, phải xóa bỏ hận thù, định kiến, mặc cảm quá khứ, khai thác các yếu tố tương đồng, tôn trọng những yếu tố khác biệt không trái với lợi ích chung của dân tộc. Việc nhân lên gấp bội sức mạnh của toàn dân tộc phải được coi là một trọng tâm nội dung hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng. Nếu không xóa bỏ được trong tư tưởng, trong thực tế những định kiến mặc cảm do lịch sử để lại, chúng ta sẽ khó lòng xây dựng được khối đại đoàn kết dân tộc bền chặt, vững chắc.

Vừa qua, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã phát động cuộc vận động toàn dân tham gia "Ngày vì người nghèo" và lấy ngày 17 tháng 10 hằng năm làm ngày cao điểm của cuộc vận động này. Xóa đói giảm nghèo là một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta, thể hiện bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Trong hội nghị thiên niên kỷ của Liên hợp quốc, Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã đề nghị lấy thập niên đầu của thế kỷ XXI làm thập niên xóa đói giảm nghèo và Nhà nước ta cũng đã cam kết với cộng đồng quốc tế phấn đấu thực hiện cơ bản việc xóa đói giảm nghèo trong một thời gian ngắn nhất. Nếu chúng ta làm tốt cuộc vận động xóa đói giảm nghèo sẽ góp phần quan trọng vào việc củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Cuộc vận động toàn dân tham gia "Ngày vì người nghèo" được phát động vào lúc đồng bào và chiến sĩ cả nước, đồng bào Việt Nam ở nước ngoài đang tích cực ủng hộ đồng bào các tỉnh bị lũ lụt lại càng có ý nghĩa và tác dụng thiết thực. Đây không phải cuộc vận động nhất thời mà cuộc vận động này được làm trong một thời gian dài nhằm huy động nguồn lực của Nhà nước, sự đóng góp tự nguyện của toàn dân và sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của người nghèo. Vì vậy, các cơ quan thông tin đại chúng cần xây dựng kế hoạch tuyên truyền cho cuộc vận động này cho cả những năm tới. Trong tuyên truyền vừa phản ánh đầy đủ kết quả thực hiện các chương trình, các dự án xóa đói giảm nghèo của Nhà nước, vừa phản ánh sự đóng góp tự nguyện có hiệu quả của các tầng lớp nhân dân, giúp đỡ người nghèo bằng nhiều hình thức và những tấm gương người nghèo vươn lên khắc phục khó khăn, tận dụng sự giúp đỡ của Nhà nước và cộng đồng để thoát khỏi cảnh đói nghèo, từng bước vươn lên giàu có, văn minh.

Kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất là dịp để chúng ta nhìn lại và đánh giá việc thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc và xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất trong thế kỷ XX, đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất, nhằm phát huy sức mạnh của toàn dân tộc thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước ta, dân tộc ta vững bước vào thế kỷ XXI. Kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất

(Xem tiếp trang 34)

Digitized by Google

MẶT TRẬN DÂN TỘC THỐNG NHẤT VIỆT NAM - 70 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ VẺ VANG

TRẦN VĂN ĐĂNG *

PHÁT huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất là đường lối cơ bản và nhất quán trong suốt tiến trình cách mạng của Đảng và Nhà nước ta, là một tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh : *"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết ; thành công, thành công, đại thành công"*.

Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất. Ngay từ khi mới ra đời, Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra hai nhiệm vụ chiến lược : Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Theo Hồ Chí Minh, giai cấp vô sản lãnh đạo không thể tự mình làm cách mạng mà phải liên minh với các lực lượng yêu nước : "Cuộc cách mạng trong các nước thuộc địa và nửa thuộc địa là một cuộc cách mạng dân tộc - dân chủ. Để đưa cuộc cách mạng đó đến thắng lợi, có thể và cần phải thành lập một mặt trận dân tộc rất rộng rãi, đoàn kết tất cả các giai cấp và tầng lớp xã hội mong muốn được giải phóng khỏi ách thuộc địa" (1). Mặt trận dân tộc thống nhất phải do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, lấy liên minh công nhân, nông dân làm nền tảng, đoàn kết mọi giai cấp khác, mọi dân tộc, tôn giáo, mọi giới đồng bào yêu nước.

Ngay sau khi thành lập Đảng, ngày 18-11-1930, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã ra Chỉ thị thành lập **"Hội phản đế đồng minh"** - hình thức tổ chức đầu tiên của Mặt trận dân tộc thống nhất, phân tích một cách toàn diện về tính chất, nhiệm vụ và biện pháp để xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất.

Cao trào cách mạng (1930 - 1931) mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh đã chứng minh tính đúng đắn quan điểm của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh về thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, thực hiện đại đoàn kết dân tộc.

Trong những năm 1936 - 1939, căn cứ vào tình hình trong nước và thế giới, Đảng ta đã chỉ ra nhiệm vụ cụ thể của cách mạng Việt Nam giai đoạn này là đấu tranh chống bọn phản động và tay sai, chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, đòi quyền tự do, cơm áo và hòa bình. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đó Đảng ta chủ trương thành lập **Mặt trận nhân dân phản đế**, rồi **Mặt trận dân chủ Đông Dương**, nhằm đoàn kết, tập hợp rộng rãi toàn dân không phân biệt giai cấp, đảng phái, tôn giáo, dân tộc, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc phát xít và tay sai. Nhờ có chính sách đúng và phương pháp vận động khôn khéo, linh hoạt, Đảng đã tập hợp được lực lượng cách mạng rất rộng lớn.

Trong những năm 1939 - 1945 trước những biến chuyển của tình hình thế giới và trong nước, vấn đề mất còn của dân tộc đặt ra một cách cấp bách. Theo đề nghị của Hồ Chí Minh, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất chống Pháp - Nhật lấy tên là **"Việt Nam độc lập đồng minh"** gọi tắt là **Việt Minh**. Mặt trận Việt Minh tập hợp rộng rãi mọi lực lượng yêu nước, không phân biệt giai cấp, dân tộc, tôn giáo, ... với tên gọi phù hợp, có tính dân tộc cao, có sức mạnh hiệu triệu, thức tỉnh tinh thần dân tộc của toàn dân nhằm đánh Pháp, đuổi Nhật. Tháng 10-1941 Mặt trận

---

* Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 8, tr 568 - 569

Digitized by Google

Việt Minh công bố Tuyên ngôn, Chương trình, Điều lệ. Đây là lần đầu tiên tổ chức của Mặt trận dân tộc thống nhất trình bày rõ ràng chủ trương, chính sách, cách thức tiến hành và tổ chức lực lượng đấu tranh để thực hiện mục đích cứu nước, giải phóng dân tộc. Nhờ đó, Việt Minh đã phát triển nhanh chóng từ nông thôn đến thành thị, từ miền ngược đến miền xuôi. Ở nông thôn đã tổ chức các Hội cứu quốc như : Hội Nông dân cứu quốc, Hội Phụ nữ cứu quốc, Hội Thanh niên cứu quốc, Hội Công nhân cứu quốc v.v... Ở mỗi cấp có ban chấp hành Hội do dân chủ bầu ra. Hội cứu quốc mỗi cấp cử đại biểu tham gia Ủy ban Mặt trận Việt Minh của cấp mình. Ban chấp hành Việt Minh cử ra Ban Thường vụ đứng đầu là Chủ nhiệm Việt Minh. Do có tổ chức chặt chẽ, có chương trình hoạt động cụ thể, thiết thực, nên Mặt trận Việt Minh đã tập hợp được đông đảo các thành phần nhân dân, kể cả các trí thức, tư sản, địa chủ, nhân sĩ yêu nước, văn nghệ sĩ... vào sự nghiệp đấu tranh chống Nhật, Pháp.

Để có thêm bạn đồng minh, Đảng Cộng sản Đông Dương một mặt liên minh với các đảng phái chống phát xít, mặt khác xúc tiến lập "Ai Lao độc lập đồng minh", và "Cao Miên độc lập đồng minh" để cùng với Việt Nam độc lập đồng minh hình thành Mặt trận thống nhất đánh Pháp đuổi Nhật trên toàn xứ Đông Dương.

Mặt trận Việt Minh đã giương cao ngọn cờ độc lập, tự do, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước và đoàn kết thống nhất dân tộc, dựa trên nền tảng của khối liên minh công - nông, đoàn kết rộng rãi với mọi lực lượng, mọi cá nhân yêu nước, tiến bộ ; là sự thể nghiệm thành công và là một bài học kinh nghiệm sáng tạo tuyệt vời về xây dựng và phát huy vai trò của Mặt trận dân tộc thống nhất trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa non trẻ vừa ra đời đã đứng trước tình hình hiểm nghèo như *"ngàn cân treo sợi tóc"*. Để bảo vệ chính quyền cách mạng, chuẩn bị kháng chiến, đòi hỏi phải tăng cường đoàn kết toàn dân, loại trừ chia rẽ, đối lập, vì lợi ích thống nhất của quốc gia dân tộc và để ngăn chặn sự chống đối quyết liệt của các đảng phái phản động, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra các chủ trương sáng suốt kịp thời như : tiến hành tổng tuyển cử ; thành lập Chính phủ liên hiệp lâm thời ; Đảng Cộng sản quyết định rút vào hoạt động bí mật, đồng thời tiếp tục mở rộng hơn nữa Mặt trận dân tộc thống nhất, đưa đến sự ra đời **Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam**, gọi tắt là **Liên Việt**. Mục đích của Liên Việt được ghi trong Cương lĩnh là : *"Đoàn kết tất cả các đảng phái yêu nước và đồng bào yêu nước vô đảng phái, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, xu hướng chính trị, chủng tộc để làm cho nước Việt Nam : Độc lập - thống nhất - dân chủ - phú cường"*.

Việc thành lập Liên Việt là sự phát triển mới của Mặt trận dân tộc thống nhất, thu hút thêm nhiều thành viên tham gia, như : Đảng Xã hội Việt Nam, Đảng Dân chủ Việt Nam, một số nhân sĩ, địa chủ yêu nước, một số chức sắc tôn giáo, người tiêu biểu trong các dân tộc thiểu số mà trước kia vì lẽ này hay lẽ khác chưa tham gia Mặt trận Việt Minh.

Cùng với Việt Minh, Liên Việt dần dần được xây dựng ở các cấp từ trung ương đến cơ sở. Việt Minh và Liên Việt đã sát cánh cùng nhau trong mọi hoạt động nhằm mục tiêu chung là kháng chiến thắng lợi, giành độc lập dân tộc, thống nhất nước nhà. Vì vậy, thống nhất Việt Minh - Liên Việt trở thành một yêu cầu khách quan để củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

Tháng 3-1951, tổ chức Đại hội thống nhất hai tổ chức Việt Minh và Liên Việt thành một mặt trận, lấy tên là **Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam** (gọi tắt là **Mặt trận Liên Việt**). Chính cương của Liên Việt khẳng định : sự đoàn kết các giai cấp, các tầng lớp trong mặt trận là lâu dài, lấy khối liên minh công - nông làm nền tảng để vừa kháng chiến vừa kiến quốc, vừa cải thiện dân sinh, kết hợp tinh thần yêu nước chân chính với tinh thần quốc tế đúng đắn, gắn cuộc kháng chiến của Việt Nam với phong trào bảo vệ hòa bình thế giới. Cũng trong tháng 3-1951, Hội nghị Liên minh nhân dân 3 nước Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia được tổ chức. Mặt trận Liên Việt đã có công lớn trong việc củng cố và tăng cường đoàn kết nhân dân các nước Đông Dương, góp phần đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi, giải phóng hoàn toàn miền Bắc.

Digitized by Google

Từ tháng 7-1954 đến tháng 4-1975, đất nước ta tạm thời bị chia thành hai miền Nam - Bắc, mỗi miền có nhiệm vụ chiến lược khác nhau, song đều có nhiệm vụ chung là chống Mỹ cứu nước, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc. Vì vậy cần phải có mặt trận mới, nhằm tập hợp, thu hút mọi tổ chức, cá nhân yêu nước và tiến bộ, nhất là những người ở vùng mới giải phóng. Đại hội Mặt trận Liên Việt toàn quốc họp từ ngày 5 đến 9-10-1955 đã quyết định thành lập **Mặt trận Tổ quốc Việt Nam**, thông qua Tuyên ngôn, Cương lĩnh và Điều lệ mới. Cương lĩnh của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cương lĩnh đại đoàn kết dân tộc, rất vững chắc và rất thiết thực. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã động viên và tổ chức nhân dân ra sức khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Do tình hình chính trị, xã hội ở miền Nam có nhiều chuyển biến lớn, Trung ương Đảng đã quyết định cần có mặt trận riêng cho miền Nam. Mặt trận dân tộc thống nhất ở miền Nam phải thật rộng rãi, chẳng những đoàn kết mọi tổ chức, cá nhân yêu nước mà còn đoàn kết với ngoại kiều, đặc biệt là Hoa kiều. Phải tranh thủ đoàn kết với mọi người có thể đoàn kết được, trung lập những ai có thể trung lập được, kể cả những người ít nhiều có khuynh hướng chống Mỹ trong chính quyền miền Nam. Ngày 20-12-1960, **Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam** ra đời, giương cao ngọn cờ cứu nước với Chương trình hành động 10 điểm, mà nội dung cơ bản là đánh đổ chế độ độc tài bán nước Ngô Đình Diệm, xây dựng miền Nam Việt Nam độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập tiến tới hòa bình, thống nhất Tổ quốc. Với bản cương lĩnh đúng đắn, thể hiện sinh động chính sách đại đoàn kết, đã thu hút nhiều nhân sĩ, trí thức, tư sản tham gia chống Mỹ và tay sai, dẫn tới thành lập **"Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam"**. Như vậy, trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước có lúc hai, ba tổ chức Mặt trận bổ sung cho nhau, đã hình thành 3 tầng Mặt trận ở trong nước và trên thế giới. Đó là bước phát triển mới, sáng tạo trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc ta.

Với thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước bằng cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, nhân dân ta đã hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội với 2 nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trước tình hình mới, Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam họp từ ngày 31-1 đến ngày 4-2-1977 đã quyết định thống nhất 3 tổ chức Mặt trận lấy tên là **Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.** Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy : "Chính sách Mặt trận là một chính sách rất quan trọng, công tác Mặt trận là một công tác rất quan trọng trong toàn bộ công tác cách mạng ;... Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Mặt trận dân tộc thống nhất vẫn là một trong những lực lượng to lớn của cách mạng Việt Nam" (2). Theo tư tưởng ấy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày một phát triển và mở rộng, thực sự là khối liên minh chính trị của toàn thể nhân dân. Nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong giai đoạn mới là phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong việc tham gia quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội, tổ chức, động viên nhân dân tham gia các phong trào hành động cách mạng để thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ; đồng thời đấu tranh ngăn chặn những hành động vi phạm đường lối, chính sách, pháp luật, xâm phạm lợi ích và quyền làm chủ của nhân dân.

Ngày 18-11-1983, Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa V) ra Chỉ thị : *"Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong giai đoạn mới"*, đã xác định Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn nhất, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, là sợi dây nối liền các tầng lớp xã hội rộng rãi với Đảng, là chỗ dựa vững chắc của Nhà nước ; đồng thời chỉ rõ chức năng nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong giai đoạn mới của cách mạng. Qua 5 năm thực hiện Chỉ thị này và Chương trình hành động của Đại hội lần thứ II Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức và hoạt động của Mặt trận

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 605

Digitized by Google

Tổ quốc Việt Nam đã có những chuyển biến, tiến bộ. Mặt trận Tổ quốc các cấp, nhất là Mặt trận ở cơ sở, được củng cố từng bước, hoạt động hướng vào những vấn đề thiết thực trong các phong trào quần chúng, có ý nghĩa chính trị, xã hội quan trọng, góp phần củng cố khối đoàn kết toàn dân.

Thực hiện đường lối đổi mới đất nước do Đại hội VI của Đảng đề ra, Đại hội III Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (tháng 11-1988) đã đề ra phương hướng tăng cường đổi mới công tác Mặt trận nhằm mở rộng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về hoạt động và tổ chức, nhằm tập hợp mọi lực lượng để thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới vì sự phồn vinh của đất nước, vì hạnh phúc của nhân dân ; hướng mọi hoạt động của Mặt trận các cấp vào việc thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách và phải chủ động vươn lên tự đổi mới và góp phần vào công cuộc đổi mới chung của đất nước. Thực hiện phương hướng đó, Ủy ban Mặt trận các cấp đã có nhiều cố gắng trong việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, chú trọng đến công tác Mặt trận ở cơ sở, mở rộng dân chủ, động viên nhân dân tham gia các phong trào hành động, góp phần đẩy mạnh sản xuất và chăm lo đời sống nhân dân.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng thông qua đã bổ sung, phát triển và hoàn thiện đường lối đổi mới, đề ra những phương hướng cơ bản trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc trong đó xác định : *"Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"*. Đại hội lần thứ VII của Đảng còn xác định Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên vừa là người lãnh đạo Mặt trận.

Vị trí, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chẳng những được xác định trong các nghị quyết của Đảng mà còn được thể chế hóa trong Hiến pháp năm 1992 và một số đạo luật và pháp lệnh. Tuy nhiên, để đẩy lùi các nguy cơ, đưa đất nước vượt qua thách thức, thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, đòi hỏi phải tiếp tục tăng cường và mở rộng hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân nhằm khai thác mọi tiềm năng vật chất và tinh thần của cả dân tộc, kết hợp nội lực dân tộc với sức mạnh quốc tế, sức mạnh truyền thống với sức mạnh thời đại để tiến hành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đáp ứng yêu cầu đó, ngày 17-11-1993 Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đã ra Nghị quyết 07 về *"Đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất"*. Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt toàn bộ nghị quyết là mở rộng tối đa khối đại đoàn kết dân tộc, đưa sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc lên tầm cao mới, chiều sâu mới. Nghị quyết đã đề ra 4 chủ trương lớn, chỉ đạo quá trình tăng cường và mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong tình hình mới.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, Đại hội lần thứ IV Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (tháng 9-1994) đã công bố Chương trình 12 điểm về *"Đại đoàn kết dân tộc xây dựng và bảo vệ đất nước"* nhằm đoàn kết rộng rãi mọi người Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài, không phân biệt quá khứ và ý thức hệ, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, hận thù, chấp nhận sự khác nhau nhưng không trái với lợi ích chung của dân tộc, chân thành đoàn kết, hòa hợp thành một khối, để giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, sớm đưa nước ta thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu tiến lên dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Kỳ họp thứ V Quốc hội khóa X đã thông qua Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Sự kiện chính trị quan trọng này đã chứng tỏ quan điểm, chủ trương của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận dân tộc thống nhất đã được thể chế hóa, tạo cơ sở pháp lý quan trọng để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát huy vị trí, vai trò của mình trong đời sống chính trị, xã hội.

Nhiều năm qua, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không chỉ tiếp tục mở rộng, tập hợp lực lượng bằng tổ chức, mà còn mở rộng đoàn kết, tập hợp lực lượng thông qua các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động. Nhiều phong trào có quy mô toàn quốc, mang tính toàn dân do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động như Cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư"*,

Digitized by Google

đã lôi kéo được mọi giới, mọi ngành, mọi tầng lớp nhân dân tham gia. Sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong các tầng lớp nhân dân không ngừng tăng lên là một nhân tố bảo đảm sự ổn định về chính trị - xã hội, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (họp từ ngày 26 đến 28-8-1999) đánh dấu cột mốc quan trọng trong việc quán triệt quan điểm của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận dân tộc thống nhất nhằm phát huy tinh thần yêu nước, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nhìn lại lịch sử cách mạng Việt Nam 70 năm qua, kể từ Hội phản đế đồng minh năm 1930 đến nay, chưa bao giờ vắng bóng tổ chức Mặt trận. Với nhiều hình thức tổ chức và tên gọi khác nhau, ở thời kỳ nào **Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam** cũng đều mở rộng đoàn kết, tập hợp lực lượng cách mạng, tạo ra sự phối hợp thống nhất hành động nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, hoàn thành những mục tiêu cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra. Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam đã có những đóng góp to lớn vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc, trở thành một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Bài học thắng lợi của Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam 70 năm qua, bắt nguồn từ chỉ đạo chiến lược của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh là giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Ở mỗi giai đoạn cách mạng phải đề ra được mục tiêu chung, hình thức tổ chức và khẩu hiệu hành động phù hợp với lợi ích của đông đảo các tầng lớp nhân dân, có tác dụng cổ vũ, động viên lực lượng quần chúng tích cực cách mạng, lôi kéo về phía cách mạng những quần chúng trung gian, cô lập kẻ thù. Ngoài việc định ra mục tiêu và nội dung cụ thể, còn phải có chính sách và biện pháp thích hợp, nhằm bảo đảm hài hòa quan hệ lợi ích giữa các giai tầng trong xã hội, giữa lợi ích cá nhân và tập thể, giữa lợi ích toàn cục và cục bộ, giữa trước mắt và lâu dài và phải luôn luôn đặt lợi ích của Tổ quốc của dân tộc lên trên hết.

Mặt trận dân tộc thống nhất được xây dựng thành một tổ chức liên minh chính trị rộng lớn và lâu dài, kết hợp sự đa dạng trong một thể thống nhất. Sức mạnh của Mặt trận dựa trên nền tảng khối liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức là gắn với khối đại đoàn kết toàn dân rộng lớn, đông đảo, bao gồm các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài...

Mặt trận dân tộc thống nhất do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Đường lối đúng đắn của Đảng là ngọn cờ đoàn kết, tập hợp các tầng lớp nhân dân. Từng thời kỳ, nhờ có chủ trương, chính sách Mặt trận đúng đắn, đáp ứng yêu cầu nguyện vọng và lợi ích của các tầng lớp nhân dân nên các thành viên tham gia Mặt trận đều tự giác thừa nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, tự giác thực hiện Điều lệ và Chương trình hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận là yêu cầu khách quan, là vấn đề có tính nguyên tắc bảo đảm cho Mặt trận không ngừng được củng cố và mở rộng.

Trong những năm tới, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần ra sức củng cố và xây dựng để thực sự là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Mặt trận là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ nhân dân, nơi hiệp thương, phối hợp và thống nhất hành động của các thành viên góp phần giữ vững độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đó vừa là nhiệm vụ, vừa là trách nhiệm lịch sử đặt ra cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong giai đoạn cách mạng hiện nay. ❑

Digitized by Google

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO TRONG VIỆC CHUẨN BỊ VÀ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ CÁC CẤP THỜI GIAN TỚI

NGUYỄN VĂN AN *

THỰC hiện Chỉ thị 54-CT/TU và Kế hoạch của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội IX của Đảng, các cấp ủy trực thuộc Trung ương đã tập trung chỉ đạo việc tiến hành đại hội đảng bộ cấp cơ sở, đồng thời tích cực chuẩn bị đại hội đại biểu đảng bộ cấp huyện, cấp tỉnh. Đến ngày 31-10-2000, hơn 95% tổng số tổ chức cơ sở đảng đã tiến hành đại hội đảng viên, hoặc đại hội đại biểu. Một số ít tỉnh do có khó khăn về bão, lụt hoặc do việc chuẩn bị các báo cáo và công tác nhân sự làm chậm nên số tổ chức đảng tiến hành đại hội chậm hơn. Trong đảng bộ quân đội, đảng bộ công an, đã có trên 99% tổ chức cơ sở đảng tiến hành xong đại hội. Ở các đảng bộ khối cơ quan Trung ương, mỗi khối mới có một số đảng bộ cơ sở tiến hành đại hội. Sau khi hoàn thành về cơ bản đại hội đảng bộ cấp cơ sở, các cấp ủy huyện, tỉnh đã tiến hành việc sơ kết, rút kinh nghiệm để chỉ đạo tiếp các mặt công tác sau đại hội cấp cơ sở và chuyển sang bước hoàn thiện việc chuẩn bị và tiến hành đại hội đại biểu đảng bộ cấp huyện.

Nhìn chung, việc tiến hành đại hội đảng bộ, chi bộ ở cấp cơ sở đã được cấp ủy chuẩn bị tích cực, chu đáo, có sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy cấp trên, tuy còn một số mặt hạn chế và thiếu sót nhưng về cơ bản đã đạt các yêu cầu mà chỉ thị 54 CT/TU của Bộ Chính trị đề ra, tạo tiền đề thuận lợi cho việc tiến hành đại hội đại biểu đảng bộ cấp huyện và cấp tỉnh.

Về đại hội đảng bộ cấp huyện, huyện tiến hành đại hội đại biểu đầu tiên trong toàn Đảng là huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định từ ngày 22 đến 23-9-2000. Đến ngày 31-10-2000 đã có 86 đảng bộ huyện, quận, trên 50 đảng bộ cấp trên cơ sở (tương đương cấp huyện) ở 47 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, và nhiều đảng bộ cấp trên cơ sở trong Quân đội tiến hành đại hội.

I. MỘT SỐ NHẬN XÉT BƯỚC ĐẦU VỀ ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ Ở MỘT SỐ HUYỆN, QUẬN.

Đại hội đại biểu đảng bộ ở một số huyện, quận nêu trên đều thực hiện 4 nội dung, tiến hành từ 2 đến 2,5 ngày (có 2 - 3 giờ họp phiên trù bị). Ở các huyện, quận làm điểm, các đồng chí bí thư, phó bí thư và ban thường vụ tỉnh, thành ủy đã trực tiếp chỉ đạo đại hội, có mời các đồng chí bí thư huyện, quận ủy trong đảng bộ tới dự để rút kinh nghiệm. Đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu và một số đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Trung ương đã đến dự, phát biểu ý kiến chỉ đạo ; có đại diện lãnh đạo và chuyên viên của một số ban đảng Trung ương dự và tham gia ý kiến rút kinh nghiệm. *Qua theo dõi và tổng hợp tình hình ở một số đại hội đại biểu đảng bộ cấp huyện, và ý kiến tại các hội nghị trao đổi kinh nghiệm về đại hội đảng bộ cấp huyện vừa qua, bước đầu thấy nổi lên một số ưu điểm sau đây* :

- Việc chuẩn bị các báo cáo trình ra đại hội (báo cáo chính trị, báo cáo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ của Ban Chấp hành, báo cáo tổng hợp ý kiến của cán bộ, đảng viên và của đại hội đảng bộ cấp cơ sở tham gia vào các văn kiện của Trung ương và cấp ủy cấp trên), nhìn chung đã được chuẩn bị kỹ, nghiêm túc và được tu chỉnh nhiều lần. Một số quận, huyện đã cố gắng viết báo cáo chính trị ngắn gọn, súc tích (trên dưới 20 trang) và lấy được ý kiến tham gia của các ngành cấp trên. Nhiều nơi đã thể

* Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương

Digitized by Google

hiện được tư tưởng, quan điểm chỉ đạo của Trung ương và của cấp tỉnh trong báo cáo chính trị của mình, nêu rõ thành tựu và thiếu sót, hạn chế của cấp ủy và đảng bộ trong nhiệm kỳ qua, đề ra được các nhiệm vụ, mục tiêu, giải pháp chủ yếu để phấn đấu thực hiện trong nhiệm kỳ tới với tinh thần tích cực, nhất là các nhiệm vụ lãnh đạo phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống nhân dân. Một số nơi đã bám sát vào nghị quyết đại hội đảng bộ nhiệm kỳ trước đề ra, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và cấp ủy cấp trên để liên hệ, kiểm điểm một cách thẳng thắn, nghiêm túc.

- Các đại hội đại biểu đảng bộ cấp huyện đã biểu thị sự nhất trí về các quan điểm đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng ; phát huy tinh thần dân chủ để thảo luận, đóng góp ý kiến vào báo cáo chính trị của cấp ủy cấp mình và vào các văn kiện của cấp trên. Nhìn chung, không khí thảo luận ở một số đại hội sôi nổi, thẳng thắn, có trách nhiệm và tinh thần xây dựng. Phổ biến mỗi đại hội có từ 12 - 16 ý kiến thảo luận, các đại hội ở huyện Sóc Sơn, quận Hoàn Kiếm (Hà Nội) đã dành trên 5 giờ để đại biểu thảo luận nên có từ 22 - 24 ý kiến phát biểu. Riêng đại hội đảng bộ ở các huyện Củ Chi (TP Hồ Chí Minh), Châu Thành (Kiên Giang), Nghĩa Hành (Quảng Ngãi), Cái Đước (Cà Mau), Long Phú (Sóc Trăng) đã chia tổ để thảo luận, nên có nhiều ý kiến hơn, mỗi đại hội có từ 50 - 70 ý kiến của đại biểu tham gia ở tổ và hội trường.

- Công tác chuẩn bị nhân sự, tiến hành bầu cử cấp ủy và bầu đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên được coi trọng về tiêu chuẩn, chất lượng ; tiến hành dân chủ, đúng quy trình theo hướng dẫn của Trung ương. Một số cấp ủy tỉnh đã quan tâm chỉ đạo kiện toàn cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện trước đại hội (Thái Nguyên điều chuyển 6/9 đồng chí bí thư đã qua hai nhiệm kỳ hoặc có yêu cầu thì điều chuyển về công tác ở các ngành tỉnh trước đại hội từ 1 - 3 tháng ; một số trưởng, phó ngành tỉnh có triển vọng điều chuyển về làm bí thư, trực tiếp tham gia chuẩn bị đại hội). Các đảng bộ đã tập trung chỉ đạo giải quyết những vấn đề tồn đọng qua việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và những đơn, thư tố cáo một số cấp ủy viên đương nhiệm và cán bộ, đảng viên dự kiến tham gia cấp ủy khóa tới.

- Việc tiến hành bầu cử cấp ủy và bầu đại biểu đi dự đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên, nhìn chung, đạt kết quả tốt, hầu hết chỉ bầu một lần là đủ số lượng quy định, số phiếu tập trung. Qua tổng hợp tình hình bầu cử cấp ủy ở 35 đảng bộ huyện, quận cho thấy, việc lập danh sách những người được cấp ủy khóa trước giới thiệu để bầu vào cấp ủy khóa mới và việc lập danh sách bầu cử cấp ủy khóa mới tại đại hội đều nhiều hơn số lượng cần bầu ; bình quân danh sách bầu cử tại đại hội tăng so với danh sách được bầu là 14,2% (nơi có số dư cao nhất là Tiên Phước, Quế Sơn (Quảng Nam) : 30% ; Sóc Sơn, Hoàn Kiếm (Hà Nội) : 20% ; ít nhất là Châu Thành (Kiên Giang) : 9,1%). Số cấp ủy viên mới được bầu tham gia cấp ủy khóa đầu là 30,06% (cao nhất là Sông Công (Thái Nguyên) : 48% ; thấp nhất là Phong Điền (Thừa Thiên - Huế) : 11,18%. Tỷ lệ nữ một số nơi đạt cao như : Quận I - TP Hồ Chí Minh : 33% ; Thanh Ba (Phú Thọ), Văn Yên (Yên Bái), Vị Xuyên (Hà Giang), Định Quán (Đồng Nai) : 21% ; Củ Chi (TP Hồ Chí Minh), Ninh Giang (Hải Dương), Hồng Bàng (Hải Phòng), Sông Công (Thái Nguyên), Vũ Thư (Thái Bình), An Khê, Iagai (Gia Lai) : 15,3% (bình quân ở 500 huyện nhiệm kỳ trước là 11,7%). Độ tuổi dưới 35 trong cấp ủy ở một số nơi đạt khá như : Châu Thành (Kiên Giang), Văn Yên (Yên Bái), Hà Quảng (Cao Bằng) đạt 12% . Tuổi bình quân ở một số cấp ủy thấp hơn : Vị Xuyên (Hà Giang) : 38,6 tuổi ; Châu Thành (Kiên Giang) : 40,7 tuổi ; Quận I (TP Hồ Chí Minh), Ninh Phước (Ninh Thuận) : 41 tuổi ; (khoá trước ở 500 huyện, quận tuổi bình quân là 43,4 tuổi). Trình độ cao đẳng, đại học bình quân ở các huyện, quận là : 56,7% (nhiệm kỳ trước là 39,2%). Trình độ lý luận chính trị cao cấp và cử nhân chính trị bình quân là : 52,2% (nhiệm kỳ trước là 29,3%). Sau khi bầu cử Ban Chấp hành, các đại hội đều tiến hành lấy phiếu tín nhiệm của đại biểu đại hội đối với các chức danh bí thư, phó bí thư và hầu hết các chức danh này đều được tín nhiệm như dự kiến. Nhiều nơi đã họp Ban Chấp hành phiên đầu tiên ngay trong thời gian diễn ra đại hội để bầu Ban Thường vụ, Bí thư, Phó bí thư, Ủy ban kiểm tra và Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra.

- Nhiều cấp ủy trong khi chuẩn bị và tiến hành đại hội đã quan tâm đến việc lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương, nhất là chỉ đạo các hoạt động sản xuất, kinh doanh, làm mùa vụ,

Digitized by Google

phòng chống và khắc phục hậu quả bão lụt, thu ngân sách, giải quyết đơn, thư tố cáo và các vụ việc khiếu kiện của nhân dân ; tiếp tục kiểm điểm tự phê bình và phê bình, sửa chữa khuyết điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Nhiều nơi đã chú trọng công tác tuyên truyền, phát động phong trào thi đua, hoàn thành một số công trình để chào mừng đại hội. Một số nơi tổ chức phát thanh, truyền hình trực tiếp phiên khai mạc, tạo được không khí phấn khởi trong đảng bộ và nhân dân địa phương. Một số nơi đã tập luyện để đại biểu trực tiếp hát Quốc ca, Quốc tế ca trong phiên khai mạc hoặc có nhạc nền, có đội văn nghệ hát nòng cốt và đại biểu hát theo.

Tuy nhiên, qua đại hội ở một số đảng bộ huyện, quận đã bộc lộ một số hạn chế, thiếu sót :

- Báo cáo chính trị của một số đảng bộ còn dàn trải, chưa thật tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm. Việc đánh giá những việc đã làm được, những vấn đề tồn tại và nguyên nhân trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ, nhất là về phát triển kinh tế - xã hội và công tác xây dựng Đảng, nhìn chung, chưa sâu. Tinh thần tự phê bình của một số cấp ủy về những yếu kém, khuyết điểm chưa thật nghiêm túc, có nơi còn né tránh một số vấn đề nổi cộm, bức xúc. Báo cáo chính trị, báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ của ban chấp hành và báo cáo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) ở nhiều nơi còn trùng lắp. Có nơi đưa báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) vào một phần trong báo cáo chính trị hoặc đưa vào trong báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ của Ban Chấp hành.

- Việc chuẩn bị báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp vào văn kiện Đại hội IX của Đảng và văn kiện đại hội cấp tỉnh ở một số nơi chưa tốt, còn giản đơn, chưa nêu rõ được những vấn đề lớn và những vấn đề còn nhiều ý kiến khác nhau để đại biểu tập trung thảo luận. Có nơi chỉ viết tất cả các vấn đề trong 3 - 4 trang, có nơi trình bày hàng chục trang nhưng nặng về đề nghị thay đổi, bổ sung câu chữ trong các văn kiện và nhìn chung chưa đạt yêu cầu đề ra.

- Việc thảo luận trong đại hội vẫn theo nếp cũ là đọc bản tham luận viết sẵn. Có đại biểu đọc trên 40 phút nhưng nặng về lý luận chung chung hoặc nêu thành tích của cơ quan, đơn vị mình. Ở nhiều nơi chưa tạo được không khí tranh luận trong đại hội. Đoàn chủ tịch chưa làm tốt việc gợi ý để đại biểu đi sâu thảo luận, tìm các giải pháp tháo gỡ khó khăn để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhất là những vấn đề làm thế nào đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn ; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển ngành nghề ; tiêu thụ sản phẩm ; xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Việc thảo luận về công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng, nhìn chung, còn ít và chưa sâu sắc. Một số nơi hầu như không có ý kiến thảo luận về thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ của Ban Chấp hành.

- Một số nơi do chưa làm tốt công tác chuẩn bị nhân sự, nhất là chưa làm rõ khuyết điểm của tập thể và cá nhân sau kiểm điểm, tự phê bình và phê bình, xử lý cán bộ, đảng viên có sai phạm chưa nghiêm ; việc tổ chức lấy ý kiến giới thiệu nhân sự ở nơi công tác và nhận xét ở nơi cư trú chưa tốt nên có một số đồng chí là cấp ủy viên được giới thiệu để bầu cấp ủy mới nhưng không trúng cử.

- Tỷ lệ cấp ủy viên là nữ tuy đạt cao hơn so với cấp cơ sở nhưng nhìn chung vẫn còn ở mức thấp, nhiều nơi không đáp ứng yêu cầu (Hàm Thuận Bắc : 3%, Điện Bàn : 6% ; Đại Lộc, Trà My, Hải Lăng, Phong Điền, Đắc Hà, Nghĩa Hành : 9% ; Sóc Sơn : 12% ; Vụ Bản : 13%). Tỷ lệ cấp ủy viên ở độ tuổi trẻ (dưới 35 tuổi) phổ biến đạt từ 6 đến 9% ; có nơi chỉ bầu được 1 đồng chí 35 hoặc 36 tuổi như ở Hồng Bàng (Hải Phòng), Trùng Khánh (Cao Bằng), Định Hóa (Thái Nguyên), Chí Linh (Hải Dương), Bình Lục (Hà Nam), Điện Bàn (Quảng Nam), Hàm Thuận Bắc (Bình Thuận). Các huyện Quế Sơn (Quảng Nam), Nghĩa Hành (Quảng Ngãi), Vũ Thư (Thái Bình) không có cấp ủy viên nào dưới 35 tuổi. Tuổi bình quân của cấp ủy ở 35 huyện, quận mới được bầu là 44,1 tuổi, cao hơn so với tuổi bình quân của cấp ủy huyện khóa trước 0,7 tuổi (khóa trước 43,4 tuổi). Nguyên nhân chính là do công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cấp huyện nói chung, cán bộ trẻ và cán bộ nữ nói riêng chưa được coi trọng đúng mức.

- Việc chuẩn bị của cấp ủy khóa trước và việc điều hành của đoàn chủ tịch đại hội ở một số nơi vẫn còn một số sai sót, lúng túng như : chưa làm tốt việc tổng hợp ý kiến thảo luận các văn kiện ở cấp cơ sở ; chưa hướng dẫn để đại biểu đại hội thảo luận tập trung vào những vấn đề trọng tâm ; việc tổ chức biểu quyết các vấn đề qua thảo luận tại đại hội chưa được thống nhất, có nơi đưa ra biểu quyết

Digitized by Google

chung tất cả các vấn đề của các văn kiện thì sẽ rất khó khăn cho cấp ủy cấp trên tổng hợp ý kiến ; việc đưa ra biểu quyết về cơ cấu cấp ủy là không cần thiết... Nhiều huyện, quận có quy mô (diện tích, dân số, đảng viên...) khác nhau nhưng đều lấy số lượng cấp ủy viên khóa mới ở mức tối đa là 33 đồng chí (28/35 đơn vị). Do không chú trọng bầu những người có kinh nghiệm vào ban kiểm phiếu, không có sự chuẩn bị, tập huấn cần thiết nên có nơi việc kiểm phiếu kéo dài thời gian và có sai sót.

- Về thời gian đại hội, ở một số nơi chỉ tiến hành trong 2 ngày nên thời gian dành cho thảo luận các văn kiện còn ít và ý kiến phát biểu của các đại biểu ở đại hội không nhiều (một số nơi chỉ có dưới 10 ý kiến). Có nơi tiến hành công tác bầu cử ngay buổi chiều ngày thứ nhất, làm cho đại biểu đại hội hướng ngay vào công tác nhân sự, ít quan tâm đến việc thảo luận các văn kiện.

Tóm lại, căn cứ yêu cầu và nội dung nêu trong Chỉ thị 54 CT/TU của Bộ Chính trị, các đại hội đảng bộ cấp cơ sở và một số đại hội đại biểu đảng bộ cấp huyện vừa qua đã được chuẩn bị và tiến hành nghiêm túc, tuy còn một số mặt hạn chế, thiếu sót nhất định nêu trên, nhưng đã cơ bản đáp ứng được những yêu cầu chủ yếu trong Chỉ thị của Bộ Chính trị đề ra. Có được những kết quả đó là do sự chỉ đạo chặt chẽ, sâu sát, kịp thời của Bộ Chính trị và các cấp ủy đảng. Chỉ thị của Bộ Chính trị, các văn kiện và hướng dẫn của Trung ương về đại hội lần này tương đối kịp thời, đồng bộ, cụ thể, có nhiều điểm đổi mới, được các cấp ủy, tổ chức đảng và đông đảo đảng viên hoan nghênh, tiếp thu. Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình ở các cấp đã đạt được một số kết quả bước đầu, tạo tiền đề thuận lợi cho việc chuẩn bị tiến hành đại hội ở các cấp, nhất là về công tác nhân sự. Tình hình đất nước tuy vẫn còn một số khó khăn, bão lụt xảy ra rất nặng nề ở một số nơi, nhưng Đảng và Nhà nước ta thể hiện rõ quyết tâm trong chỉ đạo để khắc phục các khó khăn, do vậy, kinh tế tiếp tục có sự tăng trưởng khá, chặn được đà suy giảm của những năm trước, tình hình chính trị ổn định, đối ngoại có bước phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện, niềm tin của nhân dân đối với Đảng tiếp tục được nâng lên.

Kinh nghiệm của các cấp ủy và đảng bộ vừa qua đã làm tốt việc chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ cấp mình là : đã coi trọng việc tổ chức quán triệt trong cán bộ, đảng viên các yêu cầu mà Chỉ thị 54 CT/TU và những tư tưởng, quan điểm chỉ đạo thể hiện trong các văn kiện của Trung ương Đảng ; làm tốt việc tự phê bình, phê bình và sửa chữa khuyết điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) trước khi tiến hành đại hội ; coi trọng cả 2 mặt chuẩn bị các báo cáo và công tác nhân sự ; cấp ủy và ban thường vụ tập trung chỉ đạo đại hội gắn với chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị ; có chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung. Những nơi chưa làm đúng như vậy thì kết quả đạt được hạn chế.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM CHỈ ĐẠO TRONG VIỆC CHUẨN BỊ VÀ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ CÁC CẤP THỜI GIAN TỚI.

Theo kế hoạch chỉ đạo của Bộ Chính trị, đại hội đảng bộ cấp cơ sở phải cơ bản hoàn thành vào cuối tháng 9, đầu tháng 10 ; cấp huyện phải cơ bản hoàn thành vào cuối tháng 11-2000 và cấp tỉnh phải hoàn thành chậm nhất là cuối tháng 1-2001. Để tiến hành tốt đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội IX của Đảng, bảo đảm yêu cầu và tiến độ đã đề ra, trong thời gian tới, các cấp ủy đảng cần nghiên cứu, vận dụng những kinh nghiệm tốt được rút ra từ những nơi đã tiến hành đại hội, đồng thời tập trung chỉ đạo và thực hiện tốt một số vấn đề sau :

1. Đối với những đảng bộ đã tiến hành đại hội. Cấp ủy cần sớm phân công nhiệm vụ của cấp ủy viên, xây dựng quy chế làm việc của cấp ủy mới ; xây dựng chương trình hành động và kế hoạch để triển khai thực hiện nghị quyết đại hội ; chú ý chọn một số việc trọng tâm, bức xúc về kinh tế - xã hội và xây dựng Đảng để làm ngay và làm có hiệu quả, tạo sự chuyển biến tích cực sau đại hội. Tiếp tục xem xét, giải quyết dứt điểm những vấn đề còn tồn đọng trước đại hội, nhất là những vụ việc tiêu cực, có đơn thư tố cáo cán bộ, đảng viên và các vụ khiếu kiện của nhân dân. Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho cấp ủy viên, nhất là đối với số cấp ủy viên mới tham gia lần đầu.

2. Đối với những đảng bộ đang chuẩn bị đại hội.

- Yêu cầu chung :

+ Các cấp ủy cần tiếp tục quán triệt sâu sắc Chỉ thị 54 TC/TU của Bộ Chính trị và các văn bản

Digitized by Google

hướng dẫn kèm theo trong cán bộ, đảng viên và tuyên truyền trong nhân dân, chú trọng nắm vững các yêu cầu, nội dung và ý nghĩa quan trọng của đại hội đảng bộ các cấp lần này, những tư tưởng, quan điểm chỉ đạo thể hiện trong các văn kiện của Trung ương chuẩn bị trình Đại hội IX của Đảng, nhằm củng cố sự thống nhất về quan điểm, đường lối chính trị của Đảng trong cán bộ, đảng viên, làm tốt đại hội đảng bộ cấp mình và tạo tiền đề góp phần chuẩn bị tốt Đại hội IX của Đảng.

+ Quá trình chuẩn bị và tiến hành đại hội phải thật sự phát huy dân chủ, tập hợp được trí tuệ của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân, tạo sự thống nhất giữa ý Đảng và lòng dân. Phải coi trọng làm tốt cả về nội dung (các báo cáo và công tác nhân sự) và phương pháp tiến hành. Cần phấn đấu làm cho các đại hội có tính chiến đấu, thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân. Khắc phục bệnh phô trương, hình thức, lãng phí.

+ Tổ chức tốt việc lấy ý kiến và tổng hợp các ý kiến của cán bộ, đảng viên ở các cấp, các ngành, của cán bộ lão thành cách mạng, trí thức, Mặt trận và các đoàn thể ; ý kiến của đại hội đảng bộ cấp dưới và nhân dân đóng góp vào báo cáo của đại hội đảng bộ cấp mình và các văn kiện của cấp trên.

+ Các cấp ủy phải chuẩn bị báo cáo kết quả tự phê bình và phê bình và sửa chữa khuyết điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) một cách rõ ràng. Xem xét, kết luận các trường hợp đại biểu đại hội, cấp ủy viên và người được giới thiệu tham gia cấp ủy mới có đơn thư tố cáo. Những nơi có vấn đề mất đoàn kết nội bộ hoặc có nhiều đơn, thư tố cáo, khiếu kiện của nhân dân ; những nơi có khó khăn về tổ chức, cán bộ, cấp ủy cấp trên cần tăng cường chỉ đạo, phân công cấp ủy viên và có tổ công tác giúp đỡ, giải quyết những tồn tại đó trước khi bước vào đại hội. Những trường hợp mà số đông cán bộ, đảng viên và nhân dân phản ứng, không đồng tình thì cần xem xét kỹ, không giới thiệu tham gia cấp ủy lần này.

+ Cùng với quá trình chuẩn bị đại hội, các cấp ủy cần tập trung chỉ đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị, phấn đấu thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2000, khắc phục bão lụt, chỉ đạo tốt việc làm mùa vụ ; đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước ; có những công trình, việc làm cụ thể, thiết thực lập thành tích chào mừng đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội IX của Đảng.

- Yêu cầu cụ thể đối với đại hội đảng bộ cấp cơ sở.

Ở những tổ chức cơ sở đảng chưa tiến hành đại hội, chủ yếu là những nơi có những khó khăn về lũ lụt, về tình hình nội bộ hoặc về nhân sự, cấp ủy cấp trên cần tập trung chỉ đạo, có biện pháp cụ thể giúp đỡ các cơ sở đó chuẩn bị và tiến hành đại hội. Nơi nào thực sự có khó khăn về vấn đề nội bộ và về nhân sự chưa khắc phục được thì cấp ủy cấp trên cân nhắc kỹ để chỉ đạo những cơ sở đó chỉ tiến hành đại hội với 2 nội dung như Chỉ thị 54 CT/TU đã nêu.

- Yêu cầu cụ thể đối với đại hội đảng bộ cấp huyện.

+ Các đại hội đại biểu đảng bộ cấp huyện phải chú trọng làm tốt các yêu cầu và nội dung theo quy định, khắc phục tình trạng quá tập trung về công tác bầu cử, coi nhẹ việc thảo luận các văn kiện. Để đạt được yêu cầu đó, các đại hội đại biểu đảng bộ cấp huyện phải bố trí thời gian đại hội từ 2,5 đến 3 ngày (có từ 2 đến 3 giờ họp phiên trù bị) như quy định nêu trong Chỉ thị 54 CT/TU của Bộ Chính trị. Ngày đầu tiên của đại hội nhất thiết chưa tiến hành công tác nhân sự mà để sang ngày thứ hai và sáng ngày thứ ba. Đối với các đảng bộ cấp trên cơ sở tương đương cấp huyện, có số lượng đầu mối trực thuộc và số lượng đại biểu đại hội ít hơn cấp huyện, có thể tiến hành đại hội trong 2 ngày.

+ Báo cáo chính trị của cấp ủy cần tiếp thu ý kiến của cán bộ, đảng viên và của đại hội cấp dưới, trình bày ngắn gọn, sâu sắc, có nội dung thiết thực và thể hiện tinh thần tự phê bình và phê bình nghiêm túc. Báo cáo cần phải quán triệt sâu sắc nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, nhiệm vụ then chốt là xây dựng Đảng, phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ mà nghị quyết đại hội nhiệm kỳ trước đề ra, làm rõ thành tựu, ưu điểm, nguyên nhân từ những kết quả đạt được và từ những thiếu sót, khuyết điểm trong nhiệm kỳ qua, đúc kết kinh nghiệm trong chỉ đạo thực hiện ; đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để thực hiện các nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tới. Báo cáo chính trị của cấp ủy trước khi trình đại hội cần được ban thường vụ cấp ủy cấp trên xem xét, cho ý kiến chỉ đạo để bảo đảm sự thống nhất với phương hướng, nhiệm

Digitized by Google

vụ chung của toàn Đảng và của cấp ủy cấp trên. Để tránh trùng lắp với báo cáo chính trị, báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ của Ban Chấp hành, cần đi sâu kiểm điểm trách nhiệm được giao việc thực hiện quy chế làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ : về chế độ lãnh đạo tập thể, cá nhân phụ trách, về mối quan hệ làm việc giữa thường vụ, thường trực và sự phối hợp giữa các ban... Báo cáo việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) cần đi sâu đánh giá kết quả tự phê bình và phê bình trong cấp ủy và cán bộ lãnh đạo chủ chốt, nêu rõ những mặt tồn tại, kế hoạch và kết quả sửa chữa khuyết điểm và việc xử lý cán bộ, đảng viên sai phạm. Các báo cáo và gợi ý thảo luận nên gửi trước cùng với giấy triệu tập đại hội để đại biểu có thời gian, điều kiện nghiên cứu chuẩn bị ý kiến phát biểu. Báo cáo tổng hợp ý kiến của cán bộ, đảng viên và của các đại hội đảng bộ cấp cơ sở tham gia vào các dự thảo văn kiện của cấp trên và Trung ương cần được chuẩn bị kỹ, trình bày ngắn gọn. Chú ý nêu rõ những vấn đề đã được đa số nhất trí, những vấn đề quan trọng và còn nhiều ý kiến khác nhau để đại hội tiếp tục thảo luận, biểu quyết từng vấn đề và báo cáo lên cấp trên.

+ Về công tác nhân sự. Cần chuẩn bị tốt công tác nhân sự (cấp ủy, đại biểu), đặc biệt chú trọng yêu cầu về tiêu chuẩn, chất lượng cấp ủy viên, có số lượng và cơ cấu cấp ủy viên hợp lý, phù hợp với đặc điểm, quy mô của từng đảng bộ trên cơ sở đảm bảo tiêu chuẩn. Những trường hợp nhân sự dự kiến tham gia cấp ủy để điều chuyển thì, nói chung, nên điều chuyển trước đại hội. Nếu chưa điều chuyển kịp thì phải báo cáo rõ hướng phân công công tác để đại biểu đại hội biết. Những nơi nào cán bộ chủ chốt (bí thư, phó bí thư) đạt kết quả bầu cử tập trung và có đa số phiếu giới thiệu của đại biểu đại hội thống nhất với sự chuẩn bị của cấp ủy khóa trước thì không nhất thiết phải thăm dò tín nhiệm của cấp ủy và ban thường vụ cấp ủy mới được bầu trước khi cấp ủy tiến hành bầu cử các chức danh đó.

+ Về tổ chức và điều hành đại hội. Cần hướng dẫn những đồng chí tham gia đoàn chủ tịch, ban kiểm phiếu... nắm vững các nguyên tắc, thủ tục, nội quy đại hội và về công tác bầu cử. Đoàn chủ tịch đại hội cần bố trí thời gian cân đối, hợp lý để thực hiện các nội dung trong đại hội, hướng dẫn để đại biểu tập trung thảo luận vào các vấn đề trọng tâm, mấu chốt, tìm ra những giải pháp để thực hiện các nhiệm vụ, nhất là về phát triển kinh tế - xã hội và công tác xây dựng Đảng một cách cụ thể, thiết thực. Qua thảo luận, tranh luận phải tìm ra động lực để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ mà đại hội đề ra. Cần gợi mở để các đại biểu phát biểu ý kiến tranh luận ở đại hội, khắc phục tình trạng đọc tham luận một cách chung chung, hình thức.

3. Về công tác chuẩn bị đại hội đại biểu ở các đảng bộ trực thuộc Trung ương.

Cùng với việc chỉ đạo hoàn thành đại hội đảng bộ, chi bộ cấp cơ sở, khẩn trương hoàn thiện việc chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ cấp huyện và cấp tương đương, các tỉnh, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương cần xúc tiến công tác chuẩn bị về mọi mặt đối với đại hội đại biểu đảng bộ ở cấp mình, cụ thể như sau :

- Tiếp tục tu chỉnh các báo cáo, cố gắng trình bày ngắn gọn và có chất lượng báo cáo chính trị. Cần làm tốt công tác tổng hợp ý kiến thảo luận của các đảng bộ cấp dưới, coi trọng việc lấy ý kiến của cán bộ lãnh đạo chủ chốt, trí thức, cán bộ lão thành cách mạng và cán bộ các đoàn thể ở cấp tỉnh để bổ sung, nâng cao chất lượng các báo cáo của cấp mình và báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia các văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội IX của Đảng.

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt quy trình công tác nhân sự như Chỉ thị 54 CT/TU và Hướng dẫn số 14-HD/TCTU quy định. Sớm có báo cáo kết quả chuẩn bị nhân sự cấp ủy và cán bộ chủ chốt về Trung ương theo lịch trình đã thông báo. Cần chuẩn bị để đưa ra đại hội xem xét, quyết định về số lượng cấp ủy viên ở từng tỉnh, thành phố phù hợp với quy mô và điều kiện về công tác chuẩn bị nhân sự ở từng địa phương, không xin tăng thêm số lượng đã quy định trong Chỉ thị 54-CT/TU.

- Về tiến độ thực hiện, cố gắng phấn đấu thực hiện lịch trình đại hội cấp tỉnh như kế hoạch chỉ đạo của Bộ Chính trị : đa số các tỉnh cần làm xong đại hội đại biểu đảng bộ trước cuối tháng 12-2000 và một số tỉnh trước Tết âm lịch Tân Ty ; không nên để sau Tết mới tiến hành, vì như vậy có thể làm ảnh hưởng đến thời gian đã xác định để chuẩn bị và tiến hành Đại hội IX của Đảng vào cuối quý I năm 2001. ❑

Digitized by Google

Ý CHÍ VÀ DUY Ý CHÍ

HÀ ĐĂNG

ĐẤT nước ta sẽ tiến đến đâu trong thế kỷ XXI, đặc biệt là trong những thập niên đầu thế kỷ này ? Đó là câu hỏi lớn đặt ra cho Đảng và nhân dân ta khi đất nước sắp bước vào thế kỷ mới. Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội IX nêu lên mục tiêu *"đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo nền tảng để đến năm 2020, đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp"*. Dự thảo cũng khẳng định một niềm tin : "Thế kỷ XXI sẽ là thế kỷ xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc ta". Gần đây, nói chuyện với các đại biểu quốc tế dự Hội thảo "Việt Nam trong thế kỷ XX", Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu lại nhấn mạnh : "Tiếp tục đi theo con đường đã chọn, dù 50 năm, 100 năm hay lâu hơn nữa, chúng tôi cũng không bao giờ nao núng, chủ nghĩa xã hội nhất định thành công".

Về mục tiêu và những điều khẳng định nêu trên, rõ ràng là đang còn có những ý kiến khác nhau, không phải về mặt định hướng và định tính mà chủ yếu là về mặt định hình và định lượng. Có những ý kiến cho rằng, nói thế kỷ XXI sẽ là thế kỷ xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là ảo tưởng, không có cơ sở. Cũng những ý kiến đó cho rằng mong muốn trong vòng vài mươi năm biến nước ta từ một nước nông nghiệp trình độ phát triển thấp thành một nước công nghiệp cũng là nóng vội. Lại có những ý kiến ngược lại, cho rằng cách nhìn nhận nêu trên là quá ư dè dặt, biểu hiện sự bảo thủ trì trệ, thiếu ý chí vươn lên, không thấy được những biến đổi to lớn của thời đại ngày nay, thời đại mà kinh tế tri thức đang nhanh chóng thay thế cho kinh tế công nghiệp... Ở đây, về mặt tư tưởng, vấn đề ý chí và chủ nghĩa duy ý chí một lần nữa được đặt ra nóng hổi. Một người làm công tác tư tưởng lâu năm nói : "Đối với chúng ta, một mặt phải chống tư tưởng chủ quan duy ý chí, nhưng mặt khác, phải hết sức đề cao ý chí cách mạng, không có ý chí đó không thể có phong trào cách mạng được". Vậy xin thử bàn.

I - TƯ TƯỞNG DUY Ý CHÍ

Nếu tôi không nhầm thì cho đến nay, sự phê phán nghiêm khắc nhất đối với tư tưởng chủ quan, nóng vội, duy ý chí là ở Đại hội VI.

Đại hội VI cho rằng, "do chưa nhận thức đầy đủ thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình lịch sử tương đối dài, phải trải qua nhiều chặng đường, và do tư tưởng chỉ đạo chủ quan nóng vội, muốn bỏ qua những bước đi cần thiết, Đại hội lần thứ IV chưa xác định những mục tiêu của chặng đường đầu tiên". "Trong những năm 1976 - 1980, trên thực tế, chúng ta đã chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa trong khi chưa có đủ các tiền đề cần thiết, mặt khác chậm đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đã lỗi thời". Biểu hiện cụ thể là "trong việc bố trí cơ cấu kinh tế, thiên về xây dựng công nghiệp nặng và những công trình quy mô lớn,...". Trong những năm 1981 - 1986, "trong xây dựng cơ bản, tuy đã đình hoãn một số công trình tương đối lớn, tập trung hơn cho các trọng điểm, nhưng về cơ bản, vẫn chưa điều chỉnh hợp lý, không kiên quyết đình hoãn những công trình chưa thật cấp bách và kém hiệu quả, còn ham nhiều công trình quy mô lớn. Khối lượng xây dựng dở dang quá nhiều, khiến cho vốn bị đọng quá lâu". Về quan hệ sản xuất, "đã có những biểu hiện nóng vội muốn xóa bỏ ngay các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, nhanh chóng biến kinh tế tư bản tư nhân thành quốc doanh...". Về cơ chế quản lý kinh tế, tuy đã

Digitized by Google

có những chủ trương của Đảng có ý nghĩa đổi mới sâu sắc, nhưng "cơ chế tập trung, quan liêu bao cấp về căn bản chưa bị xóa bỏ...". Đại hội VI kết luận rằng "khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm, đặc biệt là những sai lầm về chính sách kinh tế, là *bệnh chủ quan, duy ý chí*, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội, chạy theo nguyện vọng chủ quan, là khuynh hướng buông lỏng trong quản lý kinh tế, xã hội, không chấp hành nghiêm chỉnh đường lối và nguyên tắc của Đảng. Đó là tư tưởng tiểu tư sản, vừa "tả khuynh vừa hữu khuynh". Đại hội còn nhấn mạnh : "Trong lĩnh vực tư tưởng, đã bộc lộ sự lạc hậu về nhận thức lý luận và vận dụng các quy luật đang hoạt động trong thời kỳ quá độ ; đã mắc bệnh duy ý chí giản đơn hóa, muốn thực hiện nhanh chóng nhiều mục tiêu của chủ nghĩa xã hội trong điều kiện nước ta mới ở chặng đường đầu tiên".

Tôi trích lại một số đoạn (đặt trong ngoặc kép) nêu trên để khẳng định một lần nữa rằng, sự phê phán của Đại hội VI đối với tư tưởng chủ quan nóng vội, duy ý chí là nghiêm khắc và đúng đắn. Chính sự tự phê bình nghiêm khắc và đúng đắn ấy đã giúp Đảng ta hoạch định đường lối, chiến lược, chủ trương chính sách và kế hoạch phát triển ngày càng phù hợp với thực tế và quy luật khách quan. Cũng xin lưu ý rằng trong khi phê phán tư tưởng chủ quan nóng vội, Đảng ta đồng thời phê phán sự bảo thủ trì trệ, nói một cách khác, vừa phê phán duy ý chí vừa phê phán sự rụt rè, giảm sút ý chí chiến đấu. Nghị quyết Đại hội VI viết : "... Chúng ta vừa chủ quan nóng vội, vừa bảo thủ trì trệ, trong thực tế, hai mặt đó cùng tồn tại và đều cản trở bước tiến của cách mạng".

Thực tiễn 5 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đại hội VI cộng với tất cả những gì giành được trong 10 năm trước đó (1975 - 1985) đã cho phép Đảng ta, tại Đại hội VII, năm 1991, đưa ra "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội". Thời kỳ quá độ được xác định là một thời kỳ dài, bao gồm nhiều chặng đường mà chặng đường đầu tiên có nhiệm vụ chủ yếu là "xây dựng những tiền đề chính trị, kinh tế, xã hội cần thiết để triển khai công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trên quy mô lớn". Đại hội VII cũng đề ra Chiến lược 10 năm (1991 - 2000) ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

Cho đến nay, chưa ai nói rằng Cương lĩnh và Chiến lược ấy có mang màu sắc của tư tưởng chủ quan duy ý chí, mặc dù trong chỉ đạo thực tiễn, có lúc, có nơi, đã có biểu hiện của cả hai loại tư tưởng chủ quan nóng vội và bảo thủ trì trệ.

Tại Đại hội VIII, qua tổng kết thực tiễn 10 năm đổi mới và 5 năm đầu thực hiện Chiến lược, Đảng ta đã đi đến một nhận định cực kỳ quan trọng, rằng *"nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc"* ; rằng *"nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã cơ bản hoàn thành cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"*. Đại hội VIII cũng đề ra mục tiêu phấn đấu *đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp vào năm 2020*. Dự thảo văn kiện Đại hội IX, với sự kiểm điểm nghiêm túc 15 năm đổi mới và 5 năm thực hiện nghị quyết Đại hội VIII, đã một lần nữa khẳng định mục tiêu chiến lược ấy.

Trong những cuộc thảo luận văn kiện Đại hội IX, những ý kiến phê phán tư tưởng chủ quan nóng vội, duy ý chí thường dựa vào chỗ nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội của kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 không đạt được, từ đó, cho rằng kết luận của Đại hội VIII nói nước ta đã bước vào chặng đường mới là quá sớm, quá vội vã ; rằng đề ra mục tiêu đến năm 2020 biến nước ta thành nước công nghiệp cũng là chủ quan, nóng vội. Ngược lại, có những ý kiến khác cho rằng chính là do tư tưởng bảo thủ và trì trệ, không dứt khoát đổi mới mà đã bỏ lỡ nhiều cơ hội để phát triển, không thực hiện được mục tiêu.

Do bài viết này không nhằm đưa ra một sự đánh giá, mà chỉ muốn góp phần nhận chân tư tưởng chủ quan duy ý chí và vai trò của ý chí, cho nên xin không trực tiếp tham gia bàn luận

Digitized by Google

giữa hai loại ý kiến nêu trên. Hy vọng một kết luận đúng đắn sẽ được rút ra từ những cuộc thảo luận ở nhiều diễn đàn khác nhau, đặc biệt là ở các đại hội đảng bộ các cấp huyện, quận và tỉnh, thành sắp tới. Chỉ nghĩ rằng việc kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội VIII, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội là rất quan trọng, đòi hỏi phải khách quan, trung thực, nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật, không cường điệu hóa một phía nào. Nếu thật sự có tư tưởng chủ quan nóng vội, duy ý chí hoặc ngược lại, bảo thủ trì trệ trong lãnh đạo và chỉ đạo thì không có lý do gì không chỉ ra.

Duy ý chí là một loại tư tưởng chủ quan, cho rằng ý chí quyết định tất cả, có ý chí thì việc gì cũng làm được, cho nên trong hoạch định chính sách cũng như hành động cụ thể, thường thoát ly tình hình thực tế, những điều kiện và khả năng thực tế, bất chấp quy luật khách quan. Những biểu hiện mà Đại hội VI nêu trên đúng là những biểu hiện của tư tưởng chủ quan, duy ý chí. Nhưng tình hình từ Đại hội VI đến nay đã có nhiều thay đổi, thậm chí có mặt thay đổi rất cơ bản, thay đổi về chất. Đất nước từ trạng thái khủng hoảng kinh tế - xã hội chuyển sang trạng thái cơ bản ổn định và phát triển ; từ yếu kém nhiều mặt chuyển sang có đủ tiền đề cho đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từ bị bao vây cô lập đến mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế... Tóm lại, đất nước đã chuyển sang một giai đoạn mới với những mục tiêu phấn đấu mới. Nếu sự đánh giá tình hình như vậy là đúng, việc xác định các mục tiêu cũng là đúng, nhưng trong thực hiện lại có khuyết điểm, có những biến động khó dự báo trước cho nên mục tiêu không đạt được (hoặc chưa đạt được), thì đó không hoàn toàn là do tư tưởng chủ quan, duy ý chí hay ngược lại. Phải tìm đúng bệnh mới trị được bệnh.

II - VAI TRÒ CỦA Ý CHÍ

Trong khi phê phán tư tưởng chủ quan duy ý chí, cũng cần phân biệt tư tưởng sai lầm đó với việc đề cao vai trò của ý chí. Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, nhưng ý thức xã hội lại có tác động ngược lại đến tồn tại xã hội, thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của xã hội. Tư tưởng và lý luận cách mạng, ý chí và niềm tin cách mạng khi đã thấm sâu vào phong trào quần chúng thì sẽ trở thành một lực lượng vật chất to lớn.

Bác Hồ nói : *"Không có việc gì khó. Chỉ sợ lòng không bền. Đào núi và lấp biển. Quyết chí cũng làm nên"*. Lê-nin nói : "Hãy cho chúng tôi một tổ chức những người cách mạng, tôi sẽ đảo ngược nước Nga". Những lời nói ấy hoàn toàn không có gì là duy ý chí, bởi lẽ cái ý chí cách mạng mãnh liệt đó được bảo đảm bằng những chiến lược và sách lược cách mạng cụ thể. Trong chỉ đạo kế hoạch, Bác Hồ nói : "kế hoạch 10 phần thì biện pháp phải 20 phần và quyết tâm 30 phần". Lê-nin, bằng việc xây dựng một đảng vô sản kiểu mới, đã lãnh đạo thành công Đại Cách mạng Tháng Mười, mở ra kỷ nguyên xã hội chủ nghĩa.

Mở đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, nếu không có ý chí "thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ" thì cũng sẽ không có "Chín năm làm một Điện Biên. Nên vành hoa đỏ nên thiên sử vàng".

Những ngày Mỹ ào ạt đưa quân vào miền Nam tiến hành chiến tranh cục bộ, mối lo phổ biến cũng là câu hỏi đặt ra, không phải của riêng chúng ta mà còn của nhiều người trên thế giới, là : "Có đánh được Mỹ không ?". Đảng ta nói : Đánh được và nhất định đánh thắng. Mà đánh thắng Mỹ trước hết là đánh sập ý chí xâm lược của chúng. Cuộc chiến tranh diễn ra quyết liệt không chỉ giữa hai ý chí - xâm lược và chống xâm lược, mà còn giữa các chiến lược, chiến thuật để thực hiện ý chí ấy, trong đó, ta buộc địch sa vào chỗ yếu của chúng, đánh theo cách đánh của ta, buộc chúng "ăn bằng đũa" chứ không cho "ăn bằng cùi dìa, phuốc sét". Nếu không có cái ý chí thắng Mỹ ngay từ đầu thì sẽ không có thắng lợi vĩ đại ngày 30-4-1975.

Digitized by Google

Tiến hành đổi mới trong thế nước muôn trùng khó khăn, tiếp đến là cuộc khủng hoảng dẫn tới sự sụp đổ ở một loạt nước xã hội chủ nghĩa Liên Xô và Đông Âu, chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào, Đảng ta vẫn kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, dứt khoát tuyên bố "đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có kết quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, bằng những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp". Không có cái quyết tâm, cái ý chí ấy thì sẽ không có đường lối, chủ trương, chính sách, kế hoạch và biện pháp thực hiện đổi mới đưa đến những thành tựu to lớn như ngày nay.

Bước vào thế kỷ XXI, chúng ta tin chắc ở thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, tin chắc chủ nghĩa xã hội nhất định thành công, nhất quyết tiếp tục đi theo con đường đã chọn, dù một thế kỷ hay lâu hơn nữa cũng không nao núng. Đó phải chăng là sự khẳng định một ý chí lớn, một niềm tin lớn, một quyết tâm lớn, mà nếu không có thì sẽ không thể tiếp tục cụ thể hóa và từng bước đưa vào cuộc sống những điều ghi trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cũng như trong các nghị quyết của các Đại hội Đảng, mà sắp tới là Nghị quyết Đại hội lần thứ IX.

Thực tiễn đổi mới vô cùng sống động. Sự phê phán của Đại hội VI đối với tư tưởng chủ quan, duy ý chí chắc chắn không phải nhằm vào cái ý chí quyết "tiến lên chủ nghĩa xã hội" ; sự phê phán tư tưởng thiên về công nghiệp nặng và những công trình quy mô lớn lúc đó cũng không có nghĩa là phê phán việc tập trung sức xây dựng những công trình trọng điểm như thủy điện Sông Đà và Trị An, dầu khí Vũng Tàu - Côn Đảo, cầu Thăng Long,... bởi nếu không có những công trình đó thì thành tựu về kinh tế những năm đầu đổi mới không nhất định "đáng kể" như đã giành được. Còn biết bao nhiêu việc như thế. 25 năm trước, mục tiêu 21 triệu tấn lương thực, mấy chục vạn tấn thép, vài triệu tấn xi măng/năm bị coi là viển vông thì ngày nay 35 triệu tấn lương thực, mấy triệu tấn thép, vài chục triệu tấn xi măng/năm đã trở thành hiện thực.

Bàn về chiến lược phát triển 10 năm hay vài chục năm tới đương nhiên phải căn cứ vào sự đánh giá đúng thực tế hiện nay và dự báo tình hình sắp tới, tính toán các điều kiện và khả năng phát triển, các nhân tố chủ quan và khách quan, bên trong và bên ngoài đất nước chúng ta. Cần có ý chí lớn nhanh chóng xóa bỏ tình trạng nghèo và kém phát triển, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, không chấp nhận sự tụt hậu xa hơn mà còn phải rút ngắn khoảng cách về phát triển so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Với ý chí đó, không thể chậm trễ trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cũng không thể tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo quan niệm cũ, cách làm cũ. Nhưng công nghiệp hóa rút ngắn thời gian là như thế nào ? Đi tắt đón đầu trong vận dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào việc phát triển kinh tế - xã hội là những gì ? Tiếp cận nền kinh tế tri thức hay là mạnh dạn đi vào nền kinh tế ấy với nội dung sử dụng ngày càng tốt tri thức phục vụ cho phát triển ? Trả lời những câu hỏi đó không thể chỉ căn cứ vào nhiệt tình cách mạng mà còn phải có tri thức cách mạng, không thể chỉ đề cao ý chí mà còn phải đề cao cả những tính toán khoa học để thực hiện được ý chí đó. Xác định phương hướng và mục tiêu là rất quan trọng nhưng lựa chọn bước đi và cách làm, tìm ra các giải pháp hữu hiệu càng quan trọng hơn.

Nêu cao, bồi dưỡng ý chí cách mạng và phê phán tư tưởng chủ quan duy ý chí là hai mặt của một vấn đề. Nêu cao ý chí cách mạng là khuyến khích tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám tạo ra những bước đột phá có tính cách mạng để phát triển chứ không phải là kích thích những hành động chủ quan nóng vội, bất chấp quy luật khách quan. Phê phán tư tưởng chủ quan duy ý chí là nhằm hướng tới sự tỉnh táo khoa học và tính thực tiễn trong mọi mặt hoạt động chứ không phải là làm nhụt ý chí cách mạng.❑

Digitized by Google

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VỚI SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NƯỚC TA

ĐẶNG HỮU *

Công nghệ thông tin (CNTT) là hệ thống các tri thức và phương pháp khoa học, các công cụ và phương tiện kỹ thuật hiện đại, các giải pháp công nghệ, ... được sử dụng để thu thập, lưu trữ, xử lý, sản xuất và truyền bá thông tin nhằm giúp con người nhận thức, tổ chức khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thông tin như nguồn tài nguyên quan trọng nhất.

Công nghệ thông tin bao gồm chủ yếu là máy tính, kể cả các bộ vi xử lý, mạng viễn thông nối các máy tính, phần mềm và nội dung thông tin ; CNTT đang phát triển theo hướng hội tụ với viễn thông, truyền thanh, truyền hình, báo chí, xuất bản...

Người ta thường nói sự phát minh ra điện là phát minh vĩ đại nhất, điện đã đem lại ánh sáng cho con người, là nguồn động lực không thể thiếu của mọi hoạt động sản xuất, nó làm thay đổi cuộc sống của mọi gia đình, nhà máy, cơ quan, và toàn bộ các hoạt động của xã hội loài người.

Cũng tương tự như điện lực, ngày nay CNTT có mặt trong mọi nơi, mọi lĩnh vực, thúc đẩy đổi mới, tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả của sản xuất, giảm nhẹ lao động chân tay đến tối thiểu, sáng tạo ra nhiều của cải, làm cho lực lượng sản xuất của loài người nhảy vọt, *chuyển từ nền kinh tế công nghiệp (kinh tế tài nguyên) sang nền kinh tế tri thức, từ nền sản xuất dựa vào nguồn lực vật chất là chủ yếu sang nền sản xuất dựa vào trí lực là chủ yếu.* Công nghệ thông tin là mũi nhọn đột phá đưa con người vào nền văn minh mới - *văn minh trí tuệ.*

Công nghệ thông tin đã phát triển tới giai đoạn *trí tuệ nhân tạo,* làm cho tri thức tăng nhanh, nhân lên gấp bội sức mạnh lao động trí óc con người. Các máy móc, phương tiện kỹ thuật khác giúp con người trong lao động cơ bắp, còn CNTT giúp con người trong khả năng tư duy, trong chức năng điều khiển, kiểm soát ; làm cho con người trở nên thông minh hơn, sáng tạo hơn. So với tất cả các công nghệ khác từ xưa tới nay, CNTT phát triển nhanh nhất, tác động mạnh mẽ, sâu sắc, và toàn diện nhất đến đời sống xã hội loài người. Sự bùng nổ của CNTT mới chỉ diễn ra trong thập niên 90 ; vai trò, tác động to lớn của nó đối với sự phát triển được thấy rõ cũng chỉ trong thập niên 90.

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin

Chiếc máy tính đầu tiên xuất hiện vào năm 1946 chỉ đạt tốc độ khoảng 6 - 7 nghìn phép tính/giây, nhưng chiếm diện tích tới 1 800m^2, với giá 450 nghìn USD. Ngày nay, một chiếc máy tính thông thường đã đạt tới tốc độ hàng tỉ phép tính/giây với giá chỉ còn 500 - 600 USD. Một đặc trưng của sự phát triển máy tính là sau 18 tháng tốc độ xử lý tăng gấp đôi và sau một năm giá giảm 25 - 30%. Chiều hướng ấy không thay đổi trong suốt 30 năm qua và hiện nay chưa thấy dấu hiệu thay đổi. Thế giới hiện nay có khoảng 450 triệu máy tính cá nhân. Số lượng các bộ vi xử lý ngoài máy tính trên thế giới hiện nay là khoảng 6 tỉ.

Mạng máy tính và In-tơ-nét đã và đang trở thành hệ thống huyết mạch quan trọng của mọi hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội. Mạng máy tính đầu tiên xuất hiện vào năm 1969 là mạng ARPAnet thuộc Bộ Quốc phòng Mỹ, tiền thân của In-tơ-nét ngày nay, chỉ có mấy chục máy nối

* GS. Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng ban Khoa giáo Trung ương

Digitized by Google

với nhau. Năm 1979, mạng này được nối ra quốc tế. Năm 1993, đã có tới một triệu người nối vào mạng. Năm 1994, In-tơ-nét bắt đầu được sử dụng cho mục đích thương mại và bắt đầu bùng nổ ; sau 6 năm, tính đến tháng 3-2000, số người dùng đã lên đến 280 triệu.

Để đạt mức 50 triệu người sử dụng, điện thoại phải mất 74 năm ; ra-đi-ô mất 38 năm ; máy tính cá nhân mất 16 năm ; máy thu hình mất 13 năm ; còn In-tơ-nét chỉ mất có 4 năm.

Mạng In-tơ-nét không còn là một phương tiện kỹ thuật đơn thuần, mà đã trở thành một môi trường mới cho mọi hoạt động kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục,... có tác động rất lớn đến các chuyển biến nhanh chóng của đời sống con người trên khắp hành tinh.

Lĩnh vực viễn thông cũng đang phát triển hết sức nhanh chóng. Khả năng chuyển tải của hệ thống cáp viễn thông xuyên Đại Tây Dương trong gần 2 thập niên qua tăng trung bình 64% một năm, nhưng giá thành giảm 41% một năm.

Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi và đã tác động mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực hoạt động của xã hội loài người

Công nghệ thông tin đang được ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực, thúc đẩy nhanh quá trình tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thay đổi cơ cấu xã hội, phong cách sống, học tập và làm việc của con người.

Khu vực kinh tế thông tin trở thành khu vực năng động nhất trong nền kinh tế. Khu vực này chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong nền kinh tế, có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn bất kỳ khu vực nào khác, và cũng tạo thêm được nhiều việc làm nhất. Năm 1995, doanh số của lĩnh vực công nghệ thông tin trên thế giới đạt 527,9 tỉ USD, với tốc độ tăng trưởng trung bình hằng năm (từ 1987 đến 1994) là 9,9%, gấp hai lần tốc độ tăng trưởng của GDP nói chung.

Công nghiệp CNTT trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo ra nhiều việc làm và nhiều ngành nghề mới, làm thay đổi sâu sắc các ngành công nghiệp hiện tại, tăng khả năng cạnh tranh của các ngành công nghiệp truyền thống. Năm 1995, giá trị sản xuất công nghiệp công nghệ thông tin chiếm 6% GDP của thế giới.

Thương mại điện tử đang thúc đẩy mạnh mẽ các ngành sản xuất, dịch vụ trên phạm vi toàn cầu. Thương mại điện tử được bắt đầu từ 1996 và ngay lập tức được sử dụng rộng rãi. Lượng tiền giao dịch thông qua mạng năm 1998 đạt khoảng 700 tỉ USD, năm 2000 đạt khoảng 1 000 tỉ USD, dự kiến năm 2003 sẽ đạt 4 000 tỉ USD. Thương mại điện tử đặc biệt có ý nghĩa với các nước đang phát triển (nhất là đối với các công ty nhỏ, các vùng biệt lập, xa xôi là những đối tượng lâu nay ít có cơ hội giao dịch, thiếu thông tin, thiếu đối tác) ; vì bằng phương tiện điện tử họ có thể dễ dàng tiếp xúc với thị trường rộng lớn ở trong nước cũng như ngoài nước.

Chính phủ điện tử, trên cơ sở điện tử hóa các hoạt động quản lý nhà nước, đang hình thành và trở nên ngày càng phổ biến, giúp cho việc điều hành kịp thời, nhanh nhạy và hiệu lực hơn hẳn ; cho phép mọi người dân có thể dễ dàng tiếp cận các dịch vụ của nhà nước ; theo dõi, kiểm soát các hoạt động của nhà nước ; thông qua hệ thống mạng cơ quan quản lý nhà nước có thể tiếp dân, lắng nghe ý kiến và trả lời câu hỏi của mọi người dân tức thời ở mọi nơi, bảo đảm tính công khai, minh bạch, dân chủ, khắc phục được sự tùy tiện, nhũng nhiễu của cán bộ có quyền hành.

Chữa bệnh trên mạng (chữa bệnh từ xa) đang trở thành một hình thức phổ biến, có tác dụng hỗ trợ kịp thời và thiết thực cho dân cư ở các vùng còn nghèo nàn, lạc hậu nằm xa các trung tâm y tế. *Giáo dục, đào tạo từ xa đang giúp nâng cao chất lượng các chương trình giảng dạy và học tập.*

Đối với an ninh, quốc phòng, cuộc cách mạng khoa học, công nghệ và nhất là sự phát triển nhanh chóng của CNTT đã dẫn tới cuộc cách mạng mới trong quân sự : *chiến tranh thông tin,* với nội dung chủ yếu là *chiến trường số hóa* (tự động hóa kiểm soát, chỉ huy, truyền tin trên toàn bộ chiến trường) *quân đội số hóa* (toàn đơn vị nối mạng, kiểm soát được từng người), *vũ khí thông minh* (tự động điều khiển theo chương trình tìm diệt mục tiêu với độ chính xác cao).

Công nghệ thông tin thúc đẩy khoa học công nghệ phát triển nhanh. Bất cứ một lĩnh vực nào muốn phát triển nhanh đều cần CNTT. Thành

Digitized by Google

tựu vĩ đại nhất trong công nghệ sinh học - giải mã được toàn bộ bộ gen con người với 3,3 tỉ nucleotide vừa mới công bố gần đây là nhờ những máy tính cực mạnh. Khoa học công nghệ phát triển vượt bậc trong thập niên 90 tất yếu gắn với sự bùng phát của CNTT. Công nghệ thông tin xâm nhập vào các ngành khoa học khác thành những lĩnh vực khoa học mới như sinh - tin học (infobiotic), hay infonautic - sự hội tụ của CNTT, công nghệ sinh học và công nghệ nanô - động lực chủ yếu của nền kinh tế tri thức.

Công nghệ thông tin còn có tác động đến mọi mặt hoạt động của con người : lối sống, cách làm việc, giao tiếp, ứng xử ; nếp sống văn hóa... và cả đến tư duy. Công nghệ thông tin giúp nhân lên gấp bội năng lực lao động trí óc con người. Công nghệ thông tin thúc đẩy sáng tạo, thúc đẩy đổi mới, buộc con người phải làm việc nhanh, *làm việc theo tốc độ của tư duy.*

Mặt trái của việc sử dụng công nghệ thông tin

Cũng giống như những thành tựu khoa học và công nghệ khác, CNTT bên cạnh việc đem lại những lợi ích hết sức to lớn, thì đồng thời cũng có những tác động tiêu cực đến quá trình phát triển xã hội. Đó là do con người sử dụng nó vào mục đích gì, vì lợi ích của ai. Hiện nay CNTT chủ yếu do các nước tư bản phát triển, trước hết là Hoa Kỳ nắm và chi phối. CNTT đang trở thành công cụ đắc lực nhất để tiếp tục duy trì và phát triển chủ nghĩa tư bản, gia tăng sự lũng đoạn TBCN đối với nền kinh tế thế giới đang toàn cầu hóa. Thực tế đó đã làm cho khoảng cách giàu nghèo, sự bất bình đẳng trên thế giới gia tăng nhanh chóng. Năm 1997, chênh lệch giàu nghèo trên thế giới (20% giàu nhất so với 20% nghèo nhất) là 74 lần (chỉ số này năm 1960 là 30, năm 1913 là 11) ; thu nhập bình quân đầu người của nước giàu nhất so với nước nghèo nhất là hơn 400 lần (đầu thế kỷ XX chênh lệch không quá 10 lần) ; 20% dân số thế giới sống ở các nước có thu nhập cao nhất chiếm 86% GDP thế giới và 93% người sử dụng In-tơ-nét ; trong khi 20% dân số sống ở các nước nghèo nhất chỉ chiếm 1% GDP và chỉ có 0,2% người sử dụng In-tơ-nét. 200 tỷ phú giàu nhất có tài sản tổng cộng là 1 000 tỉ USD, riêng 3 người giàu nhất có tài sản bằng GDP của tất cả các nước kém phát triển cộng lại, với số dân 600 triệu người.

Các mâu thuẫn của thế giới ngày nay ngày càng sâu sắc ; cuộc đấu tranh giữa các nước đang phát triển và nhân dân tiến bộ trên thế giới chống lại chủ nghĩa tư bản ngày càng mạnh mẽ. Do sức ép của cuộc đấu tranh, chủ nghĩa tư bản buộc phải có sự điều chỉnh trong quan hệ sản xuất, làm dịu bớt mâu thuẫn, nhưng không thể giải quyết nổi mâu thuẫn cơ bản nếu chủ nghĩa tư bản không bị thay thế.

Các nước đang phát triển phải vươn lên nắm lấy CNTT, đấu tranh để lập lại sự bình đẳng. Không có đủ năng lực về CNTT, không đấu tranh với các nước phát triển, các nước đang phát triển sẽ tiếp tục bị đè nén, chèn ép.

Mặt khác, người ta rất lo ngại In-tơ-nét sẽ làm mất đi *bản sắc văn hóa dân tộc,* dễ làm cho các nền văn hóa trở nên pha tạp, lai căng không còn là của chính mình nữa. Để giải quyết vấn đề này, bên cạnh việc sử dụng các biện pháp công nghệ, hành chính để ngăn chặn sự xâm nhập các sản phẩm văn hóa độc hại từ ngoài vào phải coi giải pháp chính và quan trọng hàng đầu là giáo dục truyền thống dân tộc, xây dựng nền văn hóa có bản sắc riêng của mình để có thể đứng vững và phát triển trước sự xâm nhập các nền văn hóa khác, đặc biệt phải chủ động và tích cực xây dựng và làm chủ nền CNTT của quốc gia.

Vai trò của nhà nước có ý nghĩa quyết định trong việc tạo ra động lực ban đầu, tạo ra môi trường khuyến khích phát triển, đưa ra giải pháp ngăn chặn các hậu quả tiêu cực, các nguy cơ bất bình đẳng về thông tin và chính nhà nước phải là đi đầu và trở thành tấm gương mẫu mực trong việc ứng dụng CNTT.

Đầu tư vào CNTT phải đồng bộ, có tính toán, bảo đảm hiệu quả cao nhất. Công nghệ thông tin không phải là "liều thuốc tiên" chữa được bách bệnh. Phát triển CNTT không có nghĩa là ngay lập tức chúng ta giải quyết được mọi vấn đề bức xúc về kinh tế, xã hội ; nhưng cần phải khẳng định là *chúng ta không thể lưỡng lự hay chờ đợi,* vì chính

Digitized by Google

điều đó sẽ dẫn đến sự trì trệ trong hành động, bỏ lỡ cơ hội, làm cho việc tụt hậu càng xa hơn nữa.

Tình hình ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ở Việt Nam

Ngay từ thời kỳ chống Mỹ cứu nước, Đảng và Nhà nước đã có chủ trương sử dụng tin học trong các lĩnh vực. Bước sang thời kỳ đổi mới, chủ trương ứng dụng và phát triển CNTT đã được nhấn mạnh và cụ thể hóa trong nhiều nghị quyết của Đảng và Chính phủ.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) ngày 30-7-1994 xác định : *Ưu tiên ứng dụng và phát triển các công nghệ tiên tiến, như công nghệ thông tin phục vụ yêu cầu điện tử hóa và tin học hóa nền kinh tế quốc dân.* Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng nhấn mạnh : *Ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực kinh tế quốc dân, tạo ra sự chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế... Hình thành mạng thông tin quốc gia liên kết với một số mạng thông tin quốc tế...* Về mặt nhà nước, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 49/CP ngày 04-8-1993 về *Phát triển công nghệ thông tin ở Việt Nam trong những năm 90* ; gần đây Chính phủ ban hành Nghị quyết số 07/2000/NQ-CP ngày 05-6-2000 về *xây dựng và phát triển công nghiệp phần mềm giai đoạn 2000 - 2005.*

Thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước, từ những năm 70 CNTT ở nước ta đã được ứng dụng và phát triển, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Viễn thông đang phát triển nhanh theo hướng hiện đại hóa. Nhờ chiến lược đi thẳng vào hiện đại theo hướng số hóa, tự động hóa, đa dịch vụ, viễn thông Việt Nam đã đạt được một số thành tựu đáng tự hào, một số lĩnh vực đã vươn lên đạt trình độ quốc tế.

Nguồn nhân lực về CNTT tăng lên đáng kể. Đã đưa được CNTT vào chương trình đào tạo của các trường đại học ; bước đầu xây dựng được một đội ngũ chuyên gia trẻ có khả năng tiếp thu và làm chủ CNTT hiện đại ; đặc biệt có những học sinh, sinh viên trẻ đoạt các giải cao trong các cuộc thi quốc tế về CNTT.

Ứng dụng CNTT chiếm vị trí, vai trò ngày càng quan trọng trong các lĩnh vực tổ chức quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt tại một số đơn vị dịch vụ nhà nước, như Hàng không, Ngân hàng, Bưu chính - Viễn thông.

Tuy nhiên, CNTT Việt Nam hiện nay vẫn đang ở tình trạng lạc hậu, phát triển chậm. Nếu trong những năm 70 trình độ CNTT của ta không thua kém so với các nước trong khu vực thì ngày nay ta đã đi sau nhiều nước. Việc ứng dụng CNTT chưa đáp ứng được yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và yêu cầu về hội nhập khu vực và quốc tế, vai trò động lực và tiềm năng to lớn của CNTT chưa được phát huy ; nguồn nhân lực CNTT chưa được chuẩn bị kịp thời cả về số lượng và chất lượng, cũng như về ngoại ngữ ; viễn thông và In-tơ-nét chưa thuận lợi, chưa đáp ứng các yêu cầu về tốc độ, chất lượng và giá cước cho ứng dụng và phát triển CNTT ; đầu tư cho CNTT chưa đủ mức cần thiết ; quản lý nhà nước về lĩnh vực này vẫn phân tán và chưa hiệu quả, ứng dụng CNTT ở một số nơi còn hình thức, chưa thiết thực và còn lãng phí.

Nguyên nhân chủ yếu là do nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò của CNTT chưa đầy đủ ; chưa kết hợp chặt chẽ ứng dụng CNTT với quá trình cơ cấu lại sản xuất, kinh doanh, cải cách hành chính, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước ; chậm ban hành các chính sách đáp ứng nhu cầu ứng dụng và phát triển CNTT ; quản lý nhà nước trong lĩnh vực máy tính, viễn thông và thông tin điện tử chưa thống nhất, thiếu đồng bộ, chưa tạo được môi trường cạnh tranh lành mạnh cho việc cung ứng dịch vụ viễn thông và In-tơ-nét, chưa coi đầu tư cho xây dựng hạ tầng thông tin là loại đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế, xã hội. Lãnh đạo các cấp, các ngành, các lĩnh vực chưa thực sự coi CNTT là phương tiện chủ lực để đi tắt đón đầu trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Các cơ quan nhà nước chưa thực sự chú trọng sử dụng CNTT để đổi mới lề lối làm việc, tăng cường hiệu quả công việc ; chưa thể hiện rõ vai trò "đầu tàu" của mình trong ứng dụng CNTT ; hệ quả chung là làm cho quá trình

Digitized by Google

hình thành thị trường CNTT ở Việt Nam diễn ra quá chậm chạp.

Trước tình hình đó, Bộ Chính trị đã ra Chỉ thị số 58-CT/TU ngày 17-10-2000 về "Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa".

Chỉ thị đã chỉ ra vị trí, vai trò, nhiệm vụ của CNTT đối với công cuộc phát triển ở nước ta : "Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ở nước ta nhằm góp phần giải phóng sức mạnh vật chất, trí tuệ và tinh thần của toàn dân tộc, thúc đẩy công cuộc đổi mới, phát triển nhanh và hiện đại hóa các ngành kinh tế, tăng cường năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, hỗ trợ có hiệu quả cho quá trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, bảo đảm an ninh, quốc phòng và tạo khả năng đi tắt đón đầu để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa".

Mục tiêu phấn đấu được đặt ra là : đến năm 2010, CNTT Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực với các yêu cầu :

- Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực, nhằm tạo một bước chuyển biến mạnh về năng suất, chất lượng, hiệu quả của tất cả các lĩnh vực hoạt động, thúc đẩy nhanh phát triển kinh tế ;

- Phát triển mạng thông tin quốc gia phủ khắp nước, với thông lượng lớn, tốc độ và chất lượng cao, giá rẻ, tỷ lệ người sử dụng In-tơ-nét đạt mức trung bình thế giới ;

- Công nghiệp CNTT trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có đóng góp quan trọng cho tăng trưởng GDP của cả nước.

Để thực hiện các mục tiêu nêu trên, Bộ Chính trị đã đề ra các chủ trương và giải pháp chủ yếu như sau :

1 - Ứng dụng rộng rãi, có hiệu quả công nghệ thông tin trong toàn xã hội.

Các cơ quan đảng, nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội đi đầu trong việc triển khai, ứng dụng CNTT trong mọi hoạt động. Coi *tin học hóa hoạt động của các cơ quan đảng và nhà nước* là bộ phận hữu cơ của cải cách nền hành chính quốc gia. Sớm hoàn hiện, thường xuyên nâng cấp và sử dụng có hiệu quả mạng thông tin diện rộng của Đảng và Chính phủ.

Phát triển *thương mại điện tử* và các *dịch vụ điện tử trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, thuế, hải quan, hàng không...*, nhằm nâng cao hiệu quả của nền kinh tế, tăng cường hiệu lực của quản lý kinh tế, chủ động hội nhập quốc tế có hiệu quả, góp phần khắc phục nạn tham nhũng, quan liêu, gây phiền hà cho dân. Phát triển các hình thức *giáo dục, đào tạo từ xa, chữa bệnh từ xa, thư viện điện tử,...*

Các *doanh nghiệp cần đầu tư cho ứng dụng và phát triển CNTT*, sử dụng thương mại điện tử, coi đó là biện pháp cơ bản để đổi mới quản lý, đổi mới công nghệ, cơ cấu lại sản xuất, mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Sử dụng CNTT kết hợp với công nghệ sinh học để phục vụ *công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn*, đặc biệt góp phần xóa đói giảm nghèo và thúc đẩy phát triển vùng sâu, vùng xa.

Lực lượng an ninh - quốc phòng nhanh chóng phổ cập, ứng dụng và phát triển CNTT, nhằm góp phần xây dựng lực lượng chính quy, tinh nhuệ, hiện đại ; bảo đảm an ninh quốc gia ; sẵn sàng, chủ động đối phó với chiến tranh thông tin hiện đại.

Các *cơ quan thông tin đại chúng*, báo chí, xuất bản khẩn trương phát triển các loại hình thông tin điện tử, thường xuyên *tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về CNTT* cho toàn xã hội.

2 - Tạo môi trường thuận lợi cho ứng dụng công nghệ thông tin và phát triển công nghiệp thông tin.

Công nghệ thông tin là lĩnh vực được Nhà nước *đặc biệt khuyến khích đầu tư*. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi nhất, áp dụng *mức ưu đãi cao nhất* cho việc ứng dụng và phát triển CNTT.

Có các biện pháp *bảo đảm an toàn và an ninh thông tin*, trước hết trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, an ninh - quốc phòng.

Khuyến khích và hỗ trợ việc phổ cập và *nâng cao trình độ ngoại ngữ* trong nhân dân, trước hết là trong thanh niên, thiếu niên.

Digitized by Google

Xây dựng tiêu chuẩn ngành, nghề với *mức lương và chế độ đãi ngộ hợp lý* đối với đội ngũ cán bộ chuyên môn về CNTT.

Ưu tiên đầu tư cho ứng dụng và phát triển CNTT trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Coi hạ *tầng thông tin là hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng.* Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ODA cho ứng dụng và phát triển CNTT.

Khuyến khích việc sử dụng các sản phẩm và dịch vụ CNTT được tạo ra trong nước. Xử lý nghiêm các hành vi cố ý vi phạm hoặc gây cản trở việc ứng dụng các sản phẩm và dịch vụ CNTT được tạo ra trong nước.

Hỗ trợ xuất khẩu trong lĩnh vực CNTT, trước mắt là *gia công phần mềm.*

Bảo đảm việc thực hiện pháp luật về *bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ,* trong đó có bảo hộ quyền tác giả đối với phần mềm và các sản phẩm CNTT khác.

3 - Đẩy mạnh việc đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

Phát triển quy mô và tăng cường chất lượng đào tạo nguồn nhân lực về CNTT, đáp ứng kịp thời và thường xuyên nhu cầu trong nước và một phần thị trường nước ngoài. Đến năm 2005, ít nhất phải *đào tạo thêm được 50 000 chuyên gia về CNTT* ở các trình độ khác nhau, bằng những hình thức thích hợp.

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác giáo dục và đào tạo ở các cấp học, bậc học, ngành học. Phát triển các hình thức *đào tạo từ xa* phục vụ cho nhu cầu học tập của toàn xã hội. Đặc biệt tập trung *phát triển mạng máy tính phục vụ cho giáo dục và đào tạo, kết nối In-tơ-nét tới tất cả các cơ sở giáo dục và đào tạo.*

Khuyến khích và thu hút các tổ chức, các cá nhân trong và ngoài nước tham gia đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực về CNTT của Việt Nam.

Tạo điều kiện cho đông đảo sinh viên, cán bộ khoa học *đi học tập và nghiên cứu về CNTT ở nước ngoài ;* có chính sách đặc biệt cho việc đào tạo, *bồi dưỡng nhân tài* trong lĩnh vực CNTT.

4 - Đẩy nhanh việc xây dựng mạng thông tin quốc gia, bao gồm hệ thống viễn thông và In-tơ-nét Việt Nam.

Đẩy mạnh đầu tư xây dựng *mạng thông tin quốc gia* bao gồm hệ thống viễn thông và In-tơ-nét Việt Nam. Sớm hình thành siêu xa lộ thông tin trong nước và liên kết với các nước trong khu vực và quốc tế. Có biện pháp ngăn chặn những hành vi lợi dụng, gây ảnh hưởng đến *an ninh quốc gia và việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.*

Có chính sách bảo đảm *thúc đẩy môi trường cạnh tranh,* tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế tham gia các hoạt động dịch vụ viễn thông và In-tơ-nét. Từ năm 2001, bảo đảm *cung cấp đầy đủ và thuận lợi các dịch vụ viễn thông và In-tơ-nét cho người sử dụng với tốc độ và chất lượng cao, giá cước thấp hơn hoặc tương đương so với các nước trong khu vực ;* áp dụng giá cước ưu đãi đặc biệt đối với các cơ quan đảng, nhà nước và các lĩnh vực giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học.

5 - Tăng cường, đổi mới công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực công nghệ thông tin.

Chính phủ sớm kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý về viễn thông và CNTT, ban hành kịp thời hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nhằm thúc đẩy việc ứng dụng và phát triển CNTT ; bảo đảm năng lực quản lý phải theo kịp tốc độ phát triển, đầu tư phải thiết thực, hiệu quả, không được lãng phí và đảm bảo công khai, rõ ràng, minh bạch.

Công nghệ thông tin đang là động lực chủ yếu nhất đưa các nước đi vào kinh tế tri thức. Đối với các nước đi sau như nước ta, đây là thách thức lớn nhưng đồng thời lại là vận hội phải nắm bắt, để đi tắt, rút ngắn khoảng cách với các nước. Kinh nghiệm các nước đi sau đang tiến rất nhanh (như Hàn Quốc, Xin-ga-po, Trung Quốc, Ma-lai-xi-a... và kể cả những nước nhỏ như Cô-xta Ri-ca, Ê-xtô-ni-a, các quốc đảo Thái Bình Dương...) cho thấy nhờ họ biết nắm bắt, làm chủ được CNTT. Nước ta có thế mạnh về tiềm năng con người, nhất định phải làm chủ được CNTT để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đi nhanh vào kinh tế tri thức.❑

Digitized by Google

KINH TẾ TRI THỨC VÀ VẤN ĐỀ LỰA CHỌN MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN Ở VIỆT NAM

TRẦN ĐÌNH THIÊN *

I - Kinh tế tri thức và những đặc điểm của nó

Nền kinh tế tri thức (knowledge - economy - KE hoặc knowledge based economy - KBE) được định nghĩa là nền kinh tế, trong đó, quá trình sáng tạo và khai thác tri thức trở thành thành phần chủ đạo trong quá trình tạo ra của cải. Trên thế giới hiện nay, các nền kinh tế phát triển thuộc OECD được coi là kinh tế tri thức vì tại đây, 50% GDP được sản xuất từ những ngành có nền tảng là tri thức. Cũng có thể định nghĩa đơn giản hơn : kinh tế tri thức là nền kinh tế, trong đó khoa học - công nghệ - kỹ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, là yếu tố quyết định hàng đầu việc sản xuất ra của cải, sức cạnh tranh và triển vọng phát triển. Như vậy trong nền kinh tế tri thức, vấn đề không chỉ là tạo ra tri thức mà cả thu nhận, sử dụng và truyền bá tri thức. Kinh tế tri thức không chỉ bao hàm duy nhất các lĩnh vực hoạt động với công nghệ cao, sử dụng lao động tri thức và lao động có kỹ năng cao là chính mà còn là quá trình tri thức xâm nhập vào và chi phối tất cả mọi hoạt động kinh tế, cũng tức nền kinh tế tri thức không nhất thiết có cấu trúc ngành thuần nhất về trình độ phát triển. Nghĩa là không phải tất cả các ngành đều phải dựa trên nền tảng công nghệ - kỹ thuật cao. Song điều chắc chắn là tất cả các ngành, dù ở trình độ nào, cũng đều hoạt động dưới sự chi phối của tri thức. Trong nền kinh tế tri thức, tri thức đóng vai trò là lực lượng sản xuất quyết định nhất nên quy trình thực tiễn hóa tri thức cũng là quy trình sản xuất chủ yếu, quyết định sự phát triển. Quy trình này gồm 5 khâu : tạo ra kiến thức, thu nhận kiến thức, đồng hóa kiến thức, sử dụng kiến thức và truyền bá kiến thức. Đây là nhiệm vụ hàng đầu của phát triển. Ở đây khả năng đồng hóa, sử dụng và truyền bá tri thức (tiếp nhận - học hỏi, triển khai hay áp dụng) là những khâu trực tiếp quyết định thành công trong nền kinh tế, nhất là xét trong ngắn hạn và trung hạn.

Kinh tế tri thức có nhiều đặc điểm cơ bản khác biệt so với các nền (hình thái) kinh tế trước nó. Nhưng đặc điểm này còn đang định hình và tiếp tục được phát hiện chứ chưa phải đã bộc lộ đầy đủ. Tuy nhiên, có thể nêu ba đặc trưng cơ bản có tính xuyên suốt.

Thứ nhất tri thức khoa học và công nghệ cùng với lao động kỹ năng cao là lực lượng sản xuất thứ nhất, là lợi thế phát triển quyết định.

Lịch sử phát triển hiện đại ngày càng chứng tỏ rằng càng ngày, lợi thế về tài nguyên thiên nhiên, về nguồn nhân lực càng giảm bớt. Trong khi đó, trình độ khoa học - công nghệ và nguồn nhân lực kỹ năng cao (bao gồm nhân lực trí tuệ) càng đóng vai trò quyết định thắng lợi trong cuộc đua tranh - cạnh tranh phát triển.

Thứ hai cấu trúc mạng - toàn cầu

Nền kinh tế thế giới hiện đại đang được cấu trúc thành một mạng lưới toàn cầu. "Mạng" là thuộc tính phân biệt chủ yếu hệ thống này với các hệ thống trước. Về bản chất, hệ thống mạng được cấu trúc "ngang", khác căn bản với các nền kinh tế trước đây vận động trong cấu trúc chủ đạo là hình tháp (cấu trúc "dọc"). Đây là cơ sở để nói đến tính cách mạng hay bước ngoặt lịch sử của quá trình chuyển sang kinh tế tri thức đang diễn

* TS, Viện Kinh tế học, Trung tâm Khoa học - Xã hội và Nhân văn quốc gia

Digitized by Google

ra. Mạng lưới toàn cầu của nền kinh tế tri thức được kiến tạo bởi :

- Các "chất liệu" phát triển cơ bản khác trước (những công cụ mới, ví dụ máy tính, mạng viễn thông, mạng In-tơ-nét, các loại vật liệu mới, công nghệ "gen", thương mại điện tử, v.v), những nhân vật mới (tầng lớp các nhà kỹ trị đóng vai trò quyết định, người lao động trí thức, các "siêu" công ty xuyên quốc gia, v.v.) nên cũng vận động theo nguyên lý mới.

- Hệ thống phân công quốc tế - toàn cầu thay cho hệ thống phân công lao động quốc tế - quốc gia. Đây là một cấu trúc mới về nguyên tắc. Nó vận động theo những quy tắc sản xuất thương mại và tài chính mới (các thể chế và "luật chơi" toàn cầu mới (WTO thay GATT, WB và IMF hoạt động với các chức năng và sứ mệnh đang được đòi hỏi phải thay đổi, tự do hóa thông tin và tri thức, v.v.), trong không gian toàn cầu hóa. Đặc trưng của không gian toàn cầu hóa là thời gian ngắn lại, không gian thu hẹp và các đường biên giới mất dần ;

- Quá trình phi tập trung hóa cấu trúc kinh tế - xã hội. Cấu trúc mạng gắn với quá trình phi tập trung hóa cấu trúc. Quá trình đô thị hóa diễn ra theo những xu hướng và quy tắc mới. Các đô thị khổng lồ không còn là sự lựa chọn duy nhất và dường như ngày càng không phải là sự lựa chọn chủ yếu. Khái niệm văn phòng, chỗ làm việc tập trung hàng chục, hàng trăm, thậm chí hàng nghìn người kiểu công xưởng đã thay đổi mạnh mẽ khi công việc chủ yếu của xã hội là sản xuất tri thức, được tiến hành trong môi trường tự động hóa cao trên cơ sở mạng thông tin, với các công cụ chính là máy vi tính nối mạng.

- Sự thay đổi cơ cấu quyền lực trong nền kinh tế. Hình thái phát triển dựa trên quan hệ lệ thuộc - cai trị của các nền kinh tế trước đây được thay thế bằng quan hệ tham dự - bình đẳng về chức năng trong cơ cấu của các thành tố.

- Sự không thuần nhất cấu trúc của nền kinh tế tri thức trên phạm vi toàn cầu. Trong mạng lưới kinh tế toàn cầu, vẫn tồn tại những mảng, vùng cấu trúc (khu vực, quốc gia, ngành) có trình độ phát triển thấp xa các mảng, vùng khác. Do đó, sự bình đẳng về nguyên tắc của các bộ phận cấu trúc mạng không có nghĩa là sự bình đẳng trên thực tế giữa chúng tại từng thời điểm xác định và trong những quan hệ xác định. Rõ ràng khả năng vượt bỏ hay tụt hậu phát triển của mỗi quốc gia (hay của bất cứ yếu tố cấu trúc nào) tùy thuộc vào vị trí - vị thế của nó trong mạng kinh tế toàn cầu, tức là tùy thuộc vào khả năng xác lập quan hệ với các nhân vật mới, công cụ mới để có được các điều kiện phát triển (các lợi thế phát triển do thời đại tạo ra). Điều đáng chú ý ở đây là gia nhập mạng hàm chứa khả năng phải chịu "rủi ro" toàn cầu. Sự rủi ro này có nguồn gốc từ tính không thuần nhất của cấu trúc mạng (vị thế không tương đương của các yếu tố) - nguyên nhân gây ra sự bất bình đẳng thực tế giữa các yếu tố khi tham gia mạng. Trình độ phát triển càng cách xa trình độ chung của mạng thì độ rủi ro càng lớn. Song kinh nghiệm thực tế cho thấy rằng, trong khi những rủi ro do tham gia gây ra là mang tính tiềm thế thì rủi ro do không tham gia mạng là chắc chắn và lớn hơn bất kỳ rủi ro nào do tham gia mạng.

Thứ ba tốc độ biến đổi cực kỳ cao

Đặc điểm quan trọng bậc nhất của kinh tế tri thức là tốc độ biến đổi cực kỳ cao. Nó thể hiện ở tốc độ sản sinh tri thức tăng theo cấp số nhân. Tốc độ thay đổi giá cả và ở tốc độ ứng dụng của phát minh khoa học vào thực tiễn.

Thuộc tính tốc độ biến đổi nói lên rằng khả năng bắt kịp các nước đi trước cũng lớn như khả năng bị tụt hậu xa hơn. Mức độ hiện thực hóa mỗi một khả năng tùy thuộc vào nhiều yếu tố chủ quan, trong đó, trước hết phải kể đến tính hợp lý của mô hình và chiến lược "đi tắt" được lựa chọn cũng như quyết tâm theo đuổi nó. Mô hình "đi tắt" để chuyển sang kinh tế tri thức là rất cao. Điều này thể hiện trong bản thân lô gíc của quy trình hiện thực hóa tri thức gồm 5 công đoạn nêu trên và khả năng "nhảy vọt cơ cấu" theo nguyên lý chu kỳ sản phẩm của kinh tế học. Ba đặc điểm nêu trên là những thuộc tính chủ yếu của kinh tế tri thức. Chúng cũng là nguồn gốc của mọi cơ may và rủi ro phát triển, nhất là đối với các nền kinh tế lạc hậu. Mối quan hệ này biểu hiện ra

Digitized by Google

thành hai loại thách thức. *Thứ nhất* là thách thức gia nhập và sinh tồn trong mạng (hay hội nhập và cạnh tranh trong nền kinh tế toàn cầu). *Thứ hai* là thách thức đua tranh tốc độ để thoát khỏi nguy cơ tụt hậu trong sự phát triển. Vấn đề thời cơ phát triển được hiểu là tổ hợp của hai thách thức đó.

II - Nền kinh tế tri thức trong sơ đồ phát triển tổng quát

Về nguyên lý chung sự xuất hiện của kinh tế thị trường không vượt khỏi sơ đồ của Mác về sự tiến hóa của lịch sử thông qua ba hình thái kinh tế :

	Hình thái thứ nhất	Hình thái thứ hai	Hình thái thứ ba
Định vị trong sơ đồ	Kinh tế tự nhiên, tương đương với nền kinh tế nông nghiệp và xã hội nông dân cổ truyền	Hình thái thị trường, tương đương với nền kinh tế thị trường của thời đại công nghiệp cơ khí và xã hội công nghiệp	Hình thái cộng sản chủ nghĩa, tương đương với nền kinh tế có trình độ phát triển rất cao (kinh tế tri thức có thể là một cách diễn đạt) và xã hội tự do chân chính
Phương thức tồn tại	Tự cấp tự túc, khép kín trong từng cộng đồng nhỏ tách biệt	Phân công và trao đổi bị giới hạn bởi các biên giới địa phương, quốc gia	Phân công và trao đổi phổ biến thông qua mạng liên kết toàn cầu không có biên giới.
Lợi thế phát triển chủ yếu	Tài nguyên thiên nhiên	Công cụ kỹ thuật = lao động văn hóa	Tri thức của con người (khoa học - công nghệ), kỹ năng lao động
Cơ sở chuyên lực	Sự lệ thuộc cá nhân trực tiếp dựa vào sở hữu ruộng đất	Sự lệ thuộc vào vật thông qua tư bản (lao động vật hóa)	Tự do cá nhân dựa trên sự phát triển toàn diện và không hạn chế của họ

Từ lược đồ trên, có thể rút ra một số nhận xét :

Thứ nhất, lô gíc kinh tế được hình thành trên nền tảng lô gíc phát triển lực lượng sản xuất. Nói đúng hơn, đó chính là lô gíc phát triển lực lượng sản xuất trong sự biểu hiện xã hội của nó.

Thứ hai, có sự tương đồng cơ bản của nền kinh tế tri thức với hình thái kinh tế thứ ba trong sơ đồ của Mác. Dè dặt nhất cũng có thể nói rằng trong tất cả các nền kinh tế tồn tại hiện thực thì kinh tế tri thức gần hơn cả với hình thái kinh tế thứ ba (Mác coi đây là hình thái cộng sản chủ nghĩa), mang nhiều đặc trưng chất lượng cơ bản của hình thái này. Ba yếu tố chính của hình thái nêu trong lược đồ đều chứng tỏ điều đó. Riêng về cơ sở quyền lực của hình thái thứ ba, trong điều kiện hiện nay, có thể diễn dịch ra thành "tri thức và kỹ năng lao động của con người" mà không gặp một mâu thuẫn lô gíc nào. Tuy nhiên, để chứng minh nhận định đó, cần có sự nghiên cứu và trình bày có hệ thống hơn. Điều quan trọng nhất ở đây cần nhấn mạnh, đó là với việc chuyển sang nền kinh tế tri thức, tức là chuyển sang một hệ phạm trù mới, nguyên lý phát triển đã thay đổi căn bản. Nền tảng phát triển mới đòi hỏi phải cấu trúc lại toàn bộ hệ thống xã hội (bao gồm ứng xử cá nhân) dựa trên các cơ sở cũ, kể cả cơ sở công nghiệp hiện đại nhất của thời đại cơ khí - là trạng thái hiện nay, nền kinh tế nước ta còn chưa đạt tới. Trong nền kinh tế thông tin toàn cầu hóa, tính hệ thống (cấu trúc mạng) và sự hội nhập phát triển của các bộ phận của mạng gia tăng, ngày càng vượt ra khỏi những ràng buộc có tính địa phương về truyền thống văn hóa, tôn giáo (và hệ tư tưởng). Loài người, dù ở những mức độ không giống nhau ở từng bộ phận cụ thể, đang bị cuốn vào và bị chi phối ngày càng mạnh, càng nhanh bởi nguyên lý (quỹ đạo) phát triển mới.

Trên thực tế, sự phát triển của lịch sử không diễn ra hoàn toàn theo cách tuần tự - trực tuyến. Luôn luôn có sự giao thoa của 2 - 3 hình thái khác nhau (ba làn sóng - Toffler) trong mỗi nước và trên phạm vi toàn cầu trong từng giai đoạn phát triển xác định. Nhưng đối với mỗi chủ thể (cá nhân, địa phương, quốc gia) ở một giai đoạn xác định, luôn luôn tồn tại một hình thái (trạng thái) chủ đạo. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, về mặt thời đại, xu hướng chủ đạo duy nhất là tiến lên kinh tế tri thức, ít nhất thì cũng phải nói mọi quá trình phát triển hiện thực, ở bất cứ quốc gia nào cũng bị chi phối bởi xu hướng kinh tế tri thức và các yếu tố của nó như là những lực lượng quyết định.

Tính phức tạp của quá trình phát triển, thực chất của thời cơ hay thách thức nằm trong sự giao thoa - hỗn hợp của các hình thái trong khuôn khổ tồn tại một xu hướng chính như vậy. Xét trong tiến trình chung và lấy kinh tế tri thức làm mốc - mục tiêu hiện thực thì trình độ xuất phát thấp, yêu

Digitized by Google

cầu tính tuần tự trong tiến trình cơ cấu, sự níu kéo của các lực lượng đại diện cho các hình thái trước là những yếu tố cơ bản gây ra cái mà Toffler gọi là "cú sốc tương lai" (future shock), hạn chế khả năng tiếp cận đến các nguyên lý phát triển mới của xã hội và của mỗi người.

Sự khác biệt của hai hệ thống cấu trúc - cấu trúc dọc (hình tháp), dựa trên quyền lực của sở hữu đất đai (của tiền và của tư bản) và quyền lực chuyên chế, bị giới hạn trong phạm vi quốc gia, bởi năng lực quốc gia (hệ thống đóng) của xã hội nông nghiệp (và xã hội công nghiệp) và cấu trúc ngang (mạng lưới) dựa trên quyền lực của tri thức, của thông tin và của chế độ dân chủ, được thực hiện trên phạm vi thế giới, bởi năng lực toàn cầu (hệ thống mở) của xã hội thông tin là nguyên nhân làm bước chuyển cấu trúc giữa chúng trở nên vô cùng khó khăn. Đối với những nước chậm phát triển, sự tồn tại ở vị thế thống trị hay chi phối của các yếu tố thuộc cơ cấu cũ tạo nên hàng loạt ràng buộc đối với tiến trình chuyển sang kinh tế tri thức. Những ràng buộc đó là : lực lượng lao động ít tri thức, thiếu kỹ năng (lao động nông nghiệp lạc hậu) chiếm tuyệt đa số làm cho bước quá độ lao động diễn ra chậm ; nguồn lực tài chính khan hiếm ; tiềm lực công nghiệp và khoa học (tri thức) yếu và thấp kém ; các mối liên hệ "mở" hạn chế. Những yếu tố này tự nó chứa đựng năng lực nhập "mạng" yếu, cản trở khả năng tiếp cận các cơ hội phát triển và gây ra sự chậm chạp của quá trình biến đổi.

III - Lựa chọn mô hình phát triển ở Việt Nam

Việc lựa chọn mô hình phát triển ở Việt Nam bị ràng buộc bởi hai điều kiện cơ bản : tình trạng kém phát triển (nghèo + lạc hậu) ; xu hướng toàn cầu hóa kinh tế quốc tế đòi hỏi phải đẩy nhanh quá trình mở cửa, hội nhập quốc tế. Theo xu hướng này, việc chuyển sang kinh tế tri thức trở thành tiền đề của sự phát triển. Mối quan hệ của hai điều kiện này chứa đựng thực chất của nguy cơ tụt hậu và thách thức phát triển mà Việt Nam đang đối mặt : tình trạng yếu kém, chậm phát triển đối diện với một thế giới phát triển cao hơn và đang biến đổi với tốc độ nhanh hơn. Trong khi đó, để phát triển và vượt qua được tình trạng chậm phát triển, với tất cả sự nghèo nàn và thấp kém về trình độ, Việt Nam phải nhập vào quỹ đạo phát triển của thế giới đó, vận động trong hệ thống quy tắc chung của hệ thống toàn cầu, bao gồm cả quy tắc về tốc độ.

Để phát triển, Việt Nam bắt buộc phải giải quyết nhiệm vụ "kép" : 1 - Vượt thoát khỏi sự lạc hậu của nền kinh tế và xã hội nông dân : 2 - Chuyển nhanh sang kinh tế tri thức (thực chất là nhảy vọt // bỏ qua một trình độ, một thời đại kỹ thuật). Hai nhiệm vụ đó cùng nằm trên một trục phát triển. Song nội dung của chúng không hoàn toàn đồng nhất. Nhiệm vụ thứ nhất nhấn mạnh đến điểm xuất phát (mục tiêu vượt thoát khỏi tình trạng hiện tại), đến lô gíc tuần tự của sự phát triển (chuyển từ nền kinh tế nông dân - nông nghiệp, tức hình thái thứ nhất, sang nền kinh tế thị trường - công nghiệp, tức hình thái thứ hai. Nhiệm vụ thứ hai nhấn mạnh đến đích phải đạt đến (mục tiêu hướng đích), đến lô gíc phát triển nhảy vọt : định hướng và tạo lập cơ sở phát triển nền kinh tế tri thức (hình thái thứ ba) ngay từ khi chưa hoàn toàn thoát khỏi hình thái thứ nhất. Sự kết hợp đó tạo thành phương thức phát triển đặc thù trong thời hiện đại : vừa phải tuần tự, vừa phải nhảy vọt (bao hàm sự rút ngắn nhưng không chỉ có rút ngắn).

Tình huống bắt buộc giải quyết đồng thời hai nhiệm vụ đó đòi hỏi phải có thái độ triệt để với thị trường và mở cửa - hội nhập (định hướng thể chế = quyết định), các chính sách phải thực sự xuất phát từ mục tiêu phát triển, lấy sự phồn vinh của đất nước và sự giàu có của nhân dân là lợi ích tối cao, là trục cốt lõi của các cân nhắc phát triển.

Thực tiễn cho thấy thị trường là cơ chế phân phối nguồn lực tối ưu và trong cơ chế này, cạnh tranh đóng vai trò là động lực phát triển. Đối với nước ta hiện nay, cần phải đẩy nhanh quá trình cải cách thị trường, đổi mới mạnh mẽ khu vực doanh nghiệp nhà nước, thực sự khuyến khích phát triển khu vực tư nhân thông qua hệ thống các chính sách thị trường trong giai đoạn ngắn và trung hạn trước mắt.

Đối với vấn đề mở cửa - hội nhập, cần quán triệt đây là cơ hội để phát triển, chưa nói đến phát

Digitized by Google

triển nhảy vọt. Không đẩy mạnh mở cửa, hội nhập sẽ không có cơ hội phát triển chủ động mở cửa và hội nhập, theo nghĩa đó, là sự lựa chọn mang tính sống còn (tự do mậu dịch, môi trường thu hút đầu tư nước ngoài, các thể chế, chính sách, quy định) được sửa đổi hoàn chỉnh dần theo chuẩn mực quốc tế.

Từ điểm xuất phát thấp, tiềm lực kinh tế - kỹ thuật yếu, trong điều kiện sự biến đổi khoa học - công nghệ trên thế giới lại diễn ra rất nhanh, liệu nước ta có thể đạt được những thành công mong muốn trong việc tạo ra nền khoa học - công nghệ đạt tiêu chuẩn quốc tế trong một thời gian tương đối ngắn, vài ba chục năm, không ? Có thể đạt kết quả trong 4 chương trình khoa học - công nghệ ưu tiên (công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới và công nghệ tự động hóa) đủ làm cơ sở bảo đảm cho sự phát triển kinh tế trên nền tảng tự chủ công nghệ không ? v.v.

Thực chất của vấn đề mô hình phát triển theo hướng kinh tế tri thức ở nước ta hiện nay là xử lý mối quan hệ giữa mô hình nghiêng về tiếp thu - ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ (hay còn gọi là mô hình bắt chước công nghệ) và mô hình nghiêng về tạo lập cơ sở khoa học riêng để từ đó, phát triển nền công nghệ - công nghiệp của mình trong 10 - 15 năm tới. Ngắn gọn hơn, đó là vấn đề về sự lựa chọn bước đi, lựa chọn trật tự ưu tiên phát triển khoa học - công nghệ trong quan hệ với phát triển kinh tế của giai đoạn tới. Khi giải quyết vấn đề này, mô hình phát triển Đông Á đưa ra nhiều gợi ý thiết thực. Khoảng cách khá xa về trình độ phát triển (bao gồm trình độ khoa học - công nghệ) giữa nước ta với thế giới ; sự hạn chế về tiềm lực vật chất (tài chính, nền tảng vật chất - kỹ thuật) của nước ta đòi hỏi phải thiết lập một trật tự ưu tiên đầu tư cho nhiệm vụ phát triển kinh tế nhanh và nhiệm vụ xây dựng một nền khoa học cơ bản đạt trình độ tiên tiến của thế giới. Về mặt kinh tế học, đây là sự lựa chọn đầu tư mang tính đánh đổi. Trên tầm nhìn dài hạn, xuất phát từ nhận thức về yêu cầu thoát khỏi nguy cơ tụt hậu phát triển và từ các kinh nghiệm, tuy là phiến diện, của mô hình phát triển Đông Á, thiết nghĩ *sự lựa chọn hợp lý của nước ta trong giai đoạn vài chục năm tới là mô hình nghiêng về tiếp thu - ứng dụng (hay học hỏi - khai thác) khoa học - công nghệ thế giới để đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế*. Đương nhiên, sự lựa chọn này không có nghĩa là tuyệt nhiên bỏ mặc khoa học nghiên cứu cơ bản. Vấn đề đặt ra rõ ràng là cần ưu tiên đầu tư cho hoạt động tiếp thu - ứng dụng các thành tựu phát triển cao đã có sẵn trên thế giới ; chỉ tập trung ưu tiên cho hoạt động nghiên cứu khoa học cơ bản một số hướng mà ta có thể và có triển vọng lâu dài trên phạm vi toàn cầu.

Trong quan hệ với định hướng phát triển kinh tế tri thức, một trong những nội dung quan trọng nhất của mô hình phát triển là phát triển nguồn nhân lực, trong đó, mấu chốt là phát triển hệ thống giáo dục - đào tạo. Một yêu cầu gay gắt đang đặt ra cho nước ta là phải nhanh chóng cải cách căn bản hệ thống giáo dục - đào tạo. Tính hiển nhiên của yêu cầu này càng rõ ràng khi đặt tình trạng hệ thống giáo dục - đào tạo hiện thời đối diện với định hướng phát triển nền kinh tế tri thức.

Về nguyên tắc, điểm đầu tiên, có tính quyết định đối với toàn bộ nhiệm vụ cải cách hệ thống giáo dục -đào tạo là phải coi giáo dục - đào tạo là hoạt động đầu tư, thậm chí là đầu tư trọng điểm nhất. Cách nhìn như vậy giúp hoạt động giáo dục - đào tạo vận hành theo các nguyên tắc phù hợp với cơ chế thị trường, bảo đảm cho định hướng sản phẩm của hệ thống giáo dục - đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế một cách trực tiếp ; từ đó quyết định khả năng chuyển hướng cơ cấu đầu tư xã hội, trước hết là đầu tư nhà nước cho giáo dục - đào tạo, tạo khả năng phối hợp tốt hơn các kênh giáo dục đào tạo đang ngày càng mở rộng.

Liên quan đến mô hình phát triển có hai vấn đề cần lưu ý :

Thứ nhất, tri thức là loại sản phẩm mang nặng đặc trưng của hàng hóa công cộng, hiện nay lại có đặc điểm trực tiếp trở thành lực lượng sản xuất chi phí ban đầu rất lớn. Từ các đặc điểm đó, nảy sinh hàng loạt vấn đề, trong điều kiện tiềm lực phát triển của nước ta (tiềm lực nhà nước, tiềm lực doanh nghiệp, tiềm lực gia đình, cá nhân), còn

Digitized by Google

yếu, có những câu hỏi sẽ đặt ra : ai, nhà nước hay doanh nghiệp là người chịu trách nhiệm chính trong sáng tạo khoa học ? Nếu doanh nghiệp cũng là một nhân vật sáng tạo chính thì đó là những doanh nghiệp nào (tiềm lực tài chính, công nghệ - kỹ thuật, v.v.) ? Việt Nam có các doanh nghiệp đó chưa ? Cấu trúc doanh nghiệp nào bảo đảm thực hiện các khâu hiện thực hóa tri thức còn lại (thu nhận, đồng hóa, sử dụng, truyền bá) ? Trong chiến lược phát triển của quốc gia, các công ty xuyên quốc gia có vị thế như thế nào để giải quyết vấn đề đó ?

Thứ hai, mở cửa thông tin : nguồn đầu tư ban đầu và các rủi ro

Mở rộng các kênh giao tiếp quốc tế là điều kiện sống còn để nước nghèo có thể tiếp cận được tri thức (thương mại quốc tế, đầu tư nước ngoài, mạng viễn thông, nối In-tơ-nét, liên kết khoa học, v.v). Song đối với nước nghèo, có ba vấn đề nảy sinh : vốn đầu tư để phát triển hệ thống giao tiếp ; chi phí giao tiếp (ví dụ chi phí điện thoại và In-tơ-nét của ta quá cao) ; các rủi ro văn hóa - đạo đức - chính trị, cơ chế phòng ngừa là gì ? Điều kiện tài chính, vật chất - kỹ thuật để thực hiện sự phòng ngừa ?

Để có thể hội nhập phát triển, mở rộng cơ hội tiếp cận và tận dụng các lợi thế phát triển mà thời đại đã tạo ra, nước đi sau phải có những điều kiện tối thiểu để nhập cuộc. Từ tầm nhìn kinh tế tri thức, có thể nêu một số điều kiện "nhập cuộc" tối thiểu là :

+ Phổ cập giáo dục ở bậc cao

+ Phổ cập công nghệ thông tin, trước tiên là trong nhà trường, kể từ cấp tiểu học

+ Phổ cập ngoại ngữ (ít nhất là tiếng Anh) từ cấp tiểu học.

Việc xác định những điều kiện tối thiểu như vậy cho thấy cách đặt vấn đề mới hoàn toàn về nguyên tắc đối với khái niệm "phổ cập giáo dục". Nhưng có lẽ chỉ có cách đặt vấn đề như vậy mới phù hợp với lô gíc chuyển đổi hệ phạm trù, từ hệ thống kinh tế nông nghiệp và kinh tế công nghiệp "ống khói" sang kinh tế tri thức. ❑

TUYÊN TRUYỀN...

(Tiếp theo trang 7)

Việt Nam đúng vào dịp có nhiều sự kiện quan trọng khác của đất nước, nhưng với tính chất quan trọng của sự kiện này, ngay từ đầu năm, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã có kế hoạch hướng dẫn tổ chức ngày hội đoàn kết ở khu dân cư, ở cơ sở xã, phường, thị trấn, nhằm biểu dương các khu dân cư tiên tiến, gương "người tốt việc tốt", hòa giải những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân và bàn việc xây dựng quê hương, xây dựng cộng đồng dân cư đoàn kết, yên vui, ngày càng giàu đẹp. Ở trung ương sẽ tổ chức cuộc họp mặt đại biểu các tầng lớp nhân dân có đông đủ đại biểu các giai cấp, các dân tộc, các tôn giáo, các nhân sĩ trí thức, đồng bào Việt Nam định cư ở nước ngoài v.v... để cùng nhau nhìn lại tình hình khối đại đoàn kết dân tộc trong thế kỷ XX và bày tỏ quyết tâm toàn dân củng cố và tăng cường đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động nhằm tạo một bước chuyển mới của đất nước ta, của dân tộc ta trong những năm đầu của thế kỷ mới, thiên niên kỷ mới.

Tổ chức tốt kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất sẽ góp phần quan trọng tạo đà cho Đại hội Thi đua toàn quốc và tiến tới Đại hội IX của Đảng. Với tinh thần đó, các phương tiện thông tin đại chúng hết sức quan tâm có kế hoạch tổ chức tốt việc tuyên truyền kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam với nội dung phong phú, tăng thời lượng phát sóng và số lượng các tin, bài. Đồng thời, các cơ quan thông tin đại chúng đề xuất các sáng kiến phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xây dựng chiến lược truyền thông về đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận dân tộc thống nhất, góp phần tích cực vào việc phát huy những thành quả và bài học kinh nghiệm để thực hiện Chiến lược đại đoàn kết dân tộc và xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất của Đảng ta và Bác Hồ suốt 7 thập niên qua trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. ❑

Digitized by Google

Về vấn đề Ý THỨC HỆ CỦA ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC Ở VIỆT NAM

NGUYỄN CHÍ MỸ *

VẤN đề đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam từ lâu đã là một truyền thống quý báu và hiện nay đang được phát huy trở thành một trong những vấn đề có tính chất sống còn đối với vận mệnh của chế độ chúng ta. Chính vì vậy lý giải ý thức hệ của đại đoàn kết dân tộc làm cơ sở cho sự phát triển bền vững của chiến lược đại đoàn kết dân tộc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cấp bách hiện nay.

1 - Các dân tộc ở Việt Nam và ý thức hệ của đại đoàn kết dân tộc trong tiến trình phát triển

Do những yếu tố đặc thù của lịch sử, nên dân tộc Việt Nam không hoàn toàn theo "thông lệ" như các dân tộc ở Tây Âu. Quá trình dựng nước và giữ nước ở Việt Nam gắn liền với quá trình chống giặc ngoại xâm và nghề trồng lúa nước, đắp đê chống thiên tai, từ đó đã tạo cho các dân tộc gắn bó với nhau bằng hàng ngàn mối quan hệ trên tất cả các lĩnh vực.

Quan hệ dân tộc bao gồm quan hệ giữa các thành viên trong một cộng đồng dân tộc, giữa cá nhân với cộng đồng dân tộc, giữa dân tộc này và dân tộc khác. Như vậy, ở đây có quan hệ trong nội bộ dân tộc và có quan hệ giữa các dân tộc với nhau. Mỗi dân tộc phải luôn luôn vươn lên phát triển và các dân tộc cũng không ngừng xích lại gần nhau. Quá trình này làm phong phú cho mỗi dân tộc, nhưng cũng làm nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp. Xây dựng và phát triển quan hệ dân tộc, thực chất là quá trình điều chỉnh một cách khoa học, có hiệu quả mối quan hệ giữa các thành viên trong cộng đồng dân tộc và các dân tộc với nhau trên các lĩnh vực của quá trình sinh sống. Quá trình này liên quan đến lợi ích, tình cảm của mỗi thành viên trong cộng đồng và mỗi dân tộc ; là quá trình phức tạp, phong phú, lâu dài, nhạy cảm, tế nhị, đòi hỏi không ngừng hợp tác giúp nhau vươn lên về kinh tế, văn hóa, xã hội..., khắc phục sự chênh lệch, làm phong phú bản sắc mỗi dân tộc.

Mặt khác, các dân tộc Việt Nam ở thành từng khu vực nhất định, có dân tộc cư trú độc lập, nhưng nhìn chung trên phạm vi cả nước, các dân tộc sống xen kẽ là phổ biến. Thực tế lịch sử các dân tộc ở Việt Nam đã sống xen kẽ và xu thế sống xen kẽ sẽ ngày càng tăng là hợp quy luật của lịch sử và cũng phù hợp quy luật xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việc sống xen kẽ cùng với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đã cố kết các dân tộc Việt Nam cả trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Hình thái sống xen kẽ này góp phần tạo thành sự đoàn kết, sự thống nhất biện chứng giữa xu hướng phát triển mọi mặt của từng dân tộc với sự xích lại, sự phát triển của cả cộng đồng các dân tộc.

Các dân tộc hiện nay, thực trạng đang còn chênh lệch về nhiều mặt, nhưng cùng có chung một lợi ích là xây dựng cuộc sống bình đẳng ấm no hạnh phúc và nền văn hóa cộng đồng, đồng thời mỗi dân tộc có bản sắc trong đời sống văn hóa riêng của mình. Bản sắc riêng biểu hiện trong văn hóa - nghệ thuật, trong chữ viết, y phục, phong tục tập quán, quan hệ gia đình, dòng họ, tôn giáo... Ở đây sự đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau, vừa làm cho cái chung phát triển, vừa làm độc đáo cái riêng.

Thêm nữa, xuyên suốt toàn bộ đặc điểm này của các dân tộc ở Việt Nam, do điều kiện địa - chính trị, do thực tiễn dựng nước, giữ nước và phát triển đất nước đã tạo ra truyền thống các dân tộc gắn bó lâu

* P.GS. TS Phó trưởng ban thường trực Ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Nội

Digitized by Google

đời, cùng làm chủ đất nước. Đặc điểm này được hình thành rất sớm, càng ngày càng được củng cố, phát triển.

Ý thức hệ của đại đoàn kết dân tộc trong truyền thống lịch sử Việt Nam là chủ nghĩa yêu nước. Chủ nghĩa yêu nước là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, là nền tảng cho sự nghiệp đoàn kết dân tộc.

Chủ nghĩa yêu nước trở thành thang giá trị đứng đầu trong bảng thang giá trị của lịch sử tư tưởng Việt Nam. Chủ nghĩa yêu nước trở thành chuẩn mực để đo phải trái, tốt xấu ; cao thượng, thấp hèn ; nên làm hay không nên làm ; đã chi phối mọi suy nghĩ, tình cảm, hành động cũng như mọi hành vi ứng xử của con người Việt Nam.

2 - Chủ nghĩa yêu nước mới - chủ nghĩa yêu nước cách mạng, nền tảng của đại đoàn kết dân tộc Việt Nam

Đại đoàn kết dân tộc là truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc ta, là động lực cơ bản và là một yếu tố quyết định thắng lợi trong sự nghiệp dựng nước, giữ nước và phát triển đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn nêu cao tư tưởng đại đoàn kết toàn dân vì đại nghĩa dân tộc. Do vậy, cùng với việc thành lập Đảng, Người rất chú trọng việc lập Mặt trận đoàn kết thống nhất dân tộc. Từ đó đến nay, chiến lược đại đoàn kết dân tộc càng ngày càng được phát triển và hoàn thiện.

Nghị quyết 7 (khóa VII) của Ban Chấp hành Trung ương đã nêu rõ : Phải đoàn kết đồng bào Việt Nam ở trong nước và ngoài nước, phát huy sức mạnh của cộng đồng dân tộc, thực hiện đại đoàn kết dân tộc ở tầm cao mới và chiều sâu mới, tạo ra động lực mạnh mẽ trong sự phát triển của dân tộc.

Công cuộc đổi mới với những thành tựu quan trọng một lần nữa chứng minh cho chân lý :

Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

Thành công, thành công, đại thành công.

Chính vì vậy, trong giai đoạn hiện nay, hơn bao giờ hết chúng ta càng cần phải thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc. Đoàn kết tất cả mọi người tán thành độc lập dân tộc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, con người hạnh phúc.

Tổng kết những năm đổi mới, Đại hội VIII của Đảng khẳng định, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước đòi hỏi : mở rộng hơn nữa khối đại đoàn kết dân tộc, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, đoàn kết mọi người trong đại gia đình Việt Nam dù sống trong nước hay đang định cư ở nước ngoài. Phát huy sức mạnh của cả cộng đồng, nêu cao truyền thống yêu nước và lòng tự tôn dân tộc, lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh làm điểm tương đồng. Đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, cùng nhau xóa bỏ định kiến, mặc cảm, hướng tới tương lai, xây dựng tinh thần đại đoàn kết, cởi mở và tin cậy... Như vậy, ý thức hệ của đại đoàn kết dân tộc hiện nay không tách rời lợi ích của đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Dân tộc Việt Nam hôm nay, không có nguyện vọng lợi ích nào khác là muốn được sống trong độc lập, tự do, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, con người hạnh phúc. Đây chính là điểm tương đồng, là lợi ích chung của dân tộc. Đây chính là chủ nghĩa yêu nước mới Việt Nam - chủ nghĩa yêu nước cách mạng.

Từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống đến chủ nghĩa yêu nước cách mạng là sự tiếp nối và chuyển biến về chất của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Ở đây chúng ta có thể nhận thấy :

- *Một là*, nhiệm vụ cách mạng từng thời kỳ có thể thay đổi, nhưng mục tiêu "vì nước, vì dân", tất cả vì độc lập, tự do của đất nước, vì hạnh phúc của nhân dân thì không bao giờ thay đổi. Yêu nước vẫn là cái sống còn đối với sự tồn tại của đất nước và của mỗi con người Việt Nam hôm nay, trở thành động lực tiềm ẩn trong sự đua tranh quốc tế. Độc lập dân tộc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh... là cái chúng ta hướng tới và cũng là cái thử thách bản lĩnh yêu nước của mỗi con người Việt Nam trong sự biến đổi phức tạp của thế giới.

Bác Hồ nói, chúng ta có ba thứ giặc "giặc ngoại xâm, giặc đói và giặc dốt". Yêu nước là không cam chịu làm nô lệ cho giặc ngoại xâm thì ngày nay phải có ý chí quyết tâm cao để không làm nô lệ cho giặc đói và giặc dốt.

Tất nhiên cái đói và cái dốt cũng phải chú ý đến tính lịch sử... Vấn đề hôm nay cái đói không thuần túy ở đói lương thực, mà phải chú ý cái đói mọi mặt : chất đạm, nhu cầu nhà ở, phương tiện đi lại, thông

Digitized by Google

tin... Chú ý các nhu cầu đa dạng phục vụ đời sống vật chất và tinh thần của con người.

Cái dốt ở đây cũng không dừng ở chuyện xóa mù chữ và tái mù chữ, mà còn là vấn đề vươn lên nắm khoa học, công nghệ, xử lý thông tin... để không bị tụt hậu trước sự phát triển của thời đại.

Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam hôm nay phải làm sao để dân tộc Việt Nam không tủi nhục trước nghèo nàn và lạc hậu. Trước đây, yêu nước, là không chịu cái nhục mất nước. Trong thời đại ngày nay yêu nước, là không cam chịu sự nghèo nàn và kém phát triển. Muốn vậy, người Việt Nam phải vươn lên phát huy tối đa nội lực, mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, nắm bắt, vận dụng sáng tạo khoa học, công nghệ, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Để thực hiện điều đó, xã hội phải phát triển theo hướng chủ nghĩa xã hội. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có thể tạo ra cho đất nước vừa phát triển kinh tế, vừa phát triển văn hóa, vừa phát triển đạo lý làm người. Mỗi bước phát triển về kinh tế đồng thời cũng từng bước tạo ra những điều kiện nhằm thực hiện xã hội công bằng, văn minh và con người sống tự do, ấm no, hạnh phúc.

Hai là, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội thì độc lập dân tộc mới triệt để và có ý nghĩa.

Suốt trong chiều dài lịch sử hàng ngàn năm, dân tộc Việt Nam đã đổ bao xương máu, chiến đấu cho độc lập, tự do của đất nước. Nhưng để có độc lập, tự do triệt để và độc lập, tự do thực sự có ý nghĩa khi độc lập, tự do gắn với "cơm no, áo ấm", "ai ai cũng được học hành", và với chủ nghĩa xã hội.

Lịch sử cách mạng Việt Nam những thập niên gần đây đã chứng minh : nhờ độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội mà con tàu cách mạng Việt Nam đã nhiều lần thoát hiểm.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đã trở thành một trong những bài học vô giá của cách mạng Việt Nam.

Chủ nghĩa xã hội đã thuận chiều với sự phát triển, với tiến bộ lịch sử. Xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam là xây dựng một xã hội thống nhất tính chất tiên tiến của nhân loại với bản sắc Việt Nam.

Bản thân tư tưởng xã hội chủ nghĩa có cội nguồn sâu xa từ trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa phản ánh khát vọng giải phóng con người và loài người. Khi xã hội có áp bức, bất công thì nhân loại đã mơ tới công bằng và bình đẳng. Vươn tới tự do, công bằng, bình đẳng, bác ái không chỉ là lý tưởng, khát vọng cháy bỏng mà còn là động lực nội tại thúc đẩy nhân loại vươn lên, vươn tới. Đi lên chủ nghĩa xã hội là xu hướng phù hợp quy luật phát triển khách quan của lịch sử. Sự lựa chọn con đường phát triển xã hội chủ nghĩa của Đảng ta, dân tộc ta là sự lựa chọn đúng đắn, nhất quán. Sự lựa chọn ấy phù hợp quy luật, phù hợp ý nguyện của nhân dân ta về xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh.

3 - Về đại đoàn kết trong giai đoạn hiện nay

Định hướng xã hội chủ nghĩa của sự phát triển là hướng con người vươn tới những gì văn minh, nhân đạo công bằng, tự do, dân chủ và tiến bộ xã hội. Đây cũng chính là lý tưởng thẩm mỹ - xã hội trong sự phát triển nội tại của bản thân các khát vọng của mọi thành viên trong cộng đồng dân tộc. Những gì thuộc về chủ nghĩa xã hội với tính chất lý tưởng vươn tới, với ý nghĩa là giá trị được khẳng định, với tính cách là một chế độ xã hội cần xây dựng, thì đây là những lý tưởng, giá trị, chế độ có triển vọng và phù hợp nhất với tiến bộ của văn hóa, của xã hội và phát triển. Định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với văn hóa, văn minh, với nhân cách chân - thiện - mỹ của con người. Định hướng xã hội chủ nghĩa thuận chiều với văn hóa và phát triển. Đó cũng chính là điểm tương đồng về mở rộng hơn nữa khối đại đoàn kết dân tộc. Có thể diễn đạt : giữ vững độc lập dân tộc, tiến lên dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh = định hướng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Để thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc nhằm hướng tới mục tiêu trên thì ý thức hệ của đại đoàn kết dân tộc là ý thức hệ của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng cho cách mạng Việt Nam, cho sự hoạt động của Đảng và đồng thời cũng là ý thức hệ của đại đoàn kết dân tộc, nhất định dân tộc ta sẽ tiếp tục giành những thắng lợi mới trong sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. ❑

Digitized by Google

Suy nghĩ về ĐỔI MỚI QUY TRÌNH LẬP PHÁP CỦA QUỐC HỘI

NGÔ ĐỨC MẠNH *

HỘI nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã tập trung bàn về công tác kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị ở nước ta. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của việc nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác lập pháp của Quốc hội hiện nay, theo tinh thần của Nghị quyết là "đổi mới quy trình chuẩn bị và thông qua các dự án luật tại kỳ họp Quốc hội". Điều này đã nói lên mức độ, tính thời sự, cấp bách, "độ chín" của vấn đề cả về mặt lý luận và thực tiễn.

Để hình dung được nội hàm của việc đổi mới và hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật, trước hết, nhìn lại "đầu vào" của quy trình hiện nay. *Thứ nhất là,* việc soạn thảo và trình các dự án. Hiến pháp 1992 đã mở rộng các chủ thể có quyền sáng kiến lập pháp, tính chung có 15 tổ chức và cá nhân có quyền trình dự án luật ra trước Quốc hội, riêng đại biểu Quốc hội có thêm quyền trình kiến nghị về luật. *Thứ hai,* đặc điểm nổi bật trong hoạt động lập pháp ở nước ta là việc soạn thảo và trình các dự án luật, pháp lệnh được tiến hành theo kế hoạch và đã trở thành một trong những nhiệm vụ cụ thể của Quốc hội. Quốc hội quyết định chương trình xây dựng luật, pháp lệnh. Có thể nói xây dựng pháp luật theo kế hoạch đã có bước kiện toàn và phát triển đáng kể từ năm 1981 khi lần đầu tiên, danh mục soạn thảo các bộ luật, pháp lệnh được Hội đồng Nhà nước ban hành. Hiện nay, Quốc hội thông qua Nghị quyết về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hằng năm và cho những năm tiếp theo. Trong năm 2000, chưa kể việc cho ý kiến một số nội dung về tổ chức bộ máy nhà nước trong Hiến pháp năm 1992 ; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và quyết định thành lập Ủy ban sửa đổi Hiến pháp, theo chương trình Quốc hội sẽ xem xét, thông qua 8 dự án luật và thảo luận, cho ý kiến về 5 dự án luật. *Điểm thứ ba* của quy trình "đầu vào" là việc soạn thảo và trình các dự án luật, pháp lệnh cũng như trước đây, vẫn là trách nhiệm chính của Chính phủ. Căn cứ vào bản phân công cơ quan soạn thảo các dự án luật, pháp lệnh thuộc chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa X kèm theo Nghị quyết số 76/1999 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa X, chúng ta thấy sự tham gia đông đảo của các bộ, ngành có liên quan. Trong tổng số 5 cơ quan đầu mối để trình 42 dự án thuộc chương trình chính thức và dự bị, gồm Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Hội luật gia Việt Nam, thì đã có đến 37 bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm chuẩn bị 29 dự án luật, pháp lệnh.

Còn ở "đầu ra", tính về số lượng, trong nhiệm kỳ khóa IX (1992 - 1997), Quốc hội đã ban hành 36 dự án luật, bộ luật và có 43 pháp lệnh đã được thông qua. Điều này nói lên kết quả hoạt động lập pháp của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, thể hiện "sự cố gắng lớn của Quốc hội khóa IX, góp phần khẳng định vai trò của Quốc hội trong công tác lập pháp" (1). Không chỉ tăng về số lượng, mà điều quan trọng hơn cả chính là nội dung của các văn bản đã ban hành, là "các luật, pháp lệnh được thông qua đều bảo đảm quan điểm cơ bản, đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, phù hợp với ý chí và nguyện vọng của nhân dân. Một hệ thống pháp luật... phục vụ cho yêu cầu đổi mới được hình thành,

* TS, Phó giám đốc Trung tâm thông tin - tư liệu và nghiên cứu khoa học của Quốc hội

(1) Báo cáo công tác của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội nhiệm kỳ khóa IX (1992 - 1997), Văn phòng Quốc hội, tháng 9 năm 1997, tr 6

Digitized by Google

đã và đang phát huy tác dụng trong việc điều chỉnh các quan hệ đa dạng của đời sống kinh tế - xã hội trên đất nước ta" (2).

Tuy vậy, quy trình xây dựng và ban hành các văn bản luật, pháp lệnh còn chưa theo kịp yêu cầu xây dựng pháp luật phục vụ sự nghiệp đổi mới như Nghị quyết của Hội nghị Trung ương đã nêu. Nhìn vào tiến độ thực hiện chương trình xây dựng luật, pháp lệnh thì chưa năm nào hoàn thành chương trình đã đề ra và còn chậm rất nhiều so với kế hoạch. Ví dụ, dự án Bộ luật hình sự (sửa đổi) được đưa vào chương trình chính thức của Quốc hội từ năm 1995, nhưng mới được thông qua toàn văn vào kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa X, năm 1999 vừa qua. Cũng thuộc chương trình xây dựng chính thức từ năm 1995, nhưng đến nay dự án Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi) mới được trình lên Quốc hội xem xét, thông qua vào kỳ họp thứ bảy, Quốc hội khóa X tháng 5-2000. Với tốc độ làm luật như hiện nay, có lẽ phải trong nhiều thập niên nữa chúng ta mới có được một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh và đồng bộ.

Từ những nét chung, khái quát trên đây về quy trình xây dựng và ban hành các văn bản luật, pháp lệnh cho chúng ta thấy mức độ cấp thiết, tính phức tạp và mối quan hệ đan xen của vấn đề. Đó là, trong quy trình xây dựng và thông qua luật, pháp lệnh có sự tham gia của rất nhiều cơ quan từ Chính phủ, các bộ, ngành đến các Ủy ban của Quốc hội, các đại biểu Quốc hội và toàn thể Quốc hội tại kỳ họp. Như vậy, *giải pháp đầu tiên* cho vấn đề này, thiết nghĩ, phải là một giải pháp tổng thể, có định hướng dưới sự lãnh đạo của Đảng để phát huy đầy đủ sức mạnh tổng thể của tất cả các cơ quan trong quá trình soạn thảo, xây dựng luật, pháp lệnh.

Bên cạnh đó, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta theo nguyên tắc quyền lực tập trung và thống nhất, trên cơ sở phân công, phân nhiệm và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước thực hiện ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Hiến pháp - đạo luật cơ bản cao nhất của Nhà nước đã quy định những thẩm quyền rất cụ thể của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội trong việc thẩm tra, cho ý kiến và thông qua các dự án luật, pháp lệnh. Vì vậy, nói đến việc đổi mới quy trình lập pháp, không thể không nói đến việc kiện toàn, đổi mới tổ chức và hoạt động Quốc hội - "cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp", của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội trong việc thẩm tra, cho ý kiến về các dự án luật, pháp lệnh. Đây là một nội dung công việc rất lớn, cần được tính toán và tiến hành đồng bộ liên quan chặt chẽ với quá trình đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta, nhằm phát huy hơn nữa nền dân chủ đại diện thông qua hoạt động của các cơ quan dân cử.

Từ cách đặt vấn đề như vậy, ta thấy phạm vi và nội hàm của việc đổi mới quy trình xây dựng và thông qua các văn bản luật, pháp lệnh. Tiếp theo là phải làm rõ "dấu ấn" của từng công đoạn và tính kết nối của vấn đề trong quá trình hình thành, xây dựng và thể hiện chính sách thành dự án luật, pháp lệnh cụ thể.

Nói cách khác, cả quy trình chỉ vận hành thông suốt khi từng công đoạn hoạt động nhịp nhàng, ăn khớp với nhau theo nguyên tắc của khoa học tổ chức. Mặt khác, lại phải làm rõ thành phẩm của mỗi công đoạn. Vậy cái gì là "sợi chỉ đỏ" liên kết các khâu, các công đoạn lại với nhau ? Thiết nghĩ đó là chính sách pháp luật cụ thể về phạm vi điều chỉnh của dự án và kỹ thuật lập pháp thể hiện thống nhất. Tức là, dự án luật, pháp lệnh qua mỗi lần soạn thảo, mỗi công đoạn phải "lớn" dần lên, hình thành rõ nét hơn và cụ thể hóa hơn. Chính sự nhất quán về nội dung chính sách và hình thức thể hiện (kỹ thuật lập pháp) là những điều kiện tiên quyết bảo đảm cho dự án có tính thống nhất trong tổng thể chung của hệ thống pháp luật, giữa các văn bản và trong từng đạo luật cụ thể.

Như vậy, trước khi bắt tay vào việc soạn thảo, rất cần phải có giai đoạn nghiên cứu và phân tích chính sách về vấn đề đang đặt ra, tức là xây dựng, phân tích chính sách pháp luật trước, tổ chức thi công, soạn thảo sau. Về mặt phương pháp luận, khó mà tách quy trình xây dựng nội dung, chính sách luật pháp mà mỗi văn bản phải thể chế hóa thành quy trình riêng, độc lập với quy trình soạn thảo. Kinh nghiệm cho thấy nếu không kịp thời quan tâm đúng mức và giải quyết những vấn đề thuộc chủ trương, chính sách, mà đi vào soạn thảo các quy định cụ thể, đến lúc phải làm lại thì dự án luật, pháp lệnh coi như không đáp

(2) *Tài liệu đã dẫn*, tr 8

Digitized by Google

ứng được yêu cầu. Chính sách pháp luật ở đây gồm các quan điểm, đường lối chung và các biện pháp tổ chức cụ thể của Đảng và Nhà nước. Ví dụ, thực hiện xóa đói giảm nghèo là một chính sách xã hội lớn, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội ta, nhưng nếu không được cụ thể hóa thành các biện pháp ưu đãi, khuyến khích cụ thể thì rất khó cho các tổ chức kinh doanh, dịch vụ hoạt động ở miền núi, hải đảo xa xôi. Cũng từ việc hoạch định, xây dựng chính sách, chúng ta có cách nhìn vấn đề một cách tổng thể, lựa chọn được giải pháp tối ưu, bước đi thích hợp cho vấn đề mà cuộc sống đang đặt ra. Như vậy, trong quá trình xây dựng và hình thành chính sách cụ thể này, sự tham gia và đóng góp tích cực của các viện nghiên cứu chuyên ngành, của các nhà khoa học đầu đàn và của các cán bộ thực tiễn có bề dày kinh nghiệm là rất quan trọng.

Có thể thấy cách đặt vấn đề này không mâu thuẫn với quy trình lập pháp hiện nay đã được cải tiến nhiều hơn trước, đã luật hóa cả quy trình thành từng công đoạn cụ thể bởi chính khi đã nhận diện được vấn đề cần phải giải quyết thì ban soạn thảo có kế hoạch, biện pháp làm rõ nội hàm của vấn đề đó ngay từ những bước đi đầu tiên. Đồng thời sẽ cải thiện được thực tế đáng lo ngại là tại kỳ họp Quốc hội khi bị hạn hẹp về thời gian và đã không ít lần xảy ra là phải sửa cơ bản dự thảo về mặt nội dung.

Ở đây có thể tham khảo kinh nghiệm lập pháp của Thụy Điển và một số nước khác. Ví dụ, trong suốt quá trình soạn thảo, chuẩn bị dự án cho đến khi thông qua, dấu ấn của các lần soạn thảo được thể hiện qua việc lưu giữ thành từng tập kết quả điều tra, phân tích chính sách kèm theo ý kiến của các chuyên gia, bản giải thích từng quy định của dự thảo thành hồ sơ về dự án. Điều này có tác dụng để các nhà lập pháp, các chuyên viên giúp việc của các Ủy ban dễ dàng đối chiếu, so sánh, tìm hiểu căn nguyên của vấn đề trong quá trình nhận xét, thẩm tra về dự luật.

Điểm nữa liên quan đến việc soạn thảo, quy trình "đầu vào", là phải kiện toàn tổ chức và năng lực của cơ quan soạn thảo. Với cách cấu tạo thành phần của ban gồm các cán bộ kiêm nhiệm từ các ban, ngành trên thực tế là khó thực hiện đầy đủ 7 hạng mục công việc theo Luật ban hành các văn bản quy phạm pháp luật đề ra như : 1) Tổng kết tình hình thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành ; 2) Tổ chức nghiên cứu thông tin - tư liệu liên quan đến dự án ; 3) Chuẩn bị đề cương, biên soạn và chỉnh lý dự án ; 4) Tổ chức lấy ý kiến bằng các hình thức thích hợp về dự thảo ; 5) Chuẩn bị tờ trình và tài liệu có liên quan ; 6) Phối hợp với các cơ quan hữu quan để chuẩn bị dự thảo các văn bản quy định chi tiết ; 7) Phải tính đến các điều ước quốc tế mà nước ta đã ký kết hoặc tham gia. Thiết nghĩ, giải pháp cho vấn đề này là phải thành lập các ban soạn thảo dưới sự chỉ đạo trực tiếp của bộ, cơ quan chủ quản, gồm các chuyên gia am hiểu sâu về lĩnh vực chuyên ngành và các chuyên gia pháp lý có đủ năng lực, làm việc chuyên trách để tập trung cho việc chuẩn bị các dự án.

Liên quan đến quy trình xem xét các dự án luật không thể không tính đến các thủ tục công việc này tại kỳ họp Quốc hội. Vai trò của các quy tắc và thủ tục tại kỳ họp là hết sức quan trọng để Quốc hội có thể xử lý được khối lượng công việc đồ sộ với sự tham gia của hàng trăm đại biểu, xử lý tình huống khi có nhiều ý kiến khác nhau về cùng một vấn đề, khi ý kiến của cơ quan trình và cơ quan soạn thảo và nhất là quy định rõ những vấn đề nào được xem xét tại phiên họp toàn thể của Quốc hội và tại các cuộc thảo luận của đoàn, của tổ. Theo cách làm hiện nay, thuyết trình của cơ quan, tổ chức trình dự án và báo cáo thẩm tra của Hội đồng Dân tộc hoặc Ủy ban chủ trì thẩm tra được đọc toàn văn. Kết quả là Quốc hội đã dành không ít thời gian để nghe đọc toàn văn cả hai tài liệu này, mặc dầu trước đó các đại biểu đã nhận được đầy đủ, trong trường hợp sớm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp như luật định (3). Tiếp đó, các đại biểu thảo luận dự án tại phiên họp toàn thể theo từng vấn đề, từng chương hoặc toàn bộ dự án. Trước khi thảo luận ở phiên họp toàn thể, dự án luật được trao đổi ở đoàn, ở tổ đại biểu Quốc hội. Qua các quy định này, về mặt thủ tục công việc của kỳ họp, có thể làm rõ một số vấn đề sau như : a) Quan niệm **thuyết trình** là như thế nào ; có phải đọc toàn văn hay là phát biểu ngắn gọn của cơ quan có đủ thẩm quyền báo cáo với Quốc hội về việc soạn thảo đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật

(Xem tiếp trang 62)

(3) Xem : *Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật*, Điều 26

Digitized by Google

Y TẾ MIỀN NÚI - NHỮNG THÁCH THỨC CẦN VƯỢT QUA

ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG *

Trước ngưỡng cửa của thế kỷ XXI, y tế miền núi vẫn là vấn đề nổi bật bởi tầm quan trọng và tính cấp bách. Thời gian qua, được sự quan tâm chỉ đạo và đầu tư của Đảng, Nhà nước, công tác y tế cả nước nói chung và miền núi, vùng sâu, vùng xa nói riêng đã đạt được những thành tựu rất quan trọng. Để tiếp tục làm tốt công tác bảo vệ sức khỏe (BVSK) nhân dân miền núi, vùng sâu, vùng xa, cần thiết phải có những đánh giá tổng quát về công tác này, từ đó đề ra chính sách y tế miền núi giai đoạn tiếp theo. Trong bài viết này tôi muốn đặt vấn đề y tế miền núi theo cách hệ thống hóa các chính sách cơ bản, các thành tựu và thách thức, những giải pháp thực hiện trong thời gian tới.

Công tác y tế miền núi có nét đặc thù thể hiện trên các mặt : tổ chức cung cấp dịch vụ (màng lưới) ; các chính sách tăng tiếp cận, giảm bớt gánh nặng tài chính và hỗ trợ chi trả hoặc bao cấp ; các chính sách ưu tiên đầu tư ngân sách y tế ; triển khai các hoạt động y tế theo tính chất đặc thù của miền núi.

1 - Tổ chức cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và nhân lực y tế :

Chúng ta đã triển khai theo hướng đưa dịch vụ đến tận dân, tổ chức dịch vụ qua các đội lưu động (tiêm chủng mở rộng, phòng chống sốt rét...) ; đưa bác sĩ về xã, kết hợp quân - dân y. Đến nay 2342/2695 xã của 163 huyện thuộc 16 tỉnh miền núi đã có trạm y tế. Tất cả các huyện đã có bệnh viện huyện và phòng khám đa khoa khu vực. Trên địa bàn các tỉnh miền núi có 2 cơ sở đào tạo bác sĩ là Trường đại học Y Thái Nguyên và Khoa Y Đại học Tây Nguyên ; các trường y - dược khác cũng tham gia đào tạo cho miền núi. Các tỉnh miền núi, vùng cao đã và đang sắp xếp lại tổ chức hệ thống y tế địa phương. Việc đào tạo bác sĩ cho xã theo hình thức cử tuyển đã được tiến hành, tuy chất lượng còn chưa đồng đều. Các tỉnh miền núi đến nay đã có 22,22% số xã có bác sĩ (toàn quốc đến cuối năm 2000 là trên 40%) ; 70,02% số xã có cán bộ y sĩ sản nhi hoặc nữ hộ sinh (toàn quốc đạt 83,15%) ; 61,76% số thôn bản có cán bộ y tế hoạt động. Các địa phương đã nhiệt tình hưởng ứng triển khai đưa cán bộ tuyến trên chi viện cho tuyến dưới. Kết quả bước đầu cho thấy đã phát huy tác dụng tốt trong việc phát triển kỹ thuật tại chỗ. Hệ thống bệnh viện tại các tỉnh miền núi đang từng bước được nâng cấp cả về cơ sở vật chất và năng lực khám chữa bệnh. Bệnh viện đa khoa của 11/38 tỉnh miền núi đã được hưởng viện trợ. Hầu hết các bệnh viện huyện của các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa được hưởng các dự án từ nguồn Ngân hàng thế giới (y tế và dân số), SIDA, ADB...

2 - Hỗ trợ khả năng chi trả, tăng khả năng tiếp cận của đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa với dịch vụ y tế :

Một loạt chính sách thực hiện trong thời gian qua như cấp giấy chứng nhận bảo hiểm y tế cho người nghèo ; trợ giá cước miễn giảm viện phí cho nhân dân miền núi đã có tác dụng động viên thiết thực. Đến nay có 22 tỉnh triển khai mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo. Các bệnh viện

* GS. TS. Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Y tế

Digitized by Google

trong toàn quốc đã thực hiện miễn giảm viện phí cho khoảng 30% số bệnh viện. Việc miễn phí trong các chương trình tiêm chủng mở rộng, phòng chống lao, phong, bướu cổ, miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi đã phát huy tác dụng tốt, cải thiện tình trạng sức khỏe và thể lực của nhân dân.

3 - Tổ chức tốt các hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe về các lĩnh vực dự phòng, khám chữa bệnh, cung cấp thuốc và trang thiết bị y tế.

Y tế dự phòng, phòng chống các bệnh gây thành dịch, tiêm chủng mở rộng tiếp tục được duy trì tốt. Các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa đều có tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 6 loại vắc xin (chiếm trên 90%). Các bệnh gây dịch đều giảm mạnh, sốt rét giảm chết 44,72%, mắc giảm 46,23% so với năm 1995. Y học cổ truyền được phát huy, góp phần chăm sóc sức khỏe cho nhân dân miền núi, chi phí thấp, phù hợp với người nghèo, 78% số tỉnh miền núi đã có bệnh viện y học dân tộc. Nhiều bệnh viện y học hiện đại có khoa y học cổ truyền hoạt động tốt như Bệnh viện Trung tâm thị xã Yên Bái. Nhiều trạm y tế cũng tổ chức y học cổ truyền, hoạt động lồng ghép với y học hiện đại. Nhiều bài thuốc, kinh nghiệm chữa bệnh bằng y học dân tộc được các tỉnh kế thừa và phổ biến rộng rãi. Thuốc chữa bệnh đã được bảo đảm, xóa bỏ về căn bản tình trạng thiếu thuốc chữa bệnh. Thiết bị y tế cũng được cải thiện đáng kể. Từ năm 1994 đến năm 1999, 38 tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa đã được đầu tư 264 tỉ đồng trên tổng số 406 tỉ đồng để nâng cấp trang thiết bị ; chương trình xóa xã trắng 10,1 tỉ trên tổng số 12,988 tỉ đồng. 23/38 tỉnh có dự án của Ngân hàng thế giới.

4 - Ưu tiên đầu tư cho miền núi :

Bộ Y tế và các địa phương đã tìm nhiều nguồn vốn để xây dựng các trạm y tế xã. Ngoài ngân sách nhà nước, Dự án dân số - sức khỏe và Dự án hỗ trợ y tế quốc gia đã đầu tư xây dựng, nâng cấp 588 trạm y tế xã của 16 tỉnh nằm trong phạm vi dự án. Các chính sách đầu tư ưu tiên cho miền núi, vùng khó khăn đã phát huy hiệu quả, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Hệ số tính ngân sách giường bệnh của các địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa được ưu tiên (hệ số 1,7).

Mặc dù các chính sách trên đã được triển khai thực hiện nhưng y tế miền núi hiện nay vẫn còn nhiều khó khăn, bất cập. Nhân dân các dân tộc do điều kiện địa lý, khó khăn nhiều mặt nên việc hưởng các dịch vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe chịu nhiều thiệt thòi ; mô hình bệnh tật và tình trạng sức khỏe còn chênh lệch so với vùng đồng bằng, đô thị. Tuổi thọ bình quân : người H'Mông : 40 ; người Dao ; 50 ; Tày , Nùng : 65 ; Kinh : 67. Tỷ lệ sinh : H'Mông 8,8% ; Tày, Nùng 5,2% ; Kinh 3,5%. Tỷ lệ chết mẹ miền núi 0,329‰, gấp 3 lần so với miền xuôi (0,111‰). Các chỉ số sức khỏe cơ bản như tỷ lệ chết trẻ em, tỷ lệ suy dinh dưỡng, tổng tỷ suất sinh, tỷ lệ chết mẹ của các tỉnh miền núi vẫn cao hơn mức trung bình của cả nước. Miền núi phía Bắc và Tây Nguyên là 2 khu vực có các chỉ số sức khỏe trẻ em kém nhất trong cả nước. Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi của miền núi, trung du Bắc Bộ là 40,7%, của Tây Nguyên là 49,1% trong khi cả nước là 36,7%. Tây Nguyên có tỷ lệ chết trẻ em dưới 1 tuổi (71,6‰ so với 45,1‰ cả nước) và tỷ lệ chết trẻ em dưới 5 tuổi (108‰ so với 61,6‰ cả nước).

Các yếu tố bất lợi về kinh tế xã hội, cơ sở hạ tầng, mặt bằng dân trí thấp, nếp sống và phong tục tập quán lạc hậu của một bộ phận đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa tiếp tục là những trở ngại cho công tác y tế. Việc triển khai các chương trình y tế ở miền núi thường khó khăn và đạt hiệu quả thấp hơn so với miền xuôi. Thêm nữa, chi phí (giá thành) dịch vụ liên quan đến y tế (giao thông, xăng dầu, nguyên vật liệu...) ở miền núi cao hơn miền xuôi nên đã ảnh hưởng tiêu cực đến giá dịch vụ y tế. Chính sách trợ giá của nhà nước mới chỉ đến được các công ty nhà nước trong khi lực lượng tư nhân tham gia cung cấp thuốc men cho nhân dân chiếm tỷ trọng khá cao. Mật độ dân cư thưa thớt, địa bàn hiểm trở, giao thông khó khăn làm giảm khả năng tiếp cận với dịch vụ y tế. Cuộc sống du canh, du cư, tỷ lệ mù chữ cao, khác biệt về ngôn ngữ, hủ tục lạc hậu vẫn là những thách thức to lớn cho công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Digitized by Google

Nhân lực và mạng lưới y tế chưa đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân. Mới chỉ có 22,22% số xã miền núi có bác sĩ, trong khi đó toàn quốc cuối năm 1999 là 33,86%. Hầu hết cán bộ y tế cơ sở chưa được đóng bảo hiểm xã hội. Theo khảo sát của Bộ Y tế tháng 6-1999, trong số 1 000 xã đặc biệt khó khăn thì còn 105 xã chưa có trạm y tế (nhà trạm theo tiêu chuẩn), mới chỉ 24 xã có bác sĩ (chiếm 2,5%), 317 xã không có bộ dụng cụ y tế hoàn chỉnh. Chỉ số sau đây cho chúng ta thấy tình trạng chung của cán bộ y tế miền núi :

Chỉ số	Mục tiêu	Miền núi	Cả nước
Tỷ lệ xã có bác sĩ	40%	22,2%	33,9%
Tỷ lệ xã có y sĩ sản nhi hoặc nữ hộ sinh	100%	70,0%	83,2%
Tỷ lệ thôn bản có cán bộ y tế hoạt động	100%	61,8%	54,4%

Phân hóa giàu nghèo, nguy cơ tụt hậu ngày càng xa của miền núi so với miền xuôi tăng nhanh. Trên thực tế đã xảy ra mất công bằng trong hưởng thụ dịch vụ chăm sóc sức khỏe và thuốc (chênh 17 lần giữa thành phố Hồ Chí Minh và vùng núi). Trong khi đó cơ chế và chính sách phát triển kinh tế xã hội cho miền núi chưa đạt hiệu quả. Một trong những điều kiện của hưởng thụ dịch vụ y tế là tăng thu nhập cá nhân và bao cấp của nhà nước. Vì thế, nâng cao mức sống và thu nhập người dân là điều kiện quan trọng trong chăm sóc sức khỏe.

Đầu tư cho y tế còn hạn hẹp. Bảo hiểm y tế cho người nghèo chưa được thực hiện tốt. Tính đến tháng 2-2000 mới chỉ có 22/61 tỉnh thành phố triển khai thực hiện việc mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo với trên 500 ngàn thẻ. Số thẻ này còn quá ít so với ước tính 4,5 triệu người quá nghèo trong cả nước. Bảo hiểm y tế tự nguyện hầu như không có ở các tỉnh miền núi nên người dân lúc ốm đau phải đứng trước nguy cơ khánh kiệt rất lớn. Cách phân bổ kinh phí theo giường bệnh như hiện nay còn bất cập thiệt thòi cho các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa. Nhà nước đã ưu tiên kinh phí cho miền núi nhưng chưa đủ. Viện phí chi phí cho một giường bệnh tuyến tỉnh ở miền núi chỉ bằng 45%, tuyến huyện bằng 60% đồng bằng. Đầu tư cho y tế ở miền núi lại đắt hơn ở miền xuôi (do chi phí giao thông cao, mật độ dân cư thấp, khó khăn địa lý...).

Công tác quản lý còn yếu kém, thể hiện ở tất cả các khâu : lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, hệ thống thông tin... Chúng ta chưa có một hệ thống thông tin quản lý hữu hiệu để phục vụ cho việc ra quyết định và xây dựng chính sách cũng như để đo lường các chỉ số đánh giá hiệu quả chương trình y tế. Năng lực của cán bộ quản lý về các lĩnh vực mới như đấu thầu, kinh tế y tế, sản xuất kinh doanh thuốc, trang thiết bị y tế còn chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn. Lề lối làm việc nặng về mệnh lệnh hành chính, cơ chế chính sách còn nhiều chồng chéo, làm cho hiệu quả đầu tư y tế chưa cao.

Vùng núi, vùng sâu, vùng xa có những nét đặc thù ảnh hưởng không nhỏ đến việc vận dụng chính sách y tế. Do địa lý, giao thông rất khó khăn, thông tin liên lạc nghèo nàn và dân cư bố trí rải rác nên muốn tăng khả năng tiếp cận với y tế phải có cán bộ y tế tại chỗ theo cụm dân cư (thôn, bản) và phải đưa dịch vụ đến gần dân. Đặc điểm kinh tế - xã hội, tập quán, dân trí còn thấp nên bao cấp của nhà nước đã và sẽ phải đóng vai trò chính trong cung cấp dịch vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe. Khả năng bù đắp chi phí qua thu phí thấp hơn rất nhiều so với đồng bằng và thành thị. Do tài chính và nhân lực y tế có hạn nên hướng cung cấp dịch vụ chủ yếu phòng bệnh, thuốc thiết yếu, y học dân tộc, dịch vụ điều trị đơn giản, tại chỗ. Từng bước hạn chế chuyển tuyến về trung ương bằng cách nâng cao năng lực của các tuyến tỉnh. Chất lượng cán bộ y tế không đồng đều, dẫn tới chất lượng khám chữa bệnh còn thấp. Vấn đề đào tạo và đào tạo lại cán bộ y tế đòi hỏi phải có biện pháp và hình thức thích hợp. Trong tình hình hiện nay đòi hỏi phải đào tạo cán bộ cho miền núi theo kịp với miền xuôi, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

Trong thời gian tới, công tác y tế miền núi sẽ thực hiện theo các quan điểm chỉ đạo đã xác định

Digitized by Google

trong chiến lược y tế tại Nghị quyết 37/CP của Chính phủ và kế hoạch năm năm (2001 - 2005). Mục tiêu chung cho công tác y tế miền núi là phải nâng cao tình trạng sức khỏe, xóa dần khoảng cách chênh lệch giữa miền núi và miền xuôi, thực hiện công bằng và hiệu quả trong chăm sóc sức khỏe. Tư tưởng chủ đạo trong công tác y tế miền núi là : đưa dịch vụ đến gần người dân bằng nhiều hình thức, tạo điều kiện để bác sĩ về xã, xây dựng y tế thôn bản ; củng cố hệ thống y tế đi đôi với chính sách chăm sóc sức khỏe cho người nghèo hợp lý ; gắn công tác y tế với nâng cao thu nhập, mức sống và ổn định đời sống, nâng cao dân trí đồng bào miền núi ; cung cấp dịch vụ y tế (dự phòng, điều trị, thuốc chữa bệnh) với chất lượng hợp lý, tiến tới công bằng trong thụ hưởng dịch vụ. Để đạt được những mục tiêu đó, chúng ta cần tập trung thực hiện một số giải pháp cơ bản sau :

Một là, đưa dịch vụ có chất lượng đến gần dân. Tiếp tục củng cố y tế cơ sở, đặc biệt tuyến xã và thôn bản. Tăng cường đội ngũ cán bộ y tế có chất lượng phân bổ hợp lý. Triển khai tốt các chương trình y tế mục tiêu và công tác y tế dự phòng, kiểm soát dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm. Chú trọng các chương trình nâng cao sức khỏe như sức khỏe sinh sản, bảo vệ bà mẹ trẻ em, sức khỏe người già, vị thành niên. Nâng cao một số chỉ tiêu y tế như tỷ lệ đẻ có hỗ trợ của cán bộ y tế (bao gồm đẻ tại trạm và đẻ tại nhà có nữ hộ sinh hoặc bà đỡ dân gian được đào tạo chăm sóc) ; tỷ lệ dân được dùng nước sạch sinh hoạt... Tăng cường kết hợp quân - dân y để củng cố cơ sở y tế, tuyên truyền giáo dục sức khỏe và thực hiện các chương trình y tế mục tiêu. Trước mắt cần đưa cán bộ tuyến trên về tuyến dưới. Các bệnh viện tuyến trung ương, tỉnh phải có nghĩa vụ chi viện cho miền núi, vùng sâu, vùng xa. Tại khu vực này, thực hiện chế độ ưu đãi, đào tạo cán bộ đủ sức đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Bảo đảm cung ứng thuốc chữa bệnh, đặc biệt thuốc thiết yếu và trang thiết bị y tế cần thiết cho các cơ sở y tế miền núi, vùng sâu, vùng xa. Tiếp tục duy trì chính sách cung cấp thuốc miễn phí cho các xã thuộc tiểu vùng I.

Hai là, thực hiện mở rộng bảo hiểm y tế, nghiên cứu các loại hình bảo hiểm đa dạng, mềm dẻo với mức đóng thích hợp với thực tế như bảo hiểm dựa vào cộng đồng, bảo hiểm theo hộ gia đình. Việc thu viện phí chỉ là giải pháp nhất thời vì nó có nguy cơ làm mất công bằng trong thụ hưởng dịch vụ y tế. Ngân sách nhà nước cũng khó có thể tăng đột biến trong thời gian tới. Nghiên cứu lại chế độ miễn giảm phí thích hợp. Các vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng cần được ưu tiên miễn phí cho miền núi (tiểu vùng I, II và người nghèo tiểu vùng III).

Ba là, tăng đầu tư, quản lý và sử dụng hiệu quả ngân sách y tế. Xem xét lại để điều chỉnh đầu tư cao hơn cho miền núi thông qua ngân sách nhà nước và viện trợ vì khả năng thu viện phí ở miền núi thấp. Cần thay cách thức phân bổ chỉ đơn thuần dựa vào bình quân đầu dân. Việc đầu tư phân bổ ngân sách phải dựa trên nhu cầu chăm sóc sức khỏe (nơi nào khó khăn, sức khỏe kém hơn phải được ưu tiên). Gắn công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe với xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm, nâng cao giáo dục, phát triển giao thông và thông tin liên lạc miền núi.

Bốn là, công tác tuyên truyền phải thiết thực, phù hợp với tâm lý và dân trí của nhân dân các dân tộc. Cần có nhiều hình thức giáo dục để nâng cao kiến thức tự phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Đội ngũ y tế xã và thôn bản phải đóng vai trò quan trọng trong việc đưa kiến thức về hoạt động vệ sinh phòng bệnh tới người dân. Bên cạnh đó, chú trọng tăng cường quản lý nhà nước để người dân có thể đón nhận các thông tin về sức khỏe phong phú, có chất lượng.

Để thực hiện tốt các mục tiêu trên, điều căn bản là phải có sự quan tâm chỉ đạo và đầu tư của Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể và sự tham gia của toàn xã hội. Chúng ta sẽ tiếp tục thực hiện phương châm xã hội hóa công tác y tế, gắn trách nhiệm của nhà nước với sức khỏe nhân dân. Bước vào thế kỷ mới với xu thế hội nhập, ngành y tế nỗ lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt là những vùng khó khăn. Chăm sóc sức khỏe cho nhân dân miền núi, vùng sâu, vùng xa là một thể hiện của mục tiêu công bằng xã hội và sự ưu việt của chế độ ta.❑

Digitized by Google

CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC - 8 NĂM NHÌN LẠI

PHAN THẾ HẢI *

Cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp nhà nước (CPH) là một trong bốn nội dung đổi mới quản lý doanh nghiệp nhà nước. Chương trình CPH đã được triển khai từ giữa năm 1992, theo tinh thần của Quyết định 202CT - HĐBT về ***"Thí điểm chuyển một số doanh nghiệp thành công ty cổ phần"*** *(ngày 08-06-1992). Qua 8 năm vừa làm vừa rút kinh nghiệm, đến nay chúng ta đã có thể rút ra được một số kinh nghiệm để chuẩn bị tốt hơn cho những bước tiếp theo.*

I - CỔ PHẦN HÓA - MỘT CHỦ TRƯƠNG ĐÚNG

Với cơ chế quản lý kinh tế theo kiểu tập trung cao độ, vào những năm 80, hệ thống doanh nghiệp nhà nước đã bộc lộ những yếu kém, đó là : Thói quen ỷ lại, thiếu năng động, tệ tham nhũng, bộ máy cồng kềnh, kinh doanh kém hiệu quả. Nhận thức được thực trạng này, Đảng và Nhà nước ta đã kiên quyết chỉ đạo đổi mới quản lý doanh nghiệp nhà nước. Từ năm 1986 đến nay, Chính phủ đã tiến hành 3 đợt sắp xếp, thực hiện đổi mới, phát triển doanh nghiệp nhà nước (DNNN) với 4 nội dung cơ bản : Đổi mới cơ chế quản lý DNNN ; tổ chức lại, củng cố và hoàn thiện Tổng công ty nhà nước ; cổ phần hóa DNNN và sắp xếp, áp dụng các hình thức giao, bán, khoán, cho thuê những DNNN có quy mô nhỏ.

Chương trình CPH một bộ phận doanh nghiệp nhà nước đã được triển khai từ giữa năm 1992, theo tinh thần của Quyết định 202CT - HĐBT. Theo đó, các bộ, ngành, các địa phương đã có văn bản hướng dẫn thực hiện. Doanh nghiệp đi tiên phong trong chủ trương CPH là Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (thuộc Tổng công ty hàng hải), tiếp sau đó là Công ty cổ phần Cơ điện lạnh TP Hồ Chí Minh. Hai công ty này đã hoàn thành việc cổ phần hóa và chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ 01-10-1993.

Đến đầu năm 1997, cả nước đã có 10 doanh nghiệp nhà nước hoàn thành việc CPH. Sau một thời gian thí điểm, rút kinh nghiệm, tại Thông báo số 63TB/TU ngày 04-04-1997, Bộ Chính trị đã tổng kết và cho ý kiến chỉ đạo tiếp tục triển khai tích cực và vững chắc CPH doanh nghiệp nhà nước. Ngày 29-06-1998, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 44/1998/NĐ-CP về ***"chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần"***, kèm theo Phụ lục danh mục các loại doanh nghiệp nhà nước để lựa chọn CPH. Theo Phụ lục này, chỉ có một số doanh nghiệp đặc biệt Nhà nước chưa CPH và một số doanh nghiệp quan trọng Nhà nước cần nắm cổ phần chi phối, còn lại cơ bản các doanh nghiệp nhà nước khác đều chuyển thành công ty cổ phần.

Tính đến giữa quý III năm 2000, cả nước ta đã có 451 doanh nghiệp nhà nước được CPH, một con số còn ít so với mục tiêu đặt ra. Theo dự kiến của Chính phủ thì, cuối năm 2 000 sẽ có khoảng 1 000 doanh nghiệp nhà nước chuyển sang hình thức cổ phần. Kết quả nghiên cứu, tổng kết thực tiễn ở một số doanh nghiệp điển hình trước và sau khi CPH đã chứng tỏ rằng, CPH là một chủ trương đúng. Mục tiêu của CPH là huy động thêm vốn trong nước, đổi mới phương thức quản lý để tăng hiệu quả kinh tế, tạo động lực mới cho sự phát triển, qua đó cơ cấu lại khu vực kinh tế nhà nước và xác định quyền làm chủ thật sự của người lao động trong doanh nghiệp. Đánh giá về thành công của chủ trương này ta hãy xem xét những mục tiêu đạt được :

Về huy động vốn

Theo tính toán của các nhà kinh tế, trong dân hiện còn một nguồn vốn nhàn rỗi khoảng 8 tỉ USD. Huy động tốt nhất nguồn vốn đó cho phát triển kinh tế là một yêu cầu đặt ra không chỉ trước mắt mà còn là một chiến lược lâu dài. Chủ trương CPH cũng phải đáp ứng được yêu cầu đó. Thống kê 451 DNNN CPH có giá trị phần vốn nhà nước là 1 649 tỉ đồng, qua CPH đã thu thêm được 1 432 tỉ đồng của các cá

* Bộ Thương mại

Digitized by Google

nhân, pháp nhân thuộc mọi thành phần kinh tế khác nhau đầu tư vào. Đồng thời thông qua việc bán cổ phiếu, Nhà nước đã thu lại được 814 tỉ đồng để đầu tư vào các DNNN khác và dùng vào việc giải quyết chính sách cho người lao động trong DNNN thực hiện CPH. Về số tuyệt đối thì đây chưa phải là lớn, nhưng về mặt tỷ lệ thì rất đáng khích lệ.

Phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp khi CPH được xác định lại, nhìn chung đều tăng lên từ 10 - 15% so với giá trị ghi trên sổ sách. Như vậy, khi thực hiện CPH, vốn nhà nước tại các doanh nghiệp CPH không mất đi mà được tăng lên, hơn nữa còn thu hút thêm được một nguồn vốn nhàn rỗi trong dân. Ngày 20-7 vừa qua, một trung tâm giao dịch chứng khoán đầu tiên đã được đưa vào hoạt động tại 45 - 47 Bến Chương Dương - Quận I TP Hồ Chí Minh, thông qua thị trường chứng khoán, đã có 4 công ty niêm yết cổ phiếu của mình ở Trung tâm giao dịch chứng khoán. Các công ty khác khi đủ điều kiện niêm yết cổ phiếu đều có thể huy động vốn ở trong và ngoài nước thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu của mình.

Tuy nhiên, số lượng 451 DNNN CPH mới chỉ chiếm 7% tổng số DNNN hiện có. Số vốn nhà nước tại các doanh nghiệp CPH so với tổng số vốn nhà nước tại các DNNN hiện nay chỉ chiếm gần 1%. Điều này cho thấy số lượng doanh nghiệp và số vốn nhà nước CPH còn chiếm tỷ trọng rất nhỏ, chưa có tác động đáng kể đến việc cơ cấu lại vốn của khu vực DNNN.

Trong kế hoạch đợt I năm 2000, Chính phủ giao nhiệm vụ cho các bộ, ngành, địa phương, tổng công ty sẽ triển khai thực hiện CPH 390 DNNN. Trên thực tế, tính đến hết ngày 15-8-2000, cả nước mới thực hiện CPH được 80 DNNN, chưa được 1/3 kế hoạch đề ra. Như vậy, mặc dù đã thấy được những mặt tích cực do CPH đem lại, nhưng đây là một cuộc cải cách doanh nghiệp nhà nước đụng chạm đến khá nhiều vấn đề nên tiến độ của công tác CPH thường bị chậm.

Đổi mới phương thức quản lý kinh tế và hiệu quả sản xuất kinh doanh

Trao đổi với các doanh nghiệp sau cổ phần hóa, các giám đốc đều có chung một nhận xét : mọi hoạt động tài chính, mọi chủ trương lớn của giám đốc đều phải chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và cao hơn là Đại hội cổ đông. Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được thể hiện bằng việc chia cổ tức hằng tháng, hằng quý. Chính vì vậy, hoạt động tài chính của doanh nghiệp thường xuyên được giám sát. Lợi ích của doanh nghiệp được gắn chặt với lợi ích của cổ đông nên người lao động trong doanh nghiệp là những chủ nhân thực sự. Cũng thông qua Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị, trí tuệ tập thể đã được phát huy, nhờ đó mà phương thức quản lý kinh tế không ngừng được đổi mới cho phù hợp với tình hình biến động của nền kinh tế xã hội.

Theo thống kê của Ban đổi mới quản lý doanh nghiệp Trung ương, các doanh nghiệp sau CPH đều làm ăn có hiệu quả. Doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, tích lũy vốn đều tăng.

Về doanh thu : bình quân các doanh nghiệp tăng gấp 2 lần so với trước khi CPH. Điển hình là Công ty cổ phần Cơ điện lạnh đã phát triển vượt bậc trong năm 1999, doanh thu đạt 178 tỉ đồng, gấp gần 4 lần so với trước khi CPH là 46 tỉ đồng. Công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết năm 1999 đạt doanh số 86 tỉ đồng, gấp 1,5 lần so với trước khi CPH là 55 tỉ đồng.

Về lợi tức cổ phần (cổ tức) bình quân đạt từ 1 - 2%/tháng. Trong điều kiện nền kinh tế nước ta đang phải chịu sức ép lớn từ cuộc khủng hoảng khu vực, mức độ lợi tức cổ phần như vậy được coi là cao và được các cổ đông chấp nhận.

Về vốn tăng gần 2,5 lần so với trước CPH, nổi bật nhất là Công ty cổ phần Chế biến hàng xuất khẩu Long An, tổng số vốn tăng 5 lần, Công ty cổ phần Việt Phong vốn tăng 2,4 lần...

Về nộp ngân sách tăng bình quân 2 lần so với trước khi CPH. Điển hình là Công ty cổ phần Cơ điện lạnh TP Hồ Chí Minh tăng gần 3 lần. Công ty cổ phần Sơn Bạch Tuyết TP Hồ Chí Minh tăng 2,7 lần.

Một số công ty cổ phần khác, do những khó khăn về thị trường, doanh số, lợi nhuận, nộp ngân sách chưa tăng, nhưng sau khi CPH, nền nếp, kỷ cương trong quản lý được thiết lập lại. Tiêu biểu trong số này có Công ty cổ phần thiết bị thương mại - Bộ Thương mại, bắt đầu hoạt động theo công ty cổ phần từ 01-01-1999, năm mà thị trường thiết bị thương mại gặp nhiều khó khăn, mọi chi phí đầu vào đều tăng. Công ty không thể đẩy thêm được lượng hàng bán ra thị trường, nhưng từ khi được CPH, công ty đã xem xét lại toàn bộ quy trình quản lý, điều chỉnh những khâu bất hợp lý, đặc biệt là trong việc quản lý giá cả vật tư, định mức hao phí... nhờ đó mà hạ được giá thành. Trong năm 1999, doanh số của công ty

Digitized by Google

không tăng nhưng tiền lương, các chỉ tiêu nộp ngân sách vẫn bảo đảm, đặc biệt là cổ tức đạt 16%/năm.

Việc làm và thu nhập cho người lao động

Đây là hai vấn đề khiến người lao động rất lo lắng khi doanh nghiệp triển khai CPH, bởi nghĩ rằng khi đã là doanh nghiệp cổ phần, tài sản trong doanh nghiệp không còn hoàn toàn là của nhà nước, các ông chủ mới nắm trong tay đa số cổ phần của công ty có thể chỉ biết hành động theo lợi nhuận, sa thải công nhân mà không có một đoàn thể nào che chở cho họ. Nhưng thực tế, từ khi thực hiện chủ trương CPH đến nay, chưa có công ty nào sau khi CPH sa thải vô lý người lao động. Không những thế, việc làm và thu nhập của người lao động luôn được bảo đảm, ổn định và có chiều hướng tăng lên.

Do mở rộng sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp này đã tạo thêm nhiều việc làm, lao động tăng bình quân 12%. Riêng Công ty cổ phần Cơ điện lạnh TP Hồ Chí Minh tăng từ 334 người lên 731 người, Công ty cổ phần Chế biến hàng xuất khẩu Long An tăng từ 900 người lên 1 280 người.

Thu nhập của người lao động làm việc tại các Công ty cổ phần tăng bình quân hằng năm gần 20% (chưa kể cổ tức). Năm 1999, thu nhập của công nhân viên Công ty cổ phần Đại lý liên hiệp vận chuyển đạt 4 triệu đồng/người/tháng, gấp gần 3 lần so với trước khi CPH. Thu nhập ở Công ty cổ phần ong mật TP Hồ Chí Minh năm 1999 đã đạt 1,3 triệu đồng/người/tháng, bằng 2,6 lần so với trước khi CPH.

Được làm việc trong một môi trường và cơ chế mới, người lao động đã thành chủ nhân của doanh nghiệp. Ý thức tự giác, tổ chức kỷ luật, tính chủ động, sáng tạo và tiết kiệm được nâng cao, góp phần đem lại hiệu quả sản xuất, lợi ích thiết thực cho bản thân người lao động, cho công ty, nhà nước và xã hội.

Tuy nhiên, khi cơ chế quản lý được hoàn thiện và không còn kẽ hở, không ít kẻ đã mất cơ hội luồn lách, mất hẳn những đặc quyền. Dĩ nhiên là đối với những đối tượng này, thu nhập của họ phải giảm, đây cũng là lý do để một số ít người tỏ ra không mặn mà với việc cổ phần hóa.

II - NHỮNG TỒN TẠI VÀ HẠN CHẾ TRONG CÔNG TÁC TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Cổ phần hóa được coi như một cuộc phẫu thuật nhằm chữa trị căn bệnh mà một số DNNN đang mắc phải. Trước hết là tình trạng tài chính nhập nhèm, nợ đọng dây dưa, nhiều năm không quyết toán được. Giá trị doanh nghiệp cũng là một vấn đề. Hầu hết ở các doanh nghiệp, giá trị được phản ánh trên sổ sách khác xa với giá trị thực của doanh nghiệp. Không ít người đã khai thác triệt để sự không rõ ràng của hệ thống tài chính doanh nghiệp để mưu lợi cho bản thân. Chính vì vậy, để chữa trị căn bệnh này, không phải ai cũng sẵn lòng làm một cuộc phẫu thuật.

Ngoài việc đụng chạm đến lợi ích, bao gồm cả lợi ích cục bộ của ngành, đơn vị và cả lợi ích của cá nhân, còn có một lý do khác đó là thói quen trì trệ, thích yên ổn, ngại thay đổi. Không ít tổng công ty ngần ngại chỉ đạo triển khai CPH, vì e rằng khi một công ty thành viên được CPH, tính độc lập sẽ cao hơn, ít lệ thuộc vào tổng công ty hơn. Cũng có những đơn vị đã có đề án tổng thể sắp xếp lại DNNN trong phạm vi quản lý nhưng lại không có chương trình kế hoạch cụ thể, việc triển khai mang tính chất đối phó, hình thức...

Vẫn còn một số quy định bất cập trong các văn bản pháp quy về thực hiện chủ trương CPH như khống chế tỷ lệ mua cổ phần của các cán bộ quản lý và cá nhân trong lần mua đầu tiên đã làm giảm nhiệt tình và niềm tin của người lao động.

Thủ tục xác định giá trị doanh nghiệp còn rườm rà, mất nhiều thời gian, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp thuộc các bộ, tổng công ty 91. Công tác vận động tuyên truyền còn bị xem nhẹ, chưa tạo được sự quan tâm và hưởng ứng tích cực của toàn xã hội đối với chủ trương CPH.

Chủ trương CPH của Đảng và Nhà nước chưa được quán triệt đầy đủ ở các bộ, ngành, địa phương, đặc biệt là ở các khâu trung gian như : sở, ban ngành, tổng công ty. Chưa có một chế tài cụ thể đối với việc chấp hành chủ trương CPH, thậm chí có nơi không triển khai cũng không sao.

Chưa có môi trường thật sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Một số nơi coi công ty cổ phần là doanh nghiệp ngoài quốc doanh nên không được ưu ái như DNNN. Mặt khác, do Luật Công ty trước đây và Luật Doanh nghiệp nhà nước đều chưa quy định rõ vai trò quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp đa sở hữu có vốn nhà nước góp, nên mỗi nơi vận dụng theo nhận thức riêng, không thống nhất.

Để khắc phục những hạn chế và nguyên nhân gây ảnh hưởng chậm tới quá trình CPH, Chính phủ cũng đã nhấn mạnh công tác CPH và chuyển đổi hình thức sở hữu DNNN nói chung phải được đặt ở vị trí trung

Digitized by Google

tâm trong lộ trình đổi mới và sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước. Chính phủ cũng đã có những nhắc nhở, phê bình đối với một số bộ, ngành, địa phương chậm trễ trong việc triển khai chủ trương CPH.

III - CÁC GIẢI PHÁP VÀ CHÍNH SÁCH CHỦ YẾU

Tiếp theo Quyết định số 51/2000/QĐ-TTg, ngày 07-07-2000, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 80/2000/QĐ-TTg về giao chỉ tiêu CPH và đa dạng hóa hình thức sở hữu doanh nghiệp nhà nước năm 2000. Theo hai quyết định này, năm 2000 sẽ có 692 doanh nghiệp nhà nước được chuyển hình thức sở hữu.

Trong 3 năm từ 2000 - 2002, dự kiến sẽ CPH, đa dạng hóa sở hữu 1 673 DNNN chiếm 73,7% trong tổng số 2 280 DNNN thuộc diện phải sắp xếp lại trong thời kỳ này.

Trên cơ sở lộ trình chung, phù hợp với điều kiện cụ thể, từng bộ, địa phương và tổng công ty 90 - 91 triển khai xây dựng và thực hiện phương án tổng thể sắp xếp và đổi mới DNNN thuộc phạm vi mình quản lý, trong đó có kế hoạch chia theo từng năm đối với tiến độ triển khai CPH và đa dạng hóa sở hữu DNNN.

Số lao động hiện đang làm việc trong các doanh nghiệp dự kiến CPH trong 3 năm từ 2000 - 2002 là 311 977 người, bằng 72,7% tổng số lao động trong các doanh nghiệp thuộc diện sắp xếp thời kỳ này và chỉ bằng 1,9% tổng số lao động đang làm việc tại 5 280 DNNN hiện nay.

Về quy mô, các doanh nghiệp thuộc diện sắp xếp nói chung cũng như thực hiện CPH, giao, bán, khoán, cho thuê nói riêng đa phần là doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ. Số doanh nghiệp có vốn nhà nước dưới 10 tỉ đồng chiếm tới 75% và thuộc những ngành Nhà nước không cần nắm giữ.

Kết quả thực hiện công tác CPH, giao, khoán, bán, cho thuê DNNN nói trên sẽ góp phần quan trọng vào tiến trình đổi mới, sắp xếp lại DNNN trong kế hoạch 3 năm từ 2000 - 20002. Quá trình triển khai với những kết quả đạt được tốt sẽ làm tăng quy mô DNNN từ vốn bình quân 18,425 tỉ đồng lên 27,117 tỉ đồng/doanh nghiệp, giảm 18,5% tổng nợ, 21% nợ ngân hàng ; hiệu quả hoạt động kinh doanh của DNNN cũng được nâng lên đáng kể, từ chỗ tỷ trọng DNNN thực sự hoạt động có hiệu quả và có triển vọng, đứng vững trong quá trình hội nhập chỉ đạt 21% tại thời điểm hiện nay, theo dự báo và chiến lược phát triển của các bộ, ngành, tổng công ty và địa phương, đến khi kết thúc kế hoạch CPH vào đầu năm 2003, tỷ lệ này sẽ đạt trên 50%.

Các cấp, các ngành, các DNNN cần phải quán triệt sâu sắc và có nhận thức đầy đủ, đúng đắn về chủ trương, chính sách, các giải pháp đổi mới và phát triển DNNN với tiến trình cụ thể cho từng năm của Chính phủ, từ đó triển khai tổ chức thực hiện với phương châm tích cực, vững chắc, tạo ra sự chuyển biến rõ rệt ngay trong năm 2000.

Giải quyết tốt vấn đề lao động, việc làm cho người lao động, tạo tiền đề cho việc thực hiện thành công chương trình CPH, giao, khoán, bán, cho thuê DNNN. Tích cực giải quyết các khoản nợ của DNNN thực hiện CPH, giao, khoán, bán, cho thuê.

Nhà nước đã có một số chính sách như : khuyến khích cán bộ và công nhân trong doanh nghiệp mua cổ phần, nhưng không để chênh lệch quá lớn giữa người lãnh đạo doanh nghiệp và người lao động ; hỗ trợ cho công nhân nghèo mua được một số cổ phần cần thiết nhằm tạo động lực, góp phần xóa đói giảm nghèo và thực hiện công bằng xã hội. Cần phải giải thích rõ cho người lao động hiểu được những chính sách này.

Hoàn thiện chính sách CPH, giao, khoán, bán, cho thuê DNNN. Đặc biệt là việc quán triệt những tư tưởng mới của Luật Doanh nghiệp đến các cơ quan chức năng. Bởi là các doanh nghiệp nhà nước sau khi chuyển đổi sẽ được điều chỉnh theo luật này, thế nhưng, không ít các cơ quan chức năng vẫn còn sử dụng những quy định cũ đã lỗi thời để gây khó khăn cho các hoạt động của doanh nghiệp.

Tám năm, kể từ ngày thí điểm CPH, đã có gần 500 doanh nghiệp nhà nước được chuyển thành công ty cổ phần. Cùng với việc thiết lập được một hệ thống quản lý mới, chúng ta đã có thêm những doanh nghiệp có khả năng cạnh tranh cao, sẵn sàng tham gia vào quá trình hội nhập của đất nước. Những bài học kinh nghiệm thu được là rất quý giá, khẳng định một chủ trương đúng, cho phép chúng ta đẩy mạnh hơn nữa công cuộc đổi mới quản lý doanh nghiệp nhà nước, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhanh chóng hội nhập và để nền kinh tế nước ta có thể phát triển mạnh vào đầu thiên niên kỷ tới. ❑

Digitized by Google

Đoàn 113 bộ đội Đặc công ba lần anh hùng

TỪ THANH

NGÀY 3-6-1972, vào giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại của dân tộc, tại chiến khu Đ, thuộc miền Đông Nam Bộ, Đoàn 113 bộ đội Đặc công được thành lập. Mặc dù ra đời muộn, nhưng Đoàn 113 đã liên tiếp lập nên nhiều chiến công vang dội, với gần 300 trận đánh lớn nhỏ, có những trận tiêu biểu như đánh sân bay Biên Hòa, tổng kho Long Bình và nhiều mục tiêu chiến lược trọng yếu khác trong chiến dịch Hồ Chí Minh... Hơn 3 năm kể từ khi được thành lập, Đoàn đã tiêu diệt và loại khỏi vòng chiến đấu hơn ba vạn tên địch ; phá hủy nhiều cầu cống và phương tiện chiến tranh quan trọng của kẻ thù...

Tháng 9 năm 1975, Đoàn được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang.

Ngay sau hòa bình, thống nhất đất nước, Đoàn 113 tiếp tục phát huy truyền thống anh hùng, lập nhiều chiến công thầm lặng trên các mặt trận giúp bạn Lào, Cam-pu-chia và trong cuộc chiến đấu kiên cường bảo vệ biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc của Tổ quốc. Bằng những thành tích to lớn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và giúp đỡ bạn, ngày 19-12-1979, Đoàn 113 được Đảng, Nhà nước tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang lần thứ hai tiếp tục tô thêm truyền thống cách mạng vẻ vang của Đoàn.

Không thỏa mãn với thành tích to lớn của mình, cán bộ, chiến sĩ Đoàn 113 quyết tâm phấn đấu rèn luyện vượt qua muôn ngàn khó khăn, gian khổ, sẵn sàng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong thời kỳ đổi mới. Cán bộ, chiến sĩ luôn luôn trong tư thế huấn luyện tốt sẵn sàng cơ động chiến đấu cao... xây dựng đơn vị vững mạnh, không ngừng phát triển toàn diện. Với sự hy sinh phấn đấu không mệt mỏi của cán bộ, chiến sĩ toàn đơn vị, Đoàn đã 7 lần được nhận cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 9-8-2000 Đoàn 113 bộ đội Đặc công được Đảng và Nhà nước tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang lần thứ ba.

Hơn hai mươi năm phấn đấu, trưởng thành, Đoàn 113 bước đầu rút ra được nhiều kinh nghiệm quý báu.

Trước hết, đó là bài học về rèn luyện con người. Ra đời và trưởng thành trong chiến tranh cách mạng, phải đối mặt với kẻ thù hùng mạnh với đầy đủ các loại vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại, để chiến thắng, con người là yếu tố quyết định. Bài học kinh nghiệm này được bộ đội Đặc công nói chung và Đoàn 113 nói riêng trân trọng, phát huy trong hoàn cảnh mới, nâng lên một tầm cao mới.

Ngay từ khi tuyển quân, bộ đội Đặc công nói chung và Đoàn 113 nói riêng đã chủ trương tuyển chọn chiến sĩ một cách khá kỹ lưỡng. Sự lựa chọn không chỉ về thể lực mà còn nắm rõ tâm tư, nguyện vọng, ý thức tự nguyện, hoàn cảnh gia đình, trình độ, khả năng phát triển của từng người, thông qua gặp gỡ trao đổi với đương sự, gia đình, chính quyền địa phương.

Đối với các chiến sĩ mới, đơn vị chú ý rất nhiều đến việc giáo dục, rèn luyện ngay từ những giờ đầu, ngày đầu. Việc trước hết là giáo dục một cách kỹ lưỡng cho họ truyền thống vẻ vang của đơn vị, của quân đội và của dân tộc. Làm cho những chiến sĩ trẻ thấy rõ đất nước có được như ngày hôm nay là kết quả của quá trình lịch sử đấu tranh anh dũng của nhân dân và của quân đội. Đơn vị được như hôm nay là do có hàng trăm cán bộ, chiến sĩ hy sinh, bên cạnh đó, số cán bộ chiến sĩ để lại một phần thân thể của mình trên khắp các chiến trường

Digitized by Google

còn gấp nhiều lần số đã hy sinh. Đơn vị có 8 cán bộ, chiến sĩ là Anh hùng lực lượng vũ trang, nhiều tập thể anh hùng và rất nhiều người được huân chương, huy chương các loại do Đảng và Nhà nước phong tặng... Được học tập chu đáo như vậy, các chiến sĩ mới luôn cảm nhận được niềm vinh dự, tự hào và trách nhiệm là người tiếp nối truyền thống vẻ vang ấy, từ đó phấn đấu, rèn luyện hoàn thành tốt nhiệm vụ, yên tâm cống hiến lâu dài.

Bài học thứ hai là sự lãnh đạo của Đoàn đối với việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, chiến sĩ. Đây là việc hết sức khó khăn, nhưng lại rất nhạy cảm, dù số lượng còn ít nhưng sự quan tâm động viên đúng mức, kịp thời sẽ có hiệu quả rất lớn. Dù chỉ cố gắng cải thiện bữa ăn rất khiêm tốn, thêm một quyển sách, tờ báo nhưng tạo cho chiến sĩ có tình cảm tốt đẹp, gắn bó với đơn vị. Điều quan trọng nhất là lối sống và sinh hoạt của mỗi cán bộ lãnh đạo chỉ huy ở các cấp phải thật sự gương mẫu để cấp dưới lấy đó làm gương học tập. Thêm vào đó không khí đoàn kết, đầm ấm, dân chủ của đơn vị luôn luôn được coi trọng và giữ vững cũng tạo môi trường tốt để cán bộ, chiến sĩ yên tâm, phấn khởi rèn luyện. Đoàn đã tổ chức các phong trào thi đua sôi nổi, liên tục và đều đặn. Thi đua đã trở thành động lực phát huy tài năng, trí tuệ của mọi người trong đơn vị. Có thể khẳng định đây là biện pháp có hiệu quả nhằm khai thác mọi tiềm năng to lớn của đơn vị. Đoàn 113 đã làm tốt điều này tạo nên sức mạnh tổng hợp, giành chiến thắng trong luyện tập và chiến đấu.

Thứ ba là thường xuyên nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng. Ngay từ khi được thành lập, Đoàn 113 rất chú trọng công tác xây dựng Đảng. Dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy quân sự Trung ương cũng như của Đảng ủy binh chủng Đặc công, Đoàn 113 đã chỉ đạo triển khai tốt bốn nội dung rất cụ thể về công tác xây dựng Đảng như sau :

- Đảng ủy và chỉ huy của Đoàn quán triệt sâu sắc và thực hiện có hiệu quả việc gắn xây dựng cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện. Đoàn đã quy định cụ thể tiêu chuẩn cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, làm cho công tác xây dựng Đảng và xây dựng đơn vị được lượng hóa chặt chẽ. Qua đó công tác đảng và công tác xây dựng đơn vị luôn thiết thực. Việc chỉ đạo cũng cụ thể, trách nhiệm của các cấp lãnh đạo, của cá nhân và tập thể được xác định rõ ràng. Vì thế, công tác xây dựng Đảng và xây dựng đơn vị luôn phát triển nhịp nhàng, đồng bộ, thống nhất.

- Đoàn 113 coi trọng và thực hiện tốt việc gắn xây dựng đội ngũ cán bộ với đội ngũ đảng viên. Hay nói cách khác là gắn công tác đảng với công tác cán bộ một cách chặt chẽ. Việc gắn các tiêu chuẩn, nhiệm vụ đảng viên với phát triển quy hoạch đào tạo và giáo dục cán bộ làm cho công tác xây dựng Đảng ở đơn vị có nội dung cụ thể, có kế hoạch rõ ràng và thích hợp từng thời kỳ.

- Lãnh đạo và chỉ huy Đoàn 113 được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo cấp trên, thường xuyên chú trọng gắn xây dựng cấp ủy trong sạch, vững mạnh với xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt. Đây là nhân tố hết sức quan trọng trong xây dựng Đảng và xây dựng đơn vị vững mạnh. Đoàn 113 coi đây là khâu then chốt nên hết sức chú trọng xây dựng cấp ủy và đào tạo đội ngũ cán bộ chủ chốt, cả về số lượng lẫn chất lượng, đặc biệt là chất lượng chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực lãnh đạo. Vì thế, công tác xây dựng Đảng ở Đoàn 113 luôn có nội dung phong phú, sáng tạo, phát huy vai trò tích cực trong lãnh đạo của Đảng đối với mọi mặt công tác của đơn vị.

- Kết hợp chặt chẽ sự lãnh đạo của cấp trên với cán bộ các đơn vị cơ sở. Phát huy đầy đủ trách nhiệm lãnh đạo, chỉ huy, hướng dẫn của cấp trên với việc tăng cường nỗ lực của bản thân cơ sở đảng. Coi trọng trách nhiệm cấp trên, song cũng đòi hỏi cơ sở phải phát huy tính năng động sáng tạo trên cơ sở tuân thủ Điều lệ, quy định của Đảng. Cấp trên không khoán cho cấp dưới và cấp dưới không thụ động trông chờ ỷ lại ở cấp trên. Cả hai phía đều năng động trong việc hoàn thành chức trách của mình. Đoàn 113 kiên trì phấn đấu, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Bảy năm liền Đảng ủy Đoàn đạt trong sạch, vững mạnh ; các tổ chức cơ sở cấp dưới (liên đội) luôn đạt từ 85% đến 100% là cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh. Công tác xây dựng Đảng đã thực sự là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của đơn vị.

Thứ tư là bám sát và hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu

Digitized by Google

Trong chiến tranh, Đoàn 113 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của mình là chiến đấu và chiến thắng vẻ vang. Trong hòa bình, nhiệm vụ của Đoàn là sẵn sàng chiến đấu và quyết tâm chiến thắng trong mọi tình huống.

Là đơn vị cơ động sẵn sàng chiến đấu của Bộ, nhiệm vụ chủ yếu của Đoàn 113 là bảo vệ các mục tiêu quan trọng của Đảng và Nhà nước. Để hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao, Đoàn tập trung cao độ vào việc giáo dục chính trị - tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ, đặc biệt là lòng trung thành với Tổ quốc, ý chí chiến đấu kiên cường, tinh thần sẵn sàng hy sinh bảo vệ Tổ quốc... Đây cũng là một quá trình phấn đấu kiên trì, bền bỉ với quyết tâm rất cao của cả lãnh đạo và chiến sĩ toàn đơn vị. Trong điều kiện kinh tế thị trường bên cạnh mặt tích cực, những tiêu cực ảnh hưởng không nhỏ tới cán bộ, chiến sĩ, nhưng công tác đảng, công tác chính trị đã thực sự giúp cho mọi người vững vàng, kiên định với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Kinh nghiệm và thực tế cho thấy, để hoàn thành tốt nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu của Đoàn, vấn đề trước tiên là công tác huấn luyện phải được đặt lên hàng đầu. Đoàn 113 đã tập trung mọi nỗ lực trong công tác huấn luyện, thực hiện đúng phương châm, phương pháp, nguyên tắc huấn luyện của binh chủng, của quân đội đã đề ra, trên cơ sở phát huy tinh thần sáng tạo, chủ động của từng cán bộ, chiến sĩ. Ngay từ khâu chuẩn bị đã được cán bộ, chiến sĩ tiến hành rất kỹ lưỡng về mọi mặt từ vũ khí trang bị đến thao trường luyện tập. Hằng năm, Đoàn tạo được hàng chục nghìn học cụ, hàng chục sáng kiến cải tiến mô hình học cụ có giá trị ; bỏ ra nhiều công sức tu sửa hệ thống bài tập, thao trường với giá trị hàng trăm triệu đồng, nhằm đáp ứng yêu cầu huấn luyện. Trong huấn luyện, Đoàn luôn chú trọng vai trò của cán bộ, đặc biệt là nâng cao trình độ kỹ chiến thuật của cán bộ. Việc bám, nắm thao trường của cán bộ được quy định nghiêm ngặt và cụ thể. Cấp cán bộ Đoàn phải đạt 60% quỹ thời gian cho huấn luyện, cấp liên đội phải đạt 80%.. với tinh thần trách nhiệm cao và thận trọng, tỷ mỷ. Công tác thi đua được tiến hành sáng tạo, thường xuyên, kịp thời cổ vũ, động viên nhiệm vụ huấn luyện ngay tại thao trường. Sau mỗi khoa mục hay mỗi buổi tập từng cấp đều tiến hành "hội thao" đánh giá, cho điểm biểu dương những cá nhân, tập thể khá, giỏi, xuất sắc. Đoàn 113 thường xuyên coi trọng và thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra cán bộ, chiến sĩ thực hiện kỷ luật quân đội, nội dung tập luyện, trên cơ sở đó kịp thời uốn nắn, bổ sung nội dung huấn luyện. Đoàn còn thường xuyên tổ chức các hội thi, hội thao ở nhiều cấp độ, ở các nội dung huấn luyện. Thí dụ như các cuộc hội thi về mô hình học cụ, hội thi giáo trình...

Sức mạnh chiến đấu của quân đội cũng như của Đoàn được biểu hiện ở tính kỷ luật nghiêm. Đoàn nêu quyết tâm rất cao trong thực hiện xây dựng nền nếp chính quy và rèn luyện tốt tính kỷ luật cho cán bộ, chiến sĩ, tạo nên nếp sống ngăn nắp, lành mạnh, văn minh trong toàn đơn vị. Tình trạng vi phạm kỷ luật nghiêm trọng hầu như không có. Đoàn 113 luôn nhận được cờ của cấp trên về "Quản lý khai thác vũ khí tốt, bền, an toàn, tiết kiệm" "quân y năm tốt" "ngành hậu cần làm theo lời Bác"... và nhiều mặt khác.

Hằng năm qua kiểm tra chất lượng huấn luyện Đoàn đạt gần 100% nội dung xếp loại khá giỏi ; các cuộc kiểm tra huấn luyện, báo động chiến đấu của cấp trên (Bộ tư lệnh Đặc công, Bộ Quốc phòng) Đoàn 113 đều đạt kết quả tốt, được đánh giá là đơn vị huấn luyện giỏi, vững mạnh toàn diện. Trong các cuộc hội thi, hội thao lớn của binh chủng, Đoàn luôn đạt giải nhất toàn đoàn. Nhiều đợt điều động lực lượng đi công tác xa nơi biên giới, hải đảo... 100% cán bộ, chiến sĩ trong diện lên đường đều yên tâm, phấn khởi nhận nhiệm vụ mới. 100% cán bộ, chiến sĩ của Đoàn luôn ở trong tư thế sẵn sàng chiến đấu.

*

* *

Phấn khởi được đón nhận danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang lần thứ ba, do Đảng Nhà nước trao tặng, cán bộ chiến sĩ Đoàn 113 nhận rõ vinh quang thật lớn lao và trách nhiệm rất nặng nề. Giành được thành tích đã khó, phát huy các thành tích tô thắm thêm truyền thống anh hùng của đơn vị còn khó hơn nhiều. Phía trước đối với cán bộ, chiến sĩ Đoàn 113 sẽ là những khó khăn, thử thách lớn, đòi hỏi sự nỗ lực vươn lên, đoàn kết, quyết tâm phấn đấu không ngừng. ❑

Digitized by Google

DI DÂN TỰ DO NHÌN TỪ THỰC TẾ...

LÊ HẠNH THÔNG *

I - DI DÂN - HIỆN TƯỢNG MANG TÍNH QUY LUẬT.

Di dân là một hiện tượng mang tính quy luật từng diễn ra trong lịch sử phát triển của xã hội loài người. Quá trình này diễn ra thường xuyên giữa các vùng trong nước, giữa quốc gia này với một hay nhiều quốc gia khác, do những nhu cầu khách quan về kinh tế, xã hội. Chính quyền của mỗi quốc gia có thể chủ động tác động đến quá trình di dân bằng những kế hoạch, chính sách xã hội cụ thể nhằm hướng vào những mục tiêu phát triển có kế hoạch của mình. Di dân là một trong những nhân tố có ảnh hưởng lớn đến quá trình biến đổi cơ cấu xã hội. Đương nhiên, ảnh hưởng này tác động đến mỗi vùng, mỗi khu vực, mỗi nước ở những mức độ khác nhau và cho những hiệu quả khác nhau, ở những thời điểm khác nhau.

Tư liệu lịch sử và hiện tại đều cho thấy rằng, hầu hết ở những vùng đồng bằng có nhiều đất đai canh tác, các khu vực đô thị, các khu công nghiệp, thường tập trung làn sóng dân di cư từ nhiều nguồn. Do sự tập trung dân cư đến từ các vùng, với những trình độ khác nhau về văn hóa, cách sinh hoạt, cùng những truyền thống, kinh nghiệm trong sản xuất ; do được bổ sung một lượng dân cư mới, làm tăng dân số cơ học đột biến ở các khu vực có người nhập cư, tất yếu sẽ gây ra những biến động, có thể làm biến đổi (cả tích cực và tiêu cực) về diện mạo, cấu trúc xã hội cũng như đời sống kinh tế - xã hội ở các nơi có dân nhập cư và cả nơi có luồng dân di cư đi nơi khác. Những vùng nông nghiệp, nơi có nhiều cư dân thuần nông, sự xáo trộn thường ít hơn. Còn ở các đô thị, khu công nghiệp, nơi luôn có làn sóng dân nhập cư đông, sẽ có những xáo trộn lớn về nhiều mặt.

Ở nước ta trong lịch sử đã từng có những cuộc di dân với những quy mô lớn, nhỏ khác nhau, theo cả hai hình thức : di dân tự do và theo kế hoạch. Xu hướng chung của những đợt di dân này là dãn dân từ một số vùng đông dân cư ở miền Bắc, miền Trung vào khai phá một vài vùng đất mới ở phía Nam.

II - THỰC TRẠNG DI DÂN TỰ DO Ở TP HỒ CHÍ MINH VÀ MỘT SỐ TỈNH ĐÔNG NAM BỘ.

Từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng và nhất là từ năm 1991 đến nay, tình trạng di dân tự do đã và đang diễn ra với mức độ và quy mô lớn, tập trung ở những nơi có tốc độ công nghiệp hóa cao : Thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hòa (Đồng Nai), Thủ Dầu Một (Bình Dương), Vũng Tàu (Bà Rịa - Vũng Tàu). Kết quả khảo sát ở 4 tỉnh, thành phố thuộc miền Đông Nam Bộ cho thấy : TP Hồ Chí Minh tính từ sau giải phóng đến nay đã có 700 000 người đến nhập cư. Tỉnh Đồng Nai, từ năm 1975 đến tháng 12-1995 đã có 88 603 hộ với 441 257 khẩu chuyển đến (chiếm 25% dân số của tỉnh). Tỉnh Sông Bé (cũ) từ năm 1990 đến 1996 đã có 24 296 hộ với 99 254 khẩu di cư đến (chiếm 18% dân số của tỉnh).

Số liệu trên cho thấy, số dân nhập cư vào các thành phố ở Đông Nam Bộ không những tăng nhanh về quy mô, mà cả về tốc độ. Với sự gia tăng nhanh chóng dân số cơ học như vậy, tất yếu dẫn đến sự biến động, thay đổi lớn trong cơ cấu dân cư cũng như nghề nghiệp ở khu vực này.

1. Những biến động về mặt xã hội do di dân tự do

Khảo sát vài điểm thuộc địa bàn TP Hồ Chí Minh, Bình Phước (Sông Bé cũ), Đồng Nai những năm gần đây cho thấy, trong cơ cấu dân nhập cư thì 63,38% chủ hộ là nông dân ; 12,50% làm dịch vụ, buôn bán, số còn lại làm việc ở cơ quan nhà nước, tiểu thủ công nghiệp, nội trợ, làm nghề tự do. v.v... Trong đó, có tới 80% trong độ tuổi lao động, 53% là lao động chính, với trình độ văn hóa cấp I, II (42,99% cấp I, 46,83% cấp II).

Trong số dân di cư tự do vào các tỉnh phía Nam nói chung và miền Đông Nam Bộ nói riêng,

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Phân viện TP. Hồ Chí Minh

Digitized by Google

TP Hồ Chí Minh chiếm tỷ lệ cao nhất. Từ sau giải phóng đến nay, tỷ lệ tăng dân số cơ học của thành phố là 2,37% (tỷ lệ tăng tự nhiên là 1,7%/năm). Dòng người di cư đến thành phố từ nhiều nguồn : Đồng bằng sông Cửu Long, miền Đông Nam Bộ, miền Trung, miền Bắc, dân kinh tế mới, người hồi hương v.v... Những thành phần này có thể chia thành 2 nhóm chính :

- Nhóm những người nghèo, trình độ văn hóa thấp, không có tay nghề, trình độ chuyên môn.

- Nhóm tương đối có học vấn (kể cả sinh viên, học sinh học nghề đang học ở các trường).

Theo số liệu thống kê của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội TP, tình hình di dân qua các thời kỳ như sau :

Thời kỳ	Số người di dân tự do	Bình quân/ năm	Tỷ lệ % tăng (thời kỳ trước so với thời kỳ sau)	Ghi chú
1976 - 1980	83 000	16 000	62	Số liệu 1996
1981 - 1985	130 000	26 000	38	-
1986 - 1990	180 000	36 000	38	-
1991 - 1995	230 000	50 000	80	-
1996		90 000		-

(1)

Tỷ lệ có việc làm trong số dân di cư là : 38,4% làm nghề tự do ; 8,9% làm việc trong các doanh nghiệp tư nhân ; 2,88% làm trong các liên doanh, chỉ 8,8% làm việc trong các doanh nghiệp nhà nước. Về trình độ văn hóa, hơn 50% trong số họ mù chữ hoặc văn hóa chỉ mới hết cấp I, mới 4,79% có tay nghề công nhân kỹ thuật[2].

+ *Gò Vấp*, một quận ven nội thành của TP Hồ Chí Minh, cửa ngõ nối thành phố với các tỉnh miền Đông Nam Bộ, đây là địa bàn hấp dẫn đối với dân nhập cư từ nhiều địa phương. Tính đến năm 1996, toàn quận có 65 683 người không có hộ khẩu (chiếm 37,4% dân số) nhập cư từ nơi khác đến. Hằng năm, trung bình có khoảng 2 000 lao động mới, chiếm khoảng 8% - 14% lao động. Nếu mức tăng dân số tự nhiên hằng năm của quận là 1,5%, thì tỷ lệ tăng dân số cơ học lên đến 11,4%/năm. Lao động khu vực II (gồm các ngành khai thác tài nguyên, nông, lâm, ngư nghiệp), và khu vực III (gồm các ngành dịch vụ, thương nghiệp) tăng nhanh, đặc biệt là các ngành xây dựng và thương nghiệp. Xu hướng biến đổi cơ bản trong các ngành kinh tế theo chiều hướng, lao động ở khu vực I (đặc biệt trong nông nghiệp), đang bị thu hẹp dần.

Dân nhập cư chủ yếu là người Kinh, một số theo đạo Phật ; đa số trong độ tuổi lao động, trình độ văn hóa thấp (chủ yếu là cấp I) ; hầu hết từng sống ở nông thôn, làm nông nghiệp là chính có thể chia làm hai đối tượng :

- Chuyển cư mang theo cả gia đình, chiếm 71,2%.

- Đến lao động theo thời vụ (số này chủ yếu làm lao động phổ thông), chiếm 29,8%.

Giữa hai loại này cũng vẫn có những biến đổi do số lao động tuy hết thời hạn nhưng vẫn tiếp tục tạm trú hoặc định cư ở thành phố. Số dân nhập cư có việc làm chiếm khoảng 92,5% ; 7,5% còn lại chưa có việc làm. Nhưng, trong số có việc làm cũng chỉ 36,6% là có việc làm ổn định. Công ăn, việc làm, là điều kiện tiên quyết tác động đến đời sống, mức sinh hoạt, trong khi đó số liệu cụ thể cho thấy, tới 48% chưa có nhà ở cố định, phải thuê hoặc nương nhờ tạm bợ. Điều đó nói lên mức sống vật chất và điều kiện sinh hoạt của dân nhập cư còn khó khăn, chưa ổn định.

Đối tượng dân di cư tự do vào địa bàn Đông Nam Bộ ngoài một số ít từ các tỉnh miền Tây Nam Bộ, còn đa số là dân ở miền Bắc, miền Trung. Chủ yếu là dân nông thôn làm nông nghiệp.

Tỉnh *Đồng Nai* với thành phố Biên Hòa và khu công nghiệp lớn thứ hai ở phía Nam thì tỷ lệ tăng dân số cơ học giai đoạn 1991 - 1995 là : 1991 : 2,62% ; 1992 : 2,77% ; 1993 : 3,03% ; 1994 : 3,21% ; 1995 : 3,38%. Nếu so sánh tỷ lệ này với tỷ lệ tăng của các địa phương khác trong tỉnh sẽ thấy, số dân di cư về các thành phố không chỉ là những lao động chính đi tìm việc, phần lớn, còn

(1) Theo số liệu của công an TP Hồ Chí Minh, đến 12-1997 toàn TP có khoảng 800 000 người nhập cư, tăng hơn khoảng 100 000 người so với 1996. Ngoài ra còn có khoảng 200 000 người tạm trú ngắn hạn. Tổng cộng trên dưới một triệu dân nhập cư ở TP

(2) Hồng Liên. "Người nhập cư, ở hay về". Báo *Nhân Dân*, số 15254, ngày 31-3-1997

Digitized by Google

đưa theo cả các thành viên trong gia đình. Ở thành phố Biên Hòa có tới 7 653 hộ chuyển đến. Cơ cấu kinh tế trong những năm gần đây đã có nhiều biến đổi lớn. Công nghiệp ngày càng tăng dần, chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong GDP : 1991 : 24% ; 1995 : 33,4%. Ngược lại, tỷ trọng của ngành nông nghiệp ngày càng giảm : 1991 : 47%, 1995 còn 32,1%. Các ngành dịch vụ cũng tăng dần 1991 đạt 26,7%, đến năm 1995 đã tăng lên 30,5%". Dân di cư đã phá vỡ nhiều dự án, quy hoạch, gây xáo trộn về kinh tế - xã hội nói chung và là một gánh nặng cho tỉnh, hộ đói nghèo tăng nhanh... [3].

Cùng với sự gia tăng của khu vực này, kinh tế nông nghiệp trên thực tế vẫn phát triển song rất chậm, do đó, tỷ trọng của nông nghiệp trong GDP giảm dần vì lao động dịch chuyển vào khu vực này ngày càng có xu hướng ít đi.

2. Những mặt tích cực và tiêu cực của làn sóng di dân tự do

Từ những thực tế trên có thể thấy, ảnh hưởng của di dân tự do tới phát triển kinh tế - xã hội ở các thành phố và khu công nghiệp trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) là rất lớn, theo cả hai chiều hướng : *tích cực* và *tiêu cực*.

Về những mặt tích cực :

Với sự dịch chuyển hàng triệu người trong độ tuổi lao động đến các thành phố, đặc biệt, những khu công nghiệp, trên thực tế, đã bổ sung một lực lượng lao động hậu bị đáng kể khi các dự án phát triển kinh tế đang ngày càng mở ra. Hiện tại, ở TP Hồ Chí Minh, khu công nghiệp Biên Hòa (Đồng Nai), Vũng Tàu (Bà Rịa - Vũng Tàu), Thủ Dầu Một (Bình Dương), thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của đất nước, nơi đang diễn ra quá trình CNH, HĐH nhanh hơn các vùng khác ; nơi có 34 khu công nghiệp tập trung đã và đang xây dựng thu hút hàng trăm dự án đầu tư nước ngoài, đang đặt ra nhu cầu cần một lượng lao động (bao gồm cả lao động kỹ thuật và lao động giản đơn) rất lớn. Quá trình di dân trên tất cả các vùng, các khu vực trong cả nước, đang là quá trình tự điều tiết, bố trí, phân công lại lao động trong các ngành, chuyển dịch dần lão động nông nghiệp sang lao động công nghiệp theo hướng phát triển kinh tế hiện đại. Cùng với sự phát triển các ngành dịch vụ, đang tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý trong nền kinh tế quốc dân.

- Theo kết quả điều tra của dự án VIE 195/004 do Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) tài trợ cho thấy, di dân tự do đã góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở các đô thị. Chỉ tính riêng số tiền người lao động nhập cư gửi về quê hằng năm ở TP Hồ Chí Minh đã đóng góp cho các địa phương trong cả nước khoảng 200 tỉ đồng/năm. Đối với các vùng nông thôn sẽ có tác dụng rất lớn cho việc phát triển kinh tế hộ gia đình, chuyển đổi cơ cấu lao động, sản xuất ; phần nào giải tỏa áp lực về việc làm trong khu vực nông nghiệp ; góp phần rút ngắn khoảng cách giữa nông thôn và thành thị.

- Những người dân nhập cư đến làm ăn, sinh sống ở địa bàn mới cũng mang theo truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán, lề thói, gia phong... của các vùng, miền, góp phần làm đa dạng, phong phú thêm đời sống văn hóa cộng đồng cả về vật chất và tinh thần qua quá trình giao lưu, hội nhập vào nơi cư trú mới v.v..., làm thay đổi diện mạo kinh tế, văn hóa, xã hội ở các nơi đang diễn ra quá trình đô thị hóa theo xu hướng tích cực.

Tuy nhiên, nhìn toàn cục, quá trình di dân diễn ra trong cả nước hiện nay phần lớn vẫn đang là quá trình tự phát, thiếu một chiến lược phát triển tổng thể, vì thế bên cạnh chiều hướng tích cực, về mặt khách quan, cũng không ít *biểu hiện tiêu cực* như :

- Khi lượng dân di cư tập trung về thành phố, khu công nghiệp quá đông, không kiểm soát nổi sẽ làm tăng thêm đội quân thất nghiệp, gây nhiều khó khăn cho chính quyền địa phương trong quản lý dân cư. Mặc dù được bổ sung đáng kể lực lượng lao động dư thừa từ nơi khác, nhưng khi chưa kịp bố trí, sắp xếp ổn định việc làm sẽ dẫn đến những biến động phức tạp về mặt xã hội : tăng số người thất nghiệp ; đội ngũ lao động tự do phải chấp nhận những điều kiện lao động và bảo hiểm thấp kém so với yêu cầu, tạo ra tình trạng cạnh tranh gay gắt nhân công lao động. Dân di cư ngoài số được tuyển dụng vào các nhà máy, xí nghiệp, hầu hết phải làm nghề tự do, nghề phụ cần lao động chân tay, không

(3) Nguyễn Tất Đạt : Báo cáo dân di cư tại Đồng Nai - thực trạng và giải pháp (Hội thảo Khoa học về di dân tự do ở miền Đông Nam Bộ, 1997)

Digitized by Google

có trình độ chuyên môn. Bố trí, sắp xếp lượng lao động dư thừa này thế nào cho có hiệu quả là hết sức khó khăn, dù trong điều kiện các đô thị, và đặc biệt là các khu công nghiệp đang ngày càng được mở rộng, thu hút nhiều dự án đầu tư nước ngoài và đang rất cần nhiều lao động. Cái khó ở đây là sản xuất công nghiệp cần một lực lượng lao động ít nhất phải được qua đào tạo tay nghề, kỹ thuật hoặc đã làm quen với máy móc cơ khí. Trong khi đó, dân di cư tự do hầu hết là cư dân nông nghiệp, không có trình độ chuyên môn, và tác phong, tư duy công nghiệp, trình độ văn hóa lại thấp. Với số lớn người mù chữ, để giải quyết hết công ăn việc làm, thực sự không đơn giản. Trước mắt, họ phải được qua đào tạo kiến thức văn hóa phổ thông, tay nghề và làm quen với lối sống công nghiệp đô thị.

- Sự xáo trộn cơ cấu dân cư, lực lượng lao động quá lớn sẽ tạo ra những trở ngại nhất định cho phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương, làm đảo lộn các kế hoạch, quy hoạch (nhà ở, việc làm, giao thông, y tế, dịch vụ, v.v...) đã được xây dựng, dự trù, hoàn chỉnh từ trước.

Không chỉ gây áp lực cho phát triển xã hội, nó còn là điều kiện làm gia tăng các tệ nạn xã hội ở những địa bàn quá đông dân di cư. (Theo số liệu điều tra, trong 14 000 tiếp viên các nhà hàng ở TP Hồ Chí Minh hơn 50% là người ngoại tỉnh ; trong số 8 500 người lang thang vỉa hè, lòng đường, gầm cầu... thì 2 000 người là đối tượng của các tệ nạn xã hội, 300 người là đối tượng hình sự v.v...).

- Trình độ dân trí thấp cùng với điều kiện vật chất thiếu thốn, mức hưởng thụ văn hóa tinh thần thấp sẽ là những cản trở lớn cho việc bảo đảm quyền bình đẳng công dân. Ở nhiều nơi, lực lượng dân di cư tự do cũng là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường sinh thái, nạn chặt phá rừng, lấn chiếm đất đai v.v...

Từ thực trạng trên của TP Hồ Chí Minh và một số tỉnh Đông Nam Bộ, khi xem xét để lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, cần quan tâm đến yếu tố di dân tự do, coi đây là một trong những nhân tố cơ bản tác động vào quá trình biến đổi này. Đương nhiên, đòi hỏi phải hết sức khách quan, khoa học, tránh phiến diện, không thể chỉ thấy mặt tiêu cực mà phải nhìn nhận cả những mặt tích cực của vấn đề. Có như vậy mới đưa ra những giải pháp đồng bộ, hợp lý phát triển các khu đô thị và các khu công nghiệp mới.

3. Những chính sách và giải pháp cụ thể.

Để khắc phục tình trạng này, cần áp dụng đồng bộ một hệ thống các chính sách, giải pháp nhằm hướng luồng dân di cư tự do vào phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ cho sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

- Nhà nước cần có chính sách điều tiết, hướng luồng di dân tự do vào các mục tiêu phát triển kinh tế của đất nước một cách có kế hoạch chủ động. Điều chỉnh và hoàn thiện các văn bản chính sách đã và đang vận hành để quản lý một cách có hiệu quả dòng người nhập cư vào các thành phố, khu công nghiệp. Hoạch định chính sách vĩ mô cũng như những biện pháp hữu hiệu dựa trên tính quy luật của di dân là mưu sinh.

- Cần sự phối hợp đồng bộ của các cơ quan, chính quyền địa phương trong giải quyết các vấn đề đất đai, nhà ở, hộ khẩu, việc làm cũng như có quy hoạch tổng thể cho phát triển các đô thị mới, ổn định đời sống cho dân ở các đô thị cũ phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu hưởng thụ văn hóa.

- Muốn giải quyết tận gốc rễ của vấn đề không thể chỉ chú trọng tới các biện pháp hành chính. Vì kinh tế là nguyên nhân cơ bản nên những biện pháp kinh tế sẽ là thiết thực nhất để hạn chế tình trạng di dân tự phát hiện nay. Các biện pháp kinh tế không chỉ đơn thuần là trợ giúp dân nhập cư ổn định nhanh đời sống mà phải bao gồm cả giải quyết việc làm lâu dài, ổn định, phát triển đào tạo ngành nghề, nâng cao trình độ văn hóa chung v.v...

- Nâng cao đời sống vật chất thôi chưa đủ mà phải chú trọng tới cải thiện, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ đời sống tinh thần cho mọi đối tượng, mọi thành phần dân cư.

- Để đạt được hiệu quả, các kế hoạch, chính sách cần có sự phối hợp hài hòa, bao trùm các vùng, miền, các địa phương (cả nông thôn và thành thị) trong cả nước chứ không chỉ bó hẹp ở các khu đô thị, khu công nghiệp hoặc chỉ thực thi cho một vùng, miền nhất định.❑

Digitized by Google

ĐÂU PHẢI VÌ QUÁ ĐỘ !

XUÂN KIM

TRONG các bài giảng hay ở các tài liệu, người ta thường nói tới từ **quá độ** như : *Thời kỳ quá độ, giai đoạn quá độ, bước quá độ...* Nói như thế là đúng và ai cũng hiểu. Thế nhưng, trong đời sống, từ **quá độ** nhiều khi lại được dùng một cách tùy tiện.

Đường phố vừa mới làm xong chưa được bao lâu đã bị đào bới lên để đặt cái này, lắp cái kia. Thấy "chướng tai, gai mắt" dân phàn nàn, có cán bộ giải thích : **Quá độ** mà. Thông cảm !

Không ít cơ quan, mỗi khi thay "sếp" mới là mỗi lần có sự phá bỏ, sửa chữa, cải tạo trụ sở, phòng làm việc ; những trang bị trước đây đều vứt bỏ để mua sắm những thứ mới. Mỗi lần như vậy, ít ra cũng làm tốn kém tới dăm ba trăm triệu đồng. Khi có người thắc mắc thì được giải thích : Cần phải đổi mới cho phù hợp. Trước đây, do **quá độ,** chưa có điều kiện.

Rồi cả việc mở lớp tại chức, cấp bằng hay chứng chỉ tràn lan ở chỗ này, nơi kia. Có nơi cấp cả cho những người không đến lớp học, không viết bài kiểm tra, không làm tiểu luận, mà những người này chỉ dùng tiền "khoán gọn" cho "bên B" như kiểu thuê xây dựng ! Với cách quản lý và mở lớp như vậy, hàng loạt người không học, kiến thức không có vẫn có bằng, có chứng chỉ để đủ tiêu chuẩn đề bạt, lên lương. Có ai nêu vấn đề này lại cũng chỉ nhận được câu trả lời : Thời buổi **quá độ,** đâu chẳng thế !

Chuyện dạy thêm, học thêm theo lối thương mại hóa ở các thành phố, thị xã đang làm giảm sự tôn nghiêm của nhà trường, làm hoen ố hình ảnh tốt đẹp vốn có của nghề thầy giáo. Dư luận xã hội phê phán gay gắt. Nhưng có những người có trách nhiệm tặc lưỡi : **quá độ,** ắt phải thế !

Việc đề bạt, cất nhắc cán bộ, tuyển dụng nhân viên ở nhiều nơi, có những điều tiêu cực, khuất tất, không theo tiêu chuẩn mà mặc cả với nhau, tất cả đều đổ lỗi cho cách làm **quá độ !**

Có những cán bộ, đảng viên thoái hóa về đạo đức, lối sống một cách nghiêm trọng, dựa vào chức quyền, tham ô, làm thất thoát tiền của Nhà nước, bị bắt, bị truy tố, hoặc bị đưa ra phê bình, kiểm điểm vẫn cố tình không thừa nhận sai lầm, còn tìm cách đổ lỗi cho khách quan như : do **quá độ,** cơ chế, chính sách không rõ ràng, tổ chức không thường xuyên nhắc nhở.

Từ điển tiếng Việt giải thích : Quá độ là chuyển tiếp từ trạng thái này sang trạng thái kia trong quá trình vận động, phát triển của sự vật. Như vậy, đâu phải **quá độ** là nguyên nhân tạo ra sai lầm thiếu sót và cũng không phải vì **quá độ** mà không ngăn chặn, đẩy lùi được tình trạng tiêu cực kể trên. Rõ ràng từ *quá độ* hiện đã bị cố tình hiểu sai và là cái cớ mà những kẻ lòng dạ không trong sáng dựa vào đó để che đậy những việc làm khuất tất. Cần phải có sự kiểm tra nghiêm ngặt và những biện pháp cụ thể để ngăn chặn, xử lý kịp thời, trả lại đúng nghĩa đích thực và gạt bỏ nỗi "oan Thị Kính" mà từ **quá độ** phải chịu.❑

Digitized by Google

CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA

NGUYỄN HOÀNG GIÁP *

THẾ giới ở vào thời điểm chuyển giao giữa hai thế kỷ đang chứng kiến những đổi thay sâu sắc trên tất cả mọi lĩnh vực, từ sản xuất vật chất đến đời sống tinh thần xã hội. Toàn cầu hóa nổi lên như một trong những xu hướng chủ đạo chi phối hệ thống quan hệ quốc tế hiện đại. Xét trên phương diện sản xuất vật chất xã hội, một giai đoạn mới của lịch sử nhân loại đang từng bước hiện diện thông qua bước quá độ từ xã hội gắn với nền văn minh công nghiệp lên nấc thang phát triển cao hơn. Nấc thang phát triển này được đặc trưng bởi công nghệ và cơ cấu kinh tế mới - kinh tế tri thức, trên cơ sở áp dụng rộng rãi các thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến, các phương tiện truyền tin hiện đại và máy tính.

Nhìn một cách tổng quát, toàn cầu hóa trước hết là quá trình phổ biến theo hướng nhất thể hóa trên phạm vi toàn cầu những giá trị, tri thức, những hoạt động, những mô hình - cấu trúc trong các lĩnh vực từ kinh tế, khoa học, kỹ thuật đến văn hóa, chính trị, xã hội, v.v... Tuy nhiên, điều đáng chú ý là chủ nghĩa tư bản hiện đại với ưu thế về vốn và công nghệ đang ráo riết thực hiện ý đồ chiến lược biến quá trình toàn cầu hóa thành quá trình tự do hóa kinh tế và áp đặt chính trị theo quỹ đạo tư bản chủ nghĩa. Do đó, xu thế khách quan toàn cầu hóa đang đặt các nước trước trạng thái đầy kịch tính. Một mặt, các quốc gia dù lớn hay nhỏ, giàu hay nghèo, đều bị cuốn hút hoặc buộc phải chủ động tham gia quá trình toàn cầu hóa. Mặt khác, họ phải tiến hành nhiều nỗ lực có tính phản ứng vừa để đối phó, vừa để tự bảo vệ trong tiến trình hội nhập quốc tế. Như vậy, toàn cầu hóa không chỉ thuần túy là một quá trình kinh tế - kỹ thuật, mà còn là cuộc đấu tranh kinh tế - xã hội, kinh tế - chính trị và văn hóa - tư tưởng rất gay gắt. Bởi vậy, tất cả các nước, nhất là các nước đang phát triển, đều phải tìm kiếm các đối sách để thích ứng với quá trình toàn cầu hóa đa bình diện và đầy nghịch lý.

Trước sự vận động mang tính bước ngoặt của thời đại toàn cầu hóa, *phát triển* trở thành nhu cầu bức xúc của mọi quốc gia, dân tộc. Song, hơn bất kỳ khi nào, hiện nay nhu cầu đó càng trở nên đặc biệt cấp bách, trở thành mục tiêu mang ý nghĩa sống còn nhất là đối với các dân tộc chậm phát triển thuộc "thế giới thứ ba".

Tiến bộ của khoa học - công nghệ hiện đại, sự thay đổi trong cơ cấu kinh tế - kỹ thuật và chính trị trên thế giới cùng với xu thế toàn cầu hóa mọi mặt đời sống quốc tế, tuy một mặt đưa lại những cơ hội để các quốc gia, dân tộc đang phát triển có khả năng hòa nhập hữu hiệu vào hệ thống các quan hệ kinh tế quốc tế, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội ; nhưng mặt khác cũng đặt ra nhiều thách thức lớn lao trước vận mệnh và tiền đồ của họ.

Sau hàng thế kỷ đấu tranh kiên cường, anh dũng, các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đã thoát khỏi ách đô hộ của chủ nghĩa thực dân, đế quốc, giành được độc lập dân tộc và chủ quyền. Mặc dù vậy, bức tranh kinh tế - xã hội của các nước chậm phát triển hiện vẫn đang ngày càng có nhiều biểu hiện rất đáng lo ngại về sự tụt hậu so với trình độ của các nước phát triển. Khoảng cách Bắc - Nam giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển hiện nay không những không được khắc phục, rút ngắn mà còn thực sự trở thành nguy cơ

* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

chia cắt thế giới ra làm hai nửa khác biệt : vài chục quốc gia công nghiệp tiên tiến đã vượt hơn 100 quốc gia thuộc "thế giới thứ ba" hàng vài thập niên phát triển hoặc gấp trăm lần chênh lệch về thu nhập bình quân GDP tính theo đầu người.

Tuy đã giành được độc lập về chính trị và đây là một thành quả vô cùng quan trọng trong trường sử đấu tranh bền bỉ của phong trào giải phóng dân tộc, song về kinh tế, tuyệt đại đa số các nước đang phát triển là các nước nghèo, lạc hậu. Cho nên, họ vẫn bị phụ thuộc một cách khá toàn diện vào hệ thống kinh tế của chủ nghĩa tư bản : từ khai thác - sử dụng tài nguyên, quy trình sản xuất, vốn, kỹ thuật - công nghệ đến thị trường tiêu thụ cũng như phân công lao động quốc tế... Các nước đang phát triển phải đối diện trước thách thức của nguy cơ tụt hậu ngày càng xa về trình độ phát triển mọi mặt ; trước hết là về kinh tế, xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa. Với một cơ cấu kinh tế còn nhiều bất hợp lý, trong đó tỷ trọng công nghiệp nhỏ bé trong tổng giá trị thu nhập quốc dân, cộng thêm với trình độ thấp kém về năng suất lao động, cho nên tốc độ phát triển kinh tế của đa số các nước đang phát triển thấp và bấp bênh. Trong thập niên 60, các nước đang phát triển đạt mức tăng trưởng 5,7%, thập niên 70 đạt 5,3% thì đến thập niên 80 là 2% và những năm vừa qua của thập niên 90 tuy tình hình có được cải thiện, song cũng chỉ đạt mức trên 4% trong khi tỷ lệ tăng dân số vẫn còn ở mức trên 2%/năm.

Thực trạng nêu trên khiến cho đời sống kinh tế - xã hội ở các nước đang phát triển hiện vẫn hết sức khó khăn : gần 60% lao động thất nghiệp hoặc bán thất nghiệp ; gần 1 tỷ người sống trong điều kiện nghèo khổ tuyệt đối ; 195 triệu trẻ em dưới 5 tuổi bị đói ; tỷ lệ tử vong của trẻ em sơ sinh cao gấp 10 lần so với các nước phát triển và tính bình quân cứ mỗi tuần có khoảng 250 ngàn trẻ em bị chết do đói hoặc các căn bệnh hoàn toàn có khả năng chữa trị. Bên cạnh đó, 900 triệu người lớn mù chữ, hàng trăm triệu trẻ em không được học hành.

Sự yếu kém của đời sống kinh tế trong các quốc gia chậm phát triển kéo theo trình độ dân trí thấp, cho nên tiềm lực khoa học - kỹ thuật của họ rất nhỏ bé. Thế nhưng, điều nghịch lý đã diễn ra, đó là tình trạng "chảy máu chất xám". Trong nửa cuối thập niên 90, hằng năm có tới 7 vạn cán bộ khoa học - kỹ thuật trình độ cao của các nước đang phát triển bị thu hút sang các nước phát triển làm việc. Cũng nhờ đó, các nước phát triển đã có thể tiết kiệm được từ 35 đến 40 tỉ USD chi cho công tác đào tạo mỗi năm. Vậy là, các nước nghèo lại phải "gồng mình" gánh chịu cả chi phí đào tạo nguồn nhân lực tay nghề cao cho các nước tư bản giàu có !

Vấn đề nợ nước ngoài cũng trở thành gánh nặng đối với các nước đang phát triển. Số liệu thống kê của Liên hợp quốc cho thấy, nợ nước ngoài của các nước này đã tăng hơn 300 lần trong 4 thập niên qua : từ 6 tỉ năm 1955 lên trên 2000 tỉ đầu năm 2000. Trong đó, có những nước mà tổng số nợ đã vượt xa so với tổng thu nhập quốc dân. Nhưng bi kịch về nợ nước ngoài của các nước đang phát triển không chỉ được biểu hiện ở tổng số nợ khổng lồ mà còn là tình trạng nhiều nước không có khả năng thanh toán dù chỉ là lãi suất hằng năm, trong khi đó tốc độ của các khoản vay vẫn gia tăng và không hề có dấu hiệu giảm bớt. Do phải trả nợ, hằng năm xuất hiện "dòng tư bản chảy ngược" về các nước tư bản phương Tây từ các nước đang phát triển. Cùng với nợ nần là tình trạng bất bình đẳng trong trao đổi mậu dịch - thương mại giữa các nước đang phát triển và phát triển. Chỉ tính riêng qua trao đổi không ngang giá, các nước phát triển mỗi năm thu về món lợi hàng chục tỉ USD. Mặt khác, vẫn tiếp tục diễn ra sự phân biệt đối xử với hàng hóa - sản phẩm của các nước đang phát triển khi thâm nhập thị trường các nước phát triển. Qua con đường đầu tư, chuyển giao kỹ thuật - công nghệ, các cường quốc tư bản không chỉ thu lợi do bán các thiết bị công nghệ lạc hậu và gây ô nhiễm mà còn khống chế nhiều huyết mạch kinh tế quan trọng của các nước đang phát triển.

Do chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế - xã hội, các nước đang phát triển đang phải chịu sức ép về chính trị ngày càng có nguy cơ gia tăng từ phía các nước tư bản phát triển. Khó khăn phức tạp trên con đường phát triển của họ không chỉ do những trở ngại của quá trình bình đẳng hóa mối quan hệ Bắc - Nam mà còn bởi xu hướng áp đặt

Digitized by Google

các giá trị xa lạ với truyền thống lịch sử và bản sắc văn hóa dân tộc. Lợi dụng sức mạnh áp đảo về nhiều mặt, các thế lực đế quốc đẩy mạnh thực hiện mưu đồ tuyệt đối hóa con đường phát triển tư bản chủ nghĩa, lấy việc tuân thủ các chuẩn mực của mô hình xã hội phương Tây làm điều kiện trong quan hệ với các nước đang phát triển. Tuy nhiên, thực tế lịch sử cũng cho thấy, đại bộ phận các nước chậm phát triển hiện nay đã từng vận động trong quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản. Song, trừ một số ít các nước công nghiệp hóa mới (NICs) và các nước xuất khẩu dầu lửa, phần lớn các nước đang phát triển vẫn ở trong một hoàn cảnh kinh tế - xã hội không mấy sáng sủa và tàng ẩn nhiều nguy cơ bất trắc. Ở nhiều nước, xung đột chính trị và đình đốn kinh tế, mâu thuẫn dân tộc - sắc tộc, tôn giáo, khuynh hướng ly khai và nội chiến kéo dài đã thực sự trở thành mối đe dọa sinh tồn dân tộc.

Trên con đường hợp tác Nam - Nam giữa các nước đang phát triển còn nhiều trở ngại, bởi lẽ các nước này đều có sự tương đồng về trình độ phát triển cũng như các lợi thế về nguồn tài nguyên, nhân lực, thị trường... trong khi tất cả đều thiếu vốn, kỹ thuật - công nghệ và tri thức quản lý hiện đại. Hơn nữa, những lợi thế nêu trên dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ và toàn cầu hóa hiện nay không còn có vai trò, ý nghĩa nổi bật như các thập niên trước đây. Điều đó cho thấy, các nước đang phát triển cần thiết phải có cách tiếp cận mới trong hợp tác Nam - Nam. Chỉ có như vậy, khuôn khổ và cơ chế hợp tác Nam - Nam mới thực sự trở nên hữu ích và thiết thực đối với các nước đang phát triển. Đồng thời, nó đóng góp vào việc phối hợp các nỗ lực chung của các nước đang phát triển nhằm từng bước khắc phục và hạn chế những hậu quả tiêu cực của toàn cầu hóa cũng như trong quá trình xúc tiến quan hệ Bắc - Nam.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, với một thực trạng kinh tế - xã hội như đã nêu, đối với các nước đang phát triển nhu cầu *phát triển* nhiều khi đồng nghĩa với giải phóng khỏi họa diệt vong, trở thành một mục tiêu chiến lược vừa cấp bách trước mắt, vừa cơ bản lâu dài. Toàn cầu hóa, đặc biệt về kinh tế, luôn có xu hướng làm gia tăng khoảng cách phát triển giữa các quốc gia. Do vậy, vấn đề đặt ra với các nước đang phát triển không chỉ là nhận thức được nhu cầu cần phải "đi tắt, đón đầu" mà điều cốt yếu là phải biết tìm ra cách "đi tắt, đón đầu" để phát triển.

Phát triển đối với các nước đang phát triển trước tiên phải được xem xét, tiếp cận không chỉ như một vấn đề kinh tế mà còn như một vấn đề văn hóa - xã hội. Dưới áp lực bức bách của nhu cầu cải thiện đời sống kinh tế, một số quốc gia nghèo rất có thể dễ dàng chấp nhận "chào đón" bất kỳ sự cải tiến kỹ thuật - công nghệ nào, bất kỳ nguồn vốn tư bản nào. Sự đơn giản dễ dãi này, mặc dù trước mắt có thể thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, song rất có thể phải trả giá đắt bởi các hậu quả kinh tế - xã hội khó lường. Do vậy, lựa chọn kỹ thuật - công nghệ, cơ cấu kinh tế, mô hình kinh tế - xã hội đang đặt ra những tiêu chuẩn phức tạp hơn để có thể tận dụng mọi cơ hội phát triển cho cả ngày mai, không chỉ vì những lợi ích tức thời trước mắt.

Bắt đầu từ công nghiệp hóa, song bài toán *phát triển* đối với các nước đang phát triển không thể chỉ giải đáp bằng công nghiệp hóa ; càng không thể thuần túy chỉ là sự tăng trưởng kinh tế ; bởi vì, sự tăng trưởng đó không hoàn toàn đồng nhất với phát triển. Phát triển còn bao hàm một loạt vấn đề chính trị và lịch sử - văn hóa. Ổn định chính trị và phát triển kinh tế, sự hài hòa giữa đầy đủ vật chất và nâng cao chất lượng cuộc sống tinh thần, giữa tự do sáng tạo và chuẩn mực giá trị, giữa dân chủ xã hội và trật tự kỷ cương, giữa cá nhân và cộng đồng, giữa gia đình và xã hội, giữa truyền thống và hiện đại, giữa dân tộc và quốc tế... là những nội dung rất căn bản của *phát triển* ở các nước đang phát triển hiện nay. Phát triển vì tiến bộ xã hội - một mục tiêu mang tính thời đại, một bài toán hóc búa hơn bao giờ, đang thách đố các quốc gia, dân tộc đang phát triển, thôi thúc họ đi tìm lời giải tối ưu. Giữ vững độc lập dân tộc, phát huy nội lực và kết hợp với chủ động mở rộng hội nhập quốc tế, trở thành một trong những điều kiện tiên quyết - chìa khóa hữu hiệu để giải mã bài toán *phát triển* trong kỷ nguyên toàn cầu hóa. ❑

Digitized by Google

CUỘC BẦU CỬ NAM TƯ VÀ ĐÔI ĐIỀU SUY NGẪM

ANH ĐÀO

NAM Tư những ngày tháng chín và tháng mười đầy kịch tính với những rung chuyển lớn : ngày 24-9, bầu cử Tổng thống sớm hơn định kỳ ; ngày 30-9, Ủy ban bầu cử bác bỏ khiếu nại của phe đối lập ; ngày 2-10, ngày đầu tiên của chiến dịch "bất tuân lệnh" và từ ngày này những cuộc biểu tình, bãi công, bạo động liên tiếp nổ ra... Đất nước Nam Tư sau những ngày tháng khói lửa chiến tranh, lại một lần nữa phải trải qua cơn khủng hoảng lớn về chính trị và xã hội.

Những nguyên nhân nào đã đưa đất nước Nam Tư đến tình trạng khủng hoảng trên ?

Trước hết, sự kiện Nam Tư có những căn nguyên lịch sử của nó. Trong những năm giữa hai cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất và thứ hai, vương quốc của người Xéc-bi, Crô-a-ti-a và Mông-tê-nê-grô đã tồn tại như là nước "Đại Xéc-bi-a" với mức tập trung quyền lực cao (được gọi là Nam Tư từ năm 1929). Năm 1941, Nam Tư bị phát xít Đức chiếm đóng và chia cắt, nhân dân Nam Tư đã đứng lên chiến đấu anh dũng chống phát xít (nhưng cũng chống lẫn nhau), du kích của Đảng Cộng sản, dưới sự lãnh đạo của nguyên soái B. Ti-tô, đã giành được thắng lợi với sự giúp đỡ không nhỏ của Liên Xô. Năm 1945, nhà nước Nam Tư mới được thành lập với "mô hình liên bang" bao gồm 6 nước cộng hòa (tên chính thức là Cộng hòa Liên bang Nam Tư). Tuy nhiên, khi Tổng tống B. Ti-tô mất, năm 1980, trong tình hình chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu bắt đầu lâm vào thời kỳ thoái trào thì Nam Tư cũng rơi vào cuộc khủng hoảng "mô hình liên bang", kinh tế và các vấn đề dân tộc. Năm 1990, các cuộc bầu cử mới được tổ chức ở Nam Tư. Tháng 6 năm 1991, hai nước giàu có trong Liên bang Nam Tư là Xlô-ven-ni-a và Crô-a-ti-a tuyên bố độc lập, và sau đó là cuộc chiến tranh ác liệt trong suốt hai năm 1991 - 1992 giữa người Xéc-bi và người Crô-at. Năm 1992 một thỏa thuận ngừng bắn được ký kết, nền độc lập của Crô-a-ti-a và Xlô-ven-ni-a đã được công nhận rộng rãi về mặt ngoại giao, sau đó Bô-xni-a cũng thu được một thỏa thuận độc lập tương tự và Nam Tư thu hẹp lại trong một lãnh thổ bao gồm hai nước cộng hòa là Xéc-bi-a và Mông-tê-nê-grô với người Xéc-bi là chủ yếu. Sau những sự kiện trên, trong khi Cộng hòa Liên bang Nam Tư vẫn chưa giải quyết được những mâu thuẫn về dân tộc, thì tại miền nam của Nam Tư, tỉnh Cô-xô-vô thuộc Cộng hòa Xéc-bi-a, nơi có 90% dân cư là người gốc An-ba-ni, lại bùng lên những mâu thuẫn lớn về dân tộc và xung đột đã nổ ra...

Lợi dụng khó khăn của Nam Tư và tình hình Cô-xô-vô, Mỹ và NATO đã bất chấp Hiến chương Liên hợp quốc tiến hành cuộc không kích 78 ngày đêm vào đất nước Nam Tư. Tiếp sau chiến dịch không kích ác liệt là chiến dịch bao vây, cấm vận của phương Tây và Mỹ đối với Nam Tư.

Sau cuộc tấn công của NATO, nhân dân Nam Tư với những nỗ lực phi thường đã cố gắng xây dựng lại đất nước. Về cơ bản Nam Tư đã phục hồi được sản xuất, tốc độ tăng GDP đạt 5%, tuy nhiên tình hình kinh tế - xã hội Nam Tư vẫn gặp rất nhiều khó khăn do việc bao vây, cấm vận của Mỹ và phương Tây.

Trong bối cảnh như vậy, sau khi được Đại hội IV Đảng Xã hội Xéc-bi bầu lại làm Chủ tịch Đảng, cựu Tổng thống X. Mi-lô-xê-vích đã sửa đổi Hiến pháp Liên bang, quy định Tổng thống sẽ do dân bầu trực tiếp theo phương thức phổ thông đầu phiếu và có thể giữ chức vụ tối đa là hai nhiệm kỳ (mỗi nhiệm kỳ là 4 năm), đồng thời ông cũng quyết định tổ chức tổng tuyển cử trước thời hạn (theo Hiến pháp thì tới tháng 7-2001 mới tổ chức bầu cử), và chính cuộc bầu cử này

Digitized by Google

đã dẫn đến những biến động làm rung chuyển không chỉ đất nước Nam Tư mà còn tạo nên những yếu tố đe dọa sự ổn định của khu vực. X. Mi-lô-xê-vích cùng các chiến hữu của mình đã ra khỏi cuộc bầu cử với thất bại.

Theo dư luận thế giới thì X. Mi-lô-xê-vích thất bại vì ông đã chủ quan đánh giá sai nội tình đất nước, đồng thời chưa lường hết được tác động của Mỹ và phương Tây tới Nam Tư.

Cuộc bầu cử diễn ra trong tình hình kinh tế Nam Tư đặc biệt khó khăn, kiệt quệ sau các cuộc chiến tranh : tỷ lệ thất nghiệp là 30%, lạm phát 100%, GDP dù có tăng, song chỉ đạt 54% của năm 1991, đời sống nhân dân sa sút, có 1 triệu dân tị nạn... tâm lý một bộ phận không nhỏ trong dân chúng, đặc biệt là lớp trẻ, muốn cải thiện tình hình, xóa bỏ cấm vận, thoát khỏi những khó khăn về kinh tế, mà tình trạng khó khăn này lại bị quy tại chính quyền của ông X. Mi-lô-xê-vích.

Lực lượng cánh tả ở Nam Tư đã bộc lộ những chia rẽ, mất dần chỗ dựa quần chúng, quân đội và cảnh sát vốn được xem là công cụ của chính quyền thì quân đội tuyên bố trung lập, còn cảnh sát thì phản ứng yếu ớt trong suốt quá trình xảy ra biến động. Trong khi đó các đảng phái đối lập đã tạm gác lại những bất đồng, có sách lược bầu cử có lợi cho họ.

Cuộc bầu cử diễn ra trong bối cảnh quốc tế hoàn toàn bất lợi cho ông X. Mi-lô-xê-vích và lực lượng cánh tả. Nhiều nguồn tin của chính các nước phương Tây cho biết : trước và đặc biệt là trong thời gian bầu cử, các nước phương Tây đã có những can thiệp thô bạo đến nội tình Nam Tư, gây tác động lớn đến kết quả bầu cử ; trong khi đó Nam Tư một mặt bị bao vây, cấm vận, mặt khác phải đối phó với nhiều thế lực chống đối bên ngoài, đồng thời mất dần những chỗ dựa quốc tế quan trọng.

Ngày 7-10 (tức rạng sáng 8-10 giờ Việt Nam), ông V. Cô-xtu-ni-xa chính thức nhậm chức Tổng thống Cộng hòa Liên bang Nam Tư, và ngay sau đó ngày 9-10, EU bãi bỏ lệnh trừng phạt Nam Tư, bình thường hóa các quan hệ ngoại giao và cam kết viện trợ ngay cho Nam Tư trong mùa đông này. Ủy ban châu Âu đã đề nghị dành riêng cho Xéc-bi một khoản viện trợ 2 tỉ Ơ-rô lấy từ ngân sách của EU trong 6 năm tới. Cùng ngày, hãng Roi-tơ cho biết, Mỹ khẳng định ưu tiên của họ tại Nam Tư là bãi bỏ các biện pháp cấm vận, trừng phạt kinh tế. Ngày 24-10, Quốc hội Xéc-bi đã phê chuẩn việc thành lập một chính phủ quá độ để điều hành đất nước trong thời gian từ nay đến khi tổ chức bầu cử vào tháng 12 tới, theo đó Thủ tướng là ông Mi-lô-mia Mi-ních. Ngày 31-10, Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc đã phê chuẩn kiến nghị chấp nhận Nam Tư là thành viên Liên hợp quốc và đề nghị Đại hội đồng Liên hợp quốc chấp nhận đề nghị này (Nam Tư là thành viên Liên hợp quốc từ năm 1945, vị trí này bị bỏ trống từ năm 1992).

Ngay sau khi nhậm chức, tân Tổng thống V. Cô-xtu-ni-xa đã có những hoạt động ngoại giao nhằm cải thiện vị thế của Nam Tư trên trường quốc tế, và cải thiện tình hình kinh tế - xã hội của đất nước. Đất nước đầu tiên mà ông V. Cô-xtu-ni-xa đi thăm sau khi nhậm chức là Nga. Chuyến đi một ngày (27-10) này mang cả ý nghĩa ngoại giao lẫn kinh tế, trong đó có việc giải quyết khí đốt cho Nam Tư. Ngày 31-10, V. Cô-xtu-ni-xa lại có chuyến thăm và làm việc một ngày tại Na Uy,...

Tình hình Nam Tư hiện đã có những chuyển biến khả quan, tuy nhiên khó khăn và phức tạp vẫn còn rất nhiều. Theo tờ Lơ Phi-ga-rô thì "chỉ hai tuần sau khi nắm chính quyền, Tổng thống V. Cô-xtu-ni-xa đã phải đối mặt với những chỉ trích cả từ bên trong lẫn bên ngoài Nam Tư".

Nội tình của Nam Tư sau bầu cử vẫn chứa đựng nhiều yếu tố gây bất ổn định. Trước hết đó là việc phân chia quyền lực, nếu như các phe phái đối lập có thể "đoàn kết" lại trước khi bầu cử, thì việc phân chia quyền lực là một lực "ly tâm" mạnh làm họ ly tán, chia rẽ, thậm chí có thể trở thành đối địch với nhau. Bên cạnh đó, mặc dù thất bại trong bầu cử, nhưng lực lượng của X. Mi-lô-xê-vích và lực lượng cánh tả vẫn mạnh, và có ảnh hưởng không nhỏ tới tiến trình phát triển của Nam Tư. Các phe phái đều có những toan tính và sách lược, chiến lược riêng của mình. Tình hình này buộc tân Tổng thống phải có một chính sách dung hòa hợp lý (và đây chính là điều mà dư luận coi là "con dao hai lưỡi", nó có thể thọc vào lưng chính quyền mới bất cứ lúc nào).

Vấn đề thứ hai không kém phần phức tạp là cái "ung nhọt Cô-xô-vô" như báo chí thường gọi.

Digitized by Google

Ngày 28-10, tại Cô-xô-vô đã diễn ra cuộc bầu cử chính quyền địa phương, theo đó Liên minh dân chủ Cô-xô-vô (LDK) của ông I. Ru-gô-va giành được 58,13% số phiếu và được quyền kiểm soát 24 trong số 30 Hội đồng địa phương ở Cô-xô-vô. Kết quả cuộc bầu cử này không được chính quyền của ông Cô-xtu-ni-xa công nhận. Nghị quyết 1244 của Liên hợp quốc đã xác nhận sự toàn vẹn lãnh thổ của Nam Tư tại Cô-xô-vô, nhưng việc thực thi nghị quyết này còn không ít trở ngại mà cuộc bầu cử ngày 28-10 là một thí dụ.

Vấn đề thứ ba cũng rất quan trọng, có ảnh hưởng sống còn đến vận mệnh Nam Tư là phục hồi nền kinh tế vốn đã bị tàn phá nặng nề sau các cuộc chiến tranh. Sau khi ông V. Cô-xtu-ni-xa lên nắm chính quyền, Mỹ và các nước phương Tây đã hứa trợ giúp Nam Tư phát triển, nhưng tất cả những điều đó vẫn còn chưa trở thành hiện thực, và nhân dân Nam Tư vẫn hằng ngày phải đối mặt với những thiếu thốn, khó khăn.

Trong khi tình hình trong nước gặp rất nhiều khó khăn, thì tình hình quốc tế, bên cạnh những thuận lợi cũng ẩn chứa nhiều tác động tiêu cực, ảnh hưởng xấu đến quá trình phát triển của Nam Tư. Theo các nhà bình luận quốc tế thì tình hình bất ổn định của đất nước này cũng phù hợp với lợi ích của phương Tây. Họ sử dụng sự mâu thuẫn phe phái, tình hình kinh tế yếu kém, và tình trạng bùng nhùng của Cô-xô-vô như những con bài để mặc cả, ép buộc chính phủ mới ở Nam Tư đi theo con đường mà phương Tây vạch sẵn. Dựa vào thái độ của Tổng thống mới, phương Tây sẽ làm dịu hoặc sẽ làm gay gắt thêm tình hình tại Cô-xô-vô. Nhìn chung tình hình chính trị, kinh tế - xã hội ở Nam Tư sẽ còn diễn biến phức tạp.

Để tiến trình phát triển của Nam Tư diễn ra một cách suôn sẻ, lành mạnh, và hợp ý nguyện của nhân dân, nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam, đã lên tiếng đòi chấm dứt sự can thiệp của nước ngoài vào công việc nội bộ của Nam Tư - một nước có chủ quyền và là thành viên của Liên hợp quốc. Việt Nam tôn trọng sự lựa chọn và quyết định của nhân dân Nam Tư, mong muốn tình hình Nam Tư mau chóng ổn định để nhân dân Nam Tư có điều kiện khôi phục, xây dựng lại đất nước, cùng nhân loại tiến bước vào thiên niên kỷ mới. ❑

Suy nghĩ về...

(Tiếp theo trang 40)

và dự thảo đã được chính thức trình ra Quốc hội. b) Phân biệt phạm vi và mức độ, yêu cầu của việc **"thảo luận"** và **"trao đổi"** về dự án như đã trình bày. Cũng từ thực tế thảo luận về dự án luật mà có thể quy định tại phiên họp toàn thể, Quốc hội chỉ xem xét những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc quan điểm, phạm vi, đối tượng điều chỉnh của dự án... còn với những ý kiến về câu, chữ, cách hành văn... thì được chuyển cho bộ phận thư ký, bộ phận biên tập dự án. Thiết nghĩ, đấy là những nội dung công việc mà muốn thực hiện tốt, cần quy định cụ thể, rõ ràng, được các đại biểu Quốc hội nhất trí. Trong trường hợp ngược lại, không bị ràng buộc bởi phạm vi thảo luận, các đại biểu có quyền trình bày về những vấn đề mà mình quan tâm.

Chất lượng soạn thảo và xây dựng các dự án luật còn được nâng cao bằng việc đẩy mạnh công tác nghiên cứu, hoạch định chính sách luật pháp phục vụ công tác lập pháp của Quốc hội, về việc thành lập một cơ quan chuyên môn của Quốc hội gồm những chuyên gia giỏi để đảm trách những vấn đề về kỹ thuật lập pháp, chỉnh lý câu chữ...

Từ những vấn đề đã nêu, chúng ta thấy nội hàm công việc xây dựng và ban hành văn bản luật, pháp lệnh không chỉ đơn thuần là trình tự, thủ tục, đơn giản là "các bước phải tuân theo khi tiến hành một công việc nào đó" (4). Thực tế cho thấy khi tâm niệm của các nhà làm luật, của tất cả mọi người về nội dung và mục đích của hoạt động lập pháp là thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, ý chí và nguyện vọng của nhân dân thành các quy phạm pháp luật cụ thể để mọi người biết và thực hiện, thì rõ ràng, một quy trình lập pháp hữu hiệu phải là một quy trình khoa học, hợp lý giữa các công đoạn, các bước, là phương tiện, công cụ liên quan chặt chẽ với quá trình xây dựng và hoạch định chính sách để kịp thời thể chế hóa cho đúng, đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng và nguyện vọng của nhân dân. ❑

(4) *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1998, tr 1381

Digitized by Google

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

• HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN : CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI THI ĐUA YÊU NƯỚC

Hòa cùng với khí thế thi đua sôi nổi của các ngành, các cấp, các địa phương trong cả nước, tiến tới Đại hội Thi đua toàn quốc lần thứ VI năm 2000, vừa qua tại Hà Nội, Hội đồng thi đua khen thưởng nhà nước và Bảo tàng Hồ Chí Minh đã phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học - thực tiễn với chủ đề : Chủ tịch Hồ Chí Minh với thi đua yêu nước.

Tham dự Hội thảo có các cán bộ nghiên cứu, giảng dạy, các nhà khoa học ; đại diện các đơn vị, địa phương, cơ quan, xí nghiệp có thành tích trong phong trào thi đua vừa qua.

Bốn mươi mốt bản báo cáo đã được gửi tới cuộc hội thảo, để cập đến nhiều nội dung về lý luận, thực tiễn, cũng như kết quả cụ thể, những bài học kinh nghiệm của phong trào thi đua yêu nước, kể từ khi Bác Hồ ra lời kêu gọi ngày 11-6-1948 đến nay. Đó là : Thi đua ái quốc - tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, kinh nghiệm quý báu để xây dựng đất nước. Vai trò và ảnh hưởng của phong trào thi đua yêu nước của nhân dân ta qua các thời kỳ cách mạng. Bài học về phát động quần chúng từ phong trào thi đua yêu nước dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh. Thi đua yêu nước, cái nôi bồi dưỡng, rèn luyện con người mới. Thư Bác Hồ gửi Bác Tôn bàn về thi đua ái quốc. Tư tưởng thi đua yêu nước Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới. Bác Hồ với phong trào thi đua yêu nước ở Công ty may 10. Một số kết quả bước đầu của phong trào thi đua yêu nước ở Hải Phòng. Phát huy động lực của phong trào thi đua yêu nước trong giai đoạn cách mạng mới...

Cùng với hội thảo, một cuộc triển lãm với chủ đề : Chủ tịch Hồ Chí Minh với thi đua yêu nước, có gần 200 tài liệu, hình ảnh, hiện vật, trong đó có nhiều tài liệu, bút tích lần đầu tiên được trưng bày, thể hiện rõ sự quan tâm của Bác Hồ với phong trào thi đua yêu nước qua các thời kỳ cách mạng.

PV.

• ĐOÀN TẠP CHÍ CỘNG SẢN THĂM TRUNG QUỐC

Thực hiện kế hoạch hợp tác giữa Tạp chí Cộng sản, cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và Tạp chí Cầu thị, cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, từ ngày 17 đến 27-10-2000, đoàn cán bộ của Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản do đồng chí Nguyễn Tiến Hải - Phó tổng biên tập - dẫn đầu đã sang thăm và làm việc tại Trung Quốc.

Trong thời gian ở Bắc Kinh, Đoàn đã làm việc với lãnh đạo của Tạp chí Cầu thị, do đồng chí Tổng biên tập Đới Châu và đồng chí Xã trưởng Cao Minh Quang dẫn đầu. Hai bên đã thông báo cho nhau về tình hình mỗi nước, về hoạt động và kết quả của hai tạp chí trong năm qua, cũng như những nội dung cụ thể nhằm tiếp tục tăng cường sự hợp tác giữa Tạp chí Cộng sản và Tạp chí Cầu Thị trong năm 2001 và những năm tiếp theo. Đoàn còn đến thăm và trao đổi kinh nghiệm với các đồng chí lãnh đạo Tạp chí Tiền Tuyến của Thành ủy Bắc Kinh ; thăm một số di tích lịch sử, văn hóa ở thủ đô Bắc Kinh.

Đồng chí Lưu Vân Sơn, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng ban Tuyên truyền Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, đã thân mật tiếp Đoàn. Đoàn đã đến thăm tỉnh Sơn Đông, thành phố Thượng Hải và tỉnh Quảng Đông.

Ở Sơn Đông, Đoàn làm việc với Ban Tuyên truyền tỉnh ủy, thăm khu công nghệ cao, thăm quê hương Khổng Tử, làm việc với Ban Tuyên truyền thành phố.

Ở Thượng Hải, Đoàn đã đến thăm nơi họp Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc (1921), làm việc với Tập đoàn Báo Giải phóng, Tập đoàn Báo Văn hối, Đài Truyền hình, tìm hiểu vai trò lãnh đạo của Đảng, sự đổi mới và tác động của báo chí đối với đời sống xã hội Trung Quốc hiện tại ; thăm Phố Đông và một số công trình văn hóa nổi tiếng của thành phố.

Ở Quảng Đông, Đoàn đã thăm thành phố Châu Hải, làm việc với Ban biên tập tờ báo Đảng trực thuộc Thành ủy, thăm Trường đại học Đông Sơn vừa mới xây dựng, thăm trụ sở Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội ở TP Quảng Châu ; làm việc với Tập đoàn ngành báo Quảng Châu và thăm Bảo tàng tỉnh Quảng Đông...

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I

(Petrolimex - Hanoi)

Đơn vị Anh Hùng



Địa chỉ : Phố Đức Giang - Gia Lâm - Hà Nội

Điện thoại : 8.271400 - 8.271481 Fax : 8.272432



Cửa hàng xăng dầu số 5



Kho Đức Giang

Công ty xăng dầu khu vực 1 trực thuộc Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam - Bộ Thương mại, vừa được Chủ tịch nước ký quyết định phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Đây là niềm tự hào của tập thể cán bộ công nhân viên đã từng công tác và đang công tác tại Công ty. Có vinh dự này ngoài sự nỗ lực của chính đơn vị còn nhờ sự chỉ đạo của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Bộ Thương mại, các bộ, ban ngành ở Trung ương và địa phương ; của Tổng công ty xăng dầu Việt Nam ; cũng như sự hợp tác giúp đỡ của các đơn vị bạn trong và ngoài ngành, của chính quyền các cấp trên địa bàn Công ty hoạt động.

Nhân dịp đón nhận phần thưởng cao quý này, cho phép tôi thay mặt Ban Giám đốc, Đảng ủy và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty xăng dầu khu vực 1 gửi lời cảm ơn chân thành đến các cấp, các ngành, các cơ quan đơn vị, các đồng chí và các bạn và mong rằng tiếp tục nhận được sự quan tâm sâu sắc, sự giúp đỡ to lớn có hiệu quả để chúng tôi hoàn thành tốt hơn nữa nhiệm vụ được Nhà nước, Bộ Thương mại và ngành giao cho, xứng đáng với Danh hiệu Đơn vị Anh hùng.

Giám đốc Công ty : **PHAN VĂN DỤ**

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI 1

Hydraulic Engineering Consultants Corporation No. 1

Địa chỉ : 175 Tây Sơn - Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại : 8526285. Fax : 84-4-5632169
Tổng giám đốc : PHAN NHƯ HẢI



Cờ thưởng của Thành ủy Hà Nội tặng Công ty

Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 1 (HEC - 1) tiền thân là Cục thiết kế thủy lợi (Bộ Thủy lợi Kiến trúc) thành lập năm 1956 là tổ chức tư vấn hàng đầu trong lĩnh vực phát triển thủy lợi ở Việt Nam.

Với đội ngũ cán bộ chuyên sâu có kinh nghiệm thực hành qua nhiều dự án xây dựng thủy lợi, thủy điện và cơ sở thiết bị phần lớn được hiện đại hóa, HEC - 1 thực hiện công việc tư vấn của mình theo nội dung sau :

- Lập các dự án đầu tư xây dựng thủy lợi thủy điện.
- Khảo sát xây dựng (bao gồm khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường, địa vật lý và khảo sát đánh giá hiện trạng công trình).
- Thí nghiệm đất, đá, nền móng, vật liệu, cấu kiện xây dựng.
- Thiết kế và tổng thầu khảo sát thiết kế các dự án thủy lợi, thủy điện, các dự án tiêu thoát nước cho các khu vực công nghiệp và dân cư bao gồm sửa chữa, tu bổ, nâng cấp làm mới.
- Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế.
- Tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế trong xây dựng
- Quản lý dự án xây dựng thủy lợi.
- Thực hiện việc khoan phụt nền móng vào thân công trình thủy lợi, thủy điện
- Gia công, chế tạo, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị cơ khí công trình thủy lợi.
- Thiết kế các trạm biến áp và đường dây truyền tải điện.
- Nghiên cứu các đề tài khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo cán bộ.
- In ấn.

HEC - 1 đang duy trì quan hệ hợp tác với nhiều cơ quan trong nước và ngoài nước. HEC - 1 là thành viên sáng lập các liên doanh : Công ty Tư vấn Xây dựng Công trình Châu Á - Thái Bình Dương (APECO) và Công ty Tư vấn Phát triển Nguồn nước Việt Nam (VWDC) liên doanh tương ứng với 2 công ty PCI và SCI của Nhật Bản.

HEC - 1 thực thi công việc của mình theo chứng chỉ hành nghề Tư vấn xây dựng số 23/BXD - CSXD cấp ngày 24/01/1996 của Bộ trưởng Bộ xây dựng.

HEC - 1 đã được nhà nước tặng thưởng :

- 1 Huân chương Độc lập hạng 3
- 38 Huân chương Lao động từ hạng nhất đến hạng ba.
- Đảng bộ Công ty được Thành ủy Hà Nội công nhận và tặng cờ Tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh 5 năm (1995 - 1999)

HEC - 1 có 10 xí nghiệp trực thuộc, trụ sở đặt tại Hà Nội và các tỉnh.

Ngày 7/11/2000 Công ty tư vấn xây dựng Thủy lợi 1 đã được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu anh hùng lao động theo quyết định số 553/KT/CTN.

Rất hân hạnh đón tiếp quý khách !



Đê Hà Nội - Công trình kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội được xây dựng bằng đồ án của công ty



Hồ chứa nước Ayun hạ (Gia Lai) cơ quan khảo sát, thiết kế công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi 1.



Khoan cọc cát xử lý đê La Giang (Hà Tĩnh)

Google

TỔNG CÔNG TY DẦU KHÍ VIỆT NAM

PETROVIETNAM



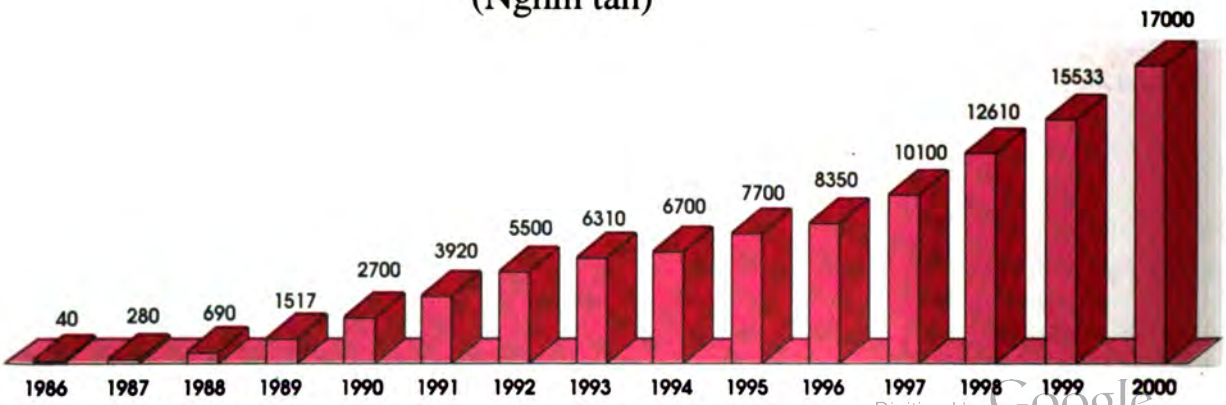
Tổng công ty Dầu khí Việt Nam.
Tên giao dịch quốc tế: **PetroVietNam**
Tiền thân là Tổng cục Dầu khí Việt Nam
Được thành lập ngày 03/09/1975
Địa chỉ : 22 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, **Hà Nội**
Điện thoại tổng đài : 8.252526
Fax : 84.4.8 265942 84.4.8 249126

Để xây dựng ngành công nghiệp dầu khí đất nước phát triển toàn diện, bên cạnh việc phát triển các hoạt động dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho ngành công nghiệp dầu khí, Tổng công ty đã và đang tích cực triển khai các dự án quan trọng về lọc dầu và hóa dầu, các dự án sử dụng nguồn tiềm năng khí thiên nhiên to lớn của Việt Nam như : - Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 ; - Dự án khí Bạch Hổ ; - Dự án khí Nam Côn Sơn ; - Dự án khí Tây Nam ; Dự án Bitumen ; - Các dự án về hóa dầu (sản xuất các sản phẩm nhựa PVC, DOP, Polystyren, Polypropylen.)

- Các dự án sử dụng khí thiên nhiên là nguyên liệu để sản xuất Methanol, Ethylen...

SẢN LƯỢNG KHAI THÁC DẦU THÔ

(Nghìn tấn)



Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



23
12-2000

UNIV. OF MICH.
JAN 2 6 2001
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

TRƯỜNG TRUNG HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT - HUNG :
NƠI ĐÀO TẠO NHỮNG NGƯỜI THỢ TRẺ TÀI NĂNG



Kỹ sư VŨ ĐỨC THỊNH
Bí thư đảng ủy - Hiệu trưởng nhà trường

Ngày 30-5-1977, TRƯỜNG CÔNG NHÂN KỸ THUẬT HỮU NGHỊ VIỆT NAM - HUNGARI (Gọi tắt là Trường công nhân kỹ thuật Việt - Hung) được thành lập với sự giúp đỡ của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hunggari và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, góp phần vào sự nghiệp đào tạo thanh niên, học sinh Việt Nam *cấy nghề, tạo nghiệp*. Trường được xây dựng tại địa điểm phường Xuân Khanh - thị xã Sơn Tây - tỉnh Hà Tây. Trường có cơ sở vật chất khá hiện đại, với quy mô đào tạo khá lớn ban đầu với 1000 học sinh và 10 nghề đào tạo cơ khí : hàn, rèn, nguội dụng cụ, nguội sửa chữa máy công cụ, tiện, phay bào, mài, sửa chữa điện xí nghiệp, sửa chữa ô tô.

Để đảm bảo giữ vững chất lượng đào tạo, đảng bộ nhà trường chú ý và quan tâm đúng mức tới công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý thông qua hội giảng và nâng cao ở các trường đại học. Nhờ vậy đội ngũ giáo viên của trường đã trưởng thành nhanh chóng từ 30% có trình độ đại học, cao đẳng (năm 1993) đến nay đã nâng lên 92% giáo viên có trình độ đại học, cao đẳng. Năm học 1999 - 2000 nhà trường đã bồi dưỡng nâng cấp học cho 28 giáo viên, trong đó có 10 cao học, 14 đại học, bồi dưỡng 35 đồng chí (AUTOCAD, CNC) cử 1 giáo viên đi bồi dưỡng ở Cộng hòa Liên bang Đức, hai đồng chí đi học tại Liên Bang Nga và Nhật Bản.

Năm học 1999 - 2000 nhà trường đã đào tạo và liên kết đào tạo 3 hệ : hệ cao học, hệ trung cấp, hệ công nhân kỹ thuật và đang chuẩn bị mở thêm hai hệ : hệ đại học và cao đẳng, Ngoài hệ dài hạn chính quy nhà trường còn mở rộng đào tạo hệ ngắn hạn 3 tháng, 6 tháng để đáp ứng mọi thành phần kinh tế và nhu cầu người học. Nhờ vậy quy mô đào tạo đã tăng, năm học 2000 - 2001 lên 2500 học sinh ; kể cả đại học từ xa, cao đẳng kỹ thuật và đại học là trên 3000 học sinh. Từ chỗ chỉ có một ngành đào tạo bậc trung học chuyên nghiệp đến nay đã có 4 ngành : ngành khai thác sửa chữa thiết bị, ngành điện, kế toán, tin học và đang chuẩn bị mở thêm ngành điện tử.

Nhằm phục vụ công tác giảng dạy, hai năm qua nhà trường đã biên soạn, chỉnh lý 37 chương trình giáo trình, vẽ và chế tạo hàng trăm đồ dùng thiết bị dạy học trong đó có hai đồ dùng thiết bị : Sơ đồ nguyên lý làm việc của tủ lạnh, sơ đồ điện xe máy được xếp giải 2 và giải 3 Hội thi đồ dùng thiết bị tự tạo toàn quốc lần thứ nhất.

Đảng bộ nhà trường chỉ đạo từng bước củng cố và đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo kết hợp với lao động sản xuất góp phần quan trọng đáp ứng mục tiêu và nâng cao chất lượng đào tạo. 39 sáng kiến cải tiến đã được xét chọn, công nhận, nhiều đề tài nghiên cứu xây dựng chương trình giáo trình, phòng học, dự án ODA của Tây Ban Nha, dự án đào tạo nguồn nhân lực của Nhật Bản dành cho khối ASEAN. Trường là một trong 6 trường trọng điểm được Bộ Công nghiệp chọn là trường trọn[illegible] hiện dự án. Với yêu cầu phát triển của nhà trư[illegible] sự nghiệp công cuộc công nghiệp hóa, hiệ[illegible] nước, Trường công nhân kỹ thuật Việt - Hung p[illegible] hẹp những khoảng thiếu hụt về tri thức, đổi mới[illegible] nội dung chương trình kế hoạch phương pháp[illegible] dạng hóa mục tiêu loại hình đào tạo xây dựng [illegible] triển của trường, đầu tư trang thiết bị m[illegible] chóng tiêu chuẩn hóa giáo viên để đáp ứng [illegible] của xu thế giáo dục hiện đại.

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 605

THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 9422061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

23
12-2000

MỤC LỤC

ĐẠI HỘI THI ĐUA TOÀN QUỐC LẦN THỨ VI	LÊ KHẢ PHIÊU - Thi đua là sáng tạo, là rèn luyện bản lĩnh, xây dựng nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa	3
	LÊ KHẢ PHIÊU - Quá khứ là gốc rễ, là nền tảng, là sức mạnh của hiện tại và tương lai	7
KỲ HỌP THỨ 8, QUỐC HỘI KHÓA X	PHAN VĂN KHẢI - Đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững khi bước vào thế kỷ XXI	9
HỘI THẢO KHOA HỌC VIỆT - TRUNG VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Đảng Cộng sản Việt Nam trong công cuộc đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội	16
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	QUANG CẬN - Kinh tế nhiều thành phần và quan hệ giai cấp trong cách mạng XHCN ở Việt Nam	27
	PHẠM VĂN HÙNG - Đổi mới cơ cấu đầu tư, thực hiện mục tiêu CNH, HĐH đất nước	29
	LƯƠNG QUỲNH KHUÊ - Để hiểu thêm vai trò của văn hóa qua cách nhìn nhận của Đảng	33
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	TRẦN VĂN TƯ - Xây dựng chỉnh đốn Đảng - kinh nghiệm từ đảng bộ Thốt Nốt (Cần Thơ)	37
	QUÁCH ĐỨC PHÁP - Chính sách thu đối với việc sử dụng đất	40
	TRẦN KIM DUNG - Đồng bằng sông Cửu Long : những vấn đề sau đợt lũ lịch sử năm 2000	45
ĐIỀU TRA	CHU THÁI THÀNH - Môi trường vùng làng nghề các tỉnh lưu vực sông Cầu	49
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	MAI NINH - Cho ý kiến	53
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	PHẠM VĂN CHÚC - Hòa bình và đất đai - những nguyện ước chưa dễ dung hợp	54
QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI	Quyền con người và phát triển con người	58
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Thủ tục hành chính. Cải cách thủ tục hành chính	60

Bìa 1 : *Cầu mới nối hai bờ sông Hàn, Đà Nẵng* — *Ảnh :* **TTXVN**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ЛЕ ХА, ФИЕУ: Соревнование есть творчество, закалка воли и создание личности социалистического вьетнамского человека. ЛЕ ХА ФИЕУ: Прошлое есть корень, фундамент, сила настоящего и будущего. ФАН ВАН ХАЙ: Привести страну в ускоренное и устойчивое развитие при вступлении в XXI век. НГУЕН ДЫК БИНЬ: КПВ в курсе обновления во имя строительства социализма. КУАНГ КАН: Многокомпонентная экономика и классовые отношения в социалистической революции во Вьетнаме. ФАМ ВАН ХУНГ: Обновлять инвестиционную структуру для достижения целей индустриализации и модернизации страны. ЛЫОНГ КУИНЬ ХУЭ: Чтобы лучше понимать роль культуры в свете взгляда Партии. ТЬЮ ТХАЙ ТХАНЬ: Среда района ремесленных деревень в провинциях, находящихся в бассейне Кау реки. ФАМ ВАН ТЬЮК: Мир и земля – желания, трудные для сближения.

CONTENTS

LÊ KHẢ PHIÊU: Competition means creativeness, training of skills, spirit and formation of personality of the Socialist Vietnamese man. LÊ KHẢ PHIÊU: The past is the root, fundament and force of the Present and Future. PHAN VĂN KHẢI: To lead the country to accelerated and steady development under entrance into the XXI century. NGUYỄN ĐỨC BÌNH: CPV in the renovation cause for socialism building. QUANG CẬN: Multi-section economy and class relations in socialist revolution in Vietnam. PHẠM VĂN HÙNG: Renovation of investment structure for the fulfillment of the tasks of country's industrialisation and modernisation. LƯƠNG QUỲNH KHUÊ: In order to understand more about the role of culture under the outlook of the Party. CHU THÁI THÀNH: Environment of occupational village area in provinces in the Cau river basin. PHẠM VĂN CHÚC: Peace and land - the aspirations difficult to be united.

SOMMAIRE

LÊ KHẢ PHIÊU: L'émulation signifie la création, la culture de la volonté et la formation de la personnalité des Vietnamiens socialistes. LÊ KHẢ PHIÊU: Le passé constitue la racine, le fondement et la puissance du présent et de l'avenir. PHAN VĂN KHẢI: Faire avancer rapidement et solidement le pays vers le XXIe siècle. NGUYỄN ĐỨC BÌNH: Le PCV dans l'œuvre de renouveau et d'édification du socialisme. QUANG CẬN: L'économie à plusieurs composantes et la relations des classes dans la révolution socialiste au Vietnam. PHẠM VĂN HÙNG: Renouveler la structure d'investissement pour réaliser l'objectif d'industrialisation et de modernisation du pays. LƯƠNG QUỲNH KHUÊ: Pour mieux comprendre le rôle de la culture à travers la vision du PCV. CHU THÁI THÀNH: L'environnement des zones des villages d'artisanat des provinces dans le bassin du Fleuve Cầu. PHẠM VĂN CHÚC: La paix et la terre - les souhaits qui restent discordants.

SUMARIO

LÊ KHẢ PHIÊU: Le emulación significa la creación, el cultivo de la voluntad y la formación de la personalidad del vietnamita socialista. LÊ KHẢ PHIÊU: El pasado es la raíz, la base y la fuerza del presente y del porvenir. PHAN VĂN KHẢI: Hacer avanzar ràpida y solidamente el país hacia el siglo XXI. NGUYỄN ĐỨC BÌNH: El Partido Comunista de Vietnam en la obra de renovación y de edificación del socialismo. QUANG CẬN: La economía de muchos componentes y las relaciones de clases en la revolución socialista en Vietnam. PHẠM VĂN HÙNG: Renovar la estructura de inversión para realizar el objetivo de la industrialización y modernización del país. LƯƠNG QUỲNH KHUÊ: A fin de comprender mejor el papel de la cultura mediante la forma de estimación del Partido. CHU THÁI THÀNH: El ambiente de zonas de aldeas de de artesanía de las provincias de la cuenca del río Cầu. PHẠM VĂN CHÚC: la Paz y la tierra - los deseos que quedan aún discordantes.

目录

黎可漂：过去是现在和未来的根本、基石和力量• 黎可漂：竞赛创造，锤炼，树立越南社会主义本领及人格• 潘文凯：使国家迅速、稳固发展地迈进二十一世纪• 潘文凯：爱国竞赛运动中大的经验• 阮德平：越南共产党在社会主义建设革新事业中• 光瑾：各种经济成分及越南社会主义革命中的阶级关系• 范文雄：革新投资机制，实现国家工业化、现代化目标• 梁琼奎：通过党的观点，进一步了解文化所起的作用• 朱太成：球桥流域各省工艺村环境• 范文祝：和平和土地—尚未易融合的愿约.

Digitized by Google

THI ĐUA LÀ SÁNG TẠO, LÀ RÈN LUYỆN BẢN LĨNH, XÂY DỰNG NHÂN CÁCH CON NGƯỜI VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Tổng Bí thư LÊ KHẢ PHIÊU

Lời BBT : *Đại hội Thi đua toàn quốc lần thứ VI họp tại Hà Nội từ ngày 21 đến 24-11-2000 đã thành công tốt đẹp. Đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã tới dự và có bài phát biểu quan trọng tại Đại hội. Sau đây chúng tôi trân trọng giới thiệu với bạn đọc bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư. Đầu đề là của Tạp chí Cộng sản.*

ĐẠI hội chúng ta đã nghe lời khai mạc của đồng chí Chủ tịch nước Trần Đức Lương và báo cáo tổng kết phong trào thi đua của Thủ tướng Phan Văn Khải.

Các đồng chí cũng về thăm Đền Hùng, nơi đất Tổ, cội nguồn của dân tộc, mãi mãi còn âm vang lời Bác Hồ kính yêu : *Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước.* Đã đi thăm Nhà máy thủy điện Hòa Bình, một trong những đứa con đầu lòng của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước ta ; đã đến thăm các cơ sở kinh tế, văn hóa của Hà Nội, Thủ đô xã hội chủ nghĩa anh hùng, trái tim của cả nước.

Đại hội cũng đã nghe báo cáo của các tập thể và cá nhân tiên tiến trong phong trào thi đua xây dựng và bảo vệ Tổ quốc 15 năm qua.

Mười lăm năm ấy là một chặng đường đầy khó khăn và thử thách. Những tổn thất cực kỳ nặng nề do các cuộc chiến tranh xâm lược gây nên chưa hàn gắn thì chúng ta bị bao vây cấm vận, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, lại phải giúp bạn Cam-pu-chia chống họa diệt chủng, nền kinh tế lâm vào khủng hoảng, những vấn đề xã hội bức bách chưa giải quyết được, các thế lực thù địch ráo riết tìm cách xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa, âm mưu điên cuồng đánh bại chúng ta trong một thời gian ngắn, đời sống nhân dân rất khó khăn. Tình thế lúc ấy thật là hiểm nghèo. Chúng ta có thể ví tình thế hiểm nghèo lúc ấy của đất nước như con tàu TG-2032-TS của nữ thuyền trưởng Nguyễn Thị Hồng trong cơn bão ngày 2-11-1997. Gió giật cấp 12-13. Nhiều con tàu đã bó tay cho những con sóng bứng tung đập vào ghềnh đá tan nát. Ngược lại, Nguyễn Thị Hồng không khiếp sợ, không phó mặc số phận cho phong ba, mà đưa mũi tàu đối mặt với sóng lớn. Nổ máy trong sóng dữ, nhìn thẳng vào sóng dữ, cầm chắc tay lái ; buông tay lái, con tàu sẽ quay ngang, lung lay như một kẻ sợ hãi, lập tức sẽ bị sóng dữ nhấn chìm. Trong đêm bão hãi hùng, một tay ghì lái, một tay điều khiển ngọn đèn pha, kiên trì chống chọi, con tàu của Nguyễn Thị Hồng đã tồn tại, đã thắng, trong khi 264 con tàu khác bị đánh vỡ tan tành.

Cũng như vậy, trong cơn hiểm nghèo vừa qua, dân tộc chúng ta đã nhìn thẳng vào nguy cơ, Đảng ta đã cầm chắc tay lái, kiên định và tin tưởng sắt đá vào con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn, cả nước một lòng, tìm tòi từ trong thực tiễn và kinh nghiệm của nhân dân, tiến hành từng bước sự nghiệp đổi mới để tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Trong cuộc đấu tranh kiên cường đó, nhân dân ta, tiêu biểu là các Anh hùng và đơn vị Anh hùng, Chiến sĩ thi đua và đơn vị tiên tiến đã bền bỉ vượt qua

Digitized by Google

khó khăn, dũng cảm tiến lên phía trước. Không sờn lòng, không lùi bước, gắn bó với nhau, lập nên những thành tích rất quý báu trên tất cả các lĩnh vực.

Đường cách mạng, dù trên mặt trận nào, khi gặp khó khăn, không có những con người, những tập thể tự nguyện xung phong, mở đường, quyết chí giành cho được những thắng lợi thì không thể đạt được mục tiêu đã định. Đạo đức và bản lĩnh quý báu nhất của các Anh hùng, đơn vị Anh hùng, Chiến sĩ thi đua, "người tốt, việc tốt" là ở chỗ trong khi có người hoài nghi thì mình kiên định, có người chần chừ thì mình xông lên, có người bó tay ỷ lại thì mình tự lực, tự cường, tìm tòi sáng tạo, có người đua nhau theo danh lợi, ích kỷ, kèn cựa, mất đoàn kết, thu vén cá nhân, làm ăn gian dối, che giấu khuyết điểm, chạy theo thành tích bề nổi, tranh công, đổ lỗi, việc khó không dám đương đầu, xa hoa, lãng phí, lười biếng học tập thì mình làm việc vô tư, quên mình, hết lòng thương yêu nhân dân và gắn bó với tập thể, trung thực, chất phác, thật thà, liêm khiết, nhận lấy khó khăn, nhường bạn thuận lợi, lập được công thì khiêm tốn, có khuyết điểm thì sẵn sàng chịu trách nhiệm, miệt mài học tập và trau dồi đạo đức.

Nhà nước đã tuyên dương nhiều Anh hùng và đơn vị Anh hùng trên các lĩnh vực, từ sản xuất kinh doanh, nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, từ những sáng chế phát minh của các nhà khoa học, các nhà giáo, thầy thuốc, các cựu chiến binh, các người lao động, các văn nghệ sĩ, các cháu thanh niên... từ vùng đồng bằng đến vùng núi xa xôi hẻo lánh, từ cơ quan nhà nước đến các trường học, bệnh viện, trung tâm nghiên cứu, trong kinh tế nhà nước hay kinh tế tư nhân... Ở các lứa tuổi khác nhau đều có những tấm gương tiêu biểu của chủ nghĩa anh hùng cách mạng ; nhiều đơn vị kinh tế nhà nước, nhiều hợp tác xã, nhiều giám đốc, kỹ sư, tổng giám đốc rất giỏi quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh. Sự thật chứng minh : Không phải cứ kinh tế nhà nước, xí nghiệp quốc doanh là thua lỗ. Không phải cái thời kinh tế thị trường, không có người cộng sản nào dám hy sinh quên mình vì lợi ích tập thể, vì người lao động, vì hạnh phúc của nhân dân. Không phải đi vào kinh tế thị trường thì không còn phong trào thi đua yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội. Nếu chúng ta biết bố trí đúng cán bộ, xây dựng ý chí, bản lĩnh, đạo đức cho các đồng chí chủ trì và đảng viên, biết dựa vào công nhân, từ cái khó mà sáng tạo ra biện pháp mới, thì hoàn toàn có khả năng củng cố tốt các đơn vị kinh tế nhà nước. Kinh tế nhà nước là xương sống của kinh tế xã hội chủ nghĩa. Các thế lực thù địch âm mưu xóa bỏ chủ nghĩa xã hội bằng cách tìm cớ loại dần kinh tế nhà nước. Không còn kinh tế nhà nước thì không còn chủ nghĩa xã hội. Đảng, Nhà nước, nhân dân đòi hỏi và tin tưởng các đồng chí được giao nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý các đơn vị kinh tế nhà nước, nhận rõ trách nhiệm nặng nề của mình trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, có quyết tâm cao hơn nữa, thi đua giỏi hơn nữa, xứng đáng với đòi hỏi và lòng tin của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Tôi cũng như tất cả các đại biểu có mặt tại đây khi được nghe chính các anh hùng báo cáo những việc đã làm đều xúc động, đều tự hào về những tấm gương trong sáng đó.

Đồng chí Trần Thị Đường, Tổng giám đốc kiêm Bí thư Đảng ủy Công ty Dệt Phong Phú hiểu rằng : Những đơn vị kinh tế nhà nước là tài sản xã hội chủ nghĩa, có được là do mồ hôi, xương máu của nhiều thế hệ mà Nhà nước giao cho cán bộ, công nhân viên quản lý. Hiểu sâu sắc rằng đổi mới là để xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong cuộc đấu tranh trên mặt trận kinh tế ngày nay phải làm việc với trí tuệ và tốc độ, phải khơi dậy tinh thần sáng tạo của công nhân, phải học tập hằng ngày, phải đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hằng ngày, phải không ngừng đổi mới đúng định hướng, nắm bắt tình hình thị trường. Trước đây, một không khí bi quan, ảm đạm, vốn liếng, đầu vào, đầu ra mờ mịt, tưởng chừng không còn lối thoát, thì ngày nay, sau 10 năm, doanh thu tăng gấp 6 lần, lợi nhuận tăng gấp 152 lần, nộp ngân sách tăng gấp 44 lần, vốn công ty tự bổ sung chiếm 60%.

Công ty Dịch vụ 2 Bộ Giao thông - Vận tải, 11 năm trước, nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng, một phần nửa công nhân không có việc làm, công ty đứng bên bờ vực phải giải thể. Không khuất phục trước khó khăn, kiên trì giáo dục đảng viên, cải tiến máy móc cũ, đầu tư mua thêm công nghệ mới, 11 năm sau trở thành Đơn vị Anh hùng.

Ở Tổng công ty xây dựng Thăng Long, năm 1988, 6 000 công nhân không có việc làm, kỹ sư, công nhân giỏi bỏ đi nơi khác, cả một tập thể thợ cầu lành nghề đứng trước sự đe dọa về đời sống và việc làm. Sau một thập niên củng cố, Tổng công ty xây dựng Thăng Long có thể sánh vai, cạnh tranh với những công ty xây cầu ở khu vực.

Digitized by Google

Đồng chí chiến sĩ Lê Sỹ Thức, trong lũ lớn, chỉ lo dân chết mà quên thân mình, quên đau, quên đói, tự làm bè, tìm mọi cách cứu dân, cứu các cháu nhỏ đang bị lũ cuốn.

Các đồng chí sĩ quan công an Nguyễn Đức Bình và Lý Đại Bàng vì cuộc sống bình yên của dân mà xông xáo ngày đêm bắt cướp, tìm lại của cải cho dân.

Đồng chí Khổng Minh Quý, thương binh nặng, mất gần hết đôi bàn tay, được nhà nước nuôi dưỡng ở trại thương binh, nhưng tự nguyện xin về sinh sống với gia đình để giảm bớt khó khăn cho nhà nước. Vượt qua đau đớn về thể xác, gian nan chồng chất trong cuộc sống, với ý chí còn sức còn lao động tự nuôi mình, không ỷ lại, không cam chịu đói nghèo, tìm cách học tập các điển hình làm kinh tế giỏi, quyết định vay vốn mua sắm công cụ sản xuất, vận dụng mô hình chăn nuôi gia cầm. Lúc đầu thua lỗ, nhưng không nản chí, học tập cải tiến công nghệ sản xuất, tìm hiểu thị trường, vừa làm vừa học đạt được trình độ trung cấp thú y, cải tiến bộ máy ấp trứng gia cầm của nước ngoài, đưa công suất 2 000 quả một tháng lên 25 nghìn quả một tháng, tự chế tạo máy ấp, giúp đỡ đồng đội chăn nuôi, phổ biến kinh nghiệm sản xuất, hỗ trợ giống, vốn, tạo việc làm cho 250 gia đình, phát triển 217 hộ chăn nuôi trong tỉnh.

Đồng chí Anh hùng Lê Khắc Vừng và công nhân mỏ than Cọc Sáu anh hùng, vật lộn với nắng mưa, vượt qua không biết bao nhiêu nghiệt ngã trong sản xuất, đổ mồ hôi, đổ máu và cả nước mắt trên các vỉa than để làm ra của cải cho Tổ quốc. Đồng chí Lê Khắc Vừng nghĩ rằng : Tổ sản xuất là nơi trực tiếp, thường xuyên diễn ra ba cuộc cách mạng, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng văn hóa - tư tưởng, cách mạng quan hệ sản xuất, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt. Không có cách nào khác là phải học tập, tìm tòi nghiên cứu, phải có kiến thức quản lý, phải biết tổ chức lao động.

Nhiều nhà khoa học gắn bó cả đời với đồng ruộng Việt Nam, sáng tạo giống cây mới, giống con mới, nhiều kỹ sư hết mình phục vụ nông thôn và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp.

Giáo sư Nguyễn Tài Thu, bám sâu vào truyền thống y học dân tộc kiên trì trong nửa thế kỷ, đưa châm cứu Việt Nam trở thành một trong những nước đứng hàng đầu châm cứu trên thế giới, hết lòng truyền đức, truyền nghề, suốt đời quên mình chữa bệnh cho người nghèo với tình hữu ái giai cấp nồng nàn và sâu nặng.

Thương đồng bào vùng dân tộc ít người, nghèo khó, canh tác lạc hậu, khi đi phép, đồng chí Nguyễn Vũ Thực bỏ tiền riêng, mua giống mới, kiên trì giúp bà con thay giống cũ để có năng suất lúa cao. Biết bao nhiêu tấm gương cao quý không thể kể hết.

Vậy động lực nào thúc đẩy các Anh hùng, đơn vị Anh hùng, Chiến sĩ thi đua và đơn vị tiên tiến có đức hy sinh cao đẹp, có dũng khí, bền gan sáng tạo nên những thành tựu ấy ?

La Văn Cầu chặt cánh tay bị thương để tiếp tục chiến đấu, Phan Đình Giót lấy thân mình lấp lỗ châu mai, Ngô Gia Khảm trọn đời là một người lao động cần cù, Nguyễn Viết Xuân, Nguyễn Văn Trỗi, Ngô Mây, Võ Thị Sáu, Người mẹ cầm súng Út Tịch, Anh hùng Núp, Bi Năng Tắc..., các Anh hùng và đơn vị Anh hùng hôm nay, sức mạnh tự thân phi thường chính là lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, là lý tưởng hy sinh chiến đấu để xây dựng một chế độ mà nhân dân ta mong ước, đó là chủ nghĩa xã hội.

Trước tiếng kêu xé lòng của đồng nghiệp đang bị bão biển cuốn trôi, Nguyễn Thị Hồng thốt lên : Sống thì cùng sống, chết thì cùng chết, không sợ hiểm nguy cho mình, chỉ lo cứu sống bà con. Cô giáo Trần Thị Nở, Trường mầm non Khe Sanh, rắn hổ mang cắn vào tay, đau đớn quằn quại vẫn tìm cách cứu các cháu nhỏ, chỉ vì thương các cháu mầm non mà không sợ chết.

Chị Nguyễn Thị Thanh, Tổ trưởng quét rác ở Công ty Môi trường đô thị thành phố Hải Phòng, trong 25 năm làm nghề, thì 15 năm, vào khoảnh khắc giao thừa thiêng liêng, lại đội mũ, cầm chổi ra đường quét dọn, âm thầm, lặng lẽ. Mới quét sạch xong thì có người lại quăng rác ra, nhắc nhở thì người ta mắng : Tôi nói cho các cô biết, Nhà nước trả lương cho các cô rồi, có rác thì cứ phải quét dọn, đừng lắm lời !

Các chị em ấy vì cơm áo, nuôi con, nuôi mình mà phải lao động vất vả. Nhưng cùng với điều đó là những tấm lòng son cao thượng. Họ nhớ lời Bác Hồ ngày xưa : *Cô Bin làm việc vệ sinh, cô Thơm làm việc moi cống, các bà con nhiều người đều biết. Công việc đó có vẻ vang không ? Rất vẻ vang. Không có những người như cô Bin, cô Thơm thì thành phố Hải Phòng có sạch sẽ không ? Không sạch sẽ thì bẩn, bẩn thỉu nên sinh bệnh. Vì vậy, cho nên tất cả đồng bào Hải Phòng chúng ta phải biết ơn và kính trọng*

Digitized by Google

những người như cô Bin, cô Thơm... Bất kỳ công việc nào có ích quốc lợi dân, có ích cho đồng bào, có ích cho xã hội đều là vẻ vang. Không có công việc nào sang, không có công việc nào hèn...

Tổ lao động quét rác 33 người của Nguyễn Thị Thanh thương yêu, đùm bọc nhau trong mối tình giai cấp, mối tình lao động. Đó là một Tổ lao động xã hội chủ nghĩa. Không biết tại sao và từ lúc nào ta lại bỏ danh hiệu Tổ lao động xã hội chủ nghĩa ?

Bác sĩ Mai Thị Hậu, Phó giám đốc Trung tâm điều trị bệnh phong ở Di Linh (Lâm Đồng), suốt 30 năm chăm sóc, thương yêu những người mắc phải bệnh phong như thương yêu, chăm sóc những người thân ruột thịt.

Phải có hàng vạn trang sách mới có thể nói được một phần tấm lòng, lý tưởng, tâm hồn của những con người đẹp đẽ ấy.

Nhớ lại những tấm gương Anh hùng trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược, giải phóng và bảo vệ Tổ quốc và qua những Anh hùng, Chiến sĩ thi đua ở Đại hội này chúng ta càng yêu quý và tin tưởng con người Việt Nam, Tổ quốc Việt Nam và chế độ xã hội chủ nghĩa mà Đảng ta và nhân dân đã vì lý tưởng ấy mà hy sinh, chiến đấu ròng rã hơn 70 năm. Chúng ta càng tin tưởng trí tuệ, tài năng, ý chí không chịu thua kém ai của người Việt Nam, càng tin tưởng khả năng tiến kịp bạn bè của nhân dân ta, càng tin tưởng nhất định chúng ta sẽ thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tổ quốc, chế độ xã hội chủ nghĩa đã sản sinh ra những người con ưu tú đó và những con người ấy đã đột phá, đã đi đầu tạo nên những chiến công trên các lĩnh vực vì Tổ quốc và chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Nhân dân, Tổ quốc và Đảng kính trọng và biết ơn các Anh hùng và đơn vị Anh hùng, các Chiến sĩ thi đua và đơn vị tiên tiến. Lý tưởng, bản lĩnh, phẩm chất và những việc làm anh hùng của các đồng chí đã gieo mầm cho những mùa gặt mới về những thành tựu và đạo đức xã hội chủ nghĩa. Tôi cũng như Đại hội chúng ta đã ứa lệ khi nghe các đồng chí ấy kể về cuộc đời mình. Nhưng quan trọng hơn là đem những tấm gương ấy soi lại mình, từ sự xúc động chân thành và lòng cảm phục tạo thành sức mạnh tự thân, kiên quyết sửa chữa khuyết điểm, học tập những điều tốt đẹp để trở thành những cán bộ, đảng viên hoàn thành trách nhiệm trước nhân dân, trước chế độ, để làm những công dân gương mẫu. Không ai khác, chính mỗi người chúng ta, bằng sự dũng cảm soi xét mình mà nhân rộng các điển hình tiên tiến.

Đồng chí Nguyễn Thị Thiện, Bí thư chi bộ khu phố 4, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh có e ngại rằng báo cáo của khu phố 4 khô khan.

Tôi nhờ đồng chí Bí thư chi bộ về báo cáo lại với bà con khu phố 4, những việc làm xóa đói, giảm nghèo, chống tệ nạn xã hội, thương yêu, giúp đỡ nhau tìm kiếm công ăn việc làm, một gia đình giúp nhiều gia đình, nhiều gia đình giúp một gia đình, đảng viên lo cho dân, thực hiện dân chủ công khai, dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra của khu phố 4 thật là tốt đẹp. Đó là tình thương nòi giống, đó là chủ nghĩa xã hội. Nếu tất cả các khu phố, các thôn ấp nghèo khó cả nước đều cố gắng như thế, đều đạt được thành tích như thế và hơn thế nữa thì chắc chắn dân ta sẽ từng bước giàu có, xã hội ta sẽ công bằng, dân chủ, văn minh, mọi người sẽ được sống hạnh phúc.

Bác Hồ dạy : *Không có con người xã hội chủ nghĩa thì không có chủ nghĩa xã hội.*

Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội lại tiếp tục sản sinh và hoàn thiện những con người xã hội chủ nghĩa. Con người xã hội chủ nghĩa là con người thấm nhuần lý tưởng yêu nước nhất, thương dân nhất, quên mình, tận tụy, hy sinh, cần kiệm, liêm chính, học tập không mệt mỏi, gắn bó với tập thể, gắn bó với thực tiễn, gắn bó với những vấn đề sống còn của dân tộc, của chế độ, không ngừng sáng tạo, chủ động và tiến công. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới cùng nhau đoàn kết thi đua để đem lại hạnh phúc và đời sống tốt đẹp cho mọi người và cho mình, mới xóa được sự bất công, áp bức, bóc lột, kẻ giàu khinh miệt người nghèo.

Truyền thống yêu nước, nền văn hiến mấy ngàn năm quyện chặt với đạo đức xã hội chủ nghĩa là động lực phi thường, sức mạnh phi thường làm nên những việc rung động lòng người, mãi mãi vun đắp giá trị vĩnh cửu cho con người Việt Nam.

Trong kháng chiến chống xâm lược, chúng ta nghèo vũ khí, nhưng ra ngõ gặp anh hùng. Ngày nay, chúng ta còn nghèo về kinh tế, nhưng với lòng yêu nước quyện chặt với lý tưởng xã hội chủ nghĩa, con người Việt Nam càng biết sống có đạo đức, nhân ái,

(Xem tiếp trang 15)

Digitized by Google

Tổng Bí thư LÊ KHẢ PHIÊU :

QUÁ KHỨ LÀ GỐC RỄ, LÀ NỀN TẢNG, LÀ SỨC MẠNH CỦA HIỆN TẠI VÀ TƯƠNG LAI

Lời BBT - Nhận lời mời của Chủ tịch nước Trần Đức Lương, Tổng thống Hợp chủng quốc Hoa Kỳ Uy-li-am Giơ-phe-xơn Clin-tơn và phu nhân Hi-la-ri Clin-tơn đã thăm chính thức Việt Nam từ ngày 16 đến ngày 19-11-2000. Chiều ngày 18-11, tại trụ sở Trung ương Đảng, Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã tiếp Tổng thống Hoa Kỳ và phát biểu ý kiến như sau :

TÔI hoan nghênh Ngài và phu nhân cùng phái đoàn Hoa Kỳ sang thăm Việt Nam. Tôi đã được thông báo về Hội đàm giữa Ngài và Chủ tịch nước Trần Đức Lương, cuộc gặp giữa Ngài và Thủ tướng Phan Văn Khải cũng như cuộc nói chuyện của Ngài tại Đại học quốc gia Hà Nội. Đúng là mỗi nước, mỗi dân tộc có lịch sử, truyền thống, bản sắc văn hóa riêng ; Hoa Kỳ cũng vậy, Việt Nam cũng vậy. Dân tộc chúng tôi có mấy ngàn năm văn hiến.

Về quá khứ, tôi đồng ý với Ngài là chúng ta không quên quá khứ, không làm lại được quá khứ. Vấn đề quan trọng là hiểu cho đúng thực chất cái quá khứ ấy. Cụ thể là hiểu cho đúng thực chất cuộc kháng chiến chống xâm lược mà chúng tôi đã phải tiến hành. Căn nguyên cuộc kháng chiến chống xâm lược của chúng tôi là từ đâu ? Sâu xa là từ khi chủ nghĩa đế quốc đi đánh chiếm thuộc địa. Nước Việt Nam có đem quân đi đánh Hoa Kỳ đâu mà Hoa Kỳ lại đem quân sang đánh Việt Nam ? Kết quả của cuộc kháng chiến chống xâm lược của chúng tôi là chúng tôi đã giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc và đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Cho nên đối với chúng tôi, quá khứ không phải trang sử đen tối, đau buồn và bất hạnh. Nói về trách nhiệm đối với quá khứ, đối với cuộc chiến tranh vừa qua, thì không thể đánh đồng ; vì nó đã để lại những hậu quả nặng nề cho nhân dân và đất nước Việt Nam. Về bài học của quá khứ, điều quan trọng là những người có trách nhiệm đừng để lặp lại những việc như đã làm trong quá khứ. Đối với chúng tôi, quá khứ là gốc rễ, là nền tảng, là sức mạnh của hiện tại và tương lai.

Cuộc chiến tranh mà các Ngài gọi là chiến tranh Việt Nam, chúng tôi gọi là cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Sau Hiệp định hòa bình năm 1954, đất nước chúng tôi tạm thời chia làm hai miền, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến tạm thời. Theo Hiệp định, sau hai năm sẽ có tổng tuyển cử nhưng chế độ Ngô Đình Diệm không thực hiện, dùng bộ máy của ông ta để giết hại nhân dân Việt Nam. Lại có người nói, có nước ở Tây bán cầu muốn lấy vĩ tuyến 17 của Việt Nam làm biên giới. Một nước ở Tây bán cầu mà lấy vĩ tuyến 17 của chúng tôi làm biên giới là vô lý quá. Không thể thống nhất bằng phương pháp hòa bình nên chúng tôi phải dùng chiến tranh giải phóng để thống nhất đất nước. Đó là căn nguyên gây ra cuộc chiến tranh vừa qua. Từ trước đến nay, nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một.

Digitized by Google

Nhân dân Mỹ, nhân dân thế giới, toàn thể loài người đã ủng hộ cuộc kháng chiến chính nghĩa của chúng tôi. Từ quá khứ đó, chúng ta phải rút ra kinh nghiệm và phải có trách nhiệm đúng đắn với quá khứ. Ngài Mắc-na-ma-ra trong một cuộc hội thảo cũng nói rằng cần phải rút kinh nghiệm.

Về công cuộc đổi mới của chúng tôi, đổi mới bắt nguồn từ mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội và vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong sự nghiệp này, chúng tôi cảm ơn cộng đồng quốc tế đã hợp tác giúp đỡ chúng tôi. Mục tiêu đổi mới mà chúng tôi phải đi đến là xây dựng một nền kinh tế độc lập tự chủ, định hướng xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế của chúng tôi có nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo. Chúng tôi có kinh tế tư nhân, nhưng chúng tôi không tư nhân hóa nền kinh tế. Chúng tôi tổ chức lại hợp tác xã chứ không phải giải tán hợp tác xã. Trong nền kinh tế mà chúng tôi đang xây dựng thì kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác có vai trò rất quan trọng. Hơn 30 năm chiến tranh, 19 năm bị cấm vận, gặp vô vàn khó khăn, thách thức, nhưng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam vẫn tồn tại, vẫn phát triển và nhất định sẽ phát triển. Tôi được mời đi thăm Pháp, I-ta-li-a và Cộng đồng châu Âu, tôi cũng nói như vậy. Bà Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ trong một lần gặp tôi có hỏi : Chủ nghĩa xã hội có tồn tại được không ? Tôi nói : Không những tồn tại mà chủ nghĩa xã hội sẽ tiếp tục phát triển thắng lợi.

Về đối ngoại, Việt Nam chúng tôi muốn là bạn với tất cả các dân tộc, các quốc gia trên thế giới, cùng phấn đấu vì hòa bình, độc lập, hữu nghị và phát triển, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi. Chúng tôi theo đuổi một đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ, chúng tôi không đóng cửa. Việc ký Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ chính là cũng nằm trong đường lối đó. Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với gần 170 nước ; quan hệ thương mại với hơn 150 nước. Đảng chúng tôi có quan hệ với hơn 180 đảng cộng sản, cánh tả, đảng cầm quyền. Trong quan hệ quốc tế ngày nay, mọi quốc gia, dân tộc đều cần hợp tác để cùng phát triển. Chúng tôi tôn trọng sự lựa chọn, cách sống và chế độ chính trị của các dân tộc. Chúng tôi cũng đòi hỏi các nước tôn trọng chế độ chính trị, sự lựa chọn của dân tộc chúng tôi. Việc các nước có chế độ chính trị khác nhau cũng không ngăn cản sự hợp tác để cùng phát triển, nếu biết tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi.

Điều chắc chắn là trong thế kỷ XXI, khoa học công nghệ sẽ phát triển như vũ bão. Nhưng lại có một nghịch lý là hố ngăn cách giữa nước giàu và nước nghèo lại ngày càng lớn. Ngày nay, tổng số tài sản của hơn 300 tỷ phú trên thế giới bằng thu nhập của hơn 2 tỷ người ở các nước nghèo.

Tương lai của dân tộc chúng tôi là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Tôi mong quan hệ giữa hai nước chúng ta tiếp tục phát triển, không lặp lại những việc làm như trong quá khứ đã xảy ra. Chúng tôi quý trọng nhân dân Mỹ, cảm ơn nhân dân Mỹ đã ủng hộ cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân Việt Nam. Thấy hình ảnh cháu Chen-xi, tôi chạnh nhớ cháu Ê-mi-li, con gái của Mô-ri-xơn, và mẹ cháu cũng đã từng sang thăm Việt Nam. Đó là biểu tượng đẹp của tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước.

Dù sau này, Ngài bàn giao nhiệm vụ cho tổng thống mới thì tôi vẫn xin mời Ngài và gia đình sang thăm lại Việt Nam.

Chúc Ngài, cụ bà, phu nhân và cháu gái Chen-xi dồi dào sức khỏe và hạnh phúc. ❑

Digitized by Google

ĐƯA ĐẤT NƯỚC PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG KHI BƯỚC VÀO THẾ KỶ XXI

Thủ tướng PHAN VĂN KHẢI

Lời BBT : *Ngày 14-11-2000, tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa X, Thủ tướng Phan Văn Khải đã đọc một báo cáo quan trọng. Phần I của báo cáo : Đánh giá tình hình thực hiệnNghị quyết kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa X về nhiệm vụ năm 2000. Phần II : Kiểm điểm sự chỉ đạo điều hành của Chính phủ. Sau đây, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu toàn văn phần III và IV.*

III. CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2001

Bước vào năm 2001, năm mở đầu thế kỷ mới, năm đầu tiên nước ta thực hiện các nghị quyết của Đại hội Đảng IX, tình hình kinh tế - xã hội nước ta đã có những thay đổi rất căn bản so với 10 năm trước đây.

Việc thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000, tuy có lúc nhanh, lúc chậm, có mặt khá, mặt kém, nhưng nhìn chung đã đạt được phần lớn các mục tiêu chủ yếu. *Sau 10 năm GDP tăng gấp đôi, nền kinh tế có bước phát triển mới về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và hội nhập kinh tế quốc tế, thành công bước đầu trong quá trình chuyển sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng được thế và lực hơn hẳn 10 năm trước, khắc phục được một bước tình trạng nước nghèo và kém phát triển, nâng cao hơn khả năng độc lập tự chủ, tạo thêm điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.*

Tuy nhiên, trình độ phát triển của nước ta còn thua kém nhiều so với một số nước chung quanh và nguy cơ tụt hậu xa hơn vẫn là thách thức lớn. Mặt khác, những mặt yếu kém đã được phân tích trong tình hình kinh tế, xã hội năm 2000 cũng là những vấn đề tồn tại từ nhiều năm nay, đòi hỏi chúng ta phải có quyết tâm cao và giải pháp đúng để khắc phục thì mới vượt qua được khó khăn, thách thức, đưa đất nước tiến lên nhanh và bền vững trong thời kỳ mới.

Về tình hình quốc tế, trong xu thế phát triển chung của kinh tế thế giới, theo nhiều dự báo, năm 2001 sẽ có một số chiều hướng diễn biến chính tác động đến nước ta :

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của khu vực và thế giới tiếp tục được duy trì ở những mức độ khác nhau. Nhiều nước Đông Á và Đông - Nam Á đẩy mạnh cải cách kinh tế và hội nhập quốc tế, bắt đầu hồi phục và phát triển, một số nước tăng trưởng cao, một số nước chưa ổn định.

Thị trường khu vực và thế giới tiếp tục được mở rộng, các nguồn vốn đầu tư quốc tế sẽ tăng lên, các dòng công nghệ sẽ lưu chuyển sâu rộng hơn, đồng thời môi trường cạnh tranh sẽ gay gắt hơn.

Tình hình kinh tế quốc tế luôn có một số yếu tố diễn biến khó lường như giá dầu mỏ, giá nông sản, tỷ giá giữa các đồng tiền chủ yếu cùng với tình hình chính trị - xã hội không ổn định của một số nước, đặc biệt là trong khu vực, đòi hỏi chúng ta phải luôn theo dõi sát sao, sẵn sàng có đối sách phù hợp.

Bối cảnh trên đây vừa có mặt thuận lợi cho sự phát triển kinh tế nước ta năm 2001 như : tạo cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu, thu hút thêm nguồn vốn nước ngoài và công nghệ mới... Đồng thời cũng sẽ đặt nước ta trước những thách thức lớn, đặc biệt là phải đối mặt với cạnh tranh gay gắt hơn, với những biến động bất thường về tỷ giá hối đoái và giá cả của một số mặt hàng.

Digitized by Google

Năm 2001 là năm đầu tiên thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 nhằm *mục tiêu tổng quát* được xác định cho cả thời kỳ này là : *Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển và xây dựng nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Chất lượng đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân được nâng lên một mức đáng kể. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được định hình về cơ bản. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng và an ninh được tăng cường. Vị thế trong quan hệ quốc tế được củng cố và nâng cao.*

Hướng vào mục tiêu đó và mở đầu cho việc thực hiện Kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, năm 2001 phải phấn đấu : *Tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao và bền vững hơn năm 2000 đi đôi với phát triển mạnh các lĩnh vực văn hóa, xã hội ; đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ, tạo bước chuyển rõ rệt về sức cạnh tranh của từng sản phẩm, từng ngành và toàn nền kinh tế. Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, tăng cường chăm sóc sức khỏe nhân dân ; giải quyết có hiệu quả các vấn đề bức xúc về việc làm, xóa đói giảm nghèo, chống tệ nạn xã hội, đặc biệt là ma túy ; giảm tai nạn giao thông. Phát triển dân chủ, đặc biệt là dân chủ ở cơ sở, giải quyết một bước cơ bản khiếu nại, tố cáo của nhân dân ; giữ vững ổn định xã hội.*

Mục tiêu này được cụ thể hóa bằng một số nhiệm vụ và chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch năm 2001 trình Quốc hội :

- Đưa nhịp độ tăng trưởng GDP lên 7,5 - 8%, giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng 4,5 - 5%, giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng tăng 14 - 14,5%, giá trị các ngành dịch vụ tăng 7 - 7,5%.

- Phát huy mọi nguồn nội lực, tăng cường sức mạnh của các thành phần kinh tế, sử dụng có hiệu quả nguồn tài chính quốc gia, tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước, đẩy mạnh việc cải tổ hệ thống ngân hàng thương mại, huy động và sử dụng có hiệu quả hơn các nguồn vốn trong dân. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng trên 20% so với năm 2000 và bằng 30% GDP, trong đó nguồn vốn trong nước chiếm 65%, vốn ngoài nước 35%. Bội chi ngân sách nhà nước thấp hơn tốc độ tăng GDP. Lạm phát (chỉ số giá tiêu dùng) tăng khoảng 5%.

- Đẩy mạnh xuất khẩu, nâng cao khả năng cạnh tranh, thu hút các nguồn vốn bên ngoài, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả. Kim ngạch xuất khẩu tăng 15 - 16% ; kim ngạch nhập khẩu tăng 14%.

- Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo ; phát triển nhanh hệ thống đào tạo nghề. Củng cố thành quả phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ. Số học sinh trung học cơ sở tăng 4,6% ; 10 tỉnh, thành phố đạt tiêu chuẩn phổ cập trung học cơ sở ; học sinh trung học phổ thông tăng 6%, trung học chuyên nghiệp tăng 8,7%, dạy nghề tăng 6,7%, đại học và cao đẳng tăng 5%.

- Tạo bước đột phá về chất trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ, tập trung vào công nghệ sinh học, công nghệ tin học, viễn thông (đặc biệt là công nghệ phần mềm), công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu.

- Giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc ; tạo việc làm cho 1,4 triệu lao động ; tiếp tục thực hiện tốt chương trình xóa đói, giảm nghèo và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 9 - 10% theo tiêu chuẩn năm 2000 (15 - 16% theo tiêu chuẩn mới) ; giảm tỷ lệ sinh 0,05%, đưa tốc độ tăng dân số xuống 1,48% ; giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng xuống còn 32% ; cung cấp nước sạch cho 50% dân cư nông thôn. Tích cực ngăn chặn và đẩy lùi nạn ma túy, tai nạn giao thông, ô nhiễm môi trường.

- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng và an ninh ; bảo đảm trật tự kỷ cương trong hoạt động kinh tế, xã hội.

- Tạo chuyển biến rõ rệt với hiệu quả cao hơn về cải cách hành chính, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch và vững mạnh.

IV. NHỮNG GIẢI PHÁP LỚN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2001

Báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2000 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách năm 2001 gửi tới các đại biểu Quốc hội đã nêu 9 nhóm giải pháp và chính sách chủ yếu : *(1) tạo động lực chuyển đổi cơ cấu và đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh ; (2) huy động nội lực để phát triển đất nước ; (3) nâng cao hiệu lực các công cụ, chính sách quản lý vĩ mô ; (4) phát triển kinh tế đối ngoại và chủ động hội nhập quốc tế ; (5) đổi mới trên lĩnh vực giáo dục - đào tạo ; (6) đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và bảo vệ môi trường ; (7) phát triển sự nghiệp y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân ; (8) giải quyết các vấn đề xã hội cấp bách ; và (9) đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước.*

Digitized by Google

Tôi xin nhấn mạnh những giải pháp then chốt, cần tập trung làm tốt để tạo điều kiện và thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp khác.

1. Phát huy mạnh hơn nữa mọi nguồn nội lực.

Để phát huy mạnh mẽ nội lực, cần sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước, tạo mọi điều kiện cho dân và các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế có đủ quyền kinh doanh, có cơ hội mở mang thị trường, tiếp cận với các nguồn vốn, công nghệ mới ; mặt khác, tạo môi trường và cơ chế thúc đẩy các doanh nghiệp, các ngành và địa phương phát huy lợi thế, nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả, bảo đảm trật tự kỷ cương theo pháp luật.

Theo hướng đó, trong năm tới cần thực hiện tốt các chủ trương, chính sách dưới đây :

a) Tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho mọi thành phần kinh tế phát huy hết khả năng của mình để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

- Đối với *doanh nghiệp nhà nước :*

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn, Chính phủ đã có đề án trình Bộ Chính trị ra Nghị quyết đẩy mạnh việc thực hiện chủ trương sắp xếp, đổi mới, phát triển nhằm nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước, góp phần bảo đảm vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Năm 2001 phải đánh dấu một bước tiến mới trong việc thực hiện các chủ trương đó với sự nhất trí và quyết tâm cao hơn.

Tiếp tục giải quyết những vướng mắc để đẩy nhanh và nâng cao hiệu quả cổ phần hóa, tích cực thực hiện chủ trương giao quản lý, khoán kinh doanh, bán, cho thuê những doanh nghiệp nhà nước quy mô nhỏ và vừa không cần duy trì hình thức sở hữu và quản lý như cũ. Để xử lý những doanh nghiệp thua lỗ kéo dài mà không thể chuyển đổi sang hình thức khác, cần sửa đổi, bổ sung Luật Phá sản doanh nghiệp.

Đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp nhà nước theo hướng nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, phân định rõ chức năng chủ sở hữu vốn nhà nước và trách nhiệm của người sử dụng vốn tại doanh nghiệp. Cùng với việc chuyển các doanh nghiệp nhà nước sau khi cổ phần hóa sang hoạt động theo quy định về Công ty cổ phần trong Luật Doanh nghiệp, thực hiện chủ trương chuyển doanh nghiệp kinh doanh 100% vốn nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một chủ sở hữu theo Luật Doanh nghiệp. Nghiên cứu và thí điểm hình thức công ty đầu tư tài chính nhà nước thực hiện chức năng chủ sở hữu vốn nhà nước thay cho chế độ cơ quan hành chính chủ quản. Tiến hành một bước sắp xếp lại và đổi mới quản lý các Tổng công ty nhà nước, thí điểm việc áp dụng cơ chế Tổng công ty là chủ đầu tư chính vào các doanh nghiệp thành viên.

Việc sửa đổi Luật Doanh nghiệp nhà nước cần được nghiên cứu theo hướng doanh nghiệp nhà nước sẽ hoạt động theo Luật Doanh nghiệp chung đồng thời tuân thủ những quy định (đặc thù) của Luật Doanh nghiệp nhà nước (sửa đổi).

- Đối với *kinh tế hợp tác :* Năm 2001 tiến hành tổng kết quá trình chuyển đổi và phát triển hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã ; trên cơ sở đó tạo điều kiện và khuyến khích, hỗ trợ kinh tế hợp tác phát triển có hiệu quả ; trong đó có việc xóa các khoản nợ tồn đọng (trước khi có Luật Hợp tác xã) mà hợp tác xã không có khả năng hoàn trả để có thể chuyển sang hoạt động theo Luật Hợp tác xã.

- *Đối với kinh tế dân doanh :*

Mức tăng nhanh số doanh nghiệp thành lập mới và số vốn của dân đưa vào đầu tư từ khi thi hành Luật Doanh nghiệp cùng với sự gia tăng tiền gửi tiết kiệm và sự xuất hiện nhu cầu lớn mua cổ phiếu trên thị trường chứng khoán mới khai trương là những dấu hiệu cho thấy tiềm lực trong dân còn lớn. Hướng phát huy quan trọng nhất là tạo môi trường và điều kiện thuận lợi hơn nữa cho dân trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh.

Để mở rộng cơ hội đầu tư cho dân, cần tạo điều kiện và khuyến khích kinh tế dân doanh phát triển không chỉ trong các ngành sản xuất và dịch vụ thông thường mà cả trong một số lĩnh vực dịch vụ công lâu nay chỉ có Nhà nước làm hoặc chủ yếu do Nhà nước làm, như y tế, giáo dục, vệ sinh môi trường, giao thông công cộng đô thị, bảo trì và phát triển các công trình phúc lợi công cộng, một số công việc dịch vụ trong cơ quan hành chính, sự nghiệp của Nhà nước... Đây cũng là biện pháp thúc đẩy tiến trình xã hội hóa, mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ công đi đôi với thực hiện chính sách bảo đảm cho người nghèo có điều kiện hưởng thụ các dịch vụ phúc lợi thiết yếu, trước hết là giáo dục, y tế.

Đẩy mạnh hơn nữa việc thi hành Luật Doanh nghiệp, tiếp tục xóa bỏ các giấy phép không cần thiết, đơn giản hóa các thủ tục hành chính ; quy định khung pháp lý xuất phát từ lợi ích chung của nền kinh tế, không vì sự thuận tiện cho cơ quan quản lý nhà nước

Digitized by Google

mà gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp. Theo tinh thần đó, Chính phủ đang chỉ đạo các bộ, ngành khẩn trương quy định rõ ngành, nghề, sản phẩm, dịch vụ nào cấm kinh doanh, giấy phép kinh doanh nào cần duy trì, điều kiện kinh doanh nào cần thực hiện ; trên cơ sở đó, chấn chỉnh công tác kiểm tra, thanh tra đối với doanh nghiệp. Các cơ quan quản lý chuyên ngành phải công bố rõ các điều kiện mà doanh nghiệp cần tuân thủ và tiến hành kiểm tra, thanh tra để đảm bảo thực thi các điều kiện đó. Những doanh nghiệp đã được kiểm toán thì kết quả kiểm toán là căn cứ pháp lý về tình hình tài chính của doanh nghiệp ; cơ quan kiểm toán chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm toán của mình. Các cơ quan công an, kiểm sát, thanh tra nhà nước không vào kiểm tra tài chính, kiểm tra hoạt động thường xuyên của doanh nghiệp. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, cơ quan quyết định kiểm tra, thanh tra đột xuất phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình ; nếu kết quả kiểm tra cho thấy doanh nghiệp không vi phạm thì cơ quan kiểm tra phải gánh chịu chi phí phát sinh và bồi thường những thiệt hại (nếu có).

b) Giải quyết những vấn đề then chốt trong quản lý vĩ mô

Xúc tiến việc xây dựng và sửa đổi, bổ sung các thể chế cần thiết tạo khung pháp lý thuận lợi cho hoạt động kinh doanh đồng thời tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước để bảo đảm trật tự, kỷ cương theo pháp luật. Sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai theo hướng tạo thuận lợi hơn trong việc thực hiện các quyền sử dụng, mở rộng quyền hạn của chính quyền địa phương trong việc giao đất, cho thuê đất. Xúc tiến việc xây dựng Luật Cạnh tranh và kiểm soát độc quyền, Luật Kế toán. Về chính sách thuế, kiến nghị Quốc hội bãi bỏ thuế buôn chuyến để tránh đánh thuế trùng lặp và tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông hàng hóa ; sửa đổi, bổ sung Luật Thuế giá trị gia tăng theo hướng giảm bớt số lượng thuế suất, cải tiến phương pháp tính thuế, mở rộng diện tự khai và nộp thuế ; sửa đổi những bất hợp lý về thuế thu nhập cá nhân đang cản trở việc sử dụng lao động có tay nghề cao.

Nhà nước tập trung đầu tư cho kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và một số công trình then chốt, chú trọng những lĩnh vực khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, phát huy nhân tố con người, tạo thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp và nhân dân đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, tận dụng lợi thế để nâng cao sức cạnh tranh *(các dự án, công trình chủ yếu do Nhà nước đầu tư được trình bày trong Báo cáo kế hoạch, trong đó các công trình trọng điểm quy mô lớn như nhà máy lọc dầu, tổ hợp khí - điện - đạm... có báo cáo riêng trình Quốc hội).* Tiếp tục tăng cường đầu tư nhà nước đi đôi với khuyến khích mạnh đầu tư của các thành phần kinh tế khác, kể cả nước ngoài, hướng vào những ngành, những lĩnh vực có lợi thế, có khả năng cạnh tranh, có thị trường tiêu thụ ở trong nước và nước ngoài. Trong quản lý nhà nước, các bộ quản lý ngành sản xuất và dịch vụ có trách nhiệm quản lý thông suốt từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm, kể cả xuất - nhập khẩu.

Tạo điều kiện thuận lợi và nâng cao năng lực cho doanh nghiệp đi đôi với phát huy vai trò các hiệp hội về thông tin, tiếp thị, mở mạnh thị trường trong và ngoài nước. Khai thông vướng mắc trong lưu thông hàng hóa và xuất, nhập khẩu, tăng khả năng nối mạng in-tơ-nét và giảm cước phí sử dụng, cước phí viễn thông. Mở rộng thị trường trong nước, tăng sức mua của dân cư ; bên cạnh việc điều chỉnh tiền lương để bù đắp trượt giá, cần có biện pháp hạn chế thua thiệt do giá cả nông sản biến động bất lợi đối với nông dân, nâng cao thu nhập ở nông thôn.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về tín dụng đầu tư nhà nước, về bảo lãnh tín dụng, về phát triển thị trường vốn mở rộng giao dịch trên thị trường chứng khoán đồng thời thúc đẩy chương trình cải tổ hệ thống ngân hàng, tách bạch ngân hàng chính sách và ngân hàng thương mại, lành mạnh hóa tình hình tài chính của các ngân hàng thương mại, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và nhân dân tiếp cận được tín dụng ngân hàng. Giải quyết dứt điểm nợ tồn đọng của doanh nghiệp đối với ngân hàng : lập công ty quản lý và xử lý nợ tồn đọng có tài sản bảo đảm ; đối với nợ tồn đọng không có tài sản bảo đảm của các doanh nghiệp nhà nước thì các bộ, ngành và chính quyền địa phương xử lý theo thẩm quyền của mình trong quá trình sắp xếp và đổi mới quản lý doanh nghiệp nhà nước.

2. Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

Để thực hiện có hiệu quả các cam kết đa phương và song phương trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, điều then chốt là phải phát huy được lợi thế, tăng sức cạnh tranh và hiệu quả, đẩy mạnh sản xuất đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu, nâng cao khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế. Căn cứ vào định

Digitized by Google

hướng chiến lược phát triển xuất khẩu, nhập khẩu đến năm 2005 và 2010 đã được Chính phủ thông qua, từng ngành, từng doanh nghiệp phải khẩn trương xây dựng chiến lược, giải pháp gắn sản xuất với thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh của mình trên thị trường trong nước và quốc tế, không bị động và ỷ lại vào hàng rào bảo hộ.

Về *xuất, nhập khẩu*, xây dựng cơ chế điều hành ổn định lâu dài, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp chủ động xây dựng kế hoạch xuất, nhập khẩu với quyền tự chủ kinh doanh tiếp tục được mở rộng. Hoàn chỉnh cơ chế hoạt động và phát huy tác dụng của Quỹ tín dụng hỗ trợ xuất khẩu. Quỹ bảo hiểm xuất khẩu, Quỹ bảo lãnh tín dụng.

Duy trì và mở rộng thị phần trên các thị trường truyền thống, chủ động mở rộng xuất khẩu vào các thị trường mới, chuẩn bị tích cực cho việc triển khai thực hiện Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ khi có hiệu lực, tiến thêm một bước trong việc hình thành cơ cấu thị trường hợp lý, ổn định, mở rộng việc mua tận gốc, bán tận ngọn, giảm thị trường trung gian. Tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng truyền thống như nông sản, thủy sản, hàng dệt may, giày dép, điện tử, thủ công mỹ nghệ, tăng tỷ trọng sản phẩm chế biến sâu, sản phẩm hàm lượng công nghệ cao. Cùng với thị trường hàng hóa, chú trọng phát triển mạnh du lịch thành một ngành kinh tế - văn hóa mũi nhọn, đẩy mạnh xuất khẩu lao động và các dịch vụ thu ngoại tệ khác với sự tham gia của các thành phần kinh tế. Chú trọng nhập khẩu công nghệ, nhất là công nghệ mới, hiện đại.

Đối với *đầu tư nước ngoài*, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư một cách đồng bộ, có sức cạnh tranh với các nước chung quanh để thu hút đầu tư mới (cả khung pháp lý và việc thi hành luật pháp, kết cấu hạ tầng và các dịch vụ cần thiết với giá cả hợp lý), đồng thời tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động ở nước ta kinh doanh và mở rộng đầu tư có hiệu quả, đúng luật pháp, đóng góp vào sự phát triển chung của nền kinh tế đất nước. Chú trọng thu hút đầu tư của các nước và tập đoàn có công nghệ nguồn, có thị trường lớn, hướng vào sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, sản xuất nguyên liệu hoặc bán thành phẩm cho các sản phẩm cuối cùng xuất khẩu, giảm dần gia công và lắp ráp, hình thành các ngành sản xuất có khả năng cạnh tranh cao, đáp ứng được nhu cầu của thị trường, thâm nhập được các thị trường mới.

Tiếp tục tranh thủ nguồn tài trợ của các Chính phủ và các tổ chức tài chính quốc tế, tập trung cho xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn, xóa đói, giảm nghèo và giải quyết một số vấn đề xã hội bức xúc. Nâng cao chất lượng dự án và công tác chuẩn bị để đẩy nhanh tốc độ giải ngân, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn và trách nhiệm trả nợ.

3. Tạo chuyển biến tích cực về giáo dục - đào tạo và đột phá một số lĩnh vực công nghệ mũi nhọn.

Để phát huy vai trò nền tảng và động lực của giáo dục - đào tạo và khoa học công nghệ đối với sự phát triển bền vững, năm 2001 phải tập trung giải quyết một số vấn đề cấp bách :

Phát triển giáo dục - đào tạo đi đôi với nâng cao chất lượng, đổi mới quản lý nhà nước. Đẩy mạnh giáo dục phổ thông, triển khai thực hiện chương trình phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở, đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giảng dạy ở các cấp học, tạo một bước chuyển biến rõ trong việc khắc phục những hiện tượng trái đạo đức và nguyên tắc sư phạm. Triển khai thực hiện quy hoạch sắp xếp các trường đại học và cao đẳng, nâng cao chất lượng đào tạo, gắn kết hơn nữa với nghiên cứu khoa học ; ưu tiên đầu tư cho hai Đại học quốc gia và các trường trọng điểm. Phát triển mạnh hơn nữa đào tạo nghề cả về quy mô và chất lượng, với cơ cấu hợp lý ; chú trọng đào tạo nghề phục vụ xuất khẩu lao động.

Tập trung sức tạo bước bứt phá về một số công nghệ mũi nhọn phù hợp với yêu cầu và khả năng của ta, tác động tích cực đến việc nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế.

Triển khai thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Chính phủ về phát triển công nghệ thông tin, đặc biệt là công nghệ phần mềm, đi đôi với thúc đẩy quá trình tin học hóa trong kinh tế và xã hội (kể cả quản lý, quốc phòng, an ninh). Mở rộng cổng kết nối với hệ thống in-tơ-nét, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp làm công nghệ phần mềm có thể sử dụng đầy đủ và dễ dàng các dịch vụ in-tơ-nét có chất lượng cao, theo giá cạnh tranh với các nước trong khu vực.

Phát triển mạnh *công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới*, trước hết là tập trung vào những lĩnh vực gắn với nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của các sản phẩm chủ yếu (trước hết là nông sản, lâm sản, hải sản), như về giống cây trồng, vật nuôi, công nghệ chế biến, chế tạo cơ khí, v.v...

Digitized by Google

Khoa học xã hội và nhân văn chú trọng một số lĩnh vực tác động đến việc hoạch định đường lối, chính sách phát triển, nâng cao trình độ quản lý, xây dựng con người Việt Nam ; tạo bước tiến mới trong sự gắn kết giữa khoa học xã hội và nhân văn với khoa học tự nhiên và công nghệ.

Đối với những lĩnh vực công nghệ mũi nhọn được lựa chọn, cần có *cơ chế, chính sách đặc biệt và cách thức chỉ đạo sát sao* để thực hiện cho được sự gắn kết giữa nghiên cứu khoa học - công nghệ (kể cả khoa học cơ bản) với ứng dụng trong thực tế và đào tạo nguồn nhân lực ; huy động và kết hợp có hiệu quả đầu tư của Nhà nước với nguồn lực vật chất và trí tuệ của tất cả các thành phần kinh tế, kể cả của Việt kiều. Nhà nước tập trung đầu tư vào những khâu cần thiết, dùng vốn nhà nước làm vốn đối ứng để huy động vốn ODA và góp vốn với đầu tư nước ngoài và các thành phần kinh tế khác cùng đầu tư. Tăng cường đào tạo nhân lực phục vụ yêu cầu phát triển nhanh có tính đột phá của các công nghệ mũi nhọn.

Các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực này được tạo các điều kiện thuận lợi nhất và hưởng một quy chế ưu đãi đặc biệt, như được ưu tiên cho thuê đất với thủ tục đơn giản nhất ; được miễn tiền thuê đất trong những năm đầu ; được miễn, giảm các loại thuế trong một thời gian để tái đầu tư phát triển ; được hỗ trợ khi gặp rủi ro ; được chủ động thu hút người giỏi, thuê chuyên gia nước ngoài...

Khuyến khích các hiệp hội hoạt động trong lĩnh vực này đóng góp thiết thực vào quá trình xây dựng, phát triển công nghệ cao, bảo vệ bản quyền tác giả.

Tạo mọi điều kiện thuận lợi để người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư sản xuất, kinh doanh công nghệ cao tại Việt Nam và hợp tác, hỗ trợ các cá nhân và doanh nghiệp trong nước xúc tiến thị trường, chuyển giao tri thức và công nghệ.

4. Tập trung giải quyết một số vấn đề cấp bách về cải cách hành chính.

- Tăng cường công tác xây dựng thể chế, tập trung vào lĩnh vực kinh tế, nhằm vào những nội dung chủ yếu đã nêu ở các phần trên, tiến thêm một bước trong việc định hình thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới quy trình xây dựng nhằm nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật. Mở rộng việc tổ chức nghiên cứu, soạn thảo các văn bản này bằng các nhóm chuyên gia liên ngành. Nghiêm chỉnh thực hiện những quy định dưới đây của Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật :

"Trong trường hợp luật, pháp lệnh có điều khoản cần phải được quy định chi tiết bằng văn bản khác, thì ngay tại điều, khoản đó phải xác định rõ cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và thời hạn ban hành văn bản" ; không ghi câu chung ở cuối văn bản là giao cho một hoặc một số cơ quan quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh.

"Văn bản quy định chi tiết thi hành phải được soạn thảo cùng với dự án luật, pháp lệnh để trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền kịp thời ban hành khi luật, pháp lệnh có hiệu lực" ; khắc phục tình trạng luật, pháp lệnh có hiệu lực từ rất lâu mà vẫn chưa có văn bản hướng dẫn thi hành.

"Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành các văn bản khác phải xác định rõ tên văn bản, điều, khoản của văn bản bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành" ; không ghi một câu chung là bãi bỏ những quy định trái với văn bản mới ban hành.

Những quy định trên nói về luật, pháp lệnh cũng phải được áp dụng trong việc soạn thảo các văn bản pháp quy khác.

- Triển khai thực hiện phương án hợp lý hóa tổ chức, tinh giản biên chế của bộ máy hành chính ở trung ương và chính quyền địa phương trên cơ sở khắc phục sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ và phân cấp mạnh thẩm quyền hành chính. Năm 2001 phải tiến hành việc này ráo riết hơn, trước hết ở các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Chính phủ và các bộ, ngành tập trung sức xây dựng thể chế, hoạch định quy hoạch, kế hoạch, chính sách vĩ mô và thực hiện chức năng kiểm tra, thanh tra cấp dưới thực thi nhiệm vụ. Các vấn đề thuộc lĩnh vực dân sinh, dịch vụ phúc lợi xã hội, các hoạt động kinh tế cụ thể nên giao cho chính quyền địa phương và cơ sở giải quyết. Phân cấp nhiệm vụ đi liền với phân cấp về tài chính ngân sách, về tổ chức cán bộ, trên cơ sở xác định quy chế rõ ràng, đề cao trách nhiệm, mở rộng dân chủ và công khai. Chính phủ sẽ xây dựng quy chế đòi hỏi cán bộ lãnh đạo chủ chốt của các ngành trung ương và của chính quyền tỉnh, thành phố phải định kỳ trực tiếp gặp gỡ đối thoại với các doanh nghiệp và nhân dân, giải đáp trên phương tiện thông tin đại chúng, đi kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ, công khai ở cơ sở.

Việc quản lý hành chính đô thị cần có quy chế phù hợp và có những quy định phân cấp đặc biệt đối với thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Hai thành

Digitized by Google

phố này phải có kế hoạch phát triển giao thông công cộng, khắc phục nạn kẹt xe trên đường.

Với cùng một khung pháp luật, cùng một hệ thống chính sách vĩ mô nhưng hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội ở một số địa phương khác nhau khá xa. Điều đó phụ thuộc chủ yếu vào sự năng động, tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, sát với nhân dân, với cơ sở, tóm lại là chất lượng của đội ngũ cán bộ và bộ máy chính quyền ở từng nơi. Cần phân tích các bài học cụ thể để nâng cao chất lượng và hiệu lực của bộ máy chính quyền.

- Rút kinh nghiệm việc thí điểm khoán biên chế và chi phí hành chính để mở rộng việc áp dụng trong các cơ quan hành chính. Tiếp theo việc bù trượt giá, xúc tiến nghiên cứu phương án cải cách chế độ tiền lương, bao gồm cả các bước chuẩn bị điều kiện để thực hiện trong thời gian sau.

Củng cố kỷ luật hành chính ở tất cả các cấp ; cán bộ, công chức không làm đúng chức trách, vi phạm pháp luật phải bị xử lý nghiêm. Những vụ vi phạm pháp luật của cơ quan, công chức nhà nước, trước hết là những vụ nổi cộm trong quan hệ với dân, đã có đủ căn cứ kết luận, thì chính quyền cấp trên cử người có thẩm quyền thẩm tra tại chỗ, xử lý kịp thời, công bố rộng rãi.

- Tích cực giải quyết khiếu kiện của dân. Qua thực tiễn của các Đoàn công tác liên ngành cùng với chủ tịch tỉnh, thành phố trực tiếp đối thoại với dân để xử lý khiếu kiện, có thể thấy rõ yêu cầu bức xúc về chấn chỉnh bộ máy và cán bộ trong hệ thống hành chính đi đôi với nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật trong nhân dân. Đồng thời phải tăng cường Tòa hành chính cả về thẩm quyền và cán bộ, mở rộng diện xét xử trên cơ sở bổ sung căn cứ pháp lý, để giải quyết những khiếu kiện của dân đối với quyết định hành chính, áp dụng phương pháp tranh tụng thay cho cách xử lý hành chính.

Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, chúng ta cần tạo sự nhất trí cao trong toàn Đảng, toàn dân về đánh giá tình hình đất nước, tự tin với những thành quả đã đạt được, đồng thời phân tích nghiêm khắc những mặt yếu kém để khắc phục, nhận rõ yêu cầu đổi mới và phát triển cùng với khó khăn, thuận lợi của thời kỳ mới, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Kế hoạch năm 2001, đưa đất nước phát triển nhanh hơn, bền vững hơn khi bước vào thế kỷ thứ XXI. ❑

THI ĐUA LÀ SÁNG TẠO...

(Tiếp theo trang 6)

cao thượng, mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người, nhất định sẽ có nhiều gương anh hùng nở rộ như hoa mùa xuân, đem lại hiệu quả to lớn trong lao động sản xuất, kinh doanh, văn hóa - xã hội đưa đất nước ta giàu mạnh tiến kịp các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là tiếp tục công cuộc khai phá từ gần nửa thế kỷ nay. Công cuộc khai phá ấy đã thu được những thắng lợi mở đường cực kỳ quan trọng, làm nền tảng vững chắc cho những bước tiếp theo. Chúng ta hiểu rằng : Không con đường đột phá nào không gian nan, phải có những người anh hùng, có tên và không tên, thầm lặng, bền bỉ, kiên định, nhiệt huyết, can trường và xông pha sáng tạo.

Thi đua là yêu nước, là yêu chủ nghĩa xã hội.

Thi đua là sáng tạo, là trí tuệ, là tiến công, là đạo đức, là rèn luyện bản lĩnh, xây dựng nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Từ Đại hội này, chúng ta phát động một cao trào thi đua mới, cao trào thi đua xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vượt qua thách thức, quét sạch mọi cản trở, bảo đảm Tổ quốc ta trường tồn, chế độ ta vững chắc và từng bước xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội. Mỗi người, mỗi đơn vị hãy vượt lên chính mình, hãy làm thêm nhiều việc có ích vì hạnh phúc cho người khác, cho nòi giống mai sau, vì đời sống và niềm vui của chính mình, vì đất nước giàu mạnh hơn, làng xóm, phố phường tốt đẹp hơn ; làm cho Tổ quốc ta không có đất cho các tệ nạn xã hội, cho tham nhũng, quấy nhiễu nhân dân.

Chúc các Anh hùng, Chiến sĩ thi đua tiếp tục học tập, tu dưỡng, rèn luyện, nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu.

Chúc giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, các cơ quan, đơn vị, đồng bào cả nước tiến vào cao trào thi đua mới, hoàn thành kế hoạch năm 2001 và kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, tạo ra cơ sở mới cho dân tộc ta giành những thắng lợi mới trong thế kỷ XXI.

Chúc các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí đại biểu dồi dào sức khỏe. ❑

Digitized by Google

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NGUYỄN ĐỨC BÌNH

__Lời BBT__ - Trong hai ngày 10 và 11-11-2000, tại Hà Nội diễn ra cuộc Hội thảo khoa học Việt Nam - Trung Quốc với chủ đề "Chủ nghĩa xã hội - kinh nghiệm của Việt Nam, kinh nghiệm của Trung Quốc". Đồng chí Nguyễn Đức Bình, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trưởng đoàn đại biểu Việt Nam đã đọc tham luận với tiêu đề "Đảng Cộng sản Việt Nam trong công cuộc đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội". Chúng tôi xin trích giới thiệu cùng bạn đọc những nội dung chính trong tham luận đó.

Mở đầu bản tham luận, đồng chí Nguyễn Đức Bình nói : Hội thảo lần này của chúng ta với chủ đề : "Chủ nghĩa xã hội - kinh nghiệm của Việt Nam, kinh nghiệm của Trung Quốc", là bước tiếp tục lô-gíc vòng Hội thảo lần trước (tháng 6-2000) tại Bắc Kinh với chủ đề lúc đó là : "Chủ nghĩa xã hội - cái phổ biến và cái đặc thù".

Với tiêu đề "Đảng Cộng sản Việt Nam trong công cuộc đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội", bản báo cáo của tôi đề cập một số kinh nghiệm đổi mới ở Việt Nam, chủ yếu tập trung vào vấn đề Đảng và xây dựng Đảng, đi sâu các mặt khác sẽ có sự tham gia của các nhà khoa học phía Việt Nam.

Trong phần I, CÁCH MẠNG VÀ ĐỔI MỚI TRƯỚC HẾT PHẢI CÓ ĐẢNG, đồng chí Nguyễn Đức Bình nêu rõ : Như chúng ta đều biết, **Đảng** là vấn đề cốt tử của cách mạng. Trong cuốn "Đường cách mệnh", in lần đầu tiên năm 1927 ở Quảng Châu, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt vấn đề "Cách mệnh trước hết phải có cái gì ?" và Người nêu rõ : "Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi" (Hồ Chí Minh : Toàn tập, Nxb CTQG Hà Nội, 1995, t 2, tr. 267). Người còn nói : Chỉ có sự lãnh đạo của một đảng biết vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước mình thì mới có thể đưa cách mạng giải phóng dân tộc đến thắng lợi và cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thành công.

Lịch sử cách mạng Việt Nam 70 năm qua, trong đó có quá trình đổi mới xây dựng CNXH đang diễn ra, chứng minh chân lý ấy.

... Trải qua 70 năm, con đường cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra trong Cương lĩnh năm 1930 đã thực hiện được những nhiệm vụ lịch sử dẫn đến những biến đổi lớn lao chưa từng thấy trên đất nước Việt Nam. Có thể nói : nếu không có Đảng Cộng sản Việt Nam và cuộc đấu tranh anh hùng, đầy hy sinh gian khổ của nhân dân dưới ngọn cờ của Đảng thì không có nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam như ngày nay.

Trong hơn hai phần ba thế kỷ, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trên thực tế tuyệt nhiên không có lực lượng chính trị nào có thể thay thế hoặc thách thức. Bởi không có con đường nào khác dẫn đến độc lập tự do, nhân dân ấm no, hạnh phúc ngoài con đường gắn kết độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội mà Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh và Đảng do

Digitized by Google

Người sáng lập, rèn luyện và lãnh đạo đã vạch ra. Sự lãnh đạo của Đảng trở thành nhân tố ăn sâu bén rễ trong đời sống dân tộc Việt Nam. Ngày nay từng người dân Việt Nam đều cảm nhận rằng nhân dân được đổi đời, đất nước thay da đổi thịt, Tổ quốc có địa vị xứng đáng trên trường quốc tế, tất cả điều ấy không thể có được nếu không có Đảng lãnh đạo.

Sở dĩ Đảng thực hiện được những nhiệm vụ lịch sử trọng đại vô cùng khó khăn, phức tạp là do nhiều nguyên nhân, trong đó nổi bật là mấy nhân tố cơ bản sau đây :

Một là, Đảng có đường lối đúng. Đó là đường lối do Nguyễn Ái Quốc đặt nền móng từ những năm 20. Đường lối cơ bản của Đảng là sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Sợi chỉ đỏ xuyên suốt đường lối đó là việc giải quyết đúng đắn và kết hợp chặt chẽ, nhuần nhuyễn các mối quan hệ giữa *giai cấp* và *dân tộc, dân tộc* và *quốc tế, độc lập dân tộc* và *CNXH.*

Hai là, Đảng sinh ra từ một dân tộc có truyền thống yêu nước, bất khuất, một nhân dân rất cách mạng, thiết tha với độc lập tự do, khát khao xây dựng một xã hội công bằng, nhân ái, điều này phù hợp một cách tự nhiên với lý tưởng của chủ nghĩa xã hội. Hồ Chí Minh đã nói từ đầu những năm 20 rằng sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đế quốc "đã chuẩn bị đất rồi, chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi" (Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 1, tr. 28). Hạt giống đầu tiên chính là lý luận Mác - Lê-nin mà Nguyễn Ái Quốc đã gieo vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước, lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng sống sâu trong lòng dân tộc và nhân dân yêu nước, cách mạng, đó là cội nguồn sâu xa sức mạnh của Đảng.

Ba là, Đảng qua các thời kỳ đấu tranh, lúc thuận lợi cũng như khi gặp khó khăn, đều được tổ chức chặt chẽ trên nguyên tắc tập trung dân chủ, có đội ngũ cán bộ, đảng viên rất mực trung thành với lý tưởng cách mạng, một lòng một dạ phấn đấu hy sinh vì dân vì nước, vì giai cấp và dân tộc.

Phần II. ĐẢNG PHẢI VƯƠN LÊN TRANH THỦ THỜI CƠ, VƯỢT QUA NHỮNG THÁCH THỨC MỚI ĐỂ NGANG TẦM NHIỆM VỤ TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

Bên cạnh những thành tựu nói trên, công cuộc đổi mới còn không ít khó khăn, yếu kém. Thực tiễn đặt ra nhiều vấn đề, trong đó có những vấn đề gay gắt bức xúc. Khó khăn thử thách ở phía trước còn rất to lớn. Có những yếu kém do lịch sử để lại hoặc do điều kiện khách quan chưa thể khắc phục một sớm, một chiều. Có những yếu kém chủ quan làm trầm trọng thêm những khó khăn khách quan. Có thể nói khái quát về những khó khăn yếu kém là đất nước còn nghèo và vẫn trong tình trạng kém phát triển. Nền kinh tế tăng trưởng chưa vững chắc, sức cạnh tranh thấp, nhịp độ tăng trưởng có chiều hướng chậm lại tuy gần đây đã có dấu hiệu nhích lên. Vốn đầu tư nước ngoài, một nhân tố quan trọng của phát triển kinh tế, đang giảm mạnh, mới đây có phục hồi nhưng còn chậm. Một số vấn đề xã hội phức tạp, nhức nhối như tham nhũng, buôn lậu, các tệ nạn ma túy, mại dâm... chưa được giải quyết có hiệu quả.

Thực tế 15 năm qua cho thấy sự nghiệp đổi mới là cả một cuộc đấu tranh gay go phức tạp, mà điều kiện đấu tranh lại đã thay đổi căn bản so với trước.

Trước hết là sự thay đổi trong bối cảnh quốc tế. Sự sụp đổ của Liên Xô, cường quốc xã hội chủ nghĩa lớn mạnh nhất, làm thay đổi căn bản so sánh lực lượng trên thế giới theo hướng có lợi cho chủ nghĩa tư bản - đế quốc. Phong trào xã hội chủ nghĩa thế giới, trong đó có cách mạng Việt Nam, đứng trước thách thức lớn chưa từng thấy. Lần đầu tiên kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai vấn đề vận mệnh của chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới được đặt ra trực tiếp và rất gay gắt.

Thử thách đối với Đảng không chỉ ở hoàn cảnh quốc tế biến đổi phức tạp mà nằm ngay trong những điều kiện và môi trường hoạt động mới do chính công cuộc đổi mới tạo ra. Lần đầu tiên Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường. Đảng đứng trước hàng loạt vấn đề mới, những mâu thuẫn

Digitized by Google

mới chưa bao giờ gặp phải cả về lý luận và thực tiễn, những vấn đề chưa hề thấy trong sách vở mác xít và trong kinh nghiệm thực tế. Chẳng hạn các vấn đề như chủ nghĩa xã hội có kết hợp được với kinh tế thị trường hay kinh tế thị trường tự nó sẽ triệt tiêu chủ nghĩa xã hội ? Trong thực tế, kinh tế nhà nước có thể đóng vai trò chủ đạo được không, nếu như các thành phần kinh tế đều thực sự bình đẳng ? Nhiều xí nghiệp quốc doanh thường kém hiệu quả, làm ăn thua lỗ vì sao, có phải do bản chất chế độ công hữu ? Làm gì và làm như thế nào để nâng cao tính hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước ? Cần phải sắp xếp lại thậm chí có thể giảm tỷ trọng của khu vực kinh tế nhà nước nhưng giảm đến mức độ nào là phù hợp và vẫn giữ được định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế ? Thực chất kinh tế tư nhân lớn là gì ? Nó có thể thống nhất về bản chất với kinh tế công hữu được không ? Có thể cho phép kinh tế tư bản tư nhân phát triển đến mức độ nào ? hay không hạn chế ? Sự phát triển kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa có thể trở thành nguy cơ đối với chế độ xã hội chủ nghĩa hay không ? Từ kinh nghiệm của chủ nghĩa xã hội thế giới, chúng tôi kiên trì chế độ một Đảng Cộng sản lãnh đạo, không chấp nhận đa nguyên, đa đảng đối lập. Thế nhưng trong điều kiện một đảng cầm quyền, cần phải có những điều kiện, những giải pháp và cơ chế gì để bảo đảm sự phát triển mạnh mẽ nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ? v.v... và v.v...

Vấn đề phải giải quyết rất nhiều và rất không đơn giản. Đảng Cộng sản Việt Nam không ngừng cố gắng vừa làm vừa học, vừa tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, đang cố gắng tháo gỡ các vướng mắc trong thực tiễn đổi mới, qua đó làm cho nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng cụ thể hơn, rõ nét hơn và điều này được thể hiện tập trung ở Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, ở các nghị quyết các kỳ Đại hội và Hội nghị Trung ương kể từ Đại hội Đảng lần thứ VI đến nay. Đại hội IX sắp tới của Đảng sẽ đem lại một bước tiến mới trong việc soi sáng các vấn đề.

Lãnh đạo công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội là nhiệm vụ hết sức khó khăn phức tạp đòi hỏi Đảng phải nỗ lực vươn lên cả về phẩm chất chính trị tư tưởng, cả về trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu. Đảng phải mạnh hơn bao giờ hết. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói : "Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa". Sự nghiệp của Đảng và của dân tộc đang có những thuận lợi và thời cơ lớn. Những thành tựu to lớn và rất quan trọng của 15 năm đổi mới làm cho thế và lực của đất nước lớn mạnh lên nhiều. Cơ sở vật chất kỹ thuật của nền kinh tế được tăng cường. Đất nước còn nhiều tiềm năng về tài nguyên, lao động. Nhân dân Việt Nam có nhiều phẩm chất cao quý. Tình hình chính trị - xã hội ổn định. Cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại tiếp tục diễn ra như vũ bão và hứa hẹn nhiều thành tựu kỳ diệu chưa thể lường hết trong thế kỷ XXI. Trong khi đó, sự giao lưu thương mại và kinh tế quốc tế, sự hợp tác, liên kết giữa các nước, ngày càng phát triển tạo điều kiện để chúng ta tiếp tục phát huy nội lực và lợi thế so sánh, tranh thủ ngoại lực, nguồn vốn, công nghệ mới, kinh nghiệm quản lý, mở rộng thị trường phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đó là cơ hội lớn để tạo ra bước phát triển mới. Nhưng cơ hội lớn không tự nó đem lại điều ta mong muốn. Để tận dụng được thuận lợi và cơ hội lớn, Đảng cũng phải thật mạnh, có đường lối đúng đắn, sáng suốt, không như vậy thì thuận lợi và cơ hội dù lớn cũng sẽ không thể nắm bắt được để phát huy và rồi sẽ qua đi. Trong khi khẳng định thuận lợi, cơ hội và những chỗ mạnh cơ bản của Đảng, chúng tôi không quên những thách thức và nguy cơ.

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (1-1994) đã nêu lên bốn nguy cơ : tụt hậu xa hơn về kinh tế ; chệch hướng xã hội chủ nghĩa ; quan liêu, tham nhũng ; "diễn biến hòa bình". Đại hội Đảng lần thứ VIII (6-1996) chỉ rõ : "Các nguy cơ ấy có mối liên hệ tác động lẫn nhau và đều nguy hiểm, không thể xem nhẹ nguy cơ nào". Đến nay Đảng nhấn mạnh : "Bốn nguy cơ mà Đảng ta từng cảnh báo vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp. Các nguy cơ này đan xen và tác động lẫn nhau, không thể xem nhẹ nguy cơ nào" (Dự thảo Báo cáo chính trị sẽ trình Đại hội IX).

Digitized by Google

Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực vẫn là thách thức to lớn và gay gắt do điểm xuất phát của Việt Nam quá thấp, lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh quyết liệt. Ngày nay, những nước lạc hậu về kinh tế đứng trước hai khả năng : nếu biết tranh thủ thời cơ có đường lối và chiến lược phát triển đúng, thông minh, sáng tạo thì hoàn toàn có thể vươn lên, đi nhanh, sớm khắc phục tình trạng kém phát triển, sớm tiến kịp các nước đi trước. Những khả năng xấu có thể xảy ra nếu thiếu đi những nhân tố chủ quan vừa nói khiến đất nước không thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, tụt hậu ngày càng xa hơn, thậm chí có thể bị gạt ra ngoài lề con đường phát triển. Trên thực tế như đã thấy trong điều kiện toàn cầu hóa hiện nay chỉ một số rất ít trong hàng trăm nước đang phát triển có khả năng thoát khỏi tình trạng kém phát triển, còn đa số vẫn trong tình trạng hết sức khó khăn. Cho nên nguy cơ tụt hậu là rất lớn. Tuy nhiên, Đảng Cộng sản Việt Nam vững tin rằng với sức mạnh của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, biết kết hợp sức mạnh tổng hợp của nội lực dân tộc với sức mạnh thời đại, Việt Nam nhất định chiến thắng được nghèo nàn, lạc hậu như đã chiến thắng giặc ngoại xâm.

Mười năm tới là đoạn đường cực kỳ quan trọng để thu hẹp bớt khoảng cách với các nước. Phải đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy cao độ nội lực của cả dân tộc gắn với tận dụng mọi nguồn lực bên ngoài và chủ động mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế để xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững ; tăng trưởng kinh tế đi đôi với từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh. Mười năm tới phải định hình được về cơ bản thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Ra sức tăng cường nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế và quốc phòng. Nâng cao và củng cố vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Mục tiêu đến năm 2010 là phải đưa GDP ít nhất lên gấp đôi so với năm 2000. Đó là những yêu cầu lớn đặt ra trước Đại hội IX của Đảng.

Đối với Việt Nam, phát triển nói chung và tăng trưởng kinh tế nói riêng là vấn đề sống còn. Chỉ có phát triển nhanh và đúng hướng mới tránh được nguy cơ tụt hậu xa hơn, mới giữ vững được độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đặt công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm có nghĩa là coi việc *phát triển lực lượng sản xuất là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là vấn đề ưu tiên số một.* Mọi cơ chế, thể chế cản trở sự phát triển lực lượng sản xuất, làm chậm công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đều cần được bãi bỏ, sửa đổi. Mục tiêu quan trọng hàng đầu của đổi mới chính là giải phóng lực lượng sản xuất.

Tuy nhiên, phát triển lực lượng sản xuất không phải mục đích tự thân, càng không phải là tất cả. Phát triển lực lượng sản xuất, tiến hành cách mạng khoa học công nghệ là nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tóm lại là vì con người. Vì thế, phát triển kinh tế không những phải nhanh, có những đột phá, mà còn phải bền vững ; tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với tiến bộ xã hội, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái. Có kết hợp được hài hòa tăng trưởng kinh tế với thực hiện công bằng xã hội, lấy tăng trưởng kinh tế làm cơ sở, thì mới bảo đảm tăng trưởng kinh tế ổn định, bền vững. Đương nhiên làm được điều đó không giản đơn. Phải xem xét cẩn thận mặt phải, mặt trái của các giải pháp. Tăng trưởng kinh tế nhất thiết phải theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất thiết phải đi đôi với giữ vững độc lập tự chủ. Không thể xem tăng trưởng là tất cả, coi nhẹ định hướng xã hội và chính trị. Trong trường hợp đó có thể có tăng trưởng mà không phát triển, thậm chí có thể là phản phát triển. Như thế là chệch hướng. Sự nghiệp đổi mới càng đi vào chiều sâu càng phải đối mặt với những vấn đề mới mẻ, phức tạp. Có khi loay hoay mãi không tìm ra giải pháp mới, thích hợp để giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất, người bảo thủ thường dễ quay về những bài bản cũ, đã quen thuộc, đó là một dạng chệch hướng phải hết sức tránh. Dạng chệch hướng nguy hiểm khác là "đổi mới" thiếu nguyên tắc. Đảng Cộng sản Việt Nam đã sớm khẳng định (từ tháng 3-1989, tại

Digitized by Google

Hội nghị Trung ương 6, khóa VI) 5 quan điểm có tính nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới, trong đó nguyên tắc đầu tiên là : "đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện tốt hơn bằng những quan niệm đúng đắn, hình thức, biện pháp và bước đi thích hợp".

Phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi giải quyết đúng đắn vấn đề sở hữu và mối quan hệ giữa các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Ở đây không thể dừng lại ở những chủ trương chung mà đòi hỏi phải tìm tòi, sáng tạo ra các hình thức kinh tế cụ thể, phù hợp. Chủ trương xây dựng nền kinh tế thị trường nhiều thành phần có cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng theo pháp luật đã tạo động lực mới cho kinh tế phát triển, phát huy được mọi tiềm năng và sức mạnh tổng hợp của các lực lượng sản xuất trong dân tộc. Kinh tế cá thể, tiểu chủ cả ở nông thôn và thành thị được Nhà nước tạo điều kiện và giúp đỡ để phát triển năng động, có hiệu quả. Phát triển mạnh kinh tế hộ gia đình, kinh tế vườn VAC, vườn rừng, kinh tế trang trại ở một số vùng diện tích đất đai còn rộng, nhất là trung du, miền núi, đất trống, đồi trọc, hoang hóa, bãi bồi ven sông, biển v.v... Kinh tế tư bản tư nhân được khuyến khích phát triển trong những ngành có lợi cho quốc kế dân sinh, trên những định hướng ưu tiên của Nhà nước, kể cả đầu tư ra nước ngoài. Phát triển kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức. Tạo điều kiện để kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển thuận lợi. Phát triển mạnh hình thức tổ chức kinh tế cổ phần, các hình thức kinh doanh đan xen hỗn hợp nhằm huy động rộng rãi vốn đầu tư xã hội, trong nước và nước ngoài.

Trong tổng thể các thành phần kinh tế hợp thành nền kinh tế quốc dân thống nhất quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhân tố hàng đầu bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa là vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, là hệ thống doanh nghiệp nhà nước. Song doanh nghiệp nhà nước hoạt động không phải theo cơ chế kế hoạch tập trung, cấp phát - giao nộp - bù lỗ như trước đây, mà theo cơ chế thị trường, bình đẳng với các thành phần kinh tế khác. Nếu thiếu vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước thì căn bản không thể nói đến định hướng xã hội chủ nghĩa, không thể công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành công, sẽ không có cơ sở vật chất chủ yếu nhất bảo đảm quyền làm chủ kinh tế của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, bảo đảm vai trò kinh tế và chính ngay sự tồn tại của Nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Chính vì thế việc đổi mới và nâng cao tính hiệu quả của kinh tế nhà nước có tầm quan trọng đặc biệt. Đó phải là trọng tâm trong xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, là một trọng điểm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nói chung. Việc nâng cao tính hiệu quả của kinh tế nhà nước của các doanh nghiệp nhà nước trong công nghiệp dịch vụ và cả trong nông, lâm nghiệp đang là một thách thức cực lớn, bởi trong thực tế đây là nhiệm vụ đầy gian khổ, khó khăn. Song dù khó khăn gian khổ đến đâu cũng không thể chần chừ, dao động, thiếu quyết tâm, không thể không làm chừng nào chúng ta còn nhân danh chủ nghĩa xã hội.

Trong xây dựng kinh tế hợp tác đã từng có bài học chủ quan nóng vội. Không thể lặp lại sai lầm cũ. Song điều đó không có nghĩa là thả nổi để cho quan hệ sản xuất ở nông thôn biến động một cách tự phát dẫn đến phân cực giàu nghèo một cách vô giới hạn dưới tác động của thị trường. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn theo định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi từng bước xây dựng chế độ hợp tác. Kinh tế hợp tác mà nòng cốt là hợp tác xã phải được từng bước xây dựng, lớn lên để cùng với kinh tế nhà nước dần trở thành nền tảng của kinh tế quốc dân. Hình thức kinh tế công hữu, tập thể, hợp tác xã trong nông nghiệp sẽ như thế nào, chắc chắn là hết sức đa dạng, nhiều trình độ cao thấp khác nhau, câu trả lời phải từ cuộc sống, từ yêu cầu khách quan của phát triển sản xuất, của quần chúng nông dân, lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để lựa chọn hình thức thích hợp, tuyệt đối không gò ép, áp đặt. Trong thực tế cuộc sống ở nông thôn miền Bắc, miền Trung, miền Nam đang xuất hiện ngày càng nhiều những hình thức hợp tác đa dạng, từ hợp tác xã kiểu cũ chuyển đổi đến các hình thức mới ra đời, nhưng do chưa quán triệt

Digitized by Google

sâu sắc quan điểm đường lối của Đảng về kinh tế hợp tác nên còn khuyết điểm coi nhẹ việc tổng kết kinh nghiệm và thiếu quan tâm đúng mức trong chỉ đạo thực tiễn.

Đảng Cộng sản Việt Nam xác định rõ rằng phát triển đất nước phải bằng sức mạnh tổng hợp không chỉ bên trong mà bằng nội lực dân tộc kết hợp với cả sức mạnh thời đại. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản, cái thiếu nhất là cơ sở vật chất kỹ thuật công nghiệp. Bằng cách nào giải quyết khó khăn này nhất là khi hệ thống xã hội chủ nghĩa không còn nữa ? Thực tế hơn 10 năm qua cho thấy ở đây khó khăn lớn ấy hoàn toàn có thể khắc phục được. Trước đây để đáp ứng nhu cầu về vật tư, thiết bị, máy móc, Việt Nam được "bao cấp quốc tế" 2 tỉ rúp - đô - la/năm từ Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Nay sự thiếu hụt đó được thay thế bằng không phải 2 tỉ mà hơn 12 tỉ đô - la/năm giá trị vật tư, thiết bị công nghiệp, hàng hóa cần thiết nhập từ nhiều nước công nghiệp phát triển và khu vực trên thế giới, nhất là không phải bằng sự ỷ lại mà nhờ có hàng xuất khẩu do tự Việt Nam làm ra với giá trị cũng khoảng trên dưới 12 tỉ đô - la/năm.

Kinh nghiệm các nước và kinh nghiệm Việt Nam nói lên rằng muốn tranh thủ tối đa ngoại lực như vốn đầu tư, công nghệ, kinh nghiệm quản lý, phải dựa vào nội lực là chính. Phát huy nội lực, trước hết phải có đường lối chính sách đúng đắn, thông minh, sáng tạo và không chỉ nói đến nguồn lực vật chất mà phải coi trọng hàng đầu nguồn lực con người - con người Việt Nam với những phẩm chất truyền thống quý báu đặc biệt là lòng yêu nước, với tài trí thông minh, với ý chí quyết không cam chịu cảnh đất nước nghèo hèn.

Vấn đề quan trọng là giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, cơ sở của độc lập về chính trị, với quan hệ kinh tế quốc tế trong xu thế thế giới toàn cầu hóa. Đó là vấn đề vừa cơ bản, vừa cấp bách. Nếu có đường lối, phương hướng phát triển đúng thì hai mặt này không loại trừ nhau, mà kết hợp chặt chẽ với nhau vì mục đích phát triển đất nước như "hai cánh của một con chim". Chỉ có trên cơ sở độc lập tự chủ mới tham gia hợp tác kinh tế quốc tế có hiệu quả, mới chủ động tranh thủ được cơ hội để phát triển, mới "tiêu hóa" được nguồn lực từ bên ngoài. Ngược lại, mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế một cách chủ động, đúng đắn, không phải do cái thế buộc phải hội nhập một cách bị động, mà vì mục đích phát triển đất nước và biết cách tận dụng cái lợi, giảm thiểu tối đa cái hại một cách thật khôn ngoan thì mới xây dựng được nền kinh tế độc lập tự chủ. Kinh nghiệm cho thấy, tham gia toàn cầu hóa trong điều kiện khi mà một số nước giàu và các công ty siêu quốc gia khổng lồ còn nắm bá quyền thao túng, áp đặt thì đây không phải một quá trình "ngon lành", suôn sẻ như có người tưởng, mà là một quá trình đấu tranh gay go, phức tạp để bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc, lợi ích nhân dân và (tôi nhấn mạnh : đối với chúng ta còn là) lợi ích của chủ nghĩa xã hội.

Việt Nam chủ trương mở cửa kinh tế trên nguyên tắc giữ vững độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ quyền quốc gia và bản sắc văn hóa dân tộc ; bình đẳng cùng có lợi, vừa hợp tác vừa đấu tranh với những ý đồ sai trái để bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc và con đường xã hội chủ nghĩa đã lựa chọn. Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, luôn đề cao cảnh giác trước mọi dã tâm đen tối của các thế lực xấu và thù nghịch. Đảng chủ trương kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế xã hội với bảo đảm quốc phòng và an ninh, xây dựng chủ nghĩa xã hội đi đôi với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Phần III - XÂY DỰNG ĐẢNG LÀ NHIỆM VỤ THEN CHỐT

Đảng Cộng sản Việt Nam xác định : Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Thực tiễn chứng minh xác định như vậy là hoàn toàn đúng. Không ai quan tâm nhiều về xây dựng Đảng như Bác Hồ. Trước năm 1930, Bác đặt vấn đề : muốn làm cách mệnh trước hết phải có Đảng cách mệnh, và Bác đã tập trung công sức chuẩn bị thành lập Đảng. Sau đó, suốt mấy chục năm, trong trăm công nghìn việc cách mạng phải giải quyết, việc lớn Bác chăm lo nhất là xây dựng Đảng. Rồi trước khi đi xa, trong Di chúc Bác để lại cũng "trước hết nói về Đảng", về "chỉnh đốn

Digitized by Google

Đảng". Tôi nghĩ trong tình hình hiện nay, hơn bao giờ hết, xây dựng Đảng càng phải được coi là nhiệm vụ *then chốt.*

Trước hết cần nhất quán khẳng định *bản chất* của Đảng. Tôi cho rằng, nói bản chất của Đảng là nói *bản chất giai cấp* của Đảng, điều này không thể mơ hồ. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam. Chính vì là đội tiền phong của giai cấp công nhân, Đảng đại biểu lợi ích không chỉ của giai cấp công nhân, mà còn đại biểu cho lợi ích của nhân dân lao động và lợi ích của cả dân tộc. Ngoài những lợi ích đó, Đảng không có lợi ích nào khác. Lợi ích giai cấp, lợi ích của nhân dân và của cả dân tộc thể hiện cao nhất ở mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, nói cách khác ở mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong giai đoạn hiện nay sự thực hiện những mục tiêu và lợi ích đó tập trung chủ yếu *ở cuộc phấn đấu giành thắng lợi cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Thành phần giai cấp xuất thân của đảng viên có ảnh hưởng quan trọng đến bản chất Đảng, không thể coi nhẹ. Song, yếu tố quan trọng nhất, quyết định nhất đối với bản chất Đảng là hệ tư tưởng. Đối với Đảng Cộng sản Việt Nam đó là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đảng vững mạnh, trong sạch trước hết là ở hệ tư tưởng. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói : "Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam". Người còn nói : "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lê-nin" (Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 2, tr. 268).

Điểm lại lịch sử cách mạng Việt Nam ta thấy ở đâu, lúc nào nắm vững và vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh thì ở đấy, lúc đó tình hình dẫu khó khăn to lớn đến đâu cách mạng cũng vượt qua. Trái lại ở đâu, lúc nào vận dụng máy móc giáo điều, hoặc chủ quan duy ý chí, quan điểm lệch lạc, tư tưởng dao động thì y như cách mạng gặp khó khăn, tổn thất.

Chủ nghĩa Mác ra đời đã hơn 150 năm. Thế giới đã biết bao thay đổi. Song những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác mà nền tảng là thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, được Lê-nin bổ sung, phát triển, vẫn là ngọn đèn pha soi đường cho nhân loại, cho các dân tộc đi tới tương lai. Đối với Đảng Cộng sản, trong bối cảnh lịch sử phức tạp hiện nay, việc kiên định lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, việc vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin càng cần thiết hơn bao giờ hết. Thế giới đã thay đổi nhiều so với thời Mác và Lê-nin. Lịch sử đang gia tốc. Thế kỷ XXI chắc chắn sẽ đem lại nhiều cái mới hơn nữa, chưa thể lường hết, trong sự phát triển khoa học, kỹ thuật, trong công nghệ, trong đời sống con người, trong cung cách và nhịp độ vận động của lịch sử, trong địa - chính trị, trong môi trường sống của loài người, v.v... Tôi nghĩ tất cả điều đó đặt ra trước toàn bộ phong trào cộng sản quốc tế yêu cầu phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin lên một giai đoạn mới cao hơn, phải phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học lên một giai đoạn mới nhằm đáp ứng trúng nhu cầu phát triển của lịch sử.

Bản chất chủ nghĩa Mác - Lê-nin là cách mạng, khoa học và sáng tạo, luôn gắn chặt với thực tiễn. Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin là phải suy nghĩ và hành động xuất phát từ cuộc sống trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng, là "dĩ bất biến ứng vạn biến" theo tư tưởng và cách nói của Hồ Chí Minh. Điều rất cấp thiết là phải dùng thế giới quan, phương pháp luận Mác - Lê-nin đột phá vào những vấn đề cơ bản và bức xúc do thực tiễn đặt ra, qua đó đi đến những nhận thức mới ngày càng đúng đắn hơn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với điều kiện cụ thể của từng nước và của thế giới. Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định : "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động". Tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của sự vận dụng và phát triển sáng tạo

Digitized by Google

chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, một nước vốn là thuộc địa và nửa phong kiến đã tiến hành thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân rồi tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Điểm cốt lõi và đặc sắc nhất trong tư tưởng Hồ Chí Minh là sự gắn kết hữu cơ độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, là giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, là kết hợp nhuần nhuyễn lợi ích giai cấp với lợi ích dân tộc, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

Trong điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội với cơ chế thị trường nhiều thành phần, mở cửa với bên ngoài, trong bối cảnh quốc tế phức tạp hiện nay, sự thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng *trên nền tảng tư tưởng và Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng* có tầm quan trọng sống còn. Trong xây dựng Đảng về tư tưởng, chính trị, việc *củng cố niềm tin cộng sản* có ý nghĩa đặc biệt. Sự nhất trí về đường lối trong toàn Đảng không thể được giữ vững nếu tất cả đảng viên không giữ vững niềm tin. Xem ra hiện nay trong phong trào cộng sản quốc tế ở nơi này nơi khác niềm tin lý tưởng đang có vấn đề. Ở một bộ phận nào đó phải chăng có thể nói đến nguy cơ khủng hoảng lòng tin, thậm chí không còn là nguy cơ mà đã thành thực tế. Rõ ràng là trong cục diện chính trị thế giới và tương quan lực lượng các mặt hiện nay, trong những điều kiện đấu tranh cực kỳ gay go phức tạp hiện nay cho mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa, *vấn đề niềm tin của người cộng sản* cần thiết hơn bao giờ hết, quan trọng hơn bao giờ hết, *mất niềm tin là mất tất cả.*

Tôi cho rằng nguy cơ chệch hướng rất dễ xuất hiện chỗ nào có sự giảm sút niềm tin, có khoảng trống về tư tưởng. Không thể không thừa nhận rằng hiện nay hiện tượng phai nhạt lý tưởng, phai nhạt chủ nghĩa là có thật mà có ngay cả trong một số cán bộ tuy cá biệt nhưng không phải ở cấp thấp. Ở không ít tổ chức đảng khuynh hướng chủ đạo không phải là tính chiến đấu cách mạng, tính đảng mà là sự bận tâm quá mức cuộc sống cá nhân, loay hoay với những tính toán thực dụng vị kỷ, "làm ăn phát tài", "thăng quan tiến chức", v.v... Cái vòng luẩn quẩn ở chỗ càng thiếu niềm tin lý tưởng, người đảng viên càng dễ sa vào những toan tính cá nhân ; ngược lại càng lún sâu vào chủ nghĩa cá nhân lại càng dễ giảm sút niềm tin, xa rời lý tưởng. Có quan niệm cho rằng đặc trưng của người đảng viên ngày nay không phải là hy sinh vì lý tưởng như trước đây mà là biết "kết hợp hài hòa" lợi ích của chủ nghĩa xã hội và lợi ích riêng, có như vậy mới "lãnh đạo" được dân chúng, rằng "đất nước đang ở thời kỳ quá độ thì ở tiêu chuẩn người đảng viên cũng cần có tính quá độ". Tôi cho không có gì sai lầm hơn và không thể nói cách khác, đó là ngụy biện!

Ở Việt Nam, các nhà khoa học nghiên cứu về Đảng đang thảo luận đề tài *"Làm người cộng sản trong điều kiện hiện nay phải như thế nào?"*. Tôi cho rằng, đó là vấn đề thật quan trọng đáng suy nghĩ. Làm người cộng sản trong cách mạng giải phóng dân tộc thật khó, vì phải đối mặt với những thử thách cực lớn : kẻ thù thì mạnh, lực lượng cách mạng nhỏ bé, thắng lợi còn xa vời, nhưng lao tù, xiềng xích, máy chém thì đã ngay trước mắt. Tuy nhiên, đối với người cách mạng lúc ấy không có vấn đề "ngã ba đường" hay "con đường thứ ba" giữa độc lập tự do và kiếp sống nô lệ. Ngày nay, thách thức không phải cái sống, cái chết mà thuộc loại khác hẳn. Ngày nay, người cộng sản đang đối mặt với một cục diện chưa hề có từ khi *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời, đó là chủ nghĩa xã hội đã thắng trên một phần ba hành tinh lại sụp đổ cả mảng lớn, sụp đổ ngay tại nơi vốn là quê hương và thành trì của nó. Niềm tin của người cộng sản vào chủ nghĩa của mình, vào chính ngay lý do trở thành cộng sản của mình bị thử thách thật nghiêm trọng. Ngày nay, người cộng sản lại hoạt động, xây dựng xã hội mới trong môi trường kinh tế thị trường. Trong điều kiện đó, người cộng sản, như Lê-nin nói, "phải học biết buôn bán", phải "biết tính toán tiền nong cẩn thận", phải biết chiến thắng trên thị trường, nay lại là thị trường toàn cầu, quả là khó không biết bao nhiêu mà kể. Càng khó ở chỗ phải làm đúng lời Lê-nin dạy rằng đi với sói phải biết gào thét như sói nhưng không bao giờ được biến thành sói. Ở đây thế nào là *giác ngộ xã hội chủ nghĩa ?* Rõ ràng vấn đề phức tạp hơn nhiều, đặt ra những đòi hỏi cao hơn nhiều so với thời kỳ mà nhiệm vụ chủ yếu là đánh giặc. Giác ngộ xã

Digitized by Google

hội chủ nghĩa bây giờ ngoài tình cảm cách mạng cao đến mức thắng được những cám dỗ vật chất và toan tính cá nhân, phải dựa thật chắc trên *cơ sở nhận thức khoa học* nếu không thì niềm tin rất dễ bị lung lay.

Ngày nay, trong những điều kiện như đã nói trên, nhân dân đòi hỏi gì ở người cộng sản ? Tôi nghĩ, ngày nay cũng vẫn như trước đây, nhân dân cần người cộng sản vì người cộng sản đi tiên phong trong cuộc đấu tranh vì lợi ích của nhân dân, giàu hiểu biết và đủ khả năng để lãnh đạo nhân dân xây dựng cuộc sống mới tự do, ấm no, hạnh phúc. Nhân dân bao giờ cũng xuất phát từ lợi ích của chính mình mà đi theo người cộng sản. Điều cơ bản, then chốt nhất khiến cho người cộng sản được nhân dân thừa nhận là ở chỗ trong bất cứ hoàn cảnh nào người cộng sản cũng toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân, cũng đặt lợi ích chung lên trên hết và trước hết, đó là lợi ích của giai cấp, của dân tộc, của nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh có điều nhắc nhở thật chí lý : "Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân" (Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 12, tr 557-558).

Trở lại vấn đề nguy cơ đối với Đảng. Sau khi chỉ ra nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, Đại hội VIII nói rõ rằng : "Chệch hướng xã hội chủ nghĩa và quan liêu, tham nhũng vẫn đang thật sự là nguy cơ lớn. Tệ quan liêu tham nhũng và suy thoái về phẩm chất, đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên làm cho bộ máy đảng và nhà nước suy yếu, lòng tin của nhân dân đối với Đảng, đối với chế độ bị xói mòn, các chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước bị thi hành sai lệch dẫn tới chệch hướng, đó là miếng đất thuận lợi cho diễn biến hòa bình".

Xây dựng Đảng về mặt tổ chức là một nội dung cực kỳ quan trọng của công tác xây dựng Đảng hiện nay. Điều này trước hết do yêu cầu cao, do quy mô to lớn và tính chất khó khăn phức tạp của nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới đòi hỏi. Thực trạng của Đảng về mặt tổ chức cũng đang đặt ra những đòi hỏi bức xúc về mặt này. Những bài học lịch sử và quốc tế cũng dạy ta nhiều điều phải hết sức quan tâm xây dựng Đảng về mặt tổ chức.

Ở đây, nhiệm vụ hàng đầu là phải củng cố vững chắc nguyên tắc tập trung dân chủ. Tập trung và dân chủ là một mâu thuẫn thống nhất biện chứng phải thường xuyên được xử lý đúng đắn. Nhưng trong thực tiễn thường gặp không ít khó khăn khi giải quyết mối quan hệ giữa dân chủ và tập trung. Dù vậy, không nên từ đó đi đến đối lập một cách giả tạo hai mặt vốn thống nhất hữu cơ, mặt này làm tiền đề và điều kiện cho mặt kia và ngược lại. Cũng không mấy bổ ích vì không thực chất nếu đi vào tranh luận xem đúng ra nên gọi thế nào : tập trung dân chủ hay dân chủ tập trung ?

Có vấn đề chỗ này chỗ khác chế độ tập trung đang bị suy yếu. Đảng đang phải uốn nắn, điều chỉnh. Nhưng tập trung suy yếu một phần quan trọng là do thiếu dân chủ. Tình trạng hiện nay là *dân chủ trong Đảng còn bị nhiều hạn chế.* Sự tập trung quá mức, tách khỏi cơ sở dân chủ là một trong những nguyên nhân phát triển bệnh quan liêu. Sức mạnh của Đảng là ở chế độ tập trung ; tập trung càng cao thì sức chiến đấu càng mạnh nhưng đó phải là tập trung trên cơ sở dân chủ. Chỉ có tập trung trên cơ sở dân chủ, Đảng mới trở thành đội quân triệu người như một, hàng ngũ chỉnh tề, bước đi đều nhịp, chiến đấu kiên cường và sáng tạo. Thiếu dân chủ trong Đảng sẽ làm cho đảng viên trở nên thụ động, mất dần vai trò làm chủ, mất dần tính tự giác sáng tạo, nuôi dưỡng tệ quan liêu ở một bộ phận trong Đảng. Tập trung quá mức đi đến độc đoán chuyên quyền là một trong những mảnh đất nuôi dưỡng chủ nghĩa cơ hội.

Một mục tiêu lớn của đổi mới là phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Muốn thực hiện dân chủ trong xã hội thì trước hết phải bảo đảm dân chủ trong Đảng. Đã mất dân chủ trong Đảng tất cũng mất dân chủ trong xã hội. Đương nhiên dân chủ nhất thiết phải đi đôi với kỷ cương : trong Đảng là kỷ luật, ngoài xã hội là cả pháp luật. Đó là đòi hỏi tự thân của nguyên tắc tập trung dân chủ. Không thể có dân chủ, mà chỉ có hỗn loạn, ở nơi nào thiếu kỷ luật, kỷ cương, luật pháp. Nguyên tắc tập trung dân chủ căn bản đối lập một mặt

Digitized by Google

với bệnh quan liêu, độc đoán, chuyên quyền ; mặt khác với tình trạng tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô chính phủ.

Muốn phát huy dân chủ trong Đảng phải nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, nâng cao trình độ nhận thức, nâng cao tính đảng cho đảng viên và các tổ chức đảng. Song dân chủ không chỉ là vấn đề tư tưởng và nhận thức mà còn là, và trước hết là vấn đề tổ chức, cơ chế. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế dân chủ dưới sự chỉ đạo tập trung hay nói ngược lại cơ chế tập trung trên cơ sở dân chủ trong Đảng là vấn đề rất quan trọng và cấp bách hiện nay.

Đảng Cộng sản Việt Nam kiên trì nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt đảng, chống mọi biểu hiện vi phạm quyền dân chủ, chống lối dân chủ hình thức cũng như chống sự lợi dụng dân chủ để mưu cầu ý đồ và lợi ích riêng. Dân chủ trước hết phải được thể hiện trong quá trình xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách. Dân chủ trong công tác cán bộ, nhân sự là vấn đề hết sức quan trọng và nhạy cảm. Dân chủ phải được thực hiện trong sinh hoạt đảng, từ chi bộ đến các cơ quan lãnh đạo ở các cấp. Cần có hình thức, cơ chế bảo đảm quyền của đảng viên được thông tin, được tham gia quá trình quyết định các chủ trương, đường lối của Đảng, được phê bình, chất vấn và trả lời trong sinh hoạt đảng, quyền bảo lưu ý kiến. Đảng đòi hỏi đảng viên phải nói và làm đúng đường lối, nghị quyết của Đảng sau khi được thông qua một cách dân chủ và đúng nguyên tắc tập trung. Đó là điều tối thiểu để Đảng thực hiện được vai trò tiên phong lãnh đạo quần chúng, là đòi hỏi của chính nguyên tắc tập trung dân chủ. Đảng là đội quân chiến đấu cách mạng, là tổ chức hành động chứ không phải một câu lạc bộ. Những bài học trong phong trào cộng sản quốc tế cho thấy giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ là sinh mệnh của Đảng, thiếu nó thậm chí Đảng không còn tồn tại như một tổ chức.

Đại hội Đảng và Hội nghị đảng bộ các cấp, sinh hoạt quan trọng nhất của Đảng, phải thể hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Đại hội cấp trên là tấm gương cho đại hội cấp dưới về phương diện bảo đảm dân chủ trong nội bộ Đảng. Đây là điều mà toàn Đảng ta đang rất quan tâm trong quá trình Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Cùng với xây dựng Đảng về chính trị, về tư tưởng, việc xây dựng Đảng về tổ chức theo hướng mở rộng dân chủ tăng cường kỷ luật, tất cả những nỗ lực trên đều nhằm giữ vững và tăng cường đoàn kết trong Đảng, nâng cao sức chiến đấu của Đảng, chuẩn bị để toàn Đảng bước vào thế kỷ mới, hoàn thành những nhiệm vụ hết sức nặng nề.

Để làm tròn sứ mệnh *một đảng cầm quyền*, Đảng luôn ghi nhớ lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

"Bao nhiêu lợi ích đều vì dân,

Bao nhiêu quyền hạn đều của dân,

Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân.

Chính quyền từ xã đến trung ương do dân cử ra.

Đoàn thể từ trung ương đến xã do dân tổ chức nên.

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân".

(Hồ Chí Minh : Toàn tập, t 5, tr. 698).

Những năm gần đây, Đảng có những nỗ lực lớn để *tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với nhân dân*. Hoạt động của Quốc hội và các Hội đồng nhân dân có nhiều cố gắng đổi mới khiến cho nền dân chủ đại diện ngày càng có thực chất. Cuộc vận động xây dựng dân chủ trực tiếp ở cơ sở là sáng kiến được dân hoan nghênh và nhiều nơi triển khai bước đầu có kết quả. Hoạt động của các đoàn thể chính trị - xã hội và nghề nghiệp cũng có những tiến bộ được ghi nhận. Tuy vậy, bên cạnh những ưu điểm đó, trong phương pháp và phong cách lãnh đạo của Đảng còn nhiều khuyết điểm cần khắc phục. Tồn tại lớn nhất là tệ quan liêu, tham nhũng phát triển, đây là nguyên nhân chính làm giảm sút niềm tin của nhân dân đối với Đảng, làm yếu mối liên hệ giữa Đảng và nhân dân, làm suy yếu vai trò lãnh đạo của Đảng.

Trên thực tế hiện nay, không phải tất cả các lợi ích đều vì dân. Một số tài sản quốc gia và của nhân dân bị bọn tham nhũng, những kẻ vô trách nhiệm - phần lớn là có chức, có quyền - chiếm

Digitized by Google

đoạt và làm thất thoát. Có những vụ ăn cắp tài sản quốc gia hàng ngàn tỉ đồng. Một số không ít cán bộ, đảng viên có chức, có quyền đã và đang làm giàu bất chính, tiêu tiền như rác, vì đó là "tiền chùa". Quan liêu, tham nhũng làm cho nhân dân căm phẫn. Tồn tại này nếu không được khắc phục có hiệu quả thì không có gì bảo đảm rằng Đảng sẽ giữ vững vai trò lãnh đạo.

Trên thực tế chưa phải tất cả quyền hạn đều của dân. Nhân dân chưa được thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của mình, một mặt do cuộc đấu tranh chống quan liêu, chống các hành vi cửa quyền, nhũng nhiễu, ức hiếp nhân dân chưa đủ kiên quyết, triệt để ; mặt khác, do cơ chế dân chủ XHCN chưa hoàn thiện. Còn thiếu những cơ chế, những quy định rõ ràng cụ thể trong quan hệ Đảng - Nhà nước, nhằm nâng cao trách nhiệm lãnh đạo của Đảng, phát huy đầy đủ hiệu lực quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước. Cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý chưa được cụ thể hóa và thể chế hóa đầy đủ. Không những có hiện tượng Đảng bao biện làm thay chính quyền, mà còn có hiện tượng ngược lại là Đảng buông lỏng sự lãnh đạo các tổ chức nhà nước. Một số người phụ trách cơ quan nhà nước thiếu tính Đảng thường nhân danh "pháp luật là tối thượng" không coi trọng sự chỉ đạo của tổ chức đảng. Trong hệ thống tổ chức bộ máy giữa Đảng và Nhà nước có hiện tượng trùng lặp, chồng chéo đang cố gắng tìm cách giải quyết song nhiều khi còn lúng túng hoặc thiếu quyết tâm. Một trong những nguyên nhân khiến một số cơ quan nhà nước lạm dụng quyền lực được nhân dân giao phó, tách rời nhân dân và dễ quan liêu hóa là do thiếu sự lãnh đạo, sự kiểm tra giám sát của cơ quan đảng có trách nhiệm lãnh đạo trực tiếp.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã và đang thi hành những biện pháp đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng, phát huy đầy đủ hiệu lực quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước. Đảng đang tăng cường việc lãnh đạo và kiểm tra cán bộ, đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước nhằm làm cho họ thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn được giao, kịp thời và kiên quyết xử lý về phương diện đảng và về phương diện nhà nước - một cách đúng thủ tục pháp lý - những đảng viên có chức, có quyền trong cơ quan nhà nước có sai phạm.

Trong công cuộc đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh dân chủ hóa xã hội chủ nghĩa trong điều kiện một đảng cầm quyền, vai trò các đoàn thể nhân dân và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày càng quan trọng. Để tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước, quyền làm chủ của nhân dân, Đảng chủ trương phát huy hơn nữa quyền làm chủ, vai trò chủ động sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong tham gia phản biện xã hội, trong quản lý Nhà nước và vận động nhân dân thực hiện các đường lối chủ trương của Đảng, thắt chặt mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân.

Mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân được thể hiện trước hết ở việc xây dựng các chủ trương chính sách hợp lòng dân, bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân. Để tăng cường mối quan hệ đó, các tổ chức đảng và chính quyền, các cán bộ, đảng viên phải hết sức coi trọng công tác dận vận, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân góp ý kiến xây dựng các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước, để nhận dân phê bình cán bộ, đảng viên, giới thiệu những người ưu tú để Đảng xem xét, kết nạp, giới thiệu những người có đức có tài để được bầu vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và đoàn thể.

Vấn đề xây dựng Đảng, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng là một trong những vấn đề quan trọng nhất của Đại hội Đảng lần thứ IX, vì đó là vấn đề then chốt có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của sự nghiệp đổi mới. Chúng tôi tin tưởng rằng những nghị quyết, những tư tưởng chỉ đạo của Đại hội sẽ thúc đẩy bước chuyển biến mới trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, làm cho Đảng ngày càng vững mạnh và trong sạch, đủ sức lãnh đạo và tổ chức nhân dân vượt qua mọi khó khăn thử thách, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng do Đảng đề ra cho giai đoạn mới, đưa đất nước vững bước vào thế kỷ XXI, đáp ứng lòng mong mỏi của nhân dân. ❑

Digitized by Google

KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN VÀ QUAN HỆ GIAI CẤP TRONG CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

QUANG CẬN

CÁCH mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta diễn ra trong điều kiện lực lượng sản xuất còn rất thấp, chưa có sự phân hóa thành hai giai cấp đối địch là vô sản và tư bản. Ở đây không phải là yêu cầu giải phóng lực lượng sản xuất khỏi quan hệ sản xuất ; trái lại trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, phải phát triển kinh tế tư bản trong quỹ đạo chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản. Trong công cuộc đổi mới hiện nay theo con đường xã hội chủ nghĩa, Đảng ta chủ trương xây dựng và phát triển một nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa với vị trí, vai trò của mỗi thành phần như chúng ta đã biết. Đây là một nhiệm vụ mới, rất mới xuất phát từ đặc điểm của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta và theo tư duy mới của Đảng ta về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, đòi hỏi có nhận thức mới, đúng đắn về mối quan hệ giai cấp ở Việt Nam hiện nay - đương nhiên bao gồm cả mối quan hệ dân tộc và giai cấp nữa.

Nền kinh tế nhiều thành phần phản ánh cơ cấu giai cấp - xã hội cùng trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và yêu cầu giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất ở nước ta vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nó cũng phản ánh *đường lối đại đoàn kết dân tộc* của Đảng, động viên sức mạnh của toàn dân, của mọi giai cấp và tầng lớp nhân dân trong cộng đồng dân tộc xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Nền kinh tế đó là cơ sở vật chất, cơ sở lợi ích để thống nhất dân tộc trong cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Sự vật nào cũng là sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập. Đại đoàn kết dân tộc trong điều kiện của nước ta cũng vậy. Mỗi thành phần kinh tế - được xác định thuộc thành phần nào là do hình thức sở hữu chi phối trong đó (trong sự đan xen, hỗn hợp của nhiều hình thức sở hữu khác nhau) và có một giai cấp hoặc tầng lớp đại diện cho nó. *Sự phát triển của nền kinh tế nhiều thành phần tất yếu đưa tới sự phân tầng xã hội và phân hóa giai cấp, thể hiện trong mối quan hệ giai cấp và đấu tranh giai cấp mà Đảng và Nhà nước ta phải xử lý.*

Mối quan hệ đó có đặc điểm riêng : có thống nhất và mâu thuẫn, có đoàn kết và đấu tranh, có hợp tác thi đua và cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường cũng như trên các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Thống nhất và mâu thuẫn trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thống nhất và mâu thuẫn về lợi ích ; trong các thành phần kinh tế khác nhau, cùng với hình thức sở hữu chi phối, còn xen kẽ và thâm nhập các hình thức sở hữu khác (của các tầng lớp nhân dân khác, của các giai cấp khác). *Giai cấp và đấu tranh giai cấp cũng như quan hệ giai cấp và dân tộc về mặt kinh tế, ở đây chính là xử lý các thành phần kinh tế trong nền kinh tế quốc dân của toàn dân tộc, cũng như trong quan hệ kinh tế đối ngoại,* hội nhập nền kinh tế thế giới trên cơ sở một nền kinh tế độc lập tự chủ của Việt Nam, bảo đảm độc lập và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh lấy liên minh công nhân, nông dân và trí

Digitized by Google

thức làm nền tảng dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân. Như vậy, về kinh tế, phải làm sao *xây dựng cho kinh tế nhà nước ngày càng làm tốt vai trò chủ đạo và bảo đảm kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể (kinh tế hợp tác xã)* dần dần trở thành nền tảng của nền kinh tế nhiều thành phần, đưa nền kinh tế phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, không chệnh sang quỹ đạo tư bản chủ nghĩa. Đảng và Nhà nước ta phải có chiến lược xây dựng nền kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác xã làm nền tảng, đi đôi với khuyến khích các thành phần kinh tế khác cùng phát triển trong hành lang pháp luật của Nhà nước ta. Phải khuyến khích mọi người dân sản xuất, kinh doanh làm giàu chính đáng.

Trong trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ở Việt Nam, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa không những không kìm hãm mà còn góp phần tích cực thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất. Do vậy, giữa công nhân và nhà tư bản có sự thống nhất về lợi ích (thống nhất trong mâu thuẫn) ; nhà nước xã hội chủ nghĩa phải bằng hệ thống pháp luật và chính sách đúng đắn khuyến khích kinh tế tư nhân nói chung và kinh tế tư bản tư nhân nói riêng phát triển, làm ăn hợp pháp, có lợi cho quốc kế dân sinh, có lợi cho nhà tư bản, có lợi cho chủ nghĩa xã hội, chống những cách làm ăn phi pháp theo con đường tư bản chủ nghĩa. Trong điều kiện của nước ta, nhà tư bản dù đầu tư phát triển kinh tế tư bản tư nhân hoặc tham gia kinh tế tư bản nhà nước (cũng như vào các thành phần kinh tế khác nữa), thì đều có lợi nhuận bền vững. Tính khả thi của đường lối, chính sách chính là ở chỗ đó. Lợi ích của giai cấp công nhân, của dân tộc, của chủ nghĩa xã hội cũng có trong đó.

Giai cấp tư sản dân tộc tất yếu hình thành dần trong nền kinh tế nhiều thành phần hiện nay ở nước ta, nhưng không giống như sự phân chia tư bản và vô sản thành hai giai cấp cơ bản đối địch nhau (tuy vẫn có mặt thống nhất với nhau) như ở các nước tư bản phát triển. Trên chừng mực nhất định, nó giống như sự hình thành bộ phận giai cấp tư sản trong công nghiệp và mối quan hệ chủ - thợ thời kỳ tư bản chủ nghĩa mới phát triển trong lòng chế độ phong kiến ở châu Âu. Vào thời kỳ đó, chủ thoát thai từ thợ mà lên, tự mình lao động mà thành, cùng tham gia lao động với thợ (không chỉ lao động quản lý). Nhiều nhà tư tưởng tư sản coi cả chủ và thợ khi ấy là "đẳng cấp thứ ba" (sau hai đẳng cấp quý tộc và tăng lữ). Các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng cũng coi cả nhà tư bản và công nhân khi ấy là "các nhà kỹ nghệ". Đương nhiên chủ nghĩa Mác luôn luôn làm rõ quan hệ tư bản - lao động, nhưng xác định vai trò tích cực hay tiêu cực của nó đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất trong những điều kiện lịch sử nhất định.

Có thể thấy mối quan hệ tương tự trong nhiều doanh nghiệp tư bản tư nhân ở nước ta, ở đó doanh nhân tư bản Việt Nam mới, nhiều người xuất thân từ người lao động, vốn đi vay, nhưng biết làm ăn và thực sự chịu khó làm ăn, "tự thân vận động" mà thành. Mối quan hệ khá tốt giữa chủ trang trại và người làm công trong trang trại tư bản tư nhân cũng chứng minh điều đó. Đương nhiên không nên chỉ thấy màu hồng, hoặc màu đen. Ở đây vừa có đoàn kết và hợp tác giai cấp, vừa có đấu tranh giai cấp nhưng khó mà nói đấu tranh giai cấp là chính.

Trong các doanh nghiệp tư bản tư nhân trong nước và cả doanh nghiệp có vốn nước ngoài, đã diễn ra những tiêu cực trong quan hệ chủ thợ, quan hệ nhà tư bản và nhà nước xã hội chủ nghĩa, quan hệ doanh nghiệp tư bản tư nhân với các tổ chức kinh tế, các thành phần kinh tế khác, những tiêu cực này vốn thuộc bản chất của chủ nghĩa tư bản. Song những tiêu cực đó khó phát triển nhiều trong điều kiện có Nhà nước của ta (đương nhiên còn phụ thuộc vào trình độ quản lý và phẩm chất của bộ máy nhà nước ta). Điều quan trọng cần nhận rõ là lợi ích chung của cả chủ và thợ, của cả nhà tư bản và nhà nước xã hội chủ nghĩa trong lợi nhuận tư bản chủ nghĩa của doanh nghiệp. Ở đây cũng vừa có đoàn kết và hợp tác giai cấp vừa có đấu tranh giai cấp, vừa

(Xem tiếp trang 32)

Digitized by Google

ĐỔI MỚI CƠ CẤU ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN MỤC TIÊU CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

PHẠM VĂN HÙNG *

I - Thực trạng cơ cấu đầu tư nước ta trong giai đoạn vừa qua.

Sau hơn mười năm thực hiện công cuộc đổi mới, tình hình đầu tư nước ta đã đạt được một số thành tựu đáng ghi nhận. Thời kỳ 1986 - 1990, vốn đầu tư toàn xã hội tăng bình quân hằng năm gần 8%, thời kỳ 1991 - 1995 tăng 29,1% và thời kỳ 1996 - 2000 tăng khoảng 17% ; trong đó có một số năm tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư đạt trên 40%, riêng năm 1993 đạt 46,7%. Đây là một trong những nhân tố quan trọng đóng góp vào sự tăng trưởng của Việt Nam thời gian qua.

Trong những năm đổi mới vừa qua, Nhà nước đã có các chính sách huy động tổng lực các nguồn vốn đầu tư. Thời kỳ 1991 - 1995, tổng vốn đầu tư phát triển huy động là 229 300 tỉ đồng (giá 1995) tương đương 20,8 tỉ USD. Thời kỳ 1996 - 2000, tổng vốn đầu tư phát triển ước đạt 430 000 tỉ đồng (giá 1995) tương đương 37 tỉ USD. Cơ cấu nguồn vốn đã được đa dạng hóa. Bên cạnh nguồn vốn ngân sách nhà nước còn có các nguồn vốn khác ngày càng đóng vai trò tích cực như : vốn tín dụng nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước, vốn của dân cư và vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Cơ cấu vốn đầu tư này đã bước đầu tỏ ra phù hợp với cơ chế xóa bỏ bao cấp trong đầu tư và theo hướng phát triển nền kinh tế nhiều thành phần.

Về giá trị tương đối, vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP có xu hướng gia tăng. Những năm cuối thập niên 80, vốn đầu tư toàn xã hội chỉ đạt 8 - 9% GDP thì đến năm 1991 đã đạt 15,22% và năm 1995 đạt 26,9%, đến năm 1998 đã đạt 27,2%.

Bảng 1 : Cơ cấu vốn đầu tư theo nguồn vốn (giai đoạn 1991 - 2000)

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	100%
Vốn ngân sách nhà nước	21,2%
Vốn tín dụng đầu tư	12,7%
Vốn đầu tư doanh nghiệp nhà nước	13,4%
Vốn đầu tư tư nhân và dân cư	27,1%
Đầu tư trực tiếp nước ngoài	25,6%
Nguồn : Viện nghiên cứu chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	

Với mục tiêu đổi mới, Nhà nước ta đã có những chính sách đầu tư cần thiết để tạo điều kiện cho các ngành kinh tế phát triển, ưu tiên tương đối thỏa đáng cho các ngành kinh tế mũi nhọn như giao thông - vận tải, bưu chính - viễn thông... Nhà nước cũng có những ưu tiên nhất định đối với các ngành công nghiệp cơ bản, những ngành theo đánh giá là sẽ tạo thế và đà cho nền kinh tế và các ngành khác phát triển. Chẳng hạn, đầu tư tập trung ở mức trên 50% tổng vốn đầu tư toàn ngành cho lĩnh vực điện, gần 15% cho ngành vật liệu xây dựng và gần 10% cho ngành chế biến thực phẩm.

Đối với cơ cấu vùng lãnh thổ, trong những năm 1991 - 2000, cơ cấu đầu tư được phân bổ như sau :

Bảng 2 : Cơ cấu đầu tư phân theo vùng lãnh thổ

Miền núi phía Bắc	7,6%
Vùng đồng bằng sông Hồng	26,0%
Vùng Bắc Trung Bộ	9,0%
Vùng Duyên hải miền Trung	11,7%
Vùng Đông Nam Bộ	27,5%
Vùng đồng bằng sông Cửu Long	15,6%
Nguồn : Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	

Về cơ bản, cơ cấu đầu tư theo vùng lãnh thổ đã có những bước chuyển biến đáng kể. Trong thời kỳ 1991 - 1998, khoảng 531 nghìn tỉ đồng đầu tư cho các vùng khó khăn (vùng núi phía Bắc và Tây Nguyên) chiếm khoảng 13,3% tổng vốn đầu tư và

* Giảng viên Trường đại học Kinh tế quốc dân

Digitized by Google

tăng bình quân khoảng 26%/năm. Vùng kinh tế tương đối phát triển (đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ) chiếm 52,89% tăng bình quân khoảng 22%/năm. Vùng chậm phát triển (Bắc Trung Bộ, Duyên hải miền Trung) chiếm 33,82% tăng bình quân khoảng 12,7%/năm.

Do chuyển biến về cơ cấu đầu tư, nên cơ cấu kinh tế đã có những bước chuyển đáng kể theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tỷ trọng đóng góp của nhóm ngành nông, lâm và thủy sản trong GDP giảm từ 38,7% năm 1990 xuống còn 25,43% năm 1999 ; tương ứng trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng tăng từ 22,7% lên 34,49% và tỷ trọng của khu vực dịch vụ từ 38,6% lên 40,08%.

Bảng 3 : Tỷ trọng đóng góp của các ngành trong GDP, %

Năm	1990	1993	1996	1999
Tỷ trọng nông, lâm, thủy sản	38,7	29,8	27,2	25,13
Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng	22,7	28,9	30,7	34,39
Tỷ trọng dịch vụ	38,6	41,3	42,1	40,48

Nguồn : Viện nghiên cứu chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận, hoạt động đầu tư và cơ cấu đầu tư vẫn còn một số hạn chế. Nhìn chung quy mô vốn có tăng và nguồn huy động đã được đa dạng hóa song hoạt động đầu tư vẫn chưa đủ sức để điều chỉnh cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy lợi thế so sánh, tăng khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, đáp ứng yêu cầu hội nhập.

Đối với vốn đầu tư tư nhân và dân cư trong những năm đầu của thời kỳ đổi mới chiếm tỷ trọng khá cao trong cơ cấu đầu tư (thời kỳ 1986 - 1990 là 46,9%) nhưng từ năm 1994 có xu hướng giảm đi (thời kỳ 1996 - 1998 chỉ còn 27,5%) chứng tỏ các chính sách và môi trường đầu tư chưa thật sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư để họ an tâm bỏ vốn. Thực tế cho thấy nhu cầu vốn đầu tư của xã hội rất lớn nhưng tại các ngân hàng lại xảy ra tình trạng ứ đọng vốn.

Đối với vốn ngân sách nhà nước, đây là nguồn vốn vẫn chiếm tỷ trọng tương đối cao trong tổng quy mô vốn đầu tư. Tuy nhiên, bản thân nguồn vốn này lại có những mặt hạn chế ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả hoạt động đầu tư như dàn trải, thiếu quy hoạch và dự báo thiếu chính xác. Việc lập kế hoạch và xây dựng cơ cấu đầu tư vẫn còn nặng tính chủ quan, duy ý chí. Các kế hoạch về đầu tư không linh hoạt, chậm được đổi mới và đặc biệt trong quá trình triển khai thực hiện lại có nhiều sai sót gây lãng phí nguồn lực.

Cơ cấu đầu tư theo ngành và vùng vẫn còn bất hợp lý. Một số ngành, vùng, lĩnh vực được đầu tư lớn (đồng bằng sông Hồng, vùng Đông Nam Bộ...) trong khi một số vùng đã bị hạn chế về cơ sở hạ tầng (vùng núi phía Bắc, Tây Nguyên...) hoặc một số ngành quan trọng như nông nghiệp, giáo dục, y tế chưa được đầu tư tương xứng. Đối với nông nghiệp (bao gồm cả lâm sản và thủy sản), trong thời kỳ 1991 - 1998 đầu tư chỉ đạt 7,94%.

Những tồn tại nêu trên làm ảnh hưởng đến việc phát huy lợi thế của nền kinh tế nói chung và của mỗi vùng và mỗi địa phương nói riêng. Trong một số trường hợp ở một số ngành, địa phương và đơn vị đầu tư khi tiến hành đầu tư chưa tính toán cân nhắc kỹ càng, gắn sản xuất với tiêu thụ... dẫn đến tình trạng lãng phí, thất thoát lớn ảnh hưởng đến hiệu quả và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế.

Vì vậy, việc đổi mới cơ cấu đầu tư trong giai đoạn tới là một yêu cầu cấp bách nhằm tiếp tục thúc đẩy nhịp độ tăng trưởng kinh tế, đáp ứng yêu cầu hội nhập và thực hiện thành công chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta.

II - Quan điểm và giải pháp đổi mới cơ cấu đầu tư đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

1 - Cơ cấu đầu tư không những bảo đảm mục tiêu phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước mà còn từng bước tiếp cận nền kinh tế tri thức.

Mục tiêu của chính sách công nghiệp hóa trong giai đoạn này là phải làm thay đổi căn bản trong cơ cấu kinh tế - xã hội. Công nghiệp hóa phải dựa trên cơ sở của kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là vấn đề thể chế phù hợp xu thế phát triển chung và không thể đảo ngược. Như vậy, công nghiệp hóa Việt Nam phải là sự kết hợp của ba quá trình được tiến hành song song và gắn bó chặt chẽ với nhau. Cơ cấu đầu tư trong giai đoạn này cũng phải nhằm mục tiêu thực hiện ba quá trình đó là : Chuyển từ một nền kinh tế vẫn còn mang nặng tính hành chính sang nền kinh tế thị trường năng động. Chuyển từ một nền kinh tế nông nghiệp sang một kinh tế công nghiệp. Đi tắt đón đầu xây dựng một số yếu tố để tiến tới nền kinh tế tri thức.

Digitized by Google

Để thực hiện các mục tiêu trên, cần chuyển đổi cơ cấu đầu tư theo hướng công nghiệp hóa, đồng thời trong giai đoạn trước mắt, chú trọng đầu tư đúng mức cho nông nghiệp và khu vực nông thôn, biến nông nghiệp nước ta thành nền kinh tế hàng hóa, hướng tới thị trường thế giới. Đặc biệt, trong giai đoạn này cần phải cơ cấu lại toàn bộ nền nông nghiệp theo hướng sắp xếp theo từng ngành, nhóm ngành hàng, tổ chức khai thác tốt hơn các tiềm năng và lợi thế của từng vùng và của cả nước. Sản phẩm làm ra phải có tính cạnh tranh, gắn sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến, gắn chế biến với tiêu thụ theo đúng tiêu chuẩn của thị trường thế giới. Dần dần hạ thấp tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm thô và sơ chế trong cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam.

Muốn phát triển nền kinh tế tri thức, phải đầu tư thỏa đáng cho việc phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn, các ngành có hàm lượng trí tuệ và tri thức ở mức độ cao, không nên tập trung vào các ngành mà "cung" trên thị trường đã quá dư thừa. Đầu tư mạnh mẽ cho giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ để xây dựng nguồn nhân lực của Việt Nam đủ năng lực đưa nền kinh tế nước ta hướng tới nền kinh tế tri thức.

2 - Bảo đảm sự phát triển hợp lý giữa các vùng, xây dựng các vùng trọng điểm.

Giữa các vùng, khi xây dựng cơ cấu đầu tư phải bảo đảm sự chuyển dịch giữa chúng có sự đồng bộ, cân đối và phát huy được lợi thế so sánh của từng vùng. Tạo điều kiện cho các vùng nghèo khó có cơ hội phát triển.

Tuy nhiên, để tạo thế và lực trong phát triển, cần xây dựng một số vùng kinh tế trọng điểm (không nên dàn trải làm phân tán nguồn lực). Giữa các vùng vừa tận dụng lợi thế của mình vừa tạo nên sự liên kết, thúc đẩy, hỗ trợ nhau cùng phát triển. Thực hiện tốt chính sách dân số, phát triển, giải quyết việc làm cho người lao động là biện pháp quan trọng để nâng khả năng tích lũy nhằm phát triển kinh tế.

Để bảo đảm sự hợp lý khi xác định cơ cấu đầu tư giữa các vùng, cần xem xét các đặc tính xã hội, các điều kiện kinh tế, các điều kiện về tự nhiên. Trong điều kiện hiện tại, khu vực các thành phố lớn vẫn là trung tâm phát triển công nghiệp. Vùng này dân số chỉ chiếm khoảng 14% nhưng đã thu hút hơn 70% vốn đầu tư tư nhân. Do vậy trong thời gian tới việc huy động vốn đầu tư cần thực hiện theo hướng mở rộng liên kết với các tỉnh lân cận, hình thành các vùng kinh tế trọng điểm, có khả năng phát triển và có lợi thế so sánh, tạo sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Các vùng kinh tế trọng điểm sẽ là đầu tàu phát triển của cả quốc gia.

3 - Đổi mới cơ cấu đầu tư gắn liền với việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước và kết hợp hài hòa giữa nguồn vốn trong nước và vốn nước ngoài.

Đối với vốn đầu tư của Nhà nước, chỉ nên tập trung vào các ngành then chốt của nền kinh tế, những ngành có tính đột phá tạo đà cho các ngành khác phát triển. Về lý thuyết, vốn ngân sách nên đầu tư vào các ngành có hệ số ICOR thấp, bởi vì khả năng vốn ngân sách còn hạn chế, chọn những ngành có ICOR thấp thì hiệu quả cạnh tranh sẽ cao hơn bởi các ngành này có thể thu hút nhiều lao động.

Việc xây dựng cơ cấu đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách phải nhằm 3 mục đích : sản phẩm làm ra nhiều, doanh số lớn và hiệu quả kinh tế cao. Để nâng cao hiệu quả vốn ngân sách công tác lập kế hoạch đầu tư phải cải cách một bước. Ở đây, kế hoạch đầu tư không chỉ nhằm vào vốn ngân sách - nguồn vốn có thể tác động trực tiếp mà còn phải thông qua một số công cụ điều tiết vĩ mô để khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư theo định hướng mà Nhà nước ưu tiên.

Mục tiêu phát triển giai đoạn tới là Việt Nam phải sẵn sàng bước vào nền kinh tế toàn cầu với tư thế chủ động, giữ ổn định và bảo vệ chủ quyền độc lập. Vì vậy, ngoài chính sách thu hút đầu tư nước ngoài thỏa đáng, cần tập trung vào khai thác nguồn nội lực. Dự kiến, trong 5 năm từ 2001 - 2005, nguồn vốn trong nước sẽ chiếm khoảng từ 60 - 70% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Vốn đầu tư nước ngoài sẽ chỉ chiếm từ 30 - 40%. Với quan điểm như vậy, đầu tư trong giai đoạn tới sẽ có điểm tựa vững vàng để khai thác tối đa nguồn nội lực, hấp thụ có hiệu quả nguồn ngoại lực và tạo sự kết dính giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội.

4 - Coi trọng quan hệ cung cầu trong nền kinh tế thị trường.

Trong quá trình xây dựng cơ cấu đầu tư hợp lý phải coi trọng các yếu tố thị trường. Hoạt động đầu tư nên cải tiến theo hướng thu hẹp phạm vi đầu tư dựa trên những quyết định hành chính của cơ quan nhà nước. Mở rộng phạm vi đầu tư do các tổ chức sản xuất kinh doanh lựa chọn trên cơ sở định hướng của Nhà nước và thực tiễn vận động của thị trường. Các dự án nên tập trung làm tốt khâu nghiên cứu thị trường. Xác định khả năng cung ứng và nhu cầu tiềm năng nhằm tránh trường hợp mất cân đối cung

Digitized by Google

cầu ảnh hưởng đến tình hình đầu tư và sản xuất như một số mặt hàng trong thời gian vừa qua dẫn đến các tác động tiêu cực làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế. Các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư không nên can thiệp quá sâu vào hoạt động đầu tư cụ thể mà tập trung sức làm tốt việc dự báo, cung cấp thông tin kinh tế, định hướng đầu tư, kiểm tra công tác quản lý đầu tư ở cơ sở.

5 - Xây dựng và nâng cao chất lượng quy hoạch đầu tư tổng thể với một cơ cấu đầu tư hợp lý.

Cơ cấu đầu tư hợp lý trước hết phải được xây dựng trên cơ sở lợi thế so sánh của đất nước, của địa phương và phải gắn với quy hoạch vùng, quy hoạch lãnh thổ, đặc biệt là quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội thống nhất giữa các khu vực và các ngành trên địa bàn. Phải tính đến yêu cầu hội nhập khu vực và thế giới.

Quy hoạch đầu tư tổng thể phải gắn với quy hoạch, kế hoạch về sản phẩm và thị trường của từng ngành. Các quy hoạch, kế hoạch đầu tư được xây dựng trên cơ sở coi trọng công tác điều tra nghiên cứu thị trường và các dự báo thay đổi của thị trường. Đánh giá đầy đủ nguồn lực tự nhiên, các thay đổi về thể chế, chính sách và gắn quy hoạch, kế hoạch với chính sách và các giải pháp thực hiện.

Khi xây dựng kế hoạch, quy hoạch đầu tư không chỉ tính riêng đối với nguồn vốn ngân sách. Để bảo đảm hiệu quả và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế luôn thay đổi trong điều kiện khoa học - kỹ thuật phát triển, cơ cấu đầu tư phải được điều chỉnh linh hoạt, kịp thời nhằm tạo ra sự uyển chuyển khi thực hiện quá trình đầu tư. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tốc độ tăng trưởng giảm sút trong một vài năm gần đây là sự kém linh hoạt trong cơ cấu đầu tư.

Trong dài hạn, nên xây dựng những chương trình quy hoạch, đầu tư có quy mô lớn, tập trung vào những ngành, những vùng, những khu vực có tác động mạnh mẽ đến tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hiện đại hóa sản xuất và tạo nhiều công ăn việc làm.

Tóm lại, trên cơ sở phân tích và đánh giá thực tiễn đầu tư trong thời gian qua, chúng ta có thể kết luận rằng cơ sở đổi mới cơ cấu đầu tư là phải đáp ứng được mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với trọng tâm là giải phóng sức sản xuất, động viên tối đa mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài cho đầu tư phát triển. Đồng thời, cần tận dụng lợi thế so sánh, tăng năng lực cạnh tranh của hàng Việt Nam trên thị trường quốc tế, chủ động hội nhập khu vực và thế giới một cách có hiệu quả. ❑

KINH TẾ...

(Tiếp theo trang 28)

có thống nhất, vừa có mâu thuẫn giữa nhà tư bản và công nhân và cả giữa nhà tư bản và Nhà nước ta. Điều đó thể hiện trong việc chủ - thợ và Nhà nước cùng lo phát triển lợi nhuận của doanh nghiệp, đi đôi với khắc phục những tiêu cực nằm trong bản chất của chủ nghĩa tư bản (làm ăn phi pháp, trốn, lậu thuế, ngược đãi công nhân...).

Như vậy, xét về bản chất thì chủ nghĩa tư bản đối lập với chủ nghĩa xã hội, nhưng trong điều kiện cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, khi giai cấp công nhân đã làm chủ, đã trở thành dân tộc, tuy vẫn có vấn đề giai cấp công nhân và giai cấp tư sản, nhưng nổi lên lại là mặt thống nhất, còn mặt mâu thuẫn thì biểu hiện chủ yếu ở cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa (gắn liền với mâu thuẫn giữa độc lập dân tộc và dân tộc phụ thuộc vào nước ngoài). Không phải Nhà nước ta chủ trương chống chủ nghĩa tư bản nói chung mà là chống những tiêu cực vốn thuộc bản chất của chủ nghĩa tư bản nằm trong thành phần kinh tế tư bản tư nhân cũng như trong các thành phần kinh tế khác, chống khuynh hướng tự phát tư bản chủ nghĩa và chệch đường sang con đường của chủ nghĩa tư bản ; chống những biểu hiện của tư tưởng tư sản trong chính trị, đạo đức, lối sống.

Nhiệm vụ lịch sử của Nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam để giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp này là *phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, gắn liền với xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp ; đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, trước tiên là công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, khắc phục cho được lạc hậu và nghèo nàn ; tăng cường liên minh công nông và trí thức về kinh tế trong khối đại đoàn kết của toàn dân tộc.* ❑

Digitized by Google

ĐỂ HIỂU THÊM VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA QUA CÁCH NHÌN NHẬN CỦA ĐẢNG

LƯƠNG QUỲNH KHUÊ *

"VĂN hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội" (1).

Quan điểm trên đề cập tới nhiều nội dung mới về chức năng xã hội của văn hóa, đặt văn hóa trong nhiều mối quan hệ để khẳng định vai trò của nó đối với sự phát triển và tiến bộ xã hội. Cụ thể là : trong quan hệ với đời sống tinh thần của một xã hội thì văn hóa là nền tảng quyết định đời sống tinh thần ấy, trong quan hệ với sự phát triển kinh tế - xã hội thì văn hóa vừa là mục tiêu cuối cùng vừa là động lực bên trong của chính quá trình phát triển.

Đây là những nhận thức mới, bổ sung thêm sự hiểu biết về các chức năng xã hội của văn hóa, về quan hệ giữa văn hóa và phát triển. Tuy nhiên, những vấn đề này cần được phân tích, làm rõ thêm cơ sở khoa học của nó. Đây là một việc không dễ nhưng rất hữu ích về cả lý luận và thực tiễn. Trong bài này, căn cứ vào bản chất, cấu trúc bên trong của văn hóa, xin được góp vài lời phân tích cặp quan hệ đầu tiên : "Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội".

Ở đây, văn hóa cần được hiểu là hệ thống những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra vì cuộc sống của mình và tiến bộ xã hội. Những sản phẩm đi ngược lại lợi ích chân chính của con người bị coi là những phản giá trị, phản văn hóa. Sáng tạo văn hóa là quá trình con người tự hóa thân vào sản phẩm, tự bộc lộ trí tuệ, cảm xúc, sự tinh tế - khéo léo, những quan niệm, những hiểu biết về thế giới... mà điều này không hoàn toàn giống nhau giữa các giai đoạn của lịch sử cũng như các khu vực, các dân tộc v.v.. Bởi vậy, đến lượt nó, văn hóa vừa là tấm gương soi - thước đo trình độ phát triển vừa in đậm dấu ấn riêng của mỗi dân tộc. Về cấu trúc và phạm vi của văn hóa, có nhiều cách nhìn nhận khác nhau tùy phương pháp tiếp cận và mục đích của người nghiên cứu. Chẳng hạn : dựa trên hai lĩnh vực sản xuất chủ yếu của loài người, sản xuất vật chất và sản xuất tinh thần, văn hóa được hiểu như kết quả của hoạt động sản xuất ấy cũng phân chia thành văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần ; dựa trên dạng thức tồn tại hữu hình hay vô hình của sản phẩm văn hóa, ta lại có văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể.

Dù nhìn nhận cấu trúc văn hóa theo mô hình nào thì sự phân chia cũng chỉ là tương đối ; trong thực tế, chúng xâm nhập vào nhau, hàm chứa lẫn nhau tới mức nếu tách ra một cách siêu hình, nhiều hiện tượng văn hóa sẽ trở nên thô thiển hoặc vô nghĩa. Bởi vậy, khi nói "văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội" thì trước hết là nói văn hóa trong phạm vi rộng nhất của nó, tất cả các yếu tố văn hóa từ vị thế riêng của mình đều tham gia vào quá trình tạo dựng đời sống tinh thần của xã hội. Bữa ăn của người Việt Nam và nhiều dân tộc phương Đông lấy cộng đồng gia đình làm đơn vị, bởi thế nó là nơi biểu hiện, củng cố mối liên hệ tình cảm giữa các thành viên trong gia đình, góp phần bảo vệ giá trị gia đình - một truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta, in đậm dấu ấn văn hóa phương Đông. Tuy nhiên, ở bài này, chúng tôi chỉ đề cập tới văn hóa ở phạm vi hẹp - văn hóa tinh thần ; khảo sát quan hệ trực tiếp giữa nó với đời sống tinh thần của một xã hội trong cái nhìn không chia tách với văn hóa vật chất như đã nói ở trên.

Văn hóa tinh thần là bộ phận cấu thành hữu cơ của văn hóa, được sáng tạo và tích lũy bởi lĩnh vực sản xuất tinh thần của nhiều thế hệ người trong lịch sử. Văn hóa tinh thần biểu hiện sự phát triển về trí tuệ - tinh thần - cảm xúc của con người hướng tới chân - thiện - mỹ. Với cách hiểu ấy, văn hóa tinh

* TS, Phân viện báo chí và tuyên truyền, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 110

Digitized by Google

thần có mặt trong mọi lĩnh vực hoạt động tinh thần của con người như : ngôn ngữ, đạo đức, khoa học, văn học và nghệ thuật, giáo dục, hệ tư tưởng v.v.. Lẽ đương nhiên, văn hóa tinh thần không hàm chứa cái xấu, cái tiêu cực, cái phản giá trị, trái với lợi ích chân chính của con người, căn cứ theo chuẩn giá trị tiến bộ nhất của dân tộc và thời đại.

Đời sống tinh thần là khái niệm có phạm vi rộng hơn, nó hàm chứa cả văn hóa tinh thần và những phản văn hóa, những lệch chuẩn, những cặn bã tàn dư của quá khứ, những phản giá trị nội sinh hoặc ngoại lai v.v.. Đời sống tinh thần trong một xã hội được tạo nên bởi sự lĩnh hội khác nhau của các giai tầng, các nhóm dân cư khác nhau đối với các giá trị tinh thần cũng như thái độ của họ đối với các phản giá trị. Nó biểu hiện thành lập trường chính trị, thái độ sống, cách cảm, cách nghĩ, hành vi - ứng xử của con người. Bởi vậy, đời sống tinh thần của một xã hội hết sức đa dạng, phức tạp, nó có những nền tảng chung, thống nhất nhưng cũng có nhiều biểu hiện hết sức khác nhau, thậm chí có thể trái ngược - thù địch nhau.

Như vậy, giữa văn hóa tinh thần và đời sống tinh thần có những điểm chung thống nhất nhưng không đồng nhất. Văn hóa tinh thần đóng vai trò quyết định trong việc lành mạnh hóa đời sống tinh thần, xây dựng cái đẹp, loại trừ cái xấu, cái ác ra khỏi đời sống. Điều đó được xác định bởi bản chất và chiều sâu bên trong của cấu trúc văn hóa.

Thứ nhất là tính đa dạng của văn hóa tinh thần. Văn hóa tinh thần là một cấu trúc đa thành tố ; giữa các thành tố vừa có tính độc lập tương đối vừa liên hệ, tương tác lẫn nhau và chịu sự chi phối của một hệ tư tưởng chung, chủ đạo khiến cho văn hóa tinh thần luôn vận hành theo một khuynh hướng thống nhất. Văn hóa tinh thần có vai trò quyết định nhất trong việc tạo lập gương mặt tinh thần phong phú của mỗi cá nhân trong một xã hội đa nhân cách bằng nhiều con đường và phương thức tác động khác nhau tùy đặc trưng của mỗi thành tố. Chẳng hạn, hệ tư tưởng, văn hóa khoa học và triết học tác động vào lý trí bằng con đường nhận thức lô gíc, nhằm xây dựng lý tưởng và mục đích cuộc sống của mỗi cá nhân, hình thành ở họ một thế giới quan khoa học ; văn hóa đạo đức lại thông qua dư luận xã hội để điều chỉnh hành vi của mỗi cá nhân theo những chuẩn giá trị chung, hình thành ở mỗi con người thói quen tự kiểm soát, tự điều chỉnh bản thân để họ có thể hòa nhập cộng đồng ; văn hóa thẩm mỹ, văn hóa nghệ thuật là những lĩnh vực đặc thù bởi nó tác động vào lý trí và tình cảm con người bằng con đường trực giác thông qua hình tượng nghệ thuật, nó đánh thức và nuôi dưỡng những cảm xúc nhân tính hướng con người tới cái đẹp và cái thiện. Tín ngưỡng và tôn giáo cũng có thể được xem như những thành tố đặc biệt của văn hóa tinh thần nếu ta biết khai thác mặt tích cực vốn có của nó. Giá trị nhân bản trong tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt, tinh thần hướng thiện của đạo Phật, triết lý nhân sinh trong đạo Hin đu, sự yêu thương, bênh vực người nghèo, khát vọng bình đẳng của đạo Ki tô nguyên thủy ; giá trị nhiều mặt của các bộ Thánh kinh ; những công trình kiến trúc tôn giáo đã đi vào mỹ cảm của các dân tộc v.v.. Chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta tôn trọng tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của mọi công dân, sự tồn tại của tôn giáo chứng tỏ rằng nó vẫn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân và ở những mức độ khác nhau, tín ngưỡng - tôn giáo vẫn hiện diện trong đời sống tinh thần của nhiều tầng lớp dân cư nước ta hiện nay. Vấn đề là cần tìm được ranh giới giữa tự do tín ngưỡng với mê tín và nghiêm trị những kẻ lợi dụng tín ngưỡng - tôn giáo vì những mục đích xấu xa, đen tối...

Như thế, văn hóa tinh thần với cấu trúc đa thành tố của nó vừa bao quát toàn diện vừa thâm nhập vào thế giới tinh thần của mỗi con người. Quá trình sáng tạo, phổ biến, tiếp nhận những giá trị tinh thần cao đẹp của dân tộc, nhân loại cũng chính là quá trình con người tự làm phong phú thêm đời sống tinh thần của mỗi cá nhân, cơ sở tạo nên đời sống tinh thần của toàn xã hội. Lẽ đương nhiên, mọi biến động tích cực hoặc tiêu cực trong văn hóa tinh thần dù muốn hay không nó vẫn gây nên sự biến đổi hoặc ít hoặc nhiều trong đời sống tinh thần của một dân tộc. Xây dựng văn hóa tinh thần lành mạnh là nền tảng trọng yếu để lành mạnh hóa đời sống tinh thần xã hội, đẩy lùi và loại trừ dần những phản giá trị ra khỏi đời sống tinh thần của cộng đồng.

Thứ hai được xác định bởi vai trò của hệ tư tưởng với tư cách là thành tố trung tâm của văn hóa tinh thần.

Hệ tư tưởng là hệ thống những quan điểm, tư tưởng của một giai cấp, phản ánh lợi ích của giai

Digitized by Google

cấp ấy trong một xã hội nhất định. Trong đời sống chính trị - văn hóa, đấu tranh tư tưởng luôn tương ứng với cuộc đấu tranh giữa các lợi ích giai cấp trong xã hội có giai cấp đối kháng. Nếu là hệ tư tưởng của giai cấp cầm quyền thì hệ tư tưởng đó sẽ được biểu hiện sâu sắc trong đường lối chính trị - kinh tế ; được luật pháp hóa để bảo vệ lợi ích giai cấp ; được hóa thân vào các giá trị đạo đức, thẩm mỹ, nghệ thuật ; được bộc lộ trong chính sách phát triển khoa học, giáo dục, trong chính sách tôn giáo v.v..

Nếu xem văn hóa tinh thần là sản phẩm sáng tạo tinh thần của con người thì hệ tư tưởng là sản phẩm muộn màn của sự sáng tạo ấy. Song khi đã xuất hiện thì hệ tư tưởng lại có thể chi phối các yếu tố văn hóa khác, định hướng phát triển chung cho một dân tộc, một khu vực, thậm chí toàn nhân loại. Có thể dễ dàng nhận thấy ảnh hưởng của hệ tư tưởng Nho giáo đối với đời sống tinh thần xã hội Trung Hoa cổ - trung đại cũng như văn minh khu vực hoặc vai trò lớn lao của hệ tư tưởng mác xít đối với đời sống nhân loại thế kỷ XX v.v.. Trong văn hóa tinh thần, hệ tử tưởng ra đời sau, nó là sản phẩm tinh thần của nhân loại đã trưởng thành, song nó sẽ có sức chi phối mạnh mẽ đời sống tinh thần của một xã hội một khi đã trở thành hệ tư tưởng của giai cấp thống trị. Chúng ta sẽ khảo sát vai trò của hệ tư tưởng trong điều kiện ấy.

Là thành tố đặc biệt của văn hóa tinh thần, hệ tư tưởng đứng ở vị trí trung tâm, là hạt nhân liên kết các yếu tố văn hóa khác, khiến chúng cùng vận hành theo một khuynh hướng chung thống nhất trong cái nhiều vẻ vốn có của nó. Lẽ đương nhiên, không thể đồng nhất hệ tư tưởng với văn hóa ; sự đồng nhất sẽ làm cho văn hóa nghèo nàn khô cứng dẫn đến triệt tiêu văn hóa. Song cũng là sai lầm nếu không khẳng định vị trí trung tâm của hệ tư tưởng trong một nền văn hóa bởi đó là một cấu trúc khách quan của bản thân văn hóa. Lịch sử phát triển của văn hóa nhân loại đã cho ta nhiều minh chứng về vấn đề này. Chẳng hạn, chủ nghĩa nhân văn - trào lưu tư tưởng cơ bản tạo nên sự phát triển rực rỡ của phong trào văn hóa Phục Hưng suốt ba thế kỷ XIV, XV, XVI ở các nước phương Tây. Tư tưởng đề cao giá trị con người, xem con người là trung tâm "là vẻ đẹp của thế gian, kiểu mẫu của nhân loại" (Sếch-xpia) thấm sâu vào toàn bộ sáng tạo của các nhà văn hóa Phục Hưng ; ảnh hưởng của triết học ánh sáng đối với đời sống tinh thần nước Pháp và phương Tây thế kỷ XVIII... Hoặc như ở nước Nga, khi hệ tư tưởng Mác - Lê-nin bị cố tình đưa ra khỏi nền tảng tinh thần cơ bản của xã hội, thì không chỉ nền văn hóa Xô viết với những giá trị tinh thần cao đẹp của nó bị tàn phá mà cả những giá trị chân chính của nền văn hóa Nga, văn hóa các dân tộc trong liên bang trước đây cũng bị chà đạp.

Với định hướng xã hội chủ nghĩa và truyền thống dân tộc, chúng ta khẳng định việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Hệ tư tưởng hạt nhân - cơ sở nền tảng của nền văn hóa Việt Nam, đời sống tinh thần Việt Nam hiện nay phải là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh mà nội dung cốt lõi là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Độc lập dân tộc không chỉ hiểu theo nghĩa toàn vẹn lãnh thổ, không bị ngoại bang cai trị mà còn là quyền làm chủ thật sự về chính trị - kinh tế - văn hóa trong xu thế liên kết, hội nhập khu vực và toàn cầu hóa. Chủ nghĩa xã hội - xét ở mục tiêu cuối cùng là giải phóng con người với tất cả nội dung sâu sắc của nó. Đó là giải phóng con người khỏi áp bức, bóc lột, bất công ; giải phóng khỏi sự dốt nát, nghèo nàn, lạc hậu ; giải phóng các tiềm năng sáng tạo, các năng khiếu cá nhân để mỗi con người đều được phát triển tối đa về nhân cách. Nền tảng tư tưởng ấy phải thấm sâu vào nếp cảm, nếp nghĩ, nếp tư duy ; phải biểu hiện sinh động trong đạo đức - lối sống, trong các giá trị nghệ thuật và văn học, trong nội dung chương trình giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ ; phải trở thành thị hiếu và lý tưởng sống của mỗi cá nhân ; phải tạo nên mối quan hệ sống tốt đẹp giữa người với người từ trong mỗi gia đình, cộng đồng dân tộc cũng như trong quan hệ với các dân tộc khác trên thế giới ; phải trở thành thái độ có văn hóa của con người trong quan hệ với thiên nhiên, môi trường sống, trong ý thức bảo vệ sinh thái hành tinh v.v..

Như vậy, với tư cách là thành tố trung tâm của văn hóa tinh thần, hệ tư tưởng luôn luôn là dòng chảy ngầm xuyên thấm qua tất cả các thành tố văn hóa khiến cho mỗi nền văn hóa, đặc biệt là văn hóa tinh thần có một diện mạo, một khuynh hướng phát triển chung, thống nhất trong sự đa dạng về nội dung và cách thức biểu hiện của chúng. Với vị thế ấy, hệ tư tưởng - một thành tố trọng yếu của văn hóa trở thành nền tảng vững chắc của đời sống tinh thần trong xã hội. Tuy nhiên, cũng cần chú ý tới

Digitized by Google

ảnh hưởng của tàn dư hệ tư tưởng cũ, lạc hậu tuy không còn hiện diện như một hệ tư tưởng độc lập song vẫn bám riết vào xã hội hiện nay dưới dạng những tập tục, thói quen, nếp sống, cách cảm - cách nghĩ ở mỗi con người, mỗi gia đình, làng xã... Chẳng hạn, nếp sống gia trưởng, hủ tục cưới xin, ma chay, thói trọng nam khinh nữ, thái độ bản vị, cục bộ, địa phương chủ nghĩa... Đồng thời cũng cần cảnh giác đối với hệ tư tưởng thù địch khoác dưới nhiều hình thức hàng ngày hàng giờ xâm nhập vào xã hội ta bằng nhiều con đường kinh tế - chính trị - văn hóa v.v..

Thứ ba là hệ giá trị tinh thần - yếu tố cốt lõi của bản sắc văn hóa dân tộc.

Tính dân tộc xét ở phương diện thuộc tính là cái vốn có và thường tại của mọi nền văn hóa bởi trên thế giới hiện nay, nền văn hóa nào cũng thuộc về một dân tộc nhất định. Bản sắc dân tộc là cấp độ phát triển cao của tính dân tộc xét ở phương diện phẩm chất, chất lượng của một nền văn hóa. Theo đó, không phải nền văn hóa nào cũng khẳng định được bản sắc riêng. Bản sắc dân tộc là sự cá tính hóa cao độ của những nền văn hóa ở chiều sâu cội nguồn, bề dày lịch sử, và một chủ thể thông minh sáng tạo, có ý thức cao về dân tộc mình. Trải qua năm tháng, được thử thách và sàng lọc, bản sắc dân tộc từng bước định hình, kết tinh thành hệ giá trị bền vững vừa khẳng định cái riêng độc đáo trong sự đối thoại với các nền văn hóa khác vừa làm nên sức sống tiềm tàng trong tầng sâu của văn hóa dân tộc. Hệ giá trị ấy có ý nghĩa hết sức lớn lao đối với đời sống tinh thần của một xã hội :

- Là nền tảng tinh thần thống nhất của cộng đồng dân tộc. Hệ giá trị chi phối, điều tiết hoạt động của mọi thành viên, liên kết họ thành một cộng đồng chặt chẽ bởi sự tôn thờ những chuẩn giá trị chung, thiêng liêng và bền vững.

- Làm nên bản lĩnh, cốt cách, sức mạnh tiềm tàng của một dân tộc. Trong những thử thách, những thời điểm bước ngoặt của lịch sử, sức mạnh tiềm tàng ấy có thể làm nên những điều kỳ diệu. Sự vượt thoát ra khỏi tình trạng bị đô hộ, bị áp đặt văn hóa nghiệt ngã sau hơn một ngàn năm Bắc thuộc để có kỷ nguyên văn hóa Đại Việt rực rỡ, hào hùng của dân tộc ta là nhờ có bệ đỡ của văn hóa Hùng Vương ; Nhà văn hóa Hồ Chí Minh đã từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Lê-nin, tìm ra con đường giải phóng dân tộc đúng đắn nhất, phù hợp với quy luật phát triển của lịch sử, giải thoát dân tộc ra khỏi tình trạng bế tắc của việc tìm đường trong những năm đầu thế kỷ XX... Huyền thoại Cách mạng Tháng Tám, huyền thoại Điện Biên Phủ, huyền thoại 30-4-1975, cũng như những thắng lợi trong sự nghiệp đổi mới hiện nay đều là sự kết hợp tuyệt vời giữa sức mạnh thời đại với truyền thống dân tộc.

- Những chuyển giao hệ giá trị theo trục thời gian sẽ tạo nên sự tiếp nối giữa các thế hệ, tạo nên truyền thống dân tộc. Truyền thống, xét về bản chất chính là hệ giá trị cơ bản chỉ rõ cái đặc sắc riêng của một cộng đồng, một nền văn hóa được lịch sử kế tiếp nhau lưu truyền lại. Song truyền thống không phải là một bản thể độc lập đứng ngoài con người như sự hiện diện của quá khứ cho thế hệ sau nhìn ngắm, tụng ca về nó ; truyền thống thẩm thấu trong văn hóa xã hội và văn hóa cá nhân, thấm sâu vào tư tưởng, đạo đức, lối sống, phong tục, thị hiếu, biểu hiện qua ngôn ngữ, cử chỉ, hành vi của mỗi con người v.v.. Hệ giá trị văn hóa truyền thống tạo nên sự ổn định tương đối, tính thống nhất về mặt tinh thần, có ảnh hưởng sâu sắc tới hiện tại và tương lai của một dân tộc.

Việt Nam là đất nước có nền văn hóa lâu đời, có cội nguồn sâu xa. Trong cơ tầng văn hóa Đông - Nam Á, người Việt cổ đã tạo dựng văn hóa Hùng Vương với những đường nét, phổ sắc đầu tiên báo hiệu một nền văn hóa bản địa giàu bản sắc ; tiếp nhận văn hóa Ấn Độ, văn hóa Trung Hoa, lặng lẽ lớn lên và tự khẳng định mình sau hơn một ngàn năm Bắc thuộc ; được nhào luyện, rèn dũa, mài sắc, đạt độ chín trong kỷ nguyên Đại Việt ; trưởng thành, biến đổi về chất, vươn lên một trình độ mới sau sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, nền văn hóa Việt Nam đã khẳng định tinh hoa - những giá trị tinh thần bền vững của nó, đó là "Lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc ; tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc ; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý ; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động ; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống..." [2].

Với bản sắc riêng độc đáo ấy, Việt Nam sẽ vững bước tiến vào thế kỷ XXI - thế kỷ của xu hướng hội nhập, xu hướng khẳng định bản sắc riêng và sự tôn trọng lẫn nhau giữa các nền văn hóa.❑

(2) *Văn kiện đã dẫn*, tr 56

Digitized by Google

XÂY DỰNG CHỈNH ĐỐN ĐẢNG - KINH NGHIỆM TỪ ĐẢNG BỘ THỐT NỐT (CẦN THƠ)

TRẦN VĂN TƯ *

TRONG hai ngày 26 và 27-10-2000, đảng bộ huyện Thốt Nốt (Cần Thơ) tiến hành đại hội lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2000 - 2005 thắng lợi tốt đẹp. Đại hội xác định đây là thắng lợi kế thừa và phát triển từ các đại hội trước. Lần đại hội này, đảng bộ Thốt Nốt được tỉnh ủy Cần Thơ công nhận là đảng bộ vững mạnh. Như vậy 3 nhiệm kỳ liên tục, đảng bộ Thốt Nốt đã đạt danh hiệu đảng bộ trong sạch, vững mạnh trong tỉnh.

Sự phát triển của huyện không tách rời công tác xây dựng đảng bộ trong sạch và vững mạnh. Diễn biến trong 25 năm qua (nhất là từ đại hội IV của đảng bộ) có nhiều bài học được rút ra từ thực tiễn công tác này ở địa phương.

Thốt Nốt là một huyện có tiềm năng lớn và đa dạng, dân số trên 300 000 người, có trên 40 000 ha đất nông nghiệp và sản xuất tiểu thủ công nghiệp phát triển đứng hàng thứ hai trong tỉnh (sau thành phố Cần Thơ).

Số lượng đảng viên từ 18 đồng chí (30-4-1975), nay tăng lên 1 367 đảng viên. Đó là kết quả những cố gắng xây dựng từ đầu cơ sở đảng từ huyện đến xã, ấp ở một huyện trong thời kỳ kháng chiến có rất ít đảng viên và bị địch kiềm kẹp nặng nề.

Thắng lợi ngày 30-4-1975 đã đem lại cho Đảng uy tín to lớn trong quần chúng. Vào thời kỳ từ 1975 - 1978 đã có một phong trào quần chúng rộng khắp hưởng ứng nhiệt tình các chủ trương, chính sách của Đảng. Quần chúng lao động đông đảo đã dễ dàng vượt qua mọi mặc cảm từ tôn giáo, mọi mơ hồ của dĩ vãng, để hăng hái bước vào những nhiệm vụ cách mạng của thời kỳ mới. Nhiều điển hình tốt xuất hiện.

Nguyên nhân của phong trào khi đó : số đảng viên tuy ít, nhưng phát huy được vai trò tiền phong gương mẫu, hào khí chiến thắng và truyền thống quý báu của thời kỳ cách mạng trước. Công tác vận động quần chúng cũng như công tác quản lý đảng viên đều tương đối thuận lợi, mâu thuẫn giữa lãnh đạo, quản lý và yêu cầu của lãnh đạo, quản lý kinh tế - xã hội chưa diễn ra gay gắt.

Từ năm 1979, bắt đầu phát sinh những vấn đề kinh tế - xã hội đầy khó khăn, phức tạp và mới mẻ của chặng đường đầu chuyển sang giai đoạn cách mạng mới xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ở Thốt Nốt cuộc sống, phong trào, lực lượng cách mạng phát triển vượt khỏi năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng bộ.

Trước hết là việc đánh giá tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất trong huyện chưa được đầy đủ, việc tiến hành cải tạo và quản lý chưa phù hợp.

Do điều kiện địa lý và lịch sử quy định, Thốt Nốt là một vùng nông thôn kinh tế tương đối phát triển (cũng như ở nhiều vùng khác ở đồng bằng sông Cửu Long). Đó là vùng nông thôn đã mở cửa cho các yếu tố đô thị, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp kinh doanh theo phương thức sản xuất hàng hóa. Kinh tế tiểu nông đã bị phá vỡ trước nhiều tác động. Tầng lớp trung nông đã vượt lên theo phương thức sản xuất nông sản hàng hóa. Tầng lớp tiểu chủ có năng lực sản xuất khá cao trong sản xuất các mặt hàng. Trung, tiểu thương có phạm vi hoạt động và liên hệ thị trường rộng lớn (ngoài tỉnh và thành phố Hồ Chí Minh). Hoạt động kinh tế của các tầng lớp ấy cũng đã thu hút nhiều lao động và chiều hướng làm ăn của phần lớn dân cư ở đây. Đã hình thành một lực lượng sản xuất khá mạnh, là tiềm năng đáng kể để phát triển, nhưng do cơ chế quản lý chưa phù hợp đã kìm hãm sức sản xuất. Trong lúc đó, trình độ

* Phó chủ tịch Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Cần Thơ

Digitized by Google

của cán bộ chưa giải đáp nổi tình hình, trên không sát, dưới lúng túng, công việc trước mắt dồn dập. Yêu cầu phải đạt chỉ tiêu, phải có ngân sách để hoạt động đã đẩy cán bộ, đảng viên ở cơ sở mệnh lệnh với dân, chạy theo mua bán kiếm lời.

Hiện tượng đảng viên vi phạm kỷ luật và pháp luật tăng lên. Từ năm 1978 đến 1983, đảng bộ Thốt Nốt đã thi hành kỷ luật 132 trong tổng số 468 đồng chí. Từ năm 1983 đến đầu năm 1986 thi hành kỷ luật 134 trong số 626 đồng chí. Một nhiệm kỳ từ đại hội đảng bộ lần thứ III đến đại hội lần thứ IV, có 12 huyện ủy viên và 37 chi ủy viên đã bị kỷ luật. Có trường hợp nghiêm trọng phải thi hành kỷ luật tất cả trong ban chi ủy xã (xã Thạnh Phú, Tân Lộc Đông).

Trong số đảng viên bị kỷ luật, 70% là những người nắm giữ chức quyền ; 50% bị kỷ luật dính đến lợi ích kinh tế như tham ô, móc ngoặc, nhận hối lộ, chiếm dụng đất đai, hàng hóa, vật tư. Hơn 300 cán bộ ở ấp và tập đoàn sản xuất cũng vi phạm kỷ luật tương tự. Tiêu cực và tham nhũng xuất phát từ những cán bộ mang nặng tư tưởng nông dân không được rèn luyện, lại nắm quyền lực trong tay.

Từ năm 1983 đến năm 1986, đảng bộ Thốt Nốt sa sút nghiêm trọng, tỉnh ủy Hậu Giang (nay là Cần Thơ) đưa một đồng chí Ủy viên Thường vụ tỉnh ủy về trực tiếp làm bí thư, để củng cố, xây dựng lại đảng bộ.

Trong đợt phê bình và tự phê giữa năm 1986, quán triệt Nghị quyết của Trung ương Đảng (khóa V) bằng cách công khai hóa và dân chủ việc kiểm tra năng lực và phẩm chất đảng viên, huyện ủy Thốt Nốt đã thu được những bài học sâu sắc.

Suốt quá trình 12 năm (của thời kỳ đó) đảng bộ Thốt Nốt đã phấn đấu và trưởng thành, nhưng từng thời gian phong trào có lúc lên, lúc xuống. Những lúc phong trào sa sút là do công tác xây dựng Đảng có thiếu sót, trước hết và bao trùm là việc xây dựng bản chất giai cấp công nhân của Đảng chưa gắn chặt với nhiệm vụ của từng thời kỳ cách mạng, chưa kết hợp chặt với công tác lãnh đạo và quản lý kinh tế - xã hội. Cơ chế quản lý và chính sách, nhất là chính sách nông thôn, chưa phù hợp cũng đã khiến đảng bộ ở cơ sở lúng túng. Chế độ bao cấp, chủ nghĩa bình quân, phương pháp làm việc quan liêu, mệnh lệnh đã làm cho đảng bộ một thời gian dài không chủ động tập hợp và động viên được các yếu tố tiến bộ, lại còn bị tác động bởi các yếu tố tiêu cực, dẫn tới một số đảng viên không vững vàng, bị vấp ngã, làm giảm sút lòng tin trong nhân dân.

Qua khảo sát tình hình ở đảng bộ Thốt Nốt, có thể thấy hầu hết đảng viên thành phần nguồn gốc là tiểu sản xuất (chủ yếu là nông dân). Ngoài những đồng chí được kinh qua thử thách, đại bộ phận đảng viên còn lại đều được phát triển từ sau giải phóng - trẻ, năng nổ, nhưng giác ngộ về Đảng ít, thiếu kinh nghiệm công tác quần chúng, công tác đảng, quan điểm chưa vững vàng, lại sớm được giao chức, giao quyền trong một môi trường xã hội còn phức tạp. Phần lớn cán bộ, đảng viên bị hư hỏng là do thiếu dựa vào quần chúng lao động, lại chơi bời với những phần tử cơ hội, bị mua chuộc, hủ hóa.

Tổ chức ở cơ sở, nhất là ở ấp còn phức tạp. Ban nhân dân ấp không phải là một cấp chính quyền, nhưng quyền hành rất lớn và là nơi va chạm trực tiếp hằng ngày với cuộc sống của nhân dân. Tuy thế, đây lại là khâu đảng bộ có nhiều sơ hở. Ở nhiều ấp, người nắm quyền xử sự theo đầu óc tiểu nông, chứ chưa phải trên lập trường quan điểm của giai cấp công nhân.

Việc giáo dục lập trường giai cấp công nhân không thể tách rời việc thiết lập và tăng cường kỷ cương của Nhà nước. Sự trong sạch và vững mạnh của Đảng ngày nay phải được bảo đảm bằng chế độ trách nhiệm chặt chẽ, quyền hạn rõ ràng, coi việc tôn trọng Hiến pháp và pháp luật là kỷ luật cao nhất.

Theo hướng dựa vào nhiệm vụ chính trị, dựa vào quần chúng để xây dựng Đảng, từ tháng 4 đến tháng 8-1986 đảng bộ Thốt Nốt đã đưa trên 3 300 cán bộ, đảng viên (có 592/626 đảng viên, còn lại là cán bộ ấp và ban quản lý tập đoàn sản xuất) tự phê bình trước dân. Nhân dân đã tham gia các cuộc sinh hoạt chính trị này rất đông, nhiều cuộc trên 200 người, nhiều người đã khóc trước sự tự phê bình thành khẩn của cán bộ, đảng viên.

Sau đợt tự phê bình và sửa sai, trả đất lại cho dân, cán bộ, đảng viên lao vào làm, chăm lo sản xuất và đời sống nhân dân, đã củng cố được lòng tin của dân và cũng bắt đầu từ đó đảng bộ Thốt Nốt đã tạo dựng lại được sức mạnh của đảng bộ và phát triển. Cũng từ nguồn lực tại chỗ, khi đảng bộ *sửa sai* có *đánh giá* và *định hướng đúng*, nắm vững *đội ngũ cán bộ* thì 4 năm sau đó (1986 - 1990) đảng bộ huyện Thốt Nốt

Digitized by Google

trở thành đảng bộ vững mạnh nhiều năm liền (3 nhiệm kỳ 1990 - 2000). Ngày nay, huyện có sản lượng lương thực cao nhất (nửa triệu tấn/năm) và có cơ cấu kinh tế nông nghiệp - công nghiệp và thương mại dịch vụ mạnh nhất trong tỉnh, trở thành một *trung tâm lưu chuyển* hàng hóa lương thực của khu vực đồng bằng sông Cửu Long (có năm lên gần 1 triệu tấn gạo hàng hóa được lưu chuyển tại đây).

Từ thực tiễn đảng bộ huyện Thốt Nốt có thể bước đầu rút ra những bài học về xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở một địa phương :

Trước hết đó là nhờ việc tự phê bình và phê bình của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành đảng bộ huyện được chỉ đạo chuẩn bị và tổ chức chu đáo, nghiêm chỉnh và có hiệu quả, tiếp đó, xác định đúng phương hướng tiến lên.

Qua tự phê bình và phê bình, huyện ủy thống nhất nguyên nhân sa sút là do một thời gian tương đối dài buông lơi công tác xây dựng Đảng, trước hết buông lỏng nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, dễ người, dễ ta, khi nội bộ xảy ra mất đoàn kết, thì dần dần vai trò lãnh đạo của đảng bộ sa sút nghiêm trọng.

Để chuẩn bị cho đại hội lần thứ IV của đảng bộ (1986 - 1988), huyện ủy Thốt Nốt tổ chức cuộc khảo sát thực tế, đi đến thống nhất về ba kết luận lớn :

- Hầu hết dân sống tập trung ở vùng ven sông Hậu và dọc lộ giao thông, còn gần 2/3 đất vùng ngập sâu (trên 20 000 ha đất vùng ảnh hưởng lũ) làm lúa nổi 1 tấn/ha vụ, một tiềm năng lớn của huyện chưa được khai thác. Trên 10 năm điều dân vào không được là do chính sách của ta chưa hợp lý.

- Huyện có 1 hợp tác xã và 930 tập đoàn sản xuất nông nghiệp, nhưng qua khảo sát, kết luận *hộ nông dân* là đơn vị *kinh tế cơ bản ở nông thôn,* chính sách đối với nông hộ chưa phù hợp, kiềm chế sức sản xuất.

- Cán bộ bị kỷ luật và hư hỏng nhiều, nhất là ở cơ sở là do lơi lỏng về nguyên tắc tổ chức, tính chất giai cấp công nhân của Đảng bị sa sút.

Từ sự đánh giá tình hình (có luận cứ khoa học, qua khảo sát), đại hội đã *quyết định phương hướng* tập trung toàn lực biến vùng lúa mùa nổi một vụ thành hai vụ lúa, giải quyết đời sống nhân dân.

Giải pháp và vận dụng chính sách và xây dựng mô hình "Tăng vụ vùng lúa nổi (một vụ)". Trong hai năm 1986 - 1987, đã mở ra được 540 ha tăng vụ, từ 1 tấn/ha/năm đã tăng bình quân 8 tấn/ha/năm. Thấy kết quả thực tế, người dân tin tưởng, chỉ trong năm 1987, trên 2 400 hộ nông dân đăng ký vào vùng sâu sản xuất. Cũng trong năm 1987, huyện đã huy động gần 30 000 người làm thủy lợi để mở ra thâm canh tăng vụ vùng ngập sâu này.

Nhiệm kỳ VI (1991 - 1995) - vùng lúa nổi 1 vụ, 1 tấn/ha/năm cơ bản được xóa hết (1991), kết quả thâm canh/tăng vụ đã đưa năng suất lên trên 10 tấn/ha/năm, lượng lương thực hàng hóa của huyện lên khoảng 300 000 tấn. Đại hội nhiệm kỳ VI đề ra nhiệm vụ *chuyển mạnh cơ cấu kinh tế* của huyện. Đến năm 1995, huyện đã hình thành một vùng xay chà gạo xuất khẩu lớn trong tỉnh, thúc đẩy phát triển nhanh vùng lúa (chất lượng) xuất khẩu trong huyện.

Nhiệm kỳ VII (1996 - 2000), đảng bộ huyện phấn đấu đạt nửa triệu tấn lương thực/năm, đến năm 1999 đã đạt 513 900 tấn, trong đó có 400 000 tấn lúa hàng hóa xuất khẩu, hình thành cơ cấu kinh tế nông nghiệp - công nghiệp (xay chà) và dịch vụ mạnh nhất trong tỉnh.

Kinh tế phát triển, đời sống nhân dân khá lên, các nghĩa vụ thuế, tiền vay ngân hàng, nhân dân đều hoàn thành tốt. Hộ nghèo giảm từ 13,3% xuống còn 5,9%. Trong 5 năm này toàn huyện đã đầu tư gần 300 tỉ đồng xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội nông thôn, trong đó nhân dân đã đóng góp trên 206 tỉ đồng. Kinh tế và đời sống phát triển, nhân dân yêu đất và tin Đảng.

Hai là nắm vững đội ngũ cán bộ, bảo đảm thực hiện nghị quyết đại hội trong quá trình thực tiễn ; xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị vững vàng và có đạo đức, có năng lực lãnh đạo và quản lý kinh tế - xã hội, một đội ngũ cán bộ đoàn kết, nhờ thực hiện nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng ; thống nhất nhận thức tư tưởng và hành động, trước hết là đội ngũ cán bộ chủ chốt. Cán bộ phải lao vào làm, chăm lo sản xuất và đời sống nhân dân, từ đó được dân thương, tín nhiệm, và cũng từ đó cán bộ ít dám làm sai.

Digitized by Google

Bước sang nhiệm kỳ VIII (2001 - 2005), Thốt Nốt nhận thấy đội ngũ cán bộ có bước trưởng thành, và trong những năm trước mắt, có thể vẫn tiếp tục phát triển. Nhưng về lâu dài, với nhu cầu lãnh đạo, quản lý một nền kinh tế thị trường đang phát triển nhạy cảm, sôi động, phức tạp trong xu thế toàn cầu hóa, đội ngũ cán bộ của huyện, cơ sở đang hụt hẫng về năng lực, nhất là về tiếp cận thực tiễn và xử lý thông tin. Có xu hướng chung là tuổi đời của cấp ủy tăng, cán bộ nữ và dân tộc giảm dần. Thực tiễn này đòi hỏi một cách bức bách chiến lược tạo nguồn để chủ động đào tạo cán bộ, tạo nguồn từ lớp trẻ (học sinh, sinh viên) bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng phát triển liên tục và vững chắc.

Thốt Nốt là một huyện nông nghiệp nằm trong một nước nông nghiệp đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Từ khi có đường lối đổi mới của Đảng, nông nghiệp và nông thôn, hệ thống chợ, thị trấn ở huyện phát triển khá nhanh. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở huyện Thốt Nốt là tương đối hợp lý : từ sản xuất lương thực phát triển, huyện đã thu hút công nghiệp xay chà gạo xuất khẩu và khi công nghiệp, dịch vụ xuất khẩu gạo phát triển, lại thúc đẩy năng suất và lúa chất lượng (xuất khẩu) phát triển. Từ đó thu nhập, đời sống của người dân, tích lũy xã hội, nông thôn (cả về kinh tế và xã hội) phát triển, tạo cơ sở cho kinh doanh của ngân hàng ngày càng có hiệu quả, thu ngân sách của huyện tăng nhiều lần hơn trước. Sản xuất và đời sống nhân dân được cải thiện (số hộ nghèo và thiếu ăn năm 1995 là 13,3% đã giảm xuống còn 5,9% năm 2000 (6-2000) và quyết tâm của đảng bộ ở nhiệm kỳ VIII (2001 - 2005) là giảm xuống còn 1%). Theo đó lòng tin của dân đối với đảng bộ ngày càng được củng cố.

Con đường đi của Thốt Nốt trước mắt vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng có thể xác định là con đường đi phù hợp. Suy nghĩ của chúng tôi là các trung tâm công nghiệp và dịch vụ của tỉnh, của vùng và các đô thị lớn nên phải gắn liền và tập trung phục vụ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Thị trường nông thôn phát triển sẽ là *chỗ dựa, sức sống và động lực* phát triển bền vững của các đô thị. ❑

CHÍNH SÁCH THU ĐỐI VỚI VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

QUÁCH ĐỨC PHÁP *

Luật Đất đai được kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa IX, thông qua ngày 14-7-1993 và có hiệu lực thi hành từ ngày 15-10-1993. Với việc ban hành Luật Đất đai, Nhà nước đã thực hiện chuyển đổi cơ chế quản lý biện pháp hành chính là chủ yếu, sang biện pháp hành chính gắn với kinh tế đối với việc sử dụng đất đai. Đây là bước chuyển quan trọng trong lĩnh vực quản lý đất đai ở nước ta từ cơ chế tập trung, bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Trong Luật Đất đai : Điều 79 quy định nghĩa vụ 7 điểm đối với người sử dụng đất. Đó là một trong những căn cứ pháp lý chủ yếu để hình thành các chính sách thu đối với việc sử dụng đất đai, công cụ quan trọng góp phần thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với đất đai. Điều 1 của Luật quy định : đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý. Điều 12 quy định : Nhà nước xác định giá các loại đất để tính thuế chuyển quyền sử dụng đất, thu tiền khi giao đất hoặc cho thuê đất, tính giá trị tài sản khi giao đất, bồi thường thiệt hại về đất khi thu hồi đất. Chính phủ quy định khung giá các loại đất đối với từng vùng và theo từng thời gian.

Đến nay, một hệ thống các văn bản đã được ban hành để điều chỉnh việc sử dụng đất trên các mặt : giá đất, chính sách thuế đối với sử dụng đất và chuyển quyền sử dụng đất, chính sách thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, chính sách đền bù thiệt hại khi thu hồi đất, góp vốn liên doanh bằng

* TS, Vụ Chính sách tài chính, Bộ Tài chính

Digitized by Google

giá trị quyền sử dụng đất... Các chính sách nói trên đã góp phần quan trọng vào việc triển khai thực hiện Luật Đất đai trong thực tế. Tuy nhiên, sau một thời gian thực hiện, hệ thống chính sách thu đối với việc sử dụng đất đã bộc lộ những nhược điểm, bất cập làm cản trở việc quản lý sử dụng có hiệu quả đất đai trong cơ chế thị trường đang ngày càng hình thành và phát triển ở nước ta.

Bài viết này chỉ tập trung phân tích một số nội dung chính sách thu hiện hành của Nhà nước đối với việc sử dụng đất đai, trên cơ sở đó có những kiến nghị về các giải pháp để bổ sung, sửa đổi nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế trong thời gian tới.

1 - Về giá đất : Nhà nước quy định giá đất là phù hợp với chế độ sở hữu toàn dân về đất đai. Nhưng việc quy định giá đất có phần cứng nhắc, một chiều thiếu linh hoạt, đối lập với cơ chế thị trường vừa dễ phát sinh tiêu cực (hình thành giá ngầm), thất thu cho Nhà nước vừa không linh hoạt trong việc giao đất, sử dụng đất.

Chính phủ quy định khung giá các loại đất đối với từng vùng, theo từng thời gian là phù hợp với đặc điểm, địa hình các loại đất ở từng nơi. Nhưng việc quy định từng loại đô thị với các khung giá đất quá khác nhau không phù hợp với thực tế, dẫn đến giá đất chênh lệch quá lớn ở các vùng giáp ranh, gây khó khăn cho việc thực hiện (thí dụ giá đất ở quận Gò Vấp - TP Hồ Chí Minh gấp hơn 4 lần giá đất ở huyện Thuận An tỉnh Bình Dương...).

Ở Điều 12 của Luật Đất đai quy định : "Nhà nước xác định giá các loại đất để tính thuế chuyển quyền sử dụng đất, thu tiền khi giao đất hoặc cho thuê đất, tính giá trị tài sản khi giao đất, bồi thường thiệt hại về đất khi thu hồi đất. Chính phủ quy định khung giá các loại đất đối với từng vùng và theo từng thời gian". Theo quy định này, Chính phủ cũng có thể quy định từng khung giá đất hoặc quy định nguyên tắc xác định giá đất cho phù hợp với từng yêu cầu về thu thuế, về thu tiền khi giao đất, về bồi thường thiệt hại khi thu hồi đất... Nhưng thực tế thời gian qua đã quy định một khung giá đất để áp dụng chung cho nhiều yêu cầu vốn rất khác nhau như : để tính thuế chuyển quyền sử dụng đất, thu tiền khi giao đất, cho thuê đất, đền bù thiệt hại khi thu hồi đất... dẫn đến giải quyết được yêu cầu này thì mâu thuẫn với yêu cầu khác. Thí dụ : khi áp dụng giá thu tiền sử dụng đất đối với việc giao đất, cho thuê đất thì thường kêu ca là quá cao ; nhưng khi áp dụng vào việc đền bù thiệt hại khi thu hồi đất của dân thì lại cho là giá thấp sẽ rất khó được nhân dân chấp nhận.

Việc quy định giá đất còn có sự phân biệt giữa việc cho nhà đầu tư nước ngoài thuê đất và cho nhà đầu tư trong nước thuê đất, dẫn đến chưa thật bình đẳng trong cơ chế thị trường, hạn chế sự cạnh tranh lành mạnh trong lĩnh vực đất đai ; đồng thời chưa lường hết những hậu quả khi doanh nghiệp FDI chuyển nhượng vốn lẫn cho nhau.

2 - Về thu hồi và giao quyền sử dụng đất : Điều 21 Luật đất đai quy định : "Việc quyết định giao đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được tiến hành sau khi có quyết định thu hồi đất đó". Điều 73 quy định : Người có quyền sử dụng đất được bồi thường thiệt hại về đất khi bị thu hồi. Điều 79 lại quy định : Người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất khi được giao đất ; đồng thời phải đền bù cho người có đất bị thu hồi để giao cho mình. Nhưng Điều 27 của Luật lại quy định : "Trong trường hợp thật cần thiết, Nhà nước thu hồi đất đang sử dụng của người sử dụng đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng thì người bị thu hồi đất được đền bù thiệt hại". Như vậy cũng gây sự tranh cãi là trường hợp nào thì được đền bù và trường hợp nào thì không được đền bù, dẫn đến có những hướng dẫn gượng ép thiếu rõ ràng.

Những điều quy định như nói trên vừa chưa nhất quán với nhau, vừa có những mâu thuẫn dẫn đến khó thực hiện. Theo Điều 21 thì Nhà nước phải thu hồi đất của người này, sau đó mới giao đất cho người khác. Nhưng việc thu hồi đất lại luôn gắn liền với việc đền bù thiệt hại, mà việc này lại do người được giao đất "phải đền bù cho người có đất bị thu hồi để giao cho mình". Cho nên trong nhiều trường hợp Nhà nước chỉ ra văn bản thu hồi đất trên giấy tờ và giao đất cũng trên

Digitized by Google

giấy tờ, còn thực tế là tùy thuộc vào sự thương lượng giữa hai bên giao đất và nhận đất ; do đó không ít trường hợp xảy ra sự mặc cả giữa người được bồi thường và người có trách nhiệm bồi thường. Vì vậy, nhiều trường hợp việc đền bù vừa gây tốn phí tiền bạc, vừa bị kéo dài thời gian, ảnh hưởng đến tiến độ đầu tư. Chưa hết, sau khi đền bù thiệt hại, người được giao đất hoặc được thuê đất còn phải nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất cho Nhà nước theo giá quy định. (Như vậy họ phải nộp 2 lần tiền sử dụng đất). Đồng thời phải cam kết thực hiện nhiều nghĩa vụ khác như : vận chuyển tài sản của cư dân đến khu tái định cư, thu nhận lao động, giải quyết việc làm cho những người bị thu hồi đất...

3 - Thu tiền sử dụng đất : Hiện nay có nhiều nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thu tiền sử dụng đất (như Nghị định 89/CP, Nghị định 44/CP, Nghị định 17/1999/NĐ-CP, Quyết định 118/TTg...). Các quy định thường lấy mốc thời gian có hiệu lực của Luật Đất đai hoặc các sửa đổi bổ sung, làm căn cứ phân định trường hợp phải nộp hoặc không phải nộp tiền sử dụng đất. Nhưng cốt lõi của vấn đề là căn cứ xác định quyền sử dụng đất hợp pháp của người sử dụng đất thì lại không có, bởi vì từ xưa đến nay Nhà nước chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Ngay cả khi đã có Luật Đất đai, Điều 73 đã quy định : Người sử dụng đất có quyền được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng việc "xét cấp" vừa rất chậm, vừa dựa trên những căn cứ trái ngược nhau, gây khó khăn cho việc thực hiện. Thí dụ : quy định là phải nộp tiền sử dụng đất rồi mới được cấp giấy chứng nhận. Kết quả là có trường hợp lấn chiếm đất trái phép thì không phải nộp tiền sử dụng đất vì thời gian sử dụng đất đã quá lâu ; ngược lại mua bán đất hoặc cha mẹ cho con đất để ở thì phải nộp tiền sử dụng đất, dẫn đến nhiều trường hợp chây ỳ không nộp, gây ách tắc cho việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Một quy định khác "xem ra rất đạo lý" nhưng lại không hợp lý là : đất ở mà thuộc diện Nhà nước quy hoạch để xây dựng các công trình thì không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và do đó sẽ không được bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất ? Quy hoạch là việc bây giờ mới làm, còn đất do người dân đã sử dụng hợp pháp từ trước đến nay thì phải cấp giấy chứng nhận cho họ. Nếu Nhà nước muốn thu hồi thì phải đền bù thiệt hại cho họ theo Luật định. Như vậy mới nhất quán và đúng Luật. Chính vì quy định bất hợp lý như vậy nên nhiều đoạn đường phải bỏ dở vì không giải tỏa được mặt bằng, như đoạn đầu đường Đào Duy Anh, đoạn đường giữa đường Thái Hà (Hà Nội)... Việc quy định trong trường hợp mua nhà thuộc sở hữu nhà nước phải nộp tiền sử dụng đất bằng 40% giá đất cho Nhà nước quy định là còn cao và bất hợp lý (trong khi có trường hợp người sử dụng đất không có giấy tờ hợp lệ thì chỉ phải nộp bằng 20% giá đất do Nhà nước quy định). Trường hợp đang sử dụng đất vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản mà chuyển sang làm đất ở thì phải nộp 100% tiền sử dụng đất ; nhưng nếu chuyển quyền sử dụng đất cùng với việc chuyển mục đích sử dụng đất (như bán ruộng cho người khác để làm nhà ở) thì chỉ phải nộp tối đa là 50% tiền sử dụng đất...

4 - Về thuế đối với sử dụng đất. Thuế chuyển quyền sử dụng đất : đất đai là một trong những loại tài sản có giá trị lớn. Với những người buôn bán địa ốc thì tỷ lệ lãi trên tổng doanh số thu được cũng là rất nhỏ, chứ chưa kể những người chuyển nhượng mang tính nhất thời. Bởi vậy thuế suất thuế chuyển quyền sử dụng đất quy định là 5%, 20%, 40% là quá cao ; đặc biệt với các trường hợp bố mẹ cho con cái một phần đất của mình mà cũng phải nộp thuế đến 20% giá trị đất. Trong điều kiện thu tiền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn có nhiều điều kiện bất cập như trên mà việc áp dụng thuế suất thuế chuyển quyền sử dụng đất lại phân biệt ra hai trường hợp với thuế suất quá cách biệt nhau : người chuyển quyền sử dụng đất, nếu đã nộp tiền sử dụng đất thì khi được giao đất chỉ phải nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất với mức 5% ; ngược lại người chưa nộp tiền sử dụng đất khi được giao đất, thì phải nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất với mức 20% là rất bất hợp lý và không thực tế.

Digitized by Google

Thuế sử dụng đất nông nghiệp hiện hành quy định căn cứ tính thuế là diện tích đất, hạng đất và định suất thuế trên một đơn vị diện tích của từng hạng đất. Định suất thuế hằng năm trên một ha đất tính bằng kg thóc như : đất hạng một là 550 kg, hạng hai là 460 kg, hạng ba là 370 kg, hạng bốn là 280 kg, hạng năm là 180 kg và hạng sáu là 50 kg. Thiết nghĩ ở nước ta chuyển sang cơ chế thị trường mà còn duy trì chế độ thuế tính bằng hiện vật là điều không phù hợp. Tuy nhiên, việc quy định tính thuế bằng hiện vật nhưng thu bằng tiền, đòi hỏi phải xác định giá thóc hằng năm, và đây cũng là vấn đề đang gặp khó khăn ở nhiều địa phương.

Thuế đối với đất ở, đất xây dựng : tính chất của đất ở, đất xây dựng khác về cơ bản so với đất dùng vào sản xuất nông nghiệp, nhưng việc thu thuế đối với đất ở, đất xây dựng lại dựa trên những căn cứ của đất nông nghiệp và được quy định bằng từ 1 đến 32 lần thuế sử dụng đất nông nghiệp là chưa có căn cứ vững chắc và chưa phù hợp với đặc điểm và giá trị của loại đất này. Và do vậy thuế đối với đất ở, đất xây dựng ngoài nhược điểm như thuế sử dụng đất nông nghiệp, nó còn bị hạn chế tác dụng điều tiết trong hoạt động chuyển nhượng đất đai theo cơ chế thị trường hiện nay.

5 - Góp vốn liên doanh bằng giá trị quyền sử dụng đất : Luật Đầu tư nước ngoài quy định : Bên Việt Nam tham gia doanh nghiệp liên doanh được góp vốn pháp định bằng giá trị sử dụng đất. Quy định này tạo thuận lợi cho doanh nghiệp Việt Nam trong điều kiện thiếu vốn vẫn có thể liên doanh với doanh nghiệp nước ngoài để phát triển sản xuất kinh doanh, đồng thời doanh nghiệp liên doanh cũng không phải mất thời gian đi tìm đất và thuê đất. Tuy nhiên, quy định hiện hành về việc góp vốn liên doanh bằng giá trị quyền sử dụng đất đang còn những bất cập, vừa không thống nhất, vừa kém hiệu quả mà lại gây trở ngại cho việc thực hiện. Cụ thể như sau :

Thứ nhất : Quy định doanh nghiệp góp vốn liên doanh bằng giá trị quyền sử dụng đất phải ghi nợ với Nhà nước và thời điểm hoàn trả tiền thuê đất cho Nhà nước là khi liên doanh có lợi nhuận, nhưng tối đa là 5 năm kể từ ngày thuê đất. Quy định này có 2 điều bất hợp lý là :

Một là, đất đem góp vốn có nhiều nguồn gốc có thể là đất đi thuê của Nhà nước, có thể là đất mới được giao (giao đất có thu tiền và giao đất không thu tiền), có thể là đất nhận chuyển nhượng từ người khác, và đã trả tiền cho người ta theo giá thỏa thuận, cũng có thể là đất đã được giao sử dụng từ xưa đến nay, trong đó đã có sự đầu tư, tu bổ về hạ tầng cơ sở, tôn tạo về mặt bằng... Khi đem góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất lại ghi nợ với Nhà nước theo giá đất Nhà nước quy định cho người nước ngoài thuê, là điều không công bằng, không hợp lý.

Hai là, góp vốn vào liên doanh là để được chia lãi theo giá trị vốn góp, cho nên phải tùy thuộc kết quả sản xuất kinh doanh của liên doanh và số lãi được chia hằng năm, chứ không thể hoàn trả Nhà nước theo tiền thuê đất hằng năm được. Trong thực tế là không thu được mà nhiều trường hợp phải xóa nợ.

Thứ hai : Quy định về hồ sơ góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất, có nhiều trường hợp là mâu thuẫn, không thực tế, như quy định phải có 4 loại giấy tờ sau :

+ Tờ khai góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

+ Sơ đồ thửa đất (trích lục bản đồ thửa đất)

+ Giấy chứng nhận nộp tiền thuê đất.

Theo đó có 2 loại giấy tờ là rất khó có được là : giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận nộp tiền thuê đất.

Từ thực trạng chính sách thu đối với việc sử dụng đất như trên, xin kiến nghị một số giải pháp sau :

Giải pháp thứ nhất về giá đất : Chính phủ nên đề ra những nguyên tắc chỉ đạo và giao cho chính quyền địa phương tự quy định giá đất, theo hướng vừa phù hợp với cơ chế thị trường về đất đai, vừa không quá chênh lệch giữa các địa phương, đồng thời vừa cân đối giữa việc giao đất, cho thuê đất với việc thu hồi đất. Thời gian qua ở Đà Nẵng đã làm tương đối phù hợp.

Digitized by Google

Giải pháp thứ hai về giao quyền sử dụng và thu hồi đất : Quan hệ giữa Nhà nước với dân chỉ nên khẳng định có 2 trường hợp là :

- Giao đất (giao đất có thu tiền và giao đất không thu tiền)
- Cho thuê đất (áp dụng một cơ chế giá thống nhất).

Sau khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, thì tổ chức, cá nhân được toàn quyền sử dụng đất theo đúng mục đích và trong thời hạn được giao hoặc được thuê đất. Mọi trường hợp thu hồi đất, cơ quan nhà nước phải đền bù thiệt hại cho người có đất bị thu hồi. Thực tế hiện nay Nhà nước chỉ đền bù đối với đất thu hồi để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng (như quy định tại Điều 27 của Luật Đất đai). Về mặt nguyên tắc, Nhà nước phải thu hồi đất của người này rồi mới giao cho người khác sử dụng (hoặc cho thuê). Trong trường hợp này, người bị thu hồi đất sẽ được Nhà nước đền bù thiệt hại (cấp đất khác hoặc trả bằng tiền) ; người được giao đất sẽ phải nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất. Làm như vậy sẽ rõ ràng hơn và hạn chế được nhiều vướng mắc hơn và cũng ít xảy ra tiêu cực hơn.

Giải pháp thứ ba về thu tiền sử dụng đất : Việc thu tiền sử dụng đất gắn liền với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đại bộ phận nhân dân (phần lớn là đất ở) và các tổ chức hiện đang sử dụng đất. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trách nhiệm của cơ quan quản lý hành chính nhà nước đối với dân. Giấy chứng nhận quyền sử dụng hợp pháp đất ở là một trong những quyền lợi cơ bản của dân. Đây cũng là vấn đề lịch sử để lại khó có thể giải quyết ngay một lúc và bảo đảm sự công bằng được.

Theo chúng tôi nên thu ở mức thấp, thậm chí như một loại lệ phí thôi. Vì rằng, phần lớn đất sử dụng để ở không sinh lời, nếu thu cao sẽ khó nộp. Đối với trường hợp có phát sinh thu nhập thì đã được thu bằng các loại thuế khác (như thuế chuyển quyền sử dụng đất, thuế kinh doanh bất động sản...). Đối với đại bộ phận đất đã làm nhà ở mà không có tranh chấp, không phạm quy hoạch thì nên căn cứ vào tờ khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Có như vậy mới tạo ra cơ sở pháp lý cho công tác quản lý tiếp theo đối với đất đai, không bị ách tắc. Mặt khác, diện xem xét giải quyết được thu hẹp lại thì mới có điều kiện thực hiện được.

Giải pháp thứ tư về thuế đối với sử dụng đất : Trong chương trình cải cách bước 2 hệ thống thuế hiện hành, nên sửa đổi Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp và Pháp lệnh thuế nhà đất theo hướng gộp hai loại thuế thành một loại là Luật Thuế sử dụng đất. Căn cứ tính thuế là diện tích đất sử dụng, giá tính thuế đất và thuế suất. Thuế suất nên thấp (khoảng 3 - 4%) thu hằng năm. Giá tính thuế do chính quyền địa phương quy định theo giá thị trường và công bố từ đầu năm. Đất dùng cho sản xuất nông nghiệp được quy định ở mức thấp nhất để bảo đảm thu thuế nhẹ đối với sản xuất nông nghiệp. Thuế chuyển quyền sử dụng đất nên nhập vào thuế thu nhập. Lệ phí trước bạ đối với đất đai chỉ nên thu khoảng 1% đối với đất ở và đất xây dựng, không thu lệ phí trước bạ đối với đất dùng vào sản xuất nông nghiệp.

Giải pháp thứ năm về góp vốn liên doanh bằng giá trị quyền sử dụng đất. Góp vốn liên doanh bằng giá trị quyền sử dụng đất được áp dụng với cả doanh nghiệp liên doanh với doanh nghiệp nước ngoài và liên doanh với doanh nghiệp trong nước. Doanh nghiệp có thể mang quyền sử dụng đất của mình đi góp vốn liên doanh. Trong trường hợp này nếu doanh nghiệp được giao đất đã nộp tiền sử dụng đất thì doanh nghiệp được toàn quyền hưởng lãi được chia trên vốn góp vào liên doanh. Nếu doanh nghiệp được giao đất không phải nộp tiền sử dụng đất như giao đất để sản xuất nông nghiệp, khi doanh nghiệp đem giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp góp vốn liên doanh để tiếp tục dùng vào sản xuất nông nghiệp thì doanh nghiệp vẫn không phải nộp một khoản tiền nào cho Nhà nước, và được hưởng lãi chia trên vốn góp vào liên doanh. Doanh nghiệp có thể thuê đất của Nhà nước để đem góp vốn liên doanh. Trong trường hợp này doanh nghiệp phải trả tiền thuê đất cho Nhà nước theo đúng hợp đồng thuê đất và doanh nghiệp được hưởng lãi được chia trên vốn góp vào liên doanh. Chấm dứt tình trạng nhận nợ một cách hình thức như hiện nay.❑

Digitized by Google

Đồng bằng sông Cửu Long : những vấn đề sau đợt lũ lịch sử năm 2000

TRẦN KIM DUNG

ƯỚC TÍNH THIỆT HẠI VÀ HẬU QUẢ

Năm nay, lũ đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) về sớm, kéo dài hơn 3 tháng, mực nước cao nhất trong vòng 70 năm nay, lại rút chậm đã gây thiệt hại rất lớn về người và của cho toàn vùng. Hội nghị của Chính phủ về *Khắc phục lũ lụt tại ĐBSCL* (họp ở Đồng Tháp, 10-11-2000) đã tổng kết : "Trận lũ lịch sử này đã làm chết 453 người, phần lớn là trẻ em. Lũ lụt đã làm ảnh hưởng đến đời sống 10 triệu người, trong đó có 4,5 triệu sống trong vùng bị ngập sâu ; 800 nghìn hộ bị ngập nước, trong đó 50 nghìn hộ phải di dời, nhiều hộ di dời 2 - 3 lần ; nửa triệu người phải cứu trợ ; 800 nghìn học sinh phải nghỉ học ; 150 nghìn ha lúa bị ngập, trong đó 56 nghìn ha bị mất trắng, 90 nghìn ha cây ăn trái, 12 600 ha mặt nước nuôi trồng thủy sản ; gần 13 nghìn km đường giao thông, 4 nghìn cầu, cống ; 26 triệu m^3 đất của các hệ thống thủy lợi bị sạt lở. Bước đầu ước tính thiệt hại trực tiếp do lũ lụt gây ra là 3 800 tỉ đồng".

Sụt lở đất ở hàng trăm điểm thuộc các tỉnh *An Giang, Đồng Tháp, Long An...*, làm thiệt hại về kinh tế - xã hội mỗi tỉnh từ 300 đến 500 tỉ đồng, nhất là tỉnh Đồng Tháp. Hệ thống giao thông trong đợt lũ thiệt hại nặng nề ; có tới 10 688 km đường giao thông liên tỉnh bị ngập, trong đó có 9 579 km đường giao thông nông thôn bị ngập nặng. Mới tính sơ bộ 7 tỉnh bị ngập, số thiệt hại về giao thông vận tải đã lên tới 764 tỉ đồng.

Lũ lụt đã làm hư hại diện tích lớn vườn cây ăn trái (Tiền Giang 20 nghìn ha, Đồng Tháp 10 nghìn 463 ha, Vĩnh Long 14 nghìn ha, Cần Thơ 13,5 nghìn ha...). *Viện cây ăn quả miền Nam* đã ước tính có khoảng 40 000 ha cần trồng lại với số lượng 28 triệu cây giống, chủ yếu là nhãn, cam, quít, bưởi. Tuy nhiên, nguồn cây giống hiện nay đang rất thiếu, trong đầu năm tới chưa đủ để đáp ứng nhu cầu, đặc biệt là loại cây có múi. Khả năng hiện có của Viện chỉ đáp ứng khoảng 200 000 cây. Các trung tâm giống các tỉnh Đông Nam Bộ và ĐBSCL có khoảng 100 000 đến 200 000 cây/tỉnh. Các vườn ươm tư nhân (Chợ Lách - Bến Tre) có khả năng cung cấp 10 triệu cây/năm, nhưng chất lượng không bảo đảm.

Ngoài những thiệt hại kể trên, ĐBSCL còn hứng trọn mọi thứ độc hại từ thượng nguồn đổ về : môi trường sinh thái bị ô nhiễm, dịch bệnh phát sinh, phổ biến nhất là các bệnh tiêu chảy, sốt xuất huyết, sốt rét. (7 930 ca tiêu chảy, 108 ca thương hàn, 1 500 ca kiết lị...). Riêng tỉnh đầu nguồn *An Giang* lại càng phải gánh chịu những thiệt hại nặng nề hơn : 111 người chết, trong đó có 80 trẻ em ; cơ sở hạ tầng, sản xuất thiệt hại ước tính hơn 752 tỉ đồng. Ngành y tế An Giang cũng chịu tổn thất khoảng 3 tỉ đồng (4 trung tâm y tế huyện, thị xã ; 51 trạm y tế xã, phường bị ngập sâu). Các bệnh truyền nhiễm gia tăng ở nhiều nơi, đặc biệt bệnh sốt xuất huyết phát sinh thành dịch từ đầu năm đến nay vẫn không giảm (đến cuối tháng 10, toàn tỉnh đã có tới hơn 2 100 ca nhiễm, 400 ca nặng độ 3 đến 4, và 7 ca tử vong). Tỉnh *Đồng Tháp* cũng có gần 120 đơn vị, cơ sở y tế bị ngập, đặc biệt là tuyến huyện, xã (80 trạm y tế và trung tâm y tế bị thiệt hại). Tỉnh Tiền Giang đến cuối tháng 9 cũng đã có 17 trạm y tế, bệnh viện bị ngập nước.

Bên cạnh những thiệt hại to lớn về nhà cửa, tài sản của người dân, còn phải kể đến những thiệt hại và hậu quả không thể tính bằng tiền bạc của ngành giáo dục - đào tạo. Đó là những thiệt hại về cơ sở vật chất, về trường lớp, về việc nghỉ học và bỏ học của hàng vạn học sinh. (Tỉnh Đồng Tháp có tới 616 phòng học bị hư hỏng nặng, cần xây mới. Chỉ tính riêng huyện Mộc Hóa (Long An) có 69 điểm trường, thì 62 điểm bị ngập, 15 nghìn học sinh phải nghỉ học, khoảng 2 000 bộ sách giáo khoa bị ngập nước...).

NHỮNG KHÓ KHĂN, BẤT CẬP TRONG VÀ SAU ĐỢT LŨ

Qua trận lũ sớm năm nay, chúng ta thấy muốn sống chung với lũ (SCVL) thì việc chuẩn bị và

Digitized by Google

biện pháp "sống chung" phải hoàn toàn chủ động và đồng bộ. Nhìn nhận khách quan và nghiêm túc ta thấy rất rõ, mặc dù có sự quan tâm lớn của Đảng, Nhà nước và các cấp lãnh đạo địa phương trong huy động chống lũ, song tinh thần sẵn sàng SCVL của các địa phương sở tại vẫn chưa được phát huy triệt để, còn bộc lộ không ít những yếu kém :

- Quy hoạch giao thông chưa khoa học, chưa lường hết các sự cố khi có lũ lớn.

- Quy hoạch dân cư vùng lũ chưa hợp lý.

- Các giải pháp ứng phó của ngành giáo dục - đào tạo khi cơ sở vật chất bị hư hại trường ngập, học sinh phải nghỉ học, chương trình bị gián đoạn... còn kém hiệu quả.

- Giữa các tỉnh chưa có sự hợp tác đúng mức trong việc thoát lũ.

- Việc giải tỏa nhà dân tạm bợ trên vùng kênh rạch, vùng sâu chưa triệt để nên thiệt hại lớn hơn ; việc di dời dân khỏi các vùng lũ còn thiếu kịp thời và kiên quyết.

- Ở những vùng bị ngập nước, mọi sinh hoạt trên bộ bị gián đoạn, nhiều gia đình gần như phải sống biệt lập, phương tiện để duy trì mọi hoạt động là xuồng, nhưng rất nhiều hộ không có, vì thế món quà cứu trợ mà họ mong đợi để duy trì cuộc sống nhiều khi không phải là lương thực, thực phẩm (bởi có những gia đình vẫn dự trữ được) mà là xuồng.

- Trước mùa lũ, công tác thu mua lúa trong nhân dân, việc gửi lúa vào kho tiến hành chưa thật khẩn trương, vì thế lượng thóc tồn đọng trong dân bị mất mát, hư hại khá lớn do không có điều kiện bảo quản tốt.

Công tác cứu trợ, bên cạnh rất nhiều ưu điểm, cũng bộc lộ một số mặt hạn chế : do sai sót về địa chỉ, thiếu tập trung trong khâu tiếp nhận nên tiền, hàng chậm đến tay đồng bào ; tổ chức quá nhiều đoàn đi thăm, trao quà trực tiếp cũng làm nảy sinh không ít khó khăn cho các địa phương đang lâm nạn ; tình trạng phân phối hàng cứu trợ không đều, nơi nhiều, nơi ít v.v.

- Lũ lụt, dòng chảy, phù sa sau khi nước rút dẫn đến tình trạng san bằng hoặc phủ lấp các ranh giới, địa giới ruộng đất, nhiều nơi ranh giới cũ bị xóa hẳn ; nếu không có chuẩn bị trước về tinh thần, không được hướng dẫn cụ thể để dẫn đến tình trạng tranh chấp giữa các chủ sử dụng đất. Đây cũng là một trong những vấn đề nhạy cảm của các vùng dân cư bị lũ lụt mà các cấp ủy đảng, chính quyền ở đây cần chủ động, giải quyết kịp thời.

NHỮNG VIỆC CẦN LÀM NGAY VÀ CHIẾN LƯỢC "CHUNG SỐNG VỚI LŨ"

Qua các chuyến đi thăm, chỉ đạo trực tiếp và nghiên cứu biện pháp khắc phục lũ lụt lâu dài của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, lãnh đạo bộ, ban, ngành trung ương, chuyên gia thủy lợi, các nhà khoa học đã đi đến kết luận, phương án tốt nhất để khắc phục lũ lụt ở ĐBSCL vẫn là CSVL. Nhưng CSVL là chủ động sử dụng các giải pháp để ổn định sản xuất, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của vùng chứ không phải là lo "chạy lũ" hằng năm. Mục tiêu chiến lược mà Chính phủ đặt ra *cho ĐBSCL là đến năm 2005 sẽ cơ bản khắc phục được hậu quả của đợt lũ thế kỷ ; và đến 2010, toàn vùng sẽ ổn định và phát triển bền vững*. Muốn vậy, ngay từ bây giờ, cùng một lúc vừa phải có những giải pháp thật cụ thể khắc phục những yếu kém, bất cập phát hiện từ trận lũ vừa qua ; vừa có chiến lược toàn diện, lâu dài, ổn định và phát triển đời sống cho nhân dân trong vùng lũ. Các tỉnh ĐBSCL phải coi nội dung triển khai kế hoạch SCVL là một nhiệm vụ chính trị phối hợp với sự trợ giúp của trung ương.

Khi lũ bắt đầu rút, Chính phủ đã kịp thời ban hành một loạt các văn bản nhằm khẩn trương bắt tay vào khắc phục hậu quả : Nghị quyết số 15/2000/NQ-CP (6-10-2000) Về *một số chủ trương và giải pháp tiếp tục khắc phục hậu quả lũ lụt, sớm ổn định đời sống nhân dân* với nội dung : "bổ sung quy hoạch, bố trí dân cư theo tuyến, theo cụm dân cư gắn với xây dựng cơ sở hạ tầng... có giải pháp về xây dựng nhà ở, cơ ở hạ tầng xã hội và cung cấp vật liệu xây dựng cho phù hợp với vùng lũ...". Trong Chỉ thị 23/CT-TTg (1-11-2000) Về việc *triển khai thực hiện một số công việc cấp bách khi nước rút ở các tỉnh ĐBSCL*, UBND các tỉnh được giao 4 trách nhiệm :

1. Có kế hoạch cụ thể giúp dân từ nơi tránh lũ về nơi ở cũ ; hướng dẫn đưa lao động chính về trước dọn dẹp vệ sinh, sửa chữa nhà ở, chuẩn bị sản xuất.

2. Rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch về giao thông, thủy lợi, dân cư, trạm y tế, trường học, đường sá, kênh rạch...

3. Đối với những vùng đất thấp, bị ngập sâu, thiệt hại nặng thì hướng dẫn dân chỉ nên sửa chữa nhà tạm ; về lâu dài, vận động di chuyển đến định cư theo quy hoạch.

Digitized by Google

4. Có kế hoạch giúp ổn định nơi ăn, chốn ở cho số bà con chuyên đi làm thuê, không có nơi ở ổn định. Căn cứ khả năng của từng địa phương thực hiện việc cấp đất, tạo điều kiện sinh sống ổn định, lâu dài.

Chính phủ đã hỗ trợ 6 tỉ đồng từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2000 và xuất không thu tiền 20 tấn rau các loại thuộc Quỹ dự trữ quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang quản lí để các tỉnh ĐBSCL khắc phục hậu quả lũ lụt và khôi phục sản xuất. Bộ Tài chính cũng có Thông tư 106/2000/TT-BTC (24-10-2000), hướng dẫn việc giảm, miễn các loại thuế đối với vùng lũ lụt nhằm giúp các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân vùng bị thiên tai sớm khắc phục hậu quả, khôi phục sản xuất. Với sự đầu tư, trợ giúp lớn của Chính phủ ; sự ủng hộ to lớn về tinh thần, vật chất của bà con các tỉnh trong nước, kiều bào ở nước ngoài và bè bạn quốc tế đã góp phần giảm bớt khó khăn cho đồng bào vùng lũ, giúp đồng bào có thêm sức mạnh, tin tưởng hơn trong cuộc đấu tranh dũng cảm chống lại thiên tai.

Theo Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp miền Nam thì hướng lâu dài cho sản xuất lúa trong điều kiện lũ ở ĐBSCL là tiếp tục tập trung làm 2 vụ lúa đông - xuân và hè - thu, nhưng phải sử dụng giống ngắn ngày để "né" lũ và tập trung chính vào vụ đông - xuân. Đối với cây lâu năm, cây ăn trái nên rà soát, đánh giá lại khả năng chịu lũ, có định hướng ưu tiên trồng các loại cây thích nghi, chống chịu tốt nhất đối với vùng lũ. Riêng vùng Đồng Tháp Mười cần tăng diện tích rừng (tràm, bạch đàn...) thay cho việc tiếp tục khai hoang trồng lúa vùng phèn mặn, ít hiệu quả. Trước mắt, các trung tâm khuyến nông và phòng nông nghiệp các tỉnh vùng lũ cần tiến hành kiểm tra chất lượng nguồn lúa giống trong dân. Hướng dẫn nông dân về kỹ thuật gieo sạ đúng lượng giống, tránh lãng phí, và kỹ thuật chăm bón sau lũ (vì lượng phù sa lớn hơn trước). v.v...

Đến cuối tháng 10-2000, Bộ Y tế đã cấp cho các tỉnh ĐBSCL 1 000 túi thuốc gia đình, 1,6 triệu viên cloramin, 100 cơ số thuốc và 90 triệu đồng. Chỉ đạo ngành y tế địa phương thực hiện *5 biện pháp cấp bách* : xử lí nước ăn, uống cho dân bằng phèn chua, cloramin ; tăng cường công tác vệ sinh, chống dịch bệnh ; có biện pháp kịp thời chống lạnh cho trẻ em ; nước rút đến đâu làm vệ sinh đến đó ; cán bộ y tế sẵn sàng làm tốt công tác cứu hộ, cứu nạn. Lực lượng y - bác sĩ địa phương, Quân khu 9 và từ các nơi như thành phố Hồ Chí Minh, các trường, bệnh viện.... cũng đã kịp thời đến khám, chữa bệnh cho bà con các tỉnh bị lũ. Các địa phương cũng chủ động chuẩn bị và phát huy mọi khả năng sẵn có để khắc phục, hạn chế tối đa hậu quả lũ lụt, góp phần ổn định đời sống, chăm lo sức khỏe nhân dân. Ngay từ đầu quý II, ngành y tế An Giang đã chủ động lập kế hoạch phòng chống lụt, bão, giảm nhẹ thiên tai ; toàn tỉnh đã triển khai được 176 tổ y tế lưu động, 132 tổ tìm kiếm cứu nạn ; từ huyện đến xã đều tổ chức tổ, đội cấp cứu và khám, cấp thuốc lưu động miễn phí cho hơn 1 000 hộ nghèo. Đồng Tháp đã có nhiều tấm gương sáng về y đức của các y, bác sĩ hết lòng vì người bệnh, nhất là ở các huyện đầu nguồn như trạm y tế Đốc Binh Kiều (huyện Tháp Mười). Tuy còn một số hạn chế nhỏ nhưng *thuyền y tế lưu động* ở Tân Hồng - Đồng Tháp (có từ năm 1993) được thiết kế như một trạm y tế (phòng khám bệnh, phòng đẻ và làm kế hoạch hóa gia đình, giường bệnh...) là một sáng tạo của địa phương, thật sự có tác dụng trong hoạt động chăm sóc sức khỏe nhân dân vùng sâu, vùng xa (từ đầu đợt lũ đến giữa tháng 11, đã khám, cấp cứu cho gần 1 500 người, đỡ 4 ca đẻ và thực hiện tiêm vắc xin phòng bệnh cho số trẻ em trong độ tuổi trên địa bàn).

Vấn đề bảo đảm nước sinh hoạt, bảo vệ sức khỏe nhân dân, phòng tránh dịch bệnh là hết sức quan trọng, song vừa qua, mới đáp ứng khoảng 50% nhu cầu về thuốc khử trùng, lọc nước cho dân. Điều đó đòi hỏi phải có biện pháp kịp thời, khẩn trương, trong khi nhà nước, địa phương chưa có khả năng cấp phát, có thể mang thuốc về y tế xã, ấp bán cho người dân và hướng dẫn họ cách sử dụng. Cần tiến hành tuyên truyền về các biện pháp phòng tránh bệnh dịch, cách sử dụng thuốc thông thường (cả đông, tây y) thuốc khử trùng nước... trên các phương tiện thông tin đại chúng một cách thường xuyên chứ không phải chỉ trong tình huống có lũ lụt.

Ngày 6-11, sau hơn 2 tháng "nghỉ nước", học sinh vùng lũ ĐBSCL đã bắt đầu đi học trở lại, nhưng cả thầy và trò vừa phải học vừa khắc phục hậu quả do lũ gây ra. Song, họ đang phải đương đầu với nỗi lo lớn : số học sinh bỏ học tăng cao vì nghèo, phải mưu sinh và gánh nặng đóng góp và học phí. (Theo Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh Đồng Tháp, ước có tới 200 học sinh bỏ học). Để khắc phục tình trạng trên, Bộ Giáo dục - Đào tạo đã đề nghị Bộ Tài chính sớm có *chế độ hỗ trợ giáo viên* tham gia dạy bù, dạy thêm giờ để đuổi kịp chương trình chung và miễn giảm

Digitized by Google

học phí cho học sinh, sinh viên bị thiệt hại, gặp hoàn cảnh khó khăn ở vùng lũ.

Mùa lũ năm nay, các tỉnh đã tập trung chỉ đạo các công ty lương thực quy hoạch, xây dựng khá nhiều *kho gửi lúa* giúp nông dân. Các kho này đã giải tỏa tâm lý cho hàng triệu nông dân vùng lũ yên tâm đợi khi lũ rút, giá lúa lên mới bán ra thị trường, vừa cải thiện đời sống, vừa có vốn đầu tư vụ đông - xuân. Trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh vùng ĐBSCL, cần có quy hoạch xây dựng hệ thống kho gửi lúa theo quy chế ưu tiên về đầu tư xây dựng cơ bản.

Sau hơn 3 năm thực hiện Quyết định 99/TTg của Chính phủ về phát triển toàn diện ĐBSCL, Nhà nước đã đầu tư lớn ở vùng ngập lũ để đào các kênh thoát lũ, đắp bờ bao, mở rộng khẩu độ cầu cống, nâng cao trình các tuyến giao thông quốc gia và liên tỉnh, bờ bao khu dân cư và các tuyến dân cư, cho dân vay tiền làm nhà trên cọc hoặc tôn nền... Trong những năm gần đây và qua đợt lũ vừa rồi, các công trình này cũng bước đầu phát huy tác dụng. Theo đánh giá của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các công trình thoát lũ ra biển Tây, ngăn mặn, ngọt hóa cho ĐBSCL là hướng đầu tư đúng, Tuy nhiên, lũ năm 2000 đã kiểm chứng một cách có hệ thống toàn bộ các công trình thủy lợi, phát hiện những điểm bất hợp lý để có thể kịp thời điều chỉnh quy hoạch. Một trong những bất hợp lí đó là hệ thống kênh, mương nội đồng. Các công trình này phải mang tính đồng bộ, thống nhất, hỗ trợ lẫn nhau. Trong kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn vùng ĐBSCL, hướng chủ đạo là tiếp tục phát huy thế mạnh của các công trình ngăn mặn, giữ ngọt, thoát lũ đã và đang được đầu tư. Bên cạnh đó, xây dựng một hệ thống giao thông thủy, bộ huyết mạch với các tuyến đường, cao độ và khẩu diện thoát lũ nối liền các thành phố, thị xã, thị trấn. Trong chiến lược kiểm soát lũ còn có phương án bảo vệ dân cư ; xây dựng hệ thống đê, cống bảo vệ các thành phố và thị xã.

Sau 5 năm thực hiện Quyết định 256/TTg của Thủ tướng Chính phủ (24-4-1996) về việc *cho vay vốn làm nhà trên cọc, tôn cao nền nhà*, hàng trăm ngàn hộ dân ở ĐBSCL đã được vay vốn, thời gian qua đã phát huy hiệu quả trong việc an cư cho bà con vào mùa lũ. Tuy nhiên, vẫn còn khoảng 30% hộ vay vốn đầu tư chưa có hiệu quả. Với mức cho vay bình quân khoảng 4 triệu/hộ thì phần lớn chỉ đủ tôn cao nền nhà, chưa đủ để cất nhà kiên cố và nửa kiên cố. Vậy mà tiến độ thu nợ vay vốn vẫn rất chậm. Trong bối cảnh lũ lụt gây thiệt hại nặng như năm nay thì tốc độ còn chậm hơn nữa bởi đối tượng được vay vốn là các hộ chính sách, hộ nghèo. Việc thu hồi vốn vay chậm sẽ ảnh hưởng đến việc giải ngân vốn xoay vòng theo dự kiến ban đầu của chương trình. Theo ước tính, 10 tỉnh ĐBSCL hiện có khoảng 300 - 500 nghìn hộ dân có nhu cầu vay vốn tôn cao nền nhà.

Từ thử thách của trận lũ vừa qua, việc quy hoạch dân cư cũng thể hiện khá nhiều điều bất ổn : khi lũ về, những căn nhà tôn cao đó trở thành ốc đảo, việc đi lại, học hành, chữa bệnh bị đình trệ... Khả năng chống trọi với lũ của các cụm dân cư Tân Hiệp - Thuận Bình (Đồng Tháp), Bình Châu (Long An) và Nam Thái Sơn (Kiên Giang) cũng gợi mở rất nhiều điều để tìm kiếm những giải pháp SCVL. Vấn đề cần quan tâm trước tiên là *xác định các khu định cư ổn định lâu dài*. Việc này mang ý nghĩa chiến lược trong phát triển nông thôn ĐBSCL ; tạo điều kiện cho dân sống tập trung trên những vùng đất cao, được đầu tư cơ sở hạ tầng, hạn chế ít nhất tác hại của lũ lụt. Các cụm dân cư này phải nằm trong quy hoạch đường bộ, đường thủy nối liền với các cụm dân cư khác và các đường giao thông chính của huyện, tỉnh. Cần có tổ chức của Nhà nước chuyên lo việc này, gồm các chuyên gia am hiểu kỹ thuật kinh tế, xã hội... và có tinh thần trách nhiệm cao với vùng lũ để chỉ đạo các địa phương và làm tham mưu đắc lực cho lãnh đạo. Đối với việc xây dựng những khu nhà ở không bị ngập nước, nhiều chuyên gia đề nghị cần nghiên cứu các loại chất liệu nhẹ, dễ nổi, vừa rẻ, vừa dễ thi công (rơm ép, nhựa tổng hợp, ...).

Muốn phát triển kinh tế - xã hội ổn định, bền vững ở ĐBSCL, phải có sự kết hợp nhiều mặt của nhiều lực lượng từ trung ương đến địa phương ; có sự hợp tác của nhiều cơ quan, ban ngành (kinh tế, tài chính, khí tượng thủy văn, thủy lợi, kiến trúc, giao thông, khoa học xã hội và nhân văn...) mà trong đó, Đảng và Nhà nước sẽ đóng vai trò điều phối, chỉ huy chung. Với truyền thống và kinh nghiệm sẵn có, với tinh thần bền bỉ và ý chí kiên cường, với sự trợ giúp của cả nước và bạn bè quốc tế, tin rằng một tương lai không xa, bộ mặt của ĐBSCL sẽ ngày một thay đổi, ngày một trù phú hơn. Thiên nhiên dẫu khắc nghiệt bao nhiêu cũng không thắng nổi trí tuệ và lòng quyết tâm của con người. ❑

Digitized by Google

MÔI TRƯỜNG VÙNG LÀNG NGHỀ CÁC TỈNH LƯU VỰC SÔNG CẦU

CHU THÁI THÀNH

Mấy năm lại đây, cùng với công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế của đất nước, các làng nghề lưu vực sông Cầu (thuộc các tỉnh Bắc Cạn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Dương và Vĩnh Phúc) cũng không ngừng phát triển đa dạng. Theo thống kê chưa đầy đủ, trải rộng trên vùng này đã có trên 200 làng nghề. Ngoài các làng nghề truyền thống đã và đang xuất hiện thêm nhiều làng nghề mới. Chỉ tính riêng tỉnh Bắc Ninh có khoảng 58 làng nghề, Bắc Giang 52 làng, Hải Dương 46 làng... với hàng ngàn cơ sở tư nhân đang hoạt động. Các làng nghề này đã đóng góp nhiều sản phẩm có giá trị vào thị trường hàng hóa đất nước, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao mức sống của nhân dân, làm thay đổi bộ mặt địa phương.

Làng nghề không chỉ đơn thuần làm ra các sản phẩm hàng hóa, mà còn là nơi tiềm ẩn những giá trị văn hóa tinh thần và nơi bảo lưu, giữ gìn công nghệ truyền thống lâu đời của dân tộc. Môi trường văn hóa làng nghề phản ánh sinh động cảnh sống, lối sống và nếp sống giàu tính nhân văn. Khung cảnh làng quê êm đềm với mái đình, cây đa, giếng nước, ẩn giấu bao nét đẹp nghĩa tình làng nước. Duy trì và mở rộng các làng nghề truyền thống vừa làm đa dạng thị trường cung cấp hàng hóa thủ công nghiệp, vừa góp phần giữ gìn và phát triển những nét đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam. Điều quan trọng là làng nghề truyền thống đang thực sự góp phần chuyển dịch cơ cấu, từng bước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, tạo diện mạo mới cho nông thôn tiến dần đến đô thị hóa. Nhưng thật trớ trêu, sự vật nào cũng có mặt trái của nó. Bên cạnh những đóng góp đáng kể của các làng nghề vào sự phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa của đất nước, thì nguy cơ ô nhiễm môi trường ở đây cũng đặt ra thật bức xúc.

Tình trạng ô nhiễm môi trường

Có thể phân chia ô nhiễm môi trường làng nghề theo ba loại : Thứ nhất là *ô nhiễm nước*, chủ yếu do nước thải từ các làng nghề giấy, nghề mạ kim loại, tái chế phế thải, đồ gốm... chảy tự do ra kênh mương, đổ xuống ao hồ, sông suối, làm ô nhiễm nguồn nước mặt - nguồn nước sinh hoạt của người dân. Nước thải làng nghề có lưu lượng lớn, nồng độ nhiễm bẩn chất hữu cơ khó phân hủy sinh học cao, các hóa chất độc hại không được xử lý đã làm cho nguồn nước cả khu vực bị ô nhiễm nặng nề. Thứ hai là *ô nhiễm môi trường không khí*, do các làng nghề sản xuất thủy tinh, gốm sứ, vật liệu xây dựng, đúc nhôm, đồng... theo tính thủ công, manh mún, tự phát và không có khả năng sử dụng các loại thiết bị kỹ thuật - công nghệ hiện đại để kiểm soát và hạn chế sự phát thải của các loại tác nhân gây ô nhiễm không khí môi trường xung quanh. Thứ ba là *ô nhiễm đất*, do các loại hóa chất và kim loại nặng trong các làng nghề đúc đồng, nhôm, chì, cơ khí, các ngành nghề sản xuất gốm, ngói, gạch lát, dệt... Các chất thải rắn và lỏng từ các làng nghề này đều có thể ngấm sâu xuống lòng đất, chảy ra làng mạc, đồng ruộng, làm cho nguồn đất và khả năng sinh lợi của đất như năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi, sinh vật thủy sinh... bị suy giảm và hủy diệt.

Kết quả điều tra cho thấy, ở những *làng nghề nổi tiếng về sản xuất giấy tái chế* như Phong Khê, huyện Yên Phong và Phú Lâm, huyện Tiên Sơn (Bắc Ninh) cũng là nơi có nguồn chất thải khá lớn. Hai khu vực này có 50 xí nghiệp với 70 phân xưởng, sản xuất 18 000 đến 20 000 tấn sản phẩm hàng hóa một năm và thải ra môi trường 1 200 đến 1 500 m^3 nước thải một ngày. Trong nước thải có chứa các loại hóa chất như : xút, thuốc tẩy, phèn kép, nhựa thông,

Digitized by Google

phẩm màu. Nước thải không qua xử lý chảy thẳng ra nguồn nước, làm cho toàn bộ khu vực này bị ô nhiễm trầm trọng. Theo kết quả phân tích của Viện vệ sinh dịch tễ, thì nước giếng ở đây bị nhiễm khuẩn rất nặng, chỉ số Coliform vượt hơn 100 lần chỉ tiêu cho phép, ngay cả nước giếng khoan, chỉ số này cũng vượt 20 lần. Tỷ lệ người dân làng nghề ở đây mắc bệnh đau mắt hột, viêm nhiễm khuẩn cao hơn hẳn các nơi khác. *Làng nghề rèn, cán, kéo sắt thép* Đa Hội, chạm khắc gỗ Đồng Kỵ, huyện Tiên Sơn, có 200 hộ sản xuất với quy mô xí nghiệp và hàng ngàn hộ thủ công nhỏ, tổng sản lượng 500 đến 700 tấn sản phẩm hàng hóa trong một ngày, thải ra môi trường 2,5 đến 3,2 tấn gỉ sắt, 3 000 đến 4 000 m^3 nước nhiễm bẩn. 20 cơ sở sản xuất giây thép mạ kẽm ngay trong khu vực dân cư, chất thải thường là a xít, kiềm, kim loại nặng chưa hề xử lý đổ thẳng ra sông. Làng nghề Tam Đa, huyện Yên Phong chuyên *chế biến lương thực, thực phẩm*, mỗi năm dùng 22 000 đến 24 000 m^3 nước và thải ra môi trường gây ô nhiễm nguồn nước mặt khu vực này. Các làng nghề Văn Môn *đúc nhôm, chì, kẽm* với sản lượng 10 đến 12 tấn hàng hóa một ngày, lượng khí thải và bụi độc lơ lửng phát tán khắp khu dân cư, bám lên cây, trần nhà, mái ngói. Hằng năm lớp bụi có thể dày lên tới 20 cm. Trong hạt bụi có chứa các kim loại nặng do nấu chì, kẽm từ nguyên liệu quặng mỏ. Qua phân tích cho thấy nồng độ chì trong khu vực đã vượt quá tiêu chuẩn cho phép đến 27,7 lần. Bệnh về đường hô hấp ở đây chiếm 44,4%, da liễu 13,1% trong tổng số người được điều tra năm 1999.

Rượu làng Vân - Vân Hà (Bắc Giang) nổi tiếng từ những năm 1930. Những câu thơ "Rượu làng Vân lung linh men ngọc. Mắt cô nàng lúng liếng đong đưa. Những chàng trai say khướt bốn mùa..." có lẽ chỉ còn trong hoài niệm. Mỗi ngày làng Vân Hà ước tính dùng 40 đến 50 tấn sắn lát khô để nấu rượu. Sản phẩm chính chủ yếu là rượu trắng. Sản phẩm phụ được người dân sử dụng để nuôi lợn, gà, cá và làm phân bón ruộng. Chất thải rắn như bã rượu, phân lợn, xỉ than ; chất thải lỏng như nước rửa nguyên liệu, chuồng trại khoảng 4 000 đến 5 000 m^3/ngày đêm. Tất cả các chất thải đều chưa qua xử lý đổ trực tiếp ra sông Cầu, ao hồ, cánh đồng lúa quanh làng.

Các tỉnh dọc sông Cầu không chỉ có làng nghề truyền thống mà còn có làng nghề sinh ra từ thời kinh tế mở, đáng chú ý là các *làng nghề giết mổ gia súc*. Làng nghề Phúc Lâm (Bắc Giang), Văn Thai (Hải Dương), mỗi ngày giết mổ trung bình 80 đến 100 con trâu bò, 250 đến 300 con lợn. Cao điểm có thể tới cả ngàn con. Mỗi gia đình làm nghề giết mổ có lượng chất thải ước tính : nước thải 3 đến 4m^3, phân 80 đến 100 kg, xương 15 đến 20 kg. Nguồn chất thải này trực tiếp đổ ra các ao hồ xung quanh làng. Hiện tại tất cả các ao làng đều bị nhiễm bẩn, nước nổi màu đen, đặc quánh. Khi được hỏi, người dân ở đây cho biết : thường vào tháng 2 đến tháng 3, sau mùa lụt, lại xuất hiện những đợt sốt xuất huyết và có một loại sốt lạ, chưa rõ nguyên nhân. Các loại bệnh dịch như đau mắt hột, mắt đỏ, viêm đường ruột, phụ khoa, ỉa chảy, đặc biệt là viêm đường hô hấp trẻ em xảy ra thường xuyên.

Môi trường các *làng nghề mộc, ngói, gốm, kinh doanh sắt vụn, sản xuất đồ nhựa* ở Vĩnh Phúc cũng rất nghiêm trọng. Tiếng ồn của các nhà máy cưa bào thường vượt tiêu chuẩn cho phép từ 20 đến 30%, bụi 89%. Có nơi như ở Bích Chu huyện Vĩnh Tường bụi trung bình đo được 18,9mg/m^3, vượt 89% tiêu chuẩn cho phép. Làng ngói Hương Canh, làng gốm Hiền Lễ nguyên vật liệu chiếm dụng cả môi trường không gian, chất thải, gạch ngói vỡ, xỉ than không được gom lại xử lý theo quy hoạch mà đổ bừa bãi ra ao hồ, vườn, thậm chí đổ ra kênh mương gây ách tắc dòng chảy. Làng nghề kinh doanh sắt vụn, sản xuất đồ nhựa Tề Lỗ, Trung Nguyên huyện Yên Lạc, sắt được chứa theo quy mô gia đình trong sân vườn, với đa dạng các chủng loại : phoi sắt, dầu mỡ, đồ hộp, bao ni lông... nước mưa thấm qua bãi chứa mang theo dầu mỡ và các chất bẩn, độc hại gây ô nhiễm nguồn nước mặt. Đáng quan tâm là việc *khai thác khoáng sản theo kiểu "thổ phỉ" chì, thiếc, vàng* ở Đại Từ, Phú Lương, Võ Nhai, Đồng Hỷ (Thái Nguyên) bằng những phương tiện thủ công thô sơ, làm thất thoát tài nguyên và tạo ra chất thải ảnh hưởng tới chất lượng nguồn nước sông Cầu.

Làm ô nhiễm nguồn nước sông Cầu còn có chất thải của hàng trăm cơ quan công nghiệp, thủ công nghiệp trong lĩnh vực sản xuất năng lượng, khai thác chế biến khoáng sản, luyện kim, cơ khí, hóa chất, vật liệu xây dựng, chế biến lương thực, thực phẩm, công nghệ tiêu dùng... Việc khai thác 259 mỏ than, sắt, chì, kẽm, thiếc, vàng... tập trung ở Bắc Cạn, Thái Nguyên,

Digitized by Google

trong đó có loại rất độc như cadium, thủy ngân, mangan, sắt đều đổ xuống dòng sông ngấm sâu vào nguồn nước ngầm, chưa được khắc phục. Theo ước tính chất thải khai thác ở mỏ than khoảng 1,5 triệu m^3/năm, thiếc khoảng trên 800 000 m^3/năm, sắt 2,5 triệu tấn/năm. Ở các khu khai thác vàng, tất cả các đất đá thải được đổ ra khu vực quanh hào, hố khai thác ; đất quặng được chuyển đến ven suối để rửa đãi thủ công. Những nguồn chất thải đó đều chảy ra lưu vực sông Cầu, làm cho nhiều người nhiễm bệnh, động thực vật chết, năng suất cây trồng kém, rừng đầu nguồn bị tàn phá dữ dội, tạo ra những đợt lũ quét, sạt lở nguy hiểm, môi trường cảnh quan bị xâm phạm nặng nề.

Các nguyên nhân

Có thể nhận thấy nhiều nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường làng nghề. Nhưng nguyên nhân cơ bản nhất vẫn là do chính người dân làng nghề gây ra. Họ thải vô tội vạ các chất độc hại, chưa qua xử lý ra môi trường xung quanh, nơi chính bản thân họ cùng cộng đồng đang sinh sống và làm việc. Nhận thức của người dân làng nghề về vệ sinh môi trường còn nhiều hạn chế. Không ít hộ biết được tác hại của ô nhiễm môi trường do chính mình gây ra, nhưng để đầu tư cho một công nghệ mới, hiện đại, ít gây ô nhiễm, lại nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh đòi hỏi phải có những chi phí lớn không phải ai cũng có khả năng. Mặt khác, tính hấp dẫn về kinh tế không cho phép sản xuất ngừng trệ. Cho nên đến nay, ô nhiễm ở các làng nghề đã trở thành một vấn đề bức xúc nhưng việc xử phạt, hoặc yêu cầu bắt buộc phải áp dụng các công nghệ xử lý chất thải bảo đảm vệ sinh hầu như chưa được thực hiện. Thí dụ : các hộ sản xuất giấy ở Phong Khê (Bắc Ninh) có tổng lượng nước thải ra môi trường khoảng 6 000 m^3/ngày, đầy hóa chất độc hại, nhưng chưa một lần bị các cấp có thẩm quyền nhắc nhở, kiểm tra.

Làng nghề dọc theo lưu vực sông Cầu hình thành và phát triển tự nhiên, tự phát theo nhu cầu của thị trường. Các cơ sở sản xuất của làng nghề thường nằm phân tán, xen kẽ với khu vực dân cư. Do đó việc đề ra biện pháp xử lý nguy cơ gây ô nhiễm cho cộng đồng thực sự là một bài toán không đơn giản. Các địa phương lại chưa có quy hoạch xây dựng cho từng làng nghề. Hầu hết mặt bằng sản xuất kinh doanh chật hẹp cũng là nơi sinh sống của các hộ gia đình. Hệ thống cấp thoát nước hiện tại không bảo đảm. Cơ sở hạ tầng dự kiến cho nước thải cũng rất khó thiết kế ở những vùng thường đất chật, người đông, nơi ở và sản xuất đan xen manh mún. Quy mô sản xuất của các làng nghề nhỏ bé, vốn ít (phần lớn là các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, hộ gia đình, tổ hợp tác xã...) vẫn tận dụng các thiết bị máy móc cũ kỹ, chắp vá từ nhiều nguồn. So với trước đây các làng nghề hiện nay đã lớn mạnh cả về quy mô và chất lượng. Tuy nhiên, trong quá trình chuyển đổi theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, máy móc, công nghệ của các làng nghề vẫn thường đi sau một bước. Máy móc thô sơ, công nghệ lạc hậu không chỉ tiêu tốn nhiên liệu, mà còn thải ra môi trường đủ mọi loại chất độc hại.

Thực tế cho thấy, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát huy tiềm lực của các làng nghề, ngành nghề thủ công nghiệp truyền thống đã đẩy mạnh phát triển kinh tế trong lưu vực các tỉnh sông Cầu. Tuy nhiên, điều đó cũng gây áp lực mạnh mẽ đối với tài nguyên, trước hết là tài nguyên đất, nước, khoáng sản và ô nhiễm môi trường ở các đô thị, khu công nghiệp, khu vực làng nghề. Các làng nghề muốn phát triển bền vững không thể không đi đôi với bảo vệ môi trường, môi sinh. Phát triển kinh tế mà không giải quyết, dự báo trước những ảnh hưởng tai hại đối với môi trường sống của con người, sẽ dẫn đến những hậu quả không thể lường trước. Nhận thức được vấn đề này, các cấp ủy đảng, chính quyền các tỉnh thuộc lưu vực sông Cầu đã có sự quan tâm, chỉ đạo, đưa ra nhiều biện pháp tích cực để bảo vệ môi trường khu vực làng nghề. Trong đó có những biện pháp đã và đang được triển khai như : đánh giá tác động hiện trạng môi trường của các cơ sở đang hoạt động, xây dựng và thực hiện nhiều dự án có giá trị nhiều tỷ đồng để xử lý chất thải, làm giảm ô nhiễm và chống suy thoái môi trường. Có thể kể đến các Dự án điều tra môi trường khai thác xử lý nguồn nước sinh hoạt, trồng cây xanh theo Chương trình 327, chống nóng, chống bụi, vệ sinh mặt bằng, xử lý nước thải... Đáng chú ý là : mô hình xóm Tây Đô huy động được nguồn vốn của dân, lồng ghép với chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng và mô hình xử lý chất thải, quản lý phân người và gia súc ở Đồng Bẩm, Cao Ngạn, Túc Duyên (Thái Nguyên) ; mô hình xã hội hóa công tác nước sạch và vệ sinh môi trường trên địa bàn huyện lỵ và khu dân cư tập trung

Digitized by Google

ở Hiệp Hòa ; mô hình hộ nông dân thực hiện vệ sinh môi trường nông thôn bằng hầm biogas, kết hợp vệ sinh môi trường với lợi ích sức khỏe và sản xuất tăng thu nhập ở Vân Hà (Bắc Giang)... Những mô hình này mới chỉ được triển khai lẻ tẻ ở một số nơi, bước đầu có kết quả, nhưng đáng tiếc là chưa được nhân rộng. Hầu hết các làng nghề thủ công nghiệp truyền thống vẫn chưa có quy hoạch xử lý chất thải, cũng như các biện pháp kiểm soát hữu hiệu việc khai thác khoáng sản thủ công theo kiểu dân dã. Nhiều dự toán giải quyết ô nhiễm làng nghề mới chỉ dừng lại ở giải pháp kỹ thuật công nghệ (cả về công nghệ xử lý và công nghệ sản xuất). Môi trường làng nghề vẫn tiếp tục bị ô nhiễm nặng nề, gây ra những hậu quả nghiêm trọng trước mắt và lâu dài đối với đời sống, sức khỏe của nhân dân.

Làm gì để chống ô nhiễm ?

Làm gì để bảo vệ và phát triển các làng nghề, đặc biệt là làng nghề truyền thống, chống ô nhiễm, tạo điều kiện để làng nghề cung cấp nhiều hơn nữa hàng hóa cho xã hội, góp phần xây dựng giải đất sông Cầu ngày càng giàu đẹp ? Đó là câu hỏi đặt ra khẩn thiết không chỉ cho các nhà quản lý thuộc 6 tỉnh lưu vực sông Cầu, mà còn cho các nhà khoa học, các nhà hoạch định đường lối, chính sách trong cả nước phải quan tâm. Qua khảo sát các làng nghề dọc lưu vực sông Cầu, chúng tôi đề xuất tập trung thực hiện một số giải pháp cơ bản sau đây :

Một là : Đẩy mạnh giáo dục truyền thông. Đặc biệt chú trọng tuyên truyền sâu rộng trong làng nghề các mô hình, giải pháp kỹ thuật mới, kinh nghiệm tốt, điển hình tiên tiến về xử lý nước sạch, vệ sinh môi trường. Đây là tiền đề xây dựng phong trào các làng nghề, từ nhận thức chuyển đổi thành hành vi để tự mình cải thiện ngay điều kiện sử dụng nước và vệ sinh của gia đình, tích cực tham gia cùng cộng đồng giữ gìn nguồn nước, vệ sinh môi trường. Tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức về Luật bảo vệ môi trường, Luật tài nguyên nước cho tất cả cộng đồng, trước hết là các xí nghiệp công nghiệp, thủ công nghiệp, làng nghề... các cấp chính quyền, đoàn thể trong nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

Hai là : Tiến hành quy hoạch bảo vệ môi trường làng nghề của từng địa phương (trong đó có việc phát triển công nghiệp và đô thị). Đánh giá khả năng chịu tải của môi trường và tài nguyên thiên nhiên dưới tác động tổng hợp của toàn bộ nguồn thải do làng nghề gây ra. Các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề mới phải được quy hoạch, bố trí hợp lý nhằm bảo vệ những khu vực có tính nhạy cảm và khu dân cư đông đúc. Quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường tương ứng với áp lực môi trường, trước hết là hệ thống cấp thoát nước, xử lý nước thải, thu gom chất thải rắn, xử lý khói, bụi. Chú trọng bảo tồn tài nguyên khoáng sản, nước, đất, rừng, sinh vật, hệ thống cây xanh... tài nguyên văn hóa, lịch sử, truyền thống. Ngăn chặn và tiến tới xóa bỏ khai thác thổ phỉ, thực hiện hoàn nguyên đất và tài nguyên rừng ở những vùng khai thác mỏ. Áp dụng các biện pháp quản lý kinh tế - kỹ thuật để bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, vận chuyển, gia công, chế biến khoáng sản.

Ba là : Từng bước thanh toán các nguồn ô nhiễm làng nghề, trong đó tất cả các cơ sở gây ô nhiễm đều phải đầu tư từng bước để cải tiến, đổi mới công nghệ, xây dựng hệ thống thiết bị xử lý nước thải, lọc bụi, khí độc... bảo đảm sao cho trước khi thải ra cống, mương phải đạt tiêu chuẩn cho phép. Hằng năm các cơ sở sản xuất phải tìm mọi biện pháp huy động vốn để tiến hành các công trình bảo vệ môi trường. Nhà nước cần có chính sách bảo vệ môi trường khu công nghiệp, làng nghề như : thuế tài nguyên, môi trường, tiết kiệm năng lượng và vật liệu trong sản xuất, tiêu dùng ; chính sách hỗ trợ, khuyến khích giảm thuế, cho vay dài hạn không lãi để thực hiện việc xử lý, ngăn ngừa ô nhiễm và chống suy thoái môi trường. Ban hành các quy định bắt buộc về khai thác nguồn lợi sông Cầu, tăng cường đầu tư kinh phí và ưu đãi cho cơ sở làng nghề thực hiện các dự án bảo vệ môi trường.

Bốn là : Áp dụng các biện pháp kỹ thuật xử lý triệt để các chất thải làng nghề, nhất là công nghệ sạch, ít phế thải, tiêu hao ít nguyên liệu và năng lượng. Xây dựng hệ thống hầm biogas cho từng hộ gia đình. Đây là mô hình kết hợp được lợi ích môi trường, sức khỏe với lợi ích kinh tế, giúp cho nông dân biết làm giàu nguồn phân bón cả về chất và lượng, cải tạo đồng ruộng, thực hiện một nền nông nghiệp sạch. Tạo tiền đề cho làng nghề phát triển chăn nuôi, chế biến nông sản và thịt gia súc theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn. Xây dựng mô hình hợp tác xã vệ sinh môi trường ở khu vực cấp huyện và các làng

(Xem tiếp trang 57)

Digitized by Google

CHO Ý KIẾN

MAI NINH

THỦ trưởng khá nghiêm túc trong việc *"cho* ý kiến" với cấp dưới. Cấp dưới cũng thích *"xin* ý kiến" của ông. Thế mà đêm đó, đã quá canh hai, ông vẫn còn băn khoăn chưa đặt bút. Trước mắt ông là một bản dự thảo báo cáo trình đại hội của một đảng bộ trực thuộc. Cuối cùng, một giấc ngủ muộn màng cũng đã đến khi ông có quyết định mới.

Sáng sau, ông bảo người trợ lý : Đồng chí hãy trả lại bản dự thảo báo cáo này, cho chủ của nó.

Trợ lý rất đỗi ngạc nhiên : Tại sao ?

- Tại tôi không có ý kiến gì để *cho* cả, thủ trưởng trả lời.

- Thì trước đây, đồng chí vẫn cho ý kiến về những bản báo cáo như thế này mà !

- Đúng là như vậy. Nhưng trước đây, tôi đã cho ý kiến vì tôi thật sự có ý kiến. Mà tôi có được ý kiến vì tôi hiểu biết khá kỹ tình hình của các đảng bộ ấy. Riêng với đảng bộ này, tôi chỉ biết qua báo cáo. Không biết kỹ về nó là một biểu hiện quan liêu. Cho ý kiến về cái mà mình không hiểu kỹ thì lại càng quan liêu hơn.

- Nhưng bản dự thảo này làm gần giống như bản báo cáo tại đại hội điểm mà đồng chí chỉ đạo cơ mà !

- Vấn đề là ở chỗ đó ! Tôi có cảm giác là bản báo cáo này gần như sao lại nguyên xi bản báo cáo ở đại hội đảng bộ điểm, chỉ khác một vài con số và địa chỉ.

- Bởi hai đơn vị đều có những nét giống nhau !

- Nhưng giống nhau như đúc thì không thể có.

Câu chuyện trên đây giữa thủ trưởng và người trợ lý gợi ra một số điều suy nghĩ về công tác chỉ đạo. Cấp trên cho ý kiến với cấp dưới là lẽ thường tình. Cấp dưới xin ý kiến cấp trên cũng là điều phù hợp với nguyên tắc làm việc. Cơ chế xin - cho này hoàn toàn khác với cái cơ chế xin - cho đang bị phê phán trong quản lý kinh tế. Nếu ta thừa nhận rằng vị thủ trưởng nêu trên đã xử lý đúng việc cho ý kiến với cấp dưới, thì cũng cần thấy một hiện tượng ngược lại, không phải là không phổ biến.

Có những vị thủ trưởng rất sính cho ý kiến, thậm chí ban phát ý kiến cho cấp dưới mà không hề chuẩn bị gì, nói ở rất nhiều diễn đàn mà nơi nào cũng từng ấy ý, có khi hôm nay nói gì ở đảng bộ này hôm sau lại nói như thế ở đảng bộ khác, mặc dù tình hình và công việc ở hai đảng bộ ấy không có gì giống nhau. Cho ý kiến đúng rõ ràng là không gì quý bằng, bởi lẽ nó làm sáng tỏ những điều cần phải làm. Còn cho ý kiến sai thì lại không có gì hại bằng, bởi lẽ người được cho ý kiến không biết nên hành động ra sao, có khi còn vin vào ý kiến sai ấy mà làm bậy. Khen chê cũng thế thôi. Khen cái đáng khen, chê cái đáng chê là thực sự đưa ra một sự cổ vũ hay một lời cảnh báo. Còn khen cái đáng chê, chê cái đáng khen lại là sự dung túng và khuyến khích cái xấu, cái sai, làm thui chột cái tốt, cái đúng. Trong bất cứ trường hợp nào, việc cho ý kiến của cấp trên đều cần được coi là một trách nhiệm, cũng là một nghệ thuật lãnh đạo, vì thế, nó đòi hỏi sự nghiêm túc và cẩn trọng.

Lại nói về việc xin ý kiến. Có những đơn vị và cá nhân lấy việc xin ý kiến để gọi là làm tròn một thủ tục - hoặc để tỏ ra tôn trọng cấp trên, tôn trọng nguyên tắc làm việc, hoặc để tránh né việc phải tự giải quyết những vấn đề thuộc trách nhiệm của mình, có khi lấy cớ xin ý kiến để cột trách nhiệm của cấp trên vào những việc làm không đúng đắn của mình. Một lời đệ trình không minh bạch, may được cấp trên thông qua, thì cứ thế làm tới, có gì đã có cấp trên gánh đỡ. Có nơi gửi hẳn lên cấp trên một báo cáo để xin ý kiến mà trong đó, tự mình không đề ra được ý kiến gì mới, cái gì cũng tròn trùng trục như hòn bi, đến nỗi cấp trên dẫu là thánh cũng không biết phải cho ý kiến như thế nào. Có người gặp việc gì khó đều không chịu động não, chỉ chạy lên cấp trên xoa đầu gãi tai, rằng cái này "em bí quá", rằng cái kia thật là "quá sức em", xin anh cho "một đường"' tháo gỡ !

Xem ra, cái cung cách xin - cho ý kiến như thế này vẫn còn nhiều điều đáng nói. Sửa đổi nó phải chăng là một nội dung quan trọng của sửa đổi lề lối làm việc ? ❑

Digitized by Google

HÒA BÌNH VÀ ĐẤT ĐAI - NHỮNG NGUYỆN ƯỚC CHƯA DỄ DUNG HỢP

PHẠM VĂN CHÚC

CUỘC xung đột dữ dội nhất kể từ 4 năm qua giữa những người dân Pa-le-xtin tay không và binh lính I-xra-en đã kéo dài hơn 1 tháng tại các vùng Bờ Tây sông Giooc-đan, phần Đông thánh địa Giê-ru-xa-lem, và Dải Ga-da. Đến nay, với sự quan tâm và lo ngại sâu sắc công luận thế giới vẫn khó có thể khẳng định chắc chắn điều gì về triển vọng diễn biến tình hình, ngoài sự mong muốn cấp thiết rằng nó sẽ sớm chấm dứt. Trong thời gian qua, thậm chí có lúc giới quan sát đã phải lo ngại mà dự đoán, "cuộc chiến ném đá" lần này có nguy cơ trở thành một cuộc chiến tranh thật sự - "cuộc chiến tranh Trung Đông lần thứ sáu". Cho dù khả năng tiêu cực ấy rút cuộc sẽ không xảy ra, thì dòng sự biến khốc liệt cũng đã kịp giáng xuống vùng đất vốn chồng chất đau thương này những hậu quả mới hết sức nghiêm trọng và đáng buồn. Chỉ tính tới hết 10 ngày đầu tháng 11-2000, tức là sau khoảng hơn 5 tuần kể từ khi bắt đầu nổ ra xung đột, các nguồn tin khác nhau cho biết đã có ít nhất 190 người chết và 5 000 người bị thương, trong đó chủ yếu là người Pa-le-xtin. Ở đây cũng cần nhớ lại rằng, tổng số thương vong của phía I-xra-en trong cả cuộc chiến tranh Trung Đông lần thứ ba (từ ngày 4 đến 10-6-1967) là khoảng 2 500 người.

Tình trạng xung đột, bạo lực tái xuất hiện, ngày càng gia tăng và kéo dài không chỉ trực tiếp làm gián đoạn, kể cả đe dọa phá vỡ "tiến trình hòa bình" trong khu vực được manh nha khởi động ngay từ sau cuộc hòa đàm Xô - Mỹ tại Ma-đơ-rít (Tây Ban Nha) năm 1991 và được chính thức mở ra từ sau Hội nghị Ô-xlô (Na-uy) năm 1993, mà thực tế cho thấy, nó còn là một "cú hích" đối với khối các nước A-rập, và đặc biệt là với phong trào Hồi giáo vốn đã có biểu hiện "cực đoan hóa" rõ rệt trong vòng một thập niên trở lại đây. Từ các "điểm nóng" ban đầu, bạo động đã vượt ra khỏi khuôn khổ *"intifada" ("nổi dậy")* của người Pa-le-xtin và lan nhanh sang các vùng lân cận. Tại miền Nam Li-băng, nơi I-xra-en mới đơn phương rút quân vào tháng 5-2000 vừa qua sau 23 năm chiếm đóng, quân du kích Héc-bô-la đã mở đợt tấn công vào các đồn biên phòng của I-xra-en, bắt giữ 3 binh sĩ đối phương. Ở Giooc-đa-ni, 5 000 người trong các trại tị nạn Pa-le-xtin nổi dậy đòi chính quyền nước sở tại phải cắt đứt quan hệ ngoại giao với I-xra-en. Tại Xi-ri, những người biểu tình ném đá vào Đại sứ quán Mỹ. Ở Y-ê-men, Xu-đăng, I-ran, và cả In-đô-nê-xi-a thuộc vùng Đông - Nam Á xa xôi..., hàng vạn người đã xuống đường biểu tình chống Mỹ, đòi "tiêu diệt" I-xra-en. Các nhóm Hồi giáo vũ trang Ha-mát và Gi-hát thì tuyên bố sẽ tiến hành trở lại hoạt động khủng bố chống I-xra-en.

Ngoài ra, cuộc xung đột giữa đôi bên Pa-le-xtin và I-xra-en hiện nay dường như còn "cộng hưởng" với những hậu quả phức tạp của "cuộc khủng hoảng dầu lửa" đang diễn ra trên thế giới. Vì không phải chỉ đến bây giờ mà hầu như trong suốt thế kỷ XX, hiển nhiên "vấn đề dầu lửa" luôn luôn là một trong những nội dung cơ bản chủ chốt "truyền thống" của "vấn đề Trung Đông". Có lẽ cũng một phần vì lý do đó mà ông Tổng thư ký Liên hợp quốc C. An-nan đã phải cảnh báo : cuộc xung đột này đang đe dọa sự ổn định không chỉ của toàn khu vực, mà còn của chính các nước lớn và toàn thế giới.

Tính chất nghiêm trọng của toàn bộ tình hình sẽ được thấy là không hề giảm bớt, mà trái lại có phần còn trở nên rõ rệt hơn khi người ta chú ý rằng : gần như kế tiếp xen với các làn sóng bạo động vừa qua, vẫn có những đợt thương thảo song phương và đa

Digitized by Google

phương "ma-ra-tông" liên tục được tổ chức. Ngoài một số lần đàm phán Pa-le-xtin - I-xra-en chưa phải ở cấp cao nhất trong thời gian đầu của cuộc xung đột, còn có : cuộc gặp tay ba giữa Tổng thống Pa-le-xtin Y. A-ra-phát, Thủ tướng I-xra-en E. Ba-rắc và Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ M. Ô-brai tại Pa-ri (Pháp) vào ngày 4-10-2000 ; Hội nghị thượng đỉnh Sam En Sây-khơ (Ai Cập) lần thứ hai được tổ chức trong các ngày 16 và 17-10-2000 với sự tham gia của hai ông Y. A-ra-phát, E. Ba-rắc cùng các nhà trung gian hòa giải là Tổng thống Ai-cập H. Mu-ba-rắc, Quốc vương Giốoc-đa-ni Áp-đun-la II, Tổng thư ký Liên hợp quốc C. An-nan, vị đại diện Liên minh châu Âu (EU) H. Xô-la-na, và "nhà bảo trợ số 1" cho tiến trình hòa bình Trung Đông, đích thân Tổng thống Mỹ W.J. Clin-tơn. Bên cạnh đó còn có thể kể thêm Hội nghị cấp cao khẩn cấp của 22 nước thuộc Liên đoàn A-rập (AL) được tổ chức tại Cai-rô (Ai Cập) trong các ngày 21 và 22-10-2000, phiên họp đặc biệt khẩn cấp về tình hình Trung Đông ngày 20-10-2000 của Đại hội đồng Liên hợp quốc, cũng như các cuộc gặp tay đôi giữa các nhà lãnh đạo Pa-le-xtin hoặc I-xra-en với Tổng thống Mỹ tại Oa-sinh-tơn trong các ngày 9 và 12-11-2000 mới đây.

Tất cả những nỗ lực ngoại giao rộng lớn và ở tầm cao nhất trên đều chỉ mang lại những kết quả rất ít ỏi. Trừ những thỏa thuận chỉ mang tính "tình thế" và ở mức độ thiếu cơ bản để giải quyết các vấn đề trước mắt (như chấm dứt xung đột, tiến hành điều tra làm rõ nguyên nhân), về thực chất các cuộc đàm phán này không hề vượt xa hơn những lần thương lượng được tiến hành tại Trại Đa-vít (Mỹ) vào tháng 7 và Xtốc-khôm (Thụy Điển) vào tháng 5-2000 trước khi nổ ra xung đột.

Vậy thực chất của tình trạng bạo lực bùng phát và đổ máu kéo dài kèm theo cục diện "vừa đánh vừa đàm" giằng co quyết liệt là gì ? Cần hiểu nguyên nhân thật sự của tình trạng ấy ra sao ?

Trước hết, phải khẳng định chuyến viếng thăm ngày 28-9 của cựu Bộ trưởng Quốc phòng I-xra-en, lãnh tụ Đảng cực hữu Li-cút A. Sa-rông tới khu vực Núi Đền (ở Đông Giê-ru-xa-lem) - nơi thánh địa linh thiêng mà theo truyền thuyết thì có những thánh tích của cả Do Thái giáo lẫn Hồi giáo phân bố sát cạnh nhau, thậm chí còn chồng chất lên nhau qua các thời kỳ lịch sử - cùng lắm chỉ là *nguyên cớ* của cả quá trình tiếp theo từ đó đến nay. Nói một cách khác, sự kiện này chẳng qua chỉ là giọt nước cuối cùng làm tràn cốc nước đầy bất bình, giận dữ của những người dân Pa-le-xtin. Ngay một số chính khách lớn ở Tây Âu như Tổng thống Pháp, Bộ trưởng Ngoại giao Tây Ban Nha, hay Chủ tịch Nghị viện châu Âu cũng đã thẳng thừng vạch rõ : hành động của ông Sa-rông thực ra là một sự khiêu khích có tính toán trước mà công luận phải lên án (1).

Thứ hai, nếu xét tổng quát các diễn biến chính trong năm 2000 kể từ cuộc lui binh hòa bình của phía I-xra-en khỏi Nam Li-băng (mà theo giới phân tích nước ngoài thì chủ yếu vì lý do an ninh chứ hoàn toàn không phải là một "thử nghiệm tiền lệ" để dẫn tới hành động tương tự đối với cao nguyên Gô-lan của Xi-ri), cũng như điểm lại các dấu mốc lớn trong quan hệ song phương từ sau năm 1993 (Thỏa thuận Ga-da - Giê-ri-cô năm 1994, Hiệp định Ô-xlô II năm 1995, Thỏa thuận Hê-brôn năm 1997, Hiệp định Oai Ri-vơ năm 1998, Hiệp định Sam En Sây-khơ I năm 1999), thì tình hình thực tế buộc người ta phải hiểu rằng : rõ ràng đang tồn tại những "đối án" không chính thức nào đó trái với tư tưởng chủ đạo "đổi đất lấy hòa bình" của Hiệp định Ô-xlô I, và các "lực cản" tương tự như thế đối với việc thực thi "tiến trình hòa bình".

Thứ ba, nhưng ở đây cần ghi nhận rằng, tất cả mọi sự "lệch chuẩn", "chệch hướng" khỏi kế hoạch dự kiến ban đầu ở Ô-xlô và Oa-sinh-tơn nhìn chung đều nằm ngoài mong muốn của phía Pa-le-xtin cho dù chính họ đã và đang phải trực tiếp can dự vào chúng. Quả vậy, khi chấp nhận lấy các Nghị quyết số 242 năm 1967 của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc và số 181 (III) năm 1947 của Đại hội đồng Liên hợp quốc làm cơ sở cho sự đàm phán, thì xét về mặt nào đó thật ra người Pa-le-xtin cũng đã có sự nhượng bộ ở mức tối đa có thể có được và đã buộc phải "lựa chọn cái đỡ xấu hơn" cho mình. Bởi vì tính đến trước ngày I-xra-en tuyên bố độc lập 14-5-1948, trên lãnh thổ Pa-le-xtin - xứ ủy trị của người Anh thực sự chỉ mới có các cộng đồng *("kibboutz")* của người Do Thái tập hợp thành một thực thể mà bản *"Tuyên ngôn Ban-phua"* năm 1917 (do nước Anh khởi thảo

(1) Theo : báo Pháp *"L' Humanité"* ngày 5-10-2000

Digitized by Google

và phe Đồng minh thông qua) ấn định là một *"Quê hương có tính cách quốc gia" ("National home, foyer national").* Cho nên các hành động phản kháng của người Pa-le-xtin hiện nay nói riêng, từ sau năm 1993 nói chung, chính là chỉ nhằm thực hiện một mục tiêu tối thiểu hết sức chính đáng : đòi lại những vùng đất đai họ đã bị cướp đoạt trong cuộc chiến Trung Đông năm 1967, chứ hoàn toàn không phải là toàn bộ phần lãnh thổ bị chia cắt từ năm 1948. "Vấn đề nội bộ" nào đó của phía Pa-le-xtin như giới quan sát phương Tây từng nêu lên, nếu có, chỉ là sự đối sánh có thể có lúc trở nên quá khích giữa các chủ trương khác nhau về con đường, phương thức, phương tiện, mức độ, thời hạn đấu tranh để đạt được cùng một mục tiêu chung không thay đổi này. Và dù sao thì Chính phủ Pa-le-xtin cũng đã có sự kiềm chế và nhượng bộ mang tính xây dựng rõ rệt : để cứu vãn "tiến trình hòa bình" khu vực và quan hệ song phương bình thường, chỉ trong vòng có hơn 1 năm họ đã phải hai lần tự trì hoãn việc tuyên bố Nhà nước độc lập của mình.

Thứ tư, về phía I-xra-en, phải chăng sự tranh chấp quyết liệt của họ trên bàn thương thảo, được hỗ trợ và thống nhất với những hành động bạo lực không khoan nhượng trên thực địa các vùng tạm chiếm, cho thấy một lập trường nhất quán là : "vừa muốn có hòa bình, vừa muốn giữ lại đất đai càng nhiều càng tốt" ? Đối với các vùng Bờ Tây và Dải Ga-da, những nhà đàm phán I-xra-en đưa ra nhiều "phương án" với mức độ "cao", "thấp" khác nhau như : hoãn trao trả ngay, đổi một phần đất ở vùng này lấy một phần đất ở vùng kia, (dự kiến) trao trả không toàn bộ, hoặc kể cả việc "thuê lại" sau khi "trao trả" trên danh nghĩa... Còn đối với Giê-ru-xa-lem thì họ chỉ có một "phương án" tuyệt đối mà về thực chất trái ngược hẳn với tinh thần Hiệp định Ô-xlô năm 1993. Đó là, nếu không kể tới một ngoại lệ với quy chế hạn hẹp là thánh địa Hồi giáo thứ ba - đền thờ Ha-ram En Sa-ríp, thì thành phố này phải thuộc về I-xra-en hoàn toàn với chủ quyền trên thực tế (quyền kiểm soát) cũng như trên danh nghĩa (quyền sở hữu quốc gia) và với toàn bộ lãnh địa lịch sử (khu Núi Đền) cũng như hiện tại (cả vùng Tây lẫn vùng Đông). Đồng thời nó cũng phải là thủ đô vĩnh viễn của Nhà nước Do Thái. Trong các vấn đề trọng yếu có liên quan khác như : giải quyết các khu định cư của người I-xra-en, hồi hương người tị nạn Pa-le-xtin, phân định đường biên giới đôi bên trong tương lai, công nhận Nhà nước Pa-le-xtin độc lập..., phía I-xra-en cũng giữ một lập trường cứng rắn cực đoan tương tự, bấp chấp những quyền dân tộc tối thiểu cơ bản và lợi ích thiết thân sống còn chính đáng của phía Pa-le-xtin. Chính bởi thế, các vấn đề này thực sự trở thành - như giới quan sát nước ngoài nói - những "quả bom nổ chậm" đối với "tiến trình hòa bình" khu vực (2) ; và như vậy bất kể lúc nào cũng có thể xảy ra nguy cơ biến "tiến trình hòa bình" thành "tiến trình chiến tranh". Tất nhiên có cơ sở để tin rằng, những khuynh hướng khác nhau, thậm chí đối lập trong chính giới I-xra-en về một số vấn đề cụ thể thuộc quan hệ song phương là có thực ; rằng chính Thủ tướng quá cố Y. Ra-bin, cựu Thủ tướng X.Pê-rét và Thủ tướng đương nhiệm E. Ba-rắc có thể là những người thật sự chủ trương hòa bình hòa giải, tuy bản thân họ đã từng là "người anh hùng" trong cuộc chiến năm 1967, hay "người chiến binh số 1" trong các đặc vụ huyền thoại thời kỳ sau đó. Nhưng mặt khác cho đến nay lại có rất ít hy vọng về một cá nhân hay tổ chức chính trị nào đó ở I-xra-en dám làm và có thể làm được việc "đổi đất" một cách triệt để. Đơn giản vì gần 2 thế hệ với hàng chục vạn người Do Thái ở các khu định cư trên vùng đất A-rập bị tạm chiếm từ 33 năm qua đã, đang và chắc chắn sẽ còn tiếp tục chống đối việc đó một cách quyết liệt. Liên quan đến điều này còn phải tính đến ảnh hưởng của những người I-xra-en chủ trương một quốc gia "Đại Do Thái" với lãnh thổ - theo Thánh kinh của họ - "gồm toàn bộ phần đất đai giữa sông Ai Cập (sông Nin) và sông Mẹ (sông Ơ-phơ-rát)" (!)

Thứ năm, lịch sử những thập niên đầu của quan hệ Pa-le-xtin - I-xra-en gắn liền và gần như trùng với lịch sử "chiến tranh lạnh". Điều này quy định một đặc điểm riêng của mối quan hệ đó là "tác nhân bên ngoài" luôn có ảnh hưởng mạnh mẽ, quan trọng và không hiếm khi còn là quyết định. "Tiến trình hòa bình" Trung Đông được đề xướng và khởi động trong bối cảnh quan hệ Xô - Mỹ thay đổi lớn từ đầu những năm 90, sau đó là sự kiện Liên Xô và Đông Âu xã hội chủ nghĩa sụp đổ, kéo theo việc kết thúc "trật tự thế giới" cũ. Có lẽ chính vì gắn chặt với bước ngoặt "đứt gãy" đột ngột ấy của cục diện tình hình mà giữa ý tưởng ban đầu về "tiến trình" này với hiện

(2) Theo : tạp chí Pháp *"Le Nouvel Observateur"* ngày 19 / 25-10-2000

Digitized by Google

thực triển khai nó về sau có khoảng cách ngày càng xa. Trong thời kỳ "hậu chiến tranh lạnh", *một mặt* Mỹ vẫn cần loại trừ mọi tham vọng của EU tăng cường ảnh hưởng tại khu vực này, hoặc mọi sự can dự của bất kỳ một cường quốc nào trên đại lục Á - Âu, mong muốn thực hiện ước vọng mở đột phá khẩu trên "vành đai bao vây" phía Nam để từ đó đặt chân xuống được vùng biển ấm Ấn Độ Dương, tiếp cận địa bàn chiến lược - "ngã ba giao cắt Á - Âu - Phi", "khớp nối huyết mạch Đông - Tây" là vùng Trung Cận Đông và "rốn" dầu quan trọng nhất thế giới là vùng Vịnh Péc-xích. *Mặt khác*, đương nhiên là Mỹ đồng thời còn muốn tận dụng triệt để thời cơ để lấp đầy "khoảng trống quyền lực", thu phục nốt các nước A-rập vốn "không thân thiện", xác lập "trật tự mới" trên toàn khu vực, từ đó tăng cường đến mức tối đa các lợi ích địa - chiến lược và kinh tế trực tiếp của riêng mình. Chính điều này đã cắt nghĩa các việc làm của Mỹ trong thời gian qua như : phủ quyết việc Liên hợp quốc lên án I-xra-en "sử dụng bạo lực quá mức", "thiên vị" phía I-xra-en trong việc xét xử đôi bên, hoặc "gây áp lực ghê gớm" đối với ông Y. A-ra-phát khi đàm phán tay đôi và tay ba. Thành ra, về mặt nào đó mà nói và xét từ tác động của "nhân tố bên ngoài", thì do lợi ích riêng của "nhà bảo trợ số 1" nên trước hết EU và Nga - "người đồng bảo trợ" bị gạt ra ngoài lề, sau nữa một bên tranh chấp mất hẳn mọi chỗ dựa cần thiết, và cuối cùng công cuộc "hòa giải" cũng đang dần dần biến thành chiến dịch gây sức ép của bên kia với sự tiếp tay của chính "vị trọng tài - nhà bảo trợ" đó.

Tóm lại, nguyện ước của một bộ phận quan trọng người I-xra-en muốn được sống hòa bình, hòa giải thật sự trong quan hệ rộng mở, bình thường hóa với cộng đồng khu vực và thế giới là chính đáng. Nhưng nguyện ước về một vùng lãnh thổ độc lập, có chủ quyền trọn vẹn của người Pa-le-xtin cũng là điều chính đáng không kém. Khi những ước nguyện ấy bị ngăn cản bằng bạo lực, hoặc bị cực đoan hóa, thì chúng tất sẽ dẫn đến "phản bạo lực" và trở nên khó dung hợp với nhau. Là một dân tộc đã từng phải trả giá đắt bằng máu xương cho độc lập, tự do của mình, chúng ta mong rằng "tiến trình hòa bình" Trung Đông sẽ được duy trì đúng hướng và được đẩy mạnh trên cơ sở bảo đảm tôn trọng những quyền dân tộc cơ bản và lợi ích chính đáng cho tất cả các bên có liên quan.❑

MÔI TRƯỜNG...

(Tiếp theo trang 52)

nghề truyền thống. Lồng ghép các chương trình phát triển làng nghề với dân số, kế hoạch hóa gia đình, xóa đói giảm nghèo, tạo ra hành vi văn hóa môi trường sinh thái để phát triển bền vững.

Năm là : Tăng cường quản lý bảo vệ môi trường làng nghề, trong đó chú trọng tập huấn, nâng cao trình độ cán bộ quản lý môi trường từ các cơ sở sản xuất. Thường xuyên đánh giá tác động môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động. Cơ sở nào gây ô nhiễm quá mức thì phải quy định thời gian xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường cho phép ; nếu gây ô nhiễm nghiêm trọng thì kiên quyết đình chỉ hoạt động hoặc di chuyển địa điểm. Đẩy mạnh phong trào các làng nghề bảo vệ môi trường như phong trào xanh- sạch - đẹp ; vườn - ao - chuồng (VAC) ; vườn - ao - chuồng - rừng (VACR) ; tuần lễ nước sạch và vệ sinh môi trường...

Phát triển và bảo vệ môi trường làng nghề không thể tách rời chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương. Kinh nghiệm cho thấy ở đâu có sự quan tâm đặc biệt của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể xã hội, tích cực vận động để người dân hiểu biết và tham gia thì ở đó có nhiều sáng kiến, kinh nghiệm xử lý nước sạch, vệ sinh môi trường làng nghề đạt tỷ lệ phục vụ cao. Ở đâu công tác chỉ đạo và quản lý yếu kém, bất cập, công tác thanh tra, kiểm tra bị buông lỏng, thiếu cơ chế chính sách thích hợp... thì ở đó môi trường làng nghề càng trở nên nghiêm trọng và bức xúc.

Xử lý chất thải làng nghề là điều kiện rất cơ bản để làm cân bằng và hài hòa hoạt động của các cơ sở sản xuất trong sự đa dạng hóa thị trường hàng hóa và bảo tồn những truyền thống dân gian, giữ gìn môi trường, nguồn nước, nâng cao sức khỏe và đời sống của nhân dân. Đương nhiên, không thể trong một thời gian ngắn có thể giải quyết triệt để chất thải làng nghề. Cần có sự tổ chức chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, sự nỗ lực của toàn dân mới có thể từng bước khắc phục được tình trạng ô nhiễm môi trường làng nghề, góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn, trả lại cho mạch đất vùng sông Cầu trù phú và thơ mộng như xưa.❑

Digitized by Google

QUYỀN CON NGƯỜI VÀ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI

Báo cáo phát triển con người năm 2000 của Chương trình phát triển Liên hợp quốc đã nêu lên nhiều nhận xét về vấn đề này. Sau đây, xin ghi lại vài nét chính.

- *Tiến bộ về quyền con người* là một trong những thành tựu lớn của thế kỷ XX. Năm 1900, hơn một nửa dân số thế giới phải sống dưới ách thực dân và chưa có nước nào mà mọi người dân đều có quyền bầu cử. Ngày nay, hầu hết nhân dân trên thế giới được sống trong các thể chế dân chủ. Nhân loại đã đạt tiến bộ lớn trong việc loại trừ sự phân biệt chủng tộc, tôn giáo, giới tính, và tạo ra tiến bộ đáng kể về quyền được đi học và chăm sóc sức khỏe cơ bản.

Năm 1948, "Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền" được thông qua, lần đầu tiên trong lịch sử, nhân quyền được xem như một vấn đề toàn cầu. Ngày nay, 5 công ước và thỏa ước cơ bản về các quyền văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và dân sự đã được 140 nước phê chuẩn ; 6 công ước cơ bản về quyền lao động được 125 nước phê chuẩn.

Sự phụ thuộc lẫn nhau trên toàn cầu đang tăng lên. Các mối quan hệ qua lại về kinh tế và chính trị phức tạp đi cùng với việc tăng lên của các nhân tố mới như hữu nghị, hợp tác, hội nhập đã mở ra các cơ hội mới cho việc xây dựng các thể chế, luật pháp và tạo ra một môi trường kinh tế thuận lợi nhằm bảo đảm quyền con người ở khắp nơi.

- Tiến bộ trong thế kỷ XX theo hướng bình đẳng - bất chấp giới tính, chủng tộc, tôn giáo, sắc tộc hoặc tuổi tác - đã được các phong trào xã hội thúc đẩy. Một trong các phong trào có ý nghĩa nhất là *Phong trào vì quyền bình đẳng của phụ nữ* (đã có lịch sử hàng thế kỷ). Cuộc đấu tranh chống lại sự phân biệt đối xử cũng đã dẫn tới các *Phong trào chống phân biệt chủng tộc* và *Quyền dân sự* trên toàn thế giới.

Hơn 3/4 số nước trên thế giới (165 nước) đã phê chuẩn "Công ước về loại trừ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ" ; 155 nước đã phê chuẩn "Công ước quốc tế về loại trừ mọi hình thức phân biệt chủng tộc". Nhưng tình trạng phân biệt đối xử về giới tính, sắc tộc, chủng tộc và tuổi tác vẫn tiếp tục diễn ra trên khắp thế giới.

Ở Ca-na-đa, năm 1991, tuổi thọ trung bình của nam giới người I-nu-ít là 58 tuổi, trong khi đó, tuổi thọ trung bình của nam giới người Ca-na-đa là 75 tuổi.

Ở Hàn Quốc, lương trung bình của phụ nữ chỉ bằng 3/5 của nam giới, và sự bất bình đẳng đó không chỉ ở Hàn Quốc mà còn ở nhiều nước.

Báo cáo của cảnh sát cho biết có hàng trăm vụ tội ác ghê tởm về phân biệt đối xử đối với người nhập cư và dân tộc thiểu số ở khắp châu Âu.

- Thế giới có nhiều tiến bộ trong việc cải thiện mức sống của con người.

Trong thời gian 1980 - 1999, sự suy dinh dưỡng giảm đi : tỷ lệ trẻ em thiếu cân ở các nước đang phát triển giảm từ 37% xuống còn 27% ; tỷ lệ trẻ em còi xương giảm từ 47% xuống còn 33%.

Trong thời gian 1970 - 1999, ở khu vực nông thôn các nước đang phát triển, số người được dùng nước sạch tăng hơn 4 lần, từ 13% lên 71%.

Một số nước đã có tiến bộ lớn trong việc xóa đói giảm nghèo : Trung Quốc từ 33% năm 1978 xuống còn 7% năm 1994.

Tuy nhiên thế giới vẫn còn : 1,2 tỉ người sống với mức thu nhập chưa tới 1 USD một ngày ; hơn 1 tỉ người ở các nước đang phát triển chưa được dùng nước sạch và hơn 2,4 tỉ người thiếu hệ thống vệ sinh đạt tiêu chuẩn.

- Trong lĩnh vực phát triển con người, cũng đã có những thành tựu :

Toàn thế giới có 46 nước với hơn 1 tỉ người đạt được thành tựu cao về phát triển con người.

Ở các nước đang phát triển, trong 3 thập niên qua, tuổi thọ trung bình tăng lên 10 năm, từ 55 tuổi năm 1970 lên tới 65 tuổi năm 1998. Tỷ lệ biết chữ ở người lớn tăng gần gấp đôi, từ 48% năm 1970 lên 72% năm 1998. Tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh giảm hơn 2/5, từ 110 trên 1 000 trẻ năm 1970 giảm xuống còn 64 năm 1998.

Tỷ lệ học sinh ở cấp cơ sở và trung học đã tăng từ 50% năm 1970 lên tới 72% năm 1998.

Tuy nhiên vẫn còn : khoảng 90 triệu trẻ em không được đi học ; tính đến cuối năm 1999 có gần 34 triệu người bị nhiễm HIV, trong đó có 23 triệu người ở châu Phi cận Xa-ha-ra.

- Các phong trào xã hội dân sự đã phát động công luận để loại trừ các mối đe dọa về xâm phạm thân thể con người.

Các vụ tra tấn giảm đi ở nhiều nước. Ở Hon-đu-rát, số vụ tra tấn, theo báo cáo của Ủy ban bảo vệ nhân quyền - một tổ chức phi chính phủ lớn - đã giảm từ 156 năm 1991 xuống còn 7 năm 1996.

Các cuộc xung đột lớn, hầu hết là nội chiến, đã giảm từ 55 cuộc năm 1992 xuống còn 36 năm 1998.

Digitized by Google

Tuy nhiên an ninh con người vẫn bị đe dọa ở khắp nơi trên thế giới, từ các cuộc xung đột tới các vụ xâm phạm và tội ác.

Toàn thế giới, tính trung bình, cứ 3 phụ nữ thì có 1 người bị xâm phạm trong quan hệ tình cảm. Hằng năm có khoảng 1,2 triệu phụ nữ và các cô gái dưới 18 tuổi bị bán làm gái mại dâm.

Khoảng 100 triệu trẻ em đang sống lang thang hoặc lao động trên đường phố. Trong thập niên 90, có khoảng 300 000 trẻ em phải làm lính và 6 triệu em bị thương trong các cuộc xung đột vũ trang.

- Thế kỷ XXI mở ra triển vọng mới và cả những đe dọa mới đối với tự do con người

Các cuộc xung đột vũ trang mặc dù đã giảm xuống còn 36 cuộc vào năm 1998 nhưng vẫn đưa tới những hậu quả nặng nề : có khoảng 5 triệu người chết trong thập niên 90 ; năm 1998 toàn thế giới có hơn 10 triệu người tị nạn và 5 triệu người mất nhà cửa.

Những tiến bộ về nhân quyền trong một số nước đang bị đe dọa do xung đột sắc tộc, nghèo khổ, căng thẳng xã hội và bất bình đẳng tăng lên.

Khoảng cách về thu nhập giữa nước giàu nhất và nước nghèo nhất là khoảng 3 và 1 vào năm 1820, 35 và 1 năm 1950, 44 và 1 năm 1973 và 72 và 1 năm 1992.

Một nghiên cứu gần đây về sự phân phối thu nhập của thế giới trong các hộ gia đình cho thấy sự tăng lên ghê gớm về bất bình đẳng với hệ số Gini tăng từ 0,63 năm 1988 lên 0,66 vào năm 1993 (0 : chỉ sự bình đẳng tuyệt đối, 1 : chỉ sự bất bình đẳng tuyệt đối). Khoảng cách thu nhập giữa người giàu và người nghèo đang rộng ra ở nhiều nước. Ở Nga, hệ số Gini đã tăng từ 0,24 (thời kỳ 1987 - 1988) lên 0,48 (thời kỳ 1993 - 1995). Ở Thụy Điển, Anh và Mỹ nó đã tăng hơn 16% trong thập niên 80 và đầu thập niên 90. Nó vẫn còn rất cao ở nhiều nước Mỹ -la-tinh : 0,57 ở Ê-cu-a-đo, 0,59 ở Bra-xin và Pa-ra-goay.

- Loại trừ nghèo khổ là một thách thức lớn trong thế kỷ XXI.

Trong nhiều khiếm khuyết về nhân quyền thì sự phủ nhận các quyền về văn hóa, xã hội và kinh tế diễn ra rất phổ biến (khoảng 90 triệu trẻ em không được tới trường, 790 triệu người bị thiếu đói). Thậm chí ở các nước thuộc Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) cũng có khoảng 8 triệu người bị thiếu dinh dưỡng. Riêng ở Mỹ đã có khoảng 40 triệu người không có bảo hiểm y tế và cứ 5 người lớn thì có một người mù chữ.

Phát triển con người ở Việt Nam

Ở Việt Nam, quyền con người đã được ghi nhận chính thức trong Hiến pháp. Trong những thập niên vừa qua, Việt Nam đã ký kết và phê chuẩn 5 Công ước cơ bản về các quyền xã hội, kinh tế, chính trị và dân sự của Liên hợp quốc và 2 Công ước chính về quyền lao động của Tổ chức lao động quốc tế (ILO).

Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong nhiều lĩnh vực. Các thành tựu trong việc thực hiện các quyền kinh tế - xã hội như quyền giáo dục là rất có ý nghĩa. Do vậy, các chỉ tiêu như : tỷ lệ biết chữ của người lớn, tuổi thọ trung bình là cao, trong khi tỷ lệ chết ở trẻ sơ sinh là tương đối thấp so với mức thu nhập. Trong những thập niên vừa qua, Việt Nam cũng đặc biệt chú trọng đến việc xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống của nhân dân và giảm đáng kể tỷ lệ nghèo đói. Nghị định về thực hiện dân chủ ở cấp cơ sở cũng là một bước tiến quan trọng trong việc tăng cường sự tham gia của nhân dân vào các công việc của địa phương.

Về chỉ số phát triển con người - HDI (chỉ số này xác định mức độ phát triển của một quốc gia trên cơ sở kết hợp các chỉ số về thành tựu giáo dục, tuổi thọ và thu nhập), năm 1999 Việt Nam xếp ở vị trí 110 trong tổng số 174 nước, Năm nay, vị trí của Việt Nam là 108. Nếu chỉ xét riêng về yếu tố thu nhập, Việt Nam có vị trí xếp hạng thấp hơn so với vị trí về HDI. Về mức thu nhập, Việt Nam đứng ở vị trí 132 trong tổng số 174 nước. Điều đó có nghĩa là, thành tựu về phát triển con người của Việt Nam cao hơn rất nhiều so với mức thu nhập. So sánh một vài chỉ số của Việt Nam với Ghi-nê (hai nước có thu nhập tương đương) cho thấy Việt Nam đạt tuổi thọ trung bình là 67,8 tuổi, tỷ lệ biết chữ là 92,9%, trong khi Ghi-nê chỉ có tuổi thọ trung bình là 46,9 tuổi và tỷ lệ biết chữ ở người lớn là 36%. Điều này phản ánh thực tế là Việt Nam đã chuyển đổi thu nhập thành phát triển con người một cách hết sức hiệu quả. Tiến bộ này cũng phản ánh một thực tế, phát triển con người đã được lồng ghép ở mức độ cao trong các mục tiêu và kế hoạch phát triển của Việt Nam.

Về chỉ số phát triển theo giới - GDI (chỉ số đánh giá các thành tựu của mỗi nước về những tiêu chí như đối với HDI, song nó còn xem xét sự chênh lệch giữa nam giới và phụ nữ), năm 1999 Việt Nam xếp ở vị trí 91 trong tổng số 143 nước, năm nay vị trí của Việt Nam là 89 trong tổng số 143 nước.

So với các nước khác, Việt Nam đã đạt được khá nhiều thành tựu về bình đẳng nam nữ. Ở Việt Nam, mức phân phối về thu nhập giữa nam giới và phụ nữ tương đối đồng đều và tuổi thọ trung bình của phụ nữ cao hơn nam giới. Tuy nhiên, vẫn còn sự bất bình đẳng, nhất là trong lĩnh vực giáo dục. Ngoài ra, phụ nữ vẫn còn chịu nhiều thiệt thòi về khả năng tiếp cận với vốn và đất đai như quyền thừa kế đất đai, khả năng vay vốn v.v.

TRỊNH CƯỜNG

(Lược dịch và giới thiệu)

Digitized by Google

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH • CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH.

1. ***Thủ tục hành chính*** là trình tự về thời gian và không gian khi thực hiện một thẩm quyền nhất định của bộ máy nhà nước, là cách thức giải quyết công việc của các cơ quan hành chính nhà nước trong mối quan hệ với các cơ quan, tổ chức và cá nhân.

Thủ tục hành chính là một bộ phận cấu thành của hệ thống quy phạm thủ tục. Hệ thống quy phạm thủ tục bao gồm toàn bộ các nguyên tắc pháp lý quy định về trình tự, trật tự thực hiện thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong việc giải quyết công việc nhà nước và thực hiện nghĩa vụ hành chính đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức và công dân. Đó cũng chính là hệ thống các nguyên tắc quản lý và điều hành bắt buộc các cơ quan nhà nước, cán bộ công chức phải tuân theo khi giải quyết công việc thuộc thẩm quyền của mình. Thủ tục hành chính khác với thủ tục lập pháp và thủ tục tư pháp. Thủ tục lập pháp là thủ tục lập hiến và lập pháp do Quốc hội tiến hành theo một quy trình lập pháp nhất định. Thủ tục tư pháp là thủ tục giải quyết tranh chấp dân sự, kinh tế, hình sự, hôn nhân - gia đình... theo trình tự điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tư pháp.

Thủ tục hành chính có thể phân loại theo các hình thức :

a. *Theo đối tượng của quản lý hành chính.* Đó là các lĩnh vực như : cấp giấy phép xuất nhập khẩu, đầu tư, xây dựng ; đăng ký kinh doanh, hành nghề ; sở hữu ; hộ khẩu ; xuất nhập cảnh ; trước bạ mua bán, chuyển nhượng tài sản, bất động sản ; công chứng...

b. *Theo loại hình công việc cụ thể mà cơ quan nhà nước được giao thực hiện trong quá trình hoạt động.* Đó là : thủ tục thông qua và ban hành văn bản pháp quy, quyết định hành chính, văn bản hành chính (công văn, báo cáo) ; thủ tục tuyển dụng cán bộ công chức (cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, nhân viên...) ; thủ tục khen thưởng, kỷ luật cán bộ công chức.

c. *Theo chức năng hoạt động của các cơ quan* như : thủ tục cung cấp các dịch vụ thông tin, thủ tục cho phép xuất khẩu nguyên liệu quý hiếm, thủ tục kiểm tra an toàn lao động, an toàn phóng xạ.v.v..

d. *Theo tính chất quan hệ thủ tục hành chính :*

+ *Thủ tục hành chính nội bộ :* là thủ tục thực hiện các công việc trong nội bộ cơ quan, hệ thống các cơ quan nhà nước và bộ máy nhà nước. Chúng bao gồm các thủ tục quan hệ lãnh đạo, kiểm tra của cơ quan cấp trên đối với cấp dưới ; quan hệ hợp tác, phối hợp giữa các cơ quan cùng cấp, ngang cấp, ngang quyền, quan hệ công tác giữa chính quyền cấp tỉnh với bộ, cơ quan chuyên môn của ủy ban nhân dân cấp trên. Thủ tục hành chính nội bộ thường là thủ tục ban hành những quyết định chỉ đạo, quyết định quy phạm, quyết định cá biệt nội bộ, quyết định khen thưởng, kỷ luật, thi tuyển, bổ nhiệm công chức.

+ *Thủ tục hành chính thực hiện thẩm quyền* là thủ tục tiến hành các công việc có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Đó là các thủ tục cho phép, ngăn cấm, cưỡng chế thi hành, thủ tục trưng thu mua, trưng dụng.

+ *Thủ tục hành chính văn thư* là những thủ tục liên quan đến toàn bộ các hoạt động lưu trữ, xử lý, cung cấp công văn giấy tờ và đưa ra các quyết định dưới hình thức văn bản.

2. ***Cải cách thủ tục hành chính.***

Do thủ tục hành chính là trình tự và cách thức giải quyết công việc nội bộ của Nhà nước và thực hiện nghĩa vụ hành chính khi giải quyết công việc có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân nên cải cách thủ tục hành chính trước hết nhằm vào mục tiêu giải quyết công việc nhanh, gọn, thận trọng, tỉ mỉ, hiệu quả. Cải cách thủ tục hành chính hướng vào một số nhiệm vụ trọng yếu sau :

Một là, việc xây dựng các thủ tục hành chính đặt trên các nguyên tắc cơ bản do Hiến pháp quy định, được cụ thể hóa trong các văn bản dưới luật. Vì vậy, thủ tục hành chính trước hết phải được xây dựng phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành, bảo đảm tính hệ thống chặt chẽ. Chỉ có cơ quan nhà nước có thẩm quyền do luật định mới được ban hành thủ tục hành chính.

Hai là, các quy định về thủ tục hành chính phải đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện ; phải công bố công khai để các cơ quan, tổ chức và công dân biết, trừ trường hợp phải giữ bí mật theo quy định chung, hoặc theo đề nghị của các bên tham gia.

Ba là, thủ tục hành chính phải dựa trên cơ sở quan tâm đầy đủ đến nguyện vọng và sự thuận tiện cho nhân dân và các tổ chức. Nhanh chóng loại bỏ các thủ tục rườm rà, phức tạp quá mức cần thiết. Bảo đảm các bên tham gia phải thật sự bình đẳng trước pháp luật. Giải quyết nhanh chóng các yêu cầu của dân, giảm bớt các cửa, các cấp, các giai đoạn giải quyết thủ tục đồng thời tăng cường thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan, cán bộ, công chức thực hiện thủ tục. Để thực hiện tốt thủ tục hành chính đòi hỏi phải quy định rõ ràng về chế độ công vụ và quy chế làm việc, tránh tình trạng đùn đẩy trách nhiệm lẫn nhau giữa các cơ quan hành chính nhà nước. Củng cố kỷ luật hành chính ở tất cả các cấp ; cán bộ, công chức không làm đúng chức trách, vi phạm pháp luật phải bị xử lý nghiêm minh. Tích cực đối thoại với dân và xử lý khiếu kiện của dân, nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật trong nhân dân.❑

Digitized by Google

thuộc BỘ QUỐC PHÒNG



Trụ sở Tổng Cty
Xây dựng Trường Sơn



Tổng giám đốc TCTXD Trường Sơn Ký Hợp đồng xây dựng gói thầu số 2 - QL1A đoạn (Đông Hà - Quảng Ngãi)



Đội hình thiết bị thi công rải móng mặt nhựa AC Tại Hợp đồng 2, 3, 4 Quốc lộ 1A đoạn Vinh - Đông Hà do TCTXDTS thắng thầu xây dựng

* Trụ sở : 475 - đường Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội
* Tel : 04 - 8542.573 - 04. 8543.663
* Fax : 84 - 4-8542.758
* Chi nhánh Tổng Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh : 30D Phan Văn Trị - Quận Gò Vấp - Tel : 088941147.
* Đăng ký kinh doanh số : 110736 ngày 11/5/1996 do Ủy ban Kế hoạch thành phố Hà Nội cấp.
* Tài khoản : 710A - 01.897 Sở giao dịch Ngân hàng Công thương Việt Nam.
* Tài khoản ngoại thương : 362-111-370-451 Vietcombank
* Tổng Công ty XD Trường Sơn là DNNN trực thuộc Bộ Quốc phòng, có tư cách pháp nhân hạch toán kinh tế độc lập được thành lập và hoạt động theo mô hình Quyết định 90/TTg của Thủ tướng Chính phủ.
* Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu :

Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện, bưu điện, đường dây tải điện, trạm biến thế, công trình công nghiệp, dân dụng, cấp thoát nước, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà, bất động sản khai khoáng. Khảo sát, thiết kế và tư vấn xây dựng. Sản xuất, sửa chữa máy móc thiết bị, cơ khí vật liệu xây dựng, sản xuất kinh doanh thuốc chữa bệnh. Trồng, chế kiến kinh doanh cây công nghiệp (cà phê, cao su) : Khai hoang trồng rừng, khai thác về chế biến gỗ lâm sản. Vận tải đường bộ, đường sông. Đào tạo nghề và cung ứng lao động trong nước. Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị vật tư, vật liệu xây dựng phục vụ xây dựng của Tổng Công ty, khảo sát, thiết kế, thăm dò và xử lý bom mìn vật nổ.

* Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn là đơn vị kế tục truyền thống Đoàn 559 - Bộ đội Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh đã tham gia xây dựng hàng trăm công trình lớn, trọng điểm của Nhà nước và nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, tiêu biểu như : Đường Trường Sơn, QL 279, QL 1A, 5, 51, 14, Thăng Long - Nội Bài, Láng - Hòa Lạc... đường dây 500 KV, 6 tuyến đường sắt trong nước, các tuyến 5, 7, 9... (Lào), thủy điện Hòa Bình, ĐrayHlin, sân bay Vinh, Điện Biên Phủ, (Lạc Xao, Xva-na khẹt - Lào), nghĩa trang liệt sĩ A1, Độc Lập (Điện Biên Phủ), nghĩa trang Hàng Dương - Côn Đảo (Côn Đảo)...

* Tổng Công ty đã liên doanh với các nhà thầu trong và ngoài nước thắng thầu nhiều công trình tiêu biểu như : QL5 (km 47 - km 62), QL 51, 14, QL 1A (Pháp Vân - Tự Khoát), HĐ 2, 3, 4 đoạn Vinh - Đông Hà, HĐ2 đoạn Đông Hà - Quảng Ngãi, 2 đoạn chống ngập lụt FSN3 - FSN7 (Quảng Ngãi - Nha Trang), QL 18 Biểu Nghi - Bãi Cháy...

* Tổng Công ty có khả năng thi công các công trình có yêu cầu kỹ thuật công nghệ cao, bảo đảm chất lượng, tiến độ, đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng. Tổng Công ty XD Trường Sơn mong muốn được hợp tác đầu tư, liên doanh, liên kết với các Doanh nghiệp trong và ngoài nước.



Xây dựng đường Hồ Chí Minh Đoạn Khe Gát - đến Tăng Ký - Quảng Bình dài 138 km do Tổng CTy XD Trường Sơn thực hiện



Thắng thầu xây dựng Hợp đồng 61-D - Công trình chỉnh trang đê Nội Thành đoạn Bác Cổ - Vĩnh Tuy - Công trình chào mừng kỷ niệm 990 Thăng Long Hà Nội

Digitized by Google

CÔNG TY DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI BIỂN VŨNG TÀU

(VUNG TAU SHIP)

VỮNG VÀNG BƯỚC VÀO THẾ KỶ XXI





Sau nhiều năm đã đào tạo và qui tụ được đội ngũ CB có trình độ năng lực vững vàng, đáp ứng được nhu cầu phát triển của nhiều nghiệp vụ, dịch vụ hàng hải vận tải biển. Vũng Tàu SHIP là một đơn vị dịch vụ và vận tải biển có truyền thống trên địa bàn tỉnh và khu vực, duy trì được truyền thống đoàn kết nhất trí trong tập thể người lao động đặc biệt là trong các chi bộ, năng động sáng tạo vượt qua các khó khăn trong SXKD, giữ gìn được mối quan hệ hợp tác với bạn hàng, các năm qua công ty đã hoàn thành kế hoạch SXKD có hiệu quả, phát triển được vốn và tài chính lành mạnh, đặc biệt là thực hiện được chủ trương của ban thường vụ tỉnh ủy về việc phát triển kinh tế biển trên địa bàn. Doanh thu đạt 75 tỷ đồng đạt 100% kế hoạch, một số nghiệp vụ mũi nhọn đáng khích lệ : dịch vụ Hoa Tiêu đã tạo tiếng vàng và uy tín trong hàng hải và khu vực. Dịch vụ đại lý hàng hải mở rộng phạm vi hoạt động và khách hàng, nâng cao chất lượng phục vụ của tàu, dịch vụ Forwarder được tổ chức một cách khoa học, với tính năng động cao nhờ đó tiếp tục giữ vững được thị phần trong dịch vụ này. Đại đa số đảng viên trong đảng bộ đã có lập trường tư tưởng vững vàng, các đảng viên là các cán bộ chủ chốt luôn giữ được vai trò đầu tàu trong các phong trào do công ty và đảng bộ phát động. Các công tác phát triển đảng luôn được chú trọng như một nhiệm vụ hàng đầu. Ngoài việc tạo điều kiện cho đảng viên học tập nâng cao trình độ chính trị tư tưởng, chi bộ còn tạo điều kiện về kinh phí, thời gian cho đảng viên và CBCNV học tập nâng cao trình độ chuyên môn và tay nghề. Chi bộ và công đoàn đã chăm lo cho người lao động. Thu nhập ngày càng được cải thiện năm 1998 bằng 1.250.000đ - năm 1999 là : 1.800.000đ/người/tháng. Năm 1999 và năm 2000 công ty đã đóng góp được 120.000.000đ ủng hộ đồng bào và các quỹ. Từ những hoạt động và kết quả đạt được công ty đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng : * Huân chương lao động hạng hai và hạng ba. * Đảng bộ trong sạch vững mạnh. * UBND tỉnh tặng cờ thi đua (Lá cờ đầu ngành giao thông vận tải). * Cờ thi đua và bằng khen của Bộ GTVT, Liên đoàn lao động tỉnh, Bảo hiểm, Tổng Cục thuế. * Đ/c Lê Văn Long - Bí thư đảng ủy, giám đốc công ty cũng được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng III và nhiều bằng khen, giấy khen của các cơ quan, bộ, tỉnh và các ban ngành.

CÔNG TY DƯỢC VÀ VẬT TƯ Y TẾ TIỀN GIANG



TỪNG BƯỚC PHÁT TRIỂN BẰNG CHÍNH NĂNG LỰC VÀ TRÍ TUỆ CỦA MÌNH.



Công ty Dược và Vật tư Y tế Tiền Giang được thành lập 1992 chuyên sản xuất và kinh doanh thuốc phòng chữa bệnh cho nhân dân. Công ty có 196 CBCNV - 1 đảng bộ. Năm 1995 đề tài : "Dung dịch bao phim tan trong ruột" đưa vào áp dụng thay thế cho dung dịch bao phim trước đây phải nhập ngoại, đem lại hiệu quả cho những năm qua 422 triệu đồng. Là doanh nghiệp loại vừa trong tỉnh nhưng công ty luôn luôn chăm lo đời sống của CBCNV ngày được nâng cao theo hiệu quả SXKD - Năm 1990 là 91.700 đồng, đến năm 1999 đạt 1.334.000đ/người/tháng. Công ty xây dựng 3 nhà tình nghĩa, nuôi 4 bà mẹ VN anh hùng và trợ cấp 9 học sinh nghèo. Công ty luôn luôn chú ý đến việc nâng cao trình độ CBCNV để đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành. Đảng viên luôn luôn giữ các vị trí chủ chốt, phát huy vai trò tốt, được quần chúng tín nhiệm đảng bộ luôn luôn được công nhận trong sạch vững mạnh nhiều năm liền. Công đoàn là công đoàn cơ sở mạnh nhất ngành Y tế. Định hướng PT của Công ty năm 2000 doanh thu tăng 110% - năm 2001 bằng 224%, cung ứng phân phối trong tỉnh cùng mở rộng thị trường cả nước. Hoàn thành chương trình quản lý đạt ISO - 9.002 trong những năm đầu của thế kỷ XXI. Công ty đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng. * Huân chương lao động hạng nhất, nhì, ba. * Huân chương chiến công hạng nhì. * Huy chương vàng, bạc, đồng về sản phẩm thuốc. * Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. * Bằng khen của Bộ Nội vụ. * Bằng khen của Tổng LĐLĐVN. * Bằng khen của UBND tỉnh và các ban, ngành trong tỉnh.

Digitized by Google

BƯU ĐIỆN LONG KHÁNH - TỈNH ĐỒNG NAI

PHÁT HUY SÁNG KIẾN CẢI TIẾN KỸ THUẬT VỮNG BƯỚC VÀO THIÊN NIÊN KỶ MỚI



Bưu điện Long Khánh được thành lập từ năm 1975 có 116 CB-CNV Chi bộ Đảng với 18 đảng viên nhiều năm trong sạch vững mạnh. Nhiệm vụ chính sản xuất và kinh doanh các dịch vụ Bưu chính viễn thông trên địa bàn huyện và các vùng phụ cận tỉnh Đồng Nai.

Là đơn vị đi đầu trong các công ty phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, áp dụng sáng kiến vào quá trình sản xuất ; Đơn vị đã tận dụng triệt để những tiềm năng sẵn có, bố trí lao động hợp lý, đã đem lại năng suất chất lượng và hiệu quả kinh tế xã hội ngày càng cao, đạt 94% so với năng suất lao động bình quân của Bưu điện tỉnh. Năng suất lao động đạt 168 triệu đồng/người/năm, tăng 23 lần so với năm 1990. Với phương châm : Lắng nghe ý kiến phản ánh, đề xuất của công nhân, đẩy mạnh phong trào thi đua để mọi người phấn đấu trở thành người bưu điện sản xuất giỏi, văn minh lịch sự. Trong 10 năm qua Bưu điện Long Khánh đã góp phần đáng kể trong sự phát triển kinh tế địa phương, mở rộng mạng lưới bưu chính viễn thông trong huyện, đặc biệt các vùng sâu vùng xa, Bưu điện Long Khánh là huyện đầu tiên của tỉnh Đồng Nai có 100% xã có máy điện thoại, cân bằng chênh lệch thiếu thông tin giữa thành thị và nông thôn, sản lượng điện thoại đường dài 1999 tăng 180 lần so với 1990 - Phát triển máy điện thoại tăng 29 lần, mật độ máy điện thoại tăng 40 lần, chỉ tiêu doanh thu tăng 67,8 lần, năng suất lao động tăng 23,8 lần. Đảm bảo thu nhập 1.700.000đ/người/tháng tăng 3,4 lần so với 1990. Bưu điện Long Khánh luôn luôn đi đầu về công tác nâng cao trình độ CB - CNV đi đầu trong công việc chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương chính sách của Đảng, tập thể đoàn kết nhất trí, tập thể Đảng trong sạch vững mạnh, các đoàn thể vững mạnh toàn diện, quản lý tốt tiền vốn, tài sản đảm bảo an toàn tuyệt đối về người và tài sản. Chính vì vậy bưu điện Long Khánh đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng : * Huân chương chống Mỹ hạng nhất, * Huân chương chiến công hạng nhì, * Huân chương lao động hạng II - III, Cờ thi đua Chính phủ, cờ thi đua Tổng cục bưu điện, cờ thi đua tổng Công ty, Cờ thi đua Công đoàn Bưu điện Việt Nam, cờ cơ sở đảng trong sạch vững mạnh 8 năm liền của Đảng bộ huyện Long Khánh, và nhiều bằng khen, giấy khen của các cơ quan ban ngành trong tỉnh.

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ BÌNH THUẬN

ĐƠN VỊ ĐẢNG BỘ TRONG SẠCH VỮNG MẠNH "NẾP SỐNG VĂN MINH"



BAN LÃNH ĐẠO NHÀ TRƯỜNG

- Huân chương Lao động hạng III
- Bằng khen Thủ tướng Chính phủ
- Bằng khen Học viện Hành chính quốc gia
- Bằng khen Học viện Chính trị quốc gia, Tp. HCM.
- Bằng khen UBND tỉnh
- Cờ thi đua đơn vị xuất sắc toàn ngành.



Trường Chính trị Bình Thuận thành lập 3/7/1975 Nhiệm vụ của trường là đào tạo - bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp cơ sở, các trưởng phó phòng cấp tỉnh và huyện, thành phố nhằm nâng cao trình độ năng lực cho CB trong hệ thống chính trị. Đ/c Đinh Lưu Văn, Hiệu trưởng cùng đội ngũ cán bộ chủ chốt và giảng viên của trường được đào tạo cơ bản, có kinh nghiệm trong công tác quản lý và giảng dạy. Năm 1995 - 1999 đã mở 96 lớp với 10.456 học viên. Hệ đào tạo 23 lớp (1.741 học viên). Hệ thống bồi dưỡng 73 lớp (8.715 học viên). CB - xã phường thị trấn 4.303 học viên. CB Huyện thành phố 2.885 học viên. CB - Sở, Ban ngành cấp tỉnh 3.268 học viên. Ngoài ra còn phối hợp với các ban ngành trong tỉnh mở được 23 lớp (2.729 học viên). Trường đều vượt chỉ tiêu bồi dưỡng cán bộ hàng năm tỉnh giao. Từ 1995 đến nay công tác nghiên cứu khoa học đã có nhiều chuyển biến tích cực. Được sự quan tâm của thường vụ tỉnh ủy, phòng KHTT - TLTV được thành lập, đây là điều kiện thuận lợi để nhà trường tổ chức và triển khai tốt các đề tài khoa học. Trường thường xuyên chú trọng đến việc giáo dục truyền thống cho đội ngũ cán bộ trẻ, đặc biệt là phong trào "Thanh niên lập nghiệp" và "Tuổi trẻ giữ nước". Chi đoàn, công đoàn nhiều năm liền được công nhận là cơ sở vững mạnh. Công tác nữ công "Giỏi việc nước, đảm việc nhà" Đảng ủy, ban lãnh đạo nhà trường luôn nắm chắc tình hình, tích cực chủ động trong việc xây dựng kế hoạch mở lớp phù hợp với yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, chú trọng nâng cao chất lượng hiệu quả của công tác đào tạo, quan hệ đoàn kết nội bộ tốt, quan hệ giữa nhà trường và học viên, các cơ quan đơn vị trong và ngoài tỉnh ngày càng chặt chẽ hơn.

Digitized by Google

CÔNG TY GIẦY THỤY KHUÊ

THUY KHUE SHOES COMPANY

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO 2000

*** HÀ NỘI :**

VĂN PHÒNG : 152 Thụy Khuê, Hà Nội, Việt Nam • ĐT : (84-4) 847 1389 • Fax :8232 727
XƯỞNG SX : Phú Điền, Từ Liêm, Hà Nội • ĐT : (84-4) 834 0083 • Fax : 8370 222
E-mail : thuykhueshoesco@fpt.vn

*** TP.HCM :**

Văn phòng : 175 Lý Chính Thắng, Q3, TP. HCM • ĐT : 9310498 - 8998976 - 090703743







CÔNG ty được xây dựng trên diện tích : 41.000m² với qui mô lớn, công suất trên 4,5 triệu đôi giầy/năm, với 03 dây chuyền sản xuất giầy dép nữ thời trang, 04 dây chuyền sản xuất giầy thể thao, giầy bảo hộ lao động và các sản phẩm may mặc, cao su hóa. Sản phẩm "THUY KHUE SHOES" được trao tặng nhiều "HUY CHƯƠNG VÀNG" tại các Hội chợ quốc tế hàng công nghiệp hàng năm, đạt danh hiệu "TOP TEN" hàng tiêu dùng chất lượng cao, được thưởng CÚP BẠC, CÚP VÀNG - giải thưởng chất lượng Việt Nam do Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường xét chọn. Công ty sẵn sàng liên doanh, liên kết, hợp tác với bạn hàng trong và ngoài nước để mở rộng sản xuất kinh doanh giầy dép và kinh doanh khách sạn, du lịch.

Sản phẩm Công ty Giầy Thụy Khuê sản xuất theo hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ISO 9002.

Xin chân thành cảm ơn người tiêu dùng đã bình chọn sản phẩm giầy Thụy Khuê là **Hàng Việt Nam Chất lượng Cao 2000.**
Đảng bộ Công ty Giầy Thụy Khuê là đảng bộ trong sạch vững mạnh 10 năm liền từ năm 1990 - 1999.

CÔNG TY VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY I

Vietnam Petroleum Transport Company

PETROLIMEX

PETROCO

Đơn vị Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới

TRỤ SỞ : 37 PHAN BỘI CHÂU - HẢI PHÒNG * ĐIỆN THOẠI : 031. 838815 - 838607 - 838835 - 838680 - 838881
TELEX : 311238 - XDTMVT FAX : 84.31.838033 - 839944 E-MAIL : VIETPETROCO@HN.VNN.VN

Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I Hải Phòng là doanh nghiệp nhà nước thành lập năm 1980, trực thuộc Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

KINH DOANH VẬN TẢI :

Công ty có đội tầu biển và đội tầu sông chuyên vận tải xăng dầu và sản phẩm hóa dầu trong và ngoài nước.

KINH DOANH XĂNG DẦU :

Bán buôn và bán lẻ các sản phẩm xăng dầu cho tất cả các đối tượng có nhu cầu trong và ngoài nước với chất lượng và giá cả hợp lý trong khu vực.

ĐẠI LÝ TẦU BIỂN :

Chuyên làm đại lý cho các tầu chở các sản phẩm dầu mỏ hóa chất đến các cảng Việt Nam, đại lý viên luôn sẵn sàng, tận tụy.

ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TẦU :

Nhận đóng và sửa chữa các tầu chở dầu, tầu chở hàng khô có trọng tải từ 600 tấn trở xuống, chất lượng cao, giá cả hợp lý.

Công ty có nhu cầu liên doanh hợp tác với tất cả các tổ chức kinh tế và cá nhân trong và ngoài nước.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY
KS. NGUYỄN VĂN ĐỊNH

Digitized by Google

NHÀ MÁY ĐIỆN PHẢ LẠI

ĐỊA CHỈ : THỊ TRẤN PHẢ LẠI - HUYỆN CHÍ LINH - TỈNH HẢI DƯƠNG

ĐIỆN THOẠI : 0320.881126 - 881457 **FAX. 0320 881338**



Tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đòi hỏi ngành điện nói chung, nhà máy điện Phải Lại nói riêng ngày càng sản xuất nhiều điện để đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng ngày càng cao của nền sản xuất. Nhà máy luôn bảo đảm duy trì sản xuất vận hành an toàn ổn định, đáp ứng kịp thời mọi phương thức huy động thiết bị của Tổng công ty cả những lúc vận hành công suất tối đa và những lúc vận hành công suất hạn chế, làm tốt công tác đại tu, sửa chữa, phục hồi và nâng cấp thiết bị. Đảng ủy nhà máy, cấp ủy các chi bộ ở đơn vị, toàn thể cán bộ, đảng viên của nhà máy trên mọi vị trí sản xuất đều đề ra các biện pháp lãnh đạo kịp thời, có kế hoạch sản xuất cụ thể với những con số và chỉ tiêu được cấp trên duyệt. Nhiều năm liền nhà máy bảo đảm an toàn trong lao động sản xuất. Hằng tháng, hằng quý có kiểm điểm đánh giá ưu, khuyết điểm cùng với những hình thức khen thưởng và kỷ luật thích đáng. Nhờ vậy, phong trào thi đua ngày một có chất lượng hơn. Năm 1998 nhà máy sản xuất được 2386 triệu kWh ; năm 1999 sản xuất được 2081 triệu kWh vượt 1,5% so với kế hoạch ; 6 tháng đầu năm 2000 sản xuất được 1123 triệu kWh đạt 50% so với kế hoạch.

Thực hiện nghiêm túc cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo tinh thần của Nghị quyết TƯ 6 (lần 2). Phân loại đảng viên bằng hình thức bỏ phiếu kín với 97% đảng viên loại I ; 3% đảng viên loại II ; không có đảng viên yếu kém. Nhiều năm liền đảng bộ nhà máy được công nhận là đảng bộ trong sạch vững mạnh, được Tỉnh ủy Hải Dương tặng bằng khen : "Tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh" trong 4 năm liền 1996, 1997, 1998, 1999.

Bước vào thực hiện nhiệm vụ của đảng bộ nhiệm kỳ khóa IX (2000 - 2003), dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội Đảng cùng với những cơ hội cũng như những thách thức của những năm đầu thế kỷ XXI, đảng bộ nhà máy điện Phả Lại quyết tâm cao phấn đấu hoàn thành được nhiệm vụ được giao.

Digitized by Google

930

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BIÊN PHÒNG

ĐỊA CHỈ : SƠN LỘC, SƠN TÂY ĐIỆN THOẠI: 034.835312

I - KẾT QUẢ KHEN THƯỞNG CHO NHÀ TRƯỜNG



* NHÀ TRƯỜNG :

- 2 Huân chương quân công hạng II
- 14 Cờ thi đua trên các mặt công tác
- 19 Bằng khen
- 16 Giấy khen

* ĐƠN VỊ

21 Đơn vị quyết thắng ; 41 đơn vị bằng khen ; 45 đơn vị giấy khen

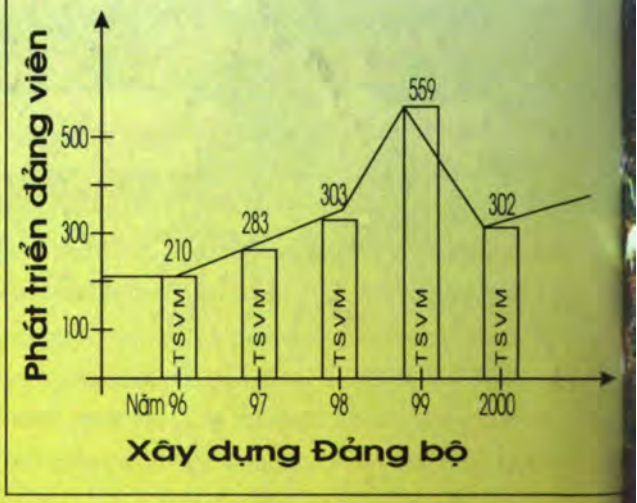
* CÁ NHÂN :

- 509 lượt đồng chí được thưởng huân chương các loại

Trường đại học Biên phòng thành lập năm 1963. Trong 5 năm qua (1996 - 2000) dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Thường vụ, Ban giám hiệu nhà trường, sự hướng dẫn của các cơ quan nghiệp vụ cấp trên, nhà trường đã tiếp nhận tổ chức điều hành huấn luyện cho 71 khóa, lớp với lưu lượng 7658 học viên. Đã tổ chức ra trường cho 45 khóa lớp với số lượng 4743 học viên gồm 5 khóa đại học, 4 khóa HTĐH, 2 khóa cao đẳng, 3 khóa TCBP, 17 khóa ngắn hạn, 4 khóa THBP, 10 lớp đào tạo văn hóa ngoại ngữ. Hiện nay đang tổ chức điều hành huấn luyện cho 26 khóa lớp với 2915 học viên. Công tác tuyển sinh thực hiện đúng quy chế chất lượng ngày một nâng cao. Năm 1996 có 561 học viên ; 1997 có 554 học viên ; 1998 có 513 học viên ; 1999 có 201 học viên ; 2000 có 321 học viên. Nhà trường đã xây dựng và điều chỉnh 9 chương trình đào tạo ; 19 chương trình hành động của nhà t rường ; kiện toàn các văn bản, quy định về công tác quản lý chương trình đào tạo và triển khai duy trì các hoạt động dạy, học và quản lý rèn luyện học viên đi vào nề nếp. Đẩy mạnh các hoạt động thanh tra, kiểm tra chấp hành các quy định huấn luyện, hạn chế các biểu hiện tiêu cực trong dạy, học và thi cử. Bảo đảm vật chất huấn luyện đúng nguyên tắc, thủ tục, phục vụ kịp thời các hoạt động giáo dục thường xuyên cũng như đột xuất.

Về công tác tổ chức xây dựng Đảng : Đảng ủy nhà trường luôn phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng trên cả

II - CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ VÀ PHÁT TRIỂN ĐẢNG

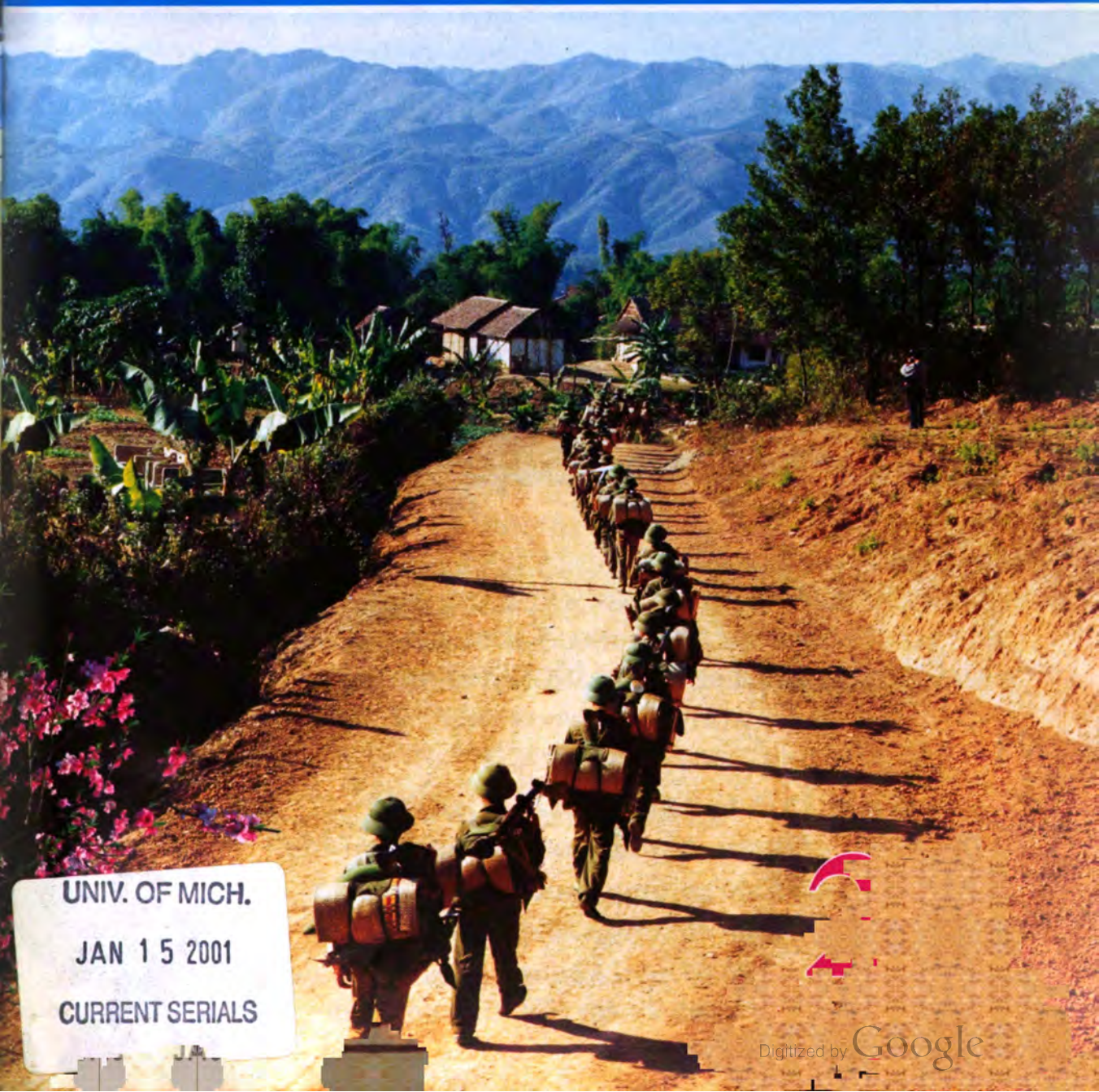


3 lĩnh vực : chính trị, tư tưởng ; tổ chức và cán bộ. C hoạt động công tác đảng được duy trì, nề nếp, từng bư được nâng cao. Tổ chức tốt các ngày lễ lớn trong năm. t chức tốt cuộc vận động phê bình và tự phê bình theo NQ TƯ 6 (lần 2). Kiểm điểm và phân loại đảng viên có kh thưởng kịp thời. Duy trì và nâng cao chất lượng ho động của các cơ sở đảng, nề nếp sinh hoạt Đảng, bồ dưỡng nghiệp vụ xây dựng Đảng cho cán bộ đảng viên chú trọng công tác bồi dưỡng, kết nạp đảng viên mới. Hướng tới xây dựng nhà trường ngày càng chính qu vững mạnh toàn diện.

Digitized by Google

HX
P
H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
JAN 15 2001
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

CÔNG TY ĐIỆN THOẠI HÀ NỘI

HA NOI TELEPHONE COMPANY

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

ĐỊA CHỈ : 75 ĐINH TIÊN HOÀNG - HOÀN KIẾM - HÀ NỘI
ĐT : (84-4) 8259328 - (84-4) 8240767
FAX : (84-4) 8258885



CÔNG TY ĐIỆN THOẠI HÀ NỘI LÀ ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC BƯU ĐIỆN THÀNH PHỐ HÀ NỘI. VỚI ĐỘI NGŨ 1800 CBCNV, TRONG ĐÓ 450 CBCNV CÓ TRÌNH ĐỘ KỸ SƯ, CÔNG TY ĐẢM NHẬN NHIỆM VỤ LẮP ĐẶT, QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG, KHAI THÁC TOÀN BỘ HỆ THỐNG TRANG THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ 300 000 MÁY ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH CỦA MẠNG VIỄN THÔNG NỘI THÀNH HÀ NỘI.

THÀNH LẬP TỪ NGÀY 1-5-1960, QUA 40 NĂM XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH, CÔNG TY ĐÃ VINH DỰ ĐƯỢC TRAO TẶNG CÁC PHẦN THƯỞNG :

- ***Danh hiệu ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG.***
- ***3 Huân chương Lao động hạng nhì***
- ***2 Huân chương Lao động hạng ba***
- ***1 Huân chương kháng chiến hạng ba***
- ***Đảng bộ Công ty 10 năm liên tục được công nhận là Đảng bộ vững mạnh, 2 lần được Thành ủy Hà Nội tặng cờ "Đảng bộ trong sạch, vững mạnh".***

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 606

THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 9422061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

24
12-2000

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG	NGUYỄN DUY QUÝ - Đổi mới tư duy lý luận trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam	3
	NGUYỄN ĐÌNH ƯỚC - Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, nâng cao sức mạnh chiến đấu của quân đội trong giai đoạn cách mạng mới	14
HỘI THẢO KHOA HỌC VIỆT - TRUNG VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	LÝ THIẾT ÁNH - Trung Quốc và thế giới trong đầu thế kỷ XXI : cơ hội và thách thức.	8
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	LÊ MINH CƯỢC - Phát huy truyền thống "Cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh", xây dựng lực lượng vũ trang Quân khu Thủ đô vững mạnh về chính trị	17
	PHẠM CÔNG MINH - Một số vấn đề trong xây dựng định hướng chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế	21
	VŨ NGỌC LÂN - Nên tổ chức thảo luận ở đại hội Đảng các cấp như thế nào ?	24
	NGUYỄN THỊ VY - Mở rộng và phát huy dân chủ trực tiếp ở nước ta hiện nay	28
	LỆ MAI - Một số vấn đề về "văn hóa đại chúng"	33
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	PHẠM QUANG NGHỊ - Chặng đường bốn năm phấn đấu xây dựng và phát triển của đảng bộ, nhân dân Hà Nam	36
	ĐÀO TRỌNG THI - Xây dựng và phát triển Đại học quốc gia Hà Nội	39
	BÙI ĐƯỜNG NGHIÊU - Đổi mới trong lĩnh vực tài chính nhà nước 10 năm qua	42
	NGUYỄN THỊ SINH - Tràng Định - vùng đất tiềm năng được đánh thức	46
	TRẦN NHU - HỒNG DIỄM - Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân	48
	LÊ THỊ QUÝ - Phụ nữ, giới và ma túy ở Việt Nam	51
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	NHÂN ĐĂNG - Tiến cử	56
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	LÊ HỮU NGHĨA - Vấn đề toàn cầu hóa - phương pháp luận tiếp cận triết học	57
BẠN ĐỌC VỚI TẠP CHÍ CỦA ĐẢNG	Ý kiến bạn đọc trong năm qua	61

Bìa 1 : *Đến với vùng sâu vùng xa* — *Ảnh :* **TRẦN HỒNG**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

НГУЕН ЗУЙ КУЙ: Обновление теоретического мышления во Вьетнаме. НГУЕН ДИНЬ ЫОК: Глубоко усвоить идеи Хо Ши Мина, повысить боевую силу Армии в новом революционном периоде. ЛИ ТХИЕТ АНЬ: Китай и мир в начале XXI века: возможности и вызовы. ФАМ КОНГ МИНЬ: Некоторые пробпемы в формировании стратегической ориентации для международной экономической интеграции. НГУЕН ТХИ ВИ: Расширение и развитие непосредственной демократии в нашей стране на нынешнем этапе. ФАМ КУАНГ НГИ: 4-петний этап стараний за укрепление и развитие партийного комитета и народа Ханамской провинции. ДАО ЧОНГ ТХИ: Укрепление и развитие Ханойского Государственного Университета. БУЙ ДЫОНГ НГИЕУ: Обновление в области государственных финансов за 10 прошедших лет. ЛЕ ТХИ КУЙ: Женщины, проблема половых разпичий и наркомания во Вьетнаме. ЛЕ ХЫУ НГИА: Проблема глобализации, философская методология подхода к ней.

CONTENTS

NGUYỄN DUY QUÝ: Renovation of theoretical thinking in the Đổi Mới cause in Vietnam. NGUYỄN ĐÌNH ƯỚC: To grasp steadily Hồ Chí Minh's ideas, to enhance fighting power of the Army in the new revolutionary period. LÝ THIẾT ÁNH: China and the world at the beginning of the XXI century: opportunities and challenges. PHẠM CÔNG MINH: Some problems in forming a strategic orientation for international economic merging. NGUYỄN THỊ VY: To expand and develop direct democracy in our country at the present stage. PHẠM QUANG NGHỊ: A four-year stage of endeavors for the strengthening and development of the Party committee and People of Nam Hị province. ĐÀO TRỌNG THI: To strengthen and to develop the Hanoi State University. BÙI ĐƯỜNG NGHIÊU: Renovation in the field of state finance in the 10 past years. LÊ THỊ QUÝ: Women, sexes, and the struggle against drug addiction in Vietnam. LÊ HỮU NGHĨA: The globalisation problem, the philosophical methodology of the approach to it.

SOMMAIRE

NGUYỄN DUY QUÝ: Renouveler la pensée théorique dans l'œuvre de renouveau au Vietnam. NGUYỄN ĐÌNH ƯỚC: Posséder à fond la pensée de Hồ Chí Minh, élever la combativité de l'Armée dans la nouvelle période révolutionnaire. LÝ THIẾT ÁNH: La Chine et le monde au début du XXIe siècle : opportunités et défis. PHẠM CÔNG MINH: Quelques problèmes dans l'élaboration des orientations stratégiques de l'intégration économique internationale. NGUYỄN THỊ VY: Elargir et faire valoir la démocratie directe dans notre pays à l'heure actuelle. PHẠM QUANG NGHỊ: Le parcours de 4 ans d'efforts pour l'édification et le développement de la Section du Parti et du peuple dans la province de Hà Nam. ĐÀO TRỌNG THI: L'édification et le développement de l'Université nationale de Hanoi. BÙI ĐƯỜNG NGHIÊU: Les réformes dans le domaine financier étatique ces dix dernières années. LÊ THỊ QUÝ: Femme, sexe et toxicomanie au Vietnam. LÊ HỮU NGHĨA: La globalisation - une méthodologie d'approche philosophique.

SUMARIO

NGUYỄN DUY QUÝ: La renovación del pensamiento teórico en la causa de renovación vietnamita. NGUYỄN ĐÌNH ƯỚC: Imbuirse del pensamiento de Hồ Chí Minh para aumentar la fuerza combativa del ejército en la nueva etapa de la revolución. LÝ THIẾT ÁNH: La China y el mundo en el comienzo del siglo XXI : las oportunidades y los retos. PHẠM CÔNG MINH: Algunos asuntos en la formación de orientación estratégica de la internacional integración económica. NGUYỄN THỊ VY: La actual expansión y puesta en juego de la democracia directa en nuestro país. PHẠM QUANG NGHỊ: La trayectoria de 40 años de esfuerzo por construirse y desarrollarse del organismo partidista y pueblo de la provincia Hà Nam. ĐÀO TRỌNG THI: La construcción y el crecimiento de la Universidad Nacional Hanoi. BÙI ĐƯỜNG NGHIÊU: La renovación financiera del Estado durante 10 años pasados. LÊ THỊ QUÝ: La mujer el sexo y la droga en Vietnam. LÊ HỮU NGHĨA: El problema de globalización y la metodología del acercamiento de la filosofía.

目录

•阮唯贵：越南革新事业中的革新理论思维•阮亭约：贯彻胡志明思想，在革命新的阶段提高军队战斗力量•李铁映：中国与世界在二十一世纪初－机遇与挑战•范公明：融入国际经济建设战略定向的一些问题•阮氏微：目前我国扩大和发挥直接民主•范光议：河南省党委及人民四年来发展及奋斗的路程•陶仲诗：建设和发展河内国家大学•裴唐尧：十年来国家财政领域的革新•黎氏贵：在越南，妇女－性与毒品•黎有义：全球化问题－接近哲学的方法论.

Digitized by Google

ĐỔI MỚI TƯ DUY LÝ LUẬN TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM

NGUYỄN DUY QUÝ *

ĐẠI hội của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện - từ đổi mới kinh tế là trọng tâm, đến đổi mới chính trị, văn hóa, xã hội ; từ đổi mới tư duy, nhận thức, tư tưởng đến đổi mới hoạt động thực tiễn của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Vấn đề có ý nghĩa quyết định trong sự nghiệp đổi mới là Đảng phải đổi mới trên cả ba lĩnh vực : đổi mới tư duy ; đổi mới tổ chức và cán bộ ; đổi mới phong cách làm việc. Phải đặt vấn đề đổi mới tư duy lên hàng đầu, vì có đổi mới tư duy mới đổi mới được các lĩnh vực khác. Đổi mới tư duy là đổi mới phương pháp tư duy, khắc phục lối tư duy kinh nghiệm, giáo điều, chủ quan, siêu hình ; là phải đấu tranh loại bỏ những quan điểm sai trái, khắc phục những quan điểm lạc hậu về chủ nghĩa xã hội, về công nghiệp hóa, về cải tạo xã hội chủ nghĩa, về cơ chế quản lý kinh tế, v.v... Đổi mới tư duy nhằm quán triệt phương pháp tư duy biện chứng duy vật, hình thành những quan điểm mới về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bổ sung và phát triển những thành tựu lý luận mà Đảng đã đạt được.

Từ Đại hội VI đến nay đã gần 15 năm, đã qua Đại hội VII, Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ và Đại hội VIII, đường lối đổi mới đã được cụ thể hóa và phát triển, đem lại những thành tựu to lớn và rất quan trọng trong sự nghiệp đổi mới của Việt Nam. Trong những thành tựu to lớn ấy có thành tựu của đổi mới tư duy.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước vốn xuất phát từ một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến, nền kinh tế chủ yếu là sản xuất nhỏ, bỏ qua chế độ tư bản đòi hỏi Đảng ta luôn luôn phát huy tinh thần độc lập tự chủ, tự cường và sáng tạo. Chủ nghĩa xã hội, như các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin nhấn mạnh, không phải là một lý tưởng mà hiện thực phải khuôn theo, nó là một phong trào hiện thực ; chủ nghĩa xã hội không phải là kết quả của những sắc lệnh từ trên ban xuống, nó là sự nghiệp sáng tạo của bản thân quần chúng nhân dân. Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước càng được mở rộng thì lý luận về chủ nghĩa xã hội càng trở nên phong phú hơn.

Sự hình thành và phát triển của xã hội xã hội chủ nghĩa, là một quá trình lịch sử - tự nhiên, tuân theo những quy luật khách quan. Không phải ngẫu nhiên mà các Đảng Cộng sản sau một thời gian lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đều rút ra bài học giống nhau là không thể "đốt cháy" giai đoạn bằng nguyện vọng chủ quan, không thể giải quyết các nhiệm vụ bằng phương pháp duy ý chí, mà phải tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan, phải xuất phát từ thực tế khách quan.

Đại hội VI của Đảng ta đã rút ra một trong những bài học quan trọng là Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Năng lực nhận thức và hành động theo quy luật là điều kiện bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.

Tư duy mới ra đời có nguồn gốc sâu xa từ thực tiễn. Chính thực tiễn với những khó khăn gay gắt của đất nước buộc Đảng phải suy nghĩ, phân tích

* GS,VS, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia

Digitized by Google

tình hình nguyên nhân, tìm tòi các giải pháp. Chính thực tiễn đổi mới bộ phận ở các cơ sở, địa phương đã cung cấp những tư liệu cho hoạt động tư duy của Đảng trong việc đề ra những chính sách cụ thể, có tính chất đổi mới từng phần. Ví dụ, ngay từ cuối những năm 60, ở nông thôn đã xuất hiện hình thức khoán đến hộ gia đình bắt đầu từ Đồ Sơn (Hải Phòng) và Vĩnh Lạc (Vĩnh Phú). Hình thức khoán hộ làm cho nông dân phấn khởi đẩy mạnh sản xuất. Việc "khoán chui" đó đã được Đảng xem xét để ra Chỉ thị 100 - CT/TU(năm 1981) của Ban Bí thư Trung ương, tạo ra một động lực mới trong sản xuất nông nghiệp. Những hiện tượng "phá rào" để gỡ khó khăn cục bộ trong xí nghiệp cũng đã đi tới Quyết định 25 - CP. Như vậy, chính sự thúc bách của cuộc sống đã thúc đẩy mạnh mẽ quá trình đổi mới tư duy của Đảng mà bước ngoặt của nó là Đại hội VI. Sự năng động của quần chúng và sự nhạy cảm của lãnh đạo là nguyên nhân quan trọng dẫn đến quá trình đổi mới.

So với công cuộc cải cách và chuyển đổi từ kinh tế tập trung sang kinh tế thị trường ở các quốc gia khác, đổi mới ở Việt Nam có những nét đặc thù riêng. Đổi mới ở Việt Nam diễn ra từ cả hai chiều : "từ dưới lên", tức là từ các doanh nghiệp và trong nội bộ dân cư, và "từ trên xuống", tức là từ các quyết định của hệ thống lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Mối quan hệ hai chiều tương đối nhanh nhạy giữa Đảng và nhân dân trong việc nảy sinh, nhận biết và đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các chính sách kinh tế, xã hội đã làm cho công cuộc đổi mới ở Việt Nam diễn ra không có sự xung đột giữa "phía trên" và "phía dưới", cũng như không có các "cú sốc" quá mạnh được tạo ra bởi các chính sách và biện pháp điều chỉnh vĩ mô quá cứng rắn và duy ý chí của bộ máy lãnh đạo "phía trên". Tóm lại, một đặc điểm nổi bật của quá trình đổi mới ở Việt Nam là vừa có sự sáng tạo của quần chúng từ bên dưới lên, vừa có sự chỉ đạo từ bên trên xuống. Do đó, đổi mới đã dẫn đến những thành công.

Khác với các nước Đông Âu và Liên Xô trước đây, ở nước ta, nhu cầu đổi mới các chính sách kinh tế đã xuất phát từ chính lĩnh vực kinh tế, chứ không phải là hệ quả của những biến động chính trị. Sự chuyển từ thời kỳ chiến tranh sang hòa bình đã làm bùng nổ các nhu cầu về đời sống, từ đó làm nảy sinh yêu cầu tháo gỡ các cản trở về quản lý kinh tế và sau đó dẫn đến những thay đổi trong quan niệm về sự vận hành của nền kinh tế. Nói một cách khác là thực tiễn đã làm "tan băng" các quan niệm xơ cứng và thúc ép hình thành hệ thống lý thuyết và quan niệm mới phù hợp hơn.

Đổi mới ở Việt Nam không phải là chuyển từ mô hình cũ sang một mô hình đã có sẵn lấy từ một nước khác nào đó, mà là một quá trình đồng thời xóa bỏ các yếu tố của mô hình cũ và thay thế bằng những yếu tố mới thích hợp hơn với điều kiện của Việt Nam.

Việt Nam tiến hành đổi mới trong bối cảnh bị cô lập tương đối về kinh tế trong một thời gian dài. Những hỗ trợ kinh tế và tài chính từ bên ngoài cho quá trình đổi mới và khắc phục những khó khăn do tình hình chính trị và kinh tế thế giới biến động gây ra đã hầu như không đáng kể. Nguồn viện trợ và cho vay của Liên Xô trước đây và các nước Đông Âu bị cắt từ cuối những năm 80. Cho đến cuối năm 1993, các tổ chức tài chính quốc tế lớn như Ngân hàng thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế, Ngân hàng phát triển châu Á giới hạn sự trợ giúp của họ cho Việt Nam ở lĩnh vực tư vấn. Viện trợ chính phủ của một số ít nước tập trung chủ yếu vào các mục tiêu xã hội. Trái lại, sự phong tỏa về kinh tế, sự lôi cuốn Việt Nam vào những xung đột chính trị và quân sự bởi các yếu tố bên ngoài đã buộc đất nước phải tiêu hao nguồn lực mà lẽ ra có thể sử dụng cho tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội. Bản thân việc thiếu một môi trường an ninh quốc tế cần thiết đã là một cản trở đối với các cố gắng tiến hành đổi mới bên trong. Trong bối cảnh như vậy, nền độc lập và sự đoàn kết dân tộc có tính chất truyền thống vẫn được bảo tồn song song với quá trình cải cách cũng là một nét độc đáo của Việt Nam.

Quá trình đổi mới ở Việt Nam không phân chia thành các giai đoạn : giai đoạn chuẩn bị lý luận về đổi mới và giai đoạn áp dụng lý luận đó vào thực tế, mà là quá trình vừa khái quát lý luận từ thực tiễn đổi mới, vừa áp dụng ngay những lý

Digitized by Google

luận đã có vào cuộc sống. Đổi mới ở nước ta diễn ra trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến đổi lớn lao, hầu như tất cả các nước đều có sự điều chỉnh chính sách của mình. Những kinh nghiệm cải cách của các nước cũng là sự gợi ý cho Việt Nam trong sự tìm tòi con đường đổi mới. Vì vậy, những quan điểm đổi mới của Đảng ta hình thành không chỉ từ việc đúc kết kinh nghiệm của nước mình, mà còn từ những kinh nghiệm thành công và không thành công của các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Đổi mới ở Việt Nam là quá trình thử nghiệm, trong quá trình đó cái mới và cái cũ xen kẽ, cái cũ không mất đi ngay mà lùi dần, có lúc, có nơi còn lấn át cái mới, nhưng xu hướng chung là cái mới dần dần được khẳng định và đưa tới những thành công, tuy không dễ dàng trong cuộc đấu tranh giữa cái cũ và cái mới. Việc tìm ra những chủ trương, chính sách mới, những hình thức, biện pháp, bước đi mới về kinh tế hoàn toàn không đơn giản.

Để khắc phục được khuyết điểm, chuyển biến được tình hình, trước hết Đảng phải thay đổi nhận thức, đổi mới tư duy. Phải nhận thức đúng đắn và hành động phù hợp với hệ thống quy luật khách quan, trong đó các quy luật đặc thù của chủ nghĩa xã hội ngày càng chi phối mạnh mẽ phương hướng phát triển chung của xã hội (1).

Đảng Cộng sản Việt Nam coi đổi mới tư duy là việc cấp bách, đồng thời là việc thường xuyên lâu dài. Để tiến hành đổi mới tư duy Đảng đã tạo ra bầu không khí dân chủ trong xã hội, nhất là trong sinh hoạt đảng, trong nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận. Đó là việc phải thông tin chính xác và đầy đủ, là việc tự phê bình và phê bình phải được tiến hành nghiêm túc và thường xuyên. Đó là việc Đảng phải coi trọng công tác nghiên cứu lý luận nhằm cung cấp luận cứ khoa học cho việc đổi mới tư duy. Nếu không có những điều kiện đó thì không thể nói tới việc đổi mới tư duy.

Việc đổi mới tư duy mà Đại hội VI đặt ra là rất khái quát, nhưng hết sức cơ bản có ý nghĩa rất quan trọng cho việc tiếp tục về sau này. Khi công cuộc đổi mới được triển khai thì việc tiếp tục đổi mới tư duy cũng tiếp tục được đẩy mạnh. Bất cứ một sự ngưng trệ nào trong tư duy cũng đều làm ngưng trệ công cuộc đổi mới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Thực tiễn đổi mới về kinh tế, chính trị, xã hội vừa là kết quả của đổi mới tư duy, lại vừa đặt ra những yêu cầu mới cho việc tiếp tục đổi mới tư duy của Đảng.

Qua thực tiễn của gần 15 năm đổi mới, Đảng ta đã rút ra được những kết luận quan trọng, điều chỉnh, bổ sung nhiều chủ trương, chính sách, từng bước phát triển đường lối đổi mới và đã giành được những thành tựu hết sức quan trọng. Những thành tựu của công cuộc đổi mới trên tất cả các mặt của đời sống xã hội bắt nguồn từ sự đổi mới tư duy và từ cách tiến hành sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đổi mới không phải là *từ bỏ mục tiêu chủ nghĩa xã hội, mà là làm cho chủ nghĩa xã hội đi tới thắng lợi*. Đổi mới không phải là xa rời chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh mà là nhận thức cho đúng học thuyết, tư tưởng của các ông, lấy đó làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và của nhân dân. Đổi mới không phải là phủ định quá khứ, mà là khẳng định những gì đã hiểu đúng, làm đúng, loại bỏ những gì hiểu sai, làm sai, bổ sung những nhận thức mới và cách làm mới, đáp ứng những yêu cầu của tình hình mới. Thực hiện được điều này hoàn toàn không đơn giản. Đây thực sự là cuộc đấu tranh phức tạp giữa cái đúng và cái sai, giữa cái tiến bộ và cái lạc hậu lỗi thời, giữa cái mới thúc đẩy sự phát triển với cái cũ cản trở sự phát triển. Tiêu chuẩn để phân biệt những mặt trái ngược đó chính là thực tiễn, là kết quả về kinh tế - xã hội giành được trong thực tiễn đổi mới.

Đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam đã được hình thành thông qua hàng loạt chuyển biến của tư duy.

Chuyển biến thứ nhất là *từ tư duy* dựa trên mô hình kinh tế hiện vật với sự tuyệt đối hóa sở hữu nhà nước và tập thể, với sự phát triển vượt trước của quan hệ sản xuất đối với lực lượng

(1) Xem *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1997, tr 30

Digitized by Google

sản xuất *sang tư duy* mới xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong sự thống nhất biện chứng với tính đa dạng các hình thức sở hữu, đa dạng các hình thức phân phối, lấy phân phối theo lao động làm đặc trưng chủ yếu, nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất. Đây là chuyển biến căn bản mà ý nghĩa sâu xa của nó là tôn trọng quy luật khách quan về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, và tùy thuộc vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất mà từng bước thiết lập quan hệ sản xuất tương ứng, nhờ đó, mở đường giải phóng mọi tiềm năng xã hội, giải phóng sức sản xuất, trong đó có nhân tố quan trọng bậc nhất là con người với tất cả sự năng động, sáng tạo của họ. Bước chuyển này có ý nghĩa cách mạng. Nó đặt đúng vị trí và tầm quan trọng của cái tất yếu kinh tế trong sự phát triển tới chủ nghĩa xã hội của các nước phải đi con đường phát triển "rút ngắn" theo loại hình quá độ gián tiếp mà lịch sử đã quy định.

Chuyển biến thứ hai là *từ tư duy* quản lý kinh tế dựa trên mô hình một nền kinh tế chỉ huy tập trung, kế hoạch hóa tuyệt đối với cơ chế bao cấp và bình quân *sang tư duy* quản lý mới thích ứng với nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự điều tiết của kế hoạch ở tầm vĩ mô, thông qua quản lý, kiểm soát bằng pháp luật của Nhà nước. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường dẫn tới sự tác động, thâm nhập lẫn nhau giữa các thành phần kinh tế, tạo thành sự đan xen các hình thức sở hữu, các phương thức tổ chức quản lý, các phương thức phân phối lợi ích phù hợp với yêu cầu của quan hệ sản xuất mới, có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất ở thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Con người với tư cách vừa là chủ thể sản xuất - kinh doanh, vừa là chủ thể tiêu dùng các sản phẩm hàng hóa đã được đặt vào những cơ hội như nhau để phát triển, để bộc lộ tài năng, năng lực, tính chủ động, sáng tạo trong hoạt động kinh tế. Cơ chế thị trường đòi hỏi sự thừa nhận cạnh tranh, ganh đua, dẫn tới sự chênh lệch thu nhập, sự phân hóa giàu - nghèo. Đây là mặt trái của cơ chế thị trường. Vấn đề đặt ra là phải có chính sách đúng đắn để cho cơ chế thị trường không đẩy tới sự phân hóa giàu - nghèo vượt quá giới hạn cho phép, vi phạm mục tiêu công bằng xã hội là mục tiêu mà chúng ta đang phấn đấu trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đây là một nét mới tiêu biểu cho tư duy kinh tế trong sự nghiệp đổi mới.

Chuyển biến thứ ba là *đổi mới hệ thống chính trị* theo hướng xóa bỏ phương thức quản lý hành chính mệnh lệnh, *dân chủ hóa* các lĩnh vực của đời sống xã hội, thực hiện dân chủ gắn liền với tôn trọng luật pháp, pháp chế, kỷ cương xã hội, phát huy quyền làm chủ thực sự của nhân dân. Chuyển biến này đã góp phần quan trọng vào việc tháo gỡ từng bước những lực cản đối với tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa - xã hội, sản sinh ra những nhân tố mới, động lực mới của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước.

Nội dung cơ bản của đổi mới hệ thống chính trị là thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Chính trị là lĩnh vực hết sức nhạy cảm. Ngay từ khi bắt đầu công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, Đảng đã chủ trương phải giữ vững ổn định chính trị, coi đó là tiền đề, là điều kiện cơ bản để thực hiện đổi mới thắng lợi. Chúng ta đã thực hiện nhiều chủ trương biện pháp để xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiến hành bền bỉ cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ; tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, phát huy ảnh hưởng và uy tín của Đảng trong xã hội, thực hiện đại đoàn kết toàn dân, xây dựng và tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với mọi mặt của đời sống xã hội.

Thực tiễn đã xác nhận tầm quan trọng của những nguyên tắc, biện pháp và bước đi mà Đảng đã hoạch định trong đường lối đổi mới nói chung và đổi mới hệ thống chính trị nói riêng.

Digitized by Google

Chuyển biến thứ tư là Đảng đã quan niệm sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa xã hội ở một nước *phải dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin* và điều quan trọng nữa là *từ chính những đặc điểm, điều kiện và hoàn cảnh lịch sử cụ thể của nước đó.* Đây là cơ sở khách quan quy định nhận thức và những tìm tòi sáng tạo của chủ thể lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nó cũng đồng thời làm sáng tỏ một lần nữa quan điểm thực tiễn chi phối sự hoạch định đường lối, chính sách. Phải phát huy tinh thần độc lập tự chủ và sáng tạo để tìm cách giải quyết phù hợp và có hiệu quả nhất những vấn đề do thực tiễn của nước mình đang đặt ra trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Sẽ không có một mô hình duy nhất để giải quyết các vấn đề của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội giống hệt nhau ở mọi nước ; cũng không có một hình mẫu duy nhất về chủ nghĩa xã hội được áp dụng cho tất cả mọi quốc gia mặc dù những nguyên tắc, nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về chủ nghĩa xã hội - chỗ dựa của các Đảng Cộng sản - đều như nhau. Tất nhiên không phải vì thế mà có thể chấp nhận lý luận "chủ nghĩa xã hội dân tộc", khép kín và đóng kín sự phát triển xã hội chủ nghĩa chỉ trong phạm vi quốc gia - dân tộc như một "ốc đảo", tách khỏi sự giao lưu, hợp tác quốc tế giữa các nước xã hội chủ nghĩa với nhau và giữa các nước xã hội chủ nghĩa với cộng đồng thế giới.

Vấn đề đặt ra là *phải kết hợp dân tộc với quốc tế, truyền thống với hiện đại, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.* Đó cũng là cơ sở của đường lối đối ngoại, vừa hợp tác, vừa đấu tranh. Nó mở ra khả năng để Việt Nam tham gia vào thị trường kinh tế thế giới, vào đời sống chính trị quốc tế, vào sự giao lưu, hợp tác văn hóa. Tuy nhiên, để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta không những *phải khắc phục những ảnh hưởng của chủ nghĩa giáo điều, máy móc* tiếp nhận và sao chép mô hình nước ngoài, mà còn phải đấu tranh chống lại âm mưu và hành động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, giữ vững nguyên tắc, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời linh hoạt, mềm dẻo trong sách lược, phù hợp với hoàn cảnh, thời cuộc hiện nay. Thực tiễn gần 15 năm đổi mới ở Việt Nam cho thấy, kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế, văn hóa và tổ chức quản lý xã hội thông qua hàng loạt những biện pháp thực tiễn sáng tạo vừa phù hợp với đặc điểm của nước mình, vừa thích ứng với xu thế của thời đại là cơ sở bảo đảm cho sự phát triển lành mạnh, tích cực của sự nghiệp đổi mới.

Chuyển biến thứ năm trong sự hình thành quan niệm mới của Đảng về chủ nghĩa xã hội là *những nhận thức mới về nhân tố con người* - nhân tố quyết định thành công của chủ nghĩa xã hội. Khắc phục những hạn chế và khiếm khuyết của nhận thức về chủ nghĩa xã hội có liên quan đến vấn đề con người, chúng ta đã làm sáng tỏ hơn tư tưởng nhân đạo, khoa học và cách mạng của Mác, Ăng-ghen, Lê-nin và Hồ Chí Minh. Trong khi phê phán và cương quyết loại bỏ *chủ nghĩa cá nhân*, chúng ta thừa nhận và bảo vệ những lợi ích chính đáng của cá nhân, coi lợi ích cá nhân của người lao động là một trong những động lực trực tiếp thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, là cơ sở thực hiện lợi ích chung của tập thể và của xã hội. Hơn nữa, lợi ích xã hội, lợi ích tập thể không phải là trừu tượng mà rất cụ thể, gắn bó thiết thực với lợi ích chính đáng của từng người trong tập thể và trong cộng đồng xã hội.

*

* *

Với thực tiễn đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy, nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày một rõ ràng và đầy đủ hơn. Điều này, trên thực tế, đã trở thành một nguồn lực đặc biệt có ý nghĩa bảo đảm cho mỗi hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội cụ thể trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Nhận thức bao giờ cũng là một quá trình đi từ đơn giản đến phức tạp, từ chưa hoàn thiện tới hoàn thiện. Hơn thế nữa, chủ nghĩa xã hội lại là một hiện tượng mới mẻ, đang vận động, sinh thành trong lịch sử loài người. Bởi vậy, bám sát thực tiễn, nghiên cứu và tổng kết thực tiễn để phát triển lý luận - đó là yêu cầu to lớn mà thực tiễn đang đặt ra cho hoạt động lý luận của Đảng hôm nay. ❑

Digitized by Google

QUÁN TRIỆT TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH NÂNG CAO SỨC MẠNH CHIẾN ĐẤU CỦA QUÂN ĐỘI TRONG GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG MỚI

NGUYỄN ĐÌNH ƯỚC *

CÁCH đây 36 năm, nhân kỷ niệm lần thứ 20 Ngày thành lập Quân đội nhân dân (22-12-1944 - 22-12-1964) Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên dương : "Quân đội ta trung với Đảng hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng". Câu nói nổi tiếng đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khái quát cô đọng bản chất giai cấp công nhân, truyền thống cách mạng, đồng thời chỉ ra mục tiêu phấn đấu lâu dài của quân đội ta qua các giai đoạn cách mạng.

Đảng tổ chức, lãnh đạo quân đội ta, xác định mục tiêu chiến đấu, các nhiệm vụ chiến lược của quân đội. Mục tiêu chiến đấu : Vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, cũng là mục tiêu của cách mạng Việt Nam - cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu đó thể hiện nổi bật sự thống nhất giữa tính giai cấp, tính nhân dân và tính dân tộc của quân đội ta.

Kiên định mục tiêu chiến đấu đó cũng tức là quân đội ta tuyệt đối trung thành với Đảng, hết lòng phục vụ nhân dân. Ở nước ta, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, nên trung thành với Đảng gắn liền với trung thành với Tổ quốc và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Từ ngày thành lập đến nay, Đảng đã trao cho quân đội những nhiệm vụ lớn lao :

- Xây dựng cơ sở chính trị, củng cố chính quyền cách mạng ở khu giải phóng, tiến lên cùng toàn dân Tổng khởi nghĩa Tháng Tám thắng lợi.

- Quét sạch bọn Quốc dân đảng phản động, bảo vệ Nhà nước cách mạng non trẻ...

- Sát cánh cùng toàn dân kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, làm hậu thuẫn cho công cuộc cải cách ruộng đất, tích cực tham gia sửa sai, xây dựng chính quy, hiện đại góp phần khôi phục, phát triển kinh tế, tăng cường tiềm lực về mọi mặt của hậu phương lớn.

- Tham gia đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, kiên định con đường cách mạng bạo lực để giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

- Làm nòng cốt cho cuộc chiến tranh nhân dân phát triển đến đỉnh cao trên cả nước, "đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào", đồng thời làm nghĩa vụ quốc tế cao cả đối với nước Lào và Cam-pu-chia anh em. Bảo vệ vững chắc biên giới của Tổ quốc và giúp bạn Cam-pu-chia thoát khỏi họa diệt chủng.

- Khắc phục thiên tai bão lụt, xây dựng nhiều vùng kinh tế mới, phát triển công nghiệp quốc phòng.

- Ở thời điểm khủng hoảng kinh tế - xã hội, quân đội ta đã góp phần giữ vững ổn định chính trị của đất nước, làm chỗ dựa tin cậy để Đảng,

* Trung tướng, PGS, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam

Digitized by Google

Nhà nước ta thực hiện đường lối đổi mới, chủ động hội nhập với khu vực và thế giới, góp phần đấu tranh sắc bén với các khuynh hướng chính trị sai trái, tận dụng thời cơ mới, đẩy lùi nguy cơ.

Làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh, quân đội nhân dân Việt Nam đã trở thành một đội quân chiến đấu, đội quân công tác, đội quân lao động sản xuất ; mọi nhiệm vụ hoàn thành.

Trong quá trình đấu tranh cách mạng, quân đội ta, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đã vượt qua được 4 loại thử thách lớn :

- Chiến tranh rất ác liệt, lâu dài, gian khổ ; kẻ thù có trang bị vũ khí mạnh hơn hẳn ta.

- Sự khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội thế giới và sự tiến công của các thế lực thù địch ở bên ngoài cũng như ở trong nước, sự xuất hiện các khuynh hướng cơ hội làm cho tình hình chính trị nước ta có lúc rất phức tạp ; có thời điểm đã có nguy cơ mất ổn định chính trị.

- Thắng lợi lớn của cách mạng cũng là một loại thử thách. Bài học lịch sử của cách mạng trên thế giới là sau thắng lợi lớn thường dễ nảy sinh tư tưởng chủ quan, say sưa với thắng lợi, xa rời quần chúng, mất cảnh giác. Sau thắng Pháp, thắng Mỹ, nước ta cũng có vấp váp, nhưng Đảng ta đã kiên quyết khắc phục.

- Thất bại tạm thời là điều khó tránh trong chiến tranh. Có khi là một chiến dịch ta bị tổn thất nhiều, có khi là do ta chậm chuyển hướng chiến lược, nên vấp váp. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy quân đội ta : "Thắng không kiêu, bại không nản". Chúng ta rút ra bài học từ thất bại để vươn lên giành thắng lợi lớn và vững chắc.

Quân đội ta, hơn nửa thế kỷ qua đã vượt qua được mọi khó khăn, thử thách.

Chiến thắng mọi kẻ thù là mục tiêu tập trung nhất của quân đội ta. Sát cánh cùng toàn dân, quân đội ta đã đánh thắng phát xít Nhật, thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược cùng bè lũ tay sai. Quân đội nhân dân Việt Nam được rèn luyện trong khói lửa chiến tranh, cọ xát với nhiều loại đối tượng tác chiến khác nhau nên đã hun đúc được phẩm chất tinh thần cao quý, truyền thống "quyết thắng" và nghệ thuật quân sự rất năng động. Trên thế giới không phải quân đội nào cũng có được "tài sản" vô giá đó.

Trong tình hình và nhiệm vụ cách mạng ngày nay, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, quân đội ta đang thực hiện các nhiệm vụ chiến lược theo đường lối đổi mới của Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói với Sư đoàn Quân tiên phong trước khi vào tiếp quản Thủ đô Hà Nội : "Các vua Hùng đã có công dựng nước ; Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước". Dựng nước đi đôi với giữ nước. Đó là quy luật tồn tại phát triển của dân tộc Việt Nam. Ngày nay, nước ta đã hoàn toàn độc lập, nhưng việc bảo vệ nền độc lập của dân tộc vẫn là một trong hai nhiệm vụ chiến lược của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân.

Dân tộc ta trải qua chiến đấu lâu dài, nay đã có hòa bình để xây dựng, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chiến thắng lạc hậu và nghèo nàn. Có xây dựng đất nước mạnh mới củng cố được nền độc lập. Nước ta đang chủ động hội nhập với khu vực và toàn cầu để tạo thêm một nguồn lực rất quan trọng cho sự nghiệp phát triển kinh tế, khoa học và công nghệ. Đây là một thuận lợi lớn, thời cơ lớn, chúng ta phải nắm lấy để đưa nước ta phát triển, không tụt hậu. Đảng ta từ khi thành lập đến nay rất sáng tạo trong chiến tranh cách mạng và trong sự nghiệp xây dựng bảo vệ Tổ quốc và đổi mới ngày nay.

Đổi mới, mở cửa, hội nhập... là một chiến lược mới, tận dụng được thuận lợi, thời cơ mới. Muốn quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, trong tình hình cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới tạm thời lâm vào thoái trào, thì phải phát huy cao độ nội lực, đồng thời biết tạo thêm nguồn lực : vốn, công nghệ mới từ nước ngoài. Nước ta duy trì nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước phải mạnh và kinh tế tư bản nhà nước, tư bản tư nhân được phát triển. Đó là con đường

Digitized by Google

tốt nhất để phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Con đường này tạo ra tốc độ phát triển nhanh nhưng buộc chúng ta phải thường xuyên đẩy lui nguy cơ.

Xu thế toàn cầu hóa hiện nay trên thế giới là do chủ nghĩa tư bản chi phối. Ta chủ động hội nhập với thế giới, vừa phải giữ vững độc lập, chủ quyền, định hướng xã hội chủ nghĩa, vừa phải chấp nhận luật "chơi" chung về kinh tế và thương mại. Chủ nghĩa đế quốc thì chạy theo lợi nhuận tối đa, áp đặt, can thiệp nội bộ, dùng kinh tế thương mại, viện trợ, các thủ đoạn, chính trị, ngoại giao, văn hóa, con bài "tự do, dân chủ, nhân quyền" thực hiện "diễn biến hòa bình", gây sức ép, kích động nổi loạn lật đổ, hoặc phát động chiến tranh xâm lược. Một trọng điểm trong chiến lược chống phá cách mạng của chủ nghĩa đế quốc hiện nay là tạo ra những nhân tố chống đối từ bên trong các nước, làm xói mòn chủ quyền quốc gia, từng bước làm biến chất, tê liệt chính quyền cách mạng.

Trong tình thế phức tạp như vậy, quân và dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy tinh thần cách mạng tiến công, chủ động hội nhập, triển khai đồng thời hai mặt trận : tận dụng thời cơ và thuận lợi, đi đôi với đẩy lùi nguy cơ. Muốn toàn thắng trên cả hai mặt trên, chúng ta cần nâng cao sức mạnh chiến đấu và hiệu lực lãnh đạo của Đảng, củng cố chính quyền của dân, do dân, vì dân, thực hiện dân chủ, tăng cường đại đoàn kết dân tộc, thực hiện chính sách ngoại giao đa phương, đa dạng, muốn là bạn với tất cả các nước, củng cố quốc phòng và an ninh, đấu tranh sắc bén với mọi thủ đoạn chống phá cách mạng. Trong mọi tình thế, Đảng mạnh và quân đội mạnh là hai nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi, không bị bất ngờ về chiến lược, ứng phó kịp thời có hiệu lực với các tình huống bất trắc, giữ vững ổn định chính trị của đất nước để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phải xây dựng quân đội nhân dân theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đặc biệt coi trọng xây dựng về chính trị làm cơ sở cho việc xây dựng chính quy, từng bước hiện đại, phát triển nghệ thuật quân sự cách mạng. Quân đội ta theo chỉ thị của Bác Hồ có thời kỳ đã hoạt động theo phương châm "chính trị trọng hơn quân sự". Ngày nay trong thời bình, trong cuộc đấu tranh phức tạp, phương châm đó có ý nghĩa thực tiễn lớn lao. Quân đội nhân dân vừa là lực lượng vũ trang chiến đấu sắc bén, vừa là lực lượng chính trị tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Quân đội phải có năng lực chiến đấu mới trên mặt trận chính trị tư tưởng, góp phần bảo vệ Đảng, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong cuộc đấu tranh cách mạng hiện nay, mặt trận chính trị tư tưởng luôn sôi động, nóng bỏng. Từ mặt trận này, chúng ta làm thấu suốt sự lãnh đạo chính trị của Đảng trên mọi lĩnh vực : kinh tế, thương mại, văn hóa, quân sự, ngoại giao... phê phán triệt để các quan điểm sai trái, các luận điệu phản động. Quân đội ta phải là một trong những đội quân đi tiên phong trên mặt trận chính trị tư tưởng, cùng công nhân, nông dân, trí thức kết thành nền tảng vững chắc của Mặt trận đại đoàn kết dân tộc.

Quân đội nâng cao sức mạnh chiến đấu đáp ứng yêu cầu bảo vệ độc lập chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, cả trên đất liền, trên biển và trên không. Sự xuất hiện các loại hình chiến tranh mới cùng những vũ khí phương tiện kỹ thuật hiện đại như ở I-rắc, Cô-xô-vô... đòi hỏi quân đội ta vừa làm nòng cốt cho nền quốc phòng toàn dân, vừa rèn luyện làm chủ vũ khí có trong tay, đồng thời biết cách đối phó với các loại vũ khí mới, đổi mới cách đánh, không bị bất ngờ và thắng kẻ địch ngay từ trận đầu.

Phát huy bản chất và truyền thống vẻ vang "bộ đội Cụ Hồ", quân đội nhân dân không ngừng phấn đấu hoàn thành mọi nhiệm vụ trong giai đoạn mới, xứng đáng với sự tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. ❑

Digitized by Google

TRUNG QUỐC VÀ THẾ GIỚI TRONG ĐẦU THẾ KỶ XXI : *CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC*

LÝ THIẾT ÁNH

LỜI BBT : *Vừa qua, tại Hà Nội đã diễn ra cuộc Hội thảo khoa học với chủ đề : Chủ nghĩa xã hội - kinh nghiệm của Việt Nam, kinh nghiệm của Trung Quốc. Đồng chí Lý Thiết Ánh, Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc, Viện trưởng Viện hàn lâm khoa học xã hội Trung Quốc, Trưởng đoàn đại biểu Trung Quốc đã có bài phát biểu tại hội nghị với chủ đề trên. Sau đây, chúng tôi xin trích giới thiệu với bạn đọc nội dung bài phát biểu của đồng chí Lý Thiết Ánh.*

"...Đứng bên thềm thế kỷ mới, điểm lại một trăm năm qua điều chúng ta trước hết nhận thấy là sự biến đổi to lớn theo dòng thác cuồn cuộn của lịch sử thế giới. Thế kỷ XX sẽ mãi mãi được ghi vào lịch sử, là 100 năm rực rỡ nhất của loài người.

Sự phát triển như vũ bão của sức sản xuất, những thành tựu huy hoàng của khoa học kỹ thuật và sự tiến bộ rõ rệt của nền văn minh xã hội trong thế kỷ XX là vượt xa thiên niên kỷ trước ; thế nhưng hai cuộc đại chiến thế giới do chế độ tư bản chủ nghĩa mang lại cũng như mọi cố tật xã hội và các cuộc khủng hoảng mang tính toàn cầu lại làm cho nhân loại phải hứng chịu tai vạ hơn bao giờ hết, gây nên mối hiểm họa vô tận. Sự kiện lịch sử và tiến bộ xã hội vĩ đại nhất trong thế kỷ này là việc chế độ xã hội chủ nghĩa lần lượt được thiết lập và phát triển tại một số nước, qua đó đã thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc toàn cầu, làm cho hệ thống thống trị thực dân tan rã nhanh chóng và thúc đẩy sự vùng dậy của các nước thế giới thứ ba. Sự đấu tranh, cùng tồn tại và hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đã quyết định trực tiếp đến tiến trình khúc khuỷu của lịch sử thế giới trong ngót một trăm năm qua.

Điểm lại một trăm năm qua, điều mà làm cho chúng tôi càng thêm cảm phấn là dân tộc Trung Hoa đã bắt đầu chấn hưng toàn diện sau khi trải qua chặng đường gian nan và đấu tranh anh dũng.

Một pho sử cận đại Trung Quốc vừa là trang sử lăng nhục bị các cường quốc phương Tây giày xéo lại càng là trang sử phấn đấu anh dũng của nhân dân Trung Quốc. Từ năm 1900, Liên quân 8 nước đánh vào Bắc Kinh, Trung Quốc lâm vào nguy cơ chưa từng có là mất nước, diệt chủng, đến năm 2000 Trung Quốc bước vào xã hội khá giả, đó là một trăm năm xã hội biến đổi sâu sắc nhất mang tính lịch sử, và bắt đầu đi đến phồn vinh giàu mạnh. Trong một trăm năm qua, xã hội Trung Quốc đã trải qua ba cuộc cách mạng vĩ đại, lịch sử. Cuộc cách mạng Tân Hợi do Tôn Trung Sơn lãnh đạo đã lật đổ chế độ chuyên chế quân chủ phong kiến hàng nghìn năm, xây dựng nên chế độ cộng hòa đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc ; cuộc cách mạng tân dân chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Trung Quốc và đồng chí Mao Trạch Đông lãnh đạo đã lật đổ "ba quả núi lớn" là chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa phong kiến và chủ nghĩa tư bản quan liêu, thành lập nên nước Trung Hoa mới và chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong thời kỳ mới, với tinh thần sáng tạo, Đảng chúng tôi và đồng chí Đặng Tiểu Bình đã lãnh đạo công cuộc cải cách mở cửa, mạnh dạn tìm tòi về lý luận và thực tiễn và đã thu được những thành tựu khiến cả thế giới phải quan tâm theo dõi trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội

Digitized by Google

mang đặc sắc Trung Quốc và thực hiện hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa.

Tiến trình lịch sử biến đổi to lớn trong một trăm năm của thế giới và Trung Quốc đã làm cho nhân dân Trung Quốc hiểu được hai chân lý cơ bản nhất không gì phá vỡ nổi : *một là* không có Đảng Cộng sản thì không có nước Trung Hoa mới ; *hai là* chỉ có chủ nghĩa xã hội mới bảo đảm Trung Quốc được phát triển. Thực tiễn vĩ đại của sự biến đổi to lớn trong một trăm năm qua, với sự kết hợp nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác với thực tiễn cụ thể của cách mạng Trung Quốc, đã nảy sinh ra hai thành quả lý luận lớn, đó là tư tưởng Mao Trạch Đông và lý luận Đặng Tiểu Bình. Trên bước đường tiến lên thế kỷ XXI, nhân dân Trung Quốc sẽ tiếp tục kiên định bất di bất dịch lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Mao Trạch Đông và lý luận Đặng Tiểu Bình để chỉ đạo toàn bộ sự nghiệp của chúng tôi, không ngừng phong phú và phát triển chủ nghĩa Mác trong thực tiễn xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa.

Tổng quan những diễn biến của tình hình toàn cầu có thể nhận thấy thế giới ngày nay đang có sự biến đổi hết sức sâu sắc. Để giành được quyền chủ động về phát triển và tiến bộ trong thế kỷ mới, hiện nay các nước trên thế giới đều đang khẩn trương vạch kế hoạch, tích cực chuẩn bị, tăng cường khả năng ứng phó. Liệu có nắm bắt được cơ hội, chào đón thách thức, tranh thủ được sự chủ động hay không, đó là những vấn đề trọng đại liên quan đến tiền đồ và vận mệnh của dân tộc Trung Hoa trong thế kỷ mới. Triển vọng về thế kỷ XXI, niềm tin kiên định nhất và trách nhiệm lịch sử trang nghiêm nhất của những người cộng sản Trung Quốc chúng tôi là giương cao ngọn cờ vĩ đại chủ nghĩa Mác, thuận theo trào lưu lịch sử, tăng nhanh sự phát triển của bản thân, tích cực đẩy mạnh sự nghiệp vĩ đại của Trung Quốc là sự nghiệp xã hội chủ nghĩa".

Đồng chí Lý Thiết Ánh đã trình bày những suy nghĩ về cơ hội và thách thức của Trung Quốc trong đầu thế kỷ XXI, tóm tắt như sau :

I - Những điều kiện và cơ hội có lợi.

Xét về quốc tế: 1) Hòa bình và phát triển vẫn là chủ đề của thời đại ngày nay. 2) Toàn cầu hóa kinh tế là xu thế tất yếu của sự phát triển kinh tế thế giới ngày nay. Điều này đã tạo khả năng và cơ hội cho Trung Quốc trong việc tận dụng tài nguyên bên ngoài và thị trường bên ngoài. 3) Cuộc cách mạng công nghệ cao và việc điều chỉnh cơ cấu ngành nghề trong phạm vi toàn cầu đã mang lại sự phát triển mới cho nền kinh tế thế giới.

Xét về trong nước : 1) Trình độ sức sản xuất của Trung Quốc đã bước lên một tầm cao mới. 2) Thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đã được thiết lập bước đầu. 3) Thực lực giáo dục và khoa học kỹ thuật được tăng cường rõ rệt, tố chất văn hóa của quốc dân được nâng cao rất lớn. 4) Việc xây dựng nền pháp chế xã hội chủ nghĩa đã giành được những thành tựu to lớn. 5) Điều quan trọng nhất là Đảng đã có lý luận cơ bản và đường lối cơ bản về xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc, đã tích lũy được một số kinh nghiệm mới và phương pháp mới về thúc đẩy cải cách mở cửa và xây dựng hiện đại hóa.

II - Những nhân tố và thách thức bất lợi.

Xét về quốc tế : 1) Mặc dù tình hình quốc tế nói chung là đi vào hòa hoãn, nhưng chủ nghĩa bá quyền và chính trị cường quyền vẫn đang không ngừng phát triển, hòa bình thế giới vẫn đứng trước mối đe dọa ; trật tự chính trị, kinh tế quốc tế không công bằng và không hợp lý vẫn đang tiếp tục ; khoảng cách về phát triển và giàu nghèo giữa các nước Nam Bắc ngày càng mở rộng ; các xung đột cục bộ do các nguyên nhân sắc tộc, tôn giáo, tài nguyên... vẫn liên tiếp xảy ra... 2) Tuy toàn cầu hóa kinh tế làm cho mối liên hệ giữa các nước càng thêm gắn bó, cũng xúc tiến nền kinh tế thế giới phát triển, nhưng sự phát triển của khoa học công nghệ hiện đại và toàn cầu hóa kinh tế vẫn chưa làm cho các nước trên thế giới được lợi phổ biến. 3) Xu thế "phương tây mạnh, ta yếu" về chiến lược sẽ không có sự thay đổi trong một thời gian khá dài.

Xét về trong nước : 1) Dân số Trung Quốc đông, cơ sở mỏng manh, tài nguyên tương đối thiếu vẫn là tình hình cơ bản trong nước. 2) Trong đời sống kinh tế - xã hội còn tồn tại nhiều mâu thuẫn và vấn đề ở tầng nấc sâu. 3) Trong tình hình mới, việc xây dựng Đảng cũng đứng trước thách thức mới, những tình hình mới và vấn đề mới chưa từng có. 4) Trong lĩnh vực văn hóa - tư tưởng, có người thổi phồng thuyết hư vô lịch sử, chủ trương

Digitized by Google

đa nguyên hóa tư tưởng chỉ đạo, phủ định địa vị chỉ đạo của chủ nghĩa Mác ; có người chủ trương tư hữu hóa toàn diện, tây hóa hoàn toàn, phủ định chủ nghĩa xã hội ; ảnh hưởng của chủ nghĩa vì tiền, chủ nghĩa hưởng lạc cũng như tư tưởng hủ bại của chủ nghĩa phong kiến và chủ nghĩa tư bản vẫn còn mở rộng không ngừng ;

Đồng chí Lý Thiết Ánh trình bày tiếp :

III - Nắm vững đúng đắn quan hệ giữa cơ hội và thách thức.

Nhìn lại tình hình trong và ngoài nước đầu thế kỷ XXI. Trung Quốc vừa có cơ hội phát triển hiếm có, cũng sẽ đứng trước sự thách thức gay cấn. Về một chừng mức nào đó mà nói, tiếp tục thúc đẩy sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc, tức là quá trình không ngừng nắm bắt cơ hội và đón nhận thách thức. Điều này yêu cầu chúng tôi, cần phải xuất phát từ tầm cao chiến lược liên quan đến tương lai, vận mệnh của chủ nghĩa xã hội và sự hưng suy thành bại của dân tộc Trung Hoa, nhận thức, nắm bắt đúng đắn quan hệ biện chứng giữa cơ hội và thách thức, khéo léo nắm bắt cơ hội, đón nhận thách thức, tăng nhanh phát triển.

Cơ hội và thách thức là hai mặt của một sự việc, dưới điều kiện thời đại khác nhau mà thời kỳ lịch sử khác nhau, có phương thức biểu hiện và đặc điểm khác nhau. Các bậc hiền triết Trung Quốc có câu danh ngôn, "Họa hề phúc sở ỷ, phúc hề họa sở phục", tức chuyện xấu có the biến thành chuyện tốt, hoặc ngược lại, chính là nói về lý lẽ này.

Trong lĩnh vực lịch sử xã hội, cùng một sự việc, đối với các nước, giai cấp khác nhau, thường có tính chất và ý nghĩa khác nhau. Một số nước cho là cơ hội tốt đẹp cũng có thể lại chính là sự thách thức tàn khốc đối với một số nước khác ; một số nước cho là cơ hội lớn cũng có thể lại chỉ là cơ hội nhỏ đối với một số nước khác. Trên vấn đề phân tích phán đoán cơ hội và thách thức, quan điểm cơ bản của chúng tôi là, cân nhắc cái lợi và cái hại, kiên trì kết hợp chặt chẽ giữa lợi ích của nhân dân và sự tiến bộ của lịch sử.

Nắm vững quan hệ biện chứng giữa cơ hội và thách thức, điều càng quan trọng hơn là phân tích, nghiên cứu hai thứ đó có thể chuyển hóa cho nhau dưới điều kiện nhất định. Hai mặt đang mâu thuẫn trong nội bộ sự vật, có thể chuyển hóa theo hướng ngược lại với mình dưới điều kiện nhất định.

Trung Quốc gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới, tham gia tiến trình toàn cầu hóa kinh tế, vừa là cơ hội, lại là thách thức. Nếu chúng ta tích cực tạo điều kiện, ứng đối thích đáng, thì có thể lợi lớn hơn hại, trở thành cơ hội phát triển. Ngược lại, thì có thể hại lớn hơn lợi, trở thành sự thách thức gay cấn. Tổ chức Thương mại thế giới không phải là mỏ vàng, để mặc người khai thác, mà là một thị trường cạnh tranh tràn đầy biến số, gay gắt mà tàn khốc, mạnh thì thắng, yếu thì bại. Thế vận hội không phải là cơ quan từ thiện kính biếu huy chương vàng, mà là sân đấu phấn đấu ngoan cường, thách thức với cực hạn thể dục - thể thao. Thế giới đầu thế kỷ XXI chính là một "sân đấu" như vậy, hợp lý đi đôi với không hợp lý, chính nghĩa sống chung với tà ác, cơ hội tồn tại với thách thức. Việc thất bại tại thế vận hội chẳng qua chỉ là không giành được huy chương vàng mà thôi, những sai sót trong cuộc cạnh tranh trên thị trường thế giới sẽ chịu sự tổn thất và nguy hiểm to lớn. Chúng ta cần phải đánh giá đúng đắn, nắm bắt đúng mức mọi nhân tố liên quan đến cơ hội và thách thức, khéo léo biến nhân tố bất lợi thành nhân tố có lợi, biến tiêu cực thành tích cực, biến bị động thành chủ động ; khéo léo nắm bắt mọi cơ hội, biến thách thức thành động lực tiến lên. Ở đây phải thừa nhận rằng, đứng trước cơ hội và thách thức, con người không phải là bất lực, không phải là không làm nên việc gì. Con người có tính năng động, hoàn toàn có thể làm nên nhiều việc. Vấn đề không những chỉ là nhận thức thế giới, mà chủ yếu là cải tạo thế giới.

Liệu có nắm bắt được cơ hội, không ngừng tăng nhanh phát triển, từ trước đến nay đều là vấn đề lớn liên quan đến sự hưng suy thành bại của sự nghiệp cách mạng và xây dựng. Được thời thì phát đạt, thất thời thì diệt vong. Năm 1927, sau khi cuộc đại cách mạng của Trung Quốc thất bại, tuy đứng trước tình hình gay cấn khủng bố trắng, nhưng Đảng Cộng sản Trung Quốc vẫn không chút sợ hãi, nắm bắt chặt chẽ cơ hội lịch sử quân phiệt mới và cũ của Quốc dân đảng hỗn chiến với nhau v.v. ra sức phát triển vũ trang đỏ, đã mở ra con đường cách mạng lấy nông thôn bao vây thành thị, vũ trang giành lấy chính quyền. Những đốm lửa nhỏ

Digitized by Google

ngày xưa nay đã trở thành thế lửa cháy đồng. Năm 1978, trong giai đoạn lịch sử quan trọng kết thúc 10 năm cách mạng văn hóa trăm công nghìn việc cần phải làm, dựa trên sự suy nghĩ bình tĩnh đối với tình hình thế giới lúc đó, Đảng chúng tôi cho rằng, tuy nguy cơ chiến tranh còn tồn tại, nhưng lực lượng ngăn chặn chiến tranh cũng đang tăng cường, tranh thủ một môi trường hòa bình quốc tế tương đối dài là có thể được. Điều này đã tạo cơ hội lịch sử hiếm có để chúng tôi thực hiện sự chuyển dịch chiến lược trọng điểm công tác, tiến hành cải cách mở cửa, tập trung sức lực xây dựng kinh tế. Bắt đầu từ đó, Đảng chúng tôi lãnh đạo nhân dân Trung Quốc, đã mở ra thời đại mới cải cách mở cửa và xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa.

Đối với một chính đảng của giai cấp vô sản, sự chín chắn về lý luận bao giờ cũng là tiền đề chín chắn về chính trị. Một tiêu chí nổi bật chín chắn về chính trị là ở chỗ, mỗi khi ở vào thời kỳ bước ngoặt quan trọng, trong mỗi giai đoạn phát triển lịch sử, Đảng có thể không ngừng nghiên cứu phân tích những cơ hội và thách thức gặp phải, không để mất thời cơ nêu ra nhiệm vụ mới thực tiễn, nhằm hướng dẫn, khích lệ và gắn bó nhân dân khêu gợi tài trí thông minh của họ, để thực hiện nhiệm vụ vĩ đại của mình.

Nhìn sang thế kỷ XXI, mặc dù chủ nghĩa bá quyền, chính trị cường quyền còn sẽ phát triển, mặc dù phong trào chủ nghĩa xã hội gặp phải sự trắc trở tạm thời, mặc dù trên con đường tiến lên của chúng ta còn sẽ có mọi khó khăn và rủi ro, nhưng chúng ta vẫn tin chắc rằng, cơ hội lớn nhất của lịch sử phát triển hiện nay, tức là đoàn kết mọi lực lượng yêu chuộng hòa bình trên thế giới, tranh thủ được một môi trường hòa bình quốc tế thời kỳ tương đối dài. Như vậy, chúng ta sẽ có thể tập trung sức lực phát triển kinh tế. Vấn đề căn bản của Trung Quốc là ở phát triển, xét đến cùng giải quyết vấn đề của Trung Quốc là dựa vào phát triển.

IV - Nắm bắt cơ hội, đón nhận thách thức, đẩy nhanh sự phát triển của bản thân.

Gần đây, Hội nghị Trung ương 5, khoá 15 của Đảng chúng tôi nêu rõ : "đối với những cơ hội cũng như thách thức do sự biến đổi sâu sắc và xu thế phát triển của tình hình thế giới hiện nay mang lại cho nước ta, chúng ta phải có nhận thức tỉnh táo, phải có ý thức bức xúc và ý thức gian nan cực khổ". Đây là sự đánh giá khách quan của Đảng chúng tôi trước tình huống mà Trung Quốc đang gặp phải khi bước vào thế kỷ XXI. Theo sự nhận thức như vậy, với sự ứng phó đúng đắn về chiến lược, nắm bắt cơ hội, đón nhận thách thức, chúng tôi mới có thể đẩy nhanh việc xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa.

Mọi người đều biết, cuối thế kỷ XX, chủ nghĩa xã hội thế giới gặp phải những trắc trở nghiêm trọng. Song những sự trắc trở lịch sử này, không thể chứng minh cho sự "thất bại" hoặc kết thúc của chủ nghĩa xã hội, càng không thể chứng minh cho sự trường tồn vĩnh viễn của chế độ tư bản. Chủ nghĩa xã hội tất sẽ thay thế chủ nghĩa tư bản, đây là quy luật phát triển khách quan của lịch sử xã hội. Trong thế kỷ XXI sắp tới, những người cộng sản chúng ta cần tăng cường sự tìm tòi trong thực tiễn cũng như lý luận, dựa vào quần chúng nhân dân một cách chặt chẽ, làm tốt sự nghiệp chủ nghĩa xã hội ở nước mình. Thế kỷ XXI chắc sẽ là một thế kỷ mới về sự phát triển của chủ nghĩa xã hội, là thế kỷ mới càng rực rỡ huy hoàng của nhân loại.

Trong thế kỷ mới, nhiệm vụ lịch sử của nhân dân Trung Quốc, là giương cao ngọn cờ vĩ đại lý luận Đặng Tiểu Bình, giải phóng tư tưởng, thực sự cầu thị, kiên trì đường lối cơ bản của Đảng chúng tôi 100 năm không dao động, thực hiện Cương lĩnh cơ bản của Đảng chúng tôi là xây dựng nền kinh tế, chính trị và văn hóa mang đặc sắc Trung Quốc, thúc đẩy công cuộc xây dựng hiện đại hóa chủ nghĩa xã hội theo sự bố trí chiến lược ba bước đi. Mục tiêu chung của Trung Quốc trong những năm đầu thế kỷ XXI là, nền kinh tế quốc dân duy trì tốc độ phát triển tương đối nhanh, việc điều chỉnh chiến lược đối với cơ cấu kinh tế thu được hiệu quả nổi bật, chất lượng và hiệu quả tăng trưởng kinh tế được nâng cao rõ rệt. Đến năm 2010, GDP tăng gấp đôi so với năm 2000, đời sống khá giả của nhân dân càng thêm sung túc ; thiết lập thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa tương đối hoàn thiện, sức mạnh tổng hợp Nhà nước được tăng cường thêm một bước ; qua nỗ lực thêm 10 năm nữa, đến khi Đảng Cộng sản Trung Quốc thành lập tròn 100 năm, các chế độ càng thêm hoàn thiện.

Digitized by Google

hình thành một chế độ chín chắn hơn, định hình hơn, nền kinh tế quốc dân lại bước lên một bậc cao mới ; để giữa thế kỷ XXI khi nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thành lập tròn 100 năm, thực hiện mục tiêu phát triển bước thứ ba, GDP bình quân đầu người đạt tới mức các nước phát triển trung bình, cơ bản thực hiện hiện đại hóa, xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, dân chủ và văn minh.

Nhân dân Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng mà hạt nhân là đồng chí Giang Trạch Dân, đang nắm bắt cơ hội, đón nhận thách thức, đoàn kết phấn đấu, vững bước tiến lên theo mục tiêu phát triển cũng như tư tưởng chiến lược nói trên.

Ở đây, tôi xin trình bày quan điểm về mấy vấn đề mang tính nguyên tắc về sự phát triển của Trung Quốc trong những năm đầu thế kỷ XXI.

Thứ nhất, kiên trì và phát triển chủ nghĩa Mác. Sức sống của chủ nghĩa Mác là ở chỗ : cần kết hợp giữa nguyên lý cơ bản của nó với thực tế cụ thể của nước mình ; cần không ngừng phong phú và phát triển theo sự phát triển của thực tiễn xã hội. Chỉ có sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác với thực tiễn Trung Quốc đương đại và đặc trưng của thời đại, mới có thể giải quyết vấn đề tương lai và vận mệnh của chủ nghĩa xã hội của Trung Quốc. Đây là nhiệm vụ lịch sử của những người cộng sản chúng tôi.

Kinh nghiệm lịch sử của Đảng chúng tôi cho biết, về vấn đề thái độ đối với chủ nghĩa Mác, vừa phải chống lại chủ nghĩa giáo điều cứng nhắc, lại phải chống lại chủ nghĩa kinh nghiệm hẹp hòi. Đứng trước cơ hội và thách thức mới trong thế kỷ mới, chúng ta vừa phải kiên trì lại phải phát triển chủ nghĩa Mác. Không kiên trì thì nói gì đến phát triển, không phát triển thì không thể kiên trì được, những thứ không còn phát triển, những thứ đã cứng đờ, tất sẽ mất hết sức sống, không còn giá trị. Sức sống và tính khoa học của chủ nghĩa Mác chính đã thể hiện ở tính thực tiễn cũng như phẩm chất phát triển của nó. Bởi vậy, chúng ta phải kết hợp chặt chẽ thực tiễn vĩ đại trong cải cách mở cửa và xây dựng hiện đại hóa, nghiêm chỉnh nghiên cứu và tổng kết kinh nghiệm hai mặt phải trái về xây dựng chủ nghĩa xã hội trên quốc tế cũng như trong nước, theo dõi chặt chẽ sự tiến bộ của khoa học - kỹ thuật và sự phát triển của xã hội loài người đương đại, từ các mặt triết học, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa xã hội khoa học v.v. kiên trì phong phú và phát triển chủ nghĩa Mác, trả lời một cách khoa học hàng loạt vấn đề quan trọng mà thời đại ngày nay nêu ra, chỉ đạo thực tiễn của chúng ta tiến theo hướng đúng đắn.

Thứ hai, kiên trì, tìm tòi và phát triển chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp mở mang mà người xưa chưa hề làm, là sự nghiệp vĩ đại và gian nan hơn bao giờ hết, cần một quá trình lịch sử không ngừng tìm tòi, không ngừng cải cách, không ngừng đổi mới thể chế, không ngừng tự hoàn thiện bản thân. Xã hội xã hội chủ nghĩa là một xã hội không ngừng phát triển, đổi mới thông qua cải cách. Chế độ xã hội chủ nghĩa còn rất non trẻ, có tương lai rộng lớn và sức sống mạnh mẽ. Nguồn gốc của sức sống này không những ở chỗ chế độ xã hội chủ nghĩa tất sáng tạo ra năng suất lao động cao hơn chủ nghĩa tư bản, mà cũng ở chỗ thông qua việc tự hoàn thiện mình, đổi mới thể chế thích ứng và xúc tiến sự phát triển của sản xuất lớn hiện đại hóa xã hội hóa, mở ra không gian rộng lớn bao la cho nhân dân lao động phát huy tính tích cực và tính sáng tạo, và cuối cùng đi đến cùng nhau giàu có. Sức sống của chủ nghĩa xã hội là ở chỗ nó không ngừng cải cách, đổi mới và hoàn thiện mình, cải cách là một tiến trình lịch sử đi cùng với phát triển. Về bản chất, chế độ xã hội chủ nghĩa là chế độ phát triển, là chế độ đổi mới. Không ngừng phát triển thì phải không ngừng cải cách. Bởi vậy, chúng ta phải kiên trì cải cách theo hướng xã hội chủ nghĩa trong cải cách, lấy cải cách quán xuyến suốt quá trình xây dựng hiện đại hóa.

Cải cách là sự tự hoàn thiện và phát triển bản thân của chế độ xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc. Việc cải cách thể chế kinh tế, thể chế chính trị và các thể chế liên quan khác của chủ nghĩa xã hội cần phải tiến hành đồng bộ. Trong việc cải cách hiện nay của Trung Quốc, có hai nhiệm vụ lịch sử lớn : *một là,* đi sâu cải cách thể chế kinh tế, thiết lập và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa ; *hai là,* tiếp tục thúc đẩy cuộc cải cách thể chế chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Phải phát triển và kiện toàn nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhưng quyết không làm

Digitized by Google

"đa nguyên hóa" chính trị. Đây là nhiệm vụ lịch sử của chúng ta kiên trì và phát triển chủ nghĩa Mác. Chúng ta cần phải lý luận kết hợp với thực tiễn, mạnh dạn tìm tòi, từng bước giải quyết những mâu thuẫn và vấn đề này, mới có thể phát huy ưu thế chế độ và ưu thế chính trị của chúng ta. Nền chính trị dân chủ xã hội chủ nghĩa mà chúng tôi bàn đến, phải có lợi cho việc kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản, thực sự thực hiện việc nhân dân làm chủ ; phải có lợi cho việc giải phóng và phát triển sức sản xuất, thúc đẩy kinh tế phát triển và xã hội tiến bộ toàn diện ; phải có lợi cho việc giữ gìn sự thống nhất đất nước, đoàn kết dân tộc và ổn định xã hội ; phải có lợi cho việc tăng cường sức sống của Đảng và Nhà nước, huy động mọi nhân tố tích cực.

Thứ ba, tăng cường và cải thiện sự lãnh đạo của Đảng, bảo đảm tính tiên tiến của Đảng và cơ thể Đảng tràn đầy sức sống. Kiên trì địa vị lãnh đạo của Đảng Cộng sản, là sự bảo đảm chính trị căn bản nhất cho sự nghiệp xã hội chủ nghĩa. Mà muốn tăng cường và cải thiện sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, phải lấy học thuyết xây dựng Đảng của chủ nghĩa Mác làm chỉ đạo, kết hợp với sứ mệnh lịch sử của người cộng sản hiện nay, tăng cường và cải tiến việc xây dựng Đảng. Làm thế nào để khiến cho Đảng Cộng sản Trung Quốc luôn luôn "trở thành đại diện trung thực với yêu cầu phát triển sức sản xuất tiên tiến ở Trung Quốc, phương hướng tiến lên của nền văn hóa tiên tiến ở Trung Quốc và lợi ích căn bản của đông đảo nhân dân Trung Quốc", đây là nhiệm vụ lịch sử vĩ đại của Đảng chúng tôi trong thời kỳ mới. Đảng Cộng sản Trung Quốc sẽ tuân theo tư tưởng quan trọng *"ba đại diện"*, tăng cường toàn diện việc xây dựng Đảng, tăng cường và cải thiện sự lãnh đạo của Đảng, làm cho Đảng chúng tôi luôn luôn giữ được bản sắc tiên phong của giai cấp công nhân, luôn luôn tràn đầy sức sống, luôn luôn trở thành trụ cột của sự nghiệp xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc.

Thứ tư, kiên trì lấy việc xây dựng kinh tế làm trung tâm, lấy phát triển làm chủ đề, thúc đẩy xã hội tiến bộ toàn diện. Phát triển là đạo lý "cứng", là chủ đề vĩnh hằng của xã hội loài người. Cơ sở phát triển của xã hội loài người là sự phát triển của sức sản xuất, qua đó thúc đẩy xã hội tiến bộ toàn diện. Bản chất của chủ nghĩa xã hội trước hết là giải phóng và phát triển sức sản xuất, huống hồ Trung Quốc đã xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa ở một nước có sức sản xuất rất lạc hậu, bởi thế phải luôn luôn đặt việc phát triển sức sản xuất xã hội lên vị trí hàng đầu. Từng bước tạo nên năng suất lao động cao hơn chủ nghĩa tư bản, hình thành nền văn minh vật chất sung túc hơn, là cơ sở căn bản để thúc đẩy xã hội tiến bộ và giải quyết mọi vấn đề xã hội khác.

Trong khi nắm chặt việc xây dựng văn minh vật chất, chúng ta phải tăng cường hơn nữa việc xây dựng văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa. Phải kiên trì phương châm "nắm cả hai tay, hai tay đều phải mạnh". Quyết không thể trả giá bằng việc hy sinh văn minh tinh thần để đổi lấy sự phát triển kinh tế nhất thời. Chỉ có hai nền văn minh phát triển nhịp nhàng, mới có thể thúc đẩy xã hội tiến bộ toàn diện.

Thứ năm, kiên trì mở cửa hướng ra nước ngoài hơn nữa, tích cực tham gia sự hợp tác và cạnh tranh quốc tế, mưu cầu bình đẳng và cùng nhau phát triển. Trung Quốc trước sau như một thi hành chính sách ngoại giao hòa bình, độc lập và tự chủ, chủ trương phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị với tất cả các nước trên cơ sở 5 nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình. Trung Quốc phải mở rộng đối ngoại hơn nữa, tích cực tham dự tiến trình phát triển toàn cầu hóa kinh tế, tăng cường sự giao lưu và hợp tác kinh tế, khoa học - kỹ thuật và văn hóa với nước ngoài, nâng cao sức cạnh tranh trong cạnh tranh. Trung Quốc đang tiến ra thế giới, thế giới cũng đang quan tâm Trung Quốc. Trong công việc quốc tế, Trung Quốc luôn luôn chủ trương tất cả các nước bình đẳng tham gia, cùng nhau phát triển. Phản đối chủ nghĩa bá quyền và chính trị cường quyền, giữ gìn hòa bình thế giới, cùng với nhân dân các nước, nỗ lực phấn đấu nhằm xây dựng trật tự chính trị, kinh tế quốc tế công bằng và hợp lý. Trung Quốc mãi mãi là lực lượng hòa bình trên thế giới, mãi mãi không xưng bá. Trong sự giao lưu với nước ngoài, Trung Quốc quyết không can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác, cũng kiên quyết phản đối nước khác can thiệp vào công việc nội bộ của Trung Quốc, phản đối mưu toan chính trị "tây hóa", "phân hóa" và "làm suy yếu" Trung Quốc của thế lực thù địch trong nước và nước ngoài. ❑

Digitized by Google

PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG "CẢM TỬ CHO TỔ QUỐC QUYẾT SINH", XÂY ĐỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG QUÂN KHU THỦ ĐÔ VỮNG MẠNH VỀ CHÍNH TRỊ

LÊ MINH CƯỢC *

Là một bộ phận của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam do Đảng Cộng sản tổ chức và lãnh đạo, sinh ra và lớn lên, hoạt động ở Thủ đô, trải qua hơn 50 năm chiến đấu, xây dựng và trưởng thành, lực lượng vũ trang Thủ đô đã làm tròn nhiệm vụ nòng cốt toàn dân đánh giặc, xây dựng nền quốc phòng toàn dân trên địa bàn Hà Nội, là chỗ dựa tin cậy và lực lượng chính trị trung thành của đảng bộ và nhân dân thành phố, đã lập được nhiều chiến công, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ trong từng thời kỳ cách mạng.

Những năm 1945 - 1946, từ các đoàn thể cách mạng mà ra, hoạt động vũ trang luôn gắn liền với hoạt động chính trị. Trung thành với Đảng, yêu nước nồng nàn, anh dũng và sáng tạo trong đấu tranh giành, giữ chính quyền, kiên quyết bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ mới trong lúc tình hình đất nước khó khăn hiểm nghèo, lực lượng vũ trang Thủ đô đã thể hiện rõ là một bộ phận trung kiên, tin cậy của Đảng, góp phần đắc lực bảo vệ chính quyền cách mạng.

Quán triệt đường lối kháng chiến của Đảng, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh *"Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"*, lực lượng vũ trang Thủ đô sát cánh cùng với nhân dân nhất tề đứng dậy, xây dựng thế trận, tiêu thổ kháng chiến, biến mỗi cửa ô, đường phố là một chiến lũy, mỗi căn nhà là một pháo đài, mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi chiến sĩ là một cảm tử quân. Chủ động tiến công bám trụ 60 ngày đêm giành giật với địch từ căn nhà, góc phố chiến đấu gần 300 trận, vây hãm tiêu hao sinh lực địch, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ cho Trung ương Đảng, Chính phủ lên Việt Bắc, bảo toàn lực lượng chiến đấu lâu dài ; làm thất bại bước đầu chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp, xứng đáng với lời khen ngợi của Bác Hồ *"Các em là đội cảm tử, các em quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh"*. Đó là giá trị chính trị tinh thần vô cùng quý báu đối với các thế hệ lực lượng vũ trang Thủ đô.

Thấm nhuần chân lý *"Không có gì quý hơn độc lập, tự do"*, quán triệt quyết tâm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, với lực lượng phòng không - không quân làm nòng cốt, quân và dân Thủ đô đã sáng tạo các hình thức của chiến tranh nhân dân đất đối không, đánh bại các cuộc tập kích đường không chiến lược của đế quốc Mỹ, bắn rơi nhiều máy bay, bắt sống nhiều giặc lái, tạo nên một *"Điện Biên Phủ trên bầu trời Hà Nội"*, góp phần làm thay đổi cục diện cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, viết nên trang sử sáng ngời chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

Nắm vững quan điểm nâng cao chất lượng tổng hợp của lực lượng vũ trang Quân khu, lấy xây dựng chất lượng chính trị làm cơ sở, lực lượng vũ trang Thủ đô tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và đường lối đổi mới, cảnh giác với âm mưu của các thế lực thù địch, kiên quyết bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, sát cánh cùng lực lượng công an nhân dân và các

* Đại tá, Chủ nhiệm chính trị Quân khu Thủ đô

Digitized by Google

tổ chức, cơ quan, đoàn thể trong hệ thống chính trị, chủ động ngăn ngừa âm mưu của kẻ thù, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội ở Thủ đô ; làm tham mưu cho cấp ủy, chính quyền thành phố, chỉ đạo quận, huyện xây dựng thành phố thành khu vực phòng thủ vững chắc. Quân khu coi trọng việc giáo dục định hướng, nhận thức nhiệm vụ của lực lượng vũ trang Thủ đô từ sẵn sàng chiến đấu trong khu vực phòng thủ chống chiến tranh xâm lược quy mô lớn với vũ khí trang bị kỹ thuật cao, sang đấu tranh chống *"diễn biến hòa bình"* là nhiệm vụ chính trị hàng đầu và sẵn sàng chiến đấu đối phó với mọi tình huống. Tổ chức thực hiện có hiệu quả quy chế giáo dục chính trị trong quân đội nhân dân Việt Nam, bảo đảm 100% đội ngũ giáo viên kiêm chức được tập huấn nội dung và bồi dưỡng phương pháp giảng dạy ; kết quả kiểm tra nhận thức hằng năm đa số đạt khá và giỏi. Tổ chức đảng trong sạch vững mạnh đạt trên 80% ; đảng viên phát huy tốt vai trò tiên phong gương mẫu đạt 92,5% ; trình độ học vấn của đội ngũ cán bộ được nâng lên một bước, hiện có 52,6% tốt nghiệp đại học và cao đẳng. Nhiệm vụ công tác dân vận từ quan hệ truyền thống đoàn kết quân dân, giúp dân sản xuất, giải quyết khó khăn và động viên nhân dân thực hiện chính sách hậu phương quân đội chuyển sang công tác vận động chính trị trong nhân dân, tham gia giáo dục nhiệm vụ quốc phòng góp phần xây dựng nền tảng chính trị trong nhân dân. Thực hiện chương trình phối hợp hoạt động với các đoàn thể quần chúng của thành phố, hầu hết các đơn vị, các tổ chức đoàn ở cơ sở đã kết nghĩa với các đoàn thể, tạo phong trào hành động cách mạng của quần chúng. Đến nay, lực lượng vũ trang Quân khu đã kết nghĩa với 160 xã, phường và 40/87 trường phổ thông trung học, làm cho các tầng lớp nhân dân và học sinh, sinh viên gắn bó hơn với lực lượng vũ trang Quân khu. Thông qua đó thực hiện tốt việc giáo dục quốc phòng trong nhà trường và các tổ chức xã hội.

Lực lượng vũ trang Quân khu Thủ đô đã tích cực tham gia nhiều hoạt động của thành phố, phối hợp chặt chẽ hơn với các tổ chức trong hệ thống chính trị, động viên nhân dân thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và giúp thành phố giải quyết có hiệu quả những sự việc nghiêm trọng xảy ra từ mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, không để hậu quả xấu kẻ địch có thể lợi dụng.

Hiện nay đất nước và Thủ đô Hà Nội đang đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu *"dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa"*. Tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp. Cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, để bảo vệ độc lập chủ quyền, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa đang diễn ra quyết liệt. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, phần tử cơ hội chính trị ráo riết thực hiện chiến lược *"diễn biến hòa bình"* chống phá cách mạng nước ta mà Thủ đô Hà Nội là một trọng điểm. Chúng mưu toan dùng các biện pháp *"phi chính trị hóa quân đội"* hòng làm biến chất quân đội cách mạng, chia rẽ quân đội với nhân dân, phá hoại sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội. Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Thủ đô Hà Nội vững chắc, đòi hỏi phải tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang Quân khu vững mạnh về chính trị, cùng với đảng bộ và nhân dân thành phố đấu tranh thắng lợi trên mặt trận tư tưởng, văn hóa, giữ vững ổn định chính trị ở Thủ đô, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Với chức năng, nhiệm vụ trực tiếp bảo vệ Thủ đô Hà Nội đang trên đà đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lực lượng vũ trang Quân khu cần nâng cao chất lượng toàn diện theo phương hướng xây dựng lực lượng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Phát huy giá trị tinh thần *"cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh"*, các lực lượng vũ trang Thủ đô nhanh chóng vươn lên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới, thực sự trở thành một lực lượng chính trị trung kiên, là công cụ sắc bén của Đảng. Quân đội không những tinh nhuệ về quân sự, có trình độ tác chiến, xử lý nhanh nhạy các tình huống có thể xảy ra, mà còn tinh nhuệ về đấu tranh trên mặt trận chính trị - tư tưởng, đồng thời luôn gắn bó máu thịt với các tầng lớp nhân dân. Xây dựng lực lượng vũ trang Quân khu về chính trị, thực chất là bảo đảm tăng cường bản chất

Digitized by Google

giai cấp công nhân, biểu hiện cụ thể ở trình độ giác ngộ mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng, tin tưởng vững chắc vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ; quán triệt sâu sắc, vận dụng và thực hiện một cách nghiêm túc đường lối quân sự và các chủ trương chính sách của Đảng trong mọi lĩnh vực hoạt động. Khi có tình huống xảy ra, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ, có ý thức chấp hành nghiêm kỷ luật quân đội, pháp luật Nhà nước. Giải quyết đúng đắn các mối quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới, giữa đồng chí, đồng đội, tăng cường đoàn kết nội bộ, phát huy những giá trị tinh hoa của Thủ đô nghìn năm văn hiến. Làm cho lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh : *"Trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội ; nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng"* ngày một thấm sâu vào lực lượng vũ trang Quân khu.

Để tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang Quân khu vững mạnh về chính trị, phải giải quyết đồng bộ nhiều vấn đề, trước hết tập trung mấy điểm cơ bản sau :

Một là : Tăng cường công tác tư tưởng - văn hóa, nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, xây dựng đạo đức, lối sống tốt đẹp của "bộ đội Cụ Hồ" trong thời kỳ mới.

Trong công cuộc đổi mới xây dựng đất nước, Thủ đô Hà Nội đã giành được những thắng lợi rất quan trọng, tạo ra những thời cơ mới, đưa thành phố phát triển đi lên, nhưng trên mặt trận chính trị tư tưởng đang còn phải thường xuyên cảnh giác đấu tranh với những âm mưu thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch. Do đó, hơn lúc nào hết đảng bộ Quân khu phải thường xuyên quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng, các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết Bộ Chính trị, Nghị quyết Đảng ủy Quân khu về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh ; làm cho mọi cán bộ, chiến sĩ của Quân khu luôn luôn kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, thấm nhuần tư tưởng quân sự của Đảng, nắm vững mục tiêu chiến đấu, nhất trí cao với mọi đường lối, chủ trương của Đảng. Cán bộ, chiến sĩ có bản lĩnh chính trị vững vàng, nhạy bén, sáng tạo trong xem xét xử lý những diễn biến phức tạp diễn ra trên địa bàn, đúng với quan điểm của Đảng. Coi trọng giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc, truyền thống anh hùng, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần theo Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII). Trên cơ sở Chỉ thị 198/CT Đảng ủy quân sự Trung ương về đổi mới công tác thi đua - khen thưởng, tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua quyết thắng trong toàn lực lượng, gắn với phong trào *"Người tốt, việc tốt"* của thành phố. Bồi dưỡng tình cảm cách mạng, không ngừng nâng cao lòng yêu nước, yêu chế độ xã hội chủ nghĩa, động viên cán bộ, chiến sĩ phát huy ý chí tự lực, tự cường trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Chủ động làm cho mọi người nhận thức rõ những âm mưu thủ đoạn của kẻ thù, đấu tranh chống những quan điểm sai trái và những luận điệu thù địch. Khắc phục triệt để những biểu hiện dao động, giảm sút niềm tin, mơ hồ, mất cảnh giác, cá nhân chủ nghĩa, cơ hội thực dụng, cục bộ địa phương, suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống.

Hai là : Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Xây dựng các tổ chức cơ sở đảng trong đảng bộ Quân khu trong sạch, vững mạnh đủ sức lãnh đạo lực lượng vũ trang Quân khu hoàn thành mọi nhiệm vụ.

Chất lượng chính trị được biểu hiện tập trung ở hiệu lực lãnh đạo của tổ chức đảng các cấp, ở trình độ giác ngộ chính trị mỗi đảng viên. Vì vậy, đảng bộ Quân khu thường xuyên chăm lo, xây dựng củng cố vững chắc sự lãnh đạo của Đảng, tạo chuyển biến về chất, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, làm cho lực lượng vũ trang Quân khu luôn kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đảng ủy Quân khu nhiều năm qua đã tập trung chỉ đạo xây dựng trên các mặt chủ yếu sau : Kết hợp chặt chẽ xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh với xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện. Lấy kết quả hoàn thành nhiệm vụ chính trị của đơn vị làm cơ sở, thước đo đánh giá, xem xét đảng bộ, chi bộ đạt trong sạch, vững mạnh. Chăm lo củng cố

Digitized by Google

kiện toàn, bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo cho đội ngũ cấp ủy các cấp, gắn kiện toàn cấp ủy với kiện toàn chỉ huy. Tập trung chỉ đạo hướng về cơ sở, tất cả cho cơ sở vững mạnh toàn diện, trước hết là các đơn vị làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu. Chỉ đạo thực hiện tốt nguyên tắc Đảng lãnh đạo được thể hiện bằng các quy định, quy chế, kế hoạch làm việc của người chỉ huy và quy chế công tác quần chúng.

Trong việc đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, các cấp ủy đảng của quân khu khi ra nghị quyết đều tập trung vào những vấn đề trọng tâm, trọng điểm, phát huy dân chủ trong Đảng, đồng thời nâng cao tính chiến đấu, kết hợp sinh hoạt, lãnh đạo với học tập tự phê bình và phê bình. Kết hợp chặt chẽ xây dựng đội ngũ đảng viên với xây dựng đội ngũ cán bộ, tạo nguồn đảng viên với tạo nguồn cán bộ. Tập trung quán triệt tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) làm cho mọi cán bộ, đảng viên nắm chắc mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung, nguyên tắc cuộc vận động, xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Làm tốt đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình trong toàn đảng bộ Quân khu. Đảng viên trong đảng bộ bất luận ở cương vị nào đều tự phê bình và phê bình nghiêm túc trước tập thể, chỉ rõ ưu điểm, khuyết điểm và kế hoạch phấn đấu sửa chữa. Đưa cuộc vận động đi vào chiều sâu, tạo sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, thực hiện nghiêm Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, nâng cao một bước năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên ; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quân sự quốc phòng năm 2000.

Ba là : Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên luôn tiên phong gương mẫu, làm nòng cốt để xây dựng đơn vị vững mạnh về chính trị.

Trong đảng bộ Quân khu, có 99% đảng viên là cán bộ, nên việc xây dựng đội ngũ đảng viên với đội ngũ cán bộ có quan hệ mật thiết với nhau, bảo đảm cho việc thực hiện xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh và cũng là cơ sở xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện.

Đảng ủy Quân khu thường xuyên thống nhất lãnh đạo trực tiếp công tác xây dựng đội ngũ cán bộ. Từ việc quy hoạch, xác định mục tiêu, yêu cầu, đào tạo, bồi dưỡng, đến việc tạo nguồn đào tạo, sắp xếp, sử dụng, bổ nhiệm, đề bạt, điều động cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt gắn chặt với yêu cầu củng cố tổ chức đảng và nâng cao chất lượng cấp ủy đảng, chuẩn bị thật tốt nhân sự cho đại hội Đảng các cấp vào năm 2000.

Kết hợp chặt chẽ quản lý cán bộ với quản lý đảng viên, quản lý con người gắn với quản lý công việc và nhiệm vụ chính trị, thực hiện có chất lượng việc nhận xét cán bộ, đảng viên. Tiếp tục quán triệt thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) và Nghị quyết 93 của Đảng ủy quân sự Trung ương, phát huy tiềm năng của địa bàn Thủ đô, đa dạng hóa các loại hình đào tạo cán bộ, làm cho đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị, đạo đức, kiến thức, năng lực ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Thủ đô Hà Nội đang trên đà công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xây dựng lực lượng vũ trang Quân khu vững mạnh về chính trị là nhiệm vụ của toàn đảng bộ và của mọi cấp, trong đó nòng cốt là từng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ cán bộ chính trị. Vì vậy, đòi hỏi người cán bộ chính trị phải có bản lĩnh vững vàng, có kiến thức và kinh nghiệm tiến hành công tác đảng - công tác chính trị, có tác phong và phương pháp vận động quần chúng tốt vừa giỏi công tác xây dựng con người, đồng thời biết làm tốt công tác chỉ huy khi cần thiết.

Xây dựng lực lượng vũ trang Quân khu Thủ đô vững mạnh về chính trị là vấn đề cực kỳ quan trọng, là quá trình khó khăn, phức tạp, lâu dài, đòi hỏi phải tiến hành thường xuyên, bền bỉ, đồng bộ với nhiều nội dung, biện pháp với sự tham gia của tất cả các cấp, của mọi cán bộ, chiến sĩ ba thứ quân. Điều quan trọng có ý nghĩa quyết định là tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng ủy quân sự Trung ương đối với Quân khu Thủ đô, thực hiện một cách đầy đủ, có hiệu lực cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang quận, huyện, tỉnh, thành. Bản thân đảng bộ Quân khu không ngừng phấn đấu vươn lên nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu ngang tầm với nhiệm vụ quốc phòng trong thời kỳ mới.❑

Digitized by Google

Một số vấn đề TRONG XÂY DỰNG ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

PHẠM CÔNG MINH *

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam được bắt đầu từ cuối những năm 80, khi Đảng và Nhà nước thực hiện chính sách mở cửa và đổi mới nền kinh tế. Đại hội VII của Đảng (1991) đã thông qua định hướng : "đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế". Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng (1996) đã quyết định : "đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới". Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 4 khóa VIII (12-1997) chỉ rõ nguyên tắc hội nhập là : "trên cơ sở phát huy nội lực, thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách thu hút các nguồn lực từ bên ngoài", "tiến hành khẩn trương, vững chắc việc đàm phán Hiệp định thương mại với Mỹ, gia nhập APEC và WTO", "có kế hoạch cụ thể để chủ động thực hiện các cam kết trong khuôn khổ AFTA".

Thực hiện chủ trương của Đảng về mở cửa nền kinh tế để phát triển, các bộ, ngành đang xây dựng chiến lược phát triển 10 năm tới 2010 cùng với việc xây dựng chiến lược tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội và chiến lược tổng thể về hội nhập kinh tế quốc tế. Trong quá trình xây dựng những chiến lược đó có nhiều vấn đề về phương diện lý luận lẫn quan điểm cần bàn luận và thống nhất. Trong bài viết này, chúng tôi bàn đến một số vấn đề trong xây dựng định hướng chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế.

1 - Trên thế giới có rất nhiều tài liệu viết về khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế. Nhiều người cho rằng, thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình tự do hóa thương mại và đầu tư. Giáo sư về kinh tế học quốc tế thuộc Đại học tổng hợp Giôn Hốp-kin, Oa-sinh-tơn D.C, Giêm Ri-đen đã định nghĩa : "Hội nhập là tự do thương mại, không phải chỉ đơn giản là bản thân thương mại". Cũng có người tiếp cận đến vấn đề tự do hóa thương mại này bằng cách đi từ các chính sách tự do thương mại đơn phương trong chính sách kinh tế của mỗi quốc gia đến các hình thức thỏa thuận tự do hóa thương mại ở cấp độ khu vực và quốc tế.

Các cách tiếp cận như trên là chưa đủ. Bởi lẽ, ngay về mặt lý luận, các vấn đề kinh tế không chỉ mang các đặc trưng của kinh tế đơn thuần, mà luôn luôn gắn với một hệ thống chính trị là nền tảng tư tưởng của nó. Về mặt thực tiễn, rõ ràng ở quốc gia nào cũng vậy, người ta chỉ chấp nhận hội nhập kinh tế quốc tế một khi lợi ích của quốc gia đó được bảo đảm. Các lợi ích này không chỉ đơn thuần là lợi ích kinh tế. Nó luôn được xác định gồm cả lợi ích chính trị của mỗi quốc gia. Kể cả trong Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch (GATT) năm 1994, cũng như trong Hiệp định thực hiện khu vực mậu dịch tự do (AFTA) của khối ASEAN, hay bất kỳ hiệp định song phương giữa hai quốc gia nào cũng luôn có điều khoản loại trừ các yếu tố gây hại đến an ninh quốc gia mỗi nước.

Với cách tiếp cận này, có thể hiểu hội nhập kinh tế quốc tế của ta hiện nay không chỉ là quá trình gia nhập các tổ chức kinh tế quốc tế (bao gồm các thỏa thuận trong phạm vi khu vực và quốc tế) như AFTA/ASEAN, Diễn đàn hợp kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Tổ chức thương mại thế giới (WTO) và kể cả việc đàm phán Hiệp định thương mại Việt - Mỹ đang được tiến hành hiện nay, mà còn được thể hiện trong bản thân hệ thống chính sách thương mại, chính sách phát triển kinh tế đã và đang được Đảng, Nhà nước định hướng.

Như vậy, có thể xác định hội nhập kinh tế quốc tế *là việc các nước (có thể là trong một khu vực, ví dụ ASEAN ; có thể là giữa hai nước, ví dụ quan hệ*

* Vụ trưởng Vụ Quan hệ quốc tế, Bộ Tài chính

Digitized by Google

Việt - Mỹ ; cũng có thể là giữa một nước với một nhóm các nước, ví dụ quan hệ Việt Nam - EU ; hoặc có thể là toàn thế giới, ví dụ WTO) đi tìm kiếm một số điều kiện nào đó mà họ có thể thống nhất được với nhau, kể cả dành cho nhau những ưu đãi, tạo ra những điều kiện công bằng, có đi có lại trong quan hệ hợp tác với nhau... nhằm khai thác các khả năng lẫn nhau, phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế của mình.

Với cách tiếp cận như trên, rõ ràng mục tiêu của hội nhập kinh tế quốc tế sẽ phải là phục vụ cho nhu cầu phát triển nền kinh tế của mỗi nước. Hội nhập kinh tế quốc tế mà không làm cho nền kinh tế phát triển được theo đúng định hướng của mình, thì cần phải đối chiếu trở lại với mục tiêu này. Đây là vấn đề rất cốt yếu. Nó liên quan đến nhận thức để xây dựng hệ thống các cơ chế, chính sách nhằm bảo vệ và phát triển cơ sở kinh tế của mỗi quốc gia.

2 - Để thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế, các điều kiện chung được quy định đối với mỗi quốc gia, là tự do hóa thương mại và đầu tư một cách công khai, rõ ràng. Cụ thể, các tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế hay khu vực nói chung đều hoạt động theo 4 nguyên tắc cơ bản sau :

- Công bằng : các nước dành cho nhau quy chế ưu đãi cao nhất của mình và chung cho mọi nước (nghĩa là mọi hàng hóa và dịch vụ của các công ty các nước đối tác đều được hưởng một chính sách ưu đãi chung) ; đồng thời không phân biệt đối xử giữa các công ty : mọi chế độ chính sách liên quan đến thương mại và đầu tư trong mỗi nước đều phải bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước, giữa hàng nhập khẩu và hàng sản xuất nội địa.

- Tự do hóa thương mại : mỗi nước chỉ được sử dụng công cụ bảo hộ cho nền sản xuất của mình là thuế ; các biện pháp phi thuế như giấy phép, cô-ta, hạn ngạch xuất nhập khẩu,... đều không được sử dụng, và các biểu thuế này đều phải có lộ trình rõ ràng công khai về việc giảm dần đến tự do hóa hoàn toàn (thuế suất bằng 0%).

- Làm ăn hay thương lượng với nhau phải trên cơ sở có đi có lại : khi nền kinh tế thị trường của một nước thành viên bị hàng nhập khẩu đe dọa thái quá hoặc bị những biện pháp phân biệt đối xử gây hại, thì nước đó có quyền khước từ một nghĩa vụ nào đó hoặc có thể có những hành động khẩn cấp cần thiết, được các nước thành viên khác thừa nhận, để bảo vệ quyền lợi của nền kinh tế thị trường trong nước.

- Công khai mọi chính sách thương mại và đầu tư.

Với các điều kiện và nguyên tắc trên, nước "đi sau" như ta sẽ có nhiều thuận lợi, nhất là trong việc học hỏi các kinh nghiệm của các nước "đi trước", nhưng cũng sẽ phải chịu rất nhiều khó khăn thách thức, mà quan trọng hàng đầu là việc bảo hộ nền sản xuất trong nước và các doanh nghiệp Việt Nam, nhất là các doanh nghiệp quốc doanh đang mới "chân ướt, chân ráo" bước vào nền kinh tế thị trường. Đây không chỉ là việc bảo hộ thuần túy cho nền kinh tế, cho từng doanh nghiệp, mà còn là vấn đề của yêu cầu phát triển nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế quốc doanh sẽ giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân của nước ta như thế nào ở thời điểm tự do hóa thương mại ? Đó là câu hỏi mà mỗi phương án của chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế phải đặt ra và trả lời. Nhưng định lượng hóa hay tiêu chuẩn hóa vấn đề này lại là điều rất khó và cũng chưa hề có quy định cụ thể nào. Theo chúng tôi, đây là vấn đề trước hết cần xác định rõ về mặt lý luận kinh tế chính trị học, mới có thể trả lời được.

Với tầm nhìn chiến lược, xác định rõ tình hình và xu thế phát triển của thế giới, trên cơ ở yêu cầu bức xúc của phát triển kinh tế đất nước, Đại hội VIII của Đảng đã khẳng định : "Xây dựng một nền kinh tế mở", "đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới" ; Nghị quyết 04 của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII cũng đã nêu rõ : "Tích cực và chủ động thâm nhập và mở rộng thị trường quốc tế", "Gia nhập APEC và WTO, có kế hoạch cụ thể để chủ động thực hiện các cam kết trong khuôn khổ AFTA". Rõ ràng, hội nhập kinh tế quốc tế là quan điểm, là định hướng phải được nhất quán tuân thủ.

Do đó, trước mắt, mặc dù tính thuyết phục của mỗi phương án chưa cao, nhưng tạm thời có thể đặt câu hỏi trên ở hình thái định tính và trả lời bằng một câu hỏi định tính, để tiến tới khi có

Digitized by Google

chuẩn mực hóa, vấn đề này sẽ được giải quyết cả về mặt định lượng. Vấn đề là ở chỗ, phải có tổng kết sơ bộ, đánh giá những cái được và chưa được của các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế của ta nói chung và từng ngành, từng doanh nghiệp nói riêng, để từ đó có các định hướng và giải pháp đúng cho thời gian tới cả về mặt tổng thể quốc gia cũng như trong từng ngành, từng lĩnh vực sản xuất.

3 - Qua nghiên cứu thực tiễn các hoạt động hội nhập kinh tế của các nước, nhất là các nước đang phát triển, có thể thấy rằng hội nhập kinh tế quốc tế luôn không phải chỉ toàn được mà không có những thua thiệt. Về phương diện nguyên tắc, phải xác định một chiến lược hợp lý, sao cho có thể kiếm được lợi một cách tối đa và hạn chế đến mức thấp nhất có thể được những thua thiệt. Và điều quan trọng là cái được phải lớn hơn cái mất.

Ngoài ra, trong thực tế xây dựng chiến lược hội nhập kinh tế tổng thể nền kinh tế quốc dân cũng như trong xây dựng chiến lược hội nhập của từng ngành và trong triển khai thực hiện, thường nảy sinh những tranh luận về vấn đề xử lý mối quan hệ giữa bảo thủ với đổi mới, giữa được và mất của từng ngành với tổng thể nền kinh tế.

Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh, vừa tranh thủ vừa cạnh tranh, vừa tận dụng mọi cơ hội vừa phải đối phó với những thách thức to lớn. Đối với nước ta hiện nay, thách thức lớn nhất là năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước, nhất là các doanh nghiệp quốc doanh còn yếu, rất dễ bị thua thiệt trên thương trường ; là sự thiếu hụt năng lực thu thập và phân tích thông tin để dự báo chiều hướng phát triển của nền kinh tế thế giới và các đối tác cạnh tranh, từ đó kém khả năng mở rộng và phát triển thị trường của mình. Ngay cả đội ngũ cán bộ làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế của ta hiện nay cũng vừa làm, vừa học. Chúng ta tham gia cuộc đua tranh kinh tế khi trình độ phát triển kinh tế và công nghệ của ta còn thấp. Bảo vệ nền kinh tế cũng như bảo vệ các doanh nghiệp của ta, nhất là các doanh nghiệp quốc doanh là vấn đề phải được đặt lên hàng đầu. Một lộ trình hội nhập nhanh quá khả năng chịu đựng của nền kinh tế, với mức độ cao quá khả năng của các doanh nghiệp sẽ dẫn đến những "cú sốc" đối với các doanh nghiệp mà họ khó có thể có khả năng xoay xở để thích nghi. Và kết quả của nó là những thua thiệt, đổ vỡ của hàng loạt doanh nghiệp, kéo theo những hậu quả khó lường đối với nền kinh tế, và đôi khi cả chính trị của đất nước. Song, điều đó cũng không có nghĩa là càng kéo dài lộ trình hội nhập kinh tế với mức độ càng thấp là càng tốt. Bởi vì kéo dài lộ trình sẽ làm cho sức ì càng nặng, kém đầu tư cải tiến quản lý và công nghệ, dẫn tới tình trạng kém hiệu quả, yếu sức cạnh tranh, và nền kinh tế ngày càng tụt hậu so với nền kinh tế thế giới.

Việc đánh giá mặt được hay thua thiệt của mỗi phương án hội nhập cần dựa trên cái nhìn toàn cục đối với nền kinh tế đất nước, không chỉ nhìn nhận trong từng ngành, từng lĩnh vực riêng lẻ. Cân nhắc giữa cái được và cái mất đối với mỗi ngành hàng, mỗi sản phẩm phải được xét trên cả quyền lợi của người tiêu dùng lẫn nhà sản xuất. Đây là điều cũng hết sức rõ ràng, bởi lẽ tương tự như khi "dàn trận đánh", sẽ phải có những ngành xung kích đi tiên phong và những ngành khác làm hậu thuẫn cho công cuộc phát triển. Thông thường, ngành đi đầu có thể sẽ có những thiệt thòi hơn, còn ngành chậm tham gia có thể sẽ có những lợi thế hơn. Vì vậy, điều quan trọng là phải xem xét, tính toán hết sức kỹ lưỡng và toàn diện các điều kiện, khả năng cụ thể của từng ngành hàng, từng loại doanh nghiệp, không chỉ ở khả năng công nghệ kỹ thuật, mà phải cả trên các mặt khả năng kinh doanh cũng như trình độ quản lý...

Vì vậy, tiến hành hội nhập từng bước, dần dần mở cửa thị trường với lộ trình hợp lý, thường xuyên có những tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm thực tế là một yêu cầu bức bách. Xác định lộ trình hội nhập quốc tế không chỉ đơn thuần là xác định thời gian và biện pháp để mở cửa thị trường trong nước cho hàng hóa, dịch vụ và đầu tư của nước ngoài thâm nhập, mà còn là phác họa được thời điểm và giải pháp cho nền kinh tế của nước ta vươn lên, phát huy lợi thế so sánh, chiếm lĩnh thị phần ngày càng lớn trên thương trường quốc tế. Có như vậy mới thực hiện được nguyên tắc độc lập, tự chủ, mới giữ được định hướng xã hội chủ nghĩa cho sự phát triển của nền kinh tế, và thông qua hội nhập mang lại những nguồn lực ngày càng lớn hơn cho đất nước. ❑

Digitized by Google

NÊN TỔ CHỨC THẢO LUẬN Ở ĐẠI HỘI ĐẢNG CÁC CẤP NHƯ THẾ NÀO ?

VŨ NGỌC LÂN

ĐẾN nay, các tổ chức cơ sở đảng và nhiều đảng bộ cấp huyện đã tiến hành xong đại hội. Nhiều quận, huyện, tỉnh, thành phố đã tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm. Riêng về đại hội cấp huyện, Trung ương đã có hội nghị trao đổi kinh nghiệm ở cả ba khu vực Bắc, Trung, Nam. Có nhiều vấn đề đặt ra và đáng quan tâm qua các đại hội vừa qua. Một trong những vấn đề nổi lên là vấn đề *thảo luận trong đại hội.*

Đại hội các cấp cũng như Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng ta là cơ quan quyền lực cao nhất của tổ chức ấy cũng như của toàn Đảng. Đại hội là nơi tập trung và thể hiện trí tuệ của Đảng để quyết định những vấn đề trọng yếu của một nhiệm kỳ cũng như phương hướng lâu dài cho cả quá trình phát triển của địa phương, cơ sở, của đất nước. Do vậy, công việc chuẩn bị về mọi mặt, từ nội dung, chương trình, nhân sự đến bầu đại biểu đi dự đại hội là rất quan trọng và có ý nghĩa quyết định sự thành công của đại hội. Những diễn biến và các văn kiện của đại hội được đông đảo quần chúng nhân dân quan tâm, nhìn nhận, đánh giá và chờ đợi như một sự kiện rất quan trọng ở các cấp, các ngành, ở từng địa phương, cũng như trong cả nước. Các tổ chức và bạn bè quốc tế thông qua đại hội cũng có sự đánh giá, nhìn nhận. Còn các thế lực thù địch trong và ngoài nước thường thông qua quá trình chuẩn bị và diễn biến của các đại hội để tìm cách xuyên tạc, làm lạc hướng dư luận. Do vậy, trong đại hội thường diễn ra hai trạng thái tâm lý phổ biến. *Một là,* sợ mất uy tín của tổ chức đảng, của cán bộ lãnh đạo, sợ "vạch áo cho người xem lưng" mà không dám nhìn thẳng vào sự thật để "mổ xẻ" khuyết điểm, yếu kém mà chủ yếu ca ngợi thành tích của tổ chức hay địa phương, cơ sở mình. *Hai là,* lợi dụng công khai dân chủ bất chấp nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng để làm mất ổn định tình hình, gây mất đoàn kết nội bộ, đấu đá, đơn thư, kiện cáo làm mất uy tín cá nhân v.v... Nhưng dù thế nào chăng nữa thì đại hội đảng phải được chuẩn bị chu đáo về nội dung và nhân sự để nghị quyết của đại hội được thực thi trong đời sống và lựa chọn được một "bộ tham mưu" đủ sức lãnh đạo phong trào cách mạng.

Vấn đề tham luận, thảo luận trong đại hội như tham luận, thảo luận vấn đề gì, thảo luận như thế nào... đang là một vấn đề bức xúc góp phần làm nên sức hấp dẫn và kết quả đại hội. Trong bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu tại Hội nghị trao đổi kinh nghiệm về đại hội đại biểu đảng bộ cấp huyện ở các tỉnh, thành phố khu vực phía Bắc đã có nhận định : "Đại hội ở các cấp là dịp biểu thị sức mạnh tổng hợp trong sinh hoạt của Đảng ta, biểu thị trí tuệ của đảng viên trong toàn Đảng và trí tuệ của nhân dân". "Nội dung có được chuẩn bị kỹ và thảo luận nghiêm túc thì đại hội mới kết quả". "Đại hội các cấp cần phải thảo luận những ý kiến khác nhau xung quanh vấn đề đường lối và Trung ương cũng sẽ thảo luận. Coi nhẹ điều đó là rất nguy hiểm".

Qua nhiều đại hội cấp cơ sở và cấp huyện thời gian qua cho thấy, tuy các tổ chức đảng đã

Digitized by Google

có nhiều cố gắng trong việc chuẩn bị nội dung, nhân sự cũng như trong thảo luận nhưng nói chung việc thảo luận ở nhiều đại hội chưa sâu, chưa sát, thậm chí rất ít nơi có tranh luận chung quanh những nội dung mà đại hội đề ra. Trung bình mỗi đại hội có từ 12 đến 16 ý kiến tham luận và thảo luận. Có đại hội có từ 50 đến 70 ý kiến (do chia tổ thảo luận). Nhưng số lượt ý kiến đó không phải hoàn toàn tỉ lệ thuận với tính nghiêm túc hay sôi nổi, phát huy được hết trí tuệ của đại biểu. Theo đánh giá của đồng chí Nguyễn Văn An, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương thì "nhìn chung không khí thảo luận ở một số đại hội sôi nổi, thẳng thắn, có trách nhiệm và tinh thần xây dựng". Nhưng "việc thảo luận trong đại hội vẫn còn theo nếp cũ là đọc bản tham luận viết sẵn. Có đại biểu đọc trên 40 phút nhưng nặng về lý luận chung chung hoặc nêu thành tích của cơ quan, đơn vị mình. Ở nhiều nơi chưa tạo được không khí tranh luận trong đại hội. Đoàn chủ tịch chưa làm tốt việc gợi ý để đại biểu đi sâu thảo luận, tìm các giải pháp tháo gỡ khó khăn để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội...".

Vậy nguyên nhân nào dẫn đến tình trạng bấy lâu nay trong nhiều đại hội thường có tình trạng chất lượng của việc thảo luận chưa cao ? Có nhiều nguyên nhân khác nhau. Có thể nêu ra một số nguyên nhân chính sau đây :

- Do một thói quen khi đã thành nếp không dễ khắc phục trong nhiều đại hội, hội nghị, hội thảo, kể cả hội thảo khoa học. Lâu nay, trong nhiều diễn đàn kể trên thường phần "hội" vẫn là chính yếu, còn phần "thảo" là phụ, hoặc không được chú trọng lắm. Nhiều người tham gia vào các hoạt động này coi việc trình bày xong tham luận viết sẵn của mình là xong đại hội, hội thảo. Việc đọc tham luận viết sẵn trong các diễn đàn là quan trọng và cần thiết và phù hợp trong một số hoàn cảnh nhất định. Tuy nhiên, không phải điều này ở đâu và lúc nào cũng phù hợp và đạt hiệu quả cao. Thói quen có phần không tốt như trên đã "lây" vào các đại hội đảng. Ở nhiều đại hội, hầu hết các phát biểu là đọc bản tham luận viết sẵn. Các tham luận chủ yếu kể thành tích, minh họa cho báo cáo chính trị, nêu kiến nghị mà ít thảo luận, đề ra các biện pháp tháo gỡ cho chính cấp mình, địa phương hay cơ sở mình.

- Do chưa bầu đúng đại biểu đi dự đại hội hoặc đại biểu chưa được chuẩn bị kỹ nội dung phát biểu. Đây là nguyên nhân có tính chất quyết định thành công và kết quả của đại hội. Có khi vì lý do này hay lý do khác mà một số đại biểu đi dự đại hội chưa thật tiêu biểu cho đông đảo đảng viên hoặc chưa tập hợp, phản ánh một cách trung thực tính đa dạng ý kiến và nguyện vọng của đông đảo đảng viên mà họ là đại diện. Có không ít đại biểu không đọc kỹ những dự thảo văn kiện sẽ trình bày ở đại hội ; không nắm bắt được những vấn đề bức xúc, chưa chịu khó suy nghĩ để có ý kiến độc lập, cho nên thường ít có ý kiến sâu sắc, thiết thực. Có đại biểu cho rằng dự thảo văn kiện đã khá hoàn chỉnh, đã được ban chấp hành đảng bộ, các ngành, các cấp... thảo luận, bàn bạc kỹ, đại biểu cấp trên đã "chốt" ý kiến rồi cho nên dù có phát biểu cũng khó có thể đóng góp được ý kiến gì mới và thay đổi được văn bản. Mặt khác, cũng phải kể đến những đại biểu thiếu bản lĩnh chính trị, kém tính chiến đấu hoặc không có chính kiến, rơi vào tình trạng chung chung, xuôi chiều, thậm chí có ý kiến trái ngược quan điểm của Đảng cũng không có đại biểu nào có ý kiến lại.

- Do chưa thật sự khuyến khích tranh luận thẳng thắn trong đại hội. Từ lâu, Đảng ta, trong các văn kiện, nghị quyết chủ trương mở rộng dân chủ, tự do thảo luận trong Đảng trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ. Tuy nhiên, trên thực tế không phải lúc nào và ở đâu vấn đề này cũng được quán triệt và thực hiện đúng đắn. Vẫn còn không ít người nhân danh tổ chức, nhân danh bảo vệ uy tín của Đảng, của cán bộ lãnh đạo mà định kiến, "chụp mũ" hoặc

Digitized by Google

"để bụng" khi có những ý kiến khác với ý kiến của tập thể hay cá nhân một vài cán bộ lãnh đạo có chức, có quyền. Mặc dù Đảng ta chủ trương bảo lưu ý kiến cho những đảng viên phát biểu trong tổ chức đảng, trong đại hội hoặc trong những nơi thích hợp nhưng vấn đề này vẫn chưa phổ biến, việc tranh luận thẳng thắn vẫn chưa thành nếp trong sinh hoạt đảng, nhất là trong đại hội. Như trên đã nói, vì có tâm lý đại hội mang tính chất đối ngoại, có cấp trên "nhìn xuống", "người ta trông vào" cho nên nhiều đại biểu ngại tranh luận, va chạm làm cho đại hội "mất vui".

- Ban tổ chức, đoàn chủ tịch đại hội chưa làm tốt việc chuẩn bị, gợi ý đại biểu thảo luận. Trong quá trình chuẩn bị cũng như trong những ngày đại hội, ban tổ chức và đoàn chủ tịch có vị trí, vai trò rất quan trọng trong kết quả đại hội nói chung và việc thảo luận ở đại hội nói riêng. Tuy vậy, không ít ban tổ chức, đoàn chủ tịch đại hội không chuẩn bị kỹ càng, chu đáo cả về nội dung tham luận, thảo luận, về đại biểu cũng như thời gian tham luận. Không ít đoàn chủ tịch đại hội lúng túng trong điều hành, cũng như gợi ý những vấn đề mấu chốt cần thảo luận. Do chưa nắm chắc nội dung thảo luận cũng như quy chế đại hội nên dẫn đến tình trạng có những đại biểu tham luận vài chục phút nội dung như bản báo cáo thành tích nhưng đoàn chủ tịch cũng không ngắt lời.

Trong nguyên nhân này đôi khi cũng có sai sót thuộc về ý kiến phát biểu của lãnh đạo cấp trên. Thường thì lãnh đạo cấp trên được mời phát biểu ngay trong buổi khai mạc sau khi nghe đọc báo cáo chính trị hoặc sau khi có một vài đại biểu đã tham luận. Hầu hết những ý kiến của cấp lãnh đạo cấp trên thường cổ vũ, động viên, khích lệ, chỉ ra rằng những yếu kém, tồn tại và gợi ý một số vấn đề để đại hội tiếp tục thảo luận. Cũng có ý kiến của lãnh đạo cấp trên, có những sự đánh giá, gợi ý, chỉ đạo một cách khuôn cứng như "đinh đóng cột", ít gợi mở làm cho đoàn chủ tịch cũng như các đại biểu dù có ý kiến khác cũng không dám trái ý cấp trên.

Chúng ta đang sống trong "mùa đại hội". Đây là một dịp để phát huy, mở rộng dân chủ trong toàn Đảng, toàn dân. Trong Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội IX của Đảng, phần mục tiêu phấn đấu đã được thêm hai từ "dân chủ". Đây được coi là một trong những điểm mới của văn kiện lần này và cần được thể hiện qua đại hội đảng các cấp hiện nay. Thảo luận, tranh luận trong đại hội là một biểu hiện của dân chủ trong Đảng. Tất nhiên phải nhận thức rõ ràng rằng : thảo luận, tranh luận trong Đảng là một cuộc "gặp gỡ" của những người đồng chí, cùng lý tưởng, cùng mục tiêu, cùng trao đổi quan điểm để tập hợp được trí tuệ của từng cá nhân đảng viên mong muốn tìm ra chân lý, giải pháp hữu hiệu trên con đường vươn tới lý tưởng chung. Là những người đảng viên, trong thảo luận, tranh luận không được đi trái những gì thuộc về mục tiêu, lý tưởng, nguyên tắc, Cương lĩnh của Đảng và Hiến pháp của Nhà nước ta. Trong thảo luận, tranh luận những vấn đề về lý luận, những giải pháp tháo gỡ khó khăn, tìm kiếm những cách làm v.v... thì những ý kiến bất đồng hoặc không hoàn toàn khớp nhau là điều đương nhiên. Sự nhất trí quá dễ dàng, không cần đến thảo luận, tranh luận không phải lúc nào cũng chứng tỏ sức mạnh, sự thống nhất thật sự của tập thể. Những vấn đề của nội dung đại hội có được thảo luận kỹ, thống nhất cao thì khi đi vào thực tiễn nó càng được thể hiện một cách suôn sẻ và tính khả thi cao. Vấn đề luôn luôn được quán triệt là những người có ý kiến dẫu có đối lập nhau đến mấy cũng phải luôn luôn coi nhau như anh em, đồng chí, người này thành thật, bình tĩnh lắng nghe ý kiến của người kia, phải gạt bỏ tư tưởng hiếu thắng, cố chấp đến cùng hoặc tìm cách để "chân lý thuộc về mình". Trong thảo luận, tranh luận tại đại hội, tiếng nói của các đại biểu đều phải được đặt ngang nhau để xem xét và điều quyết định cho giá trị của một ý kiến là sự đúng đắn của nội

Digitized by Google

dung ý kiến đó chứ không phải là ý kiến đó của ai. Càng không thể chấp nhận thái độ thành kiến, "trấn áp" những người có ý kiến ngược lại với mình. Nhưng dù thảo luận và tranh luận như thế nào thì cuối cùng cũng phải tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ : thiểu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tập thể, cấp dưới phục tùng cấp trên và người có ý kiến bất đồng hoàn toàn có quyền bảo lưu ý kiến và được xem xét lại khi có điều kiện và cơ hội. Như vậy cũng không có nghĩa là đại hội bỏ qua, làm ngơ, buông xuôi hoặc không tranh luận lại với những ý kiến nói ngược lại mục tiêu, lý tưởng, Cương lĩnh của Đảng, Hiến pháp của Nhà nước.

Khuynh hướng phổ biến qua các đại hội cấp cơ sở và cấp huyện thời gian qua là sự thảo luận, tranh luận thiếu chiều sâu chưa thật sôi nổi, thẳng thắn để tìm ra các giải pháp tháo gỡ vướng mắc, đẩy mạnh sự phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh... Để tạo không khí thảo luận, tranh luận thẳng thắn, sôi nổi và hiệu quả cao trong các đại hội sắp tới, theo chúng tôi, ngoài việc tìm giải pháp khắc phục một số nguyên nhân chính yếu nói trên, cần tập trung vào một số khâu quan trọng, cấp thiết sau :

- Đổi mới và cải thiện việc chuẩn bị tham luận và phát biểu tại đại hội. Việc làm rõ báo cáo chính trị bằng các bản tham luận là cần thiết nhưng không nhất thiết đọc và đọc hết tại đại hội. Nên quan tâm và dành thời gian nhiều hơn nữa cho thảo luận những nội dung chính yếu. Các tham luận cần chuẩn bị ngắn gọn, súc tích, sâu sắc và được in sẵn gửi các đại biểu. Đại biểu tham gia phát biểu ý kiến trao đổi những nội dung thiết thực, kiến nghị, đề xuất những biện pháp khắc phục khó khăn, hướng phát triển hoặc đóng góp thiết thực, cụ thể cho những ý kiến vào các vấn đề văn kiện đã nêu.

- Trong quá trình chuẩn bị đại hội, ban tổ chức cần nắm rõ từng đại biểu về khả năng, môi trường công tác, những vấn đề nổi cộm của cấp, ngành, lĩnh vực hay cơ sở đó cần có ý kiến, giải quyết, tháo gỡ. Trên cơ sở đó, ban tổ chức gợi ý, đặt vấn đề trước để đại biểu đó có điều kiện chuẩn bị, tham khảo, tổng hợp ý kiến của cấp ủy đảng hay các đảng viên ở cơ sở phản ánh trước đại hội. Đối với những điển hình tiên tiến, những nơi làm tốt, khi báo cáo kinh nghiệm cũng cần tóm tắt chủ yếu rút ra bài học kinh nghiệm, nêu những nội dung đặc sắc nhất để nơi khác tham khảo, học tập.

- Có thể không nhất thiết phải đọc toàn văn báo cáo chính trị trước đại hội mà chỉ cần đọc bản báo cáo rút gọn hoặc tóm tắt, còn các đại biểu có trách nhiệm nghiên cứu kỹ các văn kiện trước khi đại hội. Để khuyết khích tự do tư tưởng và sự chủ động suy nghĩ của các đại biểu một số văn kiện không nhất thiết phải dự thảo một cách hoàn chỉnh mà đôi khi chỉ là những gợi ý về những vấn đề chủ yếu, sau đó để các đại biểu thảo luận và quyết định.

- Việc tập hợp và công bố ý kiến của các ngành, các cấp, của các đoàn thể, quần chúng nhân dân... đóng góp vào báo cáo chính trị nhất là những ý kiến trái ngược nhau về nhận định, giải pháp, chỉ tiêu v.v... là rất quan trọng và cần thiết. Một mặt để mọi người thấy được ý kiến của họ được tôn trọng, mặt khác những tiếng nói từ cơ sở, từ quần chúng nhân dân thường là khách quan, xuất phát từ lợi ích chung.

- Những đồng chí tham gia ban tổ chức, đoàn chủ tịch phải thật sự là những người có phẩm chất, năng lực, nhất là năng lực điều hành, nắm chắc các nguyên tắc, thủ tục, quy trình đại hội và công tác bầu cử. Đoàn chủ tịch phải bố trí thời gian cân đối và hợp lý để thực hiện tốt nội dung đại hội. Tránh tình trạng quá tập trung thời gian công sức vào công tác nhân sự mà ít chú ý hướng dẫn thảo luận, tìm ra giải pháp thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng... ❑

Digitized by Google

MỞ RỘNG VÀ PHÁT HUY DÂN CHỦ TRỰC TIẾP Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ VY

PHÁT huy quyền làm chủ của nhân dân là vấn đề thuộc bản chất của Nhà nước, là chủ trương của Đảng, là mục tiêu và động lực của công cuộc đổi mới. Trong 4 bản Hiến pháp nước ta, trước sau vẫn khẳng định quyền lực nhà nước là thuộc về nhân dân. Nhân dân là chủ thể tối cao và duy nhất của quyền lực nhà nước. Điều này không chỉ được làm sáng tỏ về mặt lý luận mà còn thể hiện ở cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước trên thực tiễn sao cho ý tưởng về một nhà nước của dân, do dân, vì dân trở nên hiện thực, hiệu quả.

Khi khẳng định nhân dân là chủ thể duy nhất và tối cao của quyền lực nhà nước thì một vấn đề đặt ra là làm sao để người dân có đủ năng lực làm chủ với tư cách là chủ thể của quyền lực. Bởi vì năng lực chủ quan của người sở hữu quyền lực quyết định khả năng quyết định và thực thi quyền chủ thể của họ. Lịch sử phát triển nhà nước cho thấy quyền lực nhà nước vốn quen thuộc với các giai cấp cầm quyền, song lại rất mới mẻ đối với bản thân quần chúng nhân dân. Do bị áp bức lâu dài trước đây, đã hình thành tâm lý e ngại quyền lực nhà nước, thậm chí thờ ơ, xa cách với các quan hệ quyền lực của đại đa số nhân dân. Vì vậy, việc làm đầu tiên là phải khắc phục tâm lý tiêu cực của quần chúng đối với các công việc của Nhà nước, giáo dục nhân dân ý thức về địa vị chủ thể của mình. Lịch sử đã chứng kiến không ít những lời tuyên bố hoa mỹ về vai trò của quần chúng nhân dân, về quyền lực thuộc về nhân dân của các nhà tư tưởng tư sản, song rốt cuộc nhân dân vẫn chỉ mang cái địa vị hờ và luôn đứng ngoài các quan hệ quyền lực. Vì vậy, việc xây dựng, tăng cường năng lực chủ thể của nhân dân đối với quyền lực nhà nước cần được tiến hành thường xuyên và lâu dài trên cơ sở nâng cao dân trí, năng lực thực hành dân chủ.

Dân chủ trực tiếp là hình thức thể hiện ý chí trực tiếp của chủ thể quyền lực về những vấn đề cơ bản, chính yếu của một tập thể, một cộng đồng. Cơ quan quản lý có trách nhiệm ghi nhận ý chí đó và bảo đảm đưa nó vào thực thi trong cuộc sống. Dân chủ đại diện, ngược lại là hình thức thể hiện ý chí không trực tiếp từ chủ thể quyền lực mà thông qua đại diện có thẩm quyền do chủ thể bầu ra. Xét về bản chất, dân chủ trực tiếp tạo ra nhiều khả năng cho sự tham gia trực tiếp và nhiều mặt của người dân vào các công việc của nhà nước và xã hội. Dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện đều có điểm chung là phản ánh nguyện vọng, ý chí, quyền lực của nhân dân, là phương thức thể hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa. Nhưng phương thức và cơ chế thực hiện lại khác nhau với những ưu, nhược điểm khác nhau. Dân chủ đại diện dễ tổ chức thực hiện, dễ tập trung thống nhất nhưng khó bao quát hết thực tiễn đời sống cũng như ý chí, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân. Dân chủ trực tiếp ngược lại, khó tổ chức một cách tập trung, khái quát nhưng lại bao quát được mọi khía cạnh của thực tiễn đời sống cũng như ý chí, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân. Như vậy, mỗi hình thức dân chủ có vị trí, vai trò khác nhau trong việc thực thi quyền làm chủ của nhân dân, cần bổ sung, kết hợp chặt chẽ với nhau. Nếu quá coi trọng hình thức dân chủ đại diện dễ dẫn đến sự lộng quyền, tùy tiện từ phía các cơ quan nhà nước. Nếu chỉ coi trọng dân chủ trực tiếp thì dân chủ đại diện hoạt động khó có chất lượng, hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước không cao.

Vị trí, vai trò của dân chủ trực tiếp được thể hiện trên những điểm chính sau đây :

Bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân là phát huy cao độ mọi tiềm năng, trí tuệ của nhân dân trong quá trình xây dựng nhà nước và xã hội, giải quyết những vấn đề lớn từ quốc kế dân sinh đến

Digitized by Google

những việc của đời sống cộng đồng, đời sống dân cư. Thông qua hình thức dân chủ trực tiếp, nhân dân có điều kiện tham gia ý kiến, có điều kiện để tập dượt, trưởng thành, trở thành người chủ đích thực. Một nhà nước biết lắng nghe và học hỏi dân, biết bồi dưỡng và nâng cao đời sống của dân thì nhân dân không chỉ nói lên những điều mình mong muốn mà còn gợi ý, kiến nghị và chỉ ra rằng nhà nước cần phải hành động như thế nào, bằng phương pháp, công cụ nào để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội. Thực tiễn của những năm đổi mới vừa qua đã chứng tỏ rằng, những sáng kiến đầy tâm huyết của nhân dân đã tạo nên nguồn trí tuệ quý giá không gì thay thế được cho những chủ trương, đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước, tạo ra những bước phát triển vững chắc của đất nước trên con đường phát triển và hội nhập. Việc xây dựng một nhà nước của dân, do dân và vì dân phải bắt đầu từ sáng kiến của dân kết hợp với việc nắm bắt tri thức của thời đại, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, nâng cao và hoàn thiện chúng trong hoạt động thực tiễn.

Dân chủ trực tiếp tạo nên cơ chế đối trọng, kiểm tra, giám sát đối với hình thức dân chủ đại diện, với bộ máy nhà nước, giảm bớt được sự tùy tiện, lộng quyền, phát huy được tính tự giác, tích cực của mỗi thành viên trong một tập thể, một cộng đồng, khắc phục thói quen trì trệ, thụ động hay ỷ lại, trông chờ người khác. Phát huy truyền thống tương thân, tương ái, giúp đỡ lẫn nhau, tăng cường sức mạnh đại đoàn kết toàn dân vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Dân chủ trực tiếp là "hệ thống báo động" nhạy cảm nhất, những thông tin phản hồi nhanh nhất về hiệu lực, hiệu quả của các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước để kịp thời sửa chữa, bổ sung. "Hệ thống báo động" và các thông tin phản hồi này giúp cho Đảng và Nhà nước kiểm nghiệm lại đường lối, chính sách của mình một cách nhanh nhất, khắc phục bệnh chủ quan duy ý chí, xa rời thực tế, tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân, Đảng yêu dân, dân tin Đảng.

Trong mối quan hệ với nhà nước, hình thức dân chủ trực tiếp của nhân dân được thể hiện một cách phong phú và sinh động nhưng tựu trung lại được tập trung chủ yếu trên ba phương diện :

1. Quyền quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.

Quyền này được xác lập và thực hiện qua hình thức pháp lý phổ biến trên thực tế là trưng cầu ý dân. Hình thức trưng cầu ý dân cho phép nhân dân tự do bày tỏ ý chí và sự phán quyết của mình đối với các vấn đề quan trọng của quốc gia. Ngay từ Hiến pháp 1946, hình thức trưng cầu ý dân thông qua chế định toàn dân phúc quyết Hiến pháp đã được xác lập. Tuy nhiên, đây là vấn đề không đơn giản nên chúng ta thực hiện còn nhiều hạn chế, mặc dù các cuộc góp ý kiến về các dự thảo Hiến pháp, dự thảo luật vẫn được tổ chức trong các tầng lớp nhân dân mỗi khi Hiến pháp, các đạo luật sắp được thông qua hay sửa đổi. Các cuộc thảo luận, đóng góp ý kiến của đông đảo quần chúng đã góp phần đáng kể trong việc nâng cao chất lượng các văn bản pháp luật quan trọng, qua đó nhân dân thể hiện ý chí của mình đối với các hoạt động của Nhà nước. Nhưng dù sao các cuộc thảo luận ấy vẫn không thể xem là biểu hiện của hình thức trưng cầu dân ý bởi vì chúng không được tổ chức theo một trật tự pháp lý xác định và không tạo ra khả năng cho nhân dân tự do và độc lập lựa chọn sự phán quyết của mình đối với các vấn đề quan trọng của đất nước. Trên thế giới đã từng diễn ra cuộc trưng cầu dân ý của nhân dân Pháp thông qua Hiến pháp 1958 thay cho Hiến pháp 1946. Hay như cuộc bỏ phiếu của nhân dân Ca-na-đa để tách tỉnh Quê-bếch ra khỏi liên bang nhưng đã không thành công... Ở Việt Nam cũng từng diễn ra Hội nghị Diên Hồng dưới thời Trần kháng chiến chống quân Nguyên, hay như Hội nghị chính trị đặc biệt do Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập vào 27-3-1964 được coi là những giá trị dân chủ sáng mãi của dân tộc ta.

2. Quyền lập ra bộ máy nhà nước.

Đối với nhân dân, quyền lập ra bộ máy nhà nước được thực hiện thông qua quyền bầu cử các đại biểu vào các cơ quan nhà nước với nguyên tắc quyền lực nhà nước là tập trung, thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan nhà nước thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhân dân tự lựa chọn những người mà họ tin tưởng để ủy quyền và thay mặt họ thực hiện quyền lực nhà nước. Nhân dân bầu ra các "đầy tớ", "công bộc" của mình phải bảo đảm để họ phải thực sự liêm khiết, không được quay lại phiền hà, sách nhiễu dân. Quyền lực thuộc về nhân dân là hoài bão của nhiều

Digitized by Google

thế hệ con người nhưng chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có thể có điều kiện tạo ra những bảo đảm để hoài bão đó trở thành hiện thực, tuy chưa phải là hiện thực đầy đủ. Trong các bản Hiến pháp nước ta đều khẳng định nguyên tắc : nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân là những cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân. Việc bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp, bỏ phiếu kín. Đại biểu Quốc hội bị cử tri hoặc Quốc hội bãi nhiệm và đại biểu Hội đồng nhân dân bị cử tri hoặc Hội đồng nhân dân bãi nhiệm khi đại biểu đó không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân.

3. Quyền kiểm tra, giám sát của nhân dân đối với các hoạt động của các cơ quan nhà nước, các đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.

Các cơ quan nhà nước, cán bộ, viên chức nhà nước phải tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân ; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng. Mặt trận Tổ quốc, công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội... động viên nhân dân thực hiện quyền làm chủ, nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, viên chức nhà nước. Quyền kiểm tra, giám sát của công dân chỉ thật sự có ý nghĩa khi các hoạt động của Nhà nước được công khai hóa, được phân công rõ ràng, chặt chẽ. Chỉ có công khai hóa các hoạt động của các cơ quan nhà nước thì mới tạo điều kiện để công dân có thông tin đầy đủ, chính xác, tiếp cận và biết được cán bộ nhà nước được dân cử ra có xứng đáng với sự ủy quyền và tin tưởng của dân hay không. Vì vậy, phải nâng cao chất lượng và hiệu quả kiểm tra, giám sát của Nhà nước và nhân dân đối với hoạt động của Nhà nước.

*
* *

Xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân, tăng cường dân chủ, hoàn thiện các cơ sở pháp lý cho dân chủ được thực hiện phải được xem là hoạt động thường xuyên của Nhà nước để một mặt bảo đảm mỗi bước phát triển của dân chủ được ghi nhận và củng cố bởi các quy định pháp luật phù hợp ; mặt khác, các quy định pháp lý mở đường, định hướng chung cho sự phát triển của quốc gia. Dân chủ là sản phẩm của một xã hội có tổ chức, là nhu cầu phát triển của các quan hệ tiên tiến. V. I. Lê-nin nói : "Chủ nghĩa xã hội sẽ không có nếu không có dân chủ với 2 nghĩa : 1) giai cấp vô sản không thể hoàn thành cách mạng xã hội chủ nghĩa nếu nó không tự chuẩn bị dân chủ cho mình thông qua cuộc đấu tranh vì dân chủ ; 2) chủ nghĩa xã hội chiến thắng sẽ không thể giữ được thắng lợi và không dẫn đến sự tiêu vong của nhà nước nếu thiếu thực hiện dân chủ một cách trọn vẹn" (1). Để tăng cường hơn nữa quyền làm chủ trực tiếp của dân cần phải dựa trên những quan điểm cơ bản sau đây :

Trước hết, cần có nhận thức đúng đắn việc sử dụng các hình thức dân chủ trực tiếp.

Khi nói đến dân chủ, chúng ta đều biết đây là vấn đề rất lớn, gắn liền với các yếu tố con người, chế độ xã hội, tiến trình phát triển của lịch sử. Có quan điểm cho rằng, để thực hiện dân chủ trực tiếp cần có trình độ dân trí cao, trình độ phát triển kinh tế - xã hội nhất định, trình độ tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội. Đúng là dân chủ trực tiếp có phụ thuộc vào các yếu tố trên nhưng không phải vì trình độ dân trí, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, trình độ tổ chức bộ máy còn hạn chế mà chúng ta không sử dụng hình thức dân chủ trực tiếp. Dân chủ là một quá trình phát triển từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện. Nhân dân là người làm chủ, nếu không tập dượt cho họ thì họ không thể thực hiện quyền làm chủ của mình được ; V. I. Lê-nin đã khẳng định : "toàn thể công dân, không trừ một ai đều phải tham gia vào việc xét xử và quản lý đất nước và điều quan trọng đối với chúng ta là thu hút toàn thể những người lao động, không trừ một ai tham gia việc quản lý đất nước"(2). Phê phán những quan điểm lệch lạc cho rằng : "một người công dân bình thường hoặc một người nông dân bình thường không thể điều khiển nhà nước được" (3) ; Lê-nin khẳng định : "người công nhân bình thường hoặc người nông dân bình thường có thể điều khiển được nhà nước và sẽ học được cách điều khiển nhà nước nếu người đó bắt tay vào điều khiển nhà nước" (4). Từ đó để thấy rằng Đảng ta thật sự sáng suốt khi lựa chọn mô hình tổ

(1) V. I. Lênin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mat-xcơ-va 1977, t 23, tr 128

(2) V. I. Lênin : *Toàn tập*, Sđd, t 36, tr 65 - 68

(3) (4) *Sđd*, t 33, tr 333

Digitized by Google

chức bộ máy nhà nước ngay từ khi mới lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Những yếu tố dân chủ, tinh thần dân chủ, truyền thống "lấy dân làm gốc", coi trọng dân vốn đã hình thành trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc của cha ông, nay được Đảng ta kế thừa và phát huy trong điều kiện mới.

Có ý kiến cho rằng, dân chủ trực tiếp chỉ thích hợp ở các nước phương Tây nơi có trình độ phát triển nhất định của dân chủ tư sản ; còn ở phương Đông không có truyền thống dân chủ, chỉ quen phục tùng, độc đoán, gia trưởng, nếu áp dụng dân chủ, nhất là dân chủ trực tiếp chỉ gây rối, có khi còn tạo điều kiện cho kẻ địch thực hiện "diễn biến hòa bình". Đúng là phương Đông có lịch sử phát triển riêng với tính cách, truyền thống văn hóa, đạo đức, lối sống có đặc trưng riêng, song không phải vì thế mà không có truyền thống dân chủ. Trái lại, do phải liên tục chống chọi với thiên tai, địch họa nên sự đoàn kết cộng đồng "lá lành đùm lá rách" được hình thành rất sớm và có nét khác so với phương Tây.

Thứ hai, xây dựng và hoàn thiện những cơ sở pháp lý cho từng hình thức dân chủ trực tiếp.

Sau khi có đường lối đúng thì vấn đề tổ chức thực hiện giữ vai trò quan trọng. Thực tiễn hoạt động của Nhà nước ta cho thấy, không phải lúc nào, ở đâu các hình thức dân chủ trực tiếp cũng được thực hiện tốt, có hiệu quả. Có nơi, có lúc hoạt động dân chủ còn có tính chất chiếu lệ, hình thức. Dân chủ thực sự không phải ở tên gọi của định chế này hay định chế khác mà là ở sự chín muồi của những tiền đề và điều kiện của dân chủ cũng như những thiết chế cụ thể. Để nhân dân có điều kiện và cơ sở pháp lý bày tỏ ý chí trong việc lựa chọn sự phán quyết của mình đối với các vấn đề quan trọng của quốc gia thì hình thức trưng cầu dân ý cần được nghiên cứu và áp dụng trong thực tiễn. Quyền phúc quyết các vấn đề quốc gia được quy định trong Hiếp pháp 1946 và tiếp tục khẳng định ở Hiến pháp 1992 : "Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận các vấn đề chung của cả nước và địa phương, kiến nghị với cơ quan nhà nước, biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân" (Điều 53). Tuy nhiên, quyền này cho đến nay chưa được cụ thể hóa và triển khai trong thực tế. Vì vậy, phải cụ thể hóa quy định của Hiến pháp bằng một đạo luật. Luật về trưng cầu dân ý sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng để người dân thực hiện quyền chính trị của mình khi tham gia quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước. Cùng với Luật về trưng cầu ý dân cần nghiên cứu xây dựng Luật dân nguyện. Hơn nửa thế kỷ qua Đảng và nhân dân ta gắn bó mật thiết với nhau. Đảng và Nhà nước thông qua Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường đoàn kết toàn dân, củng cố sự nhất trí về chính trị và tinh thần của chế độ ta.

Tiếp tục hoàn thiện chế độ bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, tăng cường các bảo đảm pháp lý, đề cao các yêu cầu về dân chủ, công khai. Tăng cường các khả năng đối thoại trực tiếp giữa ứng cử viên với cử tri, xác định số lượng cần thiết của hội nghị đại biểu cử tri, quy định trách nhiệm của ứng cử viên phải thông tin đầy đủ về bản thân mình cho cử tri biết... Cần có những quy định cụ thể về việc đại biểu sau khi được bầu tiếp xúc với cử tri, về việc tiếp nhận, chuyển, giải quyết các kiến nghị, khiếu nại tố cáo của cử tri.

Đối với những quyết định của chính quyền địa phương, có cơ chế lấy ý kiến đóng góp của nhân dân trước khi ban hành. Cần có quy chế về quyền hạn và trách nhiệm của hội nghị công nhân viên chức, hội nghị cư dân.v.v.. khi bàn về những vấn đề liên quan đến quyền lợi của người dân.

Việc ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở là một bước cụ thể trên thực tế quyền làm chủ của người dân, là sự phản ánh cụ thể bản chất Nhà nước của dân, do dân, vì dân trong hoạt động thực tiễn ở cấp cơ sở. Kinh tế - xã hội phát triển, đời sống nhân dân ngày một nâng cao là tiêu chuẩn, là thước đo hữu hiệu nhất kết quả thực hiện dân chủ của nhân dân. Phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" từ ý tưởng, chủ trương đã biến thành các hành động cụ thể thông qua các quy định trong Quy chế nhằm tăng cường tính kiểm tra, giám sát của nhân dân đối với các cơ quan nhà nước và cán bộ, viên chức nhà nước.

Thứ ba, củng cố kiện toàn tổ chức đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân.

Hệ thống chính trị được xem như một cơ chế chung, tổng thể xác định quyền lực của nhân dân và phương thức thực hiện quyền lực đó. Đổi mới hệ thống chính trị là hướng tới việc hoàn thiện nền dân

Digitized by Google

chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm toàn bộ quyền lực thuộc về nhân dân. Sẽ không có dân chủ nếu hệ thống chính trị mà trụ cột là Nhà nước thiếu trong sạch, vững mạnh. Củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng là làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức. Đổi mới phương thức lãnh đạo cho phù hợp với thực tiễn để nhân dân có thể kiểm tra được Đảng. Nâng cao chất lượng của đội ngũ đảng viên, gương mẫu về lối sống, tác phong, năng lực chuyên môn. Tổ chức đảng vững mạnh, đảng viên tiên phong, gương mẫu, tin ở dân, vì lợi ích của dân, quyền làm chủ của nhân dân sẽ được phát huy. Xây dựng chính quyền mạnh trước hết thể hiện ở năng lực thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành các chính sách, pháp luật, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, bộ, ngành. Nhà nước vững mạnh, quyền làm chủ và sức sáng tạo của nhân dân mới được phát huy. Để phát huy hơn nữa vai trò của Nhà nước trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cần tiến hành cải cách hành chính nhà nước trên các phương diện : thể chế, bộ máy, cán bộ. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát do các cơ quan nhà nước thực hiện theo thẩm quyền, đồng thời phối hợp chặt chẽ với thanh tra, kiểm tra, giám sát của dân. Cùng với nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, việc củng cố, kiện toàn, nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cũng được đề cao vì cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân.

Thứ tư, xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ có đủ năng lực và phẩm chất.

"Muôn việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém" (5). Thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ, Đảng ta nhận thức đúng vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác cán bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới, vững vàng về chính trị, có bản lĩnh, phẩm chất, đạo đức, lấy hiệu quả công tác làm thước đo. Đào tạo, sử dụng, bố trí, tuyển chọn cán bộ gắn với yêu cầu xây dựng Đảng và Nhà nước trong sạch, vững mạnh, tất cả vì lợi ích của dân, do dân, vì dân. Thực tiễn là cái nôi để rèn luyện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực cho cán bộ một cách tốt nhất. Cán bộ, công chức là cầu nối trực tiếp giữa chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước với dân. Mọi sự thành bại đều phụ thuộc vào đội ngũ cán bộ khi có chủ trương, chính sách đúng đắn. Cán bộ phải thực sự tin yêu nhân dân, gắn bó, gần gũi, tôn trọng dân, vì lợi ích của dân, xứng đáng với sự ủy quyền của dân. Tránh mọi hành vi gây phiền hà, sách nhiễu dân. Cán bộ làm sai, thực lòng nhận khuyết điểm, hứa sửa chữa trước dân. Vi phạm quyền làm chủ của nhân dân thường diễn ra nhiều hơn ở phía cán bộ, những người có chức, có quyền. Việc xử lý kỷ luật nhằm mục đích ổn định chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Để xử lý đúng phải đi sâu, đi sát nắm thông tin từ nhiều phía, nhiều nguồn, không nên kết luận vội vàng, xử lý thiếu công minh, thiếu cân nhắc. Xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa xây dựng đội ngũ cán bộ đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền gương mẫu, rèn luyện phong cách lãnh đạo, coi đó là phẩm chất cách mạng của mình. Thường xuyên tổ chức đánh giá tín nhiệm cán bộ ở cơ sở. Nếu hai năm liền cán bộ nào phẩm chất, năng lực, trình độ yếu kém, không hoàn thành nhiệm vụ, tín nhiệm thấp, hoặc không còn tín nhiệm thì phải thay ngay, không chờ sau nhiệm kỳ 5 năm hoặc sau khi thi hành kỷ luật, xử lý kỷ luật mới thay. Xu hướng hợp tác và hội nhập, kinh tế tri thức đang dần chiếm lĩnh ưu thế tác động không nhỏ tới việc đào tạo và chuẩn hóa cán bộ. Đảng ta đang cần một đội ngũ cán bộ vững vàng về chính trị, giỏi về chuyên môn, phát huy truyền thống yêu nước và đoàn kết dân tộc, giác ngộ lợi ích giai cấp, lợi ích dân tộc, nhân loại ; có tính tổ chức, kỷ luật, và tác phong công nghiệp...

Tăng cường và hoàn thiện các chế độ thực hiện dân chủ của nhân dân là việc làm lâu dài và thường xuyên của Đảng và Nhà nước để bảo đảm mỗi bước phát triển của dân chủ phải được ghi nhận bởi các quy định của luật pháp có tính chất mở đường định hướng cho sự phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc. Nhưng việc phát huy và mở rộng dân chủ phải phù hợp với trình độ phát triển kinh tế xã hội, trình độ dân trí, truyền thống văn hóa, phong tục tập quán của mỗi quốc gia, dân chủ đi đôi với kỷ cương, quyền hạn gắn với trách nhiệm, lợi ích đi đôi với nghĩa vụ. ❑

(5) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2000, t 5, tr 240

Digitized by Google

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ "VĂN HÓA ĐẠI CHÚNG"

LÊ MAI

TRƯỚC tiên chúng ta cần phân biệt thuật ngữ "văn hóa đại chúng" như một sản phẩm của xã hội tiêu thụ phương Tây tràn vào nước ta và nền văn hóa có tính chất đại chúng mà Đảng ta đã xác định.

Văn hóa có tính đại chúng theo quan điểm của Đảng là nền văn hóa có vai trò quan trọng trong việc giáo dục, xây dựng con người mới phát triển toàn diện, hướng dẫn các tầng lớp nhân dân sử dụng một cách có ích nhất và hiệu quả nhất thì giờ rảnh rỗi vào việc hưởng thụ và sáng tạo các hoạt động văn hóa nghệ thuật, vào việc xây dựng, tổ chức đời sống văn hóa cơ sở. Đó là nền văn hóa hướng tới nhân dân vì lợi ích của nhân dân.

Kể từ khi đất nước ta thoát khỏi ách nô lệ của thực dân phong kiến (1945) Đảng ta đã lựa chọn con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đảng ta chủ trương xây dựng một nền văn hóa mới với 3 tính chất dân tộc - khoa học - đại chúng, phương châm này được đề ra trong *Đề cương - văn hóa Việt Nam* (1943). Ở đây đại chúng được hiểu là vì nhân dân, gắn với nhân dân, hướng về nhân dân.

Trước thời điểm đổi mới, cái gọi là *văn hóa đại chúng* của phương Tây (culture de masse) ở Việt Nam được hiểu là những biểu hiện của những giá trị thấp kém suy đồi. Nay, khi mà xã hội phát triển theo hướng hiện đại hóa trở thành xã hội công nghiệp, dưới tác động của cơ chế thị trường, việc sản sinh ra một loại hình văn hóa thích ứng là một hệ quả có tính tất nhiên. Trong điều kiện sản xuất hàng hóa, văn hóa cũng phải tuân theo quy luật đó, có quá trình sản sinh, lưu hành, truyền bá với nhiều hình thức đa dạng hướng tới sản xuất có hệ thống và thực hiện tập trung hóa kinh doanh, tạo ra một thị trường văn hóa rộng lớn. Mặt khác chúng ta chủ động mở cửa, hội nhập với thế giới. Bên cạnh trao đổi kinh tế, ngoại giao hòa bình, trao đổi học thuật, du lịch xuyên quốc gia, truyền thông đại chúng, mạng thông tin toàn cầu... thì sự phong phú sắc màu của văn hóa các dân tộc và những xao động tương hỗ của nhiều loại tư tưởng, giá trị đã làm xuất hiện sự thay đổi về quan niệm, giá trị, lối sống, đạo đức vốn đã bền chặt trong lịch sử. Khuynh hướng thị trường khiến cho văn hóa càng thêm gần gũi với sinh hoạt của quần chúng, cần dự và thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ văn hóa nhiều mặt của quần chúng. Như vậy, xét về mặt bản chất, "văn hóa đại chúng" là sản phẩm của kinh tế thị trường và xã hội công nghiệp đồng thời cũng là sản phẩm của quá trình "nhất thể hóa thế giới". Nó được thể hiện khá đa dạng qua các hình thức ca nhạc, ka-ra-ô-kê, MTV, phim hài, thời trang, quảng cáo... Gắn với những thành tựu khoa học kỹ thuật và có sức mê hoặc lớn, văn hóa đại chúng là "món ăn" được đông đảo quần chúng nhân dân nhất là tầng lớp thanh thiếu niên và tầng lớp thị dân đón nhận.

Có thể thấy những đặc trưng cơ bản của "văn hóa đại chúng" là tính công nghiệp, thương nghiệp, lưu hành, phổ biến và mang đậm màu sắc hưởng lạc. Theo quan niệm truyền thống việc sản xuất các sản phẩm văn hóa chỉ là hoạt động riêng lẻ của một số nghệ nhân. Ngày nay quá trình sản xuất và quá trình tiêu thụ đều chịu sự tác động của nền sản xuất công nghiệp và cơ chế thị trường. Việc áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật được kết hợp mật thiết với sự chi trả cho văn hóa khiến cho văn hóa đại chúng có đặc trưng là sản xuất hàng loạt, số lượng lớn như các loại sản phẩm nghe nhìn, các loại mốt thời trang. Đây cũng là yếu tố góp phần tăng trưởng kinh tế, tăng phúc lợi và tìm kiếm công ăn việc làm. Loại sản phẩm văn hóa đại chúng có tính kinh doanh và tính lợi ích, theo đuổi quy luật giá trị, cũng luôn biến hóa theo nhu cầu của thị trường. Có thể thấy rõ trong việc sản xuất các loại đồ chơi, hàng lưu niệm, các loại phục trang, các dụng cụ sản phẩm văn hóa trong toàn cầu chiếm phần lớn thị phần. Tùy theo sự phát triển của sức sản xuất và tiến bộ xã hội, quan niệm về tiêu thụ và kết cấu tiêu thụ sẽ phát sinh những biến hóa, nhu cầu vật chất tăng lên một cách đáng

Digitized by Google

kể sẽ dẫn tới sự chuyển biến về nhu cầu tinh thần. Theo đó các sản phẩm văn hóa và hoạt động văn hóa cũng trở nên đa dạng hơn.

Trong điều kiện sinh hoạt của một xã hội có mức thu nhập cao thì văn hóa giải trí có sức thu hút và gây được sự quan tâm đáng kể của quần chúng. Do kích thích cạnh tranh thị trường, nhịp độ công việc tăng nhanh, lối sống công nghiệp gấp gáp... người ta cần nghỉ ngơi và giải trí nhiều hơn, nhằm đạt được sự thoải mái về tinh thần. Ca nhạc, thời trang, phim hài, ka-ra-ô-kê chính là những dạng thức phổ cập đáp ứng được nhu cầu này của số đông. Đây chính là nguyên nhân khiến cho văn hóa đại chúng có mặt ở cả thành thị và nông thôn. Nó dễ được sự ủng hộ của đông đảo quần chúng, nhận được sự hưởng ứng của mọi giới. Chính bởi vậy có người đặt vấn đề : nếu không có văn hóa đại chúng thì vấn đề "sân chơi" cho thanh thiếu niên hiện có giải quyết được không ?

Văn hóa đại chúng phát triển ngày càng rầm rộ, phá bỏ ý thức o bế của lũy tre làng, đề cao sự lựa chọn của mỗi cá nhân, đồng thời mở rộng giao lưu, giải phóng tầm mắt của mọi người. Người ta ngồi nhà xem ti vi cũng có thể biết được tất cả các sự kiện xảy ra trên thế giới. Về mặt này văn hóa đại chúng là một bước tiến của lịch sử. Tuy nhiên trong cơ chế thị trường cũng tồn tại những mâu thuẫn của nó và tác động mạnh vào bộ mặt văn hóa. Qua các phương tiện truyền thông đại chúng với kỹ thuật ngày càng tinh xảo, văn hóa đại chúng đánh vào cảm giác mạnh, lạ mắt, hình thành thói quen tiêu dùng văn hóa mang tính thời thượng. Người ta say mê với các ca khúc lưu hành trên MTV, làn sóng xanh, ka-ra-ô-kê và chạy theo mốt ca nhạc-phim ảnh, thời trang, mẫu mã chóng mặt, khôn lường. Nhu cầu hưởng thụ cái đẹp, cái mới, cái kỳ thú dần tăng lên làm xuất hiện không ít các "món ăn" nhanh, những thứ giải trí hoan lạc. Hơn nữa quá trình du lịch đã góp phần tăng thêm các hạng mục giải trí nhằm thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ của con người. Nó khiến cho nghệ thuật trở thành bình dân hóa và cào bằng độ sâu, giảm tính nhân văn của văn hóa.

Mặt khác do tác động của quá trình toàn cầu hóa, văn hóa Mỹ và phương Tây với ưu thế của nó đã bành trướng len nhập vào mọi ngõ ngách của mọi quốc gia. Đang diễn ra một thực tế : văn hóa của các nước giàu đã truyền bá khắp thế giới, tạo ra cái gọi là *đế quốc văn hóa*. Những mặt hủ bại, những rác rưởi của một thế giới văn hóa Mỹ khủng hoảng không bị ngăn trở sẽ tràn vào nhiều nước trong đó có nước ta. Yếu tố "ngoại công" này cộng thêm với những tiêu cực "nội kích" trong nước sẽ có tác động không nhỏ đến đạo đức, tư tưởng, lối sống, tâm lý, hành vi, thói quen... của người tiêu dùng văn hóa. Đây chính là hiệu ứng xã hội rất quan trọng của văn hóa đại chúng.

Những năm gần đây cùng với sự tăng trưởng kinh tế một bộ phận cư dân đã giàu lên, khi thu nhập tăng cao thì nhu cầu tiêu dùng cũng tăng cao trong đó có cả nhu cầu tiêu dùng văn hóa. Trong cách sinh hoạt dần phát sinh sự nghiêng ngả về tư tưởng và tâm lý để lộ ra chủ nghĩa sùng bái đồng tiền, tôn thờ chủ nghĩa cá nhân hưởng lạc. Sự bành trướng về vật chất trong hưởng thụ tất yếu sẽ kéo theo sự thiếu hụt về tinh thần. Như đã nói sự phát triển của nền công nghiệp và cơ chế thị trường đã hình thành một nền văn hóa tiêu thụ, tăng cường yếu tố hoan lạc, tìm kiếm cái thời thượng ở tầng lớp thứ thấp và thỏa mãn cảm giác nhất thời. Trong thời gian vừa qua đã xuất hiện rất nhiều những bộ phim, sách truyện đề cao bạo lực, tình dục, xung động tâm lý vô thức. Nguyên nhân là do tính ích kỷ của khách hàng và động cơ vì lợi nhuận của người sản xuất.

Khuynh hướng tìm kiếm cái kích thích sẽ dẫn đường cho văn hóa đi vào tính bình quân của tinh thần, thỏa mãn cảm giác nhất thời, đi vào hư ảo làm cho cái tiêu cực không ngừng phát triển. Dần dà con người mất lý tưởng đi tìm cái bản năng, hưởng thụ, cái hư vô, hư giả, cả xã hội đi vào trạng thái vô trật tự, mất đi quy chuẩn đạo đức và thẩm mỹ. Lối sống, đạo lý của chủ nghĩa đế quốc thấm dần vào tư tưởng, tình cảm, lối sống của đại chúng. Những tích tụ ấy sẽ dần gây hiệu ứng xã hội rộng rãi và khi có nguyên cớ sẽ bùng nổ thành những biến cố xã hội có sức công phá mạnh mẽ. Thực chất, hệ thống khổng lồ các phương tiện truyền thông đại chúng của Mỹ và phương Tây là vỏ bọc tinh vi cho thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của chúng. "Đối với người Mỹ, báo chí, phát thanh, xuất bản, điện ảnh, truyền hình, âm nhạc, vũ đạo, kịch, văn học, mỹ thuật, giáo dục, thể thao, y tế và khoa học kỹ thuật... đều là những "binh chủng" có thể lợi dụng tiến hành "chiến tranh tư tưởng" - ("tác chiến tâm lý") đối với các nước. Chính phủ Mỹ cho rằng điện ảnh cần phối hợp với chiến lược toàn cầu của chính phủ, tiếng nói Mỹ "là lực lượng

Digitized by Google

quân sự to lớn, là lực lượng nhóm lửa trong bóng tối của chủ nghĩa cộng sản"(1).

Đứng trước tình hình này, câu hỏi đặt ra là : trước áp lực của văn hóa phương Tây ồ ạt tràn vào, liệu bản sắc văn hóa dân tộc có bị biến dạng và thay đổi bản chất hay không ? Thái độ của chúng ta là tiếp thu có chọn lọc những giá trị tích cực trong kho tàng văn hóa nhân loại để làm phong phú và hiện đại hóa văn hóa Việt Nam, tiếp thu một cách chủ động kỹ thuật của phương Tây trên cơ sở giữ gìn và phát huy vẻ đẹp của tâm hồn dân tộc để nó trở thành những giá trị mang bản sắc Việt Nam. Lịch sử hiện đại hóa văn hóa - xã hội đầu thế kỷ XX đã chứng tỏ sự tiếp thu có sáng tạo văn hóa phương Tây đã tạo nên những chuyển biến lớn trong đời sống văn hóa - xã hội Việt Nam. *Chúng ta đã từng dân tộc hóa thành công các giá trị văn hóa phương Tây*. Đó là thành tựu về văn hóa như văn học thời kỳ 1930 - 1945 *(Thơ mới)*, tranh của Nguyễn Gia Trí, Trần Văn Cẩn, Tô Ngọc Vân, sáng tác nhạc của Văn Cao... Như thế việc hiện đại hóa văn hóa trên cơ sở cắm sâu vào bề dày văn hóa truyền thống vẫn là bài học gợi mở nhiều điều bổ ích cho hôm nay. Có như thế mới loại bỏ được ra khỏi cơ thể văn hóa dân tộc một thứ văn hóa tuy có ưu thế về vật chất, kỹ thuật nhưng lại khủng hoảng, suy đồi về tinh thần, tách con người ra khỏi đồng bào, tổ quốc, ra khỏi trách nhiệm công dân mà các phương tiện nghe nhìn và quá trình toàn cầu hóa đang đem lại cho chúng ta.

Đối với văn hóa đại chúng cần phải có thái độ phê phán sự suy giảm đạo đức, đề cao tính nhân văn và lối sống lành mạnh. Người sáng tạo trong quá trình tìm tòi nghệ thuật, người tiêu dùng trong quá trình tiếp nhận đều phải cố gắng đáp ứng được sự thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ, nhu cầu giáo dục trong các sản phẩm văn hóa nhằm hướng tới cái cao thượng, nhân ái, nhân văn. Đây là một yêu cầu lớn. Bởi lẽ bên cạnh hiệu quả kinh tế cần phải tạo ra hiệu quả xã hội tương ứng về mặt tinh thần. Điều đó đòi hỏi phải tăng cường việc giáo dục đạo đức, tư tưởng, lối sống xã hội chủ nghĩa, phát huy tinh hoa văn hóa dân tộc, giáo dục truyền thống lịch sử, làm sao để văn hóa Việt Nam, con người Việt Nam thích ứng được với xu thế phát triển của thời đại mà vẫn giữ được những nét riêng có của mình. Văn hóa không chỉ dừng lại ở tính hưởng thụ, giải trí đơn thuần mà phải hướng tới giáo dục ý thức nhân nghĩa, ý thức chăm lo cuộc sống cộng đồng và lý tưởng công bằng, bình đẳng, bác ái, vì mọi người. Tất nhiên phải giáo dục bằng cái đẹp, cái gọi là nghệ thuật thực sự chứ không phải là sự gò ép khô cứng. Hơn nữa, trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa phải kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng văn hóa và tư tưởng "văn hóa phải thấm sâu vào tâm lý quốc dân", từ đó đẩy lùi những mặt hạn chế tiêu cực của văn hóa đại chúng phương Tây.

Đối với quản lý văn hóa phải tạo ra hành lang pháp lý thích hợp cho việc quản lý xuất nhập văn hóa, quản lý các hoạt động nghệ thuật. Nghiêm cấm các loại văn hóa phản động và suy đồi. Gần đây các hoạt động văn hóa như các cuộc thi trên đài phát thanh truyền hình, các cuộc liên hoan văn học - nghệ thuật, các hoạt động văn hóa của các bộ, ngành, các hoạt động lễ hội truyền thống.. đã góp phần tích cực làm lành mạnh hóa đời sống văn hóa của nhân dân, đẩy lùi sự bành trướng của văn hóa đại chúng du nhập từ bên ngoài.

Cuối cùng không thể không nói đến việc phải đề ra chính sách đãi ngộ hợp lý đối với người làm công tác văn hóa, không để xuất hiện phổ biến các hiện tượng "chân trong chân ngoài" như thời gian gần đây. Có như thế mới tạo ra động lực thực sự khuyến khích người sáng tạo nghệ thuật và các nghệ sĩ biểu diễn toàn tâm toàn ý hướng tới mục tiêu cao đẹp của nền văn hóa cách mạng mà không phải băn khoăn và kiếm sống và không bị biến chất trước áp lực của tiền tài hoặc những ảo giác về danh tiếng và bệnh "ngôi sao".

Trong bước chuyển mình của đất nước hiện nay, hiện đại hóa kinh tế - xã hội phải đi đôi với hiện đại hóa văn hóa. Chỉ có thế mới tạo ra một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, mới đáp ứng được sự hưởng thụ và sáng tạo văn hóa của nhân dân, được nhân dân hưởng ứng. Chính việc xây dựng và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc mới là một cống hiến thực sự của chúng ta vào thành quả chung đa sắc màu của nền văn minh nhân loại. Đó cũng là con đường làm lành mạnh hóa văn hóa đại chúng trong nước và ngăn ngừa được những ảnh hưởng tiêu cực của văn hóa đại chúng phương Tây. Cuộc chiến tranh về văn hóa đòi hỏi chúng ta phải nỗ lực dồn toàn bộ tâm huyết và trí tuệ của dân tộc để chiến thắng độc hại văn hóa đại chúng phương Tây, tạo ra một sinh quyển văn hóa thật sự tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc và mang tính nhân văn cao cả. ❑

(1) Dẫn theo tạp chí *Nghiên cứu triết học* (Trung Quốc) số 12-1999

Digitized by Google

CHẶNG ĐƯỜNG BỐN NĂM PHẤN ĐẤU XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ĐẢNG BỘ, NHÂN DÂN HÀ NAM

PHẠM QUANG NGHỊ *

THỰC hiện Nghị quyết Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa IX ngày 6-11-1996, tỉnh Hà Nam được tái lập sau 32 năm hợp nhất với Nam Định, Ninh Bình. Bốn năm qua, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ và sự giúp đỡ có hiệu quả của các bộ, ban, ngành trung ương ; với sự nỗ lực phấn đấu, đảng bộ và nhân dân Hà Nam đã giành được những thắng lợi quan trọng trên lĩnh vực phát triển kinh tế xã hội ; tạo được chuyển biến sâu sắc trong công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể của tỉnh.

Hà Nam nằm ở cửa ngõ phía Nam Thủ đô Hà Nội, có trục giao thông đường bộ, đường sắt Bắc - Nam chạy qua. Tỉnh ly Phủ Lý cách Hà Nội 58 km. Hà Nam nằm trong vùng đồng bằng sông Hồng và vùng Bắc Bộ rộng lớn, giàu tiềm năng, đang phát triển năng động và tương đối nhanh trong công cuộc đổi mới. Bản thân tỉnh có tiềm năng nông nghiệp, lao động, ngành nghề và nguồn vật liệu xây dựng hết sức dồi dào. Bên cạnh những lợi thế và tiềm năng đó, khi tái lập tỉnh, Hà Nam đứng trước những khó khăn, thử thách lớn. Đó là điểm xuất phát về kinh tế rất thấp, bằng khoảng 50 - 60% so với các tỉnh trong khu vực và cả nước. Cơ sở hạ tầng và nền công nghiệp hết sức yếu kém và nhỏ bé. Kinh tế của tỉnh mang nặng tính thuần nông, độc canh cây lúa. Đội ngũ cán bộ vừa thiếu về số lượng, vừa không đồng bộ và bất cập về nhiều mặt. Khi mới tái lập, nhiều sở, ban, ngành chỉ có vài ba cán bộ và hầu như không có cấp trưởng. Và một điều rất đáng tiếc đã xảy ra là, nội bộ cán bộ lãnh đạo trong Ban Thường vụ và Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh xảy ra mất đoàn kết nghiêm trọng, ảnh hưởng không tốt đến tư tưởng, tình cảm của cán bộ, đảng viên và nhân dân và tiến trình phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh ; làm cho việc kiện toàn bộ máy, cán bộ, việc tổ chức kỳ họp đầu tiên Hội đồng nhân dân tỉnh và Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XV đều bị chậm lại.

Được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời và sát sao của Trung ương ; với quyết tâm sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm của tập thể cán bộ lãnh đạo tỉnh, sau bốn năm kiên trì phấn đấu, đảng bộ và nhân dân Hà Nam đã đạt được sự ổn định và phát triển tương đối nhanh. Tổng sản phẩm (GDP) của tỉnh tăng bình quân 9,1%/năm, cao hơn mức bình quân chung cả nước. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế có bước chuyển biến tích cực, tăng tỉ trọng công nghiệp, xây dựng từ 18,8% năm 1997 lên 28,5% năm 2000 ; giảm tỉ trọng nông nghiệp từ 49,6% xuống 41,3%. Sản xuất nông nghiệp bốn năm liền được mùa lớn. Năm cao nhất đạt năng suất 10,2% tấn/ha ; bình quân lương thực đầu người một năm đạt 530 kg. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng 45,9%. Nhà máy xi măng Bút Sơn công suất 1,4 triệu tấn/năm đi vào sản xuất từ cuối năm 1998, cùng với bốn nhà máy xi măng khác trên địa bàn hình thành vùng sản xuất vật liệu xây dựng tập trung, có quy mô lớn. Trong bốn năm, kim ngạch xuất khẩu tăng 2,7 lần ; thu ngân sách tăng hơn hai lần, từ 67 tỉ năm 1997 lên 151 tỉ năm 2000. Tổng số vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tăng nhanh, bình quân mỗi năm đạt 830 tỉ đồng. Công tác xây dựng cơ sở hạ tầng, quy hoạch lại thị xã Phủ Lý thành trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của tỉnh cũng như xây mới các cơ quan, công sở và xây dựng của cán bộ,

* TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam

Digitized by Google

nhân dân đã và đang làm đổi thay nhanh chóng bộ mặt của tỉnh, nhất là khu vực thị xã.

Trong lĩnh vực xã hội, phát triển nông nghiệp, nông thôn, đảng bộ và nhân dân Hà Nam đã phát động được nhiều phong trào sâu rộng, đạt được nhiều thành tích nổi bật, có những mặt dẫn đầu cả nước, như làm giao thông nông thôn, xã hội hóa công tác giáo dục và đào tạo, thực hiện kế hoạch hóa gia đình, xây dựng làng văn hóa, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở... Tính riêng số vốn huy động trong dân để làm giao thông đạt 163,2 tỉ đồng ; .sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới 2.612 km đường các loại ; 98 trên tổng số 116 xã, phường có từ một đến hai trường học cao tầng ; 100% số thôn, xóm có điện sinh hoạt cung cấp đến hộ gia đình ; nhiều xã xây dựng được hệ thống cung cấp nước sạch ; 63% số xã, phường có bác sĩ. Các chương trình quốc gia về giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo được triển khai đạt kết quả tốt. Tỉ lệ hộ đói, nghèo từ 15,4% năm 1997 giảm xuống dưới 10% năm 2000 ; không còn hộ đói. Trong lĩnh vực giữ gìn an ninh chính trị, ổn định xã hội, nhất là ở cơ sở nông thôn đạt được kết quả rất đáng phấn khởi. Cấp ủy đảng và chính quyền các cấp đã làm tốt công tác tiếp dân và giải quyết có kết quả nhiều vụ việc khiếu kiện phức tạp, kéo dài, đông người, vượt cấp. Số đơn thư khiếu tố hằng năm giảm trung bình 10%.

Trong lĩnh vực xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân cũng đạt được những tiến bộ và trưởng thành. Đặc biệt là những chuyển biến tích cực, rõ nét trong việc khắc phục khuyết điểm mất đoàn kết nội bộ, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ. Thông qua những đợt kiểm điểm tự phê bình và phê bình trong Ban Thường vụ và Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh cho thấy, thực hiện tốt phát huy dân chủ nội bộ thì càng tăng cường đoàn kết, nhất trí, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương, nâng cao sức chiến đấu và hiệu lực lãnh đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền.

Các cấp ủy đảng đã xử lý kỷ luật kịp thời, nghiêm minh những cán bộ, đảng viên vi phạm nguyên tắc sinh hoạt đảng, pháp luật của nhà nước, kể cả những cán bộ đã hoặc đang giữ cương vị lãnh đạo chủ chốt của tỉnh ; tạo được sự đồng tình cao trong nội bộ, có tác dụng giáo dục, ngăn ngừa những vi phạm mới, đem lại niềm tin trong nhân dân.

Trong quá trình thảo luận xây dựng dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội đảng bộ tỉnh khóa XVI nhiệm kỳ 2001 - 2005, đảng bộ tỉnh Hà Nam nêu lên bốn bài học về công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân ; trong đó, *bài học giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết trong Đảng là bài học đầu tiên.* Cán bộ, đảng viên trong đảng bộ nhận thức sâu sắc rằng, có xây dựng được sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng, nhất là trong cơ quan lãnh đạo mới có thể đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, xã hội, làm tốt công tác quốc phòng, an ninh ; mới phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị. Những cán bộ bị xử lý kỷ luật do vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, để cho chủ nghĩa cá nhân chi phối, gây chia rẽ bè phái đã đưa lại bài học vô cùng sâu sắc, thấm thía đối với toàn đảng bộ.

Bài học thứ hai là về công tác cán bộ ; trong đó nhấn mạnh việc đánh giá, bố trí và sử dụng cán bộ, phải coi trọng cả đức và tài, lấy đức là gốc. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, đoàn thể phải làm tốt vai trò hạt nhân đoàn kết, quy tụ được mọi người ; phải gương mẫu tự phê bình và phê bình. Phải đặc biệt coi trọng xây dựng cơ chế phát huy dân chủ, bàn bạc tập thể trong việc đánh giá, lựa chọn, bố trí cán bộ, nhất là người đứng đầu cấp ủy, cơ quan. Khi người đứng đầu cấp ủy, cơ quan mắc khuyết điểm nghiêm trọng, không còn đủ phẩm chất, năng lực, uy tín để đảm đương công việc phải kịp thời thay thế, không để ảnh hưởng đến phong trào.

Bài học thứ ba là phải xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh ; Đảng gắn bó mật thiết với dân. Thực tiễn cho thấy, sự vững mạnh của Đảng là nhân tố quyết định sự vững mạnh của hệ thống chính trị và sự ổn định chính trị của cơ sở. Cơ sở là nơi diễn ra mối quan hệ qua lại, trực tiếp, hằng ngày giữa Đảng, chính quyền, đoàn thể với nhân dân. Nơi nào xây dựng tổ chức đảng vững mạnh, trong sạch, thực hiện tốt dân chủ trong Đảng và dân chủ trong dân thì nơi đó mọi phong trào do Đảng phát động đều được nhân dân đồng tình hưởng ứng, đem lại kết quả tốt.

Bài học thứ tư là, thực hiện nghiêm túc sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương ; đồng thời phát huy

Digitized by Google

tính năng động, vận dụng sáng tạo các chủ trương, nghị quyết của Đảng và Nhà nước. Nêu lên bài học này bởi vì đã có lúc có những cán bộ không chấp hành nghiêm túc sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên, đã sử dụng quyền lực cá nhân chi phối các quyết định của tập thể, nhất là trong công tác cán bộ ; gây nên sự chia rẽ, rạn nứt nghiêm trọng trong nội bộ cơ quan, cấp ủy. Mặt khác, cũng vì mất đoàn kết mà nhiều đồng chí không dám chịu trách nhiệm giải quyết các công việc. Nhấn mạnh yêu cầu chấp hành nghiêm túc sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên, nhưng cũng đòi hỏi cán bộ phải đề cao tinh thần trách nhiệm, năng động, dám nghĩ, dám làm ; phải ra sức phát huy các nguồn lực của địa phương, cơ sở để thực hiện thắng lợi các chủ trương, nghị quyết của Đảng và Nhà nước.

Bốn năm là quãng thời gian tương đối ngắn so với một nhiệm kỳ Đại hội. Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã trải qua chặng đường phấn đấu hết sức tích cực và khẩn trương, vừa tranh thủ phát huy tối đa những thuận lợi, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh ; vừa quyết tâm vượt qua khó khăn, thử thách, sửa chữa khuyết điểm, thiếu sót để tiến lên phía trước, rút ngắn khoảng cách chênh lệch so với các tỉnh trong khu vực và với cả nước. Những thành tích đạt được trong bốn năm qua là hết sức quan trọng và đáng phấn khởi, là tiền đề cho sự phát triển trong những năm tiếp theo. Những thành tựu và tiến bộ đó không chỉ đem lại niềm phấn khởi, tin tưởng cho cán bộ, nhân dân trong tỉnh mà cũng là kết quả của sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên, sâu sát của Trung ương ; là niềm vui của tất cả những ai luôn luôn quan tâm, giúp đỡ và theo dõi từng bước đi lên của tỉnh Hà Nam.

Nhìn lại chặng đường bốn năm qua, trong quá trình chuẩn bị Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, đảng bộ Hà Nam càng nhận thức sâu sắc hơn nguyên nhân của những thành công và yếu kém, của những khó khăn, thử thách đang đặt ra trên con đường đi lên ; nhận thức sâu sắc hơn về những đòi hỏi của đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đối với sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể của tỉnh nhà.

Tình hình kinh tế, xã hội những năm qua có bước phát triển tương đối nhanh nhưng chưa toàn diện, chưa vững chắc. Lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa đáp ứng yêu cầu. Tỷ trọng công nghiệp còn nhỏ bé. Trong nông nghiệp giá trị thu nhập bình quân trên đơn vị diện tích còn thấp ; chế biến và tiêu thụ sản phẩm còn khó khăn. Tích lũy từ nội bộ nền kinh tế của tỉnh còn thấp ; chưa cân đối được thu chi ngân sách. Nhân dân về cơ bản mới vươn lên no đủ, tỷ lệ hộ khá giả, hộ giàu còn ít. Vấn đề giải quyết việc làm, đời sống, phòng chống tệ nạn xã hội, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực trong hệ thống chính trị... vẫn đang là những đòi hỏi bức xúc hằng ngày của nhân dân.

Trên cơ sở nhận thức sâu sắc những thuận lợi và khó khăn, tiềm năng và triển vọng, thành tựu và yếu kém, đảng bộ và nhân dân trong tỉnh tiếp tục quán triệt tư tưởng chỉ đạo chiến lược xuyên suốt của Đảng : phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, vừa ra sức phát huy nội lực, vừa tranh thủ thu hút đầu tư, liên doanh, liên kết ; tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tăng cường đoàn kết thống nhất, quyết tâm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu Đại hội đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2001 - 2005, với những chỉ tiêu chủ yếu : Tổng sản phẩm tăng bình quân 9%/năm. Tăng tỉ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế từ 28,5% lên 34% vào năm 2005. Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân trên 3,5%/năm. Doanh số thương mại và dịch vụ tăng bình quân 12%/năm. Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2005 còn dưới 7% ; kết hợp hài hòa mục tiêu phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội ; thực hiện công bằng xã hội. Tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng ; tăng cường sự gắn bó mật thiết Đảng với dân. Phấn đấu giữ vững và phát huy hơn nữa sức mạnh của các phong trào hành động cách mạng của nhân dân trong tỉnh.

Bước vào thời kỳ phát triển mới, đảng bộ và nhân dân Hà Nam tin tưởng sâu sắc rằng, được sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ, sự giúp đỡ của các ban, ngành trung ương, đảng bộ và nhân dân Hà Nam nhất định sẽ vượt qua mọi khó khăn, thử thách, hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu của Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. ❑

Digitized by Google

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

ĐÀO TRỌNG THI *

ĐẠI học quốc gia Hà Nội ((ĐHQGHN) được thành lập tháng 12-1993 và chính thức bước vào hoạt động từ tháng 4-1994 trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại 3 trường đại học lớn, có truyền thống lâu năm : Đại học Tổng hợp Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội 1, Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội. Đây là những trường đại học trọng điểm, đầu ngành về các lĩnh vực : khoa học cơ bản, sư phạm, ngoại ngữ. Năm 1999, Trường đại học Sư phạm được tách khỏi ĐHQGHN để xây dựng thành Trường đại học Sư phạm Hà Nội trọng điểm.

Cùng với truyền thống của các trường đại học thành viên, vốn quý nhất của ĐHQGHN là đội ngũ cán bộ giảng dạy, quản lý đông đảo, có trình độ khoa học cao và bề dày kinh nghiệm, đặc biệt là về khoa học cơ bản. Hiện nay, tổng số cán bộ, công chức của ĐHQGHN gồm 1 988 người, trong đó có 1 339 cán bộ giảng dạy. Về học vị, có 52 TSKH, 435 TS (tỷ lệ cán bộ giảng dạy có học vị tiến sĩ trở lên đạt 37%) và 322 thạc sĩ (tỷ lệ cán bộ giảng dạy có trình độ sau đại học trở lên đạt 61%). Về học hàm, có 58 GS, 178 PGS (tỷ lệ : 18%). Lĩnh vực khoa học cơ bản, tỷ lệ cán bộ giảng dạy có học vị tiến sĩ trở lên khoảng 60% và tỷ lệ cán bộ giảng dạy có học hàm GS, PGS khoảng 30%. ĐHQGHN có 16 821 sinh viên hệ chính quy, 1 820 học viên cao học và nghiên cứu sinh, 2 149 học sinh trung học phổ thông chuyên về khoa học tự nhiên và ngoại ngữ.

Trong 6 năm qua, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, sự giúp đỡ của các ngành, các cấp, các địa phương, thầy và trò đã nỗ lực phấn đấu xây dựng ĐHQGHN thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học chất lượng cao, đa ngành, đa lĩnh vực ; thực hiện tốt quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cao, sử dụng có hiệu quả đầu tư lớn của Nhà nước, và đã đạt được những thành quả ban đầu rất cơ bản.

Thứ nhất, giữ vững được sự ổn định. Đảng ủy và Ban Giám đốc đã có những chủ trương và giải pháp đúng đắn, kịp thời nhằm khắc phục những khó khăn nảy sinh do nhận thức về mô hình ĐHQG chưa nhất quán, làm cho quá trình sắp xếp tổ chức, điều chỉnh cơ cấu, tách nhập các đơn vị bị kéo dài, dẫn đến sự phân tâm. Nhờ vậy, 6 năm qua, ĐHQGHN luôn giữ được sự đoàn kết nhất trí trong lãnh đạo, sự ổn định trong nhà trường, bảo đảm thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị được giao.

Thứ hai, đã phát huy trí tuệ tập thể các nhà khoa học, các cán bộ quản lý để xác định đúng phương hướng và có những bước đi sáng tạo nhằm giải quyết vấn đề này. Đến nay, mô hình phát triển ĐHQGHN về cơ bản đã được xác định và bước đầu đã triển khai xây dựng.

Về cơ cấu, khi mới thành lập, ĐHQGHN chủ yếu chỉ có các ngành khoa học cơ bản. Phát huy thế mạnh về khoa học cơ bản, ĐHQGHN đã tích cực và chủ động thực hiện đa ngành, đa lĩnh vực, sắp xếp lại cơ cấu ngành nghề đào tạo phù hợp với yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH), xây dựng được 20 ngành học mới theo các hướng mũi nhọn của công nghệ và KT -XH như : công nghệ thông tin, điện tử viễn thông, khoa học vật liệu, công nghệ sinh học, công nghệ hóa học, môi trường, địa chính, khí tượng thủy văn, quốc tế học, đông phương học, du lịch, quản lý xã hội, khoa học chính trị và tư tưởng Hồ Chí Minh, ngôn ngữ và văn hóa Nhật Bản, Hàn Quốc... Trên cơ sở đó, ĐHQGHN đã quyết định thành lập theo thẩm quyền gần 20 khoa mới trực thuộc các trường đại học thành viên, đồng thời đã chủ động xây dựng các lĩnh vực đào tạo mới, bao gồm những ngành công nghệ cao, những ngành KT-XH mũi nhọn dựa trên nền tảng khoa học cơ bản, dưới hình thức tổ chức bước đầu là các khoa trực thuộc. Hiện nay, bên cạnh 3 trường đại học thành viên (Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Ngoại ngữ), ĐHQGHN còn có 5 khoa trực thuộc (Công nghệ, Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Luật, Sư phạm). Đại học quốc gia Hà Nội còn có một số trung tâm nghiên cứu trực thuộc về những

* GS, TSKH, Ủy viên Trung ương Đảng, Đại học quốc gia Hà Nội

Digitized by Google

hướng khoa học công nghệ liên ngành, ưu tiên như : Viện đào tạo Công nghệ thông tin ; Trung tâm nghiên cứu tài nguyên và môi trường ; Trung tâm Công nghệ sinh học ; Trung tâm nghiên cứu Việt Nam và giao lưu văn hóa ; Trung tâm bảo đảm chất lượng đào tạo và nghiên cứu phát triển giáo dục ; Trung tâm bồi dưỡng cán bộ giảng dạy lý luận Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ; Trung tâm nghiên cứu về phụ nữ ; Trung tâm phát triển hệ thống ; Trung tâm hợp tác đào tạo và bồi dưỡng cơ học ; một số đơn vị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Về cơ chế, ĐHQGHN đã xây dựng và thực hiện Quy chế hoạt động, cụ thể hóa Quy chế do Thủ tướng ban hành, một mặt bảo đảm quyền chủ động của các trường đại học thành viên, mặt khác tăng cường sự hòa nhập, liên thông giữa các đơn vị và sự điều phối thống nhất của Ban Giám đốc, nhất là trong quản lý và sử dụng chung đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ cao và cơ sở vật chất kỹ thuật quý hiếm. Đảng bộ và các tổ chức quần chúng (công đoàn, đoàn thanh niên, hội sinh viên) cũng được tổ chức theo mô hình cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc đảng bộ và các đoàn thể quần chúng của thành phố Hà Nội.

Về bộ máy quản lý, ĐHQGHN đã kiện toàn tổ chức văn phòng và các ban chức năng, gọn nhẹ, đáp ứng yêu cầu thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao về kế hoạch - đầu tư, tài chính, tổ chức nhân sự, đào tạo, khoa học - công nghệ, quan hệ quốc tế...

Mô hình ĐHQGHN theo hướng trên hoàn toàn phù hợp với ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị về tổ chức lại hai ĐHQG. Phương án tổ chức lại hai ĐHQG của Chính phủ đề nghị giữ nguyên cơ cấu ĐHQGHN hiện nay với cơ chế quản lý tự chủ cao hơn trước.

Tuy nhiên, cơ cấu ĐHQGHN còn thiếu cân đối giữa các lĩnh vực, các ngành ; giữa các bậc, hệ đào tạo ; giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Thứ ba, chất lượng đào tạo đã có tiến bộ nhất định. Mục tiêu, đồng thời cũng là thách thức lớn nhất đối với ĐHQGHN là đào tạo chất lượng cao. Tuy chưa có chuyển biến rõ nét trong chất lượng đào tạo đại trà, nhưng ĐHQGHN đã thực hiện thành công một số giải pháp, nhờ đó đã đạt được chất lượng cao trong một số lĩnh vực và đối với một bộ phận sinh viên, đồng thời tạo ra những tiền đề quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo đại trà.

Đại học quốc gia Hà Nội đã xây dựng chương trình cho 47 ngành đào tạo đại học, 122 chuyên ngành đào tạo cao học và 106 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ. Sau hai đợt điều chỉnh, hệ thống chương trình đào tạo đã có tính khoa học, hiện đại, khả thi ; đã biên soạn 655 giáo trình, bài giảng phục vụ đào tạo đại học, sau đại học và thực hiện một số giải pháp đổi mới phương pháp dạy, học, kiểm tra đánh giá theo hướng lấy người học làm trung tâm. ĐHQGHN cũng đã thực hiện tốt dự án đầu tư bước một. Đây là dự án trọng điểm quốc gia cùng với một số dự án đầu tư từ các nguồn vốn khác để tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị. ĐHQGHN xây dựng được 64 214 m² sàn, gấp rưỡi tổng diện tích đã có khi thành lập. Nhiều giảng đường đạt chuẩn, thư viện khang trang, một số phòng thí nghiệm hiện đại về công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, khoa học vật liệu, công nghệ môi trường, hóa dầu, multimedia phục vụ học tiếng... với trang thiết bị trị giá khoảng 10,3 triệu USD và 32 tỉ đồng.

Cùng với việc chuẩn bị các tiền đề để nâng cao chất lượng đào tạo đại trà, ĐHQGHN chú trọng phát triển các hệ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và nhân tài khoa học, công nghệ cho đất nước. Tiếp tục phát huy thành tích của hệ phổ thông chuyên (toán học, tin học, vật lý, hóa học, sinh học, ngoại ngữ) trong việc phát hiện và bồi dưỡng học sinh năng khiếu, cung cấp nguồn học sinh giỏi cho các trường đại học. Thầy giáo và học sinh hệ phổ thông chuyên của ĐHQGHN đóng vai trò nòng cốt trong hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi và thường nằm trong thành phần các đội tuyển đi thi Olympic quốc gia, quốc tế, đạt được nhiều giải cao.

Đại học quốc gia Hà Nội có sáng kiến tổ chức hệ đào tạo cử nhân tài năng, tập hợp trò giỏi, thầy giỏi, điều kiện đào tạo tốt để thực hiện chương trình đào tạo tiên tiến. Kết quả 3 năm thí điểm cho thấy chất lượng của hệ đào tạo này cao, được quốc tế thừa nhận, một số sinh viên được cử đi học chuyển tiếp ở một số đại học lớn trên thế giới, được xếp loại giỏi, có em đứng đầu ở đại học Bách khoa Pa-ri. ĐHQGHN tổ chức một số khóa đào tạo đại học, sau đại học liên kết với nước ngoài, chất lượng đạt chuẩn khu vực, quốc tế.

Hệ phổ thông chuyên, hệ đào tạo cử nhân tài năng và các khóa học liên kết quốc tế là những đỉnh cao trong bức tranh tổng thể về chất lượng đào tạo. Tuy nhiên, số sinh viên của các loại hình đào tạo chất lượng cao này còn rất khiêm tốn, chỉ chiếm khoảng 7% tổng số sinh viên.

Thứ tư, đã có tiến bộ vượt bậc cả về số lượng và chất lượng trong hoạt động khoa học - công nghệ (KH-CN). Tổng kinh phí sự nghiệp KH-CN năm 2000 tăng gần 20 lần so với năm 1995, chủ yếu là của các đề tài, dự án cấp nhà nước và cấp ĐHQGHN. Giai đoạn 1996 - 2000 ĐHQGHN được giao quản lý chương trình nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên và thực hiện 819 đề tài, dự án KH-CN, có 112 đề tài, dự án cấp nhà nước, 95 đề tài nghiên cứu cơ bản, chiếm 1/3 tổng kinh phí nghiên cứu cơ bản toàn quốc. Ngoài ra, ĐHQGHN còn thực hiện 52 đề tài, dự án hợp tác quốc

Digitized by Google

tế và hàng chục đề tài hợp đồng với các bộ, ngành, địa phương. Các đề tài, dự án KH-CN đã góp phần phát triển tri thức, phục vụ thực tiễn, nâng cao chất lượng đào tạo và tăng cường trang thiết bị khoa học. Một số ít công trình đã đạt tầm cỡ quốc tế, có giá trị thực tiễn cao.

Thứ năm, từng bước khẳng định được vị thế, uy tín trong xã hội và trên trường quốc tế. Kế thừa và phát huy truyền thống của các trường đại học tiền thân, ĐHQGHN đã trở thành một trung tâm giao lưu văn hóa lớn, một đầu mối hợp tác quốc tế.

Đại học quốc gia Hà Nội có quan hệ với trên 90 trường đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức giáo dục, khoa học trên thế giới. Trong 6 năm qua ĐHQGHN đã cử gần 3 000 lượt cán bộ, sinh viên ra nước ngoài dự hội nghị, trao đổi nghiên cứu, học tập và đón hơn 3 000 lượt khách dự hội nghị, hợp tác nghiên cứu, học tập. Các nguồn kinh phí chủ yếu do nước ngoài đài thọ. Các dự án hợp tác quốc tế với tổng trị giá khoảng 14 triệu USD, đã góp phần tăng cường trang thiết bị hiện đại hỗ trợ học bổng cho sinh viên khoảng 100 900 USD, giúp đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho hàng trăm cán bộ khoa học. ĐHQGHN đã đăng cai tổ chức nhiều hội nghị quốc gia, quốc tế, trong đó có "Hội thảo quốc tế về giáo dục đại học trong thế kỷ XXI", "Hội nghị quốc tế về Việt Nam học lần thứ nhất"... ; mở rộng hợp tác và hỗ trợ trong đào tạo, nghiên cứu khoa học với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu trong nước, trước hết là hai trung tâm khoa học quốc gia. Sự hợp tác giữa ĐHQGHN với Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia đã và đang góp phần quan trọng vào việc phát triển lĩnh vực công nghệ cao.

ĐHQGHN đang bước vào giai đoạn phát triển mới, theo chiều sâu, tiếp tục huy động sức mạnh của đội ngũ cán bộ khoa học, quản lý và cơ sở vật chất kỹ thuật đã có, của mô hình tổ chức đã được khẳng định, sử dụng có hiệu quả đầu tư, cơ chế tự chủ, chính sách được ưu tiên, đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế nhằm xây dựng ĐHQGHN thành một trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, ngang tầm khu vực, từng bước tiến tới đạt trình độ quốc tế. Để đạt được mục tiêu đó, ĐHQGHN phấn đấu giữ vững sự đoàn kết, nhất trí và ổn định ; củng cố và phát triển một cách cân đối cơ cấu đa ngành, đa lĩnh vực ; kết hợp hữu cơ giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, làm chuyển biến rõ nét chất lượng đào tạo, ưu tiên mở rộng quy mô đào tạo sau đại học và các hệ đào tạo chất lượng cao, nâng cao giá trị và thực tiễn của hoạt động KH-CN. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ này, ĐHQGHN cần có sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ của Đảng và Nhà nước, các ban, ngành, địa phương. Trước mắt, chúng tôi nêu một số kiến nghị :

1 - Tổ chức các trường đại học và các viện nghiên cứu mới. Các lĩnh vực đào tạo mới, các đơn vị nghiên cứu của ĐHQGHN hiện nay hình thành dưới hình thức tổ chức tạm thời (do ĐHQGHN quyết định thành lập) là các khoa và trung tâm trực thuộc. Nhà nước cần ưu tiên đầu tư kinh phí và tăng cường biên chế để đủ điều kiện phát triển các đơn vị này thành các trường đại học và viện nghiên cứu. Trước mắt, đề nghị Chính phủ quyết định thành lập Trường đại học Công nghệ, Trường đại học Kinh tế, Viện khoa học ứng dụng và công nghệ, Viện nghiên cứu Việt Nam và phát triển trực thuộc ĐHQGHN.

2 - Mở rộng quy mô đào tạo cử nhân tài năng. Hệ đào tạo cử nhân tài năng với chất lượng cao đạt chuẩn mực quốc tế đã được ĐHQGHN tổ chức thí điểm 3 năm và đủ cơ sở để khẳng định hệ đào tạo này có hiệu quả và khả thi. Nhưng hiện nay số sinh viên của hệ này chỉ chiếm khoảng 1,5% tổng số sinh viên chính quy (khoảng 15% số ngành và 10% số sinh viên trong mỗi ngành tham gia đào tạo). Xét năng lực đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất kỹ thuật và chất lượng đầu vào thì có thể tăng quy mô hệ đào tạo này lên 10 - 15% tổng số sinh viên ĐHQGHN. Nhà nước sớm chính thức công nhận, có quy chế, chính sách, chế độ ưu tiên và kế hoạch đầu tư cho ĐHQGHN từng bước mở rộng hệ đào tạo này.

3 - Sử dụng tiềm lực nghiên cứu của đội ngũ cán bộ giảng dạy đại học. ĐHQGHN có đội ngũ cán bộ giảng dạy đông đảo, trình độ khoa học cao. Theo quy định, mỗi cán bộ giảng dạy được dành 1/3 thời gian cho nghiên cứu khoa học. Nhưng hiện nay việc sử dụng năng lực nghiên cứu của đội ngũ cán bộ giảng dạy ở ĐHQGHN còn rất lãng phí. Mức kinh phí sự nghiệp KH-CN bình quân cấp cho một cán bộ giảng dạy chỉ bằng khoảng 1/10 mức cấp cho một cán bộ nghiên cứu ở các trung tâm khoa học quốc gia. Nhà nước cần điều chỉnh lại sự phân bổ kinh phí KH-CN để mỗi cán bộ giảng dạy được giao nhiệm vụ nghiên cứu bằng 1/3 cán bộ nghiên cứu toàn thời gian.

Việc giao nhiệm vụ nghiên cứu cho các bộ giảng dạy khoa học xã hội và nhân văn còn nhiều khó khăn. Bởi lẽ ĐHQGHN chưa được xem là đầu mối của Hội đồng lý luận Trung ương như Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia. Việc phân công nhiệm vụ nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn cho ĐHQGHN chưa tương xứng với tiềm lực đội ngũ cán bộ giảng dạy khoa học xã hội và nhân văn và chưa công bằng so với các cơ quan khoa học khác. ĐHQGHN cần có sự quan tâm của Đảng để có thể trở thành một đầu mối nhận nhiệm vụ nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn trực tiếp từ Hội đồng lý luận Trung ương. ❑

Digitized by Google

ĐỔI MỚI TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC 10 NĂM QUA

BÙI ĐƯỜNG NGHIÊU *

Sau 10 năm tiếp tục công cuộc đổi mới, bên cạnh những thành tựu kinh tế - xã hội to lớn, trên mặt trận tài chính chúng ta đã đạt được những thành công. *Thu ngân sách không những bảo đảm đủ nguồn cho chi tiêu thường xuyên của Nhà nước mà còn dành ra một phần tích lũy cho đầu tư phát triển, tăng cường dự trữ, củng cố tiềm lực tài chính.* Bình quân 10 năm tỷ suất thu ngân sách nhà nước (NSNN) so với GDP đạt 20,2%, tăng khá so với mức 13,4% giai đoạn 1986 - 1990. Những năm cuối thế kỷ, quy mô NSNN đã tăng khoảng 2,6 đến 2,9 lần so với năm 1991. Nếu xét về số tuyệt đối, tính theo giá hiện hành, thu NSNN năm 2000 đã tăng gấp 7,7 lần so với năm 1991. Nếu loại trừ yếu tố lạm phát, quy mô tuyệt đối thu NSNN vẫn còn tăng gấp 2,6 lần năm 1991. Trong đó, số thu từ thuế, phí ngày càng lớn và chiếm tỷ trọng quyết định trong tổng thu NSNN (bình quân đạt khoảng 95% đến 98% trong tổng thu). Thành tựu này đánh dấu tiến bộ của ngành thuế, đồng thời, khẳng định chiều hướng phát triển đúng đắn của công cuộc chuyển đổi kinh tế, cải cách thuế, xây dựng nền tài chính nhà nước phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Các năm 1990, 1991, 1992 tốc độ tăng thu NSNN năm sau luôn cao hơn năm trước. Cao nhất là năm 1992, thu ngân sách bằng 198% so với năm 1991. Số thực thu NSNN những năm này phản ánh rõ rệt hiện tượng tăng trưởng nhanh của nền kinh tế. Từ 1993, tốc độ tăng thu năm sau so với năm trước tuy vẫn tăng nhưng mức tăng lại giảm dần và tăng chậm lại. Thực tế, tốc độ tăng thu NSNN đã giảm từ 98,1% (1992 so với 1991) xuống 3,1% (1997 so với 1996). Sau đó, tốc độ tăng thu ngân sách đã nhích lên, điều đó có thể được lý giải do xuất khẩu dầu thô.

Chi NSNN diễn biến khá thất thường trong những năm đầu thập niên 90. Năm 1990, tổng chi NSNN chiếm 20% GDP, năm 1991 giảm xuống còn 15,0%. Sau đó đột ngột tăng lên tới gần 30% GDP vào năm 1993. Từ 1994, đặc biệt là sau 1995, tổng chi NSNN so với GDP liên tục giảm. Chỉ trong 5 năm, tỷ trọng chi NSNN đã giảm từ 29,4% GDP (1993) xuống 22,7% GDP (1998), lượng giảm tương đương với khoảng 1/5 tổng chi NSNN. Bình quân từ 1991 đến 1998, chi NSNN đạt 24,5% GDP. Các năm 1999, 2000 mặc dù đã áp dụng các biện pháp kích cầu nhưng tỷ suất chi NSNN so với GDP cũng chỉ ước đạt 22,5% - 23,5% GDP. Tuy vậy, xét cả thời kỳ 10 năm, nếu tính theo giá hiện hành, quy mô tuyệt đối chi NSNN năm 2000 đã tăng gấp 8,5 lần so với năm 1991. Nếu loại trừ yếu tố lạm phát, quy mô tuyệt đối chi NSNN năm 2000 vẫn còn tăng gấp 2,9 lần năm 1991. Bình quân cả thập niên (1991 - 2000) mức chi NSNN đã đạt 24,1% GDP, tăng mạnh so với mức bình quân 19,7% trong giai đoạn 1986 - 1990.

Nhìn chung, tình hình thu - chi NSNN giai đoạn đầu thập niên 90 là tích cực, phù hợp với xu thế tăng trưởng kinh tế mạnh. Tốc độ thu - chi NSNN luôn luôn cao hơn tốc độ lạm phát và tăng trưởng, chứng tỏ số thực thu - chi ngân sách vẫn còn bảo đảm giá trị thực của nó sau khi loại trừ mức độ mất giá tiền tệ. Có thể nói, cuộc cải cách thuế giai đoạn I (1986 - 1990) cũng như các biện pháp chống lạm phát đã phát huy tác dụng và mang lại hiệu quả tốt. Nhưng sau năm 1994, tốc độ tăng thu - chi NSNN thấp hơn tốc độ lạm phát và tăng trưởng kinh tế, chứng tỏ đã xuất hiện khó khăn đối với hoạt động tài chính nhà nước. Trong điều kiện đó, nếu loại trừ yếu tố lạm phát, số thực thu - chi NSNN đã không đạt yêu cầu. Sang năm 1997, thiên tai, giá dầu mỏ trên thế giới giảm và khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á lại càng tác động tiêu cực đến kinh tế, trực tiếp làm giảm cơ sở thu đồng thời gia tăng áp lực chi NSNN. Thực tế, tốc độ tăng chi năm 1997 cao hơn tốc độ tăng thu tới 40%. *Những tín hiệu suy thoái kinh tế phải chăng đã được phản ánh trước hết ở cân đối này.*

Trong điều hành, NSNN được cân đối theo nguyên tắc tổng số thu từ thuế, phí và lệ phí phải lớn hơn tổng số chi thường xuyên. Bội chi NSNN chủ yếu được sử dụng tập trung cho đầu tư phát triển. Trong đó, chú trọng đầu tư vào cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, không sử dụng vốn vay cho tiêu dùng, chỉ sử dụng cho mục đích phát triển, phải có kế hoạch thu hồi vốn vay, bảo đảm cân đối ngân sách để chủ động trả hết nợ khi đến hạn. Lần đầu tiên trong lịch sử điều hành tài chính nhà nước, những quan điểm trên đã được cụ thể hóa trong Luật NSNN,

* Viện nghiên cứu Tài chính

Digitized by Google

đánh dấu một bước tiến quan trọng trong phương pháp điều hành chính sách tài khóa.

Năm 1993, tốc độ tăng chi ngân sách lớn hơn tốc độ tăng thu, bội chi ở mức kỷ lục (6,4% GDP). Một phần đáng kể lượng bội chi này được sử dụng để xây dựng đường dây tải điện 500 kV Bắc - Nam. Sau đó, bội chi được kiểm soát chặt chẽ và kiềm chế ở mức thấp dưới 5% GDP. Bình quân giai đoạn 1991 - 1998 bội chi NSNN đạt 3,8%. Các năm 1999, 2000, do thực hiện các chính sách kích cầu đầu tư, tăng lương cơ bản, bội chi NSNN đã tăng tới mức giới hạn do Quốc hội duyệt, đạt từ 4,9% đến 5% GDP. Bình quân cả thập niên 90, bội chi NSNN đạt 4% GDP.

Trước đây, do phát hành tiền để bù đắp bội chi nên lạm phát đã tăng cao không kiểm soát được. Từ năm 1992, Nhà nước đã hạn chế phát hành tiền bù đắp bội chi, nên đã giảm được áp lực tăng chỉ số giá tiêu dùng, góp phần ổn định nền tài chính quốc gia, chặn đứng và khống chế lạm phát xuống mức dưới 10%.

Những nguyên nhân thành công.

1 - *Điều hành thu, chi ngân sách nhà nước.* Lần đầu tiên, chi NSNN được kết cấu lại theo hướng *tôn trọng cả 3 lĩnh vực chi đầu tư, chi thường xuyên, chi trả nợ.* Trong đó, mặc dù chi thường xuyên vẫn chiếm tỷ trọng lớn (bình quân 63,5% tổng chi NSNN) nhưng tỷ trọng chi đầu tư phát triển từ NSNN đã vươn lên đạt mức bình quân khoảng 25%, chi viện trợ và trả nợ chiếm hơn 11% trong tổng chi NSNN. Trong thực tế, đã bước đầu xác lập được quan hệ cân đối cần thiết giữa các tỷ lệ chi ngân sách cho đầu tư (định hướng phát triển kinh tế nhanh, bền vững) với tỷ lệ chi thường xuyên (đáp ứng nhu cầu chi tiêu hợp lý của bộ máy nhà nước) và chi trả nợ, dự trữ, dự phòng. Đồng thời, đã bước đầu chuyển những nội dung chi tiêu không thuộc phạm vi chức năng của NSNN sang khu vực doanh nghiệp và dân cư (xã hội hóa). Việc cắt giảm đáng kể những khoản chi mang tính bao cấp hoặc chi không thuộc chức năng của NSNN (như một số nội dung chi cho các sự nghiệp y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao...) đã bước đầu huy động các nguồn lực trong dân cư và giảm bớt gánh nặng cho NSNN.

Nhờ biện pháp cổ phần hóa và sự kiên quyết trong điều hành, các khoản chi mang tính bao cấp cho các doanh nghiệp nhà nước cũng đã giảm đáng kể (như bao cấp qua vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua máy móc thiết bị, cấp vốn lưu động, bù lỗ, bù chênh lệch giá, bán hàng theo giá cung cấp...). Trước đây, bình quân các khoản chi bao cấp cho khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm tới 1/2 tổng số thu NSNN từ các xí nghiệp quốc doanh nộp lên. Từ năm 1995 đến 1997, chi cấp vốn lưu động cho doanh nghiệp chỉ dao động trong khoảng 0,6% - 0,7%, bình quân năm 1991 đến 1997 đạt 1,5% tổng chi NSNN. Đây là hướng đi đúng đắn, phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện để các doanh nghiệp vươn lên, tự chủ trong sản xuất, kinh doanh, nâng cao hiệu quả kinh tế, cải thiện sức cạnh tranh. Đồng thời, nhờ việc giảm bớt các khoản chi bao cấp, bao biện, Nhà nước có điều kiện tập trung nguồn lực tài chính để điều tiết vĩ mô, định hướng phát triển thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

2 - *Xây dựng và hoàn thiện môi trường luật pháp về thuế.* Một hệ thống thuế mới, hiện đại, thống nhất, được điều chỉnh theo pháp luật đã được hình thành và củng cố nhờ kết quả cải cách thuế giai đoạn I và những bước đi ban đầu của cải cách thuế giai đoạn II (1996 - 2005). Hiện nay, hệ thống thuế bao gồm 9 sắc thuế chủ yếu, được chế tài bằng 6 luật, 3 pháp lệnh, áp dụng thống nhất đối với mọi đối tượng nộp thuế thuộc mọi thành phần kinh tế [1].

Luật pháp hóa chế độ thuế là tiến bộ rất quan trọng, đúng thời điểm của ngành tài chính. Về cơ bản, thuế và các nguồn thu NSNN đã được chế tài bằng luật. Nghĩa vụ, trách nhiệm của đối tượng nộp thuế được xác định công khai bằng luật pháp. Trên cơ sở đó, ổn định nguồn thu NSNN, tạo cơ sở pháp lý để Chính phủ chủ động điều hành vĩ mô.

Hệ thống thuế mới đã từng bước khắc phục những yếu kém của hệ thống thuế cũ bằng cách : xóa bỏ sự phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế ; tăng cường được tính pháp quy ; hạn chế mức độ phức tạp về phạm vi, đối tượng chịu thuế, cơ sở tính thuế, thuế suất, chế độ miễn, giảm... Do đó, khắc phục được tình trạng hiểu luật theo nhiều nghĩa đều có vẻ đúng, hạn chế tình trạng tùy tiện thỏa thuận các vấn đề về thuế hoặc ban phát miễn, giảm...

Tuy nhiên, hiện nay chế độ thuế vẫn còn phải đảm nhiệm nhiều mục tiêu, kể cả mục tiêu "chính sách xã hội". Các nhiệm vụ đặt ra có lúc mâu thuẫn lẫn nhau, như tăng thu NSNN và kích thích sản xuất phát triển ; bảo hộ sản xuất trong nước và hội nhập quốc tế về thuế ; bình đẳng về thuế giữa thành phần kinh tế và củng cố vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước...

---

(1) Sáu luật thuế gồm : Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp (ban hành 10-7-1993 có hiệu lực từ 1-1-1994) ; Thuế chuyển quyền sử dụng đất (ban hành 22-6-1994 có hiệu lực từ 1-7-1994) ; Thuế giá trị gia tăng (ban hành 10-5-1997 có hiệu lực từ 1-1-1999) ; Thuế thu nhập doanh nghiệp (ban hành 10-5-1997 có hiệu lực từ 1-1-1999) ; Thuế tiêu thụ đặc biệt (ban hành 10-5-1997 có hiệu lực từ 1-1-1999) ; Thuế xuất khẩu, nhập khẩu (ban hành 20-5-1998 có hiệu lực từ 1-1-1999). Ba pháp lệnh thuế gồm Pháp lệnh thuế nhà, đất (ban hành 19-5-1994 có hiệu lực từ 1-1-1994), Pháp lệnh sửa đổi Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao (ban hành 19-5-1994 có hiệu lực từ 1-6-1994) và Pháp lệnh sửa đổi Thuế tài nguyên (ban hành 16-4-1998 có hiệu lực từ 1-6-1998)

Digitized by Google

3 - *Đổi mới hệ thống bộ máy thu thuế.* Từ ngày 7-8-1990, Chính phủ quyết định hợp nhất ba hệ thống thu độc lập (Cục Thu quốc doanh, Cục Thuế nông nghiệp và Cục Thuế công thương nghiệp) thành Tổng cục Thuế nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính. Quyết định này đã góp phần then chốt trong việc quản lý thống nhất các chính sách thuế và công tác thu thuế của Nhà nước. Đổi mới hệ thống tổ chức bộ máy thu thuế đã có những đóng góp mang tính quyết định đến thành công của sự nghiệp đổi mới.

4 - *Xây dựng và hoàn thiện môi trường luật pháp về ngân sách nhà nước.* Luật NSNN ra đời năm 1996 là nguyên nhân của các tiến bộ trong quản lý và điều hành NSNN, đánh dấu bước tiến mới, nâng cao tính pháp quy trong quan hệ tài chính giữa các cấp, các ngành. Luật xác định rõ : *Ngân sách nhà nước bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách các cấp chính quyền địa phương được quản lý thống nhất theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, có phân công trách nhiệm gắn với quyền hạn, phân cấp quản lý giữa các ngành các cấp* (2).

Lần đầu tiên Luật NSNN đã giải quyết khá căn bản quan hệ tài chính giữa các cấp chính quyền. Trong đó, ngân sách trung ương giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm các nhiệm vụ chiến lược, có quy mô toàn quốc. Đồng thời, thực hiện nguyên tắc phân định rõ các nguồn thu, nhiệm vụ chi đối với ngân sách địa phương, ổn định tỷ lệ điều tiết và số cấp bổ sung từ 3 - 5 năm nhằm tạo thế chủ động, bảo đảm tính độc lập tương đối của ngân sách địa phương. Vì lẽ đó, một mặt, quyền tự chủ của địa phương được mở rộng để chủ động khai thác các nguồn thu tại chỗ, chủ động bố trí chi tiêu hợp lý. Mặt khác, bảo đảm cho địa phương có đủ năng lực tài chính thực hiện các nhiệm vụ chính trị trên địa bàn.

5 - *Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý ngân sách nhà nước.* Đối với hệ thống bộ máy quản lý quỹ NSNN, quyết định chuyển nhiệm vụ quản lý quỹ NSNN và các quỹ tài chính nhà nước từ Ngân hàng nhà nước sang Bộ Tài chính, thành lập hệ thống Kho bạc nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính từ ngày 1-4-1990 (sau đó được kiện toàn bằng Nghị định 25/CP ngày 5-4-1995) là một quyết định quan trọng trong sự nghiệp đổi mới tài chính phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường, phân biệt rõ chức năng quản lý, điều hành chính sách tài khóa với chức năng tổ chức điều hành chính sách tiền tệ.

Việc đổi mới này, một mặt đã tạo thế chủ động cho Chính phủ, mặt khác lại bảo đảm tính độc lập tương đối của Ngân hàng nhà nước, tạo nền tảng để duy trì và củng cố nền tài chính - tiền tệ lành mạnh và ổn định. Đồng thời đây là điều kiện kỹ thuật tiên quyết bảo đảm kiểm soát chi ngân sách, hoặc triển khai cải cách, đổi mới trong quản lý thu, chi NSNN.

Còn tiềm ẩn một số nguyên nhân của các yếu kém.

1 - Nhìn chung, NSNN vẫn chưa được điều hành trên cơ sở nền tảng lý luận về tài chính nhà nước trong nền kinh tế thị trường, thiếu những định hướng chiến lược rõ ràng, còn thiếu về *cấp phát* (theo đúng nghĩa đen của nó). Thiếu vắng các quan điểm táo bạo, tích cực trong hoạch định, điều hành tài khóa nhằm thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững.

Do phải đối mặt với những khó khăn về nguồn thu, về tiềm lực tài chính, cũng như sự ám ảnh về nguy cơ giá cả tăng vọt không kiểm soát được, cộng thêm tình trạng lãng phí, tham nhũng trong bộ máy công quyền, ngân sách đã được điều hành theo chủ trương thắt chặt chi tiêu, triệt để thực hành tiết kiệm thông qua cắt giảm chi thường xuyên ngay từ khâu giao dự toán. Tốc độ tăng chi thấp, thua tốc độ tăng thu đã chứng tỏ phần nào rằng ngân sách được điều hành theo quan điểm "tài khóa thắt chặt".

Chính sách tài khóa thắt chặt hoàn toàn phù hợp với bối cảnh đất nước vừa thoát khỏi khủng hoảng trầm trọng trong thập niên 80, duy trì ổn định vĩ mô trong thập niên 90, bảo đảm cho quá trình chuyển đổi được triển khai đúng hướng. Nhưng tình hình thực tế những năm cuối thập niên 90 cho thấy chính sách thắt chặt chi tiêu ngân sách đã bộc lộ dấu hiệu tiêu cực và kìm hãm các hoạt động kinh tế. Để khắc phục tình trạng này, cần đổi mới thực sự trong nhận thức luận và phương pháp luận về việc chủ động sử dụng công cụ tài khóa trong điều hành kinh tế vĩ mô, phù hợp với sự thay đổi vai trò, chức năng của Nhà nước trong môi trường phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước cần phải sử dụng và biết sử dụng đúng cách, hợp quy luật, có hiệu quả công cụ tài khóa để thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế nhanh và bền vững, và mục tiêu đó hiện nay là rất cấp bách.

2 - Số thực thu NSNN những năm gần đây giảm dần đã phản ánh rõ nét thực trạng kinh tế có chiều hướng chững lại và giảm sút, theo chúng tôi, chủ yếu là do các loại nguyên nhân sau :

a) Hiệu ứng bùng nổ kinh tế về lượng (1991 - 1995) đã hết. Do đó, tăng trưởng kinh tế chững lại sẽ thu hẹp cơ sở thu NSNN. Hệ thống cơ chế, chính sách đổi mới thuộc thế hệ thứ nhất, hợp với thời kỳ đầu chuyển đổi, đã phát huy hiệu quả ở mức tối đa, gần như hết tác dụng tích cực ở giai đoạn sau. Thậm chí, có chính sách còn tỏ ra bảo thủ, bộc lộ các lỗ hổng, bất cập, cản trở tiến trình đổi mới. Bối cảnh kinh tế đã thay đổi. Những nỗ lực thiên

(2) Xem : Luật Ngân sách nhà nước, Điều 3, 4, Chương I

Digitized by Google

về lượng đòi hỏi phải được thay thế bằng các chính sách có chiều sâu về chất, hợp với kinh tế thị trường. Thêm vào đó, tỷ suất thu NSNN trên GDP giảm là do từ nửa sau thập niên 90, nền kinh tế thế giới và khu vực (kể cả nước ta) bước vào giai đoạn suy thoái, khủng hoảng tài chính lan rộng, giảm phát ngày càng lộ rõ những tác động tiêu cực của nó. Chính điều này đã ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước, nhất là những doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp hoạt động thương mại dịch vụ. Khi kinh tế bộc lộ các dấu hiệu trì trệ thì đương nhiên cơ sở kinh tế của các nguồn thu ngân sách sẽ bị co hẹp. Đáng chú ý là trong bối cảnh suy thoái kinh tế chung, thì khu vực thương mại, dịch vụ sẽ gánh chịu hậu quả nhiều nhất vì đó là khu vực nhạy cảm nhất ; tỷ trọng khu vực dịch vụ đã giảm từ 44,1% (1996) xuống 40,7% (1991). Điều này giải thích tại sao tỷ trọng đóng góp vào nguồn thu NSNN từ khu vực III liên tục giảm sút với số lượng đáng kể trong những năm vừa qua, mặc dù mức thuế suất cũng như các sắc thuế áp dụng cho khu vực này hầu như không có gì thay đổi.

b) Khủng hoảng tài chính châu Á (1997) và thiên tai liên tiếp xảy ra vào các năm 1997, 1998, 1999, 2000 ở miền Trung, miền Nam đã tác động tiêu cực đến tình hình thu - chi NSNN.

c) Do các nguyên nhân bên trong hệ thống tài chính. Trước hết, chất lượng, hiệu quả của hệ thống quản lý hành chính nhà nước nói chung và quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính nói riêng còn thấp. Ngân sách nhà nước ta có một kết cấu dễ bị tổn thương bởi các yếu tố bên ngoài. Bình quân giai đoạn 1991 - 1997, nguồn thu từ thuế xuất nhập khẩu (19%) và dầu thô (15%) chiếm 1/3 tổng thu NSNN. Do đó, khi giá cả trên thị trường thế giới giảm mạnh (1997) thì tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu nước ta cũng giảm nhiều, kéo theo việc giảm sút đáng kể số thu ngân sách, kể cả thu từ dầu thô, từ thuế xuất nhập khẩu và từ thuế thu nhập đối với các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu.

3 - Trong điều hành chi NSNN, chủ trương xã hội hóa một số nhiệm vụ chi thường xuyên mà lâu nay NSNN vẫn bao cấp đã bước đầu được xúc tiến và tỏ ra đúng hướng. Nhưng nhiều nội dung bao cấp vẫn còn, thậm chí có nguy cơ tái phát. Ngân sách vẫn còn sử dụng các biện pháp cấp vốn lưu động hoặc gia hạn nợ đọng thuế hoặc khoanh nợ, đảo nợ, giảm nợ, hoặc bao cấp qua lãi suất, qua bảo lãnh vay... Trong khi đó, do thủ tục, quy trình cấp phát kinh phí NSNN, quy trình thanh toán qua Kho bạc Nhà nước còn rườm rà nên không đảm bảo được chất lượng kiểm soát chi NSNN, hiệu quả chi ngân sách cùng hạn chế.

Trong lĩnh vực chi đầu tư phát triển, đã xuất hiện xu hướng mới : chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn tập trung của Nhà nước đang được dành chủ yếu cho xây dựng hạ tầng cơ sở và những khu vực khó hoặc không thu hồi được vốn. Đây là một xu hướng tích cực, phù hợp với thực tế, cần được củng cố và tăng cường trong giai đoạn tới. Tuy nhiên, tính tập trung, dứt điểm và hiệu quả đầu tư vẫn đang là vấn đề nhức nhối. Tình trạng dàn trải, lãng phí ngay từ khâu thiết kế, lựa chọn dự án đầu tư... vẫn còn khá phổ biến. Bố trí đầu tư vẫn chưa chú trọng hàm lượng thiết bị, mới chỉ quan tâm đến quy mô số lượng vốn xây dựng nên hiệu quả đầu tư chậm được phát huy. Hơn nữa, kế hoạch đầu tư phát triển chưa được đặt trong bối cảnh thực thụ của một chương trình phát triển kinh tế dài hạn, vẫn còn nặng về cơ chế kế hoạch tập trung từ trên xuống. Quy hoạch tổng thể không vững vàng. Chưa có cơ sở lý luận về việc sử dụng hiệu quả công cụ tài khóa để tác động vào tổng cầu (kích cầu) nhằm kích thích tăng trưởng, nuôi dưỡng nguồn thu lâu dài cho NSNN.

Những khoản chi vì lợi ích dài hạn - yếu tố cơ sở bảo đảm tăng trưởng bền vững cũng còn chưa được quan tâm đúng mức (chi cho khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường, giáo dục, nhất là giáo dục tiểu học, đào tạo nghề,...) những khoản chi này chỉ chiếm vị trí rất khiêm tốn trong tổng chi NSNN hàng năm. Bình quân 1991 - 1997, chi giáo dục đào tạo đạt 9,5% tổng chi ; chi cho cả khoa học, công nghệ và môi trường chỉ đạt 1,1% tổng chi NSNN, chiếm không đầy 0,5% GDP. Trong khi cùng kỳ đó, chi cho sự nghiệp kinh tế (mà phần lớn là chi bao cấp, bao biện cho các doanh nghiệp nhà nước làm ăn thua lỗ, kém hiệu quả) lại lớn hơn 6 lần (6,3% tổng chi NSNN).

Trong thực tế, chi ngân sách cho đầu tư phát triển kinh tế thời gian qua chưa thực sự chú trọng đến mục tiêu phát triển công nghệ, nâng cao năng suất lao động. Do đó, tăng trưởng kinh tế tuy đạt mức cao nhưng chất lượng tăng trưởng còn hạn chế, thiếu bền vững, nền kinh tế chưa thoát khỏi vòng luẩn quẩn : công nghệ lạc hậu, năng suất lao động thấp, hao phí nhiều, chất lượng sản phẩm kém, giá thành cao, sức cạnh tranh yếu, hàng hóa khó tiêu thụ dẫn đến thiếu vốn để mở rộng đầu tư, công nghệ tiếp tục lạc hậu...

Tóm lại 10 năm tiếp tục đổi mới đã minh chứng một sự chuyển biến đáng kể trong điều hành chính sách tài khóa. Những thành tích và tiến bộ cả về quy mô, tốc độ, cơ cấu thu - chi và điều hành NSNN là rất cơ bản. Bên cạnh đó, cũng cần đánh giá đúng mực những nguyên nhân tiềm ẩn có thể gây ra các yếu kém trong lĩnh vực tài chính để tiếp tục đưa nền kinh tế Việt Nam có nhịp độ phát triển cao và bền vững trong những năm tới. ❑

Digitized by Google

TRÀNG ĐỊNH - VÙNG ĐẤT TIỀM NĂNG ĐƯỢC ĐÁNH THỨC

NGUYỄN THỊ SINH *

NẰM ở tận cùng phía bắc của tỉnh Lạng Sơn, diện tích tự nhiên 1 011,98 km², Tràng Định là huyện núi cao có 23 xã và thị trấn với 59 268 người (thống kê 1-4-2000), nằm trên trục quốc lộ liên tỉnh 4A từ Lạng Sơn lên Cao Bằng, huyện ly cách thị xã Lạng Sơn 70 km. Nơi đây có 3 con sông và nhiều con suối với tổng chiều dài dòng chảy là 1 020km. Đặc điểm các sông suối của Tràng Định là đều chảy về thung lũng Thất Khê, sau đó đổ về Bình Nghi rồi chảy sang Trung Quốc. Địa hình chia cắt bởi nhiều sông suối tạo thành những tiểu vùng khí hậu khá phức tạp song lại có tiềm năng lớn về đất lâm nghiệp (87 444 ha đất rừng), đất nông nghiệp chiếm 3 - 8%. Vùng thung lũng Thất Khê tương đối bằng phẳng có bề rộng 2km, dài 6km, đất đai phì nhiêu thuận lợi cho việc canh tác lúa, rau màu, chăn nuôi gia súc và phát triển cây công nghiệp ; chính tiểu vùng này còn là trọng điểm lương thực, thực phẩm của tỉnh Lạng Sơn. Tiềm năng là thế, vậy mà 6 dân tộc sống trên đất Tràng Định bao đời nay vẫn lam lũ vất vả, cái đói nghèo luôn bám riết họ. Vào đầu những năm 90 cả huyện còn tới 30% số hộ đói nghèo ; nhiều hộ còn sống du canh, du cư đốt phá rừng làm nương rẫy. Đặc biệt các xã vùng cao như Đội Cấn, Tân Minh, Đào Viên... chăn nuôi gia súc chủ yếu là thả rông. Đường giao thông giữa các xã phần lớn là đường mòn, đi lại khó khăn. Đời sống văn hóa nghèo nàn, đơn điệu ; trường học, cơ sở y tế của các xã đa phần là nhà tranh, vách nứa v.v..

Với điểm xuất phát về kinh tế, văn hóa, xã hội quá thấp so với mặt bằng của cả nước, năm 1993, *dự án 327* đã đến với đồng bào các xã Đại Đồng, Quốc Khánh, Tri Phương, Đội Cấn. Dự án định canh định cư thực hiện ở các xã Khánh Long, Vĩnh Tiến, Bắc Ái, Cao Minh ; dự án PAM đã tạo điều kiện cho 8 xã vùng cao đổi mới sản xuất. Trong 5 năm qua, Tràng Định đã xây dựng đường điện Thất Khê - Quốc Khánh, Thất Khê - Đội Cấn, Lũng Vài - Bình Độ. Đến nay đã có 55% số hộ trên toàn huyện hưởng điện lưới quốc gia, 34% số hộ có máy thu hình, 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm. Sự nghiệp giáo dục, y tế, công tác dân số kế hoạch hóa gia đình được quan tâm đẩy mạnh ; các đối tượng chính sách xã hội ngày càng được chăm sóc tốt hơn. Chủ quyền biên giới quốc gia được bảo vệ vững chắc, niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước được củng cố, tăng cường.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, đảng bộ, Ủy ban nhân dân huyện Tràng Định đã phát huy, đánh thức tiềm năng vốn có là đất và rừng. Đất lâm nghiệp của Tràng Định rộng, nhưng độ che phủ năm 1993 chỉ đạt 19%. Để thực hiện khoanh nuôi bảo vệ rừng, đồng thời tích cực tuyên truyền nhân dân hiểu về luật và các quy định của nhà nước về rừng theo Nghị định 02/CP của Chính phủ, tới nay huyện đã giao đất rừng 67 000 ha ; riêng hộ gia đình chiếm 64 000 ha. Năm 1993, chỉ có 19 473 ha rừng được quy hoạch, đến nay đã có 37 400 ha rừng được quy hoạch ; đưa diện tích che phủ đạt 37,2% (năm 1999). Nghề rừng được kết hợp phát triển kinh tế đồi rừng với việc mở rộng diện tích trồng hồi - một loại cây công nghiệp có giá trị cao của Tràng Định. Hiện nay toàn huyện đã trồng được 5 000 ha các loại cây đặc sản có giá trị kinh tế cao trong đó có 4 700 ha hồi, thu nhập bình quân 450 tấn một năm ; với giá thành 70 000 đồng/1kg hồi khô (năm 1999). Đây là một nguồn lợi đáng kể cho nhân dân và cho ngân sách huyện.

Về sản xuất nông nghiệp, Tràng Định có cánh đồng rộng lớn với hơn 3 000 ha nằm ở các xã Quốc Khánh, Tri Phương, thị trấn Thất Khê... rất phì nhiêu, màu mỡ. Gần mười năm trở lại đây, huyện đã chỉ đạo đầu tư có chiều sâu về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Đến nay, toàn huyện đã có gần 90% diện tích lúa, ngô, dưa hấu, khoai tây xuống ruộng một vụ, đưa vòng quay của đất bình quân 1,8 lần, có nơi được 2 - 3 lần trong năm. Công tác khuyến nông, áp dụng khoa học - kỹ thuật, thâm canh tăng vụ bảo đảm ; hệ thống thủy lợi được đặc biệt quan tâm trong đó có hồ Cao Lan xây dựng với vốn đầu tư 32 tỉ đồng đã nâng diện tích được tưới nước chủ động lên 1 800 ha. Từ việc chuyển dịch cơ cấu cây

* Thạc sĩ, giảng viên Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh Phân viện Hà Nội

Digitized by Google

trồng, vật nuôi đã làm tăng nhanh tổng sản lượng lương thực quy ra thóc toàn huyện từ 18 600 tấn năm 1993 nay lên 26 500 tấn ; bình quân lương thực đạt 400 kg/người/năm. Cơ cấu kinh tế thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ và giảm tỷ trọng nông - lâm nghiệp cụ thể như sau :

Các ngành kinh tế	1995	1999	2000 (dự kiến)
Nông - lâm nghiệp	76,2%	70,2%	67%
Công nghiệp XD	5,4%	6,9%	8%
Dịch vụ	18,4%	22,9%	25%

Tạo được bước chuyển biến trên quê hương Tràng Định hôm nay, *trước hết* là do có sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở, biết vận dụng sáng tạo mọi chủ trương, đường lối chính sách của Đảng ở một huyện vùng cao biên giới. Trước đây 23 xã và thị trấn trong huyện, nhiều cấp ủy còn yếu kém, vai trò đảng viên mờ nhạt, nhiều thôn bản chưa có đảng viên, nhiều chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước chưa đến được với dân. Có đảng viên thiếu tinh thần trách nhiệm, gây phiền hà cho dân, có đảng viên yếu kém không được dân tín nhiệm... Nhận thấy những vấn đề đó, đảng bộ huyện tập trung giải quyết, sửa chữa, làm trong sạch vững mạnh các tổ chức cơ sở đảng. Các nghị quyết, chỉ thị của Đảng đều được triển khai đến tận cơ sở ; các thôn, bản đều đã có đảng viên. Họ được phân công và chịu trách nhiệm trước nhiệm vụ của mình, hiểu được tâm tư, nguyện vọng của nhân dân.

Sau gần mười năm nỗ lực phấn đấu, kể từ khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII) tới nay, Tràng Định đã có nhiều tiến bộ vượt bậc, kể cả đời sống vật chất, tinh thần và trình độ dân trí. Tuy nhiên, so với mặt bằng của các huyện trong cả nước ta và so với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì Tràng Định vẫn còn rất nhiều khó khăn : đường sá chưa tốt, cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nhỏ bé, trình độ canh tác lúa và chăn nuôi còn hạn chế ; đội ngũ cán bộ, giáo viên thiếu. Đặc biệt, công trình thủy lợi, giao thông chưa được nâng cấp hoàn thiện đầy đủ nên sản xuất nông nghiệp vẫn còn phụ thuộc thiên nhiên ; tình trạng hạn hán vẫn thường xuyên xảy ra, thu nhập của nông dân vẫn thấp và tăng chậm.

Để khắc phục tình trạng trên, Tràng Định cần có những quyết sách mới :

Thứ nhất, tăng cường xây dựng và hoàn thiện các kết cấu hạ tầng, trong đó thủy lợi hóa là biện pháp *hàng đầu* ; cần phải kiên cố hóa kênh mương, đặc biệt là các xã vùng cao như Đoàn Kết, Cao Minh, Bắc Ái, Đội Cấn... ; xây đập tràn để có nước tưới ổn định cho cây trồng.

Cùng với thủy lợi, giao thông cũng cần phải đầu tư nâng cấp. Có thể nói nơi đói nghèo cũng là nơi cơ sở hạ tầng kém. Vì vậy, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tốt cũng là tạo môi trường thuận lợi làm điểm tựa cho xóa đói giảm nghèo.

Thứ hai, thực hiện những biện pháp thích hợp để phá thế độc canh, đẩy mạnh kinh tế vườn đồi, vườn rừng kết hợp, phát triển và mở rộng những cây đặc sản có giá trị như hồi, thạch đen..., đẩy mạnh chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa. Tạo mọi điều kiện để khuyến khích nông dân cải tạo vườn tạp và làm tốt công tác khuyến nông, khuyến lâm.

Trong cơ chế mới, hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ. Vì vậy, khuyến nông, khuyến lâm phải coi là biện pháp cấp bách và lâu dài có tác động sâu sắc đến quá trình sản xuất hàng hóa của nông dân và xây dựng nông thôn mới. Công tác này cần cán bộ quản lý kỹ thuật và khuyến khích, tập hợp, động viên những hộ nông dân sản xuất giỏi, có kinh nghiệm làm giàu tham gia.

Thứ ba, phải khuyến khích mở rộng thị trường, mở thêm chợ, nhất là các xã vùng biên giới như Đội Cấn, Tân Minh, Đào Viên, Quốc Khánh ; đồng thời phát triển thị tứ, thị trấn, tăng khả năng tiếp thị của nông dân và những người kinh doanh nông phẩm. Tăng thu nhập của nông dân để tăng sức mua của thị trường, mở rộng thông tin kinh tế nắm bắt được nhu cầu thị trường trong, ngoài nước (nhất là thị trường Trung Quốc). Nâng cao chất lượng sản phẩm bằng cách đổi mới giống, kỹ thuật canh tác, tăng cường chế biến để đầu ra của sản phẩm có hiệu quả kinh tế cao.

Thứ tư, đào tạo, sử dụng cán bộ và làm tốt chính sách xã hội ở nông thôn. Đổi mới và có chế độ đãi ngộ thỏa đáng với cán bộ vùng sâu, vùng heo lánh bằng cách có thể tăng thêm phụ cấp, đi tham quan thực tế và giao lưu các huyện trong và ngoài nước để có thêm kinh nghiệm. Quan tâm và có chính sách thỏa đáng đối với những cán bộ có những sáng tạo về khoa học, quản lý và tâm huyết hoạt động trên lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trong địa bàn huyện.

Tóm lại, trong công cuộc đổi mới của đất nước giai đoạn hiện nay, Tràng Định không những phải theo kịp các địa phương, mà còn phải tự vươn lên đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo đường lối đổi mới của Đảng. Khó khăn còn nhiều, nhưng Tràng Định nhất định thực hiện thắng lợi mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra và tiến bước vững chắc cùng với sự phát triển chung của đất nước. ❑

Digitized by Google

QUẬN 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT, TINH THẦN CHO NHÂN DÂN

TRẦN NHU - HỒNG DIỄM *

QUẬN 4 (Q.4) thành phố Hồ Chí Minh (TP HCM) nằm trên vùng đất cù lao hình tam giác lọt giữa ba con sông và kênh, rạch. Từ đầu thế kỷ XX, trên vùng đất có tên là "Tam giác Xóm Chiếu - Khánh Hội" thuộc nội thành Sài Gòn (SG), thực dân Pháp đã xây dựng cảng Sài Gòn nhằm khai thác thuộc địa, chuyên chở lúa gạo từ đồng bằng sông Cửu Long xuất khẩu sang các nước khác và về "mẫu quốc". Tuy nhiên, chúng không tiến hành công nghiệp hóa vùng đất trũng này, mà chỉ triệt để lợi dụng sức lao động rẻ mạt của dân nghèo đến đây lập nghiệp từ nhiều nơi. Dù thay tên, đổi dạng nhiều lần, song suốt từ năm 1931 đến ngày thành phố hoàn toàn giải phóng (30-4-1975), vùng đất này vẫn chỉ là một khu lao động nghèo giữa chốn đô thành hoa lệ.

Sau ngày giải phóng, tàn dư của chủ nghĩa thực dân (Pháp), đặc biệt là hậu quả của 20 năm chiến tranh khốc liệt chống Mỹ để lại hết sức nặng nề : hàng vạn người thất nghiệp, hàng vạn người không nhà, tệ nạn xã hội tràn lan... Chính quyền cách mạng đã nhanh chóng từng bước giải quyết những vấn đề nóng bỏng, đưa sinh hoạt xã hội trở lại bình thường. Chỉ trong thời gian ngắn, 27 000 người được tạo mọi điều kiện trở về quê cũ, đưa 25 000 người đi xây dựng kinh tế mới, tạo công ăn việc làm cho 32 000 người, dãn 4 000 dân, 3 000 thanh niên xung phong được cử đi xây dựng quê hương mới. Công tác cứu đói được tiến hành liên tục trong suốt 14 tháng, đã cứu trợ cho 300 000 lượt người, 300 gia đình sống lang thang dưới các gầm cầu, vỉa hè, lán chợ được đưa vào các khu cư xá. Việc cải tạo những người lầm đường, lạc lối và thanh toán các tệ nạn xã hội của chế độ cũ cũng được tiến hành song song. Đến đầu năm 1977, về cơ bản tình hình xã hội đã được ổn định. Hầu hết các cơ sở sản xuất cũ đã hoạt động trở lại, thu hút 22 000 lao động. Hơn 100 cơ sở thủ công nghiệp sản xuất các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu đã ra đời thu hút hơn 3 000 lao động có việc làm, có thu nhập. Nhiều cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ được hình thành, giải quyết công ăn việc làm cho nhiều người, trong đó có hàng trăm người thuộc các gia đình ngụy quân, ngụy quyền cũ. Song song với việc tổ chức sản xuất tiểu thủ công nghiệp, hoạt động dịch vụ cảng (kể cả cảng nước sâu) được quan tâm đặc biệt. Cùng với việc khôi phục và từng bước mở rộng quy mô hệ thống cảng, mạng lưới dịch vụ được tổ chức có khả năng thu nhận hàng vạn công nhân các nghề khuân vác, chuyên chở và phục vụ các tàu cảng, hệ thống kho, bến bãi, cùng với hàng loạt dịch vụ cảng (cung ứng tàu biển, kiểm hóa, khai quan thuế, đóng mới và sửa chữa tàu, kho vận, phát, gửi hàng phi mậu dịch...), tạo được sự tín nhiệm của khách hàng trong và ngoài nước, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Từ năm 1993 đến nay đã có 19 doanh nghiệp tư nhân ra đời, với các hoạt động dịch vụ sôi động, có hiệu quả thiết thực. Ngày nay (năm 2000), cụm cảng đã đạt công suất bốc xếp 15 triệu tấn, đứng đầu các cảng trong cả nước, mang lại thu nhập gần 70 tỉ đồng (năm 1991 mới là 28,6 tỉ đồng). Nếu 1991, doanh thu từ ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp mới là 36,5 tỉ đồng, thì năm 1999 đã lên đến 350 tỉ đồng.

Trong suốt 7 nhiệm kỳ đại hội, đảng bộ Q.4 luôn thấu hiểu rằng, phát triển kinh tế phải song song với phát triển văn hóa bởi nâng cao dân trí chính là xây dựng nền tảng của xã hội, là cơ sở để thực hiện công bằng xã hội và thực hiện tốt việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân. Những thành tựu trong lĩnh vực nâng cao dân trí, cải thiện dân sinh và phúc lợi xã hội đạt được trong một phần tư thế kỷ qua (từ 1975) đã khẳng định hướng đi đúng, đồng thời minh chứng cho lòng quyết tâm, tinh thần kiên

* Trung tâm KHXH và NV, TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

trì vượt khó của đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong quận.

Giáo dục - đào tạo, nâng cao dân trí

Sau ngày giải phóng, từ 5 ký nhi viện và 4 trường tư thục loại nhỏ, (học sinh phải học 4 ca), sau 25 năm xây dựng và phát triển, lĩnh vực giáo dục - đào tạo của quận đã đạt được những thành tựu :

- Công tác xóa mù chữ được quan tâm ngay từ những ngày đầu giải phóng nên chỉ sau 2 năm, đã hoàn thành công tác xóa mù chữ. 25 năm qua, các lớp bình dân học vụ được mở liên tục, tạo điều kiện học tập cho mọi người dân lao động, các đối tượng cán bộ, công nhân lao động thường xuyên được nâng cao trình độ văn hóa.

- Hệ thống trường mẫu giáo và nhà trẻ (trước 1975 không có) nay đã được hình thành ở hầu hết các phường. Hệ thống trường mẫu giáo hiện có khả năng tiếp nhận trên 5 000 cháu (chiếm 60% tổng số cháu trong độ tuổi). Mạng lưới trường tiểu học ở hầu hết các phường được cải tạo, xây mới, xóa bỏ tình trạng học ca 3, ca 4. Hiện có 12 000 học sinh (HS) đang học trong 14 trường tiểu học ; 6 trường trung học cơ sở tiếp nhận 7 800 HS ; 1 trường trung học phổ thông với 2 500 HS. Đã có 305 HS tiểu học và trung học cơ sở của quận đoạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp thành phố, và 16 em đoạt loại giỏi cấp quốc gia. Nhờ những cố gắng liên tục, năm 1998, quận đã đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, phấn đấu đạt tiêu chuẩn phổ cập trung học cơ sở vào năm 2001.

- Hàng ngàn, con em lao động vì những lý do khó khăn khác nhau không có điều kiện đến trường, vì thế quận đã tổ chức hệ thống "trường đặc biệt" cho các đối tượng "vừa học, vừa làm" với hệ thống 13 trường ban đêm, thu nhận 87% tổng số HS trong diện này. Trung tâm dạy nghề ra đời năm 1987 với nhiệm vụ đào tạo nghề cho thanh niên và học sinh, đặc biệt là chuẩn bị lực lượng lao động kỹ thuật cho các khu công nghiệp theo quy hoạch tổng thể phát triển thành phố đến năm 2020. Ngoài ra, Trung tâm dạy nghề còn có nhiệm vụ bổ túc nghiệp vụ - kỹ thuật cho hàng ngàn lao động phổ thông phục vụ trong các cảng theo yêu cầu phát triển của trình độ cơ giới hóa sản xuất. Đến nay, hơn 21 000 công nhân kỹ thuật đã được đào tạo, cơ bản đáp ứng nhu cầu về trình độ kỹ thuật của lao động.

Chăm lo sức khỏe cộng đồng

Trước 1975, toàn quận mới chỉ có 1 quân y viện (chuyên phục vụ cho binh lính và gia binh), 1 nhà hộ sinh, 1 cơ sở điều trị đa khoa (với 2 bác sĩ và 30 nhân viên), việc chăm sóc sức khỏe và chữa bệnh cho hơn 15 vạn dân trong quận coi như bỏ ngỏ.

Trong muôn vàn bề bộn sau ngày giải phóng, cùng với việc khôi phục kinh tế, chăm lo giáo dục, vấn đề chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được đặc biệt quan tâm. Bệnh viện đa khoa được xây dựng và từng bước trang bị tốt, có khả năng chữa trị nội trú cho 50 bệnh nhân ; đã khám, điều trị ngoại trú cho hàng ngàn người mỗi năm cùng với một bệnh xá tâm thần 30 giường, và một nhà hộ sinh 40 giường. Hệ thống trạm y tế (do bác sĩ phụ trách) được xây dựng ở tất cả các phường. Đã hình thành mạng lưới chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên khắp địa bàn quận. Các đội vệ sinh phòng dịch, đội y tế lưu động và Hội chữ thập đỏ (với 50 000 hội viên) thực sự có những đóng góp quan trọng trong ngăn chặn kịp thời các loại dịch bệnh, cải tạo môi trường và môi sinh trong những khu ổ chuột ẩm thấp, chật chội của quận bị coi là nghèo nhất thành phố. Đội ngũ cán bộ y tế hiện có 112 bác sĩ và hơn 300 cán bộ chuyên môn các cấp, các chuyên khoa thường xuyên chăm sóc sức khỏe cho gần 200 000 dân. Tất cả trẻ em đều được lập y bạ theo dõi sức khỏe, 98% trẻ trong độ tuổi được tiêm chủng các loại vắc-xin phòng bệnh, 100% thai phụ được khám định kỳ. Với một quận còn rất thiếu thốn về cơ sở vật chất như Quận 4, thì con số trung bình cứ 2 000 dân có 1 bác sĩ, 1 100 dân có một giường bệnh dù còn khá khiêm tốn, nhưng đã nói lên cố gắng rất lớn của chính quyền và người dân ở đây cũng như sự quan tâm về mọi mặt của nhà nước.

Đời sống văn hóa

Trước ngày giải phóng, trên địa bàn quận hầu như còn chưa có một cơ sở vật chất nào đáng kể cho các sinh hoạt văn hóa, vui chơi, giải trí của quần chúng. Thêm vào đó, chủ nghĩa thực dân cũ và mới đã để lại một "di sản đồi bại" với đủ các loại tệ nạn xã hội (trên đoạn đường Trịnh Minh Thế, nay là đường Nguyễn Tất Thành dài 500m đã có tới hơn 20 snackbar chuyên phục vụ lính viễn chinh Mỹ). Một năm sau ngày giải phóng vẫn còn hơn 300 gái mại dâm hành nghề lén lút ; gần 800 "con nghiện xì-ke" ; hàng trăm "trẻ bụi đời" ; hàng loạt băng

Digitized by Google

nhóm du đãng hoành hành, gây mất trật tự an ninh cho đời sống người dân.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng mà Nghị quyết đảng bộ đã xác định là tập trung xây dựng một hệ thống thiết chế văn hóa xã hội chủ nghĩa, góp phần trấn áp các tệ nạn xã hội, ổn định đời sống, khẳng định niềm tin của quần chúng vào chế độ mới. Trong một phần tư thế kỷ qua, các thiết chế văn hóa lần lượt ra đời, và trong từng thời kỳ, đã đóng góp công sức không ít vào sự nghiệp phát triển kinh tế, ổn định và lành mạnh hóa đời sống xã hội : 17 đội văn nghệ được thành lập và hoạt động có hiệu quả ở tất cả các phường và 17 trạm thông tin thường xuyên cung cấp tin tức mới nhất cho cư dân 17 phường trong quận. Các kỳ hội diễn văn nghệ quần chúng được hưởng ứng sôi nổi ; các đội chiếu phim lưu động thường xuyên phục vụ nhân dân không chỉ trong quận mà cả cho các đối tượng dân của quận đi xây dựng các khu kinh tế mới ở Đồng Nai, Tây Ninh, Bình Phước. Từ 1978 - 1985 đã xây dựng được 4 nhà văn hóa cấp phường, 1 Nhà văn hóa Trung tâm (1 800m^2) gồm nhiều câu lạc bộ nghệ thuật với 1 200 hội viên. Thư viện quận có hơn 50 000 bản sách với phòng đọc đủ chỗ cho 100 bạn đọc và 15 phòng đọc tại tất cả 15 phường (theo hình thức quay vòng sách) đã trở thành điểm hẹn thường xuyên của nhiều người dân. Mạng lưới đài truyền thanh quận và của 17 phường đã hình thành ngay trong những năm đầu sau ngày giải phóng đảm nhận công tác thông tin, tuyên truyền đến từng người dân. Phòng truyền thống và triển lãm lưu giữ hàng trăm hiện vật lịch sử phản ánh các phong trào cách mạng và xây dựng địa phương, đã góp phần quan trọng trong giáo dục truyền thống cho nhân dân, đặc biệt là thanh thiếu niên.

Từ chỗ không có một sân bãi, một câu lạc bộ thể thao nào trước ngày giải phóng (thanh thiếu niên không có cơ hội và điều kiện vật chất cho những nhu cầu rèn luyện thể lực), chính quyền cách mạng đã đặc biệt chú trọng đến nhu cầu hoạt động này của lớp trẻ. Các câu lạc bộ thể thao (bóng chuyền, bóng bàn, võ thuật...) được thành lập trong các cơ quan, xí nghiệp. Sân bóng đá, bóng chuyền... được xây dựng trên những vùng đất lầy lội, hoang hóa trước kia ở các khu lao động. Các câu lạc bộ võ thuật ra đời đã nhanh chóng khẳng định thế mạnh : Lò võ Q.4 cung cấp cho thành phố và nước nhà nhiều võ sĩ tài năng (Trần Quang Hạ - vô địch châu Á bộ môn Thái cực đạo ; võ sĩ Judo Cao Ngọc Phương Trinh 3 lần vô địch SEA-games và gần 20 nhà vô địch quốc gia). Các lớp năng khiếu gồm 700 nhà thể thao trẻ thường xuyên bổ sung lực lượng vận động viên cho đội tuyển thành phố và đội tuyển quốc gia. Với sự hỗ trợ của thành phố và đóng góp của nhân dân, hồ bơi đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế đã được khánh thành nhân kỷ niệm 300 năm Sài Gòn - TP Hồ Chí Minh (1698 - 1998). Nhờ những cố gắng đó, thể thao Q.4 luôn đứng ở thứ hạng đầu của phong trào thể thao thành phố.

Hiện nay, Q.4 vẫn còn tạm xếp vào loại nghèo về kinh tế so với 12 quận nội thành khác, nhưng về văn hóa đã đạt được những tiến bộ vượt bậc. Trong những năm kế tiếp, theo quy hoạch tổng thể phát triển của TP Hồ Chí Minh đến năm 2020, thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa - hiện đại hóa, Q.4 sẽ thành lập khu công nghiệp và khu dân dân ở Q.7, huyện Bình Chánh nhằm giảm áp lực về mật độ dân số quá cao hiện nay (46 230 người/km^2), tạo điều kiện cải thiện và xây dựng mới các công trình hạ tầng kỹ thuật và xã hội, phục vụ ngày càng tốt hơn sự nghiệp nâng cao dân trí, cải thiện dân sinh và phúc lợi xã hội, tạo động lực mới cho sự phát triển về mọi mặt của quận.

Thành công trên các lĩnh vực nâng cao dân trí, cải thiện dân sinh và phúc lợi xã hội trong một phần tư thế kỷ qua (1975 - 2000) có được là nhờ truyền thống cách mạng chống ngoại xâm của dân tộc, của các thế hệ dân cư trên địa bàn thành phố, trong quận cùng với sự lãnh đạo của các cấp bộ đảng (từ quận đến phường), sự nỗ lực của nhân dân cũng như sự quan tâm của thành phố và trung ương. Tuy đã đạt được những thành tựu đáng kể, song, vẫn tồn tại không ít những thiếu sót, yếu kém, đó là những thách thức lớn mà Q.4 còn phải khắc phục và cố gắng vượt qua trong công tác của các thời kỳ tiếp theo. Bài học xuyên suốt trong một phần tư thế kỷ qua là kinh nghiệm quý báu cho giai đoạn phát triển hiện nay và trong tương lai là : trong cơ chế thị trường, mở cửa và hội nhập, phát triển tốt văn hóa, ổn định xã hội sẽ là cơ sở bền vững cho phát triển kinh tế, đó cũng là con đường và cơ hội duy nhất để thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, tiến tới dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. ❑

Digitized by Google

PHỤ NỮ, GIỚI VÀ MA TÚY Ở VIỆT NAM

LÊ THỊ QUÝ *

Ma túy là hiểm họa đối với loài người. Trong những năm gần đây, ở một số quốc gia trên thế giới đã có nhiều nghiên cứu phản ánh tác hại to lớn của ma túy đối với các cá nhân, các nhóm xã hội trên phương diện kinh tế, sức khỏe, tâm, sinh lý, trí tuệ, đạo đức, nghề nghiệp, tính mạng. Thảm họa mà ma túy gây ra cho con người là to lớn nhất so với các dạng tệ nạn xã hội khác. Ma túy không chỉ gây hại cho những người dùng nó mà còn gây hại cho cả gia đình lẫn cộng đồng. Trong những năm gầy đây, ở Việt Nam cũng bắt đầu có một số nghiên cứu khá sâu sắc về ma túy. Tuy nhiên, những nghiên cứu về ma túy được phân tích theo quan điểm giới, nghĩa là nhìn từ góc độ quan hệ xã hội giữa nam và nữ trong thể chế xã hội hiện nay vẫn còn một khoảng trống. Điều này không chỉ làm hạn chế tầm nhìn khách quan và chính xác về một vấn đề xã hội (bệnh tật xã hội) mà còn cả những biện pháp giải quyết vấn đề theo hướng tích cực nhất. Vì lẽ đó, bài viết này cố gắng bước đầu cung cấp một cách nhìn mới về ma túy ở Việt Nam, phân tích nó trên quan điểm giới.

Rõ ràng là tác hại của ma túy đối với hai giới nam và nữ không hoàn toàn giống nhau. Mặc dù số người nghiện ma túy được ghi nhận là nam nhiều hơn nữ nhưng thực tế, những kết quả điều tra của chúng tôi đã cho thấy, phụ nữ do hoàn cảnh và địa vị đặc thù của mình trong gia đình và cộng đồng xã hội, lại là người phải chịu tác hại của ma túy nặng nề hơn nam giới.

Phụ nữ với tư cách là nạn nhân của ma túy

Theo thống kê, số người sử dụng ma túy là nam giới cao hơn số người sử dụng ma túy là phụ nữ rất nhiều. Những kết quả điều tra năm 1999 trong 7 tỉnh thành của Cục phòng chống tệ nạn xã hội, thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã cho thấy, trong khi số người nghiện ma túy là nam giới chiếm tới 94,1% thì nữ giới chỉ là 5,9%. Tỷ lệ này ở TP Hà Nội là 94,3% nam giới và 5,7% là nữ giới. Tại TP Hồ Chí Minh tỷ lệ người nghiện là nữ giới có cao hơn ở TP Hà Nội nhưng cũng chỉ chiếm có 8,9% tổng số người nghiện (1).

Nguyên nhân của tình trạng nghiện hút ma túy liên quan đến nhiều yếu tố kinh tế, xã hội, văn hóa như tình trạng thiếu việc làm, trình độ văn hóa thấp, thiếu thông tin, đua đòi theo bạn bè, bị người khác ép buộc hoặc chán đời, song nguyên nhân phổ biến nhất vẫn là do tò mò. Rất nhiều nạn nhân đã thú nhận là họ mắc vào vòng nghiện rất tình cờ, do thiếu biểu biết về ma túy, đua theo chúng bạn, thử cho biết (84%)(2). Vì vậy nhìn chung, những cơ hội nghiện hút của nam giới thường cao hơn phụ nữ

Những trường hợp nghiện ma túy thường xảy ra ở bên ngoài gia đình. Phụ nữ, những người vợ, người mẹ chị em gái thường đang phải lao động quá sức vì cuộc mưu sinh và phục vụ gia đình đã không thể theo chân chồng, con, em đến các tụ điểm vui chơi và càng không kiểm soát nổi họ. Tuy nhiên, điều đáng ngạc nhiên là ngày nay, khi nạn ma túy bùng nổ, đã có không ít người vì thiếu hiểu biết đầy đủ về quan điểm giới lại đổ lỗi cho phụ nữ, coi họ như là người *phải chịu trách nhiệm nhiều nhất.*

Chúng tôi cho rằng ma túy là một vấn đề xã hội, một *tệ nạn xã hội mang tính toàn cầu.* Sự ra đời của nó không phải là do "sáng kiến" của phụ nữ lại càng không phải vì phụ nữ đã tham gia nhiều vào công tác xã hội mà ít lo việc "công, dung, ngôn, hạnh" trong gia đình. Ở đây vai trò và trách

* TS, Trung tâm nghiên cứu khoa học về Gia đình và Phụ nữ

(1) Điều tra của Cục phòng chống tệ nạn xã hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, năm 1999 tại 7 tỉnh, thành : Hà Nội, Hồ Chí Minh, Yên Bái, Thái Bình, Nghệ An, Khánh Hòa, Cần Thơ

(2) Theo điều tra của Ủy ban quốc gia phòng chống ma túy

Digitized by Google

nhiệm của cả hai giới đều rất lớn và đều quan trọng như nhau. Việc đổ lỗi cho phía này hoặc phía kia một cách phiến diện là không thực tế và không công bằng. Đặc biệt, nam giới trong cả ba tư cách : người sử dụng ma túy, người tổ chức sử dụng ma túy và người thân của những người sử dụng ma túy, trách nhiệm của họ thật không nhỏ và dứt khoát là càng không thể nhẹ hơn phụ nữ.

Ma túy, trước hết đã gây hại cho các gia đình. Ước tính mỗi năm, người nghiện ở Việt Nam đã tiêu tốn khoảng 150 tỉ đồng vào ma túy, chưa kể tiền chi cho việc phòng chống nó (3). Theo thống kê của ngành tòa án, từ cuối năm 1998 đến nay, những vụ ly hôn với lý do chồng nghiện ngập ma túy đang có nguy cơ tăng. Tuổi của các cặp vợ chồng ly hôn vì ma túy thường khá trẻ (dưới 30 tuổi).

Có thể thấy ngay được rằng trong một gia đình có người nghiện ma túy, nạn nhân đầu tiên của ma túy không phải là người nghiện mà lại chính là những người phụ nữ, những người mẹ, người vợ của họ. Có những người sau khi lấy vợ mới bị nghiện hút, nhưng cũng có nhiều người đã mắc vào vòng nghiện từ trước khi lấy vợ. Trong những trường hợp này, nhiều cô dâu tương lai đã không biết được cái hiểm họa to lớn đối với cuộc sống và hạnh phúc của mình. Một phần do đối tượng giấu rất kỹ. Họ chỉ đến với các cô trong dáng vẻ của người bình thường khi đã chích đủ thuốc.

Mặt khác, cha mẹ và người thân của các con nghiện này thường cũng không muốn cho các cô dâu tương lai biết sự thực về con họ. Một phần, họ sợ rằng nếu tan vỡ tình yêu, con họ sẽ càng lao sâu vào con đường ma túy. Mặt khác, họ cũng mang niềm hy vọng rằng chính người con dâu sẽ có thể chia sẻ bớt gánh nặng với họ, rằng tình yêu bao la và lòng vị tha của người vợ, con họ sẽ bỏ được ma túy, chí thú làm ăn.

Tuy nhiên, trên thực tế, sự che giấu có tính lừa lọc trên đã chỉ trút thêm nỗi thống khổ lên đầu những người vợ trẻ. Thật khó có những gia đình trẻ nào tìm được hạnh phúc yên lành khi người chồng bị nghiện nặng và thiếu quyết tâm từ bỏ ma túy. Bi kịch lại chính là ở tình thương và sự độ lượng của người phụ nữ. Rất hiếm có người vợ nào mà chồng vừa "dính" vào ma túy đã vội dứt tình ngay, mặc dù họ luôn phải trở thành lao động chính trong gia đình với tình thế tuyệt vọng về tinh thần, cạn kiệt về sức lực. Cách ứng xử thường thấy ở họ là cố gắng khuyên lơn, chịu đựng mọi sự vất vả, bị hành hạ, kể cả những trận đòn chỉ với mục đích níu kéo người chồng trở lại cuộc sống lành mạnh. Tuy nhiên, tình thương yêu vô bờ bến của họ không phải lúc nào cũng thành công mà nhiều khi chỉ nhận được sự vô vọng.

Một số phụ nữ đã phải trả giá bằng sinh mạng của mình, một số khác thì may mắn hơn đã có thể ly hôn trong hoàn cảnh kiệt quệ toàn diện. Có người đã can đảm dứt bỏ gia đình để làm lại cuộc đời, giải phóng cho mình và những đứa con, còn hơn là mãi mãi sống trong nỗi đau đớn ê chề, vô vọng. Đối với những người chồng nghiện ngập, đa số khi ra tòa đều thừa nhận những lỗi lầm đã qua song lại gần như không có đủ thiện chí và khả năng khắc phục. Do đó, mặc dù tòa cố gắng hòa giải nhưng hầu hết những cặp vợ chồng này đều đi đến ly hôn. Những vụ án ly hôn này còn đặc biệt ở chỗ các cặp vợ chồng thường chẳng có tài sản gì để phân chia, bởi lẽ người chồng đã "nướng" hết vào ma túy, người chồng khó có khả năng lo cho chính bản thân anh ta, vì vậy người vợ phải nhận nuôi con, phải chịu thiệt thòi, nuôi con với hai bàn tay trắng.

Mặt khác, nếu nguy cơ bị lây nhiễm HIV/AIDS trong những người tiêm chích ma túy là cao nhất ở Việt Nam (tới 80%) thì nguy cơ này cũng cao như thế đối với những người vợ, người tình của những người tiêm chích ma túy.

Nếu người nghiện hút là người chồng, thì dù đau đớn, đôi khi người phụ nữ còn có thể dứt bỏ để cứu lấy những đứa con, nhưng nếu người nghiện là những đứa con, thì nỗi đau của những người phụ nữ đã bị nhân lên gấp bội, bởi lẽ họ không thể bỏ được con. Đã có những người mẹ, người vợ, người con bị mất người thân khi những con nghiện tự tử, bị "sốc" thuốc vì chích quá liều, hoặc trở thành tội phạm (4). Cũng có người không chỉ bị chồng, con hành hạ vì ma túy mà còn bị chúng giết hại. Một số người khác đã phải tự vẫn để tự giải thoát mọi khổ đau tột cùng.

---

(3) Theo tính toán của Ủy ban quốc gia phòng chống ma túy

(4) Theo báo cáo của ngành công an thì có đến 70 - 80% các vụ trộm cắp cướp giật, giết người, đâm thuê chém mướn, đều do những người nghiện ma túy

Digitized by Google

Bên cạnh đó, đã có không ít phụ nữ bị con nghiện cưỡng hiếp. Số khác quan hệ tình dục với con nghiện vì là gái mại dâm. Bằng cách đó, việc lan truyền bệnh tật, đặc biệt là bệnh AIDS từ nam giới sang phụ nữ đang có nguy cơ gia tăng.

Phụ nữ với tư cách là người sử dụng ma túy

Số liệu của Ủy ban quốc gia phòng chống ma túy cho biết : hiện nay (1999) ở Việt Nam có khoảng 105 000 người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý. Ma túy đang có chiều hướng gia tăng ở lứa tuổi thanh, thiếu niên, tới 70%, trong đó có gần 3 000 học sinh, sinh viên. Xin xem bảng sau :

Năm / TT	1994	1998	Tăng (số lần)
Hà Nội	2 875 người	10 067	3,5
Hải Phòng	1 138	4 006	3,6
Hồ Chí Minh	5 013	12 360	2,5

Nguồn : Ủy ban quốc gia phòng chống ma túy

Các nguyên nhân dẫn đến việc phụ nữ nghiện ma túy nhìn chung cũng không khác nhiều với nam giới. Tuy nhiên, phân tích tỷ lệ cơ cấu của những nguyên nhân phạm tội chúng ta thấy, số phụ nữ nghiện ngập do bị lừa đảo hoặc bị cưỡng bức là cao hơn nam giới nhiều. Ngoài ra còn một nguyên nhân khá phổ biến là nhiều phụ nữ trẻ trong trường hợp hoạt động mại dâm đã bị ép buộc dùng ma túy để chủ chứa và bọn chăn dắt dễ bề khống chế, ép buộc.

Nếu phần lớn nam giới nghiện ma túy còn có mẹ, vợ con ở bên cạnh giúp đỡ thì rất hiếm phụ nữ nghiện ma túy đã được chồng con giúp đỡ. Họ thường bị bỏ rơi ngay sau khi bị phát hiện. Dư luận xã hội, dù có phê phán gay gắt các trường hợp nghiện hút thì vẫn có phần nương nhẹ hơn đối với nam giới và nặng nề hơn đối với phụ nữ. Đây là một sự bất công lớn nếu xét theo quan điểm giới. Vì lẽ đó, khi nam giới nghiện thì phụ nữ phải chia sẻ, phải chịu chung số phận, còn khi phụ nữ nghiện thì họ phải chịu đựng một mình. Nhiều phụ nữ khi mắc vào vòng nghiện ngập đã không dám trở về gia đình hoặc quê hương mà phải trở thành những người vô gia cư, bỏ đi lang thang, làm mọi thứ nghề nghiệp thấp kém thậm chí đen tối để tự nuôi sống mình.

Phụ nữ với tư cách là người tham gia mạng lưới ma túy.

Lợi nhuận khổng lồ của việc buôn bán ma túy đã lôi cuốn nhiều người ở đủ mọi tầng lớp, lứa tuổi, giới tính, trình độ văn hóa, mù quáng lao vào, mặc dù hình phạt cho tội này là rất nghiêm khắc. Cũng như nam giới, ngoài việc tham gia trồng cây thuốc phiện, phụ nữ còn có mặt trong các khâu vận chuyển, phân phối, tiêu thụ ma túy và che giấu tội phạm, đặc biệt khi tội phạm là người thân của họ. Phương thức hoạt động của mạng lưới ma túy thường theo gia đình, họ hàng hoặc những người thân quen. Có những bản cả dòng họ, cả bản tham gia vào việc vận chuyển, thu gom các chất ma túy như bản Na U, Tây Trang (Lai Châu), bản Pa Hốc, Pù Nhì (Thanh Hóa), bản Tiền Tiêu, Nậm Cần, Kỳ Sơn (Nghệ An).

Tuy nhiên, trong mạng lưới ma túy, vai trò của nam giới và phụ nữ cũng không giống nhau. Nhìn chung, những tội phạm ma túy lớn nắm vai trò điều hành, chỉ đạo (trùm) là phụ nữ không nhiều. Họ chủ yếu có mặt trong các khâu vận chuyển (dưới dạng làm thuê), phân phối, tiêu thụ hêrôin dưới dạng tép nhỏ cho con nghiện. Bọn tội phạm thường sử dụng phụ nữ để vận chuyển ma túy vì họ có thể giấu ở những nơi "tế nhị". Phụ nữ tham gia vào mạng lưới ma túy từ nhiều nguyên nhân : nhiều phụ nữ do quá nghèo hoặc muốn làm giàu nhanh chóng. Một số người khác có chồng, con nghiện, khi không kiếm đủ tiền cung phụng cho những người nghiện, họ đã liều lĩnh buôn bán ma túy để cho chồng con hút, hít. Một số người khác do thiếu hiểu biết về pháp luật, về tác hại ghê gớm của ma túy nên đã vô tình phạm tội...

Một thực trạng đáng lo ngại là ngày càng có nhiều phụ nữ trẻ ở nông thôn khi ra thành thị kiếm việc làm đã rất dễ bị rơi vào các ổ mại dâm hoặc buôn bán ma túy. Một nghiên cứu mới đây của Ủy ban bảo vệ trẻ em Hà Nội đã cho thấy : trong những năm gần đây, số trẻ em gái ra Hà Nội kiếm sống có chiều hướng tăng hơn các em trai [5]. Con đường dẫn đến phạm tội của các cô gái quê ở thành phố

(5) Ủy ban bảo vệ trẻ em Hà Nội. Nghiên cứu những diễn biến mới về tình hình trẻ em lang thang, xu hướng ngăn chặn và giải pháp, 1999 - 2000

Digitized by Google

thường na ná như nhau : theo dòng di cư, các cô lên thành phố kiếm sống, thuê nhà ở, đi làm bất cứ nghề gì từ thu gom rác đến làm thuê cho các gia đình hoặc các quán ăn. Sau đó, do nhẹ dạ, cả tin, các cô đã rơi vào cạm bẫy của bọn thanh niên hư hỏng. Bọn này thường dụ các cô bỏ việc ra ngoài thuê nhà chung sống với chúng như vợ chồng. Sau đó, chúng đưa các cô vào các tụ điểm mại dâm hoặc ma túy. Khi đã nghiện ma túy rồi, các cô cũng đồng thời trở thành nô lệ cho chúng, phải vận chuyển hoặc bán lẻ ma túy, không ít các cô đã trở nên lì lợm, liều lĩnh.

Phụ nữ tham gia phòng chống ma túy.

Đảng và Nhà nước ta rất coi trọng công tác phòng chống ma túy với hàng loạt các biện pháp từ pháp luật đến tuyên truyền giáo dục, kết hợp các biện pháp kinh tế với văn hóa, xã hội. Nhiều chương trình phòng chống, ngăn chặn hiểm họa ma túy được tiến hành trên diện rộng, đã huy động tất cả các ngành, các cấp, các tầng lớp nhân dân tham gia. Các biện pháp ngăn ngừa ma túy rất đa dạng và phong phú : từ việc phong tỏa các nguồn cung cấp ma túy từ nước ngoài, cấm trồng, buôn bán và sử dụng ma túy ở trong nước, đến việc tổ chức các hình thức cai nghiện cho người nghiện. Trên thực tế, mặc dù công tác phòng ngừa và ngăn chặn nạn ma túy vẫn còn nhiều hạn chế và chưa đáp ứng được với những đòi hỏi cấp thiết của thực tế nhưng nhìn chung những năm gần đây, chúng ta cũng đã đạt được một số thành tích đáng khích lệ.

Hiện nay, khoảng trên 90% diện tích trồng cây thuốc phiện ở 12 tỉnh miền núi phía Bắc đã bị phá hủy, thay vào đó là các cây trồng có ích khác. Các hình thức cai nghiện như cai tại nhà, tại trung tâm y tế, hoặc cơ sở tập trung của xã, phường, trung tâm giáo dục lao động của quận, huyện, thành phố... đã được tổ chức trên cả 61 tỉnh, thành. Trong tháng 9 đầu năm 1998, cả nước đã tổ chức cai nghiện cho 5 404/8 000 người tại cộng đồng, chiếm 59% số người nghiện. Từ tháng 11-1998 đến tháng 2-1999, tình hình buôn bán ma túy đã có dấu hiệu chững lại, số học sinh nghiện ma túy trong trường học có giảm nhưng tình trạng nghiện ma túy ngoài xã hội vẫn rất phức tạp (6).

Các chương trình của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội như chương trình phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư" đã chỉ đạo công tác xây dựng xã, phường lành mạnh không có tệ nạn xã hội. Đây là các biện pháp hỗ trợ tích cực cho việc cai nghiện và giải quyết các vấn đề xã hội sau cai. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, tỷ lệ tái nghiện còn rất cao, chiếm từ 80 đến 90%.

Trên thực tế các hoạt động phòng chống ma túy đã thu hút được sự tham gia của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là phụ nữ. Hơn ai hết, phụ nữ và trẻ em là nạn nhân đau khổ nhất của hiểm họa ma túy nên họ rất kiên quyết trong cuộc chiến này. Phụ nữ ở các tỉnh có trồng cây thuốc phiện đã cùng chồng con, tham gia công tác phá bỏ cây thuốc phiện. Phụ nữ ở nhiều địa phương khác đã tham gia công tác phòng chống ma túy, theo dõi, tố giác các tội phạm vận chuyển, tàng trữ, buôn bán, tổ chức chích hút ma túy.

Xã Đại Áng, huyện Thanh Trì (Hà Nội) là một xã không có mại dâm và ma túy. Có được thành tích này là do chính quyền và nhân dân Đại Áng nhất trí tiến công ma túy. Ngoài các biện pháp phòng chống tại chỗ, Hội Phụ nữ đã giao trách nhiệm cho các hội viên có chồng, con thường xuyên đi làm ăn kiếm sống ở các địa bàn ngoài xã phải theo dõi, động viên chồng con tránh xa ma túy (7).

Đặc biệt trong công tác cai nghiện, những đóng góp của phụ nữ là rất lớn. Những phụ nữ trong các vai trò cán bộ chính quyền, đoàn thể đã tích cực giúp đỡ người nghiện. Song, quan trọng hơn vẫn là đóng góp không mệt mỏi nhiều lúc trong tuyệt vọng của những người thân của người nghiện. Bằng tấm lòng của người vợ, người mẹ, người chị, nhiều phụ nữ đã nêu tấm gương kiên trì, dũng cảm giúp người thân cai nghiện. Hầu hết những người chiến thắng ma túy đều thừa nhận vai trò quyết định của những người phụ nữ là người thân của họ.

*
* *

Phòng chống và ngăn chặn tệ ma túy là một công việc khó khăn và phức tạp. Trước hết, chúng ta cần mở rộng các nghiên cứu khoa học toàn diện

(6) Theo Ủy ban phòng chống ma túy quốc gia

(7) *An ninh Thủ đô*, 5-5-1999

Digitized by Google

và đầy đủ trên vấn đề ma túy để có sự thống nhất trong nhận thức và quan điểm của xã hội, cộng đồng và gia đình trong công việc quan trọng này.

Muốn mở mặt trận thì phải nhận diện được kẻ địch. Thời gian qua, công tác phòng chống ma túy ở nước ta mới chỉ nặng về các biện pháp hành chính và nhằm vào hai khâu cơ bản : *ngăn chặn việc buôn bán ma túy và cai nghiện cho các nạn nhân.* Đây là các biện pháp rất đúng đắn và tích cực song chúng ta cần kết hợp với những biện pháp kinh tế, văn hóa, xã hội một cách đồng bộ và mạnh mẽ hơn. Cần hoàn thiện các chủ trương, chính sách phòng chống ma túy vì các chính sách hiện nay vẫn còn nhiều bất cập. Chẳng hạn, Hà Nội hiện có khoảng 11 000 người nghiện, trong đó có 300 trẻ em. Chúng ta chưa có chính sách cai nghiện cho trẻ dưới 18 tuổi. Gái mại dâm ở các tỉnh khác bị nghiện ở Hà Nội cũng không được tiêu chuẩn cai tại Hà Nội.

Theo chúng tôi, biện pháp cai nghiện tại các Trung tâm sẽ đem lại hiệu quả hơn vì khi cai nghiện, các bệnh nhân có điều kiện để cách biệt với môi trường cũ một thời gian. Họ được lao động, sinh hoạt tập thể, có kỷ luật, có điều kiện để suy ngẫm về việc làm của mình. Về phương diện tâm lý, các bệnh nhân thường nể và nghe lời các cán bộ trung tâm, các bác sĩ hơn là nghe lời người thân của mình. Hơn nữa, khi lên cơn "vã" thuốc, các cán bộ chuyên môn, những người đồng cảnh sẽ có kiến thức để giúp họ tốt hơn. Tuy nhiên, khi chữa chạy về bệnh lý cho bệnh nhân chúng ta cũng cần chú ý kết hợp thường xuyên hơn các biện pháp chữa chạy về tâm lý, tăng cường ý chí cho họ.

Cần nghiên cứu đầy đủ, bổ sung thêm các biện pháp cai nghiện đa dạng và phong phú hơn từ phía gia đình bởi lẽ trên thực tế kết quả cai nghiện thu được ở khu vực này không cao. Đã có nhiều gia đình tan nát vì bất lực. Nhiều người cha, người vợ, người con của bệnh nhân đã phải trả giá bằng sinh mạng mình cho việc cai nghiện của người thân. Tâm lý của những người thân trong gia đình thường mềm yếu nên dễ đầu hàng, chiều theo ý của bệnh nhân. Điều này sẽ làm cho việc cai nghiện gặp nhiều khó khăn và kéo dài hơn.

Một yếu tố rất quan trọng là *môi trường xã hội.* Một con nghiện đã thừa nhận anh ta không thể cai được vì khi cai xong, chỉ cần nhìn thấy bạn nghiện hoặc gặp người bán hêrôin là lập tức nghiện trở lại. Cái vòng luẩn quẩn ấy nếu không giải quyết được thì nó sẽ chỉ làm tốn tiền và công sức của nhà nước và nhân dân. Việc làm trong sạch môi trường xã hội sẽ không thể có được thành công nếu chỉ trông dựa vào lực lượng công an và các cơ quan chức năng. Cần động viên toàn xã hội tham gia cuộc đấu tranh gian khổ này một cách kiên quyết và có hiệu quả hơn. Hiện nay, việc mua bán ma túy vẫn là phổ biến ngay trước mắt mọi người, trong sự thờ ơ hoặc né tránh của nhiều người. Đây là một hiện tượng không lành mạnh cần được khắc phục.

Việc phòng ngừa và ngăn chặn ma túy cần phải được nhìn nhận trên quan điểm giới nhằm huy động được sức mạnh đặc thù của cả hai giới vào công việc này. Thực tế những năm vừa qua đã cho thấy, sự tham gia của chị em phụ nữ vào công tác phòng chống và ngăn chặn tệ nạn ma túy đã là yếu tố quan trọng góp phần vào những thành công bước đầu của công tác này. Những nỗ lực không biết mệt mỏi của các tổ chức phụ nữ, của những người bà, người mẹ, người chị... vào việc chăm sóc, giáo dục, chữa chạy, cải hóa các con nghiện đã cho thấy phần nào tiềm năng mạnh mẽ và tự nhiên của họ. Chúng ta cần phải có kế hoạch mở rộng việc đào tạo và bồi dưỡng cho cả nam và nữ các kiến thức và kỹ năng trong việc phòng chống và ngăn chặn tệ nạn ma túy tại cơ sở và gia đình. Cần có sự đầu tư thích đáng về vật chất và tinh thần, tạo điều kiện để các tổ chức phụ nữ, nhất là những tổ chức tình nguyện tham gia tích cực và có hiệu quả vào công việc này.

Mặt khác, cần phải có sự phân công trách nhiệm giữa giới nam và giới nữ, giữa cha và mẹ trong việc theo dõi, chăm lo, giáo dục con cái trong gia đình để chúng không rơi vào hoàn cảnh nghiện ngập. Về phương diện này những người đàn ông trong gia đình cũng cần phải nhận thức rõ được trách nhiệm của mình, chia sẻ những khó khăn trong công việc phòng ngừa và ngăn chặn ma túy với người phụ nữ từ chính gia đình mình. Ma túy là hiểm họa của mỗi gia đình và của cả xã hội. Nó phải nằm trong sự kiểm soát của cả xã hội, của cả hai giới, nam và nữ. ❑

Digitized by Google

TIẾN CỬ

NHÂN ĐÂNG

QUY định của Trung ương về việc giới thiệu người vào ban chấp hành đảng bộ các cấp nói chung rất chặt chẽ. Số một là tiêu chuẩn, thứ đến mới tới cơ cấu. Nhưng rồi cũng có lúc, có nơi, do quá thiên về cơ cấu, đã bỏ mất tiêu chuẩn hoặc ngược lại. Việc bầu cử như vậy đương nhiên là không đạt yêu cầu. Tuy thế, câu chuyện sau đây không nhằm nói về khuyết điểm này, mà lại đề cập tới một vấn đề có liên quan khác : việc giới thiệu người để được lựa chọn hay đề bạt.

Thông thường ai cũng mừng khi thấy người mình giới thiệu được trúng cử, được đề bạt hoặc giao cho những trọng trách. Thế nhưng gặp những trường hợp ấy, có người lại tỏ ra hối tiếc.

Vị thủ trưởng nọ nói : Giá tôi biết cái thằng ăn cháo đá bát như vậy thì tôi đã không giới thiệu nó.

Vị khác bảo : Ai ngờ nó lại đổ đốn đến thế, mới được lên chức mà đã ra mặt làm cao, chẳng thèm để ý đến ai.

Vị khác nữa lại than phiền : Tưởng nó cũng vừa vừa thôi, hóa ra nó quá thể lắm, vuốt mặt chẳng nể mũi, đến con mình mà nó vẫn cứ mang ra trị.

Vân vân và vân vân.

Những lời hối tiếc như thế thường xuất phát từ động cơ cá nhân. Hóa ra giới thiệu ai đó là để người được giới thiệu trung thành với mình, làm theo ý mình, bợ đỡ cho mình. Còn nếu người ta làm khác đi thì có nghĩa là mình đã giới thiệu sai.

Cũng có trường hợp ngược lại. Người ta hối tiếc vì đã giới thiệu không trúng người tốt, làm thiệt hại cho Đảng và cho Nhà nước.

Có thủ trưởng giới thiệu người thay mình, tưởng đó là người trung thực, vững vàng về chính trị, hóa ra lại là kẻ cơ hội chủ nghĩa, nắm quyền chả bao lâu đã nhanh chóng thoái hóa, biến chất, thậm chí phạm pháp.

Cũng có vị giới thiệu người lý lịch không rõ ràng, chỉ qua những lời nói ba hoa, khoác lác mà cứ ngỡ là giỏi giang, thật ra chẳng có tài cán gì.

Lại cũng có vị giới thiệu là do nể nang người quen thân của mình hoặc của cấp trên mình, tuy chẳng có tư túi nhưng cũng là tắc trách.

Về những trường hợp đại loại như thế, không thể kể hết được.

Câu hỏi đặt ra là "tại sao lại có sự giới thiệu vô trách nhiệm đến như vậy ?". Một cán bộ lãnh đạo công tác tổ chức ở cấp cao, khi giới thiệu những quy định của Trung ương về vấn đề nhân sự có nói vui như sau : Ngày nay, ta nói *giới thiệu* nhân sự, chứ xưa kia, người ta gọi là *tiến cử* hiền tài. Các minh quân thường khuyến khích các quan trong triều và cả cấp dưới tiến cử người ra gánh vác việc nước. Ai tiến cử được người hiền tài thì người đó được khen thưởng. Ai tiến cử phải kẻ tham nịnh thì người đó bị tội, có khi là đứt đầu. Cho nên người tiến cử phải cẩn trọng lắm. Còn ta chưa ai bị đứt đầu vì giới thiệu sai !

Tuy là nói vui nhưng cũng rất đáng để suy nghĩ. Tiến cử ngày xưa là công việc có tính cá nhân, cho nên cá nhân chịu trách nhiệm rất cao. Còn giới thiệu ngày nay lại mang tính tập thể. Tập thể quyết định, về nguyên tắc bao giờ cũng sáng suốt hơn cá nhân quyết định. Song trách nhiệm thường không rõ ràng. Thử xem. Trong các cuộc bầu cử, người giới thiệu chịu trách nhiệm rất ít, bởi lẽ người bầu chính là tập thể, thí dụ đại hội bầu ra ban chấp hành và ban chấp hành bầu ra bí thư hay thường vụ, v.v.. Vậy nếu có ủy viên ban chấp hành bị bầu sai (không đúng tiêu chuẩn) thì người chịu trách nhiệm là đại hội, còn bí thư hay thường vụ bị bầu sai thì người chịu trách nhiệm lại là ban chấp hành. Lại nói về việc bổ nhiệm. Giới thiệu để bổ nhiệm thường không phải là việc của một người mà có khi là của một tập thể lãnh đạo nhỏ và người ký quyết định bổ nhiệm có khi lại chẳng phải là quyết định của riêng mình mà là thực hiện ý kiến cũng của một tập thể. Vậy nếu bổ nhiệm sai thì ai chịu trách nhiệm ? Người giới thiệu, cơ quan tổ chức hay người ký quyết định bổ nhiệm ? Hình như lâu nay chúng ta chưa có một quy định cụ thể về vấn đề này. Chưa ai thi hành kỷ luật một đại hội hay một ban chấp hành vì bầu sai. Cũng chưa ai thi hành kỷ luật người bổ nhiệm hay phê duyệt khi bổ nhiệm hoặc phê duyệt sai.

Chỗ hở trong công tác tổ chức của chúng ta là ở đó. Người giới thiệu không hề chịu trách nhiệm ! Người ký quyết định bổ nhiệm và phê duyệt cũng không hề chịu trách nhiệm. Cho nên người giới thiệu cứ việc giới thiệu mà không cần lao tâm khổ tứ gì. Nếu tiến cử sai mà bị mất chức hoặc đứt đầu, ắt sẽ không có người tiến cử theo lối tắc trách, ban ơn. Để rồi hối tiếc và ân hận.!□

Digitized by Google

VẤN ĐỀ TOÀN CẦU HÓA - PHƯƠNG PHÁP LUẬN TIẾP CẬN TRIẾT HỌC

LÊ HỮU NGHĨA *

Toàn cầu hóa mà cốt lõi của nó là toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan của lịch sử, đang tác động nhiều mặt đến sự phát triển của tất cả các quốc gia, các dân tộc trên thế giới, nó đặt mỗi quốc gia trước những thời cơ và cả những thách thức to lớn, nhất là đối với các nước đang phát triển. Đã có nhiều cuộc hội nghị, hội thảo quốc gia và quốc tế về chủ đề toàn cầu hóa, song cho đến nay vẫn còn có rất nhiều ý kiến, quan điểm khác nhau thậm chí đối lập nhau trên vấn đề này.

Nguyên nhân của sự khác nhau đó không chỉ do khác nhau về lợi ích, về lập trường quan điểm mà còn do khác nhau về phương pháp luận tiếp cận vấn đề. Chỉ có trên cơ sở một phương pháp luận khoa học thì mới có thể nhận thức đúng đắn vấn đề toàn cầu hóa.

Đối với chúng ta, việc nhận thức đúng đắn bản chất và nguyên nhân của toàn cầu hóa kinh tế cũng như những tác động của nó đến các mặt chính trị, văn hóa, xã hội có ý nghĩa rất quan trọng trong việc hoạch định và thực thi các chủ trương, chính sách, giải pháp về hội nhập quốc tế và khu vực của Việt Nam, đồng thời góp phần nhận thức đúng đắn tình hình thế giới hiện nay.

* * *

Phương pháp luận triết học khoa học cho vấn đề toàn cầu hóa - đó là phương pháp luận của *triết học Mác - Lê-nin* mà trước hết và chủ yếu là *phép biện chứng duy vật* và *quan niệm duy vật lịch sử.*

Phép biện chứng duy vật, theo Lê-nin, là học thuyết triết học tổng quát về sự phát triển, nó xem xét các sự vật, hiện tượng trong sự liên hệ và vận động, phát triển theo quy luật khách quan vốn có của chúng. Tất cả hệ thống các nguyên lý, phạm trù, quy luật của phép biện chứng nhằm diễn tả sự phát triển đều là cơ sở phương pháp luận khoa học để xem xét, nhận thức vấn đề toàn cầu hóa.

Theo Lê-nin, "điều kiện quan trọng nhất của một sự nghiên cứu khoa học là không nên quên mối liên hệ lịch sử căn bản ; là xem xét mỗi vấn đề theo quan điểm sau đây : một hiện tượng nhất định đã xuất hiện trong lịch sử như thế nào, hiện tượng đó đã trải qua những giai đoạn phát triển chủ yếu nào, và đứng trên quan điểm của sự phát triển đó để xem xét xem hiện nay nó đã trở thành như thế nào" (1). Việc xem xét vấn đề toàn cầu hóa cần phải quán triệt quan điểm đó. Nghĩa là phải xét quá trình hình thành, phát triển, nguyên nhân, nguồn gốc và bản chất của hiện tượng toàn cầu hóa.

Theo chúng tôi, *toàn cầu hóa là quá trình tăng lên mạnh mẽ sự tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, các dân tộc trên toàn thế giới, là quá trình tạo ra sự giao lưu phổ biến trên phạm vi toàn cầu, tạo ra mối liên hệ phổ biến giữa các quốc gia, các khu vực và toàn thế giới.* Có thể nói, toàn cầu hòa không đồng nghĩa với quốc tế hóa mà là sự tiếp tục của xu thế quốc tế hóa đã có từ trước.

Quá trình quốc tế hóa được hình thành và đẩy mạnh trong điều kiện CNTB. Những phát kiến về địa lý, những cuộc chiến tranh xâm chiếm thuộc địa, sự phát triển đại công nghiệp, sự phát triển sản xuất nhờ áp dụng các thành tựu khoa học và công nghệ, sự mở rộng thị trường quốc tế, mở rộng giao lưu quốc tế đã phá vỡ tính chất biệt lập, khép kín trong phạm vi quốc gia, mở rộng không gian hoạt động của các quốc gia. Ngày nay xu thế quốc tế hóa đã phát triển đến một giai đoạn mới, *giai đoạn cao của nó - giai đoạn toàn cầu hóa.*

---

* GS, TS, Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t 39, tr 78

Digitized by Google

Trong lĩnh vực kinh tế, toàn cầu hóa trong giai đoạn hiện nay (tức toàn cầu hóa kinh tế), là xu thế khách quan đi tới hình thành nền kinh tế thế giới mà trong đó các quốc gia có sự liên kết với nhau, tùy thuộc lẫn nhau trong sự phân công và hợp tác kinh tế trên phạm vi toàn cầu, có sự lưu thông các luồng hàng hóa, dịch vụ, vốn, công nghệ, nhân lực trên phạm vi toàn cầu dưới sự chi phối của những tập đoàn tư bản đa quốc gia và xuyên quốc gia.

Có nhiều nhân tố tác động dẫn tới sự hình thành và phát triển xu thế toàn cầu hóa kinh tế, trong đó có *một số nhân tố chủ yếu* là :

- Xu thế toàn cầu hóa kinh tế trước hết bắt nguồn từ *sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất, từ tính chất xã hội hóa của lực lượng sản xuất* trên phạm vi quốc gia và quốc tế, thúc đẩy phân công lao động quốc tế ngày càng sâu rộng, phát triển nhanh chóng mậu dịch quốc tế và đầu tư...

Ngày nay với sự phát triển vượt bậc của lực lượng sản xuất, với sự ra đời của lực lượng sản xuất tin học hóa thì lực lượng sản xuất mang tính chất xã hội hóa cao độ, quốc tế hóa nền kinh tế và đời sống xã hội, thúc đẩy kinh tế thị trường phát triển, phân công lao động quốc tế ngày càng sâu rộng, gia tăng xuất khẩu tư bản, và chuyển giao công nghệ, phát triển nhanh chóng các quan hệ mậu dịch, trao đổi hàng hóa, dịch vụ, luân chuyển vốn, đầu tư...

- Xu thế toàn cầu hóa kinh tế chịu sự tác động trực tiếp rất mạnh mẽ của *cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.* Sự phát triển của các công nghệ cao (công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ thông tin, công nghệ viễn thông...) đã làm *thay đổi về chất* lực lượng sản xuất của loài người, đã đưa loài người từ văn minh công nghiệp lên văn minh tin học, đã tạo thành kinh tế tri thức, kỹ thuật số, tiền điện tử, hình thành mạng máy tính toàn cầu (In-tơ-nét)... Công nghệ thông tin hiện đại đã phá vỡ hàng rào ngăn cách về không gian và thời gian giữa các vùng trên thế giới, làm cho các quốc gia xích lại gần nhau. Năm 1991, cả thế giới mới có 31 nước nối mạng In-tơ-nét thì năm 1997 có 179 nước, năm 1996 có 67,5 triệu người sử dụng, dự kiến năm 2000 sẽ là 350 triệu người và năm 2005 là 1 tỉ người.

- Một nhân tố thúc đẩy mạnh mẽ xu thế toàn cầu hóa kinh tế là *sự phát triển và bành trướng của các công ty tư bản độc quyền xuyên quốc gia - lực lượng chi phối toàn cầu hóa.*

Như chúng ta biết, các công ty xuyên quốc gia là kết quả của quá trình tích tụ và tập trung sản xuất và tư bản. Trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, làn sóng sáp nhập các công ty lớn ở Tây Âu, Bắc Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc diễn ra khá mạnh mẽ nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường. Chỉ riêng năm 1998 đã có 7 700 vụ sáp nhập với tổng giá trị lên tới 2 400 tỉ USD, bằng mức của thập niên 80 và gấp rưỡi năm 1997. Năm 1999, riêng 10 vụ sáp nhập của các công ty lớn trên thế giới đã lên tới 1 500 tỉ USD. Tính chung trong thập niên 90, tổng số các vụ sáp nhập đã lên đến 20 000 tỉ USD.

Hiện nay các công ty xuyên quốc gia đang chi phối, thống trị nền kinh tế thế giới. Theo Hin Đi-tơ-rích chuyên gia nghiên cứu chiến lược thuộc Trung tâm nghiên cứu quốc tế của Mỹ thì vào những năm 60 có 7 000 nhưng đến nay có khoảng 57 000 công ty xuyên quốc gia với tổng doanh thu đã vượt toàn bộ giá trị 5 800 tỉ USD của nền thương mại thế giới năm 1992. Các công ty này với gần 500 000 chi nhánh đang kiểm soát 80% công nghệ mới, 40% nhập khẩu, 60% xuất khẩu, 90% đầu tư trực tiếp nước ngoài. Có 500 công ty xuyên quốc gia hàng đầu thế giới trong đó có 435 công ty (chiếm 87%) là thuộc các nước G7. 500 công ty nói trên có giá trị tài sản lên tới 30 515,2 tỉ USD và sử dụng 34 515 427 nhân viên, năm 1994 thu nhập của 500 công ty này lên tới 10 245,3 tỉ USD, lợi nhuận thu về lên tới con số khổng lồ : 281,8 tỉ USD.

Các công ty xuyên quốc gia trên đây có quy mô cực kỳ lớn, địa bàn hoạt động rất rộng, kinh doanh đa ngành, những chi nhánh của chúng như những chiếc vòi bạch tuộc giăng ra khắp hành tinh. Các công ty xuyên quốc gia bành trướng các hoạt động thương mại, tài chính, tín dụng, đầu tư, chuyển giao công nghệ trên phạm vi toàn cầu, hình thành hệ thống chi nhánh của mình ở nhiều quốc gia trên thế giới, lôi cuốn các quốc gia vào "vòng kim cô", vòng phong tỏa của nó, biến mỗi quốc gia thành những bộ phận trọng quy trình sản xuất của nó. Chẳng hạn, hãng Bô-inh (Mỹ) đã sử dụng 600 công ty ở các nước khác nhau để sản xuất các chi tiết, linh kiện của máy bay Bô-inh 747, hoặc 1 xe ô tô con của hãng Vôn-pha-ghen (Đức) được lắp ráp bằng các chi tiết do các chi nhánh của nó sản xuất ở 16 nước. Có thể nói, các công ty xuyên quốc gia là đội quân xung kích thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa.

- Vai trò của *các tổ chức kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế*

Các tổ chức này trước hết là Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB), Hiệp định chung về

Digitized by Google

thuế quan và thương mại (GATT), Tổ chức thương mại thế giới (WTO)... có vai trò ngày càng to lớn đối với quá trình toàn cầu hóa. Các tổ chức này ra đời là kết quả của quá trình toàn cầu hóa kinh tế, do nhu cầu của toàn cầu hóa kinh tế, song đến lượt mình chúng lại trở thành nhân tố thúc đẩy toàn cầu hóa kinh tế cả về bề rộng và chiều sâu.

IMF và WB ra đời vào cuối chiến tranh thế giới lần thứ hai (năm 1944), còn GATT ra đời năm 1947, WTO ra đời ngày 1-1-1995 trên cơ sở kế tục GATT. Nếu GATT đã trải qua 8 vòng đàm phán chỉ đóng khung trong mua bán hàng hóa thì WTO bao quát cả thương mại hàng hóa, dịch vụ và tài sản trí tuệ. WTO là một thể chế kinh tế toàn cầu chi phối hơn 90% tổng kim ngạch thương mại thế giới. Chức năng chủ yếu của WTO là : điều hành và thực thi các hiệp định thương mại đa phương và hiệp định giữa một số bên cấu thành WTO ; hoạt động với tính chất một diễn đàn cho các cuộc thương lượng mậu dịch đa phương ; tìm kiếm các giải pháp xử lý tranh chấp thương mại ; giám sát các chính sách thương mại quốc gia ; và hợp tác với các thiết chế quốc tế khác liên quan tới hoạch định chính sách toàn cầu. Những quy tắc, luật lệ của WTO trở thành những định chế cơ bản của một nền kinh tế toàn cầu hóa mang tính chất Tư bản chủ nghĩa. Trong thực tế hoạt động của mình, WTO không dừng ở phạm vi thương mại mà đã can thiệp sâu vào nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, vượt qua mọi biên giới quốc gia, áp đặt lên toàn thế giới những luật lệ có lợi cho sự thống trị của chủ nghĩa tư bản.

Cũng như vậy, IMF và WB cũng can thiệp sâu vào công việc các nước thông qua các luật lệ của mình về tín dụng, tài chính, đầu tư. Điều đó thể hiện rất rõ qua việc IMF và WB tham gia giải quyết khủng hoảng tài chính tiền tệ ở Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Hàn Quốc, Liên bang Nga, Bra-xin... vừa qua.

Có thể nói, IMF, WB và WTO là những tổ chức đặt dưới sự chi phối của chủ nghĩa tư bản do Mỹ đứng đầu, là những công cụ của các công ty xuyên quốc gia, của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn, là những công cụ của toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa. Vì vậy Mai-cơn Brâu, Chủ tịch mạng lưới thông tin thế giới thứ ba đã từng nói : "WB và IMF được dàn dựng để phục vụ cho chủ nghĩa bá quyền của Hoa Kỳ".

Như vậy do những nhân tố trên quy định nên toàn cầu hóa là một *xu thế khách quan* tác động đến tất cả các quốc gia, dân tộc. Tuy nhiên đây là cái khách quan trong xã hội nên nó phải được thể hiện ra *thông qua hoạt động của con người có ý thức*, vì vậy nó là *quá trình thống nhất của khách quan và chủ quan*, là thể hiện phép biện chứng của khách quan và chủ quan. Do đó không nên quan niệm tính tất yếu khách quan của toàn cầu hóa như một định mệnh, trái lại các quốc gia, các lực lượng xã hội khác nhau có thể phát huy nỗ lực chủ quan, chủ động nhận thức và hành động, có chính sách khác nhau để tham gia toàn cầu hóa nhằm hạn chế mặt tiêu cực, sử dụng mặt tích cực của toàn cầu hóa, nhằm giành lợi ích về cho mình. Đường lối chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực của Đảng và Nhà nước ta chính là như vậy.

Toàn cầu hóa là một quá trình phức tạp, đầy mâu thuẫn, nó được thực hiện *trong mâu thuẫn và thông qua mâu thuẫn biện chứng.*

Trước hết đó là mâu thuẫn giữa mặt tích cực và mặt tiêu cực của toàn cầu hóa, nó như một "con dao hai lưỡi". Một mặt toàn cầu hóa tạo cơ hội phát triển kinh tế - kỹ thuật, tạo khả năng giao lưu văn hóa, trí tuệ, chuyển giao công nghệ hiện đại, phát triển văn minh vật chất, mặt khác nó làm trầm trọng thêm bất công xã hội, đào sâu hố ngăn cách giàu nghèo, làm xói mòn bản sắc văn hóa dân tộc, tấn công vào chủ quyền quốc gia... Tính 2 mặt trên đây của toàn cầu hóa bắt nguồn cả từ sự qui định của lực lượng sản xuất (tích cực) và cả từ sự chi phối của quan hệ sản xuất TBCN đã lỗi thời đối với toàn cầu hóa (tiêu cực).

Các mâu thuẫn của quá trình toàn cầu hóa còn được thể hiện ở chỗ : mâu thuẫn giữa một bên là quyền lực và lợi ích của những thế lực tư bản quốc tế, các nước lớn TBCN với một bên là chủ quyền quốc gia của các dân tộc ; mâu thuẫn giữa tăng trưởng kinh tế với phân phối không công bằng dẫn tới phân cực giàu - nghèo ngày càng tăng giữa các quốc gia và trong mỗi nước, giữa trung tâm với ngoại vi, giữa Bắc với Nam ; mâu thuẫn giữa kinh tế tăng trưởng với văn hóa, đạo đức xã hội suy đổi do tác động từ mặt trái của kinh tế thị trường và mở cửa, hội nhập ; mâu thuẫn giữa con đường XHCN của một số nước với quá trình toàn cầu hóa do CNTB chi phối, khống chế ; mâu thuẫn giữa các nước TBCN, các tập đoàn tư bản với nhau, mâu thuẫn giữa xu hướng tự do hóa kinh tế với xu hướng bảo hộ mậu dịch v.v.. Những mâu thuẫn kể trên xét cho cùng, bắt nguồn từ *mâu thuẫn cơ bản* của CNTB là *mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất được xã hội hóa đến cao độ với chế độ chiếm hữu tư nhân TBCN* trong mỗi nước tư bản phát triển và trên phạm

Digitized by Google

vi thế giới. Toàn cầu hóa càng làm sâu sắc thêm các mâu thuẫn vốn có của CNTB cũng như những mâu thuẫn của thời đại. Với toàn cầu hóa, bản chất của CNTB vẫn không hề thay đổi. Quá trình toàn cầu hóa hiện nay vẫn nằm trong thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH trên phạm vi thế giới, nghĩa là từ hình thái kinh tế - xã hội cũ lên hình thái kinh tế - xã hội mới cao hơn.

Ở đây *lý luận mác xít về hình thái kinh tế - xã hội* là cơ sở phương pháp luận đặc biệt quan trọng để tiếp cận vấn đề toàn cầu hóa ; Quá trình toàn cầu hóa đang thể hiện rất rõ *phép biện chứng của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, của kinh tế và chính trị, kinh tế và văn hóa, xã hội.*

Toàn cầu hóa kinh tế có tác động trực tiếp đến chính trị, có những hệ quả về mặt chính trị, song ở đây không nên hiểu luận điểm kinh tế quyết định chính trị một cách đơn giản và máy móc. Toàn cầu hóa tạo nên mâu thuẫn giữa quyền lực và lợi ích của các thế lực tư bản quốc tế, các nước lớn TBCN với chủ quyền - an ninh quốc gia của các dân tộc. Thông qua con đường hợp tác, đầu tư, tự do hóa thương mại, viện trợ, cho vay theo hướng khuyến khích tư nhân hóa, tự do hóa tư sản, các thế lực TBCN đứng đầu là Mỹ muốn tạo ra những cơ sở kinh tế TBCN, từ đó dẫn đến hình thành những lực lượng chính trị đối lập ngay trong lòng xã hội để thực hiện tự diễn biến hòng thay đổi chế độ XHCN (đối với các nước XHCN) hoặc thay đổi chính phủ theo hướng thân phương Tây (đối với các nước đang phát triển), gây sức ép về kinh tế và chính trị đối với các nước.

Tuy vậy, chủ nghĩa đế quốc (CNĐQ) vấp phải sự phản kháng mạnh mẽ của các nước đang phát triển, các nước XHCN nhằm chống lại âm mưu áp đặt về chính trị, âm mưu "diễn biến hòa bình", can thiệp kể cả can thiệp vũ trang của CNĐQ nhằm giữ vững độc lập chủ quyền và an ninh quốc gia, giữ vững độc lập về chính trị, tự chủ về kinh tế và bản sắc văn hóa dân tộc của nước mình trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập.

Cũng như lĩnh vực chính trị, lĩnh vực văn hóa cũng chịu tác động bởi toàn cầu hóa kinh tế.

Toàn cầu hóa tạo điều kiện cho việc mở rộng giao lưu quốc tế, tăng thêm mối liên hệ và sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc, sự xích lại gần nhau giữa các quốc gia, do đó nó cũng tạo điều kiện cho việc mở rộng giao lưu về văn hóa, khoa học giữa các quốc gia, dân tộc, tiếp thu có chọn lọc những thành tựu của văn hóa nhân loại, bổ sung cho nhau, tạo điều kiện hiện đại hóa văn hóa. Tuy nhiên mặt khác, toàn cầu kinh tế trong điều kiện do thế lực tư bản chi phối lại tạo nguy cơ làm xói mòn bản sắc văn hóa dân tộc, mâu thuẫn với việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Trên thế giới, CNĐQ nhất là đế quốc Mỹ dựa trên sức mạnh kinh tế của mình đang muốn toàn cầu hóa văn hóa, thậm chí là Mỹ hóa. Người ta tuyên truyền về lối sống Mỹ, văn hóa Mỹ, còn các kênh truyền thông Mỹ thì phủ khắp hành tinh, phim ảnh Hô-li-út của Mỹ được chiếu khắp các nước, thậm chí đồ ăn thức uống Mỹ (Mac Donald, Coca Cola...) lan tràn khắp nơi. Đến nỗi Pháp cũng lo bị Mỹ hóa. Mỹ muốn áp đặt giá trị, lợi ích văn hóa, lối sống của mình cho toàn cầu.

Vì vậy, *toàn cầu hóa là một cuộc đấu tranh gay go, phức tạp cả trên lĩnh vực văn hóa - tư tưởng.* Chúng ta chủ động hội nhập quốc tế nhưng cũng phải chủ động đấu tranh chống lại những hiện tượng phản văn hóa, lai căng, độc hại, chống lại sự áp đặt về văn hóa của CNĐQ. Chúng ta tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại trên cơ sở bảo vệ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giữ gìn bản sắc dân tộc, tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Như vậy khi xem xét vấn đề toàn cầu hóa, không thể không đứng vững trên *quan điểm mác xít về giai cấp và đấu tranh giai cấp.* Trong tình hình thế giới ngày nay, xa rời quan điểm mác xít về giai cấp khi phân tích nguồn gốc, bản chất, xu hướng, lợi ích của toàn cầu hóa sẽ là một sai lầm lớn. Sự trình bày ở trên đã cho thấy rằng toàn cầu hóa là một quá trình đấu tranh giai cấp và dân tộc gay gắt, là cuộc đấu tranh của nhân dân lao động, các lực lượng xã hội tiến bộ, các dân tộc của các nước đang phát triển chống lại sự bóc lột, nô dịch, can thiệp, áp đặt, xâm lược của CNTB, CNĐQ, chủ nghĩa thực dân vì một sự toàn cầu hóa bình đẳng giữa các quốc gia dân tộc - sự toàn cầu hóa XHCN, CSCN trong tương lai. Đó là toàn cầu hóa kiểu mới, trong đó mọi quốc gia dân tộc đều có chủ quyền, đều được bình đẳng, đều được sống trong hòa bình, hữu nghị hợp tác và cùng phát triển. Tại hội nghị quốc tế về "Toàn cầu hóa và những vấn đề của sự phát triển tổ chức tại La Ha-ba-na (Cu Ba) tháng 1-1999, đồng chí Phi-đen Ca-xtơ-rô khẳng định rằng "Toàn cầu hóa là sản phẩm của sự phát triển của lịch sử, nhưng xu thế phát triển hiện nay không thể tồn tại vĩnh viễn. Toàn cầu hóa trong tương lai nhất định phải là toàn cầu hóa XHCN, CSCN".❑

Digitized by Google

Ý KIẾN BẠN ĐỌC TRONG NĂM QUA

TRONG năm 2000, Tạp chí Cộng sản đã thường xuyên nhận được những ý kiến của đông đảo bạn đọc trong cả nước. Những ý kiến chân tình, thẳng thắn và kịp thời của bạn đọc đã góp phần giúp Tạp chí phục vụ tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ chính trị trong thời kỳ mới.

Không có điều kiện để phản ánh hết những ý kiến mà bạn đọc đã gửi đến Tạp chí trong năm qua, trong số báo cuối năm 2000 này, chúng tôi chỉ xin được điểm lại những nội dung chính mà bạn đọc nêu lên.

Đồng chí Lê Tùng, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Hà Tĩnh viết : Tạp chí Cộng sản đã góp phần quan trọng trong việc giáo dục nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng, lập trường quan điểm, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tạp chí đã kịp thời tuyên truyền phổ biến những kinh nghiệm, những bài học để trao đổi và học tập... Tạp chí đã đi đầu trong việc đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ cương lĩnh, đường lối, quan điểm của Đảng, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Đồng chí cũng cho biết ở Hà Tĩnh, số lượng phát hành Tạp chí Cộng sản năm 2000 đạt 483 bản một kỳ, tăng 1,5 lần so với năm 1996. Tuy nhiên với 64 000 đảng viên, số lượng ấy là còn quá ít. Mặt khác, việc sử dụng Tạp chí cũng chưa tốt và hiệu quả còn hạn chế. Đồng chí Trần Thế Tuyển ở TP Hồ Chí Minh gửi tới Bộ biên tập một bài viết với đầu đề : "Cần tăng cường sức chiến đấu cho tờ tạp chí lý luận và chính trị của Trung ương Đảng" đã viết : Tạp chí Cộng sản đã có bước đổi mới mạnh mẽ cả về nội dung và hình thức. Bám chắc nhiệm vụ chính trị của Đảng, Tạp chí Cộng sản đã có một loạt bài mang tính chuyên luận của nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, quân đội ở trung ương và địa phương ; các nhà lý luận, những nhà quản lý ; về những vấn đề bức xúc trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tạp chí đã bám sát cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, làm sáng rõ tư tưởng chỉ đạo của Đảng ta về cuộc vận động lớn này. Tạp chí có nhiều bài có tính lý luận và thực tiễn sâu sắc như : *Đảng dân một ý chí* của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu. *Xây dựng Đảng về tư tưởng chính trị* của đồng chí Nguyễn Đức Bình. *Nêu cao danh hiệu Đảng Cộng sản Việt Nam, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam* của đồng chí Phạm Văn Đồng... Mảng kinh tế, chính trị, triết học, văn hóa - xã hội cũng được Tạp chí đề cập khá sâu sắc...

Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ nặng nề là cơ quan lý luận, chính trị của Trung ương Đảng đề nghị Tạp chí cần tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng hơn nữa. Nên chăng từ kết quả phê bình và tự phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) cần đưa lên Tạp chí những điển hình cả về mặt làm được và chưa làm được, điều tra vì sao có hiện tượng ấy... Đồng chí PGS, TS Phan An, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu dân tộc học và tôn giáo thuộc Viện Khoa học xã hội ở TP Hồ Chí Minh cho rằng : Tạp chí đã cung cấp cho độc giả, đặc biệt là những cán bộ nghiên cứu khoa học những lý luận cơ bản về chủ nghĩa cộng sản, về Đảng Cộng sản và những kiến thức về chủ nghĩa xã hội từ thực tiễn Việt Nam, về lý luận và thực tiễn cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, đồng chí cũng nêu lên thiếu sót là vẫn có một số bài còn lý luận chung chung...

Tiến sĩ Nguyễn Thế Nghĩa, Viện trưởng Viện Khoa học xã hội tại TP Hồ Chí Minh nêu ưu điểm của Tạp chí là nội dung đã được nâng lên một bước ; mục *Nghiên cứu trao đổi* của Tạp chí được đồng chí rất ưa thích. Nhưng Tạp chí còn có ít bài đi sâu vào lĩnh vực khoa học xã hội ở các tỉnh phía Nam. Những bài nghiên cứu, tổng kết những vấn đề thực tiễn ở phía Nam chưa nhiều.

Cũng từ TP Hồ Chí Minh đồng chí Phan Thư,Phó thủ trưởng cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân thành phố nêu ý kiến : Tạp chí đã kịp thời đưa các nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng, phục vụ cho các ngày lễ kỷ niệm, ngày hội lớn của đất nước, đã gắn lý luận với thực tiễn. Nhưng nhìn chung Tạp chí còn ít bài đề cập đến mảng pháp luật và vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Mục *Thế giới : vấn đề, sự kiện* chưa được phong phú, sâu sắc.

Digitized by Google

Đồng chí Phan Hiền cho rằng : Tạp chí "có nhiều bài tốt, bổ ích, kịp thời", nhưng cần chú ý làm thế nào để phát huy tác dụng tốt trong cán bộ, đảng viên và lực lượng thanh niên, trí thức ở phía Nam, bởi "ở các tỉnh phía Nam, rất nhiều đảng viên không biết Tạp chí Cộng sản. Thanh niên lại càng xa lạ". Cũng từ vấn đề băn khoăn mà đồng chí Phan Hiền nêu lên, đồng chí Trần Trọng Đăng Đàn - Tổng biên tập Tạp chí khoa học xã hội (TP Hồ Chí Minh) sau khi nêu lên ưu điểm của Tạp chí Cộng sản như : nội dung đáp ứng được tính lý luận và thông tin mang tầm vĩ mô, tạo được sức hấp dẫn... đã kiến nghị : nên chăng điều tra xem có thật sự số lượng phát hành phản ánh đúng thực chất nhu cầu người đọc ?

Từ TP Cần Thơ đồng chí Vũ Lân một nhà mỹ học nêu nhận xét : Cả hình thức và nội dung của Tạp chí đều có nhiều tiến bộ so với trước. Cụ thể là về nội dung có những bài "sát sườn" với yêu cầu cách mạng của từng thời kỳ. Các mục đều đề cập tới nhiều vấn đề mà anh chị em ở địa phương đang "mắc mứu". Về hình thức việc in ấn cũng đẹp hơn xưa.

Đồng chí Nguyễn Đình Thí thay mặt một số bạn đọc ở Huế thường xuyên gửi những ý kiến nhận xét đối với từng số của Tạp chí. Trong bài từ Huế gửi ra ngày 26-6-2000 đồng chí viết : Các bài nói về hoạt động lập pháp của Quốc hội, về phát triển con người, về thi đua khen thưởng, về dân vận, toàn cầu hóa... (số 10 và 11 năm 2000) nội dung tốt, có những quan điểm và định hướng mới.

Đồng chí Lê Hải Trà ở thị xã Sơn La trong thư gửi về Bộ biên tập nêu kiến nghị cụ thể : mỗi số nên có 1 bài đề cập các vấn đề về miền núi. Mỗi số nên có 1, 2 bài về mô hình, điển hình, gương đảng viên tốt trong đó nêu được kinh nghiệm, bài học hay để các nơi khác học tập.

Thông tin viên Nguyễn Yêm ở Nghệ An, sau khi cho biết thời gian nhận được từng số Tạp chí phát hành ở Nghệ An, đã có nêu nhận xét cụ thể, từng bài chính đăng trên Tạp chí, đồng thời đề xuất : Tạp chí cần có nhiều bài tổng kết thực tiễn, các điển hình tiên tiến, kinh nghiệm về xây dựng tổ chức đảng và đấu tranh phê phán kiên quyết, mạnh mẽ hơn với bệnh quan liêu, tham nhũng trong Đảng.

Đồng chí Bí thư huyện ủy Kỳ Anh (Hà Tĩnh) nêu ý kiến : Trong tình hình hiện nay, một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái về đạo đức, lối sống, chuyên mục *Sinh hoạt tư tưởng* với cách viết hóm hỉnh, ngắn gọn, mang tính chiến đấu đã góp phần hạn chế, ngăn chặn các thói hư tật xấu. Qua các bài ở chuyên mục này được địa phương sử dụng trong các kỳ sinh hoạt chi bộ đã có tác dụng thiết thực đối với việc giáo dục cán bộ, đảng viên ; bởi như ý kiến đồng chí Trần Thanh Bình Bí thư huyện ủy Thạch Hà (Hà Tĩnh) là đã làm cho "không ít người phải giật mình, soi mình một cách nghiêm túc".

Một số bạn đọc ở Thanh Hóa như : Đặng Hùng, Nguyễn Văn Chiến, Phạm Minh Chỉnh... cho rằng : Nội dung bài đăng trong Tạp chí cũng đã nêu lên được những cái được và chưa được trong chỉ đạo. Nhiều bài tổng quan có giá trị cho việc nghiên cứu vận dụng vào các lĩnh vực, ở từng địa phương. Nhưng cũng có những vấn đề bức xúc chưa được lý giải một cách thỏa đáng. Bạn đọc nêu kiến nghị :

1 - Nên có những cuộc trao đổi bàn tròn xung quanh một vấn đề nào đó.

2 - Nên có một số hình ảnh minh họa cho một số bài tiêu biểu để Tạp chí sinh động hơn, hấp dẫn hơn.

3 - Có một số bài còn dài, cần rút gọn.

4 - Bảo đảm thường xuyên việc phát hành đúng kỳ hạn. Bởi vẫn có tình trạng Tạp chí đến với bạn đọc chậm.

Đồng chí Trần Văn Sĩ ở Nghệ An cho biết : Qua khảo sát một số cơ quan, ban ngành cấp tỉnh thì đảng bộ TP Vinh số chi bộ có Tạp chí Cộng sản là 20% ; đảng bộ dân chính đảng là 59%, đảng bộ công an tỉnh là 32%, đảng bộ các doanh nghiệp nhà nước là 21%. Đồng chí nêu nhận xét : nhìn chung công tác phát hành còn yếu, cần làm tốt hơn để Tạp chí đến với đông đảo cán bộ, đảng viên và tổ chức cơ sở đảng.

Một bạn đọc khác là đồng chí Đỗ Hữu Nhơn, giáo viên bộ môn Kim loại ở Trường đại học Bách Khoa Hà Nội trong thư gửi đến Bộ biên tập viết : Tôi thường xuyên đọc, nghiên cứu các bài viết ở Tạp chí. Tôi thấy Tạp chí ngày càng đẹp, hấp dẫn. Tuy nhiên một số chỗ dịch mục lục ra tiếng nước ngoài chưa chính xác.

Có thể nói còn có rất nhiều ý kiến bạn đọc thuộc mọi lứa tuổi, ngành nghề, chức vụ, môi trường công tác khác nhau ở khắp mọi miền của Tổ quốc gửi đến đóng góp cho Tạp chí, nhưng chúng tôi không thể nêu hết được.

Hy vọng rằng bước sang năm 2001 cũng như những năm tiếp theo Tạp chí Cộng sản tiếp tục nhận được sự quan tâm và những ý kiến quý báu của bạn đọc xa gần, giúp cho Tạp chí hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ là cơ quan lý luận chính trị của Trung ương Đảng, xứng đáng với sự yêu mến, tin cậy của bạn đọc cả nước. ❑

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

CÔNG TY VẬT TƯ - VẬN TẢI - XI MĂNG

Địa chỉ : 21B Phố Cát Linh - Đống Đa - Hà Nội

Tel : (04)8457458 ; (04)8457328 Fax: (04)8457186

COMATCE

Công ty Vật tư - Vận tải - Xi măng (Comatce), đơn vị thành viên trực thuộc Tổng công ty xi măng Việt Nam, được thành lập theo QĐ 824/BXD-TCLĐ ngày 3/12/1990 và được thành lập lại theo QĐ số 022A/BXD-TCLĐ ngày 12/3/1993 của Bộ trưởng Bộ xây dựng là doanh nghiệp nhà nước có chức năng kinh doanh vật tư vận tải chuyên ngành; Tổ chức khai thác và kinh doanh các loại phụ gia phục vụ cho sản xuất xi măng; Kinh doanh và dịch vụ vận tải; Đại lý VLXD. Hoạt động theo cơ chế thị trường và theo kế hoạch của Tổng công ty xi măng Việt Nam giao cho.

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

+ Kinh doanh vật tư - thiết bị phục vụ sản xuất xi măng

+ Kinh doanh dịch vụ vận tải

+ Kinh doanh vận tải đường sông

+ Khai thác tuyển xỷ dùng cho sản xuất xi măng và các công trình giao thông, thủy lợi.

+ Cung ứng bô xít, phụ gia, quặng sắt cho sản xuất xi măng.

+ Vận tải clinker Bắc - Nam.

+ Đại lý tiêu thụ xi măng Hoàng Thạch, Hải Phòng, Bút Sơn và các loại vật liệu xây dựng khác.



Các đơn vị trực thuộc Công ty

1* Chi nhánh tại Bỉm Sơn
- Địa chỉ : Thị xã Bỉm Sơn - Thanh Hóa
- Tel : 037.770241
- Địa chỉ : Thị xã Ninh Bình tỉnh Ninh Bình
- Tel : 030.871018 Fax : 030.874450

2* Chi nhánh tại Quảng Ninh
- Địa chỉ : Số 27 Hạ Long - TP. Hạ Long Quảng Ninh.
- Tel : 033.825387 Fax : 033.828096

3* Chi nhánh tại Hà Nam
- Địa chỉ : La Mát - Kiện Khê - Thanh Liêm - Hà Nam
- Tel : 0351.853098 Fax : 0351.853122

4* Chi nhánh tại Hải Phòng
- Địa chỉ : Số 20 đường Hà Nội - TP. Hải Phòng
- Tel : 031.842158 Fax : 031.824406

5* Chi nhánh tại Hoàng Thạch
- Địa chỉ : Huyện Kim Môn - Hải Dương
- Tel : 0320.821090 Fax : 0320.821068

6* Chi nhánh tại Lâm Thao - Phú Thọ
- Địa chỉ : Xã Chu Hóa - Lâm Thao - Phú Thọ
- Tel : 0210.825023 Fax : 0210.825715

7* Chi nhánh tại Phả Lại
- Địa chỉ : Chí Linh - Hải Dương
- Tel : 0320.881271 Fax : 0320.881271

8* Trung tâm kinh doanh VLXD
- Địa chỉ : Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội
- Tel : 04.8232109 ; 04.8542667

9* Đoàn vận tải thủy bộ
- Địa chỉ : Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội
- Tel : 04.5531811 Fax : 04.5531801

10* Văn phòng Đại diện tại TP. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ : 229/4A - Bùi Thị Xuân - Tân Bình Thành phố Hồ Chí Minh
- Tel : 08.8445497 Fax : 08.8461870

Công ty Vật tư - Vận tải - Xi măng rất hân hạnh được đón tiếp quí khách, đến với Công ty chúng tôi, quí khách sẽ được phục vụ tốt nhất, với phương thức bán hàng đa dạng theo yêu cầu của quí khách, đảm bảo chất lượng sản phẩm, giá cả hợp lý, thái độ phục vụ lịch sự, văn minh.

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI

CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 4

TRỤ SỞ: 243A ĐÊ LA THÀNH - Q. ĐỐNG ĐA - HÀ NỘI

TEL: 84.4.8348976 - 8348384 **FAX:** 84.4.8348863

GIÁM ĐỐC CÔNG TY: KỸ SƯ TRẦN VĂN SƠN

PHÓ GIÁM ĐỐC KIÊM BÍ THƯ ĐẢNG ỦY: KỸ SƯ NGÔ XUÂN NHAM



Ban chấp hành Đảng bộ Công ty Xây dựng số 4 nhiệm kỳ lần thứ X (2000 - 2003)



Công trình Tỉnh ủy Bắc Ninh



Công trình khu nhà ở người nước ngoài

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- ***Giá trị sản lượng:*** **Từ năm 1996 đến năm 2000, giá trị sản lượng đã tăng từ 90 tỷ đồng lên đến 230 tỷ đồng.**
- ***Doanh thu:*** **Từ năm 1996 đến năm 2000, doanh thu tăng từ 82 tỷ đồng lên đến 155 tỷ đồng.**



Công trình Nhà hát lớn thành phố Hà Nội

THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

- Đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng 3.
- Đảng bộ công ty được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh 5 năm liền (từ 1995 đến 1999), được nhận cờ thưởng của thành ủy Hà Nội.
- Đã được tặng thưởng nhiều cờ thưởng, bằng khen của chính phủ, của Bộ xây dựng, của thành phố Hà Nội và các tỉnh bạn.



Công trình thoát nước Yên Sở

Digitized by Google

Công ty xây dựng CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 810

CIVIL ENGINEERING CONSTRUCTION COMPANY 810

Địa chỉ: xã Hoàng Liệt - Thanh Trì - Hà Nội (km 9 đường Giải Phóng)
Tel: (84-4) 8611008 - 8613249 - 8615222 ✵ Fax: (84-4) 8616111
Address: Hoang Liet - Thanh Tri - Hanoi

Công ty xây dựng công trình giao thông 810 là một doanh nghiệp Nhà nước hạng I trực thuộc Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 8, thành lập năm 1967. Trải qua các thời kỳ xây dựng và phát triển, công ty được thành lập lại theo văn bản số 132/TB ngày 29-4-1993 của chính phủ, quyết định số 1097/QĐ-TCCB-LĐ ngày 2-6-1993 của Bộ GTVT. Đến nay công ty đã có bề dày và thành tích hoạt động hơn 30 năm, trở thành một công ty xây dựng chuyên ngành lớn, phạm vi hoạt động cả nước, được vinh dự đón nhận huân chương lao động Hạng 3 - Hạng 2 - Hạng nhất của Nhà nước trao tặng.



❑ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- Giấy phép số 2932-KHĐT ngày 15-9-1993 của Bộ GTVT cấp, được phép hành nghề xây dựng trên các lĩnh vực.

+ Nề, mộc, bê tông, sắt thép ; san lấp mặt bằng ; tạo bãi.

+ Sản xuất vật liệu xây dựng.

+ Sửa chữa nhỏ và vừa xe máy thi công.

+ Xây dựng sửa chữa công trình giao thông.

+ Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng loại vừa và nhỏ.

❑ NĂNG LỰC HIỆN CÓ:

* Lao động (trong diện hợp đồng lao động không thời hạn): 420 người. Trong đó:

+ Tốt nghiệp Đại học ngành Xây dựng - Kiến trúc - Kinh tế : 16,5%

+ Tốt nghiệp Cao đẳng ngành Xây dựng - Kiến trúc - Kinh tế: 9%

+ Công nhân kỹ thuật bậc 4 trở lên: 62%

* Tài sản cố định:

+ Nguyên giá: 52,645 triệu đồng.

+ Giá trị còn lại: 31,200 triệu đồng

* Những máy móc thiết bị hiện đại, đặc trưng.

- 02 trạm trộn BTAF bán di động, mỗi trạm có công suất 100 T/h do CHLB Đức và CH Hàn Quốc chế tạo.

- 02 trạm trộn BTAF di động, mỗi trạm có công suất 35 T/h do CHLB Nga chế tạo.

- 03 dây chuyền rải BTAF mặt đường, thiết bị hiện đại, đồng bộ. Máy rải BTAF bộ điều khiển tự động, máy vệ sinh mặt đường, ô tô tưới nhựa, lu bánh lốp, bánh sắt... Đáp ứng mọi yêu cầu kỹ thuật rải H = 3 ÷ 15cm, B = 2,5 ÷ 7,5m.





Digitized by Google

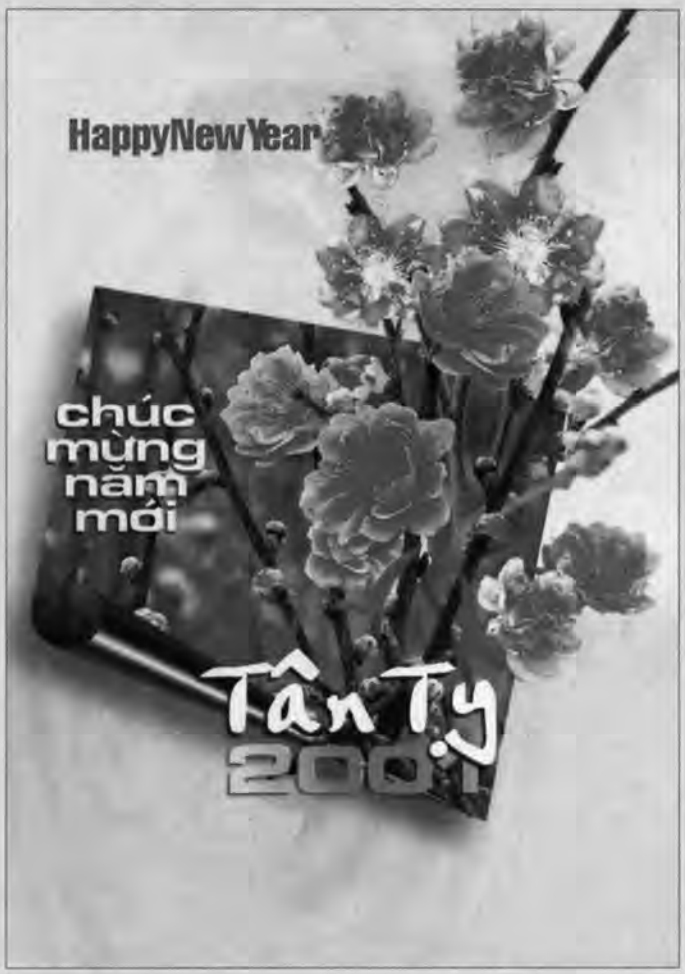
5/30

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
VIETNAM NATIONAL SHIPPING LINES

TRỤ SỞ CHÍNH
Head Office in Hanoi
201 Khâm Thiên, Đống Đa
Tel : (84-4) 851 7750-53
Fax : (84-4) 8517746
E-mail : vinalines@fpt.vn

CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH
Branch in Ho Chi Minh City
211 Nguyễn Văn Trỗi, Phú Nhuận
Tel : (84-8) 845 3053
Fax : (84-8) 845 3056
E-mail : vnl.hcm@vinalines.com.vn

CHI NHÁNH TP. HẢI PHÒN
Branch in Haiphong City
282 Đà Nẵng, Ngô Quyền
Tel : (84-31) 825 657
Fax : (84-31) 825 658
E-mail : vnl.hpg@vinalines.com.v



Tổng công ty Hàng hải Việt Na (VINALINES) là một tổng công ty nh nước và là một doanh nghiệp đầu đàn củ ngành hàng hải Việt Nam. Với gần 40 doan nghiệp thành viên, doanh nghiệp có vốn gó đã có kinh nghiệm hơn 40 năm hoạt động trê thị trường hàng hải trong và ngoài nước Tổng công ty hàng hải Việt Nam luôn sẵ sàng cung cấp tới các khách hàng trong nước và quốc tế những dịch vụ sau:

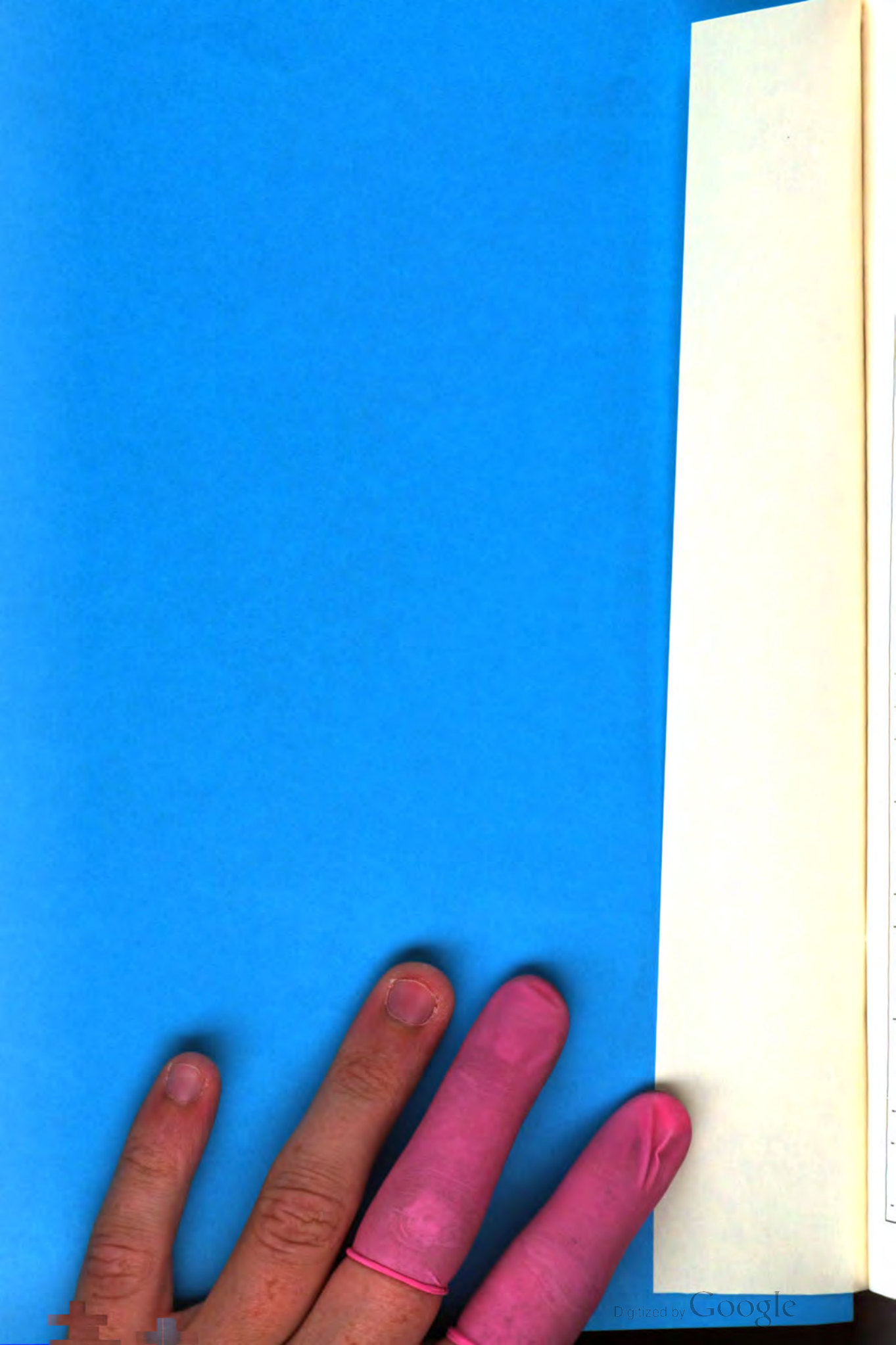
- Vận tải và lưu thông hàng hóa trong nước và quốc tế, đặc biệt là hàng container;
- Bốc xếp hàng hóa tại cảng biển, cảng sông, cảng nội địa và các dịch vụ có liên quan;
- Đại lý, môi giới hàng hải và giao nhận hàng hóa;
- Cho thuê kho bãi và phương tiện vận tải bộ;
- Đào tạo và cung ứng lao động hàng hải;
- Xuất nhập khẩu phương tiện, trang thiết bị, nhiên liệu và vật tư chuyên ngành;
- Tư vấn các dự án hàng hải.

Nhân dịp Xuân mới Tân Tỵ, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam xin kính chúc Quý khách cùng toàn thể gia đình một năm mới An khang - Thịnh vượng.

Rất mong tiếp tục nhận được sự hợp tác và hỗ trợ của khách hàng gần xa để ngày càng phục vụ được tốt hơn.

Mời tới thăm chúng tôi tại: http://www.vinalines.com.vn
Google

Digitized by Google


Digitized by Google

MỤC LỤC
TẠP CHÍ CỘNG SẢN NĂM 2000

Tên bài	*Tác giả*	*Số*
I - Những vấn đề chung		
- Năm 2000 - năm chuẩn bị bước vào thế kỷ mới	Xã luận	1
- Ba bức thư thắm đậm nghĩa Đảng, tình dân	***	2
- Ngọn cờ chỉ đường thắng lợi của cách mạng nước ta	Hoàng Tùng	2
- Xuân Canh Thìn - Đảng 70 xuân	Xã luận	3
- Đảng quang vinh, Bác Hồ vĩ đại và mùa xuân đất nước	Trần Đức Lương	3
- Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh - điều kiện bảo đảm giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng	Nguyễn Phú Trọng	3
- Đảng Cộng sản Việt Nam mãi mãi vì dân, vì nước, thủy chung với bè bạn	Lê Khả Phiêu	4
- Công tác quốc tế của Đảng	Phạm Thế Duyệt	4
- Đảng ta tròn 70 tuổi	Nguyễn Đức Bình	4
- Cống hiến của Hồ Chí Minh và Đảng ta vào kho tàng lý luận cách mạng thế giới	Hoàng Tùng	4
- Trung thành và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh - nguồn gốc thắng lợi của cách mạng nước ta	Lê Hữu Nghĩa	5
- Hồ Chí Minh, Đảng ta và định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội	Nguyễn Duy Quý	7
- Vận dụng và phát triển bài học xây dựng, huy động sức mạnh tổng hợp trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay	Phạm Văn Trà	8
- 30-4, thắng lợi hoàn toàn và trọn vẹn của cuộc đấu tranh giành độc lập và thống nhất, mở ra kỷ nguyên mới tiến lên chủ nghĩa xã hội	Võ Nguyên Giáp	8
- Chủ nghĩa Mác - Lê-nin : sức sống và ý nghĩa thời đại	Lê Hữu Nghĩa	8
- Lê-nin với vai trò của nhân dân trong cuộc đấu tranh chống tệ quan liêu	Vũ Đương	8
- Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc, tinh hoa của thời đại	Phạm Văn Đồng	10

Digitized by Google

Tên bài	*Tác giả*	*Số*
- Phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc, đưa đất nước tiến nhanh trong giai đoạn mới	Phan Văn Khải	10
- Hồ Chí Minh - cái nhìn văn hóa xuyên thế kỷ	Hà Xuân Trường	10
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về khoa học và công nghệ	Vũ Đình Cự	10
- Tư duy chính trị Hồ Chí Minh, tiếp cận từ góc độ văn hóa	Quang Cận	10
- Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường Đảng ta và nhân dân ta tiến vào thế kỷ XXI	Lê Khả Phiêu	11
- Nguồn gốc tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Bình	11
- Tư tưởng Hồ Chí Minh với công cuộc đổi mới hiện nay	Văn Tạo	11
- Hồ Chí Minh - kiến trúc sư hòa bình của dân tộc và nhân loại	Phạm Hồng Chương	11
- Một năm thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng	Nguyễn Văn An	12
- Để xứng đáng với lòng tin của dân	Lê Khả Phiêu	13
- Đôi điều suy nghĩ về vận mệnh của chủ nghĩa xã hội	Nguyễn Đức Bình	13
- Với tinh thần cách mạng tiến công, vững tin vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng, tiến tới Đại hội IX của Đảng, đưa đất nước vững bước tiến vào thế kỷ XXI	Lê Khả Phiêu	14
- Một số nội dung cơ bản trong Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội IX của Đảng	Nguyễn Phú Trọng	15
- Bảy mươi năm công tác tư tưởng của Đảng - truyền thống vẻ vang, trách nhiệm to lớn	* * *	15
- Nguyễn Ái Quốc - người sáng lập và chủ biên đầu tiên của Tạp chí lý luận và chính trị của Đảng	Nguyễn Trọng Thụ	15
- Tạp chí Cộng sản - 70 năm xây dựng và trưởng thành	* * *	15
- Năm năm Việt Nam trong ASEAN	Nguyễn Dy Niên	16
- Phát huy cao độ truyền thống cách mạng kiên cường của dân tộc, vì độc lập, tự do và phồn vinh của Tổ quốc, vững bước tiến vào thế kỷ XXI	Trần Đức Lương	17
- Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Quốc hội trong thời kỳ mới	Nông Đức Mạnh	17
- Ngoại giao Việt Nam thời kỳ đổi mới	Nguyễn Mạnh Cầm	17
- Ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh	Nguyễn Dy Niên	18
- Cái mới trong Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội IX	Hà Đăng	18
- Tiếp tục đi theo con đường đã chọn, dù 50 năm, 100 năm hay lâu hơn nữa, chúng tôi cũng không bao giờ nao núng, chủ nghĩa xã hội nhất định thành công	Lê Khả Phiêu	19

Digitized by Google

Tên bài	*Tác giả*	*Số*
- Cục diện cách mạng nước ta hiện nay và nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng	Lê Xuân Tùng	21
- Những chuyển biến lớn về kinh tế -xã hội 10 năm qua	Vũ Hiền	21
- Phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong thời kỳ mới	Xã luận	22
- Tuyên truyền tốt hơn nữa chiến lược đại đoàn kết dân tộc	Phạm Thế Duyệt	22
- Ý chí và duy ý chí	Hà Đăng	22
- Thi đua là sáng tạo, là rèn luyện bản lĩnh, xây dựng nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa	Lê Khả Phiêu	23
- Quá khứ là gốc rễ, là nền tảng, là sức mạnh của hiện tại và tương lai	Lê Khả Phiêu	23
- Đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững khi bước vào thế kỷ XXI	Phan Văn Khải	23
- Đảng Cộng sản Việt Nam trong công cuộc đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội	Nguyễn Đức Bình	23
- Đổi mới tư duy lý luận trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam	Nguyễn Duy Quý	24
II - Kinh tế		
- Tổng quan kinh tế - xã hội năm 1999, triển vọng năm 2000	Nguyễn Sinh Cúc	1
- Kích cầu để phục hồi tăng trưởng kinh tế	Tào Hữu Phùng	1
- Về chính sách và chiến lược phát triển năng lượng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Nguyễn Hữu Mai - Ngô Tuấn Kiệt	1
- Về các hình thức hợp tác, hợp tác xã kiểu mới và Công ty cổ phần trong nông nghiệp	Nguyễn Văn Ngọc	1
- Về kích cầu ở nước ta hiện nay	Duy Hiếu	2
- Chương trình 135 - ý Đảng, lòng dân	Nguyễn Hoa Thiếu Huyền	2
- Thuế giá trị gia tăng ở nước ta sau một năm thực hiện	Quách Đức Pháp	3
- Kinh tế trang trại Đồng Nai : thực trạng và giải pháp thực hiện	Đồng Xuân Ninh	3
- Về đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	Mai Hữu Thực	4
- Hội nhập kinh tế với thế giới : vấn đề và giải pháp	Nguyễn Mại	5
- Sản xuất công nghiệp ở nước ta : thực trạng 4 năm (1996 - 1999) và triển vọng năm 2000	Nguyễn Sinh Cúc	5
- Cần thực hiện tốt các chính sách thúc đẩy kinh tế trang trại phát triển	Phạm Phan Dũng	6

Digitized by Google

Tên bài	*Tác giả*	*Số*
- Thừa Thiên - Huế vượt gian lao, vững bước tiến vào thời kỳ phát triển mới	Ngô Yên Thi	6
- Liên minh hợp tác xã Việt Nam trong quá trình phát triển các hình thức kinh tế hợp tác và hợp tác xã	Nguyễn Ty	6
- Nhận diện các công cụ và thủ đoạn cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường	Nguyễn Quốc Dũng	7
- Vị trí của nước ta qua hai chỉ tiêu so sánh quốc tế	Lê Văn Toàn	8
- Xuất khẩu gạo năm 2000 : thời cơ - thách thức -giải pháp	Nguyễn Cảnh Hưng	8
- Về chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề, làng nghề ở nông thôn	Dương Bá Phượng	8
- Nhìn lại quá trình đổi mới và phát triển hợp tác xã ở nước ta	Chu Tiến Quang	8
- Khai thông thị trường, chủ động hội nhập quốc tế	Tào Hữu Phùng	9
- Hà Giang trên đường bước vào thế kỷ mới	Vũ Ngọc Kỳ	9
- Xây dựng hợp tác xã thương mại - dịch vụ trên địa bàn nông thôn	Doãn Công Khánh	9
- Đồng bằng sông Cửu Long : một mô hình nông nghiệp hàng hóa lớn, đa ngành	Nguyễn Sinh	10
- Hải Phòng 45 năm sau ngày giải phóng	Tô Huy Rứa	11
- Một số suy nghĩ về tổ chức lại doanh nghiệp nhà nước	Trần Du Lịch	11
- Nông nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế	Lê Xuân Đình	11
- Hà Tây sau 6 năm xây dựng thí điểm mô hình quỹ tín dụng nhân dân	Đỗ Xuân Trường	11
- Quan điểm và giải pháp về phát triển kinh tế trang trại ở nước ta hiện nay	Doãn Huề	12
- Một số vấn đề về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần	Nguyễn Kế Tuấn	12
- Thuế giá trị gia tăng, nhìn từ vĩ mô đến vi mô	Nguyễn Hoa Huyền	12
- Chính sách thương mại của Việt Nam trong xu thế thương mại quốc tế hiện nay	Ng. Thị Thanh Hoài	13
- Từ thủy lợi hóa nông nghiệp, nông thôn	Lê Trọng	13
- Nông trường sông Hậu - điểm sáng vùng nông nghiệp	Trần Kim Dung	13
- Về phát triển nhà ở theo mô hình xây dựng chung cư cao tầng	Nguyễn Hiệp	13
- Đổi mới và sắp xếp lại hệ thống doanh nghiệp nhà nước	Vũ Huy Từ	14
- Các khu công nghiệp ở nước ta hiện nay : thực trạng và giải pháp	Nguyễn Sinh Cúc	14
- Con đường đi lên của Sóc Trăng	Trần Văn Vụ	15
- Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ	Vũ Khoan	15
- Thị trường chứng khoán Việt Nam - một công cụ huy động vốn	Phan Thế Hải	16

Digitized by Google

Tên bài	*Tác giả*	*Số*
- Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế hợp tác ở nước ta hiện nay	Phạm Thị Cần	16
- Phát triển kinh tế - xã hội ở huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị	Nguyễn Thế Tràm	16
- Kinh tế - xã hội Việt Nam 55 năm xây dựng và phát triển	Nguyễn Sinh Cúc	17
- Xuất khẩu hàng hóa Việt Nam 10 năm qua	Doãn Khánh	17
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay nước ngoài để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội	Tào Hữu Phùng	17
- Quản lý tài chính - ngân sách trong tình hình mới	Nguyễn Sinh Hùng	18
- Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ	Vũ Hiền	18
- Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam - hành trình một chặng đường	Trần Xuân Mùi	18
- Công nghiệp chế biến cao su trên đường hội nhập	Nguyễn Đăng Kiều - Nguyễn Hữu Tiến	18
- Định hướng chính sách thương mại trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế	Mai Văn Dâu	19
- Các giải pháp về kinh tế - tài chính để doanh nghiệp ngoài quốc doanh phát triển	Phạm Phan Dũng	19
- Cần Thơ : 25 năm xây dựng và phát triển	Lư Văn Điền	19
- Thanh Hóa trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Trịnh Trọng Quyền	19
- Xuất nhập khẩu của Việt Nam trong 10 năm đầu của thế kỷ mới	Vũ Khoan	20
- Phát triển du lịch trong tầm nhìn mới	Dương Vũ	20
- Yên Bái - đôi điều rút ra từ lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội	Nguyễn Văn Ý	21
- Những đổi thay và hứa hẹn phát triển trên cao nguyên Lâm Đồng	Nguyễn Hoài Bão	21
- Nhà nước - thị trường - doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi ở Việt Nam	Nguyễn Cúc	21
- Về các biện pháp xử lý bội chi ngân sách	Bùi Đường Nghiêu	21
- Giải pháp vốn tín dụng với công tác xóa đói giảm nghèo	Nguyễn Đắc Hưng	21
- Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước - 8 năm nhìn lại	Phan Thế Hải	22
- Đổi mới cơ cấu đầu tư, thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Phạm Văn Hùng	23
- Chính sách thu đối với việc sử dụng đất	Quách Đức Pháp	23
- Đồng bằng sông Cửu Long : những vấn đề sau đợt lũ lịch sử năm 2000	Trần Kim Dung	23
- Một số vấn đề trong xây dựng định hướng chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế	Phạm Công Minh	24

Digitized by Google

Tên bài	*Tác giả*	*Số*
- Đổi mới trong lĩnh vực tài chính nhà nước 10 năm qua	Bùi Đường Nghiêu	24
- Tràng Định - vùng đất tiềm năng được đánh thức	Nguyễn Thị Sinh	24
- Quận 4, TP Hồ Chí Minh không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân	Trần Nhu - Hồng Diễm	24
III - Chính trị - Triết học		
- Cách tiếp cận lịch sử bằng các nền văn minh	Nguyễn Tĩnh Gia	1
- Chính trị vừa là khoa học vừa là nghệ thuật	Phạm Ngọc Quang	2
- Đạo đức và pháp luật với an ninh trật tự trong nền kinh tế thị trường	Đặng Thái Giáp	2
- Đảng lãnh đạo xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, cải cách tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước	Nguyễn Khánh	3
- Đổi mới tư duy trong xây dựng giai cấp công nhân, tăng cường bản chất giai cấp của Đảng	Văn Tạo	3
- Sự nghiệp đổi mới - thành tựu, bài học kinh nghiệm, những vấn đề đặt ra hiện nay	Đặng Xuân Kỳ	4
- Tăng cường dân chủ trong hoạt động của Quốc hội	Vũ Mão	5
- Thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở ở Hà Nam	Phạm Quang Nghị	5
- Bộ đội Biên phòng trong xây dựng biên giới hữu nghị với các nước láng giềng	Phạm Hữu Bồng	5
- Nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội	Trương Mỹ Hoa	6
- Một nội dung cơ bản, cấp bách của cải cách nền hành chính nhà nước	Chu Văn Thành	6
- Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng, tôn giáo	Lê Quang Vịnh	6
- Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định sự trưởng thành và chiến thắng của quân đội ta	Lê Xuân Lựu	6
- Đại thắng mùa xuân năm 1975 - sự toàn thắng của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân	Văn Tiến Dũng	7
- Xây dựng luận cứ khoa học của chiến lược lập pháp ở nước ta	Đào Trí Úc	7
- Đôi điều về triết học Mác dưới lăng kính của văn hóa phương Đông	Quang Cận	7
- Nâng cao chất lượng và hiệu quả xuất bản sách lý luận chính trị	Lê Văn Yên	7
- 30 năm xây dựng và trưởng thành của một đơn vị hai lần anh hùng	Ngô Sĩ Quốc	8
- Kinh nghiệm xây dựng nhân tố tinh thần cho quân đội	Lê Xuân Lựu	9
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua yêu nước	Bạch Đình Ninh	9
- Tiếp tục đổi mới hoạt động lập pháp của Quốc hội	Nguyễn Văn Yểu	10

Digitized by Google

Tên bài	*Tác giả*	*Số*
- Đôi điều về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở của Hà Nội	Tiến Hải	10
- Thi đua và khen thưởng - một động lực phát triển kinh tế - xã hội	Cao Kim Hường	11
- Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở sau 2 năm nhìn lại	Trần Quang Nhiếp	11
- "Chiếu dời đô" của Lý Công Uẩn - góc nhìn triết học	Nguyễn Tài Thư	11
- Bộ luật hình sự (1999) và nhiệm vụ thể chế hóa chính sách hình sự của Đảng trong thời kỳ đổi mới	Nguyễn Đình Lộc	12
- Ninh Bình xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở	Nguyễn Thanh Túc	12
- Bệnh viện Bạch Mai (Hà Nội) thực hiện Quy chế dân chủ	Trần Quy	12
- Phong trào thi đua ở một doanh nghiệp nhà nước	Nhật Tân	12
- Công ty 20 : bốn mươi ba năm xây dựng và trưởng thành	Trần Bang	13
- Lực lượng xung kích trên mặt trận thầm lặng vì sự bình yên biên giới	Trịnh Xuân Việt	13
- Nâng cao chất lượng công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật và thực hành quyền công tố	Hà Mạnh Trí	14
- Cách mạng chính trị và cách mạng kinh tế - xã hội	Hoàng Tùng	14
- Mấy vấn đề kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội - cái phổ biến và cái đặc thù	Trần Xuân Trường	14
- Đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" trên báo chí	Vũ Hiền	14
- Phong trào thi đua - khen thưởng ở Công ty Viễn thông liên tỉnh	Nhật Tân	14
- Tiếp tục đổi mới và thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa trong thời kỳ mới	Nguyễn Thị Hằng	15
- Xây dựng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ, nhân viên hậu cần quân đội trong thời kỳ mới	Nguyễn Hùng Phong	15
- Một cuộc khởi nghĩa chớp nhoáng, thắng lợi nhanh chóng không ngờ	Hoàng Tùng	16
- Công an nhân dân - lực lượng nòng cốt bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội	Lê Minh Hương	16
- Xây dựng Hải quân nhân dân vững mạnh toàn diện	Đỗ Xuân Công	16
- Nhận thức thêm về sự kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	Quang Cận	16
- Từ nguyên lý phát triển mác xít đến triết lý phát triển xã hội Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Huyên	16
- Phong trào thi đua thanh niên tình nguyện	Vũ Trọng Kim	16
- Về một số xã anh hùng trong thời kỳ đổi mới	Thái Sơn	16
- Phong trào Thi đua quyết thắng trong quân đội	Phạm Thanh Ngân	17

Digitized by Google

Tên bài	*Tác giả*	*Số*
- Xây dựng cơ quan tham mưu chiến lược đáp ứng sự tin cậy của Đảng, quân đội và nhân dân	Lê Văn Dũng	17
- Phát huy truyền thống Xô - viết, xây dựng quê hương Thanh Chương giàu đẹp	Nguyễn Duy Quý	17
- Tiếp tục tạo phong trào thi đua sâu rộng, tiến tới Đại hội Thi đua toàn quốc lần thứ VI (11 - 2000)	Nguyễn Thị Bình	18
- 55 năm tổ chức nhà nước ta - những đòi hỏi trước tình hình mới	Nguyễn Văn Thảo	18
- Tăng cường quản lý nhà nước về an ninh biên giới, biển, đảo	Nguyễn Phúc Thanh	19
- Về cải cách hành chính hiện nay	Đỗ Quang Trung	20
- Xây dựng ngành cơ yếu Việt Nam chính quy, hiện đại	Đỗ Văn Ân	20
- Công nhân, viên chức, lao động và công đoàn Việt Nam với phong trào thi đua yêu nước	Đặng Ngọc Chiến	20
Hội thảo quốc tế : Việt Nam trong thế kỷ XXI :		
+ Việt Nam - Hồ Chí Minh - Chiến thắng	Rô-mét Chan-đra	20
+ Tầm quan trọng lịch sử của công cuộc đổi mới	A-lếch-xăng Li-lốp	20
+ Đổi mới của Việt Nam - một tiến trình sáng tạo	Hê-xút Ai-xê Xô-lông-gô	20
- Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân	Trần Quang Nhiếp	20
- Muốn sản xuất kinh doanh tốt phải đẩy mạnh phong trào thi đua - khen thưởng	Nhật Tân	21
- Về vấn đề ý thức hệ của đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam	Nguyễn Chí Mỳ	22
- Suy nghĩ về đổi mới quy trình lập pháp của Quốc hội	Ngô Đức Mạnh	22
- Đoàn 113 Bộ đội Đặc công ba lần anh hùng	Từ Thanh	22
- Kinh tế nhiều thành phần và quan hệ giai cấp trong cách mạng XHCN ở Việt Nam	Quang Cận	23
- Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, nâng cao sức mạnh chiến đấu của quân đội trong giai đoạn cách mạng mới	Nguyễn Đình Ước	24
- Phát huy truyền thống "Cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh", xây dựng lực lượng vũ trang Quân khu Thủ đô vững mạnh về chính trị	Lê Minh Cược	24
- Mở rộng và phát huy dân chủ trực tiếp ở nước ta hiện nay	Nguyễn Thị Vy	24
IV - Văn hóa - xã hội		
- Tiến công trên mặt trận xóa đói giảm nghèo	Đàm Hữu Đắc	1
- Văn hóa và quan hệ văn hóa với chính trị	Quang Cận	1
- Thành quả bước đầu về giáo dục của Kiên Giang	Hoàng Ngọc Hòa	1
- Chính sách xã hội trong công cuộc đổi mới và phát triển đất nước	Nguyễn Thị Hằng	2

Digitized by Google

Tên bài	*Tác giả*	*Số*
- Phối hợp giữa các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện xóa đói giảm nghèo ở nước ta hiện nay	Lê Truyền	2
- Âm vang những vần thơ xuân của Bác	Nguyễn Xuân Lạc	3
- Một vài khía cạnh về đào tạo nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Đinh Xuân Lý	3
- Nhìn lại ba năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 về khoa học và công nghệ	Đặng Hữu	4
- Khoa học, công nghệ và toàn cầu hóa	Vũ Đình Cự	4
- Ý thức dân tộc trong hành trình hội nhập toàn cầu	Đặng Thanh Lê	4
- Đào tạo nghề cho lực lượng lao động vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Lê Ái Lâm	4
- Đời sống văn hóa - sân khấu Việt Nam thời điểm năm 2000	Trần Trọng Đăng Đàn	5
- Để đội ngũ nhà báo nước ta xứng đáng với niềm tin yêu của Đảng	Chu Thái Thành	5
- Lâm Đồng thực hiện xóa đói, giảm nghèo	Trần Kim Dung	5
- Bàn thêm về phẩm chất, năng lực của nhà báo	Tiến Hải	5
- Xác định, đánh giá các giá trị đạo đức trong kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay	Đặng Hữu Toàn	6
- Một số vấn đề xã hội nổi cộm, nguyên nhân và giải pháp khắc phục	Đường Vinh Sường	6
- Kiên Giang thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về khoa học và công nghệ	Hồ Văn Vĩnh	6
- Xu thế phát triển khoa học và công nghệ trong thế kỷ XXI - thách thức và thời cơ đối với Việt Nam	Nguyễn Thành Bang	7
- Luật thuyết "sự đụng độ giữa các nền văn minh" của Hun-tinh-tơn và quan điểm của chúng ta	Nguyễn Chí Tình	7
- Mấy vấn đề cấp bách bảo vệ di sản văn hóa Việt Nam	Lê Minh Lý	7
- Ngành y tế chủ động giảm nhẹ và khắc phục hậu quả thiên tai	Lê Ngọc Trọng	7
- "Tổ tiên rực rỡ - anh em thuận hòa"	Dương Trung Quốc	8
- Đền Hùng với người Việt Nam	Ng. Thị Tuyết Hạnh	8
- Kinh tế tri thức : thời cơ và thách thức đối với nước ta	Đặng Hữu	8
- Sáng tạo những tác phẩm văn học có chất lượng tư tưởng và nghệ thuật.	Phạm Thế Duyệt	9
- Yếu tố con người, một trong những nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước	Vũ Oanh	9
- Từ tư tưởng giáo dục của Chủ tịch Hồ Chí Minh, suy ngẫm về chiến lược phát triển giáo dục hiện nay	Nguyễn Xuân Lạc	9

Digitized by Google

Tên bài	*Tác giả*	*Số*
- Bám sát và phản ánh sinh động cuộc sống đổi mới - lối gỡ của sân khấu	Lê Văn	9
- Để "Nghệ thuật thứ bảy" tồn tại và phát triển	Hải Ninh	9
- Vấn đề bảo hộ lao động trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Lê Vinh Danh	9
- Phát triển con người : những điều cần làm rõ	Hồ Sĩ Quý	10
- Du lịch và lễ hội	Phan Đăng Nhật	10
- Tư tưởng Hồ Chí Minh chiếu sáng hoạt động thông tin đại chúng hôm nay	Hồ Sĩ Vịnh	12
- 70 năm Đảng lãnh đạo báo chí với những vấn đề nóng hổi tính thời sự	Tạ Ngọc Tấn	12
- Báo chí TP Hồ Chí Minh tích cực tham gia công tác xã hội	Trần Kim Dung	12
- Hiện đại hóa theo hướng nhân văn ở Việt Nam	Nguyễn Văn Huyên	12
- Nguồn gốc đích thực tạo ra sự bất ổn trong ngành giáo dục	Bùi Hiền	12
- Chủ tịch Hồ Chí Minh với cách mạng khoa học - công nghệ và trí thức	Song Thành	13
- Phát triển kinh tế môi trường ở Việt Nam	Nghiêm Xuân Đạt - Nguyễn Minh Phong	13
- Về mô hình điểm bưu điện - văn hóa xã	Minh Thắng	13
- Vấn đề toàn cầu hóa và thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay	Đặng Cảnh Khanh	14
- Ngành giao thông - vận tải trong cuộc hành trình 55 năm	Lê Ngọc Hoàn	15
- Về xã hội thông tin của nền văn minh trí tuệ	Nguyễn Thành Bang	15
- Phát triển y tế nông thôn trong giai đoạn mới	Đỗ Nguyên Phương	16
- Đưa Luật khoa học và công nghệ vào cuộc sống	Phạm Khôi Nguyên	16
- Giáo dục thẩm mỹ định hướng sự phát triển nhân cách của tuổi trẻ học đường	Nguyễn Ngọc Thu	16
- Bước tiến mới của các hoạt động khoa học xã hội và nhân văn ở các tỉnh, thành Nam Bộ	Hồng Quân	16
- Khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn	Đặng Hữu	17
- Trần Quốc Tuấn - nhân cách lớn của người anh hùng dân tộc, nhà quân sự kiệt xuất	Lê Đình Sỹ	17
- Công bằng xã hội trong giáo dục ở nước ta hiện nay	Nguyễn Quốc Anh	17
- Phổ cập giáo dục tiểu học - sự nghiệp lớn của toàn dân	Nguyễn Kế Hào	18
- Thăng Long - Hà Nội ngàn năm "mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời"	Dương Trung Quốc	18

Digitized by Google

Tên bài	*Tác giả*	*Số*
- Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người nghèo	Lê Ngọc Trọng	18
- Sức sống 990 năm Thăng Long - Hà Nội	Nguyễn Phú Trọng	19
- Có hay không sự khủng hoảng lý luận phê bình văn học	Mai Hải Oanh	19
- Việc làm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2010	Bùi Ngọc Thanh	20
- Giải pháp khắc phục hậu quả lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu Long	Phạm Khôi Nguyên	20
- Đồng bằng sông Cửu Long - mùa lũ cuối thiên niên kỷ	Trần Kim Dung	20
- Chính sách xã hội trong đổi mới đất nước	Nguyễn Thị Hằng	21
- Đổi mới cơ chế quản lý theo hướng tạo lập thị trường cho hoạt động khoa học và công nghệ	Bùi Mạnh Hải	21
- Đối diện với nền kinh tế tri thức, thách thức và cơ hội	Tương Lai	21
- Công nghệ thông tin với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước ta	Đặng Hữu	22
- Kinh tế tri thức và vấn đề lựa chọn mô hình phát triển ở Việt Nam	Trần Đình Thiên	22
- Y tế miền núi - những thách thức cần vượt qua	Đỗ Nguyên Phương	22
- Di dân tự do, nhìn từ thực tế...	Lê Hanh Thông	22
- Để hiểu thêm vai trò của văn hóa qua cách nhìn nhận của Đảng	Lê Quỳnh Khuê	23
- Môi trường vùng làng nghề các tỉnh lưu vực sông Cầu	Chu Thái Thành	23
- Một số vấn đề về "văn hóa đại chúng"	Lệ Mai	24
- Xây dựng và phát triển Đại học quốc gia Hà Nội	Đào Trọng Thi	24
- Phụ nữ, giới và ma túy ở Việt Nam	Lê Thị Quý	24
V - Xây dựng Đảng		
- Tuổi trẻ Việt Nam đoàn kết và sáng tạo	Trương Thị Mai	1
- Qua mấy vụ án kinh tế lớn, nhìn nhận một số "kẽ hở" trong công tác quản lý cán bộ, đảng viên	Vũ Ngọc Lân	1
- Vấn đề nâng cao đạo đức cách mạng trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng	Thành Duy	2
- Vấn đề đảng viên đương nhiệm giữ mối liên hệ với tổ chức đảng, đảng viên, tổ dân phố, đoàn thể và nhân dân nơi cư trú	Phí Văn Chỉ	2
- Những cống hiến lịch sử của Nguyễn Ái Quốc vào quá trình thành lập Đảng	Song Thành	3
- Chỉnh đốn Đảng từ mỗi đảng viên	Bùi Ngọc Thanh	3
- Cuộc hành trình của những sáng tạo	Ngô Đăng Tri	6
- Nắm vững quy luật khách quan - điều kiện bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng	Nguyễn Trọng Phúc	7
- Những đảng viên 70 năm tuổi đảng	Vũ Ngọc Lân	7

Digitized by Google

Tên bài	*Tác giả*	*Số*
- Mấy bài học từ công tác xây dựng Đảng ở Hà Nam	Vũ Ngọc Lân	9
- Vấn đề kết nạp đảng viên trong công nhân, công đoàn	Phí Văn Chỉ	9
- Phong trào công nhân TP Hồ Chí Minh vững bước tiên phong trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Đặng Ngọc Tùng	10
- "Cái nôi" của đội ngũ cán bộ công đoàn Việt Nam	Nguyễn Viết Vượng	10
- Công tác dân vận thiết thực góp phần vào nhịp đi của đất nước	Trịnh Xuân Giới	11
- Nền tảng sức mạnh Đảng ta	Nhị Lê	13
- Đồng chí Nguyễn Văn Linh - người cộng sản kiên cường nhà lãnh đạo có uy tín lớn	Phạm Hồng Chương	13
- Công đoàn Việt Nam với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng	Cù Thị Hậu	14
- Tỉnh ủy Bắc Giang gắn việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) với giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội	Vũ Ngọc Lân	14
- Nghĩ về một biện pháp khắc phục bệnh quan liêu	Phạm Ngọc Quang	17
- Tìm hiểu thêm tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết	Phạm Văn Khánh	18
- Thành ủy Hà Nội rút kinh nghiệm qua các đại hội điểm ở một số tổ chức cơ sở đảng	Lê Anh Hào	18
- Nâng cao chất lượng trong việc làm thấu suốt nghị quyết của Đảng ở cơ sở	Lê Xuân Bảo	18
- Thăng Long - Hà Nội từ khi có Đảng	Phùng Hữu Phú	19
- Phát huy truyền thống 70 năm công tác dân vận của Đảng	Trương Quang Được	19
- Chặng đường 70 năm của Hội Nông dân Việt Nam	Nguyễn Đức Triều	19
- Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam sau 70 năm hình thành và phát triển	Hà Thị Khiết	20
- Phụ nữ Việt Nam bước vào thế kỷ XXI	Lê Thi	20
- Góp phần nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên mới	Vũ Ngọc Am	20
- Về những điều kiện cần thiết chủ yếu của đảng vô sản	Trinh Gia Bang	21
- Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam - 70 năm một chặng đường lịch sử vẻ vang	Trần Văn Đăng	22
- Một số vấn đề cần tập trung chỉ đạo trong việc chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp trong thời gian tới	Nguyễn Văn An	22
- Xây dựng chỉnh đốn Đảng - kinh nghiệm từ đảng bộ Thốt Nốt (Cần Thơ)	Trần Văn Tư	23
- Nên tổ chức thảo luận ở đại hội Đảng các cấp như thế nào ?	Vũ Ngọc Lân	24
- Chặng đường 4 năm phấn đấu xây dựng và phát triển của đảng bộ, nhân dân Hà Nam	Phạm Quang Nghị	24

Digitized by Google

Tên bài	*Tác giả*	*Số*
VI - Sinh hoạt tư tưởng		
- "Ngũ chứng nan y"	Vũ Bình Minh	1
- Cán bộ xã	Nguyễn Trung Thực	2
- Dùng người	Dị Thảo	3
- "Dại"	Kỳ Hoa	4
- Khó vào, khó ra	Mai Ninh	5
- Lời thề	Nguyễn Tiến	6
- Tiêu hóa	Mai Ninh	7
- Thành tâm hay báng bổ ?	Nguyễn Trung Thực	8
- Nghịch lý đói, nghèo	Diệu Hương	9
- Chuyện nghe được ở quán "Mộc tồn"	Vũ Lân	10
- "Đi cửa sau"	Mộc Lan	11
- "Dân trí thấp" !	Anh Vũ	12
- "Cả nể" ?	Hoành Anh	13
- Oan Thị Kính	Kỳ Hoa	14
- "Khó lãnh đạo"	Mai Ninh	15
- Tự phê bình chạy	Nhân Đăng	16
- Vẫn còn "nín thở"	Vũ Lân	17
- Ham hố, địa vị ?	Cao Phi Yến	18
- Của để dành	Nguyễn Tuấn Dũng	19
- Mong được xóa tên	Mai Ninh	20
- Dốt ? !	Nguyễn Trung Thực	21
- Đâu phải vì quá độ !	Xuân Kim	22
- Cho ý kiến	Mai Ninh	23
- Tiến cử	Nhân Đăng	24
VII - Thư gửi Bộ biên tập		
- Niềm tin đặt ở đâu ?	Mai Thanh Hải	8
- Tâm sự của một đảng viên trẻ	Trọng Minh	9
- Đặt đúng vị trí của hai từ "dân chủ"	Nguyễn Văn Hải	21
VIII - Thế giới : Vấn đề, sự kiện		
- Thế giới năm qua	Hồng Diệu	1
- Sự chuyển dịch cán cân lực lượng phía sau thất bại của Hội nghị Xít - tơn	Đào Huy Giám	1
- Mốc mới trong quan hệ Việt - Trung	Vũ Khoan	2
- Nước Nga với việc ông En-xin từ chức	Vũ Hiền	2

Digitized by Google

Tên bài	*Tác giả*	*Số*
- "Châu về hợp phố"	Duy Phương	2
- Hoa Kỳ với di sản kinh tế của thế kỷ XX	La Côn	2
- Nước Nga trước thềm thế kỷ mới	Bùi Khắc Bút	3
- Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) với tiến trình toàn cầu hóa	Nguyễn Văn Thanh	3
- Hạnh phúc và lợi ích cao quý nhất của Đảng Nhân dân cách mạng Lào là vì nhân dân và Tổ quốc	Phăn Đuông Chít Vông Sa	4
- Phong trào công nhân, công đoàn ở Tây, Bắc Âu trong giai đoạn hiện nay	Nguyễn Văn Lan	4
- ASEAN X : Đặc điểm mới và những vấn đề đặt ra	Nguyễn Hữu Cát - Ngô Kim Anh	5
- Quan hệ Nga - Đông - Nam Á hiện nay và triển vọng	Nguyễn Thế Lực - Nguyễn Tất Giáp	5
- Các nước đang phát triển trong quá trình toàn cầu hóa kinh tế	Nguyễn Thúy Anh	6
- Hội nghị UNCTAD X : những thành công của nghị trường thương mại	Đào Duy Giám	6
- Phục hồi kinh tế ASEAN và những thách thức	Nguyễn Thị Bích	6
- Vấn đề tiến bộ xã hội trong cuộc cách mạng thông tin toàn cầu hiện nay	Lê Thị Duy Hoa	7
- Nền kinh tế tri thức và những thách thức đối với các nước đang phát triển	Nguyễn Hoàng Giáp - Thái Văn Long	7
- Lý thuyết tăng trưởng kinh tế hiện đại và cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á năm 1997	Ngô Quang Thành	7
- Hy vọng của nước Nga	Bình Nga	8
- Chủ quyền kinh tế của các nước đang phát triển trong toàn cầu hóa	Duy Thao	9
- Trung Đông : tiến trình hòa bình đã đến hồi kết ?	Võ Thủ Phương	10
- Toàn cầu hóa thị trường viễn thông : những vấn đề đặt ra cho công tác quản lý	Trần Đức Lai	11
- Trung Quốc - con đường đến với Tổ chức Thương mại thế giới	Phan Thế Hải	12
- Việt Nam và tương lai châu Á	Vũ Khoan	13
- Hội nghị thượng đỉnh giữa hai miền Nam - Bắc Triều Tiên	Xuân Kim	13
- "Nền kinh tế mới" của nước Mỹ, cái mạnh và cái yếu	Trần Bá Khoa	14
- Về hội nhập kinh tế quốc tế	Đậu Ngọc Xuân	15
- Kinh tế tri thức và những tác động đối với quan hệ kinh tế quốc tế	Phạm Quốc Trụ	15
- Thương mại công bằng	Nguyễn Văn Thanh	16

Digitized by Google

Tên bài	*Tác giả*	*Số*
- Những mâu thuẫn cơ bản của thời đại trong giai đoạn hiện nay	Phạm Văn Chúc	18
- Nghệ thuật truyền thống Đông - Nam Á	Nguyễn Phan Thọ	18
- Hội nghị thượng đỉnh thiên niên kỷ và một thế giới hướng về tương lai	Võ Thủ Phương	19
- Trung Quốc trước xu thế toàn cầu hóa kinh tế	Nguyễn Huy Quý	19
- Những vấn đề đặt ra từ khóa họp đặc biệt của Đại hội đồng Liên hợp quốc về phát triển xã hội	Nguyễn Lương Trào	20
- Mười năm quan hệ Việt Nam và Liên minh châu Âu	Đinh Tích	21
- Vấn đề đi lên hiện đại hóa của các nước đang phát triển	Nguyễn Thị Hoa	21
- Các nước đang phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa	Nguyễn Hoàng Giáp	22
- Cuộc bầu cử Nam Tư và đôi điều suy ngẫm	Anh Đào	22
- Hòa bình và đất đai - những nguyện ước chưa thể dung hợp	Phạm Văn Chúc	23
- Trung Quốc và thế giới trong đầu thế kỷ XXI : cơ hội và thách thức	Lý Thiết Ánh	24
- Vấn đề toàn cầu hóa, phương pháp luận tiếp cận triết học	Lê Hữu Nghĩa	24
IX - Qua sách báo nước ngoài		
- Về những vấn đề chủ yếu phải đối mặt trong xây dựng văn hóa ở Trung Quốc	Mai Hải Oanh (trích thuật)	1
- Ba chương trình cải cách của Trung Quốc	Phan Thế Hải (tổng thuật)	8
- Nước Mỹ đằng sau tấm bình phong tự do	Trịnh Cường (thuật)	11
- Quyền con người và phát triển con người	Trịnh Cường (lược thuật và giới thiệu)	23
X - Tìm hiểu khái niệm		
- Dân tộc		1
- Tôn giáo		5
- Chủ nghĩa dân tộc		12
- "Hành động nhân đạo" và "Can thiệp nhân đạo"		14
- Phát triển con người. Chỉ số phát triển con người		17
- Thủ tục hành chính. Cải cách thủ tục hành chính		23
XI - Tin hoạt động lý luận - thực tiễn		
- Bộ Quốc phòng trao giải thưởng văn học - nghệ thuật, báo chí		1
- Nghiệm thu đề tài khoa học : Nâng cao hiệu quả chống "diễn biến hòa bình" trên các phương tiện thông tin đại chúng		1
- Hội nghị trao đổi kinh nghiệm về tự phê bình, phê bình		2

Digitized by Google

Tên bài	Tác giả	Số
- Phát động cuộc thi báo chí toàn quốc về những nhân tố mới, điển hình tiên tiến trong sự nghiệp đổi mới đất nước		2
- Quỹ hỗ trợ phát triển đầu năm 2000		3
- Đoàn cán bộ Tạp chí A-lun-may (Lào) thăm Việt Nam và làm việc với Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản		3
- Hội nghị sơ kết các đơn vị làm điểm thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) ở tỉnh Hải Đương		4
- Hội thảo khoa học : "xây dựng chiến lược hoạt động văn hóa tinh thần vui chơi giải trí của trẻ em năm 2001 - 2010"		5
- Hội nghị công tác dân vận toàn quốc		7
- Hội nghị công tác tư tưởng - văn hóa toàn quốc		8
- Hội nghị sơ kết chương trình nghiên cứu cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ		10
- Hội nghị cán bộ toàn quốc về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội IX của Đảng		11
- Hội thảo khoa học về Chủ tịch Hồ Chí Minh		11
- Hội thảo khoa học "kinh tế tri thức và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam"		14
- Về các giải pháp tài chính 6 tháng cuối năm 2000		14
- Hội nghị bạn đọc, cộng tác viên của Tạp chí Cộng sản		19
- Hội thảo khoa học - thực tiễn : Chủ tịch Hồ Chí Minh với thi đua yêu nước		22
- Đoàn Tạp chí Cộng sản thăm Trung Quốc		22
- Ý kiến bạn đọc trong năm qua		24
XII - Văn kiện - tư liệu		
- Thông điệp đầu năm của Chủ tịch nước Trần Đức Lương		2
- Thông báo Hội nghị lần thứ chín BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VIII)		9
- Thông cáo đặc biệt của BCH TƯ Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về việc đồng chí Phạm Văn Đồng từ trần		10
- Tiểu sử đồng chí Phạm Văn Đồng		10
- Lời điếu (do đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đọc tại lễ truy điệu đồng chí Phạm Văn Đồng)		10
- Thông báo Hội nghị lần thứ mười BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VIII)		14

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

UNIVERSITY OF MICHIGAN
3 9015 08172 5825

Digitized by Google

